Thép Đen

Đặng Chí Bình

Đặng Chí Bình (hình cuả phannitan.com)

ĐẶNG CHÍ BÌNH
Tên thật Trần Quốc Định.
Sinh 1933 tại Kim Sơn, Phát Diệm.
3/1950 ra Hanội. 8/1954 di cư vào Saigon.
Đến bộ tổng tham mưu tình nguyện vào khóa 6 TĐ. Trong khi chờ, thì vụ binh biến Bình Xuyên, chạy lên Hố Nai BH, rồi tôi rút xuống 5 tuổi để đi học. Khi TĐ gọi, không đi nữa. Cuối 1959 vào ngành tình báo, trong khi chờ gọi lâu quá, tôi lại thi vào khóa 11 TĐ. Vào trường TĐ hơn một tuần, bị gọi về (Đặc biệt của tình báo).
5/1962, nhận một công tác đặc biệt về Hà Nội.
Sau hơn một tháng đấu tranh với phản gián Hà Nội. Cuối tháng 6 Cộng sản bắt vào Hỏa Lò. Sau gần 6 năm khai thác.
Ngày 30/12/1967 CS đưa ra tòa Hà Nội xử 18 năm tù, 5 năm mất quyền công dân.
Cuối 1980 được về Sàigon, trình diện hàng ngày với công an.
Đầu 1983 vượt biên đến Indo, cuối 83 định cư tại Boston
Nguồn: http://www.phannitan.com

Tác giả tập hồi ký Thép Đen đã được tái bản nhiều lần.

Mục Lục

Thép Đen - Tập I: Chương 1 - 42
Thép Đen - Tập II: Chương 43 - 82
Thép Đen - Tập III: Chương 1 -49
Thép Đen - Tập IV: Chương 1-10

Tâm Sự Người Viết -

Trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ tới lại có một ngày ngồi viết câu chuyện của đời tôi. Từ bối cảnh của đất nước, do những xô đẩy của giòng đời, tôi đã nhận một nhiệm vụ nhỏ bé để xâm nhập vào đất địch, và tôi đã rơi vào tay kẻ thù. Như vậy, trước sau gì tôi cũng chỉ là một kẻ bất tài, thất bại, chẳng có gì đáng kể lại cho người khác. Hơn nữa, một số bạn bè thân quen còn ngăn cản tôi đừng viết.

“Anh hãy lo cho cuộc đời của anh trước đã, đời anh đã khổ nhiều rồi. Vả lại, dù anh có cặm cụi viết ra, tác phẩm của anh rồi cũng chung số phận như bao nhiêu tác phẩm khác, của những người đã đi tù về viết lại. Người ta thờ ơ, không thèm đọc. Trên xứ người, lớp trẻ còn phải lo học hành, lớp lớn phải vật lộn với cuộc sống hàng ngày và lo cho tương lai, họ đâu còn quan tâm đến những chuyện đã qua của quê hương dân tộc. Anh nên đi tìm một công việc làm nào đó, là thực tế nhất.”

Nhìn vào thực tế, rồi nghĩ lại hoàn cảnh tỵ nạn của mình, tôi thừa nhận những lời khuyên của bạn bè là xác đáng, và tôi đã xông vào cuộc đời mưu sinh. Nhưng rồi nhiều đêm nằm khắc khoải, tâm sự trĩu nặng, vơi đầy với bao niềm quặn thắt vẫn thấp thỏm không yên về quê hương đất nước và đời sống, bao nỗi giằng co vò xé, gậm nhấm cõi lòng. Những tiếng kẻng của nhà tù Cộng Sản, đi theo gần hết cả cuộc đời, vẫn như ám ảnh, quấn chặt hồn tôi:

Thoảng nghe “phôn” réo bên tai,
Giật mình tưởng kẻng sớm mai nhà tù!

Hình ảnh những bộ xương vẫn còn di động trên chốn lao trường, những nấm mồ hoang lạnh giữa rừng sâu; dư âm những tiếng thở dài lê thê xen lẫn những tiếng rên xiết quằn quại trong đêm dài tăm tối… Và những cặp mắt khát khao nhắn nhủ ngày tôi chia tay, vẫn lảng vảng vấn vít trong hồn; tất cả như đang khẩn nài, gào thét, đòi hỏi tôi phải thực hiện “bản di chúc sống” của họ.

Tôi biết, dù mình sức hèn tài mọn, nhưng vẫn còn may mắn hơn biết bao các bạn bất hạnh còn lại trong tù. Cho nên, tôi tự cảm thấy mình đang khoác lấy một trách nhiệm, mang một bổn phận – nếu có thể được phép nói như vậy – để vuốt mắt cho những người đang uất hận, ứa máu bầm gan trong gông cùm xiềng xích của bè lũ cộng nô Hà Nội.

Tôi ước mong tập hồi ký nhỏ mọn này, sẽ là một ngọn nến nhỏ trong trăm ngàn ngọn nến to lớn khác, được thắp lên trong mờ mịt u tối của chế độ phi nhân Việt cộng. Nếu đốt được ngọn nến đó. Dù leo lét, tôi cũng cảm thấy vui sướng đã thể hiện được phần nào trách nhiệm của mình đối với “bản di chúc sống” kể trên.

Lời chót, tôi chỉ biết lần lượt tường thuật lại sự việc, như tháo dần một cuộn chỉ ra từ đầu đến cuối. Và, vì vấn đề an ninh cùa năm, bẩy người đặc biệt, nên tôi bắt buộc phải đổi tên và địa điểm sống ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Cũng từ ý thức tôn trọng sự thật, kính mong quý vị thông cảm và tha thứ.

Đặng Chí Bình

- Tựa -

Trong xà lim Hỏa Lò của Việt Cộng, người tù bị cùm hai chân trên bệ xi măng, bề ngang chừng 65 phân. Cùm sắt dầy và lạnh, được đóng đai kiên cố để nghiến chặt cổ chân của nạn nhân. Hai tay bị xiềng ngược ra sau, nên tù nhân phải nằm nghiêng. Và dịch, lết ra mép sàn xi măng để giải quyết nhu cầu vệ sinh, phân rơi vãi tung toé ra khỏi mặt bô đặt dưới đất. Ngày này qua ngày khác, nạn nhận bị liệt cả hai chân, và sống trong hôi thối ẩm mốc của xà lim như một con thú.

Nhưng nạn nhân còn cái mồm, nghĩa là còn được một chút tự do có giới hạn của những tiếng thều thào, những lời rên xiết, hay những tiếng la hét chưởi rủa.

Và khi đó, một vật dụng kỳ quái tượng trưng cho nền dân chủ ưu việt của chế độ Cộng Sản mới được đem ra áp dụng. Đó là cái cùm mồm. Bằng sắt, có bắt đinh ốc và lò xo, để khóa cứng hàm nạn nhân. Để người tù không thể chửi chế độ, chưởi lảnh tụ hay la hét gì được nữa. Người tù đã nêu đích danh Hồ Chí Minh ra chửi, ngay giữa Hỏa Lò Hà Nội, để mong được giết, hoặc được bắn, để sớm chấm dứt cảnh dở sống dở chết của mình. Nhưng Việt Cộng, chúng không nóng ruột hấp tấp như vậy, chúng đã phát minh ra cái cùm… mồm.

Không có gì quý hơn độc lập tự do. Câu nói mới thấm thía và khốn nạn làm sao!

*

Trong dãy xà lim, tù nhân được một con chuột nhắt, gầy bé như ngón tay, chui vào thăm.

Trong tù, ngoài đá, mồ hôi và máu kết đen trên nền xi măng, còn có gì để quyến rũ một con chuột? Vậy mà con chuột đã chui vào, bị bắt, chạy thoát, rồi ít bữa sau lại bò vào. Vì ở bên ngoài, trong vùng tự do của súc vật, nó đói. Trong nhà tù, nó con hy vọng mong manh là tranh hạt cơm với người tù bị xiềng, bị liệt.

Mỗi ngày, người tù để dành vài hạt cơm cho người bạn bốn chân này. Đấy là cõi giải thoát của người tù, một chút tình cảm san xẻ với một con vật xấu số, để thấy là mình vẫn còn sống.

Con chuột nhắt này cũng có tội, nó đã bị tên công an quản giáo lấy chân di chết. Trong Hỏa Lò tù nhân không có một sự giải thoát nào, dù chỉ bằng cách kết bạn với một con chuột nhắt đã bị bẻ răng.

Không có gì quí hơn độc lập tự do. Câu nói mới hiểm độc và ghê khiếp chừng nào.

*

Cũng trong Hỏa Lò, tù nhân được biết đến một người đã có hình ảnh nổi tiếng thế giới. Người anh hùng Điện Biên, trong Đại đội năm xưa đã hồ hởi cắm lá cờ chiến thắng trên nóc hầm Bộ Chỉ Huy của de Castrie. Anh đã kết thúc cuộc đời vẻ vang của anh trong Hỏa Lò, như một tù chính trị. Tội của anh là đã lầm tưởng những điều Việt cộng nói là sự thật. Không, điều đó chưa phải là một cái tội. Tội của anh là đã nêu lên câu hỏi về sự thật đó. Người bộ đội gốc tiểu tư sản yêu nước này, là một điển hình của biết bao người khác đã vỡ mộng và chết kẹt, giữa những điều đảng nói và những điều đảng làm. Bị nghiền nát không âm vang.

Trong Hỏa Lò, điều ghê rợn nhất chính là sự im lặng. Đời sống im lặng và cái chết im lặng. Tất cả đều âm u một mùi tử khí của nghĩa địa. Và, khác biệt giữa sự sống và cái chết có khi chỉ là một tiếng thở nhẹ trong xà lim số 7, không ai hay biết. Làm sao con người có thể nghe thấy cái chết khi bị bao vây giữa đám quỷ sống.

Cũng vì vậy, dù chẳng được ai nói, chỉ qua những dấu vết còn ghi trên mặt đá, người tù cũng được biết nơi đây đã có thời cùm hãm Thụy An. Nhà văn nữ một thời nổi tiếng vì cái chết tức tưởi của nhà cách mạng Đỗ Đình Đạo. Cũng tưởng là mình có công với chế độ.

Trong Hỏa Lò Hà Nội, có rất nhiều người đã tưởng lầm như vậy. Họ là cán bộ, là đảng viên, là thường dân, là trí thức… Họ là chiếu rọi của xã hội bên ngoài, với những điển hình kinh hãi như dưới một ống kính hiển vi. Chỉ vì tưởng lầm.

*

Tác giả thì không nhầm lẫn về bản chất chế độ. Ông là người đã di cư vào Nam thời Genève. Ông được huấn luyện bởi Cục Tình Báo Việt Nam Cộng Hòa, thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, để tung ra Bắc hoạt động. Ông là một điệp viên, một trong những chiến sĩ của bóng tối, đã tìm ra tới Hà Nội, để thi hành những điệp vụ, cho đến nay vẫn còn được giữ bí mật.. Công tác vừa hoàn tất, thì ông bị bắt. Năm đó là năm 1962, thời mà miền Nam chúng ta vẫn còn mù mờ về thực trạng miền Bắc. Mười tám năm tù đã cho ông một kinh nghiệm hiếm có.

Ông đã sống, và đã thấy tận mắt với cái nhìn tỉ mỉ, những cảnh tượng, tưởng chỉ có thể xảy ra trong trí não một người bất bình thường. Một cuốn phim kinh dị được dựng lên bởi nhiều tên đạo diễn bịnh hoạn. Toàn thể chế độ Việt cộng, và trong đáy sâu của Hỏa Lò, đời sống lao tù Việt cộng, và kết quả những phát minh ghê khiếp nhất.

Nếu sự thực có vượt khỏi trí tưởng tượng của chúng ta, chỉ vì chúng ta đánh giá sai chế độ Cộng Sản, đánh giá sai cái bệnh quỷ quái của chúng.

Điều đáng nói ở đây, tác giả Đặng Chí Bình, bút hiệu hay bí danh điều đó thực không quan trọng, đã

không đi vào một cuộc thi đua kinh tởm. Nghĩa là không phải nhớ lại, hay nặn ra những chi tiết ghê người nhất. Sự thật bình thường vốn đã đủ làm ta khiếp hãi…

Tác giả Đặng Chí Bình không phải là một nhà văn. Ông chưa khi nào cầm bút viết văn. Và, chính như ông tâm sự "Trước sau gì tôi cũng chỉ là một kẻ bất tài, thất bại, chẳng có gì đáng kể lại cho người khác".

Ông chỉ bị thúc giục phải thực hiện một bản di chúc sống cho những người hiện vẫn kéo lê kiếp sống trong lao tù Việt cộng. Ông phải viết để nhắc nhở mọi người là dưới ánh mặt trời, vẫn còn một cõi mờ mịt u tối của chế độ Việt cộng phi nhân. Ông muốn thắp một ngọn nến nhỏ để soi vùng quỷ dữ, để vuốt mắt những người đã gục ngã vì đại nghĩa dân tộc, để vuốt ngực cho những người đang ứa máu bầm gan trong gông cùm Việt cộng.

Chính vì ông không muốn làm văn chương, mà chỉ viết theo ký ức được lần giở như tháo dần một cuộn chỉ từ đầu tới cuối, hồi ký của ông mới làm ta khiếp sợ. Tất cả ngôn ngữ ông dùng, lối nhìn lối nói, và cả cách đem chính mình ra hồn nhiên châm biếm. Tất cả bút pháp của ông đều phản ảnh một điều: Ông nghĩ sao, và nhớ thế nào thì viết ra như vậy. Có cái gì đó làm ta muốn run bắn lên trong cách ông thản nhiên kể lại câu chuyện.

Hơn hai mươi năm đã qua rồi. Ông bình thản lần giở cuộn chỉ của đời mình trong tù… Những tiếng rên xiết, tiếng người tra tấn người, tiếng xích lê trên sàn đá, và cả sự yên lặng cuồng nộ vẫn vang lên từng nhịp, theo giòng chỉ kéo dài từ những ngày tháng âm u của cõi chết.

Ông không làm văn chương, nhưng khi văn của ông mới làm ta rùng mình.

*

Tuy nhiên, điều đáng nói nhất trong hồi ký vẫn chưa phải là những mô tả về vùng đất của quỷ. Điều làm ta sững sờ nhất cũng không phải là sự sống trong cõi chết âm u, mặc dù sức phấn đấu của con người vẫn làm ta bàng hoàng theo từng trang sách.

Điều đáng nói, và đây là sự kỳ diệu nhất của tập hồi ký, chính là sự trỗi dậy của tình người trong thế giới của loài thú.

Ngay trong Hỏa Lò, đêm đêm tù nhân vẫn biết là có ai đó kín đáo qua lại giúp đỡ họ. Nhiều khi chỉ là một câu hỏi thăm ngắn gọn, lạc giọng, hoặc một tiếng thở dài thông cảm. Hay một mẩu thuốc lào được luồn qua kẽ cửa, để giúp người tù cầm máu… Vào giờ đó, chỉ có quản giáo canh giữ Hỏa Lò mới được đi lại bên ngoài. Người đó là ai? Tù nhân không biết, chỉ biết là trong đám quản giáo, vẫn còn có người có được một chút nhân tính, và lặng lẽ làm cử chỉ của con người. Lặng lẽ thôi, nếu không, chính họ sẽ bị đổi vị trí, từ ngoài vào trong xà lim.

Việt cộng muốn biến con người thành loài thú. Nơi chúng có thể thành công nhất, chắc phải Hỏa Lò Hà Nội. Nhưng, cũng tại nơi đây, tác giả đã sống và đã thấy sự chiến thắng của loài người. "Cộng sản không

thể nhuộm đỏ được hết tâm hồn loài người". Ông kết luận như vậy.

Và ông đã nhìn ra rất đúng. Vì công tác của ông chỉ có thể hoàn tất, khi ở miền Bắc có những người vẫn tiếp tục chiến đấu, từ những năm 1960. Một vị linh mục, một người bác sĩ, một thiếu nữ áo nâu quần ka ki… Và biết bao nhiêu người anh hùng vô danh khác. Ngay cả những người nông dân hồn hậu, những nạn nhân hàng đầu của chế độ Việt cộng, họ sống chật vật trong cảnh tăm tối mà vẫn có những hành động chói sáng tình người…

Sự kiện Đặng Chí Bình đã trải qua tuổi thanh xuân trong một thế giới thú vật, và đã trở lại nguyên vẹn cùng chúng ta, với những mô tả tinh nghịch, những lời nói thành thật về những lầm lẫn của chính mình, với những phê phán rất bình thản và độ lượng về thói xấu của con người, sự kiện đó cũng chẳng là một điều kỳ diệu sao?….

Ông là người đã đội mồ sống dậy, và cái sống nhất trong tác phẩm của ông, chính là cái chất "người" mà nhiều khi ông đã sợ mất, nhiều khi ông đã thấy mất ở nơi khác…

Cũng vì vậy, Thép Đen là một tác phẩm lớn. Không chỉ ở nội dung, tình tiết, mà còn ở ý nghĩa rất nhân bản của tác giả. Xin cảm ơn Đặng Chí Bình, đã tranh đấu để tồn tại, để vượt thoát, và để ghi lại chon chúng ta sự thắng thế của loài người trên loài quỷ.

(Lời tựa của nhà xuất bản Đồng Tiến, năm 1987)

-**Tâm Tư Khi In Lại THÉP ĐEN** -

Năm 1985, tôi viết xong hai tập hồi ký Thép Đen I & II. Hai năm sau mới tìm được nhà in và phát hành. Năm năm sau Thép Đen tập III mới ra đời. Từ khi Thép Đen I & II được in đến nay đã 15 năm. Trong thời gian đó phần vì sức khoẻ, phần vì gánh nặng gia đình, tôi hầu như không viết lách gì, cũng không sinh hoạt báo chí gì cả. Nhưng thật ngạc nhiên, cứ thỉnh thoảng tôi nhận được một lá thư độc giả nói về Thép Đen. Cả thảy có hơn 300 lá thư. Đài phát thanh Việt Ngữ Quê Hương ở Bắc Cali, Đài Sống Trên Đất Mỹ ở Nam Cali… cho đọc Thép Đen. Có cả những đài cho đọc mà tôi không được biết, chỉ biết do thính giả quen. Bây giờ thì ngoài sách Thép Đen, còn có cả băng audio và đĩa CD Thép Đen nữa.

Trong hân hạnh ấy, tôi tự hỏi làm sao mà Thép Đen được đón nhận như vậy? Trước và sau Thép Đen có biết bao hồi ký về lao tù và thời cuộc. Có nhiều bí mật chính trị được phanh phui. Bao nhiêu vị tướng lãnh thuật lại những giai đoạn gay go của đất nước. Bao nhiêu nhà văn tên tuổi ghi lại những cảnh sống tù đầy mà nếu không có văn chương tài năng, khó có thể nói lên những trạng huống cũng như cảm xúc day dứt và cùng cực. Trong khi đó tôi chỉ là một điệp viên không tên tuổi, thi hành một công tác giới hạn,

hầu như bị bịt mặt trước thời cuộc, cũng chưa bao giờ viết văn, và ngoài Thép Đen cũng chưa viết gì đáng kể. Hỏi bạn bè, mỗi người cho một ý kiến. Cuối cùng tôi đoán rằng, ngoài một số yếu tố về văn mà Thép Đen cùng góp phần với các tác phẩm khác, có lẽ tính xác thực một cách mộc mạc của Thép Đen đã lôi cuốn độc giả suốt mười mấy năm nay chăng? Có độc giả gửi thư sửa cho tôi số nhà ở phố Hàng Bạc. Có người nhận là vợ của một trung tá cho tôi biết rõ nhiều chi tiết của sự việc ngày ấy v.v… Nhiều độc giả hỏi cô Vân bây giờ ra sao?

Nếu các độc giả muốn biết về cô Vân ra sao một phần, thì tôi muốn biết đến một trăm phần, và không phải chỉ có cô ấy mà là tất cả cảnh cũ người xưa của 40 năm trước. Tôi mơ ước có một ngày được về rờ những bức tường xà lim, cái cùm chân và cùm mồm. Tôi khát khao được nhìn thấy cô Vân để tìm xem cô còn những nét gì ngày xưa, và cô còn nhớ tôi không. Tôi muốn được tay bắt mặt mừng với những bạn tù, nếu họ còn sống, để ôn lại những ngày bị đầy đọa trong kiểu tù đầy chắc chỉ còn sót lại cuối cùng trong bước tiến hóa của con người nhân tính từ thế kỷ này.

Đã gần 20 năm, tôi chưa về được. Nhưng may cho tôi, có một vị linh mục trẻ và một bạn trẻ độc giả đã lần theo giai đoạn của Thép Đen để đến tận nơi, ghi lại bằng hình ảnh, và quí nhất một anh chị bạn đã gặp "người muôn năm cũ", của đất Hưng Yên nhiều mầu mỡ, còn thu vào băng hình video mang về cho tôi. Xin quý vị tha lỗi, nếu tôi nói rằng, không ai có thể hiểu hết được tôi sung sướng đến mức độ nào! Có đến vài tháng trời, tôi như sống trở lại những ngày xưa ấy, chỉ trừ không có cái xà lim và không có cùm.

Cho nên, một phần để đáp lại sự đón nhận của độc giả, một phần Thép Đen những lần in trước đã không còn, tôi quyết định cho tái bản với sự bổ sung nhiều hình ảnh mới có được. Một điều ngạc nhiên cho chính tôi là, cũng như viết văn, tôi chưa hề vẽ bao giờ, vậy mà chỉ bằng trí nhớ, tôi vẽ được cái cùm mồm, cùm chân, xà lim… trong khi viết Thép Đen gần giống như cái hình chụp bây giờ, cả về hình dáng cũng như kích thước. Vậy, chính vì tính xác thực tạo nên sự hấp dẫn và thuyết phục cho Thép Đen thì lần tái bản này, tôi hy vọng có thể góp thêm vào sự xác thực ấy.

Sau hết, tôi xin cảm tạ vị linh mục trẻ, anh chị bạn thân và một độc giả thanh niên nhiều nghĩa tình. Đã giúp tôi giải tỏa được phần nào nỗi niềm trong lòng tôi.

Boston ngày 29 tháng 10 năm 2002.
Đặng Chí Bình

Tập I

(gồm Chương 1 đến Chương 42)

Cuộc Họp Đầu Tiên ...

Vào một buổi tối cuối Xuân 1959, trời thật nhiều gió. Những hàng me trên đường "16" vật vờ, nghiêng ngã theo từng đợt gió mạnh. Từng đám lá me khô nhỏ dày dụa cuốn đuổi nhau như đám ong vàng, gây nên những tiếng xào xạc, trên mặt đường.

Buổi tối đó là ngày thường nên khu nhà thờ Tân Sa Châu, gần Lăng Cha Cả Tân Sơn Nhất Sài Gòn rất vắng vẻ. Xa xa một vài ánh điện từ ngoài đường Trương Minh Ký hắt vào, càng làm cho khu vực nhà thờ mập mờ, chỗ sáng chỗ tối.

Nhìn sang phía bên kia nhà thờ, tôi thấy thấp thoáng trong một góc tối mấy người cũng có vẻ như chúng tôi, nghĩa là cùng chờ giờ hẹn với một người.

Mãi 8 giờ 15, từ đầu đường "16", một chiếc xe "díp" thường dân đi tới và từ từ đỗ lại, trong bóng tối của một cây me bên đường, cách xa nhà thờ một khoảng.

Một bóng người bước xuống và đi về phía nhà thờ. Chúng tôi chả ai nói ra, nhưng cùng hiểu đó là người chúng tôi đang đợi. Lẩn trong bóng tối, chúng tôi chỉ thấy người đó mặc áo blouson xám, đội mũ "phớt". Ông ta đi vào khu buồng cha Khuê phía đầu nhà thờ.

Chừng 10 phút sau, một chú bé giúp lễ ra sân mời chúng tôi vào. Cha Khuê không giới thiệu, nên chúng tôi chỉ biết gật đầu chào. Sau khi ông ta nói với Cha Khuê, xin mượn một phòng học ở trên lầu, ông quay lại phía chúng tôi với giọng Huế nặng chình chịch:

- Mời tất cả các anh em lên trên gác!

Chúng tôi nhìn nhau, chẳng ai nói một lời lục tục bước theo ông lên trên lầu.

Trong phòng, chúng tôi gồm 8 người, kể cả ông chú họ tôi. Chính tôi lúc này cũng không hiểu vì sao chú tôi cũng vào ấy ngồi. Hầu hết chúng tôi đều ở lứa tuổi thanh niên; chú tôi trông riêng biệt hẳn không những về tuổi tác, mà còn vì dáng dấp phong độ như một "chính khách" nữa. Chính sự hiện diện của chú tôi, cũng đang làm cho ông người Huế không ít băn khoăn. Ông nhìn chú tôi, nửa như muốn hỏi, nửa như e ngại đắn đo. Có lẽ chú tôi cũng thấy vậy, nên ông đã đứng dậy, rồi cùng ông người Huế đưa nhau ra chỗ ban công nói gì với nhau một lúc. Sau đó, chú tôi xuống lầu.

Tôi nhớ lại hơn một tuần trước, thằng em trai đi phố về, gọi tôi rối rít:

- Chú Thường gọi anh ra gặp cô chú có việc cần.

Ông Thường là một người từ trước tới giờ tôi vẫn kính nể, ông những ông là bậc cha chú, mà vì kiến thức uyên bác trong nhiều lãnh vực, và sự giao thiệp rộng rãi của ông trong xã hội. Vì vậy, tôi đã vội vàng ra nhà chú tôi ngay.

Sau những phút ân cần thăm hỏi thằng cháu về học hành, thi cử, mắt ông sáng thêm ra nhìn tôi, nói:

- Hiện nay, Phủ Tổng Thống tổ chức một lớp học đặc biệt chỉ dành cho mươi người. Những người phải được bảo đảm với Phủ Tổng Thống bởi những người có thế lực. Vậy nếu cháu thích, chú sẽ giới thiệu cho.

Những năm tháng mài đũng quần trên ghế nhà trường, kết hợp với thực tiễn cuộc sống đã dần hình thành trong tôi một nhân sinh và thế giới quan. Một người con trai được sinh ra trong đời này, lớn lên, lấy vợ, đẻ con, già, bệnh rồi … chết. Như vậy đi không rồi cũng trở về … không; có khác gì con người chỉ là cái mắc áo, và là cái nơi để hàng ngày đổ cơm vào? Tư tưởng hào hùng đầy lửa sống của cụ Nguyễn Công Trứ đã cuốn hút, thấm đậm vào tâm hồn non trẻ của tôi; đã luồn lách vào từng tế bào của trái tim nóng hổi; để rung lên những điệu nhạc tang bồng vẫy vùng ngang dọc của người con trai. Cho nên, mới nghe chú nói, tôi đã vồ vập nhận lời ngay, và nhờ chú tôi giới thiệu.

Ngày hôm sau, chú đã dẫn tôi sang gặp linh mục Mai Ngọc Khuê để giới thiệu tôi với người.

Cha Khuê đã hỏi nhiều về thân thế, gia đình, quá trình cuộc sống, và một số quan điểm của tôi đối với xã hội, đối với quê hương dân tộc.

Người rất chú ý, khi chú tôi giới thiệu từ bé tôi đã có nhiều năm luyện tập võ thuật. Cuối cùng người tỏ ra hài lòng nhìn tôi vừa gật gù:

- Như vậy là một thanh niên văn võ toàn tài.

Câu khen quá đáng của người đã làm tôi đỏ mặt. Khi từ giã cha Khuê, trên đường về nhà, tôi hỏi chú tôi có biết gì về lớp học đặc biệt này hay không?

Thực ra, chú chỉ là một người quen thân với Cha Khuê qua nhiều lần trao đổi về chính trị, thời cuộc… chứ về lớp học này, chú chẳng biết gì hơn những điều tôi nghe Cha Khuê nói.

Khi chú tôi đã xuống dưới lầu, ông người Huế trở lại lớp học. Ông quay nhìn tôi, nở một nụ cười thiện cảm trong lúc tay ông mở chiếc cặp đen để trên bàn. Sau đó, ngừng lên nhìn tất cả chúng tôi, nét mặt nghiêm trang, ông nói rành rọt:

- Các anh là những người được giới thiệu bảo đảm để theo lớp học này. Tôi rất hân hoan, tin tưởng, vậy trước hết các anh hãy điền, ghi vào tập lý lịch sau đây.

Ông vừa giơ một tập giấy, vừa nói nội dung và cách thức ghi chép vào những chỗ trống theo câu hỏi. Tập lý lịch in sẵn này cũng như nhiều tập lý lịch khác, ngoài phần đề cập về bản thân và cuộc sống, còn thêm hai mục:

- Quan điểm tư tưởng, hoài bão.
- Kể 3 người bạn thân nhất, ghi rõ tên tuổi và địa chỉ.

Gần 1 giờ sau, khi chúng tôi làm xong thủ tục lý lịch, ông căn dặn mấy việc:

- Trở về nhà, chỉ được nói với gia đình, bạn bè là chuẩn bị để đi dự một lớp huấn luyện, về thanh niên Cộng Hòa.

- Mỗi người hãy chờ ở nhà! Ông sẽ đến tiếp xúc riêng từng người theo địa chỉ trong bản lý lịch. Nếu có việc gì cần kíp phải đi đâu, viết giấy ghi rõ nơi đến và khi nào trở về, để lại dặn người nhà.

- Lúc đầu phải nhờ người giới thiệu là trung gian; nhưng bây giờ tuyệt đối không nói là nhận được hay không. Nếu người giới thiệu có hỏi, chỉ nói vẫn chờ, chưa thấy gọi.

Khi chúng tôi ra về, đã 10 giờ 30 tối. Chú tôi đã về nhà. Cha Khuê đã vào phòng đọc kinh. Đến lượt tôi chào ông người Huế, ông tiến lại bên tôi, nói:

- Bình, tí nữa theo tôi ra xe nói chuyện nhé!

Hơi ngạc nhiên, nhưng tôi chợt hiểu. Hẳn là Cha Khuê, hoặc chú tôi đã có lời nhắn nhủ.

Lúc ra tới đường 16, ông đi thong thả bên tôi, đặt tay lên vai tôi ra chiều thân mật, ông hỏi tôi về cuộc sống, về học hành, v.v… Cuối cùng, ông nói:

- Tôi rất mến và tin tưởng ở Bình. Do đó, tôi muốn Bình giới thiệu cho tôi một người bạn thân, đồng chí hướng như Bình.

Là một thanh niên hãy còn nhiều bồng bột; nghe ông nói tôi thấy lòng tự hào và nghĩ ngay tới Nguyễn Vĩnh Lý, một người bạn rất thân học ở Chasselop Laubat. Anh vừa đậu phần I Tú Tài Pháp, anh cũng có một số hoài bão, ước mơ như tôi.

Sau khi ông ghi xong số nhà, đường phố của Lý do tôi nói, ông lại đặt tay lên vai tôi, giọng tình cảm dịu dàng:

- Tôi sẽ tiếp xúc với Lý, bây giờ Bình về, chúng ta sẽ gặp lại.

Trên đường về nhà và cả đêm hôm đó trước khi đi ngủ, tôi miên man suy nghĩ về diễn tiến của buổi tối ở nhà thờ Tân Sa Châu. Mặc dù chưa biết chút gì về lớp học, nhưng những hiện tượng mà tôi đã nhìn và nghe cả buổi tối hôm trước, đã làm tôi triền miên tưởng tượng viễn ảnh của một ngày mai, trong giấc ngủ muộn.

Sáng hôm sau, tôi phóng xe sang nhà Lý ở khu Đa Kao Cầu Bông rất sớm. Tôi kể cho Lý nghe về sự việc tối trước và nói đã giới thiệu với ông đó rồi. Lý rất mừng rỡ và hỏi liên tiếp những câu mà tôi cũng mù tịt:

- Lớp này là lớp gì? Học ở đâu và học gì? Thời gian bao lâu? Học xong, làm gì?

Tuy vậy Lý rất vui và tin tưởng tôi nên Lý sẽ chờ ông người Huế đó đến gặp. Tôi dặn Lý:

- Mày tiếp xúc với ông ấy, thử moi thêm, may ra biết rõ hơn.

Chừng 10 ngày sau, Lý xuống nhà cho biết: Đã gặp và hoàn tất lý lịch. Lý có hỏi tên, được ông bảo cứ gọi ông là Hương (tôi cho là tên giả). Ngoài ra Lý không biết gì hơn những điều tôi đã biết.

Chúng tôi phải chờ hơn một tháng trời. Có lẻ đây là thời gian sắp xếp chuẩn bị lớp học. Cũng có thể có những người đã bí mật đến xóm giềng, thẩm tra về từng người của chúng tôi. Một hôm, Lý xuống nhà tối với một vẻ phấn khởi:

- Ông Hương bảo tối nay mày đến nhà tao ngủ, 8 giờ sáng mai (tức là ngày 28 tháng 4), ông sẽ đến đón đi tham dự lớp học. Phải chuẩn bị quần áo, sinh hoạt trong một tuần.

Chúng tôi, hai đứa xốn xang bàn tán rất nhiều nhưng vẫn chẳng hiểu được gì hơn. Đêm hôm ngủ ở nhà Lý, hai anh em nằm bên nhau trong căn gác hẹp, nhỏ to rì rầm rồi đi dần vào giấc ngủ nhiều mộng mơ, về ngày mai của cuộc đời.

Cuốn Sổ Tay Tai Hại ...

Sáng hôm sau, trời Sài Gòn thật đẹp. Một vài vầng mây trắng lững lờ trên nền trời xanh nhạt.

Đúng 8 giờ, ông Hương đậu xe ở một góc phố, đi bộ lại (đó là cách thận trọng thường xuyên của ông ta). Chúng tôi đã nhìn thấy, mỗi người một túi xách ra xe. Một cái bắt tay, vài nụ cười, không một lời nói, chúng tôi cùng lên xe.

Xe ra khu Bạch Đằng, đón một người cuối đường Hai Bà Trưng, quẹo về Trương Minh Giảng, lên khu Vườn Lài đón thêm hai người nữa. Không kể ông Hương, xe đã năm người, như vậy là hết chỗ.

Trong khi xe lao về phía Chợ Lớn, cả năm chúng tôi không biết xe sẽ đi về đâu.

Khi xe ra tới đầu Quốc Lộ số 4 đường xuống Mỹ Tho, một trong ba người kia tỏ vẻ hiểu biết nói nhỏ:

- Chắc đến trường Cây Mai.

Tôi chẳng biết trường Cây Mai dạy cái gì nên đưa mắt hỏi, anh đó khẻ giải thích:

- Đào tạo tình báo cảnh sát.

Thực tế không phải vậy, khi đi tới ngã tư Phú Lâm, xe đi chậm lại, rẽ vào chiếc cổng có hai cánh cửa sắt đóng im ỉm mang số: 365.

Như đừng chờ sẵn ở phía trong, một người quần áo bà ba nâu vội vàng ra mở cổng. Xe đi thẳng vào, đến cửa một ngôi nhà to thì ngừng lại. Chúng tôi xuống xe theo ông Hương lên gác.

Trên lầu đã có chín người nữa, trong đó, một người đã lớn tuổi vào khoảng ba mươi lăm, bốn mươi, làm tôi chú ý nhiều hơn vì hâu hết chúng tôi từ hai mươi đến hai mươi lăm.

Trong căn nhà rộng có nhiều buồng nhỏ, nhưng một phòng thật to, có lẽ là phòng khách đã kê sẵn 14 chiếc giường vải, có mùng, chăn, gối của quân đội thứ tự theo từng giường. Điều này nói lên số người đã được đón đủ.

Một người mặc pyjama xanh nhạt, đeo kính trắng, chừng ba mươi tuổi, từ dưới nhà lên. Ông Hương quay lại phía chúng tôi giới thiệu:

- Đây là ông Lâm giám thị, một người sẽ thường xuyên ở với các anh em, khi có điều gì cần thiết, các anh đến gặp ông sẽ được giải quyết.

Ông Lâm mỉm cười và bắt tay mọi người, ông cũng là người miền Trung. Sau đó, lại có hai người mặc đồ nâu nữa từ dưới nhà lên. Ông Hương cho biết họ sẽ phục vụ chúng tôi về cơm nước. Tất cả ba người này nói tiếng miền Trung.

Theo ông Hương và ông Lâm, đây là một lớp học tập thể. Bất cứ tập thể nào cũng có nội quy để ổn định trật tự. Vậy, trước hết chúng tôi phải tự đặt bí danh, và từ nay, trong mọi sinh hoạt học tập cũng như ăn ở, chúng tôi sẽ bắt buộc gọi nhau theo bí danh đó. Tôi là J. hay John. Lý là K. hay Karl. Giới hạn tối đa việc ra ngoài phố. Ra ngoài, nếu gặp ai hỏi, chỉ trả lời, chúng tôi là một số sinh viên Kinh Tế Và Chính Trị, vì muốn tìm hiểu Chủ Nghĩa Nhân Vị, nên mượn căn nhà này để nghiên cứu học hành trong mấy tháng Hè.

Đây là một ngôi nhà hai tầng, rất kiên cố, có nhiều phòng. Chung quanh có tường xây, dây thép gai bao bọc.

Theo dân chúng ở chung quanh, ngôi nhà này trước đây thuộc Phòng Nhì của Pháp, nay thuộc về Phủ Tổng Thống. Cuối cùng, ông Hương nhìn chúng tôi, gợi ý:

- Để thuận tiện trong sinh hoạt, có lẽ các anh nên chọn, bầu ra một người trưởng toán.

Chúng tôi toàn những người chẳng hề biết nhau (điều này ông Hương biết nên đã có dụng ý). Làm sao biết được đạo đức và khả năng của nhau, cho nên tất yếu đều nhìn về người lớn tuổi nhất. Ông Hương đồng ý ngay. Anh đó tên Đạo.

Qua những bữa cơm, và trong tủ lạnh luôn luôn có đầy đủ nước ngọt, bia, chanh, đường để giải khát thoải mái, tất cả chúng tôi đều phấn chấn tin tưởng vào viễn ảnh ngày mai của lớp học.

Tối hôm đó tôi xuống buồng của giám thị, theo lời hẹn của ông ta. Ngay buổi nói chuyện đầu này, ông đã có vẻ có cảm tình với tôi như một người em, tên ông là Cao Đình Tiệu, tu xuất, vào quân đội. Qua ông, tôi đã biết được nhiều chuyện chung quanh lớp học.

Sáng hôm sau, cả mười bốn người chúng tôi lên một chiếc xe "Dodge 4" mui phủ kín mít. Xe đi lên phía Sài Gòn, nhưng chẳng ai biết sẽ đi về đâu. Cuối cùng, xe đi thẳng vào một tòa nhà to lớn chẳng khác gì một tòa lâu đài, có hai cổng to hai bên để xe ra vào, không có lính gác. Trong sân, vài con ngỗng kêu í ới, sân có trồng cỏ và hoa, êm đềm như một tư gia. Đó là căn nhà số 2 đường Jacques Rousseau. Sau này, tôi biết là nhà của Cựu Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh, tham mưu trưởng Quân Đội Quốc Gia thời 1954 về trước.

Chúng tôi được hướng dẫn vào một phòng phía bên phải. Trong phòng, đã có mặt ông Hương và mấy người lạ đóng bộ đàng hoàng. Họ chạy lăng xăng chuẩn bị bàn ghế, cờ quạt. Vách tường, cửa của văn phòng đều được bọc da, để ngăn cản âm thanh với bên ngoài. Trên cao, giữa tường, treo một lá cờ Tổ Quốc lớn, và ảnh cụ Ngô, phía trên đình hương trầm nghi ngút. Bên cạnh, phía dưới, có máy ghi âm. Chúng tôi 14 người ngồi mấy hàng ghế phía cuối.

Đúng 9 giờ, một người đi vào. Có tiếng hô nghiêm, chúng tôi đứng dậy. Người đó bước lên bục. Sau khi làm thủ tục chào cờ hát quốc ca, mặc niệm, ông ta với cặp mắt như tỏa ánh sáng sau đôi kính trắng thật dầy, và bằng giọng Huế ấm và nặng, ông vừa tha thiết nhẳn nhủ, vừa nghiêm nghị ra lệnh. Nội dung:

- Các anh là những thanh niên, sẽ trở thành rường cột của Tổ Quốc trong tương lai. Bởi thế, hãy ra sức cố gắng học tập, công tác, để không phụ lòng tin tưởng và thương yêu của tổng thống. Lúc này, đang đi công cán đặc biệt, nên tổng thống không kịp ra dự buổi khai giảng lớp học hôm nay. v.v..

Ba mươi phút sau, người đó về ngay.

Chiều hôm đó, ông Minh (phó giám đốc lớp học) giảng về Chủ Nghĩa Nhân Vị.

Giờ sau, ông Hương giảng về Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Lần đầu tiên chúng tôi được nhìn hai tấm nình to tướng khổ 40×60 phân của Engels và Karl Max. Ông lướt qua những nét chính về Chủ Nghĩa Cộng Sản với những diễn tiến theo thời gian từ Đệ Nhất Quốc Tế đến Đệ Ngũ là Tito Nam Tư, (dĩ nhiên là đứng từ góc độ của thế giới tự do để nhìn về Chủ Nghĩa Cộng Sản). Ông Tạo, chủ sự Phòng Thương Mại, giảng về Kinh Tế và Xã Hội. Ông Đức giảng về tự do và con người, v.v…

Tất cả chỉ là mở ra một bức tranh khái niệm về từng lãnh vực. Tuy vậy, chúng tôi vẫn phải làm bài với những đề tài như:

- Con người và Xã Hội.
- Chủ nghĩa Cộng Sản và con người.
- Nền Kinh Tế chỉ huy và tự phát. v.v…

Chúng tôi được tha hồ tham khảo sách báo ngoài xã hội. Phải nói, lúc đầu tôi cũng hơi ngạc nhiên, tại sao lại cho chúng tôi học những món như vậy. Phải hơn một tháng sau, tôi mới hiểu rõ.

Hằng ngày đi học bằng xe bít bùng, bọc kín như bưng… Tôi để ý, thường thấy những chiếc xe du lịch ra vào đậu

trong sân số 2 Jean Jacques Rousseau, lại phải lấy vải bịt số xe. Những người trên xe hầu hết là ngoại quốc, nam cũng như nữ. Thái độ của họ tỏ ra nhanh nhẹn và cũng kín đáo khác thường.

Trong những giờ giải lao, chúng tôi lang thang ngoài sân, khi gần ra phía cổng thì bị giảng viên gọi vào. Họ nói:

- Các anh không nên ra ngoài đó, có thể bị chụp ảnh.

Những điều như vậy, càng gợi trí tò mò của tôi. Tôi suy đoán, có thể không chừng đây là một chỗ tới lui của nhiều tay điệp viên quốc tế chứ không chơi đâu, do đó, tôi tìm mọi cách để mong biết được tên thật của các giảng viên. Tôi hiểu họ dùng toàn tên giả. Thí dụ: Ông Minh giảng về Chủ Nghĩa Nhân Vị lại có cái thắt lưng mang chữ K. Hoặc ông Đức, có lần thoáng trong lần giải lao, ông Minh lại gọi là ông Thái. Tôi muốn biết rõ tên thật và chức vụ thực của họ. Phần khác, tôi còn ghi tất cả những số xe, bất kể loại gì ra vào ngôi nhà số 2 này. Tôi cho rằng rồi đây ở Sài Gòn, hay ở đâu, nếu tôi gặp những chiếc xe đó, địa điểm và chủ nhân ấy đều có dính dáng đến tình báo. Điều đáng trách của tôi, là ghi tất cả tên cũng như số xe vào một cuốn sổ tay, mà tôi thường bỏ trong người.

Trong những buổi lên lớp cũng như những bài làm ở nhà, nhiều lần tôi được khen là có những ý kiến sâu sắc; nhất là ông Hương, giám đốc, càng tỏ ra thân mật quý mến tôi hơn.

Hàng tuần, trưa thứ Bảy, chúng tôi được nghỉ học, về nhà. Tối Chủ Nhật trở lại.

Qua chuyện trò sinh hoạt, sau nửa tháng, tôi đã biết trong số 14 người này có nhiều anh đã có phần I, phần II Tú Tài. Đa số là con ông cháu cha, con cháu tỉnh trưởng, chủ sự,v.v… Vì vậy, tôi và Lý càng hoan hỉ tin tưởng vào tương lai của mỗi người.

Học được hơn nửa tháng, một hôm, tôi không thấy cuốn sổ tay nhỏ của tôi đâu, tôi thắc mắc tìm hoài mọi chỗ, hỏi cả Lý, cũng không thấy. Tôi cho là, có thể nhiều lần đi trên xe, xe vừa đông lại vừa xóc, cuốn sổ rơi xuống đường rồi chăng, chứ tôi đã tìm hết mọi chỗ rồi. Tôi cũng đã hỏi toàn thể anh em, nhưng không một ai biết. Mãi rồi cuốn sổ tay đó cũng đi vào lãng quên.

Một buổi tối, sau khi học và làm bài vở xong, tôi chợt nhớ tới cuốn sổ tay, tôi quyết định mở va li tìm hết lại một lần nữa may ra thấy chăng. Lục lọi, tìm mãi cũng không thấy. Tôi chợt nhìn thấy gần nửa bánh pháo "Đại Quang" ở trong góc va li, thứ pháo nổ xác tan nhỏ như vảy ốc. Bánh pháo này hồi Tết còn thừa, tôi định để dành cho Tết sang năm.

Sẵn tinh nghịch ngợm ngang tàng, tôi rút ra một chiếc pháo trước mặt Lý và mấy anh em còn thức. Miệng đang ngậm điếu thuốc, tôi bình thản từ từ đưa ngòi pháo vò đầu điếu thuốc đang cháy; khi ngòi đã xì lửa, tôi vẫn lạnh lùng nhìn chiếc ngòi xì dần rồi nổ ngay ở tay, ngang ngay trước mặt tôi chừng hai mươi phân, chỉ vì tính ngông cuồng tỏ với mọi người là mình gan lì.

Mọi người ngồi đó không ai nghĩ là tôi dám đốt pháo như vậy, mà chỉ cho tôi đùa bỡn, nên không kịp có ý kiến can ngăn.

Tiếng nổ dữ dội, âm vang trong ngôi nhà như tiếng lựu đạn khiến mọi người xanh mặt, kể cả tôi! Anh em đứng cả dậy. Ba người bếp ở dưới nhà cũng hộc tốc chạy lên, mặt mày nhớn nhác. Sau khi biết nội vụ mấy người làm bếp và tất cả anh em giúp tôi nhặt từng mảnh pháo vụn. Giám Thị Lâm hôm đó tình cờ lại đi chơi vắng. Lúc đó đã 10 giờ tối.

Tôi liếc nhìn xuống đường chỗ ngã tư Phú Lâm, thấy một người quân cảnh và hai cảnh sát, đều ngước nhìn lên lầu

tòa nhà 365, rồi một người lấy xe gắn máy chạy về phía Sài Gòn.

Tôi xuống nước năn nỉ ba người bếp và các anh em đừng để sự việc này cho Ban Giám Đốc biết.

Dọn xong, tất cả đều đi ngủ lại. Riêng tôi nằm bồn chồn lo lắng. Tôi cảm thấy sự việc sẽ không đơn giản. Tôi không yên lòng, với tay sang lay Lý dậy, thì thầm:

- Tao thấy sự việc này sẽ không phải lộ từ phía dưới lên, mà có khi từ phía trên xuống.

Lý trấn an tôi:

- Không sao đâu, hãy đi ngủ đi!

Tôi nằm, tuy có lo lắng, nhưng tuổi trẻ, nên dễ đi vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Tôi đang say mê ngủ, ai đó đến lay người tôi, tôi mở mắt: Cao Đình Tiệu. Ông nhớn nhác, mắt không kính, tóc rối bù, chắc cũng bị đánh thức dậy, ông nói hổn hển:

- Dậy, mặc quần áo xuống ngay dưới nhà gặp ông Hương!

Thật là chết! Tôi ngồi bật dậy. Xuống đến lưng cầu thang, đã nhìn thấy ông Hương, ông Minh, quần áo lôi thôi, dáng vẻ còn ngái ngủ. Lúc đó đã 2 giờ đêm.

Tôi hồi hộp nhìn các ông ấy. Điều làm tôi buồn khổ, hổ thẹn nhiều là ông Hương, ông Minh, ông Tiệu, nghĩa là cả Ban Giám Đốc, cũng như giám thị, trước đây đề cao và quý tôi nhất, cho nên tôi chỉ biết cúi đầu.

Chắc hẳn ông Hương đã hỏi ba người bếp chi tiết sự việc rồi. Ông Tiệu không biết gì vì đi chơi. Câu đầu tiên ông Hương hỏi tôi:

- Bình có biết hôm nay là ngày gì không?

Tôi tường ý của ông muốn hỏi như vậy để tôi phải trả lời. Hôm nay là ngày tôi đã gây ra một việc đáng tiếc, nên cứ cúi đầu, ngồi im.

Có lẽ ông Hương (45 tuổi) đã hiểu cái bồng bột quá trớn của một người thanh niên, ông nói luôn:

- Hôm nay là ngày 15 tháng 5, sinh nhật của Karl Marx (thảo nào ngã tư Phú Lâm được tăng cường thêm hai cảnh sát và một quân cảnh). Ông Hương nói tiếp:

- Bình có biết việc Bình làm đã chấn động nhiều cơ quan, kể cả Phủ Tổng Thống không?

Vì là ngày sinh nhật của Karl Marx, nên các cơ quan an ninh tăng cường hoạt động để ngăn chận, những manh nha của Cộng Sản. Khi nghe tiếng nổ, nếu ở một chỗ bình thường, cảnh binh chỉ việc vào điều tra tìm hiểu; và thấy do đốt pháo thì chỉ phạt 20 đồng theo quy định hồi ấy.

Ở đây, tiếng nổ lại phát ra từ ngôi nhà 365. Cảnh sát cũng như quân cảnh đều hiểu ngôi nhà đó thuộc trung ương, nên không dám vào khám xét. Nhưng vì sự việc xảy ra trong khu vực trực tiếp trách nhiệm của họ, nên bắt buộc họ trình báo cáo cấp trên. Đồn trưởng báo Quận, Quận hỏi ý kiến Nha Giám Đốc. Nha Giám Đốc cho căn nhà đó là của

An Ninh Quân Đội, thuộc Phủ Tổng Thống. Lời tường trình được báo về cấp cao nhất, và cuối cùng truyền ngược xuống Ban Giám Đốc lớp học.

Mặt của ông Hương, Minh, Tiệu như bàn tay bà già. Mặt tôi có lẽ dài ra gấp rưỡi ngày thường.

Ông Hương chậm rãi nói:

- Không thể dùng quyền để ém nhẹm vụ này, vì như vậy càng làm cho các cơ quan khác nghi ngờ. Cho nên, ngày mai cảnh sát sẽ vào đây lập biên bản. Vậy, hãy nói với họ đây là một số sinh viên, học tập Chủ Nghĩa Nhân Vị trong dịp Hè. Một người trong lúc vui chơi đã nghịch, gấp một chiếc pháo giấy đập mạnh bằng tay, vì ở trong tòa nhà, nên nó đã vang to như vậy.

Ông Hương bắt ông Tiệu lấy giấy gấp thành một cái pháo, mà học sinh vẫn chơi. Tôi phải thực tập, cũng nổ. Nhưng làm sao bằng pháo thật!

Đến đây, tôi cũng suy nghĩ. Tại sao ông Hương không nói thẳng với cảnh sát là tôi nổ pháo, mà phải làm trò như thế, cảnh sát tin sao được. Tôi cho rằng, có lẽ một phần ông Hương muốn cho đỡ khuyết điểm cho tôi với trên, phần khác cho chính ông ta (tại sao lại tuyển mộ một học viên có những hành động nhố nhăng như thế).

Sáng hôm sau, một xe "díp" cảnh sát chở ba người, kể cả đồn trưởng, vào gặp ông Tiệu và tôi. Thái độ cảnh sát rất nhã nhặn, dè dặt, và tỏ ý, đây chỉ là nguyên tắc, vì vậy, họ cũng không bắt tôi phải đập pháo giấy. Nghĩa là họ không tin, nhưng việc phải làm, cho nên họ ghi đầy đủ sự việc theo lời khai vào sổ trực.

Ông Tiệu còn nhăn nhó nói:

- Địa điểm học này đã bị lộ, có thể sẽ phải chuyển đi nơi khác.

Sóng gió lại bình lặng! Chúng tôi lại tiếp tục học hành. Tuy vậy, từ đấy tôi rất ngượng nên thường tránh mặt, không muốn gặp ông Hương và ông Minh nữa.

Hơn một tuần sau, vào lúc 7 giờ tối, một anh bếp gọi tôi xuống gặp ông Giám thị. Khi xuống tới buồng ông Cao Đình Tiệu, tôi thấy trên bàn một chai rượu mạnh. Mặt ông đỏ gay và thật buồn. Thấy tôi, ông hất hàm ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Rồi quay mặt nhìn ra cửa sổ, chậm rãi:

- Bình có một quyển sổ tay nhỏ phải không?

Thoáng nghe tim thót lại, tôi gật đầu lo lắng nhìn ông.

- Bình có biết quyển sổ đó hiện nay đang ở đâu không?

Tôi nói trong đắn đo, dè dặt:

- Đã mất hơn nữa tháng nay và tìm mãi không thấy.

Ông quay ngoắt lại, nhìn thẳng vào mặt tôi, dõng dạc:

- Hiện giờ, nó đang nằm trên Phủ Tổng Thống!

Ôi chao, sao tôi có nhiều việc thế này! Lòng tôi hoang mang, hoảng sợ nhìn ông. Ông hỏi tiếp:

- Ai là người giới thiệu và bảo lãnh Bình vào lớp học này?

- Cha Mai Ngọc Khuê.

Mặt ông buồn thiu, thổ lộ:

- Tôi không có em trai, từ ngày tôi gần Bình, tôi rất mến và coi Bình như em trai của tôi. Chiều nay tôi đã tham dự một cuộc họp hai tiếng đồng hồ. Tôi đã vận dụng nhiều lý luận để binh vực cho Bình, nhưng địa vị và quyền của tôi chỉ có giới hạn. Cuộc họp đã quyết định xong về Bình rồi. Họ sẽ giao Bình sang An Ninh Quân Đội, Bình sẽ bị sát hạch, khai thác, có khi bị tra khảo nữa. Vậy ngay bây giờ, Bình về khẩn khoản nói với Cha Khuê, may ra uy tín của người sẽ cứu được Bình.

Ông còn hỏi:

- Có tiền đi tắc xi không?

Ông mở ví móc đưa tôi 50 đồng.

Tôi như ngồi trên lửa, khua tay rối rít cám ơn nói là đã có tiền rồi. Tôi đứng lên chuẩn bị đi ngay sang khu Lăng Cha Cả, ông còn kéo tay tôi lại:

- Tại sao Bình ghi hơn chục cái số xe để làm gì? Cả tên thật và chức vụ của các giảng viên nữa?

Mặt tôi buồn rười rượi. Tôi thú thật với anh là vì tò mò. Anh giục tôi đi ngay, về thú thực hết với cha Khuê. Trên đường về, tôi nghĩ ngay tới Đạo, người trưởng toán. Mục đích ở trên đưa nó vào để theo dõi chúng tôi về tư tưởng. Nghĩ cho cùng, tôi chỉ giận mình ngu xuẩn, nhố nhăng, không thể trách Đạo được vì đó là nhiệm vụ của anh ta.

Những năm tháng sau này, nhiều khi suy nghĩ lại sự việc trên, tôi thấy, trong cuộc đời, chuyện may rủi không một ai dám phủ nhận, nhưng cũng phải thừa nhận là "bản tính tạo nên cuộc đời". Thực tế, tính một người ưa động, coi thường nguy hiểm, thích đấm đá, dao búa, buôn lậu, hoặc hoạt động chính trị, làm cách mạng, v.v… Đời người ấy, nói chung, sẽ nổi chìm bất thường. Ngược lại, một người sợ chuyện nguy hiểm, rụt rè trước những việc mới lạ, cá biệt không kể, nói chung, đời người đó trôi đều phẳng lặng. Cho nên, bản tính của tôi đã như thế, tôi phải gánh lấy hậu quả tất yếu, kêu trời làm chi!

Về gặp Cha Khuê. Trước đây người vồn vã vui tươi với tôi, bây giờ, sau khi tôi trình bày sự việc, mặt người thật lạnh lùng xa lạ. Người chỉ nói một câu: "Làm như vậy đấy!" Tôi thật buồn và thẹn. Nếu không vì chuyện cấp bách, tôi chẳng đến người làm chi nữa.

Trở về, hôm sau tôi vẫn tiếp tục đi học ở số 2 Jean Jacques Rousseau, nhưng là những ngày đầy lo âu, nghe ngóng.

Buổi học cuối tháng đó, chúng tôi đến lớp nhưng không học. Chúng tôi được lệnh ngồi chờ. Từng người được gọi vào một căn buồng phía trái để làm việc, khá lâu. Mỗi khi một người mở cửa buồng bước ra, tôi hỏi, họ đều lắc đầu. Mãi tới lúc Lý ra, tôi hỏi, hắn chỉ vắn tắt:

- Lấy tiền, và viết giấy cam đoan, ông ấy dặn tao tuyệt đối không nói gì với người khác.

Gần về cuối, tôi mới được gọi. Gặp ông Hương, tôi ngượng ngùng, nhưng ông lờ đi. Nội dung sinh hoạt riêng từng người là:

- Ký vào mấy tờ giấy và lĩnh 2,500đ.00 một tháng (học, được nuôi ăn ở lịch sự, lại còn có lương!)
- Một tờ cam đoan đã đánh máy sẵn. Tuyệt đối không kể một sự việc gì về lớp học cho một ai khác, kể cả gia đình. Nếu vi phạm, sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn.
- Về nhà chờ, khi nào có người tới đón, sẽ đi học tiếp tục.

Sau đó, chúng tôi ra về. Tôi những tưởng tai qua nạn khỏi, nhưng không phải vậy. Thỉnh thoảng, tôi vẫn đến nhà Lý chơi để xem tình huống gọi, đón như thế nào. Một hôm, tôi đến nhà Lý như mọi lần, được người nhà Lý cho biết, sáng sớm đã có người đến đón Lý đi rồi. Thôi, thế là tôi đã bị thải. Để cho sáng tỏ hơn, tôi phải liều. Tôi vội vàng phóng xe xuống 365. Lúc đó đã là giờ trưa, rất im vắng. Tôi lên tuột trên gác thấy Lý và 9 người nữa đang ngủ. Tôi lay vai Lý dậy, rồi chúng tôi cùng xuống dưới nhà. Lý nói, mặt buồn buồn:

- Ông Hương đến đón tao đi ngay, nên không kịp viết giấy để lại cho mày. Tao có hỏi ông Hương về mày. Ông trả lời "Hãy biết phận mình thôi".

Tôi thấy Lý cũng không biết gì hơn, tôi hẹn Lý cuối tuần về sẽ nói chuyện. Tôi vào buồng anh Tiệu, anh cho biết: "Không gọi, có nghĩa là loại rồi" và "Lớp học bây giờ chỉ còn mười người!"

Như vậy là tôi đã hiểu. Mục đích của một tháng học đó chỉ là để tìm hiểu và để lọc người. Trừ anh Đạo trưởng toán có nhiệm vụ riêng không kể, 3 người đã bị loại.

Ruột tôi thật là héo úa! Anh Tiệu thấy tôi buồn, anh đặt tay lên vai tôi, vừa như tâm tình vừa như an ủi:

- Dù học lớp này hay không, Bình hãy đến với tôi. Nhưng không nên đến đây nữa. Bây giờ là giao thiệp giữa cá nhân tôi và Bình.

Anh cho tôi số nhà riêng và hẹn gặp vào những ngày cuối tuần.

Trên đường về nhà, tâm tư tôi nặng chĩu trái sầu. Tôi nghĩ đến lời anh Tiệu khi nãy: "Trong lớp học đó, Bình được Ban Giám Đốc khen ngợi là trội nhiều mặt, tháo vát, nhanh nhẹn, nhưng …"

Vâng, trong cuộc sống con người, chữ "nhưng" và chữ "nếu", hai chữ quái quỷ này có lúc làm cho con người sung sướng ngất ngây bao nhiêu, thì nhiều khi chúng cũng làm cho người ta đau khổ chất chồng, đầy máu và nước mắt bấy nhiêu. Đôi khi tàn lụi cả cuộc đời cũng vì chúng.

Vào Ngành Tình Báo …

Tôi về nhà nằm buồn mấy ngày. Lại đúng vào mấy ngày mưa. Mưa thật nhiều, mịt mờ cả đường phố. Tôi nằm nghe mưa rơi trên mái nhà, những hạt mưa rơi xối xả âm vang như tiếng cười đùa trêu chọc. Nhưng, có lúc lại như tiếng reo hò, hối hả thúc giục người con trai không thể nằm buồn tiêu cực trong cuộc sống, phải dậy và nổ lực với những khó khăn trước mặt! Thế là tôi ngồi bật dậy và nỗi buồn của tôi đã như áng mây, trôi về phương trời xa mất hút…

Ít ngày sau, tôi được biết Bộ Tổng Tham Mưu thông báo thi tuyển vào lớp Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khóa 11. Tôi nộp đơn, ngoài những thủ tục cần thiết, tôi còn nộp kèm theo giấy chứng chỉ của trường Cao Đẳng Quân Sự (giai đoạn đó, học sinh đệ nhị cấp, đều phải qua lớp huấn luyện quân sự này) chứng nhận tôi là chuẩn úy trừ bị.

Do một số tin tức tôi thâu lượm được, không kể Cần Thơ và Huế, riêng Sài Gòn đã có hơn 1.000 người xin dự thi, trong khi tôi được nghe đồn, khóa Thủ Đức 11 này đặc biệt sẽ lấy 800, vì nhu cầu tình hình chính trị đòi hỏi. Dù thế nào, tôi vẫn phải đem sách vở ra miệt mài học lại. Tuy tôi cũng tự tin vào khả năng của mình.

Một ngày cuối tuần, tôi đến Tiệu chơi, anh hỏi tôi:

- Bình có thích hoạt động tình báo không? Với khả năng như Bình, nếu Bình thích, tôi sẽ giới thiệu qua ngành quốc ngoại, vì tôi có quen biết.

Vừa qua, tôi đã nếm mùi vị tí chút về tình báo, nên tôi gật đầu. Tôi cho anh địa chỉ nhà tôi, và sẽ chờ người đến gặp.

Qua những buổi trao đổi với Cao Đình Tiệu, tôi đã hiểu tình báo quốc ngoại ở đây là tình báo ngoài miền Bắc. Lúc đó, quan điểm tư tưởng của tôi thật là đơn thuần. Con người của tôi tự bản tính không sợ những chuyện nguy hiểm, nên luôn luôn ôm ấp một hoài bão, phải làm được một cái gì đó hữu ích cho cuộc đời này, mặc dù tôi chưa hề định hướng việc đó là việc gì. Lý tưởng chống Cộng Sản của tôi, lúc đó vẫn còn lẩn quất chưa rõ mầm. Tôi chưa ý thức được vì sao, tôi một người con trai Việt lại phải ra miền Bắc, vào đất kẻ thù để chống Cộng Sản. Lỗi này là do những người lãnh đạo chế độ miền Nam đã hời hợt sao nhãng, việc giáo dục trong học đường đối với thanh thiếu niên về vấn đề Cộng Sản.

Hơn một tháng sau, đến ngày thi tuyển vào trường Thủ Đức. Sau mấy ngày thi, bài vở so với mọi người chung quanh, tôi làm được, nhờ hai bài toán Hình, Đại thì một bài trúng tủ. Thầy Phú đã ra trước đây ở trường Hưng Đạo. Còn bài Việt, tôi hơi vững dạ, vì trong các môn học, môn Việt Văn của tôi vẫn thường có chỗ đứng tạm được. Dù vậy, khi chưa công bố, ai dám cho là mình đã qua. Chính vì thế, trong khi chờ đợi kết quả tôi vẫn cần phải lo chuyện khác nữa.

Tôi thi được hơn mười ngày, một hôm có một người chừng ba mươi lăm tuổi tìm tới nhà. Lại là người Trung nữa! Sao trên trung ương nhiều người miền Trung thế? Ông ta tự giới thiệu tên là Cẩn, Ngọc Cẩn, mặc thường phục. Ông ta nói:

- Được ông Lâm (tên giả của Cao Đình Tiệu ở lớp học) giới thiệu và nói nhiều về anh. Hôm nay, tôi đến gặp anh. Chúng ta sẽ trao đổi vài câu chuyện.

Câu chuyện xoay quanh mấy vấn đề quan điểm, hoài bão, trách nhiệm của người thanh niên đối với dân tộc, Tổ Quốc v.v…

Buổi nói chuyện kéo dài chừng hai tiếng đồng hồ, Sau đó, ông Cẩn hẹn buổi khác sẽ đến.

Ông đến gặp tôi hai ba lần nữa. Một hôm, ông mang theo một tập lý lịch, bảo tôi ghi điền vào chỗ trống theo yêu cầu. So với tập lý lịch làm ở nhà thờ cha Khuê, lần này thêm một vài chi tiết nữa. Riêng chỗ bạn thân phải 5 người.

Lúc ra về, ông nhìn tôi, có tình cảm:

- Trong khi chờ đợi sự sắp xếp ở trên, tôi hàng ngày cũng rỗi, vậy thỉnh thoảng anh em mình đi chơi phố hỉ?

Tôi đồng ý. Chúng tôi có lúc ra bờ sông ngồi chơi, có khi vào quán uống. Một hôm, ông đến bằng xe Lambretta, chở tới vài khu trung tâm Sài Gòn chơi. Trong khi đi đường, ông hỏi chuyện về nhiều lảnh vực khác nhau. Một lần đang đèo đi chơi, bất chợt ông nói:

- Quên, có chút việc chúng mình phải sang khu Cầu Cống Khánh Hội.

Khi sang tới đó, ông lái xe vào sâu mãi trong một ngỏ hẻm, qua nhiều ngóc ngách ngang dọc, rồi ông để tôi đứng ở ngoài chờ. Ông vào một căn nhà, chừng 5 phút ông trở ra.

Khi trở về Sài Gòn, chúng tôi vào nhà hàng Thanh Thế uống nước. Lúc tôi và ông đang cầm ly uống, chiếc mũ của ông để trên bàn, bất ngờ rơi xuống nền gạch chỗ giữa ông và tôi.

Ông nhìn tôi, và tôi cũng nhìn ông, cùng đang cầm ly nước. Tôi vẫn thong thả uống và từ từ đặt ly nước xuống bàn. Tôi tiếp tục nói hết câu chuyện và ung dung dụi tàn thuốc lá, rồi mới cuối xuống nhặt mũ lên bàn cho ông. Tôi nghĩ, mũ của ông rơi đã rơi rồi, chẳng cần phải vội vàng nhặt ngay, kẻo nó bị hư hỏng hơn. Cho nên, tôi vẫn đường hoàng làm xong việc tôi đang làm giở.

Phải nói, lúc đó tôi chưa biết là ông thử sự bình tĩnh của tôi. Lần thứ hai, tôi đã thấy dụng ý của ông.

Một lần đang ăn uống, ông rót bia rồi, còn già nửa chai ông đặt ghé lên chiếc khăn lau tay để trên bàn. Lát sau, như vô tình, ông rút chiếc khăn để lau miệng, chai bia tất yếu nghiêng đổ. Phản xạ cấp thời, tôi chộp lấy được.

Một lần khác, chúng tôi đang ngồi ở Hòa Hưng, như chợt nhớ ra điều gì, ông quay lại tôi:

- Nhờ Bình một chút, tôi ngồi ở đây chờ, Bình lấy xe tôi xuống chỗ công "piscine" Cộng Hòa mua hộ tôi 5 bao thuốc Pall Mall với một bao Capstan, họ bán phía trong cổng ấy.

Trên đường đi, tôi thấy vô lý, từ Hòa Hưng xuống Ông Tạ có biết bao nhiêu hàng thuốc lá, tại sao lại xuống mãi hồ bơi Cộng Hòa? Dù suy nghĩ như vậy, nhưng tôi vẫn đến chỗ đó mua cho ông. Khi ông và tôi trở về, ông làm như băn khoăn hỏi:

- Mai Bình có rỗi không?

Nhìn ông tôi dè dặt:

- Tôi chưa biết rõ, nhưng ông cần cái gì ông cứ nói.

Ông rút trong túi áo ra một lá thư dán kín, bì thư để trống trơn, đưa cho tôi ông căn dặn:

- Ngày mai, Bình có solex, hãy đưa hộ tôi lá thư này cho cái nhà mà hôm nọ Bình với tôi đến, ở trong chợ Cầu Cống đó.

Đã gần nửa tháng rồi, vô tình ai để ý làm gì, nhưng do cá tính hay để ý của tôi, tôi đã nhớ. Hôm ấy, tôi thấy ông Cẩn vào một ngôi nhà, tôi nghĩ ông là một người làm tình báo của chính quyền. Như vậy, ngôi nhà đó có dính dáng ít nhiều đến tình báo; nếu không, ít ra chủ nhân cũng quen biết thân thuộc đến đời riêng của ông Cẩn, nên tôi chú ý hơn. Vì vậy, hôm sau tôi đáp ứng được việc ông nhờ, không khó khăn gì cả.

Tóm lại, thời gian đó, có thể ông đã thử thách tôi nhiều, nhưng tôi chỉ thấy được 4 lần:

- Về đức tính bình tĩnh.
- Về tính chấp hành kỷ luật nghiêm chỉnh.
- Về trí nhớ cần thiết để hoạt động.

- Về phản xạ bén nhậy, chính xác khi sự việc xẩy ra bất ngờ.

Về việc mua thuốc lá, nếu ông muốn kiểm tra, chỉ cần trở lại chỗ bán thuốc lá ở hồ bơi Cộng Hòa, hỏi người bán hàng.

Một vài phương pháp thử thách như trên, chưa đủ xác định khả năng của một con người. Vì vậy, sau này trong quá trình đào tạo, huấn luyện, còn nhiều thử thách khác nữa.

Sau đó, cứ dăm ba ngày, lại một lần ông Cẩn đến đón tôi đi chơi cho tới một hôm, sau buổi đi chơi về, ông thân mật dặn dò:

- Kỳ này, tôi có một số công việc bận, vậy Bình về nhà hãy đợi chờ nhé!

Nghiệp Dĩ ...

Tôi về nhà nằm chờ đợi. Hàng ngày, tôi vẫn lấy sách vở ra miệt mài xem lại để sang năm, bằng mọi giá tôi phải lấy xong phần I Tú Tài. Tôi đã ăn vỏ chuối 2 năm rồi! Chỉ vì sự suy nghĩ của tôi chưa đủ chín chắn, còn ham chơi. Chỉ có những quyết tâm nửa vời, thiếu hẳn ý chí kiên nhẫn, cho nên, tôi đã phải trả một giá đích đáng cho sự học vấn của tôi. Tôi nhớ lại những năm tháng trước đây, vì hoàn cảnh cuộc sống, vì đất nước chia đôi, tôi di cư vào miền Nam và gián đoạn việc học hành.

Trước kia, tôi đã biết nghề kim hoàn từ hàng Bạc, Hà Nội. Vào Nam, do gia đình và họ hàng giúp đỡ, cuối 1956 tôi đã mở hiệu bán vàng bạc "Bảo Tín" ở chợ Cây Điệp. Khách hàng là quân nhân trong Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và mấy làng người miền Nam quanh vùng. Sau gần một năm, càng ngày cửa tiệm càng phát đạt, dù người chủ tuổi đời chỉ mới mười tám, mười chín (bố mẹ và các em tôi ở cùng nhà). Khi ấy, đồng tiền đối với tôi thật dễ dàng. Thỉnh thoảng, một vài người bạn từ Sài Gòn xuống chơi, nói chuyện về các giáo sư, về học hành, về xã hội... Với đầu óc còn quá non dại, tôi nhìn cuộc đời cũng quá đơn giản. Vì thế, tôi cũng đi vào cái chung của mọi người là coi thường những gì mình đang có, và hướng tìm về những cái mình chưa có. Nghĩa là, trong tôi đang dần hình thành những suy nghĩ về cuộc sống của con người trong xã hội.

Khi ấy, tôi nghĩ thật đơn giản. Xã hội và con người mỗi ngày mỗi tiến bộ. Vậy, một thanh niên sống trong thời đại đó, ít nhất phải có một kiến thức nhất định nào đó để hiểu biết được , ít ra là khái niệm, về tất cả lãnh vực trong thời đại mà mình đang sống.

Hãy tạm thời lấy sự học vấn làm ý niệm đo lường. Những năm 50 trước đây, chỉ cần mức độ là Trung Học Đệ Nhất Cấp là tạm đủ, cho kiến thức của một con người. Nhưng, thập niên 60 phải cần có Tú Tài; chứ Trung Học Đệ Nhất Cấp đã là lạc hậu rồi, không theo kịp đà tiến triển chung của xã hội. Và tới thập niên 70, nếu không đáp ứng được yêu cầu tương đối ấy, người thanh niên sẽ không đủ kiến thức để hiểu biết, dù không cần quán triệt, những sự việc xã hội xẩy ra chung quanh mình.

Vậy, bây giờ tôi có tiền để làm gì, khi đầu óc tôi còn mơ hồ về chuyện đất nước và thế giới. Hơn nữa, con người được sinh ra trên thế giới này, phải ít nhất biết một số nơi danh tiếng của nó. Nếu không, thì cũng sẽ chỉ sống một cuộc đời tầm thường, thiếu thốn, chưa đủ ý nghĩa của cuộc sống.

Từ những suy nghĩ lẩm cẩm ngây thơ trên, tôi quyết định thôi hiệu vàng. Bố mẹ cũng như họ hàng, trước đây ca ngợi tôi bao nhiêu, bây giờ trách móc tôi bấy nhiêu. Tôi còn nghĩ rất đơn giản là, bây giờ mình còn trẻ hãy gắng học đã, rồi phải đi đây đó để biết nhiều về thế giới này. Đến khi nào ba, bốn mươi tuổi, lúc đó lại trở về mở hiệu vàng (vì ít ra mình đã có kinh nghiệm về mở hiệu vàng rồi). Thật là những suy nghĩ ấu trĩ! Chuyện đời không đơn giản như

suy nghĩ của một cậu thanh niên mới lớn.

Sau đó, tôi đến ở Trại Học Sinh Di Cư Phú Thọ, Chợ Lớn (Pavie La Mothe) và tiếp tục đi học. (Bao nhiêu kỷ niệm, bạn bè ở trại học sinh này! Sau 30 mươi năm, không biết bây giờ số phận của mỗi người như thế nào?).

Tôi ngồi nhà học và chờ ông Cẩn mãi, đã hai, ba tháng rồi mà chẳng thấy ông đến. Vì thế, tôi không còn tin tưởng mấy về chuyện tình báo ngoại quốc. Tôi nghĩ rằng, trong khi chờ đợi, nếu Thủ Đức có trước thì đi Thủ Đức. Nghĩa là, cái nào có trước tôi sẽ đi cái đó. Cuối 1960, tôi nhận được giấy báo trúng tuyển Thủ Đức và hẹn ngày đi khám sức khoẻ.

Thôi, giã từ tình báo miền Bắc! Tôi sẽ đi theo đường binh nghiệp! Về lãnh vực này, tôi cũng có một số khả năng. Sau mấy ngày đi khám sức khoẻ ở bịnh viện Cộng Hòa, rồi đến ngày nhập trường. Hơn một tuần lễ với bao nhiêu sự việc, người mới, sinh hoạt mới của đời quân ngũ! Bỗng một hôm, tôi được gọi lên văn phòng chỉ huy.

Tôi vừa đi vừa băn khoăn không hiểu có chuyện gì. Khi tôi vừa bước chân vào cửa phòng, tôi giật mình ngạc nhiên: Ông Cẩn đang ngồi ở một chiếc ghế, đăm đăm nhìn tôi. Hôm nay, ông mặc quân phục, mang lon Đại úy. Chẳng biết ông Cẩn đã chuẩn bị trước với nơi đây như thế nào, ông dẫn tôi sang một phòng trống. Khi tôi vừa ngồi vào ghế, ông cau có, hỏi giật giọng:

- Sao Bình lại đi Thủ Đức? Không thể được!

Ông lặp đi, lặp lại hai, ba lần câu "Không thể được".

Tôi hơi ngượng ngùng trả lời:

- Vì chờ ông lâu quá! Hơn nữa, tôi nghĩ rằng, tôi vào Thủ Đức thì cũng là phục vụ dân tộc, Tổ Quốc vậy.

Tay ông khoáng lên lia lịa, ông nói một thôi một hồi:

- Không thể được! Không trẻ con như thế được! Thủ Đức thì hàng trăm người có thể vào, còn việc này, không phải ai cũng được. Bình có biết là từ 4 tháng nay, đã bao nhiêu người phải bận rộn về việc này không? Kế hoạch đã đặt xong, nhà cửa đã mướn, mọi việc chuẩn bị đã sẵn sàng. Trên Phủ Tổng Thống đã quyết định có lệnh lấy Bình về bằng bất cứ giá nào.

Tôi vô cùng bối rối, lúng túng chẳng biết trả lời thế nào cho xuôi, vì ngay trong thâm tâm tôi cũng ưa đời binh nghiệp. Cuối cùng, tôi mạnh bạo nói:

- Thôi, hay ông để theo quân đội cũng thế!

Ông ta mở mắt to nhìn tôi, vừa như ngạc nhiên về thái độ từ khước của tôi, vừa như bất mãn khó chịu. Cuối cùng, mắt ông dịu xuống, ông nói một cách cởi mở:

- Bình muốn có lon à! Được, nếu Bình muốn, về Sài Gòn sẽ có. Bình cũng sẽ là quân đội vậy.

Có lẽ lúc ấy ông sợ hỏng kế hoạch, sẽ bẽ mặt với cấp trên, nên ông xuống nước hết mình với tôi. Và, chẳng biết ông Cẩn có lệnh can thiệp như thế nào, ngay hôm đó, tôi đã phải theo ông về Sài Gòn. Tôi vội vàng từ giã mấy người bạn mới lý do "Bố sắp chết nên được phép về ngay".

Sau này với những năm tháng đau thương chất chồng, nhiều lúc tôi ngồi nghĩ lại, nếu lúc ấy tôi cương quyết ở lại Thủ Đức – "Lại chữ nếu quái ác" – có lẽ cuộc đời tôi sẽ thay đổi hoàn toàn trong tương lai. Sai một ly đi một dặm! Những giai đoạn đầu của cuộc đời, ở những chỗ rẽ, nếu chỉ cần xê dịch khác một chút, kết quả sau này sẽ khác nhau một trời một vực. Âu cũng là do nghiệp chướng của đời

Huấn Luyện Tình Báo ...

Ngay tối hôm đó, tôi về tới thành đô. Nhìn cảnh phố phường đầy mầu sắc, lòng tôi vẫn vời vợi, bâng khuâng với nhiều nẻo đi của cuộc đời. Hồn tôi đang chìm ngập trong nỗi ngơ ngác đầy vơi thì xe ngừng lại ở một góc đường Võ Tánh. Ông Cẩn móc túi lấy chùm chìa khóa trao tôi, thân mật dặn dò:

- Đây là chìa khóa đã ghi sẵn số phòng ở tầng ba, số 8 đường Nguyễn Văn Tráng.

Trước khi chia tay ông còn căn dặn thêm:

- Nhớ đừng về nhà, sáng mai tôi đến sẽ nói chuyện.

Sau một lúc lò dò tìm kiếm, tôi đã đến được căn phòng đó. Trong phòng đã có sẵn một chiếc radio transitor với một số sách báo ngoại ngữ, cũng như Việt ngữ.

Sáng hôm sau ông Cẩn đến. Nội dung những điều ông căn dặn hướng dẫn:

- Tôi sẽ đóng vai trò là một sinh viên Văn Khoa, gia đình tôi thuộc loại khá giả, từ Bắc di cư vào miền Trung. Tôi vào Sài Gòn trọ học. Đó là đối với tất cả người chung quanh, kể cả với người quản lý building.

- Còn riêng với gia đình, một tháng chỉ nên về một hoặc hai lần. Nói là: Khi lên tới trường Thủ Đức, họ khám sức khoẻ lại, thấy có bệnh yếu tim, nên không thể theo học quân sự được. Hiện nay, đã chuyển sang ngành công tác xã hội, phải đi học tập một thời gian.

- Ít đi ra phố, chỉ ra khi đi ăn cơm. Hàng ngày, sẽ có người đến huấn luyện. Chiều Thứ Bẩy và Chủ Nhật nghỉ.

- Trong thời gian huấn luyện, mỗi tháng tôi sẽ được lãnh 2500 đồng (lại cũng giống như số lương ở số 2 Jean Jacques Rousseau!).

Thời gian đầu, chính ông Cẩn, sáng cũng như chiều, mang tài liệu sách vở đến giảng dậy cho tôi.

Lúc đầu, ông đưa tài liệu ra giảng cho tôi về:

* Thế nào là một tổ chức bí mật. Lãnh đạo những tổ chức này, có khi do một cá nhân, một tập thể, hoặc một quốc gia.
* Xác định bạn và thù. Những người cùng chung một công tác là bạn. Ngoài ra, tất cả là thù; kể cả bố mẹ, vợ con, anh em, bè bạn và các cơ quan khác như cảnh sát, công an, an ninh quân đội. v.v... (theo ý nghĩa ngăn cách, bí mật).

Tôi rất ngạc nhiên về điểm này. Ông Cẩn giải thích, đại ý:

- Về lãnh vực tình báo trên thế giới, từ xa xưa cho tới bây giờ, biết bao sự việc lắt léo ly kỳ đã xảy ra. Trong hòa bình cũng như lúc chiến tranh, có khi hai quốc gia chống nhau, hoặc có khi hai khối quốc gia chống nhau. Bên nước này,

cũng như bên kia đều đầy dẫy những nhân viên tình báo của đối phương. Những nhân viên này, tùy theo điều kiện và nhiệm vụ, có thể ở mọi nơi, mọi lãnh vực, thậm chí đôi khi còn nằm ngay trong chính quyền trung ương của nước sở tại. Nhiệm vụ của họ có nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng có một cái chung là tìm tòi, nghe ngóng để biết trước được những âm mưu, ý đồ về tình báo của nước nọ đối với nước kia, ngõ hầu có những biện pháp thích ứng để ngăn chận, hoặc lợi dụng, có khi tiêu diệt. Vậy, điều quan trọng là người điệp viên cần phải biết những ai là nhân viên tình báo của đối phương, nhất là những nhân viên bí mật.

Thời đại ngày nay là thế giới tự do và Cộng Sản. Một thí dụ:

- Một người đang được bí mật đào tạo huấn luyện để nhận một nhiệm vụ bí mật vào đất địch, phá một công xưởng sản xuất vũ khí chẳng hạn.

Anh này có vợ, vì anh là tình báo nên đi về thất thường, nguyên tắc không được nói với vợ, nên anh này thường nói dối quanh. Người vợ càng nghi ngờ có lẽ chồng đã đi với cô này, cô nọ, cho nên đã làm cho anh ta nhiều lần khốn đốn. Anh này vì chưa đủ ý thức về bí mật, an ninh công tác nên có ý nghĩ:

- Tuy nguyên tắc là như thế, nhưng vợ của mình, đấu gối tay ấp trọn cuộc đời với nhau, chẳng lẽ lại hại nhau, chẳng lẽ vợ mình lại là Cộng Sản ư?

Và một đêm, anh đã thú thực với vợ, không quên căn dặn vợ là tuyệt đối không được nói với bất cứ ai. Người vợ lại có một người mẹ, thỉnh thoảng nàng hay sang nhà mẹ chơi. Bà mẹ thường bảo:

- Này, cái thằng chồng của mày độ này nó làm ăn cái gì mà tao thấy nó đi suốt ngày, có khi cả đêm nữa? Mày ngốc, mày không để ý theo dõi xem thế nào, biết đâu nó chẳng mèo chuột, v.v…

Người vợ tuy đã nghe chồng dặn kỹ, nhưng lại nghĩ:

- Mẹ đẻ ra mình chứ ai, chẳng lẽ mẹ lại hại vợ chồng mình? Mà mẹ mình là Cộng Sản hay sao?

Và, rồi một hôm nào đó nàng đã nói thực với mẹ, cũng không quên căn dặn mẹ: Đừng, chớ có nói chuyện này với một ai mẹ nhé!

Bà mẹ lại có một người bạn chí thân. Trong một lần nào đó, bà bạn hỏi thăm về thằng con rể của bà bạn mình. Bà mẹ không được học về nguyên tắc bí mật, nên muốn khoe với bà bạn thân:

- Ấy, chẳng hiểu nó làm cái gì bí mật lắm, ở mãi trên Phủ Tổng Thống cơ! v.v…

Bà bạn chí thân này lại có chồng, có con thân mật ruột thịt khác. Cứ như thế, đến lúc nào đó, tình báo của đối phương sẽ đánh hơi thấy (cái này nó thính lắm) truy nguyên ra được tông tích và hành tung của anh chàng không kín miệng. Nếu anh đó, dùng bất cứ hình thức nào để xâm nhập đất địch, nếu không hai năm mươi thì cũng vào trong ấp mà nằm.

Như vậy, nguyên nhân vì đâu mà anh ta bị như thế? Rõ ràng, xuất phát từ vấn đề người vợ, khiến anh ta đã thất bại.

Hơn nữa, người ta đánh giá một công tác, thường chỉ căn cứ vào thành công hay thất bại mà thôi. Còn nguyên nhân tại sao, lý do thế nào, xét sau. Bất kể nguyên nhân ra sao, do đối phương ngăn chận không thể thực hiện được công tác, hoặc tư tưởng của nhân viên muốn lẩn trốn không dám thi hành công tác, v.v… dù nguyên nhân khách quan

hay chủ quan thì cũng dẫn đến chung một kết quả là công tác đó bị thất bại, không thực hiện được.

Qua thí dụ trên, về một khía cạnh nào đó, người vợ cũng như là một kẻ thù, một đối phương vậy.

Từ những vấn đề trình bày ở trên, tôi nhớ lại trước đây khi xem những phim tình báo gián điệp của Thế Chiến I và II, những tiểu thuyết tình báo trong đó có Z 28 chẳng hạn. v.v… Tôi cho rằng những điệp viên quái kiệt đã được đào tạo ở những trường điệp báo khét tiếng như: Hắc Long, Intelligent Service, Gestapo, CIA hay KGB, v,v… đều bắn các loại súng như máy, cưỡi ngựa như gió, sử dụng máy bay, xe hơi một cách điêu luyện tinh vi. Tôi thật ấu trĩ! Từ những nguyên tắc bí mật và ngăn cách, chẳng có một trường nào công khai đào tạo điệp viên cả. Nếu có một trường như vậy, chẳng khác gì những điệp viên ấy đã tự trình bầy với đối phương, thưa các ông: "Chúng tôi đang ở trong bụi rậm này!". Cho nên thực tế, có nhiều vấn đề chẳng giống như tiểu thuyết và phim ảnh.

Trở lại Ngọc Cẩn. Sau đó, tôi tiếp tục được giảng dạy nghiên cứu và mổ xẻ các loại nhân viên: Nhân viên giữ nhà an toàn, nhân viên trung gian, nhân viên đi hoạt động bí mật, nhân viên liên lạc, nhân viên công khai và bán công khai, nhân viên nhị trùng hay hai mang, v.v…

Trong khoảng bốn tháng, ông Cẩn đến với tôi hàng ngày như vậy. Tôi nhớ một hôm, vào cuối tháng 4 – 1960, ông Cẩn vào phòng tôi với một người nữa. Ông này cao, lớn con, đầy phong độ. Ông Cẩn quay lại tôi, rồi nhìn về phía người cao lớn vừa như dặn dò bàn giao, vừa như giới thiệu:

- Tôi bận một số công tác đặc biệt khác, nên đây là ông Phan, Ông cũng như tôi, người của Cục, ông sẽ thay tôi phụ trách Bình. Tôi bắt tay và nhìn ông Phan. Ngay từ buổi đầu, chỉ vài câu chuyện trao đổi, tôi đã thấy ông dễ mến vì thái độ cởi mở. Qua tiếng nói, tôi hiểu ông là người miền Nam.

Sau đó, ông Cẩn thân mật bắt tay từ giã chúng tôi.

Còn lại một mình ông Phan và tôi. Qua ánh mắt và nét mặt, ông nhìn tôi như muốn trao cho tôi nhiều thiện cảm. Đúng như tôi nhận xét về ông từ lúc đầu, ông Phan thật xuề xòa và tỏ ra là một người rất phóng khoáng. Nghe ông nói chuyện, tôi có cảm tưởng như đã quen ông thân mật từ lâu rồi.

Ông Phan đến tủ sách của tôi, lật xem vài quyển, rồi quay lại nói:

- Từ nay, tôi sẽ tiếp tục đào tạo và huấn luyện Bình.

Rồi ông quay hẳn lại, đến bàn ngồi trước mặt tôi, giọng đầy gần gũi, thân mật:

- Bình có biết không? Trong Cục tôi nghe nói, Bình là một nhân viên mới có nhiều khả năng, tôi đã tìm mọi cách để xem hồ sơ của Bình, mặc dù theo nguyên tắc ngăn cách thì thật khó. Tôi thấy rằng, nếu trao cho Bình một công tác khác thì hơn. Bình làm công tác này hơi…phí.

(Phải nói, lúc đó tôi không hiểu câu nói này của Phan, mãi về sau, khi ra miền Bắc rồi tôi mới hiểu) Phan nói tiếp:

- Vì thế, trong những ngày tới, tôi sẽ bàn với Bình sau. Bây giờ, Bình hãy tiếp tục học hành, nghiên cứu. Nhưng, ở đây lâu không tiện. Vậy ngày mai, tôi sẽ đem xe đến chuyển Bình về Kỳ Đồng.

Về building Kỳ Đồng, tôi tiếp tục học các môn:

- Các loại chữ bí mật.

- Cách viết thư bí mật.
- Mật mã.
- An ninh cá nhân và công tác.
- Hộp thư sống, chết.
- Hội kiến.
- Vỏ học.
- Tuyên truyền, phản tuyên truyền.
- Cách lấy tin tức, moi tin.
- Ngăn cách.
- Đánh giá nguồn tin.

Mỗi môn đều phải nghiên cứu, mổ xẻ từng chi tiết lắt léo nhất, đồng thời thực tập nhiều lần. Phan cũng thử thách tôi liên tục, lợi dụng mọi hoàn cảnh, điều kiện để biết rõ về khả năng cũng như khuyết điểm của tôi.

Càng ngày, Phan càng có thiện cảm với tôi hơn, thường gọi "toa" xưng "moa". Có những buổi sau giờ học, Phan và tôi bên nhau chuyện trò tâm tình. Từ đấy, tôi biết được ít nhiều về Phan. Phan đã có 15 năm nghiệp vụ tình báo. Trước đây, Phan đã ở Phòng Nhì của Pháp nhiều năm. Theo Phan nói, 1952, Phan đã bị Cộng Sản ám sát ở Cần Thơ. Tên Cộng Sản đặc công bắn Phan từ khoảng cách 25 mét nhưng rất chính xác. Y đã ghim viên đạn vào ngực phía trái, chỗ trái tim của Phan. Phan có vạch ngực cho tôi xem vết sẹo. Phan may mắn thoát chết là do hộp thuốc lá bằng kim loại đắt tiền ở túi áo ngực. Dù vậy, viên đạn cũng găm vào ngực Phan, tuy không vào sâu. Tất nhiên, tên Cộng Sản đó bị bắt. Rồi, tính quân tử và lòng hào hiệp của Phan đã lôi cuốn được trái tim của tên Cộng Sản ấy. Chính Phan đã bảo đảm và lãnh tên đó từ trong tù ra. Cho tới khi Phan đến huấn luyện cho tôi, tên đó vẫn là tay chân đắc lực của Phan.

Theo nguyên tắc, Phan không được kể những chuyện như vậy với tôi, nhất là về đời tư của mình. Nhưng, vì Phan là người cởi mở, và là người Nam, nên nói chung đã không quá kín đáo như người Trung hay Bắc.

Một buổi vào đầu tháng 10 – 1960, Phan đến nói với tôi:

- Hiện nay trong vùng bưng biền, tụi Cộng Sản đang chuẩn bị thành lập một "mặt trận", rồi có thể sẽ tiến tới thành lập một chính phủ lâm thời. Do đấy, tôi muốn chuẩn bị cho Bình đóng vai là một sinh viên bất mãn với chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm. Một mặt Bình sẽ tiếp tục đi học ở trong trường, lớp, Bình sẽ tổ chức ra một số vụ chống đối, để dẫn bắt mối với một sớ phần tử thực của Cộng Sản ở trong sinh viên và học sinh. Mặt khác, chính quyền sẽ tạo nên một cú bao vây, rượt bắt. Bình sẽ nhân thế đó, chạy vào bưng, v.v…

Sau khi nói xong, Phan hỏi ý kiến tôi.

Tôi hiểu, nói chung, vào "vùng giải phóng" thì ít nguy hiểm hơn ra ngoài Bắc. Nhưng đối với tôi, vấn đề nguy hiểm nhiều hay ít không phải là điều đầu tiên tôi quan tâm. Điều tôi nghĩ đến trước hết là công tác ấy có hào hứng và kỳ thú hay không. Vì thế, tôi chậm rãi trả lời:

- Tùy sự quyết định ở trên.

Có thể Phan thấy sự trả lời của tôi không dứt khoát, hoặc có những tính toán thay đổi trong Cục, hay tình hình diễn biến có khác; những ngày sau đó, không thấy Phan nhắc nhở gì về vấn đề vào bưng nữa.

Hàng ngày, Phan vẫn đến tiếp tục giảng dậy cho tôi. Một thời gian sau, tôi lại được chuyển về building ông Thọ.

Một mặt, tôi vẫn theo học, mặt khác, tôi xem lại bài vở nộp đơn thi Tú Tài I. Chính Phan cũng khuyến khích tôi.

Một hôm, Phan dẫn đến hai người Mỹ, giới thiệu tên là Brown và Dale, để huấn luyện thêm một số môn khác. Cả hai đều mặc thường phục, ông Brown đeo kính trắng. Tuy mỗi người dạy những môn khác nhau, nhưng hai người hay thường xuyên đi cùng.

Thế là từ đấy ba người, Phan Brown và Dale liên tục giảng dạy cho tôi về các môn:

- Phương pháp tổ chức.
- Điện đài.
- Theo dõi và chống theo dõi.
- Phương pháp tuyển mộ.
- Huấn luyện, đào tạo nhân viên.
- Vũ khí, mìn.
- Tự mưu sinh (núi, rừng, biển).
- Phân tách tâm lý, khả năng từng dạng người trong xã hội.
- Phương pháp hình thành một mạng lưới hoạt động bí mật.

Thời gian này thực vất vả. Lý thuyết rồi thực hành. Tiếng Anh của tôi viết hay đọc thì còn được chút ít, nghe và nói thì thật là cập quạng, nên Phan thường xuyên phải thông dịch vì có rất nhiều từ chuyên môn.

Một điều thật phấn chấn cho tôi, kỳ thi Tú Tài phần I năm đó tôi lại đậu. Vì thế, Phan và hai người Mỹ dự tính một công tác dài hạn rất chi tiết để tôi vào miền Bắc hoạt động. Nội dung, kế hoạch tổng quát:

Cộng Sản miền Bắc thường ve vãn, mồi chài, lôi kéo những sinh viên du học tốt nghiệp ở ngoại quốc về miền Bắc xã hội chủ nghĩa để xây dựng (!) đất nước, tổ quốc, v.v…

Do đấy, tôi sẽ nhận một học bổng đi du học Hồng Kông, hay Tân Gia Ba về Điện hay Hóa theo năng khiếu của tôi. Khi tốt nghiệp rồi, Cộng Sản sẽ tìm đến. Lúc ấy, tùy theo hoàn cảnh thích ứng mà theo họ về miền Bắc; rồi từ đấy, sẽ bí mật hoạt động cho Sài Gòn.

Tôi thấy công tác này quá lâu dài, có khi hàng chục năm, cho nên tôi không tỏ ý thích lắm, tôi cũng nói thẳng ý nghĩ đó với Phan. Thực ra, lúc đó tôi không biết, hoặc cũng chẳng chú ý đến việc lợi dụng cơ hội để đi du học trước đã, để dù có thế nào thì cũng có một mảnh bằng. Phan thấy thái độ ơ hờ của tôi như vậy nên lại thôi

Công Tác "Columbus" …

Thời gian trôi qua, thấm thoát đã lại tới tháng Tám, cái tháng của Sài Gòn nắng thật nhiều. Tôi lại được chuyển về số 62 đường Trần Hưng Đạo.

Đây là một phòng rất rộng, có hai buồng, với đầy đủ tiện nghi của một khu có nhiều người ngoại quốc ở. Như vậy mới tạo vẻ bình thường, khi có những người Mỹ thường xuyên ra vào phòng của tôi.

Thời gian này, vừa tiếp tục đào tạo huấn luyện tôi, vừa chuẩn bị kế hoạch công tác tung ra Hà Nội.

Công tác trực tiếp ra Hà Nội:

Bí danh công tác: COLUMBUS

Bí danh từ khi tôi vào ngành: X20.
Thời hạn: 25 ngày (công tác ngắn hạn).
Nội dung:

Chính:

1. Tài liệu X cho Z5 (Hoàng Đình Thọ).
2. Tài liệu M cho … (theo quy ước).
3. Mang 3 tâm thư bằng máu của Linh Mục Hoàng Quỳnh cho các linh mục A, B, C.
4. Tuyển mộ huấn luyện.

Phụ:

Theo dõi với khả năng và điều kiện tối đa những hiện tượng:

6 Cầu Gỗ, 1 Đường Thành, 27 Hàng Đường.
MIG 15, 19 – Về chính trị, văn hóa, kinh tế, quân sự.
Tư tưởng chung của quần chúng, cán bộ, bộ đội v.v…

Vỏ bọc:

Học sinh lớp 10 Phổ Thông Vĩnh Linh, đau tim ra Hà Nội chữa bệnh.
Buôn lậu.
Mang thư của Sư Bà Đàm Hướng chùa Phước Hải về sư Tuệ Chiếu với Thẩm Hoàng Tín.
Theo dõi Sư Đoàn 308, phòng thủ Thủ Đô Hà Nội do Thiếu Tướng Vương Thừa Vũ làm sư trưởng.

Giai đoạn chuẩn bị:

- Một kế hoạch nghiên cứu tỉ mỉ thấu đáo, phòng hờ mọi tình huống, suốt hơn một năm trường cho tới tháng 4/1962.
- Hết thực tập lại nghiên cứu. Brown, Dale, Phan và tôi thường xuyên làm việc, theo phương châm: Càng học tập, nghiên cứu kỹ lưỡng trong "giai đoạn chuẩn bị" thì đường vào đất địch càng rộng, càng bằng phẳng.

Chi tiết toàn bộ công tác:

Bí danh X20 (ngay khi là nhân viên chính thức của Cục họ đã đặt bì danh cho tôi là X20, và bây giờ, trong công tác COLUMBUS, vẫn duy trì bí danh đó).

Nhiệm vụ chính:

1- Tài liệu X cho Z5 Hoàng Đình Thọ.

Vì là đích danh, nên tôi đã được cầm tấm hình bán thân (4×6) của ông Thọ một tuần lễ, thỉnh thoảng lấy ra xem cho quen mặt và ghi dần vào tiềm thức của tôi.

Theo tin tức của Cục cho: Lúc đó, Hoàng Đình Thọ là bác sĩ Nội Khoa bệnh viện Phủ Doãn cũ (bây giờ đổi lại là Việt Đức).

Khi về tới Hà Nội, có giấy giới thiệu để khám bệnh tim. Tìm thời cơ thuận tiện để trao "tài liệu X" cho Thọ.

Mật khẩu: "Nhờ bác sĩ chữa bệnh tim nhịp đập một trăm hai mươi". Đúng 12 chữ.

Trả lời: "Tôi chỉ chữa tim nhịp đập một trăm ba mươi". Đúng 10 chữ.

Tài liệu X: Bọc ny lông đen, dầy 2 ly, dài 4 phân rưỡi, rộng 2 phân. Kín, không thấm nước. Tôi không được phép biết gì về tài liệu này.

Nếu Hoàng Đình Thọ không còn làm ở bệnh viện Việt Đức. Hủy tài liệu ngay.

2- Tài liệu M theo quy ước.

Giờ và ngày quy định:

Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng (2 tiếng).
Ngày 16 và 18 (phòng hờ nếu trục trặc ngày16 thì ngày18).

Địa điểm: Trên cầu Thê Húc (cầu bằng gỗ) của đền Ngọc Sơn, hồ Hoàn Kiếm.

Tôi quần xanh, áo trắng xắn tay, đi dép Thái Lan, đội mũ xanh công nhân. Tay cầm tờ báo Quân Đội Nhân Dân.

Đối tượng: (Bất cứ ai) mặc quần ka-ki xám, áo nâu, dép Bình Trị Thiên (dép râu). Tay cầm 3 quyển vở học trò.

- Khi tôi nhìn thấy bất cứ ai vào giờ ấy, ngày ấy, trên cầu Thê Húc. Chờ người ấy nhìn thấy, tôi đang cầm tờ báo gấp đôi, bây giờ tôi gấp thành tám.

- Người ấy trả lời bằng cách: Chuyển 3 quyển vở từ tay này sang tay kia. (Luôn luôn ở cách xa ít nhất 10 mét). Sau đó, tôi cứ đi, chính tôi phải chủ động tìm một địa điểm thuận tiện như công viên chẳng hạn. Tìm ghế đá, hoặc chỗ ngồi nào đó để đối tượng, từ xa 50 mét trở lên, có thể dễ dàng quan sát được tôi.

Tôi sẽ ngồi bình thường ở một cái ghế xi măng nào đó. Mở báo xem, che trên hai đùi, rồi (tùy cơ ứng biến) chờ đối tượng nhìn thấy. Gãi khuỷu tay, tuy gãi nhưng một ngón tay chỉ thẳng vào chỗ bỏ tài liệu. "Gãi" là dấu hiệu đã bỏ tài liệu, bây giờ là chỉ chỗ.

Khi thấy đối tượng "gãi đầu", tức là đối tượng đã nhìn thấy. Chừng 5, 10 phút sau, với một thái độ bình thường, tự nhiên đứng dậy đi (nếu có đuôi, dẫn đuôi đi). Nhưng phải kín đáo, dùng phương pháp nghiệp vụ quan sát, kiểm tra khi đối tượng lại lấy tài liệu. Chỗ để tài liệu tùy theo cái kẹt hay cái góc nào mà người ta vô tình không thể nhìn thấy nhưng phải tạo thuận tiện cho người ấy.

Tài liệu M:

Bọc ny lông nâu, dầy 3 ly, dài 4 phân, rộng 3 phân; kín, không thấm nước. Cũng như tài liệu X, tôi không được phép biết gì về tài liệu này.

Về mục tài liệu M này, tôi phải nhắc đi nhắc lại. Học thuộc lòng những mật khẩu, và những quy ước phải thực tập nhiều lần. Bây giờ đã 23 năm rồi, tôi vẫn còn nhớ.

Tôi nhớ thời gian này, những lúc tâm sự hoặc đi chơi với Phan (theo đúng nguyên tắc, tôi không bao giờ được đi với Phan ngoài phố, vì Phan đã bị lộ, là một cán bộ của cơ quan tình báo miền Nam, tôi mà đi với Phan thì cũng gần như bị lộ). Lúc đó, tôi là một thanh niên mới vào nghề, làm sao tôi có ý thức quán thấu mọi mặt, vậy lỗi này do Phan). Phan nói, trong cơ quan hiện nay, đang hình thành hai phe:

a) Gồm Cục Trưởng và đa số: Quan niệm tình báo theo lối cổ, bào thủ, rập theo nguyên tắc cứng ngắc. Thí dụ: Sai một người đi chợ mua một ký táo chẳng hạn. Phải dặn: Lấy xe đạp đi, lúc đi phải đi sát lề phía phải đường đi, phải đi từ từ, chú ý xe cộ ở ngã ba, ngã tư, khi quẹo, nhớ phải giơ tay làm hiệu. Khi đến chợ, khóa xe thế nào, gửi ở đâu, vào chợ thì mua loại táo nào, mặc cả ra sao, cách thức chọn táo; cũng như trên đường về v.v…

b) Gồm Cục Phó và một số ít người, trong đó có Phan là người điển hình. Quan niệm, tình báo phải sống động linh hoạt, khích lệ cho nhân viên có óc sáng tạo, bén nhậy trong mọi tình huống. Cũng là sai một người ra chợ mua một ký táo, chỉ cần dặn: Nhớ mua, mặc cả táo ngon, đi đường phải cẩn thận. Nhưng, với khả năng khôn khéo sẵn có của anh, tôi tin rằng anh sẽ mua được táo ngon và rẻ.

Theo tôi nghe và nhận định: Tuy tôi chẳng phải là loại người ba phải, tôi thấy cả hai quan niệm trên đều có cái ưu và khuyết. Vậy cần trộn lẫn, rồi nhặt những cái ưu ra dùng, không cần biết của phe nào cả. Đó cũng chỉ là ý nghĩ của tôi, chứ không dám phát biểu với Phan. Tôi chỉ hỏi: Vậy hiện nay, kết quả phe nào có ưu thế? Phan nói: Thực tế bây giờ đánh giá bằng những kết quả của công tác; theo lối cổ điển thì thành công nhiều hay ngược lại, từ đấy phe này sẽ phải theo phe kia.

Do quan niệm trên, Phan nhiều lần giảng dậy cho tôi rất phiến diện, hời hợt. Vì thế, nhiều vấn đề tôi cần sáng tỏ, rõ ràng thì lại phải yêu cầu.

Chẳng bù với Ngọc Cẩn, hoặc sau này là Hoàng Công An, lại quá ư chi tiết, nhàm chán, đôi khi thành lẩn thẩn. Riêng Brown và Dale, thì tôi hiểu là của CIA, tuy tôi chưa hiểu lắm, vì trình độ Anh văn của tôi. Nhưng qua một số hiện tượng, phong cách, thái độ của họ, tôi thừa nhận họ có nhiều cái đúng. Nghĩa là, cái nào họ cần chi tiết, thì rất tỉ mỉ từng ngóc ngách một, đoạn nào không cần thiết thì họ cũng phiến diện, khái quát.

Trong thời gian học tập và chuẩn bị công tác này, tôi được cung cấp một radio transitor với cả ống nghe. Tôi được toàn quyền nghe đài miền Bắc, và có rất nhiều sách báo của miền Bắc gồm đủ loại: Tuần báo, nguyệt san, nhật báo, sách vở v.v… Mục đích là để tôi quen sự sinh hoạt, cũng như ngôn từ của Cộng Sản miền Bắc.

Vào khoảng tháng 9/1961, một hôm Phan dẫn một người đeo kính trắng đến giới thiệu là ông Hoàng Công An. Vì Phan có một số công tác đặc biệt không ở Sài Gòn, nên ông An sẽ thay Phan phụ trách tôi. Ông An là người miền Trung.

Qua sự huấn luyện và học tập, và kinh nghiệm từ số 2 Jean Jacques Rousseau, tôi đã hiểu đầy đủ về sự tò mò tìm hiểu những điều mình không cần biết, một nguyên tắc ngay trong cuộc sống, thường thường đã là không tốt rồi và bất lợi rồi. Vì vậy, ngay những người đến giảng dạy huấn luyện cho tôi gần 2 năm trời, tôi chẳng, hoặc không cần biết tên thật của họ, chức vụ của họ. Họ ở đâu đến, xong họ đi đâu, tôi không biết.

3) Mang 3 tâm thư của Linh Mục Hoàng Quỳnh.

Đây là một vấn đề phức tạp và nghiêm trọng. Nó có liên quan ảnh hưởng đến toàn bộ Thiên Chúa Giáo miền Bắc. Có lẽ vì vậy mà Cục đưa Hoàng Công An, một tu sĩ gần thành linh mục, đến phụ trách tôi.

Nội dung: Tôi sẽ mang tâm thư của cha Hoàng Quỳnh cho:

- Linh Mục A ở nhà thờ X (Hà Nội).

- Linh Mục B ở nhà thờ Y (Hà Nội).

- Linh Mục C cũng ở nhà thờ Y (Hà Nội).

Tôi đã được xem 3 bản giấy đánh máy, nói rõ về thân thế đặc tính của từng linh mục trên, kèm theo 3 tấm hình bán thân (4×6).

a) Linh Mục A.

Đã có bằng tiến sĩ ở Pháp. Tháo vát, cương quyết, tinh thần chống Cộng Sản rất cao. Có nhiều thành tích và uy tín với giáo dân. Lời hẹn ước xưa với cha Quỳnh. Do tình trạng thiếu linh mục nên Linh Mục A còn phải phụ trách thêm Phúc Xá Thượng và Phúc Xá Hạ nữa.

Yêu cầu của cấp trên nói rõ:

Sau khi Cha A xem xong thư của Cha Quỳnh, đồng ý tự nguyện hoạt động cho thế giới tự do, điều đó là thành công nhất. Khi đó, tôi sẽ nằm luôn tại nhà xứ trong một nơi an toàn, theo sự sắp xếp của Cha A. Hàng ngày, chính tôi sẽ huấn luyện cho người những nét chính yếu, cơ bản về hoạt đống tình báo. Trong vòng 10 ngày, phải xác minh được tinh thần, năng khiếu, hoàn cảnh, điều kiện của người. Giao mật khẩu và mật vật là nửa đồng bạc 1 đồng miền Bắc xé đôi: một nửa giao cho người, một nửa tôi sẽ mang về miền Nam. Sau này, bất cứ thời gian nào đó, hoặc nơi chốn nào, có một người nào đó, đến gặp Cha, nói đúng mật khẩu và đưa mật vật, người đó chính là đại diện của Sài Gòn, và sẽ cung cấp những nhu cầu cần thiết cũng như nhiệm vụ cho Cha.

Nếu vì một lý do nào đó, Cha vẫn có tinh thần chống Cộng Sản, nhưng lại không đồng ý hoạt động trực tiếp cho Sài Gòn, yêu cầu Cha giới thiệu người tin cẩn, thân tín nhất, có khả năng và tinh thần. Lúc đó, tôi sẽ trực tiếp gặp riêng, rồi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện của người đó, sẽ quyết định nơi huấn luyện. Nếu không có điều kiện thuận lợi, yêu cầu Cha giúp đỡ rồi cũng bí mật nằm im 10 ngày để huấn luyện.

Tuyển mộ nhân viên: Không phân biệt tuổi tác, thành phần, nữ hay nam, nếu là người của chính quyền địch thì càng tốt. Tìm hiểu kỹ thân thế, quan hệ họ hàng, hoàn cảnh, điều kiện sống của người nhân viên mới đó. Cân nhắc xác đáng, phù hợp để cho họ hai địa chỉ ở Pháp và Campuchia để liên lạc.

Địa chỉ ở Pháp: Paul Lạng, 14 rue du Four, Paris 6è, France. Cung cấp cho nhân viên đó rõ thực tế: Paul Lạng, 42 tuổi. Pháp lai có vợ là Marie Nguyễn cũng là Pháp lai. Trước năm 1954 ở Sài gòn. Đầu năm 1954 cùng vợ và 5 con gái về Pháp trên chuyến tàu Espérance. Hiện y đang làm chủ một hiệu giặt ủi máy lớn ở cùng địa chỉ.

Địa chỉ ở Kamphuchea (tên và địa chỉ đánh máy thiếu)… Phnom Penh, 28 tuổi là nhân viên làm trong maternité. Vợ là người miền Nam, quốc tịch Kampuchea, có đứa con trai 4 tuổi.

Lý do phải tương đối hợp lý về quan hệ họ hàng cũng như quan hệ xã hội để nhân viên mới đó giao thiệp thư từ với 2 địa chỉ nói trên: có thể là anh em chú bác bạn bè v.v…. thỉnh thoảng vẫn thư từ thăm hỏi sức khoẻ của nhau từ trước. Có thư từ giao thiệp một thời gian sau đó lẫn vào những lá thư sẽ có những câu hỏi an ninh thí dụ như:

1) Anh dạo này có khoẻ không? – Trả lời vẫn khoẻ, là bị theo dõi. Trả lời ốm bịnh là vẫn bình thường, không ai theo dõi cả.

2) Anh có ước mong có tiền để mua một chiếc xe đạp mới không? – Trả lời không thích tự do.

3) Anh có thích nhạc Phạm Duy không? – Không thích là bị theo dõi. Thích nghe là tự do.

4) Anh thích ăn thịt gà không? – Trả lời thích là bị theo dõi. Không thích là tự do.

5) Người dân dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, sống có thoải mái không? Thoải mái là bị theo dõi. Không thoải mái là tự do.

Ngoài ra, còn hai quy định nữa trong những thư viết cho hai địa chỉ trên để báo cho Sài Gòn biết là mình đang bị công an cưỡng bức ngồi viết thư:

1) Đầu lá thư viết ngày tháng, nếu không để chữ "Ngày" là bị theo dõi. Thí dụ: 20-10-1963: Bị theo dõi. Ngày 20-10-1963: Không bị theo dõi.

2) Tuy có viết ngày hay không, mà dưới niên hiệu năm không có "dấu chấm" là bị theo dõi. Có "dấu chấm" là tự do. Thí dụ: 20-10-1963: Bị theo dõi; 20-10-1963.: Tự do.

Bắt nhân viên đó học thuộc lòng. Cần nhớ nguyên tắc 5 câu hỏi trên là: Hợp lý: Bị theo dõi. Không hợp lý: Tự do.

Bởi vì, nếu không có ai để ý theo dõi, hoặc ngồi trong phòng: Công an dí súng bắt viết báo cho Sài Gòn, thì viết ngược cũng không thành vấn đề.

Quy ước có hàng nghìn kiểu, chỉ có trời biết, nhưng với điều kiện phải nhớ, không được lẫn lộn.

b) Linh Mục B.

Là một người rất trầm tĩnh, ít nói. Làm việc hết khả năng, dù gặp trở ngại cũng tìm mọi cách để hoàn thành công việc. Có óc tổ chức. Còn nặng về tôn giáo hơn xã hội. Theo Cục cho biết cha B vẫn ở trong nhà thờ Y.

c) Linh Mục C.

Cũng ở nhà thờ Y, Hà Nội. Cha năm nay đã già. Tuy vậy, tinh thần của ông rất cao. Ông rất có uy tín với giáo dân Hà Nội, cũng như hàng giáo phẩm Việt Nam.

Theo ý của Cục:

- Cần nhất là Linh Mục A. Nếu vì lý do nào đó mà người không còn ở nhà thờ X; hoặclý do nào khác mà người từ chối thì hãy tới Linh Mục B.

Nếu vì lý do nào đó mà không thể được Linh Mục B, thì mới tới Linh Mục C.

Theo Hoàng Công An cho biết. Ba linh mục trên, không những cùng hàng giáo phẩm thờ Chúa, chăn chiên như Linh Mục Hoàng Quỳnh, mà còn là những người thân, những đồng chí đã có nhiều hẹn ước khi cha Hoàng Quỳnh từ giã theo đàn chiên di cư vào Nam. Tuy vậy, đã 8 năm rồi, dưới chế độ Cộng Sản tàn bạo, chẳng hiểu tinh thần của các người bây giờ thế nào. Hơn nữa, sức khoẻ cũng là một vấn để đối với ba linh mục kể trên.

Riêng tôi, tôi đã suy nghĩ nhiều: Tôi thấy và hiểu rằng công tác này quá nặng nề và nghiêm trọng, đòi hỏi phải một người có khả năng 10 mà tôi chỉ có 2, nghĩa là không có trâu thì phải bắt nghé đi cầy. Vì thế, tôi đã mạnh dạn nói ý này với An.

An nói:

- Trên Cục đã nghiên cứu về vấn, đề này rất kỹ, nhất là về tôn giáo. Không phải ai cũng giao được công tác này, bởi vì, nếu thất bại, Cộng Sản sẽ lấy đó để hạ uy tín của Công Giáo và tăng cường kìm kẹp giáo dân cũng như các hàng giáo phẩm hơn nữa. Không những thế, công tác còn đòi hỏi rất nhiều mặt, nhất là địa bàn hoạt động lại là thủ đô của Cộng Sản. Bình yên tâm, Cục đã cân nhắc, tìm tòi nhiều, cuối cùng mới quyết định Bình đấy chứ.

Dù An nói sao, tôi vẫn tự nghĩ thầm. Những người đầy đủ khả năng thì không ai dám đi, vì đầy nguy hiểm, chết chóc trước mắt. Vì thế, trong số những người liều bất tử, dù không đủ yêu cầu thì cũng đành chọn vậy.

Tuy trong lòng tôi đầy vơi nghĩ suy như vậy. Nhưng nhìn lại, thế của tôi đã ngồi lên lưng cọp rồi. Quan điểm của tôi là đã trót ngồi lên lưng ông Ba Mươi, phải thúc gót thêm cho ông phóng mạnh, rồi muốn ra sao thì ra.

Một hôm, Hoàng Công An đến nói với tôi: Theo ý cha Hoàng Quỳnh, trước khi người viết thư, người yêu cầu được gặp chính người lãnh sứ mạng đặc biệt đó ra Hà Nội. Cục đã chấp nhận. Vậy, sáng mai, 9 giờ tôi đến, chúng ta cùng đi.

Tôi hỏi đi đâu, có xa không?

An nói:

- Ở xứ Bình An, bên Bình Xuyên.

Tôi nhớ lại ngày xưa, ngày tôi còn là cậu bé, cha Hoàng Quỳnh là trưởng đoàn võ: Đinh Bộ Lĩnh mà tôi là một võ sinh tí hon theo đoàn đi các nơi biểu diễn những bài song kiếm hoặc Mai Hoa Quyền trêm một võ đài. Chắc giờ đây tôi có nói ra thì cha mới nhớ được, vì tôi lúc này đã lớn rồi. Bởi thế, tôi đã định, nếu khi gặp, cha không nhận ra thì tôi cũng không nhắc lại.

Hôm sau An đến, chúng tôi cùng đi xe tới xứ Bình An. Tôi và An ngồi chờ cha ở phòng khách. Một lát sau, cha ra. Ôi, mới hơn 10 năm trời mà khi tôi nhìn thấy người, tôi rất ngỡ ngàng. Da mặt người đã nhăn nheo, tóc người đã điểm sương. Chỉ còn dáng dấp quen thuộc, nhanh nhẹn của người thì vẫn như ngày nào.

Hơn một giờ chuyện trò, Cha thường nhìn tôi, nói: "Dũng cảm nhỉ!". Lúc tiễn An và tôi ra cổng, cha nói:

- Cha rất cảm phục con. Trước ngày con đi, cha muốn ăn cơm với con một bữa, để thỏa lòng cha, gọi là trách nhiệm của một người tiễn đưa một tráng sĩ mang tinh thần oanh liệt của Phạm Hồng Thái, con có đồng ý không?

Tôi không dám trả lời và nhìn sang An. An nói:

- Con xin lĩnh ý cha. Con về xin ý kiến, rồi sẽ gọi điện thoại đến cha ngay.

Trên đường về, An nói:

- Chưa chắc cấp trên đã đồng ý, vì Bình còn nhiều việc lắm.

Tôi biết uy tín của cha Quỳnh không phải là nhỏ. Người đã làm cho Hồ Chí Minh bẽ mặt một lần, khi người còn là phó chủ tịch Mặt Trận "Liên Tôn Diệt Cộng" hiển hách năm nào ở ngoài Bắc, mà sư Tuệ Chiếu là chủ tịch; cái thời cáo Hồ còn bịp bợm ve vãn, mua chuộc, quỳ gối trước Đức Cha Lê Hữu Từ xin chịu rửa tội nhập đạo.

4. Tuyển mộ huấn luyện:

Nếu do lòng nhiệt tình và ý thức dân tộc nên các cha đồng ý, tối sẽ huấn luyện. Nếu không, xin các cha giới thiệu những người tin cẩn và thân tín, lúc đó, chính tôi sẽ tuyển mộ và huấn luyện họ. Đối với tôi, điều này không khó khăn gì lắm. Ban đầu, chỉ cần nói những nét cơ bản về nghiệp vụ. Điều khó khăn là tìm biết được khả năng và bản tính của mỗi người, phát hiện ngay được cái ưu, cái khuyết của họ.

Tuy tôi cũng đã được học tập gần 2 năm, Dale, Brown và An vẫn nhấn mạnh:

- Bản tính con người ta vô cùng phức tạp, có rất nhiều vấn đề khác biệt. Nhưng nói chung, con người gồm ba loại:

a) Loại bộp chộp, ruột để ngoài da. Vui, buồn hay có vấn đề gì, chung quanh ai cũng biết. Loại người này ta ít phải quan tâm.

b) Loại thâm trầm, ít nói. Họ ghét hay họ yêu mình, họ đồng ý hay không đồng ý việc mình làm, thái độ của họ không thay đổi. Loại người này, khi sống gần, ta phải luôn luôn cảnh giác, giữ ý và coi chừng. Nếu họ bắt đầu có hành động hay thái độ gì không bình thường, ta đã chuẩn bị đối phó. Nhưng họ không nguy hiểm bằng loại thứ ba.

c) Loại người này, họ vẫn cười nói với mình, đôi khi lại tỏ ra thắm thiết thân mật hơn, ta có khó khăn gì họ sẵn sàng giúp đỡ, chia xẻ. Khi họ chiếm được lòng tin của ta, bất ngờ cho một mũi dao vào tim ta. Loại này thường làm mất cảm giác của ta. Gây cho ta sự chủ quan rồi hại ta v.v…

Tóm lại: Để có thể phân loại được bản tính của đối tượng, ta phải có sự nhận xét tinh tế và bén nhậy. Dù đối tượng nói gì, nấp dưới bất cứ hình thức nào, ta vẫn phải nhìn rõ bản chất, nghĩa là con người thực của họ. v.v… Người đi tuyển mộ phải biết.

Bản tính con người khó thay đổi. Vì vậy, trong giai đoạn thử thách, tùy theo hoàn cảnh, điều kiện cho phép có thể ngắn dài, nếu thấy người mình định tuyển mộ có những khuyết điểm về cơ bản thuộc bản chất, ta phải loại bỏ ngay. Khác với các lãnh vực khác còn có thể sửa chữa được, bản chất thì không.

Một người có tính huênh hoang, có thể đã bị đời đập cho méo mặt vì cái tính huyên hoang, khoác lác này, cũng chỉ chừa được ít ngày, rồi sau đó, đâu lại hoàn đấy.

Một người có tính tự ái cao, thì suốt đời cũng không thể bỏ được tính đó. Chính vì tính tự ái này, họ đã bỏ lỡ nhiều cơ hội thăng tiến, lỡ lầm nhiều chuyện tình cảm, để phải ân hận lâu dài.

Ông bà ta đã chẳng từng nói: "Cái nết đánh chết không chừa". Phương tây cũng có những câu chuyện về "Ông vua và chiếc tai Lừa", hoặc "Con mèo và ông quan đại thần"… Ông cha đã dậy con cháu là chúng ta: Giang sơn dễ đổi, bản tính khó chừa!

Những Chuyện Tình Báo …

Nhiệm vụ phụ :

Ngoài những nhiệm vụ chính mà tôi phải đem hết nghị lực, khả năng để phải thực hiện bằng được, trong quá trình sống và di chuyển ở Hà Nội, tôi phải để ý tới những hiện tượng dưới con mắt nghiệp vụ những số nhà sau đây:

- Số 6 phố Cầu Gỗ.

- Số 1 phố Đường Thành.

- Số 27 phố hàng Đường

Theo nguồn tin tình báo, ba nơi này thường xuyên đào tạo, huấn luyện gián điệp rồi tung vào miền Nam hoạt động. Tình báo miền Nam đã bắt được hai vụ nổi tiếng, và Cục đã cho tôi biết chi tiết để rút ra nhiều kinh nghiệm như một bài học. Dưới đây là hai vụ điển hình. Tất nhiên còn nhiều vụ khác nữa:

1. Khoảng 1957, do nhân dân bí mật tố cáo, tình báo miền Nam đã bố trí bắt được một nhân vật có hạng về tình báo của miền Bắc. Khi đem về khai thác, điều tra. Sau hơn một năm trời, dùng mọi khả năng của những nhà chuyên môn, ta cũng đành chịu khuất phục trước sự kiên trì, lì lợm của y.

Nếu ở trong tay công an dưới chính quyền miền Bắc, nhận tội hay không, tội nhân cũng cứ bị tù cho tới khi nào cơ thể không chịu được nổi, hoặc cho tới già, rồi về với ông vải, thì thôi.

Nhưng chính quyền miền Nam, nếu thiếu chứng cớ cụ thể, chỉ giam tội nhân tới một mức quy định, rồi cũng phải thả ra. (Cụ thể như Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình v.v…)

Anh ta, trước sau chỉ một mực chối lá vô tội. Ta đã dùng nhiều biện pháp tinh vi hơn như: Khổ nhục, tra tấn, dụ dỗ, khích lệ v.v… cũng đều vô hiệu. Việc này đã làm điên đầu những người có trách nhiệm của Cục tình báo miền Nam.

Sau nhiều phiên họp gay cấn, chính ông Cục Trưởng đã đưa ra một kế hoạch, và ông xin chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch đó.

Vào một buổi cuối Đông, bầu trời Huế xám xịt, những cơn gió mùa Đông Bắc về muộn mang theo những trận mưa rả rích, nhạt nhòa … Từ cổng nhà lao Thừa Thiên, hai chiếc xe Dodge 4 phủ mui kín mít, lao về quốc lộ 1 hướng về Nam, chuyển tù vào Sài Gòn.

Xe trước, băng sau chở 4 phạm nhân bị khóa tay, trong đó có tên Cộng Sản lì lợm nói trên, và hai người mặc quân phục có vũ trang áp tải. Băng trên, ngoài tài xế, còn có một trung úy và một hạ sĩ. Ông hạ sĩ này chính là ông Cục Trưởng mà tên Cộng Sản đó chẳng lạ gì.

Xe sau, chở một thiếu úy và nửa tiểu đội, tất cả đều mặc quân phục và có vũ trang. Hai chiếc xe theo nhau chạy mãi vào đêm tối. Hơn 4 tiếng đồng hồ sau, lúc đó khoảng 11 giờ khuya, giữa quãng đường dài vắng vẻ, hai bên là triền rừng; bất chợt hai loạt trung liên nổ ròn rã phía trước xe. Đạn réo lên ngay phía trên mui. Ngay lúc đó, tài xế và mọi người đều đã nhìn rõ một chướng ngại vật là một thân cây to nằm chặn ngang đường. Biết là đã lọt vào ổ phục kích, các quân nhân trên hai xe vội vàng nhẩy xuống đường, tìm địa thế cấp thời để chống trả.

Nhưng, tất cả đã nằm gọn trong vòng vây, với đầy mũi súng tua tủa của đoàn quân phục kích. Chỉ sau 10 phút, tất cả quân nhân trên hai xe đều bị tước hết vũ khí, bị trói gô và bắt ngồi tập trung vào một chỗ. Một người, có lẽ là chỉ huy đoàn quân phục kích, ra lệnh lục soát trên hai xe, tịch thu một số đồ cần thiết, trong đó có cả giấy tờ, hồ sơ, v.v…

Riêng 4 phạm nhân, tay vẫn bị khóa, bị dẫn xuống bắt ngồi cùng với đám quân nhân, sau khi biết họ đều là tù hình sự can tội an cướp hoặc giết người.

Người chỉ huy đoàn quân phục kích nhìn những quân nhân đang bị trói, dõng dạc tuyên bố:

- Các anh là ngụy quân, lầm đường lạc lối, làm tay sai cho đế quốc Mỹ bắn lại nhân dân, làm hại đồng bào, lẽ ra chúng tôi bắn bỏ hết. Nhưng, theo chính sách khoan hồng của đảng (lúc đó chưa có Mặt Trận Giải Phong Miền Nam), chúng tôi sẽ tha hết, kể cả 4 phạm nhân hình sự. Các anh hãy trở về cải tà quy chính. Riêng hai tên sĩ quan, vì đã có nhiều nợ máu với nhân dân, chúng tôi phải mang vào bưng xử lý.

Rồi người đó ra lệnh cởi trói cho hết các quân nhân, còn bắt đưa chìa khóa mở còng cho 4 người tù. Giữa lúc đó, tên tù Cộng Sản lì lợm, đứng bật dậy, rút ở trong ve áo ra một miếng vải đỏ hình vuông mỗi bề 4 phân, ở giữa có hai ngôi sao vàng nằm trên sọc trắng. Y đưa cho tên chỉ huy đoàn quân phục kích xem và nói:

- Các đồng chí, tôi là Trưởng K 10 nội thành Sài Gòn, thuộc cục R. Hôm nay, vô tình các đồng chí đã lập được một kỳ công vô cùng to lớn. Các đồng chí hãy trói ngay tên hạ sĩ kia, nó chính là tên Cục Trưởng Trung Ương tình báo của Sài Gòn.

Cả đoàn quân phục kích sáng mắt hân hoan. Bốn, năm mũi súng đều chĩa vào ông hạ sĩ và trói nghiến lại.

Thay vì đưa vào bưng, người chỉ huy mặc áo bà ba đen ra lệnh tất cả lên xe trở về miền … sông Hương, núi Ngự.

2. Sự việc xẩy ra vào năm 1959 ở ngôi nhà, hình như mang số 126 hay 128 (tôi không nhớ rõ), đường Phan Đình Phùng Sài Gòn.

Ngôi nhà này có cửa sắt, tuy ở mặt phố nhưng không bao giờ thấy mở, trừ đôi lúc có người ra vào. Chủ ngôi nhà là một quả phụ, gần 60 tuổi. Trước đây, bà có một người em trai ở cùng. Ông này học hành đã thành đạt, nên hiện đang làm việc trong Phủ Tổng Thống. Người ta chẳng biết ông làm gì, chỉ nghe đồn ông rất có uy thế, thường gần gũi với ông cố vấn Ngô Đình Nhu. Có thể do đòi hỏi của công việc, hoặc vì lý do nào khác, ông đã được cấp một căn biệt thự ở đường Công Lý, gần dinh Độc Lập, để đi về được thuận tiện. Và vì vậy, ngôi nhà ở Phan Đình Phùng càng vắng vẻ đìu hiu. Ngoài bà Hân là chủ nhà, trong nhà chỉ còn một bà giúp việc cũng họ gần xa với gia đình bà Hân.

Những người mới đến ở dãy phố này không biết chồng con bà ra sao, chứ những người đã ở lâu gần đó đều hiểu hoàn cảnh gia đình bà. Bà Hân rất hiền lành phúc hậu, bà thường hay đi chùa đền để niệm phật ăn chay và làm việc phúc đức. Theo câu chuyện bà kể lại với những người quen biết, vợ chồng bà đều là con những gia đình giàu có thế phiệt trước đây ở Huế. Bà hiếm hoi, chỉ sinh được một cậu con trai duy nhất, đúng vào lúc xẩy ra những biến cố lớn lao của đất nước 1945. Khi Việt Minh cướp chính quyền, ông Hân là một thành phần đảng phái, ông đã hiểu rõ sự hiểm độc của Việt Minh nên cương quyết không hợp tác trong Chính Phủ Liên Hợp của cáo Hồ bịp bợm. Ông đã bị chúng bí mật thủ tiêu ngay thời gian ấy. Giữa cảnh hỗn loạn Nhật, Pháp, Anh, Tàu, và Việt Minh thời đó, dân chúng đã phải trôi dạt, đẩy đưa khắp nơi, và bà đã thất lạc đứa con trai yêu quý, niềm an ủi độc nhất của đời bà. Sau đó, theo giòng đời, bà đã trôi dạt về Sài Gòn với người em trai nói trên.

Do của cải trước đây để lại, hiện bà là người giầu có, thừa thãi tiền tài, nhưng lại rất thiếu nghèo tình đầm ấm của gia đình. Bà đã mất biết bao tiền bạc, tâm lực để thăm dò, tìm kiếm người con thất lạc, nhưng đều bặt vô âm tín. Nỗi nhớ thương buồn phiền của bà suốt 14 năm càng ngày càng cô đọng lại, dồn nén dần vào chỗ sâu kín nhất của tâm hồn bà. Những người quen biết bà đều hiểu rõ như thế. Nhưng, Cộng Sản lại đào sâu, nghiên cứu kỹ, nên đã hiểu biết hơn thế nữa. Chúng đã triệt để lợi dụng, khai thác bối cảnh này. Chúng thấy đây là cơ hội để chúng đưa

người lọt vào ở sát nách cơ quan đầu não của chính quyền miền Nam.

Chúng đã tìm và tuyển mộ được một thanh niên theo ý chúng muốn. Chúng ra sức đào tạo, huấn luyện, từng động tác, thái độ, lời ăn tiếng nói, kể cả về tình cảm để đóng vai trò người con thất lạc của bà Hân.

Nói về ngôi nhà của bà Hân. Ngôi nhà này thường đóng cửa, cho nên ở phía trước sát vỉa hè, một người đàn bà nghèo trong xóm đã kê một chiếc ghế dài nhỏ và một cái phản gỗ con, trên bày ít kẹo, chuối, nước sôi…bán cho các bác xích lô…ít tiền.

Tên điệp viên là một cậu trai 19- 20 tuổi, khôi ngô, quần áo lam lũ; thuy khoẻ mạnh đầy sức trai, nhưng bộ mặt lúc nào cũng đăm chiêu mang nặng một nỗi niềm. Hàng ngày, sau những cú xe đường dài mệt nhọc, anh thường ghé chiếc xích lô đạp sát lề, uể oải ngồi vào ghế, gọi mua nước trà, nhấm nháp, lúc thì cái kẹo, lúc thì quả chuối…anh tỏ ra rất ít nói. Dần dần, hà hàng quen mặt. Bà cũng để ý và đôi khi nhìn bằng ánh mắt thương hại người còn trẻ, mặt mũi sáng sủa mà đã phải lam lũ cuộc đời! Trước, còn là những câu hỏi bâng quơ:"Hôm nay chạy khách có khá không?", "Trời này, lại sắp mưa!", "Sao hôm nay cậu đến muộn?" v.v… Cậu trai càng tỏ ra rất ít nói. Mặt lúc nào cũng buồn như che dấu một tâm sự riêng tư. Khi đã có thiện cảm với một cậu bé nghèo, cái tính tất nhiên của người đàn bà là sẽ dần dà thăm hỏi đến gia đình, thân thế, bố mẹ ra sao? v.v…

Lúc đầu, cậu tỏ ra không muốn nói về cuộc đời bất hạnh hẩm hiu của mình, sau thấy bà già nghèo tử tế nên dần dần kể sự tình…

Cậu chẳng biết bố mẹ là ai cả. Ngay từ lúc 4- 5 tuổi đã đi làm con nuôi cho người ta. 9- 10 tuổi phải đi ở , hầu hạ nhiều người. Rồi phiêu bạt đi làm đồn điền cao su đầy gian chuân, cực khổ. Cuối cùng, trôi dạt về Sài Gòn thân cô, thế cô, phải đi đạp xích lô mưu sinh.

Bà bán nước, đã biết về câu chuyện của bà chủ nhà, nên cũng hơi nghi, vì vậy hỏi tới:

- Thế cậu có nhớ ngày xưa bố mẹ cậu như thế nào không?

Cậu trả lời, mường tượng, lúc nhỏ sung sướng, được mặc quần áo đẹp, được ngồi xe với bố có người kéo…Bà bán nước càng hỏi tiếp, hình như chạnh nỗi niềm đau buồn, cậu không muốn trả lời nữa, và trả tiền, đứng dậy đi.

Bà bán nước tưởng tượng, càng suy nghĩ, biết đâu đây chả là chuyện cơ trời, nên chiều đó, sau khi gửi phản, ghế, bà nói với người giúp việc muốn gặp bà Hân.

Khi gặp bà chủ nhà, bà bán nước thuật lại câu chuyện về người đạp xích lô trẻ tuổi. Đến đây ai cũng hiểu. Có bệnh thì vái tứ phương. Khi nỗi lòng của bà Hân như vậy, hỏi sao lòng bà chả xốn xang, bồi hồi, mong sớm gặp người xích lô đó để hỏi rõ đầu đuôi. Vì thế bà Hân vồn vã dặn:

- Khi nào cậu ấy đến, bà dẫn vào đây ngay cho tôi hỏi chuyện.

Ngày hôm sau, và cả mấy ngày sau nữa; bẵng đi bốn năm ngày không thấy cậu xích lô đó lại, khiến bà hàng nước lẫn bà Hân càng nôn nóng, bồn chồn mong đợi.

Mãi tới hơn một tuần sau; vào một buổi chiều mưa giăng ẩm ướt, cậu xích lô ướt át ghé lại bà hàng nước. Bà hàng tíu tít hỏi:

- Sao mấy bữa nay cậu không ghé đến?

Sau khi rót ly nước trà để đó, bà hàng vội vàng bấm chuông vào nhà bà Hân. Chừng 5 phút sau, bà hàng nước hơ hải ra bảo:

- Này cậu, mời cậu vào đây chơi một tí đã!

Y tỏ vẻ không muốn vào, nên lắc đầu. Bà hàng nước lại vồn vã như níu kéo:

- Cậu vào đây một chút thôi mà, đàng nào trời cũng đang mưa, cho bả chủ ở đây hỏi thăm cậu một câu chuyện.

Rồi đến lúc bà hàng nước phải cầm tay lôi kéo, y mới miễn cưỡng đi theo. Ngay khi bà Hân thấy người xích lô bước vào nhà, ánh mắt của bà hình như đã tràn đầy tình thương yêu, mặc dù bà chưa thấy dấu hiệu nào chứng tỏ người con trai ấy là con bà. Lòng bà bồi hồi xốn xang, đến nỗi bà quên cả mời người xích lô đó ngồi. Khi bà mời, cậu xích lô ấy dè dặt ngồi xuống chiếc ghế gụ cạnh bàn, đầu cuối gầm. Bà hàng xóm cũng thấy lòng không yên, bỏ cả quán nước để mong được chứng kiến cái giây phút hồi hộp rấp ranh này. Mãi sau, như dằn được lòng xốn xang, bà Hân mới hỏi với một giọng còn xúc động:

- Cậu bây giờ có họ hàng thân thích gì không?

Y lắc đầu mà không nói.

- Cậu có nhớ ngày xưa, gia đình cậu như thế nào không?

Y vẫn đăm chiêu im lặng. Bà lại hỏi, trong niềm nghẹn ngào dâng trào:

- Có phải cậu nhớ, lúc nhỏ cậu đi xe với bố có người kéo phải không?

Y gật đầu. Bà Hân nôn nóng, tiếp tục hỏi:

- Cậu cố nhớ lại xem, lúc nhỏ cậu hay chơi gì, làm gì?

Y nhìn ra phía cửa sổ, mắt như dõi về một phía trời xa, về những quãng đời ấu thơ. Tới khi bà Hân nhắc lại câu hỏi, y mới chậm rãi:

- Cháu chẳng nhớ gì rõ lắm….Cháu chỉ nhớ láng máng lúc nhỏ, cháu được bố mua cho con cù, con cù có cái đinh rất dài…..

Bà Hân mắt sáng lên long lanh, hỏi như hết hơi:

- Gì nữa?

- Cháu có một quyển sách, có hình con rùa, bố cháu dạy cháu tô theo bằng bút chì màu đỏ.

- Còn gì nữa không cháu?

Y càng cúi gằm, trong khi không khí căn buồng như rên lên, căng đầy xúc động đợi chờ, cuối cùng y giơ ra ngón tay cái trái, chỉ vào một cái sẹo nhỏ, ngập ngừng nói:

- Một lần ở bếp với mẹ, cháu nghịch dao, đứt tay chảy máu. Mẹ đã khóc.

Không kìm được nữa, bà Hân xô đến, ôm chầm lấy cậu xích lô, nước mắt chan hòa, nức nở:

- Ôi, con ơi!

Y cũng khóc, cả bà bán nước người ngoài cũng nước mắt vòng quanh. Hình như bao nhiêu niềm thương nỗi nhớ của tình mẫu tử thiêng liêng bây giờ cuồn cuộn chảy ra theo giòng nước mắt, bà hổn hển tưởng như xỉu đi, dù vậy bà vẫn cố gắng lôi tay đứa con yêu:

Con ơi! Con cù và quyển sách của con má vẫn giữ, vì đó là di vật duy nhất của con, má vẫn để ở ngăn tủ đầu giường má.

Bà vừa nói vừa kéo người con trai lên gác. Bà rối rít hết sờ mặt, xoa tay, lại vuốt lưng cậu xích lô thân yêu, trong khi bà bán nước cũng lây nỗi vui mừng, cứ chạy lăng xăng hết đầu này, đầu kia chẳng biết làm gì cả.

Ngay chiều hôm ấy, bà Hân báo tin gọi người em trai về. Thôi thì cậu cháu, mẹ con hàn huyên nỗi niềm máu mủ ruột thịt, của buổi trùng phùng nước mắt đầy vơi.

Thương bà chị cả cuộc đời cô đơn heo hút, ông cậu nhìn thằng cháu khoẻ mạnh, khôi ngô, ông hứa sẽ đem hết khả năng dạy dỗ, nâng đỡ đứa cháu yêu đến khi thành đạt. Ông bàn, nào là đón giáo sư về kèm cặp, nào là tập lái xe để chở mẹ đi chùa,v…v…Ngôi nhà giờ đây tràn ứ đầy sự sống, sự ấm cúng và niềm vui tươi.

Riêng tên điệp viên, ngay khi vào Sài Gòn đã được cấp trên y chỉ định phải thường xuyên liên lạc, cặp bồ với cô Ngân làm chiêu đãi viên cho một quán cà phê ở ngã Bảy, để dự phòng, nếu sau này bà Hân và ông cậu bắt lấy vợ thì phải cương quyết đòi lấy cho bằng được cô Ngân. Dĩ nhiên, cô Ngân cũng trong mạng lưới hoạt động của Cộng Sản ở Sài Gòn.

Đến đây, mọi việc tường êm xuôi trôi lọt như ý Việt cộng mong muốn, nhưng không, trái lại đã bắt đầu trục trặc. Nguyên nhân cũng chỉ vì diễn viên đã không khéo đóng trọn vai trò.

Bà Hân tin tên xích lô là con nên tình bà vẫn thắm thiết thương yêu. Ngược lại, y biết y không phải con bà. Mẹ y hiện đang ở ngoài Bắc. Lúc đầu, vì cố gắng nổ lực để công tác thành công, nên y đã xuất thần thủ đúng vai trò. Sau một thời gian, những biểu lộ thương yêu với người mẹ giả trở nên cứng ngắc, không có hồn. Nỗi buồn của bà càng ngày càng khoét sâu, càng lớn. Bà thổ lộ với người thân quen và tất yếu, cả với em trai.

- Tôi không hiểu sao, tôi thương yêu nó như trời biển, nhưng hình như có cái gì ngăn cách, tôi chỉ cảm thấy sự tẻ nhạt, gắng gượng ở bên trong của nó.

Sự phàn nàn, ca thán của bà dần dần đến tai những nhân vật phản gián. Một sự việc không bình thường! Tình mẹ con ruột thịt là sự thiêng liêng, phải có những chiếc dây vô hình gắn bó. Thấy một sự không bình thường thì phải đặt vấn đề. Mà nguyên tắc tình báo cũng như công an, nếu đã đặt vấn đề thì phải tìm mọi cách để biết rõ hư thực của vấn đề đó, cho nên, họ đã dùng chính ông cậu trong nhà làm tấm bình phong để bí mật theo dõi và phanh phui sự việc.

Gần một năm sau, trọn ổ gián điệp vùng đó đều bị sa lưới.

Trở lại nhiệm vụ phụ:

Dale và Brown mang đến hai chiếc máy bay MIG –15 và MIG- 19 dài chừng 20 phân, nhưng thật tinh vi, sắc sảo như máy bay thật, thu nhỏ; với đầy đủ cả động cơ, phù hiệu, cờ quạt…..Hai ông đã giảng cho tôi rõ ràng tính năng từng loại; để suốt quá trình thời gian tôi ở miền Bắc, nếu thấy loại máy bay đó trên bầu trời, về báo lại.

Ngoài hai máy bay MIG, hai ông còn đưa tôi xem hai cuốn sách có hình mầu: lon, phù hiệu các binh chủng, từ lính cho tới nguyên soái; cả y phục mùa Đông cũng như mùa Hè của quân đội Trung Cộng và Bắc Triều Tiên.

Ngoài ra, trong thời gian ở Hà Nội, tôi phải quan sát các hiện tượng ngoài đường phố. Theo dõi các báo chí, phát thanh những đơn vị nhỏ tập tành. Tiếp xúc quan hệ với mọi từng lớp người dân, v.v…Để từ đấy đánh giá (nếu ghi được số lượng cụ thể càng tốt) những điều tai nghe mắt thấy, nói chung về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, xã hội…và tư tưởng chung của quần chúng, cán bộ, bộ đội.

Những "Vỏ Bọc" …..

Vỏ bọc I

Tôi sẽ đóng vai là một học sinh trường trung học phổ thông cấp III ở Vĩnh Linh với tên là Lê Viết Hùng, lý lịch giả như sau: Gia đình bố mẹ tôi, do đói kém, loạn ly năm 1945, đã phiêu bạt từ Nam Định vào lập nghiệp ở xã Vĩnh Quan, Vĩnh Linh. Bố tên là Lê Văn Thông, mẹ là Vũ Thị Sàng. Tôi có 3 anh chị em: Chị Lê Thị Thu, em trai Lê Tuấn. Tôi phải nhớ tên: Giám hiệu trưởng Phổ Thông cấp III Vĩnh Linh, chủ tịch và phó chủ tịch huyện V.L., chủ tịch và phó chủ tịch xã Vĩnh Quang. Và, vì tôi cũng là đoàn viên thanh niên, nên tôi cũng phải biết tên của bí thư và phó bí thư chi đoàn. Ngoài ra, tôi phải biết một số sự kiện lớn xảy ra ở Vĩnh Linh, nhất là ở xã tôi, vùng giáp ranh khu phi quân sự.

Qua những tin tức cố định trên, tôi sẽ tùy theo trường hợp để ứng biến sao cho hợp lý.

Tôi (Lê Viết Hùng) có nhiều triệu chứng mắc bệnh tim đã lâu, bây giờ càng ngày càng trầm trọng hơn, nên đã xin được giấy giới thiệu của thị trấn Vĩnh Linh về Hà Nội nhân dịp He để đến nhà thương Việt Đức điều trị.

Tôi mang theo đủ giấy tờ hợp lệ: Giấy giới thiệu chữa bệnh, thẻ học sinh, giấy nghĩa vụ quân sự, thẻ đoàn viên, giấy thông hành thời hạn một tháng, có chữ ký của công an trưởng huyện Vĩnh Linh.

Vỏ bọc này, tôi phải nghiên cứu và học thuộc lòng, sao cho từ nếp suy nghĩ đến hành động, coi như mình là Lê Viết Hùng có thực bằng xương bằng thịt.

Để thực tập, tôi phải đến gặp ba, bốn lần một người lạ rất hách dịch, đóng vai công an Cộng Sản, lúc thì ở khách sạn Catinat, lúc thì ở Majestic. Ông ta hạch sách, nạt nộ tôi đủ điều, hỏi những câu bất chợt lắt léo, xem tôi có trả lời hợp lý hay không. Tôi còn nhớ lần cuối cùng, khi nói chuyện vãn, ông tự giới thiệu tên là Đang đã từng sống và làm việc cho Cộng Sản nhiều năm, (ông không nói, nhưng tôi đoán hẳn ông đang làm việc cho Cục), ông nói:

Tôi nói thực với Bình, cái chính là đừng để cho công an của Cộng Sản nghi ngờ. Khi nó đã đặt thành vấn đề nghi mà sát hạch thì 'mả bố ở đâu, mà nó bảo đào đưa cho nó, thì cũng phải đào."

Kể ra, ông không nên nói câu đó, nhất là với một nhân viên sắp vào đất địch, chỉ làm hoang mang tinh thần của người đi. Sau này càng nghĩ, tôi lại càng thấy những người huấn luyện mình thiếu ý thức, thiếu tinh thần trách nhiệm, vì thiếu lý tưởng thực sự!

Vỏ bọc II

Trong trường hợp bị Cộng Sản bắt giữ. Nếu vì lý do nào đó, Cộng Sản không tin hoặc đã xác minh giấy tờ đều là giả mạo và tôi không phải là Lê Viết Hùng ở Vĩnh Linh. Lúc đó, tôi sẽ khai: Gia đình bố mẹ, gốc tích thực, nhà nghèo. Học hành thi hoài không đậu, chán chường, nhưng tính thích làm những việc táo bạo, không sợ nguy hiểm miễn việc đó có tiền để giải quyết cuộc sống và giúp đỡ bố mẹ già. Do bạn bè giới thiệu, tôi gặp một ông tên là Lân. Vì là nhân vật tưởng tượng, nhưng lại cần nhớ chi tiết để đề phòng sau này công an hỏi lại, do đấy, tôi phải lấy một người có thật để mô tả, và tôi đã lấy hình dáng một ông cậu to lớn, béo tốt, chủ một hảng xuất nhập cảng ở Sài Gòn, để tả về ông Lân.

Ông Lân thường hẹn gặp tôi ở một quán nước. Sau một, hai lần thăm dò, nói chuyện, biết về con người và tâm nguyện của tôi, ông đi thẳng vào vấn đề: Ông có "truy-ô" nhiều thuốc Tây quý cần tiêu thụ. Ở ngoài Bắc, các loại thuốc này vô cùng hiếm nên giá rất cao. Vậy, nếu tôi muốn làm giầu, phải mạo hiểm. Ông sẽ lo giấy tờ giả cho. Tôi sẽ bí mật, lén lút lội qua sông Bến Hải, đem theo hơn một chục mẫu loại thuốc quý, móc nối, mua bán đặt hàng với những con buôn bí mật có thể lực ở Hà Nội. Sau này, lời lãi sẽ chia đôi, ông đó một nửa và tôi một nửa. Còn bây giờ, tốn phí ông đài thọ và cho tới khi đi sẽ trả trước cho tôi 10.000 đồng.

Một hôm, Dale và Brown dẫn đến một người Mỹ khác khoảng 40-45 tuổi, giới thiệu là Bác Sĩ Harry. Ông Harry đưa gần 20 lọ thuốc Tây, chỉ dạy cách dùng và tính năng của từng loại. Theo ông Phan, cho tới ngày tôi đi, Harry cũng sẽ là bác sĩ riêng của tôi để săn sóc sức khoẻ và những cần thiết về y lý cho chuyến đi.

Vỏ Bọc III

Sau khi khai vỏ bọc II, nếu Cộng Sản vẫn không tin, hoặc tìm ra được những chứng cớ cụ thể là tôi nói láo, không đúng, có thể chúng sẽ cùm kẹp tra tấn, tôi không thể chịu đựng nổi, lúc bấy giờ tôi sẽ dùng vỏ bọc III. Vẫn chưa là chuyện chính trị.

Phần thân thế, gốc tích gia đình cũng như vỏ bọc II, vì đó là thực tế. Cảnh học hành, thi cử cũng chỉ ăn vỏ chuối nên chán chường, và tính tình thích làm những chuyện mạo hiểm cũng vậy. Phần khác biệt. Do quan hệ xã hội, đã được một người quen giới thiệu với Sư Bà Đàm Hướng ở chùa Phước Hải, khu Vườn Chuối, Phan Đình Phùng Sài Gòn, nội dung như sau:

Trong thời Pháp thuộc trước 1945. Sư Bà Đàm Hướng và Sư Ông Tuệ Chiếu là hai sinh viên yêu nước thiết tha, nhục nhã đau lòng trước cảnh dân tộc bị thực dân Pháp thống trị. Hai ông bà nối chí những bậc cách mạng tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học v.v… Đã bí mật hoạt động trong giới sinh viên ở Hà Nội, gây nên nhiều vụ chống đối sôi động, với bọn cầm quyền thực dân và đã bị chính quyền thực dân, ra lệnh truy lùng ráo riết.

Hai ông bà không những là đồng chí mà còn là đồng sàng, vì cùng nhau đã trải qua nhiều gian nan nguy hiểm nên hai trái tim đã cùng rung đều một nhịp. Trước sự truy nã lùng sục của mật thám, để che mắt chúng, và cũng để tỏ với chúng là mình đã chán chường cuộc đời, hai người đều xuống tóc, nup1 bóng cửa thiền. Ông thì tu ở chùa Quan Thánh Hà Nội, pháp danh là Tuệ Chiếu; còn bà tu ở đâu, tôi không biết, chỉ biết pháp danh là Đàm Hướng, hiện trụ trì ở chùa Phước Hải, Vườn Chuối Phan Đình Phùng Sài Gòn.

Sau khi Việt Minh cướp được chính quyền, chúng lòi ra ý đồ diệt tôn giáo. Bề ngoài cổ vũ "Lương Giáo đoàn kết" để chống Pháp, xây dựng đất nước. Bên trong thì chúng ngấm ngầm tìm mọi điều kiện, lợi dụng mọi mâu thuẫn tôn giáo để kích động, khơi sâu mối chia rẽ. Nghĩa là, luôn luôn đổ dầu vào những đốm lửa mâu thuẫn, dị biệt của tôn giáo. Nhìn rõ trái tim đen bẩn thỉu của Cộng Sản, Sư Ông Tuệ Chiếu và Sư Bà Đàm Hướng đã dùng khả năng và uy tín vạch trần ý đồ nham hiểm của Cộng Sản trước tín đồ, và còn ngấm ngầm trao đổi bàn luận cùng bên Công giáo,

lập ra Mặt Trận Liên Tôn Diệt Cộng mà chủ tịch là sư ông Tuệ Chiếu và phó chủ tịch là linh mục Hoàng Quỳnh cùng nhiều nhân vật lãnh đạo trong Mặt Trận.

Sư Ông Tuệ Chiếu và nhiều người khác đã bị Cộng Sản bí mật thủ tiêu ngay. Chỉ vì khi đó phía Phật giáo chưa có sự đoàn kết thống nhất, nên chưa có áp lực mạnh với Cộng Sản. Còn Linh Mục Hoàng Quỳnh, trước áp lực sức mạnh của quần chúng Công Giáo, chúng đã không dám giết ngay. Công giáo khi ấy đã là một tổ chức thống nhất nên Cộng Sản ít nhiếu kiêng nể (tôi nói thời gian đó thôi, vì lúc đó chúng chưa mạnh, chúng còn cần sự giúp đỡ hoặc không chống phá của Công Giáo. Chứ sau 1975, chúng không còn e dè nể nang gì cả).

Chúng chỉ dám quản thúc linh mục Hoàng Quỳnh ở nhà thờ Lạc Đạo, thuộc địa phận Bùi Chu. Con chiên vẫn được phép thăm nuôi bình thường, theo quy định.

Sư Bà Đàm Hướng nghe tin chồng chết, quá đau thương, chỉ còn đành tìm xác người chồng bất khuất, chết anh hùng, oanh liệt hy sinh cho dân tộc, bí mật đem về thành Hà Nội, vùi lấp ở nghĩa trang Hợp Thiện Bắc Việt.

Hội Nghị Genève chia đôi đất nước, bà cùng đứa con trai di cư vào Nam.

Vào Nam, tuy vẫn ở trong cửa Phật, nhưng bà vẫn không quên quê hương dân tộc, nên ngay trong chùa cũng như ngoài xã hội, bà diễn thuyết cổ vũ, khích lệ, tổ chức đoàn thể với mục đích chống kẻ tử thù Cộng Sản. Ngoài ra, từ ngày vào Nam, bà cũng còn ấp ủ trong trái tim một điều thầm kín nhất, là bà ước mong có cách gì đó, hay có ai ra miền Bắc, bà sẽ không tiếc tiền để xây cho ông một nấm mồ yên ấm. Gọi là chút lòng của người đồng chí, của người tình, của người vợ, đối với người ngàn đời kính yêu đã ra về nơi ngút ngàn mây gió, hy sinh vì Tổ Quốc.

Chính với nỗi niềm ấy của bà, nên khi gặp tôi, một thanh niên, cành đời đã làm cho bất đắc chí, và sau nhiều lần tìm hiểu, bà rất mừng rỡ. Bà sẽ lo liệu giấy tờ giả cho tôi để vượt tuyến. Bà sẽ trả cho tôi 100.000 đồng sau khi hoàn thành công việc. Trước khi ra đi, bà sẽ đưa trước cho tôi 10.000 đồng để giúp đỡ gia đình bố mẹ già. Tôi sẽ trốn qua sông Bến Hải về Hà Nội, mang theo một lá thư của bà gửi cho ông Thẩm Hoàng Tín, thị trưởng thành phố Hà Nội hồi 1954. Ông là dược sĩ, trước có hiệu thuốc Tây ở Hàng Da Hà Nội.

Ông Tín là bạn chí thân của hai ông bà. Nội dung lá thư nhờ ông Tín vì tình bạn thiêng liêng đứng trông nom xây cho ông Tuệ Chiếu một ngôi mộ gọn ghẽ khang trang.

(Sau Hội Nghị Genève 1954, lý do tại sao một đương kim thị trưởng của thủ đô Hà Nội vẫn ở lại với Cộng Sản, không di cư vào Nam sẽ được đề cập ở chương "Những Bài Học Xương Máu Với Cộng Sản".)

Chính Hoàng Công An đã dẫn tôi đến chùa Phước Hải gặp Sư Bà Đàm Hướng mấy lần, để tôi nhìn rõ cảnh sinh hoạt của chùa và con người của bà. Tôi cũng đã gặp người con trai của sư bà, lúc đó 19 tuổi, đang theo phần II Tú Tài, năm 1961.

Vỏ Bọc IV

Đến đây, thì đành phải nhận ra Bắc vì chính trị. Theo chỉ thị của Cục, vỏ bọc IV, đồng thời cũng là vỏ bọc cuối cùng, dù tôi có phải nhận mã tấu hay ăn kẹo đồng.

Đến giai đoạn này, Cộng Sản đã cùm kẹp tra khảo, khai thác nhiều. Chúng đã nêu ra đầy đủ bằng cớ những điều tôi khai báo là sai. Vậy, nếu bị đánh đập, hành hạ đến lúc cơ thể không thể chịu đựng được nữa, lúc đó sẽ khai theo vỏ bọc IV: Là trung sĩ trong đại đội thám báo của Sư Đoàn 7, thích làm những chuyện mạo hiểm và coi thường những việc khó khăn mà nhiều người khác e sợ, v.v... Trong quân ngũ, lần lần quen biết Trung úy Xương nên nha an ninh

quân đội. Ông này đã giới thiệu với bên tình báo. Cuối cùng, tôi được về Sài Gòn dự lớp đào tạo và huấn luyện trong 3 tháng ở một ngôi nhà thuê trong xòm Cầu Cống, khu Khánh Hội (nếu nói ở khách sạn, building, Cộng Sản sẽ để ý những nơi ấy, sẽ gây khó khăn cho những lớp huấn luyện sau này.) Chỉ nói một số lớp học hợp lý, thời gian huấn luyện ngắn và học tập sơ sài để địch đánh giá sai mức độ, khả năng của nhân viên tình báo miền Nam.

Chỉ một người huấn luyện duy nhất, định tả ai phải nhớ người ấy. Chớ nói tới Mỹ, vì năm 1961 Mỹ chưa vào miền Nam nhiều. Huấn luyện nặng về lãnh vực quân sự, tính năng và các loại vũ khí của bộ đội miền Bắc thường dùng, v.v… Nhiệm vụ:

- Theo dõi Sư Đoàn 308 phòng thủ Thủ Đô Hà Nội. Do tên Thiếu Tướng Vương Thừa Vũ làm tư lệnh.

- Tên tuổi, tính tình các cấp chỉ huy, càng xuống sâu càng tốt, nghĩa là đến cấp đại đội.

- Các loại vũ khí trang bị của sư đoàn.

- Những nơi bố trí đại pháo và xe tăng.

- Các phương tiện vận chuyển.

- Cách bố trí trại, địa hình chung quanh với các đường giao thông.

- Cách sinh hoạt học tập, huấn luyện.

- Các trang bị, quân trang, quân dụng.

- Tinh thần của bộ đội và sĩ quan.

- Khả năng chiến đấu và tinh thần chiến đấu.

Muốn biết được những tin tức này chính xác, tôi phải làm quen, chuyện trò, tâm sự với bộ đội trên đường phố Hà Nội. Tóm lại, khai gì, nói gì thì nói, nhưng không bao giờ được nói tới nhiệm vụ thực của mình cả.

Thăm Giòng Bến Hải .....

Để phục vụ cho công tác COLUMBUS, tôi phải học và thực tập cũng như nghiên cứu về cách tiếp xúc với các linh mục. Trong một xã hội với bao chế ngự trong chính sách kìm kẹp của Cộng Sản đối với người dân, các linh mục đã có nhiều kinh nghiệm xương máu, cho nên dù trong lòng có muốn tiêu diệt Cộng Sản đến đâu chăng nữa, cũng không thể vội vàng lớ ngớ tham gia vào những chuyện không mấy tin cẩn để thiệt thân, chết lây. Do đó, là một cán bộ tình báo miền Nam, trước hết tôi phải tỏ ra điềm đạm, bình tỉnh, đủ khả năng, bản lĩnh xoay chuyển tình thế nếu gặp sự bất thường. Thêm nữa, các linh mục là những người có địa vị, có học, vậy ít ra tôi phải có kiến thức về nhiều mặt của xã hội, cộng với tư cách, tác phong. Có như vậy, tôi mới khả dĩ lôi cuốn được các linh mục. Thế mà tôi lại không đủ sức, cho nên tôi rất băn khoăn.

Sau đấy, tôi thực tập rất nhiều buổi tiếp xúc với một, đôi người lạ, đóng vai các linh mục ở miền Bắc. Ông An cũng như ông Phan, và cả những người tôi phải tiếp xúc thực tập, đều nói:

- Thế là Bình làm được rồi!

Tôi nghĩ, bắt buộc họ phải nói "được rồi," chả lẽ nói "không hay chưa được," làm sao tôi đi!

Tôi yêu cầu cho tôi được tiếp xúc với một người nào đó đã ra ngoài Bắc vừa mới trở về để học hỏi kinh nghiệm. Sự yêu cầu này đã không được đáp ứng, và cũng không được trả lời. Lúc đó, tôi ngây thơ nghĩ rằng, có thể vì sự ngăn cách an ninh về cả hai phía, cho nên lời yêu cầu của tôi đã không được giải quyết. Sau này khi ra miền Bắc, có điều kiện nhìn được thực tế, cũng như có thêm được một số kiến thức để phân tích và lý luận, tôi thấy những điều tôi nghĩ trước kia là không đúng.

Để đáp ứng lời yêu cầu của tôi, thay vào đó, Cục cho tôi gặp 4 người vượt tuyến mới nhất. Thậm chí có người chỉ mới vào nửa tháng, ở Trung Tâm Tiếp Đón đồng bào vượt tuyến bên Gia Định. Tôi và An đóng vai nhân viên Phòng Báo Chí phủ Tổng Thống cầm giấy giới thiệu sang gặp Thiếu tá (tôi quên tên) Trưởng trại.

Tôi sang hai lần, mỗi lần gặp hai người, mỗi người gặp vào một giờ khác nhau. Hôm đầu, chúng tôi tiếp xúc với một người là bộ đội và một người là giáo viên cấp III, trường Thăng Long Hà Nội. Hôm sau, một người tài xế xe đò, một người là giáo viên cấp II ở Thanh Hóa. Dĩ nhiên, tất cả những người này kể cả trưởng trại; không thể hiểu ý đồ thực của chúng tôi. Để đánh lạc hướng, thỉnh thoảng chúng tôi mới xen vào giữa những câu phỏng vấn thông thường, vô bổ là một số câu hỏi câu hỏi cần thiết mà chúng tôi muốn tìm hiểu. Bốn cuộc gặp gỡ này đã giúp chúng tôi hiểu biết nhiều vấn đề, rất hữu ích khi tôi ra Bắc.

Trên tấm bản đồ quân sự loại lớn, bằng giấy dầy, bóng. Từng miếng 40×60 phân, ghép lại kín cả nền một căn phòng rộng. Hàng ngày, Brown và Dale hướng dẫn tôi nghiên cứu về quốc lộ 1 (từ Vĩnh Ling ra tới Hà Nội,) khu phi quân sự; thành phố Hà Nội, tỉ mỉ, chi tiết; nhất là khu phi quân sự Bắc và huyện Vĩnh Linh. Để phòng hờ biết bao tình huống có thể trục trặc không đón được tôi; tôi phải về bằng đường bộ. Vì thế, tôi đã hai lần phải ra tận bờ sông Bến Hải; dùng ống nhòm quan sát thực tế các điểm chuẩn, của khu phi quân sự Bắc.

Một điều tôi không quên, một lần tôi và Hoàng công An xuống trường bay Phú Bài. Người trách nhiệm đón chúng tôi không ai xa lạ, lại chính là ông Hương. Ông Hương và tôi nhìn nhau ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Chính An cũng ngạc nhiên không ít, không hiểu sao tôi lại biết ông Hương từ trước.

Từ ngày tôi bị loại ra khỏi lớp học đặc biệt, tôi chỉ nghe Lý nói loáng thoáng là ông Hương sau này mắc khuyết điểm gì đó về tài chính, nên không còn làm Giám Đốc lớp học đó nữa. Có lẽ do ý thức nghề nghiệp cho nên khi bắt tay tôi, ông Hương chỉ nói:

- Bình vẫn như xưa, tay hay gầy, nhưng vẫn đẹp trai!

Ông không hề nhắc nhở đến những chuyện cũ ở số 2 J.J. Rousseau. Ông Hương sau đó, lái xe đưa chúng tôi về một khách sạn ở Huế. Những ngày ở đây, đêm ngủ, luôn luôn có người canh gác tôi. Cũng từ đó cho đến gần cuối cuộc đời, lúc thức cũng như lúc ngủ; lúc nào tôi cũng có người canh gác. Cứ nghĩ đến, tôi lại nhếch mép tự mỉm cười.

Ông Hương lái xe đưa chúng tôi vào khu phi quân sự. Trong rừng bên này bờ Nam, tôi thấy đó đây có những người mặc đồ nâu, gài một miếng vải đỏ bằng hai đốt ngón tay ở khuy áo, lầm lũi canh gác. Có lẽ họ đã giấu súng trong người. Qua ánh mắt và thái độ của họ, tôi hiểu ông Hương là người chịu trách nhiệm chỉ huy toàn bộ hệ thống canh gác bờ phía Nam.

Tôi ngắm giòng Bến Hải. Con sông đã đi vào lịch sử đau thương của dân tộc, vẫn lững lờ chảy xuôi về phía cầu Hiền Lương. Đây đó, một vài chiếc thuyền nan chài lưới phía bờ bên này, cũng như phía bờ bên kia. Tôi biết những người dân "chài lưới" này, dứt khoát không phải là dân bình thường. Bởi vì theo thỏa hiệp Genève giữa hai bên: Ranh giới hai miền là giữa giòng sông Bến Hải, và giữa cầu Hiền Lương. Vậy, vì lý do vô tình hay hữu ý, những thuyền này lấn

sang khỏi ranh; phía bên kia có quyền bắt giữ. Lúc đó, những người dân chài này không còn thuộc quyền kiểm soát của bên bờ cũ nữa.

Tôi đi sát dọc bờ sông, có chỗ hai bờ cách nhau chỉ chừng ba chục mét. Nhìn thấy cô gái áo nâu, phía bên kia bờ, quần đen lăng xăng, chạy ra, chạy vô tưới mấy luống rau. Lòng tôi bỗng bâng khuâng, mắt dõi về hướng Bắc xa vời, nơi có Hà Nội cam go đợi chờ. Bất chợt, các cô ấy rối rít vẫy tôi, miệng cười duyên. Ý các cô ấy muốn tôi lội xuống nước, bơi sang. Thấy vậy, ông Hương nói với tôi:

- Tất cả những người dân tron khu phi quân sự Bắc, đều bị Cộng Sản bắt rời khỏi, ra ngoài 5 cây số, kể từ bờ Bếb Hải. Rồi chúng đưa toàn công an mật vào, làm nhà cửa, cầy cấy, trồng tỉa như thường dân. Bình hãy dùng ống nhòm nhìn kỹ vào trong rừng sẽ thấy có những vật di chuyển; thậm chí còn có người bí mật ngồi trên cây canh gác nữa.

Đúng như vậy! Sau này, tôi thấy biết bao người vượt tuyến, bị bắt với bao nhiêu tình huống cười ra nước mắt ở trong nhà tù Cộng Sản.

Nhìn chéo xa ca phía bên kia, ngôi nhà thờ Hải Cụ bị rêu phong và cây cối che phủ, chỉ còn là một hình thù xám xịt, nhô lẫn trong lùm cây xanh. Cảnh hoang liêu cô tịch của nhà thờ khiến lòng tôi tím thẫm. Tôi hình dung đến cảnh sống của người dân Công giáo miền Bắc; hẳn không khỏi khắc khoải tối tăm.

Ông Hương bổng nói:

Sông Bến Hải, đi ngược quá vào phía trong; mùa nước cạn, nhiều chỗ chỉ cần xắn quần lội qua cũng được.

Giòng sông nhỏ bé và nông cạn như thế! Vậy mà nó đủ sức ngăn đôi một dân tộc, trong bao nhiêu năm trường! Đối với một dân tộc có truyền thống thương yêu, đùm bọc của người cùng một nước:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương.

Người trong một nước phải thương nhau cùng. (Ca dao)

Vậy, lỗi này do ai?

Sau khi về tới Sài Gòn, cũng đã gần tới ngày lên đường, do đó, một số công việc còn lại cần phải làm khẩn trương và dồn dập hơn. Tôi phải tập xử dụng một số loại thuốc hóa trang, hồng ngoại tuyến…..

Một điều tôi quên. Khi đi vào đất địch, tất yếu tôi sẽ gặp muôn ngàn điều chưa thể biết. Vì vậy, để phòng hờ; từ hơn hai tháng trước, Phan đã đưa cho tôi một chiếc nhẫn bạc mặt vuông có khắc chữ thọ. Chiếc nhẫn này, cũng như trăm ngàn chiếc khác; chỉ khác một điểm là, mặt trong có đóng chìm xuống con số 42. Phan bắt tôi đeo, nhìn cho quen mắt và phải nhớ nhập tâm. Phan cũng còn đưa cho tôi một tấm hình cỡ 6×9, hình chùa Một Cột ở Hà Nội. Phía sau lưng và góc trên của tấm ảnh, có ghi con số 1618 nhỏ xíu bằng bút chì. Tôi nhớ được con số 1618, vì nó liên quan đến ngày tôi trao tài liệu M.

Hơn một tuần sau, Phan lấy lại và hỏi:

- Bình đã nhớ chưa?

Tôi gật đầu, Phan nói tiếp:

- Nếu sau này, bất cứ ở đâu, thời gian nào và bất cứ ai đưa tấm hình này ra; thì người đó chính là người sẽ trao lệnh của Sài Gòn cho Bình.

Một hôm, Dale và Brown đến gặp tôi, bảo:

- Hôm nay, Bình sẽ tập xử dụng bút chì mật.

Họ giải thích:

- Đây là một loại dụng cụ mới nhất trong ngành tình báo. Bút chì mật nhỏ bằng 2/3 của lõi bút chì thường. Dài độ 6-7 phân, mầu đen xám, không mùi vị. Một đầu hơi vát, nhờn nhợn, giống như một mẩu sợi ni lông thường. Brown và Dale nói là: Mẩu bút chì này hiện nay nếu muốn bán cho Cộng Sản hàng triệu nó cũng mua. Nó sẽ phân chất và sẽ biết cách phát hiện những chữ ta ghi, từ đó nó sẽ tìm ra được nhiều sự việc.

Bởi vì, khi ghi chép, nét chữ không có dấu vết. Muốn đọc, phải dùng một loại hóa chất đặc biệt bôi lên mặt giấy, chữ mới hiện ra. Điệp viên ghi tài liệu mật vào những khoảng trống trên ngay sách báo của địch. Thấy trước mặt, chúng cũng không biết; kể cả mẩu bút chì cũng vậy.

Tôi phải tập biết bằng mẩu chì mật này nhiều lần, trong nhiều ngày. Sao cho khi viết, không để lại vết gợn nào trên mặt giấy. Nghĩa là tờ giấy vẫn bình thường, và cũng không được mất nét chữ; sau này, khó đọc và khó đoán ra. Khi tôi ra tới miền Bắc, thực tế cho thấy, là thời gian này Cộng Sản chưa hế biết gì về bút chì mật. Tôi đã giấu mẩu chì này tới 1975, khi miền Nam thất thủ, tôi mới tiêu hủy.

Tôi đã biết rất nhiều loại mực để viết thư mật, nhưng tôi thừa nhận, loại chì mật là đơn giản và thuận tiện nhất. Có thể ngày nay, điệp viên của nhiều nước vẫn còn dùng.

Chọn Điểm Đổ Bộ .....

Sau khi đã tập sử dụng thuần thục bút chì mật. Tôi bắt đầu phải nghiên cứu về phương tiện ra ngoài Bắc, và địa điểm tôi sẽ xâm nhập.

Ngay từ giai đoạn đầu, khi tôi mới tiếp xúc với ông Cẩn cũng như sau này gặp Hoàng Công An. Các ông đều nói, tôi sẽ phải đi dự một khóa huấn luyện về dù. Nhưng dần dần ít tháng sau; có thể do những diễn biến của điều kiện phòng thủ Bắc, Nam. Hoặc vì lý do gì khác tôi không rõ. Ông Phan nói rằng tôi sẽ ra Bắc, với bao nhiêu đại hình thiên nhiên phức tạp. Tụi Cộng Sản không thể giăng người ra canh gác suốt ngày đêm được. Hơn nữa, hiện nay hải quân của tụi Việt cộng hầu như rất yếu. Tầu tuần tiễu của chúng chỉ quanh quẩn gần bờ. Ít khi chúng dám lảng vảng ra ngoài khơi.

Theo ý kiến của Cục, chính tôi phải chọn vùng tôi sẽ đổ bộ. Vì như vậy, ít nhiều tôi đã quen thuộc địa hình, địa vật, bớt ngỡ ngàng hơn ở một vùng lạ. Đối với tôi, đây cũng là một vấn đề hơi nan giải. Vì khi ở miền Bắc, tôi còn quá bé; không biết được, hoặc nhớ được một vùng biển nào rõ ràng cả. Dĩ nhiên, điểm đổ bộ phải ở một vùng hoang vắng, xa thủ đô Hà Nội, nơi có địa bàn hoạt động của tôi. Tôi nghĩ ngay đến Đồ Sơn. Kỳ Hè 1953, tôi theo một số bạn bè xuống bãi biển Đồ Sơn Hải Phòng tắm, đến chiều tối mới về Hà Nội.

Khi tôi vừa nêu lên địa điểm Đồ Sơn, cả ba người: An, Dale và Brown đều lắc đầu, hoặc xua tay. Đó là cửa biển Hải Phòng, Cộng Sản canh gác rất cẩn mật, gắt gao; không thể đổ bộ được. Tôi moi óc nghĩ mãi, mới nhớ ngày xưa, khi tôi còn học tiểu học ở quê nhà (lúc ấy tôi mới lên 10), có lần nhà trường tổ chức cắm trại ở một miền rất xa, đó là Cồn Vạn. Chúng tôi phải đi qua một con sông rất to, sau này, tôi biết là sông Đáy. Tôi chỉ nhớ mơ hồ chỗ đó mọc rất

nhiều thông, như rừng vậy.

Tôi tìm trên bản đồ chi tiết. Sau một lúc, tôi xác định được vị trí. Brown và Dale hẹn sẽ trả lời tôi sau. Họ còn nghiên cứu thẩm tra. Khoảng 3 ngày sau, họ đến cho tôi biết, vùng đó không thể đổ bộ được. Phía ngoài miền biển đó có đất bồi và những bãi sình lầy, lún thụt lẩn ra ngoài biển đến 5- 6 cây số. Hơn nữa, chỗ rừng thông phía bên trong. Hiện là mấy nông trường lớn, đã và đang xây dựng.

Với quãng đời thơ ấu của tôi, tôi chỉ biết có nơi đó, nên cuối cùng tôi nói:

- Tùy ở trên chọn cho tôi một địa điểm nào gần đấy, khoảng vài chục cây số cũng được. Tôi sẽ mò mẫm tìm vào quốc lộ Một để về Hà Nội.

Mấy ngày sau, Brown đến chỉ cho tôi trên bản đồ lớn. Chi tiết một vùng, thụt lùi về phía Nam:

Chỗ này đã được sưu tra, xác định, cách khoảng 30 cây số so với vùng Bình biết. Nằm giáp ranh giữa hai huyện Kim Sơn của tỉnh Ninh Bình và huyện Nga Sơn của tỉnh Thanh Hóa.

Tôi còn đang quan sát để nắm được một cách khái niệm về những tuyến đường, và những điểm chuẩn của khu vực, Brown lại nói tiếp:

- Nơi đấy là khu rừng non, dài hàng mấy cây số, lau sậy um tùm. Do đó, khi Bình đổ bộ lên, nếu thấy mệt mỏi có thể nghỉ ngơi tùy ý hàng tuần cũng được.

Nghe Brown nói vậy, tôi cũng yên tâm. Tuy nhiên, nhìn trên bản đồ, gần vùng đổ bộ. Trên đường về quốc lộ Một, có một con sông không to lắm. Tôi hơi băn khoăn, chỉ chỗ sông tôi sẽ phải vượt qua, hỏi:

- Chỗ này có cầu không?

Theo quan điểm của tôi khi ấy. Kế hoạch của một công tác bao gồm nhiều khâu. Nhiều khi chuẩn bị kỹ những khâu lớn, khâu khó khăn; nhưng đôi khi chính những việc nhỏ, rất vạch vãnh, lại quyết định sự thành bại. Chẳng hạn, điệp viên chỉ cần qua khúc sông ấy không có cầu, đò. Phải mò mẫm thăm hỏi, để rồi bị bắt ngay chỗ đó. Như vậy, những chuẩn bị chính yếu công phu ở Hà Nội để làm gì?

Tôi đã phát biểu ý kiến này với họ. Sau khi Hoàng Công An dịch lại, mắt Brown sáng lên, nhìn tôi vừa gật đầu, vừa nói:

- Đó là một ý kiến cần thiết, rất hay!

Họ hẹn sẽ trả lời sau, câu hỏi này. Thật là nhanh, tôi không ngờ. Chỉ 3 ngày sau, Brown và Dale đưa đến cho tôi 16 tấm không ảnh loại 40×60 phân. Hình chụp rõ ràng khu vực tôi yêu cầu. Con sông có một chiếc cầu và rất nhiều thuyền bè lớn nhỏ trên sông. Đồng thời cả hình quốc lộ Một và đường xe lửa từ Thanh Hóa về đến Hà Nội.

Lúc đó, chính sự việc này đã làm cho tinh thần tôi được nâng cao thêm qua hai yếu tố:

* Tin tưởng kỹ thuật khoa học chụp hình mà Hà Nội chưa biết.
* Ý niệm được mức độ quan tâm đến công tác của Cục cũng như của Mỹ.

Thời gian này càng gần tới ngày đi, một ngày đi đầy rẫy những hiểm nguy đang đợi chờ. Với muôn ngàn tình huống

đang đợi chờ. Với muôn ngàn tình huống chưa biết. Nhiều lúc đi trên đường phố Sài Gòn, tôi nhìn cảnh tấp nập náo nhiệt xe cộ của đường phố, Nhìn dòng người quần áo đủ mọi mầu sắc ngược xuôi, với những nét mặt đầy vẻ hân hoan, háo hức nỗ lực đi vào cuộc sống ngày mai; mà tôi biết rằng sẽ đầy hương vị và tình người, tôi bâng khuâng. Tôi nhìn từng mái nhà, từng chòm cây, góc phố quen thuộc. Cảnh vật và con người như luyến lưu, như hẹn ước và cũng như giã từ.

Tâm trạng của người sắp từ giã cảnh sống này để đi vào đất địch. Như là đi sang một thế giới khác với những cảnh đời hoàn toàn xa lạ và những tình huống bất trắc, bạn bè thân thuộc không ai hay.

Càng gần ngày đi, tôi càng nhiều lần về với bố mẹ và các em.

Bố ơi! Mẹ ơi! Các em bé bỏng thương yêu ơi!

Những lúc vui đùa hàn huyên với các em. Nhìn dáng thơ ngây, hồn nhiên thân mật của các em. Tự nhiên, một nỗi niềm đã nén chặt trong lòng tôi, như muốn trỗi dậy đầy vơi. Để rồi thì, chỉ còn là những cái nhìn đắm đuối, nghẹn lòng như thần căn dặn: Rồi đây nếu anh ra đi không trở lại. Các em hãy thay anh trông nom, săn sóc bố mẹ. Ai có hỏi anh, các em hãy nói: Anh đã đi xa để trả nợ que hương rồi, nhé! Nhưng, cả hai đứa em gái và một đứa em trai của tôi thật vô tình. Chúng vẫn cứ cười vui, đùa bỡn với tơi như thường. Các em không biết rằng trong lòng tôi sóng gió tơi bời. Thôi đành! Thời gian sẽ nói rõ với các em những gì lòng tôi muốn nói lúc này.

Buổi chiều cuối cùng, trước ngày lên đường, dù công việc chuẩn bị bề bộn. Tôi vẫn quyết dành ra hai tiếng về thăm bố mẹ và các em một lần nữa.

Khi tôi về, chỉ có bố tôi ở nhà, mẹ tôi đã đi nhà thờ chầu. Các em, đứa xin phép đến nhà bạn, đứa xin phép đi xem phim, không còn đứa nào ở nhà. Cảnh nhà vắng vẻ càng làm tăng nỗi niềm đang đè nâng tim tôi. Bố tôi, tuổi đã gần ngũ uần, dáng dấp còn nhanh nhẹn, cường tráng như người 40, nhờ vẫn thường xuyên ôn luyện quyền thuật. Người tưởng tôi về thăm nhà như mọi khi, nên người chỉ quan tâm nhắc nhở tôi một câu, mà người vẫn nói, ngay khi tôi còn nhỏ: "Văn ôn, võ luyện, mày phải thường xuyên luyện tập, để tay chân cứng chắc; tinh thần minh mẫn."

Đến đây, tôi phải trình bày vài nét sơ lược về bố tôi. Khi chưa di cư, còn ở ngoài Bắc. Ông là một võ sư nổi tiếng của huyện. Có lẽ trong đời võ nghiệp, ông đã nhiều lần phải gục mặt, uất hận trước đối thủ. Vì vậy, người đã kỳ vọng vào đứa con trai đầu lòng. Mong rằng sau này nó sẽ làm được những điều mà người chưa, hoặc không làm được trong ngành võ thuật. Ngay từ khi tôi mới lọt lòng mẹ (bố mẹ kể chuyện lại.) Người đã ngâm, tắm tôi nhiều lần bằng những bài thuốc gia truyền, mà người đã dày công sưu tầm được. Người đã bắt tôi, một đứa bé 3- 4 tuổi, tập đứng Trung bình tấn, Xà tấn, Đinh tấn; tập những bài Quý Châu, Mai hoa và Hùng quyền; bắt đứa bé đó phải chịu bao nhiêu khổ luyện suốt mùa Đông rét mướt, cũng như những ngày Hè nóng nực; năm nay qua năm khác. Khi tôi 10 tuổi, người đã gửi gấm tôi cho nhiều võ sư mà người cho là có thực tài. Vị võ sư cuối cùng là Lã Giang Sơn (1948) với hỗn danh "Bạch Tượng." một danh thủ có hạng của Trung Hoa. Âu đó cũng là một cơ may, cơ thể dẻo dai của tôi, sau này mới chịu đựng nổi những gian khổ trong cái nghiệp chướng của đời tôi.

Tôi nhìn vào đồng hồ đã một tiếng rồi, mãi không thấy mẹ tôi đi chầu về. Tôi đang băn khoăn chưa biết phải nói với bố tôi như thế nào, may quá, bố tôi đã bỏ lên lầu; tôi vội vàng xin phép để ra gặp mẹ tôi ở nhà thờ.

Trên đường đi, tôi miên man nghĩ đến mẹ tôi. Tôi vẫn chưa hiểu tại sao hình ảnh người mẹ vẫn đậm nét hơn hình ảnh của người bố ở trong tôi. Khi tôi vào đến cuối nhà thờ, nhìn thấy dáng mẹ tôi đang quỳ, tay lần tràng hạt, miệng lẩm bẩm đọc kinh, đôi mắt người vươn cao trên bàn thờ, một mối xúc động đã dồn ứ trong tim tôi. Nhà thờ chỉ còn lại mươi ông già, bà cả ở lại cuối buổi chầu. Tôi tiến lên quỳ cạnh mẹ tôi. Người quay lại mở to mắt nhìn tôi ngạc nhiên. Ôi! Mắt mẹ tôi nhìn bao la mênh mông như đại dương! Tôi cảm thấy như bé nhỏ lại trong cái nhìn của bà mẹ.

Mẹ ơi! Ôi, tình mẫu tử! Tôi nghĩ rằng, tất cả những ngôn từ đẹp nhất, cao quý nhất của loài người cũng không diễn tả hết được sự cao quý thiêng liêng của tình mẫu tử. Mẹ tôi biết là tôi có việc muốn gặp, nên người làm dấu thánh giá rồi hai mẹ con ra khỏi nhà thờ.

Vừa ra đến ngoài, người đã hỏi ngay, giọng băn khoăn:

- Mày lại có chuyện gì, lại về thế?

Chắc người thấy dạo này tôi về nhà luôn. Tôi nhìn xuống bàn tay mẹ tôi vẫn lần cỗ tràng hạt. Lòng tôi nghẹn lại. Làm sao tôi nói được, tôi về giã từ để đi vào nơi d8ầ bất trắc đang chờ đợi (có thể thuyền bị đắm ở biển khơi, bị công an, bộ đội kẻ thù bắt ngay trên biển và rồi trong đất liền. Có thể, còn lắm chông gai trên đất địch…) Mẹ ơi! Con sắp chia xa cùng mẹ. Có thể chẳng bao giờ con còn được nhìn thấy mẹ nữa.

Có lẽ vì thái độ của tôi, mẹ tôi cảm thấy một chuyện gì bất thường, nên người đặt tay lên vai tôi, giọng lo lắng:

- Con có chuyện gì, hãy nói thực với mẹ đi!

Chỉ một phút yếu lòng khiến mẹ tôi phải lo sợ, tôi vội vàng tươi nét mặt và cười toét:

- Có gì đâu, mẹ! Con về nhà không thấy, nên ra đây gặp mẹ. Vậy thôi!

Nét mặt lo âu của mẹ tôi biến ngay, người đập vào tay tôi mắng yêu:

- Bố mày, thế mà làm tao hết hồn!

Rồi mẹ tôi nói tiếp:

- Chủ nhật này, mày về đưa tao sang khu Bàn Cờ thăm bà bạn nhé!

Tôi chợt hiểu, lại vấn đề cô Nga, Thu Nga. Đã nhiều lần, bố mẹ tôi muốn tôi lập gia đình với con gái của bà bạn này. Làn nào tôi cũng khất lần với lý do sự nghiệp vẫn chưa thành, v…v…Điều chính khiến tôi, thoái thác là, tôi tự nghĩ, trong khi đất nước đang chia hai, xẻ ba, tôi không thể vội vã tìm chuyện ấm êm. Hơn nữa, đã thích nghiệp gió sương, tôi không được quyền làm bận rộn cuộc đời của một người khác. Tôi vẫn thích những câu thơ của Lưu Trọng Lư:

Em là gái trong song cửa
Anh là Mây bốn phương trời.
Anh theo cánh gió chơi vơi,
Em vẫn nằm trong nhung lụa.

Tôi hiểu, ngày Chủ nhật tôi không có lý do gì để từ chối ý kiến của mẹ. Vả lại, chủ trương của tôi là trước khi ra đi, tôi không muốn làm một điều gì, dù nhỏ nhặt, để phật ý mẹ tôi. Cho nên, sau khi mẹ tôi nói, tôi chỉ vâng nhẹ một tiếng. Tiếng "vâng" như còn nằm trong cuống họng. Nếu tinh ý, mẹ tôi sẽ nhận ra tiếng "Vâng" rụt rè đó của tôi. Nhưng có lẽ người cho rằng tại nói đến nhà cô Nga, nên tôi mới ngập ngọng như vậy. Người đã không biết rằng, rồi đây, mãi mãi tôi vẫn không thực hiện được lời hẹn của người. Đứa con trai của người đã ra đi biền biệt, không về. Để rồi mấy chục năm sau, đứa con trai đó may sống sót, mang được tấm thân về, mọi vấn đề, từ đất nước, đến con người, đều đã đổi thay, tang thương, vũng thành đồi.

Ánh nắng chiều phía Tây đã nhạt dần. Không gian cảnh vật cũng đổi mầu tím sậm. Dùng dằng mãi, cuối cùng tôi cũng phải chào và xin phép mẹ về trường. Bất chợt, tôi cầm lấy tay mẹ tôi, nghẹn ngào muốn nói: "Lạy mẹ con đi," nhưng không thốt ra thành lời. Đúng là chân bước đi mà đầu còn ngoảnh lại. Tôi đã ngoảnh lại nhiều lần nhìn bóng dáng nghiêng nghiêng đã thẫm mầu của người phía sân cuối nhà thờ cho tới khi bị khuất hẳn.

Sửa Soạn Lên Đường .....

Theo những quy định thời gian ấy, tôi phải làm một số thủ tục về giấy tờ. Trong đó, tôi phải viết một giấy ủy quyền cho thân nhân.

Đã từ 6, 7 tháng trước, mỗi tháng lương của tôi là 5.000đ không kể công tác phí như thuê nhà, xe cộ.v.v... Vì vậy, nếu vì lý do nào đó mất liên lạc, như bị bắt, chết, v.v... đều được coi như là mất tích, nhà nước sẽ trả lại cho thân nhân 12 tháng lương. Đó, nếu ai đi ra vì tiền, thì 60.000đ là một sinh mạng của một con người.

Thực ra, tất cả những người trong Cục Tình Báo miền Nam đều hiểu, đối với những người ra đi, nếu không vì một lý do nào khác cao đẹp hơn, như non sông, đất nước, thì làm sao số tiền đó có thể mua được họ?

Cục cũng hứa hẹn thật nhiều. Nếu công tác thành công trở về, chính phủ sẽ cho đi nghỉ ở Nhật mấy tháng. Nếu công tác trở về, sẽ v.v... và v.v... Vậy, còn nếu không trở về, thì sẽ được... mất tiêu!

Tôi hiểu đây cũng chỉ là những thủ tục giấy tờ về lương lậu. Vậy mà phải nghe, phải làm những vấn đề này, mặt tôi cứ nóng dần lên. Thật lòng, tôi nghĩ thà đừng có cái mục này, tôi lại còn thấy lòng nhẹ nhàng thích thú hơn, cho nên tôi rất uể oải, lần thần không muốn viết. Mấy lần tôi định nói thẳng với ông An: "Hay thôi, không phải viết nữa. Nếu tôi vào đất địch, bị chết, hay bị mất tích, Cục cứ nói như không có tôi."

Chắc An cũng hiểu những nỗi niềm thầm kín của tôi, nên ông đặt nhẹ tay lên vai tôi, thân mật:

- Tôi hiểu lòng Bình lắm và cả Cục cũng hiểu con người Bình cho nên họ rất quý nể Bình. Bây giờ Bình hãy nghe tôi, viết vài chữ ủy quyền lại cho bất cứ ai như bố mẹ, bạn bè thân thuộc v.v... chỉ là một thủ tục phòng hờ, chứ người ta ra ngoài miền Bắc, đi về chợ ấy như đi chợ ấy, có sao đâu!

Để khỏi phải nói nhiều, tôi ngồi viết nghuệch ngoặc giấy ủy quyền cho bố tôi, tâm tư thầm nghĩ, thôi, nếu có bề gì thì gọi là một chút đền công các đấng sinh thành!

Họ mang đến cho tôi một chiếc ba lô của Nhật, bên trong đựng sẵn một đôi "bốt- đờ- sô" để lội bùn và đi trong rừng, quần áo và một vài trang bị vặt, hầu hết đều sản xuất từ Nhật, riêng cái túi "dết" màu xanh nước biển là của miền Bắc (tôi đoán chắc chiếc túi này của một đồng bào vượt tuyến.) Những thứ trang bị đều dùng để đi từ ngoài biển vào, và sống ở trong rừng, còn quần áo, dép, mũ v.v... để sử dụng trong những vỏ bọc thì chính tôi phải lo liệu lấy.

Tôi nghĩ đến dép "râu" (Bình Trị Thiên.) Nó làm tôi thật vất vả. Tôi phóng xe chạy đôn đáo suốt Tân Định, ông Tạ, Cầu Ông Lãnh tìm mua mà không có. Thậm chí tả kiểu ra đặt thợ làm giầy, họ lại không có nguyên liệu và không biết cách nào. Mãi mới gặp được một ông thợ giày di cư đã từng sống ở vùng Việt Minh làm cho. Tay ông làm, nhưng mắt ông nhìn tôi đầy thắc mắc. Tôi phải nói đây là một "mốt" mới ra lò của học sinh, của tay chơi. Đi dép râu mà lại ngồi trên solex hay vespa thế mới hách. Ông thợ giầy làm sao có thể hiểu được, nên ông tin quá!

Tôi còn phải đi hớt tóc theo kiểu nông thôn miền Bắc, và ra Cấp mấy ngày phơi nắng cho da ngâm đen. Trong khi tôi phải làm những công việc bình thường này. Đầu óc tôi lửng lơ nghĩ về xã hội và con người trong thời đại ngày nay. Vào đất Cộng Sản, hoạt động tình báo cho thế giới tự do, khổ thật. Phải trở về một dạng anh nông dân, quê mùa cục mịch. Ngược lại, Cộng Sản vào đất tự do hoạt động, thì lại lên "complet," kính trắng, phong độ hào hoa. Càng ra vẻ trí thức càng dễ hoạt động. Chính một điều này đã đủ nói lên mức sống của hai xã hội; tương phản cảu hai cảnh đời.

Trong ngày ra Cấp với Hoàng Công An; một buổi tôi đang ngồi đôi mắt nhìn ra biển cả bao la về mãi phía chân trời. Tai đang nghe đài phát thanh Hà Nội, thì chợt một giọng the thé của xướng ngôn viên miền Bắc, tuyên bố về phiên tòa xử vụ C- 47. Nghe loáng thoáng, chiếc phi cơ hoạt động tình báo đã xâm nhập bầu trời miền Bắc. Bị bắn rơi tháng 7 năm 1961 ở Cồn Thơi, Ninh Bình, nhiều người đã chết v.v... Còn mấy người sống sót bị thương nặng. Điệp viên Đinh Như Khoa bị 15 năm tù (mới chạm vào đất liền đã bị bắn rơi, chưa hoạt động gì,) phi công phụ Phan Thanh Vân bị 7 năm tù.

Cái tên Phan Thanh Vân nghe thật quen thuộc, nhưng lúc đó tôi không thể nhớ ra vì còn đang bận tâm về việc xử điệp vụ kể trên. Từ vụ án này, giòng suy tư của tôi cứ len lỏi chảy dài, đẩy đưa về công tác của chính mình.

Tôi vào đất địch một mình, tôi phải quyết định nhiều vấn đề với bao cảnh huống khác nhau chưa thể biết trước. Từ ý nghĩ này, tôi cần phải đặt ra giả thuyết về một số tình huống, để hỏi ý kiến giải đáp của Cục. Có như vậy, khi đã ở trong đất địch; tôi nắm vững để dễ dàng, mạnh bão xử lý. Tôi đưa ý kiến này ra với Hoàng Công An, ông ta vồn vã khuyến khích tôi:

- Ý kiến của Bình rất có giá trị thực tiễn. Bình hãy suy nghĩ; đặt ra những trường hợp bất ngờ, tôi sẽ đưa ngay về Cục để đáp ứng yêu cầu của Bình.

Cuối cùng, tôi đã mầy mò viết một bản 30 câu hỏi để đưa về Cục. Thí dụ:

* Nếu trong hai ngày 16 và 18 theo quy ước. Tôi không gặp đối tượng để trao tài liệu M. Vậy tôi sẽ hủy ngay tài liệu M?

* Cũng làm như vậy với Z5 Hoàng Đình Thọ?

* Nếu trên đường trở về, tôi bị ốm nặng, bị kẹt vì tụi công an truy lùng. Hoặc vì lý do nào đó, tôi không thể đến được điểm hẹn theo thời gian quy định, thì sao?

* Nếu bị bắt tù, sau 2 – 3 năm, tôi trốn được về Nam, thì sao? v.v…

Mấy ngày sau, khi 30 câu hỏi của tôi được đưa về Cục. Hoàng Công An trở lại với bác sĩ Harry trả lời: Trên Cục chỉ giải đáp một số, còn hầu hết những câu hỏi khác để tôi tự quyết định, tùy theo tình hình tại chỗ, sao cho thỏa đáng.

Mãi ngày hôm đó, họ mới trao cho tôi những giấy tờ tùy thân mang theo. Tôi nhìn tờ giấy thông hành mới, với chữ ký phòng công an huyện Vĩnh Linh; thời hạn một tháng. (thời gian công tác của tôi là 25 ngày) tôi đoán rằng, tất cả những giấy tờ đưa cho tôi phải giống hệt như thật. Tôi nhìn, từ con dấu cho đến nét chữ, thật sắc sảo. C.I.A. làm giả, hết chê!

Ngoài mấy bao thuốc lá "Dại Tiền Môn" và hộp quẹt của Trung Cộng (điều này đã nói lên nhiều khía cạnh yếu, kém của C.I.A. và tình báo miền Nam) Anh còn đưa cho tôi 400đ tiền miền Bắc, gồm giấy 5đ, 2đ, 1đ, 5 hào. Bằng cái nhìn về tiền bạc ở miền Nam, tôi cầm 400đ với thái độ không thỏa mãn lắm, vì thấy quá ít ỏi. An đã hiểu ý tôi ngay, nên nói:

- Bình yên tâm, ở trên Cục đã nghiên cứu kỹ. Với 400đ này trong một tháng, Bình có thể bao quát, phòng hờ hết cả. Tiền không thiếu, nhưng nếu Bình mang đi nhiều, đôi khi lại làm ảnh hưởng ngược lại cho công tác. Thông thường, tiêu ở miền Bắc chỉ có giấy 5đ là lớn nhất đấy.

Sau đó, bác sĩ Harry đưa cho tôi một số thuốc bệnh, lọc nước, chống muỗi, và một số hộp lương khô, tăng sức v.v… khi sống trong rừng.

Trước khi về, An còn nhắc tôi xác định lại rõ ràng những quy ước, mật khẩu, tín hiệu v.v…

*

Ngày 20 tháng 4 năm 1962, ngày tôi rời Thành Đô dịu hiền và nhiều tình nghĩa.

Tôi lên đường theo thời gian và lộ trình quy định như sau:

2 giờ chiều ngày 20/4, tôi sẽ rời Sài Gòn, đáp máy bay ra Huế. Tôi sẽ ở lại đấy 2 ngày để ra Bến Hải nghiên cứu và xác định lại một số địa điểm chính của địa hình bên kia bờ khu quân sự Bắc. Sau đó, ngày 22/4/62, sẽ trở về Đà Nẵng, điểm uất phát, để đến điểm đổ bộ thuộc Nga Sơn Thanh Hóa.

Buổi sáng ngày 20/4, ở số 62 đường Trần Hưng Đạo, Dale và Brown báo cho biết: Khoảng 12 giờ trưa, sẽ có một nhân vật cao cấp trong ngành của Mỹ ở Sài Gòn, đến chào vả tiễn đưa tôi.

Đúng buổi trưa hôm đó, một người Mỹ to lớn, bệ vệ cùng đến với bác sĩ Harry. Ngay từ lúc ông ta bước vào phòng, tuy tôi không nhìn trực diện, nhưng tôi biết ông ta không rời một cử chỉ thái độ nào của tôi trong lúc tôi cùng Brown, Dale và An chuẩn bị lại một số trang bị của chuyến đi. Qua đôi kính trắng thật to, mắt ông ta vừa lộ vẻ hân hoan tươi sáng, vừa như tò mò quan sát. Tôi chẳng biết ông ta đang nghĩ gì về tôi, nhưng tôi có một điều chắc chắn, ông ta không thể nghĩ được rằng, người thanh niên trước mặt sắp bước vào đất thù của thế giới tự do – có thể sẽ hy sinh cả mạng sống – đã là chủ một hiệu vàng, nghĩa là từng ngồi trên hoặc cạnh đống tiền. Nếu ông ta biết được như vậy, ông ta mới đánh giá được đầy đủ ý nghĩa chuyến đi của tôi. Cuối cùng, ông ta nắm tay tôi thật chặt, chúc tôi thành công và hẹn gặp lại.

Lần lượt sau đó, Dale, Brown, Harry đều bắt tay tôi, nói rằng không thể ra trường bay đưa tiễn, vì lúc đó ở Sài Gòn rất ít người Mỹ, đi ra đây là điều bất tiện.

Như tôi đã nói, trình độ Anh ngữ của tôi còn thấp, phải nói bằng tay nhiều hơn bằng miệng, đồng thời để hiểu được họ tôi phải dựa vào sự phán đoán là chính. Vì thế, tôi chả nói hết được những điều tôi muốn nói với họ lúc chia tay.

Những thứ dụng cụ trang bị của tôi đều được mang đi trước. 1 giờ 30 tôi và An ra phi trường. Trên đường đi, tôi nhìn lại Đô Thành, có thể là lần cuối, mắt đăm chiêu, lòng ngập ngừng thăm thẳm.

Khi xe tới đường Công Lý, tôi thoáng thấy một anh bạn quen đang song đôi hai chiếc solex cùng với người bạn gái rẽ vào phía đường Yên Đổ. Âm vang của một bài hát quen thuộc từ đâu ùa đến với tôi, như trỗi dậy thành lời:

"Rồi đây, mai này ai hỏi đến tên tôi,
Bạn ơi! Hãy nói đã đi xa rồi..."

Phải chăng đó là điềm báo trước một lần đi không trở lại? Tôi cũng nghe và thuộc nhiều bài hát, nhưng không hiểu tại sao lúc ấy lại chỉ nhớ mấy câu này!

Suốt từ lúc đó ra phi trường, tôi im lặng không nói một lời, lòng vương vấn nặng nề như cái nóng chiều Hè oi ả của Thành Đô. Tôi liếc nhìn sang An, trong cặp kính trắng, mắt An cũng đăm chiêu như đang nghĩ ngợi điều gì.

Xe tới trường bay, tôi thấy ông Lý và ông Cục Trưởng đã có mặt. Đó là lần thứ ba tôi gặp ông Cục Trưởng. Người ta nói "quá tam ba bận," chẳng lẽ tôi không còn lần nào gặp ông nữa ư? Mà đúng, sau đó không bao giờ tôi gặp lại ông.

Nhìn hàng ria mép rậm xì to tướng của ông Cục Trưởng, nhất là đôi mắt dù đã được che khuất sau chiếc kính râm mầu đen bóng, tôi vẫn thấy hai luồng nhỡn tuyến phát ra, có thể những ai là đối thủ sẽ không yên lòng khi phải đứng trước cặp mắt ấy.

Thấy tôi xuống xe, ông nhanh nhẹn chạy lại, nắm chặt tay tôi, niềm nở chào đón, sau đó ông ân cần hỏi:

- Trước khi anh ra đi, anh có yêu cầu bất cứ điều gì không?

Tôi bâng khuâng nghĩ ngợi, tôi cần cái gì nhỉ? Nếu tôi ra đi, thành công chẳng nói làm gì, còn như bị bắt, hay bị chết, tôi cần cái gì? Nếu như vậy, tôi chẳng cần cái quái gì cả. Điều tôi cần, tôi hiểu, kể cả chính phủ miền Nam cũng không làm gì được, đó là, nếu tôi bị bắt, tôi cần được cứu ra. Cho nên, nhìn ông ta, tôi cám ơn và lắc đầu. Cuối cùng, khi bắt tay lúc tôi bước lên máy bay, ông Cục Trưởng đặt nhẹ tay lên vai tôi, dịu dàng thân mật:

- Bình đi vào thực tiễn, biết đâu khi thành công trở về. Bình lại mang kinh nghiệm huấn luyện bổ sung cho chúng tôi.

Tôi hiểu, đó cũng chỉ là một câu xã giao để động viên, khích lệ người ra đi thôi. Nhưng, phải thừa nhận rằng, đó là một câu nói có giá trị thực tế của một người có nhãn quan tiến bộ. Tuy nghĩ như vậy, nhưng tôi chỉ cười, không nói gì. Thấy tôi im lặng tư lự, ông Cục Trưởng nói tiếp giọng sôi nổi:

- Nếu Bình đi công tác thành công trở về, tôi sẽ ra tận Đà Nẵng đón Bình ngay khi còn ở trên hải thuyền.

Tôi ngước mắt, nhìn thẳng vào mắt ông, miệng tôi hơi mỉm cười để làm giảm độ căng sắc của mắt mình. Thì ra, tôi chỉ có giá trị khi thành công! Còn lúc này, chỉ là tiễn đưa lấy lệ! Tuy nhiên, nghĩ cho cùng "Đời là thế!" Nên tôi cười to hơn và bay tay tự nhiên cũng nắm chặt tay ông Cục Trưởng hơn khi từ giã.

Khi tôi và Hoàng Công An xuống trường bay Phú Bài, lại vẫn chính ông Hương lái chiếc xe "díp" dân sự ra đón. Ông

đưa chúng tôi về một khách sạn ở Huế.

Hôm sau, chúng tôi lại ra Bến Hải, nhưng lần này dịch về gần phía cầu Hiền Lương. Tôi ngước mắt đăm chiêu nhìn hai lá cờ đang phất phới tung bay trong gió lộng. Một lá đầy mầu máu, sặc mùi tử khí, giết chóc phía bên kia. Và một lá mầu vàng với ba sọc đỏ hiền hòa phía bên này, tự nhiên lòng tôi suy ngẫm. Hai lá cờ đứng bên nhau đang cùng tung bay trước gió dưới cùng một bầu trời Tổ Quốc, thế mà muôn đời không bao giờ có thể sống chung. Chỉ vì một lá cờ muốn trên trái đất này, chỉ còn lại một mầu duy nhất là mầu của nó. Nghĩa là tất cả mọi mầu cờ khác phải bị tiêu diệt. Ai cũng hiểu đó là lá cờ nào rồi.

Sáng ngày 22/4, ông Hương đưa tôi và An trở vào Đà Nẵng.

Đà Thành với thời tiết bốn mùa của Hà Nội năm xưa đây rồi. Cái lành lạnh của cuối Xuân đầu Hè càng làm cho thành Đà thêm nhiều mầu sắc. Xe đã đi sâu vào giữa phố phường. Do thói quen từ trước, tôi không hỏi và cũng không cần biết khi đến Đà Nẵng sẽ ở đâu, và ai sẽ đón. Chính vì vậy, khi xe ngừng lại trên đường Độc Lập, chéo xa xa phía bên kia là một "bar" giải khát, mang cái tên mỹ miều gợi nhớ "Hà Nội," cả ông Hương và Hoàng Công An đều bắt tay tôi từ biệt, hẹn gặp lại ngày tôi từ bên kia vĩ tuyến trở về. Sau đó, ông Hương chỉ sang quán Hà Nội:

- Bình xách va li váo quán đó chờ, lát nữa sẽ có người đến đón. Từ lúc này, Bình thuộc quyền hạn của người khác.

Vai khoác chiếc ba lô to mầu vàng của Nhật, tay khệ nệ xách chiếc va li, tôi tiến về phía "bar" Hà Nội. Bước chân vào quán, nhìn thấp thoáng qua mấy chậu cảnh hoa lá tốt tươi, tôi thấy bàn này vài sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, bàn kia mấy người Bộ Binh ngồi chung với những người bận Không Quân và thường phục. Sâu phía trong, chỗ sát quầy "buvette" trên những hàng ghế cao, là mấy quân nhân Dù cổ áo óng ánh một vài chiếc mai vàng. Tại một đầu quầy, ba người mặc thường phục, kính trắng đạo mạo, đang ngồi trầm ngâm bên những "phin" cà phê sáng bóng. Quang cảnh trong quán, nổi bật vẫn là ba bộ mặt giai nhân duyên dáng, là lướt trong những tà áo dài bó chẽn những thân hình căng đầy hương sắc.

Tôi hơi ngỡ ngàng băn khoăn, tiến vào một chiếc bàn trống ở trong góc. Chính cái dáng dấp "không giống ai" của tôi đã làm cho hầu hết những người trong quán đều quay lại với những ánh mắt tò mò. Tôi coi như không biết, lựa thế đặt va li và ba lô. Tôi hiểu đây là một trong những tụ điểm gặp gỡ của những giới son trẻ tài hoa nơi Thành Đà, tuy khác nẻo đường nhưng cùng chung sở thích những âm thanh du dương trầm bổng đưa đẩy bên những mầu sắc mơ hồ chìm nổi chung quanh. Một tà áo mầu hoa khế tiến lại nhỏ nhẹ giọng của đất văn vật ngàn năm:

- Dạ thưa anh dùng gì ạ?

Nghe giọng nói của một giai nhân, tuổi trạc đôi mươi, với bối cảnh của chiếc quán, tự nhiên tôi nổi hứng gió sương:

- Một ly Martel "sếch", một Capstan.

Khi cô chiêu đãi đưa rượu và thuốc lá ra, nhìn đôi bàn tay thon dài, óng chuốt duyên dáng khẽ để ly rượu trước mặt tôi. Gợi trí tò mò, tôi ngước lên. Đôi mắt long lanh thăm thẳm soi mói nhìn tôi ngập ngừng:

- Chắc anh mới đến Đà Nẵng?

Hơi mỉm cười như để thừa nhận, tôi hỏi lại nhẹ nhàng:

- Thế cô đoán tôi là dạng người gì đến đây?

Cô cũng mỉm cười, liếc nhìn vào chiếc ba lô và va li rồi dè dặt:

- Chắc anh là nhà chuyên môn, tới mỏ than Nông Sơn…?

Đầu tôi gật gật, nhìn cô như tỏ vẻ thán phục. (Lời đoán của cô, làm tôi chợt nhớ đến tên bạn thân của tôi là Lê Đức Bình, hiện cũng đang trông coi mỏ than Nông Sơn, tôi nghĩ nếu có dịp sẽ tạt vào thăm hắn.) Tuy vậy, tôi cũng lơ đãng phà hết khói thuốc, rồi quay lại khẽ cảm ơn cô, lửng lơ để tùy cô suy nghĩ.

Về sau, tôi mới biết cô này tên là Hiếu. Cô cũng là nguyên nhân trong vụ một anh trung úy Thủy Quân Lục Chiến đã tát cảnh cáo một ca sĩ khá nổi danh của Sài Gòn ngay tại "bar" nay hơn một tháng trước đó.

Ngay từ lúc bước vào quán, tôi đã thắc mắc, suy nghĩ không hiểu sao người nào ở trên Cục lại cho hẹn đón tôi ở cái quán này? Chừng nửa giờ sau, thắc mắc của tôi đã được trả lời. Tôi thoáng thấy bóng ai như dáng dấp của Phan, ngồi trên chiếc xe "díp" dân sự chạy tới và đỗ lại chéo phía xa bên kia đường. Người trên xe bước xuống, đúng là Phan. Tôi hơi ngạc nhiên, ngỡ ngàng. Thì ra từ bốn, năm tháng trước, Phan nói bận công tác xa, chính là ra Đà Nẵng này.

Giữa tôi và Phan đã quen cảnh gặp nhau bất ngờ, tôi thong thả thanh toán tiền, rồi khoác ba lô, xách va li đi ra. Khi tôi vừa khuất xa cửa quán, chiếc "díp" đã chồ tới sát ngay cạnh tôi. Một cái bắt tay thật chặt, bốn mắt mở to, hoan hỷ nhìn nhau.

Trên đường đi, sau những phút hàn huyên của giai đoạn xa cách. Phan quay sang tôi dặn dò:

- Bây giờ "moa" đưa "toa" đến trọ ở một khách sạn. Tên chủ khách sạn là bạn quen của "moa." "Moa" sẽ giới thiệu "toa" là bạn. Con trai của một chủ tiệm vàng ở Sài Gòn, ra đây tìm địa điểm mở chi nhánh. Như "toa" biết đấy, người ta dự đoán là thành phố này Mỹ sẽ vào nhiều, cho nên con buôn các nơi, nhất là tụi ba Tầu, đang đổ xô về đây làm ăn.

Tiếp xúc với Phan từ lâu, tôi đã hiểu tính làm việc quá phóng khoáng của Phan, nhiều khi trở thành tùy tiện, thiếu sự điều nghiên thấu đáo. Có thể cho tới khi gặp tôi, nhìn lại con người tôi, Phan đã nghĩ ra là tôi cần phải đóng một vai như vậy mới hợp. Tuy biết vậy, tôi vẫn gật đầu đồng ý, vì Phan hiện đang là người chỉ huy trực tiếp của tôi.

Lát sau, xe tới đậu trước khách sạn Hồng Phát, một khách sạn 6 tầng lầu mới xây; tầng một chuẩn bị mở "buvette." Phan chạy vào một lúc, rồi cùng trở ra với một người đeo kính trắng, đóng bộ đàng hoàng, khoảng 40 tuổi. Phan giới thiệu tôi, rồi chỉ ông đó:

- Đây là anh Yến, chủ khách sạn này, đồng thời anh còn là chủ một khách sạn lớn nữa ở Sài Gòn.

Phan cười, hất hàm về phía tôi, nói với anh Yến:

- Đó, bạn "moa," "toa" liệu sắp xếp cho một buồng tiện nghi.

Ông Hồng Phát rất niềm nở cởi mở, ông gọi người quản lý ra hỏi một lúc, rồi quay lại nói với tôi:

- Tôi rất vinh hạnh được quen biết anh. Ở đây buồng số 5 là tiện nghi nhất, nhưng một "xừ" đại tá Mỹ đã ở hơn một tháng rồi, hai ngày nữa y đi. Tôi sẽ ưu tiên dành cho anh. Bây giờ, anh hãy ở tạm phòng 8 cùng lầu 3.

Trong khi hai anh bồi mang va li và ba lô của tôi lên lầu, ông Yến tự tay lấy chìa khóa từ ông quản lý, dẫn Phan và tôi lên theo.

Ngay buổi chiều hôm đó và những ngày hôm sau nữa, tôi hơi ngạc nhiên thấy ông Yến hay chuyện trò, tỏ ra thân mật muốn kết thân với tôi. Nào là sẽ hướng dẫn tôi đi thăm thú thành phố, vân vân… và vân vân.

Khi ông đại tá Mỹ rời đi, tôi đã chuyển về phòng số 5. Những buổi gặp Phan và Yến sau này, tôi đã hiểu họ. Phan hiện là người chịu trách nhiệm tung người ra Bắc, gồm Biệt Kích, người Nhái và những người đi lẻ như tôi v.v…Điểm xuất phát là Đà Nẵng. Một mình Phan một chiếc "Cadillac" mới toanh. Đối với thành phố Đà Nẵng nhỏ hẹp này, Phan là người rất có thế lực. Các giới chức từ Tỉnh Trưởng trở xuống đều nể vì. Ông Yến, tức Lương Hồng Yến; người Tầu. Là một thương gia giầu có, chồng của Thái Lệ Chi, một giai nhân của đất thần kinh. Khổ người và dáng dấp bà Chi hao hao giống bà Trần Lệ Xuân. Chính qua người vợ hương sắc này, ông Yến đã lọt qua nhiều cửa chính quyền, để tiến mãi trên bực thang tiền bạc.

Thấy tôi là bạn của Phan, ông ta nghĩ tôi không những là người có tiền bạc, mà còn có thần thế nữa, cho nên ông ta đã hết mình săn đón. Những buổi chuyện trò thân mật, chính ông đã tâm sự:

- Loại chúng mình luôn luôn là đối tượng mà Cộng Sản muốn tiêu diệt!

Qua câu chuyện và cách ăn nói, mặc nhiên ông ta đã nghĩ tôi cũng trong giới giầu sang như ông ta. Tôi cười thầm, tôi chỉ là loại dân nghèo cùng đinh, làm sao được ở giai cấp giầu sang như ông bạn! Tuy nghĩ thế, vì vỏ bọc, tôi cũng cười tỏ sự đồng tình với ý kiến của ông ta.

Tôi ra Đà Nẵng được 3 ngày, Phan đưa tôi đến một căn nhà ở gần phía cầu Hàn. Ở đây, tôi lại gặp Brown và Dale. Vì

có một số diễn tiến mới, hai ông ra đây trực tiếp thông báo cho tôi. Tôi ngồi nghe và sau đó cùng nghiên cứu, thảo luận lại một số vấn đề về tình hình cũng như tin tức. Ngoài ra, hai ông còn cho tôi biết thêm là hải thuyền tôi đi, phía bên ngoài khơi, sẽ có một tầu của hạm đội 7 đi hộ tống. Hoặc, đang có sự nghiên cứu; lần sau. Nghĩa là trong tương lai, sẽ dùng tầu ngầm, khi đến điểm đổ bộ, dùng xuồng cao su, nhẹ nhàng bí mật tiến vào bờ v.v… Phải nói rằng, ngay lúc đó, tôi chẳng hề tin theo lời Phan. Tôi vẫn nghĩ, đó chỉ là những hình thức dùng để động viên, nâng cao tinh thần, tin tưởng cho người đi hoạt động mà thôi.

Tới hai hôm sau, Phan đưa tôi sang phía biệt khu Hải quân, vào một nơi riêng biệt. Dùng "ca nô" chạy ra phía sau ngọn Sơn Trà để thực tập đổ bộ và chôn dấu vật dụng.

Phần vì đêm khuya, sóng gió lớn ở vùng cửa biển. Phần vì lề lối, tác phong làm việc hời hợt, chiếu lệ. Kiểu "cỡi ngựa xem hoa," nên khi thấy bị ướt át, run lạnh, Phan cũng giục đi về dù tôi chưa làm xong. Tuy cũng có thực tập về hồng ngoại tuyến vài lần, nhưng cũng chỉ là hời hợt thiếu sự mẫn cán thực tế.

Một tuần lễ ở Đà Nẵng, tôi cũng có ý định gặp lại bạn Lê Đức Bình trong mỏ than Nông Sơn. Nhưng rồi công việc bề bộn cho đến phút chót, nên tôi đã không thực hiện được ý định này. Phan thường căn dặn tôi, để tránh nguy hiểm, không nên đi về phía đầu đường Bạch Đằng từ Grande Hotel trở lên. Vì ở đấy, nhiều người Mỹ thường lui tới có thể xẩy ra những vụ lộn xộn gài mìn, gắn lựu đạn v.v… sẽ nguy hiểm cho mình. Trong thâm tâm, tôi hiểu rằng phía ấy là nơi làm việc của cơ quan tình báo. Phan không muốn tôi đến, chứ giai đoạn đó, hầu hết những building mới xây. Thậm chí, ngay khách sạn Hồng Phát, Grand Hotel, v.v… đã đầy rẫy những người Mỹ từ Hạm Đội 7 mặc thường phục vào mướn thuê phòng rồi.

Bão Tố Ngoài Khơi…

Theo quy định, 7 giờ chiều ngày hôm sau. Ngày 28 tháng 4, tôi sẽ xuống hải thuyền đậu ở một nơi riêng biệt bên Biệt khu Hải Quân.

Bên ngoài trời mưa gió. Khung trời Đà Nẵng, chung quanh toàn biển, nên gió thật nhiều. Không gian ẩm thấp, xám xịt. Từng đợt gió mạnh đẩy bạt những hạt mưa nho nhỏ qua khung cửa sổ, hắt vào mãi giường tôi nằm. Cũng chẳng hiểu tại sao, tôi vẫn không muốn đóng khung cửa sổ lại. Cứ nằm đón nhận từng làn hơi ẩm ướt của gió mưa, buông lơi tâm tư bồng bềnh ngược xuôi chìm nổi.

Đã hơn 10 giờ tối, nằm mãi không ngủ được, đầu óc tôi lướt nhanh soát lại tất cả các vật dụng sẽ mang theo. Tôi đã để lại nguyên chiếc va li cồng kềnh với tất cả hành trang của một đời trai độc thân, với bao ân tình kỷ niệm: Từ chiếc đồng hồ đeo tay (đi công tác, tôi đã được cung cấp một đồng hồ khác, loại chống nước của Liên Xô). Chiếc dây chuyền 3 chỉ vàng chưa hề bao giờ đeo. Tiền bạc, toàn bộ giấy tờ; chiếc ví da, cho đến những thư từ, hình ảnh gia đình và bạn bè. Tôi cảm thấy một Đặng Chí Bình như được lột xác, trút bỏ hết tất cả. Nay cả đến hơi hướng của những cảnh đời đầy hương sắc, để trở thành một Lê Viết Hùng, sẽ ngược xuôi trong một cảnh đời khác. Một cảnh đời lầm than cực khổ của những con người lôi thôi lếch thếch. Làm việc như những con vật, quần quật suốt ngày đêm.

Tâm tư tôi đang chìm đắm trong những cảnh sống của khung trời miền Bắc đang đợi chờ, chợt văng vẳng một giọng hát nho nhỏ cao vút đâu đây: "…Mai anh đi rồi, làm sao em ngăn được, thà vui cho trót đêm nay…" Tôi giật mình, bâng khuâng. Câu hát trùng với hoàn cảnh của tôi làm sao! Không hiểu ai đó lại ca vào đúng lúc này? Không thể dằn được sự tò mò. Tôi bật dậy, tiến tới cửa sổ, nhô hẳn đầu ra ngoài nghe ngóng. Tôi xác định được tiếng hát ở lầu trên. Chẳng rõ nguyên nhân nào thúc đẩy, tôi mở cửa, nhẹ chân rón rén lên lầu, bước dần lại căn phòng vẫn còn tiếng hát lả lơi nho nhỏ. Tôi dựa tường, yên lặng lắng nghe. Giọng ca có lúc như nghẹn ngào than van, nhưng có lúc lại vút cao, lanh lảnh tràn đầy mộng ước.

Nhìn đồng hồ, đã gần 11 giờ đêm, tôi cảm thấy đứng như thế này là một hành động bất nhã. Chỉ vì một bản hát nào đó tôi không biết tên, đã hợp đúng tâm trạng của tôi. Lần bước xuống hẳn dưới nhà. Người bồi và ông quản lý, đang ngồi hút thuốc nói chuyện, thoáng thấy tôi xuống, đều đứng dậy, tưởng tôi cần việc gì. Đắn đo một lúc, tôi hỏi:

- Này, trên phòng 12, ai hát hay thế nhỉ?

Người bồi tên là Lụa, đẩy hẳn cái ghế ra, quay lại. Mắt sáng lên nhìn tôi, giọng Quảng Nam săn đón:

- Trời ơi! Hôm nay thầy mới hỏi, cô là em nuôi tên là Dạ Lý Hương, ca sĩ tài tử đó! Nếu thầy muốn làm quen, mai cháu sẽ giới thiệu cổ cho thầy. Cổ nổi tiếng là cao kỳ, nhưng với thầy, cháu thấy hai người hợp lắm. Cháu bảo đảm, ăn chắc!

Tên Lụa nói líu lo một hồi, cướp hết cả lời ông quản lý. Tôi nghĩ, phần vì hoàn cảnh và điều kiện không cho phép, phần vì còn đang phải dấn thân vào những phương trời giông bão. Không được quyền đa mang những chuyện bận tâm, nên tôi nghiêm hẳn nét mặt, cố nói giọng thật lạnh lùng:

- Cảm ơn anh! Cô ấy đã làm tôi mất ngủ, vì hát giữa đêm khuya!

Nói xong, tôi trở lên phòng, trước 4 con mắt mở to của họ. Lúc này, tiếng hát đã im bặt, nhưng lời ca và giọng hát ấy đã theo tôi về phương trời miền Bắc xa xôi, suốt dài theo năm tháng. Nhất là vào những đêm mưa buồn, không ngủ.

5 giờ chiều hôm sau, Phan đến đưa tôi sang biệt khu Hải Quân. Khi đến gần, một chiếc thuyền đâu khuất trong một vụng nhỏ vắng vẻ. Tuy Phan chưa nói, nhưng qua một số hiện tượng, tôi đã hiểu, đó là chiếc thuyền tôi sẽ đi. Nhìn bề ngoài, chiếc thuyền trang bị như một thuyền đánh cá ở các vùng ven biển. Nhưng theo Phan nói, máy móc được thiết kế thật tốt, có thể chạy từ 10 đến 12 hải lý một giờ. Lúc Phan dẫn tôi xuống thuyền, tôi đã thấy lố nhố 5, 6 người, đa số là thanh niên, mặc toàn quần áo nâu. Hai người làm tôi chú ý hơn cả, đó là một ông già chừng 50- 55 tuổi. Dáng mặt đen ròn mạnh khoẻ. Và một người khoảng 40 tuổi mặc may ô tay còn cầm cái mỏ lết, vừa chui từ hầm tầu lên. Thân hình anh ta trông lực lưỡng, to, cao với những bắp thịt cuồn cuộn, chắc nịch như một lực sĩ.

Sau khi cả 6 người dưới thuyền có mặt đầy đủ, Phan chỉ ông già rồi quay lại tôi:

- Đây là bác thuyền trưởng.

Rồi Phan chỉ tiếp anh chàng có thân hình to lớn, khi nãy:

- Đây là anh thợ máy.

Sau đó, Phan khoa tay nói rằng, những người còn lại đều là thủy thủ. Theo lệnh Phan, một anh chạy lên chỗ xe "díp" mang vật dụng của tôi xuống thuyền. Tôi thấy các anh, các bác dưới thuyền, người nào cũng đen xạm, rắn chắc, khoẻ mạnh. Họ đều là người Công Giáo, vì tôi thấy ai cũng đeo tượng Chúa. Và nhất là ở mé thuyền, mấy cỗ tràng hạt còn đang rung rinh theo đà lắc lư của con thuyền. Tất cả đều là người miền Trung. Khi cả Phan và tôi đã chui vào trong khoang thuyền, Phan quay lại hỏi toàn thể:

- Tất cả những đồ cần thiết đã chuẩn bị đầy đủ chưa, anh em?

Bác thuyền trưởng dõng dạc trả lời:

- Thưa đủ!

Phan hất hàm về phía anh thợ máy:

- Tình trạng máy móc thế nào?

Anh ta trả lời, giọng Quảng Bình chắc nịch:

- Thưa, bình thường!

Bây giờ, Phan mới hướng về tôi, nói với toàn thể những người dưới thuyền:

- Đây là ông cán bộ, đi công tác đặc biệt. Các anh em có trách nhiệm phải đưa ông đến điểm đổ bộ đã quy định. Suốt trên đường đi đến mục tiêu, ông có toàn quyền bảo thuyền quay lại, các anh em phải theo lệnh.

Nghe Phan nói, tôi hiểu, nếu lúc đó, bắt đầu vào thực tế, tôi mất tinh thần, tôi sợ, (một điệp viên vào đất địch mà sợ hãi, dứt khoát chỉ làm hư việc,) thì quay về là đúng. Nếu không, đôi khi còn tác hại hơn, không thể nào mà lường được. Anh sợ, anh quay về, chỉ có một điều hại là công tác chưa thi hành được, chứ địch chưa biết gì cả, và anh chỉ bị kỷ luật như đã định mà thôi, chứ nếu anh đã sợ mà anh cứ vào đất địch, chắc chắn anh sẽ không hoàn thành được công tác và dễ bị địch phát hiện. Địch sẽ khai thác những tài liệu anh mang theo, sự di hại còn to lớn biết chừng nào.

Sau đó, tôi theo Phan lên bờ, Phan đặt tay lên vai tôi, thân mật:

- Tinh thần của "toa" thế nào?

Tôi mỉm cười, đập mạnh vào tay Phan một cái, đùa cợt:

- Đấy, tinh thần tôi đấy!

Phan siết chặt tay tôi, rồi không biết Phan nghĩ thế nào, tự nhiên dang tay ôm chặt tôi, không một lời từ giã, hẹn gặp lại hay chúc thành công. Đó cũng là cá tính của Phan khi chia tay.

Trời đã chập choạng, thuyền bắt đầu rời bến. Xa xa, thành phố Đà Nẵng đã lên đèn. Hơn một tuần lễ ở đây, tôi chưa biết nhiều về Đà Thành, vậy mà tôi cũng thấy vương vấn bâng khuâng. Tôi có cảm tưởng con thuyền rời xa dần khung trời tươi sang để đi sâu vào vùng đen tối mịt mù. Thực sự, con thuyền đã khởi hành lúc 7 giờ chiều, trời còn sáng, để đi dần vào màn đêm. Và từ một vùng yên tĩnh trên sông Hàn, để tiến dần vào vùng sóng gió của biển khơi. Con thuyền đã bắt đầu lắc lư, vật vã với những vạt sóng bạc đầu vùng cửa biển.

Tôi đứng dựa mui thuyền. Đã gần nửa đêm, bầu trời rất thấp, hàng trăm ngàn vì sao nhấp nháy. Tôi đưa mắt nhìn một vòng chung quanh. Tôi có cảm tưởng, bầu trời như một chiếc vung khổng lồ úp xuống mặt nước bao la cùng chiếc hải thuyền cô độc, đang âm thầm rẽ song. Giữa mầu xám xịt mênh mông của biển khơi, là những tảng trắng đục của những lớp sóng bạc đầu trông như đá hoa cương. Chiếc thuyền nhấp nhô nghiêng ngả, đập vào đầu những ngọn sóng, gây lên những tiếng bộc bạch chắc nịch. Làm cho con thuyền rung lên, phát ra những tiếng cọt kẹt…cọt kẹt…

Dù tôi đã uống trước hai viên thuốc chống say sóng do Phan đưa, thế mà tôi vẫn thấy người nôn nao khó chịu. Tôi đành phải chui vào trong khoang nằm nghỉ. Đang vật vờ nửa thức nửa ngủ, tôi bỗng nghe tiếng rổn rang, nặng chình chịch của ông thuyền thưởng:

- Buộc lá cờ vàng, đen lên!

Dù người rất mệt vì say song và đã nôn ói hai ba lần, tôi vẫn phải cố bò lên xem chuyện gì. Trời đã sáng, mọi người đang hướng nhìn về phía mặt trời mọc. Một chiếc tầu mầu trắng toát, cách xa khoảng chừng 5 cây số, đang chĩa mũi về chiếc hải thuyền. Quá xa, và cũng do ánh nắng, tôi không trông rõ mầu cờ của chiếc tầu đó. Thấy anh thợ máy đang quỳ phía mũi thuyền, dán mắt vào chiếc ống nhòm. Tôi cố lần ra, khẽ đặt tay vào vai anh. Anh quay lại, hơi ngạc nhiên khi thấy tôi, anh tươi nét mặt:

- Tầu của ta, không sao!

Rồi anh trao ống nhòm cho tôi. Qua ống nhòm, tôi đã nhìn rõ mầu cờ vàng ba sọc đỏ phía cuối tầu. Và, đó cũng là lúc chiếc tầu đang chuyển mũi về phía trái, tức vào bờ. Tôi nhớ chiều hôm trước, lúc ở biệt khu Hải Quân. Phan đã đưa cho ông thuyền trưởng mấy loại giấy tờ, nói là khi nào có tầu của ta kiểm soát, xuất trình giấy lệnh công tác đặc biệt của trung ương. Nhưng, sao lại còn phải kéo lá cờ hiệu, con con mầu đen vàng? Tôi vào hỏi ông già, thì ra đó cũng là mật hiệu của thuyền đi công tác đặc biệt nữa. Mật hiệu này, luôn luôn thay đổi, có khi hàng ngày, có khi hàng tuần.

Mặt trời đã lên cao, nền trời trong xanh, mặt biển thật yên lành. Tuy vậy, phần vì bị nôn mửa, phần vì tôi không hề ăn uống gì, nên người rất mệt. Mặc dù cảnh biển trời rất đẹp, thật hùng vĩ, nhưng tôi vẫn phải chui vào khoang nằm.

Tôi nằm chập chờn, lúc tỉnh lúc mê, nhưng tôi vẫn theo dõi được những diễn tiến của con thuyền. Khoảng gần trưa, thái độ của mọi người có vẻ thận trọng, dè dặt hơn. Cứ 5, 10 phút, lại một người mang ống nhòm ra phía mũi thuyền quan sát một vòng. Từ ông già thuyền trưởng, cho đến các anh thủy thủ, ai nấy đều trầm tư im lặng, ít nói chuyện hẳn đi. Tôi hiểu, con thuyền đã đi vào vùng biển của miền Bắc.

Ánh nắng đã nhạt dần, một ngày nữa đã trôi qua. Tôi đã biết, từ bác thuyền trưởng đến các anh thủy thủ, trước đây họ đều là dân chài lưới chuyên môn ở Nghệ An. Họ đã chối bỏ bạo quyền vô nhân, khát máu Cộng Sản, di cư vào miền Nam. Họ là những người dân hiền lành chất phác, suốt đời chỉ biết cặm cụi làm ăn. Họ đã ra đi thoát khỏi bàn tay sắt máu của lũ cộng. Họ tìm đến được thế giới tự do. Nhưng, họ còn thấy trách nhiệm của họ với những bà con, thân thuộc còn ở lại, nên họ đã tình nguyện làm công việc này, để góp phần nhỏ bé, giới hạn do cuộc sống đơn giản, ít học thức của họ. Do đấy, tình cảm thương yêu đồng bào, đồng chí thật chân phương thắm đượm gần gũi. Thấy tôi bị say sóng, không ăn uống gì được, người nào cũng săn sóc, giúp đỡ như ruột thịt anh em. Họ nấu từng bát cháo nóng, đưa từng hộp dầu cao với những cử chỉ thật đậm đà, gần gũi, làm tôi vô cùng xúc động. Lại một đêm nữa trôi đi bình lặng.

Sáng hôm sau, mặt trời phía Đông loé sáng được hơn một tiếng đồng hồ, thì mạn phái Tây Bắc, từng cụm mây đen to tướng đùn lên, dần dần che lấp cả bầu trời. Không khí tự nhiên oi nồng khác thường. Mặt biển óng 1ên mầu vàng nhợt.

Mấy ngày này, tôi chỉ húp được sữa, ngồi một lúc hoa mày chóng mặt, tôi lại phải nằm. Gần về chiều, trời vẫn oi ả, giữa biển khơi mà im gió như trong buồng. Nét mặt mọi người đều lộ vẻ lo âu với những hiện tượng không bình thường của thiên nhiên.

Đột nhiên, một anh thủy thủ tay đang cầm ống nhòm ở mũi thuyền, quay lại mặt nhớn nhác, tay chỉ trỏ phía xa xa, miệng nói léo nhéo, nghe không rõ, vì tiếng máy nổ ồn ào. Mọi người, ngay cả tôi, linh cảm thấy một điều bất thường. Dù mệt, tôi cũng cố cùng mọi người đổ xô ra phía mũi.

Xa xa, từ phía trái, tức phía trong bờ, có hai chấm đen đang tiến dần về phía chiếc thuyền. Tôi giằng lấy ống nhòm từ tay anh thủy thủ. Rõ ràng hai chiếc ca nô đen xì. Vì còn quá xa, nên chưa trông rõ cờ hiệu, nhưng ai cũng hiểu rằng, còn chệch vào đâu được nữa, đó chính là ca nô của bộ đội hải quân biên phòng của Cộng Sản. Không nói ra, nhưng mặt người nào cũng tái đi, lấy cái gì để chống đỡ bây giờ? Chịu trận, như con cá đã nằm trên thớt. Tôi liếc nhanh những vật dụng mang theo, tay tôi sờ trong người, mân mê mấy bọc tài liệu con con. Đầu tôi loé lên quyết định, phút cuối cùng sẽ gửi chúng vào lòng biển cả. Dứt khoát, bằng mọi giá không để tài liệu này lọt vào tay kẻ thù.

Những bước chân chạy khẩn trương rầm rập. Những tiếng nói to dằn mạnh của mấy người í ới:

- Mở tốc lực tối đa!

- Bẻ lái chạy theo hướng phải!

- Bỏ lưới lên mui, căng ra!

Hai chấm đen càng lúc càng to, càng rõ ra. Qua bản thân mình, tôi hiểu rằng trống ngực của mỗi người đều tăng nhịp đập theo tiếng máy tầu.

Sau khi những xốn xang chuẩn bị của mỗi người ạm ổn, tuy không ai bảo ai, nhưng cứ thỉnh thoảng, mọi người lại quay nhìn về phía hai chấm đen với những đôi mắt trắng nhợt. Anh thợ máy chui vào khoang, lấy bức hình Đức Mẹ treo cao lên phía vách thuyền. Rồi cũng không ai bảo ai, trừ ông già thuyền trưởng đang lái thuyền, mọi người, anh thợ máy và các thủy thủ, đều ngồi xếp chân bằng tròn làm dấu, nguyện kinh. Tôi cũng ngồi dậy đọc kinh cùng mọi người. Tiếng cầu kinh râm ran theo tiếng máy vang rền. Tuy đọc kinh, nhưng thỉnh thoảng một cái đầu, lại ngoảnh về phía hai chấm đen, lúc này đã to bằng hai con trâu mộng.

Mây đen mù mịt, trời càng thẫm dần. Bỗng nhiên pằng, pằng, pằng pằng! Bốn tiếng súng như xé màng tai mọi người, làm cả 7 cái đầu đều quay về phía hai chấm đen một lượt. Tiếng đọc kinh càng to, càng cấp bách hơn. Mọi người đọc kinh "dọn mình chịu nạn." Khoảng cách của hai chiếc ca nô và chiếc thuyền càng lúc càng ngắn lại. So sức máy của con thuyền với sức máy của hai chiếc ca nô, tôi có cảm tưởng như sức chạy của con gà đối với hai con chó sói.

Đột nhiên, một làn chớp xanh lè nháng lên. Một tiếng nổ làm rung rinh mặt biển, rồi như tiếng gầm của đại bác, rền vang ngang dọc trên bầu trời. Những hạt mưa lạch tạch ngoài mũi, trên mui thuyền. Gió bắt đầu lồng lộn nổi thổi. Sóng cuồn cuộn nổi lên, mưa gió xoáy mịt mù. Chiếc thuyền dựng lên, ngụp xuống, nhấp nhô giữa muôn ngàn núi sóng. Biển trời gầm rú át cả tiếng đọc kinh và tiếng máy của thuyền. Mọi người đều nhìn lại, hai chiếc ca nô đã mờ mịt trong gió mưa.

Thoát cái nạn kẻ thù, lại gặp cái nạn cuồng phong, bão tố của biển khơi. Thuyền đã bẻ lái quay về hướng cũ, vì khi nãy sợ quá nên đã chạy ra hướng đại dương. Mưa bão càng cuồng loạn, tiếng đọc kinh càng lớn. Nhiều lúc, tôi tưởng như chiếc thuyền chìm nghỉm, hoặc vỡ tan ra từng mảnh. Ngồi trong khoang mà mọi người ướt đẫm. Cả chiếc thuyền, chẳng chỗ nào còn khô. Người tôi lúc xô sang góc này, lúc đập vào góc kia. Bác già thuyền trưởng đang xệch miệng gò người đẩy lái thuyền. Một cơn sóng đánh trùm lên, đánh bật văng bác váo trong góc. Ba anh thủy thủ đổ xô ra, một người đỡ bác, hai người kia chộp lẹ vào cần tay lái. Bác già đã vươn ngay dậy được, xông đến tiếp tay cho hai anh thủy thủ đang nghiêng ngả với chiếc bánh lái.

Người tôi lạnh run, mệt lả, vì mấy ngày không ăn. Tôi tưởng chắc phen này sẽ về lòng đại dương, chấm dứt một cuộc đời chìm nổi mưa gió.

Chừng nữa giờ sau mưa tạnh, gió dịu dần, biển khơi đất trời nguôi cơn giận. Màn đêm đã bao phủ cả bầu trời. Tôi đưa mắt nhìn khắp chung quanh, chỉ một mầu xám xịt, chẳng còn thấy bóng dáng hai con trâu điên đâu nữa. Chính chúng cũng đã phải chạy thoát thân, và có lẽ chúng nghĩ rằng, chiếc thuyền bé nhỏ của chúng tôi hẳn đã làm mồi cho cá biển.

Thuyền chạy được 5- 6 giờ nữa, lúc này đã gần 12 giờ đêm. Trời lại bắt đầu nổi gió, và mưa cũng trở lên đầy hạt. Gió thật mạnh, quay cuồng, gió quất vào những khe ngách con thuyền. Gầm rít lên như muốn xé tan con thuyền bé nhỏ, cô đơn, giữa sự giận khùng của đại dương bao la.

Trận bão này thật là khủng khiếp. Người nào cũng phải ôm ghì lấy khung thuyền. Ai cũng thấy nếu lỏng tay, không bị gió dữ thì cũng bị những cơn sóng thần sầu như trái núi hất tung người xuống biển. Chung quanh, mọi người chỉ còn nghe thấy tiếng ầm ầm của sóng gió thét gào. Tiếng máy thuyền như im bặt. Có chăng đây đó, thỉnh thoảng là tiếng kêu Chúa, hoặc gọi cha mẹ, ré lên rồi tắt ngủm trong màn đêm.

Giữa lúc cái sống và cái chết ở cạnh nhau này, tôi thấy ông già thuyền trưởng vung cánh tay như vẫy tôi, miệng của ông há to, tôi không nghe thấy tiếng gọi. Tôi vận sức, nắm chặt khoang thuyền, lết lần từng bước về phía ông. Tôi cảm thấy, ông gọi tôi chắc có việc nan giải. Phần vì người ướt như chuột trong cống, lạnh run, phần khác vì sức tôi quá yếu (hai ngày hai đêm không ăn) nên tôi trượt chân, chới với tưởng đã lao xuống biển nếu tôi không nhanh tay, chộp được một cái cọc ở mé thuyền và cùng lúc đó, hai anh thủy thủ vồ được hai chân tôi kéo lại.

Có lẽ, vì thấy quá nguy hiểm, nên ông già thuyền trưởng vừa gào, vừa ra hiệu cho hai anh thủy thủ khác ra giữ lái thuyền thay ông. Khi ông và tôi đã bò vào được trong khoang, ông nhìn tôi giọng hổn hển ngắt quãng vì rét và vì mệt:

- Đã đến điểm đổ bộ rồi. Chỗ này còn cách bờ khoảng 20 cây số. Với kinh nghiệm chài biển của tôi, trời đang giông bão thế này, nếu thuyền vào bờ, sẽ bị đắm. Vì thông thường, sóng cách bờ 5- 10 cây số dữ dội hơn ngoài biển khơi nhiều. Cơn bão hiện nay chưa biết bao giờ sẽ dứt. Vậy hoàn toàn do cán bộ quyết định đi vào hay đi … về?

Thật là một vấn đề nan giải giữa sống và chết. Bao nhiêu công lao khó nhọc, đã đến đây, chả lẽ quay về? Để có thể quyết định được dứt khoát, tôi hỏi lại ông:

- Hay bỏ neo tại đây, chờ hết bão ta vào?

Ông cười, miệng méo xệu, trong khi ba anh thủy thủ mở to mắt nhìn tôi như nhìn một con quái vật. Cuối cùng, ông già nói gằn giọng như ông đang cãi nhau:

- Không thuyền nào bỏ neo ở giữa biển, dù có bỏ neo cũng không tới, mà nếu có tới, trời đang gió bão thuyền sẽ lướt đi theo sóng không đứng yên. Đậu lại, hoặc chết máy lúc này thì chỉ một cơn sóng cũng chìm nghỉm. Chưa nói, nếu sáng mới hết bão, lúc đó ban ngày, đậu đây, chẳng khác nào chiếc mồi mời tầu công an ra mang vô.

Tôi nhìn ông, tuy mệt và rét mà ông vẫn phải nói nhiều, nói dài. Ông đã gợi hết đường ngõ cho tôi rồi. Vì vậy, sau một phút đắn đo, tôi khoát tay, dõng dạc hai tiếng:

- Quay về!

Óc tôi lướt nhanh, nếu chỉ một mình tôi, sống chết cũng vào, vì đã đi thì dứt khoát chẳng quay về. Nhưng ở đây, còn 6 sinh mạng nữa, mỗi người là một chùm liên hệ gia đình, tôi không được quyền liều lĩnh.

Ba anh thủy thủ cùng ngồi trong khoang nghe tôi nói quay về, mắt họ sáng lên, ngực họ như xẹp xuống vì được xì hơi ra. Ông thuyền trưởng quay lại phía lái, chụm hai bàn tay trước mồm làm loa, gào to:

- Bẻ lái quay về miền Nam. Phải coi chừng chiều gió và sóng.

Các anh thủy thủ đúng là đi biển có kinh nghiệm. Chiếc thuyền nhẹ lướt, quay nghiêng, rồi trực chỉ mũi về hướng Nam. Bây giờ, thuyền lại xuôi gió và sóng. Riêng tôi, vì mệt mỏi và những suy tư, nặng chĩu trong lòng, tôi nằm liệt ở trong khoang, chẳng muốn biết gì nữa ở bên ngoài. Tôi nằm thiếp dần, mê man. Sáng hôm sau, trời yên biển lặng, tôi vẫn chỉ mơ mơ màng màng, rồi tôi lại thiếp đi. Mãi cho tới khi anh thợ máy lay tôi dậy. Tôi nhìn miệng anh nói, nhưng giọng Nghệ An thật khó nghe, có lẽ vì mệt quá nên tai tôi ù lên chăng? Thấy tay anh cầm bát cháo con con đang bốc

khói, và qua ánh mắt, tôi hiểu anh muốn bảo tôi cố ngồi dậy húp bát cháo này! Thái độ của anh, đã xoa dịu phần nào những nỗi niềm nặng chĩu u buồn trong lòng tôi. Tôi chống tay ngồi dậy, đón nhận tình anh. Tôi chỉ biết nhìn anh bằng ánh mắt biết ơn.

Bên ngoài, ánh nắng chiều đã xiên khoai vào khoang thuyền. Sau khi húp hết được bát cháo nóng, người tôi như thêm phần sinh khí. Tôi bò dậy, chui ra ngoài mũi thuyền, ngồi dựa vào mui. Tôi đưa mắt nhìn ra phía chân trời xa xa, nơi có miền Nam thân yêu đang đợi chờ. Đột nhiên, một ý nghĩ len vào hồn, làm tôi tự lự đăm chiêu. Tôi đã bỏ dở công tác phải quay về. Đường đi không đến, dù rằng chẳng phải do mình muốn, tôi vẫn cảm thấy như có áng mây buồn vương vấn trước mắt.

Cảnh chiều tàn trên đại dương làm cõi lòng tôi sầu nặng. Thêm nữa, đây vẫn còn là đất địch, nên tôi lại chui vào khoang.

Một đêm, một ngày nữa trôi qua. Đến đêm thứ năm, kể từ ngày đi, thuyền mới về vĩ tuyến 17, đến phần đất của miền Nam tự do. Như đã nói trên, vì mang một tâm sự không vui, phần khác vì say sóng không ăn uống gì được, làm người càng mệt, nên trên suốt đường về tôi cứ nằm li bì. Mãi tới gần nửa đêm, tôi nghe loáng thoáng nhiều tiếng ồn ào quát tháo. Một vài vệt đèn "pin" chiếu lấp loáng vào trong khoang thuyền. Một chiếc tầu tuần nào đó thuộc Hải Quân của ta, đến kèm sát để hỏi giấy tờ, dù thuyền đã đánh tín hiệu bằng đèn "pin" trước rồi. Một chiếc ca nô nhỏ, trên lố nhố một số người, cặp vào phía mũi thuyền. Tôi không muốn họ nhìn thấy, tôi kéo chiếc chăn đơn che mặt và vẫn nằm yên. Một lúc sau, thuyền lại tiếp tục đi. Mờ sáng hôm sau, thuyền về tới bến cũ trong Biệt Khu Hải Quân.

Chuẩn Bị Chuyến Sau ...

Gần hai giờ sau, khoảng 8 giờ sáng, mặt trời đỏ như một miếng tiết bò to tướng, ở dưới nước từ từ chui lên, làm cảnh vật sáng lung linh một mầu đỏ ửng.

Phan đã đỗ xe trên đường ngay phía trước thuyền, đang đứng nói chuyện với ông già thuyền trưởng và mấy anh thủy thủ. Tôi mở cửa khoang chui ra. Phan quay lại nhìn thấy tôi, mắt Phan mở to rồi nhấp nháy. Dù đã được nghe báo trước, nhưng chắc Phan cũng không ngờ người tôi xuống nhanh như vậy, khi mới chỉ có cách 5 đêm 4 ngày. Lý do chính là trong 4 ngày 5 đêm đó, tôi chỉ húp được ba, bốn bát nước cháo, và lại trải qua nhiều giờ phút căng thẳng. Phan tiến lại nắm nhẹ tay tôi, chỉ hỏi một câu:

- "Toa" có mệt không?

Cho tới lúc lên xe, Phan thấy tôi ít nói hẳn đi. Nếu là người khác, có thể sẽ tưởng rằng, sau một chuyến đi căng thẳng, tinh thần tôi bị xuống. Nhưng, có lẽ Phan đã hiểu nét trầm tư của tôi, nên đã đập vào vai tôi, vừa cười vừa nói:

- Ồ, "L'homme propose, Dieu dispose" (*) mà! "Toa" nghĩ ngợi làm gì!

Đã 5 ngày không rửa mặt, lại đang mặc bộ quần áo miền Bắc, dép râu, mũ cối, nên tôi chui ra băng sau. Mở chiếc va li của tôi, mà Phan đã mang theo từ cơ quan sang cho tôi, để thay đồ.

(*) "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên."

Trên đường về thành phố, Phan nói:

- Bây giờ "toa" chưa thể về Hồng Phát được. "Moa" đã tạm thuê cho "toa" một phòng trong khu vắng vẻ; "toa" hãy về đấy tắm rửa, cạo râu, ăn uống cho lại sức. Chiều mai, "moa" sẽ trở lại đón "toa" về Hồng Phát.

Buồng số 5 đã lại có một người Mỹ khác đến thuê. Nghe quản lý nói họ chỉ ở vài ngày, nên tôi phải tạm ở buồng 14 trên lầu tư. Tầng này cũng có vài anh Mỹ ở mấy buồng, tuy thỉnh thoảng gặp nhau ở lối đi khi ra vào. Họ và tôi cũng chỉ mỉm cười để chào nhau, chứ không nó năng gì.

Hai ngày sau Phan cho biết: "Công tác sẽ lại tiến hành vào ngày 28 tháng 5."

Như vậy, tôi có gần một tháng để nghỉ ngơi, để lấy lại sức và tinh thần. Theo quy ước, ngày đi thường phải là những ngày cuối tháng. Tôi băn khoăn hỏi Phan vì sao đài khí tượng của ta, lại không biết gì về những cơn bão đột xuất?

Phan trả lời:

- Với trình độ và phương tiện của đài khí tượng của mình hiện nay, mình chỉ dự đoán tương đối chính xác về thời tiết trong một thời gian 30 giờ và trong một phạm vi bán kính 300 cây số. Mà điểm đổ bộ lại ở ngoài tầm quá xa và thời gian cũng cách hàng 50-60 giờ, nên thật khó!

Sau khi tôi làm báo cáo gửi đi được 3 ngày, tường trình những nét diễn tiến cơ bản của chuyến đi, có lẽ ở Sài Gòn, những người trên Cục cho rằng cần phải khích lệ, động viên tinh thần tôi, nên một hôm Phan đến bảo sẽ đưa tôi đi gặp một nhân vật của Cục muốn tiếp xúc. Phan đưa tôi tới quán nước "Diệp Hải Dung" khi gần tới nơi, Phan dặn:

- "Toa" vào một mình, tìm một bàn trống, cứ gọi theo ý mình. "Toa" ngồi chờ, sẽ có người đến gặp.

Tôi vào quán, một lúc sau, thoáng nhìn chéo góc đường, tôi thấy một người mặc áo sơ mi trắng ngắn tay, thắt cà vạt. Ông ta khoảng ngoài 40, lái một chiếc xe "díp" dân dự còn mới, bên cạnh là ông Lý, một người miền Bắc tôi có gặp vài lần.

Đậu xe ở một góc xa, người đó và ông Lý xách chiếc cặp đen theo sau, tiến vào quán. Trong quán, cũng đã đông người, hầu hết là thành phần trẻ.

Do sự hướng dẫn của ông Lý, hai người đến bàn tôi. Vì không muốn người chung quanh để ý, nên họ chỉ cười nhẹ và bắt tay tôi, chứ không nói gì cả. Khi đã ngồi, gọi thức uống xong, ông Lý hơi cúi ra giữa bàn nói nho nhỏ nhưng ra vẻ quan trọng:

- Đây là ông Cục phó, có nhã ý muốn ra gặp anh. Vậy, anh cần giải quyết hay đề bạt ý kiến gì, anh cứ nói?

Sau khi nghe ông Lý giới thiệu, tôi nhớ lại qua vài câu chuyện với Phan ở Sài Gòn lúc trước. Tôi đã biết đây là ông Nguyễn Khắc Bình, vì vậy, một lần nữa, tôi hơi nghiêng đầu tỏ vẻ được vinh hạnh gặp ông. Với hàng ria mép xén tỉa cầu kỳ, đôi mắt sâu long lanh thật sắc và làn môi hơi mím lại của ông làm tôi thấy toát ra từ ông ta một nét cương nghị. Có lẽ vì thấy tôi mãi chưa nói gì, ông mỉm cười thân mật:

- Trong người anh có được khỏe không?

- Cảm ơn ông, tôi bình thường.

Tôi chậm rãi trả lời. Mặt ông nghiêm lại, nhưng mắt ông sáng lên, ông nói rành rọt:

- Đọc bản báo cáo tường thuật chuyến đi của anh; chúng tôi thấy anh quyết định quay về như vậy là đúng. Điều đó, chứng tỏ anh là người thận trọng, cân nhắc. Vậy, sau chuyến đi vừa rồi, anh có những cảm nghĩ gì?

Tôi nhìn ông ta:

- Thưa ông, cảm nghĩ thì nhiều, nhưng có một ý nghĩ đã lấn át tất cả. Chuyến đi không thành, phải quay trở lại, dù rằng ngoài ý muốn, lòng tôi vẫn nặng nặng không vui.

Ông ta gật gật đầu, mấy ngón tay để trên bàn cũng đập nhè nhẹ theo nhịp gật. Ông mỉm cười, quay lại ông Lý như chia xẻ nhận xét:

- Chính điều đó đã thể hiện chí khí của anh. Lâu nay, chúng tôi nhìn về anh đã không sai! Bây giờ anh cần gì không? Cục sẽ sẵn sàng giải quyết cho anh!

Tôi còn đắn đo nhìn ông ta, chưa muốn trả lời vội, ông Lý đã nhỏ nhẹ thúc đẩy tôi:

- Tiện có ông Cục phó ở đây, anh có gì khó khăn, dù là còn trong ý nguyện, anh đừng ngại gì cả.

Tôi ngần ngừ là vì chưa muốn trả lời ngay, chứ không phải tôi muốn nói mà còn rụt rè. Tôi nghiêm trang nhìn hai ông:

- Tôi xin ghi nhớ sự quan tâm của hai ông đối với tôi. Hiện nay, về mặt cá nhân tôi, tôi không cần gì cả. Nhưng, về công tác, tôi muốn đề nghị với ông một vấn đề.

Mắt ông Bình hơi sáng lên, những bắp thịt phía hai quai hàm của ông động đậy liên hồi, rồi như ông khích lệ:

- Anh nói đi.

Tôi im lặng, thận trọng một lúc nữa, rồi nhìn thẳng ông:

Qua thực tế của chuyến đi phải quay về vừa rồi, tôi thấy rằng: Sự quan sát theo dõi khí tượng của ta chỉ giới hạn trong một phạm vi nhất định, mà điểm đổ bộ của tôi lại vượt quá xa về cả không gian lẫn thời gian. Do đó, chúng ta không chủ động thực thi được công tác, không những bởi ngăn chặn của đối phương đã đành, mà còn bởi cả thiên nhiên nữa. Vì vậy, tôi xin đề nghị ta kéo lùi điểm đổ bộ vào Nghệ An hay Hà Tĩnh. Tuy đất lạ và sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, nhưng tôi tự thấy, tôi có thể vượt qua. Tôi chỉ cần tìm về được trục chính Quốc Lộ 1 là tôi có thể về tới Hà Nội.

Sau này, tôi đã thấy hậu quả về lời đề nghị đó, chưa nói gì về nội dung, ngay qua thái độ đề nghị của tôi, tôi bắt đầu rơi vào cái bệnh chủ quan, coi thường địch rồi.

Trong khi nghe tôi nói, ngón tay của ông Cục phó vẫn nhẹ đập trên mặt bàn càng lúc càng mau hơn; ông gật nhẹ đầu, rồi như nhiệt huyết của ông được tăng độ, ngón tay ông miết dài trên mặt bàn như dứt khoát:

- Đó là những ý kiến đi sát vào vấn đề, rất thực tế. Anh hãy về viết ngắn gọn, trình bày mạch lạc những ý kiến anh đề nghị, rồi đưa cho ông Phan hay ông Lý đây chuyển về Cục. Chúng tôi sẽ nghiên cứu ngay để giải đáp sáng tỏ đề nghị hữu lý của anh.

Ông nhìn tôi một lúc, rồi gặn hỏi lần nữa:

- Ngoài ra, anh còn cần đề nghị gì cho cá nhân anh?

Tôi vẫn lắc đầu nhè nhẹ:

- Xin để khi công tác trở về.

Dù tôi đã nói như vậy, nhưng ông Bình muốn thể hiện thiện cảm của ông cũng như Cục đối với tôi, ông vừa đứng dậy:

- Tôi đã chỉ thị cho ông Lý đây, bất cứ lúc nào anh gặp khó khăn gì muốn được giải quyết, anh cứ nói với ông.

Trong khi ông Lý vào quầy trả tiền nước, ông Bình bắt tay tôi thật chặt và nói nho nhỏ nhưng rất thật tình:

- Khi được báo cáo anh đi công tác trở về, tôi sẽ ra đây đón anh!

Tôi mỉm cười vì thoáng nhớ lại lời nói của ông Cục trưởng ở trường bay Tân Sơn Nhất hơn 20 ngày trước đây. Sao lại giống nhau thế! Một ông thì tận hải thuyền, một ông thì ở Đà Nẵng. Một vương vấn buồn len lỏi vào lòng tôi.

Trên đường trở về khách sạn Hồng Phát, và cả đêm hôm ấy, lòng tôi vẫn đầy vơi nhiều chuyện về đất nước và con người. Để gạt đi những nỗi niềm nặng trĩu trong lòng, nhớ đến anh bạn Lê Đức Bình. Sáng hôm sau, tôi đến số 80 đường Độc Lập, văn phòng đại diện của mỏ than Nông Sơn, gửi một lá thư nhờ chuyển ngay. Cuối tuần đó, Bình ra Đà Thành liền. Anh đến Hồng Phát gặp tôi, anh mang theo hai người bạn, giới thiệu là Xuân và Sỹ. (Bình với tôi cùng tên, khi còn ở trại Pavie la Mothe, để phân biệt, anh em gọi tôi là Bình "Follis", vì lúc đó tôi thường đi chiếc xe máy dầu của Đức hiệu này. Còn Lê Đức Bình vì có mái tóc quăn, nên anh em gọi là Bình "Xuân".)

Phải nói, tình bạn bè đã sưởi ấm lòng tôi. Sau mấy ngày đây đó bên nhau tâm sự anh nằng nặc đòi tôi phải vào mỏ, đê thăm nhà và vợ con anh. Anh phải về làm việc ngay, vì chỉ xin nghỉ được có 1 ngày. Tôi làm sao có thể nói cho anh biết được chuyện gió mưa của tôi, nên đã hẹn với anh vào dịp khác, cái dịp "Tết Công Gô" sau này.

Ở lại Đà Thành còn Xuân, Sỹ với tôi. Một mình Xuân một chiếc Vespa đời 62 của Ý và một chiếc Peugeot 203. Các anh cũng là những người trong giới tài hoa son trẻ của Thành Đà. Điều thích thú là, các anh và tôi đồng một sở thích: Thiên nhiên. Cho nên từ đấy, hết đi Cửa Đại, Lăng Cô, Mỹ Khê, Thăng Bình để ngắm biển cả bao la, những hoàng hôn lộng gió, những bình minh điệu kỳ mang nhiều sức sống; lại đến Ngũ Hành Sơn, Tam Kỳ, để chiêm ngưỡng cảnh núi đồi hùng vĩ. Bao nhiêu những thắng cảnh của Hòn Ngọc miền Trung! Ôi, quê hương ta, tuy nghèo nàn, lam lũ đạm

bạc nhưng muôn đời vẫn đẹp mãi trong lòng tôi!

Năm ngày sau khi tôi nộp bản báo cáo đề nghị, một buổi sáng, Phan đến cho tôi biết là đề nghị của tôi đã được Cục chấp nhận. Rồi, Phan hân hoan nói tiếp:

- Như vậy thì trở ngại giảm đi rất nhiều, lần này "toa" chỉ phải đi một ngày rưỡi và một đêm rưỡi, nghĩa là trong khoảng 36 tiếng thôi.

Thấy tôi ra dáng băn khoăn muốn hỏi ở đâu, Phan liền vỗ vai tôi, nói rành rọt:

- Yên tâm, vùng này là cuối tỉnh Nghệ An, giáp giới Hà Tĩnh. Đó là quê hương của đám thủy thủ, họ là thổ công ở đấy. Họ sẽ đưa "toa" vào một chỗ hoàn toàn an ninh, tha hồ "toa" nghỉ ngơi thỏa đáng cho khoẻ, rồi mới tìm về Quốc Lộ 1.

Một phần do bản tính làm việc theo lối đại cương của Phan, phần khác, chính tôi cũng đã bắt đầu chủ quan, lơ là với những công việc mà đáng lẽ tôi phải nghiên cứu thấu đáo, cho nên tôi đã không hỏi kỹ là thuộc huyện nào, xã nào, địa hình, địa vật ra sao…Những điều cần được sáng tỏ, tôi lại không hỏi Phan, mà lại chú ý sang một điểm khác:

- Này, những người đưa thuyền họ thật chất phác. Họ phụng sự lý tưởng một cách đơn giản như lời của họ vậy, không cần phải hò hét ồn ào.

Phan cười ré lên, rồi bệ vệ đứng dậy, vừa tiến lại chiếc tủ của tôi vừa nói:

- "Toa" nhận xét đúng đấy!

Rồi như lơ đãng, cầm lọ thuốc bổ, Phan quay lại hỏi tôi:

- "Toa" uống cái loại thuốc này, thấy người khoẻ không?

Thấy tôi gật đầu, Phan rút bút ghi tên thuốc, nói:

- "Moa" sẽ bắt chước "toa" uống một trăm viên xem sao.

Sau đó chỉ là những chuyện phiếm, không còn liên quan gì đến công tác nữa. Hình ảnh của những người đưa thuyền vẫn vương vấn trong tôi, một lần nữa tôi lôi Phan về với họ:

- Ông Phan này, cái người thợ máy, trông tay chân như lực sĩ ấy nhỉ?

Phan lại cười, giơ ngón tay cái ra trước mặt:

- Y là số "dách" đấy, "moa" vẫn gọi y là "Tạc giăng". Bất kể ngày đêm, nguy hiểm thế nào, hễ yêu cầu, y xông vào ngay.

Rồi như để ngắt câu chuyện ở đấy, Phan đứng dậy và bắt tay tôi ra về.

Chuyến Đi Định Mệnh ...

Sớm, muộn, rồi ngày tháng cũng đến mức ấn định. Sau một trận mưa đêm hôm trước, sáng hôm 28/5, khung trời Đà Nẵng không một vần mây. Phố phường cảnh vật như được lau chùi, rửa sạch từ đêm. Khí hậu đầu Hè dịu mát như mùa Thu.

Đã hẹn trước, 11 giờ Phan đến đón tôi, tôi đã lại lột xác của Đặng Chí Bình, một thanh niên của miền Nam tự do đầy hương sắc, để trở thành một Lê Viết Hùng, học sinh lớp 10 bằn xương bằng thịt của vùng Vĩnh Linh khô cằn, lạc hậu, mảnh đất tuyến đầu của cái gọi là xã hội chủ nghĩa.

Hôm đó, cũng là buổi ra đi, buổi giã từ Đà Thành và cả miền Nam hiền hòa nhiều ân tình, để đi về một phương trời đầy chông gai nguy hiểm, lòng tôi thật nhẹ nhàng lâng lâng, Có lẽ một phần vì là chuyến đi thứ hai, đã giảm đi sự xốn xang hồi hộp của buổi ban đầu, nhưng vì còn một phần nữa, nằm sâu kín trong tâm tư tôi. Đêm hôm trước, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi đã liên tưởng đến những quãng đời khi tôi còn sống ở Sài Gòn. Từ hình ảnh những người ruột

thịt thân thương, những bạn bè đầy nghĩa tình, đến những người trong Cục, tất cả đều rõ ràng như một cuốn phim lướt nhanh trước mặt. Tôi hiểu, ít nhiều đã có một số người trông chờ nơi tôi. Rồi, như một niềm thúc đẩy, ngay từ hồi đêm, tôi đã nâng quyết tâm và tự nhủ thầm, phải làm được một điều gì để không ngượng với tấm thân trai, khi đất nước còn trong cảnh chia hai xẻ ba như thế này. Đã ra đi, bằng mọi giá, mọi cách, phải đến bờ: Dù chẳng hay ho, thì cũng phải húng hắng được một vài.

Khi chúng tôi ra đến bến cũ, trong biệt khu Hải Quân, đã 11 giờ 30, mặt trời gần đứng bóng. Chiếc hải thuyền vẫn đậu bến xưa một mình trong chỗ hẻo lánh của Biệt khu.

Ngay từ còn xa, thoáng thấy xe Phan và tôi đến, dưới thuyền đã lố nhố mấy anh thủy thủ quen mặt, quần áo nâu sồng, nét mặt người nào cũng tươi tỉnh như khung trời Đà Nẵng. Khi xe ngừng hẳn, một anh đã quen như lần trước, vội chạy lên bờ, xách chiếc ba lô và vật dụng của tôi xuống. Chỉ mới một lần cùng chia xẻ hiểm nguy mà tình thân thương đồng đội đã nhanh chóng nẩy mầm giữa tôi và các anh các bác. Những chiếc bắt tay nồng hậu, những ánh mắt long lanh gần gũi như ruột thịt anh em! Bến cũ người xưa, công việc làm lại.

Nhớ lại ban sáng, khi tôi đưa bản quy ước đón tôi (Cục và Phan muốn chính tôi viết, tôi sẽ nhớ lâu. Cục sẽ giữ bản viết này), tôi đã khẳng quyết vào ba đêm: 22, 23, và 24 của tháng Sáu. Mỗi đêm hai tiếng, từ 1 giờ đến 3 giờ sáng. Đổ bộ ở điểm nào, sẽ đón ở điểm ấy. Phải phòng hờ ba đêm để dự trù trước những trục trặc trở ngại về phía tôi là chính. Có thể nhỡ xe, nhỡ tầu, trốn chạy, v.v… nghĩa là trăm nghìn thứ chưa thể biết trước. Theo quy định, cứ từ 1 giờ đến 3 giờ sáng, trong ba đêm ước định, tôi sẽ dùng chiếc máy con hồng ngoại tuyến, hình dạng giống như cái ống nhòm hai ống kính, chạy bằng pin, dùng máy ngày nhìn ra biển. Chiếc máy cứ 30 giây, nháy sáng lên một lần, ánh sáng màu hồng xanh. Tia sáng máy này thật nhỏ, thậm chí trong đêm tối, nếu có người chỉ đứng cách xa 10 mét cũng không thấy gì. Thuyền ở ngoài khơi, cách xa hàng chục cây số, trong đêm tối, cũng dùng loại máy này nhìn vào bờ, sẽ nhìn thấy điểm sáng loé lên xanh như làn chớp, từ đó, thuyền theo điểm nháy sáng mà vào. Tôi có cảm tưởng, chúng tôi như những cô nàng và những anh chàng đom đóm bật tín hiệu để tìm nhau trong đêm khuya. Chỉ có khác là khoảng cách quá gần và quá xa.

Tôi đang bần thần nghĩ ngợi, đưa mắt nhìn những người thủy thủ đang mỗi người một việc chuẩn bị cho con thuyền sắp rời bến. Ông Phan đứng nói chuyện với ông già thuyền trưởng quay lại khẽ đập lên vai tôi, cười:

- Làm gì mà mặt thần ra thế?

Tôi quay lại, cũng cười, nói với Phan mà cũng như nói với ông già:

- Tôi linh cảm thấy chuyến này đi dứt khoát, phải đến bờ.

Cả hai, ông già và Phan, cùng cười. Rồi không ai bảo ai, đều ngửng lên nhìn trời, đầu hơi gật như thừa nhận lời tôi nói là có giá trị. Chẳng hiểu vì quên hay cố ý, lần này Phan lên bờ không bắt tay tôi, chỉ đứng giơ tay vẫy vẫy, khi con thuyền từ từ quay mũi rời bến.

Tâm lý của con người thật cũng lạ! Mới khi ra đây, tôi thấy lòng thanh thoát lâng lâng, thế mà lúc con thuyền rời bến, thấy Phan đứng trên bờ với chiếc xe díp. Bóng dáng Phan mặc quần áo trắng nốp, nổi bật giữa mầu xanh của cỏ cây, tôi cảm thấy ngút ngàn xa vời vợi, như hình ảnh của cả miền Nam cũng mất dần, mất dần; nhất là lúc đó một giọng hát trữ tình của một người con gái phát ra từ chiếc radio nào đó của mấy dẫy doanh trại phía mé sông, đang nỉ non réo rắt, trải dài trên sông nước buổi trưa Hè. Tôi không biết bản nhạc này, nhưng không hiểu tại sao, tôi đã nghe bản nhạc đó không bằng tai mà bằng nội tâm, lúc như tha thiết nhắn nhủ, lúc như oán trách giận hờn giống một bài ca tôi thuộc:

"Bến ấy…ngày xưa…người đi…vấn vương…biệt ly…

"Ra đi … bến xưa…ngày ấy…

"Anh như… bóng mây…hồng trôi…

"Về chốn xa vời…lòng nặng…nhớ thương…"

Thuyền đã ra xa. Tiếng hát của chiếc máy phát thanh chỉ còn văng vẳng lẫn vào tiếng máy thuyền. Tự nhiên, mắt tôi nhắm lại, tay tôi bấu chặt vào mui thuyền, rồi như có tiếng hát khác âm vang từ đáy lòng, tôi tưởng tai tôi nghe rõ:

"... Quên đi ... sầu biệt ly, anh còn ... đi theo gió,

"Hát buồn ... nữa chi ... để nhớ ... người đi ..."

Mặt trời đã xế về hướng Tây, vài con hải âu trắng toát đang chao đảo ngang dọc trên nền trời xanh lơ. Thỉnh thoảng, một con lại bay sà xuống, lướt qua mạn thuyền, chiếc mỏ ngúc ngắc nghiêng ngó, nửa như muốn ngừng đáp xuống, nửa như muốn chào tiễn biệt con thuyền ... viễn xứ.

Nhìn về phương Nam mờ mờ chân mây, vài vạt mây màu vàng óng nằm phơi dài trên mặt nước. Không khí chiều Hè trên đại dương vẫn ẩm sệt, hăng hăng, mằn mặn. Bóng chiều của chiếc thuyền ngã dài và nhọn hoắt như một con dao, đang phạt băng băng những ngọn sóng bạc đầu. Gió càng về chiều càng lộng, khiến con thuyền càng nhấp nhô lên xuống. Trong sách vở trước đây, các văn nhân thi sĩ tả cảnh hoàng hôn trên biển cả thật là tuyệt vời. Tôi có ý định sẽ cứ đứng thế này mãi mãi, để chờ cho mặt trời chìm dần và lặn sâu xuống nước, xem thế nào. Nhưng, người tôi đã nôn nao ngất ngư bởi con thuyền rồi, vì vậy, tôi đành bỏ cái dịp ngàn năm một thuở đối với tôi này, để chui vào khoang thuyền nằm bẹp. Lúc tôi đang chuẩn bị cái thế để nằm sao cho đỡ say sóng, thì anh thợ máy, hai tay đen nhẻm dầu mỡ, từ dưới hầm thuyền chui lên. Nhìn chiếc lưng và đôi bàn tay đồ sộ của anh, tôi đanh định nở một nụ cười để chào anh "Tạc giăng" dễ mến lần trước. Tôi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, khi anh quay lại nhìn tôi. Anh có một khuôn mặt trẻ măng với một thân hình lực lưỡng đầy sinh lực. Anh ngập ngừng hơi mất tự nhiên. Một anh thủy thủ đang ngồi dựa một góc khoang đọc sách, có lẽ vừa nãy đã thấy vẻ ngạc nhiên của tôi, nên dù tôi chưa hỏi, anh đã hất hàm về phía anh thợ máy, giọng Nghệ An nghe như hát:

- Anh lần trước, vì có chuyện gia đình, nên không đi, đây là em trai anh ấy.

Thảo nào! Như cùng đúc trong một chiếc khuôn, không những giống nhau về cơ thể mà lại còn cả về nét chất phác hiền lành. Tôi mỉm cười và gật đầu chào, như muốn trao anh niềm cảm mến. Tôi muốn nói chuyện với anh nhiều, nhưng một con sóng giật chiếc thuyền làm tôi đổ nằm xuống. Tôi đành nằm bẹp luôn! Một đêm rồi lại một ngày nữa trôi qua, tôi vẫn rã rượi nằm yên trong khoang, vừa say sóng vừa không ăn gì, tôi chỉ uống được hai ly sữa. Tôi chỉ nhớ mơ hồ vào lúc buổi trưa hôm nay, tuy thuyền đi trên mặt biển chỉ có trời với nước mênh mông, thế mà không khí oi nồng, mồ hôi của tôi ra ướt cả quần áo làm người tôi càng bứt rứt khó chịu.

Những tiếng hò hét quát tháo làm tôi tỉnh hẳn người ra, tôi bò giật dậy, định cố bò ra xem có chuyện gì, nhưng người tôi lảo đảo, hoa mày chóng mặt. Một anh thủy thủ thấy tôi như vậy nên nhanh chân lại đỡ. Tôi vịn tay anh, hỏi giật giọng:

- Chuyện gì thế?

- Có một chiếc thuyền lạ cùng đi hướng mình, nhưng cách xa từ phía trong bờ, nó bám mình hơn hai tiếng đồng hồ rồi!

Để sáng tỏ thêm tôi hỏi tiếp:

- Mắt thường có nhìn thấy không?

- Nhìn kỹ thì chỉ thấy một điểm trắng xám lẫn vào trong sóng, nhưng nhìn bằng ống nhòm, thì rõ là một chiếc thuyền có vẻ to hơn thuyền mình.

- Vừa rồi ông thuyền trưởng hò hét cái gì thế?

Anh thủy thủ nhìn tôi một lúc, rồi dè dặt:

- Anh thợ máy muốn quay mũi thuyền chạy tránh ra khơi nhưng ông già quyết định vẫn thẳng tiến!

Nghe qua sự việc, nếu tôi không mệt mỏi, chóng mặt, tôi phải quan sát cụ thể, rồi có ý kiến. Nhưng, phần vì quá mệt nhọc (ngay từ hôm trước, những khi lịm thiếp đi không kể, lúc nào tỉnh dậy, nôn oẹ mật xanh, mật vàng. Tôi chỉ mong làm sao cho chóng tới điểm đổ bộ, để tôi lên bờ, dù là nguy hiểm. Chứ cứ dập dềnh với sóng gió suốt ngày đêm như thế này, tôi còn thấy sợ hơn.) Phần khác, thấy hiện tình chưa quan trọng lắm, nên tôi nằm vật ra sàn. Tuy vậy, vì sự sống còn, tôi nằm mà bao tâm trí vẫn tập trung nghe ngóng, theo dõi thái độ của ông già thuyền trưởng và các anh thủy thủ.

Mãi đến gần 1 giờ, vẫn chẳng thấy động tĩnh gì khác. Tiếng máy thuyền vẫn bành bạch nổ rền lẫn vào tiếng ì ào của sóng biển. Để cho yên tâm khỏi khắc khoải nghe ngóng, tôi cố chống tay bò dậy, ra hiệu cho một anh thủy thủ đang ngồi gần đấy, anh tưởng tôi muốn ăn, nên đến hỏi:

- Ông muốn uống sữa?

Tôi lắc đầu, hỏi ngay điều tôi muốn:

- Chiếc thuyền lạ bây giờ ra sao?

Anh sáng mắt lên, nói gọn lỏn:

- Nó biến vào bờ rồi.

Chỉ vì lòng thấp thỏm về chiếc thuyền lạ, nên tôi mới nhỏm dậy hỏi, nghe anh nói xong như vậy, tôi lại vật ra nằm. Trời tối đã lâu, lúc này đã chín giờ, tôi vẩn vơ nghĩ lại chuyện buổi trưa. Tuy nằm mà người cứ lắc lư, nhấp nhổm như đưa võng. Kể cũng lạ, tôi rất khoái cưỡi ngựa phi nước kiệu, mà lại không nằm võng được. Tôi nghĩ có lẽ khi xưa bố mẹ đẻ ra và lúc nhỏ đã không cho tôi nằm võng chăng?

Tiếng máy vẫn đều như một bản nhạc đơn điệu đưa dần tôi vào giấc ngủ mê man vì mệt mỏi. Mãi cho đến khi có ai lay chân, tôi choàng dậy. Ông thuyền trưởng già, vẻ mặt khẩn trương, thì thào:

- Dậy đi, ông cán bộ, đã đến nơi rồi, chuẩn bị để vào bờ!

Tôi tỉnh hẳn ra, trời vẫn còn xám xịt, mịt mờ. Con thuyền vẫn nhấp nhô, tiếng sóng đập vào mạn thuyền bành bạch chắc nịch. Phía ngoài mũi thuyền, 4, 5 anh thủy thủ đang lúi húi người bơm chiếc xuồng cao su, người nắp máy nổ. Tôi hiểu giờ phút nghiêm trọng đã đến. Tôi muốn đứng dậy chui ra ngoài, mà người lảo đảo xiêu vẹo. Bác già đã đỡ cho tôi, trong khi cả hai anh thợ máy và 4 anh thủy thủ đang hạ chiếc thuyền cao su xuống nước. Giữa mặt biển bao la, ánh sáng chỉ lờ mờ, không trông rõ mặt người. Thái độ của mọi người đều vội vã, lộ hẳn nét lo âu, căng thẳng.

Ba anh thủy thủ và anh thợ máy đã xuống xuồng cao su. Do sóng lớn, thuyền cao su và hải thuyền cứ nhồi lên thụt xuống ngả nghiêng, nên mọi người phải đỡ tôi và chuyển những vật dụng tôi mang theo đưa xuống xuồng cao su. Người tôi vẫn mệt lả, đến nỗi trong lúc đỡ tôi xuống xuồng cao su, bác thuyền trưởng già và anh thủy thủ còn lại trên hải thuyền đã nắm chặt tay tôi thầm thì: "Chúa phù hộ cho anh," mà tôi không trả lời đáp lại ân tình của họ.

Xuồng cao su đang tiến dần vào bờ. Tiếng máy ro ro rất nhỏ, lẫn vào tiếng sóng, dù ở cách mươi mét cũng không nghe thấy, nhưng có sức đẩy thật mạnh. Chiếc thuyền vẫn lướt sóng tiến dần vào đất liền. Do giờ phút quyết định đã đến, và cũng do nước biển bắn vào mặt tôi, tôi tỉnh hẳn lại, không còn thấy mệt như trên hải thuyền. Tôi muốn biết khoảng cách đến bờ còn bao xa, nên quay lại hỏi một anh ngồi cạnh. Các anh đều khoắng tay rối rít ra hiệu đừng lên tiếng, rồi một anh nghé vào tai tôi thì thầm:

- Hải thuyền xa bờ khoảng 5 cây số.

Tôi nhìn cả 4 anh, chẳng rõ mặt người nào. Tôi chỉ biết anh thợ máy, qua dáng dấp to lớn của anh đang cầm lái. Mặt nước lấp lánh như có trăm ngàn con đom đóm đang đùa bỡn trong những ngọn sóng bạc đầu, lung linh như hàng ngàn những đóa kim cương khổng lồ.

Nhìn về phía bờ xa xa chỉ một mầu đen kịt, tôi tự hỏi trong chỗ đen tối mịt mùng ấy, cái gì đang chờ tôi? Trăm ngàn cái chưa thể biết, ai trả lời được? Tôi cúi nhìn đồng hồ, 01 giờ 15 phút. Quả các anh là những người đi biển đêm có kinh nghiệm. Trước mắt, tôi vẫn thấy chỉ là một mầu đen bao la, thế mà các anh đã tắt máy, rồi hai anh một bên, dùng bốn mái chèo con, nhẹ nhàng đều nhịp đẩy chiếc xuồng đi. Chừng 10 phút, tôi đã thấy mờ mờ phía trước một vệt trắng to, thuyền đã vào bãi cát.

Hai anh đã lội xuống nước. Tôi một tay xách vội chiếc ba lô nặng trĩu vật dụng, một tay xách đôi dép râu. Nhanh nhẹn, một anh phía sau đã đỡ chiếc ba lô cho tôi, còn hai anh phía dưới đã giúp tôi (phải nói, hai anh đã bế tôi đặt hẳn lên chỗ cát khô) để tôi khỏi lội vài mét nước sát bờ. Khi họ giao chiếc ba lô cho tôi xong, bỗng một anh nắm chặt cánh tay tôi, thì thào:

- Anh đi, chúng tôi về!

Rồi các anh vội vàng lên xuồng, quay mũi chèo ra. Mãi lúc tôi định được thần trí, chiếc thuyền cao su chỉ còn mờ mờ phía ngoài đại dương.

Vào Đất Địch ...

Đã bước chân lên bờ, mà người tôi vẫn còn quay cuồng mệt lả, tôi nằm luôn tại chỗ ngoài bãi cát trắng dăm phút cho lại sức. Bây giờ chỉ còn một mình, tôi nhìn vào phía trong, vẫn đen kịt một mầu, không thấy một hình dáng nhà cửa, cây cối. Tuy người chưa hết rã rượi, nhưng theo cái bản tính tự nhiên của sự sinh tồn, tôi vội vơ chiếc ba lô, tay xách đôi dép râu, chúi đầu tiến vào phía trong, chỗ mầu đen, để ẩn nấp nằm nghỉ. Chứ đây là giữa bải cát trắng lồ lộ, nằm làm sao yên. Chạy được vào chục mét, tôi thấy bãi cát có những khoảng, đốm loang lổ mầu đen. Tôi bước chân lên, thì ra là cỏ! Chẳng biết là thứ cỏ quái quỷ gì mọc trên cát lại toàn là gai, đâm vào chân tôi đau nhói. Vội vàng ngồi xuống, tôi thụt chân vào đôi dép râu, rồi tiếp tục lần mò chạy vào sâu nữa, qua hết bãi cát, đất sỏi càng lúc càng dốc lên. Bỗng, tôi bước hụt chân, cả người lẫn chiếc ba lô nặng chịch đều lộn tùng phèo xuống một hố đầy lá và cành cây khô. Sườn tôi đập vào một hòn đá đau điếng, nhưng vì hốt hoảng, căng thẳng, tôi vẫn thục mạng bò lên khỏi hố. Tôi cứ tưởng chiếc hố là cái bẫy của kẻ thù có gài mìn, nó sắp nổ.

Cứ ôm chiếc ba lô lúi húi xê dịch sâu mãi vào phía trong cho đến một lúc người quá mệt, tôi ngồi thụp xuống, ghé sát mặt đất, căng mắt ra nhìn vào màn đêm đen kịt. Nhìn lên nền trời xam xám, bóng mờ mờ của một cây to trước mặt. Tôi lầm lũi tiến về chiếc cây. Tôi đã tỉnh dần, nhìn đồng hồ đã hai giờ hơn. Trời vẫn tối như mực, giơ bàn tay trước mặt không nhìn thấy. Tôi chỉ còn dùng tai, vểnh lên nghe ngóng. Chỉ nghe những tiếng xào xạc của lá cây lẫn vào tiếng rì rào của sóng biển xa xa.

Dựa gốc cây mươi phút đã đỡ mệt, tôi lần mò lấy tay sờ soạng mặt đất chung quanh, xác định địa hình, đào chôn những thứ tôi không cần mang theo. Đất cát nên tương đối mềm. Tôi lần mò lấy chiếc xuổng con trong ba lô. Đã mấy lần thực tập chôn giấu vật dụng trong đêm, tôi hiểu điều quan trọng nhất là không để rơi ra ngoài một hòn đất mới nào. Một chiếc túi to may sẵn, bao nhiêu đất cát đào lên, đều đổ vào đấy.

Trong lúc loay hoay làm việc, tôi nghĩ đến các vỏ bọc trong kế hoạch khai báo khi bị rơi vào tay địch mà Sài Gòn đã huấn luyện cho tôi. Ngay từ khi đó, tôi thấy Cục Tình Báo miền Nam đã đánh giá cộng sản thật ngây thơ. Vỏ bọc 2 và 3 làm sao cộng sản tin được. Sài Gòn không thấy làm như vậy sẽ gặp hai khuyết điểm: thứ nhất, nó sẽ không tin vào một vỏ bọc nào hết. Thứ hai, chắc chắn thân tôi sẽ nhừ đòn của chúng. Cho nên, lúc này tôi quyết định bỏ hẳn vỏ bọc 2 và 3. Tôi đã chôn mấy chục lọ thuốc Tây của vỏ bọc 2, cả lương khô, bi đông lọc nước, chiếc máy hồng ngoại tuyến, 200 đồng tiền miền Bắc, thuốc lá "Đại Tiền Môn", diêm quẹt. Những thứ này xét ra không thực tế, lại vừa kềnh càng lỉnh kỉnh, vừa càng dễ bị phát hiện. Tôi chỉ mang theo hai trăm đồng với một chiếc túi dết, cùng một số quần áo lót, nghĩa là những thứ đã cũ của miền Bắc. Những tài liệu, đựng trong một cái túi tí con, tôi đã khâu phía bên trong quần lót. Tài liệu này, ngay từ khi rời Đà Nẵng tôi đã luôn mang theo trong mình. Dù vậy, tôi vẫn thỉnh thoảng phải cho tay vào sờ, vì đó là linh hồn của chuyến đi.

Vì đã có kinh nghiệm, nên chỉ hơn một tiếng đồng hồ tôi đã chôn giấu hoàn hảo. Làm xong, đưa tay sờ độ dày của lá khô bên cạnh, tôi xoa chỗ chôn vật dụng cho bằng như cũ.

Nhìn đồng hồ 3 giờ 30 phút, quá hồi hộp, căng thẳng thần kinh trong khi làm việc tôi không để ý, bây giờ tôi mới thấy chỗ sườn đau ê ẩm, nhoi nhói. Tôi sờ tay vào không thấy sưng. Tôi tự nhủ, kệ nó, rồi nó sẽ khỏi. Lúc này, tôi mới thấy đói và thấm mệt. Tôi gối đầu lên túi dết, dự định nằm một tý để lấy sức. Vừa mệt, vừa thiếu ngủ tôi thiếp đi lúc nào không hay. Khi tai tôi thoáng nghe tiếng người gọi nhau í ới, tôi giật mình thức giấc. Bò nhổm dậy, tôi mở to mắt, vểnh tai lên, hướng về có tiếng người khi nãy. Tôi nhìn đồng hồ mới 4 giờ 30. Trời vẫn còn tối đen. Tôi ngạc nhiên, hay là tôi mơ. Tôi vẫn nhớ đinh ninh lời ông Phan nói: "Nơi đây có thể nghỉ ngơi hàng tuần thoải mái," nghĩa là khu vực này không có người ở. Với khả năng thính giác của mình, tôi tin là đã nghe đúng, vì vậy tôi tiếp tục nghe ngóng. Nhưng chỉ là tiếng gió rì rào lẫn vào tiếng xào xạc của vài chiếc lá khô rời cành.

Mãi chả thấy gì, vẫn cái im lặng của đêm trường. Một tiếng cú ở đâu xa rúc lên trong đêm khuya, nghe dài lê thê như tiếng thở than của những kiếp người nhiều cực nhọc gian khổ. Tôi lại nằm xuống như cũ. Chưa được mười phút, đột nhiên một tiếng cười dòn ngặt nghẽo của một người con gái, lẫn vào trong gió làm tim tôi thắt lại. Tôi nhỏm bật dậy, tiếng một người đàn ông nghe rõ mồn một:

- Để cái liềm đấy cho tui!

Không còn nghi ngờ gì nữa, với phản xạ tự nhiên, tôi vội vơ lấy cái túi dết và lủi dần, xa hướng có tiếng nói.

Trời sáng dần, mờ mờ, tôi đã nhìn ra cảnh vật. Ngay chỗ tôi ngồi là một chỗ nghĩa địa, lưa thưa một số ngôi mả, lác đác chung quanh vài bụi cây nhỏ cành lá khô cằn như thiếu nước, bụi nào cao nhất cũng chỉ chừng 2 mét. Cả một khu vực, chỉ có một cây to duy nhất chỗ đêm qua tôi đã lần mò tới được. Lướt tầm mắt về những phía xa xa, bao quanh phía trong, toàn là những lũy tre làng ngang dọc. Như vậy, ở đây thật gần xóm làng!

6 giờ, xa xa phía làng, một đoàn người trai gái, liềm hái đang đi về phía tôi. Nhìn quanh, chẳng còn chỗ nào kín đáo để ẩn núp. Gần chỗ tôi đang đứng, chỉ có duy nhất một bụi cây nhỏ, đường kính chừng 2 mét và cao cũng khoảng 2 mét là cùng. Cấp bách quá rồi, tôi đành chui vào đấy, trong khi đoàn người vẫn đang đi tới. Con đường mòn đi qua chỉ cách chỗ bụi cây tôi nấp chừng 6 mét. Trong bụi lại có một ổ kiến vàng to tướng, kiến bò vào chân, vào người tôi cắn nóng ran. Tôi chỉ dám lấy hai tay xoa khe khẽ, không dám làm mạnh vì sợ rung cành lá.

Khi đoàn người đi ngang qua bụi cây, tôi tưởng như nghẹn thở. Nếu có ai đó buồn đi tiểu, rẽ vào bụi cây này, ôi thôi, cuộc đời tôi sẽ… đi đứt! Điều làm tôi hoang mang không ít nữa là họ nói tiếng ríu rít như chim, nhiều tiếng tôi không hiểu được. Tiếng Nghệ An tôi đã biết; ở đây, không phải tiếng đó. Như vậy, đây chỉ có thể là Hà Tĩnh. Thực ra, tôi cũng chỉ suy đoán chứ chưa dám khẳng quyết, vì Phan đã nói rõ ràng: "Chỗ Bình đổ bộ thuộc tỉnh Nghệ An giáp với Hà Tĩnh. Đây là vùng quê hương của họ, họ là thổ công của vùng này. Bình hãy yên tâm!"

Còn một điều nữa, một phần do tinh thần tắc trách của Phan, nhưng phần chính là do tôi. Do tinh thần chủ quan xem thường địch. Tự tin vào khả năng của mình sẽ qua mặt chúng được, cho nên tôi đã không hỏi vùng tôi đến là làng nào, xã nào, huyện nào khi quyết định thay đổi điểm đổ bộ khác. Đó là một khuyết điểm trầm trọng của tôi, người đi vào đất địch để hoạt động.

Nhưng qua thực tế, dù tôi có hỏi kỹ để biết rõ chăng nữa, tôi vẫn bị tình trạng hoang mang như lúc này. Nghĩa là, tôi cảm thấy hải thuyền đã không đưa tôi đến đúng chỗ quy định, mà Phan đã giao ước với họ. Ngồi trong bụi cây, càng suy nghĩ mặt tôi càng nóng lên. Như thế này, thật là đầy cam go, gay cấn: Một người trai Bắc lạ, ở giữa một vùng mà chưa biết đích xác thuộc tỉnh nào, chứ đừng nói làng xóm địa phương.

Lúc này, đoàn người đã xuống ngay một thửa ruộng cách chỗ tôi nấp chừng 200 mét để gặt lúa. Họ cười nói, chuyện trò ầm ĩ. 7 giờ, rồi 8 giờ. Mặt trời chói chang, đỏ như lửa đang bò lên cao từ hướng Đông. Đến đây, tôi mới nhớ lại chiếc mũ cối, vì vội vàng, lại rũ rượi vì say sóng, tôi đã để quên trên hải thuyền. Thật là lúng túng nhiều mặt. Ở trong bụi mãi đâu có được. Trời nắng, khi họ nghỉ gặt, giải lao, họ sẽ kéo vào nơi bóng mát nghỉ ngơi. Tôi bấn cả người lên, ngó ngấp chung quanh. Giá có cách gì bới đất để chui xuống! Phần bị kiến cắn nhiều, lại còn sợ hãi, nên căng thẳng làm tôi tê người đi.

Nhìn lại phía cây to, chỗ tôi chôn giấu vật dụng, cách bụi cây tôi đang nấp chừng 30 mét. Do đêm tối sờ soạng, tôi đã để rơi mấy hòn đất ra ngoài, mà tôi không biết. Hơn nữa, lá phủ ngụy trang chỗ chôn cũng chưa ổn như mình nghĩ. Người tinh ý nhìn thấy, sẽ tò mò, phát hiện ra ngay. Làm sao đây? Đây cũng là chuyện sống chết, tôi phải tìm mọi cách để giải quyết. Tôi lựa một góc khuất do bụi cây che với nơi ruộng của đoàn người đang gặt. Tôi bỏ túi dết lại trong bụi, nằm sấp, bò về phía cây to. ị Tr.31

Tiếp theo trang 18

Tôi nhặt những hòn đất vương vãi đút dần vào túi quần, xáo lại những chỗ lá khô cho đồng nhất, rồi tôi bò về bụi, móc những hòn đất bỏ ra.

9 giờ rồi. Mồ hôi tôi ra ướt đẫm áo, vừa vì tinh thần căng thẳng, vừa vì cái nóng oi nồng của mùa Hè. Mới còn sớm mà sao gió thổi từ hướng Tây nồng nực, gió cũng nóng. Lúc này tôi phải quyết định, dù có bị bắt liền tại đây. Muốn hay không tôi cũng phải chui ra ngay khỏi cái bụi cây quỷ quái này. Vì còn một điều gay cấn nữa, khi sớm, vì sợ và vì bị kiến cắn, tôi không để ý. Bây giờ, trời sáng rõ tôi mới thấy trên đầu và chung quanh tôi, toàn là sâu róm! Trong cuộc đời tôi, không hiểu sao loại này tôi ghê sợ nhất. Tôi chẳng biết sợ thứ gì, dù trong rừng gặp hổ hay rắn. Ngay khi còn đi học ở Sài Gòn, có lần tôi đã trèo vào chuồng cá sấu để sờ da nó. Một vài người bạn thân chẳng có thể làm gì được để bắt tôi phải chiều theo ý họ, trừ khi họ có con sâu róm. Chính tên Đặng Trí Hoàn đã cầm một cành điệp có con sâu róm, đuổi tôi chạy dọc suốt mấy phố chung quanh trại học sinh, để xảy ra một tai nạn giữa hai người đi xe đạp, trên đường phố, đầu năm 1957.

Nghĩ lại lúc ngồi trong bụi cây, bây giờ tôi còn nổi gai ốc lên. Sau này, lúc cộng sản khai thác cung, nếu chúng biết được nhược điểm ấy của tôi, cứ đưa sâu róm dí vào người, không biết lúc ấy tôi sẽ như thế nào. Tôi chui ra khỏi bụi cây ngay! Tay vuốt lại quần áo ngay ngắn, khăn mặt vắt vai, một bên khoác túi dết, tôi đường hoàng đi ra.

Tôi đã có chủ định, cứ phải vào làng. Hiện giờ, tôi chưa xác định được Quốc lộ 1 nằm về hướng nào phía bên trong. Tôi đưa mắt nhìn khắp phía xa xa, trong cái màu xanh bạt ngày của cây và núi, tôi cố chú ý, cũng chẳng thấy vật gì di chuyển. Lúc đó khoảng 9 giờ 30 sáng. Nhìn về phía đoàn người đang gặt, tôi tươi mặt, vừa cười, vừa giơ tay ra hiệu chào và tiến về phía họ. Vài cô gái tự nhiên cười ré lên, tay vẫy vẫy gọi:

- Anh ơi! Đi đâu đấy, xuống đây gặt lúa với chúng em!

Một số thanh niên cũng cười. Tôi cứ tiến bước về phía họ, rồi tay khoẳng lên lia lịa, nói to:

- Chào các bạn, vui quá, lúa năm nay có khá không?

Tôi đi đến nữa chừng, rồi vờ chợt xem đồng hồ tay, tôi ngửng lên, tay chỉ về phía làng:

- Chết đã 9 rưỡi rồi, tôi phải vào gặp ông chủ tịch đã!

Mồm nói, chân tôi quay lại phía làng, vừa đi tới vừa ngoái lại, đưa tay vẫy vẫy:

- Chiều nhé, tôi còn ở lại đây đến chiều!

Các cô rối rít léo nhéo, vẫy gọi tôi. Đi dăm chục mét, tôi quay lại cũng vẫy, mấy chiếc bàn tay giữa ruộng cứ giơ mãi lên vẫy tôi. Đã đi xa, qua được "ca" này, tôi cũng thêm phấn chấn tinh thần. Làm sao họ có thể biết được rằng, tôi vừa ngoài biển vào đây đêm vừa qua. Từ nơi bụi cây, dẫn vào làng là một con đường đất đỏ, dài chừng độ 700 mét. Trời nắng chang chang, đầu lại không mang mũ nón, thật là bất tiện. Trên đường đi tới, sẽ càng khó khăn thêm ra.

Vào tới gần làng, tôi thấy trước một chiếc cổng tre là một người đàn ông cởi trần, mặc chiếc quần đùi đen, khoảng năm chục tuổi, ngồi ngay xuống vệ cỏ. Tay ông ta cầm chiếc roi tre, đập đập vào cây khoai nước dưới ruộng như đùa nghịch chơi một mình. Ngay từ xa còn cách khoảng 200 mét, tôi đã thấy lão nhìn phía tôi rồi, thế mà giờ đây tôi đi gần đến, lão vẫn coi như không biết. Thái độ của lão già làm tôi hơi chờn. Theo lẽ thông thường, trong một xóm làng vắng vẻ, thấy một người lạ đi đến, phải trố mắt ra nhìn mãi mới phải. Khi tôi tới, còn độ 2, 3 mét, tôi phải lên tiếng trước xem sao:

- Chào bác, bác ngồi chơi? Cháu vừa ngồi ngoài đó! (tay tôi chỉ về hướng đoàn người đang gặt phía xa) nói chuyện với các anh chị vui quá. Ở ngoài đó cháu mới uống nước đấy, thế mà vào tới đây đã khát rồi. Cháu vào xin bác ngụm nước nhé?

Miệng tôi nói, chân như có vẻ định đi vào cổng. Tôi đã thấy một căn nhà tranh con lụp xụp, với vại nước để bên cạnh chiếc cầu ao bằng 3 thân tre ghép lại. Tôi chào và nói bấy nhiêu lời, mà lão chẳng trả lời tôi một tiếng. Lão ngước nhìn tôi, rồi đứng dậy đi về phía trong làng, nói mấy tiếng cộc lốc:

- Uống nước thì đi theo tui!

Tôi đã tưởng lão câm, bây giờ lão mới nói. Vậy, từ nãy giờ lão là con người tôi đáng sợ. Lão cứ im lặng đi trước, tay vẫn cầm cái roi tre vung vẩy. Tôi phải phá tan cái không khí nặng nề này:

- Vụ mùa năm nay có khá hơn năm ngoái không bác? Năm ngoái cháu về, chỉ thấy tương đối thôi, bác nhỉ?

Im lặng một lúc, rồi lão trả lời tôi, giọng nhát gừng:

- Cũng khá!

Thật khó bắt chuyện! Thôi cứ đành đi theo lão, rồi sẽ tùy cơ ứng biến. Mà lão dẫn đi uống nước xa thế! Mãi gần giữa làng. Tới nơi, tôi nhìn thấy một sân gạch rất rộng, trên đó mấy người đang gò lưng kéo con lăn lúa bằng đá. Mấy đống khoai lang to tướng bên cạnh sân. Mấy thanh niên nam nữ đang chọn khoai từ đống này sang đống kia. Tôi hiểu ngay, thằng cha già này dẫn tôi vào chỗ chết.

Tôi bỏ lão, sà ngay vào chỗ đống khoai to. Tôi trầm trồ khen những củ khoai lớn và hỏi chuyện mấy người thanh niên đó. Tuy tôi nói chuyện, mắt vẫn không rời lão già chó chết. Lão đi vào căn nhà con phía bên kia sân, trong đó, tôi thấy mấy thanh niên mặc quần áo nâu, mấy khẩu CKC dựng ở mé vách. Tôi đoán là du kích! Lão già ghé tai một

người nói gì đó, và người này nhìn về phía tôi. Phải chủ động, tôi chào mấy người nhặt khoai, rồi đi về phía nhà du kích. Lão già mắc dịch trở ra đường cũ, về ngay. Khi đi qua sân lúa, tôi cúi xuống nhặt một bông lúa lên nhấm. Tôi biết mấy tên du kích đang theo dõi, không bỏ sót một hành động nào của tôi. Tôi vẫn đủng đỉnh ở giữa sân, toi còn nói như đùa với mấy người kéo lúa:

- Như thế này là đốt giai đoạn đấy!

Tôi và mấy người ấy cùng cười vang. Tôi vừa đi vào nhà, vừa gật đầu chào mấy anh du kích. Thấy thái độ tự nhiên của tôi, một anh có vẻ là chỉ huy, cầm cái tích sứt vôi, rót vào một trong 3 cái chén mẻ, cáu ghét đen xì, đang để lỏng chỏng trên chiếc bàn mộc bám đầy bụi đất. Anh vừa cười vừa nói:

- Mời đồng chí uống nước!

Tôi cầm chén nước và xách luôn cả tích nữa. Uống hết, tôi rót tiếp, miệng như nói một mình: "Tại anh Đạt đây! Hôm qua, tôi đã bảo tôi không uống được nữa, anh cứ cố ép, làm từ sáng đến giờ uống bao nhiêu nước. Còn ngủ nhỡ giờ nữa chứ!"

Anh du kích chỉ huy (trong 3 người, tôi chỉ thấy anh ta nói, nên đoán vậy) chừng độ 25 tuổi, nhìn tôi có vẻ hơi ngập ngừng:

- Thế này không phải, đề nghị đồng chí cho chúng tôi xem giấy tờ?

Tôi tươi nét mặt, nhìn anh, tay cho vào túi sau rút ví, miệng nói:

- Hoan nghênh tinh thần cảnh giác cao của các đồng chí!

Tôi mở ví, rút tờ giấy thông hành, nhưng cố ý dềnh dàng cho họ xem thấy bìa giấy nghĩa vụ quân sự, và một số giấy tờ khác. Anh ta cầm xem, tôi coi như không để ý, chỉ tay ra sân nói với hai anh kia:

- Năm nay, vùng mình khá hơn năm ngoái nhiều!

Trong khi đó, tôi thấy thái độ của anh xem giấy tờ có vẻ ngần ngừ. Thực ra, lúc này ruột tôi cũng đang co thắt lại, chả biết giấy tờ có chính xác không, và tình huống này sẽ dẫn tới đâu. Tuy vẫn nhìn ra sân, nhưng tôi không bỏ sót một cử chỉ nào của họ. Tôi thấy anh đó nói nhỏ gì với một anh du kích khác, hình như có nói đến xã trưởng, rồi anh kia nói không có nhà. Sau đó lại nói đến cơ quan, lại nghe hôm nay Chủ Nhật, rồi tôi chỉ nghe thoáng thấy tiếng "Phong". Lúc tôi quay lại, anh du kích chỉ huy cầm giấy, mỉm cười nói với tôi, có vẻ ngài ngại:

- Tôi đề nghị anh (bây giờ y gọi tôi là anh, vì giấy tờ là học sinh) theo anh này lên gặp ông chủ tịch.

Tôi sáng mắt lên, vẻ ngạc nhiên, nói:

- Có phải lên nhà ông Phong phải không?

Anh đó mở mắt to nhìn tôi, rồi gật đầu. Tôi quay lại, vừa kéo tay anh du kích sẽ dẫn tôi đi, vừa nói to:

- Hay quá! Tôi cũng đang định đến nhà ông ấy đây. Vậy thôi, nào ta đi!

Thái độ này của tôi đã làm không khí cởi mở hơn. Anh du kích cầm giấy tờ đi trước, không mang súng. Tôi thấy tình hình không căng lắm.Trên đường đi, tôi tìm mọi cách để kể chuyện trò vui vẻ với anh du kích. Chủ đích trong lòng, tôi chỉ muốn hỏi anh ta đây là làng gì, xã gì, huyện hay tỉnh gì mà thấy điều kiện không thể cho phép. Đã nhiều lần lên tiếng ngập ngừng lên đến cổ họng, rồi lại đành kìm nuốt xuống, chỉ sợ hở cái đuôi ra thì nguy. Đường trong làng vắng vẻ quạnh hiu, lác đác đây đó vài mái nhà tranh trông lụp xụp tiêu điều lẫn vào lũy tre, nghe thật vắng lặng hiu hắt. Trái ngược với trái tim tôi, đang đập thùm thụp như trống làng vào đám.

Tới gần một chiếc ngõ có cổng gạch, anh du kích rẽ vào, tôi biết ngay là nhà tên chủ tịch (không biết là huyện hay xã). Nhìn vào trong, tôi thấy một cái sân gạch, một bà cụ mặc váy nâu, đang khòm lưng hý hoáy cầm chiếc chổi quét ở góc sân. Hai căn nhà làm nối vào nhau thành hình thước thợ, tuy cũng là nhà tranh nhưng rất khang trang sạch sẽ so với những nhà khác trong làng, vỉa hè bó gạch. Khi vào tới sân, một con chó mực con bé tí từ trong nhà bếp ra hè, đứng ngửng đầu lên sủa húng hắng. Bà cụ vừa ngửng lên, mắt hấp háy nhìn chúng tôi, mồm vừa xùy chó. Tôi sà đến

chỗ bà cụ, để một tay lên vai cụ, rồi niềm nở:

- Thưa cụ, cụ còn nhớ cháu không ạ, cụ dạo này có được khoẻ không?

Tôi nói to cho tên du kích cũng nghe thấy. Bà cụ đưa đôi mắt kèm nhèm nhìn tôi ngập ngừng:

- Không dám, chào anh, anh đến chơi!

Trong khi đó, mắt và tâm trí tôi còn đang bám sát từng thái độ, cử chỉ của tên du kích. Đó mới là chính, thái độ của y ảnh hưởng trực tiếp đến sinh mạng của tôi. Tên du kích bước lên nhà trên, rồi đi vào trong buồng. Tôi hỏi bà cụ:

- Ông Phong còn ngủ à cụ?

Bà cụ nói chậm rãi, một cách mệt nhọc:

- Nó, hôm qua đi họp mãi khuya mới về!

Tôi bỏ bà cụ, lên ngay nhà trên để tranh thủ thời cơ. Khi tôi bước vào nhà, thấy tên du kích đang kéo cái điếu bát định hút thuốc. Tôi chưa từng bao giờ hút thuốc lào trước đây, nhưng bây giờ, để tạo không khí chan hòa quen thuộc, tôi cũng sà đến, vê một điếu và hỏi:

- Ông Phong hãy còn ngủ kia à?

Y đã ngậm miệng vào chiếc se điếu, tay đang bật lửa, nên y chỉ gật đầu. Khi y hút xong, thì một người khoảng 35 tuổi, mặc quần đùi màu xám bộ đội đã bạc, đi chân đất, áo sơ mi cháo lòng, da cũng trắng mai mái (chứng tỏ ít ra nắng) đang ở trong buồng bước ra. Mắt còn ngái ngủ, tay đang cầm tấm giấy thông hành của tôi. Tôi quay lại, mặt tươi lên, lớn tiếng:

- Anh Phong, chà bây giờ còn ngủ kia à? Hôm qua tôi ghé xuống Đạt, uống say quá, bây giờ mới ra đây!

Phong như tỉnh hẳn, mở to mắt nhìn tôi, rồi anh ngập ngừng, ngọ nguậy rồi toét thành nụ cười, giơ tay bắt tay tôi. Ánh mắt anh ta thoáng chút ngỡ ngàng. Chắc anh đang băn khoăn lục óc, chả biết đã gặp anh này ở đâu. Rồi có lẽ đổ tại trí nhớ của mình tồi, mặt anh bình thường trở lại, nói một cách xuề xòa:

- Hôm qua họp khuya quá!

Anh ta để tờ giấy xuống bàn, rồi co hai chân lên, ngồi xổm trên ghế. Tên du kích thấy thái độ của tôi với ông Phong như vậy, nên anh ta chào Phong và tôi trở về sân hợp tác xã. Tay đã cầm điếu thuốc, nên tôi đành kéo cái điếu lại, cố gắng hút. Dù tôi không dám rít mạnh, phải kìm ghê lắm, nếu không thì ho, thế mà cũng say đáo để. Phong kéo điếu, bắt đầu hút. Hết say, mặt tôi xụ hẳn xuống nói như phân trần:

- Đấy, anh xem, trước đây tôi khoẻ như vậy, thế mà gần một năm nay, cứ tự nhiên xây xẩm mặt mày.

Thấy nét mặt y trầm tư, tôi nhẹ giọng vẻ thân mật nói tiếp:

- Anh Phong à, tôi học hành như anh đã biết đấy, rất chăm mà cứ học trước quên sau. Cái bệnh tim chó chết này như vậy. Nhiều lúc tôi không muốn sống nữa.

Phong vẻ cảm động, quay lại nhìn con người phờ phạc mệt mỏi (mấy đêm ngày say sóng, không ăn) của tôi, nói như an ủi:

- Làm gì mà bi quan thế! Có bệnh, khoa học ngày nay tiến bộ chữa, sẽ khỏi.

Tôi cười buồn:

- Thực thế! Mới hôm qua ở bến xe, thấy đông người, tự dưng tôi xây xẩm mặt mày. Nếu không có người đỡ, tôi đã ngất, ngã vỡ đầu rồi. Có cái mũ thì cũng lại để quên trên xe. Anh Chí bí thư đoàn đã giục tôi nhiều lần, thậm chí, chính anh phải xin giấy giới thiệu cho tôi ra Hà Nội chữa bệnh, nhân kỳ hè này.

Phong hút thuốc xong, chả để ý gì đến tấm giấy thông hành để trên bàn. Phong vừa cho chân xuống đất định đứng dậy, vừa nói:

- Này, để tôi gửi tiền mua hộ tôi 3 cục "pin" nhé!

Tôi khẽ đập vào tay y, cười:

- Ồ! Anh lạ! Tôi có tiền đây, để tôi mua về rồi hãy tính. Có cần mua gì nữa không, tôi mua một thể?

Phong nghĩ ngợi một lúc rồi lắc đầu. Tôi chậm rãi nói, như thân tình quen thuộc:

- Lúc về, thế nào tôi chả phải ghé vào đây (nhưng thực ra lúc đó, tôi chưa biết đây là đâu), tôi vừa nói vừa cầm tờ giấy thông hành cho vào ví.

Phong còn tiễn tôi ra hè, bắt tay. Tôi chạy lại chỗ bà cụ, cầm tay bà cụ nói:

- Cụ ơi! Cháu đi đây!

Bà cụ lại ngừng quét, ngừng đôi mắt nhập nhèm:

- Phải, anh đi!

Sau này nhiều lúc nghĩ lại, tôi cũng thấy buồn cười. Phong chờ cái thằng chó chết, mãi chả thấy mua "pin" về. Tôi ra khỏi cổng, thấy con đường trước mặt thì cứ đi, chứ cũng không biết con đường sẽ dẫn đến đâu.

Lúc này đã gần 12 giờ trưa, mặt trời càng chói chang như thiêu đốt. Nóng hừng hực, không một ngọn gió, thế mà lòng tôi mát rượi nhẹ nhàng. Chỉ một chút xíu nữa thôi, thì đời tôi đã tịch ở ngay mảnh đất này, nơi tôi đổ bộ. Cho tới nay, tới lúc tôi đang ngồi viết những giòng nỗi niềm này, tôi cũng vẫn chưa biết rõ ràng đấy là đâu. Trên con đường đất trắng bệch vì lâu ngày không mưa, hai bên toàn là ruộng đã gặt rồi, đất cũng đã khô nứt nẻ. Xa xa ngược chiều, một bà cụ đầu đội bó củi đang đi lại. Giữa cánh đồng vắng buổi trưa, tôi quan sát trước sau chả thấy một bóng người, vì thế khi gặp bà cụ, tôi chào vồn vã:

- Trời ơi! Nắng quá cụ ơi! Các cháu đâu không đi làm cho cụ; mà cụ phải vất vả thế này?

Bà cụ thật già, tội nghiệp! Bà cụ này còn già hơn bà cụ nhà tên chủ tịch. Bà cụ hổn hển nói khi tôi đỡ bó cây thanh hao con khô đã rụng hết lá:

- Chúng nó đi hết rồi. Ngày nào tôi cũng phải vào núi để lấy củi đun bếp.

Thấy bà cụ đã quá già, tôi đánh bạo:

- Cụ ơi, cứ đi thẳng đường này là ra đường cái hở cụ?

Bà cụ quay lại, nhìn về phía xa xa, tay cụ vẩy vẩy:

- Cứ đi một thôi nữa là tới đường cái.

Tôi hỏi tiếp:

- Đường nhựa chứ cụ?

Bà cụ gật đầu. Tôi thấy không nên hỏi thêm nữa, sợ khi bà cụ vào làng, lão Phong hoặc du kích hỏi bà cụ là tên đó hỏi cái gì, bà cụ nói ra thì chết. Tôi phải phòng hờ như vậy, vì chỗ này tuy đã xa làng, nhưng giữa đồng trống, biết đâu chả có những con mắt đang theo dõi. Cẩn tắc vô ưu, không chơi dại! Vì vậy, tôi đỡ bó củi lên đầu cho bà cụ, chào rồi đi lẹ.

Bây giờ tôi mới chú ý, xa xa đã nhìn thấy ô tô chạy. Nhìn trải dài cánh đồng bao la xa tắp, tôi thấy vài người đang đi dưới ruộng khô hướng ra phía đường cái, có người đội cái "rương" mà đỏ cạch. Họ đi tắt qua cánh đồng. Tôi cũng bắt chước họ, xuống ruộng nhằm thẳng phía đường cái, bước tới. Một mình lang thang trên cánh đồng rộng, óc tôi miên

man nghĩ ngợi. Tôi nghĩ đến lão Phong chủ tịch. Chắc bây giờ lão đang lục óc xem đã gặp tôi ở đâu! Vậy lão chỉ còn trách cái óc tồi tệ của lão, lão ta đã gặp tôi trong lúc nào đó mà quên rồi. Hội hè họp hành, thiếu gì trường hợp.

Đường Ra Hà Nội ...

Trời trong xanh, vài vầng mây trắng lờ lững trôi về phương Nam, hình như muốn ngừng lại nói với tôi:

- Chào mừng chú mày, ta sẽ về Nam báo cho mọi người biết, chú mày đã thoát được một "ca" đặc biệt!

Hai con cò trắng từ phía núi bay sà đổ xuống mảnh ruộng trước mắt. Tôi đưa mắt nhìn đây đó. Thỉnh thoảng giữa ruộng khô cũng có một vũng nước con đục ngầu. Tôi vục tay mò thấy mấy chú cá rô con, dăm mười con tép nhẩy loi choi. Nếu mà nhà gần đây, tôi đi khắp cánh đồng, chắc sẽ được một bữa ê hề tép kho.

Tôi cứ tung tăng, chân nhẩy choi choi nhởn nhơ trên cánh đồng một mình. Gió thoảng mùi nồng nồng của đất, của những gốc rạ còn lại. Lòng tôi thênh thang mở rộng như cánh đồng này. Chân tôi bước đều, đầu tôi lan man nghĩ đến chiếc bi đông và những viên thuốc lọc nước của Harry cho. Tôi chẳng cần! Chôn tại chỗ, đeo theo càng lỉnh kỉnh. Lúc này, tôi đã thấy khát nước thật sự, nhưng tôi vẫn bằng lòng.

Đã gần tới đường cái, đã nhìn rõ dăm ba mái nhà rải rác dọc theo con đường. Thỉnh thoảng một đám bụi mù cuộn tung, đẩy một chiếc xe đi phía trước. Mặt đường nhựa nhưng đầy ổ gà bụi đất. Gần tới đường cái, tôi phải đi vào con đường nho nhỏ sau mấy căn nhà, mới lên đường nhựa. Những căn nhà ở sát mặt đường cũng lụp xụp nghèo nàn, không hơn gì những căn nhà trong làng. Nhiều nhà vắng người, những tấm phên liếp bằng nứa che kín cửa. Những cây cà cây ớt, vài đám rau muống cằn cỗi đầy bụi đường, trong những mảnh vườn con con phía sau nhà, đã nói lên cảnh đời của những người dân địa phương.

Thật may, ngay gần đấy, tôi nhìn thấy cột cây số đầu sơn đỏ, thân trắng, một phía đề "Kỳ Anh 18cs", một phía đề "Quảng Bình 32cs". Vậy là Quốc lộ 1 rồi! Như thế, rõ ràng đây là tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đây đến ranh giới Hà Tĩnh-Nghệ An phải hàng 30, 40 cây số nữa. Thế có chết con người ta không chứ! Không biết các anh, các bác vì đêm tối mịt mùng nên lầm chỗ, hay vì sợ quá nên vất đại, bỏ của chạy lấy người, bỏ cái nợ để chạy thoát thân? Chẳng biết các anh các bác nghĩ thế nào. Chính tôi cũng như các anh, các bác, lại còn phải sắp lên bờ một mình nữa, biết bao hiểm nguy đón chờ. Như vậy, phải chăng tôi đi vào chỗ chết như thế này, là việc riêng tư của tôi hay sao?

Thấy một quán nước bên đường, ở đầu làng với một cô bé chừng 11, 12 tuổi, mắt toét bán hàng và mấy bác nhà quê đặt quang gánh trước chõng hàng, tôi đường hoàng ghé vào. Tôi mua một tấm mía và hai quả chuối ăn. Trong bụng mấy ngày không ăn, nên tôi muốn ăn cả chục quả, nghĩa là hết chỗ chuối đang bầy đó, nhưng sợ rằng mọi người để ý, nhất là chiếc biển gỗ con đã sứt nẻ, hàng chữ đỏ quạch treo ngay trên vách, phía chéo trước mặt tôi: "Phòng gian, phòng gián, bảo mật." Vừa nhai mía, tôi vừa nhìn tấm biển. Bàn chân tôi rung rung, như đang chia sẻ với niềm rạo rực, hân hoan của dạ dầy. Lần đầu tiên tôi mua hàng trên đất Cộng Sản.

Thỉnh thoảng một chiếc xe ô tô chạy qua, đi vào hoặc đi ra thường chạy tuột luôn. Tôi nhớ lại, qua cuộc phỏng vấn anh lái xe ở trại tiếp đón đồng bào vượt tuyến bên Gia Định, tôi đã biết xe không đón khách dọc đường. Vậy nên, giữa đường, nếu anh giơ tay vời, xin đi không đúng là hành động của người dân miền Bắc trong thời gian ấy. Ngoài một vài chiếc đò cũ rích, còn hầu hết là xe GMC hoặc Molotova hay Commanca của bộ đội.

Ăn xong, tôi tiếp tục đi, lúc này đã hai giờ trưa, trời càng nóng dữ. Dọc theo đường không có một bóng cây, chỉ lưa thưa vài bụi cây con hai bên vệ đường, cũng cằn cỗi mốc meo, đầy bụi bặm. Từ mặt đường, hơi nóng hừng hực bốc lên. Tôi đành cuốc bộ, đầu không nón mũ, đi về phía Kỳ Anh. Qua cách lựa lời thăm hỏi, em bé bán hàng đã cho tôi biết, phải về Kỳ Anh nghỉ trọ ở đó, sáng hôm sau mới có xe đi Vinh. Tôi cũng được biết xã này là xã Kỳ Phương. Từ đây về Kỳ Anh còn 18 cây số nữa. Cái nắng thật kinh khủng, tôi tưởng đến khô người đi. Tôi phải lấy chiếc khăn mặt đội lên đầu, rồi cố rảo bước đi dưới cái nắng đốt da đốt thịt. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao gió cũng nóng. Học địa dư và thời tiết ngày xưa, vùng Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Từ tháng 5 đến tháng 8 có những ngọn gió Lào thổi qua dẫy Trường Sơn nóng vô cùng, gió nóng đến độ có thể làm héo lá cây.

Tôi đi được chừng 2 cây số, xa xa có một cây to duy nhất ở bên đường. Chiếc bóng râm đen đen choáng hẳn một gioi đất, đang đong đưa ngúc ngắc trên mặt đường nóng bỏng, như muốn mời gọi kẻ lữ hành dừng chân trên đường dài đầy nắng lửa.

Trong bóng râm, đã có một chị phụ nữ mang đôi quang gánh với hai chiếc thúng không, đang ngồi nghỉ. Trông thoáng chị khoảng hai mươi lăm, ba mươi tuổi. Chiếc khăn vuông đen buộc chặt mớ tóc dài trên đầu, làm cho bộ mặt

rám nắng của chị như sạm lại. Tôi kéo chiếc khăn lau mồ hôi mặt, rồi cũng ghé vào bóng mát. Tụt một chiếc dép ra lót đít rồi cũng ngồi nghỉ, cách xa chị chừng 2 mét. Tôi ngồi yên lặng, tay cầm chiếc khăn phe phẩy, mắt đăm đăm dõi nhìn giậu mồng tơi trước ngôi nhà con con phía bên kia đường. Giậu mồng tơi không còn lá, chỉ có vài cái ngọn rụt, cằn lưa thưa, còn toàn là dây đỏ quạch, héo tong teo như sắp chết khát. Tuy không quay lại, nhưng tôi biết chị phụ nữ đang nhìn tôi, rồi chị nói bâng quơ:

- Trời nóng quá!

Lúc này tôi mới quay lại nhìn chị. Bàn tay sạm nắng đưa lên nhẹ vuốt mấy sợi tóc mai, môi chị ngập ngừng hơi mỉm cười như chào làm quen một người lạ. Thấy vậy, tôi cũng cười, rồi cũng nói không có chủ từ:

- Nóng đến khô người đi!

Chỉ có hai người, trời nóng, đường vắng, có lẽ thấy tôi có vẻ cởi mở, nên chị nhìn tôi rụt rè nói tiếp:

- Cuộc đời cực nhọc vất vả quá!

Tôi hơi ngạc nhiên, đăm đăm nhìn chị. Chị cúi xuống một lúc, nghiêng người với chiếc khăn con mầu đất, vắt ở đầu quang gánh lau mồ hôi, rồi lại ngửng lên nhìn tôi, dè dặt thăm dò:

- Chẳng biết đến bao giờ dân mình mới đỡ khổ? Bao nhiêu thóc lúa trồng lên cứ phải nhập kho nhà nước hết; còn dân ăn khổ quá!

Câu chuyện và điều kiện đã dồn tôi vào phải đóng vai một cán bộ để giải thích:

- Bây giờ dân mình cực, vì đang giai đoạn thắt lưng buộc cụng để xây dựng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, mọi người hãy tạm chịu khổ.

Tuy chị nghe tôi nói như thế, mặt chị vẫn còn đầy vẻ băn khoăn. Im lặng một lúc, rồi chị hỏi tiếp:

- Thế lúa gạo đem đi đâu?

Đã trót thì trét luôn, tôi ra vẻ hơi ngạc nhiên, trả lời:

- Ô hay, mình làm gì đã chế được máy móc, vì thế, mình phải đem gạo đi đổi lấy máy móc chứ. Hơn nữa, vì nghĩa vụ quốc tế, ta còn phải có trách nhiệm giúp đỡ nhân dân những nước bạn nữa!

Giữa lúc đó, từ phía Quảng Bình, một anh đang cọc cạch đạp chiếc xe đạp đi tới. Sau xe, đèo một số lủng củng những đồ phụ tùng xe đạp đã cũ rỉ. Dáng bộ anh. Từ nét mặt tới cử chỉ, không thể là một tên Cộng Sản. Tuy thế tôi vẫn ngồi yên, mắt lơ đãng nhìn xa xa phía chân trời. Anh đỗ xe, lục đục mãi mới dựng được, vì chiếc chân xe đã quá già. Anh lật chiếc mũ lưỡi trai trên đầu, đen nhẻm đầy dầu mỡ, chắc cũng cùng tuổi đời với chiếc xe. Anh vừa đi vào bóng râm, giữa chị phụ nữ và tôi, vừa quạt lia lịa tìm một chỗ ngồi, mồm kêu "nóng quá!". Giọng anh trọ trẹ, tôi khó xác định. Chị phụ nữ lên tiếng:

- Anh ở Quãng Bình ra hỉ?

Anh gật đầu và nói:

- Tôi về Vinh.

Thấy thế, tôi hỏi ngay:

- Anh sẽ đạp xe về Vinh?

Anh cũng chẳng nhìn tôi, mắt anh vẫn để vào chiếc xe đạp màu sơn đã loang lở, chỉ còn một chiếc thắng, đầy bụi đất. Anh vừa lắc đầu vừa nói:

- Tôi đến Kỳ Anh nghỉ, sáng mai mới đi xe đò về Vinh.

Tôi hơi mừng, vì đã có bạn đồng hành, tôi vội vàng đon đả:

- Tôi về Hà Nội chữa bệnh đây, tôi cũng sẽ đi qua Vinh.

Một lúc sau, chị phụ nữ đứng dậy, quay lại mỉm cười gật đầu chào anh đi xe đạp và tôi, rồi rảo bước trên đường. Tôi trông theo mãi chiếc quanh gánh, nhấp nhô một quãng thật xa, rồi rẽ vào một con đường nhỏ phía bên kia quốc lộ, Sau đó, anh đi xe đạp cũng đứng lên, quay lại nói với tôi:

- Tôi đi trước nhé! Có khi về Kỳ Anh sẽ gặp.

Quen như xe đạp ở miền Nam, tôi định nhờ anh đèo, hoặc tôi sẽ đèo anh cùng đi. Nhưng khi nhìn lại chiếc xe đạp anh dẫn ra đường, tôi có cảm tưởng chính nó cũng đã phải lặc lè mang một mình anh, nên tôi kìm lại, chỉ tươi cười:

- Ừ! Có thể chúng mình gặp lại nhau ở Kỳ Anh thì vui!

Anh gò lưng đạp chiếc xe lọc cọc trên con đường nóng bỏng, gặp ghềnh như nỗi niềm của người dân sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt của loài người!

Còn lại một mình, đường không một bóng người, tôi chưa muốn đi ngay vì chiếc dép râu cọ vào làm chân đã lột da, đau và xót. Đi giầy đã quen, bây giờ xỏ dép râu, lại phải đi bộ xa nên tôi cứ dùng dằng mãi rồi mới đứng dậy đi. Vừa đi, tôi vừa nhìn cảnh vật nhà cửa hai bên đường. Đất Hà Tĩnh thật nghèo nàn khổ cực. Cây lúa ở ruộng chỉ cao chừng 30 phân, mỗi cây chừng 5, 6 bông nho nhỏ, vì ruộng không những thiếu nước mà còn toàn là cát. Tôi nghĩ rằng, người dân ở đây làm được một bát gạo thi phải đổ một bát mồ hôi. Thế mà, chỉ được hưởng một phần mười của bát gạo đó thôi, do cách quản chế bóc lột tinh quái của Cộng Sản. Tôi cứ đi khoảng 2, 3 cây số, thấy một chiếc bụi bên đường lại chui vào trốn nắng. Suốt hai bên đường, hàng chục cây số không có một cây to nào, toàn những bụi cây khô cằn thấp lè tè. Cái đất kinh khủng, cây và cỏ cũng khó mọc.

Một lần, tôi đang ngả người nằm nghỉ cạnh một bụi cây ở mé đường, mặt đường nắng chói chang, hơi nóng hừng hực từ mặt đường nhựa bốc lên làm tôi lóa cả mắt. Óc tôi đang miên man tính những chặng đường phải đi tới, bỗng nhiên một tiếng "soạt" như ai ném một hòn đá vào một bụi cây ở gần đấy. Tôi ngồi bật dậy, lắng nghe, lướt nhanh mắt toàn bộ chung quanh, vẫn im vắng. Không thể có người nào ở giữa đường trống nóng như thiêu này. Dù vậy, tôi phải biết nguyên nhân của tiếng động vừa rồi. Tôi khẽ trườn sang phía bụi cây có tiếng động. Sau khi quan sát, tôi thò tay bới đám lá rậm. Bỗng vụt! Một con chim màu nâu, to bằng con chim ngói bay ra. Tôi chả biết chim gì, nhưng thấy nó bay không bình thường, tôi lướt nhanh đuổi theo, và vồ được. Nó thở hổn hển, mỏ vãi máu. Tôi sờ khắp người nó, không có một chỗ nào bị thương. Sau, tôi suy đoán, có thể vì trời nóng quá sức, nó không thể bay tới những nơi có nước. Vì vậy, tôi nhường chiếc khăn che đầu, bọc che nắng cho nó và mang theo.

Đi gần hai cây số nữa, tới một chiếc cầu, nhìn xuống dưới cầu, mãi dưới đáy có một dòng nước nhỏ như con suối con. Cả chim và tôi đều cần nước. Tôi mon men tìm cách xuống tới giòng suối. Tôi vừa len lỏi vừa nhìn lên chiếc cầu cao tít trên mặt đường. Có thể mùa mưa, mùa nước, đây là một dòng sông. Tôi xuống rửa mặt, rồi cho cả người và chim uống nước. Đúng là nó bị khát nước quá, nó uống tới đâu, tỉnh dần tới đó. Thế mà chẳng hiểu vì sao nó lại không bay đi. Tôi phải mang nó theo mãi gần tới Kỳ Anh. Mặt trời đã ngã khuất sau dẫy Trường Sơn. Những chòm xóm hai bên đường đã lác đác bóng người ra ngoài. Đến một con đường đầu làng, thấy một em bé chừng 9-10 tuổi, hai chân toàn bùn đất. Tay đang cầm một chiếc thừng dẫn một con trâu gầy bên vệ đường, tôi gọi và giơ con chim ra hiệu, cho em. Em nhìn con chim một lúc rồi lắc đầu không muốn lấy. Tôi hơi lấy làm lạ về thái độ em bé nhà quê, nghèo này. Ngay khi tôi còn bé, có được một con chim như vậy thật là thích thú. Vậy tại sao em lại không lấy? Tôi đành mang con chim đi một đoạn đường nữa, gặp một bác nông dân gánh hai chiếc thúng, tuy có hai cái nia con đậy, nhưng dáng đi của bác nhẹ tênh. Bác đang đi ngược chiều với tôi phía bên kia đường. Khi ngang qua, từ bên này đường, tôi giơ con chim ra gọi bác, hỏi bác có lấy con chim này không. Bác nhìn tôi một lúc, như xem tôi nói đùa hay nói thực rồi mới gật đầu.

Về con chim, lúc đó chả có một ý nghĩ gì. Chỉ vì tính yêu thiên nhiên và thích chơi đùa nghịch ngợm, nên dù đang trên đường vào sâu trong lòng địch, tôi đã đuổi bắt. Nhưng sau này, tôi kể chuyện cho các anh, các bác trong tù, họ đều nói:

- Đó là cái điềm của cậu đấy, may mà cậu cho con chim ấy đi, nên còn sống. Nếu cậu ăn thịt con chim ấy thì cậu không còn dịp nào kể chuyện lại cho chúng tôi nghe nữa đâu, vì cậu đã hai năm mươi rồi. Người ta kỵ nhất: Chim sa, cá nhẩy.

Nghe để mà nghe, chứ tôi không thể tin được những chuyện vô cớ như thế. Từ óc thực tế, tôi luôn luôn nhìn sự việc

trên cơ sở lý luận khoa học. Nhưng con người cũng thật mâu thuẫn. Vì cứ tù mãi, chịu đựng những ngày tháng lê thê cùng cực gần hết cả cuộc đời. Thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ đến con chim ấy.

Đi một đoạn đường nữa, xa xa đã thấy một khu chừng vài chục mái nhà tranh, trông thật nghèo nàn lụp xụp. Một chiếc biển gỗ to, đóng ngang trên hai cái cột, dựng ở cạnh đường. Trên tấm biển ghi HUYỆN KỲ ANH bằng chữ mầu trắng trên nền đỏ, nước sơn đã long lở bạc mầu. Lác đác đây đó một số người đi lại. Người ta gọi đây là phố huyện.

Lúc này đã hơn 6 giờ chiều, ánh nắng không còn, người ta ra ngoài đường nhiều hơn. Tôi tiến dần vào phố huyện, vừa đang quan sát thăm dò nghe ngóng, để tùy theo tình hình tìm chỗ trọ. Thì may quá, tôi thoáng thấy anh đi xe đạp đã gặp ở gốc cây, gần xã Kỳ Phương đang từ trong đó đi ra phía tôi. Thật nhẹ cả lòng! Tôi tiến đến chận đầu anh, cười niềm nở:

- Đi đâu mà ra đây?

Đôi mắt anh nhìn tôi ngỡ ngàng, xa lạ. Rồi như chợt nhớ ra, anh vồ cả hai tay vào vai tôi, vồn vã hỏi:

- Bây giờ mới tới đây à?

Tôi trả lời:

- Ừ! Trời nắng quá, tôi đợi mát, đi dần.

Qua thái độ trên của anh, tôi thấy anh toát ra một con người hiền lành thật thà mà còn vô tâm nữa. Tôi nhắc lại câu hỏi khi nãy:

- Anh đi đâu ra đây, xe đạp đâu rồi và trọ ở đâu?

Mắt anh long lanh, miệng anh rối rít, tay chỉ về phía một dãy chòi con con chéo đấy:

- Xe tôi gửi ở nhà trọ. Tôi vào trong kia đi tiêu một chút, chờ tôi một tý thôi, rồi tôi ra mua thuốc lá cho mà hút. Chúng mình về cùng trọ một chỗ nói chuyện cho vui.

Tôi còn chân ướt chân ráo, ngơ ngác chưa biết trọ ở đâu, cách thức trọ ra sao, giờ gặp anh thì nhất rồi còn gì! Chừng năm phút sau, anh ra. Anh kéo tay tôi dẫn vào một cửa hàng tạp hóa nhỏ treo một tấm biển: Bách Hóa Tổng Hợp. Anh mua một hào được 6 điếu thuốc Trường Sơn. Nếu mua cả gói thì 3 hào. Anh vỗ vai, đưa tôi một điếu. Thái độ của anh tỏ vẻ như đây là một ân tình đặc biệt anh dành cho tôi. Đã mấy ngày không ăn cơm, lại vừa cuốc bộ một đoạn đường dài, lúc này mới thấy đói và mệt, nên tôi hỏi anh:

- Anh đã ăn cơm chiều chưa?

Anh lắc đầu, tay chỉ vào phía trong:

- Chưa, tý nữa vào kia, chúng mình cùng đi ăn.

Tôi kéo anh trở lại hiệu bách hóa:

- Tiện, tôi cũng mua một hào thuốc để hút.

Nhà trọ là hai căn nhà tranh nhỏ, mỗi nhà có hai dẫy giường dài bằng những cây nứa bổ đôi ghép lại. Những chiếc chiếu cói đã cũ mèm, rách nhiều chỗ. Vì thế, nằm giường nhưng như nằm trên đống củi, vừa đau người lại vừa ọp ẹp. Đưa giấy thông hành nộp cho bà chủ trọ. Hai hào thì không có mùng, bốn hào thì có mùng. Trí nói:

- Chúng mình hai người một mùng thôi, đỡ tốn.

Tôi đồng ý. Lúc này, tôi đã biết tên anh là Trí. Anh cũng gọi tôi là Hùng theo giấy tờ. Khi sang tới quán cơm quốc doanh, cũng là chỗ bán hàng cơm duy nhất ở phố huyện, tôi có ý định mời Trí ăn cơm. Tôi còn đang do dự, Trí đã quay lại hỏi:

- Hùng định ăn 2 hào hay 4 hào? Hãy xếp hàng sau tôi.

Tôi chưa biết rõ thế nào, nên trả lời:

- Để cho vui, tôi sẽ ăn theo anh, anh ăn gì tôi ăn nấy!

Thấy Trí lấy 4 hào ra cầm tay, tôi cũng lấy 4 hào. Đã mấy ngày nay chưa có hạt cơm nào trong bụng, tôi đinh ninh rằng sẽ phải chén hai đĩa mới thỏa. Đây cũng là lần đầu tiêu nếm cơm xã hội chủ nghĩa, đỉnh cao trí tuệ loài người. Tay tôi vừa cầm đĩa cơm theo Trí ra một chiếc bàn trống, vừa nhìn đĩa cơm. Hai phần là cơm, một phần là sắn khô thái mỏng. Những miếng sắn, có lẽ lâu ngày, hoặc khi phơi không được nắng nên mầu đen đen. Cả cơm và sắn nấu lẫn lộn thành một thứ cơm xam xám. Một miếng cá khô bằng hai ngón tay và nửa lá rau riếp. Trên mỗi đĩa cơm đã cắm sẵn một cái thìa nhôm. Tôi theo Trí đến một mé vách có treo một cái ống bương to đựng đũa để lấy một đôi đũa tre.

Bàn nào cũng trống trơn, chẳng có nước mắm hay ớt. Tôi lựa xúc chỗ cơm không cho vào miệng. Nó vừa chát vừa đắng ngắt. Nhìn Trí, nhìn người khác, họ vẫn ăn ngon lành, ấy là nhiều người họ ăn loại hai hào, đĩa cơm chỉ rưới tí nước mắm thôi đấy. Mình đã lịch sự, cao cấp hơn, có cá, thế mà, tuy bụng đói, tôi phải cố gắng tọng vào, nhai như mọi người, cho có vẻ hòa đồng. Miệng nhai nhóp nhép, tâm tư tôi chạnh tưởng về một cảnh đời ở một phương trời bên ấy. Chỉ mới hai ngày trước đây thôi, những người họ đang ăn uống phè phỡn, thừa thãi thức ngon vật lạ, họ có thấy được đầy đủ giá trị của cuộc sống? Hai không gian, hai cảnh đời, tuy cùng chung một mảnh dư đồ nước non!

Tôi đã cố gắng ăn, nhưng cũng chỉ được nửa đĩa. Tôi sợ họ thấy lạ, nên tôi ghé sang Trí ôm bụng, mặt nhăn nhó:

- Không hiểu sao, tôi đang ăn, đau bụng quá!

Tôi vẫn xoa bụng, trong khi Trí băn khoăn bảo tôi hãy ăn cố đi. Tôi vừa đẩy đĩa cơm sang Trí, vừa lắc đầu:

- Tôi đau lắm! Quen rồi, đã đau mà còn ăn nữa, lại càng đau thêm. Trí ăn hộ đi!

Ngần ngừ một lúc, rồi Trí ăn ngon lành. Tôi cứ giả vờ ngồi ôm bụng nhăn nhó. Khi về tới nhà trọ, trời đã tối. Nóng vô cùng. Trí dẫn tôi ra mua hai cái quạt giấy, mỗi cái một hào. Mỗi người đều trả riêng. Thực ra tôi không thiếu tiền, nhưng tôi phải giữ ý với Trí.

Bắt đầu thân, khi vào trong mùng. Trí than cuộc sống ở đây khổ cực quá. Trí rút ví lấy cho tôi xem một cái ảnh vợ anh đang bế hai đứa con nhỏ. Nằm bên nhau, Trí và tôi tâm sự. Tôi được biết, Trí cùng vợ con và bố mẹ ở Thái Lan về nước năm 1956. Bây giờ, nhà nước đưa về Bến Thủy (Vinh). Bố mẹ Trí làm nghề đánh cá, còn Trí sửa chữa xe đạp. Trí khoe, ngày còn ở Thái Lan, cuộc đời thật thảnh thơi, chẳng bao giờ phải lo nghĩ đến chuyện ăn uống. Thường có nhiều bạn bè chơi bời, chuyện trò thân mật. Chủ Nhật ngày nghỉ thường rủ nhau đi chụp ảnh, rất vui. Bây giờ nghèo nàn vất vả quá. Có cái gì cũng cứ phải bán dần để ăn, cuối cùng còn ít nào phải mua vội một chiếc nhà tranh để ở. Trí nói rất quý tôi, cứ căn dặn khi đi Hà Nội chữa bệnh trở về, thế nào cũng vào chơi. Trí sẽ giới thiệu bố mẹ và vợ, rồi nhất định phải giết một con gà cho ăn (7 năm đã tiêm nhiễm phong cách xã hội chủ nghĩa, giết gà là một chuyện ghê gớm và đặc biệt).

Sáng hôm sau, chúng tôi ra lấy giấy tờ. Trí cũng định đi xe đò với tôi, nhưng chờ mãi 8 giờ chưa có xe. Mấy người có xe đạp họ rủ nhau đi trước. Đoạn đường 52 cây số từ Kỳ Anh tới thị xã Hà Tĩnh. Trí đi theo họ nên từ giã tôi, căn dặn, tả nhà cửa v.v… là thế nào đi về cũng ghé vào. Tôi đồng ý. Tôi ở lại cùng bao nhiêu người khác chờ xe để đi thị xã Hà Tĩnh. Mãi tới 10 giờ mới có một chiếc xe kiểu "Dodge 4" xọc xạch, cổ lỗ sĩ có thể từ thời 1954, thùng xe đã phải chắp vá lung tung, không mui. Một đồng rưỡi một vé ra thị xã Hà Tĩnh. Hành khách chen chúc, không có ghế, toàn đứng nêm vào nhau. Đường xóc vô kể. Trên xe, người cứ ngã nghiêng xiêu vẹo. Phụ nữ ngồi, đàn ông đứng, thật hỗn độn. Tôi đứng cạnh một anh Hải Quân chừng 23, 24 tuổi. Nhiều lúc xô mạnh như những người say rượu vì đường quá xấu, nên đôi khi phải ôm chầm vào nhau.

Khi tới Hà Tĩnh, tôi thấy thị xã gì mà như phố huyện ngày xưa, toàn nhà tranh, thỉnh thoảng mới có một cái nhà xây cũng cóc gặm và đen nhẻm do những năm tháng nghèo nàn, nên không hề sửa sang. Tôi và anh Hải Quân đi với nhau. Anh rất có cảm tình với tôi. Phần tôi, bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng đóng vai một học sinh ở Vĩnh Linh. Tôi theo anh thì tuyệt quá! Đi với một Hải Quân (tên anh là Hảo, anh mặc đồng phục Hải Quân,) vừa không phải bỡ ngỡ từ cảnh vật xa lạ tới mọi cách sinh hoạt đi đường. Lại còn được một "vỏ bọc" vững vàng, ít bị để ý. Anh cho tôi địa chỉ viết thư, đơn vị anh đóng ở Vinh, anh bảo:

- Chỗ đơn vị đóng thường bí mật, chỉ giao thiệp thư từ với người nhà, tuyệt đối không được cho một ai biết. Đây là

địa chỉ người quen ở Vinh, thỉnh thoảng tôi ra nhận thư. Tôi muốn làm bạn với Hùng. Khi Hùng chữa bệnh về, thế nào cũng viết thư cho tôi nhé. Suốt quãng đường từ thị xã Hà Tĩnh ra thị xã Vinh, tôi với anh là một cặp. Đi với Hảo tôi rất thoải mái. Có lúc Hảo thân mật:

- Đơn vị đóng ở Bến Thủy từ hai năm nay được lệnh tăng cường "phòng gián bảo mật" vì miền Nam nó đang tung gián điệp ra ngoài Bắc.

Tôi hỏi:

- Thế ta đã bắt được vụ nào chưa?

- Thế Hùng không nghe ta bắn rơi chiếc C-47 ở Cồn Thoi hay sao?

Tôi gật đầu:

- Tôi muốn hỏi là bắt được ở trong nội địa cơ?

Y lắc đầu:

- Cái đó, mình làm sao mà biết được.

Đến Bến Thủy, khi còn ở phía bên này sông, tôi thoáng thấy Trí trong căn nhà tranh nhỏ Trí đã tả. Trí đứng ở cửa cố nhìn lên xe tìm tôi, nhưng tôi nép vào chỗ khuất. Đến phà Bến Thủy, Hảo bắt tay từ giã tôi. Tôi theo xe về thị xã Vinh. Về tới Vinh, trời đã cập quạng, khoảng 7 giờ rưỡi gì đó. Tôi theo những người đi trọ ở một nhà trọ tập thể để mai lấy vé đi Hà Nội.

Nhìn thoáng thành phố Vinh, ngoài một số xí nghiệp, nhà máy ở vùng ven, trong thành phố thật quê mùa, một nửa là nhà tranh. Khách bộ hành trên đường phố, nếu không đi dép râu là đi... đất. Trong khi xếp hàng nộp giấy thông hành lấy vé trọ, trời thì tối, tôi đứng sau một anh bộ đội mang ba lô và mang lon Trung sĩ. Tại một chiếc bàn nhỏ, trên đặt một ngọn đèn chai, một cậu chừng mười lăm, mười sáu đang xem giấy tờ của từng người rồi bán vé. Người nào nó xem giấy, nó cũng hạch hỏi nào là:

- Đến Vinh để làm gì?

- Năm nay đã đến Vinh mấy lần?

- Gốc quê ở đâu?

- Còn giấy tờ gì nữa? v.v...

Mọi người xếp hàng sốt ruột. Khi gần tới viên Trung sĩ, thấy nó cứ hạch hỏi người trước anh mãi, anh ta bực quát:

- Cái thằng này, mày làm cái gì mà mày hạch hỏi người ta nhiều vậy? Mày làm như ở đây có gián điệp không bằng!

Tôi cười thầm, "gián điệp đang đứng ngay sau mày đây!"

Cũng nhờ anh đó quát tháo, những người sau đỡ bị vặn hỏi. Nhà trọ bến xe Vinh cũng là nhà tranh, nhưng hai dẫy dài hơn. Cũng một giá tiền, hai hào không mùng và bốn hào có mùng. Cũng sàn nứa ọp ẹp lùng bùng như ở Kỳ Anh. Cái mùng cá nhân đen xì, rách lung tung và sực mùi hôi khăn khẳn của nhiều người và nhiều ngày không giặt. Đêm đó rệp cắn ngứa ngáy suốt đêm, tôi thật khó ngủ. Khoảng một giờ đêm, thấy người ta hét lên kêu mất trộm inh ỏi ở dẫy bên, tôi cũng phải sờ lên cái túi gối ở đầu, rồi buồn cười nghĩ thầm: "Là một điệp viên thừa sống, thiếu chết, vào được đất địch rồi, ngủ, có cái túi dết vật dụng lại để bị mất trộm."

Sáng hôm sau, mới 5 giờ sáng đã có tiếng loa gọi khách dậy ra lấy giấy tờ. Đã quen thuộc, nên tôi ít phải ngỡ ngàng khi lấy vé xe lên Hà Nội. Xe đò đi Hà Nội có ghế ngồi, mặc dù cũng cóc gặm rách như tổ địa. Đoạn đường từ Vinh lên Hà Nội, có lúc hành khách phải xuống xe đi bộ qua cầu, vì cầu cũ kỹ không chịu nổi sức quá nặng khi chở cả người, như cầu Lèn Thanh Hóa, cầu Quất Ninh Bình, v.v... Đường đi thật ghê, thậm chí có lúc xe xóc đầu hành khách va cả lên mui xe. Tôi nghĩ những người thợ vặn những con tán (vít) của xe thật tài.

Gặp Z-5 ...

Sáu giờ chiều ngày 31 tháng 5 năm 1962, xe tới Kim Liên, Hà Nội. Mặt trời mùa Hè đã lặn khi xe còn cách Hà Nội hơn 10 cây số, thế mà những dáng hình quen thuộc của đất thanh lịch ngàn năm hãy còn sáng rõ, khi chiếc xe đò chở tôi vào bến Kim Liên. Bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu kỷ niệm của thời niên thiếu năm xưa như ùa về bủa kín hồn tôi. Đó là phút giây giao cảm buổi đầu còn trên xe khi nhìn thấy Hà Thành. Chân tôi rời khỏi xe, theo dòng người chảy ra phố phường, những ngoại cảnh chung quanh đập vào mắt tôi. Con người, xe cộ, biểu ngữ, tôi cảm thấy thật xa lạ đẩy đưa dần tới sự tò mò và cuối cùng là sự cảnh giác của nghiệp vụ. Phải rồi, đây là đất Cộng Sản, đất kẻ thù. Mươi phút, tâm tư chìm lắng vào hố sâu của hoài cảm đến nỗi tách rời thực tế, tôi phải nghĩ đến an ninh của tôi.

Tôi đang hướng về ga Hàng Cỏ. Làm một vài động tác nghề nghiệp để quan sát chung quanh, rồi tôi rẽ ngang về phía hồ "Ha Le" trong lúc trời tối dần. Tôi cố ý lắt léo về nơi vắng vẻ để xác định an ninh. Đến đây, tôi xin nói về một điểm thiên bẩm mà trời đã cho cơ thể tôi. Thông thường, thị trường của con ngươi là 160 độ. Như vậy, 10 độ ở phía trái và 10 độ ở phía phải "chết," nghĩa là khi con ngươi đang nhìn thẳng chính giữa, bất cứ vật gì di chuyển trong phạm vi 80 độ phía bên trái và 80 độ phía bên phải, người đó đều thấy. Trừ người nào có bộ mắt lồi, thì có thể thị trường của mắt rộng hơn.

Vậy mà, đôi mắt của tôi, chẳng hiểu thế nào, không phải lồi, đôi khi người ta còn nói là sâu nữa. Qua thử mắt thực tập, thị trường của tôi là 170 độ, có nghĩa là mỗi bên tôi chỉ có 5 độ "chết." Chính vì thế, trên đường phố, tôi thường trông thấy người quen trước. Ngay khi thực tập theo dõi và chống theo dõi ở Sài Gòn, Brown, Dale và Phan đã khen ngợi nhiều lần. Dù phố thường đông đúc, hay địa hình phức tạp, (trừ khi tôi chủ quan, mất cảnh giác,) tôi cảnh giác thì bao nhiêu người hầu như tôi phát hiện hết.

Sau khi xác định không có hiện tượng gì khả nghi cả, tôi đã bắt đầu chủ quan và nghĩ rằng, từ chỗ đổ bộ ở Kỳ Phương, Hà Tĩnh, biết bao hiểm nguy gay cấn, chỉ một chút xíu nữa mình bị bắt, thế mà cuối cùng đều đối ứng linh hoạt thoát được hết.

Trời đã tối, theo lời Phan dặn thì tôi không nên mò gần về khu phố tôi đã ở trước kia, vì trong khi đi đường, bất chợt có thể gặp một người quen xưa, một người họ hàng, v.v... Họ sẽ ngạc nhiên rằng tại sao thằng Bình đã di cư từ 1954 mà bây giờ lại gặp ở đây. Từ đấy, có thể tôi sẽ bị phát hiện. Nhưng lúc này, do chủ quan, coi thường đối phương, tôi nghĩ là các ông ấy theo nguyên tắc cứng ngắc, nên quá lo xa, chứ khi ở Hà Nội tôi mới 16 tuổi, bây giờ đã 23-24. Lớn lên mặt mũi thay đổi nhiều, dù người quen có gặp chăng nữa, ai mà nhận được. Vả lại, Hà Nội bây giờ toàn là dân quê ở đâu mới về. Còn một yếu tố nữa, đó là vì lòng tôi cũng xúc động khi nhìn lại cảnh cũ. Nó như có hồn, cuốn hút ve vuốt lòng tôi. Từ hồ Ha Le chân cứ thả bước, mắt nhìn từng nhà, từng hẻm phố, từng gốc cây. Cảnh cũ còn đây, người xưa không thấy. Hồn lâng lâng, tôi bước mãi vào nơi cảnh quen, người lạ cho tới khi đến phố Tràng Thi rồi Tràng Tiền.

Ôi! Hồ Gươm! Hình ảnh hồ Gươm nằm trong ký ức suốt những tháng năm nổi trôi ở miền Nam, bây giờ đã hiện ra trước mắt. Vẫn chiếc Tháp Rùa âm thầm nghiêng bóng đen sẫm với vài vệt vàng sáng lung linh dưới mặt hồ của những ánh đèn đường chung quanh. Tôi rẽ sang Gô Đa, về Chế Linh, hướng về đền Ngọc Sơn, đến Bà Kiệu. Phố phường đông đúc hơn. Khi tôi qua rạp Phillamoniqufe, nhìn xa xa đầu hàng Dầu, thấy tấm biển đề:"Nhà Trọ Số 5 Hàng Dầu"

Chân đã mỏi, người đã mệt và cũng đã 7 giờ 30 tối rồi. Tôi quyết định vào xin trọ nghỉ đêm để lấy sức. Ngày hôm sau làm gì hãy hay. Nhìn bên ngoài, căn nhà một tầng, ngói và tường đen sạm, nứt nẻ vì gánh nặng thời gian.

Tôi đi vào, ngọn đèn điện nhỏ, bụi và mồ hóng phủ gần kín, hắt ánh sáng yếu ớt làm cho căn phòng sáng mờ mờ. Tại chiếc bàn kê trong góc, một lão già đang hý hoáy ghi chép. Tôi đoán là chủ nhà. Khi tôi đến gần, ông ta ngẩng lên, cặp kính lão trễ xuống. Tôi dùng từ không lịch sự như Cộng Sản:

- Cháu muốn trọ một đêm.

Ông ta cũng nhát gừng:

- Một đồng, đưa giấy thông hành đây!

Tôi rút giấy đưa liền. Ông ghi, rồi đưa cho tôi một miếng bìa con, vuông 5 x 5 phân, mầu vàng, mang số 4. Ông giữ giấy thông hành của tôi để nộp cho công an khu phố (theo nguyên tắc của các nhà trọ.)

Tôi cấm tấm bìa đó vào trong nhà. Dưới ánh điện vàng khè không đủ sáng vì mồ hóng, tôi thấy hai dãy giường cá nhân, gồm 8 cái. Mới có 3 người, hai anh bộ đội và một bác có vẻ nông dân. Tôi vào nữa là 4. Tìm được số giường, tôi vất chiếc túi dết, ngả người một tí cho đỡ mỏi. Mấy ngày nay không tắm rửa, tôi phải đánh răng và tắm một cái cho tỉnh người. Sau khi vào đi giải, tôi đã thấy chỗ tắm. Tôi lại xách túi dết ra phố. Tôi tính mua cái bàn chải và hộp thuốc đánh răng, và cái gì để nhét vào dạ dầy trước đã chứ. Tôi đi ra phía bờ hồ và rẽ về phía hàng Đào, hàng họ bầy bán ở vỉa hè. Tôi mua một cái bánh mì ỉu 5 hào trong cái thúng con của một cô bé ngồi bán, một cái áo may ô, một mũ cát. Lúc về, tôi cũng mua một góc thuốc lá Trường Sơn. Thế là toàn thứ thực của xã hội chủ nghĩa.

Về tới nhà trọ, có người đã ngủ. Tôi tranh thủ vào tắm, đánh răng và nhai chiếc bánh mì có lẽ đã từ hai, ba ngày trước. Ăn xong, tôi vào súc miệng, mở vòi nước làm mấy hơi. Tôi ra giường ngả lưng, đốt điếu thuốc Trường Sơn. Thế là cuộc đời cũng vi vu!

Nằm trong màn, lúc đó đã 10 giờ, chung quanh mọi người đã ngủ cả. Tôi suy nghĩ, tính toán. Thời gian ở Hà Nội rất ngắn, so với bao việc phải làm. Vậy, ngay từ sáng mai, tôi cứ tìm đường đến nhà thương Việt Đức xem sao, nhất là đóng đúng vai trò đi chữa bệnh. Còn một điều nữa, trước đây ở Hà Nội, còn quá nhỏ, tôi lại ở Hàng Bạc, nên chỉ đi nhà thờ lớn Hà Nội. Nhà thờ "X," Phúc Xá thượng, hạ ở đâu, thực sự tôi chưa biết. Tôi chỉ nhớ mang máng bãi Phúc Xá, dưới gầm cầu Long Biên (hồi xưa có một lần theo mấy người bạn ra đó đá banh.) Tôi cũng phải ra đó thăm dò xem thế nào.

Sáng hôm sau, ngày mồng 1 tháng 6, tôi ra bờ hồ chỗ bến xe điện mua tờ báo Thủ Đô ngồi đọc và nhìn đủ hạng người qua lại. Hầu hết mọi thành phần, mọi lứa tuổi, từ các em học sinh cho đến các bác xích lô đạp, trên mũ hoặc ở cánh tay đều có đeo hay quấn một băng giấy mẫu, trên có hàng chữ: Đả đảo Ngô Đình Diệm bán nước. Chỉ một số ít, cá biệt mới không đeo mà thôi. Người đi bộ, người đi xe, v.v... ai tôi cũng thấy đeo. Điều này, nói lên sự kiện miền Bắc đang tăng cường chiến dịch tuyên truyền chửi bới miền Nam, mà mũi dùi chính là ông Ngô Đình Diệm.

Trời mùa Hè trong xanh, mặt trời chiều sáng không gian cũng không làm mờ nhạt được ấn tượng đầu tiên tôi nhìn Hà Nội. Tất cả là một mầu xám xịt, từ những dòng người đông đúc xuôi ngược trên những phố phường với áo mũ, không mầu xanh thì đen, hoặc nâu, và dép nếu không Bình Trị Thiên (râu) màu đen thì ba ta màu xám hay xanh. Đến nhà cửa xỉn lại vì rêu hoặc dơ bẩn, mà tôi nghĩ rằng từ ngày tôi rời Hà Nội đến nay đã hơn 8 năm, nay tôi trở về, chưa một lần quét vôi lại hay sang sửa.

Về âm thanh, thực là một thành phố chết, im lìm vắng lặng. Trên đường phố đầy người, nhưng toàn là xe đạp. Giữa trung tâm thủ đô, nơi sầm uất nhất, mà thỉnh thoảng mới thấy một chiếc ô tô. Tôi đưa mắt nhìn một vòng chung quanh hồ Hoàn Kiếm chu vi 2.300 mét. Cả một vòng như vậy, cứ trung bình 10 phút mới nhìn thấy một chiếc ô tô chạy, mà nếu không là molotova, thì cũng lại là commanca của bộ đội hay công an. Xe tư nhân hầu như không có. Thành phố yên vắng vì không có tiếng động cơ của xe cộ, cũng như của nhà máy. Khác biệt hẳn với Sài Gòn.

Sau đó, tôi quẹo lên phố Hàng Đào. Đang mải nhìn một tên công an túm tay một đứa nhỏ chừng 12 tuổi, kéo đi trên đường phố Hàng Bông. Một số người cũng nhìn theo và họ nói là ăn cắp. Tôi thấy một đoàn xe từ phía chợ Đồng Xuân đi xuống gồm 5, 6 chiếc Simca, Citroen, Peugeot. Chiếc đi đầu cầm cờ Việt cộng và Lào.

Đoàn xe đi chầm chậm, vì phố xá hẹp, nên tôi nhìn rõ Kongle và Võ Nguyên Giáp ngồi trong xe. Chà! Bộ Trưởng Quốc Phòng Việt cộng hôm nay đón Bộ Trưởng Quốc Phòng Lào! Các xe sau chở một lũ lóc nhóc Tướng và Tá, mặt tên nào cũng vênh vênh. Lúc đó tôi nghĩ, anh chàng Kongle bốc đồng đang bị lũ quái, cáo già ve vuốt, thổi! Mặt y dương dương, hớn hở. Sớm muộn, chúng sẽ cho anh chàng ăn mắm ngoé mà thôi!

Ngay từ đêm trước khi còn nằm ở Hàng Dầu, tôi đã đặt thành nguyên tắc. Ít ra, cứ mỗi ngày một lần, tôi phải kiểm tra xác định về an ninh của mình. Vì vậy, lúc này nhớ đến, tôi vờ hỏi mua mấy ống khóa, để có điều kiện quay ngang, quay dọc. Cầm ống khóa lên soi, mục đích nhìn hết mọi bộ mặt chung quanh tôi, trong phạm vi 30 đến 50 mét. Rồi sau đó, tôi quặt vào một ngõ hẽm sang phố Hàng Quạt. Đường Hàng Quạt thật vắng người, nhìn thấy một hàng bán nước chè ở vỉa hè. Chính vì tôi muốn nhìn lại phía sau toàn phố, nên tôi cố ý đi qua hàng nước vài bước, rồi như là muốn uống nước. Tôi quay trở lại, ngồi xuống chiếc ghế dài con trước hàng, lật một chiếc chén trên chõng để bà hàng rót nước. Nhờ những động tác này, tôi đã nhìn được hết mọi bộ mặt ở phố Hàng Quạt. Không có bộ mặt nào tôi đã nhìn thấy trước ở bên phố Hàng Đào. Yên tâm, trả tiền 5 xu nước xong, tôi đi về phía nhà thương Việt Đức.

Khi gần tới nhà thương, từ xa tôi quan sát, thấy mỗi người vào đều rút giấy đưa cho người gác cổng. Tới nơi, tôi làm theo, đưa tấm giấy thông hành và tờ giấy giới thiệu. Tôi nói:

- Em là học sinh, mới ở Vĩnh Linh ra, xin vào chữa bệnh.

Tất nhiên, mặt tôi sịu xuống và chảy dài ra vì bệnh tật buồn phiền. Y xem giấy, nhìn tôi thông cảm nên chỉ nói nhẹ:

- Đi vào chừng 50 mét, rẽ trái sẽ thấy khu nội khoa.

Tôi cảm ơn, cầm giấy đi vào. Tôi vẫn cảnh giác, khi bắt đầu rẽ trái, mắt tôi lướt nhanh ra cổng, xem có gì khác thường không? Yên tâm, tôi tiến bước, khi nhìn thấy tấm biển ghi: "Khoa Nội' trước mấy dẫy nhà to, tôi tiên vào chỗ phòng đợi, đã có khoảng 40, 50 người chờ. Hỏi thăm mấy người đợi, tôi đưa giấy giới thiệu cho cô y tá trực. Cô đọc giấy xong nhìn tôi hỏi:

- Thẻ học sinh anh đâu?

Tôi lấy ví rút thẻ trao cho cô. Cô nhìn thẻ rồi chăm chú nhìn tôi. Tôi thấy cái nhìn khác thường, dù vậy tôi vẫn tỏ ra bình thản nhìn cô. Một lúc sau cô mới chậm rãi trả lời:

- Bệnh tim thì sang khu B bên kia.

Cô chỉ tay. Thế mà làm người ta hết hồn! Không phải thì nói ngay lúc nãy, còn bày đặt hỏi thẻ học sinh!

Tôi cầm giấy ra phía dẫy ghế sau ngồi, tính toán cân nhắc. Thứ nhất, chủ trương của tôi hôm nay chưa phải để đưa tài liệu, mục đích chỉ đến xem những đường lối và cách thức sinh hoạt khám bệnh ra sao thôi. Tôi có bệnh thực đâu mà khám! Hơn nữa, tôi chỉ biết Z-5 là bác sĩ nội khoa ở Phủ Doãn, tức Việt Đức ngày nay, chứ chưa rõ chuyên trách về môn gì: ruột, gan, tim, phổi …? Tôi đang ngồi ngẩn ngơ suy nghĩ, tính toán, chợt tai tôi nghe thoáng:

- Bác sĩ Thọ có ở trong phòng không?

Thót người, tôi liếc nhanh về phòng trực. Thì ra một nam y sĩ hỏi cô y tá. Tôi chỉ thấy cô gái gật đầu và người y sĩ mở cửa bên ra hàng hiên. Phản xạ cấp thời, cân nhắc tình thế, tôi lợi dụng một đám đông, chỗ góc gần hàng hiên, tôi lẫn vào và đi theo ông y sĩ ngay.

Cả một dẫy dài, bao nhiêu cửa phòng. Đến một cửa phòng, ông y sĩ mở cửa, tôi đi thoáng qua liếc vào, phòng số 8. Tôi như bị điện giật. Dù nhìn rất nhanh qua cánh cửa vừa đóng lại, tôi đã thoáng thấy bộ mặt của một người mặc áo "blouse" trắng, đeo kính trắng, ngồi ở một bàn giấy to, trong một phòng rộng. Tuy đầu đã bạc, nhưng đúng hình dáng với tấm ảnh 4 x 6 mà Cục đã đưa cho tôi xem, giữ một tuần ở Sài Gòn.

Thời cơ đến, tôi phải quyết định lẹ. Tôi vẫn cứ đeo túi dết đi về phía cuối hành lang. Thỉnh thoảng, một người mặc "blouse" trắng đi lại, họ chả để ý đến tôi. Tôi tìm một buồng vệ sinh, nhưng nhìn khắp, chả thấy đâu. Tôi đành cứ đi, tôi lựa cho tay vào trong quần rờ và nắn sờ tìm tài liệu "X", phải hai, ba lần mới thấy, tôi rút ra. Lúc tôi quay lại, từ buồng số 8 ông y sĩ lúc nãy đẩy cửa bước ra.

Thời cơ ngàn năm một thủa, tôi phải liều. Tôi đẩy cửa bước vào. Người đeo kính trắng đó ngửng lên nhìn tôi, mắt ngạc nhiên. Tôi thấy trong phòng còn ba bàn giấy nữa, hai bàn có người, một bàn không. Hai người kia cũng ngửng lên nhìn tôi. Tôi nói cố ý cho họ cùng nghe:

- Thưa bác sĩ! Mẹ cháu vẫn cứ sốt, vì vậy …

Đúng lúc ấy, hai người kia lại cúi xuống sổ sách. Tôi hạ giọng:

- "Nhờ bác sĩ chữa bệnh tim nhịp đập một trăm hai mươi."

Trong lúc hồi hộp, tôi chả nhớ là bao nhiêu chữ. Ông nhìn tôi, đôi mắt mở to, bàn tay ông đang cầm bút rung lên. Mặt ông lộ vẻ hết sức xúc động. Tôi lo quá. Ông này làm sao thế! Ông không đọc lại mật khẩu. Nhanh trí, tôi hiểu ngay là ông bị đột ngột quá. Có thể từ bao năm nay ông mong chờ, ông đã sống với cuộc sống bình thản, giờ đây bất chợt quá chăng? Nếu tình trạng đó, để lâu không lợi. Tôi vội cảm ơn bác sĩ rồi đi ra. Khi ra đến cửa, tôi cố ý quay lại đóng cửa, thế nào ông cũng nhìn theo. Đúng như vậy. Lúc đó hai người kia không nhìn thấy tôi, tôi giơ tay vẫy nhẹ, và mắt cũng làm hiệu là ra theo tôi.

Tôi đóng cửa và ra ngoài. Tôi đi theo hành lang vào phía trong, vì nếu đi ra ngoài phía phòng đợi, có thể tôi không vào được nữa.

Tôi ra ngoài như vậy, vì có hai vấn đề. Thứ nhất, nếu không phải đấy là Z-5, hoặc là Z-5 nhưng bây giờ vì lý do nào đó, ông sợ, ông không muốn lôi thôi nữa, ông sẽ không ra. Thứ hai, nếu ông theo ra, tùy cơ, tôi sẽ đọc lại mật khẩu. Trường hợp ông không trả lời đúng theo quy ước, tôi sẽ lựa theo tình thế biến chế đi, rồi tôi phải chuồn lẹ.

Khi tôi đi tới cuối hành lang, cửa phòng số 8 mở ra và ông đi ra. Tôi quay lại, ông đi về phía tôi. Thái độ và nét mặt ông lúc này đã bình tĩnh, tuy mắt vẫn đăm đăm nhìn tôi. Tôi coi như không nhìn thấy và đi trở lại phía ông. Ngang

qua ông, tôi mới tươi nét mặt nhìn và để một tay lên cánh tay ông, nhẹ giọng:

- "Nhờ bác sĩ chữa bệnh tim nhịp đập một trăm hai mươi."

Ông mỉm cười:

- "Tôi chỉ chữa tim nhịp đập một trăm ba mươi."

Tôi nhẹ người, liếc nhanh hai đầu hành lang, tôi cho tay vào túi quân lấy tài liệu, nhét vội vào tay ông. Ông định cất tiếng hỏi điều gì nữa, nhưng tôi bỏ đi ngay ra phía phòng đợi, không cần nghe gì thêm. Khi gần tới phòng đợi, tôi nhăn nhó mặt, để tay vào phía trái tim trước ngực, và đi qua phòng trực rồi ra cổng. Tên gác cổng mỉm cười với tôi. Tôi cũng cười đáp lại và đi tuốt ra phía bờ hồ.

Lòng tôi lúc đó thật hân hoan phơi phới. Nghĩ lại, tôi thấy thực là may mắn. Thành công bất ngờ!

Nếu sau khi cô y tá xem giấy tờ, tôi không ngồi đợi, làm sao tôi nghe được ông y sĩ hỏi về ông Thọ? Phải chăng như thế một xác xuất may mắn nào đó đã nâng đỡ những nỗ lực của ta trong cuộc đời? Một cơn gió mát thổi lướt qua hai bên má tôi mềm mại dịu dàng như bàn tay của một bà tiên: "Ta chúc mừng chú mày!"

Bờ hồ! Những gợn sóng lăn tăn rất đều khoảng cách của làn nước trong xanh, đang đuổi nhau vào bờ gây lên những tiếng động nho nhỏ triền miên nhịp nhàng, giữa một màu đỏ rực chan hòa của hoa phượng vĩ. Chung quanh hồ hầu như toàn hoa phượng. Những chùm hoa đỏ ối, nằm đè lên những tàng lá xanh xanh, soi bóng rạp sát mặt hồ. Hoa lá nhún nhẩy lắc lư đùa giỡn với gió Hè thổi qua từ phía sông Hồng.

Đã 11 giờ, tôi trở về phía Cầu Gỗ, tính tìm một hàng cơm nào đó để ăn một bữa cơm đầu tiên ở Hà Nội.

Khi tới gần nhà thủy tạ, tôi thấy một "kiosque" bán bia, nước ngọt, với ba, bốn bàn kê ngoài trời sát bờ nước, trống trơn vắng vẻ không có khách. Nhìn những chai bia "Hà Nội", tôi thấy lòng mình nổi hứng bất tử. Tôi sà vào một bàn. Một cô gái trong "kiosque" mỉm cười, ra phía bàn tôi:

- Anh dùng gì?

Tôi đáp cộc lốc:

- Một bia "Hà Nội!"

Cô ta trở vào, vài phút sau mang một chai bia đã mở nút và một cái cốc có hai cục đá con. Tôi cầm chai bia, vừa rót vào ly vừa nói thầm với chính mình:

- Hôm nay, gọi là đặc biệt một chút để thưởng công!

Chà, bia "Hà Nội" gì mà lạt thế! Tôi nhấp một ngụm nữa. Vị bia chỉ thấy hơi một chút "gas", nhạt thếch. Tôi có cảm tưởng như một chai "33" ở Sài Gòn đổ nước lã vào thành hai chai mà uống, chắc cũng còn thơm ngon hơn thế này. Vậy mà đến 6 hào cả đá (không đá 5 hào). Thôi, gọi là cũng có một chút hơi men trong người để tâm hồn bốc khói.

Uống xong, tôi thả bước về Cầu Gỗ. Khi đến đầu phố Cầu Gỗ và Tạ Hiền, tôi thấy một đám đàn bà con gái ở góc đường. Mấy người đó tươi nét mặt nhìn tôi, hỏi tíu tít:

- Anh có gì bán?

- Này, này đưa tôi xem nào!

Một chị cứ giằng lấy cái túi dết của tôi, định kéo riêng ra một chỗ để coi. Lúc đó tôi cũng hơi lạ. Sài Gòn đâu có cảnh ấy. Hẳn rằng, cảnh nghèo túng đói ăn, thường nhiều người phải moi móc đồ nhà đi bán, nên mới có kiểu con buôn vặt, đứng đón đầu phố. Tôi nói "Chẳng có gì" rồi đi luôn ra phía chợ Hàng Bè.

Chợ Hàng Bè bây giờ, trông chẳng khác một cái chợ quê ngày xưa: Dăm ba cái sạp gỗ với toàn rau muống, raul lang, rau cần,…Chợ mà chẳng có một hàng thịt, hàng cá tươi nào, chỉ có cá khô. Tôi đi qua chợ, vào phố Hàng Bè, nhìn cheo chéo thấy một quán cơm và 3, 4 chiếc xích lô đỗ trước cửa. Theo ý nghĩ ngây thơ khi còn ở Sài Gòn, của tôi về Cộng Sản: Hà Nội ngày xưa với bao nhiêu kẻ giầu người nghèo. Người giầu thì giầu quá, sung sướng quá. Ngược lại, người nghèo thì nghèo quá, suốt đời cực nhọc lầm than mà không đủ ăn. Chắc khi Cộng Sản về, giới giầu có bị đánh đổ, bị ghét bỏ, tẩy chay, còn những người nghèo khổ như con ăn, con ở, xích lô, thợ thuyền cả đời đem bát mồ hôi đổi lấy miếng cơm mà Cộng Sản gọi là giai cấp cần lao, dân nghèo thành thị hay bần cố nông gì đấy, có lẽ sẽ có rất nhiều quyền lợi, cuộc sống phải thay đổi. Cuộc đời của những người này, như cảnh chị Dậu trong Tắt Đèn của nhà văn Ngô Tất Tố; dưới chế độ Cộng Sản, sẽ xa rồi…Những ngày tăm tối, để đón nhận bình minh của đảng mang về cho giai cấp mình.

Mang trong đầu ý nghĩ như vậy, nên thấy một hàng cơm có nhiều bác xích lô, tôi vào ăn, để xem đời sống của các bác ra sao. Nhìn bên ngoài cửa kính của một quầy nhỏ, tôi thấy dăm, sáu đĩa con con bầy 3, 4 miếng đậu rán một đĩa, đĩa có mấy miếng dứa xào, v.v… Tôi bước vào. Hai dẫy bàn kê dọc theo nhà, trên bàn trống trơn. Bốn dẫy ghế dài kê theo bàn; góc này một anh xích lô tay đang cầm đôi đũa ngồi không; chỗ kia một bác vận quần đùi ngồi chồm hổm trên ghế, để lòi cái cục… cũng có đôi đũa trước mặt. Phía dẫy bàn bên kia, ba người cũng là xích lô ngồi ngả nghiêng túm hụm lại, trước mặt cũng có ba đôi đũa để trên bàn, đang bàn tán hỏi nhau:

- Thế nào, từ sáng đến giờ bao nhiêu rồi?

- Tao mới được 7 hào, chưa đủ tiền thuế, đói thì ăn đã, chiều tính, còn mày?

- Tao được mỗi cú xuống Phà Đen 1 đồng 2. Nắng quá, uống mẹ nó hai hào nước! Ăn hai củ khoai hồi 5 giờ sáng, bay hết mẹ rồi. Phải kiếm cái đút bụng đã, tính sau.

Anh thứ ba tiếp:

- Hôm nay vớ bở, tao được 2 cú đồng 8. Tao phải bỏ riêng 1 đồng nộp thuế. Còn 3 hào, chén đã. Từ giờ đến tối, tao phải cố làm sao được 2 đồng rưỡi.

- Vợ mới mà, hết ý!

Tôi cũng đến ống đũa lấy một đôi, về một góc ngồi. Giữa lúc ấy, một bà đội khăn vấn, từ nhà dưới đi lên ôm một cái thúng, trong có một nồi cơm to, khói bay nghi ngút, chung quanh nồi có chèn bao tải, có lẽ để giữ cho cơm nóng lâu. Cả 5 người đứng dậy, đến chồng đĩa, mỗi người lấy một cái, cùng đưa đến chỗ bàn, bà hàng đang dùng đũa cả đánh cơm ra. Một đứa bé từ trong nhà đưa theo ra một chai nước mắm và một ống đừng thìa nhôm để chỗ cạnh bà hàng. Mỗi đĩa cơm, lưa thưa vài miếng sắn khô (trông ngon hơn ở Hà Tĩnh nhiều) chừng độ 2 bát cơm. Bà hàng cầm chai nước mắm xóc xóc, vẩy đều vào đĩa cơm, lấy một cái thìa cắm vào giữa, đưa cho một người, người đó trả hai hào.

Hết 3 người rồi, còn 2 người nữa. Tuy tay họ vẫn còn cầm đĩa, nhưng chưa lấy cơm, như chờ cái gì. Đang vẩn vơ suy nghĩ, nhìn ra phía cửa có thêm hai bác xích lô nữa đi vào, thì có tiếng cãi nhau, và có tiếng bà hàng cơm quát to:

- Những cái anh này! Của đâu mà lắm thế! Đưa tiền đây, còn để cho người ta bàn hàng chứ!

Tôi nhìn lại, thấy hai anh xích lô cầm hai đĩa cháy đầy, mắt nhớn nhác, liếc ngang, liếc dọc, thỉnh thoảng bỏ một miếng cháy vào mồm nhai rau ráu. Thì ra, các anh giành nhau mua cháy, nên chờ từ nãy, mua cháy được nhiều hơn.

Hai anh đi về phía gần bàn tôi, vừa đi vừa bốc ăn như đói lắm, mắt hau háu nhìn mọi chỗ. Từ nãy, tôi vẫn liếc nhìn chiếc tủ kính có mấy đĩa món ăn. Tôi muốn ăn, nhưng chưa thấy ai kêu, vì họ ăn toàn cơm với nước mắm, nên tôi hơi e dè. Tôi lấy đĩa, đưa cho bà hàng. Sau khi bà hàng đơm cơm xong, tôi hỏi:

- Thức ăn kia bán thế nào?

Bà hàng nhìn tôi một lúc, như xét nghiệm xem loại người nào mà dám hỏi thức ăn:

- Năm hào một đĩa.

- Cho tôi một đĩa.

Thế là đĩa cơm của tôi bớt được một phần nước mắm. Bà cúi ra mở tủ, tôi chỉ đĩa lòng gà xào dứa.

Tôi cầm về bàn. Hai anh ăn cơm cháy mở to mắt nhìn mãi vào đĩa thức ăn của tôi. Chẳng biết vì khi nãy tôi đã uống bia hay vì cơm sắn khô đắng, tôi ăn vẫn thấy khó nuốt. Phần vì đói, phần để cho mọi người chung quanh không thấy khác thường, tôi cố tỏ vẻ ăn liên hồi. Miệng nhai nhưng đầu tôi vẫn băn khoăn, mắt nhìn mọi người ăn một cách ngon lành. Phải rồi! Mình vừa ở một nơi ăn những thứ ngon xong, chứ lâu rồi thì cũng như họ. Ăn được hai phần ba đĩa cơm, tôi buồn nôn vì đĩa lòng gà đã nguội, hơi tanh tanh, lại thấy có mấy cái lông gà con con trong một miếng ruột gà. Tôi lại phải giả vờ ôm bụng. Hai anh ăn cháy, từ nãy vẫn cứ nhìn tôi, rồi nhìn đĩa cơm và đĩa thức ăn. Tôi vừa bỏ thìa và đũa xuống, mắt hai anh đã sáng lên, nhìn tôi cười. Tôi cũng mỉm cười rồi xoa bụng, kêu trống không:

- Không biết tại sao đang ăn lại đau bụng?

Hai anh xô lại chỗ tôi rất lẹ, một anh một đĩa cơm thừa, anh kia đĩa ruột gà ăn dở.

Linh Mục "A", Nhà Thờ "X"

Tôi bước ra khỏi hàng cơm, tâm tư nặng chĩu những suy tư về những kiếp người trong xã hội "ưu việt". Tôi liên tưởng tới một hình ảnh cũng một bác xích lô gần xóm tôi ở Sài Gòn. Một buổi chiều, tôi đang ngồi học, nhìn qua cửa sổ, vẳng nghe tiếng cót két của chiếc xích lô không khách. Bác đang thủng thẳng đạp về, bên cạnh xe đeo lủng lẳng miếng thịt heo và con cá lóc. Người vợ và đứa con trong nhà chạy ra hớn hở, chưa kịp hỏi han, đã bị bác xích lô giục: "Làm mấy món nhậu ngay! Con Tư, sang bà Bẩy lấy cho ba chai đế!"

Cùng một cảnh đời, nhưng hai không gian, hai hình ảnh. Tôi quẹo về Hàng Dầu, rồi theo phố Mã Mây lên Hàng Chiếu. Tôi phải tránh khu phố Hàng Bạc, mặc dù trong lòng tôi cứ da diết muốn tìm về phố cũ, nhưng tôi vẫn còn e dè. Đến Hàng Chiếu, tôi đi ngược lên Hàng Đậu, rồi lên cầu Long Biên. Chủ trương của tôi là nghe ngóng, thăm dò về Phúc Xá Thượng và Hạ xem linh mục A thế nào. Trước khi lên cầu Long Biên để sang Gia Lâm. Tôi lại làm một số động tác nghiệp vụ để xác định an toàn. Sau khi xác định không có chiếc "đuôi" nào, tôi lên cầu.

Chiếc cầu lịch sử nổi danh của Việt Nam ngày nay đã ọp ẹp vì gánh quá nặng thời gian, đã nhìn ngắm quá nhiều biến thiên của đất nước. Trước đây, xe cộ chạy hai chiều. Nhưng bây giờ, cứ hết chiều này qua rồi mới tới lượt chiều kia. Vì thế, xe ứ đọng hai bên đầu cầu hàng dẫy dài. Nhìn những chiếc xe đủ kiểu nhưng cũng nặng nề, ì ạch như tuổi đời chiếc cầu xế chiều. Bên dưới, giòng sông Hồng vẫn cuồn cuộn đỏ máu phù sa như kiêu hãnh nói lên với thế nhân, trong lòng mình còn mang nhiều máu giặc Thanh hồi nào. Sang tới Gia Lâm, tôi thấy Gia Lâm ngày xưa náo nhiệt là thế. Sao giờ vắng vẻ đìu hiu thế này, tôi có cảm tưởng như một phố huyện chiều Đông của một tỉnh miền sơn cước.

Đến nhà thờ Gia Lâm ở trung tâm thị trấn, nhìn vào trong sân, tôi thấy đầy sân, một bên là ngô, một bên là lúa, có hai người đội nón đang cầm cào đảo lúa. Còn nhà thờ mốc meo, đóng cả 3 cửa im ỉm. Mỗi cửa lại có một miếng ván đóng chéo từ dưới lên trên, có nghĩa là cửa không mở nữa.

Tôi bâng khuâng, bàng hoàng cho tình trạng giáo dân miền Bắc. Tôi vào hẳn trong sân, bốc một nắm ngô xem hạt. Một người ngẩng lên nhìn tôi là một bác già, chừng 57 tuổi. Tôi gật đầu chào bác:

- Ngô này năm nay, hay năm ngoái hở bác?

- Hai năm rồi đấy cậu ạ! Phơi cái này, rồi đổi cái mới vào.

Ông già hiền lành cởi mở, tôi thấy dễ mến. Ông nói:

- Tôi đảo hết chỗ này, mời cậu vào uống nước.

Chừng 5 phút sau, ông ghếch chiếc cào vào hè, mở nón, lấy khăn vừa lau mồ hôi, vừa đi về phía một căn nhà cửa đang mở:

- Mời cậu vào chơi!

Tôi theo vào. Trong nhà treo nhiều hình ảnh thờ to: Đức Mẹ và các thánh. Thấy nhà cửa như vậy, tôi nhìn bác và hỏi:

- Thưa bác, vậy bác theo công giáo?

Ông già niềm nở:

- Tôi là trùm họ ở đây!

Tôi săn đón:

- Cháu cũng là công giáo đây!

Ông tỏ vẻ càng hân hoan, tôi gạ:

- Nhà thờ đây có cha không ạ?

Ông lắc đầu:

- Từ lâu không có cha, bây giờ nhà thờ làm kho của hợp tác xã, và tôi trở thành người coi kho.

Tôi cười:

- Vậy sướng quá rồi còn gì! Giàu nhà kho, no nhà bếp!

Ông cũng cười. Thấy ông là trùm họ, hiền lành vẻ chất phác, nên tôi vồn vã nhiều chuyện, trong đó tôi lựa hỏi về Cha A. Ông cho biết, hiện cha còn ở nhà thờ "X", chỉ một tuần vào thứ Bẩy buổi sáng, cha về Phúc Xá Thượng và Hạ để làm lễ sớm mà thôi. Thấy đã thỏa được những điều mình cần biết, tôi xin phép ông già đi ngay, ở lâu không có lợi. Lúc đó đã 3 giờ chiều.

Trên đường đi về, khi xuống hết dốc Bến Nứa, tôi thấy một em gái chừng 12 tuổi, mặc áo sơ mi trắng, có vẻ sạch sẽ, tôi hỏi:

- Em ơi, có biết nhà thờ "X" ở đâu không em?

Em chỉ tay và nói:

- Anh đi rẽ ra Quan Thánh là nhìn thấy.

Hôm đó là thứ Tư, tôi nghĩ nhà thờ hôm nay vắng vẻ, không tiện vào, nhưng cứ đi qua nhìn xem sao. Tôi rảo bước hướng về phố Quan Thánh. Khi đi ngang qua nhà thờ, bên ngoài có trồng hoa, tôi nhìn vào thấy cả 3 cửa phía cuối nhà thờ đều đóng. Bên ngoài có 7, 8 cậu có vẻ là học sinh, mang theo sách vở, mỗi cậu một chỗ đang xem sách. Thấy thế, tôi rẽ vào. Trên lối đi qua chỗ vườn hoa, thấy một ông già, mặc quần áo nâu đang hý hoáy làm cỏ dưới những cây bích đào, cây hồng.v.v…Tôi vào chỗ các cậu, ngồi sà xuống, cầm một quyển sách toán xem và hỏi một cậu:

- Các cậu học chăm quá nhỉ?

Một cậu cười:

- Sắp thi mới học!

Thì ra đây là các cậu học sinh lớp 10 (vỏ bọc của tôi) đang tíu tít học thi (lúc này còn chương trình, hệ 10 năm.) Tôi mở cuốn sách Hình và Đại, thấy chương trình toán, năm cuối lớp đệ Tam và đầu đệ Nhị. Như thế, riêng về toán chương trình thấp hơn gần một năm so với trong Nam. Mục đích là xem nhà thờ, nên tôi chào các cậu đi ra. Đến chỗ bác làm vườn, tôi lên tiếng:

- Bác làm cỏ đấy ư?

Bác ngẩng lên cười, gật đầu. Tôi ngồi xuống nâng một bông hồng lên xem:

- Bông này đẹp quá bác ơi!

Ông nói:

- Mùa Xuân, có mưa Xuân mới đẹp.

Tôi hỏi luôn:

- Cha A có nhà không bác?

Ông lắc đầu:

- Cha đi từ sáng, có lẽ sắp về.

Tôi liếc nhìn vào ngõ nhà chung sâu hun hút, nói lảng sang chuyện khác. Chỉ 5 phút sau, tôi nghe tiếng mô tô rồ máy đi vào cổng nhà thờ. Một linh mục mặc áo chùng thâm, tóc cắt "tăng gô", da mặt hồng hào khỏe mạnh, chạy xe chầm chậm vào khu nhà chung. Tôi hỏi bác làm vườn:

- Cha A đấy ư?

Ông già lại gật đầu. Cha A đi chiếc xe mô tô "bê can" 2 máy. Dáng dấp người rất khỏe mạnh. Trên đường phố Hà Nội rất ít thấy mô tô, ngoại trừ mô tô của công an hay bộ đội. Như vậy, người cũng phải có một cái thế nào đó, mới xoay được xăng để chạy. Tôi hỏi bác làm vườn một hai câu nữa, về hoa cỏ rồi ra về, tính một ngày khác sẽ đến. Trên đường về, tôi rẽ ra phía chợ Đồng Xuân, lúc đó đã 6 giờ chiều. Ở Hàng Giấy, Hàng Đường người đi lại tấp nập, đông đúc. Nhìn thấy nhà sách Nhân Dân bên kia đối diện với chợ Đồng Xuân, tôi ghé sang.

Ngay từ khi còn đi học, tôi đã rất ngưỡng mộ các nhà văn, nhà thơ. Tôi quan niệm rằng: Các ông là những người tiền phong, đi trước tư tưởng quần chúng, suy nghĩ, tìm tòi, phát triển nhiều tư tưởng mới để giáo dục, chỉ đường, hướng dẫn tư tưởng quần chúng đến chỗ thiện, mỹ của con người. Tiêu biểu của thế hệ sát tôi là các nhà văn Nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, v.v...; các nhà thơ Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tú Mỡ, Thế Lữ, Tchya, v.v... Văn thơ của các ông tôi đã đọc và rất thích, rất ngưỡng mộ. Một số người ở lại miền Bắc theo Cộng Sản. Vậy, văn thơ của các ông ấy bây giờ ra sao. Từ tâm trạng ấy, tôi vào các hiệu sách, một trong những hiệu sách lớn của Hà Nội, tôi chỉ nhìn thấy một vài tác phẩm mới như "Đời Cô Lựu", "Bão Biển" của những nhà văn nhà thơ mà tôi đã được đọc thơ văn của họ thời tiền chiến, còn hầu hết trong núi sách: nếu không viết về hợp tác xã, đoàn viên thanh niên, công nông trường, nhà máy... Thì cũng lại là triết của Karl Marx, Lenine, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ... Mở một cuốn sách nào ra, cũng chỉ đọc được một vài trang, rồi tôi không muốn xem nữa. Tôi thấy thật nghèo nàn về tư tưởng, không có hồn, nhạt phếch.

Vì là văn nghệ chỉ đạo cho nên bất cứ một câu chuyện gì, nội dung gì cũng gò bó theo một khuôn thước nhất định. Kể cả phim ảnh, nhạc, kịch cũng vậy. Cứ xem hay đọc vài mươi tờ, đã đoán được đoạn cuối, sự việc sẽ giải quyết ra sao rồi, chán ngấy!

Tôi mua cuốn "Bão Biển" và "Đời Cô Lựu". Một cuốn "Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi" của Võ Nguyên Giáp. Tôi mua những loại sách báo này có nhiều mục đích: Trang bị cho vỏ bọc của tôi, cũng xem qua trong nói những gì. Với chỉ mật, tôi sẽ ghi những dữ kiện cần thiết. Mua sách xong, tôi rẽ về Hàng Quạt ăn cơm. Đêm đó tôi ngủ ở nhà trọ Hàng Quạt.

Sáng hôm sau, mồng 3 tháng 6, như vậy là tôi đã đến Hà Nội đã được 2 ngày rưỡi. Tôi đã hoàn thành một phần tư nhiệm vụ. Như thường lệ, tôi ra bến xe điện bờ hồ, mua một khúc bánh mì, tờ báo "Thủ Đô", đến một ghế xi măng ngồi ăn và nhìn ra hồ.

Theo tin hỏi được từ ông già làm vườn nhà thờ X, 5 giờ chiều nay, Cha A có giải tội hàng tuần. Vậy từ giờ cho đến 4 giờ 30 chiều làm gì? Tôi chợt nghĩ đến Nhà Hát Lớn Hà Nội và phố Tràng Tiền, xưa gọi là phố Tây, nơi sang trọng có nhiều người ngoại quốc, nên các cửa hàng ở đó cũng theo lề lối Âu Tây. Nghĩ như vậy, tôi đứng lên, kín đáo quan

sát tất cả các bộ mặt chung quanh trong phạm vi 100 mét.

Tôi đi về phía phòng thông tin cũ, rẽ vào một ngõ hẹp rồi quẹo xuống vườn hoa "Con Cóc". Đến đây, tôi tìm một ghế đá ngồi để xác định an ninh bằng một phương pháp chuyên môn. Không có một hiện tượng nào tôi phải chú ý cả. Yên tâm, tôi ngoặt ra bờ hồ, qua nhà bưu điện, đến nhà hàng "Gô Đa", vào Tràng Tiền. Tôi đang đi, miên mang suy nghĩ, bỗng tôi chú ý đến hai cô gái môi son. Mặt đánh phấn, chí chóe cười đùa, đang đèo nhau trên một chiếc xe đạp. Hai cô lại mặc "duýp" mới chứ! Đó là một hiện tượng không bình thường ở Hà Nội thời ấy. Tôi đưa mắt nhìn toàn cảnh phố phường lúc đó. Đường phố có vẻ nhộn nhịp hơn. Sáu, bảy chiếc xe du lịch cũ kỹ chạy trên đường. Một chốc, tôi lại thấy những chiếc xe đó quành lại, cứ vòng đi vòng về. Đây đó, tôi thấy nhiều cô gái mặc áo dài đi trên phố, cũng như xe đạp dưới đường. Những chiếc áo dài xanh, đỏ vẫn còn hằn nếp gấp, chứng tỏ đã lâu ngày, có khi hằng năm, hôm nay Chủ Nhật mới sử dụng. Những cô gái này cứ quành đi quành về trên đường phố Tràng Tiền.

Tôi tự hỏi, họ làm gì thế? Mắt tôi chợt nhìn, xa xa mãi tít tận thềm nhà Hát Lớn, một đám người lố nhố đang điều hành một máy quay phim.

À, một cái bịp của Cộng Sản đây! Những đoạn phim này nếu đưa vào Sài Gòn, vùng "giải phóng", sang Thái Lan, Tân Đảo, hay nơi nào khác… thì đây: Hà Nội, thủ đô của xã hội chủ nghĩa, dân chúng, xe cộ vui tươi, sầm uất nhé! Họ đâu biết rằng cảnh phố phường vui tươi ấy chỉ có một lúc này. Nhưng, nếu ai có nói với họ không phải như vậy, Cộng Sản đóng phim bịp đấy, thì họ cũng không tin. Thấy chỗ nhà hát lớn như thế, tôi không tiện đến đó nữa. Tôi lang thang xuống phố Huế rồi rẽ sang Tràng Thi quẹo về bờ hồ, ngược lên phố Huyện ra Hàng Trống, Hàng Gai. Hà Nội không có một hiệu ảnh tư nào cả. Những hiệu ảnh lớn ngày xưa, trước 1954, bây giờ còn sót hiệu nào, cũng chỉ thấy đề tấm biển nhỏ: "Ở đây nhận rửa phim và tô màu" (Vậy, nếu ai không biết, vào hiệu bảo "chụp cho tôi cái ảnh", đúng người đó mới ở trên trời rơi xuống.)

Những hiệu ảnh khác bây giờ, hoặc đóng cửa, hoặc chuyển thành một nơi sản xuất hàng thủ công. Toàn bộ mấy khu trung tâm của Hà Nội, tôi chỉ thấy hai chỗ chụp ảnh quốc doanh của nhà nước. Một hiệu ở Tràng Tiền và một ở góc chéo Bờ hồ gần quán mụ Béo ngày xưa. Giữa thủ đô của một nước, nhìn những hiệu may lớn ngày xưa, một vài cửa hiệu vẫn còn tấm biển quảng cáo tuy đã long lở sơn. Nào đâu những tấm biển của ngày xưa "Cai cúp tốt nghiệp ở Paris," nào "Chuyên viên may mặc, có nhiều năm kinh nghiệm ở Marseilles," v.v… Bây giờ, thường thường ở cửa kính trước hiệu, đeo hay dán một cái biển nhỏ dài chừng 50 phân, rộng 15 phân. Bằng gỗ hay bằng một tấm bia: "Ở ĐÂY, NHẬN VÁ VÀ LỘN CỔ ÁO." Nghĩa là, không còn cái cảnh có vải sẵn để may cắt quần áo. Tôi đi nhiều, khắp đây đó trên đường phố Hà Nội, hiệu lớn cũng như hiệu nhỏ, thường thấy cái biển đề như vậy đập vào mắt tôi. Nếu có máy ảnh, tôi sẽ chụp khung cảnh hiệu và tấm bảng này. Chỉ điều này thôi, đã nói lên nhiều sự việc về kinh tế cũng như cuộc sống, của người dân thành phố Hà Nội, dưới chế độ Cộng Sản.

Thỉnh thoảng nhìn thấy những người mồ hôi nhễ nhại, kéo những chiếc xe ba bánh trên đường phố, tôi cứ bần thần suy nghĩ. Trước đây, khi còn ở Sài Gòn, tôi thường ngây thơ lý luận: Xã hội loài người luôn luôn tiến lên, 10 năm sau sẽ khác hẳn 10 năm trước. Điều này là tất yếu ở mọi nơi, mọi nước. Vậy, thời con người thay con vật kéo xe, kéo cầy đã phải qua rồi, trừ những hoàn cảnh, những lúc đặc biệt nào đó. Còn nói chung, sinh hoạt bình thường ngoài đường phố, thì trên thế giới này hiện nay. Dù ở một nước ban khai lạc hậu nào đó, cũng không còn cái cảnh người làm thay con vật. Cảnh người kéo xe ba gác ở Hà Nội bây giờ, là một trong những thực tế đã mở mắt cho tôi, để tư duy, kiến thức của tôi được mở rộng dần. 4 giờ 30 chiều. Tôi phải xúc tiến việc đến với linh mục A. Theo kế hoạch thời gian, tôi phải nằm lỳ ở đấy ít ra 10 ngày để tuyển mộ và huấn luyện cho kịp với ngày 16 hay 18 trao tài liệu "M" theo như quy ước.

Tôi tản bộ lên phía nhà thờ X. Khi gần tới nơi, tôi nhìn thấy một cửa phụ phía dưới nhà thờ mở một cánh, và loáng thoáng một vài ông bà già đi vào. Tôi cũng đi vào nhà thờ. Khoảng 15, 16 người, quỳ rải rác ở các hàng ghế trong nhà thờ rộng thênh thang. Hầu hết là các ông bà đã có tuổi. Tôi tiến đến quỳ cạnh một ông già đầu tóc bạc phơ, gần

dẫy ghế phía cuối. Một lúc, tôi ghé gần ông già, hỏi:

- Thưa cụ, hôm nay cha có giải tội không?

Ông già phều phào nói nhỏ:

- Có, tí nữa cha ra.

Chừng 10 phút sau, cha từ phía sau ra trước bàn thờ, quỳ xuống cúi đầu đọc kinh. Một lúc, người đi xuống. Trong khi đó, ở dưới này một số bà và một ông đứng dậy, ra phía tòa giải tội đứng xếp hàng. Tôi cũng theo đến tòa giải tội đứng vào hàng. Khi đến lượt, tôi tiến lại tòa giải tội, quỳ xuống. Sau khi làm vài thủ tục bắt đầu của buổi xưng tội, để tranh thủ thời gian, tôi nói luôn:

- Thưa cha, con vừa ở Sài Gòn ra, con có mang theo một lá tâm thư của cha Hoàng Quỳnh gửi cho cha. Vậy, con có thể đưa cha bằng cách nào cho thuận tiện?

Im lặng một lúc, cha nói:

- Tí nữa khi giải tội xong, tôi quỳ ở phía dưới nhà thờ. Anh cứ đưa tự nhiên.

Tôi băn khoăn:

- Thưa cha, như vậy có điều không tiện chăng?

Cha nói:

- Không sao cả! Ở đây, giáo hữu vẫn thỉnh thoảng đưa thư xin lễ cho tôi.

Qua cách đối ứng, và cách nói chuyện của cha, tôi thấy cha là một người rất bình tĩnh, điềm đạm. Vì cha ở trong phòng giải tội, tôi không thể nhìn được nét mặt của người như thế nào, khi bất chợt cha gặp một người ở Sài Gòn ra. Tôi nói tiếp:

- Thưa cha, con sẽ gặp cha để thưa chuyện với cha nhiều. Nhưng, con muốn trước đó, cha hãy đọc lá thư của cha Hoàng Quỳnh đã. Vậy, thường ngày cha có làm lễ sớm không?

- Sáng mai, tôi làm lễ sớm từ 5 giờ, xong lễ, anh lên gặp.

- Con sợ, tí nữa ra ngoài đưa thư không nói được gì. Vậy thưa cha, gặp cha ở đây thuận tiện, hay ở Phúc Xá Thượng hay Hạ, tiện?

- Cứ ở đây, tiện hơn.

Tôi vờ cuối đầu đọc kinh ăn năn tội như mọi người, rồi ra. Tôi quỳ ở hàng ghế cuối, chờ.

Sau hai người nữa, hết người xưng tội. Cha ra, quỳ ở trên tôi khoảng 6, 7 hàng ghế. Chờ cha làm dấu xong vừa đứng dậy tôi cầm thư tiến đến. Gần chung quanh không có ai, tôi nói khẽ:

- Sáng mai, con sẽ đến cha!

Rồi, tôi xuống cuối nhà thờ và ra ngoài. Tôi ra lối cổng nhà thờ, sát ngay hè phố. Gọi là cổng, nhưng không có cánh cửa, đó là một lối xe ra vào rộng, giữa hai bờ tường xây dọc theo hè phố. Mắt tôi thoáng thấy phía bên phải, một vật gì loáng thụt vào một bờ tường, cách tôi khoảng 10 mét. Phản xạ tự nhiên của nghề nghiệp, lẽ ra tôi quặt theo phía trái theo hè phố để về Hàng Than, nhưng để xác định cái bóng lúc nãy, tôi bước thẳng xuống đường, để sang hè phía bên kia.

Lợi dụng một chiếc xe từ phía trái đi lại, quay lại, tôi vờ chú ý nhìn chiếc xe, khi xe đi ngang qua mặt, tôi nhìn theo. Rất nhanh, tôi đã thấy một tên đội mũ cá két xám, đeo kính râm, chừng 30 tuổi. Y đang vờ nhìn về phía phải y, để tôi không thấy mặt.

Căng thẳng bắt đầu! Tôi hoàn toàn vờ như không hề biết, cứ thong thả tiến về phía Hàng Than. Tuy vẫn thủng thẳng bước, nhưng lòng tôi đầy phán đoán, cân nhắc. Để xác định rõ, tôi đi về phía chợ Đồng Xuân. Hôm nay, khu mặt tiền chợ có vẻ đông hơn hôm trước, có lẽ vì trời còn sớm. Tôi lại vào hiệu sách, vờ lựa chọn, tìm một cuốn. Khi tôi cố ý với một quyển sách trên kệ cao, tôi đã thoáng thấy tên đó đứng bên kia cửa chợ. Lợi dụng việc chọn sách và mua một cuốn về nông nghiệp, cũng như khi ra quầy trả tiền, tôi đã quan sát hết mọi bộ mặt, quần áo, dáng dấp những người chung quanh mà tôi có thể nhìn thấy. Xong, tôi theo Hàng Giấy xuống Hàng Đường rẽ vào Hàng Bồ, qua Mã Mây, vào quán cơm Hàng Bè lần trước. Cơm nước lúc này, làm sao ăn ngon cho được nữa! Bao nhiêu thính giác, thị giác và trí óc của tôi đang quay cuồng với tên mang kính râm. Nhìn chéo sang góc chợ, tôi thấy tên kính râm đang lảng vảng tiến vào hàng cơm, tôi lại thấy một tên đi xe đạp, mặc áo công nhân xanh, chừng 25 tuổi, tôi đã thấy y ở Đồng Xuân. Hai tên.

Tôi cố gắng nhồi cơm vào, chứ tôi còn biết mùi vị gì. Ăn xong, tôi về nhà trọ Hàng Quạt để đi ngủ. Giường tôi nằm giữa hai chiếc giường, mà hai người nằm đó tôi đã biết mặt từ hôm trước. Nói chung, khu tầng dưới tôi nằm, có 9 giường. Hôm trước, chỉ có 3 giường trống là số 1, 2, và 5. Tôi nằm giường 4.

Khi tôi vào đi tắm, lúc đó là 8 giờ tối, tôi chuẩn bị lại hết những gì cần thiết. Trong mình tôi chỉ còn 3 tài liệu: 2 của linh mục B và C, 1 tài liệu "M". Tắm xong ra, tôi thấy giường số 5 có một anh cũng đeo ba lô bộ đội mới vào thuê. Tôi về giường, mỉm cười gật đầu chào, anh cũng gật đầu mỉm cười với tôi. Anh ta chừng 26, 27 tuổi, người trắng trẻo. Trong khi tôi loay hoay sắp xếp giường và túi dết. Anh cũng lục đục tìm thế nằm. Một lúc tôi lên tiếng:

- Không hiểu sao, nhà thương ở đây xin nằm điều trị khó thế anh nhỉ?

Anh nói:

- Tùy theo bệnh. Tôi cũng ở Bắc Ninh về chữa bệnh đây.

Tôi hỏi ngay:

- Anh bị bệnh gì?

Anh thủng thẳng:

- Đau dạ dầy.

Trong óc tôi đặt ngay một nghi vấn. Được, tao sẽ có nhiều cách để biết về mày. Chữa bệnh hay theo dõi tao, rồi tao sẽ biết! Đêm hôm đó, phải thú thực, tôi không tài nào ngủ nổi, mệt lắm thì chỉ nhắm mắt. Đầu óc căng thẳng. Bao nhiêu câu hỏi, bao nhiêu suy nghĩ, tính toán. Địch, nghĩa là phản gián Hà Nội đã phát hiện ra tôi? Hay đây chỉ là

công an ngầm hình sự theo dõi lưu manh, buôn lậu? Vì khâu nào bị lộ? Chúng bắt đầu phát hiện ra mình từ lúc nào? Vì sao?

Tôi nhớ lại, lúc sáng khoảng 8 giờ rưỡi, 9 giờ, ở bờ hồ bến xe điện, tôi đã xác định là không có "đuôi". Vậy, có thể địch phát hiện ra tôi từ nhà thờ X. Nếu từ nhà thờ X, có hai lý do khả nghi: Thứ nhất, có thể từ ông già làm vườn. Ông là người đã bị công an tình báo Hà Nội mua hoặc đặt vào để theo dõi, giám sát mọi hinh vi của Cha A. Thứ hai, Cha A ở giữa lòng Hà Nội, lại là một linh mục có khả năng, cương cường, nhiều lần chúng mua chuộc không được. Như vậy, chính chúng thường xuyên đặt người nhòm ngó cha rồi.

Vì chính quyền miền Nam đang tăng cường tung gián điệp, biệt kích ra miền Bắc, cụ thể như anh Hảo Hải Quân đã tâm sự với tôi. Hơn nữa, từ Hà Tĩnh tới Hà Nội, đâu đâu tôi cũng thấy khẩu hiệu: "Phòng gian, phòng gián, bảo mật." Dân chúng đã được giáo dục học tập, thấy một hiện tượng lạ, một người lạ phải đến báo cáo cho công an. Như vậy, tất nhiên, Cục phản gián Cộng Sản đã bí mật rải người canh gác cả 5, 6 nhà thờ ở Hà Nội có linh mục ở. Chúng thừa đoán được là, nếu gián điệp mò về hoạt động, nhà thờ chính là những nơi gián điệp cần bắt mối, liên lạc. Có thể, tại tất cả địa phương, nhà thờ, xứ đạo có linh mục, chúng đều có lệnh cho từng địa phương tùy nghi để bố trí theo dõi, giám sát những hành vi của các linh mục, và những người lạ đến giao thiệp, gặp gỡ. Riêng Hà Nội là trung tâm đầu não của đảng, cũng như của chính quyền, vấn đề này càng được đặt ra đúng tầm quan trọng của nó.

Tôi mới đến nhà thờ X lần thứ II. Lần đầu, có thể tôi đã đến trong một lúc sao nhãng nào đó của nhân viên phản gián. Hoặc, nhờ có một số học sinh đang học thi, tôi đồng dạng, nên qua mắt được chúng, chúng vô tình không để ý. Lần này, đến nhà thờ, chỉ có một số ông bà già, còn thanh niên trẻ tuổi không ở công trường, xí nghiệp, nhà máy, thì cũng đội nọ, đoàn kia, họp hành làm gì có thì giờ mà đi nhà thờ. Ngay ngày Chủ Nhật cũng chỉ họa hẳn.

Bao nhiêu vấn đề làm tôi căng óc suốt đêm. Nhiều vấn đề chưa giải đáp được sáng tỏ, phải đợi những ngày tới. Tôi thấy trước mắt, muốn chống đối, đấu tranh với kẻ thù lúc này, phải cần có đầu óc minh mẫn, sáng suốt. Như vậy, cần phải khỏe, không ngủ được, không thể khỏe. Do đấy, tôi gạt hết, quyết tâm ngủ ít ra một tiếng, để ngày hôm sau ứng phó với kẻ thù.

"Đuôi!!!"...

Bẩy giờ sáng hôm sau, tôi mới dậy. Tên đau dạ dầy cũng dậy lúc đó. Tôi nhăn nhó:

- Đêm qua, tôi tưởng gần chết! Tim tôi nhiều lúc nghẹt lại tưởng mê man, xỉu đi. Khi ở nhà, đôi khi tôi cũng bị như vậy. Hôm nay, tôi phải vào nhà thương xem sao. Tuổi trẻ mà nhiều khi không muốn sống nữa!

Y nói:

- Hãy cố gắng đi, có khi vào Việt Đức sẽ chữa khỏi. Khoa học ngày nay, chữa được nhiều bệnh lắm.

Tôi hỏi:

- Anh đi nhà thương nào?

Y trả lời:

- Hôm nay tôi chưa đi, còn bận đến nhà người anh họ.

Lúc vào rửa mặt, tôi xem trong túi dết: Không còn đồ gì đáng ngại. Trước khi buộc túi, tôi cố ý để đuôi bàn chải ló

hơn đuôi hộp thuốc đánh răng đúng nửa phân và quấn vào cái quần lót; giữa cuốn "Đời Cô Lựu" và cuốn của Võ Nguyên Giáp, tôi kẹp một miếng giấy bé bằng đốt ngón tay út giữa hai cái bìa, rồi xếp lại. Khi buộc túi dết, tôi thắt nút quai chèo, dây dài thò dài hơn đúng 3 lần giây ngắn. Xong, tôi đem ra bàn trực gửi, rồi đi.

Như thường lệ, tôi cũng ra bến xe điện mua một cái bánh mì nhỏ như mọi khi, sau khi quan sát hết một chu vi có thể được do mắt tôi. Tôi hơi nghi bộ mặt và thái độ của mấy người, hai anh chàng hôm trước không thấy. Ăn xong, tôi đi về phía nhà thương Việt Đức. Tôi quyết định không trở lại linh mục A nữa, trừ trường hợp tôi cắt được đuôi, hoặc có thời cơ thuận tiện.

Tôi quẹo xuống Trường Thi, đi qua một đường hẻm và một phố nhỏ, đến một cái ghế đá ở Trường Thi, tôi ngồi nghỉ. Thỉnh thoảng tôi lại để tay lên ngực nhăn nhó. Rất lẹ, tôi đã thấy hai chú, mà tôi đã nghi ngay trên bờ hồ. Á chà! Lại có một cô gái chừng 18 tuổi. Mặt non choẹt, có hai mớ tóc đuôi sam, đang ngồi ở một hàng nước vỉa hè cách xa chỗ tôi đến 250 mét. Dáng dấp ấy, tôi đã thấy đứng ở bến xe điện. Được, xem chúng mày bao nhiêu đứa! Cô gái cứ cúi xuống, hai tay lúc lắc đan len. Như thế, hiện nay là 3 đứa.

Tôi vào một cửa hàng quốc doanh, mua một chiếc khăn mặt 5 hào, rồi đi trở về nhà thương Việt Đức. Khi gần tới nhà thương, tôi coi như lần đầu tiên đến đây. Tôi phải hỏi thăm một người đi đường, họ chỉ cho. Tôi lớ ngớ như bộ điệu của một anh chàng ở tỉnh, chưa hề tới lần nào, từ cách đưa giấy tờ, cho tới khi vào trong. Dù không cần quan sát, tôi cũng hiểu mọi cử chỉ hành động của tôi; ít nhất có 6 con mắt không bỏ sót. Tôi cố ý tránh, không bén mảng tới mấy dẫy nhà của Z-5.

Tôi hỏi thăm những người y tá để đến thẳng khu phòng khám, chữa về tim. Điều phiền toái là tôi lại không có bệnh. Vì thế, tôi chỉ đến phòng đợi, hỏi han vớ vẩn về tim, có nằm điều trị được không v.v... Khi họ hỏi tôi có giấy giới thiệu không? Tôi lại lắc đầu. Loanh quanh một lúc, thế mà cô ả đan len cũng mò vô, và một anh chàng nữa.

Khi ra cổng bệnh viện, ngay khi vừa tới mép cổng, tôi đã thấy anh chàng mặc áo nâu cùng xuống Tràng Tiền với tôi, đứng mãi bên trong giậu găng của một ngôi nhà xa tôi đến 300 mét, thò mỗi cái mặt ra. Ngay chéo bên kia phố, một anh xích lô đầu đội mũ công nhân, mà tôi đã để ý từ dưới Trường Thi, đang lúi húi nắn cái lốp (vỏ) xe. Tôi biết rồi, đừng vờ nữa!

Như thế là những 4 người. Điều này đã nói lên tình hình rất căng. Không thể còn lỏng lẻo mơ hồ nữa.

Tôi về bờ hồ, sang phía đền Ngọc Sơn. Chỗ có nhiều cây to, có các quán nước ngoài trời, vào một bàn, mua một chai nước ngọt, ngồi nhìn ra hồ. Tôi ngồi nơi vắng lặng như vậy, cho tinh thần được thoải mái để cân nhắc, tính toán. Lúc này, tôi không cần để ý tới người theo dõi cho mệt. Cái cần thiết, tôi đã biết rồi. Mức độ căng thẳng tôi cũng đã nhìn thấy. Vậy, chỉ còn đào sâu tính toán cho kỹ. Rồi theo đó giải quyết.

Vẫn làn gió hồ hiu hiu thổi nhẹ, vẫn những bông phượng vĩ đỏ ối quanh hồ, nhưng hôm nay tôi không cần biết, trước mắt mà coi như không thấy. Tôi chưa kết luận, nhưng những hiện tượng vừa qua trong hai ngày cho thấy, phải tới 90% là phản gián Hà Nội đã phát hiện ra tôi. Nếu chúng là phản gián, chúng đã xác minh được tôi rồi. Tôi không phải là người sống ở miền Bắc, tuy có giấy thông hành đầy đủ tên tuổi, quê quán do công an huyện ký. Chúng chỉ cần nhắc điện thoại là biết rõ rồi. Tôi làm gì có tên trong sổ cái.

Nếu chúng là phản gián, tôi phải tin chắc nguyên tắc này, chúng sẽ chưa bắt tôi. Chúng cần bí mật theo dõi, để xem tôi đi những đâu, làm gì, giao thiệp với những ai...? Trừ phi tôi định chuồn. Vậy tôi yên tâm, chưa sợ chúng bắt. Tôi cần tỉnh táo, bình tĩnh để đối ứng. Từ nguyên tắc trên, đôi khi chúng lại tạo điều kiện cho tôi đi lại, hoặc ra vào một cách dễ dàng hơn, ở một cơ quan nào đó mà tôi muốn. Có như vậy, chúng mới biết được tôi định làm gì và giao thiệp với ai? Mặt khác, chúng sẽ bố trí nhân viên phản gián sao cho:

- Không bỏ sót một việc gì mà không biết, dù nhỏ nhặt của con mồi. Nếu có quay phim thì càng tốt.

- Tuyệt đối khéo léo, không để cho con mồi biết là đã bị phát hiện.

- Cố tránh đừng để con mồi thấy mặt nhiều lần, nó sẽ nghi ngờ.

- Bám riết, không được để mất con mồi. Phải tinh ý, đoán trước được ý đồ của con mồi định làm.

Những điều trên, có lúc tưởng như mâu thuẫn với nhau, vì thế, để giải quyết, chỉ còn một cách duy nhất là tăng cường đầy người theo dõi, vòng trong, vòng ngoài, v.v… Mục đích của chúng là phải biết rõ về tôi, và tìm hết mọi mắc lưới của tôi. Biết khả năng của địch ưu, cũng như nhược, để tùy cơ ứng biến theo điều kiện của tôi. Về phía tôi, tôi nhận thấy, điều đầu tiên và quan trọng nhất là: Bằng mọi giá, mọi cách dứt khoát không để cho chúng biết là tôi đã biết chúng. Dù sau này, sự việc diễn tiến như thế nào, điều đó chỉ có lợi cho tôi mà thôi. Tôi sẽ phải tạo điều kiện cho đối phương mất cảnh giác rồi bất ngờ cắt "đuôi". Nếu có thời cơ tôi sẽ trở lại linh mục A. Nắm vững là chúng chưa bắt mình, vậy thôi phải triệt để lợi dụng yếu tố này. Kéo dài thời gian, tung hỏa mù, để trao tài liệu "M". Tương kế tựu kế, tôi sẽ dẫn đối phương về một chiều hướng khác. Tôi phân tích, cân nhắc, đặt ra những phương hướng trên. Trước mắt, tôi cứ như thế, rồi tùy theo diễn tiến của thực tế, sẽ bổ sung hoặc thay đổi.

Một điều tôi buốt ruột đau lòng lúc này, là hộp thuốc hóa trang đã để lại miền Nam. Tôi đã học và thực tập hóa trang nửa tháng trời. Lỗi này không do tôi, mà do các ông dậy tôi. Các ông đã chuyển hết đồ của tôi đi trước. Tôi tin nơi các ông, nên tôi đã không kiểm soát lại. Âu đây cũng nói lên một khía cạnh, về tinh thần tắc trách của cán bộ miền Nam. Tôi sẽ trình bầy thêm sau này.

Tôi ý thức được sự nghiêm trọng trong lúc này. Đi hoạt động trong vùng đầu não của địch; đã bị lộ, chẳng khác gì con cá nằm trên thớt. Dù vậy, với bản tính coi thường nguy hiểm của mình, nên tương đối tôi vẫn bình tĩnh. Đây là lúc thử nghiệp vụ giữa miền Nam và miền Bắc. Ở miền Nam tôi chỉ là loại tép riu thôi, nhưng ra đây, tôi cũng dám đùa dỡn với các ngài! Khi đã có chủ định tôi cảm thấy an tâm, bình thản hơn. Ngay sau đó, tôi trở về bến xe điện. Đi Hà Đông chơi, vừa để nhìn rõ được mức độ theo dõi, tôi vừa xem cảnh xây dựng đổi mới của xã hội chủ nghĩa, sau hơn 8 năm thống trị.

Chủ trương đã như vậy trong lòng, nên cách đi đứng cũng như cách lên xe điện. Tôi tỏ ra là một người rất chậm chạp, đôi khi còn nhút nhát nữa, như: Ở bến xe điện, tôi ngồi ở ghế xi măng, vờ cứ cắm cúi xem báo, chờ cho xe điện bắt đầu chuyển bánh. Tôi mới giật mình đứng dậy chạy theo, chới với, lúng túng, rồi đành nhìn theo xe điện chạy, tiếc ngẩn ngơ, nhỡ tầu v.v… Mục đích là để cho những người theo dõi tôi, mang một ấn tượng, thằng này dáng bộ chậm chạp, nhát nữa. Họ đâu biết rằng, với tốc độ xe điện ở Hà Nội, hoặc xe buýt ở Sài Gòn, bất cứ lúc nào tôi cũng có thể nhẩy lên hay nhẩy xuống được.

Lúc đó đã một giờ chiều, ngày 4 tháng 6. Chẳng hiểu cô gái ấy ăn cơm ở đâu, bây giờ cũng thấy đứng ở cuối toa xe điện theo tôi vào Hà Đông. Hai người lên xe điện, còn các người kia tôi không thấy. Khi tầu điện ra khỏi thành phố, tôi muốn quan sát lại phía sau, xem có xe nào đuổi theo không. Biết rằng có bốn con mắt đang để ý tôi ở trên tầu. Mắt tôi cứ vờ như đang chú ý đến một người đang gánh rạ dưới đường. Xe điện chạy qua, và tôi phải ngoái lại nhìn theo người gánh rạ. Tôi đã nhìn thấy hai anh chàng ngồi trên một cái Mô bi, đang cúi gò người chạy theo tầu, thật vất vả. Một chiếc Commanca nữa ở phía sau. Tôi chỉ thoáng nhìn thấy kiểu xe và hình dáng người trên xe. Chốc nữa vào Hả Đông là tôi sẽ biết ngay.

Chà, khu Cao Xà Lá (Cao Su, Xà Phòng, Thuốc Lá)! Đọc ở trên báo, nghe ở trên đài, tôi tưởng khu này do Trung Quốc giúp xây dựng lớn lắm kia. Thế mà cũng gọi là khu Liên Hợp Trung Quy Mô! Biết họ nói bốc, tôi đã trừ hao đi

rồi, thế mà vẫn còn thấy ngạc nhiên. Nhìn toàn khu, chỉ như một cái hãng tư trung bình của miền Nam.

Tôi đã nhìn thấy số của chiếc xe Commanca: HN5037. Trên xe có 3 bộ mặt. Tuy tôi chưa chắc, nhưng hiện tượng thì nghi. Nó đã chạy vượt trước xe điện. Vào tới Hà Đông, hành khách xuống, tôi cũng xuống theo. Tôi đi lang thang mấy phố. Nói mãi cái nghèo của Cộng Sản thành nhàm. Tôi chỉ thấy Hà Đông như nhà quê, cái thành phố mà ngày xưa, đầu 1954, tôi và người em họ Phan Gia Ân thường đèo nhau vespa đi vào chùa Trầm, vào trại vải chơi đùa trong thời hoa mộng. Tôi có cảm tưởng lúc đó Hà Đông là một cô gái 18, đôi mươi của hương sắc. Còn bây giờ là một bà lão 60-70 tuổi móm mém. Cuộc đời thăng trầm đã làm cho cô thất cơ lỡ vận, bần hàn, cực nhọc. Quanh quẩn, đến một đầu phố, tôi đã thấy từ xa trong một góc đường, chú HN5037 đang đậu im phăng phắc. Chốc nữa tao về Hà Nội, mày mà mò theo là tao nhớ mày!

Tôi trở ra bến xe, về Hà Nội. Xe điện đi được nửa đường, lúc ngừng ở một bến phu, chú HN5037 chạy vượt qua. Tôi nhận được mặt thêm 3 người nữa, đồng thời lúc này tôi cũng khẳng định chúng 100% là phản gián Hà Nội. Tuy vậy, mức độ chúng đánh giá về tôi, tôi chưa xác định được. Với sự hiểu biết của tôi, điệp viên có nhiều loại, nhiều trình độ: Hồ Chí Minh, Fidel Castro, Lý Thừa Văn, v.v… Chẳng đã có thời gian hoạt động tình báo đấy ư? Ở bờ bên kia Bến Hải, khoán 300 đồng sang khu phi quân sự Bắc, mua hay lấy một tờ báo Nhân Dân. Như vậy, cũng là hành động của một điệp viên (điều này, chính ông Hương đã kể). Từ ý nghĩ trên, tôi chẳng cần giữ vỏ bọc là học sinh ở Vĩnh Linh nữa. Học sinh gì mà chúng phải vận dụng đến 7 người một ngày, cả xe Commanca đi theo như thế?

Biết người, biết mình một tí. Chúng đã biết tỏng tôi rồi; chúng chỉ không biết tôi ra đây để làm gì thôi. Vì thế, chúng sẽ còn phải mất nhiều tâm sức với tôi. Xe điện về tới bờ hồ thì đã chiều, tôi đi ăn cơm rồi về nhà trọ. Đưa thẻ lấy túi dết. Chưa cần mở ra, tôi đã biết có người mở túi dết của tôi ra rồi. Không sao cả, ngay khi tôi ở hàng cơm ra, tôi đã thấy trên một cửa sổ nhà đối diện, một người chụp ảnh tôi. Cũng không sao cả! Dù tôi muốn hay không, bây giờ cái thế đã như vậy rồi, sợ cũng chả được nữa. Không sợ mấy, tôi còn được cái khoái ngắm cảnh khi cưỡi trên lưng cọp.

Đêm ấy, tôi vẫn ngủ quán trọ Hàng Quạt. Tên đau dạ dầy cũng vẫn ở đó. Tôi đã biết nó khi đi ăn cơm. Lúc ở bờ hồ rẽ về, từ xa tôi đã thấy nó đứng nói chuyện với một trong số người theo dõi tôi từ hôm qua đến bây giờ. Nó chủ quan, nghĩ rằng tôi không thể biết tên kia. Ngoài đường phố người đông như hội, gặp người quen là chuyện thường. Nhưng vì tôi đã biết tên kia, nên biết về nó. Do vậy, tôi đi tắm, xong về giường nằm. Nó không hỏi, tôi cũng chả cần nói, dù có mỉm cười gật đầu chào nhau. Đêm qua tôi mất ngủ. Đêm nay, tâm hồn đã xác định rõ, vì thế, tôi cần ngủ cho lại sức đã. Thời gian chờ còn hơn 10 ngày nữa mới tới 16-18: Ngày quy định trao tài liệu "M". Trong thời gian này, tôi phải tung hỏa mù bằng cách:

- Sẽ dẫn chúng đi lung tung để lợi dụng nhìn được nhiều cảnh vật của Hà Nội, biết thêm nhiều điều hữu ích khi trở về Sài Gòn. Trong khi đó, nếu có thời cơ, tôi cắt "đuôi" ngay.

- Ngoài ra, tôi còn phải tỏ ra là một người có tính tiểu tư sản lãng mạn, lưu luyến cảnh cũ (mặc dù có nhận nhiệm vụ về miền Bắc theo dõi sư đoàn 308, nhưng trong lòng không thích hoạt động. Cụ thể, là không hề chú ý tới những nơi đóng quân, cũng như những bộ đội, xe cộ quân sự gặp trên đường đi qua). Lâu ngày, nhớ Hà Nội, về thăm, chứ không thích hoạt động, thế thôi.

- Trong quá trình đi linh tinh như vậy, tôi phải để ý tìm một địa thế thuận lợi để cắt "đuôi".

Tuy trong lòng tính như thế, nhưng nằm xuống, tôi cũng không làm sao ngủ nổi. Cứ vẫn vơ nghĩ suy, hết sự việc này, lại sự việc khác tiếp nối kéo đến. Ngay khi còn ở Sài Gòn, trước những ngày đi, tôi vẫn tâm niệm là: Ra đi, đẹp nhất là hoàn thành nhiệm vụ trở về. Thứ nhì là …chết! Khi không may mà chết, chả có gì để nói nữa, vì chết rồi còn biết gì nữa đâu. Hòa cả làng! Trường hợp thứ ba là trường hợp xấu nhất, tức là bị bắt. Phải chịu đắng cay, khổ đau rồi cũng chết. Tuy thế, qua bao nhiêu sách báo, truyện tôi đã từng đọc. Trong nhà tù, có biết bao nhiêu những nhân

vật quái kiệt, tài ba, những con người xông xáo, muốn làm những việc khác thường, nhưng không gặp thế, gặp thời. Vậy là dịp tôi được gần gũi những bộ óc uyên bác, sẽ học hỏi được nhiều; từ đấy, tư duy và kiến thức của tôi được mở rộng. Giòng suy nghĩ cứ chảy dài vào đêm thâu để dần vào giấc ngủ muộn.

Sáng hôm sau, Hà Nội mưa dầm dề. Những trận mưa mùa Hè như đổ nước xuống. Tôi ngồi dậy, nghe tiếng mưa rơi và gió thổi bên ngoài, tôi liên tưởng đến một ý thơ của một thi nhân người Pháp, Verlain thì phải, đúng với tâm trạng của tôi lúc này: Mưa gió ngoài phố phường, như mưa gió trong lòng tôi. (Il pleut sur la ville, comme il pleut dans mon ceour). Mắt tôi chợt thoáng bắt gặp một bộ mặt quen thuộc, ngồi nghiêng nghiêng trên giường số 9. Gớm thật, những hai tên cùng ngủ với tôi. Tôi đi đánh răng, vừa rửa mặt vừa nghĩ ngợi: Mưa gió thế này đi đâu? Tôi chợt nghĩ, chúng nó bám mình riết quá!

Trên nguyên tắc, chúng nó sẽ chưa bắt tôi. Nhưng điều gì có thể chắc chắn là chúng chưa bắt? Nhỡ ra vì một lý do bất thường nào đó, chúng lại vồ thì sao? Vậy, tôi phải phòng hờ cả những trường hợp ngoại lệ. Hai lá thư của các linh mục B và C, tôi xét thấy không thể thực hiện được. Hơn nữa, hai linh mục này cũng chỉ là thứ yếu trong công tác của tôi. Tôi quyết định hủy. Sợ vào chỗ rửa mặt lâu, chúng nó đặt vấn đề, rồi theo vào. Tôi vờ ra cất bàn chải và khăn mặt cho chúng thấy, rồi tìm giấy để chúng biết là tôi đi cầu. Vào nhà xí, sau khi quan sát mọi ngóc ngách, không chỗ nào để bên ngoài có thể nhìn được tôi, trừ lỗ khóa ở cửa. Tôi tụt quần dài treo vào quả nắm là xong, yên tâm. Tôi xé hai lá thư bọc ny lông ra, đọc lại một lần nữa, rồi đánh diêm đốt, cho xuống thùng phân.

Như vậy, trong người tôi chỉ còn tài liệu "M". Tôi phải để trong một tư thế, nếu thấy có hiện tượng bị bắt giữ, tôi sẽ vo viên búng đi nơi khác bằng một động tác mau lẹ bất ngờ. Còn chì mật, chắc chắn muôn đời chúng cũng không tìm ra, dù để ngay trước mặt, chúng cũng không thể biết là cái gì.

Ngoài trời, mưa đã ngớt hạt, trời sáng dần, tôi đeo túi dết ra phòng trực lấy giấy tờ. Vừa ra tới cửa, tôi liếc nhanh lên một khung cửa sổ của căn nhà lầu phía bên kia phố, thấy hai bộ mặt lạ của một người đàn ông và của một người đàn bà chừng 30 tuổi.

Tôi đi ngược lên phố Lãn Ông, rồi rẽ về Hàng Buồm, vào ngõ Hàng Giầy. Mấy hôm nay tinh thần tôi căng thẳng, nên ăn uống chả ra làm sao cả. Hôm nay, tôi muốn ăn bát cháo. Nơi đây nổi tiếng cháo ngon của Hà Thành thanh lịch của mấy hiệu: Sinh Ký, Tư Ký. Tôi vẫn cố tránh, chưa dám về phố Hàng Bạc. Vì thế nhiều lần tôi cứ phải đi vòng qua. Bây giờ, tôi cũng không phải quá giữ gìn về cách tiêu tiền, dù rằng tôi cũng không tiêu gì quá lố. Khi chúng chưa phát hiện ra tôi, tôi vẫn đóng vai một học sinh ở thôn quê, nên phải tỏ ra dè xẻn chắt chiu. Cũng vẫn là hiệu cháo Sinh Ký nổi tiếng ngày xưa của Hà Nội, mà bây giờ bát cháo thịt bò nhạt nhẽo như nấu cơm nguội. Cháo bò nhưng có lẽ thịt trâu, với 5, 6 mẩu thịt con đen xì. Nhất là cái "dầu cháo quẩy" thật buồn cười, bé tí, khô, cứng ngắc, ăn có vị ngô, trông như hai ngón tay út dính vào nhau.

Tôi quan sát hết một lượt, không thấy bộ mặt nào quen. Mãi chéo phía xa, gần ngã tư Tạ Hiền – Lương Ngọc Quyến là hai bộ mặt, một đàn ông và một đàn bà, tôi đã thấy trên cửa sổ trước nhà trọ Hàng Quạt. Họ tỏ vẻ như đang bàn nhau chuyện gì. Cách xa tôi đến 200 mét, nhưng đôi mắt hai người vẫn thỉnh thoảng hướng về tôi. Bên kia đường, ngay trước hiệu cháo, một ông chừng bốn chục tuổi, mặc áo sơ mi cụt tay mầu xám bộ đội, đang vờ hý hoáy chữa cái tay thắng xe đạp, vẫn đưa mắt về tôi.

Trong hiệu cháo có mươi người khách. Những người khi tôi bước vào đã có ở đấy rồi, tôi loại. Vào sau tôi, 3 người. Người ngồi mãi góc là một thanh niên, có vẻ học sinh, chừng 20 tuổi, cũng đội cái mũ cối. Tôi không bao giờ nhìn thẳng anh ta, mà chỉ nhìn bằng thị trường mắt của mình, tôi thấy anh ta chú ý tôi không bình thường. Ngay ngoài hè, một phụ nữ khoảng 20, tay xách cái làn cói đang mặc cả mua mấy bắp ngô luộc. Đôi mắt sâu hoắm, nhiều lần cũng liếc tôi như có chủ ý.

Với cái khứu giác của nghiệp vụ, tôi đã thấy 3 người, hai người thì chắc chắn, còn người thứ ba, nghi ngờ. Ra khỏi hiệu cháo, tôi trở lên Hàng Bồ, theo Mã Mây xuống Hàng Dầu, rồi đến trước đền Bà Kiệu. Hôm nay, tôi lên cầu Thê Húc vào thăm đền Ngọc Sơn.

Cảnh chùa vắng vẻ, lác đác dăm bẩy người, với một lũ trẻ con 6, 7 đứa nó đùa đuổi nhau. Nhìn Chấn Ba Đình mốc meo, sứt mẻ đứng chơ vơ như nỗi niềm tăm tối của những kiếp người, đang lê thê sống ở miền Bắc, tôi cũng chạnh lòng đăm chiêu. Thoáng nghe 6, 7 em nhỏ, vì sao đó chửi nhau thật là thô tục, tôi không ngờ. Tại sao, một em nhỏ 10, 12 tuổi lại có những câu tục tĩu như vậy? Đứa nào cũng thế! Một chị phụ nữ chừng 26, 27 tuổi, dáng dấp như một giáo viên hoặc một thư ký của một hợp tác xã ở nông thôn, nghe các em chửi nhau như vậy, nên đứng dậy nói như giáo dục:

- Này các em, sao các em là con trai, mà chửi nhau bẩn thỉu thế? Thiếu nhi Thủ Đô là cháu ngoan Bác Hồ mà! Chị mới ở nông thôn ra, chị đọc báo vẫn thấy thiếu nhi Thủ Đô, luôn xứng đáng là ngọn cờ, của cả nước cơ mà!

Tôi thấy chị rất nhiệt tình và có ý thức. Nhưng các em, trái lại, lúc đầu chúng đứng nhìn và nghe chị nói; nửa chừng, một đứa rồi hai, ba đứa văng "Con cặc…, im mẹ nó mồm đi!". Một đứa khác: "Con đĩ mắt toét, biết củ l… gì". Thậm chí, hai em khác móc đất ở mép nước ném chị ta, và nói: "ngoan con cặc… đây này!"

Chính tôi cũng ngạc nhiên và xông đến mắng:

- Các em không được hỗn!

Với thái độ và ánh mắt của tôi, chúng phải chạy nhưng còn chưởi lại. Chị nhìn tôi, tôi nhìn chị, thông cảm. Tôi đi ra khỏi đền, lại quẹo xuống Tràng Tiền. Lúc đó đã 11 giờ, tôi vào vườn hoa Chí Linh mở tờ báo Quân Đội Nhân Dân ra đọc. Một lúc, tôi mới ngửng lên, vươn vai, vặn vẹo lưng cho đỡ mỏi người. Đó cũng là lúc tôi đã nhìn thấy hết: Chị xách làn cói, ngồi cách tôi 3 ghế, quay lưng lại phía tôi. Lão hơn 40 tuổi đang đứng xấp vào một chòm cây, thập thò cái mặt xa tôi hơn 200 mét. Đôi vợ chồng (cứ gọi như thế) ngồi ở một ghế đá đường Đinh Tiên Hoàng, quay lưng lại phía tôi, đang nhìn ra phía hồ, xa tôi phải đến hơn 300 mét. Anh chàng có vẻ học sinh đội mũ cát, đang chăm chú đọc sách, ngồi dưới chân bức tượng phun nước, cách tôi hơn 100 mét.

Đến đây, tôi khẳng định có 5 người. Như thế, cứ mỗi ngày chúng lại đổi người. "Sao chúng nó lắm người thế!", tôi tự nhủ. Bốn ngày nay, trong gần 20 người tôi đã thấy mặt. Chỉ có tên đội mũ cát két đeo kính râm của buổi đầu tiên là dễ nghi ngờ nhất, còn hầu hết, trông không có dáng gì là công an ngầm hay tình báo. Chính tụi sau, có thể nghiệp vụ thấp, nhưng đầy nguy hiểm, chúng nó chẳng khác gì quần chúng bình thường đi ngoài phố.

Để thử khả năng nghiệp vụ của phản gián miền Bắc, tôi đứng dậy đi loanh quanh trong vườn hoa, mắt lơ đãng nhìn cây lá. Cứ thả bước nhàn du, khi gần tới tên có vẻ học sinh, đang ngồi trên một ghế xi măng, bất chợt tôi ngồi ngay xuống bên cạnh. Y không thể nghĩ, tôi lại đến bên y ngồi, vì vậy, y lúng túng vội xoay người và nghiêng lưng về phía tôi. Tôi ngồi xuống đấy, nhưng mắt vẫn đăm đăm nhìn vòi nước phun từ nơi bức tượng. Tôi hiểu nguyên tắc của người đi theo dõi. Là cố tránh, đừng để cho con mồi thấy mặt mình. Bởi vì, khi đến chỗ khác, lúc khác, mà con mồi lại gặp bộ mặt ấy, thì từ chỗ không biết cũng phải cảnh giác mà nghi ngờ. Nhưng trong trường hợp vừa qua, nếu là người già nghiệp vụ, hãy cứ ngồi yên, một lúc sau làm như mỏi người mới từ từ xoay thế. Thậm chí, đã trót còn phải gợi chuyện, nghĩa là đôi khi còn phải làm trái với nguyên tắc của nghiệp vụ, con mồi mới khỏi nghi ngờ. Giả sử, con mồi suy nghĩ rằng, nếu nó theo dõi mình, đời nào nó lại nói chuyện với mình.

Ngồi mươi phút, tôi đứng lên, đi xuống rạp Eden cũ, bây giờ đổi tên là rạp "Công Nhân". Hôm nay có phim "Rắn Cơ Ba", phim Liên Xô. Lần đầu tiên tôi vào xem phim của Cộng Sản Liên Xô. Xem trình độ nghệ thuật Thứ Bảy của Cộng Sản Nga ra sao.

Vì hôm đó là chiều Thứ Bẩy nên cũng đông. Giá vé 4 hào. Lẫn ngay trong đám đông, cô ả xách làn cói vất vả xếp hàng, chen lấn. Tôi thoáng thấy "hai vợ chồng", chúng chẳng lấy vé. Chúng chỉ đưa ra một cái gì đó, có thể là một cái thẻ, mà vì đông khuất tôi kkông nhìn thấy, rồi người xé vé để chúng vào. Vào rạp, tối như bưng, tôi biết chúng nó phải vất vả để nhìn tôi. Còn tôi, biết rồi nên mặc chúng, tôi chú ý nội dung phim. Tôi hiểu, ít nhất còn 3 đứa nữa gác bên ngoài. Có lẽ, ở Hà Nội thời gian đó, duy nhất ở rạp xi nê, mà phải là hôm phim hay. Đông người, may ra mới có thể cắt đuôi, với điều kiện phải có thuốc hóa trang, và một bộ quần áo chưa bao giờ mặc trước đấy.

Nếu lúc này tôi có lọ thuốc đó! Trong bóng tối lờ mờ của rạp xi nê, tôi sẽ vờ đi tiểu tiện vài lần, như bị đái "rắt" rồi lần bôi xoa thuốc ngay từ ngoài, 10 phút sau da mặt đã kéo nhăn. Cởi sẵn khuy quần, khuy áo. Nghĩa là phải chuẩn bị sẵn sàng trước. Lúc rạp sắp mãn, vào nhà "xí" thay áo mũ thật nhanh. Nếu cần vất luôn túi dết, gắn bộ râu giả lên, để trở thành một người khác, chen trong đám đông đi ra. Đã biết hết mặt 5 tên theo dõi mình rồi, lúc đó chỉ lủi nhanh về hướng không có chúng mà chuồn. Chỉ cần như vậy là gây nên một chuyện thần kỳ, nghĩa là, đột nhiên con mồi biết mất.

Lúc này, phần vì tôi không có loại thuốc đó, phần khác, tôi chưa tích cực cắt đuôi, vì muốn dềnh dàng chờ ngày 16, 18. Đấy cũng là một tính toán sai lầm của tôi, mà sau này, thời gian và sự việc mới giải đáp cho tôi. Ở Sài Gòn, tôi đã từng xem màn ảnh ở rạp Rex hoặc Đại Nam. Bây giờ, thấy màn ảnh bé tí, nhỏ con một bề khoảng 2 mét, bề kia 1 mét hai, không có phụ đề chữ Việt, mà còn có giọng nói của một cô gái ở loa phóng thanh, mà ở miền Bắc khi ấy người ta gọi là "thuyết minh".

Nội dung phim. Một ổ gián điệp Đức đang hoạt động trong lòng địch là đất Ba Lan. Lúc này, Nga đang chiếm đóng Ba Lan. Tình báo Nga và Ba Lan, do nhân dân giúp đỡ nữa, đã dùng mưu mô, lừa lọc, cuối cùng bắt trọn ổ gián điệp Đức.

Tôi thấy nhạt nhẽo, chán phè, nhất là cảnh gián điệp Đức lơ là, ngây thơ mắc vào những cái bẫy cũng ngây thơ của Nga. Toàn bộ cuốn phim, không có một tình tiết lắt léo, tinh vi nào đáng kể, so với những phim tình báo trước đây tôi xem ở Sài Gòn. Thế mà quần chúng cũng trầm trộ ca tụng. Quần chúng Hà Nội bây giờ, đa số ở các tỉnh mới về từ 1954.

Tan rạp, tôi kéo "đuôi" lang thang về mãi Ngã Tư Sở. Thấy một nhà trọ có vẻ sang hơn, tôi vào thuê một buồng. Tôi vẫn đưa giấy thông hành. Tôi nghĩ, dù chủ nhà trọ có phát hiện giấy giả, tôi vẫn không sao, tôi vẫn được thuê như thường. Bởi vì, sẽ có lệnh bí mật bắt chủ nhà trọ đồng ý, không được hỏi han làm khó dễ gì tôi cả. Tiền buồng 1 đồng rưỡi. Tôi ngủ đỡ khổ, và bắt chúng nó, những chiếc đuôi, tốn nhiều công, của hơn. Lúc nãy khi đi đường, tôi đã mua một đôi dép Thái Lan và chiếc mũ xanh công nhân. Phần vì chân tôi đi dép râu vẫn chưa quen, rất đau, cái quai cao su thôi ra đen xì cả chân. Hơn nữa, dép Thái Lan và mũ công nhân là hai mật hiệu khi tôi trao tài liệu "M". Bây giờ, tôi phải mang trước cho bình thường.

Sau khi tắm rửa, đêm đó tôi nằm một mình một buồng, cảm thấy thật dễ chịu. Đem sách ra đọc một lúc, rồi tôi nằm suy nghĩ, tính toán: Mai, Chủ Nhật cứ đến Nhà Thờ Lớn đi lễ xem thế nào? Cứ ghé về Hàng Bạc, xem phố cũ thay đổi ra sao? Ghé luôn Lương Ngọc Quyến, xem bà dì họ thế nào (nhưng sẽ không vào nhà). Tôi hiểu, tất cả những người có nhiệm vụ theo dõi tôi, sau giờ quy định bàn giao con mồi cho người khác, mỗi người phải làm một bản báo cáo, tường thuật tỉ mỉ mọi chi tiết đường đi nước bước của con mồi theo thứ tự thời gian và không gian. Nghiệp vụ càng già dặn, càng phát hiện được những điều sâu sắc, thậm chí cả những động tác vờ vịt, động tác giả của con mồi, nếu cử chỉ ấy có lồng trong một ẩn ý gì. Ngoài ra, mỗi cuối bản báo cáo tường thuật, phải có một câu nhận định: Theo ý anh, con mồi đã có hiện tượng gì nghi ngờ có người theo dõi không?

Những tên nghiên cứu và ra lệnh ở nhà, đối chiếu nhiều bản báo cáo, tường thuật để nắm được cái chung, từ đấy chúng sẽ có những biện pháp thích nghi theo những diễn tiến của sự việc.

Kiếp Người, Kiếp Vật!...

Sáng hôm sau, tôi vẫn đội mũ cát nhưng đi dép Thái Lan. Còn đôi dép râu tôi đút gầm giường. Đôi dép này mang từ Sài Gòn ra. Khi không thấy tôi đi, tôi biết chắc tụi phản gián tỉm được đôi dép đó. Không có cóc khô gì trong ấy cả.

Bắt đầu ra khỏi cửa khách sạn, tôi ghi nhớ bất cứ một bộ mặt, hoặc không thấy mặt thì dáng dấp, dù trong một ngách ở xa xôi, hoặc đứng trong cửa sổ, trừ khi cửa đó khép để khe hở để theo dõi. Nhưng, khi tôi đã nghi một khe hở của một chiếc cửa nào, đi chừng 100 mét, tôi sẽ mượn cớ nào đó quay lại, nhìn thấy khe hở ấy khác đi là tôi đặt vấn đề rồi. Cho nên, hầu như tôi không bỏ sót một cái đuôi nào mà tôi không biết. Nếu tôi chưa biết chắc rõ bao nhiêu cái đuôi, tôi chỉ dẫn vào những ngõ vắng, hoặc ngõ hẹp, là phải lộ hết.

Khi tới Ngõ Huyện, tôi vào làm bát phở. Ăn xong, tôi "cố ý" vô tình để quên chiếc mũ cát. Tôi biết, chiếc mũ này, người khác nào đó sẽ tưởng tôi quên, cầm lấy. Nhưng, không những không được, mà có khi còn liên lụy. Chiếc mũ ấy phải về tay một, trong những cái đuôi của tôi, để rồi về tới cơ quan phản gián của Hà Nội.

Tôi đến cuối nhà thờ, mới vờ bất chợt vỗ tay lên đầu, và ngơ ngác vội vàng quay lại hiệu phở. Cái mũ đã mất, tôi tỏ vẻ ngẩn ngơ tiếc của, rồi tiếp tục đi trở lại phía nhà thờ. Điều đó sẽ góp một phần nhỏ, trong kế hoạch của tôi đối với chúng sau này. Tôi là người đãng trí.

Hôm nay Chủ Nhật mà Nhà Thờ Hà Nội thật vắng vẻ, lưa thưa một vài người đi lễ. Cuối nhà thờ chỉ mở một cánh cửa bên. Trong nhà thờ có tất cả khoảng bảy, tám mươi người, đa số là các ông bà già, còn thanh niên phụ nữ, trẻ con khoảng mười sáu, mười bảy em. Giữa cảnh vắng vẻ và trong ánh sáng lờ mờ vì nhiều cửa đóng, óc tôi trầm ngâm liên tưởng đến những hình ảnh buổi thiếu thời, những ngày Chủ Nhật, tôi cũng đi lễ nơi đây. Ồn ào náo nhiệt, chuông trống tưng bừng, rộn ràng, một thời phồn thịnh huy hoàng của giáo dân miền Bắc.Tôi đăm chiêu nhìn mấy chục người, đang gục đầu lâm râm than thở. Tôi chợt nhớ đến mấy câu trong bài "Thăng Long Thành Hoài Cổ" của bà Huyện Thanh Quan:

"Lối xưa xe ngựa, hồn Thu Thảo.
Nền cũ lâu đài, bóng tịch dương.
.....
Đá vẫn trơ gan, cùng tuế nguyệt.
Nước còn cau mặt với tang thương.
Nghìn năm gương cũ, soi kim cổ.
Cảnh đấy, người đây, luống đoạn trường."

Nhìn cảnh này, ruột tôi cũng đứt từng khúc như bà Huyện năm xưa. Cùng một cảnh, hai thời đại, một tâm hồn. Tan lễ, tôi đứng tựa lưng vào hàng rào sắt, nơi tượng Đức Mẹ đứng giữa sân phía cuối nhà thờ.

Nhìn những ông bà già lầm lũi ra về, mắt tôi thoáng thấy bà dì họ. Bà có tên là bà Đốc Cẩn. Chồng bà chết từ khi tôi chưa biết cuộc đời. Bà không có con, chỉ có con nuôi. Vì tiếc mấy ngôi nhà của anh chị em bà ở Hàng Bạc và phố Lương Ngọc Quyến, bà đã ở lại Bắc. Không ngờ, tất cả mấy ngôi nhà này đều thuộc về Cục Quản Lý Nhà Cửa của nhà nước.

Bà dì tôi vẫn mập như xưa, nhưng tóc đã ngả mầu và da đã nhăn. Nét đăm chiêu mang nhiều tư lự. Khi bà đi ngang qua, bà có nhìn thấy tôi, nhưng con mắt của bà nhìn tôi như trăm ngàn người khác qua đường. Phải, làm sao bà có

thể nhận ra thằng cháu của bà được. Bởi vì, có đập bể đầu ra, bà cũng không thể ngờ tôi lại ra Hà Nội. Phần tôi, ý thức được vấn đề là tôi đến gặp bà, thì sau này bà phải vào gặp công an. Tôi chỉ nhìn bà bằng con mắt lê thê và đè nỗi niềm xúc động đầy vơi của mình xuống. Tôi theo đường Lý Quốc Sư ra Hàng Bông, về Hàng Gai. Tới đấy, tôi thấy một chị du kích áo nâu, quần đen thắt ống. Vai đeo khẩu CKC, đang nắm tay một em nhỏ chừng 12, 13 tuổi, kéo về phía đồn cảnh sát bờ hồ. Những người đi đường hỏi, chị nói: "Thằng này và mấy thằng nữa đứng nấp trong ngõ, chờ những em gái chạc tuổi đi qua, xông ra bóp … vú." Tôi nghe mà không hiểu được, tại sao một xã hội suy đồi đến độ kỳ lạ như vậy?

Đến đầu Hàng Đào, bỗng dưng tôi thấy mấy bà ôm thúng bán mấy nải chuối, bà thì mấy trái dứa… ôm quang thúng chạy tóe khói ra. Một anh cảnh sát chừng 22, 23 tuổi đang đuổi theo bà. Anh cảnh sát đã nắm được quang gánh. Bà đó chừng 40, 45 tuổi vừa thở hổn hển, hai tay cứ vặn vẹo vào nhau:

- Thưa anh, anh tha cho em, nhà em chỉ có vài nải chuối và mấy quả dứa chín này đem bán, về mua gạo cho các cháu nhỏ. Lần sau em không dám đem đi bán nữa.

Tai tôi nghe mà lòng quặn thắt lại. Óc tôi càng mở rộng để hiểu cuộc đời và những kiếp người. Tôi bỏ đi dọc theo Hàng Đào, đến Hàng Ngang. Hàng Bạc đây rồi! Nhớ đến hai câu thơ: "Cho hay, cảnh cũ ưa người nhỉ? Ai thấy, mà ai chẳng ngẩn ngơ". Tôi thấy lòng thổn thức bâng khuâng, vơi đầy khi nhìn phố cũ. Lạ thật! Cũng đường phố ấy, cũng những căn nhà ấy ngày xưa, mà bây giờ tôi lại nhìn thấy bé nhỏ, lũn tũn như những chuồng chim bồ câu. Phố xá thì bé con, ngắn một tị.

Chân tôi cứ thả bước, lòng tôi cứ chìm nổi đầy vơi. Tôi đi sát nhà Tân Hưng, chiếc biển hiệu đã gỡ. Còn hai chữ "Tân Hưng" kẻ vào tường trước đây, hãy còn mờ mờ. Tôi liếc nhìn vào trong nhà, thấy được ngăn ra từng gian, bằng những tấm cót, có những bà nhà quê xa lạ. Ô kia rồi! Mãi trong sân, tôi thoáng thấy chị Thuận. Trông chị mà tôi rất ngạc nhiên: Chị là hoa khôi Hàng Bạc 1952 cơ mà (đầu 1954 chính chị và em trai chị là Hòa đã kể lại), khi ấy tôi chỉ là một cậu bé 15, 16 tuổi. Tôi cũng đã biết, chị được bao nhiêu những tay công tử hào hoa của Hà Thành đắm say, ngưỡng mộ.

Con gái Hàng Bạc xưa nay nổi tiếng đài các trâm anh, vừa giầu, lại vừa đẹp, cành vàng là ngọc. 1953, cô Mi nhà Ngọc Chương lại là hoa khôi Hàng Bạc. Dù còn nhỏ, tôi vẫn thấy các cô đẹp như tiên. Thế mà bây giờ tôi nhìn chị Thuận như một bà gái xề, nửa tỉnh, nửa quê đang đút cơm cho con ăn. Giữa lúc ấy, tôi thấy anh Kỳ, chồng chị Thuận. Trông anh già và gầy nhỏng, đi đôi guốc lộc cộc, tay dẫn hai đứa con gái nhỏ ở ngoài phố về. Anh Kỳ đấy ư? Một người mà trước kia không bao giờ mặc pyjama hay đi dép ra đứng ở cửa hiệu. Nhà anh thường có 4, 5 người ở, đài các thanh lịch lắm. Giờ đây, sau 8 năm, những người giầu có ngày xưa là đây.

Những hình ảnh này cho tôi thấy: Dưới chính quyền "xã hội chủ nghĩa", người giầu trở thành người nghèo. Người nghèo trở thành người cùng cực hơn. Kia, nhà Trường Nguyên; đây Chấn Hưng, Bảo Hưng Long; Lại đây nữa: Bảo Thịnh, Đức Hưng, Bảo Thành, v.v…Toàn thấy những người nhà quê. Nhà nào cũng quây cót. Sau này tôi hiểu, tùy theo nhà anh bao nhiêu người, chỉ cho anh ở một phần theo số người. Phần còn lại, thuộc chính phủ, sẽ cho người khác ở.

Nhìn rạp hát Kim Chung, mà ngày xưa tôi hay chui vào xem chạc. Cũng là rạp hát ngày xưa đó, sao bây giờ trông nhỏ bé thế! Phải rồi, mình đã sống ở Sài Gòn, đã đi xa nhìn những thành phố lớn. Sau lâu ngày, trở lại nhìn Hà Nội, thành phố cổ xưa, nên mới có cái cảm giác như vậy.

Ngắm nhìn những chữ đồng, chữ xây "granite" của các cửa hiệu, bây giờ vỡ chữ nọ thiếu chữ kia, với mầu rêu loang lổ của các ngôi nhà như dư âm của một thời vang bóng. Đi theo đường Tạ Hiền, qua rạp Quảng Lạc, vào ngõ Sầm Công, đến đền Bạch Mã, quẹo lên chợ Bắc Qua, rồi Hàng Chiếu. Tôi kéo lê thê 5 cái "đuôi" đi khắp tứ tung, cho

chúng nó phán đoán. Có trời biết được ý định của tôi!

Ra tới chợ Bắc Qua, thấy một đám đông túm hụm, có cảnh sát, tôi ghé đến. Một chị chừng 25, 26, mắt đỏ hoe đang nức nở, giọt ngắn, giọt dài đứng bên cạnh cái thúng gạo, phải nói là thúng cát lẫn gạo. Thì ra, một anh chàng nông dân chân đất, cắp một thúng gạo nặng, đậy cái bao tải rách vẻ sợ sệt, lén lút, đến gạ bán cho một chị đi đong gạo. Anh lấm lét nói là công an đang theo dõi bắt anh bán gạo, anh phải vội bán rẻ để chuồn về quê ngay. Chị này tưởng món hời, phải cần nhanh tay chụp lẹ. Thúng gạo nặng đến 15 ký mà anh chỉ lấy 10 ký với 2 đồng cho cái thúng. Anh nói, anh không dám mang thúng về, sợ hợp tác xã nghi ngờ. Công an đầy đường, đâu có dám xem gạo kỹ, dịp may gặp món hời phải vồ sớm, còn đắn đo gì. Sau khi anh kia và chị "khẩn trương" chia tay, chị hớn hở đội gạo về. Đến Hàng Chiếu, mấy ngón tay giữ thúng trên đầu, thọc sâu xuống những hạt gạo no lành của một ngày may mắn, nhưng cảm giác thấy khác thường. Chị bỏ thúng xuống và bới lên. Chỉ có một lớp gạo ở trên, cón toàn cát bên dưới!

Sự việc này cho tôi thấy, ở một xã hội quá nghèo nàn, người ta chỉ có thể lừa lọc nhau đến như vậy là cùng. Nhìn trị giá của một sự lường gạt, đã đánh giá được mức độ cuộc sống người dân của xã hội ấy. Tôi vào một quán cơm ở Hàng Chiếu, quán này có vẻ đông người, gần 20 người ăn uống. Tôi tìm một chỗ ngồi. Tôi ngạc nhiên, thấy hai thanh niên mặt mũi sáng sủa nhìn tôi cười. Tôi cúi gầm ăn, đầu suy nghĩ, tôi chưa hề quen biết mấy người này, vậy vì sao? Câu hỏi của tôi đã được giải đáp ngay sau đó. Khi tôi vừa đứng dậy, còn một chút cơm thừa, một chút thức ăn thừa, hai người xô đến, mỗi người giành một thứ.

Tiện đó, tôi kéo "đuôi" vào thăm chợ Đồng Xuân nổi tiếng của Hà Nội thủ đô, như Bến Thành Sài Gòn. Ngoài cửa, có một chỗ bán hoa của hợp tác xã, còn hầu hết mỗi người mỗi cái thúng hay cái mẹt bán hoa quả hoặc những thứ lặt vặt. Chốc chốc lại ôm chạy quanh vì công an đuổi. Chợ bấy giờ là phụ, là không hợp pháp. Nhà nước đã có những cửa hàng lương thực của từng khu phố. Mọi thứ từ muối, mắm, đậu, hành, v.v… nghĩa là tất cả về thực phẩm đều có phiếu, tùy theo gia đình cán bộ hay nhân dân. Trong nhân dân lại tùy theo có đặc ân hay không, và tùy theo số người… Có những phiếu nhất định mỗi tháng, mỗi gia đình được mua bao nhiêu. Ngay từ thời gian này, đã có tình trạng, có phiếu mà không có hàng, càng về sau, càng trầm trọng hơn. Tôi nhìn đồng hồ, 2 giờ. Tôi chợt nghĩ đến nhà trọ Ngã Tư Sở, ở đó có ban công và sân thượng phơi quần áo, rất tốt. Quần áo tôi, hai bộ đã quá bẩn, hôm nay về tắm rửa giặt quần áo. Ngày mai, đi sở thú. Tôi vào chợ mua hai cục xà bông và trở về nhà trọ. Khi về tới nơi, tên quản lý nói, buồng cũ đã có người thuê, chỉ còn phòng số 10. Tôi nói, phòng nào cũng được, nhưng óc tôi nghĩ ngay, như vậy đã có sự sắp xếp. Được, ta sẽ lên phòng xem sao.

Sau khi vào phòng đóng cửa, bất chợt 5 phút sau, tôi mở ngay cửa. Dọc suốt hành lang, hai bóng người rụt nhanh vào phòng số 4, chéo phía đối diện. Hai thanh niên, một tôi đã quen mặt. Trót mở cửa phòng, tôi phải vờ đi ra phía sân thượng, sờ sờ mấy cái dây phơi, ra vẻ định sẽ phơi quần áo ở đấy.

Vào phòng lần này, tôi lật chiếu, xem gầm giường, một vài góc khả nghi, chiếc bàn, chiếc ghế… Tôi quan sát toàn bộ. Nếu ở những nước tiên tiến, có thể có những máy ghi âm, máy ảnh tự động. Nhưng ở miền Bắc thời ấy, trình độ lạc hậu, làm quái gì đó, cùng lắm chỉ ở chỗ kín đáo chụp trộm ảnh và tìm điều kiện có khe nứt nẻ nào đó, ngồi nhòm vào buồng là cao. Dù nghĩ vậy, nhưng tôi cũng cứ xem kỹ, kỹ để biết về địch thôi, chứ tôi cũng chả có gì. Trong người tôi chỉ còn tài liệu "M", đừng hòng bao giờ tôi lấy ra xem, lâu lâu, tôi chỉ lấy cớ gãi, để sờ, sợ rơi mất. Tôi vẫn băn khoăn, đã có sự chỉ định xếp đặt phòng cho tôi, vậy phải có vấn đề gì. Nhìn toàn bộ phòng, không thể có điều kiện gì từ ngoài nhìn vào phòng. Tôi chú ý từng lỗ đinh, từ lỗ khóa. Tôi xem lại lần nữa. À, đây rồi! Có thế chứ! Chúng nó cũng quỷ quái đấy: Bốn góc bàn tôi sờ rồi, không có gì. Thì ra giữa gầm bàn (bàn không có ngăn kéo), chúng dùng keo gắn một chiếc máy ghi âm nhỏ kích thước 12 x 8 x 1,5 phân. Có thế, tôi mới an tâm. Kệ nó đấy, tính sau. Tắm giặt đã.

Khi vào đi tắm, tôi vừa giặt vừa thẫn thờ suy nghĩ. Như thế này, chúng nó đã đánh giá mình cao quá. Mình có máy móc chó gì đâu, có ai đến giao thiệp với mình đâu. Kể ra, nếu tôi thích chuyện trai gái, mang một cô em về làm trò

cho cái máy ghi âm, chúng cũng được một băng mùi mẫn miễn phí. Trong quá trình đi đường, nhiều cô loại gái kiếm tiền cứ cười cười với tôi, như ở vườn hoa Chí Linh, Tràng Tiền, góc Cầu Gỗ, Cột Đồng Hồ…

Tắm rửa, giặt quần áo xong thì đã 5, 6 giờ. Giặt cả hai bộ, tôi còn mỗi cái quần đùi để mặc, ra đứng ở ban công nhìn chéo ra phố. Tôi thoáng thấy một bộ mặt đứng sâu trong cửa sổ một căn gác chéo nhà bên cạnh. Tôi vờ làm vài động tác thể thao để nhìn kỹ. Bộ mặt quen? À, tên kính râm, đội mũ cát két lần đầu tiên tôi phát hiện ở nhà thờ X. Hôm nay không đội mũ, không đeo kính nên hắn làm tôi ngờ ngợ. Tôi rất ngạc nhiên và lạ lùng. Tôi có cảm tưởng khó hiểu là tại sao, bất cứ nhà nào chúng cũng vào được? Ở xã hội tự do đâu có thể như vậy. Đồng thời, tôi cũng cảm thấy một không khí rình rập, bao quát lúc nào cũng ở chung quanh tôi. Từ cảm giác này, mắt tôi lơ đãng nhìn mấy con sẻ đang ríu rít ở một mái nhà trước mặt, tôi cũng thấy hình như chúng cũng có chất Cộng Sản. Thậm chí, mấy cái cây vô tri đứng im lìm cạnh ngôi nhà, tôi cũng thấy chúng có chất gì của Cộng Sản. Cái chất của soi mói, lọc lừa, lường gạt, không lương thiện. Cùng một bầu không khí của Tổ Quốc quê hương, nhưng quang cảnh, người và vật ở xã hội này không hợp với tôi. Tôi không có cảm giác gần gũi thân thương, quen thuộc như ở miền Nam.

Thấp thoáng người ở cửa sổ lại chụp ảnh tôi. Tôi đã thấy 5 lần, còn sau lưng hoặc tôi không biết, không kể. Hôm vào nhà thương Việt Đức kỳ sau, tôi cũng bị chụp 2 lần. Chụp làm gì nhiều thế! Có thể, chúng để làm chứng cớ, tài liệu sau này chăng? Thôi vào đi ngủ! Vào buồng tôi nghĩ ngay tới cái máy ghi âm. Nếu không vì những chủ trương sau của tôi, tôi đã đến chửi cho nó một mẻ, hoặc cũng cho nó mấy phát… rắm. Nhưng tôi đành nằm im coi như không biết. Chính vì tôi tỏ ra luôn luôn chủ quan lơ là, nên nhiều khi, thấy những cái "đuôi" của tôi rất lộ liễu đến độ ngờ nghệch. Hay có thể vì tôi đã biết mặt rồi, nên tôi có cảm giác thế chăng? Đường phố đầy người đi lại, nếu tôi không biết chúng rồi, cũng khó mà biết ai với ai. Chẳng lẽ thấy "gà hóa cuốc", gặp ai cũng tưởng như họ theo dõi mình hay sao? Tôi cứ vẫn vơ suy nghĩ rồi ngủ lúc nào không hay.

Hôm sau, tôi đón xe điện ra bờ hồ. Khi đi qua Hàng Da, nhìn chữ "Pharmacie Thẩm Hoàng Tín" to tướng nhưng đã mờ nhẻm vì thời gian, tôi chợt nhớ tới sư bà Đàm Hương. Hiệu thuốc tây bây giờ đóng cửa im lìm. Mấy cái cửa sổ trên gác, đóng những thanh gỗ cọc cạch che kín mít. Chỉ nhìn thế, tôi cũng đã thấy sự tàn lụi của cái pharmacie rồi, nghĩa là cửa hiệu không còn được mở nữa.

Tới bờ hồ, tôi lại mua tờ báo Thủ Đô. Đây là tờ báo có tính cách địa phương, nội thành nên có vài tin lặt vặt hàng ngày, trong khi những tờ Nhân Dân, hay Quân Đội Nhân Dân không bao giờ nói tới. Thực vậy, tôi đi trên đường phố thấy bao nhiêu chuyện cắp trộm, lừa đảo vẫn xảy ra thường thường, nhưng không bao giờ thấy có trên báo. Ngay trên đài truyền thanh (nói qua đường dây) cũng họa hoằn mới nghe thấy một vài sự việc để ngăn chận tội ác và những chuyện xấu của xã hội.

Đây cũng là một cái đặc biệt của miền Bắc. Khắp Hà Nội, từ nội đến ngoại thành, ở những đầu phố, hoặc chỗ thường xuyên tụ tập đông người như bến xe, trước nhà bách hóa, v.v… thường có treo loại ống loa hai tầng để phổ biến tin tức cũng như thông báo (gọi là truyền thanh). Rồi tới giờ quy định mới mở điện bắt vào đài phát thanh. Còn radio thì thật là hiếm, nếu không có là không có. Radio và máy ảnh phải đăng ký hàng tháng. Mua phim chụp ảnh phải làm đơn xin phép, nói rõ lý do, hoặc phải có giấy của cơ quan giới thiệu. Cho nên, hầu như không một người dân nào có máy ảnh (đồ quốc cấm) nếu đi ra những vùng chung quanh Hà Nội, các bạn sẽ thấy đây đó, nhìn bất cứ hướng nào, cũng thấy hầu như mỗi nhà đều có những cần câu bằng tre chọc thẳng cao lên trời, trông như những lông của con nhím khổng lồ, xù ra khi gặp kẻ thù. Đó là dây ăng ten của ga len ghép đơn giản mấy cực để nghe đài gần. Chỉ nghe được đài Hà Nội và nghe nhỏ tí. Thứ này trẻ con trong Sài Gòn vẫn chơi (loại này thì không phải đăng ký).

Ở bờ hồ, dù chẳng cần thiết lắm nữa, nhưng do thói quen nghề nghiệp, tôi vẫn quan sát toàn bộ những khuôn mặt chung quanh tôi. Tôi lại thấy chéo mãi phía hiệu kem trước nhà Thủy Tạ, cô gái chừng 18 tuổi có hai cái đuôi sam. Trông đôi má mủm mỉm đỏ hây, thế mà đòi là phản gián theo dõi tôi. Được! Hôm nay, tôi dẫn cô lên sở thú. Qua cô ta, tôi đã thấy cách bố trí người theo dõi của Cục phản gián Hà Nội. Người nào cũng theo tôi một ngày, ít nhất một

tuần sau tôi mới gặp lại. Cộng sản làm như vậy để con mồi khỏi nghi ngờ, mất cảnh giác. Cho tới hôm nay, hơn 40 bộ mặt quen thuộc rồi. Tôi nghĩ thầm: Hà Nội sao lắm nhân viên phản gián thế! Rồi đây, những ngày tới còn bao nhiêu nữa?

Tôi lên xe điện đi sở thú. Tôi lững thững đi bộ như một kẻ nhàn du đi vãn cảnh. Hôm nay, tôi định sẽ ghé thăm núi Nùng, nơi tương truyền là mồ chôn giặc Thanh cướp nước, cũng như gò Đống Đa, Thái Hà Ấp vậy. Lưa thưa, rải rác một số người, vài hàng quà bánh. Cả sở thú chỉ vỏn vẹn 5, 6 chuồng thú, quá ít so với ngày xưa. Không biết thú đưa đi đâu hết? Tôi đến chỗ một chú cọp đang nằm ngủ, chỗ này đông nhất, hơn 10 người kể cả trẻ con đang đứng ngắm ông ba mươi nằm nhắm mắt. Nhìn con hổ nằm ngủ trong chuồng, với cảnh đám người đứng xem. Tôi đang bâng khuâng nhớ đến bài thơ bất hủ "Cọp Nhớ Rừng" củ Thế Lữ, bất chợt một tiếng rầm rung cây lá, con cọp bật dậy, chồm lên hồng hộc. Mọi người chung quanh giật mình. Nhiều đứa trẻ sợ quá hét lên, bám lấy người lớn. Cả cô đuôi sam cũng xanh mặt, cuống cà kê dúm người lại.

Chẳng hiểu vì sao? Tôi nhìn lại phía xa cách đấy hơn 300 mét, trên cũng con đường để đi ngang qua trước chuồng cọp này, một anh mặc quần áo bộ đội đang lôi cương một con ngựa. Con ngựa chồm hai vó trước, không những dứt khoát không nghe theo anh bộ đội để đi nữa, mà còn kéo anh ta đi ngược trở lại. Tôi chợt hiểu con cọp đang nằm nhắm mắt, mũi đánh hơi thấy mùi ngựa, đồng thời con ngựa cũng đánh hơi thấy chúa sơn lâm, nên sợ quá không dám đi nữa, dù còn cách đến hơn 300 mét.

Tôi nhìn cô bé đuôi sam, mặt cô ta đỏ lên rồi quay đi. Tôi nghĩ bụng thế mà đòi đi ngành tình báo. Lúc tôi nhìn về phía con ngựa, tôi thấy ở một gốc cây gần đó, một đôi "nhân tình" ngồi bên nhau có vẻ ngây ngất tâm sự, nhưng con mắt của họ tôi nghi quá. Trong căn nhà nhỏ của một quán nước có cửa sổ hướng về tôi, nơi chiếc bàn mãi trong góc quán, tên đeo kính râm, đội cát két đang ngồi hút thuốc lá, mắt lơ đãng nhìn đi đâu, trước mặt là ly nước; và một anh mặc quần áo xám bộ đội, đang gác chân lên chiếc xe đạp, nhìn ra hồ sen, cách chỗ tôi gần 100 mét. Tôi đã thấy anh ta ở bờ hồ.

Tôi trèo lên núi Nùng hướng mắt về trường Bưởi, bâng khuâng nghĩ đến Sài Gòn, đến những bạn bè thân quen, những họ hàng ruột thịt và những người trong Cục. Họ có biết tôi đang nằm trên thớt của kẻ thù, đang ngày đêm căng thẳng với kẻ thù, từng phút từng giờ hay không? Hay họ đã quên rồi? Hai nẻo đường đi, một mình tôi đi trên đường hướng về nơi đen tối mịt mù. Tâm tư nặng chĩu nỗi niềm, tôi tìm một ghệ cỏ ngồi dựa lưng, đôi mắt lim dim, lắng nghe tiếng gió rì rào.

Loanh quoanh mãi 3 giờ chiều, tôi mới quay bước trở về. Tôi cũng chẳng đón xe điện, cứ lững thững đi dọc theo đường Quan Thánh. Tai vẫn nghe tiếng guốc lộc cộc đều đều của cô gái đuôi sam, sau tôi khoảng ba, bốn mươi thước. Tự nhiên, tôi muốn đùa giỡn, đồng thời cũng muốn thử nghiệp vụ của cô gái này. Phố lưa thưa một số người đi. Tôi thả bước chầm chậm, tiếng guốc vẫn lách cách theo sau. Đến một quãng phố có một bờ tường xây dọc theo hè phố, và còn chừng 30 thước nữa là một phố cắt ngang. Bất chợt, tôi đi sát bờ tường rồi rảo bước, tôi thoáng nghe tiếng guốc cũng nhanh hơn. Đến đúng chỗ góc phố, tôi quẹo và nép khuất vào một trụ tường, một tay đưa lên ngực, một tay ôm mắt như chóng mặt xây xẩm, lưng tựa vào tường.

Cô ả hơi bất chợt nên vội vàng đi nhanh hơn. Khi tới góc phố, đinh ninh là tôi rẽ theo phố ấy, nhưng bây giờ thấy tôi biến đâu mất. Cô ta hốt hoảng bước thẳng xuống đường. Như thế đã đủ, trong một phút đã hiểu tài nhau rồi. Tôi hơi nhích ra một tí cho có vẻ tự nhiên, để cô trông thấy. Mặt tôi vẫn nhăn nhó, tay vẫn xoa xoa ngực bên trái. Khi trông thấy tôi, mắt cô ả sáng lên long lanh như mừng rỡ. Tôi uể oải chầm chậm lê chân theo phố đó. Đến một hàng nước chè bên hè, tôi ngồi đại xuống, lật ly nước chè cho bà hàng rót, rồi đầu cứ cúi gầm như sắp ốm bệnh. Tôi uể oải chầm chậm lê chân theo phố đó. Đến một hàng nước chè bên hè, tôi ngồi đại xuống, lật ly nước chè cho bà hàng rót, rồi đầu cứ cúi gầm như sắp ốm bệnh. Chừng một lúc, tôi nhấc chân cho sẵn ra ngoài ghế, rồi bất chợt quay ngoắt ra đường, dựa lưng vào bàn nước.

Ở trong cửa, ngay nhà đối điện, cô gái đuôi sam đang ngồi ghế nhìn thẳng sang phía tôi. Cô vội vàng cầm tờ báo trước mặt giơ lên, làm ra vẻ đang đọc để che mặt. Thật đáng buồn cho cô, tờ báo lại ngược, không biết cô đọc làm sao? Cô bị lúng túng chỉ vì tôi cố tạo cho cô tưởng rằng tôi đang ốm bịnh. Dáng điệu chậm chạp đang gục đầu, nhưng bất ngờ quay lại. Đây là việc làm của một người thiếu chín chắn, sau này tôi ân hận mãi ở trong tù. Tôi vẫn còn lạ lùng là tại sao, nhà nào họ cũng vào được? Chẳng lẽ nhà dân ai cũng biết họ là công an mật? Hay họ có dấu hiệu gì đặc biệt, để nhà dân nào cũng phải cho họ vào?

Tôi rẽ về lối chợ Đồng Xuân, đã 4 giờ 30 chiều, thấy một đám đông ồn ào, tôi ghé lại. Tôi không thấy cảnh sát, chỉ thấy người ta đang chỉ trỏ 6 hộp sửa bò "Nestlé" (hiệu con chim, của Pháp) còn mới. Hộp nào cũng mở hé ra, toàn nước bùn đất. Một ông đỏ mặt tía tai, hai tay chống mạng sườn, chõ mồm chửi vào đám đông: "Ông mà bắt được mày, thì ông vặn cổ ra!". Tôi chẳng hiểu đầu đuôi xuôi ngược. Hỏi người đứng đấy, họ cũng lắc đầu. Sau tôi nghe loáng thoáng đâu: Nó ngâm nước, bóc nhãn hộp sữa ra, đục hai lỗ nhỏ rồi rút hết sữa, cho bùn nước vào, lấy sáp bịt lỗ rồi dán giấy lại như mới.

Tôi đã thấy những chuyện như vậy, ở Hà Nội bây giờ không có gì là lạ lắm nữa, nên bỏ đi. Khi tôi xuống tới bờ hồ, mặt trời đã nằm dài trên những chòm cây phía Tây. Ánh nắng xiên khoai chọc tút mãi vào những hốc sâu hoắm, của cây đa già đền Bà Kiệu. Chiều hôm nay gió lộng, cả ngày trời Hà Nội nóng như nung, nên buổi chiều, bờ hồ thật đông đúc, đầy cả người. Trước lúc về nhà trên đường từ xí nghiệp, nhà máy tan ra. Công nhân thường ghé đây 5, 10 phút để đón ngọn gió hồ chiều. Cho vơi đi phần nào những giờ lao động mệt nhọc.

Tôi ghé vào hiệu "Bách Hóa Tổng Hợp" ở bờ hồ. Đây là căn nhà to, ba tầng của một người đã di cư vào Nam, được sửa lại làm nhà bách hóa lớn nhất Hà Nội. Ai đã từng ở tỉnh xa ra Hà Nội mua hàng, cũng đều ghé vào đấy.

Tôi rất lạ! Rất nhiều loại hàng tốt, cần thiết bày trong tủ kính có đề giá bán hẳn hoi, nhưng lại để mảnh giấy con ghi: "không bán". Vừa đi vừa suy nghĩ mãi. Lúc tôi leo cầu thang lên tầng hai, tầng ba, thỉnh thoảng tôi cũng thấy người ngoại quốc đi vào. Chả biết là người Liên Xô hay là người các nước "xã hội chủ nghĩa" Đông Âu? Phải chăng, Cộng Sản chỉ cốt bày hàng để tuyên truyền, hay vì hàng cần thiết, nên họ đã chia nhau mua hết? Các hàng vớ vẩn thông thường thì nhiều.

Mặc dù tiếng loa luôn nhắc nhở khách hàng coi chừng kẻ gian móc túi, vậy mà chỉ trong vòng nửa giờ, tôi đã thấy một người kêu ầm lên mất ví, và lại một lần ở tầng hai, thấy ồn ào, bảo đuổi bắt tên ăn cắp. Tôi cũng phải sờ tay để ý vào cái ví của tôi, kẻo lỡ có ít tiền nó mượn mất, thì thật khó khăn. Một ý nghĩ làm tôi mỉm cười: Gián điệp lại bị cắp móc ví! 6 giờ 30, tôi thấy hơi mệt vì đã đi cả ngày, tôi ghé về Cầu Gỗ ăn cơm, rồi ra xe điện về Ngã Tư Sở.

Vào buồng, lúc sắp ngủ, vì tối, tôi rờ tay dưới gầm bàn vẫn thấy còn chiếc máy, không hiểu có thay băng chưa? Đợi sáng mai, tôi xem mới biết.

Tài Liệu "M",
Đối Tượng Là Ai?

Buổi sáng hôm sau, là ngày 14 tháng 6, chỉ còn một ngày nữa là đến hẹn. Hôm nay, tôi lại phải ra bờ hồ. Trước khi đi tôi cúi xuống xem chiếc máy. Họ chủ quan, cho là tôi không biết, nên lúc dán băng keo, lại dán dịch đến 3 phân so với chỗ hôm qua.

Tôi ra đường, sáng hôm nay trời Hà Nội thật đẹp, không mưa không nắng. Không khí dìu dịu làm tỉnh lòng người. Giữa mùa Hè oi ả, có một ngày thế này ai cũng thấy dễ chịu.

Tôi lại thả bộ về bờ hồ. Khi tới ven hồ, tâm hồn tôi cũng ngây ngất với thiên nhiên. Gió hiu hiu của buổi ban mai mùa Hè như mơn trớn da thịt mọi người. Tôi hiểu là hiện giờ cơ quan phản gián của Hà Nội, đang đặt ra nhiều câu hỏi về tôi. Họ chỉ thấy tôi lang thang đây đó suốt ngày, chẳng giao thiệp với ai, chẳng vào cơ quan nào, cứ như là đi tham quan Hà Nội vậy. Để cho chủ trương của tôi sau này thêm hữu hiệu, mắt tôi mơ màng nhìn cảnh vật, trong khi chân bước đều đều từ nhà Thủy Tạ dọc Lê Thái Tổ xuống Trường Thi.

Khi tới một cây phượng vĩ bên hồ, tôi thấy hai hòn đá to ngày xưa, lúc còn nhỏ, tôi vẫn thường ngồi đấy câu tôm, bây giờ vẫn còn đấy. Tôi đứng trước hai hòn đá nhìn chăm chăm một lúc, như thiết tha, như quyến luyến cảnh cũ, rồi cúi xuống lấy tay nhè nhẹ vuốt sờ. Sau đó, tôi lùi ra xa mấy bước, lại đứng nhìn, như gửi gấm, hàn huyên gặp lại cố nhân. Tôi đưa mắt từ gốc cây lên đến những bông hoa đỏ ối. Ôi! Những cánh phượng của tuổi học trò. Tôi nhớ mãi câu thơ chẳng biết của ai:

Đây mùa phượng vĩ xa xôi.
Đây tình niên thiếu, tình tôi nhớ… người.

Tôi cúi xuống nhặt một cánh phượng rơi theo gió, đưa lên mũi ngửi, rồi mở cuốn sách trìu mến, nhẹ ép vào. Tôi biết lúc đó, ít nhất có 10 con mắt ở xa hoặc gần đang chăm chú quan sát từng cử chỉ hành động của tôi, để về tường thuật báo cáo. Những tên ở bàn giấy và thường ra lệnh sẽ phải điên đầu. Chả lẽ, một tên gián điệp, một sống hai chết xâm nhập Hà Nội để nhặt cánh phượng vĩ rơi ép vào sách? Nhưng đó là thực tế đấy!

Tôi cứ lững thững đi dọc ven hồ, xuống Trường Thi rồi quẹo lên phía bưu điện. Hai cô gái ở chiếc ghế đá cười với tôi, rồi một cô vời vời. Chà, tôi hiểu ngay hai cô là gái kiếm tiền, nhưng các cô không biết tôi đang là con "vi trùng bệnh dịch hạch" hay sao? Các cô mà mó tới tôi bây giờ, là đời các cô sẽ vào …ấp. Để tránh cho các cô, tôi nghiêm mặt coi như không biết, đi thẳng. Các cô còn nguýt theo, tưởng tôi mô phạm, làm cao. Đến cầu Thê Húc, tôi lên cầu, vào chùa. Lang thang ra mãi phía các gốc si già, tôi trèo ra những gố si là là mặt trước.

Tôi nhớ lại ngày 14-7-1953 lúc trước, Pháp và quân đội quốc gia (lúc đó thuộc Liên Hiệp Pháp) tổ chức ngày Quốc Khánh Pháp ở Hà Nội. Trên bờ, có trưng bầy một số vũ khí và 10 chiếc xe "Molotova" còn mới tinh, ở chỗ quán Mụ Béo và nhà Thủy Tạ. Họ nói đó là chiến lợi phẩm thu được của Việt Minh. Dưới nước, ngày hôm đó Pháp chở đến 10 chiếc ca nô loại đổ bộ, chạy xé nước rầm rầm. Trong khi trên trời máy bay biểu diễn cho lính nhảy dù xuống hồ. Chúng tôi còn nhóc, ngây ngất say sưa, lang thang đi xem. Điều đặc biệt: Hàng trăm con rùa lớn nhỏ ở trong hồ, xưa nay sống cuộc đời yên tĩnh. Hôm ấy, tiếng máy ca nô chạy gầm rú ầm ầm, chắc làm các "cụ" nhức đầu, nên cứ chúi vào chỗ mấy gốc si già mọc chằng chịt dưới nước, phía sau đền. Thỉnh thoảng ngộp quá, rùa phải thò đầu lên để thở. Con to, con nhỏ, có con đầu to tướng, hai mép vàng khè. Chúng tôi cứ ngồi sẵn trên những cành si sát mặt nước, chờ "cụ" nào thò đầu lên lại sờ một cái. Có lần một "cụ" đầu mốc meo thò lên đụng ngay vào tay tôi, làm tôi giật mình, suýt ngã xuống hồ. Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi gọi nhau tíu tít từ phố Hàng Bạc ra, để sờ đầu… rùa.

Tôi trở ra, vòng lại cầu Thê Húc. Đứng trên cầu, nhìn làn nước xanh rì, từng ngọn sóng nhấp nhô, như cau mày giận hờn, phản đối lũ cầm quyền tàn bạo, khát máu người dân.

Ngày xưa, đã hơn một lần tôi thắc mắc, tại sao nước hồ Hoàn Kiếm lại xanh như vậy? Và tôi được trả lời: Một số các nhà địa chất, sau khi thăm dò nghiên cứu những mẩu đất đá nhiều nơi tại Hà Nội, đã kết luận rằng: Chếch ngang phía dưới lòng hồ là một mỏ đồng. Nếu bây giờ khai mỏ, cả khu trung tâm, nghĩa là một nửa thành phố Hà Nội, sẽ không còn. Vì thế, nước hồ Gươm muôn đời vẫn xanh, xanh hơn cả nước biển khơi.

Ra tới đầu cầu, tôi nhìn khoảnh đất nằm dài hình chữ "T" giữa cầu và đền Bà Kiệu, xưa kia những ông đồ già, ngồi lom khom viết câu đối và mấy người bày những bàn cờ thế, để thách thức khách thập phương. Cảnh cũ còn đây, nhưng người xưa đâu thấy! Chỉ có "đôi vợ chồng" quen mặt, tôi đã gặp ở ngỏ Hàng Giầy khi đi ăn cháo, đang ngồi

như tâm sự yêu đương trên một chiếc ghế xi măng, cạnh gốc phượng già.

Mặc chúng mày! Tôi rẽ xuống vườn hoa Con Cóc, để chuẩn bị một địa thế thuận tiện cho ngày hẹn ước, trao tài liệu "M". Sau một hồi loanh quanh, tôi đã tìm được một chỗ ưng ý. Tôi trở ra đường Đinh Tiên Hoàng, đón tầu điện đi thẳng xuống Bạch Mai. Khi tầu điện đi qua rạp Majestic cũ, bây giờ đổi tên là rạp Tháng Tám, đang trình chiếu cuốn phim "Cô Gái Lọ Lem" của Rumaine. Ở Sài Gòn tôi đã xem rồi, nhưng do Pháp thực hiện; giờ thử coi của Rumaine xem sao? Tôi nghĩ như vậy, nhưng vẫn ngồi trên xe điện đi thẳng xuống chợ Hôm. Đường phố đây thực bụi bặm rác rưởi. Ngó sang rạp xi nê Hà Nội, trông lại càng tiêu điều hơn. Một vài tấm bích chương quảng cáo treo trên tường cũ mèm, rách tả tơi, lưa thưa dăm đứa trẻ chơi đùa ở trước cửa rạp.

Tôi rẽ vào khu chợ trời. Ôi, thật là hỗn độn, hổ lốn, lộn tùng phèo đủ mọi loại người chen chúc. Đây đó, thấp thoáng trong cái xô bồ của một bãi rộng, là những anh chàng cảnh sát đồng phục mầu vàng, và những anh những chị mặc thường phục đeo băng đỏ, xông xáo chạy lăng xăng. Thế mà chuyện cắp trộm, lừa lọc vẫn thường xuyên xảy ra. Chỗ này, một anh cảnh sát đang lập biên bản giữ một chiếc xe đạp, của anh phó chủ nhiệm một hợp tác xã, mua phải xe ăn cắp. Chỗ kia, mấy anh du kích đang giong đi đám đông, một tên ăn cắp chừng 20 tuổi bị trói tay. Trong lúc chen lấn, lợi dụng sự đẩy xô của đám đông, tôi ôm chầm vào vai của một cái "đuôi", làm cho anh chàng lúng túng, lủi lẹ. Khi y phải tường thuật báo cáo, chỉ huy của chúng sẽ càng phải đau đầu với tôi.

Rời khu chợ trời, tôi trở ra phố Huế, về rạp Tháng Tám, tôi lấy vé vào xem. Trình độ nghệ thuật Thứ Bẩy của Rumaine còn khá hơn của Liên Xô, nhưng phần cuối của nội dung cuốn phim có phần đổi khác. Làm sao cô bé Lọ Lem này, ở trong chuyện cổ tích xa xưa, lại có một số lời nói và hành động cứ như là, thích chủ nghĩa Cộng Sản ấy. Xin chịu thầy!

Tôi về Hàng Buồm ăn cơm tối. Thấy một nhà trọ ngay cùng phố, tôi thuê một phòng giá 1 đồng 20, không về Ngã Tư Sở nữa. Ngày hôm sau, 15 tháng 6, tôi hơi mệt, định nằm luôn nghỉ một ngày, nhưng nghĩ đến ngày mai là ngày ước hẹn, hôm nay nằm nhà, mai đi sẽ gây cho các "đuôi" đặt vấn đề hơn. Ngày nào cũng đi lang thang mới là chuyện bình thường, Nghĩ thế, tôi ra đón xe điện đi Cầu Giấy, tôi lang thang đi bộ vào chùa Láng. Cảnh chùa thật vắng lặng đìu hiu. Nơi đây những hội hè tấp nập năm xưa, chỗ hẹn hò lôi cuốn bao nhiêu trai gái Hà Thành, bây giờ hương khói vắng tanh thế này? Thế mà từ góc một bức tường rêu, thập thò ở gốc cây muỗm già sát bờ ao, lấp ló trong bụi dâm bụt phía sau chùa, vẫn những bộ mặt chó chết của lũ cộng thù. Chẳng qua vì cái thế, ta phải tạm chịu các ngươi, chứ trong lòng ta vẫn coi thường các ngươi!

Đến đây, tôi nhớ đến mấy câu thơ của cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Cháu xin phép cụ đổi vài từ trong bài "Khôn Dại" để phù hợp với tâm tạng của cháu lúc này:

Ở đời, biết ai là dại, biết ai là khôn?
Khôn ấy hết thời, khôn ấy dại.
Dại mà gặp thế, dại mà…khôn.
Đố ai biết được, ai khôn dại.
Mới lọ là người biết dại…khôn!

Gần trưa, tôi thả bước về đền Voi Phục, tìm lại dư âm của buổi ấu thời. Ngay từ cổng dẫn vào chùa, hai chú voi đá, một chú đã sứt vòi vẫn nằm đấy, vẫn rêu phong cùng tuế nguyệt. Nhìn vào phía trong, mái chùa long lở đen xì, cạnh những tàng cổ thụ không khèo vì dãi dầu với năm tháng. Xa xa về phía trái của đền, những mầu đất đỏ au đây đó, lẫn vào mầu xanh bạt ngàn của cây lá. Đó là công viên Thủ Lệ, bởi nhà cầm quyền Cộng Sản đang vận động, thúc đẩy hàng chục ngàn thanh niên nam nữ nội, ngoại Thành đến công trường lao động hằng ngày, để tạo lập công viên. Trong chùa, cũng loáng thoáng dăm ba người, có thể là những người thích thiên nhiên, hoặc danh lam thắng cảnh của đất nước, hay có khi chỉ là người vào trú những cơn nóng Hè.

Bình thường khi đến thăm một ngôi đền cổ, sau khi chiêm ngưỡng những đặc cảnh của đền, tôi thường vào thăm hỏi các vị tu hành, hoặc người trông coi ngôi đền đó. Nhưng ở đây, tôi không được phép, vì ý thức trách nhiệm, biết sẽ gây khốn đốn, khó khăn cho các vị sau này. Cho nên, tôi đành ra một cháng dây đa già, đang nghiêng mình nằm sóng xoài nơi bóng mát hữu tình, như mời gọi người lữ hành mệt mỏi cơ thể, cũng như tinh thần vì những chuân chuyên, chìm nổi của cuộc đời.

Tôi ngồi đăm chiêu suy nghĩ đến ngày mai. Nhiệm vụ tôi xâm nhập Thủ Đô hoạt động, nơi đầu não của chế độ Cộng Sản Việt Nam, đã thực hiện ngót ngét nửa phần. Còn tài liệu "M" nữa. Ngày mai, tôi cầu xin anh linh của dân tộc, khí thiêng của sông núi cho tôi hoàn thành nhiệm vụ, rồi thân xác của tôi có theo về với gió bụi, tôi cũng cam lòng. Gọi là để đóng góp phần nhỏ bé của một thanh niên vô tên tuổi, khi quê hương, đồng bào rên xiết lầm than, trong bàn tay đầy máu của lũ giặc cộng. Để khỏi thẹn mặt, cúi đầu trước mặt Cha Anh và các chiến hữu, đã nằm xuống cho tự do của mọi người. Đất nước, dân tộc đau thương, mỗi người dân Việt mỗi trách nhiệm!

Chiều tàn, tôi lại trở về nhà trọ Hàng Buồm, tắm rửa, ngủ nghê cho khỏe để chờ ngày mai. Sáng hôm sau, ngày 16 tháng 6. Tôi vẫn ăn mặc quần áo như ngày hôm trước tôi đi chơi chùa Láng: nghĩa là quần xanh, áo sơ mi trắng, đầu đội mũ xanh công nhân, chân đi đôi dép Thái Lan quai đỏ, vai đeo túi dết. (đó là những vật hiệu quy định khi trao tài liệu "M").

Hôm nay, tôi phải dùng hết khả năng nghề nghiệp, quan sát, xác định rõ bao nhiêu cái "đuôi" của tôi. Vì thế, ngay khi tôi ra khỏi cửa nhà trọ, giữa phố Hàng Buồm đông đúc khách bộ hành ngược xuôi, tôi đã điểm tất cả những bộ mặt, cũng như dáng người chung quanh tôi. Từ gần tới xa, tối đa mắt của tôi, có thể nhìn thấy. Chỉ có hai người tôi đã biết mặt, còn vài người nữa, tôi khả nghi. Tôi dẫn chúng về ngõ Hàng Giầy, ra Tạ Hiền, xuống Hàng Bạc, sang Hàng Bồ, rẽ Hàng Quạt đến Hàng Gai ra nhà Thủy Tạ bờ hồ. Tôi đi loanh quanh một đoạn đường ngoắt ngoéo như vậy.

Tôi mua một ổ bánh mì, một tờ báo Quân Đội Nhân Dân, rồi tôi lững thững đến một chiếc ghế đá sát bờ hồ, khu trước rạp xi nê Phillamonique trông ra. Ngồi tại chiếc ghế xi măng này, tôi có thể nhìn thấy toàn bộ cầu Thê Húc, cách đó hơn 300 mét.

Lúc đó là 8 giờ kém 15 phút. Ngồi nhai ổ bánh mì, lợi dụng những động tác vươn vai, hoặc ngúc ngắc đầu cho khỏi mỏi, tôi đã thấy đủ hai người cũ và hai người nữa tôi đã thấy mặt ở Hàng Buồm lúc vừa ra khỏi nhà trọ. Một người rất khôn khéo đứng nấp sau tấm biển quảng cáo phim, ở trong khung cổng rạp xi nê. Làm sao sót được mắt tôi lúc ấy. Tôi hơi băn khoăn, mọi hôm ít nhất 5 người, sao hôm nay chỉ có 4? Hay còn một tên nữa rất quái quỷ, nấp ở chỗ nào đó trong cái phố xá đông đúc này mà tôi không biết? 10 phút sau, tôi lại tốn công tìm động tác giả, để quan sát một lần nữa. Vô ích, vẫn chỉ 4 mống. Phải chăng cơ quan phản gián Hà Nội thấy hàng tuần lễ nay, ngày nào tôi cũng đi lang thang đây đó, chẳng thấy tỏ ý định làm một cái gì, hay giao thiệp với ai, nên chúng đã giảm người theo? Sở dĩ chúng phải cho nhiều người theo dõi, vì nếu tôi gặp, nói chuyên với ai, số người ấy phải chia ra để theo dõi người đó. Nếu tôi gặp hai, hay ba người trong một ngày, chúng phải tăng cường. Dù sao, đây cũng chỉ là sự phán đoán của tôi, chưa phải là kết luận, cho nên tôi vẫn phải cảnh giác tối đa.

8 giờ đúng, bắt đầu tôi căng mắt rõi về phía cầu Thê Húc. Lòng tôi cũng thấy hồi hộp, xốn xang đợi chờ. Đối tượng là ai? Già hay trẻ, đàn ông hay đàn bà? Chắc chắn không phải là một ông cha, hay ông sư đầu trọc lốc. Nếu thế, cũng phải mặc quần áo bình thường và đội mũ che giấu đầu trọc.

8 giờ 15 rồi, vẫn chẳng thấy gì? Quái thật, phút đợi chờ làm cho tim tôi đập nhanh hơn lúc bình thường. 8 giờ 30 phút. Tôi đã bắt đầu sốt ruột. Theo quy định thời gian trao tài liệu "M" là từ 8 tới 10 giờ. Tôi muốn ngồi từ xa, khi nào thấy đối tượng tôi mới đến. Như vậy có nhiều điều lợi. Tôi chủ động được vấn đề, và quan sát sự an ninh của

đối tượng, để từ đấy tùy nghi ứng biến. Tôi lại nghĩ: Hay biết đâu, chính đối tượng cũng có ý nghĩ như tôi thì sao? Nghĩ thế, tôi đứng dậy đi dọc theo bờ hồ, tới ngang cầu, rồi cứ theo bờ hồ đi xuống mãi, hơn 300 mét. Không hề có một ai mặc quần áo như quy định. Người đúng cái này, lại sai cái kia hay ngược lại.

Đã trót xuống phía đó, tôi lại kiếm một cái ghế xi măng ngồi. Chiếc ghế này hơi bất tiện, vì bị một cây che mất cầu. Dù vậy, thỉnh thoảng tôi hơi nghiêng người về phía trước, vẫn thấy toàn bộ cầu. Trong lòng tôi cũng thấy thấp thỏm như chờ người yêu. Tôi có đọc đâu đó một đoạn thơ, không nhớ rõ là của Lưu Trọng Lư hay Hồ Dzếnh:

Em cứ hẹn, nhưng em đừng đến nhé,
Anh sẽ trách, cố nhiên nhưng rất nhẹ!
……
Ngó trên tay thuốc lá cháy lụi dần,
Anh sẽ nói: Gớm làm sao nhớ thế!

Với tôi bây giờ là: Gớm làm sao lâu thế! Và, tôi cũng đang nhìn điếu thuốc nghi ngút khói, mặt hướng về cầu Thê Húc.

9 giờ đúng. Một nỗi buồn ở đâu len lén vào lòng tôi. Hay đối tượng có trở ngại gì? Trục trặc gì? Nếu vì lý do nào đó, tôi không trao được tài liệu này, lòng tôi sẽ khắc khoải suốt cuộc đời. Bao nhiêu gian nan, nguy hiểm, sống và chết, bao nhiêu đợi chờ mong ngóng của tôi! Bây giờ, người ơi, sao cứ biền biệt. Tuyệt vọng rồi lại hy vọng, hay có thể đối tượng lại đang ngồi phía tôi ngồi lúc sáng! Dù thế nào, tôi cũng không đi lại phía ấy nữa. Vì làm như vậy, những cái "đuôi" có thể nghi tôi đang sốt ruột chờ đợi cái gì. Nếu thế, đành để ngày 18 vậy.

Tôi đang đầy vơi với nỗi niềm nặng chĩu, thì kia rồi! Tim tôi khẽ bóp nhẹ. Đối tượng lại là một cô gái mới chết chứ! Đúng rồi: Áo nâu, quần ka ki xám, tay cầm vở hoặc sách, và dép…? Tôi chưa nhìn rõ vì xa gần 300 mét. Tôi vẫn ngồi yên. Đối tượng đi qua cầu đến gần sát cổng đền Ngọc Sơn, ngừng lại, đứng tựa vào lan can cầu và đang cúi nhìn cái gì đó ở dưới nước.

Tôi chợt nghĩ, nếu đối tượng cũng có "đuôi" thì sao? Trường hợp này, Cục tình báo miền Nam, và cả Mỹ, chưa nêu ra cho tôi. Tôi đặt giả thuyết: Đối tượng hiện giờ có "đuôi" nghĩa là cũng đang bị phản gián Hà Nội theo dõi. Nếu chúng tôi gặp nhau, địch sẽ cởi được một mắt xích. Nếu không gặp nhau, gần nhau mà không khéo để địch phát hiện có liên quan, thì kết quả cũng như trường hợp trên.

Cách giải quyết duy nhất: phải hết sức tinh tế, không để một cử chỉ nào, dù là một ánh mắt, cho những cái đuôi phán đoán được hai người có liên hệ với nhau. Tôi coi như không chú ý đến cầu, chân bước, quay gáy lại phía cầu. Mắt lơ đãng, nhìn giòng xe đạp xuôi ngược trên đường phố. Khi ngang qua cầu, làm như không chủ định trước, chợt thích ghé vào chơi như mọi khi. Thấy mấy em nhỏ dưới bờ hồ, chỗ chân cầu đang câu tôm, tôi rẽ xuống đứng xem, cầm một con tôm, hỏi chuyện các em. Tôi liếc nhanh đối tượng. Đối tượng chưa nhìn thấy tôi, vì còn cách một cái cầu dài 50 mét. Đối tượng đứng phía cổng đền, tôi đứng phía bờ.

Bây giờ, tôi nhìn rõ. Dép râu và 3 quyển vở rõ ràng. Rõ ràng hơn nữa, cô chừng 22 tuổi, có bộ mặt trái soan, da trắng bóc nổi rõ màu đen huyền của đôi mắt. Vô lý! Một cô gái tuổi như thế này, lại "giao thiệp" với Sài Gòn. Nhưng, có thể cô chỉ là một mắt lưới, mà đường dây bí mật đã phái cô đến chỗ hẹn, theo quy ước để nhận tài liệu của Sài Gòn. Tôi đang suy nghĩ, chợt một anh chàng có dáng dấp thành thị, tiến đến đối tượng. Tôi mở to mắt ngạc nhiên theo dõi. Qua thái độ của cô gái và thái độ anh chàng đó, tôi hiểu là anh chàng đi chơi, thấy một cô gái đẹp, sà đến tán. Đúng vậy, cách bỏ đi vào chùa và bộ mặt rất nghiêm, bực tức của cô gái, đã trả lời sự phán đoán của tôi.

Tôi quan sát 4 cái đuôi của tôi, trông rõ vị trí đứng ngồi của chúng. Yên tâm, tôi tiến lên cầu. Trên cầu còn hai, ba

đứa trẻ và một vài cậu nhơ nhỡ có vẻ học sinh vì cặp sách, một gái, hai trai. Tới giữa cầu, tôi đứng lại nhìn xuống hồ. Chợt nhớ ra: Tôi xắn tay áo lên vài lượt như thể nóng quá. Tay tôi vẫn cầm tờ báo "Quân Đội Nhân Dân" gấp đôi. Tôi hơi băn khoăn, vì đối tượng đeo một túi dết mầu xám, điều này không hề có trong quy định trước.

Rồi tôi nghĩ, cũng như tôi, có túi dết mà không quy định. Vì còn có mật hiệu phải trả lời nữa chứ. Nguyên tắc quy ước là gặp trên cầu. Nhưng vừa rồi vì lý do anh chàng tán gái, nên cô đó đã phải đi vào chùa, phải linh động. Tôi cũng đi vào chùa, vừa đúng lúc đối tượng từ phía Trấn Ba Đình, định đi vòng lại ra phía cầu.

Đối tượng thoáng thấy tôi. Mắt đối tượng mở to, tươi hẳn lên, vừa như ngạc nhiên. Tôi làm sao biết đối tượng đang nghĩ gì, chỉ thấy đối tượng hơi đỏ mặt và hơi lúng túng. Tôi coi như không biết, vờ đứng chăm chú xem cái biển gỗ sơn xanh viết chữ trắng: "Đây là di tích lịch sử đã được liệt hạng…"

Biết đối tượng đang nhìn, hai tay tôi gấp tư tờ báo, rồi gấp 8, theo quy ước. Một phút, hai phút, bằng ánh mắt nhìn ngang, tôi thấy đối tượng đứng xa tôi gần 15 mét, làm như vô tình, chuyển ba quyển vở từ tay này sang tay kia. Tôi rất phấn khởi, thái độ ấy, chứng tỏ đối tượng rất điềm tĩnh. Vậy khi nãy đối tượng hơi không được tự nhiên là vì lý do khác. Bây giờ đã trấn tĩnh nên tỏ ra có nghiệp vụ cao. Sự hoan nghênh và phấn chấn dậy lên trong lòng tôi. Một chiến hữu, một đồng chí có khả năng, như vậy mới có thể là đối thủ của kẻ thù.

Tôi lững thững đi ra. Mắt tôi liếc nhanh. Nếu "đuôi" đứng ngoài 10 mét, dù chú ý cũng khó phát hiện cái liếc ấy. Hai "đuôi" vẫn chỗ cũ, hai "đuôi" khác đã tiến dịch vào phía cầu. Và, bây giờ thêm một "đuôi" nữa, mà từ sớm tôi không thấy. Anh chàng có bộ mặt vẻ học sinh trong hiệu cháo Sinh Ký, đang đứng một phần ba cầu phía ngoài. Tôi tự hỏi "Thế từ sáng, tên này nấp đâu? Hay vừa mới tới?" Họ tưởng tôi sẽ vào chùa chơi lâu, như mọi khi nên đang định tiến vào, thấy tôi trở ra, họ vờ vịn lan can cúi xuống hồ nhìn nước. Thực ra, ngay lúc ấy, trong khoảng hai phút thôi, sau khi thấy đối tượng "chuyển vở qua tay", tôi giơ ngay tài liệu cho đối tượng trông thấy, rồi vất ngay xuống đất, làm như đánh rơi, để đối tượng đi sau lấy rồi cũng xong. Nhưng, tôi hơi ngập ngừng áy náy, chẳng biết đối tượng có phản xạ kịp không, nếu không, sợ rằng lại có thể đẻ ra những tình huống khó khăn khác, nên lại thôi.

Tôi cứ chậm chạp tiến về vườn hoa Con Cóc, cách đấy khoảng 700 mét, sà vào một bệ đá, chỗ vòi phun của một con cóc, nơi tôi đã có chủ ý từ hôm qua. Chỗ này có một số đá lổn nhổn, lẫn cỏ với lá khô. Tài liệu của tôi mầu nâu, đồng mầu với lá khô. Hơn nữa, ở đấy có một bụi cây rậm, có rễ mọc nổi, thuận tiện chỗ để. Thò tay vào sờ thì thấy, còn nhìn bên ngoài sẽ không thấy, mà bụi cây lại che được một góc chết.

Tôi ngồi thong thả mở báo ra đọc, liếc nhanh các đuôi, rồi lựa thế che dưới tờ báo rộng, tôi để tài liệu. Xong, tôi tiếp tục đọc báo. 10 phút sau tôi ngửng lên, vặn người. Tôi đã thấy đối tượng ngồi cách xa tôi 150 mét trên một ghế đá, cùng với một bà đang cầm cái chổi dài, có lẽ là người dọn vườn hoa. Đối tượng thỉnh thoảng lại nhìn tôi. Tôi vẫn vờ xem báo, hết lật trang này lại giở trang kia. Vừa lúc đối tượng nhìn, tôi gãi khuỷu tay phía để tài liệu, một ngón tay cong cong chỉ thẳng vào chỗ tôi đã bỏ tài liệu "M". Tôi đưa ánh mắt như chăm chú nhìn một cành cây gần tôi, hơi chéo nơi đối tượng ngồi. Quả thực đối tượng là người điềm tĩnh, không báo cho tôi biết ngay mà mãi ba, bốn phút sau, mặt nhìn hơi khác và giơ tay lên gãi đầu. Lúc này, các "đuôi" có mắt cũng như mù, làm sao đoán được hai hành động rời rạc ấy lại ăn khớp với nhau, trừ phi đã biết trước.

Lúc này, lòng tôi thật khó diễn tả. Vừa nhẹ nhàng lâng lâng, trang trải món nợ quê hương, vừa bâng khuâng lưu luyến một cái gì, như gần gũi mà lại thật xa xôi; vừa tái tê với cuộc đời đã nằm trên thớt của kẻ thù, mịt mù sống chết lúc nào không hay.

Tôi đứng lên, chân không muốn bước mà vẫn phải đi, ngập ngừng giã biệt. Chẳng biết đối tượng có hiểu những nỗi niềm đầy vơi, trong lòng tôi lúc này không? Tôi đang ngày đêm nằm trong nước sôi lửa bỏng. Chợt một ý nghĩ, nếu tôi không có "đuôi" lúc này thì sao? Đời tôi đã chả từng cay ghét chữ "nếu" rồi sao? Tôi đi mãi, ghé ra bờ hồ, để tôi

có thể nhìn chéo 40 độ về phía đối tượng cách rất xa tôi chừng hơn nửa cây số. Tôi chỉ còn thấy bóng dáng (không thể nhìn rõ mặt) đối tượng vẫn ngồi yên chỗ cũ. Tôi vừa thẫn thờ đi từ đó tới đây, cũng phải mất hơn 10 phút, vậy đối tượng đến lấy tài liệu chưa? Theo phán đoán của tôi thì chưa. Chỉ qua hai lần tiếp xúc bằng ánh mắt và cử chỉ, tôi đã thấy đối tượng tỏ ra là người trầm tỉnh. Hơn nữa, không bao giờ đối tượng đến lấy rồi lại ngây thơ trở về chỗ cũ ngồi. Vậy thì chưa đâu! Tôi yên tâm, đưa mắt lơ đãng đuổi theo những tảng mây trắng nõn, như những búi bông khổng lồ, đang chầm chậm bò trên nền trời xanh thẳm, về miền Nam xa xôi. Mãi 15 phút sau, bóng dáng của đối tượng mới từ từ tiến đến chỗ tôi ngồi khi nãy, làm như bâng khuâng nhìn vòi nước phun tung tóe từ miệng con cóc bằng xi măng, rồi ra vẻ như mệt, đối tượng ngồi xuống.

Tôi vẫn quay mặt ở một góc 40 độ với đối tượng, mục đích khi đôi tượng đứng lên đi, tôi quan sát theo dõi xem đối tượng có "đuôi" hay không? Sao mà ngồi lâu thế! Tôi vừa trách, lại vừa không muốn đối tượng đi, thật là mâu thuẫn. Đối tượng đi là vĩnh biệt rồi.

Chẳng hiểu trong lòng đối tượng nghĩ gì mà ngồi mãi không đi, lâu lâu lại nhìn phía tôi. Phải chăng tâm trạng của đối tượng cũng như tôi?

Do những điều kiện khắt khe tôi đang nằm trong lưới của kẻ thù, nên khi nhìn đối tượng, một ý nghĩ lởn vởn trong óc tôi, ước gì tôi có thể lên tiếng cùng đối tượng một vài lời nhỉ? Gần 20 ngày qua, tôi đã buộc kín lòng mình, đến trở thành cô độc, lẻ loi trên mảnh đất thân yêu này Chỉ còn có người, một chiến hữu, một đồng chí, tuy ngồi ngay trước mặt, cùng thở hít chung nhau một bầu không khí, cùng bâng khuâng đầy vơi ngắm chung một cảnh hồ, mà người ơi, xa vời vợi! Rồi đây, tuy chúng ta cùng chung một lý tưởng nhưng hai đường đời. Xin cầu chúc cho người gặp nhiều thuận tiện, may mắn, đạt những thành quả vẻ vang trên đường đi của dân tộc. Thôi, tôi xin cúi đầu biết ơn đối tượng. Thế lả đủ cho kẻ bất hạnh này ghi nhớ mãi mãi, trong những ngày gian khổ tới đây.

Mãi gần 12 giờ trưa, mặt trời chói chang đã đốt khô cảnh vật, tôi mới thấy đối tượng đứng lên, không quên nhìn về phía hồ một lần nữa và chẳng hiểu sao, đối tượng quay lưng lại vừa đi vừa gãi đầu, nghĩa là khoảng cách giữa đối tượng và tôi dần dần xa vời vợi.

Đối tượng không có "đuôi", tôi cũng mừng. Chỉ có số phận hẩm hiu của tôi là có "đuôi", mà những 5, 6 cái.

Trời Hạ lúc này trong xanh, chỉ còn một vài vẩn mây, không gian, cảnh vật bừng sáng lung linh. Tôi nhìn thẳng ra Tháp Rùa đứng chơ vơ như hòn non bộ, chiếc bóng nghiêng nghiêng lung linh dưới nước như nhún nhẩy reo vui mừng rỡ. Hai con rùa chẳng biết bò lên chân tháp tự bao giờ đang nằm ấp lên nhau phơi nắng, như hai cái nồi ba mươi đen xì. Những chùm phượng vĩ đỏ ối tràn lan chung quanh hồ, đang sói bóng trên mặt nước, nổi bật lên giữa cái xanh ngắt của bầu trời và màu xanh của lá cây tạo thành một bức tranh sơn mầu rực rỡ. Một trận gió Nồm Nam thổi dọc từ phía "Gô Đa" về. Những chiếc lá me đong đưa đẩy như trăm ngàn bàn tay nhỏ tí đang vỗ, gây lên những tiếng xào xạc lẫn vào tiếng ve kêu vang vang như hồi kèn thắng trận. Thoang thoảng đâu đây mùi nồng nồng ngan ngát của nước hồ tù, mùi dìu dịu ngây ngây của những chùm phượng, mùi ngòn ngọt man mát của mấy bông hồng trong vườn hoa phía bên kia đường, tất cả quyện vào nhau thành một thứ hương ngây ngất hồn người.

Tôi đứng dậy, lòng nhẹ lâng lâng, tinh thần sảng khoái. Hôm nay hơi đặc biệt, tôi tự thưởng công 3 đồng, đi thẳng lên ngõ Hàng Giầy chén một bữa nem cua rán.

Lẩn Tránh...

Lúc ngồi chờ bà hàng đang cắt những chiếc nem cua vàng ngậy thơm phức, tôi dật dờ nghĩ đến linh mục A. Chắc từ bữa ấy, người đang chờ, mà tôi mãi biệt tăm. Nếu người hiểu rằng, tôi mà không bén nhậy thì đã đưa người vào chỗ chết rồi. Tôi suy nghĩ, cân nhắc các tình huống xem có thể có điều kiện nào trở lại với người. Với tình trạng bao vây

bám sát của địch dày như thế này, không thể được! Không nhìn rõ vấn đề, mơ hồ lao vào, thật là sai lầm, đôi khi lại trở thành người gây tội ác nữa.

Đêm ấy, tôi trở lại nhà trọ Hàng Buồm. Đêm nằm suy nghĩ miên man đến cảnh giao tài liệu lúc sáng. Riêng về điểm này, Sài Gòn đã dự trù được trước các tình huống, thật đáng ca ngợi. Nếu không như vậy, không có cách nào tôi trao được tài liệu "M", khi tôi bị 5, 6 cái "đuôi" bám sát.

Thật cũng may, ngay khi tới Hà Nội, tôi đã trao được tài liệu X cho Z-5, lúc địch chưa phát hiện. Chứ bây giờ, làm sao có thể thực hiện được. Giòng suy nghĩ của tôi cứ chảy hoài: Làm sao bây giờ cắt được "đuôi" đây?

Tôi nhớ lại những lần thực tập ở Sài Gòn, Biên Hòa, Mỹ Tho, bao nhiêu cái "đuôi" tôi đều phát hiện hết, và cuối cùng tôi cũng đều cho họ vào xiếc, rồi đột nhiên tôi biến mất. Nhiều lần Brown, Dale, và Phan đã bắt tay ca ngợi tôi. Lúc đó, sở dĩ tôi thi thố được khả năng là do: phương tiện lưu thông của đường phố; nhiều nơi tụ họp ăn chơi đông đúc; còn người dân thì chuyện ai nấy lo, họ không cần quan tâm đến việc của người khác. Nhưng ở Hà Nội lúc này, tình huống hoàn toàn ngược lại với 3 yếu tố trên.

Muốn cắt "đuôi" bất ngờ thì phải: Lợi dụng xe cộ ngược xuôi đông đúc, nhảy xe này, xuống xe kia, sang xe khác, trong khi đó, đường phố Hà Nội lại toàn là xe đạp, nhảy đâu? Chạy đâu? Những nơi đông đúc tụ hội ăn chơi, có nhiều ngõ trước đường sau, cửa ngang, cửa dọc, xe cộ qua lại nhiều, có chỗ che nấp. Vừa đấy đã biến lên xe chạy chỗ khác rồi; trong khi ở Hà Nội thời ấy làm gì có cảnh đó.

Về người dân, đa số dân người Bắc nói chung, và Hà Nội nói riêng, hãy còn mơ hồ về "chiếc bánh vẽ thơm ngon" mà Cộng Sản hứa hẹn, nên còn cuồng tín, quá khích, nghĩa là còn đang bị Cộng Sản bịp, chưa sáng. Ngoài ra, mọi lứa tuổi, mọi loại người đều phải ở trong đoàn thể. Không hội này thì cũng đoàn thể khác. Nếu ai đó, không ở trong đoàn thể nào, là người ngoài vòng pháp luật như ăn trộm, ăn cắp lưu manh… hay như tôi. Nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, phụ nữ, phụ lão, v.v… đều phải đi họp đoàn thể. Thêm nữa, do chiến dịch "Phòng gian, phòng gián, bảo mật" đang được chính quyền thúc đẩy mạnh tối đa. Bất cứ một đoàn thể nào, ngoài công việc riêng của đoàn thể đó ra, đều được giáo dục, chỉ thị như là một ý thức tự giác. Mỗi khi thấy một người lạ ở khu vực mình, phải có trách nhiệm trình báo kịp thời. Thấy một người hỏi thăm đường, hỏi thăm nhà, một hiện tượng không bình thường… Phải đến báo ngay cho nhân viên chính quyền, ở gần nhất trong khu phố. Cho nên, phần vì để khỏi trách nhiệm sau này, phần khác, vì hãy còn mơ hồ tưởng Cộng Sản là chính nghĩa, sẽ đem lại hạnh phúc cho mọi người. Tưởng rồi đây cuộc đời của họ sẽ được hưởng cái "thiên đường hạ giới" do Cộng Sản hứa hẹn (lúc ấy, họ đã đâu nhìn thấy "nó" chỉ là… cái bánh vẽ). Đa số người dân, nếu công an hỏi, là họ chỉ ngay, đôi khi chính họ còn tự động theo dõi mình nữa. Cụ thể như lão già ở xã Kỳ Phương, Kỳ Anh. (Tình trạng trên là từ 1965 trở về trước, chứ từ 1965 trở về sau, diễn tiến khác đi nhiều. Xin trình bày ở một đoạn khác). Vì thế, hoàn cảnh của tôi lúc đó, dù phát hiện được hết địch, cũng không chạy được đâu thoát.

Phải nghiêm khắc, thành khẩn mà nói, yếu tố cơ bản vẫn chính là tôi chưa hiểu đủ sự tàn bạo, độc hiểm của Cộng Sản. Cộng với tính cơ hữu của người lính chiến của thế giới tự do là ngại khó, ngại khổ (chịu khó khăn, gian khổ một thời gian nào đó thì được, chứ trường kỳ ai cũng ngại).

Điểm trên là điểm sai lầm trầm trọng đầu tiên tôi mắc phải. Lúc đó, tôi suy nghĩ, có thể vì ở Hà Nội công an ngầm như rươi, chúng có bổn phận theo dõi mọi người lạ vào thành phố. Vậy, ta thử làm một chuyến đi xa xem sao, vừa đo lường sự phản ứng của phản gián Hà Nội. Đồng thời, nếu có thời cơ, cắt "đuôi" trốn lánh. Tính như vậy rồi, tôi đi vào giấc ngủ và ngày mai sẽ đi Vinh.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm lúc 5 giờ, ra đón xe điện, xuống bến Kim Liên. Cho tới khi đến bến xe đò, tôi chỉ phát hiện được 4 cái "đuôi", hai cái trên xe điện, một đi "mô bi lét" và một đạp xích lô. Nhưng, chừng 15 phút sau, ở bến

xe lại có thêm hai cái đuôi nữa, hai người này tôi đã biết mặt.

Tôi nhìn phía quầy bán vé đi Vinh, khách đang xếp hàng dài trên 30 người. Tôi đếm thầm, đến lượt mình lấy vé khéo phải 10, 11 giờ. Mỗi người lấy vé rất lâu, phải ghi tên tuổi, nộp giấy thông hành, rồi còn bị cật vấn nữa, tùy theo trường hợp.

Tôi cũng đành đứng vào xếp hàng. Lưng chừng tôi mới hiểu, đây là xếp hàng đăng ký lấy vé cho ngày mai. Muốn đi Vinh, phải đến xếp hàng đăng ký trước một ngày. Tôi thấy thật nản! Giữa lúc đanh lửng lơ suy tính, một anh mặc áo bộ đội, cụt một chân chống hai cái nạng, rao bán lại một vé. Thời gian này, đa số dân chúng miền Bắc mặc quần áo bộ đội, Bởi vì, nếu họ không là cán bộ, thì họ cũng là công nhân ở công ty, xí nghiệp, nhà máy v.v… hoặc là bộ đội phục viên. Chỉ khác bộ đội là không đeo quân hiệu, quân hàm.

Anh ta đến gần chỗ tôi nói to:

- Tôi còn thừa một vé đi Vinh, của người em bị sốt nặng không đi được hôm nay. Ai đi tôi để lại?

Tôi vẫn đứng yên. Có thể số người đang xếp hàng, đã dự trù công việc cho ngày mai mới đi, nên không thấy ai đến hỏi. Riêng tôi, tôi đặt vấn đề ngay, chắc chắn phản gián Hà Nội đã tạo điều kiện cho tôi đi kịp những ngày giờ tôi muốn, để chúng dễ dàng theo dõi tìm manh mối. Thí dụ: chúng nghĩ hôm nay tôi cần gặp ai ở một điểm "X" nào đó, nhưng vì nhỡ xe, tàu, tôi sai hẹn không đến được, hư công việc của tôi, mà chúng cũng không biết tôi làm gì. Tôi hiểu thế, nhưng không sao, tao đã biết mày rồi mà! Tôi tiến đến chỗ anh cụt chân. Cùng lúc ấy, một người cũng tách khỏi hàng đi đến mua chiếc vé ấy. Anh cụt chân chỉ tôi, nói:

- Anh này đã đến trước, vậy tôi để cho anh này.

Tôi biết, dù có đến sau, tôi cũng vẫn mua được chiếc vé đó. Lúc ấy, một chiếc xe đò chạy đến, anh "lơ" và tài xế mở cửa nói:

- Đồng bào đi Vinh lên xe!

Hơn 30 hành khách gồng gánh, mo, bị… lục tục kéo nhau chen chúc lên xe. Anh cụt cũng đi và vẫy tôi cùng lên xe. Thì tôi cứ đi lên! Ngay trong số hành khách này, không kể anh cụt chân, tôi còn nhận ra hai người nữa đã quen mặt từ trước, một ngồi sau tôi, và một phía trước. Hành khách lên hết, xe bắt đầu chạy ra đường phố, cũng là Quốc Lộ 1.

Ra đường, xe bị cảnh sát ngoắc tay bắt ngừng. Cảnh sát xem giấy tờ ở chỗ tài xế, rồi điểm người xem có đúng với số vé đã bán, v.v… Tên cảnh sát cũng hạch hỏi tài xế lôi thôi. Tôi hiểu rằng, chẳng qua tôi đi hơi đột xuất, phản gián Hà Nội chưa chuẩn bị kịp phương tiện, nên cố ý bắt xe ngừng chờ mà thôi. Hành khách, biết gì đâu. Một bà ngồi cạnh tôi, sốt ruột nói:

- Hỏi cái gì mà hỏi lâu thế, không để xe đi cho rồi…

Nhưng bà chỉ dám nói nhỏ, cảnh sát không nghe thấy. Chừng 20 phút sau, cảnh sát mới cho xe chạy. Xe chạy tới vườn hoa "Thống Nhất" thì ngừng lại. Một anh "lơ" xách một chiếc thùng chạy qua đường vào vườn hoa, chắc là lấy nước để đổ vào xe.

Đúng thế, chừng 5 phút sau, anh xách thùng nước đến đầu xe, anh tài xế đã mở "cốp" để đổ nước. Anh "lơ" lại chạy trở lại vườn hoa. Tôi thoáng nhìn trong vườn hoa, chỗ bụi găng, qua một khe hở lá cành, là bộ mặt anh đi "Mô bi lét". Anh rút ra một cuốn sổ nhỏ và hý hoáy ghi, thỉnh thoảng nhìn ra đít xe, chỗ bảng số. Anh cụt ngồi cạnh tôi giả

vờ lơ đãng nhìn đâu, nhưng tôi hiểu là anh cũng chẳng bỏ sót một cử chỉ nào của tôi. Lại còn anh chàng ngồi băng sau nữa. Tôi muốn nhìn lại phía sau. Để cho có vẻ tự nhiên, tôi vờ chú ý đến một chiếc xe hàng từ trước mặt đang chạy lại, và tôi nhìn theo.

Phía sau, xa chừng 200 mét, một chiếc Commanca cùng với số xe đã theo tôi vào Hà Đông, HN5037, đang đậu sát mé hè, sau hai chiếc xích lô.

Chẳng hiểu sao, xe đã đổ nước rồi, mà vẫn chưa chạy. Chẳng lẽ tài xế cũng là phản gián? Chúng có máy điện đàm hay sao mà lạ thế? Hình như tụi phản gián chưa chuẩn bị kịp. Tôi thắc mắc nên để ý. À, tôi liếc mãi phía trong vườn hoa, tên đi "Mô bi lét" và tên "lơ" xe đang nói gì với nhau. Như vậy, rất có thể tên "lơ" là một loại công an mật (cả hình sự, kinh tế và chính trị) đi xe đò đường trường.

Đổ nước quái gì đến 20 phút. Nhiều hành khách la ó nhưng anh tài vẫn không trả lời. Tụi phản gián còn chờ gì nữa chứ? Sau cùng, tên "lơ" cũng ra và xe chuyển bánh.

Khi xe gần đến Phủ Lý, chiếc xe mang số HN5037 vượt lên trước. Khi xe đó đi ngang qua, tôi thoáng thấy bên trong có 4 tên. Toàn những khuôn mặt lầm lỳ và lạ, có tên đến 40 tuổi. Tôi giả vờ nhìn cánh đồng lúa đang gặt bên đường. Khi xe đò chạy qua, tôi còn cố ngoái lại xem, nhưng thực ra là để nhìn lại phía sau xe. Xa xa chừng hơn 300 mét là một chiếc xe đen kiểu Citroen mà tôi đã nghi. Xe hàng ngừng lại ở thị xã Phủ Lý để đón thêm mấy bà khách nữa, tôi để ý nhìn thấy "chú" HN5037 đậu mãi tít trong phố quay đầu ra. Chiếc xe đen vượt qua. Trong xe cũng 4 người kể cả tài xế, có cả tên đeo kính râm, đội mũ cát két. Hôm nay, y đội mũ và mang kính giống như buổi ban đầu tôi gặp y ở nhà thờ X.

Chà, lực lượng hùng hậu quá nhỉ! Tổng cộng 11 tên: 3 trên xe đò, 8 ở hai xe con. Còn nữa không? Chắc hôm nay chúng nghĩ tôi tới điểm hẹn để được đón về Nam, nên chúng phải huy động nhiều thế để mong vồ cả mẻ.

Khi xe tới Quất (Ninh Bình), hành khách phải xuống xe đi bộ qua cầu. Một dẫy gần 20 chiếc xe chực chờ để qua cầu. Tôi nghi ngờ một chiếc xe Commanca nữa, vì thoáng thấy một tên trong xe Citroen nói chuyện với người của chiếc xe đó.

Qua núi Cánh Diều, Ninh Bình rồi vào Thanh Hóa, xe đò ngừng. Trên xe, tôi cứ vờ limdim ngủ gà, ngủ gật. Có lúc tôi nghe một hai câu trao đổi của những người ngồi bên cạnh, thì ra tên cụt cũng đi Vinh.

Đến thị xã Thanh Hóa, xe đò ngừng. Khách lên, khách xuống gần nửa tiếng đồng hồ mới xong. Khi xe ra khỏi thị xã Thanh Hóa, chiếc xe đen vượt qua. Tôi tính thầm, xe đò chạy khoảng 10 cây số nữa thì tới lượt chiếc xe HN5037. Sau đó, tôi lại thấy chiếc Commanca thứ 3 ở Quất với số HN (tôi quên số rồi) chạy sau xe tôi một lúc rồi cũng vượt lên trước. Trên xe này có 3 người kể cả tài xế, có một người, tôi thật khó quên được. Khoảng 50 tuổi, tóc đã điểm sương, đeo kính trắng, phong thái chỉ huy.

Có thể vì xe hàng chạy chậm, hoặc thấy tôi từ trước không hề tỏ một ý gì, là nghi ngờ bị theo dõi. Hơn nữa, chúng tin vào còn 3 người của chúng trên xe đò, cho nên cả 3 xe nhỏ đã vượt lên trước.

Một kế hoạch chợt lóe lên trong óc tôi. Xe đang chạy trên con đường dài, hai bên toàn ruộng lúa, thỉnh thoảng có một con đường dẫn vào làng xóm xa xa hai bên đường. Bây giờ, nếu bất chợt tôi kêu tài xế ngừng xe cho tôi xuống đây. Không thể vì lý do gì cả 3 tên trên xe cùng xuống (như thế lộ liễu quá). Chúng phải theo xe đi cả chục cây số nữa mới gặp mấy chiếc xe con kia để báo cáo. Hoặc chúng cũng xuống, nhưng phải đi một đoạn nữa mới bảo tài xế ngừng, để tôi khỏi nghi. Còn tụi xe nhỏ phải chờ xe đò chạy tới báo cáo mới biết là tôi đã xuống rồi, lúc đó chúng mới quay xe lại.

Như vậy, tôi có ít nhất 20 phút hoặc hơn để thoát thân. Tôi chỉ việc, nếu tôi định ra phía trái là bờ biển, thì khi xuống xe vờ đi rẽ về phía phải; vì chắc chắn 3 tên trên xe sẽ nhìn theo. Đợi khi xe đò chạy đủ xa, để không thể nhìn lại thấy. Lúc đó, với khả năng nhanh nhẹn tối đa, tôi phải bò qua đường, sang phía trái, rồi vắt giò lên cổ mà lủi. Ngược lại, nếu tôi định vào phía núi để chuồn sang Lào, tôi cũng phải làm như vậy để đánh lạc hướng tụi phản gián. Làm cho chúng hiểu lầm, là tôi ra điểm hẹn đón ở phía biển bằng thuyền.

Tính trong đầu óc như vậy, nhưng tôi đã không thực hiện. Như tôi đã trình bầy ở trên, vì chưa hiểu đủ sự tàn ác, thâm hiểm của Cộng Sản. Tôi cứ nghĩ rằng, dù chúng có bắt được tôi, nhưng tôi đã làm gì đâu, toàn lang thang đi chơi. Hơn nữa, nếu tôi nói là chán chường cuộc sống, vì bị cái thế phải đi, lại nhớ Hà Nội, nên khi ra tới nơi, chỉ đi chơi chứ không hoạt động gì cả… chắc chúng cũng phải tin thôi. Vả lại, người của chúng đã hàng ngày thường xuyên theo dõi, thấy thực tế là như vậy, thì cùng lắm chúng giam giữ 2, 3 năm rồi cũng tha!…

Thêm nữa, tính hãy còn ngại khó, ngại khổ. Trốn như kế hoạch trên, có thể thoát, có thể bị bắt ở biên giới Lào-Việt, hoặc ở Lào… Điều chắc chắn là rất gian khổ, chui rúc bờ bụi, đói khát… Chính vì những ý nghĩ sai lầm đó, nên đã tính trong đầu rồi, tôi lại không thực hiện. Đó là điều đã làm cho tôi ân hận giầy vò, cấu xé lòng tôi cho tới bây giờ. Nếu lúc đó, hiểu đủ về Cộng Sản, dù vào tới rừng rú đói khát mà chết, tôi vẫn cương quyết xuống xe lúc ấy, để thực hiện kế hoạch.

Đây là một lời nói rất trung thực. Tôi sẽ minh chứng bằng thực tế sau này.

Xe vào tới thị xã Vinh, trời đã 5 giờ chiều. Tôi xuống xe, vào hiệu cơm quốc doanh đánh một bữa. Thị xã Vinh rất ít xe, vì thế, 3 chiếc xe theo tôi càng phải lộ mặt ra nhiều lần cho tôi thấy. Như vậy, lực lượng của phản gián Hà Nội vào đây tất cả 14 mạng, với 3 chiếc xe: 2 Commanca và một chiếc Citroen 15 mã lực đã cũ.

Đang rẽ vào con đường đến nhà trọ, tôi thoáng thấy anh Trí và một chị bế đứa nhỏ, tôi đoán là vợ con anh. Tôi vờ làm mặt xa lạ và định rẽ sang một phố khác. Nhưng, không kịp nữa rồi, anh đã trông thấy tôi. Anh chạy theo đập vào vai tôi:

- Hùng đấy à! Đi Hà Nội đã về đấy ư. Đi đâu bây giờ đấy?

Anh cứ rối rít vồn vã, trong khi lòng tôi bấn lên, không biết xử trí làm sao. Tôi rất lúng túng, tôi hiểu là vì chuyện này, anh Trí sẽ gặp nguy hiểm về sau. Nhưng trong hoàn cảnh đó, tôi đành để rồi tùy cơ thích nghi cho anh sau này. Nghĩ vậy, tôi cười và nói to (để cho tụi phản gián cũng nghe thấy), trong khi chị bế con cũng đã đến gần. Trí giới thiệu: "Đây là vợ tôi", rồi Trí tiếp:

- Hôm đó, khi về đến nhà, tôi cũng đã nói chuyện với bố mẹ và vợ tôi về Hùng. Bây giờ về nhà tôi ngủ nhé! Tôi sẽ giới thiệu Hùng với bố mẹ tôi. Ông bà cũng muốn gặp Hùng!

Tôi cười lớn:

- Thế hai anh chị định đi đâu đây?

Trí giơ cái túi có hai quả bí ngô và cái lốp xe đạp đang đeo ở vai, nói:

- Đi mua mấy thứ này đây! Tiện thể vợ tôi cũng đi chơi.

Trí hỏi tôi ăn uống gì chưa, tôi chỉ vào quán cơm trả lời:

- Mình vừa đánh căng bụng ra đây!

Trên đường về nhà Trí, tôi ghé mua mấy gió lạc và túi kẹo cho con Trí.

Sau khi sang qua phà Bến Thủy, đến một ngôi nhà nhỏ ở bên đường Quốc lộ. Lần trước trong chuyến xe từ Hà Tĩnh ra, tôi đã thấy Trí ngồi trong ấy. Trí mở chiếc khóa nhỏ, kéo tấm liếp vuông che cửa, mời tôi vào. Trong nhà đã mờ tối, Trí tìm đèn đốt lên. Ngọn đèn đầy bụi đất, thật tù mù. Tôi thấy cảnh nhà Trí thật nghèo nàn, túng quẫn: Một chiếc phản gỗ thứt thẹo, hai, ba sợi xích xe đạp cũ rích. Một cái khung xe gẫy, vài cái bàn đạp vất lỏng chỏng. Một cái tủ nhỏ tí, đen đũi, cóc gặm; chắc là đựng dụng cụ sửa xe đạp của anh.

Anh lấy chổi quét cái phản rác rưởi, rồi vào buồng lấy ra một manh chiếu đã rách ở giữa, trải lên:

- Đêm nay, anh em mình sẽ nằm đây, hút thuốc lá, nói chuyện.

Thấy nhà thấp lè tè và tối mù, tôi kéo tay Trí:

- Còn sáng, mình ra ngoài nói chuyện đi, tí nữa hãy vào.

Chị Trí khi nãy đã chào tôi để vào nhà bố mẹ, Trí dặn với theo:

- Mình về, chốc nữa anh không vào nữa đâu!

Trí quay lại hỏi tôi:

- Trong đó là nhà bố mẹ và vợ mình ở. Đêm nào, tôi cũng phải ngủ ngoài này. Cách đây hơn một tháng, mình bị nó cậy cửa, vào lấy hết các đồ chữa xe đạp.

Tôi băn khoăn hỏi:

- Mất nhiều không?

- Gần một trăm đồng.

Tôi nhìn Trí ái ngại, nhà đã nghèo, lại còn bị mất trộm. Tôi đưa giấy thông hành cho Trí trình công an để tôi ngủ lại đêm. Trí gạt tay tôi ra, bảo:

- Chả cần, ông phó chủ tịch xã ở cạnh nhà mình trong ấy, mình rất quen, không sao đâu!

Tôi không muốn gây phiền cho Trí sau này, nên gằn giọng:

- Trí cứ nghe tôi, đi trình giấy cho tôi.

Trí đồng ý và cầm giấy đi vào xóm. Tôi trở vào trong nhà. Trời đã tối, đường không có đèn điện, nên cảnh vật bên ngoài tối mò. Tôi hiểu là sẽ có nhiều người nhòm ngó, canh gác tôi đêm nay. Nhưng tôi cũng chẳng cần để ý làm gì, tôi có định làm gì đâu. Điều làm tôi suy nghĩ băn khoăn nhiều là Trí. Bây giờ đã trót thế này, chỉ còn một cách là sau này nếu tôi bị bắt, tôi phải khai báo tỉ mỉ thực tế gặp Trí thế nào, từ Kỳ Anh ra. Mặt khác, ngày mai, tôi cứ phải vào thăm bố mẹ Trí thì phản gián Hà Nội mới không nghi Trí. Một lúc sau, Trí trở về:

- Ngày mai, Hùng sẽ vào nhà bố mẹ, mình sẽ giới thiệu, bây giờ tối rồi.

Nhà rất nhiều muỗi. Trí đem cái màn mầu đen sì, rách mướp ra mắc. Hai người chui vào màn nằm hút thuốc nói chuyện. Chừng một lúc, buồn ngủ quá, tôi ngủ luôn.

Đêm đó, có lúc giật mình tỉnh giấc, tôi nghe tiếng xe cộ quần đi, quần lại nhiều lần, đèn pha loang loáng. Trí cũng lấy làm lạ:

- Không hiểu sao đêm nay, xe cộ đi lại nhiều thế!

Tôi lên tiếng:

- Mọi khi có như vậy không?

Trí trả lời, giọng ngái ngủ:

- Ban đêm, ở đây thường không có xe chạy nhiều thế.

Tôi suy đoán: Có thể phản gián Hà Nội cho rằng đêm nay, thuyền hoặc tầu sẽ đến đón tôi (ở đây cũng gần cửa biển), cho nên, để phòng hờ những bất ngờ, họ phải báo cáo cho cả Hải Quân và du kích địa phương ở khu Bến Thủy. Mặc họ, tôi không có ý định gì ở đây cả. Ngày mai, tôi sẽ trở về Hà Nội.

Sáng hôm sau, Trí dẫn tôi vào nhà bố mẹ. Chúng tôi len lỏi qua những đường mòn trong xóm vào tới nhà. Một căn nhà 3 gian trống tuếch toác, chỉ có một gian được che bằng những tấm liếp để làm căn buồng, mái tranh lòa xòa, chỗ dài, chỗ ngắn xác xơ.

Tôi thấy bố mẹ Trí đã già khoảng 50 tuổi rồi. Ông cụ đang ngồi vá lưới ở sân. Bà cụ trông rất hiền hậu, vẻ quê mùa, đang quét sân. Qua một số câu chuyện, tôi được biết, hai ông bà khi còn ở Thái Lan sống rất dư giả, tuy cũng làm nghề đánh cá, nhưng có chiếc thuyền to chạy máy. Nghe Cộng Sản tuyên truyền nước nhà độc lập, nhân dân hạnh phúc ấm no… ông bà bùi tai, hồi hương. Ông bà đã được xem những cuốn phim chiếu cảnh sinh hoạt của người dân ở quê nhà, chỗ nào cũng thấy nụ cười và tiếng hát. Hơn nữa trước đây, khi các đồng chí lãnh đạo đảng và nhà nước, lúc bấy giờ còn hoạt động bí mật ở Thái Lan, chính ông bà cũng đã đóng góp nhiều tiền giúp đỡ. Người dân Việt xa quê hương lâu ngày, ai chả nặng lòng với nơi chôn nhau, cắt rốn. Vả lại, rất nhiều người đã bán nhà, đồ đạc về nước rồi viết thư sang đều nói tốt đẹp, cho nên cứ người này theo người kia về với Tổ Quốc thân yêu!

Ông bà bán nhà và các thứ, cộng với số tiền đã dành dụm được hơn chục lạng vàng. Khi về tới Hải Phòng, cờ quạt trống chiêng, tưng bừng đón rước. Hơn 400 kiều bào trên chuyến tầu đó được mời đến một khu nhà đón tiếp căng đầy biểu ngữ "Hoan hô những người con yêu, đã trở về với đất mẹ". Sau đó, gọi là để học tập đường lối chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa, ngõ hầu hội nhập ngay với cuộc sống mới, khỏi bỡ ngỡ buổi ban đầu.

Trong việc học tập, có cả việc phải khai báo đăng ký số vàng và tiền mang theo. Đang hồ hởi yêu nước, yêu quê hương về với cách mạng, ai ai cũng nhiệt tình đăng ký với sự hân hoan chân thành. Đăng ký, đều có giấy tờ biên nhận từng loại rõ ràng. Của cải đó nhà nước sẽ giữ cho. Khi về tới địa phương muốn làm ăn khuếch trương công việc gì, đồng bào sẽ lấy dần ra. Đó cũng chỉ là một hình thức bảo đảm an toàn, khi đồng bào mới về chưa ổn định. Cộng sản nói như vậy!

Về tới Vinh, Nghệ An, lúc đầu ông bà thăm họ hàng làng nước, đó đây, cho chác người nọ người kia: Hả hê , hồ hởi,

phấn khởi, nên cứ phải lấy dần tiền. Giá vàng tính theo giá chính thức của nhà nước thì chả được bao nhiêu. Khi còn chừng một nửa, nhà nước đòi phải có lý do chính đáng mới cho lấy ra. Ông bà chỉ lấy được một lạng nữa, mua cái nhà tranh, sắm chiếc thuyền con đánh cá… Là vừa cạn.

Hiện nay, ông bà và hai vợ chồng Trí rất vất vả, chật vật kiếm sống hàng ngày. Bữa cơm, bữa cháo, cơm thường phải ăn độn. Ông bà cứ lắc đầu thiểu não than van cho cái ngu dại của mình. Cả hai ông bà cứ vật nài mời tôi ăn bữa cơm sáng hôm ấy. Tôi tỏ ý phải về Vĩnh Linh, vì đi chữa bệnh đã lâu ngày, ở nhà bố mẹ mong. Thực lòng vì thấy ông bà và Trí quá nghèo khổ, tôi không muốn ăn uống làm gì sợ tốn phí cho ông bà. Nhưng sau, tôi không thể từ chối được. Trí đã phải chạy xóm này, xóm kia mà bữa cơm cũng chỉ có một quả trứng vịt tráng, 3, 4 con cá diếc bé síu và bát rau muống luộc chấm mắm cáy.

Tôi rất xúc động biết ơn ông bà, nghèo mà đầy tình nghĩa. Trí muốn đưa tôi ra bến xe, tôi giúi vào tay Trí 20 đồng, nói:

- Tôi về Hà Nội, bà cô cho 50 đồng, tôi chẳng tiêu gì, vậy biếu Trí chút ít mua qua cho cháu.

Trí nhất định không nhận, tôi phải nằn nì hết sức:

- Vậy tôi gửi Trí giữ cho tôi, kẻo về tôi tiêu hết. Tháng sau tôi sẽ lại ra…

Mãi Trí mới nhận giữ hộ tôi. Trên đường về Hà Nội, đầu óc tôi thật căng thẳng rối mù. Tôi cứ lo Trí bị liên quan. Tôi có định đến nhà Trí đâu! Làm sao đây! Do sự áy náy bứt rứt về Trí, cộng với cảnh nằm trên nước sôi lửa bỏng. Không chạy đâu được nữa, đầu óc tôi càng thêm rã rời u uẩn. Về tới Hà Nội, trời đã gần tối. Tôi lại về nhà trọ Hàng Buôm. Rất buồn, lo và mệt, vì thế, sau khi ăn uống qua loa, tôi về đi nằm luôn. Đi nằm mà đâu có ngủ được. Bao nhiêu suy nghĩ vơi đầy. Biết thân mình sắp lao xuống vực thẳm của cuộc đời, mà không còn biết cách nào kìm hãm lại được, đành đứng nhìn. Phó mặc, để nó lăn dần vào chỗ chết, bằng con mắt tuyệt vọng não nề.

Phó Mặc…

Ưu sầu tràn ắp, tôi đi dần vào giấc ngủ chập chờn năm canh.

Sáng hôm sau, khi tôi bừng mắt dậy, mặt trời đã mọc. Những tia nắng bình minh rực rỡ xuyên qua cửa sổ nhà trọ như truyền sinh lực vào cho tôi.

Phải rồi, người trai, tấm thân nam nhi đâu được nằm đây mà sầu héo lo âu, phiền muộn. Sự âu sầu này, có giải quyết được những khó khăn sinh tử trước mắt không? Chắc chắn là không! Tôi bật dậy, tắm rửa, đi ăn sáng, rồi đi ra bờ hồ, bên đường Lý Thái Tổ, phía bên kia nhà Thủy Tạ.

Tôi đi xuôi mãi xuống đến những ki-ốt giải khát. Tôi mua một chai bia Trúc Bạch, loại này khá hơn bia Hà Nội, tuy vẫn nhạt phèo so với bia 33 của Sài Gòn.

Tìm một bàn sát mé hồ, một ly bia, một bao thuốc lá, tôi ngồi đăm chiêu nhìn ra hồ, chẳng cần để ý đến những cái "đuôi". Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ từ giữa hồ thổi tới, đưa theo cái dìu dịu của ban mai mùa Hè, làm tinh thần tôi sảng khoái. Tôi ngồi cân nhắc, suy lý, tính toán.

Sớm hay muộn Hà Nội sẽ bắt, vậy khai báo như thế nào? Tôi nhìn lại toàn bộ sự việc, cái gì có thể che giấu, cái gì không thể che giấu. Điều gì phản gián Hà Nội đã biết và sẽ phải biết về tôi. Dù sau này, chúng có người nằm trong Cục tình báo Sài Gòn. Cứ loại điều này, bổ sung điều kia, dần dần tôi hình thành một nội dung như sau:

Tôi dẹp ngay "vỏ bọc 2 và 3". Hai vỏ bọc này thật ấu trĩ, Cộng Sản không thể tin được. Nếu khai ra bằng đường biển và ngày thuyền sẽ ra đón tại điểm đổ bộ, Cộng Sản sẽ bắt tôi đến điểm hẹn, đánh tín hiệu để hải thuyền vào đón. Sẽ làm cho bao nhiêu chiến hữu khác bị rơi vào bàn tay đầy máu của kẻ thù, sẽ bao nhiêu gia đình nữa khổ đau mất cha, mất chồng, mất anh em. Thà chết, dứt khoát không thể làm thế được! Vậy, nếu bị bắt, tôi sẽ khai là đi đường bộ, do đó chỉ cần moi óc tìm ra những hình ảnh liên quan. Cũng may, tôi đã ra bờ sông Bến Hải, lại có nghiên cứu kỹ Quốc Lộ 1 từ Vĩnh Linh tới Hà Nội. Vậy, dựa vào đó khai. Để phòng hờ những di chứng sau này, tôi về nhà trọ, tôi phải tháo cả chiếc túi con dấu tài liệu tôi đã khâu bên trong quần đùi.

Dùng "vỏ bọc 4" là duy nhất. Theo dõi sư đoàn 308 phòng thủ thủ đô Hà Nội, do tướng Vương Thừa Vũ là Sư Trưởng. Do thi cử nhiều lần không đậu, lại chán chường xã hội miền Nam, vì thế, khi có người giới thiệu, tôi cứ đi. Dù trong lòng rất sợ, vì muốn có chút tiền để giúp đỡ cha mẹ già yếu, nên liều. Nghĩa là ở cái thế bắt buộc phải đi. Do đấy, khi tới Hà Nội, tôi chẳng làm gì cho chính quyền miền Nam. Nhớ cảnh cũ thời thơ ấu, nên chỉ đi loanh quanh khắp Hà Nội chơi. Tôi sẽ kể hết sự thực: ra tới Kỳ Anh gặp Phùng Văn Trí, v.v…về tới Hà Nội làm những gì, đi những đâu…đều khai hết, chỉ bỏ những chi tiết liên quan đến tài liệu "M", "X", và thư cha Hoàng Quỳnh. Dứt khoát là không hề biết có người theo dõi mình.

Lúc đó, tôi ngây thơ tính toán là mình cứ khai rằng chả làm cái gì và giữ đúng lời khai như vậy, tù bất quá 3, 4 năm. Khi được thả ra, nếu có điều kiện sẽ trốn về Nam.

Với đầu óc hãy còn ấu trĩ về Cộng Sản của một thanh niên 24 tuổi như vậy, nên tôi yên tâm hơn, và lại bắt đầu đi chơi, muốn bao giờ bắt thì bắt.

Ngay chiều hôm ấy, tôi đi xe điện lên Hồ Tây, hồ Trúc Bạch, thăm con đường Cổ Ngư.

Tôi xuống xe điện chỗ đầu Quan Thánh, vào chùa Quan Thánh xem. Những viên gạch cổ lát ở sân chùa, nhiều viên đã bể vỡ, cỏ rêu ở kẽ mọc tùm lum. Toàn bộ cái sân to, chỉ còn là mầu xanh rì của rêu cỏ với từng đống lá khô mục nát. Nơi đây, hẳn khi xưa đã in bao nhiêu vết chân của nhà sư Tuệ Chiếu, bây giờ đã về nơi cát bụi.

Tôi rời chùa, rẽ ra con đường Cổ Ngư (giờ gọi là đường Thanh Niên). Ngày xưa, nơi đây là chỗ hẹn hò của trai gái Hà Thành thanh lịch, cũng như khách nhàn du. Đông nhất là vào những buổi cuối tuần, với những hàng bánh tôm, thịt bò khô nổi tiếng Hồ Tây. Giờ đây, Cổ Ngư vắng tanh, trên đường, hai bên hồ gió lộng, thỉnh thoảng đôi ba chiếc xe đạp, hoặc một chiếc xe bò chậm chạp, lê theo bước chân của một bác dân nghèo đang gò lưng phía trước.

Tôi lững thững thả bước đi mãi, tai nghe tiếng bì bõm của sóng nước hồ Trúc Bạch bên phải và Hồ Tây bên trái vỗ vào bờ. Cũng vẫn hàng phượng vĩ đỏ ối lắc lư với tiếng ve sầu rả rích. Kia là chùa Trấn Võ. Tôi lại nhớ đến bà Huyện Thanh Quan, rồi Cao Bá Quát:

Trấn Quốc hành cung cỏ dãi dầu.
Chạnh lòng cố quốc nghĩ mà đau…

Lên quá tí nữa là "Petite Đồ Sơn" với bao nhiêu kỷ niệm thơ ngây của buổi thiếu thời. Xa nữa là Nghi Tàm, Quảng Bá, với những cây ổi quen thuộc ngày nào. Bây giờ ra sao, nơi quê hương của Thị Lộ mỹ miều? Cảnh Hồ Tây thật quyến rũ hồn du khách. Chẳng hiểu những cái "đuôi" của tôi có cảm nhận thấy vẻ đẹp của thiên nhiên, trên mảnh giang sơn cẩm tú của Tổ Quốc Việt Nam này không? Mặt Hồ Tây bao la trắng xóa một vùng, lúc này chỉ gợi lên trong tôi một nỗi lạc lõng chơ vơ:

"Mênh mông, không một chuyến đò ngang,

Lang thang, núi bạc mây chiều …"

Chiều đã xuống dần, mặt trời cũng đi ngủ. Một vài con cò trắng cất cánh bay về phương trời xa.

Tôi quay lại, trở về, lòng mang mang nặng trĩu.

Cứ như vậy, những ngày sau, tôi đi hết về phía này, lại về phía kia của Hà Nội. Cũng nhiều cảnh, nhiều tình huống tệ nạn xã hội xảy ra trên đường làng, đường phố. Tôi nghĩ rằng không cần kể dài dòng nữa. Tuy vậy, có một sự việc nhỏ đến lúc này vẫn còn hằn trong óc tôi.

Chiều ấy, tôi đi xe điện xuống vùng Văn Điển. Tôi đang thả mắt nhìn đồng quê hai bên đường, tầu điện đỗ lại một bến phụ, vài người khách lên xuống. Một bác nhà quê, quần áo nâu hai, ba miếng vá, đi chân đất, gánh một gánh củi cành. Bác vội vàng hấp tấp ôm hai bó củi lên tàu, vừa đẩy gọn vào góc, vừa hổn hển thở. Tàu chạy, anh bán vé từ phía đầu toa đi xuống, ngoắc tay ra hiệu cho bác đưa tiền lấy vé. Vì gần cuối đoạn đường rồi, nên chỉ phải trả 5 xu. Bác nhà quê ngước đôi mắt toét nhèm sợ sệt nhìn anh bán vé, chừng hơn 20 tuổi, hai tay bác vuốt hai túi áo:

- Xin anh cho em qua một đoạn đường, trời tối rồi, nặng quá, em cả người không còn một đồng xu nào!

Tên bán vé, quắc mắt sừng sộ:

- Xuống ngay!

Khi tàu đỗ ở một bến kế, tên bán vé dùng chân hất đẩy bó củi xuống đường. Bác nhà quê, riềm mắt đỏ choét, cố gò người kéo bó củi lại, miệng cứ nài nỉ: "Lạy anh, anh thông cảm cho em!". Mọi người trên tàu cũng nhìn với con mắt ái ngại, nhưng họ vẫn đứng yên. Tôi thấy 5 xu quá bé nhỏ, chả lẽ tôi bảo, để tôi mua cho. Tôi vẫn im lặng, vì tôi đã có chủ định. Đến một bến tiếp, tàu đỗ, hai bên đường vắng vẻ, vẫn toàn ruộng lúa, thấy bác xuống, tôi cũng định xuống theo. Nhưng, rất nhanh, tôi đã kịp giữ lại, vì còn hai cái "đuôi" ở trên tàu, bởi vậy, tôi vất nhẹ một tờ giấy 5 đồng, tôi đã gấp nhỏ lại từ trước vào túi áo bác. Bác thoáng nhìn thấy, thì tàu đã chạy rồi. Tay cho vào túi, bác nhìn theo tàu với đôi mắt mở to, ngạc nhiên và xúc động, trong bóng mờ của buổi chiều tàn.

Lọt Vào Tay Địch …

Ngày hôm sau, rồi hai ngày hôm sau nữa, bữa đó là ngày Chủ Nhật…..Như thường lệ, tôi ra bến xe điện ở bờ hồ mua một ổ bánh mì và một tờ báo. Ăn xong, tôi thả bước về Hàng Trống, định sẽ ghé vào Nhà Thờ Lớn để xem lễ ngày Chủ Nhật. Khi gần đến hiệu phở ở góc đường Lý Quốc Sư, tôi đang đứng nhìn hai người xích lô cãi nhau vì tranh khách, mắt tôi thoáng thấy từ xa, hai tên cảnh sát đồng phục chỉnh tề đang đi lại, dáng mặt quen quen. Tim tôi chợt thót nhẹ. Phải rồi! Hai cái "đuôi" đã từng theo tôi, hôm tôi lên chùa Láng. Hôm nay, chúng ăn mặc đồng phục cảnh sát là có vấn đề rồi. Tôi vẫn vờ nhìn chăm chú hai bác xích lô.

Đúng như tôi dự đoán, khi hai tên đến gần, một tên tiến đến trước mặt tôi:

- Anh vui lòng cho tôi xem giấy tờ!

Tôi vờ ngạc nhiên:

- Thưa các anh, hỏi giấy gì ạ?

Vẫn với giọng nhã nhặn:

- Anh có giấy gì thì đưa giấy đó!

Không nói một lời, tôi rút ví túi quần sau, lấy giấy thông hành đưa ra. Y cầm xem qua rồi nói:

- Thế này không phải, xin mời anh về đồn.

Quả là lịch sự! Tôi đã thấy nhiều lần cảnh sát hỏi giấy người khác ở trên đường phố, nạt nộ:"Anh cho xem giấy tờ!", hoặc "còn giấy gì nữa?". Còn ở đây, có thể y không phải một cảnh sát chuyên nghiệp, phần khác, tôi là người của chế độ khác mà, nhất lại là tiếp xúc buổi đầu. Hai tên chỉ đường tôi đi trước, chúng kèm sát phía sau. Một số đồng bào đang đi trên đường phố, đứng lại ngơ ngác nhìn theo.

Riêng mấy cái đuôi gần đó cũng nhìn theo, nét mặt chúng lộ vẻ nửa như vui mừng hết trách nhiệm, từ nay khỏi phải theo anh chàng lẩm cẩm này nữa, nửa như tò mò nhìn một con mồi đã vào cạm.

Hai tên cảnh sát giải tôi về phía Ngõ Huyện, thoáng chỗ góc là chiếc xe Citroen đen, tôi đã thấy trên đường đi Vinh, đang đậu. Khi tới bên cạnh xe, nhìn vào trong, tôi thấy ngay băng trên, ngồi cạnh tài xế là một lão mặc chiếc áo "vét" xám đeo kính râm, chừng 40 tuổi. Một tên cảnh sát mở cửa sau chui vào, tên ngoài ra hiệu tay bảo tôi lên. Như vậy là tôi ngồi giữa hai cảnh sát. Xe chạy.

Tôi hiểu rằng, phản gián Hà Nội đã phải mất quá nhiều công lao, mà chả thấy tôi làm cái quái gì cả. Cứ lêu bêu hết ngày này qua ngày khác, cho nên quyết định vồ. Tôi cũng chẳng có gì ngạc nhiên lắm. Từ lâu, tôi vẫn biết sẽ có một ngày như thế này. Dù vậy, theo đúng như những dự trù khi bị bắt, tôi vẫn phải vờ ngạc nhiên. Trên đường xe chạy, tôi ngơ ngác hỏi:

- Các ông đưa tôi đi đâu đây? Tôi có giấy tờ đầy đủ mà?

Tên mặc áo "vét" ngồi trên, quay xuống giọng cộc lốc:

- Cứ đi, sẽ biết!

Bây giờ thì không lịch sự nữa!

Xe đi vòng vèo qua nhiều phố, rẽ vào một phố nhỏ vắng, với cái biển tên đường phố: "Phố Hỏa Lò". Chéo sang bên là bức tường đá cao sừng sững 7, 8 mét, bên trên cắm mảnh chai và giăng giây điện trần chằng chịt.

Từ ngày còn bé hồi xưa ở Hà Nội, và ngay cả lần này, từ khi ra đây, tôi chưa từng đi đến phố Hỏa Lò. Vì vậy, tôi chưa thấy Hỏa Lò Hà Nội bao giờ.

Xe đỗ lại trước một chiếc cổng to đồ sộ đóng kín mít, với hai cánh cửa to tướng như cánh cửa thành ngày xưa. Từ một trong hai cái cổng nhỏ ở hai bên, một tên bộ đội bồng súng chạy ra. Sau khi xem miếng giấy do tên áo "vét" đưa, y đứng nghiêm chào theo lối quân sự, rồi chạy vội vào phía trong. Cửa lớn từ từ mở ra và chiếc Citroen chạy tuột vào. Hai tên cảnh sát giong tôi qua một cái sân rộng có trồng hoa, bên trên là một giàn nho lá xanh rờn.

Chúng dẫn tôi vào một cái buồng trống trơn, chỉ có một cái bàn với một cái ghế, trong đó đã có 4 tên trông rất hung thần. Hai phút sau, tên mặc áo "vét" đi vào, đặt cặp xuống bàn rồi lấy ra một tờ giấy, y ra hiệu tôi ngồi xuống ghế. Y đọc: "Lệnh giam giữ, Bộ Công An ra lệnh giam và xét hỏi tên Lê Viết Hùng, tuổi…quê quán…theo giấy thông hành giả…". Một trong 4 tên hung thần giọng cộc lốc:

- Bỏ hết đồ và cởi quần áo ra!

Tôi vờ phản đối:

- Các ông bắt tôi về tội gì?

Tên mặc áo "vét" cau mặt quát:

- Đừng vờ vịt, hãy chấp hành lệnh!

Bốn tên hung thần như được lệnh, chúng xông đến, thằng thì lục túi dết, thằng thì cởi quần áo tôi, Tên mặc áo "vét" chỉ mặt tôi:

- Biết điều thì sống, không biết điều thì càng chết sớm!

Vì đã có chủ định, nên tôi chả nói gì nữa. Thằng áo "vét" ngồi bàn ghi biên bản. Trong một căn phòng nhỏ mà chúng bật đến 4 ngọn đèn sáng chói. Chúng đánh giá tôi quá cao, như là một điệp viên có hạng không bằng. Chúng dùng kính "lúp" soi hết vải quần áo của tôi từng chiếc khuy áo, khuy quần, đường chỉ…Một tên quát:

- Có máy ảnh không?

Tôi lơ ngơ:

- Máy ảnh gì?

Chúng nó tưởng tôi có máy ảnh nhỏ xíu dấu trong khuy áo, khuy quần, chúng khám hết, tên áo "vét" ghi từng thứ một. Còn cái quần đùi, chúng cũng bắt tôi lột. Tôi thấy ngượng, không muốn cho chúng cởi. Một thằng chỉ vào mặt tôi, quát:

- Cởi ra ngay, muốn ăn đòn hả?

Chúng nó xúm lại tôi, soi lỗ tai, bới tóc, lỗ mũi, lộn mi mắt, bắt há miệng, xem từng cái răng. Thật may, tôi đã phòng hờ "chì mật". Từ khi ở Vinh ra lần thứ nhì, tôi đã mua một bó tăm tre. Tôi bỏ "chì mật" vào giữa, chỉ buộc bằng một sợi chỉ con, rất hớ hênh, nhưng vô tình rất khó thấy, mà có thấy thì chỉ thấy đó là một sợi ny lông. Chúng chỉ có thể nghĩ là người buộc tăm để vương vào, và chúng sẽ bỏ qua. Bó tăm chỉ chừng 20 cái, bé bằng hai ngón tay, nên chúng chẳng tháo ra làm gì.

Mặt tên nào cũng có vẻ tức tối. Chúng khám xét kỹ lưỡng, cả đôi dép Thái Lan, đồng hồ, bút máy, v.v…Nghĩa là người tôi không còn một cái gì là chúng bỏ qua, mà cũng không thấy gì cả. Cuối cùng, chúng bắt tôi đứng thẳng chân, cúi chống hai tay xuống nền nhà, một thằng vạch lỗ đít tôi, một thằng khác đưa một que sắt thọc vào. Đến đây, tôi phải trình bày một chi tiết hơi…thô tục một chút. Từ khi tôi bị chúng phát hiện, tôi ăn không ngon, ngủ không yên, tinh thần ngày đêm căng thẳng, như một con cá nằm trên thớt chờ ngày làm thịt. Vì thế, phân của tôi thường táo bón từng cục như phân dê, ba bốn bữa tôi mới đi ngoài một lần.

Do đó, khi thọc que vào thấy lục cục, mặt thằng thọc que tươi hẳn lên, làm cho mắt những tên kia cũng sáng lên long lanh. Chắc chúng nghĩ, đã khám hết mọi chỗ không có gì, mày giấu đây, làm sao qua mắt được chúng ông. Khi chúng kéo que sắt ra, những cục phân rơi lủng củng xuống nền nhà. Tôi rất tiếc, vì đang phải chống tay cúi đầu, nên

không nhìn thấy nét mặt của chúng lúc này ra sao? Tôi chỉ thấy tên cầm que sắt vất mạnh vào góc nhà đầy vẻ bực tức, rồi hình như giận lây sang cả tôi, y phát mạnh một cái vào mông tôi rát ràn rạt, quát:

- Đứng dậy!

Hơn hai tiếng đồng hồ khám xét lục lọi, chả có cóc khô gì. Chúng vất lại cho tôi một cái lược sừng nhỏ, chiếc quần lót và chiếc khăn mặt. Tôi chỉ cái đồng hồ của tôi để trên bàn:

- Trả lại tôi cái đồng hồ!

Tên áo "vét" đập tay xuống bàn, đứng vọt dậy:

- Đồng hồ nào của anh! Đó là tang vật hoạt động của một tên gián điệp!

Tôi vờ giật mình:

- Sao? Tôi là gián điệp?

Y quát:

- Câm miệng lại!

Chúng vất cho tôi một bộ quần áo sọc xanh trắng:

- Mặc vào!

"Phải làm sao để lấy lại được gói tăm?" Tôi thầm nghĩ: Để đánh lạc hướng của chúng, tôi vờ xuống nước năn nỉ:

- Tôi có răng sâu, đau lắm, các ông cho bàn chải và hộp thuốc đánh răng!

Chúng ném cho tôi cái bàn chải, còn hộp thuốc đánh răng, chúng bóp hết rồi xé ra khám, dù bàn chải và thuốc tôi mua ở bờ hồ. Nhưng, đó chỉ là phụ, tôi vờ cho ngón tay vào hàm răng phía trong:

- Tôi có răng sâu, ăn uống xong, phải đánh răng hoặc xỉa răng. Các ông không cho tôi thuốc đánh răng, đành phải xỉa bằng tăm vậy. Các ông cho tôi xin gói tăm?

Một thằng cầm gói tăm lên, rồi ném cho tôi. Thế là ổn rồi!

Khoảng 11 giờ trưa, một tên mặc quần áo cảnh sát có đeo hàm trung sĩ, nhưng không đội mũ, khoảng 35 tuổi, y vào buồng ra hiệu cho tôi đi theo y. Tôi đi trước, y đi sau ngoắc ngón tay chỉ đường cho tôi.

Qua bốn, năm lần cửa sắt. Khi đi qua một cái sân nhỏ, dưới gốc cây bàng, tôi thấy một anh cởi trần trùng trục, đang cúi gầm mặt xuống như mang nặng một nỗi niềm suy tư. Khi tên cảnh sát giong tôi đi qua, anh ngửng lên nhìn, anh bị chột mắt bên trái. Tôi chợt nhớ ra những ngày lang thang trên đường phố Hà Nội, trong một hiệu sách, tôi có mở xem cuốn C-47, trong đó có hình anh, chột một mắt trái, Trung Úy Phi Công Phan Thanh Vân.

Anh nhìn tôi, tôi nhìn anh. Tôi biết anh, nhưng anh không biết tôi. Anh sẽ tưởng tôi cũng như trăm ngàn người tù khác ở miền Bắc mới bị bắt vào.

Tên cảnh sát dẫn tôi mãi vào một hành lang nhỏ tối, sâu hun hút. Qua một cửa sắt nữa, tôi nhìn thấy một dẫy buồng, mỗi cửa buồng mang một số. Tên cảnh sát giao tôi cho cũng một tên mặc đồ vàng, cũng đeo lon trung sĩ. Tên này nét mặt rất ác ôn, cái mũi đỏ như quả cà chua con ở giữa mặt. Chúng nói nhỏ gì với nhau tôi không nghe rõ. Tên mũi cà chua mặt lầm lì, vẫy tay bảo tôi theo. Y rút chùm chìa khóa to tướng kêu xeng xẻng ở dây lưng, lấy một chìa "mở buồng số 6".

Từ nhỏ đến giờ, tôi chưa hề trông thấy nhà tù lần nào cả, vì thế, từ khi bước vào cổng Hỏa Lò, tôi nhìn cái gì cũng lạ, từ những cánh cửa sắt to, những chiếc khóa lớn, vắng lặng, tịch mịch, âm u…

Khi tên mũi cà chua mở cửa buồng, tôi nhìn vào thấy tối lờ mờ. Căn buồng rất hẹp, mỗi bề chỉ chừng 2 mét. Hai bên sát tường, mỗi bên có một sàn xi măng, không có chiếu, mỗi sân rộng từ 65 đến 70 phân, cao hơn mặt nền chừng 60 phân, dưới gầm trống trơn, đen xì. Giữa là một lối đi khoảng 60, 70 phân. Trên mỗi sàn có một cái cùm sắt to tổ bố, gắn liền xuống sàn.

Tôi đang mở to mắt lạ lùng nhìn, chưa bước vào, đột nhiên, tên mũi cà chua đập mạnh vào gáy tôi, rồi y hẩy tôi vào:

- Đi vào! Lững lờ cái gì?

Là một thanh niên sống dưới chế độ Cộng Hòa, Dân Chủ, tôi đã được hấp thụ nhiều khuynh hướng tư tưởng tự do, mà giai đoạn ấy ở miền Nam, chủ nghĩa Nhân Vị của tổng thống Ngô Đình Diệm đang được đề cao, phát triển. Mang một ý niệm, có tội thì xử tù hay bắn, chứ nhân phẩm, tự do cá nhân không được xâm phạm. Vì vậy, mắt tôi nóng lên. Tôi lùi lại như để lấy thế, mắt nẩy lửa nhìn y như muốn ăn tươi nuốt sống, tôi chỉ vào mặt tên mũi cà chua:

- Tôi biết hiến pháp nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là không đánh người. Do đó, nếu ông đánh tôi, là tôi đánh lại!

Nhìn thái độ quyết tử của tôi lúc đó, y cũng chờn, vì thế, y xuống nước:

- Thì tôi bảo anh vào chứ làm sao!

Rồi y ra phía ngoài, rút cái chốt cùm. Trở vào, y nhấc nửa phần trên cái cùm cho há ra:

- Anh bỏ chân vào!

Tôi ngồi ghệ mông vào chiếc sàn xi măng, từ từ tôi nhấc một chân đặt vào một lỗ cùm… Y lừ lừ nói tiếp:

- Bỏ cả chân kia nữa!

Tôi phải xoay người lại, rồi cũng từ từ chậm chạp bỏ một chân nữa. Y lấy tay xập mạnh cái cùm xuống đánh "sầm" một cái. Sắt trên và sắt dưới dập mạng vào nhau, bật ra tiếng chát chúa. Y quay ra ngoài, đút chốt cùm, đóng sầm cửa lại.

Chừng 10 phút sau bỗng cửa lại mở. Lần này y vào cầm trong tay một chiếc gậy gỗ, dài độ 50 phân, to bằng cán xẻng. Y trợn to cặp mắt trắng dã, quả cà chua trước mặt y càng đỏ loét. Phía sau y, bên ngoài cửa, thấp thoáng còn thấy một tên nữa. Y vào là quật tôi ngay, miệng luôn luôn chửi:

- Đ. M. mày! Ngang bướng này!

- Mày biệt kích, gián điệp này!

- Đ. M. chúng mày, ra phá hoại miền Bắc này!…

Nó quật tôi túi bụi, tôi phải giơ tay đỡ. Người tôi sôi lên sùng sục, tôi gầm lên:

- Đ. M. chúng mày hèn hạ! Cùm tao vào rồi mới đánh!

- Chúng mày là lũ dã man!…

Máu ở tay và chân tôi đã chảy. Tôi không còn biết đau nữa. Nó quật tôi hàng chục cái lia lịa, rồi ra. Trước khi ra, nó chỉ cái gậy vào mặt tôi:

- Cho con chết, con ạ!

Rồi đóng cửa, cài then. Tay tôi sưng tìm, nhiều chỗ nổi lên một cục, vai và lưng đau ê ẩm. Máu tay nhiều chỗ chảy đỏ cả bộ quần áo sọc trắng. Chân tôi, lúc vặn vẹo đỡ gậy nó vụt, bị cạnh của chiếc cùm sắc cứa làm máu chảy nhiều chỗ.

Lúc này, tôi uất hận quá, không thiết sống nữa. Như thế này rồi cũng chết thôi. Phải chịu bao nhiêu đau đớn nữa rồi cũng chết. Vậy thì chết trước, khỏi khổ.

Qua sách báo của Cộng Sản, qua các cuộc phỏng vấn những người vượt tuyến ở Gia Định trước đây, tôi biết là: Lãnh tụ của Cộng Sản thì chúng coi như thần thánh, ai xúc phạm, chúng sẽ giết ngay. Nghĩ như vậy, nhất là nhìn máu chảy tứ tung, chỗ nào cũng máu, uất hận ngập trời, tôi gầm lên:

- Đ. M. thằng Hồ Chí Minh!

- Đả đảo thằng Hồ Chí Minh! Chúng mày làm cả dân tộc lầm than, đau thương, cùng khổ!

Tôi cứ thế gào lên, mục đích mong chúng mang súng vào cho mấy phát. Tôi chẳng thiết sống nữa! Một đứa mở chiếc cửa sổ nhỏ tí ở giữa cửa lớn:

- Im ngay cái mồm, không thì chết đấy con!

Tôi chẳng trông rõ ai cả, tôi hét lên:

- Đả đảo thằng Hồ Chí Minh!

Một lúc sau, cửa lớn mở, ba thằng bước vào, có cả thằng mũi cà chua đã đánh tôi khi nãy. Chúng mang vào một cái khung sắt, loại sắt tròn, đường kính độ 1 phân rưỡi. Chẳng nói năng gì, một thằng bẻ quặt hai tay tôi ra sau, khóa lại bằng chiếc khóa số 8. Hai thằng lắp cái khung sắt vào đầu và cằm tôi, rồi chúng vặn ốc "vít" ở dưới cằm.

Hai hàm răng của tôi bị cái "cùm mồm" xiết chặt lại, một miếng sắt mỏng 3×6 phân, 2 bên có lò xo ép chặt mồm tôi lại. Nói và chửi bây giờ không thành tiếng nữa, chỉ là những âm thanh ú ớ, xìn xịt. Trước khi ra, chúng còn đe:

- Con sẽ chết, con ơi!

Sau khi cửa đóng, chỗ máu ở chân tôi vẫn chảy. Bây giờ tôi không nằm được, cũng không xoay trở gì được nữa. Hai tay bị khóa đàng sau, hai chân trong cùm sát xuống sàn, mấy chỗ sưng ở tay bắt đầu thấy ngứa. Bây giờ, tôi cảm thấy ngứa khắp cả người. Thái dương giật giật liên hồi, người tôi nóng ran, mắt hoa lên quay cuồng.

Chừng 4 tiếng đồng hồ sau, tự nhiên người tôi cứ đảo lộn, quay cuồng như chong chóng. Chỉ còn một thế duy nhất là gục dựa đầu vào tường, mắt nhắm nghiền. Một luồng hơi nóng như lửa chạy từ bụng lên ngực, rồi lên đầu, rồi tôi không biết gì nữa.

Khi tôi tỉnh lại, trời đã sáng. Như vậy, tôi đã ngất xỉu qua đêm. Tôi thấy tay chân tê dại và nặng như chì, cả người tôi đau đớn, nhức mỏi rã rời. Tôi chỉ còn hai cái vai ngút ngắc, rung lên vì ngứa. Mãi lâu lắm, thấy chiếc cửa sổ nhỏ mở ra, rồi một giọng hỏi:

- Mày còn già mồm nữa không?

Tôi mở mắt nhìn, nhưng vẫn ngồi dựa tường bất động. Bây giờ còn chưởi làm sao được nữa! Thấy tôi vẫn ngồi yên, cửa sổ đóng lại. Người tôi lúc đó thật là kinh khủng. Cả chân tay tôi cứ giật giật như bị kinh phong. Chết không chết được. Nếu ai giết tôi lúc này là họ gia ân cho tôi. Bây giờ ngồi viết lại, nghĩ đến tình cảnh lúc ấy, cón thấy kinh hoàng và nỗi hận thù vẫn còn dâng cao như núi.

Rồi, tôi xỉu đi lần nữa. Lúc xỉu đi là lúc hạnh phúc. Nhưng tỉnh lại, thì lại kinh khủng quá! Tôi không ngờ chúng nó lại có cái trò ác độc thế này. Tôi chửi chúng để cầu mong chúng cho vài phát đạn. Nếu chúng bắn tôi chết, hòa cả làng. Tôi chết rồi, biết quái gì nữa.

Không biết lúc này là mấy giờ rồi? Ôi, loài người thật dã man! Bây giờ, có muốn cắn lưỡi cũng không làm sao cắn được.

Mãi một lúc lâu lắm, cửa nhỏ lại xịch mở. Vẫn cái giọng lúc sáng:

- Mày còn chửi nữa không?

Tôi thấy rằng thôi, hãy chịu chúng nó lúc này, sau sẽ tính, chúng nó không giết mà cứ cùm kiểu này, chịu sao nổi. Vì vậy, tôi nhìn ra cửa sổ ngút ngắc cái đầu. Chúng nó lại đóng cửa sổ lại. Tôi tưởng mình chịu thua, chịu xuống xề, chúng nó sẽ tha cùm tay, cùm mồm ngay. Nhưng bặt đi, mãi tới gần chiều mới thấy cửa lớn mở và hai tên đi vào. Tôi không thấy tên mũi cà chua. Chúng nó đến bên cạnh tôi, một thằng đập tay vào vai tôi giọng giễu cợt:

- Thế nào, mày còn cương nữa hay biết hãi rồi?

Tôi vẫn ngúc ngắc cái đầu. Chúng vừa tháo cùm mồm, cùm tay tôi, vừa nói:

- Mày đã vào đây mà không biết điều thì chỉ có một con đường là chết khổ. Bao nhiêu thằng ba đầu, sáu tai, mọc bao nhiêu cái sừng chúng tao cũng vặn hết. Từ nay phải biết điều, nghe không?

Tôi chẳng nói năng gì cả, hai tay như xuội ra, không nhấc lên được nữa. Tôi mệt rã rượi như người không xương. Người tôi lại thấy ngây ngất sốt, tôi nằm phịch xuống sàn. Chúng nó ra ngoài, tôi thoáng thấy chúng đưa vào một cái gì, có lẽ là cơm, để lên phía đầu tôi:

- Cơm đấy, ăn đi! Chốc nữa tao lại lấy bát.

Đêm hôm đó, một cơn sốt lên dữ dội. Tôi mê man rên rỉ suốt đêm. Cả người tôi đau như giần. Cứ thiếp đi một lúc, rồi lại tỉnh. Miệng lảm nhảm chỉ kêu "mẹ ơi!".

Tôi cầu xin Chúa, xin Trời cho tôi chết đi. Tôi vừa sốt, vừa đau. Hai chân tôi trong cùm tê dại, đau buốt. Bát cơm gạo hẩm và đôi đũa vào từ lúc chúng tháo cùm mồm tôi ra vẫn để lỏng chỏng trên sàn, phía trên đầu tôi. Tôi không muốn ăn uống gì cả, dù đã hai ngày, trừ lúc sáng sớm hôm qua, tôi ăn một ổ bánh mì nhỏ ở bờ hồ khi chưa bị bắt. Miệng tôi đắng và khô, không nhổ ra nước bọt.

Sáng hôm sau là thứ Ba. Tôi nằm nghe loáng thoáng có nhiều tiếng phụ nữ cười nói và tiếng nước chảy, như đang có người tắm giặt ở đàng sau tường phía đầu tôi. Nghe những lời qua tiếng lại, tôi biết họ cũng là tù, và ngay sau buồng tôi là bể nước họ giặt giũ, tắm rửa.

Cửa sổ nhỏ bỗng mở, tôi nhìn ra chẳng rõ ai. Rồi nghe lẻng xẻng tiếng chìa khóa mở cửa buồng. Một ông chừng 60 tuổi, đầu đã bạc, mặc thường phục, đeo kính trắng bước vào buồng, theo sau có mấy người nữa. Ông hỏi, giọng miền Nam:

- Anh không ăn cơm à?

Tôi lắc đầu:

- Tôi sốt.

Y quay lại nói gì với mấy tên phía sau. Tôi thấy chốt cùm kéo ra, một tên nhìn tôi:

- Anh bỏ chân ra!

Tôi ngồi dậy, mỏi mệt nhấc cái nửa cùm phía trên, rồi chậm chạp nhấc hai chân ra. Máu chảy ra mặt dưới cùm và ống quần tôi đã đen lại. Ông già đeo kính trắng có vẻ khuyên răn:

- Anh đã vào đây, đừng bướng bĩnh. Phải ngoan ngoãn biết điều, lợi cho anh. Nếu không, chỉ thiệt thân.

Một lúc sau, một người ném vào chỗ tôi một bộ quần áo nữa, cũng sọc, nhưng đã cũ:

- Cho anh thêm bộ này. Thay bộ quần áo đó ra, giặt đi.

Chúng nhìn thấy quần và áo tôi đầy máu đen. Ông già và mấy người đi ra. Tôi chẳng biết ông già làm gì, có vẻ tử tế. Một lúc sau, cửa lại mở, một tên áo vàng chừng độ 40 tuổi, đeo lon hạ sĩ, vào hỏi tôi:

- Tên anh là gì?

Tôi nhìn lão:

- Lê Viết Hùng.

- Tôi hỏi tên thật của anh ở Sài Gòn cơ?

Tôi đáp:

- Đặng Chí Bình.

Lão nghiêm giọng:

- Tôi là cán bộ coi xà lim này. Vậy từ nay anh phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy ở đây. Không được la ó, ca hát. Không được quan hệ, nói chuyện với buồng bên cạnh. Không được mang bất cứ loại kim khí nào vào trong buồng. Mỗi buổi sáng mang bô phân, nước giải của mình vào nhà tắm, đổ vào lổ xí, tráng nước trong 5 phút. Nếu bị cùm kỷ luật, một tuần chỉ mở cùm cho đổ bô một lần vào sáng thứ sáu. Một tuần, tắm giặt hai lần vào thứ Hai và thứ Sáu, mỗi lần không quá 15 phút. Nếu anh vi phạm, tùy theo mức độ, sẽ bị kỷ luật cùm một chân, hoặc cùm hai chân, hoặc đưa đi "cát xô".

Tôi ngồi mệt quá như xỉu đi. Tôi dựa lưng vào tường; mặc cho y nói. Một lúc, y vừa nói vừa đi ra:

- Tôi sẽ gọi y tá vào cho thuốc.

Rồi y đóng cửa lại. Tôi nghe tiếng y mở cửa buồng bên cạnh, một người ra, chắc để đổ phân, 5 phút sau vào, tiếng đóng cửa. Lại mở buồng khác, thấy tiếng chạy lịch kịch, rồi nghe máy nước chảy rào rào, rồi tiếng chân chạy trở về buồng. Sáu, bẩy lần như vậy. Lại thấy mở cửa buồng tôi. Tiếng tên cán bộ xà lim:

- Ra đổ phân!

Tôi tụt xuống sàn, cúi nhìn vào gầm sàn, thấy cái bô tôn có nắp gỗ đậy. Từ tối qua đến giờ, tôi có ỉa đái gì đâu, nên cứ đứng ngơ ngác. Y thò cổ vào:

- Sao không ra đổ thùng?

Tôi trả lời:

- Tôi chưa...!

Y đóng cửa xầm một cái, cài then sắt bên ngoài. Một lúc sau, cửa lại mở. Một bà y tá, mặc áo "bờ lu" trắng ôm cái khay thuốc đi vào. Bà ta chừng 28, 30 tuổi, sau này, tôi được biết tên là Dậu.

Bà ta xem các vết thương ở chân, tay, vai lưng tôi cho tôi nửa hộp dầu cao "Sao Vàng", bảo xoa chỗ sưng. Chấm thuốc đỏ vào mấy chỗ chảy máu. Tôi đang sốt, nên tôi nói:

- Đêm qua tôi bị sốt và bây giờ cũng bị.

Bà cho tôi hai viên thuốc trắng, bảo uống. Khi bà y tá ra, tên cán bộ xà lim lại vào:

- Anh mang bát cơm kia ra. Cầm cả cái gáo ra lấy cơm, lấy nước.

Khi tôi cầm bát cơm ra, chân tôi đau quá đi khập khiễng. Y bảo tôi để bát cơm cũ xuống đất, lấy gáo lại thùng múc một gáo nước, rồi cầm bát cơm mới đi vào. Tôi nhìn trên bệ tường có 8, 9 bát cơm, tôi cầm một bát và đi vào. Y đóng cửa lại và nói:

- Ăn nhanh, 15 phút sẽ trả bát.

Tôi đói, từ hôm qua tôi không hề ăn uống gì, nhưng và miếng cơm vào mồm nhai, tôi không nuốt nổi. Mồm đắng hay cơm đắng? Nhưng nếu không ăn, chỉ có chết, nghĩ lại cố gắng nhai và nuốt. Tôi vừa nhai vừa nhìn bát cơm. Cơm thuộc loại gạo hẩm, nhưng không có độn, còn tốt hơn ở hàng cơm ngoài phố.

Cơm được đựng trong một chiếc bát to, đường kính miệng bát chừng 17 phân, cao chừng 7 phân, bằng chất gì như nhôm, màu xam xám, rất cứng (có thể là nhôm pha antimoan), hình đít bằng. Lượng cơm bằng chừng hai bát cơm nhỏ gia đình thường dùng. Một bát nhỏ như vậy nữa, cùng loại hợp kim và hình thể như chiếc bát to, đường kính khoảng 10 phân, cao 5 phân, thường thường đựng rau muống già nấu muối, đen xì. Bát canh nhỏ để chồng lên bát cơm.

Vì thế khi mở cửa ra, tù tay cầm một gáo dừa, đến thùng nước, múc một gáo nước mầu đen đen (sau này tôi hiểu là gạo rang cho cháy đen; một nắm nấu cho cả mấy trăm người uống), rồi đến cầm một bát một bát cơm đi vào. Cán bộ ở đây gọi là quản giáo, sau khi đóng cửa cài then phía ngoài, lại tiếp tục mở buồng khác. Chừng 10 hay 15 phút sau, quản giáo lại đi mở từng buồng, để tù đưa bát ra chỗ cũ. Múc thêm gáo nước nữa. Cơm nước nấu ở khu nhà bếp, cũng do tù được tuyển chọn đảm trách, hầu hết là tù hình sự, hoặc là cán bộ can tội tham ô hủ hóa. Tôi cố ăn cũng chỉ được khoảng nửa bát cơm, và húp tí nước rau nấu.

Khi quản giáo mở cửa, tôi đưa bát ra, y chỉ:

- Để chỗ cũ!

Tôi không biết nên để cả đũa ở đấy. Y bảo tôi phải đưa lại chỗ "suốt cùm" để. Tôi liếc nhìn buồng bên cạnh, trước mỗi cửa buồng tôi thấy một đôi đũa treo lủng lẳng ở chỗ tay suốt cùm. Tôi không có dây, nên gác đại đũa lên trên cái suốt.

Khi vào buồng, dù người còn đau êm ẩm, chân vẫn còn đi tập tễnh, nhưng tôi vẫn thấy thoải mái hơn nhiều. Bây giờ tôi mới để ý kỹ cái cùm:

Cùm là hai miếng sắt, mỗi miếng dầy 2 phân rưỡi, bản rộng 8 phân. Nửa dưới, nằm gắn liền với một bờ xi măng sát xuống sàn. Nửa trên, nối với dưới bằng một khâu bản lề, làm bằng chính hai miếng sắt ấy. Phía ngoài cùng, trông như cái hình mỏ vịt, được đục một lỗ dài để xập vào một cái khuy, làm bằng loại sắt vuông khoảng 1 phân rưỡi. Một thanh suốt chốt cùm bằng miếng sắt rộng 5 phân, dầy 1 phân. Từ phía ngoài tường thọc vào cái khuy sắt hình vuông kia là cứng ngắc, bất khả nhúc nhắc, trừ phi bên ngoài cò người rút chốt cùm. Đuôi chốt cùm lại có có chốt, rồi lại một cái khóa nữa.

Buồng xà lim thường có hai sàn xi măng, cửa ở giữa. Trần xà lim cao 4 mét. Mãi tít gần sát trần, có một cái cửa sổ nhỏ, kích thước khoảng 60×25 phân. Có 5 chấn song sắt, đường kính 2 phân rưỡi, có lưới sắt che. Vì thế, ngay ban ngày, trong buồng chỉ lờ mờ, nếu không mở cửa lớn.

Cửa xà lim bằng gỗ lim, dầy 4 phân có nẹp đai sắt dầy. Giữa cánh cửa, chỗ ngang tầm mắt người đứng, có một cửa sổ nhỏ rộng 20 phân, cao 15 phân, có 6 song sắt con loại 1 phân rưỡi. Như thế, chỉ đút lọt một ngón tay. Bên ngoài có một miếng sắt mỏng mở ra, đóng vào che kín, có chốt. Tường dầy 50 phân.

Đây là công trình của thực dân Pháp xây. Bây giờ Cộng Sản dùng để cùm kẹp, giam giữ những người chống lại chúng.

Chấp Pháp Tại Hoả Lò...

Khoảng 8 giờ sáng hôm sau, tiếng chìa khóa lẻng xẻng đi vào, cửa sổ con bật mở, lộ mặt tên cán bộ xà lim, y nói vọng vào:

- Mặc quần áo đi cung!

Đêm qua tôi không sốt, nhưng người còn đau ê ẩm, phần khác trời nóng và buồng rất nhiều muỗi, nên suốt đêm người tôi lúc nào cũng đầy mồ hôi và không ngủ yên. Tôi đang mặc quần áo thì cửa mở.

Lúc tôi ra, một tên cán bộ áo vàng đang chờ ở cổng xà lim. Thấy tôi y lấy ngón tay ra hiệu cho tôi đi trước. Y đi phía sau, cất tiếng hỏi:

- Anh tên Đặng Chí Bình tức Lê Viết Hùng?

Tôi gật đầu:

- Dạ

Lão cán bộ này có đôi mắt lồi và cái môi vẫu hẳn ra. Y đeo lon trung sĩ.

Hôm tôi bị bắt là ngày Chủ Nhật, vì thế trên đường vào xà lim, tôi không nhìn thấy tù, họ ở trong buồng cả. Hôm nay, trên đường đi qua một cái sân nhỏ, tôi thấy ở góc sân 6, 7 người tù nữ đang lúi húi rửa soong, nồi trong một bể nước. Phía nhà bên cạnh 8, 9 người tù nữa với mấy cái máy may, may quần áo sòng sọc. Thấy cán bộ giong tôi đi qua, họ đều ngửng lên nhìn theo.

Đi qua mấy ngách nữa thì ra tới chỗ sân có giàn nho hôm trước. Dẫn đến trước một cửa phòng, y mở cửa bảo tôi vào.

Trong buồng, tôi thấy hai người đã ngồi chờ sẵn ở một cái bàn, trên đặt một cặp hồ sơ dầy. Một người tuổi chừng 30 mặc áo 4 túi bộ đội, người kia chừng 35 tuổi, mặc sơ mi trắng ngắn tay.

Thấy tay và chân tôi băng bó, chân đi tập tễnh, tên mặc áo sơ mi trắng có vẻ ngạc nhiên:

- Chân và tay anh làm sao thế?

Tôi thấy y có vẻ vờ, tôi nghĩ y phải biết, dù vậy tôi vẫn nói:

- Hôm kia, mấy ông bà cán bộ đánh tôi ở xà lim.

Cả hai đều như ngạc nhiên:

- Anh làm sao mà bị đánh? Có đau không?

Tôi thấy rõ thủ đoạn vờ vịt, nên trả lời thủng thẳng:

- Hôm nay đỡ rồi!

Tên mặc áo bộ đội chỉ một chiếc ghế đẩu trước bàn, bảo tôi ngồi, xong hắn tự giới thiệu:

- Tôi là Thành và ông cán bộ đây là Đức. Chúng tôi là Chấp Pháp Bộ Công An. Chúng tôi có trách nhiệm giúp đỡ và thẩm vấn anh, về những việc anh đã làm. Chúng tôi biết anh còn quá trẻ nên nhất thời ngây thơ, bị lũ tay sai Mỹ Diệm dụ dỗ, thúc đẩy đi ra Bắc làm hại cách mạng. Nhưng, với màng lưới nhân dân của cách mạng. Không một kẻ nào, không một mưu mô nào của Mỹ Diệm mà không bị đập tan.

Anh hiểu rằng, về tình báo, trong hàng ngũ của ngụy quyền tay sai của Mỹ Diệm, đầy rẫy những người của cách mạng. Cho nên, việc của anh chúng tôi biết rất rõ. Chúng tôi có đầy đủ hồ sơ tài liệu về anh.

Y hất hàm về chiếc cặp hồ sơ, rồi nói tiếp:

- Nhưng, với đường lối khoan hồng và giáo dục của đảng và nhân dân, chúng tôi muốn chính anh có trách nhiệm tố cáo, vạch ra hết những tội ác mà bọn tay sai Mỹ Diệm đã đẩy đưa anh ra ngoài này, để đắm mình vào tội phản nhân dân, phản Tổ Quốc.

Đảng và nhà nước sẽ đánh giá sự ăn năn thành khẩn của anh. Chỉ có anh mới cứu được anh, không một thế lực nào, một kẻ nào có thể cứu được anh. Tuy vậy gặp anh buổi đầu hôm nay, thấy anh là một thanh niên có học, hiểu biết, cởi mở. Chúng tôi tin rằng sự quan tâm giúp đỡ của chúng tôi, sẽ rất tốt cho anh sau này.

Riêng về việc anh bị hành hung trong xà lim, chúng tôi chưa biết rõ sự thể như thế nào. Nhưng, dù sao đó cũng là một việc làm sai trái đối với chính sách giáo dục của đảng và nhà nước. Chúng tôi sẽ phản ánh lên cấp trên, để có biện pháp xử lý. Bây giờ trước hết, anh hãy trả lời về những câu hỏi lý lịch…

Từ nãy, tôi vẫn cúi đầu nghe chúng nói. Tôi có chủ định từ trước, nên khi chúng hỏi về lý lịch, thân thế, tôi cứ khai thực. Sau khi chúng ghi xong phần lý lịch, tên Đức nghiêm trang:

- Bây giờ, chúng tôi cho phép anh được tự nói lần lượt: Ai tuyển mộ anh? Ai huấn luyện? Huấn luyện những gì, ở đâu, nhiệm vụ gì? Ra Bắc làm sao? v.v…Anh cứ nói!

Tôi cứ cúi gầm nghe chúng thuyết. Tôi tỏ vẻ thành khẩn ngoan ngoãn lắng nghe. Sau khi chúng giục hai, ba lần, tôi mới ngửng đầu lên nói:

- Thưa các ông, tôi tin rằng cách mạng đã hiểu hết những việc làm của tôi ở trong Nam, cũng như khi tôi ra Bắc. Tôi vì hoàn cảnh và cuộc sống, nhà nghèo, học hành thi cử mãi không đậu, cho nên phải vào lính tráng. Rồi có người giới thiệu, tôi cứ đi đại để kiếm ít tiền giúp đỡ bố mẹ già.

Tôi đã là nhi đồng ở quê tôi, tôi đã đỗ bằng Tiểu Học với hạng ưu dưới chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Từ nhỏ, tôi vẫn ngưỡng mộ hình ảnh các anh bộ đội, cho nên sau này, khi lớn lên, dù vì hoàn cảnh tôi phải nhận trách nhiệm của họ. Tôi vẫn nhủ thầm trong lòng rằng, nếu tôi không làm gì được có lợi cho xã hội chủ nghĩa, thì dứt khoát cũng không bao giờ làm hại cả.

Cũng vì vậy, khi tôi ra miền Bắc, tôi chẳng hề làm cái gì. Tôi nhớ Hà Nội, tôi chỉ đi thăm các thắng cảnh, cái di tích lịch sử mà buổi thiếu thời tôi đã thường đi chơi. Nhiều lúc, tôi thật chán nản, định gặp anh cảnh sát nào đó, sẽ nói cho anh rõ là tôi ở trong Nam ra. Nhưng, những năm tháng tôi sống ở miền Nam, họ nói Cộng Sản rất ác độc, hay giết người, tôi lại cứ đắn đo, e dè, sợ sệt. Đầu óc tôi cứ rối bung lên, chả biết phải làm sao.

Bây giờ, gặp các ông xin thành thật nói hết những gì tôi biết mà nhà nước yêu cầu.

Mặt chúng nó rất tươi khi nghe tôi nói, chúng gật gù:

- Được, Như thế là tốt cho anh, bây giờ bắt đầu làm việc.

Tôi có vẻ ngơ ngác:

- Khai từ đâu? Từ lúc đi học, hay từ lúc ra miền Bắc?

Chúng lừ mắt nhìn tôi:

- Từ lúc cơ quan tình báo Sài Gòn tuyển mộ anh, huấn luyện gì, ở đâu và ai huấn luyện? Khai sơ lược và nhanh.

Tôi chậm chạp, vừa suy nghĩ vừa nói:

- Tôi ở đại đội thám báo của Sư Đoàn 7 bộ binh. Quen Trung úy Xương bên Nha An Ninh Quân Đội. Ông này đã giới thiệu cho một người tên Hòa, mặc thường phục, đến tuyển mộ tôi, đầu năm 1962. Huấn luyện suốt 3 tháng liền về hoạt động bí mật, về một số tính năng của các loại vũ khí, mìn của miền Bắc thường dùng, về địa đồ, chấm tọa độ v.v… Rồi sau đó chuẩn bị công tác ra Bắc, với nhiệm vụ theo dõi Sư Đoàn 308 phòng thủ, Thủ Đô Hà Nội do tướng Vương Thừa Vũ chỉ huy. Ngày 20 tháng 5, tên Hòa đưa tôi ra trường bay Tân Sơn Nhất để ra Huế. Rồi từ Huế đưa ra khu phi quân sự. Lợi dụng một đêm mưa to, tôi lội qua sông Bến Hải, sáng hôm sau thuê xe đò đi từ thị trấn Vĩnh Linh.

Tôi cứ khai, chúng cứ ghi, chúng thường giục tôi nói lướt, nói nhanh, trong khi tôi định khai chi tiết. Vì thế, tôi cũng nói lướt đi. Thấy tôi ngừng, tên Thành nhắc:

- Tiếp tục!

Tôi nói tiếp:

- Tôi ra tới Rỏn, rồi không có xe, tôi phải đi bộ từ Rỏn ra tới Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Trên đường đi tôi gặp một anh tên là Trí (tôi phải nói rõ chỗ này, vì chúng nó đã biết tôi trở vào Vinh đến ngủ nhà Trí), từ Hà Tĩnh đi Vinh, rồi đi Hà Nội. Ngày 31 ra tới Hà Nội, ngủ nhà trọ số 5 Hàng Dầu, rồi Hàng Quạt v.v…

Tôi nhất nhất thuật lại. Tôi chỉ nói rõ có vào nhà thương Việt Đức có một lần (mà chúng đã biết), còn lại, đi chỗ nào, nơi nào, tôi kể hết cho tới khi bị bắt.

Dù chúng giục tôi nói nhanh những điểm chính thôi, thế mà lúc chúng bảo tôi về nghỉ cũng đã 12 giờ rưỡi trưa rồi. Tên Đức ra ngoài, lát sau, một mụ cảnh sát đeo quân hàm Trung sĩ đến, ra hiệu tay bảo theo mụ. Đi qua khu nữ, tôi thấy mấy người tù nữ chạy ra đon đả với mụ:

- Báo cáo bà Hoa, cái túi của bà chúng cháu đã khâu xong rồi ạ.

Mụ gật đầu:

- Được rồi!

Mụ Hoa nói tiếng miền Nam, chắc là loại cán bộ tập kết. Mụ dẫn tôi vào cổng xà lim, tay mụ xách chùm chìa khóa,

đến buồng tôi mụ mở cửa. Lúc đó đã gần 1 giờ, nên cán bộ trực xà lim đã về. Khi mụ đóng cửa, tôi nhìn thấy bát cơm ai đã để sẵn trên sàn.

Hôm nay, tôi ăn được 2/3 bát cơm và hết bát canh rau lá cải già. Trong gáo còn tí nước hôm qua, đành uống đỡ. Xong, mệt quá, tôi nằm ngả lưng một tí. Từ lúc về, ăn cơm cho tới bây giờ, tôi cứ băn khoăn. Tại sao chúng bắt tôi khai nhanh như thế để làm gì? Chúng không cần chi tiết ư? Tôi suy đoán lung tung, rối cả óc. Nhưng, có một điều là tôi phải nhớ hết những gì đã khai.

Vừa nằm được phút, đã lại thấy mở cửa. Tên mắt ốc nhồi bảo tôi đi cung. Khi tới phòng hỏi cung lúc sáng, tôi đã thấy tên Thành và tên Đức ngồi đấy, cũng với cái cặp hồ sơ dầy cộm trên bàn.

Tên Thành chỉ chiếc ghế đẩu trước bàn bảo tôi ngồi. Tên Đức giở hồ sơ:

- Bây giờ, anh khai lại chi tiết từ nhỏ theo chúng tôi hỏi.

Hết tên này hỏi lại đến tên kia, nhất là chỗ nào chúng chưa rõ, chỗ nào chúng cho là không hợp lý. Lần này thì chúng hỏi quá chi tiết, cả những việc tôi nghĩ không cần thiết như chơi đùa, bạn với ai, tính bố, tính mẹ, tính thầy giáo v.v...; từ lúc tôi còn 6,7 tuổi trở đi... Ngược lại, lần này, nhiều chỗ tôi lướt đi thì chúng lại hỏi kỹ.

Tới 5 giờ chiều, tên Đức đọc lại cho tôi nghe và bắt tôi ký. Chúng cho tôi về, 6 giờ lại gọi lên, tiếp tục cho tới 9 giờ tối. Ngày nào cũng 3 buổi, tôi mệt rã rời. Chỗ chân tôi vết thương lại làm mủ rất đau nhức, chả có thuốc gì ngoài thuốc đỏ.

Cứ liên tục đi cung ngày ba buổi, cả thứ Bảy, Chủ Nhật, 16 ngày liền, tôi mới chỉ khai được tới chỗ tôi bị bắt. Lúc đó đã sang giữa tháng 7/1962, tôi bị bắt vào ngày 24 tháng 6, như thế tôi đã ở trong xà lim hơn 20 ngày rồi. Người tôi đã gầy hẳn đi, dù rằng bây giờ, tôi đã ăn hết cơm, và còn vẫn đói. Điều chính là vì xà lim thật nóng và nhiều muỗi. Suốt đêm, tôi phải cởi trần trùng trục, mồ hôi nhễ nhại. Cái sàn nhớp nháp trắng cả ra vì mồ hôi của tôi. Mồ hôi tôi đêm nào cũng chảy ướt hết cạp quần, thế mà vẫn phải lấy áo đắp vì muỗi. Suốt đêm, giấc ngủ không yên, chỉ có cái áo vừa khua muỗi vừa đắp; lại còn đầu óc căng thẳng vì cung kẹo hàng ngày.

Một hôm, tôi đi cung về, tên Nhiễm Hạ sĩ coi xà lim mở cửa buồng rồi nói:

- Anh có gì trong này mang hết đi!

Tôi có quái gì ngoài một bộ quần áo sọc cũ, chiếc khăn mặt và cái lược sừng con. Tôi ôm đồ ra. Dẫn tôi đến buồng số 5, y mở cửa, vào phòng tôi thấy trong đó đã có một người, chừng 45 tuổi, trần trùng trục, mặc mỗi cái quần đùi đen. Khi lão Nhiễm đóng cửa, tôi quay lại nhìn người đàn ông, ông ta cũng chột một mắt như Phan Thanh Vân. Ông hỏi tôi thân mật:

- Anh bị bắt vào lâu chưa?

Tôi cũng tình cảm:

- Hơn 20 ngày rồi, còn Bác?

Ông chậm rãi:

- Gần 2 tháng.

Tôi tiếp tục:

- Bác bị bắt vì tội gì?

- Vượt tuyến vào Nam. Còn anh?

- Vượt tuyến ra Bắc…

Cả hai cùng cười, tôi hỏi nhạt:

- Thế mà gặp nhau ở một điểm!

Nhìn cái túi vải to ở đầu sàn ông ta, tôi nhẹ nhàng hỏi:

- Bác ở đâu?

Ông ta có vẻ thận trọng:

- Chợ Mơ!…

Giữa lúc đó cửa buồng mở. Giờ lấy cơm. Cái gáo dừa của tôi lần này bé quá, chỉ bằng 2/3 cái trước. Tôi không có đũa, phải xin lão Nhiễm cho tôi lấy đôi đũa ở đầu cùm buồng số 6 cũ của tôi.

Tôi được biết tên ông chột mắt là Hoàn, Lê Văn Hoàn. Sau khi cửa buồng đóng, mỗi người một sàn, đều để bát cơm lên cái cùm ngồi ăn.

Tôi thấy ông ta giở túi lấy ra một gói bánh mì khô đã cắt thành từng miếng nhỏ. Ông ta lấy hai miếng để ăn thêm với cơm. Chỉ có 2 người một xà lim, cho nên đương nhiên phải nói chuyện. Phần tôi, do phản xạ nghiệp vụ nên luôn luôn cảnh giác. Nếu là khổ nhục kế hay các thủ đoạn moi tin thì đừng hòng!

Tôi tự đặt cho mình một nguyên tắc là dù tù giả hay tù thật, tôi cũng không bao giờ nói những gì tôi không khai với chấp pháp. Tôi cũng phải xác minh xem ông Hoàn này là tù thực hay tù giả.

Qua những câu chuyện trao đổi, tôi được biết. Ông Hoàn là cán bộ lưu dụng, y sĩ thú y, quen biết nhiều người trong chế độ cũ đã đi di cư vào Nam. Ông có bằng trung học trước đây, nên Pháp văn cũng khá. Ông có vợ con và nhà ở vùng chợ Mơ, ngoại thành Hà Nội. Vì cách đối xử phân biệt kỳ thị cán bộ trong ngành nên ông buồn, công tác tiêu cực, nên cuối cùng bị cho về vườn. Ông cố gắng chịu đựng cảnh túng nghèo, nhưng cuộc sống càng ngày càng bế tắc. Ông nghĩ tới những bạn bè đã đi vào Nam, rồi từ đó đưa đến ý tưởng vượt tuyến. Tư tưởng ra đi cứ nhen nhúm âm ỉ cho tới một ngày, ông gặp lại một người bạn học cũ, cũng đang sống lất lây ở Hải Phòng lên chơi. Hai người đã tâm sự luận bàn suốt cả đêm, rồi sau đó đã hoạch định một cuộc vượt tuyến vào Nam. Đến ngày đi, vì tình cảm bịn rịn vợ con, ông đã ăn một bữa cơm từ biệt và dặn dò vợ con. Đứa con trai út 10 tuổi của ông đã vô tình nói với bạn nó. Từ đấy, công an biết và theo dõi. Hai ông đi đến Thanh Hóa thì bị bắt.

Nghe ông kể lại chuyện của ông, tôi chả đặt vấn đề là tin hay không tin gì cả. Cứ như là nghe cho biết vậy thôi. Phần tôi, tôi cứ thực hiện nguyên tắc đã tự đặt cho mình. Nghĩa là, tôi cũng kể sơ cho ông nghe (những điều tôi đã khai với chấp pháp) là tôi ra Bắc có nhiệm vụ về quân sự. Vì có thiện cảm với xã hội chủ nghĩa, nên tôi chẳng muốn làm gì, chỉ thích đi chơi, đi lang thang khắp Hà Nội…

Rồi tương kế, tựu kế, giả như ông ta là người của Cộng Sản làm khổ nhục kế để moi tin, thì qua ông, tôi đã "vờ" thổ lộ được những tâm sự "rất thành khẩn". Nào là: Xã hội chủ nghĩa thật công bằng, ai cũng như ai, không có kẻ giàu người nghèo như trong Nam. Bác Hồ sống thật giản dị, uy tín của bác thật lớn. Trong tự điển Anh và Pháp cũng thấy nói đến tên bác. Các nhà văn, nhà thơ ít vào miền Nam, hầu hết đều ở miền Bắc, theo kháng chiến. Như vậy, chế độ miền Bắc là chính nghĩa, v.v…

Để biết rõ ông Hoàn này là thực hay giả, nên trong những ngày chung đụng chuyện trò, một lần tôi giả vờ "vô tình" tiết lộ một điều mà tôi chưa hề khai với chấp pháp: Đó là chuyện hồi 1954, tôi được đón vào Bình Xuyên theo Trung úy Nghĩa.

Còn đối với chấp pháp, qua cách hỏi cung của họ, tôi nắm được một cách chắc chắn là họ không biết gì về tôi cả. Vì thế, họ lần mò từ những sự kiện nhỏ nhặt, những mâu thuẫn, câu nói, những sơ hở… của tôi, để từ đấy hòng phanh phui để biết cái thực về tôi.

Điều quan trọng đối với tôi là phải nhớ những điều gì mình đã khai ra, và những điều gì mình chưa hề khai, sao cho hợp lý. Nhiều khi phải vờ quên một sự việc này để che lấp một sự việc kia; hoặc làm ra vẻ ngây thơ non dại để dùng một sự kiện kia làm sáng tỏ sự việc này v.v… Nói chung, đây chính là một cuộc đấu tranh bằng mưu mô, thủ đoạn, giữa một bên là một mình tôi và bên kia là cả một tập thể phòng 44, phòng chấp pháp chính trị của Hà Nội. Cho nên, đầu óc tôi luôn luôn căng thẳng. Những lần đi cung, tôi cũng mắc phải nhiều sai lầm. Có những sai lầm trầm trọng.

Trong cuộc đấu trí này, tôi bị yếu thế về nhiều mặt như: Tôi hoàn toàn bị động, họ chủ động mọi mặt. Tôi chỉ như một con chim ở trong lồng, họ có đủ mọi ưu thế của một người cho ăn, hay để cho chết đói hoặc khát. Họ có đủ kiểu cách để biết chỗ yếu của con chim ở trong lồng kia để từ đó, chỉ huy con chim theo ý người. Vả lại, tuổi đời tôi vẫn còn trẻ, vẫn còn bồng bột ngây thơ, chưa hiểu biết mọi mặt của cuộc đời; Tuổi "nghiệp vụ" cũng chưa được bao nhiêu, vẫn còn ấu trĩ và chưa hiểu đủ về Cộng Sản.

Tôi cố suy nghĩ, tìm ra những cái ưu của mình và tăng cường phát huy tối đa để phần nào xóa bớt những cái nhược trên. Tôi phải tỉnh táo sáng suốt, nhìn rõ mọi sự việc để đối ứng; kiên trì chịu đựng đau thương gian khổ; nâng cao ý chí căm thù giặc cộng. Lấy ý thức Thiên Chúa Giáo và lý tưởng tự do làm cứu cánh.

Sau những ngày tôi phải khai báo chi tiết toàn bộ, một hôm, gần cuối tháng 7 (1962), chúng gọi tôi lên. Lần này, chỉ có tên Đức và một tên cảnh sát lạ mặt đội mũ cối cùng ngồi trong phòng với hắn. Tên Đức chỉ tôi ngồi, rồi nói:

- Bây giờ, chúng tôi yêu cầu anh, mỗi ngày hai buổi lên đây. Anh sẽ ngồi viết bản tự khai chi tiết về toàn bộ cuộc đời anh: Ở nhà quê đi học thế nào? Ra Hà Nội, làm gì, với ai và ở đâu? Vì sao vào Nam, làm gì? v.v…Tất cả mọi vấn đề cho tới lúc đi lính, vào tình báo, rồi ra Hà Nội. Ra Hà Nội làm những cái gì? Đi những đâu? Tiếp xúc với những ai? Cho tới khi bị bắt…

Hắn cao giọng:

- Anh sống hay chết, buồn hay vui của đời anh bây giờ là bản viết này đây. Vậy, phải cố gắng để hưởng lượng khoan hồng, của đảng và nhà nước. Đảng và nhà nước đang mở cửa chờ anh. Anh có toàn quyền viết khác hẳn những lời, những việc đã khai báo trước đây, hoặc những chỗ khi khai báo đã lú lẫn quên đi. Hàng ngày sẽ có một đồng chí cảnh sát ngồi đây với anh. Có yêu cầu gì về giấy bút, hoặc xin đi vệ sinh, phải báo cáo với đồng chí cảnh sát, đồng chí đó sẽ giải quyết. Thái độ viết phải khẩn trương, nhưng không hạn chế thời gian.

Tôi luôn miệng vâng dạ, tỏ ra rất ngoan ngoãn dễ bảo. Từ đó, cứ ngày hai buổi: Sáng từ 8 giờ, mụ Hoa hoặc tên

mắt ốc nhồi (sau tôi biết tên hắn là Bằng), đôi khi một mụ khác tên là Thơ, Trung sĩ coi khu nữ vào dẫn tôi đi, cũng như dẫn về. 12 giờ trưa về, 1 giờ lại đi và chiều 5 giờ về. Ngày 8 tiếng, Chủ Nhật nghỉ.

Thời gian viết này, tuy tôi có vẻ thoải mái hơn trước, nhưng đầu óc cũng không kém suy nghĩ, tính toán. Tôi phải vừa cân nhắc viết gì cho hợp với những điều đã nói, để choáng những sự việc và những thời gian tôi cần giấu, vừa phải ghi nhớ những điều mình đã viết ra và những điều mình đã nói trước đó. Hàng đêm, tôi cứ phải nhẩm lại những điều mình đã viết lúc ban ngày.

Chân tôi gần một tháng mới khỏi. Cũng chính tôi đã lợi dụng tên Hoàn ở cùng phòng, giúp về việc chữa chạy cái chân đau này. Qua một số những thử thách, tôi chắc đến 80% y là loại khổ nhục kế vào nằm với tôi để móc tin, vì thế, khi chân tôi mưng mủ làm đau nhức, đêm đêm, tôi cứ than van tâm sự với lão:

Bác ạ, nhiều lúc cháu đang suy nghĩ để viết ra hết những điều họ huấn luyện cháu, hoặc những thủ đoạn mưu mô họ giảng dậy cho cháu, nhưng cái chân lại đau nhức không thể chịu được, làm ảnh hưởng đến cái đầu, khiến cháu quên tiệt.

Mấy ngày sau đó, y bảo tôi đứng ở cửa sổ nhỏ cứ báo cáo ầm lên là cần y tá. Tôi làm theo và được lão cán bộ Nhiễm, đưa bà Dậu y tá vào tiêm cho một phát và cho thuốc rắc vào vết thương. Dăm ngày sau, chân tôi khỏi.

Lão Hoàn, cứ mươi ngày hoặc một tuần lễ lại có chuối ăn. Y ra vẻ tâm sự:

- Con bé cháu là giáo viên, quen một anh công an ở đây, nên được đặc biệt tiếp tế một tháng hai lần.

Tuy chưa kết luận hoàn toàn, nhưng tôi đoán là sớm muộn lão Hoàn cũng đi chỗ khác. Bởi vì, những điều hắn biết chẳng thể hơn được, những điều chấp pháp biết về tôi; nhiều chỗ còn không biết bằng. Một hôm, đầu tháng 8, một việc làm không hợp lý của lão càng lộ rõ hơn. Lúc đó, khoảng 6 giờ chiều, tôi đi cung về chừng hơn một tiếng, lão ra đứng chỗ cửa sổ nhỏ, chõ mồm ra ngoài gọi:

- Số 6! Số 6! Có khỏe không? (tức buồng số 6 bên cạnh).

Lão mới gọi được 2 tiếng, cửa nhỏ xoạch mở. Lão Hoàn lùi lại, lão Nhiễm chỉ tay vào buồng:

- Ai vừa gọi? Hai anh, anh nào?

Tất nhiên, phải có người nhận. Lão Hoàn có vẻ rụt rè:

- Thưa ông… tôi…

Cửa lớn mở, cùm rút ra và Nhiễm quát:

- Bỏ chân vào! Anh dám liên lạc với buồng bên cạnh à!?

Hoàn cố nắn nì:

- Xin cán bộ tha cho!

Lão Nhiễm nghiêm mặt:

- Bỏ ngay chân vào!

Hoàn từ từ bỏ một chân vào cùm. Khi xập cái cùm xuống, lão Hoàn cố ý đẩy cái chân lên quá sâu, để cái cùm lên tới ngang bắp chân, nên lỗ cùm không vừa. Mồm lão kêu tía lia:

- Thưa cán bộ, không vừa, đè xuống gẫy chân tôi mất!

Thời Pháp làm cùm này là cùm đúc, họ đã tính hết các cỡ chân, thế mà lão Nhiễm loay mãi không cùm được (?), lão quát:

- Ôm quần áo theo tôi!

Lão Hoàn luýnh quýnh vơ cái túi, khăn mặt, v.v... Lại vờ ôm theo cả cái gáo, khi Nhiễm hất tay lão, bảo bỏ lại, y mới nghe theo.

Cửa đóng, tôi chỉ còn một mình. Tốt quá, được cái gáo to một chút, đỡ khổ!

Thật là buồn cười và nhạt nhẽo. Gần một tháng ở chung buồng với tôi, lão Hoàn tỏ ra là một người trầm tĩnh, với tuổi đời đã 46. Tại sao, bữa nay lại có cái hành động trẻ con nhố nhăng như vậy? Đến tôi còn chưa làm thế huống chi lão. Gọi buồng bên cạnh bâng quơ để giải quyết cái gì, trong khi nội quy nghiêm ngặt rõ ràng. Từ đấy, tôi chẳng bao giờ thấy Hoàn nữa.

Có thể trước đó, bọn Cộng Sản tính rằng, tên Hoàn và tôi gặp nhau là hợp. Một người trí thức, hiểu biết, không thích Cộng Sản trốn vào Nam; một người hoạt động cho miền Nam, lại ở miền Nam ra, gặp nhau, hợp quá rồi còn gì nữa!

Lão tìm hiểu về miền Nam là hợp lý. Tôi trả lời rất nhiều chuyện, nhưng chuyện nào cũng tỏ ra chê bai, nghĩa là tìm những mặt xấu để phê phán về chế độ miền Nam. Chúng định, qua lão Hoàn này, sẽ khai thác được cả về mặt tư tưởng lẫn sự việc của tôi. Đừng hòng! Nếu lão cứ theo những lời tâm sự của tôi để báo cáo, thì tôi là người yêu xã hội chủ nghĩa quá xa rồi còn gì!

Vẫn Trò Cân Não
Trong Sự Sống Chết Tù Đày ...

Dạo này, trời chuyển sang Thu, không khí trở lên dễ chịu. Tôi đỡ khổ với cái nóng, cái hôi hám của cơ thể, nhưng muỗi thì vẫn hành tôi. Dù đêm nào tôi cũng phải chập chờn đập, đuổi muỗi, nhưng tay, chân và những chỗ hở quần áo không che được trên người tôi, luôn luôn có vết muỗi đốt mới. Vết cũ mờ dần, còn mặt vì không có gương, tôi chả làm sao nhìn ra được.

Tôi viết khoảng 26, 27 ngày thì xong. Được gần 90 trang giấy. Hai ngày sau khi viết xong, tôi lại bị gọi lên cung.

Hôm nay có Đức và một người lạ, sau này tôi được biết tên y là Nhuận, da đen đen chừng hơn 30 tuổi. Ngay sau khi vừa bước chân vào phòng, thái độ của họ nhìn tôi như kẻ thù. Tôi chỉ biết ngồi xuống chiếc ghế đẩu trước bàn chúng như mọi khi, cúi đầu, chờ đợi. Tên Đức đập mạnh tập giấy tôi viết xuống bàn.

- Anh viết thế này à!? Anh coi công an là trò đùa với anh đấy à?

Tên Nhuận đập bàn đánh cái rầm một tiếng, quát:

- Anh muốn sống hay muốn chết? Với cái trò trẻ con này, anh muốn qua mặt công an ư? Chúng tôi tỏ lượng khoan hồng cho phép anh ngồi viết, anh viết láo thế này à?

Chúng nó đập bàn xô ghế, quát tháo, nạt nộ, xỉ vả ầm ầm. Tôi cứ lặng lẽ ngồi yên cúi đầu, mặc cho chúng nổi trận lôi đình. Mãi tới khi chúng quát:

- Anh câm à? Trả lời đi!

Tôi ngửng đầu lên nhìn chúng với ánh mắt sợ sệt buồn khổ:

- Thưa các ông, tôi chỉ biết thành thật viết hết những điều chính về cuộc đời tôi, và tất cả những cái gì Mỹ Diệm đã huấn luyện tôi, cũng như những việc tôi đã làm khi ra ngoài Bắc…

Tên Đức đập tập giấy tôi viết xuống bàn, trước mặt tôi:

- Anh tưởng anh ở trong Nam, chúng tôi không biết được anh à? Anh ra ngoài Bắc làm gì, đi những đâu, chúng tôi biết từ lúc anh chuẩn bị ra đây cơ. Nhiệm vụ anh ra ngoài Bắc, anh khai hoàn toàn láo toét hết.

Tôi tỏ thái độ thành khẩn:

- Thưa các ông, tôi hiểu cách mạng lắm. Ngay ở trong Nam, các ông không thiếu gì người nằm trong chính quyền. Tôi tin rằng, ngay trong cơ quan tình báo của miền Nam cũng có người của các ông, vì thế tôi đã rất thành thực khai báo sự thật. Hơn nữa, tôi cũng chẳng thích chế độ Mỹ Diệm, nên khi ra tới Hà Nội, tôi đã chẳng làm gì cho chúng cả, tôi chỉ đi chơi thôi…

Tên Nhuận chỉ vào mặt tôi:

- Anh câm cái miệng anh lại, đừng bịp chúng tôi. Ngay từ khi anh di cư vào miền Nam, cách mạng đã biết anh rồi! Anh làm cái gì, ở đâu, giao thiệp với những ai. Anh tưởng, anh che giấu được à? Tôi hỏi anh có biết tên Nghĩa không?

Tôi vờ mở to mắt ngạc nhiên:

- Có phải Nghĩa ở trại sinh di cư Phú Thọ, học đệ tứ Chu Văn An phải không ạ?

Nó đập bàn gắt:

- Đừng vờ vịt. Thằng Nghĩa Trung Úy Bình Xuyên, anh có biết không?

Tôi vờ tái mặt, giật mình sợ sệt:

- Dạ có!…

Trong lòng tôi thầm nghĩ, thì ra là thằng già Lê Văn Hoàn chó chết đây mà. Tao đã biết trước, và bây giờ thì kết luận về mày được rồi đây! Tên Đức hý hửng ra mặt:

- Đấy, anh giấu chúng tôi sao được! Còn bao nhiêu việc khác nữa. Tôi cho phép anh khai báo lại. Không thì anh sẽ biết, anh sẽ chết một cách khốn nạn, đau đớn!

Tôi tỏ ra rất hoang mang, sợ sệt, nét mặt ủ rũ như cố nhớ lại một điều gì, rồi như chợt nhớ ra, tươi lên:

- Thưa các ông, tôi không ngờ các ông lại biết rõ thế. Thực sự trước đây, tôi thấy không cần nói đến tên Nghĩa ở Bình Xuyên. Bởi vì trước đây tôi vào Bình Xuyên chỉ có mươi ngày, mà lại là do tính trẻ con tò mò của mình, không liên quan gì đến chính quyền Ngô Đình Diệm, nên tôi đã không nói. Vừa qua, tôi đã rất thành khẩn khai báo, tôi cứ lo âu không biết cách mạng có hiểu rõ cho sự thành khẩn của tôi không. Nhưng, thế này, tôi rất mừng, cách mạng đã hiểu hết tôi không lo gì nữa.

Chúng nó nhìn đăm đăm, nét mặt cau cau lại, miệng nhếch mép cười:

- Anh đừng già họng nữa, nghe tôi hỏi đây…

Chúng giở tập tôi viết và tập hồ sơ của chúng. Thằng thì hỏi:

- Thời gian ở trại định cư Hà Nội Hố Nai, anh quan hệ với linh mục Loan, trưởng trại thế nào???

Thằng thì hỏi:

- Tên Hòa là người Bắc hay Nam? Anh hãy tả lại người nó tôi xem? Nó hay mặc quần áo gì?…

Trả lời câu này, tôi cứ hình dung ra bóng dáng của ông cậu tôi hiện đang sống ở Pháp để tả.

Lúc thì tên này hỏi:

- Anh ở đoàn võ Đinh Bộ Lĩnh thường đi với ai?

Lúc thì tên kia cật vấn:

- Năm anh học Đệ Nhị, trường Hưng Đạo, Cống Quỳnh, những giáo viên nào dậy anh?

Chúng nó hỏi lung tung. Đầu óc tôi quá mệt mỏi. 12 giờ trở về xà lim, người tôi đờ đẫn. 1 giờ chiều lại tiếp tục, 5 giờ về, 6 giờ lại đi đến 9 giờ tối. Cứ như vậy kéo dài hơn một tháng trời. Có hôm 3 thằng hỏi, quát nạt, đe dọa; thậm chí có một vài ngày đến 4 thằng thay phiên hỏi, truy. Ban ngày, tụi công an hành hạ. Ban đêm, muỗi đua nhau hút máu.

Chỉ có một thời gian ngắn, chân tay tôi đã khẳng khiu, xanh tái. Hơn nữa, tôi càng ngày càng thấy đói nhiều, dần dần mỗi ngày mỗi thiếu. Cơ thể tôi còn chút nào dự trữ, chắc đã bóc ra hết. Tôi nhớ lại, từ lúc mới vào, tuần đầu ăn không hết suất cơm. Hai tuần sau, chén ngon lành. Bây giờ, tôi ước gì được 2 suất ăn cho no một bữa, nhưng không có.

Ngày nào cũng vậy, dù đầu óc căng thẳng vì cung kẹo, nhưng khi về buồng, thấy bát cơm là vồ vập ăn ngay, vừa mới ăn đã hết rồi. Bát cơm không còn một mẩu hạt cơm dính, canh húp đến khô cả bát, thế mà mồm vẫn còn thòm thèm, mắt còn nhớn nhác tiếc rẻ nhìn hai cái bát đã sạch trơn.

Mỗi lần ngồi xuống đứng lên, tôi đã mắt hoa đầu váng. Thế mà những con muỗi ác ôn, đêm đêm vẫn cứ rủ nhau hút máu của tôi mãi. Hình như chúng toa rập với lũ cộng dã man, để hành hạ tấm thân chỉ còn xương với da của tôi tới chết. Móng tay, móng chân của tôi dài ra, tôi cũng chưa biết làm sao cắt được. Trong những lần đi cung, trên đường đi, một hôm tôi bất chợt thoáng thấy một cái đinh dài chừng 4 phân. Hai ba lần tôi định nhặt, nhưng chưa có thời cơ

nào thuận tiện. Rồi một bữa, mụ Hoa dẫn tôi về ngang qua đấy, may quá có một cô tù chạy ra báo cáo gì với mụ. Tôi ngồi xuống, lẹ tay vớt một cái. Thế là được rồi. Những buổi sau đó, tôi ngồi mài mãi đinh xuống sàn xi măng. Mài vài buổi, giờ tôi đã có một con dao nhỏ xíu, nhưng đủ để giải quyết những cái móng tay móng chân, đôi khi còn… ngoáy tai nữa.

Bất ngờ một hôm, cửa sổ nhỏ xịch mở, tôi đang ngồi cắt móng tay, không giấu kịp. Thế là tên Nhiễm quát, bắt đưa cho y. Sau đó, y mới mở cửa lớn. Tên này thật tinh quái, y sợ rằng trong lúc loay hoay mở cửa lớn, tôi có thể ném cái đinh vào một góc buồng rồi chối biến đi, nên y đã bắt tôi đưa cái đinh rồi mới mở cửa. Y vào lục lọi khám xét hết cả người tôi. Mọi xó xỉnh, kể cả kẽ cùm, không có gì nữa, y ra và đóng cửa lại. Chừng 30 phút sau, tôi nghe tiếng dép trở lại, rồi động ở đầu cùm, và chốt cùm rút ra kêu cái xoạch. Tôi hết hồn. Cửa lớn mở, y vào cầm theo tờ giấy, đọc:

- Lệnh của ban giám thị kỷ luật: Tên Đặng Chí Bình phạt 7 ngày cùm hai chân. Kể từ ngày… đến ngày… vì đã đưa kim khí vào buồng xà lim.

Tên Nhiễm nhìn tôi, ra lệnh:

- Anh hãy chấp hành lệnh kỷ luật.

Tôi thật buồn khổ, biết có xin cũng chả được, đành phải nhắc hai cẳng cho vào cùm. Trong lòng rất hận tên Nhiễm chó chết này. Thế là lại hai chân trong cùm. Đêm hôm đó thật là cay đắng cuộc đời. Hai đầu gối mỏi dừ, muốn co người lại, phải lựa thế từ từ tụt người xuống chỗ cùm một lúc, rồi lại từ từ lựa để lết người lên. Bởi vì cạnh cái cùm rất sắc. Cũng may, kỳ này tôi gầy đét nên hai chân trong lỗ cùm cũng lỏng. Thế nhưng ban đêm, lúc mệt quá thiếp đi, trong khi mê ngủ, quen như mọi bữa mỏi chân thì co mạnh lên, lại bị trầy da chảy máu. Ngồi nhìn máu chân chảy ra trong đêm khuya vắng lặng dưới ánh đèn điện một mình, lại chẳng có gì để rịt, tôi chỉ biết lấy ngón tay quệt; lại chảy, lại quệt…Ôi, thân phận lao tù! Sao giữa loài người với nhau mà tàn ác với nhau như thế này!

Có tiếng rên văng vẳng đâu đây, ở một buồng nào đó? Thỉnh thoảng một tiếng rúc dài chặc… chặc… chặc… của một con mối, ngoáy vào trong đêm trường nghe như lời than vãn xót thương, cho những kiếp người cùng khổ! Tôi cứ ngồi như thế mãi trong đêm thâu, một tay đuổi muỗi, và một tay thỉnh thoảng lại quệt giòng máu vẫn rỉ ra. Máu tôi bây giờ, quá loãng không đông lại được. Bụng róc rách cồn cào, chẳng hiểu trong bụng tôi có giun nào không? Nếu có, chú mày phen này cũng phải nằm liệt! Một sự an ủi tương đồng chợt nhú lên trong óc tôi. Tôi đói, một sinh vật nữa (biết đâu lại vài con thì sao) cũng đang không nằm yên được, cũng dẫy dụa… thèm ăn như tôi. Chẳng đâu xa, ở ngay trong tôi. Tôi đang miên man trong rừng sầu, chợt cửa nhỏ mở, tối mò không trông rõ là bộ mặt ai:

- Sao không ngủ, ngồi làm gì?

Cũng tiếng hỏi như mọi khi, nhưng hôm nay như ẩn tàng một niềm xót xa giữa người với người. Tôi dịu giọng chỉ vào chân:

- Chân tôi bị cạnh cùm làm chảy máu, nó không cầm!

Một lúc, tôi nghe tiếng:

- Rịt chỗ thuốc này vào.

Một ngón tay thò vào, trên đầu ngón có ít thuốc lào. Tôi xố xoay người tìm thế với tay ra. Một bàn tay run rẩy chơi vơi, vì cạnh cùm nghiến vào chân, đang cố dướn tới. Một ngón tay ráng sức thò vào, chỉ cách nhau có 2 phân. Hai

bên cùng cố, tôi gắng liều, dù chân có bị cứa ở chỗ khác nữa. Rồi cuối cùng cũng được. Tôi xoay thế để ngồi lại, rịt chỗ thuốc lào đó vào chỗ đang rỉ máu. Cửa nhỏ đóng lại. Tiếng dép trong đêm dài xa dần.

Một người nào đó có trách nhiệm đi tuần đêm? Như vậy, dưới đáy con tim của người này vẫn còn một chút chất người! Một niềm tin tưởng dậy lên trong tôi: Cộng sản không thể nhuộm đỏ hết được tâm hồn mọi người.

Sáng hôm sau vẫn đi cung. Phải nói là lúc này tôi sợ đi cung quá rồi. Tôi chỉ muốn được nằm yên, nhưng bây giờ, đi cung thì tuy bị chưởi bới, nhiếc móc, nhưng cái cái chân lại được nghỉ. Cho nên, giữa hai cái cùng khổ cả, tôi phải thích cái khổ ít hơn vậy.

Vào buồng hỏi cung, cũng tên Nhuận da chì và tên Đức. Tôi không thể ngờ chúng lại truy kỹ như vậy. Nhiều lúc tôi cũng không biết trả lời sao, dù việc đó là sự thật. Thí dụ, một lần nó hỏi:

- Anh nói anh vào nhà thờ "X", vậy anh gặp những ai?

- Tôi chỉ thấy mấy ông bà già…

- Vào để làm gì?

- Tôi là người Công giáo. Vì hoàn cảnh bắt buộc phải ra Bắc. Tôi sống chơ vơ, heo hút lang thang một mình, chả biết ngày mai ra sao nên tôi tìm vào bất cứ một nhà thờ nào có linh mục để xưng tội. Lỡ có sao, thì mình chết vô tội…

Tên Đức đập tay vào bàn nghe cái "thình", rồi y đứng giỗ dậy sừng sộ:

- Anh nói láo thế à! Anh định bịp chúng tôi à! Anh đã lợi dụng xưng tội để nói gì với linh mục đó, chúng tôi đã biết hết, biết hết! Anh hãy khai ra đi để chúng tôi thấy được tư tưởng của anh với linh mục đó! Chúng tôi đã ghi âm cả…

Tôi thót tim, lo lắng, chúng nó đã biết hết rồi chăng? Nhưng, tôi chợt nhớ và suy lý, nếu chúng biết sao chúng không hỏi một tí gì về việc tôi trao thư tay cho linh mục? Để thăm dò, tôi vờ ngờ ngác trả lời:

- Tôi chẳng hề biết linh mục đó là ai. Tôi cũng chả để ý nhìn người, thế thì tôi nói chuyện cái gì?

Chúng cứ khẳng quyết là tôi đã nói gì với linh mục đó. Rồi không sao được, chúng bắt tôi tường thuật tỉ mỉ chi tiết đã xưng tội những gì… Phần vì, tôi sợ là chúng sẽ lấy lời khai của tôi rồi vào bịp Cha A, khó cho cha trả lời; phần khác, tôi đã nắm được chuyện ghi âm của chúng là chuyện không thực, cho nên tôi mạnh bạo:

- Chuyện xưng tội chỉ là lấy lệ của người Công giáo. Vì thế, tôi không quan tâm nhiều, nên tôi chả nhớ những tội vặt của tôi.

Đến đây, tôi biết là vừa rồi chúng chỉ trộ tôi. Tôi ý thức sẽ lợi về sau, nên tôi cũng không hề nhắc hay đòi nghe cuốn băng ghi âm. Cuối cùng, mãi không được, tên Đức xẵng giọng:

- Lúc trở ra anh gặp ai?

- Tôi chỉ thấy xe cộ và người đi lại…

- Người đi lại đó, ăn mặc thế nào?

- Tôi chẳng để ý nên không biết.

Nó lại đập bàn:

- Mắt anh nhắm hay mở mà nói không biết!?

- Tôi không biết thực, ông cứ bảo tôi biết thì làm sao tôi nói?…

Hoặc nó hỏi:

- Cơ quan tình báo của and ở đâu?

- Tôi không biết, hàng ngày tên Hòa đến dạy tôi, chứ tôi không biết.

- Anh nói láo! Anh nói thế mà tai anh nghe được à! Đi làm mà không biết cơ quan ở đâu, không biết cơ quan gì!?

- Thưa các ông, thực sự tôi không hề biết. Tôi nhiều khi muốn biết, nhưng trong bài học, ông đã biết đấy, tôi không được hỏi hoặc tìm hiểu những gì không có liên quan.

- Nhà thằng Hòa ở đâu? Nó thường đi với ai? Thường đi xe gì? Ngoài lúc dậy, thường thấy nó đi đâu?

Suốt cuộc đời tôi, chỗ nào chúng cũng truy. Huấn luyện môn gì, từng môn, thời gian đi học, ở nhà quê, Hà Nội, đi lính ở sư đoàn 7… Cứ miên man, chúng dẫn tôi vào mê hồn trận. Hơn nữa bây giờ, đêm lại bị cùm kẹp, chân tôi tê dại, nhiều lúc chúng đang hỏi cung tôi xỉu, chúng phải cho tôi về.

Tôi đã bị cùm chân nửa tháng, mà không thấy chúng tha. Một hôm, tôi hỏi quản giáo xà lim:

- Báo cáo ông, hôm trước ông đọc biên bản kỷ luật 7 ngày. Bây giờ đã 15 ngày đề nghị ông xét!

Nó cười:

- Anh cứ suy nghĩ đi!

Tôi chẳng hiểu:

- Thưa ông, tôi suy nghĩ gì ạ?

- Suy nghĩ gì thì anh biết, đừng hỏi tôi!

Rồi nó đóng xầm cửa khóa lại. Tôi hiểu rằng đây là tại chấp pháp cho lệnh cùm tôi. Chứ đã có lần tôi thoáng nghe, ở buồng bên cạnh có tù bị cùm, một chân, nghe tiếng đọc biên bản một tuần, thì đúng một tuần là tha, người tù đó cũng vi phạm nội quy. Tôi cũng vậy, mà chỉ là cái đinh con, cắt móng tay, nặng lắm là một tuần cùm một chân. Bây giờ lại bị cùm những hai chân, mà 15 ngày rồi. Tôi giận lắm, nhất định phải làm sao cho rõ vụ này. Tính như vậy, nên hôm sau lên cung tôi hỏi:

- Thưa, có phải các ông cho lệnh cùm tôi, vì tôi khai báo không tốt, phải không ạ?

Chúng nó nói:

- Anh hỏi để làm gì?

- Để tôi xác định rõ vấn đề!

- Chúng tôi không biết anh bị cùm. Đây là do bên trại giam. Anh nói để xác định rõ vấn đề gì?

Tôi nhìn thẳng chúng nó:

- Tôi theo và tôi thích xã hội chủ nghĩa nên tôi mới thành khẩn khai báo. Vậy, tôi khai báo đây là do tự nguyện lòng tôi. Nếu như vì tôi sợ cùm kẹp mới khai báo sự thật, sự khai báo đó cũng chẳng tốt gì. Hơn nữa, đối với tôi, như vậy thà chết còn hơn là sự đau khổ làm một thằng hèn.

Chúng nó quắc mắt:

- Chúng tôi nói là chúng tôi không cùm anh. Để chúng tôi hỏi lại bên trại giam xem thế nào.

Cứ thế ngày tháng trôi qua. Cơ thể tôi cũng dần dần tàn lụi. Tôi nghe trong thân thể mình có nhiều triệu chứng lạ. Hai chân tôi gần như mỗi khi đứng lên không vững nữa. Hai mu bàn chân hình như sưng to lên. Những lúc ỉa đái thật là vất vả đau đớn. Cũng may, hai ba ngày tôi mới đi ngoài một lần, do ăn ít, do không có sức vận động nên thành kiết, táo. Mỗi lần đi ngoài, tôi phải cúi xuống gầm sàn kéo bô ra, mở nắp, đặt sao cho đúng chỗ, rồi tôi lựa nằm nghiêng, đưa mông ra ngoài sàn. Cứ nằm thế mà rặn. Đang đi mà mót giải thì ôi thôi, đành để cho nó chảy qua đùi rồi xuống sàn. Ướt cả quần cũng kệ nó. Chân tê dại, đau nhức, người tôi không còn sức để xê dịch, mỏi dừ, rã rượi. Nằm như vậy, vừa đau, vừa mỏi, vì rất khó khăn, mắt nhiều khi hoa lên, quay cuồng. Lắm lần, đi hai ba tiếng đồng hồ nên tôi thường phải đi vào lúc đêm.

Lúc này, cái sống và cái chết gần kề, tôi chẳng còn biết ngượng ngùng bẩn thỉu là gì nữa. Đang nằm ỉa, có ai mở cửa nhỏ cũng mặc. Đi ra được một hòn phân, có khi cũng chẳng rơi đúng bô, nó văng ra ngoài nền xi măng, cũng để đến mai khi gọi cung, hoặc khi cho đổ, lấy tay nhặt vào. Có cái gì khác nữa đâu, khi đi ngoài xong, cố lựa tay đổ gáo nước, rửa từ từ. Một tay dưới vai lại bị thân mình đè chặt, nên chỉ có mấy ngón tay với lên ngó ngoáy cử động. Nhiều khi nước đổ một chỗ, mà tay lại móc một chỗ khác. Hết cả nước rồi, tay vẫn còn đầy phân, đành cố với tay xuống sàn gầm sàn mà quệt. Đỡ bẩn chút nào hay chút nấy, để còn lựa xoay người lại cho đỡ mỏi tê.

Một đêm, tôi đang mơ màng, bỗng nghe tiếng khè khè ư ử ở buồng bên cạnh, không rõ số 6 hay số 7. Đêm khuya vắng lặng, tôi lắng nghe. Tiếng ư ử tiếp tục, nhiều khi như tắc nghẹn. Tôi đã xác định được tiếng đó từ phòng số 7. Phòng đó cũng bị cùm, mà cùm một chân. Cùm sau tôi chừng 10 ngày, chả biết vì sao.

Tôi suy đoán qua tiếng khò khè: Đó là một người sắp chết vì thắt cổ tự tử. Nhưng, thắt cổ phải có dây, và phải có chỗ treo. Riêng tôi trong nghề biết một cách, chỉ cần chỗ đuôi cùm trên sàn, nghĩa là chỉ cần cao hơn mặt đất 60 phân, là có thể tự tử được rồi, nhưng với điều kiện không bị cùm chân.

Tôi tò mò nghe ngóng. Nỗi niềm của thân mình cũng đang không muốn sống nữa và một người có thể đang đi dần đến chỗ tắt thở làm tôi cứ thức mãi.

Đêm thâu vắng lặng, thậm chí nghe rõ tiếng muỗi vo ve, tiếng khò khè càng ngày càng yếu dần. Các chú mối lâu lâu lại rống lên một hồi dài (hình như không thích ngủ ban đêm). Mải miên man theo giòng lệ tưởng, tiếng khè khè im bặt tự bao giờ không biết. Mãi sau, tôi nghe tiếng xẹp xẹp rất nhẹ đi vào xà lim, rồi tiếng mở một vài cửa nhỏ. Khi mở tới cửa sổ của tôi, tôi vờ nhắm mắt ngủ. Rồi tới buồng số 7. Nghe tiếng chân chạy ra mạnh hơn. Khoảng 15 phút

sau, ba bốn người đi vào.

Tiếng chìa khóa, rồi cửa lớn số 7 mở, tiếng mở cùm. Tôi cố lắng nghe:

- Còn sống không?

- Lâu rồi, máu khô rồi!

Rồi nghe thấy như khiêng một người đi qua buồng tôi. Bất chợt, cửa sổ tôi lại mở, tôi nhắm mắt lẹ nằm im, nghe tiếng cửa nhỏ đóng. Một lúc sau, nghe thấy tiếng nước máy chảy mạnh vào bô. Tiếng nước dội và tiếng chổi quét dưới nền bên buồng số 7.

Sáng hôm sau, lúc đi cung, tôi liếc mắt vẫn còn một ít nước màu đỏ sậm, sót ở vỉa hè trước buồng số 7. Như vậy là một người đã may mắn thoát được cảnh khốn cùng này. Xin chúc mừng và ca ngợi sự dũng cảm của bạn. Có thể rồi đây tôi sẽ xin theo vết chân người.

Cố Gắng Để Sống ...

Hôm nay ở phòng cung, chúng nó truy hỏi:

- Năm 1953, khi ở Hà Nội về quê, anh phao lên để người ta đồn anh bị điên, tại sao? Có phải tụi đế quốc đã phao tin cho anh như vậy không? Năm 1954, vào Sài Gòn, lại phao tin anh bị chẹt xe chết, như vậy phải chăng do Mỹ Diệm?

Tôi thật là bỡ ngỡ. Nghĩ lại, kỳ hè 1953, tôi về quê chơi, khi đó tôi mới 15 tuổi. Tôi rất yêu cảnh thiên nhiên đồng quê, thích nghe tiếng sáo diều ngân vang, tiếng chày giã gạo, tiếng gà gáy, tiếng chó cắn, tiếng cọt kẹt của tre làng, trong những chiều Hè gió lộng. Tôi thích thở hít mùi hoa bưởi, hoa cau, hoa soan, mùi nồng nồng của phân trâu với rạ ẩm, xen lẫn với mùi thơm ngây ngất của lúa chín vàng, từ ngoài đồng về. Vì thế, cứ mỗi chiều tàn, tôi thường hay lang thang ra cánh đồng rộng một mình. Tụi trẻ con ở nông thôn và cả người lớn làm sao hiểu được tâm tư ấy của tôi. Cụ thể, mỗi khi tôi ở ngoài đồng trở về, chúng vây đến hò hét , có đưa nói là tôi điên. Tôi bực mình đuổi chúng, chúng chạy và nhiều đứa la hò: "DDiên chúng mày ơi!" Rồi, họ đồn ầm cả huyện là con ông bà ấy, ra tỉnh vì học nhiều, hoặc thất tình nên điên rồ.

Còn vụ chẹt xe: Khi tôi vào Nam, bà Bảo Thịnh là bà cô của tôi có tiệm bán vàng ở mặt phố, trước cửa chợ Bến Thành. Như đã trình bày ở trên, tôi không ưa những người giầu có nên tôi không đến bà. Rồi một lần tình cờ, bà đọc một tờ báo nào đó, có một người trùng tên, họ với tôi bị chẹt xe, đưa vào đến bệnh viện thì chết. Bà viết thư về Bắc, báo cho bố mẹ tôi, khi đó chưa hết hạn 300 ngày của Hải Phòng. Làm bố mẹ tôi đã điên rồ khóc thương bao ngày. Tôi cũng trả lời y như vậy với chấp pháp.

Chúng không tin và vẫn cứ khẳng quyết là do đế quốc đã chuẩn bị dư luận cho tôi từ khi ấy. Tôi cũng chịu cho cái óc đa nghi của chúng thật là phong phú! Tuy vậy, nhờ đó mà tôi hiểu được một điều là chúng đã về tận quê tôi, để nghiên cứu điều tra kỹ càng về tôi và gia đình bố mẹ tôi. Còn những việc trong Nam, chúng chưa cho tôi thấy là chúng có thể tìm hiểu điều tra được. Dù thế, tôi vẫn thấy chờn sợ, cho sự truy hỏi đào sâu đến tận cùng chi tiết, của từng sự việc của chúng.

Truy đi hỏi lại một sự việc có khi đến 7, 8 lần. Hỏi bây giờ rồi bất chợt 8, 9 tháng hay một năm sau lại hỏi lại.

Tôi đã bị cùm hai chân hơn một tháng. Điều lạ lùng là không ai nhận cùm tôi cả, mà chân tôi vẫn cứ ở trong cùm. Hỏi chấp pháp thì họ bảo do bên trại giam. Hỏi trại giam, thì trại giam lại bảo bên chấp pháp. Một hôm trên đường đi

cung về, thấy lão Trì, Trung úy Phó Giám Thị, tôi xông bừa đến:

- Báo cáo ban (tôi gọi theo những người tù), tôi bị cùm hai chân đã lâu mà không biết tội gì, xin ban xét!

Y nhìn tôi một lúc rồi hỏi tên, sau khi tôi nói lên, y bảo: Trại không cùm anh. Do ở trên cùm! Nói rồi lão đi luôn. Tôi chẳng hiểu trên là trên nào.

Trời đã vào cuối Thu, mấy hôm nay thỉnh thoảng đã có những đợt gió mùa Đông Bắc mò về sớm. Trời lạnh thì muỗi ít, nhưng cái cùm và cái sàn xi măng đã bắt đầu hành chân và lưng tôi. Cả đêm, hình như tôi chỉ thiếp đi từng lúc. Một buổi sáng hôm đó khi tên Nhiễm vào mở cửa sổ con, bảo tôi mặc quần áo đi cung. Khi y mở cùm, tôi không nhấc nổi chân ra. Tôi phải đưa tay xuống nhấc từng chân ra khỏi cái cùm. Khi đứng lên, chân tôi rã rượi như mất cảm giác, nên tôi phải ngồi ngay xuống. Mụ Hoa gọi cung đứng đấy, giục tôi đi nhưng tôi không đứng dậy nổi. Tôi đau đớn nhăn nhó, cố gắng chống tay xuống đất để đứng lên, nhưng vẫn không thể đứng được. Tên Nhiễm cau mày, tiến lại lôi tôi ra, tôi ngã nằm xoài, đầu đập vào cánh cửa, choáng váng. Y đỡ tôi ngồi lên sàn rồi đóng cửa lại.

Mụ Hoa đi ra, chừng nửa giờ sau, tên Nhiễm lại mở cửa đi vào, nói:

- Lệnh của Ban giám thị cho anh nghỉ một ngày hôm nay. Ngày mai sẽ cùm một chân!

Tôi cảm ơn rối rít. Tôi nhìn lão, hôm nay trông lão "không có vẻ" ác lắm! Mấy tuần đầu tôi ghét lảo cay đắng. Bây giờ, tôi đã hiểu là không phải lão cố ý cùm tôi. Chính do lệnh từ trên xuống, cố tìm cách để có lý do cùm, rồi cùm mãi. Khi mình đã là tù, họ muốn tìm cớ để trị, họ có muôn ngàn cớ.

Cửa đóng lại, tôi nhìn cái chân mình mà lòng thấy sầu khổ. Sống mà cái chân bị hỏng, đời sống thật là khổ nhục. Tôi vẫn nhớ ngày xưa, ở Đại Hội "khỏe" của trường Nguyễn Bá Tòng, tôi đã từng nổi tiếng về điền kinh: Bơi lội, leo dây, nhẩy… Vậy mà giờ đây chân tôi thế này ư? "Hãy nổ lực! Tự mình, chính mình phải cứu lấy mình!", tôi tự nhủ thầm như vậy. Rồi thực hiện ngay ý định. Đầu tiên, tôi ngồi ngay trên sàn buông thõng hai chân xuống. Mới đầu, tôi phải dùng tay nắm hai chân lắc lắc, sau dần dần chính chân tôi tự lắc. Rồi từ từ hàng giờ sau, tôi đứng được xuống sàn nhà. Tôi chậm chậm đi lại trong cái khung 2 thước vuông ấy. Cứ đi, mệt nghỉ, một lúc lại đi. Bỗng cửa nhỏ mở, lão Nhiễm nhìn tôi tập đi, y mở luôn cửa to, nói:

- Ra lấy cơm!

Tôi với cái gáo, đi ra, không thể đi nhanh, nhưng đi được. Tôi múc gáo nước, cầm bát cơm đi vào. Nhìn mặt y, thấy như thoáng ánh lên một sự cảm thông vì tôi đã nỗ lực để sống. Chắc y đã nghĩ rằng, với cảnh lúc sáng, tôi chưa thể ra lấy cơm được; chứng cớ là y đã phải mở cửa coi trước để nhìn tôi xem thế nào.

Những thực tế tôi đã trải qua trong cuộc sống, đã hình thành trong tôi một quan điểm: "Hãy tin vào chính mình! Hãy nổ lực hết mình với những cái bản thân mình có! Không ỷ lại! Không trông chờ! Dù cho không đạt được kết quả theo ý muốn, ít ra về mặt tinh thần, cũng không phải đến nỗi thẹn thùng nhìn xuống".

Qua thực tiễn nhiều thời đại của con người. Ở đâu cũng thế! Phương Tây có câu: "Aide toi, et le ciel t'aidera"; Mỹ, Anh cũng có câu: "Heaven helps those who help themselves!"; và Việt Nam chúng ta cũng có câu chuyện về một người nằm há miệng chờ sung rụng. Hãy trèo lên cây. Nếu vì lý do nào đó, không trèo được, phải tìm cách chọc cho quả sung mình muốn, rơi xuống. Nghĩa là, phải ăn những trái sung trên cây theo ý mình; nếu yếu đuối quá, ít ra cũng phải bò dậy mò mẫm nhặt, những quả sung rơi, như thế vẫn còn một chút chủ động, chọn được quả ngon hơn.

Ăn cơm xong, lúc đi ra trả bát, tôi vẫn còn thấy chân mình bì bì, căn cẳn, đi lại còn ngượng ngập. Tôi lại vào ngồi

sàn kiên trì tập nữa. Tôi phải tranh thủ ngày hôm nay, kẻo ngày mai lại bị cùm rồi. Lúc này, tôi mới thấy buồng khai và thối. Thảo nào, tên Nhiễm lúc buổi sáng, vừa vào buồng đã nhăn mặt lùi ra ngay.

Buổi chiều, sau khi ăn cơm xong, trả bát, tên Nhiễm rút chốt cùm ra, tôi hiểu đã hết giờ tự do. Tuy trong lòng thắc mắc là y đã nói cho tôi nghỉ một ngày, tôi vẫn tưởng đêm nay còn được tự do nữa chứ. Tuy thế, tôi không muốn hỏi. Nhưng tôi muốn xin đề nghị một chuyện khác. Khi y nhìn tôi, ý bảo tôi cho chân vào, tôi tỏ thái độ lễ phép:

- Thưa ông, buồng của tôi thối quá, xin ông cho tôi tranh thủ 2 phút. Xin ông cho tôi một bô nước, dội cái buồng một cái thôi cho đỡ hôi hám!

Y nhìn tôi với con mắt lừ lừ một lúc, rồi quát: "Mau lên!"

Tôi cố chạy lẹ, dù chân còn tập tễnh, tới chỗ bể nước, mở vội vòi, tráng qua nước giải, rồi lấy đầy bô nước vào đổ trên sàn. Hai tay vội vàng xoa xoa, vét nước xuống nền, lấy chổi thanh hao khua mấy cái, để cho nước chảy ra cái lỗ con ở chỗ chân tường phía đầu nằm. Xong xuôi, tôi ngoan ngoãn vội vàng tự mình nhắc cùm và cho một chân vào trước con mắt gườm gườm của y, trong khi y đang đứng lắc lắc chùm chìa khóa ở tay. Y đóng chốt cùm, rồi đóng cửa, khóa lại. Thế là hết một ngày.

Cùm một chân thật dễ chịu so với hai chân. Không phải chỉ bớt một nửa khó khăn, đau khổ, mà bớt được hai phần ba. Thực thế, với kiểu cùm này, nếu bị cùm hai chân, tôi nghĩ rằng không ai chịu nổi hai tháng. Con người tôi luôn luôn nỗ lực, từ bé nếu không tập võ, tôi cũng tập thể thao, thể dục; vì vậy, trong thời gian bị cùm hai chân, hàng ngày tôi vẫn cố nhúc nhích, cử động với những động tác có thể được, để hai chân và cơ thể lưu thông mạch máu. Thế mà, mới gần 40 ngày, hai chân tôi đã không đứng được nữa. Bây giờ, cùm một chân, tôi có thể xoay người, từ từ ngồi lên cái cùm để gập chân lại, hoặc có thể bước một chân xuống nền buồng để tập thể dục, vận động cơ thể.

Sau khi quản giáo đóng cửa, tôi lấy chiếc quần cũ hơn hì hục lau sàn, vừa khô được cái sàn, vừa đỡ hôi hám. Tôi có thể cúi xuống gầm sàn kéo cái bô ra, đàng hoàng mở nắp thùng đứng tồ, thoải mái. Mọi khi cùm hai chân, dù tôi cố gắng đến mấy cũng đành phải tè ra nhà, vì không dịch được ra mép sàn, đành từ giữa sàn nghiêng nghiêng nằm tè ra. May mắn thì vào bô được một ít, còn thường ra ngoài. Mà ra ngoài thì chính mũi mình ngửi, và khi được mở cùm thì cũng chính mình phải quét dọn. Bây giờ đêm ngủ, khi quá mỏi, tôi vẫn từ từ lựa thế giở mình được, nên thật dễ chịu.

Sáng hôm sau, chưa tới giờ Nhiễm đến, thế mà cửa sổ đã chợt mở. Mặt mụ Hoa, mụ chỉ một ngón tay:

- Mặc quần áo đi cung!

Rồi có tiếng chìa khóa, tiếng rút chốt cùm và cửa lớn mở. Ra tới phòng cung hôm nay, ngoài Nhuận và Đức, tôi thấy lại có thêm một người lạ nữa. Tên này người Huế, chừng 40 tuổi. Tôi lặng lẽ đi vào. Vẫn chiếc ghế đẩu để chơ vơ trước bàn của chúng.

Ngay khi mới tới cửa phòng, mắt tôi đã thoáng thấy một hộp điện lớn đen xì, với nhiều dây điện lổn nhổn, để trên cái bàn nhỏ ở góc phòng. Tôi hiểu ngay là hôm nay tôi sẽ phải đi tầu ngầm, hoặc máy bay mà lúc còn nhỏ, tôi thường nghe người ta nói đó là cách thực dân Pháp thường dùng để tra tấn, những người chống lại chúng. Tôi vờ như chưa nhìn thấy, vẫn ngồi cúi đầu như mọi khi.

Hôm nay, chúng tiếp tục nạt nộ, truy hỏi. Chúng đập bàn, đập ghế ầm ầm, nào là "Anh là một tên phản động từ trong máu, đã ăn nhiều bơ thừa sữa cặn của Mỹ Diệm", nào là: "...lấy vải thưa che mắt thánh, dám lòe bịp cả bộ công an" v.v... Tôi chỉ biết lẳng lặng cúi đầu trước những lời sỉ vả, quát tháo của chúng. Trong thâm tâm, tôi vẫn

lắng nghe, xét và nhận định từng lời, từng thái độ của chúng. Tôi thấy chúng chưa nắm được gì về tôi cả. Chúng đang tìm mọi cách để thọc cho ra những đầu mối, mà tôi không chịu khai. Lòng kiên trì che giấu của tôi như một cái đập ngăn giòng nước. Chúng đang loay hoay nghiên cứu, tìm tòi những lỗ rò. Nếu chúng thọc trúng, nhiều khi đập sẽ bục từng mảng, đôi khi cả đập.

Có những lúc tôi khai thật như: Lương tháng của tôi 5000 ngàn mỗi tháng và đã viết giấy ủy quyền cho bố nếu tôi bị mất tích; hoặc thời hạn công tác của tôi ở ngoài Bắc là 25 ngày… Chúng vẫn không tin, truy đi hỏi lại nhiều lần, nào là vô lý, nói láo, đừng hòng lấy vải thưa che mắt thánh… Chính những điều này, cái thực mà chúng cũng không tin, đã cho tôi nắm chắc chúng chẳng biết điều gì rõ về tôi, ở trong Nam.

Trước đây, do những điều kiện tự do rởm, và tinh thần cán bộ thiếu ý thức ở Sài Gòn, nên tụi Cộng Sản nằm vùng có thể cài người vào, hầu hết mọi lãnh vực trong những cơ quan từ trung ương tới cơ sở địa phương. Vì thế, tôi cũng phòng hờ nghe ngóng và rất lo. Nhưng qua những sự việc trên, tôi cảm thấy yên tâm. Chúng nó chẳng nắm được gì quan trọng cả. Tuy vậy, cũng có thể vì vấn đề trở ngại thông tin Bắc Nam, chúng chưa đủ thời gian để thẩm tra về tôi chăng? Cho nên, tôi vẫn luôn đề cao cảnh giác, không dám quá chủ quan coi thường đối thủ.

Đến giờ, tôi hiểu thêm được một điều nữa là chúng làm việc có nghiên cứu tập thể. Mỗi một nghi vấn dù nhỏ, trong những sự việc của tôi, chúng đều về đào sâu, nghiên cứu mọi tình huống có thể. Điểm nào chưa sáng tỏ thỏa đáng, chúng đều ghi nhận, rồi gọi tôi lên truy hỏi lại những điều ấy cho tới cùng. Tôi thừa nhận bộ óc tập thể có ưu thế hơn hẳn một cá nhân. Dù vậy, trong trường hợp này, tôi cũng có cái ưu thế của tôi. Tôi chỉ cần có một bộ óc tỉnh táo, và một sự hiểu biết tương đối, kết hợp với lòng kiên trì, chấp nhận gian khổ, tôi mong là có thể đối ứng được.

Quát tháo, giận khùng chán chê, thấy tôi vẫn ngồi cúi đầu im lặng, bấy giờ tên người Huế chỉ vào mặt tôi, gọi đích danh:

- Bình! Anh muốn sống hay muốn chết?

Tôi ngửng đầu lên, tỏ vẻ lo sợ lẫn thành khẩn:

- Thưa các ông, giờ đây tôi không biết phải làm như thế nào để các ông tin. Tôi đã khai báo mọi điều tôi biết. Tha thiết mong cách mạng xét cho, tôi được nhờ.

Hơn một tiếng đồng hồ từ khi tôi bước chân vào phòng, chúng cố ý chờ xem thái độ của tôi như thế nào, khi nhìn thấy dụng cụ tra tấn. Nhưng tôi cũng cố ý coi như chưa nhìn thấy. Có lẽ quá lâu, nên chúng sốt ruột, tên Nhuận chỉ về phía cái bàn nhỏ trong góc phòng:

- Anh có biết cái gì kia không?

Tôi vờ như lần đầu tiên nhìn thấy, tôi hiểu rằng dù có sợ hãi xin chúng, chúng cũng không tha. Vả lại, vì chưa có kinh nghiệm và hiểu biết về chúng, tôi vẫn nghĩ một cách đơn giản là mình đã đi làm nghề nghiệp này, chỉ còn gồng mình chấp nhận. Trời đâu có thương nữa mà kêu, mà trách oán! Từ ý nghĩ đó, tôi đã trả lời rất thản nhiên:

- Thưa các ông, tôi hiểu về loại dụng cụ đó. Trước đây tôi đã ngu dốt đi làm nghề nghiệp này. Nay bị bắt, sớm muộn tôi vẫn bị nhiều hành hạ tra tấn. Vậy đây là toàn quyền của các ông. Các ông không tin tôi, tôi không biết làm gì hơn được nữa. Nhưng, có một điều là tôi đã nghĩ không đúng về các ông!

Tên người Huế quắc mắt:

- Anh nghĩ điều gì không đúng về chúng tôi?

Tôi có vẻ đăm chiêu:

- Tôi là một thanh niên sống dưới chế độ miền Nam mà các ông gọi là ngụy quân, ngụy quyền, tay sai của đế quốc Mỹ. Ở miền Nam, tôi thường biết có một số hình thức tra tấn để khai thác phạm nhân. Và tôi đã nghĩ rằng các ông thì khác…

Tên Đức ra vẻ sừng sộ, đứng bật dậy:

- Anh bảo khác, khác thế nào?

- Trước đây, tôi cứ nghĩ các ông là cách mạng. Một chế độ nhân dân, một nền dân chủ thực sự, thường lấy chính nghĩa chứ không dùng bạo lực để lôi kéo lòng người. Tôi vẫn đinh ninh trong lòng như vậy, nên ngay từ khi ra Bắc, tôi đã chẳng muốn hoạt động gì như lời chúng chỉ dậy tôi. Rồi sau khi bị bắt, tôi đã vội vàng thành khẩn khai báo hết với cách mạng. Thêm nữa, quan điểm sống của tôi là: Một là tôi sẽ được mọi người yêu tôi. Hai là tôi sẽ bị cay ghét, căm thù; chứ nhất định tôi sẽ không để ai khinh rẻ. Đặt giả thuyết, bây giờ vì tôi sợ tra tấn, nên mới phải khai báo với các ông, tôi sẽ đau khổ suốt đời vì tôi là một thằng hèn. Thà để thân mình bị tàn tật vì tra tấn, nhưng tinh thần được thảnh thơi hiên ngang nhìn mọi người, không bị tủi thẹn cấu xé. Hơn nữa, khai vì tra tấn, tôi cũng chả tốt gì với các ông…

Tên Nhuận và tên người Huế đều quát:

- Anh đừng già họng nữa!

- Câm ngay cái mồm lại, chúng tôi không phải trẻ con!

Tôi lại im lặng cúi đầu. Một lúc, tên người Huế đứng dậy:

- Bây giờ, chúng tôi cho anh về. Chiều nay lên, chúng tôi sẽ giải quyết.

Tôi chẳng hiểu chiều nay chúng sẽ giải quyết gì. Tôi đứng dậy, lúc đó cũng đã 12 giờ rồi.

Khi lão Bằng giong tôi về tới xà lim, tôi không thấy tên Nhiễm trực ở đấy. Tên Bằng mở cửa, tôi vào rồi y khóa lại. Vì y không trực xà lim nên y quên (hoặc giả y không biết) không bảo tôi bỏ chân vào cùm. Cảm thấy hơi mừng trong dạ, tôi ngồi ăn cơm. Mới chén được nửa bát, cửa sổ đã xoạch mở. Mặt tên Nhiễm. Y rút chốt, đứng ngoài cửa sổ bảo tôi bỏ chân vào cùm. Buồn thật! Thằng chó chết không cho nghỉ một tí để ăn cơm. Mười phút sau, tôi lại thấy rút chốt cùm. Đã quen lệ, tôi vội vàng nhấc cùm lên và rút chân ra. Cửa mở, tôi cầm bát và gáo ra lấy nước. Tôi để dành gáo nước cho việc đi ngoài và súc miệng, rửa mặt. Thường, tôi đã phải cố gắng uống no nước ngay tại chỗ. Điều này làm mãi, nên thành thói quen. Suốt hàng mấy chục năm trời, cho tới bây giờ, tôi cũng chỉ uống nước sau khi hai bữa cơm, còn hầu hết như không thấy khi nào khát nước. Tôi không cần phải uống nước những lúc không ăn.

Lại đóng cùm, lại khóa cửa. Tôi nằm vẩn vơ nhẩm tính sự việc đi cung ban sáng. Chiều nay, chẳng biết có sự gì xẩy đến với tôi. Chưa được mươi phút, cửa nhỏ lại mở. Tên Nhiễm gọi đi cung. Lúc này đã bị bắt gần 4 tháng, râu tóc tôi mọc lung tung beng. Nhiều lúc ngồi không buồn tay cứ rờ rẫm từng sợi râu rồi giật. Cũng thấy đau. Thực ra, ngồi không chả làm gì, hay chả có cái gì để làm, cái tay cứ tự nhiên đưa lên cằm rồi giật, trong khi óc tôi thì cứ trôi theo đường riêng của nó. Bây giờ, gần kề cái chết, đâu cần biết mặt mũi mình ra sao?

Tới phòng cung, tôi vẫn thấy 3 tên lúc sáng. Chiếc hộp điện đen xì vẫn nằm im trên cái bàn nhỏ ở góc phòng. Sau khi tôi ngồi ghế, chúng truy tôi rất nhiều về đoạn đường khi qua sông Bến Hải. Chúng bắt tôi thường thuật tỉ mỉ: Lội sang làm sao, nấp thế nào, đi đường nào, cảnh vật ra sao v.v… Vì tôi đã có hai lần ra tận bờ sông Bến Hải và nghiên cứu kỹ khu phi quân sự Bắc (Vĩnh Linh) và toàn khu vực huyệnVĩnh Linh, từ những con đường mòn, đến những bờ suối… Nhất là lại dùng loại ống nhòm nhìn xa 10 cây số, nên chỗ này, tôi nói không khó khăn lắm. (nghĩa là chưa nhìn thấy trước cảnh đó, khó có thể che giấu chúng được).

Đến đây, tôi đã cảm thấy thâm ý của chúng khi chúng bắt tôi tả chi tiết tỉ mỉ, từ Vĩnh Linh ra tới Hà Tĩnh. Như vậy, phải ngửi thấy ngay là có vấn đề rồi! Đây là một cái dốt, cái sai của tôi! Vì thực tế, tôi chỉ đi từ Kỳ Anh ra Hà Nội. Còn từ Vĩnh Linh ra Kỳ Anh thì tôi có đi đâu, cho nên khi khai báo nhiều lần trước đây, tôi thường khai lướt đi. Hơn nữa, tôi tập trung nhiều vào những khóa học tập ở Sài Gòn, nhiệm vụ ra Bắc và khi ở Hà Nội. Còn con đường từ Vĩnh Linh tới Hà Tĩnh, tôi đã coi nhẹ, vì thế, chúng đã phát hiện ra chỗ đê rò của tôi.

Tên người Huế, sau khi nghe tôi kể lại đi từ Vĩnh Linh ra Hà Nội thế nào, liền hỏi tôi:

- Từ Vĩnh Linh ra Hà Tĩnh anh ngồi trên xe hàng, vậy có khi nào anh xuống xe không?

Tôi phỏng đoán, chắc xe phải ghé thị xã Quảng Bình, nên tôi trả lời: "Có, khi đến Quảng Bình, tôi mót giải nên xuống tìm chỗ đi giải".

Y hỏi tiếp:

- Từ Vĩnh Linh ra Quảng Bình, có khi nào anh xuống xe không?

Tôi vờ như cố nhớ lại một chuyện không đáng nhớ, nhưng thực tế thì lúc đó trong lòng tôi đang bấn lên. Nó hỏi vậy, tất nhiên phải có vấn đề. Trước đây, tôi đã nghiên cứu bản đồ lớn, đường từ Vĩnh Linh ra Hà Tĩnh với Brown và Dale. Vì là bản đồ quân sự thời trước 1954, nên sau này có một số chi tiết thay đổi, mà tôi không biết. Hơn nữa, với tinh thần tắc trách, tuy Dale và Brown có chỉ từng điểm, từng con sông, cái cầu, v.v… nhưng thực tế, tôi đã chỉ ừ ào cho qua, chứ tôi không hề thực sự chú tâm, vì tôi cho là không quan trọng! Do đó, bây giờ tôi lúng túng. Sau một lúc ngẫm nghĩ, tôi mới quyết định nói:

- Thưa ông lúc đó, vì mới sang bờ Bắc, tôi rất lo sợ hoang mang, nên bây giờ tôi cũng không còn nhớ là có xuống hay không!

Y đập bàn:

- Anh nói láo. Ngồi trên xe, xuống hay không mà không nhớ! Anh muốn ngoan cố gan lì với chúng tôi hả?

Tôi nghĩ mình đành phải liều, vì vậy tôi trả lời:

- Tôi nhớ…hình như không…

Tên người Huế đứng giật dậy, quát ầm lên:

- Như vậy là anh nói láo hoàn toàn! Chúng tôi muốn thấy sự thành thật của anh, nhưng bây giờ, chúng tôi mới thấy là anh gan lì ngoan cố. Tôi nói cho anh biết, dù anh có ngủ gật, người ta cũng gọi anh dậy, để bắt anh xuống xe!

Thôi chết rồi! Như vậy là sông Gianh không có cầu, mà là qua phà, tất cả hành khách phải xuống xe. Tôi nghĩ thật

nhanh. Nếu vì ngoan cố mà không biết phục thiện ở khâu nhỏ này, tôi sẽ chết ở những chỗ quan trọng khác. Vậy hãy thành khẩn:

- Thưa các ông, tôi đã suy nghĩ luẩn quẩn. Đã nhiều lần tôi muốn nói hết với các ông về việc này, nhưng tôi cứ loanh quanh lo sợ là các ông sẽ bắt tôi về điểm hẹn, để gọi người đến đón. Rồi các ông sẽ tìm mọi cách, để bắt hết những người đó. Như vậy, Sài Gòn họ sẽ biết ngay là tôi phản. Điều tất yếu là gia đình bố mẹ, các em tôi sẽ bị chúng trả thù. Bản thân tôi đã không làm gì được cho bố mẹ và các em nhờ cả, bây giờ nếu để liên lụy khổ đau cho gia đình, thì thà thân tôi bị đau khổ tan nát còn hơn. Chính vì điểm lo sợ ấy, nên tôi đã lúng túng không dám khai thật đường đi ra Bắc.

- Như vậy, anh ra Bắc bằng cách nào?

Ngay từ mấy hôm trước đó, căn cứ vào chiều hướng chúng truy hỏi, tôi đã linh cảm khâu từ Vinh Linh ra Kỳ Anh khó ổn, nên đã nhẩm tính: Nếu cùng quá, tôi đành phải nhận ra Bắc bằng đường biển. Tôi không hiểu, bật ra điều này, là kéo thêm một mảng. Xuất phát từ đâu? Thuyền nào đưa đi? Những thủy thủ thế nào, bao nhiêu người? Ngày giờ hẹn đón nhau? v.v… Bao nhiêu là chi tiết phải lắp vào, sao cho hợp lý về cả không gian, thời gian, sự việc và con người.

Tôi cũng đã tính, với tình huống những người thủy thủ đưa tôi đi như vậy, có thể họ còn đưa những người khác sau này. Biết đâu, một ngày nào đó, nếu họ không may bị bắt, họ sẽ nói đến thời gian đó đưa một người như vậy, như vậy dù một hai năm sau, tôi đang ở một trại giam nào, Cộng Sản cũng có đủ bằng chứng cớ để thấy là tôi nói láo. Lúc đó, chỉ có chết với chúng. Trước mắt, từ nay trở đi, tôi luôn luôn mang trong mình một mối lo âu bất ngờ bị chúng phát hiệu. Sau này, nếu chúng tìm ra được một điểm sai nào, tất cả các khâu khác sẽ vô phương cứu chữa. Thân tôi chắc chắn sẽ bị chúng hành đến tan nát.

Tôi sẽ phải khai báo sự việc đi hải thuyền ở Đà Nẵng, theo phương châm: "Càng đơn giản, sẽ càng đỡ rắc rối cho sau này". Tôi sẽ chỉ nói đến những việc phải nói, loại bỏ tất cả những điều gì có thể loại bỏ được. Trước sau, chỉ có một nhân vật Hòa, mọi vấn đề đều do ông ta lo liệu. Chỉ đi một lần. Không nói chuyến đi trước gặp bão phải quay về. Không nói thuyền rời bến ở Biệt Khu Hải Quân, mà từ một nơi vắng vẻ gần mé sông Bến Hải một lần, mới hợp lý việc gì sao lại biết rõ được chi tiết, cảnh vật hai bên bờ sông Bến Hải trong khu phi quân sự Bắc Nam. Như vậy, vẫn giữ kín được nơi xuất phát có lợi cho Sài Gòn sau này.

Để bảo vệ cho tên chủ tịch Phong, ở Kỳ Anh, tôi sẽ không nói gì đến y, chỉ tường thuật lúc đêm đổ bộ lên bờ, chôn giấu các vật dụng, sáng hôm sau tìm đường mò ra quốc lộ 1 rồi gặp Phùng Văn Trí, từ đấy về Hà Nội. Điều này, chúng phải tin, bằng chứng là các vật dụng tôi chôn tại chỗ. Những vật dụng này, cũng có lợi cho tôi ở một khía cạnh: Tôi có hai "vỏ bọc": "buôn lậu thuốc Tây" và "Sư bà Đàm Hướng". Nếu sau này phải khai ra, thì một trong hai "vỏ bọc" này, có bằng chứng là các loại thuốc Tây tôi đã chôn giấu đó, chúng phải tin lời tôi.

Tóm lại, dù có tính toán khai báo thế nào, đây cung là sự ngu dốt sai lầm của tôi. Từ điểm này, tôi có thể bị dẫn đến nhiều khó khăn về sau vì "Một sự bất tín, vạn sự không tin". Nhưng tôi đành phải chấp nhận và chỉ có biết cố gắng với khả năng hiểu biết và tính toán giới hạn của mình. Đã có chủ đích rồi, tôi ngẩng đầu lên, trả lời:

- Tôi ra miền Bắc bằng hải thuyền.

Mặt chúng tươi hẳn lên, mắt mở to, đồng thời chúng khích lệ mềm mỏng hỏi các chi tiết, khi chúng bắt tôi khai nhanh để chúng ghi. Đến bây giờ, tôi đã hiểu đó là một phương pháp của chúng. Bắt đối phương khai nhanh (nếu có mâu thuẫn thật rõ), sau đó lại bắt khai chi tiết, rồi bắt viết; cuối cùng mới truy hỏi, không những ở những điểm chúng nghi ngờ, mà ngay cả điểm thật cũng bị cật vấn ráo riết mọi mặt.

Như tôi đã trình bày ở trên, sự việc này bục ra một mảng. Tôi phải cố lắp ghép, ngăn chận sao cho hợp lý, những gì dính dáng về hải thuyền cho tới điểm đổ bộ. Còn từ khi ra Quốc Lộ 1 ở xã Kỳ Phương, cho tới khi bị bắt, dứt khoát phải không có gì thay đổi, trước sau dù bão tố cũng chỉ như một.

Thời gian này, tôi lại bị gọi cung liên tục ngày 3 buổi, hơn một tuần lễ. Sau đó, đến giai đoạn căng thẳng tột cùng. Chúng truy lại hết mọi vấn đề trong Nam ngoài Bắc, thậm chí, nhiều lần chúng sừng sộ định bạt tai tôi nữa.

Bây giờ, phần vì cùm kẹp, đói khát; phần khác tinh thần căng thẳng ngày đêm, người tôi rã rượi, run rẩy; ngay đi từ xà lim ra phòng cung, nhiều lần tôi muốn ngã, phải ngồi xuống. Có lẽ cũng thấy thân xác tôi có thể lúc nào đó sẽ chết vì kiệt sức, nên dạo này thỉnh thoảng chúng cho tôi một cái bánh bao, hoặc một cái bánh mì. Bánh bao cũng chỉ có nhân hành, còn bánh mì cũng lẫn bột ngô, nhưng ăn, thật tuyệt vời. Tôi nghĩ rằng bánh bao nhân lạp xưởng trứng, bánh mì "Pa gô đa" của Sài Gòn còn thua xa. Những lần ăn được như vậy, đêm ấy, tôi cảm thấy như cơ thể được truyền vào một sức mạnh; thậm chí, ngày hôm sau đi đại tiện cũng thấy trơn tru sảng khoái. Cứ ba, bốn ngày chúng mới cho một lần, và cũng chỉ được 5 lần là chấm dứt.

Những Vấn Đề Mới...

Cung kẹo bây giờ hàng ngày liên miên. Nhiều lúc chúng truy tôi rát quá, người tôi như không còn hồn. Tôi ì ra. Có lúc tôi chả biết đường nào tôi trả lời. Lâu lâu, tôi chỉ biết nói:

- Tôi thành khẩn khai báo mọi sự việc từ lúc bé tới bây giờ mà các ông vẫn không tin tôi. Nhiều đêm về nằm, giá ước gì có cách nào đó, để các ông nhìn rõ được trong lòng tôi, cuộc đời tôi không đến nỗi khổ đau như thế này.

Chúng đập bàn quát ầm lên:

- Anh đừng già mồm, không cần phải có cách gì, chúng tôi cũng đã thấy rõ anh là một tên phản động vô cùng ngoan cố, bao che đến cùng những âm mưu phản dân, phản nước của bè lũ Mỹ Diệm. Ngày đêm, anh tính toán mưu mô, hòng che mắt Bộ Công An của nhân dân. Tôi nói cho anh biết, anh sẽ chết dần, chết mòn trong đau thương khổ cực. Chỉ có một con đường duy nhất là anh tự cứu lấy anh. Đừng mơ hồ trông chờ bất cứ một thế lực, hay một kẻ thần thế nào có thể cứu được anh.

Tôi tỏ ra rất thành khẩn:

- Thưa các ông, được sự chỉ dạy của các ông, lòng tôi càng thêm phần khởi. Tôi thấy rằng, khi nhận nhiệm vụ ra ngoài Bắc, tôi đã có những hành động và những ý nghĩ đúng, là tôi đã chẳng làm gì cho địch, và khi bị bắt, tôi đã khai báo ngay hết mọi sự thật. Tôi tha thiết đề nghị với các ông, tôi nghe nói rằng trên thế giới hiện nay, người ta đã chế ra máy để biết rõ sự thật, hoặc có loại thuốc người ta uống vào sẽ nói ra hết sự thật, vậy nếu chính phủ ta có các thứ đó, xin hãy cho tôi được thực nghiệm. Tôi xin đội ơn cách mạng suốt đời.

Tên Nhuận cười rộ lên:

- Chúng tôi không cần những thứ đó cũng vẫn hiểu rõ được anh. Anh còn vì một điểm nào đó, nên đã không nói thật hết với chúng tôi. Nhưng, tôi tin rằng sớm muộn, rồi đây anh sẽ tự giác nói thực hết, mọi âm mưu thủ đoạn của địch với chúng tôi.

Tôi biết tỏng là làm gì chúng có loại máy nghe sự thật, hoặc loại thuốc uống vào rối loạn thần kinh, không chủ động được nữa để chúng hỏi gì nói thực cái ấy, v.v... Và dù có các loại máy đó, tôi vẫn tin là không giải quyết được vấn

đề. Nhân tiện, tôi đánh một đòn sâu hơn nữa:

- Thưa các ông, tôi dám cam đoan trước các ông là, nếu sau đây, bất cứ thời gian nào. Các ông chỉ cho tôi bằng cụ thể, một sự việc gì chính yếu, tôi đã khai không đúng, tôi xin chịu mọi hình phạt của nhà nước cách mạng.Tôi vẫn phòng hờ gài vào hai chữ "chính yếu". Sự việc chính yếu cao nhất thì tôi cho là chúng nó có người nằm trong Cục tình báo của Sài Gòn, hoặc Z-5 hay linh mục A bị bắt. Hay, chúng bắt được tài liệu "M". Tôi tin là Z-5 hay linh mục A nếu họ bị bắt, cũng không khai. Và dù họ có khai, thiếu chứng cớ, tôi vẫn không nhận. Còn người của chúng dù có nằm trong Cục, trên nguyên tắc, nếu không cùng một công tác, không biết ai với ai. Nói chung, với sự hiểu biết của mình, tôi nói, tôi không sợ di họa sau này. Hơn nữa, đây là lúc liều rồi, chỉ có chết và sống thôi mà.

Tên Nhuận cau mặt lại, nhìn tôi:

- Anh đừng nói nhiều nữa. Hãy nghe tôi hỏi đây. Anh tả kỹ lại chỗ anh chôn những vật dụng mang theo từ miền Nam ra!

Tôi lần lượt trình bày lại chỗ chôn giấu tài liệu. Tên Đặng chêm vào:

- Anh hãy nhớ kỹ, ngoài những thứ anh kể, anh có quên thứ nào mà anh đã cùng chôn không?

Tên Đức đưa một tờ giấy, bắt tôi phải vẽ sơ đồ địa điểm chôn giấu, ghi lại các thứ đã vùi lấp.

Từ lúc đó tới giờ, đã gần 5 tháng rồi, tôi phải cố moi óc vẽ sơ đồ các điểm, khoảng cách với Quốc Lộ 1, bụi cây, cây lớn và đường mòn… Chúng hỏi rất chi tiết. Tôi tưởng chúng sẽ cho người vào đào chỗ tôi chôn. Tên Đặng hỏi tiếp:

- Nếu anh chỉ cho một người, người đó có thể đào đúng chỗ chôn giấu được không?

Tôi nhanh nhẩu:

- Được! Tôi nghĩ rằng, tôi vẽ rõ ràng thế này, có đầy đủ các điểm chuẩn, thì ai vào đào cũng lấy được.

Bỗng dưng tôi thấy hoa mày, chóng mặt, tôi phải vịn vào bàn. Một nguồn lạnh run từ trong xương sống truyền ra, làm tay chân tôi nổi gai ốc. Chúng hỏi:

- Làm sao?

Tôi nói không ra hơi:

- Có lẽ tôi bị sốt…

Chúng cho tôi về. Lúc đó cũng đã gần hết giờ.

Khi về tới xà lim, tên Nhiễm qua bảo tôi cho chân vào cùm. Tôi cố cho chân vào, rồi người tôi run quá, từng đợt lạnh chuyển từ xương sống ra khắp người. Mọi khi, muốn gì thì muốn, đi cung về là tôi sà vào ngay bát cơm đã, nhưng hôm nay, tay chân run lẩy bẩy, gai ốc nổi đầy mình. Bát cơm vẫn để đấy. Lạnh quá, lại không có cái gì đắp ngoài bộ quần áo sọc đã cũ vẫn để gối đầu, tôi giở ra, chỉ đủ để quấn cổ và quấn bụng. Bây giờ cả người tôi run lên. Từ bé tới lớn, tôi chưa thấy cơ thể mình lạ lùng thế này. Tôi chẳng biết làm sao, chỉ biết gọi "Mẹ ơi!" Tiếng gọi thầm thì như tiếng rên nài nỉ thiêng liêng, tình Mẹ cứu con!

Tôi đang ngồi run lẩy bẩy thì cửa nhỏ xoạch mở. Mặt tên Nhiễm. Y rút chốt cùm và mở cửa lớn. Như thường lệ mọi khi, y phải thấy tôi nhấc chân ra khỏi cùm, đem bát ra trả và múc nước. Y đứng một tí, không thấy tôi ra, y nhòm vào, quắc mắt:

- Sao không đưa bát ra!?

Tôi nói với giọng giật giật vì run:

- Thưa ông… tôi sốt…

Y đi vào, đứng nhìn một lúc. Tôi nói:

- Thưa ông… tôi rét quá, ông… cho tôi cái chăn…

Y quát lên:

- Chăn, chiếu nào cho anh!? Ba ngày nữa, đến ngày 16 tháng 11 là đầu Đông mới cho mượn chăn, bây giờ đâu có!

Trời đất hỡi! Tôi lạnh quá! Cái mông, ngồi xuống sàn xi măng đã lạnh buốt. Hai vai dựa vào tường cũng lạnh buốt. Còn cái chân ở trong cùm nữa! Lạnh trong ra, lạnh ngoài vào. Bụng không có cơm, cũng không có thuốc. Chiếc chân chỉ còn da bọc xương, hai đầu gối của tôi chỉ là hai cục xương.

Tên Nhiễm đứng nhìn một lúc, rồi đi ra, đóng cửa lại. Y còn ghé trở lại đút chốt cùm khi nãy đã rút ra. Chân tôi vẫn để nguyên trong cùm.

Chừng 10 phút sau, cửa mở, mụ Dậu y tá vào, mang theo một cái khay. Mụ để cái khay ở sàn trống bên cạnh, rồi quay sang:

- Anh làm sao?

Tôi vẫn run rẩy cả người, hai tay khoanh chặt ép vào ngực, trả lời ngắt quãng:

- Tôi… bị… sốt…

Mụ đưa cho tôi một cái ống thủy, bảo cặp vào nách,. Trong khi tôi cặp ống thủy, mụ ngoái nhìn toàn buồng của tôi, rồi lại nhìn tôi. Ngoài bát cơm chơ vơ nguội lạnh ở đầu sàn, trong buồng trống trơn, chẳng có một cái gì.Những người tù ở miền Bắc, thường có chăn màn, quần áo, có khi còn được tiếp tế nữa. Nên trong xà lim, thường vẫn có một số đồ tối thiểu. Phần tôi, chăn mùng không, thậm chí quần áo cũng bị tịch thu, chỉ có một bộ quần áo sọc tù duy nhất. Tên Nhiễm vẫn đứng ở ngoài, một tay vịn cánh cửa nhìn vào. Hình như hắn cũng không tin cả người y tá. Mụ Dậu ra hiệu tôi đưa ống thủy cho mụ. Mụ soi ra ánh sáng. Tôi chả biết bao nhiêu độ.

Mụ lục đục lấy ống tiêm, chích cho tôi một mũi. Tôi chả hiểu thuốc gì. Lúc mụ sắp sửa ra, tôi cố nói:

- Tôi rét lắm, đề nghị… cho tôi mượn cái chăn…

Mụ quay lại nhìn tôi, rồi hất hàm về phía tên Nhiễm:

- Hãy đề nghị với ông cán bộ đây.

Cánh cửa đóng xầm, tiếng xọc xạch của then cửa như đập vào nỗi tuyệt vọng của tôi. Tôi mệt mỏi quá, nằm xuống, lại phải cố gắng bò dậy ngay, vì cái sàn xi măng lạnh buốt. Chẳng hiểu ngày xưa trong chuyện võ hiệp của Tầu, tập luyện nằm giường đá, thế nào tôi không biết, chứ tôi thấy cơ thể của một con người không có cách nào chịu đựng được. Nó buốt lên tới gáy, tới đầu. Tôi cũng đã bắt buộc… phải tập nằm từ mùa Hè qua mùa Thu cho đến bây giờ, vậy mà chả quen được.

Tôi cứ phải ngồi như vậy suốt đêm. Lúc mỏi quá, mệt quá, ngả xuống, lại phải bò dậy ngay, mấy lần. Tôi chỉ dựa vào tường thiếp đi từng chập. Cơn sốt đã giảm, mồm đắng nhổ không ra nước miếng.

Tôi cứ ngồi co ro, đầu ngục xuống. Hồn lãng đãng dật dờ tỉnh mê. Dòng suy nghĩ chập chờn về… lòng nhân ái, tình nhân loại, nghĩa đồng bào… Giữa đêm trường vắng lặng, thỉnh thoảng một tiếng mối kêu lanh lảnh: Chặc, chặc, chặc… kéo dài, vang vào đêm thâu như ngạc nhiên, băn khoăn, tại sao loài người lại hành hạ tàn nhẫn với nhau như vậy!?… Tôi thiếp dần đi, cho mãi tới khi tai nghe loáng thoáng những tiếng cãi cọ nhau, giành nước của những người tù nữ nơi tắm giặt phía sau xà lim, tôi mới giật mình mở mắt.

Vẫn cái dáng ngồi hai tay ôm trước ngực, dựa tường. Cả người đau như giần, mệt nhọc; nhưng, khi tôi nhìn thấy bát cơm, từ hôm qua vẫn còn nguyên như cũ, đang mời gọi. Vì sợ chốc nữa quản giáo đến mở cửa các buồng cho đổ bô, sẽ bắt đem bát cơm ra, nên tôi kéo bát cơm đến, ăn vội.

Đúng như vậy, tôi đã nghe tiếng lẻng xẻng chìa khóa mở buồng số 1, tiếng ào ào mở vòi nước, tiếng chổi cùn khua khoắng bô, vì bô bằng tôn. Không hiểu sao, bô nào cũng vậy, nước giải đóng thành cao vào chung quanh. Nếu chỉ đổ và tráng nước không, vẫn còn mùi khai thối, vì thế, thường ai cũng phải vội vàng dùng những cuống chổi thanh hao cùn, bó chừng một nắm tay, dài độ 20 phân, thường dựa ở góc bể nước con, khua và tráng cho sạch bô. Vì chính mình, khi đi ngoài phải ngồi vào đó. Nhiều miệng bô, do lâu ngày nước giải ăn mòn, lởm chởm sắc như răng cưa. Ngồi để mông vào một lúc đau không chịu được, phải xoay chỗ khác. Cho nên, khi còn lão Hoàn giam chung với tôi, khi hắn đi xong đứng lên, mông có rất nhiều khoanh tròn răng cưa hằn sâu vào thịt.

Đến lượt buồng tôi. Tôi trả bát, đổ bô xong, vừa tra chân vào cùm, lại thấy mở cửa. Mụ Hoa vào gọi tôi đi cung.

Hôm nay, ra phòng cung, tôi chỉ thấy Thành và Đức. Lâu lắm mới thấy tên Thành. Tôi nhớ y nhiều vì trong số 6, 7 tên chấp pháp hỏi cung tôi, chỉ có tên Thành này từ ánh mắt, cho đến lời nói, thái độ hỏi cung, tỏ vẻ rất có thiện cảm với tôi. Y tỏ ra một con người rất tình cảm. Có lúc, tôi thấy y cầm cuốn tiểu thuyết "DDoạn Tuyệt" của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tôi hiểu, y được quyền xem, nghiên cứu vì y là chấp pháp chính trị. Hơn nữa, y đang theo hàm thụ năm thứ tư về Kinh Tế. Dù sao, tôi vẫn thấy y còn chất tiểu tư sản. Tên Thành chỉ chiếc ghế, tình cảm:

- Anh ngồi đi. Sao, dạo này anh có được khỏe không? Tôi bận chút công việc, lâu lắm mới gặp lại anh.

Tôi cũng mềm mỏng:

- Cảm ơn ông, lúc này tôi không được khỏe lắm.

Y vờ ngạc nhiên săn đón:

- Anh bị yếu đau sao? Anh có ăn được không? Có ăn hết suất cơm không? Sao trông anh gầy thế?

Theo cái hiểu của chúng, nếu cứ ăn hết suất cơm là không sao cả. Chúng không thể biết được, do cái đói cào cấu, thèm ăn triền miên hàng ngày, hàng tháng, nên dù sắp chết, tù vẫn thèm ăn. Vì vậy, tôi trả lời thủng thẳng:

- Hôm qua tôi bị sốt, nhưng vẫn ăn hết suất cơm.

Tên Đức hôm nay cũng có vẻ tươi tỉnh:

- Hôm nay chúng tôi gọi anh lên, không phải để hỏi cung anh. Gọi anh lên để nói chuyện… Này, anh Bình, tôi hỏi thực anh nhé! Khi còn ở Sài Gòn, anh có hay đi nhảy, đi chơi gái không?

Nhìn y, tôi hơi ngạc nhiên. Y vừa cười vừa hỏi, lại còn nhay nháy con mắt nữa chứ. Tôi nghiêm trang trả lời:

- Thưa ông, tôi không biết nhảy. Còn chuyện chơi gái, phần tôi chỉ chú ý đến học hành, phần khác, tôi không thích. Theo quan điểm của tôi, chuyện đó là một thứ cao đẹp của con người. Bỏ đồng tiền ra mua bán làm trò giải trí, thà đi xem xi nê, đọc sách, hoặc ngồi ngắm cảnh thiên nhiên còn thú hơn. Điều đó, vừa vô nghĩa lại vừa tỏ ra sự hèn kém, của người con trai.

Cả hai tên đều nhìn tôi cười rộ. Tên Thành tình cảm:

- Khi anh ra đi, bố mẹ và các em anh có khỏe không? Bố mẹ anh có biết không?

Nhắc đến gia đình, tự nhiên một mối xúc động len lén vào lòng tôi. Vì thế, khi tôi trả lời, niềm xúc động cũng tràn ra theo:

- Bố mẹ tôi khỏe. Bố mẹ tôi không biết gì về chuyến đi của tôi.

Thành tiếp tục gợi chuyện:

- Anh có nhớ bố mẹ và các em anh không? Anh thử nghĩ xem, bố mẹ anh đã phải tần tảo vất vả cả cuộc đời, để nuôi anh đi học, anh đã làm cái gì để đền đáp công lao trời bể ấy?

Niềm xúc động càng tràn vào đầy ắp trong lòng. Tôi miên man nhớ tới một hình ảnh không quên: Buổi chiều ấy, khi tôi còn ở trại học sinh di cư Phú Thọ, Chợ Lớn, thằng em trai đến bảo tôi:

- Tối nay, 7 giờ về chỗ sân nhà Tân Định, tan chầu ra, mẹ sẽ gặp anh để làm gì ấy!

Đã hai tuần liền, tôi không về nhà, vì ông bố mắng chửi là mải chơi không chịu học hành, nên thi phần 1 trượt. Tối hôm đó, trời mưa giăng ẩm ướt, tôi núp dưới một mái hiên trong sân nhà thờ chờ mẹ. Những hạt mưa nhỏ lấp lánh như những sợi chỉ bạc trong ánh đèn điện, hắt ra từ những cửa sổ nhà thờ, càng làm cho buổi tối thêm lê thê da diết. Người mẹ, hai tay thủ trong vạt áo dài vì lạnh, chiếc khăn trùm kín đầu, lò dò từ cửa hông nhà thờ ra sân, dưới mưa rơi, gặp con chỉ để nói:

- Hãy nghe lời mẹ. Chủ Nhật này về, bố mày hết giận rồi!

Và mẹ giúi vào tay tôi 100 đồng. Giờ đây, tôi trong cảnh tù đầy, hình ảnh ấy của người mẹ kính yêu, đã làm nước mắt tôi trào ra lúc nào không biết. Tôi thổn thức, nức nở như một cậu bé con.

Chính những tên chấp pháp cũng không ngờ được tôi khóc, và chúng phải im lặng tôn trọng cái phút thiêng liêng ấy.

Phải, con người tôi, tha hồ cùm kẹp hành hạ đừng hòng nước mắt tôi chảy ra, trừ mẹ tôi, tình cảm gia đình tôi.

Cũng từ đấy, chúng phát hiện được nhược điểm tình cảm của tôi. Và, với Cộng Sản, kinh nghiệm thực tiễn cho tôi thấy, anh càng yếu, càng sợ cái gì, chúng càng lấy cái đó để hành anh. Sau này, đầy dẫy những minh chứng.

Chúng để cho tôi hết cơn xúc động, rồi mới đẩy đưa:

- Đấy, anh xem, vì sao hiện nay anh lại bị như thế này. Nguyên nhân chính yếu là do bè lũ Mỹ Diệm, đã lợi dụng bầu nhiệt huyết của thanh niên và lòng bồng bột của anh, để đẩy anh vào chỗ chết. Trong khi hiện nay ở nhà, chúng vẫn phè phỡn xe hơi nhà lầu, tiệc tùng cười vui thoải mái hả hê, không cần biết hoặc không còn nhớ bây giờ anh sống hay chết. Anh phải biết căm thù chúng nó. Hãy tố giác mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng anh của chúng với cách mạng. Đây là con đường duy nhất, để tự anh cứu sống anh. Chính anh là người quyết định sẽ được hưởng lượng bao dung khoan hồng, của đảng và nhà nước hay không!

Tôi vẫn cúi đầu ngồi nghe chúng nói. Tôi thấy chúng lợi dụng sự yếu mềm của tôi với gia đình, để đẩy đưa sang vấn đề chính trị. Tôi suy nghĩ, tương kế tựu kế là sách lược hay nhất và hiệu quả cũng thường cao nhất. Vì thế, tôi tỏ nét mặt vui tươi và tin tưởng:

- Thưa các ông, các ông nói rất đúng. Càng suy nghĩ, tôi càng căm thù chúng. Nếu trước đây tôi không di cư vào Nam, thì bây giờ biết đâu tôi chẳng là một anh bộ đội, hiên ngang trong hàng ngũ cách mạng, cầm súng chống lại Mỹ Diệm.

Cả hai cùng cười rộ lên, tôi nghe đầy những mưu mô thủ đoạn ở trong. Hai tên cùng đứng dậy, tên Thành nhìn tôi:

- Bây giờ cho anh về nghỉ. Sáng mai, chúng tôi sẽ đưa anh vào Hà Tĩnh đào chỗ anh chôn những đồ vật dụng.

Về xà lim, đêm hôm ấy, tôi cố moi óc nhớ lại tất cả những gì tôi chôn theo hôm đổ bộ, nghĩ xem có điểm gì quan trọng tôi chưa khai thông. Vì đến nước này, trước hay sau tôi cũng phải vào chỗ chôn giấu. Trước đây, chúng bắt tôi vẽ sơ đồ, hỏi tỉ mỉ từng chi tiết đường đi, nước bước, tôi tưởng chúng đã cho người vào địa điểm tôi chỉ mà không tìm ra, nên bất đắc dĩ chúng bắt tôi đi. Hồi chiều, tên Nhiễm mở cửa bảo tôi ra cắt tóc. Khi ra tới chỗ bể nước nơi vẫn đổ phân, một anh đi chân đất, mặc quần nâu, tuy có vẻ mập nhưng nước da vẫn tai tái, tay cầm cái "tông đơ", chỉ hè gạch, bảo tôi ngồi. Tên Nhiễm đứng ngay đấy.

Chỉ 3 phút, anh húi hết tóc, rồi râu của tôi, anh ta nói với tên Nhiễm:

- Báo cáo ông, tôi về.

Tên Nhiễm chỉ gật đầu. Hôm nay, đặc biệt, tên Nhiễm gọi thợ cắt tóc cho tôi, và lại đặc biệt cho vào gội đầu. Cũng chỉ vài phút cúi đầu vào vòi nước, vặn xòe xòe, vò một lúc xong!

Tôi hiểu, chẳng qua vì ngày mai tôi phải vào Hà Tĩnh, nên hôm nay mới được cắt tóc, chứ gần 4 tháng có cắt đâu. Chẳng biết tóc tôi y cắt thế nào, sờ thấy ngắn ngủn. Kệ nó, cần gì!

Trở Lại Địa Điểm Đổ Bộ ...

Sáng hôm sau, trời hãy còn tối đất, chưa đến giờ làm việc, đã thấy cửa buồng tôi mở.

Khi ra tới phòng cung, nhìn ra sân, dưới giàn nho, tôi thấy ở lối đi giữa, một chiếc xe Commanca đang đậu quay đầu hướng ra phía cổng Hỏa Lò. Tôi nhớ hôm nay là ngày 15 tháng 10. Như vậy, tôi đã bị bắt gần 4 tháng.

Trong phòng cung có 3 tên Thành, Đức và Nhuận. Tên Đức chỉ tôi ngồi ghế, rồi nghiêm giọng:

- Hôm nay, chúng tôi được lệnh dẫn anh vào chỗ anh đã đổ bộ, để lấy một số vật liệu tang chứng anh đã khai báo. Trên đường đi, hay về, anh phải tuyệt đối chấp hành lệnh của chúng tôi. Nếu anh tỏ ra một vài ý không tuân theo, anh sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Chúng tôi sẽ cương quyết xử lý. Nếu anh tỏ ra thành khẩn chấp hành, điều đó sẽ rất tốt cho anh sau này.

Tên Thành mở một gói giấy báo trên bàn: Một nắm xôi với một quả chuối. Hắn đưa cho tôi:

- Anh hãy ăn chỗ xôi này, rồi chuẩn bị đi.

Chừng 5 phút sau, ăn xong, tôi xin uống nước. Y nhìn quanh không thấy nước, đành sang phòng bên. Y lấy cái tích còn ít nước trà, chắc từ hôm qua, nước hơi thiu, nhưng tôi rót uống hết. Sau đó, tên Nhuận ra ngoài, một lát sau y vào cùng hai tên cảnh sát đồng phục và mang vũ khí. Y quay lại phía tôi tuyên bố:

- Theo nội quy đi đường, để đảm bảo an ninh, anh để các đồng chí đây làm thủ tục.

Hai tên cảnh sát bắt tôi đứng lên, đưa hai tay ra phía sau. Chúng khóa một cái còng số 8 ở cổ tay, rồi hai miếng khóa ngàm nối với nhau bằng một xích sắt lớn, mỗi miếng bóp khóa ở trên cánh tay tôi phía dưới vai. Trong khi đó, cả 3 tên Nhuận, Thành và Đức đều đeo súng ngắn.

Chẳng biết chúng sợ gì tôi, có thể chúng nghĩ tôi biết chút võ vẽ ngày xưa nên chúng đề phòng chăng. Phải khóa hai lần, và 5 tên có vũ trang áp tải.

Khi chúng dẫn tôi ra gần tới xe, tên lái xe mặc quần áo xám bộ đội quay lại, nói với chúng:

- Hãy khóa tay ra đàng trước cho người ta. Nếu không, khi đi đường xe xóc, ngã gẫy tay.

Đúng vậy, khóa phía sau, nếu ngã tôi chẳng làm sao đỡ được, sẽ như quả bí lăn long lóc. Tuy thế, không ai trả lời, và cứ như vậy lên xe. Chúng phải đỡ tôi lên xe, vì tôi không có tay để vịn. Tên Đức ngồi băng trên với tài xế, còn 4 tên ở phía dưới kém tôi vào giữa.

Xe bắt đầu chạy ra cổng Hỏa Lò, rồi qua thành phố, trở ra Quốc Lộ 1.

Mới hơn 4 tháng nằm trong Hỏa Lò mà tôi đã cảm thấy như lâu lắm, với bao nhiêu đau thương nặng nề âm u trong cùm kẹp, cũng như bao nhiêu bão tố vùi dập về cung kẹo. Từ tâm tư, nếp suy nghĩ đến cả con người của tôi cũng đã thay đổi hẳn. Thực vậy, cũng vẫn cảnh sinh hoạt ngược xuôi của phố phường. Cũng vẫn khung trời Hà Nội mây bay, gió thổi; nhưng, tôi nhìn nơi nào, cảnh nào, đâu đâu cũng chỉ một màu héo úa đau thương.. Những xe cộ, tôi thấy tất cả như xa lạ, thuộc về một thế giới khác, cái thế giới không có phần của tôi nữa. Tôi không còn một chút gì dính dáng đến cái vui, cái êm đềm của hạnh phúc, "nếu có", của thế giới ấy. Một mình tôi tách rời ra, lầm lũi mò mẫm trên con đường chập chùng dẫn xuống địa ngục tối, lầm than.

Trên đường đi thật là gian khổ. Đường nhiều ổ gà, xe xóc, tôi như quả bí ngả nghiêng, lăn lộn. Tôi có gì để đỡ đâu, hai tay bị khóa chặt sau lưng, ngay ngồi yên cũng còn khó dựa lưng. Thân thể đau nhừ, tâm tư nặng trĩu ưu sầu. Suốt đường đi, tôi như người câm, âm thầm mím môi, đè nén đau thương uất hận vào tim.

Những lần xe phải qua phà. Chúng có lệnh đặc biệt nên chỉ tài xế và tên Đức phải xuống đi bộ. Tất cả mọi xe khác, dù bộ đội hay công an, ai ai cũng phải xuống xe. Riêng tôi và 4 tên áp tải vẫn ngồi trên xe. Vì thế, có nhiều con mắt tò mò rõi vào trong xe chúng tôi. Khi thấy một người bị hai lần khóa ngồi giữa 4 công an, con mắt họ thường mở to nhìn tôi. Tôi để ý, mỗi lần xe qua phà, hoặc cầu, một tên cảnh sát có một cái xích nữa mắc vào cái khóa xích phía trên của tôi. Hình như chúng sợ bất ngờ tôi lao xuống sông, để trốn hay tự tử.

Khi xe vào thị xã Thanh Hóa, những tên công an và cả tên lái xe cùng xuống hết cả. Lúc đó khoảng 12 giờ, chắc chúng đi ăn. Chỉ còn hai tên cảnh sát ngồi lại trên xe. Chừng nửa giờ sau, tụi công an trở về, tên Thành mang về cho tôi hai gói xôi, có lẽ mỗi gói hai hào. Điều phiền cho chúng là tôi không ăn được, vì tay khóa sau. Chúng hội ý với nhau một lúc, rồi tên Thành quay lại nói:

- Bây giờ chúng tôi mở khóa, và sẽ khóa ra phía trước cho anh ăn. Nhưng cần phải tuyệt đối chấp hành nghiêm chỉnh. Anh tỏ ý lộn xộn thì đừng trách chúng tôi.

Hắn mở một cái túi xách, chỉ vào trong và nói:

- Đáng lẽ chúng tôi phải xích cả chân anh nữa, nhưng để cho anh thoải mái. Vậy, anh phải biết điều!

Chúng khóa tay tôi ra phía trước. Tôi ăn xong, tên Thành hỏi:

- Anh có hút thuốc không?

Trời đất hỡi! Từ sáng, nhìn chúng hút, tôi thèm điên người. Đời tôi bây giờ đau thương tràn lối, còn quái gì nữa đâu, cho nên ước mong được hút một điếu thuốc cho say sưa, thế là mãn nguyện rồi. Vì vậy, khi tên Thành hỏi, mắt tôi sáng lên và tỏ ý biết ơn. Tôi thèm nhưng nhất định không mở miệng xin chúng.

Chà, thật là ngây ngất đê mê. Mấy tháng trời, hôm nay tôi mới cảm thấy cái thú tuyệt vời. Dù hai tay còn đang bị khóa. Phải ai đó ở trong hoàn cảnh như tôi mới cảm nhận hết được cái thú ngất ngây đê mê đó.

Chờ tôi hút xong, chúng lại khóa tay tôi ra phía sau như cũ, rồi hai tên cảnh sát mới đi ăn.

Xe vào tới Hà Tĩnh thì đã chiều. Chúng đưa tôi vào trại giam của thị xã. Lúc đó đã 6, 7 giờ tối, tù đã vào hết trong buồng, nên sân trại giam không có một bóng tù.

Hai tên cảnh sát giong tôi xuống dưới bếp, mở khóa, rồi chúng nói với mấy tên cán bộ ở đấy. Hai tên nữ cán bộ ăn mặc kiểu nông dân (có thể hết giờ làm việc họ đã thay đồ) dẫn tôi vào bếp. Cơm nước của tù đã hết, hai tên nữ cán bộ bàn nhau một lúc, rồi chúng đi vào một phòng con, lấy nồi cơm nguội của chúng, và nồi thịt heo kho Tàu, chỉ còn nước và hai, ba miếng thịt nhỏ. Chúng đưa ra, đặt xuống đất, bảo tôi ăn đi.

Ôi chao, sao mà cuộc đời hẩm hiu của tôi lại có những phút sung sướng như thế này. Ăn miếng cơm nguội, chan với nước thịt kho Tàu, tôi nghĩ rằng trong đời tôi từ trước chưa có bữa cơm nào ngon như thế. Trong nồi còn đến 4,5 bát cơm thế mà tôi chén sạch trơn. Cảm ơn cuộc đời! Cảm ơn con người!

Sau đó, một tên cán bộ nam, có lẽ là trực trại, dẫn tôi vào một buồng, có thể cũng là xà lim, nhưng là một xà lim vùng quê nên bẩn thỉu và tối om. Ngọn đèn điện vàng khè đầy mạng nhện và bụi đất chỉ làm cho căn xà lim mờ mờ, chỗ sáng, chỗ tối. Ở giữa buồng, một chiếc sàn gỗ đầy như chiếc giường con, sứt sẹo nằm chơ vơ. Bên trên có cái cùm suốt với hai khoen bằng sắt tròn, loại đường kính 2 phân rưỡi.

Tên cán bộ rút suốt cùm, bảo tôi lắp hai khoen vào hai chân, y chốt lại rồi khóa. Không nói thêm một lời, y ra ngoài đóng cửa, khóa lại.

Chà, cùm kiểu này thật dễ chịu, cùm hai chân mà tôi thấy thoải mái hơn, cùm một chân ở Hỏa Lò. Tôi có thể đứng dậy, dịch chân sang chỗ nọ, chỗ kia, tha hồ đứng trên sàn vặn vẹo người tập thể dục, hít thở không khí. Cả ngày ngồi xe gò bó nên mệt, tôi ngả lưng cho cơ thể thoải mái, đồng thời thưởng thức cái dư vị của một bữa ăn ngon, mà giờ đây, nước miếng còn thấy ngọt. Hai chân tôi dạng ra chụm vào dễ dàng. Đêm khuya vắng lặng, thỉnh thoảng vang lên những tiếng xọc xạch cọ sát của hai khoen cùm khi tôi cử động đôi chân.

Bụng căng no tròn, chân tay thoải mái, có lẽ đêm nay tôi sẽ được một giấc ngủ ngon lành. Nhưng đột nhiên, lưng tôi ngứa ran, cái gì thế? Càng gãi, càng ngứa. Ngứa quá tôi phải bò dậy. Lưng tôi rộp sần hết lên. Dưới ánh sáng mờ mờ, tôi chả nhìn thấy cái gì hết, nhưng trong lúc xoa gãi, tôi thấy mùi rệp hăng hăng. Tôi vội bò giật dậy, đứng lên, cởi áo soi dưới ánh đèn. Trời, một cái áo của tôi mà gần 20 con rệp, nhiều con bụng no tròn căng đỏ những máu. Cả mông, cả đùi cũng ngứa. Tôi tụt cả quần ra, vì vướng cùm, nên phải cho tay vào ống quần mà khua, giũ đuổi con rệp. Chả lẽ cứ đứng thế này suốt đêm? Mỏi chân và mệt, tôi lại đành mặc áo ngồi xuống, rồi ngả lưng nằm xuống. Lại ngứa quá, tôi nhổm dậy, căng mắt nhìn xuống sàn. Trong bóng mờ, lổn nhổn những chấm đen di chuyển. Kinh quá, sao nhiều rệp thế! Hình như chúng đói lâu ngày, hôm nay mới có món ăn, nên chúng rủ rê con cháu lũ lượt dũng cảm, xông vào con thịt. Tôi đành ngồi xổm, mỏi rồi lại đứng lên. Người mệt rã rượi, tôi chẳng còn tâm hồn đâu để thưởng thức lại bữa ăn lúc chiều. Bàn chân cũng ngứa. Chỉ còn hai bàn chân phải đứng trên sàn, thế mà chúng cũng rúc vào từng kẽ ngón chân để hút máu. Nếu không có hai cái khoen cùm, tôi đã lao xuống đất nằm, tôi mệt quá rồi.

Lũ rệp chó chết này, hình như cũng là đồng chí của lũ Cộng Sản khát máu. Cũng hút máu con người, nhưng chỉ hút và hành hạ những người cùng khổ. Đột nhiên, một tiếng nói của một người con gái vang lên, trong cái âm u vắng lặng của nhà tù; giọng thánh thót Hà Tĩnh từ một buồng bên:

- Anh Thời à!

Tiếng một người đàn ông, cũng Hà Tĩnh, từ một buồng phía khác:

- Nguyệt đấy hỉ! Có người mới vào à! Nhiều tuổi không?

Tiếng cô Nguyệt:

- Chừng 23, 23, có lẽ là cán bộ bị bắt!

Chà! Như vậy khi nãy, cô ả đã nhìn tôi qua một khe hở nào đó, mà tôi không biết. Im lặng một lúc, rồi giọng người đàn ông:

- Anh bạn!...Mới bị bắt hỉ? Bắt vì tội chi rứa?

Tiếng hỏi rơi vào vắng lặng của đêm thâu. Tôi đang bơ phờ mệt mỏi vì phải ngồi xổm và đứng mấy giờ rồi. Lòng lại nặng trĩu những suy tư tính toán, về ngày mai khi vào tới địa điểm chôn đồ, nên tôi im lặng, để họ tưởng tôi đã ngủ rồi.

Đứng và ngồi, vẫn còn phải đuổi muỗi nữa chứ. Hà Tĩnh cũng thực nhiều muỗi, có khi còn hơn ở Hỏa Lò. Quá nửa đêm vừa rã rời vừa nhím mắt lại, không còn cưỡng lại được nữa. Thôi, cũng đành xin hiến dâng những giọt máu

loãng, của tôi cho các đồng chí của lũ cộng vậy. Tôi nằm vật ra và thiếp dần.

Sáng hôm sau, trại giam chưa tới giờ làm việc, chúng đã mở cửa, mở cùm gọi tôi ra. Tôi để ý, cũng là công an, nhưng những tên công an ở Hà Nội chỉ gặp tôi ở trên văn phòng. Còn giam ra sao, cùm ra sao, đều do những cán bộ của trại giam Hà Tĩnh đảm trách. Hà Nội chỉ giao người và hôm sau lấy lại người.

Khi ra tới một phòng làm việc, tôi đã thấy Thành, Đức, Nhuận và hai tên cảnh sát ở đấy. Họ đang nói chuyện với một tên đeo lon Trung Úy ở trong phòng. Khi tôi vào, tên Thành quay lại tôi:

- Anh để cho các đồng chí đây làm việc, rồi đi.

Làm việc quái gì đâu. Chúng nó lại lủng củng xích với khóa. Vẫn khóa tay tôi ra phía sau như hôm qua. Chúng giong tôi ra chiếc xe hôm trước đã đậu phía trong cổng trại giam. Chúng đỡ tôi lên, cũng cái thế ngồi như ngày hôm qua.

Càng đường trong này, càng xóc dữ dội. Người tôi lăn lộn, hai tên cảnh sát, mỗi tên một bên, phải giữ đỡ hai cánh tay của tôi. Trên người tôi, tay tôi, những nốt rệp cắn đêm còn lốm đốm đỏ. Một điều gây cấn cho tôi, những nốt đó bây giờ thật ngứa. Tôi muốn gãi cào thật mạnh cho đã, nhưng tay tôi bị xích thế này, làm sao mà gãi được. Như con trâu, tôi cứ xoay sở, vặn vẹo người cọ lung tung vào thành xe. Càng cọ, lại càng ngứa thêm. Chẳng lẽ lại nhờ những tên công an gãi cho? Chúng nó chẳng thèm làm, và tôi cũng chẳng thèm nhờ. Hơn nữa, chúng biết tôi ngứa chỗ nào mà gãi. Ôi, cuộc đời độc địa: ôi, loài người thương yêu.

Xe đi vào tới Kỳ Anh, rồi Kỳ Phương. Đến đây, chúng đưa tôi vào một căn nhà trong xóm. Cũng nhà tranh vách đất, nhưng có vẻ khang trang hơn những nhà chung quanh. Có thể là nhà của một công an xã. Chúng đỡ tôi xuống xe, dẫn đến một gốc cây soan ở mé sân, bảo tôi ngồi xuống. Hai tên cảnh sát đứng kèm hai bên. Ba tên Nhuận, Đức và Thành, có lẽ đi trao đổi vấn đề.

Chừng một lúc, có một số trẻ con, rồi một số dân trong xóm tò mò chạy đến thập thò nhìn tôi. Đột nhiên, mấy em nhỏ chừng 12, 14 tuổi nhặt những hòn đất, đá ném vào người tôi, rồi tiếp theo là mấy mụ đàn bà nhà quê, trong đó có một bà già, rống lên xỉa xói, chửi, nào là:

- Mày là biệt kích, ăn gan uống máu, làm tay sai cho Mỹ Diệm.

- Mày là tên Việt gian bán nước, phản nhân dân, phản cách mạng.

.....

Một bà khác cầm chiếc đòn gánh cứ xông vào định đánh tôi, mồm réo lên:

- Mày giết chồng tao, ngày nay cuộc đời tao góa bụa, con tao mồ côi. Tao đập vỡ đầu mày ra, cho mày chết!

Tôi đã nhìn thấy nhiều cảnh nhân dân miền Nam, sống ở thành phố cũng như ở nông thôn. Tôi cũng đã nhìn thấy nhiều cảnh nhân dân miền Bắc, sống ở nông thôn cũng như ở thành thị. Tôi so sánh, tôi tự thấy con đường mình đi là chính nghĩa, con đường mang ấm no, tự do, nhân bản cho mọi người. Vì thế, trước cảnh này, dù đôi tay bị khóa, tôi vẫn ngẩng cao đầu nhìn họ. Mắt tôi bình thản nhìn những thái độ thù nghịch, hằn học của họ, mà lòng tôi vẫn tự hào. Cũng khá khen cho tụi lãnh đạo miền Bắc, dùng chính sách ngu dân, bần cùng hóa con người, rồi từ đấy bịp bợm, khích lệ, ca ngợi, phỉnh phờ; khêu gợi lòng căm thù của những kiếp người cùng khổ, hướng về đối tượng kẻ thù của chúng. Nhìn thái độ, ánh mắt và lời nói của họ, tôi tự mỉm cười trong lòng.

Tôi, đã hy sinh cả tuổi trẻ, cả mạng sống, vào nơi hang hùm nọc rắn, để góp phần nhỏ bé của mình, hòng cứu họ thoát cảnh đời trâu ngựa lầm than, lê thê trong kìm kẹp của Cộng Sản, họ lại chửi bới, sỉ vả, hất hủi. Ngược lại, họ lại hoan hô, ca ngợi, kính yêu những người sẽ giết dần đời họ bằng những lời dụ dỗ phỉnh gạt tinh vi. Tôi nghĩ đến thời đại ngày nay, của con người mà rùng mình ngao ngán. Trắng, đen lẫn lộn!

Tôi tha thiết kêu gọi những nhà nước giầu có, các nhân vật tài ba lỗi lạc, hãy đem cái giầu của mình, cái tài của mình, làm cách nào đó, làm cho mọi người dân phân biệt được trắng, đen thực sự. Tôi nói "thực sự". Vấn đề này, nghe nói đến, ai cũng thấy cũ xưa như trái đất. Tôi nói nó không cũ xưa ở hai chữ "thực sự". Cộng sản đã, đang và sẽ còn gây cho nhân dân một số nước, một số chính phủ khốn đốn, chỉ vì người dân chưa phân biệt rõ trắng đen, giữa người làm hại và người làm lợi cho họ.

Có người sẽ nói: Điều này đã nói nhiều lần rồi, nhưng dân không tin.

Điều quan trọng ở đây là vì sao dân không tin? Vì sao dân không tin gồm nhiều mặt, nhiều vấn đề, đòi hỏi mất nhiều tiền của, nhiều tâm trí ngày đêm đào sâu xét kỹ, nhiều tâm, sức để lăn xả vào những việc làm quên mình. Sẽ không có hiệu quả, nếu thiếu một trong ba yếu tố trên. (Ở đây không phải là một tác phẩm lý luận, tư tưởng, vậy tôi chỉ trình bày một số khái niệm có tính cách phiến diện).

Chừng nửa giờ sau, tên Thành, Nhuận và Đức ra bảo tôi đi.

Ruộng đồng lúc này hãy còn khô, nên chúng cứ đi tắt, qua cánh đồng chiêm, thẳng hướng tiến bước. Khi gần tới nơi, xa xa tôi đã nhìn thấy chiếc cây to, tôi đã ngồi nghỉ lúc mới đổ bộ lên bờ; phía bên phải là làng xóm nơi có nhà của tên chủ tịch Phong. Tôi cố ý dẫn theo hướng khác, không đi vào làng, tôi bảo chúng đó là con đường tôi đã đi ra Quốc Lộ 1. Thử để xem trước đây đã có tên nào vào tìm chỗ tôi chôn đồ chưa, nên tôi cứ vờ lang thang ngơ ngác ở xa gốc cây. Lúc đầu, chúng cũng theo tôi, sau thấy tôi cứ lơ ngơ nhìn đây đó, như chưa tìm lại được những địa hình quen thuộc, tên Nhuận và Thành giơ tay làm hiệu:

- Theo như anh vẽ, thì đến phía này cơ mà!

Qua thái độ chỉ dẫn của chúng, trúng phóc, chỉ không thể xác định vị trí chôn chỗ nào gần gốc cây. Đây đó, đã có một vài lỗ nhỏ, đất cát còn lổn nhổn, chứng tỏ đã có người đào bới hàng nửa tháng, mươi ngày trước. Như thế, chúng đã cho người vào tìm, nhưng bới đào lung tung, vẫn không tìm ra. Điều đó,cũng đã nói lên một phần là trước đây, tôi đã chôn giấu tốt.

Đã hơn 5 tháng rồi, mưa gió đã làm cho mặt đất, chung quanh gốc cây, chỗ nào cũng tưởng như chưa hề có dấu chân người bước đến.

Cả 5 tên cùng đang chờ thái độ của tôi. Thực ra, ngay khi tới gốc cây, tôi đã nhận ra chỗ nào rồi, nhưng tôi chưa vội vàng. Thứ nhất, để chúng đỡ đánh giá cái óc còn tốt của tôi. Thứ hai, tôi đang liếc về chỗ bụi rậm, nơi có tổ kiến vàng và nhiều sâu róm, nơi đã che dấu tôi buổi đầu. Nhưng rồi, tôi đã chả làm nên trò trống gì, để bây giờ lọt vào tay kẻ thù. Tôi cũng thấy lòng thèn thẹn với cả bụi dây, mà giờ đây đã qua mùa Thu, mưa nhiều nên xanh um hơn trước. Liếc sâu vào trong bụi, nhìn ra con đường mòn và thửa ruộng đoàn người xuống gặt ngày ấy, lòng tôi xót xa đầy vơi cho kiếp đời gió mưa của mình. Nhìn ra xa xa, biển khơi một màu xanh ngắt. Nhớ đêm nào các anh đã bế tôi vào bờ. Bây giờ các anh, các bác đang làm gì, có bao giờ các anh, các bác ngồi nhớ lại cái đêm định mệnh đã làm tàn lụi, một đời người thanh niên không? Tự nhiên tôi thở dài nhè nhẹ, như trút dần những nỗi niềm đang buộc chặt trong lòng.

Trong lúc tôi đưa mắt nhìn đây đó như cố moi óc để xác định chỗ chôn dấu, tôi thoáng thấy từ xa, nơi một bụi cây

cách tôi hơn 200 mét, mọc ở một chỗ hõm đồi cát, mấy cái đầu lố nhố thập thò. Tôi lại nhìn thấy một họng súng đen xì khuất chéo bụi cây. Lòng thầm ca ngợi sự cảnh giác đúng cỡ của Cộng Sản. Chúng đã chủ động ngày giờ đi, và tôi đang ở trong tay chúng, không có một tấc sắt mà còn bị khóa hai lần. Tất cả chỉ vì cái đa nghi phòng hờ của chúng. Tôi đã tả kỹ, vẽ rõ ràng sơ đồ, chỉ cho chúng vào lấy, chúng không tìm ra. Bây giờ phải dẫn tôi đi, có lẻ chúng đã nghĩ, biết đâu, đây lại chả là một kế hoạch có chủ trương của tôi; hoặc biết đâu, những mạng lưới hoạt động của tôi theo dõi, bám sát, đến nay, thấy tôi được dẫn về địa điểm hẹn, đã báo cho Sài Gòn để bất ngờ vài chiếc "máy bay lên thẳng" vũ trang xuất hiện bắn phá, rồi nhào xuống cướp tôi đi. Vì thế, chúng đã huy động du kích xã bố trí, chung quanh khu vực tôi chôn đồ. Phải công nhận Cộng Sản làm việc gì đều tính toán tỉ mỉ, phòng hờ những tình huống có thể xẩy ra. Nhưng, một điều chắc chắn là chúng không thể biết được, tôi đã thấy du kích bố trí, vì từ ánh mắt đến thái độ của tôi đều không có gì khác thường cả.

Sau một lúc nhìn khắp nơi cảnh vật, mắt cau cau như thể phải vận dụng óc để nhớ lại, tôi chỉ:

- Đào chỗ này!

Chúng có một cái xẻng nhỏ của bộ đội, chúng chỉ đào sâu chừng 20 phân đã thấy cả một cái ba lô mầu vàng, to tướng của Nhật và chiếc xẻng con của tôi đã chôn theo. Vải ba lô bây giờ đã trở thành mầu xám đen và đã mục vài chỗ. Rất nhiều rễ cây con mọc chằng chịt chui vào chiếc ba lô. Máy móc, tiền, thuốc Tây, bi đông, v.v… Và cả khẩu súng ngắn phòng thân, đem đi phòng hờ bị kẹt ở điểm đổ bộ chưa ra được đường. Vì được tôi bọc trong một miếng ny lông nên hãy còn nguyên.

Sau mươi phút, chúng lấy hết lên. Tất cả đều đúng như tôi đã kê khai trước đây. Một vài thứ đã mủn rách, chúng cũng cho tất cả vào một chiếc bao tải. Tên Thành vác lên vai. Khi lấy các thứ này, chúng vui vẻ ra mặt. Thái độ của chúng đối với tôi cũng bớt phần gay gắt. Tôi nhìn 200 đồng bạc, bây giờ mới thấy thèm, vì vậy, khi về tới xe, tôi lựa lời:

- Thưa các ông, số tiền ấy…tôi có được dùng không?

Chúng đều quắc mắt, tên Đức cao giọng, dõng dạc:

- Đó là tiền của Mỹ Diệm trang bị cho anh để đi hoạt động gián điệp, đâu phải tiền của anh. Hơn nữa, tiền đó còn để làm tài liệu, chứng cớ.

Tôi cũng hơi tiếc biết thế hôm đó mang tuốt cả đi, tiêu cho đã. Tôi đã phải dè sẻn tiêu pha. Bị bắt, trong túi còn 20 đồng, vẫn bị tịch thu khi chúng khám xét.

Tôi nhớ, trên đường trở ra Quốc Lộ 1, bây giờ đã đào được rồi, không có chuyện gì xẩy ra, chúng cũng hơi chủ quan. Cả 3 tên Thành, Nhuận và Đức đi đường nào tôi không biết, chỉ còn hai tên cảnh sát giong tôi. Ngay khi đào được đồ, tôi kêu tay tôi mỏi và ngứa quá không gãi được. Chúng thấy đã có kết quả, nên cũng dễ dãi đồng ý khóa tay tôi ra phía trước và chỉ một khóa số 8 thôi.

Khi đi với hai tên cảnh sát ra tới giữa cánh đồng. Tôi nhìn suốt một giải chung quanh, cánh đồng rộng bao la, lại thỉnh thoảng có một ruộng đang có lúa. Vì ở giữa cánh đồng, không có nhà cửa cây cối, hai tên cảnh sát cũng chủ quan. Có lúc cả hai tên cùng đi trước tôi đến 7, 8 thước. Chắc chúng nhìn thấy tấm thân tôi xanh xao gầy gò, bước đi còn không nổi, tay lại còn bị khóa nên chúng cũng chả cần đề phòng gì. Tuy hai tay bị khóa, khi thấy một vũng nước nhỏ có con cua, hay con cá, tôi vẫn đứng lại nhìn, hoặc sà xuống lấy tay hất con cua lên chỗ khô.

Giữa cánh đồng, không khí trong lành, tôi đi lại được thoải mái nên người khỏe hẳn lên. Tôi chợt có ý nghĩ, nếu tay

không bị khóa, đây là cơ hội đẹp biết bao. Không có cách gì để mở được chiếc khóa này! Tay tôi hơi nhỏ, bây giờ lại gầy nữa, nếu có xà bông, nhất định ra.

Tôi nói một cách có suy nghĩ tính toán là nếu tay tôi không bị khóa, hai tên cảnh sát ở giữa cánh đồng, dù có hai khẩu súng ngắn dắt trong bao đeo ở cạnh sườn, tôi sẽ vẫn giải quyết được trong 5 đến 10 phút. Với tình huống này, tôi có khả năng gây cho chúng chủ quan rất dễ. Mà đã chủ quan coi khinh tôi, chỉ vài thế đánh chớp nhoáng là chúng gục, nhất là lúc này lại là lúc tôi phải quyết tử, khác hẳn với lúc tôi chưa bị bắt. Âu cũng là nghiệp chướng của đời tôi!

Xe về tới Hà Tĩnh đã 5 giờ chiều. Tôi lại được xuống bếp, lại gặp hai nữ cán bộ hôm qua. Vẫn có nồi cơm nguội của các bà. Hôm nay, lại có hai con cá rô nhỏ kho và một bát con rau muống luộc. Rau muống luộc mà chấm với nước cá kho, thật là hồn bay tận mây xanh. Tôi cắm cúi ăn, lòng thầm biết ơn hai người. Suốt bữa ăn, cả hai đều ngồi đấy, một đọc sách, một khâu. Chả ai nói với ai một lời. Im lặng, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng loong coong của đôi đũa chạm vào bát khi tôi và cơm. Ăn xong, tôi đứng dậy nhìn hai bà với ánh mắt dạt dào tình người. Một người ra ngoài một lúc, một tên công an vào, ra hiệu tôi đi theo y. Trên đường dẫn đến xà lim, bấy giờ tôi mới chợt nhớ đến rệp. Tôi thấy rùng mình. Cứ nghĩ đến đàn rệp lổm ngổm ở chiếc sàn gỗ. Vẫn là căn buồng xà lim hôm qua. Khi y chuẩn bị đóng suốt cùm, tôi nói như than vãn:

- Thưa ông, chiếc sàn này nhiều rệp quá!

Y nhìn tôi lừ lừ, chẳng nói một lời, bỏ ra, đóng của, khóa lại.

Đã có kinh nghiệm, cùm xong, tôi ngồi xổm ngay dậy. Tôi ngồi sầu, suy nghĩ miên man. Vô kế khả thi. Chẳng có cách gì để chống lại lũ rệp. Không lẽ, tôi cứ phải ngồi như vậy suốt đêm? Một ý niệm tràn vào óc tôi. Trong cuộc đời, nhiều khi vì cái thế, phải thua, phải hàng cả con …rệp. Cũng một con người ấy, nhiều khi hiển hách, hét ra lửa, bao kẻ phải cúi đầu lo sợ; nhưng, cũng có lúc vì cái thế. Óc tôi cứ chảy dài theo dòng suy ngẫm, bỗng giọng một người con gái nghe như thì thầm gần đâu đây:

- Sao anh không nằm nghỉ?

Tôi ngỡ ngàng, vểnh tai về phía tiếng nói, chẳng hiểu nói với tôi hay nói với ai! Im lặng, mấy phút trôi qua. Lúc này, rõ ràng là người con gái ấy nói với tôi, nghe khe khẽ như tiếng thì thào từ một khe nứt ở một tấm vách tường:

- Sao anh không trả lời?

Như vậy, hẳn cô nàng khi nãy có nghe loáng thoáng tôi nói chuyện với lão cán bộ rồi. Cũng với giọng khe khẽ tôi thì thầm:

- Xin lỗi, có phải cô Nguyệt?

Giọng hơi ngạc nhiên:

- Sao anh biết tên tui?

Tôi hơi cười:

- Tôi còn biết anh Thời nữa!

Rồi để đánh tan sự ngần ngại, ngạc nhiên, tôi tiếp:

- Có gì đâu, hôm qua tôi nghe anh chị gọi nhau.

Và để chủ động, tôi tiếp tục:

- Chị bị bắt lâu chưa, về tội gì?

- Hơn tháng rồi. Tôi là đoàn trưởng Đoàn Thanh Niên Lao Công của xứ đạo. Họ bắt tôi phải từ bỏ việc làm của tôi, để gia nhập Đoàn Thanh Niên Cộng Sản. Tôi không đồng ý, nên họ ghép tội tôi là phần tử phản cách mạng, họ bắt.

Tôi thấy chị tỏ ra cởi mở, không giữ gìn, dễ tin người. Nhưng, cũng có thể chị đã có cái nhìn tinh tế về tôi, nên mới vậy chăng? Tôi tiếp tục:

- Còn anh Thời?

Chị nói nhỏ:

- Tôi không biết rõ lắm!

Tôi hơi cao giọng:

- Tôi có lời chào và thăm hỏi anh Thời!

Tiếng nói từ một buồng phía xa:

- Chào anh bạn, anh mới bị bắt vào hỉ?

Thấy xa xôi quá, phải nói to không tiện. Nói to trong đêm khuya là một điều bất lợi. Lại tiếng chị Nguyệt nho nhỏ:

- Anh bị bắt vì tội gì? Trông anh ốm lắm!

Tôi cũng hạ giọng:

- Xin cảm ơn sự quan tâm…Chị nhìn tôi có rõ lắm không? Thế mà tôi chả biết chị như thế nào?

Một tiếng cười khẽ:

- Người ta hỏi lại cứ tảng lờ!

Cô này có vẻ đáo để và khôn ngoan. Để khỏi phiền toái những hậu họa vô ích, tôi thủng thẳng:

- Tôi là giáo viên cấp II ở Hà Nội, tội vượt tuyến.

Một lúc im lặng, rồi với một giọng thắc mắc:

- Vượt tuyến gì mà lại cùm hai chân?

Ghê nhỉ! Phụ nữ cũng không vừa. Nghĩ vậy, tôi thản nhiên:

- Có gì đâu, trong lúc bị vây bắt, tôi đã đánh cán bộ.

Lại một tiếng cười khẽ:

- Dữ nhỉ! Anh hay đánh người lắm hỉ?

Để khỏa lấp chuyện đó, tôi hỏi:

- Ở đây có mấy buồng xà lim? Nói chuyện thế này, có khi nào bị cán bộ rình bắt cùm không?

- Ở đây có 8 buồng. Nói chuyện nhỏ thế này từ 10 giờ đêm trở đi, không sợ. Thỉnh thoảng nghe tiếng chân cán bộ đi kiểm tra, mình im luôn.

Tôi nghĩ bụng, nói chuyện thế này, những lúc hứng câu chuyện, làm sao nghe được tiếng chân. Hơn nữa, gặp phải một tên cán bộ quái, nghe tiếng chân sao nổi. Tuy vậy, tôi cũng không nói ra, tôi nói như than thở:

- Sao ở đây nhiều rệp thế, tôi không thể nằm được!

Lại tiếng cười xìn xịt. Sao hay cười thế! Hết cười, cô mới như an ủi:

- Ngày mai, anh báo cáo cán bộ trực xà lim, xin ít dầu lửa đổ vào các khe gỗ.

Tôi nghĩ thầm, ngày mai tôi có còn ở đây nữa đâu. Tuy vậy, tôi im lặng.

Cũng quá nửa đêm rồi, tôi đứng lên ngồi xuống nhiều lần đã mỏi quá. Thôi, cũng đành như đêm qua, đành mời mọc hiến dâng cho những con rệp, con muỗi một bữa no nê nữa.

Máu của tao, khổ cực đói khát quá, nên vừa hôi tanh, vừa loãng lắm. Lũ chúng mày chỉ có thể hút máu những người nghèo khổ cùng cực, chứ những loại máu thơm ngon bổ béo của những người giầu, chúng mày đừng hòng. Người ta có mùng mền sạch sẽ, và có nhiều loại thuốc để trị chúng mày! Giống như đồng chí của chúng mày vậy, chúng chỉ có thể hút máu mủ, những đám dân nghèo nàn lạc hậu, nhứ những nước giầu có văn minh, người ta có hở cơ ra, chúng mày cũng chỉ "khạp" được một miếng mà thôi.

Mới mờ sáng hôm sau, tên công an trực trại đã vào mở cửa, mở cùm bảo tôi ra. Có lẽ lúc này cô Nguyệt còn ngủ, hoặc có thức, tôi cũng không làm sao lên tiếng chào một người "chiến hữu hai đêm". Lợi dụng lúc tên công an quay lưng đi ra, tôi gõ nhè nhẹ tay vào tường hai cái, gọi là để giã từ người bạn mới có lòng.

Cái buổi từ Hỏa Lò ra đi, đã ruột gan đòi đoạn từng cơn. Bây giờ trở về, dù được chúng thông cảm khóa tay ra phía trước, nhưng trong lòng tôi như không còn một chút nhựa sống. Xe long lóc, người tôi ngả nghiêng; vật vờ, rũ rượi, như những chiếc lá úa trước những trận Thu phong cuối mùa.

Xe càng chạy trở về, tôi thấy lòng càng quặn thắt, xa dần miền Nam thương yêu. Lần lượt, những hình ảnh bạn bè, họ hàng ruột thịt chan chứa, đầm ấm hiền hòa hiện ra trong óc tôi. Qua khe hở của chiếc mui xe, tôi rõi mắt nhìn một mảnh trời hình tam giác lệch, về hướng Nam. Một mảnh trời xanh xanh mơ hồ, vời vợi, rõ ràng nét mặt của mẹ tôi, với đôi mắt sầu ngấn lệ, nhìn tôi đăm đăm. Một âm vang rền rĩ trong óc:

Mẹ ơi! Cách trở ngàn trùng.
Hướng về nơi mẹ, ngập ngừng…lệ rơi!

Tôi nhắm mắt lại để ngăn giòng lệ khỏi trào ra, uất nghẹn dồn về trái tim đen thẫm.

Xe chạy qua Vinh, trên đường đi Thanh Hóa. Hai bên đường ngập lúa chín vàng. Những sóng lúa dập dờn theo chiều gió, những làn hương đồng nội ngất ngây phả ắp không gian, cũng không làm giảm được nỗi buồn héo hắt trong lòng tôi.

Xe từ từ ngừng lại ở mé đường. Tôi liếc nhìn ra khi hai tên Thành và Nhuận xuống xe. Nhìn theo con đường đất chạy dài mãi vào nơi làng xóm xa xôi. Mãi trong phía xa, khoảng 200 mét cách đường nhựa nơi xe đậu, tôi thấy có 3, 4 thanh niên và mấy em nho nhỏ, hầu hết là quần đùi, chân đất đang chạy ra phía chiếc xe. Khi các em chạy đến, qua một vài câu trao hỏi, tôi mới hiểu đây là quê hương của tên Thành. Chắc Thành đã viết thư từ trước. Lâu ngày đi làm việc ở Hà Nội xa, may có dịp công tác qua quê nhà, nên y hẹn các em, các cháu ra hỏi han tin nhà, và cũng là để vẻ vang với xóm làng.

Mấy thanh niên và các em nhỏ tò mò nhìn vào trong xe. Chẳng biết chúng sẽ suy nghĩ gì với những cái đầu óc bị bao vây trong lũy tre làng! Lũ thanh niên và Thành hỏi han nhau tíu tít, nào là:

- Anh Thành ơi! Anh A đã vào chiến trường B rồi (theo miền Bắc lúc ấy: Chiến trường "A" là miền Bắc, "B" là miền Nam và "C" là Lào).

- Chị B lên huyện làm y tá.

- Anh C đã làm tiểu đội trưởng du kích, v.v…

Đột nhiên, một thanh niên giọng háo hức:

- Anh Thành ạ, anh Lương làng mình đã mua được một chiếc xe đạp rồi đấy. "Bình bầu" mãi! 280 đồng giá cung cấp. Hai cái tay "phanh" sáng loáng. Hôm nọ, nói mãi anh ấy mới cho em đi thử một vòng ở sân hợp tác xã, êm như ru, sướng lắm!

Tôi nghĩ thầm. Một chiếc xe đạp! Bao nhiêu lâu anh em mới gặp nhau có mươi, mười lăm phút, mà khoe "một chiếc xe đạp", lại là của người khác cho mượn. Tôi cảm thấy, ở miền Nam, chuyện mua một chiếc ô tô cũng không đến nỗi chiếm vào cái thời giờ ngắn ngủi, mà bao nhiêu chuyện gia đình cần nói.

Sự việc này, cho phép tôi hiểu hơn một chút về cảnh sống của người dân miền Bắc. Đám thanh niên, trẻ con còn rờ, còn mó chiếc xe ô tô như một thứ kỳ vĩ lạ lùng. Với đầu óc ngây thơ hạn hẹp của họ, đúng là Liên Xô, Trung Quốc vĩ đại thực, vô địch thực! Nghĩ cho cùng, nếu tôi phải sống như họ, thì tôi cũng chẳng khác gì họ. Vậy, lỗi này đâu có phải tại họ!

Mười lăm phút sau, xe lại chạy, những đứa trẻ con còn cố chạy theo để rờ, mó chiếc xe như thể tiếc rẻ chưa rờ đã!

Người Mong Không Gặp,
Người Gặp Không Mong…..

Về tới Hà Nội đã 5, 6 giờ chiều. Trời đã lành lạnh buổi đầu Đông. Khi xe vào cổng Hỏa Lò, trời đã chập choạng. Vào phòng, sau khi mở khóa, tên Thành mở cặp lấy ra hai gói thuốc lá "Trường Sơn" và một bao diêm:

- Đây là tiêu chuẩn tiền ăn đi đường 2 ngày của anh, còn thừa 5 hào, tôi bỏ thêm hai hào để mua cho anh.

Tôi sáng mắt cám ơn. Tên Thành thật tâm lý. 7 hào bạc, bất cứ nó mua cho tôi thứ gì cũng không quý bằng thuốc lá. Tôi thấy trong lòng hân hoan hẳn lên. Một số ngày sắp tới như được hứa hẹn có một người bạn hiền, thật chung thủy, gắn bó, chia sẻ, an ủi thông cảm với tôi trong những lúc đắng cay cùng khổ của một kiếp… tù.

Tên Bằng dẫn tôi về xà lim, vẫn trở về buồng cũ, buồng số 5 xà lim III. Giờ này, tên Nhiễm trực đã nghỉ, vì thế tên Bằng mở cửa buồng. Trong buồng, ngoài bộ quần áo sọc cũ của tôi, bây giờ đã có chăn chiếu. Thật là mừng! Đã cuối tháng 11, trời lạnh nhiều, các cán bộ ở Hỏa Lò đã thay đổi quần áo mùa Đông. Sau khi cùm xong, tên Bằng ra khóa cửa lại.

Trong lòng còn đang mải mê niềm hân hoan với thuốc lá, với chăn chiếu, tôi quên bẵng không báo cáo với tên Bằng là chiều nay, tôi chưa ăn cơm. Thật là lú lẫn đáng trách. Từ 11 giờ sáng, ăn hai nắm xôi, mỗi nắm 2 hào ở Vinh, tới bây giờ chả có gì trong bụng cả. Tôi lục đục trải chiếu, cái cùm hôm nay thật lạnh buốt. Đói, lạnh thế này không thể ngủ được. Hơn nữa, mất suất cơm lúc này là cả một vấn đề. Tôi phải dũng cảm! Khi đó, chắc khoảng 7 giờ. Tôi lựa thế đứng một chân xuống nền, cố với miệng ra gần cửa nhỏ, tôi hô to:

- Buồng số 5 báo cáo cán bộ!

Một lần, im lặng. Hai lần, rồi lần thứ ba, vẫn im lặng. Tôi thấy ngần ngừ, nhưng cái bụng bắt buộc tôi phải dũng cảm tiến lên. Tôi cố hô thật to một lần nữa. Vừa hô được nửa câu thì cửa sổ nhỏ xịch mở, làm tôi giật mình. Chắc rằng, tôi hô từ nãy, y đã từ đâu mò đến, khe khẽ nghe ngóng, tôi đâu có biết, y quát:

- Báo cáo cái gì?

Tiếng la của một người lạ, tôi không nghe giọng quen. Tôi dõng dạc:

- Báo cáo ông, chiều nay tôi chưa được ăn cơm.

Y gằn giọng:

- Sao không được ăn cơm?

- Tôi đi từ Hà Tĩnh mới về, từ sáng tới giờ chưa ăn.

Cửa sổ nhỏ đóng lại. Chừng 15 phút sau, cửa sổ lại mở. Lần này là tên Bằng. Y còn hỏi:

- Anh chưa ăn cơm à?

Tù bây giờ vào hết trong buồng rồi. Y đi mươi phút, có lẽ xuống bếp. Một lúc sau, y mở cửa, đưa vào cho tôi một bát đầy cơm, với một bát con có ít muối trắng. Y nói có vẻ dìu dịu:

- Canh không còn, anh ăn với muối vậy.

Tên này mắt lồi, trông dữ tướng, vậy mà tử tế tệ. Tôi mừng hết chỗ nói. Bát cơm gấp rưỡi mọi khi. Chẳng cần đũa, dùng 10 chiếc đũa trời cho mà tuyệt vời. Vừa ăn, vừa ngẫm nghĩ, nếu mình không dũng cảm lên tiếng, cứ do dự ngại ngần, làm gì có cơm ăn. Vậy trong cuộc đời, nhiều khi phải liều mới đạt kết quả. Hôm nay, tôi thấy lòng vui hẳn lên.

Nhiều cái may, thuốc lá này, chăn chiếu này, bây giờ lại bát cơm đầy. Thế mới biết, hạnh phúc của con người chẳng có tiêu chuẩn quái nào cả. Vì thế, Cộng Sản đã triệt để lợi dụng khía cạnh này, để du hoặc lòng người.

Khoảng 15 phút sau, tên Bằng trở lại mở cùm, tôi đem bát ra trả và múc gáo nước. Theo quy định ở xà lim, không được để bát trong buồng. Cùm xong, tôi loay hoay tính toán. Cái chân trong cùm lạnh quá, mình sẽ chiếu cố đặc biệt cho nó. Tôi lồng hai ống một chiếc quần cũ lại, lựa luồn lách vào lỗ cùm, vừa lót, vừa cuốn cho cái chân ngăn cách với sắt. Trải chiếu ra, nằm vẫn buốt lưng, tôi phải gấp lại làm tư, chỉ lót từ mông đến vai. Tôi mặc hai áo, lấy chăn cuộn để hai chăn giáp chéo sang nhau ở dưới lưng (như vậy cũng như nằm lên hai lượt chăn). Nằm xuống, thấy tương đối dễ chịu, tuy sờ hai vai và từ đùi trở xuống vẫn lạnh, nhưng với mức độ lạnh thế này vẫn chịu được. Chỉ còn cái đầu, không có cái gì để gối lên một tí. Khó khăn đẻ ra sáng kiến! Lục lọi, tìm tòi trong óc, cuối cùng tôi nhớ tới mấy bó cuống chổi thanh hao, vẫn thường cọ rửa thùng phân, dựng ở mé tường chỗ vòi nước. Để ngày mai, tôi tính cả một kế hoạch, cho làm sao để có "một chiếc gối đầu".

Mỗi sáng, tôi được 5 phút làm vệ sinh với những động tác sau: Chạy lẹ đem bô đổ vào một cái lỗ chỗ đi ỉa; chạy về mở nước đổ tráng lần một, lần hai cho chổi vào cọ sơ, đổ; tranh thủ rửa hai cái tay, vuốt lên mặt mấy cái, rồi ôm bô vào. Ngày mai, tôi sẽ bỏ rửa tay, rửa mặt, để rửa hai đoạn cuống bó chổi thanh hao, vì các buồng họ làm vội, nhiều khi còn vướng những cục phân nhỏ vào những chạc cành phía trong. Tháo một cái lạt, tất cả đút vào bô, đậy nắp, vào buồng là ổn.

Đêm ấy, tôi nằm ngủ tương đối dễ chịu, những chú muỗi đành đứng ngoài khóc. Mùa Đông, càng lạnh càng ít muỗi. Thật là kỳ cục. Giá đổi lại mùa Hè ít muỗi, mùa Đông nhiều muỗi, tôi hạnh phúc biết bao!

Sáng hôm sau, kế hoạch đã tính kỹ, tôi cứ thế thực hiện. Khi vào buồng, tôi gỡ ra, tỉ mẩn bó lại thành một bó tròn đường kính độ 5 phân, dài chừng 20 phân. Tuy là chổi cọ thùng phân, nhưng tôi rửa kỹ nên chỉ hôi mà không thối. Còn ướt quá, tôi cố với người dựng vào phía trong của gầm sàn, tối nay sẽ ráo.

Một lúc, mụ Hoa vào gọi đi cung. Hôm nay lên, tôi gặp tên Nhuận và một tên lạ mặt. Sau một vài câu hỏi xã giao thường lệ, tên Nhuận mở cặp:

- Hôm nay, để thấy được sự thành khẩn của anh với cách mạng, chúng tôi sẽ hỏi anh một số vấn đề.

Y có chừng 20 cái ảnh đen trắng, loại hình 4×6 mà ai mới bị bắt cũng phải chụp để làm hồ sơ. Y đưa từng cái một, hỏi tôi có biết ai không. Trong khi đưa ảnh cho tôi xem, cả hai đứa đều theo dõi nét mặt và ánh mắt của tôi.

Kể cả 20 tấm ảnh gầy ốm, chứng tỏ là ảnh người tù. Tôi không biết một ai. Những dù cho có biết, tôi cũng tảng lờ ngơ ngác không biết. Qua một số thái độ, cách hỏi, cách đưa ảnh, tôi đã ngửi thấy vấn đề. Tôi hiểu trong số 20 tấm hình này, sẽ có từ một đến vài cái là ảnh của những người từ miền Nam ra, nằm trong một màng lưới tình báo nào đó của Sài Gòn đã bị bắt ở miền Bắc. Số còn lại, hầu hết là ảnh của tù hình sự, hoặc của tù nhân không liên quan đến tình báo. Những người trong tình báo của Sài Gòn bị bắt, hoặc còn ở một trại giam tỉnh nào đó, hay ở ngay trong Hỏa Lò, nhưng giam riêng biệt nên không biết nhau. Có rất nhiều điều chúng không biết, chúng cần thẩm tra. Vậy, đây cũng chỉ là một trong những phương pháp chúng thăm dò.

Tùy theo sự hiểu biết, cũng như quan điểm của những người đã bị bắt, biết đâu, do vô tình, hoặc do thành khẩn, thấy ảnh người quen, nói quen. Chúng sẽ tìm hiểu, điều tra quan ở đâu? Trường hợp nào? Bao nhiêu lần? Đã thấy làm những gì? Hay đi với ai? Thường đến chỗ nào? Thường đi xe gì? Mặc quần áo gì? v.v... Từ đấy, chúng có thể phanh phui ra những điểm mà đối tượng kia còn dấu, hoặc xác nhận chiều hướng chúng có thể tin. Chúng sẽ lấy người này thọc người kia, lấy người kia lại thọc người này. Vì những sự kiện tù nhân khai xảy ra ở trong miền Nam, chúng không thể nắm được trong việc thẩm tra, nên chúng chỉ còn dùng những cách như vậy. Với tôi, những trò đó,

đừng hòng. Nhiều khi tôi lại tương kế tựu kế, làm cho chúng rối mù thêm, đưa chúng vào cái mối tơ vò cho chúng tha hồ gỡ. Thời gian ở Hỏa Lò, cũng như sau này đi trại trung ương, tôi thấy chúng thường đột xuất diễn cái trò ấy. Tôi biết, chúng đã đưa ảnh của tôi đi những nơi nào đó mà quá trình khai báo có trùng hợp một không gian, một thời gian, v.v… để chúng nghi người đó có thể biết tôi.

Kỳ này, có khi 2, 3 ngày mới gọi cung. Lúc chúng truy tôi điểm này, lúc điểm khác, lúc sự việc này chưa rõ, lúc việc kia là vô lý, nói láo, v.v…

Trời bước sang tháng 12 càng lạnh dữ, lúc đó cũng là tháng 11 Âm Lịch. Một chăn, một chiếu nhưng nằm trên đá và sắt, về mùa Đông bụng càng đói ghê gớm. Không có "ca lô ri" để chống lạnh, suốt đêm hầu như tôi không ngủ được, cứ ngồi co ro. Bốn lượt chiếu, hai lượt chăn mà cái lạnh của sàn xi măng vẫn thấu lên lưng không nằm được. Lúc này tôi, ngày đêm, lúc nào cũng chỉ nghĩ tới ăn thôi. Nghĩ đến bất cứ cái gì cũng thèm chảy nước dãi ra. Mà quái làm sao, bất cứ nghĩ gì, rồi dần dần cuối cùng lại ra chuyện ăn. Nhiều lần tôi đã giận khùng ngay chính với tôi, tại sao lại chỉ nghĩ đến ăn cho nó thèm. Tôi cương quyết dứt khoát bắt óc tôi không được nghĩ đến ăn nữa. Tôi nghĩ đến một anh bạn thân là Nguyễn Văn Nhượng, anh học khóa 10 Thủ Đức. Cuối tuần, tôi lên trường đón anh xuống Sài Gòn, đi chơi khắp thành phố, để rồi xuống chợ Ông Tạ ăn bún chả, thế là cứ nuốt nước miếng ừng ực. Thậm chí, tôi nghĩ đến những ngày còn nhỏ ở Hà Nội, tôi và một người bạn đạp xe vào Hà Đông, rồi chùa Trầm chơi, ghé vào một quán quê bên đường ăn hai gói xôi đậu đen, nước miếng lại chảy ra đầy mồm. Đôi khi từ một cuộc duyệt binh, một đám đánh nhau, một buổi tập võ… nhưng thế nào rồi cũng đến chỗ ăn.

Ôi! Thằng Marx đã phát hiện ra cái huyệt của thời đại, cái huyệt của con người, nên nó đã nghiên cứu viết tập "Tư Bản Luận". Học trò của tên Marx chỉ cần nghiên cứu thực nghiệm, lại nghiên cứu bổ sung, cuối cùng sao cho thật tinh vi hết cỡ, làm thế nào đó để khi nó thọc vào huyệt là con người dúm lại, dù người đó là ai, chỉ trừ không phải là… người.

Những ai chưa từng bị đói, dứt khoát không thể cảm nhận hết được cái đói đã đành, nhưng kể cả những người đã đói hàng tháng, hàng năm mà còn có một cứu cánh tinh thần như ta sắp hết án, trở về sẽ no; vợ sắp ra tiếp tế cho ta, sẽ có bữa no; tội của ta không có gì, sắp được tha, sẽ no. Ngoài biển khơi, cố gắng chịu đựng vào bờ, sẽ no, v.v… Những người đó vẫn chưa cảm nhận hết cái ghê gớm của đói nên hãy còn có tính cương cường, danh dự, tư cách… Chỉ có những ai đã đói triền miên, năm này qua năm khác, ngửng nhìn khắp 4 phương trời, không còn một hy vọng gì có một ngày sẽ no, lúc đó mới thấy được cái ghê gớm của cái đói ở mức độ nào. Sau này, những thiên tới sẽ có nhiều sự việc, nhân chứng sinh động về vấn đề trên.

Mùa Đông, thường suốt ngày âm u, không có mặt trời. Trong buồng ngồi nhìn chiếc cùm còn không rõ, ở bên ngoài chắc trời âm u xám xịt, như lòng tôi lúc này. Từng đợt, từng đợt gió mùa Đông Bắc theo nhau tràn về, gây lên cái lạnh tái tê. Gió ào ào luồn qua khung cửa sổ bé tít mãi trên trần, gió lách qua những khe hở của những viên ngói trên mái tạo nên những âm thanh vi vu, rên rỉ, nghe càng thê lương ảm đạm trong chốn ngục tù. Những đầu ngón chân, ngón tay của tôi không hiểu sao sưng lên ngứa buốt không chịu nổi. Tôi không hiểu, tôi mắc bịnh gì? Quái lạ! Từ nhỏ tôi không thấy bệnh này, nó sưng đỏ mọng lên, nhức buốt suốt đêm ngày. Nhất là về đêm, nó nhức tôi không thể ngủ được. Tôi cứ ngồi gục đầu xoa nắn ngón chân, ngón tay, lòng hoang mang lo sợ không biết là bệnh gì. Đêm thâu vắng lặng, chỉ nghe có tiếng gió gầm gừ lồng lộn ngoài trời. Lâu lâu, chiếc cửa sổ con lại xịch mở. Tôi ngửng lên, cửa đóng lại. Tôi hiểu đây là cán bộ tuần tra ban đêm, cứ một hoặc hai tiếng lại mở cửa sổ kiểm soát. Sao mà trời già cũng cay độc, toa rập với lũ người khát máu, hành hạ trăm chiều những kiếp người cùng khổ lầm than! Nỗi niềm chảy dài mãi vào đêm thâu tịch mịch. Lúc này, chắc hẳn cũng 2, 3 giờ đêm. Đột nhiên, cửa nhỏ lại xịch mở. Tôi ngửng lên, qua ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn điện trên trần, tôi chỉ thấy một cái mũi và hai đốm mắt long lanh. Lần này, cửa không đóng lại ngay. Một giọng nói phụ nữ chưa bao giờ nghe: "Sao anh không nằm xuống ngủ?"

Giữa cảnh âm u, vắng lặng, giọng hỏi han như chứa đựng tình người cảm thông. Tôi trả lời trong một chút xúc động:

- Không hiểu sao ngón chân và tay tôi sưng đỏ lên và buốt lắm, tôi không ngủ được.

Tôi giơ cả mười ngón tay ra chỗ sáng gần cửa sổ. Giọng nói nho nhỏ như tiếng thì thào:

- Anh bị cước đấy!

Tôi chợt nhớ ra ngày xưa khi còn bé, nghe người ta nói trâu bị cước chân, khi đã long móng thì chết. Thế mà các móng chân của tôi, tôi cảm thấy nếu mình kéo mạnh, cũng sẽ bong ra, bởi quanh rìa móng chân mọng đỏ lên như có nước, chỉ vì cơ thể thiếu chất dinh dưỡng, không có sức đề kháng, vì thiếu quần áo và chăn ấm, vì phải nằm trên cái lạnh của sắt và đá, vì thiếu một ngọn lửa… Nghĩa là, nếu tôi chỉ cần có một trong những thứ trên, chân tay của tôi sẽ không bị như vậy.

Cửa sổ vẫn mở. Vẫn hai đốm mắt long lanh và chiếc mũi lúc rõ, lúc mờ. Im vắng nặng nề. Hai thái cực, hai trận tuyến nhưng có cái chung cùng là … con người.

Giọng nói êm êm lại cất lên:

- Mai anh báo cáo y tá, xin một tí nước muối rồi ngâm chân tay anh vào.

Ôi, người này không phải thường xuyên ở Hỏa Lò rồi. Nếu như vì lý do nào đó, anh chết thì thôi, chứ làm gì có chuyện cho nước muối để ngâm chân! Hơn nữa, muối lại là điều tối kỵ trong xà lim. Hoặc, có thể người đó cũng hiểu như vậy, nhưng trước cảnh này phải nói thế cho qua chuyện. Dù sao, giọng nói ấy, hai đốm mắt ấy như ẩn tàng một tình người chân chính, cũng vuốt ve phần nào cõi lòng lẻ loi, cô đơn heo hút đang tràn ngập lòng tôi.

Cửa đã đóng rồi. Người đã đi rồi. Chỉ còn tiếng gió gào trên mái. Tôi chợt nhớ đến một bài ca:

"Mùa Đông gió, lạnh lùng, gió lạnh lùng. Chim thôi bay, ngoài mưa gió… hãi hùng. Gió hú chi cho thêm đau lòng người chiến sĩ… Trong đêm trường…"

Gió vẫn lồng lộn thét gào, xà lim vẫn âm u, vắng lặng. Tôi thiếp dần vào đêm kinh hoàng.

Bẵng đi 5, 6 ngày không gọi cung. Hôm nay tên Bằng mắt lồi lại gọi. Khi mở cùm, cả bàn chân tôi cũng mọng đỏ lên, vô cùng nhức buốt. Tôi cho chân xuống, xỏ vào đôi dép Thái Lan cũng thấy đau. Tôi đứng dậy, cố gắng khập khiễng đi như người què. Tên Bằng hỏi giọng thờ ơ:

- Chân anh sao thế?

Tôi trả lời nhát gừng:

- Chẳng hiểu sao ngón chân, ngón tay của tôi sưng buốt.

Mỗi bước chân tôi đi như dẫm vào đống mảnh sành. Tôi cố gắng khật khưỡng. Có thể vì máu nóng dồn xuống chân, mặt khác, các mạch máu và những tế bào chân, trước nằm im, bây giờ chuyển động, vì vậy tôi thấy đỡ đau buốt dần.

Hôm nay, tên Bằng lại chỉ đường sang phía dẫy nhà bên kia sân của giàn nho. Dẫy này, tôi chưa hề bao giờ tới. Tên

Bằng dẫn tôi đến một căn buồng lớn ở đầu dẫy. Vào buồng, tôi thấy 6, 7 người ngồi. À, đây là phòng giám thị trại, vì tôi thấy Thượng Úy Trì, Phó giám thị, người miền Trung, ngồi ở một ghế cạnh "buya rô" lớn, trên có rất nhiều hồ sơ và một là cờ đỏ sao vàng nhỏ.

Ngồi ghế chính giữa là một tên chừng 45 tuổi, mặc một cái áo "vét tông" gần cạnh đấy, là tên Đức và một số người lạ nữa mặc đồ dân sự.

Trong phòng treo một ảnh Hồ Chí Minh lớn ở chính giữa tường, cùng với nhiều khẩu hiệu: Đảng, tổ quốc, cách mạng, v.v… đỏ loẹt cả văn phòng. Trước buya rô, vẫn chiếc ghế đẩu chơ vơ của tội nhân. Tên Đức chỉ tay bảo tôi ngồi. Xong, hắn nói tiếp, vẻ trang trọng, đưa mắt về phía người mặc áo "vét"…

- Đây là đồng chí Hồng, trưởng phòng "44", Phòng Chấp Pháp Chính Trị. Đồng chí có nhã ý gặp anh. Vậy, anh có điều gì cần, cứ đề bạt.

Tên Hồng cười xã giao:

- Anh có khỏe không? Anh có cần gì, tôi cho phép anh phát biểu.

Tôi nghĩ bụng: Tôi cần gì ư? Một điều mà tôi cần, nếu anh mà thực hiện, anh không còn chỗ ngồi này đâu! Tôi liếc nhìn tấm ảnh Hồ Chí Minh lớn treo trên tường, phía sau lưng y. Tôi chăm chú nhìn vào đôi mắt chó sói của tấm ảnh. Con ngươi vàng ửng như đang đong đưa đổi màu nhìn tôi. Tự nhiên hai mắt tôi nóng rát lên như có lửa, làm cho hai con ngươi của tấm hình như thu nhỏ lại, cụp xuống. Một ý nghĩ ngắn gọn: "Tôi cần cái đầu của người trong tấm hình kia!". Cuối cùng, tôi nói:

- Xin cảm ơn ông, tôi không cần gì cả. Chỉ đề nghị ông giải quyết sớm sự việc của tôi.

Y cười nửa miệng:

- Anh không chịu khai báo sự thật. Anh không khai báo tốt thì giải quyết sớm thế nào?

Tôi hiểu, điều chính là nó muốn xuống nhìn trực tiếp con người của tôi mà thôi. Còn, chỉ là những câu nói phất phơ.

Giữa lúc ấy, tôi thoáng thấy một bóng người đi vào cửa, phía ngang chéo sau lưng tôi. Tôi quay lại nhìn ra, một người mặc quần áo nâu cũ và một tên công an áo vàng đi phía sau. Tên công an lùi ra. Tên Đức đứng dậy chỉ cho người áo nâu đến một chiếc ghế dài cạnh tường ngồi, quay mặt về phía tôi và buya rô. Người áo nâu dáng to khỏe, nhưng nước da xám tái, đi chân đất, gấu quần nâu lua tua rách mướp.

Khi tôi vừa thoáng quay ra cửa nhìn, tim tôi hơi bóp lại. Người áo nâu cũng nhìn thoáng tôi. Phản xạ cấp thời, tôi chỉ thấy bộ mặt quen quen. Khi người áo nâu vào ngồi ghế nhìn tôi, và nhìn các người ngồi ở bàn giấy, tôi đã nhận ra.

Chắc rằng lúc đó mắt tôi phải đờ đẫn vì ngạc nhiên. Tôi không thể tưởng tượng nổi con người tiều tụy, khúm núm, rụt rè, lấm lét ngồi gần tôi kia là … Trung Úy Nghĩa. Con người mà hình ảnh đó đã in sâu trong óc tôi, đẹp trai, khỏe mạnh ngang tàng, hiển hách một thời của Bình Xuyên 1954-1955 bây giờ là đây.

Không khí im lặng, không ai nói một lời. Tôi biết chúng đang bám sát thái độ của Nghĩa và tôi. Chừng 3 phút sau, tên Đức ra hiệu, tên công an bên ngoài vào dẫn Nghĩa ra. Sau đó, chúng nhìn tôi như hỏi bằng ánh mắt. Tôi cúi đầu xuống, im lặng và suy nghĩ với bao nhiêu hỗn loạn trong đầu.

Nghĩa là một người trước đây 8 năm tôi thù hận. Suốt 8 năm trường, sau khi Bình Xuyên tan hàng rã đám, tôi đã nhờ bạn bè và chính tôi cố ý đi tìm Nghĩa để trả mối hận thù mà Nghĩa vẫn biệt vô âm tín. Ai ngờ đâu, chỉ vì một sự thử thách vô tình của tôi với tên Lê Văn Hoàn, bây giờ tôi mới được gặp Nghĩa trong cảnh ngộ này. Phải nói, tôi không ngờ được, mà cả ngay Nghĩa cũng không thể biết trước được, có một ngày chúng tôi lại gặp nhau, trong cái giây phút chết lòng. Lòng tôi dâng lên một chút ân hận giầy vò. Dù muốn hay không, giờ đây Nghĩa cũng là một chiến hữu của tôi. Người chiến hữu cùng trong một cảnh ngộ sa cơ, rơi vào tủi cực của cả một kiếp người. Càng hình dung đến hình ảnh tiều tụy của Nghĩa lúc nãy, lòng tôi càng xáo trộn vừa tình thương yêu chiến hữu, vừa lòng ân hận lay lắt, đã xóa tan hoang mối hận thù lâu dài, vẫn nằm trong một ngách nhỏ của con tim.

Thấy tôi cứ cúi đầu, tên Đức lên tiếng:

- Thế nào, anh có nhận ra ai không?

Tôi chậm chạp:

- Dạ… Nghĩa Bình Xuyên…

Tên Đức vừa cười nhạt, vừa hỏi tiếp:

- Anh thấy thế nào?

Tôi có vẻ hí hửng:

- Tôi không ngờ!…

Y bóng gió đe dọa:

- Anh sẽ còn gặp nhiều chuyện không ngờ nữa!

Rồi y đứng dậy:

- Thôi, bây giờ cho anh về!

Một người ngồi ghế phía sát cửa đi ra một lúc, mụ Hoa rảo bước vào. Tôi theo mụ về xà lim.

Trên đường về, đầu tôi đầy những suy nghĩ, tính toán nên quên cả đôi bàn chân sưng buốt. Cứ tập tễnh bước đi mà lòng nặng trĩu tơ vò.

Tôi nghĩ, Nghĩa ở trong một toán biệt kích, hoặc đi cá nhân như tôi. Nghĩa đã ra Bắc từ lâu, và cũng bị bắt từ lâu, hiện đang ở trong một trại giam Trung Ương nào đó để lao động cải tạo. Có thể trước đây, Nghĩa không khai báo đến thời gian ở Bình Xuyên. Bây giờ, mãi 1962, tôi mới ra, do một sự vô tình tôi đã nói đến Nghĩa ở đó. Như vậy, chúng cho rằng Nghĩa còn che giấu nhiều vấn đề. Vì thế, Nghĩa bị lấy về Hỏa Lò để điều tra lại và cho tôi trông thấy, nhưng không cho hai bên nói chuyện với nhau. Vậy là chúng đã gián tiếp đe dọa cả Nghĩa và tôi: "Các anh còn những điều gì nữa mà chưa khai, thì các anh tự liệu". Bất cứ một ai, khi đã ở trong tay chúng rồi, điều chúng đã biết mà anh không khai, chỉ còn một cách là anh tự tử ngay đi mới thoát. Tôi nghĩ, Nghĩa đang lo sốt vó, và có thể đang oán hận tôi nữa, nếu Nghĩa không hiểu hết sự việc. Ngược lại, tôi chả có cái cóc khô gì phải lo cả. Nghĩa có biết gì về tôi đâu. Còn giai đoạn ở Bình Xuyên, tôi đã khai thật. Câu chuyện đó không tiền, khoáng hậu đối với cuộc đời hoạt động của tôi mà.

Nghĩa “Bình Xuyên”…

Để làm sáng tỏ phần nào cuộc đời của Nghĩa. Tôi xin tường thuật lại sự việc cũng dính dáng đến một đoạn đời của tôi và một góc bối cảnh ngang ngửa của quê hương…

Sự việc xẩy ra vào khoảng tháng 8 năm 1954 tại Bệnh Viện Bình Dân, khi ấy là đường Général Lizé (đường Phan Thanh Giản Sài Gòn sau này). Giai đoạn đó, bệnh viện vừa mới xây xong nên chính quyền, tạm thời dùng làm trại tiếp đón đồng bào di cư từ Bắc vào Nam theo hội nghị Genève.

Như tôi đã nói đến phần đầu. Tôi, một thanh niên 16 tuổi mới vào thành đô. Ngay ngày đầu, sống giữa cái ồn ào, hỗn tạp, xô bồ của giòng người đủ mọi thành phần tại bệnh viện này, chẳng biết cuộc đời mình sẽ trôi dạt về đâu.

Lúc đó, tuy mới 16 tuổi, nhưng nhờ thích thể dục thể thao, nên người tôi trông cũng nẩy nở cứng rắn. Tôi cũng đã đấm đá nhiều, vì bị ảnh hưởng của phong trào “càn” của học sinh Hà Nội thời 53-54. Khi vào Sài Gòn, tôi mang theo một lạng vàng, đúc thành một cục. Tôi luôn luôn để trong một cái túi nhỏ, khâu kín ở bên trong quần lót. Giữa lúc đó, tôi gặp một “băng” 3 cậu cũng là học sinh “càn” ở Ngõ Huyện Hà Nội: Tuyển, Luân, An, độ 16, 17 tuổi, trốn nhà vào Sài Gòn, và cũng chẳng quen biết ai như tôi. Trông cậu nào cũng ngổ ngáo, dữ tướng, tay to, ngực nở. Thôi thì cùng hội, cùng thuyền, 4 đứa thường nằm chung với nhau một chỗ. 3 cậu kia thuộc loại không cần ngày mai, có đồng nào tiêu hết đồng ấy, lần lượt đồng hồ, rồi quần áo cũng bán dần.

Giai đoạn này, theo nguyên tắc từ Tổng Ủy Di Cư. Mỗi đồng bào, mỗi ngày được cấp phát 4 đồng rưỡi, nhưng tên trưởng trại Nhuận, cũng giống như nhiều người khác, mang sẵn trong mình dòng máu tham nhũng, thối nát của một bối cảnh lịch sử đất nước lúc bấy giờ, nên y đớp hết. Gia đình đồng bào nào không có thân nhân ở ngoài, không có tiền riêng mang theo, đều lâm vào cảnh thiếu đói. Cũng vì thế, khi Tuyển, Luân và An gặp tôi, các cậu đang ngang ngửa từng ngày, nằm queo từ sáng đến chiều, không có gì trong bụng. Tôi thông cảm, nên lúc thì tôi nói có 200 đồng, lúc thì bảo mới gặp người quen xin được 100 đồng… để các cậu có cái ăn. Khốn một điều là các cậu thuộc loại tiêu tiền không cần tính. Hai trăm đồng nếu mua cơm bữa ăn, 4 người dè xẻn cũng được cả tuần lễ, hoặc mươi ngày. Đây lại vào hiệu gọi phở xào, uống bia, nên chỉ một ngày là nhẵn. Tôi thấy cứ như thế này thì làm sao mà kham cho nổi, nên cũng đành nhiều khi phải nhịn đói cùng nhau, dù tôi có tiền. Họ biết thế, nên tôi đi đâu họ cũng không bỏ rời. Nhiều lúc, chính tôi cũng đói quá không chịu được, tôi lại phải vờ gặp được người quen cho tiền.

Giữa cảnh sống dở chết dở đó. Mà đồng bào lại cứ kéo vào ùn ùn. Nằm la liệt đầy cả lối đi, lẫn trong nhà xí, bẩn thỉu, hôi thối, nhưng không còn chỗ. Vì là bệnh viện mới xây, chưa có giường, phản nên tất cả đều nằm xuống nền nhà. Có chiếu, có vải trải ra thì tốt, nếu không, phủi sạch nền mà ngả lưng, chật như nêm cối.

Buổi sáng ra, 4 tên, trông ngoài thì có vẻ ‘cậu”, nhưng trong bụng cậu nào cũng có cuộc biểu tình kịch

liệt. Chưa biết lấy cái gì cho vào, để dẹp các cuộc biểu tình này. Giữa phòng người đầy ắp chen ra, chen vào. Bất chợt tôi nhìn thấy một anh Trung Úy, quần áo là thẳng tắp, đội mũ sĩ quan, huy hiệu vàng chóe hình nước Việt Nam. Trông anh đầy phong độ, hồng hào đẹp trai, cao khỏe. Mắt tôi chạm mắt anh sĩ quan đó, cùng sáng lên ngỡ ngàng. Tôi ngỡ ngàng vì đây là Nghĩa. Tôi nhớ không lầm, chỉ mới cách đó 6 tháng trước, Nghĩa còn đứng gác soát vé cho rạp hát Kim Chung ở Hàng Bạc Hà Nội. Thường vẫn nể "pha vơ" cho tôi vào xem "cọp"; thế mà giờ đây lại đeo lon Trung Úy, loại Trung Úy rất hách.

Nghĩa lúc đó khoảng 28, 29 tuổi. Trước thế và cảnh này, thôi mình tạm thời làm đàn em vậy! Tôi và Nghĩa cùng chạy lại bắt tay nhau rối rít. Tôi mừng khác, và Nghĩa mừng khác, nhưng cuối cùng hai cái mừng đều gặp nhau ở một điểm: "Giải quyết cái mình muốn". Nghĩa vồn vã:

- Bình vào bao giờ đấy? Bố mẹ có vào không?

Tôi hân hoan:

- Em vào một mình, ông bà "bô" sẽ vào sau.

Nghĩa chỉ về phía Tuyển, Luân, An:

- Bạn của Bình đấy à! Cũng như Bình chứ?

Tôi gật và nhìn lên lon, lên mũ của Nghĩa. Hiểu ý, Nghĩa hạ giọng:

- Nói thực với Bình, tôi có ông chú làm Đại Tá trong Bình Xuyên, vì thế, tôi vào, được đề bạt đặc biệt. Tôi đã biết Bình, ngang tàng như Bình ở đấy rất hợp. Bình Xuyên là một đảng lớn. Sài Gòn, Chợ Lớn hầu như do toàn quyền kiểm soát của Bình Xuyên. Cảnh sát, công an đều do Bình Xuyên nắm giữ. Quân Đội Quốc Gia, không có một cá nhân nào, từ Tướng trở xuống dám ho he nói động đến Bình Xuyên. Nói động đến là "củ" liền. Riêng với Bình, tôi sẽ về nói với chú tôi trả cho Bình Thiếu Úy. Chúng ta là người Bắc, phải có "băng" với nhau. Khi Bình đã vào Bình Xuyên mang lon Thiếu Úy rồi, sẽ được phát cho một cái đầu hổ, dấu hiệu của đảng.

Nghĩa vạch luôn trong ve áo cho tôi nhìn. Một cái đầu hổ bé tí, đường kính độ 2 phân, bằng đồng, sơn màu xanh xám, đúc rất sắc sảo; cái mồm há ngoác đỏ lòm, giơ mấy cái răng nanh trắng hếu. Nghĩa nói tiếp:

- Bất cứ Bình căm tức, thù ghét thằng nào bên quân đội Quốc Gia, từ Đại Úy trở xuống, Bình cứ "nốc ao" nó tự do. Nếu thua Bình chỉ lật ve áo giơ dấu hiệu của đảng, sẽ có nhiều người chung quanh (người của đảng) xông vào đánh thằng đó chết tươi ngay. Còn nếu Bình cảm thấy không đủ sức đánh nó, hãy vờ rủ nó về gần cầu chữ "Y", Bình rút súng ra cho nó một phát, rồi chạy sang bên kia cầu, sẽ bảo đảm an toàn.

Nghe Nghĩa nói, và với cái nhìn thực tế của tôi lúc đó ở Sài Gòn, tôi thừa nhận lời Nghĩa nói có giá trị. Ngay trong bảng đá khắc tên những ân nhân tặng tiền xây bệnh viện Bình Dân, cũng thấy tên Lê Văn

Viễn đứng đầu. Đâu đâu, người Sài Gòn, Chợ Lớn cũng nể sợ Bình Xuyên. Tướng, Tá của quân đội Quốc Gia cũng nể, bởi vì Bình Xuyên có đoàn ám sát cảm tử khát máu.

Lúc đó, tôi chỉ là một thanh niên mới lớn, nhìn cuộc đời còn đầy ấu trĩ; hơn nữa, vì cái tính ngang tàng thích đấm đá, phải nói Bình Xuyên là đất dụng võ. Do đấy, tôi đồng ý ngay. Nghĩa rất hớn hở:

- Thế còn mấy người bạn của Bình thì sao?

Muốn có thời gian bàn thảo, trước khi quyết định, tôi nói:

- Để em hỏi, chắc các bạn cũng thích như em.

Nghĩa nói có việc bận một chút và bảo tôi nửa giờ nữa, ra gặp Nghĩa ở trước bệnh viện.

Tuyển, Luân, và An khi biết sự việc đã mừng quýnh, trước hết giải quyết cái dạ dầy đã. Thế là cả 4 tên đều đồng ý lát nữa ra gặp Nghĩa.

Khi gặp Nghĩa, 3 cậu cũng cứ rối rít anh anh, em em coi như đây là một cơ hội ngàn năm đổi hướng cuộc đời. Theo hẹn ước, 8 giờ sáng hôm sau, Nghĩa sẽ đem xe tới đón. Ngày và đêm hôm đó, chúng tôi bàn tán ồn ào. Lòng tôi cũng hân hoan phấn chấn, cho nên, tôi vờ vào nhà cầu. Khi ra, tôi đưa ra một tờ 200 đồng, mặt dầu dầu tình cảm:

- Tao chỉ còn duy nhất 200 đồng này, tao định cất kỹ phòng hờ. Vậy, chúng ta phải ăn dè, tối nay 50 đồng, sáng mai 50 đồng, còn 100 đồng thì đưa cho thằng Luân, ở lại trên này, giữ 2 cái va-li: một của tao, và một của 3 chúng mày.

Quay lại phía thằng Luân, tôi căn dặn:

- Chúng ta chưa biết rõ Bình Xuyên thế nào, vậy cứ xuống người không đã. Nếu có gì không thích, chuồn ra dễ dàng hơn; còn nếu thấy "hẩu", ba bốn ngày sau, chúng tao sẽ ra đón mày vào.

Tôi bàn như vậy, chúng nó thấy hợp lý nên đồng ý ngay, Vả lại, từ ít lâu nay chúng nó vẫn thường nghe theo ý kiến của tôi.

Sáng hôm sau, mãi 8 giờ Nghĩa mới lái xe "díp" đến, theo sau là một xe Dodge 4, do một Trung sĩ lái. Khi chỉ thấy có 3 chúng tôi, Nghĩa nhìn tôi hỏi ngay:

- Còn anh kia nữa đâu?

Đã dự trù trước nên tôi tình cảm:

- Anh Nghĩa à, lẽ ra 4 chúng em cùng đi một lượt, nhưng vì còn 3 người bạn nữa ở Hà Nội sắp tới, chúng

em để Luân ở lại chờ, đón rồi cùng vào luôn.

Nhìn thấy tôi vẻ hoan hỉ, Nghĩa cũng tin tưởng, nên y gật đầu:

- Được!

Từ hôm qua tới nay, tôi đã hiểu Nghĩa lên các trại đón tiếp đồng bào di cư, để dụ dỗ người vào Bình Xuyên. Tùy theo tầng lớp và loại người, Nghĩa hứa hẹn nào phát ruộng, cho đi học, vào hãng xưởng làm việc, làm văn phòng, vào Bình Xuyên có nhiều quyền lợi v.v… Mục đích càng đón được nhiều người, càng tốt. Nhất là những gia đình, có vợ chồng con cái. Dân có đông, thế mới mạnh, lực mới lớn.

Cùng lên xe Dodge 4 với chúng tôi, có hai gia đình của mấy anh Địa Phương Quân, bồng bế cả vợ con. Nghĩa đặt tay lên vai tôi:

- Bình và các anh em về trước, tôi bận chút việc, sẽ về sau.

Xe Dodge chuyển bánh, chúng tôi chưa hề biết gì về chung quanh Sài Gòn. Nhất là vùng Bình Xuyên, và ngay cả hai tiếng "Bình Xuyên" cũng đầu tiên trong cuộc đời nghe thấy. Chúng tôi thấy xe chạy vòng vèo mãi. Khi xe qua một chiếc cầu, mà sau này tôi biết là cầu chữ "Y". Tôi thấy ngay giữa cầu, một chòi gác rất xinh xắn, một Quân Cảnh cũng giầy, ghệt, găng tay, mũ sắt trắng, nhấc cây chặn đường xe qua. Xe đi qua một khu phà lớn gồm nhiều phố xá với cái cổng to mang 3 chữ lớn: "TỔNG HÀNH DINH". Nhìn thoáng bên trong, cũng cột cờ, lính tráng đi lại. Hai khẩu đại bác 105 ly còn mới toanh, với hàng dẫy xe GMC. Tôi có cảm nghĩ, như thế này có khác gì quân đội Quốc Gia! Xe đi qua khu Tổng Hành Dinh, rồi đi mãi qua một số phố xá, đến khu ruộng đồng. Tới chỗ có mấy căn nhà to, có hàng rào giây thép gai, có lính gác, xe đi tuột vào trong.

Chúng tôi xuống xe. Mấy gia đình, hòm xiểng chăn màn, bồng bế nhau vào ngồi một chỗ, còn chúng tôi đi lang thang trong sân chờ Nghĩa về. Điều đầu tiên làm cho tôi suy nghĩ mãi, là ở giữa sân có hai cột cờ cao, sơn trắng với hai lá cờ đang tung bay phất phới: Một lá cờ ba sọc Quốc Gia, còn lá cờ kia là cờ đỏ sao vàng. Chỉ khác với cờ Việt cộng là có một nền vuông mầu xanh bọc chung quanh ngôi sao. Tại sao cờ Bình Xuyên lại như vậy?

Tôi băn khoăn và muốn tìm hiểu. Tôi lân la làm quen với một anh lính nhỏ. Được biết anh là liên lạc của Trung úy Tư, Trưởng đồn, người miền Nam, và Trung úy Nghĩa là phó. Anh có tên là "Ba Nhỏ". Qua một số chuyện trò, Ba Nhỏ rất thích chúng tôi. Anh tỏ vẻ hiểu biết, chỉ ra phía cột cờ:

- Mới cách đây mươi bữa, ở chỗ đó xử tử hai tên do thám của Hòa Hảo!

Tôi mở to mắt ngạc nhiên. Anh nói tiếp như chứng minh:

- Ở đây, bắn chết người là thường!

Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng những điều Ba Nhỏ nói chuyện đã làm cho tôi suy nghĩ không ít. Gần trưa cũng không thấy Nghĩa về. Một người lính ra gọi chúng tôi vào một ngôi nhà lớn. Trong nhà rộng thênh thang, những tranh ảnh treo chung quanh tường, chứng tỏ là một nơi huấn luyện quân đội. Mãi trong cùng, nơi một số bàn làm việc, có một Trung úy, một Chuẩn úy và một Trung sĩ. Tên Trung úy hỏi tên chúng tôi. Sau khi biết chúng tôi là người của Nghĩa, chờ Nghĩa về giải quyết, y chỉ ghi tên chúng tôi để làm sổ ăn. Cuối cùng, một tên Trung sĩ ra hiệu:

- Bây giờ các anh ra ngoài chờ. Trung úy Nghĩa có thể chiều mới về. 12 giờ trưa các anh ra Câu Lạc Bộ Sĩ Quan ăn cơm.

Chúng tôi ra sân, mắt nhìn nhau đều sáng lên, nhất là Tuyển và An. Hai cậu được giải quyết ngay cái khâu dạ dầy, mà lại ở Câu Lạc Bộ Sĩ Quan cơ. Đúng trưa, theo Ba Nhỏ chỉ, chúng tôi đến Câu Lạc Bộ ở gần mé sông. Câu Lạc Bộ gì mà làm tôi ngạc nhiên. Một cái nhà lá dài, trống trơn, không vách, dọc theo ở giữa nhà là những tấm gỗ ghép lại thành một cái bàn dài. Một thúng cơm nhỏ để chỏn vỏn trên bàn, bên cạnh là một bát canh to đầy nước, trong có ba con cá mòi nhỏ, nấu muối. Tôi thử một tí nước tanh đến buồn nôn. Cơm vàng lợt, nguội tanh, có mấy vừng cơm nhão như cháo đặc. Tôi không thể ăn nổi. An và Tuyển vì đói nên cố gắng ăn. Phần tôi, vì trong người vẫn còn tiền, hơn nữa, lúc lang thanh trong trại, tôi đã nhìn thấy nơi gia đình binh sĩ có một hàng cơm nhỏ, nấu ngon lành. Nên, tôi bảo An, Tuyển hãy thông cảm, tôi ra ăn mấy đồng cơm hàng. Buổi chiều cũng không gì hơn, Tuyển và An vẫn phải cố gắng nuốt, vì cơm còn khê nữa.

Chúng tôi cứ lang thanh trong khu vực trại. Để xem thế nào, một lần, chúng tôi coi như không để ý, thả bước về phía cổng trại để ra đường. Một anh Trung sĩ chạy ra, lịch sự:

- Các anh thông cảm, hãy đi vào trong. Khi làm giấy tờ xong tha hồ muốn đi đâu cũng được.

Như vậy là chúng tôi coi như bị giam lỏng rồi. Mãi gần tối, Nghĩa mới về, chúng tôi tíu tít chạy lại đón ngay khi xe díp vào sân, còn chưa tắt máy. Nghĩa cũng tỏ ra rất hưng phấn, tươi tỉnh. Nghĩa cũng hiểu rằng, tuy chúng tôi nhỏ tuổi, nhưng là người đang đi học, có ít nhiều hiểu biết, và cũng ngang tàng bạt mạng. Vậy, nếu thu phục được chúng tôi, cũng có nhiều điều lợi. Nghĩa nói là bận lắm, dù vậy tối nay Nghĩa sẽ xuống ngủ với chúng tôi, để gọi là anh em hàn huyên tình nghĩa.

Chúng tôi được dẫn vào một căn nhà lớn khác. Trong trại, có hai căn nhà to. Theo Ba Nhỏ, đây là hai cái kho của tụi Nhật ngày trước. Căn nhà chúng tôi ở có 4 dẫy sàn rộng thênh thang. Ở mỗi góc, lèo tèo dăm gia đình, hoặc là Địa phương quân hay nông dân miền Bắc. Vì biết có Trung úy Nghĩa xuống ngủ, nên mấy tên lính chuẩn bị quét dọn phía đàng góc này, rồi trải chiếu v.v…

Trời đã tối, mãi 8 giờ Nghĩa mới xuống. Tên Ba Nhỏ vì thấy vui cũng xuống nằm. Nghĩa huênh hoang chuyện trò có vẻ rất tự mãn về mình, chúng tôi cũng đẩy đưa câu chuyện cho qua. Tôi hiểu, hiện nay đồng bào di cư đang vào nhiều, Nghĩa có trách nhiệm mời đón, càng được nhiều, uy tín càng lớn.Trong lúc Nghĩa nói chuyện, thỉnh thoảng trên mái ngói cao tít, tiếng một con cắc kè rống vang lên trong căn nhà rộng, làm cho câu chuyện cũng ngập ngừng. Một ngọn đèn 60 watts treo lủng lẳng ở giữa, toàn căn

nhà vẫn tối om, chỉ có một đốm sáng lửng lơ là ngọn đèn. Vì thế, nghe tiếng cắc kè kêu, chúng tôi đều cảm thấy hoang vắng gợi sầu. Tỏ vẻ bực bội, Nghĩa sai tên Ba Nhỏ lên phòng cầm cho y cái đèn "pin". Một lúc sau Ba Nhỏ cầm đèn pin về. Chờ lúc cắc kè kêu, Nghĩa chiếu lên mái, nó nằm chếch ở một cái xà gỗ. Nghĩa đưa đèn cho tôi rọi, rồi rút khẩu súng ngắn ở bên hông, lên đạn. Mọi người đều đứng hết cả dậy hồi hộp theo dõi. Một tiếng nổ chát chúa vang ngân lên trong đêm khuya, làm giật mình mọi người. Đạn chả trúng cắc kè, nhưng làm tung ra mấy viên ngói, rơi xuống sàn gỗ rào rào.

Từ đấy, chú cắc kè cũng im bặt; nhưng Nghĩa thì tỏ ra nghênh ngang, trước sự thán phục của Tuyển, An và Ba Nhỏ. Đối với tôi, nhìn việc này, tôi thấy đây là một việc làm hỗn độn, chỉ có trong một cái đảng lộn xà ngầu.

Sáng hôm sau, 8 giờ, một tiểu đội bồng súng, một Thiếu úy người Bắc hô chào cờ. Có cả Nghĩa và chúng tôi. Hai người lính đều trang nghiêm kéo hai lá cờ lên. Tên Thiếu úy vừa hô nghỉ xong, chưa kịp hô giải tán, Nghĩa đã tiến đến người Thiếu úy:

- Yêu cầu Thiếu úy đưa trả cái "permission" cho tôi!

Người Thiếu úy trẻ, nhưng thấp hơn Nghĩa, quay lại:

- Tôi đã nói với anh là "permission" do Đại tá cấp cho tôi. Chỉ Đại tá mới có quyền thu lại.

Nghĩa chỉ tay vào mặt người Thiếu úy, sừng sộ:

- Anh có đưa "permission" cho tôi không?

Người Thiếu úy, mặt tím bầm lại, hai hàm bạnh ra gằn giọng:

- Nghĩa à, mày đừng lên chân, vì trên vai mày có hai vạch…

Mắt long lên sòng sọc. Nghĩa cởi phăng ngay áo ra, phô bộ ngực và cánh tay nở nang, quay lại quẳng chiếc áo về phía tôi, lẹ tay tôi bắt lấy. Nghĩa đi đến gần người Thiếu úy, chỉ tay:

- Khánh! Một, mày có đưa không? Hai, mày có đưa không?

Khánh liếc nhìn chung quanh, 12 người lính và chúng tôi, rồi nhìn Nghĩa, nghiến răng lắc đầu:

- Không thể…

Y mới nói được hai tiếng "không thể" thì "bốp", một cái "crochet" ghim ngay vào quai hàm. Tôi chỉ thấy Khánh đưa một tay lên bịt miệng, rồi đổ nằm dài xuống sân cát.

Nghĩa rút khẩu súng ngắn đeo bên hông ra, lên đạn, chĩa vào Khánh đang nằm im lìm giữa sân. Y đi

chung quanh, môi bậm lại. Trước những con mắt mở to của 12 người lính và 3 chúng tôi, chừng 3 phút sau, Khánh từ từ bò dậy, mở tay ra, máu đầy tay, chảy dài đỏ thắm chiếc áo lính. Y quay lại Nghĩa, nói trong tiếng gầm gừ:

- Nghĩa à, đời còn dài!…

Rồi cứ để máu chảy như vậy, chậm chạp y đi ra khỏi cổng.

Nghĩa đến tôi lấy áo, rồi quay lại phía 12 người lính hô: "Giải tán!". Nghĩa đi về phía văn phòng trước cái mồm còn há hốc của An.

Sau đó, qua Ba Nhỏ tôi được biết: Khi hội nghị Genève ký kết, Khánh đang học dở lớp sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức. Khánh cùng một số sinh viên sĩ quan khác đã trốn ra khỏi trường khi đất nước chia đôi. Rồi thì, tình hình biến đổi, Khánh muốn trở lại trường sợ sẽ bị ghép vào tội đào ngũ. Giữa lúc lông bông trên các ngả đời, thì Khánh gặp Nghĩa, quen cũ từ Hà Nội. Trước đây Khánh vẫn khinh Nghĩa là thằng vô học, nhưng bây giờ, cờ đến tay Nghĩa, Khánh đành theo lời hứa hẹn của Nghĩa về Bình Xuyên làm Thiếu úy. Được Đại tá cấp cho một giấy phép đi về giữa Sài Gòn và Bình Xuyên. Khánh từ đó, đi về thả cửa không cần có ý kiến của Nghĩa nữa. Nghĩa tức, muốn thu lại giấy phép nhiều lần, nhưng Khánh nhất định không đưa.

Cái điều chính yếu là Khánh, người có học, cứ nhìn Nghĩa bằng con mắt coi thường người kém học. Nghĩa thì đã mặc cảm từ trước, nên thường hậm hực nhau. Với tôi, đó cũng là một sự việc nữa đã nói rõ về Bình Xuyên. Giai đoạn này, trong khu vực BX, thì tất cả mọi người từ lính tới quan, tới dân chúng, mỗi khi nói tới Lê Văn Viễn, đều kêu là "Ngài": "Ngài đã đi Pháp rồi!", "Ngài đã ký lệnh rồi!", v.v…

Được biết. Ở đây thanh toán nhau là chuyện cơm bữa. Mạng người ở BX chẳng có giá trị gì. Chính ngay buổi chiều ấy, Nghĩa đã nói thẳng với tôi, khi thấy tôi lửng lơ không chịu đưa giấy tờ để làm thủ tục:

- Các anh có tài, chúng tôi rất hoan nghênh và rất cần sự góp sức góp tài của các anh. Ngược lại, các anh lừng khừng ương ngạnh, bắn bỏ ngay, chúng tôi ở đây không thiếu đạn.

Khi ấy, phần còn ít tuổi, phần khác tôi đã hiểu gì rõ ràng về đất nước đâu, cho nên tôi có ý niệm: Một thanh niên, nếu có lý tưởng với quê hương, dân tộc, vào bưng biền theo Việt Minh; nếu chỉ vì tiền tài và danh vọng, hãy vào lính Quốc Gia. Còn dứt khoát, không thể ở với Bình Xuyên, tôn thờ cá nhân của Lê Văn Viễn, của một đạo quân hổ lốn, coi mạng người rẻ như bèo. Tôi quyết tâm, dù Tuyển và An vừa dỗ dành vừa đe dọa tôi:

- Thôi, anh em mình đã vào đây, chúng tao cũng vì theo mày. Bây giờ chúng tao đã đưa giấy tờ rồi, mày hãy ở lại cho có anh có em.

- Đó, mày thấy anh Nghĩa đấy, mày mà để anh ấy ghét thì thật là nguy hiểm. Chúng tao cũng chẳng vui gì…..

Chúng nó đã đưa hết giấy tờ cho Nghĩa rồi. Phần tôi, tôi nói giấy tờ để trong va-li, vài ngày nữa, tôi sang Sài Gòn đón Luân sẽ đưa sau.

Ba, bốn ngày sau, một buổi chiều, bỗng một chiếc GMC đi vào sân trại, chở theo đầy xe người lố nhố người lớn trẻ con. Chúng tôi chạy ra nhìn lên, thấy thằng chó chết Luân với cả hai chiếc va-li.

Tên Nghĩa đi xe díp theo sau, chỉ tay bảo Luân đưa va-li của tôi xuống, rồi y ra hiệu cho tôi mở ra lấy giấy tờ. Quá bất ngờ, lúng túng, tôi đành phải mở va-li. Tơi cứ vờ lục lọi tìm kiếm trước con mắt lừ đừ của Nghĩa. Một lúc, tôi quay lại hỏi to Luân:

- Trên đó, mày có mở va-li của tao không? Sao không thấy giấy tờ của tao?

Thấy thái độ của tôi như vậy, Nghĩa nghiêm giọng:

- Tôi rất quý Bình, nhưng với điều kiện là Bình phải nghe lời tôi. Tôi cho Bình đến sáng mai 8 giờ, nếu không có giấy tờ cho tôi, lúc đó đừng trách gì tôi cả!

Tôi xách va-li vào trong nhà về chỗ nghỉ, lòng ngập đầy giận uất thằng Luân. Hỏi nó, nó bảo:

- Nghĩa nói là chúng mày bảo đưa va-li vào. Tao biết gì!

Chính tôi đã dặn nó, khi nào tôi lên đón nó mới đi. Nhưng thôi, trách nó làm gì. Tối hôm đó, tôi thật lo lắng. Cả 3 đứa đều khuyên tôi, đã trót thế này thì cứ đưa giấy tờ, rồi tính sau. Tôi nghĩ, không đơn giản như vậy. Đưa giấy tờ, nghĩa là tôi đã đồng ý gia nhập đảng Bình Xuyên. Hôm trước, Nghĩa đã nói thẳng là đã vào đây rồi, chỉ có cách duy nhất là phục tùng gia nhập, sẽ có mọi quyền lợi. Muốn ra bây giờ, không được nữa, vì đã biết nhiều chuyện của họ. Nó cũng đã nói thẳng, đã bao nhiêu thằng vào đây rồi trốn, đều không thoát. Rồi nó trừng mắt, khoa tay trước chúng tôi:

- Nếu muốn trốn, hãy nhớ kỹ, đừng ở Việt Nam, dù ở đâu Bình Xuyên cũng tìm ra. Có trốn ra ngoại quốc, thì đừng đến nước Pháp, ở Pháp BX cũng tìm ra thanh toán.

Mấy ngày trước, tôi đã lân la nói chuyện với 4 người lính gác bốn góc trại. Có người nói bên kia con sông này là Chợ Lớn; nửa tháng trước đây có bắn chết một người, đang đêm bơi qua sông để trốn sang Chợ Lớn. Dù bao nhiêu đe dọa, tôi vẫn nâng cao quyết tâm. Trong mấy ngày lang thang trong trại, tôi đã mò mẫm và tìm hiểu được về đảng BX này như sau:

Xuất thân là một đảng cướp, chuyên môn bắt cóc tống tiền những người có máu mặt, và cũng biết ve vãn chính quyền cai trị. Nhờ thời thế và khả năng khôn ngoan, dưới thời Pháp thuộc, Viễn đã có hàng trung đoàn quân sĩ tay chân trong địa thế sâu hiểm Rừng Sát. Pháp không thể tiêu diệt được, đành chiêu hồi và chịu điều kiện là Viễn vẫn cứ ở cứ khu BX và Rừng Sát. Nhật đảo chính Pháp, cũng chưa hoặc không đủ thời gian để tiêu diệt BX, nên vẫn chấp nhận để BX ở cứ khu cũ.

Nhưng tới Việt Minh, con hổ mang bành Hồ Chí Minh núp sau chiêu bài: Độc Lập, Hạnh Phúc, Tự Đo, Cách Mạng, Nhân Dân, Tổ Quốc, v.v…những danh từ mới lạ đó có sức hấp dẫn cuốn hút mọi người, nên đã lôi cuốn được Viễn. Viễn lúc đó trong tay có gần 2 trung đoàn với vũ khí đầy đủ, đã đi theo tiếng gọi cứu nước của cái gọi là "chính quyền cách mạng" để chống Pháp. Với Cộng Sản thì trước sau tất cả mọi đảng phái, tổ chức cũng như cá nhân phi Cộng Sản, dần dần chúng đều tiêu diệt; nhưng, với âm mưu thủ đoạn tinh vi, lúc nào trước tiên Cộng Sản cũng ve vãn mồi chài liên kết, hoặc cô lập kẻ thù "phụ" để diệt kẻ thù "chính", sau đó, dần dần lần lượt mới hỏi đến các chú ngu xuẩn là kẻ thù…"phụ".

Trong giai đoạn liên kết, Cộng Sản ca tụng hết lời, hứa hẹn cam kết mọi vấn đề.

Nếu Viễn tỉnh táo, tự hỏi mình có thể trở thành một tên Cộng Sản được hay không? Dù cho Viễn lúc đó có quyết tâm bằng mọi giá để nhập hàng ngũ Cộng Sản, theo nguyên tắc của Cộng Sản, chúng cũng không bao giờ tin. Chúng không bao giờ tin dùng một ai, nếu người đó không do chính chúng đào tạo khi còn tay trắng, chưa có một việc làm nào ngược lại với chúng, chưa được hưởng những thú ăn chơi nhàn hạ của xã hội tư bản, v.v… Nói cho cùng, trách Viễn cũng là trách oan, vì cho tới ngày nay, sau gần 40 năm, vẫn còn đầy rẫy những đảng phái, tổ chức, cá nhân, những học giả uyên thâm, những nhà tu lỗi lạc,…Thậm chí, ngay những quân nhân Tướng, Tá đã từng vào sinh ra tử, hàng chục năm cầm súng chống cộng, mà vẫn còn mơ hồ với Cộng Sản nữa là Viễn thời đó.

Cộng sản khi ấy thổi Bình Xuyên lên tận mây xanh. Chú bé con bị người lớn xui ăn cứt gà đã đem hết khả năng, xông pha nơi hòn đạn mũi tên đánh Pháp để lập công. Khoảng 1946-47, Cộng Sản có bài hát thổi Bình Xuyên: "Bình Xuyên, … Bình Xuyên oai hùng muôn năm!…"

Nhưng, có thể lúc đó kinh nghiệm lãnh đạo của Cộng Sản chưa được tinh vi lắm, nên đã để tình huống gây ra một vấn đề. Vào thời đó, trong Nam và Trung có hai đơn vị nổi tiếng với những chiến công đánh Pháp là đơn vị của tướng Nguyễn Bình và của tướng Viễn. Lúc đó, Cộng Sản chỉ có Đại tướng Võ Nguyên Giáp mà chưa có Trung tướng. Để khích lệ và dụ dỗ, tuy không tuyên bố, nhưng Cộng Sản vẫn ngầm để cho Bình và Viễn hiểu mình sẽ là Trung tướng với điều kiện, phải có những chiến công diệt Pháp ai hơn ai. Với đầu óc và bản chất là một tên tướng cướp, lại luôn có một ám sát đoàn rành nghề. Có thể theo suy lý của Viễn, Viễn cho rằng, sở dĩ Bình lập được nhiều chiến công chống Pháp là vì dưới tay có nhiều người tài. Vậy, không gì bằng, một mặt vẫn công đồn, hoặc phục kích để đánh Pháp, mặt khác hoàn toàn bí mật, cứ tìm những người tài ba dưới quyền của Bình để thủ tiêu. Giai đoạn này, bên phía Bình, hết ông tiểu đoàn Trưởng này mất tích, lại đến ông Tham Mưu phó kia biến mất; tình báo lắm mới phát hiện xác đã rữa thối trong rừng. Những chiến sĩ thủ túc của những người bị mất tích dần dần đã hiểu chính Bình Xuyên là thủ phạm. Họ căm phẫn tột độ. Đã có một số chứng cớ cụ thể, Bình cũng vô cùng căm phẫn, đã bí mật báo cáo với trung ương.

Chúng ta đã biết, Bình là con ruột của Cộng Sản, trong khi Viễn chỉ là loại kẻ thù "phụ", nhưng giai đoạn đó, Hồ già và trung ương cũng đang điên đầu với Pháp và nhiều vấn đề nội bộ cũng như ngoại giao khác; nếu giải quyết vấn đề này, vừa mất đi một lực lượng chống Pháp, lại còn mất thêm một lực lượng đi đánh Bình Xuyên, cho nên Hồ già rất lúng túng, cứ khất lần hòng tìm ra phương kế tốt hơn. Trong khi đó, tình trạng những cán bộ tài năng dưới quyền Bình bị mất tích cứ tiếp diễn. Những chiến sĩ dưới quyền

Bình bị mất tích cứ tiếp diễn. Những chiến sĩ dưới quyền Bình không thể chịu đựng được sự chờ đợi mãi trung ương giải quyết nữa. Họ đòi phải trả thù, nếu không, họ không chịu đi chiến đấu. Trước lòng sục sôi hận thù của các chiến sĩ, Bình dù là người nghiêm túc chấp hành trung ương, trong lòng cũng bầm gan tím ruột. Nên, một đêm âm u tịch mịch, trời không trăng sao, chính Viễn và hầu hết quân lính dưới quyền Viễn cũng không thể ngờ, đơn vị của Bình đã bất ngờ công kích một trận với ngọn lửa sục sôi, đã diệt sạch đơn vị của Viễn. Viễn chỉ còn hơn 100 tàn quân, vượt bao nhiêu cửa thần sầu chạy thoát thân. Không còn đường thứ hai, Viễn chỉ còn con đường duy nhất là trở về đầu Pháp. Pháp đã hiểu, và cũng cần, vì thế lại cho Viễn về cứ điểm Rừng Sát và Bình Xuyên. Sau đó, Bình trở thành Trung tướng.

Chuyến này, kẻ tử thù của Viễn là Bình. Nhưng, trước hết Viễn phải gây dựng lại cơ đồ, sau mới tính giải quyết mối thù bất cộng đái thiên. Nhưng may thay, Nguyễn Bình đã bị giết bí mật trên đường trở về Hà Nội theo lệnh của Hồ Chí Minh. Cũng từ đó, ngọn lửa hận thù của Viễn mới nhỏ dần, và Viễn quay ra "cũng" làm chính trị, nhưng là chính trị kinh tế xôi thịt, mà chúng ta đã thấy…

Một vài người lính có lần nói với tôi:

- Trong Rừng Sát hiện nay (1954), đôi khi chúng tôi đi hành quân, gặp Cộng Sản là thường. Nhưng, hai bên mặc kệ nhau, không xâm phạm đến nhau.

Như đã trình bầy về lá cờ ở trên, cái hình vuông mầu xanh là để chỉ sự việc rời trong rừng ra. Cũng qua lá cờ, ta thấy tên Viễn từ trong đáy lòng y hãy còn mơ tưởng già Hồ là chính nghĩa.

Xin trở lại vấn đề của tôi và Nghĩa. Đêm hôm đó, lòng tôi đầy lo lắng, nên giấc ngủ cũng không yên. 8 giờ sáng ngày hôm sau, sẽ là giờ hẹn cuối cùng của Nghĩa ra cho tôi. Cả đêm suy nghĩ mà vô kế khả thi, đành để sáng mai, ra sao thì ra, trong khi các bạn chỉ muốn tôi ở lại.

Mãi 7 giờ sáng hôm sau, tôi mới dậy, lấy khăn mặt và thuốc đánh răng ra mé sông rửa mặt như mọi sáng. Vì rửa mặt nên tôi cởi đồng hồ tay bỏ lại va-li. Tôi đang rửa mặt, lúc đó khoảng 7 giờ 30, một chiếc GMC từ ngoài cổng vào đỗ ở sân. Một người ra hô gọi tất cả mọi người mới vào đi lên Tổng Hành Dinh để trình diện và khám sức khỏe. Tôi không còn kịp cất khăn mặt và bàn chải, bèn đút luôn vào túi quần, rồi trèo lên xe vì Tuyển, Luân và An đang ở trên xe gọi, vời rối rít.

Xe đến Tổng Hành Dinh. Mọi người ngồi chờ đông chật một cái phòng rộng, lần lượt đợi khám. Tôi lửng lơ ra chỗ chuồng hổ, xem con hổ đang ăn. Cùng đứng xem với tôi có một anh tên là Hiệu, nghe anh nói chuyện. Anh cũng ở trường sĩ quan Thủ Đức trốn ra, nghe theo Nghĩa vào BX, nhưng bây giờ, anh không muốn nữa. Thấy thời cơ có thể, tôi nháy anh Hiệu theo tôi, lững lờ lân la ra phía cổng. Ở cổng có một người lính gác, nhưng đứng trong chòi, phía sau không nhìn thấy y. Tôi nhìn trước sau, chưa biết tính kế gì đi ra, sợ nó hỏi giấy. Còn đứng lớ ngớ ngoài này, bất ngờ mà Nghĩa ở trong phòng ra nhìn thấy, Nghĩa sẽ biết ngay là chúng tôi định chuồn. Lúc ấy, chưa biết chuyện gì sẽ xẩy ra. Giữa lúc tiến thoái lưỡng nan, tôi chợt thấy ngoài cổng, phía bên kia đường có một hàng bán mía và mấy lọ kẹo, tôi rút túi lấy ra 5 đồng đưa cho Hiệu (Hiệu chả có đồng bạc nào), nói to cốt để người lính gác nghe thấy:

- Này, từ sáng chưa ăn, đói quá, cậu chạy ra hàng mua hai tấm mía đi!

Hiệu cầm tiền chạy ra (có ý với tên lính gác là còn một người nữa trong này, nếu nó nghi ngờ, hỏi giấy), chọn một tấm. Khi Hiệu cầm tấm thứ hai, tôi nói to, vọng sang bên kia đường:

- Lấy tấm kia cơ mà!…

Tôi cứ bảo "tấm kia, tấm kia!", hai bên nói ra, nói vào, tên lính gác ở giữa. Cuối cùng, tôi vừa chạy ra vừa nói:

- Cóc khô, lấy tấm này!…

Khi tôi ra đến hàng mía, hai thằng mắt la mày lém, liếc ngang, liếc dọc, vừa lúc đó may sao một chiếc xích lô máy chạy tới đổ một người khách ở chéo một góc. Liếc nhìn về phía chòi gác, người lính thờ ơ, đang nhìn đi đâu, chúng tôi chạy ngay đến chỗ bác xích lô máy:

- Chạy sang Chợ Lớn!

Bác quay lại:

- Mười đồng!

Tôi nói trả bác 15 đồng, với điều kiện bác chạy thật nhanh và chạy về phía dưới, nghĩa là trở lại phía trại của tôi, bởi vì phía cầu chữ "Y" xe nào ra cũng bị hỏi giấy tờ, đó là Tổng Hành Dinh.

Xe chạy bụi mù, lại không có mui, tôi cứ phải vờ lấy khăn mặt lau mắt để che mặt, sợ bất ngờ gặp tên lính quen, nhất là lúc xe qua trại cũ, anh lính gác thế nào cũng biết mặt. Tôi cứ kêu bụi quá, cúi gầm xuống, lấy khăn mặt ngoáy lỗ tai để che phía bên. Xe chạy qua, thoát nạn! Qua sông là ổn rồi, mới thấy tiếc cái va-li, cái đồng hồ, nhất là bao nhiêu tấm ảnh kỷ niệm, cả phim từ hồi bé ở Hà Nội. Nhưng chọn giữa cuộc đời ở lại u tối và các thứ đó, đành phải xa lìa chúng.

Xe sang tới Chợ Lớn, Hiệu cảm ơn và chia tay với tôi. Tôi vào ngay tiệm phở chén một bát. Bây giờ tay không, chả biết đi đâu, chẳng một ai quen biết. Lang thangmãi gần tối, Sài Gòn rộng bao la, nhưng tôi chả có chỗ nào dung thân. Tôi lại nghĩ đến bệnh viện Bình Dân, nơi đó đông đúc đầy người, tối cứ vể đấy ngủ, ban ngày sẽ chuốn nơi khác.

Tối hôm đó tôi về bệnh viện Bình Dân thực, vì chẳng còn chỗ nào để đi. Tôi vào mãi phía trong, lại gặp một số thanh niên và đồng bào đang bàn tán, ngày mai họ vào Bình Xuyên. Từ chuyện mình vừa trải qua, tôi nghĩ đến các thanh niên khác, không thể để họ chôn vùi vào một nơi đen xấu như vậy, cho nên tôi nói thẳng cho họ biết là tôi vừa ở Bình Xuyên trốn ra, mất hết cả va-li quần áo, v.v… Ai nghe cũng sợ hết hồn, anh nào cũng lắc đầu lè lưỡi, cảm ơn tôi.

Được hai ngày không có gì xảy ra, tôi bắt đầu chủ quan. Mọi khi dậy là đi sớm, tối 9 giờ mới mò về. Tôi cũng tin vào mắt mình, nếu thoáng thấy Nghĩa là tôi lủi vội. Sáng hôm nay, tôi dậy muộn, cũng nằm gần mấy anh bạn mới. Mải chuyện vui với mấy anh, đột nhiên, tôi nhìn thấy trước mắt mình (lúc đó, tôi đang ngồi dựa tường, nhìn xuống nền, giữa hành lang đầy người) một đôi giầy đen bóng loáng, đôi ống quần vàng ka ki Mỹ là thẳng tắp. Tôi từ từ nhìn lên, tim tôi bóp lại; Nghĩa! Nghĩa đang đứng chống hai tay cạnh sườn nhìn tôi bằng đôi mắt lạnh băng. Tôi liếc sang mấy anh bạn mới, họ đều lủi mất, chắc họ cũng biết ngay đấy là Nghĩa. Tôi đứng bật dậy, tỏ vẻ mừng rỡ, một tay cho vào túi quần sau như lấy ví:

- À, anh Nghĩa! May quá, em cứ sợ không có giấy tờ đưa cho anh, anh sẽ giận, em nhớ là đã gửi một người bạn, nên phải lên đây lấy. Em đã lấy được rồi. Bây giờ, anh cho em về dưới đấy với.

Nghĩa cứ lừ lừ nhìn tôi, không nói một lời. Một lúc, Nghĩa nhìn ra phía người cảnh sát đang gác như định gọi vào để bắt tôi (cảnh sát cũng của Bình Xuyên). Tôi vội nói:

- Không cần thiết anh Nghĩa à! Chính em thích Bình Xuyên lắm. Nhất là gần anh, bây giờ em đi theo anh về ngay mà.

Y nhìn tôi một lúc, rồi ra ý bảo tôi đi trước, y theo sát ngay sau. Đành vậy! Khi gần ra tới cửa bệnh viện, tôi thấy từ trong một căn buồng chéo phía trước mặt tôi đang đi tới, trên một chiếc ghế bố xanh, một cô gái chừng 20, 21 tuổi, có sắc đẹp căng đầy, đang ngồi chải, hong mái tóc đen huyền nhìn ra. Vô tình gặp mắt Nghĩa, cũng đang nhìn về phía cô, cô nàng cười. Nghĩa cũng toét miệng ra. Thôi thì trai anh hùng, gặp gái thuyền quyên! Bốn mắt nhìn nhau, hai lòng mở cửa. Thế là Nghĩa bảo tôi đứng đó chờ y một tí. Tôi cũng nháy mắt ra vẻ tán đồng. Nghĩa rẽ vào, tôi đứng cạnh đấy. Cô ả thấy Nghĩa vào, lại e thẹn cúi đầu, Nghĩa lại càng ngất ngây. Tôi thấy vẻ mặt Nghĩa đờ đẫn. Dịp may một thuở ngàn năm, thôi thì 36 chước, chước nào tối ưu? Tôi lủi lẹ!

Như vậy, giai nhân ấy, vô tình đã cứu tôi một hướng đời!

Từ đấy cho tới khi tôi phải lên tít trại định cư Hà Nội, Hố Nai Biên Hòa, chẳng bao giờ tôi dám bén mảng đến bệnh viện Bình Dân nữa. Mãi khi Bình Xuyên bị đập tan tành, tôi cũng không hiểu số phận Nghĩa ra sao, và các bạn tôi: Tuyển, Luân và An thế nào?

Cho tới 1960, tình cờ tôi gặp lại An, bây giờ là cán bộ thẩm cung ở Bình Dương. An có nói, Nghĩa lên Đại úy, và sau vụ Bình Xuyên, Nghĩa bị mất tích, không biết sống chết thế nào. Còn Tuyển, hiện nay đang làm ở tòa báo VNTP. Tôi định đến thăm Tuyển nhưng chưa có dịp nào.

……..

Riêng sau ngày tôi gặp Nghĩa ở Hỏa Lò, đến khi tôi phải đi các trại trung ương, tôi vẫn có ý thăm hỏi về Nghĩa. Mãi về sau, đến năm 1976, khi đó tôi ở trại trung ương số II Phong Quang, Yên Bái, tôi gặp hai thanh niên tội hình sự đã từng sống với Nghĩa gần 3 năm ở trại giam Vĩnh Quang. Theo họ nói, Đại Úy Nghĩa là một người lao động nổi tiếng khỏe nhất trại. Nghĩa thường gánh mỗi bên quang 40 viên gạch

thô (gạch chưa nung), như vậy sức nặng thường từ 90 ký đến một tạ. (Chắc Nghĩa cũng bị cuốn hút vào sự thúc đẩy, khích lệ thi đua cải tạo là mê hồn trận của Cộng Sản). Vào năm 1972, Nghĩa bị ho lao, thỉnh thoảng cứ nôn ra máu, kiệt sức dần mà không có thuốc, không có gì bồi bổ, nên Nghĩa đã chết vào một đêm Đông mưa dầm gió Bấc, chấm dứt một kiếp đời xuôi ngược nổi trôi.

Phùng Văn Trí,
đòn phép "phản gián"?...

Kể từ ngày tôi lên gặp Nghĩa về, trời ngày càng lạnh hơn. Với một chiếc chiếu con, một chăn đơn, hai bộ quần áo vải sọc cũ, không một đêm nào tôi ngủ được. Cái sàn xi măng lạnh buốt như nước đá. Ngón chân ngón tay càng sưng buốt, nhức suốt đêm ngày. Chỉ ban ngày, mệt quá tôi mới thiếp đi được một lúc. Ngay hàng ngày đi ra đổ thùng, rửa mặt, tôi cũng không ra được nữa. Chân tôi không bước đi được. Mỗi lần bước xuống như có hàng chục cái kim cắm ngược vào chân. Lúc này, tôi nghĩ là mình sắp chết. Một đêm nào đó hay bất cứ lúc nào đó, tôi sẽ nằm luôn, và không còn biết một chuyện gì về cuộc đời này nữa.

Tôi vẫn không sợ chết, trong cảnh đau đớn như thế này tôi cũng mong tử thần đến với tôi càng sớm càng hay, vì chết là hết mọi đớn đau, chết là giải thoát mọi cực hình của một kiếp tù cùng khổ. Suốt ngày đêm, lúc nào tôi cũng nghĩ đến những người đã chết. Từ những người thân thuộc như ông tôi, bà tôi, bác Hạnh anh ruột của bố tôi chết năm 1948; đến một thằng bạn thân lúc còn nhỏ chết vì lạc đạn của thực dân Pháp…Tôi nghĩ đến các ngôi mộ ở nghĩa trang, những nấm mồ hoang ở ven đường mà tôi đã nhìn thấy…

Nhưng, bây giờ mà tôi chết đi, chắc chẳng có những ngôi mồ như thế, sẽ chỉ là một cái bao tải hay một chiếc chiếu rách vùi nông ở một chỗ nào đó, rồi mưa gió và năm tháng sẽ xóa đi, không có ai và chẳng còn ai nghĩ đến tôi nữa, tôi sẽ biến tan vào cõi mờ mịt hư vô.

Có lẽ tên Nhiễm trực xà lim cũng nhìn thấy tôi có thể chết, nên y báo cáo lên trên thế nào đó, và ở trên, chúng thấy còn cần ở tôi một số sự việc, chưa thể để cho chết. Nên một hôm, tên Nhiễm mở cửa đưa vào cho tôi một cái chăn nữa và một cái trấn thủ cũng may vải sọc của tù.

Ngay từ hàng tháng trước, trên đường đi cung cũng như khi về, đôi khi tôi thấy một vài người tù nữ cũng như nam có mặc áo trấn thủ. Tôi nghĩ là áo tư, hoặc họ có tiêu chuẩn đặc biệt nào đó. Thế mới biết chúng ác thật! Chứng tỏ, chúng chủ trương lấy cả cái lạnh rét, của trời đất để hành con người. Cho tới lúc tôi gần chết, chúng chưa muốn tôi chết ngay, mới phát cho áo lạnh của tù. Ngoài ra, y tá còn xách lên cho tôi một xô nước nóng pha muối, bảo tôi ngồi trên sàn, cúi xuống ngâm tay chân vào. Tên Nhiễm vào tuyên bố, cho tôi nghỉ cùm hai ngày để y tá chữa chân. Tôi tưởng nó tha cùm tôi, nhưng thôi, hai ngày cũng được. Mỗi ngày hai lần, y tá xách xô nước muối cho tôi ngâm chân tay.

Vừa có áo ấm lại thêm chăn, chân tay được ngâm nước muối, đêm hôm ấy tôi ngủ một giấc ngon lành. Ngay ngày hôm sau, chân tay đỡ nhức hẳn. Tôi đã có thể ra đổ bô, mặc dầu đi chưa vững. Thật là lạ, mấy hôm đầu có thêm chăn, thêm áo trấn thủ, thấy dễ chịu, ấm hẳn lên. Thế mà, mấy ngày sau lại vẫn thấy lạnh dữ. Đêm nằm, một chiếc chăn gấp đôi, như vậy là 3 lượt chăn, vậy mà nằm trong chăn vẫn run. Sờ tay chân, đùi, vai vẫn lạnh giá, lưng vẫn buốt như áp vào cây nước đá.

Tuy chân tay được ngâm muối hai ngày đã đỡ, nhưng bây giờ, vẫn còn sưng, và vẫn ngứa vẫn nhức. Tại sao lạ vậy? Hay vì trời càng lạnh thêm? Nằm ở đây, thực âm u tịch mịch, nếu không gọi cung, chẳng biết ngày tháng thế nào, bên ngoài ra sao, mù tịt. Hôm nay, có lẽ đã gần cuối tháng 12, không biết là 24, hay 25. Tôi nhớ đến Noel năm ngoái, tôi với anh bạn thân Nguyễn Hữu Lợi, 2 đứa đóng bộ đèo nhau Vespa chạy tung trời Sài Gòn. Thế mà năm nay, hẳn các bạn bè ở phía bên trời ấy, đang nhởn nhơ bay lượn khắp phố phường, để khoe hương sắc của một thời hoa mộng. Riêng mình tôi tách ra, đi một con đường gian khổ, lầm than trong ngục tối âm u.

Sáng hôm sau, mụ Thơ vào gọi tôi đi cung sớm. Hàng tuần lễ không đi cung, không hiểu bữa nay có vấn đề gì? Khi

còn nằm trong tay chúng, và vẫn trong giai đoạn điều tra khai thác, trong lòng tôi vẫn luôn luôn lo lắng. Biết đâu, một ngày nào đó, chúng có những đường dây của cô gái nhận tài liệu "M" hoạt động bị chúng vồ được. Rồi họ tả lại người đã trao tài liệu cho họ, thời gian họ gặp gỡ… Như vậy thì thật là không còn gì để nói nữa về đời tôi.

Ở phòng cung hôm nay là tên Thành và Nhuận. Sau khi chỉ ghế cho tôi ngồi, dăm ba câu hỏi xã giao về sức khỏe, tên Nhuận vừa giở cặp hồ sơ, vừa gườm gườm nhìn tôi:

- Hôm nay, anh khai lại cho rõ ràng giai đoạn chúng huấn luyện anh về các loại mực bí mật, loại thông thường và loại đặc!

Tôi lại phải ngồi trình bày chi tiết, cách sử dụng các loại thông thường như: Chanh, hành, phèn chua, muối, nước tiểu, v.v… phát hiện bằng sức nóng. Loại đặc biệt, gồm hai ba loại như thuốc viên, máu, v.v…

Gần 2 tiếng đồng hồ, thằng thì ghi chép, thằng thì hỏi. Bỗng nhiên, chiếc cửa thông sang buồng bên cạnh mở ra. Tôi nhìn sang, tim tôi bóp lại như rỏ máu: Trí! Phùng Văn Trí!

Trời ơi! Sao Trí lại bị bắt ở đây? Trông anh xanh xao, nhìn tôi bằng đôi mắt đại tang, trắng dã. Lòng tôi bấn loạn, nhìn theo. Mãi cho tới khi một tên công an dẫn Trí ra lối cửa sau, Trí còn ngoái lại nhìn tôi. Bao nhiêu nỗi niềm thắc mắc, băn khoăn cuồn cuộn dâng đầy trong óc, trong tim tiếp tục rỏ máu của tôi. Chúng có hỏi gì đó tôi cũng không biết nữa. Lòng tôi như bị vặn xé, dứt rời. Trí vì tôi mà bị bắt ư! Hình ảnh bố mẹ Trí già lão, hiền lành! Hình ảnh vợ con Trí nhỏ dại, lam lũ quê mùa! Một cơn đau ập vào lòng tôi, giầy vò cấu xé trái tim đầy ắp khổ đau, ân hận.

Đời tôi thà tan tành, thân tôi thà bị cắt, chặt từng mảnh, tôi cũng không đau khổ quặn thắt bằng "Trí vì tôi mà bị bắt". Cái đau này là cái đau trong tim, trong óc, chết đi, kiếp khác vẫn còn đau. Tôi quay lại Nhuận và Thành, gào lên:

- Tôi xin lấy danh dự thiêng liêng của cả đời tôi cam đoan rằng: Anh Trí không hề dính dáng gì với tôi cả! Anh và bố mẹ anh rất quê mùa hiền lành. Tôi chỉ gặp anh hoàn toàn trên đường đi, như tôi đã khai báo và viết nhiều lần trước đây!

Tên Nhuận cười khẩy:

- Anh điên à! Trí bị bắt vì tội khác chứ có phải vì anh đâu!

Tôi không tin được. Tôi hiểu, chúng thấy tôi đau đớn, điên rồ nên chúng nói vậy để trấn an tôi. Chúng tiếp tục truy hỏi tôi nữa. Tôi không còn sợ nữa, tôi nói thẳng:

- Xin các ông giết tôi đi. Tôi sống mà đau về lương tâm, cũng héo đi mà chết. Bây giờ các ông đừng hỏi tôi nữa. Tôi không còn nhớ cái gì, biết cái gì nữa, vì hình ảnh Trí như vậy đã tràn ắp lòng tôi rồi.

Thấy tôi như vậy, chúng rất buồn cười, chúng cứ nhìn nhau cười mãi. Cuối cùng tên Nhuận nghiêm mặt, đập bàn:

- Anh bị bắt vì tội của anh! Còn Trí bị bắt vì tội khác! Tôi cấm anh không được nói đến Trí nữa!

Sự đời nhiều lúc buồn cười thật. Mục đích của chúng là cho tôi và Trí thấy mặt nhau, để hai bên bị áp lực nhau. Chúng cần mỗi người phải nói với chúng về nhau. Thế mà bây giờ chúng lại cấm tôi không được nói về Trí. Ngược lại, lẽ ra (ý gian) tôi càng cố tránh không nói tới Trí mới hợp lý. Nhưng ở đây, mặc chúng cấm, mặc chúng đập bàn la hét, tôi vẫn lải nhải nói về Trí, với nỗi sầu héo không thiết gì đến đời sống của mình nữa. Cuối cùng, chúng cho tôi về với lời đe dọa:

- Ngày mai anh lên đây tiếp tục khai báo!

Hôm ấy tôi về xà lim, ngồi ăn cơm mà nuốt không nổi. Hình ảnh Trí lúc sáng cứ lởn vởn trong đầu tôi. Đêm hôm đó, tôi cũng không ngủ được, cứ ngồi suy nghĩ về Trí. Làm thế nào để cứu Trí đây? Nói gì chúng cũng không tin. Đời mình bây giờ trước sau cũng chết, dù có phải vì cứu Trí mà chết sớm hơn, tôi cũng vẫn sẵn sàng. Vì vấn đề lương tâm, tôi không còn tính toán thiệt hại hay lợi cho đời tôi nữa. Nếu tôi bị thiệt hại, mà minh oan được cho Trí, tôi làm liền.

Tôi suy nghĩ, một vài ngày tới, tùy theo tình hình, tôi sẽ nói thẳng với chúng là tôi đã biết có người theo dõi rồi, nên tôi không dại gì đến chỗ Trí, nếu Trí thực sự là người có liên quan đến màng lưới hoạt động của tôi. Nhưng, nếu như thế, cả một vấn đề lớn sẽ đổ bể hết. Tất cả những khai báo, tất cả những công trình khôn khéo đánh lừa chúng trong suốt 6 tháng nay, chúng sẽ không tin nữa. Thật là một vấn đề sinh tử cam go. Tôi nát đầu! Tôi vẫn hiểu, người làm việc lớn đôi khi phải hy sinh những cái nhỏ một cách phũ phàng. Nhưng, lúc này tôi đâu đã có kinh nghiệm, hơn nữa, bản chất con người tôi, thà chịu thiệt thòi, bỏ lỡ thời cơ tiến thủ còn hơn tình cảm, danh dự bị xâm phạm.

(Kính thưa quý vị độc giả: Sự việc xẩy ra đã 40 năm rồi! Vì phải tái bản, tôi đang ngồi đánh máy lại tập hồi ký Thép Đen này. Đến đoạn anh Phùng Văn Trí đây, lòng tôi càng lúc càng dâng lên tràn ắp nổi niềm đầy vơi, ngang dọc, ngược xuôi. Ngoại lệ của hồi ký! Là tác giả, xin phép quý vị, tôi được nói lên một tâm ý: "Một người có những hành xử như đoạn này, thất bại là đúng! Và, suốt đời người đó cũng chẳng làm cái gì nên".
Boston Dec. 2002).

Hôm sau, chúng lại gọi tôi ra. Lần này là Đức và Nhuận. Tôi vừa mới bước chân vào phòng, chúng đã ầm ầm nổi trận lôi đình:

- Anh là một thằng hoàn toàn nói láo. Nhiệm vụ anh ra miền Bắc 25 ngày là để anh theo dõi Sư Đoàn 308 như anh đã khai báo. Vậy, chúng nó dậy anh về các loại mực bí mật để làm gì? Chúng tôi biết, anh ra đây với nhiệm vụ khác! Anh không chịu khai báo sự thật, đợi chúng tôi phải đưa nhân chứng cụ thể ra, chắc chắn anh không sống được.

Tha hồ cho chúng dọa nạt, chửi bới, tôi cứ khăng khăng nói là tôi đã hoàn toàn khai báo sự thật hết cả rồi. Mặt khác, tôi vẫn nói về Trí. Tôi nói thẳng là trong lúc này, ngày cũng như đêm, lúc nào tôi cũng nghĩ đến anh Trí, nghĩ đến bố mẹ, vợ con anh. Lương tâm tôi bị dày vò, xin các ông hãy minh xét cho anh Trí, v.v…

Buổi chiều, chúng lại tiếp tục truy hỏi tôi về điểm mực bí mật ấy mãi. Tôi trả lời chúng:

- Tôi không biết vì sao tên Hòa lại dạy tôi như vậy. Tôi nghĩ đây là bài học cơ bản, vỡ lòng cho tất cả mọi người mới vào ngành, để hoạt động tình báo mà thôi. Rồi sau đó, tùy theo công tác gì, sẽ huấn luyện thêm riêng về công tác đó.

Nghĩ lại, tôi cũng dại thật. Biết thế, trước đấy tôi không nên khai gì về loại mực bí mật và viết thư mật cả. Chúng đã suy ra khá hợp lý rằng: Để gây mạng lưới hoạt động thì mới cần học những món ấy!

Nhưng trong thực tế, tháng đầu. Cẩn đã huấn luyện tôi về môn đó, cũng nói đó là bài học cơ bản của một người hoạt động tình báo, như đi học thì mới đầu phải học vần ABC vậy.

Gần về chiều, tên Nhuận mở cặp rút ra một tờ giấy viết tay, cùng một loại giấy tô vẫn khai cung, đưa cho tôi. Tôi nhìn thoáng cũng biết là nét chữ của anh Trí. Tôi đọc, chắc chúng đang theo dõi nét mặt của tôi. Đây là tờ giấy một đoạn, anh Trí đã khai. Trong đó, anh Trí bị bắt về tội vượt biên giới theo lối Lào để định trốn về Thái Lan.

Lương tâm tôi như được vuốt ve, xoa nắn sau những ngày quặn thắt, dày vò. Tuy vậy, một ý khác đã nổi lên trong óc tôi là dù sao, chúng vẫn nghi anh Trí có vấn đề với tôi, chứng cớ là chúng cố tình để anh Trí và tôi nhìn thấy nhau, để trộ anh Trí, anh không thể che dấu được nữa, vì đã bắt được tôi rồi! Cũng có thể chúng nghi tôi đã giao nhiệm vụ gì đó cho anh Trí, anh Trí trốn sang Thái Lan, rồi về miền Nam báo cho Sài Gòn chẳng hạn. Nghĩa là sự việc anh Trí trốn đi Thái Lan, có liên quan đến việc anh Trí và tôi quen nhau. Vì nghĩ như thế, khi trả lại tờ giấy cho Nhuận, tôi liền làm ra vẻ hân hoan:

- Cảm ơn ông, nếu tôi không được đọc tờ khai này của anh Trí, cho đến chết lương tâm tôi vẫn bị cắn rứt, dày vò.

Tên Nhuận cười rổn rang:

- Tôi đã nói, anh không tin.

Rồi hắn nghiêm mặt:

- Anh đã giao nhiệm vụ gì cho Trí, và Trí đã nói gì với anh. Trí đã khai báo hết rồi. Anh không tin, tôi sẽ đưa tờ khai của Trí cho anh xem.

Chà, biết ngay mà. Y còn định lấy chuyện này lòe chuyện kia. Dù có, tôi cũng không mắc, huống chi ở đây tôi thực không có gì. Tôi chỉ cười trả lời:

- Thưa ông, làm gì có chuyện ấy. Tôi đã thưa với các ông là anh Trí không hề biết gì về tôi, anh chỉ biết tôi là một học sinh lớp 10 ở Vĩnh Linh, ra Hà Nội chữa bệnh tim.

Chúng nó dứt khoát không tin. Dứt khoát chuyện Trí vượt biên với chuyện của tôi có liên quan.

Phần tôi, tôi không sợ. Chúng nghi hay chúng không tin, tôi tù, vẫn tù. Điều làm tôi băn khoăn là anh Trí. Chúng không tin anh, chúng còn giam hãm anh lâu dài, khổ anh và khổ vợ con anh. Như vậy lương tâm tôi vẫn không yên ổn được. Nghĩ như vậy, tôi đã mạnh bạo nói:

- Thưa các ông, tôi nói thật, ngày tôi trở vào Vinh; khi xe ra bến xe Kim Liên, có một anh cụt chân đưa vé đến cho tôi, tôi đã nghi anh ấy là công an theo dõi tôi (chỗ này, tôi không nói đến người ngồi trước và sau tôi). Rồi dưới đường, tôi cũng nghi một chiếc Commanca theo tôi, vì thế, không đời nào tôi lại vào nhà anh Trí, nếu anh là một cơ sở hoạt động của tôi. Hơn nữa, ông đã biết anh Trí, tôi không dám có ý coi thường anh, nhưng anh Trí như thế thì hoạt động tình báo làm sao được. Anh quá hiền lành, và trình độ lại chỉ biết đọc biết viết.

Chỉ vì cái ngu xuẩn tình cảm của tôi, cứ muốn thanh minh cho anh Trí, vì thế lý trí tôi không còn đủ sáng suốt, đã quên đi cái nguyên tắc mà chính tôi đã tự khẳng quyết "không bao giờ nói đến, biết bị theo dõi" trước đây. Bởi vậy, vừa nghe tôi nói là nghi ngờ bị theo dõi, mắt chúng sáng ngay lên, chúng vồ vập hỏi:

- Anh thấy thế nào? Tại sao anh nghi? Hãy tả kỹ những người anh nghi, những xe anh nghi, và nghi từ bao giờ? v.v...

Tôi trình bày như vừa khai, nghĩa là tôi chỉ nghi một mình anh cụt chân và một chiếc Commanca, và nghi từ bến xe Kim Liên đi vào Vinh. Hết giờ, chúng cho tôi về.

Sáng hôm sau, chúng gọi đi cung sớm. Hôm nay, có 3 tên là Đức, Nhuận, và tên Đặng người Huế. Thật tôi không ngờ. Như sấm sét, bão bùng. Thái độ của chúng hôm nay khác hẳn, mặt tên nào cũng lạnh như tiền. Chúng truy lại tôi hết mọi sự việc. Những điều trước đây chúng không hề nhắc lại, bây giờ chúng lại sừng sộ hỏi ra, xắn tay, xắn chân, chúng làm tôi rối mù lên. Chúng dứt khoát gán ghép tôi đã biết bị theo dõi từ lâu, và đã gây hỏa mù cho công an, v.v...

Tôi không ngờ sự việc diễn tiến đến chỗ căng thẳng như vậy. Dù tôi có tính trước, nhưng ngoài sự dự đoán của tôi. Cung kẹo lại lia lịa ngày đêm. Tôi cảm thấy quá mệt mỏi, đầu óc như không chịu nổi nữa. Tôi như người mất hồn. Ngày nào, chúng cũng đối xử với tôi như một tên tử thù. Thậm chí, có lần chúng giận quá, tên Đặng đã đứng dậy đạp tôi ngã ngửa về đằng sau. Y quát:

- Mày sẽ chết, mày biết không!? Số phận mày là một tên gián điệp, mày đã biết, từ trước đến nay một tên điệp viên

nào bị bắt, khai thác được hay không, sớm muộn đều bắn bỏ. Riêng chế độ xã hội chủ nghĩa đã mở ra cho mày một sinh lộ, nhưng mày ngoan cố không muốn được khoan hồng, mày sẽ đi con đường của mày.

Nói rồi, y bỏ về.

Tôi ân hận vì việc làm thiếu suy tính, để tình cảm lấn át lý trí của tôi. Chỉ lẩn quẩn vì vấn đề tình cảm mà bây giờ tôi sống dở chết dở. Hai tên Đức và Nhuận còn ở lại, tiếp tục vặn lý, truy hỏi lại nhiều sự việc. Tai tôi ù đi, người tôi xây xẩm nhiều lần suýt ngã xuống nền gạch. Mặc, chúng vẫn bắt tôi phải trả lời từng điểm chúng hỏi. Tôi nói trong hơi đứt đoạn:

- Thưa…tôi hoa mày…chóng mặt…xin cho về…..

Chúng nó đứng lên đe dọa:

- Được, cho về! Ngày mai khôn hồn thì khai lại hết. Không, đi ngủ với giun sớm!

Tôi về. Đói, mà cơm không muốn nuốt. Phen này chắc không thể sống được. Thái độ chúng ghê gớm quá!

Gần một tuần lễ sau, sáng trưa, chiều, tối, chúng làm như nước sôi, lửa bỏng. Chỉ có tên Thành, ánh mắt của y từ lâu tôi nhìn vẫn thấy như có một chút tình người. Nhiều lần, y thường có thái độ dịu dàng tình cảm đối với tôi. Dạo này, y có vẻ buồn, ít nói. Thỉnh thoảng y cũng ngồi hỏi cung, tôi vẫn bất chợt bắt gặp ánh mắt thăm thẳm của y khi thấy tôi bị mê tơi rũ rượi, như chiếc giẻ rách vì bị 3 tên quần thảo liên tục từ sáng tới tối.

Một hôm, tên Đức hỏi tôi:

- Năm nay anh bao nhiêu tuổi?

Tôi dè dặt nhìn y:

- Thưa ông, 24.

Y nghiêm trang, lạnh lùng:

- Anh có người yêu chưa? Và có hứa hẹn với ai không?

Tôi không hiểu tại sao y lạo hỏi đến chuyện riêng tư của tôi làm gì, vì thế, tôi nhìn y như dò hỏi:

- Trong thời gian còn đi học, chỉ có yêu thầm, yêu vụng, chứ không hẹn hò với ai…

- Bố mẹ chỉ có mình anh là con trai?

- Thưa ông, tôi còn một người em trai, năm nay học Đệ Tam.

Y gật đầu, vẫn lạnh lùng:

- Anh cương quyết không khai báo gì thêm nữa phải không?

Trong khi tên Đức hỏi, tên Nhuận vẫn ghi. Tôi trả lời:

- Thưa các ông, tôi đã khai báo hết cả rồi. Điều nào chưa rõ, xin ông cứ hỏi. Tôi nguyện xin cố gắng, điều gì tôi biết, tôi sẽ nói hết.

Nó hỏi ngay:

- Vậy, nhiệm vụ anh ra ngoài Bắc này làm gì?

- Thưa ông, tôi đã khai báo rõ ràng nhiều lần rồi.

Y đập bàn, quát:

- Thôi! Cho về, tôi hết trách nhiệm với anh!

Trên đường về xà lim, tôi rất lo lắng sầu héo. Thái độ của các chấp pháp dạo này khác thường. Tôi chưa hiểu chuyện gì nữa sẽ đến với tôi.

Sáng hôm sau, khi tôi ra phòng cung, chỉ có mình Nhuận. Nhuận chỉ ghế tôi ngồi, rồi nói:

- Hôm nay, có lẽ buổi cuối tôi gặp anh, vì vậy, tôi muốn anh nói thật với tôi một số vấn đề. Trước đây, và từ ngày anh ra Bắc tới bây giờ, với cái nhìn của anh. Anh thấy xã hội chủ nghĩa còn điểm nào chưa tốt, và điểm nào anh không đồng ý?

Y ngừng lại một tí, rồi nói tiếp, như tâm tình:

- Tất nhiên, chúng tôi cũng còn nhiều điều chưa tốt. Nhưng tôi muốn nghe chính anh, một người ở xã hội khác, cái nhìn có giá trị khách quan hơn. Vậy, anh được toàn quyền nói sự thật, dù sự thật ấy như thế nào. Tôi bảo đảm với anh, anh không bị ảnh hưởng gì cả.

Tôi nghe y nói, tôi nhìn y, rồi dè dặt:

- Thưa ông, tôi ra miền Bắc, tuy là đi hoạt động, nhưng thực tế tôi không thích chế độ miền Nam, cho nên, tôi đã chẳng làm gì cho họ cả. Tôi chỉ chủ trương thăm lại cảnh cũ thời thơ ấu, nên không để ý nhiều về xã hội. Do đó, tôi có nói cũng khó chính xác…

Y có vẻ săn đón, khích lệ:

- Không sao, dù không chính xác. Anh cứ nói đi! Như vậy mới thể hiện anh thật lòng.

- Thưa ông, nói thực với ông, tôi mới lớn lên, hơn nữa tôi là người ít học, nên chẳng hiểu vấn đề chính trị ra sao. Làm thế nào biết đúng hay sai. Đi ngoài phố, tôi thấy dân chúng đâu đâu cũng nổ lực lao động. Họ làm việc có ý thức trách nhiệm, chứ không như miền Nam. Chỉ có điều là dân ta còn nghèo, còn có người phải kéo xe ba gác. Nhưng, tôi tin rằng vài năm nữa sẽ khá hơn…

Y hỏi tôi:

- Còn gì nữa?

- Tôi chỉ thấy như vậy thôi!

- Còn điểm gì anh không đồng ý với xã hội chủ nghĩa?

- Tôi thấy cái gì cũng tốt cả…Hay có thể vì sự hiểu biết của tôi kém, nên tôi thấy như vậy chăng!

Y cười nhạt, lặng lẽ ghi hết ý của tôi. Rồi tiếp:

- Vậy, cụ thể anh đồng ý với xã hội chủ nghĩa ở những điểm nào?

Tôi suy nghĩ, nói phải có sách, mách phải có chứng. Tôi phải tìm ra một điểm gì để nó có thể tin được. Tôi ngẩng đầu lên tỏ vẻ tin tưởng:

- Trước đây, tôi rất không ưa người giầu, người giầu thì giầu quá, người nghèo thì quá nghèo. Vì vậy, tôi rất vui khi về phố Hàng Bạc, tôi nhìn thấy anh Kỳ chồng cô Thuận đi đôi guốc lộc cộc ngoài phố. Ngày xưa họ giầu lắm, họ hách dịch lắm, không bao giờ đi đôi dép ra đứng trước của hiệu cả.

Y ra vẻ dìu dịu:

- Tôi hỏi thực anh, sao anh quyết tâm không khai sự thật? Hay anh cho rằng chúng tôi không có biện pháp nào bắt anh phải nói sự thật hay sao?

- Thưa ông, không bao giờ tôi dám nghĩ như vậy. Tôi tin tưởng tuyệt đối là với cách mạng, không cái gì cách mạng không biết cả. Còn sự thật, tôi đã khai ngay từ đầu. Tôi rất đau khổ, không hiểu vì sao cách mạng vẫn không tin tôi. Tôi cũng không biết cách nào để cách mạng tin tôi cả.

Nó đứng dậy cười gằn:

- Thôi, cho anh về! Anh cứ ôm cái quyết tâm, cái ngoan cố ấy của anh sang thế giới khác, rồi Mỹ Diệm chúng sẽ trả công cho anh!

Thủ Tiêu Trong Đêm.....

Mụ Hoa đưa tôi về xà lim. Ngoài trời âm u xám xịt, chắc đang mưa, nhưng lòng tôi còn đen tối om. Nhớ lại, trên đường về, nhìn hình ảnh một con chim sẻ ủ rũ một mình, đang đứng nép tránh mưa rét trong mái hiên nhà bếp, tôi liên tưởng tới những vụ thủ tiêu của Cộng Sản trước đây: Hình ảnh hai chiếc thây, một của ông trùm và một của thanh niên Công Giáo một họ đạo. Bị trói giật cánh khuỷu bập bềnh, rữa nát trôi trên sông Đáy ngày nào năm 1952 vẫn còn rõ nét trong trí ôi. Hình ảnh Đại Tá Hoàng Thụy Năm, Trưởng đoàn quân sự Việt Nam Cộng Hòa, giao thiệp với Hà Nội theo hội nghị Genève. Cũng bị trói giật cánh khuỷu, lưỡi bị cắt, đầu và đầu gối bị những chiếc đanh 10 phân đóng ngập, bồng bềnh trôi trên sông Đồng Nai, gần cầu Bình Lợi năm xưa cũng chưa phai mờ... Đó là những hình ảnh tôi đã trông thấy. Còn biết bao nhiêu những vụ thủ tiêu dã man tán khốc của lũ Cộng Sản khát máu đồng bào mà tôi đã nghe.

Bây giờ, tôi trong tình thế này, không còn cách nào khác, cũng vui lòng theo các bậc Cha Anh. Trong giấc ngủ chập chờn đêm khuya vắng lặng, tôi thấy tụi nó hai người, mặc quần áo đen, bịt mặt, trói tay và chân tôi đem ra cạnh sông Hồng, chỗ gần Phà Đen. Chúng đâm tôi hơn 10 nhát dao, rồi đẩy tôi xuống sông. Tôi cố vùng vẫy vì ngạt thở, tìm cách hất đầu mình lên khỏi mặt nước. Tôi giật mình tỉnh dậy. Đó chỉ là một cơn ác mộng! Trời lạnh mà tôi cũng toát mồ hôi ra.

Hai ngày trôi qua trong đợi chờ lo lắng, thấp thỏm, vẫn không có gì xảy ra. Sáng ngày thứ 3, lão Bằng mắt lồi lại vào gọi tôi đi cung. Khi ra tới phòng cung, tôi thấy chỉ có một mình Thành, bộ mắt buồn xo, đỏ rừ, như mới uống rượu. Nét mặt của Thành hôm nay làm tôi liên tưởng đến Cao Đình Tiệu, cũng một tuổi, báo cho tôi biết sẽ bị An Ninh Quân Đội bắt và tra tấn khai thác ở 365 Phú Lâm.

Thành nói, giọng rười rượi buồn:

- Bình ngồi đi!

Tôi ngồi, Thành vẫn im lặng. Những phút im lặng, nặng nề trôi. Thành vẫn nhìn ra phía cửa sổ, rồi như đắn đo, ngập ngừng:

- Lẽ ra tôi không thể gặp Bình, nhưng tôi cố gắng để gặp Bình. Một lần nữa. Từ ngày tôi và một số đồng chí trong cơ quan có trách nhiệm hỏi cung Bình, không hiểu sao dần dà tôi thấy lòng mến Bình. Nhiều lúc, tôi coi Bình như em trai tôi, một người thanh niên bị bắt còn quá trẻ, chưa được biết gì về cuộc đời. Hôm nay, tự đáy lòng tôi, tôi nói với Bình thế này: Bình hãy nghe tôi, dù Bình muốn làm gì, Bình muốn như thế nào đó theo quan điểm của Bình, tôi không có ý kiến. Nhưng, tôi muốn nói với Bình là, tất cả, hãy cần giữ lấy cái đầu đã. Đó mới là người khôn! Chết rồi, vô nghĩa hết, cái gì cũng không làm được. Chết, thiệt thân thôi! Bất cứ muốn làm cái gì, Bình phải tồn tại đã. Bình còn quá trẻ, nên chỉ nhìn cuộc đời từ một góc cạnh nào đó, trong khi cuộc đời muôn mặt. Tôi thương Bình, Bình giúp tôi, tôi giúp Bình, tôi sẽ bảo đảm rất tốt cho Bình.

Một niềm xúc động len lén vào lòng tôi. Dù ở một khía cạnh nào đó, những lời nói của Thành cũng có những nét thực tế. Tôi xúc động ra mặt:

- Thưa ông, tôi rất biết ơn ông. Phải nói rằng trong quá trình, tôi cũng cảm nhận thấy tình ông đối với tôi. Nhưng, bây giờ…Tôi giúp ông được gì?…..

Y xua tay, gạt ngang:

- Không! Không, Bình đừng nói gì với tôi bây giờ cả. Tôi muốn Bình về đêm nay, suy nghĩ kỹ, cân nhắc mọi mặt cho thấu đáo. Trong ngày mai, nếu Bình muốn gặp tôi, hãy báo cáo với quản giáo trực xà lim là "Muốn xin gặp ông Thành". Tôi sẽ chờ Bình, nếu không thấy, có nghĩa là Bình không muốn giúp tôi, và lúc đó, tôi cũng đành mặc cho cuộc đời, vì khả năng và quyền hạn của tôi chỉ có một góc nhỏ.

Y đứng dậy, ra ý bảo tôi về. Trên đường về xà lim, lòng tôi đầy vơi bao nỗi niềm. Tôi hiểu đây là những vấn đề sống và chết. Chết thì danh dự, mà sống thì cúi đầu. Tôi miên man nghĩ đến bao tấm gương cương cường, bất khuất của các bậc cha ông trong lịch sử. Những nhân vật hèn hạ, hại bạn, hại thầy trong "Tam Quốc Chí", trong sách báo, trong phim ảnh…Người con trai sống ở đời, phải có tam cương, ngũ thường, phải có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín… Tôi nghĩ đến Công Giáo, đến Chúa, đến các linh mục. Cha Quỳnh và bao nhiêu người trong Cục đã đặt niềm tin nơi tôi.

Qua thái độ hỏi cung, từ lời nói, từ cử chỉ, từ hiện tượng, chúng mới chỉ nghi tôi, chứ chưa nắm được gì về tôi cả. Nếu chúng đã biết rõ về tôi, và trong hoàn cảnh này, tôi phải khai ra?

Tôi nghĩ tới hai trường hợp khác hẳn nhau mà lại rất liên quan đến nhau: Chúng biết rồi mà mình khai, đã còn có chỗ hèn, chỗ kém. Huống chi, chúng chưa biết gì, mình đã khai, vừa hèn hạ, lại còn là một tên phản thầy lừa bạn nữa, chưa nói gì về lý tưởng. Ôi, là một tên lừa thầy phản bạn, thì làm sao tôi sống? Hơn nữa, dù chưa có nhiều kinh nghiệm về Cộng Sản lắm, tôi cũng hiểu là nếu chúng đã định giết, có khai ra, lại bị chúng hành hạ khai thác một thời gian, rồi cũng sẽ bị giết. Bao nhiêu điều tai nghe mắt thấy, kết hợp với nguyên tắc tổ chức của Cộng Sản.Tôi biết, chúng không bao giờ tin dùng một người nào, nếu người đó không phải tự tay chúng đào tạo. Có chăng, vì lợi ích nhất thời nào đó, chúng chũng chỉ dùng có tính cách giai đoạn, rồi không tiêu diệt, cũng tìm cách phế thải sau này.

Còn với tên Thành! Nó là ai? Là một tên Cộng Sản. Nó có nhiệm vụ gì? Khai thác tôi.

Điều này rõ ràng như ban ngày. Với một tên Cộng Sản, bằng mọi cách, mọi giá, dù có phải kết nghĩa anh em, dù có phải viết giấy cam kết sẽ không bỏ tù anh, nó cũng chỉ quanh một mục đích hoàn thành nhiệm vụ khai thác; rồi sau đó, có hàng trăm ngàn lý do để xé lời cam kết, bỏ nghĩa anh em.

Bao nhiêu suy nghĩ, cân nhắc, đắn đo, cuối cùng chỉ làm cho tôi nâng cao quyết tâm "Cứ đi theo con đường mình đã đi!". Vì vậy, ngày hôm sau, tôi đắp chăn nằm ngủ để bù vào một đêm thao thức.

Mấy ngày im vắng trôi qua, nhưng trong lòng tôi lại là cả một trận cuồng phong. Thấp thỏm, lo lắng, đợi chờ, không biết cái gì rồi sẽ đến với mình. Trời đã vào Xuân, nhưng trong ngục tối này, nàng Xuân cũng sợ, nên chẳng thấy dáng nàng đâu. Ba ngày, rồi năm ngày vẫn lặng lẽ trôi đi. Nỗi ưu tư trong lòng tôi cũng xẹp xuống dần.

Đêm nay, không hiểu sao mà tôi cứ bồn chồn trong lòng, không ngủ được. Như có linh lính về một điều chẳng lành sắp xẩy đến cho mình, tôi cứ xốn xang quẫn quại mãi không yên, lịch kịch dậy đi giải mấy lần. Có lẽ phải khoảng quá nửa đêm, tôi mới cố đi vào được giấc ngủ…

Tôi đang mê mệt với giấc ngủ muộn, bỗng nghe thấy tiếng ầm ầm. Tôi vội vàng hất chăn che đầu xuống, nhìn ra. Cửa buồng đã mở, lố nhố ba, bốn người. Toàn người lạ mặt, lại còn thoáng thấy bóng người phía bên ngoài cửa nữa. Thái độ của họ rất lạnh lùng, ai cũng súng ngắn cạnh sườn. Một người cầm chăn tôi kéo mạnh ra, vất sang sàn bên cạnh, quát:

- Bò dậy!

Tôi hoang mang chưa kịp phản xạ để hiểu chuyện gì, thì một giọng miền Trung nặng, rắn đanh:

- Chúng tôi có lệnh đưa anh đi! Hãy chấp hành!

Chưa mở cùm, một tên đã khóa hai tay tôi ra phía sau. Một tên khác, khóa lại xích phía trên cánh tay tôi. Rồi chúng lấy một miếng vải đen dài bịt kín mắt tôi. Tiếng mở chốt cùm, tiếng nhấc cùm. Hai tên xốc hai bên cánh tay tôi, quát:

- Đứng dậy!

Tôi hoang mang tột cùng. Tôi đã đoán trước số phận mình cũng phải tới lúc, nhưng tôi không hình dung nổi cảnh này. Vì nghĩ là không sớm như vậy, nghĩa là chúng còn phải khảo tra tôi một thời gian nữa đã. Vì vậy, tôi vẫn bị bất ngờ. Hơn nữa, trước đây suy nghĩ thì chuyện còn là tưởng tượng, bây giờ là thực tế. Người tôi rủn ra, lòng tôi tái tê, hình như chúng xách người tôi đi, chứ chân tôi như vật vờ trên mặt đất. Mãi tới lúc này tôi mới thấy là dưới chân mình không có đôi dép. Như vậy, chúng không cho tôi đi dép nữa.

Chân tôi lệt xệt bước cao, bước thấp. Có lẽ ra cổng Hỏa Lò. Đang đi chúng dừng lại, có tiếng thì thào chúng nó nói chuyện gì đó với nhau. Rồi tiếng xe "Commanca" rồ máy. Chúng đẩy, phải nói là chúng xách tôi lên xe, vì lúc này chân tôi nhẹ tênh chỉ có da bọc xương. Xe chạy, có lẽ ra khỏi cổng, người tôi lạng qua phía trái, vậy xe quẹo về bên phải.

Trên đường im vắng, chỉ có tiếng động cơ của chiếc xe tôi đang ngồi. Không ai nói với tôi một lời. Vì quá đột ngột nên trí óc tôi cũng đơ ra, chỉ còn nghĩ mình sắp chết. Tôi không còn tinh thần để kịp hỏi chúng đưa tôi đi đâu. Hồn tôi lãng đãng như không còn trong người tôi.

Chừng 20 phút, có lẽ bây giờ xe đã đi ra ngoài thành phố, bởi vì xe đi thẳng và gió lạnh thêm. Xe đi chừng nửa tiếng nữa thì dừng lại. Hai tên xách mạnh hai cánh tay tôi. Một tiếng quát lạnh băng:

- Đi xuống!

Tôi đứng lên, rồi chúng phải nhấc tôi xuống. Chân tôi đạp xuống đất có cỏ ướt. Chúng kéo tôi đi, chân tôi vẫn lướt thướt trên cỏ và đất gập ghềnh. Tai tôi nghe tiếng ễnh ương và tiếng côn trùng rên rỉ. Như thế, chung quanh đây là ruộng đồng. Đi chừng 10 phút, chúng dừng lại. Một giọng en ẻn miền Bắc đột nhiên nổi lên:

- Báo cáo đồng chí, đã đào xong!

Tiếng miền Trung nói nhỏ hơn:

- Có mang vôi không hỉ?

Tiếng báo cáo "Có" nghe lẫn vào tiếng gió, có lẽ vì đã đi xa. Chúng kéo xềnh xệch tôi đi, buộc hai tay vào một chiếc cột. Tay tôi chạm, như là một cái cây vì còn cả vỏ. Mấy phút im lặng. Một giọng miền Trung chắc nịch:- Tên Bình nghe đây: "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc. Bộ Công An. Tên Đặng Chí Bình, 24 tuổi, quê quán… Can tội gián điệp làm tay sai cho Mỹ Diệm, đã xâm nhập miền Bắc phá hoại cách mạng. Y vô cùng ngoan cố, vẫn kiên trì một lòng bao che những âm mưu hại dân, hại nước, không chịu khai báo sự thật. Nay quyết định xử tử. Theo truyền thống nhân đạo của cách mạng, Bộ cho phép tội phạm 5 phút để suy nghĩ, tự cứu mạng sống của mình, bằng cách khẩn cấp xin khai báo lại sự thật. Bộ Công An Nhân Dân. Ngày 27 tháng 01 năm 1963…"

Đêm thâu vắng lặng, chỉ có tiếng gió lào xào lẫn với tiếng nỉ non re re re… của côn trùng. Tiếng lên đạn của mấy khẩu CKC nghe rõ mồn một.

Giọng miền Trung lại nổi lên dõng dạc:

- Tên Bình! Bây giờ giữa sống và chết, cho mi 5 phút… Bắt đầu!

Tai tôi ù lên. Đầu tôi như đông đặc lại. Tim tôi như không đập nữa. Tôi nghe như có tiếng o-o kêu ran ran chung quanh. Một thoáng hình ảnh mẹ tôi, một thoáng ân hận về việc Trí. Hình ảnh mẹ tôi, hình ảnh Trí hẫng lên, loãng dần. Trời vào Xuân còn lạnh buốt, vậy mà ở sống lưng tôi như có giòng nước chảy. Hai bàn tay tôi cũng ướt đẫm mồ hôi. Một tiếng quát rổn lên, tim tôi như thắt lại:

- Bốn phút rồi; còn một phút nữa!

Tiếng gì đó kêu ran trong đầu, tôi chờ, tôi lắng nghe mấy tiếng nổ. Người tôi tê đi như không còn cảm giác. Chân tôi như muốn khuỵu xuống, nếu không có cái cột chắc tôi không thể đứng được.

Tôi thấy như hết hơi, không thở được nữa. Chết! Một tiếng "Chấp hành!" dội lên. Tôi tưởng là tiếng súng nổ. Tôi thấy cắn, buốt ở hai bên ngực. Bỗng dưng im lặng, một phút, rồi hai phút, tôi cố lắng nghe, dường như có tiếng thì thào…?! Có người đến cởi dây trói buộc tôi vào cây cọc ra, rồi một giọng người Bắc vang lên:

- Số anh còn sống ít ngày nữa, có lệnh hoãn…..

Chúng lại xốc nách tôi ra xe. Người tôi như không hồn, mềm nhũn ra, mặc chúng lôi kéo, đẩy đưa tôi đi. Trên đường về, trong lúc ngồi trên xe, một giọng nói quen quen, nhưng tôi không thể xác định được là ai: "Vì một sự việc đặc biệt, anh còn được sống thêm ít ngày nữa…" Hồn tôi vẫn bồng bềnh, tôi không nói một lời.

Lại về xà lim. Chúng cùm chân tôi xong, mới mở khóa trên, khóa dưới tay tôi. Cuối cùng chúng mới cởi khăn bịt mắt của tôi. Mắt tôi hoa lên với đầy những vòng tròn to nhỏ trước mắt. Tôi chỉ thấy lố nhố mấy người. Tới khi tôi nhìn rõ lại cảnh vật, chúng đã ra ngoài và đóng cửa lại rồi.

Trời vẫn chưa sáng. Tôi cố lựa chân đứng xuống đất, để với lấy hai cái chăn chúng đã ném ở sàn bên. Thấy lành lạnh ở dưới đùi, tôi sờ quần, thấy ướt. Như vậy, đã đái ra quần mà tôi không biết.

Mệt và căng thẳng, tôi nằm xuống đắp chăn. Hồn tôi vẫn lềnh bềnh như đang còn trong một cơn ác mộng. Như vừa từ cõi chết trở về. Tự nhiên, tôi thò tay vào trong áo sờ hai bên ngực. Một nỗi buồn phảng phất, vướng vít trong óc tôi. Sự việc vừa xẩy ra, tôi thấy mình vẫn chỉ là một tên hèn, sợ… chết.

Đổi Xà Lim, Bạn Tù Mới...

3 ngày trôi qua. Tôi vừa lại sức, lại hồn, một buổi chiều sau giờ làm việc, (5 giờ chiều thì hết giờ làm việc), cửa con bỗng mở, mặt tên cán bộ mắt lồi:

- Có gì mang hết đi, cả chăn chiếu!

Y rút cùm. Tôi vội vàng lấy chân ra, vơ gọn chăn chiếu. Tôi không quên đút cái gối bằng cuống chổi Thanh Hao vào trong chăn, cuộn lại và mang cả cái gáo nữa. Y mở cửa, tôi ôm đồ ra. Chợt nhớ tới đôi đũa, tôi quay lại xin y cho lấy đôi đũa thường treo ở đuôi chốt cùm phía ngoài.

Mọi hôm đi cung, thường ra cuối hành lang rồi rẽ tay phải. Hôm nay, lại rẽ phía trái, vào trong, tới một cái cửa, y mở. Chà, cả một cái sân to lớn, rộng thênh thang, với bao nhiêu dẫy nhà chung quanh. Có 5, 6 cây bàng to tướng, cành trơ trọi với những búp lá non mới nhú, trông khẳng khiu như những cánh tay gầy. Y dẫn tôi vòng theo mé sân, mở mấy lần khóa, rồi tới một khu toàn buồng. Một hàng chữ đỏ kẻ trên tường: Xà Lim II.

Hơn 7 tháng trời ở xà lim III, hôm nay tôi mới nhìn thấy xà lim II. Xà lim II ở ngay cạnh cổng phòng trực của trại chung, nên có cái loa, tiếng nói đang vang vang nghe rõ mồn một. Vào tới buồng, đã có một anh nằm đang đắp chiếc chăn bông, lồm cồm bò dậy. Trong khi tên cán bộ rút chốt cùm, tôi tự hiểu, nên nhấc cùm ra và cho một chân vào. Y đóng chốt cùm, khóa cửa. Tôi quay lại gật đầu chào anh bạn mới. Anh chàng này độ 26, 27 tuổi, trông có vẻ khỏe mạnh, tuy da vẫn xanh xao. Anh mỉm cười gật đầu chào lại tôi.

Tôi lục đục vừa trải chiếu vừa ngó chung quanh tường, lên cửa sổ. Không khí ở đây có vẻ khoáng đãng hơn xà lim III, cả ánh sáng nữa. Phía trên đầu nằm là một khung cửa sổ to, kích thước khoảng 1 mét x 60 phân, với những song sắt đường kính 2 phân, có lưới thép phía trong. Mép dưới cửa sổ chỉ cao hơn nền gạch khoảng 2 mét rưỡi. Do đấy, nếu đứng lên sàn, có thể nhìn ra ngoài được, phía giàn nho. Phía chân nằm, ngay trên cửa ra vào là một khung cửa sổ nữa nhưng bé hơn, khoảng 50 x 30 phân, cũng bọc lưới thép phía trong sát vào chấn song. Cùm và sàn cũng giống như xà lim III. Khác hẳn với cảnh vắng lặng tịch mịch của xà lim III, ở đây có một chiếc loa gắn ngay trên cửa lớn ra vào trại chung, chĩa ra sân phía trước có giàn nho, nơi tôi vẫn đi cung. Như vậy là ngay cạnh xà lim II, vì vậy nằm trong buồng, tôi nghe tiếng loa rất rõ.

Buổi chiều và tối đêm hôm đó, qua những câu chuyện thăm hỏi anh bạn mới cùng buồng, tôi được biết sơ lược về anh: Tên Phạm Huy Tân, nghề chuyên môn là y tá, phục vụ tại một xã ở Hà Nam, đã có vợ và một con. Anh tham gia hoạt động bí mật trong một đảng chính trị: "Tân Cách Mệnh Việt Nam Phong Trào" (gọi tắt là "Tân Phong"). Chủ tịch đảng tên là Chương (tôi quên họ), cũng là chủ tịch một xã thuộc Hà Nam.

Đảng Tân Phong đã hình thành hoạt động được gần 3 năm. Đảng kỳ nền vàng có một sao đỏ ở giữa, cũng có tôn chỉ, mục đích, cương lĩnh chính trị; số đảng viên vài chục; đã phát triển lên miền cao là Hòa Bình, Tuyên Quang. Về sau bị lộ, vì Cộng Sản đã cài được người của chúng vào trong Ban lãnh đạo. Vì thế, nhân một buổi họp đảng, (lợi dụng một đám cưới nhiều khách khứa các nơi ra vào, đảng họp bí mật ở giữa một gian nhà trong), bất ngờ, Cộng Sản tới vồ tất cả tại chỗ. Sự việc đã xẩy ra cách đây hơn 6 tháng.

Về phía tôi, tôi cũng nói thẳng là ở trong Nam ra. Tất cả những chuyện mà tôi nói chỉ nằm trong phạm vi tôi đã khai báo với chấp pháp. Đồng thời chỉ có khái niệm sơ lược.

Qua một số ngày, với một số thử thách của tôi, cùng với những hiện tượng, tôi biết chuyện đảng phái và anh ta bị bắt là có thực. Nhưng, anh ta thuộc loại khôn ngoan vặt. Trong tình thế này, để tự cứu mình, anh ta đã thở ra những hơi muốn "tiến bộ". Như vậy, anh ta còn nguy hiểm hơn một tên cán bộ dùng khổ nhục kế. Vì mọi người cùng cảnh sẽ mất cảnh giác, dễ tâm sự thổ lộ những tư tưởng và quan điểm, cũng như những công việc mình đã, đang và sẽ làm. Tuy nhiên, dù sao y cũng còn non nớt, cho nên sau những buổi đi cung về, nhiều khi y lộ vui ra nét mặt. Đôi lúc không kìm được, y nói thành lời: Nào là chấp pháp rất tin tưởng và thương mến y, nào là nhiều lúc chấp pháp vỗ vai thân mật như anh em. Ngay ông cán bộ tên Tư người miền Nam trực xà lim cũng tỏ ra có thiện cảm với tên Tân, thường gọi y ra sai làm những việc vặt như làm vệ sinh, hoặc đôi khi sai quét đường đi ở giữa hai dẫy xà lim.

Ai đã từng ở xà lim một vài tháng trở lên mà được sai ra làm những công việc này, là một hình thức được chiếu cố, gia ân. Thứ nhất, sẽ được thoải mái, không bị gò bó ngồi một chỗ; hai nữa, điều đó nói lên lòng tin của cán bộ,

không sợ anh có thể lợi dụng cơ hội để liên lạc, dưới nhiều hình thức, với các buồng khác, tuy rằng vẫn luôn luôn có cán bộ đứng coi anh làm.

Ngay thái độ tên Tân cũng có vẻ bợ đỡ, nịnh nọt cán bộ ra mặt. Thái độ ấy, và ý đồ ở trên, lòng tôi làm sao ưa y được. Dù vậy, tôi vẫn bình thường không tỏ một cừ chỉ nào quá đáng thể hiện là không ưa anh ta. Một lần, tôi hỏi thử:

- Liệu vụ án của Tân có đem ra xử không? Và xử thì Tân sẽ bị khoảng bao lâu?

Y có vẻ đắn đo, thận trọng, cuối cùng mới thổ lộ:

- Theo như một số hiện tượng, từ đấy tôi suy đoán, kết hợp với chấp pháp của tôi, có thể hơn một tháng nữa, vụ án của tôi sẽ được đưa ra xử. Ông Chương đầu vụ có thể bị từ 12 tới 15 năm. Còn tôi, nhiều hy vọng có khi không phải ra tòa. Nếu có ra, cũng chỉ từ 2 tới 3 năm.

Qua cách trả lời, cũng như sự suy lý của y, tôi nhận thấy: Tên này đang bị cái bùa tình cảm của chấp pháp, chắc rằng y đã phải tố nhiều người trong tổ chức của y. Y tin như vậy là một cách để tự cứu. Một loại người như vậy, nếu chấp pháp hỏi về tư tưởng, về tâm sự, v.v… của người cùng buồng, là tôi, tất nhiên y phải nói bằng hết. Rồi có khi y sẽ được giao nhiệm vụ gợi chuyện, tìm hiểu tư tưởng và công việc làm của tôi, với những lời hứa hẹn đẹp đẻ. Với tôi, dù có nhận định y không phải là loại người như trên đi nữa, cũng đừng hòng bao giờ tôi tâm sự chuyện riêng, huống chi tôi đã thấy y là một tên cơ hội rõ ràng. Tuy vậy, qua cái nhìn của tôi về y, chưa cho phép tôi nhận định chung về các đảng phái ở miền Bắc. Tuy tôi cũng thấy trong lòng không được vui, vì y là cán bộ chịu trách nhiệm về tuyên truyền, liên lạc mà trình độ như vậy, tư tưởng lại bấp bênh giao động như thế. Ngay bản thân cán bộ cốt cán, cũng không hề có lý tưởng thực sự! Ở đây, tôi lại nói "thực sự", vì rất nhiều người chỉ có lý tưởng ở mồm, mà không phải ở tim, ở óc.

Tôi cũng rất tiếc không được gặp ông Chương nào đó, chủ tịch đảng Tân Phong, để tìm hiểu và học hỏi những khả năng và kiến thức của ông ta, để từ đó thấy được về đảng Tân Phong này. Tuy vậy, qua một cán bộ tuyên truyền, tôi cũng có một số khái niệm về đảng đó. Vì thế, tôi mới thấy trong lòng không có một niềm phấn chấn tin tưởng.

Theo Tân, vụ của y có hơn 10 người hiện đang ở trong Hỏa Lò, một số nhẹ ở trại chung. Ngay ở xà lim II này, buồng số hai có một người anh họ cùng vụ, chịu trách nhiệm về ngoại giao và tài chính, y là giáo viên Cấp hai.

Xà lim II gồm có 8 buồng, mỗi bên 4 buồng đối diện nhau, không bị cùm, đứng lên cái cùm có thể nhìn thấy từ trán của nhau trở lên. Nhưng, nội quy xà lim nghiêm cấm đứng lên sàn. Bất cứ lúc nào cửa con xoạch mở, nếu thấy anh đứng lên sàn, dù chỉ tựa lưng vào tường đứng chơi. Cùm sẽ được rút ra ngay và mời anh cứ tự nhiên bỏ chân vào, đừng nói gì thêm nữa, vô ích. Trong 8 buồng, chúng dành buồng số 8, bắt một vòi nước máy vào làm chỗ đỗ phân và tắm rửa.

Do điều kiện bị cùm, hơn nữa trong buồng không hề nhìn thấy gì bên ngoài, vì thế tất cả linh khí của thân thể, đều tập trung về thính giác, để phán đoán và xác định âm thanh. Càng ở xà lim lâu, thính giác càng bén nhậy, tinh vi. Tuy chưa bao giờ thấy một ai ở cùng xà lim, nhưng lúc đó tôi đã biết: Buồng 1 giam một người, buồng 2, hai người, không bị cùm. Buồng 3 không có người. Buồng 4 là buồng chúng tôi. Buồng 5, nhà tắm, buồng 6, một người. Buồng 7, sát nhà tắm, có hai người đều là nữ, bị cùm mỗi người một chân. Thỉnh thoảng ban đêm, tôi thường nghe tiếng phụ nữ khóc sụt sịt, nhiều khi thành tiếng nức nở thảm thiết ở phía đó.

Theo Tân kể chuyện thì do sự kích thích tò mò của đàn ông con trai, nên một lần đã liều, khi cán bộ vào gọi cung một cô, Tân đứng trên chiếc chăn bông gấp cuộn lại, y lén, nép nhìn. Cô đó khoảng 20 tuổi, trông như nhà tu, ở xà lim chừng độ gần tháng nay.

Tôi nghe chuyện cũng thấy lòng thương hại thông cảm. Tôi là đàn ông thanh niên, bị cùm đã thấy khổ sở khi ỉa đái, phụ nữ thì thật khó khăn. Nhất là đêm hôm, cán bộ đàn ông thường mở cửa con kiểm tra; có khi không mở, chỉ

đứng rình qua cái khe của miếng sắt hơi bẻ cong, che cửa con. Ở ngoài nhìn vào thấy nửa buồng, còn ở trong nhìn ra chỉ thấy trần nhà. Chắc rằng, thôi thì thân gái, trong cảnh này cũng đành phó mặc!

Vì hai cô này, trong xà lim, tâm trạng hầu hết đều tò mò muốn biết người và sự việc. Hôm qua, buồng số 2 đối diện một anh đã bị bắt tại trận đang đứng trên cùm, kiễng chân thập thò nhìn khi tên Tư, cán bộ xà lim mở cửa số 7 cho ra rửa ráy. Cùm rút chốt luôn, và anh đó đã bị cùm.

Tên Tân rất khôn ngoan tinh quái. Y nắm được những quy luật giờ giấc, cùng những mánh khóe rình mò của cán bộ, nên y cũng đứng lên mà lão cán bộ không biết. Trong một ngày, ở xà lim II, giờ tương đối an toàn nhất là sau giờ tan tầm 5 giờ, nghĩa là từ 5 giờ 15 phút đến 6 giờ tối. Lúc đó, cán bộ vừa bàn giao thay ca, kiểm nhận người hết lượt xong, đi ăn cơm.

Tên Tân tỏ ra nhiều hiểu biết về các cán bộ ở Hỏa Lò, làm nhiều khi tôi phải ngạc nhiên suy nghĩ. Thì ra, lúc mới bị bắt, Tân cũng ở ngoài trại chung, mỗi ngày hàng trăm người, đủ mọi thứ tội. Được gần một tháng, không hiểu vì sự khai báo thế nào của những người trong cùng một tổ chức đảng, nên y bị đưa vào xà lim. Vì vậy, qua chuyện trò với y, tôi được biết giám thị trưởng của Hỏa Lò là tên Võ, người miền Nam tập kết. Tuy y chỉ là Thiếu Tá, nhưng đã già rồi, y rất có thanh thế, vì cùng lứa với y mà y quen biết, có nhiều người đã là cán bộ trung ương đảng. Qua đó, tôi đã đoán ra được, hôm đầu tiên tôi bị đánh và bị cùm mồm. Một ông già gần 60 tuổi đeo kính trắng vào tha cho tôi, chính là tên Võ giám thị. Còn hai phó giám thị, một là tên Trì, Trung úy người Quảng Bình, một là tên Lê, Trung úy quê ở Hưng Yên.

Hỏa Lò có hai y tá, một nam và một nữ. Nữ là mụ Dậu đã tiêm cho tôi mấy lần khi tôi bị sốt. Theo Tân biết, mụ là cán bộ lưu dụng, vì có chồng là một cán bộ cách mạng nằm vùng nội thành. Nam y tá tên là Huệ, thường coi ở bệnh xá.

Ba tên cán bộ văn thư, thường gọi đi cung là lão Bằng, mụ Hoa và một lão già tên Kim cũng đeo kính trắng người Bắc, Thượng sĩ. Lão Kim này là cán bộ gần như lưu dụng, vì thời Quốc Gia trước 1954, lão cũng là cai tù ở Hỏa Lò, nhưng là người của Cộng Sản cài vào. Còn mụ Hoa có một tiểu sử như sau: Mụ là gái Quảng Trị. Trước 1954, theo chỉ thị của đảng, mụ bán xôi chè cho binh lính ở những đồn bót tại Quảng Trị, rồi yêu đương và trở thành vợ chồng với một anh Trung sĩ Quốc Gia ở trong đồn đó. Cuối cùng, Cộng Sản dùng mụ này làm nội ứng, nên đã chiếm được đồn lính sau một đêm tấn công. Sau hội nghị Genève, mụ bỏ chồng, tập kết ra Bắc theo già Hồ, rồi làm công an ở Hỏa Lò.

Đầu năm 1961, một sự trớ trêu, chính người chồng mụ ngày xưa lại vào Biệt Kích và ra Bắc, rồi không may bị bắt đưa về Nghệ An. Lúc ấy, mụ còn là cán bộ ở đó, bất ngờ gặp lại người chồng năm xưa. Mụ đã mua cho một bánh chưng với một cái bánh mì, cùng với một giờ chưởi bới, giáo dục. Cuối cùng người chồng cũ uất hận và khổ đau, đã quẳng cả bánh chưng, bánh mì ra sân dù đói, và phải đi cùm vì hỗn láo với cán bộ.

Nghe tên Tân kể, tôi băn khoăn, làm sao mà y biết rõ thế? Y giải thích là, trong đám tù ở buồng y, có một cán bộ tập kết biết rỏ mụ ta, kể lại.

Sau khi nghe chuyện Tân kể, mỗi khi mụ Hoa vào gọi cung tôi, liếc nhìn cái dáng đi vặn vẹo và cái môi thâm xì của mụ. Một nỗi niềm vừa thương hại, lại vừa ghét trỗi dậy trong lòng tôi. Ghét, vì mụ đã làm cho bao nhiêu chiến hữu của tôi phải nằm xuống, trong đêm Cộng Sản cướp đồn. Thương hại, vì mụ quê mùa, ngu muội, nghe lời phỉnh phờ bịp bợm của tụi lãnh tụ Cộng Sản. Cố hy sinh tất cả, để tiến tới một thiên đàng Cộng Sản không bao giờ có thực. Cũng giống như những người lính của họ Tào, đã vượt núi, vượt rừng để tiến tới cái rừng mơ, mà thỏa chí, trong truyện Tam Quốc của Trung Hoa.

Vào một ngày thứ Bảy, tên Tân được gọi ra cổng kể nhận tiếp tế của vợ. Khi về, y xách theo một cái túi, gồm 2 cái bánh chưng, khoảng 2 lạng muối vừng đã giã, 3 lạng đường phèn (mía), 3 cái bánh mì và 10 quả chuối; đặc biệt nhất là 2 gói thuốc lá Trường Sơn.

Ngay từ một vài ngày trước, tôi đã thấy y lấm la lấm lét, nằn nì lão Tư để xin chỗ cơm còn thừa của một buồng bị bệnh không ăn hết, để rồi tên Tư quát "Nhanh lên!" y vội vàng chạy ra cái chõng, lấy bát cơm thừa đổ lên cái khăn mặt của y, chừng độ một nắm cơm, khoảng 1/3 suất. Y hí hửng sung sướng ngồi ăn, không một chút ngượng ngùng gì với tôi cả. Với một người như vậy, thái độ của tôi càng tỏ ra coi thường miếng ăn. Thực ra, trong lòng tôi, tôi không cần biết y có cái gì cả. Nhưng, trong một căn buồng chật hẹp sát nhau như thế, chạy đi đâu được! Cái gì cũng đập vào tai, vào mắt mình!

Thấy y ăn quả chuối, y ăn vỏ trước rồi ăn ruột sau. Y vuốt ve, nâng niu những thứ đồ tiếp tế như cái gì quý giá nhất của đời y. Tôi chỉ còn cách duy nhất là lựa thế nằm xuống, đắp chăn để khỏi nhìn thấy cái cảnh không muốn nhìn. Nhưng, tới khi y đánh diêm để hút một điếu thuốc, tâm hồn tôi bị xáo trộn dữ dội. Trong một căn buồng quá nhỏ, khói thuốc quạt vào mũi tôi như gãi vào từng tế bào, làm cho hồn tôi như ngây ngất đê mê, và như thách thức lý trí, làm đầu óc tôi đầy vơi những nghĩ suy. Vô kế khả thi. Nhưng, bảo tôi mở miệng ra xin y một điếu thuốc, thà chết! Điếu thuốc của y hút làm bận rộn đầu óc tôi, nghĩ hết cách này đến cách khác, nhưng chẳng cách nào có thể thực hiện được. Để rồi, ngập ngừng di vào giấc ngủ muộn của đêm thâu.

Bị cùm mà ở chung với một người không bị cùm, người bị cùm lại thêm một nỗi khó khăn nữa. Nếu bị cùm một mình, tới bữa cơm, cán bộ phải mở cùm cho ra lấy cơm. Một ngày được cho ra đổ bô một lần. Đó, chính là lúc nghỉ chân vào thay đổi chân. Ở đây, hai ngày cán bộ mới mở cho ra một lần để đổ bô phân mình đi đại tiện.

Còn cơm, nước, cũng như khi trả bát, tên Tân được ra vào hai lần, mà mình lại phải mang ơn người khác.

Còn cơm, nước, cũng như khi trả bát, tên Tân được ra vào hai lần, mà mình lại phải mang ơn người khác. Nhưng, ở trường hợp này, lại chẳng muốn họ làm cho mình. Còn một vấn đề nữa là những khi đi giải, lúc đầu tôi thật ngượng ngùng lúng túng, chỉ có một cái thế đứng duy nhất, nếu anh kia đang ngồi, là phải vén quần ngay trước mặt anh đó. Rồi lúc đi ỉa, không thể kéo cái bô từ gầm sàn ra, mở nắp, rồi lựa thế lê đít ra cạnh mé sàn mà ngồi đi được. Trong lúc anh kia đang ngồi ở sàn bên cạnh, chỉ cách có 60 phân. Vì vậy, phải cố xách cái bô lên sàn, rồi lựa thế, một chân quỳ, một chân hơi nghiêng nghiêng trong cùm, để mông ngồi lên miệng bô. Như vậy, đỡ hôi cho người cùng phòng, nhưng mình phải chịu cạnh cùm nghiến vào chân. Mỗi lần ngồi khó khăn như thế, thường phải từ 20 đến 30 phút. Nhiều khi ê cả chân, ê cả đít, mỏi cả người. Tuy vậy, lúc rửa chỉ còn một cách duy nhất, là lại phải xách bô xuống nền, dịch đít ra mé sàn, lựa thế hai tay đưa ra phía sau, một rửa, một cầm gáo đổ.

Chưa hết, người bị cùm, người không, ở chung một phòng còn bị một khía cạnh tâm lý nhỏ nữa. Người ta nói, trong cuộc đời: Sướng, khổ, vui, buồn, một phần do môi trường chung quanh, nên mầu đen mà cạnh mầu trắng thì hai mầu càng làm rõ cho nhau. Trong khi chân mình lạnh buốt trong cùm, giờ người, hoặc ngồi lên, nằm xuống cũng khó khăn; họ, sau bữa cơm, đi bách bộ, dù chỉ 4, 5 bước, đi đi lại lại hai tay chắp sau đít thật tự do. Sáng dậy, họ tập thể dục, chạy tại chỗ dăm phút cho khỏi tê chân. Mình, chân tê lại cắn rằn rằn cũng đành nằm im mà thèm.

Sáng hôm sau, khi Tân và tôi mỗi người một sàn đang cắm cúi ăn cơm, tự nhiên Tân lên tiếng:

- Anh Bình này, tôi thấy các anh ở miền Nam vẫn coi thường miếng ăn lắm!

Tôi quay sang nhìn y để phán đoán qua nét mặt, y hỏi như vậy là ý muốn gì? Vì chưa xác định rõ, nên tôi cũng lửng lơ:

- Miếng ăn thì cần thật, nhưng nhiều lúc chẳng coi ra gì cả.

Y cười, hơi ngượng ngùng:

- Tôi biết là anh không cần thiết ăn lắm... Anh có dám hút thuốc không?

Tôi đã nắm được ý của nó. Tôi sáng mắt lên: Nếu bỏ một bửa ăn để đổi lấy thuốc hút! Tôi đồng ý ngay! Y hơi gượng gạo:

- Bây giờ thế này nhé! Thuốc lá thì tôi không cần, tôi chỉ thích ăn thôi. Vậy, để cho công bằng: Một bao thuốc lá Trường Sơn, giá bên ngoài là 3 hào. Trong đây, tiêu chuẩn ăn, bao gồm cả thuốc men do nhà nước đài thọ, cho một phạm nhân là 12 đồng một tháng. Như thế, vị chi mỗi ngày là 4 hào, kể cả canh. Do đó, cơm là 3 hào, còn một hào là canh và thuốc men. Vậy thì, một suất cơm cả canh, 1 hào 8 hay 9, còn một xu chi cho thuốc. Tôi cứ rộng rãi, cho một suất cơm là 2 hào. Vậy nếu anh đồng ý, mỗi bữa tôi chỉ lấy nửa suất cơm thôi, còn canh phần anh. Tôi sẽ đưa cho anh 6 điếu thuốc. Hay một bao là một suất rưỡi. Nhưng mỗi ngày tôi lấy nửa suất thôi, kẻo anh đói quá!

Tôi im lặng ngồi nghe và nhìn y tính toán. Rồi y lại tỏ ra một người có lòng nhân ái nữa. Y sợ tôi đói quá, nên mỗi ngày chỉ lấy nửa suất cơm thôi!

Lòng tôi trỗi dậy một niềm tê tái lẫn oán thù. Tê tái vì tình người như nước ao bèo. Oán thù, vì một chế độ kinh khủng đã tạo ra một cuộc sống, cùng khổ cho người dân. Những nếp suy nghĩ tính toán vặt vãnh, làm tan hoang cái truyền thống nhân ái, đạo đức, đùm bọc tốt đẹp của dân tộc.

Tuy trong lòng nghĩ như vậy, nhưng trong cái thế và cảnh này, tôi sẽ đồng ý đổi nửa suất cơm thôi, và sẽ là lần đổi duy nhất đối với nó. Vì thế, tôi lạnh lùng:

- Tôi chỉ cần ăn để không chết thôi! Vậy, chiều nay tôi hãy đổi thử nửa suất thôi, xem sao đã.

Y ra trả bát, xong xuôi y lấy bao thuốc đưa cho tôi 6 điếu. Trông y có vẻ hưng phấn, thỏa mãn, cũng lấy một điếu thuốc phì phèo. Tâm tư của tôi thực nặng chĩu. Tôi cũng châm một điếu thuốc, rồi nằm đắp chăn, mắt nhắm nghiền cho hồn say sưa, mà lòng thì quặn thắt.

Ngay chiều hôm ấy, khi y lấy cơm vào. Sau khi quản giáo đóng cửa, tôi bảo y cứ xẻ lấy một nửa suất theo ý muốn, rồi đưa lại cho tôi.

Vì hút thuốc mà trong lòng lại chẳng vui gì, nên mỗi ngày, tôi chỉ hút một điếu vào lúc sắp đi ngủ. Y tỏ vẻ không được vui khi thấy tôi hút ít như vậy. Những ngày sau đó, lúc hút cũng như lúc thở khói, y cố ý gợi cho tôi thèm, nhưng tôi vẫn lạnh lùng. Thậm chí, y phải hỏi:

- Anh không hút thuốc lá nữa à?

Tôi thủng thẳng khô khan:

- Không thích hút nữa!

Một hôm, y còn gạ tôi trắng trợn:

- Tôi biết anh chỉ thích hưởng hương hoa tinh thần thôi! Vậy, tôi còn một cái bánh chưng, giá ở ngoài là 5 hào. Tuy nhiên, tôi cũng chỉ lấy hai suất rưỡi, cũng mỗi ngày nửa suất thôi. Anh ăn một lần để thưởng thức cái ngon của bánh chưng?

Tôi lạnh lùng nhìn y, lòng căm phẫn:

- Cám ơn, tôi không thích!

Mặt y cứ trơ ra, không một chút ngượng ngùng. Điều làm tôi không hiểu được là tại sao, y ăn nhiều thế, mà vẫn còn đói dữ như vậy? Mới ngày hôm kia, buổi trưa y đã được quản giáo gọi ra, rồi mang vào một suất cơm thêm. Suất cơm của buồng số 6. Chẳng hiểu vì sao buồng đó, sau một lần đi cung về rồi bị cùm một chân, anh ta đã tuyệt thực, tới nay đã 4 ngày rồi. Vì tên Tân thỉnh thoảng quét dọn, nên tên Tư đã gọi ra cho một suất cơm.

Tôi nhìn cơ thể tên Tân, thấy y chỉ mập hơn tôi vì người tôi quá gầy thôi, chứ y làm sao khỏe, rắn chắc như lúc tôi chưa bị bắt. Vậy mà đồ tiếp tế với lại thỉnh thoảng được cán bộ cho ra vơ vét. Thế mà, nhiều lúc y như điên cuồng, đứng ngồi không yên vì đói.

Tôi chẳng hiểu buồng số 6 tội gì, phải tuyệt thực. Chỉ nghe thấy báo cáo xin nước uống, còn nhất định không ăn. Nhưng, cán bộ xà lim cương quyết, có ăn mới cho uống nước.

Một bữa sáng, sau khi các buồng đổ bô xong, tên Tư vào gọi tên Tân ra. Tôi nghe mở buồng số 6. Hôm nay cũng là ngày thứ 6 anh ta không ăn. Tôi nghe tiếng nước dội rửa và tiếng quét. Chừng 30 phút sau thì Tân về. Tôi hỏi, được biết: Buồng số 6, năm, sáu ngày nay đầy sàn cứt đái, bôi đầy lên tường. Vào buồng, cơm canh đổ lẫn với cứt, có mùi xông lên không chịu được. Anh ta cứ nằm ngửa, đắp chăn che mặt. Lợi dụng một lúc tên Tư quay ra, Tân hỏi anh ta tội gì, nhưng anh ta không trả lời. Tân nhấc cái chân xuống xem mặt, chừng 30 tuổi, trắng trẻo, anh ta vẫn nhắm nghiền mắt. Tân vội phải đậy chăn lại sợ tên Tư vào biết.

Theo Tân, tên Tư nói là, nếu anh ta tuyệt thực mà cho uống nước, chỉ từ 5 tới 7 ngày là chết thôi, bởi vì nước sẽ hòa loãng máu rồi theo nước đi giải ra. Còn nếu không cho uống nước, 20 ngày hay một tháng cũng không chết. Nhưng, có một điều quần áo, chăn của anh ta toàn cứt và cơm thiu nên dù quét dọn, buồng vẫn thối lắm.

Những ngày thứ bốn, thứ năm, tôi còn nghe tiếng đập cửa xin nước, nhưng từ ngày thứ 6 trở đi cứ thấy im lìm. Mãi tới đêm ngày thứ 9. Khoảng 10 giờ, nghe có tiếng mở cửa buồng số 6, rồi tiếng chân người khiêng đi sau khi, có tiếng rút chốt cùm. Tôi và Tân, trong buồng cố lắng nghe, nhưng không biết là anh ta chết hay sống, hay đưa đi đâu. Báo hại, sáng hôm sau tên Tân lại phải quét rửa buồng.

Tân về, nhăn nhó bảo là cái chăn cứt thối quá, mà tên Tư bắt giặt phơi ở phía buồng vãng lai. Tân lại kể, khi ra đấy, nhìn vào sân trại chung, y thấy bây giờ Hỏa Lò đầy tù, ngồi đầy cả sân. Cách đây hai tháng, khi Tân còn ở trại chung, trại chỉ có khoảng 4, 5 trăm người. Nhiều buồng chỉ 4, 5 chục người, có buồng để không. Y nói, y gặp người nhà tiếp tế, nói thầm cho biết, ngoài xã hội bây giờ dân chúng hoang mang lắm. Ở đâu, tỉnh nào cũng thế, các nhà tù chật ních. Đầu tháng Tư vừa rồi, có lệnh của Bộ Công An: Tất cả những ai từ lính trơn cho đến Thượng sĩ, mà hồi 1954 chỉ bị học tập và giáo dục tại địa phương mấy ngày rồi cho về (Chỉ có sĩ quan mới bị bắt đi học tập ở trại giam). Nay đều được mời vào "ấp" để lao động "xây dựng xã hội chủ nghĩa".

Những người Hạ sĩ quan và lính tráng này, biết mình có tí đuôi với chế độ cũ, nên dù ở địa phương nào. Họ luôn luôn tỏ ra là những người tích cực, năng nổ trong mọi lĩnh vực với chế độ mới. Ở địa phương, hợp tác xã, nhà máy, công nông trường, v.v… đâu đâu cũng vậy. Chính vì thế, sau 9 năm nỗ lực công tác, nên ngày nay rất nhiều người đã được đảng hoặc chính quyền tín nhiệm, tin cậy. Có người đã trở thành đoàn viên, có người là tổ trưởng tổ lao động xã hội chủ nghĩa của, công trường hay nhà máy v.v…Thậm chí, có người do tinh thần hăng say, đã công tác, học tập ngày đêm quên mình, nên đã trở thành chủ nhiệm hợp tác xã, hay thư ký công đoàn… Họ tưởng rằng như vậy là cuộc đời từ nay yên lành, chỉ còn một lòng phơi phới yêu thương chế độ mới của mình. Nhưng, đùng một cái! Bây giờ tất cả được mời đi học tập, bất kể anh đang ở cương vị nào. Lý do: An ninh của Tổ Quốc xã hội chủ nghĩa đang bị đe dọa!

Ngoài nhân dân có cái từ mới là: "Trót xỏ nhầm giầy" (đã đi lính hoặc làm việc với chính quyền Quốc Gia). Dù xỏ nhầm giầy một ngày cũng phải đi. Tỉnh nào vào trại giam tỉnh đó. Sau khi lập hồ sơ và xét hỏi qua loa, rồi được chuyển đi các trại trung ương.

Bao nhiêu người ngã ngửa ra. Không những bản thân người đi tù và gia đình người ấy, mà ngay các cán bộ địa phương cũng không thể nào ngờ được. Bởi vì, đã 9 năm trường dài đằng đẵng, trôi qua rồi!

Như thế, cho phép ta nhận định (sau tháng 4/1975). Nếu, Cộng Sản chưa hỏi tội đến những người đã từng cộng tác với "DDịch" dù chỉ một ngày, là vì chúng còn muốn lợi dụng, hoặc vì chưa ổn định những công việc khác lớn hơn. Vì tình thế, điều kiện chưa cho phép, sợ hoang mang lòng dân, trong khi chưa ổn định xã hội, chưa nắm được chặt

những tầng, loại người chúng nghi ngờ. Chứ trước sau, sớm muộn gì chúng cũng sẽ hỏi tội. Lúc đó chúng có đầy rẫy lý do hợp lý: Nào là Hạm Đội 7 tập trung về biển Đông, Trung Quốc chuyển quân, Thái Lan động đậy, v.v… và v.v…

Người Nữ Tù Xà Lim II ...

Cuối Xuân và trời đã bắt đầu sang Hè, không khí trở lên dìu dịu. Thỉnh thoảng vẫn còn những trận mưa Xuân lưa thưa phảng phất, như báo cho nhân thế chuẩn bị đón nhận những ngày nắng hạn.

Tối hôm đó, tôi đang ngồi đăm chiêu với bao nỗi đầy vơi của cuộc đời. Giữa cái vắng lặng đến lạnh lùng, sau khi cái loa cạnh xà lim đã tắt ngủm lúc 9 giờ tối. Đột nhiên, từ một cái loa phòng ngoài góc sân có giàn nho phía trước, tiếng một người miền Nam thong thả dõng dạc:

"Các anh em chiến sĩ trong Không Lực Việt Nam Cộng Hòa thân mến! Tôi là Phan Thanh Vân, Trung úy phi công thuộc phi đội "X" của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Tôi đã nghe theo lời phỉnh phờ dụ dỗ của Mỹ Diệm, lái chiếc C-47 xâm nhập bầu trời miền Bắc xã hội chủ nghĩa để thả gián điệp biệt kích, đã bị bộ đội phòng không của chính phủ cách mạng hạ…..tại Cồn Thoi, Ninh Bình. Tôi đã bị thương nặng, nhưng do chính sách khoan hồng của nhà nước cách mạng, đã tận tình cứu chữa cho tôi. Nay, tôi đã bình phục. Được sự giáo dục, đùm bọc của cách mạng, tôi đã thấy được tội lỗi phản dân hại nước của tôi, hiểu được đường lối nhân đạo thương yêu dân của đảng và chính phủ. Tôi kêu gọi tất cả các bạn thuộc binh chủng Không Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, hãy vì độc lập của Tổ Quốc, vì hạnh phúc tự do của nhân dân. Các bạn hãy mạnh dạn đứng lên quay về với chính phủ cách mạng, về với nhân dân. Hãy lái máy bay về vùng Mặt Trận Giải Phóng, các bạn sẽ được đón tiếp nồng hậu như anh hùng. Các bạn sẽ góp sức mình cùng nhân dân tiêu diệt kẻ thù là Mỹ Diệm…"

Nguyên văn thì tôi không thể nhớ rõ, nhưng nội dung là như vậy. Tai tôi lắng nghe, mà lòng tôi rỉ máu dần dần, tên Tân đang nằm cũng bò dậy nghe. Mắt tôi hơi sượng sùng khi gặp ánh mắt y. Tôi hỏi một câu thăm dò, để giảm nét hổ lòng:

- Họ bắt Phan Thanh Vân phải đọc như vậy sao?

Tên Tân tỏ vẻ hiểu biết:

- Mỗi lần đọc một bản như vậy, được thù lao 5 đồng. Một phần do họ bắt đọc, phần khác, cũng do mình muốn tiến bộ.

Thấy y có vẻ hiểu biết thật, tôi hỏi tiếp để sáng tỏ:

- Bài viết do họ viết sẵn, hay do mình phải viết?

- Họ gợi ý cho mình viết, rồi họ sửa!

Tuy ngoài miệng hỏi chuyện Tân, nhưng trong đầu tôi liên miên với giòng suy tưởng. Nếu chúng thu thanh tiếng nói của Phan Thanh Vân, rồi đem về miền Nam, phát cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa nghe. Hoặc cho nhân dân nghe, thì có thể làm ruỗng lòng người có tinh thần, làm nghiêng ngả cho người không có chính kiến, khi những người này còn mơ hồ về Cộng Sản. Thật là tai hại!

Tên Tân còn nói tiếp là đã nghe Phan Thanh Vân đọc mấy lần rồi. Hiện nay Vân được ở trại thợ trong khu nhà bếp, tỏ ra rất tiến bộ, cán bộ chiếu cố rất nhiều mặt. Thảo nào, tôi nhớ tới hình ảnh Vân ngồi gốc cây bàng, hôm đầu tiên tôi bị bắt vào Hỏa Lò. Tôi im lặng, chẳng muốn hỏi nữa, về một câu chuyện mà trong lòng mình chẳng vui gì. Lòng tôi cứ bồng bềnh, lững lờ chảy về miền Nam xa xôi.

Hàng ngày, tiếng loa ở cổng trại chung cứ chọc vào tai tôi, tình hình Phật giáo sôi sục đấu tranh với chính quyền…Tôi chẳng lạ gì khi nghe đài truyền thanh của địa phương Hà Nội và phát thanh trên vô tuyến của Cộng Sản. Nhưng, với

khả năng nghiệp vụ của tôi, cộng với kiến thức riêng, tôi cũng thâu nhận được một số tin tức qua từng khía cạnh của từng sự việc. Những người chịu suy nghĩ thấu đáo, ai cũng hiểu ở đây chính là do bàn tay máu của Cộng Sản. Cộng với cái tự do nhố nhăng không đúng chỗ, không đúng lúc của miền Nam. Với tác phong lề lối làm việc, mang sẵn tinh thần tắc trách nói chung của cán bộ cũng như chính quyền miền Nam. Cộng sản tha hồ, lợi dụng thao túng… Chúng gieo rắc lẫn thổi phồng, bóp méo, khích lệ mọi mâu thuẫn giữa chính quyền với nhân dân, với tôn giáo, với đảng phái. Rồi chờ, khi có điều kiện, có thời cơ, chúng chỉ cần cầm cái gậy chọc vào từng điểm.

Thí dụ "Vụ Phật Giáo".. Chúng sẽ có hàng trăm cách, tùy theo từng nơi, từng lúc. Tôi cứ hình dung: Trong một đám rước đang diễn hành trang nghiêm trên đường phố ở Huế chẳng hạn, của một ngày lễ Phật giáo đặc biệt. Ngay trong đám Phật tử đang diễn hành này, thậm chí ngay trong các tiểu chức sắc ni tăng, chúng đã cài người của chúng vào, cùng làm việc với nhau mà cũng không biết, lợi dụng điều kiện lúc đông đúc, cũng như lúc thuận tiện, chúng dễ dàng bí mật thả truyền đơn chống và mạt sát chính quyền. Các cơ quan có trách nhiệm về an ninh như cảnh sát, mật vụ, v.v…lúc đó sẽ giải quyết thế nào? Khi chưa hiểu rõ đầy đủ những thủ đoạn tinh vi của Cộng Sản. Khi chưa có kinh nghiệm hữu hiệu để giải quyết những trường hợp phức tạp như thế, chỉ còn một phương pháp ngăn chặn, bằng cách tìm tòi, khám xét làm ngưng đọng đám rước. Đám rước đã rối loạn, Cộng Sản càng làm rối loạn hơn, hò la chính quyền Công Giáo phân biệt, đàn áp Phật tử, v.v… Mâu thuẫn chồng lên mẫu thuẫn, lòng căm hờn chồng lên lòng căm hờn. Lúc đó chỉ có trời mới giải quyết nổi.

Thân tôi đang chìm trong nỗi tăm tối ngục tù, giờ đây lại đắp thêm mối ưu tư cho quê nhà miền Nam thương yêu.

Hôm sau, chiếc loa ở cổng đã ngừng mồm mép, như vậy là đã 8 giờ, giờ bắt đầu làm việc của một ngày, thế mà vẫn không thấy tên trực xà lim đến cho tù ra đổ bô. Tên Tân ngồi chờ mãi, y đừng dậy đi đi lại lại, rồi không hiểu y nghĩ thế nào lại trở lên sàn, rồi lựa thế kiễng chân, nhìn ra phía cổng xà lim. Y tỏ vẻ phấn khởi, cúi xuống nhìn tôi:

- Cửa xà lim vẫn đóng!

Tên Tân quái lắm khi cửa xà lim đóng hay khép là an toàn. Y có thể nói chuyện với buồng khác, nhưng mắt vẫn để ý nhìn mép trên của cánh cửa xà lim, khi thấy hé ra là trong này tụt xuống rồi, vì thế ít khi bị bắt. Y cất tiếng gọi:

- Số 7! Số 7!

Im lặng một lát, y gọi nữa:

- Số 7!

Một giọng phụ nữ rất trong:

- Ai gọi đấy?

- Số 4 đây! Dạo này có khỏe không?

Vẫn giọng khi nãy:

- Cám ơn, khỏe!

- Bị bắt vì tội gì đấy?

Im lặng một phút, rồi giọng trong lại cất lên:

- Kéo chuông nhà thờ Nam Đồng báo cho giáo dân vì công an vào bắt Cha phó.

- Bao lâu rồi?

Bỗng Tân nhớn nhác tụt vội xuống, trong khi tôi không nghe thấy một tiếng đồng gì khác. Cửa con xịch mở, tên Tư mắt long sòng sọc:

- Anh nào trong buồng này vừa đứng lên nói chuyện?

Y hỏi để mà hỏi, chứ y thấy tôi ngồi cùm, làm sao mà đứng dậy được. Tên Tân nắm hai tay vào nhau, vặn vẹo:

- Thưa cán bộ…

Tân chưa nói hết câu, tên Tư đã cúi xuống rút xoạch chốt cùm ra, rồi quát:

- Bỏ chân vào!

Mặt tên Tân chảy dài. Y biết không còn cách nào khác, nên tự tay nhấc cùm và từ từ nhấc một chân bỏ vào. Tên Tư nhìn qua cử con theo dõi, y chốt cùm vào, không nói gì thêm. Như vậy, tên Tư cũng quái. Y chưa mở cửa, đứng ngoài im lặng nghe đã. Nếu khi y đến, dù đẩy khẽ cửa đi vào. Tân đã biết rồi. Tiếng nói của Tân, Tư còn lạ gì. Thế là tình cảm hay chẳng tình cảm gì, sai là vẫn cùm.

Tôi nghe tiếng mở cửa mấy buồng đổ bô, rồi tự nhiên thấy chốt cùm tôi rút ra. Tôi nhẹ tay nhấc cùm, nhấc chân. Cái chân ê đi, bước xuống đất cứ bì bì. Tôi tưởng đi cung, nhưng khi mở cửa, tên Tư không nói gì, tôi chợt hiểu, ôm vội bô vào nhà tắm để đổ, rửa. Tôi gõ nhẹ vào tuồng số 7 mấy cái như ý nói: "Các cô đã làm cho một người nữa bị cùm đấy nhé!". Đến bữa cơm, tên Tư lại mở cùm cho tôi ra lấy cơm cho cả Tân. Tên Tân mặt rất buồn. Theo y, bị cùm là một chuyện, y còn sợ là vụ của y sắp xử, có thể bị ảnh hưởng xấu vì y đã không giữ tốt nội quy trại giam.

Trước đây, ngay khi mới tới xà lim II được mấy ngày, tôi đã biết buống số 7 có hai cô gái đều bị cùm. Tôi rất băn khoăn, dứt khoát đây không phải là tội hình sự rồi. Bởi vì, hình sự rất hiếm phải vào xà lim, cá biệt nào đó. Phải là những tội tương đối quan trọng, nhưng cũng chỉ đến một vài tuần hay một tháng là cùng. Hai cô phải là tội chính trị nặng ký mới phải vào xà lim, và còn bị cùm nữa. Mặc dù về lý trí, tôi tin là không phải, nhưng phần tình cảm trong lòng tôi, cũng lẳng lo một cách phảng phất. Biết đâu, đây lại chả là chính "đối tượng" nhận tài liệu "M"? Cho mãi tới một hôm, tôi bắt Tân phải tả lại. Y nói dáng người đó như nhà tu, mới khoảng 20 tuổi, tôi mới yên tâm. Dù vậy, tôi vẫn để ý theo dõi với mọi khả năng có thể, kết hợp suy đoán dựa trên những điều kiện đã biết:

- Cùng một tội, hoặc cùng một tổ chức, không bao giờ chúng giam chung một buồng ở xà lim.

- Hai tội khác nhau, lại cùng bị cùm? Ngay phạm nhân nam ở xà lim, cũng ít khi cùng bị cùm, huống chi là nữ. Vậy nữ bị cùm là hạn hữu, ở đây lại cả hai!

Tại sao có sự trùng hợp kỳ lạ như vậy? Câu giải đáp chỉ có thể thỏa đáng là phải có một người thực, một người giả!

Với điều kiện của mình như thế này, muốn làm sáng tỏ vấn đề trên. Tôi chỉ còn cách duy nhất là phải lắng nghe những âm thanh, sự việc…..rồi từ đấy suy lý dần. Từ định tâm đó, tôi thấy cá biệt, lẻ tẻ vài lần thôi, còn hầu như cứ cô nằm phía trái, tức cô có dáng nhà tu đi cung. Sau đó, cô nằm bên sàn phải lại đi, rồi thông thường là về trước. Như vậy, nếu cô đi sau về trước này không nói, thì cô đi trước về sau không hề biết là cô sau có đi cung.

Lúc này, tôi đã có thể phân biệt được, tiếng động của chốt cùm nào rút, tiếng mở cửa buồng nào; mụ Hoa vào gọi cung hay Bằng, hay Kim già, hoặc lão Tư, họ chưa mở cửa tôi đã biết ngay là ai, qua cách bước sền sệt trên nền nhà, cách cầm chùm chìa khóa lắc, cách mở cửa buồng…..Còn những tật khịt mũi hay hắng giọng thì quá rõ. Óc tổng hợp ngay các âm thanh để ra lời giải đáp không khó khăn gì. Hơn nữa, trừ buồng tôi, cả xà lim chỉ có chiếc cùm buồng 1, và 2 cô gái bị cùm ở số 7. Như vậy, chỉ phân biệt 3 tiếng cùm thì hầu như không lầm. Vì thế, tôi đã nhận định được đến 80% là 2 cô ở buồng số 7: Một cô giả và một cô thật. Nếu chính mình không bị cùm, tôi có thừa khả năng để thử, cũng như mắt nhìn để kết luận. Ngay bây giờ, tôi muốn báo cho cô thật biết để cảnh giác. Không để ý

thì khổ. Nhưng đành chịu vì cái chân trong cùm. Cách nào cũng có chỗ bất lợi cả. Vì người kia thường xuyên có mặt ở đấy. Chỉ còn cách chờ đợi một bữa nào bất ngờ cô bên phải đi cung, cô bên trái ở nhà, tôi sẽ lên tiếng nói bâng quơ. Thí dụ: "Chớ có tin người cùng buồng mình" chẳng hạn. Nếu cán bộ có đứng rình, mở cửa con hỏi, giả vờ nằm nhắm mắt ngủ, nằm mơ. Nó chẳng làm gì được mình.

Chiều hôm đó, tôi đang nằm vẩn vơ suy nghĩ, cửa con xoạch mở, tên Bằng chỉ tôi:

- Mặc quần áo đi cung!

Đã hơn một tuần nay không gọi. Hôm nay, không hiểu có gì khác chăng? Từ đêm đem tôi đi bắn tới giờ đã hơn ba tháng rồi, cứ một tuần hai, ba lần chúng gọi tôi đi cung. Vẫn những trò dụ dỗ phỉnh phờ, đe dọa, rồi lại tình cảm. Truy hết chỗ này, lại đến điểm khác. Có lúc, chúng bắt tôi viết hẳn lại một sự việc nào đó cho rõ ràng. Tôi vẫn trước sau như một. Có một vài chỗ do cái dốt của tôi đã bị bục, tôi đã phải lao đao vất vả. Bây giờ đã có thêm kinh nghiệm, đã nắm được những mánh khóe khai thác, những động tác thật, giả hầu như tôi đã thấy trước. Tuy vậy, tôi vẫn tỏ vẻ còn ngây thơ, hiểu biết kém. Đôi khi, tôi phải vờ sa vào những cái bẫy chúng đã giương ra, nhưng tôi vẫn chủ động lái nó thành vô hại, hoặc hại ít. Cũng có lúc tôi làm như hoang mang, dao động để chúng khó xét đoán, hoặc sẽ hiểu sai về con người thực của tôi.

Thí dụ: Một hôm 3 đứa hùng hổ đập bàn, xô ghế, nào là xin tha tội xử tử cho tôi, vì tôi còn quá trẻ, chưa suy nghĩ chín chắn; mong đường lối khoan hồng, nhân đạo của đảng sẽ thấm nhuần vào tim vào óc tôi, để tôi sẽ thành thật khai báo hết, v.v…..Nào ngờ, tôi vẫn là một tên ngoan cố ngu xuẩn, chuyến này, cho đi luôn…..Nào là cứu một người là để hy vọng nó sẽ trở nên tốt, chứ không phải cứu một người mà tật xấu vẫn cứ khư khư giữ trong mình, mười thằng như thế cũng bắn bỏ…..

Phải nói rằng, từ ngày chúng đưa tối đi bắn đến giờ, tôi chẳng sợ nữa; ngay dủ bây giờ chúng đem tôi đi bắn thật, tôi cũng vậy thôi. Dứt khoát, tôi không đến nỗi ngắc ngư con tàu đi vừa qua. Tuy thế, tôi vẫn vờ hoang mang lo sợ, xin chúng tha cho. Xin chúng là người trực tiếp với tôi, hiểu tôi đã thành khẩn khai báo mọi vấn đề ngay từ đầu.

Hôm nay, không biết chúng còn giở trò gì nữa đây? Vào tới phòng cung, tôi thấy mặt 3 tên: Nhuận, Đức và Đặng rất lạnh lùng. Trên bàn, trước mặt chúng, một chiếc cặp da đen dầy cộm. Thái độ của chúng hôm nay hơi khác thường. Chúng nhìn tôi rất lâu như muốn xét đoán một cái gì. Cuối cùng, tên Nhuận trang nghiêm:

- Từ ngày anh bị bắt vào đây đã bao lâu rồi?

Tôi nhìn y dè dặt:

- Thưa ông, hơn 10 tháng rồi.

- Anh có biết rằng, trong Nam chúng đã phái ra đây mấy tên để tìm anh không?

Tôi hơi ngỡ ngàng, xen lẫn chút lắng lo trong lòng. Dù thế, ngoài mặt, tôi vẫn xem như họ nói đùa:

- Chúng nó tìm tôi làm gì! Tôi quả quyết là không có ai ra tìm tôi cả. Ở trong Nam, tôi là loại vô danh tiểu tốt. Chẳng qua chúng trả mấy tháng lương, rồi tung ra ngoài Bắc để lấy tiếng vang là chính; còn bị bắt, sống hay chết, chúng đâu còn cần biết đến nữa.

Tên Đặng từ nãy vẫn cứ ngồi yên nhìn và nghe tôi nói, bây giờ đập bàn cái "thình!", chỉ tay vào mặt tôi:

- Ngậm ngay cái mồm anh lại! Hôm nay tôi báo cho anh biết, và không cần giấu giếm gì cả. Người của chúng tôi từ trong Nam ra, đã báo cáo đầy đủ về anh. Chúng tôi đã thấy bộ mặt thật của anh. Anh là một tên ngoan cố đến cùng, muốn đem trứng chọi với đá, dám đội đá vá trời, dám đánh lừa cả Bộ Công An cách mạng!

Trong khi vừa sỉ vả tôi, y vừa mở cặp lấy ra một cái phong bì dầy cộm. Y chọn, rút ra một tấm ảnh cỡ 6×9, cố ý cho tôi thấy là còn rất nhiều ảnh nữa. Y vất tấm ảnh xuống bàn, trước mặt tôi, gằn giọng:

- Đây, hãy mở mắt ra nhìn. Khôn hồn khai báo lại ngay. Nếu không, lần này chúng tôi sẽ không nương tay với anh nữa, sẽ có biện pháp mạnh!

Tôi thoáng nhìn bức ảnh, dù chưa cầm, tôi đã thấy tim mình như thắt lại. Tấm ảnh Phan và tôi chụp ở góc đường Nguyễn Huệ, trông chéo sang rạp xi nê Rex. Phan cao lớn, mặc áo sơ mi ca rô bỏ ngoài quần, đeo kính đen đang quay chéo mặt về phía người chụp ảnh. Tôi, áo sơ mi trắng, bỏ trong quần, đeo kính trắng. Một tay đang cầm mấy cuốn sách, một tay đang chỉ về phía trước mặt. Mặt tôi nghiêng góc với mày ảnh khoảng 30 độ.

Tôi điếng hồn, suy nghĩ, phản xạ tổng hợp cấp thời. Chúng đã biết hết rồi chăng? Chúng còn nhiều ảnh nữa hay không? Tại sao chúng lại chụp ảnh ở ngoài đường? Có thể chỉ là một tấm duy nhất, bởi vì Phan đã bị lộ, chúng đã biết lâu rồi. Khi thấy tôi đi với Phan, lạ, chúng chụp một tấm, để sau này phòng hờ dùng trong tình huống áp lực về chứng cớ. Tại sao chúng phải cố ý cho tôi thấy, chúng còn nhiều ảnh nữa? Chính cái "cố ý" này cho thấy, đó chỉ là một động tác giả của chúng để gây áp lực tâm lý. Một điều tôi tin chắc, dù cho nằm ngay trong Cục Tình Báo Sài Gòn, nhưng nếu không cùng một công tác, chúng cũng không thể biết được sự việc. Và dù cho cùng một công tác đi nữa, cũng chỉ biết được từng khâu, từng phần, chứ không thể biết toàn bộ. Mấy phút tính toán, phản ứng nhậy lẹ, thành quyết định. Đầu tiên để thăm dò, tôi làm ra vẻ mạnh bạo, nét mặt tươi lên tin tưởng:

- Tôi càng tin tưởng cách mạng hơn. Đây là tên Hòa mà. Như thế này, sự việc của tôi càng được xác minh sớm hơn.

Tên Đức đứng bật dậy, xô lại sát tôi, chỉ tay vào mặt tôi, gầm lên:

- Anh đừng có già họng! Đấy là tên Hòa à?

Tôi mở to mắt ngạc nhiên, cầm tấm ảnh, chỉ khẳng quyết:

- Thưa ông, tôi bảo đảm với các ông, đây là tên Hòa mà! Hàng ngày, y đi với tôi, huấn luyện tôi, tôi còn lạ gì mặt y nữa!

Đây là một điểm tình cờ, mà lại may. Trước đây, khi tôi tả về ông Hòa, tôi thường lấy hình ảnh người cậu họ tôi, béo trắng, to lớn. Ông là chủ hãng xuất nhập cảng hàn vải Vĩnh An ở đường Hồng Thập Tự. Ông Phan cũng to lớn, chỉ có điểm khác là tôi tả cậu tôi da trắng, đỏ hồng, hay mặc áo sơ mi trắng, trong khi ông Phan da bánh mật, hay mặc áo sơ mi ca rô. Nhưng, trông ảnh làm sao phân biệt được da bánh mật hay da trắng! Còn áo sơ mi và trắng, có điều khoản nào bắt buộc ông Hòa cứ phải mặc áo sơ mi trắng mãi đâu. Còn tôi, tôi chỉ biết cái tên "Hòa", tên "Phan" tôi không biết. Điều gì chứng minh bắt buộc tôi phải biết tên "Phan" khi mà trong tình báo, với mọi người đều dùng tên giả. Vì thế, tôi cứ khăng khăng hình người trong ảnh là tên Hòa. Điều tôi vẫn nơm nớp lo sợ là, nếu chúng đưa một tấm hình nào đó chụp tôi với Cẩn, hoặc với Hoàng Công An, lúc đó tôi chưa biết tính sao. Bởi vì từ trước, tôi chỉ khai tên Hòa duy nhất là người huấn luyện và đào tạo tôi mà thôi. An và Cẩn, người chỉ cao 1m62 là cùng.

Chúng tỏ vẻ tức tối lắm, nhưng xem ý chúng không làm gì hơn được. Qua thái độ tức bực của chúng, tôi càng yên tâm hơn. Nếu chúng có vài tấm ảnh nào khác, chắn chắn chúng sẽ lấy ra ném vào mặt tôi. Tôi cầm tấm ảnh đưa trả lại chúng, mặt tôi đầy vẻ hân hoan tin tưởng:

- Như thế này, tôi đoán cách mạng đã bắt được tên Hòa rồi, và cách mạng đã xác minh được sự việc của tôi. Tôi rất mong, một buổi nào đó, tôi sẽ gặp tên Hòa ở đây để thỏa phần nào lòng căm phẫn của tôi đối với y.

Tên Đặng cười nhạt! Tên Nhuận cầm tấm ảnh, giọng giễu cợt:

- Bình đeo kính trắng, đẹp trai, trông tư cách đấy chứ!

Tôi cười:

- Các ông còn lạ gì xã hội miền Nam! Một anh dốt đặc cán mai, nhưng ra ngoài, cứ ra vẻ ta đây là sinh viên, trí thức, tay luôn luôn ôm chồng sách ngoại ngữ dầy cộm. Hiển nhiên, tôi cũng lây cái nét giả tạo ấy. Mắt tôi có sao đâu, thế mà cũng đeo kính trắng gọng vàng, loại không độ. Bây giờ nghĩ lại, tôi còn thấy ngượng.

Hôm nay, chúng tưởng với tấm ảnh ấy, chúng sẽ làm tôi tan hoang, hoặc ít nữa cũng phải bục ra một số mảng. Nhưng cuối cùng, vẫn không giải quyết được gì, chúng bầm gan, tím ruột!

Tên Đặng cộc lốc:

- Đi về!

Tôi về xà lim, thật hú vía! Tuy thế, lòng tôi vẫn đầy lo lắng. Tôi hiểu sự việc chưa thể yên được.

Từ ngày tôi bị phát hiện, rồi bị theo dõi ở nhà thờ "X' tôi đã nhiều đêm ngày suy nghĩ vì sao tôi bị phản gián phát hiện. Tôi tập trung tư tưởng: nhìn, xét, rọi, soi lại từng điểm. Từng khía cạnh, từng sự việc, từ điểm đổ bộ ở Kỳ Phương cho đến khi tới Hà Nội, những ngày vào Việt Đức, lúc sang Gia Lâm…..Tôi không thấy một điểm nào nghi ngờ để bị địch phát hiện. Như vậy, tôi bị địch phát hiện, chỉ có thể:

1) Từ nơi linh mục A. Linh mục đang bị Cộng Sản bí mật theo dõi. Tôi mò đến, nên chúng tìm về nhà trọ để xác minh. Mà đã xác minh, chân tướng tôi lòi ra ngay.

2) Từ Paul Lạng ở Paris. Có thể y là nhân viên "hai mang". Để lấy tiền, y đã cung ấp cho phản gián Hà Nội biết rằng sẽ có một người xâm nhập Hà Nội, nhưng không biết đích xác ngày tháng cũng như nhiệm vụ. Nếu đúng như vậy, phản gián Hà Nội phải tìm ra là tất nhiên. Nhưng điểm này yếu khả năng hơn điểm trên.

Tôi mất bao ngày đêm nặn óc suy nghĩ, nhưng vì thiếu cơ sở để nhìn, để xét, cho nên tôi vẫn chưa thể khẳng quyết là do điểm một, hay điểm hai. Bây giờ, lại có thêm tấm ảnh của Phan và tôi. Với tấm ảnh trong điều kiện như hôm nay, tôi chưa thể có ý kiến gì, phải đợi những ngày kế tiếp mới sáng tỏ.

Tên Tân bị cùm đến ngày thứ tư, thì mụ Hoa vào gọi đi cung. Qua gần 2 tháng trò chuyện với tên Tân, tôi được biết y chỉ có một chấp pháp duy nhất tên là Châu. Cũng thuộc phòng 44, phòng hỏi cung chính trị. Vậy mà tôi, sao nhiều chấp pháp thế! Trước sau đã 6 người rồi. Mỗi buổi hỏi cung lại thường có từ hai, tới ba người. Có lẽ tại tôi là một điệp viên, có nghiệp vụ, được đào tạo huấn luyện bởi những cơ quan tình báo của một quốc gia, cho nên, để khai thác chúng phải mất nhiều tâm sức hơn?

Tên Tân đi cung gần hai tiếng đồng hồ đã về ngay. Tân đã vào buồng mà tên Tư vẫn chưa đóng cửa. Vẫn đứng ở ngoài, trong khi tên Tân vội vàng quấn chăn màn và quần áo. Tân quay lại tôi nói nhanh:

- Tôi được ra trại chung, vụ án của tôi sắp xử.

Y ôm các thứ ra tới cửa, quay lại gật đầu chào tôi. Cửa đóng, rồi khóa. Tôi thấy nhẹ hẳn người. Từ nay một mình, dù buồn hơn, nhưng không làm phiền toái ai, tôi cảm thấy dễ chịu, tự do hơn.

Ngày hôm sau nữa, tôi lại nghe cán bộ vào bảo cô gái bị cùm, phía trái của buồng số 7 mang chăn màn, quần áo ra trại chung. Cô đó đi được hơn một tiếng, rồi cô bị cùm phía phải cũng đi, rất im lặng. Tôi cố gắng nghe để phán đoán, nhưng cũng không hề nghe thấy một âm thanh gì. Như thế, sự nghi ngờ của tôi cô "phía phải" là tù giả cùng chắc đúng hơn nữa… Mặc dù mỗi người một buồng, họ ra đi, lòng mình cũng thấy mang mang vắng lặng.

Buồng số hai cũng một người ra trại chung, cùng với hôm Tân đi, có lẽ là người anh họ cùng "vụ" với Tân. Như thế,

hiện nay xà lim chỉ còn có 4 người: Một ở buồng số 1, bị cùm một chân, một ở buồng số 2, không bị cùm; một ở buồng số 4 là tôi và một ở buồng số 5, không bị cùm.

"Đòn Thù" Của Chấp Pháp
và
Những Cay Đắng Của Đời Tù...

9 tháng 4, ngày mà tôi nhớ mãi, sau hôm tôi đi cung được 5 ngày. Sáng hôm đó, tên Tư mở cửa buồng cho rửa và đổ bô xong. Tôi đang ngồi mài móng tay xuống sàn xi măng chờ cơm sáng, bỗng cửa con xoạch mở. Theo cách mở cửa con và khóa cửa lớn, tôi đã biết ngay là người lạ. Tôi nhìn lên, cửa con đóng lại và cửa lớn mở to. Đứng ngay giữa cửa là tên Lê, trung úy Phó Giám Thị, phía sau có tên cán bộ Tư. Nhìn tôi, tên Lê nghiêm trang, nói giọng Bắc:

- Theo lệnh trên, anh bị cùm hai chân. Vậy hãy nghiêm chỉnh chấp hành!

Tôi choáng váng đến lặng người đi. Tôi bị cùm hai chân! Như thế này, chỉ có tê rồi chết thôi. Tôi đờ đẫn người hỏi, trong khi tên Tư bên ngoài đã rút chốt cùm ra chờ đợi:

- Thưa ông, tại vì sao tôi bị cùm hai chân ạ?

Tên Lê gằn giọng:

- Đó là lệnh trên, anh hãy cứ chấp hành!

Một màu u xám như sụp xuống chung quanh tôi. Tôi hiểu, gian khổ cùng khốn lại đoạ đầy tấm thân khốn nạn của tôi. Còn biết nói năng chi, tôi nhấc cùm và từ từ nhấc chiếc chân còn lại ở ngoài đặt vào cùm, tâm tư tôi như đi vào nhà mồ.

Đóng chốt cùm xong, tên Lê ra tới cửa còn quay lại:

- Hãy suy nghĩ kỹ đi, kẻo rồi không sống được!

Tiếng cánh cửa buồng đóng mạnh. Tiếng lạch cạch của then sắt cài cửa như cào vào trái tim đang rỉ máu của tôi. Lần này rõ ràng rồi! Tụi chấp pháp cùm tôi, vì cho tôi ngoan cố, không chịu khai báo sự thật.

Lần trước, chấp pháp còn lấp lửng "chúng tôi không cùm anh", vì lúc đó chùng còn nấp sau cái mặt nạ "dân chủ", lấy "chính nghĩa" phục vụ nhân dân, lấy "khoan hồng" giáo dục con người sai phạm là chính. Bây giờ, chúng hất cái mặt đó ra rồi, hiện nguyên hình là những con quỷ, đầy mồm nanh vuốt với hai bàn tay máu.

Cùm hai chân, khổ cực nhất là cảnh đái và ỉa. Đi đại tiện, tôi phải cố tập hai ngày đi một lần. Nhưng đi đái, dù uống ít nước, ban ngày phải 3, 4 tiếng đi một lần; còn ban đêm, từ 9 giờ tối đến 6 giờ sáng tôi mới dậy đi. Đó là với điều kiện ngủ, chứ vì đau đớn không ngủ được, một đêm cũng phải đi 2, 3 lần. Lúc đi đái, dù cố gắng bằng cách nào, tôi cũng vung vãi cả ra nhà và trên sàn ngủ. Bởi vì, tôi chỉ có một thế duy nhất: nằm nghiêng ở giữa sàn, rồi từ giữa sàn tiểu xuống dưới bô, có khi vào bô, có khi không.

Gặp khó khăn phải đẻ ra sáng kiến. Đó là phương châm đối với tất cả mọi sinh vật. Sau hai đêm, chân tôi tê và mỏi nhừ. Nhưng, bứt rứt và khó chịu nhất là hai cái đầu gối không thể gập hẳn lại được. Đa số thời gian tôi phải nằm nhiều. Còn ngồi, thì ở cái thế gù gù, đầu phải gục về phía trước, rất mỏi, không thể ngồi lâu được. Vì vậy, tôi nghĩ nếu lúc cùm vắt chéo hai chân, chân phải sẽ ở bên trái và ngược lại, chân trái sẽ ở bên phải. Như thế, muốn nằm, phải nằm xấp, và chỉ nghiêng về một phía. Nhưng, được cái lợi là quỳ lên rồi ngồi gập lên cái cùm, lúc đó, chân gập sát được, thoải mái hơn.

Nghĩ như vậy, buổi sáng hôm sau, ăn cơm rồi trả bát xong, tôi vắt chéo hai chân. Lão Tư nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên. Lão định hỏi, nhưng nghĩ thế nào lại thôi, rồi lão đóng cửa cài then. Tôi lựa thế xoay úp người xuống sàn, chống tay quỳ lên, rồi ngồi lên cái cùm, hai chân gập lại phía dưới mông đít. Thế ngồi thật vững chãi, nhất là hai chân được gập được sát lại mông. Ngồi một lúc mỏi, tôi lại chống tay xuống sàn, từ từ nhoài người ra phía trước, nằm sấp. Như thế, hai chân duỗi ra được thẳng hơn. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn hẳn thế cùm cũ. Tuy vậy, cũng có điều bất tiện của nó là không đi đại tiện được, vì không có thế nào để đưa mông ra được sát mép sàn. Còn đi tiểu tiện, chỉ có một thế duy nhất là quỳ lên, rồi từ giữa sàn cho chéo xuống dưới bô. Thế này có lợi là tôi nhìn thấy miệng bô, nên ít văng ra ngoài, nhưng nước giải rớt ra sàn ngủ nhiều hơn. Tóm lại, kiểu cùm này chỉ có thể dùng ban ngày, từ bữa cơm sáng lúc 9 giờ cho đến bữa cơm chiều lúc 4 giờ. Về đêm, nên đổi lại thế cùm bình thường. Tuy thuận tiện hơn nhau không bao nhiêu, nhưng điểm lợi là chân luôn cử động được, mạch máu lưu thông, giảm bị tê bại chân.

Tôi đang ngồi chễm chệ trên cùm, mắt mơ màng nhìn lên một khoảng trời con, rộng chừng 10 phân giữa mép dưới cửa sổ và riềm mái ngói chạy dài theo cửa sổ. Trong cái khung trời này có 6, 7 cái lá nho của giàn nho phía sân trước Hỏa Lò, nơi mỗi khi tôi đi cung đều có đi qua, cửa con bỗng xoạch mở. Tôi quay lại, chỉ kịp thoáng thấy bộ mặt của lão Tư. À ra thế! Khi nãy, thấy tôi vắt chéo hai chân cùm, y không biết tôi định làm gì, vì vậy y mới để ý theo dõi. Bây giờ, y bất chợt mở cửa kiểm tra. Thấy tôi ngồi như vậy, y đã hiểu, nhưng chẳng có gì nói được tôi, nên y lại đóng cửa con lại. Tuy chỉ là một khung trời nho nhỏ với mấy chiếc lá nho xanh rờn, nhưng nó cũng làm cho tâm hồn tôi được thêm một chút thi vị, còn hơn là chỉ nhìn thấy 4 bức tường và hai cái cùm, không một chút sinh khí. Nhiều lúc bâng khuâng, nhìn những chiếc lá nho xen kẽ những mảnh trời xanh xanh, hồn tôi buông trôi dật dờ, như ký thác, gửi gấm những nỗi niềm đầy vơi của mình mà quên đi được phần nào cái nhức mỏi của đôi bàn chân trong cùm.

Mấy hôm nay, người lại đưa vào đầy xà lim. Buồng nào cũng có người. Lúc gần trưa thấy tiếng mở cửa xà lim, tôi nghe giọng một người Tầu, nói tiếng Việt không rõ:

- Téo mẹ, tui làm sao mà pắt tui?

Và ngay sau đó, tiếng quát:

- Câm mồm!

Tiếng mở buồng số 6, tiếng rút chốt cùm. Tiếng lão Tư cao giọng:

- Bỏ chân vào!

- Tui làm sao lại cùm cái chân tui!

Tiếng xô động huỳnh huỵch, tiếng đóng chốt cùm, tiếng đóng cửa cài then. Rồi im lặng, tôi vểnh tai nghe ngóng. Vẫn im lặng, có lẽ các buồng khác cũng đang vểnh tai nghe những âm thanh để suy đoán như tôi. Im lặng một lúc, tôi lại dõi hồn vào những chiếc lá nho. Vài cơn gió nhẹ, những chiếc lá nho rung rinh, đong đưa như đùa cợt với gió. Bỗng một giọng khàn khàn cất lên nghe rõ mồn một:

- Chúng mày không cho làm ăn puôn pán gì cả!…Vợ con tau ăn cái sắn mà không có ăn…Mua cái tậu, mua cái muối, xếp hàng dài dài mà không mua tược!…..Chúng mày giết vợ con tau đi, giết tau đi!…..Téo mẹ cái Cộng Sản! Téo mẹ cái cách mạng!…..

Càng lúc giọng càng ầm vang, nhiều khi như gầm lên. Qua giọng nói, tôi đoán ông này cũng đã có tuổi, phải từ 35 đến 40. Có tiếng cửa con xoạch mở, rồi tiếng lão Tư sắc, đanh:

- Câm cái mồm lại, mày muốn chết hả?

Tiếng người Tầu gầm lên như điên rồ:

- Mày giết tau đi! Téo mẹ chúng mày! Tau không muốn cái sống nữa! Chúng mày làm cái dân không có cơm ăn! Téo mẹ cái tổng chí, téo mẹ cái Cộng Sản!

Tiếng lão Tầu gầm thật to, vang ra cả ngoài sân khu giàn nho. Mấy tên cán bộ chạy vào. Một giọng lạ như ra lệnh:

- Khóa mồm nó lại. Không chịu nữa, cho xuống "cát xô"!

Lão Tầu gần như điên khùng, không biết sợ là gì, lão vẫn chửi. Một lúc sau, có tiếng mở cửa buồng. Rồi những tiếng huỳnh huỵch vùng vẫy và giọng của lão Tầu cứ xìn xịt, phì phì như tiếng của con chó bị buộc mõm. Tiếng cửa đóng nghe "xầm", rồi xà lim lại trở về vắng lặng. Thỉnh thoảng tiếng xìn xịt hổn hển của buồng 6 cứ như cào vào tim của mọi người trong xà lim. Tôi nhớ lại hình ảnh chiếc cùm mồm lúc tôi mới bị bắt vào. Khi đó, tôi còn bị đánh máu me đầy người, lại còn bị cùm hai chân. Nghĩ đến, tôi còn thấy tim mình như bóp thắt, gáy tôi còn rờn rợn. Ở đây, ông Tầu chỉ bị cùm một chân, nhưng chắc cũng không gãi được, vì nếu đã bị cùm mồm thì phải khóa tay ra sau, nếu không, tay sẽ mở được cái vít dưới cằm. Tôi thở dài, thông cảm của ông.

Tôi nhớ lại lúc bị cùm hai chân dạo ấy. Khi đó, phần vì mới vào cơ thể của tôi còn có chất dự trữ, còn sức lực để chịu đựng, hơn nữa, đang ở thời gian liên tục đi cung, nên coi như chỉ bị cùm về đêm. Ban ngày hai chân được nghỉ ngơi, thay đổi, máu chạy điều hòa, ít bị tê xuội. Vậy mà tôi cũng chỉ chịu đựng được gần 40 ngày rồi không đi được nữa. Bây giờ, chúng lại không gọi cung nữa. Tôi đã nổ lực phấn đấu bằng cách luôn luôn thay đổi thế cùm, vất vả đau đớn lựa thế duỗi ra co vào như tập thể dục, thế mà bàn chân khi sờ vào cứ bì bì, căn cẳn. Tay sờ vào chân, cảm giác như sờ vào chân người khác.

Ngày 16 tháng 4, tên Tư mở buồng, thu hết chăn màn và áo trấn thủ. Khi y tới buồng tôi, tôi nằn nì, khẩn khoản:

- Thưa ông, tôi chẳng có một cái gì ngoài hai bộ quần áo cũ. Đề nghị ông thông cảm, cho tôi mượn lại một chiếc chăn, tôi xin đội ơn ông và nhà nước.

Y quắc mắt, gằn giọng:

- Nguyên tắc là nguyên tắc. Không nói nhiều!

Tôi đành cởi áo và gấp hai chiếc chăn đưa cho y với bao nhiêu luyến tiếc hận sầu. Y ném xuống đất, phía ngoài cửa. Y như kinh tởm khi cầm tới chiếc chăn, mũi y nhăn lại. Cửa đóng rồi, mà lòng tôi còn ngẩn ngơ tiếc nuối. Tôi hiểu rằng những ngày tới, trong tình trạng cùm kẹp này, tôi còn phải chịu đựng nhiều khổ sở khó khăn hơn nữa. Có tiếng người lục đục vào ôm những chiếc chăn phía ngoài cửa. Chắc là một anh tù hình sự nào đó đi thu chăn về để giặt và nhập kho. Như vậy là hàng năm, cứ 16 tháng 10 thì cho mượn chăn, và 16 tháng 4 thì thu lại.

Chiếc loa ở cổng trại chung đã như cái đồng hồ. Ngày nào cũng như ngày nào, sáng đúng 5 giờ tiếng loa bắt đầu với những bài tập thể dục ở trên đài. Giọng một cô gái thanh thanh kéo dài 1, 2…..theo từng động tác, nghe có lúc như tiếng hò kéo gỗ ở một công trường lao động đổ mồ hôi, có lúc lại dồn dập khẩn trương như tiếng đập lúa trong ngày mùa của một hợp tác xã nông nghiệp. Sau 15 phút tập thể dục, tới mục "thanh niên", rồi đến công trường, nhà máy, bản tin. Từ 6 giờ tới 6 giờ 30 là mục "Quân Đội Nhân Dân",v.v…Tiếng loa cứ the thé chọc vào tai mọi người cho tới 8 giờ thì câm bặt. Đến 12 giờ trưa lại nheo nhéo. 1 giờ lại tắt họng, để đến 5 giờ chiều lại bắt đầu hò hét cho tới 9 giờ tối mới chịu ngủm củ kiệu.

Trong một tuần, sáng thứ Hai và thứ Sáu là hai ngày "giao và đưa hàng", đó là những từ, tôi nghe tụi cán bộ thường xuyên nói chuyện với nhau. Ngay từ 3, 4 giờ sáng, lúc chưa có tiếng loa phát thanh, ở chỗ sân giàn nho sát với cổng trại chung, tiếng rì rầm, ồn ào hỗn độn của tù, xen lẫn với những tiếng quát tháo của những tên cán bộ, bộ đội về cơm nước, cùm, khóa…để đưa tù đi trại trung ương. Tôi nằm nghe theo dõi những tiếng rì rầm bàn tán. Có ngày là tù chính trị, có ngày là tù hình sự. Như vậy, ở trại chung, hoặc ở xà lim, anh nào sẽ phải đi trại nào, ngay từ tối hôm trước đã được gọi ra tập trung ngủ ở một ngôi nhà gọi là "buồng vãng lai". Sáng sớm 3 giờ đã được gọi dậy ra chỗ

giàn nho phía bên ngoài tường của xà lim II, để nhận cơm nắm, rồi đọc tên, khóa tay chung, cứ hai người một. Tù thường không biết mình sẽ đi trại nào. Nhưng, tôi nằm trong này tôi đã biết trước họ. Ngoài cổng trại chung, sát phía bên kia cũng là địa điểm để xe đạp, những giờ tan tầm, cán bộ thường tập trung lại đó, đôi khi bàn tán, đùa cợt, hỏi han nhau. Vì thế từ chiều hôm trước, có khi tôi đã biết tù ngày mai đi trại nào rồi như: Vĩnh Quang, Phú Sơn, Vĩnh Tiến, Tân Lập, Phố Lu, Phong Quang, Trại 5, Quyết Tiến hay "Cổng Trời", v.v…..Cũng từ địa điểm này, đôi khi nghe được nhiều chuyện giữa cán bộ bàn luận, hỏi nhau trước khi về, hiểu thêm được về chúng và về xã hội miền Bắc.

Ngay bữa cơm chiều hôm đó, tên cán bộ hỏi buồng số 6:

- Cái mồm còn la nữa hay không?

Im lặng một lúc, rồi tiếng mở cửa buồng:

- Từ nay, tôi chỉ nghe anh la một tiếng, tôi sẽ cùm cả hai chân, khóa mồm cho vài ngày. Lúc đó, chỉ có chết.

Lục đục một lúc. Có lẽ tên Tư mở khóa tay, mở khóa mồm, rồi tiếng mở chốt cùm. Tiếng chân lẹt đẹt ra lấy cơm và lấy nước. Tiếng đóng cửa.

Như thế là ông Tàu đã biết sợ rồi. Ai mà không sợ! Chết ngay không sợ, nhưng phải sợ kiểu cùm khóa như vậy. Tôi đã nếm gần hai ngày, bây giờ còn thấy ngán.

Ngay hôm sau, tôi lại nghe thấy tiếng mở cửa buồng 6, tiếng quát tháo bảo ôm quần áo ra trại chung. Tôi suy đoán, có thể anh Tàu này vì bất mãn chán chường, chửi bậy ở địa phương hay ngoài đường phố nên bị công an bắt. Bị giữ ở đồn, vẫn chửi, nên sau đó bị đưa vào Hỏa Lò ở trại chung; nhưng ở trại chung, vẫn cứ điên rồ chửi bới la hét, nên mới bị đưa vào xà lim. Vì thế, bây giờ thấy anh ta biết điều rồi, nên được đưa ra trại chung lại, chứ anh ta chả có tội gì đặc biệt cả.

Vào một buổi sáng sớm thứ Sáu, tôi đang mơ màng thiếp đi sau một đêm quằn quại vì đôi chân nhức mỏi, vì cơ thể cũng rã rời thiếu ngủ, thiếu ăn và cứ phải nằm trong những thế gò bó, những tiếng xụt xịt, tiếng the thé cãi cọ nhau của nhiều người con gái phía bên ngoài tường làm tôi thức dậy. Có lẽ lúc đó độ 3 giờ rưỡi, 4 giờ sáng…?

Tôi lắng nghe, được biết những người tù nữ này đi trại Mỏ Chén. Tôi cũng chẳng biết trại Mỏ Chén ở đâu cả. Qua những tiếng đếm cơm, phát cơm, rồi khóa tay, v.v… Tổng số người là 43. Có hai cô cãi cọ giành nhau là người thứ 43, lẻ, không phải khóa tay. Vẫn nghe có những tiếng khóc tỉ tê, sướt mướt, nức nở, rồi có tiếng một cô quát:

- Không cầm lấy cơm, con đĩ! Còn khóc mãi….!

Lại có một giọng khác cất lên lanh lảnh:

- Tổ sư bố con đĩ, ăn cho lắm "đầu cá khô" vào, bây giờ còn ngồi đấy mà khóc! Làm thối cả ruột người khác nữa!

Tôi rất ngạc nhiên, không hiểu họ mắng nhau như vậy là nghĩa gì! Nghĩ một lúc tôi chợt hiểu. Dù đang đau, tôi cũng phải mỉm cười cho cái kiểu ví von ngộ nghĩnh của họ. Sau lúc họ được lệnh ra xe ngoài cổng Hỏa Lò, tôi không ngủ lại được nữa. Đầu óc lại cứ bập bềnh nhấp nhô chảy dài trăm ngả cuộc đời…

Tôi nhớ lại những ngày dong duổi trên khắp các nẻo đường Hà Thành. Ngay từ 1954, khi còn là một cậu bé 15, 16 tuổi, tôi đã nhìn thấy các cô nữ sinh Hà Nội, nhất là các nữ sinh Trưng Vương, đẹp, mềm mại duyên dáng tuyệt vời. Rồi, tôi vào Sài Gòn. Tôi lại được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của các nữ sinh Gia Long, Trưng Vương với những đôi mắt huyền, làn da trắng bóc, gót chân đỏ hồng; với ngực nở, eo thon, mông to; với chiếc nón bài thơ nghiêng nghiêng; hai bàn tay đeo "găng" trắng muốt, cỡi trên chiếc solex đen (tương phản với màu của áo quần, của đôi "găng", của chiếc nón và của da thịt), tất cả tạo thành một bức tranh không còn từ gì để mà ca ngợi.

Bây giờ tôi lại trở về Hà Nội, đất ngàn năm thanh lịch của đài các trâm anh, ngoài những mặt tôi phải tính toán đấu tranh với kẻ thù Việt Cộng, tôi cũng muốn tìm lại những bóng dáng mỹ miều của người con gái thủ đô lúc này ra sao. Thế mà, gần một tháng trời, suốt ngày tôi lang thang khắp 36 phố phường, nhiều khi cả đêm tối, tôi chẳng thấy một cô nào gọi là khả dĩ sánh với Hà Nội năm xưa, và Sài Gòn ngày nay. Họ biến đâu hết! Chỉ có một lần, vào một buổi sáng, trời thật trong không một vẩn mây, đang đi trên đường Hàng Chiếu, tôi thấy từ "ban công" của một căn nhà lầu sát phố, một cô gái chừng 18, đôi mươi, nước da trắng hồng, bộ mặt trái soan với đôi mắt bồ câu, đang làm những động tác thể dục. Tôi liếc nhìn lên, cũng là lúc cô nhìn xuống. Từ trên vai trở xuống mông, tôi thấy như gần bằng nhau. Có thể lúc đó cảm xúc so sánh của tôi còn sắc nét, bởi vì vừa mới ở Sài Gòn ra, nên mới thấy rõ như vậy. Chứ những năm tháng sau này, khi hình ảnh so sánh đã mờ nhạt do chất chồng thời gian, tôi lại thấy những cô gái miền Bắc vẫn còn nhiều cô đẹp, mặc dù tôi chỉ ở núi rừng, và chỉ nhìn thấy những "bà" cán bộ thôi.

Thế mới sợ cho tâm lý con người. Nhìn sự vật phải có điều kiện. Cộng sản đã tích cực lợi dụng khía cạnh này để thống trị con người. Chúng làm mất dần ý niệm so sánh suớng khổ, xấu đẹp, lẫn lộn yêu nước chân chính và phản dân tộc vô tình. Vì thế, nếu ta có nói, người dân cũng không tin.

Chết... Hụt.....

Đã vào hè, thời tiết càng ngày càng oi nồng và muỗi. Xà lim 2 thật nhiều muỗi, có lẽ vì cửa sổ to, lại thấp nên muỗi nhiều vô kể.

Phải nói rằng, tôi kiệt sức một phần vì cùm, nhưng còn một phần nữa vì muỗi. Tôi thường lấy ngày làm đêm, lấy đêm làm ngày. Suốt đêm, tay cứ phải cầm áo xua đuổi muỗi. Rồi những lúc mệt mỏi quá thiếp đi, tay chân lại đầy lên nốt muỗi. Ở xà lim 3 vậy mà ít muỗi hơn. Có lẽ vì cửa sổ nhỏ, lại ở mãi tít tận trên cao, cho nên các chú muỗi cũng khó vào. Những người ở buồng khác hầu như đều có màn. Những lúc tắm giặt đem quần áo ra chỗ nhà vãng lai phơi, thỉnh thoảng tôi thấy có màn phơi. Cụ thể, hai người ở chung với tôi trước đây là Hoàn và Tân, họ đều có màn cả. Hơn nữa, những buổi đêm tối, chỉ có buồng tôi có tiếng động, đập và đuổi muỗi; các buồng kia im vắng, có chăng chỉ là tiếng kêu rên ban đêm. Như thế, cả xà lim này, ban đêm, chỉ có mình tôi phải đón nhận tất cả các con muỗi. Ôi khổ cực thân tù: "Mùa Đông rét mướt, mùa Hè muỗi bu!".

Có thể vì cơ thể tôi không còn chất để chống đỡ, lại do người tôi bẩn thỉu, cứt đái, hôi hám, cho nên những nốt muỗi cắn dần dần trở thành ghẻ, ngứa ngáy bắt gãi suốt ngày đêm. Từ nhỏ tới lớn chưa hề bị ghẻ lần nào, chưa biết ghẻ là gì, bây giờ ghẻ suốt cả người, nhất là ở háng, nách, kẽ tay, kẽ chân, trông như hủi. Ngứa ngáy quá tôi không chịu nổi nữa, tôi báo cáo với lão Tư để xin thuốc ghẻ.

Tôi phải báo cáo nhiều lần, một hôm mụ Dậu mới xem tôi. Đã lâu không gặp tôi, con mắt mụ nhìn tôi như đượm một chút ngạc nhiên, một chút xót xa cho một người chóng tàn lụi như vậy. Mụ cho tôi một chai thuốc, nhưng tôi chỉ được để ở ngoài chỗ đuôi suốt cùm, phía sàn bên. Hàng ngày khi được mở cùm ra lấy cơm, tôi phải báo cáo cán bộ, tranh thủ đứng đấy bôi, rồi để lại chỗ cũ. Chúng sợ tù tự tử. Uống thuốc ghẻ không chết, nhưng làm cho chúng mất công. Vì điều kiện chữa và bôi như thế, nên ghẻ không thể khỏi được.

Đã gần 30 ngày cùm hai chân rồi mà tôi vẫn không được gọi đi cung. Bây giờ, hai chân tôi cứ cắn nhức ở trong xương. Hàng ngày ra lấy cơm, tôi không thể đi nhanh được nữa. Tôi lặc lè những bước đi rất khó khăn, vừa đau nhức, vừa như không nhấc nổi hai chân. Dần dần hai mu bàn chân của tôi tự nhiên sưng múp lên. "Nam túc, nữ mục". Tôi nhớ các cụ già nói thế. "Đàn ông chân phù, đàn bà mắt phù", đó là triệu chứng của sự chết! Chuyến này, chắc tôi phải chết. Chúng chả cần phải bắn tôi. Nếu bắn, chết ngay đâu có khổ. Nhưng ở đây, chúng bắt tôi chết dần, chết trong quằn quại, ngắc ngoải, khổ đau; bắt tôi phải nhìn cái chết đến dần dần.

Tôi hiểu lòng dạ chúng như vậy. Là người Công Giáo không được tìm cách tự tử. Nhưng, dù muốn tự tử trong tư thế này, tôi cũng không có cách gì tự tử được cả. Anh có gan đập đầu vào tường không? Hay chỉ dang dở, để rồi không chết dược mà lại sống mang bệnh thần kinh? Vả lại, tâm lý con người, trừ trường hợp cá biệt, còn nói chung, dù biết là sắp chết, trong lòng vẫn níu kéo từng giây, từng phút để sống.

Phải nói, tư tưởng của tôi bây giờ cũng suy sụp lụi tàn rồi. Chân thì nhức buốt, người lại rã rượi ngứa ngáy như điên, tôi không còn đâu tinh thần để phấn đấu nằm xuống,ngồi lên cho mạch máu lưu thông nữa. Tuy thâm tâm tôi hiểu rằng, càng chán nản tiêu cực như vậy, càng đi nhanh đến chỗ chết. Ngay cả khi lấy cơm ăn, tôi cũng phải bò ra, vì không đi được nữa. Có lần, tên cán bộ thấy tôi chậm chạp quá lâu, mất nhiều thì giờ của hắn, hắn kéo tôi vào buồng, để rồi cả bát cơm canh đổ ra đất. Tôi phải bò theo để bốc, nhặt vào, chỉ còn một chút cơm với mấy cọng rau. Chỉ vì, y không dám sờ vào người tôi, sợ bẩn, sợ ghẻ; y cầm vai áo của tôi mà kéo nên mới đổ như vậy.

Có lẽ y đã nhìn thấy tôi như thế này, vừa mất thì giờ của y, đồng thời tôi sẽ chết, nên y đã báo cáo thế nào đó, chiều hôm ấy, tên Lê vào. Lê phải mở cửa buồng to ra, mà vẫn đứng ở mép cửa, chắc hẳn vì cái buồng hôi thối lắm rồi. Y nói vẻ dìu dịu:

- Tại sao anh ngoan cố không chịu thành khẩn khai báo?

Tôi nói giọng hổn hển vì mệt và pha lẫn một chút niềm xúc động.

- Tôi… khai hết rồi, nhưng… các ông ấy không tin.

Cửa đóng rồi, tôi nằm xuống. Tôi nằm, cảm thấy dập dờn như đi trên thuyền. Tai cứ nghe những tiếng lùng bùng, o o, tôi chưa bao giờ thấy cơ thể mình như vậy. Có lẽ, tôi sắp chết, chết đêm nay.

Đã 43 ngày rồi, cơ thể không còn sức chịu đựng nữa. Hai chân tôi cứng đơ ra. Tôi muốn lùi người xuống để cho cái chân co lại một chút, nhưng tôi chống tay mà không còn sức để lết. Tay tôi rủn ra, yếu đuối quá! Tôi bằng lòng chết, không thắc mắc gì nữa. Xin Chúa hãy cho con chết! Cho con chết đêm nay, con xin cảm tạ Chúa! Bây giờ muỗi cứ đốt, tao không tiếc chúng mày nữa. Đàng nào thì máu tao cũng thành tro bụi, đất cát, vậy chúng mày cừ dùng đi… Tôi cũng không còn cảm thấy ngứa ngáy nữa. Tôi lịm đi…

Tới khi có ai đó kéo tôi dậy. Tôi mở mắt ra, thấy một ông mặc áo "blouse" trắng, đang cầm tay tôi tiêm. Tôi nhìn. Tôi không còn nằm xà lim nữa, mà nằm trên một cái giường gỗ. Tôi cố cúi nhìn xuống hai chân. Hai chân tôi không còn trong cùm mà giạng ra ở cuối giường. Như thế, chúng đã tháo cùm tôi từ bao giờ. Đây là đâu? Tôi tự hỏi. Sao tôi không hề biết gì cả? Tôi đoán đây là tên Huệ, y tá, có lần tên Tân nói với tôi về y. Để y tiêm xong, tôi hỏi y với giọng còn run run xúc động:

- Thưa ông, đây là đâu ạ?

Mặt y tươi tỉnh nhìn tôi:

- Bệnh xá!

Rồi y hạ thấp giọng, tình cảm:

- Đêm qua, tôi tưởng anh đi luôn rồi. Anh có một sức sống kỳ diệu!

Vừa nói, y vừa đứng dậy, cầm khay thuốc sang phòng bên.

Tôi nằm, miên man nhớ lại lần lượt; chiều tối hôm qua, tự nhiên tôi thấy người như nhẹ nhàng, không còn cảm giác đau đớn và ngứa ngáy nữa… Rồi, không biết làm sao, tôi như thấy mình về lại Sài Gòn. Tôi gặp mẹ tôi. Người còn cho tôi một cuốn sách chữ vàng rất dầy, và nói: "Đây là một cuốn sách quý lắm!"… Như vậy, chắc là tôi đã xỉu đi. Rồi một cán bộ nào đó, vô tình đi kiểm tra các buồng, thấy tôi như vậy, nên đã gọi người và xin lệnh đưa tôi xuống bệnh xá. Âu đây, cũng là cơ trời, số của tôi chưa chết được!

Nghĩ tới đây, tôi lại thấy người bắt đầu ngứa ngáy. Tôi thử nhấc hai chân, thấy hơi nặng nặng, nhưng được. Tôi lựa

thế, cố gắng ngồi dậy. Tuy hơi khó khăn, nhưng tôi ngồi dậy được, và tôi bắt đầu gãi. Chỗ tôi nằm là một căn buồng nhỏ, chẳng có ai.

Bỗng cửa mở, tôi thoáng nhìn ra một căn phòng rộng ở bên cạnh, có nhiều giường cá nhân, trên đó, lố nhố một số người gầy như những bộ xương đang nằm. Mụ Dậu vào, mắt mụ sáng lên nhìn tôi:

- Hôm qua, tôi tưởng anh chết rồi!

Tôi nhìn mụ bằng con mắt cám ơn. Tôi thoáng có ý nghĩ, làm cách nào xin được thuốc ghẻ? Thấy mụ định đi ra, tôi đánh bạo lên tiếng:

- Thưa bà, ghẻ tôi ngứa lắm. Xin bà cho tôi thuốc…?

Mụ vừa gật đầu, vừa đi ra. Thái độ của mụ tỏ vẻ tích cực giúp tôi chữa ghẻ.

Mót giải, nhìn quanh, tôi thấy một cái bô ở góc buồng, tôi cố gắng tụt xuống và chậm chạp lê bước đến chỗ cái bô. Tôi cảm thấy khỏe hơn ngày hôm qua, hôm kia nhiều. Mấy bữa đó, tôi không còn đi được. Như thế, có thể nhờ được tiêm thuốc nên tôi hồi sức.

Tôi trở về giường. Hai chân tôi vẫn sưng múp, nặng chình chịch. Tôi mệt mỏi nằm xuống, đúng lúc đó tên Huệ mở cửa đi vào, theo sau là một anh tù hình sự, bưng một tô cháo, khói bay nghi ngút. Huệ đưa cho tôi một lọ thuốc ghẻ.

Thấy có vẻ dễ chịu, tôi hỏi:

- Thưa ông, tôi được ở đây bao lâu?

Vẻ mặt đắn đo, y dè dặt:

- Tôi không rõ, nhưng chắc vài ngày.

Tôi hỏi, vì tôi sợ trở về xà lim lại bị cùm. Tôi cố ăn hết bát cháo nấu muối. Mồ hôi vã ra và tôi thấy nhẹ hẳn người.

Không có điều kiện tắm, tôi gãi mạnh những nốt ghẻ cho bong vảy. Trong buồng không có ai, tôi cởi hết quần áo ra bôi, bôi đi bôi lại. Tôi tích cực bôi, mong mấy ngày cho khỏi, vì sợ rằng về xà lim, tôi lại bị cùm, không thể chữa được.

Chiều hôm đó, khoảng 4 giờ tôi lại được một tô cháo nóng nữa. Tôi vừa ăn xong, tên Lê phó giám thị vào buồng với tên Bằng. Y nhìn tôi với vẻ mặt dễ chịu:

- Anh có thấy không, đáng lẽ anh đã chết đêm qua rồi, nhưng lòng nhân đạo của đảng đã cứu sống anh. Đảng và cách mạng đã đưa sự sống trở về cho anh. Anh phải ghi ơn đó suốt đời anh. Tôi đã cho lệnh y tế bồi dưỡng anh một tuần cơm cám. Để đáp lại công ơn cứu tử này, anh hãy dốc lòng thành thật khai báo. Đời anh còn dài, anh sẽ có ngày được hưởng lượng khoan hồng của đảng và nhà nước, trở về xã hội làm lại cuộc đời.

Tôi thấy y cứ nói đi nói lại, vẫn loanh quanh chỉ có thế, vì vậy, để cho qua chuyện, tôi chậm chạp từng lời:

- Trong nơi sâu kín của trái tim này, tôi xin biết ơn đảng và cách mạng, trực tiếp là các ông.

Tôi vừa nói, vừa để tay lên ngực. Với một giọng gia ơn, tên Lê tiếp tục:

- Tôi thông cảm điều kiện sức khỏe của anh, tôi đã đề nghị trên tạm thời tha cùm cho anh. Ngay chiều nay trở lại xà

lim, anh hãy suy nghĩ cho sâu, quyết tâm từ bỏ những tội lỗi sai lầm trước đây bằng cách khai báo hết mọi âm mưu thủ đoạn làm hại nhân dân, làm hại cách mạng của bè lũ Mỹ Diệm với đảng và nhà nước. Chỉ có một con đường duy nhất đó, anh mới được hưởng lượng khoan hồng của đảng.

Nó nói, mặc nó nói, tôi cũng chẳng chú ý nghe. Điều tôi chú ý lắng nghe nhất là ba chữ: "Tạm tha cùm". Chỉ nghe ba chữ này, tôi thấy người tự nhiên nhẹ hẳn đi, như có một nguồn sinh lực ở đâu tràn vào cơ thể. Tên Lê và tên Bằng đã đi rồi, tôi vẫn ngồi yên. Hồn tôi vẫn rung rinh nhảy múa, có cảm giác như một phiến đá nặng nề hằng ngày đè chĩu trên vai, nay được hất xuống rồi, dù rằng tạm bợ.

Khoảng 5 giờ chiều, trại chung đã vào hết, tên Bằng vào bảo tôi đi theo y về xà lim. Mùa Hè, lúc này mặt trời chưa đi ngủ, ánh nắng nghiêng nghiêng phản chiếu từ những bức tường nhà trại chung, làm cho cảnh vật sáng lên một mầu vàng ửng. Dăm con chim sẻ ríu rít trên cành bàng, như chia xẻ với nỗi hân hoan đang tràn ứ trong lòng tôi. Nhìn những chiếc lá bàng đang thời kỳ con gái mơn mởn, sau những ngày Đông giá khắng khiu khô cằn, tôi liên tưởng tới đời mình, mới vừa từ cõi chết trở về, để rồi lại tiếp tục bì bõm lặn lội trong đường hầm đen tối; đâu đã được thảnh thơi đùa rỡn với gió chiều như những chiếc lá bàng kia.

Tên Bằng dẫn tôi về xà lim II, nhưng lại mở cửa đưa tôi vào buồng số 2. Như thế càng gần cổng trại chung, càng gần chiếc loa lắm mồm hàng ngày. Thấy tên Bằng hôm nay có vẻ dễ chịu tử tế, tôi khẩn khoản:

- Thưa ông, tôi có cái bó chổi dùng làm gối để ở buồng số 4, xin ông bớt chút công mở cửa cho tôi lấy…?

Y ngơ ngác, không hiểu, tôi phải nói thêm:

- Đó là những cái cuống chổi thanh hao đã cùn, tôi không có gối, nên đã buộc, bó với nhau làm gối. Vừa rồi xuống bệnh xá, tôi còn để lại buồng số 4.

Y chạy lại mở cửa con buồng 4. Tôi thấy y hỏi gì người bên trong. Như vậy, buồng 4 lại có người mới rồi. Một lúc, y trở lại bảo tôi:

- Vào nhà tắm xem sao?

Tôi vội chạy sang buồng 8 ngay đối diện. Tôi đã nhìn thấy cái "gối" của tối ướt nhẻm, vất ở một xó sàn, hãy còn dính đầy phân. Thôi đành! Tôi vội vàng mở vòi nước, đập đập cái "gối" xuống nền cho phân trôi đi, vẫy khô, rồi nhanh nhẹn chạy vào buồng. Như vậy là hôm nay y đã dễ dãi với tôi nhiều rồi.

Cửa đóng. Căn buồng này không được sạch, nhưng đã có cái chổi thanh hao, tôi cảm thấy khoáng đãng tự do thoải mái. Chân tôi, tuy chưa được nhanh nhẹn, nhưng từ nãy, do sự hoan hỉ ở trong lòng, tôi cứ thích lăng xăng làm việc. Tôi quét sạch hai sàn, dưới nền, hốt hết vào cái bô. Chai thuốc ghẻ vẫn nằm trong túi, tôi lại cởi hết quần áo tích cực diệt ghẻ.

Đêm hôm đó, để chống muỗi, với hai bộ quần áo, mặc một bộ, bộ còn lại, tôi lấy cái quần mặc dài xuống dưới cho hai ống quần phủ che kín hai bàn chân, thắt giải rút ở ngay đầu gối, còn chiếc áo thì trùm lên mặt, cho hai tay lên đầu luôn. Trời nóng, mồ hôi ra ướt đẫm, đắp như vậy khó thở, nhưng còn hơn là để muỗi cắn. Mới được tha cùm, tâm tư còn nhiều sôi nổi, lại thêm mấy ngày thoa thuốc ghẻ, bớt ngứa, đêm hôm ấy, tôi ngủ một giấc thật thoải mái tự do.

Hôm sau, lại là ngày tắm giặt, tôi cào hết mọi mụn ghẻ, về buồng bôi thuốc, ghẻ đỡ đi rất nhiều. Chỉ 3 ngày sau, người tôi lại sức hẳn. Hàng ngày, tôi loanh quanh trong buồng ung dung, nhàn hạ. Tôi tò mò cố đọc những giòng chữ nhỏ, những người tù trước đã ghi vào tường bằng một cọng thép hay một cái đinh.

- Trần Minh Châu, tức Cập. Vụ án tình báo 1958.

Tôi chẳng hiểu "Trần Minh Châu" là ai, chẳng hiểu "vụ tình báo" này từ 1954 cài lại, hay mới ở miền Nam ra như tôi bây giờ. Rồi một vài hàng chữ nữa rất mờ, nói đến "...vụ án chiếc ấn vàng của Bảo Đại...". Phần do trình độ, người viết chữ nguệch ngoạc, phần vì đã lâu ngày rồi, chữ mờ, tôi cố gắng nhưng không thể đọc hết được, dù viết rất nhiều. Tôi chỉ thấy ghi 1957... Một vài vụ vượt tuyến...

Tôi đang ngồi tỉ mẩn, mò mẫm tìm tòi, đọc những hàng chữ ghi trên tường, cửa con xoạch mở. Mụ Hoa chỉ tôi!

- Đi cung!

Từ ngày tôi bị cùm do chấp pháp, để đến nỗi phải bò và suýt chết, trong lòng tôi căm lắm. Vì thế, tôi đã chủ trương sẵn. Khi ra tới phòng cung, tôi thấy lại vẫn là tên Nhuận và Thành. Mặt tôi rất lạnh lùng. Không chào hỏi, tôi cứ ngồi vào chiếc ghế đã dành sẵn cho can phạm. Tên Nhuận nhìn tôi, giọng đạo đức giả:

- Dạo này anh có khỏe không? Sao anh gầy thế?

Tôi cũng nhạt nhẽo:

- Cảm ơn ông, tôi bình thường!

Tên Thành nói với giọng ra vẻ tình cảm:

- Chúng tôi bận việc, lâu lắm không gặp anh. Hôm nay, chúng tôi vào thăm anh. Tôi tin rằng với thời gian lâu như vậy, chắc anh đã biến chuyển tốt. Vậy, hôm nay anh có cần gì nói với chúng tôi không? Chúng tôi sẽ đáp ứng những ý kiến mới của anh!

Thấy chúng không hề nói gì đến việc cùm kẹp tôi cả, tôi cần nói ý cho chúng biết là từ nay đừng nói gì đến "chính nghĩa" nữa:

- Thưa các ông, từ ngày các ông ra lệnh cùm tôi hai chân, nếu không do một sự may mắn tình cờ, làm sao tôi sống để mà nghĩ với ngợi...

Cả hai tên đều mở to mắt, ra vẻ ngạc nhiên. Tên Thành vội vàng:

- Hả? Anh bị cùm hai chân à? Ai nói với anh là chúng tôi cùm anh?

Đúng là Cộng Sản! Tôi tin là chúng biết hết mọi diễn tiến suốt thời gian cùm tôi, cho tới khi bọn chúng phải đưa tôi xuống bệnh xá để cứu sống. Thế mà, bây giờ chúng lại ra vẻ ngạc nhiên như không hề biết gì cả. Thật là trắng trợn! Tôi càng suy nghĩ, tôi càng thấy chúng lòng lang, dạ sói mà lại cố che giấu dưới bộ mặt từ bi, nhân hậu. Tôi thấy nóng người lên, chẳng biết sợ nữa, nhìn thẳng vào mặt chúng, tôi trả lời:

- Tôi ân hận là đã thành thật khai báo hết với các ông!

Tên Nhuận đứng giỗ dậy, đập bàn, chỉ ty vào mặt tôi:

- Anh láo! Anh trả lời trước cán bộ nhà nước như vậy hả?

Tôi vẫn ngẩng đầu, cứng rắn:

- Tôi tin tưởng các ông là chính nghĩa, nên tôi đã ngày đêm moi óc, nhớ lại hết mọi sự việc để khai báo với các ông. Ra ngoài Bắc, tôi cũng đã không hoạt động gì cho bè lũ Mỹ Diệm; thế mà giờ đây các ông lại dùng những hình thức tra tấn khai thác của thực dân, đế quốc đối với tôi. Để rồi tôi, một thanh niên khỏe mạnh, không chịu nổi với bao nhiêu ngày đêm hành hạ, đến nổi phải bò đi. Rồi cho tới khi, thấy rằng tôi sẽ không sống được nữa, các ông mới

tạm tha.

Tôi giơ hai tay và vạch hai chân ra:

- Đây, các ông xem, hai bàn chân tôi vẫn còn sưng phù, đầy ghẻ lở. Tôi đề nghị các ông cho lệnh bắn tôi đi, tôi cảm tạ các ông!

Tên Nhuận cười nhạt, tên Thành vẫn ngồi yên. Một lúc, tên Nhuận nói lớn tiếng:

- Chúng tôi đã nói, chúng tôi không cho lệnh cùm anh! Để chúng tôi sẽ hỏi các đồng chí bên trại giam xem thế nào. Chúng tôi muốn cùm anh, chúng tôi sẽ nói thẳng, chứ cần gì phải giấu anh. Còn anh muốn chết? Sẽ được chết! Loại người như anh, cũng không để sống làm gì. Anh đã ăn nhiều bơ thừa sữa cặn của Mỹ và tay sai. Bơ thừa, sữa cặn đã thấm vào xương vào tủy anh rồi, nên anh mới dốc một lòng, một dạ hại dân, hại nước. Anh đã quyết tâm là một tên bán nước, để anh sống làm gì, hại cơm nhân dân!

Tôi không chịu dược nữa rồi. Tôi nói với sự phẫn uất căng đầy:

- Tôi nói với các ông là, tôi, một thanh niên, giòng máu Việt Nam đang cuồn cuộn chảy trong cơ thể này. Với lương tâm và danh dự: Nếu nước Việt Nam yêu quý này có giặc ngoại xâm, tôi sẽ là một trong những người lính đứng hàng đầu, cầm súng chiến đấu với kẻ thù, để bảo vệ cho giải giang sơn gầm vóc này. Tôi sẽ sẵn sàng chết cho quê hương, không phải vì tiền, cũng không phải vì danh vọng. Tôi không ưa gì người Mỹ, và tôi cũng chống đối đến cùng tất cả những kẻ nào muốn thống trị đất nước tôi, xâm phạm vào chủ quyền độc lập của mảnh đất hình chữ "S" này!...

Tôi thấy cả hai đứa đều tím mặt lại. Trong cái thế này, tôi nghĩ phải xoa dịu chúng, vì vậy tôi nói thêm:

- Tôi là một người yêu nước với cả tâm hồn tôi, có chăng chỉ là tôi đã yêu... lầm!

Dù gì, hai tên cũng thấy tôi đang nói lên những lời từ trái tim đang sục sôi bầu nhiệt huyết. Chúng không thể phủ nhận được điều đó, vì thế tên Thành mỉm cười nói giọng dàn hòa:

- Anh yêu nước như thế là tốt! Vậy, tại sao anh không chịu nói hết với cách mạng, mọi âm mưu thủ đoạn Mỹ Diệm giao cho anh, ra ngoài miền Bắc này?

Tôi lợi dụng câu nói của y để đẩy đưa:

- Chính vì thế, không phải đợi đến bây giờ các ông hỏi. Tôi đã thấy có trách nhiệm ngay từ lúc đầu, tôi đã khai báo ngay âm mưu, ý đồ của địch giao cho tôi. Các ông đã hiểu rõ lòng tôi, vậy từ nay, tôi đề nghị đừng dùng những từ bán nước, hại dân đối với tôi.

Hai đứa cười không trả lời. Một lúc sau, tên Nhuận hỏi với giọng nửa đùa, nửa thăm dò:

- Này tôi hỏi thực anh, anh còn điều gì không đồng ý với xã hội chủ nghĩa nữa, khiến anh không chịu khai hết sự thật? Tôi đã hỏi cung nhiều rồi, nhưng tôi chưa thấy ai khó khăn như anh cả. Người ta ai ai cũng vậy, khi đã thấy được ánh sáng chính nghĩa, đều thành khẩn khai báo mọi chi tiết. Chỉ riêng anh cứ khư khư ôm mãi.

Rồi y tươi nét mặt thổi và dụ dỗ:

- Anh biết không, chúng tôi suy nghĩ về anh rất nhiều, chúng tôi muốn giải quyết thật tốt cho anh. Người như anh về với cách mạng thật có lợi cho nhà nước. Đối với đảng, gỗ cong có việc cong, gỗ thẳng có việc thẳng. Biết đâu, anh hoạt động cho kẻ địch, vì phi nghĩa nên không thành công, còn hoạt động cho cách mạng, với tài của anh, anh lại chả gặt hái được nhiều kết quả có lợi cho nhân dân?!

Tôi cười và nói cho qua chuyện:

- Cảm ơn các ông, các ông nói đùa vậy. Tôi là một kẻ quê mùa lại còn trẻ, có biết gì đâu mà các ông nói là tài. Bây giờ thân tôi đã bị bắt, đã có tội với cách mạng, tôi chỉ biết ăn năn đền tội; ngoài ra, tôi không có một ý nghĩ gì khác.

Trước khi chúng cho tôi về, tên Nhuận còn cố ra vẻ thân mật:

- Bình về suy nghĩ kỹ nhé! Chúng tôi sẽ giải quyết rất tốt cho anh!

Tôi lặc lè theo tên Bằng về xà lim, vừa cười thầm trong bụng cho cái trò hề rẻ tiền của chúng. Về mặt gì khác, tôi có thể còn ngây thơ chưa hiểu chúng, chứ về mặt này, tôi không còn lạ gì tim đen của chúng cả. Chẳng qua chúng đã dùng đủ mọi cách rồi mà không có kết quả. Bây giờ, chúng lại đưa mồi ra nhử. Tôi luôn xác định rõ, không mơ hồ: Chấp pháp với bị can (người còn đang trong thời gian thẩm tra khai thác, chưa thành án), cũng có thể ví như người câu cá với con cá, hai ranh giới, hai quyền lợi đối nghịch nhau. Mơ hồ miếng mồi, đớp vào, không lên bờ vào giỏ đợi chờ làm thịt, thì cũng rách mõm, toạc môi.

Hôm nay, đã mồng 5 tháng 6 rồi. Đang độ giữa Hè, trời nóng như nung. Tôi được thả cùm đã hơn nửa tháng. Hai bàn chân tôi sau một tuần ăn cơm cám, đã rút lại. Những nốt ghẻ do tôi tích cực bôi thuốc đã thành sẹo. Còn một vài mụn nữa đã đóng vảy đen, hết ngứa, chắc cũng gần khỏi. Như thế, tôi đã ra miền Bắc được một năm lẻ tám ngày, và bị bắt vào Hỏa Lò 20 ngày nữa thì tròn năm. Bây giờ chỉ còn khổ vì nóng và muỗi. Hai cái thật mâu thuẫn nhau. Nóng cởi trần, vén quần cao lên như quần đùi để ngủ thì đỡ nóng. Nhưng muỗi nhiều quá. Ăn đã triền miên không đủ no, đêm mà để nhiều muỗi hút máu, sớm muộn cũng bị bệnh. Vậy, lại phải mặc áo, che kín người, chân tay, mặt mũi. Thế mà, vì ngủ mệt, trở mình, chỗ nào hở ra, sáng dậy lại thấy đầy nốt muỗi. Quần áo đêm nào cũng ướt đẫm mồ hôi, thật hôi hám! Thôi đành, thân tù mà! Người ta vẫn nói: "Thằng tù, thằng hủi, thằng bổ củi, thằng đốt than" mà lại!

Cái Giá Phải Trả
của
"Người Hùng Điện Biên Phủ"...

Đang sáng, trời bỗng tối sầm lại. Mới 2 giờ chiều mà như 6 giờ tối. Tôi dịch về phía cuối sàn, ngồi lên chiếc cùm, rõi mắt ra ngoài chiếc cửa sổ.

Một mảnh trời đẹp, dài theo mép cửa sổ, xám xịt nặng chĩu nước. Một làn chớp xanh lè nhánh lên, kèm theo một tiếng nổ làm rung rinh cõi lòng. Rồi như tiếng đại bác liên hồi nổ, ầm ầm, ì ì chạy suốt từ phía này sang phía kia, rền vang trên bầu trời. Trong ngục tù tăm tối vắng lặng, một mình ngồi nghe sấm chớp rền rĩ, tôi cảm thấy thật cô đơn, heo hút, cách biệt với thế giới loài người. Nằm giữa lòng Hà Nội một năm rồi, mà không hề biết biến chuyển gì của Hà Nội.

Gió bắt đầu thổi mạnh, mưa bắt đầu rơi.....Đầu tiên là những hạt lộp độp trên mái ngói, sau đó là ào ào như trời đổ nước xuống. Không khí dịu hẳn lại. Ngồi nghe mưa gió ngoài trời, tôi nghĩ đến cuộc đời hẩm hiu, bất hạnh của mình cũng quay cuồng trong gió mưa của đời. Mưa gió của đất trời thì chóng qua đi, còn mưa gió của đời, thì ôi thôi, dài lê thê, biết bao giờ mới dứt?!.....

Tôi cứ ngồi bồng bềnh với giòng suy tưởng ngược xuôi. Tôi nhớ đến cũng một buổi chiều mưa rơi trên thành đô ngày nào.....Hôm ấy, để tránh một trận mưa, tôi nhào vào trú dưới mái hiên của một ngôi nhà

bên đường Tú Xương. Cho đến lúc trời đã nặng hạt, từ một góc đường, một cô gái cũng đang đạp vội chiếc xe đạp, đến gần chỗ tôi đang trú. Cô hấp tấp dắt xe lên hè, chợt nhìn thấy tôi, cô lúng túng, nửa muốn vào, nửa muốn đi ra, trong khi trời đang đổ mưa ầm ầm. Vì lúng túng, cô đánh rớt chiếc cặp xuống vũng nước đang chảy ào ào ở mé đường…..Cuối cùng, cô đành vào mái hiên tôi đang trú, mặt ửng hồng, e ấp chả dám nhìn tôi.

Cô chừng 18, 19 tuổi, có mái tóc dài óng ả buông xõa sau lưng, bám lất phất những hạt mưa lóng lánh. Đôi mắt huyền long lanh rụt rè, càng làm tăng nét dịu hiền của bộ mặt. Trời càng mưa to, phố càng vắng. Mái hiên vừa hẹp lại vừa nhỏ, nếu cùng đứng ở giữa thì không ướt. Nhưng, vì không dám đứng sát gần nhau, nên cô đứng một phía và tôi đứng một phía. Cả hai đều bị mưa hắt, ướt từ đầu gối trở xuống. Cách nhau có hơn một thước, mà không ai dám quay lại. Mưa cứ rơi và hai người cứ đứng. Với cô ấy, tôi không hiểu thế nào, chứ lòng tôi thì thấy vấn vương, ngập ngừng, nhưng tôi chẳng biết và chẳng dám nói cái gì. Ngay quay lại nhìn, tôi còn không dám, huống chi mở miệng nói năng. Tôi cứ đứng bần thần ngơ ngẩn, tiếc là mình tại sao không đủ can đảm, ra nhặt ngay chiếc cặp cho cô ấy khi nãy!? Đường trơn, phố nhỏ, mưa cứ rơi dầm dề. Gần một tiếng đồng hồ sau, mưa mới tạnh. Lúc tôi dẫn chiếc xe solex xuống đường, cô cũng dắt xe đạp đi ra, hai người đi về hai phía. Trước khi bước chân lên xe, tôi mới dám ngoái lại nhìn, như luyến lưu, như mất mát. Khi đó, cũng là lúc cô nghiêng nón nhìn lại, để rồi hai người đi về hai ngả cuộc đời. Chẳng bao giờ gặp nhau nữa, và cũng chẳng biết nhau là ai…..Bây giờ, cũng một trận mưa rơi, nhưng tôi đang ngồi trong ngục tối một mình. Tôi buông một tiếng thở dài không chủ định, như vĩnh biệt những đoạn đời đã qua…..

Tôi cứ ngồi đăm chiêu để hồn lửng lơ về đây đó, mưa đã ngừng lúc nào tôi cũng không hay. Mãi tới khi nghe tiếng cửa buồng xịch mở, tôi mới giật mình nhìn ra: Một người cao lớn, có bộ râu quai nón, đang ôm túm một cái chăn bộ đội mầu cứt ngựa lách cửa đi vào, theo sau là lão Tư. Tên Tư nhìn hết buồng một lượt, rồi ra đóng cửa lại.

Tôi và người mới vào gật đầu chào nhau. Để ghệ bọc chăn lên sàn xi măng, tay vẫn còn cầm túm bốn góc cái chăn, anh nhìn suốt lượt trong buồng. Cuối cùng, anh mở to mắt chăm chú nhìn hai cái cùm sắt to lù lù phía cuối sàn. Câu đầu tiên, anh nói với tôi:

- Hai cái cùm, trông ghê quá nhỉ! Có lẽ Hỏa Lò đây do thực dân Pháp xây lên, vì thế, chế độ ta giữ lại để làm lưu niệm, cho mọi người thấy sự tàn ác của đế quốc!

Tôi chưa hiểu anh là dạng thế nào, nên tôi chỉ cười, không trả lời. Anh lúi húi mở gói chăn ra, nào màn, nào quần áo, đặc biệt có cả cái điếu con, diêm và thuốc lào. Mọi thứ đều lộn xộn, có lẽ vừa bị khám xong, trước khi chúng cho anh vào buồng. Anh vừa sắp xếp các thứ lại, vừa hỏi tôi:

- Anh bị bắt lâu chưa?

Tôi nói thẳng:

- Một năm rồi!

Anh dướn mắt to lên, ngạc nhiên:

- Anh nói đùa đấy chứ? Làm gì mà một năm?

Tôi lại cười, hỏi lại anh:

- Còn anh?

- Mới ngày hôm nay. Bắt ở Vinh hồi sáng, đưa về đây ngay.

Trông anh có vẻ dữ tướng, thế mà trao đổi qua vài câu nói, kết hợp với thái độ lại tỏ ra hiền, cởi mở. Vì thế, tôi vồn vã:

- Anh bị bắt vì tội gì?

- Vượt tuyến!

Rồi anh ngửng lên, hất hàm:

- Còn anh?

Tôi nói như đùa:

- Cũng vượt tuyến!

Anh mở to mắt, ngửng lên nhìn tôi nữa. Để anh khỏi ngỡ ngàng, tôi tiếp:

- Nhưng từ Nam ra Bắc!

Anh càng ngạc nhiên hơn nữa, anh ngừng xếp dọn, quay hẳn người ra hỏi:

- Anh thích chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc?

- Không những tôi không thích, mà còn chống. Chứng cớ, tôi đang nằm trong nhà tù của họ.

Mặt anh cau hẳn lại, dáng băn khoăn:

- Như thế nghĩa là…?

- Nghĩa là, tôi là người của chính quyền Sài Gòn, đột nhập Hà Nội để hoạt động tình báo.

Anh có vẻ hân hoan ra mặt. Buổi tối hôm ấy, chúng tôi trao đổi tâm sự để biết sơ lược về nhau. Anh tên là Hoàng Hùng, 40 tuổi, quê ở Hải Phòng. Anh theo cách mạng từ ngày 19 tháng 8 năm 1945, Khi đó, anh 21 tuổi. Anh là bộ đội, năm 1958 chuyển ngành về Bộ Tài Chính. Năm 1959, anh lập gia đình và hiện có hai con, còn nhỏ.

Muốn được thêm sáng tỏ về anh, tôi hỏi tiếp:

- Như vậy, nguyên nhân và động cơ nào khiến anh vượt tuyến vào Nam?

Mặt hiện lên nét đăm chiêu, anh chậm rãi:

- Vấn đề nguyên nhân và động cơ phức tạp lắm. Thong thả tôi sẽ kể cho anh nghe, vì nó không phải bắt nguồn từ một điểm!

- Thế vì sao anh bị bắt?

Vẻ mặt anh buồn buồn:

- Chỉ vì một anh bạn muốn từ giã người yêu ở Vinh, nên câu chuyện bị lộ.

Tối hôm đó, tôi chỉ biết sơ về anh như vậy, và anh cũng tỏ vẻ háo hức muốn biết một vài nét về tôi cũng như về cả hội miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Anh lấy chiếc điếu con con, gói thuốc lào và bao diêm, quay sang tôi hỏi:

- Bình có hút thuốc lào không?

Thấy anh là một người vui vẻ cởi mở, tôi cũng thấy vui vui. Hơn nữa, anh là một cán bộ đã theo Cộng Sản tứ 1945, hẳn qua anh tôi sẽ hiểu thêm về Cộng Sản trong quá trình. Nghĩ như thế, nên tôi cũng tươi nét mặt:

- Tôi chưa hút thuốc lào bao giờ…..

Chợt tôi nhớ đã có lần hút ở nhà lão chủ tịch Phong ở Kỳ Phương. Nhưng tôi không đề cập tới chuyện đó, nói tiếp:

- Nhưng, để đỡ sầu, tôi sẽ hút thử…..

Nói xong, tôi chồm sang bên sàn của anh. Nhìn anh vê điếu thuốc lào cho vào nỏ điếu, dáng ngồi nghiêng nghiêng, làm râu quai nón xồm xoàm vì mấy ngày không cạo. Nét mặt rắn rỏi, nói lên anh là một con người đã có nhiều xông xáo trong gian khổ, hiểm nguy. Anh bật diêm, đưa chiếc điếu lên miệng. Nhìn ngọn lửa que diêm bập bùng nhỏ to theo điệu nhắp của từng nhịp hút “rẹt, rẹt, rẹt…..” Rồi cuối

cùng, một tiếng rít dài và nhọn lanh lảnh như tiếng con dế cái hứng lòng gọi bồ trong đêm khuya, làm cho điếu thuốc chui tọt vào nõ điếu. Gân cổ căng lên, anh bỏ điếu xuống sàn, nhắm mắt, ngửa mặt lên trần, miệng tròn như chữ "O". Từ đấy, như một ống khói tầu thuỷ chạy than, khói theo nhau tuôn ra, dẫy dọn, ngập ngừng lửng lơ bay lên trần nhà, rồi tan loãng vào không gian… Ngực anh phập phồng, hổn hển, mắt anh lơ mơ, đờ đẫn.

Ngắm anh, tôi chưa hút mà cũng thấy lơ ngơ, dập dờn. Tôi vê một điếu và bắt chước anh. Nhưng, khi kéo một hơi dài, tôi bị sặc, ho chảy cả nước mắt ra. Người cũng rần rật đê mê, ngây ngất bập bềnh như bơi trên biển sóng.

Mải chuyện trò rao đổi, tối hôm ấy, mãi khi chiếc loa "nghẹt thở", chúng tôi mới đi ngủ. Anh nhìn sang, thấy tôi không có mùng mền, quần áo gì cả, anh ái ngại bảo tôi:

- Hai anh em nằm quay đầu ngược xuôi, chui vào mùng tôi ngủ đi, kẻo muỗi cắn chết!

Hơn một năm rồi, tôi đã chịu được, nhưng vì lòng mến anh, tôi cũng chui vào mùng ngủ chung. Chiếc sàn chỉ rộng 65 phân nên quá chật chội, trời lại nóng. Để khỏi ảnh hưởng đến giấc ngủ của anh, tôi nằm một lúc rồi chui ra ngoài, về sàn mình. Tôi lại mần mò làm thủ tục che muỗi như mọi khi.

Anh thấy tôi chỉ có cái gối làm bằng mấy bó cuống chổi, liền ném cho tôi cái vỏ ba lô, giọng thương cảm:

- Bình hãy lấy tạm cái này gối đỡ!

Lòng tôi len lén dâng lên một niềm xúc cảm. Tình nghĩa đùm bọc của người cùng một nước như ấp ủ hồn tôi. Trước khi chìm vào giấc ngủ muộn, tôi miên man nghĩ ngợi. Anh và tôi, trước đây đứng trong hai chiến tuyến đối lập. Vậy mà giờ đây, do những bối cảnh của cuộc đời, do những thực tiễn của đất nước đẩy đưa, lại gặp nhau trong một hoàn cảnh này, để rồi thể hiện lên như một chân lý về cái thiện mỹ của con người cùng chung một quê hương, một dân tộc. Điều đó, cho phép tôi hiểu và tin tưởng rằng, dù Cộng Sản dùng bất cứ hình thức nào, cũng không thể đổi thay được bản chất chân chính của con người… Từ suy tư ấy, trong đầu tôi lạo lóe lên một nét nữa: Một con người như Hoàng Hùng, với tội vượt tuyến, tại sao Cộng Sản lại đưa vào nằm với tôi, một tình báo của miền Nam?

Tôi hiểu, chúng làm việc gì cũng đều có nghiên cứu, nhất là những việc như thế này, lại càng cần nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

Tôi băn khoăn lý luận, phân tích, để ít ra dự đoán gần đúng như ý định của chúng. Nếu đúng như tôi dự đoán, việc chúng đưa Hoàng Hùng vào nằm với tôi có phần tốt cho tôi. Chúng đánh giá phần nào, tôi là một người tiến bộ theo hướng nhìn của chúng?

Tôi nhớ lại, trong một lần đi cung đã lâu, chúng có hỏi vì sao tôi lại thích xã hội chủ nghĩa. Lúc đó, tôi đã ngẫm nghĩ xem nói gì để chúng có thể tin được. Chúng đâu có phải tay mơ, dễ qua mặt chúng, muốn nói gì thì nói được đâu! Phải có biện chứng "lô gích", hợp tình, hợp lý mới hòng làm cho chúng tin. Cuối

cùng tôi đã nói với nội dung như sau:

- Tôi thích xã hội chủ nghĩa, không phải mới đây, mà đã từ xa xưa lắm rồi. Ngay từ lúc tôi còn là một cậu bé 10, 12 tuổi. Tôi đã đậu bằng Tiểu học với hạng Ưu ở Huyện nhà, dưới chính thể Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Những buổi đi cắm trại, những ngày hoạt động thiếu nhi, tôi thường được đi chơi với rất nhiều anh bộ đội. Các anh ấy cũng mến tôi, thường dẫn tôi đi chơi đây đó, có khi mang cả về đơn vị của các anh ấy. Nhiều anh bộ đội "Cụ Hồ" luôn ngự trị trong một góc trái tim nhỏ bé của tôi. Lớn lên, do cuộc mưu sinh, do những biến chuyển cuả đất nước, tôi ra Hà Nội, rồi vào Sài Gòn. Một phần, hình ảnh anh bộ đội vẫn chưa mờ nhạt trong tôi; phần khác, tư duy và kiến thức dần trưởng thành theo tuổi đời. Từ trước, tôi vẫn ngưỡng mộ, cảm phục các nhà văn, nhà thơ, nhà báo. Tôi hiểu họ là những người có nhiều kiến thức, uyên bác cổ kim. Họ tìm tòi, phát kiến ra nhiều tư tưởng sâu sắc, có lợi cho nhân quyền xã hội, có lợi cho thời đại mới của loài người. Họ là những người đi tiên phong, chỉ đường và hướng dẫn tư tưởng quần chúng. Sau những biến thiên của đất nước, hầu hết các nhà văn, nhà thơ nhà báo đều ở lại với chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, kể cả sau 1954. Còn ở miền Nam, chỉ có một số cá biệt. Như thế, phải chăng chế độ miền Bắc là đúng, là chính nghĩa? Từ những suy nghĩ đó, dù sau này, vì hoàn cảnh tôi phải làm việc cho chế độ miền Nam, tôi vẫn có một phương châm như kim chỉ nam: "Nếu tôi không làm gì có lợi cho chế độ xã hội chủ nghĩa, cũng dứt khoát không bao giờ làm hại".

Đấy là lý do tôi nêu lên, khi chúng hỏi cung tôi. Rồi trong thực tế, với tên Hoàn, người chúng dùng làm "khổ nhục kế" với tôi. Tên Phạm Huy Tân, loại chó chết cơ hội chủ nghĩa, tôi cũng thường kể, hoặc nói những khía cạnh tiêu cực của chế độ Việt Nam Cộng Hòa do Tổng Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo.

Vậy bây giờ, đưa Hoàng Hùng, một anh bộ đội lão thành, thích chế độ miền Nam, cho vào cùng buồng với tôi,một người của chính quyền miền Nam. Cộng sản, tính lợi dụng tôi làm ruỗng nát lòng mơ tưởng, của Hùng bằng những tư tưởng, mà chúng cho là tôi đã có?

Tôi nghĩ, chỉ có như thế, mới giải đáp thỏa đáng trường hợp Hùng và tôi giam chung với nhau.

Sáng hôm sau, anh Hùng dậy, sau khi hút thuốc lào, còn sờ và ngắm nghía cái cùm. Anh quay sang tôi:

- Tụi thực dân dã man thực. Cùm người ta thế này, thì chỉ có chết thôi!

Nghe anh nói, tôi cũng hơi băn khoăn. Một người Cộng Sản, hầu như cả cuộc đời chiến đấu, nằm gai nếm mật, vào sinh ra tử trong hàng ngũ Cộng Sản, mà lại phát biểu như vậy ư? Không gì bằng thực tế sẽ trả lời anh! Anh còn ở xà lim này, chỉ ít ngày nữa anh sẽ nghe thấy tiếng cùm, tiếng khóa thôi. Nghĩ như vậy, tôi cũng chỉ nhìn anh, cười không nói gì.

Cửa con xoạch mở, mụ Hoa chỉ tay vào Hùng, bảo đi cung. Buổi trưa Hùng về, chiều lại tiếp tục đi cung, mãi 5 giờ mới về. Sau khi cửa đóng, Hùng quay lại tôi, giọng ngạc nhiên:

- Này, Bình này, sao nhiều tù thế nhỉ? Tôi đi qua sân trại chung, đầy tù?!

Ơ! Tôi mở to mắt ngạc nhiên nhìn anh:

- Tôi tưởng câu đó phải để tôi hỏi anh mới đúng chứ! Tôi là người của chế độ khác mới đến, anh phải giải thích cho tôi điểm đó mới phải. Vậy, trước đây anh nghĩ thế nào?

Nét mặt Hùng rất thành thật:

- Suốt cuộc đời, tôi ở bộ đội, đến khi chuyển ngành công tác ở Hà Nội. Thỉnh thoảng trên đường phố, tôi gặp dăm ba người mặc quần áo sọc, quét dọn ở đường, hoặc làm lao động nặng nhọc ở một khu vực nào đó, do một anh công an coi. Theo hiểu biết và quan điểm của tôi, dưới chế độ cách mạng, phải không có nhà tù nữa. Bởi vì, khi cách mạng dựng ngọn cờ khởi nghĩa, đánh đuổi thực dân, tuyên bố phá nhà tù để xây trường học cơ mà. Nhưng bao giờ cũng vậy, trong một xã hội, tất yếu phải có người chưa tự giác cao, có lúc gây ra tội lỗi, sai phạm. Đó chỉ là nhất thời, vậy chỉ cần một số ngày giáo dục, một vài biện pháp bắt buộc lao động, cũng chỉ nhằm mục đích giáo dục con người. Nhưng, ngay những số này, cũng rất là hạn hữu.

Ngồi nghe anh lý luận, tôi càng khiếp sợ cho sự khéo léo, tinh vi của Cộng Sản. Một người như Hoàng Hùng mà cũng chỉ như một con ngựa kéo xe, hai bên mắt bị che kín. Chỉ được nhìn thẳng về phía trước, bảo đi là đi, bảo đứng là đứng. Tôi phải có trách nhiệm, lựa lời dần dần cho anh biết thực tế. Nhưng bây giờ tôi chỉ nói với anh một cách đơn giản:

- Thực tế sẽ hoàn toàn không giống như anh đã nghĩ đâu! Tôi tin rằng những ngày tới, anh sẽ hiểu biết nhiều hơn bằng những sự việc thực tế, và bằng mắt thấy tai nghe.

Anh về muộn, tôi đã lấy sẵn cơm nước vào cho anh. Ăn xong, tên Tư mở cửa. Từ sáng, anh chưa được rửa mặt, vì thế khi tên Tư sắp đóng cửa, Hùng tiến ra:

- Báo cáo đồng chí, cho tôi ra rửa sơ cái mặt?

Tên Tư quắc mắt nhìn Hùng:

- Từ nay, tôi cấm anh không được gọi tôi là đồng chí! Anh là một người tù, không ai là đồng chí với anh cả, nghe chưa!

Hùng mở to mắt ngạc nhiên, hai quai hàm bạnh ra, cuối cùng nuốt hận, Hùng chỉ nói:

- Xin lỗi, tôi quên!

Lúc vào ngồi, Hùng có nét đăm chiêu.

Qua một thời gian, tôi được biết rõ về Hùng như sau: Anh là con một gia đình giầu có ở Hải Phòng. Đang học Trung học thì tiếng súng ngày 19/9/1945 bùng nổ. Với bầu nhiệt huyết của người con trai Việt, chỉ

biết yêu nước, yêu dân đơn thuần. Anh đã theo tiếng gọi của núi sông, thoát ly gia đình, cầm súng giết giặc để bảo vệ quê hương. Anh nhiệt tình hăng say học tập, chiến đấu nên ngay cuối tháng 12/1945 anh đã là Tiểu đội trưởng trong Trung Đoàn Thủ Đô. Đơn vị anh đã giành giật với thực dân Pháp từng khu phố của Thủ Đô năm 1946. Cuối cùng, sau khi rút lui về chiến khu, anh đã nổ lực chiến đấu vào sinh ra tử bao nhiêu chiến trường. Hết ở đồng bằng, lại Đông Khê, Cao Bắc Lang. Biên chế đổi thay hết: Từ Sư "312", Sư Đoàn Đồng Bằng, tới Sư "320", v.v… Cuối cùng là chiến dịch Điện Biên. Chính Đại Đội anh đã cắm lá cờ đỏ sao vàng lên nó hầm tướng De Castrie. (Ngay từ cuối 53 đầu 54, chính phủ, bộ quốc phòng Pháp đã gắn lon Thiếu Tướng cho De Castrie, bằng cách từ trên máy bay thả lon, xuống ngay chiến lũy Điện Biên).

Bao nhiêu bạn bè đồng lứa với anh lúc đầu, lần lượt nằm xuống hết cho quê hương. Còn sót người nào, ngày nay không là "D" Trưởng, cũng là "E" Phó. Bản thân anh, cao nhất cũng chỉ là "D" Phó, tức Tiểu đoàn phó. Mãi tới khi chuyển ngành năm 1958, anh cũng vẫn là "D" Phó. Chỉ vì, suốt quá trình, anh vẫn có cái đuôi là con tư sản. Do thái độ trong học tập, cũng như trong sinh hoạt tổ chức, anh càng bất mãn, nên đôi lúc cũng có thái độ bất cần.

Anh tâm sự:

- Bình thử tưởng tượng xem, những ngày họp đảng, họp tổ v.v… Ngay các chiến sĩ dưới quyền mình đi đâu cũng không thèm cho mình biết. Rồi cứ nhỏ to thầm thì chuyện này, chuyện kia. Mình có hỏi đến, chúng nó trả lời việc này đồng chí không nên biết. Mình là thằng chiến đấu chịu đựng biết bao gian khổ. Bao nhiêu lần tưởng tan xương nát thịt, may nhờ hồng phúc nhà mình, còn sống sót, thế mà bị đối xử phân biệt, Bình nghĩ có hận không?

Không phải một mình tôi, một số người nữa cũng bị như tôi. Cho nên, khi Sư đoàn tôi về tiếp quản Thủ Đô 10/10/1954, từ địa điểm xuất phát vùng Tây Bắc, trên đường về chúng tôi bắn phi đạn như mưa, gặp cây cối, núi rừng hai bên đường, đều bắn chơi. Tôi ngày càng chán chường, nên có những hành động tiêu cực, chểnh mảng trong học tập. Cũng như trong công tác. Mãi đầu 1958, tôi xin chuyển ngành mới được về công tác ở Bộ Tài Chính, làm phó phòng điều hành. Năm 1959, tôi lấy em gái một người bạn hiện nay là Tiểu đoàn trưởng. Ngay ở Bộ Tài Chính, hiện tượng đối xử phân biệt với tôi cũng vẫn thế. Bởi vậy, tôi đi làm là phải đi làm, nhưng làm sao hăng hái tích cực được nữa.

Trong số những bạn bè quen biết thời gian công tác ở Hà Nội, có một anh là sinh viên Văn Khoa năm thứ hai, thời trước 1954. Sau bị đuổi khỏi trường, ngày ngày lang thang cùng mấy người bạn làm sơn mài, mà vẫn đói rách không đủ ăn. Trong quá trình quan hệ, dọ dẫm, thử thách, khi hiểu về nhau, chúng tôi đã có lần nhen nhúm tư tưởng đi Nam. Chúng tôi tìm hiểu, nghe ngóng một thời gian, thấy rằng: Sài Gòn, cũng như Hà Nội trước 54, là một xã hội đầy dẫy thối nát, với toàn loại chính khách xôi thịt đớp hít, chỉ lo cho gia đình cũng như bản thân làm sao được "vinh thân phì gia". Còn nói đến quê hương dân tộc, chỉ nói đến ở cái mồm. Nhưng, từ ngày cụ Ngô Đình Diệm về nước, Sài Gòn đã đổi khác. Cả cuộc đời cụ đã lo cho nước, cho dân. Cụ đem ấm no hạnh phúc lại cho người dân thực sự, vì vậy dân tin, dân yêu. Mọi người dân miền Bắc, khi Cộng Sản đến tuyên truyền đã không còn nghe theo lời chúng nữa. Vấn đề đã làm cho Bộ Chính Trị Trung Ương đảng điên đầu. Dân chúng thường thầm thì bàn tán, ít nhiều mang

trong lòng niềm hy vọng hướng về Nam. Do đó, chúng tôi hoạch định một đường hướng, rồi quyết tâm ra đi, bỏ cả vợ con lại, khi nào về giải phóng hãy hay.

Từ đó, tôi lại tỏ ra tích cực trong công tác. Đồng chí Bộ Trưởng là bộ đội cũng chuyển ngành, có sự đồng cảm nên rất thương và tin tưởng tôi. Tôi thường được giữ một số giấy phép cấp cho cán bộ hàng tháng đi công tác, có đóng dấu và chữ ký sẵn của Bộ Trưởng. Tôi lấy 3 cái, điền tên của anh bạn và tôi vào công tác ở Vĩnh Linh, để giải quyết một số vấn đề về tài chính. Chúng tôi hẹn ngày, giờ ra đi. Khi tới Vinh, anh bạn còn vào gặp một người yêu ở đấy. Trong lúc từ giã yêu thương, thế nào đó, anh đã thổ lộ mọi chuyện với người yêu. Cô này lại là công an mật, nên khi chúng tôi lên xe vào Vĩnh Linh, công an đến xét hỏi giấy tờ và bắt về đây…..

Những ngày không đi cung, những buổi tối nằm không, tôi thường gợi chuyện anh. Anh cũng mến tôi, nên anh đã kể lại cho tôi nghe bao nhiêu trên đánh ly kỳ. Bao nhiêu câu chuyện ngộ nghĩnh của một số Tướng, Tá trong bối cảnh phức tạp của vùng núi rừng chiến khu Việt Bắc.

Anh Hùng, thường ngày vẫn đi cung liên tục, đôi khi cũng có ngày không gọi. Anh rất thích nghe chuyện miền Nam. Anh tỉ mẩn hỏi giá từng ký gạo, cân thịt bò, cho đến rau cỏ và những sinh hoạt thông thường của xã hội miền Nam. Tôi chỉ cần trung thực kể lại cho anh nghe những điều gì tôi biết. Nhiều cái anh không thể tưởng tượng được. Nhưng sự thật bao giờ cũng có hồn, có giá trị nội tại của sự việc. Vì thế, ngồi nghe tôi nói, anh càng tỏ chán chường ghê sợ đời sống lầm than, cơ cực như con vật của đồng bào miền bắc. Tôi thường kể cho anh nghe một vài nét diễn tiến chính, của xã hội từ ngày cụ Ngô Đình Diệm về nước. Tuy vậy, tôi chưa dám nói những điều gì sâu sắc của cá nhân mình, cũng như của chế độ miền Nam. Tôi định rằng, chưa vội, hãy dần dần tùy theo điều kiện. Mục đích, giúp anh nhận chân rõ được bản chất, của từng sự việc và phần nào thực trạng, của đất nước.

Những lúc anh đi cung, anh thường để diêm và thuốc lào mời tôi hút tự do. Bấy giờ, mỗi ngày tôi hút 3 điếu, và cũng chính do anh Hùng mà tôi đã biết, hút thuốc lào từ đó. Mấy bữa nay đi cung về, hình như có nhiều điều suy nghĩ căng thẳng, anh ít nói hẳn đi. Tối, anh thường mắc mùng đi ngủ sớm, kêu nhức đầu. Tôi hiểu anh đang gặp khó khăn, sự việc của anh có điều căng thẳng. Do ý thức tế nhị chưa muốn đi sâu vào sự việc của anh. Tôi tính mai kia dần dần sẽ lựa lời thăm hỏi, để nhân đó phần nào góp ý giúp anh chăng.

Anh vào đây đã được ngót một tháng rồi, vợ con anh vẫn chưa được gặp. Chiều nay, cũng như mọi khi, tôi đang ngồi buồn bâng khuâng suy nghĩ, chờ anh đi cung về, để biết diễn tiến cung kẹo của anh. Bát cơm của anh tôi đã lấy vào, vẫn lạnh lẽo chơ vơ trên cái cùm ở cuối sàn anh. Cửa mở, anh Hùng đi cung về, tôi thấy anh lách cửa vào, mặt đỏ dừ, hai môi mím chặt. Tôi chưa kịp hiểu và có thái độ gì, đã thấy tên Tư mặt hầm hầm rút chốt cùm. Y bảo Hùng chuyển bát cơm từ chỗ cái cùm lên phía đầu nằm, rồi y nhấc nửa trên cái cùm lên, trong khi Hùng mặt tím bầm, ngồi ghệ ở sàn. Tên Tư quát:

- Bỏ chân vào!

Hùng lừ lừ nhấc một chân cho vào. Tên Tư quát tiếp:

- Bỏ cả chân kia nữa!

Mặt Hùng lại biến sang đỏ. Tôi hiểu anh bị một áp lực nào đó, kìm hãm ghê lắm. Không nói năng gì, anh bỏ nốt chân kia.

Tôi chưa hiểu nguyên nhân nào khiến tên Tư có vẻ căm hận Hùng. Y nhấc cao chân, rồi đạp mạnh vào nửa cái cùm trên, cho dập mạnh xuống. Sắt trên sắt dưới dập mạnh vào nhau, đồng thời người của Hùng cũng giật lên một cái. Tôi nhìn chỗ cùm, thấy một giòng máu đang rỉ chảy từ trên cùm xuống sàn. Tôi hiểu rằng, khi Hùng cho chân vào, chân đã to, anh lại vô ý để bắp chân nằm bè ra mép lỗ. Vì vậy, khi hai nửa cùm dập lại, thì bắp chân anh bị dập đứt. Tên Tư, coi như không thấy, ra chốt cùm rồi đóng khóa cửa lại.

Hùng không nói một lời, mắt nhắm nghiền, nằm ngửa, mặt lại tím bầm.

Tôi suy nghĩ, tội vượt tuyến đâu đến nỗi cùm như vậy! Có thể, do sự phẫn uất của một người đã hiến dâng cả một đời cho chế độ, bây giờ lại bị đối xử không ra gì, nên anh Hùng đã thể hiện thái độ căm phẫn nào đó đối với chúng chăng? Tôi cũng không ngờ sự việc, đã trả lời cho câu hỏi của anh, khi mới vào xà lim này, về "cái cùm của thực dân Pháp", lại quá đầy đủ như vậy. Giòng máu từ chân anh đã đọng lại, nhưng anh vẫn nằm yên. Tôi thấy không đành lòng, bước xuống để một tay lên vai anh:

- Anh Hùng! Hãy cố gắng gượng ngồi dậy, ăn tí cơm đã!

Anh chỉ lắc đầu, không nói một lời, thái độ tỏ vẻ đừng quấy rầy anh. Tôi hiểu, anh lớn tuổi hơn tôi nhiều, anh đang có những suy nghĩ quyết liệt của đời anh. Tôi phải tôn trọng những phút riêng tư thiêng liêng ấy, thong thả sẽ nói chuyện với anh sau. Tôi về chỗ mình, cũng buồn, nghĩ thương cho một đời của anh. Bao nhiêu công lao sinh tử, để rồi bây giờ là đây?

Cửa con xoạch mở! Mặt tên Tư. Y đóng cửa con lại, mở cửa lớn. Đứng ở giữa cửa, y quát to:

- Anh có ăn cơm không?

Hùng vẫn cứ nghiến răng, nhắm mắt nằm yên. Tên Tư, quay sang tôi gằn giọng:

- Mang bát cơm ra ngoài!

Tôi thấy rất ngại ngần, nhưng mình là tên tù, tôi đành chậm chạp cầm bát cơm đưa ra. Y đóng cửa đến "xầm" một cái.

Tiếng chiếc loa lại léo nhéo vang lên, hết giờ làm việc. Tôi về sàn ngồi, lòng cũng không yên. Ngồi mãi, rồi tôi cũng nằm xuống nhắm mắt, nghĩ ngợi miên man. Đến chừng 6 giờ chiều, giọng ồm ồm của anh Hùng bỗng vang lên:

- Bình! Hãy mắc giúp tôi cái màn!

Tôi ngồi dậy, quay sang anh. Anh nói mà mắt vẫn nhắm nghiền. Tôi lục cái màn của anh trên đầu sàn, tìm mấy cái lỗ ở trên tường loay hoay mắc màn cho anh. Tôi hơi lúng túng, hơn một năm ở xà lim, vì không có màn nên cũng chẳng để ý. Tường không có đinh, chỉ có những lỗ nhỏ. Những người trước đã khoét lỗ vào tường, lấy sợi dây nhỏ, thắt nút thành một cục rồi nhét vào lỗ và lấy cơm phết chặt, khô đi rất cứng, chắc. Còn đầu sợi dây, bẻ một đoạn chổi thanh hao chừng 2, 3 phân buộc lại, thành cái khuy để mắc màn. Mãi tôi mới mắc xong màn cho anh. Tôi cũng hất đuôi màn, che hết cả chân anh.

Mọi khi cũng giờ này, trước khi đi ngủ, tôi bắn một điếu thuốc lào cho say sưa rồi đi nằm. Nhưng bữa nay, anh đang trong tình trạng như thế, tôi cũng chẳng còn lòng dạ nào để say sưa. Ngồi mãi một mình cũng buồn, mới 8 giờ tối. Tôi cũng chuẩn bị những thủ tục che muỗi của tôi để đi ngủ.

Tôi nằm, nhưng không sao ngủ được. Tôi nghĩ đến chân anh Hùng to, tuy người anh khỏe, nhưng làm sao nằm ngửa mãi được. Tôi hiểu rằng, anh cũng không bị cùm lâu đâu, nhiều lắm cũng chỉ một tuần. Chân anh quá to, anh sẽ khó xoay sở để ỉa đái dễ dàng như tôi được. Hơn nữa, tôi biết anh cũng không thể chịu đựng được lâu. Tôi cứ nằm trằn trọc vơi đầy bao nổi niềm về cuộc đời, về đất nước. Thân anh Hùng đã vậy, thân mình cũng tái tê trăm ngả thương đau. Tiếng loa tắt ngấm đã lâu, có lẽ cũng hơn 11 giờ rồi.

Tôi bỗng nghe tiếng khìn khịt, như tiếng một con gà bị cắt tiết. Tôi vội nằm xoay người lại, liếc sang màn anh Hùng. Dưới ánh đèn 40 watts ở giữa trần, tôi cố căng mắt nhìn qua lần vải thưa của chiếc màn, đã ngả mầu vàng của anh. Tôi thấy mờ mờ một mầu đỏ xậm lan to dần chỗ ngực, trên lần vải áo "may ô" anh vẫn mặc. Tôi hiểu, anh qua phẫn uất và chán chường cảnh đời lầm than, khổ đau của anh, nên anh tự tử. Tôi cho rằng, có thể anh có một cái đinh, thọc mạnh vào mạch máu; hoặc, anh ghé răng cắn những mạch máu ở cổ tay. Chứ trong xà lim, lấy cái gì ra để tự tử được!

Tôi cũng suy nghĩ, dù sao trước đây, trong những năm tháng miệt mài hăng say lập công với Cộng Sản, ít ra anh Hùng cũng đã làm ngã gục nhiều người lính chiến, mang trong mình dòng máu Quốc Gia chống Cộng Sản. Vậy, cần để anh thấm thía những sai lầm anh đã làm, để anh thấm đậm hơn "chính nghĩa bịp bợm" của cái gọi là "cách mạng nhân dân" mà anh đã từng phục vụ. Từ ý nghĩ đó, tôi vẫn nằm yên như ngủ say.

Nhưng, những tiếng phì phì như tắc nghẹn của anh, đã làm tôi lại phải mở mắt liếc sang. Giòng máu đỏ đã loang ra đến ngoài màn, chảy xuống nền nhà thành một vũng. Tôi không thể nằm được nữa rồi. Ngồi bật dậy, tôi bước chân xuống đất, chồm sang bên sàn anh. Tôi nhấc màn lên. Máu đỏ lòm, ướt đẫm chiếc áo may ô và một khoảng chiếc chăn bộ đội. Mắt anh vẫn nhắm nghiền, mặt anh xám ngoét. Tôi xúc động, lay lay tay anh:

- Anh Hùng! Tại sao anh làm thế? Anh không được chết, người đáng chết là tôi đây này. Anh còn phải sống vì trách nhiệm với vợ anh, con anh, và cần sống để nhìn rõ được nhiều sự thật, mà trước đây mơ

hồ.

Anh vẫn nằm im, không nói gì với tôi cả. Không làm sao được nữa, tôi vội đứng lên sàn, ngửa mặt ra ngoài phía cửa sổ, gào to:

- Báo cáo cán bộ, buồng 2 có người tự tử!

Im lặng. Bên ngoài chỉ có tiếng gió rì rào của đêm thâu. Tôi lại gào lên lần nữa. Vẫn im lặng. Lần này, tôi cho miệng ra sát cửa sổ. Mới mở miệng hô "Báo Cáo..." Chưa hết câu, cửa con đã xoạch mở. Giọng một người lạ:

- Cái gì?

Chắc gì đã nhìn thấy vũng máu còn đỏ xậm dưới nền nhà, dù vậy tôi vẫn nói và chỉ tay sang phía màn anh Hùng:

- Anh này tự tử...

Tiếng chìa khóa lẻng xẻng mở cửa. Một người lạ mặt mặc thường phục, tôi chưa thấy bao giờ, khẩu súng ngắn đeo trễ một bên hông. Y vào, nhấc cái màn, rồi y nhìn xuống hai cái chân ở trong cùm cũng có máu đã đen xậm. Y vội vàng ra, đóng cửa lại. Khoảng 5 phút . Hôm nay, tôi mới lại thấy mặt tên Thế, cái tên khốn nạn đã đánh tôi khi tôi mới vào xà lim năm ngoái. Y còn đang mặc quần đùi, cởi trần.

Chúng rút cùm, nhấc hai chân anh Hùng ra, và giật cái màn xuống. Ngoài cửa đã có cái băng ca bằng gỗ. Tên mặc thường phục, hất chân của anh Hùng ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ, tay trái của anh: cổ tay và khủy tay đều rách nát, đầy máu. Trên cổ anh, ngay chỗ yết hấu, mấy cái bong bóng máu to nhỏ bám ở vết cắt vẫn phập phồng. Tên Nhiễm đã tìm thấy, giơ lên một lưỡi "lam" mỏng. Tên Nhiễm cầm hai tay anh Hùng, tên Thế hai chân, khênh ra ngoài cửa. Tới cửa, quay lại tôi Nhiễm nói:

- Tất cả những vật dụng gì của anh ấy, anh bỏ ra!

Tôi thu gọn hết, cả cái điếu con, diêm và thuốc lào. Trong lúc quá vội vàng, nên thứ gì của anh Hùng tôi cũng vơ gọn lại. Sau này, tôi tiếc cái điếu và thuốc lào mãi.

Buồng tanh ngòm! Tôi đề nghị tên Nhiễm cho tôi lấy một bô nước dội. Sau khi thấy y gật đầu, tôi chạy ra làm 3 bộ nước dội lên sàn và dưới nền. Xong việc, chúng đóng cửa và khóa ngay, lúc đó đã 12 giờ đêm. Tôi lấy chổi quét nước trên sàn xuống, rồi quét nền cho nước chảy xuống một cái lỗ nhỏ dưới nền nhà, chỗ sát tường phía đầu nằm. Đêm đã khuya, vắng lặng, trong buồng vẫn sặc lên mùi tanh của máu! Từ đó, tới lúc có tiếng loa, tôi cứ thấp thỏm không làm sao ngủ được. Chẳng hiểu anh Hùng sống hay chết!

Tôi đoán rằng, trong lúc chúng khám, khi anh mới vào Hỏa Lò, anh vẫn giấu được một lưỡi "lam" chắc để cạo râu. Vì là tôi vượt tuyến, đâu chúng khám kỹ như khám tôi. Tôi cứ triền miên nghĩ ngợi, hết ngả nọ

đường kia, chợt nhìn đến cái vỏ ba lô anh cho tôi mượn để gối đầu, vẫn còn đây. Hồi đêm vì quá khẩn cấp và căng thẳng, tôi quên khuấy đi. Ngày mai, tôi sẽ báo cáo cán bộ để trả lại anh. Với miền Bắc, đó cũng là một tài sản quý giá. Một ý nghĩ nữa lại lóe lên trong óc tôi. Để biết rõ anh ra sao, cứ để 2, 3 ngày nữa hãy báo cáo. Như vậy, trong thời gian đó, nếu cán bộ đến hỏi cái ba lô, có nghĩa anh Hùng không sao cả, nên đã nhờ cán bộ đến lấy lại. Ngược lại, nếu mấy ngày nữa, không thấy gì, tôi báo cáo trả mà cán bộ cầm đi, anh Hùng cũng vẫn còn sống. Tuy rằng không chắc chắn lắm, nhưng như vậy cũng ang áng đoán được sự việc.

Mấy hôm sau, tôi thật là thèm thuốc. Thèm thuốc, lại nhớ đến anh Hùng. Một buổi, sau khi tôi trả bát xong, lúc tên Tư sắp đóng cửa, tôi cầm cái ba lô, tiến ra trước mặt y:

- Báo cáo cán bộ! Anh Hùng, mấy hôm trước nằm ở đây, thấy tôi không có cái gì gối đầu, anh đã cho tôi mượn để gối. Đêm hôm anh ấy tự tử, vội quá tôi quên trả, xin gửi cán bộ để trả lại cho anh.

Y nhìn cái vỏ ba lô bằng vải bộ đội, cũng đã cũ, một phía túi đã rách, đoạn thủng thẳng:

- Thôi, cho anh!

Tôi lộ vẻ băn khoăn:

- Thưa ông, cái này của anh Hùng, chắc gì anh đồng ý cho tôi?

Y hất tay đuổi tôi vào, vừa đóng cửa vừa nói:

- Tôi nói cho là cho! Đừng nói nhiều!

Cửa đóng rồi, tôi vẫn đứng cầm cái ba lô ngẩn ngơ, bần thần. Như vậy, anh Hùng đã chết thật rồi ư? Vợ anh, con anh ở đâu, có biết gì không? Anh Hùng ơi! Còn bao nhiêu điều nữa tôi định nói với anh, và cũng còn bao nhiêu điều nữa tôi muốn hỏi anh. Thế mà, anh đã vội vàng bỏ hết, bỏ cả vợ dại con thơ, để ôm một mối uất hờn, oan nghiệt ra đi…..

Tự nhiên, tôi buông một tiếng thở dài nhè nhẹ, lê thê như lời than vãn não ruột, cho một kiếp người vô nghĩa.

Chuyện của anh Hùng làm cho tôi hàng tuần lễ, đêm nào cũng thấp thỏm ngủ không yên. Thỉnh thoảng, những lúc giật mình thức giấc, tôi lại liếc sang sàn bên. Hình ảnh anh Hùng nằm thẳng cẳng, hai mắt nhắm nghiền, hai chân trong cùm, máu me bê bết như mới vừa đây…..

Mùa Đông Thứ Hai…..

Sáng hôm nay, tên Bằng vào gọi tôi đi cung sớm. Phòng cung chỉ có tên Nhuận. Ngay khi nhìn thấy tôi, y tỏ vẻ tươi cười niềm nở. Sau khi chỉ ghế cho tôi ngồi, y săn đón hỏi:

- Hôm nay tôi gặp anh, chắc anh sẽ cho tôi biết nhiều điều mới lạ! Tôi tin là hơn nửa tháng nay, anh đã suy nghĩ kỹ để nhìn thấy vấn đề rồi. Bây giờ, tôi để anh tự do nói, anh hãy mạnh bạo nói đi! Chính anh đưa tay ra mở cửa, cho anh vào tương lai đó!

Ngồi nghe y nói, tôi tỏ vẻ rất khổ tâm và đau xót. Khi y giục, tôi mới tỏ thật nỗi tuyệt vọng của mình:

- Thưa ông, lâu không được gặp các ông, tôi vẫn hy vọng rằng các ông và nhà nước đã xác minh được lòng thành khẩn của tôi với cách mạng. Thế nhưng, bây giờ ông lại bảo tôi mở cửa vào tương lai, thì tôi còn biết làm sao được nữa! Và như vậy, nhà nước vẫn chưa kết luận được sự việc của tôi. Đã hơn một năm rồi, tôi mòn mỏi đợi chờ.

Y không cười nữa, nghiêm giọng:

- Thôi được, chúng tôi vẫn sẵn sàng mở cửa chờ đón anh, cách mạng luôn luôn giang tay cứu vớt những con dân bị lầm đường lạc lối. Muộn còn hơn không! Bây giờ, anh hãy nói lại chi tiết, tả tỉ mỉ ngôi nhà tranh ở Cầu Cống, nơi tên Hòa đã huấn luyện anh.

Ngồi nghe y nói, trong dạ tôi cũng hơi lo. Qua tấm ảnh Phan và tôi chụp chung, chắc chắn chúng có người của chúng trong ấy. Bây giờ, tên Nhuận bắt tôi tả lại, như vậy có nghĩa là chúng có thể thẩm tra xác minh. Nhưng đã trót khai trước đây nhiều lần, tôi thường lấy nhà một người Tầu bên Chợ Lớn mà tôi quen biết. Tôi đã đến chơi mấy lần nên nhớ để tả, còn không gian là ngõ Cầu Cống, Khánh Hội; do đó, lúc này tôi chỉ việc moi óc nhớ lại toàn cảnh nhà người Tầu đó để ghi lại. Tuy vậy, trong lòng tôi cũng đầy băn khoăn lắng lo. Tôi nói, nó ngồi ghi, chỗ nào chưa sáng tỏ nó hỏi lại. Mãi gần hết giờ, nó mới cho về.

Ngay chiều đó, lại gọi nữa. Khi tôi ra tới nơi, y đưa cho tôi 5 tờ giấy, chỉ cái bàn con ở góc phòng:

- Anh hãy ngồi viết tỉ mĩ chi tiết: dụng cụ, đồ đạc…bên trong nhà, bên ngoài nhà. Đường đi từ Khánh Hội vào. Rồi một tờ, anh hãy vẽ một sơ đồ, có chú thích từ phía Sài Gòn sang qua cầu Khánh Hội, cho tới ngõ ngôi nhà đó.

Tôi cầm giấy về chỗ bàn con ngồi, óc căng ra. Phải chăng đây là khúc nút, để chúng sẽ cởi tung toàn bộ sự việc ra? Tôi đã suy nghĩ, đào sâu, xét kỹ, nhưng thấy không còn cách nào cả. Mà một khi tôi đã hiểu là không còn cách nào khác, chỉ còn một con đường duy nhất trước mặt, tôi sẽ đường hoàng dấn bước. Bản sơ đồ, thoáng trông có vẻ rõ ràng chi tiết, đường nét sáng tỏ, nhưng nếu đi vào thực tế, chỉ có mù trời. Tôi vẫn để những kẻ hở để phòng hờ sau này.

Chiều về tới xà lim, tôi thấy cửa buồng đang mở. Tên Tư đang cầm mấy miếng vải sọc ở cái quần rách của tôi. Thấy tôi về, y sừng sộ hỏi:

- Những mảnh vải này, anh xé ở đâu ra?

Thấy thái độ của lão như thế, tôi hơi ngạc nhiên trình bầy:

- Thưa ông, đấy là ở một bộ quần áo cũ, trại phát cho tôi một năm trước, khi tôi mới vào. Nó đã bở, rách cả hai đầu gối, đũng quần cũng đã bục ra. Tôi phải xé từ đầu gối làm khăn mặt, còn phía trên tôi làm quần đùi, thay đổi lúc mặc trong buồng.

Vừa nói, tôi vừa cởi giải rút quần, chỉ quần trong cho y xem.

Đến đây, phản xạ cấp thời cho tôi hiểu là chúng đang tìm cớ để cùm tôi. Gần hai tháng nay rồi, hàng ngày tên Tư coi tôi, y còn lạ gì hàng ngày, tôi vẫn mặc chiếc quần đùi rách đi đổ bô, cũng như ra vào lấy cơm, sao y không hỏi. Đến hôm nay, tôi đi cung, chắc y đã được lệnh đến buồng, tìm một lý do để cùm tôi. Các mặt khác thuộc về nội quy, tôi không sai phạm. Không còn cớ gì, chỉ còn cái quần rách. Quần, vải đã cũ, ở xà lim đã hơn một năm, mùa Hè thường phải mặc đêm, mồ hôi ướt đẫm, lại không được giặt thường xuyên, như vậy, làm gì không mục!

Thế là y ghép tôi vào tội phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa. Y ra rút cùm, bắt tôi bỏ chân vào. Ôi thân tù, chúng làm thế nào chả phải chịu! Tôi đành phải bỏ chân vào mà lòng tái tê, héo úa.

Y xách cả mấy miếng vải hôi hám, mốc meo của tôi đi. Như thế là mới thả cùm chừng gần một tháng, giờ lại cùm.

Lại gian khổ bắt đầu. Trời đã cuối tháng 8, vào Thu, cuộc sống của tôi ở trong tù lại bắt đầu…mất "tự do". Lại những ngày dài tăm tối với chiếc cùm oan nghiệt, heo hút, cô đơn. Cứ ngày này, qua ngày khác, tuần này qua tuần khác, và tháng này qua tháng khác, bao nhiêu đau thương tủi cực chất chồng, mò mẫm lặn lội trong vũng bùn đời…lao lý.

Chiều hôm đó, sau giờ tan tầm chừng một lúc, các cán bộ đã lấy hết xe ra về. Cảnh sinh hoạt của Hỏa Lò đã vào giờ vắng lặng, chỉ còn tiếng loa léo nhéo đều đều như mọi khi. Chợt tôi nghe tiếng huyên náo, ồn ào của một tốp người, từ phía cổng Hỏa Lò đi vào phía cổng trại chung. Tiếng tên Nhiễm cao giọng:

- Sao hôm nay về muộn thế?

Rõ ràng tiếng tên Tân trả lời, giọng thổn thức:

- Báo cáo cán bộ, bây giờ tòa mới xử xong!

Giọng tên Nhiễm gằn mạnh:

- Các anh oan lắm sao, còn khóc? Các anh mang theo những cái gì vào đấy?

Một vài tiếng xụt xịt, tiếng hỉ mũi, rồi một giọng nói như rên:

- Báo cáo cán bộ, có mấy gia đình vợ con lên, cho ít quà…

- Anh là Chương à? Anh, tòa xử bao nhiêu năm?

Một giọng khàn khàn nghẹn ngào:

- Báo cáo, chung thân!

- Thế anh kia bao nhiêu năm?

Giọng ồm ồm:

- Báo cáo, 20 năm!

- Còn anh này?

Tiếng tên Tân nói trong nức nở:

- Báo cáo, 15 năm!

Tiếng tên Lê từ trên gác phía ngoài cổng, nói vọng vào:

- Đồng chí Nhiễm cho họ vào đi, rồi lên đây tôi nhờ chút việc!

Những bước chân xào xạo lẫn với những tiếng xụt xịt của hàng chục người đi qua cổng, nhỏ dần rồi mất hút. Lòng tôi vẫn còn ngỡ ngàng suy nghĩ về tên Tân, đến lời nhận định về vụ án của y, khi tôi hỏi: "Có thể tôi không phải ra

tòa. Nếu có ra, cũng từ 2 đến 3 năm là cùng!".

Ngây thơ như thế, nên các cậu khóc là phải rồi! Chủ quan, rồi bị quật một đòn mới choáng váng như búa bổ. Âu đây cũng là một sự việc, để tôi suy ngẫm sau này…..

Thấm thoát, trời lại chuyển sang Đông. Những ngón chân, ngón tay của tôi lại bắt đầu sưng nhức. Cứ mỗi độ Đông về, đời tôi càng cay đắng!

Sáng hôm nay, tiếng loa vừa ngừng bặt, giờ làm việc đã đến. Tiếng tên Lê phó giám thị ầm ầm quát tháo với vẻ rất bực bội, đang đi dần vào phía cổng trại chung, nơi có một số cán bộ mới tới, đang buộc khóa xe đạp. Giọng tên Lê dội lên đanh đanh:

- Hôm qua, đồng chí nào lấy xe đạp của tôi đi?

Một giọng rụt rè trả lời:

- Báo cáo đồng chí…hôm qua quả tình…..tôi không ra phố. Có lẽ đồng chí Thế?!…..

Lê càng bực tức:

- Các anh lấy xe không bao giờ hỏi tôi cả. Cứ mỗi lần tôi đi, lại thấy xe không mất "má" phanh, cũng xỉ lốp; không bẹp chắn bùn, cũng đứt dây phanh…..Tôi đi sửa xong, mấy bữa sau, lại tình trạng ấy. Khóa rồi, vẫn mở đi!

Có tiếng cười rúc rích nho nhỏ, tiếng tên Lê gào lên hồng hộc:

- Tôi nói cho các anh biết là, chưa phải giai đoạn Cộng Sản chủ nghĩa đâu nhé! Lần sau, anh nào lấy xe đừng trách tôi!

Qua mẫu đối thoại trên, tôi thấy lũ cán bộ này, từ tên Lê trở xuống, trong tâm tư vẫn mang một niềm tin về viễn ảnh rực rỡ, hào quang ngày mai của chủ nghĩa Cộng Sản. Từ đấy, tôi cũng thấy được tâm trạng chung của chung của quần chúng nhân dân và cán bộ miền Bắc trong giai đoạn đó (1963). (Tôi không nói những trướng hợp cá biệt), vẫn chưa nhìn rõ chiếc bánh mầu sắc huy hoàng rực rỡ, mùi vị thơm ngon tuyệt thế của chủ nghĩa Cộng Sản, chỉ là chiếc bánh vẽ. Họ chưa thấy được rằng, cái "thiên đường Cộng Sản" ấy, không bao giờ có thể hiện thực, trong xã hội loài người này cả. Thực tế biện chứng như toán học: A cộng B bằng C, thì dứt khoát, không bao giờ A lại lớn hơn C. Chỉ kém hơn, hoặc bằng, trong trường hợp B bằng không mà thôi.

Sáng hôm nay, ngày 16 tháng 10, tên Tư mở từng buồng cho ra đổ bô. Xong, y chỉ vào đống chăn ở một góc nền lối đi, cho mỗi người mượn một cái, và tùy người cho mượn áo trấn thủ. Đến lượt tôi, có lẽ lúc này ở xà lim ấy tôi là người ở lâu nhất. Hàng ngày tôi và y vẫn nhìn thấy nhau, vì thế, y có vẻ dễ dãi; chỉ vào đống chăn, y dịu giọng bảo tôi:

- Anh không có quần áo, tôi cho anh chọn một cái chăn dầy và một cái áo trấn thủ!

Tôi lựa một cái chăn dầy và một cái áo trấn thủ, còn tốt đến 80%. Nghĩ đến những ngày rét giữa Đông sắp tới, tôi đành xề, xuống nước với y:

- Thưa ông, tôi không có màn cũng như quần áo, lạnh quá, chân tay của tôi bắt đầu sưng buốt (tôi vừa chỉ ngón chân và gơi tay cho y xem). Đề nghị xin ông, chốc nữa nếu còn thừa, xin ông cho mượn một cái chăn nữa? Tôi xin cảm ơn ông!

Y không nói gì cả, hất hàm bảo tôi vào đi. Thôi đành vào buồng! Được cái chăn dầy, trong dạ cũng hý hửng rồi! Tôi đã bỏ chân vào cùm, vẫn chưa thấy y đóng chốt. Tội gì! Tôi lại khe khẽ lấy chân ra. Tuy ngồi, tuy đứng loanh

quoanh, nhưng trong lòng vẫn thấp thỏm không yên. Mắt cứ luôn luôn liếc về chiếc cùm, thành ra được nghỉ cùm một lúc mà lòng vẫn không được thoải mái.

Những người ở xà lim có chăn riêng ở nhà mang theo, vẫn đều được mượn thêm một cái. Khi tên Tư mở các buồng cho mượn chăn hết lượt, y đến mở cửa buồng tôi. Tôi tiến ra phía cửa, y chỉ vào 3 cái chăn ở dưới nền:

- Anh xếp lại, để trên ghế kia! Tôi cho anh mượn một cái nữa!

Nỗi vui mừng hưng phấn như ngày còn bé nhận được quà, chạy ùa vào lòng tôi. Sau khi xếp chăn lên ghế, tôi vội vàng ôm chiếc chăn nữa vào buồng, như ôm niềm ấm êm hạnh phúc cho những ngày

"…..Thắng Lợi Bất Ngờ Của Việt Cộng"
…..Miền Nam Đảo Chánh .

Hôm nay là mồng 2 tháng 11 rồi. Những trận mưa phùn đầu Đông làm ẩm ướt cả không gian, cả ngày u ám không có mặt trời. Thỉnh thoảng một cơn lạnh tái tê len qua cửa sổ, luồn vào trong xà lim, như đem theo niềm cô đơn băng giá, để đầy đọa thêm người tù đói khổ.

Cũng như những buổi trưa khác, tôi đang nằm lặn ngụp trong nỗi đầy vơi trăm hướng, của cuộc đời tù tội, mặc cho tiếng léo nhéo của chiếc loa lắm mồm. Chợt nghe một giọng the thé:

"…..Theo nguồn tin mới nhận được, cái gọi là Hội Đồng Tướng Lãnh của Ngụy Quân Sài Gòn đã làm một cuộc đảo chính, lật đổ chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm…..".

Tim tôi như thắt lại, tôi bò nhổm dậy, mắt mở to, tai vểnh lên như muốn hút hết mọi âm thanh của chiếc loa.

Phía bên ngoài, một số cán bộ cũng đang huyên náo, bàn tán xôn xao. Một tiếng quát nhẹ của một người nào đó:

- Các đồng chí hãy yên lặng, để nghe đã!

Tiếng loa vẫn oang oang:

"…..Quân đảo chính đã làm chủ tình hình. Anh em Ngô Đình Diệm đang bị bao vây dưới hầm dinh Gia Long. Không khí Sài Gòn rất căng thẳng và nghẹt thở….."

Tôi bàng hoàng và hoang mang cực độ. "Vận nước đã đến ngày điêu linh rồi chăng?", tôi than thầm. Đây là sự thực hay tuyên truyền của Cộng Sản? Tuyên truyền nào cũng có nguyên tắc của nó. Có những sự việc: "Không" không thể nói thành "Có" được…..Về lý trí, tôi biết đây là một sự việc thực. Nhưng về mặt tình cảm, tôi cố níu kéo, cho là một chuyện tuyên truyền của Cộng Sản, nhằm gây hoang mang cho tinh thần mọi người, chứ không có thực.

Từ khi bị bắt, tôi chưa bao giờ đọc kinh cả. Thế mà hôm nay, trước mối hiểm nguy cho một cá nhân, nhưng cũng có thể là mối nguy cho cả dân tộc, tôi không biết làm sao, chỉ còn biết cầu xin Chúa, cầu xin đấng tối cao hãy che chở cho cụ Ngô, người mà cả cuộc đời tôi kính yêu, trọng nể.

Thường ngày, sáng cũng như chiều, tôi chờ đợi bữa cơm như tâm trạng ngày còn bé mong mẹ về chợ. Càng gần giờ cơm, tai càng vểnh lên nghe ngóng âm thanh những tiếng xền xệt, bình bịch của tiếng chân mấy người tù hình sự, khênh chiếc chõng có thùng nước nóng và một số bát cơm vào lối đi giữa của xà lim. Tiếng "kịch" của chiếc chõng để xuống nền; tiếng "xàn xạc" của đít thùng tôn đựng nước cọ xuống nền xi măng…Rồi lại chờ lắng nghe tiếng chân cán bộ với tâm trạng xốn xang: Sao cán bộ đi đâu mãi, không thấy trở về cho tù ăn cơm. Để rồi khi nghe tiếng lẻng

xẻng của chùm chìa khóa. Tôi chắc rằng, mắt tôi phải sáng lên: Hạnh phúc đã đến rồi! Đôi khi tôi cũng bị mừng hụt, vì đó chỉ là tiếng chìa khóa của cán bộ Hoa, Bằng, hoặc Kim vào gọi một người nào đó đi cung…..

Hôm nay trái lại, cơm đã khênh lên lúc nào tôi cũng không hay. Mãi tới khi cán bộ mở cửa buồng, bảo ra lấy cơm, tôi mới giật mình choàng dậy, như vừa tỉnh một giấc mơ nhiều máu lửa. Lấy cơm vào rồi, tâm hồn tôi vẫn còn lửng lơ đâu đấy, không còn cái thú thèm khát, vồ vập ăn như mọi ngày. Đầu óc tôi đang xáo trộn bao nhiêu nỗi chất chồng, đường nọ, ngả kia với niềm thấp thỏm mong chóng đến 5 giờ chiều, để nghe bản tin xem tình hình Sài Gòn diễn tiến như thế nào.

Mong mãi, rồi cũng đến 5 giờ. Phải nói rằng, từ ngày về miền Bắc, chưa bao giờ tâm tạng tôi lại bồi hồi háo hức, tập trung tư tưởng để lắng nghe tiếng loa như vây giờ. Tiếng loa mà tôi vẫn ghét như một "con mụ chửi thuê lắm mồm!"…

Tình hình Sài Gòn vẫn căng thẳng. Vẫn thiết quân luật ngày đêm, nhưng có chiều hướng phe đảo chánh đã thành công đến 90%. Họ đang gửi tối hậu thư bắt ông Diệm phải ra hàng, nếu không họ sẽ cho dinh Gia Long tan thành bình địa…..Qua bài bình luận của Hà Nội, chúng cố ý tỏ ra khách quan, (ra cái điều đứa nào trong chúng mày, tao cũng phải diệt). Nhưng ai cũng ngửi thấy, chúng mong muốn phe đảo chính thành công. Người chúng sợ nhất, cho nên chúng thù nhất, là Ngô Đình Diệm. Bộ chính trị của chúng đang phải điên đầu, tính trăm mưu ngàn kế, để làm sao hạ được ông Ngô Đình Diệm xuống, bằng bất kể giá nào. Thế mà, bây giờ lại có những kẻ thay chúng để làm công việc đó, hẳn chúng đang bắt tay nhau với những đôi mắt long lanh chào mừng "Thắng lợi không ngờ!".

Đêm hôm nay nằm hoài không ngủ được, tôi trằn trọc suốt năm canh mong chờ trời sáng để nghe "con mẹ lắm mồm". Đôi chân vẫn giá buốt trong cùm, tấm thân gầy thấp thỏm suốt đêm thâu! Tiếng gió Bấc than gào như tiếng núi sông báo hiệu với con cháu giống Lạc Hồng, vận nước đã đến ngày tơi tả thê lương.

Mùng 3 tháng 11. Sau một đêm dài thao thức quẫn quại, hôn mê giữa chán chường và hy vọng, tôi thấy bản tin sáng hôm nay, cũng chưa nói lên điều gì rõ ràng lắm. Có tin anh em Ngô Đình Diệm đã chui vào đường hầm bí mật, ôm theo một va-li vàng và kim cương (?). Sau bữa cơm sáng, tôi lại nằm đợi nghe bản tin buổi trưa, nhưng vì suốt đêm qua không ngủ, tôi thiếp đi lúc nào không biết. Mãi cho tới khi quản giáo mở cửa cho đi đổ bô buổi chiều, tôi mới choàng thức dậy.

Cơm chiều xong, cũng như hôm qua, tôi ngồi chờ đợi tới 5 giờ chiều. Hôm nay, lòng tôi không mềm rũ như hôm qua. Óc tôi liên tưởng tới cuộc đảo chính ngày 11-11-1960. Biết đâu chẳng có một thế cờ quật ngược lại phe đảo chính. Một niềm hy vọng nhen nhúm dâng lên trong lòng tôi. Tôi không thấy hồi hộp lo lắng như hôm trước, khi bản nhạc dạo quen thuộc của đài phát thanh Hà Nội trỗi dậy trước giờ phát thanh. Và, cũng là lúc báo hiệu giờ tan tầm của các nhà máy, xí nghiệp.

Những tiếng gọi hỏi nhau í ới, những tiếng rì rầm bàn tán của bọn cán bộ, tập trung tại chỗ để xe đạp để lấy xe, hôm nay hình như đông hơn mọi ngày. Có thể trước khi về, chúng còn muốn nán lại ít phút để nghe bản tin, chúng cũng nôn nóng đợi chờ. Chúng không ngờ, cách một bức tường dầy 50 phân, có một người, và có thể một số người, cũng đang nôn nóng đợi chờ như chúng. Hai sự chờ đợi này chắc hẳn mâu thuẫn đối nghịch nhau. Tiếng ả xướng ngôn viên rành rọt:

"…..Theo nguồn tin vừa nhận được: Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu trốn đến một ngôi nhà thờ ở Chợ Lớn, do một linh mục người Tầu tên là Tam trông coi. Ở đây, do lòng căm phẫn cả quần chúng, nên có người đã tố cáo với phe đảo chính. Phe đảo chính đã đến bắt Diệm và Nhu lên một xe bọc thép M-113. Trên đường giải về Bộ Tổng Tham Mưu, khi qua đường Hồng Thập Tự, phe đảo chính đã hạ sát Nhu và Diệm bằng nhiều phát súng ngắn và dao găm. Hai tên đã chết ngay tại chỗ trên xe bọc thép…..".

Tai tôi ù lên! Mũi tôi như nghẹt thở! Cái cửa sổ và mấy chiếc lá nho bên ngoài kia như đang nhẩy múa quay cuồng trước mặt tôi "Có thật không?", tôi tự hỏi, "Hay đây chỉ là một cơn ác mộng?".

Những tiếng reo hò của lũ cán bộ ngoài sân như nhắc nhở tôi "Đừng mơ hồ nữa!". Có hai tên vừa chạy ra phía cổng, vừa hò to:

- Ngô Đình Diệm đổ rồi!

- Ngô Đình Diệm bị giết rồi!

Chao ôi! Tiếng hò làm một luồng lạnh buốt từ xương sống chạy ngược lên gáy ôi. Tóc gáy tôi như dựng lên, người tôi nổi gai ốc. Tiếng hò đã ra tới cổng rồi, dư âm của nó còn như vặn xé trái tim đã đầy ắp khổ đau của tôi.

Chúng ta nhiều người đã thấy, nói chung, những tên cán bộ Cộng Sản thường lầm lì, lạnh lùng ít nói. Không giống như các anh Thiếu úy, Trung úy của ta, thường tươi cười, có khi nô đùa trước người khác. Đối với bọn cán bộ trại giam, những nét đó lại càng rõ hơn. Thế mà hôm nay, chúng hò reo, nhảy lên. Điều đó, nói lên nổi vui mừng to lớn quá, chúng không kìm hãm nổi, nên đã để bộc phát ra như vậy.

Trong chúng ta, những ai đã ít nhiều hiểu Cộng Sản đều thấy rằng, cái mũi của chúng tương đối thính lắm. Cho nên nếu khi nào chúng ca tụng, đề cao một cá nhân, một tổ chức hay một quốc gia nào, điều đó có nghĩa là cá nhân đó, tổ chức đó, hay quốc gia đó đã hoặc đang làm những điều thiệt hại cho thế giới tự do, và có lợi cho Cộng Sản. Ngược lại, khi chúng chê bai, chửi bới cá nhân, tổ chức, quốc gia, v.v… có nghĩa cá nhân đó, tổ chức đó, quốc gia đó đã làm những điều trái nghịch lại. Mặt khác, cứ đo lường sự hung hãn chửi bới, cũng như tâng bốc ủng hộ của chúng, sẽ thấy được mức độ lợi hại hoặc hại của đối tượng, cho phe ta hay phe địch….. Điều này gần như trở thành một công lý, chỉ trừ một vài trường hợp hạn hữu cá biệt, mới không đúng, khi chúng dụng ý gây mâu thuẫn.

Trong bối cảnh của nước Việt Nam lúc này, một nhà nước do Cộng Sản chiếm đóng thống trị. Còn một nửa, Cộng Sản đã đặt một chân lên, bằng cái gọi là "Mặt trận giải phóng" với những khu vực bưng biền, với một số thôn bản xen kẽ. Ngay trong nội bộ miền Nam, chính quyền chưa đủ thời gian, hoặc chưa đủ khả năng để khẳng định được ai là người của đối phương, ai là người của ta. Lòng dân còn ngang ngửa, chưa biết ai là chính, ai là tà! Vậy làm chính trị, ai cũng phải thấy là: Bất cứ một cuộc binh biến nào trong lúc này, bất cứ một vụ lộn xộn thay ngôi đổi chủ nào, cũng đều nguy hiểm, có lợi ghê gớm cho Cộng Sản. Nghĩa là thiệt hại ghê gớm cho phe quốc gia!

Về ông Diệm, thử nhìn tất cả các bộ mặt gọi là chính khách ở miền Nam, ai hơn hoặc bằng ông Diệm? Dù ông Diệm cũng còn nhiều điểm chưa đúng!

Nếu không có cái tốt hoàn toàn, chúng ta phải chọn cái tốt vừa vậy. Huống chi, "Nhân vô thập toàn". Không làm, mới không phạm sai lầm!

Bất cứ ai, làm việc, hành động, tất yếu phải có những điều sai lầm. Vậy, trong quá trình xử sự công việc, ông Diệm có điểm gì sai? Tôi cũng như quần chúng thuộc loại dân đen, thấp cổ bé họng, không thể sửa chữa được cho ông đã đành. Nhưng, nếu một ông Tướng không thể sửa được, nhiều các ông Tướng phải sửa được. Một ông Bộ Trưởng không thể sửa được, đa số các Bộ Trưởng sẽ sửa được. Một dân biểu không sửa được, thì cả Quốc Hội, v.v…với điều kiện: vì dân, vì nước, đạt quyền lợi của Tổ Quốc lên trên hết! Không bằng biện pháp này, thì phương pháp khác. Nếu quyết tâm các ngài sẽ sửa chữa được cho ông Diệm, nhất là khi những cái sai lầm ấy không phải là cơ bản.

Tóm lại, Dương Văn Minh và bè lũ đã lật đổ và giết chết ông Diệm, phải nhận một trong hai lỗi lầm, hoặc cả hai sau

đây:

- Không nhìn thấy cái lợi ghê gớm cho Cộng Sản.

- Nhìn thấy, nhưng vẫn gục đầu mà làm.

Không một lý do nào, không một biện luận nào, không một quốc tế này, tình hình kia, có thể phủ nhận thỏa đáng hai điểm trên.

Vậy, nếu ở điểm:

1) Các ông làm chính trị, các ông không nhìn thấy một điểm sơ giản như thế. Các ông không đủ khả năng lãnh đạo quần chúng nhân dân là chúng tôi đâu! Hãy nằm im đi! Dẹp!

2) Các ông đã để cá nhân các ông lên trên Tổ Quốc. Loại này cho đi tầu suốt!

Những điểm lợi cho Cộng Sản thì nhiều, nhưng điểm ghê gớm nhất là: Khi một chế độ có cuộc đảo chính, mà cuộc đảo chính đó chỉ có mục đích tranh giành quyền lợi cá nhân, muốn ăn chia xôi thịt. Lúc đó sẽ xẩy ra tình trạng gì? Trong chính quyền: Cán bộ thuộc mọi lãnh vực, quân đội cũng như hành chính; ngoài nhân dân ai ai cũng thế, đều tự thấy đây là một xã hội không ổn định, một chế độ lộn xộn. Như vậy, tất yếu lại sẽ có cuộc đảo chính khác. Không tin tưởng được nữa, hảy lo thủ cho bản thân! Cũng chẳng còn dám ủng hộ ai! Có gì là chắc nữa đâu! Lòng dân ly tán, lòng quân nghiêng ngả.

Điểm mạnh của một cá nhân, một tập thể, một quốc gia là ở tinh thần, chứ không phải thể chất, vũ khí hay tiền bạc. Vậy, tinh thần của cán bộ và người dân như trên, rã rượi không còn lòng tin. Làm sao chống cộng?!…..

Ngay lúc này, Cộng Sản miền Bắc đã ngửi thấy điều đó, là tinh thần quân dân miền Nam đã và đang bị khủng hoảng. Chứng cớ, sau những buổi họp bàn thảo luận của đảng, ít ngày sau, chính những tên chấp pháp đã nói thẳng vào mặt tôi:

- Chúng tôi nói thực cho anh biết, tình hình miền Nam lúc này…..Nếu không do vấn đề chính trị quốc tế, vuốt mặt vướng mũi, chúng tôi chỉ cần 5 sư đoàn tinh nhuệ đánh dọc từ Bến Hải vào tới Sài Gòn, không khó khăn lắm…..Chỉ cần nghe tin có đại bình đến, lòng quân, lòng dân đã như trên thì chỉ có chạy. Càng gây hỗn loạn, để rồi cuối cùng tất cả đều phải buông súng…..

Đó không phải là những lời nói huênh hoang không có cơ sở. Tôi nhìn bao quát miền Nam, rồi nhìn toàn diện miền Bắc lúc bấy giờ, tôi thừa nhận lời tuyên bố đó có giá trị.

Thực vậy, nếu ai nhìn quán triệt vấn đề sẽ thấy: Khi lòng quân và dân nghiêng ngả thì sẽ rơi vào cái thế "Cuốn chiếu" tất yếu. Kẻ thù dùng một lực lượng tối đa; thần tốc, vũ bão chiếm điểm A, thì điểm B sẽ chạy. Điểm B chạy, thì C, D, E lần lượt cuốn vó hết. Lúc này, thì người có tài thánh cũng đành chịu đứng nhìn, sự hỗn độn, vô chính phủ của quân đội lẫn dân chúng bồng bế chạy mà thôi.

Một vấn đề nghiêm trọng nữa, không hiểu những người chủ trương hạ ông Diệm, trong đó có những Tướng, Tá và cả một số người Mỹ, có biết và lường được những gì xẩy ra trên nửa nước phía Bắc Việt Nam này hay không? Có thấy được sự khủng hoảng, rã rượi tinh thần của người dân miền Bắc ở mức độ nào hay không?

Tôi tin rằng, dù cho họ uống sâm nhung, đầu óc họ cũng không thể nghĩ được mức độ tai hại đến như thế! Về việc

hạ bệ ông Diệm đã trở thành cái nhân nẩy mầm, để cây trưởng thành cho tới khi kết trái, là 30 tháng 4 năm 1975!

Quả thế, mọi từng lớp quảng đại quần chúng nhân dân miền Bắc, sau 8, 9 năm bị lũ Cộng Sản khát máu, dùng bạo lực sắt thép để kìm kẹp thống trị. Họ vẫn nhẫn nhục chịu đựng ngày củng như đêm. Những khi thấy lầm than tăm tối, trong lòng họ vẫn trỗi lên những niềm hy vọng sáng tươi ở chân trời phía Nam, nơi có cụ Ngô mà lũ lãnh đạo miền Bắc ăn không ngon, ngủ không yên. Không những chúng không làm gì được miền Nam, chúng còn đang lo ngay chỗ ngồi của chúng ở miền Bắc cũng không vững. Vì sẽ có ngày Bắc tiến! Bây giờ, niềm hy vọng của họ tan tành, vì cuộc sống, vì nồi cơm, họ đành phải tích cực yêu cái chế độ hiện tại vậy. Hàng triệu tấm lòng như thế, dần dần trở thành triệu triệu những giòng nước nhỏ, góp lại thành thác cuồng xô vỡ bờ tháng 4/75.

Những người quật cường, có tính năng hoạt động, hoặc bộc phát do cá nhân, hoặc đã tổ chức thành những tập thể để chiến đấu với lũ cộng tham tàn khắp nơi, từ rừng sâu, góc biển, đến thôn làng thành phố…..Cũng biết bao người đã sa vào tay giặc, và đang bị giam cầm đầy ải trong ngục tù. Nhưng, những người trong tù cũng như những người còn đang chiếc đấu bên ngoài, vẫn kiên trì dũng cảm chịu đựng gian khổ, chiến đấu với lũ cộng thù, để chờ đại quân miền Nam ra giải phóng. Bây giờ, hy vọng của họ trở thành mây khói. Thậm chí, nhiều cá nhân cũng như tổ chức đã tuyệt vọng đầu hàng giặc, mà tôi đã gặp ở các trại trung ương sau này.

Hôm nay, mồng 4 tháng 11. Đã 8 giờ sáng rồi, trời còn âm u đen kịt. Mưa rơi nhì nhẹt suốt đêm thâu, mà giờ đây vẫn còn dầm dề, rả rích như giọt lệ sầu của người Mẹ hiền núi sông đang rã rượi, vật vã khóc thương đàn con Việt gặp một tai ương đau đớn.

Cả đêm qua, tôi đã bàng hoàng mê tỉnh với những giấc mộng hãi hùng. Người tôi rã rượi như một tầu lá úa trong mưa dầm gió Bấc. Đôi chân gầy vẫn giá buốt trong cùm gông, những ngón chân, ngón tay càng sưng lên nhức buốt. Nhưng cái đau đớn của thể xác bây giờ chỉ là thứ yếu, nhường chỗ cho cái đau ruỗng nát cả niềm tin. Cái đau tan tác cả một hướng đời, bơ vơ lạc lõng như con thuyền mục nát trên đại dương, đang bị bão tố dập vùi không còn định hướng.

Tôi nằm lịm đi, đang ngụp lặn trong một trời khổ đau, bỗng cửa con xoạch mở. Tôi mệt nhọc, chống tay bò dậy nhìn ra. Chiếc mũi và cặp kính trắng thập thò qua song cửa con. Một giọng miền Nam quen quen:

- Anh dạo này có khỏe không?

Chà, tên Võ, tên chánh giám thị Hỏa Lò, hơn một năm trước đã vào tha cùm tôi. Tôi vội vàng tươi tỉnh:

- Cảm ơn ông, tôi vẫn thường thường…..

Y nói với vẻ hồ hởi:

- Hôm qua anh có nghe đài không?

Tôi đã thấy chạm vấn đề, nên cộc lốc:

- Có!

Như tràn từ một nỗi hân hoan trong lòng, y xì ra:

-Đối với chúng tôi, miền Nam bây giờ không còn đối thủ nữa. Tôi nói với anh là vấn đề thống nhất chỉ còn là thời gian thôi.

Á! Thì ra y mừng quá! Y không biết thổ lộ với ai cho đã, bằng nói với một người từ miền Nam ra. Cho nên, mới sáng sớm y đã vào xà lim không kể gì mưa gió, gặp tôi để cho giãn cái bọc sướng vui của y ra. Mà lão sướng vui bao nhiêu, thì tôi ngược lại bấy nhiêu. Cho nên, để câu chuyện qua nhanh càng tốt, tôi chậm chạp trả lời:

- Thưa ông, tôi cũng nghĩ vậy!

Trước khi đóng cửa con lại, y cười cởi mở:

- Thôi nhé! Hãy cố giữ gìn sức khỏe!

Hôm nay sao lịch sự thế! Khi vui người ta cũng dễ dãi…..Hai hôm sau, mụ Hoa vào gọi tôi đi cung. Khi tôi ra phòng cung, tôi thấy 3 tên Đức, Nhuận và Thành. Mặt tên nào cũng tươi roi rói, sau khi chỉ ghế cho tôi ngồi, tên Đức đã hỏi ngay:

- Mấy ngày nay, anh có theo dõi đài không?

- Thưa ông, có!

- Anh thấy thế nào?

Dù đang cúi xuống, tôi cũng biết là cả 6 con mắt của chúng đang tập trung theo dõi thái độ của tôi. Vì vậy, tôi trả lời, vẻ bình thản:

- Thưa ông, nghe đâu có vụ đảo chính, và họ đã giết anh em Ngô Đình Diệm rồi!

Tên Nhuận giọng thử ý:

- Tôi biết mấy hôm nay anh buồn lắm, vì chủ anh đã chết rồi! Tôi nghĩ, như vậy là tốt cho anh đấy! Anh không còn phải mắc mớ điều gì nữa. Hãy tự cứu lấy mình, hãy khai báo hết với cách mạng. Còn như thằng Dương Văn Minh và một lũ Tướng, Tá, anh cũng biết đấy, chỉ là đồ bỏ! Rồi đây, chúng nó chỉ tranh giành nhau làm tay sai cho Mỹ, không hơn không kém!

Tôi vờ ngạc nhiên:

- Thưa ông, tôi buồn, hôm nào tôi chả buồn. Còn ông nói Ngô Đình Diệm là chủ của tôi, không đúng. Bởi vì tôi cũng chưa được nhìn thấy ông Diệm bao giờ cả. Hơn nữa, tôi cũng chẳng có ân huệ hay hận thù gì với ông ta. Còn khai báo, ngay từ đầu, tôi đã thành thật khai báo hết rồi, chứ không phải đợi tới bây giờ….

Tên Thành vội vàng cướp lời tôi:

- Anh nói vậy mà nghe được à!? Diệm là người Công giáo, anh cũng là người Công giáo, tất nhiên anh phải ủng hộ ông ta chứ?

Tôi vẫn tỏ vẻ ngạc nhiên, cãi lại:

- Thưa các ông, như tôi đã nói với các ông nhiều lần trước đây, bố mẹ và họ hàng nhà tôi chỉ làm thương mại, buôn bán. Chỉ có mình tôi do sự bồng bột của tuổi trẻ, do ảnh hưởng của phim ảnh nên đã ngây thơ nhận nhiệm vụ của

họ, ra ngoài miền Bắc. Chứ thực lòng tôi, ai là Tổng Thống, ai là Chủ Tịch cũng thế, vì tôi có hiểu gì về họ đâu! Vả lại, đối với tôi bây giờ, họ lại càng vô nghĩa nữa. Tôi đã chán ghét họ nhiều lắm rồi!

Thành lộ vẻ ngạc nhiên, gằn giọng:

- Sao anh lại cho là vô nghĩa đối với anh?

Mặt rầu rầu, tôi trả lời:

- Tôi bây giờ đã hiểu! Ngay khi ông Diệm còn sống, tôi đã thuộc loại đứa con đem bỏ chợ. Không một ai ở Sài Gòn lúc này còn nhớ đến tôi, có chăng chỉ còn bố mẹ và các em tôi. Huống chi, tôi sống hay chết, những người đảo chính còn quan tâm đến làm gì. Như vậy rõ ràng họ còn có nghĩa gì với tôi đâu.....?

Có lẽ tên Đức thấy chỉ là những câu đối đáp lẳng nhẳng, không đưa đến vấn đề gì, nên y đổi giọng:

- Theo anh, tình hình miền Nam rồi sẽ như thế nào?

- Thưa ông, tôi chẳng biết gì để nhận định. Nhưng, tôi cho rằng với tình hình như thế, rồi đây các Tướng sẽ tranh giành nhau, cắn xé nhau, xã hội sẽ càng lộn xộn. Chắc rằng "mặt trận giải phóng" do đảng lãnh đạo sẽ đứng lên cướp chính quyền một cách dễ dàng.

Cả 3 đứa sáng mắt lên, tên Nhuận cười rộ:

- Khá lắm, anh làm tham mưu được đấy!

Tôi lúng túng, dè dặt:

- Tôi hiểu các ông cười chế nhạo tôi. Các ông hỏi, tôi phải trả lời. Tôi nghĩ thế nào, thì nói thế, chứ tôi làm sao để biết được những vấn đề lớn ấy.

Tên Đức nghiêm giọng:

- Tôi nói thẳng cho anh biết, trong điều kiện tình hình hiện nay, vì lý do chính trị quốc tế, vì những khía cạnh liên quan ràng buộc, nếu không, chúng tôi chỉ cần 5 sư đoàn, đánh từ Bến Hải dọc vào tới Sài Gòn, không khó khăn gì lắm!

Nghe y nói tôi tỏ vẻ rất tin tưởng:

- Như vậy, tôi thật mừng! Các ông sẽ vào bắt được cả Cục Tình Báo Miền Nam. Lúc đó, cách mạng sẽ hiểu được sự thành khẩn của tôi.

Để chúng tin hơn, tôi nói một vài sự việc lơ mơ:

- Về ông Diệm này, tôi nhớ đến vụ đảo chính (1-1-1960). Lúc đó,dư luận dân chúng miền Nam rất chê ông Diệm. Từ trước, ông vẫn lấy cây trúc ẩn biểu hiện lòng dạ thanh liêm, đạo đức trong sáng của ông. Từ những ý nghĩ cho đến lời nói, tất cả đều là mẫu mực tiết khí của người quân tử. Khi ông ta bị ở vào cái thế cùng quẫn, bị "hội đồng cách mạng" lúc đó vây hãm trong Dinh Độc Lập. Ông đã tuyên bố trên làn sóng điện, trước quốc dân đồng bào, cam kết với "hội đồng cách mạng" là ông bằng lòng chấp nhận sự thỏa hiệp với "hội đồng cách mạng" như một sự đầu hàng.

Thế nhưng, sau đó, khi một số đơn vị ở các quân khu về tiếp ứng, phá được vòng vây và dẹp phe đảo chính, ông Diệm đã nuốt lời hứa, lời cam kết trước đó. Như thế, ông ta đâu còn là bậc quân tử mà cây trúc là biểu hiện?

Cả 3 đứa cùng cười, tên Đức giọng phân tích:

- Diệm xử sự như vậy, không có gì sai cả. Chỗ này, ông ta đã hành động rất đúng. Bởi vì, lời nói hay lời cam kết trong lúc bị uy hiếp, cưỡng bức, hay dưới một áp lực, đều không có giá trị.

Ngồi nhìn và nghe y nói, tôi thấy y cũng có kiến thức và hiểu biết. Từ những sự phân tích trên, tôi chợt suy ngẫm thêm: Thời đại ngày nay, trong kho tàng lý luận muôn mặt, muôn màu mà Cộng Sản đang lợi dụng, ta không nên lạ lùng ngạc nhiên khi thấy Cộng Sản xé bỏ tất cả những lời cam kết, những hiệp định chính tay chúng đã trang trọng ký kết. Chúng vẫn có muôn ngàn lý do để giải thích cho đồng bọn và những người dân dưới quyền chung một cách hợp lý. (Chúng chỉ giữ lại những hiệp định, những lời cam kết nào, chúng thấy có lợi cho chúng mà thôi). Lời giải thích của chúng sẽ: nào là lúc đó do áp lực kinh tế, vì dân chúng quá đói khổ, khi đó tình hình biên giới căng thẳng, lúc đó v.v… và v.v… Vậy, cá nhân hay quốc gia nào đừng thắc mắc, than vãn trách móc chúng, mà hãy trách sự ngây thơ ấu trĩ của chính mình, vì chưa hiểu rõ bản chất của chúng mà thôi!…

Chương 42

Cái Chết Ám Ảnh Người Tù
Trong Xà Lim "Án Chém"……

Giai đoạn này, thỉnh thoảng chúng mới gọi cung tôi, lúc thì điểm này, lúc thì điểm kia bắt tôi khai lại.

Chúng hy vọng dùng thời gian để lung lạc tôi, do đó chúng vẫn khích lệ, phỉnh phờ, xen lẫn đe dọa, hòng một lúc nào đó tôi không kìm hãm được, phải khai những điều mới với chúng. Nhưng, lúc này tâm hồn tôi như chết rồi! Trời đất đối với tôi bây giờ chỉ còn là một màu đen kịt. Tôi không còn sức phấn đấu nữa! Tôi căm hận cuộc đời, căm hận cả con người. Ngày đêm, tôi chỉ nghĩ đến cái chết! Chết là giải pháp đẹp nhất để giải quyết hết mọi khổ đau, dằn vặt, vò xé trái tim đã nhăn nhúm rỉ máu vì cuộc đời đã chà đạp, bóp nặn quá nhiều.

Chân tôi vẫn trong cùm, đêm ngày sưng buốt. Đi cung, gặp chấp pháp bây giờ tôi căm hận, không cần nói đến cùm nữa. Chấp pháp lại càng không bao giờ nói đến hay hỏi tôi bị cùm thế nào, nên tình trạng cứ thế trôi đi.

Một hôm, vào cuối tháng 1 năm 1964, tên Tư mở cùm, mở cửa buồng, bảo tôi ôm chăn chiếu chuyển đi chỗ khác. Tôi vội vàng vơ gọn chăn chiếu, ôm một bọc đi theo y. Ra khỏi xà lim II, y bảo tôi đi trước, chỉ vào phía trong sân trại chung, y đi đàng sau. Theo hướng y ra hiệu bằng tay, tôi tập tễnh đi mãi vào phía trong cùng đến một cái cổng sắt nhỏ, cánh cửa cũng bằng sắt. Một bức tường thấp chừng 2 mét rưỡi xây vòng cung, bên trên chăng 5, 6 lần dây điện trần, chạy dọc theo tường, ngăn cách với sân trại chung bên ngoài. Y đẩy cửa, tôi bước vào một cái sân nhỏ, diện tích khoảng 25m x 10m. Ở phía góc sân có chăng một số dây thép để phơi quần áo. Trên sân rụng đầy lá bàng khô, do một cành bàng to vươn vào từ cây bàng lớn ngoài trại chung, cạnh bức tường.

Quang cảnh thật là im lìm, vắng lặng. Tiếng sột soạt của những chiếc lá bàng khô, nghe rõ mồn một theo từng bước chân của y và tôi khi đi qua sân. Vào một căn nhà sài, tối lờ mờ, tôi thấy một cái bàn và một cái ghế trong một khu trống, có lẽ là phòng trực xà lim. Y tiến đến trước buồng số 3, mở cửa rồi cúi xuống rút chốt cùm.

Đã ở xà lim khá lâu, tôi cũng có chút ít kinh nghiệm. Mặc y đứng chờ, tôi vào buồng, cúi xuống gầm sàn lấy cái chổi thanh hao quét rác bụi, trên chiếc sàn tôi sẽ nằm. Tôi bỏ bọc chăn chiếu lên sàn, rồi lại cúi xuống kéo cái bô ra khỏi gầm sàn, mở nắp. Bên trong, phân và nước giải của người ở trước đã đen xì. Tôi ôm bô phân ra cửa:

- Báo cáo ông cho đổ phân, vì phân đã lâu ngày, khó ngửi quá!

Y nhìn vào bô, ngần ngừ, rồi gật đầu. Chỉ tay về phía cạnh buồng số 1, y nói:

- Khẩn trương lên, vào đổ bô đúng lỗ cầu tiêu, rồi lấy một bô nước dội cho sạch!

Tôi bước vào cánh cửa chỉ định, ngay phía ngách trái là một lỗ cầu tiêu, bên ngoài là một chỗ rộng có một vòi nước to, cao hơn mặt nền chừng 1 mét để tắm giặt. Vừa tráng bô, tôi vừa suy nghĩ về cái "cầu tiêu". Chắc hẳn cầu tiêu này dành riêng cho cán bộ, chứ tù làm gì có thời gian để được vào đó đi cầu. Khi trở ra, tôi liếc nhìn thấy xà lim I sâu hun hút rất nhiều buồng, ngay đối diện với buồng số 3 của tôi là buồng số 14. Như vậy, xà lim này to gần bằng cả hai xà lim III và II gộp lại. Tôi chợt nhớ, có lần tên Tân nói với tôi là xà lim I thời Pháp thuộc, gọi là "xà lim án chém". Tên Tư thấy tôi còn lúi húi đút chiếc bô vào gầm sàn, y quát:

- Bỏ chân vào, dềnh dàng mãi!

Tôi vội vàng nhấc cùm và cho một chân vào. Trước khi chốt cùm, y còn thò cổ vào nhìn rõ chân tôi đã ở trong cùm chưa, y mới đóng và khóa cửa. Tiếng chân lão lạo xạo đạp lên những chiếc lá khô ngoài sân, xa dần ra phía cổng.

Lại im lặng. Thỉnh thoảng chỉ nghe tiếng sột soạt của những chiếc lá khô theo từng cơn gió lăn lóc, trên sân gạch phía bên ngoài. Tôi đang đưa mắt nhìn toàn bộ căn buồng, đột nhiên một giọng ồm ồm cất lên:

- Anh bạn buồng số 3 mới vào, khỏe không?

Tôi ngạc nhiên, vểnh tai nghe, phán đoán. Tiếng nói phát ra từ mãi tít phía trong, chắc của một buồng nào đó. Vì tôi chưa nắm rõ, cho nên tôi chỉ ho một tiếng to như đáp lại, không trả lời.

Trong ánh sáng tờ mờ, toàn bộ căn buồng cũng giống như bên xà lim II, chỉ khác ở miếng cửa sổ lớn phía sau đóng bè ra một cái khung gỗ, bọc kín cửa sổ, như một cái hòm không có đáy để không khí vào buồng. Có thể vì lâu ngày, những tấm ván co rút, nên hở từng khe rộng. Qua những khe hở này, tôi nhìn thấy bức tường Hỏa Lò là một trại giam lớn do Pháp nghiên cứu xây lên. Nhưng, đến tay Cộng Sản, vì chúng cũng đã từng đi tù nhiều, chúng đã thấy được những kẽ hở tù nhân có thể lợi dụng để liên lạc, gọi hỏi với tù nhân bên trong xà lim.

Vì đầu óc tôi đang ngâm dầm trong "hũ" sầu đau não nề, nên tôi chẳng thiết suy nghĩ thêm. Nằm lịm dần vào đêm thâu nới nỗi niềm nghẹn uất, xen lẫn những tiếng thở dài khắc khoải chập chờn, mãi tới khi, tôi mơ màng nghe tiếng chìa khóa lẻng xẻng, tiếng cửa đóng ình ình, tôi mới dậy. Trời đã sáng tỏ.

Quản giáo đã đến làm việc từ bao giờ, đang mở cửa cho các buồng ra đổ bô.

Không một tiếng nói. Chỉ có những tiếng đóng cửa, tiếng mở cửa, với những tiếng bước chân xèn sẹt nhiều lần, và lâu. Như thế, hầu như buồng nào cũng có người.

Đến lượt buồng tôi. Sau khi được rút chốt cùm và mở cửa, tôi khập khiễng ôm bô nước tiểu đi ra. À, tên cán bộ Chiến. Tôi thấy y một vài lần những buổi tôi đi cung. Y là Thượng sĩ, người miền Bắc, thái độ và tác phong của y như một nhà quân sự: Lạnh lùng, ăn nói cộc lốc, đôi lúc có ánh mắt nhìn phớt đời, một nét hơi khác với những tên công

an khác.

Rồi cho đến lúc lấy cơm, cũng như trả bát của các buồng, tôi không hề nghe thấy một tiếng nói, dù nhỏ. Tất cả chỉ là những âm thanh của sự vật, những tiếng xèn xẹt vội vã của đôi bàn chân người, qua lại phía trước cửa buồng tôi. Những ngày sau đó cũng thế, ngày nào cũng như ngày nào, im lìm vắng lặng.

Nhiều lúc, tôi cảm tưởng như đang ngồi trong một cái nhà mồ hoang vắng nơi nghĩa địa, tha ma, cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài.

Trời đã sang Xuân, nhưng cơn rét cuối Đông vẫn kéo dài. Vẫn còn những trận gió mùa Đông Bắc về muộn, đem theo những giá buốt hành hạ những kẻ khốn cùng.

Ngón chân và ngón tay của tôi vẫn mọng đỏ, ngứa buốt đêm ngày. Những tháng trước đây, tôi chịu đựng một cách kiên trì bao nhiêu gian khổ, cùm kẹp, đói khát, đau đớn, nhưng trong tôi vẫn còn một niềm tin, một cái đích là Tổ Quốc miền Nam tự do của tôi, đang trên đà tăng trưởng một mặt: Kinh tế giầu mạnh, quần sự hùng cường, lòng dân thống nhất, để một ngày nào đó đè bẹp được lũ cộng đỏ bạo tàn, cứu nhân dân miền Bắc khỏi cảnh tăm tối lầm than rên siết, đưa ánh sáng mặt trời đến khắp nơi trên nửa Bắc của Tổ Quốc Việt Nam thân yêu này, trong đó có tôi. Dù rằng, do những khắc nghiệt của cảnh sống tù đầy tôi có mất đi, vẫn còn ôm ấp trong lòng một niềm tin như vậy mà chết. Nhưng bây giờ, nhìn về miền Nam, tôi phải cụp mắt cúi đầu xuống. Một nỗi tủi hận len lén rỉ dần vào tim tôi.

Trước đây, trái tim tôi đã chết một nửa vì tôi sa cơ vào bàn tay kẻ thù, phải bao nhiêu đắng cay uất hận, nửa đó đã đen xì, lạnh lẽo; nhưng, tôi vẫn còn một nửa đỏ, nửa này vẫn còn cuồn cuộn máu hồng tươi thắm, sôi sục ngày đêm, có cơ làm ấm lai cả một trái tim. Nay, nửa đỏ còn lại của trái tim đó đã dần dần đen xạm, hết sinh khí, hết nhựa đời…..Tư tưởng chết nhen nhúm dần, ám ảnh tôi suốt ngày đêm, cứ lởn vởn như một nghiệp chướng trói chặt tấm thân tàn.

Đêm nay cũng như nhiều đêm trước, sau một giấc ngủ đầy khắc khoải với bao nỗi đắng cay của kiếp tù đầy, tôi mở mắt mệt nhọc ngồi dậy. Chẳng biết lúc này là giờ nào trong đêm, như thường lệ tôi lựa thế đúng một chân xuống đất, cúi xuống gầm sàn lấy cái bô lên, để chuẩn bị đi đại tiện. Vì ăn uống không đủ, lại còn bị cùm cứ phải nằm yên một chỗ, nên thường đi về đêm. Sau khi đã để cái bô lên sàn, đúng nơi thuận tiện nhất, tôi lựa nghiêng chiếc chân trong cùm, quỳ môt chân để ngồi lên bô. Trời vẫn lạnh như cắt da thịt, tôi khoác chiếc chăn, mặt nhăn nhó vì ngón chân, ngón tay bị cước, vì cạnh cùm đang nghiến vào ống xương chân, vì miệng bô đã nhiều chỗ rỉ sét hằn sâu vào hai bên mông, vì thế ngồi gò bó, người phải gù vẹo đi một bên, và vì táo bón…Cho nên, chừng 20 phút sau, quá đau mỏi, tôi dịch người để chuyển thế. Vô ý, cả bô phân và nước giải đổ nằm ra sàn. Còn người tôi lạng trượt, bật ngửa đầu xuống nền. Do cái chân trong cùm nên đầu tôi không thể xuống tới nền, nhưng cái chân bị cùm khứa mạnh đứt một miếng to, máu loãng chảy chan hòa. Lưng đập vào mép sàn đau điếng, mãi tôi mới bò dậy được. Chăn chiếu, quần áo đầy nước giải, đây đó dăm ba hòn phân trên chăn, trên sàn.

Trời rét buốt như kim châm vào da thịt. Ôi! Kiếp tù, còn cảnh nào cay đắng hơn. Tay chân quần áo chỗ nào cũng nước đái. Chỗ cổ chân đau buốt, máu vẫn chảy, tôi chỉ biết lấy tay bóp hai mép đứt để đỡ chảy. Máu bây giờ loãng quá không đông được! Không có cái gì, một miếng giấy hay miếng vải để buộc cho máu cầm. Làm sao được nữa hả trời! Một tay nắm vết thương, một tay lật chiếc bô lên, rồi cũng chính mình phải bốc những hòn phân của mình vào bô. Tôi cố lựa thế nhấc cái bô xuống nền, rồi cũng phải dùng bàn tay để vét những vũng nước giải, trên sàn xuống dưới nền.

Vì nước giải ướt, người tôi tự nhiên run lên cầm cập, hai hàm răng cứ canh cách đánh vào nhau. Thôi đành máu chảy kệ máu, tôi cố hai tay vắt chỗ chăn ướt, còn một khoảng khô, tôi cứ phải cuốn đại vào người cho đỡ lạnh đã.

Nhưng, người tôi vẫn cứ run bần bật, không có cái gì là ấm cà. Cuộc đời nhiều lửa quá! Cho tôi xin một ngọn lửa đời, người ơi!

Vết thương ở chân tôi, khi nãy máu đã ngưng chảy, nhưng bây giờ vì cái chân cũng run lật bật, làm vết thương rung động, máu lại rỉ ra. Cứ như thế này, tôi cũng chưa biết mình sẽ ra sao. Bỗng chiếc cửa con xoạch mở. Tôi chả nhìn rõ ai, vội vàng lập cập:

- Báo cáo cán bộ…!

Một giọng khàn cộc lốc:

- Cái gì?

- Thưa cán bộ, chân tôi bị thương, máu chảy ra không cầm được, xin cán bộ cho tôi một tí thuốc lào hay thuốc lá, tôi rịt cho cầm máu?…

Tôi cố chỉ chỗ máu chảy, nhưng tôi biết ở vị trí chỗ cửa con như thế, không thể nào nhìn góc độ này được, nên tôi quệt một tay xuống chỗ máu dưới sàn đã đông tím lại, rồi giơ bàn tay đầy máu ra. Vẫn khàn khàn như tiếng ngan đực:

- Làm sao bị thương?

- Thưa ông, tôi đi ngoài ngồi trên bô bị trượt ngã…..

Không một tiếng trở lại, cửa con đóng lại. Tôi cũng chẳng có thể đoán được người đó là ai, dù ngày mai tôi có gặp. Có thể, người đó không hút thuốc lá cũng như thuốc lào, đã phải đi xin người khác. Một hành động đúng nghĩa của tiếng "Người!" Trong những lúc thế này, thuốc lào, thuốc lá đắp vết thương là một thần dược. Chỉ một tí là cầm máu.

Máu không chảy nữa, và hơi ấm trong người đã có chút ít, mặt sàn và chiếu cũng khô một chút, nên tôi thấy đỡ run, nhưng người tôi vẫn rã rời như sắp hết hơi thở. Không nằm được nữa vì chăn chiếu hãy còn ẩm ướt, tôi lấy chiếc vỏ ba lô vẫn gối đầu, giở ra trùm kín cổ, rồi ngồi nghiêng, dựa vào tường nhắm mắt chờ trời sáng.

Tôi cứ ngồi nghe ngóng tiếng đêm thâu với cõi lòng đã rửa nát, tả tơi. Tôi nhìn thấy những ngày tới của đời mình, còn đầy rẫy chất chồng thương đau. Để bấu víu vào kiếp sống, tôi phải cố tìm một đốm lửa, dù là đốm lửa sắp tàn trong cái đêm đen dày đặc, cả bốn phương đều mịt mùng tăm tối này…..Nhìn lại suốt quá trình của đời mình, từng mảnh đời to nhỏ xê dịch đẩy xô, theo ngọn cuồng lưu của kiếp người:

- Học hành không thành đạt; đời vẫn lang thang, dật dờ, tay trắng.

- Nhiệm vụ bé nhỏ đất nước trao cho, không có tài, khả năng lại hèn kém, nên đã thất bại, rơi vào tay kẻ thù.

- Đối với gia đình phụ mẫu, thiếu bổn phận làm con, làm anh. Chưa có một việc nhỏ nào gọi là đền công ơn trời biển, của đấng sinh thành.

- Trước đây, khi còn ở Sài Gòn, thường tỏ với cơ quan và các linh mục mình là một thanh niên coi thường nguy hiểm, coi cái chết như một giấc ngủ. Nhưng trong thực tế, đêm hôm chúng đưa đi bắn, đã són đái toát mồ hôi ra. Như thế, rõ ràng là một người hèn, sợ chết.

Đời một con người hèn kém tầm thường như vậy, có gì để đáng sống cho tốn cơm xã hội, cho chật chỗ loài người! Tuy đạo Công Giáo cấm ngặt con chiên tự tử nhưng, tôi đã cầu xin Chúa và Mẹ Maria quá nhiều rồi. Lòng tin của tôi đối với Chúa cũng khủng hoảng, tan hoang như lòng người dân miền Nam đối với chính quyền lúc này. Nhìn khắp bốn phương, tôi không còn một điểm nào để bấu víu, dù cho tạm bợ, để sống. Huống chi trước mắt, với sự hành hạ đày đọa của kẻ thù như thế này, trước sau, sớm muộn gì tôi cũng sẽ chết. Như vậy, tôi còn phải chịu nhiều khổ đau cay đắng, tủi hận nữa, rồi cũng chế! Như thế, quả là vô lý, uất ức! Tôi được sinh ra làm một con người giống như mọi người khác, tại sao tôi không có chủ quyền với bản thân tôi? Thượng Đế đã ban cho tôi cái quyền tối ưu thiêng liêng của con người là sự tự do. Cộng sản đã tước đoạt của tôi hết: từ miếng ăn, tấm áo, đến cả những động tác thong dong tối thiểu nhất của cơ thể. Chỉ còn sự sống của tôi. Quyền tối thượng này chỉ dành cho Chúa và tôi mà thôi. Vậy, Chúa ơi! Ở niềm tin này, con xin giành lấy chủ quyền sự sống của Chúa với con, khỏi tay lũ chó má vô thần. Con xin quyết định lấy sự sống của con.

Sau bao ngày đêm đấu tranh tư tưởng gay gắt, cuối cùng, tôi quyết định từ giã cõi đời này. Chết trong lúc này là chiến thắng kẻ thù, là xóa sạch hết mọi vấn đề. Từ đấy, óc tôi dập dờn nghĩ đến bố mẹ, các em, họ hàng, bạn bè quen biết. Nghĩ đến các nhà bác học, những học giả, những nhân vật nổi danh. Có những người đã phải trải qua bao nhiêu năm công phu mệt mài học tập, nghiên cứu, bao nhiêu năm lăn lộn làm nên những sự nghiệp lẫy lừng có lợi cho dân, cho nước, cho xã hội loài người. Họ đáng muôn ngàn lần sống, lại lăn đùng ra chết, để lại tiếc thương cho nhân quần xã hội như: Quang Trung, Nguyễn Thái Học, Pascal, Kennedy, Khái Hưng, Hàn Mạc Tử, Bethoven, v.v… Họ đáng sống, cần sống, thì lại chết. Còn loại thấp hèn vô ích như tôi, cần chết thì lại sống. Nếu cái chết của tôi được thay cho những người ấy, cũng còn có chút ý nghĩa…..

Đã quyết định rồi, bây giờ, tôi chỉ còn…..tìm cách chết! Tôi nhìn lên cái thế của chiếc cửa sổ phía sau. Tôi nhìn đến bộ quần áo sọc họ vừa phát cho tôi ngày 16 tháng 10 vừa qua, vải hãy còn bền tốt. Tôi nghĩ đến lão Kim già mắt lơ mơ, hay trực vào những ngày Chủ Nhật…..dần dần tôi hình thành một kế hoạch nhỏ để… chết!…

Ngay hai ngày hôm sau, tôi bắt đầu thực hiện kế hoạch. Hàng ngày, lợi dụng những lúc cán bộ mở cửa, hay đóng cửa buồng cũng như cửa nhà tắm, có những tiếng xọc xạch ầm ầm, tôi xé quần ra thành những miếng dài dọc theo quần, mỗi miếng rộng độ 4, 5 phân. Vải còn tốt nên rất dai, lúc đầu tôi phải dùng răng cắn ra, rồi từ chỗ cắn mới xé được. Xé vào những lúc ồn ào có hai điểm lợi: có âm thanh che lấp tiếng xé vải, và chắc chắn nhất, là cán bộ đang bận mở hay đóng cửa, không thể rình ở chỗ cửa con.

Rồi chỉ cần đánh một chiếc thừng dài độ 1 mét 20 đến 1 mét 40 là được rồi. Thế mà cũng phải mất hơn 4 ngày. Trong quá trình, lúc đi đổ bô cũng như lúc lấy cơm, trả bát, tôi đều phải cuốn trong người, bởi vì bất chợt cán bộ hay vào ngó buồng, đôi khi lục tung chăn chiếu khám xét, khi mình còn ở trong buồng tắm.

Lúc bện thừng, tôi thường phải làm trong chăn, hoặc ngồi thế gập chân lên cùm, rồi quay phía trong sát góc, từ chỗ cửa con nhìn vào không thể nhìn thấy. Cửa con thường bất chợt mở chẳng có một quy luật nào. Hoặc, cán bộ có thể đứng bên ngoài rình nhìn vào mà không cần mở cửa con, theo một cái khe phía trên cửa nhỏ, để quan sát theo dõi được nửa buồng. Vì chưa quen đánh thừng, sau nhiều lần rút kinh nghiệm, cuối cùng, tôi đã có một chiếc dây dài 1 mét 40 phân, đánh loại thừng 3 sợi vặn rất săn, đường kính chừng 2 phân rưỡi, rất nhẫn nhụi bền chắc. Tôi luôn quấn trong người để hễ có thời cơ là thực hiện tiếp kế hoạch.

Trong thời gian này, có hai lần gọi tôi đi cung. Cũng truy hỏi, cũng dọa nạt, cũng nhử mồi. Nếu những tên chấp pháp tinh ý, sẽ thấy tôi không còn những nét lo âu, sợ sệt, hoặc băn khoăn đấu trí như mọi khi, và nếu chúng sờ vào bụng tôi, sẽ thấy một cái dây to tướng đang được quấn chặt ở trong quần.

Tôi còn gần một bao diêm, từ ngày nào Hà Tĩnh lấy đồ chôn, tên Thành mua cho, tôi vẫn giữ, hàng ngày tôi vẫn thỉnh thoảng lấy ra nhìn nhãn hiệu trên bao diêm, hình một anh công nhân đang cầm búa giơ lên cao, chẳng biết

sẽ…nện vào cái gì? Tôi cũng thường lấy ra nhìn chiếc lược và bó tăm, trong đó vẫn còn "lõi" chì mật. Bây giờ, tâm tư của tôi lúc nào cũng như sắp giã từ cõi đời này. Tôi nhìn bất kỳ một cái gì cũng với ánh mắt vĩnh biệt, từ cái chăn, chiếc chiếu, cho đến đôi dép Thái Lan đã mòn, đứt một quai, cả chiếc lược sừng con duy nhất còn lại, khi còn ở Sài Gòn. Tôi cứ thường lấy những que diêm ra xếp thành chữ trên sàn: "Đặng Chí Bình chi mộ!" trong một cái khung hình chữ nhật cũng bằng que diêm, như mộ bia, rồi ngồi nhìn những chữ đó hàng giờ, với bao nhiêu nỗi đầy vơi của kiếp người.

Trong cái tắc tị của tinh thần, tôi suy nghĩ đến thuyết luân hồi của nhà Phật. Tôi nhắm mắt, hình dung mơ màng, khi tôi chết đi, kiếp sau biết đâu tôi chẳng là vị tướng tài ba chỉ huy một đoàn quân hàng chục vạn người, đập tan lũ cộng thù, giải phóng đồng bào miền Bắc mà kiếp này, tôi đã không làm được. Hoặc biết đâu, tôi lại đầu thai làm con, của một trong lũ Bộ Chính Trị miền Bắc, lớn lên, chính tôi sẽ là người đào mồ chôn cái chế độ, gọi là xã hội chủ nghĩa miền Bắc. Nếu tôi đầu thai là một phụ nữ, tôi sẽ là một cô gái hiền dịu, tôi sẽ khôn khéo đem cái sắc đẹp của tôi để phục vụ Tổ Quốc, phục vụ nhân dân, góp phần tiêu diệt lũ cộng thù của dân tộc. Nếu không, ít ra tôi cũng có một lập trường rõ ràng, là chỉ yêu và lấy những ai một lòng thực sự vì dân vì nước, trong lúc quê hương dân tộc đang hồi lầm than nghiêng ngửa như lúc này. Chứ, dứt khoát tôi không lấy những loại chỉ suốt đời lao vào công việc, cũng như học hành, đạt những bằng cấp cao để cốt vinh thân phì gia, quên hết cả giống nòi. Loại này, nói đến quê hương, Tổ Quốc, chỉ nói ở cái lỗ miệng, còn thực tế lại chỉ lo tranh giành địa vị, nấp dưới những bình thường này nọ để …..xui người khác ăn cứt gà. Những loại đó, đừng hòng! Bởi vì, chính thái độ của người phụ nữ có tác dụng huyền diệu giáo dục và nâng cao tinh thần của nam nhi rất nhiều. Ngược lại, cũng do thái độ của nữ giới đã làm hư hỏng biết bao nhiêu người trai. Họ chỉ biết lăn xả vào tìm tiền và danh vọng để phục vụ…..phụ nữ.

Tôi cứ hình dung, tưởng tượng, đặt giả thuyết là tất cả những người Việt Nam thân yêu của chúng ta, từ gia đình đến học đường, cho đến ngoài xã hội, ngoài những vấn đề giáo dục học vấn, phải hun đúc những người thanh niên thấy rõ trách nhiệm với quê hương dân tộc, nhất là khi đất nước gặp cảnh lâm nguy, lầm than…..và, riêng với nữ giới, ngay từ khi còn nhỏ trong gia đình cũng như trong học đường, đã được giáo dục uốn nắn, khích lệ để được trang bị một quan điểm, lập trường là chỉ yêu và lập gia đình với những thanh niên có lòng vì dân vì nước thực sự, đồng thời, phải biết khinh bỉ chán ghét những người thanh niên nào chỉ nghĩ đến mình, đến đại vị, đến phú quý giầu sang, dù quê hương tan tành, dù dân tộc có rên xiết thê lương. Mặt khác, ngoài xã hội, từ báo chí đến các phương tiện tuyên truyền, cũng như quan niệm trong quần chúng, bằng mọi khía cạnh, phải đề cao cổ vũ những người phụ nữ nào đó những hành động cao đẹp ấy, nêu lên những tấm gương chói sáng cụ thể bằng người thực, việc thực, v.v…..một cách đích đáng. Nếu được như vậy, tôi dám hy vọng rằng, chỉ trong một hay hai thế hệ là cùng, lúc đó thanh niên Việt Nam sẽ không thiếu gì người tài, không thiếu gì người lăn xả vào hiểm nguy khi vận nước gặp hồi nước sôi, lửa bỏng; và ngày mai của dân tộc ta, sẽ không thiếu những gương anh dũng, quyết tử vì Tổ Quốc như Nguyễn Thái Học, Phạm Hồng Thái, Hoàng Thụy Năm, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Hồ Ngọc Cẩn, Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ v.v… Thế giới lúc đó, khi nói đến Việt Nam, sẽ phải nói với thái độ như nói tới nước Nhật hay Do Thái vậy.

Hầu hết thế giới và chúng ta, khi nói tới dân tộc Nhật, thường chỉ chú ý tới tinh thần võ sĩ đạo của người Nhật là sẵn sàng chết cho quê hương, mà quên là người con gái Nhật đã góp phần chủ yếu để cho nhân dân Nhật có nét tự hào đó. Chúng ta, ai cũng thấy rất đơn giản là, một người vợ miệt mài ra sức làm cho người chồng một bữa ăn ngon, nếu người chồng biết ca ngợi, đề cao đích đáng, hãy tin đi, sẽ có và còn nhiều bữa ăn như thế, hoặc hơn thế nữa. Ngược lại, người chồng lại thờ ơ, không có một thái độ, hay một lời nói để khen ngợi bữa ăn đó, lần sau it khi có; nếu còn có, người làm cũng chỉ vì ở cái thế bắt buộc mà thôi…..

Óc tôi cứ chảy dài theo dòng suy tưởng vào một giấc mơ. Giấc mơ ấy, có lẽ cuối cùng cũng vẫn chỉ là…..một giấc mơ!

Thân tôi hèn, chí tôi thiển; hơn nữa, vì hoàn cảnh bất hạnh đau thương của tôi, tôi đang muốn tìm đến cái chết để

lìa bỏ cõi đời này. Chỉ mai kia, tôi đã về với cát bụi mây ngàn…..Trước khi trở về lòng đất mẹ, tôi chỉ biết kêu gọi những bậc Cha Anh, những nhân vật lỗi lạc, những người giầu có, người góp công, người góp của, cùng chung một mục đích để làm những việc này một cách tận tâm, tận lực, lăn xả cho mục đích, giấc mơ đó sẽ hiện thực được, và sẽ trở thành truyền thống yêu nước quên mình của quảng đại nhân Việt Nam yêu dấu của chúng ta. Khi đó, hẳn là tôi không còn trên cõi đời này, nhưng, những uất khí không còn trong bộ xương nữa.

Tôi mở mắt ra, như bừng tỉnh một cơn mê để trở về với thực tại. Tôi xoay lại thế ngồi, nhìn lên cửa sổ phía sau, từ mặt sàn xi măng đến mép dưới của cửa sổ cao độ 1 mét 50 phân. Bức tường dày 50 phân. Một hàng song sắt to tướng ở giữa, ngăn đôi cái độ dày của bức tường, phía trong 15 phân, phía ngoài 35 phân. Một lượt lưới thép ép sát phía trong song sắt. Lưới thép đan thành những lỗ hở vuông mỗi bề 3 phân.

Tôi xoay lại thế ngồi khác để nhìn cái chân trong cùm. Vì muốn tạo điều kiện cho kế hoạch ngày tới, từ hàng nửa tháng trước, tôi đã lấy cái quần đùi rách, quấn chân tôi thành một cục như một cái tổ. Mỗi lần mở cùm thay chân, tôi chỉ việc rút ra rồi lại đút chân kia vào. Cá biệt, có tên cán bộ cẩn thận, trước khi đóng chốt cùm, còn vào nhìn kỹ, khi trông rõ cái chân tôi nằm trong cùm rồi, mới chịu ra đóng chốt, và đóng cửa.

Chạm Mặt Tử Thần

Chờ mãi rồi thời cơ cũng đến. Hôm ấy là Chủ Nhật. Chiến, cán bộ trực xà lim nghỉ, một cán bộ khác vào thay thế trực ngày Chủ Nhật. Thực là trời giúp để tôi thực hiện được kế hoạch. Gần 8 giờ, tôi nghe tiếng mở cổng xà lim, tiếng chân nhè nhẹ và tiếng chùm chìa khóa lọc xọc. Khi vào tới bàn trực, tiếng xô ghế, rút ngăn kéo bàn, rồi đóng lại, tiếng ném chùm chìa khóa lên bàn, tiếng khì khì thở lúc nặng, lúc nhẹ. Không sai vào đâu nữa, đúng lão Kim già rồi!
Lão này, phần vì già phải đeo kính trắng, mắt nhìn tơ lơ mơ; nhưng phần chính, so với các tên công an khác, lại tương đối dễ tính. Có lần, y trông thấy một người đứng lên sàn nhìn ngoài, lại chỉ mắng và giáo dục mấy câu chứ không cùm. Cũng vì thế, hôm nào lão trực, hết buồng này báo cáo hỏi cái này, lại tới buồng kia hỏi cái khác, xà lim hôm ấy có vẻ rộn ràng hẳn lên. Lại còn điều này cũng rất đặc biệt, khác hẳn với những tên công an ác ôn kia, trước khi mở cửa cho các buồng ra đổ bô, lão đi mở cửa con suốt một lượt, thấy buồng nào bị cùm là cúi xuống rút chốt cùm ngay. Rồi cho tới khi tù ra đổ bô, lấy cơm ăn, xong lúc trả bát vô, bấy giờ lão mới cùm lại. Buổi chiều cũng như vậy.
Tôi suy nghĩ mãi vẫn chưa hiểu vì sao lão có lòng rộng rãi với người tù như thế. Có thể lão đã già rồi, trông lão phải hơn 60 tuổi; đầu lão tóc đã bạc hơn một nửa, mà lão chỉ có cái lon thượng sĩ. Lão sắp sửa xuống lỗ, trong tâm tư chắc lão muốn có chút phúc đức để khi chết được thanh thản. Phần khác, theo tên Tân nói, lão là cán bộ lưu dụng, đã là cai tù ở Hỏa Lò. Vì thế, thời 1954 trở về trước, cũng có thể khi ấy, những tên Cộng Sản bị tù mua chuộc và lợi dụng lão, rồi kết nạp lão vào tổ chức. Như vậy, lão đã có nhiều thời gian sinh hoạt, giao tế trong quỹ đạo quốc gia, đã thấy được lẽ thiện ác, ân oán ở đời. Bây giờ, 10 năm sau, cũng vẫn…coi tù, thực tế cũng vẫn là anh cai tù. Hơn nữa, hẳn phần nào lão đã thấy được thực chất cái chế độ mà trước đây lão tưởng bở. Cho nên, cuối cùng lão tự hiểu là trong đời: Ở hiền gặp lành; càng khôn ngoan lắm, càng oan trái nhiều. Dầu sao, đây cũng chỉ là sự suy đoán của tôi về lão, trong khi thiếu cơ sở cụ thể, vì vậy, chưa hẳn đã là đúng.

Cửa mở, đến lượt buồng tôi đi đổ bô. Tôi ôm bô vào nhà tắm, thoáng nhìn bộ mặt lão, lòng tôi dâng lên một mối băn khoăn. Hôm nay, tôi sẽ phải lợi dụng cặp mắt kém và tính tốt của lão. Nếu thực hiện được mục đích của mình, lão sẽ phải bị kiểm thảo tơi bời, có khi còn bị kỷ luật hoặc hạ từng công tác nữa. Lương tâm tôi áy náy, thấp thỏm. Nhưng, tên cán bộ Chiến, trực chính xà lim, đầy khôn ngoan, quỷ quái, xem chừng tôi không thể lừa y được. Còn tên Điền, phụ trách việc nhận quà tiếp tế của thân nhân tù, và tên Bằng "mắt lồi" vẫn không kém phần tinh quái. Chỉ còn có lão Kim già này thôi. Đành vậy! Chẳng lẽ chỉ vì những suy nghĩ về lương tâm vụn vặt "tiểu tư sản" đó, lại bỏ cả mục đích của mình sao?
Vì thế, ngay từ lúc trưa, tôi lấy chiếc ba lô vẫn gối đầu, gấp cuốn lại thành một đoạn dài, thay cho khúc chân từ đầu

gối xuống cổ chân. Buổi chiều, khi lão Kim đến rút cùm cho tù nhân đi đổ bô lấy cơm. Trong khi chờ đến lượt buồng mình, tôi tập thử mấy động tác cho thực nhanh, nhuần nhuyễn, hầu như chỉ trong một phút; cởi quần, co một chân vào sát mông, mặc quần, ngồi ngay vào sàn. Lấy cái ba lô đã buộc sẵn, đút vào chỗ ống quần không có chân, để nối với cái túi vẫn đút bàn chân mọi khi. Làm đi làm lại hai, ba lần cho thuần thục.
Từ sáng, tôi đã để ý khi lão mở một buồng nào cho ra trả bát, múc nước (ở thùng nước đặt tại mé hè chỗ bàn trực) lão thường ra theo, ngồi vào bàn, có khi cầm chùm chìa khóa đập chơi xuống bàn, có khi mở sổ trực ra nhìn. Dáng điệu chậm chạp, cho tới khi tù cầm gáo nước đi vào buồng, bấy giờ từ bàn lão mới đứng dậy, đi theo vào đóng và khóa cửa. Thời gian từ bàn lão đi theo tới cửa buồng khoảng hơn một phút. Thừa sức để tôi làm những động tác đã thực tập.
Gần 4 giờ chiều, đến giờ lão mở các buồng cho trả bát, tôi cũng hơi hồi hộp. Lão mở buồng số 1. Chẳng hiểu buồng số 1 báo cáo hỏi lão cái gì, một lúc lâu đến 5 phút, lão mới đóng cửa cài then và khóa. Buồng số 2 từ hôm tôi đến không thấy mở cửa bao giờ, vậy là không có người. Rồi cửa buồng tôi mở. Tôi lấy dáng đi chậm chạp. Lúc đặt bát cũng như khi múc nước, tôi liếc nhanh, thấy lão ngồi vào bàn, rút ngăn kéo đang lục tìm cái gì.
Tôi trở vào buồng. Hơi căng thẳng, tôi làm rất lẹ, trong khi tai vểnh lên nghe tiếng bước chân lão. Tôi vừa hoàn thành xong, và lấy cái chăn khoác lên người thì bước chân lão đi vào. Khi tới buồng tôi, lão thò cổ vào buồng nhìn tôi một lúc, rồi nhìn chân tôi. Tim tôi hơi thắt lại. Tại sao lão lại nhìn tôi lạ lùng thế? Tôi vẫn ngồi yên như vậy, chờ cho lão mở hết các buồng….. Rồi đợi đến 5 giờ, một tên cán bộ khác đến nhận thay "ca", đi mở các cửa con kiểm tra…..
Mãi đến 6 giờ, xà lim mới trở về yên tĩnh, vắng lặng. Từ chiều, bao nhiêu tâm tư, trí óc mải tập trung để thực hiện xong bước đầu của kế hoạch, bây giờ tôi như mới hoàn hồn, trở về với nỗi đầy vơi của kẻ sắp giã từ cõi đời.

Tôi ngồi gục đầu rũ rượi, ngụp lặn trong một trời khổ đau, uất hận. Óc tôi cứ bập bềnh nổi trôi trên giòng sông thê lương. Trước đây, tôi từng nghe nói đến những người chán đời tự tử, mỗi người mỗi tình huống khác nhau. Còn tôi, tôi vẫn tha thiết với cuộc đời, tôi không chán đời, lòng tôi vẫn khao khát với cuộc sống con người. Nhưng, chỉ vì một cái thế, điều kiện hoàn cảnh đã dồn tôi đến chỗ phải xa lìa cuộc sống. Yêu thương đời tha thiết, mà phải xa lìa! Một nỗi đau dầy vò, cấu xé dâng lên đè tôi gục xuống sàn, lịm dần vào đêm thâu… để chờ giờ khởi sự.

Đêm khuya im vắng, thỉnh thoảng một tiếng rên rỉ vọng lên từ một buồng nào đó. Đôi khi một tiếng rú giật lên, dài lê thê vang vào đêm trường của một ai đó, chắc trong một cơn ác mộng hãi hùng.

Lúc này, chắc hẳn 1, 2 giờ khuya, có tiếng bước chân lạo xạo bên ngoài, phía sau xà lim. Có lẽ là tiếng bước chân của một tên công an vũ trang đi tuần tra. Tôi bò dậy, cởi cuộn thừng, tôi vận cuốn chung quanh bụng ra, giấu dưới chân. Tôi tìm bó tăm, cởi ra, lấy sợi ny lông "chì mật". Tôi muốn mẩu "chì mật" này sẽ theo tôi về lòng đất, vì thế, tôi đút sâu vào hậu môn. Tôi đang loay hoay đút mẩu "chì mật" thì thoáng nghe có tiếng bước chân, động lá khô ngoài sân xà lim, tôi vội vàng nằm xuống, lấy chăn đắp che kín cả người, cả cùm, chỉ để hở cái mặt. Một lúc, cửa sổ nhỏ bật mở. Như vật là một tên cán bộ đến thay "ca" trực. Cứ hai tiếng một "ca".

Tôi lại bò dậy, lấy cuộn dây dưới chăn ra. Trước hết, tôi thắt chặt nút một đầu dây, rồi lại buộc thanh một nút tuột thòng lọng. Vừa buộc, tôi vừa nhìn lên hàng song sắt ở cửa sổ là một mét rưỡi. Từ mặt sàn xuống đến nền nhà là 60 phân. Như vậy, từ mép dưới của cửa sổ xuống tới mặt nền là 2m10. Tôi hiểu, thường thường người ta muốn thắt cổ tự tử, phải làm sao khi đã thắt rồi, dù muốn cởi ra cũng không được nữa. Bởi vì, con người ai cũng thế, khi sắp tắt thở, do phản xạ tự nhiên, không còn theo ý định của mình nữa, sẽ tìm mọi cách để thở. Như vậy, việc thắt cổ ấy sẽ khó thực hiện được, nếu tôi đứng trên sàn, buộc dây lên song cửa sổ, rồi đạp chân cho người treo lủng lẳng xuống nền nhà, lúc đau đớn vì không thở được, tôi sẽ vùng vẫy với hai tay lên mép cửa sổ, để kéo người lên; hoặc dạng hai chân ra để đứng vào hai sàn bên, làm sao chết được.

Vì thế, tôi phải trèo lên mép cửa sổ, rồi thắt theo lối chuyên môn đặc biệt do nghề nghiệp dạy cho, mới hy vọng….. chết được!

Trong lúc lúi húi buộc dây, tôi nhìn sợi dây oan nghiệp sẽ kết liễu đời mình. Một niềm xúc động tự nhiên trào vào lòng. Hình ảnh mẹ tôi hiện ra nhìn tôi đăm đăm Rồi hình ảnh bố tôi, các em tôi. Tôi nghĩ đến Cục Tình Báo miền Nam. Nghĩ đến miền Nam thân yêu cách xa vời vợi… Tôi khóc. Không phải vì tôi sợ chết (chứng tỏ tôi đang tìm đến với tử thần). Cũng không phải tôi tiếc thương cõi đời này. Đó chỉ là những giọt lệ tủi hận, của một kiếp người chết trong tăm tối, âm thầm uất nghẹn. Rồi đây, không một ai của miền Nam, kể cả bố mẹ và các em tôi, biết là tôi chết trong tủi hận thế này. "Xin bố mẹ tha tội cho đứa con bất hạnh này!" Tôi lẩm bẩm, quỳ lên, hướng về miền Nam lạy 3 lần, xin vĩnh biệt cuộc đời!…

Tôi đứng lên, thọc một đầu dây vào lưới thép, thắt thật chặt vào chân một cái song sắt. Tôi trèo lên cửa sổ. Ngoài mối thòng lọng, bên trên tôi thắt một nút nữa. Nút này tôi chỉ thắt hờ một lần, để nếu kéo mạnh hai đầu, dây sẽ rút chặt lại. Tôi leo hai chân lên như ngồi xổm ở mép cửa sổ. Tôi đút đầu váo cái nút thắt hờ phía trên. Hai tay quàng xuống phía dưới hai đầu gối, rồi đút vào cái thòng lọng và rút buộc chặt hai cổ tay lại. Lúc này, tôi chỉ cần đẩy nhẹ cho người lạng ngã ra là xong. Khi ấy, nút thòng lọng đã buộc chặt hai tay mình, muốn rút ra cũng không được nữa vì cả sức nặng của cơ thể. Hai chân càng đè nặng hai tay, sẽ rút chặt cái nút ở cổ. Vì sức mạnh của cơ thể, càng giẫy dụa, nút ở cổ tay càng chặt và nút ở cổ càng rút vào. Lúc này, người tự tử không muốn chết nữa cũng đành phải gặp tử thần để về lòng đất thôi. Trừ khi…..có người khác cứu.

Chỉ 5 phút ngồi trên mép cửa sổ, tôi đã làm xong tất cả, chỉ cần đẩy nhẹ người ra một cái là xong hết mọi chuyện!

Bỗng, một tiếng quát to vang lên trong đêm khuya, ngay dưới cửa sổ, phía đàng sau xà lim:

- Anh kia! Trèo lên đó làm gì đấy!

Tôi giật mình, vội hất người ra lao xuống nền, đầu thoáng nghĩ: Chỉ mười phút thôi! Nghĩa là chỉ trong 10 phút, không còn cứu được nữa.

Tôi chỉ thấy cổ mình bị giật mạnh, rồi đầu tôi nóng ran như lửa đốt. Và, tôi không biết gì nữa…

Hết tập I

Tuyệt vọng sau cuộc đảo chính giết chết Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tác giả đã tự treo cổ trong tù để kết liễu đời mình. Cái gì đã khiến ông sống lại; để tiếp tục giai đoạn dở sống dở chết trong lao tù Việt Cộng?

Xin xem tiếp Hồi Ký Thép Đen tập II.

Chương 43

→

Chưa dứt… nghiệp! …

Mãi tới khi thấy mũi cay xè, tôi mở mắt thấy lố nhố mấy người, rồi tôi cứ nấc lên, và không thở được nữa. Tôi lại mê man. Đầu tôi vẫn nóng như nung, và như vang vang một hồi còi ai thổi rất dài, đôi lúc ngân nga như tiếng sáo diều…..Rồi tôi tỉnh lại. Mãi một lúc lâu, tôi mới nhìn rõ một người mặc quần áo xanh đang đè chặt ngực tôi. Tôi cảm

thấy khó thở. Cố gắng lắm, tôi cũng chỉ thở được khò khè. Bây giờ, tai tôi mới nghe được tiếng người nói, nhưng rất nhỏ:

- Sống rồi!

Người mặc quần áo xanh mặt trắng trẻo, chừng tuổi tôi, cầm tay tôi và nhìn tôi với một vẻ đầy thương cảm. Anh ta cúi sát tai tôi nói:

- Đừng dại mà tự tử. Hãy cố gắng mà sống!

Tôi muốn với anh ta lời cảm ơn, nhưng tôi không nói được, chỉ đưa mắt nhìn anh ta với vẻ biết ơn. Một lúc sau, tôi thấy một người mặc áo "blouse" trắng ôm khay thuốc đi vào. À, ông Huệ y tá. Ông ta cầm chiếc ống nghe trên khay thuốc đeo vào tai, rồi vạch ngực áo tôi lên, đặt ống nghe chỗ này, chỗ khác. Lúc này tôi đã nghe rõ hơn chung quanh, có hai tên áo vàng là tên Nhiễm vẫn trực xà lim III và tên Kế trực ở ngoài trại chung. Tên Kế tay đang cầm sợi dây thừng bằng vải của tôi, một phía đầu dây có vết cắt.

Y tá Huệ nghe ngực tôi một lúc, rồi lấy một gói thuốc gì, bột vàng vàng đổ vào một chiếc ly nhỏ cùng với một chút nước còn lại, trong cái gáo dừa ở buồng tôi. Y quấy một lúc rồi đổ vào miệng tôi, dịu giọng:

- Anh uống cái này đi!

Cổ họng đau quá không nuốt được, nên tôi chỉ nhấp từng ngụm nhỏ. Ly nước chỉ có một chút mà tôi uống mãi mới hết. Mùi thuốc gì hăng hăng như mùi rau cải bẹ sống.

Sau đó, y lấy chai dầu nóng, dùng bông xoa chung quanh cổ của tôi. Vừa xoa, y vừa nói:

- Anh chết thiệt thân anh thôi! Đừng nghĩ quẩn mà dại như thế!

Tôi nằm nghe, chẳng muốn nói gì. Vả lại, cũng không nói được. Một lúc sau, chúng ra hết và đóng cửa buồng lại. Lúc này trời đã sáng! Phần đau, phần mệt, tôi lại lịm đi lúc nào không biết…..

Mãi tới khi nghe tiếng người gọi, tôi mở mắt ra, trời đã sáng rõ. Tên Chiến, cán bộ trực xà lim, quắc mắt nhìn tôi:

- Hôm qua, anh dám đánh lừa cán bộ Kim rồi thắt cổ hả?

Tôi nhìn y nhưng không nói được. Y có vẻ bực tức, một lúc, có lẽ hiểu tôi không nói được vì thấy cái cổ sưng to lên của tôi. Y trở ra đóng cửa, và mở các buồng cho ra đổ bô.

Đến khoảng 9 giờ, cửa lại mở. Lần này là tên Trì, thượng úy phó giám thị và tên Chiến đứng sau lưng y. Tên Trì với giọng miền Trung nặng chịch:

- Anh định tự tử theo chân Ngô Đình Diệm?

Tôi nhìn y, lắc đầu. Y cười nửa miệng, nói với giọng giễu cợt:

- Anh muốn trung thành với Ngô Đình Diệm, anh ôm bí mật xuống lỗ để báo cáo với y hỉ?

Thái độ của lão thật đểu cáng, tôi quay mặt vào phía trong nằm im. Trước khi ra, y còn quay lại đe:

- Rồi đây, đến lúc muốn sống cũng không được sống!

Tôi hiểu, với cộng sản, dù tòa án của chúng đã xử anh tử hình và chờ ngày đem bắn, anh tự tử chúng cũng vẫn cứu sống, để rồi chính chúng thi hành bản án. Chúng muốn bóc lột cả chủ quyền thiêng liêng nhất là sự sống, quyền sở hữu sơ đẳng của con người. Huống chi, tôi vẫn còn đang trong thời gian bị khai thác. Chúng phải cần tôi sống để moi chứ.

Cả buổi sáng hôm ấy, chúng không cho tôi ăn uống gì. Vì thế, tôi càng mệt lả, nằm li bì mãi tới chiều. Tới giờ cơm, tên Chiến mới mở cửa, nhìn tôi quát:

- Bò dậy, ra lấy cháo!

Cả người mệt lả vì đau và vì từ chiều hôm qua tới giờ không có gì trong bụng, tôi cố gượng dậy mà mắt hoa lên. Nhưng, tôi hiểu là nếu không cố gắng ra lấy cháo ăn, càng đói càng khổ mình, chứ chúng không bao giờ bưng vào cho. Những người tù hình sự làm việc bưng thùng cơm ở ngoài kia thì lại không được phép trông thấy người trong xà lim, nên chắc chắn chúng cũng không cho mang giúp vào. Tôi chập choạng đứng lên, tưởng muốn ngã. Cổ tôi sưng to, không quay đi quay lại được. Tôi vịn sàn, vịn cửa, rồi hai tay lần theo tường lảo đảo, chậm chạp ra chỗ lấy cơm.

Tới nơi, tôi thấy chỉ là một bát nước cháo. Tôi cảm thấy mệt quá, ngồi bệt ngay xuống hè, cố nâng bát cháo lên húp. Thấy mằn mặn, chắc có pha ít muối.

Tên Chiến không muốn mất thì giờ, định giục tôi mang bát cháo vào trong buồng, nhưng khi nhìn thấy tay tôi bưng bát cháo húp còn run run chực đổ xuống nền mấy lần, nên y chỉ thúc:

- Mau lên!

Vì bụng đói, tôi cố gắng húp. Nhưng, cái cổ đau, cuống họng của tôi bây giờ hình như bé đi, tôi chỉ húp được từng chút một, và mỗi lần nuốt xuống như có mảnh chai cào vào cuống họng, rát như bỏng. Phải đến mười lăm phút sau, tôi mới húp hết bát cháo.

Tên Chiến tỏ ý rất bực bội, tôi vừa bỏ bát xuống, y đã cộc lốc:

- Vào!

Tôi lại chậm chạp đứng lên, lần theo tường lảo đảo vào buồng.

Hai ngày húp nước cháo, rồi sau đó ăn cháo 3 ngày. Bây giờ, tay trái của tôi bỗng dưng xuội hẳn ra như bị liệt; còn phía trên đỉnh đầu, suốt ngày đêm cứ cắn như kim châm. Tôi hiểu rằng đây là những phản ứng hậu quả của cơ thể vì việc thắt cổ tự tử.

Ngay ngày thứ ba, khi bắt đầu được ăn cháo, chúng đã bắt tôi bỏ chân vào cùm rồi. Tâm trạng tôi lúc này thực buồn nản ghê gớm. Đúng là cái nghiệp mình phải trả, chưa dứt được. Muốn chết cũng không xong! Bây giờ, lại mang bệnh đau óc và xuội tay. Sống như thế này, còn khổ biết chừng nào!

Tôi nằm nhớ lại hôm tôi thắt cổ, và suy đoán qua những hiện tượng lúc đó. Phải rồi, khi tôi trèo lên mép cửa sổ, chắc chắn là ánh đèn điện giữa trần của căn buồng, đã chiếu bóng tôi xuống lối đi phía chân tường, sát bên ngoài buồng giam (nhưng vẫn là bên trong Hỏa Lò). Một tên công an vũ trang thỉnh thoảng đi tuần tra bên ngoài, phía sau

xà lim, hoặc đang đứng canh trên một vọng gác gần đó, giữa đêm khuya vắng lặng, thoáng thấy một bóng loay hoay ở cửa sổ, hắn y nghi là có tù đang chuẩn bị tìm cách trốn, nên đã bí mật theo dõi và tiến sát gần cửa sổ. Lúc bấy giờ, một phần do tâm trạng của một kẻ sắp lìa bỏ cõi đời, chẳng quan tâm đến những sự việc chung quanh nữa; phần khác, vì tôi không có định trốn, nên tôi chỉ chú ý đến việc thực hiện "kế hoạch" tự tử của mình mà không để ý gì đến sự việc bên ngoài. Vì vậy, tôi đã không phát hiện kịp.

Sau khi theo dõi một lúc, thấy tôi loay hoay với thừng dây tròng vào cổ, y đã đoán được ý đồ của tôi nên quát hỏi. Rồi mặt khác, y chạy ngay vào báo cho cán bộ. Rồi, có lẽ y cũng theo cán bộ vào buồng tôi. Như thế, y phải là cấp chỉ huy của công an vũ trang, và phải quen biết cán bộ quản giáo, y mới vào buồng giam đặc biệt này được. Vậy, tên mặc quần áo công an vũ trang "màu xanh" vuốt ngực tôi và nhìn với vẻ thiện cảm chính là người đã quát tôi bên ngoài cửa sổ chăng?

Nghĩ lại, tôi không biết nên trách vì mình không chết được là tại y, hay cảm ơn vì còn sống được là nhờ y? Bần thần một lúc, tôi thấy trong lòng mình như dâng lên một mối thiện cảm với y. Do từ một bộ óc còn chút tình người, từ một trái tim vẫn còn đỏ máu tươi nhân đạo trong chế độ đã hết tình người. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, anh vẫn là một cây sen quý. Vậy mà, tôi chả biết anh là ai, dù mai đây có gặp lại!

Tóm lại, từ ngày vào Hỏa Lò tới nay, đã ba lần tôi đến sát với cái chết. Chúa, Trời vẫn bắt tôi phải sống để nhận những đắng cay, tủi nhục của một kiếp lao tù.

Sau 5 ngày ăn cháo, cổ tôi dần dần đỡ đau, bây giờ, tôi đã nói được, nhưng vẫn khào khào như con ngan đực. Người tôi đã đói rã rời triền miên vì 5 ngày ăn cháo, nên cơ thể càng cồn cào, mệt mỏi. Tuy nhiên, một điều làm tôi phấn khởi hơn là nhờ sự tích cực tập cử động, cánh tay trái của tôi từ từ đã đưa lên đưa xuống được; sau nhiều lần dùng tay mặt giúp sức đưa lên đưa xuống. Có hưng phấn một chút vì tay trái cử động được, thì lại lo âu thêm vì cái đầu ngày càng nhức nhiều hơn. Cái bệnh đau đầu này làm tôi lo sợ không ít.

Ngày thứ 6 kể từ ngày tự tử hụt, tôi bắt đầu được ăn cơm. Bây giờ, bữa cơm thường rất lâu, vì tôi phải nhai thật kỹ từng miếng nhỏ. Tên Chiến thông cảm, nên tới giờ trả bát, y mở hết các buồng khác trước, rồi sau cùng mới mở buồng tôi.

Chiều hôm đó, tên Chiến mở cửa gọi tôi ra bàn trực. Tôi không biết sẽ có chuyện gì. Sau khi bảo tôi ngồi, y nghiêm mặt, lạnh lùng:

- Hôm Chủ Nhật vừa qua, anh đã đánh lừa cán bộ, do vô tình đã không cùm anh. Rồi anh xé quần áo trại đánh thừng, đang đêm tự tử. Anh đã vi phạm trầm trọng nội quy xà lim. Hôm nay, tôi gọi anh ra đây, cho phép anh viết kiểm điểm. Anh chuẩn bị ra sao, đánh lừa cán bộ thế nào, vì sao anh định tự tử?... Tùy theo bản viết kiểm điểm của anh thành khẩn trình bầy và nhận khuyết điểm đến đâu, cách mạng sẽ theo đó để có biện pháp xử lý.

Nói xong, y mở ngăn kéo rút ra 3 tờ giấy trắng, đưa một cây bút với lọ mực cho tôi, rồi chỉ vào cái ghế:

- Hãy đem ghế ra góc sân kia ngồi viết!

Tôi đem cái ghế ra góc sân như y bảo, rồi ngồi bệt, ghệ xuống hè, để giấy lên mặt ghế làm bàn. Nội dung chính tôi viết: Tôi xác định là có tội với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, bởi vì rõ ràng tôi đã xâm nhập vào thủ đô Hà Nội. Nhưng, vì có lòng thích xã hội chủ nghĩa, nên tới Hà Nội tôi đã không hoạt động gì cho chính quyền miền Nam cả. Khi bị bắt, tôi đã thành khẩn khai báo tất cả sự thực ngay từ đầu. Nhưng, đã gần 2 năm rồi, tôi vẫn bị cùm kẹp ở trong xà lim. Nghĩ rằng trước sau cũng chết và quá đau thương tủi hận vì nhà nước và cách mạng không hiểu cho lòng thành thực của mình, nên tôi đã tìm cách tự tử. Còn sống ngày nào, thì chỉ là những ngày tâm tư bị dằn vặt khổ

đau, v.v…

Tôi đang viết, bỗng nhiên có tiếng đập vào cánh cổng xà lim thình thình. Tên Chiến ngồi ở bàn hất tay bảo tôi:

- Vào ngay nhà tắm, đóng cửa lại!

Tôi hiểu là có người đi cung được cán bộ giong về. Ở xà lim, tù nhân khác buồng không được phép nhìn thấy nhau. Một lúc, chắc hẳn đã đưa tù đó vào buồng rồi, tôi nghe tên Chiến nói to:

- Nhà tắm ra đi!

Có lúc cũng đang viết, cán bộ vào gọi buồng nào đó đi cung, tôi cũng lại phải chạy vào nhà tắm… Tuy ngồi viết, nhưng tâm tư tôi cũng đầy vơi với bao nhiêu nỗi niềm của cuộc đời. Nhìn những tảng mây trắng đang lững lờ theo gió bay về phương Nam xa xôi, lòng tôi như muốn nhắn nhủ, gởi gắm nỗi nhớ thương chất chồng đang đầy ắp trong tôi về phương trời bên ấy. Một đàn sẻ năm, sáu con vụt sà đáp xuống phía cuối góc sân, nhảy nhót tung tăng, ríu rít chuyện trò với nhau. Sân xà lim vắng lặng đìu hiu, làm gì có đồ ăn cho chúng. Chỉ có những đám rêu xanh mọc bám dài theo chân tường. Chúng thi nhau mổ lấy, mổ để, chẳng hiểu món ăn của chúng là những ngọn rêu xanh, hay những chú côn trùng trong đám rêu xanh ấy? Tôi chợt nhớ lại những đoạn đời ấu thơ nơi quê nhà. Bạn bè dăm ba đứa cũng nhảy nhót tung tăng suốt ngày. Bây giờ, tôi ngồi đây, trong cảnh này! Một tiếng thở dài nhè nhẹ lê thê như tự xót thương cho số phận của mình! Ngày ấy, nay còn đâu! Mùi rêu xanh ẩm mốc, mùi của những chiếc lá bàng khô, và mùi cống rãnh xông lên, tất cả quyện lại thành một thứ mùi hăng hăng, nồng nồng như mùi của một ngôi chùa hoang, hay miếu cổ. Càng làm tăng lên sự tịnh mịch hoang vắng của xà lim. Mặc dù nơi đây nằm giữa thủ đô Hà Nội. Đầu tôi lại tự nhiên cắn nhức, tôi viết đại cho xong, rồi đưa nộp cho y. Lúc đó, cũng đã gần hết giờ buổi chiều. Sáng hôm sau, vừa đến giờ làm việc, cửa buồng tôi đã xịch mở, tên Chiến tay cầm một tờ giấy, nhìn tôi lạnh lùng:

- Anh hãy nghe lệnh kỷ luật của ban giám thị:

"Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa – Bộ Công An

Lệnh kỷ luật

Tên: Đặng Chí Bình xé quần trại, đánh lừa cán bộ, vi phạm trầm trọng nội quy xà lim. Nay quyết định: Cùm hai chân trong thời gian 7 ngày. Kể từ ngày…..tới ngày…..

Ban Giám Thị trại,

Phó Giám Thị

Lê Trì."

Chao ôi! Lại cùm ư! Cổ tôi hãy còn sưng, tiếng nói của tôi còn chưa rõ, đầu tôi vẫn đau nhức như kim châm mà không có thuốc, bây giờ lại cùm hai chân! Tuy nói chỉ 7 ngày, nhưng như những lần trước đây, làm sao tôi tin được, mà sống cũng không sống được!

Y trở ra, rút chốt cùm, và bắt tôi bỏ cả 2 chân vào. Như cái xác không hồn, như cái mày, tôi theo lệnh hắn cho thêm chân nữa vào cùm…

Chương 44

Đường dây tài liệu "M"....bị lộ?.....

Mùa hè thứ hai đã bắt đầu. Chúng đã thu chăn lại. Tuy trời chưa nóng, nhưng muỗi đã mỗi ngày một nhiều. Tôi nằm vật ra, nhắm mắt, để mặc cho giòng tư tưởng tràn dâng như sóng biển sầu. Tôi chợt nghĩ đến cái biên bản kỷ luật mà tên Chiến đọc. Chúng chẳng nói tới chuyện tôi xé quần để làm gì. Tôi xé quần áo đánh thừng tự tử! Vậy mà trong biên bản, chẳng có một câu nào, hay một ý nào nói đến việc tự tử của tôi cả. Trong dạ cũng hơi băn khoăn, nhưng thôi cũng mặc, chúng muốn nhào nặn thế nào kệ chúng. Thân mình bây giờ, có còn là của mình nữa đâu!

Đầu tôi cứ cắn nhức không thể chịu được. Nó như muốn nổ tung ra. Không thể nào nằm yên được nữa, tôi chống tay bò dậy, lấy hai tay đập đập vào đầu. Tôi đã báo cáo với tên Chiến mấy ngày nay, nhưng vẫn chả có viên thuốc nào, cũng chẳng thấy mặt mũi y tá đâu. Suốt cho đến chiều tối, tôi không thể nằm được, ngồi lên thì đầu đỡ nhức hơn. Nhưng, ngồi mãi hai chân mỏi rừ trong cùm. Tôi rũ rượi dựa vào tường, cố gắng chịu đựng cơn đau, cái mỏi.

Đột nhiên, có tiếng đập cửa ầm ầm của một buồng nào đó, rồi im lặng. Chừng một phút sau đập nữa, mấy lần như vậy. Tiếng chân của tên Chiến từ phía ngoài vừa đi vào, vừa quát:

- Buồng nào làm cái gì vậy?

Một giọng nói như gào:

- Tôi ở xà lim đã ba tháng rồi! Hơn một tháng nay không thấy gọi hỏi gì tôi cả. Đề nghị cho tôi gặp chấp pháp để xem sự việc của tôi như thế nào? Ngày nào cũng để tôi thế này, chịu sao được!

À ra buồng số 10, dẫy đối diện với tôi, ở phía trong. Giọng tên Chiến chắc đanh:

- Câm ngay cái mồm! Anh muốn gặp chấp pháp, phải nghiêm túc đề nghị, không được làm ầm xà lim! Lần sau, tôi cùm cổ anh lại!

Giọng số 10, bỗng dưng, như nức nở:

- Xin cán bộ cho tôi gặp chấp pháp. Tôi sợ lắm rồi! Suốt ngày ngồi trong cái buồng con một mình thế này, tôi điên mất!

Tên Chiến dịu giọng:

- Được rồi, nằm im đi, tôi sẽ phản ánh cho!

Tôi chẳng hiểu buồng số 10 tội gì. Không bị cùm, mà còn như thế! Qua tiếng nói, tôi đoán chắc khoảng 25, 30 tuổi.

Xà lim lại trở về im ắng, chỉ còn tiếng rên ư ử phía trong, không rõ là buồng nào. Tôi vào xà lim I đến nay đã ba, bốn tháng rồi, từ lúc mới vào tôi chỉ nghĩ đến cái chết nên chẳng còn tâm trí đâu mà để ý đến các buồng khác ở chung

quanh, như hồi còn ở xà lim II và III. Hàng ngày, bao nhiêu chuyện xảy ra trong cái xà lim nhiều buồng như thế này, tôi cũng chả cần biết. Vì vậy, vào đây đã lâu, tôi vẫn chưa biết gì, dù là khái niệm về các buồng. Ngay bây giờ đây, ngoài hai cái chân trong cùm nhức mỏi, tôi còn phải ôm đầu để chống đỡ với cơn đau từng chập.

Đêm đã khuya, thế mà tôi vẫn chưa dám nằm. Đầu đã đau như búa bổ, nhưng óc vẫn cứ suy nghĩ đầy vơi hết chuyện này, chuyện kia của cuộc đời. Người ta nói rằng: "Sầu héo!" Nghĩa là khi sầu, người ta sẽ kém ăn, ít ngủ, người sẽ gầy đi, teo lại, cho nên mới bảo là sầu héo chăng? Một ý nghĩ buồn cười chợt đến trong óc tôi: Nếu ai sầu buồn thì thở ra khói đen. Nếu người nào càng sầu nhiều, khói càng nhiều, càng đen. Miền Bắc này, chắc luôn luôn ngày đêm sẽ bị khói đen bao phủ. Nhất là Hỏa Lò khói sẽ đen kịt, sẽ phải đốt đèn điện ngày đêm, may ra mới thấy đường đi!...

Sáng hôm sau, mới gần tới giờ làm việc, cán bộ chưa mở cửa các buồng cho đổ bô, tên Điền coi nhà tiếp tế vào gọi tôi đi cung. Đã khá lâu, gần một tháng rồi, không gọi. Hôm nay không biết có chuyện gì? Ra tới phòng cung, tôi thấy hai tên Đức và Thành. Cả hai nhìn tôi chằm chằm, nhất là cổ tôi bây giờ vẫn còn một vết thâm nâu chung quanh. Tôi đoán mau như vậy, bởi vì vừa đây, trên đường đi cung qua một cài hè trước một phòng khách có cánh cửa kính, tình cờ hôm nay mở ra, thoáng nhìn qua tấm kính, tôi đã bần thần ngạc nhiên không thể ngờ được con người trong kính lại là tôi. Thật là kinh khủng! Cùm kẹp, khổ đau và lo lắng cung kẹo đã tàn phá con người tôi đến thế. Đồng thời, tôi cũng chú ý đến cái cổ của tôi, mặc dù chín ngày rồi, vết thâm vẫn còn. Tên Thành chỉ ghế dịu giọng:

- Anh ngồi đi! Lâu rồi, chúng tôi không gặp anh. Dạo này anh có khỏe không?

Vẫn chỉ là một câu hỏi xã giao lấy lệ như mọi khi của chúng. Cũng như những lần trước, tôi cúi đầu dè dặt:

- Dạ, tôi vẫn đều đều!.....

Tên Đức, từ nãy lúi húi mở cặp hồ sơ, rút ra một số giấy tờ, bây giờ y mới lên tiếng:

- Lâu nay, anh có theo dõi đài không?

Phải nói, ít lâu nay, tâm trí tôi cứ lẩn quẩn ngày đêm với những ý nghĩ của người sắp lìa bỏ cõi đời, nên chuyện gì tôi cũng không cần biết nữa. Phần khác, 4 cái loa to ở xa mãi giữa sân trại chung, chĩa ra 4 dẫy buồng chung quanh, nên trong xà lim chỉ nghe loáng thoáng. Thêm nữa, là buồng số 3 của tôi lại nằm mãi phía trong, càng khó nghe hơn. Dù vậy, tôi vẫn trả lời:

- Thưa ông, tai tôi dạo này nghe rất kém, nên không rõ!

Tên Đức ngần ngừ một lúc, rồi hỏi:

- Vậy anh có biết hiện nay, ở miền Nam đang đảo chính xoành xoạch không?

Tôi biết là y chỉ muốn làm ruỗng nát thêm lòng tôi ra, nên tôi trả lời cộc lốc:

- Không ạ!

Những câu hỏi bâng quơ từ nãy tới giờ chỉ là mở đề, lúc này với vẻ mặt lạnh lùng, tên Đức bất chợt hỏi:

- Khi anh ra Hà Nội, anh thường ra đền Ngọc Sơn để làm gì?

Tôi hơi điếng người. Có vấn đề liên quan đến tài liệu "M" rồi chăng? Dù không nhìn thẳng, tôi cũng biết chúng đang theo dõi nét mặt của tôi. Tôi vẫn bình thản, và để thăm dò, tôi trả lời:

- Thưa các ông, như tôi đã viết và trình bày nhiều lần trước đây, Hà Nội nói chung, và riêng đền Ngọc Sơn không những là một thắng cảnh nổi tiếng của đất nước, đối với riêng tôi, nơi đó còn mang nhiều kỷ niệm của buổi ấu thời, nên tôi thường ra thăm lại.

Tên Đức đứng bật dậy, giơ tay chặn không cho tôi nói nữa, y quắc mắt:

- Anh đừng dùng luận điệu cũ rích đó nữa! Tôi nói cho anh biết: Anh đã ra đền Ngọc Sơn để liên lạc với một cô gái! Hiện nay, chúng tôi đã nắm được đầy đủ vấn đề. Vậy, dù anh có không nói ra, cũng không được nữa đâu! Do đó, khôn hồn anh hãy khai rõ mọi chi tiết. Bây giờ, đừng trách gì chúng tôi nữa!

Tôi thấy tim mình tưởng chừng như thắt lại. Nghe từng lời, từng ý nó nói, óc tôi suy nghĩ rất nhanh, và nét mặt vẫn không biến đổi. Tới bây giờ đã gần hai năm rồi, phải chăng đường giây "M" hoạt động, chúng đã "vồ" được? Nếu không, tại sao mãi tới bây giờ chúng mới hỏi? Nhưng, tại sao chúng chỉ nói đến đền Ngọc Sơn, mà không nói đến vườn hoa "Con Cóc"? Như vậy, nếu sự việc liên quan tới tài liệu "M", có thể hiểu theo hai chiều hướng:

1) Do từ Sài Gòn. Nhưng, Sài Gòn không thể biết tôi giao tài liệu ở đâu. Chỉ biết nơi gặp đã được chỉ định là trên cầu Thê Húc.

2) Do đường giây "M". Bây giờ bị chúng "vồ" được rồi, đường giây "M" đã phải khai báo ra. Nhưng nếu đã khai gặp ở đền Ngọc Sơn, sẽ phải khai nhận tài liệu ở vườn hoa "Con Cóc", chứ ở đền Ngọc Sơn không có gì cả.

Cuối cùng, để biết rõ thêm ý chúng, tôi trả lời, mắt giả vờ mở to ngạc nhiên:

- Các ông làm tôi thật ngạc nhiên, tôi không hề nói chuyện với một cô gái nào trong đền Ngọc Sơn cả!

Tên Đức quắc mắt, gầm lên, đập mạnh tay xuống bàn:

- Đến giờ phút này, anh còn ngoan cố như thế! Vậy anh có lợi dụng mấy đứa trẻ con để gặp cô gái ấy không?

Tên Thành từ nãy vẫn ngồi yên, bây giờ cũng gắt:

- Anh Bình! Anh phải biết điều. Anh không khai thật ra, những hình phạt đau đớn sẽ đến với anh ngay sau đây! Anh sẽ hối không kịp!

Trong khi chúng quát nạt, óc tôi cứ nghĩ tiếp. Dứt khoát không phải do người của chúng nằm trong Cục ở Sài Gòn rồi. Bởi vì, nếu đã biết một, thì phải biết hai, có khi phải biết cả ba là khác. Nghĩa là nếu đã biết tài liệu "M", phải biết tài liệu "X", hoặc 3 lá thư của Linh Mục Hoàng Quỳnh. Khi chúng quát tháo xong, tôi đã rõ nguyên nhân rồi. Thì ra là thế! Tôi cảm thấy người nhẹ nhõm hẳn lên. Nếu tôi không bình tĩnh và tỉnh táo tính toán, tôi có khi đã "không khảo mà xưng rồi!" Suýt nữa!…Tôi đã tưởng phen này chắc chết với chúng. Thật là hú vía!

Vì thế, làm như chợt nhớ ra, tôi tươi mặt ngửng lên:

- Trời ơi! Tôi nhớ ra rồi, các ông đa nghi thật. Phải nói đó là một chị phụ nữ, chứ không phải là một cô gái. Hôm đó…tôi không còn nhớ ngày nào; tôi ra đền Ngọc Sơn chơi như mọi khi. Ngồi nhìn mấy em nô đùa, đuổi nhau. Các em vui đùa, nhưng các em lại dùng những câu rất tục tĩu, tôi nghĩ ngay người lớn cũng ít khi nói những câu này…Lúc

đó, một chị cũng ở gần đấy mới tiến lại chỗ các em, chị nói là chị mới ở quê ra Hà Nội. Chị khuyên các em không nên nói tục bậy bạ, ví các em là cháu ngoan Bác Hồ, là mầm non của Đảng vĩ đại, đang ra sức vun trồng, là thiếu nhi Thủ Đô, lá cờ đầu vẻ vang của cả nước v.v… Nhưng không ngờ, có thể vì thấy chị là phụ nữ, lại là một phụ nữ quê mùa nên các em đã chửi lại, thậm chí chúng còn lấy những cục đá con ném chị nữa… Tôi thấy chị đó có ý thức tốt đối với xã hội, nên tôi đã đứng lên nghiêm giọng mắng các em… Phải nói, tôi và chị ấy cũng không hề nói chuyện với nhau… và tôi cũng không hề biết tên chị là gì.

Tên Đức và Thành nghe tôi nói như vậy có vẻ bớt nóng, nhưng tên Đức vẫn còn khẳng quyết:

- Anh đã lợi dụng lúc ấy để trao tài liệu cho chị ta!

Câu nói của y càng làm sự việc sáng tỏ. Do đó, tôi cũng bình tĩnh khẳng định:

- Tôi không biết vì sao các ông lại biết được sự việc ấy. Trước đây, những chuyện như vậy, cũng như hàng nghìn việc của một người, một ngày đi ra phố đã gặp, tôi kể với các ông làm gì. Nếu hôm nay các ông không nhắc đến, tôi cũng quên luôn. Vì vậy, tôi xin đoan quyết là: Tôi không hề nói chuyện hay đưa bất cứ một cái gì cho chị ta. Các ông đã biết rõ, các ông cứ điều tra, nếu tôi sai, tôi xin chịu hình phạt nặng nhất của nhà nước.

Tên Đức vẫn nạt nộ:

- Anh đừng già mồm nữa, anh tưởng chúng tôi không biết à! Anh ra miền Bắc, bất cứ anh làm cái gì chúng tôi cũng biết hết. Anh đi những đâu, làm cái gì, anh tưởng chúng tôi là mộc đấy à?

Thấy y nói như vậy, để đánh một đòn sâu hơn nữa, tôi cười nói:

- Vâng, bây giờ các ông đã biết hết rồi. Bởi vì, ngay từ khi tôi bị bắt, tôi đã thành khẩn khai chi tiết mọi sự thật rồi.

Y lại quát to hơn:

- Anh không khai chúng tôi cũng đã biết, anh hiểu không?

Tôi vẫn cười, nhìn y bằng ánh mắt không tin. Trong khi đó, tôi suy đoán: Tại sao cho đến bây giờ, chúng mới hỏi tôi sự việc ấy. Điều tôi thấy trước mắt là, cho đến bây giờ, vụ án của tôi chúng vẫn chưa tin, chúng vẫn còn đang điều tra. Còn để trả lời câu hỏi trên, vì chỉ đứng một phía cho nên thiếu cơ sở cụ thể, do đó tôi chỉ dám nói có thể ở mấy điểm sau đây: Chúng chưa thỏa mãn về vụ án của tôi, nên chúng phải nghiên cứu lại toàn bộ vấn đề. Từng ngóc ngách, từng khía cạnh, đều phải rà lại; trong đó, chúng cũng nghiên cứu chi tiết lại toàn bộ những bản tường thuật báo cáo của những tên đã theo dõi tôi. Rồi để thẩm tra lại, chúng gọi tôi lên, và để đè chừng bắt bóng, chúng cứ khẳng quyết như sự thật là vậy, rồi xem thái độ của tôi ra sao. Như vậy, tôi chẳng có gì lo lắng nữa, vì thực sự tôi chẳng liên quan cóc khô gì với chị đó cả.

Tên Thành nhìn tôi một lúc, rồi đột nhiên hỏi:

- Anh muốn tự tử để theo chân Ngô Đình Diệm phải không? Anh định tự tử để chôn chặt sự bí mật của anh à?

Tôi tỏ nét mặt buồn buồn, rồi trả lời như tôi đã viết trong tờ kiểm điểm. Tên Thành cười, nói như khích:

- Tôi không tin như anh nói. Anh là một người khôn ngoan, lại có chí, anh sẽ không tự tử vì sự khổ cực của giam giữ.

Tôi cũng cười:

- Thưa ông, tôi có chí quái gì đâu. Bất cứ lúc nào tôi cũng không thiết cuộc sống này. Ngay bây giờ đây, tôi cũng không muốn sống nữa.

Tên Đức thấy cứ nói những chuyện không đâu, hơn nữa cũng gần hết giờ, nên nói:

- Thôi, cho anh về suy nghĩ để khai rõ sự việc của anh với chị phụ nữ đó trong đền Ngọc Sơn.

Tôi đứng lên, nhưng nói một cách khẳng quyết:

- Thưa ông, tôi không có gì để suy nghĩ nữa. Chuyện đơn giản như thế, tôi đã thưa rõ rồi!

Trên đường về xà lim, lòng tôi trĩu nặng ưu tư, như vậy, vụ án của tôi vẫn chưa ổn. Chúng vẫn còn chưa tin, Vậy, với điều kiện có thể, một mặt chúng sẽ tăng cường nhiều biện pháp, thủ đoạn để khai thác tôi; mặt khác, chúng chỉ thị cho những bộ phận của chúng nằm vùng ở miền Nam tìm tòi những gì có liên quan, dính dáng đến tôi, để hòng làm sáng tỏ vụ án. Chỉ còn mong một điều, một điều không may cho tôi là tôi đã bị chúng phát hiện ngay ngày thứ 3, khi vừa tới Hà Nội. Nhưng, chính từ điểm bất lợi có tính cách quyết định này, mặt trái của sự việc ấy cũng có một điều lợi nhỏ cho tôi: Vì chúng đã theo dõi mọi hành động, đường đi nước bước của tôi từ những ngày đầu này, nên chúng rồi sẽ có thể tin được là tôi đã "không làm gì", đúng như "lời tôi đã khai báo". Tôi đã tự phân tích để xác định vấn đề theo chiều hướng như thế, và….. điều đó cũng làm cho bệnh đau óc của tôi càng trầm trọng thêm.

Ngay chiều hôm ấy, có tiếng khóa loạch xoạch mở cửa buồng, tôi nhìn ra, một người chừng 30 tuổi ôm một túm bọc chăn màn lách cửa bước vào. Phía ngoài cửa buồng, tên Chiến nói với người mới:

- Anh hãy để chăn màn, quần áo của anh ở sàn bên này. Ra đi cung đã!

Anh đó ngơ ngác đặt bọc quần áo xuống, liếc nhìn hai chân của tôi đang trong cùm, rồi vội vàng ra theo tên Chiến.

Cửa đóng rồi, tôi nhìn thoáng sang bọc chăn màn. Vì lúng lúng vội vàng, anh đó đã để tung tóe cả ra. Tôi thấy rất nhiều bao diêm và thuốc lào, vài khúc bánh mì nhỏ, mấy cái keo giấy…..Nhưng, thuốc lào và bao diêm đã thu hút hết tâm trí của tôi rồi. Tôi cũng băn khoăn chẳng hiểu anh này tội gì, vừa vào đã bị gọi đi cung ngay?

Một mặt, có người vào nằm thêm với mình, cũng đỡ buồn. Nhưng mặt khác, trong trường hợp tôi đang bị cùm hai chân, những buổi cơm nước, đổ bô, tôi sẽ không được mở cùm nữa. Như vậy, hai cái chân không được cử động, sẽ càng chóng bị liệt.

Gần hết giờ làm việc, cửa mở, anh đó đi cung về. Khi nãy, lúc tôi ra lấy cơm, tên Chiến bảo tôi lấy một gáo dừa nữa múc nước và cầm thêm một suất cơm vào cho anh mới. Vì vậy, suất cơm của anh tôi vẫn để ở cuối chỗ cái cùm bên phía sàn của anh. Sau khi cửa đóng, vì tôi đã có kinh nghiệm, nên bảo anh, khi thấy anh quay lại lúi húi định sắp xếp các thứ:

- Anh hãy ăn cơm đã. 15 phút nữa, cán bộ sẽ mở cửa bắt trả bát ngay!

Anh quay lại nhìn tôi, dáng vừa ngỡ ngàng lại vừa buồn buồn, hai mắt cứ mở to nhìn hai cái chân của tôi trong cùm:

- Tôi mệt lắm, không muốn ăn!

Tôi hiểu ngay, anh mới bị bắt, đầu óc còn đang căng thẳng đầy lo lắng, còn bụng dạ thiết đến ăn uống, nhất lại là cơm tù. Trong khi ấy, bụng tôi vẫn đói, ăn cho đã bây giờ phải 3 suất! Nhưng, do lòng tự trọng, làm sao tôi dám mở miệng nói "để tôi ăn cho" được. Anh nhìn chân tôi, có vẻ băn khoăn hỏi:

- Anh làm sao mà bị cùm thế?

Thấy anh chả hiểu được tình tiết, nên tôi chỉ trả lời đơn giản:

- Tôi bị kỷ luật!

Tôi hỏi lại anh ngay:

- Anh bị bắt bao giờ?

- Một tuần rồi!

Tôi ngạc nhiên:

- Thế mấy ngày trước, anh bị giam ở đâu?

- Buồng số 9 ở ngoài trại chung!

- Bị bắt về tội gì?

- Tôi lái xe khách, đường Tây Bắc, chở hàng lậu.

Như vậy, anh này bị tội hình sự. Vậy, tại sao phải vào xà lim? Tôi tỏ vẻ có tình cảm, hỏi anh:

- Tội hình sự ít vào xà lim lắm. Vậy, đang ở trại chung, vì sao anh lại phải dọn vào đây?

Nét mặt anh cũng đăm chiêu:

- Tôi cũng chẳng hiểu sao nữa. Từ hôm tôi bị bắt vào, mới đi cung 3 lần. Xe tôi chỉ chở có 5 ký chè búp, có khi phải bị từ 3 tới 6 tháng.

Anh vẫn cứ nhìn hai cái chân tôi:

- Anh bị bắt về tội gì, cùm ghê thế?

Tôi đã suy đoán được vấn đề. Chắc hẳn là chúng sợ tôi lại tìm cách tự tử nếu để tôi một mình. Những tội chính trị khác cho vào giam với tôi, chúng xét thấy không có lợi. Cho nên, mang một anh hình sự vào nằm với tôi một thời gian, vô thưởng vô phạt. Như thế, anh này chắc cũng chẳng ở lâu với tôi. Nghĩ vậy, tôi trả lời:

- Tôi là giáo viên trường Phổ Thông Cấp II ở Phủ Lý. Tôi theo tư tưởng "xét lại".

Anh cười hồn nhiên, vẻ vô tâm:

- Các anh làm chính trị ghê nhỉ!

Rồi như anh chẳng quan tâm đến vấn đề "chính chị, chính em", anh nhìn suốt sàn tôi một lượt rồi hỏi:

- Anh có hút thuốc lào không?

- Cũng có hút chút ít, nhưng tôi chưa có gia đình tiếp tế!

Anh vồn vã, tự nhiên:

- Ồ, thuốc lào tôi thiếu gì! Anh hút phè ra thì thôi!

Vừa nói, anh vừa kéo ra một buộc 5 gói thuốc lào… Qua một lúc chuyện trò, tôi thấy anh kiến thức hạn hẹp, nhưng ở anh, thể hiện ra là một con người khinh bạc, giang hồ, vì thế tôi cũng tự nhiên:

- Tôi thấy anh có điếu đâu?

- Sẽ làm, có ngay! Làm bằng bao diêm, có cơm dán rồi.

Giữa lúc ấy, cửa mở. Tôi biết là phải trả bát. Bát cơm vẫn để nguyên, anh ta không ăn. Tôi vội giở cái quần đùi rách ra, nói:

- Anh hãy đổ suất cơm vào đây: Đem trả, phí đi, vừa để tôi ăn, vừa dán điếu!

Anh đó, tên Đà, vừa đổ bát cơm vào chiếc quần lót rách tôi đang giơ ra, vừa trách tôi:

- Thế mà từ nãy anh không ăn. Tôi cũng quên không mời, không biết anh đói. Lúc trưa, tôi "quất" 3 cái bánh chưng con với khúc bánh mì, bây giờ hãy còn no.

Trả bát xong, anh vào, lúi húi lấy hộp thuốc đánh răng bằng nhôm. Anh dùng tay bóp phía đầu ra, rồi chỉ bằng cái đầu cán bàn chải đánh răng, anh hì hục, loay hoay. Có lúc anh mài mài xuống sàn xi măng. Chỉ một lúc sau, đã có một chiếc nõ điếu bằn nhôm con con, xinh xắn. Anh lấy ra 3 bao diêm không. Anh dùng những tờ giấy bàn gói thuốc lào, phết bánh chưng dán 3 bao diêm vào với nhau để làm thân điếu. Vừa miệt mài làm, anh vừa chuyện trò với tôi.

Với thái độ lính tráng, bụi đời, anh vất sang tôi hai cái bánh:

- Đừng ăn cơm nguội đó nữa. Ăn mấy chiếc bánh này này!

Thấy anh chỉ có ba, bốn cái bánh; hơn nữa, rồi đây anh sẽ đói, nên tôi xua tay:

- Đừng phí phạm như vậy, anh Đà ạ! Còn dài ngày, rồi đây anh sẽ đói nhiều. Tôi ăn chỗ cơm này, tốt chán rồi!

Tôi ném trả lại cho anh 2 cái bánh. Khoảng hai tiếng đồng hồ sau, anh đã làm xong cái điếu vuông vắn, rất xinh. Anh "bắn" điếu thuốc đầu tiên với nét mặt thỏa mãn, say sưa. Rồi, anh đưa điếu, diêm và thuốc sang cho tôi. Điếu kiểu này, hút hơi khó khăn, vậy mà tôi cũng say đáo để.

Phải nói, đêm hôm đó tình cờ lại có thêm suất cơm, tôi ăn xong rồi nằm nghe cái bụng trổi lên những khúc nhạc đê mê, dịu dàng, êm tai. Con tì, con vị cũng rủ nhau tham gia vào buổi "dạ vũ" độc nhất vô nhị từ gần hai năm nay này. Mà quái, cái đầu của tôi hôm nay cũng như hưởng ứng ít nhiều với cuộc vui đó, vì thấy đỡ nhức hẳn đi…

Những ngày sau đó, qua những lúc trao đổi, chuyện trò, tôi hiểu được sơ sơ về anh. Anh đã đi bộ đội, và đã phục viên được 4 năm nay. Nhờ chạy vạy, xoay sở mạnh nên anh được lái xe đường trường cùng Tây Bắc. Anh có vợ và hai con. Theo anh, trên miền Bắc hiện nay, nghề lái xe khách đường dài là dễ kiếm ăn nhất, và nhất là nếu lại biết cách "móc ngoặc" với khách. Thỉnh thoảng chở giấu hàng lậu cho khách như chè, gạo, v.v… thì cũng kiếm ăn ra trò. Anh có khả năng kiếm ăn giỏi, nên tính anh rất rộng rãi, lính tráng, khác hẳn với tên Hoàn, tên Tân và cả anh Hoàng Hùng.

Chương 45

Chuyển biến tinh thần…

Một điều thật phấn chấn trong lòng tôi! Đúng 7 ngày sau khi bị cùm hai chân, hôm đó vào sáng thứ Ba, tôi đang nằm bơi lội trong nỗi sầu khổ đau vì hai cái chân mỏi nhức trong cùm, với cái đầu cứ cắn buốt từng cơn, bỗng cửa buồng xịch mở. Tên Chiến bước vào, trước bốn con mắt mở to của tôi và anh Đà, không biết có chuyện gì với người nào trong chúng tôi. Tên Chiến nhìn tôi, vẻ trịnh trọng:

- Hôm nay, lệnh ban giám thị chỉ cùm anh một chân!

Tôi thấy như truyền vào cơ thể một nguồn sinh lực, vội vàng nhấc cùm và nhấc chân ra. Tôi ôm cái bô, cùng anh Đà đi vào nhà tắm. Trên đường đi, nhìn thoáng mặt tên Chiến, hôm nay tôi thấy mặt y trông thật dễ coi; hai con mắt y đăm đăm nhấp nháy nhìn tôi nhơn nhơn với cái vẻ như vừa ban ân huệ cho một người cùng khổ.

Từ nay, chỉ phải cùm một chân, tôi nằm ngồi sẽ bớt được trăm phần khó khăn. Chỉ còn cái đầu, vẫn ngày đêm hành hạ tôi, như Phật Bà Quan Âm hành ông Tề Thiên Đại Thánh ngày xưa!

Những ngày sau đó, đầu tôi càng cắn nhức, nhiều lúc như muốn điên lên. Trước kia, thỉnh thoảng một tháng, có khi đôi ba tháng, tôi mới bị nhức đầu một lần. Tôi chỉ ngậm 1 viên Aspirine, hay Aspro, tan hết viên thuốc là khỏi. Nhưng, từ sau ngày tôi thắt cổ không chết, hậu quả đến với tôi là chứng bệnh quái ác này. Tôi cứ nằm miên man,óc vẫn không ngừng nghĩ suy vơi đầy. Tôi nhìn, rồi suy ngẫm, biết bao nhiêu gian khổ từ ngày tôi bị bắt. Biết bao nhiêu lần tôi sát nách với cái chết chỉ trong tấc gang. Giòng suy tư về những chìm nổi của kiếp người, cứ chảy dài trong tâm tưởng tôi.

Từ những thực tiễn đau thương, tôi thấy rằng: Đời một con người chỉ là một chuỗi dài những con dấu cộng giữa những giai đoạn thuận tiện và khó khăn. Khi ở giai đoạn thuận tiện, con người hớn hở, vui tươi, nụ cười không tắt trên môi. Ngược lại, khi ở giai đoạn khó khăn, mặt mày sầu héo khóc lóc, than van, oán trời, oán đất. Vậy, sự sầu héo, đau thương, rên rỉ này có thể thay đổi cái công thức của một đời người trên, trở thành chỉ là những giai đoạn thuận tiện được hay không? Hỏi là trả lời. Ai cũng thấy là không thể được, trừ phi không phải là người. Như vậy, sự sầu héo, rên rỉ đó đã không giải quyết được gì, còn mang một cái hại, tùy theo mức độ.

Trước nhất, khi anh sầu héo, chán nản, anh sẽ bi quan, tiêu cực mọi mặt trong cuộc sống. Mặt mày ủ dột như thần sầu. Ngay ngồi lên nằm xuống cũng chán chường, chậm chạp, nhìn đâu cũng thấy một mầu xám úa. Suốt ngày đêm chỉ thở vắn than dài, thì trí óc còn làm sao thoải mái khôn ngoan, minh mẫn để hòng tìm ra một phương cách cải tiến từ giai đoạn khó khăn sang thuận tiện? Huống chi, đã xông vào miền bão tố, vùng lửa đạn để chiến đấu. "Ngay những ai kia, đã chiến thắng mà không từng chiến bại? Ai khoe khôn, mà đã chẳng từng bị dại, đôi ba lần?"

Tôi đã sai lầm, sai lầm trầm trọng gần hai năm nay, cứ ngày đêm rên rỉ ngụp lặn trong biển sầu. Cuối cùng, không những tôi không giải quyết được vấn đề, mà còn đa mang thêm những di hại nữa. Phải dũng cảm chấp nhận mọi thương đau trên đường đi tới:

Trên đường đi, nhiều cay đắng âm thầm,
Hãy nhận lấy để dồn vào……sâu kín!

Bằng xương, bằng máu, tôi mới rút ra một thực tế: Không được phép chán cuộc sống này, bao giờ cũng phải trang bị tư tưởng lạc quan tích cực cho mình. Tôi nhớ đến một câu danh ngôn của Pháp, nhưng không nhớ tên tác giả: "Quand on n'a pas ce que l'on aime; il faut aimer ce que l'on a!" (Khi mình không có cái mình thích, thì hãy thích cái mình có). Bây giờ tôi có cái gì? Ngày 2 bữa cơm ngon tuyệt vời. Mỗi bữa cơm, cứ thấp thỏm đợi chờ, mong ngóng. Rồi khi được hưởng thụ, có cái sướng vập vồ, khao khát mà khi còn ở ngoài đời, một bữa ăn sang nhất cũng không thú bằng, sướng bằng.. Bởi vì trong thực tế, hạnh phúc của cuộc đời có cái tiêu chuẩn quái náo đâu. Cho nên, người xưa đã rút ra:

"Tri túc, tiễn túc, đãi túc hà thời túc,
Tri nhàn, tiễn nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn".

Và, tôi cũng xin làm theo cụ Nguyễn Công Trứ. Theo sách sử, mãi tới năm 42 tuổi, cụ mới thành đạt. Còn trước đó, cụ đã phải trải qua rất nhiều khó khăn, gian nan, nghèo túng. Với "Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch".....Trong những giai đoạn này, ngoài những giờ nhào nặn văn chương để chuẩn bị cho ngày tới, cụ phải tự tạo cho mình những cái cụ chưa có thể có, bằng cách tìm một lối thoát cho tinh thần. Nghĩa là siêu thoát, để quên cái thực tại bần hàn.

Tóm lại, nếu không có cái mình thích, hãy thích những cái mình có. Cái "có" của tôi trong cảnh này tuy cũng có, nhưng có phần hạn hẹp, tôi phải tạo nên "cái" tôi chưa có vậy. Do đó, tôi thả hồn bay khắp phương trời, tha hồ theo ý muốn; và tôi vẫn nhởn nhơ nhìn tụi Cộng Sản. "Mày bắt được tao, mày giam tao, cùm tao, nhưng đố tụi mày giam cùm được tư tưởng của tao đấy"

Một quan điểm nữa. Tôi nhớ đến một câu trứ danh của Madame de Maintenon: "Nếu khi nào anh bị đau khổ, bất hạnh, liều thuốc thần tuyệt vời để chữa khỏi, là anh hãy chỉ nghĩ đến những người đang khổ đau, bất hạnh hơn anh!". (Quand vous vous trouvez malheureux, songez aux plus malheureux que vous; c'est un remède qu'est infaillible!).

Theo quan điểm của tôi, những tư tưởng thuộc loại "Hoa Thơm Cỏ Lạ" của phương Tây và Cổ Học Tinh Hoa của phương Đông đều được rút tỉa ra từ cuộc sống thực tiễn của loài người, qua nhiều thời đại. Tất nhiên, chẳng phải chúng ta chỉ áp dụng nó một cách rập khuôn, cứng ngắc. Mà phải suy lý, phân tích để thích ứng với thực tế, thời đại của chúng ta. Nghĩa là có bổ sung, hoặc sửa đổi đôi chút, nhưng tôi thấy điều này cũng chỉ hạn hữu. Điều quan trọng là ta có áp dụng nghiêm chỉnh hay không mà thôi. Thí dụ: Anh bị cùm một chân, hãy chỉ nghĩ đến người A, người B đang bị cùm hai chân, đến C cụt chân, đến D lòa đôi mắt v.v… Nếu chêm vào đấy, anh nghĩ đến hình ảnh của một người bạn anh đang ở Sài Gòn đang đèo một cô gái trên xe vespa Italy phây phây lượn lờ trên phố phường để khoe hương, khoe sắc, tất nhiên hiệu lực sẽ giảm đi.

Chỉ có một đêm mầy mò suy nghĩ, sáng hôm sau, tôi nhìn cuộc đời đã thay đổi hẳn, không còn cái mầu xám xịt, héo úa của mọi khi. Tinh thần của tôi được nâng cao rõ rệt. Nhân sinh quan của tôi thay đổi hẳn. Cũng từ đấy, tôi suy nghĩ đến cơ thể của mình. Tôi đang mang cái bệnh đau đầu quái ác này, lại không có thuốc chữa, vậy chính mình phải tự cứu lấy mình. Tôi nghĩ đến phương pháp Dưỡng Sinh (relaxation) của phương Tây, Yoga của Ấn Độ, Đề Khí

Vận Công của nghiệp võ, và phương pháp Cốc Đại Phong của Trung Quốc. Tôi rút tỉa những tinh túy nhất, phù hợp với thực tế của cơ thể tôi trong điều kiện này. Tôi cũng lại nhớ đến phương pháp "Long Live" mà một tờ tuần báo Mỹ, đã có công phỏng vấn 100 cụ già nhất, ở khắp nơi trên thế giới (tất nhiên toàn những cụ trên 100 tuổi cả), rồi đúc kết lại. Câu hỏi chính là: "Vì sao cụ sống lâu như thế?". Tùy theo chủ quan của mỗi cụ. Các cụ trả lời từ nguyên nhân chính, đến nguyên nhân phụ. Sau đó, tôi trộn lộn tất cả, rồi tự rút ra một phương pháp tạm gọi là "A", để áp dụng cho chính mình. Tôi cứ áp dụng, rồi lại bổ sung, hoặc sửa chữa, sao cho phải đạt được 3 điểm:

- Không mất nhiều thời gian.
- Đơn giản, có thể ở đâu và lúc nào cũng làm được.
- Hiệu quả cao nhất.

Phương pháp "A" chỉ cần từ 15 đến 20 phút mỗi ngày. Nằm thẳng cẳng. Đầu không gối gì, để chân và tay ở tư thế hoàn toàn thoải mái, hơi thở đều đều, từ tốn, mắt nhắm lại. Lúc đó, sẽ thấy một mầu, có thể là mầu xanh, vàng, hồng, đỏ v.v… Dùng ý chí chế ngự sao cho chỉ còn một mầu duy nhất, hiện ra trong óc mình. Như vậy vừa đạt được tinh thần chế ngự mạnh, lại vừa giữ được óc nghỉ ngơi, không một sự việc gì có thể xâm nhập. Những ngày đầu hơi khó khăn, để chế ngự duy nhất một mầu. Nhưng với quyết tâm, sẽ làm được, và dần dần trở thành thói quen.

Tôi cứ thực hiện như vậy một cách nghiêm chỉnh. Vì không có đồng hồ, tôi phải nhẩm đếm 300 lần bằng hơi thở, để ước định thời gian tập. Sau này thế nào không biết chứ ngay trước mắt, tập xong, mở mắt ra, tôi cảm thấy tinh thần sảng khoái, mắt sáng ra như sau khi chợp được một giấc ngủ ngon.

Còn về mặt tập thể dục. Tôi nghĩ rằng, trên đời này không có một vị thuốc nào, kể cả cao, sâm, nhung…..có thể tốt, bổ bằng thể dục, với điều kiện làm sao cho đúng. Bởi vì, qua thực tiễn cuộc sống, kết hợp với sự suy lý phân tích, ta phải thấy: Ngay cơm gạo là thứ bổ nhất để nuôi sống con người, nhưng nếu ăn quá độ thì không bội thực, cũng làm cho con người mệt mỏi, tức bụng, còn yếu, mệt hơn khi chưa ăn. Tập thể dục, hay tập võ cũng vậy, đừng thấy người ta làm sao, rồi mình cũng làm thế. Cơ thể con người tuy có nhiều cái chung, nhưng cũng có nhiều cái riêng. Về mức độ, lại hoàn toàn khác nhau. Anh A ăn 3 bát cơm, không sao, rất khỏe, nhưng, anh B ăn 3 bát cơm, sẽ khó chịu, muốn bệnh. Anh A cữ 10 lần tạ, khỏe ra, ngực, tay nở nang; anh B muốn cố gắng để cho sức khỏe bằng anh A, nên cũng tập như vậy, da tái lại, gầy đi, nhiều khi còn bị một số chứng bệnh về tim nữa.

Từ những suy luận trên, tôi tập một số động tác thể dục thích ứng với cơ thể ngồi tù một chỗ; ăn vừa không đủ no, vừa thiếu chất dinh dưỡng, lại bị cùm một, hoặc hai chân.

Một điều nữa, con người sống được là do hai yếu tố chính là thực phẩm và khí trời. Cả hai thứ đều cần thiết và gắn bó với nhau như một chất hữu cơ. Có thứ này mà thiếu thứ kia, con người cũng không sống được. Tuy vậy, về mặt nào đó, không khí cần thiết hơn. Cụ thể, nhịn ăn một vài ngày, không chết; nhưng chỉ cần thiếu không khí trong 10, 20 phút, là đời đi tong! Thế mà, không khí lại vô vàn, vô tận ngay chung quanh ta. Cộng sản chỉ có thể hành người tù về thực phẩm, về cái dạ dầy. Nhưng, về không khí, chúng đành chịu thua. Vậy, tôi phải biết lợi dụng tối đa không khí để bù lại phần nào, điều chúng muốn hành tôi về thực phẩm, và những mặt khác của sơ thể.

Tôi nhớ lại, khi tôi vào lớp Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, họ đo "pi nhê". Khi đo vòng ngực, bắt thở hết ra để đo, rồi hít vào thật đầy, đo. Hai lần đo cộng lại chia đôi. Khoảng cách, thở ra hít vào của mỗi người khác nhau. Có người thì 3, 4 hay 5 phân; cá biệt, có anh tới 8, 9 phân. Sự rộng, hẹp này, hoàn toàn không phụ thuộc vào người có ngực nở, to con hay nhỏ con. Người ta gọi khoảng cách đó là khoảng "Sống" của mỗi người. Có người to con, khoảng "Sống" lại nhỏ hơn người bé con. Như vậy, nếu việc gì làm cần sự dẻo dai, bền bỉ, lâu mệt, người có khoảng "Sống" lớn sẽ hơn người có khoảng "Sống" nhỏ. Thí dụ như chạy, hay trèo núi chẳng hạn, nhiều người to con, trông rất "văm", thế mà chỉ một lúc là phờ râu tôm.

Ai cũng biết, phổi con người thở ra thán khí (CO2): Khí dơ, có hại; và hít vào là dưỡng khí (O2). Vậy, lá phổi cũng như miếng vải trắng, muốn nhuộm được tốt nhất, phải giặt sạch chất dơ bẩn. Nghĩ như vậy, mỗi buổi sáng, tôi đứng một chân xuống đất, tập một số động tác, và bắt đầu tập thở. Trước hết, tôi thở ra, từ từ, rất dài; hết hơi rồi. Nhưng trong phổi còn thán khí nhưng đọng, chưa ra hết, tôi lại tiếp tục thở ra cho đến khi không còn thở ra được nữa. Bấy giờ, tôi mới hít vào và cố gắng hít thật nhiều cho căng lồng ngực. Để cho các tế bào phổi đủ thời gian tiếp nhận hết dưỡng khí, tôi lại ưỡn ngực, ngưng một, hai giây, rồi mới từ từ thở ra. Cứ như vậy, 10 lần thôi.

Điều quan trọng nhất là không cần tập nhiều, (vì tập nhiều thường mất nhiều thời gian nên chóng chán) nhưng phải tập thường xuyên, ngày nào cũng tập. Tất cả chỉ mất 10 hay 15 phút. Tôi thấy cơ thể mình có tiến triển theo chiều hướng tốt. Tinh thần cũng vậy. Thế là tôi nâng quyết tâm, dù thế nào, ngày nào cũng sẽ tập như vậy, như rửa mặt và ăn cơm, cho tới khi chết. Chỉ bỏ tập trong trường hợp bị ốm bịnh, không ăn được cơm.

Từ đấy, ngày nào cũng vậy, dù buồn vui, dù gặp bao nhiêu chuyện bất ngờ, căng thẳng, tôi vẫn giữ quyết tâm tập thể dục và một lần làm phương pháp "A". Thậm chí, có điều kiện nằm không, mỗi ngày tôi làm phương pháp "A" hai lần. Một lần buổi sáng và một lần trước khi đi ngủ. Một điều lợi tôi thấy ngay là trước khi ngủ, tập xong, gối đầu lên gối, chỉ 5, 10 phút là ngủ ngay. Óc không căng thẳng như mọi khi cứ trằn trọc 2, 3 tiếng vẫn không ngủ được. Hơn nữa, tôi thấy bệnh quái ác nhức đầu của mình có vẻ giảm đi, những cơn đau đầu thưa dần.

Anh Đà ở buồng tôi chừng hơn 20 ngày… Một hôm, vào buổi chiều, tên Chiến mở cửa bảo anh ôm hết quần áo ra trại chung. Vì chân bị cùm, tôi không thể giúp đỡ dọn với anh, đành rằng trong tù chả có quái gì nhiều, nhưng nó cũng là một hành động tình cảm khi anh đi, và có nhiều hy vọng là…..không bao giờ thấy và gặp lại nhau nữa. Do đó, tôi chỉ ngồi nhìn anh gấp chăn màn, bằng ánh mắt tiễn chào lưu luyến.

Trước mặt tên Chiến, anh cầm một gói thuốc lào, cái điếu, và một bao diêm đưa cho tôi:

- Anh giữ cái điếu này lại mà hút, tôi được ra trại chung!

Tôi xúc động trước tấm lòng của anh, dù vậy, tôi vẫn nói:

- Anh mang điếu đi theo để hút, vì đó cũng là kỷ niệm của anh!

Anh cười, giọng phớt đời:

- Ồ, ngoài trại chung thiếu gì. Anh em đông, nhiều người có.

Tên Chiến thò cổ vào quát:

- Mau lên, dềnh dàng mãi!

Anh ôm bọc chăn màn ra còn ngoái cổ lại:

- Anh ở lại khỏe!

Cửa đóng rồi, tôi vẫn còn mân mê cái điếu, suy nghĩ mãi về ân tình của một người cùng khổ, tặng cho một người khốn cùng khác.

Tôi lại trở về tình trạng ở một mình. Tên Chiến có lẽ hàng ngày quan sát thái độ của tôi, thấy tôi năng nổ lạc quan, không còn ủ rủ lầm lì, đến độ con ruồi đậu vào mũi cũng không buồn đuổi. Tất nhiên, y đã có báo cáo với cấp trên,

và chúng thấy chẳng cần người ở với tôi, kẻo sợ tôi lại tự tử nữa. Ngay chính ánh mắt của y bây giờ, tôi nhìn hàng ngày cũng dường như có chút thiện cảm, không lạnh lùng, ác cảm như trước. Trong những lần ra đổ bô, lấy cơm, trả bát, nhiều lúc bắt gặp ánh mắt của y nhìn tôi với vẻ tò mò. Tôi hơi băn khoăn, không hiểu y có ý định gì đối với tôi, trong khi bản chất của y là một kẻ phớt đời, nói ít mà làm mạnh. Buồng nào tỏ ra ngang bướng, y trị đến nơi. Y nghiêm như vậy nên xà lim rất im lặng. Thỉnh thoảng cũng có vụ tuyệt thực, của một buồng nào đó, y mở cửa, thấy không ra lấy cơm, y chỉ hỏi vì sao không ăn, Tùy theo cách trả lời, nếu người tù tỏ ra không muốn ăn để chết, v.v… Y đóng cửa và nói rằng:

- Tôi sẽ không mở cửa buồng anh nữa. Khi nào anh cần ăn, báo cáo tôi!

Và, y đã làm như lời nói, không nom, nhìn gì đến nữa. Y vẫn thường nói to với những buồng nào tuyệt thực:

- Anh nào muốn chết, cho chết luôn!

Y rất ghét thái độ hèn nhát, hoặc nịnh bợ, trong khi hầu như đa số các tên cán bộ khác lại rất thích.

Chương 46

Mài sắt.....nên kim!...

Hôm nay là Chủ Nhật. Vào những ngày này, xà lim càng im vắng, vì rất ít khi cán bộ vào gọi buồng nào đi cung.

Trời đã vào gần giữa hạ. Không khí hanh khô. Từ những đám rêu xanh ngoài đầu hè, những ẩm mốc (không bao giờ có ánh mặt trời ở các buồng xà lim) bốc lên một mùi nồng nồng, khăm khẳm riêng biệt. Tôi đang ngồi nhìn những nốt muỗi cắn trên tay, chân, mình mẩy và suy nghĩ, phải tìm một cái gì đó để chống đỡ với lũ muỗi này, đột nhiên cửa sổ con mở. Tên Điền thò một ngón tay vào chỉ tôi, giọng cộc lốc:

- Đi cung!

Rồi y cúi xuống rút chốt cùm, mở cửa lớn. Tôi cũng hơi một chút băn khoăn lẫn ngạc nhiên. Ngay ngày thường, bây giờ thỉnh thoảng chúng mới lại gọi tôi. Còn Chủ Nhật, hầu như từ 7, 8 tháng nay, không bao giờ còn gọi nữa. Vậy sao hôm nay lại gọi bất ngờ như thế này, có chuyện gì đây?

Trên đường đi cung, tôi phải đi qua sân trại chung. Cả một cái sân rộng bao la càng làm tăng thêm sự vắng lặng trong ngày Chủ Nhật. Khi đi tới cổng trại chung, bên cạnh xà lim II, nơi ghi dấu một đoạn đời tù, với bao nhiêu gian khổ ngày ấy. Hình ảnh một thân hình da bọc xương, đầy ghẻ lở, hai chân trong cùm, để rồi cuối cùng suýt gặp tử thần, nhưng được may mắn cứu sống. Tôi chợt nghĩ, ở cả 3 xà lim, tôi đều có dịp đến trước ngưỡng cửa nhà…..thần chết, rồi lại trở về. Tử thần chưa đón nhận tôi! Xà lim III, đang đêm đem đi bắn; xà lim II, phải đem xuống bệnh xá để cứu sống; xà lim I, chính tôi đã tìm đến cái chết. Rồi đây, trên đường đời phía trước, còn những gì chờ đợi tôi nữa?

Khi tên Điền dẫn tôi qua sân trại chung, quen như mọi khi, tôi rẽ về phía trái, nơi có những phòng tôi thường đi cung, nhưng tên Điền ra hiệu tay về phía phải:

- Đi rẽ phía này!

Ngay đầu dẫy là một căn phòng lớn, phòng của ban giám thị Hỏa Lò. Tôi hơi ngạc nhiên, khi y ra hiệu bảo tôi vào

Ngay từ cửa, tôi thoáng nhìn thấy có 5, 6 người bên trong: Một người đầu hói, tóc đã bạc một nửa, hơi gầy nhưng cao, kính trắng. Áo "vét", dáng rất nghiêm, lạnh lùng ngồi ở giữa. Bên phải là ông Trì đeo lon thượng úy; bên trái là tên Lê, lon trung úy. Cả hai đều là phó giám thị. Thái độ hai tên Trì và Lê hôm nay cũng rất trang nghiêm. Còn 2, 3 người nữa ngồi ở ghế bành dài, phía trái buồng, tôi chưa kịp nhìn. Hơi ngỡ ngàng, tôi bước vào.

Không khí trong phòng đang yên lặng, tôi mới bước chân qua cửa, bỗng rổn vang lên giọng tên đầu bạc:

- Hứ, ừ…ừ! Cặp mắt cứ như…..điện ấy!

Tôi biết tất cả những con mắt của chúng đều tập trung vào mình. Tôi tiến đến gần chỗ chiếc ghế đẩu để trước bàn, dành cho người tù, tôi đứng yên. Giọng miền Trung nặng chịch của tên Trì:

- Cho anh ngồi!

Tôi ngồi xuống, lẳng lặng suy nghĩ, không biết tên già này là ai, y tỏ ra rất tinh quái. Không khí im lặng, nặng nề kéo dài đến 1 phút. Thật là…lâu! Không một tiếng động. Bỗng, giọng tên già lanh lảnh:

- Anh Bình! Hãy ngẩng mặt lên nhìn…..tôi!

Tôi đường hoàng ngẩng mặt lên, nhìn thẳng vào … mắt y. Lão phải 60 tuổi, hay ngoài, hai mắt sáng long lanh sau cặp kính trắng. Quắc mắt, lão nhìn vào mắt tôi, như thôi miên một lúc, rồi chỉ một ngón tay dài ngoẵng vào mặt tôi, ngoáy ngoáy, quay tròn mấy vòng, giọng rành rọt:

- Trong óc anh đang cuộn lên những mưu mô, thủ đoạn chống đối. Chúng đang lộ ra trong mắt anh kia kìa! Anh quay xoắn vào bao nhiêu vòng, rồi sẽ phải mở nó ra bấy nhiêu vòng.

Vừa nói, y vừa quay quay ngược lại vòng ngón tay của y, rồi với một giọng như ra lệnh:

- Thôi, cho về!

Tôi đứng dậy đi ra, theo tên Điền vào xà lim, lòng ấm ức, đầy băn khoăn. Chỉ 10 phút, không hỏi han gì. Như vậy, y là ai?

Buổi gặp y ngắn ngủi chỉ 10 phút, nhưng đã ghi hằn nét trong lòng tôi. Cho mãi tới bây giờ, đã 21 năm rồi, hình ảnh buổi Chủ Nhật gặp lão ấy vẫn chưa phai mờ, vẫn như hiện rõ nét trong trí tôi. Giờ đây, chắc lão đã "ngủm" củ kiệu rồi, nhưng tôi vẫn còn không biết lão là ai? Làm gì? Phải nói, trong suốt 18 năm 4 tháng lao tù của tôi, lão là một trong hai tên tinh quái mà tôi đã gặp.

Về xà lim, suốt buổi chiều và tối hôm ấy, tôi vẫn còn băn khoăn suy nghĩ về buổi gặp lão già, không tên đó mãi.

Buổi trưa hôm sau, một buổi trưa nắng hạ gay gắt ngoài trời, trong xà lim ẩm thấp. Bầu không khí như trong trẻo nhè nhẹ vào lòng toi, trong khi tôi lim dim cặp mắt, nằm nghĩ đến…..nhà xí ở buồng tắm.

Ngay cạnh lỗ cầu tiêu có một thùng gỗ nhỏ, đã mục vì ẩm thấp lâu ngày, đựng những giẻ rách và giấy đi cầu đã dùng rồi. Cầu tiêu này chỉ dành cho cán bộ. Cán bộ nam ít khi vào đây, vì quá xa. Ban tối, tôi thường thấy mấy cán bộ nữ vào nhà tiêu là nhiều. Có thể xà lim I sâu mãi trong này nên im vắng, cho nên cán bộ nữ thường vào tắm rửa.

Tất nhiên, tôi chỉ nghe âm thanh để phán đoán. Hơn nữa, những lúc vào đổ bô, liếc nhìn trong thùng gỗ đựng giấy chùi, tôi còn thấy giẻ rách, hoặc băng màn vệ sinh của phụ nữ. Nhiều khi tôi thấy có những mảnh vải to bằng 2, 3 bàn tay, hoặc những rẻo vải của thợ may, cắt thừa từ quần áo ra.

Vì vậy, tôi đã hình thành một phương pháp chống muỗi, bằng những thứ vật liệu "vất đi" đó. Sự bẩn, hay sạch trong hoàn cảnh này, chỉ là tương đối thôi. Nghĩ vậy, tôi thực hiện ngay ý định ngay trong những ngày sau đó. Mỗi ngày 2 lần đổ bô, một tuần hai lần tắm, tôi sẽ tranh thủ nhặt rất nhanh những giẻ và vải…..chùi đít đó. Nhặt được mảnh nào, tôi đem ra vòi nước vò cho sạch phân, rồi về buồng phơi ra.

Tôi sẽ chọn những mảnh dài, còn tốt, rút sợi rồi se thành chỉ. Để làm kim, tôi sẽ lấy một cái tăm cật, mài thật xuôi và nhọn; đít kim làm bằng cách mài thật mỏng phía ruột tre, còn phía cật ngâm nước cho mềm rồi uốn đầu vào, lấy một sợi tóc buộc chặt hai vòng. Khéo tay một chút là thành một cái kim có lỗ hẳn hoi, tuy rằng khâu mũi hơi thưa, nhưng được.

Từ nhỏ, chưa bao giờ có dịp mó vào kim, nhưng bây giờ vì hoàn cảnh, nên tôi phải tập, lúc đầu sẽ xấu, lo gì, rồi sẽ đẹp lần thôi.

Khâu vá thì phải có con dao. Tôi nghĩ mãi, không đào đâu ra. Dạo này, chúng ít gọi cung tôi. Hàng ngày, tôi chỉ loanh quanh từ buồng vào nhà tắm. Vì vậy, mỗi lần vào nhà tắm tôi đổ bô như máy, mắt nhìn ngay vào thùng đựng giấy, giẻ chùi, tay bới vội lên vài lần. Chúng cũng nghèo, nên giẻ chùi thật linh tinh, đủ loại. Thậm chí, chúng còn dùng cả lá cây để chùi nữa. Có tí giẻ, chúng chùi thật kỹ, nên…..đầy phân. Tôi cứ đưa vào vòi nước, vò đại, rồi vắt khô, nhét vào cạp quần; trong khi mắt còn nhìn khắp buồng tắm xem có cái gì có thể làm con dao. Cuối cùng tôi đã tìm được.

Ở chỗ nép cửa sổ trong buồng tắm, tấm sắt nhỏ ép bên trong vì lâu ngày, nước mưa làm rỉ một góc phía dưới. Chỗ rỉ không đều nhau, nên lồi ra một khoảng to bằng ngón tay cái. Tội vội bẻ. Bẻ mấy lần chưa gẫy, bên ngoài tên Chiến đã quát:

- Nhà tắm ra đi! (mỗi buồng chỉ được 5 phút).

- Vâng!

Thôi để lần sau bẻ tiếp vậy. Về buồng, dù một chân vẫn bị cùm, tôi cũng thấy vui vui. Bây giờ có thể tìm được dao rồi. Có dao, sẽ giải quyết được nhiều chuyện. Lúi húi móc những miếng vải lại từng miếng cho thật khô, rồi phơi rải ra phía trên đầu sàn. Trên đó còn thừa một khoảng, vì bị cùm, nên tôi phải thụt người xuống đến 30 phân ấy.

Tôi dự định sẽ khâu hai cái túi chân, hai cái túi tay và một cái …..túi đầu. Vì thế, tôi phải kiếm nhiều giẻ. Lúc đầu, tôi phải kiếm nhiều giẻ. Lúc đầu, sợ thiếu cho nên trong thùng giẻ to, giẻ nhỏ tôi lấy hết. Nếu nên cán bộ nào đi cầu, ngồi để ý nhìn vào thùng gỗ nhỏ, chắc sẽ lấy làm lạ, không biết bao nhiêu giẻ chùi dạo này đi đâu mất hết.

Ngày hôm sau, tôi đã bẻ được miếng sắt nhỏ ấy. Nó méo mó, đường kính độ một phân.

Tôi mài miếng sắt nhỏ đó vào một chỗ nhám như đá mài ở sàn xi măng. Tôi cũng phải lựa lúc an toàn mới dám mài. Chúng nó mà bắt được, cũng là phạm nội quy. Chỉ trong một ngày, tôi đã hoàn thành một con dao khá sắc bén. Tuy nó không được già lắm, nhưng cắt được móng tay, sau khi ngâm móng tay vào nước một lúc. Còn cắt vải và chỉ thì…..tuyệt cú mèo!

Kỳ này, ngày nào tôi cũng có công việc làm. Hết rút sợi, lại se chỉ, lúc thì mài kim. Hơn một tuần sau, tôi đã bắt đầu

khâu. Sau một hồi tính toán nghĩ suy, đầu tiên, tôi khâu nối những miếng vải lại với nhau thành một miếng to theo ý muốn. Rồi tôi khâu một đôi túi tay bằng nhau, mỗi cái cũng phải 4, 5 miếng vải, đủ mầu. Vì có dao (cùn thì lại mài, đá mài có sẵn là sàn xi măng), nên cắt đo cũng dễ dàng. Đến 2 cái túi chân, tôi mất nhiều ngày kiếm vải và công khâu hơn. Nhất là bây giờ kim tre xem ra bất tiện, lúc kéo lên kim cứ bị móc vải, tôi phải mài và bọc lại mãi, mất nhiều thời gian.

Tôi chợt nghĩ là phải làm được một cái kim… sắt, thì mới thật tiện lợi. Nghĩ thì dễ, nhưng đào đâu ra… một mẩu sắt bây giờ? Vì đã có ý định tìm kim sắt, nên tôi ngừng khâu, hàng ngày chỉ lo kiếm vải, rút sợi và se chỉ thôi.

Con dao của tôi bây giờ thực đắc dụng. Những lúc ngồi buồn buồn, lại dùng cắt được cả râu nữa. Tay cứ sờ sờ, thấy sợi nào dài là cắt, cắt cả lông mũi nữa. Thật là tuyệt vời! Vì vậy, tôi phải có chỗ giấu tốt, nếu bất ngờ phải chuyển buồng, không bị mất. Nghĩa là phải luôn mang theo bên mình, và làm sao cho chúng không khám thấy, mà lúc lấy dùng cũng dễ. Sau một lúc suy nghĩ, tôi thấy không tiện gì bằng ở ngay hai mép vạt áo, chỗ gấu áo dưới khuy và cúc cuối cùng. Tôi chỉ cần lấy dao rạch nhẹ phía trong một tí, vừa con dao đút vào, như một cái túi, lại luôn đi với người, mà chẳng ai để ý.

Cái ý định làm kim luôn lẩn quẩn trong đầu, nên bất cứ lúc nào có dịp được ra khỏi buồng như: Lấy cơm, đổ bô, hoặc trả bát hay đi cung…..mắt tôi thường để ý mọi vật.

Một hôm, đến lượt buồng tôi ra đổ bô, như thường lệ sau khi làm xong ở nhà tắm, tôi báo cáo:

- Báo cáo, nhà tắm xong!

Tên Chiếu ngồi ở bàn quát:

- Ra đi!

Tôi ôm bô về buồng. Mọi khi, y ở bàn cũng đứng lên theo vào đóng cửa. Nhưng hôm nay, khi tôi đi ngang qua bàn y, y nói nhẹ:

- Cất bô vào buồng, rồi ra đây tôi gặp!

Vào buồng, trước hết, tôi mó mấy miếng giẻ tôi vừa nhặt và nhét trong cạp quần ra, dù hãy còn ướt, tôi cũng đút đại dưới cái gối "vỏ ba lô". Trong dạ hơi băn khoăn, không biết có chuyện gì? Tôi ra, vừa từ từ tiến đến chỗ bàn y, vừa chuẩn bị tinh thần để đối ứng với những việc bất ngờ. Y ngẩng lên, đút mấy cuốn sổ đang xem trên mặt bàn vào ngăn kéo, rồi chỉ ghế:

- Anh ngồi đi!

Giọng y có vẻ êm dịu. Sau khi tôi ngồi, y có vẻ ngập ngừng, dè dặt:

- Anh ra Hà Nội bằng đường nào?

Tôi hơi ngạc nhiên, dù vậy tôi vẫn chậm rãi trả lời:

- Dạ, bằng hải thuyền!

- Anh đổ bộ ở đâu?

Tôi vẫn dè dặt:

- Hà Tĩnh ạ!

- Anh ra bao lâu thì bị bắt?

- Gần một tháng!

- Ở miền Nam, anh ở đâu?

- Dạ, Sài Gòn!

- Miền Nam, dân thường bị đói, vậy hàng năm, chết nhiều không?

Tôi mở to mắt nhìn y ngạc nhiên. Y cũng khựng lại, khi thấy thái độ của tôi như vậy:

- Thưa ông, ở miền Nam, tôi đã sống 8 năm, tôi chưa hề nghe cái từ "chết đói" bao giờ cả.

- Thật à?

Nghe tôi nói, mặt y vừa ngẩn ra, vừa ngạc nhiên, y chỉ thốt ra một câu "thật à?" như nửa tin, nửa không tin! Tôi chậm rãi, nói tiếp:

- Thực ra, nhà tôi nghèo, vì vậy, tôi phải xin vào trại sinh di cư để đi học, ở đó chính phủ nuôi ăn. Ngay khi còn ở nhà với bố mẹ, tôi cũng chẳng biết bao nhiêu tiền một ký gạo, vì hâu như mọi người không ai chú ý đến gạo ăn. Mà có khi nào bàn đến, cũng chỉ bàn xem chỗ nào bán món ăn ngon thôi. Còn ở trại, trong bữa cơm, trại sinh thường nắm cơm nho nhỏ để ném nhau, mỗi khi họ trêu đùa nhau trong bữa ăn. Đôi khi họ còn dùng cả những mẩu bánh mì trong phòng ăn, để ném nhau nữa. Ngoài xã hội, mỗi khu phố đều có những quán cơm, gọi là "quán cơm xã hội". Ở đấy, họ chỉ lấy tiền thức ăn, còn cơm, tha hồ muốn ăn bao nhiêu tùy ý. Mỗi bữa chỉ có 5 đồng. Chúng tôi là học sinh nghèo, cũng ít khi hoặc chả bao giờ vào đấy ăn, vì ngượng, sợ những bạn học khác thuộc những gia đình giầu có nhìn thấy, cười.

Để ông ý niệm được, tôi xin nói là lúc đó, tức 1962 về trước, Bộ Lao Động miền Nam ấn định lương tối thiểu cho một ngày làm của một người đàn ông là 45 đồng, đàn bà 42 đồng. Lương này gọi là lương "phù động", quy định cho một người không biết nghề nghiệp gì, chỉ làm các việc linh tinh như quét dọn, khuân vác, v.v… Nhưng, người ta ít chịu đi làm lắm, vì lười, và vì xấu hổ. Hơn nữa, ở đâu họ cũng không đói, nên họ không cần đi làm kiểu ít tiền như thế. Vậy ông thử tính, với lương công nhân hạng bét, họ cũng làm một ngày, ăn bốn ngày. Trong khi ở miền Bắc này, tôi thấy, làm ngày nào, ngày ấy mới có ăn, mà phải làm cố gắng với hết cả sức lực của mình.

Mặt y cứ bần thần suy nghĩ. Một lúc, y nói vẻ ngập ngừng:

- Lúc nào anh kể cho tôi nghe câu chuyện anh ra miền Bắc, mỗi ngày một ít. Tôi sẽ gọi anh ra đây!

Tôi gật đầu đồng ý. Với những kinh nghiệm nghề nghiệp, tôi "ngửi" thấy y là một người tò mò muốn biết cuộc sống thực tế của miền Nam. Với chức cai tù này, y chỉ biết tội chính của người tù dưới quyền y có trách nhiệm quản lý, nhưng không được quyền biết chi tiết nội dung tội của người đó, nhất là về chính trị.

Qua một lúc nói chuyện, nhiều lần mắt y lấm lét liếc ra phía cổng, thái độ ngập ngừng như muốn dặn tôi không được nói với ai là y đã hỏi chuyện tôi; nhưng, có lẽ vì tự ái của một cán bộ nên y lại thôi, để chờ dịp khác thuận tiện. Phần tôi, tôi đã xác định rõ ràng, loại tội như tôi đã rơi vào tay cộng sản, chẳng bao giờ chúng tha, nhất là lúc đất nước lại chia đôi thế này. Vậy, đằng nào cũng thế, sợ quái gì. Tùy theo điều kiện cho phép, sẽ cho y biết thực một số nét về xã hội miền Nam. Đấy cũng chỉ là trách nhiệm của một người bình thường. Giữa người và người, thấy một người khác hiểu lầm điểm A ra điểm B, mà mình biết rõ, mình phải nói, thế thôi.

Trong lúc ngồi nói chuyện, y có những nét không được tự nhiên, vừa như băn khoăn sợ sệt, vừa như ham muốn hiểu sự thật nhiều vấn đề mà y bán tin, bán nghi. Y ngồi hỏi chuyện tôi mà cứ nhấp nhỏm không yên. Rồi khi có tiếng động ở cổng, y vội vàng ra hiệu bảo tôi vào. Tôi cũng liếc nhanh, chỉ là lão Bằng vào đi cầu, hay gọi buồng nào đó đi cung thôi.

Những ngày sau đó, tôi để ý thấy y nhìn tôi thiện cảm, nhưng chẳng bao giờ y gọi tôi nữa. Như vậy, trước hết tôi khẳng định là không phải y muốn moi móc, khai thác tôi để lấy tin báo cáo lên trên. Bởi vì nếu muốn moi tin, y phải gọi tôi ra trò chuyện nhiều lần nữa, vì câu chuyện đang có chiều hướng thuận lợi cho y muốn tìm hiểu. Như thế, chỉ có thể là y tò mò muốn biết, lại vừa sợ tôi vô tình ra chấp pháp nói rằng cán bộ xà lim gọi ra hỏi chuyện. Hỏi như vậy trong khi không được lệnh, là y có khuyết điểm. Khuyết điểm này lại về tư tưởng. Cuối cùng, vì chỗ đứng và vì nồi cơm, dù tò mò thích biết rõ những điều mình nghi ngờ nhưng y cũng đành chịu vậy thôi.

Điều này cũng cho tôi thấy, ngay trong hàng ngũ cán bộ của chúng, nhiều tên tư tưởng cũng đã rạn nứt, bán tin, bán nghi về những lời "thánh kinh" của đảng dạy bảo rồi.

Ngay chiều hôm ấy, khi ra lấy cơm, tôi thoáng nhìn thấy ở đầu chiếc nan gỗ sắp long, của cái chõng bằng cây, nhà bếp vẫn khênh thùng nước và cơm, có một cái đinh khoảng 5 phân đã thò đầu ra đến một phần ba rồi. Làm sao mà lấy được đây? Ác cái là, những lúc lấy cơm, tên Chiến thường đứng ngay đấy nhìn, bởi vì trước đây nhiều lần có hiện tượng xảy ra là buồng được ra lấy cơm trước, cán bộ không để ý, đã bốc một nắm của bát khác bỏ vào bát mình. Có khi bốc cả canh, cả rau nữa, dù là rau muống già nấu muối, đen xì và cũng chỉ được vài gắp, trong cái bát nhỏ. Nhất là hôm nào, lâu lâu có bữa tươi, có mấy miếng thịt heo, hoặc thịt trâu, cán bộ càng phải coi kỹ, kẻo những anh ra sau chịu thiệt. Dù rằng bị cán bộ bắt được, phải bị cùm, có khi còn bị sỉ vả ở xà lim, nhưng mỗi người, mỗi buồng, chả ai trông thấy ai, nên họ đâu có ngượng.

Nhiều lúc trả bát, nhiều khi tên cán bộ nào lười không đi ra, đi vô theo, thường đứng ở cửa buồng chờ tù ra đặt trả bát, rồi múc gáo nước đi vào, y chỉ việc đóng cửa cài then thôi. Tôi phải chờ thời cơ, trong lòng cũng hơi lo, nhỡ ở dưới nhà bếp, tên nào nhìn thấy chiếc đinh như vậy, ngứa mắt lấy búa đóng lại thì hỏng. Phải chờ chực mãi; 4 ngày sau mới có dịp. Hôm đó, đúng lúc tôi trả bát, bỗng có tiếng huỳnh huỵch ở buồng số 12, tên Chiến vội chạy vào xem. Thời cơ đến, tôi chả cần biết chuyện đó là chuyện gì, lẹ làng như máy, tôi cúi xuống rút chiếc đinh tôi đã nhắm từ mấy hôm trước. Chiếc đinh đã lúc lắc, nhưng vì đầu chiếc đinh nhỏ, nên kéo ra đau tay quá. Mắm môi, mắm lợi mà không kéo nó ra được. Không có cái gì, tôi vơ vội tà áo của mình làm lót tay, nghiến răng rút. Vừa rút được xong, cửa cổng xà lim xịch mở, tên Kế, cán bộ ngoài trại chung đi vào. Thật hú vía, nếu lão vào sớm một chút, hỏng cả việc.

Tôi cầm gáo nước đi vào. Bây giờ tôi mới chú ý nghe tiếng quát của lão Chiến, trong lúc y đang cúi rút chốt hai cái cùm, với hai người bên trong buồng số 12:

- Cho chân vào!

Chốt cùm vào xong, y lại mắng:

- Các anh là con vật à? Tù trong xà lim còn đánh nhau!

Lúc nãy, vì tập trung chú ý vào việc nhổ đinh, nên tôi không biết vì sao họ đánh nhau. Nhưng, dù sao chăng nữa, câu tên Chiến mắng vẫn đúng với họ. Tôi chẳng biết họ là ai, tội gì, nhưng qua việc này, họ cũng đáng chê!

Tên Chiến trở lại buồng tôi cài then cửa, rồi mở cửa nhỏ nhìn vào, thấy chân tôi đã ngoan ngoãn để trong cùm rồi. Y chốt then cùm, xong mới trở vào buồng số 7 gọi cung, vì tên Kế đang đứng chờ.

Cửa đóng rồi, tôi quay lưng lại phía cửa, lấy cái đinh ra coi, nó hơi bị cong queo. Lợi dụng những kẻ hở của chiếc cùm sắt, hoay hoay một lúc, tôi đã uốn được chiếc đinh thẳng ra. Nhìn chiếc đinh, tay mân mê: "To quá", tôi ngẫm nghĩ, mãi đến khi nào mới thành… cái kim!". Hơn nữa, tôi có được mài tự do đâu. Không nghe ngóng, che giấu cẩn thận, lại một chân nữa vào cùm như chơi. Mà còn mất cả cái đinh, tôi đã tốn nhiều tâm óc mới lấy được, mục đích là để hoàn thành những đồ dùng chống muỗi.

Tất cả mọi thứ đã đủ rồi, chỉ còn mỗi cái kim nữa thôi, là sẽ hoàn toàn mục tiêu. Nghĩ như vậy, tôi nâng cao quyết tâm mài.

Tôi tìm những giờ an toàn để mài. Ban đêm, im lặng quá, thậm chí có những đêm mất ngủ, tôi còn nghe rõ tiếng gãi bụng rồn rột ở buồng số 14. Buồng số 2 không mở cửa bao giờ. Buồng số 1 ở phía trái, cách một buồng số 2. Buồng 4 ngay cạnh phía phải cùng dẫy; buồng 14 ở ngay đối diện. Ba buồng này; 1, 4 và 14 ban đêm tôi nghe thấy cả những tiếng thở dài, tiếng kéo bô, mở bô, đi giải, hay đi cầu. Vậy bây giờ tôi mài, tất nhiên họ cũng biết, và có thể các buồng phía trong cũng nghe thấy, chỉ có điều họ không biết tôi mài cái gì. Tóm lại, ban đêm tiếng mài nghe rõ, nhưng cũng có lợi điểm là nếu để ý lắng nghe, khi cán bộ vừa mở cổng xà lim, cách xa đến 40 mét, thì trong này đã biết có người vào rồi. Vì vậy, tôi thường mài về đêm, và vào ngày Chủ Nhật.

Đầu tiên, tôi đè thẳng cây kim xuống sàn. Cứ đẩy dọc. Một lúc, cái đinh nóng quá, tôi phải lót tay 3, 4 lần vải mà vẫn nóng; sau phải mài nước. Tôi chủ định mài vuông 4 mặt cho nhỏ dần. Khi nào cái đinh bé theo ý muốn, tôi mới mài tròn, và mài nhọn. Điều may là trước đây, tôi đã là thợ kim hoàn, nên tính toán kết hợp với sự khéo tay, cũng không khó khăn lắm, chỉ mất nhiều công.

Nhiều lúc mài, tay mỏi rời, tôi thấy cũng nản, định bỏ cuộc vì cái đinh…..to quá, mài lại không được tự do, vừa mỏi tay, vừa căng thẳng tinh thần. Những lúc như thế, óc tôi lại nhớ đến bài học thuộc lòng, trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư lúc còn nhỏ:

Có Chí Thì Nên

Làm trai chí ở cho bền.
Chớ lo muộn vợ, chớ phiền muộn con.
Khi nên trời giúp công cho,
Làm trai năm liệu, bẩy lo mới hào.

Trời sinh, trời chẳng phụ nào,
Công danh gặp hội, anh hào ra tay.
Trí khôn sẵn để dạ này.
Có công mài sắt, có ngày… nên kim.

Một thoáng mây buồn vương trong trí tôi! Như vậy, tôi chỉ có thể hiện thực được vế dưới của bài học, cái vế… mài đinh thành kim. Còn vế trên, vừa bất tài, lại vừa mang số phận hẩm hiu nữa, nên đành chịu thua. Không có tài đã là

một điều bất hạnh rồi, lại gặp buổi không may, vào xà lim ngồi, đáng quá rồi! Mặc dù đã thừa nhận như vậy, nhưng tôi vẫn không khỏi cảm thấy vướng vất một nỗi uất nghẹn, tủi hờn. Uất nghẹn, tủi hờn của một người không đủ khả năng, để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chỉ một áng mây đen lững lờ trôi qua, thế mà tay tôi như chùn lại không muốn mài nữa. Nổi buồn nguy hiểm thật, làm chậm bước trên đường đi tới. Thôi tạm biệt mi! Đối với Francois Sagan thì "Bonjour Tristesse", nhưng tôi thì phải nói "Adieu Tristesse!" mới đúng. Lại bắt tay vào việc. Thật vất vả, hơn nửa tháng trời tôi mới hoàn thành chiếc kim.

Do sự khéo tay của nghề vàng, tôi đã biến một chiếc đinh thành chiếc kim thật óng nhọn; nhất là phía đít kim, mài mỏng, uốn gấp lại, rồi mài thành một cái lỗ nhỏ xúi, rất vừa ý. Trong quá trình, tôi vừa làm vừa nghiên cứu, mới đầu chưa tốt, rồi dần dần thành tốt, thành đẹp. Tôi giấu chiếc kim này thật bí mật, ngay trong cái quai ba lô ở đầu giường. Tôi vẫn để chiếc kim tre đấy, phòng hờ cán bộ nào khác thắc mắc, hỏi lấy kim ở đâu để khâu, thì giơ ra.

Bây giờ có kim rồi, tôi khâu rất nhanh. Khâu mãi cũng quen tay, nên tôi khâu ngày càng nhanh, mà lại đẹp. Lần lượt tôi khâu đến 2 cái túi chân. Tôi khâu cái túi dài lên quá bắp chân.

Tối đến, tôi cho 2 chân vào túi, kéo hai ống quần trùm ra, rồi lấy hai sợi dây buộc lại như đi ủng. Hai tay cũng hai cái túi dài quá cổ tay. Tôi khâu dính liền hai sợi dây vào thành túi, khi cho tay vào rồi, chỉ việc cầm dây cuốn hai vòng, rồi giắt đầu dây chặt lại. Còn trên đầu là cái túi to. Tôi đã cố dành những mảnh giẻ lớn và mỏng để khâu túi … đầu.

Lúc đầu, tôi chỉ khâu một cái túi, rồi chui đầu vào. Túi dài xuống bên dưới cổ, cho vào trong cổ áo, rồi cài khuy áo cổ lại. Nằm một lúc, rất nóng và bí hơi, khó thở. Tôi suy nghĩ, trên đầu có tóc, muỗi không đốt được, vậy có thể tháo phía trên ra, rồi khâu vào như cạp quần, xỏ luồn sợi dây nhỏ để thắt lại, muốn để lỗ to nhỏ tùy ý. Tôi thực hiện như ý nghĩ, xong đội túi vào. Nằm xuống một lúc, thấy vẫn nóng, vẫn khó thở. Tôi lại nghĩ, lỗ mũi mình luôn luôn thở ra hít vào, dù là ngủ, vậy các chú muỗi không dám đến cắn. Tôi lại khoét ra một lỗ rất xinh, lại khâu viền nữa, thò vừa cái chỏm mũi ra và hai lỗ mũi. Thế là ổn rồi!

Bây giờ đang đầu tháng 8 Dương Lịch, vẫn đang giữa mùa hè, trời nóng ghê gớm. Tối đến vẫn phải đóng bộ như trên. Các đồng chí muỗi của Cộng Sản, từ này chỉ đứng ngoài khóc thôi, nghe các chú! Nhưng sáng dậy, mồ hôi ướt đẫm quần áo. Mùa hè nóng như vậy, ngay cởi trần, và chỉ mặc quần đùi, mà mồ hôi còn ra nhễ nhại, huống chi mặc quần áo, lại che tay chân, trùm kín đầu. Cũng đành, phải chịu đựng chứ biết làm sao!

Cũng trong khoảng thời gian này, nhiều đêm tôi phải dậy đột ngột. Có những đêm tôi đang ngủ ngon lành, tôi giật mình thức dậy vì những tiếng đập cửa buồng thình thình. Tôi ngồi lên, mất một lúc mới tháo được túi trùm đầu ra, thì lại nghe người bên ngoài buông thõng một câu:

- Thôi, nằm xuống đi!

Vài lần xẩy ra như vậy làm tôi ngạc nhiên, nhưng sau tôi hiểu ra. Tên cán bộ đi tuần đêm, thấy tôi nằm thẳng cẳng, tay chân, đầu đều bó kín, nghĩ là tôi tự tử, hay chết rồi không chừng, y liền đập cửa gọi. Đến khi tôi ngồi dậy, rút đầu ra khỏi túi, y đã hiểu là tôi làm như vậy chỉ để chống muỗi, nên y lại bảo nằm xuống… Với tên cán bộ nào thấy như vậy rồi, thì lần sau y không gọi nữa. Nhưng, những tên cán bộ khác lại phải gọi. Mà một đêm thường phải đến 3, 4 tên trực trong khoảng từ 10 giờ tối, đến 5 giờ sáng. Cũng may, dần dần tất cả tụi cán bộ Hỏa Lò đều biết, nên đêm đêm tôi đỡ phải giật mình thức giấc nữa. Chỉ còn những trường hợp đột xuất, cán bộ Sở Công An sang đi kiểm tra ban đêm, dĩ nhiên không biết, lại đập cửa.

Bây giờ, tôi lại thấy hai cái túi tay hơi bất tiện, ở chỗ muốn cầm cái gì, hay buộc dây chẳng hạn, cũng khó. Kẹt nhất là việc… gãi, vì không có ngón tay. Tôi lại nghĩ việc cải tiến thành đôi… "găng", có những ngón tay đỡ lùng thùng.

Và, tôi bắt đầu tiến hành, chỉ mươi ngày sau, tôi đã kiếm được mấy miếng giẻ to. Tôi chọn 4 miếng to nhất, xòe bàn tay ra, rồi đặt úp xuống miếng vải. Làm sao, có cái gì để vẽ đây? Tôi nhìn quanh, à cái chổi Thanh Hao kia! Tôi lấy một đoạn cuống, đốt cháy đến đâu tôi dầm vào gáo nước tới đó. Thế là tôi đã có một cục than nhỏ! Tôi nhẹ tay vẽ theo hình những ngón tay xòe ra, rồi dùng lưỡi dao nhỏ cắt dần theo đường vẽ, được hai miếng cho tay này, và hai miếng cho phía kia. Rồi khâu, khâu xong lộn ngược ra, tôi thấy ở những kẽ giữa hai ngón tay, dồn vào một cục, trông không ra làm sao cả. Tôi lại nghiên cứu, dần dần cũng giải quyết được. Dây buộc ở cổ tay, đêm ngủ giẫy giọn thế nào cứ bị tuột ra. Để tránh tình trạng này, tôi lấy hai cái cúc ở áo cũ, đính vào phía trên cổ tay áo mỗi bên; trên cổ tay "găng" cài vào, mà lại không bị tuột khi ngủ, dù tay có vung vẩy. Bây giờ, tay đeo "găng", có ngón, gãi cũng được. Ban đêm như vậy người tôi che kín hết, chỉ thò ra ngoài có cái chỏm mũi thôi, vậy mà có nhiều con muỗi cũng thật tinh khôn và dũng cảm. Có hôm, tôi mới đóng bộ, còn nằm thả hồn theo gió mây, chưa ngủ, một chú muỗi đậu vào đốt. Tôi chờ, lừa tay khẽ nện cho chú một phát. Mở túi đầu ra, tôi nhìn thấy máu và một chú muỗi bẹp dí.

Lúc này, vào nhà xí, chỉ khi nào thấy miếng giẻ to và còn tốt, tôi mới lấy để chuẩn bị khâu "bí tất" cho mùa Đông tới. Tôi lấy được một miếng vải hoa cũ, tôi khâu một cái túi để đựng kim tre, chỉ và giẻ vụn, bao diêm, cái điếu, lược, bàn chải đánh răng v.v… Bên ngoài cái túi đó, tôi khâu thêm một cái túi nhỏ xíu, để đựng mấy cái tăm. Mỗi cái tăm, tôi dùng ít nhất cũng một tháng, cho tới khi mục gẫy mới thôi. Mỗi lần xỉa răng xong, tôi lại cầm gáo nước đổ một tí để rửa, rồi cắm vào một cái lỗ nhỏ, tôi đã làm sẵn ở túi đựng tăm. Gói tăm, lúc mới bị bắt vào có 24 cái, giờ đã hơn hai năm rồi mà vẫn còn tới 10 cái. Tôi đính dây vào chiếc túi và móc treo cái túi đựng đồ linh tinh này vào cái cuống chổi Thanh Hao, tôi đã cắm sẵn ở một lỗ đinh trên tường.

Cuộc sống cũng thấy nề nếp, ung dung hơn trước. Tôi lại hí hoáy tập thêu chữ "B" hoa thật to ngoài chiếc túi ấy. Trông cũng đẹp chán!

Dạo này, một điều làm tôi hưng phấn là, kể từ ngày tôi quyết tâm tập thể dục và phương pháp "A" hàng ngày, cho tới nay mới được hơn ba tháng. Vậy mà bệnh nhức đầu quái ác của tôi đã khỏi hẳn, lúc nào tôi cũng không hay. Thêm nữa, tinh thần của tôi tương đối sảng khoái, thanh thoát. Ngay dáng dấp, phong độ của tôi cũng nhanh nhẹn hẳn lên.

Thế là, hàng ngày ngoài những lúc lúi húi, loay hoay thêu cái này, vá cái kia, tôi ngồi tập thêu chữ, thêu cành hoa, v.v…. Xấu thôi! Nhưng là những tác phẩm, do chính tay mình tạo ra, ngắm nhìn cũng thấy vui vui, thấy cõi lòng nhẹ nghẹ, lâng lâng như được bồi thêm sinh khí. Hơn là cứ ngồi không, hết nhìn cái cùm, lại nhìn cái bô, với 4 bức tường chật hẹp…

Chương 47

Những giây phút…..mộng mơ…

Bây giờ, tâm hồn tôi thật thư thái, ung dung. Thậm chí, nhiều khi tôi bật ra tiếng ca ong ỏng, hoặc ồm ồm đọc thơ. Bất cứ một lời ca, một đoạn thơ, chẳng nhớ, chẳng biết của ai, bài gì, cứ thấy phù hợp với tâm tư vơi đầy của mình, là tự nhiên trỗi dậy thành lời, cho đôi tai cùng thưởng thức những phút tương đồng.

Ngồi nhiều mỏi lưng đau đít, lại nằm cho lòng siêu thoát bay nơi nơi, cho hồn lãng mạn dật dờ, chơi vơi đắm chìm trong những vùng trời hương sắc của cuộc đời. Để được nghe tiếng đời xua động, để cho võng lòng đu đưa.

Hoàn cảnh thực tại thì chẳng có một cái gì, có chăng chỉ là những cay đắng thương đau. Vì vậy, tôi phải tạo nên những cảnh đời, tôi muốn trong… mơ. Những điều tôi không làm được trong thực tế, tôi sẽ hiện thực nó trong giấc mơ đầy.

Nằm lim dim đôi mắt, tôi nhớ lại những buổi trước ngày đi. Một anh bạn đến rủ tôi đi xem cuốn phim "Tên Trộm Thành Bá Đa", câu chuyện cổ tích trong "Một Ngàn Một Đêm Lẻ". Từ hàng chục năm xưa, cuốn phim đã chiếu đi, chiếu lại nhiều lần; nhưng lần nào khán giả cũng đầy rạp. Nội dung phim, tôi không trình bầy ở đây, mà chỉ ghi lại những đoạn tôi muốn đề cập.

Tên ăn trộm, đẹp trai đáng yêu này, vì muốn chữa căn bệnh quái ác, lòa và câm của nàng công chúa mỹ miều tuyệt vời, người yêu của y. Y đã phải chấp nhận "đăng ký" cùng nhiều chàng trai khác để đi tìm một bông hồng xanh. Theo lời tiên đế mách bảo vua cha của công chúa, chỉ có bông hồng xanh mới chữa khỏi căn bệnh kỳ lạ đó của công chúa.

Tất cả mọi chàng trai, tất nhiên trong đó có cả tên ăn trộm đáng yêu, sẽ phải đi qua 9 cửa ải thập phần nguy hiểm, mới tới được chỗ có bông hồng xanh. Mỗi cửa ải, với bao gian nan hiểm nguy, chết chóc, lần lượt đoàn người thưa dần, hoặc chết, hoặc bỏ cuộc. Từ cửa ải thứ tư trở đi, khi chỉ còn một mình tên ăn trộm tài ba, hiên ngang và quyết tâm này. Một mình một bóng, y len lỏi nơi núi rừng hoang vắng, đầy chết chóc đợi chờ…..

Đến cửa ải thứ năm (nếu tôi nhớ không lầm), sau bao nhiêu tính toán mưu mô, với một trận chiến đấu tưởng thập phần… tử, tên trộm đoạt được chiếc áo tàng hình của tên sơn thần trấn ải. Từ đó, trên đường đi tới, chiếc khăn choàng tàng hình này, đã giúp y vượt qua nhiều chặng hiểm nguy kinh hồn… để cuối cùng tìm được bông hồng xanh.

Đặc điểm của chiếc khăn choàng tàng hình, là khi nào chủ nhân muốn dùng, chỉ việc buộc quàng chung quanh cổ mình. Tức khắc, người đó sẽ trở thanh vô hình, và nếu có mang hay ôm vật gì theo, người ta cũng không trông thấy cái đó.

Đến đây tôi chợt nghĩ, nếu bây giờ trong hoàn cảnh cùm kẹp, giam cầm trong ngục tù bất hạnh này, có được một chiếc khăn choàng như vậy, tôi sẽ làm gì? Tôi sẽ làm điều gì nhỉ?… Tôi lại miên man tưởng tượng: À, tôi sẽ lợi dụng lúc tên Chiến mở cửa buồng cho ra trả bát, chờ lúc y lúi húi quay chỗ khác, tôi chỉ việc quàng cái khăn tàng hình vào cổ mình. Tôi sẽ không đi ngay, còn phải chờ xem bộ mặt ngơ ngẩn và hốt hoảng của y, khi ngẩng lên không trông thấy tôi đâu. Rồi, y sẽ nhớn nhác chạy vào buồng tôi, rồi hộc tốc chạy vào buồng tắm… cuối cùng không thấy tôi, y chỉ còn cho là tôi đã chạy ra phía cổng xà lim, để ra ngoài sân trại chung.

Tôi vẫn chưa chuồn ngay, cứ khoanh tay đứng nhìn bọn chúng nhốn nháo, báo động, bố ráp tìm kiếm tôi khắp Hỏa Lò như thế nào, cả tiếng đồng hồ… Tội gián điệp là một trong những tội nặng nề nhất về chính trị. Một điệp viên, đang còn trong thời gian khai thác, tự dưng biến mất; chắc chắn chúng sẽ dùng nhiều người và nhiều biện pháp cao nhất để truy lùng. Đó là việc bọn chúng! Còn tôi bây giờ, tôi sẽ làm gì nữa đây? Sau đó, chắc chắn vì bụng đã quá đói lâu ngày, hãy tạm xuống bếp riêng của cán bộ Hỏa Lò, kiếm cái gì ăn cho đã một bữa, rồi nhiên hậu mới tính đến những việc khác.

Việc thứ hai, trong lúc chúng nghiên cứu, bố ráp và tìm kiếm tôi, thế nào chúng cũng xem lại hồ sơ của tôi. Vậy, tôi sẽ lợi dụng thời gian này, tìm về Phòng Chấp Pháp Bộ Công An, để tùy cơ xem hồ sơ, chúng đã nhận định về vụ án của tôi ra sao. Tôi rất tò mò muốn biết điểm này, bởi vì trong hai năm, "đấu" cung với chúng, tôi chỉ được đứng từ một phía để suy đoán.

Ngay tối hôm đó, tôi phải vào Phủ Chủ Tịch,… để thăm sức khỏe tên cáo Hồ. Trong lúc chờ y vào buồng ngủ, trước hết, tôi hãy thăm cái bếp Chủ Tịch phủ mà tôi nghĩ rằng chẳng thiếu thức ăn sâm, nhưng, bổ béo. Tôi cũng cần hồi sức càng nhanh càng tốt để còn phải làm nhiều việc. Trong quá trình đến Bộ Công An và Phủ Chủ Tịch, tôi đã kiếm được hai khẩu súng ngắn và một con dao sắc, bén vừa ý. Chắc cũng phải 11, 12 giờ khuya, tên cáo già mới vào buồng ngủ. Lúc đó, chỉ còn mình y và tôi trong buồng. Chờ y lên giường nằm và lúc y chỉ còn để đèn ngủ, tôi bật

đèn sáng trong buồng lên. Để uy hiếp tinh thần y, tôi vẫn không cho y thấy tôi. Tôi thừa hiểu trên giường y nằm, và trên bàn y ngồi, chắc chắn phải có những nút báo động hoặc những vũ khí cần thiết để tự cứu nguy cấp thời. Bây giờ, tôi thừa lực, thừa tài để không sợ những vật ấy. Nhưng tôi cũng không cho phép y sử dụng những thứ ấy. Tôi bắt y quỳ ra giữa buồng. Có thể y sẽ phản ứng hoặc tìm cách chống trả, để trấn áp tinh thần y, tôi xẻo một tai của y. Hơn nữa, không nhìn thấy người, y sẽ phải táng đởm kinh hồn, sợ một phép và làm theo ý muốn của tôi.

Đàng nào tôi cũng sẽ giết y, nhưng trước khi phải chết, tôi muốn y được nghe và biết một số điều. Để cho y được rõ ràng, tôi dõng dạc tuyên bố:

- Tội của mày đối với quê hương, dân tộc cao như núi Hoàng Liên Sơn, nước biển Thái Bình không rửa sạch hết. Tao là người của Trời sai xuống, đại diện hàng triệu người bị mày giết hại, để xử mày đầu tiên. Đây cũng là giờ chế độ cộng sản phi nhân trên trái đất này bắt đầy bị tiêu diệt.

Mặc cho nó lạy van khóc lóc, tôi đâm một dao vào tim nó. Lẽ ra, tôi phải mang xác nó vào chuồng cọp sở thú, nhưng tôi đổi ý. Để cho quần chúng nhân dân biết, tôi sẽ vác xác nó về khu phố Hoàn Kiếm và để vào một chỗ kín đáo an toàn. Rồi, tôi tìm một cuộn dây thừng, một tờ giấy bìa to, bút vẽ. Viết cái gì đây? "Thế thiên hành đạo!"? Không được, có vẻ tiểu thuyết Tàu quá! Cuối cùng, tôi viết chữ thật to: "Tên cáo Hồ đền tội! Giờ chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn thế giới bị tiêu diệt đã điểm! Đồng bào hãy đứng dậy trả thù! Mặt Trận Toàn Cầu Diệt Cộng".

Tôi sẽ lấy một cuộn dây và một số giấy gói, ít cái kẹp sắt, xong trở lại chỗ giấu xác y. Tôi vác y ra chỗ mấy cây sấu sát bờ hồ, chéo bên hông nhà Thủy Tạ, trước quán "Mụ Béo" trông sang. Tôi kẹp chặt tờ bìa đã viết chữ từ ngực y trở xuống. Xong, buộc dây thòng lọng rút chặt vào hai vai y. Đầu dây kia buộc vào một hòn đá ném kên cành nào tôi định treo. Tôi cắt "cái" của y, rồi lấy dao cậy mồm của y ra, nhét vào cho y ngậm một nửa, còn một nửa để lòi ra ngoài cho nhân dân trông thấy. Tôi làm như vậy vì cái mồm y lừa đảo, bịp bợm, dụ khị biết bao nhiêu người, để rồi cuối cùng, dần dần y lừa tiêu diệt hết. Cho nên, cái mồm ấy, chỉ đáng ngậm "cái ấy" của y. Tôi lại lấy đất, đá buộc thành 5 gói to nhỏ, viết bên ngoài hàng chữ "Mìn nổ chậm". Tôi leo lên cây, dùng phương pháp liên đới kéo xác tên già lên lưng chừng, rồi cột lại một khoảng cách cho người dưới đất, với tay lên không tới. Tôi treo vào xác 3 dây gói mìn, hai gói còn lại treo trên chỗ chạng cây, phía gốc cây. Tôi buộc những gói mìn nổ chậm giả này, mục đích là kéo dài thời gian, để tụi công an ngần ngại, không dám trèo lên cây lấy xác tên cáo xuống ngay. Nhân dân qua lại đủ thì giờ, nhìn cho sướng mắt.

Bây giờ, thừa sức, thừa tài và điều kiện, tôi cũng không thèm giết những người cộng sản khác, vì bất cứ ai, dù ở cương vị nào, họ cũng ít nhiều bị tên cáo già này lợi dụng. Vậy, xét ra họ cũng đáng thương. Tôi chỉ cần giết một vài tên đầu sỏ.

Sau một đêm vừa thức vừa làm việc, tất nhiên tôi mệt mỏi, nhưng tôi không ngủ. Tôi phải ngồi trên cây, đặt một tay vào xác y, với chiếc khăn kỳ diệu trên mình, dĩ nhiên xác y cũng tàng hình luôn. Tôi muốn chờ tới khi sáng rõ, mới cho mọi người thấy. Khi đồng bào bắt đầu đi lại đông đảo, tôi mới bỏ tay ra, tụt xuống, tìm một chỗ kín đáo và an toàn để ngủ bù. Tôi cần phải lấy lại sức, để còn làm nhiều việc nữa…..

Chiều hôm ấy, tôi mò vào trường bay Gia Lâm, tìm các chuyến bay ra ngoại quốc. Tôi tìm chuyến đi Hồng Kông là nhanh nhất. Rồi từ Hồng Kông, tôi sang xứ cờ Hoa. Tất nhiên trên máy bay, tôi phải thận trọng tránh né hết mọi người. Tôi muốn đến Hợp Chủng Quốc ngay, bởi vì qua thực tế, tôi thấy dù muốn hay không, cũng phải thừa nhận Hoa Kỳ là một nước đã bỏ nhiều công sức, trong mặt trận thế giới chống cộng sản. Hơn nữa, Hoa Kỳ có đầy đủ phương tiện cũng như khả năng để giúp tôi thực hiện sớm chiến dịch này. Chương trình dự trù của tôi là trong 6 tháng, hệ thống cộng sản thế giới sẽ bị đập tan hoang về căn bản.

Khi tôi mò được đến thủ đô Hoa Thịnh Đốn, chắc tin Hồ Chí Minh tai bị cắt, mồm ngậm chim, xác chết treo cành cây

sấu ở bờ hồ Hoàn Kiếm đã được báo chí và truyền hình thế giới đang sôi nổi tìm tòi tường thuật rồi.

Hiện giờ đang trong nhiệm kỳ của Tổng Thống Johnson. Cũng có một điều khó khăn cho tôi, đó là vấn đề vốn liếng Anh ngữ cập quạng của mình. Nhưng, với thế chủ động, tôi tin là sẽ giải quyết được. Tôi chuẩn bị trước mấy ý trình bày. Trong lúc mò kiếm cái ăn, hoặc những lúc nghỉ ngơi, tôi cứ lẩm bẩm tập nói trước mấy câu đó. Chắc hẳn, ai cũng biết, với cái khăn choàng tàng hình, tôi vào Tòa Nhà Trắng chẳng khó khăn gì. Tuy là có vợ con, nhưng chắc chắn Tổng Thống Johnson phải có một phòng làm việc riêng. Chờ khi nào ông chỉ có một mình ở trong phòng riêng, đầu tiên, tôi sẽ lên tiếng chào. Chắc hẳn ông ta sẽ ngạc nhiên, đồng thời với bản tính tự nhiên của một vị nguyên thủ, ông sẽ tìm thế tự vệ chống trả. Nhưng tôi sẽ nói:

- Ông đừng sợ! Tôi đến với ông như là bạn, cần bàn với ông nhiều việc tiêu diệt chủ nghĩa Cộng Sản.

Để ông ta yên tâm hơn và thoải mái nói chuyện, tôi nói thẳng:

- Tôi là người vừa giết chết tên Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Vậy, nếu tôi muốn làm hại ông, ông làm sao tránh thoát.

Chỉ nghe tiếng nói mà không thấy người, tất nhiên ông ta phải tin lời nói của tôi có giá trị. Tôi mời ông ta ra bàn ngồi nói chuyện. Tôi sẽ nói ngay về tình trạng Anh ngữ kém cõi của mình và yêu cầu ông ta cân nhắc thật kỹ để tìm một người thân tín biết rành tiếng Việt Nam. Người đó phải thuộc cơ quan của Tòa Bạch Ốc. Những lúc tiếp xúc tay ba, người đó phải chịu một điều kiện là bị bịt mắt lại bằng một chiếc khăn đen do chính tôi đưa, và ông ta buộc. Rồi tôi sẽ nói luôn là trong thời gian của cuộc tiếp xúc này, có thể lâu, người đó sẽ không được ra ngoài, phải ở luôn trong một phòng ngay tại Tòa Nhà Trắng. Mặt khác, tôi cũng yêu cầu Tổng Thống Johnson nâng cao ý thức bảo mật, vì mục đích chung quan trọng là tiêu diệt Cộng Sản một cách hữu hiệu. Tôi cũng yêu cầu ông ta không được nói với bất cứ ai dù là vợ con, về sự vô hình của tôi. Nghĩa là trên trái đất này, Tổng Thống Johnson là người duy nhất biết tôi vô hình. Ngay đối với người thông dịch, cũng sẽ để anh ta tưởng là có một người bình thường đang nói chuyện với tổng thống mà anh ta không được phép nhìn thấy mặt. Điều này vô cùng quan trọng, chiến dịch sẽ gặp nhiều trở ngại, khó khăn, hoặc có khi thất bại, nếu thiên hạ biết là có người vô hình. Như thế, để sau này, mỗi sự việc xảy ra, người ta chỉ có thể tìm tòi và suy đoán theo lẽ thường tình, không nghĩ là do bàn tay của người vô hình. Người nào đã nghe thấy tiếng nói của tôi mà không thấy tôi, vì cái chủ trương phải tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản, nên người đó phải chết rồi.

Tóm lại, tổng thống hay nước Mỹ sẽ phải chịu trách nhiệm thực hiện những chuyến bay hợp lý để tôi đến các nước Cộng Sản. Đầu tiên là Liên Xô, rồi Trung Quốc, Cuba, Đông Đức, Tiệp Khắc, v.v… Đồng thời, tổng thống mở một chiến dịch toàn cầu với những nước cần thiết hữu quan như Nhật Bản, Pháp, Anh, Tây Đức, Do Thái, Ý, v.v… để tất cả chuẩn bị rầm rộ các phương tiện tuyên truyền, quân đội, tình báo, v.v… một cách cao nhất, hữu hiệu nhất, xông vào giúp nhân dân các nước Cộng Sản đứng lên tổ chức lại chính quyền Cộng Hòa, Dân Chủ thực sự. Tổng thống sẽ phải tận dụng tối đa khả năng tác động qua lại giữa bí mật là tôi, và công khai là Mặt Trận Toàn Cầu để làm tan rã nhanh chóng sự chống đối cùng quẫn của cộng sản.

Phần tôi, tôi chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các đương kim lãnh tụ của các nước Cộng Sản. Bất cứ một tên Cộng Sản ngoan cố nào, ở bất cứ một nước nào, muốn đứng lên hô hào tổ chức chống lại, đều bị hình phạt như tên cáo Hồ.

Như vậy, tôi nghĩ, tối đa chỉ mất sáu tháng, nhiệm vụ của tôi sẽ hoàn thành. Chủ Nghĩa Cộng Sản sẽ bị xóa sạch trên trái đất này, và nhân loại tránh được một tai ương ghê khiếp nhất.

Tôi mở choàng mắt ra để nhìn thực tại của xà lim. Cái chân trong cùm của tôi vẫn còn đang rung rung, như dư vị của một bữa ăn tinh thần thỏa mãn còn xót lại. Ít nhất, tôi cũng được hai tiếng đồng hồ không bị gông cùm, giam

hãm trong xà lim án chém của Hỏa Lò Hà Nội này. Tuy vậy, óc tôi vẫn còn đầy vơi thấp thỏm với giấc mộng diệt thù vừa qua, vẫn còn thấy khả năng của chiếc khăn tàng hình còn hạn hẹp, chưa đạt yêu cầu…

Chương 48

Một tổ chức tình báo từ trước 1954 …

Hồn tôi còn đang bập bềnh, nổi trôi, dập dờn giữa nửa trong là mộng, nửa ngoài là …xà lim, bỗng nhiên cửa sổ nhỏ xịch mở. Tôi giật mình, lúc này đã hết giờ làm việc chiều rồi, chẳng lẽ gọi đi cung? Có tiếng xọc xạch, rồi chốt cùm được rút ra, giọng tên Lê, phó giám thị, rành rọt từ phía cửa sổ nhỏ:

- Anh có cái gì mang hết đi!

Tôi hơi ngỡ ngàng, nhưng chợt hiểu ngay là mình chuyển xà lim. Tôi vội vàng chấn chiếc cùm, rút chân ra, trong khi nghe tiếng mở khóa cửa lớn.

Tôi chẳng có cái quái gì, ngoài một bộ quần áo sọc tù đã sắp mục; chiếc ba lô cũ, vật kỷ niệm của anh Hoàng Hùng; chiếc túi con nhiều màu đựng ít giẻ rách và các thứ lặt vặt. Tôi ôm gọn tất cả trong tay, tiến ra cửa, dạ băn khoăn chẳng hiểu chúng còn đẩy tôi đến xà lim nào nữa đây? Thân mình, bây giờ có còn là của mình nữa đâu, mặc cho sóng đời dập vùi, đẩy đưa. Tôi đang bần thần ngơ ngác, tên Lê đã ra hiệu tay, hất vào phía trong xà lim:

- Vào trong kia!

À, thì ra chỉ chuyển buồng thôi; vậy mà cứ tưởng đưa người ta đi đâu. Tôi vào xà lim I đã 5, 6 tháng rồi, nhưng chỉ ở buồng số 3 phía ngoài này, nên những lúc đổ bô, lấy cơm, đôi khi liếc mắt nhìn sâu vào trong, tôi chỉ thấy mờ mờ, hun hút chẳng thấy rõ các buồng. Hơn nữa, như đã nói trên, lúc ấy ngày cũng như đêm, tôi chỉ ngụp lặn trong nỗi sầu tê tái của người sắp tìm tới cái chết, nên tôi đâu cần biết đến những gì xảy ra chung quanh tôi.

Đến trước buồng số 6, y mở khóa rồi mở cửa buồng đồng thời, y cúi xuống rút chốt cùm phía bên phải.

Buồng số 6 hơi chéo nên trông có vẻ rộng hơn các buồng khác vài chục phân. Sau khi tên Lê chốt cùm, khóa cửa và đã đi rồi, tôi ngước mắt nhìn toàn bộ căn buồng.

Vì theo hình thể của Hỏa Lò, nên xà lim I giống như hình một chữ "V" giãng.

Tôi đang lúi húi dùng chiếc chiếu con, và lựa thế xoay cái chân trong cùm để phủi bụi bẩn trên sàn xi măng, đột nhiên một giọng đùng đục cất lên ở buồng số 12:

- Anh bạn ở số 3 chuyển vào đấy à? Anh có khỏe không?

Tôi mở mắt to ngạc nhiên, phán đoán:

- Ai đây? Sao họ bạo thế! Chắc anh này cũng phải nắm vững được tụi cán bộ ra vào, nên mới đường hoàng nói năng như vậy.

Nghĩ như thế, tôi cũng lên tiếng:

- Cảm ơn anh, tôi bình thường! Anh ở 12 hả?

- Tôi ở 12 đây!

Rồi như ngập ngừng dè dặt, anh hỏi tiếp:

- Mấy tháng trước, anh có chuyện gì buồn, phải tự tử? Hôm đó, tôi tưởng anh đi rồi. Đêm ấy, cán bộ tụi nó chạy ra vào huỳnh huỵch ấy!

Đột nhiên, một giọng ong ỏng, trọ trẹ tiếng miền Nam, ngay phía phải sát buồng tôi:

- Đ. Má, chết làm gì! Các em thơm như múi sầu riêng để cho ai?

Tôi cau mặt. Tên số 7! Thật là cộc cằn lỗ mãng! Không biết y tội gì? Ngay khi tôi còn ở buồng số 3, thỉnh thoảng vẫn thoáng nghe tiếng hắn om sòm ở phía trong này. Tôi không trả lời hắn và quay sang buồng số 12:

- Anh 12 khỏe không?

- Khỏe thôi. Vụ án tôi 15 tháng này xử rồi! Chưa biết ra sao?

Vì tôi bị cùm chân, không đứng lên được để nắm rõ tình hình, nên tôi e dè hỏi chuyện:

- Này anh bạn 12! Anh có quan sát được cán bộ ra vào không, mà nói chuyện đường hoàng thế?

Tiếng xìn xịt cười:

- Anh yên tâm, tôi đã ở xà lim hơn 5 năm rồi. Tôi đã là vua xà lim, chúng nó, thằng nào ra vào tôi biết hết. Hễ khi nào tôi ho thì đừng nói nữa.

Tôi giật mình ngỡ ngàng. Chà! Anh này tội gì mà ở xà lim lâu thế! Không thể kìm được sự tò mò, tôi hỏi:

- Anh bị bắt về tội gì?

- Hoạt động tình báo!

Tôi choáng người, hỏi tiếp:

- Bị bắt từ bao giờ?

- Đầu 1959.

Trong lòng tôi nôn nóng băn khoăn, phải chăng đây là một đồng chí, một đồng nghiệp của tôi? Tôi vội hỏi để thăm dò:

- Anh ở đâu?

- 80 Quan Thánh, chỗ cửa hiệu sửa xe đạp ấy!

Ủa! Như vậy là thế nào? Anh này là ở miền Bắc, vậy tội tình báo của anh là sao đây? Giữa lúc đó, tiếng ho của anh

nổi lên. Xà lim trở lại im lặng, tôi vểnh tai nghe ngóng. Quả thật có tiếng động, rất nhỏ ngoài sân, lẫn với tiếng xào xạc của những chiếc lá bàng khô. Rồi tiếng mở từng cửa sổ con mỗi buồng. À, cán bộ đi kiểm tra. Đến buồng tôi, tôi cố nhìn xem tên cán bộ nào, nhưng cửa nhỏ mở ra đóng vào rất nhanh, nên tôi không kịp thấy rõ đó là ai.

Một lúc lâu, tiếng lá bàng lại khua động ngoài sân. Chắc rằng trong lòng anh số 12 cũng nôn nóng muốn hỏi chuyện tôi, cho nên tên cán bộ vừa ra, anh đã lên tiếng:

- Anh số 6 tên gì?

- Bình! Còn anh?

- Căn! Nguyễn Văn Căn!

- Anh có đồng vụ không?

Số 7 lại ông ổng giọng miền Nam:

- Chỉ có tôi với thằng chó đó một vụ thôi!

Như vậy, từ nãy, số 7 vẫn lắng nghe tôi với anh Căn nói chuyện. Đột nhiên, số 7 đổi giọng ỏn ẻn:

- Em Hương ơi! Đêm nay, trời đẹp như thơ, sang đây nằm với anh, anh sẽ cho em hạnh phúc tuyệt vời!

Tôi biết là buồng số 9 ở trong cùng, phía cuối dẫy, có hai cô gái. Nhưng, tôi vẫn ngạc nhiên không ngờ tên số 7 lại thả những lời thô lỗ như vậy. Tên số 7 vẫn tiếp tục:

- Người đẹp của anh ơi! Trong suốt hai tỉnh Châu Đốc và Hà Nội này, em cứ hỏi một đứa nhỏ nào, có cũng biết Long Châu Sa này là ai. Anh đã đạp trời, khuấy nước. Lấy anh, em sướng cả đời. Của anh, lại thuộc loại ngoại cỡ, em sẽ phải rú lên vì sướng.

Rồi như để tán thưởng cho những lời tán tỉnh ấy, y cười lên sằng sặc, chân y đạp xuống sàn xi măng thình thình.

Xà lim vẫn yên ắng, không một tiếng ai trả lời, trong khi tôi mở to mắt ngạc nhiên: Tại sao lại có cảnh này trong xà lim? Thằng này thật đểu cáng, như một tên côn đồ vậy. Có thể vì nó ở xà lim lâu ngày quá, tinh thần ức chế, nên như một tên điên khùng chăng? Tên số 7 lại lên tiếng, giọng rè rè như say rượu.

- Em Hương, em không trả lời anh một câu thì anh không ngủ được, anh sẽ không cho buồng nào ngủ hết. Ngày mai, là ngày tắm giặt, anh sẽ quệt phân vào đôi đũa của em, và quần áo của em phơi ở ngoài sân!

Đang bực tức y, tôi cũng phải mỉm cười. Cũng có vài tiếng xìn xịt ở các buồng chung quanh. Tôi hiểu là nó đe dọa, nhưng cũng có thể nó làm được, khi nó là một tên không còn là một con người nữa. Có lẽ buồng số 9 cũng nghĩ vậy, nên một giọng nữ cất lên, nghe như tiếng khánh, tiếng ngọc chạm nhau:

- Số 7 ngủ đi!

Giọng ồng ộc như con heo của số 7 ré lên:

- Ồ, ồ, công nương đã lên tiếng! Xin đa tạ, bỉ nhân đêm nay sẽ ngủ ngon lành. Và xin chấp hành mệnh lệnh của

công nương.

Vài tiếng xì xí. Bản thân tôi cũng phải nhếch mép. Chẳng hiểu số 9 tội gì? Tôi chỉ nhớ ang áng hai cô vào xà lim từ hơn một tháng nay.

Trong thâm tâm lúc này, tôi cũng còn muốn hỏi tiếp chuyện với anh Căn để sáng tỏ về vụ án của anh. Nhưng vì chân bị cùm, tôi không chủ động được, phải tùy thuộc vào số 12. Xà lim vẫn vắng lặng, khí hậu hanh hanh dìu dịu, thoảng vài hơi heo may nhè nhẹ đẩy mùa Thu về. Đêm Thu, ngoài trời chỉ biết có trăng không? Hôm nay là ngày bao nhiêu của Âm lịch, tôi cũng không biết. Tôi đang triền miên mong chờ anh 12 lên tiếng để nối lại chuyện cuộc đời đang bỏ dở, đột nhiên tiếng ngọc buồng số 9 lại khua lên:

- Số 6 vì sao bị bắt?

Tôi hơi bâng khuâng hướng về số 9, nhưng im lặng. Xà lim lại chìm vào hoang vắng, chẳng nghe thấy cả tiếng ho. Tôi hiểu, nếu có buồng nào được ra sân phơi áo, lượt buồng phía ngoài từ số 9 đến số 14 nếu tinh quái đoán được vị trí của cán bộ đứng, có thể đứng lên sàn để nhìn ra sân và thấy rõ được người ở ngoài. Vì thế, cũng có thể những ngày trước đây khi tôi ra sân phơi quần áo, họ đã thấy tôi rồi chăng, cũng như họ có thể đã nhìn được khắp lượt các buồng rồi. Cả anh Căn buồng 12 cũng vậy, hẳn cũng đã tò mò.

Cũng có nhiều tên cán bộ rất tinh quái, nhất là tên Chiến. Y thường đứng ở bàn trực nhìn theo người ra sân phơi quần áo. Nếu người đứng phơi, lại đưa mắt nhìn về phía cửa sổ các buồng thì qua thái độ, y cũng có thể biết được buồng nào đã đứng lên nhìn ra sân. Khi đã nghi rồi, y sẽ rình bắt. Lần sau, cũng buồng ấy ra, y sẽ đi vào trong theo dõi qua khe hở của cửa sổ nhỏ, nếu người trong buồng nhấp nhổm đứng lên là chết ngay với y.

Những tháng trước, dù không để ý, tôi cũng đã nghe thấy mấy buồng bị bắt cùm rồi. Nhưng, trừ có buồng 12, tôi chưa thấy anh ta bị bắt lần nào. Đây cũng có thể coi như một cuộc đấu trí nhỏ. Anh nào quái hơn, anh đó thắng.

Mãi gần một tiếng đồng hồ sau, buồng 12 lại lên tiếng:

- Số 6 ngủ chưa?

- Chưa, anh ạ. Bây giờ mới khoảng chín giờ chứ mấy!

- Anh bị bắt vì tội gì mà bị cùm?

Tôi thấy nói ở đây lại có nhiều buồng khác cùng nghe, rất bất lợi. Do đó, để khỏi rắc rối về sau, tôi trả lời:

- Đi tìm tự do! Lúc bị vây bắt, tôi đã đánh nhau với cán bộ nên bị họ cùm!

- Lúc chưa bị bắt, anh làm gì!

- Giáo viên cấp II.

- Ở đâu?

- Phủ Lý.

Để chuyển ý, tôi chủ động hỏi về anh:

- Số 7 với anh cùng vụ?

- Cùng vụ!

- Vì sao bị bắt?

- Tại thằng Long Châu Sa giết một đứa bé 12 tuổi ở Hàng Bạc, để đậy miệng nó lại. Vỡ lở nên bị vồ!

- Gia đình anh cũng ở 10 Quan Thánh?

- Đấy là nhà bố mẹ vợ…..Tôi đã có 2 cháu.

- Năm nay, anh bao nhiêu tuổi?

- 33.

- Tình báo của các anh là do miền Nam, hay thời Pháp còn lại?

Im ắng một lúc, có lẽ anh ta đắn đo trả lời, hoặc anh thoáng nghe hiện tượng có cán bộ vào. Mãi sau, anh mới nhỏ nhẹ, nói vừa đủ buồng tôi nghe:

- Từ trước 1954 cài lại. Chúng tôi có liên quan đến Trần Minh Châu, tức Cập.

Tôi thót người lại, hỏi kỹ thêm:

- Tôi tưởng Trần Minh Châu đã xử năm 1958 rồi?

- Anh Cập bị xử tử rồi, chuyện về sau mới vỡ.

- Còn hơn một tuần nữa xử các anh. Vậy các anh có đoán, các anh sẽ bị bao nhiêu năm không?

Như dè dặt, cân nhắc, một lúc sau anh trả lời:

- Tôi, nhẹ thì 15 năm, nặng thì 20 năm. Còn số 7, nhẹ từ 10 đến 12 năm, nặng thì 15 năm.

Để có ý niệm về vụ mình, tôi hỏi tiếp:

- Vì sao họ giam lâu thế, các anh có bị cùm không?

- Vì có nhiều rắc rối! Điểm chính là anh Cập đầu vụ đã chết rồi, nên chúng nó khó điều tra. Chúng nó cùm tôi gần 2 năm trời, bán sống, bán chết, tôi đã phải bò lê, bò càng, chân của tôi bị xuội mấy tháng trời. Nếu không có vợ tôi tiếp tế, thuốc men, tôi đã sống không được.

- Thế, số 7 thì sao?

- Ồ, cái thằng đó, cán bộ tập kết đấy, nhưng là loại lưu manh giở, anh thấy nó vơ vét nịnh bợ cán bộ…

Đột nhiên, buồng số 7 gầm lên:

- Đ. M mày, thằng Căn, thằng con heo ghẻ! Mày tốt đẹp lắm đấy!

Thế là im lặng luôn. Xà lim chìm sâu vào đêm Thu với nhiều nỗi đầy vơi, khắc khoải của mỗi buồng. Tôi lại miên man suy nghĩ! Chợt nhớ lại trước đây, khi tôi còn giam chung với tên Tân ở xà lim II, có lần Tân nói đến một vụ gián điệp, đã giết một đứa bé ở Hàng Bạc. Vụ này đã làm xôn xao cả Hà Nội lúc ấy, không ngờ bây giờ là đây. Phải, có như vậy tôi mới khỏi băn khoăn thắc mắc, khi nghe "12" là gián điệp tình báo.

Với sự hiểu biết của tôi, tụi chấp pháp và cán bộ Hỏa Lò cũng thừa hiểu, dù nội quy nghiêm khắc, cán bộ xà lim báo cáo theo dõi tốt; nhưng những lúc sơ hở, những giờ khuya khoắt, làm sao chả có lúc bị can liên lạc với nhau. Vậy, chỉ những bị can nào xét ra vô hại với nhau, hoặc nếu có cũng không đáng kể, chúng mới cho giam chung một xà lim mà thôi. Từ ý nghĩ này, tôi tin chắc tôi khó có thể gặp một đồng chí, một đồng nghiệp cùng ở miền Nam ra, trong thời gian chúng còn đang thẩm tra cung tôi.

Sáng hôm sau là ngày tắm giặt! Khi đến buồng tôi tắm xong, tên Chiến ngồi ở bàn quát:

- Ra đi!

Ở xà lim ai cũng hiểu là khi đổ bộ, hoặc tắm xong rồi, nếu muốn ra trước khi cán bộ giục, phải báo cáo: "Báo cáo, nhà tắm xong!". Nếu cho ra mới được ra, còn không phải đợi. Vì, đợi khi có buồng khác ra vào, đi cung chẳng hạn. Khi tôi ôm bô với quần áo đã giặt qua bàn y, tôi báo cáo:

- Báo cáo, cho phơi quần áo?

Mỗi buồng 15 phút (tắm), 10 buồng 150 phút, lại còn lấy cơm, trả bát, như vậy gần hết buổi sáng. Vì thế, để nhanh, khi buồng này báo cáo phơi, y đứng dậy mở cho buồng khác ra. Do đó, buồng ra sân, khi phơi xong, cũng phải báo cáo vào, vì sợ gặp người ở trong đang đi vào nhà tắm.

Ra sân, trong khi phơi quần áo, tôi nhìn trên chiếc dây phơi, thấy ngoài một số đồ trại vải sòng sọc, và một số quần áo tư của nam giới, lại còn mấy quần áo phụ nữ ở trong góc. Tôi chợt liếc lên, thấy buồng số 9 và 12 đang đứng lấp ló chỗ cửa sổ rồi. Tôi phải cảnh giác tên Chiến, nếu nó đi vào trong, tôi sẽ lập tức ra hiệu cho 2 buồng đó ngồi xuống.

Trong buồng nhìn ra sân thì rất rõ, vì từ tối nhìn ra sáng. Ngược lại, từ ngoài sân nhìn vào, vì qua một lượt lưới thép nên trông không rõ lắm, mặc dù cửa sổ khá to. Tuy vậy, tôi cũng thấy bóng trong buồng 12 có bộ mặt tròn trịa, đầu tóc hớt cao, nhọn hoắt, dạng người mập tròn. Còn bên buồng số 9, cả hai cô đều đứng lên, một cao, một thấp. Tôi đoán, có lẽ cô Hương là cô cao, có mớ tóc dài, bộ mặt trái soan. Cả hai cô cứ rối rít vời như chào tôi. Để giữ cho các cô, tôi không tỏ thái độ gì vì biết tên Chiến, đang đứng chỗ bàn trực nhìn về phía mình.Tôi đang đứng quay lưng về phía hắn, tay vẫn vờ sờ sờ, kéo kéo quần áo ra trên đây, y không thấy mặt tôi, và tôi cũng không dám cử động cái đầu quay về phía các cô. Chỉ dám cười, như để đáp trả những cái vời của các cô.

Vào trong buồng, tôi cũng thấy bâng khuâng, lòng nao nao vui. Giữa chốn tù đày cùng khổ thế này, mà tình người vẫn nồng đượm chơi vơi. Ngay chiều hôm ấy, khi trả bát, tôi xin ra ngoài sân lấy quần áo phơi, buồng số 9, hai cô cũng đứng lên. Họ dũng cảm thật, không sợ cùm! Nhưng, cũng chỉ là nhìn nhau thôi, chứ nói chuyện hỏi thăm nhau làm sao được…..

Tối hôm ấy, cán bộ trực là tên Điền, người vẫn phụ trách phòng tiếp tế. Tên này có tính ít đi "tua", và cũng không

hay rình rập, thường kiểm tra xong là đi đâu mất, có thể lại ra phòng trực ngoài trại chung, ngồi đấu láo với nhau bên ấm trà cho đỡ sầu đêm Thu. Theo tôi hiểu, một ca trực đêm các khu trong Hỏa Lò, gồm cả trại chung, xà lim và cơ quan, cũng chỉ 4, 5 tên công an; còn vũ trang đi tuần phòng và canh gác bên ngoài thì không kể. Cho nên, chúng nó cũng buồn. Ca sau lại 4, 5 tên khác. Hơn nữa, ban giám thị cũng như cán bộ thường ở ngay những dãy nhà phía cổng Hỏa Lò. Do đấy, có chuyện gì đột xuất, chúng vẫn có đầy đủ người để giải quyết.

Mới từ hôm qua đến nay, để ý, theo dõi, tôi đã nắm được toàn bộ số người trong xà lim (tất nhiên, cũng nhờ có sẵn kinh nghiệm của hơn 2 năm nằm xà lim nên mới vững nhanh như vậy). Tổng số: 17 người. Có 7 người cùm một chân; chia ra: Buồng số 1, một người; buồng số 2, không người; buồng số 3, 2 người, một bị cùm một chân; buồng số 4, 2 người; buồng số 5, 1 người; buồng số 6, là tôi; buồng số 8, 2 người, cả hai bị cùm một chân; buồng số 8, 2 người; buồng số 10, 1 người; buồng số 11, 1 người, bị cùm một chân; buồng số 12, 1 người; buồng số 13, không có người; và buồng số 14, 2 người, một người bị cùm một chân.

Tôi thắc mắc, không hiểu tại sao hai buồng số 2 và số 13 luôn luôn không mở cửa đến. Nhưng, thỉnh thoảng vào những ngày Chủ Nhật, lại có hàng đoàn người, cả đàn ông đàn bà vào ra im lìm trong buồng này. Như vậy để làm gì?

Giữa lúc này, số 12 lên tiếng:

- Số 6 quê ở đâu, hở anh bạn?

- Hà Nội!

- Năm nay bao nhiêu tuổi?

- 26

Bỗng buồng số 9 lên tiếng, giọng ngập ngừng:

- Số 6 chỉ có quần áo trại, vậy ra không không có người tiếp tế à?

Chà cô này để ý thật, tôi cũng mềm dẻo cho qua:

- Cảm ơn sự quan tâm, vì một lý do riêng, tôi không có người tiếp tế!

- Thế bị bắt đã lâu chưa?

Tên Long Châu Sa bỗng hộc lên như con lợn nái đòi ăn:

- Công nương của tôi hôm nay nói nhiều quá! Em có biết không? Nghe giọng em nói, anh muốn tụt quần ra thôi!

Thật là bỉ ổi. Tôi lờ đi, quay sang 12:

- Này, 12 ơi! Anh có biết buồng số 2 và 13 chúng để làm cái gì không?

- Ồ, tôi đã ở xà lim này hai năm rồi, năm ngoái, khi ông Vân còn trực ở đây, thấy tôi tù lâu xà lim, nên thỉnh thoảng chiếu cố cho tôi ra quét dọn. Có lần, tôi phải lấy nước dội rửa và quét hai buồng ấy. Theo chúng nói, thời Pháp thuộc, buồng số 2 là chỗ giam Hoàng Văn Thụ, và buồng số 13 giam Trần Đăng Ninh. Bây giờ, chúng để hai buồng

đó lại làm lưu niệm. Thỉnh thoảng có các phái đoàn ở các tỉnh, cũng như các cơ quan vào thăm để thấy cái…dã man, tàn ác của thực dân Pháp.

Đột nhiên, buồng số 7 ư ử rên, gọi số 10:

- Anh bạn số 10, ngày mai là Chủ Nhật, cán bộ khác trực, không phải ông Chiến là được rồi, anh báo cáo, có ít thuốc lào muốn cho cái thằng Căm Pu Chia điên khùng này nhé! Tôi biết anh bạn có nhiều thuốc lào. Tôi lại hết rồi, 5 năm nay không ai tiếp tế cho cả. Anh bạn nhớ nhé "bố thí" nhé!? Nếu không, tôi bảo đảm với bạn là đũa và bát cơm của bạn thế nào cũng có phân!

Thật đúng là một tên vô liêm sỉ. Tôi nghĩ rằng, loại người như tên Việt gốc Căm Pu Chia này, ở bất cứ một chế độ nào, hay một tập thể nào, cũng chỉ đập phá, làm ung thối tập thể hoặc chế độ đó mà thôi. Vậy tại sao, nó lại là cán bộ tập kết ra Bắc? Rồi màng lưới tình báo của Trần Minh Châu tức Cập lại thu nhận những con người như vậy, dù cho là chỉ với tính cách giai đoạn? Nó là loại "mất nhân tính", không có cách gì cải hóa được, sớm hay muộn nó cũng phản; như một con chó mà cắn lại chủ, chủ nào nuôi?

Ngày hôm sau, trực xà lim lại là tên Nhiễm. Đã lâu rồi, từ hôm tôi tự tử, bây giờ tôi mới lại trông thấy y. Tên này rất nghiêm và khó tính. Thế mà, buồng số 7 vòi vĩnh, nịnh bợ thế nào không biết, tên Nhiễm đã hỏi số 10, có thuốc lào hãy cho thằng khốn nạn ấy một ít. Thực ra, nếu ai có thuốc lào, cũng không hối tiếc gì đối với một người bạn tù; nhưng đâu dám báo cáo cho buồng khác. Như vậy, các anh đã liên lạc với nhau khi vắng cán bộ à? Nếu không, làm sao biết buồng kia hết thuốc lào? Nhưng, có lẽ riêng tên Căm Pu Chia mất gốc này, ai cũng thấy nó chẳng có chính "chị", chính "em" gì cả, mà chỉ là loại "chính ăn" hay "lưu manh chính trị". Cho nên, hầu như tên cán bộ nào cũng có đôi chút dễ dãi với nó. Còn mọi người đồng phạm trong buồng thì coi nó như người hủi, không một ai muốn dây.

Tôi chợt nghĩ, nếu đây là một phương pháp đóng kịch tuyệt hảo của y thì sao? Có như vậy mới qua mặt được hết mọi người. Suy nghĩ, và nhận thức về một con người mà mình ít nhiều tiếp xúc (tôi đã có một số kinh nghiệm nghiệp vụ, qua nhiều thực tiễn, đến giai đoạn là "ngửi" vấn đề), chủ quan, tôi thấy y là một tên vô lại từ bản chất. Dù vậy, tôi chưa khẳng định, còn đợi thời gian và sự việc để bổ sung cho nhận thức của tôi thêm bén nhậy sau này.

Chả bao lâu đã tới ngày 15. Ngay từ sáng sớm, tên Chiến trực xà lim chưa đến, đã thấy có mấy tên cán bộ lạ vào, mở buồng số 7 và 12 dẫn đi.

Mãi tới 12 giờ, hai buồng mới về. Tôi rất nóng lòng muốn biết họ bị xử bao nhiêu năm. Có lẽ, một số buồng khác chung quanh cũng cùng có một tâm trạng như tôi. Lúc này đang là giờ trưa, nhiều lần tôi định lên tiếng hỏi thăm buồng 12 mà cứ ngập ngừng không dám, vì tôi chưa nắm chắc được là cán bộ tinh quái (như tên Thế "mũi cà chua" chẳng hạn) giả vờ nặng chân đi ra cổng, đóng cửa nghe đánh thình một cái, nhưng y lại chưa ra, rón rén trở vào, đứng yên chờ nghe các buồng nói chuyện. Buồng nào chủ quan không để ý kỹ, ôi thôi lại đặt chân vào "cạm". Cũng có tên, theo kiểu ngồi lì như tên Chiến, y để một cái ghế giữa hai dẫy buồng xà lim, rồi ngồi im đọc sách, hàng mấy tiếng đồng hồ. Buồng nào đứng lên nhìn cổng, rồi nghe ngóng mãi không thấy động tĩnh, hiện tượng gì tỏ ra là có cán bộ ở trong, tưởng là an toàn, bấy giờ lên tiếng gọi nhau, chỉ còn nước há hốc mồm ra mà đút chân vào cùm.

Ngập ngừng mãi, không làm sao được, tôi ho hắng gọi 12, nhưng mãi cũng không thấy 12 lên tiếng gì cả. Chắc buổi xử án căng thẳng thế nào đó, nên 12 về nằm liệt không thiết nói chuyện với ai nữa. Tôi suy đoán tới lui, đưa ra nhiều lý do, trường hợp, nhưng tất nhiên là không có lời giải đáp nào chắc chắn. Tôi lại nằm chiếc sàn cạnh buồng số 5, nên không có cách nào để gõ vào tường phía số 7 để hỏi được. Mãi gần tới giờ trưa, giờ làm việc chiều đã tới, bỗng dưng cô Hương buồng số 9 lên tiếng:

- 12 và số 7 xử án thế nào?

Giọng ìn ịt rên rỉ của số 7:

- Người đẹp ơi! Vụ án của anh căng quá, xử từ sáng tới giờ chưa xong. Phen này chắc anh đi "mò tôm" mất em ơi!...

Đột nhiên, tiếng cửa sổ nhỏ buồng số 7 xoạch mở, một tiếng quát làm nẩy tim mọi người:

- Anh nói chuyện với buồng nào?

- Tôi nói chuyện với nàng tiên của tôi!

- Nàng tiên nào?

- Ở trong mộng!

- Tôi cùm cổ anh vào bây giờ, mặc quần áo vào!

Cửa buồng số 7 mở, rồi đến phòng 12.

Thì ra là tên Bằng! Chắc là nó vào từ lúc buồng 9 vừa hỏi xong, vậy mà không ai biết. Số 7 cũng nhanh trí, không thì số 9 kẹt. Vả lại, tên Bằng này cũng dễ! Thêm nữa, chắc y cũng thông cảm với tên tù đã lâu, lại đang trong ngày xử án tinh thần căng thẳng, nếu không nó cứ truy hỏi tới, thì chắc cũng ra buồng số 9 để cùm. Hoặc giả nó có chủ ý để bắt, nó cứ đứng yên một lúc nữa để nghe hai bên đối đáp, rồi chỉ việc rút chốt cùm là xong!

Khoảng 4 giờ chiều, bỗng có tiếng động ở ngoài cổng xà lim, rồi những tiếng xụt xịt đi đang vào trong sân.

- Có gan làm, có gan chịu, khóc lóc cái gì! Tòa xử bao nhiêu năm?

Tên Chiến vừa hỏi, vừa đập đập chùm chìa khóa lên mặt bàn. Giọng số 7 nói trong nức nở:

- Chung thân!

- Còn anh kia?

Tiếng một tên cán bộ trả lời, giọng miền Trung nặng chịch:

- Nguyễn Văn Căn, tử hình. Lê Văn Lượng, chung thân!

Có cả tiếng tên Tư trực xà lim III:

- Anh kia! Vào dọn quần áo ra trại!

Những tiếng bước chân xoèn xoẹt của 4, 5 người đi vào buồng số 7 và 12. Tôi điếng người khi nghe anh Căn bị tử hình, bản thân tôi cũng không ngờ. Tôi liên tưởng tới bản án của Phạm Huy Tân. Hai vụ án, tất cả bị can đều ước đoán mức án dưới sự thực xa. Phải chăng đây là một chủ trương của ngành hành pháp và tư pháp của Cộng Sản? Tuy mới biết có hai vụ, chưa gọi là đủ để kết luận, nhưng tôi đã thấy chiều hướng đúng, ngả về phía dự đoán của mình.

Từ nãy, tôi vẫn chỉ nghe tiếng xụt xịt của Lượng, mà không thấy tiếng của Căn. Trong khi lục đục dọn quần áo ở trong buồng, bỗng số 7 gào to:

- Công nương ơi! Từ nay ngàn dậm phương trời, làm sao anh sống được!

Có lẽ mấy tên cán bộ, nhất là Chiến, biết số 7 nói với ai rồi. Nhưng, chúng không chấp trong những phút như thế này, vì thế, tên Chiến chỉ quát:

- Im ngay cái mồm, ra đi! Lừng khừng mãi!

Trong lúc một tên cán bộ dẫn số 7 đi, thì nghe tiếng chốt cùm buồng 12 rút ra đến xoạch một cái. Giọng miền Trung nghe nặng như tiếng giã gạo trong cối đất:

- Lúc ở phòng ban giám thị, anh đã nghe đọc quyết định rồi, bây giờ hãy chấp hành!

Lúc này, tôi mới nghe tiếng của anh Căn, run run như đang lên cơn sốt:

- Vợ con tôi từ nay sống làm sao?

- Ngoài tòa, anh có ký đơn xin chủ tịch nước ân xá tội tử hình không? Vừa đóng chốt, tên Chiến vừa hỏi.

Tiếng anh Căn:

- Báo cáo, có!

- Như vậy, anh còn sống thêm 6 tháng nữa, để chờ quyết định tối hậu.

- Thưa ông, về tội chính trị từ trước tới giờ, chủ tịch nước có tha ai đâu!

Tên miền Trung có vẻ cáu tiết:

- Anh đừng nói láo! Hãy tin tưởng, nghe không!

Cửa đóng, tiếng những bước chân xền xệt nhỏ dần ra phía cổng xà lim. Lòng tôi dâng lên một niềm thương mến anh Căn vô độ. Sau khi vểnh tai nghe ngóng và phán đoán là lúc này không còn tên cán bộ nào trong xà lim, tôi liền lên tiếng. Vì tôi muốn là người đầu tiên nói với anh những lời thăm hỏi, ủi an thầm kín, của một người đồng chí hướng:

- Anh Căn ơi! Tôi xin chia xẻ nỗi đau buồn của anh.

Giọng anh run run, xúc động:

- Cám ơn anh, tôi chỉ thương vợ con tôi thôi!

- Anh hãy nên…..

Đột nhiên, tiếng cô Hương buồng số 9 chận ngang câu nói của tôi, bằng một giọng thì thào vội vã:

- Cán bộ vào!

Tôi thầm cảm ơn người số 9. Trong khi hai bên nói chuyện, lại đều bị cùm, cô đã gác tụi áo vàng cho chúng tôi. Từ lúc này, nếu chúng tôi muốn nói chuyện đều phải nhờ buồng số 9. Chẳng hiểu buồng số 9 có thấy như vậy không?

Đêm hôm đó, và cả ngày hôm sau, lòng tôi đầy vơi bao nhiêu ngả vì anh Căn. Anh và tôi, tuy mới vừa biết nhau, thậm chí tôi còn chưa trông rõ mặt anh, thế mà lòng tôi cảm thấy thân thương, gần gũi. Có phải lòng tôi như vậy, vì anh là một người lính chiến của thế giới tự do, mang trong mình giòng máu Quốc Gia chống cộng? Điều ấy, có lẽ tôi không phủ nhận. Vâng, có! Nhưng chỉ một phần thôi, phần đó lại chưa phải là phần cơ bản. Bởi vì, trên đường tôi đi, tôi đã gặp nhiều, nhan nhãn, đâu mà chả có những người lính chiến, vào sinh ra tử, không từ nan gian khổ, dù có phải hy sinh tính mệnh, vẫn cầm chắc tay súng, ghim những viên đạn thù vào đầu lũ giặc cộng, vì tự do cho mọi người. Phần chính làm tôi dạt dào mến mộ anh, đó là, anh đã chiến đấu, và không may anh bị rơi vào tay kẻ thù. Bây giờ, anh đã nhận lãnh một bản án tử hình, do tòa án phi công lý của kẻ thù kết tội. Anh đang nằm chờ ngày anh về với cát bụi, một mình giữa đơn lạnh, hoang vắng trong tăm tối gông cùm, không một ai hay. Có chăng, chỉ người vợ dại và hai đứa con thơ của anh.

Trong đêm tối mịt mùng này, chỉ có mình tôi, tôi đại diện cho tất cả mọi người đang được hưởng tự do và hạnh phúc, biết ơn anh. Nếu không có hàng triệu triệu những chiến sĩ vô danh như anh, ngoài chiến trường, trong rừng sâu, ngoài biên cương hẻo lánh, hay trong nơi tăm tối ngục tù, thì làm sao có những người đang được nhởn nhơ, ngụp lặn trong đống vàng, và đang bơi lội trong hạnh phúc. Tôi cứ miên man nghĩ ngợi, rồi đi dần vào giấc ngủ muộn đêm thâu. Đang mơ màng, đột nhiên một tiếng cười ré lên làm tôi giật mình tỉnh dậy. Lúc này, có lẽ khoảng 2, 3 giờ đêm, tôi đã ngủ được một giấc khá dài.

Đêm càng về khuya, xà lim càng vắng lặng heo hút. Ngoài trời, đêm nay gió thật nhiều! Tiếng gió gầm gào vi vu, nhiều lúc như rít lên trên mái nhà. Tiếng xào xạc, sôi réo từng hồi củ những chiếc lá bàng, lắc lư đập vào nhau theo từng đợt gió mạnh. Tiếng sột soạt của những chiếc lá rời cành, báo cho thế nhân nàng Thu đã về. Tiếng rên từng chập dài lê thê của buồng số 8; tiếng cò cử như bễ thợ rèn của buồng số 5;…tất cả tạo thành một bản nhạc đêm Thu, cho người không ngủ não nề nằm…..nghe.

Hồi nãy, rõ ràng có một gọng cười đã đánh thức tôi dậy, không biết của buồng nào? Tôi đang nằm tỉnh mơ, lòng băn khoăn vì tiếng cười, tai vẫn thưởng thức điệu nhạc Thu đêm dài, đột nhiên, tiếng cười lại ré lên. Lần này nghe rõ mồn một, của buồng số 10; cứ im một tí lại cười. Có lúc dòn khặc khặc như con gà Tây gáy, có lúc ngắc ngư khìn khịt như con heo nái, đang hục mõm trong máng cám tìm ăn; lại có lúc nghe ọt ẹt, õng ẹo như con gà mái muốn đẻ đang gại trứng. Những tiếng cười này làm cho tôi, và có lẽ cho một số buồng khác chung quanh, không ngủ được cho tới sáng. Một tên cán bộ từ ngoài cổng xà lim đi vào, quát ầm lên:

- Buồng nào làm ầm thế?

Chẳng có tiếng trả lời! Vẫn chỉ là những tiếng sằng sặc như nắc nẻ của buồng số 10. Tên cán bộ vào, mở cửa sổ nhỏ buồng 10, hỏi:

- Anh cười cái gì thế! Anh điên à?

Im lặng, cả tiếng cười cũng bặt luôn. Tên cán bộ vừa đóng cửa sổ nhỏ lại, vừa gằn giọng:

- Anh không ngậm ngay cái miệng của anh lại, tôi vào cùm đầu anh bây giờ!

Chỉ im được một lúc, rồi vẫn tiếng cười ấy nổi lên. Có khi, cười chán lại khóc, hễ có cán bộ vào quát thì im, khi cán bộ ra, lại tiếp tục như cũ. Suốt ngày đêm!

Sáng hôm nay cũng vậy, nhưng tên Chiến trực chính của xà lim I, xưa nay vẫn có tiếng trị những người tù dở chứng. Y vào, mở cửa buồng số 10:

- Anh bỏ ngay cái trò con tiều đó đi! Anh muốn giả điên hả? Tôi đã trị bao nhiêu thằng điên như anh rồi. Anh có ăn được cứt ngon như ăn cơm không?

Im lặng, không hề nghe tiếng số 10. Tên Chiến đi ra, số 10 lại tiếp tục cười. Tên Chiến trở vào, rút chốt cùm, quát to:

- Bỏ chân vào!

Lục đục một lát, tên Chiến lại quát:

- Bỏ 2 chân vào! Nếu biết điều, không làm ồn nữa, tôi tha cho, nếu tiếp tục làm ồn, tôi sẽ cùm mồm lại. Anh càng dở chứng, anh càng chết sớm!

Nhiều buổi, tôi thấy số 10 đổ cơm nước, linh tinh ra lối đi. Dạo này, cũng không thấy số 10 đi đổ bô hay tắm rữa. Vẫn ngày đêm, lúc cười, lúc khóc. Những tiếng cười, tiếng khóc này càng gợi thêm nỗi não nề, cay đắng cho người chung quanh.

Mấy ngày sau, chẳng hiểu cứt, đái của anh ta trong buồng thế nào, mùi thối hoăng xông lên. Ngày cũng như đêm, cứ thỉnh thoảng lại một cơn heo may nhè nhẹ, đẩy vào buồng tôi mùi phân khăm khẳm buồn nôn.

Chứng kiến buồng số 10, và bao nhiêu buồng trước đây nữa của xà lim III, xà lim II, tôi lại hình dung cảnh tù đầy của chính mình. Thú thật, tôi rất sợ bệnh thần kinh. Ở trong xà lim như thế này, lâu ngày, rất dễ bị thác loạn tinh thần.

Nào là cực khổ đói rét, thần kinh căng thẳng ngày đêm vì cung kẹo, rồi những suy tưởng đến gia đình, bạn bè, xã hội, cuộc đời…..bao nhiêu thứ giằng co, cào xé bộ óc. Miệng thì câm như hến, nhưng đầu óc thì cứ căng ra suốt đêm ngày. Tinh thần bị ức chế tối đa! Vậy, nếu không chịu tìm nhiều lối thoát cho tư tưởng, và có một nghị lực chế ngự mạnh, không sớm thì muộn, tinh thần sẽ không còn bình thường nữa.

Chương 49

Vượt Ngục …..!

Trưa hôm nay, tuy đã đầu Thu, nhưng cái nóng chói chang vẫn như hun đốt không gian. Không khí như một miếng bông thấm khổng lồ, hút khô cảnh vật. Làm môi như co lại, bong ra từng miếng vẩy, để chống lại cái nóng hanh của đất trời.

Tôi đang nằm đăm chiêu, vướng vất những suy tư về vụ án của anh Căn, đột nhiên cửa sổ nhỏ mở. Tiếng mụ Hoa, giọng rèn rẹt Quảng Nam:

- Đi cung!

Rồi mụ quay ra, rút xoạch chiếc chốt cùm. Chà! Lâu quá không đi cung, và cũng khá lâu rồi không gặp mụ Hoa. Chẳng hiểu, bặt đi 4, 5 tháng, tôi đi cung chẳng thấy mụ ta đâu, tôi cứ tưởng mụ đã đổi đi nơi khác rồi.

Vừa đi tôi vừa liếc nhìn dáng đi vặn vẹo, với đôi chân vòng kiềng khều khào của mụ như múa bên cạnh, tôi liên tưởng tới thời kỳ con gái của mụ. Tôi không thể hình dung được sắc đẹp của mụ thời gian ấy, nó như thế nào mà có thể đánh đổ kềnh một anh trung sĩ nhà ta. Để rồi đè bẹp một đồn binh của chúng ta, như lời tên Tân kể lại cho tôi nghe trước đây.

Tôi chậm chạp, lầm lủi đi theo mụ. Quen như mọi khi, tôi rẽ về phía trái. Là chỗ dẫy phòng đi cung, nhưng mụ lại ra hiệu bằng ngón tay, hướng ra phía cổng Hỏa Lò. Tôi thấy hơi lạ! Hơn 2 năm trời, chưa bao giờ tôi lại ra phía cổng Hỏa Lò để đi cung, vì vậy, tôi phải chuẩn bị ngay tư tưởng để phòng hờ, đối ứng với những việc bất ngờ. Khi gần tới cổng, mụ dẫn tôi quẹo về phía bên phải, trèo lên một bậc hè, đến một căn buồng có chiếc xe đạp đang dựa vào tường gần cửa buồng. Mụ đẩy cửa, bảo tôi vào. Bên trong là một căn buồng trống trơn, cũng như nhiều căn buồng hỏi cung khác, nghĩa là chỉ có một cái bàn mộc cũ kỹ, trước bàn có một cái ghế đẩu để cho bị can (người tù còn đang trong thời gian khai thác) ngồi. Một tên cán bộ lạ hoắc, chừng 30 tuổi, đang ngồi trước bàn. Trên bàn có một chiếc cặp đen đầy, có lẽ đựng hồ sơ. Thấy tôi vào, y chỉ chiếc ghế đẩu, ra hiệu bảo tôi ngồi:

- Anh "nà" Đặng Chí Bình?

Chỉ thoáng qua giọng nói cùng vài cử chỉ, tôi đã thấy tên cán bộ này ở một tỉnh xa về đây có việc. Tỉnh đó có thể là quê hương tôi. Tôi dè dặt, chỉ "dạ" một tiếng! Y đứng dậy, nghiêm mặt lạnh lùng:

- Anh phải thành khẩn trả "nời" rõ ràng những câu tôi hỏi: "Núc" 1954, bố mẹ anh di cư vào "Lam" rồi. Trong cuộc cải cách ruộng đất, nhân dân, trong đó có họ hàng và người ở "nàm" thuê cho gia đình anh đã tố cáo "nà" bố anh, có chôn trong thửa đất nhà anh một cái chum to, chứa toàn đồ cổ bằng sứ và đồng đen. Đường phố cũ bây giờ mở rộng, dẫy phía nhà anh đều phá bỏ. Đây "nà" sơ đồ thửa đất và nhà của bố mẹ anh. Anh hãy chỉ, bố anh chôn cái chum đó chỗ "lào"? "Lếu" tìm thấy, anh sẽ được hưởng một "lửa".

Nhìn và nghe y hỏi, tôi rất ngạc nhiên. Ngạc nhiên là năm 1953, tôi từ Hà Nội về quê chơi mấy tháng, và một đêm yên ắng, tối trời, (ngay chị giúp việc, cũng đã phải cho về quê nghỉ mấy ngày), chỉ có bố tôi và tôi ở nhà, hì hục đào dưới nền nhà bếp để chôn cái chum, thế mà giờ đây bên ngoài đã biết. Như vậy, đã từ lâu và nhiều lần rồi, ngay từ cuối 1954, khi bố mẹ tôi di cư vào Nam, chúng nó đã xâm, chọc và đào khắp thửa đất nhà tôi, nhưng chưa thấy! Bây giờ, từ Hà Nội, công an về điều tra lý lịch của tôi tại quê. Rồi từ đấy, tụi cầm quyền địa phương chợt nhớ đến chuyện cái chum, cho nên chúng đã phái một cán bộ lên Hỏa Lò, xin phép để gặp tôi. Chúng hy vọng tôi biết và nhớ chỗ chôn cái chum, sẽ chỉ chỗ cho chúng đào.

Điều thứ hai làm tôi ngạc nhiên là, không biết chúng đánh giá sự hiểu biết của tôi thế nào, mà lại hỏi tôi thế? Tôi nghĩ rằng, ngay một người dân bình thường, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc từ 1954 đến bây giờ; ai cũng hiểu những loại của đó không những không được dùng, mà đôi khi còn bị liên lụy để vào "ấp" nữa. Huống chi, tôi đã là một người tù, lại là một người tù chính trị chống đảng nặng nhất. Vậy, một tên tình báo ra ngoài Bắc, cho dù bẹt đi nữa, cũng phải được học và nghiên cứu về xã hội miền Bắc, nơi sắp sửa xâm nhập để hoạt động. Rồi nó ra ngoài miền Bắc hàng tháng trời đi lại tứ tung; thế mà nó lại không biết một điều đơn giản như vậy hay sao, đến nỗi để mắc vào cái mưu "mua chuộc" trẻ con ấy của Cộng Sản"? Chỉ có họa chăng là anh ấy điên, mới bị mắc cái "bẫy" ấu trĩ này.

Nghĩ như vậy, tôi ngửng mặt lên nhìn y, thái độ và vẻ mặt của tôi càng tỏ vẻ ngạc nhiên hơn, nhưng là cái ngạc nhiên khác:

- Thưa ông, khi rời nhà quê, tôi mới 12 tuổi. Hơn nữa, chưa bao giờ tôi nghe thấy bố mẹ tôi nói về cái chum chôn đó cả; cả ngay sau này ở miền Nam cũng vậy. Như thế, có thể đây là một chuyện nhầm lẫn hay chăng?

Không biết dáng vẻ của tôi trả lời như thế nào, mặt nó nghệt ra như ngỗng… ỉa. Vừa như tiếc là bao hy vọng của bọn cầm quyền địa phương, cũng như của y lên đến đây, đều không được việc gì. Vừa như ngẩn ngơ bần thần, không biết rồi đây có cách nào để tìm được cái chum. Tâm lý người đời là vậy! Con cá sẩy là con cá to, cái chưa biết và không thể tìm thấy thì cho là quý lắm. Nhìn cái gò má bên trái của y giật giật, và bàn tay của y cứ xoa đi xoa lại trên mặt bàn, tôi chợt lóe lên một ý nghĩ: "Tên này, thật cả đẫn! Hay ta lợi dụng thời cơ chớp nhoáng, chuồn? Thời cơ bất ngờ đưa đến! Thời cơ thường dễ đi, khó đến. Thời cơ đến, không biết chớp lấy, đôi khi còn mang họa nữa ấy chứ! Hơn nữa, canh bạc cuộc đời tôi ra ngoài Bắc đánh với chúng, tôi đã thua rồi cơ mà. Bây giờ được đánh lần nữa, biết đâu chẳng gỡ được. Vả lại, dù thua, tôi có mất thêm gì nữa đâu. Bởi có còn gì nữa đâu mà mất! Tóm lại, hành sự đi, chỉ có được chứ không mất gì cả.

Suy tới nghĩ lui xong, tôi tính toán thật nhanh, nhìn tổng quát mọi điều kiện, rồi hình thành ngay một kế hoạch.

Bây giờ đã gần 3 giờ chiều rồi, còn 2 tiếng nữa mới tới giờ tan tầm. Tôi liếc nhìn cửa buồng đóng, nhớ chiếc xe đạp dựa tường phía bên ngoài. Tên cán bộ đang cúi nhìn bàn sơ đồ của thửa đất và mấy ngôi nhà tôi. Y chỉ cao bằng tôi. Có mập hơn một chút; nhưng, nhìn bắp thịt tay, tỏ ra là y không có tập tành gì cả.

Hơn 2 năm nay, từ khi tôi bắt đầu đi cung, đã thấy ra một điều gần như quy luật: Sau khi chấp pháp hỏi, tra xong, dẫn bị can xuống phòng trực giao cho cán bộ trại. Chứ chưa thấy cán bộ trại lên phòng cung đón bị can mang về bao giờ. Cá biệt, cán bộ trại mới đưa bị can tới phòng chấp pháp. Thông thường, chấp pháp phải đợi ở phòng trực, khi cán bộ vào trại vào các buồng lấy tù ra đến phòng trực, bấy giờ chấp pháp mới ký vào một cuốn sổ để nhận người. Khi đem trả, cũng ký trả.

Đầu tôi căng thẳng vì tính toán, cuối cùng tôi quyết định, phải tiến hành. Có nguy hiểm, nhưng phải liều. Không liều, nhiều khi không có gì cả. Tôi cũng hơi ngập ngừng băn khoăn một chút, khi nghĩ tới sợi chì mật, vẫn giấu trong cái vỏ ba lô gối đầu, để ở buồng xà lim. Thôi, dù sau này có kẻ nào nhìn thấy sợi ny lông, cũng không thể nào cho đó là chì mật. Hơn nữa, nó ở trong đường chỉ của mép túi, có khi cái ba lô ấy dùng đến rách nát, bỏ đi, cũng không ai trông thấy. Thời gian cấp bách quá rồi, không thể chần chừ được nữa. Cứ giùng giằng thì không làm nên việc gì cả!

Trong cuộc đời tình báo của tôi, và khi thụ huấn một số "cao nhân" trong nghề, tôi biết nhiều thế đánh, thế khóa, nhưng tựu chung, có mấy thế thật hữu hiệu. Tùy theo người đánh muốn đối phương chết, hay ngất ngay, không một tiếng kêu. Tất nhiên, cũng phải ở những cánh tay, cứng cáp và…yếu tố bất ngờ.

Tính rồi, tôi tươi nét mặt, tay vỗ trán nhìn tên cán bộ, vờ nói để có thể đến gần y được:

- À, tôi nhớ ra rồi! Tôi nhớ mang máng khoảng 1952 hay 53 gì đó, một hôm chơi trong buồng, tôi không thấy cái chum to nhất, tôi vẫn thường trèo vào trốn ú tim với các em. Tôi hỏi, con em 10 tuổi bảo là bố chôn ngoài vườn hoa, giữa gốc cây đào và cây mơ.

Mắt y sáng lên, y cúi gầm xuống tờ giấy ở trên bàn, hấp tấp:

- Đâu? Đâu? Cây đào và cây mơ nhà anh ở đâu?

"Thế là anh bạn đã lãnh đủ với tôi rồi!" Tôi đứng dậy, tiến sát vào bàn, cũng cúi xuống, tay trái của tôi chỉ chỉ, trỏ trỏ, như tìm những vật chuẩn ở phía sau nhà. Y đang ngồi, tay cầm một cái bút chì cũng rê rê theo ngón tay tôi. Trong khi đó, tôi chậm chạp xê dịch người, lựa đúng khoảng cách để ra đòn có trọng lượng cao nhất.

Vận sức vào cánh tay phải, tôi lấy đà quay một vòng, chớp nhoáng chém một phát như búa bổ vào cái gáy đang cúi xuống của y. Tôi vừa sử dụng cùng một miếng đòn của vỏ sĩ Samsaray, vô địch quyền tự do của Cam Pu Chia, đã hạ võ sĩ Hà Châu, vô địch Hồng Kông, và hạ võ sĩ Vĩnh Tiên, vô địch quyền anh Đông Dương, ở trận võ đài quốc tế những năm trước, được tổ chức trong sở thú (Sài Gòn). Tôi đã tính rồi, bây giờ vì đói khổ lâu ngày, sức giảm đã nhiều, vậy cú đòn đầu này có thể làm y choáng váng. Tiếp theo, tôi sẽ dùng một thế khóa cho ngất đi, mà không cho y chết, bởi vì, y không phải là kẻ thù chính của tôi. Nhưng, thật không ngờ, cú đánh của tôi vẫn còn quá mạnh. Y chỉ kêu được một tiếng "Hực"! nhỏ, rồi gục ngay xuống bàn, tay chân xuội ra, ngất ngay.

Tôi chạy lẹ ra chốt cửa lại. Trở vào, tôi cởi ngay bộ quần áo kaki xám cán bộ của y ra, cởi quần áo của tôi đắp cho y, để mặc y nằm nghiêng dưới chân bàn. Tôi móc ví y, thấy có hơn 10 đồng và nhiều giấy tờ. Tôi xem một cái thẻ, có ghi tên "Đỗ Đình Hạ". Trong cặp có nhiều giấy tờ, tôi không có thời giờ xem, cứ việc cắp lấy đã. Tên Hạ này không có đồng hồ.

Trước khi mở cửa buồng tiến ra ngoài, tôi liếc nhìn tên Hạ. Thấy chân y từ từ co lại, duỗi ra, mặt y hồng hồng trở lại. "Phải cho y ngủ thêm lúc nữa đã", tôi nghĩ thế, rồi tiến lại sau lưng y, dùng một thế khóa chẹn cổ, không cho y thở; chừng 5 phút, cả người y lẫn tay chân giật dúm lại. Một mùi thối hoăng xông lên. Tôi liếc nhìn xuống phía dưới: Y bĩnh ra một bãi. Nếu cứ giữ thế khóa này 15, 20 phút, chắc chắn y sẽ xuống lòng đất hầu hạ tên "đầu bóng, râu xồm" ở Hồng Trường Mạc Tư Khoa. Nhưng, tôi chỉ giữ yên khoảng 6, 7 phút rồi buông ra. Bây giờ, coi như đã trèo lên lưng cọp rồi. Đàng nào cũng thế, không tiến tới không xong. Tôi vuốt lại đầu tóc, quần áo, đi cả đôi dép râu của y, tôi đường hoàng mở cửa tiến ra ngoài.

Tên này không có mũ, tôi phải cần có một cái mũ nữa mới giải quyết được. Tôi vừa ra khỏi buồng, liếc nhanh toàn bộ sân giàn nho và cổng Hỏa Lò. Nhìn về phía trái, tôi thấy hành lang sâu hút, có lẽ là khu nhà của bọn công an vũ trang. Đầu không có mũ, ra cổng dứt khoát không ổn. Bằng mọi giá, phải kiếm được một cái mũ. Tôi liếc mắt nhìn chiếc xe đạp vẫn dựa vào tường phía ngoài buồng, chiếc khóa dây đeo ở ghi đông, không khóa vào xe. Có lẽ tên Hạ đã nghĩ đây là trong Hỏa Lò làm gì có ăn cắp. Nhưng, điều đó cũng nói lên là y không có chủ trương gặp tôi lâu. Tôi đành lần vào khu nhà của công an vũ trang để tùy cơ kiếm một cái mũ.

Phải làm nhanh, làm lẹ. Lúc này đã gần bốn giờ chiều. Để tới năm giờ là sự việc sẽ đổ bể. Giờ tan tầm, tụi cán bộ trực nhìn sổ, thấy còn tôi đi cung chưa về, sẽ phải báo cáo, và từ đấy phải đến phòng tôi đi cung…..

Thấy một cánh cửa khép hờ, tôi lại gần, nghe ngóng, liếc vào bên trong, yên ắng. Tôi đẩy nhẹ, thì ra đây là chỗ rửa mặt và giặt giũ của bọn công an vũ trang. Nhìn lướt qua một lượt không có cái gì tôi cần. Mãi chỗ góc treo nhiều khăn mặt, có một cái mũ nồi đen, tôi tiến nhanh đến, chộp lẹ. Cái mũ đã thủng một lỗ phía sau. Nhìn chéo phía trước mặt, tôi thấy một cánh cửa nữa, cũng chỉ khép hờ. Tay vẫn cầm chiếc mũ nồi, tôi tiến về phía cánh cửa đó. Ghé mắt liếc vào, nghe thoáng có tiếng ngáy nhè nhẹ. Có lẽ phòng ngủ của đám công an vũ trang. Có thể có những tên trực đêm, nên đang ngủ ngày. Như vậy, biết đâu trong buồng cũng có kẻ thức? Tôi muốn gắng kiếm một cái mũ cối của công an, nhưng nếu khó khăn quá, đành dùng cái mũ nồi này vậy. Có còn hơn không. Có mũ, mới che bớt được bộ mặt, chắc là gầy và xanh tái, của tôi. Hơn nữa, nhớ gặp cán bộ quen mặt, chúng khó nhận ra. Thử xem sao? Tôi nghĩ vậy và khe khẽ, từ từ đẩy cánh cửa đang khép hờ đó ra. Tôi giật thót người! Ngay cạnh cửa, một tên công an mặc áo may ô, da trắng hồng, đang ngồi qua lưng ra, lúi húi viết trên một cái rương màu xanh. Quá căng thẳng, tay tôi nhè nhẹ kéo cánh cửa lại như cũ. Hú vía, nếu hắn quay mặt ra thì…..

Thôi, không thể kiếm mũ được rồi. Thời gian trôi qua, cấp bách lắm rồi, tôi không được phép chần chừ nữa. Lùi qua phòng rửa mặt, tôi trở ra. Lúc này, tôi đành đội cái mũ nồi lên đầu. Về tới phòng cung, cửa vẫn đóng như trước, tôi đẩy nhẹ, vào lấy cái cặp khi nãy tôi để ghệ vào chân tường, bên trong buồng. Tên Hạ vẫn nằm một đống, căn buồng nồng nặc mùi phân. Ra khỏi buồng, tôi khép cửa lại.

Vừa đặt tay vào chiếc xe đạp, định buộc cái cặp vào yên hành lý phía sau xe, mắt tôi chợt thoáng thấy tên Thế "mũi cà chua" đang từ giữa vườn hoa tiến về hướng tôi. Tôi vội vàng nghiêng người đi, như đang tập trung trí óc vào việc buộc cái cặp. Một luồng lạnh chạy từ dưới lưng lên gáy tôi. Qua kẽ nách, tôi thấy đôi dép râu và hai ống quần màu vàng, đang chậm chạp tiến sát lại gần. Tôi thoáng lên một quyết định trong óc. Được, hôm nay, có gì, tôi sẽ cùng chết với tên "mũi cà chua" này. Tôi vẫn bầm gan tím ruột vì trận đòn phủ đầu của nó ở Hỏa Lò, hơn hai năm về trước với tôi. Đôi dép râu và hai ống quần kaki màu vàng đã đến gần hơn, còn cách sau lưng khoảng chừng 7 – 80 phân thì ngừng lại, như ngập ngừng do dự một lúc. Chân trái tôi đã hơi chùn xuống và bàn tay phải nắm chặt lại, sẵn sàng. Nhưng, hai ống quần vàng lại rẽ đi vào phía nhà ngủ, của công an vũ trang. Một hơi thở nén từ nãy bây giờ từ từ xì ra, tôi nhẹ hẳn người. Muốn hay không muốn, lúc này tôi phải tiến ra cổng rồi.

Thường ngày, hai cánh cổng lớn Hỏa Lò ở giữa, to như cổng thành, vẫn đóng, chỉ trừ khi có xe ô tô ra vào đặc biệt, mới mở. Còn như bình thường, tụi cán bộ làm việc ra vào, sẽ đi hai ngách cổng nhỏ ở hai bên cửa chính. Mỗi bên, đều có một bàn xét giấy tờ, và một công an vũ trang bồng súng gác phía ngoài. Chiếc ngách cổng này là một lối đi rộng chừng 1m rưỡi, dài chừng 8m bằng bề ngang của chiếc cổng. Bên trên cổng là căn lầu nhiều buồng, xây kiên cố, để bọn giám thị và cán bộ ở. Với lối đi hẹp như vậy, nếu có hai chiếc xe đạp cùng ra vào một lúc, một chiếc phải ngừng lại, nép sát phía tường, nhường cho chiếc kia đi, rồi chiếc này mới đi được.

Dắt chiếc xe đạp từ từ về phía cổng, tôi hơi băn khoăn là khi đi qua bàn giấy, có phải cán bộ nào cũng phải trình giấy, hay chỉ người lạ. Vì vậy, tôi dừng lại, vờ cúi xuống sờ sờ, mó mó lại cái má thắng của bánh trước, trong lúc tiến chậm về phía cổng, chờ mấy tên cán bộ đi ra vào để quan sát. Thực ra, đứng ở đây rất nguy hiểm, lỡ bất ngờ có cán bộ quen mặt ra vào, thì chỉ có nước…..độn thổ. Nhưng khốn nỗi, tôi lại chưa biết gì về cách ra vào trình giấy tờ…Thật may, nếu không dừng lại để theo dõi, chắc chết. Một số cán bộ đi ra (tất nhiên là lạ) đều ghé vào bàn giấy để lấy tấm thẻ, chắc lúc vào đã phải gởi. Bây giờ, tôi lại lo lắng điều khác, nếu tên cán bộ ngồi ở bàn giấy quen với tên Đỗ Đình Hạ này, việc sẽ đổ bể ra ngay. Nhưng, dù nguy hiểm đến đâu, đã ngồi trên lưng "ông ba mươi" rồi, tôi không còn cách chọn lựa nào khác.

Tôi đường hoàng dắt xe tiến tới chỗ bàn giấy. Tên cán bộ ngồi ở bàn giấy chừng 28, 30 tuổi, trông hơi quen quen mặt, hình như tôi đã có lần thoáng thấy y, những khi trên đường đi cung thì phải. Nhưng, lúc này, tôi không thể nhớ ra được. Và, hy vọng là y cũng không thể nhớ ra mặt tôi!…..

Khi tới gần bàn, y ngẩng mặt lên nhìn tôi quan sát. Tôi tươi mặt tình cảm:

- Chào đồng chí! Tôi, Đỗ Đình Hạ!

Y nhìn tôi, mắt y mở to, thoáng vẻ như ngỡ ngàng. Tôi cũng thấy nóng hai bên má, ngực tôi ngứa ran lên. Im lặng và nặng nề. Tôi phải phá tan cái không khí này, vừa cười, tôi vừa nói như ca thán:

- Tôi tưởng chỉ một giờ, thế mà kéo dài gần ba tiếng!

Giữa lúc đó, có hai tên cán bộ dắt xe đạp từ ngoài cổng đi vào, phải dừng lại một bên chờ vì vướng xe tôi. Tên cán bộ ngồi bàn giấy đưa tay lên cái khay xếp nhiều tấm thẻ, lật vài tấm, rồi cầm một cái lên,mở ra coi. Trước khi đưa cho tôi, y còn nhìn tôi như ngập ngừng định hỏi gì lại thôi. Tôi cầm tấm thẻ, cười với y, rồi dắt xe tránh lối cho hai chiếc xe đạp kia vào.

Trời đã đầu Thu mà trán tôi cũng rướm mồ hôi. Đây là cửa ải sinh tử! Nếu tôi qua được, ra khỏi cổng Hòa Lò, coi như thoát 80-90%.

Tôi phác một viễn ảnh sơ khởi trước mắt: để đánh lạc hướng điều tra, lùng sục của công an vì chúng sẽ đặt trọng tâm hướng đi của tôi là về Nam, hoặc hướng Tây để sang Lào, vậy tôi sẽ đi ngược lại về hướng Bắc. Sau đó, tìm cách bán chiếc xe đạp, nằm lì một thời gian, rồi tìm thời cơ ăn cắp một giấy tờ khác, tùy theo điều kiện mới ìm về hướng Nam.

Trước cổng Hỏa Lò, tôi đã thấy con phố hẹp và vắng. Liếc thoáng tên cán bộ vũ trang đang đứng gác, nét mặt y trẻ măng, chừng 20 tuổi. Nhìn từ phía sau, tôi thấy đầu tóc y cắt ngắn ngủn và nhọn hoắt lên, như trái bưởi Biên Hòa. Khẩu CKC đeo ở vai y chúc mũi xuống. Chiếc báng súng lắc lư theo nhịp điệu bàn chân y, đang đập đập xuống nền hè. Mắt y hình như đang lơ đãng nhìn mấy cây sấu phía bên kia phố. Lúc tôi dắt chiếc xe đạp ngang qua y, y mới xoay người đưa mắt nhìn tôi, ánh mắt vẫn còn lờ đờ như vừa đắm chìm, trong một giấc mộng dài. Tôi hơi tươi nét mặt, nhếch mép mỉm cười với y. Môi y cũng cong lên, ngọ nguậy một cách ngờ nghệch thụ động, để đáp lại nụ cười của tôi.

Bất chợt, bánh sau chiếc xe đạp tôi đang dắt, nẩy lên một cái từ trên hè xuống dưới đường, chiếc dây xích tuột ra. Đúng lúc đó, từ phía bên kia đường, tên Lê phó giám thị và tên Điền coi nhà tiếp tế đang ngồi trên hai chiếc xe đạp rẽ sang cổng Hỏa Lò. Không kịp tránh nữa rồi! Cả hai tên đang cười đùa gì đấy, bỗng im bặt. Tôi xoay nhanh mặt về phía tên công an vũ trang đang gác, cũng còn kịp thấy hai cặp mắt cú vọ của chúng mở to nhìn tôi.

Căng thẳng và hồi hộp. Nếu tôi cúi xuống lắp xích xe, chắc chắn chúng sẽ đến hỏi để xem kỹ mặt tôi. Nếu cứ để tuột xích dắt xe đi ra cổng, chúng có thể càng nghi ngờ hơn, đuổi theo hỏi. Thần kinh tôi như tê dại đi mấy giây đồng hồ. Đành quyết định dắt chiếc xe đạp tuột xích đi.

Không xong rồi, một tiếng gọi rổn đanh lên của tên Lê, như ra lệnh:

- Đồng chí kia, đứng lại!.....

Chương 50

Thành sự.....tại thiên.....!

Đất trời ơi! Người hại con rồi! Hành động của tôi không còn theo sự chỉ huy của cái đầu nữa. Phản xạ như một cái máy, tôi hất chiếc xe đạp ra giữa đường, ba chân bốn cẳng, tôi mở tối đa tốc lực chạy theo đường phố Hỏa Lò, ra phía phố Hàng Bông Ruộm, bên tai vẫn còn nghe tiếng gào ré của tên Lê:

- Tù trốn, báo động ngay!

Tiếp theo, "Đoàng, đoàng, đoàng!", ba phát súng rít vang lên trong buổi chiều Thu phố vắng.

Tiếng huỳnh huỵch và tiếng hò hét ầm ầm phía sau tôi. Tôi chạy ra gần tới đầu đường. Lúc đó, tự dưng mắt tôi hoa lên, có lẽ vì đói lâu ngày, không đủ sức. Thấy phản ứng của cơ thể mình như vậy, thần kinh tôi càng căng thẳng cùng độ. Tôi tự hiểu, hỏng rồi, tan tành rồi! Tôi đã cố gắng và nỗ lực hết sức mình; nhưng, trời không giúp tôi, vậy, xin lấy cái chết để trang trải hết món nợ.....quê hương.

Ngay lúc ấy, từ một chòi gác ở một góc Hỏa Lò, phía trước mặt, nhiều phát súng nổ xuống mặt đường, chặn lối tôi.

Tiếng đạn đi víu víu như xé không khí. Có những viên đạn cày xuống đường tóe tia lửa ra. Tôi vẫn lao đi! Thực sự, lúc này chính tôi muốn tìm những viên đạn.

Giữa lúc đó, hai tên cảnh sát, có lẽ đang đứng gác ở ngã tư đầu phố, chạy rượt tới chận đầu tôi. Một số xe cộ ngoài phố sá ngừng lại, vừa xe đạp, vừa ô tô nên súng không bắn nữa. Nhưng, tôi đã lọt vào giữa vòng người với nhiều màu áo vàng, nhiều súng dài, súng ngắn. Chỉ một lúc, tôi ngã đổ kềnh ra đường vì kiệt sức và vì một cú đá vào cẳng chân từ phía sau. Thế là xong! Đời tôi cũng đành tàn lụi theo…..vận nước.

Khi hai thằng bẻ giặt hai cánh tay tôi ra phía sau, khóa lại. Hai cái tát chắc nịch như vồ nện vào mặt tôi. Hai tai tôi o o, ù ù, chẳng còn nghe tiếng chửi bới, sỉ vả gì tôi cả. Hai tên công an lực lưỡng, mỗi tên một bên xách tay tôi, giong về cổng Hỏa Lò.

Người tôi như chết rồi! Chung quanh chỉ còn có cảm giác thấy loáng thoáng, lố nhố đầy người, ồn ào trên đường phố Hỏa Lò. Phải rồi, bây giờ cũng là lúc tan tầm, nên cán bộ Hỏa Lò kéo ra. Sau này tôi hiểu, chính nhờ lúc đó là giờ tan tầm nên tôi gặp may, nếu không tôi đã bị những trận đòn thù "hội chợ", có khi phải mang nhiều di ách về sau. Nhưng, khi chúng giong tôi vào đến bên trong cổng Hỏa Lò, có lẽ cũng là lúc tên Đỗ Đình Hạ đã tỉnh, hoặc được cứu tỉnh. Sự việc đã bể tung nguyên nhân, cho nên, bất ngờ một tên công an vũ trang cầm khẩu CKC đâm mạnh mũi súng vào mắt tôi, mồm quát:

- Đâm cho mày mù mắt đây này!

Tôi chỉ nghe "sột" một cái, máu chảy tóe xuống mũi, xuống mồm, tôi chỉ thấy mờ mờ mầu đỏ ối. Lại một cú "rắc" nữa! Tôi nẩy người lên, rồi nằm vật xuống sân, dưới giàn nho. Hai cánh tay tôi đau nhói như bị gẫy, vì đang bị khóa giặt về phía sau. Tôi không còn kêu được nữa, miệng tôi cứng ra, tai chỉ còn nghe loáng thoáng quát:

- Không được đánh chết! Hãy đem nó vào trong phòng!

Mắt tôi bỗng tối sầm lại, tôi không thấy gì, và cũng không còn biết gì nữa…..

Tôi thấy như có ai đang kéo đầu, kéo từng sợi tóc của tôi, tôi mở mắt ra. Lạnh run, quần áo và người tôi ướt đẫm những nước. Lờ mờ trước mặt, một ông già, quần áo py-da-ma mầu xanh nhạt, đeo kính trắng, đang ra hiệu tay cho một tên công an còn trẻ, tay đang cầm một cái thùng tôn đầy nước. Tôi cố định thần nhìn kỹ. À, tên Võ, Chánh giám thị Hỏa Lò. Lại có tên Thành và tên Đức chấp pháp nữa. Vẫn đầy người chung quanh tôi, ồn ào, huyên náo. Một tên công an vũ trang, tay vẫn lăm lăm khẩu súng dài. Mặt nó đỏ, mắt nó long lên sòng sọc, đòi đập vào đầu tôi nữa.

Giọng miền Nam của tên Võ rít lên, nghe như tiếng kèn đồng thổi nốt cao:

- Tôi cấm đồng chí không được đánh nó nữa! Để chúng tôi giải quyết!…..

Trong khi đó, tên Thành chấp pháp đang đẩy tên công an vũ trang này ra ngoài. Tên công an vũ trang đó còn cố ngoái lại nhìn tôi bằng đôi mắt nảy lửa. Tôi chợt thấy, y giống hệt tên Đỗ Đình Hạ, nhưng trẻ hơn nhiều; nhất là cái mũi khoằm khoằm, và cái môi trên vểu ra, nhòn nhọn như mõm con chuột nhắt. Giống Đỗ Đình Hạ như đúc!

Không biết tên này có liên hệ gì với tên Hạ không, mà hung hãn thế? Thì ra, lúc nãy nó bất ngờ đâm tôi một mũi súng. Chủ ý của nó, là định đâm mù mắt tôi. Nhưng, chẳng hiểu vì tôi nhúc nhích cái đầu, hay vì y không đâm trúng đích, mũi súng lại đâm vào giữa hai mắt của tôi, phía trên sống mũi. Máu chảy rất nhiều, và tôi bị ngất đi cũng vì vết thương này. Còn mũi súng thứ hai, y đã đâm trúng vào mồm tôi, làm gẫy 3 cái răng cửa hàm dưới. Một chiếc răng rơi ngay vào mồm, tôi phì ra đất, còn hai chiếc cụp hẳn vào trong, nhưng vẫn còn dính, chưa rơi ra. Tôi cố gắng

dùng lưỡi, đẩy hai cái răng lên, nhưng buốt không chịu được. Mồm tôi phì ra đầy máu! Cái môi dưới của tôi rách toác, bây giờ sưng vều lên, tôi không nói được nữa. Hai cánh tay tôi, bị khóa giặt ra sau lưng đau buốt, không biết có gẫy hay không, khi tôi bị đâm mũi súng vào mồm ngã xuống.

Lúc này, tôi đã thấy cả tên Trì và tên Lệ, hai phó giám thị, và rất nhiều tên cán bộ Hỏa Lò đến nhìn tôi một cái rồi đi. Chúng cũng chẳng tỏ thái độ căm thù hay thương hại. Nét mặt của chúng, nói chung, nhìn tôi rất lạnh lùng, như một câu chuyện của cuộc đời, không có gì liên quan đến nồi cơm của chúng. Đột nhiên, giọng tên Võ lại nổi lên:

- Đồng chí Trì, ra lệnh đưa nó vào buồng lập biên bản! Nhớ, không ai được đánh nó nữa! Gọi đồng chí Huệ, xem chữa vết thương của nó. Rồi cho vào "cát xô" đợi lệnh!

Nói rồi, y quầy quả đi vào phía trong. Hai tên công an kéo lê tôi về phía phải, nơi có những dẫy phòng hỏi cung tôi mọi khi. Vào trong phòng, chúng đặt tôi ngồi dựa vào tường rồi cởi khóa. Hai tay tôi như xuội ra! Cánh tay phải của tôi không gẫy, nhưng có lẽ bị sai khớp xương, sưng to lên, rất buốt. Ngoài hai mũi súng, cơ thể tôi cũng bị chúng nó đánh nhiều đòn, ngực và bụng tôi đau ê ẩm ở bên trong, tôi thấy rất khó thở.

Trong khi chúng hí hoáy ghi biên bản, tên Huệ y tá mang khay thuốc vào. Y để tôi nằm ngửa xuống nền nhà, lấy bông rửa vết thương trên chỗ sống mũi, giữa hai con mắt của tôi. Xong, y mở một chai nước gì màu xanh xanh, nói nhỏ nhẹ:

- Anh hãy nhắm mắt lại!

Tôi nhắm mắt lại, rồi cảm thấy một giòng nước re re chảy vào óc, mũi cay xè. Tôi thấy mơ hồ, rồi mê man đi.

Khi tỉnh lại, tôi cứ tưởng là đã vào "cát xô" rồi, nhưng không phải, tôi đang nằm trên một chiếc giường con, và tôi hiểu là chúng đã đưa tôi vào bệnh xá. Bất giác tôi đưa tay sờ lên mặt, băng vải quấn kín cả một bên mắt của tôi. Trong mồm, lưỡi tôi đẩy đưa bây giờ thấy trống trải. Một lỗ hổng lớn! Như vậy, y tá đã nhổ hai cái răng gảy gập vào của tôi, lúc nào tôi cũng không hay. Mồm tôi cũng bị băng kín, chỉ còn hai lỗ mũi, vướng vít những vải băng nên thở kêu cứ phì phì. Người tôi đau ê ẩm. Bốn bề im ắng, có lẽ đã là đêm khuya.

Tôi thấy bụng kêu ò ọ, cồn cào. Tôi chợt nghĩ, bây giờ mồm miệng băng kín thế này ăn làm sao đây? Cánh tay phải của tôi cắn buốt vô cùng. Tôi dùng tay trái sờ chỗ khuỷu tay phải: Sưng to, căng cứng, có quấn băng bằng vải màn, mùi dầu nóng hăng lên. Tôi đau đến nỗi không giở mình nổi nữa. Mệt quá, tôi lại lịm đi…..

Một lúc sau, tôi lại tỉnh. Căn phòng nhỏ vẫn đóng kín, im ắng. Thỉnh thoảng có một vài tiếng khúng khắng ho phía bên ngoài. Đầu óc tôi vẩn vơ nghĩ lại những sự việc vừa qua.

Nếu tôi ra cổng chậm năm phút, hoặc không vì chiếc mũ, tôi ra cổng sớm năm phút, tôi đã không gặp tên Lê và tên Điền. Lại là những chữ "Nếu" quái ác của cuộc đời. Đời tôi chưa gặp những chữ "Nếu" hiền lành, tốt đẹp; mà chỉ là những chữ "Nếu" hung thần đẩy đưa đời tôi vào chỗ bất hạnh hơn. Tôi càng nghĩ, mắt càng vương lên màu xám xậm. Vận nước! Cuộc đời! Thật đúng là mưu sự tại nhân, thành sự, hay bại sự, là do ông trời!

Một màu vàng úa đang lởn vởn giăng mắc quanh tôi, chợt một hình ảnh hiện ra, dẹp tan bức màn màu vàng trước mặt: Đỗ Đình Hạ. Hình ảnh một tên trần truồng nằm một đống dưới chân bàn, cứt đái nhì nhẹt tứ tung, mùi xú uế đầy ắp cả căn phòng. Cu cậu chắc tưởng từ dưới quê lên Hà Nội chuyến này về sẽ vớ bở, ai ngờ đâu! Tôi dám nghĩ rằng, tên Hạ sẽ nhớ suốt đời y. Cho tới già, y vẫn còn căm giận tên chó chết… là tôi.

Tôi cũng không ngờ hiệu quả cú đòn chém gáy địch thủ của mình lại mạnh như vậy. Đó là gân cốt từ lâu nay đã

không được tập luyện, lại bị đói triền miên rã rời. Nếu bình thường, trọng lượng đòn còn ác độc hơn nữa với sức bật và đà của cả một vòng xoay. Không phải đơn giản mà võ sĩ Hà Châu đã đổ cả cây thịt xuống dài. Trong làng võ thuật Đông Dương, võ sĩ Vĩnh Tiên đã được đề cao là một quái kiệt về chịu đòn, mặt và hai cánh tay sần sùi, sau bao chục năm tập luyện bao cát, thế mà còn không chịu nổi cú đòn đó, huống chi người bình thường. Điều quan trọng là biết tính toán sao cho, cũng là một cái búa tạ quai xuống một cái đe, trọng lượng phải nằm ở đâu để cho quai búa mất ít sức, mà sức nện xuống lại chắc đanh, gọn và nặng tối đa.

Chúng nó đánh tôi thế này, tôi đâu có quyền trách chúng. Nếu không vì còn cần khai thác tôi, chúng nó đã đánh chết rồi. Thằng nhóc con công an vũ trang hung hãn đánh và đâm tôi, có khi nếu không phải là em ruột tên Hạ, cũng là con chú, con bác chứ không chơi đâu. Chúng nó giống nhau lắm. Thôi, các bạn thông cảm cho, vì đời nó thế. Trên cõi đời này còn nhiều chuyện oái ăm lắm. Tôi chợt nhớ đến một ý tưởng đã đọc được trong một tác phẩm nào đó: "…Những người chẳng hề quen biết nhau, nỗ lực xông vào bắn giết nhau, căm thù nhau, để cho những người quen biết nhau, nói chuyện với nhau trong những bàn tiệc; hoặc những buổi liên hoan…". Tôi mệt và đau quá, lại thiếp dần đi.

Mãi tới khi tỉnh lại, trời đã sáng tỏ. Từ hôm qua đến nay, tôi chỉ nằm một thế ngửa. Nằm nghiêng thì vết thương ở tam tinh cứ chảy nước vàng và ra máu.

Tiếng lách cách mở khóa, rồi cửa buồng mở. Ông Huệ y tá mặc chiếc áo "blouse" trắng, mồm cũng đeo khẩu trang, đi vào. Tôi nhìn ông, hơi nhúc nhích đầu tỏ ý chào ông. Ông cúi sờ xem vết thương ở tam tinh, rồi ở mồm; cuối cùng mới xem cánh tay tôi. Tôi cứ đinh ninh thái độ của ông sẽ không ưa tôi, một người đã đánh cán bộ và trốn. Nhưng cử chỉ và cái nhìn của ông lại xem có cảm tình hơn cả lần tôi bị cùm hai chân hơn một tháng và phải xuống bệnh xá vì gần chết. Ông vừa sờ vết thương chỗ tam tinh của tôi, vừa nhẹ nhàng nói:

- Lẽ ra, hôm qua anh phải vào "cát xô", chỉ 2, 3 ngày là không cứu được nữa. Cho nên, tôi nói là nếu muốn anh chết, hãy đưa vào "cát xô" lúc này, còn nếu chưa muốn anh chết, tôi đề nghị đưa xuống bệnh xá. Mãi sau mới được sự chấp nhận của đảng ủy.

Vừa nói, ông vừa liếc nhìn cánh cửa buồng. Qua thái độ này, tôi tự hiểu là những gì ông vừa nói với tôi, tôi không được nói với bất cứ cán bộ nào, vì không có lợi cho ông. Cũng có thể, năm trước, qua gần hai ngày ông đã thấy tôi là người có ý thức, không làm gì phiền rắc rối cho ông, cho nên lần này ông cho biết một vài ý mạnh bạo hơn. Tôi muốn nói với ông một vài lời biết ơn, nhưng mồm băng kín, không nói được. Ông cũng hiểu vậy, nên ra hiệu tay:

- Anh cứ nằm nghỉ đi, chốc nữa có cháo nóng, tôi sẽ vào!

Ông Huệ đã ra rồi, tôi vẫn còn vẩn vơ suy nghĩ về ông mãi. Tôi nhớ lại toàn bộ những hình ảnh từ ngày tôi gặp ông. Lúc đầu, ông tỏ ra một người rất nguyên tắc, ăn nói thường ngắn ngọn, đôi khi cộc lốc. Nhưng dần dà, năm này qua năm khác, thái độ của ông đối với tôi hình như có tình người hơn. Chính tôi cũng chưa có điều kiện để biết, thái độ của ông chỉ riêng đối với tôi, hay là đối với mọi người tù, ai ông cũng vậy.

Một lúc sau, cửa buồng lại lách cách mở, ông Huệ và một người tù hình sự bưng một bát cháo đi vào. Đến bên cạnh tôi, ông cúi xuống dùng kéo khẽ cắt ra mấy miếng bông vải ở mồm tôi, rồi lấy một cái ống cao su màu nâu đút vào miệng tôi, một đầu cho vào bát cháo:

- Anh cố gắng hút thử xem có được không?

Muốn hút, tôi phải bậm môi lại, nhưng môi của tôi bị rách, hãy còn sưng, loay hoay mãi, tôi vẫn không hút được. Tôi suy nghĩ, dù đau đớn cũng phải cắn răng mà ngậm miệng lại mà hút. Điều đó, vừa nói lên nghị lực chế ngự mạnh

của mình, vừa giúp một cách tích cực, cho cơ thể chóng bình phục. Mặt khác, ai sẽ múc cháo đổ cho tôi đây? Ở đây có phải là bệnh viện đâu? Nghĩ như thế, tôi cố gắng đến nỗi nước mắt tôi dàn ra, vì sự co bóp của cơ miệng. Nhưng, cuối cùng tôi đã ngậm được. Hình như chính ông Huệ cũng đã thấy sự cố gắng của tôi, nên ánh mắt của ông nhìn tôi có niềm thông cảm. Mãi rồi tôi cũng húp hết bát nước cháo nêm muối.

Đến ngày hôm sau nữa, tôi đã thều thào nói được. Ông y tá vẫn một ngày ra vào hai, ba lần để chích thuốc cho tôi. Được 3 ngày, ông tháo băng mồm cho tôi, bôi thuốc đỏ và rắc thuốc trụ sinh vào chỗ môi rách. Cho mãi tới hôm ấy, tôi mới sực nhớ, bộ quần áo tôi lột của tên Hạ, đã bị cởi ra từ bao giờ. Tôi nhớ hôm tôi bị đánh, máu chảy đầy quần áo. Vậy mà chúng cũng lột lại, thay vào đấy, tôi được mặc một bộ đồ trại sòng sọc còn mới, với 4, 5 dấu triện đóng: "T.G.H.N." mà tôi cứ nghĩ đùa là "THẾ GIỚI HỮU NGHỊ' thực ra là TRẠI GIAM HÀ NỘI…..

Chương 51

Cát-xô, chiếc…..”quan tài” đá của Hỏa Lò Hà Nội…..!

Theo ông Huệ nói, từ đây ra tới cổng Hỏa Lò, ngoài bao nhiêu lần cửa, với bao lần canh gác, ngay chính ông cũng chịu trách nhiệm giữ tôi. Nếu tôi trốn, ông cũng phải chịu trách nhiệm. Tôi cười thầm, hiện giờ ngay việc ngồi dậy tôi còn thấy khó khăn, nói gì tới trốn. Dù thế, cảnh giác cao luôn luôn là một nguyên tắc của Cộng Sản, cho nên ra vào buồng tôi, ông vẫn phải khóa.

Trưa nay, vết thương ở tam tinh bỗng nhức quá, đau đến độ mồ hôi của tôi chảy ra đầm đìa, cuối cùng tôi lại lịm đi. Thấy có người lay gọi, mở mắt ra, tôi ngạc nhiên: tên Thành chấp pháp! Thấy tôi tỉnh dậy, y mỉm cười:

- Anh thấy trong người đã đỡ chưa?

Tôi nhìn y, hơi ngượng! Trước đây, tôi luôn nói là thích xã hội chủ nghĩa, vậy mà tôi lại đánh cán bộ rồi trốn. Tôi thều thào cảm ơn sự quan tâm của y. Sau khi tôi trốn rồi bị đổ bể, tôi nghĩ rằng từ nay bọn cán bộ, chấp pháp sẽ ghét thù tôi lắm. Nhưng, điều làm tôi ngạc nhiên là tôi không thấy tên Thành có thái độ gì khác trước đây. Từ ánh mắt cho đến cử chỉ, vẫn như những tháng trước tôi gặp y. Y mở một cuốn sổ tay lớn, cầm bút và nhìn tôi:

- Nguyên nhân nào đã đưa đến, để anh trốn tù?

- Từ trước tôi vẫn thích xã hội chủ nghĩa, và vì thế tôi đã khai báo thật ngay từ đầu. Nhưng rồi, cách mạng không tin, cứ giam cầm, cùm kẹp mãi, nên tôi tìm cái chết. Chết không được, tôi tìm cách trốn!

Chỉ nói có bấy nhiêu câu, mà tôi phải nói rất lâu. Nhiều chỗ y nghe không rõ, phải hỏi lại. Y ghi hết.

- Anh định trốn từ bao giờ?

Tôi nghĩ bụng, tôi có ý định trốn ngay từ khi tôi phát hiện bị theo dõi ngoài phố, nhưng chỉ vì không có điều kiện thời cơ thôi. Tuy nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn khào khào trả lời:

- Sau khi tôi tự tử không được!

- Ngay khi anh gặp ông cán bộ lạ, một mình hỏi cung anh, là anh có ý định đánh ông ta để trốn?

Những việc nay tôi cứ trả lời thật:

- Phải nói, mãi tới lúc gần xong buổi cung, tôi thấy ông ta có vẻ lơ ngơ, đờ đẫn tiếc cái chum không tìm thấy, tôi mới lóe lên ý định trốn.

- Anh định đánh chết rồi chuồn ra ngay?

Tôi biết đây là một câu hỏi bẫy. Nếu có chủ ý mà vô tình, sẽ bị mắc. Tôi trả lời:

- Thưa ông, tôi không có ý định đánh chết ông ấy, mặc dù tôi thừa khả năng. Tôi cố ý làm ông ấy vừa đủ ngất đi thôi.

Tên Thành tiếp tục hỏi chi tiết nhiều vấn đề: Nào, anh trốn ra đi về đâu? Sẽ làm sao để che mắt công an? Chủ trương trốn về Nam theo đường nào? Hay, ra giao thiệp liên lạc với cơ sở, v.v…? Gần hai tiếng đồng hồ, y vừa hỏi, vừa ghi.

Y đã đi rồi, hồn tôi còn chơi vơi khắc khoải. Tôi dĩ nhiên hiểu là "gieo gió, gặt bão". Vừa qua, tôi đã gieo cái nhân, bây giờ phải chuẩn bị tinh thần để lãnh cái quả. Hãy gồng mình lên mà chịu đựng, có thế lý trí mới còn sáng suốt. Buồn rầu, kêu van, đều không phải là của một người tỉnh táo, có lý trí mạnh. Tôi cũng hiểu là, những ngày tới sẽ chồng chất cam go. Vậy, sẽ đừng lạ lùng, ngạc nhiên, để rồi oán hận đất, trời lung tung.

Tôi tự nhẩm, nhắc lại ý tưởng sau khi tự tử không chết hơn 4 tháng trước:

Trên đường đi, nhiều cay đắng âm thầm.
Hãy nhận lấy, để dồn vào sâu kín.

Ý tưởng này phải trở thành phương châm trên con đường đi tới của đời tôi. Thực vậy, nếu không tránh được những điều khổ đau, tai ương: Không gì bằng hiên ngang ngửng mặt, giơ tay đón nhận.

Những khó khăn trong cuộc đời, ai chả từng gặp. Điều khác biệt là thái độ của người gặp khó khăn: Nếu gặp khó khăn lại chùn bước, nản lòng, bi quan, yếm thế; đôi khi, chính khó khăn ấy sẽ đè mình gục xuống, không thể trỗi dậy được nữa. Nhưng, nếu nhìn những khó khăn, chỉ là điều tất yếu của cuộc đời phải có, hãy tỉnh táo xông vào giải quyết, tin chắc rằng khó khăn sẽ bớt, đôi khi không nói là hết khó khăn. Nhưng, lại phải hiểu rằng, hãy yên trí đi, lại sẽ sắp sửa có khó khăn khác đang đi tới, vì đó là lẽ sống ở đời mà!

Tôi cứ quẩn quanh nằm suy nghĩ như thế. Điều đó cũng giúp tôi nhiều, trên đường đi đầy chông gai, hầm hố này.

Tôi ở bệnh xá được 6 ngày. Mồm tôi đã đỡ, chỉ mất 3 chiếc răng. Cánh tay phải được ông Huệ lấy lại khớp xương, bây giờ đã giảm sưng, cử động nhẹ được. Trong ngực bị mấy cú đòn ngầm, bây giờ cũng đỡ đau sau mấy ngày khạc ra một đống máu. Riêng vết thương chỗ tam tinh, vẫn còn thấy đau nhức nhiều. Vì không có gương, tôi chỉ lấy tay sờ, thấy vết thương hơi lệch về phía mắt trái. Chính ông Huệ một lần nói nhỏ với tôi:

- Anh hãy còn may mắn, nếu mũi súng chỉ lệch đi chừng một phân về phía trái, bảo đảm bây giờ anh trở thành "độc nhỡn nhân" rồi!

Tôi chỉ hỏi:

- Liệu vết sẹo có to lắm không?

Ông nói:

- Thủ thuật khâu của tôi cũng có hạng lắm đấy, tôi lại cố gắng làm cho anh, cho nên sẹo không to lắm đâu!

Hỏi và nói chuyện với ông như vậy thôi, chứ sẹo to hay nhỏ bây giờ còn giá trị gì nữa mà quan tâm. Tôi vẫn phải còn ăn cháo, vậy mà buổi chiều, tên Bằng đã vào nói là có lệnh Ban Giám Thị đưa tôi vào "cát xô". Tôi cũng hiểu là phen này chưa chắc đã sống được. Tôi chợt nhớ đến xà lim I, còn một số đồ lặt vặt, nhưng rất có giá trị đối với tôi: Bộ đồ chống muỗi, cái điếu bằng bao diêm, cái vỏ ba lô trong có chì mật và chiếc kim khâu. Chỉ có con dao là mất, trong bộ đồ quần áo để lại đắp cho tên Hạ. Vì vậy, tôi phều phào (cái môi tôi vẫn còn vểu ra) nói với tên Bằng, xin lại mấy thứ đó. Y trừng mắt nhìn tôi, rồi buông thõng một câu:

- Anh đã định trốn đi, thì còn cần gì những thứ đó!

Nghe giọng y nói và cách y nhìn tôi, tôi hiểu là y không căm ghét gì tôi lắm, vì thế tôi nằn nì:

- Thưa ông giúp tôi! Ai cũng vậy, đã trốn còn tiếc gì! Nhưng bây giờ tôi không trốn được!

Cả tên Bằng và ông Huệ cùng cười. Không ai nói gì! Khi tôi ra khỏi buồng, rồi ra tời cổng bệnh xá, ông Huệ còn ra theo đưa cho tôi một gói bột trụ sinh:

- Anh nhớ hàng ngày rắc vào chỗ tam tinh, đừng để nó làm mủ. Nếu làm mủ ở đấy, đôi khi có nhiều biến chứng nguy hiểm.

Tôi vừa tập tễnh đi theo tên Bằng, vừa nghĩ ngợi mông lung. Tình cảm của ông Huệ y tá, tôi chấp nhận. Còn của chấp pháp, tuyệt đối không! Ông Huệ chỉ là y tá, suốt những ngày ở bệnh xá, chẳng bao giờ ông ta hỏi tôi bất cứ một khía cạnh nào, về việc tôi làm.

Sân trại chung lúc này đã vắng tanh! Nhưng, tất cả những nhà chung quanh sân trại, nhà nào cũng có tiếng rì rầm, ồn ào như tiếng thác đổ trong rừng sâu. Mãi xa tít phía đàng kia là bức tường và chiếc cổng mầu xanh xanh của xà lim I. Không khí của chiều đầu Thu vẫn còn hanh khô. Những chiếc lá bàng đã đổi mầu, úa dần. Đây đó đã dăm, mười chiếc lá rời cành như báo hiệu mùa Thu tới. Và đây, tôi cũng sắp tới "cát xô"!

Đã hơn 2 năm, tôi nằm trong xà lim Hỏa Lò rồi, nhưng chưa biết "cát xô". Một lần, tôi nghe tên Tân nói, "cát xô" là chỗ kỷ luật những tù nhân án tử hình, chung thân. Ai vào đó, nếu không chết ngay ở đấy, sau đó cũng chết với bao nhiêu chứng bệnh, mang theo trong người. Bây giờ tôi vào, tôi sẽ biết.

Đến một chỗ góc của dẫy nhà, một hành lang sâu hun hút dẫn tới một cái cửa sắt dầy. Qua cửa này, có những bậc đi sâu xuống đất. Rồi tới một cửa sắt nữa, rất bé và hẹp. Tên Bằng chọn một chìa, trong chùm chìa khóa đang cầm ở tay mở ra: Một lối đi rất hẹp! Đến đây, từ lối đi đến những bức tường đều toàn bằng đá, đá hộc và đá thước; tưởng như một thạch thất trong truyện võ hiệp của Tàu. Một mùi khăm khẳm lợm giọng xông lên. Tên Bằng khạc, rồi nhổ đánh "bẹt" một bãi nước bọt vào một góc tường. Thoáng nhìn, tôi thấy ba, bốn cái chuồng đá hay hòm đá.

Bỗng nhiên có tiếng lịch kịch, rồi tiếng chân người, tôi và lão Bằng đều liếc lên nhìn, thấp thoáng có mấy áo vàng bên trên, chắc là những tên cán bộ trực ca tối. Tên Bằng mở cửa hòm đá, chiếc cửa sắt quá nhỏ, tôi phải cúi, lách vào. Hòm đá cũng có cái cùm như trên xà lim. Đặc biệt hơn là có hai sợi dây xích sắt to, bằng loại sắt tròn đường kính hai phân, mỗi sợi dài độ 80 phân, gắn liền vào trong tường đá; ở mỗi đầu sợi xích là một cái khóa bóp.

Ở ngoài, tên Bằng rút chốt cùm, lách người vào nhấc nửa trên cái cùm há lên, và bảo tôi bỏ chân vào. Y đóng cùm xuống, trong khi mũi y cứ thở phì phì. Y mở hai khóa ngàm ở đầu hai sợi xích, bóp khóa vào cổ tay tôi. Xong, y ra ngoài chốt cùm. Trước khi đóng cửa, y gằn giọng:

- Kỷ luật ở "cát xô": Mỗi tuần mở cùm một lần, 12 phút vào trưa mỗi thứ Hai. Ngày chỉ được ăn một lần!

Y chỉ tay vào cái nắp sắt tròn, mở một mé góc trong chuồng đá:

- Đái, ỉa, nhấc cái nắp lên. Một tuần đổ một lần, sạch hay bẩn thì tùy.

Tuy tôi đã nâng cao tinh thần chịu đựng. Đã tự trang bị cho mình một số tư tưởng lạc quan, thế mà trước cảnh này, tôi cũng đầy băn khoăn lo lắng. Thấy không có chiếu chăn gì, chỉ có đá và sắt, tôi đề nghị:

- Thưa ông, ông giúp tôi, về buồng tôi cho tôi xin chiếc chiếu và những thứ lặt vặt của tôi.

Y đóng xầm cửa lại, cộc lốc:

- Bao giờ ra hãy hay. Ở đây không cần!

Cửa đóng lại, ánh sáng chỉ lờ mờ. Tôi có cảm tưởng như mình đang ở trong một cái "quan tài" đá, chỉ có khác là cái "quan tài" này hình hộp vuông, mỗi bề 1m50. Ai cao hơn 1m50 thì phải khòm. Nằm cũng không được. Phải lựa thế xoay chân, nằm nghiêng và co chân lại. Nghĩa là, không thể nằm duỗi thẳng chân được.

Ông bà ta nói thật đúng: "Ở gần nhà xí mãi không còn thấy thối". Đúng thế, khi mới vào đây, tôi ngửi ngay thấy cái mùi lợm giọng buồn nôn, vừa khăm khẳm, nồng nồng, lại vừa ngai ngái như mùi thịt chết để lâu ngày. Vậy mà, mới qua 3, 4 tiếng đồng hồ sau, tôi đã không còn ngửi thấy mùi ấy nữa, tuy thỉnh thoảng cũng thấy khó chịu, nhưng không đến nỗi buồn nôn.

Tôi hiểu đây là giai đoạn cam go nhất của đời mình. Nếu không nổ lực để sống; tôi sẽ tàn lụi từ đây. Cảnh thế này, chỉ cần mươi ngày là rất nhiều loại bệnh kéo ra: Tê xuội, lao phổi, điên rồ vì thần kinh, ghẻ lở, kiệt sức, v.v… Chết!

Một điều khó khăn nhất đối với tôi bây giờ là… không khí! Từ trước, sở dĩ chưa bị bệnh tật là nhờ tập luyện, mà không khí trong lành là chính. Đã đói cơm, đói gạo, nhưng còn không khí bù lại. Ở đây, chúng không ngăn không khí, nhưng không khí lại bị ô nhiễm. Mùi xú uế lại còn nguy hiểm hơn. Cho nên, càng căng lồng ngực hít không khí này vào, càng chóng giã từ cõi đời. Đó là điểm đã mấy ngày nay tôi suy nghĩ nát đầu, mà chưa tìm ra một lối giải quyết.

Mỗi ngày, cứ khoảng 12 giờ 30, lúc đó trại chung cũng đã vào hết, bấy giờ tên cán bộ trực mới dẫn một anh hình sự vào đưa cơm nước. Anh hình sự chừng 22, 23 tuổi, xách một hộp gỗ, trong có hai nắm cơm. Mỗi nắm chừng 3 lạng, ở giữa nắm cơm, có ít muối gói trong một miếng lá chuối khô. Nắm cơm được gói trong 2 chiếc lá bàng còn tươi. Trong hộp gỗ, còn có một cái tích to, đựng khoảng 4 gáo nước.

Tên cán bộ này thay đổi từng ngày, tùy theo ca trực trưa. Không có cán bộ trực chuyên môn "cát xô", bởi vì "cát xô" chỉ có mấy hộp đá. Y vào mở cửa, rồi đứng trông cho anh hình sự đưa cơm.

Hiện nay, ở mãi phía trong cùng "cát xô", còn có một người nữa. Đêm qua, tôi đã gọi mấy lần, nhưng không có tiếng trả lời. Cơm vẫn 2 nắm, một cho tôi và một cho người phía bên trong. Thỉnh thoảng, tôi nghe tiếng ho, nhưng tôi gọi

vẫn yên ắng.

Trưa hôm nay, cũng như trưa hôm qua, tôi vừa rắc ít bột trụ sinh vào chỗ tam tinh, vừa ngồi nhắm mắt vận công, chợt có tiếng lẻng xẻng của chìa khóa và tiếng mở cửa. Tiếng bước chân sột soạt nghe rõ dần, rồi tiếng loạch xoạch mở khóa. Tấm cửa sắt con được kéo lên, một bàn tay đen đen, đầy cáu ghét đẩy nắm cơm vào. Tiếng loảng xoảng xô đông cửa xích sắt, rộ lên khi tôi cầm chiếc gáo giơ ra, cho y rót nước vào.

Y chỉ ngồi một lúc, mà mũi cứ thỉnh thoảng phải xì xì thở ra, vì mùi phân và nước giải lâu ngày ở cái bô nhỏ dưới lỗ xông lên, và vì mùi hôi hám của cơ thể tôi, lâu không được tắm rửa. Những mùi đó cuộn vào nhau đầy ắp dưới căn hầm.

Tôi liếc ra ngoài, chỉ nhìn thấy đôi ống quần vàng, đứng ở mãi gần cửa ra vào "cát xô". Khi tên tù hình sự rót nước vào gáo cho tôi, vừa để chống đói, và vừa để có nước kha khá một chút để dự trữ để rửa đít. Tôi trợn mắt, uống gần hết gáo nước, trong khi tay tôi rối rít khua ra hiệu chờ, cho xin thêm đầy gáo. Im vắng, không một tiếng người, chỉ có tiếng rọt rẹt của xích sắt, khi hai tay tôi di chuyển cử động, và tiếng nước rót vào gáo kêu long tong. Sau đó, chính tên tù hình sự tháo chốt cho tấm cửa sập xuống, tên công an chỉ việc đến khóa.

Tiếng bước chân nhỏ dần vào phía trong. Rồi những âm điệu của bản nhạc "cho tù ăn" lại trỗi lên một lần nữa.

Mỗi ngày, chỉ trong vòng mươi, mười lăm phút, bản nhạc không lời đó được tấu lên, như một điệp khúc. Rồi nhà hầm lại trở về yên lặng như nhà mồ, cách biệt với thế giới loài người bên trên. Thỉnh thoảng tiếng rọt rẹt khua động của xích sắt, tiếng ho khục khặc lẫn với tiếng rên rỉ ai oán kéo dài lê thê, càng làm rợn người trong đêm trường.

Một điều thật may là ở dưới này, lâu lâu mới có một con muỗi vo ve. Có lẽ vì kín, phần khác, ngay không khí cũng thiếu "oxy". Cho nên các chú muỗi chẳng thích, hoặc chẳng dám vào.

Bị cùm ở "cát xô", đi ỉa, đi đái thật vất vả! Phải xê dịch làm sao cho đúng lỗ, mà muốn đúng lỗ, thì hai tay phải giơ lên phía đầu. Vì hai sợi xích kéo ngược lên, ngắn, chỉ có hạn, nên cứ phải nằm nghiêng, hai tay giơ lên đầu hàng giờ, có khi 2 giờ vì phân táo bón. Rã rời, đau đớn, nhức mỏi! Đi xong, chẳng lẽ không rửa, mà rửa thì cực nhọc vô vàn. Xoay được thế chân cho nghiêng cái mông, cái tay lại bị dây xích giữ, không với tới. Vì vậy, nhiều khi nước rửa đổ chan hòa ra chỗ nằm, ngồi càng hôi thối, tanh tưởi.

Dù đã quen mũi, nhưng khi mở nắp lỗ phân, với nước giải 5, 6 ngày rồi, tôi thấy nhiều lúc như nghẹt thở. Những lỗ phân ở nông thôn không hôi mấy, vì trống trải, mùi hôi khuếch tán trong không khí. Ở đây trong hầm kín, mỗi lần mở nắp ra, ôi thôi, giá con người không có mũi thì tuyệt biết bao! Mùi hôi thối làm nhức đầu, đờ đẫn người, làm mờ cả mắt, tê liệt cả thần kinh.

Tôi hiểu, tụi công an Hỏa Lò không phải không biết cái mùi hôi chết người này, nhưng chúng cố ý coi đó là một trong những phương pháp, để hành tội người tù. Trước đây, tôi đọc sách báo, cũng như tôi đã vào cái nghề "hang một lỗ" này, tôi cứ đinh ninh, khi một điệp viên đã bị đối phương bắt, thì sẽ bị tra tấn bằng mọi cách để khai thác, rồi bắn bỏ. Cho nên, lúc tôi bị bắt, phần thì trước mắt, chúng cũng thấy tôi không, hoặc chưa hoạt động gì, như vậy dứt khoát chúng không thể bắn tôi. Còn vấn đề tra tấn, đối với một người, nếu can trường, dũng lược, cũng chỉ như một trận đòn "hội chợ". Bởi vì, nếu làm quá đã ngất rồi, mà ngất, thì còn biết đau đớn là gì. Như vậy, chừng dăm mươi trận rồi cũng phải kết cung. Nhưng, với Cộng Sản, phương pháp của chúng hoàn toàn mới lạ. Cũng chính vì trước đây, chúng đã bị tra tấn dưới thời thực dân Pháp, cũng như Sài Gòn ngày nay rồi. Nghĩa là, chỉ tra, đánh tới tấp năm, mười trận, trong 5, 6 tháng là kết cung. Cho nên, nếu có sự kiên trì, gan lì chịu đựng, thường là bảo vệ được bí mật của mình. Ở đây, chúng dùng thời gian và dạ dầy để khai thác.

Như trên tôi đã trình bầy, hầu hết những người lính (người lính tôi dùng theo ý nghĩa là người có tinh thần chống Cộng, không hẳn phải cầm súng) của phía Quốc Gia, tự do của chúng ta, tinh thần của họ rất cao, rất dũng cảm, có thể chịu đựng qua những phút cùng khổ, đắng cay cao nhất. Nhưng, với điều kiện ngắn thôi, một tuần, một tháng, một năm, 2 năm là nhiều, chứ xem chừng mãi mãi, không biết ngày nào, hầu như đa số phải bỏ cuộc. Chịu đựng được lâu dài, đòi hỏi kinh qua nhiều trận bão tinh thần; vật lộn giằng co hàng ngày với đói khát, cùm, xích trong những điều kiện ngặt nghèo nhất. Tinh thần bị ức chế cao độ, dồn ép lại thành một xác tín: Cứ chịu đựng gian khổ, khắc nghiệt triền miên, cho tới khi cơ thể không chịu đựng được nữa, những nan bệnh sẽ đè gục xuống đẩy mình về với cát bụi mây ngàn.

Bản thân tôi cũng nằm trong nhược điểm đó, nhiều lúc tôi cũng quá nản lòng. Sức người chịu đựng cũng có hạn nào đó! Tôi muốn buông xuôi, mặc cho cơ thể lụi tàn dần. Tôi cũng xác quyết là dù có nỗ lực phấn đấu bao nhiêu, rồi sớm hay muộn cũng phải lìa đời trong cảnh ngục tù này. Những ý tưởng này chỉ nổi lên từng phút, từng giờ, rồi lại phải nhường chỗ cho những tư tưởng lạc quan, tích cực, nỗ lực đến phút cuối cuộc đời.

Tóm lại, cuối cùng để tư tưởng lạ quan tích cực với lẽ sống làm chủ tình hình, cũng phải trải qua biết bao trận chiến đấu cam go, giằng co nghiêng ngửa với những tư tưởng tiêu cực, bi quan. Những tư tưởng xấu, tồi bại này cũng như lũ phản động Cộng Sản. Mỗi khi chúng bị nguy khốn, chúng rút vào trú khu để chờ dịp, lại chui ra quấy phá cuộc đời, làm tê liệt, làm lệch hướng đi của cuộc sống. Vậy, chỉ còn một cách duy nhất, là ta phải luôn luôn trang bị cho mình một nghị lực mạnh. Đó là loại vũ khí hơn hẳn để chế ngự, đè bẹp chúng.

Hôm nay là thứ Hai, như vậy, tôi mới vào "cát xô" được 6 ngày. Ba vết thương đều đã giảm đau nhiều. Chỉ còn vết thương ở tam tinh, hình như có mủ, vì gói thuốc bột trụ sinh ông y tá cho, tôi bôi dè sẻn hàng ngày, cũng đã hết. Vết rách ở môi dưới đã ngứa, ăn da non, cánh tay phải, do tôi tích cực tập luyện, vết thương trật khấp xương nay đã hết sưng tím. Ngược lại, hai cái chân, mặc dù ngày nào tôi cũng xoay sở, tập dịch lên, lùi xuống nhiều lần bây giờ cứ cắn nhức trong xương. Dưới gan bàn chân, cứ râm ran như có nhiều con kiến cắn.

Bây giờ ở "cát xô", tôi không còn ý niệm được về thời gian ngày hay đêm, trừ chừng 15, 10 phút ăn cơm. Thường cứ nằm độ 2 tiếng, lại ngồi chừng 2 tiếng. Nằm nhiều, đau lưng, đau người; lại ngồi, ngồi nhiều đau đít lại phải nằm. Chẳng bao giờ tôi nghe thấy một tiếng động gì ở bên trên. Nhiều lúc, tôi cảm giác là mình ở một thế giới khác, một thế giới mà con người khi sinh ra đã phải đeo xiềng xích, thứ xiềng xích gắn liền vào thân người cho tới chết. Một thế giới riêng biệt, không liên quan, dính dáng gì đến loài người nữa.

Nhất là về đêm (tôi chỉ theo sự suy luận và tính toán của mình để biết là đêm), nhiều lúc thấy hoang vắng, không có một sinh vật nào khác nữa cùng với mình, tôi lại gào lên gọi người phía bên trong. Tôi thèm, tôi háo hức được nghe tiếng một đồng loại. Nhưng, dù tôi gào, kêu như năn nỉ người bạn đồng cảnh lên tiếng cho đỡ cô liêu, tịch mịch trong nhà hầm, vẫn không có một tiếng trả lời. Có lúc, tôi nghĩ hay là người đó điếc, hoặc câm? Nhưng, rõ ràng nhiều lần tôi nghe tiếng rầm rầm, rì rì như tiếng đọc kinh cầu nguyện, sám hối.

So với bên tôi, thì bên đó rất ít khi nghe tiếng rung reng của xích sắt, có lẽ người đó rất ít cử động. Trong khi tôi, dù kiệt sức, rã rời vì đói, vẫn phải nổ lực, cố gắng tập cử động tay chân. Nếu nằm ngửa, phải nghệch đầu vào tường đá, vì không bao giờ co chân lại được. Nằm nghiêng hai phía, lại phải nằm co, hai tay phải luôn luôn giơ lên phía đầu, vì dây xích có hạn.

Tôi đang nằm đầu óc vẩn vơ nghĩ ngợi với những nỗi niềm trăm hướng, bỗng có tiếng động xọc xoạch mở khóa, rồi cửa "cát xô" mở. Một lúc, tôi nghe tiếng mở khóa cái "quan tài" đá của tôi. Miếng cửa sắt được kéo lên. Thì ra tên cán bộ Kế và một tên hình sự vẫn đưa cơm.

Tên Kế là người miền Nam, đeo lon thượng sĩ, phải 45, 50 tuổi rồi. Y vẫn thường coi buống số 9 trại chung. Hôm nay

vào "cát xô", y phải đeo khẩu trang. Việc mở cùm mở xích cho tù, bắt buộc phải do cán bộ mở, nếu không, chắc y đã sai anh hình sự làm thay. Bởi vì, tôi thấy y mở khóa xích cho tôi mà phải nín thở, nhăn mặt, vội vàng làm cho xong, rồi chạy mãi ra phía gần cửa "cát xô", mới quay lại quát:

- Cho ra đổ bô và lấy nước dội, làm vệ sinh chỗ nằm! Đồng thời cho tắm rửa 15 phút!

Khi tôi chui ra khỏi chuồng, đứng dậy, hai đầu gối của tôi rủn ra, tôi ngã ngồi bệt xuống nền đá. Tôi lại chỗi dậy, cứ như vậy mấy lần. Người tù hình sự nhìn tôi với ánh mắt đầy thương cảm của tình người. Anh ta chừng 23, 23 tuổi, trông mập mạp, nhưng nước da vẫn xám xịt. Mập mạp là vì làm nhà bếp. Dưới chế độ chủ nghĩa, câu: "Giầu nhà kho, no nhà bếp", dù ở đâu, hay lúc nào, cũng đúng!

Sau khi cái chân tôi đã tạm nhuần, bấy giờ tôi mới chui vào mở nắp lỗ phân, lôi cái bô phân và nước giải đã 6, 7 ngày của tôi lên. Tên Kế càng lùi xa lên phía trên cửa "cát xô". Ngược lại, anh hình sự lại tìm cớ vờ đặt cái khay gỗ xuống gần chỗ tôi, tay lúi húi xếp một nắm cơm, và một bát rau muống già nấu, đen xì. Nhìn bát rau muống, tôi thật là mừng. Hàng tuần nay, ruột xót như cào. Không có một tí rau nào, chỉ ăn cơm với muối. Nhưng muối cũng không đủ. Vậy mà mỗi bữa cơm, tôi vẫn gắng ăn dè ra, thường để giành được….. mươi hạt muối! Từ đó cho đến bữa cơm kế, 24 tiếng, cứ khoảng hai tiếng tôi lại lấy một hạt muối cho vào mồm. Những lúc đó, một mâu thuẫn đã xảy ra, trong nội tại sự việc: Một đằng muốn hạt muối ngấm tỏa ra nhiều mùi thơm ngon; đàng khác lại muốn đừng tan nhanh quá. Mâu thuẫn này luôn luôn không thể giải quyết được. Được phía này thì mất phía kia.

Anh hình sự quả là cũng quái. Đúng lúc một tên cán bộ nào đó ở phía trên đi qua, hỏi tên Kế cái gì đó, Kế vừa ngửng lên chỉ trỏ nói chuyện, ở dưới này, anh hình sự tươi mặt nhìn tôi khẽ nói:

- Anh có biết anh em tù ở trên ca ngợi hành động can trường của anh lắm. Họ còn biết anh từ miền Nam ra hoạt động ở Hà Nội nữa. Chúng em có người được đi dọn rửa phân buồng ấy về nói là anh đánh nó phọt cứt ra.

Vừa lúc ấy tên Kế hết nói chuyện, và lại cúi đưa mắt nhìn xuống dưới, tôi không thể nói được lời cám ơn anh em có nhã ý với mình. Tuy vậy, tự trong lòng, tôi cũng thấy dâng lên nhè nhẹ một niềm an ủi; thêm nguồn sống phấn khởi; nhưng lại cũng xen lẫn một chút bâng khuâng man mác buồn. Sự việc thất bại. Bây giờ, tôi đang sống dở, chết dở ở nhà mồ này; và sau này, chắc chắn trong hồ sơ có vết "trốn tù", "đánh cán bộ". Như thế, chẳng bao giờ tôi được "hưởng" sự rộng rãi cả. Nếu hôm ấy, tôi thành công! Chúng chỉ còn biết một tù nhân đã bí mật biến mất, trước bao nhiêu hàng rào canh phòng. Nhưng thôi, nghĩ làm gì những chuyện "nồi canh đã bể" ấy, chỉ càng thêm buồn, thêm tiếc !…..

Chương 52

Cái Chết Của Một Người Tù….Linh Mục!

Lúc này, trời đã lành lạnh, một vài hơi heo may đã lò dò về sớm. Không có quần áo thay, dù vậy, tôi vẫn cởi bộ quần áo ra vò mạnh cho đỡ tanh, thối. Cúi vào vòi nước, tôi xoa, cào mấy cái cho bong ít vảy ghét. Cả cái bắp đùi của tôi bây giờ chỉ vừa một chít tay với 3 đốt ngón tay. Hai cái xương phía ngoài đấu gối, trông như hai cái đầu con bọ ngựa ngọ nguậy, ngút ngắc, lúc tôi đứng lên ngồi xuống. Tôi gãi hai mông đít, chả thấy những đầu xương nhọn hoắt. Bao nhiêu công việc, tôi phải làm vội vàng, vì chỉ có 15 phút. Nhưng, có lẽ tên Kế thấy tôi nỗ lực với cuộc sống, cho nên đã để cho tôi hơn 20 phút.

Sau khi tôi dùng tay, ăn và húp hết bát canh, còn nắm cơm, tôi mang vào. Cho họ cùm xong mới ăn, vì hết giờ rồi.

Cùm, xích xong, và khi cửa buồng sập xuống, những bước chân đi dần vào phía trong.

Tôi cũng cố gắng lắng nghe qua những âm thanh để có thể phán đoán chút gì, về người phía bên trong được không. Có tiếng mở khóa và kéo cửa lên, nhưng đợi mãi, không nghe tiếng chân ra ngoài đổ bô và rửa ráy. Im lìm một lúc, rồi nghe tiếng sập cửa và khóa, những tiếng bước chân sền sệt nhỏ dần lên phía cửa "cát xô". Đã quá nhiều lần tôi gọi buồng phía trong rồi, nhưng không hiểu tại sao người trong ấy, không lên tiếng trả lời. Hôm nay, tôi cũng chả muốn gọi nữa!

Tôi thấy lạnh run lên, dù tôi đã cố sức vắt khô quần áo, nhưng tôi vẫn run. Thật chẳng có cái dại nào giống cái dại nào. Lần sau, thà chịu bẩn, chịu cứt đái, chứ chả dám giặt nữa. Phải ăn cơm ngay, để có chút "ca lô ri" chống lạnh, tôi run lắm rồi!

Trong ánh sáng mờ mờ của căn hầm, khi tôi bẻ nắm cơm ra, mũi tôi thoáng ngửi một mùi đặc biệt, làm nước miếng của tôi rào rào chảy ra đầy mồm. Tôi nhìn ở giữa nắm cơm: Một mầu nâu nâu, đen đen, trăng trắng. Thì ra một miếng thịt heo vuông mỗi bề độ 3 phân, dầy độ 5 ly. Ôi chao! Sao tôi lại có cái diễm phúc thần tiên như thế này?

Tôi đã biết, ở trong Hỏa Lò, thịt là cả một vấn đề. Một năm, cũng chỉ 3, 4 bữa là cùng, mỗi bữa chỉ được 2 miếng con con bằng hai đốt ngón tay. Hỏa Lò là trại giam của thủ đô Hà Nội, bộ mặt của cả nước, có nhiều khách quốc tế, và các "vị" lãnh đạo tối cao của xã hội chủ nghĩa tới lui, mới được hưởng cái "đặc ân" đó.

Hôm nay là ngày gì đâu mà Hỏa Lò có thịt!? Vậy, đây chỉ là của cán bộ, và do tài ba nhập nhằng thế nào đấy của anh bếp tù hình sự, để gọi là một chút giúp đỡ cho người, họ có thiện cảm.

Tôi hơi lặng người đi vì xúc động, trước một việc làm cao cả của một người có tâm hồn, lấy nghĩa khí để xử thế, đôi khi tiền không mua được. Thực vậy, nếu vì lý do nào đó bị phát giác, không những mất "nồi cơm", nghĩa là mất chân béo bở ở nhà bếp, phải trở về buồng giam, để tiếp tục những ngày đói triền miên ở trong tù. Hồ sơ còn bị ghi vết xấu, sau này đi trại nào, cũng khó lòng có cơ hội nhận lãnh những "chân" béo bở nữa. Ngoài ra, có khi còn bị kỷ luật, bị cùm ở trại chung. Phải nói, đây là một việc làm tôi suốt đời, không quên.

Chỉ vì miếng thịt, dù tôi chưa ăn, chỉ mới ăn cơm, tôi đã quên bẵng đi mọi việc chung quanh. Người hết lạnh lúc nào, ngừng run lúc nào, tôi cũng không hay. Ngay bộ quần áo, cũng đã khô ráo rồi!

Bây giờ tôi nằm xuống, cầm miếng thịt hà hít cho nó sướng cái đã, rồi tôi bắt đầu nhẹ cắn một miếng. Tôi bảo đảm, tất cả các tế bào trong cơ thể của tôi đều như đứng bật dậy, cùng nhún nhẩy, đong đưa để đón nhận hương vị của miếng thịt. Tôi vừa nhai, vừa nghe tiếng róc rách, của những giòng nước thơm thơm, ngầy ngậy từ từ chảy ngấm vào con tì, con vị của mình. Đầu óc tôi cứ lâng lâng, miên man bâng khuâng! Xin cảm tạ đấng Tạo Hóa! Tại sao lại có lòng ưu ái đối với thế nhân đến như vậy? Ngài đã ban cho con người một thứ vưu vật tuyệt vời, mà không phải ai cũng được hưởng hết cái giá trị của nó…..

Những ngày hôm sau, tôi nhìn nắm cơm, tuy trông bề ngoài cũng như mọi khi, nhưng khi bẻ ăn, thấy rắn chắc khác thường. Phải nói, lượng cơm gần như gấp rưỡi, nhưng được nắm lại thật chặt để trông vẫn như thường. Cũng vì vậy, cơ thể tôi có thêm sức để chịu đựng. Trước dây, tôi chỉ mừng là có được một người tù thông cảm với hoàn cảnh của mình, nên đã tận tình giúp đỡ. Nhưng một đêm, tôi chợt nhận thấy, ý nghĩa của vấn đề còn to lớn hơn. Ở đây, người giúp đỡ tôi, anh ấy nói có nhiều người khác biết. Vậy, đây là quần chúng! Không bị tuyên truyền, không bị lừa lọc, bịp bợm. Bằng thực tiễn và thời gian, quần chúng đã tự hiểu, và tự nguyện giúp đỡ một người bị bọn cường quyền hành hạ. Như thế, việc tôi làm, đường tôi đi, càng ngày càng được sự thương yêu, đùm bọc của quần chúng. Điều đó là một cứu cánh quyết định, giúp tôi vượt qua nhiều gian khổ, trên đường đi tới sau này.

Dần dần, tôi càng ít nghe thấy những tiếng rọt rẹt của xích sắt, phía bên trong hơn. Cả những tiếng rên và tiếng rầm rì như tiếng tụng kinh, đã quen thuộc lâu ngày.

Đến ngày thứ Bảy tuần đó, sau khi nhận cơm và nước, tôi quen lệ như mọi lần, chờ nghe điệp khúc của điệu nhạc "cho tù ăn" trỗi lên. Tôi chỉ nghe đến "khúc" kéo cửa sắt lên, rồi… ngừng bặt, ngắt quãng, thay vào đó là tiếng bước chân hấp tấp của anh tù hình sự đi trở ra. Qua khỏi chuồng của tôi, một giọng nói to lẫn trong tiếng thở hổn hển:

- Báo cáo cán bộ, buồng phía trong đã chết tự bao giờ rồi!

Tiếng bước chân dồn dập đi vào phía trong. Một lúc, rồi tiếng sền sệt chạy trở ra và nhỏ dần về phía cửa "cát xô".

Qua sự phán đoán của tôi, anh hình sự vẫn còn đang đứng đợi chờ trên bực hầm. Đây là trường hợp hi hữu, bất ngờ. Tôi đã có chủ định từ mấy hôm nay, vì vậy gặp dịp không thể bỏ lỡ, tôi vờ ho lên một tiếng, rồi kêu bâng quơ:

- Đau bụng quá trời ơi!

Tiếng bước chân đi nhanh xuống, giọng nhỏ nhẹ hỏi:

- Anh làm sao đấy?!…

Chủ động, ý của tôi là cố tìm cách để biết tên anh tù hình sự, và về người ở buồng phía trong. Vì vậy, tôi hỏi ngay, giọng như thì thào:

- Tôi mong muốn được biết tên bạn?

- Em tên Minh. Còn anh?

- Đặng Chí Bình…..Người vừa chết ở phía trong, Minh có biết là ai không?

- Ông ấy là linh mục.

Tôi thoáng giật mình, hỏi gấp:

- Tên gì?

- Em không biết!

- Linh mục có điếc, hay câm không?

- Không câm, không điếc, nhưng không nói với ai từ ngày bị bắt, nên họ mới cho vào "cát xô".

- Lâu chưa?…..

Giữa lúc đó, có tiếng người xa xa, anh Minh lẹ chân chạy ngay lên phía trên bậc hầm.

Bốn, năm người đi qua chuồng của tôi. Tiếng rút chốt cùm. Tiếng mở khóa xích sắt rủng rẻng. Lịch kịch một lúc, rồi những tiếng bước chân nặng chịch vì phải khênh, kéo một thân người ngang qua chuồng tôi.

Một mùi thịt người chết lâu ngày nồng nặc. Mùi đó quạt vào mũi làm tôi bỗng chợt nhớ lại một hình ảnh của quá khứ, ở nghĩa địa Đô Thành, Sài Gòn, ngày 13-14 tháng 11 năm 1960 – Ngày binh biến 11/11/1960 của miền Nam. Hôm đó, tôi theo giòng người vào nhà xác trong nghĩa địa Đô Thành, vừa để thỏa tính tò mò, vừa để xem, biết đâu, lại chả có người quen, mình biết để về báo cho gia đình họ hay. Bao nhiêu dẫy xác chết. Có những xác phình to tướng như xác người ngoại quốc. Có cái lòi ruột, cái mất đầu, có cái chỉ còn….chiếc cẳng chân dính toòng teng một cục thịt lầy nhầy mấy đoạn ruột…..Đặc biệt, một mùi khăm khẳm, tanh tanh, ngai ngái từ những chỗ thịt đã thối nồng nặc bao trùm cả một vùng chung quanh.

Người nào vào, cũng có chiếc khăn bịt mũi, vậy mà vẫn vang lên đây đó tiếng nôn ọe, lẫn với tiếng gào, khóc của thân nhân, khi đã nhìn thấy xác của người nhà. Thậm chí, tôi đã rời xa nghĩa địa hàng nửa cây số, thế mà vẫn còn ngửi thấy cái mùi đặc biệt đó. Rồi hôm nay, mũi tôi lại ngửi thấy mùi thịt người chết lâu ngày này, khiến tôi nhớ đến những cảnh đời trong một thời gian khác, ở một không gian khác của Tổ Quốc Việt Nam nhiều nghiệt ngã cay đắng, đó là miền Nam thân yêu, mãi tít xa vời vợi.

Nghe qua âm thanh, tôi hiểu chúng đã khiêng người chết lên trên đồi; cửa "cát xô" đã đóng, mà sao mùi xú uế của tử khí còn nồng nặc căn hầm.

Chừng nửa giờ sau, cửa "cát xô" lại mở. Nghe tiếng bước chân, tôi biết có hai người đi xuống. Rồi một người đi trở lên. Một lúc, tôi nghe tiếng quét dọn, rồi tiếng phì phì nôn ọe. Tôi hiểu đó là tiếng của anh nhà bếp hình sự. Tiếng mở vòi nước chảy ồ ồ, tiếng xối nước ào ào. Đột nhiên, giọng anh Minh nói như thầm thì:

- Mọi khi, họ để vào nhà xác, đêm mới mang đi chôn. Hôm nay, phải đem đi ngay rồi, vì thối quá!

- Chết từ bao giờ mà mùi kinh thế!

- Mới đêm qua. Nhưng, vì cái chân ông ta bị lở loét thối và có bọ nửa tháng nay rồi. Hàng ngày giòi bọ, bò lổm nhổm ra cả ngoài nền này.

Thảo nào, cái mũi tôi đã không lầm khi ngửi thấy mùi thịt chết nhiều ngày. Thấy anh nói có vẻ tự nhiên như không có cán bộ, dù vậy, tôi vẫn chưa yên tâm nên hỏi:

- Cán bộ đâu?

- Không chịu nổi hôi thối, ông ta trèo lên cửa "cát xô" rồi.

- Minh họ gì?

- Lê, Lê Hoàng Minh!

- Ông linh mục bị bắt từ bao giờ?

- Em không rõ, chỉ biết vào "cát xô" hai tháng nay.

- Ông ta chừng bao nhiêu tuổi?

- Khoảng 40, 45. Ông ấy bị chết vì cái chân gần đứt rơi ra ở trong cùm, trông thấy cả ống xương chân trắng hếu, rất nhiều giòi bọ.

Đột nhiên, một giọng miền Nam quát vang lên từ phía cửa "cát xô":

- Xong chưa? Làm gì lâu thế!?...

Tiếng anh Minh vội vàng:

- Báo cáo, xong ngay đây ạ!

Vừa báo cáo, anh vừa hấp tấp đi lên.

Cửa "cát xô" đóng rồi, lòng tôi vẫn vơi đầy với vị linh mục nào đó. Tại sao người không nói chuyện với tôi? Nếu tôi biết từ trước người là linh mục, tôi đã có cách để nói chuyện với người. Biết đâu, vừa biết rỏ về người, may ra cổ vũ tinh thần cho người, người lại....chưa chết. Tôi hiểu, có những nhân vật lỗi lạc về nhiều khía cạnh trong cuộc đời, nhưng khi gặp thế cùng, lại quên đi những điều sơ đẳng nhất.

Đêm hôm đó, tôi tự dưng thấy rợn người mấy lần, vì dưới nhà.....mồ, bây giờ còn mỗi mình tôi. Thỉnh thoảng, nghe những tiếng lịch kịch phía bên trong, tôi cũng thấy nổi gai ốc lên. Nhất là, mùi khăm khẳm vẫn chưa tan hết dưới hầm. Nhưng, chợt một ý nghĩ dấy lên trong đầu làm tôi yên lòng, bớt thấp thỏm khi nghe những âm thanh lạ trong đêm trường: "Dứt khoát chẳng làm quái gì có ma! Bởi vì rất dễ hiểu, nếu có ma thực, những lũ Cộng Sản đã bị bóp cổ chết hết rồi, còn đâu!".

Biết bao nhiêu chiến sĩ Quốc Gia, biết bao nhiêu những đồng bào vô tội trong cải cách ruộng đất, trong các nhà tù hiện nay.....bị lũ Cộng Sản tàn sát, giết hại; lòng căm hờn dâng cao như núi. Nếu chết đi thành ma, lũ Cộng làm sao còn! Cũng như, bao nhiêu kẻ ác trên cõi đời này làm sao yên hưởng xa hoa trên đống xương, và máu của người khác.....?

Do những suy nghĩ như vậy, tôi không cón cảm thấy rờn rợn, nổi da gà khi nghe thấy những tiếng xọc xạch ở phía trong, lúc đêm khuya nữa. Chắc đấy chỉ là một con chuột nào đó, đi kiếm ăn đêm?.....

Chương 53

Những Tấm Lòng .....Tù!

Vì hàng ngày đôi chân thường không cử động được, cứ phải nằm yên một chỗ, ba tuần lễ nay, không lần nào tôi đứng lên được ngay, mỗi lần khi được mở cùm để ra đổ bô và tắm rửa. Tôi thường phải vịn tay vào tường đá, đứng lên ngồi xuống vài lần, rồi mới đứng lên và đi được. Cho nên, nếu không muốn trở thành một phế nhân, để càng phải chịu thêm nhiều cay đắng nữa của cuộc đời, tôi không còn cách nào khác là phải phấn đấu đến phút cuối cùng, dù ngày mai có phải chết.

Mỗi ngày ba lần, tôi dùng tay xoa nắn, chà sát, đấm bóp hai chân. Chân không tự cử động được thì phải dùng tay giúp vậy; nhưng cũng rất khó khăn, hạn chế, vì cố gắng lắm, hai tay cũng chỉ với tới quá đầu gối một chút mà thôi. Vì thế, ngày cũng như đêm, từ đầu gối trở xuống, nếu ngứa, tôi đã kiếm được một cuống chổi thanh hao, dài chừng 40 phân, để giải quyết. Tôi dùng que chổi này chọc, lách vào trong cùm, gãi chỗ nào ngứa. Có tay, mà nhiều khi như

không có vậy!

Tôi nằm, miên man nghĩ ngợi, thật là may, hồng phúc cơ duyên thế nào tôi lại gặp được anh Minh đã hết lòng giúp đỡ. Mỗi ngày được thêm gần nửa suất cơm như vậy, chẳng khác nào như được tiếp máu. Tuy về vật chất nó chỉ đáp ứng nhỏ mọn; nhưng về tinh thần, lại là cả một sự tiếp cứu lớn lao. Nó đã móc, nâng tinh thần của tôi lên cao, để khỏi bị chìm nghỉm trong "lò nấu xác" của lũ quỷ đỏ thèm khát thịt người.

Trong "cát xô", tôi không thể nằm thẳng chân thực hiện phương pháp vận công "A", tôi vẫn thường làm ở xà lim, tôi đổi lại thành ngồi. Mỗi ngày, tôi làm ba lần: Sáng, trưa và tối. Nhiều lúc, ngồi tham thiền nhập định xong, tôi nhìn hai cái chân trong cùm, hai cái tay trong xích mà buồn cười. Chẳng biết những vị cao nhân trong võ lâm lúc ngồi điều khí vận công, mà chân tay bị xích, có tập luyện được không? Tôi chưa được đọc thấy một tác phẩm nào có nhân vật bị cùm xích, mà tập được võ công cả. Vì bị cùm và xích, làm sao tập theo được những thế võ trong bí kíp!?.....

Hôm nay là ngày thứ 34 ở "cát xô". Dù tôi đã nỗ lực phấn đấu hết sức mình để tồn tại; dù được sự hà hơi tiếp sức của anh Minh; đến nay, hai cái chân tôi đã phù to lên. Phù này khác với cước vì lạnh trước đây. Phù bây giờ một phần là do thiếu chất dinh dưỡng lâu ngày; nhưng, phần chính là do hai cái chân không cử động được, hầu như ngày nào cũng như ngày nào, cứ đặt yên một chỗ. Nhìn đôi bàn chân sưng phù, tôi thật nản lòng. Bao nhiêu công tập luyện từ hôm vào nhà hầm, đều trôi cuốn theo giòng nước lũ. Một điều khác làm tôi nản hơn là, người đưa cơm hôm nay lạ, không phải là anh Minh nữa; mà là một anh hình sự khác, có đôi mắt ngờ nghệch chậm chạp.

Tôi băn khoăn nóng ruột, muốn hỏi người đưa cơm này về anh Minh. Nhưng, phần vì thái độ của anh như vô tình, lơ đãng và lạnh lùng như một cái máy cử động vậy. Phần khác, những tên công an thường theo sát, đứng ngay bên cạnh, nhìn và sai anh hình sự làm, nên tôi không làm sao thực hiện được ý định đó. Có thể vì anh hình sự này mới, công an phải chỉ bảo và thử thách. Cũng có thể vì "cát xô" bây giờ chỉ có mình tôi. Tôi lại cố gắng giữ gìn vệ sinh, cho nên cái "cát xô" đã bớt hôi thối, (những lúc tắm rửa, tôi miệt mài năn nỉ, xin thêm từng xô nước để dội chỗ nằm). Tên cán bộ nào cũng vào đứng sát chuồng của tôi, khi cho ăn cơm. Không còn cảnh bịt mồm, chỗ nước bọt như mọi khi.

Ngẫm chuyện đời, tôi thấy là bất kể chuyện gì, việc gì cũng đều có hai mặt mâu thuẫn, đối kháng nhau: Lợi và hại. Chỉ có tỷ lệ, mức độ chênh lệch nhiều hay ít. Sự việc lợi nhất, cũng có cái hại của nó. Ngược lại, điều xấu tệ hại nhất, cũng có cái lợi của nó. Tôi cố giữ gìn vệ sinh cho nhà hầm đỡ hôi thối, như vậy là lợi cho sức khỏe, rất đáng làm; nhưng, bị điều bất lợi như đã trình bầy ở trên. Vì thế, nếu xét một việc mà chưa thấy những mặt mâu thuẫn, là vì ta chưa mổ xẻ, phân tích kỹ mà thôi.

Bây giờ, nắm cơm hàng ngày lại nhỏ như trước, khi chưa có sự giúp đỡ của anh Minh. Nghĩa là chỉ còn được khoảng 2 bát cơm con.

Tôi đợi mãi, rồi cũng tới ngày thứ Hai, ngày tắm rửa. Hôm nay lại là ngày lão Kim già trực. Từ sau ngày tôi đánh lừa y để tự tử, hễ nhìn thấy tôi đâu, là lão lại quắc mắt lên giận dữ. Câu chuyện đã 5, 6 tháng rồi, và cũng đã 3, 4 tháng nay tôi không gặp lão. Vì vậy, khi lão cúi đầu vào quát bảo, tôi đưa tay cho lão mở khóa xích. Nhìn thấy tôi, mắt lão chớp chớp sau gọng kính trắng, vẻ hơi ngỡ ngàng. Tôi hiểu là lão còn căm ghét tôi nhiều, cho nên tôi cố tránh không nhìn lão. Tôi phải bò ra, vì hai chân không thể đứng lên nổi nữa. Tôi cố tập đứng lên, ngồi xuống vài lần như mọi khi, nhưng vừa buốt vừa run rẩy, lại phải ngồi bệt xuống. Trong khi tên hình sự đưa cơm đang ngồi ghệ ở một bậc đá, gần cửa "cát xô" chờ tôi đổ bô và tắm rửa, đột nhiên, lão già Kim hỏi tôi:

- Anh ở "cát xô" bao nhiêu ngày rồi?

- Báo cáo "cụ" (ai cũng gọi lão như vậy, vì lão đã trên 60 tuổi rồi), hôm nay là ngày thứ 42 ạ!

Tôi trả lời trong hơi thở hổn hển vì mệt. Qua thái độ và cách lão hỏi tôi, tôi cảm nhận hình như lão không ghét tôi nhiều lắm! Nhìn tôi bò ra phía vòi nước một cách vất vả, vì phải mang theo cái bô phân và nước tiểu. Tự nhiên, lão mắng tôi một câu:

- Anh như con thú ấy, có chịu nằm yên đâu!

Tôi chẳng buồn nói năng chi, vì đang phải nghiến răng chịu đựng cái rát, buốt khi bàn chân nết trên nền đá. Tôi cứ phải nhắc cái bô đặt một chỗ với sức vươn tối đa, rồi lại bò, cứ như vậy cho đến chỗ cống đổ phân. Tôi chỉ rửa ráy qua loa, rồi lại hì hục bò về chuồng như mọi khi. Tôi ngồi húp và ăn bát canh rau muống trước, còn nắm cơm sẽ mang vào trong buồng mới ăn. Nguyên tắc, một tuần chỉ được mở cùm, để đổ bô và tắm rửa trong 15 phút, thế mà hôm nay, lão Kim để cho đến 30 phút.

Từ đấy, tôi càng thấy bản chất của một con người, hầu như không thể thay đổi được. Có chăng, chỉ là sự che đậy bên ngoài, vì một lý do nào đó của cuộc sống mà thôi.

Lúc khóa, xích tay tôi lão lại hỏi nữa:

- Lúc đưa anh vào "cát xô", cán bộ có tuyên bố bao nhiêu ngày không?

- Báo cáo cụ, không!

Vì không có dịp thuận tiện nào, nên điều cứ thắc mắc trong lòng tôi là, tôi muốn hỏi anh bếp mới về anh Minh giờ ra sao, đã không thực hiện được.

Bốn ngày sau, vào một buổi sáng thứ Sáu, tôi đang nằm băn khoăn về hai cái chân mình (tôi không còn cách nào để phấn đấu luyện tập nữa), đành chịu cho đôi chân mình đi đến chỗ có thể bị liệt. Nằm cơm quá ít, chỉ đủ để ăn không chết, chứ không còn sức để cử động tay chân, Tôi thấy, nếu trước đây không được anh Minh giúp đỡ, tôi đã nằm liệt lâu rồi, và chưa biết những chuyện đau buồn gì đã xảy ra. Bỗng, tôi nghe tiếng lẻng xẻng của chìa khóa, tiếng lịch kịch của cánh cửa hầm "cát xô" mở. Tôi ngạc nhiên, mở mắt ra nghe ngóng. Bây giờ mới khoảng 8 rưỡi, 9 giờ, đâu đã phải giờ cho ăn cơm? Hay lại có một đồng cảnh nữa mới vào? Tôi muốn bò dậy để xem chuyện gì? Nhưng, không ngờ là sức tôi bây giờ không đủ để ngồi dậy nữa!

Tiếng chìa khóa mở chuồng của tôi. Rồi cửa được kéo lên. Tên Đại, cán bộ văn thư (làm ở văn phòng) nhìn tôi, rồi quát:

- Bò dậy! Đưa tay ra đây để mở xích!

Tôi cố chống tay, mấy lần vẫn không bò dậy được. Chỉ vì hai sợi dây xích không đủ dài để chống hai tay xuống nền. Mọi khi, tôi thường phải dùng thêm sức kéo của tay, rồi lấy thế ngồi lên. Bây giờ, người tôi rã rượi, như không còn một tí hơi sức nào.

Thấy tôi xoay sở, cố gắng nhưng không thể ngồi dậy được, tên Đại đành phải cúi đầu vào để mở hai cái khóa ở đầu dây xích. Rồi, y ra ngoài rút chốt cùm.

Hai tay được tự do, không phải mang sức nặng của sợi dây xích, tôi chống tay bò dậy, thế mà cũng phải mấy lần mới ngồi lên được. Hai mắt hoa lên, quay cuồng, tôi phải cố như lấy gân cả hai tay, mới nâng cho cái cùm há mồm lên,

để lấy đôi chân ra. Đôi chân tôi bây giờ sưng húp lên cả mắt cá. Hai bàn chân to tướng với mấy khúc xương tong teo nhăn nhúm, xám xịt, như hai chiếc đũa cắm vào hai củ khoai lang luộc vậy.

Tôi cố bò ra khỏi buồng. Y nhìn thân hình của tôi một lúc, rồi dịu giọng:

- Cho anh ra rửa ráy, rồi vào viết kiểm điểm.

Vừa nói, y vừa chỉ mấy tờ giấy, cái bút và lọ mực đang để trên bậc đá, lối lên cửa hầm "cát xô".

Thật là lạ lùng, mắt của tôi nhìn ngay y, cũng không rõ nữa. Hình ảnh một tên mặc quần áo màu vàng, mồm đang quàng một cái khẩu trang màu trắng trông cũng rất lờ mờ. Tôi lại càng lo sợ, không hiểu vì sao mắt mình lại như vậy. Phải chăng, vì ở trong chỗ mờ tối quá lâu (gần hai tháng trời), mắt luôn luôn phải điều tiết căng thẳng, hay vì mấy năm nay ăn uống đói khát và thiếu chất dinh dưỡng? Có lẽ vì hai lý do. Tôi nghiến răng, kéo "hai củ khoai lang luộc" về chỗ vòi nước rửa hai con mắt xem thế nào.

Trời đã vào Thu nên nước bắt đầu lạnh. Tôi vuốt, dụi, rửa hai con mắt, nhưng vẫn không thấy sáng hơn. Tôi bò lại chỗ để mấy tờ giấy và lọ mực.

Đầu tiên, tôi viết chữ "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa". Do cái tay quen viết theo tay; mắt tôi chỉ thấy những nét ngoằn ngoèo, đen đen mờ mờ trên giấy trắng, không đọc rõ được nét chữ. Tôi quay lại y:

- Thưa ông, tôi chả nhìn thấy chữ tôi viết!

Y ngạc nhiên, lại gần tôi nhìn. Có thể y thấy thái độ khổ tâm của tôi vì đôi mắt như vậy, nên y bật cả hai cái đèn trong hầm "cát xô", y lại trèo lên những bậc đá tới của hầm "cát xô", mở phanh to cho ánh sáng ở trên chiếu vào. Căn hầm đã sáng hẳn ra, nhưng mắt tôi nhìn chữ viết vẫn chưa rõ hẳn, vì vậy tôi bỏ bút xuống, nói với y:

- Thưa ông, hiện giờ mắt tôi không nhìn rõ chữ viết. Vậy, để mai kia xem mắt tôi có nhìn thấy, tôi mới viết được. Hơn nữa, lúc này tôi mệt lắm, tôi không biết viết gì!?.....

- Được! Sau này anh sẽ viết chi tiết. Còn bây giờ, theo nguyên tắc, anh phải viết mấy giòng ngắn gọn: "Xin nhận hoàn toàn khuyết điểm, sai lầm. Xin cam đoan không bao giờ tái phạm".

Thấy y nói như vậy, tôi cũng cố gắng viết đại theo lời y nói, dù tôi chả nhìn thấy rõ. Tôi cũng viết 3, 4 giòng, ký tên, rồi đưa cho y. Lúc đó mới khoảng 10 giờ, y cầm tờ giấy tôi viết, xem qua, rồi hất tay ra hiệu bảo tôi chui vào chuồng:

- Hãy đi vào buồng, tạm cho anh nghỉ cùm và xích!

Được lời như cởi tấm lòng, tôi bò vào chuồng có vẻ nhanh hơn lúc tôi bò ra. Cửa chuồng đã đóng, và cửa "cát xô" cũng đã khóa. Tôi loay hoay tìm thế nằm ngửa, gối đầu lên cùm sắt, giơ hai chân thẳng lên, rồi co lại. Dần dần, làm được! Mệt, tôi nghỉ, hết mệt, tôi lại tiếp tục làm.

Theo suy lý của tôi, hai cái chân bị phù toàn là nước ở bên trong, bây giờ giơ ngược lên nhiều lần, nước dần dần sẽ phải rút xuống cơ thể.

Trưa hôm đó, một cán bộ lạ coi trại chung dẫn anh hình sự vào cho tôi ăn cơm. Ăn xong, tôi lại tiếp tục tập. Thực ra cơ thể tôi lúc này, chỗ nào cũng cần tập, nhưng trong điều kiện tối ưu tiên, phải dành cho hai chân đã. Nghĩa là dồn

hết sức của cơ thể để tập cho hai chân. Chẳng hiểu sự suy lý của tôi có đúng hay không, hay vì lý do gì khác mà tôi không biết. Điều trông thấy, cũng như sờ thấy là hai bàn chân tôi, mà tôi gọi là "hai củ khoai lang luộc", chỉ có một đêm với nửa ngày tập, đã rút được đến hai phần mười.

Tôi càng cảm thấy được khích lệ, sáng hôm sau, tôi lại tiếp tục nỗ lực tập nữa. Nhất là đêm vừa rồi lại không bị cùm, xích, tôi cảm thấy tay chân tự do, thoải mái nhẹ tênh tênh, muốn để tay đâu, muốn để chân đâu, tùy theo ý mình. Hỡi tự do! Mi là thiên thần của loài người! Nhưng không phải ai cũng được mi tới thăm.

Tuy được tha cùm và xích tay, nhưng tâm tư tôi vẫn thấp thỏm không yên. Thoáng nghe tiếng động cửa lại giật mình lo sợ cán bộ vào cùm, xích lại. Lúc cán bộ vào cho ăn cơm, tôi ngồi nhai miếng cơm, nhưng mắt vẫn theo dõi thái độ của y, sợ bất chợt y bảo bỏ chân vào cùm, bỏ tay vào xích. Thật, nhiều lúc tủi hận cho một kiếp người, chẳng khác gì một con chó! Nhưng, tôi nghĩ rằng con chó không thể ý thức sự cùm xích bằng tôi. Nó làm sao cảm thấy tủi hận, uất hờn, dày vò, cấu xé trái tim đã rướm máu bầm đen như tôi.

Tạo hóa sinh ra loài người là sinh vật cao quý nhất, nhưng, cũng là sinh vật đểu giả, nham hiểm, tàn ác nhất!.....

Chương 54

Tìm Được Cố Vật...
Không Gặp Cố Nhân!

Chiều hôm đó, vào khoảng sau giờ tan tầm được một lúc, cửa "cát xô" lại mở. Tên Đại vào mở cửa chuồng tôi, ra hiệu bảo tôi chui ra ngoài. Khi thấy tôi chui ra khỏi chuồng, y đứng chụm hai chân lại, người thẳng dưỡn lên, nét mặt ra vẻ hết sức nghiêm trang:

- Thừa lệnh ban giám thị, tôi tuyên bố anh được tha ở "cát xô", trở về xà lim, cùm một chân!

Nhìn y đứng cứng ngắc, hai mắt nhìn thẳng lên cửa hầm "cát xô", hai môi mím chặt, trông cả đẫn một cục to tướng, nhưng tôi cũng không cười được. Bởi vì, tiếng sáo "Cầu Sông Kwai" đang trỗi dậy trong lòng tôi như chào mừng dứt điểm "cát xô", trở về hay trở lên trần thế với xã hội loài người.

Sau khi tuyên bố xong, y ra hiệu tay cho tôi bò lên cửa "cát xô". Dù trong lòng, điệu sáo mê hồn vẫn lả lơi, nhảy múa; nhưng tôi vẫn chưa đi được. Hai bàn chân vẫn nặng chịch, nhức buốt. Chắc rằng ban giám thị cũng hiểu như vậy, nên chúng đợi cho tới khi trại chung vào hết rồi, mới mở "cát xô" cho tôi bò ra. Hai đầu gối chỉ là hai cục xương, nghiến xuống đá và xi măng đau quá! Tôi cố bò lên khỏi lỗ hầm, rồi nằm vật ra, không bò được nữa. Hai đầu gối đã rướm máu.

Tên Đại cũng nhìn thấy vậy, y lúng túng không biết phải giải quyết thế nào. Giữa lúc đó, tên Trì, phó giám thị, cùng một tên cán bộ nữa đang từ cổng trại chung đi vào. Y đến bên cạnh tôi, nhìn tôi đang nằm ngửa thở, y liếc đôi chân tôi một lúc, rồi quay sang nói với tên Đại như ra lệnh:

- Đồng chí xuống trại thợ, gọi một tên thằng lên cõng nó về xà lim!

Tên Đại hấp tấp đi ngay! Tên Trì cứ nhìn đôi bàn chân của tôi, đầu y gật gật. Rồi nhìn tôi, môi trên y nhếch cong lên, để lộ mấy cái răng hô đầy cáu ghét ra ngoài:

- Anh chịu đựng tốt hỉ?

Tôi im lặng như không nghe y nói gì. Trong khi ấy, tên Đại và một anh tù từ phía nhà bếp đi lên. Khi tới cạnh tôi, tên Đại nói với anh tù như quát, tay chỉ về phía cuối sân:

- Cõng tên này về phía kia!

Anh tù, chắc là hình sự, chừng 30 tuổi, mập, lùn, da bánh mật, mặc chiếc quần đùi nâu đã vá hai miếng ở mông, với chiếc áo trại nhiều vết dầu mỡ đen xì. Anh cố ý nương nhẹ, đỡ hai tay cho tôi ngồi dậy, rồi nâng tôi đứng lên, nghiêng vai nói nhẹ, giọng miền Nam đã pha Bắc:

- Anh ôm cổ tôi!

Anh cõng tôi đi trước, tên Đại cầm chùm chìa khóa lẻng kẻng theo sau.

Kể từ ngày tôi vào "cát xô" tới hôm nay, là 47 ngày; nhưng nếu kể cả những ngày nằm ở bệnh xá, thì gần hai tháng. Mới chỉ hai tháng, không khí cũng như quang cảnh sân trại chung đã thay đổi, khác lạ hẳn xưa. Rải rác chung quanh cái sân trại rộng lớn là những lỗ "tăng xê" cá nhân, màu đất mới vàng au, từng đống đây đó. Bốn chiếc loa to ở cái chòi giữa sân Hỏa Lò, đang lải nhải chửi Mỹ khiêu chiến, tạo nên vụ Vịnh Bắc Bộ với chiếc tàu Maddox. Những bài nói chuyện, cũng như những thông cáo của những tên lãnh đạo miền Bắc khích lệ, cổ vũ, hô hào quân cũng như dân miền Bắc chuẩn bị chiến tranh. Nào là… các quân binh chủng tăng cường luyện tập, bố trí công sự, hầm hố, chuẩn bị nhiều phương án tác chiến. Đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, v.v… Nào là, động viên người và của, chuẩn bị cho chiến tranh lớn… Nào là, ra lệnh và hô hào quần chúng, nhân dân Hà Nội, các trường học, bệnh viện, mọi cơ sở sản xuất không cần thiết cho chiến đấu đều phải di tản, sơ tán khỏi Hà Nội, v.v…

Lúc này máy bay Mỹ đã bắn phá thị xã Đồng Hới và Hòn Gay. Không khí sôi nổi và căng thẳng của chiến tranh, tràn ứ khung trời Hà Nội. Khi anh tù hình sự cõng tôi đến cổng xà lim I, tên Đại đẩy cánh cổng, ra hiệu cho anh tù cõng tôi vào.

Trời! Sân xà lim đầy những lá bàng, và bao nhiêu là quả! Tôi ngước nhìn lên cành bàng, cả cây bàng trĩu trái xanh, vàng, hồng lẫn trong màu lá xanh. Từng chiếc lá úa vàng, lốm đốm những chấm hồng, đỏ lả lơi rời cành đang dẫy dọn quay cuồng trong gió để trở về cội. Thỉnh thoảng, những tiếng lộp độp đây đó của những quả bàng, đã chín vàng cũng rùng mình lìa cành lao về với đất. Tất cả tạo thành một bức tranh đầy mầu sắc của trời Thu.

Ngay trên chạng ba của cây bàng, một chiếc loa mới gắn chỉa thẳng vào xà lim. Từ nay, tôi lại điếc tai với "con mụ lắm mồm", loại chửi thuê ở bến xe, xó chợ.

Khi qua sân, trong lúc chờ tên Đại loay hoay mở ngăn kéo, lấy chùm chìa khóa của các buồng xà lim, anh tù hình sự lựa, khẽ để tôi ngồi ghệ trên hè, dựa vào tường. Tôi đưa mắt quan sát những quả bàng gần sát chân mình. Có những quả vàng ươm, chín rẽ chân chim. Một mùi thơm ngây ngất, ngon ngọt, theo từng cơn gió đẩy đầy ắp vào mũi tôi, mở toang bao nhiêu cửa tuyến, để cho nước miếng tàn đầy mồm. Mũi tôi đang cong lên để đón nhận những làn hương trong gió, đột nhiên, anh hình sự ghé vào tai tôi thì thào:

- Chúng tôi ở trại thợ, hoan nghênh anh lắm!

Tôi chỉ kịp quay lại mỉm cười và tươi ánh mắt nhìn anh nói với anh lòng thiện cảm của tôi, vì tên Đại đã đứng lên, ra hiệu cho anh tù hình sự cõng tôi vào buồng.

Thật là lạ lùng, thấy nó đưa vào gần tới buồng 6, tôi tưởng nó phải cho tôi về buồng cũ, trong đó vẫn còn một số đồ lặt vặt của tôi; nhưng lại là buồng 5, ngay buồng bên cạnh.

Khi anh hình sự cõng tôi lách vào cửa, đặt tôi lên sàn xi măng ở một bên, tên Đại cũng vào buồng ra hiệu cho anh hình sự ra ngoài. Tôi liền báo cáo ngay:

- Thưa ông, trước khi phải vào "cát sô", tôi có chiếc chiếu và một bộ quần áo trại cũ, vỏ ba lô, cùng một số thứ lặt vặt còn để ở buồng số 6. Đề nghị ông, cho tôi xin lại, lấy cái dùng!

Y nhìn tôi, ngần ngừ một lúc, rồi sang bên buồng số 6 mở cửa. Y sai anh hình sự ôm hết các thứ của tôi sang.

Trông thấy những món đồ cũ, thật tôi thấy nở từng khúc ruột, vừa là những đồ kỷ niệm với bao nhiêu công trình, lại vừa còn cái chì mật nữa. Trong khi tôi mừng rỡ, lúi húi vơ gọn những đồ anh hình sự mang sang, tên Đại ra rút chốt cùm. Tôi tự hiểu, nên lê dần xuống phía cái cùm, nâng miếng sắt nửa trên của cái cùm cho há ra, rồi tôi phải dùng tay nâng chân để vào. Vì chân bị phù, nên lỗ cùm vừa khít, thật là chặt. Tôi rất lo lắng! Bề ngang của cái cùm rộng 8 phân là sắt, áp sát vào ống chân. Ở xà lim đã có nhiều người bị thối chân, chỉ vì chân to, cùm chặt. Thối chân ở trong này, làm gì có thuốc chữa, tất nhiên chân ấy phải hỏng, vì sẽ trở thành sâu Quảng.

Sau khi tên Đại đã khóa cửa đi rồi, tôi cố gắng vặn, xê dịch cái cổ chân. Quá chặt! Không còn cách nào khác. Chỉ còn mong sao tập tành thế nào cho chân rút phù, mới lỏng ra được. Tôi dõi mắt nhìn sang cái cùm phía sàn bên kia, với ước lượng của mắt, tôi thấy hai lổ cùm bên ấy hình như có nhỉnh hơn. Ngày mai, tôi sẽ lựa lời báo cáo với tên Chiến trực xà lim, xin cùm bên ấy.

Lại còn tên Chiến nữa. Không biết sự việc xảy ra do tôi, bây giờ nó có căm hận, ghét tôi không? Điều này, phải đợi sáng mai mới biết.

Tôi chợt nhớ anh Căn buồng 12, đối diện với buồng 5 của tôi hiện giờ; rồi hai cô gái buồng số 9 nữa. Chắc rằng họ chẳng biết gì về tôi. Họ chỉ biết tự nhiên tôi đi mất. Có thể, họ cho là tôi đã được ra trại chung, hoặc đi trại trung ương rồi, chứ làm sao họ hiểu được là, vừa qua tôi đã làm một cú động trời, và đến nay, gần chết lại trở về đây?

Tôi nằm chờ 2, 3 tiếng đồng hồ, xà lim vẫn yên ắng khác thường. Tôi cảm thấy như đổi thay hết, sau gần hai tháng tôi rời xa.

Tôi cứ nằm miên man suy nghĩ, trong khi tiếng loa, bây giờ, nghe rõ mồn một. Chợt, tôi nghe chúng đề cập tới "câu chuyện cảnh giác":.....chúng nhắc đến việc Biệt Hải miền Nam đã bí mật đột kích hòn Mê..... rồi, chúng nói đến "kế hoạch 34A" của miền Nam, cho Người Nhái lợi dụng những đêm tối trời, hoặc mưa gió bất ngờ đổ bộ lên những vùng ven biển. Bắt dân, hoặc cán bộ mang ra xuồng cao su rồi chạy ra tàu ở ngoài khơi, chở về Nam để khai thác tin tức tình báo.

Điều tôi muốn nói ở đây, "kế hoạch 34A" phải là một kế hoạch bí mật. Vậy sao trên đài, trên báo của Cộng Sản, chúng đã nói một cách công khai? Như vậy, ta thấy tình báo của Cộng Sản đã phải biết kế hoạch này, ngay từ lúc chưa được thi hành.

9 giờ tối, tiếng loa đã tắt, xà lim yên ắng. Thỉnh thoảng một vài tiếng lộp bộp của những quả bàng rơi xuống sân, nghe như tiếng đập nia, xảy thóc ngày mùa. Tôi ho mấy tiếng như gọi, như chào, nhưng vắng lặng vẫn hoàn toàn vắng lặng. Quái thật! Mới 2 tháng, cảnh cũ còn đây mà người xưa đâu ta? Thấp thỏm, băn khoăn mãi, rồi cũng phải chìm dần vào giấc ngủ muộn...

Chương 55

Tin tức, hay tuyên truyền bịp bợm!.....

Sáng hôm sau, chưa mở mắt, tiếng đài đã léo nhéo! Dù không muốn nghe, tiếng loa vẫn cứ như chọc vào tai mình, nó độc lập với ý chí của mình. Phải nói, nhiều lúc tôi coi tiếng loa như một cái nạn phải chịu đựng vậy. Sáng hôm nay, trong một bài bình luận, tôi chợt nghe đến một ý chúng lý luận cứ như thật ấy! Rằng:

".....Trong chế độ tư bản mà chúng gọi là thế giới tự do, nguyên tắc sống của xã hội đó là mạnh được, yếu thua, cá lớn nuốt cá bé; cho nên, xã hội ấy tôn thờ và đề cao: Lẽ phải thuộc về sức mạnh. Nhưng, dưới chế độ ưu việt xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã tỏ cho thế giới thấy tính hơn hẳn của chủ nghĩa Cộng Sản. Một cuộc cách mạng đổi đời từ tận gốc, đã biến đổi hẳn nguyên tắc sống của xã hội tư bản xấu xa cũ, trở thành: Sức mạnh thuộc về lẽ phải. Nghĩa là, nếu có lẽ phải, là có sức mạnh....."

Một người dân bình thường, sống dưới chế độ chuyên chính này cũng thấy ngay, đó chỉ là lý luận bịp bợm, trái ngược hoàn toàn với thực tế của xã hội Cộng Sản. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hãy nhìn bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, chuyện ở trong nước, cũng như chuyện ở ngoài nước, ta thấy chúng luôn luôn, và còn nhiều lần gấp bội xã hội tư bản, lấy sức mạnh để đè bẹp lẽ phải. Như vậy mà chúng cứ bắt người phải nghe! Phải nói rằng: Nó có lý do của nó. Nó buồn cười như trên đài, trên báo thường xuyên ca ngợi, đề cao tự do. Nhưng có tìm đỏ mắt cũng không thấy có tự do thực sự trong chế độ Cộng Sản. Sau này, chúng ta sẽ bàn tới.

Giờ hành chính đã đến, cán bộ trực xà lim đã bắt đầu mở buồng cho ra rửa ráy.

Qua cách mở cửa, và tiếng bước chân đi, tôi biết không phải tên Chiến, nhưng cũng không đoán ra là ai? Tiếng buồng 1 báo cáo xong. Rồi tiếng cán bộ quát:

- Ra đi!

À, tên Dư! Tên này là trung sĩ, tôi có gặp hắn vài lần trực xà lim vào ngày Chủ Nhật. Nhưng, hôm nay là ngày thường, có lẽ hắn đã trực xà lim thay tên Chiến cũng nên. Dư có tuổi, khoảng 50, 55 người thấp bé, cũng là loại tương đối dễ tính, không quá ác ôn như nhiều tên công an khác.

Đến lượt buồng tôi, vì đã có chủ ý, tôi vội vàng cố gắng nâng cái cùm, rồi rút chân ra. Mãi không thấy tôi ra, y thò cổ vào, đang định quát hỏi, tôi nói ngay:

- Báo cáo ông, tôi ở "cát xô" mới được cõng về đây chiều tối hôm qua, tôi chưa đi được.

Chỉ vết cùm hằn ép vào chân mình, tôi nói:

- Thưa cán bộ, chân tôi bị phù to quá, lỗ cùm lại nhỏ. Xin cán bộ cho tôi đổi qua cùm bên kia.

Vừa nói, tôi vừa chỉ cái cùm ở sàn bên cạnh. Y không nói năng gì cả, đóng sầm cửa lại, cũng chả thấy rút chốt cùm sàn bên. Thôi, mặc, tôi tranh thủ vịn vào sàn chậm chạp tập đi. Hai chân nặng như hai hòn đá, lại còn đau buốt như kim châm, tôi vẫn cố gắng tập đi. Nhìn hai mu bàn chân, tôi thấy điều lạ là chúng sưng to đã đành, nhưng còn tím

lại như bên trong có máu bầm đen vậy. Hình như chân sưng lên vì vết thương chứ không phải phù.

Các buồng khác đã đổ bô vào đều bị cùm ngay, thế mà buồng tôi không đi rửa, lại chưa bị cùm? Tôi thấy thái độ của y như vậy, tôi càng hy vọng sẽ được đổi cùm.

Nghe loáng thoáng buồng 14 bị kiết lỵ ra máu, báo cáo xin thuốc từ mấy hôm trước, bữa nay y tá mới vào, tôi liền báo cáo ầm lên:

- Báo cáo ông Dư, chân tôi buốt lắm, xin ông báo y tá cho xin thuốc!…

Tiếng chân đi vào rõ dần, rồi cửa con xoạch mở:

- Anh báo cáo cái gì, làm ầm lên thế!

- Thưa ông, chân tôi tím lại buốt quá, xin y tá cho thuốc!

- Chờ đấy!

Cửa sổ nhỏ đóng rồi. Bây giờ tôi mới để ý thoáng thấy chiếc lon 3 sao nằm trên một vạch trắng, trên một miếng dạ đỏ nhỏ hình bình hành, gắn ở ve cổ áo, còn mới nguyên. Tôi lại nhớ đến, tên Đại cũng chiếc lon mới toanh. Như vậy, dịp mồng 2 tháng 9 vừa rồi, ngành công an lại cho lên lon. Thời chiến, có nhiều tình huống mới, tụi lãnh đạo Bộ Chính Trị phải mua chuộc phỉnh phờ tụi cán bộ cấp thấp, hạ tầng. Có thể vì mới được lên thượng sĩ, nên tên Dư lại càng dễ tính hơn. Mỗi tháng cũng thêm được mươi đồng.

Một lúc sau, cửa lớn mở: Bà Dậu y tá. Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy bà ta dạo này gầy hẳn đi, da xạm lại, trong tay chân bà ta như con chão chàng, trắng nhờn nhợt. Trong khi đó, ngược lại, bà ta cũng mở to mắt nhìn bộ xương của tôi. Chắc hẳn bà ta cũng chẳng lạ gì chuyện trốn tù của tôi hơn hai tháng trước. Bà sờ tay vào hai mu bàn chân của tôi, dịu dàng hỏi:

- Chân anh làm sao tím lại thế?

Tôi chỉ lắc đầu, tỏ vẻ cũng không biết tại sao. Bà ta nói thong thả, chậm rãi:

- Cái này chỉ chích B1, khỏi ngay. Nhưng, B1 bây giờ rất hiếm. Tôi sẽ đề nghị cho anh ăn cơm cám một tuần.

Cuối cùng, tôi chả có thuốc gì cả, nhưng được những lời thăm hỏi, an ủi về tinh thần. Điều làm tôi hưng phấn nhất là thái độ của tên Dư, cũng như của bà Dậu, họ không có vẻ căm ghét tôi đã đánh cán bộ. Chính điều này, lúc đó, tôi chưa nhận thức được đầy đủ, nhưng đã là những yếu tố góp vào sự phân tích của tôi sau này, có phần thực tế hơn.

Khi lấy cơm vào, cũng như lúc trả bát, tôi phải bò. Tên Dư đã đóng chốt cùm phía này, và rút chốt cùm phía sàn bên kia, đổi chỗ cùm cho tôi.

Hai ngày hôm sau, tôi bắt đầu được ăn cơm… trộn cám. Về xà lim được 5 ngày, tôi đã có thể chậm chạp đi lần theo tường ra lấy cơm, cũng như đổ bô.

Sau một tuần ăn cơm cám, và phần khác, do sự nổ lực tập luyện hàng ngày, chân tôi đã bớt trông thấy. Mỗi ngày mỗi rút nhỏ lại, đến bây giờ, tôi đã đi lại được. Cuộc sống lại trở về phong thái của hơn 3 tháng trước đây. Như vậy, có thể nói rằng việc quyết định trốn tù của tôi, đã đúng như tôi nhận định: Nếu không được, tôi cũng không mất cái

gì cả! Chợt cái lưỡi đẩy đưa vào khoảng trống ở hàm dưới, tôi thầm nghĩ: Cũng có mất, 3 cái răng và một vết sẹo kỷ niệm ở tam tinh.

Đến hôm nay, tôi đã nhận biết là 2 cô gái ở trong buồng số 9, không còn ở đó nữa. Thay vào đấy, bây giờ, là một tù nhân nam. Tiếng cười điên rồ của buồng 10 cũng đã hết. Không biết anh ta chuyển đi đâu, tình trạng của anh ta, sau khi tôi đi, diễn tiến thế nào?

Anh Nguyễn Văn Căn bị kết án tử hình, đã ký đơn xin ân xá với tên cáo Hồ (?), tôi biết đây chỉ là một hình thức chính trị, bịp bợm. Một cái khung sơn phết lòe loẹt đủ hình thức dân chủ, nhân dân, chấp pháp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, quốc hội, Công tố viện, luật sư, xin ân xá chủ tịch nhà nước, v.v… Tất cả chỉ để che đậy cái "lò nấu xác", một cái "lò sát sinh" không hơn không kém ở bên trong. Tuy tôi chưa dám kết luận, nhưng nếu tôi đoán không lầm thì anh Căn đã bị xử rồi, nhất là khi tình hình đang biến đổi sang thời chiến.

Nhân sự trong xà lim đã thay đổi hết, ngay cả cán bộ trực xà lim cũng là những tên cán bộ khác rồi. Chỉ hai tháng đi "cát xô" mà đổi thay nhiều thế.

Tôi cứ nằm vẩn vơ nghĩ ngợi. Thỉnh thoảng một cơn gió nhè hẹ vương rải một mùi hương vừa ngọt, vừa ngây ngất, nhắc nhở tôi mùa bàng chín của Hỏa Lò. Đột nhiên, cửa sổ nhỏ xoạch mở. Tôi giật mình, nhìn ra, thoáng thấy cái môi vẩu nhọn ra như cái môi con cá ngão, tôi đã biết ngay là tên Bằng. Bây giờ, cán bộ Hỏa Lò đối với tôi, cũng như tôi đối với chúng, đã quen nhau, nhẵn mặt nhau quá rồi. Y chỉ nói cộc lốc hai tiếng: "Đi cung!", rồi cúi xuống rút chốt cùm, mở khóa mở cửa. Tôi vừa nhấc chân ra khỏi cùm, vừa chuẩn bị tư tưởng lên phòng cung. Vì từ ngày tôi trốn đến nay, đã hai tháng hơn mới gọi.

Ra tới hè. Trời! Sân xà lim, bàng chín rơi từng đống. Tôi tập tễnh đi qua, mắt nhìn những quả bàng chín vàng ngây, rẽ chân chim lăn lóc khắp sân. Tôi như ngụp lặn vào một trời ngất hương nồng. Dứt khoát, lúc đi cung trở về, tôi phải tìm mọi cách, kiếm một hai quả vào buồng để ngửi, hít cho đã đầy sự khát khao rồi… chén nữa.

Ra tới cổng trại chung, cũng là phòng trực, ở hàng ghế lố nhố một số cán bộ và chấp pháp cả hình sự lẫn chính trị, tôi đã thoáng thấy tên Thành. Y đứng dậy, ký vào sổ, rồi quay lại ra hiệu tay cho tôi đi trước.

Nhìn sân ngoài của Hỏa Lò, cái sân có giàn nho và rải rác một số luống hoa; đây góc này, góc kia cũng từng đống đất mới vàng ệch, với những lổ tròn của miệng hầm cá nhân hoắm sâu xuống lòng đất. Tôi có cảm tưởng, nhịp độ tù cũng như cán bộ Hỏa Lò thưa ra, chắc cũng nằm trong chủ trương chung của thành phố là sơ tán. Số tù cho chuyển gấp đi các trại trung ương đã đành, ngay số cán bộ ở các khâu, hình như cũng tinh giảm, để trở thành những nhân lực chiến đấu, hoặc phục vụ chiến đấu.

Khi tên Thành dẫn tôi vào buồng cung, trong buồng đã có tên Đặng ngồi sẵn; trên bàn vẫn có chiếc cặp hồ sơ cố hữu. Điều tôi thấy hơi khác mọi khi là chiếc ghế đẩu dành cho bị can để cách xa bàn của chúng hơn. Thông thường, trước đây chỉ cách bàn 50, 60 phân. Bây giờ, phải xa hơn 1 m. Không những thế, từ lúc tôi vào buồng, hai tên cứ chăm chú nhìn chân tôi, như soi mói với những ánh mắt vừa băn khoăn, vừa cảnh giác.

Tên Thành cố tươi nét mặt, vẻ xã giao:

- Lâu ngày, anh không lên đây, anh thấy gì lạ không?

Câu hỏi không rõ ràng. Ở buồng này có gì lạ? Hay ngoài sân? Bởi vì, cả hai nơi đều có lạ. Nhưng, để dễ nói chuyện, và cho không khí đỡ căng thẳng, tôi chọn ngoài sân để trả lời:

- Thưa ông, tôi thấy một không khí chiến tranh, vì tôi nhìn thấy những hầm trú ẩn cá nhân mới đào.

Hai tên đều gật gật cái đầu như câu trả lời của tôi hợp lý theo ý chúng. Vì vậy, tên Đặng nghiêm nét mặt dõng dạc:

- Đế quốc Mỹ đã bắn phá tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng đe dọa cho nhân dân ta trở về thời kỳ đồ đá. Để rồi xem, chúng có làm được điều chúng nói không? Rồi đây, nhân dân ta sẽ dạy cho Mỹ một bài học.

"Tuy Mỹ giàu có, vũ khí tối tân, nhiều phương tiện chiến tranh khoa học, nhìn bên ngoài, nhìn phiến diện, ai cũng thấy mạnh lắm, và ngay bản thân Mỹ cũng lầm như vậy, khi nghĩ về mình. Nhưng, nếu nhìn sâu, phân tích kỹ, không nhìn thấy những nhược điểm nội tại to lớn ngay trong lòng xã hội Mỹ. Nghĩa là nó nằm ngay trong đầu của những người Mỹ. Cho nên, đảng ta đã nhận định: Mỹ chỉ là một tên khổng lồ, chân bằng đất sét".

Ngồi nghe y nói, tuy tôi không đồng ý hoàn toàn, nhưng về cơ bản, tôi cũng có nhiều điểm đồng ý với nhận định của y. Mỹ, nói riêng, và thế giới tự do nói chung, to mà không mạnh, vì đầy dẫy những mâu thuẫn. Vũ khí tối tân nào cũng phải được chỉ huy, sử dụng bằng con người. Vậy, nếu con người đó không có lý tưởng, mà chỉ vì cuộc sống và đồng tiền, thì còn nguy hại hơn. Vì, có thể sẽ bán, sẽ đưa vũ khí tối tấn đó, cho kẻ thù bắn ngược lại mình.

Mỹ quên mất một điều. Hễ người làm việc nước như lính tráng; cán bộ các loại, các cấp, v.v… mà có nhiều tiền là không có lý tưởng (hễ thanh liêm là nghèo). Điều này rất biện chứng như một nguyên tắc vậy. Sau này, càng về cuối thiên hồi ký này sẽ càng có minh chứng, vì lúc ấy mới có nhiều sự việc thực tế để bổ sung cho lý luận thêm sáng tỏ. Bởi vì, lý luận mà không có thực tế cũng như người có mắt mà không có chân. Ngược lại, có thực tế mà không có lý luận, cũng chẳng khác gì người có chân mà không có mắt. Cuối cùng, chẳng cái nào đạt được mục đích cả. Cả hai yếu tố đều cần thiết, phải gắn liền với nhau một cách hữu cơ. Nhưng, cũng kinh qua từ thực tế rút ra: Yếu tố "có chân" có tầm vóc lớn hơn "có mắt".

- Chỉ có lý thuyết mà không có thực hành, không những không đi được, mà rất nhiều khi rơi vào không tưởng, hão huyền chỉ nói chuyện trên trời.

- Có thực hành mà không có lý luận: Mắt mù nhưng có đôi chân, ít ra cũng còn mò mẫm đi được, nhưng chỉ đi đến đâu thì biết đến đấy, tùy tiện may rủi.

Lý thuyết và thực hành sinh động như sự sống của con người phải có hai yếu tố: Không khí và thực phẩm. Yếu tố "không khí" cũng có tầm vóc lớn hơn yếu tố "thực phẩm", vì có thể nhịn thực phẩm hàng tuần, không chết; nhưng không có không khí trong mươi mười lăm phút là….chết!

Tôi hiểu, tên Đặng nói qua về Mỹ, cũng chỉ là một câu chuyện xã giao mào đề, chứ chúng gọi tôi lên đây, dĩ nhiên, phải có một mục đích khác. Quả nhiên, mặt y trở nên lạnh lùng, vừa mở mấy trang giấy hồ sơ, y vừa gằn giọng:

- Anh phải khai chi tiết từ động cơ nguyên nhân đã dẫn đưa anh đến sự việc trốn tù. Anh kể lại từ đầu, từng chi tiết, như anh tường thuật lại sự việc vậy.

Đã có nhiều kinh nghiệm về kiểu cung kẹo này rồi, vì thế, tôi suy nghĩ và hệ thống hóa lại toàn bộ, lược bỏ những chỗ nào thấy không có lợi, hoặc sẽ phức tạp lôi thôi, rắc rối sau này. Tôi lần lượt trình bày lại sự việc. Đến đoạn đi tìm mũ, tên Đặng vẫy tay ra hiệu cho tôi ngừng nói. Rồi, y mềm dẻo kích tôi về tâm lý:

- Anh hãy kể lại thực chỗ này. Chuyện trốn tù của anh cũng đã xong rồi, nhưng anh phải nói cho hợp lý. Anh nói, tai anh nghe có thông, người khác mới nghe được chứ! Anh vào khu công an là để kiếm súng, kiếm vũ khí, người ta mới nghe được. Chứ chỉ vì cái mũ mà phải mò vào chỗ hiểm nguy như vậy, thật thậm chí vô lý!

Nghe y lý luận đẩy đưa, tôi cười thầm trong bụng. Ngay từ những ngày đầu, khi mới bị bắt vào Hỏa Lò, tôi cũng không ấu trĩ sa vào cái bẫy tầm thường như thế. Dù tôi thực có ý định vào khu công an vũ trang để tìm vũ khí, tôi cũng không khai, không mắc bẫy; huống chi, bây giờ đã trải qua biết bao trận thử lửa, đấu trí với chúng hai năm rưỡi trời. Bao nhiêu lỡ lầm mới có những bài học ngày nay. Trước đây, nếu khai một chi tiết gì không thật, chúng nó đập bàn, đập ghế nạt nộ, quát tháo như nước sôi lửa bỏng rằng "nói láo", "bịp bợm", "không hợp lý, hợp tình chút nào", v.v…tôi sinh ra lo lắng. Đôi lúc hớ hênh, lúng túng lại lòi đuôi ra cho chúng nắm được và từ đó chúng phanh phui ra sự thật. Nhưng giờ đây, tôi hiểu rằng, chuyện chúng nạt nộ thế nào cũng mặc chúng; khi đã cân nhắc, tính toán phải khai thế nào, thì cứ thế mà khai. Bởi vì, trong thực tế, có nhiều sự việc mới nghe qua, thật vô lý, không hợp tình, nhưng lại thực 100%. Ngược lại, có những sự việc nghe ra rất hợp tình, hữu lý, nhưng lại hoàn toàn là giả dối. Do đấy, bảo thế nào là vô lý, thế nào là có lý, nhiều khi thật cũng khó xác định.

Trên đây, cũng chỉ là lý luận, phân tích một vài góc cạnh của những việc chung ở đời. Chứ với công an, nhất là công an Cộng Sản, khi mình đã lọt vào tay chúng, chớ có nói chơi, không dễ gì qua mặt chúng được. Trong quyền hạn ngập mình của chúng, nhiều sự việc chúng điều tra tận nơi, từng ngóc ngách chi tiết, chúng mới tin. Vì vậy, muốn qua mặt chúng, phải đòi hỏi có điều kiện, chứ không hẳn đơn giản như lý luận.

Tóm lại, sự việc trốn tù, tôi cứ thực tế tuần tự khai báo sự thật. Chỉ có đoạn sau khi ra khỏi Hỏa Lò, tôi khai là sẽ tìm đường về Nam với gia đình bố mẹ, chứ không nói ý định thay vì về miền Nam, lại ngược về phía Bắc, v.v… để đánh lạc hướng truy lùng của công an… Và, tôi vẫn khăng khăng là tôi thích xã hội chủ nghĩa. Nhưng, cách mạng không tin, nên tôi đã buồn chán tự tử. Tự tử không được, tôi mới tìm cách trốn… Thế mà, phải cả buổi sáng và suốt buổi chiều hôm ấy, mới khai báo xong vì chúng không tin và truy hỏi nhiều.

Hai hôm sau, chúng lại gọi lên, bắt tôi ngồi viết tường thuật lại chi tiết sự việc. Tôi cũng phải viết ròng rã hai ngày trời mới xong.

Chương 56

Những sai lầm của thế giới tự do…..

Hôm nay là Chủ Nhật. Ngồi trong xà lim không nhìn thấy trời, ánh sáng hắt vào từ khung cửa sổ mờ mờ, âm u như không có mặt trời. Không khí ẩm ướt, lành lạnh của những ngày cuối Thu. Tôi nằm nghĩ suy, tính toán tìm cách gì để chống cái lạnh của mùa Đông sắp tới. Tôi vẫn băn khoăn lo lắng nhất là đôi chân. Ở trong cùm, năm nào chân cũng bị cước, ngứa buốt suốt cả mùa Đông. Cuối cùng, tôi thấy chỉ có một cách duy nhất là khâu một đôi vớ thật dầy bằng những mảnh giẻ chùi, ở nhà tiêu trong buồng tắm. Vậy, ngay từ hôm nay, tôi lại bắt đầu tìm nhặt giẻ để chuẩn bị cho đôi "bít tất" mùa Đông. Mặt khác, tôi lại phải kiếm một cái gì để làm "con dao" nhỏ. Con dao nhỏ trước, đút trong ve áo đã mất khi trốn tù rồi.

Tôi đang ngồi nhìn hai bàn chân của mình, bây giờ đã bé lại, lồi rõ 4 cục xương mắt cá chân. Từng miếng vảy đen xám bong ra, trông như con chó ghẻ rụng hết lông, vừa sần sùi, vừa loang lổ, sờ cờn cợn thấy ghê cả tay. Chợt, tai tôi thoáng nghe tiếng bước chân xèn xẹt, và cửa sổ nhỏ buồng tôi xịch mở. Giọng Quảng Nam của mụ Hoa, nghe như tiếng cua bò trên mâm đồng:

- Anh này chuẩn bị đi cung!

Rồi mụ ta cúi xuống rút chốt cùm. Cửa mở, tôi theo mụ ra sân, vừa đi vừa nghĩ ngợi băn khoăn: Hôm nay là Chủ Nhật, phải có chuyện gì đặc biệt nên chúng mới gọi tôi. Tôi tự hiểu là tâm trạng mình cứ hay thấp thỏm lo sợ, nhất là trong những khi chúng gọi bất ngờ như thế này. Như, biết đâu, đường dây "M" bị lộ? Biết đâu "Z5" sa lưới? Biết đâu, chúng đã điều tra xác minh, đã rõ ràng sự việc của tôi ở trong Nam, v.v… Hàng chục cái "biết đâu" kéo dài từ hơn hai năm nay rồi, và có lẽ sẽ đeo đuổi tôi suốt những ngày, còn ở trong tay chúng. Mải suy nghĩ trên đường đi, đầu tôi đã ướt hết vì mưa bụi, tôi cũng không hay. Nhìn những hạt mưa phùn li ti dẫy dọn, lúc xọc sang phía bên này. Lúc xiên sang phía kia hàng loạt, theo từng cơn heo may nhè nhẹ, như những giọt nước mắt mùa Thu mến cảnh, mến người, luyến lưu từ giã, nhường lại đất trời cảnh vật cho Đông về.

Ra tới phòng trực, tôi thấy chỉ có tên Thành ngồi đấy. Như mọi khi, theo hiệu tay của y, tôi đi về phía sân giàn nho, theo con đường nhỏ, giữa những luống hoa hồng, cúc, v.v…

Trời mưa bay bay, không khí lành lạnh! Những bông hồng nhung tươi thắm đang lắc lư với gió. Những hạt mưa nho nhỏ, đọng lại trên những cánh hoa như những hạt xoàn trắng to, nhỏ đính trên nền nhung đỏ càng long lanh, dưới ánh nắng nhạt trong mưa bay. Một làn hương thoang thoảng, nhè nhẹ, vương vương gợi cho tôi một ý tưởng: tại sao Hỏa Lò là một trại giam, nơi cùm kẹp, xiềng xích tội nhân đêm cũng như ngày, chỉ toàn những tiếng rên la thảm khốc, đắng cay tràn lối của kiếp tù đầy…..lại có những luống hoa đủ loại tuyệt vời như thế? Phải chăng, chúng dùng hoa để làm vơi dịu nỗi thương đau của những người cùng khổ? Hay là, như thông thường của người đời, những cái gì xấu xa thì lại được bọc bằng những vải vóc cao sang đắt tiền? Vật càng xấu, cái bọc càng cần phải đẹp!

Vì là ngày Chủ Nhật nên quang cảnh ngoài sân của Hỏa Lò thật vắng vẻ. Nhưng khi bước chân vào phòng cung, tôi thấy lố nhố 6, 7 người. Tôi ngạc nhiên, vì thấy mấy người lạ hoắc, lại có cả máy ảnh; chỉ có tên Thành và Đặng là chấp pháp tôi đã biết. Còn 4, 5, người kia, chắc là ở nơi khác đến, tôi chưa hề thấy mặt bao giờ. Đã ở mấy năm trường, bất cứ ai dù tôi không gặp trực tiếp, nhưng ra vào, đi lại nhiều lần, tôi cũng phải thấy dáng quen quen, nếu là người đã làm việc ở Hỏa Lò.

Những người lạ mặt ngồi ở một ghế dài, mặt thật lạnh lùng, với những cặp mắt gườm gườm soi mói. Tên Thành chỉ ghế cho tôi ngồi, rồi y mở một gói giấy báo trên bàn, vừa nói:

- Hôm nay, anh phải diễn lại tất cả những thái độ, cử chỉ, động tác hôm anh trốn tù.

Y đưa cho tôi 2 củ khoai lang và nói:

- Anh ăn tạm 2 củ khoai, rồi bắt đầu!
À ra thế! Bây giờ tôi mới hiểu. Nhưng, tôi cũng không ngờ chúng đặt vấn đề quan trọng như thế. Có lẽ chúng bắt tôi diễn lại cảnh trốn, để vừa dùng làm chứng từ buộc tội sau này, vừa làm tài liệu rút kinh nghiệm cho chúng.

Sau đó, tất cả các chi tiết trong vụ đào thoát "bất thành", tôi phải lần lượt diễn lại. Có một sự việc tôi buồn cười và nhớ nhất là: Khi đến chỗ tôi phải lấy thế, dùng cú đòn chặt gáy, tên lạ mặt ngồi đóng vai Đỗ Đình Hạ chấp pháp, cứ nhấp nhổm sợ sệt không yên, mắt lấm lét sợ tôi làm thật. Tôi buồn cười là vì, nhìn lại thân hình mình, một người ốm tong teo, khẳng khiu, so với y, một tên khỏe mạnh đường đường "một đấng nam nhi". Thế cho nên, người ta chỉ sợ bóng, sợ vía là nhiều. Nghe người ta đồn, nghe người ta nói lại, cứ tưởng như ghê gớm lắm; sự thực, nhiều sự việc không đến nỗi như họ tưởng đâu.

Chúng nó chụp tôi rất nhiều kiểu ảnh, từ lúc đầu, cho tới lúc tôi dẫn xe đạp ra khỏi cổng Hỏa Lò. Với cách đứng đợi, cách vào lấy thẻ, cách dẫn xe ra cổng, cách cười với tên công an vũ trang đứng gác, cho tới khi gặp tên Lê Phó Giám Thị và tên Điền, v.v…Chúng chỉ "không bắt" tôi diễn cái cảnh khi tôi bị bắt lại, bị đánh tơi bời hoa lá.

Vậy mà, cũng đến 12 giờ trưa mới xong, chúng cho tôi về xà lim. Tôi vừa đi vừa nghĩ việc trình diễn như đóng kịch vừa rồi. Tuy là ngày Chủ Nhật, tụi công an vũ trang, đa số là tuổi 20 hay ngoài, cũng ra theo dõi tôi diễn lại. Lợi dụng lúc diễn lại vai trò, mắt tôi vẫn không ngừng nhìn khắp đây đó, để xem có cái gì đem về mài thành con dao nhỏ, mà tôi đang cần không. Mãi đến lúc chúng nghỉ giải lao, tôi xin vào đi giải trong nhà xí của bọn công an vũ trang, tôi mới bẻ được đầu một miếng sắt rỉ, một chiều khoảng hai phân và chiều kia gần một phân. Thế là tôi đã có lại con dao tôi đã mất, cũng thấy vui vui trong dạ.

Về tới cổng xà lim, chợt tôi nghe tiếng loa léo nhéo nói về miền Nam: Nào là, Nguyễn Văn Thiệu đang củng cố uy quyền, đưa phe cánh vào những khâu chủ chốt,…..Nào là, sau khi lập nền đệ nhị Cộng Hòa…kêu gào Mỹ tăng cường viện trợ để chống đỡ với tình hình càng ngày càng nghiêm trọng, v.v…Tôi nghe, lòng vẫn lửng lơ, man mác bâng khuâng như chiếc cửa của một căn nhà trên lưng đồi vắng. Một cánh cửa đóng hững hờ, còn một cánh mở. Cánh mở để nhìn thấy, suy lý, dựa trên những cơ sở thực tế của miền Nam, của miền Bắc, của phe Cộng Sản và thế giới tự do: Ông Thiệu đâu phải là đối thủ của Cộng Sản miền Bắc. Còn cánh đóng: Dù hiểu như vậy, nhưng hãy đè chặt trong lòng, miễn bình luận; vì ở trong một cái thế là nói ra càng tan rữa lòng người, chỉ có cái lợi cho kẻ thù mà thôi.

Tôi đã vào buồng, đóng cùm, đóng cửa rồi, lòng tôi vẫn nặng chĩu những suy tư về đất nước, về cuộc đời.

Tôi cứ nhắm mắt, mặc cho đầu óc mình bềnh bồng trôi nổi đó đây, suốt về miền Nam, lại ra miền Bắc, lại chạy về Nam…..Tôi nhìn toàn bộ khung cảnh xã hội miền Nam. Tôi nhìn toàn bộ khung cảnh xã hội miền Bắc.

Xã hội và con người có nhiều sự việc, về một phía, thật bao la phức tạp muôn màu, nghìn sắc; nhưng về phía khác, cũng rất giản đơn. Nếu ai đó, không bị mờ mắt vì địa vị, vì tiền bạc, nghĩa là không bị cái bả quyền lợi cá nhân che lấp mắt, đều nhìn thấy rõ rành rành.

Muốn hiểu vấn đề xã hội, nhiều khi xét từ một tập thể, có khi từ một cá nhân; bởi vì, có nhiều điều liên quan, tương tự, đôi khi giống nhau như một khuôn đúc. Điều chính, cá nhân là một đơn vị. Một đơn vị không thể tách, chẻ nhỏ hơn, để xây dựng nên xã hội.

Nhìn về xã hội miền Nam, nhìn về thế giới tự do, điều nổi bật nhất, cái gốc cổ thụ để sinh đẻ ra trăm nghìn cái khác, là đã để chủ nghĩa cá nhân lấn áp tập thể, lấn át xã hội, lấn át Dân Tộc, Tổ Quốc. Đấy là đầu nguồn để sinh sôi, nảy nở ra ngàn đường, trăm nhánh; đến nỗi nhiều người khi nhìn một sự việc nào đó, tưởng như hoàn toàn không có liên quan gì đến cái gốc, là chủ nghĩa cá nhân lên cao. Nhưng, nếu người ta chịu khó mày mò truy nguyên, từ cái này sang cái kia, rồi cuối cùng về đến cái gốc của nó, chính là chủ nghĩa cá nhân; nhiều người sẽ phải ngơ ngác, giật mình.

Vì vậy, nếu thấy một người lính không có tinh thần chiến đấu; một người công chức tham nhũng, thái độ cửa quyền; người dân lạnh lùng bàng quan (nhất là người dân đó nhìn người thương binh lủi thủi, lặc lè trên đường); đến cả người thanh niên trốn quân dịch, v.v…; đừng ngạc nhiên lắm. Chính đó là những cái quả, của cái nhân là chủ nghĩa cá nhân mà thôi.

Từ cái gốc căn bản sai lầm đó, sai lầm này đẻ ra sai lầm khác, cứ như thế chất chồng. Xã hội đầy rẫy những hiện tượng tắc trách, thiếu trách nhiệm trong công tác; hời hợt, cưỡi ngựa xem hoa đối với công việc mình phải làm. Trong hàng ngũ cán bộ của chính quyền ở mọi lãnh vực, từ hành chính, chính trị cho đến quân sự, v.v…loại cán bộ này chiếm đại đa số. Những hiện tượng này chỉ biến mất khi người đứng đầu quốc gia thực lòng vì dân vì nước lấy

bản thân mình làm gương sáng, mang tâm hồn và khí lực ngày đêm xả thân lo lắng, để có một đội ngũ cán bộ trung ương được đào tạo, thử thách nhiều công phu.

"Vạn sự khởi đầu nan!", cần sao gây được những hạt giống tốt lúc đầu. Tuy nhiên, phải mang tâm huyết chịu đựng vất vả, gian khổ để tìm được chỗ khơi nguồn. Khi nguồn đã được khơi, sau đấy tự nó sẽ chảy thành sông. Tất nhiên còn đòi hỏi nhiều vấn đề khác để hộ trợ, cũng như khích lệ và thúc đẩy, để chủ trương của mình được hiện thực. Chỉ mới sơ khởi như thế, và nhìn về miền Nam lúc này, bộ mặt nào làm được như vậy? Ngay đến cụ Ngô cũng còn một số sai lầm. Nếu cụ còn sống, dù cũng chả làm gì được miền Bắc, nhưng chắc miền Nam đã không mất. Huống chi, trong khi Mỹ là người anh cả, là nước chịu trách nhiệm vì mình và vì người, giúp đỡ các nước anh em trong thế giới tự do, cũng đã mắc 3 sai lầm trầm trọng:

Thứ nhất: Bắt những nước được giúp đỡ phải theo những quy chế, những khuôn thước dân chủ tự do nhất của thế giới hiện nay là nước Mỹ.

Thứ hai: Giúp người, nhưng lại vì quyền lợi của mình nhiều hơn.

Thứ ba: Quá nghiêng nặng nề về đồng tiền và vũ khí.

Từ ba điểm trên, đã đẻ ra rất nhiều những sai lầm nhỏ khác, để cuối cùng hầu như đa số các nước mà Mỹ giúp, đã không đạt được kết quả, không đạt được mục đích. Và, ngay nước Mỹ, không những không được người ta biết ơn, còn bị chửi là thực dân mới, chỉ vì tư lợi thương mại, tìm thị trường tiêu thụ, v.v…

Sau đây, ta khái niệm mổ xẻ, phân tích từng điểm:

Điểm thứ nhất: Nói về nền tự do dân chủ thực sự trong thế giới loài người hiện nay, không ai có thể phủ nhận được nước Mỹ là một trong những nước có nền dân chủ thực sự tiên tiến. Từ đấy, ta thấy chế độ Cộng Hòa Dân Chủ của Mỹ là chế độ tiến bộ của loài người hiện nay. Nhìn nền dân chủ ưu việt của những nước Anh, Pháp, Mỹ, v.v… những ai thực lòng vì dân vì nước mà chẳng mong muốn nhân dân và đất nước họ cũng được hưởng một nền dân chủ, tự do như thế.

Muốn được như vậy, phải cần có một điều kiện, đó là đất nước ấy phải có một số hoàn cảnh giống như nước Mỹ, nước Pháp, nước Anh. Bởi vì, thời đại ngày nay, thế giới đang đảo điên, nghiêng ngửa với cái nạn Cộng Sản. Cộng Sản tàn bạo, khát máu nhưng lại che mắt thế giới bằng cách khoác lên những bộ mặt của Chúa Jesus, của Phật Thích Ca, của Mohamed, v.v… với những đôi mắt giả nhân giả nghĩa từ bi ngấn lệ thương đồng bào, đồng loại; mồm méo xệch cứ lẩm bẩm những lời tha thiết cứu nhân độ thế; làm cho biết bao nhiêu người ngộ nhận, để rồi tán gia, bại sản, tàn lụi cả cuộc đời…

Hơn nữa, như một công lý, mỗi người một khác nhau, mỗi nước một khác biệt. Cơm, gạo, bột là những món ăn tốt để nuôi sống con người. Món ăn bổ và ngon như thế đấy, nhưng người ăn mức độ cũng khác nhau. Một người khỏe, ăn 1kg, cơ thể không sao; một người đang có bệnh, ăn 1kg, "ngủm"!.

Vậy mà Mỹ, như cơ thể của một người khỏe, lại muốn bắt một nước, đang như một người bệnh, ăn những món ăn giống mình và nhiều như mình; rồi cứ bảo phải ăn đi, nó bổ lắm. Nó dân chủ lắm, nó dân quyền lắm, v.v…Thử hỏi, nước đó sẽ ăn làm sao được. Ăn thì chết! Không ăn, Mỹ bảo là phản dân chủ, là độc tài, là… bướng; nay đe cắt giúp đỡ, mai đe cắt viện trợ, v.v…

Còn nói về tự do, dân quyền: Để làm sáng tỏ vấn đề này một cách đơn giản, Khổng Phu Tử, hơn hai ngàn năm xưa,

đã nói: *"Nói mà không thí dụ, và thí dụ mà không đơn giản, thì không sáng tỏ".*

Thí dụ hỏi một người:
- Anh có biết trái cam không?

Người đó trả lời:
- Chưa hề trông thấy trái cam bao giờ!

Vậy ta hỏi tiếp:
- Thế anh có biết trái bưởi không?

Người kia vui vẻ trả lời là anh ta không lạ gì trái bưởi.

Lúc đó, ta chỉ cần nói đơn giản:
- Trái cam giống hệt trái bưởi, nhưng bé hơn và ngọt hơn!

Chỉ cần đơn giản như thế, người kia hiểu ngay về trái cam. Chứ ta tuyệt đối không nên cầu kỳ, dùng danh từ hoa mỹ, triết học giải thích nào là: quả cam màu vàng, hình cầu, được bọc một lớp vỏ mỏng, có những túi dầu để duy trì bảo vệ nước cam ở trong được tươi lâu, bên trong có những cái bọc hình bán nguyệt, trong cái bọc này, v.v…và v.v…

Nói nhiều, dùng những triết này, thuyết kia đẻ ra vẻ giai cấp trí thức; cuối cùng người kia chả hiểu, chả biết anh nói cái quái gì cả.

Vậy, lý luận về tự do và dân chủ, cụ thể là ở miền Nam Việt Nam lúc này, tôi cũng xin lấy một thí dụ đơn giản để làm sáng tỏ.

Ở cùng chung một căn nhà có 4 người là A, B, C, và D. Lúc hòa bình, không có chuyện gì cả, tình người và tình đồng bào thắm thiết, nào chào hỏi, nào hàn thuyên, tay bắt mặt mừng rối rít mỗi khi gặp nhau. Mọi người tha hồ tự do. Anh này muốn đi chơi đâu mặc anh; anh kia nấu nướng ăn gì cũng kệ; anh khác ngủ đến 11, 12 giờ trưa đó là quyền của anh; v.v… Mỗi người đều tự do làm theo ý mình. Nhưng sau đó, vì một lý do nào đó, do những điều kiện và hoàn cảnh tạo nên, 4 người này trở thành kẻ thù không đội trời chung của nhau, và vẫn phải cùng ở một căn nhà. Lúc này, mỗi anh thủ một con dao, rình cơ hội để hạ đối phương để chiếm toàn bộ ngôi nhà, và vì sự sống còn của mình.

Vậy, lúc này, tình trạng sẽ ra sao? Mọi người có còn được tự do, ăn lúc nào thì ăn, ngủ lúc nào thì ngủ, thích chỗ nào thì nằm chỗ đó nữa hay không?

Lúc này, ai cũng thấy sáng tỏ là tự do trong cảnh đó, **là tự do chết**!

Căn nhà Việt Nam lúc này ra sao? Một nửa nhà là miền Bắc, Cộng Sản đã chiếm đóng; nửa còn lại là miền Nam, Cộng Sản đã đặt được một bàn chân vững chắc là:"Mặt Trận Giải Phóng". Ngay trong chính quyền Sài Gòn, cũng đầy dẫy những người của Cộng Sản.

Tóm lại, căn nhà Việt Nam giống hệt như căn nhà tôi đã trình bày thí dụ ở trên.

Bây giờ, ta tự do cho biểu tình, hội họp, đảng đối lập, v.v… và v.v…như khuôn thước của xã hội Mỹ, miền Nam sẽ ra sao? Một cậu bé ngây thơ 15, 16 tuổi cũng thấy ngay là miền Nam mất đi, không có gì là lạ nữa. Nếu có lạ là lạ tại

sao miền Nam lại chưa mất!

Đó, nếu báo chí và tuyên truyền chỉ can đơn giản trình bày như vậy với quần chúng, riêng về góc cạnh tự do, như trên, lúc đó, nhân dân sẽ ý thức được ngay. Rồi, hàng trăm góc cạnh khác của xã hội cũng trình bày đơn giản như vậy để hỗ trợ, tác động qua lại, nhiều việc sẽ tốt đẹp hơn nhiều.

Thế mà, các cơ quan to lớn chuyên nghiên cứu về xã hội và về riêng Việt Nam với những quý vị học giả uyên thâm của Mỹ, v.v… lại chưa đánh giá đúng mức, để rồi bắt con bệnh Việt Nam "ngốn" cho bằng người khỏe như "vâm" là Mỹ. Không ăn, các ngài bực mình, la ó là độc tài, là phản dân chủ, v.v…

Điểm thứ hai: Ngay cá nhân với cá nhân, nếu giúp đỡ người khác, tất nhiên tôi chấp nhận là ở đời, phải hai bên đều có lợi. Nhưng, nếu cái lợi của phía người giúp đỡ lớn hơn, lấn át cái lợi của người mà mình giúp, lúc đó sẽ ra sao? Tình cảm và lòng biết ơn của người nhận sẽ giảm; đôi khi còn không biết ơn nữa. Thậm chí, cá biệt, người làm ơn không biết xử thế khéo, còn bị người được giúp đỡ căm thù. Nghĩa là, họ thấy họ bị lợi dụng. Như thế, còn làm sao gắn bó, tin cậy nhau nữa. Người được giúp, lúc đó, nếu không thủ đoạn, tính toán, giữ thế với người giúp, thì cũng quay ra buồn chán, tiêu cực, không thể đạt được ý nguyện lúc đầu của người muốn giúp đỡ, nghĩa là không đạt mục đích.

Vậy, một quốc gia, với một quốc gia khác, trông bề thế hơn, tưởng như phức tạp hơn, nhưng cái nhân, cái gốc cũng như vậy thôi. Do đó, Mỹ đừng lạ, và đừng buồn, tức khi thấy những nước mà mình giúp lại vô ơn, đôi khi còn chửi lại mình, hoặc trở thành kẻ thù của mình.

Điểm thứ ba: Tôi thừa nhận trên cõi đời này, đồng tiền mua tiên cũng được, nhưng với điều kiện là phải biết cách. Nếu không, nhiều khi đồng tiền không những không giải quyết được vấn đề, mà còn bị người lấy tiền, nhận tiền, cười chê người cho tiền nữa.

Mỹ là "người" có nhiều tiền, chỉ thấy giá trị tuyệt đối của đồng tiền, chứ không thấy những khía cạnh phức tạp khác. Thí dụ: Một người đang hì hục xây một căn nhà. Vì nghèo nên thiếu thốn vật liệu; anh ta cứ đầu tắt mặt tối, ngày cũng như đêm, mưa cũng như nắng, đem sức cần lao để xây dựng căn nhà; nhưng thấy khó thành, hoặc không biết đến bao giờ mới hoàn thành nổi. Mỹ thấy vậy, mang tiền, mang vật liệu đến giúp. Vì không khéo, lại không nghiên cứu từ thực tế, cần những gì về nhiên liệu. Căn nhà kiểu ấy, chỉ cần vật liệu là cây, Mỹ lại đem sắt đến, cứ chở đến ùn ùn. Anh chủ nhà lúc đó sẽ ra sao? Làm, thì không được, để thì phí, hỏng! Trong lúc đó, Mỹ cứ đưa đến, nói tốt lắm, phải tiếp tục xây mạnh đi. Anh chủ nhà hoang mang. Nếu cứ để từ từ, anh ta còn có thể tốt theo kiểu suy nghĩ, sáng tạo của anh ta. Đằng này, lại cứ thúc giục, khiến anh ta thấy cứ để đống nguyên liệu đấy thì không ổn; vì như vậy là từ chối sự giúp đỡ, nên anh ta phải tìm cách chuyển đi chỗ khác, rồi nói dối là đang nỗ lực làm, xây dựng. Anh ta lúc này không còn tập trung hết tinh thần vào việc xây ngôi nhà, vì quá mệt mỏi tính toán trả lời sao về những vật liệu mà Mỹ giúp, đâu còn những giây phút cần cù, miệt mài trước dây. Vả lại, bây giờ, lại sẵn đồng tiền, anh ta phải tìm cách giải trí. Lúc đầu, lâu lâu mới giải trí một lần; sau quen đi. Như thế, cuối cùng căn nhà vẫn chưa xây được, mà tinh thần anh ta trở nên tiêu cực, biếng nhác. Như vậy, nhìn về phía, Mỹ đã gián tiếp làm hại những người mà Mỹ giúp.

Tóm lại, phải biết cách dùng đồng tiền thì, uy thế của nó mới phát huy một cách huyền diệu. Không biết dùng, kết quả sẽ không những ngược lại, mà còn làm hư hỏng con người.

Còn về vũ khí: Tôi nhớ lại những năm còn ở miền Nam. Tôi xem những buổi duyệt binh, với những cỗ pháo to, những xe tăng lớn và những máy bay phản lực, Phi đội "Lôi Hổ" của Đài Loan gầm rít biểu diễn trên bầu trời Sài Gòn năm 1960. Rồi báo chí, đài phát thanh nói Mỹ có nhiều loại vũ khí nguyên tử. Nào là, chỉ một phần mười kho vũ khí nguyên tử của Mỹ nổ cũng đủ làm tan trái đất. Nào là, Mỹ đang nghiên cứu chế những loại bom ánh sáng, tia

"laser", v.v…

Lòng tôi khi ấy dậy lên một niềm tin tưởng to lớn, vững chắc vào thế giới tự do. Tôi tin tưởng gần như chắc chắn là sức mạnh của các loại vũ khí như thế, thừa sức đè bẹp lũ Cộng Sản khát máu.

Nhưng bây giờ, khi đã đi vào thực tế, tôi có điều kiện để nhìn, không những cả 4 mặt của một sự vật, mà còn nhìn được cả phía bên trong của sự vật đó. Sự cọ sát giữa suy lý, nhận thức của mình khi ấy thật là ấu trĩ, ngây thơ. Xét đoán một sự vật, một vấn đề chỉ đứng từ một góc độ, rồi cứ vỗ ngực khẳng quyết với cái hiểu non nớt của mình; không thấy được rằng: Bất cứ loại vũ khí tối tân nào cũng phải do con người chỉ huy và sử dụng. Vì vậy, trừ khi lực lượng quá chênh lệch: một bên 10, một bên 5; hoặc bên này 100, bên kia chỉ có 10 thì không kể. Còn thông thường, chỉ xấp xỉ hơn nhau ít chút một 8, một 10; bên nào có yếu tố tinh thần hầu như bên ấy thắng. Do đấy, yếu tố tinh thần mới quyết định thắng bại. Ngoài ra, nhìn tổng quát cái thế và điều kiện của thế giới ngày nay, tôi dám khẳng quyết là bất kể một nước nào có vũ khí nguyên tử để gây thành Thế Chiến Thứ Ba, thì kẻ đó tự sát.

Từ đấy suy ra, các chiến lược gia nào chỉ nặng về vũ khí (làm sao để chế ra loại tối tân hơn, nhiều hơn đối phương…) là có mặt sai lầm. Thực tế, chỉ cần đòi hỏi vừa đủ để làm thế kiềm chế nhau thôi; và hãy chú ý về loại vũ khí chiến thuật thông thường có kỹ thuật cao, để sử dụng trong chiến tranh cục bộ, hoặc khu vực là cần thiết. Điều quan trọng và chính yếu nhất vẫn là phải chú ý về mặt nhân sinh và xã hội.

Như tôi đã trình bày ở trên, đây không phải là một tác phẩm tư tưởng, lý luận, nên không được phép dài dòng; nhưng dựa trên những cơ sở biện chứng, tôi thấy Liên Xô dù có mạnh hơn Mỹ, cũng không bao giờ dám đem quân sang đánh Mỹ, hay Anh, Pháp cả. Đó là một điều chắc chắn, trừ phi Liên Xô không phải là nước Cộng Sản nữa. Kim chỉ nam của họ là dùng áp lực tối đa bên ngoài, xúi dục kích động người dân của nước ấy đứng lên lật đổ chính quyền. Đôi khi cao nhất cũng chỉ dùng một nước Cộng Sản đàn em tiến hành chiến tranh cục bộ, đem quân sang một nước khác, để giúp một bộ phận nhỏ người bản xứ đứng lên lật đổ chế độ đang cai trị mà chúng bảo là thối nát, và chúng làm cách mạng, v.v…Cứ như vậy, chúng tiến hành nhiều nơi trên thế giới, cho tới khi màu đỏ loang lỗ khắp địa cầu, lúc đó có trời cũng không cứu nổi nước Mỹ khỏi tự nhiên thành Cộng Sản.

Vậy, Mỹ hãy lo ngay cho xã hội Mỹ, hãy làm sao cho người dân Mỹ hiểu đầy đủ về cái cảnh nếu phải sống dưới chế độ Cộng Sản sẽ bị o ép toàn diện. Mọi người lam lũ lầm than, không có một chút tự do, con người như con vật là chính. Chứ cứ tập trung tâm tư, khí lực để thi đua với Liên Xô, để rồi bị con dao đâm từ phía sau, tự trong lòng, lúc đó, đã muộn rồi!….

Chương 57

Những giọt nước mắt…..kịch!

Miên man chìm đắm trong mối tơ vò tư tưởng, bỗng nghe chốt cùm rút đánh xoạch một tiếng, tôi giật mình như choàng tỉnh một cơn mộng ngày. Thì ra, đã đến giờ lấy cơm chiều. Mải say sưa trong suy tư đến quên cả cái đói chờ cơm! Như vậy, quả thực tôi cũng thấy mình đam mê quá. Vấn đề tôi vừa trình bày, cũng đã lôi cuốn chính tôi nhiều, chứ hầu như khó có một cái gì làm tôi suy nghĩ đến độ quên được, sắp tới giờ cơm; nhất là lúc sau này tôi cứ thấy đói luôn. Có lẽ, thời gian ở "cát xô", vì bệnh tật đau đớn, người hình như nằm một chỗ không xê dịch, nên tuy ăn uống có thiếu thốn hơn, chỉ vừa đủ sống, nhưng tôi cũng không thấy đói lắm. Bây giờ, trở về xà lim đã gần một tháng, cơ thể dần dần bình phục lại, kể cả tinh thần sau vụ trốn không thành cũng dần được ổn định; vì thế, cơ thể tôi càng đòi hỏi ăn quá chừng. Đến cái độ, chuyện cung kẹo, tin tức tình hình trên đài mỗi ngày mỗi diễn tiến gay

cấn như: "…Mỹ sắp đem quân chiến đấu vào miền Nam, các phái đoàn quân sự cao cấp của Liên Xô đến Hà Nội…", nói chung tình hình đang ngày càng trở nên căng thẳng, hầu như tôi mặc kệ!

Tôi cũng hiểu rằng tình hình chính trị bên ngoài có tác dụng trực tiếp đến sinh mệnh đời mình, nhưng điều đó vẫn còn xa. Trước mắt, hàng ngày hàng giờ, là cái đói hành hạ dày vò cơ thể tôi. Hầu như, hàng năm, tôi khao khát thèm một bữa no, nghĩa là giá bất cứ có cái gì cho vào dạ dày cho căng căng một chút, để xem "cái no"…nó ra làm sao? Nhưng, ngày nào cũng như ngày nào, bữa cơm đến, chưa ăn, vừa quay đi quay lại một cái, đã hết rồi; chưa thấy tí gì trong bụng cả. Bụng muốn ăn đến ba, bốn; mà chỉ có một. Lại ở xà lim chỉ có một mình, xoay đằng trước, xoay đằng sau, cũng chỉ bốn bức tường, lấy cái gì nhét vào dạ dày bây giờ. Nếu giẻ mà ăn được, tôi cũng nhai. Lúc đó có lẽ tôi cứ phải ở truồng, bởi vì cứ vặt xé dần quần áo đút vào miệng. Cứ ngày này, qua ngày khác; tuần này, qua tuần khác; tháng này, qua tháng khác; rồi năm này qua, năm khác tới,…đêm ngày, lúc nào cũng đói.

Một đêm, không ngủ được vì đói, trằn trọc suy nghĩ rồi khó khăn đẻ ra sáng kiến; tôi tìm ra được một biện pháp để thưởng thức "cái no", cho nó sướng đời một cái! Thế là cả một dự tính, và tôi quyết tâm thực hiện. Tự nhiên, trong dạ cũng thấy hưng phấn, đầy hy vọng chờ cho tới bữa cơm sáng hôm sau.

Vì có mục đích, nên tôi thấy cái đói hình như cũng đỡ cào cấu trong ruột. Khi lấy cơm vào, tôi đổ bát ra một cái khăn, chiếc khăn này làm bằng hai miếng giẻ to trong… nhà cầu, tôi đã vò kỹ nước và khâu lại. Tôi nhúng tay vào gáo nước rồi hì hục, thận trọng, nắm khăn chặt lại. Chỉ thỉnh thoảng có hạt cơm nào vô tình rơi ra, tôi mới cho phép mình… ăn. Tôi túm lại, lấy một sợi chỉ buộc, rồi treo lên cái que nhỏ cắm ở lỗ đinh trên tường. Xong, tôi quay lại húp hết bát canh, rồi chờ đem trả bát. Trả bát xong, lúc đó cũng phải 10 rưỡi, 11 giờ. Khi quản giáo cùm xong, tôi nằm xuống. Trước khi nằm, tôi ngồi nhìn nắm cơm treo lủng lẳng ở bờ tường trước mặt, như gửi gắm với nhiều hứa hẹn là chiều nay sẽ có một bữa căng bụng. Sẽ được thấy cái cảm giác "no"… ra làm sao, mà lâu ngày tôi đã quên rồi.

Tuy nằm, nhắm mắt, nhưng làm sao tôi ngủ được, chả có cái cóc khô gì trong bụng cả (có chứ, có một tí nước canh, và mấy ngọn rau muống già, đểnh đoảng nấu muối). Chắc có vài chú giun cũng đang lồng lộn dãy dọn trong ruột tôi, vì phát ra những tiếng kêu "ò ọ" kéo dài như tiếng của thân những cây tre làng xiết vào nhau vì gió trong những trưa Hè oi nắng. Kế nữa là, bao nhiêu hy vọng đợi chờ, bây giờ sắp được thưởng thức, bảo sao tôi ngủ được. Tôi nghe từng tiếng thời gian đi, cho tới giờ cơm chiều để mà đã đầy thưởng thức, sau những giờ phút vặn ruột, co gan.

Chờ mãi, rồi giờ hạnh phúc ấy cũng phải đến. Phải nói, lúc ôm cái bô ra đổ, trên đường đi nhiều lúc mắt hoa, chân lảo đảo như uống rượu say; nhưng trong dạ dày đầy tin tưởng là hạnh phúc sắp và sẽ đến. Rồi, cho tới khi ra cầm bát cơm chiều vào, bấy giờ, với một cử chỉ hết sức trang trọng, như chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn để đón một người mà mình quý trọng nhất đời. Tôi vừa ăn, vừa nghe tiếng reo vui của quần chúng tế bào dạ dày, đón chào những hạt cơm no lành theo nhau vào nằm dưới đáy bao tử. Ăn hết nắm cơm buổi sáng, lại ăn bát cơm buổi chiều, phải nói rằng có căng bụng. Tôi cứ tưởng tượng dạ dày của mình lúc trước co dúm, nhăn nheo chỉ một tí. Vì lâu ngày có bao giờ được chứa theo khả năng của nó đâu, cho nên các tế bào đã co lại để hàng ngày đón nhận có một phần ba, hay một phần tư số lượng nó muốn. Hôm nay đột nhiên lại đón nhận một số lượng gấp đôi, nó cũng căng rồi. Nó phải làm việc khác ngày thường, nên nó thấy mệt. Vì thế, sau khi trả bát, cùm xong, tôi cũng phải nằm vật ra. Lần này, không phải vì đói, mà vì căng bụng. Hơi mệt, thở hổn hển, nhưng mà chao ôi, sao con người sinh ra trên cõi đời này lại có lúc được no sướng thế, lại được ăn những hạt cơm kỳ diệu làm sao!

Sau buổi ấy, tôi thấy sáng kiến đó quả là tuyệt vời; tuy nhiên cũng rất mệt người. Vậy, để thích ứng nhất, mỗi tuần tôi chỉ làm hai lần vào thứ Ba và thứ Sáu.

Tuần nào tôi cũng áp dụng, như thế, mỗi tuần tôi được hai lần đã đầy; có khi đê mê suốt đêm cho tới sáng hôm sau. Cũng có hôm bất chợt, tên cán bộ trực trước khi đóng chốt cùm, còn vào buồng ngó nghiêng một lượt; khi thấy một gói treo trên tường, y hỏi và bắt tôi lấy xuống cho y xem. Tôi lấy xuống và trả lời:

- Báo cáo, tôi đang ăn bị đau bụng, gói lại để chốc nữa khỏi đau sẽ ăn.

Tất nhiên, y làm sao hiểu được nỗi niềm và ý định của tôi.

Sáng hôm sau, lại là ngày Chủ Nhật, một Chủ Nhật đầu Đông. Xà lim lạnh ngóm, lại càng thấy vắng lặng hơn. Những trận gió Đông Bắc mò về sớm, từng đợt chui qua cửa sổ, lách qua mái ngói, gây ra những tiếng vi vu rền rĩ, càng gợi nỗi nhớ nhà đối với người tù. Tiếng "con mẹ chửi thuê" trên chạng ba của cây bàng ngoài sân trại đã bị tắt họng, không nói được nữa. Như thế là đã đến giờ hành chính (giờ làm việc) mà vẫn chả thấy tên cán bộ trực vào mở cửa cho tù ra đổ bô? Hàng tiếng đồng hồ trôi qua, xà lim vẫn yên ắng. Chắc các buồng khác cũng như tôi, cũng đang băn khoăn thấp thỏm vì sự bất thường này, nhưng đều chưa có lời giải đáp. Bỗng nghe nhiều những tiếng ồn ào, chuyện trò của một đám đông người gồm cả đàn ông, đàn bà đang đi vào, từ phía cổng xà lim.

Tôi hơi cau mày, vểnh tai nghe, và phán đoán. Khi nghe thấy tiếng mở cửa buồng số 2, rồi số 13, tôi đã hiểu. Đây lại là một phái đoàn tham quan nào đó, chúng đang bịp bợm đưa đến Hỏa Lò, nơi xà lim án chém.

Tôi đang nghĩ ngợi mông lung, đột nhiên một giọng miền Trung rành rọt từng lời:

- Kính thưa các đồng chí, nơi đây thực dân Pháp vô cùng dã man, tàn bạo đã dùng những loại cùm thế này để cùm các đồng chí Hoàng Văn Thụ và Trần Đăng Ninh. Hai đồng chí ấy đã kiên trì chịu đựng gian khổ, lấy máu xương để nhuộm thắm tình giai cấp. Hai đồng chí đã quyết tử, để cho đảng ta quyết sinh. Chúng ta ngày nay được thừa hưởng những thành quả của cách mạng vinh quang do máu xương của các đồng chí đã nằm xuống.

Một vài tiếng phụ nữ xụt xịt, rồi nức nở. Trong cảnh vắng lặng, tiếng nức nở làm xao xuyến xà lim. Nghe những tiếng xụt xịt run rẩy của mấy người phụ nữ, óc tôi miên man liên tưởng đến những phương pháp dắt, lái tư tưởng quần chúng của Cộng Sản thật đáng nể. Chúng áp dụng một phương pháp tinh vi và tuyệt vời, tạo những điều không có trở thành có theo ý muốn của các tên lãnh đạo.

Muốn có những người chảy nước mắt khóc lóc trong các cuộc biểu tình phản đối Mỹ, hoặc chính quyền miền Nam đã tàn sát (?) dân làng, đàn bà và trẻ em ở đâu đó, chúng chỉ cần phóng đại sự việc thành ghê tởm, thảm khốc.

Cụ thể như vụ Phú Lợi ở Biên Hòa chẳng hạn, trước đây, ở trên đài, trên báo, thậm chí ở các cơ quan nhà máy, chúng bắt quần chúng phải học tập, mổ xẻ phân tích nữa. Rằng thì là, trong một cuộc biểu tình của một huyện nào đó ở Nghệ An, để phản đối sự tàn bạo dã man của chính quyền Sài Gòn, chính quyền đã cho thuốc độc vào thức ăn để giết hại hàng nghìn tù nhân ở Phú Lợi. Chúng sẽ diễn tả quần chúng trong cuộc biểu tình đó đã phẫn uất vô cùng với nhiều tiếng gầm thét, la ó, kêu gào, đau xót,… thậm chí đã có nhiều đồng chí đảng viên trung kiên, nhiều đồng chí đoàn viên ưu tú, và một số cảm tình đảng, cảm tình đoàn đã dạt dào tình thương giai cấp, đã nức nở thương các đồng chí ở nhà tù Phú Lợi như người nhà ruột thịt của mình, v.v… Chúng ca ngợi, đề cao những người khóc đó mới thực là gắn liền thịt da vào giai cấp, v.v… Để rồi, bây giờ chúng tổ chức cuộc biểu tình đó ở Hà Nội, chúng cũng reo hò, gầm thét, đả đảo chính quyền miền Nam.

Trong số hàng ngàn, hàng vạn quần chúng này, sẽ có nhiều đảng viên, đoàn viên, cảm tình đảng, đoàn, đang cuồng tín say sưa phấn đấu trong công tác, cũng như mong được vào đảng, vào đoàn. Vì trong lòng đang cuồng nhiệt, từ sự suy nghĩ, đến những xúc cảm tình giai cấp, tự ý niệm có thấy lòng xúc động và căm thù kẻ thống trị, mới là người của giai cấp vô sản thực sự; mặt khác, cũng để cho mọi cấp lãnh đạo thấy mình chính là người của giai cấp, cho nên tự nhiên thành xúc động "thật", và nước mắt chảy ra. Rồi cũng nức nở như một số người khác vậy.

Như vậy, bây giờ sự "khóc" đã thành sự thật. Chúng đến gặp từng người, hỏi tên, phỏng vấn đưa lên đài, lên báo.

Chưa có sự thật, chúng còn làm ra thành có. Bây giờ, đã có sự thật rồi, chúng sẽ biết cách phát huy tối đa. Từ điểm đó, ta không lạ gì lắm khi xem những cuốn phim có nhiều người khóc nức nở để tỏ tình thương yêu những người bị tàn sát hàng loạt. Thậm chí, ta còn thấy những người đàn bà Ý, Pháp, Thụy Điển,... khóc lóc, nước mắt chảy long tong, phản đối Mỹ đã ném bom tàn sát trẻ con, và đàn bà, v.v... Nhất là vụ Mỹ Lai sau này. Về mặt chính trị, điều này, chúng đã thu hoạch được những thành quả vô cùng to lớn. Những hình ảnh ấy có sức thu hút, lôi cuốn lòng người ghê gớm, và nhất là còn có... tác dụng dây chuyền.

Tôi phải thừa nhận, đấy là một nghệ thuật của chúng. Vậy, việc mấy con mẹ đang xụt xịt chảy nước mắt ở xà lim này cũng không ngoài những tâm lý và điều kiện trên.

Mãi gần một tiếng đồng hồ, khi chúng đã đi ra rồi, cán bộ mới mở cửa buồng cho xà lim ra đổ bô. Nghe tiếng mở những chốt cùm, và đóng cùm ở các buồng, tôi chợt nghĩ, không biết các người tham quan lúc nãy có biết được xà lim này có 14 buồng. Vậy còn 12 buồng nữa, bên trong hiện giờ có bao nhiêu người đang bị những cái cùm của thực dân Pháp dã man ấy, khóa đôi chân không? Cho nên ở trên đời này, nhất là thời đại ngày nay, người ta lầm nhiều lắm, mà vẫn cứ đinh ninh là mình sáng suốt, đã biết rõ mới chết chứ!

Càng gần về trưa, trời càng sáng dần, có lẽ bên ngoài đã có mặt trời. Ban ngày về mùa Đông, ở miền Bắc, mặt trời hay ngượng ngập che màn, cho nên cảnh vật càng lạnh lẽo, đìu hiu.

Tiếng loa trưa đang ra rả nói về tên Nguyễn Đức Thuận nào đó, vì vậy, tôi lắng nghe. À! Chúng nó đang ca ngợi tinh thần kiên trì chịu đựng của Thuận trước sự đàn áp dã man vô nhân đạo, tàn ác nhất loài người, hơn cả phát xít Hitler, của chế độ Ngô Đình Diệm. Theo chúng, Nguyễn Đức Thuận đã bị giam hãm gần 3 năm trong xà lim buồng tối, thiếu thốn hết mọi thứ, đến nay mới được thả và chỉ còn da bọc xương. Nhân dân miền Bắc đang săn sóc, bồi dưỡng sức lực lại cho Thuận, để đồng chí Thuận sẽ viết lại những ngày gian khổ cùng cực trong bàn tay đầy máu của Ngô Đình Diệm, để tố cáo với thế giới loài người. Đó là một tấm gương bất khuất trong nanh vuốt của kẻ thù...

Hàng tháng trời, chúng cứ ra rả về Nguyễn Đức Thuận, y đang viết tác phẩm hồi ký "Bất Khuất". Y là cán bộ trung ương, bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt. Sau gần 3 năm ở xà lim, chẳng hiểu vì sao bây giờ y được tha. Và được đưa về miền Bắc. Rồi cuối cùng, y làm phó chủ tịch Tổng Công Đoàn, mà Hoàng Quốc Việt là chủ tịch.

Tôi không muốn nghe, mà cứ phải nghe, đầu tôi muốn nóng lên. Ít ngày sau, tôi đi cung, trên đài vẫn còn nói nhiều về tên Nguyễn Đức Thuận, với cuốn hồi ký "Bất Khuất" của y. Khi vào gặp chấp pháp, tôi chẳng sợ quái gì, tôi hỏi thẳng:

- Ở trên đài, dạo này, các ông đang nói về Nguyễn Đức Thuận bị chế độ vô nhân Ngô Đình Diệm bắt giam trong buồng kín xà lim gần 3 năm. Các ông bảo là Ngô Đình Diệm dã man tàn ác. Vậy trường hợp của tôi cũng đã gần 3 năm rồi, và còn chưa biết đến bao giờ thì sao?

Mắt tên Thành quắc lên. Từ trước, y vẫn là người có vẻ có cảm tình với tôi, chưa bao giờ nổi nóng như vậy. Y đập mạnh tay xuống bàn:

- Anh không được nói láo? Anh dám ví anh với người cách mạng à?

Thấy y nổi sùng, tôi im lặng, rồi nhỏ nhẽ nói:
- Thưa ông, tôi không bao giờ dám ví tôi với ông Nguyễn Đức Thuận. Nhưng, tôi thấy ông Nguyễn Đức Thuận ở cấp Trung Ương Đảng, mà Ngô Đình Diệm bắt được lại còn thả ra, cũng như Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình, Đào Sĩ Chu, v.v...đều đã bị bắt, nhưng rồi cũng đã được Ngô Đình Diệm thả hết. Có lẽ, vì ông Diệm thấy họ là cán bộ Trung

Ương của đảng, nên không dám giam lâu. Tôi thắc mắc, không biết, nên hỏi ông vậy thôi. Chứ tôi là loại "tép riu", đời nào tôi dám ví với ông ấy.

Chương 58

Một người tù.....Mỹ!

Kỳ này đã cuối Đông rồi, thế mà trời càng lạnh dữ. Có khi cả tuần lễ không thấy ánh mặt trời. Gió lạnh như cắt da, cắt thịt. Bên ngoài, mưa phùn rả rích, nhì nhẹt suốt ngày đêm.

Vì vậy, trong xà lim lại càng tối tăm, vả lại đôi bàn tay cũng sưng buốt, không cầm được kim khâu, cho nên hầu như suốt ngày tôi nằm đắp chăn là nhiều. Chỉ khi nào nằm nhiều quá đau lưng, tôi mới ngồi lên một lúc, rồi lại nằm xuống. Không còn cách gì khác, trong cảnh này, tôi lại nằm suy nghĩ mông lung hết chuyện nọ, tới chuyện kia. Tôi cứ nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần câu chuyện chiếc khăn choàng tàng hình trong phim "Tên Trộm Thành Bát Đa"... Tôi thấy, để diệt chủ nghĩa Cộng Sản trên trái đất này, phải mất ít nhất sáu tháng. Trong sáu tháng ấy, tôi phải nỗ lực đi theo máy bay nhiều lần, hết nước Cộng Sản này sang nước Cộng Sản kia. Tôi phải cắt tai và giết nhiều lãnh tụ Cộng Sản. Nghĩa là... tôi phải vất vả nhiều lắm.

Vậy, đã mơ ước, thì mơ ước cho... đã. Sự ước mơ có giới hạn nào đâu? Cho nên, tôi lục lọi, tìm tòi một thần thông khác, sao cho nhẹ nhàng, đỡ vất vả và hữu hiệu, thần kỳ hơn... Tôi nghĩ đến "Cây Đèn Thần của Aladin"! Hiện giờ, với cảnh trong cùm, dạ dày luôn luôn "giặt sạch phơi khô" 23 giờ 40 phút trên 24 giờ, nghĩa là chỉ 10 phút vào buổi sáng và 10 phút vào buổi chiều, dạ dày bị ướt vì có tí cơm; chân tay lại sưng mọng đỏ, ngứa buốt ngày đêm;... và với những cảnh huống như vậy, trong mùa Đông lạnh giá này, nếu... tôi có đèn thần của A La Đanh, tôi sẽ làm gì?

Cái gì cần làm trước, làm trước. Tôi lấy cây đèn ra, gãi gãi mấy cái vào thân đèn cho ông thần hiện ra. Sau khi ông thần hiện ra, khoanh tay cúi đầu, lễ phép thưa:

- Kẻ thân là tôi tớ của chủ nhân, tuyệt đối phụng mệnh của chủ nhân!

Tôi phải ra lệnh ngay là hãy bẻ cái cùm nay ra, và chữa cho tôi khỏi đau và sưng ngón tay, ngón chân đã; bởi vì tay chân còn đau, ăn gì cũng không ngon.

Khi thần đã chữa xong, bấy giờ mới làm như A La Đanh, sai thần dọn một bữa ăn thịnh soạn, "chén" ngay tại sàn xà lim này. Nhưng, thần còn phải làm sao cho tôi khỏi rét, run quá! Sau đó, mang ngay tôi về một khách sạn nào đó, ở miền Nam, để tôi tắm rửa, thay quần áo tàm tạm, bình thường. Nghỉ ngơi cho khỏe. Ngày hôm sau, sai thần đưa về nhà thăm cha mẹ và các em; nếu thấy nhà túng thiếu, tặng ít tiền để tiêu xài tàm tạm. Nói chung, phải căn dặn thần không được để một dấu vết gì cho bất cứ một ai nghi ngờ có chuyện lạ lùng của Thần Đèn.

Việc cá nhân coi như tạm ổn, cũng phải mất hai ngày đấy chứ, bây giờ phải bắt tay vào nói chuyện đến Cộng Sản và thế giới loài người. Trước hết, tôi sai Thần Đèn đưa tôi xuống vùng rừng U Minh, chỗ không người, làm ngay một căn nhà rộng, chứa được độ từ 100 đến 150 người. Căn nhà để trống trơn, chỉ duy nhất có một cái bàn và hai cái ghế. Căn nhà rộng thênh thang sơn ba phần màu trắng, một phần màu đen. Chỉ trong chốc lát, giữa vùng U Minh vắng vẻ, hoang dã, đã có một căn nhà theo ý tôi muốn. Khi đã sắp xếp xong mọi việc, tôi ra lệnh rõ ràng cho Thần Đèn:

- Trước khi đưa ai về đây, đều làm họ bất tỉnh!... Hãy lần lượt bắt những tên chủ tịch đảng Cộng Sản, hoặc bí thư thứ nhất, hay tổng bí thư của tất cả những nước Cộng Sản về đây đặt ở chỗ màu đen. Tên nào cũng khóa chân và

tay. Không để bất cứ một loại vũ khí gì trong người chúng.

Tiếp theo, cũng vậy, tôi sẽ ra lệnh cho Thần Đèn làm phép cho họ tỉnh lại hết. Chắc ông nào, bà nấy cũng mở to đôi mắt ngạc nhiên, kể cả Tổng Thống Johnson, và Brejnev cũng thế.

Bước thứ hai, mở hết các khóa chân, tay, bắt ngồi tại chỗ. Trước khi bắt đầu nói chuyện, tôi ra lệnh cho thần là nếu trong quá trình tôi nói chuyện, tên nào có tư tưởng chống đối hay bướng bĩnh, thần cho hiện lên trán hắn một điểm tròn màu đen mà chỉ tôi mới trông thấy. Cuối cùng, một điều quan trọng tôi phải nhờ Thần Đèn, đó là vấn đề ngôn ngữ. Tôi vẫn nói tiếng Việt Nam, nhưng Thần Đèn phải hiển phép thế nào để tất cả mọi người trong nhà này, bất kể là nước nào, cũng đều hiểu toàn bộ những lời nói và ý của tôi… bằng tiếng của họ!

Xong xuôi, tôi đứng lên (vì từ sớm tôi vẫn ngồi ghế). Hàng mấy trăm con mắt đang mở to hướng về phía tôi. Đầu óc họ đang căng lên hàng trăm câu hỏi mà chưa được trả lời. Bằng một giọng rõ ràng, thong thả và trịnh trọng, tôi nói:

- Thưa quý vị, trước khi thưa cùng quý vị về nhiều vấn đề, tôi báo ngay cho quý vị rõ, chỗ quý vị đang ngồi là trên đất nước Việt Nam. Ngay việc quý vị hiện diện đầy đủ ở đây, không thiếu một bộ mặt lãnh tụ nào trên thế giới, hẳn quý vị đã thấy được quyền lực vô giới hạn của tôi rồi. Do đó, tuyệt đối quý vị đừng có bao giờ có ý tưởng cưỡng lại, hay chống lại, nếu không sẽ mang hậu quả tùy theo mức độ.

Hôm nay, tôi đưa tất cả quý vị về đây, để phổ biến một số việc cấp thiết trong thời đại chúng ta, trên quả địa cầu này.

Thực ra, vì tôi muốn sự việc diễn tiến một cách nhẹ nhàng, đẹp đẽ, nếu không với quyền lực vô song của tôi, tôi không cần đưa quý vị về đây làm gì. Tôi cứ bắt buộc quý vị phải làm theo ý tôi muốn, ngay tại nước quý vị, điều đó hoàn toàn vẫn được như thường. Cho nên, xin quý vị hãy hiểu và tin như thế. Riêng ông Johnson được mời lên ngồi ghế, bởi vì nước ông là mẫu mực về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước. Ông lại có trách nhiệm phổ biến và chỉ dẫn các nước khác.

Bây giờ, xin quý vị hãy lắng nghe và ghi nhớ bốn điều bắt buộc sau đây:

Điều một: Hủy bỏ toàn bộ chủ nghĩa Cộng Sản. Hủy bỏ mọi cơ cấu nhà nước Cộng Sản.

Điều hai: Hủy bỏ toàn bộ chế độ nhà nước quân chủ.

Điều ba: Hủy bỏ toàn bộ vũ khí quy ước, kể cả những công thức đã được chế tạo cũng như sắp chế tạo. Riêng điều này, ngay khi quý vị còn ngồi đây, tôi đã ra lệnh triệt phá hoàn toàn, bất cứ che dấu bí mật như thế nào. Quý vị hãy tin như vậy (tôi lẩm nhẩm ra lệnh cho Thần Đèn đi thi hành).

Điều bốn: Đất nước của quý vị là chung của mọi người dân trong nước quý vị, không hề của riêng một ai. Mỗi một thế hệ, có biết bao nhiêu người tài ba, đạo đức, có khả năng lãnh đạo quốc gia ở mỗi nước.

Do đó, chế độ Cộng Hòa Dân Chủ của Mỹ hiện nay là tiến bộ nhất. Dù cho ai lãnh đạo chế độ ấy, có hiền và đạo đức như thánh thì tối đa cũng chỉ được hai nhiệm kỳ. Sau đó, xin mời xuống, cho người khác lên. Không những đất nước là của chung, còn một điều hiển nhiên nữa là, hễ ở lâu trên ghế lãnh đạo, sẽ trở thành độc tài và lừa bịp. Cho nên, bắt buộc toàn bộ các nước trên thế giới phải tổ chức nhà nước theo cơ cấu nhà nước Hoa Kỳ. Điều này Tổng Thống Johnson chịu trách nhiệm phổ biến và chỉ dẫn cho các nước khác.

Quý vị đừng bịp bợm rằng "tôi chỉ là tổng bí thư", "tôi chỉ là chủ tịch đảng", v.v… hoặc "đấy là do nhân dân muốn!"

Không có "nhân dân" nào cả, chỉ có một nhúm người thích chủ nghĩa Cộng Sản, lấy nhân dân làm cái bình phong để được làm vua không ngai mà thôi.

Nói đến đây, tôi nhìn thấy trán của một số người ngồi trong đó đều có điểm đen, nhất là phía Cộng Sản, và những nước quân chủ. Vì vậy, trước khi tiếp tục nói chuyện, tôi đi xuống phía Cộng Sản. Với một con dao sắc như nước, hễ tên nào trên trán có chấm đen, tôi xẻo một bên tai. Mới xẻo được gần chục tai, nhìn lại trán của mọi người, tôi thấy điểm đen bay đi sạch trơn. Lúc đó, tôi bèn trở lại chỗ cũ, tiếp tục nói:

- Từ nay, xã hội loài người sẽ không có bất cứ một nước nào chơi kiểu đàn anh lấn át nước kia. Chỉ mới có hiện tượng ấy, người nguyên thủ của nước đó sẽ bị xẻo một cái tai để cảnh cáo. Do đó, tất cả chính phủ Cộng Hòa Dân Chủ đem toàn bộ quỹ về quân sự và vũ khí nguyên tử vào quỹ An Sinh và Phúc Lợi Xã hội. Tăng cường các cuộc tham quan hữu nghị giữa các nước. Xóa bỏ dần các bất công nghèo đói. Các chính phủ mỗi nước phải chăm lo mọi mặt cho người dân, phải có trách nhiệm dẹp bỏ những mầm mống cướp, trộm, cùng các tệ nạn xã hội. Riêng những nước nào có ý đồ bá quyền, muốn chơi kiểu đàn anh với nước khác, tôi sẽ chịu trách nhiệm trừng trị.

Tôi hiểu, tất nhiên cũng sẽ có một số lộn xộn, một số sai lầm. Nhưng, do quyết tâm tạo lập một thế giới tốt đẹp, nhất là tôi lại có cây đèn thần, tôi sẽ làm được. Chỉ trong vòng một tháng là tối đa.

o O o

Tôi cứ nằm nhắm mắt mặc cho tư tưởng tung hoành. Những lúc như vậy, tôi không cảm thấy cái đói, rét, cùm kẹp, chân tay nhức buốt, cái cô đơn heo hút giữa ngày Đông giá lạnh với gió Bấc, mưa phùn…hành hạ nhiều như lúc bình thường. Thậm chí đến nỗi, có khi cán bộ rút chốt cùm, mở cửa cho tôi ra đổ bô, chờ mãi không thấy tôi ra, y thò cổ vào buồng, thấy tôi vẫn nằm yên đắp chăn, chân đang rung lên như những dây đàn muôn điệu đang được dạo nốt nhạc ngày Xuân, bèn quát ầm lên:

- Anh này có ra rửa không?

Bất đắc dĩ, tôi chỉ trả lời hai tiếng: "Không ạ!", rồi mặc cho y bực tức đút chốt cùm và đóng sầm cửa lại. Tôi vẫn cứ để hồn lang thang theo những hình ảnh của cuốn phim "siêu thoát". Chỉ lúc lấy cơm, giấc mộng thần thông của tôi mới phải ngưng lại mà thôi.

Thấm thoát, rồi mùa Đông khắc nghiệt cũng phải qua đi, để nhường chỗ cho nàng Xuân về với thế nhân.

Bên ngoài, tuy trời đã vào Xuân; nhưng, trong xà lim có cái gì thay đổi đâu. Vẫn là những tiếng cùm, tiếng khóa, với những tiếng rên la của các buồng. Còn tôi, đôi chân và đôi tay vẫn ngứa buốt, vẫn ngồi trùm chăn ủ rũ, với cái dạ dày không dính nước. Nhưng, nghĩ tới mùa Xuân đến, trong lòng tự nhiên cũng ngẫu hứng, buột miệng ngâm nga vang cả xà lim một đoạn thơ Xuân của Nguyễn Bính thì phải, tôi cứ thay đổi đại theo hoàn cảnh của mình:

Xuân đã sang rồi, ai có hay
Tình Xuân chan chứa, ý Xuân đầy
Xà lim buồn lắm…Xuân không đến
Sao chẳng về đi, lại ở…đây?

Cửa sổ nhỏ xoạch mở, giọng tên Dư, vẻ sừng sộ:

- Ngâm nga, hát cái gì đấy? Anh muốn phá trật tự phỏng?

Tôi nhìn y, rồi nhỏ nhẹ trả lời:

- Thưa ông, thật là buồn! Nhớ nhà quá!
- Tôi cấm anh không được làm ồn trong xà lim!

Nói xong, y đóng mạnh xánh cửa sổ nhỏ vào như vẻ rất nghiêm khắc. Nhưng, tôi đã thoáng thấy trong ánh mắt của y khi nhìn tôi, một góc có màu xanh nhạt, như một sự dễ dãi và cảm thông: "Tên này ở xà lim mãi, ngày Xuân nó cũng phải nhớ nhà một tí!", mặc dù cái mồm của y quát tôi. Chính tôi, tôi cũng không hiểu tại sao mình lại có ý nghĩ như vậy khi tôi nhìn mắt y. Phải chăng, đã từ nhiều ngày, có nhiều hiện tượng nho nhỏ tổng hợp lại tôi nhìn ra được tự nơi y, tôi cảm thấy ở tận cùng của trái tim, y vẫn còn một số chất người?

Tối hôm nay, tiếng loa làm tôi phải chú ý lắng nghe với những bài bình luận, hoặc thông báo, cùng những lời cảnh cáo của chính phủ miền Bắc đối với Mỹ. Nào là, Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Liên Xô Kosygin đích thân đi Hà Nội; Mỹ quyết định dội bom bắn phá toàn Bắc Việt; nào là hai tiểu đoàn đầu tiên của Quân Lực Mỹ đã rời Okinawa đi tới Nam Việt Nam, v.v…

Như vậy, sau bao nhiêu ngày đêm đe dọa, rồi chuẩn bị, rồi lại cảnh cáo lẫn nhau, bây giờ lửa cháy, đạn bay, bom rơi bắt đầu. Lúc này, tôi chỉ nhớ vào đầu 1965, có lẽ khoảng tháng 2, tháng 3 gì đó.

Tình hình miền Nam, tình hình miền Bắc đang như nước sôi lửa bỏng. Đất nước đang trong cảnh đầy vơi chìm nổi như thế, mà chân tôi vẫn đút trong cái cùm oan nghiệt. Ngày đêm, lòng tôi như lửa đốt. Tôi như con thú bị nhốt trong chuồng. Nhưng còn thú, dù là cọp, sư tử, hay voi đã ở trong chuồng, đâu có bị cùm nữa, và đâu có bị cho ăn đói.

Có những đêm, lòng ngổn ngang bao nhiêu nỗi niềm trăm hướng của đất nước, của gia đình, của cuộc đời, tôi không làm sao ngủ được. Cũng có khi, mệt quá thiếp đi trong đêm dài; rồi giật mình thức dậy, nằm nghe tiếng đêm thâu chầm chậm trôi qua, trong lúc hồn cứ dật dờ bay về phương Nam thân yêu với gia đình.

Hình ảnh người mẹ hiền lúc này đã sáng chói, che mờ nhiều bóng khác phía sau. Nhiều đêm, tôi nhớ mẹ tôi đến cái độ quắt quay, nỗi nhớ, niềm thương cứ cuồn cuộn trong lòng, ngút cao như núi. Niềm ước mong to lớn luôn luôn tràn ứ trong lòng là, được cầm tay người mẹ yêu quý mà vuốt ve, mà gục mặt vào cho những giòng nước mắt nhớ thương, nóng hổi tuôn tràn. Cho vơi đi phần nào cái se sắt của tình mẫu tử thiêng liêng. Nhưng, nào có được! Vẫn chỉ là ngút ngàn phương trời mờ mịt. Vẫn ngày đêm chỉ là những tiếng gọi thầm nỉ non, thiết tha từ trái tim rỉ máu. Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Khi đang ngụp lặn trong một trời thương nhớ đó, đầu óc tôi chợt lóe lên một ý nghĩ. Phải rồi! Thịt chỗ đầu rốn của tôi, đúng là thịt của mẹ. Người ta cắt cái ruột truyền sự sống của mẹ tôi với tôi, khi tôi được sinh ra. Vậy rõ ràng cho tay xuống rờ mó, vuốt ve cái rốn của mình, mắt lim dim tưởng như được gần mẹ, như ngửi thấy hơi hướng ngọt ngào của mẹ. Một nguồn nóng ấm đang tỏa dần ra trong cõi lòng lạnh giá của tôi. Và từ đó, nhiều đêm, dõi theo mãi những ngày xa mẹ, nơi núi rừng biên cương đầy lam sơn, chướng khí sau này, mỗi khi nhớ đến mẹ, tôi lại sờ rốn …của mình.

Dạo này, tiếng loa la ó suốt ngày đêm. Mỹ đã đem quân chiến đấu vào miền Nam.

Tôi nhìn và suy lý lại toàn bộ những mấu chốt, dữ kiện tản mạn từ sau Thế Chiến Thứ II; sau Chiến Tranh Cao Ly; vụ nói chuyện sức mạnh của Tổng Thống Kennedy với Krouchev, bắt Liên Xô phải nhường bước, mang những đầu đạn hạt nhân từ Cuba về, và rồi vụ Vịnh Con Heo. Rồi, với thực tiễn tình hình miền Nam, miền Bắc Việt Nam lúc này… Tôi thấy ngay hai yếu tố nổi bật quyết định:

Thứ nhất: Bất kể tình huống ra sao, Mỹ mang quân vào miền Nam Việt Nam là sai lầm. Trong điều kiện giữa 2 miền hiện nay, nếu Mỹ mang quân vào miền Nam. Vô hình chung đã tạo cho miền Bắc, cũng như cho cái Mặt Trận Giải Phóng của chúng, trở thành có chính nghĩa. Và tất yếu, vế kia là chính quyền miền Nam lại trở thành mất chính nghĩa.

Thứ hai: Bây giờ, đã mang quân đội vào rồi, rút ra phải có điều kiện, không phải tự nhiên, bình thường mà rút ra được.

Vậy, để giải quyết vấn đề "đã trót" này, chỉ có một biện pháp duy nhất. Nếu Mỹ không làm như vậy, chỉ trừ trường hợp là sau đấy, có những diễn tiến đặc biệt gì khác của thế giới, còn cứ bình thường Mỹ sẽ không giải quyết được vấn đề. Đôi khi còn nghiêng ngửa, khó khăn, dù sau đấy Mỹ có mang bao nhiêu quân vào miền Nam cũng vậy thôi.

Đó là: Một mặt, tương kế tựu kế, ngay trong lòng nước Mỹ, lợi dụng báo chí, Quốc Hội, (những cơ quan từ trước toàn vạch áo cho Cộng Sản xem lưng), bằng mọi cách làm sao để thế giới, và ngay báo chí của phe ta không hề biết. Tạo nên những tin tức để phe Cộng Sản, tin là Mỹ không bao giờ dám đem quân ra miền Bắc, sợ đụng Trung Quốc, có khi đụng cả Liên Xô nữa. Một mặt, bất ngờ, bằng nhiều đường hướng quân Mỹ và một số quân đồng minh, nhưng chủ chốt là của Việt Nam Cộng Hòa, chớp nhoáng, bất ngờ, thần tốc đổ bộ đánh ra miền Bắc, chấp nhận nếu có phải gặp Trung Cộng.

Tôi đã có hơn một tháng ngược xuôi khắp thủ đô Hà Nội, một số vùng nông thôn ở miền Bắc, hiểu được một cách cơ bản điều điện xã hội, lòng quân, lòng dân v.v…Tôi nói một cách có cơ sở là sẽ giải quyết miền Bắc về căn bản trong vòng nửa tháng. Từ đấy, giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam, và cả lẫn miền Bắc. Có thế ngoại giao kìm chân nhờ Nhật và Tây Đức, những phô trương ở lục địa khác. Chưa hẳn Trung Cộng và Liên Xô đã dám vào Việt Nam khi chuyện đã rồi.

Bởi vì, như trên tôi đã trình bầy, hãy nắm vững yếu tố "huyệt" thời nay "Hễ Mỹ làm quá, Liên Xô phải lùi; ngược lại cũng thế. Cả hai phe đều tự hiểu, nếu không như vậy là tự hủy diệt cả hai. Vậy, ai cao tay nắm được "huyệt" thì giải quyết lần được nhiều vấn đề. Nhưng, dù trong lãnh vực chính trị, hay quân sự cũng vậy: Yếu tố bất ngờ là nồng cốt trong mọi hành sử. Phải làm sao bịt được mắt đối phương lại mà đánh. Không có một kế hoạch nào thần kỳ cho bằng yếu tố "bất ngờ".

Những thiên tài quân sự, cũng không thể trở thành xuất chúng, nếu trong quá trình xử lý sự việc, thiếu yếu tố bất ngờ! Bởi vì, muốn xử dụng yếu tố bất ngờ, cái trước hết (điều này không đơn giản, biết bao người, thực tế chưa hiểu rõ kẻ thù của mình, nhưng lại cứ tưởng là mình đã biết quá rõ) là, phải hiểu địch đã. Phải hiểu họ rõ, mới làm cho họ bất ngờ được…

Sáng hôm nay, cũng như mọi buổi sáng, tôi vừa ra đổ bô vào, tên Dư đã chốt cùm. Cửa đóng, được một lúc cửa sổ nhỏ lại mở. Tên Bằng "môi cá ngão" chỉ mặt tôi, cộc lốc:

- Đi cung!
Tôi đã biết tên này, tuy y ăn nói nhấm nhẳn như thế, nhưng y không đến nỗi ác ôn lắm.

Khi ra tới gần phòng cung, trên con đường hành lang nhỏ hẹp, tôi đang dõi mắt nhìn hai chiếc hầm trú ẩn tập thể to lồ lộ ở góc mé sân trước Hỏa Lò (sân có giàn nho), bỗng mắt tôi chợt nhìn thấy một người rất cao nhưng gầy, cũng mặc bộ quần áo sọc đỏ sậm giống tôi, đang đi từ phía đầu hành lang kia ngược lại hướng tôi, và cũng có một tên công an áo vàng đi kèm phía sau. Tự nhiên tôi thót tim khi nhìn thấy dáng đi lểu khểu và đôi mắt… xanh. À, người Mỹ! Phi công Mỹ! Sở dĩ tôi chưa nhìn thấy ngay, vì tôi không ngờ được. Trong tâm, tôi cứ đinh ninh người đó cũng

như nhiều người tù đồng bào mình mà tôi vẫn gặp, vì vậy mắt tôi cứ nhìn qua cái lăng kính của óc mình, tức là định kiến, cho nên khi bất chợt nhìn ra, tôi mới giật mình.

Anh phi công còn rất trẻ, chỉ khoảng 24, 25 tuổi như tuổi của tôi thôi. Nhưng đặc biệt, đôi mắt anh thật lơ láo, ngờ nghệch. Có lẽ anh đang có rất nhiều ngạc nhiên. Nhìn chung quanh anh, cái gì cũng lạ, không hề giống bất cứ cái gì trước đây, anh đã nhìn thấy ở nước anh; từ cảnh vật cho đến con người, nhất là dáng dấp, phong thái làm việc, cũng như sự đối xử. Chính vì thế đôi mắt anh trở nên ngờ nghệch chăng? Hay vì những phút bão tố tơi bời vừa qua, khi anh bị bắn rơi trên bầu trời, hãy còn ngập tràn nỗi bàng hoàng chưa phai nhạt trong anh?

Khi đi ngang qua nhau, anh nhìn tôi, tôi nhìn anh. Anh nghĩ gì, làm sao tôi biết được. Nhưng, có điều chắc chắn mà anh không thể ngờ được rằng, người anh vừa gặp cũng từ miền Nam, miền của tự do dân chủ đã vào mảnh đất này. Chỉ có khác, là anh đã xuống dù, công khai; còn tôi đã đổ bộ, bí mật; anh xuống đất vì bị bắt buộc; còn tôi mò vào là do tự nguyện. Dù hai trường hợp khác nhau, nhưng vẫn gặp nhau ở một điểm; đó là Hỏa Lò Hà Nội, mà các anh vẫn gọi là "Khách Sạn Hilton".

Còn tôi khi nhìn anh, lòng tôi dâng lên một nỗi niềm vừa xót thương, vừa ngưỡng mộ biết ơn. Xót thương, ái ngại, vì các anh ở Mỹ, từ khi lọt lòng mẹ đã quen sướng. Bây giờ, trong cảnh này, dù rằng tôi hiểu các anh sẽ được hưởng một quy chế tốt hơn chúng tôi, nhưng tôi tin rằng các anh sẽ thấy khổ cực hơn chúng tôi. Ngưỡng mộ và biết ơn vì các anh thật hiên ngang, dũng cảm. Dù Hà Nội nói riêng, và miền Bắc nói chung với lưới lửa dày đặc, mà các nhà báo gọi là "những tọa độ lửa còn hơn cả Stalingrad trong Thế Chiến Thứ II", thế mà vì sự tự do của một dân tộc khác, vì sự bần hàn khổ cực đắng cay của những người dân của một nước xa xôi, các anh đã dũng cảm nhận nhiệm vụ vinh quang, không nề hiểm nguy đến tính mạng, đi bắn những kẻ đàn áp tự do.

Tôi đi chiến đấu cho dân tộc, cho Tổ Quốc tôi; còn anh lại vì sự tự do của dân tộc tôi, cho nên tôi nhìn anh với sự ngưỡng mộ và biết ơn là thế.

Anh đã đi qua rồi, hình ảnh của anh và những suy nghĩ về anh vẫn quấn quít người tôi, mãi tới lúc tôi vào phòng cung.

Lại gặp Thành, và một người nữa, dù chưa hỏi cung tôi bao giờ nhưng tôi đã quen mặt. Đi lại cung kẹo mấy năm nay, tôi đã gặp và trông thấy y nhiều lần. Thậm chí, nghe họ gọi nhau, tôi còn biết y tên là Quý. Y có cái sẹo ở trên mí mắt, nên có người còn gọi y là "Quý Lẹo".

Qua nhiều lần thấy thái độ của y lúc đùa vui, cũng như trò chuyện với những tên cán bộ khác, tôi biết y không đủ kiến thức, cũng như mánh lới để hỏi cung những loại tội về tình báo; vậy sao hôm nay lại có y ở đây? Chỉ một lúc sau, tôi tìm ra được câu trả lời, dù rằng tôi không dám khẳng quyết, nhưng cũng tàm tạm thỏa mãn điều thắc mắc của tôi. Thời chiến, rất hiếm cán bộ. Đáng lẽ, bây giờ, cung kẹo tôi chẳng còn gì đặc biệt nữa, một mình tên Thành cũng được rồi. Nhưng, có lẽ tên Thành, cũng như Phòng 44 Chấp Pháp cảnh giác cao, sau vụ tôi đánh cán bộ trốn tù, nên gặp tôi bây giờ thường từ hai người trở lên. Sự suy luận này của tôi càng được chắc chắn hơn sau mấy ngày gọi cung tôi lia lịa, cũng chỉ có tên Thành hỏi, chứ tên "Quý lẹo", tuy dáng cao lênh khênh, cũng chỉ ngồi làm vì thôi, thỉnh thoảng mới đóng góp một vài nụ cười, hoặc vài câu hỏi không đâu, không quan trọng.

Suốt buổi hỏi cung hôm ấy, và liền bốn, năm ngày hôm sau, tên Thành hỏi lại toàn bộ từ đầu chí cuối sự việc của tôi. Cũng truy đi, truy lại một số việc có thể y quên, hoặc bây giờ y mới nghi ngờ. Y ghi tóm tắt, thế mà cũng phải một tuần lễ mới xong. Cứ mỗi buổi, tôi phải ký vào bản y ghi, sau khi đã đọc lại. Như vậy, đây là một hiện tượng kết cung của tôi? Phần vì, đã truy hỏi tôi gần 3 năm trời với biết bao nhiêu tình huống gay cấn. Phần khác, thời chiến tranh, Mỹ bắn phá càng ngày càng ác liệt, chưa biết diễn tiến của cuộc chiến sẽ ra sao, cho nên hãy tạm đóng cung của tôi.

Sau đó, lại hàng ngày, hai buổi tôi ra phải ngồi viết bản tự khai ở một phòng nhỏ, có một cảnh sát mặc đồng phục, đeo súng ngắn gác. Giai đoạn viết này là lần thứ hai sau hơn ba năm ở Hỏa Lò. Tôi hiểu đó cũng là một phương pháp gạn lọc, so sánh của chúng. Vì hiểu như vậy, cho nên, hầu như những việc chính yếu (trong những điều tôi đã khai, điều gì còn cất kỹ trong đáy lòng) tôi đều ghi nhớ. Nhưng, khi viết lại, tôi bỏ bớt dần đi những sự việc râu ria. Như vậy mới "lô gích", nghĩa là hợp tình, hợp lý. Óc con người ta thì quên dần đi là việc tất yếu. Lần viết sau, nếu lại có những việc lần trước chưa ghi, ấy mới là rắc rối.

Cũng phải gần một tháng mới xong. Điều chính là tôi chỉ viết với nhịp độ bình thường, và lại vừa phải suy xét cân nhắc khi viết.

Khi tôi viết được mươi ngày, một hôm, từ một phía cửa sổ phòng bên cạnh, tôi thoáng thấy anh phi công Mỹ, tôi đã gặp lần đầu tiên. Tôi nói lần đầu tiên, để phân biệt với những lần sau đấy trên đường tôi đi và về hàng ngày tôi cũng đã gặp 2, 3 anh phi công Mỹ khác nữa. Có một anh phải đến 40 tuổi, trông rất dữ tướng. Cũng như anh đầu, tay còn quấn băng. Anh nào cũng xanh xao và gầy. Những đôi mắt xanh, hoặc nâu đều ngả thành màu trắng.

Khi gặp lại anh phi công buổi ban đầu ở phòng bên, cũng là lúc anh nghiêng người, liếc nhìn thấy tôi. Ánh mắt anh hình như cũng đã nhận ra hình ảnh một người mà anh gặp. Mặt anh tươi hẳn lên, không còn nét đăm đăm nửa như dò xét, nửa như xa lạ lúc buổi đầu gặp anh nữa. Anh cũng đang lúi húi ngồi viết. Thỉnh thoảng đầu anh động đậy, rồi quay lại nhìn tôi. Tôi cũng ngẩng lên nhìn anh bằng một ánh mắt đồng cảnh và gởi đi tình cảm chào hỏi. Vài lần, không hẹn mà chúng tôi đã cười với nhau, dù chỉ là một nụ cười ngập ngừng không rõ nét.

Tôi để ý, bên anh không có tên cảnh sát ngồi canh như bên tôi. Có thể chúng nghĩ, anh mắt xanh, mũi lõ lồ lộ, đi đến đâu ai chả thấy ngay. Cho nên, chúng chỉ giao giấy bút, rồi ngồi ở một phòng xa, chờ. Tên cảnh sát phòng tôi cũng thấy tôi và anh phi công Mỹ thỉnh thoảng nhìn nhau. Nhưng, chắc y cũng nghĩ anh kia là người ngoại quốc, ngôn ngữ bất đồng; hai nữa, mỗi người một phòng nên kệ cho nhìn nhau, vì vậy y nhìn thấy cũng quay đi.

Hình ảnh anh phi công đó làm tôi nhớ nhất. Cho mãi đến sau này, dáng dấp, khuôn mặt của anh vẫn khắc ghi trong lòng tôi. Chứ ngay những ngày sau đấy, hàng trăm phi công ở Hỏa Lò tôi gặp, nhưng rồi tôi quên mặt ngay. Cũng có thể anh là một trong những phi công bị bắn rơi ngay từ những ngày đầu của vụ trả đũa 5/8/1964 mà theo đài Cộng Sản, hôm đó chúng hạ được 8 phi cơ, bắt được 3 phi công (thật hay chăng)?

Khi đã viết xong, tên Thành còn gọi tôi lên một buổi nữa, thái độ của y hôm đó có vẻ tươi vui, tình cảm. Y nói thẳng có thể y đi công tác xa một số ngày, với bộ điệu úp úp, mở mở như đi vào "B" ấy. Vừa như báo tin mừng được vào "B", vừa như gián tiếp đe dọa "chuyến này tao vào Nam sẽ biết rõ về mày".

Cuối buổi, hai tay y cuộn vo, xoay xoay hơn 100 trang giấy viết tay của tôi, vừa như thực vừa như đùa, y nói:

- Câu chuyện của đời anh, sau này đất nước thống nhất, viết lại cũng hấp dẫn đấy chứ!

Tôi hiểu là y sắp chia tay, y nói một câu chuyện cho vui, vì thế, tôi cũng cười, trả lời:

- Thưa ông, nếu phải có kiếp sau, tôi xin để kiếp sau. Chứ kiếp này. Đó là chuyện không tưởng.

Y và tên Quý đều cười. Sau đó, tên "Quý Lẹo" dẫn tôi xuống phòng trực, trả tôi về xà lim. Trên đường về, tiếng loa cứ lải nhải khẩu hiệu: "Mình vì mọi người, mọi người vì mình". Đó là khẩu hiệu bịp bợm, dùng để bốc thơm mọi người, một hình thức xúi người khác ăn cứt gà: "Hãy nổ lực làm việc và công tác đi. Ngành ngành thi đua! Người người thi đua!"... Khẩu hiệu đó cứ ra rả, không ngày nào là không nói đến. Suốt những năm ở miền Bắc, tôi nghe đã

nhàm tai. Thế mà bây giờ bỗng đổi khác:

"Ta vì mọi người, mọi người vì chủ nghĩa xã hội".

Vế dưới đã đổi khác hoàn toàn. Cách mạng mà! Phải luôn luôn thay đổi, luôn luôn đổi mới; nhưng thay đổi theo chiều hướng từ đường rộng rãi thênh thang đi vào con đường trước mắt cứ nhỏ hẹp dần. Đó cũng là một sách lược, một phương châm của những tên lãnh đạo Cộng Sản, không ngoài mục đích để thống trị người, và giữ cho chắc chắn chỗ ngồi của chúng!…

Chương 59

Hà Nội ăn bom.....
Xã Hội Chủ Nghĩa sẽ ra sao?.....

Mùa Hè đã chập chững bước tới. Đã có những chú ve sầu dậy sớm, sau một giấc ngủ dài Đông Xuân, đang nỉ non khóc tiếc thương giấc ngủ chưa được đã đầy. Hàng năm, tôi chẳng muốn cho những con ve sầu ngủ. Chúng ngủ, tức là mùa Đông đến. Mà mùa Đông, tôi ghét cay ghét đắng, chỉ vì những ngón chân, ngón tay của tôi, mùa Đông nào cũng sưng, nhức, buốt, và tôi cứ phải đêm ngày nằm trên sàn xi măng lạnh như giường nước…đá; bụng lại không đủ nhiệt, với quần áo hai mảnh bằng vải mỏng và một chiếc chăn đơn. Tôi nghĩ rằng chỉ cần một chút mỡ hay một chút đường hàng ngày, chân tôi đã không bị sưng. Hai thứ đó thật có nhiệt nhiều. Hoặc được ăn no chất bột, tôi cũng có nhiệt để chống lạnh rồi. Cho nên, tôi sợ mùa Đông lắm. Dù sợ như vậy, nhưng năm nào cũng phải đón nhận một lần, đến nỗi tôi coi mùa Đông là biểu tượng của sự lầm than, bất hạnh trên cõi đời này. Tôi nhớ đến một ý tưởng, không nhớ đã đọc được ở đâu, về mùa Đông, nhiều khi tôi buột miệng ngâm vang thành lời trong xà lim.

"Bạn đường ơi! Sắp hết lạnh rồi gió Bắc với mưa Đông. Để không bao giờ còn thấy bóng mây sầu vương vất nữa. Bạn ơi, nào có được!".

Phải rồi, đó chỉ là một ước mơ, nào có được trong thực tế chữ cuối cùng thành "Rồi phải được!", để tin tưởng, để hy vọng chứ!

Sáng hôm nay, cũng như buổi sáng khác, tôi đang ngồi đợi tới lượt mình ra đổ bô, bất chợt tiếng còi hụ báo động của thành phố rú lên dai lê thê, ư hử từng hồi rùng rợn, làm nghẹt tim mọi người.

Tên Dư quát ầm lên giục buồng số 7 vừa ôm bô ra, phải vào ngay. Y khóa cửa lại. Chắc y chạy ra hầm trú ẩn cá nhân đào ở một góc sân xà lim. Chỉ có một lỗ duy nhất cho y.

Một không khí khẩn trương, hồi hộp tràn khắp mọi nơi. Tiếng loa oang oang, rành rọt:

"Quân và dân toàn thành phố chú ý! Một tốp máy bay địch từ hướng Tây Bắc, khoảng cách X, độ cao M. Một tốp hướng Đông Nam, khoảng cách Y, độ cao R. Các khẩu đội chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu theo phương án K. Binh chủng "Tên Lửa" theo phương án G. Binh chủng Không Quân theo phương án H…"

Bắt đầu đạn nổ, bom rơi như pháo ran khắp cả bầu trời. Thỉnh thoảng những làn chớp nháy xanh lè với những tiếng ùng ục làm run rẩy không gian. Cánh cửa buồng tôi rung lên những tiếng bần bật, như động đất. Những tiếng lộp độp, choeng choeng rơi trên mái ngói, rơi ngoài sân xà lim. Mùi khét lẹt nồng nặc của thuốc súng. Mùi hăng hừng hực của lửa cháy. Thỉnh thoảng nghe râm ran tiếng khóc ở phía bên ngoài, xa xa. Xen vào đấy, đôi lúc, tiếng loa như gào lên:"…Một máy bay "Con Ma" bị tan xác phía Bắc Hà Nội. Hai "Thần Sấm" bị đứt đôi ở phía Nam, v.v… và v.v….".

Lẫn vào những âm thanh náo động là những tiếng bồm bộp, như người cầm que đập vào cái thúng úp vậy. Tôi không thể suy đoán được, đó là tiếng gì. Mãi sau này, khi nghe trên loa nói nhiều về "bom bi", tôi mới hiểu đấy là tiếng nổ của "bom bi".

Tâm trạng của tôi lúc này thật lửng lửng, lơ lơ vì nhiều ý nghĩ đối nghịch: Trong xà lim, những người không bị cùm có thể sẽ chui vào dưới gầm sàn xi măng để núp. Còn tôi, chân trong cùm, chỉ cần một quả bom nổ gần làm gạch ngói rơi đè cũng đủ chết rồi, vì nằm phơi ra đấy. Nhưng, tôi cũng chẳng lo lắng gì. Nếu có phải vậy, cũng được, chẳng có gì để tiếc, hận. Trong khi ấy, tôi hiểu, các cán bộ ở Hỏa Lò đều đã chui xuống hầm, tùy theo nơi quy định gần chỗ làm việc của chúng. Tuy vậy, thỉnh thoảng, ngay trong Hỏa Lò, tôi cũng nghe thấy mấy tràng trung liên và đại liên, như thế cũng có người chiến đấu. Qua loa phóng thanh, hàng ngày chúng vẫn nói là khi máy bay địch vào bắn phá, mọi người quân cũng như dân, tùy theo điều kiện, trên mái nhà, trên ngọn cây, có súng gì dùng súng ấy, hãy nhắm thẳng vào máy bay địch mà bóp cò.

Tôi hiểu, đây là một phương pháp tâm lý rất tinh vi để động viên tinh thần chiến đấu của toàn dân, chứ chúng biết thừa, súng cá nhân mà bắn máy bay phản lực, thì…rất ư là ít kết quả; nhưng chúng được một cái khác to lớn để lòe bịp nhân dân thế giới: Đó là tinh thần chiến đấu dũng cảm và thần kỳ của…toàn dân.

Tôi lửng lơ, man mác nghĩ suy và khi thấy máy bay vào phá thủ đô Hà Nội, tôi không thấy mừng, không thấy lòng dâng lên một chút niềm tin hay hy vọng gì. Bởi vì, tôi hiểu, dù sau đấy máy bay Mỹ bắn phá như thế nào chăng nữa, cũng không giải quyết được vấn đề. Mỹ và thế giới bên ngoài chưa hiểu rõ thực tế xã hội Cộng Sản, nhất là Cộng Sản Bắc Việt Nam!

Tôi hiểu từ trước tới nay, các nhà chiến lược, các tư tưởng gia về quân sự của Mỹ đã đánh giá một xã hội, một thành phố theo cách nhìn từ ống kính của những nước tư bản. Mỹ nhìn như vậy về một nước tư bản như Anh, Pháp, Nhật, hay Hòa Lan, Bỉ, v.v…Mỹ đánh giá rất đúng, rất chính xác, nhưng với Cộng Sản, nhất là Cộng Sản Bắc Việt Nam, thì hoàn toàn sai! Sai ở những điều kiện và yếu tố sau đây:

- Vì Hà Nội là một xã hội Cộng Sản, cho nên chúng đã điều hành được một cách hữu hiệu vì di tản và sơ tán, nhất là Mỹ lại đã báo trước sẽ đánh đến đâu, đánh đến mức độ nào. Cho dù không báo trước sẽ đánh đến đâu, đánh đến mức độ nào. Cho dù không báo trước, với cái xã hội tự do "không đúng lúc" của Mỹ, phía Cộng Sản đã biết nhiều vấn đề này ngay từ trước. Tôi nói "tự do không đúng lúc" có nghĩa là lúc hòa bình, tự do như thế là nhất; nhưng khi có chiến tranh, lại vẫn như thế, thì không biết còn gì để gọi nữa. Luôn luôn có những cơ quan, hoặc báo chí vạch áo cho…Cộng Sản xem lưng rồi! Tóm lại, tất cả mọi thứ gì cần thiết, chúng đã đem về vùng quê, vào núi, vào rừng, kể cả những cơ quan trung ương, kể cả dân chúng. Còn ở lại, chỉ toàn là những người trực tiếp bắn máy bay Mỹ, hoặc những người phục vụ chiến đấu mà thôi.

- Nhà cửa, và những công trình trên miền Bắc: Ngay thủ đô Hà Nội, cũng chỉ toàn những ngôi nhà nhỏ, đã cũ, mục từ mấy chục năm rồi; có bị tàn phá đổ xuống, cũng là khỏi phải mất công phá đi để làm lại mới. Còn ở ngoại ô, hầu như toàn nhà lá, cũng nho nhỏ như những chiếc lều. Ở các tỉnh, ngay ở thị xã, cũng chỉ nửa cây, nửa lá, nghĩa là nhà tranh vách đất. Nói chung, tất cả mọi phương diện sinh hoạt xã hội thật nghèo nàn, không có gì đáng kể cả. Chỉ duy nhất có một cái lại vô cùng giàu có, vô cùng to lớn, vô cùng hiện đại, đó là vũ khí.

Đây là một vấn đề lớn của chế độ Cộng Sản mà hiện nay nhiều nước, nhiều người nghiên cứu vẫn chưa hiểu rõ được. Hoặc lại hiểu sai, theo cách suy nghĩ, theo cách nhìn của những nước tư bản. Chính vì thế, Mỹ cứ ném bom bắn phá một đợt, một giai đoạn, rồi lại ngừng để nghe ngóng xem Cộng Sản Bắc Việt đã sắp chết chưa; đã sắp phải van vái Mỹ xin tha cho chưa. Mãi không thấy gì, Mỹ lại ném bom, bắn phá ác liệt hơn nữa; rồi lại ngừng để … nghe. Bởi vì, theo cách suy lý của Mỹ, Cộng Sản làm sao chịu nổi nữa. Rồi, mãi Mỹ cũng chả thấy thái độ hoang mang

khiếp nhược của Cộng Sản. Chúng vẫn trơ trơ, thậm chí, các mặt trận ở miền Nam của chúng lại càng có sức đánh mạnh hơn. Người hoang mang bây giờ không phải là Cộng Sản, mà lại chính là Mỹ. Chính vì Mỹ đã không hiểu được kẻ đang phản đối đầu với Mỹ.

Nếu những phi vụ, những quả bom, những hỏa tiễn ấy đến bắn phá một thành phố, hoặc một cơ xưởng, nhà máy của Pháp, Ba Tây, hay Na Uy, v.v… chẳng hạn, thì đáng giá đồng tiền bát gạo. Nhưng, mang đánh phá ở miền Bắc thì thật là phí. Tôi dám quả quyết rằng, trừ sự cá biệt nào đó không kể, còn thường thường, một quả bom, một chiếc hỏa tiễn sau khi nổ, nếu nói về kinh tế, chỉ phá được một, hai, ba..phần trăm. Nghĩa là, tiền để chế tạo ra quả bom ấy, chiếc hỏa tiễn ấy còn đắt hơn nhiều lần cái mà nó phá được. Thế mà, Mỹ càng ném bom nhiều, càng bắn phá nhiều, đối với thế giới, Mỹ lại càng mất thế về mặt chính trị nhiều. Những túp lều tranh, hoặc nhà cửa bằng gỗ, bằng cây, bom bỏ cháy vùng, mấy hôm sau lại làm lại cái khác; trong khi máy bay Mỹ các loại, bị lưới lửa phòng không dày đặc, đến nỗi Mỹ phải kêu lên là, trong Thế Chiến Thứ II cũng không có nơi nào dày và ác liệt như vậy. Cho nên, dù người phi công Mỹ rất dũng cảm, dù nghệ thuật lái máy bay điêu luyện, dù nhiều kế hoạch kỹ thuật đánh phá tân kỳ, nhưng máy bay Mỹ rơi rụng cũng nhiều vì phòng không hiện đại của Cộng Sản.

Phần khác, hầu như các loại tính năng ưu cũng như khuyết của các loại máy bay Mỹ vào đánh phá miền Bắc, thậm chí có những loại mãi sau này, gần cuối, mới vào đánh như F-111A, hàng ngày trên loa, chúng đã ra rả, đọc vanh vách, khiến dân chúng bình thường cũng biết rồi. Cho nên, hễ Mỹ sắp sửa có một loại máy bay tối tân mới ra lò nào, chuẩn bị dùng ở miền Bắc, chúng đã biết đầy đủ tính năng, chúng đã yêu cầu Liên Xô cung cấp ngay loại vũ khí để hóa giải. Mặt khác, chúng chỉ dẫn cho bộ đội chiến đấu cố tránh, hoặc hạn chế những cái ưu của loại máy bay đó; ngược lại, hãy nhằm vào chỗ nhược và biết cách khoét thêm vào cái nhược này mà nện vào.

Tôi chưa nói những thiệt hại về mặt vật chất, khi đối phương đã biết rõ những loại vũ khí của đối thủ, riêng về mặt tinh thần, Cộng Sản đã có được một cái lợi to lớn. Khi thấy trên đài, trên báo đọc đi đọc lại vanh vách tính năng chi tiết từng loại vũ khí, cũng như máy bay tối tân của Mỹ, quân cũng như dân tự nhiên thấy một niềm tin vững mạnh vào sự lãnh đạo sáng suốt, của nhà cầm quyền Cộng Sản, và đồng thời tự hiểu dù vũ khí của Mỹ nguy hiểm tới đâu, một khi đã biết rồi, còn gì đáng sợ nữa; mà chỉ càng kính phục sự tài ba hiểu biết của giới lãnh đạo. Một khi quân và dân tin như vậy, điều đó trở thành sức mạnh thần kỳ đấy!

Tóm lại, dù Mỹ bắn phá như thế nào chăng nữa, cũng không giải quyết được vấn đề; nghĩa là bắt nhà cầm quyền Cộng Sản miền Bắc xuống thang đánh giá miền Nam chỉ là một sự hão huyền, ảo tưởng. Cộng Sản lại biết lợi dụng sự bắn phá ác liệt của Mỹ. Chúng giả vờ la làng để kêu gọi con tim chất phác, đầy lòng nhân ái của loài người để lấy chính nghĩa, để lấy sự ủng hộ.

Cộng Sản miền Bắc la làng vì lý do chính trị đó; chứ Mỹ đừng lầm là chúng sợ Mỹ. Sau này, với 12 ngày đêm oanh tạc, cho dù năm, mười lần như thế đi, cũng đừng hòng Cộng Sản xuống thang đánh phá miền Nam, chứ đừng mơ Cộng Sản đầu hàng như nhiều người suy nghĩ. Trái lại, Mỹ chỉ càng chuốc lấy những lời chửi bới của ngay bạn bè Mỹ.

Về sau này, một phần do thời gian cho phép, phần khác, tôi có điều kiện gặp bao nhiêu nhân chứng sống, bao nhiêu sự việc, người thực việc thực ở các trại giam trung ương của Cộng Sản. Có những cơ sở thực tế để chứng minh, lý luận từng vấn đề.

Gần hai tiếng đồng hồ sau, còi lại hụ báo an, máy bay Mỹ lại đã rút lui sau khi bị hạ hơn 10 chiếc (theo đài Cộng Sản), với nhiều loại máy bay "Con Ma", F-105, "Lưỡi Kiếm", B-52, v.v… và bắt thêm được nhiều phi công.

Mãi tên Dư mới mở cửa buồng, tôi ra đổ bô rồi lấy cơm luôn. Khi máy bay Mỹ bắn phá, có nhiều tiếng lộp độp rơi trên mái ngói và dưới sân xà lim mà tôi thắc mắc không hiểu là cái gì; cho nên bây giờ lúc tôi ra chỗ mé sân múc

nước, vì sẵn có tình tò mò, tôi liếc nhanh. Tôi nhìn thấy một mảnh kim loại đen xì, khòng khèo, cạnh rất sắc, tôi liền nhặt xem. Lão Dư đã coi tôi lâu ngày; lão biết tôi vẫn còn tính nghịch ngợm của thanh niên; tôi cũng biết vậy, nên ra nhặt đại vào đưa cho y, vẻ mặt tôi rất háo hức:

- Thưa ông, không biết mảnh gì đây, khi nãy tôi thấy rơi nhiều lắm. Cái này, ai đang đi, bị rơi trúng đầu, chỉ có chết!

Y cầm lấy ngó ngó, xem xem rồi chỉ vào trong bàn:

- Mảnh kia mới to kìa. Vì vậy, người ta phải đội mũ sắt, hay mũ rơm để đi lại, hay bắn trả máy bay Mỹ.

Thấy y có vẻ dễ dãi, tôi làm tới. Tay cầm gáo nước, tôi tiến lại bàn, thấy một mảnh kim loại to bằng 3 ngón tay mà y đã nhặt ngoài sân trại chung đem vào. Tôi cũng ngó xem, và với vẻ trầm trồ, hỏi lại:

- Không biết mảnh gì, rơi nhiều thế?

Tôi hỏi y để lấy cảm tình thôi, chứ tôi thừa hiểu đây là mảnh đạn của trung pháo, đại pháo phòng không. Nhìn qua hai mảnh, đã thấy ngay là hai loại đạn khác nhau. Tôi hiểu, chúng có nhiều loại đạn nổ theo từng độ cao. Y cũng muốn tỏ ra hiểu biết, nên nói chậm rãi:

- Đây là mảnh đạn súng phòng không của ta đấy!

Câu trả lời cũng nói lên sự chất phác, nông thôn của y. Nhưng, điều tôi chú ý hơn cả là y lại nói chuyện bình thường với tôi. Đây cũng là một hiện tượng hiếm thấy giữa cán bộ trực xà lim và tù.

Tôi nhớ lại năm, sáu tháng về trước; những ngày đầu tiên mới về trực xà lim I, y thường nhìn tôi bằng con mắt dò xét, không thiện cảm. Nhưng dần dần, thời gian cứ trôi đi, ánh mắt y cũng bớt dần sự soi mói, và thay vào đấy, là sự tò mò; cho tới bây giờ, lại có phần thiện cảm. Chứng cớ là thỉnh thoảng, y hay nói chuyện với tôi.

Phần tôi, nhìn lão, tôi thấy lão cũng phải trên 50 tuổi, người nhỏ bé, không có những cách ăn nói thô lỗ, cộc cằn như nhiều tên cán bộ khác, nên tôi thường tươi nét mặt mỗi khi nhìn thấy lão. Ngược lại, với những tên cán bộ ác ôn, lỗ mãng, cộc cằn, tôi thường lạnh lùng, lầm lì; có hỏi, tôi cũng chỉ trả lời nhát gừng.

Trưa hôm nay, tôi nằm hoài mà không ngủ được. Bên ngoài, trời nắng chang chang. Tôi nhìn làn da xanh tái, nhăn nhúm của chân tay mình. Đã mấy năm rồi, tôi thèm khát ánh nắng như thèm bát phở ngon lành, sực nức mùi hành, mùi tỏi, mùi thịt bò bốc khói mà không được ăn, chỉ được phép nhìn. Con người thật cũng lạ lùng, cái gì mất đi rồi, không còn cách nào lấy được nữa thì lại quý. Nhìn ánh nắng vàng thế kia, tôi ước gì được tắm mình trong đó một lúc. Da tôi tái, bủng ra là vì thiếu ăn, nhưng cũng vì thiếu ánh nắng mặt trời.

Mọi khi cũng giờ này, tôi thường nghe tiếng ồn ào của các em học trò trường mẫu giáo "Tân Trào" phía ngoài phố. Đôi khi, giọng đồng ca véo von của các cháu nhỏ, hòa lẫn với tiếng ve sầu râm ran, tạo thành một điệu nhạc trưa Hè quen thuộc. Nhưng, trưa hôm nay chỉ còn tiếng ve sầu đơn điệu nhặt khoan: có lúc dồn dập, réo rắt như trận mưa rào trên mái tôn; có lúc đột nhiên đều im bặt như phút mặc niệm của một binh đoàn trong lúc chào cờ. Thiếu, vắng hẳn tiếng ca hát của những con chim non trường Tân Trào. Có lẽ các em cũng đã đi sơ tán vùng xa Hà Nội?

Tôi đang vẩn vơ ngơ ngác với không khí của buổi trưa Hè, còi hụ lại hú vang. Như tiếng rống của con khủng long đang vật vã giãy chết vì vết tử thương, nấc lên hừng hực từng hồi. Tiếng hú làm những chú ve sầu cũng vội vàng bảo nhau nín bặt. Lại bom rơi, đạn nổ tơi bời; lại những tiếng gào thét giật giọng của chiếc loa to mồm. Ngay Hà Nội, một ngày máy bay Mỹ cũng vào mấy lần.

Trong lúc lửa cháy, đạn bay, với những tiếng gầm rít như xé vải của máy bay phản lực, chân ở trong cùm, tôi nằm ngửa tênh hênh nghe tiếng đạn bom. Có điều nào khẳng định sẽ không có một quả bom, không có một hỏa tiễn bắn vào nơi này? Trong cái hỗn loạn của tên bay đạn lạc, nơi nào là an toàn? Có chăng, may ra, chỉ ở dưới hầm trú ẩn. Bất ngờ, một tiếng rắc, sột, như tiếng ly vỡ trên nền gạch, vang lên ở trên mái nhà làm tôi giật mình. Chả nhìn thấy gì cả vì vướng trần nhà, nhưng qua âm thanh, tôi hiểu đã có vài viên ngói bể.

Khi máy bay Mỹ đã đi rồi, tôi đang băn khoăn là bên ngoài, Hà Nội, những gì đã xảy ra sau một trận không tập của hàng trăm máy bay Mỹ đủ các loại? Chợt, tiếng tên Dư, cán bộ trực xà lim, ong ỏng vang lên:

- Chiều nay, các buồng không đổ bô và rửa ráy. Ồng nước Hỏa Lò bị hư!

Như vậy, ống nước dẫn vào Hỏa Lò đã bị bom làm hư hại. Phía bên ngoài có tiếng gọi nhau ý ới, lẫn với những tiếng kêu la, xa dần rồi mất hút. Một mùi nồng nặc của khói xăng cháy làm nhức cả đầu.

Sáng hôm sau, tên Dư vào tuyên bố là từ nay các xà lim, các buồng chỉ được ra đổ bô một lần vào buổi sáng mỗi ngày. Buổi chiều cho ra lấy cơm mà không được đổ bô nữa.

Từ ngày Mỹ bắn phá Hà Nội, xà lim càng ngày càng vắng vẻ hơn. Ngay ngoài trại chung, tù cũng lưa thưa hẳn ra, có lẽ chúng đã chuyển đi trại trung ương hết, chỉ để lại những phạm nhân còn đang trong thời gian khai thác, hoặc liên quan đến những việc còn cần thiết.

Trưa hôm nay, tôi đang nằm mơ màng, chợt thấy buồng sáng hẳn lên, tôi ngạc nhiên bò nhổm dậy. Ôi, thật là đẹp! Một chùm sáng như một cái ống bằng giấy bạc thẳng băng, chọc từ trên mái nhà, xuyên chéo qua cửa sổ, đâm vào tường, ngay gần phía châm cùm của tôi. Tôi vừa nhìn những hạt bụi dẫy dọn bay trong chùm ánh sáng, vừa ngỡ ngàng, băn khoăn. Á, thì ra tiếng động như ly vỡ hôm qua đã làm bể một góc viên ngói, phía bên ngoài cửa sổ.

Mặt trời đầu Hạ, khoảng 1 giờ trưa, chiếu ánh sáng chói chang chọc thẳng vào buồng tôi một điểm tròn lung linh bằng quả cam, đường kính chừng 4, 5 phân đang le lói, nhấp nháy gần chân cùm. Thật là "buồn ngủ gặp chiếu manh". Tôi xin cám ơn các anh phi công Mỹ. Của vưu vật trời cho, tôi phải đón nhận. Tôi vội vàng cởi ngay áo ra, xoay chân ngồi hẳn lên cùm. Rồi tôi giơ mặt ra cho chiếc gậy sáng chọc thẳng vào mặt tôi. Tôi rê dần xuống cổ, xuống đến ngực, hai cánh tay. Tôi vặn vẹo, xoay cánh tay sao cho chùm ánh sáng, như chiếc bàn chải hạnh phúc, quét xoa hết cả người. Từ bữa đó, trừ những ngày mưa, hoặc có mây nhiều, còn thì ngày nào tôi cũng được hơn một tiếng đồng hồ hưởng các tia tử ngoại, hồng ngoại của ánh sáng mặt trời. Cứ mỗi ngày, thời gian ánh sáng lọt vào buồng tôi lệch dần về chiều mươi phút, nhưng cũng chỉ trong một tiếng đồng hồ.

Một lần, tôi đang ngọ nguậy đưa cánh tay từ từ cho "chiếc gậy thần ánh sáng" chà xát, chợt cửa sổ nhỏ xịch mở: Chiếc mũi nhòn nhọn của tên Dư thấp thoáng ngoài cửa sổ. Y không hỏi, nhưng cứ đứng nhìn xem tôi làm gì. Một lúc, y hiểu, và từ từ đóng lại. Chắc y không thể ngờ người ta lại có thể quý ánh mặt trời đến như vậy. Nếu không vướng khuất mất cái khung gỗ phía sau cửa sổ, ánh sáng chiếu vào buồng tôi lâu hơn nữa. Vì vị thế của lỗ hổng, và cũng vì sự xoay chuyển dần của trái đất đối với mặt trời, cho nên thời gian luồng ánh sáng chiếu vào buồng tôi mỗi ngày mỗi ngắn lại.

Cũng thật là buồn cười! Có hôm, máy bay Mỹ đang ầm ầm bắn phá, tiếng đạn, tiếng bom, tiếng máy bay gầm rít quay cuồng, đảo điên giữa sống và chết ở bên ngoài; trong này, tôi vẫn cởi trần, đưa tấm thân gầy vặn vẹo, uốn éo, để cho luồng ánh sáng chà xát, coi như thế giới này chỉ còn có mội một …..mình tôi. Bởi vì, trong 24 giờ, chỉ có một tiếng đồng hồ cố định nắng chiếu vào buồng tôi thôi.

Hơn nữa, trong cảnh này, đối với tôi, sự sống và cái chết đâu có còn là vấn đề quan trọng nữa…

Chương 60

Của "chuột", và ….. "người"!

Vào một buổi trưa, tôi đang nằm chờ nguồn ánh sáng chiếu vào buồng như mọi khi, mắt tôi đang lim dim, lả lướt trong niềm suy tưởng về những nỗi chìm nổi của cuộc đời; bỗng tai tôi thoáng nghe một tiếng động khẽ, mơ hồ phía dưới nền căn buồng. Tôi hé mắt, liếc xuống: Chà, một chú chuột nhắt, bé tí tẹo, đang ngồi "xổm" dưới gầm sàn phía bên kia, hai… "bàn tay" bé tí tẹo, đang chụm lại đưa lên miệng, như đang gậm nhấm cái gì. Thấy tôi mở mắt ra nhìn, "y" định chuồn. Tôi phải hết sức im lặng, không dám cả thở mạnh, trong khi óc tôi suy đoán thật nhanh: Phía cửa, cánh cửa sát xuống nền, "y" không thể ra vào được, chỉ một lối duy nhất, cái lỗ để nước chảy ra ở phía chân tường, chỗ đầu giường. Lỗ này chỉ lớn bằng mặt chiếc đồng hồ đeo tay, nghĩa là đường kính khoảng 2 phân rưỡi đến 3 phân là cùng, cái lỗ chỉ lọt một quả bàng ăn thông ra một cái rãnh phía ngoài tường.

Chắc rằng những "cơ sở" làm ăn cũ của tên chuột này bị động vì… cuộc bắn phá của máy bay Mỹ, "y" chưa tìm được đất sống, cho nên tạm thời "y" phải lang thang thăm dò… vùng đất hứa. Thấy lỗ, "y" chui vào buồng tôi. Thật đáng buồn cho "y". Đất "hứa" này chỉ có gạch, xi măng, đá với sắt, không có đến cả mùi thực phẩm nữa, nói chi đến hạt cơm rơi mà bò vào. Á! Thôi chết rồi! Vừa nghĩ đến cơm, tức khắc như một phản xạ lóe lên trong đầu, tôi bò nhổm dậy nhìn nắm cơm tôi để ở cuối sàn phía chân cùm. Dạ dày của tôi đã giặt sạch phơi khô từ 4 giờ chiều hôm qua cho tới giờ đã 20, 21 tiếng rồi. Tôi đang chờ đến 4 giờ chiều để được ăn một lúc cả hai suất. Với bao nhiêu hy vọng của lúc đợi chờ giờ hạnh phúc, mặc dù dạ dày đang dán chặt vào nhau, thế mà giờ đây, khăn bọc nắm cơm đã bị cắn thủng ra, cơm vãi tứ tung. Nhìn những hạt cơm vương vãi, ruột tôi như… đứt ra từng khúc! Chắc cũng phải mất đến ba, bốn chục… hạt cơm rồi, chứ không ít đâu!

Tôi cũng hơi ân hận vì thiếu điềm đạm. Thực ra khi nhìn thấy con chuột, một sinh vật, tôi cảm thấy trong lòng dâng lên một chút ấm cúng, bớt lẻ loi. Chính vì vậy, tôi đã không dám trở mình, không dám cả thở mạnh, sợ con chuột chạy đi mất. Tới lúc, bất chợt phát hiện nắm cơm, tôi không còn kịp bình tĩnh nữa, vội bò nhỏm dậy, khiến cho chú chuột đã phải cong đuôi chuồn vào lỗ mất tiêu; để rồi bây giờ, vừa tiếc… cơm, vừa tiếc phút gặp gỡ…"người bạn" mới quá ngắn ngủi.

Tôi chợt thoáng có ý nghĩ, có thể con chuột ấy sẽ trở lại nữa?… Nếu vậy, làm sao bắt được nó, thì thật là tuyệt vời! Dù rằng đối với tôi lúc này, cơm gạo là xương, là máu, tôi cũng quyết định hy sinh mỗi ngày hai mươi hạt cơm cho "người bạn", để đổi lấy sự sống chung bạn bè, để cuộc sống đỡ cô đơn, heo hút, lủi thủi một mình.

Con chuột nhắt này xem ra cũng quái lắm! Chân tôi lại bị cùm, tay không thể với tới cái lỗ dưới nền phía đầu giường. Làm sao đây để bắt con được con chuột này? Người và vật, ai khôn hơn ai? Nhưng, tôi cũng biết rằng khôn hay dại, còn phụ thuộc vào cái thế nữa. Tôi nằm hoạch định một kế hoạch thật tỉ mỉ để khắc phục những nhược điểm về cái thế của mình. Làm sao phải thật nhịp nhàng ăn khớp với nhau.

Trưa mai tôi sẽ cố ý để lại mươi hạt cơm ngay dưới nền, ở mãi phía trong, xa cái lỗ, mãi chỗ sát cửa ra vào. Trên sàn, tôi vờ nằm ngủ, tay thủ sẵn cái chổi thanh hao, cầm ngược phía đuôi chổi. Chờ cho chú chuột mò vào, tôi chỉ cần rất nhanh vươn người, đút chặn phía cuống chổi bít cái lỗ, con chuột sẽ không còn lối ra nữa. Dù vậy, tôi cũng khó bắt được nó. Chân ở trong cùm, nếu nó chạy về phía gầm sàn bên kia là ngoài tầm tay của tôi rồi. Như vậy, làm sao giải quyết? Khi cán bộ mở cửa, cán bộ thường hay rút chốt cùm trước. Vậy, tôi chỉ rút chân ra rất nhanh, nhảy ngay xuống trấn phía cửa, để cho con chuột phải vào phía đầu giường. Khi cán bộ mở cửa, mình kéo dập vào, rồi với

một cái vồ lẹ, nhưng chính xác là sẽ bắt được. Kinh nghiệm vồ chuột, dù anh nhanh tới đâu, nhưng nếu cứ nhằm con chuột mà vồ, thường là trượt, hầu như không bao giờ được. Phải phán đoán con chuột sẽ chạy, chồm về phía nào, rồi vồ cách con chuột chừng 20 tới 25 phân. Nếu đoán trúng hướng chạy của chuột là vồ trúng (với điều kiện không sợ chuột cắn). Chỉ trong một phút này, cán bộ sẽ lại mở cửa và quát hỏi. Vậy, phải làm sẵn một sợi dây chỉ dài, se 6 lần thật bền, buộc sẵn thòng lọng một đầu; đầu kia cũng buộc sẵn vào cái cột chống sàn bằng xi măng, để khi bắt được chuột, xích nó lại ngay.

Cả buổi sáng hôm sau, tôi tính toán mọi việc với con chuột tinh ma này! Cho tới giờ trưa như mọi khi, tôi lại nằm lim dim, thỉnh thoảng he hé đôi mắt liếc nhìn cái lỗ. Tay tôi đã thủ sẵn cái chổi. Thế mà lúc đợi chờ cũng thấy hồi hộp lạ lùng. Tai tôi cũng vểnh lên nghe ngóng, đôi mắt thì hấp háy, lúc mở, lúc nhắm. Mười phút, hai mươi phút, rồi bốn mươi phút trôi qua, không thấy động tĩnh gì cả. Phải chăng con chuột đã biết tôi đang giương bẫy chờ nó? Hay hôm nay, nó kiếm được món ăn khác, nhiều và ngon hơn? Tôi đang phân vân, đã hơi nản lòng đợi chờ, bỗng thoáng nghe một tiếng động rất nhẹ. Ánh sáng chỗ cửa lỗ hơi tối đi, rồi mấy sợi râu thò ra thụt vào. Tôi như nín thở. Một chiếc mũi đỏ hỏn bé tí, rồi cả cái đầu thò ra. Đúng chú chuột hôm qua rồi. Xin mời bạn vào đây. Tôi xin lấy tình bạn bè đối xử. Tôi không làm hại bạn đâu!…Thái độ của con chuột hôm nay thật rụt rè. Nó cứ bước đi vài bước, lại dừng, nghểnh đầu, vểnh tai, nghiêng ngó về phía tôi. Hình như nó cảm thấy, hay ngửi thấy một không khí bất an. Có lẽ mắt, nhưng phải nói là mũi của nó đã ngửi thấy mùi thơm ngon ngất ngây của những hạt cơm đang mời gọi phía cửa ra vào. Biết là nguy hiểm, mất an ninh, nhưng vì dạ dày lép, miếng mồi lại mời gọi, làm cho nó mờ mắt, chân cứ tiến dần vào. Tôi bật dậy như một cái máy, chít ngay đầu cuống chổi vào cái lỗ, lối ra duy nhất của con chuột. Con chuột quả có khôn. Dù chưa thử, nhưng nó cũng biết ngay là không còn chỗ nào thoát ra, ngoài con đường duy nhất đó; vì vậy, nó chồm ra, cứ định chui đầu vào cái lỗ đã bị đầu cuống chổi của tôi bịt kín. Dĩ nhiên là không chui vào được.

Mãi một lúc, nó hiểu rằng không còn cách nào nữa, nó sắp bị bắt rồi. Nó rút vào gầm sàn phía bên kia, quay lại nhìn tôi bằng con mắt, tôi đoán là vừa khiếp sợ, lại vừa tức giận. Ngược lại, tôi nhìn nó bằng con mắt… hữu nghị, bạn bè; nhưng chẳng biết nó có hiểu như vậy không? Giữa lúc ấy, chốt cùm tôi xoạch mở. Đã chuẩn bị từ trước, lẹ như chớp, tôi chồm xuống đất chận ngay phía cửa, vì tôi nghe tiếng then cửa đã rút để mở cửa. Trong hoàn cảnh cấp bách từng giây, con chuột tuy bé tí, nhưng vì thấy thế nguy, nhảy những cú nhảy bật lên như lò xo, rất cao. Thậm chí, nó quýnh quá, nhảy cả lên sàn cao đến 60 phân. Tôi vồ cú đầu, trượt! Lợi dụng ngay cái đà đang xiêu đi của cú vồ trượt, tôi lẹ tay vơ một cái như bắt ruồi. Thế mà lại trúng ngay chú chuột. Nó nằm gọn trong tay tôi, đầu ngút ngắc tìm thế cắn.

Đang lúc đó cửa mở, tên Dư thò đầu vào quát:

- Anh làm cái gì đấy?!…

Mắt y mở to vừa ngạc nhiên, vừa bực tức. Tôi vội vàng vừa cho chân con chuột vào sợi chỉ tôi đã buộc thòng lọng sẵn, cột chân nó lại, vừa thở hổn hển trả lời rời rạc:

- Thưa ông, tôi… vồ con chuột!

Y nhìn con chuột rồi nhìn tôi; lúc đầu, y có vẻ khó chịu, mắt quắc lên; nhưng sau, ánh mắt của y dịu dần xuống như thông cảm với cái tính còn trẻ con của tôi, y chỉ dấm dẳn:

- Đập chết, rồi vứt vào nhà xí kia!

Tôi ôm bô ra, vừa khẩn khoản:

- Thưa ông, tôi buồn quá! Ông cho phép tôi nuôi nó mấy ngày thôi, chứ tôi có cơm đâu mà nuôi nó lâu?

Chắc y thấy rằng con chuột bé tí teo, chẳng hại gì. Hơn nữa, như tôi đã nói qua, y cũng thông cảm với tôi chút ít; vì vậy y chẳng nói có đồng ý hay không, chỉ giục tôi đổ bô mau lên.

Tôi tỏ vẻ rất ngoan ngoãn, chạy vội vào đổ bô, tráng xong, báo cáo ra liền. Tôi mang bô vào buồng, lại trở ra lấy cơm ngay, vì đã có cơm rồi.

Sau khi cùm đã chốt, cửa đóng, tôi cảm thấy căn buồng như ấm cúng hẳn lên. Sau nhiều ngày đêm heo hút một mình, hôm nay, tôi có "người bạn" mới, người bạn đầy tin tưởng. Dù tôi có ăn nói linh tinh điều gì về tư tưởng, tôi cũng chẳng lo gì về hậu họa, cho nên tôi sẵn sàng hy sinh mỗi bữa mươi hạt cơm, không hề ân hận.

Trước khi ăn, tôi lấy một hạt cơm ném cạnh nó như một cử chỉ mời mọc. Nó nghiêng cái đầu bé tí, ngó bằng con mắt lấm lét. Hai cái tai và hai mắt nó cứ giương lên, cụp xuống tỏ vẻ sợ sệt, chưa yên tâm. Vì vậy, hạt cơm vẫn để đấy, con chuột không ăn. Tôi vừa ăn, vừa thỉnh thoảng lại nhìn con chuột. Nó cũng nhìn tôi, rồi lại nhìn hạt cơm, nhưng nhất định không ăn. Dành cho nó dăm hạt cơm, còn tôi chén hết.

Sau khi trả bát rồi, giờ đây thật yên lặng, chỉ còn con chuột với tôi. Tôi chẳng tìm được cách nào để nói cho nó biết, hiểu được lòng tôi đối với nó là hòa bình, hữu nghị, chỉ là tình bạn bè, hai bên cùng có lợi... Hàng mấy tiếng đồng hồ, cứ ngồi nhìn con chuột lại đăm chiêu suy nghĩ, mong tìm ra một lối giải quyết, để có một cuộc sống chung hòa bình giữa người và... chuột. Vô kế khả thi, nản lòng, tôi đành nằm xuống đi ngủ, sau khi bỏ nốt mấy hạt cơm xuống nền nhà, gần bên nó.

Chợp mắt được một lát, tôi giật mình thức dậy. Nhìn xuống chỗ con chuột, thấy nó vẫn ngồi chồm hổm, ngước đôi mắt tí hi lên nhìn tôi, những hạt cơm vẫn còn nguyên trên sàn. Có lẽ nó không ngủ? Tôi mặc kệ, lại nhắm mắt ngủ tiếp. Tôi nghĩ, rồi trước sau gì nó cũng phải ăn cơm. Nó cũng là một sinh vật như tôi; nếu mai không ăn, thì ngày kia sẽ phải ăn. Tôi thoải mái đi vào những suy tư của riêng mình.

Sáng hôm sau, khi tôi mở mắt ra, nhìn xuống nền nhà, con chuột đã... biến mất rồi, cả những hạt cơm cũng bay hết; chỉ còn một đoạn chỉ ngòng ngoèo, chơ vơ nằm đó. Chà, tôi thật là ngố, và đánh giá quá thấp "người bạn" mới này. Chuột mà cắn, chỉ gì lại không đút; trừ có giây kim loại thôi. Thế mà sao tôi không nghĩ ra. Thật là tiếc công, lại tiếc cả người bạn chưa thân đã bỏ nhau rồi. Anh bạn ra đi, vẫn không quên chén sạch mấy hạt cơm của tôi... mời.

Bây giờ, chắc gì nó trở lại nữa. Dù vậy, trưa hôm sau, tôi vẫn để lại mấy hạt cơm, cho nó thấy mồi, biết đâu nó lại vào nữa thì sao? Mãi gần mười ngày sau, tôi đã tưởng không bao giờ trông thấy nó nữa, thì cũng vào một buổi trưa, không khí cuối Hạ vẫn còn oi nồng, tôi đang nằm mơ màng chờ giờ cơm chiều, mắt lơ đãng nhìn đây đó chẳng có một chủ định gì, từ chiếc cửa sổ nhỏ, đến chiếc cùm; rồi chợt nhìn đến chỗ mấy hạt cơm dưới nền nhà, tôi thấy đã biến mất. Ngồi bật dậy, tôi đưa mắt nhìn quanh kỹ hơn, không một âm thanh, dù nhỏ bé. Xà lim vẫn yên ắng như tờ. Vậy là chú chuột đã trở lại? Hay một chú chuột khác? Thế là, tôi quyết định ngày hôm sau lại chủ ý rình.

Trưa hôm sau, cũng mấy hạt cơm làm mồi, và như lần trước... tôi lại tóm được chú chuột ngày xưa ấy.

Có thể thời buổi khó khăn, nó đã tha phương cầu thực nhiều nơi, nhưng vẫn không tìm được nguồn sống, trừ căn buồng của tôi. Tuy đã bị bắt một lần và đã... đào thoát được, (chắc lúc nó thoát, đã tự hứa sẽ "cạch" đến già, không bao giờ trở lại cái buồng của tôi nữa...)

Nhưng, khốn thay, mò mẫm đến đâu cũng chẳng có gì đút bụng; cho nên, vì sự sống còn, biết là đầy dẫy hiểm nguy, nó cũng đành phải xông vào chỗ chết để tìm cái sống vậy. Và, lại rơi vào tay tôi. Âu là, dù khôn, dù biết,

nhưng vẫn không tách rời khỏi điều kiện,

Lần này, tóm được nó, tôi không thể nhân nhượng, tôi không thể để nó có một điều kiện nào thoát khỏi tay tôi một lần nữa. Vì thế nên khi ra trả bát xong, và sau khi đã bị cùm, khóa đâu vào đấy rồi, tôi cúi xuống cầm sợi dây, kéo vào, lựa thế chộp nó. Nó lồng lộn, tìm cách vuột ra, nhưng làm sao được, chân đã bị buộc rồi. Nắm chặt nó trong lòng bàn tay, nhìn đôi mắt thất thần của nó, tôi lịch sự:

- Chỉ vì tôi muốn sống chung với "bạn", vậy bạn vui long cho tôi mượn bạn…hai cái răng cửa!

Tôi hiểu rằng, nếu nói được tiếng người, chắc chắn nó sẽ phản đối kịch liệt. Đời nào nó lại đồng ý với cái lý do kỳ khôi ấy. Khốn, đây cũng là cái lý của kẻ khỏe trên cõi đời này mà. Thế là tôi vặn nghiến hai cái răng của nó. Từ nay đừng hòng cắn dây buộc để thoát cũi, xổ lồng nữa nhé…!

Người và vật ở với nhau, mãi rồi cũng thành quen. Nó không còn sợ tôi như buổi ban đầu nữa. Thậm chí, đã có lần tôi cho nó rúc cả vào bụng tôi. Cuộc sống của tôi, kể từ ngày có nó, thấy ấm cúng hẳn lên…

Tối nay, cũng như mọi tôi, tôi đang ngồi đùa bỡn, chuyện trò với… con chuột, đột nhiên súng nổ như bắp rang, xen lẫn những tiếng ùng ục rung trời chuyển đất. Hôm nay đặc biệt không có còi hụ, như vậy, Mỹ đã có một phương pháp nào đó để đánh lừa màng lưới "ra đa" của Cộng Sản. Chiếc cánh cửa xà lim rung lên bần bật như trái đất rùng mình. Con chuột hôm nay hình như cũng sợ quá, chui mãi vào chỗ rốn của tôi, Cái tay nó cứ ngọ nguậy, nhất là những cái lông mõm của nó cứ chà đi xát lại, da bụng của tôi làm tôi nhiều lúc nổi da gà, nhưng cũng thật…đê mê.

Đèn bỗng phụt tắt. Không biết đường dây điện bị đứt, hay nhà máy điện bị đành? Cả tiếng loa vẫn hồng hộc quát tháo om xòm bây giờ cũng câm bặt. Trời tối đen như mực. Những ánh chớp nhấp nháy xanh lè liên tục với những tiếng đạn nổ, bom rơi. Tôi rất tiếc là cái chân bị cùm, và tôi phải ở xà lim, chứ lúc này mà được nhìn ra ngoài trời, hẳn là như được dự một đêm hoa đăng muôn hồng, nghìn tía của ánh hào quang.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, còi hụ mới báo an, nghe ư ử như con bò cái gọi đực kéo dài.Vừa ngắt giọng như hết hơi thì súng và bom lại nổ tơi bời; những làn chớp lại nhấp nháy liên hồi như trong quán rượu nhảy đầm vậy.

Tôi không thể tưởng tượng được đạn của Cộng Sản ở đâu mà nhiều thế. Không biết bao nhiêu khẩu pháo bắn "liên chi hồ điệp", không lúc nào ngừng, tưởng như vỡ cả bầu trời Hà Nội ra! Mà dạo này, mật độ của máy bay Mỹ bắn phá Hà Nội càng nhiều hơn. Có đêm 3, 4 trận; có ngày liên tục không biết bao nhiêu trận. Có khi lại bằng đi cả nửa tháng yên lành; rồi lại sùng sục đạn réo, hỏa tiễn bay và máy bay rơi, cũng như tơi bời người chết. Tôi hiểu, Mỹ đã dùng nhiều chiến thuật, nhiều thủ đoạn để đánh Hà Nội nói riêng, và miền Bắc nói chung. Nhưng, như tôi đã trình bày ở trên, Cộng Sản đã nghiên cứu được hết. Tình trạng này, cũng giống như kẻ đi buôn lậu, với lính "đoan" bắt hàng lậu. Người buôn lậu mỗi khi tìm cách giấu hàng mới, chỉ thoát được chuyến đầu. Sau, làm nữa, thế nào cũng bị lộ tẩy.

Hôm nay, là Chủ Nhật. Mãi gần 9 giờ, mới có cán bộ vào mở các buồng cho ra rửa. Đến lượt tôi, qua cách mở cửa, mở cùm, tôi đã biết là cán bộ lạ. Khi bưng bô ra khỏi cửa, tôi mới biết đó là tên Ba. Tay này rất lầm lì, ít nói. Y là trung sĩ, người Nghệ An, trước đây đã có thời gian trực ở xà lim III.

Lúc tôi mang bô vào, y đang ở trong buồng tôi. Y trừng mắt nhìn tôi, tay chỉ con chuột:

- Chuột nào đây?

- Thưa ông, nó chui vào buồng, nên tôi bắt nó!

- Ở trong này, ai cho anh nuôi chuột?

- Tôi thấy nó bé ti, nên buộc nó chơi cho đỡ buồn…

Y gằn giọng quát:

- Đập chết, vất ra ngoài!

Thấy y nổi nóng, tôi mềm dẻo trình bày:

- Thưa ông, tôi đã buộc, nuôi nó hơn nửa tháng nay rồi. Nó không làm ảnh hưởng gì đến xà lim cả ạ.

- Không được! Anh có nghe lệnh của tôi không?

Thấy tình hình căng, vì tiếc con chuột, dạo này đã quen tôi, nên tôi cố nắn nì:

- Xin ông thông cảm, ngày mai tôi sẽ giết nó, ném vào nhà xí!

Y quay lại tôi, xửng cổ:

- Bỏ chân vào!

Tôi ngồi ghệ vào sàn, rồi bỏ chân vào cùm. Y trở ra bên ngoài cửa, chốt cùm. Rồi y xồng xộc đi vào, lấy chân đạp mạnh vào con chuột. Tim tôi như thót lại. Con chuột rất lanh, nhảy tránh được. Y càng tức, co chân lên rồi đạp xuống lung tung nhiều lần. Vì bị vướng sợi dây "oan nghiệp" mà tôi đã buộc vào chân nó, cuối cùng nó không tránh được. Nghe đánh 'bẹt" một tiếng. Tôi nhìn con chuột ruột bị phòi ra; hai con mắt tí hon như hai hạt cườm đen trắng long lanh phọt hẳn ra ngoài, long thòng hai chân, hai tay nó run lên bần bật, rồi uể oải dần, cho tới khi ngừng hẳn.

Một luồng hơi nóng chạy ngược từ dưới cổ tôi lên trên mắt. Tôi nhìn tên cán bộ! Tôi muốn y phải giống như con chuột. Nhưng, chợt nhìn thấy cái chân mình trong cùm, rồi lại nghĩ đến cái thế của mình lúc này, tôi thấy như có một gáo nước lạnh dội vào đầu. Tôi đành cụp mắt xuống! Trước khi quay ra, đóng, khóa cửa, y còn ngoái lại nhìn tôi bằng đôi mắt lừ đừ khiêu khích.

Thân tôi thật hèn! Không bảo vệ được cho ngay… một con chuột. Cửa đã đóng lại, tôi nhìn xác con chuột bẹp dí, ruột gan lòi cả ra ngoài mà thấy như ruột gan mình cũng tìm dần lại.

Cái chết của con chuột, làm tôi suy nghĩ và buồn đến mấy ngày; liên tưởng đến cuộc đời, gia đình, xã hội. Bao nhiêu vấn đề đang diễn tiến, đổi thay, thế mà thân mình vẫn cứ nằm dài một chỗ nhìn ngày tháng dần qua… Đã ba năm bốn tháng rồi, nhìn về ngày mai, chưa biết đến bao giờ! Cái khổ cực kinh khủng nhất là cái chân cứ lẳng nhẳng ở trong cùm. Ngay đến nằm, hay ngồi, cũng còn không được tự do nữa, nói chi được ra ngoài, đi lại. Ở miền Nam, bao nhiêu cuộc đảo chính, bao nhiêu biến thiên, vũng lên… đổi, đổi thành… vũng! Bạn bè, thân thuộc ai còn, ai mất, ai lên đổi, ai xuống vũng? Trong khi quân đội Mỹ kéo vào ùn ùn. Một nỗi ngổn ngang trăm mối trong đầu.

Con chuột, "người bạn" mới, chết đi làm tôi rầu rĩ, nặng nề; rôi quên bẵng đi những nguyên tắc sống mà chình mình đã tự đề ra. Mấy ngày qua, lòng tôi cứ héo hắt, âu sầu. Tôi chợt nhớ đến một câu hát "Que sera sera! What ever will be … will be!", phải rồi. Lúc này hãy buông trôi nó, có suy nghĩ mãi, cũng đâu giải quyết được gì! Tôi lại nhớ đến một ý thơ của Thâm Tâm, nhưng lộn xộn trong đầu:

"Mẹ thà coi như giấc ngủ ngày,
"Tình thà coi như… khói thuốc say,
"Em thà coi như chiếc là bay,
"Nước thà coi như… bát cơm đầy…".

Nhưng, tôi hiện giờ, cũng chỉ được hưởng giấc ngủ ngày: còn khói thuốc say và nhìn lá bay thì đâu có! Chứ bát cơm đầy, thì bao giờ mới được hưởng?…

Chương 61

Nằm…..đếm mùa Thu qua…..

Trời đã lại chuyển sang Thu. Cứ mùa Thu rồi lại mùa Thu. Tôi cứ nằm đây để đếm mùa Thu qua, cho đến mùa Thu nào là mùa Thu cuối cùng?…Trên đài nheo nhéo là cho đến hôm nay, miền Bắc đã bắn rơi được…1261 máy bay Mỹ đủ loại; và đã bắt được nhiều phi công… Cứ mỗi trận đánh, hoặc trong một ngày, trên đài, trên báo chúng thường thông báo rõ ràng. Thậm chí, nhắc đi nhắc lại con số máy bay Mỹ các loại bị bắn rơi trên miền Bắc, cộng vào từng ngày nâng tổng số là bao nhiêu chiếc. Nhưng, riêng về phi công, thì chúng luôn luôn nói lấp lửng: Hôm nay bắt thêm 3 tên, hôm khác bắt thêm hai tên, hôm khác nữa bắt thêm một số tên v.v…nhưng không hề tuyên bố, đã nâng tổng số là bao nhiêu phi công. Điều đó, chứng tỏ là ngay từ lúc này, Việt Cộng đã có ý đồ dùng vấn đề phi công để làm áp lực với Mỹ sau này.

Ai cũng hiểu, Cộng Sản ra cái vẻ thông báo với thế giới từng trận đánh, và con số "1261 máy bay Mỹ bị hạ cho tới nay" là phóng đại.

Tôi tưởng tượng một câu chuyện về số máy bay Mỹ bị hạ trên miền Bắc, rồi cười một mình:

"Một hôm Mao Trạch Đông nhấc điện thoại đặc biệt hỏi chuyện Hồ Chí Minh:

-A lô! Chú Hồ đấy hả?

-Dạ, em đây. Anh cần dạy gì em?

-Trên đài và báo chí, chú mày nói đã hạ được 1261 máy bay Mỹ. Chỗ anh em trong nhà, chú mày phải nói thực với ta: Đúng ra chú mày hạ được bao nhiêu cái?

-Thưa, anh hỏi em phải nói thực, để cùng nhau rút ra những bài học kinh nghiệm. Thú thực, chỉ có 514 cái thôi anh ạ.

Một tiếng "thình!", Mao giận quá nên đập tay lên bàn:

-Chú mày lại bịp cả ta nữa! Theo tin của cơ quan tình báo tại chỗ của ta thì, Bắc Việt từ khi có chiến tranh phá hoại của Mỹ tới nay, mới bắn rơi được 184 cái thôi! Đến ta với chú mày vừa là đồng chí, vừa là anh em mà chú mày còn bịp, thì trên cái cõi đời này, còn ai mà chú mày không bịp nữa?".

Sáng hôm sau, mùng 2 tháng 9. Mọi năm vào những ngày này, ôi, cứ là nhức cả đầu với tiếng loa. Nào là, thuyết minh cảnh diễn binh, biểu tình; nào là bài diễn văn trang giang đại hải… Nhưng năm nay, chúng đã im lìm làm lễ trước rồi, trong một xó xỉnh núi rừng nào đó. Bởi vì, hầu hết bọn đầu não Cộng Sản Hà Nội đâu còn ở thủ đô nữa; chỉ trừ những trường hợp cá biệt, một hay hai tên đi về tiếp xúc với các phái đoàn ngoại giao mà thôi!

Chẳng hiểu hôm nay, máy bay Mỹ có vào "thăm" miền Bắc, hoặc Hà Nội không đây? Có thể, người Mỹ lịch sự, hay có "giơ" chơi kiểu người lớn! Tôn trọng văn hóa các dân tộc, và nhân phẩm. Dù rằng có phải vì thế mà lính bị chết nhiều, hoặc thua Cộng Sản, thì cũng không thể chơi kiểu tiểu nhân như Cộng Sản được? Cho nên, bà con có thể cứ yên tâm đi cày cho khỏe vào, mà hưởng ngày "Cuốc Khéo"!…

Mãi gần 9 giờ, cán bộ mới vào mở các buồng cho tù ra đổ bô. Đến lượt buồng tôi, vừa mới ra khỏi cửa, tôi thoáng thấy tên Dư hôm nay mặc quần áo đại lễ vàng ươm, ủi cứng ngắc. Hai miếng "hàm" chuẩn úy đỏ loẹt, mới toanh gắn chéo vào hai bên ve áo. Mặt y tươi roi rói dưới cái mũ kê-pi cũng màu vàng, có chiếc đai đỏ như máu. Tôi có cảm tưởng cả bộ quần áo, và cái mũ như bằng giấy, nhất là nhìn xuống đầu hai tay áo của y, một bên chỉ thấy chùm chìa khóa đang rung rung, lúc lắc; còn bên chỉ nhìn thấy có hai, ba đầu ngón tay giữa thò ra chừng một đốt, đang ngọ nguậy. Cả con người lão trông, có lúc y hệt như những hình nhân xếp đầy ở ngoài hè, trên phố hàng Mã thời trước 1954. Nhưng, có lúc như những người nhà "đòn" đội mũ, mặc đồng phục để khênh quan tài người chết.

Vào buồng tắm, tôi vừa cọ bô vừa suy nghĩ. Đâu phải những tên cáo già Bộ Chính Trị miền Bắc không thấy như vậy! Nhưng, vì chúng đã hiểu, chính những cái "quê một cục" ấy là một yếu tố không thể thiếu, để tạo nên sức mạnh của chế độ đấy! Chúng thừa hiểu những bộ đồ "đờ luých" cắt may vừa vặn, những sự ngang bướng, lấy le, trở thành hình thức oai phong, nhưng trống rỗng tâm hồn hoặc chỉ bàn tán chửi đổng, cấp trên mà thôi! Cho nên, như con rắn, chỉ cần cái đầu thật khôn lanh, tinh quái, còn phần đuôi chỉ biết theo đầu, thì mới mạnh được.

Lúc ôm bô trở ra, dù đã hiểu thế, nhưng khi thấy tên Dư (người thì bé nhỏ, mà y lại tỏ ra bộ điệu quan trọng nữa chứ, khi y di chuyển chỗ này đến chỗ kia, trông nó cứng ngắc như trong cái hộp, giống như con ốc "mượn hồn" đang đi trên bãi cát ở biển), tôi phải qua đi chỗ khác, để cho hai cái mép của mình được thoải mái kéo rộng ra hai bên.

Khi ra lấy cơm, tôi lại thấy hai tên Chiến và Nhiễm cũng như hai con ốc "mượn hồn", đang từ ngoài cổng xà lim đi vào. Tên Chiến lên thiếu úy, tên Nhiễm cũng lên chuẩn úy. Mặt tên nào cũng tươi roi rói. Tôi nhớ là mới năm 1963 vừa rồi, chúng đã được lên một lượt nữa. Phải chăng, hoàn cảnh đã dẫn đến thời chiến, những tên Bộ Chính Trị phải cần mua, phải cần "bơm" nhưng tên cán bộ cơ sở, hạ tầng trong mọi ngành nghề của toàn quốc? Tôi không được nhìn thấy cán bộ của các ngành khác, cho nên tôi chưa dám kết luận.

Ngày hôm sau, mới sáng ra, tên Bằng đã gọi tôi đi cung sớm. Đã khá lâu rồi, phải tới 2, 3 tháng nay, không hề gọi tôi đi. Chả hiểu hôm nay lại có chuyện gì mới? Khi ra khỏi cổng xà lim, nhìn ra sân trại chung, tôi thấy đã khác lạ hẳn với trước dây. Từ mấy căn nhà cạnh xà lim II, ra tới cái chòi, có mắc bốn cái loa ở giữa sân, bây giờ đã đóng cột quây cót lại thành một khu riêng. Những lá cót đóng, che cao chừng 2m2. Nhưng, phía dưới chân để hở ra chừng 30 phân của cái tường cót, thấy rất nhiều những cái chân trắng, đầy lông lá. Đa số là đi chân không, chả có giày, dép đi. Tôi hiểu ngay là mấy buồng kia, cạnh xà lim II, là chỗ giam phi công Mỹ. Phải quây cót ra, chiếm một phần sân, để hàng ngày cho phi công Mỹ ra tắm rửa, ăn uống. Phải quây cót lại vì Cộng Sản không muốn tù Mỹ và tù Việt Nam nhìn thấy nhau.

Tôi mải ngoái cổ nhìn những bàn chân to, nhưng gầy (thỉnh thoảng có những bàn chân đen ngòm, xen lẫn với những bàn chân còn quấn băng từng cục), mãi tới khi một tiếng quát làm tôi giật mình:

-Không đi, nhìn cái gì?

Tôi quay lại, tên Bằng đang lừ đừ nhìn tôi. Tôi tỏ vẻ trầm trồ, nói với y:

-Bắt được nhiều phi công quá!

Y lạnh lùng, chẳng trả lời tôi. Khi tôi ra tới chỗ phòng trực, cũng vừa lúc có hai tên cán bộ chấp pháp lạ, đang nhận lãnh hai anh phi công, một anh cao lênh khênh gầy nhỏng và một anh tầm thước có bộ râu quai nón chổi xể. Anh có bộ râu quai nón đưa mắt nhìn tôi hai lần; chẳng hiểu anh nghĩ gì? Chắc anh thấy một thân hình trắng xanh, ốm tong teo với đôi mắt trắng dã, nên anh nhìn chăng? Nghĩ thế, vì mấy lần trước đây, khi bị đi gọi cung, ra tới sân trại chung, tôi thấy một đám tù thanh niên rách rưới, tuổi khoảng trên, dưới 20, chỉ trỏ tôi với nhiều tiếng nói to:

- Nguyễn Văn Trỗi, chúng mày ơi!

Tôi cũng không hiểu tại sao đám tù đó nhìn tôi lại gọi là "Nguyễn Văn Trỗi"? Phải chăng chúng nhìn thấy tôi từ ở trong cổng xà lim ra, phía sau có một cán bộ áo vàng; và có thể tôi có một dáng dấp giông giống như tên Nguyễn Văn Trỗi "chó chết" chăng, nên chúng đã thì thầm gán ghép cho tôi? Phải nói, sự gán ghép này chẳng làm cho tôi vui gì. Nhất là tôi cũng chẳng nhìn thấy hình ảnh tên Trỗi ra làm sao?

Khi ra tới sân trước, tức là sân có giàn nho, trên hành lang thang đi qua các phòng, tôi liếc vào cũng thấy một vài anh mũi lõ, mắt xanh đang ngồi ở chiếc ghế đẩu của bị can, giống như tôi vẫn ngồi. Như thế, điều này cho phép tôi hiểu, dạo này một số trong ngành chấp pháp của miền Bắc đã được học lớp cấp tốc Anh văn, hoặc những người đã giỏi Anh văn được huấn luyện để bổ sung cho ngành chấp pháp, nhằm tăng cường người hỏi và khai thác phi công Mỹ về tin tức, về những phương pháp, cũng như nghệ thuật không chiến và bắn phá, v.v…

Kẻ hỏi cung tôi hôm nay là tên Đặng, người Huế. Kỳ này y lại đeo kính trắng nữa chứ. Một tên cán bộ lạ đang giở chồng hồ sơ dầy cộm trên bàn. Tôi chưa xác định được vấn đề gì, cho nên, theo thói quen như mọi khi, tôi ngồi yên cúi đầu và chờ đợi. Với giọng miền Trung giòn và cứng, tên Đặng bắt đầu lên tiếng:

-Dạo này anh khỏe hỉ?

-Thưa ông, tôi vẫn bình thường.

Y nhìn tôi đăm đăm qua đôi mắt kính, rồi chậm rãi:

- Hôm nay, chúng tôi nghiên cứu lại toàn bộ hồ sơ của anh. Đã hơn ba năm rồi, tư tưởng của anh không có gì chuyển biến, chỉ vì anh đã mang sẵn trong người giòng máu phản động. Chính vì vậy, anh chỉ thấy chủ nghĩa xã hội nghèo nàn, lạc hậu, người dân phải đẩy xe bò, không có tự do đi lại, v.v… Anh làm sao nhìn thấy sức mạnh đang vươn lên như Phù Đổng của toàn dân, một sức mạnh mà Mỹ, một tên hiếu chiến siêu cường hùng mạnh nhất thế giới, cũng đang phải điên đầu, ngang ngửa. Rồi đây, thời gian sẽ gột rửa giòng máu phản động trong con người của anh. Vậy, anh hãy nghe tôi đọc. Những đoạn nào trước đây anh đã khai báo nhưng chưa ký, bây giờ yêu cầu anh ký vào.

Cúi đầu, ngồi yên nghe y nói, tôi nhớ lại một buổi gần 3 năm về trước, hai tên Nhuận và Thành đã vui vẻ hỏi tôi nhận định về xã hội chủ nghĩa: Điều gì đồng ý? Điều gì tôi không đồng ý?

Tôi nhìn toàn bộ. Ngay từ cái gốc, Cộng Sản chỉ là một chủ nghĩa bịp bợm người ngây thơ, người lười suy nghĩ, để rồi cuối cùng khi mình bị chúng trói được rồi, chúng mới lột mặt nạ ra cho xem bộ mặt thật. Chúng chỉ là một lũ quỷ mắt đỏ, mồm xanh, răng nanh dài thượt, nhọn hoắt, chuyên ăn thịt người. Lúc đó, mình có muốn chống lại, đã muộn rồi!

Trong cái thế của tôi lúc đó, khi hai tên Thành và Nhuận hỏi, tôi vẫn không có ý kiến, hoặc nói ngược hẳn lại ý nghĩ, rằng tôi thích xã hội chủ nghĩa lắm. Mãi tới khi tên Nhuận cam đoan những lời nhận định, góp ý xây dựng của tôi sẽ không ảnh hưởng gì đến tôi cả, thì vô lý, không biện chứng; nên đành chỉ nói điều mà ai cũng trông thấy. Đó là cảnh người kéo xe bò, v.v… thấy họ cực khổ quá, nhưng tin chắc rằng ít năm sau sẽ khá hơn… Tôi cố ý nói như vậy để chúng mới tin là "tôi thích Cộng Sản" và cũng có một vài điểm tôi thấy chưa tốt. Tôi còn lạ gì lời dụ dỗ, hứa, hay cam đoan của Cộng Sản! Chỉ có thế. Bây giờ, sau hơn 3 năm rồi, chúng lại đem cái đó ra để sỉ vả tôi. Càng thêm một bài học cho tôi!

Chúng chỉ đọc sơ lại, rồi đưa tôi ký. Nhiều chỗ, chúng chẳng đọc cứ đưa tôi ký. Tôi cũng chẳng ngán gì. Dù bảo tôi ký vào bản án tử hình bây giờ, tôi cũng ký. Hơn nữa, tôi cũng tự hiểu, khi đã ở trong tay chúng rồi, những chuyện này cũng chỉ là hình thức. Nếu chúng định giết, định bắn, thì có lý bằng trời chúng cũng bắn, cũng giết. Vậy, ít ra phải hiểu nhau một tí chứ! Chính tôi đã nói thẳng với tên Đặng là khỏi cần phải đọc lại, mất công, cứ xem chỗ nào cần tôi ký, cứ đưa đây! Cả hai tên đều nhìn tôi bằng ánh mắt dịu mềm. Vậy mà cũng tới trưa, tôi mới được chúng cho về. Trên đường theo lão Bằng về xà lim, khi qua sân giàn nho, lão Bằng gặp một tên cán bộ, nên y ra hiệu tay bảo tôi chờ, để ý nói chuyện với tên cán bộ đó.

Mấy tháng nay, mới lại nhìn thấy màu trời. Trời mùa Thu thăm thẳm trong xanh. Một vài áng mây trắng lưa thưa đây đó, như những bông cúc, bông huệ trắng dính vào miếng vải xanh cánh chả. Mũi tôi đang tưởng tượng mùi huệ, mùi cúc, chợt mắt tôi nhìn thấy mấy đốm trắng bé tí ti, sáng chói như những con cò trắng bay rất cao.Đến khi tôi chợt nhận ra, đó là những chiếc máy bay, cũng là lúc còi báo động hồng hộc rú lên như con bò mộng bị thọc tiết, nấc lên từng đợt ùng ục. Rồi súng và bom nổ rầm trời…

Hôm nay, tôi mới trông thấy máy bay Mỹ nhào xuống như điện chớp; và những đường đạn phía dưới bắn lên khắp đó đây như những đường chỉ trắng, ngắt từng quãng đều nhau chọc thẳng lên bầu trời xanh, trông như những tua khói trắng của chiếc pháo bông, sau khi nổ trong đêm hội hoa đăng.

Tôi mải mê ngửa cổ nhìn lên trời, bỗng tôi thót người vì tiếng quát giật giọng:

-Chui vào đây! Muốn chết à!?

Tôi nhìn về phía tiếng quát. Mãi trong một lỗ hầm tối om, ở một góc sân, một bàn tay áo vàng đang thò ra vời tôi rối rít. Tôi chạy tới gần cửa hầm, nhìn vào bên trong, thì ra tên Bằng cùng với 4, 5 tên áo vàng nữa, tôi chả biết ai với ai. Tên Bằng đang trợn trừng nhìn tôi. Tôi vừa cúi đầu chui vào, y đã cầm tay tôi lôi tụt vào trong, làm tôi ngã chúi đầu vào y.

-Ai cho phép anh đứng đấy nhìn máy bay?

Tôi nghĩ bụng: "Tôi cho phép tôi đứng chứ ai!" nhưng tôi chỉ nhỏ nhẽ trả lời:

-Thưa ông, tôi tưởng không được vào hầm với các ông!?

Y chẳng biết phải nói gì với tôi thế nào, cuối cùng, chỉ buông thõng:

- Vớ vẩn!

Ngồi trong hầm nhìn ra, tôi chỉ thấy một luống hoa hướng dương đã gần tàn, che lấp cửa hầm. Bên ngoài, bom cứ rơi, đạn cứ nổ. Có vào trong hầm, nghe những tên cán bộ thì thầm nói chuyện, tôi mới biết là đa số cán bộ Hỏa Lò

phải chạy chui vào trong hầm, là vì chúng sợ máy bay Mỹ thì ít, mà sợ mảnh đạn phòng không rơi vào đầu thì nhiều. Qua câu chuyện của chúng, Hà Nội đã có nhiều người bị thương, thậm chí có người chết vì... mảnh đạn của đại pháo và trung pháo phòng không.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, còi mới báo an. Tên Bằng giục tôi về xà lim ngay. Khi về qua sân trại chung, tôi thấy sân vắng tanh. Như vậy, mỗi khi có còi báo động, tất cả tù phải vào trong buồng.

Chương 62

Thăm tù.....
Người lạ mặt là ai?

Sau buổi đi cung chừng hơn tuần lễ, một buổi chiều, tôi đang nằm nhắm mắt dưỡng sinh, chợt có tiếng khóa xọc xạch, rồi cửa mở.

Tôi vội vàng ngồi dậy, nhìn ra: Tên Dư. Tôi đang lạ là cơm nước đã ăn, bát trả rồi; lúc này lại sắp hết giờ làm việc; vậy còn cung kẹo gì nữa, y vào buồng tôi làm gì?... Với một giọng nhẹ nhẹ và dịu dàng, tên Dư nói:

-Được lệnh ban giám thị, tôi tha cùm cho anh!

Mắt tôi mở to! Mồm tôi há hốc! Tôi tưởng mình nghe lầm. Tôi đờ đẫn cả người, chỉ dạ lên một tiếng; mặc dù trong lòng muốn hỏi lại là "cán bộ nói gì!"

Tên Dư trở ra ngoài, rút chốt cùm đánh xoạch một cái. Tôi vẫn còn chưa hết bàng hoàng, chậm chạp nhấc cùm, rồi nhấc chân ra. Tôi vừa đặt cùm xuống, y thò cổ vào ngó, rồi y đút chốt cùm lại.

Cửa đã cài khóa rồi, tôi còn ngồi ngơ ngác ngẩn ngơ, như vẫn chưa tin. Hai tay tự nhiên cứ vuốt ve, xoa nắn cái chân vừa lấy từ cùm ra.

Đã hơn ba năm nay, chiếc cùm cứ ám ảnh đời tù của tôi như một oan nghiệt! Nhiều lần, tôi tưởng đã phải về lòng đất Mẹ cũng vì nó. Đến nỗi, năm ngoái, đã có lần tôi định lên gặp chấp pháp tự nguyện, tự nhận mình là kẻ có tội với nhân dân, với đảng, đáng phải chặt một bàn chân để đền tội và để khỏi cùm nữa. Bởi vì, lúc đó, tôi quá khổ đau, phẫn uất, suốt tháng này qua tháng khác, cái chân cứ lẳng nhẳng trong cùm đêm cũng như ngày. Thà chịu chặt một bàn chân còn sướng hơn! Còn chân, hay mất chân, tấm thân này cũng vẫn ở trong tù. Chặt chân, chỉ bị đau vài tháng, nhưng sau đó, sẽ không còn cái cảnh đái, nằm, ngồi, ngủ, thức với biết bao nhiêu khổ cực, bực dọc vì cái chân cứ dính chặt vào cùm.

Thế mà bây giờ, lại được tha! Vậy là từ nay tôi đã được tự do rồi! Sẽ tha hồ, muốn ngồi thì ngồi, muốn đứng thì đứng, muốn đi thì đi. Tha hồ tập thể dục!

Ôi, tự do! Sao mà mi quý giá vô ngần! Ta nguyện tôn thờ mi trọn cuộc đời ta!

Nhìn lại gia tài mình, tôi chẳng có cái gì để ăn mừng cả, thật đáng tiếc! lòng tôi lúc này cảm thấy nhẹ nhàng, lâng lâng phơi phới.

Bây giờ, hàng ngày, tôi có thể làm được nhiều việc trong buồng, chứ không còn đơn điệu chỉ có nằm và ngồi như mọi khi nữa. Sáng sớm, ngoài những động tác tập thể dục như mọi lần, tôi lại chạy tại chỗ 100 bước, thở hít nhiều

hơn. Nằm chán, tôi lại bò dậy đi bách bộ, cứ 8 bước vừa đúng một vòng cái khung nền hình chữ nhật giữa hai sàn xi măng. Hai cạnh dài, mỗi cạnh 3 bước; hai cạnh ngắn, mỗi cạnh 1 bước. Tôi đi bách bộ nửa tiếng, lại nằm nửa tiếng, rồi ngồi nửa tiếng; cứ luân phiên như vậy, cho tới 9 giờ tôi thì đi ngủ. Sáng 6 giờ dậy (dĩ nhiên, thời khắc tôi chỉ ước chừng gắn liền với tiếng đài và giờ giấc làm nghỉ của cán bộ).

Cứ như vậy, ngày nào cũng như ngày nào, từ sáng đến trưa, từ trưa tới chiều, từ chiều tới tối…

Lúc này, vì mới được tha cùm, nên có vẻ ngoan ngoãn lắm, chưa hề dám tính đến việc tò mò liên lạc, nói chuyện với các buồng khác. Nhưng, vào lúc 8 giờ tối hôm qua, khi tôi nghe thoáng tiếng động ở cánh cổng xà lim, rồi có tiếng giày cồm cộp từ ngoài cổng xà lim, rồi có tiếng giày, còn có cả tiếng xền xệt của đôi dép râu nữa; tôi ngạc nhiên vểnh tai lên nghe ngóng. Ngay khi tôi còn ở Hà Nội, rồi đến những ngày cung kẹo ra vào, lên xuống trong Hỏa Lò hàng mấy năm, tôi cũng chưa hề thấy ai đi giầy, nện xuống gạch cồm cộp như vậy cả. Tôi phân vân, rồi phán đoán hay là người ngoại quốc. Vì vậy, tôi càng cố gắng nghe xem tiếng nói chuyện; nhưng vẫn còn im phăng phắc. Cuối cùng, tiếng giày cộp kệt như đập vào tai mọi người đang đi dần vào buồng số 4. Tôi hơi hồi hộp, buồng số 4 ngay cạnh buồng tôi.

Một lúc, rồi cửa đóng, khóa. Không còn một tiếng động. Mãi sau đó, tôi nghe tiếng kéo bô đi giải, rồi không còn nghe gì nữa… Chán rồi tôi cũng ngủ. Ngày mai, trước sau, thế nào chả biết, nhất là bây giờ tôi lại không bị cùm, dễ có điều kiện tìm hiểu hơn.

Sáng hôm sau, đến giờ đi đổ bô, tôi lắng nghe khi mở buồng số 4 xem thế nào: Có tiếng chân ra vào nhà tắm, nhưng không còn nghe tiếng cộp cộp của đôi giày độc đáo nữa. Rồi sau đó, khi buồng số 4 đi cung, tôi cũng không còn nghe thấy tiếng giày nữa. Như vậy, số 4 phải là người Việt! Mà người Việt gì lại đi giày hách thế? Chắc rằng số 4 cũng thấy là tiếng giày của mình lạc lõng, lẻ loi, không thể yên tâm đi được ở đây; vì thế, đã phải bỏ ra để đi chân đất.

Chỉ ba ngày sau, tôi nghe thấy tiếng số 4 khi báo cáo xin thuốc đau bụng đi ngoài. Nghe qua tiếng nói, trọ trẹ như giọng Quảng Bình nhưng đã pha nhiều tiếng Bắc, tôi đoán số 4 sấp sỉ chỉ bằng tuổi tôi, nghĩa là khoảng 26, 27 . Điều đó, càng gây cho tôi tò mò, nhất là tiếng giầy đặc biệt. Những ngày tới, tôi sẽ phải tìm được câu trả lời!

Sáng hôm sau, sau khi cơm nước xong, tôi đang chuẩn bị đánh một giấc ngủ ngày, bỗng từ ngoài sân có tiếng ồn ào của một đoàn người đi vào xà lim. Tôi nghĩ, lại có phái đoàn nào đó vào tham quan hai cái buồng của Hoàng Văn Thụ và Trần Đăng Ninh? Nhưng, như mọi khi, phái đoàn tham quan thường đi vào Chủ Nhật; vậy nếu không phải, thì đây là đoàn gì?

Tôi bước gần ra phía cánh cửa. Áp sát tai vào chiếc cửa sổ nhỏ lắng nghe. Có tiếng mở buồng số 2; rồi lại buồng số 13. Tôi đoán không sai mà! Tôi đang chờ như mọi khi, sẽ lại có tiếng thuyết trình của một tên cán bộ tuyên huấn nào đó về tội ác của thực dân Pháp, đã giam hãm những người cách mạng, v.v… và v.v… Nhưng, cho tới khi cửa của hai buồng đó đóng lại, cũng không nghe thấy một tiếng nói? Thật là lạ, khác thường không giống mọi lần!

Tôi đang băn khoăn chưa hiểu đây là loại phái đoàn gì, tai vẫn áp vào cửa sổ nhỏ nghe ngóng; bất chợt, tôi giật thót người lại vì: "Xoạch!", cửa sổ nhỏ của tôi mở ra. Tôi chỉ kịp lùi vào phía trong, ngơ ngác. Thoáng nhìn ra thấy lố nhố nhiều người, cả màu vàng đồng phục, lẫn thường phục.

Cửa lớn buồng tôi mở ra. Tôi càng ngỡ ngàng, và phản ứng tự nhiên là lùi lại sát tường phía đầu sàn. Thật là quá đột ngột, tôi không nghĩ là phái đoàn lại mở cửa buồng các tù nhân, nhất là lại chính buồng tôi; nên phải nói, tôi mất hẳn tự nhiên lúc đầu.

Đi đầu là một người mặc chiếc áo ka ki xám 4 túi, tóc đã điểm sương, chừng 50 tuổi. Hai hàng lông mày dầy, tua tủa lông đen như hai con sâu róm lớn đậu phía trên hai con mắt, làm cho đôi con ngươi màu tro của lão như thụt sâu vào, đẩy hai bên gò má gồ ra, càng làm cho nét mặt lão tựa như con khỉ đột, vừa dữ tợn, vừa nghiêm trang. Phía sau lão là hai tên Phó Giám Thị Thượng Úy Trì và Lê, cùng lúc nhúc 5, 6 tên nữa phía bên ngoài. Hai tên Trì và Lê đeo đầy đủ quân hàm, thái độ tỏ ra sợ sệt, lễ phép với tên mặc ka ki xám.

Tên mặc áo thường phục này nhìn tôi một cách soi mói. Mắt y đột nhiên dịu xuống. Môi y rung rung, rồi nhếch ra cười nửa miệng:

-Anh có khỏe không?

Chẳng biết y là ai, nhưng thấy thái độ của tên Trì và Lê như vậy, nên tôi cũng phải tỏ ra ngoan ngoãn:

-Cám ơn ông, tôi khỏe!

Y quay lại nhìn hai tên Trì, Lê; rồi y cười thành tiếng, vừa gật gật đầu, vừa nói:

- Anh uống thuốc liều, một mình dám mò về Hà Nội!

Mặt y tươi hẳn lên, nhìn tôi. Tôi cũng nhìn y, định cười; nhưng môi tôi mím chặt, không trả lời y; trong khi đó, hai tên Trì và Lê, mỗi tên đều tay nọ để lên mu bàn tay kia, úp vào phía dưới bụng mặt vẫn nghiêm trang lạnh lùng.

Tên mặc áo ka ki xám đưa mắt nhìn suốt người tôi, rồi lại cười, y vừa quay ra, vừa nói:

-Thôi, chào anh!

Tên Dư đã đóng cửa. Đoàn người đã ra tới sân. Những tiếng xôn xao bàn tán nhỏ dần ra phía cổng xà lim. Tôi vẫn đứng yên trong buồng, với tư thế lúc nói chuyện với tên lạ mặt. Đầu óc tôi vẫn còn ngỡ ngàng chả biết y là ai? Y vào hỏi tôi mấy câu như vậy để làm gì? Có ảnh hưởng gì đến những ngày tới của tôi không?

Qua hiện tượng nhìn thấy khi nãy, y phải là một nhân vật có quyền hạn nhất định nào đó của ngành công an, mới khiến cho hai tên Trì và Lê không dám có một tiếng nói, dù là tên đó cười đùa nói với tôi mấy lần.

Hai hôm sau, là ngày tắm rửa. Chiều hôm đó, sau khi trả bát xong đã 4 giờ, tôi chờ tên Dư mở cửa cho ra lấy quần áo phơi ngoài dây.

Với những tên cán bộ khác, ngày tắm rửa, bữa cơm chiều, khi trả bát xong, các buồng đều phải báo cáo để ra lấy quần áo phơi ngoài sân. Khi ra, nếu quần áo còn ướt, thì để lại mai xin lấy. Chứ thường là đã trả bát (bữa chiều) rồi, chúng không mở cửa nữa. Nhưng, đối với tên Dư, có hơi khác…

Về cuối Thu, nhiều khi trời không còn cái nắng chói chang của mùa Hè; và có những ngày nhiều mây, gió nồm Nam, không có ánh nắng, nên quần áo, cái nào dầy, chả khô được. Vì vậy, tên Dư để cho mãi gần 5 giờ, đó là giờ tan tầm, trước khi bàn giao cho "ca" khác, y mới đi mở cửa cho từng buồng ra lấy quần áo. Nhờ vậy, quần áo thường được khô, đỡ hôi hám; nhất là đối với những buồng không có thân nhân tiếp tế, làm gì có xà bông (một việc nhỏ đã nói lên con người của y).

Tôi đang hai tay chắp sau lưng, lững thững nhà du đi bách bộ trong cái khung nền xà lim, giữa hai sàn, đầu óc đang chơi vơi, chẳng chuyên chú suy nghĩ một cái gì, tự nhiên cửa lớn buồng tôi mở. Tên Dư nói vừa đủ để tôi nghe:

-Cho anh ra sân chơi một lúc!

Ô! Sao lạ vậy!?... Đến nỗi tôi không tin vào cái tai của mình nữa. Tôi ở xà lim đã gần 4 năm rời. Chưa từng bao giờ thấy có cán bộ nào lại mở cho một buồng nào ra sân... chơi! Vì vậy, tôi phải mất mấy giây ngỡ ngàng, rồi vội vàng chạy ra sân.

Tên Dư vào bàn ngồi, lúi húi viết. Thấy ánh nắng vẫn còn một phần ba sân, tôi cởi rất nhanh áo, rồi đứng ra ánh nắng, ưỡn ngực cho ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào người.

Tôi vừa háo hức, hân hoan vặn vẹo người đàng trước, đàng sau, cạnh phải, cạnh trái cho những tia nắng chui rúc vào toàn cơ thể; tôi xắn cả quần lên, cho đôi chân cũng được hưởng cái món ăn tuyệt vời, từ gần 4 năm nay, không có!

Đã gần 4 năm nay, tôi hầu như chỉ ở trong ánh sáng lờ mờ của căn buồng, cho nên nỗi hưng phấn của tôi đã tràn ra ngoài. Tôi chưa thiết nhìn cảnh vật chung quanh, mặc dù tôi hiểu trời Thu tuyệt vời. Nhưng, hãy chờ đấy! Hãy cho cơ thể tôi đói khát ánh nắng lâu ngày, bây giờ, được ăn, được hưởng một bữa tràn trề đã!

Gần 20 phút, lúc này, tôi mới kịp suy nghĩ. Tại sao tên Dư lại cho tôi cái đặc ân này? Và, tại sao y biết tôi thích ánh nắng đến cái độ say sưa thế này mà y cho?... Phải rồi, trước đây có mấy lần, khi ấy tôi vẫn còn bị cùm, y đã bắt gặp tôi ngồi trong buồng, giơ từng cánh tay nghểng đầu, ngửa cổ để đón nhận một chùm ánh sáng chỉ bằng quả cam nhỏ. Có thể vì vậy, y đã nảy ra ý định ban hạnh phúc cho một người, mà y không mất mát gì cả, chỉ mất chút công mở cửa thôi, chăng? Dù sao, tôi vẫn vô cùng biết ơn y. Không hiểu y có biết rằng, nhiều khi chỉ nhờ cơ thể một người được bồi dưỡng lúc này, lại là điều kiện để thoát khỏi những bệnh hoạn trầm kha về sau?

Để khỏi mất cái đặc ân này, nhất là hôm nay là lần đầu tiên y cho ra, có thể y phải theo dõi, nếu không có gì rắc rối, phiền hà, y mới cho ra tiếp sau này. Vì nghĩ như vậy, cho nên khi tôi thấy buồng số 14 và buồng số 10 thò đầu lên cười với tôi, rồi thụt xuống; tôi vẫn giữ vẻ nghiêm trang lạnh lùng.

Bỗng, tôi nhìn thấy trên dây phơi, ở khoảng giữa, có một cái áo "pa-đờ-suy" và hai cái "sơ-mi" trắng còn mới tinh, tay áo có "măng- sét" cẩn thận.

Dù nhìn từ xa, tôi cũng hiểu đó là áo "sơ-mi" của nước ngoài, chứ ở miền Bắc, không ai có quần áo đó. Tôi nhìn thoáng cái dấu hiệu ở cổ áo, nhưng vì xa quá tôi không thể đọc được. Trí tò mò của tôi bị khích thích. Nét mặt vẫn bình thản, không tỏ vẻ gì khác lạ, tôi liếc nhìn về phía bàn Dư, y đang cúi viết. Tôi vờ đi bách bộ vòng quanh sân. Khi tới chỗ hai cái áo "sơ-mi", dù trước đây lúc còn ở Sài Gòn tôi cũng là tay ăn diện (ăn diện theo lối thanh niên học sinh), tôi phải thừa nhận hai cái áo "sơ-mi" này thật tuyệt hảo với những đường cắt may điêu luyện, vải Popeline trắng chói mắt, dấu hiệu may cắt tại Paris. Hai cái khuy "măng-sét" bằng hai hạt xoàn giả trông như thật.

Phải nói ngay ở Sài Gòn, hai chiếc "sơ-mi" này cũng thuộc loại sang rồi, huống chi là ở miền Bắc, lại ở trong Hỏa Lò. Nó là vật không thể lẫn lộn, nó độc đáo, như chọc vào mắt hiếu kỳ của mọi người. Tôi còn phải ngây ngất nhìn, thì mắt những tên cán bộ chắc phải "ngứa", rồi "nhức" lên chớ không chơi đâu.

Ai là người có những loại quần áo này? Có đem trộn lộn cũng không chệch vào đâu được nữa. Quần áo này phải đi đôi với tiếng giày cồm cộp hôm nọ, nghĩa là của buồng số 4. Vậy là, bao nhiêu câu hỏi lại hiện lên trong có tôi, càng gợi thêm tò mò về buồng số 4 là loại người nào? Tại sao lại phải vào xà lim?... Nhiều điều dồn dập cuốn hút lòng tôi, nên tôi quên cả cảnh vật chiều Thu, mà bao nhiêu lâu mới có dịp để ngắm nhìn. Phải nói, hôm nay vừa được "cải thiện" mắt, mà tấm thân cũng được bồi dưỡng những món ăn tuyệt vời.

Tôi đang ngẩn ngơ ngụp lặn, bơi lội trong biển nắng, tên Dư ở bàn đã đứng dậy ra mép hè nhìn tôi, tay lúc lắc chùm chìa khóa:

- Lấy quần áo vào đi!

Tôi ngoan ngoãn, lẹ làng vơ quần áo trại của tôi, rồi đi vào buồng. Khi đi ngang qua y, tôi nhìn y bằng con mắt dìu dịu, tình cảm:

- Xin cảm ơn ông!

Ánh mắt y nhìn tôi cũng thiện cảm, nhưng không nói một lời. Tôi định gợi chuyện rồi hỏi y về người hôm trước vào buồng tôi là ai; nhưng, ý nghĩ cứ sắp sửa phát ra thành lời lại bị đè vào, vì tôi thấy thời cơ chưa thuận tiện cho những câu hỏi như vậy…

Chương 63

Người nữ gián điệp của Sài Gòn!

Buổi trưa hôm nay, gió bỗng nổi nhiều hơn, trời đã lành lạnh, xà lim mới cho mượn chăn. Vì thế sau khi ăn cơm sáng, buổi trưa tôi đã nằm đắp chăn cho ấm, rồi lim dim đi vào giấc ngủ ngày lúc nào cũng không hay.

Một lúc, tôi chợt giật mình tỉnh dậy, vẫn nằm im trong chăn, tôi lắng nghe: Ngoài tiếng gió rung những lá bàng ở ngoài sân, tôi đinh ninh không lầm là có nghe thấy, không những bằng tai mà còn bằng cảm giác, một tiếng động lịch kịch phía sàn bên kia… tường. Nghĩa là bên buồng số 6. Chỗ sàn tôi nằm ở sát buồng số 6. Lạ, số 6 từ nửa tháng nay không có người mà!… Nói chung, xà lim dạo này tương đối vắng, có tới 3, 4 buồng không có người. Chính vì thế, khi nghe thấy tiếng động vào sàn, tôi ngạc nhiên. Nhưng vẫn nằm yên lặng, tôi cố vểnh tai chờ nghe có tiếng động nào khác không?

"Chả lẽ trong khi tôi đánh một giấc ngủ trưa, có người vào buồng số 6 mà tôi không biết? Tại sao mải không vào, lại… đợi đến khi tôi ngủ mới vào?", tôi tự nhủ. Rồi lại nghĩ cũng có thể vì mới thức giấc, thần kinh còn đang chơi vơi nên tưởng lầm như vậy chăng?

Cục kịch! Lần này thì rõ ràng rồi! Rõ ràng tiếng động của ai đó nằm bên kia tường giờ mình. Phải rồi, một người bạn, một đồng loại, một sinh vật cũng nằm song song với mình, chỉ cách một bức tường dày 20 phân (tường ngăn giữa hai buồng dày 20 phân; còn tường trước và sau dày 50 phân).

Để tìm một nguồn an ủi, trong cái vắng lặng heo hút, lẻ loi; tôi rút tay ra khỏi chăn, gõ nhè nhẹ vào tường hai cái: Cạch! Cạch!

Im ắng như tờ. Vẫn chỉ có tiếng gió lướt thướt rì rào chui luồn qua mái ngói. Tôi lại gõ thêm hai tiếng nữa như chào, như gọi người bạn mới, nằm cạnh nhau… Cũng vẫn không có một âm thanh nào đáp lại!

Tôi suy nghĩ: Có lẽ, người bạn mới bị bắt vào, tâm hồn còn đang giao động, hoang mang; cho nên ai gõ, mặc ai, lòng đang đảo lộn đất trời, cuộc đời tan tác, vào tù rồi, còn thiết cái quái gì nữa!

Tôi thông cảm với người bạn mới, tâm trạng nghiêng ngả ngược xuôi khi cuộc đời rơi xuống hố, cho nên, tôi lại gõ

nữa, như lời thăm hỏi an ủi của một người. Tôi vểnh tai lên nghe ngóng một lúc. Vẫn yên lặng như không có người. Tôi băn khoăn, thấp thỏm, chả lẽ tôi mơ? Hay, buồng bên ấy có… ma!…Nghĩ như vậy thôi, chứ ngay ban ngày, ban mặt…

Tôi thấy mỏi người, liền xoay lại thế nằm quay sang phía khác, không hướng mặt vào tường nữa. Một lúc sau, hai mắt lim dim thả hồn lơ mơ vào giấc tỉnh say. Thình lình, một âm thanh vang lên như tiếng xiết, trượt mạnh vào tường của một vật gì bằng gỗ? Không nằm mơ! Tôi xoay hẳn thế nằm lại, và giơ tay gõ nhè nhẹ vào tường "cạch, cạch!". Bây giờ thì có hai tiếng gõ đáp lại, rất nhẹ, và thưa. Chính lúc này, tôi cũng không hiểu tại sao, chỉ nghe hai tiếng gõ mà lòng mình thấy vui hẳn lên. Với tay lấy cái lược sừng ở đầu sàn, tôi khua canh cách rốt rít vào tường như reo vui, như vỗ tay chào đón người bạn mới. Bên kia im lặng. Chừng nửa tiếng sau, tôi lại khe khẽ gõ hai tiếng nữa. Cũng có hai tiếng đáp lại, như hiểu ý định tôi nói gì.

Tới bữa cơm chiều. Sau khi lấy cơm vào rồi, tôi cố chờ không ăn vội, lắng nghe. Khi cán bộ mở buồng số 6, lấy cơm xong, cửa đóng; tôi nghe rõ tiếng bát đặt lên cái cùm như tôi bên này. Tôi liền gõ tường liên tục 5, 6 tiếng nhẹ, như ý mời anh bạn xơi cơm. Anh cũng ríu rít gõ đáp lại. Chỉ là những tiếng động thay lời, mà tôi thấy lòng mình hân hoan, ấm áp hẳn lên. Khi ăn xong, tôi cũng gõ, và cũng có tiếng vồn vã trả lời. Rồi trả bát, vào buồng, lại đi nằm. Cứ thỉnh thoảng, tôi lại nhè nhẹ gõ hai tiếng vào tường như muốn hỏi anh bạn buồng bên đã ngủ chưa? Hay có buồn không?… Anh cũng luôn sốt sắng gõ đáp trả lời tôi. Dần dần rồi tôi đi vào giấc ngủ đêm thâu.

Ngủ được một giấc khá dài, tôi chợt choàng thức dậy. Đêm đã khuya, nhớ đến anh bạn nằm sát bên cạnh, tôi lại "cành cạch" hai tiếng thật nhẹ, để nếu đã ngủ, anh bạn cũng không vì thế mà mất giấc. Vẫn thấy hai tiếng trả lời. Rồi, tôi lại thiếp đi; được một chốc, lại tỉnh. Lại gõ, vẫn có tiếng trả lời. Tôi ngạc nhiên. Như vậy là anh bạn bên ấy không ngủ ư? Suốt đêm, cứ lúc nào chợt tỉnh, tôi gõ, cũng đều thấy tiếng gõ trả lời!?… Gần về sáng, tôi thấy thương người bạn cả đêm sầu héo không ngủ được, nên tôi lấy cái lược gõ liên tục 7, 8 cái liền. Vừa như trách anh sao không ngủ, vừa như an ủi đừng buồn nữa. Anh bạn cũng đáp ứng vồn vã như hiểu ý tôi.

Chính vì chẳng nói thành lời, nhất là trong cảnh heo hút, vắng lặng thế này, lòng tôi càng bị lôi cuốn.

Ngày hôm sau, tôi muốn chờ nghe tiếng nói của anh bạn với cán bộ để có chút ý niệm về anh. Nhưng, đến buồng anh, lúc đổ bô, cũng như khi lấy cơm, trả bát, tôi không hề nghe thấy một âm thanh gì khác, ngoài tiếng những bước chân xèn xẹt đi qua lại trước buồng tôi. Vì lòng háo hức, muốn biết về người bạn nằm cạnh buồng, nên chiều hôm đó, đợi khi mở buồng số 6 ra lấy cơm, tôi ghé đầu sát đất, để nhìn qua khe hở, rộng chừng độ nửa phân, giữa mép dưới cánh cửa và nền nhà. Hai đôi bàn chân mờ mờ bước qua trước cửa buồng tôi, một đôi bàn chân dép râu đen đen của tên cán bộ Dư; còn đôi bành chân kia đi dép Thái Lan, quai đỏ. Đôi bàn chân rất trắng và nhỏ…như của phụ nữ làm tôi giật mình. Phải chăng người nằm phía bên kia, chỉ cá ch nhau một bức tường dày 20 phân, vẫn đêm ngày gõ chuyện trò với tôi là một người… phụ nữ?…

Vẫn như trước, tôi gõ mời xơi cơm. Ăn xong, lại gõ như chào đã ăn cơm cong. Bây giờ, bất cứ lúc nào tôi gõ là bên ấy lại gõ trả lời ngay.

Đêm hôm ấy, vào lúc nửa khuya, tôi chợt giật mình thức dậy, và tai nghe tiếng nức nở, nỉ non văng vẳng, lẫn vào tiếng gió rít của đêm thâu, nghe thật não nùng. Tiếng khóc, rõ ràng là âm thanh của một người nữ. Thổn thức, nấc lên từng cơn nghẹn ngào như cầu cứu, như van xin sự giúp đỡ của cuộc đời!

Tôi ngồi bật dậy, xác định hướng của tiếng khóc. Đúng là bên buồng số 6. Tôi vội vàng gõ mạnh mấy cái vào tường như hỏi tại sao lại khóc? Hãy nín đi thôi! Không có tiếng trả lời và tiếng khóc cũng ngừng bặt. Để động viên và an ủi, tôi gõ dồn dập thêm mấy cái. Có tiếng gõ trả lời, và đặc biệt là không còn khóc nữa, như hiểu ý.

Tôi suy nghĩ một cách chủ quan rằng, có thể trong khi tôi ngủ, người bạn tù nữ ở buồng bên đã gõ gọi, mà tôi không biết; rồi người bạn tù tự dưng cảm thấy tủi thân, giữa đêm khuya vắng lặng không ngủ được, nghĩ đến thân gái sa chân vào chốn ngục tù. Chung quanh im lìm, heo hút như nghĩa địa tha ma, chỉ thấy bốn bức tường lạnh lẽo và hai cái cùm to đen xì nằm im ỉm. Một nỗi cô đơn dâng lên, chỉ còn biết khóc.

Chợt một ý nghĩ đến với tôi: Người nữ này tội gì? Chính trị hay hình sự? Ở Hỏa Lò đã gần 4 năm, tôi chưa thấy người phụ nữ nào bị giam một mình ở xà lim cả. Phải nói, xà lim lúc ban ngày đã vậy, huống chi ban đêm, nhất là những đêm mưa dầm gió bấc không ngủ được, cứ trằn trọc một mình một bóng trong căn buồng hẹp vắng vẻ, cô liêu, chỉ nghe những tiếng rên la, hoặc tiếng hét trong cơn mê sảng của các buồng khác; ngay đàn ông cũng ít người chịu đựng được nổi, huống hồ là đàn bà. Do đó, thường chúng phải giam hai người để dựa vào nhau những lúc tối lửa tắt đèn; hoặc giả để không vì chán nản và tuyệt vọng quá mức mà nảy ra ý định tự tử. Thế mà bây giờ lại chỉ có mỗi một phụ nữ trong buồng số 6? Buồng này, tôi đã từng ở, và cũng là nơi tôi đã có kỷ niệm trốn tù bất thành. Buồng đó ở đúng chỗ gẫy khúc của xà lim, nên rộng hơn các buồng khác một chút. Vì vậy, nỗi hoang vắng lại càng lớn thêm ra. Một mình, cứ ngồi đấy suốt đêm, ngày, chỉ có thối ruột ra thôi.

Nhận thấy tiếng gõ của mình làm cho buồng số 6 ngưng tiếng khóc, tôi nảy ra ý định phải tìm cách liên lạc được với buồng số 6, để an ủi và hiểu rõ về người bạn tù "láng giềng" này. Nếu liều lên tiếng hỏi, dù có theo dõi được sự ra vào của cán bộ để không sợ bị bắt; nhưng, kinh nghiệm đã qua cho biết, trong xà lim không phải là không có những loại người của Cộng Sản cho vào nằm cùng buồng, dùng khổ nhục kế, để moi tin, để khai thác cũng như điều tra một người nào đó, hoặc qua những lời đối thoại hỏi han nhau giữa các buồng… Như vậy, che dấu được cán bộ xà lim, nhưng chấp pháp vẫn biết tôi có liên lạc với buồng số 6. Phần khác, buồng số 6 là phụ nữ, các buồng khác họ cũng muốn nói chuyện với buồng số 6, nhưng số 6 không chịu trả lời; vậy càng bất tiện nếu tôi lên tiếng. Tôi nằm nghĩ ngợi, suy tính. Cuối cùng, tôi nghĩ thử đánh kiểu "morse" xem sao, có thể số 6 hiểu lối đánh này. Vì lối này khá thông dụng, ngay trong Hướng Đạo cũng có dạy. Nghĩ thế, tôi lồm cồm bò dậy. Bằng sống chiếc lược sừng nhỏ, với khuỷu đốt ngón tay, tôi hỏi: "Ai đấy?", im lặng một lúc, rồi tôi nghe tiếng bàn tay xoa xoa lên tường, như trả lời không hiểu.

Vậy là số 6 không biết lối đánh "morse", tôi hơi nản lòng. Nhưng, chợt nảy ra một phương pháp khác…

Trước hết, tôi gõ nói về ngày bị bắt của tôi. Nếu số 6 thông minh, hiểu được, sẽ trả lời tôi ngày bị bắt của số 6. Đêm khuya, hơi lành lạnh, tôi lấy cái chăn khoác lên người. Rồi bắt đầu, tôi gõ hai tiếng: "Cạch, cạch!". Sau khi số 6 cũng gõ hai tiếng trả lời như mọi khi, cũng có nghĩa là lúc này số 6 đang lắng tai nghe. Tôi lại lấy sống chiếc lược sừng để gõ, vì tay gõ mãi cũng thấy đau đau. Tôi bắt đầu gõ: "Cạch cạch… 24 lần, ngừng lại; gõ tiếp 6 lần, ngừng lại; 1 lần, ngừng; 9 lần, ngừng, 6 lần, ngừng; 2 lần, ngừng. Tôi chờ đợi, nghe bên kia tường có âm thanh rê đi rê lại, hình như của một cái cán quạt thì phải, như có ý nói là không hiểu, chưa hiểu!

Tôi lập lại một lượt như trên. Vẫn tiếng rê ở trên tường. Tôi hiểu "vạn sự khởi đầu nan" là chuyện thường tình; vậy cần phải kiên trì, đừng nản lòng. Từ suy nghĩ này, tôi lại gõ đúng như trên một lượt nữa. Im lặng. Tôi ngồi bên này tường, hình dung ở bên kia, số 6 đôi mắt đang tuy mở, nhưng sẽ chẳng nhìn thấy một cái gì rõ, chỉ vì óc đang bận suy tính về những tiếng gõ của tôi ở trên tường. Chợt, tiếng cán quạt đập rối rít vào tường một lúc, rồi ngừng lại. Và bắt đầu gõ: 24-6-1962. Mắt tôi lúc này hẳn sáng lên, tay tôi cũng cuống quít đập cả lược, cả tay vào tường (dĩ nhiên tôi cũng kềm chế để âm thanh tiếng đập cũng như tiếng gõ không quá lớn đến độ các buồng khác cũng nghe thấy rõ). Vừa mừng vì số 6 đã hiểu; lại vừa thích thú vì số 6 tỏ ra thông minh. Sau đó, số 6 gõ hai tiếng: "Cạch cạch". Tuy không quy định, nhưng tự nhiên hai tiếng gõ bây giờ như thay cho hai tiếng gọi nói chuyện. Tôi đáp lại hai tiếng như trả lời: "Sẵn sàng"! Rồi, số 6 gõ "25 (ngừng" 9 (ngừng) 1965. Tôi đập chiếc lược lia lịa vào tường mừng rỡ. Như vậy, số 6 đã bị bắt hơn một tháng rồi. Hôm nay, 18-10-1965. Và, cũng có nghĩa là số 6 đã hiểu tôi bị bắt đến nay đã 3 năm rưỡi rồi.

Tôi gõ tiếp: Ngày, tháng, năm sinh của tôi. Tôi được trả lời: Ngày, tháng, năm sinh của số 6. Số 6 năm nay đã 37 tuổi. Hơn tôi những 10 tuổi.

Điều buồn là đến đây, cách nói chuyện kiểu này gặp trở ngại. Tôi muốn hỏi tên số 6, và bị bắt về tội gì, v.v… nhưng đành chịu. Thật là tức, suốt đêm ngày ngồi không, mà chẳng nói chuyện với nhau được.

Bần thần nghĩ ngợi một lúc, chợt trong đầu tôi lóe lên một tia sáng. Phương pháp này tuy hơi mất công lúc đầu; nhưng khi quen, cũng tạm được. Ngay "morse" khi mới tập, cũng nhiều bỡ ngỡ, khó khăn. Nhưng, cứ dùng mãi, đánh mãi, sẽ quen và trở thành gần như nói chuyện bình thường vậy. Muốn nói chuyện tạm được với nhau, cách gì cũng phải qua vần a, b, c… Ở đây, hãy dùng vần chữ Việt, 23 chữ cái: A, B, C, v.v… Vậy A: 1, B: 2, C: 3, v.v… cho tới Y: 24. Để giản đơn và ngắn gọn hơn cứ 10 là một tiếng "thình" của gót bàn tay đập vào tường. Thí dụ: Chữ "Y" là thình thình, cạch, cạch, cạch, cạch. Chữ "K" là thình; chữ "N" là thình, cạch, cạch, cạch, v.v…

Sau khi nhẩm tính xong, vấn đề kế tiếp là làm sao để số 6 cũng biết như mình. Tôi hiểu số 6 cũng đang tức bực, không biết cách gì để hỏi và nói chuyện với tôi.

Bắt đầu, tôi gõ "cạch, cạch" là tiếng gọi "nói nhé?"; và sau khi số 6 đáp trả hai tiếng "sẵn sàng!", tôi gõ "cạch", rồi nói to:"A…À…À…"; "cạch, cạch" lại hô "Bê…ề…ề…"; "cạch, cạch, cạch" lại hô "xê…ề…ề…". Tôi ngừng, lắng nghe, âm thanh cái cán quạt bên số 6 rê đi rê lại trên tường một cách chậm chạp. Tôi lại làm như trên một lần nữa. Một lúc, một lúc, bỗng tiếng cán quạt đập liên hồi vào tường. Rồi số 6 gõ lại: "Cạch (ngừng); cạch, cạch (ngừng); cạch, cạch, cạch (ngừng); cạch, cạch, cạch, cạch (ngừng).

Tôi cũng đập rối rít; thậm chí cả gót chân của tôi cũng rung rung, đập đập xuống sàn cho số 6 thấy nỗi vui mừng của tôi. Sau đó, tôi gõ: 5 cạch, 1 cạch, 1 thình 1 cạch, 7 cạch; rồi lấy cái sống lược kéo một cái trên tường nghĩa là sang chữ khác: 3 cạch, 8 cạch, 9 cạch, 1 thình 3 cạch, 8 cạch, kéo lược. Ngừng một lát, bên số 6 cứ xoa xoa tường, ra vẻ không hiểu. Tôi lập lại lần nữa. Số 6 rối rít gõ lại cho tôi…

Tôi được biết tên số 6 là: Đào Thị Bắc. Bằng phương pháp cổ lỗ sĩ ấy, tôi và chị Bắc say mê nói chuyện với nhau đêm ngày; trừ lúc ăn cơm hay đi đổ bô thôi. Đêm nào cũng thức khuya để nói… chuyện. Một điều tôi không tưởng tượng được chị Bắc lại là… gián điệp của Sài Gòn.

Bốn, năm ngày đầu còn chậm chạp, khó khăn để hiểu nhau; nhưng sau đó, nghe gõ là đã biết ngay chữ gì. Hơn nữa, có nhiều chữ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong câu chuyện, chúng tôi gõ "tắt", nên càng nhanh hơn. Thí dụ: Chữ "Bình", chỉ cần gõ chữ "B", và "Ba"; là "Bắc"; hoặc "CP" là "chấp pháp", v.v…

Sau khi biết được chị Bắc là điệp viên của Sài Gòn và cũng là điệp viên của miền Bắc nữa, tôi càng ngạc nhiên. Như thế, chị Bắc là loại gián điệp "hai mang" ư? (double agent). Tôi hỏi, chị lại bảo là không phải. Rất nhiều điều tôi muốn biết rõ về chị; nhưng phương pháp liên lạc này không cho phép hỏi được nhiều, nhất là chờ thời gian, nghĩa là hỏi dần dần, vì dạo này, chị thường phải đi cung luôn.

Những lúc chỉ đi cung, tôi nằm trong buồng lại thấy buồn. Kể cũng kỳ, trước đây, cứ một mình lùi lủi mấy năm trời có sao đâu; thế mà những lúc chị đi cung, tôi thấy như thiếu vắng một người bạn tâm tình đồng chí. Tôi nghĩ đến buồng số 4. Một điều vui mừng là anh chàng này cũng tỏ ra rất thông minh. Tôi chỉ giải thích vài lần, anh và tôi đã nói chuyện được rồi. Tên anh là: Nguyễn Lân, ở Quảng Bình, anh cũng cùng tuổi với tôi. Bố anh là liệt sĩ trong cuộc chiến tranh chống Pháp. Anh là sinh viên du học ở Roumanie. Anh mới bị bắt, và bị đưa vào Hỏa Lò ngay.

Về phần tôi, vì sự việc dài giòng, phức tạp, cho nên tôi chỉ nói với anh tôi là giáo viên Cấp II ở Phủ Lý. Chỉ có tên tuổi là tôi nói thật thôi. Ngay cả với số 6, tuy tôi đã biết chị là đồng chí, đồng nghiệp, nhưng tôi cần tìm hiểu thêm nhiều

về chị Bắc đã; bây giờ cũng cứ tạm nói là giáo viên. Rồi dần sau tôi sẽ nói thực.

Tự dưng, tôi nôn nao muốn nhìn thấy con người thực của chị Bắc ra làm sao. Đến ngày Chủ Nhật đó, tên Bằng trực. Tôi chỉ theo dõi một lúc, đã nắm được hướng đi nước bước của y. Cứ mở cửa một buồng xong, y lại trở ra bàn ngồi; trong 5, 10 giây sau, người tù trong buồng mới ôm bô đi ra. Có khi y đã ra tới gần bàn, trong này người tù mới ra khỏi buồng. Có thể, y muốn ra ngay để khỏi phải đi cạnh một anh tù hôi hám, lại ôm cái bô thối hoang. Vả lại, y vừa ra tới bàn đã đứng quay lại nhìn tù ôm bô ra rồi. Có thể y nghĩ là như vậy thì tù làm sao có thể liên lạc với nhau trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó được.

Vì nắm được như thế, cộng thêm sự háo hức muốn nhìn mặt của số 6, và lại không muốn báo trước cho số 6 biết; cho nên, khi tên Bằng mở buồng số 6, tôi đã chuẩn bị trước, trèo đeo ngay lên khung cửa sổ lớn phía trên cửa ra vào. Mặt tôi giô lên, lộ ra ở chiếc khung có lưới thép. Trèo lên đứng kiểu này không phải dễ; phải có một cánh tay và một cái chân khỏe mạnh đủ để có thể chịu đựng sức nặng của cả cơ thể.

Số 6 ôm bô ra đi; tôi phải công nhận "trường" mắt của số 6 tương đối bén nhạy. Mặt tôi cao hơn số 6 đến 1m2, 1m3; thế mà số 6 đã ngửng lên trong khi ôm bô đi ra. Bốn mắt nhìn nhau, chả dám nói một câu. Bỗng số 6 cúi ngay xuống, có thể tên Bằng đã từ ngoài nhìn vào, tôi vụt tụt xuống. Lòng bâng khuâng nghĩ ngợi về con người của chị Bắc.

Mặt chị hơi dài, da trắng, môi dưới hơi thưỡn ra. Trên đầu chị, phía trước bên trái có một chùm tóc bạc giữa những lọn tóc đen buông xõa phía sau vai. Chị mặc một chiếc áo trắng, quần đen, như người nửa tỉnh, nửa quê. Nhưng, tôi cũng hiểu, quần áo đây chỉ là cách trang bị cho một "vỏ bọc" sống ở môi trường miền Bắc mà thôi.

Có một điều tôi hơi băn khoăn, là, khi bất chợt chị nhìn thấy tôi, đôi mắt chị sáng lên, tỏ ra một sự vui mừng như lâu ngày mới gặp lại người thân; nhưng ngay sau đó, một nỗi buồn như chiếc màn đen bỏ xụp xuống khuôn mặt của chị. Vì sao thế? Tôi chả hiểu được. Vì vậy, khi chị từ nhà tắm về, tôi im lặng không gõ nữa; và chị… cũng im luôn.

Chẳng hiểu vì lý do gì, làm như là thi gan với nhau, không ai chịu gõ gọi nhau nữa. Cho đến suốt bữa cơm chiều, tôi ăn xong, trả bát, sang gõ hỏi anh Lân mấy câu, rồi chào đi nằm ngủ… Mãi tới khoảng 10 tối, thoáng nghe có tiếng người khóc nức nở, trước nhỏ, sau to dần, tôi bò dậy lắng nghe. Thì ra tiếng khóc của chị Bắc. Đã từ nửa tháng nay chị không khóc; bây giờ tại sao lại thổn thức trong đêm khuya? Nếu là một người có lập trường ý thức chính trị rõ rệt, thì ngay gặp một người phụ nữ bình thường trong cảnh này, tôi cũng phải tìm mọi cách, tùy theo điều kiện, để an ủi, giúp đỡ; huống chi đây là một đồng chí, một chiến hữu, vừa là một đồng nghiệp của mình. Vì vậy, tôi không nghĩ ngợi lôi thôi nữa. Tôi gõ cành cạch hai tiếng để gọi. Im lặng. Một lúc, tôi lại gõ hai tiếng. Lần này, chị Bắc đã trả lời, mặc dù rất nhẹ và rời rạc.

Tôi hỏi: "Tại sao chị khóc?". Chị trả lời: "Buồn, nên khóc". Tôi chỉ biết khuyên chị hãy nhìn cảnh tôi, để mà vui. Tôi đã bị bắt từ hơn 3 năm rồi, mà vẫn còn nằm ở buồng tối đây này. Vả lại, buồn có giải quyết được vấn đề tha sớm hay muộn đâu. Do cách gõ, cho nên tôi chỉ nói được vài ý, mà cũng nói không hết, thường người nghe phải cố suy đoán thêm.

Nói chung, sau đó chị hết khóc. Và những ngày sau, tôi và chị tiếp tục gõ thăm hỏi nhau đêm, cũng như ngày.

Chương 64

Một phương pháp liên lạc thần kỳ!

Buổi chiều nay, sau khi hết giờ làm việc. Tôi đang ngồi khoác chân, dựa tường, gõ liên lạc với chị Bắc (chắc cũng đang ngồi như tôi, chỉ cách nhau một bức tường), bất chợt, cửa sổ nhỏ mở.

Tôi hơi giật mình. Khi tôi nhìn lên, cửa sổ con đã đóng, lại có tiếng mở khóa cửa lớn. Tôi chồm vội xuống đất, cứ tưởng là chúng đã phát hiện ra tiếng gõ liên lạc giữa buồng tôi và buồng số 6; nhất là người mở cửa lại là tên Trì, Phó giám thị. Cái mặt y đầy thịt. Cái đầu cắt tóc ngắn. Hai cái môi xám xịt, ngọ ngoạy dưới cái mũi vừa to, vừa sần sùi. Nhất là hai con mắt y trắng nhờn nhợt. Y đứng nhìn tôi một lúc, rồi lại đưa mắt nhìn khắp buồng một lượt.

Tôi thấy rõ tim mình đập mau hơn, chẳng hiểu y muốn gì mà từ nãy cứ lừ lừ chẳng nói. Mãi một lúc sau, với cái giọng miền Trung quả tạ, y mới lên tiếng:

- Anh có cái gì mang ra hết đi!

Tôi cảm thấy hơi hụt hẫng vì sự bất ngờ này. Thật ra, trong tù tôi cũng đã dọn buồng nhiều lần. Nhưng lần này, tôi thấy tiếc nuối cái buồng. Thứ nhất, chính từ căn buồng này, tôi được tha cùm; thứ hai, số 6 và số 4 là hai người bạn tôi mới quen, chưa biết hết về nhau đã phải chia tay. Chia tay không một lời từ biệt. Nhất là, với số 6, người bạn tù mà tôi tin là cuộc chia tay này sẽ làm chị buồn nhiều hơn tôi. Vì chị là đàn bà, lại có tuổi rồi; chắc rằng nước mắt, sẽ còn phải chảy nhiều nữa.

Tôi muốn gõ mấy cái để như lời từ biệt số 6; nhưng tên Trì cứ đứng nhìn, nên tôi cứ phải vờ tìm cái nọ cái kia để kéo dài thời gian. Tôi cứ vờ như xong rồi, ôm bọc đi ra, tới gần cửa lại sực nhớ, quay vào lấy cái bàn chải, rồi tới cái lược, v.v… mục đích mong y đi ra, để tôi gõ vài cái gọi là giã biệt, hoặc vĩnh biệt (?) người đồng chí, và đồng cái nghề "hang một lỗ" này. Chắc y cũng đã hơi sốt ruột nên quay ra. Y vừa quay người, tôi lẹ tay gõ vào tường mấy cái nhè nhẹ.

Tôi ôm đồ chăn chiếu ra khỏi cửa, đừng chờ y chốt và khóa buồng số 5 lại. Tôi đang lắt lay, thấp thỏm, không biết y sẽ đưa tôi đi phương nào? Thì không ngờ! Tại sao lại có thể có hai cái không ngờ xảy ra chỉ trong chốc lát: Y qua ra mở buồng số 11! Buồng số 11 lại… đối diện với buồng số 6. Nhưng, một điều khác cũng quan trọng không kém đối với tôi là, buồng số 11 nhìn ra được ngoài sân xà lim. Đã từ hơn một năm nay ở xà lim I này, tôi mơ ước được chuyển qua phía dẫy bên này, có được nhiều ánh sáng vì cửa sổ to phía sau, nhìn ra sân xà lim không bịt gỗ, và quan trọng là được nhìn cái sân, được nhìn cảnh vật bên ngoài (dù rằng cái bên ngoài cũng vẫn là ở trong tù). Nhìn toàn bộ cây bàng, và tôi có thể sẽ biết mọi bộ mặt trong xà lim, một cách rõ ràng nhờ cái sân này; vì buồng nào chả cần phải tắm giặt và rồi phải ra sân phơi quần áo.

Tôi đã vào buồng rồi, lòng vẫn còn bồng bềnh, khấp khởi trong nỗi vui của đường đi rộng mở dần. Không hiểu số 6 có biết tôi được dọn sang phía đối diện không?

Có lẽ, khi chúng nhìn bản sơ đồ giam người ở xà lim I, chợt thấy số 5 và 6 là hai tên gián điệp cùng của Sài Gòn, nên đã nảy ra ý nghĩ là tại sao lại để cạnh nhau "nhỡ chúng liên lạc với nhau bằng "morse" thì sao!". Vì vậy, chúng đã chuyển tôi sang dẫy đối diện.

Từ ngày tôi vào Hỏa Lò đến nay, ngoài những chuyện to lớn là tự tử và trốn tù ra, những nội quy như liên lạc, hay chuyện trò với các buồng khác, hầu như chúng không hề thấy tôi vi phạm. Hơn nữa, cũng đã gần 4 năm, chúng hành tôi ở những chỗ tăm tối rồi. Bây giờ, chúng cho tôi ra ánh sáng một tí kẻo tôi "củ" một cách vô ích, trong khi tôi còn phải là một con vật, để lao động trả nợ sau này cơ mà.

Đối với tôi, tất cả những chuyện gì đó, sau hãy xét; bây giờ, tôi được chuyển sang đây, khác nào như cá lại mọc thêm cánh, chim lại còn biết lặn xuống nước nữa. Tôi đang vừa vẩn vơ nghĩ ngợi, vừa quét dọn cho sạch sẽ cái

buồng (vì đây là nơi tôi vừa tập thể dục, vừa đi bộ giải trí hàng ngày), chợt có tiếng cán bộ từ ngoài cổng xà lim vào.

Tiếng mở cửa sổ nhỏ, từ buồng số 1 đi dần vào tới buồng tôi. Tôi đã biết y là cán bộ Vân, béo ụt ịt, người miền Nam, đang đi kiểm tra người để nhận bàn giao phiên trực. Y mở cửa con rồi, chỉ khép lại chứ không cài chốt phía bên ngoài. Có lẽ để thuận tiện cho y khi đi 'tua' khẽ mở ra, không cần phải mở chốt, không có tiếng động, kiểm tra mà tù không biết.

Tôi chờ cho tới khi y đi ra. Thậm chí, tôi nghe đoán được tiếng bước chân y đi tới đâu, tôi trèo ngay lên sàn nhìn theo phía sau lưng y. Lúc ra khỏi cổng, y còn khép cổng lại.

Bây giờ, phải nói, tôi làm chủ tình hình ở xà lim này. Dù vậy, như tôi vừa trình bày ở trên, trong xà lim sẽ có một vài người nằm vùng, kiểu khổ nhục kế. Nếu không biết điều này, không những bị chân vào cạm, lại còn nguy hiểm hơn vì đôi khi thò cái tư tưởng thật của con tim mình ra, mâu thuẫn với những điều mình đã khó nhọc che dấu và khai báo từ trước tới nay. Để một vài ngày nữa đã, tôi phải kiểm soát được rõ ràng ai là địch, ai là bạn hãy hay.

Ngay tối hôm đó, tôi thử dùng cách liên lạc không tiếng nói. Tấm sắt nhỏ che chiếc cửa con khép hờ, ai không biết, tò mò muốn nhìn ra ngoài, lấy ngón tay mở rộng ra. Đẩy ra thì được, nhưng muốn khép lại như cũ thì ngón tay không thể kéo lại được. Cán bộ trở lại, thấy cánh cửa mở to, biết ngay là tù đẩy ra, sẽ chửi mắng, nạt nộ. Nhưng, nếu khôn lanh một tí, cứ tha hồ đẩy rộng ra, nhìn thoải mái. Nghe tiếng cán bộ sắp vào, dùng một cọng chổi thanh hao (buồng nào chả có chổi) có một cái cành, để làm cái ngoéo kéo lại. Hoàn toàn chủ động, đẩy ra kéo vào theo ý mình.

Do đó, tôi đẩy thẳng ra, vừa để nhìn rõ, lại vừa đưa mũi ra hít không khí bên ngoài trong lành hơn là trong buồng. Tên Vân, người miền Nam, không được quái lắm, cho nên khi kiểm tra phía dẫy buồng đối diện, y mở toác cửa sổ ra. Còn phía bên tôi, khép hờ. Bây giờ, tôi đẩy ra, hai bên cửa sổ nhìn thông thống sang nhau, chỉ cách một lối đi chừng 2 thước. Tôi nhìn sang buồng số 6 thấy im ắng không động tĩnh gì. Như thế này, chứng tỏ chị Bắc không hề biết tôi lại sang buồng đối diện. Có thể vì thấy tôi đi, chị Bắc buồn bã quá, không chịu theo dõi nghe ngóng. Phần khác, cũng có thể chẳng phải ai cũng tò mò tinh quái như nhau.

Tôi chõ mồm ra ho mấy tiếng, rồi nhìn qua lỗ cửa sổ nhỏ mỗi bề 18 cm vào buồng số 6. Vẫn không hề thấy động tĩnh gì. Cũng vì từ trước tôi không ho, nên số 6 không biết tiếng ho của tôi. Tôi không gọi, vì không muốn các buồng chung quanh biết tôi định liên lạc với số 6. Tôi đi bách bộ hàng nửa tiếng đồng hồ, nhìn sang bên số 6, vẫn lặng như tờ. Hàng tiếng đồng hồ sau, cứ loay hoay bực dọc mãi, tôi đã kéo cửa sổ nhỏ lại, đi nằm, thoáng nghe tiếng kéo bô ở bên buồng số 6. Tôi liền bò nhổm dậy, lại đẩy cửa sổ ra, nhìn sang, thấy thấp thoáng một cánh tay trần với một khoảng vai có cái áo lót màu đen. Tôi định ho gọi, nhưng cảm thấy hơi bất lịch sự, nên lại thôi, đành chờ. Chắc rằng, thế nào trước khi vào màn, chị Bắc thế nào cũng phải nhìn ra cửa sổ nhỏ một lần, vì cửa sổ đang mở toang toác ra như vậy. Lúc đó, chắc chị sẽ giật mình khi thấy bộ mặt của tôi, chỉ cách có 2 mét. Thật đúng là đàn bà, chị loay hoay một lúc, rồi giơ tay nhấc cánh màn lên, định chui vào ngủ, không hề nhìn ra ngoài!

Không được! Tôi đành chõ mồm ra ho gọi. Cũng phải ho hai, ba tiếng, tôi mới thấy chị Bắc quay mặt ra. Khi nhìn rõ tôi, phản ứng đầu tiên của chị là luýnh quýnh, rồi vội lấy chiếc áo khoác lên người, làm cho tôi buồn cười. Thế rồi, chị Bắc nét mặt tươi rói, áp sát mặt vào cửa sổ con, cười, nhìn tôi bằng ánh mắt long lanh, như thể lâu ngày gặp được người bạn thân.

Trong cảnh xà lim vắng lặng, chúng tôi nhìn nhau, không thốt một câu, vì không muốn cho buồng khác biết. Nhưng, chỉ bốn mắt nhìn nhau, mà cũng nói được rất nhiều, tôi cảm thấy như bao nhiêu nỗi niềm ứ đầy trong lòng được vơi bớt.

Tôi cũng hiểu là chị Bắc hoàn toàn tin tưởng nơi tôi đã tinh quái để gác cán bộ, nên thái độ của chị rất bình tĩnh, chị áp mặt vào khung cửa sổ nhỏ mà không sợ hãi gì cả. Như hai người câm điếc, tôi dùng tay ra hiệu ý muốn nói với chị Bắc là: Ngày mai, khi nào tôi "ho 2 tiếng, chị đứng lên sàn" bên đó, tôi cũng sẽ đứng lên sàn bên này, rồi tôi sẽ chỉ chị cách nói chuyện. Chỉ có bấy nhiêu ý, mà hai tay tôi, mắt tôi, vừa múa máy, vừa nháy nhó, mãi chị Bắc mới hiểu. Cứ thỉnh thoảng tôi lại ho hai tiếng, mỗi khi tay phải làm lại, động tác chỉ trỏ như lần trước.

Cũng vừa lúc ấy, thoáng một tiếng động nhỏ bên ngoài sân, tôi vội vàng ra hiệu tay cho chị Bắc vào màn; còn tôi, nhẹ nhàng kéo cửa sổ con lại, rồi cũng lên sàn nằm. Một lúc sau, tiếng bước chân nhè nhẹ đi vào; đến cửa buồng tôi, thấy cánh cửa sổ hé to ra một tí, lại đẩy vào như cũ. Tôi biết nhưng vờ nhắm mắt như đang ngủ say. Tôi tự nghĩ, khi chưa bị bắt, mình còn qua mặt hàng bao nhiêu tên phản gián, huống chi ở đây chỉ có một tên, lại là một tên công an đơn thuần, làm quái gì có nghiệp vụ!

Ngay đêm hôm ấy, tôi suy nghĩ từ những điều kiện thực tế của các căn buồng của xà lim, để tìm ra một kiểu liên lạc tốt nhất. Chỉ một lúc, tôi đã tìm ra được một cách liên lạc hữu hiệu. Xà lim I thật tĩnh mịch và hoang vắng, cho nên chả một tên cán bộ nào lại điên rồ ngồi một mình trong đêm khuya khoắt, để rình mò. Chúng chỉ thỉnh thoảng vào đi "tua". Bây giờ, tôi ở phía dẫy bên này, lại không bị cùm, có thể nói một cách chắc chắn là nếu tôi muốn, tôi luôn luôn dư sức chủ động nắm được đường đi nước bước ra vào, của bất cứ một tên cán bộ tinh quái nào. Tóm lại, ngay đêm hôm đó, tôi đã tìm ra được một phương thế liên lạc toàn bộ trong xà lim, dù cho có cán bộ ngồi thường xuyên ở bàn trực xà lim chăng nữa.

Sáng sớm hôm sau, ngay khi cán bộ trực chưa đến, tôi đã đứng lên, ho gọi số 6 để thí nghiệm. Số 6 đứng lên hớn hở tươi cười khi nhìn thấy tôi. Với thế đứng của hai người, tôi tính toán hình dung hai thế đứng nhìn nhau, qua hai khung cửa sổ phía trên cửa ra vào. Khung cửa này, bề nằm 60 phân, bề cao 50 phân, có 5 chấn song sắt to, bên trong có ghép lưới thép đan, mỗi mắt ba phân vuông. Như vậy, từ hai khung cửa này, tôi và số 6 nhìn sang nhau, đều thấy một khoảng tường hình chữ nhật theo khung cửa sổ, nghĩa là một tấm bảng 50×60 phân. Vì hơi chéo, nên tôi phải tính toán vị trí của số 6 nhìn "tấm bảng" đó ở bên tôi trên tường. Bằng ngón tay trỏ, tôi chỉ viết chữ in; thí dụ: "CHỊ CÓ NHÌN RÕ KHÔNG?". Vừa viết, tôi vừa quay lại nhìn chị Bắc. Mặt chị tươi roi rói gật lia lịa. Tôi lại viết "CHỊ VIẾT ĐI", để tôi điều chỉnh tấm bảng cho tôi nhìn thấy trên tường, bên chị bằng hiệu tay.

Thế là từ đấy, chúng tôi có thể liên lạc với nhau bất cứ lúc nào, dù có cán bộ hay không. Tuy vậy, để bảo đảm an toàn cao nhất, trừ những lúc cần thiết, còn thông thường tôi để cho cán bộ ra khỏi xà lim, mới nói chuyện. Mật hiệu đã định sẵn. Tôi "ho một tiếng" là "có cán bộ", chị Bắc chỉ việc ngồi xuống; "ho hai tiếng" là "gọi nói chuyện được", chị Bắc đứng lên.

Cũng với phương pháp này, ngoài buồng số 6, buồng tôi cón có thể nhìn sang hai buồng ở hai bên buồng số 6 là buồng số 5 và buồng số 7 nữa. Và cứ như vậy, số 5 nhìn sang dẫy tôi cũng được ba buồng là 12 đối diện, và 11, 13 ở hai bên. Rồi, buồng này có thể làm trung gian cho buồng kia, từ đấy, có thể nói chuyện, liên lạc toàn bộ các buồng trong xà lim. Dù cán bộ có ngồi ngay đấy canh, thậm chí có những tên cán bộ mẫn cán tích cực kê ghế ngồi đọc sách hàng mấy tiếng đồng hồ để rình, cũng không bắt được chúng tôi liên lạc với nhau. Tù liên lạc với nhau, phải nói chuyện. Ở đây, dù ngồi cả ngày để canh chừng, chúng cũng chẳng nghe thấy một tiếng; có chăng chỉ là tiếng ho, tiếng khạc mà thôi.

Lúc đó, tôi nghĩ nếu bọn thực dân Pháp ngày xưa và bọn Cộng Sản bây giờ, biết được là có một phương pháp liên lạc chuyện trò với nhau như thế này, chắc chắn chúng không bao giờ thiết kế xây xà lim có hai dẫy buồng đối diện nhau nữa. Mục đích của xà lim là không cho người này trông thấy người kia (trừ trường hợp chúng chủ ý để hai người trong cùng một buồng) để gây áp lực tâm lý. Làm cho tù hoang mang, giao động và không thể hỏi han, trao đổi những khúc mắc khó khăn trong khi cung kẹo. Tâm lý của con người nhiều khi rất lạ kỳ, chỉ cần nhìn thấy một người khác cùng vào nghĩa địa, tha ma với mình, tự nhiên mình sẽ thấy mạnh bạo hơn lên. Nhưng, khi chỉ có một

mình mình trong rừng sâu, đêm khuya, với những ngôi mả hoang, là rợn tóc gáy, rùng mình, rồi cảm thấy cô đơn, không có ai bấu víu. Mục đích của xà lim là như vậy.

Chính vì chúng thấy tôi và số 6 ở cạnh nhau không tiện, nên phải cho sang dẫy đối diện. Sang dẫy đối diện, nếu liên lạc mới nhau bằng lời nói, dù canh kỹ đến đâu thì đi đêm mãi, thế nào chả có ngày gặp ma. Hơn nưa, chúng còn có người gài vào nằm thường trực ở một buồng nào đó trong xà lim, ngoài nhiệm vụ chính là moi tin những người cùng buồng. Nói cách khác, sở dĩ, tôi có thể tung hoành, chủ động sự liên lạc, chuyện trò trong cả xà lim I, chỉ vì Cộng Sản chưa biết rõ khả năng của tôi, cũng như những kẻ hở của chúng. Nếu chúng biết, chúng thừa sức hóa giải, thừa sức ngăn cấm tuyệt nọc. Cho nên, để cho đối phương biết được về mình, là điều tối nguy hiểm. Vậy mà, Mỹ, cũng như thế giới tự do cứ tự… vạch áo cho Cộng Sản xem lưng, để rồi vắt chân lên cổ mà chạy.

Từ một người lính, cho đến một người dân bình thường, ai cũng nói, cũng thuộc câu "Tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng"; nhưng tôi có thể nói ngay rằng nhiều chiến lược gia, những nhà quân sự cầm quyền của phe ta chỉ đọc phương châm đó như là con vẹt thôi. Còn thực tế, thế nào là hiểu đối phương? Thế nào là hiểu mình? Tôi dám nói là họ chưa đủ hiểu. Nếu hiểu, đã không phải chạy hết chỗ này, rút hết chỗ kia. Có nói, lại đổ cho lý do này khác… mà không thấy cái khuyết điểm: Hời hợt, rỗng tuếch của chính mình.

Khi đã chuyện trò với chị Bắc được mấy ngày rồi, tôi thấy bây giờ cũng thuận tiện cho nên tôi đã nói thật với chị là tôi cũng ở trong Nam ra. Tôi cũng kể sơ qua gần một tháng trời, khi còn ở bên ngoài, tôi đã đấu tranh đầy thủ đoạn với tụi phản gián Hà Nội. Cuối cùng, tôi ngỏ ý muốn chị thuật lại cuộc đời của chị ra sao, mà lại vừa là gián điệp cho Cộng Sản, lại vừa cho Sài Gòn, để bây giờ phải vào xà lim, thân gái một mình thế này?

Tôi nghĩ, cứ mỗi ngày một tí, điều gì cần rõ, tôi lại sẽ hỏi thêm. Sau khi tôi yêu cầu như vậy, mắt chị đỏ lên, mí mắt rung rung, ngấn lệ long lanh chảy dài xuống má, chị làm cho tôi cũng xúc động, phải nhìn ra hướng khác. Vừa thổn thức chị vừa viết, nội dung:

- Như một cơ duyên, tôi rất sung sướng được gặp anh ở đây. Tôi đã suy nghĩ mấy ngày hôm nay. Đời tôi đến đây coi như chấm dứt rồi. Nhưng vì tôi còn một đứa con trai duy nhất hiện vẫn ở miền Nam. Vậy, tôi xin kể lại chi tiết đời tôi, như một lời giối giăng và gởi gấm giọt máu của tôi cho anh.

Tôi nhìn chị viết, đôi vai gầy rung rung, thỉnh thoảng lại đưa chiếc khăn trắng lên chùi mắt. Tôi lại liên tưởng đến đời mình. Chị giối giăng ký thác cho tôi ư? Trong cảnh này, tôi hay chị, ai là người sẽ về lòng đất trước, chị có biết được không? Mặc dù lòng mình đầy vơi những nỗi niềm, nhưng nhìn chòm tóc bạc trên đầu chị, nhìn cái dáng đứng nghiêng nghiêng làm cái cổ chị rụt lại; tôi đành phải đè nổi niềm của mình xuống, để gọi là làm "cái cọc mục cho rêu bám" vậy!

Từ hôm ấy, trừ những ngày chị phải đi cung, bất kể ngày đêm, tôi và chị thường đứng viết "nói chuyện" với nhau. Thậm chí, nhiều lần, tôi còn giúp chị được những ý kiến để hóa giải một phần nào mưu mô, đòn phép của chấp pháp.

Chương 65

Đời hoạt động của
người nữ gián điệp…bất hạnh!

Những ngày đầu thuật lại chuyện, nước mắt chị Bắc vẫn cứ vòng quanh. Nhìn dáng chị đứng viết, thỉnh thoảng chị quay lại, đôi mắt đỏ hoe, tôi có cảm tưởng như chị kể lể nghẹn ngào. Nội dung sơ lược như sau:

.....

"Đời hoạt động, bây giờ bị bắt, đã là không may rồi; nhưng, ngay đời tình cảm của tôi cũng đầy nước mắt đau thương. Tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình khá giả ở ngoại thành Hà Nội. Tôi là nữ sinh Trưng Vương của những năm 1948-1949. Bấy giờ, tôi đang yêu một nam học sinh trên tôi 3 lớp. Khi đó, tôi đang thi Trung Học Phổ Thông và anh ấy thi phần II Tú Tài. Chúng tôi đã yêu thương nhau hơn 4 năm rồi. Anh đã được gia đình tôi công nhận. Vì vậy, thường xuyên hàng tuần, thậm chí, hàng ngày anh vẫn đến kèm dạy thêm cho tôi. Chúng tôi và gia đình đều đã có ý định chờ anh và tôi thi xong sẽ làm lễ cưới. Hai ngày sau khi thi đỗ, như mọi lần, anh đạp xe đến thăm tôi. Lúc về, trở ra tới đầu phố, chẳng hiểu thế nào mà, anh bị một chiếc xe GMC cán vỡ óc, chết ngay, còn chiếc xe đạp cũng bị gẫy đứt đôi.

"Được tin sét đánh, tôi tưởng như trời sập. Tôi đã định tự tử theo anh, nhưng nhiều lần đều bị gia đình ngăn cản. Dù chưa cưới, nhưng tôi quyết xin gia đình cho tôi đưa đám anh, như một người vợ. Sau đó, tôi nguyện khép chặt cửa lòng, quyết định suốt đời sẽ không lấy ai nữa, bỏ ngoài tai những lời khuyên nhủ của bố mẹ và bạn bè.

"Tôi đã xin về một vùng quê xa xôi ở Hưng Yên, rồi Bắc Ninh để dạy học. Gần hai năm tôi sống thu mình như một nhà tu hành. Lấy các em học sinh làm nguồn vui của đời. Tôi cương quyết khước từ nhiều người tìm cách rấp ranh, muốn xây dựng gia đình với tôi. Tôi cũng tưởng như vậy là yên thân. Nhưng, chiến tranh đã không để cho các em học sinh được yên lành đi học. Thành ra, tôi cũng chẳng còn chỗ để dung thân, đành lại trở về Hà Nội.

"Khi ấy là 1952, chiến tranh ngày càng ác liệt. Một đêm, tôi không ngủ được, và chợt tìm thấy một hướng đi cho đời mình. Đó là, vào quân đội. Mấy ngày sau, tôi thực hiện ngay ý định của mình, dù gia đình có ngăn cản. Là con gái, lại có bằng Trung Học Phổ Thông, mà anh đã biết, bằng "Diplôme" của 1952 về trước, cũng có nhiều giá trị lắm. Cho nên, quân đội rất hoan nghênh, ưu đãi tôi. Chỉ phải 6 tháng huấn luyện quân sự sơ sơ, tôi đã được đeo lon thiếu úy, làm việc văn phòng trong bộ Tổng Tham Mưu.

"Quân đội là nơi thu hút biết bao những người anh hùng, những nhân vật lỗi lạc tài hoa của đất nước. Nhất là lại ở bộ Tổng Tham Mưu, nơi có đủ mọi binh chủng, có đủ mọi loại quái kiệt, xuất chúng. Cho nên, tôi, một cô gái Thiếu Úy, tuổi mới 22, 23; không "đổ" với nhân vật này, rồi sớm muộn cũng "đổ" với nhân vật tài hoa khác. Cho nên, cuối cùng, trái tim sắt đá, cánh cửa lòng đã định mãi khép chặt, nay đành mở toang, để đón nhận một nhân vật hào hoa mã thượng, là Thiếu Tá Trần Ngọc Tính.

Trái tim tưởng như khô cằn, hết nhựa tình yêu từ khi mối tình đầu tan nát, bây giờ lại chảy tràn trề nhựa sống, cho mộng tràn gối chăn, cho tình tràn trước ngõ. Để rồi, một đám cưới linh đình hoa bướm với xá pháo đỏ ngập sân…

Đùng một cái, đất nước chuyển mình, Hội Nghị Genève ký kết. Lúc này, bụng đã có mang 4, 5 tháng, tôi được điều động sang bộ phận đón rước và lo di chuyển cho gia đình binh sĩ di cư vào Nam. Tôi nỗ lực, tích cực công tác lo cho thân nhân, gia đình, vợ con quân đội, nên thường xuyên đi ra, đi vào giữa Sài Gòn và Hà Nội. Cũng giai đoạn này, nhà tôi được chuyển vào Nam và được thăng lên cấp Trung Tá. Tôi miệt mài công tác, cho tới khi trở dạ sinh được một cháu trai mới tạm nghỉ. Cháu trai thật xinh và bụ bẫm. Tôi và anh Tính đặt tên cho cháu là Trang; Trần Ngọc Trang.

Tôi những tưởng do mình ăn chay, ở lành, ngày ngày cầu xin Trời Phật độ trì, cho nên Trời Phật đã đền bù cho tôi một cuộc sống tràn trề hạnh phúc giữa thế giới tự do. Nhưng cũng bất ngờ, lại một tin sét đánh nữa đến với tôi. Trong một chuyến công tác, chồng tôi cùng hai, ba người nữa lái chiếc xe "díp" lên Đà Lạt; rồi không hiểu vì sao, trên một khúc quanh, lại gặp trời ẩm ướt, chiếc xe đã bị lao xuống vực thẳm. Hai người bị thương nặng; hai người bị chết, trong đó có chồng tôi.

Tôi như điên rồ, gào thét, vật vã mấy ngày đêm. Nếu không vì giọt máu của tôi và anh ấy còn đỏ hỏn, lần này, tôi không thể sống được nữa. Tôi còn thiết gì cõi đời đầy máu và nước mắt này. Tôi quá ư đau đớn! Ruột tôi đêm ngày như vặn xé, đứt ra từng khúc. Vì vậy, cho dù bao nhiêu lời khuyên giải, bao nhiêu lời úy lạo của quân đội cũng như chính quyền, tôi đều bỏ ngoài tai. Tôi không cần biết thế giới này tự do hay Cộng Sản, tôi cũng chẳng còn ý niệm về chính trị cũng như con người.

Lúc này, cũng sắp hết hạn 300 ngày di cư của Hải Phòng. Tôi đã như một người điên, không còn đủ sáng suốt nghĩ suy, quyết định ôm con trở về Bắc với gia đình tôi. Sống, chờ đứa con khôn lớn, rồi tôi xin thí phát ăn mày cửa Phật. Tôi gạt hết mọi lời ngăn cản của bạn bè, ngay của chính quyền cũng như quân đội. Cuối cùng, vì thấy tôi đau khổ quá, họ cũng đành ngao ngán thở dài, để mặc tôi ôm con trở về quê cũ.

Tôi trở về Hà Nội. Trên đường đi vì có con dại, nên tôi không gặp khó khăn gì. Tôi về sống với bố mẹ và họ hàng ở khu lao động Thịnh Hào, ngoại ô thành phố Hà Nội

Tôi trình bầy tất cả sự thật đời tôi với nhà cầm quyền địa phương của Cộng Sản. Vì đấy là thực tế, họ cũng thấy rằng cuộc đời tôi quá nhiều đau thương về mặt tình cảm. Thêm nữa, ở địa phương, hầu như suốt ngày đêm, tôi chỉ quấn quít với con tôi, cho nên họ cũng để yên, không làm phiền hà gì cả. Nhưng, điều chính mà sau này tôi mới biết, là vừa về chiếm lại nhiều thành phố, nhiều xóm làng, Cộng Sản còn nhiều công việc khác to lớn, cấp thiết hơn phải lo, cho nên chúng mới để cho tôi sống yên thân. Mặt khác, càng những năm sau này, các em, các cháu tôi phải đi nghĩa vụ quân sự. Vậy là gia đình ngày càng có nhiều người trong hàng ngũ Cộng Sản. Vả lại, chính tôi, để được yên thân, ngay trong địa phương tôi cũng tỏ ra tích cực họp hành, học tập, tham gia mọi sinh hoạt v.v… Tôi cũng chả cần biết thế giới này ngược hay xuôi nữa. Cuộc đời tôi cứ thế đều đặn như vậy theo thời gian trôi đi, cho mãi tới đầu 1960. Lúc đó, cháu bé đã 5 tuổi, đã bắt đầu cắp sách đến trường.

Vào giai đoạn này, có lẽ đám đầu não tình báo miền Bắc, phát hiện được ra tôi như là một người có đầy đủ điều kiện và khả năng, chui được vào trong giai cấp lãnh đạo của chính quyền miền Nam để hoạt động: – Đào Thị Bắc, một phụ nữ đã từng làm việc ở bộ Tổng Tham Mưu, bản thân lại là cựu sĩ quan, có chồng là Trung Tá Trần Ngọc Tính. Như vậy, thiếu gì bạn bè, những bạn bè quen biết trước đây, ngày nay, hẳn có người đã leo lên nhiều chỗ đứng cao của quân đội, cũng như của chính quyền Sài Gòn. Một chỗ dựa, một thế đứng vững chắc. Không còn một "miếng mồi" nào tốt hơn miếng mồi Đào Thị Bắc.

Từ chỗ chúng tìm tòi nghiên cứu để nhận định, đến khi đã thấy rồi, chúng chỉ còn bắt tay thực hiện. Chúng nghiên cứu tỉ mỉ tư tưởng, cuộc sống của Bắc qua những đoàn thể địa phương, và chính quyền sở tại. Khi đã phân tích nắm được chỗ ưu, chỗ nhược của Bắc rồi. Tùy theo điều kiện, chúng lựa dần dần bằng nhiều hình thức khác nhau, từ nhiều phía khác nhau, để đi đến với Bắc (tới đây, chị Bắc không xưng là "tôi" nữa, mà chỉ viết xưng tên).

Sau nhiều lần gặp, cuối cùng chúng ngỏ ý, với những lời phỉnh phờ, dụ dỗ, khích lệ có nghiên cứu. Nào là, Bắc đã thích cách mạng nên với về với cách mạng; nào là, Bắc là một người dân thì phải có trách nhiệm với đất nước, với cách mạng, v.v…và v. v… Nghĩa là, trong cái thế bị chi phối từ nhiều phía, Bắc đã phải đồng ý để chúng tuyển mộ và huấn luyện những bài học cần thiết, về hoạt động tình báo.

Sau gần một năm huấn luyện bí mật, nghiên cứu thực tập nhuần nhuyễn vỏ bọc, cũng như các đường dây liên lạc, Đào Thị Bắc đã được Tình Báo miền Bắc tạo điều kiện hợp lý, hợp tình, để ôm đứa con 5 tuổi vượt tuyến vào Nam. Lý do vượt tuyến, rất đơn giản hợp tình, hợp lý đó là: Tuy đã chán hết mọi sự đời, ôm con về Bắc, tưởng được sống âm thầm, yên ổn nhưng, vì điều kiện xã hội miền Bắc nên cũng phải lao động, làm thợ may trong một hợp tác xã và tham gia hầu hết các buổi học tập của xóm giềng. Nghĩa là tỏ ra tích cực để được sống yên nhưng, dần dần, càng ngày càng bị để ý. Những tên công an xóm, xã dùng đủ mọi hình thức o ép, đe dọa. Hơn nữa, cuộc sống cũng mỗi

ngày một khó khăn, không thể chịu đựng nổi được nữa, nên nhen nhúm dần tư tưởng trốn trở lại miền Nam đã lâu. Mãi tới dịp này, khi gặp thời cơ thuận tiện đưa đến, mẹ con đã luồn lọt, cuốn gói ôm nhau lội sang bên kia bờ sông Bến Hải (tất nhiên, những "khâu" này, chúng đã phải dàn dựng như thật, và "lô gích" nữa). Khi đã qua sông Bến Hải rồi, giai đoạn đó, bất cứ ai vượt tuyến cũng đều được đón tiếp để đưa về Huế, rồi đưa vào Sài Gòn ở trại đón tiếp đồng bào vượt tuyến bên Gia Định.

Đúng như mọi dự tính của tình báo Hà Nội. Ngay khi vào tới Sài Gòn, Đào Thị Bắc đã được nhiều bạn bè khi nghe được tin, đã sang trại đón tiếp đồng bào vượt tuyến Gia Định để thăm hỏi. Trong đám này, có Trung Tá Xuân là bạn của Trần Ngọc Tính và Bắc ngày xưa. Cũng chính Trung Tá Xuân đã bảo lãnh và đón mẹ con Bắc ra trại, về một cư xá sĩ quan ở tạm. Trung Tá Xuân cũng là một nhân viên… Tình Báo của Sài Gòn…

Đến đây, chẳng hiểu vì tư tưởng của Đào Thị Bắc thích thế giới tự do, hay vì nghệ thuật khai thác, móc nối của Tình Báo Sài Gòn cao tay, cuối cùng Đào Thị Bắc đã khai báo hết sự thật với Tình Báo của Sài Gòn, mà đại diện là Trung Tá Xuân.

Tình Báo Sài Gòn, cũng nằm trong lề lối chung của chính quyền miền Nam, là làm việc, hời hợt, thiếu ý thức trách nhiệm trong công việc của mình; ưa hình thức đao to, búa lớn, nhưng bên trong rỗng tuếch. Như vậy, làm sao tìm ra được một kế hoạch hoạt động tinh vi. Một kế hoạch mà muốn thành công, đòi hỏi phải nhiều tâm sức, vắt óc tính toán, mổ xẻ phân tích nhiều ngày đêm. Thậm chí, ăn sẽ không ngon, ngủ sẽ không yên nếu chưa tìm tòi nghiên cứu được một kế hoạch thỏa đáng! Hoặc, sẽ đau đầu, nhức óc, về việc tại sao công tác vừa qua lại bị thất bại! Nhân viên, bị bắt, bị chết! Phải coi nhân viên đó như ruột thịt của mình. Luôn luôn phải đào sâu, xét kỹ từng vấn đề để rút tỉa kinh nghiệm.

Những người chịu trách nhiệm của cơ quan tình báo phải làm việc theo phòng cách: Vì việc nước, phải gửi, phải phái người anh, người em, người con mình vào đất địch để hoạt động. Nếu người anh ấy, người con ấy bị bắt, bị chết, thái độ của mình sẽ ra sao? Từ đấy sẽ thấy là, phải coi việc nước như việc nhà.

Tóm lại, với cách làm việc, với lề lối phong thái như trên, làm sao có được một kế hoạch tốt. Cá biệt, có điều gì thành công, hầu như phần lớn là do may mắn mà thôi. Hay, nói theo cách thông thường, là hôm đó, hay lúc ấy, "trời đi vắng"!

Chính vì vậy, khi thấy Đào Thị Bắc khai báo, hay nói đúng ra là thú hết những âm mưu, ý đồ của Tình Báo miền Bắc, Tình Báo miền Nam đã vội vàng ra cái vẻ "tương kế tự kế", bí mật tuyển mộ lại Bắc. Tất nhiên, lại phải huấn luyện theo "lò" Tình Báo của Sài Gòn. Rồi, một mặt vờ cung cấp một số tin tức không phải thiết yếu để hòng "thả con săn sắt, bắt con cá rô". Một vài năm sau, cố vờ tạo lên một sơ hở của Bắc để Sài Gòn nghi ngờ, nghĩa là thúc ép tình báo Cộng Sản là "động rồi đấy, hãy đưa Bắc về Hà Nội đi; nếu không, Sài Gòn sẽ bắt".

Phần vì, đánh giá khả năng của đối phương qua đôi dép râu, qua bộ quần áo cà quỷnh; rồi nhìn từ chỗ đó, để suy ra những khả năng khác của kẻ thù; Nên đã không thấy một điều quan trọng thiết yếu của Cộng Sản: Chủ trương của chúng là "chỉ dùng người ngu". Dùng những thuộc hạ chỉ biết nghe lời. Dù người lãnh đạo có ra lệnh lầm, thuộc hạ cũng cứ cắm cúi thực hiện. Không có, và không cần loại thuộc hạ bàn ngang, tán láo. Loại thuộc hạ này không làm được gì cả. Cứ nhìn những thuộc hạ đầy ngu ngốc, đầy cà quỷnh, đầy ngây ngô, khỉ mán trong rừng… mà quên đi là những tên lãnh đạo trong bộ chính trị của chúng là những tên cáo già, chỉ ngày đêm nghĩ suy, tính toán. Không phải một vài tên, mà là 15, 16 tên như vậy. Hầu như chúng đã thấy trước được nhiều vấn đề (sau này, tôi sẽ minh chứng cụ thể). Một bộ óc trong cái tập thể ấy, sẽ không kém gì một bộ óc khôn quái của chúng ta. Ba cái đầu, hơn một cái đầu. Ở đây, 15, 16 cái đầu chắc chắn phải hơn một cái là ông Tổng Thống. Huống chi, những cái đầu của những vị nguyên thủ phía ta, đến quá nửa thời gian lại dành cho hưởng thụ, phục vụ cho những tham vọng cá nhân và gia đình. Như vậy, làm sao đặt để được một kế hoạch thấu đáo. Làm sao chống lại được Cộng Sản miền Bắc, mà không

phải hết cầu cứu với ông lớn nước này, lại cầu cứu với ông lớn nước khác! Nếu các ông ấy không giúp, tất yếu là… đổ.

Tóm lại, về tình huống của chị Đào Thị Bắc: Nếu đầu não của Tình Báo Sài Gòn là người hiểu biết kẻ thù, phải thấy ngay là những loại người như Bắc, không bao giờ Cộng Sản tin dùng cả. Chúng chỉ dùng theo thời gian, theo những yêu cầu đòi hỏi của những giai đoạn ấy; rồi sau đấy; sẽ cho phép "ngồi chơi xơi nước" nếu làm tốt cho chúng. Còn, trong quá trình công tác, lại có gì sai trái, tùy theo mức độ chúng gạt luôn, hoặc cho vào "ấp". Chúng không tin Bắc, đã không tin, chúng phải theo dõi, để ý. Chỉ cần một hiện tượng không bình thường là chúng đã phát hiện ra ngay rồi. Như thế, cố gắng đẩy chị Bắc về miền Bắc, chẳng khác gì đẩy chị vào tù, hay nói khác, đẩy Đào Thị Bắc vào chỗ… chết!

Như vậy, người lãnh đạo Tình Báo miền Nam lúc ấy, phải nhận một trong hai khuyết điểm sau:

- Chưa đủ hiểu sự tinh quái của Cộng Sản.

- Hiểu, nhưng vẫn còn đẩy Đào Thị Bắc đi. Một là để lấy tiếng vang, hoặc may ra có kết quả. Còn nếu không, chết, mặc xác; tù rục xương cả cuộc đời, cũng không cần biết!

Nếu là khuyết điểm trên: Còn gì để nói nữa (!). Chiến đấu với kẻ thù mà không đánh giá được kẻ thù! Còn nếu là khuyết điểm ở dưới: Người chỉ huy vô nhân đạo. Bất cứ một nhà nước nào, một tổ chức nào, một cá nhân nào, làm việc không có hậu như vậy, sớm muộn sẽ bị thất bại, đổ vỡ.

Đào Thị Bắc, từ tim gan, ruột phổi cho đến giòng máu đang chảy trong cơ thể là người quốc gia, nghĩa là Bắc là con ruột của ta. Con ruột mà ném vào miệng cọp thì thật là hết ý! Vậy, không thể lấy lý do mượn tay kẻ thù, để trừ đi một người ta cần chặt bỏ. Riêng tôi, khi xem chị Bắc viết thuật đến đây, tôi hiểu Tình Báo Sài Gòn mắc cả hai khuyết điểm trên, cũng chỉ vì lề lối làm việc hời hợt.

Trở lại sự việc Đào Thị Bắc:

…Cho tới đầu năm 1965, theo kế hoạch của miền Nam, chị Bắc báo cáo với Cộng Sản là đã bị lộ. Sài Gòn đã nghi ngờ. Sau một thời gian bảo Bắc đợi lệnh, cuối cùng, vào đầu tháng 5, lệnh từ Hà Nội cho Bắc về. Tất nhiên lại một sự dàn dựng của cả hai bên để Bắc rời Sài Gòn về miền Bắc…

Khi chị Bắc qua sông Bến Hải thì được đưa tuột về ngay Hà Nội. Chúng đưa chị đến ngôi nhà số 23 phố Hàng Đường, lên một căn buồng ở trên gác, phía dưới là một cửa hiệu quốc doanh. Khi vào trong buồng, chúng đưa cho chị một tập giấy, bảo chị hàng ngày hãy viết lại tất cả mọi sự việc từ khi vào Nam: làm những cái gì, giao thiệp với những ai, đi những đâu… một cách chi tiết.

Chị bị coi như giam lỏng, giấy tờ chúng thu hết với lời khích lệ là viết tốt, viết xong mới cho về với gia đình.

Gần một tháng trời cặm cụi viết, khi viết xong, nộp cho chúng rồi, chị tưởng là chỉ hai, ba ngày nữa sẽ được cho về thăm gia đình. Nhưng, chúng đã mắng, đã nạt nộ chị, là chúng đã biết hết mọi sự thật. Thậm chí, chúng đưa và nêu cả hình ảnh, chứng cớ. Thế là chị Bắc đành phải khai báo sự thật. Là Sài Gòn đã tuyển mộ chị, huấn luyện chị. Và, tương kế tựu kế, để chị về Hà Nội, nằm trong tổ chức Tình Báo miền Bắc, hoạt động cho Sài Gòn v.v… và v.v… Khai, viết xong một lần nữa, chị bị chúng đưa thẳng vào buồng số 6, mà tôi đã gặp.

Trong suốt những lần đứng viết thuật lại mọi sự việc cho tôi, lúc nào nước mắt chị cũng lưng tròng, nét mặt đầy vẻ khổ đau. Chị cũng hiểu, đời chị đến đây là hết! Chị không còn thiết bất cứ một điều gì trên cái cõi đời này. Nếu trong

chị còn le lói chút ánh sáng nào, đó chính là giọt máu duy nhất của chị và của người chồng kính yêu. Cháu vẫn còn ở miền Nam, năm nay đã 11 tuổi rồi, hiện nay đang sống với một người họ hàng ở đường Phan Thanh Giản (bây giờ, tôi không thể nhớ rõ số nhà là bao nhiêu nữa).

Từ lúc, chị biết tôi cũng là người của chính quyền miền Nam, lại cùng gặp nhau trong cảnh khốn cùng này, ánh mắt chị nhìn tôi đã thay đổi hẳn. Cũng là ánh mắt ấy, nhưng trước đây mỗi khi chị nhìn tôi, hãy còn cái nhờn nhợt của màu nâu, cái màu của nhiều rụt rè, băn khoăn, xa lạ; bây giờ, nó đã đổi sang màu xanh, cái mầu của thân thương, ruột thịt, người trong một nhà. Chính chị đã viết, đời chị lúc này đang như cánh bèo bị nước cuốn chìm nổi, dập vùi, chơ vơ lạc lõng, thế mà cơ duyên gặp được tôi. Cánh bèo ấy như được dạt vào đám bèo to; tuy rằng giòng nước vẫn còn đẩy đưa đám bèo này đi mãi…Thấy chị nghĩ như vậy, tôi cũng cố giả vờ ra vẻ là một đám bèo cho chị dựa: Chứ thực ra, trong lòng tôi cũng mịt mùng chả biết đường đi ngả nào, còn đấy hay mất đi lúc nào cũng đâu có hay.

Một lần, sau khi cán bộ đã đi ra, tôi lại gọi chị đứng lên nói chuyện. Chị phàn nàn, băn khoăn là quần áo của chị bị mấy chỗ tuột chỉ và đứt mấy khuya áo, nhưng không có kim. Tôi cũng hiểu, gặp khó khăn, chị viết như vậy để kể lể, cũng chỉ như là san sẻ tâm sự; chứ chị làm sao có thể nghĩ rằng tôi lại có kim. Chiếc kim của tôi thực vô cùng quý giá, chẳng bao giờ rời khỏi mình tôi; nhưng với chị, tôi có thứ gì để tiếc chị nữa. Bởi vậy, tôi nói với chị là tôi có kim. Mắt chị mở to, miệng chị mấp máy như nửa tin, nửa ngờ, cho là tôi nói đùa. Nhưng, nét mặt của tôi đang nghiêm trang nghĩ cách nào để đưa được kim cho chị. Và, tôi đã tìm ngay được một cách. Tôi vội viết: "Hãy ngồi xuống, chờ một tí".

Tôi lấy cái kim ra, xỏ vào một sợi chỉ, buộc thắt lại. Nối hai, ba sợi chỉ dài độ 3, 4 mét, rồi buộc một đầu vào một đoạn cọng cuốn chổi thanh hao dài khoảng 2, 3 phân. Tôi trèo lên sàn, gọi chị và viết: "Hãy cúi sát xuống nền phía cửa. Tôi sẽ "búng" cái cuống chổi sang. Chị nhặt lấy kéo về. Còn muốn dùng chỉ thêm, ngay trong chăn của trại, cứ cách hai sợi, rút một sợi, không sao cả. Một cái chăn có thể rút được 15, 16 sợi chỉ, mỗi sợi dài trên 2 mét. Tha hồ khâu vá". Sợ mất cái kim, tôi dặn chị, khi nào tôi ho hai tiếng, chị cứ việc khâu. Nếu nghe một tiếng ho, cất ngay đi. Tôi sợ cán bộ bất chợt đi vào, đứng rình thấy chị Bắc khâu, vừa bị tịch thu kim, lại vừa bị cùm nữa. Còn một tội to hơn là… phá hoại tài sản của xã hội chủ nghĩa.

Thế là chị có kim. Chị bắt đầu việc khâu vá, trong khi đó tôi gọi anh Nguyễn Lân, buồng số 4, đứng lên nói chuyện…

Chương 66

Hai cái áo sơ-mi
thay đổi một cuộc đời!…..

Thuận tiện nhất cho tôi có trình bày ở trên, là viết liên lạc với ba buồng đối diện là 5, 6 và 7. Buồng số 5 và số 7 đã hơi chéo góc với buồng tôi rồi, nhưng khoảng cách cũng còn không xa lắm, nên tấm "bảng" cũng không nhỏ đi mấy. Bây giờ, buồng anh Lân (số 4) lại chéo góc hơi xa, tấm "bảng" vì vậy chỉ còn bé tí. Phải viết chữ lớn hơn mới trông rõ. Tôi và anh Lân cũng cố điều chỉnh mãi, dần dà việc nói chuyện cũng không còn khó khăn lắm.

Có lẽ vì suýt soát tuổi nhau, nên anh Lân tỏ vẻ rất thích tôi. Hầu như anh cứ đứng suốt buổi để nói chuyện với tôi. Một phần nhờ tôi ở dẫy phía ngoài, có điều kiện canh chừng cán bộ ngày từ ngoài sân; phần khác, tôi ở xà lim đã lâu, thành tinh, nắm được hầu hết những kẻ hở của cán bộ trông coi xà lim, nên mọi việc nói chuyện với chị Bắc hay với anh Lân đều do tôi chủ động. Bởi vậy, nếu tôi không gọi anh, anh đành chịu. Tôi đã quy định, với chị Bắc khi gọi nói chuyện là "hai tiếng ho"; còn với anh Lân là "hai tiếng khạc"; và với số 7 là "hai tiếng nhổ khô". Nhưng, tôi không cho buồng này biết điều quy định của tôi với buồng kia!

Sau nhiều lần nói chuyện, tôi biết được sơ lược nội dung sự việc của anh Nguyễn Lân như sau:

Câu đầu tiên anh viết với tôi, đã làm tôi thật ngạc nhiên và buồn cười: "Nguyên nhân chính làm cho cuộc đời anh bị bắt vào Hỏa Lò là do "hai chiếc áo sơ-mi'". Hai cái áo này, đã có lần tôi thấy phơi ngoài sân.

Quê anh ở miền "thắt cổ bồng" của đất nước. Cái miền mà chó phải ăn đá, gà phải ăn sỏi". Bố anh là một cán bộ ưu tú của Cộng Sản, đã nằm xuống cho cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp. Vì vậy, anh được coi như thành phần cốt cán, con trai duy nhất của một liệt sĩ. Nhờ đó, khi anh mới học hết lớp 6 Trung Học Phổ Thông, anh đã được ưu đãi chiếu cố đặc biệt của chính phủ, để đi du học ở Roumanie 5 năm về ngành Quản Lý Kinh Tế nhà nước xã hội chủ nghĩa. Một tương lai sáng lạn rộng mở khi anh tốt nghiệp trở về nước. Năm nay, 1965, anh đã bước vào năm thứ tư rồi. Cuộc sống cũng như việc học hành của những sinh viên Việt Nam ở thủ đô Bucharest tuy còn nhiều khó khăn về vật chất, nhưng so với quê nhà, đã như từ đang ăn cơm với rau bây giờ được ăn thêm món cá. Chỉ còn một năm nữa thôi là đã thành đạt rồi; nhưng trong dạ của anh lại không mang niềm phấn khởi; vì nhìn về quê hương Việt Nam, anh thấy đầy dẫy nghèo nàn lạc hậu. Sau hàng chục năm tiến lên xã hội chủ nghĩa, vẫn không có gì thay đổi cả. Vì thế, tuy không quá buồn, nhưng lòng anh cũng chả thấy vui khi sắp được trở về mảnh đất quê hương, để trở thành một cán bộ nồng cốt.

Rồi, cuộc đời, cũng như mặt biển, chẳng bao giờ phẳng lặng bình yên mãi…!

Anh có một người cậu, em ruột của mẹ. Vì mảnh đất đầy khắc nghiệt của quê anh, người cậu từ trước 1954 đã đi tha phương cầu thực, lang bạt kỳ hồ nổi trôi; hết làm phu phen ở Tân Thế Giới, rồi lại trôi dạt về "mẫu quốc" là nước Pháp. Hiện người cậu, đã có vợ con, làm nghề tài xế Taxi ở Paris, sống một đời thợ thuyền nghèo nàn ở thủ đô xứ người. Từ khi biết thằng cháu được đặc tuyển đi du học Roumanie, ngay gần cạnh nước Pháp, thôi thì, tình ruột thịt cậu cháu hàn huyên qua những cánh thư thương nhớ hàng tuần, hàng tháng. Rồi, kỳ Hè năm ngoái, toàn bộ du học sinh Việt Nam học ở Roumanie được chở đến bờ biển Hắc Hải để cắm trại. Người cậu đã biết do đứa cháu báo tin, nên cũng đem gia đình đi nghỉ mát ở đấy, để gặp thằng cháu đã lâu ngày xa cách. Thật là tay bắt, mặt mừng, cậu cháu, anh em được dịp tỏ bầy lòng thương, nỗi nhớ chất chồng từ hàng chục năm qua. Trong dịp gặp gỡ này, người cậu cho đứa cháu yêu vài món quà vặt vãnh, trong đó có… hai chiếc sơ-mi trắng nói trên.

Qua những cánh thư trao đổi mấy năm trước đây, theo hình dung của anh Lân, gia đình người cậu làm nghề taxi, chắc cũng rất là chật vật, thuộc loại dân nghèo thành thị, trong giới cần lao. Với sự tưởng tượng của Lân, từ ống kính nhìn giới thợ thuyền ở quê nhà, nghèo nàn phải ở cảnh mặc quần áo vá, đội mũ bạc màu, gia đình vợ con nheo nhóc, nhếch nhác… Vì thế, do tình quý mến và thương cậu, Lân đã dành dụm được 50 francs, định trong dịp gặp cậu này, sẽ gọi là một chút giúp đỡ mợ và các em. Bởi vì, anh đã được may mắn sắp sửa bước lên giai cấp trên, giai cấp có thế có quyền, nên anh nghĩ phải có trách nhiệm cưu mang họ hàng. Nhưng, khi gặp cậu mợ và các em, anh đã mở to mắt, há hốc mồm, trân trân đứng nhìn đến nỗi quên cả bắt tay người cậu. Gần 50 francs anh dành làm quà cho cậu đã như cục than nóng trong túi quần. Anh cứ cho tay vào túi mân mê, định lấy tiền ra, rồi lại ngập ngừng lấy tay ra; để rồi một lúc sau lại đút tay vào, mất cả vẻ tự nhiên khi anh nói chuyện với cậu mợ. Cuối cùng, người cậu đã đút vào túi cháu 500 francs và nói là vì…cậu quá nghèo, mong cháu thông cảm cho lòng cậu, gọi là của thảo để cháu mua thêm giấy bút, sách vở… (!). Đến lúc này, gần 50 francs trong túi của Lân mới chịu nguội lạnh, nằm yên.

Trên đường trở về Bucharest, tiền thì anh đã giấu kín, nhưng hai chiếc sơ-mi thì đã thành một đầu đề, điểm đầu mối để anh em sinh viên suy nghĩ bâng khuâng về cuộc sống con người và xã hội. Ngay chính bản thân anh Lân, cũng từ hai chiếc áo sơ-mi này, đến những hình ảnh gia đình của người cậu, đã phải thay đổi nhiều cách nhìn đời. Từ những suy nghĩ này, đẻ ra những suy nghĩ khác. Chính ngay khi ông cậu cho hai chiếc áo sơ-mi này đã nói… "đây là loại áo thường cậu mua cho cháu, cậu không dám mua loại sang, e rằng cháu về quê nhà mặc, sẽ không tiện, không phù hợp với môi trường, sinh hoạt của quê hương…". Hai chiếc áo sơ-mi "thường" mà còn làm cho Lân và bao nhiêu bạn

học phải ngẩn ngơ về cuộc sống con người, về những viễn ảnh của đất nước xã hội chủ nghĩa.

Rồi, chính Lân dần dần chuyển biến tư tưởng, thập thò nhen nhúm ý tưởng sẽ giã từ chủ nghĩa xã hội "ưu việt" của loài người, "đỉnh cao" của trí tuệ, "trái tim" của nhân loại để chạy sang với ông cậu sống một cuộc đời... phồn vinh giả tạo, tự do chết đói, đầy dẫy những lạc hậu và bất công...(!) Vì vậy, trong những lá thư sau, Lân có những lời thăm dò, bóng gió để hỏi cậu xem, Pháp có nhận người tị nạn chính trị chạy sang không? Nhờ cậu chuẩn bị lo trước về công ăn việc làm, cũng như cuộc sống, v.v... Khi ông cậu trả lời, tất nhiên cũng bóng gió xa xôi nhưng Lân cũng hiểu là, cứ đi, cậu sẽ lo liệu mọi vấn đề cho, cậu rất hoan nghênh ý kiến đó của cháu, v.v... Dù chỉ là những lời bóng gió, nhưng những lá thư như vậy Lân đều đốt hủy đi.

Ít ngày gần đây, tự nhiên như do linh tình, Lân cảm thấy tâm hồn bất an, dù anh vẫn tiếp tục học hành bình thường. Nhưng, rồi anh vẫn không nhận thấy một hiện tượng gì để cho mối lo ngại băn khoăn của anh có cơ sở. Anh cho rằng, chẳng qua, vì lòng đã có ý định chuồn, nên có tật thì giật mình mà thôi, anh lại bỏ qua những băn khoăn anh đã cho là vô căn cớ đó.

Cho tới hơn một tháng trước đây, đột nhiên anh nhận được một tờ điện tín từ quê nhà là mẹ anh bệnh sắp chết, phải về ngay. Anh cầm bức điện lên anh tổ trưởng, đồng thời cũng là bí thư chi bộ, với nét mặt đầy băn khoăn lo lắng, nên về hay không về? Vì, tuy anh là con trai duy nhất, nhưng anh cũng biết rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tình cảm gia đình không phải là một vấn đề lớn lắm. Anh lại sắp ra trường. Bài vở của năm cuối rất nhiều cho nên, chưa chắc chi bộ đảng đã đồng ý cho anh về.

Nhưng, thật là bất ngờ, không những anh không gặp những lời ngăn cản hay phản đối, mà lại là những lời thúc giục, khuyến khích anh phải về. Nào là, mẹ anh chỉ có một mình anh là con, đời bà đã đau thương quá nhiều, cha anh đã hy sinh cho Tổ Quốc khi mẹ anh còn quá trẻ v.v...

Anh đã được tổ chức lãnh đạo lo liệu cho giấy tờ thuận tiện, vé tầu, xe cả về lẫn đi trong nửa tháng. Cùng về với anh cũng có một đồng chí ở sứ quán Việt Nam tại Bucharest. Khi về tới Mạc Tư Khoa, qua thái độ của người đồng chí mà anh phải đi cùng, cũng như qua một số hiện tượng, anh cảm thấy như bị theo dõi, và bị giam lỏng. Giấy tờ của anh đều do đồng chí sứ quán nắm giữ hết, với lý do là đồng chí ấy có trách nhiệm trình báo, cũng như lo liệu giấy tờ trên đường về.

Chính anh Lân, cũng là người tinh quái, sau một đêm suy xét, tính toán, cảm thấy lần này về không ổn chút nào cả. Nhưng biết làm sao, anh hoang mang cùng độ, biết trở về đến Việt Nam là có chuyện. Vì thế, ngay sáng hôm sau, một mình anh lần ra phố, vẫy một chiếc taxi, bảo chạy bừa đến Tòa Đại Sứ Pháp. Thực ra, vì anh lo quýnh quá rồi, thấy mình từ từ lăn xuống hố mà không còn bấu víu vào đâu, nên đành liều chạy đến Tòa Đại Sứ Pháp v.v... chứ anh chả biết một chữ Pháp nào, thì biết ăn nói làm sao đây.

Sau khi trả tiền xe taxi, anh thấy ngôi nhà có lá cờ Pháp thì xông bừa vào. Lúng ta, lúng túng, ngôn ngữ bất đồng, chẳng ai hiểu ai. Nhất là, khi Tòa Đại Sứ Pháp thấy thái độ của anh nhớn nhác, lo sợ, cứ hai tay chấp lại, lạy xin cứu mạng, rồi định chạy vào chỗ kín để trốn nấp; nên họ đã đưa anh ra xe, đem trao trả cho nhà chức trách Liên Xô. Để rồi, cuối cùng anh bị giong về Việt Nam. Đi qua Trung Quốc, trên đường về, bây giờ kèm thêm một người nữa có vũ trang. Khi về tới Hà Nội, họ đưa ngay đến Hỏa Lò và vào thẳng xà lim (mà tôi đã nghe thấy tiếng giầy cồm cộp độc đáo hôm nọ).

Nhìn anh viết kể lại, biết được chuyện của anh, tôi cũng thấy buồn và tiếc cho đời anh. Ngay sau khi anh kể xong sơ lược sự việc bị bắt, tối hôm đó, tôi lại gọi anh đứng lên trao đổi tiếp. Tôi hỏi anh là, gần một tháng nay, anh đi cung kẹo thế nào? Sao anh không dứt khoát chối là không hề có ý định chuồn sang Pháp?

Anh trả lời tôi rằng, ngay từ đầu, anh đã khăng khăng một mực là không và chưa bao giờ anh lại có ý định sang Pháp cả. Anh đã tận dụng đủ mọi lý do. Nào là, anh không khi nào lại dại, thả mồi bắt bóng, sắp tốt nghiệp, nghiễm nhiên là một cán bộ có khả năng và có uy tín của nhà nước; nào là, anh còn người mẹ kính yêu, không lẽ lại lỡ lòng bỏ mẹ lại bơ vơ một mình… Dù chúng có dọa nạt, trước sau, anh cũng vẫn một mực chỉ khai như vậy. Còn lý do vào Tòa Đại Sứ Pháp, anh nói là vào lầm chỗ. Anh định đến Tòa Đại Sứ Roumanie để nhờ họ chuyển một chiếc khăn tay kỷ niệm cho một người bạn gái Roumanie; chứ anh không biết một chữ Pháp nào cả, vậy đến Tòa Đại Sứ Pháp để làm gì…

Mãi cuối cùng, chấp pháp đưa ra hai tấm hình "photocopy". Một tấm là của một tờ giấy… nháp lá thư anh gửi cho ông cậu. Tờ giấy này, anh đã xé nhỏ, bỏ trong sọt rác, thế mà, trong anh em sinh viên đã có người theo dõi ngấm ngầm, nhặt hết và ghép lại để "photo", còn một tấm nữa là bức thư của ông cậu gửi cho anh (chúng đã bóc ra đem chụp, rồi dán lại như cũ, anh vô tình nên không biết). Vì thế, anh không còn chối cãi được nữa.

Anh đứng nhìn tôi, tôi nhìn anh. Trông anh mặt mũi cũng sáng sủa, có hai cái tai vểu ra hai bên thật to như tai con dơi. Dáng anh cao cao. Tôi cứ tưởng tượng anh mặc áo "ba đơ suy", đi đôi giầy cồm cộp. Chợt, tôi nhớ đến câu nói của tên bí thư chi bộ sinh viên Việt Nam ở Roumanie: …Anh phải về vì mẹ anh đã đau khổ nhiều. Khi cha anh đã hy sinh cho Tổ Quốc, mẹ anh hãy còn quá trẻ…". Vậy, bây giờ anh Lân đã trở về đấy, và chúng còn cho anh vào…"ấp" nữa. Chắc tên bí thư kia nghĩ rằng người mẹ đã rất vui mừng và tự hào có một người chồng đã hy sinh vì chống Pháp, và bây giờ, bà cũng rất hân hoan sung sướng, hả hê vì đảng đã bắt con bà, một tên phản động định chuồn ra nước ngoài. Phải cho nó cực khổ chết dần trong ngục tù (!).

Buổi tối hôm đó, đã muộn, tôi vẫn chưa ngủ được. Câu chuyện đời anh Lân vẫn còn làm đầu óc tôi bồng bềnh với nhiều ngả ngược xuôi của cuộc đời. Bỗng, đèn phụt tắt! Tiếng còi báo động lại hồng hộc, ùng ục như tiếng nấc nghẹn, rồi ré lên một hồi dài u ử. Tiếng rú hãi hùng của hồi còi chưa hết hơi, thì những tiếng nổ đinh tai nhức óc đã bắt đầu rền vang kéo dài. Những lằn chớp xanh lè cả bức tường trắng trước mặt. Tôi tung chăn ngồi bật dậy.

Lúc này những tên cán bộ ở Hỏa Lò đang chúi đầu vào "tăng xê". Vậy là, tôi lại tha hồ thoải mái, kê hẳn một cái chăn lên sàn để đứng cho cao. Tôi đứng sát cửa sổ, nghiêng nghiêng ngó ngó ra ngoài trời. Cả một vạt trời phía Đông Bắc mầu tím thẫm. Từng chuỗi, từng chuỗi những dây chỉ bằng lửa, sợi to, sợi nhỏ, sợi cong cong thun thun, sợi thẳng tuột, vắt ngang, vắt dọc chọc tuốt lên bầu trời; trông nhiều lúc cứ như tuyết rơi vào một đêm Đông trên…màn ảnh ấy. Điều khác là những luồng sáng trắng lại rơi ngược từ đất lên trời và đủ màu xanh, đỏ, da cam, trắng bạc…Trong bức tranh "tuyết rơi ngược" ấy, vẫn có những luồng sáng trắng bạc vun vút chạy ngang, chạy dọc; có lúc quay vòng, vẽ lên những đoạn cung bằng lửa trắng, hoặc mầu da cam vàng ối, ánh cả vào trong xà lim của tôi. Đột nhiên, giữa màn tím thẫm ấy lóe lên một làn chớp làm lóa mắt, rồi một tiếng nổ tưởng đến xé tai của tôi. Một tiếng "choeng" ở ngay sân xà lim bật lóe ra những tia lửa xanh lè làm tôi giật mình, hụp vội đầu xuống, tưởng như một quả bom rơi. Tôi vừa gượng đứng lên, vừa mỉm cười tự chế nhạo mình, sao mà tôi can đảm thế! Thôi, tạm tha thứ, chỉ vì đầu óc đang quá say sưa nhìn ngắm bức tranh muôn mầu hào quang, nên đã không kịp phân biệt rõ ràng. Đó cũng chỉ là một phản xạ tự nhiên mà thôi.

Không khí đặc quánh lại, mùi mặn chua của thuốc nổ kích thích vị giác, khiến tôi thấy thèm thèm. Tự dưng cánh mũi tôi phập phồng, ngực tôi như to dần, rồi căng lên, hít sâu mãi vào cho đầy ắp hai buồng phổi cái mùi thuốc nổ say sưa ấy.

Chợt, chẳng hiểu vì đâu, tôi nảy lên trong óc một ý nghĩ, một ước muốn thì đúng hơn, len lỏi vào tâm tư là được một quả bom rơi xuống giữa sân Hỏa Lò! Có thể có nhiều người chết, kể cả tôi. Thế là hết cảnh đọa đầy! Nhưng chắc mũi tôi sẽ được hít ngửi mùi ngầy ngậy, mằn mặn chua chua ấy một cách thỏa thê.

Đột nhiên, một tiếng nổ lớn rất gần, ngay đâu đây. Tôi nhìn thấy những chiếc lá bàng rung giật lên, rồi rơi xuống

một loạt. Có những chiếc lá còn xanh nguyên đang chao đảo lao xuống đất, dù gió chỉ nhè nhẹ, hiu hiu. Cả cái lưới thép tôi đang tì trán vào cũng rung lên. Tiếp theo là những tiếng lộp độp trên mái ngói, tiếng choeng choeng ở sân trong và sân ngoài. Phải nói, từ ngày tôi dọn sang buồng 11 tới nay, đã nhiều đêm, nhiều buổi tối, cả ban ngày, tôi đã được nhìn theo dõi những trận không tập của máy bay Mỹ, cũng như sức chiến đấu, chống trả từ mặt đất nhưng chưa có trận nào vừa lâu, vừa hứng thú như trận đêm nay.

Tôi đang mải mê đôi mắt, về góc trời hướng Đông, theo hai đốm lửa to mầu da cam chạy vùn vụt qua những sợi dây lửa xanh đỏ lao xuống đất với góc xiên độ 30 độ, thì một tiếng gào rít lên, tưởng như có sức đè đổ cả cây bàng, và làm sập cái xà lim tôi đang đứng, đến nỗi tôi vội vàng giơ một tay lên đầu như chống đỡ. Quả thực, có một luồng gió ào ào quạt qua những chiếc lá bàng giẫy lên đành đạch, rồi thốc vào xà lim, làm tóc tôi bay ngược ra phía sau.

Hơi hồi hộp mà thực say mê. Giá mỗi đêm có một trận thế này, thì cảnh đời ở xà lim đỡ sầu biết mấy! Tôi thấy hứng quá liền ho hai tiếng. Mãi một lúc, tôi mới thấy chị Bắc nhô đầu lên. Tóc chị rối bù, dáng dấp chị còn rụt rè, tôi buồn cười, viết mấy chữ hỏi:

- Đầu óc và mặt mũi chị làm sao thế?

Bàn tay của chị còn run run, viết nguệch ngoạc:

- Tôi sợ quá, phải chui xuống dưới gầm sàn!

Thực ra, trong lúc này máy bay bắn phá, đèn đóm trong Hỏa Lò tắt hết nhưng, nhờ ánh lửa của đạn, bom nổ chớp sáng bầu trời, ánh vào cả trong xà lim, nên chúng tôi cũng có thể trông rõ nhau. Tuy vậy, để dễ đọc ra chữ, tôi và chị đã phải viết nét lớn hơn, như thế một ý tưởng, một câu nói, phải viết lâu hơn, hoặc chỉ viết ý chính trong câu để người kia đoán hiểu ra.

Thấy chị viết trả lời như vậy, tôi thầm nghĩ thế mà chị lại nói chị không thiết tha gì đến sự sống nữa. Bây giờ, chị lại làm như vậy. "Nói dậy mà không phải dậy". Câu này phải nói theo giọng miền Nam mới hay. Tuy nghĩ như thế, nhưng thông cảm vì dù sao, chị cũng là phụ nữ, đêm khuya, một mình một buồng trong xà lim án chém này. Máy bay gầm rú, súng, bom nổ rát ràn rạt, nhà cửa rung lên như trời sắp sập. Có khi mấy buồng kia, ngay đàn ông, cũng chui xuống gầm sàn, huống chi là chị. Vì vậy, tôi cười và động viên chị, đại ý là:

- Chị thử nghĩ xem, nếu bom rơi trúng, hay sát gần đây, dù có chui xuống dưới gầm sàn, tôi và chị cũng cứ dắt tay nhau cùng về bên kia thế giới. Còn như bom không rơi, việc quái gì phải chui vào gầm sàn cho khổ. Hãy như tôi, từ đầu trận đánh tới giờ, tôi nhìn say mê một bức tranh hào quang muôn màu. Bức tranh tuyệt vời ấy lại có cả âm thanh nữa. Ngoài ra, người họa sĩ lại vừa xóa đi, lại vừa chấm phết thêm nhiều nét mới. Cũng cùng một chiếc khung, nhưng luôn luôn biến đổi màn ảnh.

Thấy thái độ của tôi như vậy, chị cũng có vẻ đỡ sợ. Tôi quay ra sân, vì tai tôi chợt thoáng "nghe" tiếng chân người. Phải nói, do sự cảnh giác cao độ luôn sẵn có trong tiềm thức mình; nên tôi "nghe" được tiếng bước chân người, hoàn toàn là do "trực giác"; chứ làm sao mà "nghe" nổi tiếng bước chân đi, hay chạy, trong lúc đạn nổ, bom rơi ầm ầm ngoài kia!

Chà, tên Nhiễm. Y đang đi cúi đầu lao về phía trước. Y chỉ mặc mỗi cái quần xà lỏn, chạy như điên, chúi xuống cái hầm cá nhân ở một góc sân xà lim. Cũng may, y mải chạy, chả còn hồn vía đâu mà ngửng đầu lên. Giá ngửng lên, chắc y đã thấy tôi rồi. Tôi cũng hơi giật mình vì bất ngờ. Tôi không thể nghĩ đang lúc tên bay đạn nổ, lại có một tên cán bộ chạy vào như vậy... Lúc tôi quay lại, chị Bắc đã "biến mất" rồi.

Trận không tập này tương đối khá lâu, có lẽ gần hai tiếng đồng hồ. Như vậy, Mỹ phải huy động rất nhiều loại máy bay, ở nhiều tầng khác nhau, từ nhiều hướng khác nhau, thay nhau quần đảo với những bài bản của nghệ thuật không tập. Ngược lại, phía dưới đất chắc cũng phải "vãi" ra không biết cơ man nào là đạn, là tên lửa; cứ như bắp rang suốt gần hai tiếng đồng hồ, trong phạm vi ít nhất mỗi bề 20 cây số, như vậy là từ 4 đến 500 cây số vuông…

Chương 67

Bản di chúc "sống" của Đào Thị Bắc.....

Những ngày sau đó, càng chìm sâu vào mùa Đông, trời càng lạnh. Mùa Đông thứ tư của tôi. Dạo này, chấp pháp hình như quên hẳn tôi, không còn gọi đến nữa. Chị Bắc càng ngày trông càng thảm thương, chùm tóc bạc trên đầu chị ngày càng rộng ra. Ngay suất cơm hàng ngày, chị cũng ăn không hết. Trong khi đó, tôi ước gì mỗi bữa được ăn 3 suất.

Thấy tình trạng của chị như vậy, tôi rất lo lắng cho sức khỏe của chị. Tôi dùng đủ thứ để động viên chị. Nhưng, mặt mày của chị luôn luôn như tàu lá héo úa của những ngày cuối Thu, không làm sao mà tươi hơn được. Thấy suất cơm của chị cứ để thừa, có khi là một phần ba, một phần tư; thậm chí, đôi khi đến một nửa, như thế, chị sẽ chết mất thôi!

Còn tôi, tôi cũng có điều khó khăn tranh đấu với chính mình. Nhiều lần, tôi ngập ngừng định mở miệng nói với tên Dư xin chỗ cơm ấy; nhưng sợ lão nghi ngờ có sự liên hệ giữa hai người miền Nam. Phần khác, cũng thấy ngượng ngùng. Cho nên, nhiều khi, tiếng nói tưởng như đã ra tới cổ họng rồi, nhưng lại phải nuốt sâu xuống, và đôi chân lại tiếp tục chậm chạp, dùng dằng đi vào buồng.

Hình như tên Dư cũng thấy, và hiểu ra những phút ngập ngừng, đắn đo đó của tôi; cho nên một hôm, sau khi các buồng trả bát hết, y vào mở cửa buồng tôi, nói vừa đủ nghe:

- Anh có đói ra lấy bát cơm vào mà ăn …

Được lời như cởi tấm lòng, mắt tôi sáng lên nhìn y và nhanh nhẹn chạy ra. Ở chõng cơm, một bát cơm đã ăn đúng một nửa bên bát, còn nửa bên này để nguyên. Tôi cầm vào, chỉ ăn hai phút là xong, vì không muốn làm mất nhiều thì giờ của y. Dù vậy, lão Dư cũng để tới 10 phút sau, mới vào mở cửa để tôi đem bát trả.

Khi hết giờ, tôi gọi chị Bắc đứng lên, nói thẳng cho chị biết sự việc như vậy. Mắt chị long lanh, môi chị run run xúc động. Nước mắt chị chảy dài bên gò má. Chị quay vào tường viết:

- Anh hãy cố gắng ăn đi. Anh còn trẻ, anh cần phải sống, để còn làm nhiều việc.

Được ăn thêm cơm, nhưng trong hoàn cảnh này, tôi không cảm thấy vui gì. Tuy rằng tôi không bảo chị nhường cơm cho tôi, nhưng tôi vẫn thấy lòng bứt rứt.

Cuối cùng, tôi phải ra điều kiện với chị. Mỗi ngày, buổi sáng chị phải cố gắng ăn hết suất cơm; buổi chiều để lại một nửa, tôi mới xin ăn. Nếu không, tôi cương quyết không ăn nữa. (Bởi vì, mấy ngày trước đó, bữa ăn sáng và cả bữa chiều, mỗi bữa chị đều để lại nửa suất).

Có lẽ tên Dư cũng thấy kỳ này chị ốm yếu quá, vì thế, thỉnh thoảng, sau khi cho hết các buồng ra đổ bô rồi, y vào mở cửa buồng số 6, nói gì đó. Sau đấy, tôi thấy chị Bắc đi sâu vào phía buồng số 9 bên trong; rồi tôi nghe tiếng mái chổi quét rào rào, nhè nhẹ, càng lúc càng nghe rõ dần ra phía ngoài này. Khi chị quét qua buồng tôi, tôi cúi mặt xuống sát nền để nhìn. Bỗng tôi thoáng thấy một bóng khác nhấp nhoáng, chỗ tối chỗ sáng ở lối đi nơi chị Bắc đang quét. Phản xạ cấp thời, tôi nhẩy lẹ lên sàn nằm nhắm mắt. Đúng lúc ấy, cửa con xoạch mở: mặt tên Dư.

Cửa nhỏ lại đóng vào! Tên Dư này, trông vậy, cũng quái lắm. Y nghi giữa tôi và số 6 có thể có liên lạc với nhau. Y dự đoán, lúc chị Bắc quét ngang buồng tôi, có thể tôi sẽ cúi xuống khe cửa để tìm cách liên lạc. Do đó, từ ngoài y đột xuất vào mở cửa buồng tôi, để xem xét. Nhưng, thấy tôi vẫn nằm, như chẳng để ý gì đến số 6. Chắc rằng y sẽ cho là mối nghi ngờ của y trước đây, nếu có chút nào, là không đúng. Hoặc ít ra, mối nghi ngờ ấy sẽ thu bé lại.

Khi chị Bắc quét ra tới ngoài sân, tôi nghe ngóng, phán đoán xem tên Dư hiện đang đứng ở đâu và đang làm gì. Trước hết, phòng hờ phía sau lưng, tôi để mắt sát xuống nền nhìn qua khe cửa, quan sát lối đi giữa hai dẫy buồng xà lim: không có gì. Như vậy, có thể tên Dư ra ngồi lại ở bàn trực, hoặc đứng ở sân? Làm thế nào để biết rõ được đây? Chỉ cần thoáng nhô cái đầu lên khung cửa sổ to nhìn ra sân xà lim, là người ở ngoài thấy ngay. Ác một cái là khi nhô đầu lên để cho tầm mắt vừa đủ quan sát, cái đầu tóc thò lên trước rồi. Chợt, tôi nghĩ ra một cách. Nếu tên cán bộ nào đang đứng ở sân để theo dõi, quan sát các cửa sổ; trong tâm y là chờ thoáng nhìn cái "đầu tóc đen" thò lên là biết ngay. Vậy, bây giờ tôi sẽ ngửa hẳn mặt lên trần, rồi từ từ nâng cao lên đến mép dưới của cửa sổ, mắt tôi sẽ liếc ngang. Vì mang tâm niệm trên, nên cán bộ sẽ không để ý mép dưới cửa sổ. Chà, tôi đã thoáng nhìn thấy tên Dư đang đứng ở sân, đưa mắt nhìn khắp các cửa sổ của các buồng. Tôi im ắng tụt nhanh xuống. Chừng 5 phút sau, tôi lại làm một "cú" y như vậy nữa. Tôi vẫn còn thấy y đi đi lại lại ở sân, mắt vẫn không rời các cửa sổ.

Đột nhiên, y đi vào với dáng vẻ vội vàng. Vậy là y đã nhìn thấy buồng nào đã đứng lên? Tôi hơi chột dạ, vội vàng nằm ngay xuống, đắp chăn. Tiếng mở cửa sổ nhỏ của buồng số 14. Giọng tên Dư vang lên, sắc và lạnh:

- Anh đứng lên làm gì?

Một giọng yếu ớt, run run ngắt quãng:

- Thưa cụ, tôi xin lỗi cụ, xin cụ tha cho!

Tên Dư quát to, vẻ rất bực tức:

- Anh ngậm miệng anh lại! Anh bỏ chân vào cùm ngay!

- Tôi xin nhận lỗi! Sau, tôi xin hứa không bao giờ tái phạm.

- Tội của anh đang như tày đình, không biết lo, không dốc một lòng sám hối, thì không còn có ngày về với vợ, với con! Tôi mà bắt được một lần nữa, vừa cùm, vừa ghi hồ sơ!

Rồi, tiếng cửa nhỏ nghe đóng đến "xập" một cái như tức bực. Qua sự việc náy, tôi nhận thấy hai điểm:

1. Phương pháp quan sát của tôi hữu hiệu. Tôi đã đứng lên, nhìn ra sân 2, 3 lần, tên Dư đứng ngay ở sân rình mà không biết.

2. Kết hợp với một số lần trước đây, tôi có thể kết luận: – 3 lần trước, ở những tháng trước, khi bắt được số 8 có lưỡi "lam", Dư chỉ mắng và tịch thu; số 10 đứng lên nhìn ra ngoài, và số 1 nói chuyện với số 3, y đều quát, chửi, nạt nộ, rồi cho một màn lên lớp chứ không cùm.

Ngược lại, hai lần khác, một lần tên Bằng bắt được buồng số 12 đứng lên, khi bất chợt y từ cổng xà lim đi vào, y báo cho Dư (là cán bộ đang trực chính xà lim). Hôm sau, tên Dư đã cùm buồng số 12, mặc cho lạy van xin tha. Một lần, vào buổi tối, mụ Hoa vào buồng tắm gội, đã bắt gặp buồng số 3 đứng lên. Sáng hôm sau, Dư vào sớm, cùm buồng số 3.

Tại sao như vậy? Chỉ có thể giải đáp: tên Dư đã khôn khéo xử thế theo lối "nhất cử, lưỡng tiện". Chính y bắt được tù dưới quyền y trực chính, phạm nội quy, y chỉ giáo dục ngăn ngừa, không cùm. Đối với tù, như vậy y là người có lòng nhân có độ lượng; đối với tổ chức, với cấp trên, những người tù y coi ít phạm nội quy chứng tỏ được là y có uy, có khả năng giáo dục nên tù không hề phạm nội quy, phải ngoan ngoãn mọi bề. Ngược lại, tù để cho cán bộ khác bắt gặp phạm nội quy dù nhẹ, y cũng không tha, tỏ rằng cứng rắn, chuyên chính với kẻ thù.

Tóm lại, tôi đã nắm được ý của tên Dư. Sau đấy, nếu cần hoạt động hay nhấp nhỏm gì, cứ đợi giờ, ngày lão ấy trực.

Ngay chiều hôm ấy, tôi gọi chị Bắc đứng lên, để dặn dò một vài quy định cho chắc ăn: khi chị ra sân, nếu tôi ho một tiếng là ý hỏi có cán bộ đừng rình không; nếu y ngồi ở bàn, chị ho trả lời một tiếng. Im lặng là có cán bộ rình. Khi tôi đã đứng, tôi chỉ cần để ý phía cổng sợ bất chợt có cán bộ nào khác ở cổng đi vào. Vậy, nếu cán bộ ở bàn đứng dậy đi ra sân, chị đưa tay gãi đầu, tôi sẽ hiểu và thụt xuống; hoặc y đứng lên đi vào phía trong, có nghĩa là y vào rình mở cửa nhỏ, chị cứ ra hiệu tay vẫy ngồi xuống.

Thực ra, khi một người ra sân, giữa sân, giữa ánh sáng chang chang ở ngoài trời, mình có đứng lên cũng chỉ là để nhìn nhau, thỉnh thoảng cười, để cho mắt mình thấy một người bạn đồng loại; chứ ngày nào cũng nhìn thấy tên áo vàng, tuy cũng là đồng loại nhưng không phải là bạn, vẫn cảm thấy khô khan, cô đơn nặng trĩu một bên lòng.

Hai hôm sau, chị Bắc lại được ra quét nữa. Khi chị quét ngang buồng tôi, tự nhiên tôi thấy một gói giẻ buộc lại, to bằng ngón tay nhỏ, nhét vào khe cửa, nhưng hơi khít, nên nhét mãi chỉ vào được một nửa. Tôi lẹ tay, cầm lấy rút vào, rồi giúi ngay vào cạp quần. Một lúc sau, nghe ngóng không có gì, tôi mới mở ra: đó là một miếng giẻ cũ, to bằng bàn tay. Kèm thêm cái kim chị dắt vào bên trong trả lại tôi. Miếng giẻ có thêu chữ, kiểu chữ in, bằng chỉ nhuộm máu; máu đã thành màu nâu xám. Nội dung như sau:

Trang con yêu quý,

Đây là di vật bằng máu của mẹ. Đời mẹ sắp về với cát bụi.

Chú Bình là đồng chí, là chiến hữu của mẹ sẽ thuật lại cho con những ngày cuối của đời mẹ, tại xà lim án chém Hỏa Lò.

Một luồng lạnh từ xương sống chạy ngược lên gáy, làm hai tay tôi cầm miếng giẻ cũng như run run. Tôi vừa cảm động trước mối tình mẫu tử thiêng liêng, vừa thương cho một người mẹ tàn lụi trong khổ đau, và cay đắng.

Tối hôm đó, tôi gọi chị Bắc. Chị đứng lên, mắt đã đỏ hoe. Như vậy là chị đang khóc thầm một mình. Chị lấy khăn lau nước mắt rồi viết cho tôi:

- Rồi đây, trong muôn nẻo cuộc đời, anh hãy cố gắng tìm hỏi, giúp đỡ cháu Trang. Dù tôi có nhắm mắt, vẫn một lòng tin nơi anh không bỏ cháu Trang. Đấy là giọt máu duy nhất của tôi còn lại trên cõi đời này.

Thấy chị quá khổ đau, lại năn nỉ khẩn khoản, tôi đành phải nhận lời cho chị vừa lòng. Chứ trong lòng mình, tôi tự hiểu, đã rơi vào tay Cộng Sản, ngày về cũng như lá bàng giữa mùa Đông vậy.

Chị cũng nói lên một ước nguyện của chị là nếu sau này, Trời Phật thương cho chị không chết, và có ngày được thả ra, chị nguyện tìm đến ngôi chùa Cao ở Bắc Ninh để thế phát ăn mày cửa Phật.

Qua ý kiến đó, tôi thấy chị thật lạc hậu. Lạc hậu ở chỗ chị nhìn và xét về Cộng Sản 5 năm về trước cũng giống như 5 năm về sau. Chị chưa thấy được rằng, khi mới chiếm được toàn bộ miền Bắc, chúng còn nhiều việc khác cần phải lo ngay, lo trước đã: đó là quốc phòng và an ninh. Quốc phòng phải mạnh. Còn an ninh, bất cứ chuyện gì về chính trị, chúng phải làm ngay; lấy bạo lực của quốc phòng giải quyết tận gốc. Còn các vấn đề khác, sẽ dần dần. Vững cái này rồi mới nói tới cái kia. Khi được cái kia, mới hỏi tội cái này, v.v…Về vấn đề tôn giáo, chúng chủ trương sẽ diệt sạch. Nếu còn phải để tôn giáo, dưới hình thức nào đó, chẳng qua vì những điều kiện khác, vì cái thế của chúng, vì còn một nửa nước là miền Nam nữa; cho nên, chúng chưa thể ra tay diệt sạch tôn giáo miền Bắc. Nhưng, vì vấn đề an ninh xã hội, chúng phải bóp chặt tôn giáo, hoặc sẽ thay đổi nội dung. Bình cũ, rượu mới. Hình thức tôn giáo vẫn thế, nhưng do người của chúng điều hành. Đừng hòng một cá nhân nào đó tự tìm đến chùa, tìm nhà thờ, để đi tu theo ý mình. Tuy hiểu như vậy, nhưng trong tình cảnh này của chị, hãy để chị hy vọng, ước mơ. Thái độ của tôi phải làm như vậy, trong lòng tôi lại càng dào dạt thương chị hơn. Tôi đã hình dung thấy con đường chị sẽ phải đi tới. Nếu không chết trong tay chúng, chị cũng bị đầy đi một công nông trường hẻo lánh nào đó cho tới khi chị tàn lụi gục xuống ở đấy mà thôi, chứ đừng hòng chúng buông tha.

Mấy ngày hôm sau, tên Dư lại mở cửa buồng cho chị ra quét nữa, nhưng chị đã mệt quá rồi. Mấy lần trước, chị cố gắng ra quét, mục đích là để đưa trả cái kim và gửi lá thư máu cho tôi. Chị ăn uống như vậy, ngay đứng hay ngồi, cũng hoa mày, chóng mặt, huống chi là quét dọn. Do đó, chẳng hiểu tên Dư cân nhắc, suy nghĩ ra sao, y lại mở cửa buồng tôi, bảo tôi lấy chổi ra quét. Được ra quét dọn, đối với cảnh sống ở xà lim, là một… ân huệ. Bất cứ người tù nào cũng muốn ra khỏi căn buồng chật hẹp của mình. Ra ngoài, vừa thênh thang, vừa có không khí trong lành, chỉ trừ quá ốm yếu, không kể.

Vì là lần đầu tiên được quét dọn, tôi tỏ ra hết sức ngoan ngoãn. Trong thực tế, tôi chưa hề vi phạm một điều khoản nội quy nào của xà lim cả. Dùng chữ thực tế không đúng lắm, phải nói là y chưa bắt được tôi, hoặc cán bộ khác, cũng vậy. Vã lại, như tôi đã trình bày, y có một chút thiện cảm với tôi. Tuy nhiên, vì tôi đã có lần toan vượt ngục, thêm vào đó là ý chí phấn đấu để còn sống của tôi, mà y đã nhiều lần thấy, cũng làm y "nể" và e ngại. Vì thế, tuy cho tôi ra ngoài làm vệ sinh, nhưng y vẫn để ý coi chừng và theo dõi.

Người tôi, dạo này trông đã đỡ hẳn. Những bắp tay, bắp chân của tôi đã có thịt nhum nhúm lên. Những khi ngồi không buổi tối, tay tôi xoa xoa bóp bóp chỗ bắp thịt, lòng tôi vui buồn lẫn lộn. Vui mừng vì thấy cơ thể mình có sức hẳn lên, nước da tay chân đã đỡ xám xanh đi; nhưng, buồn vì máu thịt này là của chị Bắc. Gần hai tháng nay, trừ những hôm cá biệt do cán bộ khác không kể, còn thì ngày nào cũng có thêm nửa suất cơm. Tôi có xương thịt ra, trong khi chị Bắc lại càng ngày gầy đét lại, làm sao lòng tôi yên được. Đã có lần, tôi gọi chị Bắc và vờ nói là kỳ này tôi hay bị đau bụng lắm; cho nên không thể ăn thêm cơm được nữa. Tôi cũng nói với tên Dư như vậy. Mục đích của tôi là, nếu tôi không ăn nữa, chị Bắc phải cố mà ăn hết. Nhưng, sau đó 5 ngày liền, tôi vẫn thấy chị để cơm dư như vậy, không biết phải làm sao hơn, đành phải xin tên Dư để ăn lại.

Trong lòng tôi vẫn bị dằn vặt, giữa việc nhìn thấy sức khỏe mỗi ngày mỗi hao mòn của chị Bắc và cái đói của bản thân mình trước những bát cơm thừa, chắc sẽ đổ đi khi trả về nhà bếp. Ngày ngày, nhìn tấm thân ốm yếu, tiều tụy của chị Bắc, tâm trạng của tôi như trong gia đình có người ruột thịt bị bệnh nặng sắp chết vậy.

Dần dà, ngay việc đứng lên viết, nói chuyện với tôi, chị cũng chỉ chịu đựng được 5, 10 phút là cùng, rồi lại ngồi xuống. Nhìn chị thiểu não, mỗi khi đứng lên ngồi xuống phải vịn hai tay vào tường, mái đầu có chòm tóc bạc càng trắng ra đang ngoẹo một bên gục vào tường, tự dưng một niềm xúc động dào dạt dâng lên trong lòng làm tôi muốn khóc. Tình đồng chí, nghĩa đồng bào tràn ngập hồn tôi.

Một buổi sáng, sau khi cơm nước và trả bát xong, tôi đang nằm ngóng chờ tên Dư ra khỏi xà lim, để tôi gọi chị Bắc nói chuyện, thì lại có tiếng chân y đi vào. Mở cửa buồng tôi, tên Dư nói nhỏ đủ một mình tôi nghe:

- Anh ra đây, tôi nhờ một tí!

Tôi vội vàng theo y ra! Tới buồng số 13, y lại nói cũng với giọng nho nhỏ:

- Anh về buồng, lấy cái bô của anh, và cái chổi, lấy nước dội, rồi quét sạch từ trên sàn trở xuống hai buồng số 13 và buồng số 2.

Tôi nhanh nhẹn về buồng lấy cái bô và chổi vào nhà tắm lấy nước. Vừa mở vòi, tôi vừa suy nghĩ: cũng may, từ ngày tôi vào xà lim I đến nay đã gần hai năm rồi, tôi vẫn có ý muốn nhìn hai căn buồng này xem nó ra làm sao, mà chưa có dịp, hôm nay lại được quét rửa. Điều này, như vậy, cũng nói lên là tên Dư có phần tin tưởng tôi thêm. Có lẽ y thấy tôi nhiều lần ra quét dọn, chả có tò mò, hoặc vi phạm những điều cấm kỵ quy định trong xà lim.

Hai buồng này, lúc mới bước chân vào, điều đầu tiên đập vào mắt tôi là cái màu ghê rợn của toàn bộ căn buồng: Bốn bức tường và cả dưới nên đến trên trần, tất cả đều quét vôi đen, làm cho toàn bộ căn buồng tối om, đượm đầy không khí tù ngục, thê lương, ảm đạm. Hai cái cùm nằm hai bên sàn cũng đen ngòm. Trên tường, ngay thẳng đối diện với cửa ra vào, có treo một tấm bảng gỗ kích thước khoảng 80×40, viết bằng sơn trắng trên nền màu đỏ loét:

"Đây là nơi thực dân Pháp đã giam hãm,
cùm kẹp, đầy đọa đồng chí Trần Đăng Ninh".

Đó là câu ở buống số 13, còn ở buồng số 2 cũng viết như vậy, chỉ thay vào tên khác là "Hoàng Văn Thụ". Lúc quét dọn xong, cũng là lúc hết giờ buổi sáng, tôi về buồng. Buổi trưa hôm đó, tôi loay hoay lấy đầu mũi kim cậy nhiều chỗ trên tường trong buồng mình, tôi thấy có chỗ tới 8 lớp vôi quét. Như vậy, từ khi xây lên xà lim này đã được quét vôi ít ra là 8 lần rồi. Trong 8 lớp vôi đó, tôi thấy chỉ có hai lần màu vàng, và 6 lần màu trắng. Không hề có một lần quét vôi đen nào cả. Như vậy, rõ ràng lớp vôi đen ở hai buồng số 13 và số 2 là do chúng quét thêm lên, mục đích lòe bịp với những phái đoàn tham quan là thực dân Pháp dã man, dùng màu đen để uy hiếp tinh thần người tù, và để cho cảnh ngục tù của thực dân Pháp thêm rùng rợn, dã man, tàn khốc hơn.

Hôm nay, là ngày tắm. Khi chị Bắc ra sân phơi quần áo, tôi đứng lên nhìn chị. Tôi giật mình, ngỡ ngàng, dạ tôi xót xa như vò muối. Hai bàn chân của chị phù, tái nhợt. Hai mi mắt của chị mọng lên. Bồi hồi và xúc động, tôi phải cúi mặt xuống, không dám nhìn chị nữa. Mới chỉ bốn, năm ngày không nhìn thấy chị, mà chị đã thay đổi nhanh đến như vậy! Tôi thấy thương chị quá! Lúc này, những người họ hàng thân thích của chị, những người của Tình Báo miền Nam đã đẩy chị xuống vực thẳm của cuộc đời, có ai biết là chị sắp chết không? Có ai còn hình dung ra chị đang đếm từng ngày, đợi chờ giờ về lòng đất trong tăm tối, tủi nhục của một kiếp người hẩm hiu, bất hạnh không?...

Giờ đây, tôi ngồi viết lại những giòng này, đã vừa đúng 19 năm rồi. Không hiểu chị Bắc còn sống, đang chìm nổi nơi đâu, hay chỉ còn là một nắm xương khô, vùi nông ở một xó rừng heo hút nào đó? Còn cháu Trần Ngọc Trang, mảnh giẻ di vật của mẹ cháu, chú vẫn còn giữ. Mảnh giẻ đó còn máu khô và hơi hướng của mẹ cháu. Lúc này, cháu ở đâu? Phương trời nào? Còn sống, hay đã như thế nào trong những biến thiên, đổi thay của cuộc đời, của đất nước? Làm sao, chú thực hiện được lời ký thác của mẹ cháu bây giờ?...

Chương 68

Bí mật về nữ sĩ Thụy An!...
Đào Thị Bắc rời Hỏa Lò!

Thấm thoát thời gian lại sắp tới Hè, nhìn những chiếc lá bàng mới hôm nào, chỉ nhú một một nhúm màu xanh xanh ở những đầu cành, thế mà giờ đây đã căng tròn màu con gái, ngày ngày đón ánh mặt trời để khoe hương với gió, để lắc lư, lả lơi với đời. Mấy con sẻ lạc đàn đa tình cứ rúc mãi vào những chùm lá. Những chiếc cánh nho nhỏ khỏa đập làm những chiếc lá non rung rinh. Vài sợi tơ trời, bồng bềnh vắt ngang sân xà lim. Lóng lánh màu vàng óng của nắng, như muốn cuốn buộc, níu kéo nàng Xuân sắp từ giã khung trời này để về một phương trời khác. Một cơn gió thoảng nhẹ đẩy mùi hương cuối Xuân vào trong buồng. Tự nhiên ngực tôi cao dần, mũi tôi cong lên, hít sâu mãi vào cho đầy ắp, cái hương ngầy ngậy của chiều Xuân gần tàn.

Một tiếng động mạnh vào cánh cổng xà lim làm tôi giật mình. Cánh cổng từ từ mở to, tôi vội vàng ngồi thụp xuống, lòng hãy còn lâng lâng luyến tiếc bẩu trời cuối Xuân. Những tiếng bước chân lẹp xẹp đi qua sân xà lim. Bất chợt vang lên một câu: "Turn right here" của một người Việt nói tiếng Anh làm tai tôi vểnh lên nghe ngóng. Không một tiếng nói nào khác nữa, chỉ có những tiếng bước chân đi dần về phía buồng tôi, rồi tiếng mở cửa buồng số 10. Buồng 10 ngay cạnh buồng tôi. Hẳn phải là người ngoại quốc! Ngoại quốc mà phải vào xà lim lúc này, chạy đằng trời cũng chỉ là Mỹ. Tôi yên lặng nghe ngóng. Tôi chỉ nghe được giọng người Việt lúc nãy, cái gì cũng bằng tiếng Anh, nhưng rất nhỏ, nghe tiếng được, tiếng mất. Không hề nghe tiếng đáp lại của ai.

Tôi đang đứng đờ người, vận dụng mọi giác quan để theo dõi, đột nhiên cửa sổ nhỏ buồng tôi bật mở khiến tôi giật thót người lại. Tên Dư, y trỏ một ngón tay vào ngoay ngoáy, miệng nói:

- Anh dọn hết đồ của anh lại, chuyển buồng!

Tôi vừa vơ gọn chăn chiếu và một số thứ lặt vặt, vừa ngẩn ngơ tiếc nuối lo lắng, không biết bây giờ chúng chuyển tôi đi đâu. Vừa xa chị Bắc, vừa không còn điều kiện để nhìn thấy người ngoại quốc (chắc cũng vì người ngoại quốc này tôi mới phải chuyển buồng vào dẫy trong, hoặc xà lim khác?), và một điều to lớn khác… mất nguồn tiếp tế hàng ngày.

Khi tên Dư mở cửa buồng, tôi nhìn y như luyến tiếc mà có lẽ tôi có thiện cảm nhất ở Hỏa Lò, bên phía kẻ thù. Tôi ra khỏi buồng với một tâm trạng bâng khuâng. Lại thấy y mở buồng số 12! Lòng tôi ngúng nguẩy mừng vui, như vừa đánh mất một món tiền, lại tìm thấy được. Như vậy, chúng chỉ sợ tôi ở cạnh buồng số 10 thôi. Ở buồng số 12 này, tất cả những điều kiện thuận lợi, tôi tưởng mất, vẫn còn.

Tôi loay hoay quét dọn lại sạch sẽ căn buồng. Chợt, tôi nhìn thấy trên tường, chỗ gần phía cùm, có mấy dòng chữ khắc sâu vào tường:

Tại nơi này, tôi đã dùng đũa chọc, hủy bỏ một con mắt của tôi, để phản đối chế độ Cộng Sản độc tài phi nhân đàn áp dã man văn nghệ sĩ.

"Thụy An: Lưu Thị Yến"

Tôi mần mò mãi mới đọc được hết những giòng trên. Phần vì bóng của chiếc cùm làm tối đi; phần khác, vì lâu ngày đã quét thêm một lớp vôi (cũng may, giòng chữ lúc khắc khá sâu, nên lớp vôi không lấp hết được). Nhưng, nếu ai vào buồng chỉ đứng nhìn cái cùm, vô tình sẽ không nhìn thấy giòng chữ viết ở chỗ hơi khuất này.

Tôi lại càng tò mò, nhìn tìm khắp chung quanh bốn bức tường, cả những chỗ khuất để xem, may ra còn thấy gì khác nữa không, trong khi óc tôi lần giở lại dòng thời gian xa xưa… Khi đó, tôi còn ở miền Nam, có lần tôi được đọc trên

tờ nhật báo Tự Do, thiên phóng sự "Bên Kia Bức Màn Sắt" của ông Hoàng Hải Thủy, trong đó có nói đến cuộc đời tình cảm, cũng như sự nghiệp của nữ sĩ Thụy An. Mối tình của bà có liên quan đến Hoàng Quốc Việt. Theo ông Hoàng Hải Thủy, Hoàng Quốc Việt là tên điệp viên số một của miền Bắc. Hiện, y là chủ tịch Tổng Công Đoàn. Y là một trong 5 tên đầu sỏ. Những ngày lang thang đây đó trên miền Bắc, tôi thường thấy một cái khung 5 tấm hình, được treo mọi nơi: Ở những cổng chào, ở những cơ quan khắp các tỉnh trên miền Bắc. Chính giữa là cáo Hồ, sát hai bên là Trường Chinh và Phạm Văn Đồng, hai bên ngoài nữa là Võ Nguyên Giáp và Hoàng Quốc Việt.

Như vậy, nữ sĩ Thụy An đã bị giam ở buồng này. Bây giờ, không biết bà ở đâu? Đã chết hay còn sống ở trại nào?... Chẳng hiểu sao, tôi cứ hình dung tưởng tượng nữ sĩ Thụy An chắc là đẹp lắm (sau này, khi đi trại trung ương, tôi được gặp nhiều nhân vật trong đó có Thụy An, Nguyễn Văn Tiến, Tôn Thất Tần, Lý Cà Sa, Nguyễn Chí Thiện, v.v... với biết bao nhiêu vấn đề. Lúc đó, tôi mới có điều kiện để hiểu cụ thể về nhiều sự việc).

Chiều hôm ấy, lại thấy đưa một người ngoại quốc nữa vào buồng số 8. Vì có hai người ngoại quốc, nên dạo này có nhiều cán bộ ra vào xà lim. Đa số là cán bộ lạ! Qua những ngày trước đây, tôi đã thấy buồng số 7 giam hai người: một người gầy, cao, chừng 35 tuổi, nước da bánh mật; còn người kia tầm thước, khoảng 30 tuổi, đặc biệt có hai con mắt lồi ra ngoài như hai con mắt cá vàng. Anh cao đi cung thường xuyên. Anh mắt lồi thỉnh thoảng mới đi. Nhưng, đặc biệt, nhiều lần anh cao đi rồi; anh mắt lồi mới được gọi, và...lại về trước. Vậy, anh cao không thể biết anh mắt lồi có đi cung, nếu anh này muốn giấu.

Thấy hiện tượng lạ, nên tôi đặt vấn đề. Đã đặt thành vấn đề, tất nhiên, phải để ý theo dõi, nghe ngóng với điều kiện có thể được của tôi. Đã hai lần, khi anh cao đi cung rồi, tên Dư mở cửa buồng số 7 gọi anh mắt lồi ra. Chừng nửa giờ sau, tôi thấy anh mắt lồi ôm một vốc vỏ chuối, lá bánh và giấy báo vụn ra ngoài phía cổng xà lim, một lúc sau mới trở vào. Từ đó, tôi đã có thể tạm kết luận: tù ra khỏi cổng xà lim phải có cán bộ đi theo; ở đây, hắn đi một mình. Qua việc này, tôi lại hiểu thêm là, chỗ bàn trực của tên Dư có một cái tủ nhỏ, không chỉ để đựng giấy tờ, hồ sơ, mà còn là chỗ để thức ăn, bánh trái. Đã biết về tên mắt lồi như vậy, nên tôi không bao giờ lên tiếng nói chuyện với các buồng khác. Nhất là đối với những người ngoại quốc mới vào. Nhưng, vì tính tò mò, tôi cũng quyết sẽ gọi thử hai buồng 10 và 8 khi nào điều kiện cho phép để tôi nói chuyện, may ra biết được tí chút, dù tiếng Anh của tôi chỉ thuộc loại cóc kêu.

Hai ngày sau, khoảng nửa đêm, tôi đang ngủ bỗng giật mình, nghe như có tiếng gấu kêu ở trong rừng. Tôi mở mắt, bò dậy, vểnh tai nghe. Thì ra, tiếng buồng số 10... khóc! Phải nói, đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy tiếng một người đàn ông Mỹ khóc. Nghe ồng ộc, hô hố, rất lạ tai. Mới thoáng nghe, tiếng khóc y hệt tiếng người Da Đỏ hát ở trên... màn ảnh mà tôi vẫn thường coi trước đây. Mãi một lúc sau, vì có tiếng nấc và tiếng xụt xịt tôi mới biết đó là tiếng khóc. Sau đó, bỗng một tiếng khóc khác lại ư ử rúc lên ở buồng số 8. Có lẽ vì nghe thấy buồng 10 khóc, vì đồng cảnh, lại là đồng bào, nên cũng chạnh lòng dào dạt nguồn cơn...

Tôi hiểu, hai anh ở Mỹ sướng quen rồi, bây giờ phải ở cảnh này. Đìu hiu, tịch mịch, hoang vắng như nghĩa địa tha ma suốt đêm ngày, bảo sao không buồn. Đấy là các anh không bị cùm, nếu cùm như chúng tôi, chắc các anh chả chịu nổi đâu.

Tôi đã biết chắc các anh là phi công Mỹ. Vì sáng hôm qua, khi gọi buồng số 10 đi cung, tôi đã liều đứng lên quan sát theo kiểu của tôi. Tôi đã thấy một anh mặc bộ đồ sọc màu đỏ sậm như của tôi. Vì cao lêu nghêu nên đầu của anh gần sát xà trên, của cổng xà lim. Anh đang nói và chỉ trỏ ra sân trại chung với tên cán bộ lạ mặc quần áo thường dân. Anh số 10 có bộ mặt dữ tướng. Bộ râu quai nón như chổi xể càng làm cho đôi mắt anh xanh thêm. Người trông như vậy, mặt như thế mà lại... khóc. Dù trong lòng rất thông cảm và tội nghiệp cho anh, nhưng cứ tưởng tượng ra nét mặt anh khi khóc, tôi cũng phải mỉm cười một mình.

Tôi cũng đã thấy mỗi ngày hai lần, một tên cán bộ dẫn một anh tù hình sự bê hai tay hai cái đĩa to, trên mỗi đĩa

thường có khúc bánh mì, một quả chuối và một miếng thịt to bằng ba đốt ngón tay. Nhìn khẩu phần ăn của phi công Mỹ, tôi đã phải đăm chiêu suy nghĩ. Đời là thế! Con nhà giầu bao giờ cũng hơn. Người dân của nước lớn, dù thế nào chăng nữa, dù ai có hô bình đẳng dân chủ đến rách mép, vẫn cứ hơn người dân một nước nhỏ.

Rất nhiều vấn đề, trên cõi đời này, nói là một việc, nhưng trong thực tế lại là một việc khác, hoàn toàn không giống nhau. Nhưng, đã bảo "đời là thế", thì còn nghĩ suy làm quái gì cho mệt óc. Thôi, hãy trở về với xà lim.

Bởi ánh nắng, những chiếc lá bàng thời kỳ con gái từ màu lá chuối non, nay đã đổi thành màu xanh thẫm. Những chùm hoa nho nhỏ đã bắt đầu xuất hiện. Hàng ngày, những trận nồm Nam thổi bay rắc tứ tung đầy sân những cánh hoa bàng vàng hoe bé tí. Thật cũng lạ, cây bàng to như vậy, mà bông lại bé tí teo! Cứ hai ngày, tên Dư lại mở cửa buồng cho tôi ra quét sân một lần. Chỉ quét hoa bàng mà mỗi lần cũng hốt được cả thúng. Nhiều lúc tay tôi vốc từng vốc hoa vàng ngạt ngào hương sắc bỏ vào sọt, tôi tưởng tượng nếu không phải là tù, được sống trong cảnh này thôi, cũng tuyệt rồi! Những khi quét sân, thỉnh thoảng lúc tên Dư cúi xuống bàn hí hoáy viết, tôi lại liếc nhẹ về phía buồng số 10, mong anh phi công đứng lên để nhìn một cái cho đời đỡ tê. Tôi liếc hoài, mà khung cửa sổ của anh vẫn là màn ảnh trống trơn mãi chả thấy nổi hình.

Tôi biết anh nhớ quê hương, nhớ gia đình, anh buồn nhiều lắm. Nhưng, suốt ngày cứ ngồi gục trong căn buồng nhỏ đó để mà suy nghĩ, anh cũng chẳng giải quyết được gì hơn. Hãy thỉnh thoảng đứng lên, ngắm thiên nhiên, thả hồn bay bổng với trời mây, hoa lá... Anh bạn chiến hữu ơi! Tôi cũng hiểu, trước khi tụi chúng đưa anh vào xà lim, chúng cũng bắt các anh học thuộc nội quy xà lim rồi. Nhưng, học là một chuyện, vì đấy là ý của chúng. Chúng ta vẫn còn phải có ý của chúng ta nữa chứ!

Mấy hôm trước, hai đêm liền máy bay Mỹ xâm nhập bầu trời Hà Nội. Tôi đã được thưởng thức nhiều trận mà tôi gọi là hội hoa đăng. Tôi dám bảo đảm từ xưa đến giờ, chưa có ai tổ chức được một đêm hoa đăng sinh động và vĩ đại như vậy.

Tối nay, tôi đi ngủ sớm để đến đêm, nếu có mở hội, tôi còn thức mà tham gia. Chợt, nghe tiếng cán bộ vào mở cửa buồng số 6: buồng của chị Bắc. Tôi vội cúi xuống sát nền, nhìn qua khe cửa, thấy chỉ có một cán bộ. Nhìn đôi dép râu, tôi chưa thể phán đoán được là tên cán bộ nào thì chị Bắc đã đi ra. Tôi hồi hộp và thấy lòng bâng khuâng, vì chị Bắc ôm hết chăn màn đi. Như vậy, là chuyển buồng? Chuyển xà lim? Hay chuyển trại?...

Khi hai người ra tới sân xà lim, tôi lắng nghe và tính qua tiếng bước chân, khi ra gần tới cổng xà lim, tôi mới dám đứng dậy. Lúc này, nếu tên cán bộ nó quay hẳn người lại, y mới nhìn thấy tôi. Nhưng nếu muốn quay như vậy, qua những động tác của cơ thể trước khi xoay người, tôi có thể biết trước được. Hơn nữa, quay hẳn người lại 180 độ như vậy nhanh nhất cũng phải 1 phần 10 giây, thời gian này cũng đủ để tôi thụp người ngồi xuống. Chẳng ai xa lạ, chính là tên Thế "mũi cà chua". Thảo nào, y vào lúc nào tôi cũng không hay, tên này quái lắm!

Nhìn hình ảnh chị Bắc mặc chiếc áo cánh nâu, đầu đội chiếc khăn vuông mầu xanh nhạt, hai tay túm ôm bọc chăn màn khệ nệ, ì ạch, tập tễnh bước ra khỏi cổng xà lim, lòng tôi bồi hồi, xót xa thương cảm. Như vậy là chị Bắc đã chuyển khỏi xà lim này rồi! Chúng sẽ đưa chị đi đâu? Qua xà lim khác của Hỏa Lò? Hay đi trại trung ương?... Đó, cũng là hình ảnh cuối cùng của chị Bắc mà tôi nhìn thấy; để rồi, không còn bao giờ, dù nghe một ai nói về chị.

Lúc bấy giờ, trời đã bắt đầu vào Hè, năm 1966; và như vậy, chị Bắc đã ở xà lim I này được 6 tháng.

Hai anh phi công Mỹ, càng về sau càng khóc nhiều, cứ vào lúc đêm khuya. Có nhiều đêm, tiếng khóc của hai anh cũng làm tôi chạnh lòng nhớ nhà. Khiến tôi cũng bị lôi cuốn vào vòng bồi hồi thổn thức. Tôi không muốn nghe hai anh khóc nữa. Tôi vẫn còn những nóng nảy, bực bội của tuổi trẻ, nên đã không dằn được, tôi quát lên:

- Don't cry anymore!

Cả hai anh đều im bặt tiếng khóc, có lẽ các anh tưởng tên cán bộ nào quát! Quát các anh xong, các anh im lặng, tôi lại thấy buồn cười, xen lẫn một chút ân hận. Các anh có biết không, tôi rất thích nói chuyện với các anh. Dù sao, cuộc đời của các anh và tôi đã có một khoảng thời gian cùng thở hít một bầu không khí của Hỏa Lò mà các anh vẫn gọi là "Khách Sạn Hilton" đó! Cùng chung một kỷ niệm, chúng ta dễ trở thành bạn lắm chứ, phải không các chiến hữu? Sở dĩ, tôi phải nghĩ và nói với các anh nhiều, bởi vì, trong đáy lòng tôi, tôi vẫn ngưỡng mộ và biết ơn các anh đã chiến đấu cho quê hương tôi, một đất nước mà người dân quá khổ cực, lầm than này.

Thật là nhanh, mới hơn một tuần lễ, từ những chùm lá bàng sum suê đã nhú ra những cụm quả xanh bé tí; chỉ vài ngày không nhìn, lúc xem lại, đã thấy quả to gần gấp đôi rồi. Thậm chí, tôi có cảm tưởng là tôi nhìn thấy những quả bàng lớn dần từng giờ, to dần theo sức nóng của mùa Hè.

Hè năm nay cũng thật lạ, chẳng thấy chú ve sầu kêu? Chẳng biết các chú đi đâu, hay năm nay đặc biệt ngủ muộn! À, phải rồi, có lẽ những tiếng đạn rơi, bom nổ như rung chuyển trời đất của loài người đã làm cho các chú giận, hay sợ, bỏ đi nơi khác, để ngủ yên một giấc dài Đông Xuân chăng? Chứ làm sao giải đáp được là, năm nay tôi chả nghe thấy những tiếng vi vu rền rĩ của bản nhạc cộng đồng vĩ đại của dân tộc các chú tấu lên: "Điệu nhạc trưa Hè" hàng năm!

Chỉ khoảng mười ngày sau, cả hai anh phi công Mỹ đã được ra trại chung. Rất tiếc, tôi chưa tìm được dịp nào hỏi chuyện các anh. Tôi chỉ đoán, việc các anh phải vào xà lim có thể là vì khi ở ngoài trại chung, các anh quen tính ngang tàng của người hùng, trong thế giới tự do mà tôi vẫn nhìn thấy trên các phim ảnh, nên đã tỏ chí khí quật cường bất khuất với tụi Cộng Sản. Nhưng, các bạn cũng như tôi, chỉ biết chuẩn bị đương đầu với dao búa, súng đạn mà đã không biết và không ngờ, là kẻ thù của chúng ta lại khốn nạn và ti tiện túm ngay cái huyệt của con người để chi phối. Đó là cái dạ dày của chúng ta! Chúng hèn thật, nhưng cũng phải công nhận một điều là cái hèn đó của chúng đã từng làm cho những quái kiệt anh hùng, ba đầu sáu tay, đã từng ăn gan Cộng Sản phải chịu phép một bề; hoàn toàn ngoan ngoãn theo sự chỉ huy của chúng!

Hai anh phi công Mỹ ở buồng số 10 và số 8 ra trại chung vào buổi sáng, thì ngay buổi chiều hôm ấy, tôi nghe có những tiếng léo nhéo báo cáo. Qua đó, tôi biết được là chúng đưa vào buồng số 9 hai …cô gái.

Từ ngày chị Bắc đi, tôi cũng thấy buồn. Vừa vắng một người bạn đồng chí, đồng nghiệp, vừa mất một nguồn "chi viện" quan trọng cho cuộc sống hàng ngày. Cái bụng đã quen được hưởng thêm tiêu chuẩn, bây giờ phải trở về mức cũ một cách đột ngột, cái mức chỉ đáp ứng được 1/3 số lượng dạ dày mong muốn hàng bữa. Vì vậy, ít ngày sau, tôi phải bắt buộc áp dụng lại cái phương pháp…nhịn buổi sáng, để dành buổi chiều ăn hai khẩu phần vào một, và chỉ hai ngày thứ Ba và thứ Sáu mỗi tuần. Vì mải lo cho cái ăn, nên có một số người vào, tôi chả đôn đáo nép chỗ này, ngó chỗ kia để tò mò tìm hiểu về người mới tới như mọi khi.

Chiều hôm nay, sau khi các buồng đã trả bát xong, tự nhiên tên Dư vào mở cửa buồng tôi. Vẫn bằng giọng nói nho nhỏ, nhưng hôm nay có vẻ tình cảm hơn:

- Anh đi ra bàn tôi gặp!

Khi tôi đã ngồi ghế đâu đấy, y tỏ vẻ thân mật:

- Ngày mai, tôi nghỉ phép hàng năm, sẽ có cán bộ khác đến thay. Vậy, anh phải nhớ lời tôi: trong thời gian tôi không có mặt ở xà lim, anh đừng để cho cán bộ nào bắt được anh vi phạm nội quy. Nếu tôi về, nghe các đồng chí phản ảnh, anh đừng trách tôi!

Qua câu dặn dò ân cần của y, tôi thấy y cũng thừa hiểu "típ" người như tôi hay tò mò, sục sạo; chỉ có điều y chưa bắt được tôi tại trận, hoặc là y biết nhưng lờ đi, không muốn bắt. Nhưng dù thế nào, tôi cũng không thể phủ nhận là y có thiện cảm với tôi. Thực vậy, theo nguyên tắc, chả có một tên cán bộ nào lại gọi tù trong xà lim ra bảo mình sắp đi phép cả, lại còn dặn dò điều này, điều nọ. Nghĩ như vậy, nên tôi cũng tươi nét mặt:

- Ông về phép ở đâu?

- Về quê.

- Quê ông ở đâu ạ?

- Hà Nam.

- Ông cho tôi gửi lời thăm hỏi và chào mừng gia đình!

Y có vẻ xúc động, đầu chóp mũi y đỏ lên rồi rung rung, mắt y nhìn tôi đăm đăm và gật gật đầu. Thấy thời cơ thuận lợi, tôi hỏi luôn một vấn đề thắc mắc trong lòng mà chưa có dịp:

- Thưa ông, hôm nọ có một ông đi với ông Trì và ông Lê vào buồng thăm tôi, ông biết là ai không?

Y hơi ngập ngừng, nhìn tôi một lúc, rồi nói chậm rãi:

- Ông Nguyễn Văn Long, giám đốc sở Công An Hà Hội.

À, ra thế! Thảo nào hai tên Trì và Lê nể sợ là phải. Tên Long này còn là đại tá, thường vụ Thành Ủy Thủ Đô của cả nước xã hội chủ nghĩa này nữa đấy. Trên đài truyền thanh Hà Nội, tôi vẫn thường xuyên nghe nói nhiều về y.

Sau khi trả lời tôi câu này, hình như tên Dư cảm thấy rằng y đã nói hơi nhiều; mà lại nói cả những điều không được phép nói; vì vậy y tỏ ý bảo tôi vào…

Chương 69

Những hành động bẩn thỉu
của bọn quản giáo với nữ tù…..

Sáng hôm sau, tên cán bộ trực xà lim thay Dư, không ai xa lạ, chính là tên Thế "Mũi Cà Chua"! Ngay từ trận thử lửa trong ngày đầu tiên tôi bước chân vào Hỏa Lò, giữa tôi với y cách đây đúng 4 năm về trước; cho tới bây giờ, bất cứ lúc nào gặp nhau, tôi và y vẫn bốn mắt gườm gườm. Tôi rất hận y, nhưng không thể làm gì được. Còn y, là một tên rất nhỏ nhen, vặt vãnh, vẫn sẵn lòng thù ghét tôi, nên hễ có dịp là y hành tôi đến nơi , đến chốn. Dù sao tôi chỉ là một tên tù, nên vẫn cúi mặt làm theo ý y, nhưng ruột gan tôi hẳn phải tím bầm lại. Vậy mà, bây giờ nó lại trực xà lim nữa. Do đó, với tên hung thần luôn nghĩ cách "trù ếm" tôi này, tôi quyết định, trong thời gian này, tôi phải nằm im nghỉ ngơi.

Khi y mở tới cửa buồng tôi, ôm bô đi vào nhà tắm mà tôi biết là cặp mắt ti hí đang đăm đăm nhìn tôi soi mói, như mắt của con rắn nhìn con ếch vậy. Nhưng, cái thế của một tên tù, tôi phải lờ đi coi như không biết.

Sau khi cho tù ăn cơm nước xong, y vào mở cửa cho hai cô buồng số 9 ra sân chơi! Hai cô này, mới vào xà lim được ba, bốn ngày, mà tên Thế lại mở cửa cho ra sân chơi? Điều này làm cho tôi tò mò, muốn nhìn xem hai cô là loại người nào. Tuy nhiên, cũng biết tên Thế này rất quái quỷ. Y cũng chỉ hơn tôi 1, 2 tuổi thôi; nhưng, nhìn đôi mắt lươn của y, tôi biết y quả thực không vừa. Tôi cũng hiểu điều làm y thích nhất, là bắt được tôi phạm nội quy. Vì thế, tôi lại càng phải cẩn thận. Không hiểu sao, tự trong lòng tôi, tôi lại thấy ham, muốn tranh đấu, thủ đoạn với tên Thế này, một tên quái nhất trong những tên quản giáo ở Hỏa Lò Hà Nội.

Tôi đang băn khoăn nghĩ ngợi, tính cách làm sao để đứng lên nhìn hai cô buồng số 9 đang ở ngoài sân; chợt giật mình vì tiếng quát của tên Thế:

- Anh kia, đứng lên làm gì đấy?

Biết ngay mà, tôi tự nhủ, thế nào y chẳng rình! Tiếng chân rầm rập đi vội vào buồng số 10. Buồng 10 cũng mới vào được hai ngày sau khi anh phi công Mỹ ra trại chung, vậy mà đã bị bắt phạm nội quy. Thật xui xẻo! Tiếng cùm rút nghe đến "xoạch", không hề có một tiếng hỏi, chỉ có giọng tên Thế khô đanh:

- Bỏ chân vào!

Thời cơ đẹp, lúc này chính là lúc an toàn nhất, nhanh như một con cắt, tôi đứng ngay lên sàn, nhìn ra sân.

Trời! Tôi cũng phải bàng hoàng giật mình. Một phụ nữ chừng 25, 26 tuổi, dáng cao, gầy đang cúi đầu đi đi, lại lại phía sát tường ngăn sân trại chung xà lim. Còn cô kia, chừng 21, 22 tuổi, đẹp như một nàng tiên trên trần, hai tay chắp ngược lên phía sau gáy, đang nhịp nhàng xoay một điệu Valse lả lơi, nhún nhẩy của một khúc nghê thường!

Tôi như đờ người ra và ngỡ ngàng vì không thể ngờ nổi. Bốn năm trước đây, hơn một tháng trời lang thang khắp phố phường Hà Nội, tôi chẳng thấy một người đẹp nào cả. Vậy mà, trong lúc này, ở ngay trong xà lim, tại sao lại có một giai nhân tuyệt thế như vậy! Thảo nào mà tên Thế đã vội vàng cho hai người ra sân. Và, buồng số 10 mới vào xà lim đã bị cùm.

Tôi mải mê suy nghĩ, mắt vẫn đăm đăm nhìn tấm thân ngà ngọc đang nhịp nhàng, uyển chuyển dưới ánh nắng vàng. Đôi tay trần chắp sau gáy như muốn khoe với thế nhân, đây là tuyệt tác của hóa công. Làn tóc mây, óng lên màu nắng, phất phơ buông thả phủ nửa kín, nửa hở đôi vai trần.

Hình như cô ấy cảm thấy có một tia lửa điện vô hình đang chà, xát chiếu thẳng vào khắp người cô, nên đột nhiên, cô ngửng đầu lên nhìn về phía cửa sổ buồng tôi. Thấy bóng người lờ mờ sau khung cửa sổ, cô dúm người như một phản xạ tự nhiên, khuỵu xuống, hét lên một tiếng thất thanh, rồi nhào thụt vào sát phía chân tường, dưới cửa sổ, khuất tầm mắt tôi. Cô lớn quay lại, nhớn nhác, hỏi giật giọng:

- Cái gì? Cái gì vậy?

Không có tiếng cô bé trả lời. Lúc đó, tôi đã ngồi thụt người xuống. Từ phía trong, tên Thế đã cùm xong số 10 và chạy vội ra sân, quát hỏi:

- Cái gì thế!

Tim tôi như thắt lại, hồi hộp chờ câu trả lời của cô bé. Im lặng một lúc. Rồi một tiếng cộc lốc:

- Không!

Người đẹp có khác, tù mà dám trả lời với quản giáo như thế! Vậy mà cũng không nghe tiếng hạch sách gì. Phần tôi, ở trong buồng, tôi cũng thở ra một hơi dài như vừa trút được một mối ưu lo.

Chiều hôm ấy, sau khi các buồng đã cơm nước xong xuôi và các cửa cũng khóa rồi. Lúc này, mới độ 4 giờ chiều, còn một giờ nữa mới hết giờ hành chính, (cách gọi của Cộng Sản là hết giờ làm việc, hay giờ "tan tầm"). Với thính giác bén nhậy của mình, rõ ràng tôi nghe có tiếng chân sền sệt, nhè nhẹ đi vào. Vội vàng ghé mắt sát xuống nền, tôi nhìn qua khe cửa. Chà! Một đôi bàn chân không dép đang rón rén đi vào phía trong, phía buồng số 9. Tôi vểnh tai, lắng chờ nghe tiếng mở cửa. Nhưng, tuyệt nhiên không hề có một âm thanh hay tiếng động nào khác, ngoài thỉnh thoảng có tiếng động kéo bô, tiếng nước giải tồ tồ, róc rách, hòa lẫn với những tiếng rên, tiếng thở dài của các buồng chung quanh…

Như vậy, tên Thế vào trong đó để làm gì? Nếu muốn rình bắt các buồng nói chuyện, y ngồi ngay ngoài buồng trực cũng đủ biết. Hơn nữa, ở Hỏa Lò 4 năm nay, lần đầu tiên tôi mới thấy hiện tượng tụt dép, rón rén kiểu này. Vậy, đây là một hành động mờ ám. Do đó, chỉ có hai vấn đề: Một, y lén vào buồng số 9, mà lúc nãy y đã không đóng cửa buồng này, nên tôi không nghe tiếng mở cửa. Hai, y đã làm một việc bẩn thỉu là nhìn qua khe cửa, để theo dõi những sinh hoạt riêng của phụ nữ.

Trường hợp một, khó có thể xảy ra, vì buồng số 9 có những hai người, đâu có thể làm như thế được. Vậy, chỉ còn trường hợp hai. Qua vấn đề này, tôi thấy tên Thế cũng chờn các buồng khác để ý, biết được việc làm mờ ám của y. Nhưng nói chung, những người phải vào xà lim, ai cũng chết cả cõi lòng về tội lỗi, về cuộc đời, để ý làm quái gì những việc chung quanh. Do đó, số người tò mò chỉ là số ít. Tò mò mà tinh ranh, y mới ngán. Qua những cái nhìn và thái độ của y, tôi biết tên Thế cũng kỵ tôi lắm. Tôi tự nói một mình: "Được, những ngày tới, tao sẽ biết rõ về mày!".

Hôm sau là ngày tắm giặt. Tới buồng tôi ra sân phơi quần áo. Tôi giặt và phơi đôi "bí tất" vĩ đại của mình, trông chúng như đôi hia, vá chằng vá đụp bao nhiêu màu vải. Cả hai cô buồng số 9 đều đứng lên nhìn tôi. Biết tên Thế đang đứng chỗ bàn trực rình, nên tôi không làm một cử chỉ khác lạ nào, chỉ hơi mỉm cười đáp lại buồng số 9.

Chắc hẳn các cô đang dán mắt vào đôi "bí tất" quái dị của tôi phơi trên dây, và ngạc nhiên thắc mắc không thể hiểu được là tại sao một người tù, không có quần áo riêng khác mấy bộ đồ tù, mà lại có một đôi "bí tất" vĩ đại như vậy? Đôi "bí tất" này muốn khô, dù được nắng, phải hai ba ngày. Chúng dày đến gần một phân ấy!

Chiều hôm đó, khi buồng số 9 ra sân lấy quần áo phơi, buồng số 14 lại có người nữa bị cùm! Hai cô số 9 mới vào xà lim chưa được một tuần, đã hai người bị cùm rồi. Đàn bà, nhất lại là đàn bà đẹp, đáng sợ thật! Ôi! Từ xưa tới nay đã làm khóc mếu bao vị anh hùng! Thậm chí tan xương, nát thịt cũng vì giai nhân!

Hai cô buồng số 9, không biết là loại người gì và bị bắt vì tội chi? Nếu không sợ buồng số 7 (nằm vùng) và tên Thế tinh quái, tôi có thể tìm cách hỏi chuyện để biết được.

Tên Thế chó chết này, không những cứ cuối giờ đi chân không vào trong phía buồng số 9; lại còn, cả trong giờ trực tối của cán bộ khác, y cũng vào xà lim. Có khi y vào nhà tắm đi cầu, rồi lại vờ ra cổng xà lim đóng cửa nghe "thình" một cái, xong lẳng lặng rút dép ra cầm tay, rón rén đi trở vào phía buồng số 9. Thái độ của y nhớn nhác, lấm lét, quả "cà chua" chín ở giữa mặt y dạo này hình như càng to ra và không còn mọng như 4 năm trước; trái lại, bắt đầu sần sùi dưới cặp mắt lươn nhấp nháy, và đôi mắt dầy xám ngoét như hai miếng thịt trâu xào với rau muống. Trông y thật buồn cho con mắt. Ấy thế mà xem ý ra, hai cô số 9 lại… chịu đấy!? Thế mới biết, hai thứ tiền và quyền mãnh lực cũng ghê gớm thật!?

Có nhiều buổi tối, tôi đã nghe thấy những tiếng thì thầm; và thậm chí, hai cô còn được mang thau vào nhà tắm nữa.

Tôi biết, hai cô đã lợi dụng tên Thế, để vào nhà tắm làm vệ sinh phụ nữ, tắm rửa, hoặc lấy nước vào buồng. Hai cô có hai cái thau men rất đẹp.

Mùa đã vào Hè, trời ngày, càng nóng, nhất là ở xà lim. Tôi cởi trần mặc quần đùi, mồi hôi vẫn nhớp nháp khó chịu. Vì vậy, thường khoảng 9 giờ tối, trước khi đóng bộ đi ngủ, bao giờ tôi cũng phải… "tắm" một cái cho hết mồ hôi. Đã có kinh nghiệm nhiều, cho nên, khi trả bát buổi chiều, cầm gáo dừa đến thùng nước, tôi uống no ngay tại chỗ. Rồi múc một gáo, để cẩn thận trong một góc sàn. Tới 9 giờ, đợi và nghe ngóng không có tên cán bộ nào lai vãng, ra vào, tôi tụt quần ra… "tắm". Với một gáo nước (để uống) và một miếng giẻ (thay khăn mặt), tôi "gội" ướt cả đầu, và lau suốt cả người. "Tắm" xong, cũng cảm thấy người mát mẻ, nhẹ nhàng dễ chịu hơn, và khoan khoái "đóng bộ" đi ngủ.

Ở xà lim lâu, tôi đã biết là khi hết giờ hành chính, không bao giờ tù lại được mở cửa cho ra ngoài, trừ trường hợp đặc biệt, có lệnh của ban giám thị. Ở đây, cả hai cô buồng số 6 đều được ra vào. Nhưng có điều, tuy đi ra, đi vào giữa bàn trực với trong buồng, tên Thế và hai cô đều phải đi chân đất, như vậy, là họ cố ý giấu không cho các buồng biết. Cao hơn nữa, các cô có thể nhờ tên Thế ra phố liên lạc với gia đình, hoặc mua bán những thứ cần thiết. Điều này là rất nghiêm trọng đối với một bị can còn đang trong thời gian khai thác, kể cả về chính trị hay hình sự. Sau khi tên "nằm vùng" số 7 chuyển đi rồi, tên Thế càng ngày càng ngang nhiên hơn; hầu như không tối nào không có mặt y, thì thầm to nhỏ ở trong buồng số 9. Mới đầu, tôi tưởng các cô là nhân vật này, nhân vật kia thế nào đó, tôi mới quan tâm, muốn tìm hiểu. Bây giờ, thấy các cô như thế, tôi cũng chả muốn để ý làm gì.

Còn tên Thế, tuy giữa cá nhân với cá nhân, tôi không ưa nó; nhưng, trong việc này, về khía cạnh khác, y là loại người xấu của xã hội (bất cứ một tổ chức, hay một nhà nước nào đứng đắn cũng không bao giờ dùng những loại cán bộ như tên Thế). Nhưng, riêng trong trường hợp này đối với tôi y lại rất…"tốt". Tôi mong y tiến tới nữa; và, nếu có điều kiện, tôi còn "ủng hộ" hoặc che giấu cho y.

Vậy mà y chả hiểu cho lòng tôi ủng hộ y. Ngay buổi sáng hôm sau, y xuống trại thợ gọi anh thợ cắt tóc lên xà lim. Y mở cửa từng buồng, bắt ra cắt tóc. "Tông đơ" điện, giũi một cái đầu chỉ 2 phút, kể cả râu. Tôi để ý, những buồng khác tên Thế thường để tên tù "thợ" cắt theo kiểu cũ, chỉ có cắt cao lên thôi. Riêng đến lượt tôi, chẳng biết nghĩ thế nào, y lại bảo anh thợ cắt tóc hãy giũi trọc đầu tôi. Tôi phản đối, y cười đểu nói:

- Mùa hè, cho nó mát!

Tên thợ húi tóc phải theo lệnh, nên sau một lúc, tôi sờ tay lên đầu, như đầu sư cụ! Thật là giận tím ruột, bầm gan! Có thể tên Thế cũng biết tôi tù đã lâu và bây giờ không còn đi cung nữa, cho nên y mới dám làm như vậy.

Về buồng, tôi soi mặt vào "gương", gáo đựng nước và bô khi có nước giải là hai cái "gương" của xà lim, trông mặt thật là ngáo! Thằng chó chết, thật hèn hạ, ỷ có quyền nên hành tôi những điều vặt vãnh.

Một buổi, các cô buồng số 9 ra sân chơi; trong buồng tôi cũng đang đi bách bộ. Tôi cứ đếm vừa đúng 8 bước là một vòng trong cái khung giữa hai sàn. Đầu óc thì vẩn vơ chơi vơi, thỉnh thoảng lại đưa mắt ra nhìn lên cây bàng.

Có nhìn cây bàng mới thấy thời gian đi vùn vụt. Những trái bàng, từng chùm, từng chùm thật đẫy đà lốm đốm những quả chín vàng hoe. Sân xà lim cũng đã lác đác những quả bàng chín lìa cành về với cội. Hết giai đoạn thở hít mùi hoa bàng, lại đếm thời gian ngụp lặn trong hương bàng chín. Chân tôi vẫn bước đều, óc tôi vẫn chảy dài về đâu đâu, đột nhiên, tôi thấy từ cái lỗ ở dưới nền chỗ sát chân tường, thông nước ra cái rãnh phía bên ngoài sân xà lim, có mấy quả bàng chín được đẩy vào buồng tôi. Ngồi thụp xuống, tôi chộp lấy cái que chổi thanh hao đang từ ngoài thọc vào. Bên ngoài, kéo ra, trong này tôi kéo mạnh vào. Tôi nghe bên ngoài hai cô cười rúc rích. Thì ra hai cô buồng số 9 nghịch ngợm, muốn phá tôi cho đỡ buồn. Lúc trở vào, hai ngang qua buồng tôi, các cô đã "dám" liều lĩnh

gõ "cạch, cạch" hai tiếng vào cánh cửa buồng tôi. Chỉ có một người gõ cửa, không biết cô nào đây?

Sáng hôm sau, người mở các buồng lại là tên Dư. Y đã về! Khi y mở tới buồng tôi, tôi thật mừng rỡ, nói nhỏ đủ y nghe:

- Ông mới về?

Chỉ là một câu hỏi đơn giản như vậy, nhưng đã thể hiện tràn ngập nỗi hân hoan. Y gật gật đầu, mồm nhếch một nụ cười, mắt cứ nhìn lên đầu tôi.

Lúc tôi ở nhà tắm đổ bô về, từ bàn trực, tên Dư đứng dậy, đi vào hẳn trong buồng tôi. Đặt một tấm mía và một chiếc bánh nếp lên chiêc chiếu của tôi, y nói nhỏ, giọng tình cảm:

- Quà nhà quê đấy!

Của cho không bằng cách cho. Tôi thật cảm động. Tôi cũng không hiểu từ nguyên nhân nào, y lại đối xử với tôi như vậy. Có lẽ, một phần do y trông coi tôi đã lâu ngày, thấy được ít nhiều tính nết của tôi, nên y mới dám làm vậy. Nếu tôi thiếu ý thức, khi gặp chấp pháp, hay quản giáo khác khoe, kể lại chuyện quà cáp này, y sẽ bị kiểm điểm nặng. Nhưng với tôi, vì người ân, mình phải có ý thức, thà chết đừng hòng tôi kể lại những chuyện như vậy.

Tên Dư chỉ tay lên đầu tôi giọng thân mật:

- Đầu anh làm sao lại cắt trọc như vậy?

Chẳng muốn tình tiết làm gì, nên tôi trả lời cho qua:

- Mùa Hè, cắt như vậy cho nó mát!

Tôi chợt nhớ lại và mỉm cười, vô tình tôi đã nhắc lại đúng câu nói của tên Thế. Tôi hỏi tiếp:

- Thưa ông, gia đình nhà khỏe cả?

Y chậm rãi:

- Mấy đứa chúng nó đi nghĩa vụ hết, chỉ còn mình nhà tôi ở nhà. Cỏ mọc đầy sân, tôi về gần một tháng, chỉ suốt ngày làm cỏ với cuốc vườn.

- Thưa ông, vườn nhà có rộng không ạ?

- Có chết đâu mà rộng. Được có 5 phần trăm đất dành cho "cải thiện" gia đình, còn là của hợp tác xã hết.

Qua cách nói chuyện, tôi thấy y thật là một người nông dân chất phác, lại quê mùa nữa. Tất nhiên, cũng chả phải người tù nào, y cũng đối xử như vậy.

Gần hết giờ làm việc, y vào buồng số 10 và 14 mắng thậm tệ, vì khi y đi vắng hai buồng này đã phạm nội quy.

Buổi tối hôm ấy, tôi cũng thoáng nghe tiếng chân người đi rất nhẹ. Chắc lại là tên Thế mò vào buồng số 9. Không hiểu sao, dạo này ít thấy y vào? Nhưng, mọi khi phải đến 9, 10 giờ tối y mới mò vào, bây giờ mới khoảng 8 giờ? Nghĩ

vậy, tôi cúi xuống xem sao. Bàn chân cũng tụt dép ra, nhưng lại rất to và thô. Không phải tên Thế. Nhưng tôi cũng không thể đoán ra bàn chân của tên quản giáo nào? Vậy mà, sao cũng phải tụt dép ra làm gì? Càng nghĩ, tôi càng thắc mắc, và óc tò mò của tôi lại càng được khích thích hơn. Để cho sáng tỏ vấn đề, tôi cố theo dõi, lắng nghe. Rất lâu, cũng không có âm thanh gì đặc biệt cả…

Mãi tới hơn 9 giờ, mới lại thấy đôi bàn chân dép đó, rón rén đi ra. Chắc phải ra tới chỗ bàn trực rồi mới dám xỏ dép. Tôi nghe thấy bước chân ra tới gần cổng, tôi dùng phương pháp "ngửa mặt" để quan sát. Tôi giật thót người lại! Người đi lén lút đó là tên Trì, thượng úy phó giám thị. Người y như lực điền, cái mặt to tướng, đầy thịt, đôi mắt đỏ như mắt cá rói, với hàng lông mi rậm rì. Y vào buồng số 9 để làm gì? Trông y cũng đầy vẻ hảo ngọt.

Rồi từ đấy, tên Trì ra vào liên tục. Còn tên Thế? Tuyệt nhiên không dám bén mảng gì đến xà lim I nữa. Và, cho đến sau này, tôi cũng không gặp tên Thế ở Hỏa Lò, chẳng hiểu vì sao. Nhiều lần tôi muốn hỏi tên Dư về buồng số 9, nhưng lần nào cũng không dám. Tôi biết y sẽ không trả lời và có thể còn đánh giá là tôi đã lợi dụng tình cảm của y để làm tới. Cuối cùng, vào một buổi tối, sau khi xác định chắc chắn không có tên cán bộ nào, tôi đành lên tiếng gọi:

- Số 12 gọi số 7 nè! Số 7 khỏe không?

Ở buồng số 7 tên nằm vùng đã đi ra rồi, chỉ còn lại một anh cao cao, cho nên tôi gọi chào chơi, mục đích là để sau đó bắt chuyện với buồng số 9. Tôi không thấy số 7 trả lời, mà lại có tiếng số 9, nghe trong trẻo như tiếng khánh chạm nhau:

- Anh 12 khỏe không?

Mắt vẫn không rời mép trên cánh cửa cổng, tôi trả lời:

- Cám ơn, khỏe! Số 9 ở Hà Nội phải không?

Hai tiếng cười rúc rích:

- Hà Nội!

Tôi hỏi tiếp:

- Tội gì thế?

- "Dạt vòm ngoại!" Còn anh, tôi đã biết rồi nhé!

Hơi choáng người, cô này nói đùa hay nói thật đây? "Dạt vòm ngoại" là gì? Nếu hỏi lại, thì chứng tỏ mình "cà quỷnh"; mà không hỏi thì không biết. Nhưng các cô trả lời với tôi kiểu như vậy, tôi đoán ngay là các cô không biết thực về tôi. Nếu thực biết tôi ở miền Nam ra, các cô sẽ không dùng tiếng "lóng" đó với tôi, làm sao tôi hiểu được? Nghĩ thế, tôi hỏi một câu nữa dò dẫm:

- Ở ngoài số 9 làm gì?

Một giọng cười ré lên ngặt nghẽo:

- Văn công Trung Ương!

Á, thảo nào! Vừa lúc đó, cánh cổng xà lim hé rộng ra, tôi ngồi thụt xuống. Số 9 cũng im bặt. Thì ra, các cô cũng canh cổng. Có người vào tắm giặt ở trong nhà tắm xà lim.

Số 9 là văn công Trung Ương, không trách được đẹp thế! Còn tội "dạt vòm ngoại" là thế nào? Chợt nghĩ đến anh Nguyễn Lân, số 4, tôi khạc hai tiếng gọi anh. Sau khi tôi hỏi bằng cách viết chữ vì cán bộ trong nhà tắm tôi không lên tiếng được, vả lại cũng chẳng muốn số 9 biết mình "tồ". Anh Lân cho biết là cũng giống tội của anh, nghĩa là "chạy ra nước ngoài".

Mãi gần 10 giờ, người trong nhà tắm mới ra. Tôi nghe tiếng thau để nhẹ xuống nền nhà, chắc hẳn là nữ rồi. Tò mò, tôi khẽ đứng lên nhìn xem thử mụ Hoa, mụ Thơ hay mụ Dậu? Tôi thót người, nhìn theo sau lưng một cô gái thật trẻ, đang cắp một cái thau men màu xanh đậm. Mái tóc cô thật dài, buông xõa phía sau vai xuống đến ngang…mông. Cô gái này lạ hoắc, tôi chưa trông thấy bao giờ. Tôi cứ nhìn theo mãi, cho tới khi cô ấy ra khuất ngoài sân trại chung. Rất tiếc, tôi chỉ nhìn được phía sau lưng, chả biết mặt mũi cô ra sao. Nhưng, cô có một thân hình đang độ căng đầy.

Chương 70

Ta quen nhau mùa … Đông …

Thỉnh thoảng từng làn gió heo may đã bắt đầu nhè nhẹ thổi về, làm chuyển dần màu lá bàng từ xanh thẫm sang ươm vàng. Gió heo may về như nhắc nhở lòng ai mùa Thu trở lại.

Dạo này, bàng chín rộ. Càng về đêm hương bàng càng ngạt ngào, theo gió tỏa khắp Hỏa Lò. Bàng lại mỗi ngày mỗi rụng nhiều. Cứ hai ngày một lần, tôi phải quét và hốt mệt nghỉ. Công việc này, tôi thấy đam mê như hái hoa, bắt bướm, nhởn nhơ trong cánh rừng đời.

Sáng hôm nay, tôi vừa quét sân xà lim, vừa lắng nghe tiếng loa léo nhéo một bản tin:

"…..Theo nguồn tin UPI và AFP, Mỹ đã chuyển thêm hai tiểu đoàn Dù nữa, đang rời từ Okinawa sang Việt Nam, để bổ sung và tăng cường cho Sư đoàn "Anh Cả Đỏ"; đưa tổng số quân Mỹ ở miền Nam cho đến nay lên tới…..".

Không những rõ ràng chi tiết số vạn, số nghìn, số trăm mà con cả số chục nữa.

Nằm ở trong lòng đất của kẻ thù, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm, nghe những loại bản tin như thế này không biết bao nhiêu lần. Tai đã nhàm chán, vậy mà lòng vẫn không hết ấm ức, bực bội. Tôi vẫn hiểu là Mỹ giầu lắm, Mỹ mạnh lắm, Mỹ nói chuyện với Cộng Sản thường nói thẳng, nói thật. Chính phủ Mỹ không nói, Quốc Hội, báo chí Mỹ cũng nói. Nếu không như thế chăng nữa, với lề lối tổ chức, làm việc ở nước Mỹ dân chủ, tự do, các điệp viên của Cộng Sản đã lấy tin quá dễ dàng. So với cảnh những điệp viên của thế giới tự do phải vào đất Cộng Sản lấy tin, khó khăn khác nhau một trời, một vực.

Mỹ đã đánh giá Cộng Sản Việt Nam theo con mắt của Mỹ nhìn…Việt Nam Cộng Hòa. Nghĩa là, Mỹ cho rằng Liên Xô và Trung Quốc có quyền hạn tuyệt đối với Cộng Sản Việt Nam. Cụ thể, nhiều tổng thống Mỹ bàn chuyện giải quyết vấn đề của Việt Nam lại bàn với Liên Xô, với Trung Quốc. Tôi thừa nhận, trong tương quan giữa các nước trên thế giới ngày nay, những nước lớn có ảnh hưởng hoàn toàn không giống như Mỹ đã đánh giá. Nhất là giữa các nước Cộng Sản. Sự ảnh hưởng này, phụ thuộc vào những tình tiết quan hệ riêng của mỗi nước Cộng Sản. Không hề giống như bên thế giới tự do. Thật là sai lầm! Sai lầm nọ lại đẻ ra sai lầm kia, theo cái nhìn của người tư bản. Để phần sau,

tôi sẽ nêu nhiều dữ kiện minh chứng. Đó là yếu tố bí mật, bất ngờ. Điều này sẽ làm cho đối phương mất cảnh giác, nhìn sai sự thật.

Từ ngàn xưa, nếu Khổng Minh không sử dụng yếu tố bất ngờ, bí mật, ngày nay, ông đã không nổi danh với chúng ta như vậy. Nước Nhật chỉ là một nước vừa phải, không lớn lắm, mà đã nhiều lần làm cho Mỹ méo mặt, Liên Xô điên đầu, thế giới nể sợ, cũng chỉ vì những yếu tố trên. Thế mà, nước Mỹ đã hầu như không sử dụng những yếu tố này.

Để làm sáng tỏ hơn, tôi xin đơn cử một thí dụ: "Một binh đoàn M được lệnh đánh chiếm một hòn đảo X của đối phương. Hòn đảo X này có một trung đoàn địch quân phòng thủ, trang bị những vũ khí bình thường. Những kế hoạch bố phòng cũng bình thường như từ trước đến giờ.

Binh đoàn M quân số quá lớn, gấp 9, 10 lần lực lượng phòng thủ của đối phương. Vũ khí trang bị lại hiện đại hơn hẳn bên phía lực lượng phòng thủ của đảo. Do đó, dù không có yếu tố bất ngờ và bí mật. Dù đối phương có biết trước hay không, hòn đảo X cũng bị chiếm.

Nhưng, nếu biết vận dụng và phát huy tối đa yếu tố bất ngờ, giương Đông, kích Tây; vờ chuyển quân, bắn tin là sẽ sang phía A, lại bất ngờ đánh phía B; dùng những phương pháp tương kế, tựu kế đánh lừa, ru ngủ địch, thực thực, hư hư… Nghĩa là, làm sao bịt chặt mắt địch lại để đánh. Địch không thể đoán biết ta sẽ đánh chỗ nào, lực lượng ta đặt ở đâu, chỗ địch tưởng nhiều, lại hóa ít, v.v… Vì vậy, khi ta chiếm hòn đảo X, địch giật mình, hoang mang đầu óc. Vì địch không hề biết trước, và có thể hôm đó đảo lại đang mở hội liên hoan chẳng hạn, cho nên, quân đổ bộ chiếm được đảo, với số lượng thương vong độ 200 chiến sĩ.

Ngược lại, vì lề lối tổ chức của phe ta, tính huênh hoang của kẻ khỏe, quân ta ở đâu, địch biết; rút đi bao nhiêu, thêm vào bao nhiêu, địch biết; vũ khí loại gì, mới đưa vào bao nhiêu, địch cũng biết… Khi đã biết, tất nhiên đối phương phải tăng cường tối ta để phòng thủ, kể cả về người cũng như về vũ khí, kế hoạch, hầm hố chướng ngại v.v… ngày đêm cẩn mật không rời tay súng.

Vì quân số của bình đoàn M gấp bội, và vũ khí lại trội hơn hẳn như đã nói trên, nên hòn đảo X vẫn bị chiếm. Nhưng, vì đối phương đã tăng cường quân số, vũ khí, cũng như tinh thần không rời tay súng, v.v… nên số thương vong của binh đoàn M lên tới 1000 người…

Như vậy, đối với 800 chiến sĩ ưu tú của chúng ta, mỗi một người là một đơn vị trong chùm liên hệ của gia đình. Thêm 800 gia đình đau thương vì mất người thân, chỉ vì muốn tỏ ra là người "lớn", là quân tử bảo thắng cho đối phương "tiểu nhân" biết mọi việc khi ta hành quân… Ai sẽ chịu tội, chịu trách nhiệm về 800 mạng người này? Các ông tổng thống, các ông tư lệnh có chịu trách nhiệm không? Trách nhiệm là đền được mạng sống của con người không? Xin quý vị giải đáp cho người khác nghe lọt lỗ tai.

Đêm nay, chẳng hiểu sao tôi cứ trằn trọc mãi không ngủ được. Tôi mở mắt nhìn lên phía cửa sổ, trăng Thu vắng vặc như mời gọi tôi dậy. Tôi vươn vai lắng nghe, xác định tụi cán bộ, nghe những âm thanh của đêm khuya, tôi biết đêm đã khuya lắm rồi. Thỉnh thoảng, tôi lại nghe tiếng rên ở buồng số 1 sát nhà tắm. Tôi đứng dậy, trèo lên sàn, tựa đầu vào lưới thép của cửa sổ, nhìn ra bầu trời bên ngoài.

Nền trời tím sẫm, không một vẩn mây. Chéo mãi phía Đông, một mảnh trăng gầy, hạ huyền với hai đầu nhọn hoắt quặp xuống, như đôi sừng của con dê già. Những khung nhà, mái ngói của khu trại chung phía xa xa, vạch cắt bầu trời phía Đông Bắc thành những nét kỷ hà đen xẫm. Một chiếc lá bàng rời cành, lắc lư, chao đảo, lấp lánh dưới ánh trăng khuya, sà xuống nền xà lim càng làm cho cảnh đêm thâu vắng lặng. Một cơn gió nhẹ thổi qua làm những chiếc lá bàng trên cành xao xác.

Đã lâu lắm, hôm nay, tôi mới lại được ngửi mùi hương Thu. Tôi không biết dùng ngôn từ gì để tả rõ được mùi hương này. Hương Thu len lén, chậm chạp luồn lách vào mũi khiến cho hai cánh mũi tôi như cong lên, trán tôi cau lại, ngón chân cái của tôi tự nhiên ngọ nguậy, ngúc ngắc đập nhè nhẹ xuống sàn theo một điệu nhạc mơ hồ, đưa hồn tôi lơ lửng vào cõi… không bờ. Bỗng tiếng một con mối ré lên "chặc, chặc, chặc…" một hồi dài đã gọi hồn tôi trở về thực tại. Đã mỏi chân rồi, thôi tôi xin tạm biệt trời Thu để đi vào giấc ngủ đêm Thu gần tàn…

Sáng hôm sau, tôi đang còn muốn ngủ nữa, tiếng loa đã gióng lên như tiếng con mẹ hàng xóm mất gà, đang cất cao giọng rủa sả thiên hạ, cứ làm như cả xóm ăn cắp gà của mụ. Như vậy, làm sao còn ngủ nổi nữa, tôi đành phải nằm nghe tiếng chửi rủa vậy thôi.

Một bản tin về chiến trường miền Nam: Loan báo số thương vong của lính Mỹ, Úc và Đại Hàn trong tháng vừa qua. Âm thanh chọc vào tai tôi, đã đẩy mồm tôi, loe ra thành một nụ cười. Tôi cười, vì nếu cứ ghi số thương vong của lính Mỹ, Đại Hàn và Úc từng trận đánh, của suốt mấy năm, từ khi Mỹ bắt đầu đưa quân vào, đầu 1965, cho đến bây giờ, ở miền Nam chả còn một người lính Úc, Mỹ hay Triều Tiên quái nào nữa. Thế mới lạ chứ! Ngược lại, tôi cũng khen lính Mỹ, Triều Tiên, Úc ra trận càn quét, bắn rất tài tình, nghĩa là chỉ nhằm bắn… bà già, đàn bà, con gái và… trẻ con, và tránh rất giỏi, không hề bắn trúng vào một thằng Việt Cộng nào cả.

Nó vô lý đến độ buồn cười như vậy đấy, và có như vậy, nó mới là lmột trong những yếu tố để sau này tôi làm sáng tỏ lý luận chứng minh về nghệ thuật tuyên truyền của Cộng Sản. Sau này, khi tôi có gần hai năm chuyên chú đọc những tác phẩm lý luận, của hầu hết những nhà tư tưởng tiền khởi Cộng Sản cho đến bây giờ, kết hợp với thực tiễn người thực, việc thực tôi đã gặp, trong hơn một chục năm ở các trại giam trung ương, tôi đã có cái nhìn đủ điều kiện hơn về một số lãnh vực.

Thấm thoát đã lại vào mùa Đông, mùa Đông thứ năm. Cây bàng lại khẳng khiu, trơ trụi những cành chọc thẳng lên trời, như những cọng râu của con cá mực khô.

Cả một năm tròn vừa qua, chấp pháp không hề gọi cung, chúng làm như đã quên hẳn tôi rồi. Thật là kinh khủng! Ý nghĩ này đã tạo nên một sự ức chế ghê rợn đối với tâm lý của tôi. Hơn 4 năm qua, với biết bao cung kẹo giày vò, cùm kẹp, chết đi sống lại mấy lần, đói khát, cấu xé ngày đêm… Thế mà hầu như tôi không hề biết sợ. Chân ở trong cùm vẫn rung lên theo những điệu nhạc ngầm của cõi lòng. Giờ đây, tôi lại cảm thấy ghê sợ. Tôi sợ chúng đã bỏ quên tôi! Năm này, qua năm khác, cơ thể của tôi, dù tinh thần có cố gắng phấn đấu đến đâu, cũng tàn lụi dần đi. Hoặc, không bệnh tật, cũng điên khùng mà chết. Nếu, chúng gọi tôi ra tuyên bố rõ ràng sẽ giam thêm ba năm, hoặc năm, mười năm nữa trong buồng kín rồi sẽ cho ra trại chung… tôi cũng không có cái tâm trạng ghê sợ, đến như lúc này. Đấy là, tôi vẫn còn một chút may mắn, được tên Dư có ít thiện cảm, thỉnh thoảng cho ra ngoài sân quét dọn. Chứ nếu không, cứ phải ngồi một chỗ cả năm, óc đến thối ra mất. Thật là kinh khủng! Chúng dùng thời gian, thi đua với sức chịu đựng của con người. Tôi hiểu, chủ trương của chúng đối với tôi bây giờ là để xem cơ thể của tôi, có chịu đựng được mãi đối với thời gian hay không. Vì vậy, đang đêm, giật mình tỉnh dậy, cứ nghĩ đến điều đó, tôi cảm thấy lạnh cả người. Một niềm rùng rợn, ghê khiếp bao vây chặt lấy người tôi. Dù ban ngày, tôi vẫn tập thể dục; hàng ngày, tôi vẫn thực hiện phương pháp trường sinh; nhưng cứ đêm xuống, nỗi ghê rợn, niềm kinh hãi, vẫn ùa đến tràn ngập lòng tôi.

Tôi nhớ một buổi, lúc tôi đang múc bùn ở lỗ cống đầu hè (khi đó là đầu 1967, tôi đã ở xà lim 5 năm rồi; tên Dư đã lên chuẩn úy, tên Đại coi trại thợ đã là thiếu úy, (mà hồi tôi mới vào Hỏa Lò, hắn chỉ là trung sĩ). Hai tên Đại và Dư đang đứng nói chuyện với nhau ở góc sân, tên Đại quay lại nhìn tôi một lúc, rồi nói với tên Dư:

- Này, ông này, cái anh kia không biết trên giải quyết thế nào, mà cứ để mãi ở xà lim nhỉ?

Tên Dư nói nho nhỏ gì đó với tên Đại. Đại quay lại nhìn tôi với đôi mắt nửa như tò mò, nửa như thông cảm. Đấy!

Ngay tụi quản giáo Hỏa Lò còn sốt ruột thay cho tôi nữa là.

Ngay đầu năm ngoái, một lần tôi đi cung, chính hai tên chấp pháp Thành và Nhuận, cùng cười, nhìn tôi một lúc, rồi tên Thành vừa nói, vừa gật cái đầu:

- Trông anh, dạng thư sinh, thế mà anh chịu đựng tốt thật!

Nhưng, từ đầu năm 1967, tôi bắt đầu sợ thật. Lòng tôi đầy âu lo! Tự nhiên, tôi thấy sợ cả bóng tôi. Ngay ở xà lim I này, từ khi tôi vào, đã biết bao nhiêu người: Hết đợt này ra, đến đợt khác vào, lại ra. Trừ trường hợp của hai anh Căn và Lượng, hầu hết lâu là một năm, còn thường chỉ mấy tháng. Có người vào xà lim độ mươi ngày hay nửa tháng, họ đã ra rồi.

So với bốn tháng trước đây, xà lim bây giờ toàn là người lạ. Chỉ còn anh Nguyễn Lân, buồng số 4, là cũ. Vụ án của anh cũng hơi phức tạp, không xử được, có lẽ anh sẽ bị tập trung. Hiện anh vẫn còn đấy, nhưng bây giờ trông anh như bộ xương biết đi, mỗi khi anh ra sân phơi quần áo. Khi anh mới vào, tôi nhìn hai cái tai của anh đã thấy to. Lúc này mặt anh choắt lại, gồ ghề, nhiều chỗ lồi lõm, thành ra hai cái tai trông càng to hơn, như hai cái tai chuột cống, trong khi mặt anh là mặt chuột nhắt.

Gần chiếu tối hôm qua, có một người bị đưa vào buồng số 5. Đó là buồng tôi đã ở trước, đối diện với buồng 12 của tôi hiện giờ. Số 5 thì ở dẫy trong.

Tôi nghĩ, người đó cũng như nhiều người khác mới vào. Hơn nữa, dạo này tâm hồn tôi cũng hơi bấn loạn, tôi chẳng còn háo hức tò mò gọi nói chuyện với người mời vào làm gì. Chỉ có với anh Lân, lâu lâu, tôi mới gọi anh thăm hỏi một vài câu.

Khi nãy, hai buồng số 3 và số 8 báo cáo xin thuốc đau bụng và đau dạ dầy. Buồng số 8 đang rên như lợn xề kêu. Một lúc sau, tên Dư dẫn y tá vào. Tôi ngạc nhiên khi nghe tiếng y tá, là giọng nữ, nhưng không phải tiếng bà Dậu. Tôi cũng muốn tò mò xem y tá mới mặt mũi ra sao. Tôi lại nghe cả buồng số 4 là anh Nguyễn Lân, cũng báo cáo:

- Báo cáo bà y tá, cho tôi xin thuốc đau dạ dầy!

Tôi cũng thấy lạ! Từ khi số 4 vào xà lim cũng đã 8, 9 tháng rồi, tôi chả thấy anh xin thuốc đau dạ dầy lần nào. Hôm nay lại nhiều buồng xin thuốc thế, râm ran cả lên.

Tôi nghe tiếng hỏi dấm dẳn, hách dịch ở phía buồng số 4:

- Buồng này, xin cái gì?

Tiếng anh Lân, giọng miền Trung trọ trẹ:

- Tôi đau dạ dầy, bà cho tôi xin thuốc đi!

- Trước anh có đau dạ dầy không, bây giờ lại xin thuốc?

- Chưa đau, nhưng bây giờ đau.

- Sao anh biết là đau dạ dầy?

- Của tôi, tôi biết chứ!

Tiếng cửa sổ con đập mạnh vào nghe "xoạch" một cái, cùng với một giọng cong cớn:

- Tôi vớ vẩn với anh đấy à!

Lại buồng số 10 báo cáo:

- Báo cáo bà y tá! Buồng 10 xin ăn cháo!

Tiếng tên Dư đứng giữa xà lim ngay chéo trước buồng tôi nói to:

- Y tá đây là cô Vân mới có 19 tuổi thôi, các anh cứ gọi cô cho nó tiện.

Buồng 10 lại ré lên:

- Báo cáo cô y tá. Buồng 10 xin ăn cháo.

Tiếng mở cửa sổ nhỏ, rồi tiếng cô Vân hỏi:

- Làm sao mà ăn cháo?

- Thưa cô, tôi bị táo, ba ngày nay không đi cầu.

- Không được! Lấy tay mà xoa bụng nhiều lần đi!

Tiếng chân của tên Dư và y tá ra ngoài bàn trực. Một lúc, có tiếng chân bước ra sân. Tôi lẹ làng lựa thế đứng lên nhìn.

Á chà! Cái cô có mái tóc dài mà có lần, tôi đã nhìn thấy vào một buổi tối, khi cô vào xà lim tắm ra. Cô là y tá mới! Có lẽ bà Dậu, y tá cũ, đã nghỉ, hay chuyển công tác. Thảo nào, các buồng báo cáo rối rít cả lên. Trong xà lim không có "chất" phụ nữ nên mới như vậy. Ngay anh chàng Nguyễn Lân, sinh viên Roumanie, cũng ỡm ờ con cá đỏ với cô ta. Thông cảm! Thông cảm! Tôi cũng chưa trông rõ mặt cô ấy ra sao. Hai lần, tôi đều nhìn thấy sau lưng cô ta.

Mấy hôm sau, ra lấy cơm, tôi nhìn thấy có một bát cơm đầy hẳn lên, tuy trông nát như bát bánh đúc, nhưng vẫn còn thấy vài hạt cơm còn nguyên. Đói quá, xin ăn cháo, tuy được hai bát, nhưng toàn nước. Húp vào, no ngay lúc ấy, nhưng suốt đêm đi giải còn mệt hơn.

Tự nhiên, tôi có ý nghĩ là làm sao, để xin được ăn cơm nát là tốt nhất. Trông bát cơm, tuy nát nhưng đầy hẳn lên. Tôi để ý, biết là cơm nát của số 8, đau dạ dầy kinh niên. Tôi chưa biết cách nào để xin được, hơn nữa, cô y tá lại hách "xì dầu" quá!

Buổi tối hôm đó, lại có người vào xà lim tắm. Tôi không để ý, nên không biết là ai. Một lúc, chợt có tiếng quát the thé của cô… Vân:

- Buồng kia, đứng lên làm gì đấy?

Không có tiếng trả lời. Tôi tưởng như là yên. Không ngờ, sáng hôm sau, tên Dư vào mở cửa buồng số 3, mắng cho

một hồi, rồi rút chốt cùm. Số 3 lạy van rối rít, nhưng vẫn bị cùm.

Mãi gần 10 giờ, y tá mới vào cho thuốc buồng số 8 và 10. Cô này là y tá mà như công an, quản giáo không bằng, cũng rình rập các buồng. Cô quát buồng số 4:

- Anh đưa ngay con dao đây!

Im lặng. Lại nghe tiếng cô ta giục lần nữa, rồi hỏi:

- Anh lấy dao này ở đâu?

- Báo cáo, vớ được cái đinh, tôi mài để cắt móng tay.

Tiếng cửa sổ nhỏ đóng lại. Rồi, một lát sau tên Dư vào, mở cửa số 4, tuyên bố kỷ luật một tuần. Thấy sự như vậy, tôi đâm ra có ác cảm với cô y tá mới này. Tôi chẳng thèm xin thuốc men hay cơm nát nữa. Tôi đoán, chắc cô này, được vào làm y tá trong Hỏa Lò, phải là thứ "đít đỏ như máu". Không những bản thân, ngay gia đình phải là thành phần cách mạng trung kiên. Cô ít ra phải là một đoàn viên thanh niên Cộng Sản cuồng say, ưu tú!

Sau đó, hơn một tuần, một hôm, tôi đang tập thể dục chạy tại chỗ, bỗng cửa sổ con xoạch mở. Tôi ngừng chạy, nhìn ra: Một đôi mắt rất trong đang nhìn tôi. Phảng phất dáng dấp, tôi đoán ngay là cô Vân. Chắc cô này đang đi rình mò, nghe tiếng thình thịch trong buồng nên mở cửa con xem là chuyện gì. Nghĩ thế, tôi không chạy nữa, xem cô này có thái độ sao đây! Cô im lặng, trân trân nhìn một lúc, và chắc là hiểu tôi đang tập chạy thể dục, cửa con đóng lại. Tôi cũng hơi bâng khuâng. Cô này, bộ mặt trông cũng được đấy chứ, nhất là nước da rất trắng và đôi mắt, như nước giếng trong của đình làng. Cái mặt như vậy, sao lại dữ thế!

Thế rồi, bẵng đi đến hơn mười ngày sau, một hôm đang quét sân, tôi chợt nhìn thấy ở kẽ cánh cổng có một mẩu thuốc lá. Liếc vội vàng phía trong, tên Dư đang lúi húi viết, tôi nhặt lẹ mẩu thuốc, nhét vào cạp quần. Tôi thấy lòng vui hẳn lên. Tí nữa vào buồng, tôi sẽ có một hơi thuốc say đê mê.

Chiếc điếu, từ ngày hút với anh Đà tới bây giờ, để mốc meo. Dạo sau này, có dịp ra sân, năm thì mười họa gặp tên cán bộ nào hút thuốc ném mẩu tàn lại, hôm đó, tôi mới lại có một bữa say. Hôm nay cũng vậy, tôi lại được chơi vơi với… tình: "Tình thà coi như khói thuốc say" mà lại! Đầu óc tôi đang xoay quanh với mẩu thuốc dắt ở cạp quần, bỗng có tiếng động ở cổng xà lim. Tôi quay lại, vừa đúng lúc thấy hai con mắt thật trong mở to nhìn tôi. Tôi hơi ngượng, cúi xuống quét tiếp. Một dáng đi rất mềm, ngang qua tôi, vào chỗ bàn trực tên Dư đang ngồi. Một mùi hương rất lạ. chưa bao giờ tôi ngửi thấy, làm mát cả một khoảng sân xà lim. Tôi thoáng nhìn theo hai lọn tóc, gióc thành hai chiếc đuôi sam, mỗi đầu buộc bằng một sợi len đỏ. Tôi cứ cắm cúi quét mãi, tới khi bóng đó trở ra. Tôi lại thấy cái mùi hương lạ lùng lúc nãy. Tôi vẫn cúi, tay đưa dài mái chổi. Tôi cảm thấy mất hẳn tự nhiên. Và… dường như có một cái gì đó thoang thoảng, mơ hồ len lén vào lòng tôi.

Mỗi lần ra lấy cơm, nhìn suất cơm nát, tôi thấy mình bị quyến rũ quá rồi. Nhưng tôi cứ rụt rè, mãi đến hàng chục ngày sau, tôi vẫn chưa dám báo cáo để… xin ăn. Nếu được ăn cơm nát, có thể tôi khỏi phải mỗi tuần hai lần nhịn buổi sáng, để dành ăn vào buổi chiều như bây giờ. Suất cơm nát với tôi lúc này, thật là lý tưởng. Điều làm cho tôi phải rụt rè như vậy, chỉ vì y tá là một cô gái; lại là một người mà lúc đầu tôi đã có ác cảm. Bây giờ, tôi cũng chưa biết tính ra sao.Tôi chỉ sợ bị hạch hỏi, rồi bị từ chối, ngượng chết.

Lại nghĩ đến nguyên tắc sống: Không hiểu, nhiều khi không có cái gì cả. Thế là buổi sáng hôm đó, sau khi ra đổ bô xong, lúc quay vào, tôi nhăn nhó mặt, nói với tên Dư:

- Thưa ông, từ ít lâu nay, tôi cứ ăn cơm vào là lại đau bụng. Đêm ngủ, cứ bị ợ chua. Hiện giờ, tôi thấy đau bụng lắm. Xin ông báo dùm y tá, cho tôi xin thuốc!

Tên Dư mở to mắt nhìn tôi, như lạ lùng, như thăm hỏi bởi vì từ khi lão trực xà lim I đến bây giờ, lão chưa hề thấy tôi xin thuốc đau ốm lần nào.

Quả là tên Dư đã quan tâm đến tôi. Với các buồng khác, trừ trường hợp cấp cứu đặc biệt, chứ kiểu bệnh như tôi vừa báo cáo, phải tới hôm sau, hoặc hôm sau nữa, nếu không tiện dịp. Chỉ một lúc sau, y tá đã đến xà lim. Dư vào mở cửa buồng tôi, rồi nói:

- Anh ra cho cô Vân xem bệnh!

Ra tới ngoài, tôi thấy cô Vân ngồi ở chỗ bàn trực của tên Dư. Trước bàn vẫn có cái ghế đẩu mọi khi, tôi ngồi vào, trong khi đó tên Dư đi đi, lại lại ngoài sân.

- Anh ốm ra sao?

Giọng nói khác thường, thật êm dịu nhẹ nhàng. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt trong, trả lời:

- Tôi cứ bị ợ chua, ăn cơm vào là đau.

Tôi kêu đau bụng, cô lại bảo đưa tay cho cô xem. Cô bắt mạch tay tôi, cả hai tay; rồi lại bảo tôi kéo tay áo lên, cô xoa xoa, nắn nắn đến tận khuỷu tay. Cô không nói gì, tôi cũng im lặng. Mãi một lúc, tôi phải lên tiếng trước:

- Thưa, tôi đề nghị xin ăn cơm nát!

Cô nhìn tôi đăm đăm, cuối cùng, nói nhè nhẹ:

- Anh đi vào đi!

Tôi cũng chẳng hiểu, cô có bằng cho tôi ăn cơm nát hay không? Bữa sáng hôm ấy vẫn cơm thường. Nhưng, tới buổi chiều, trên chõng cơm đã thấy có hai suất cơm nát!

Thế là tôi đã đạt được mục đích. Nhớ lại thái độ của cô Vân những ngày đầu mới biết, tôi không nghĩ là cô lại chấp thuận dễ dàng như vậy. Không hiểu sao, từ khi ăn suất cơm nát, hàng ngày tôi ít đói hẳn đi. Tôi hiểu, tiêu chuẩn gạo thì vẫn thế thôi; nhưng tại sao lại có hiện tượng lạ vậy? Tôi đã nghiền ngẫm phân tích kỹ, dứt khoát không phải do tâm lý khi thấy bát cơm đầy. Cơm nát, thậm chí có khi rất khô giống như cơm thường nấu dẻo vậy, thế mà số lượng lại gấp rưỡi suất cơm thường.

Như thế, chỉ có thể, vì đói thiếu, nên những anh nhà bếp đã giấu, cất bớt cơm khô, lỗ hà, lỗ hổng, đêm đêm lấy ra ăn với nhau. Còn cơm nát, chỉ nấu cho cả trại, 5, 10 người ăn, nên không ai "chấm mút" làm chi. Ngoài ra, ăn cơm nát nhão nhoẹt, lạt và chán nhà bếp ai thèm ăn, nên cơm không bị hao hụt chút nào. Phần khác, cũng có thể nhà bếp ngại thổi riêng một nồi, nên cho cả vào nấu với chảo cơm thường. Sau đó, họ tìm chỗ nào cơm nhão, ướt nhất là họ xúc cân. Cơm thường 3 lạng thì cơm "dạ dầy" phải 4 lạng rưỡi... Nói chung, chả biết làm sao, nhưng rõ ràng ăn cơm nát, thật là tôi vớ... bở! Thế mà, gần 5 năm tôi mới phát hiện ra. Thế là từ đấy tôi cứ ăn cơm nát đều, mà chả phải uống thuốc đau dạ dầy gì cả.

Chương 71

"Tình riêng chỉ có ...chút này mà thôi!..."

Một buổi trưa, tôi đang ngồi mân mê cái điếu, óc đang miên man nghĩ ngợi, đấu tranh tư tưởng với... một nửa mẫu thuốc lá, chưa quyết định dứt khoát là sẽ "hưởng" bây giờ hay là để tối nay; bỗng cửa sổ con nhẹ mở. Tôi nhìn ra, trong ánh sáng mờ mờ, chỗ trắng, chỗ đen, thấy một chiếc mũi xinh xinh dưới hai đốm sáng long lanh trong như pha lê. Rồi hai đầu ngón tay nho nhỏ thò qua khung cửa sổ như tì, như vịn; hai đầu ngón tay nổi rõ mầu ngà giữa hai chiếc song sắt mầu xanh xám. Tôi cũng hơi bâng khuâng hồi hộp, cứ ngồi đờ ra nhìn. Tôi không biết cô Vân vào từ bao giờ. Cô mở cửa sổ buồng tôi không một tiếng động.

Bốn mắt nhìn nhau một lúc, rồi giọng cô êm êm như gió mộng chiều Xuân:

- Anh hút thuốc lào à?

Tôi vừa gật nhẹ đầu vừa nói:

- Hút, nhưng không có thuốc!

- Anh đừng hút nữa!

Chao ôi, giọng nói như tha thiết thân quen, làm mát rượi trái tim đã khô cằn nhựa sống. Thế ra, trên cõi đời này, vẫn còn có người quan tâm đến tấm thân tàn bất hạnh của mình ư? Tôi nhìn hai đốm sáng trong một lúc, rồi như nói một mình:

- Ở xà lim buồn quá! Hút cho đỡ buồn thôi. Nhưng cũng không có thuốc!

Một ngón tay nhỏ như cái ngó sen thò vào trong, ngúc ngắc, ra hiệu:

- Anh đưa cái điếu cho tôi xem!

Như một phản xạ tự nhiên, tôi cầm cái điếu áp vào bụng, sợ rằng cô này sẽ tịch thu cái điếu của mình. Nhưng nhìn ánh mắt của cô dịu êm như những áng tơ trời ve vuốt, tôi từ từ đưa chiếc điếu ra. Hai ngón tay trắng ngần thò vào cặp lấy cái điếu, kéo ra ngoài song cửa.

Cô mân mê, ngắm nghía cái điếu làm bằng 3 chiếc bao diêm, nối với nhau và được dán kín lại bằng giấy. Tôi đã rút những sợi vải và vò vò thành một búi như bông gòn đặt vào mỗi ngăn, để cản bớt bụi khói, đỡ hại phổi. Từ ruột bao này thông tới ruột bao kia đều có lỗ. Tôi giùi những lỗ này bằng cách, vo cuộn một cái giẻ lại, đánh diêm đốt, rồi vừa dí vừa thổi vào chỗ nào mình định giùi.

Cô nhìn cái điếu một lúc, rồi ghé sát miệng vào cửa sổ nói nho nhỏ:

- Anh đừng hút thuốc lào nữa. Hút thuốc lá đi!

Tôi vừa lắc đầu, vừa nhìn chăm chăm vào hai vành môi của cô. Tôi thầm nghĩ, phải thừa nhận các nhà văn đã tả và ví đôi môi của một cô gái đang độ xuân thì, giống như cánh hoa đào một sớm Xuân, thật là chính xác!

Cô cũng biết tôi đang ngắm môi cô nên mặt cô đỏ dần, mắt cô long lanh như sáng hẳn lên. Xà lim im vắng, chỉ còn hai người. Tôi không hiểu sao mình lại "bạo" thế! Tôi cứ nhìn trân trân vào đôi môi đỏ mọng của người con gái trước mặt, mà thấy người mình như nóng dần lên. Nhưng, chợt một ý tưởng thoáng qua trong óc đã như một gáo nước lạnh, dội vào trái tim đang bốc lửa. Tôi chợt nghĩ đến thân phận hiện tại của mình: Một tên tù trọng phạm, một tên tối phản động, một kẻ thù không đội trời chung của "giai cấp công nhân" mà bọn Cộng Sản đã lừa bịp nhận là giai cấp của chúng; tù đầy, gian khổ trước mặt còn dài, chưa biết sống chết thế nào. Trong khi đó, người con gái đứng trước mặt tôi đây, cô y tá này đã được sinh ra và lớn lên trong một chế độ Cộng Sản, được đảng của chúng giáo dục và uốn nắn; nhất là được đưa vào đây, một nơi hàng ngày tiếp xúc với đầy dẫy những phần tử "phản cách mạng"; vậy, cô ta phải là người được đảng tin cậy lắm, đã trải qua bao nhiêu thử thách của đảng, mới được vào làm việc trong Hỏa Lò. Có thể, biết đâu, cô ta lại chẳng là công an? (có lần, tôi đã thấy cô mặc bộ đồ vàng của công an!). Hơn nữa, cô lại không phải là xấu, ở trong một môi trường mà chung quanh ngoài hàng nghìn tù nhân ra, còn hàng trăm công an vũ trang và cán bộ. Cô như một con chim họa mi độc nhất, nhởn nhơ bay lượn trước hàng nghìn cặp mắt đắm đuối ngất ngây chiêm ngưỡng. Như thế, về phía cô, khi nào cô lại chú ý đến một tên tù như tôi! Còn tôi, tôi cũng có lòng tự trọng, tôi không thể thích cô được: Cô là người của bên phía… kẻ thù.

Tôi không thể mơ hồ nữa! Hai trận tuyến, hai đường đi riêng biệt, mỗi phía đều có những hàng rào kiên cố riêng của nhau. Sau những nỗi niềm ngang trái đó, tôi lạnh lùng lên tiếng:

- Cô cho tôi xin lại cái điếu!

Thái độ của tôi thay đổi đột ngột, khiến cô hơi ngỡ ngàng. Mắt mở to nhìn tôi, tay cô nâng chiếc điếu lên cửa sổ rồi đưa vào. Tôi đưa tay cầm lấy chiếc điếu, không dám kéo mạnh vào, trong khi cô cũng chưa buông hẳn ra. Hai bên cứ cầm như vậy một lúc như giằng co, như ngập ngừng, bốn mắt nhìn nhau không nói một lời. Vừa lúc ấy, có tiếng động nhẹ ở ngoài sân, cô buông chiếc điếu và khẽ đóng cửa sổ lại.

Sáng hôm sau, khoảng 10 giờ, các buồng còn đang ra đổ bô, cô Vân đã vào cho thuốc một số buồng báo cáo xin hôm trước. Vì đã có những ý nghĩ như hôm qua, nên tôi chẳng muốn gặp cô để xin thuốc nữa. Tôi vẫn cắm cúi đi bách bộ trong buồng, chờ giờ ăn cơm, mặc cho các buồng cứ râm ran xin thuốc, xin ăn cháo… Mãi một lúc, yên ắng, tôi tưởng cô y tá đã đi rồi; nhưng lại thoáng nghe có tiếng nói chuyện ở ngoài bàn trực. Tôi lắng tai. Giọng cô Vân, vậy là cô vẫn còn đấy.

Tôi đang sốt ruột. Nhà bếp đã đưa cơm lên rồi, sao mãi vẫn chưa thấy tên Dư mở cửa cho các buồng ra lấy cơm? Có tiếng dép lẹp xẹp đi vào. Đột nhiên, cửa buồng tôi mở. Tôi ngỡ ngàng và hơi băn khoăn, không hiểu tên Dư lại mở buồng tôi làm gì. Nếu cho lấy cơm, y phải mở dần từ các buồng đầu, có đâu lại vào mở buồng tôi ở giữa trước? Tôi đứng yên ngập ngừng nhìn y như muốn hỏi, y nói:

- Anh ra ngoài gặp cô Vân!

Như mọi lần, y vẫn nói bằng giọng nhỏ nhẹ, đủ nghe, nên tôi tưởng mình nghe lầm, chỉ khẽ "dạ" một tiếng như mọi khi, sau khi cán bộ nói, những vẫn đứng yên. Y phải nói lại lần nữa, tôi mới ăn chắc, thong thả đi ra ngoài bàn trực.

Không hiểu sao, gặp ánh mắt cô Vân nhìn, tôi phải cúi xuống nhìn đi chỗ khác. Ánh mắt như có điện! Tôi quay nhìn chỗ khác mà như chả nhìn thấy cái gì. Tên Dư cũng đã ra theo, đang đứng phía sau lưng tôi. Cô Vân mở một gói giấy trên bàn, vừa nói chậm rãi:

- Thấy cơ thể anh bị suy nhược, tôi đã làm phiếu đề nghị để anh được tiêu chuẩn bồi dưỡng một tuần. Mỗi ngày hai hào, như vậy anh được một đồng tư. Tôi đã nói với bác Dư ở đây, thông cảm với đề nghị của anh. Tôi mua cho anh một gói thuốc lá "Trường Sơn" với một bao diêm, còn bao nhiêu, tôi mua kẹo và bánh ngọt cho anh.

Nghe cô nói, tôi cảm thấy như tôi đang được trèo lên cây măng cụt đầy quả chín lại Lái Thiêu, Bình Dương ở miền Nam vậy. Tôi vừa lâng lâng ngụp lặn đong đưa trong hương sắc ngọt ngào, của mùi trái chín gọi mời, vừa ngạc nhiên cùng độ: Tại sao mình lại được trèo lên cây măng cụt chín ở miền Nam lúc đang ở tù như thế này? Thành ra, tôi như người mất hồn, nửa tỉnh nửa mê, ngơ ngẩn dại cả người ra. Mãi tới lúc tên Dư giục:

- Đem vào buồng, rồi ra lấy cơm luôn!

Như người máy, tôi mới ôm các thứ đi vào. Chẳng còn nhớ tới cả lời cám ơn, chỉ vì lúc ấy hai cánh mũi của tôi như bị hút chặt bởi mùi ngan ngát của thuốc lá, mùi chua chua mằn mặn của những chiếc kẹo chanh. Mùi kẹo này làm nhức ngứa trong đáy mũi, làm tuyến nước miếng như mở toang ra, để nước chảy đầy mồm. Tôi như người không hồn, chạy như con gà trống đuổi mái ra phía để chõng cơm, với tay múc đại một gáo nước, rồi cầm một bát cơm vào buồng. Chắc hẳn cả tên Dư và cô Vân đều toét miệng cười, khi trông thấy cử chỉ lính quýnh, loáng quáng của tôi.

Bữa cơm hôm nay, không hiểu sao tôi chẳng thấy ngon lành gì cả. Có lẽ tại bao nhiêu tâm tư mình đều để cả vào gói giấy báo, đang nằm cồm cộm một đống cạnh cái cùm kia. Tôi thấy nôn nao không dằn lòng nổi, dù đang ăn dở bát cơm, tôi cũng buông xuống. Rồi, một tay dằn ngửa gói giấy, một tay mở banh ra: Thuốc lá, bánh ngọt, kẹo… nằm một đống, tênh hênh. Tôi lại cầm bát cơm lên, vừa ăn vừa nhìn. Hết ngoẹo đầu sang phía bên này ngắm nghía một lúc, lại nghiêng đầu sang phía bên kia. Đã 5 năm rồi, bây giờ mắt tôi mới được nhìn cái kẹo gói ra làm sao. Thì ra mầu nó xanh xanh như vậy đấy. Thế thì, vị của nó như thế nào? Chỉ một chốc nữa thôi, tôi sẽ biết.

Lúc trả bát, cô Vân đã ra về từ lúc nào rồi, tôi cũng chẳng biết. Trả bát xong, cửa buồng đã đóng lại. Tôi súc miệng, rồi trang trọng ngồi xếp chân bằng tròn, cầm bao thuốc lá đưa lên mũi hít hít, lại bỏ xuống. Cầm một chiếc kẹo đưa lên mũi, hít hà một lúc, lại tới chiếc bánh ngọt. Nước miếng tôi đã chảy ra đầy cả miệng, nhưng tôi cương quyết chưa ăn. Tôi cứ nghiêng ngó, hết cầm cái này, lại nhặt cái kia. Có ai hiểu được nỗi vui mừng, nỗi hân hoan trong lòng tôi lúc này như thế nào? Tôi có cảm giác tất cả mọi tế bào, mọi bộ phận của cơ thể tôi đều đã như đứng hết cả dậy, từng đôi một, đang dìu nhau nhún nhẩy trong một khúc nhạc được mùa. Tôi thông cảm với chúng.

Mới nhẹ bóc cái kẹo ra, tôi đã nghe cuống họng mình vang lên những tiếng kêu, như tiếng suối róc rách chảy lưng đồi. Nhìn viên kẹo xanh xanh óng lên như viên bích ngọc, tôi khẽ đặt mấy đầu ngón tay run rẩy của mình lên viên ngọc lưu ly ấy. Nhẹ nhàng cầm viên ngọc lên, tôi tưởng như làn da của ngón tay mình đang nếm trước được vị ngọt ngào, thơm đến suội người ra đó. Cầm viên kẹo để chạm nhẹ vào môi, tôi dừng lại một chút, cố tưởng tượng xem cái vị ngọt của kẹo nó như thế nào, trước khi cho vào miệng. Tôi không thể tưởng tượng được! Mới có 5 năm mà tôi đã quên tiệt. Năm năm này, tôi không được nếm một tí đường lần nào. Không tưởng tượng lại được vị ngọt thì bây giờ ta cho mi biết! Tôi bỏ chiếc kẹo vào mồm nghe đến "xèo" một cái, tưởng như cho con cá vào chảo mỡ nóng đang sôi. Tôi đổ vật nằm ngửa xuống sàn, mắt nhắm lại, lịm người đi. Trong mồm, lưỡi tôi cứ đẩy vào cái kẹo rồi lại rụt ra, xong lại đẩy vào, như người nhạc sĩ búng thử dây đàn. Trong cuống họng tôi hình như có trăm nghìn cái miệng bé tí đều há hốc ra, chờ giòng nước ngọt ấy chảy vào.

Chao ôi! Sao cái kẹo lại ngọt và thơm đến như thế, hỡi cuộc đời? Tôi xin đại diện loài người cảm tạ ông trời, ngài đã thương yêu loài người quá thế! Ai muốn nói thế nào thì nói, chứ tôi cứ xin trang trọng tuyên bố: Tôi rất sung sướng và tự hào làm loài người. Nếu có kiếp sau, tôi xin "đăng ký" một kiếp nữa, chứ chả như cụ Nguyễn Công Trứ xin làm… cây thông: "Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo"… đâu!

Hết cái kẹo, tôi ăn một cái bánh ngọt, rồi hút một điếu thuốc lá. Người tôi cứ dật dờ, như chiếc thuyền con trong một chiều lộng gió, ngoài cửa sông.

Mãi đến lúc này, tôi mới nhớ tới… cô Vân. Mà lạ thật, tôi có đề nghị cô cho tôi bồi dưỡng, bồi diếc, hay mua cái này,

cái kia cho tôi đâu! Điều này là hoàn toàn do… cô. Vậy mà khi nãy, cô lại nói trước mặt tên Dư: "Theo anh đề nghị…". Chính cái điều này, cái điều tại sao cô lại phải "không" thẳng thắn như vậy, phải chăng?…, hay là…? Nếu như thế… thì thực là khó hiểu!

Buổi trưa hôm đó, tôi đang nằm lim dim cặp mắt để mặc cho thân xác nổi trôi với thuyền, với nước, thoáng nghe có tiếng động khẽ ở cửa. Tôi mở mắt ra nhìn, rồi vội vàng bò nhỏm dậy, đi ra sát cửa sổ con. Cô Vân đang đứng đấy, không nói một lời, mắt nhìn tôi đăm đăm. Vẫn hai ngón tay trắng muốt vịn vào trong song cửa, hờ hững. Tôi nhìn hai mắt cô, rồi nhìn hai ngón tay của cô để trên mép dưới cửa sổ. Xà lim vắng lặng lạ thường. Hai mặt gần nhau đến độ, tôi ngửi được cả hơi thở của cô. Tôi nhìn thấy rõ những sợi lông tơ, ở trên mép của cô. Vài sợi tóc buông lơi, theo từng cơn gió nhẹ đẩy đưa, vật vờ quấn vào những chấn song cửa sổ. Môi cô mấp máy như nói điều gì đó, nhưng tôi không nghe thấy tiếng.

Trong cái giây phút ngàn đời, tay tôi như muốn đưa lên đặt vào hai ngón tay trắng muốt ấy, chỉ cách mặt tôi chừng 7, 8 phân. Tôi đã cố gắng mấy lần, nhưng sao tay tôi như cứng ngắc, nặng như cánh tay sắt. Tôi không làm sao có thể nhắc tay lên được theo ý mình muốn.

Một tiếng nói như ở đâu, rất xa:

- Anh đã hút thuốc chưa?

Tôi bàng hoàng, ngập ngừng, nói mà không suy nghĩ:

- Trong xà lim buồn, tôi thích hút thuốc lào hơn.

- Anh đừng hút thuốc lào nữa!

Tôi ngút ngắc như ý mình vẫn giữ, nhưng không nói ra lời. Nhìn chiếc túi áo sơ-mi của cô cứ động đậy, gồ lên, thụt xuống, hồn tôi như bay đâu mất.

Chỉ nói được mấy câu, rồi hai người lại đứng yên, chả biết nói gì. Một lúc, tự nhiên cô nói trống không:

- Bây giờ phải xuống chợ Hôm!

Tôi muốn hỏi: "Xuống chợ Hôm làm gì?", nhưng chưa dám, cô đã gật gật cái đầu như chào, hai mắt cô chớp chớp lia lịa, tay cái cửa sổ nhỏ lại. Cô đóng cửa sổ xong, đi ra rồi, tôi vẫn còn đứng ngây như người gỗ.

Bao nhiêu câu hỏi, thắc mắc trong đầu chưa được trả lời. Có phải cô có cảm tình với tôi chăng? Tôi chưa thể kết luận được, phải chờ xem đã. Tôi quay vào, lấy một điếu thuốc nữa ra hút, để nghe: Tiếng đời xua động! Để cho: Vống lòng đu đưa!

Chương 72

Người bạn tù …"Lôi Hổ"

Chiều hôm đó, sau khi cơm nước, trả bát xong, trời đang nắng tự nhiên tối sầm lại. Mới 4 giờ chiều mà tưởng như trời sắp tối. Có những tiếng ầm ầm, ì ì như cối xay lúa ở xa xa, càng lúc càng rõ dần. Bây giờ như có mấy xe lửa đang chạy trên trời, suốt từ Đông sang Tây, rồi từ Nam lên Bắc. Trời đang chuẩn bị mưa lớn.

Bỗng một làn chớp xanh lè, rồi một tiếng nổ xé tai làm rung chuyển cả Hỏa Lò. Trên mái, đã nghe thấy những tiếng lộp độp của những hạt mưa thưa. Càng lúc, tiếng lộp độp cành mau hơn. Thỉnh thoảng vẫn có những làn chớp lóa mắt, kèm theo những tiếng nổ lúc xa, lúc gần. Bỗng, tôi chợt nghe lẫn trong mưa gió tiếng gì… đầu tiên như tiếng sáo diều, rồi mỗi lúc một to dần, để cuối cùng thành tiếng… còi hụ báo động!

Tôi như choàng tỉnh khỏi một cơn mơ, khi những tiếng nổ rền như bắp rang của súng đạn: những tiếng "pọp, pọp, pọp…" của trung pháo, tiếng "cùng, cùng, cùng…" của đại liên, tiếng "ùng ục, ùng ục…" của đại pháo… Tiếng trung pháo nghe ngọt nhất. Lúc đầu, tôi còn phân biệt rõ được từng loại pháo; nhưng sau thì lộn tùng phèo! Tiếng sấm, tiếng sét, tiếng bom, tiếng súng, tiếng tên lửa, tiếng mưa rơi…rối rít tít mù! Tôi chả còn biết đường nào mà rờ nữa. Tôi đứng thẳng lên trên sàn, dựa vào cửa sổ lớn nhìn ra sân xà lim, vừa nhìn mưa rơi, vừa nghe súng nổ.

Thế này là, các anh phi công đã lợi dụng những đám mây đen, lợi dụng trời mưa gió, sấm chớp để vào Hà Nội. Phải nói, trận này các anh đánh thật đẹp. Nhưng, như tôi đã trình bầy, các anh đánh để có công tác vậy thôi, chứ các anh có đánh gấp đôi như vậy, cũng đừng hòng Cộng Sản thay đổi thái độ, hoặc theo ý các anh. Đánh miền Bắc! Không sử dụng quân bộ thì không có cách thứ hai để giải quyết đâu!

Sau gần một tiếng đồng hồ, trận không tập mới dứt. Cùng lúc đó, trận mưa của đất trời cũng tạnh. Sau cơn mưa, trời lại sáng; nhưng sau cơn bom, chắc bên ngoài Hà Nội đang có nhiều chỗ có tiếng than khóc, xen lẫn tiếng rên la. Trong chiến đấu, tất nhiên là phải có máu chảy thịt rơi rồi.

Không khí sau trận mưa dìu dịu mát. Tôi vẫn bần thần dựa đầu vào lưới thép cửa sổ, dõi mắt nhìn những chiếc gương to, nhỏ nhiều hình thù khác nhau để ngửa, rải rác khắp đó đây trên mặt sân. Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ lướt qua làm những tấm gương nhăn mặt, như cáu giận nàng gió lả lơi cợt đùa.

Đứng mãi một thế, mỏi chân. Tôi vừa quay người lại, định chuyển thế đứng thì mắt tôi nhìn thoáng qua khung cửa sổ buồng số 5. Một bộ mặt tai tái, với đôi mắt sáng lên vẻ mừng rỡ khi nhìn thấy tôi. Tôi mỉm cười và giơ tay làm hiệu chào người bạn xóm giềng, chứ lúc này lòng tôi đang ngổn ngang nhiều nỗi, chả còn thiết trò chuyện linh tinh. Tôi làm hiệu chào, định không nói chuyện, nhưng rồi tôi lại đổi ý. Tôi ra hiệu tay cho anh biết cách thức, rồi viết cho anh như kiểu tôi thường "nói chuyện" với chị Bắc trước đây. Tôi hỏi:

- Bị bắt lâu chưa?

Anh cũng viết trả lời:

- Bị bắt 4 tháng rồi.

Tôi hỏi tiếp:

- Mới về đây hơn nửa tháng, vậy mấy tháng trước giam ở đâu?

- Xà lim, ở trại giam Thanh Trì, Hà Nội.

Như thế, Hà Nội lại còn một trại giam nữa ở Thanh Trì, tôi nghĩ thầm, rồi tiếp:

- Trước ở đâu?

- Ở Sài Gòn, bên Chợ Lớn!

Tôi giật mình, hỏi tiếp:

- Tội gì?

- Lực lượng Biệt Kích "Lôi Hổ"!

Chà! Lại một đồng chí, một chiến hữu nữa! Tôi mừng rỡ, hết hẳn vẻ mỏi mệt hỏi tiếp:

- Nhảy ở đâu?

- Vùng giải phóng, chiến khu "D" (tức miền Nam).

_____-

Sau cuộc nói chuyện, tôi biết sơ lược về anh như sau:

Anh tên là Lưu Nghĩa Lương, 24 tuổi, người Việt gốc Hoa, ở số 276 đường Bà Hạt, Chợ Lớn. Anh đi một toán gồm 6, 7 người, trong đó có một người Mỹ làm cố vấn. Nhảy trực thăng vào một vùng trong chiến khu "D" để tìm dấu vết địch. Anh đã nhảy nhiều lần. Lần này, không may rơi vào ổ phục kích Cộng Sản. Trong lúc bất ngờ tán loạn, mỗi người chạy thoát thân mỗi nơi. Riêng anh, sau 2, 3 ngày lang thang trong rừng, cuối cùng bị chúng vồ được và giong anh ra miền Bắc…

Khi đã biết Lương là người của Sài Gòn, tôi cũng không giấu và cho Lương biết sơ lược sự thật về tôi. Lương rất mừng rỡ, xưng em và coi tôi như một người anh. Vì Lương vẫn còn phải thỉnh thoảng đi cung, nên với những kinh nghiệm sẵn có, tôi góp ý cho Lương một số vấn đề để khắc phục bớt những nhược điểm của mình, cũng như nhìn rõ một số yếu điểm của đối phương, tức là chấp pháp. Tôi cũng kể lại cho Lương nghe sơ qua về trường hợp rất đáng thương của chị Bắc. Mãi gần về cuối cuộc nói chuyện, Lương có vẻ ngập ngừng viết:

- Cô y tá Vân "mết" anh lắm rồi!

Tim tôi bị bóp nhẹ, vội vàng tôi hỏi ngay:

- Lương thấy thế nào, lại nhận định như vậy?

Lương nói là đã mấy lần trèo lên cửa sổ, nhìn phía sau lưng cô ấy, khi cô ấy đi vào nói chuyện với tôi.

Thật không ngờ. Tôi cũng tiếc, nếu biết Lương là người của mình, tôi đã nói chuyện với Lương ngày từ đầu rồi. Chắc chắn, Cộng Sản không hề biết được phương pháp liên lạc "viết" này. Nếu chúng biết, chả khi nào chúng lại giam Lương và tôi đối diện với nhau.

Tôi cũng nói thật những suy nghĩ của mình về cô Vân: Về một mặt nào đó, cô Vân cũng chỉ dưới mắt mình thôi, chúng ta coi khinh. Khinh ở đây là giữa địch và ta, giữa hai luồng tư tưởng hoàn toàn đối nghịch nhau. Nhưng, trong trường hợp này, phải nói, cô ta chẳng bao giờ thèm để ý đến những người như chúng ta. Chúng ta đã thất bại, rơi vào tay chúng rồi, hãy cam phận là một tên tù, đừng chơi vơi mà mang nhiều tủi hận.

Ngược lại, tôi không hiểu Lương căn cứ vào đâu lại dám có ý kiến khác hẳn. Nào là, theo Lương thấy, cô Vân rất hách dịch, đã cùm bao nhiêu người rồi; ngay cả số 4 cạnh buồng Lương, anh chàng có vẻ học thức thế mà cô ta

cũng tố cáo với Dư, để anh chàng phải cho chân vào "cạm". Nhưng riêng với tôi, cô ta lại đối xử khác hẳn. Vả lại, nhiều buổi trưa, cô ta vào đứng nói chuyện với tôi. Nào là, Lương bảo đảm cô Vân đã để ý nhiều đến tôi. Lương đề nghị là trong hoàn cảnh tù đầy như thế này, tôi hãy cứ tiến tới, lợi dụng để cho đỡ buồn cảnh sống, trong xà lim hoang vắng âm u.

"Nói" chuyện với Lương, tôi thấy lòng len lén dâng lên một thứ tình cảm thân thuộc ấm cúng. Vừa là đồng chí, vừa như tình anh em. Tôi hỏi Lương có hút thuốc lá không? Mắt Lương sáng lên như ngọn đèn mờ sắp tắt, lại được đổ thêm dầu. Lương nói là từ ngày bị bắt đến hôm nay, thèm một điếu thuốc kinh khủng mà chưa hề có một hơi thuốc lá nào cả, chứ đừng nói là một điếu.

Buổi tối hôm ấy, sau khi xác định là không có cán bộ, tôi liền làm theo cách thức đưa kim cho chị Bắc trước đây. Lần này, tôi nối lại thành hai dây do bốn sợi chỉ chăn, mỗi sợi dài khoảng hai mét. Tôi cột một mẩu cuống chổi vào một đầu chỉ, rồi búng mạnh sang sát cửa buồng của Lương. Lương lấy một cọng chổi thanh hao có móc ngoéo ở đầu, luồn ra qua khe cửa, móc kêu sợi chỉ vào. Đầu bên này, tôi đã buộc sẵn những điếu thuốc lá, diêm và 3, 4 cái kẹo. Tôi và Lương chỉ việc lựa, lần tay kéo về. Làm kiểu này, chúng tôi tha hồ chuyển cho nhau những vật theo ý mình.

Trong lúc chuyển kéo dây, tôi chợt nhớ đến chị Bắc. Một nỗi buồn thương cảm dâng đầy, nặng trĩu trong lòng. Nếu bây giờ chị còn ở đây, bao nhiêu kẹo bánh, tôi sẽ chuyển sang cho chị bồi dưỡng hết. Tôi chỉ ăn mỗi thứ một cái thôi, để gọi là biết mùi, còn thì hút thuốc lá.

Lương cảm ơn tôi rối rít và càng giục tôi tiến tới, để anh em có kẹo, có thuốc hút. Thấy Lương nghĩ và nói như vậy, tôi cho là Lương chủ quan, nghĩ chuyện đời quá đơn giản. Chứ theo tôi, sự việc chẳng phải dễ dàng. "Người ta" có lập trường giai cấp của "người ta" chứ!... Tuy nhiên, những lúc nằm không, tôi cũng đã vẩn vơ suy nghĩ: Hơn 5 năm trời ở xà lim, đã mấy lần tôi tưởng không còn thể sống được nữa; khi tấm thân tôi phù thũng, khi thì người như con cá khô, chỉ còn da bọc xương; chả khi nào nghe thấy ai nói chuyện "bồi dưỡng"; vậy mà bây giờ tự nhiên lại có chuyện như ở trên trời rơi xuống đất thế này! Nhất là dạo này, sau gần hai tháng ăn thêm được một phần cơm của chị Bắc, người tôi lại có xương, có thịt nhất kể từ khi vào tù. Rồi, đôi mắt cô Vân tại sao lại nhìn tôi thế? Tại sao, buổi trưa cô hay vào mở cửa sổ nhỏ buồng tôi nói chuyện? Với bao nhiêu câu hỏi tại sao, chẳng câu nào tôi trả lời rõ ràng được.

Buổi tối nay, không biết là rằm hay 16 của tháng cuối Hạ, đầu Thu, mà trăng thật sáng? Mảnh trăng tròn vành vạnh như thách đố, với những đám mây đen nặng chịch, đang bò lổm ngổm như những con sâu róm từ hướng Đông về hướng Tây Nam trên nền trời tím xậm.

Tôi đang đứng ngắm trăng để hồn say sưa, dập dờn bay đây đó, chợt cổng xà lim mở rộng. Tôi thụt ngay người xuống, nhưng mắt vẫn còn thoáng nhìn thấy một mái tóc xõa tung, buông dài, với cánh tay trần cắp chiếc thau men. Cô Vân tối nay lại vào tắm. Chẳng hiểu sao, tôi thấy tim mình đập mạnh và nhanh hơn.

Tôi ngồi xuống sàn, không dám đứng lên nữa. Nghe tiếng mở cửa nhà tắm, rồi tiếng nước chảy, người tôi tự nhiên nóng dần lên như vừa nhắp một chú rượu đời. Lạ thật! Tôi thật là lẩm cẩm. Tại sao mình lại như vậy? Tôi chẳng còn hiểu nổi ngay chính mình nữa! Lý trí đã hiện rõ hai chữ "không được", vậy tại sao còn lẩm cẩm hão huyền?

Tôi nằm xuống, chuẩn bị những đồ chống muỗi, đi ngủ. Tôi muốn đi vào giấc ngủ ngay, nhưng trong khi tôi nằm nhắm mắt, tiếng nước chảy, tiếng động của chiếc thau men xát xuống mặt nền xi măng cứ như cào vào đầu, làm người tôi rần rận nóng lên, thì làm sao tôi ngủ cho nổi. Nếu tôi có quyền, tôi sẽ không cho ai vào xà lim tắm nữa.

Dù tôi không muốn, nhưng tôi vẫn biết cô Vân đã tắm xong. Thậm chí, tôi còn nghe thấy cả tiếng động nhẹ của chiếc thau men để lên bàn trực nữa. Im ắng, không có tiếng bước chân ra cổng xà lim. Tôi vẫn nằm lì, nhắm mắt, cố

dỗ vào giấc ngủ. Mồm bịt kín trong chiếc khăn che muỗi, tôi vẫn lẩm bẩm nói với lòng: "Đừng chơi vơi nữa thuyền ơi!"

Đột nhiên, một tiếng quát giật giọng của cô Vân từ phía ngoài sân xà lim:

- Anh kia, đứng lên làm gì?

Rồi tiếng bước chân vội vã, xền xệt từ ngoài sân đi vào. Tiếng cửa sổ nhỏ buồng 14 nghe "xoạch":

- Anh nào vừa đứng lên?

Tiếng một thanh niên:

- Xin cô bỏ qua cho, tôi thấy trời sáng trăng đẹp, nên vừa đứng lên.

Tiếng chỏng lỏn, rấm rẳn:

- Mai anh sẽ nói như thế với cán bộ trực ở đây này!

Tiếng cửa sổ nhỏ đóng mạnh, tiếng bước chân đi ra, rồi lại im ắng. Như thế, hẳn cô Vân đang đứng ở sân. Tôi đã buộc người để đi ngủ; tôi đã cưỡng lại với lòng mình; đến nỗi bỏ cả một buổi trăng tròn cuối Hạ. Thế nhưng, tôi vẫn không ngăn được giòng tư tưởng của mình: Cô này "hắc" thật, con gái gì mà dữ thế! Được! Để tôi thử khả năng quan sát của cô, xem cô nó bắt được tôi không? Đặt giả thuyết, nếu cô ta bắt được, cũng đành một tuần bị cùm để dứt chuyện "chơi vơi".

Nghĩ vậy, tôi liền ngồi bật dậy, tụt đầu, tụt tay, tụt chân ra khỏi đồ nghề chống muỗi. Vuốt lại đầu tóc một tí, rồi tôi lựa thế, ngửa hẳn mặt lên trần, và từ từ nâng mặt lên sát mép cửa sổ.

Ngoài sân là một bức tranh tuyệt vời. Dưới ánh trăng huyền ảo của đêm Hè là một thiếu nữ đang độ xuân thì, căng đầy nhựa sống. Da cô đã trắng, cô lại mặc chiếc quần đen ống nhỏ bó sát, làm lẳn lên đôi chân thuôn dài. Chiếc áo lót mùa Hè cũng màu đen làm nổi bật đôi cánh tay trần và chiếc cổ dài lấp loáng trong làn tóc mây. Hai cánh tay như hai thỏi sáp thỉnh thoảng lại uốn éo, hất, hong mái tóc huyền trong gió dưới trời trăng. Mấy cành bàng nhỏ trĩu lá xanh lắc lư theo gió, nhiều lần sà xuống như muốn vuốt ve, chiêm ngưỡng một tuyệt tác thiên nhiên. Dăm chiếc lá bàng khô mãi từ góc sân đàng xa đang rủ nhau mượn gió lăn dần về phía bóng giai nhân. Một mùi nồng, ngậy, ngòn ngọt của thịt da quyện vào mùi ngai ngái của lá hô, của rêu mốc làm cho trong mũi tôi ngứa lên như có rận bò. Tôi tiếc rằng lúc này phải chi mình là một nhà thơ, một họa sĩ, hay một nhà văn để tôi tả, tôi vẽ được đủ nét bức tranh "trăng tròn đêm Hè" này.

Thỉnh thoảng, cô Vân vẫn nghiêng nghiêng cái đầu, nghênh ngó đưa mắt nhìn suốt lượt các cửa sổ lớn của xà lim trông ra ngoài sân, vậy mà cô chả nhìn thấy tôi. Điều này, càng chứng tỏ phương pháp của tôi là hữu hiệu, an toàn (có thể sau này sẽ có lúc cần thiết tôi phải dùng đến). Tự nhiên, một ý tưởng ngông cuồng thoáng đến trong óc tôi:

"Cứ đứng thẳng người lên, nhìn đường hoàng, cho cô nàng thấy, xem thử thái độ của cô ra sao?". Chẳng hiểu do từ nguồn thúc đẩy nào làm tôi "dũng cảm" thế! Tôi nhô đầu lên, tựa trán vào lưới thép, nhìn cô.

Đôi tay của cô vẫn trải dài, buông lơi để hong những lọn tơ huyền, tôi hơi hồi hộp, đợi chờ. Kìa, cô đã ngửng lên. Mặt cô hướng về cửa sổ buồng tôi. Tôi chờ... một tiếng quát để cắt đứt "mối tơ vương" không nhằm chỗ của mình. Nhưng không, cô mở to mắt nhìn tôi, hai cánh tay cô ôm chặt vào ngực, cứ tưởng như không mặc áo. Đôi môi cô

mấp máy, rồi nở thành một nụ cười! Rồi, cả cặp mắt của cô như cũng cười theo nữa!

Dưới ánh trăng, xà lim càng vắng lặng, bốn mắt cứ nhìn nhau, im lặng. Một cơn gió thoảng qua, những chiếc lá bàng run rẩy đập vào nhau gây lên những âm thanh rì rào, xào xạc. Tay cô vẫn ôm ngực. Tôi lúc này, người cũng đờ ra như tượng gỗ. Hình như có một sức hút ngấm ngầm nhưng rất mạnh đâu đây, đã từ từ kéo cô từ sát tường phía bên kia tiến dần, tiến dần đến phía dưới cửa sổ buồng tôi! Bây giờ, cô và tôi chỉ còn cách nhau chừng hơn một mét. Một đám mây đen kéo đến che lấp mặt chị Hằng. Cả người cô Vân đổi thành màu xám xậm; nhưng đôi mắt của cô lại ánh lên như hai vì sao nhỏ long lanh. Một tay cô bỗng giơ vào quãng không về phía tôi. Môi trên của cô cong rướn lên, người cô như muốn xiêu đổ về phía cửa sổ tôi đang đứng. Bàn tay tôi cũng tự dưng chậm chạp đưa lên, run rẩy, quờ quạng xoa lên tấm lưới thép.

Phút này thật là nguy hiểm. Nếu có một cán bộ từ ngoài cổng xà lim đi vào, ăn làm sao, nói làm sao bây giờ đây? Chẳng biết rồi chuyện gì sẽ xảy ra? Có lẽ Vân cũng chợt cảm thấy như vậy. Có thể dăm phút vừa qua, hai linh hồn đã thoát xác bay bổng, bây giờ mới gọi nhau trở về nhập vào hai tấm thân. Cô bàng hoàng như sực tỉnh một giấc mơ, quay vào bàn trực lấy cái thau, rồi từ từ đi ra cổng. Đến cổng, cô còn ngoái lại, đứng nhìn tôi một lúc, rồi mới khép cánh cổng, ra về.

Tôi quay vào, đứng lên sàn, nhìn sang buồng số 5. Lương viết nói với tôi:

- Khi nãy cô Vân quát, em tưởng cô ấy quát anh em lo quá chừng. Sau, biết là số 14, em mới an tâm. Có thế chứ! Hôm nào anh cứ thử đứng lên nhìn cô ở ngoài sân xem sao?

Tôi chả muốn cho Lương biết chuyện vừa rồi, vì lại phải dài dòng kể lể nên tôi chỉ gật đầu nói là để xem sao. Lương động viên, khích lệ tôi. Đang nói chuyện với Lương, tai tôi thoáng nghe có tiếng dép đi nhẹ ngoài sân, liền vẫy tay ra hiệu cho Lương ngồi xuống. Một lúc sau, qua cách mở cửa và tiếng "đẳng hẳng", tôi biết là tên cán bộ Kế, chuẩn úy người miền Nam, đi kiểm tra nhận ca trực đêm. Vậy cũng đã 9 rưỡi, 10 giờ rồi, tôi lại chuẩn bị các "thủ tục" chống muỗi để đi ngủ.

Tôi nằm nhắm mắt, nhưng đầu óc vẫn cứ vương vấn với những hình ảnh vừa qua. Chuyện này cũng thật gay go đây. Nhưng, như vậy thì lại càng hấp dẫn, lôi cuốn. Tôi và cô cứ phải giữ thế của mỗi người, phải lựa ý nhau, nay một tí, mai một tí, từ từ. Cô Vân có cái tự ái của một cán bộ, không phải một lúc mà cô có thể xé bỏ ngay được. Còn tôi, tôi cũng có lòng tự trọng của mình, không thể nài xin, và lại càng không được quyền tiến trước, như một chuyện tình cảm bình thường, mà phải đóng vai thụ động.

Có một điều khiến tôi cứ băn khoăn mãi không giải thích nổi. Đó là, không nói gì ở ngoài Hỏa Lò, hay trong ngành công an; mà ngay trong Hỏa Lò này, gần 200 công an vũ trang toàn loại thanh niên trẻ, thiếu gì người coi được, tại sao cô Vân lại để ý đến một tên tù trọng phạm? Về mặt lý trí, cô thừa hiểu, tôi có thể chết, không chết trẻ, cũng chết già trong nhà tù; tôi lại còn phải chìm nổi đọa đầy nơi rừng sâu, hay biên cương hẻo lánh… Vậy, cô còn "lắc lư" làm gì cho tím thẫm cả hai cõi lòng? Phải chăng, cô cũng không thoát ra được khỏi, cái chung của người đời là chỉ thích những chuyện…không bình thường?

Tôi cứ trằn trọc mãi, rồi thiếp đi trong giấc ngủ mờ màng. Bỗng tai tôi nghe có tiếng gọi rất nhẹ, nhưng thật rõ:

- Anh Bình ơi! Anh Bình!

Tôi bật nhỏm dậy, rút đầu ra khỏi bao, nhìn về phía cửa sổ nhỏ. Một chiếc mũi ghé, thò hẳn vào giữa hai cái song sắt của cửa sổ. Hai con mắt đen láy nhìn tôi đầy thương cảm. Tôi rút vội hai tay ra khỏi "bao tay", tôi tiến tới sát cửa sổ. Hai mặt thật gần nhau, một làn hương ngầy ngậy phả ra làm ngây ngất hồn tôi. Cô Vân nhìn tôi một lúc, rồi nói

trống không:

- Mãi không ngủ được!

Tôi chỉ yên lặng nhìn cô, và ngúc ngắc cái đầu, ý bảo cô đừng nói nữa, đừng lên tiếng nữa.Chẳng hiểu sao, bỗng hơi thở cô dồn dập, tay cô run run đưa cho tôi một gói thuốc lào, loại hai hào và một gói thuốc là Điện Biên. Cô nói thật nhẹ, thật khẽ vậy mà tôi vẫn cảm thấy làn hơi thở của cô thơm nồng, quyện trên mặt tôi:

- Anh hút ít thuốc lào thôi đấy nhé!

Lòng tôi đang xốn xang, hồi hộp nên chỉ gật đầu mà không thể nói lên lời. Tuy vậy, khi một ý định từ nãy chợt trở về óc tôi, tôi nói luôn:

- Mai đừng báo cáo ông Dư về buồng 14 nữa!

- Em không muốn các buồng họ nhìn. Nếu không thế, họ làm loạn xà lim lên ấy!

Trong thâm tâm, tôi thừa nhận ý kiến của Vân là đúng. Dù vậy, tôi vẫn nhắc lại một lần nữa:

- Ngày mai đừng báo cáo ông Dư về buồng 14!

Có lẽ vừa rồi, tôi đưa ý kiến một cách bất chợt, cô chưa phản xạ kịp nên xưng "em" một cách rất tự nhiên. Nhưng ngay sau đó, cô cũng thấy hơi ngượng ngùng, nên cô lại nói trống không. Khung cửa sổ nhỏ có 6 khoảng trống tạo bởi 5 song sắt. Ở hai khoảng trống chính giữa, hai đầu ngón tay trỏ và giữa của cô Vân vịn vào, như thể đỡ cả người cô đang cúi đầu sát cửa sổ. Tôi cũng để hai ngón tay trỏ và giữa của mình ở hai khoảng trống bên cạnh, mặt cúi sát gần mặt cô. Tôi hỏi cô một câu, cũng trống không:

- Mấy giờ rồi?

- 12 giờ rồi!

Cô cũng trả lời không có chủ từ, túc từ như trước. Chợt, cô nhấc hai ngón tay cuả cô lên, rồi vô tình, để lên hai ngón tay của tôi. Như có ma lực, tự nhiên hai ngón tay của tôi, cứ xoắn xuýt lấy hai ngón tay của cô.

Đêm khuya vắng lặng, không hẹn, cô với tôi cùng thở dài. Rồi cuối cùng, chả biết tự lúc nào, tay phải của tôi, đưa ngón tay trỏ ra bên ngoài để tay trái của cô cấm lấy; và tay phải của cô cũng đưa ngón trỏ vào để tay trái của tôi giữ. Cứ như vậy, chúng tôi "nắm" tay nhau. Bốn mắt nhìn nhau, chả nói một câu nào nữa.

Tôi và cô lúc này lại thả hồn lửng lơ bay khắp bốn phương trời. Không gian, thời gian, thế giới và cả xà lim đều tan biến. Cho đến khi có tiếng động bên ngoài cánh cổng xà lim, cô và tôi đều bàng hoàng bỏ tay nhau ra. Cô đóng lẹ cửa sổ rồi nhanh chân đi vào nhà tắm.

Cũng vừa lúc ấy, có tiếng chùm chìa khóa ném lên bàn trực nghe cái "xoảng". Một bóng người đi "tua" hết lượt qua các buồng. Cũng là lúc cô Vân trong nhà tắm đi ra. Có tiếng cô Vân:

- Chú Đại trực ca này à?

Giọng khàn khàn của ngan đực:

- Phải, cô còn thức khuya thế!

Không có tiếng trả lời. Tiếng bước chân cô Vân đã tới cổng xà lim rồi.

Hôm sau, Lương lại có nửa bao thuốc lá Điện Biên hút. Tôi cũng nói cho Lương biết là đã nói với cô Vân cho buồng 14. Ngày sau đó, khi Dư vào, rồi suốt cả ngày, chúng tôi cùng nghe ngóng xem thái độ của Dư với buồng 14 ra sao. Nhưng, vẫn im lìm, không có chuyện gì cả. Như thế, lời nói của tôi với cô Vân đã có tác dụng. Chắc hai anh ở số 14 cũng băn khoăn thấp thỏm không ít. Riêng anh bạn trẻ nào đó sẽ ngẩn ngơ, chẳng hiểu vì sao lại không bị cùm. Có thể anh sẽ nghĩ, biết đâu cô y tá đã đối xử đặc biệt với anh! Để rồi anh sẽ có những giấc mơ… hồng từng đêm.

Chương 73

Ân tình qua cửa …xà-lim

Vào một buổi trưa Chủ Nhật, tôi đang lúi húi lấy cái bàn chải đánh răng quệt cọ vào miếng xà phòng, lấy ít bọt để đánh răng, thì cô Vân lại vào. Cô mở cửa con rộng ra, cô thở hổn hển đứt quãng, mặt lấm tấm mồ hôi, tôi hỏi khẽ:

- Làm cái gì mà thở thế?

- Vừa đạp xe bên Gia Lâm về.

Cô vừa thở vừa nói ngắt quãng. Chẳng biết từ lúc nào, tự nhiên tôi bạo hơn:

- Lau mặt đi!

Cô có cái chiếc "mùi soa" trắng đang cầm trong tay, đưa lên mặt lau. Tôi hỏi tiếp:

- Sang Gia Lâm làm gì thế?

- Sang nhà con bạn. Nó hẹn mấy lần rồi.

- Quê Vân ở đâu?

- Hưng Yên.

- Vào ngành y tế lâu chưa?

- Mới ra trường được 6 tháng.

Cô nói rồi, ghé miệng sát khung cửa sổ, nói lẫn trong hơi thở:

- Mai là thứ hai, anh lật nắp bô lên, khạc đờm vào đấy. Anh lấy tăm chọc vào kẽ lợi răng lấy tí máu, rồi chấm vào giữa bãi đờm. Anh đưa ra báo cáo bác Dư là anh đau ngực, khạc ra như vậy.

Tôi chỉ biết gật đầu. Hôm sau, tôi làm như lời cô Vân nói, rồi báo cáo Dư. Tôi cũng tỏ vẻ buồn rầu, lo lắng là tôi mắc bệnh này, có lẽ chết; rồi cứ ôm ngực.

Khi cô Vân đến xà lim cho thuốc các buồng, Dư nói với cô Vân sao đó. Một lúc sau, mở cửa buồng tôi và cô Vân bước hẳn vào bên trong. Tôi cũng nói với cô, như đã trình bầy với Dư. Cô bảo tôi nằm xuống, rồi cô đặt ống nghe lên ngực tôi. Cô hỏi đau chỗ nào, khi tôi chỉ ở phía hai lá phổi, cô lấy tay đè đè, ấn ấn. Tôi vờ nhăn mặt đau, đưa hai tay lên đỡ ngực, thành ra cầm vào hai tay của cô. Cô vẫn để yên, miệng mỉm cười, cặp mắt long lanh. Trong khi đó, Dư vẫn đứng ngoài cửa, thỉnh thoảng mới nhìn vào.

Trước khi ra, cô nhìn khắp buồng tôi một lượt, chẳng có một cái gì cả. Cô cứ nhìn một chiếc dép Thái Lan và một chiếc guốc của tôi mãi. Chiếc dép cũng đã mòn nhẵn, nút rách chung quanh, và chiếc guốc đã vẹt hết gót, của ai đó bỏ đi, khi đi đổ rác thấy ở thùng, tôi nhặt về đi hơn hai tháng trước. Thành ra một chân dép, một chân guốc. Khi đi, chỉ có tiếng kêu "cạch…xẹt, cạch…xẹt" rất thưa, như bước chân của người đi nạng.

Hai hôm sau, tôi lại được "bồi dưỡng" kẹo và bánh ngọt nữa. Ý của cô là chả tiếc gì tôi cả, muốn mua cho tôi đôi dép mới, khăn mặt, xà bông, thuốc đánh răng, cái màn… nhưng không thể được vì tôi không có ai tiếp tế cả. Cô đã nghĩ nhiều cách nhưng đành chịu.

Tôi cũng chưa thấy cô hỏi về tội trạng, thân thế, của tôi. Qua dư luận các buồng, cô là cháu gọi tên Lê, thượng úy phó giám thị, là chú. Theo tôi suy đoán, cô đã tìm mọi cách để đọc hồ sơ của tôi, ít nhất cô đã rõ về gia đình cũng như tội trạng.

Sau khi cô đi ra, tôi ngẫm nghĩ, thật là buồn cười khi cả cô và tôi đều không nói và hỏi: Cô lấy tư cách gì để mua và lo tiếp tế cho tôi các thứ đó? Cả hai người, chưa hề có một lời nào về chuyện tình cảm mà! Thế ra vấn đề này cứ phải tự hiểu ngầm, và không thể được hỏi rõ ư? Thật, nhiều chuyện lạ trên mảnh đất lạ mới đi vào này!

Một buổi tối, tôi đang ngồi bô đi cầu, cửa sổ nhỏ khẽ mở. Tôi nhìn ra: Cô Vân. Tôi hơi ngượng nên mất tự nhiên. Cô đứng nhìn một lúc, rồi đóng cửa sổ lại, không nói một lời.

Cô đã bỏ đi; trong dạ tôi cũng hơi bâng khuâng, tiêng tiếc buổi gặp mặt đã mờ mờ có ý mong chờ này. Hai tay chắp sau lưng, tôi đang thả bách bộ 200 vòng thường lệ trong buồng, trước khi lên sàn đi ngủ. (200 vòng là 1600 bước, ít ra là khoảng 800 mét đường dài chứ có ít đâu). Tôi mới đi được 40 vòng, cửa con lại khẽ mở. Không hề nghe thấy tiếng bước chân. Lại đôi mắt đăm đăm ngơ ngác như ánh mắt con nai tơ, nhìn thấy con hươu gầy đơn độc vào một buổi chiều Xuân bên suối vắng. Đôi mắt vừa như e ấp rụt rè, thương mến, vừa như mơn man thèm muốn vào miền xứ lạ nhưng chưa biết nẻo đường. Như vậy, cô đã phải cố bước nhẹ để đi vào đây. Như bị sức hút ngầm của nam châm, tôi tiến đến và cúi sát vào cửa sổ. Mấy sợi tóc mai dài của cô buông lơi đong đưa, như những sợi tơ vàng ngất ngây vang tiếng nhạc. Một cơn gió nhẹ vô tình đẩy một lọn tóc vào trong song cửa. Những sợi tóc cứ mơn man trên má, trên mũi tôi. Một mùi ngan ngát ngọt lịm của thịt da phảng phất, làm tay chân tôi rần rần run rẩy. Hơi thở của cô dồn dập quyện mãi vào mặt tôi, làm người tôi run lên, mặt tôi nóng bừng. Hai tay tôi quờ quạng giơ lên chới với, rồi bấu chặt vào cánh cửa buồng. Một tiếng gọi khẽ lẫn vào trong hơi thở của cô:

- Anh ơi!

Tiếng gọi khẽ, hổn hển, mơ hồ như tiếng chim đêm gọi bạn. Hồn tôi lảng vảng, dập dờn vào xứ mộng.

Cô và tôi chỉ cách nhau một cánh cửa xà lim dày 4 phân, nhưng tôi cảm thấy như xa vời vợi, trùng điệp sơn khê. Cánh cửa giòng đời đã khóa chặt, như một con đê kiên cố, sừng sững, bắt một giòng chảy ra biển cả bao la, còn một giòng bị bẻ quặt lại, cho chảy vào hang sâu thăm thẳm mịt mùng.

Như choàng tỉnh một giấc mơ hoa, tôi phải gọi hồn tôi trở về. Lý trí đâu? Nghị lực đâu? Ngay từ giây phút ban đầu, hãy khóa chặt cửa lòng lại như cánh cửa xà lim này! Tôi quyết tâm lên tiếng trước, để đập tan cái không khí im lặng chết người này:

- Cô Vân, sao cô khó tính và hách dịch thế!

Bây giờ, đã 18 năm rồi, mà tôi vẫn như còn nhìn thấy rõ đôi mắt của cô Vân lúc ấy. Đang từ mầu hoa thiên lý, đôi mắt chuyển ngay thành mầu vàng của hoa bách hợp, ngơ ngơ, ngác ngác như tỉnh như say; thổn thức dâng đầy như trách oán giận hờn, đến nỗi tôi phải nói lại một lần nữa.

Mắt cô đỏ lên, rồi tràn đầy lệ, môi cô rung rung:

- Sao anh lại nói thế!

Một nỗi niềm xót xa chua mặn dâng lên làm nghẹn lòng, tôi cố nuốt xuống, giọng tự nhiên:

- Không phải tôi, một số đông các người ở trong xà lim ca thán.

Miệng nói như vậy, nhưng trong lòng tôi như đang có một trận công đồn tả tơi quyết liệt. Tôi hiểu rằng, cả cô và tôi đã phải mất bao nhiêu tâm sức, nghĩ suy, cân nhắc hơn 3 tháng nay, bao nhiêu công lao dọ dẫm, rụt rè, e ngại, lòng ướm thử lòng, để rồi leo dần lên ngôi lầu tình ái; thế mà, ngay trong giây phút "thiêng liêng" này, tôi lại nói ra những điều gì đâu… Tôi đã mạnh bạo dứt điểm, nhấc chiếc thang đưa lên ngôi lầu ngất ngây đó. Cô hỏi tôi đã có vẻ bực dọc:

- Anh nghe những buồng nào nói?

Tôi ra vẻ còn lạnh lùng hơn:

- Cô đừng hỏi tôi là buồng nào. Cô hãy tin tôi, là có nhiều buồng kêu ca. Cái đó không nói làm gì nữa. Điều chính yếu là cô có cảm thấy rằng cô đã quá khó tính, cô đã đi ra ngoài phương châm: "Y tế là người mẹ hiền" rồi không?

Cô nhắm mắt lại, hai giọt nước mắt nhỏ xuống bên ngoài cánh cửa, nhưng qua khe cửa dưới nền, mấy đầu ngón chân của tôi thấy thoáng lạnh ướt. Cô đã đóng cửa sổ nhỏ rồi. Phải chăng cô cũng thấy cần phải đóng cả cánh cửa lòng của cô nữa vì gặp phải… mùa gió chướng chăng? Tôi cũng thấy thật buồn. Tôi gọi Lương đứng dậy để tâm sự. Sau khi được tôi kể lại sơ lược câu chuyện, Lương phản đối quá chừng. Lương bảo tôi:

- Anh phải biết lợi dụng, không những cho anh, mà một phần nữa cho anh em trong xà lim dễ thở.

Tôi nói thẳng ý tôi với Lương là không thể được. Mình không có quyền làm buồn lòng một người con gái về một chuyện như vậy, một chuyện mà lúc tỉnh táo ai cũng thấy là không thể đi đến một kết quả nào cả. Tôi thú thật với Lương là chính lòng tôi cũng não ruột tái tê. Nhưng, thà dứt khoát như vậy, chỉ buồn một lần thôi, chứ dính líu vào còn tủi hận đáng cay, ê chề nhiều nữa; ảnh hưởng sang cả đầu óc, trên con đường đi tới của mình. Không lay chuyển được ý tôi, Lương cũng buồn.

Liền mấy hôm sau, cô Vân không thấy vào xà lim nữa. Có mấy buồng báo cáo với Dư để xin thuốc, nhưng cũng chẳng thấy cô lên.

Ngày đã dần dần ngắn lại, đêm càng kéo dài thêm. "Ngày tháng 10 chưa cười đã tối". Trời chuyển dần vào mùa Đông. Từ sau buổi ấy, cô Vân có vào mở cửa sổ nhỏ buồng tôi, lần nữa vào buổi tối. Nhưng, tôi vờ nằm im ngủ. Cô gọi 2, 3 lần không được nên đành bỏ ra về.

Một buổi trưa, tôi ngồi vá đụp thêm vào đôi "bí tất" để chuẩn bị cho mùa Đông sắp tới. Đôi "bí tất" đã được hơn ba năm rồi. Cứ mỗi năm, các lần vải phía trong mục dần đi. Tôi phải móc những chỗ quá mục ra, vậy nên đôi "bí tất" bị mỏng đi dần. Tôi lại phải đụp những miếng khác bên ngoài cho nó dầy lên, cứ như vậy đã mấy lần rồi. Đôi "bí tất" của tôi lúc này, không biết bao nhiêu là chỉ ngang, chỉ dọc. Bên ngoài, những chỗ mép vải bong ra nhiều tua, có chỗ trông như lông con chuột khoang.

Tôi đang cặm cụi đặt một miếng khăn mặt cũ to bằng hai bàn tay (miếng khăn này là giẻ chùi, tôi lượm được trong thùng nhà cầu mấy tháng trước, để dành) lên chiếc "bí tất" để lựa thế khâu, cửa sổ con chợt khẽ mở. Mùi hoa nhài quen thuộc thoảng quyện vào mũi tôi. Tôi nhìn ra: Đôi mắt ánh lên mầu nâu thẫm, cái màu ủ dột lê thê là buồn. Tôi muốn che dấu miếng vải, vì một ý nghĩ chợt thoáng qua làm tôi lúng túng, mất hẳn tự nhiên. Biết đâu chừng trong những mảnh vải này lại có một mảnh vải của cô đã dùng và vứt đi. Ngay cả mảnh "khăn mặt" cũ này nữa, cũng biết đâu cô đã làm vệ sinh một lần nào? Tôi cảm thấy nóng cả mặt, một nỗi ngượng ngập dâng tràn ra cả hai tay. Nếu quả vậy, tôi biết giấu mặt đi đâu? Tôi bất giác liếc nhìn xem thái độ của cô ra sao.

Tôi cũng tưởng sẽ gặp một đôi mắt, với nét cười tinh ranh, chế diễu. Nhưng không, chỉ có ở khung cửa sổ đó có một đôi mắt đầy lệ. Nhìn đôi tất với nắm giẻ vụn tôi đang cầm trong tay, mắt cô như tràn ứ một nỗi niềm, thương cảm dạt dào. Tôi thấy lòng mình xúc động, nhưng vẫn ngồi yên, không tiến ra cửa sổ như mọi khi.

Môi cô, động đậy, mấp máy, rồi thoát ra thành tiếng gọi thật thiết tha:

- Anh Bình!

Tôi không hiểu vì sao, tôi đã không kìm hãm được lòng mình nữa. Như một cái máy, không có hồn, tôi từ từ bỏ chân xuống chiếc dép và chiếc guốc chậm chạp tiến dần ra phía cửa sổ. Thật gần. Bốn mắt lại nhìn nhau. Những chiếc lông măng trên mép của cô theo nhau nằm soãi hai bên, trông mướt như lông của quả đào non. Hai má cô đỏ au lên. Mùi xà phòng hoa nhài phả ra tràn ngập không gian của căn phòng. Nước mắt lưng tròng, cô nói trong tiếng nấc nghẹn thổn thức:

- Anh Bình giận em à?

Câu hỏi thật nhẹ nhàng, mà như cào vào trái tim rướm máu của tôi. Tôi chỉ lắc đầu, không trả lời được. Bất chợt, một tiếng động ở cổng xà lim. Cô lẹ tay đóng cửa sổ lại và đi ra.

Một lúc sau, nghe có tiếng cô Vân và tên Bằng nói chuyện ở bàn trực. Rồi tiếng chân cô Vân đi dần ra ngoài cổng xà lim. Buổi chiều hôm ấy, lúc gần hết giờ làm việc, tên Dư đi ra ngoài trại về, vào buồng tôi mở cửa. Tôi hơi ngỡ ngàng, vì đã hết giờ, trời lại về mùa Đông, lạnh rồi. Từ hơn một tháng nay, Dư không gọi tôi cho ra sân chơi, (mùa Đông, ai còn thiết ra sân đứng), mà chỉ sai tôi quét trước sân, thường vào buổi sáng. Vì vậy, tôi đã mở to mắt nhìn Dư, chờ xem y bảo tôi điều gì. Vẫn tiếng nói vừa đủ nghe:

- Mặc quần áo, đi cung!

Tôi thoáng cảm thấy hơi không bình thường. Mấy năm nay rồi, chúng có gọi tôi đi cung nữa đâu. Nhất là hơn hai năm nay, Hà Nội đêm ngày, thường bất chợt bị máy bay Mỹ đến đánh phá, các chấp pháp cũng sơ tán bớt về những trại giam khác. Tôi theo Dư ra khỏi cổng xà lim. Đã gần hai năm trời nằm giữa Hỏa Lò, ngay cái sân trại chung tôi

cũng không nhìn thấy. Góc sân, gần phía xà lim II, vẫn còn quây cót, như thế vẫn còn phi công Mỹ ở Hỏa Lò, và lúc này chắc là đã…nhiều hơn. À ngôi nhà vãng lai mọi khi, bây giờ cũng để giam phi công Mỹ nữa. Chúng đóng cót bè ra sân, quây kín. Nhà vãng lai ở ngay cạnh cổng xà lim I. Thảo nào, nhiều đêm tôi nghe những tiếng rên la, quát tháo lạ tai, tôi lại cứ tưởng các phi công Mỹ ở gần chỗ xà lim II. Tuy khi ấy thấy lạ, là sao lại nghe gần thế, tôi lại không đoán ra.

Lúc này, gần 5 giờ chiều, tù nhân ở khu trại chung và hai khu phi công cũng đều đã vào buồng cả rồi. Người ta vào buồng, mình lại đi cung! Chẳng biết chấp pháp nào đây?

Đi qua phòng trực, tôi thấy cũng chả còn ai; chả có một chấp pháp nào ở đó cả. Dư dẫn tôi thẳng vào buồng giám thị. Tên Trì bây giờ đã đeo lon đại úy, trông rất bệ vệ, ngồi ở cái bàn có lá cờ của chánh giám thị Hỏa Lò. Như thế, y đã lên thay tên Võ, còn tên Võ già, đeo kính trắng, người miền Nam, có lẽ đã về hưu rồi. Chả trách lâu lắm tôi không còn thấy y vào các xà lim.

Tim tôi hơi thắt lại, khi thoáng thấy người Hưng Yên đang lúi húi xếp mấy chiếc ly, tách ở một cái bàn nhỏ trong góc phòng. Dưới mái tóc buông dài như đuôi con ngựa tơ, chiếc lưng ong của nàng vặn vẹo, căng lằn làn áo nâu mỏng. Người Hưng Yên hôm nay lại đi guốc cao gót nữa chứ.

Tôi ngồi vào chiếc ghế đẩu trước bàn tên Trì đang ngồi. Mặt y hôm nay trong thật dễ chịu. Chưa bao giờ tiếng nói của y lại dịu như hôm nay:

- Hôm nay, gọi anh ra đây, tôi thông báo cho anh được biết đảng và nhà nước đã chiếu cố đến điều kiện sức khỏe của anh, cho phép anh được ở trại chung. Bây giờ, anh về xà lim mang quần áo, chăn màn ra đó! Ở trại chung, anh phải nghiêm chỉnh chấp hành những nội quy của trại, mặt khác, cấm tuyệt đối không được nói hay kể bất cứ một chuyện gi ở trong xà lim cho phạm nhân khác.

Tai tôi nghe, lòng tôi thật không ngờ được đó là sự thật! Nhưng, chỉ một thoáng, tôi xúc động vì chợt hiểu: Phải rồi, cô Vân đây! Hai, ba lần bồi dưỡng, ho khạc ra máu, v.v… tất cả, có thể với tư cách là chuyên môn, cô đã đề nghị để tôi ra trại chung. Chắc từ mấy tháng trước rồi, bây giờ đề nghị của cô mới được chấp nhận, sau nhiều cứu xét.

Thảo nào, tuy cô vờ cắm cúi lau bàn, nhưng tai cô cứ nghiêng bên này, lại nghểnh bên kia, để nghe tin Trì nói với tôi. Bây giờ đã hết giờ làm việc, cô lại không phải là người lau dọn bàn; vậy là cô cố ý chờ tôi, để nghe và vừa để nói ý cho tôi biết là do cô đấy! Nhưng cô Vân ơi! Cô đã tính sai rồi! Ở xà lim, đôi khi cô và tôi còn dễ gặp nhau, chỉ có một cái khó là tuy gần gũi nhưng phải cách một cái… cửa buồng. Bây giờ, ra trại chung, bản tính của tôi lại rất nghiêm ở chỗ đông người, tôi chả gần cô được nữa, dù có gặp.

Dư đứng chờ, dẫn tôi về xà lim. Trước khi chào tên Trì ra cửa, mắt tôi còn thoáng thấy một nụ cười của người Phố Hiến, như cánh hoa hồng đón gió Xuân.

Chương 74

Trại chung:
"Xã hội chủ nghĩa thu hẹp"…..

Về tới xà lim, người tôi chưa hết bàng hoàng về một chuyển hướng, một lối rẽ của cuộc đời tù. Hôm nay là mồng 2 tháng 12 năm 1967. Như thế, tôi đã ở 5 năm và gần 6 tháng trong buồng tối xà lim. Đất nước, cũng như cuộc đời đã bao nhiêu đổi thay.

Đã ở trong xà lim hơn 5 năm, có biết bao nhiêu kỷ niệm, dù phần lớn chỉ là đắng cay, tủi nhục; nhưng bây giờ phải rời đi, tôi cũng không khỏi cảm thấy…bâng khuâng. Vơ vội chăn chiếu, tôi nhìn chiếc áo trấn thủ và cái chăn, rồi ngập ngừng hỏi Dư xem thế nào? Dư bảo, trại chung thì cũng là Hỏa Lò, vậy cứ ôm cả chăn lẫn các thứ đi. Nhớ đến Lương và Nguyễn Lân, tôi liền ho hai tiếng, khạc hai tiếng như lời chào từ giã bạn bè. Tên Dư đứng ngay đấy, nhưng làm sao hiểu được ý nghĩa của tiếng ho và tiếng khạc.

Tên Dư dẫn tôi qua cái sân rộng của trại chung. Trên đường đi, gọi là tình nghĩa với nhau (tôi không thể phủ nhận được là tên Dư có chút cảm tình cá nhân với tôi. Hơn 3 năm nay, hàng ngày trông thấy nhau đều đều. Hơn nữa, biết đâu chả lại phải có thêm ý kiến của y tôi mới được ra trại chung này. Về thủ tục, hẳn rằng, trước khi giám thị Hỏa Lò quyết định, phải xin ý kiến của sở công an, của cấp trên, rồi phải gọi cán bộ trực chính của xà lim I để hỏi về… tôi nữa chứ!), nghĩ thế, tôi liền nói với Dư là tôi rất biết ơn y, và còn thêm một câu:

- Chúc ông và gia đình mạnh khỏe.

Y cũng lộ vẽ tình cảm dặn dò:

- Anh hãy cố gắng giữ gìn sức khỏe.

Y dẫn tôi mãi qua chiếc sân rộng, tới chỗ có hành lang dẫn vào "cát xô", nơi mà gần ba năm trước, tôi đã từ đó bò về xà lim I. Y mở khóa một cánh cửa sắt to, cao. Cánh cửa này gồm hai phần: phần trên, cao hơn đầu người, là những chấn song sắt to gần bằng cổ tay; phần dưới, bịt kín bằng sắt, thành ra trong ngoài không nhìn thấy nhau.

Tuy đã ở tù 5 năm rưỡi trong Hỏa Lò, nhưng tôi chưa hề biết trại chung như thế nào. Nhìn vào trong buồng, tôi thấy lố nhố đầy người; hàng trăm con mắt to nhỏ đang tò mò nhìn ra phía tôi. Tôi ngạc nhiên quá chừng chừng. Tù gì mà có cả… trẻ con bé tí, chỉ độ 6, 7 tuổi. Toàn buồng ước độ 150 đến 170 người: Thanh niên, choai choai, nhơ nhỡ, nho nhỏ… quần áo lôi thôi, lếch thếch, vá chằng, vá đụp; ghẻ lở kềng càng; đen đũi gầy guộc. Có hai người lớn đã đứng tuổi; khoảng hơn chục thanh niên; số còn lại, toàn loại lau nhau.

Một ông chừng 40 tuổi tiến đến phía tôi, tự giới thiệu là Phan Tấn Hưng, buồng trưởng. Anh chỉ cho tôi một chỗ trống gần anh. Anh lại chỉ một người nữa, tóc đã điểm sương, giới thiệu là bác Nguyễn Văn Khánh, tài xế lái xe đò đường Hà Nội – Hải Phòng.

Anh Hưng là người miền Nam, cán bộ tập kết, tội hủ hóa và tham ô (tình ái lăng nhăng và ăn cắp của công). Trông y trắng trẻo, vẻ có học. Đặc biệt là đôi mắt của y, nửa phần trên đen mờ mờ, rất hay nhìn trộm. Lúc đầu, y và một số thanh niên mặt căng căng, khinh khỉnh, nhìn tôi một cách thăm dò. Sau khi biết tôi là một điệp viên xâm nhập Hà Nội, rồi dư âm về chuyện đánh một cán bộ phọt phân ra để đào thoát vẫn có một vài người nhắc lại (dù câu chuyện đã hơn 3 năm rồi). Những bộ mặt câng câng, khinh khỉnh, những thái độ lành lạnh, ngang ngang… biến sạch, nhường cho những nét mặt hân hoan, niềm nở.

Thôi thì, thuốc lào, thuốc lá hút tơi bời. Nhất là dăm thanh niên và trẻ con, vây vòng ngoài để hỏi chuyện. Một thanh niên chừng 22, 23 tuổi, cao ráo, trông như một học sinh, sau khi nghe biết sơ sơ về tôi, hai tay y vồ lấy tay tôi lắc lắc như gặp một người thân quen đã lâu ngày:

- Hơn ba năm trước, em ở buồng 6, có một anh nhà bếp lên thuật lại chuyện anh đánh cán bộ để trốn. Rồi anh bị đánh gần chết, đưa vào "cát xô". Họ nói, anh là một điệp viên cừ khôi của chính quyền miền Nam, được đào tạo nhiều năm ở Tokyo. Anh còn có đệ nhị đẳng huyền đai Nhu Đạo nữa.

Tôi rất ngạc nhiên, y nói về tôi như một huyền thoại, chẳng có một cơ sở nào cả. Thế mới thấy cái "huyền diệu" của những tin đồn.

Y tự giới thiệu là Hoàng Hữu Phúc, biệt hiệu, Phúc "Thổ", cầm đầu giới "chềnh vòm" (dân đi ăn trộm) khu Năm Đồng. Y đã học hết lớp 9 Phổ Thông (chương trình 10 năm, sau này Cộng Sản mới đổi thành hệ thống 12 năm). Mới 24 tuổi đã có 6 "tiền sự" (có bị bắt dăm ba ngày, có khi đôi ba tháng, nhưng không ra tòa) và một tiền án. Năm 1964, đã bị xử hai năm rưỡi tù, đi trại trung ương. Mới được tha chưa được 6 tháng, bây giờ lại bị bắt, vẫn là tội cũ. Phúc "Thổ" chỉ một tên có nước da ngăm ngăm, đôi mắt thật sắc, với một chiếc sẹo dài nằm vắt chéo từ mí mắt trái xuống mé tai, làm cho đôi mắt trái của y kéo xếch lên, trẻ con hẳn không dám nhìn. Y tên Thọ "Lột", trùm dân "xô bè" (giật đồ trên xe lửa rồi nhẩy xuống sông, hoặc xuống đường, khi xe đang chạy), cũng trạc tuổi với Phúc "Thổ". Y cũng đã học hết lớp 10.

Sơ qua như vậy, tôi thấy ở trại chung, riêng trong căn buồng này chỉ có hai ông Hưng và Khánh là tội buôn lậu và tham ô, còn hầu hết là anh chị, lưu manh, trộm cắp.

Kẻng cấm, 9 giờ tối, theo nội quy trại chung, tù đều phải đi nằm và không được nói chuyện. Đám anh chị thật ưu đãi khách mới. Chúng đã dành cho tôi một chỗ tương đối khô ráo, một mình một chiếc chiếu con, bên cạnh Phúc "Thổ" và Thọ "Lột"; nghĩa là được nằm ở chỗ "giai cấp lãnh đạo" trong cái buồng ấy. Chúng có rất nhiều tay chân, kẻ hầu người hạ.

Mới nhìn phiến diện, tôi đã thấy từ trên xuống dưới có rất nhiều thành phần thứ bậc. Ngay như một điếu thuốc lào, chúng hút xong; loại nào được hút sái nhì; loại nào được hút sái ba; để rồi đứa cuối cùng cầm cái điếu, "kéo" đến gân cổ lên, nhưng lúc há mồm nhả khói, chỉ còn vài sợi lờ mờ, trong khi điếu thuốc đã thành tro từ bao giờ và đã chui tọt vào nõ điếu lâu rồi. Trước khi nằm xuống ngủ, Phúc "Thổ" còn ghé vào tai tôi thì thầm:

- Trước đây mà được gặp anh ở ngoài Hà Nội, thật là hết ý! Em bảo đảm với anh là, anh ở Hà Nội hàng năm, chẳng bao giờ tụi công an, phản gián "ngửi" thấy hơi của anh. Chuyến này, nếu anh được ra, chúng em là thổ công, là những con rận, con chấy trong quần áo của chúng. Nếu không vì đói phải trộm cắp bừa bãi, muôn đời chúng đừng hòng mó được sợi tóc của chúng em.

Cuối cùng, y nói nhỏ:

- Tên Hưng già là loại "Zoóc" (ăng ten, điểm chỉ trong Nam). Nhưng, nó phải biết điều với chúng em, nếu không, chúng em đã xin nó tí huyết rồi.

Tôi nhắm mắt, óc vẫn còn vẩn vơ nghĩ đến những điều Phúc "Thổ". Y tỏ ra rất quái. Y lại là loại lưu manh có học nữa, cho nên những cái nhìn của y tương đối có giá. Tôi cũng hơi băn khoăn suy nghĩ, vì sao tụi Cộng Sản lại đưa tôi vào buồng này, gồm hầu hết là lưu manh, cắp trộm của Hà Nội. Mỗi tuần, có một chuyến đưa đi trại Mai Lĩnh và Kỳ Sơn.

Trại Mai Lĩnh ở gần chùa Trầm, Hà Đông, là một trại lớn "dành cho" nhi đồng… hư. Trại Kỳ Sơn ở Hòa Bình, cũng là một trại lớn, giam tù thiếu niên… hư. Trong Hỏa Lò, khu trại chung có hơn một chục buồng, nhốt đủ mọi loại tù. Có hai buồng chuyên giam loại chính trị nặng. Vậy tại sao chúng lại đưa tôi vào một căn buồng toàn loại trộm cắp này?

Có thể, chúng có những chủ trương như sau: Tuy tôi bị bắt đã gần 6 năm, nhưng cũng chỉ là nằm một mình ở trong buồng kín, chưa biết gì nhiều ở bên ngoài cả. Ngược lại, trong Hỏa Lò cũng chả ai biết về tôi. Sau vụ tôi vượt ngục không thành, qua đó, chúng cũng đã thấy tư tưởng của tôi cũng chả tốt đẹp gì. Vậy, nếu cho giam chung với những buồng chính trị, tôi càng làm "xấu" những người còn đang thời gian khai thác, chưa thành án. Mặt khác, chúng hãy

cho tôi vào buồng toàn tụi lưu manh, trộm cắp lau nhau, để tên Phan Tấn Hưng theo dõi tư tưởng, thái độ của tôi một thời gian, từ đấy chúng nhìn rõ về tôi hơn.

Trên đây, cũng chỉ là sự suy đoán, tôi phải đợi thời gian và thêm sự việc, mới có thể kết luận được. Tôi cứ miên man suy nghĩ, rồi chìm dần vào giấc ngủ chập chờn. Đêm đầu tiên ở trại chung, giấc ngủ không yên. Cứ chốc chốc lại giật mình tỉnh thức, vì tiếng thét giật đùng đùng như bị dao chém ở chỗ này, hay tiếng gào khóc lạy van ở góc kia… của những cháu nhỏ nằm… mớ.

Gần sáng, tôi ngồi dậy, muốn tìm chỗ đi giải. Mãi gần góc nhà xí, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn "60" nến, còn 4 cậu choai choai, độ 15, 16 tuổi, bị cùm mỗi cậu một chân. Đây là loại cùm "suốt" (giống như ở xà lim Hà Tĩnh mà tôi đã bị cùm). Loại cùm này tương đối thoải mái. Tù có thể di chuyển chân, hoặc đứng dậy được, vì cùm chỉ có hai cái khoen lồng vào trong một cái "suốt" sắt. Tùy theo "suốt" dài, ngắn và tùy theo chỗ cùm rộng hay hẹp, loại cùm này có thể cùm được rất nhiều người. Đây là một hình thức để kỷ luật những phạm nhân nào ngang bướng, hoặc vi phạm nội quy của trại. Đôi khi cũng dùng để trấn áp, hay khai thác… tùy theo những sự việc mà Cộng Sản muốn.

Cách thiết kế để xây dựng những căn buồng này, hẳn cũng do từ thời Pháp thuộc. Buồng làm theo hình chữ nhật, kích thước dài khoảng 15m, rộng 10m. Ở giữa là một cái bệ xi măng lớn chiếm gần hết buồng, kích thước dài 12m, rộng 7m; bệ xây cao hơn nền chừng 50 phân; lối đi là phần còn lại ở chung quanh bệ, rộng chừng 1m rưỡi.

Có thể thời Pháp thuộc, tù chỉ nằm trên bệ xi măng, còn lối đi bên dưới, chung quanh, để dép, guốc chăng? Nhưng bây giờ dưới chế độ cách mạng nhân dân, vì quá đông, cho nên tù nằm la liệt, cả trên bệ lẫn lối đi.

Tôi phải bước qua nhiều cậu đang nằm tụm 5, tụm 3 để vào… cầu tiêu. Mở cánh cửa nhà cầu, tôi thấy, dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn dầu bé xíu, căn nhà cầu này rất nhỏ. Trên nền nhớp nháp, nồng nặc mùi phân và nước giải. Thảo nào, suốt đêm, khi ngủ thì thôi, lúc thức giấc, mũi tôi luôn luôn ngửi thấy một mùi khai, thối tràn ngập căn buồng. Từ xà lim ra trại chung, tôi vẫn đi đôi "guốc, dép" của tôi. Nhưng, vì không muốn làm mất giấc ngủ của những người tôi sẽ bước qua, nên tôi đã đi chân đất vào cầu tiêu. Cũng vì vậy, trên đường đi và về chỗ nằm, thỉnh thoảng tôi thấy như chân mình dẫm vào cái gì mềm, kêu bóp bép. Ánh sáng quá mờ, tôi đã không thể đoán được là cái gì?

Về tới chỗ nằm, tôi chả làm sao ngủ được nữa. Mùi phân, mùi nước giải, mùi hơi người lâu ngày không tắm rửa, mùi quần áo nhiều ngày không giặt, trộn lẫn với không khí trong buồng thành một mùi chua chua, khăm khắm cay sè làm đầu tôi váng rất nặng nề. Trước đây, ở xà lim, tuy cũng phân, cũng nước giải, cũng quần áo thời gian lâu ngày không giặt, cũng thân thể lâu ngày không tắm rửa, nhưng những hơi hướm đó, chỉ là của một người, mà người đó là chính… mình, cho nên thật dễ… ngửi, chả thấy cay mũi, nặng đầu như bây giờ.

Trời đã sáng hẳn. Tiếng loa nghe rõ mồn một, đang ra rả điệu nhạc dạo đầu của đài tiếng nói "Quân Đội Nhân Dân", rồi tiếp theo là cái giọng the thé của cô xướng ngôn viên: "…Quân đội nhân dân, trung với đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành; khó khăn nào cũng vượt qua; kẻ thù nào cũng đánh thắng!…"

Một khẩu hiệu thúc giục, nêu lên như một bức hình tâm lý, ngày nào cũng đập vào óc mọi người, dần dà đã in vào nếp nghĩ, nếp nhìn. Để đến một lúc nào đó thành hiển nhiên như một công lý tất yếu. Rồi những sự việc sau đó, nếu xẩy ra hợp với nội dung khẩu hiệu, là thuận; nếu xảy ra ngược lại là nghịch, là làm cho người ta băn khoăn ngạc nhiên, như một tín đồ thuận thành làm trái với lẽ đạo.

Vì là buổi sáng sớm ở trại chung, nên tôi phải bị động theo cái chung của mọi người. Đã gần tới giờ làm việc rồi, mà hầu hết cả buồng còn nằm, từng cụm, từng cụm với nhau mê mệt ngủ. Tôi không hiểu tại sao họ lại có thể ngủ nhiều như vậy được? Có lẽ, trong đêm họ có nhiều khắc khoải thao thức, hay do tuổi trẻ bất cần đời, cứ buông trôi,

để mặc cho đời trôi theo giòng nước… đục? Tôi lại phải tiếp tục nằm chịu trận, rán mà nghe cái "con mẹ lắm mồm" nheo nhéo, một cách bất khả kháng… Rồi, đến cái mục "Các Em Thiếu Nhi". Nghĩ cũng lạ, nghe gần 6 năm rồi, tôi chẳng thấy một bài ca nào, bảo các em nghe lời của cha mẹ cả. Trái lại, ngay từ khi các em mới bập bẹ biết nói, đã dạy phải nghe lời … bác, lời đảng mà đại diện trước mắt là các cô, các thầy giữ nhà trẻ và giảng đạo của đảng. Nào là:

"…Ra vườn hoa em chơi, hoa sắc trắng nhìn em hoa cười. Nghe lời cô, em ngoan em không hái một bông hoa nào, vì hoa này là…của chung…"

Cộng Sản đã theo đúng phương châm "dạy trẻ từ thuở còn thơ". Chúng lại còn phát huy cao độ hơn nữa là chú ý ngay từ "khâu" chọn hạt giống, như:

"…Hạt giống đỏ…được chăm nom vun sới, thành lớp cây xanh vươn dưới…mái trường…".

Tôi đang nằm bực bội nghe miệng lưỡi của Cộng Sản xui trẻ con ăn … cứt gà, thì cậu Phúc "Thổ", vừa bò dậy vừa nói, trong ngái ngủ, khi cậu nhìn thấy ánh mắt tôi:

- Anh dậy sớm thế! Đêm qua anh có ngủ được không?

Tôi vừa lồm cồm bò dậy, vừa trả lời:

- Đã ngủ thì phải được. Nhưng cậu có ngửi thấy ngột ngạt phân và nước giải không?

- Không anh ạ! Người ta bảo: "Ở gần nhà xí mãi không còn ngửi thấy thối nữa", anh!

Vừa nói, y vừa đi vào cầu tiêu. Tôi dõi mắt nhìn chéo xuống phía tay phải chỗ lối đi. Đêm qua tôi thấy một tổ chăn cuốn, chẳng có chiếu, một cái chân dài nghệu, đầy ghẻ thò ra ngoài chăn, tôi cứ tưởng một người; bây giờ cái tổ chăn đó mở ra, đến 3 đứa ngồi dậy. Một đứa, lớn nhất, da trắng, mặt rất khá khỉnh, chừng 13, 14 tuổi. Nó đã cao, giờ lại gầy, thành ra những cái tay, cái chân lêu nghêu, kềnh càng như những cái chân con nhện. Hai đứa kia bé tí; một đứa đứng chỉ cao tới ngực, còn một đứa chỉ ngang tới rốn của thằng lớn. Chính vì vậy, đêm qua tôi mới tưởng chỉ có một người.

Cả ba đứa, tuy ngồi dựa lưng vào tường và vẫn khoác chung một cái chăn rách, nhưng 6 con mắt dã cứ thập thò liếc nhìn chiếc điếu cầy tôi đang chuẩn bị "bắn" một điếu buổi sáng. Chúng nhìn tôi bằng những con mắt vừa thèm thuồng muốn xin được hút sái nhì, hay sái ba; nhưng lại vừa sợ sệt, vì như vậy là… phạm thượng. Hôm qua, chúng đã thấy tôi được cả buồng quý nể (trong đó có cả bậc "trùm" của chúng). Tôi liếc nhìn chung quanh và thấy cũng còn nhiều con mắt trắng lấm lét, rụt rè nữa muốn được cái vinh hạnh hút sái nhì, hoặc sái ba. Tôi vẫy tay, gọi cái cuộn chăn 3 đứa đến. Mắt chúng đều sáng lên ngập ngừng tiến đến, ngồi cả xuống trước mặt tôi lấm lét nhìn tôi như chờ lệnh. Cả ba đứa, chân tay đều ghẻ kềnh càng. Tôi rút gói thuốc lào, hôm qua Thọ "Lột" đã đưa biếu, ở trong túi ra, vê cho mỗi đứa một điếu. Tôi hỏi đứa lớn:

- Cháu tên gì?

- Thưa chú, cháu là Thắng, mọi người gọi cháu là Thắng "Trắng".

- Thế bố mẹ cháu ở đâu?

- Ở Hàng Bạc ạ!

Tôi ngạc nhiên và vội vàng hỏi tiếp:

- Cháu ở 127.

Tôi vồ vập:

- Phải hiệu Bảo Hưng Long không?

Nó mở to mắt ngạc nhiên:

- Sao chú biết? Đấy là cậu mợ cháu!

Đến lượt mắt tôi lại căng ra vì ngạc nhiên, tôi dồn dập hỏi nó về cô Thuận, về thằng Hòa, thằng Hiếu, cô Tám v.v… Cả một khung cảnh ngày xưa của phố Hàng Bạc những năm 1952, 53, 54!…Lúc đó, tôi làm thợ vàng cho hiệu Tân Hưng, Bảo Hưng Long và Đức Hưng. Ba mẹ con, Bảo Hưng Long là chị của Tân Hưng, tức cô Thuận, hoa khôi Hàng Bạc 1952. Như thế, Thắng "Trắng" phải gọi Hòa, Hiếu là cậu. Tuy thời gian ở Hà Nội, tôi làm thợ kim hoàn, nhưng tôi vẫn đi học Pháp văn, cho nên vừa là thợ, vừa là học sinh, 15, 16 tuổi.

Điều tôi băn khoăn suy nghĩ mãi là, những gia đình này ngày xưa, là loại thế phiệt trâm anh, đài các, trong giai cấp trưởng giả, vậy mà bây giờ con cái là loại lưu manh, đầu đường, xó chợ? Tại sao họ chóng sa sút thế? Không kìm được tò mò, tôi hỏi thằng Thắng:

- Tại sao cháu không đi học, lại đi cắp trộm, cậu mợ cháu không nuôi cháu à?

- Cháu đã "dạt vòm" lâu lắm rồi. Bây giờ, cậu mợ cháu đã … từ cháu.

Tôi chưa hiểu trọn vẹn ý chữ "dạt vòm" nên hỏi lại. Thằng bé nhất, từ nãy cứ nhấp nhổm muốn góp chuyện, vội vàng trả lời:

- Chú không biết à, "dạt vòm" là bỏ nhà đi bụi đời ấy mà!

Tôi quay lại nhìn thằng nhóc con, mặt nó đương vênh vênh lên như vẻ ra đây cũng là dân bụi đời. Tôi cũng thấy vui vui nên hỏi ngay:

- Cháu tên gì?

Thằng Thắng nhanh nhẩu trả lời thay:

- Nó là Phúc "Lủi" đấy chú ạ!

- Sao lại là Phúc "Lủi"?

Cả hai đứa đều cười ầm lên, thằng Thắng nói tiếp:

- Nó lủi nhanh lắm chú ơi! Nó đã vào chỗ đám đông thì có giời tìm. Nó toàn chui dưới khe háng người ta để lủi. "Cá" (công an) bắt được nó rồi thấy nó bé tí, cứ nắm lỏng tay, bất ngờ, nó giật tay ra, chạy ngay vào đám đông.

Tò mò, tôi lại hỏi:

- Năm nay, cháu bao nhiêu tuổi rồi!

Nó đứng hẳn dậy, một tay đè vạt áo xuống che cái bụng ỏng, lồi cả rốn ra:

- Cháu 11 tuổi rồi!

Tôi ngạc nhiên nhìn thằng Phúc "Lủi" đứng, người nó bé con chỉ bằng đứa trẻ lên 5, lên 6 bình thường ở trong Nam; cái mặt hơi choắt lại vì gầy; nhưng đặc biệt, đôi mắt của nó thật sáng và nhanh. Tôi đang định hỏi tiếp thì cán bộ đã đến mở cửa điểm số.

Cứ hai người một, cầm tay nhau đi ra để cán bộ điểm số. Trong lúc đi ra, tôi nhìn xuống nền nhà, thỉnh thoảng có những điểm trăng trắng ngó ngoáy, bò chỗ nọ, chỗ kia. Đêm qua, lúc đi tiểu, tôi đã dẫm phải mà không đoán được đó là cái gì. Đó chỉ là những con bọ to nhỏ từ những đống phân trong nhà xí bò ra. Tôi thấy hầu hết chẳng ai để ý tới những con bọ này cả.

Khi ra tới sân, tên Hưng buồng trưởng dẫn tất cả đến một góc sân, có cái bể nổi, cao hơn mặt sân chừng sáu, bẩy mươi phân, gồm hai ngăn, mỗi ngăn rộng chừng 1 mét vuông. Nước bể đã đầy, nhưng một vòi chảy vào thì trong, nhưng nước ở trong bể lại lờ lờ. Trên mặt nước lều bều những váng ghét, của những buồng trước đã rửa. Hàng trăm người, mà chỉ có độ chục cái gáo. Vì vậy, nhiều đứa thò luôn tay vào bể, vốc một ít nước xoa lên mặt mấy cái, như mèo, thế là rửa mặt xong.

Chỉ có 15 phút rửa mặt, rồi tất cả lại xếp hàng đôi trở về chỗ quy định của buồng trong vạch vôi, ngồi xuống. Trong buồng đang quét dọn, mỗi ngày cắt ra 4 người quét dọn, làm vệ sinh buồng và nhà xí. Trong buồng chỉ một đêm mà hôi bẩn như vậy. Ngồi ở sân, tôi hỏi một cậu, tên Tiến "Ga" ngồi bên cạnh:

- Các cậu ngủ như thế, bọ bò lổm ngổm vào chăn chiếu, làm sao ngủ?

- Anh ơi, rồi quen đi hết! Nhiều đêm đang ngủ thấy ngứa tai, móc ra là một chú bọ. Bọ chui vào quần áo là thường, anh ạ.

Nghe y nói, tôi cũng thấy người ngưa ngứa. Tôi phải luồn tay vào trong áo, vừa gãi, vừa đưa mắt hỏi Tiến "Ga". Y cười thành tiếng:

- Anh nằm trên bệ xi măng là giai cấp trên rồi, không có bọ đâu, nhưng là rận đấy. Rận, ở trong buồng thì không ai là không có.

Thảo nào! Tuy là mùa Đông, nhưng buổi sáng cũng có một lúc ánh nắng nhàn nhạt. Tôi đưa mắt nhìn toàn bộ cái sân rộng của trại chung. Lổm ngổm đầy tù, mỗi buồng chiếm một khoảng sân. Buồng nào cũng đang có người cởi áo ra để…bắt rận. Tôi đang mải nhìn hai buồng phía gần xà lim I vừa rửa ráy xong và đã vào buồng, ngồi xếp hàng 10 để… "sinh hoạt chính trị", bỗng một cậu chộp lẹ một cái vào cổ áo tôi. Tôi quay quắt lại, thì ra thằng Phong "Trố", hai ngón tay trái và trỏ của nó đang kẹp chặt giơ ra, miệng nói:

- Rận của anh nè!

Tôi ngửa bàn tay cho y bỏ vào. Con rận "xề" đen xì, nằm ngửa hơ hơ, đang giơ những cái chân con tí giẫy dọn tìm cách lật úp lại. Mới có một đêm, rận đã bò cả ở bên ngoài áo. Tôi chợt thấy cả người ngứa ran. Chỗ nào trong áo, tôi

cũng cảm thấy như có rận chui rúc vào. Tôi vừa quyết định phải cởi áo ra xem sao, thì bác Khánh đến, chỉ tay về phía một cái bàn và bảo tôi là cán bộ gọi.

Chương 75

Những Vấn Đề ... Mới !

Ở một góc mái hiên có một chiếc bàn kê tạm, để chỗ cho cán bộ làm việc. Chẳng ai xa lạ, chính là tên Chuẩn Úy Kế, người miền Nam. Khi tôi mới vào Hỏa Lò, y mới có hạ sĩ. Sau khi tôi ngồi vào chiếc ghế nhỏ để cạnh bàn, y lật quyển sổ to, hỏi tên tuổi và sơ qua về lý lịch của tôi để ghi. Xong, y nhìn tôi nói vẻ dìu dịu:

- Trong buồng, anh là người lớn. Vậy, tôi giao cho anh nhiệm vụ là trật tự và đọc báo.

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng lại chợt hiểu ngay. Từ nãy, chắc chắn là tên Hưng trưởng buồng đã gặp tên Kế này, và đây chắc hẳn cũng do ý kiến của tên Hưng! Tôi đang định từ chối, y đã nghiêm trang:

- Đây cũng là một hình thức để cải tạo tư tưởng của anh. Chúng tôi sẽ đánh giá anh tùy theo thái độ tích cực hay tiêu cực trong nhiệm vụ này.

Thành ra, ý định từ chối của tôi chả có dịp thốt ra nữa. Tôi chỉ nói một cách yểu sìu, không mấy mạnh bạo:

- Người tôi ốm yếu, làm thế nào được việc trật tự. Vậy, tôi xin đọc báo thôi!

Y lắc đầu, rồi nói:

- Không được! Trật tự buồng có 4 người chứ không phải mình anh. Anh không được từ chối.

Xong, y nhếch môi nói như cười:

- Anh đừng lấy vẻ ốm yếu ra mà che mắt tôi. Tôi còn lạ gì anh nữa!

Tôi cũng hiểu là trong nhà tù, làm việc với cán bộ, dù cứ một chức vụ gì to nhỏ, đều sẽ mất lòng anh em. Tuy thế, với ý thức chính trị của mình, tôi sẽ có chủ trương sau. Bây giờ trước mắt hãy cứ tạm nhận.

10 giờ: Giờ đọc báo và sinh hoạt. Tất cả các buồng đều phải vào buồng mình, ngồi tập trung hết lên bệ xi măng, nghe đọc hai tờ báo "Quân Đội Nhân Dân" và "Nhân Dân". Những bài cần đọc, đều được cán bộ đánh dấu bằng bút chì đỏ. Bác Khánh, Thọ "Lột" và tên Hưng giữ trật tự. Bác Khánh khoảng 55, 56 tuổi, nhưng người trông còn khỏe mạnh, rắn chắc, dù tóc đã điểm sương mà da dẻ vẫn hồng hào. Bác ghé gần tai tôi nói nhỏ:

- Anh vào buồng này, toàn tụi lưu manh lau nhau là may đấy. Chúng nó vào, ra tù soành soạch, vì vậy mỗi ngày, chỉ có sáng một giờ, chiều một giờ đọc báo, rất ít khi sinh hoạt. Chứ anh xem, ở các buồng bên kia, sáng hai tiếng, chiều hai tiếng ngồi "sinh hoạt tư tưởng", bới móc, cấu xé nhau mới điên đầu.

Đọc báo xong, đã 11 giờ. Cơm, nhà bếp đã đưa lên: Một thúng cơm, và một sọt bát đĩa bằng sắt tráng men. Trật tự và các tổ trưởng phải ra nhận và chia cơm. Sát mé hàng hiên là những cái "bàn" ghép bằng hai tấm ván, dài mươi mười lăm mét. Buồng tôi, lớn nhỏ 174 người. Mỗi xuất cơm được hai lưng bát con. Chỉ có một cái bát con và cái môi phải chia sao cho thật đều. Xếp bát ở trên bàn thành 5 hàng. Khi chia gần về cuối, có thể thiếu, có thể thừa. Nếu

thiếu, một anh phải lấy muỗng con đi tùng suất lấy bớt ra, tùy theo một muỗng, nửa muỗng, hoặc một phần ba muỗng, v.v… Nếu thừa, thì đi "tản" thêm cho mỗi suất một phần ba, hay một phần năm muỗng tùy theo. Người chia canh, người chia cơm, người sắp xếp, người so đũa. Khi đã đếm đi, đếm lại, thấy đủ rồi, mới báo cáo cán bộ cho buồng ra. Cứ hàng một, mỗi người đến lấy một suất cơm, một suất canh. Rồi, ra sân, mỗi người tìm một chỗ ngồi ăn.

Buồng tôi, vì phần lớn là lũ trẻ con, nhàng nhàng, nhơ nhỡ. Lại là dân lưu manh trộm cắp, anh chị nên chúng hay sinh sự, đánh nhau, bắt nạt nhau… lúc ăn, lúc chơi, cũng như lúc ngủ. Vì vậy, phải có người lớn. Người này, chúng phải nể sợ chúng mới nghe; chứ gặp người lớn lù khù, hiền lành, chúng thường chửi lại.

Có thể do tình trạng chiến tranh, tinh giảm cán bộ để dành cho chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại miền Bắc và chiến trường "B", nên tên Kế phải phụ trách hai buồng. Buồng số 4 là buồng chúng tôi và số 5 ở sát ngay bên cạnh. Buồng số 5 hầu hết là thanh niên và người lớn. Tuy cùng một cán bộ phụ trách, nhưng hai buồng có quy chế khác hẳn nhau. Buồng số 5 phải sinh hoạt chính trị tư tưởng chặt chẽ như nhiều buồng khác.

Ăn cơm xong, tù lại xếp hàng đôi để cán bộ kiểm người cho vào buồng. Để biết rõ thêm về thằng Thắng "Trắng", con của Bảo Hưng Long, tôi đến ngồi bên cạnh và hỏi chuyện tiếp. Chính vì tôi hay ngồi nói chuyện trò thân mật với nó, nên cả buồng có dư luận là tình cờ trở về miền Bắc, tôi đã gặp lại một thằng cháu ở trong tù.

Qua thằng Thắng, tôi cũng biết sơ lược tình hình của Hàng Bạc từ 54 tới bây giờ. Thằng Hoan "Thọt" Hàng Bạc, rồi con của Chấn Hưng, thằng Hùng em cô Mi nhà Ngọc Chương, và rất nhiều cậu cùng tuổi, hoặc sấp sỉ tuổi tôi, đều đã đi… tù về tội lưu manh trộm cắp; một số tù về tội phản động, phản tuyên truyền.

Nói chung, bố mẹ bị "đánh tư sản", vừa bị đi tù vừa hết của cải. Nếu còn ai không bị tù, đi làm cũng chỉ được đồng lương… chết đói! Ai đi làm cũng chỉ đủ để nuôi sống… người ấy. Bố làm nuôi bố, mẹ làm nuôi mẹ. Con cái nheo nhóc, không đủ ăn. Làm bố mẹ mà không nuôi được con cái 10, 15, 16 tuổi thì làm sao bảo được chúng? Một khi chúng phải tự kiếm ăn, chúng không còn sợ bố mẹ nữa. Bố mẹ chưởi con, con cãi, thậm chí cũng chưởi lại bố mẹ. Cuối cùng để rồi con cái phải "dạt vòm" sống lang thang trộm cắp. Cá biệt, cũng có bố mẹ còn chôn dấu được của cải, rồi do lòng thương con, nên vẫn cố gắng bù đắp nuôi con cho đi học tiếp, tùy theo đến lớp 7, lớp 8, có khi đến lớp 9, lớp 10 (hệ 10 năm). Nhưng kết cục, nhà nước cũng không cho vào đại học với nhiều nguyên nhân. Đến lúc này, bố mẹ cũng đành bỏ con, và con cũng đành bỏ bố mẹ. Con cái chỉ còn hai con đường: Đi bộ đội, hoặc gia nhập giới… lưu manh.

Bao nhiêu tấm gương trước đây, ai cũng nhìn thấy, với cái "đuôi" là con nhà khá giả, tư sản ngày xưa, vào bộ đội, dù có tích cực một sống hai chết, cũng là một tên bị phân biệt thành phần; nghĩa là không có lối thoát, mặc dầu chỉ muốn sống một cuộc sống bình thường, làm ăn của một người dân, cũng không thể được. Chỉ còn một giải pháp thứ hai, dù biết rằng đi theo là hủy diệt tương lai, cũng đành, vì còn những phút tự do, những phút ngất ngưỡng cuộc đời khi kiếm được tiền: Đó là "dạt vòm" vào giới lưu manh trộm cắp, bụi đời.

Những ngày sau đó, tôi hỏi thăm nhiều cậu trong buồng. Mỗi cậu mỗi tình tiết khác nhau khi trả lời hai câu hỏi:

1. Nguyên nhân, hoàn cảnh nào đã đưa đẩy em vào giới lưu manh trộm cắp này?

2. Hãy kể cho anh nghe một "cú" làm ăn của em, mà em cho là nổi bật nhất, được nhiều tiền nhất, kỳ công nhất?

Qua những câu trả lời của rất nhiều thanh niên về hai câu hỏi này, tôi đã nhìn ra cái lúng túng, mâu thuẫn của những tên lãnh đạo xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

Chủ trương của chúng là dân phải… ngu! Dân ngu, mới dễ bảo; nói thế nào dân cũng tin, nói sai, dân cũng không biết. Có như vậy, mới vững cái ghế ngồi của những tên vua không ngai của một nền "quân chủ mới" (quân chủ cũ, chết đi nhường ngôi lại cho con cháu. Quân chủ mới, chỉ được hưởng hết đời mình, đồng thời lại không được làm "ngai"; bình mới, rượu cũ). Nhưng, ngoài mặt chúng lại phải bịp bợm, tỏ ra xã hội chủ nghĩa là cách mạng, là văn minh tiến bộ, khoa học, là "đỉnh cao trí tuệ loài người"……Chúng đã phải làm ra cái vẻ cổ vũ "toàn dân đi học". Nhưng, trong chương trình học, tất cả chỉ nhằm đào tạo một loại người biết nghe lời, không được tìm hiểu những cái sai, lầm trong những điều đảng dạy. Nào là: "…trung với đảng, hiếu với dân…" vân vân, và vân vân…..Đảng bảo, chỉ biết nghe lời và chấp hành.

Một mâu thuẫn của nội tại vấn để đẻ ra là: Nếu cổ vũ dân đi học mãi, dân sẽ khôn, sẽ biết những cái bậy, những cái bịp, những cái nói láo tinh vi của Đảng. Do đó, chủng phải ngăn dân lại từ cửa đại học. Cần lý do? Chúng có hàng triệu lý do; hoàn cảnh đất nước, nghĩa vụ quân sự, tiêu chuẩn điểm, lý lịch, v.v…và v.v…Chúng chỉ cho những ai thuộc loại cốt cán của cách mạng lên đại học. Mà cốt cán của cách mạng thì ai cũng biết tỏng là loại người nào rồi: phải là gia đình nhiều đời nghèo. Mấy đời khổ cực ngu đần, bây giờ đảng mới cho ngóc đầu, sung sướng, tất nhiên sẽ tuyệt đối nghe lời đảng (mặc dù, hơn chục tên Bộ Chính Trị đều là… con nhà khá giả, con ông cháu cha ngày xưa; nghĩa là ở thành phần địa chủ, hoặc tiểu tư sản), Phải là gia đình liệt sĩ. Chúng đã phồng mang trợn mắt, dùng mọi cách "Xui người dân ăn cứt gà". Ai đó, ăn cứt gà, không may, bị chết, con cái lúc đó là con liệt sĩ. Lúc này, chúng lại khích con cái thù bố, thù mẹ (có biết đâu vì ông bố dốt, bị chúng xúi ăn cứt gà nên chết) và như vậy, chúng đã buộc chặt đứa con, đứa cháu đó vào dưới trướng của chúng rồi. Những người này, chỉ biết trung thành và tuyệt đối nghe lời chúng.

Trên đây là hai thành phần cốt cán của đảng đấy. Dù như vậy, trên đại học, cũng như khi đã tốt nghiệp, còn nhiều chặng, nhiều "khâu" lọc. Cuối cùng, những người thành đạt ra, phải "đạt" những tiêu chuẩn sau:

- Đảng bảo sao, hãy làm như vậy. Việc gì đối với đời là trái, đảng bảo là phải, hãy tin điều đó là chân lý. Kẻ nào làm ngược lại là chống đảng. Ai cũng hiểu, tội chống đảng sẽ ra sao rồi.

- Phải tự nguyện lấy mạng sống để bảo vệ đảng (là bảo vệ chỗ ngồi của 15, 16 tên thuộc Bộ Chính Trị).

Nếu ai cũng hiểu như vậy, đừng ai chê: sao tên giám đốc này ngu, tên giáo sư kia dốt, tên tiến sĩ nọ du học Liên Xô mà chẳng khá về chuyên môn, v.v… Từ đấy suy ra, cũng đừng chê: Dân biểu này là hốt rác; nghị sĩ kia là con sen v.v…

Sẽ có người nói, nếu Cộng Sản dùng người như vậy, đất nước nghèo khổ, sẽ lạc hậu dần. Tóm lại, nước nghèo, dân khổ lắm.

Đây cũng là một chuyện đau đầu của những "ông" Bộ Chính Trị nhà ta. Chúng chỉ có thể chọn một trong hai cách:

1. Dân sẽ sướng, đất nước phồn vinh. Như vậy, dứt khoát không còn chỗ cho chúng ngồi nữa, vì chúng thống trị bằng lừa bịp và bạo lực. Đất nước là của chung mọi người dân, chẳng phải của riêng ai. Mỗi thế hệ biết bao nhiêu người tài ba, đạo đức mới, thế mà chúng cứ chễm chệ ngồi suốt đời trên "ngai" được sao?

2. Ngược lại, chỗ ngồi vững chắc, nhưng dân sẽ nghèo khổ, đói khát, v.v…

Không cần nghĩ lâu, ai cũng thấy là bọn lãnh tụ Cộng Sản đã lựa chọn cách nào rồi. Từ đấy, cũng suy ra, chưa có ai chê nền quân sự của Cộng Sản là lạc hậu và nghèo nàn. Vũ khí của Cộng Sản cũng như những kinh phí về quân sự, của chúng thường hơn hẳn phe quốc gia (để sáng tỏ vấn đề này, xin xem những phần sau vì phải dựa vào thực tế diễn tiến).

Lúc này, tôi chỉ xin mở vấn đề như sau: Nếu ai nhận định hoặc hiểu nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân các nước Cộng Sản nói chung nghèo nàn và khổ cực, không những trước đây, bây giờ và mãi mãi sau này. Người đó nhìn như vậy là đúng! Nhưng, cũng lại đánh giá như vậy về quân sự của Cộng Sản Việt Nam, hoặc của các nước xã hội chủ nghĩa khác thì thực là sai lầm. Sai lầm ở chỗ: những phương tiện để phục vụ cho đời sống con người, dưới chế độ Cộng Sản thì vô cùng lạc hậu (vì đó là chủ trương của chúng); nhưng, những phương tiện để phục vụ về an ninh, quốc phòng, cũng như để tấn công, hoặc xâm lược các nước khác của Cộng Sản lại vô cùng phong phú, tân tiến.

Đừng nghe Cộng Sản kêu la túng quẫn, đừng nhìn Cộng Sản nợ các nước, hoặc các nhà băng quốc tế, mấy năm không trả được, v.v… mà bảo là các chính phủ Cộng Sản nghèo túng. Tin như vậy là chưa hiểu Cộng Sản. Tất cả đều nằm trong sách lược của chúng cả. Khi nào các bạn thấy vũ khí cũng như nền quốc phòng của chúng nghèo nàn, lạc hậu, các bạn hãy tin Cộng Sản nghèo túng. Còn ngược lại, chớ bao giờ tin, kẻo lầm, rồi lại vắt chân lên cổ mà chạy dài!

Một khi đã hiểu như vậy, xin đừng chê người dân dưới chế độ Cộng Sản là "cù lần", khi họ nói "ti vi chạy đầy đường", "cá thả vào bồn vệ sinh nuôi", v.v… để rồi ta cứ chạy và chúng cứ thắng.

Nếu ta chê bai, chế riễu người dân dưới chế độ Cộng Sản là quê mùa dốt nát; cán bộ với bộ đội mán về thành phố, v.v… chẳng khác gì là ta chê một người câm không biết nói vậy.

Buổi sáng hôm sau, vẫn quen như nếp sống trong xà lim, mới 6 giờ, tôi đã thức dậy, định tập thể dục, nhưng căn buồng đầy người như thế này, không khí lại hôi thối, vì vậy, tôi phải đành tạm bỏ tập thể dục.

Bác Khánh già cũng dậy sớm, bác khoác chăn đến ngồi bên cạnh tôi. Nhìn bác, tuy mái đầu đã muối tiêu, nhưng dáng dấp vẫn nhanh nhẹn khỏe mạnh, đôi bàn tay thật to với những ngón tay chuối mắn, tôi tươi nét mặt nhìn vào bộ ngực của bác nói:

- Bác có bộ ngực "cốt xì lô" quá! Chắc thời thanh niên bác cũng thích thể thao?

Mắt bác sáng lên, rồi quay hẳn lại phía tôi như được gãi trúng chỗ ngứa:

- Trước, tôi là một cây quần vợt ở "Septo". Các loại thể thao điền kinh, môn nào tôi cũng hữu hạng.

Rồi như muốn khơi mạch cho nỗi niềm vơi bớt, bác nói tiếp, giọng như thì thầm:

- Đời tôi hận lắm anh ạ! Hình như mỗi đời người, dịp may chỉ đến một lần, bỏ lỡ rồi, đành ôm hận suốt đời. Năm 1954, tôi đã xách va-li xuống đến Hải Phòng rồi. Nhưng, hai ngày ngồi chờ tầu vào Nam, tôi lại lẩn thẩn nghĩ đến mấy cái nhà ở Hà Nội, nghĩ đến nhà tôi và các con, nên tôi lại mò về.

Nói đến đây, hình như có một sự cấu xé dày vò trong lòng, mặt bác nhăn lại, bàn tay đập mạnh xuống đùi:

- Chỉ vì vợ với con, nhà với cửa, để rồi nhà cửa cũng mất; con cái cũng lang thang mỗi đứa mỗi nơi; vợ chồng suốt năm chật vật lê thê, vặc, cãi nhau như mổ bò. Cuối cùng, bây giờ đem thân vào tù vì tội buôn lậu…

Đột nhiên, mặt bác lại hồng lên, môi trên nhấp nháy rồi cong lên:

- Vậy mà anh ạ, nghĩ cho kỹ tôi vẫn còn là may đấy. Luồn lọt, đi làm tài xế chạy xe cho xí nghiệp xe khách, nên cũng

yên. Chứ hầu hết những nhà tư sản, có máu mặt dưới chế độ cũ, đa số đều bị bắt ngay từ 1956-1957 rồi. Nhiều người đã tự tử, đã chết trong tù… Thật là cả một nửa nước, ai cũng bị lừa.

Ngồi nghe bác thì thầm tâm sự, tôi càng quý và thương bác hơn. Tôi chỉ mới vào đây độ ba, bốn ngày, bác đã tin tưởng thổ lộ như vậy, nên tôi cũng thử đặt vấn đề hỏi bác, vì sao bác vội tin người như vậy? Bác cười, nhìn tôi, mắt nheo nheo lại:

- Cậu ơi! Hơn một chục năm sống trong xã hội đầy lừa lọc, phản trắc đã làm cho những giác quan của chúng tôi thêm bén nhậy. Vì vậy, gặp một người, chỉ qua vài lần nói chuyện là chúng tôi ngửi thấy vấn đề, an ninh hay bất trắc rồi cậu ạ. Nhưng, cậu hãy cảnh giác tên Hưng.

Tôi khẽ mỉm cười cảm ơn bác đã có lòng tin tưởng. Bỗng dưng cái chăn cuộn 3 đứa của Thắng "Trắng" giẫy lên đùng đục, rồi một tiếng hét ré lên. Thằng Phúc "Lủi" bé tí, bị đạp thọt ra ngoài chăn, đang khóc.

Nhìn cái bàn tay con con đầy ghẻ lở của nó đưa lên quệt nước mắt, trông thật là tội. Tôi chạy lại, đập vào vai thằng Thắng. Nó và thằng Hạnh "Chui" ngồi bật dậy, nhớn nhác dụi mắt. Tôi hỏi:

- Sao cháu lại đạp thằng Phúc ra ngoài?

Thằng Thắng giẫy nảy, chối:

- Không phải đâu! Tại cháu đang nằm mơ, thấy một con rùa to cứ chui vào trong chăn cắn chân cháu, nên cháu mới đạp đấy chứ!

Tôi và ông Khánh cùng cười, thương cảm cho đầu xanh sớm phải cảnh gió bụi, chỉ vì mười mấy tên hung đồ. Tôi móc túi "vê" cho mỗi đứa một điếu thuốc:

- Thôi, ra đây cho mỗi đứa "bắn" một "bi" rồi hãy ngủ lại!

Cả ba đứa toét miệng ra cười, trông như miệng ba con ốc nhồi. Nhìn thằng Phúc "Lủi" ngồi cuộn trong cái mép chăn, chỉ bé bằng con chó con, tôi tò mò hỏi:

- Cháu 11 tuổi, vậy cháu bắt đầu ăn cắp từ bao giờ?

Ra cái vẻ ta đây là "người nhà" của chú, thằng Thắng nhanh nhẩu trả lời thay:

- Nó biết ăn cắp từ ngày 4 tuổi, chú ạ. Nó đã có 12 lần "tiền sự" rồi đấy! (Nghĩa là 12 lần bị bắt, không xử).

Tôi ngạc nhiên hỏi ngay, với vẻ không tin:

- Bốn tuổi làm sao biết ăn cắp?

- Mẹ nó đã mất nhiều công dậy nó. Mẹ nó cứ bế nó chen lẫn vào những đám đông, như chỗ lấy vé ở rạp xi nê hay rạp hát. Nó lựa thế (theo mẹ nó bảo) thò tay sang túi áo người khác để lấy kính, lấy bút máy, có khi cả tiền. Nếu không may bị họ bắt được, người mẹ xin lỗi là cháu nó trẻ con, táy máy, đùa nghịch. Thấy người mẹ bế đứa trẻ, đa số không nghi ngờ gì cả, mất cảnh giác dễ bị mất lắm.

Tôi vẫy tay ra hiệu cho thằng Thắng đừng nói, để tôi nghe chính thằng Phúc "Lủi" trả lời, tôi hỏi tiếp:

- Thế lần cháu "mổ" (móc túi. Lính mổ: lLoại móc túi) được nhiều nhất là bao nhiêu tiền và cách đây bao lâu?

Đôi mắt đang hấp him như hai mắt con mèo nhìn đám gà con bới thóc ở sân, đột nhiên mở to, sáng lên như thấy một chú gà con rời mẹ chạy lại gần chỗ mình:

- Tết năm ngoái, cháu "mổ" được một lần nhiều nhất là 180 đồng.

- Ở đâu và của ai?

Tôi hỏi với một vẻ trầm trồ ca ngợi, một chiến công hiển hách. Thằng nhỏ càng sáng mắt lên đầy phấn khởi trả lời:

- Hôm đó, cũng sắp sửa Tết như kỳ này, cháu xuống Hàng Gai. Cháu đang chen vào Bách Hóa định mua một hào kẹo, chợt cháu thấy một bà xách cái lẵng hoa, cũng đang mua hàng. Bà mở lẵng ra lấy ví, móc tiền trả cái áo cánh. Thấy ví dày cộm, đầy tiền, cháu liền "tăm" bà ta suốt buổi chiều hôm ấy. Nhiều lần cháu không biết làm sao được. Mãi đến lúc bà ấy xuống ga Hàng Cỏ chen vào mua vé tàu, cháu mới chui vào theo, rồi dùng lưỡi "lam" mới, cháu "chích" lẵng của bà. Vậy mà phải gần nửa tiếng đồng hồ lo âu, hồi hộp, cháu mới lấy ra được. Xong, cháu lủi lẹ.

Tôi hiểu, dưới chế độ miền Bắc lúc này, có tiền nhiều như vậy, không là thủ quỹ thì cũng là cán bộ về tài chính của nhà nước. Tôi lại hỏi:

- Thế cháu đem tiền về làm gì, đưa đi đâu, hay gửi ai?

Nó cười rộ lên nghe như tiếng dê kêu:

- Chúng cháu mỗi đứa đều có nhiều chỗ gửi tiền. Các bà bán nước trà, các bà bán hàng cơm. Lúc có tiền thì gửi; lúc khó khăn không kiếm được, thì các bà bán chịu cho, chú ạ.

- Lúc này cháu còn tiền gửi không?

- Còn chứ chú! Cháu vào "hao" (Hỏa Lò) một, hai tháng trở về, chúng cháu phải có tiền chứ. Nếu không, lúc mới về làm sao dám đi kiếm tiền!

Thằng Thắng nhịn từ nãy, bây giờ được thể nói thêm vào:

- Chúng cháu ít khi bị bắt lắm. Nếu có một vài chục hay cái đồng hồ, thường không bị vào "hao" đâu.

Tôi đang vê điếu thuốc, tai vẫn mơ màng nghe, chợt ngạc nhiên, quay lại hỏi thằng Thắng:

- Là thế nào? Chú chưa hiểu có tiền, làm sao lại không bị vào "hao"?

- Có gì đâu, chú! Các chú công an ở các khu phố, mặc thường phục cũng như đồng phục, thường đi bắt chúng cháu ấy; chúng cháu đã nhẵn mặt, biết tính từng người. Nhất là chú Ngọc ở khu Hoàn Kiếm. Thường thường đi làm ăn, chúng cháu cứ để sẵn 10 đồng, có khi là một cái đồng hồ cũ giá độ 15, 20 đồng, cùng quá thì 5 đồng ở trong túi. Không may, hôm nào đó, bất chợt bị "vồ", tiền hay đồng hồ bị công an khám thấy, giữ để làm tang vật. Rồi, công an cứ nắm tay giong về đồn. Trên đường đi, nếu có tiền như trên, công an thường vờ bảo "Đứng đây, tao vào đi tiểu (hoặc mua cái gì đó, tùy theo), mày chạy đâu, chết với tao". Tuy vâng, dạ nhưng phải hiểu là "hãy lủi lẹ, và không bao giờ được hỏi hay nói gì về số tiền công an giữ cả". Vấn đề này, hai bên đều tự hiểu ngầm. Hầu hết chúng cháu,

lớn nhỏ ai cũng hiểu thế…..

Thì ra là vậy, tôi thầm nghĩ khi nghe thằng Thắng nói. Tôi đang định hỏi tiếp với 3 đứa chúng nó, thì quản giáo đã đến mở cửa. Tới giờ hành chính rồi…

Chương 76

Tình Người …Hưng Yên

Ra sân, sau khi rửa mặt xong, tôi và bác Khánh lại lúi húi dọn dẹp chỗ "bàn" dài, để lát nữa chia cơm.

Sáng nào, từ ngày chuyển ra trại chung ngoài này, tôi cũng thấy cô Vân đặt một cái bàn con ở một góc sân, trên để khay thuốc, rồi hí hoáy phát và bôi thuốc ghẻ cho mấy đứa nhỏ. Tôi hiểu là thỉnh thoảng cô vẫn đưa mắt nhìn tôi. Cô muốn tôi ra xin thuốc từ mấy ngày nay, nhưng tôi cứ lờ đi coi như không biết. Tôi nghĩ sự việc rồi sẽ chẳng giải quyết được gì, mà chỉ làm cho trái tim rỉ máu nhiều hơn. Vả lại, trong điều kiện như thế này, tôi không có quyền làm buồn lòng một người con gái, dù là người đó thuộc phía đối phương. Danh dự của cá nhân tôi, và danh dự của chế độ nữa không phép tôi làm như vậy (nếu câu chuyện này vỡ lở ra, chúng sẽ có dịp bồi thêm là người của miền Nam chỉ trai gái, không có đạo đức, v.v…). Từ những suy nghĩ như trên, tôi cứ phải lẩn tránh. Bất đắc dĩ phải ra ngoài, tôi thường nhìn đi nơi khác.

Hôm nay cũng vậy, tôi dõi mắt xa xa, chỗ khe hở của tấm có vây ở sân, nhìn những cái chân trắng, đầy lông lá, đi đi lại lại. Óc đang miên man đầy vơi những nỗi niềm nghiêng ngửa của cuộc đời, chợt, một cậu bé đến cạnh tôi, thì thầm, mắt nhìn ra chỗ bàn cô Vân:

- Chú ơi! Cô y tá bảo mời chú ra cho cô hỏi gì ấy!

Tôi thấy rõ trái tim mình nhảy nhịp một cách bất thường. Cô Vân ơi! Thôi mà, xin cảm ơn tình cô. Xin hãy để cho tôi yên lành, lần mò trong quãng đường tăm tối của tôi! Dù đầu óc nghĩ như vậy; dù lòng chẳng có ý định và dù vẫn cố gắng cắm cúi lau bàn; tôi vẫn thấy trái tim mình nhảy lộn xộn loạn cả lên. Trong khi tai vẫn thoang thoảng nghe như có tiếng nói của ai đó luồn trong gió ở ngay phía sau mình, mà do những tiếng gọi nhỏ bé hun hút, từ trong hang sâu thẳm của cõi lòng tôi thúc giục đẩy đưa. Hai bàn chân tôi, từ từ tiến ra chiếc bàn cô Vân đang ngồi ghi ghi, chép chép. Rồi cô nhấc chai thuốc này, mở chai kia, như không hề chú ý đến tôi.

Tôi biết là cô đã thấy tôi ra, nhưng nét mặt cô lại rất lạnh lùng. Tôi cũng hiểu, lúc này cũng có hàng trăm con mắt đang để ý theo dõi, bởi vì dù muốn hay không, sự việc nằm ngay trước mắt người ta. Mãi một lúc, cô nhìn tôi, mắt cô run run, đang từ màu nâu chuyển dần qua máu lá mạ "nửa dòng", rồi nhạt dần thành màu hoa thiên lý "con so". Mặt cô thoáng hồng lên dưới ánh nắng nhạt của buổi sáng mùa Đông. Một bàn tay cô lơ đãng, đưa lên hẩy nhẹ mái tóc lả lơi buông xõa bờ vai. Môi cô mấp máy, thốt ra những lời run run trong gió Bắc hanh khô:

- Sao mấy ngày hôm nay, anh không ra?

- Ra làm gì cho buồn thêm!…

Tôi trả lời trong hiu hắt nghẹn lòng. Giữa lúc ấy, tên Lê, phó giám thị từ phía cổng trại chung đi vào. Cô Vân vội nhặt 3 viên thuốc trong khay, gói vào một miếng giấy nhỏ, rồi đưa cho tôi, nói nho nhỏ:

- Mai, gần cuối giờ, anh báo cáo ra đây xin thuốc!

Tôi cầm gói thuốc đi về chỗ bàn chia cơm, người còn bần thần như vào một buổi chiều lộng gió, ngồi một mình nhìn ra cửa biển mênh mông. Vân nhẹ trách tôi sao mấy ngày không ra, thế là rõ lòng cô đã chờ đợi mong mỏi đấy. Vân ơi! Tôi cũng mong, cũng nhớ lắm. Nỗi mong nhớ khao khát của tôi hẳn còn sâu đầy hơn Vân nhiều. Tôi biết rung động trước tình người, bén nhậy với ân nghĩa, thế mà tôi đã bị rào kín, bị bóc lột đến độ tàn bạo. Sáu năm dài buồn bã trong căn buồng hẹp, cùm kẹp lê thê, khổ nhục đã làm tôi thiếu khát mọi thứ. Tôi thèm khát mùi lá khô, mùi hoa bàng. Tôi ngẩn ngơ nhìn ánh nắng. Tôi thả hồn với mây chiều, với mưa phùn gió Bấc. Tôi đắm say nghe tiếng chim ríu rít trên cành bàng, những sinh vật duy nhất nơi đây không hận thù…..Tôi muốn được san sẻ cõi lòng, khát khao bầu bạn.

Thế rồi, Vân đã đến với tôi, với một tình người dạt dào trong sáng. Để rồi tôi đã được những phút ngập ngừng, hồi hộp, say sưa. Và Vân đã mong nhớ. Và chúng ta đã bao lần trằn trọc trong đêm khuya.

Nếu như thế đã là đôi chút của tình yêu, thì sao nhỉ? Phải chăng đó là phần tinh khiết cao quý nhất của con người mà sắt máu, khủng bố của chế độ này đã không đàn áp nổi? Và phải chăng, nó cũng chính là chứng nhân và thẩm phán của chân lý, của tình người, để tuyên án chế độ này?…

Đang nghĩ ngợi miên man, chợt Thọ "Lột" đến ghé vào tai tôi, thì thầm:

- Anh ơi! Mấy hôm trước, đài nói Nguyễn Chí Thanh bị mệt nặng, các bác sĩ đã tận tình cứu chữa ở Liên Xô, nhưng cuối cùng bị chết. Nhưng, thực ra, bên ngoài Hà Nội, người ta đồn là Nguyễn Chí Thanh bị bom B-52 chết ở Dầu Tiếng, trong Nam, anh a.

Để xác định rõ, tôi hỏi thêm:

- Em nghe thấy từ bao giờ, khi còn ở ngoài Hà Nội, hay mới đây? Theo em, nguồn tin này do từ cán bộ nói ra, hay từ những người nghe đài BBC, hay từ đài miền Nam?

- Thằng bạn em nghe đài Sài Gòn. Nó mới bị bắt vào, nói lại.

Tôi động viên ca ngợi nó:

- Cảm ơn em, em có những nguồn tin thật là tuyệt. Nhưng, nhớ đừng cho ai biết là em đã kể cho anh nghe!

Chiều hôm ấy, khi tôi vừa ra cửa (trật tự được quyền ra vào, nhưng cũng chỉ ở góc cửa buồng mình), thấy buồng bên cạnh có 4, 5 anh đang thập thò ở cửa. Lại nghe tiếng nói của một người nào đó, rất quen đang nói chuyện vời một anh đứng gần đấy. Cái tiếng khàn khàn, đờn đợt, trọ trẹ miền Nam, tôi ghé gần một cậu, hỏi nhỏ về người có tiếng nói rất quen đó. Với hai con mắt him híp như mắt con heo nái, liếc đi liếc lại, long sòng sọc; miệng cười hềnh hệch, nhe những chiếc răng bàn cuốc, trong góc có một chiếc răng vàng đã bẹp dúm một bên. Chính anh ta đã nghe thấy tôi hỏi cậu kia, nên đã ưỡn thẳng người lên, rồi trả lời với vẻ ta đây:

- "Long Châu Sa" Lê Văn Lương, mới ở trại trung ương về đây!

- Trại nào?

- Trại I Phố Lu, Lào Kay.

- Tại sao lại về?

- Vụ án phải xử lại.

- Thế Nguyễn Văn Căn, sao?

Y mở to mắt nhìn tôi, như hỏi sao tôi biết, nhưng miệng y vẫn trả lời dù chưa hiểu vì sao tôi lại biết chuyện của Căn:

- Đã bắn 3 năm nay rồi còn đâu!

Dù đã biết vậy, nhưng tôi vẫn thấy tim mình như thắt lại khi nghe tin cụ thể về anh Căn. Anh đã chết rồi! Như vậy, ngày từ ngày đó, ngày tôi đào thoát, rồi bị đưa vào cát xô gần hai tháng, là thời gian anh Căn bị đưa đi bắn. Tôi nhắm mắt, gục nghiêng đầu một phút để mặc niệm hương hồn của anh. Anh đã hy sinh cho quyền làm người của nhiều người.

Tên Lê Văn Lượng cũng đi trại trung ương 3 năm nay rồi. Y lại mới được đưa về đây. Mồm y ông ổng huênh hoang kể những chuyện trên trời dưới đất ở trên trại trung ương, miền núi rừng hẻo lánh xa xôi. Năm, sáu người, ngay trong phòng tôi, cũng ngồi hếch mắt, há mồm nghe, trong đó có cả bác Khánh. Riêng tôi, tôi cứ bần thần suy nghĩ về tên người Việt gốc Căm Pu Chia này, một tên đểu giả vô lại (tôi cho là chưa từng thấy một người nào khả ố, lật lọng đến như vậy), lại liên quan đến tổ chức tình báo Trần Minh Châu tức Cập. Một tổ chức gián điệp được cài lại từ 1954, dây dưa rất nhiều ẩn khúc. Anh Cập, đầu mối đã bị xử tử năm 1957. Rồi cuối cùng năm 1958, Căn và Lượng mới bị bắt, vì Lượng giết một đứa bé ở Hàng Bạc để bịt miệng, tứ đấy mà bị lộ. Căn đã bị xử tử năm 1964. Lương bị xử án chung thân, bây giờ lại được gọi về xử lại.

Đang miên man nghĩ ngợi về y, chợt nghe y nói tới một chuyện làm tôi chú ý. Y kể lại, năm 1964, miền Bắc có bắt được một vụ biệt kích. Toán biệt kích này có tên là toán "Boone", gồm 5 người: Đinh Sơn, Nguyễn Công Thành, Nguyễn Huy Lân, Nguyễn Văn Phú và Nguyễn Văn Mạnh. Chẳng hiểu vì lý do gì, toán này khi nhẩy xuống đất, biết đã bị bao vây, nên tất cả đều hàng hết, hàng ngay.

Cộng Sản miền Bắc đã lợi dụng vụ này để làm chính trị. Đài phát thanh, báo chí, chúng làm rùm beng hàng mấy tháng trời, trong nước cũng như ngoài nước, để chuẩn bị cho một phiên tòa với nhiều đại biểu của cả nước và có cả sự tham dự, của nhiều phóng viên quốc tế, v.v… Chúng xử ròng rã 3 ngày, với bao nhiêu trò hề, làm đau lòng những người có giòng máu quốc gia và làm mát mặt những tên đít đỏ như rệp. Cuối cùng, để khuyến khích, cổ vũ các toán biệt kích sau này, khi ra Bắc sẽ đầu hàng ngay. Mặt khác, để chứng tỏ cho thế giới thấy chế độ xã hội chủ nghĩa "Lương tâm của loài người, đỉnh cao của trí tuệ, đầy lòng nhân đạo, thương yêu người dân như con cái trong nhà, như anh em ruột thịt, máu chảy ruột mềm v.v…", chúng trang trọng tuyên bố tha bổng. Đài phát thanh, báo chí trong và ngoài nước bốc thơm như mít. Nhưng, bây giờ tên Lê Văn Lượng chết tiệt lại nói là, nếu các bạn muốn gặp các anh biệt kích đó, xin mời lên trại trung ương số I, Phố Lu, Lào Kay.

Câu chuyện y kể làm mọi người bâng khuâng, thấy đầy rẫy vô lý. Dù rằng y là một tên lỗ mãng, đểu cáng, nhưng có những sự việc y không thể dựng đứng lên được. Thí dụ như sự việc này, bởi vì người và việc còn đấy. Nội vụ đã đưa ra tòa, cả nước chứng kiến, bao nhiêu phóng viên quốc tế quay phim, chụp ảnh; mặt khác nữa, ngay những bị can, sau khi được tuyên bố tha bổng, lại bị đưa cả vào tù, đời nào họ chịu (!), Chính phủ ăn nói với họ ra làm sao? Cho nên, rằng muốn tin, nhưng lại không thể tin, chỉ vì sự việc còn cách một không gian từ Hỏa Lò lên trại Phố Lu. Vì vậy, câu chuyện này cũng để nó đấy, thời gian sẽ làm sáng tỏ sau.

Nhưng, có một điều chưa thể quên ngay được về câu chuyện này là, sáng hôm sau, chả biết tên chó má nào đã thọc với quản giáo. Thế là cả một buổi sáng, buồng số 5 phải ngồi tập trung lại, có tên Kế dự. Lượng phải ngồi riêng một chỗ để toàn buồng…"giúp đỡ" bằng cách sỉ vả, mạt sát y là thằng nói láo, phản tuyên truyền, xuyên tạc đường lối

giáo dục, cải tạo nhân đạo của đảng, chính sách khoan hồng độ lượng của cách mạng, v.v...Cả một nhà nước to lớn, cả một đảng Mác xít, Lê-nin-nít vĩ đại bao giờ lại thèm làm những chuyện trẻ con, lừa bịp như vậy, còn đâu là uy tín, còn đâu là nét mặt phúc hậu của "cha già dân tộc" là Hồ Chí Minh?...

Gần hai tiếng đồng hồ, mỗi người mỗi phát biểu sỉ vả. Ngồi ở buồng bên cạnh, tôi còn sốt cả ruột gan, nóng ran cả mình mẩy, huống chi Lượng. Phải nói là y tối tai, tối mắt, quay cuồng như con thú ngồi trên nồi rang. Dù y có cương cường, ngông hách đến chừng nào, cũng phải quỵ mọp đầu xuống trước hơn một trăm cái miệng châu vào bủa lưới ụp xuống đầu y.

Người ta nói "chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết", huống chi ở đây hàng hơn một trăm người, lại có "chính quyền" đứng làm ngáo ộp nữa! Ở đây, phải hiểu "chính quyền" là vũ khí bạo lực. Cho nên, cuối cùng anh đã cúi đầu nhận tội nói láo, phản tuyên truyền, chuyện không, nói có. Để chuộc tội, anh xin nhận "15 ngày kỷ luật cát xô, ăn cơm muối ngày một nắm".

Câu chuyện này vẫn chưa chấm dứt ở đây, còn dài mãi đến năm 1982, và đến... bây giờ. Tôi, do hoàn cảnh tù đầy đẩy đưa, sẽ minh oan cho Lượng bằng người thực, việc thực. Không những chỉ câu chuyện này, mà còn biết bao nhiêu những cái bí ẩn, trong một góc của cả một bối cảnh thê lương dài 30 năm của đất nước, sẽ được phanh phui ở những trang tới.

Buổi tối, tôi đang ngồi chuyện trò với bác Khánh, Phúc "Thổ" lại ghé vào tai tôi nói thầm, tay chỉ vào một góc buồng có 6, 7 cậu đang ngồi:

- Mời anh lại chỗ chúng em một tí!

Tôi ngạc nhiên, nhưng cũng đứng dậy theo Phúc. Trong đám có cả Thọ "Lột" và mấy cậu nữa cũng là những tay có hạng trong làng dao búa của Hà Nội. Chẳng biết các cậu "xoay sở" từ lúc nào, những tên đàn em, kẻ canh gác cán bộ, đứa vào nhà xí dùng giấy đun được một ca nước trà. Thấy thế, tôi nhìn tất cả ngụ ý hỏi là các cậu làm vậy, không sợ tên Hưng và những loại chó "thọc" với cán bộ hay sao? Phúc "Thổ" cười một cách tỉnh bơ, không cần giữ ý:

- Anh ơi! "Sơn ăn từng mặt" thôi, anh ạ. Thằng Hưng hay thằng nào, cũng chỉ dám hống hách, cáo cầy với những cánh nào non thôi. Chứ chúng nó mà không biết điều với bọn em, chúng em sẽ cho nó "ăn bã trầu" ngay. Vì vậy, anh đừng để ý làm gì.

Rồi nó nhìn tôi giọng có tình cảm:

- Chúng em được gặp anh, chúng em quý anh lắm. Cho nên, đứa nào trêu chọc đến anh, đúng là tên đó tới số.

Thọ "Lột" ngồi im lặng từ nãy, bây giờ rót ít nước trà vào chiếc bát con duy nhất, vừa đưa cho tôi, vừa nói:

- Xin mời anh cả! Như vậy, suốt gần 6 năm ở xà lim, anh không hề có mùng mền gì ư? Mấy đêm hôm đầu, chúng em dậy đi giải, thấy anh bó người trong như cái thây ma chết rồi.

Mấy cậu choai choai đang lắng nghe câu chuyện, vội chêm vào:

- Chúng cháu thấy chú bó người nằm thẳng cẳng, kín đầu đuôi, nhiều đêm phải rủ mấy đứa mới dám vào đi tiểu.

Phúc "Thổ" quay lại chỗ mấy cái ba lô, ôm ra một cái mùng cá nhân, một quần "tê tơ rông" vàng, với một chiếc áo "bơ lu dông" màu cứt ngựa để trước mặt tôi:

- Đây là tất cả những thứ chúng em đã chuẩn bị cho anh, anh hãy dùng tạm. Anh yên tâm, chúng em sẽ lo cho anh có đủ quần áo.

Lòng tôi thật xúc động và ngạc nhiên trước tình cảm của các cậu này. Tôi nói trong cảm động:

- Anh rất biết tấm lòng của các em. Nhưng, ở trong xà lim hàng 6 năm, anh đã chịu quen rồi. Các em cũng chả có, vậy các em cứ để lại dùng. Chỉ cần tấm lòng các em quý mến anh, là anh đã được an ủi nhiều rồi. Con người của anh phong sương, chẳng thích lệ thuộc vào hình thức. Các em hãy nghe anh, cất đi!

Phúc "Thổ" nói, giọng đầy vơi tình cảm:

- Anh Bình ơi! Bọn chúng em như những người lính không nhà, tuy có nhiều lúc thật xác xơ, đói khát, nhưng cũng nhiều lúc thật đế vương. Những cái này, chỉ là những cái vặt, không là gì đối với bọn chúng em cả. Nhiều khi, một cái quần may hàng năm, sáu mươi đồng; nếu cần chỉ đổi lấy một cái bánh mì 5 hào, cũng xong. Chúng em quý trọng anh, vì anh có những cái "giơ" của lính, nghĩa là không nói nhiều.

Vừa nói, nó vừa giũ chiếc quần, chiếc áo giục:

- Anh mặc thử luôn. Anh đừng phụ lòng của chúng em!

Không làm sao được, tôi đành đứng lên mặc thử. Thằng Minh "Trố" cười hô hố:

- Vừa quá! Anh hãy còn đẹp giai lắm, chỉ phải hàm dưới anh thiếu 3 cái răng, mỗi khi anh cười, trông như lỗ châu mai của lô cốt thời Tây vậy.

Cả tôi cũng cười vang vì cách ví von của nó. Thằng Tiến "Ga" xách đến một đôi dép râu thật "nền", đặt trước chân tôi:

- Em tặng anh đôi dép này. Ra đây, anh vẫn còn cứ đi một chiếc guốc méo, với một chiếc dép mòn mãi!

Tôi ngạc nhiên, nhìn chân nó vẫn đang đi một đôi, tôi hỏi ngay:

- Dép ở đâu em có mà tặng anh?

Nó kéo nghệch cái miệng lên, giọng ra vẻ anh chị:

- Anh ơi, người lính, có là dùng, không hỏi là ở đâu cả!

Sáng hôm sau, trong giờ sinh hoạt, tôi đang đọc báo mục "Nông Nghiệp", ca ngợi "quê hương 5 tấn" Thái Bình, tôi nghe mấy tiếng cười đùa xì xịt ở một góc của mấy cậu choai choai. Tiếng bác Khánh đã bảo chúng yên lặng mấy lần, nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Xem ý, mặt ông Khánh đã đỏ lên vì tức bực. Những đám thiếu niên này, quen sống trong giới bụi đời, chỉ biết nể sợ đám đàn anh của chúng mà thôi. Chúng thường tuyên bố thẳng là, ngay cán bộ chúng nó cũng không sợ bằng đàn anh; bởi vì, cán bộ chỉ bắt giam chúng vài tháng, dăm ba tuần; chứ suốt đời, chúng phải sống với đàn anh. Nếu trái lời, không lúc này thì lúc khác sẽ bị hành tội. Chỉ trừ khi chính chúng có lực, có thế khỏe hơn hẳn đàn anh, không kể, Mà xem ý ra những chuyện làm "Zoóc" (làm "chó", trong Nam gọi là "ăng ten", điểm chỉ) chúng nó kỵ ghét nhất. Kế tới là những chuyện o bế chính quyền, trật tự, vệ sinh, v.v... Những tên đàn anh không bao giờ quát nạt đàn em cả, nhiều khi còn ủng hộ nữa.

Cũng vì vậy, ông Khánh bực bội lắm. Nhưng, trong mấy đứa cười đùa có một thằng tên là Trung Lý Thu, chừng 15, 16 tuổi, trông cao ráo, khỏe mạnh, lại được một số lau nhau rất nể sợ. Mắt nó cũng gừ gừ nổi gai nhìn lại ông Khánh, như trêu tức. Ông Khánh không chịu được nữa rồi. Ông đứng bật dậy, xắn tay áo, chỉ tay vào mặt thằng Trung Lý Thu, gầm lên:

- Mày không đáng tuổi con tao, biết không? Mày là con tao, tao sẽ đánh bỏ bố mày!

Thằng Trung Lý Thu cũng đứng dậy. Mắt nó quắc lên, cũng chỉ tay về phía ông Khánh, trước cả buồng:

- Thật là may cho ông đấy! Ông mà là bố tôi, thì tôi cũng đánh bỏ cha ông rồi!

Cả buồng cười rộ. Tôi cũng buồn cười, nhưng chỉ rung rung dưới bụng với tí ở ánh mắt, chứ mặt vẫn phải ra vẻ không có ý kiến. Mặt bác Khánh tím lại, hai thái dương bác giật liên hồi, hai bàn tay cứ nắm lại, rồi lại mở ra nhiều lần. Hai bên quai hàm của bác bạnh ra, làm những bắp thịt con chạy lên, chạy xuống. Tôi hiểu bác giận lắm! Bác muốn xông đến đánh thằng Thu gục xuống, bác mới hả. Nhưng, chắc bác cũng kịp hiểu. Bao nhiêu đàn anh, đàn em của nó, có để bác làm theo ý bác không. Hơn nữa, đêm hôm nó sẽ đánh "đòn ngủ" làm sao mà phòng bị mãi được. Tôi đã hiểu bác cũng chẳng ưa gì Cộng Sản, nhưng vì trót làm trật tự, đã trót lên tiếng với chúng nó, phải nói đến cùng mà thôi. Điều quan trọng là bác không hiểu tâm lý thanh niên, nhất là lưu manh.

Tên Hưng ngồi đấy cũng không dám có ý kiến. Về phía tôi, cũng là trật tự, nhưng tôi lại là người đọc báo, vậy tôi cứ lờ đi cũng chả ai trách tôi được. Trong dạ, tôi muốn bỏ cái việc sinh hoạt đọc báo của kẻ thù này, trong buồng càng lộn xộn, càng tốt. Nhưng, phải nhìn rõ vấn đề, tất cả buồng vẫn nằm trong tay Cộng Sản, anh không nên làm gì quá, làm quá sẽ mất tất cả, sẽ khó khăn thêm, trừ phi anh ở cái thế nói chuyện tương đương với Cộng Sản. Còn ở đây, trong buồng hổ lốn, mất trật tự, vì tên buồng trưởng nhát, Cộng Sản sẽ đưa một tên "đuya" vào. Vì tên cán bộ không có tài, chúng sẽ đưa tên có khả năng đến. Chúng có trăm ngàn cách để trị, để làm cho khó khăn thêm, khi anh vẫn còn nằm trong tay chúng.

Tóm lại, tôi thấy sự việc đã vừa đủ rồi, nên tôi lên tiếng. Tôi cũng hiểu, cái thế của mình chỉ đủ đến lúc này mới lên tiếng, và cũng chỉ được phép một lần thôi. Không biết, tiến quá, sẽ hỏng. Nghĩ như vậy, tôi quay lại phía bác Khánh, dỗng dạc:

- Thôi, bác Khánh ngồi xuống, bác đừng chấp với các cháu!

Ngoái lại thằng Trung Lý Thu, mắt tôi nhìn nó như có tia lửa, nhưng miệng tôi thì nhỏ nhẹ, tình cảm:

- Cháu Thu hãy ngồi xuống. Chú tin là cháu đã hiểu vấn đề.

Nó hơi lưỡng lự một chút, rồi ngồi xuống. Với thái độ lưỡng lự của nó, dù chỉ là mấy giây, tuy trong thâm tâm, tôi cũng không vừa ý lắm. Nhưng, tôi cũng biết là với cái thế có được của tôi, từ khi vào buồng này, chỉ dùng được đến đấy. Nếu không tự biết, tự kiềm chế, tiến thêm ít nữa là có vấn đề. Nếu muốn tiến thêm nữa, sau này lựa dịp, một buổi nào đó phải thử sức với các đàn anh của chúng nó ở trong buồng đã. Chuyện đó, những ngày tới hãy hay! Bây giờ, đã đến giờ chia cơm, và sau đó, còn phải ra gặp cô Vân xem cô muốn nói gì.

Tôi cũng biết, từ đầu câu chuyện lộn xộn trong giờ sinh hoạt, những con mắt của Thọ "Lột", Phúc "Thổ" và một số tên lớn tuổi khác ở trong buồng đều không bỏ sót một cử chỉ, một thái độ nào của tôi.

Ngày hôm nay, mưa Đông nhì nhẹt từ sáng, sân trại vắng hẳn. Các buồng, sau khi chia cơm xong ở mé sát dưới

hàng hiên, đều được phép lấy cơm vào trong nhà ăn.

Những hạt mưa nho nhỏ, theo từng cơn gió giăng, đan thành những tấm mành mành thưa ngoài sân trại. Trên trời cao, từng cụm mây đen to tướng lổm ngổm, có lẽ đầy nước, đang chậm chạp từ phương Nam lững lờ mò về phía Đông Bắc. Trong khi những làn gió lạnh buốt thổi từng hồi, làm giạt những hạt mưa xiêu chéo về hướng Tây Nam. Lác đác đó đây vài túm lá bàng úa đỏ còn sót lại trên cành, như cố đeo đẳng níu kéo với mưa Đông. Cuối cùng, cũng lần lượt theo từng cơn gió trong mưa, dăm ba chiếc chao đảo rời cành về cội muộn. Vài con chim sẻ run rẩy núp sát dưới mái hiên, đang xù lông, rụt cổ, nhìn những tấm thân gầy thiếu áo dưới sân. Ở sát tường, dưới hiên phía cuối buồng 4, chỗ chiếc bàn con của y tế, là một chiếc lưng ong, thon thon làn áo bông màu bộ đội. Hai lọn tóc gióc đuôi sam, được thắt hững hờ bằng hai sợi len đỏ, đang cong cong dẫy dọn theo gió. Thỉnh thoảng ngút ngắc như nhắc nhở tôi, đừng quên lời dặn hôm trước của chủ nhân.

Trước bàn, hơn chục người tù xếp hàng một. Những tấm chăn rách tả tơi họ khoác trên người đã không đủ kín, để lộ ra những đôi chân khẳng khiu da bọc xương, nhưng lại sần sùi như chân gà do những mụn ghẻ lở, mủ máu. Giữa hàng dài những đôi chân gầy, thỉnh thoảng lại có hai cái chân mập ú, to quá khổ bình thường, mọng núc những nước. Tất cả đều run rẩy dưới cái lạnh cắt da của mưa phùn, gió Bấc.

Một tiếng thở dài nhè nhẹ, như nỗi niềm ê chề của đất nước và con người, khẽ thoát ra ngay bên cạnh tôi. Tôi quay lại, đôi mắt đầy vết nhăn của bác Khánh đang lơ đãng nhìn xa xa, phía bên ngoài Hà Nội. Bác đang nghĩ gì? Phải chăng tiếng thở dài vừa rồi là cho vợ con bác? Ngồi bên nhau, cùng nhìn một cảnh đời, nhưng ai hiểu được nỗi lòng của ai?

Thấy đã gần cuối giờ, chỗ bàn cô Vân chỉ còn một, hai người, tôi vờ như chợt nhớ ra:

- Tí nữa quên! Cô y tá hẹn hôm qua ra lấy thuốc.

Nói một câu trống không như vậy, rồi tôi đứng dậy, đi ra, tiến lại chỗ bàn y tế. Làm trật tự có cái lợi như vậy, vừa được ngồi ở ngoài thoải mái, vừa được ra gặp y tá không phải hỏi ai. Bình thường, tù muốn gặp y tá xin thuốc, phải báo cáo cán bộ, nếu không có cán bộ thì báo trật tự.

Tôi đã đến sau lưng cô Vân rồi, đã nhìn rõ những hạt mưa lóng lánh thủy tinh, gắn đầy trên hai cái đuôi sam đen mượt của cô. Làn hương thơm quen thuộc của những ngày cuối ở xà lim, lại bủa kín người tôi. Chân tôi như ngập ngừng không muốn bước, thế mà cô Vân hình như có mắt ở phía sau, cô cất tiếng nói êm nhẹ, trải dài vào trong gió:

- Anh Bình có lạnh không?

Tôi vừa tiến ra trước bàn, vừa như nói cho mình mình nghe:

- Đã có người làm ấm cả không gian, còn lạnh gì nữa!

Hai má cô au lên màu hoa đào, mắt cô ngỡ ngàng nhìn từ vai xuống đến chân tôi. Môi cô rung rung nhếch lên để hở ra màu trắng muốt, của những chiếc răng hình hạt na đều đặn; một bàn tay cô khẽ đưa ra mân mê hộp dầu cao "Sao Vàng" ở mé chiếc khay:

- Quần áo ở đâu, mặc oai thế?

Đến lượt tôi cũng hơi lúng túng ngượng ngùng, tôi trả lời ngắt quãng:

- Mấy cậu ở trong buồng cho, bắt phải mặc…

Cô cúi xuống mở chiếc ngăn kéo, lôi ra một cái ví nhỏ. Cô vừa mở ví, lấy ra một cái khăn mùi xoa lụa trắng con con, vừa nói vẻ thẹn thùng:

- Anh Bình thêu cho Vân cái khăn nhé?

Tôi ngạc nhiên ngơ ngác:

- Tôi có biết thêu thùa gì!

- Vân đã thấy anh thêu cái túi rồi. Anh muốn thêu gì cho Vân cũng được!

Tôi chẳng hiểu cô nghĩ thế nào, lại bảo tôi thêu khăn cho cô. Điều này cũng đã nói lên một phần bản chất đồng quê còn trắng trong, chất phác của cô. Tôi nhìn cô, cô nhìn tôi. Góc chiếc khăn lụa trắng cong lên, lất phất như ve vuốt bàn tay của người con gái Xuân thì. Dù tôi biết thêu chăng nữa, cô không thấy rằng trong trại chung, với hàng trăm thanh thiếu niên như vậy, lúc nào, và tôi ngồi đâu để thêu dệt mộng đời lên chiếc khăn tay? Cô đã mơ, tôi phải tỉnh! Tôi đã thấy rằng đã đến lúc chẳng thể còn chơi vơi, đu đưa với vông đời mãi được nữa. Chuyện này, đâu có phải chuyện đùa chơi. Tôi muốn tỏ một thái độ dứt khoát rồi đi vào buồng, nhưng nhìn đôi mắt của cô như than van mời gọi, như oán trách giận hờn, tôi phải nhìn đi nơi khác; rồi nói một câu ngược hẳn với ý định trong đầu:

- Tôi biết thêu làm sao, và thêu cái gì:…

- Một cành hoa đào với hai con chim. Nếu không, anh vẽ để Vân thêu cũng được.

Tôi buồn cười về ý tưởng ngộ nghĩnh của cô. Tôi chẳng hiểu tại sao cô lại thích những chuyện vơ vẩn như vậy, khi giữa cô và tôi có một bức tường cách ngăn cao vời vợi.

Một cơn gió lạnh thoảng qua làm đong đưa mấy chùm lá bàng vàng úa trên cành. Một chiếc lá chơi vơi, chao đảo trong gió, sà xuống cạnh khay thuốc trên mặt bàn giữa cô và tôi. Một tấm thân gầy đầy ghẻ lở trượt chân ngã, nằm sóng xoài ở mé sân phía bên kia. Đây đó vang lên những tiếng cười khô man rợ, thờ ơ. Một làn hơi nóng dâng lên trong người tôi, đẩy thành một quyết định. Tôi lạnh lùng, nhìn thẳng vào mắt cô Vân:

- Xin cảm ơn nhiều, và xin giã biệt.

Nói rồi, tôi quay ngoắt đi về buồng, tai còn nghe tiếng gọi yếu ớt "Anh Bình!" tuôn dài vào trong mưa Đông phía sau lưng.

Vào trong buồng, lòng tôi buồn vời vợi như thi trượt. Tôi bần thần ân hận về câu nói cuối cùng của mình.Tàn nhẫn quá! Tôi tưởng như âm vang của câu nói còn đâu đây. Nhưng biết sao được, tôi đâu muốn thế. Hơn nữa, hậu ý của tôi thì trái hẳn lại. Tôi không muốn Vân đau khổ hơn vì tôi. Vân ạ, chúng ta đều đang chết héo hắt trong cõi lòng. Chúng ta không được hưởng chung một bầu trời, một vầng trăng. Tôi thương Vân đã không thể tự do sống ngay thẳng với lòng mình. Vân chỉ là một con thiêu thân cho những ngông cuồng, ích kỷ của bọn họ mà thôi. Chúng bắt tôi phải mang tội, phải có tội với chúng, với tình của con người, Vân với tôi có gì để lên án, để thù ghét nhau đâu?

Nhưng, tôi đã phải nói những lời cứng cõi, lạnh lùng, tàn nhẫn với Vân. Vân ơi! Tôi không can can đảm để nhìn cặp mắt trong xanh chứa một trời mơ, hẹn ước của Vân nữa. Tôi hiểu, dưới đáy mắt Vân là một khung trời thênh thang lộng gió, mà chúng ta cùng ao ước là những cánh chim hải hồ, đan nhau bay lượn, hay nhỏ bé hiền lành như đôi

chim khuyên nhảy nhót trên cành hoa đào một sớm Xuân. Nhưng Vân ơi, tất cả chỉ là ảo vọng! Tan vỡ rồi, còn tàn nhẫn gấp bội. Bởi thế, tôi không còn can đảm để tiếp tục. Tôi đã ngây ngất, nhưng tôi lại sợ hơi thở thơm nồng. Tôi lẩn tránh sống mũi xinh xinh, làn má có lông tơ, óng mượt của Vân.

Vân ạ, đừng hiểu lầm lòng tôi. Tôi không muốn Vân bị sa thải, bị coi là hủ hóa, và nhất là sẽ bị kiểm thảo, rồi có khi sẽ bị ngồi trong xà lim, cùm kẹp tàn tạ như chị Bắc, như tôi. Dù có chua xót, nhưng chúng ta đừng nơi đây. Những gì đã qua, hãy coi là những kỷ niệm khác thường trong cuộc đời, một sự khác thường ý nghĩa và lý tưởng, Vân nhé!…

Khi bước chân vào nhà tiêu, tôi gặp thằng Hỷ "Con" một mình đang đi giải, tôi thân mật hỏi:

- Này cháu, mọi khi ngày nào cô y tá cũng vào đặt bàn ở đấy cho thuốc à?

Nó ngơ ngác nhìn tôi, băn khoăn một lúc, rồi vừa lúc lắc cái đầu, vừa trả lời:

- Trước kia, cô ấy ít vào cho thuốc lắm chú ạ. Có khi hàng tuần mới có một lần thôi. Chắc kỳ này có nhiều thuốc, nên ngày nào cô cũng vào cho.

Tôi vừa trở về chỗ, vừa suy nghĩ. Có thể việc phát thuốc lại trở về tình trạng cũ thôi, nghĩa là cả hàng tuần cô mới lại vào. Đành vậy!…

Chương 77

Lại thêm sự thật…đau lòng…
của "thiên đường Cộng Sản!"…

Giờ trưa đã sắp đóng cửa buồng, đột nhiên có tiếng láo nháo ngoài sân. Một số cậu chạy đến, đứng phía trong cửa buồng nhìn ra. Bác Khánh, Thọ "Lột" và tôi vì có trách nhiệm nên được ra hẳn ngoài. Thì ra từ phía cổng trại chung, tên Bằng đang dẫn hơn một chục đứa lỡ nhỡ, lau nhau đi về phía buồng này. Chỉ một vài đứa đi chân không, còn hầu hết đều đi dép, quần áo có vẻ còn sạch sẽ. Khi đến trước cửa buồng, tên Bằng quát, bắt chúng ngồi tập trung vào một chỗ, chờ cán bộ Kế về nhận tù mới.

Trong khi đó, bên trong buồng nhiều đứa đã ý ới, những lời thăm hỏi ríu rít với bên ngoài. Nào là: Mày lại vào "hao" à? Thằng A, thằng C đâu? v.v… Ngược lại bên ngoài cũng hỏi vọng vào…

- Mày vào "Ấp" bao lâu rồi? Thằng X đi Kỳ Sơn lâu chưa? Thằng K còn đấy hay đi Mai Lĩnh rồi? v.v… cứ tíu tít như đàn sẻ tranh nhau ăn. Một số thằng đàn anh, nghĩa là những thằng lớn, đã chỉ trỏ… đôi dép của thằng X, tao nhận rồi; thằng thì nhận cái áo bông của thằng Y, cái dây lưng của thằng Z, cái mũ của thằng B, v.v… Có nghĩa, chốc nữa vào buồng, những thứ đó, ai phải nộp cho ai rồi. Đấy là một hình thức cá lớn nuốt cá bé, "trấn, lột" lại của nhau. Nhưng có một điều, ngay những đứa bị lột, cũng vui lòng hả hê cung tặng đàn anh.

Điều tôi đặc biệt băn khoăn là, hầu hết, vẻ mặt chúng nó vào tù chả buồn tí nào cả, vẫn nhâng nhâng chuyện trò cứ như đi… cắm trại vậy. Không hiểu được, nên tôi đành phải hỏi chung cả một đám:

- Này các cháu, các cháu vừa bị bắt vào, các cháu chả có vẻ gì buồn cả là làm sao?

Đa số những cái miệng con tí đều nhao nhao:

- Chú ơi, "hao" (có lẽ âm của tiếng house) đối với chúng cháu là nhà. Lang thang một thời gian, không may bị "vồ" là giai đoạn về nhà nghỉ. Rồi họ lại phải thả ra! Vì cứ giam mãi, Hà Nội sẽ hết cả trẻ con, chú ạ. Trẻ con Hà Nội đa số vừa đi học, lại vừa là lưu manh. Rất nhiều đứa đều có "phích" (sổ đen) bị giữ ở đồn công an một vài tuần, hoặc dăm ba ngày rồi. Chẳng bố mẹ nào có tiền cho con cái. Vậy, muốn tiêu, phải ăn cắp.

Tôi lại càng ngạc nhiên, hỏi mấy cậu 17, 20 tuổi:

- Như vậy chỉ có con trai thôi, còn con gái thì sao?

Chúng nó cười ngất:

- Anh ơi! Anh chưa đi sâu vào xã hội này, anh không biết. Cũng như chúng em, tuy hàng ngày vẫn cắp sách đến trường, nhưng một nửa ngày là lưu manh. Bởi vậy, con gái rất rẻ! Chúng em đi ăn cắp, có tiền, chỉ cho một bữa xi nê, một bát phở là đem các em đi "quất" được rồi. Chúng em có thể nói thực với anh là, hầu hết con gái Hà Nội bây giờ, khó có cô nào còn trinh cả. Chúng em bảo đảm với anh là, anh đi trên đường phố Hà Nội, cứ thấy cậu nào có vẻ "ăn diện" một chút, đều là lưu manh, ăn cắp hết. Con gái cũng vậy. Không lấy đâu ra mà tiêu xài, mà diện.

Tôi vừa nghe chúng nó nói đến đấy, tên Kế đã từ ngoài trại về. Lại ồm ồm lên khi hơn một chục đứa theo nhau vào buồng. Tên Hưng phải xóa chiếc bảng con treo ở cửa, ghi số mới của buồng thành 192.

Càng gần về cuối tuần, buồng càng chật. Thứ Sáu, thường có hai xe đưa loại tù con đi trại. Một xe đưa đi Kỳ Sơn loại từ 13 đến 17. Một xe đưa đi trại nhi đồng Mai Lĩnh, gần chùa Trầm, Hà Đông, loại từ 12 trở xuống.

Chỉ mới hơn nửa tháng ở buồng này, tôi đã tiếp xúc hàng mấy trăm đứa. Hết đợt kia đi, lại đợt này vào. Tùy loại, hoặc tùy điều kiện xe cộ, Việt Cộng bắt đám tù con nít này vào đồn công an ở khu phố đã, rồi tùy theo từng loại mới hay cũ, sau đó mới chuyển đến Hỏa Lò. Nhưng, cũng có loại, chúng đưa ngay vào Hỏa Lò. Cho nên, có lúc đưa vào vài chục đứa, có khi lại chỉ hai, ba đứa.

Khi cửa buồng đã khóa, và sau một lúc ồn ào của những màn thăm hỏi và... lột quần áo, v.v... Tôi lại muốn nghe tiếp câu chuyện còn bỏ dở của các cậu thanh niên. Vì vậy, tôi lại mò đến một đám gồm gần một chục đứa, trong đó có cả Phúc "Thổ". Thấy tôi đến, các cậu tránh dịch ra một chỗ, mời tôi ngồi. Ngồi xuống, vẻ vồn vã, tôi hỏi ngay:

- Khi nãy đang nghe các cậu nói chuyện Hà Nội thật hấp dẫn. Chính tôi không thể ngờ được! Này, thế con gái cũng là lưu manh cắp trộm, họ có bị bắt không?

Mấy cái đầu đều ngẩng lên định nói; nhưng chỉ một mình Phúc "Thổ" lên tiếng:

- Có mà đầy, anh ạ! Ngay Mai Lĩnh cũng có ba nhà con gái. Còn Kỳ Sơn, riêng một trại bên cạnh trại giam. Cứ đủ 18 tuổi là chuyển lên trại trung ương như chúng em bây giờ. Gái Hà Nội lúc này, gần một nửa là gái điếm. Một phần là gái điếm "nghiệp dư", một phần, tốt hơn, có bồ bịch là lưu manh như chúng em. Vì chỉ có chúng em mới có tiền, để cho các cô diện và tiêu thôi.

"Bây giờ, họ thấy Kỳ Sơn và Mai Lĩnh đầy ứ nhiều quá, em nghe nói, họ mới mở 3 trường lớn ở Lào Kay và Phú Thọ. Thực tế, đó là 3 trại giam thiếu niên lớn, nhưng họ lại gọi là: "Trường Phổ Thông Công Nghiệp I, II và III". Cũng như trại Kỳ Sơn, đi làm lao động có công an đưa đi. Chỉ có khác, quản giáo được gọi là thầy cô.

"Khi con gái đủ 18 tuổi thì bị đưa vào trại Mỏ Chén ở Sơn Tây. Trại này có hơn 3000 người. Trong khi, ở mỗi trại

trung ương vẫn có một trại nữ ở gần kế bên. Sau này, anh đi trại, anh sẽ thấy nhiều vấn đề".

Rồi như để minh giải những lời nói của mình, Phúc "Thổ" chỉ mấy cậu đang nhấp nhổm muốn chêm ý kiến mà chưa có dịp:

- Đây, thằng Minh "Trố", dân "nhảy nghêo" (ăn cắp xe đạp), thằng Tín "Đen", vua cởi "hiệng" (ăn cắp đồng hồ), thằng Đồng "Ma Cô", dân "đột vòm" (đêm vào nhà ăn trộm), thằng Thái "Gà", "lính mồ"... Chúng nó tung hoành thường có một hay hai con rất "nốp" đi theo, nên thành công nhiều hơn. Trên tầu, xe hay đám đông, các em thơm như múi mít, cứ đứng áp vào người, hay đá lông nheo, các cậu nhà ta mặt cứ đực ra như đang bĩnh ấy, nên tha hồ chúng nó đến lột. Hàng trăm ngàn trò, có con gái là xong lẹ.

Ngay cái vụ Tòa Đại Sứ Pháp mất bao nhiêu đồ cổ quý giá, đã ầm cả Hà Nội lên, cũng do các cô em đến "chài" mấy anh lính gác, các cậu mới bò trèo vào được.

Tôi liếc nhìn thấy tên Hưng đang lúi húi ngồi hút thuốc, với bác Khánh ở mãi góc phía xa, liền đẩy nhẹ sang một tí vấn đề đất nước:

- Này, thế các cậu có thích nhà nước này không? Có thích bác Hồ không?

Cả 8, 9 thằng ngồi quanh đều cười ầm lên. Có mấy thằng hai bàn tay nắm chặt vào nhau, đưa cao lên đầu như lạy lạy ở trên không. Ba, bốn đứa đều định nói, nhưng thằng Minh "Trố" nói trước một cách dõng dạc:

- Em không nghĩ là anh lại hỏi chúng em như vậy. Chúng em nghĩ là anh đã thừa hiểu chúng em rồi. Em năm nay đã 23 tuổi, cũng đã học hết lớp 10, em nói một cách có giá trị là: Không một người dân Hà Nội nào nói riêng, và cả miền Bắc nói chung lại ưa cái chế độ Cộng Sản chó chết này cả, chỉ trừ một số ít người có những ân huệ đặc biệt không kể. Chúng em chỉ mong miền Nam Bắc tiến. Lúc đó, dân và ngay nhiều cán bộ cũng quay súng bắn trở lại những lũ chỉ huy, lãnh đạo ngay. Anh nhìn thấy bộ đội hoặc tự vệ các nhà máy, quyết tâm tử chiến với máy bay Mỹ, thì tưởng là toàn dân miền Bắc chống Mỹ ghê lắm. Hiểu như vậy là hoàn toàn lầm. Chúng em cũng từng là bộ đội, là tự vệ rồi. Tất cả chẳng qua vì cái thế, vì nồi cơm, vì chỗ đứng. Nếu không bắn sẽ bị quy về tư tưởng, người này theo kèm người kia. Chứ bộ binh của miền Nam, hay Mỹ nếu ra đây, sẽ cuốn lôi từng mảng. Rồi như giòng thác vỡ bờ, toàn dân được dịp đứng dậy trả thù lũ khát máu.

Ngừng một chút, thằng Minh "Trố" lại phấn khởi nói tiếp:

- Anh có biết, niềm mơ ước, hoài bão của người dân Hà Nội sau này sẽ thực hiện bằng được, là cái gì không anh?

Tôi nhìn khắp lượt, gần 20 con mắt đang mở to long lanh chờ câu trả lời của tôi. Tôi cho là quá dễ dàng, nên trả lời ngay:

- Mơ ước là được đổi lại chế độ tự do, tư bản chứ gì!?

Mấy cái miệng đều toét ra cười, đầu lắc lắc. Thằng Phúc "Thổ" nheo nheo đôi mắt nói:

- Điều đó là dĩ nhiên rồi, ai cũng biết. Chúng em muốn nói một niềm mơ ước, sau khi đã diệt hết lũ Cộng này rồi cơ?

Chúng nó đều nhìn tôi với những con mắt đầy màu xanh mộng ước, trên những nét mặt rạng rỡ nhìn về ngày mai. Tôi đăm chiêu nghĩ suy một lúc, thấy câu hỏi mở rộng quá nhiều vấn đề để trả lời, cuối cùng, tôi cũng lúng túng, đành chịu thua. Minh "Trố" điềm đạm nói ngay:

- Có gì đâu anh phải suy nghĩ nhiều, hở anh! Sau này, anh được ra, anh cứ đi từ nội cũng như ngoại thành; anh hỏi bất cứ người dân nào nếu họ tin anh, ai họ cũng sẽ trả lời là: Một điều khắc cốt, ghi xương, nếu họ không làm được, thì họ trối lại cho đời con, đời cháu của họ, phải thực hiện cho kỳ được, nếu không, con cháu của dân Hà Nội đều bất hiếu với tổ tiên; (nó như một lời nguyền của dân tộc); là hãy phá tan khu Ba Đình, và kiến thiết xây một nhà xí công cộng, đầy tiện nghi cho người Hà Nội xử dụng!

Óc của người Hà Nội thật là phong phú, làm tôi cũng phải phì cười. Một sự việc bao quát rất nhiều vấn đề của lòng dân, đối với một chế độ mệnh danh là… "đỉnh cao trí tuệ của loài người và lương tâm của nhân loại!…"

Thấy chúng tôi cười vui ròn rã chuyện trò, tên Hưng liền mò lại. Y mới đi được vài bước, thằng Phúc "Thổ" vẫn vờ coi như không biết, đường hoàng nói tiếp:

- Anh có biết thú vui của một số các ông 40, 50 tuổi ở Hà Nội bây giờ là thế nào không?

Tôi cho là một câu hỏi để che lấp câu chuyện trên, nên cười lắc đầu; không ngờ nó lại nói tiếp để giải thích:

- Cứ bốn, năm ông kiếm một căn buồng, đưa rượu và đồ nhắm đến, rồi đưa một con nhãi chỉ 13 đến 15 tuổi, bắt lột hết quần áo, ngồi hết lòng ông này, đến lòng ông khác. Các ông vừa bế, vừa uống rượu.

Tôi cho là nó nói đùa, nên cười nói:

- Các cậu bầy đặt lắm chuyện, làm gì có chuyện thế!

Nhưng, Phúc "Thổ" và mấy cậu đều nghiêm mặt. Minh "Trố" nói tiếp:

- Chuyện này có thực đấy, anh ạ! Phổ cập là đàng khác. Các ông quá chán chường, lại không có lối nào thoát. Này nhé, tiền thì không kiếm đâu ra, tuy chơi gái thì rẻ thôi, nhưng không có tiền để tẩm bổ, nhất là khi có bệnh nữa; cho nên, các ông thích "giải trí" theo kiểu ấy lắm, anh ơi!

Tên Hưng vừa đến, định ngồi xuống, nhưng thấy thái độ của chúng nó không muốn tiếp; hơn nữa, chúng lại đang nói chuyện gái, nên y lại đi vòng qua luôn. Tôi quay lại, nhìn khắp các bộ mặt một lượt, rồi nói:

- Các cậu có những thủ đoạn, mánh lới như tình báo ấy. Tôi nể các cậu đấy!

Phúc "Thổ" cười, mặt hơi đỏ lên:

- Anh quá khen làm chúng em ngượng, chẳng qua vì cuộc sống thực tiễn đầy mưu mô, lừa lọc, rình mò, theo dõi của cái xã hội này đã dạy chúng em phải như vậy để sống còn. Như thế gọi là đối "gam" anh ạ! Nếu tên chó chết đến, mình đang nói chuyện mà im bặt, nó càng nghi. Phải vờ coi như không trông thấy nó, nhưng đổi thành đề tài khác, rồi vẫn nói chuyện bình thường.

Buổi chiều hôm đó, trời lại hanh nắng. Tôi đang đứng ngoài cửa buồng đưa mắt về mấy khu quây cót, nơi ngăn riêng của phi công Mỹ, chợt nghe những tiếng ầm ầm quát tháo, và thấy nhiều những cẳng chân lông lá chạy xô chỗ này, quẩn chỗ kia như có cuộc ẩu đả, đánh nhau; thì có tiếng tên Kế, đang ngồi ở chiếc bàn con kê sát mé hiên nhà, gọi tôi. Khi tôi tiến đến bàn y, y đưa cho tôi một chiếc chìa khóa và nói giọng rỏn rẻn miền Nam:

- Anh vô buồng, gọi hai thằng vệ sinh trực bữa nay, đem bô và chổi vô chỗ phòng cát xô phía trên, bắt tụi nó dội

rửa, quét sạch phân với nước tiểu đi nghe!

Tôi vào buồng gọi hai thằng vệ sinh. Mỗi ngày có bốn đứa, vì vậy, thấy nói vào cát xô làm vệ sinh, cả 4 đứa đều tranh nhau muốn được phân công. Tôi thấy hơi lạ thì Phúc "Thổ", đang đứng bên Thọ "Lột", đã nói:

- Có gì đâu anh. Ba hôm trước có bốn con "mòng" bị đưa vào phòng cát xô kỷ luật vì tội trùm chăn đánh "zoóc" ở khu nữ. Trong đó, chúng em biết có con Điệp "Nổ" và con Yến "Lai", nhiều đứa thích, nên chúng nó muốn theo anh vào cát xô đấy. Chúng em cũng muốn vào, nhưng không được.

Thọ "Lột" móc hai điếu thuốc Điện Biên đưa cho tôi, cười:

- Mời anh một điếu, còn một anh cho con Yến "Lai" giùm em.

Rồi nó quay lại, chỉ hai thằng 15, 16 tuổi, bé loắt choắt:

- Hai thằng này theo anh Bình vào làm vệ sinh, còn hai thằng kia về chỗ.

Tôi dẫn hai thằng vào mở khóa một căn buồng. Mùi khai thối nồng nặc. Giữa buồng là cái cũi hay cái chuồng bằng sắt với những chấn song to bằng cổ tay, dựng đứng từ nền tới trần nhà, cao khoảng hai mét, các chấn song cách nhau khoảng 10 phân. Cũi hình chữ nhật, rộng chừng 1m50 và dài khoảng 2m. Bên trong cũi, có 4 cô gái chừng 15 đến 17, cô cặp tóc, cô "phi dê". Một cô da bánh mật, còn 3 cô thật sáng sủa. Chẳng có chăn chiếu gì; trời mùa Đông lạnh buốt, các cô phải nằm ôm nhau thành một đống ở giữa cũi.

Thấy tôi vào, các cô đều bò dậy. Quần áo, phần thì chật ngắn, phần thì rách hở hang, các cô đều đỏ mặt ngượng ngùng, ngồi co dúm lại, lấy đôi tay định che kín cả người. Tôi cũng hơi ngượng, quay bảo hai tên mang bô ra chỗ máy nước ngoài sân, lấy hai bô nước vào.

Từ nãy, tôi muốn hỏi cô nào là Yến "Lai" để đưa điếu thuốc của Thọ "Lột", nhưng vì ngượng nên lúng túng, đứng yên, chờ hai đứa mang nước vào. Có lẽ nhìn thấy tôi như vậy, nên các cô bạo ra. Một cô ngập ngừng lên tiếng hỏi:

- Chú là trật tự ở đây đấy ư?

Thấy hỏi, tôi cung bạo thêm lên, dù không dám nhìn thẳng phía các cô. Tôi đã từng ở xà lim, đã từng ở cát xô dưới hầm, tôi hiểu cái lạnh chết người của sắt và xi măng. Một tình thương cảm dạt dào dấy lên trong lòng tôi. Những mái đầu xanh này vì đâu đã sớm phải trong cảnh lầm than tù ngục như thế này!? Tôi không còn thấy ngượng nữa, hỏi thăm ngay:

- Lạnh thế này, đêm các cô ngủ làm sao?

Hình như câu tôi hỏi đã chạnh nỗi niềm vẫn khép kín trong tâm tư, mắt cô nào cũng đỏ lên. Một cô, ngấn lệ long lanh, nói trong thổn thức:

- Rét lắm chú ơi! Cả đêm, chúng cháu cứ ôm nhau khóc, không ngủ được.

Trong khi tôi và các cô nói chuyện, hai cậu nhỏ vừa dội, vừa quét chung quanh. Sau khi đã biết được tên cả 4 cô, tôi đưa cả hai điếu thuốc lá, nói rõ một điếu của Thọ "Lột" gửi cho Yến "Lai", còn tôi chỉ có một điếu, các cô hút chung mấy hơi cho đỡ lạnh. Tôi đánh diêm cho các cô hút. Một cô, vừa ngửa cổ thở cho khói bay lên trần nhà, mắt lim dim, vừa nói:

- Chú tử tế, thương người quá nhỉ!

Tôi nhẹ nhàng nói:

- Tôi chả tử tế đâu, chẳng qua tôi cũng từng ở cảnh như các cô, cho nên tôi thông cảm.

Lúc hai cậu đã quét dọn xong, hỏi tôi cho ra giặt chổi, rửa chân tay, một cô nhìn tôi ngập ngừng một chút, rồi hỏi:

- Chú ơi, chúng cháu muốn nhờ chú một việc. Chúng cháu, 3 người bị…

Nói đến đây, tự nhiên cô đỏ mặt lên không nói được nữa. Một cô khác rụt rè hỏi:

- Thế, chú đã có vợ chưa?

Tôi cũng hơi ngượng, chỉ lắc đầu, chẳng hiểu các cô có điều gì mà khó nói thế. Mấy cô có vẻ băn khoăn, đắn đo. Một lát, một cô kêu lên vẻ ngại ngần:

- Khó quá nhỉ! Thôi, chú cứ ra gặp bà Hoa, hay bà Thơ, bà y tá nói là 3 chúng cháu bị "ăn chay", xin bà cho đi làm vệ sinh.

Thấy tôi nhìn bằng ánh mắt chưa hiểu ý, một cô nói tiếp:

- Chú cứ nói giúp với các bà ấy cho chúng cháu như vậy, các bà ấy hiểu ngay à!

Tôi nhận lời. Khi khóa cửa, ra tới sân vừa thoáng thấy bóng bà Hoa ở phía buồng số 9 đi ra, tôi đón đường báo cáo như trên. Bà đã gật đầu, mà tôi vẫn chưa rõ là vấn đề gì. Mãi khi về buồng, kể chuyện lại, mấy cậu đều cười, giải thích là các cô có "kinh nguyệt". Thế mà bày đặt là "ăn chay"! Phụ nữ lắm chuyện thật! Dùng lắm cái chữ có trời mới hiểu.

Chương 78

Vụ án Đặng Chí Bình sắp "được"...xử!
Một vụ vượt ngục "kỳ lạ" ở trại chung!

Buổi chiều, đang giờ sinh hoạt đọc báo chờ cơm, tên Điền vào gọi tôi đi cung. Đã hơn nửa tháng ra trại chung, và gần hai năm nay, tôi không hề bị gọi đi cung kẹo gì nữa; vì thế, tôi cũng xốn xang, hồi hộp, chẳng hiểu lại có chuyện gì mới nữa đây?

Một số các cậu cũng băn khoăn nhìn tôi sửa soạn quần áo, vừa như tò mò, vừa như ngạc nhiên. Đã gần 6 năm rồi, sao bây giờ gọi đi cung? Trong khi tôi đang cầm cái lược của Phúc "Thổ" đưa, chải sơ lại cái đầu, Minh "Trố" đã bắt trên cổ áo phía sau của tôi hai chú rận kềnh. Vì đang vội vàng, nên khi ra tới hiên nhà, tôi quẳng hai chú xuống rãnh mé sân. Chứ nếu bình thường, các chú sẽ bị tan thân, nát thịt. Những loài hút máu người, cũng như đồng chí của các ngươi, làm sao mà chết toàn thây, yên lành được!

Khi ra tới phòng trực, tên Điền dẫn tôi vào một căn buồng con, sát ngay phòng giám thị. Một tên cán bộ thật lạ, chừng 40 tuổi, mặc áo "vét ca rô" đã sờn cổ, mang kính trắng thật dầy. Y đang cúi gầm đọc tập hồ sơ dầy cộm trên

bàn, khi tôi vào, y ngẩng lên, miệng nở một nụ cười lịch sự, tay chỉ chiếc ghế đẩu trước bàn:

- Mời anh ngồi!

Lại thêm một điều ngạc nhiên nữa! Gần 6 năm rồi, tôi chưa thấy một chấp pháp nào lại mời bị can ngồi cả, nên tôi dè dặt ngồi vào ghế, mở to mắt nhìn y, đợi chờ.

Sau khi hỏi tên, tuổi, ngày bị bắt, sơ qua lý lịch, y hắng dặng một cái như gại giọng, ra vẻ quan trọng tuyên bố:

- Tôi là cán bộ bên Tòa Án Nhân Dân thành phố Hà Nội, báo cho anh biết: Viện Kiểm Sát Nhân Dân và Công Tố Viện quyết định sẽ đưa vụ án của anh ra xử vào ngày 30 tháng 12 năm 1967. Thể theo đường lối dân chủ nhân dân, tòa cho phép anh nhờ luật sư biện hộ. Vậy, anh có yêu cầu luật sư giúp đỡ anh không?

Hơi đột ngột, nên tôi rất bàng hoàng. Dù vậy, kết hợp những hiểu biết cũ của tôi với gần 6 năm trời vật lộn nghiêng ngửa trong bàn tay của chúng, đã cho tôi rõ: Cơ quan Lập Pháp, Hành Pháp hay Tư Pháp, hoặc bất cứ một cái tên gì khác, cũng chỉ là một tên hung thần duy nhất mồm đỏ, mắt lồi xanh lè là đảng Cộng Sản, chỉ huy sinh sát mà tôi. Bởi vậy, tôi ngẩng lên, nhìn thẳng vào mặt y, trả lời:

- Tôi cần luật sư để làm gì? Tội của tôi đến đâu, tùy đảng định đoạt.

Tôi định nói thêm là nhờ luật sư, để cho họ dùng lý luận si vả mình thêm nữa ư? Dưới chế độ chuyên chính vô sản, luật sư nào dám mở miệng bênh vực kẻ thù giai cấp công nhân, mà không bị quy kết về tội tư tưởng? Nhưng rồi, tôi cứ giằng co ngập ngừng, và cuối cùng thôi không nói nữa, khi tôi hiểu đây đâu phải là chỗ để mình nói những điều như vậy.

Y cắm cúi ghi một lúc, rồi lại ngửng lên hỏi:

- Anh có họ hàng thân nhân, cần báo cho họ đến dự buổi phiên tòa không?

Tôi chợt nhớ đến bà dì ở 44 Lương Ngọc Quyến, nhưng đó chỉ là hình ảnh lướt qua trong óc. Bà chỉ là một bà dì họ. Huống chi, dù có bố mẹ tôi, các anh em tôi, tôi cũng không muốn báo làm gì. "Có gan ăn cướp, thì phải có gan chịu đòn". Mình đã làm ăn không nên, thất bại, rơi vào tay địch, chết hay sống hãy gồng lên mà chịu. Cái gì tốt đẹp hãy cho gia đình hưởng, cái gì đau thương khổ cực, ráng một mình mình chịu, đừng bắt người thân buồn khổ với mình, vô ích. Vì vậy, tôi lắc đầu quầy quậy:

- Tôi không có ai là thân nhân, họ hàng cả!

Khi ký vào một số bản y đưa cho tôi, tôi cũng chẳng cần đọc để biết là giấy gì. Cứ thấy bảo ký, là ký. Dưới chế độ độc tài phát xít, mình đã ở trong tay chúng, chúng muốn làm gì chả được.

Trên đường trở vào trại, lần này, khác hẳn với những lần trước khi còn ở xà lim, phải dẫn về giao hẳn cho cán bộ xà lim. Khi dẫn tôi qua cổng trực trại chung, tên Điền hất hàm, ngoắc tay ra hiệu, nói:

- Đi về buồng, báo cáo với quản giáo là đi cung về.

Từ cổng đi qua một cái sân rộng để về buồng số 4 phải đến 200m. Sân trại đã có một số buồng vào rồi, thế mà trông vẫn lố nhố đầy sân. Một mình tôi thong dong chậm chạp, thả lỏng từng bước một. Khi đi qua cổng xà lim I, nhìn chiếc cổng đóng im lìm của đường xưa, lối cũ; cây bàng với dáng quen thuộc của những tháng năm qua, vẫn

khẳng khiu với gió Bấc Đông hàn…gợi lại trong lòng tôi bao nhiêu nỗi niềm u uất. Nếu tôi được quyền, tôi sẽ vào thăm Dư.

Đầu óc cứ mênh mang trôi nổi bồng bềnh, chân vẫn tiến bước nhưng như không có hồn để chỉ huy. Chợt, trong đám đông tù đang ăn cơm phía ngoài cửa buồng số 8, một thanh niên chừng 20 tuổi, tay đang ôm bát cơm còn chừng một nửa, cứ lắc lư, giật giật cái đầu, cái miệng cứ chóp chép, há ra ngậm vào và nhay nháy cả cặp mắt nữa. Tôi tưởng y đang nổi hứng vừa ăn, vừa hát. Nhưng, tôi bỗng thấy miệng y đầy bọt chảy ra lòng thòng; mắt y trợn ngược lên trời chỉ còn lòng trắng; rồi y đổ kềnh ra sân, chân dẫy đành đạch; đầu đập xuống sân gạch kêu cồng cộc, đến chảy máu đỏ cả ra nền xi măng. Nhiều người chung quanh đều chạy lại nhìn, trong đó có hai tên Đản và Hồng, cán bộ buồng số 7 và số 8. Tôi ngạc nhiên, không hiểu tại sao không một ai ở ngay chung quanh đấy giúp đỡ người bị động kinh; trái lại đều đứng nhìn như xem một người đang làm trò và thỉnh thoảng lại còn có tiếng cười nữa. May quá, 2, 3 người đang chạy xô lại chỗ anh động kinh lúc này đang nằm đứ đừ, máu chảy chan hòa. Họ vội vàng quờ quạng… nhặt những hạt cơm mà người động kinh lúc ngã xuống, làm rớt cả bát cơm ăn dở bắn vãi tứ tung, chung quanh, đút vội vào mồm. Một người còn thò tay vào vũng máu, chỗ gần đầu anh bị động kinh, lấy ra một cục cơm, quệt quệt vào quần, rồi… bỏ tõm vào mồm nhai ngấu nghiến. Không cùng buồng, tôi không có quyền xông vào. Thấy một anh đúng gần, tôi hỏi ngay:

- Sao không có ai vào giúp đỡ người ta vậy?

Anh ta quay lại mở to mắt nhìn tôi như ngạc nhiên, rồi cười:

- Kinh phong, chứ có gì mà phải giúp đỡ! Bây giờ anh mới thấy à? Từ chiều đến giờ, sân trại đã 3 vụ như thế rồi, có sao đâu!

Tôi cúi đầu đi về buồng, vẩn vơ đầy vơi mãi về tình người…..

Đêm hôm đó, tôi trằn trọc mãi không ngủ được. Làm sao để trả lời được rõ ràng cho chính mình, chúng sẽ xử tôi như thế nào khi đưa ra tòa. Tôi chủ quan nhìn lại toàn bộ vụ án:

- Có nhận nhiệm vụ của chính quyền miền Nam, xâm nhập vào thủ đô Hà Nội.

- Ngay từ đầu, không hề làm một việc gì để thực hiện nhiệm vụ ấy (điều này, có người của chúng bí mật theo dõi, đã thấy).

- Bị bắt, khai báo ngay sự thật từ đầu. Tuy có loanh quanh che dấu một vài điểm, nhưng chỉ là những cái râu ria như đường đi biển, lại khai đi đường bộ vì sợ gia đình bị trả thù…..

- Một lần định đào tẩu. Tự tử, không chết, chỉ vì muốn theo đảng, theo cách mạng, mà cách mạng và đảng không tin, vẫn giam cầm, không cho theo.

Chúng đã dùng bao nhiêu hình thức khai thác, mà hình thức ghê gớm nhất là thời gian. Đã 6 năm nằm trong xà lim buồng kín một mình, như vậy, xử thế nào đây? – Nếu là chế độ của ta ở miền Nam, hay thế giới tự do nói chung, bắt được một điệp viên Cộng Sản như vậy thì đối xử ra sao? Về phía thế giới tự do của chúng ta, tôi đã hình dung thấy rồi; nhưng đây là chế độ Cộng Sản. Nếu cứ nhìn trên thực tế, trên hồ sơ, giấy bút, về một khía cạnh nào đó, tôi còn tốt hơn là đầu hàng nữa ấy chứ.

Tâm lý con người, mỗi khi xét về mình bao giờ cũng chủ quan; nghĩa là chỉ nghĩ đến những khía cạnh tốt cho mình. Vì vậy, tôi cho là chúng sẽ xử tôi nhiều lắm là 10 năm. Đã ở xà lim được 6 năm, vậy tôi còn 4 năm nữa, đi trại trung

ương lao động. Rồi khi đất nước vẫn còn chia đôi, khi kết án chúng sẽ cho tôi về một công, nông trường nào đó, như một hình thức anh Trí cho tới chết.

Phải nói là tôi đã phòng hờ, bỏ rẻ rất xấu cho tôi đấy. Có như vậy mới thấy được mức độ hiểu biết ấu trĩ, ngây ngô của tôi về Cộng Sản.

Cứ miên man suy nghĩ, tôi chìm dần vào giấc ngủ lúc nào không hay. Sáng hôm sau, tôi vẫn còn ngủ, những tiếng ầm ầm, ồn ào đã làm tôi giật mình tỉnh dậy. Tiếng loa phát thanh đang nói mục "thanh niên", như vậy là mới 7 giờ sáng. Còn những một tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ làm việc, thế mà tôi đã nghe thấy tiếng chìa khóa lách cách, tiếng ồn ào bàn tán của đám đông cán bộ phía bên ngoài cửa buồng.

Tôi chồm dậy, thấy cửa lớn đã mở toang. Nhìn ra sân, tôi thấy cả tên Trì, đại úy chánh giám thị, cùng với một lũ áo vàng, tôi chưa nhìn rõ ai với ai. Tôi chưa hiểu chuyện gì, đã nghe tiếng mấy cậu từ ngoài đó chạy vào gọi:

- Ban giám thị gọi buồng trưởng và tất cả trật tự ra ngoài gặp ban giám thị!

Ngay lập tức, chúng tôi nhớn nhác 4 người gồm Hưng, bác Khánh, tôi và Thọ "Lột" ra sân. Chúng tôi vừa bước ra khỏi cửa, tên Bằng đã khóa ngay cửa buồng lại, vì chưa tới giờ làm việc và cán bộ trực chính chưa tới. Cả 4 chúng tôi đều ngỡ ngàng, ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì, ngoại trừ thấy một đoàn cán bộ hơn một chục tên. Trong đó có cả người Hưng Yên, từ nãy vẫn đăm đăm nhìn về phía tôi nhiều lần, nhưng tôi vờ như không nhìn thấy.

Khi thấy tên Lê đang cầm tay thằng Huy "Tồ", một phản xạ tự nhiên đến trong óc tôi. Nếu tôi không nhớ lầm, tối hôm qua, vào khoảng 7, 8 giờ, thằng Huy "Tồ" này còn ở trong buồng, vậy tại sao mới sáng sớm tên Lê đã cầm tay nó dẫn vào? Tôi nhớ được chỉ vì thằng Huy "Tồ" này thường bị lũ trẻ con trêu chọc, bắt nạt. Giữa lúc đó tên Lê nghiêm nét mặt, hướng về phía tên Hưng, nhưng hỏi chung:

- Tối hôm qua, hay đêm hôm qua, các anh có thấy thằng này còn ở trong buồng không?

Một câu hỏi làm cho chúng tôi cảm thấy như vừa từ ở trên trời nhẩy dù xuống, anh nọ nhìn anh kia ngơ ngơ, ngác ngác, ú ớ như đang ngậm đầy miệng kẹo, chả biết trả lời ra làm sao. Phần vì trong buồng này hàng 150 đứa lau nhau, lắt nhắt, ai để ý làm chi. Phần khác, cửa buồng thường khóa từ 5 giờ chiều, đêm, ai có quyền mở. Cán bộ, bí mật mở lúc nào, chúng tôi ngủ làm sao biết. Vì vậy, chúng tôi không trả lời được.

Tôi nhìn thằng Huy "Tồ", nó chừng 14 tuổi, tuy lùn nhưng lại có da thịt, nên người nó to ngang bằng đứa 16, 17; nhất là cái đầu nó cũng tương xứng với thân hình. Trời rét, nó lại chỉ mặc chiếc quần đùi, gấu đã rách tua, chân đi đất, trông dáng điệu thật là chậm chạp, ngây ngô. Có lẽ vì vậy, tuy trông to xác nhưng những đứa khác bé hơn vẫn bắt nạt được, cho nên gọi là "Tồ" vì thế. Nó còn được gọi một tên khác nữa là Huy "Vét Đĩa". Từ ngữ "vét đĩa" của Hà Nội là để chỉ loại lưu manh không có tài cán gì. Bố mẹ không nuôi nổi, phải "vạt dòm", ít khi kiếm ăn được nên thường phải vào các quán ăn chờ khách đứng dậy xin… vét chén dĩa, xương xẩu thừa chút ít, hoặc châu đầu ở chỗ rửa chén bát, vét lại chút cơm thừa, canh cặn. Loại này, chỉ trên cấp "cái bang" (ăn mày) một bậc.

Nhìn nó, tôi moi lại trí nhớ. Không thể chệch vào đâu được nữa rồi. Rõ ràng, khoảng 8 giờ tối hôm qua, khi vào nhà xí đi giải, tôi còn nhớ thấy thằng nhóc con Hồng "Chột", đã lừa cốc vào đầu thằng Huy "Tồ" một cái rồi lẩn vội vào chỗ đông. Trong khi hàng chục đứa cười rộ lên, thằng Huy chỉ biết ngồi khóc.

Như vậy, vấn đề được đặt ra là: Có thể ban giám thị bí mật, ban đêm vào mở cửa buồng lấy nó ra, vừa để thử cán bộ trực buồng là tên Chuẩn Úy Kế, vừa để thử buồng trưởng và các trật tự, để dạy cho họ một bài học về cảnh giác, phải chú ý vào nhiệm vụ của mình chăng?

Từ ý nghĩ đó, tôi giơ tay xin có ý kiến, vừa để minh oan cho Kế (tên Trì và một số cán bộ cho là Kế đã tắc trách, điểm sót lúc 5 giờ chiều hôm qua, khi khóa cửa) và cho cả chúng tôi. Tôi nói một cách khẳng định:

- Tôi đoan quyết là thằng Huy "Tồ" này, hồi 8 giờ tối hôm qua còn ở trong buồng.

Tôi dẫn chứng hình ảnh thằng Huy "Tồ" bị cốc đầu, như đã nói trên; trong khi đó, cô Vân lách lại gần chỗ tôi đứng, mặt tươi rói, hếch mãi lên nhìn tôi nói. Có lẽ thấy sự việc càng đi vào chỗ rối mù lên, tên Trì với cái giọng cối đá, gằn mạnh:

- Lúc hai giờ đêm qua, một đồng chí đang ngủ, nghe tiếng lịch kịch ở chạn bát, cho là chuột bọ, nên xùy đuổi. Nhưng, nằm một lúc lại thấy động đậy tiếp, vì vậy, đồng chí bật dậy, mò lấy đèn "pin" chiếu sáng lên để đuổi chuột đi. Không ngờ, đồng chí thoáng thấy một bóng người chui vào gầm sàn, đồng chí vội đến xem; cuối cùng là thằng này.

"Khi đưa về phòng giám thị, ngay từ đêm, chúng tôi đã cật vấn nó nhiều lần. Nó vẫn khăng khăng là 5 giờ chiều hôm qua, lúc điểm số xong, khi cán bộ đóng cửa, nó đã lẻn ra ngay. Cán bộ vô tình không thấy. Mùa Đông, lạnh và đói, nó phải mò xuống bếp cán bộ kiếm thức ăn."…

Tuy là lưu manh, ăn cắp, nhưng nó lại ngây ngô, tồ tồ, như vậy lời nói của nó phải được tin hơn. Trong khi đó, tôi lại khẳng định 8 giờ tối còn thấy nó ở trong buồng. Thành ra sự việc lại đầy mâu thuẫn, bí ẩn.

Tóm lại, giám thị đã cho nó ăn no, dẫn xuống để chất vấn cũng như để chỉnh khuyết điểm của cán bộ trực buồng. Nhưng bây giờ lại rắc rối thêm. Chỉ còn một cách duy nhất, là đưa nó vào buồng để lấy nhân chứng đa số là lũ trẻ con, v.v…

Khi vào buồng, trước mặt bao nhiêu cán bộ (bây giờ có thêm tên Kế vừa đến, vì đã tới giờ làm việc), nhiều đứa trong buồng ngơ ngác không khẳng quyết được như thế nào. Nhưng, cũng có nhiều đứa khẳng định là tối hôm qua, thằng Huy "Tồ" vẫn còn ở trong buồng. Ngay thằng Hồng "Chột" cũng thừa nhận, đã cốc vào đầu nó khoảng 8 giờ. Thậm chí, Hùng "Lác" còn kể rõ ràng chừng 10 giờ đêm qua, thằng Huy "Tồ" còn nằm ngủ cạnh nó, còn kéo chăn của nó, và nó đã đạp cho một cái, thằng Huy còn ngồi khóc mãi.

Như thế, dứt khoát chỉ còn có hai vấn đề:

1) Đêm, phải có một cán bộ nào đó mở cửa buồng cho nó ra ngoài.

2) Chỉ có mộng du, hay… tàng hình!

Ý thứ hai không thực tế, vì dù là mộng du, nhưng cửa khóa, ra cách nào? Chỉ có ý thứ nhất! Vậy, cán bộ nào đã mở cho nó ra? Trong khi hỏi nó, nó lại lắc đầu, vẫn cứ nhất định là lúc điểm số xong, đã lẻn ra.

Sự việc đành bỏ dở, vì đã 10 giờ rồi. Phần ban giám thị, về còn phải triệu tập buổi họp để cán bộ nào trực đêm, đã mở cửa cho nó ra thì thành khẩn nhận.

Tôi cũng thấy sự việc mâu thuẫn quá. Thằng Huy "Tồ" vẫn lủi thủi một mình, lúc ra sân, cũng như lúc vào trong buồng. Hầu hết những người tương đối hiểu biết ở trong buồng chỉ còn dự đoán là, có thể đêm khuya, mùa Đông lạnh giá. Thằng Huy "Tồ" lại không có chỗ nào, cho nó chui vào đắp chăn, vì vậy nó đã ra chỗ gần cửa ngồi khóc; rồi cán bộ nào đó đi trực đêm, thấy nó trẻ con lại ngây ngô, cho nên đã động lòng, mở cửa đưa nó ra ngoài, dẫn nó đến

những căn buồng có hơi ấm chăng?...

Vì đây là một chuyện hơi lạ, nhất là cả ban giám thị Hỏa Lò quan tâm đến, cho nên cậu lớn nhỏ trong buồng cũng tò mò muốn tìm sự thật. Các cậu đã tìm nhiều cách để hỏi thằng Huy "Tồ". Thường nó không trả lời và cứ lủi thủi một mình (vì cái thân nó từ trước vẫn lẻ loi như vậy, chẳng ai chơi với nó); còn, nếu nó trả lời, lại cứ nói đã lẻn ra cửa, lúc điểm số 5 giờ chiều qua.

Cho mãi đến chiều hôm ấy, sự việc vẫn còn nằm im trong bí ẩn. Trong khi tất cả cán bộ Hỏa Lò và gần 200 người chúng tôi trong buồng, lòng vẫn thắc mắc không yên. Lúc gần trưa, cán bộ lại vào mang nó ra khu ngoài, điều nghiên, hỏi han gần 2 tiếng đồng hồ, rồi lại dắt về. Đành chịu không tìm ra manh mối. Điều khó, nó là trẻ con, lại ngây ngây, tồ tồ, điên điên, khùng khùng. Nếu không có những lời khẳng định của tôi và của một số đứa trong buồng, ai cũng tin như lời nó nói. Nó đã lợi dụng khi cán bộ điểm số xong, kéo cánh cửa lớn khép vào và khóa lại, nó đã lách, lẻn ra, cán bộ vô tình không biết.

Càng về chiều, câu chuyện càng được thêu dệt thành những huyền thoại ly kỳ. Nào là nó mộng du, chui qua nóc nhà ra ngoài; nào là trong Hỏa Lò có một thầy phù thủy đã ếm bùa, gọi âm binh mang nó ra ngoài, nhiều cán bộ có óc phân tích, suy lý, hầu như ai cũng cho là chính ban giám thị đã bí mật, ban đêm lấy nó ra ngoài. Mục đích để răn đe, đánh động vào tinh thần đề cao cảnh giác của cán bộ; nghĩa là mỗi người phải quan tâm chú ý đến trách nhiệm, trông tù của mình.

Riêng tôi, nhìn, nghe, suy xét, tổng hợp các hiện tượng, từ ánh mắt cho đến thái độ của tên Trì, tên Lê... Tất cả đều đã cho tôi thấy rằng đây không phải là một thủ đoạn. Như vậy đầu mối tất cả mọi vấn đề làm sao hãy tìm hiểu kỹ ở ngay thằng Huy "Tồ". Với điều kiện của tôi, dĩ nhiên là không thể tìm hiểu được ở bên ngoài. Vừa nghĩ, tôi vừa nhìn thằng Huy đang ngồi khều những mụn ghẻ ở tay, lủi thủi một mình ở góc nhà. Bấy giờ đã 8 giờ tối! Từ sáng đến giờ, nhiều cán bộ đã vào hỏi nó; trong buồng nhiều cậu cũng đã đến hỏi nó, để rồi đành chán, bỏ cuộc, chẳng tìm ra được điều gì mới lạ hơn.

Tôi cầm cái điếu đến bên cạnh nó, vê một điếu thuốc lào bỏ vào nõ, rồi quay lại nhìn nó, tôi cười, tay đưa cho nó bao diêm:

- Cháu quẹt diêm giữ cho chú hút điếu thuốc!

Nó xoay hẳn người lại, cầm que diêm đánh lửa, giữ cho tôi hút với vẻ thích thú lắm. Nó muốn đỡ lấy cái điếu như để xin được hút sái nhì. Tôi vừa thở khói, vừa đưa tay làm hiệu, rồi tôi xì sái ra, và vê cho nó một điếu khác để hút. Sau đó, tôi tỉ mẩn hỏi nó về những mụn ghẻ, rồi từ từ đến gia đình, bố mẹ quê quán, một vài thú chơi của nó khi còn ở quê, v.v... Một lúc, cu cậu có vẻ thật say mê, hào hứng kể chuyện đi bắt tổ chim, câu cá v.v... Tôi tỏ ra thật trầm trồ theo dõi câu chuyện nó kể, thỉnh thoảng hỏi một vài câu để làm đòn bẩy. Tôi ca ngợi nó tài, rồi như thì thầm, tôi đẩy nhẹ sang vấn đề:

- Chỉ có mình chú biết là cháu tài lắm. Thế làm sao đêm qua cháu lại ra ngoài được? Cháu làm cách nào mà tài thế?

Nó cũng nói nhỏ hẳn lại, mắt nhìn lên cái khung cửa sổ phía sát mái nhà:

- Chú đừng nói cho ai biết nhé, cháu chui qua cái lỗ chấn song cửa sổ trên kia kìa!

Như một làn chớp xẹt qua đầu, tôi chợt hiểu. Tôi nhìn những khung cửa sổ lớn nằm dài theo tường của buồng. Nhưng chiếc song sắt, đường kính khoảng 2 phân 2, to tướng, dựng đứng từng hàng, từng hàng. Đứng dưới này nhìn lên, khoảng cách giữa các chấn song chừng độ 14, 15 phân. Từ nền nhà lên đến mép dưới cửa sổ cao chừng

2m50. Từ mép dưới cửa sổ lên đến mép trên cửa sổ chừng 1m20. Do những cái mấu sắt xây cắm vào trong tường (chắc trước đây dùng để chăng dây trong buồng và bây giờ không còn dùng nữa), nếu muốn trèo lên cửa sổ cũng không khó. Nhưng có một điều, như một ấn tượng tâm lý, là những cửa sổ đó, những chấn song đó đã được xây dựng, thiết kế từ thời Pháp thuộc như vậy, hẳn đã được những kỹ sư chuyên môn nghiên cứu kỹ). Cho nên, dù bao đêm, ngày từ năm này qua năm khác, bao nhiêu người nằm trong nhà tù này, vẫn nhìn lên cái cửa sổ ấy. Nhưng từ xa xưa, chả có ai điên rồ trèo lên đấy, đút đầu vào thử có ra được không. Thằng Huy "Tồ" lại là một thằng khùng khùng, dại dại, điếc không sợ súng nên mới làm những việc điên rồ như thế. Tuy vậy, nhìn thân hình thằng Huy "Tồ", nhìn cái đầu của nó đã to như đầu người lớn rồi, ước lượng khoảng cách giữa các chấn song ở tít trên cao kia, tôi cũng chưa tin được dù nó đã kể rõ ràng:

- Đêm rét quá, chả có đứa nào cho cháu ngủ chung cả, cháu mới theo các mẩu sắt trèo lên cửa sổ, rồi cháu thử đút đầu vào. Chỗ này không lọt, cháu lại đút chỗ khác, mãi tới một chỗ vừa khít, cháu lách đầu, rồi cả người ra ngoài. Cháu mò mẫm ra khu ban giám thị, kiếm được mấy mẩu sắn luộc, cháu ăn, Cháu ngủ một giấc ở trong một cái buồng có giường, có chăn mà không có ai nằm. Ngủ một lúc, lại thấy đói, cháu lại mò đi kiếm ăn nữa. Lần này, cháu bị bắt!

Muốn biết cụ thể và thật rõ ràng tận mắt, tôi chỉ còn một cách duy nhất là bảo nó leo lên lại thử. Nghĩ vậy, tôi vê một điếu thuốc nữa cho nó hút, rồi bảo nó trèo lên chui lại cho tôi xem, tôi cũng không quên khích lệ và tỏ vẻ tin nó.

Thế là cả buồng xôn xao cả lên. Trước hàng trăm con mắt, nó thoăn thoắt bám vào những mẩu sắt ở tường, trèo lên cửa sổ. Nó ghé đầu đút thử vào 3 khoảng trống giữa các chấn song, không lọt. Đến khoảng trống thứ tư, nó chui lọt cái đầu, rồi lách cả người ra ngoài. Tên Hưng vội vàng quát:

- Thôi, chui vào ngay!

Khi đó đã gần 10 giờ đêm. Cả buồng sôi lên như cái chợ! Hàng trăm đứa đều ngơ ngác tiếc rẻ là nếu biết thế từ trước đã ra khỏi "hao" từ lâu rồi.

Tên Hưng không kìm được nữa, ra chỗ cửa báo cáo ầm cả lên. Khi một tên cán bộ trực đêm đến hỏi, y đã trình bày như trên. Một lúc sau, cả tên Trì, tên Lê cùng lúc nhúc một lũ hơn một chục tên công an nữa theo sau, vào mở cửa buồng, hỏi tên Hưng. Một lát, chúng kéo ra đứng đầy ở sân, bắt thằng Huy "Tồ" trong này trèo ra cho chúng xem.

Riêng tôi, từ nãy cứ bần thần suy nghĩ. Khi phát hiện được là thằng Huy đã chui cửa ra ngoài, tôi chỉ nghĩ nó là trẻ con, cửa sổ lại làm thưa nên nó mới chui ra được. Nhưng, qua hai lần nhìn thằng Huy biểu diễn, tôi thấy đẻ ra một vấn đề khác, một vấn đề lớn hơn. Nếu tôi biết trước như thế này, tôi phải tìm mọi cách làm cho thằng Huy không bao giờ nói điều đó với ai cả: Bằng cách trộ, dọa nó, cũng như tình cảm với nó.

Lúc này, tôi chợt hiểu, đây là một cơ mưu, một dụng ý của người thợ làm song sắt. Hàng 30, 40 khoảng cách giữa các chấn song, nhưng chỉ có một chỗ là có thể lách mãi sẽ chui qua được. Mắt thường của mọi người, nhìn khung cửa sổ ở trên cao với mỗi khoảng cách giữa các chấn song là 15 phân, thấy tất cả khoảng cách như đều nhau. Nhưng, trong một hàng ba, bốn mươi khoảng cách này, có một cái rộng hơn một phân, là 16 phân, dám chắc chả ai nhìn ra, trừ phi lấy thước đo từng khoảng cách một. Nếu không, mắt thường nhìn khoảng cách nào cũng thấy như nhau.

Vấn đế đã rõ ràng: Thằng Huy "Tồ", do cái ngu của nó, đã thành công. Nó nhìn cái cửa sổ lại "tưởng" có thể chui ra được, rồi tìm cách trèo lên, chui đầu vào. Mấy khoảng cách đầu không vừa, nếu người thường, ai còn chui nữa; nhưng với thằng Huy nó cứ thử từng cái, để rồi đúng phải cái khoảng cách duy nhất, do dụng ý của người thợ trước đây đã làm, nên mới gây ra câu chuyện thần kỳ, nếu không tìm ra nguyên nhân. Tôi nghĩ, có thể ngay các buồng

khác của trại chung Hỏa Lò, cũng có những điều kiện chấn song như buồng số 4 trại chung này. Nhưng, ai đọc đến đây cũng thừa hiểu, lần này tôi đã để những ý nghĩ đó nằm yên ở một ngách trong lòng tôi.

Chúng gọi buồng trưởng và tất cả trật tự ra ngoài sân. Tên Trì hỏi tên Hưng là ai đã hỏi được thằng Huy "Tồ" thú thật đã trèo lên cửa sổ. Tên Hưng chỉ tôi! Tên Lê quay lại nhìn tôi bằng ánh mắt hơi nhay nháy:

- Anh hỏi nó thế nào, mà nó lại thú thật với anh?

Để khỏi lôi thôi lúc đó và để chúng không đánh giá thực được về mình sau này, tôi trả lời:

- Thưa, có gì đâu ông! Tình cờ tôi cho nó điếu thuốc lào, rồi tôi hỏi nó, không ngờ nó lại nói ngay ra như vậy.

Khi cô Vân vào sau, và biết tôi đã tìm ra manh mối, cô cố tìm cách đi sát lại gần tôi, nói khẽ:

- Anh Bình giỏi nhỉ!

Mặt tôi không tỏ một thái độ gì, làm như không nghe thấy lời cô, vì liếc thấy tên Lê và mấy tên nữa đang chăm chú nhìn mặt tôi, khi chúng thấy môi cô Vân mấp máy nhưng không biết nói gì.

Trong khi lòng tôi đang tím thẫm màu ân hận, tên Lê quay lại hỏi một tên cán bộ:

- Mấy giờ rồi?

Tên Hải mũi khoằm giơ cổ tay ra chỗ sáng xem, rồi nhanh nhẩu trả lời:

- Báo cáo thủ trưởng, 12 giờ đêm rồi!

Tên Lê nghiêm giọng:

- Đồng chí xuống ngay trại thợ, gọi đồng chí Đại dậy, chọn hai hay bốn thằng mang gỗ lên đóng bịt kín toàn bộ cửa sổ này. Dù có phải làm suốt đêm, cũng phải làm cho xong.

Chắc y sợ trong buồng còn bao nhiêu trẻ con lưu manh, đêm có thể chui ra làm loạn. Tóm lại, chúng vẫn chỉ đinh ninh là chấn song cửa hơi rộng, chứ chưa biết duy nhất chỉ có một khoảng cách rộng thôi. Chứng cớ, chúng đã cho đóng bít cửa sổ lại.

Vào buồng, đầu tiên là thằng Hưng buồng trưởng nhìn tôi, đánh một câu:

- "Xịa", có khác!

Thế rồi từ đấy, tụi trẻ trong buồng có vẻ đề cao CIA, với nhiều chuyện hoang đường buồn cười.

Chương 79

Cuộc "so tài" của dân anh chị miền Bắc, trong Hỏa Lò!

Ngay buổi trưa hôm sau, tôi đang ngồi vạch cạp quần lên tìm mấy con rận vì ngứa quá, tên Hưng mò đến ngồi bên cạnh, rút thuốc lá Điện Biên ra mời tôi hút. Y hỏi chuyện ngủ, chuyện ăn loanh quanh. Tôi chưa biết y muốn cái gì mà cứ phải loay hoay mãi chưa chịu vào đề. Cuối cùng, y mới ra vẻ tình cảm thân mật:

- Tôi thấy, anh có một khả năng thật tốt. Sau này, anh sẽ phải đi trại trung ương cải tạo; tôi rất có cảm tình với anh, nên tôi muốn ngỏ ý giúp đỡ anh là… anh hãy tích cực dùng khả năng ấy, chắc chắn đường đi của anh trên trại trung ương sẽ rộng mở, không biết thế nào mà nói được.

Tôi vẫn chưa hiểu rõ ý hắn định nói gì, vì thế, tôi vẫn ngồi yên nghe tiếp. Nhưng, chính thái độ bình thản ngồi chờ y nói tiếp đó của tôi, lại càng làm cho y ngập ngừng loanh quanh; để rồi, tôi sốt ruột hỏi thẳng ngay:

- Anh muốn giúp tôi cái gì, hãy nói thẳng rõ ràng ngay đi, khỏi cần rào đón nữa.

- Có gì đâu, tôi hiểu anh sắp đi trại trung ương. Ở trong trại, có người tư tưởng tốt, có người tư tưởng xấu. Người có tư tưởng xấu cũng ví như một con bệnh và các cán bộ là bác sĩ. Nếu bác sĩ không biết căn bệnh của người bệnh, chữa làm sao được? Khi bệnh không chữa được, làm sao con bệnh khỏe mạnh về với gia đình, vợ con, bố mẹ? Vì vậy, anh hãy giúp những con bệnh đó, bằng cách tìm hiểu để biết người mắc bệnh nặng tới mức độ nào. Nếu anh phê bình góp ý, họ không hiểu được nhã ý của anh, họ sẽ giận anh. Vậy, chỉ có một cách tốt nhất là anh hãy báo riêng với cán bộ. Từ đấy, cán bộ mới biết được căn bệnh của họ để chữa trị. Có như vậy, anh đó mới khỏi bệnh, chóng về với gia đình. Như thế là anh đã giúp anh đó tiến bộ.

Đến đây, tôi đã ngửi thấy con người phân của y xông ra nồng nặc rồi. Nhưng, điều tôi băn khoăn là y đã nhìn tôi từ ở khía cạnh nào, để dám đến ngỏ ý với tôi như vậy? Thôi phải rồi, chính từ sự việc thằng Huy "Tồ" hôm trước, y đã suy theo lý của y và đánh giá là tôi thích lập công với cán bộ.

Từ khi vào đây, tôi đã thấy đủ về thằng Hưng này. Y lợi dụng bộ mặt trắng trẻo, học thức, ra vẻ đạo mạo, để tiếp xúc với các cháu nhỏ trong buồng. Tôi cũng thừa nhận, y có con mắt tinh tường, nhìn đối tượng nào cần tiếp xúc, hầu như đều là đúng. Nào là chú thương cháu; nào là dỗ ngon, dỗ ngọt… Trẻ con, dù lưu manh, dù tinh khôn đến mấy, cũng vẫn là… trẻ con, nên sớm muộn đều cảm động trước những lời nói khôn khéo của y và đã nói cho… "chú Hưng" biết tiền còn gửi ở đâu, gửi ai, gửi bao nhiêu và bao giờ v.v… Để rồi vài ngày sau, công an vào gọi tên, dẫn ra phố, đến tận những chỗ chôn giấu, những chỗ gửi tiền… lấy bằng hết. Khi đã biết khôn, thì đã dại rồi, cho nên đã rất nhiều đứa bị tên Hưng cho vào tròng. Nhờ cái tài che dấu, luồn lách giỏi của y, những đứa chưa bị đã ít biết về bộ mặt thật của tên Hưng này. Những đứa bị rồi thường phải đi trại ngay. Nhưng, y làm sao qua mắt tôi! Tôi đã trực tiếp, hoặc gián tiếp qua Phúc "Thổ" ngăn chận việc làm của y từ lâu. Nghĩa là, y ngồi nói chuyện với cháu nào, sau đó Phúc "Thổ" bí mật gặp lại cháu đó và hóa giải ngay. Vì y dựa vào "chính quyền" nên chúng tôi phải lén lút; nhất là tôi lại đóng vai lợi dụng ngược lại y, tôi cũng tỏ là người có nhiều tư tưởng "tiến bộ" để phù hợp với gần 6 năm cung kẹo của mình.

Nhưng, tôi không ngờ là bây giờ, chính y lại đến nói thẳng với tôi. Tôi muốn in bàn tay lên má nó, rồi cho nó mấy câu chửi; nhưng tôi đã kịp kìm xuống. Lạt mềm buộc chặt! Lưỡi mềm, sống lâu hơn răng cứng.

Dù nghĩ như thế, nhưng bực quá, nên tôi cũng phải nói ý cho y biết mới được. Tính vậy, tôi quay lại nói:

- Cảm ơn ý kiến giúp đỡ của anh nhiều. Nhưng, tôi muốn hỏi ý anh ra sao về một câu chuyện trong "Hán Sở Tranh Hùng", tôi đã xem lâu lắm rồi, bây giờ chỉ nhớ ang áng nội dung như sau:

"Có một tướng của Hạng Võ tên là… Đằng Công thì phải. Một lần, do tình cờ may mắn, ông chỉ huy một đoàn quân lớn phục kích ở một nơi hẻo lánh, hiểm địa. Lúc này, Lưu Bang đang trong giai đoạn thất cơ lỡ vận, vừa bị thua nhiều trận xiểng liểng, còn một chút tàn quân lại chạy lủi vào ngay ổ phục kích của Đằng Công này. Chín mươi chín phần là chết, chỉ còn một phần là ngắc ngoải; dù vậy Lưu Bang cũng vẫn phải chiến đấu đến cùng, vì đã trót rơi vào cửa tử. Hai người đã quần thảo hơn 100 hiệp, nếu so tài chưa dễ ai thắng ai, nhưng cái thế này, Lưu ta sớm muộn cũng sẽ bị bắt hay bị giết mà thôi. Trong lúc thập phần nguy hiểm như vậy, chợt Lưu ta mới loé lên một ý hay. Ông ta đánh bậy một thế, rồi nhảy ra ngoài quát to:

- Bớ vị tướng tài giỏi và thông minh kia! Sở Vương và ta, hai người đang giành nhau thiên hạ. Hôm nay, ta gặp người cũng là người tài. Anh hùng quyết tử với nhau, thế nào cũng có người sống, người chết. Vậy không gì bằng hãy "pha vơ" thông cảm cho ta lúc này. Sau này, có dịp sẽ đền ơn đích đáng.

Nghe Lưu nói, Đằng Công suy nghĩ thấy cũng phải, và trong bụng cũng phòng hờ sau này, Hạng Võ có thua Bái Công, mình vẫn còn chỗ đứng. Thế là y thu quân, tha cho Lưu Bang.

Rồi, vật đổi sao dời, thế sự nổi trôi thăng trầm. Cuối cùng Lưu Bang thống nhất sơn hà, lên ngôi Hoàng Đế. Lúc này, Lưu là chúa tể thiên hạ, hiển hách như trời. Lưu đền công, định tội ân oán trong những ngày gian khổ, chiến đấu vào tử ra sinh. Đằng Công nhớ lại ơn tha chết cho Lưu ngày xưa. Ơn này đâu phải là nhỏ! Nếu lúc đó bắt, hoặc giết Lưu, làm gì Lưu còn ngày nay ngồi ngất nghểu trên ngôi cửu trùng. Đằng Công lặn lội đến gặp Lưu.

Khi đến nhà khách của triều đình, Đằng Công được một vị đại quan ra tiếp. Sau khi biết khách là Đằng Công đã có công vô cùng to lớn, đã tha chết cho Hoàng Đế ở trận "X" v.v… Chính ông quan lớn này, trên đường vào cung báo cho Hoàng Đế biết sự việc, cũng phải trầm trồ ca ngợi cái may có một không hai, của Đằng Công.

Khi vị quan quỳ mọp tâu trình sự việc xong, và y đang chờ sự hân hoan mừng vui của Hoàng Đế, được gặp lại người ân xưa, bỗng một tiếng quát gầm lên như sấm dậy, hoàng đế ra lệnh:

- Đem Đằng Công ra pháp trường chặt đầu ngay lập tức, để làm gương cho các quan và hậu thế! Ta không muốn nhìn kẻ một dạ hai lòng. Người phản trắc thì không một chế độ nào ưa cả. Lừa thầy, hại bạn, muôn đời ai cũng phỉ nhổ!….."

Mặt tên Hưng sượng sùng ngồi nghe tôi kể chuyện. Tôi hỏi thẳng:

- Theo anh, Đằng Công và Lưu Bang, ai đúng, ai sai?

Y vừa chống tay đứng dậy một cách uể oải, vừa trả lời:

- Ồ, chuyện cổ xưa, bây giờ đâu còn phù hợp nữa…..

Rồi, y trở về chỗ của y nằm….. Chiều hôm đó, tôi và Thọ "Lột" đang cặm cụi chia cơm, một đoàn cán bộ công an lạ hoắc đi vào sân trại. Họ chia mỗi người đi về mỗi góc sân, đứng nhìn tù đang ăn, hoặc đang chia cơm.

Một tên chừng ngoài 30, có đôi mắt thật sâu, hàm râu lún phún đen xì như con sâu róm nằm cong cong, tòe ra hai bên phía dưới mũi. Tôi biết y đang khoanh tay trước ngực, đứng cheo chéo phía sau lưng tôi và đang nhìn tôi chia từng suất cơm. Lúc tôi ngẩng lên như xoay lại thế đứng cho khỏi mỏi, mắt tôi và mắt y gặp nhau. Y nở một nụ cười xã giao, dìu dịu nói:

- Này, tôi hỏi thực các anh, các anh ăn suất cơm này có thấy đói lắm không?

Thấy cách ăn nói của y mềm dẻo, dễ lọt tai, tôi xoay hẳn người lại, thong thả nói:

- Thưa ông, phải nói là đói thật nhiều chứ ông. Ngay các cháu thiếu nhi, có thể còn phải ăn hai suất cơm không thế này, mới no. Chúng tôi phải ăn 3 suất mới đủ.

Nghe tôi nói, trán y cau lại như gặp một vấn đề thật khó hiểu. Cuối cùng, y nói như tâm sự:

- Tôi là cán bộ bên sở, được trình bày của các đồng chí bên "lao cải" (Cục Lao Động Cải Tạo), với tiêu chuẩn chất bột như vậy là đủ rồi đấy. Thế mà các anh lại kêu đói!? Tôi nói thực với anh, nhìn suất cơm này, ngay chúng tôi ở ngoài, mỗi bữa cũng chỉ ăn thế thôi. Như vậy là thế nào?

Nhìn mặt y có vẻ thành thật, nghĩa là y thực sự không hiểu được tại sao lại khác nhau như vậy. Thôi, cũng chẳng tiếc chút nước bọt, tôi bỏ hẳn cái bát xuống bàn, nói rành mạch:

- Thưa ông, cái này có gì đâu mà khó hiểu ạ. Con người sống được, nói một cái khái quát, phải cần có "protit, lipit và glucit". Nghĩa là chất mỡ, đạm và đường. Thí dụ, một ngày, một người trung bình phải cần một nghìn đơn vị chất đạm, một nghìn đơn vị chất mỡ và một nghìn đơn vị chất đường để sống và sinh hoạt. Ông ở ngoài tự do, lúc ông ăn một cái kẹo, tấm mía, quả chuối; uống ly nước chanh, v.v... trong đó có mỡ và đường đấy. Cơm ông lại ăn tí cá, tí thịt, tí đậu, cà chua, v.v... trong đó có mỡ và đạm đấy. Do đấy, chất bột chỉ cần hai lưng bát cơm là đủ rồi, đâu có đói nữa. Huống chi, đôi khi lại có những bữa tiệc tùng, ăn nhiều thì cơ thể đã có chất dự trữ, nên có ngày bỏ một bữa ăn cũng không thấy đói. Ở đây chỉ có suất cơm đơn thuần thế này; có khi ăn với tí muối rang, có khi chỉ vài cọng rau muống già nấu muối, như hôm nay. Ngoài ra, suốt ngày, ngày này qua ngày khác, không có một cái gì khác vào miệng cả. Như thế, suất cơm bây nhiêu phải lọc, chia, điều chế ra thành 3 phần trên, mỗi thứ chỉ được một tí. Sao không đói được, thưa ông...!?

Nghe tôi nói, mắt y sáng dần ra, trán y dãn thẳng không còn vết cau nữa; đến nỗi y quên là đang nói chuyện với một tên tù; y đập tay vào vai tôi cười rộ, thân mật:

- Phải, anh nói thật có lý. Thế mà trước đây, tôi cứ băn khoăn mãi không hiểu vì sao.

Thấy y cởi mở, chân thật, tôi chêm nhẹ một câu:

- Tôi nghĩ, "ở trên" nghiên cứu, đặt ra tiêu chuẩn này, không phải họ không biết như vậy. Họ còn biết hơn tôi nhiều nữa cơ!

Y mở to mắt nhìn tôi, vì chưa hiểu ý tôi định nói cái gì... Câu chuyện chấm dứt ở đấy, vì tôi còn phải làm cho xong phận sự... chia cơm của mình.

Buồng đã ăn cơm nước xong, vào, khóa cửa. Tối nay, hình như có vấn đề gì đó xẩy ra giữa một số thanh niên lớn ở trong buồng, mà tôi vô tình nên không biết. Mãi tới lúc thấy chúng đã xếp dọn trống hẳn một góc nền. Hơn nữa, lại, thấy Phúc "Thổ" cùng Thạch "Sẹo" đang cởi áo ra, tôi mới chợt hiểu.

Thằng Thạch "Sẹo" là "lính xô bè" của Hải Phòng. Tôi hiểu, trong giới anh chị bụi đời này, khi gặp những mâu thuẫn hay bất đồng trong việc "làm ăn", thường phải giải quyết "vấn đề" với nhau bằng... võ lực. Tôi cũng biết uy tín và khả năng của tôi lúc này, đủ để dẹp vụ "thượng đài". Nhưng, ngay trong thâm ý, tôi cũng muốn xem "tay nghề" của giới anh chị miền Bắc có gì đặc biệt không? Nghĩ như vậy, tôi liền xông đến không cần biết lý do vì sao phải thượng

đài, tôi chỉ hỏi ai là trọng tài. Phúc "Thổ" chỉ Thọ "Lột". Tôi biết Thọ "Lột" cũng là dân Hà Nội, vì vậy, tôi quay sang Thạch "Sẹo" hỏi:

- Cậu có đồng ý Thọ "Lột" là trọng tài không?

Thấy tôi hỏi, Thạch "Sẹo" như dàn nỗi băn khoăn ra:

- Em thú thực với anh, đây là đất Hà Nội, em kỵ nhất là "hội đồng". Em cũng không muốn Thọ "Lột" là trọng tài. Em hiểu chúng nó đầy đàn em ở đây, nhưng vì cái thế danh dự, em phải "sô lô" với chúng.

Thấy ý kiến của Thạch "Sẹo" như vậy, tôi quay lại, cao giọng nói với toàn thể:

- Chuyện này, nếu tôi không biết thì thôi. Nhưng vì tình nghĩa giữa các cậu với tôi; mặt khác, vì tinh thần thượng võ, nên việc này phải được minh định rõ ràng. Trước hết, tôi xin hỏi các cậu: Đây có phải là một trận thử sức, để phân rõ tài cao thấp của nhau không?

Đám đông các cậu chung quanh ồn ào, nhao nhao lên:

- Đúng thế đấy, anh ạ!

- Đúng đấy!

Tôi lại hỏi tiếp:

- Ở đây, chúng to không có đồng hồ; vậy, các cậu định đánh theo nguyên tắc nào, và như thế nào là thắng hay bại?

Mấy người đều định nói, nhưng Thọ "lột" nói hết ý của vấn đề:

- Đánh theo lối tự do, cho đến khi nào một bên giơ tay chịu thua.

Tôi nói rành rẽ:

- Như vậy, ba điều kiện sau đây phải được tôn trọng: Thứ nhất, trọng tài là người phải cả hai đấu thủ Phúc "Thổ" và Thạch "Sẹo" thỏa thuận đồng ý. Thứ hai, dù thế nào khi dứt điểm cũng không trả thù. Thứ ba, tuyệt đối không bè phái, hội đồng.

Nhiều tiếng vỗ tay và nhao nhao hô đồng ý; rồi tiếng Minh "Trố" nói to:

- Đề nghị anh Bình làm trọng tài!

Lại có nhiều tiếng vỗ tay. Thấy vậy, tôi quay sang hỏi cả Phúc "Thổ" lẫn Thạch "Sẹo":

- Cả hai cậu hãy thẳng thắn nói ý kiến của mình?

Cả hai đều gật đầu đồng ý. Nhiều tiếng vỗ tay! Tôi giơ cả hai tay, dõng dạc tuyên bố:

- Là trọng tài, tôi cương quyết bảo vệ những điều đã được nêu ra. Tôi sẽ phạt ngay, nếu ai vi phạm. Và bây giờ, có thể bắt đầu.

Tôi vừa nói, vừa cởi chiếc ruột áo bông dầy mà Minh "Trố" mới lột của một thằng bạn mới vào, đưa cho tôi 3 hôm trước. Thằng Tiến "Ga" đã xông đến giữ chiếc áo bông cho tôi. Tôi đi một vòng, làm hiệu tay dẹp một chỗ khá rộng. Trời mùa Đông, gió lạnh căm căm, hai đối thủ vẫn cởi hết quần áo, chỉ mặc có hai chiếc quần xà lỏn. Thằng Phúc "Thổ", trông dáng cao lênh khênh đến 1m70, da trắng trẻo nhưng đầy vẻ nhanh nhẹn. Ngược lại, thằng Thạch "Sẹo" chỉ cao khoảng 1m62, da ngăm ngăm, chân tay chắc nịch. Vết sẹo của dao chém trên mặt nó, rạch chéo một vết dài, chia chiếc mũi của nó làm hai phần. Phần dưới, phía cánh mũi phải xùi ra một cục thịt, làm cái mặt của nó càng thêm lầm lì. Tôi cầm, hai tay của hai cậu, chuẩn bị cho bắt tay. Quay sang Phúc "Thổ" tôi hất hàm hỏi:

- Nặng bao nhiêu ký!

- 57 ký!

Tôi quay lại Thạch "Sẹo", nó trả lời:

- 60 ký!

Thằng Phúc thật láu cá! Vừa bắt tay, bỏ ra một cái, tay trái của nó đã quạt một cú lẹ như gió vào hàm phải của Thạch "Sẹo", đồng thời xoay người đưa chân phải ghim vào ngực Thạch "Sẹo" một cái "hự". Với hai đòn chớp nhoáng phủ đầu của Phúc "Thổ", Thạch "Sẹo" chỉ tránh được cú đấm, đành chịu nhận cái gót chân như vồ đập vậy.

Cú đòn của Phúc "Thổ" thật đẹp. Nhưng, Thạch "Sẹo" cũng không vừa, bị ăn một cú gót chân đầu tiên, mặt nó xám lại thêm. Nhanh như một con vượn, nó tiến lên hai bước, quạt dứ cánh tay phải vào mặt Phúc "Thổ". Phúc vội hụp đầu xuống tránh, thì vừa lúc đó, chân trái của Thạch "Sẹo" lên gối, trúng ngực Phúc "Thổ". Một tiếng "ọc" ngọt lịm như tiếng chày đâm vào cối gạo. Phúc "Thổ" phải ôm ngực lui ra.

Hai đấu thủ đều đã ăn đòn, nên khí thế trận đấu bắt đầu bốc. Mắt của hai đấu thủ đỏ lên như mắt cá rói, chúng xông bừa vào nhau, đấm đá túi bụi.

Các cậu chỉ là người có đòn phép lúc đầu; nhưng càng về sau, càng đi vào "hổ lốn" quyền. Một điều tôi nhận thấy, thứ đòn của các cậu đánh nhau, hoàn toàn là do cuộc sống thực tiễn của anh chị bụi đời, chứ chẳng phải trong một lò quyền thuật nào. Vì có kinh qua một số đánh nhau, nên các cậu rút ra được một số đòn hữu hiệu.

Nhìn chúng quần thảo, tôi liên tưởng đến một số lò võ tôi đã được chiêm ngưỡng, hoặc tham dự. Tôi thấy, trừ những trường đặc biệt không kể, đa số những lò này chỉ giỏi về lý thuyết; tuy cũng có thực tập bằng những trận đấu với nhau. Nhưng, dù sao cũng không phải là đánh thật. Đánh thật ở đây nghĩa là đánh ở mọi tình huống, mọi hoàn cảnh, bất kỳ đông người hay ít người; bất kỳ, dao, gậy, súng, gặp cái gì phang cái ấy…tử chiến, hạ nhau ngay.

Giới anh chị bụi đời thì ngược lại, trải nhiều thực tế, phải dự nhiều trận chém giết, nhưng lại không có lý thuyết. Như vậy, nếu ai có cả hai thứ lý thuyết và thực tế, chắc rằng đó mới là người đáng nể.

Trong thực tế, không ai có thể phủ nhận được rằng, ngay các võ sư đã từng nổi tiếng với bao lần thượng đài hạ địch thủ; nhưng khi đấu "võ đời", nhiều người đã bị thua, bị chết. Các lò võ đối với "võ đời", cũng như trường đại học với trường đời vậy.

Trong khi tôi đang để óc liên tưởng chạy dông dài, trận đấu vẫn nghiêng ngửa. Bất chợt, vì tránh một cú đá hậu của Phúc "Thổ", Thạch "Sẹo" đã vướng vào góc bệ gạch giữa phòng, ngã đổ ngửa ra. Nhanh như một con sóc, Phúc nằm đè lên bụng Thạch, rồi xoay lật ngược người, đánh một cú khuỷu tay vào cái mũi sẹo của Thạch nghe cái "ịch". Một

giòng máu tóe ra, nhưng Thạch vẫn còn khỏe, đã co chân lại, đạp bật Phúc "Thổ" ra như một cái lò xo. Phúc "Thổ" ngã đập mặt vào cạnh bệ gạch, mắt tím bầm, sưng lồi lên một cục như quả táo (táo Việt Nam). Hai đứa ôm chầm vào nhau vật lộn, như hai con gấu đói bị thương. Máu ở lỗ mũi của Thạch "Sẹo" vẩy văng tung tóe, đỏ cả nền nhà.

Tôi thấy đã tới lúc phải chận cuộc đấu này lại. Tôi xoài chân xuống xà tấn, lách thọc vào hông giữa hai đứa; hai tay tôi xiết chặt hai tay chúng, rồi dùng vai hích bật hai đứa ra hai bên; mồm tôi quát:

- Thôi! Ngừng lại! Như thế đã đủ hiểu tài nhau rồi!

Chúng nó còn hăng máu, lồng lộn định xông vào nhau nữa. Nhưng tôi đã quắc mắt lên, với thái độ là nếu tên nào còn muốn nữa, tôi tiếp ngay.

Máu từ hai lỗ mũi của Thach "Sẹo" vẫn còn chảy. Tôi gọi thằng Tiến "Ga" xé cho tôi miếng giẻ; và kéo tay, bắt Thạch "Sẹo" ngồi dựa vào đống chăn, ngửa mặt lên. Trong buồng chẳng ai có một thứ thuốc men gì. Chỉ có mấy miếng giẻ rách, lau và bịt lỗ mũi của Thạch "Sẹo", nên mãi một lúc sau mới cầm được máu.

Lúc này đã 9 giờ tối, Thạch "Sẹo" ngồi dậy, mặc quần áo, đi đi lại lại. Tôi sai mấy thằng quét dọn, lau chỗ máu dưới nền, trải chiếu; xong, gọi các cậu lại, ngồi nói chuyện.

Với tư cách trọng tài, tôi nhận định chung về trận đấu là hai bên đều có cái khá, cũng như cái kém. Thạch "Sẹo" không may bị ra nhiều máu. Người hiểu biết, không nhìn máu chảy để luận tài cao thấp. Tôi cũng ca ngợi các cậu đánh hay, nhưng chưa có nghệ thuật. Đấu võ cũng như đánh cờ. Loại cờ thấp, chỉ ham ăn nhiều quân của đối phương, và như vậy, tưởng mình thắng rồi. Loại cao cờ biết bầy trận, nhử mồi, rồi chờ, hoặc khích, dẫn dắt đối thủ xập bẫy. Xem những trận cờ như vậy mới hay!

Rồi, để làm nhạt phần nào những hận thù của chúng; tôi kể, hay nói khác đi, tường thuật lại mấy trận võ đài quốc tế từ 1954 đến 1961 tại Sài Gòn cho các cậu nghe. Tôi không quên kể lại một võ sĩ, tự nhận là giáo sư đệ tứ đẳng huyền đai Nhu Đạo. Để lật mặt ông này, quân đội đã phải tổ chức một đêm nhu đạo quốc tế năm 1960, tại sân vận động của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, do giáo sư Nhật, đệ lục đẳng huyền đai Takata, từ Nhật sang làm chủ trì. Takata đã thách thức toàn bộ các giáo sư Mỹ, Anh, Pháp, Việt từ đệ tứ đẳng có mặt tham dự đêm Nhu Đạo quốc tế đêm ấy, v.v… Cả buồng say mê theo dõi những diễn tiến của từng trận đánh. Tôi cũng nói đến cái hận, của Hội Quyền Thuật Việt Nam với vụ thách thức của võ sĩ Samsaray, vô địch quyền tự do của Căm Pu Chia. Trong đó, võ sĩ Vĩnh Tiên, vô địch Quyền Anh Đông Dương, phải chịu trận.

Nói chung, gần một tháng ở buồng này, do những điều kiện cụ thể, tôi được tiếp xúc với nhiều anh chị trong giới lưu manh, đủ mọi thành phần. Mỗi đứa là một cuộc đời trôi nổi, sóng gió. Cả một thế hệ trẻ lầm than rên xiết, không có lối thoát dưới chế độ Việt Cộng.

Phải nói là, tôi đã gặp cả một kho tàng, đầy những câu chuyện sống động, người thực, việc thực. Tôi tiếc mình không là một nhà văn, nhà báo để ghi nhận hết được những kho tài liệu sống này. Tuy vậy, những thực tế này đã là điều làm tôi phải suy nghĩ, tìm hiểu, và đã làm tôi ngạc nhiên không ít, so với sự hiểu biết của tôi về xã hội chủ nghĩa trước đây.

Với suy lý đơn thuần của tôi; trong xã hội chủ nghĩa, do những yêu cầu quản lý con người và an ninh xã hội, dân sẽ phải thiếu đói, và suốt ngày, suốt tháng, suốt năm chỉ cặm cụi lo toan cho miếng ăn để sống. Điều đó, tất yếu sẽ đẻ ra một số những tệ trạng xã hội như lưu manh, trộm cắp… lại là trẻ con, thiếu niên và thanh niên. Những loại người này, đã được sinh ra và lớn lên dưới dự giáo dục uốn nắn "trồng người" của chế độ xã hội chủ nghĩa!

Chính những điều tôi nhìn thấy này, càng cho phép tôi về sau, nhìn rõ Cộng Sản hơn, và là những dẫn chứng sinh động để lý giải sáng tỏ một vấn đề về phương pháp thống trị quản lý con người của Cộng Sản nói chung, và của bọn Việt Cộng nói riêng…

Chương 80

Phim "Thần Thoại":
Một Thủ Đoạn của Cộng Sản!……

Sáng hôm nay, trời không mưa nhưng rét thật ngọt. Cứ vào giờ bắt đầu làm việc (8 giờ), sân trại lại nhộn nhịp tấp nập đầy người. Quen lệ, khi ra tới chỗ bể rửa mặt, tôi vừa rửa vừa đưa mắt về phía cửa buồng số 8, buồng giam những tội phạm chính trị "nặng ký".

Sự để ý chờ đợi của tôi, chẳng phải vì buồng ấy có nhiều người tội nặng (tôi có biết tội lỗi của họ ra làm sao đâu). Sự chú ý của tôi chính là, bao giờ cũng vậy, khi buồng ấy xếp hàng đợi đi ra cho cán bộ điểm, ở hàng cuối cùng, một hình ảnh quen thuộc luôn luôn lôi cuốn tâm trí tôi: một anh, chừng 30, 35 tuổi với chân phải cụt đến sát háng và tay phải, từ vai, chỉ nhô ra một đoạn chừng mười phân, nghĩa là cũng cụt từ phía trên khuỷu tay. Vì chân và tay đều cụt về một phía, cho nên đầu nạng chống vào nách của anh, phía bên tay cụt, phải có một cái quai bằng dây vải, đeo và buộc vào vai anh. Chỗ ngang bụng lại có một sợi dây nữa, quàng ra buộc chiếc nạng để giữ cho ép sát vào người. Cổ anh đeo một cái túi vải lủng lẳng trước ngực, trong có hai cái bát bằng hai nửa chiếc gáo dừa to và một ống "ghi-gô" nhôm. Thành ra, trông người anh quấn đầy dây nhợ. Chỉ có tay trái anh, trông thật rắn chắc, chống và điều khiển chiếc nạng một cách lẹ làng, nhuần nhuyễn. Dù vậy, dáng bước đi của anh cứ phải lệch về một bên. Mỗi một bước đi, gân cổ và gân trên bàn tay trái của anh nổi phồng lên như những con giun đất. Đặc biệt, da mặt và da tay của anh trắng trẻo, hồng hào. Có lẽ, cũng một suất cơm như vậy, chỉ phải nuôi có một nửa cơ thể. Anh có đôi mắt thật sắc, long lanh khác thường. Nét mặt lạnh lùng, tôi chưa bao giờ thấy anh cười. Tôi chẳng hiểu vì sao anh tàn tật như vậy, và anh đã gây lên tội gì để bây giờ phải vào tù?

Nếu chỉ có vậy, sự việc tôi bị lôi cuốn cũng chỉ ở chừng mực nào đó thôi. Ở đây, ngoài những dây nhợ buộc khắp người anh, còn một cái dây thừng nữa buộc vào vai trái anh, thòng ra phía sau buộc vào cổ tay trái của một anh khác, khoảng 40 tuổi, rất cao mà lại gầy, nên trông càng lênh khênh. Đôi mắt anh phía sau này, chắc đã lòa từ lâu, vì chúng thụt sâu vào thành hai lỗ đen ngòm, lờ mờ mấy đùm dĩ trắng đục. Tay phải của anh lòa cầm một chiếc gáo dừa, tay trái anh chống một chiếc gậy nhỏ, hai chân anh lần bước theo chiếc gậy, chiếc gậy lại theo hướng của sợi dây do anh cụt phía trước dẫn. Điều làm tôi thắc mắc là anh mù hầu như lúc nào cũng ngửa mặt "nhìn" lên trời. Nhiều lúc; tôi cứ tưởng anh nhìn cái gì cây bàng, hay đang theo dõi những tảng mây lững lờ trôi trên nền trời xanh xám, của mùa Đông.

Một điều nữa làm tôi thắc mắc không ít là, ngay chung quanh, kể cả trẻ con, người lớn trong buồng tôi, chả một ai quan tâm, để ý nhìn anh mù và anh què đó cả. Đã từ hàng nửa tháng nay rồi, tôi không chịu được nữa. Đến bên Phúc "Thổ", tôi hướng về chỗ hai anh đang giúp nhau lúi húi rửa ráy ở mé bể nước phía bên kia, hỏi:

- Này, hai anh kia mù với què, còn làm gì nên tội mà bị bắt, cậu có biết không?

Phúc "Thổ" quay lại, nhìn tôi đăm đăm, với một chút rung rung ở đuôi mắt, như ngạc nhiên cho câu hỏi ngây thơ của tôi:

- Họ vẫn gây tội tốt ấy chứ anh! Lên trại trung ương, anh sẽ còn gặp khối người mù, người què.

Tôi nói, giọng đầy thắc mắc:

- Mù với què còn nhìn thấy gì, còn đi đâu được, mà gây nên tội?

- Anh mù, cũng như anh què, anh quên họ còn cái… mồm nữa là chi! Tội ở cái mồm ra đấy, anh ạ. Sau này, đi trại, tìm hiểu kỹ, anh sẽ thấy hầu hết bao nhiêu tội, bao nhiêu người bị bắt đều do cái miệng cả. Tụi Cộng Sản ghép chung cho cái tội là "phản tuyên truyền" đó mà.

- Sao không đưa họ đi trại, còn để họ ở đây?

- Em cũng không biết nữa. Anh mù kia kìa, trước đây ở buồng 11, nhưng chẳng có ai chịu dẫn cũng như lấy cơm cho. Sau, không hiểu sao, lại đưa sang số 8 với anh què này.

Cả buồng tôi đã trở vào rồi, một mình tôi ngồi ở cửa buồng, mắt vẫn nhìn về phía buồng số 8, anh mù và anh què đang dắt díu nhau lò dò, chậm chạp vào buồng. Chẳng biết các anh đang nghĩ gì, các anh cảm thấy cuộc đời ra sao, có bao giờ các anh buồn không? Các anh đã vào trong buồng rồi, mà hồn tôi vẫn còn bồng bềnh thương cảm, cho những kiếp người đầu thai nhầm…không gian.

Tôi vẫn ngồi đấy, vẫn mở to mắt nhìn ra sân; nhưng, hồn tôi đã cuốn chặt vào nỗi đầy vơi của kiếp người, nên chỉ nhìn loáng thoáng, lố nhố những hình người di động, chẳng còn trông rõ được ai. Tôi lơ mơ thấy như từ phía cổng phòng trực, có mấy người mang những cái gì trông giống như những cái sào tre thật dài. Ngạc nhiên, tôi lấy lại thị giác, định thần nhìn kỹ, thì ra thật dài. Ngạc nhiên, tôi lấy lại thị giác, định thần nhìn kỹ, thì ra thật vậy. Ba anh tù "trại thợ", kẻ ôm những cái sào tre, người ôm những dây nhợ và một miếng vải trắng to?…

- Tối nay lại có chiếu bóng rồi!

Tiếng Thọ "Lột" ồm ồm phía sau lưng đã trả lời cho câu hỏi còn đang băn khoăn trong đầu tôi. Rồi, trong buồng ồn ào, nhao nhao lên như buổi "mít tinh" đến giờ giải tán. Thọ "Lột" chạy sang bàn một tên cán bộ ở trước cửa buồng 10 một lúc, trở về; thế là cả buồng đã biết tin, tối nay chiếu phim: "Nàng Công Chúa Tóc Vàng" của Tiệp Khắc. Tôi quay sang hỏi Thọ "Lột":

- Thường thường bao lâu mới chiếu phim một lần, hở cậu?

- Cũng tùy, anh ạ. Nhưng thông thường thì hai tháng một lần.

- Thế lần trước, chiếu phim gì?

- "Lút Mi Na Với Tên Phù Thủy Râu Xanh".

Tôi nhớ lại khoảng thời gian gần một tháng trời lang thang trên hè phố Hà Nội trước khi bị bắt, chợt thoáng thấy hiện lên trong đầu một vấn đề khác thường. Tôi hỏi Thọ "Lột":

- Này, tại sao miền Bắc xã hội chủ nghĩa hay chiếu phim thần thoại thế? Cậu có biết nguyên nhân vì sao không?

Mắt cậu ta mở to như lần đầu, mới được nghe ý tưởng lạ lùng này:

- Anh hỏi, em mới chợt thấy. Hầu như các phim nhập cảng từ các nước xã hội chủ nghĩa đa số đều là phim thần thoại! Em cũng chưa hiểu vì sao cả.

- Cậu có thấy chủ nghĩa Cộng Sản chủ trương "duy vật" nghĩa là, không những họ không tin chuyện thần thoại, mê tín; mà còn chống đối, bài trừ nữa không? Thế mà, ngược lại, phim ảnh lại đầy dẫy những phim hoang đường loại đó! Cậu biết vì sao lại có sự mâu thuẫn đó không?

Cả ông Khánh và Phúc "Thổ" cũng chạy ra ngồi nghe, thành ra cả ba người đều đờ đẫn cả mặt. Có lẽ đây là lần đầu tiên họ gặp một người đặt ra câu hỏi này; mặc dù, sự việc từ lâu vẫn bầy ra trước mắt, nhưng mọi người vô tình, không để ý. Ông Khánh nói vẻ sốt sắng:

- Chính điều này, ngay khi còn ở ngoài, đã có lần tôi thấy hơi lạ; nhưng tôi chỉ cho là dân chúng thích xem phim thần thoại, nên họ hay quay, thế thôi!

- Như vậy, bác lại quên một điều: Dưới chế độ Cộng Sản, văn nghệ phải được chỉ đạo! Văn nghệ "Cộng Sản" phải hướng con người chỉ nhìn và đi về một phía nhất định, do bọn đầu não đưa ra; và; không bao giờ văn chương, kịch nghệ, phim ảnh, v.v…được dùng để chiều theo thị hiếu, hay ý thích của quần chúng cả. Cứ đặt vấn đề như vậy, rồi xóa bỏ những mâu thuẫn đối lập; cuối cùng sẽ thấy được rõ câu trả lời. Tôi tin là, khi chưa đặt vấn đề thì không nói, chứ đã đặt ra, rồi bác và hai cậu sẽ trả lời được thỏa đáng thôi!…

Chiều nay, tụi trẻ trong buồng xốn xang, vui vẻ hẳn lên với những háo hức, chuẩn bị chốc nữa sẽ được xem chớp bóng. Chính ngay những người lớn, trong đó có tôi, khi thấy trời chuyển gió mạnh, cũng phập phồng sợ trời mưa, khiến buổi chiếu phim sẽ bị ngưng lại. Riêng với tôi, đã 6 năm, ngày đêm chỉ trông thấy 4 bức tường xà lim, nên bây giờ cũng muốn "cải thiện" con mắt một tí.

Gió thổi nhanh một hồi, rồi dịu lại, tuôn dài chất ngọt vào cái lạnh đêm Đông hanh. Chờ mãi rồi cũng đến giờ ra sân trại. Bảy giờ 30 phút. Buồng nào, do cán bộ buồng ấy chịu trách nhiệm điểm số, dẫn ra đến chỗ quy định của mỗi buồng.

Tối nay, sân trại được "tăng cường" thêm mấy bóng điện 60 watts nữa mỗi góc; nhưng cũng không đủ sáng cả sân. Bóng tối vẫn chiếm nhiều hơn ánh sáng. Quá mười mét là chả con nhìn rõ mặt người.

"Xem hát ngồi xa. Xi nê ma ngồi gần", đó là hai nơi dành cho khách ít tiền, hoặc thấp cổ, bé vai, ở đâu cũng vậy. Cho nên, trật tự, buồng trưởng… được ngồi gần phía các hàng ghế cán bộ, nghĩa là mãi phía cuối, xa màn ảnh (tất nhiên, tù cũng có ghế là… nền sân trại).

Một đoàn cán bộ lục tục kéo vào. Ngoài mấy mụ Thơ, Hoa, cũng có vài người đàn bà nữa, chắc là vợ con của cán bộ. Tiếng the thé, ỏn ẻn của mấy mụ cũng lôi cuốn biết bao cái đầu, chìm sâu trong bóng tôi, đều nghiêng dần theo vài mái tóc dài, mãi cho đến khi họ tới chỗ những hàng ghế phía sau mới thôi.

Trong cái mờ tỏ, sáng tối ấy, bỗng thoáng một bóng hình làm trái tim tôi nhảy nhịp không đều. Cô Vân đang đi sau tên Lê, thượng úy. Hôm nay, cô Vân mặc chiếc áo bông màu hoa cà điểm những chiếc hoa trắng to tướng, lấp loáng từng mảnh trong ánh sáng đèn. Tôi biết rằng, sân trại với hàng ngàn người và ánh sáng lại mờ tối như thế này, chả bao giờ cô nhìn thấy tôi đâu. Phần tôi, cũng đã từ hàng tuần lễ nay chẳng còn gặp cô nữa. Từ buổi tối tôi đột ngột bỏ vào buồng cho tới hôm nay, cô cũng không vào cho thuốc nữa. Thôi, cái gì đã qua rồi, cho qua luôn. Tôi chẳng cần biết cô ngồi chỗ nào phía sau lưng. Tôi vẫn để mắt lên vuông vải trắng dùng làm màn ảnh, treo chơ vơ giữa cây bàng, đang lắc lư, đung đưa với gió.

Tám giờ, một số ngọn đèn được tắt đi cho đỡ sáng và phim bắt đầu chiếu. Phim thời sự, chiếu một cảnh trên đường phố Mỹ với dân chúng biểu tình, phản đối quân Mỹ vào chiến đấu ở miền Nam Việt Nam. Dần dần, cảnh phim đưa về

Sài Gòn. Cảnh lính Mỹ, lính Triều Tiên ngồi trên xe "cam nhông", mỗi anh một chai rượu ngất ngưỡng, đang buộc dây kéo lê hai em bé Việt Nam ở dưới đường, với những giọng cười hô hố, khi thấy máu chảy khắp người và tay chân các em.

Cảnh đường phố Sài Gòn làm cho tình thương, nỗi nhớ chất chồng từ bao lâu nay trong lòng tôi sôi sục, dâng lên như thác lũ. Ôi cảnh cũ thân thương của thành đô. Tôi chưa cần biết nội dung của cảnh phim, tâm hồn tôi đang tràn ngập với dáng cũ hình xưa, với bao nỗi niềm thương nhớ, nhớ thương tràn đầy. Từng cảnh đời xa xưa ấy thoáng ẩn, thoáng hiện trong óc tôi. Một cuốn phim đang quay trước mắt, và một cuốn phim nữa cũng đang chiếu trong lòng tôi. Lúc này, cuốn phim trong lòng đã lấn át cuốn phim trước mặt. Mãi tới khi những tiếng hò, gầm thét: "... dậy mà đi, hỡi đồng bào ơi!..." Cứ lặp đi lặp lại của cảnh phim trước mắt, đã làm cảnh phim trong lòng tôi tắt phụt lúc nào không hay. À, thì ra đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn. Từng đoàn, từng đoàn xe Honda 5, 6 chiếc một, dàn hàng ngang đang chạy chầm chậm từ phía đường Đồng Khánh, Chợ Lớn, tiến về Sài Gòn, trong một cuộc biểu tình của sinh viên học sinh, với những biểu ngữ phản đối chính phủ Thiệu vi phạm nhân quyền, dân chủ... Những người ngồi trên xe Honda, toàn là thanh niên trẻ tuổi, nam có, nữ có. Các cậu thanh niên đeo kính trắng, dáng dấp thư sinh hào hoa này; các cô thiếu nữ vẻ đài các trâm anh kia, tất cả, với những bầu máu nóng hổi của tuổi trẻ đang... hò hét tưởng đến vỡ đường phố: "... dậy mà đi, hỡi đồng bào ơi!?...

Nhìn cảnh phim, trong thâm tâm tôi hiểu rằng, nếu sau này Việt Cộng chiếm được miền Nam, khẩu hiệu các cậu, các cô sinh viên học sinh đang hô hào kia mới có túc từ, nghĩa là mới đủ nghĩa. Hiện nay, mới chỉ là gọi, giục đồng bào dậy mà đi; nhưng chưa biết... đi đâu, và đi đến đó để... làm gì? Vì là chuyện của ngày mai nên tôi chỉ giả thiết, không dám khẳng định; nhưng với cảnh sống của người dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay, tôi có thể nghĩ tương tự như thế này:

- Dậy mà đi... về miền quê làm ruộng.

- Dậy mà đi... vào nhà tù Cộng Sản nằm dài.

- Dậy mà đi... về những nông trường, nhà máy lao động đến kiệt tàn sức khỏe.

- Dậy mà đi... làm thủy lợi, dân công.

- Dậy mà đi... còn cái gì đem đi bán, để mua tí gạo mà ăn, chứ nằm đấy thì sẽ chết đói đấy...

- ...Hỡi đồng bào ơi!...

Đó, chỉ khi nào Việt Cộng chiếm được miền Nam, khẩu hiệu đó mới có túc từ, chủ từ với cả những câu tương tự vừa nêu trên.

Tôi dám chắc mấy trăm người hào hoa phong nhã, mắt biếc môi hồng đang hò hét biểu tình kia không hề biết một ký gạo giá bao nhiêu tiền. Vì sao vậy? Chỉ vì thường ngày họ không phải nghĩ, làm sao kiếm được gạo để nấu cơm ăn đây. Trong khi những người cùng tuổi với họ đang ở miền Bắc này, suốt ngày đêm chỉ tính toán làm sao kiếm được gạo, cho đầy cái dạ dầy luôn luôn lép kẹp. Cả mấy trăm người đang phởn phơ biểu tình này, cũng đều không bao giờ biết được rằng: nếu không có những chiến sĩ đang đổ máu nơi chiến trường; và những người như chúng tôi đã bỏ phí cả tuổi thanh xuân, (mà lẽ ra cũng đang phây phây như các bạn bây giờ), hoặc đã về với đất mẹ, để chỉ còn lại những bộ xương khô. Hay còn biết bao người đang lầm than rên xiết với bao tủi nhục, uất hận trong tay kẻ thù; thì làm sao các bạn còn cảnh đài các trâm anh đó, để cắp sách đến trường, để tốt nghiệp thành ông này, bà nọ?... Không, 1000 người thì cả 1000 người, không có một ai nghĩ đến điều đó đâu.

Xét cho cùng, lỗi này không phải hoàn toàn do họ, mà do lũ sâu dân mọt nước lãnh đạo chế độ miền Nam. Ngay chỗ ngồi đang bình yên, chễm chệ trên đầu cổ mọi người của lũ này, cũng do bao nhiêu người đã phải đổ xương máu nơi chiến địa mới có, thế mà chúng còn chả bao giờ nghĩ tới vì đâu và vì sao chúng được ngồi như vậy, nữa là những người thanh niên trẻ tuổi kia.

Chúng tôi đang chết dần, chết mòn cho hạnh phúc của những thanh niên tuổi trẻ này đấy; thế mà giờ đây, họ đang đạp lên chúng tôi để hoan hô, ủng hộ, mời gọi, đón rước kẻ thù. Càng nhìn cảnh phim, trái tim tôi càng rỉ máu nhiều hơn. Tôi gục đầu xuống, đang lịm đi dần vào niềm tủi hận, chợt một bàn tay đặt nhẹ lên vai tôi:

- Anh ơi! Sao họ sướng thế, họ lại ngốc như vậy, hở anh! Họ đang đòi sống cảnh sống của chúng em như thế này, họ mới bằng lòng chăng?

Tiếng nói của Phúc "Thồ" như những cái kim châm thêm vào trái tim đang chảy máu của tôi. Tôi trả lời trong sượng sùng, héo hắt:

- Họ ngốc và có lỗi ư? Nhưng, những người ngốc và có lỗi nhất chính là những người lãnh đạo của chế độ miền Nam, cậu ạ!

Rồi óc tôi cứ chảy dài mãi vào cánh đồng tư tưởng mênh mông, đến nỗi đã vào phim lúc nào, tôi cũng không hay…

Cảnh phim đến đoạn nàng công chúa ngồi một mình trong đêm, bên cửa sổ và đang gửi hồn về nơi phương trời xa thẳm, nơi có người trai tuấn kiệt đã hơn một lần làm tâm hồn nàng xao xuyến; thì ngay phía sau nàng, một con yêu cao lêu nghêu, với đôi mắt lồi như hai con ốc bưu, đỏ lòm, lấp ló trong mớ tóc bùm xum xõa phủ gần kín mặt, đang giơ đôi tay khẳng khiu với những chiếc móng nhọn hoắt, chậm chạp tiến đến gần nàng. Nhưng, nàng đâu có hay, đôi mắt mơ màng vẫn đắm chìm vào giấc mộng ngày hoa.

Bỗng, một tiếng rú ùng ục, nấc nghẹn, rồi mãi mới rống lên một hồi dài ngoáy sâu vào màn đêm, như tiếng con trâu đực bị chọc tiết rống lên chết dần vì hết máu.

Điện tắt phụt. Tối như đêm ba mươi. Xòe bàn tay trước mặt không nhìn thấy. Những tiếng ồn ào, những tiếng quát tháo, những tiếng còi lẫn với tiếng súng rền vang khắp mọi nơi. Người ta không sợ bom rơi, súng bắn từ máy bay Mỹ vào Hỏa Lò, bằng sợ mảnh đạn, do đạn ở dưới đất bắn lên nổ ở trên không, rơi như mưa rào ở trên trời cao lao xuống. Chẳng ai bảo được ai lúc này. Mạnh ai ấy chạy giạt vào các hàng hiên của các mái buồng chung quanh. Trong sân trại, có một số lỗ hầm trú ẩn dành cho cán bộ; nhưng bây giờ, giữa cái chết và cái sống, ai bảo đảm chỗ nào là của riêng cán bộ nữa?

Nếu tôi muốn chạy vào chỗ nấp, tôi phải là một trong những người đầu đến đích. Nhưng, chẳng hiểu sao, tôi vẫn rề rà chậm chạp. Có lẽ, tôi đã nhớ lại những đêm còn ở xà lim I, phải đứng mãi thấy được một góc, hay một mảnh con bầu trời Hà Nội. Lúc này, ở giữa sân trại, dù còn vướng vít mấy cây bàng và những nóc nhà; nhưng, cả một bầu trời đêm rộng mở trước mắt, tôi cứ lưỡng lự trước chạy đi nấp, hay ngồi lại đây.

Đột nhiên, một bàn tay ai đó nắm chặt lấy tay tôi. Tôi đang ngạc nhiên, mở to mắt để cố phân định, thì tôi đã ngửi thấy mùi ngầy ngậy ngọt lịm quen rồi ngày xưa ấy; và đồng thời, cũng là lúc tay tôi phản xạ tự nhiên nắm lấy bàn tay kia, Bàn tay lạ thật, mềm như có lót tơ. Tim tôi bóp nhẹ lại vì bất ngờ! Trong bóng đêm mịt mờ, tự động đôi tay tìm đến đôi tay. Tôi thoáng nghĩ, sao nàng bạo vậy? Làm sao biết tôi ngồi chỗ này? Giữa tiếng bom rơi, đạn nổ và những tiếng máy bay gầm rít như xé bầu trời. Tự nhiên bàn tay cô Vân nóng, rồi run lên! Chẳng hiểu vì cô sợ bom đạn, hay vì niềm xúc động trong lòng?

Lòng tôi xốn xang, đầy vơi hỗn tạp. Một luồng run rẩy nóng lên ở phía hông, rồi vai tôi nặng nặng. Cô Vân đã gục vào tay tôi, vẫn chẳng một lời. Tôi chẳng hiểu cô đang suy nghĩ gì? Tôi cảm thấy trời đất, không gian đều tan biến. Tôi cũng chẳng còn ý niệm về cảnh bom rơi, đạn nổ. Tôi chỉ thấy thích thú ngồi như thế này mãi mãi.

Giữa những tiếng lộp độp, một tiếng "choeng!" vang lên ngay cạnh đâu đây, làm cả hai tấm thân đều giật mình, vội ôm chặt lấy nhau. Vân co rút người lại như cần sự che chở. Tôi thấy bừng lên niềm hãnh diện, như thể tấm thân tôi đang gồng lên, chống lại những mảnh đạn rơi loảng xoảng ấy. Tôi sung sướng cảm thấy mình vẫn còn khả năng để chở che, để làm chỗ ẩn núp cho… một người.

Bỗng, một tiếng thét như có lưỡi dao cứa họng ai ở một góc sân, kèm theo là một tiếng gọi hớt hãi, giật đùng đùng của tên Lê:

- Vân, Vân đâu?

Tiếng gọi như chọc vào tai mọi người nhiều lần. Như choàng tỉnh một giấc mơ, cô Vân run rẩy, bàng hoàng gở nhẹ tay tôi ra, rồi cô đứng dậy, lủi nhanh về phía tiếng gọi.

Cho đến khi tôi đã đứng nép vào đám đông dưới một mái hiên, tôi vẫn chưa hiểu tại sao, bằng cách nào tôi đã từ giữa sân vào đây nhanh như vậy. Phải chăng, đó là phản xạ tự nhiên của con người để bảo vệ sự sống, sau khi bừng tỉnh một giấc mơ ngày?

Những tiếng lộp độp, choeng choeng vẫn rải rác trên mái nhà, dưới sân, càng lúc càng mau. Bất chợt, một làn chớp xanh lè như làm cho bầu trời đêm rạn nứt ra, rồi một tiếng nổ inh tai, làm rung chuyển cả Hỏa Lò. Một làn hơi mạnh làm bay tốc áo quần, một tiếng gào thê thảm gần phía phải của tôi. Chẳng biết ai bị mảnh bom hay mảnh đạn?

Tôi vẫn say sưa ngửa mặt lên ngắm nhìn bầu trời. Một tiếng rít vèo vèo, roàn roạt như điện giật vụt sát qua Hỏa Lò, làm những cành bàng khẳng khiu trơ trụi lá, rung lên động đất. Chẳng biết tiếng rít của máy bay hay hỏa tiển? Cả một bầu trời tím thẫm đầy những hoa khói và những làn tuyết rơi ngược đủ màu. Bỗng, từ phía Đông Hà Nội, hai chấm lửa mầu da cam đang chúc đầu bay thẳng xuống Hỏa Lò, càng lúc, càng to dần, cho đến khi trông rõ như hai cái thúng đỏ lừ, chói lòa làm tôi phải nhắm mắt lại. Nhiều bàn tay quờ mạnh vào tay tôi cùng giật sấp xuống, một làn chớp lóa mắt mọi người. Hai tiếng ùng ục làm đất dưới chân rung giật lên như vỡ ra; những viên ngói trên mái rơi rào rào xuống. Vài tiếng thét giật giọng. Một đám cháy ngay sát Hỏa Lò. Trời đang mùa Đông mà tôi cảm thấy nồng nực. Mùi lửa cháy, mùi bom đạn làm không khí dẻo queo lại, thở hít rít rìn rịt.

Hơn một tiếng đồng hồ, còi mới báo yên. Tiếng loa đang ra rả hoan nghênh tinh thần anh dũng chiến đấu của bộ đội, máy bay, "tên lửa", phòng không và toàn dân, đã hạ thêm 6 máy bay Mỹ nữa, nâng tổng số máy bay Mỹ bị bắn rơi trên Bắc lên… "X" cái; bắt thêm 3 "giặc lái" (cái này không nói tổng số bao nhiêu). Trong khi đó, Hỏa Lò vẫn chưa có điện. Chẳng hiểu máy bay Mỹ đã đánh trúng vào nhà máy điện, hay biến điện nào. Thật là ồn ào, hỗn tạp: Tiếng gọi nhau í ới; tiếng quát tháo của cán bộ; tiếng rên rỉ của mấy người bị thương. Trong bóng tối đen, chỉ có những ánh đèn "pin" quệt ngang, chạy dọc của cán bộ điểm số tù đi vào từng buồng. Tuy rằng lộn xộn, nhưng rồi sớm muộn cũng sẽ ổn, cũng chẳng có chuyện gì xảy ra. Vì, muốn ra cổng Hỏa Lò, còn phải qua 3 lần cửa sắt nữa, và cửa nào cũng có bộ đội canh gác cẩn mật.

Sáng hôm sau, chỉ mới mở cửa ra sân được một lúc, đã có nguồn tin thật sớm. Hôm qua, ở Hỏa Lò, ba người tù bị mảnh đạn phòng không. Một xuống bệnh xá chết ngay từ đêm qua, vì mảnh đạn rơi gẫy xương vai, thọt xuống phổi; một anh bị sượt vào đùi; còn một anh mất hai ngón chân. Chỉ có anh mất hai ngón chân là tội chính trị; còn hai anh kia là hình sự.

Chương 81

"Bản Án" Việt Cộng Dành Cho Đặng Chí Bình!...

Hôm nay đã 29 tháng 12 rồi. Ngày mai là ngày tôi sẽ phải ra trước vành móng ngựa.

Dù trong thâm tâm, tôi đã hiểu là dưới chế độ Việt Cộng, vấn đề xử, hay không xử, cũng chỉ có tính cách ý niệm thôi; và tuy rằng lúc này tôi nhìn về Cộng Sản còn nhiều mặt chưa hiểu, hoặc cũng chỉ hiểu một cách phiến diện, mức độ; tôi cũng thấy rằng có án, hay không có án, án nặng hay án nhẹ, chưa phải là khâu quyết định. Nhất là với loại tội của tôi và trong hoàn cảnh đất nước hai miền như thế này. Chính vì lý do đó, ngày ra tòa đến nơi, tôi cũng không thấy nhiều băn khoăn, bận tâm.

Về chiều, lúc gần hết giờ, bác Khánh ở ngoài sân vào, bảo tôi ra gặp cán bộ Kế. Khi tôi đã ngồi vào chiếc ghế trước bàn y, mặt y trang nghiêm nhìn tôi một lúc, rồi nói:

- Bây giờ, cho anh rửa ráy, tắm gội sạch sẽ. Sáng mai dậy sớm, quần áo gọn gàng. Ngay từ 7 giờ rưỡi, sẽ có cán bộ vào dẫn anh ra tòa ngày mai.

Thực ra, từ ngày tôi chuyển từ xà lim ra buồng này, do tên Kế phụ trách, tôi cũng không ưa hắn lắm. Rất ít khi tôi ra bàn ngồi nói chuyện với hắn. Trong khi đó, thỉnh thoảng hắn vẫn gọi bác Khánh, hay Thọ "Lột" là trật tự ra nói chuyện. Vì vậy, thấy hắn nói như thế, tôi đứng lên ngay và nói xin đi ra rửa mặt.

Đúng như tên Kế nói, sáng hôm sau, mới 7 giờ rưỡi, chưa tới giờ làm việc, tên Bằng đã vào mở khóa gọi tôi ra. Sau khi đã khóa buồng lại, y hỏi tôi ra vẻ quen thuộc nhưng vẫn lạnh lùng:

- Từ ngày ra trại chung, anh có khỏe không?

Tôi cũng khô khan:

- Cảm ơn ông, khỏe!

Ra tới phòng trực, tôi thấy có hai tên cảnh sát mặc đồng phục lạ hoắc. Chắc hai tên này ở bên tòa cử sang nhận lãnh tôi. Sau khi đã ký vào sổ, một tên quay lại tôi, vừa móc trong túi rết ra chiếc còng số 8, vừa gằn giọng:

- Theo thủ tục, anh đưa tay, tôi khóa lại!

Thấy thái độ của chúng khô khan, tôi cũng chả buồn nói năng chi. Tôi giơ cả hai tay cho chúng hì hục khóa.

Một tên đưa tay ra hiệu tôi đi trước. Hai tên đi theo phía sau, đeo súng ngắn. Ra khỏi cổng, nhìn thấy phố "Hỏa Lò", tôi đăm chiêu nhìn chỗ tôi đã tuột xích xe đạp, cả chỗ tôi đã ném chiếc xe và những chỗ tôi đã chạy, cách đây đã hơn 3 năm rồi. Cả một đoạn phim buổi trốn tù ngày ấy như hiện ra trước mắt tôi. Thế mà đã ba năm rưỡi rồi. Bao nhiêu là đổi thay!

Ra hết đường "Hỏa Lò", chúng bắt tôi rẽ tay trái, đi về phía tòa án Hà Nội cũ. Từ ngày trở vào Hà Tĩnh lấy những vật dụng chôn dấu đến bây giờ, đã gần năm năm rồi, tôi mới lại nhìn thấy một góc phố phường của Hà Nội.

Một số người qua lại đưa mắt tò mò nhìn tôi, một tên tù bị khóa hai tay, đàng sau có hai tên áo vàng áp tải. Họ nghĩ

gì, khi trên mảnh đất này chuyện tù đầy, gia đình nào chả có! Về phần tôi, trong tâm tư mình, tôi nhìn những người qua lại thấy thật xa lạ, như của một thế giới khác; tôi chẳng còn dính dáng gì đến những cảnh đời sống của họ; mặc dù nguyên nhân tôi phải ở trong cảnh này, có phần liên quan đến họ. Sao bây giờ xa lạ thế! Tôi nhè nhẹ buông một tiếng thở dài như để vơi đi nỗi niềm nặng chĩu trong lòng.

Khi tới cổng tòa án, chúng dẫn tôi đi tít mãi vào sâu phía trong, qua một số hành lang, tới một căn buồng nhỏ. Chúng ra hiệu cho tôi vào đó ngồi chờ. Hai tên cảnh sát đứng gác phía ngoài cửa.

Tôi ngồi, hồi tưởng lại mười mấy năm về trước. Lúc đó, vào khoảng 1953, tôi còn là một cậu bé, cùng mấy người bạn, một hôm, rủ nhau xuống tòa án xem đầu lâu người chết. Chúng tôi đã vào những căn hầm phía sau của tòa án Hà Nội, nhìn từng đống đầu lâu trắng hếu, với hàm răng nhe ra như cười, và hai hố mắt sâu hoắm, lẫn với những ống xương tay, chân xếp đầy những căn hầm. Người lớn nói rằng, đó là đầu lâu giặc Thanh cướp nước bị quân ta tiêu diệt, trong trận vua Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.

Cảnh tòa án ngày ấy, so với bây giờ, chẳng hề thay đổi. Có chăng, chỉ khác tấm biển đỏ loẹt to tướng ngay phía cổng ra vào: "Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hà Nội"; và nhà cửa, tường vách rêu phong thẫm màu hơn. Tôi còn đang đầy vơi với bao nỗi niềm mới, cũ, hai tên cảnh sát đã ra hiệu cho tôi đi theo vào một căn buồng khác nhỏ hơn.

Hàng tiếng đồng hồ sau, chúng mới mở khóa tay cho tôi, rồi dẫn qua một cửa nhỏ ra một căn phòng rộng thênh thang. Trong phòng, đã có một số người ngồi sẵn từ bao giờ. Ở một góc, một tên đeo kính trắng, mặc áo "vét tông", ngồi trong một cái khung đánh "vẹc ni" mầu cánh kiến, bóng loáng. Đối diện phía góc bên kia, cũng có một tên ngồi trong một cái khung như vậy. Như thế, tất cả có 5 tên.

Hai tên cảnh sát giong tôi vào một cái khung, cũng bằng gỗ hình cong cong; bây giờ tôi mới hiểu đó là... vành móng ngựa. Hai tên cảnh sát lùi ra phía sau, ngồi vào hai chiếc ghế đầu, cách tôi khoảng 2 mét.

Không một tiếng động, vắng lặng, nặng nề; trừ những tiếng lật trang giấy loạt soạt, tiếng cục kịch của những chân tay đụng vào bàn, tiếng tích tắc của quả lắc chiếc đồng hồ to đang chậm chạp đu đưa ở trên tường. Mấy hàng ghế dành cho khách ngồi dự trống trơn. Toàn bộ trong phiên tòa, kể cả hai tên cảnh sát và tôi, vỏn vẹn chỉ có 8 người. Chỉ riêng tôi, duy nhất, không có ghế ngồi, cứ phải đứng chơ vơ trong cái vòm khum khum hình móng ngựa.

Đột nhiên, một tiếng "cộc" khô khan của chiếc vồ nhỏ bằng gỗ, do một tên ngồi phía trái đập xuống bàn, làm rung rinh tấm hình lão râu dài treo ở trên tường, phía chính giữa. Tên đập vồ, đứng dậy dõng dạc:

- Kính thưa các đồng chí, phiên tòa đã bắt đầu. Kính mời đồng chí đại diện Công Tố Viện phát biểu.

Tên đeo kính trắng ngồi ở trong một khung gỗ đứng dậy, tay cầm một tập giấy, y hắng dặng một cái để lấy giọng trước khi đọc:

"Kính thưa đồng chí chánh án, đồng chí đại diện Viện Kiểm Sát, đồng chí đại biểu Nhân Dân Thành Phố Hà Nội.

"Đứng trong vành móng ngựa là tên Đặng Chí Bình, tức v.v... và v.v... Y là tay sai của Mỹ Diệm. Y đã được Trung Ương Tình Báo của Mỹ và Ngụy quyền miền Nam đào tạo, huấn luyện công phu, rồi bí mật đột nhập vào thủ đô Hà Nội, để thực hiện những âm mưu cực kỳ phản động, chống phá cách mạng. Nhưng, trước sự lãnh đạo tài tình của đảng, và màng lưới trăm tai nghìn mắt của nhân dân, y đã bị phát hiện và bị tóm cổ. Trông mặt y ra vẻ thư sinh, ngơ ngơ ngác ngác, nhưng y lại là một tên vô cùng nguy hiểm, suốt ngày đêm lang thang khắp mọi nơi. Ăn cơm từ mỗi bữa hai hào, đến những bữa 20 đồng. Ngủ trọ mỗi đêm từ hai hào không có màn, đến 6 đồng một đêm. Y luồn lọt chui rúc khắp hang cùng ngõ hẻm, tiếp xúc với đủ hạng người. Bị bắt rồi, y còn ngoan cố bao che đến cùng,

những tội ác của Mỹ Diệm. Một lần, y đã lợi dụng sự vô tình của đồng chí chấp pháp, định đánh chết đồng chí ấy để đào thoát về Nam, v.v… và v.v…

Y đọc bài, đọc mãi, nào là phản động từ trong máu, trong xương tủy, đã ăn nhiều bơ thừa sữa cặn của đế quốc Mỹ; nào là đề nghị tòa xử đích đáng, để làm gương cho kẻ khác, v.v…

Tôi chả nhớ hết được. Y đọc hàng tiếng đồng hồ. Hai chân tôi đứng đã mỏi nhừ. Mắt tôi cứ lơ đãng, hết nhìn chiếc quả lắc đồng hồ đong đưa, lại nhìn hình tên Hồ Chí Minh. Tên cáo già này cũng đang đăm đăm nhìn tôi. Tâm trạng của tôi lúc này là, giá chúng cho tôi nằm ngủ, còn chúng muốn xử tôi bao nhiêu, xử thế nào cũng được, mặc! Bởi điều quan trọng là, nếu chúng xử tôi công khai, có quần chúng nhân dân dự, có phóng viên báo chí quốc tế….., tôi nghĩ, ai cũng sẽ như tôi, đằng nào cũng chết tàn lụi trong tay chúng; vậy, với điều kiện có thể làm được, chả ai dại gì không nói lên một số sự thật cho nhân dân và thế giới biết. Như vậy còn có một chút ý nghĩa. Tôi đã chuẩn bị một số ý từ những ngày hôm trước. Nhưng cho đến hôm nay, tôi mới hiểu là chúng xử tôi, chẳng có một người dân nào dự cả. Vậy, tôi còn quan tâm, để ý nhiều làm gì, nên mặc cho chúng sỉ vả, nhiếc mắng. Điều quan tâm là chúng đã xử sắp xong chưa, để tôi còn về chén tí cơm đã, đói và mệt rồi.

Hết tên công tố viện, lại đến tên đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân đứng lên để kết tội. Hắn lại như con vẹt nhắc lại: "… Kính thưa đồng chí chánh án, đồng chí đại diện Công Tố Viện, đồng chí đại biểu Nhân Dân…". Nào là "…không những ta đang xử tội tên Đặng Chí Bình mà ta còn xử cả hai tên hung đồ, đứng sau phía sau y (tôi giật mình quay lại, tưởng chúng lại xử cả hai tên cảnh sát), là tên đầu sỏ đế quốc Mỹ và tên Ngô Đình Diệm (ông ấy chết rồi, còn đâu)…". Giọng y lè nhè như thèm thuốc lào. Y nhắc lại những ý của tên công tố viện lúc nãy, rồi "khai triển" thêm để kết tội và sỉ vả. Mới chỉ có hai tên nói, đã hết buổi sáng. Tòa nghỉ, để 1 giờ chiều tiếp tục. Hai tên cảnh sát lại khóa tay, giong tôi về Hỏa Lò.

Vào trong buồng, nhiều anh em đến thăm hỏi, tôi đều nói chưa xử xong. Tôi chỉ kịp ăn vội lưng bát cơm trong 5, 7 phút đồng hồ, tên Bằng đã lại vào gọi tôi tiếp tục đi rồi. Khi tới phòng trực, tôi thấy vẫn là hai tên cảnh sát lúc sáng.

Sau khi tôi vào phòng xử, tên đại biểu Nhân Dân Thành Phố (sao mà lắm nhân dân thế) đến lượt đứng lên. Lại cũng nạt nộ, sỉ vả. Tay y run rẩy cầm tờ giấy, mắt y lơ láo sau chiếc kính lão. Môi dưới y thuỗn ra như môi con cá ngão. Mỗi khi y nhấn mạnh hay kéo dài, chiếc môi đó lại dề ra như mồm con chão chuộc xám xì, đầy bọt. Nào là "… dưới sự lãnh đạo tài tình của Hồ Chủ Tịch, dưới ánh sáng của đảng tiền phong của giai cấp công nhân…"; nào là "… nâng cao vũ khí chuyên chính vô sản, đập tan mọi kẻ thù phản động trong cũng như ngoài nước, để chóng hoàn thành sứ mạng lịch sử của đảng Mác xít, Lê nin nít là nhuộm hồng trái địa cầu này", v.v… và v.v… Y ca ngợi, y bốc thơm chế độ của y như múi mít. Rồi, y chỉ tay vào tôi, nước bọt văng vãi tứ tung, y gào lên:

- Tên Đặng Chí Bình này thật là nguy hiểm, y vờ vịt nói thích bác Hồ, muốn theo cách mạng, mục đích chỉ để che đậy những tư tưởng, những ý đồ cực kỳ phản động của y. Cụ thể, y đã định đánh chết cán bộ của ta để đào thoát. Vì thế, là đại diện của nhân dân, tôi đề nghị các đồng chí hãy xử phạt đích đáng, như một cái tát vả vào mặt tên đầu sỏ đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam!…

Tôi thấy, y cứ nhai đi, nhai lại một vài ý luẩn quẩn. Chẳng qua, y cũng chỉ là một trong những cái máy, hay cái băng đĩa ghi và phát âm mà thôi. Vậy mà cũng ra vẻ sừng sộ để đến nỗi tên Chánh Án ngồi bên cạnh phải nhăn mặt lau má mấy lần, vì nước bọt ở mép y văng ra một cách vô tổ chức.

Tóm lại, 3 tên nói thì cả 3 tên cũng chỉ kết tội và sỉ vả. Cuối cùng, tên chánh án chỉ vào mặt tôi, tuyên bố:

- Cho phép bị can phát biểu ý kiến một lần!

Hai chân tôi như tê đi vì phải đứng quá lâu. Với quan điểm của tôi, như đã trình bầy ở trên, tôi thong thả trả lời:

- Kính thưa tòa, tôi tin rằng những việc tôi làm và những tình tiết nội vụ đã được các ông xác định. Qua phiên tòa này, tôi càng nhìn rõ chế độ ưu việt của nhà nước ta hơn. Xin hết ý kiến.

Một tiếng vồ đập nữa, tòa vào trong phòng nghị án. Mười phút sau, vồ lại nện, chúng lục tục kéo ra.

Tên chánh án đã ngoài 50 tuổi, tôi nhớ nhất là y có cái mũi hếch, làm nhiều khi tôi cứ tưởng như y đang ngửa mặt nhìn lên trần nhà. Y ra cái vẻ trịnh trọng tuyên bố:

"Xét rằng:

- Vì tính chất nghiêm trọng của tội trạng,

- Vì sự an ninh của nhân dân và nhà nước,

- Để nâng cao tinh thần cảnh giác, đối với những âm mưu nham hiểm của Mỹ Ngụy trong thời chiến.

- Để thể hiện sự khoan hồng nhân đạo của chế độ, lấy giáo dục cải tạo là chính.

Tòa quyết định:

Xử phạt tên Đặng Chí Bình, tức v.v... 18 năm tù giam và 5 năm mất quyền công dân."

Hai tên cảnh sát dẫn tôi vào một căn phòng khác, trong đó đã có một người, trạc 40 tuổi, ngồi với một chồng hồ sơ trên bàn. Y chỉ tôi ngồi xuống một chiếc ghế đối diện, giọng Bùi Chu như tiếng gà Tây ỏn ẻn:

- Theo quy chế của tóa án Nhân Dân, tòa cho phép phạm nhân được quyền ký giấy chống án trong vòng 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án. Vậy, anh có ký giấy chống án hay hông?

Dù lúc này, tôi chưa hiểu Việt Cộng lắm, tôi cũng hiểu là dưới chế độ Cộng Sản, khi chúng đã định xử mình bao nhiêu năm, nếu mình chống án, như vậy lại sang tội tư tưởng ngoan cố, không thừa nhận mức độ của tội trạng, còn chống lại sự phán xét của... đảng. Từ xưa tới nay, đảng đã bảo, đã xét, đã phê phán điều gì, có sai bao giờ đâu!.

Tóm lại, chống án, không những không giải quyết được gì mà chỉ có hại. Nghĩ như vậy, tôi lắc đầu gạt ngay là không có chống chung gì cả. Tuy vậy, tôi vẫn phải ký vào một bản... không chống án. Ừ thì ký, có sao đâu. Đầu óc tôi đang ngây thơ nhẩm tính một con toán cộng: 18 năm. Mình đã có 6 năm ở xà lim Hỏa Lò rồi, chỉ còn 12 năm nữa. Năm nay, 29 tuổi. Hai mươi chín với 12 là 41 tuổi. Còn trẻ chán! Dứt khoát là còn trẻ hơn ông già 50 mà.

Hai tên cảnh sát lại khóa tay tôi, giong về Hỏa Lò. Lúc tôi vào buồng, anh em đến thăm hỏi, sau khi biết được tôi bị 18 năm, nhiều cậu lắc đầu, lè lưỡi. Như vậy là hết cuộc đời rồi!

Cho tới mấy ngày hôm sau, nhiều cậu cũng phải băn khoăn một điều là, tại sao không thấy tôi buồn mấy. Thậm chí nhiều cậu hỏi:

- Chúng em lấy làm lạ! Thái độ của anh sau khi nhận một bản án 18 năm, vẫn không khác gì những ngày trước?

Thực ra, tôi cũng suy nghĩ để thấy được nguyên nhân. Ở đây, có hai khía cạnh của vấn đề, tuy không rõ nét, nhưng

nằm ẩn tàng trong sự việc, để thành một cái khung bên trong của thái độ bên ngoài của tôi.

Thứ nhất, nếu nói về sự việc, tình tiết diễn tiến công khai trên giấy trắng mực đen, 18 năm là quá nặng. Bởi vì, tuy tôi có nhận nhiệm vụ của chính quyền Sài Gòn bí mật xâm nhập Hà Nội; nhưng tôi không hề hoạt động, hay làm bất kể việc gì cho Sài Gòn. Gần một tháng trời, tôi chỉ đi chơi lang thang, tìm xem cảnh cũ, thành xưa. Rồi tới khi bị bắt, tôi đã vội vàng khai báo ngay sự thật, và chỉ giốc một lòng yêu xã hội chủ nghĩa, với khẩu hiệu như kim chỉ Nam: Nếu không làm gì lợi được cho cách mạng, thì cũng dứt khoát không làm gì hại cho cách mạng.

Thứ hai, với những tư tưởng và những sự việc tôi đã làm, 18 năm là quá nhẹ. Nếu cứ như thực tế sẽ còn nhiều người nữa đồng vụ cùng ra phiên tòa, để rồi dứt khoát phải có một vài người không còn chỗ đội mũ, trong đó cũng dứt khoát phải có.. kẻ đang ngồi viết mấy dòng này!

Chính vì những niềm sâu kín như vậy, cho nên thái độ của tôi đều lặn sâu vào bên trong, để bên ngoài vẫn bình thản như những ngày trước đấy.

Chương 82

Trời Mùa Đông Hà Nội...
Suốt Đời Làm.....Chia Ly!.....

Tôi cứ tưởng, lại sẽ được đón nhận một cái Tết nữa ở Hỏa Lò, một cái Tết đầu tiên ở trại chung. Thế nhưng, mới chừng mươi ngày sau ngày xử án, vào một buổi sáng sớm, mới khoảng 4 giờ, trời còn tối đất, rét căm căm, mưa bay nhì nhẹt, đã có một lũ cán bộ vào mở cửa buồng, rồi đọc tên 50, 60 người gọi ra sân, hầu hết là trẻ con và thiếu niên, trong đó có tôi là người lớn duy nhất.

Khi chúng tôi ra tới sân, tên Lê mới tuyên bố là đi trại. Một số đi Mai Lĩnh, một số đi Kỳ Sơn.

Vì đột suất, vội vàng, nên tôi chỉ bắt tay từ giã được một số cậu thanh niên, với những cái ôm chặt hẹn hò, ngày mai của cuộc đời. Chính các cậu ở lại, và ngay cả một số cậu đi, thậm chí ngay cả tôi đều băn khoăn. Chả lẽ chúng lại cho tôi đi trại Kỳ Sơn là trại toàn loại thiếu niên hư từ 13 đến 17 tuổi, chỉ có một mình tôi là người lớn, và lại là tội chính trị nặng cân nhất?

Tay tôi xách một ba lô quần áo (bây giờ, lại có quần áo, chăn màn do các cậu ấy trang bị cho), lẽo đẽo theo một lũ thiếu nhi rách rưới, ghẻ lở ra phía cổng Hỏa Lò.

Khi đoàn tù ra tới cổng, một tên cảnh sát lạ, tay cầm một cái còng số 8, tiến đến yêu cầu khóa tay tôi. Thân tù từ 6 năm rồi, đã mặc nhiên quen thuộc, chấp nhận mình không còn là của mình nữa, mà là của người khác, nên tôi mặc chúng muốn làm gì thì làm.

Mới 5 giờ sáng đã phải ra cổng! Trời chưa sáng hẳn, trong cái nhếch nhác ướt át của mưa Đông, thế mà, vẫn có một người chạy từ trong dẫy nhà cán bộ ra, dưới mưa rơi, mớ tóc bồng bềnh chưa kịp chải; đến nỗi những đôi mắt của tên Lê và lũ cán bộ mở to, quay cả về hướng người vừa chạy tới.

Tôi đã thấy rồi, từ lúc nãy, còn ở xa kia. Hai tay tôi đã bị chúng khóa chặt; nhưng, chúng không thể khóa được trái tim đang nhảy nhịp rộn rã của tôi, khi thoáng thấy bóng hình ai. Từ buổi xem xi nê bữa ấy cho tới nay, phải nói, tôi đã lẩn tránh nhiều lần, rồi vắng hẳn. Tôi tưởng rằng, chắc cô cũng nhận ra là tình cô đã trao không nhằm chỗ. Tôi

cũng yên lòng nhẹ gánh ra đi về miền núi rừng heo hút, làm bạn với mây ngàn, gió núi trong cảnh đời ngục tù, tủi nhục lầm than…..

Hôm nay cô còn ra đây làm gì? Điều này cũng nói lên, chuyện ra đi của tôi bất ngờ đối với cô; và cả lệnh này nữa, phải từ Bộ, từ Sở xuống, nên cô mới không biết. Tên Lê hướng về phía cô hỏi giật giọng:

-Chạy đi đâu? Ra đây làm gì, sớm thế?

Tay cô đang cầm hai chiếc lọ con con, cứ giơ ra phía trước. Mặt cô tái mét, thở hổn hển, đứt quảng, chưa thể nói lên lời. Mãi một lúc sau, cô mới chỉ hai đứa nhỏ là thằng Phúc "Lủi" và thằng Hỷ "Con" (hai đứa đang run lập cập, khoác nửa mảnh chăn rách tả tơi):

-Cháu hẹn hôm nay cho hai đứa này thuốc ghẻ, thế mà chúng lại phải đi trường, sợ trên đó hiếm. Vả lại, đã hứa cháu phải cho chúng.

Ghẻ thì nhiều đứa ghẻ kềnh, ghẻ càng, thế mà chỉ có hai đứa được cho. Cũng chẳng hiểu hai đứa có xin không, mà lúc này cô phải chạy như ma đuổi để đưa thuốc. Tôi nhìn thấy, cô tiến đến đưa thuốc cho hai đứa, mắt cô lại đăm đăm nhìn tôi.

Ôi, màu hoa thiên lý đã đong đầy mắt ai, giờ chỉ còn là màu héo úa, tan tác. Những hạt mưa phùn lấm tấm đẫm ướt bờ mi. Đôi môi mọng ướt căng đầy, của những buổi trưa yên tĩnh trong xà lim ngày nào, giờ tái nhợt như run run thổn thức… Sợ tên Lê và một số tên cán bộ để ý thấy, tôi phải quay nhìn những cây sấu phía bên kia đường, cũng đang ướt át. Dưới mưa, chúng cũng run rẩy như thông cảm với nỗi niềm bàng hoàng xót xa, trong lòng người con gái đang phải nhìn mối tình đầu tan vỡ. Tôi nén một tiếng thở dài.

Đoàn tù trẻ con theo nhau lần lượt ra hai chiếc xe vận tải (kiểu GMC) đã cũ mèm. Gần 40 đứa nhỏ lên xe để đi về trại Kỳ Sơn, Hòa Bình. Chúng nó phải đỡ tôi mới trèo được lên xe. Trên xe, đã có hai tên công an vũ trang mang hai khẩu CKC, ngồi hai bên phía cuối. Băng trên "ca bin", một tên cảnh sát Hỏa Lò ngồi cạnh tài xế.

Qua màn mưa giăng mong mỏng, từ một góc khuất phía cổng Hỏa Lò, cô Vân cầm chiếc khăn trắng thỉnh thoảng đưa lên mặt. Chẳng hiểu cô lau nước mắt hay thấm nước mắt? Những giọt lệ xót xa! Có phải cô khóc thương những em nhỏ tuổi còn non, đã sớm phải cảnh tù đầy? Hay cô nhỏ lệ cho một mối tình dang dở?…..

Tôi lờ đờ nhìn đường phố Hỏa Lò hoang vắng, không một bóng khách bộ hành; nhìn những hạt mưa nhảy múa quấn quít theo từng cơn gió lạnh; nhìn đôi tay mình ép chặt trong khoen cùm số 8, tôi chợt nhớ đến lời một bản nhạc buồn của nhạc sĩ Phạm Duy, lời của Cung Trầm Tưởng:

"…..Trời mùa Đông Paris, suốt đời làm … chia ly…..".

Mùa Đông Hà Nội! Đẹp và buồn hơn nữa, mùa Đông "Hilton"! Vĩnh từ Người Hưng Yên!…..

Xe chuyển bánh. Những hạt mưa phùn cũng làm ướt cả mắt tôi. Hỏa Lò mờ dần…..Chiếc xe chậm chạp, chui dần vào mưa Đông…..

Hết giai đoạn ở Hỏa Lò.

(Xin xem tiếp tập III)

Tập III - Đôi Dòng Với Độc Giả - Đặng Chí Bình

Đôi Dòng Với Độc Giả
(Nhân kỳ tái bản tập III)

Tập Thép Đen III đã được cơ sở Đại Nam xuất bản từ 1991. Do cuộc mưu sinh; hơn nữa, tuổi đời, sức khỏe và trí nhớ bị xói mòn dần theo năm tháng. Để rồi, đã 12 năm, tôi vẫn chưa thể cầm bút, ngồi viết nốt tập IV (là tập cuối cùng). Dù đã có nhiều độc giả, ở nhiều nơi, gửi thư, hoặc điện thoại hỏi giá để đặt mua tập IV v.v… Thậm chí, cá biệt đã có một độc giả hào phóng, miền Thung Lũng Hoa Vàng, gửi một ngân phiếu 34 đô la (bao gồm cước phí) để mua sách; trong khi cuốn sách chưa bắt đầu viết…..
Đầu tháng 10-2003 vừa qua, một số anh em Biệt Kích nhảy Bắc, từ những tiểu bang xa đến thăm. Trong bữa ăn họp mặt, ngoài anh em Biệt Kích, chỉ có anh Nguyễn Chí Thiện là thân hữu. Nhiều nỗi niềm, nhiều sự việc được đề cập đến, sau 23 năm mới có dịp tái ngộ. Một ý kiến chung của tất cả các anh đã nhắc nhở:

- Anh Bình ơi! Nếu anh không mạnh dạn gạt bỏ đi các ràng buộc của cuộc sống chung quanh mình, để nâng cao quyết tâm, ngồi viết cho xong bộ Thép Đen, thì rồi anh sẽ mang cái dang dở đó theo anh về lòng đất….

Như những giọt nước cuối cùng khích lệ, thúc giục của một bát nước đã ứ đầy: TÔI CẦM LẠI BÚT, VIẾT TIẾP, dù tuổi tác và sức khỏe đã đi vào buổi xế chiều. Xin chân thành cảm ơn các bạn!

Tập I và II đã được tái bản đầu năm 2003. Nay cho tái bản tập III, cũng nhằm hỗ trợ cho mục đích trên.

Tôi xin cảm tạ quê hương yêu dấu, quý vị độc giả và thính giả thương kính của tôi.

Hoa Kỳ ngày 29 tháng 10 năm 2003

Đặng Chí Bình

Tâm Sự Người Viết...

Như tôi đã bộc lộ nỗi niềm khi viết tập I và II, tôi chỉ biết lần lượt trình bầy lại sự việc, những điều tai nghe mắt thấy trên những chặng đường tôi đã trải qua, một góc cạnh hạn hẹp trong ngục tù của Cộng Sản Hà Nội dính liền với bản thân tôi, như tháo gỡ dần một cuộn chỉ ra từ đầu tới cuối.

Sau khi viết xong tập I và II, nhà xuất bản Đồng Tiến in và phát hành, được độc giả xa gần thương mến viết cho những lời khích lệ, tôi đã chủ quan nghĩ rằng: tuy tôi không phải là một nhà văn, nhưng chỉ cần đêm ngày miệt mài lục óc nhớ lại chi tiết từng thời gian, sự kiện và con người thì tôi có thể viết được. Nhưng khi bắt tay vào viết tiếp, nó đã không giống như tôi đã thường đinh ninh trong lòng trước đây.

Phần vì đã bỏ cách quãng một thời gian dài từ 1985 đến bây giờ (1990), phần do cuộc sống vật lộn mưu sinh trên xứ người đã làm vẩn đục, chai cứng tinh thần, trí óc; nhưng một phần khác nữa, cái phần to lớn chính yếu là trước đây, khi viết tập I và II là giai đoạn chuẩn bị cho chuyến đi vào đất địch và khi bị bắt giam trong buồng kín xà lim ở Hỏa

Lò Hà Nội, sự việc chỉ có một mình. Bây giờ là giai đoạn rời Hỏa Lò lên một trại tù trung ương của miền Bắc, ngổn ngang bao nhiêu sự việc và con người. Mỗi con người và mỗi sự việc là một góc cạnh, một mảnh nhỏ trong bức tranh bao la, to lớn đầy máu, lửa và nước mắt do thực dân và Cộng Sản đã gây ra cho quê hương yêu dấu của chúng ta.
Hơn nữa, hiện nay có nhiều anh em biệt kích, biệt hải, gián điệp, những nhân chứng của cùng thời gian ấy đã có mặt ở hải ngoại, hoặc ở lại quê hương hay vẫn còn trong nhà tù của lũ Việt cộng phi nhân, khát máu, tôi đã phải liên lạc, tìm kiếm, hỏi han thêm chi tiết các sự việc. Càng hỏi, càng tìm, tôi càng lúng túng, hoang mang, không biết viết, nói cái gì trước, cái gì sau; cái gì đáng trình bầy, cái gì không cần phải nói đến.

Cũng là cuộn chỉ, nhưng đến đây nó đã rối bời như một búi tơ vò. Tôi có cảm tưởng càng gỡ, càng tháo nó càng rối thêm. Bởi vậy nhiều lần tôi đã cầm bút, nhưng cũng nhiều lần đành bỏ bút lao vào việc tìm sống cho đầu óc thanh thoát, thoải mái hơn.

Rồi với bao nhiêu đêm dài ít ngủ, với những nắng mưa nổi trôi, khắc khoải trên xứ lạ quê người, lòng vẫn quặn thắt từng cơn hướng về nơi chôn nhau, cắt rốn vời vợi phương trời. Rồi ngẫm nghĩ về những biến chuyển sôi sục của khối Cộng Sản Đông Âu, đối chiếu với sự ngoan cố lì lợm của bè lũ Cộng Sản Việt Nam, tôi vẫn thấy ngọn nến tôi đang thắp lên là cần thiết. Những tiếng gào thét phẫn nộ của hàng trăm ngàn con người khao khát tự do dân chủ đã rung chuyển thế giới, đã làm rạn nứt và đạp đổ thành trì chủ nghĩa Cộng Sản độc tài tưởng kiên cố đến ngàn đời. Những chiến sĩ tự do đã nằm xuống ở Thiên An Môn, ở Lỗ Ma Ni, ... đã và đang là những ngòi thuốc nổ âm ỉ trong cái kho chất nổ vô lường là quần chúng nhân dân đang nằm trong nanh vuốt của chế độ Cộng Sản, chờ ngày bùng nổ. Vậy tôi vẫn cứ nỗ lực góp thêm những ngọn nến nhỏ, dù không được coi là cái ngòi thuốc. Tôi cũng phải nói lên sự hối thúc của bạn bè, thân quen mà điển hình nhất là anh Nguyễn Văn Thông, một người bạn trẻ đầy khẳng khái, nhiệt tình và hiểu biết. Anh đã kiên trì dẻo dai cổ vũ, thúc giục tôi ngay từ tập I, tưởng như anh là một người có trách nhiệm, có bổn phận. Anh đã tận tình chia sẻ những trở ngại khó khăn trong cuộc sống của tôi, đã tạo cho tôi một chỗ ngồi viết yên tĩnh, vắng vẻ thích hợp. Anh cũng dành nhiều thời gian để đọc bản thảo tôi viết từng ngày để kịp thời trao đổi, góp ý. Tóm lại, anh như một chiếc đòn bẩy, đã bẩy niềm tin của tôi lên cao đủ mức, để tôi vững tay cầm lại bút viết tiếp "bản di chúc sống" còn dang dở.
Sau hết, dù tôi bị hạn hẹp khả năng trình bầy, nhưng từ ý thức tôn trọng sự thật, trừ một vài trường hợp cá biệt phải đổi tên, tôi mạnh bạo tường thuật lại người thật, việc thật. Kính xin quý vị thông cảm và tha thứ.

Ngày 2 tháng 5 năm 1991.
Đặng Chí Bình

Chương 1

Giã Từ Hỏa Lò

Mưa vẫn nhì nhẹt rả rích lê thê, gió Đông hàn từng làn tái tê, vẫn gầm rít vi vu, cả bầu trời xám xịt đìu hiu. Chiếc xe vẫn nặng nề, lầm lủi tiến ra ngoại thành, phía Bắc Hà Nội.

Từ nãy, tâm tư tôi đắp ắp bao nhiêu nỗi niềm đầy vơi trong nỗi chia cắt, mối yêu đầu của người con gái đất Hưng Yên nhiều màu mỡ và trong cảnh giã biệt Hỏa Lò, nơi sáu năm dài đằng đẵng, chồng chất bao nhiêu cuồng phong bão tố của đời tôi.

Những hình ảnh lúc chia ly ở cổng Hỏa Lò, đang bao trùm đè nặng tâm trí tôi. Mắt tôi mở nhưng như mơ, chẳng nhận rõ vật gì, thì đột nhiên một tiếng quát giật giọng "Đứng lại" của một tên công an vũ trang, làm tôi bàng hoàng

như choàng tỉnh một cơn mê.

Chiếc xe ọp ẹp cũ kỹ đang từ từ ngừng lại. Nhanh như một con sóc, tên công an vũ trang vừa quát đã nhảy xuống đường. Tên cảnh sát ngồi ở trên chỗ tài xế cũng đã nhảy xuống theo. Hai tên đang hộc tốc đuổi theo một chiếc bóng con con chạy lủi vào một đám cây xanh, phía bên phải đường. Thì ra đây đã là con đường lên Hòa Bình, đã xa Hà Nội rồi.

"Đoàng!" Một tiếng súng nổ rổn rang vào mưa Đông, rồi hai tiếng súng nữa liền nhau. Một tiếng hét rống lên như con dê bị thọc tiết, trải dài vào mưa gió nghe thật thê lương thảm thiết. Trong xe ồn ào, nhiều đứa trẻ nhấp nhổm nhớn nhác. Tên công an vũ trang còn lại trên xe vật ngang khẩu CKC, lách cách lên đạn quát:

- Tất cả chúng mày ngồi im, đứa nào lộn xộn tao xử lý!

Lúc này tôi mới để ý toàn bộ trong xe; ngoài gần hai chục đứa nhừng nhừng nhỡ nhỡ lại có sáu, bảy đứa con gái, trong đó có hai đứa lớn, mười lăm, mười sáu tuổi. Tôi nhớ lại lúc ở cổng Hỏa Lò, khi lên xe vì tay tôi bị khóa thằng Trung Lý Thu đã quát con Thanh Móm: "Hãy ôm gói đồ cho chú Bình".

Thế mà tâm hồn tôi đã bị người Hưng Yên cuốn hút hết, đến bây giờ con Thanh Móm ôm gói đồ quần áo của tôi, ngồi ngay bên cạnh mà tôi đâu có để ý.

Tôi lướt mắt nhìn thằng Trung Lý Thu, thằng Tiến Ga, con Tuyết Còi và con Thanh Móm, những đứa lớn nhất và có vẻ tinh nhanh nhất, đứa nào cũng ngồi yên phăng phắc, mắt đều lấm lét nhìn qua làn mưa giăng về phía những tiếng nổ và tiếng thét khi nãy.

Kia rồi, trong màn mưa bay dầy hạt, từ phía một cái hủng đất cây lá rậm xì, một bên là tên công an vũ trang, một bên là tên cảnh sát ở Hỏa Lò đang xách hai tay của một đứa nhỏ, chừng mười bốn mười lăm tuổi. Người nó ốm nhom như con chão chàng. Một bên mắt sưng tím gồ lên như một quả ổi, máu đang rỉ ra theo nước mưa chảy xuống đỏ cả mặt. Chiếc chân phải đã gãy lìa từ dưới đầu gối, lủng lẳng trong ống quần, cũng đã bị rách còn dính một tí. Chiếc ống quần đỏ lòm lẫn với bùn đất của nó, đang dật dờ nhấp nhô theo chỗ đất cao thấp mà hai tên công an đang kéo lê đi.

Mấy tiếng ồn ào thốt ra từ lũ trẻ đang ngồi: "Thằng Hoàng Sún chợ Mơ".

Đã về đến xe, mắt thằng Hoàng nhắm nghiền, mồm dề ra méo xẹo, vẫn rên rỉ:

- Lạy các chú tha cho cháu, cháu xin chừa, cháu muốn về với mẹ cháu!

Từ ở trong mấy đường hẻm, hai bên đường đã có năm sáu tên du kích đeo súng ống nhớn nhác chạy tới. Những cặp mắt mở to băn khoăn, háo hức muốn biết là chuyện gì. Một chiếc xe Commanca bộ đội chạy ngược chiều, đến đó cũng dừng lại. Ba bốn tên cấp bậc trung úy, thiếu úy chạy bổ sang ngơ ngác. Chúng nhìn toàn bộ suốt lượt trên xe, rồi nhìn thằng Hoàng Sún, bây giờ đã được xách bỏ lên phía cuối xe. Quần áo ướt át đầy bùn đất, lẫn với máu đang gào ư ử như con lợn bị cắt tiết đã ra gần hết máu, miệng nó vẫn thều thào hổn hển ngắt quãng:

- Lạy...các...chú...tha...cho...cháu!

Tên cảnh sát Hỏa Lò quay lại lạnh lùng nói với những tên bộ đội và du kích như muốn xua đuổi đi:

- Có gì đâu, trốn tù đấy mà!

Nhưng một tên trung úy bộ đội, chừng ba mươi tuổi nghiêm mặt, tay chỉ vào chiếc chân gẫy của thằng Hoàng Sún:

- Đồng chí phải đưa nó vào bệnh viện băng cho nó ngay. Máu ra và bùn đất thế kia thì nó chết mất!

Mấy tên công an tỏ vẻ rất bực bội, cuối cùng tên cảnh sát Hỏa Lò nhìn thằng vào tên trung úy gằn giọng:

- Chúng tôi có công vụ đặc biệt, không phải đi chơi!

Nói rồi y ra hiệu tay cho tên công an vũ trang:

- Lên xe đi, muộn rồi!

Xe đã chuyển bánh. Những tên bộ đội và những tên du kích nét mặt người nào cũng trầm tư, vẫn đứng dưới mưa bay nhìn theo chiếc xe. Họ nghĩ gì, thì làm sao tôi biết được. Nhưng có một điều, dù họ có nghĩ gì chăng nữa cũng không thể rời khỏi cái nồi cơm, là chỗ họ đang đứng hiện nay trong xã hội này.

Tiếng máy xe già cũ kỹ vẫn rống lên trên con đường lồi lõm đầy ổ gà, cũng không làm át được tiếng rên đau đớn, quằn quại, nghe đến não nùng của thằng Hoàng Sún.

Nhìn bàn chân gãy đã xám đen trong bùn và máu; nhìn chỗ đầu gối nó một mảnh xương vỡ nhọn hoắt phủ mấy miếng thịt lầy nhầy đã xám ngoét, máu vẫn rỉ ra, người tôi nóng lên. Liếc nhanh hai tên công an, thằng Trung Lý Thu; rồi nhìn đôi tay trong khoen cùm, tôi mạnh bạo quay sang con Thanh Móm nói to:

- Cháu cởi bọc của chú ra lấy một cái quần trại đưa cho thằng Thu nó quấn buộc chặt phía trên đầu gối cho nó, đừng để máu chảy mãi!

Con Thanh hơi rụt rè, lấm lét nhìn tên vũ trang, nhưng rồi nó đứng dậy làm ngay. Thằng Thu lách ra khỏi chỗ, hăm hở buộc quấn cho thằng Hoàng Sún. Hai tên công an mặt vẫn lạnh lùng, không nói một lời. Chúng vờ quay đi nhìn cảnh vật hai bên đường. Thấy vậy, thằng Tiến Ga cởi ngay cái ruột áo bông nó đang mặc, đắp cho thằng Hoàng.

Bây giờ mặt thằng Hoàng đã xám đen lại; vết thương ở trên mắt nó không còn chảy máu nữa. Có mấy đứa thốt lên "Nó chết rồi", nhưng một tiếng rên ai oán như xé tim người nghe, rồi vẫn những tiếng thều thào, lảm nhảm không rõ: Lạy… chú…!

Chúng tôi đều đưa mắt nhìn nhau, mặt rầu rầu. Con Thanh Móm và một đứa con gái nhỏ nước mắt đoanh tròng. Nhiều đứa khác, mắt cũng đỏ lên. Con Thanh gục hẳn vào vai tôi, vai nó cứ run lên thổn thức. Có lẽ nó cũng chạnh nỗi niềm cho cuộc đời lầm than gió bụi không nhà không cửa của nó chăng? Chính tôi, lòng cũng quặn thắt, rối bời.

Nhìn quê hương, dân tộc lầm than rên xiết, rồi nghĩ đến chính mình, tấm thân tù tội đang đi vào rừng sâu nước độc tăm tối nơi đâu. Nhìn những giọt nước mắt thơ ngây thổn thức vơi đầy của chúng, tôi có cảm nghĩ rằng đây cũng là nước mắt của tôi đang khóc cho quê hương, tuổi trẻ và cuộc đời.

Đột nhiên thằng Hoàng Sún thét rống lên một tiếng rồi giãy đành đạch. Mắt nó mở to trợn trắng dã, làm những đứa ngồi gần nó xô dúm lại với nhau. Mồm nó cứ nhóp nhép nói kêu cái gì đó nhưng không nghe thấy tiếng. Đôi tay và chân nó xuội dần rồi im bặt. Hai bên mép nó rỉ ra hai giòng máu tím xậm. Đôi mắt chỉ còn lòng trắng cứ tưởng như đang ngước lên nhìn tên công an vũ trang ngồi trên ghế, chếch phía đầu nó để xin chú tha cho.

Chiếc quần trại của tôi quấn buộc chỗ đùi nó, bây giờ ướt đẫm máu. Những đứa con gái bắt đầu kêu gào, khóc râm ran cả lên. Ngay nhiều đứa con trai cũng la hét om sòm. Bây giờ thì chính mắt của tôi cũng thấy cay cay, cồm cộm rồi.

Xe đỗ lại, tên chuẩn úy cảnh sát Hỏa Lò mở cửa xuống xe. Y tiến lại nhìn vào xác thằng Hoàng Sún lúc này đã nằm duỗi dài phía sát cuối thùng xe. Mồm tóm tém, mắt y quắc lên sắc lạnh:

- Chúng mày khóc cái gì? Im ngay! Đứa nào muốn trốn, trông gương đấy, tao sẽ bắn bỏ hết!

Tiếng quát của y đã làm tụi trẻ con im bặt, đưa những đôi mắt trắng dã lấm lét sợ sệt nhìn y. Hai tên công an vũ trang và y lùi ra bàn với nhau một lúc, trong khi tên tài xế chừng bốn mươi tuổi, cũng mặc bộ đồ vàng công an nhưng không gắn cấp bậc trên áo, đi xuống cúi vào nhìn xác thằng Hoàng rồi lại lạnh lùng lên xe ngồi. Hắn y đang cho đây cũng chỉ là một câu chuyện bình thường, y có lạ đâu.

Đã gần mười giờ, mưa bay đã tạnh, trời hừng sáng dần. Chúng trao đổi với nhau lâu lắm. Có lẽ chúng thấy để xác thằng Hoàng trên xe, không có cái gì che đậy mà đưa đến trại sẽ tác động đến tư tưởng của nhiều đứa khác, lại còn ảnh hưởng đến chính trị nữa. Cuối cùng tên chuẩn úy, một mình đi rẽ vào một đường giong về phía làng xóm bên trong.

Một tên công an vũ trang ra phía hông xe đem theo một cuộn dây thừng dài, hì hục buộc những mép bạt. Chỗ khi sáng thằng Hoàng đã lợi dụng lúc xe chậm chạp bò lên dốc, nhẩy xuống chạy trốn.

Khoảng nửa giờ sau, tên Chuẩn Úy Nhượng (Tiến Ga đã cho tôi biết tên, y mới đổi về Hỏa Lò) từ trong đường hẻm đi ra với một tên khoảng ngoài bốn mươi mặc áo bốn túi. Theo sau có hai tên thanh niên du kích cắp một chiếc chiếu rách. Chắc chúng đã trao đổi với nhau từ trước. Đến xe, sau khi tên mặc áo bốn túi ngó qua xác thằng Hoàng, y hất hàm ra hiệu cho hai tên du kích nhấc xác thằng Hoàng, bỏ vào chiếc chiếu đã trải sẵn dưới đường. Chúng quấn lại rồi mang vào một đường hẻm khác chỗ nhiều cây cối rậm xì. Tên mặc áo bốn túi còn đứng lại nói gì một lúc với tên Nhượng rồi mới đi theo về phía hai tên du kích.

Xe lại bắt đầu chuyển bánh. Tôi nghĩ đến chiếc quần của tôi sẽ theo thằng Hoàng về lòng đất lạnh, rồi tôi liên tưởng đến những tiếng kêu xin của thằng Hoàng trước khi chết. Bây giờ nó đã đạt được ý nguyện là các chú đã đồng ý thể hiện lòng nhân đạo của đảng, tha cho nó về với mẹ!

Chuyện của thằng Hoàng cứ ám ảnh lòng tôi. Tôi cúi gầm, óc cứ miên man suy nghĩ về những cảnh đời, của những kiếp người thì có tiếng thì thào vào tai tôi:

- Bố mẹ nó ở chợ Mơ. Bố nó là bộ đội phục viên đấy chú ạ!

À thì ra thằng Trung Lý Thu. Trong lúc lộn xộn nó đã len lách ngồi bên cạnh tôi từ lúc nào. Tôi liếc nhìn tên công an, rồi quay lại cũng nói nhỏ:

- Cháu hãy nhớ lấy địa điểm này, khi nào được tha ra nhớ về báo cho bố mẹ nó biết.

Nó đặt một tay lên chiếc còng số 8 của tôi vừa mân mê vừa nói thì thầm:

- Chú yên trí, chẳng cháu thì nhiều đứa khác nó cũng về báo.

Trẻ con thì cũng thường dễ vô tâm. Mới lúc nãy, đứa thì khóc, đứa thì kêu, dúm dó sợ sệt, thế mà bây giờ đã lại trêu chọc nhau chuyện trò ầm ỹ, để tên công an vũ trang thỉnh thoảng, lại phải quay vào đe nẹt.

Chương 2

Đường Lên Núi Rừng...

Trời gần trưa đã hừng nắng. Tự nhiên một số đứa nhấp nhổm lố nhố chỉ trỏ nhìn chéo về bên phía trái đường làm cho bao nhiêu con mắt đều hướng về phía đó kể cả hai tên công an vũ trang. Tôi cũng nghểnh đầu liếc theo ra. Từ chéo mải phía trong của một nghĩa trang "liệt sĩ" có hai ngôi mộ nằm song song nhau, đất còn vàng au:

- Mả phi công Mỹ!

Lại có đứa nói:

- Mả phi công của ta nữa!

Lung tung beng, tôi chả hiểu ra sao thì thằng Thu đã ghé vào tai tôi thì thầm:

- Có gì đâu chú! Gần hai tháng trước, ầm cả Hà Nội lên về chuyện màng lưới cao xạ phòng không ở Kỳ Sơn này. Một buổi trưa thấy có hai máy bay quần đuổi nhau từ phía Hà Nội lên đây. Họ tập trung cao xạ bắn như pháo rang. Cuối cùng hạ được cả hai cái đó. Hai phi công lái hai chiếc máy bay đó đều bị chết. Nhưng có một điều là một phi công của ta và một của Mỹ. Vì lộn xộn nên cũng không biết cái nào đuổi cái nào và đều lầm tưởng là máy bay Mỹ cả. Nhất là lúc đó Hà Nội đang có trận không tập của nhiều máy bay Mỹ. Vì vậy họ đã chôn cả hai viên phi công cạnh nhau, cùng một nghĩa trang.

Khi xe đi rẽ vào một con đường thì những đứa trẻ lại nhốn nháo lên; thì ra đã đến trại Kỳ Sơn rồi! Lúc xe ngừng, trong lúc chúng ồn ào, í ới gọi nhau khi được lệnh xuống, tôi chưa biết ra sao nên vẫn cứ ngồi yên.

Con Thanh Móm định mang luôn cả gói đồ xuống cho tôi, thì tên Chuẩn Úy Nhượng đã hẩy tay ra hiệu:

- Anh ngồi lại đấy!

Chỉ một mình thằng Trung Lý Thu kịp cầm tay tôi lắc lắc:

- Chắc họ đưa chú đi trại trung ương. Thôi, chú đi khỏe nhé!

Tôi chỉ mỉm cười chào lại nó, không nói một lời. Lúc này tôi mới thấy buồn heo hút. Nhìn đàn trẻ ríu rít như đàn sẻ tranh nhau ăn, lòng tôi nặng chĩu bời bời. Biết thân mình trôi dạt về đâu? Nhìn đôi tay chắp lại trong khoen cùm, đến những đàn trẻ đang xếp hàng đôi đi vào cổng trại cho một tên công an đang cầm cái bút và quyển sổ điểm số. Qua chiếc cổng trại bằng tre nứa ghép lại thành một cái khung có chòi gác, tôi nhìn lướt vào phía trong. Có bảy tám dãy nhà tranh dài thượt cứ song song hai cái một. Màu đất của sân, của vách còn ẩm sau trận mưa đêm hãy còn xám xịt. Bao bọc chung quanh trại là hai hàng rào thép gai dựng cao chừng hai mét. Phía ngoài, bên trái trại trong những lùm tre xanh um tùm, có bốn năm cái nhà cũng bằng tranh. Một ngọn cờ máu, sao vàng đang lơ láo ngơ ngác, giẫy dụa trên ngọn một cây luồng dài. Có lẽ đấy là khu của ban giám thị và công an vũ trang coi trại. Nhìn sang phía phải của trại là hai dãy lều xiêu vẹo cột tre, không có vách, trống trơn. Bảy tám con trâu gầy giơ xương. Mắt con nào

cũng đầy rỉ, đang nhai rơm do hai đứa nhỏ bốc từ một chiếc xe bò bên ngoài vào.

Một đoàn các cậu loai choai đi hàng dọc, đang từ một con đường hẻm phía sau trại, tiến về phía cổng trại; có một tên công an áo vàng vác súng đi phía sau. Cậu nào cũng è vai gánh hai sọt sắn (củ mì) nặng trĩu, mặt đỏ gay.

Khi đoàn gánh gồng đi ngang qua khu chuồng trâu, một cậu nháy mắt với một cậu đang bốc rơm cho trâu. Cậu gánh sắn, cố lắc gánh đẩy rơi xuống đường một củ sắn bằng bắp tay. Cậu bốc rơm, lợi dụng chờ tên bộ đội phải đi một khúc quành che khuất. Nhanh như một con sóc, xông ra nhặt ngay củ sắn nhét vào cạp quần bên trong tà áo. Nhưng không kịp nữa rồi, tên bộ đội cũng vừa thò mặt ra khỏi chỗ khuất đã nhìn thấy. Y hộc tốc chạy lại quát:

- Mày vừa ra ăn cắp sắn phải không?

Cậu ôm rơm, chừng mười lăm hay mười sáu tuổi, hai cẳng chân đen đũi, khẳng khiu như hai ống nứa ngâm. Mặt tái mét, hai tay chắp vào nhau vặn vẹo lúng túng:

- Thưa chú, cháu không dám! Cháu chỉ ra…

"Bốp" một cái báng súng CKC quật ngang vào hông đã chặn mất câu nói của cậu bé. Cậu ngã đổ vật ra bờ cỏ. Củ sắn từ trong bụng lăn lông lốc ra ngoài. Tên công an định tiến đến đánh nữa, trong khi cậu bé đang cong lưng lên, mồm méo xệch, mặt nhăn như chiếc giẻ. Nhưng không biết y nghĩ thế nào, y chỉ cúi xuống nhặt củ sắn rồi đi theo đoàn tù gánh gồng đang đặt những gánh sắn trước cổng trại chờ điểm số. Trước khi đi, tên công an còn quay lại dứ dứ khẩu súng vào cậu bé đang nằm vặn vẹo.

- Ta tha cho, lần sau đưa vào trại lập biên bản kỷ luật!

Một lúc sau, cậu bé mới lào cào bò dậy. Hai tay ôm bên hông ngắc ngoẻo mà còn ngoái bộ mặt nhăn nhúm lại những gánh sắn đầy ắp xa xa phía cổng trại, như luyến tiếc. Chân cậu chậm chạp đi dần về phía chuồng trâu, khác hẳn với dáng điệu khi ra vồ củ sắn.

Ngồi một mình trên xe cùng với tên công an, tôi ngẩn ngơ theo dõi cảnh đó bầy ra trước mắt. Một tiếng thở dài không chủ định xì xì dần ra như muốn đẩy bớt nỗi tủi nhục đắng cay của những cảnh đời trâu ngựa. Tôi liếc mắt nhìn tên công an đang dựa lưng vào thành xe. Tay y hờ hững cầm khẩu CKC dựng trước mặt; mắt hướng về mấy ngọn tre đang lắc lư với gió bên hông trại.

Giòng suy tư của tôi vẫn cứ chìm nổi miên man, cho tới lúc nhìn thấy một anh chừng ba mươi tuổi, mặc chiếc áo bông rách đã vá chằng vá đụp. Anh ôm một bọc quần áo cũ với hai nắm cơm trèo lên xe. Anh chìa bàn tay sần sùi đưa cho tôi một nắm cơm bọc trong một miếng lá chuối:

- Phần anh đấy, tôi cũng đi trại đây!

Hai tay tôi giơ ra đỡ nắm cơm; chưa kịp nói, hỏi gì thì đã nghe tên Nhượng ở dưới xe đã nghiêm giọng nói với anh:

- Chiếu cố anh là thành phần tự giác tiến bộ, tôi không khóa tay. Nhưng nếu trên đường đi anh lộn xộn tôi sẽ xử lý ngay!

Anh mới lên, mặt tươi hẳn ra, có vẻ xum xoe:

- Thưa cán bộ, cháu đã được ban giám thị cho làm tự giác ở trại này một năm rồi. Án cháu chỉ còn một năm nữa

thôi, cháu chả dại đâu!

Nói rồi anh ta ngồi vào một góc thùng xe, bẻ nắm cơm ăn với vẻ hí hửng ra mặt. Thấy thái độ của anh ta như vậy, tôi trở nên rất lạnh lùng như người câm không nói trên suốt đường đi. Xe lại chuyển bánh rẽ ra phía đường cái.

Lúc này mới quá trưa thế mà trời đã sầm lại. Phía Đông Bắc xám xịt, từng cuộn mây đen đang túa về trùm lấp cả bầu trời. Một đàn cò trắng từ những triền đồi trọc phía ấy đang vội vàng theo gió bay về chân trời phương Nam xa xa. Vài nếp nhà tranh chìm lẫn vào những lùm cây xanh hai bên đường.

Mưa lại bắt đầu nhì nhẹt rả rích của buổi cuối Đông. Từng làn gió bấc đẩy những luồng lạnh cắt da vào xe. Không gian mờ mịt tím ngắt như cõi lòng tôi lúc này. Lạnh run, tôi muốn lấy cái màn từ trong bọc ra quấn vào người cho đỡ rét, nhưng hai tay tôi loay hoay mãi mà không mở được mấy nút buộc của chiếc tay nải. Chỉ vì tôi không ưa anh ngồi cùng xe, nên nhất định thà chịu lạnh chứ không nhờ. Hình như anh ta cũng thấy nét lạnh lùng của tôi, nên anh ta ngồi quay mặt về phía đầu xe, dựa đầu vào thành xe nhắm mắt.

Bụng đói cật rét, người tôi lạnh run lên. Dù hai tay bị khóa chặt tôi vẫn cố gắng gặm dần nắm cơm hẩm với muối rang mà anh tù tự giác vừa đưa cho tôi lúc nãy. Xe đã chạy được gần một tiếng. Có lẽ bây giờ cũng phải gần hai giờ chiều. Tôi đang nhắm mắt, người vẫn dập dờn rung rinh theo chiếc xe đang lầm lủi trên con đường dài thì những tiếng trống thùng thùng. Rồi tiếng loa gào ré lên: "Nỗ lực, tích cực, tất cả cho vụ mùa Đông Xuân". Tôi mở choàng mắt ra thì hai bên đường đã là những cánh đồng lúa. Chung quanh xa xa đã có nhiều những dãy núi cao dựng đứng, mây đen phủ kín ngọn. Một cánh đồng trải dài tới chân núi, đây đó đã có nhiều chỗ lúa chín vàng. Hương nồng, ngào ngạt, của lúa chín, lùa vào đầy ắp trong xe.

Qua làn mưa giăng mờ mịt, ở ngay chéo bên một con đường làng ăn ra đường cái, một đoàn đến hai mươi người, đa số là đàn bà con gái. Người thì khoác áo tơi lá, người thì khoác miếng nylon đang cúi gò lưng, bì bõm gặt lúa. Trên bờ cắm mấy lá cờ đỏ đang rũ rượi vì ướt. Hai băng khẩu hiệu trắng chữ đỏ cắm ngay trên đường làng:

"Không bỏ trời mưa, không chừa trời nắng"
"Không xa mặt trời, không rời mặt trăng"

Một anh cũng khoác chiếc ni-lông, đội mũ cối, cầm chiếc loa đi trên bờ đang hò hét. Xe đã chạy xa rồi, tôi chỉ còn trông thấy chiếc loa khua lên, khua xuống nhưng không nghe thấy lời. Nhìn cảnh người nông dân cặm cụi làm việc trong cái lạnh cắt da, tôi chợt nhớ đến một bài học thuộc lòng khi tôi lên mười, hay mười một tuổi, học tiểu học dưới chế độ "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" ở quê tôi:

"Hôm qua, hôm nay, lại ngày mai.
Người dân quê còng lưng cho khó nhọc.
Từ ngàn năm đè chĩu lấy hai vai.
Họ làm việc, làm việc và làm việc.
Từ tinh sương dậy trước cả đàn gà.
Đêm tối mù giá lạnh sương sa".

Bài học thuộc lòng này, những người Cộng Sản đã khêu gợi, nêu lên những nỗi đắng cay, lầm than, tủi nhục của người nông dân dưới sự thống trị tàn bạo của thực dân phong kiến. Tuy hai thời đại, nhưng vẫn cùng một cảnh đời. Có hơi khác. Cũng vẫn gò lưng bì bõm đất trong mưa phùn gió bấc. Nhưng bây giờ có trống, có loa và có cả khẩu hiệu. Còn một điểm khác nữa do công lao của người Cộng Sản: ngày xưa người nông dân gặt lúa xong phải đưa về nhà. Còn bây giờ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, lương tâm của loài người thì người nông dân gặt xong được gánh lúa đó lên nhập kho của nhân dân.

Mải đắm chìm trong mớ bòng bong thế sự ngược xuôi, chiếc xe ngưng lại lúc nào tôi không hay. Cho đến lúc thấy tên công an vũ trang nhẩy xuống đường rồi quay lại xẳng giọng:

- Đi xuống!

Tôi hơi bàng hoàng, vội vàng kéo bọc quần áo về cuối thùng xe. Loay hoay mãi tôi mới xuống đất được. Trời vẫn sụt sùi mưa bay nhè nhẹ. Một con đường đất chênh vênh ngoằn ngoèo chia hai ba ngã. Nẻo nào cũng khuất hút vào những triền đồi bạt ngàn là sắn và khoai lang. Ngay phía trái trên một bãi bằng rộng là một bức tường thành xây bằng đá hộc cao 4-5 mét. Bên trên tường chăng nhiều đợt dây thép gai, nhiều chỗ đã ngã xiêu vẹo. Dưới chân, lau, cỏ đã mọc có chỗ đến lưng bức tường. Ngay mặt đường, cách khoảng 300 mét phía đầu xe là một chiếc cổng to xây kiên cố. Hai cánh cổng không còn nữa. Bên mép tường chỉ còn lại những chiếc bản lề to tướng đã cáu rỉ.

Bên trên cổng là một căn nhà lầu có nhiều phòng quét vôi vàng đã loang lổ. Nhìn chéo vào bên trong cổng, không còn một căn nhà nào. Rải rác đây đó là những đống gạch vữa trên những nền nhà cao thấp, cỏ dại mọc um tùm. Chứng tỏ chỗ này đã bỏ hoang phế hàng năm. Dù tôi chưa có ý niệm một trại tù tuy chưa biết vì sao lại bỏ hoang.

Tên Nhượng sau khi đã dặn dò người tài xế, y quay lại tôi và anh tù hình sự (dọc đường tôi đã biết, khi nghe anh ta nói chuyện với tên công an vũ trang). Tay y chỉ con đường dốc phía bên phải:

- Đi theo con đường kia!

Đến lúc này tôi buồn đi tiểu quá rồi nên tôi nói thẳng với y. Thật là buồn cười. Gần một ngày trời ngồi chết dí ở trên xe thế mà y còn nhìn tôi với ánh mắt vừa nghi ngờ vừa khó chịu. Cuối cùng, y quay lại tên vũ trang:

- Đồng chí đưa anh ta đi tiểu!

Chỉ là một bụi cây dại ngay gần cạnh mé đường, thế mà tên công an cũng phải cầm súng đi sát ngay phía đàng sau. Thật là khó khăn lúng túng chỉ vì hai tay chặt cứng trong khoen cùm. Tuy đau mỏi rã rời, tôi cũng phải mỉm cười: Đi tiểu cũng có kẻ cắp súng theo hầu. Hai tên công an to khỏe lực lưỡng, một tên súng dài, một tên súng ngắn mà vẫn phải nể sợ một thằng tù gầy ốm khỏng khoeo. Chúng không dám mở khóa tay cho tôi. Cũng vì vậy, trên đường đi tôi thật vất vả với bọc quần áo.

Đường dốc, ướt át trơn như xoa mỡ. Từng luồng gió lạnh như kim châm vào da thịt. Cảnh núi rừng hoang vắng trong mưa. Tấm thân gầy gập ghềnh bước cao, bước thấp ngã nghiêng. Đường lầy lội có hai tay làm thăng bằng thì dễ đi. Hai tay đã chắp lại, rồi phải xách gói đồ nên khi đến một đoạn chênh vênh ngang lưng đồi, tôi bị trượt chân ngã nằm ngửa chơ hơ. Bọc quần áo tung mải vào vườn sắn bên cạnh đường. Quần áo tay chân đầy bùn đất, tôi phải cố gắng nhiều mới đứng dậy nổi.

Chắc hai tên công an cũng đã thấy nỗi cực nhọc, khó khăn của tôi. Phần khác, chúng thấy tôi đi thật chậm chạp, tên Nhượng chỉ tay lớn tiếng với tên hình sự:

- Anh hãy ôm bọc quần áo cho anh ta!

Tôi ngạc nhiên, vì thấy mặt anh tù hình sự tỏ ra rất tươi, lăng xăng đến ôm gói đồ của tôi. Chỉ một lúc sau tôi đã hiểu: Anh ôm gói đồ chẳng phải vì muốn giúp tôi mà là anh thích thú được làm theo lệnh của tên công an.

Con đường đi dần vào một rừng nứa rậm um tùm. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy nứa rừng, rậm rạp với những ngọn cao

lêu nghêu đầy lá, đang vật vờ ngã nghiêng theo từng cơn gió. Những cành lá rũ rượi lao xao, xào xạc như tiếng rền rĩ than van triền miên của núi ngàn cô tịch. Vài tiếng chim hú lên, mãi trong rừng sâu càng làm cho lòng tôi thêm lạnh. Những hạt mưa bay dồn cuốn vào nhau từng đợt phả vào mặt người như xát muối. Đôi tay lạnh cóng trong khoen cùm cứ phải giơ ra ngoài mưa gió.

Xa xa chéo phía dưới chân đồi trước mặt, một lá cờ đỏ ối đang vật vờ giẫy giụa, giữa cái nền xanh đen bạt ngàn của núi rừng. Đây đó khuất nẻo trong những lùm cây, mấy dãy nhà tranh thấp thoáng nằm rải rác chung quanh chiếc cột cờ mầu trắng.

Tôi cứ lần mò lê bước trên con đường mòn gồ ghề chênh vênh ướt át. Khi đến một lối rẽ xuống một triền đồi trọc, một đoàn tù hơn 30 người đang đánh luống trồng khoai lang ngay cạnh đường đi.

Tôi bàng hoàng bâng khuâng dõi mắt nhìn. Họ còn quá trẻ, chỉ từ 18 đến 25 là cùng. Quần áo đủ kiểu lam lũ rách vá tả tơi, không đủ che kín những tấm thân gầy khẳng khiu co ro, run rẩy trong mưa phùn gió bấc. Người cuốc, người xẻng, cứ hai người một luống đất dài. Ở một góc xa, trong chiếc lều con ọp ẹp che bằng mấy tấm phên nứa, một tên công an áo vàng đang ngồi chỉ trỏ gì đó với một anh tù đang đứng khóm róm cạnh lều. Ngay trên đường, một tên công an vũ trang trùm kín cả người và súng bằng một chiếc áo tơi nhựa mầu xanh bộ đội. Y đang đi đi lại lại coi đoàn tù lao động.

Khi còn ở Hỏa Lò, tôi đã được nghe nói nhiều về những người tù phải đi lao động ở các trại giam trung ương. Nhất là khi tôi được biết, rồi tôi sẽ phải đi tù ở những nơi đó. Tuy vậy, tôi vẫn chưa thể hình dung đầy đủ được những cảnh đời tù tội nơi núi rừng biên cương hẻo lánh. Lúc tôi đi ngang qua, nhiều người dừng cuốc đưa những đôi mắt trắng xám trân trân nhìn theo.

- Tù mới chúng mày ơi!

- Cán bộ thì phải!

Những âm thanh cụt ngủn, dội lên rồi tắt ngủm trong mưa Đông. Họ sẽ nghĩ gì khi thấy súng dài, súng ngắn áp giải một người bị khóa chặt đôi tay; lại còn có một người ôm bọc quần áo theo hầu nữa.

Tên Nhượng, mắt vẫn hướng về khu có lá cờ. Lạnh lùng, hắn không hề một lời chào hỏi tôi với người đồng chí của hắn ở bên đường.

Chương 3

Cố Nhân Bất Đắc Dĩ

Càng về chiều trời càng âm u, ảm đạm. Nhìn hình ảnh đoàn tù đói khổ lao động bên đường, giữa rừng núi hoang vắng, tôi liên tưởng đến những ngày tới của đời tôi. Những nỗi niềm ưu tư dâng đầy, bủa kín lòng tôi theo từng bước chân lặn lội, gập ghềnh, rã rời trong mưa gió cho mãi tới khi rẽ ra một lối đi khang trang, sạch sẽ. Một căn nhà lá, được dựng ngay bên bụi nứa nằm phía trái đường đi. Tuy chỉ là một gian nhỏ, nhưng thật gọn đẹp, nền và vách còn au lên mầu đất mới. Một chiếc băng con mầu trắng hình chữ nhật, kẻ hai chữ "phòng đợi" mầu đỏ tươi, nét chữ thật mềm.

Tên Nhượng nói gì với tên công an vũ trang áp giải tôi, rồi quay lại nhìn tôi, tay y chỉ vào vĩa hè đất nghiêm giọng:

- Cho anh ngồi đây nghỉ, chờ. Đi đái phải báo cáo ông cán bộ này.

Phần vì mệt nhọc, phần vì tâm tư đang rối bời với bao nhiêu những bỡ ngỡ, lắng lo cho cảnh đời sắp tới, nên tôi chỉ dạ khẽ, đầu gật nhẹ như đã thấy lời của y dặn, rồi tôi ngồi bệt xuống vỉa hè của căn nhà. Vẫy tay ra hiệu cho tên hình sự đi trước, y quầy quả cắp cặp hồ sơ đi theo sau, trên con đường đất rất phẳng phiu không một nhánh cỏ, dẫn vào khu nhà có lá cờ. Dọc theo hai bên của con đường nhỏ, thỉnh thoảng lại thấy một bụi hoa vạn thọ hay thược dược. Có thể đây là khu nhà của ban chỉ huy trại cũng không chừng.

Tôi liếc nhìn vào căn nhà nhỏ. Ngay giữa nhà là một chiếc bàn và hai cái ghế dài còn mới. Trên đường, dưới tấm hình lão Hồ râu dài là chiếc băng khẩu hiệu đỏ loét: tất cả cho miền Nam ruột thịt.

Lúc này tôi mới để ý đến tên công an vũ trang áp tải tôi từ Hà Nội. Y chỉ chừng 20 hay 21 tuổi. Nhìn y đang vặt từng chiếc lá nứa non, ném xuống đường mương bên cạnh. Mắt y đang bâng khuâng đờ đẫn hướng về mấy dẫy núi cao, mây mù phủ kín ngọn ở phía xa xa. Tôi nhớ lại buổi sáng, lúc thằng Hoàng Sún trốn chạy, chỉ còn một mình y là công an ở lại xe. Y đã lên đạn, hung hăng quát lũ lau nhau, trong đó có cả tôi đang ngồi:

- Chúng mày ngồi im, đứa nào lộn xộn tao xử lý!

Mặt y lúc ấy thật là lạnh lùng cô hồn. Tôi ghét y từ đấy, nên suốt trên quãng đường đi, tôi chả thèm gợi chuyện nói với y một lời. Nhưng bây giờ, nhìn mặt y còn non choẹt; hơn nữa, thỉnh thoảng y liếc nhìn tôi với ánh mắt dìu dịu, xen lẫn nét băn khoăn, tò mò. Để giải quyết cái sầu hoang vắng trên đất lạ, tôi mỉm cười nhìn y:

- Ông đã lên đây lần nào chưa?

Y quay lại hơi ngỡ ngàng, rồi dè dặt chậm rãi:

- Chưa bao giờ!

- Có lẽ ông Nhượng đã lên đây nhiều lần? Ông ta chả phải hỏi thăm ai và rất quen thuộc đường lối.

Mở to mắt nhìn tôi, rồi như một con rùa rụt cổ vào mai, mặt y đanh lại, im lặng không trả lời. Ngay khi tôi vừa cất mồm lên hỏi, lưng chừng đã thấy, tôi thật quá lố, vô duyên. Cũng may vừa lúc đó, một bóng người đang bước những bước dõng dạc tiến ra từ phía khu nhà có lá cờ. Khẩu súng ngắn đeo trễ cạnh sườn y, đang lắc lư với những bước thật dài của một thân hình cao lớn. Tay cầm mấy tờ giấy, khi y tới gần, tôi chỉ thoáng thấy mấy dấu triện đỏ ối. Ve áo chỉ có chiếc lon hạ sĩ, thế mà phong độ của y nghiêm nghị, lạnh lùng có vẻ như là một sĩ quan. Ngay từ còn ở xa, y đã nhìn tôi chằm chằm; lúc tới nơi, y và tên công an vũ trang hơi gật đầu chào nhau. Hất hàm về phía tôi rồi nhìn tên vũ trang, y buông một câu gọn lỏn như ra lệnh:

- Đồng chí hãy mở khóa cho nó!

Chẳng phải vì chiếc lon hạ sĩ, mà chính vì tác phong của y đã làm cho tên vũ trang vội vàng, lấy chìa khóa để mở còng tay cho tôi. Khi tên vũ trang vừa tháo xong còng, tên hạ sĩ nhìn tôi, tay chỉ vào phía trong, khu nhà có lá cờ, gằn giọng:

- Ôm quần áo vào đó!

Tên công an vũ trang sau khi đút chiếc còng vào túi áo mưa, quay lại, tươi nét mặt, chắc định nói hay chào tên hạ sĩ. Nhưng mắt y đã chùng xuống nét sượng sùng, vì tên hạ sĩ đã xoay gót đi theo tôi như quên mất y rồi. Mặc chúng

nó đối xử với nhau, tôi nghĩ vậy. Hai cánh tay và hai vai ê mỏi rã rời, tôi đứng dậy vươn vai mấy cái; đôi tay đã mất tự do suốt từ sáng sớm ở dưới Hỏa Lò. Tôi ôm bọc quần áo chậm chạp đi trước, tên hạ sĩ lẽo đẽo đi phía sau. Khi đi qua mấy căn nhà có vẻ khang trang ngăn nắp; thấp thoáng mấy tên bận đồ vàng, nam cũng như nữ đang ngồi làm việc bên trong, với những tiếng máy chữ tí tách liên hồi.

Chéo phía bên kia cột cờ, chỗ có mấy luống hoa lớn là một căn nhà mái ngói đỏ au, mà sau này tôi hiểu là một loại nhà "kiến thiết cơ bản" của miền Bắc. Tôi đang bâng khuâng tự hỏi, từ nãy đến giờ, không hề thấy tên Nhượng đâu nữa, thì tên hạ sĩ phía sau giật giọng:

- Rẽ phía phải!

Y dẫn vào một con đường mòn, vòng ra phía sau một bụi nứa lớn, rậm um tùm. Ngay trước mặt là một căn nhà bếp rộng, ngọn lửa trong lò hừng hực đun hai chiếc chảo lớn đang sôi sùng sục, bốc khói nghi ngút. Ba, bốn chị phụ nữ quần đen, áo vải; người thì lặt rau, người lúi húi quét dọn. Tên hạ sĩ dẫn tôi vào. Y chỉ cái phản gỗ, cạnh một bể nước con:

- Anh ngồi đây, cấm không được đi đâu!

Rồi y bước lên đường hiên của một căn nhà cạnh đó. Mấy chị phụ nữ đều quay lại nhìn tôi với những đối mắt tò mò, lấm lét. Tôi đưa mắt nhìn ra núi rừng bên ngoài; trời đã hết mưa phùn, nhưng lúc nào cũng âm u, đầy sương mù. Tôi không thể đoán lúc này là mấy giờ chiều. Một tên cán bộ áo xanh (công an vũ trang mặc đồng phục xanh, tới sau hội nghị Paris, chúng mới mặc đồng phục mầu vàng như công an) chừng 40 tuổi, đeo lon trung úy, từ trong phía sau bếp đi ra, đến bên tôi. Chậm chạp, y hỏi, giọng quê một cục:

- Ở "Hà lội nên" à?

Thấy nét mặt y không có vẻ gì ác ôn lắm, nên tôi khẽ "dạ" như thừa nhận. Y quay lại mấy người phụ nữ, ra vẻ băn khoăn như ngạc nhiên, sao không có vũ trang dẫn giải? Thì một chị đã nhanh trí, chỉ tay về phía ngôi nhà trên:

- Báo cáo ban, cán bộ Ý vừa lên đó!

Chị đang nói thì cũng là lúc, tên Ý ở trên đó đi ra. Đến trước mặt tên trung úy, y chụm chân, giật đứng người, giơ tay nghiêm chào, đúng tác phong quân sự. Tên trung úy gật đầu nhè nhẹ:

- Đồng chí dẫn giải "ló" vào trại E?

Rồi y kéo tay áo xem đồng hồ, giọng lại thúc hối:

- Ba rưỡi rồi đấy, đi ngay đi!

Trên đường đi, tuy đôi tay không còn bị khóa, nhưng nhìn con đường mòn hun hút, chui mãi vào rừng sâu. Hết đồi tre, lại nứa rồi lại đồi vầu; mới 3 rưỡi chiều mà sương lạnh đã phủ kín chân đồi. Tâm tư nặng trĩu đầy vơi, tôi chợt nhớ đến một vần thơ hoa mộng: "Chiều nay sương khói mờ nhân ảnh. Ai biết lòng ai….."

Tôi đang đắm chìm, buông hồn nhấp nhô theo từng bước chân, thì đột nhiên tên Ý đi sau nhẹ nhàng cất tiếng hỏi làm gián đoạn nguồn tư tưởng của tôi:

- Ngoài cái tên Đặng Chí Bình, anh còn cái tên gì khác nữa?

Tôi hiểu, có lẽ y thấy suốt từ lúc gặp, tôi tuy lạnh lùng không nói, nhưng vẫn ngoan ngoãn làm theo ý của y; hơn nữa, đường vắng chỉ có 2 người, buồn tình nên y hỏi tôi chăng? Vì vậy, tôi cũng nhã nhặn:

- Tôi còn một tên nữa là Lê Viết Hùng.

- Thế, tên nào là tên thật, lúc còn nhỏ của anh?

- Dạ, Đặng Chí Bình!

Lâu ngày, nên đi đã thấy mỏi chân, tôi đang định hỏi y trại E còn phải đi xa không thì tôi đã thấy thấp thoáng, từ một lủng rộng xa xa, mờ mờ trong sương đục; một lá cờ máu đang ngúng nguẩy, nhăn nhó trong gió chiều. Như vậy chỉ cách khu trại chính khoảng 2 cây số, đường chim bay. Lúc này thì khu nhà đó đã hiện ra, gồm 3 – 4 cái to, nhỏ. Tuy rằng chỉ bằng gỗ, lá nhưng chắc hẳn là nơi ở và làm việc của ban chỉ huy trại E. Vì tôi cũng đã nhìn thấy về phía trái không xa là một chiếc cổng gỗ to, cao lênh khênh. Trên chòi, một tên công an vũ trang đang đeo súng ngồi bên một chiếc kẻng sơn đen xì, làm bằng một cái vỏ của quả bom 50 kg.

Đến nơi, tên Ý dẫn tuột tôi qua cổng, vào hẳn trong trại. Y chỉ khoảng sân trống, cạnh một bụi chuối già phía trong cổng. Giọng y đã bớt lạnh lùng:

- Anh đứng đấy chờ!

Chân tiến đến khóm chuối, nhưng mắt tôi đang chăm chú nhìn vào những dẫy nhà trong trại. Loáng thoáng một vài người chống gậy, đang đứng ở hiên nhà nhìn ra, nên tôi cũng chả trả lời tên Ý. Trước khi ra cổng, y còn ngửa cổ lên chòi, nói với tên công an vũ trang gác cổng, cũng đang nghiêng đầu ngó xuống:

- Đồng chí cho gửi tên phạm!

Rồi y cắp chiếc cặp đen, bước những bước thật dài về phía khu nhà có lá cờ, ngay chéo cổng vài chục thước. Tôi mệt mỏi, ném bọc quần áo xuống sân rồi ngồi lên trên trốc, mắt vẫn vươn qua cái sân trại, hướng vào 3 ngôi nhà dựng theo một hàng dài.

Lúc này cảnh vật chợt hồng lên, vì phía Tây mặt trời hơi ló ra khỏi đám mây dầy, để nhìn lại cảnh chiều của núi ngàn. Một vài ánh nắng quái vàng ửng, nhún nhẩy trên mấy nóc nhà và những ngọn nứa khô của cái hàng rào thật dầy, chung quanh trại. Tôi còn đang mải mê nhìn một ông già tóc bạc phơ, lụ khụ chống gậy ở một góc sân, thì một tên cán bộ đeo lon trung úy từ ngoài cổng đi vào. Một tay y cầm quyển sổ, một tay cầm cái bút, tất tả đi vào giữa sân. Y chỉ tay vào chỗ 2 – 3 người đang đứng sớ rớ trên hè, quát to:

- Vào gọi trật tự ra đây.

Một tiếng dạ thật sốt sắng, rồi một người nhanh nhẩu đi về phía cuối trại, trong khi tên cán bộ quay lại phía tôi. Cái nhìn của y thật sỗ sàng, hách dịch để tỏ quyền uy. Có lẽ vì tôi vẫn còn ngồi yên trên bọc quần áo, mà lẽ ra phải đứng dậy, khi thấy y đến. Vì vậy, với vẻ hằn học y quát:

- Mở bọc quần áo ra, để kiểm tra!

Thấy thái độ của y như vậy, mặt tôi cũng lạnh lùng, không nói một lời. Ngồi xịch ra, tôi cúi xuống loay hoay cởi chiếc bọc. Cũng chẳng có cái quái gì, vài bộ quần áo, một chiếc màn cá nhân Phúc "Thổ" và Thọ "Lột" các cậu ấy chuẩn bị

cho từ dưới Hỏa Lò. Khi tôi đã mở tung bọc quần áo để rải ra sân, y hất tay lên người tôi:

- Cởi cả quần áo ngoài!

Tôi hơi cau mày, vì trời rét lại ở ngoài sân, thì cũng là lúc mắt tôi chợt nhìn thấy tên trật tự. Tay y xách một cái hộp gỗ con đang từ phía trong tiến ra, dáng dấp thật quen thuộc. A, tên Tân, Phạm Huy Tân. Tên chó chết đã ăn cả vỏ chuối; đã gạ đổi thuốc lá lấy cơm của tôi ở buồng số 4 xà lim II, Hỏa Lò. Đã gần 5 năm rồi, lúc này trông y mập ra. Hai con mắt của y, hình như lồi ra hơn, có rất nhiều những tia máu đỏ, nổi gân ngoằn ngoèo trên tròng trắng. Mãi đến lúc y đến sát chỗ tôi, và khi tên cán bộ bảo y khám thật kỹ; đóng dấu vào hết quần, áo tư trang của tôi, thì mắt y chợt sáng ra một chút, rồi trở lại lạnh lùng ngay. Tôi đã hiểu, y đã nhận ra tôi. Ngay từ nãy, y cứ nhìn chằm chặp vào miệng tôi, chỗ 3 chiếc răng gẫy hàm dưới với đôi mắt vừa như băn khoăn, vừa như lạ lùng. Y ngờ ngợ là phải, vì khi tôi và y ở buồng số 4 xà lim II thì răng tôi đâu đã gẫy.

Tôi trù trừ đắn đo một lúc rồi, cũng đành phải cởi áo và cởi quần ra. Sau khi nắn nót, lục xét từng ve quần, xống áo, y lấy con dấu bằng gỗ có hai chữ "cải tạo" to tướng, dầm vào một cái khay đựng hắc ín đen xì. Tôi đã thấy cái ác ý của y là dầm thật đẫm hắc ín, rồi mỗi ống quần một dấu; áo thì một dấu phía sau lưng và hai dấu, hai bên vạt phía trước. Hắc ín đẫm đến nỗi, thấm cả sang những lần vải không đóng. Chỉ cái mùng cá nhân con mà nó đóng đến 8 cái dấu. Hắc ín đen nhẻm, nhớp nhúa hết đống quần áo. Mặt nóng lên bừng bừng, tôi định cho nó gục ngay xuống đó. Nhưng tôi nhìn tên cán bộ và khung cảnh của trại giam, một niềm nhẫn nhục đã đè xẹp nỗi uất hờn vào tim. Ngay khi còn từ Hỏa Lò, tôi đã hiểu tên Tân là một loại tiểu nhân, đồng thời còn là loại Zoóc (ăng ten trong Nam) nổ lực nhất nữa. Vậy từ nay tôi sẽ chờ, khi có điều kiện hợp lý để giải quyết với nó.

Tuy trong lòng tôi đã có chủ trương như thế, nhưng khi tên Tân đứng lên, xách hộp đóng dấu mang đi, vẫn còn phải tránh ánh mắt, có lẽ hãy còn nhiều lửa của tôi.

Chương 4

Người Xưa Mới Thật Là...Người Xưa

Nhớ lại khi nãy nghe tên cán bộ hỏi tên Tân thì hôm nay là ngày 15 tháng, như vậy chỉ còn 15 hay 16 ngày nữa là đã Tết rồi. Tụi cán bộ Hỏa Lò để vừa đúng 15 ngày, hết hạn chống án, chúng đã vội vàng giải tôi đi ngay. Mà chỉ đi có một mình.

Giòng tư tưởng của tôi còn đang chảy dài về Hà Nội xa xôi thì tên cán bộ đã hối thúc:

- Ôm quần áo về buồng rồi hãy xếp!

Rồi y chỉ chiếc chiếu con và một chiếc chăn đơn đã nửa mục, khi nãy tên Tân đã mang đến:

- Chiếc chiếu và chăn kia phát cho anh. Phải triệt để bảo quản tài sản xã hội chủ nghĩa.

Mặc y nói, tôi cắm cúi túm vội bọc quần áo, rồi ôm chăn, chiếu đi theo y về phía căn nhà nằm ở giữa. Tay ôm bọc quần áo, nhưng mắt tôi đã bị mấy luống hoa dài, nằm dọc theo phía trước hè của mấy căn nhà cuốn hút. Nhìn thoáng qua những cánh hoa bách hợp, cúc đại đóa đang lắc lư, rung rinh theo từng làn gió nhẹ như đón chào, đã làm cho tâm hồn tôi giãn nở ra, bâng khuâng một vài giây trong cái dồn dập của buổi ban đầu đến trại.

Tôi theo tên cán bộ bước hẳn vào trong buồng. Căn nhà, trông hun hút thật dài, sàn trên, sàn dưới bằng gỗ để mộc, làm dọc theo hai bên vách nhà, để chừa ra một lối đi ở giữa nhà rộng chừng 2 mét. Cả buồng trống trơn, sàn dưới chỉ có 2 người nằm đắp chăn ở trong góc đang vội vàng bò dậy. Tên cán bộ chỉ cho tôi một chỗ ở sàn dưới, phía bên trong, gần ngay cửa ra vào. Tôi vừa để bọc quần áo và chiếc chiếu xuống sàn, y đã đưa cho tôi 2 tờ giấy in sẵn, nghiêm giọng:

- Từ ngày mai, đi lao động theo toán, nhưng tối về phải học thuộc 4 tiêu chuẩn cải tạo, 10 điều nội quy và 12 điều nếp sống văn hóa mới này. Trong một tuần, tôi sẽ gọi lên sát hạch, nếu không thuộc, anh sẽ chịu trách nhiệm.

Ngỡ ngàng, xốn xang với nhiều thứ mới, nên cho tới khi tên cán bộ đã ra rồi mà tôi vẫn còn ngồi ghệ vào mép sàn như bất động. Tay tôi vẫn còn mân mê 2 tờ giấy, mắt nhìn khắp căn buồng. Hai anh ở trong góc bây giờ đang lúi húi hút thuốc lào ở chỗ chiếc đèn con dưới gầm sàn. Kiểu chiếc điếu nứa này thật lạ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Nó có một chiếc nõ dài nghêu đến gần một gang tay. Tôi mỉm cười chào, khi 2 anh cũng vừa cười vừa tiến lại phía tôi. Một anh chừng 40 tuổi, dáng cao gầy cất tiếng khàn khàn hỏi tôi:

- Anh mới bị bắt vào?

Thấy tiếng anh trọ trẹ không rõ, tôi chỉ gật đầu và hỏi lại:

- Anh không đi lao động?

Xịt mũi mấy cái rồi anh từ từ:

- Hôm qua tôi có cái bệnh sốt!

Chỉ trả lời mấy tiếng mà anh cứ ngập ngừng, lúng túng mãi, tôi hỏi ngay:

- Anh tên gì?

- Tôi là Lý A Chén và anh này là Sín Cà.

Vừa nói anh vừa chỉ anh kia, đứng phía sau. Giữa lúc này thì đột nhiên nghe có tiếng ồn ào, sùng sục như chạy giặc ngoài phía cổng trại.

- Trại đã về!

Anh Chén vẻ nhớn nhác nói xong, rồi cả 2 anh hấp tấp về chỗ nằm đắp chăn như những người đang bệnh. Sau đó là những bước chân chạy rầm rập, đầy người chen chúc nhau vào buồng. Tiếng vất nón, ném áo tơi, tiếng bát nhôm, bát sành cọ xát, tiếng gầu tôn, thùng gỗ chạm nhau; tiếng chân chạy thình thịch, lẫn với những tiếng gọi nhau í ới buồng này với buồng kia. Tôi cứ ngồi ngây ra, mắt mở to nhìn một cảnh đời tất bật, lam lũ, lầm than. Hầu như ai cũng quần áo rách và nhem nhuốc, chỉ dăm ba người hoặc có chiếc quần lành hay áo không vá còn tươi mầu tro xậm.

Sau này tôi mới hiểu: Một năm trại phát cho mỗi người 2 bộ quần áo. Phần vì sợi vải tạp không được bền, phần khác, lao động nặng nhọc quần quật với gió mưa, với mồ hôi, bùn đất nên chỉ 3-4 tháng là đã mục rách rồi. Cho nên ai cũng phải biết vá đụp cho lành nhất là vào những vụ Đông hàn. Cũng do khả năng và ý thích của mỗi người khác nhau, nên rất nhiều kiểu mũ, áo chằng đụp đủ mầu để che đầu, che tai.

Tôi đang ngẩn ngơ nhìn cảnh người chạy ngược xuôi vội vã trong nhà cũng như ngoài sân thì một bóng người mặc cái áo bông tã mầu nâu đất, to xù xụ. Chân anh đi dép râu dính đầy bùn, trèo lên sàn ngay cạnh tôi, để lấy 2 cái bát sắt to, tráng men mầu lá chuối non, cóc đã gặm nham nhở trên cái kệ phía trên đầu nằm. Tôi hơi ngỡ ngàng khi thấy anh chột một mắt. A, à Phan Thanh Vân đây mà! Trung úy phi công C47, trong điệp vụ máy bay bị bắn rơi ở Cồn Thoi, Ninh Bình năm 1960. Cũng là lúc mắt anh mở to nhìn tôi không chớp, nhưng có lẽ những thúc hối của việc cơm nước nên anh chỉ nói vội vàng:

- Tối vào buồng chúng mình sẽ nói chuyện.

Rồi hấp tấp, anh mang 2 cái bát sắt chạy ra sân. Tuy anh đã đi rồi, mà tôi vẫn còn băn khoăn ngạc nhiên. Lúc nhanh lại ký ức đầy hình ảnh xưa. Không! Chỉ có tôi mới biết về Vân, chứ Vân chưa hề biết về tôi. Do đấy, mai đây tôi sẽ phải làm sáng tỏ điều băn khoăn này của tôi.

Mãi lúc này mới thấy một anh chừng 40 tuổi, tay cầm một tập sổ sách vào buồng. Cởi chiếc mũ trùm tai, vất xuống chỗ sàn nằm ngay cạnh cửa ra vào, anh quay lại cười, chào tôi và niềm nở:

- Tôi là Lân, toán trưởng mà cũng là buồng trưởng. Anh có gì đựng cơm, canh đem ngay ra cho họ chia?

Lúng túng ra mặt, tôi làm gì có bát đĩa. Ngay lúc ấy, một anh ở sàn trên phía đối diện, cúi rạp người thò xuống một cái rổ con, bé như cái bát to:

- Tạm thời, cho anh mượn cái này để đựng cơm.

Chưa biết anh là ai, tôi chỉ biết giơ tay đón nhận tình anh và mỉm cười tỏ ý biết ơn. Anh Lân dẫn tôi ra sân, đến một chỗ túm tụm 9 -10 người đang đứng vây quanh 9 -10 cái vừa bát, rổ, rá con và một soong nhôm cơm ngô xay vàng ươm (hạt ngô xay vỡ thành nhiều miếng như tấm) đặt cả xuống nền sân đất. Một anh đang cầm cái môi con làm bằng một mảnh gáo dừa. Nhẹ nhàng, anh xúc từng môi cơm vào một cái bát nhôm, rồi đặt vào một cái cân do một anh đang cầm điều chỉnh. Cái cân thật đơn giản nhưng lại thật bén nhậy, chỉ vài hạt cơm hơn, kém đã thấy khác rồi. Nó chỉ là một chiếc que gỗ vót tròn, giùi 3 cái lỗ, khắc vài chỗ làm dấu nhất định, vài sợi dây và một hòn đá hay miếng gạch con là được rồi.

Khi anh Lân dẫn tôi đến nơi thì mấy người đều quay nhìn ra. Anh Lân quay lại cầm cái rổ ở tay tôi đặt xuống sân cạnh những bát khác. Tay anh chỉ vào con số viết bằng phấn ghi ở cạnh cái soong nhôm cơm:

- Anh Đồng, đây là anh Bình mới nhập trại, cùng ăn mâm của anh. Số soong ghi là 11 đấy!

Một vài anh quay lại mỉm cười với tôi như chào rồi lại tập trung mắt vào cái cân cơm. Bỗng một anh kêu tướng lên:

- Có chết cha người ta không chứ! Từ nãy, mình cứ đinh ninh 10 suất như mọi khi. Thấy soong cơm đầy, mình cứ lẩm nhẩm tạ ơn đảng, ơn bác mãi. Bây giờ thì xin rút!

Chỉ một mình anh nói, mọi người mặt vẫn lạnh lùng, không một ai hưởng ứng. Một vài ánh mắt rụt rè liếc về phía tôi. Anh Lân lại kéo tôi sang một đám bên cạnh cũng có 10 cái bát vừa nhôm, vừa sành đủ loại, Một soong nhôm canh, rau và nước đen sì, nhìn mãi mà tôi chưa hiểu là canh gì. Cho đến khi, một anh gắp từng miếng vào từng bát, tôi mới biết là lá rau cải bắp già. Nhưng không hiểu họ nấu với muối hay mắm gì mà lại có mầu đen. Anh Lân lại lên tiếng:

- Anh Bình đây chưa có bát đĩa, ai có tạm thời cho anh mượn bữa nay?

Một anh còn rất trẻ, chỉ chừng 20 hay 21 tuổi là cùng, quay lại vồn vã kéo tay tôi theo anh vào buồng. Anh trèo lên sàn trên, lấy cho tôi một cái rá con tí xíu đã bục rách một bên cạp. Anh lục mãi trong bọc lôi ra một miếng ny lông xám đã cũ, nhẹ nhàng khéo tay, anh lót vừa vào chiếc rá để đựng canh. Tôi được biết tên anh là Toàn. Trong lúc trở ra chỗ chia canh, Toàn hỏi khẽ:

- Anh ở đâu đến?

- Hà Nội.

Toàn ghé gần vào tai tôi thì thầm:

- Em ở Thái về 1956.

Tôi đang định hỏi tiếp thì nhiều người ở phía mâm cơm đã hối hả giục:

- Mau lên còn vào buồng chứ!

Chương 5

Một Mảnh Đời Tù

Sau khi đã đặt cái rá lót ny-lông xuống sân để lấy canh, tôi đưa mắt nhìn rãi ra chiếc sân trại dài. Đầy sân, lố nhố chừng mươi người một nhóm, ồn ào, xôn xao, như đang mổ bò lúc làng vào đám. Chợt có tiếng huỳnh huỵch, ầm ầm ở gần bụi nứa phía cuối hội trường, ngay dưới cái khẩu hiệu dài nền trắng, chữ đỏ choét: "Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Một anh chừng 40 tuổi thấp lùn, và một anh chừng 30 tuổi gầy nhỏng. Cả hai đang trợn trừng mắt chồm vào nhau để thoi, trong khi tên trật tự Tân đang cầm cái roi, phải nói là cái gậy vì bằng một đoạn song dài đến một thước, đang chạy từ phía nhà bếp đến.

- Mày qua mắt anh em sao được. Đã nhiều lần rồi, mày cứ xúc cơm trên đã bốc hơi cân cho bát của mày. Cơm dưới hoặc vừng, tảng còn ướt thì mày cân cho người khác. Lưu manh, lưu manh chính trị!

Anh thấp lùn đang choi choi xỉa tay về phía anh gầy, hổn hển nói từng lời ngắt quãng. Anh gầy cũng chẳng vừa. Anh dề cái miệng, cong cái môi nhọn ra như môi con heo nái:

- Im mẹ cái mồm đi! Cứ làm ra cái vẻ trí thức, mồng 2/9 vừa qua đứa nào bưng soong thịt của toán từ nhà bếp lên, bốc thịt bỏ túi? Trí thức vét phân!

Tên Tân vừa chạy đến nơi, thấy không còn đánh nhau nữa. Dù vậy, có thể muốn chứng tỏ cái quyền uy của một người trật tự, y dứ dứ cái roi song về phía 2 người còn đang cãi nhau:

- Các anh là con người hay con vật? Miếng ăn mà cũng hục hặc đánh nhau!

Nghe tên Tân mắng 2 người, tôi liên tưởng tới thời gian y ở buồng số 4, xà lim II dưới Hỏa Lò Hà Nội, tới cái bánh chưng tới điếu thuốc. Một nỗi đầy vơi, khắc khoải với trò đời đen, trắng đang rỉ dần ra trong lòng tôi. Khi có những cảnh đời tốt đẹp, người ta thường dễ quên những ngày tối tăm, khổ đau của họ. Cảnh sôi động huyên náo như vậy

mà chỉ 15 – 20 phút sau lại im phăng phắc, vì lúc này cơm, canh đã chia xong. Tùy theo chỗ dăm người, chỗ 3 người hoặc một mình, tìm một nơi riêng biệt để tận hưởng của ngọc thực ông trời đã ban cho loài người.

Một tay cầm chiếc rổ cơm, một tay cầm cái rá con đựng canh, tôi đang ngơ ngác, lúng túng để tìm một chỗ ngồi thì Toàn giơ tay vẫy vẫy tôi. Toàn đang ngồi ăn một mình trong một cái bàn khuất nẻo phía mấy tấm bảng đen trong nhà hội trường. Hội trường, hay cũng gọi là nhà ăn. Tuy có bàn ghế, nhưng trời mùa Đông, mới 5 giờ trong nhà đã mờ mờ tối nên đa số anh em thường trải những mảnh chiếu rách ngay ngoài sân ngồi ăn với nhau. Chỉ có một số người vì không có chiếu, hoặc thích ngồi trong bóng mờ để tìm cái thú vị trong cái ăn mới mò vào hội trường.

Tôi đã đặt cơm canh lên bàn. Tôi liếc nhìn đây đó tìm cách để ăn vì không có thìa, đũa thì Toàn đã moi trong chiếc túi con một cái cùi dìa bằng nhôm đã gãy cán, đưa cho tôi giọng niềm nở:

- Hãy dùng tạm cái này ăn rồi mai kia sẽ kiếm.

Tôi hơi xúc động đón nhận niềm dạt dào tình người của Toàn. Sau một vài câu chuyện thăm hỏi, Toàn lại ghé gần tai tôi vẻ thân tình:

- Anh Bình hãy dè dặt, thận trọng, ít ngày nữa anh sẽ hiểu.

Rồi Toàn thấp giọng nói như thì thào:

- Coi chừng Phan Thanh Vân nằm cạnh anh.

Tôi khẽ gật đầu và nhìn Toàn bằng ánh mắt đã hiểu ý. Ngay từ lúc mọi người đi lao động về, giữa biết bao nhiêu người tôi đã trông thấy hoặc đã gặp, có những ánh mắt nhìn tôi vừa như tò mò, soi mói, vừa như muốn làm quen. Nhưng hình như họ bị một áp lực chìm lắng nào đó để rồi những ánh mắt ấy vừa chợt sáng, nụ cười vừa động đậy, đã rút lại ngay nghiêm nghị lạnh lùng. Qua những phút trao đổi của buổi mới gặp, tôi biết sơ qua là Toàn năm nay 23 tuổi. Lúc 9 – 10 tuổi, Toàn theo bố mẹ về nước. Vì có họ hàng thân nhân ở Hà Nội nên bố mẹ Toàn được nhà nước cho về sinh sống ở Ngọc Hà, vùng ngoại ô. Toàn đã đi học nhiều năm dưới mái trường xã hội chủ nghĩa. Nhưng qua những năm tháng, dần dần đời sống của gia đình càng khó khăn khổ cực. Ngay ăn uống hàng ngày cũng bữa đói, bữa no nên Toàn càng chán nản không thể học hành được nữa. Hơn nữa cuộc bắn phá của máy bay Mỹ cũng càng ngày càng ác liệt.

Chiến tranh và cuộc sống đã giằng co, kéo đẩy để Toàn cùng một người bạn nữa cũng ở Thái Lan về; rủ nhau tìm cách vượt biên bằng đường bộ, qua Lào trở về Thái. Sau bao nhiêu khó khăn nguy hiểm, khi tới biên giới Lào Việt thì không may bị bắt. Người bạn kia phải đi trại giam khác. Riêng Toàn, bị giam ở Hỏa Lò, Hà Nội 6 tháng rồi đưa lên trại trung ương số I Lào Cai và được chuyển ngay về phân trại E này từ đầu 1965. Toàn cũng bị án lệnh tập trung cải tạo 3 năm, đến nay đã quá hạn hơn 6 tháng rồi. Giai đoạn này Toàn tỏ ra rất bất mãn.

Toàn thích tâm sự thì tôi ngồi vừa ăn vừa nghe, chứ trong lòng tôi cũng đang rối bời với bao nhiêu lắng lo cho những ngày tới của cuộc đời. Suất cơm ngô tuy chỉ khoảng 2 bát cơm ở gia đình nhưng sau khi ăn xong, mắt tôi mới nhìn cảnh vật được rõ ràng. Quá mệt và đói từ sáng sớm tới bây giờ! Mãi lúc này tôi mới để ý nhìn 2 bông hướng dương to như 2 cái bát chiết yêu ở ngay đầu luống trước cửa buồng tôi. Mắt tôi cứ đăm đăm hướng về những đóa hoa vàng tươi mơn mởn đang đong đưa nhún nhẩy dưới mưa bay căng phồng sức sống đương thì. Chập chờn tôi gửi hồn về miền xuôi Hà Thành lẩn quất với dáng hình ai buổi sáng sớm hôm nay, thì một hồi kẻng rổn rang lên lanh lảnh làm rung rinh những ngọn nứa già đang lắc lư xào xạc với gió chiều.

Tiếng ồn ào lại réo lên như nồi cơm sôi già lửa. Mỗi người, mỗi nhóm tráng rửa qua thìa, đũa, bát bằng nước chứa

trong những chiếc gầu tôn hoặc gỗ. Để kịp thời gian, ai cũng phải xuống chiếc giếng phía cuối nhà bếp lấy nước về trữ sẵn ngay từ lúc đang chia cơm. Tuy ai cũng ghé xuống chiếc rãnh giọt gianh cạnh hội trường để rửa, dưới rảnh vẫn sạch trơn, chẳng hề có một hạt cơm hay cọng rau nào; cho nên vẫn không vi phạm điều nào trong 12 điều nếp sống văn hóa mới.

Sau hồi kẻng dứt là mọi người ở buồng nào vội vàng, đôn đáo vào buồng ấy; thứ tự ngồi hàng đôi. Theo quy định, người nằm sàn dưới ngồi phía trong, người nằm sàn trên thẳng chỗ, xuống ngồi phía ngoài. Mọi người đều ngồi xếp chân bằng tròng, thẳng lưng, hai tay để hai bên đầu gối; yên lặng, không một tiếng rì rầm.

Tên Tân xách chiếc đèn bão theo sau tên trung sĩ lúc sớm khám tư trang của tôi. Bây giờ tôi đã biết tên hắn là Cẩn, Chu Huy Cẩn, cán bộ trực của phân trại E. Y là người dân tộc thiểu số. Chẳng hiểu y có dính dáng gì với tên tướng Việt Cộng Chu Huy Mân hay không? Một tay y cầm cuốn sổ điểm và chùm chìa khóa, một tay cầm cái bút. Khi tới trước cửa buồng, tên Tân đứng lại, tên Cẩn bước vào. Y thẳng đứng người, bước những bước đều nhau theo hướng phải. Mỗi bước chân là một đôi, y đi vòng chung quanh cái lối đi ở giữa nhà. Những lúc phải bước ngoặt sang phía trái hay phải, y đều xoay gót chân theo đúng tác phong quân sự.

Khi quành ra tới cửa, trong lúc y hý hoáy ký vào sổ trực, thì tên Tân đóng 2 cánh cửa lớn, khóa rồi chốt then ngang, bằng một súc cây bản 5 phân, 10 phân dài ngang qua cả hai cánh cửa.

Trong buồng, dù có một ngọn đèn bão thòng dây treo lủng lẳng ở giữa nhà nhưng ánh sáng chỉ mờ mờ, nhiều chỗ tối, chả nhìn rõ mặt người.

Chương 6

Sinh Hoạt Tổ, Toán

Sau khi điểm xong, anh Vân quỳ lên (sàn trên, sàn dưới cách khoảng 1 mét 50, đứng lên không đủ) cứ lục đục sắp xếp quần áo với cái túi bát đĩa của anh trên cái kệ. Chiếc kệ gỗ làm dọc theo sát vách phía dưới của gầm sàn trên. Kệ đó ngay trên phía đầu nằm dùng để chăn màn, quần áo và những thứ vặt vãnh của mình. Mỗi người cũng được một khoảng dài 70 phân, bằng chiều rộng của chiếc chiếu mình đang trải nằm ở dưới sàn. Mãi một lúc lâu, Vân mới ngồi xuống, quay lại từ tốn. Giọng anh vẫn còn pha giọng miền Nam:

- Bình từ Hỏa Lò lên, đi cả ngày chắc mệt lắm?

- Lúc sớm, chứ bây giờ thì đã đỡ rồi!

Tôi vừa cười nhẹ, vừa trả lời. Để có "thượng phong" khi sớm Vân đã tỏ ra như đã biết rõ về tôi, tôi ghé sát gần Vân, hạ giọng:

- Vân chưa biết gì về tôi, chứ tôi đã biết về Vân hơi nhiều và... đã lâu.

Trong bóng tối mờ, một mắt của Vân mở to, long lanh đầy vẻ lẳng lo lẫn ngạc nhiên. Anh hỏi hơi gấp:

- Anh biết về tôi thế nào?

Vân chưa nói hết câu, tôi đang được cái thích thú đã "trộ" ngược lại Vân thì anh Lân phía sàn bên kia, vừa kéo một

điếu thuốc lào xong đứng ra giữa nhà nói to:

- Đề nghị các anh toán 2, hút thuốc rồi vào sinh hoạt tổ ngay để nghỉ sớm.

Tiếp theo đó, một anh có cái thân hình ngũ đoản. Đặc biệt có đôi môi dầy xám ngoét, cong tớn bọc lấy mấy chiếc răng cưa mốc thếch hô ra, to như những con nhộng tằm. Anh chừng 40 tuổi, tôi đã biết anh là Đinh Khắc Sản, do Toàn chỉ cho tôi khi còn ở ngoài sân. Anh ngồi từ trong sàn dưới phía cửa, thò đầu ra chỗ sáng nghễnh cổ, cao giọng nhưng vẫn khàn khàn như vướng đờm trong cổ:

- Tôi cũng đề nghị các anh toán 3 hút thuốc rồi ta sinh hoạt sớm.

Cả buồng lại ồn lên như một động cơ máy nổ lúc mới khơi động. Chỉ sau một, hai phút, các dáng hình đen thẫm tản mạn sàn trên, sàn dưới đã vón tồ lại từng cục rải rác khoảng cách đều nhau ở sàn dưới. Mỗi cục, tùy theo mươi hoặc mười lăm người là một tổ.

Từ lúc vào buồng tôi đã hơi có khái niệm: Hiện nay tôi ở toán hai, là toán làm một thủ công do anh Lân làm toán trưởng. Toán này có 4 tổ gồm tất cả là 49 người. Toán 3 là toán xẻ gỗ do anh Đinh Khắc Sản làm toán trưởng. Anh có cái dáng dấp là một anh trương tuần ở nông thôn, mà tôi vừa nói đến ở trên. Tuy trong thực tế, trước đây anh là con một ông chánh tổng ở Phùng (Sơn Tây). Toán 3 chỉ có 2 tổ xẻ gỗ và một tổ rèn gồm 45 người. Toán xẻ này, động tác nghề nghiệp đơn giản; chỉ có kéo xẻ bằng tay, nên không phức tạp, rắc rối như bên toán làm mộc.

Như vậy, buồng số 2 (tức buồng ở giữa) tổng số là 95 người, kể cả tôi mới nhập. Do thế, toàn thể phân trại E tôi đã có thể dự đoán xấp xỉ trên dưới 300 người; sống âm thầm ở một nơi khuất nẻo sâu mãi trong rừng già.

Thì ra Phan Thanh Vân là tổ trưởng, tổ II của toán 2. Họ ngồi quây tròn, sinh hoạt ngay sát chỗ tôi. Riêng tôi, vì chưa được phân bổ về tổ nào nên đem mấy tờ nội quy, tiêu chuẩn cải tạo ra đọc. Thực ra tâm tư của tôi lúc này cũng đang bồng bềnh, chìm nổi với bao nỗi niềm ngược xuôi của một kiếp tù. Tôi chỉ muốn những phút vắng lặng, nằm yên hay ngồi trầm lắng để lần giở da diết cõi lòng. Vậy mà những lời phát biểu của cái tổ II ở bên cạnh cứ ngoáy, chọc vào lỗ tai của tôi.

Tiếng của Phan Thanh Vân reng rẻng cố ra vẻ nói tiếng Bắc nhưng nhiều chỗ vẫn te te, cà cà của miền Nam:

- Hôm nay tổ ta cũng sinh hoạt như thường nhật. Hiện nay, tổ mình có nhận của toán một kế hoạch nhỏ là hoàn thành 50 giường cá nhân, thời gian ấn định là 15 ngày. Nhưng trong đợt thi đua lập thành tích góp phần cùng cả nước chào mừng nhân dân ta anh hùng đã hạ 2000 máy bay của giặc Mỹ xâm lược. Tổ ta sẽ hạ quyết tâm, ra sức phấn đấu vượt chỉ tiêu 3 ngày. Như chúng ta đều hiểu: Lao động là phản ảnh của tư tưởng. Muốn lao động tốt, đạt được hiệu quả cao thì phải có tư tưởng tốt. Vậy anh em hãy xoáy mạnh vào vấn đề tư tưởng trong buổi sinh hoạt hôm nay.

Vân đã phát biểu xong, miệng hãy còn tóm tém. Cục hầu ở cổ chạy lên, chạy xuống mấy cái, có lẽ nuốt nước bọt vì Vân vừa nói hơi dài. Một con mắt của Vân ngó nghiêng, chớp chớp như một bên mắt của con gà mái đang mắc đẻ. Anh lướt nhanh một vòng như thúc giục, cổ vũ trong tổ phát biểu ý kiến. Gần một phút chết, nặng nề với những nét mặt đăm đăm, đắn đo nhìn nhau như dọ dẫm, đợi chờ. Bỗng một anh giơ tay cao nói rất đanh:

- Tôi có ý kiến!

Trong bóng mờ, tôi nhớ không lầm, chính anh này lúc chiều chia cơm đã phát biểu "biết ơn đảng và bác". Vân, nét mặt đang nặng nề tươi lên roi rói:

- Hoan nghênh anh Khải, người nổ phát đầu hôm nay. Xin anh phát biểu!

- Tổ tiên mình đã dạy: "Có thực mới vực được đạo". Tôi muốn một người làm việc bằng hai, bằng ba lắm. Nhưng nếu muốn cho cái máy nó chạy 10 giờ thì dầu phải đổ đủ 10 giờ, nếu chỉ đổ cho 6 giờ thì 4 giờ nữa máy làm sao chạy?

Môi anh Khải vừa dề xuống để ngắt câu, mắt ai cũng loáng sáng lên như ngọn đèn cạn dầu được đổ thêm. Chứng tỏ, ai cũng thấy sướng cái tai nghe anh Khải phát biểu như thế. Nhưng chỉ một thoáng rất nhanh, nét hân hoan như ánh đèn pin lướt qua trong đêm tối rồi tắt ngủm. Mắt họ lại sầm xuống lộ dần lên nét phản đối. Họ đều nhao nhao lên, 3 người giơ tay xin phát biểu ý kiến.

Mặt Vân cũng đã bốc máu hồng. Anh chỉ tay vào một bác có đôi tai to như ông địa, chỉ có khác là cái mặt quá dài và hai bên má hõm vào nên hàm răng càng vẩu ra:

- Mời bác Chánh phát biểu trước!

Ông Chánh hơi dướn người lên, liếc nhanh khắp lượt rồi quay về phía anh Khải, giọng miền Nam đặc sệt:

- Ngay từ đợt tổng kết cuối năm vừa qua, anh Khải đã nhiều lần phát ngôn bừa bãi. Cụ thể nhất, anh ta mới được tha kỷ luật ra mươi ngày trước đây. Nhưng anh vẫn chưa gột rửa được những tàn tích phong kiến trong bộ óc đã đen kịt, cáu rỉ của anh, nên anh nhìn sự việc chỉ một chiều, cục bộ. Trong khi cả nước mọi người như một vì miền Nam ruột thịt. Anh lại cũng không nhìn thấy bao nhiêu anh em đồng phạm khác làm và đã làm nhiều hơn anh mà không hề kêu đói. Họ vẫn hăng say lao động để tạo ra nhiều của cải vật chất cho trại. Trên quan điểm khắc phục mọi trở ngại khó khăn, họ xả thân thi đua trong phong trào "một người làm việc bằng hai" để góp phần cùng toàn dân đánh thắng tên đầu sỏ đế quốc Mỹ thì anh Khải vẫn lẩn quẩn trì trệ. Tôi thấy đây là chỗ khúc mắc tư tưởng của anh Khải, đề nghị tổ phải mổ xẻ để giúp đỡ anh.

Không khí tổ II căng lên. Trong khi các tổ khác cũng đang có nhiều anh phùng mang, trợn mắt; tay chân hất lên, hất xuống say sưa phát biểu. Tôi cố cúi xuống đọc bản "12 điều nếp sống văn hóa mới" mà tôi chả hiểu gì cả. Mặt chữ cứ hoa lên nhẩy chồm chồm vì bầu không khí ngột ngạt, đầy những tranh giành, cấu xé lọc lừa nhau trong buồng đã lôi cuốn hết tâm trí của tôi rồi. Nỗi ưu tư càng lúc càng tràn ắp lòng tôi.

Mãi hơn một tiếng đồng hồ sau, anh Nguyễn Huy Lân, toán trưởng từ trong một tổ phía góc buồng lại đứng ra giữa nhà cao giọng:

- Hôm nay chỉ sinh hoạt thường lệ của tổ, đề nghị các anh tổ trưởng ghi nhận những vấn đề chính để ngày mai thứ Sáu sinh hoạt toán sẽ cùng đưa ra thảo luận. Bây giờ hãy tạm nghỉ!

Nhiều người ở những tổ của toán 2, sau khi nghe anh Lân tuyên bố đã đứng bật dậy vặn người, vươn vai làm cho toán 3 cũng giải tán dần. Đa số đều dồn ứ về phía nhà xí, chen chúc chờ vào tháo cống. Mấy chiếc điếu cầy, thi nhau rít lên như những tiếng kêu van, rên xiết của những kiếp người bất hạnh đang ngập chìm trong tăm tối lầm than.

Chương 7

Ân Tình Chiến Hữu

Mặc dù tôi đã được Toàn và một anh nữa chưa biết tên, khi gặp anh trong nhà xí đã nói nhỏ với tôi phải coi chừng Phan Thanh Vân. Tôi vẫn có chủ trương, tối nay hoặc những ngày tới phải hỏi chuyện Vân để biết rõ về quan điểm tư tưởng thực sự cũng như về điệp vụ chiếc C47 bị bắn rơi. Hơn nữa, còn một điều tôi vẫn băn khoăn từ sớm, vì sao mà Vân đã tỏ ra như đã biết về tôi rồi? Vì sao như vậy, thì tôi cần phải tìm hiểu. Thực ra chỉ có tôi biết về Vân trước là do một buổi sáng nghe đài ở Cấp (Vũng Tầu). Rồi, một ngày Chủ Nhật, khi tôi mới bị bắt vào Hỏa Lò nhìn thấy Vân ngồi ở gốc một cây bàng ở sân. Sau đó, tôi được chuyển về buồng 4, xà lim II. Trong một buổi tối nghe Vân đọc bản kêu gọi anh em binh chủng Không Quân lái máy bay vào vùng giải phóng theo cách mạng v.v… Vả lại, những ngày còn lang thang trên khắp các phố phường của Hà Nội, khi chưa bị bắt, tôi đã mua và đọc cuốn C47. Điệp vụ máy bay xâm nhập không phận miền Bắc bị bắn rơi ở Cồn Thoi, thuộc tỉnh Ninh Bình mà Cộng Sản đã xuất bản thành sách ở miền Bắc, nên lại càng biết rõ về Vân hơn.

Lúc này chả biết là mấy giờ. Nhìn ra bên ngoài qua cánh cửa sổ mở hé, trời đã đen kịt. Đột nhiên nghe tiếng léo nhéo, rè rè, nho nhỏ tiếng nhạc khởi đầu của đài phát thanh. Dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn bão, tôi nhìn lên chiếc loa nhỏ vuông vắn, bằng gỗ gắn liền vào vách phía trên cửa ra vào. Tôi đang lạ lùng, bần thần lắng nghe tiếng nói quá nhỏ của chiếc loa thì anh Lân buồng trưởng đã lớn tiếng dõng dạc:

- Đề nghị toàn buồng im lặng để nghe đài!

Sau tiếng nói của anh Lân, buồng đang râm ran, ồn ào bỗng im bặt. Chỉ còn những tiếng rầm rì thì thầm, chỉ đủ cho một người ngồi gần sát nghe. Giọng người con gái xướng ngôn viên nhỏ và rè quá. Tôi có cảm tưởng như cô ta đứng nói trong một cái tủ kín để xa tôi hàng chục mét. Tiếng đài nói nhỏ như thế, họa chăng chỉ có một số người nằm gần chung quanh phía cửa mới nghe được mà thôi. Anh Vân từ trong nhà cầu ra, ghé về chỗ. Sau khi tháo đôi dép râu ở chân, đút sâu vào gầm sàn, (sàn dưới cao hơn nền nhà chừng 30 phân) ngửng lên, thấy tôi đang nhìn anh. Hơi cười bằng ánh mắt, anh chỉ vào đôi dép của tôi dưới nền, thì thào:

- Bình hãy đút dép vào gầm sàn. Gót của dép vừa bằng mép sàn theo quy định.

Tôi liếc nhanh toàn buồng. Dưới gầm sàn dưới, dép được để đều đặn trong gầm sàn, thẳng tắp với mép sàn; vì thế, tôi khẽ gật, cúi xuống làm theo lời Vân. Nê vào bên trong phía đầu sàn, Vân quỳ lên lúi húi phía trên kệ tối mò vì không có ánh đèn. Lôi xuống một chiếc túi vải nâu, anh ghé nghiêng về tôi, khẽ nói:

- Ở đây còn nhiều điều quy định lắm, rồi Bình sẽ biết!

Vừa nói anh vừa dịch ra chỗ ánh sáng đèn (do ngọn đèn treo ở trên cao, giữa nhà nên sàn dưới chỉ có ánh đèn từ giữa sàn trở ra). Anh móc trong túi vải ra lủng củng một số thứ. Mãi tôi mới hiểu, khi anh mở đến một bọc giấy, trong có một nhúm thuốc lá sợi, mầu nâu xám. Mở một gói con có ít cơm ngô lúc chiều, anh nhặt từng hạt cơm riêng ra phết, dính. Sau đó, với một chiếc hộp gỗ con con, trong đó có mấy bộ phận đơn giản: Chỉ một tí anh đã cuộn được một điếu thuốc lá bằng giấy rơm mỏng, vàng khè mà anh đã cắt sẵn từng tệp. Dùng chiếc kéo con, nhẹ nhàng anh cắt những sợi thuốc thừa ra khỏi hai đầu giấy. Tôi đang mở to mắt theo dõi anh làm thì anh đã giơ điếu thuốc đầu tiên vừa cuộn xong về phía tôi. Một mắt của anh chớp chớp, miệng anh mấp máy:

- Bình hút thử xem!

Tôi vừa cảm ơn, nhận điếu thuốc anh mời, thì anh Lân từ sàn đối diện vừa mỉm cười, vừa tiến lại chỗ tôi và Vân. Dịch vào phía trong để chỗ cho anh ngồi, mắt tôi vừa thoáng nhìn đây đó trong ánh đèn không đủ sáng. Sàn trên,

sàn dưới có nhiều con mắt đang hướng về phía chúng tôi. Ngay sàn trên, phía đối diện, Toàn và anh Đồng đang ngồi trùm chăn nhìn xuống, Vân cũng cầm một điếu thuốc lá đã cuộn rồi đưa cho anh. Lân vừa lơ đãng giơ tay cầm điếu thuốc, vừa quay sang tôi vồn vã:

- Sáng mai, Bình đi làm theo toán 2. Khi ra lán sẽ tùy theo cán bộ toán phân bổ công việc.

Anh hạ giọng nói tiếp:

- Bình án hay tập trung?

Tôi đang nhăn mặt nhả làn khói thuốc, mà tôi thấy đắng và khét lẹt; còn hăng hăng như nhai ớt. Hơi ngỡ ngàng chưa hiểu ý Lân thì Vân đã giải thích:

- Án là đem ra tòa xử, còn lệnh tập trung cải tạo 3 năm thì không có án.

Chợt hiểu, tôi trả lời hơi đắn đo:

- Án tôi 18 năm, và 5 năm mất quyền công dân.

Cả hai đều nhìn tôi đăm đăm. Anh Lân phà hết khói thuốc, hơi nheo mắt hỏi tiếp:

- Xử ở đâu, đã lâu chưa?

- Hà Nội, mới nửa tháng trước đây!

Trong khi anh Lân đang nói về người tập trung thì tiêu chuẩn mỗi tháng là 13 đồng, còn có án thì chỉ 12 đồng. Vì thế, tù tập trung mỗi tháng được lĩnh phụ trội 1 đồng, thì cái tên "Lân" đã làm óc tôi chợt gợi lại câu chuyện toán Boone biệt kích mà tôi đã nghe từ dưới Hỏa Lò. Để thăm dò, hơi ngập ngừng, tôi hỏi anh Lân:

- Xin lỗi, anh họ gì?

- Nguyễn, Nguyễn Huy Lân!

Vừa trả lời, anh vừa quay hẳn lại nhìn tôi; mắt anh đổi mầu vàng vẻ dò hỏi. Tôi đã ngạc nhiên đến ngỡ ngàng. Chẳng lẽ thằng Long Châu Sa nói, đây là chuyện có thật ư? Để chắc chắn là sự thực ở ngay trước mặt tôi, nên tôi hỏi ngay:

- Phải anh là toán trưởng toán Boone biệt kích?

Đến lượt Lân, mắt anh nhìn tôi tưởng đến lồi hẳn ra rồi gật đầu. Cả một cái cảnh buổi sinh hoạt đấu tố Lê Văn Lượng ở buồng số 5 dưới Hỏa Lò như mới hôm qua, hôm kia hiện ra trước mắt tôi. Tôi đưa cả hai tay cầm chặt tay Lân vồ vập:

- Câu chuyện không thể tin được, anh có biết không? Một người đã bị cả buồng sinh hoạt, sỉ vả suốt một buổi sáng và bị 15 ngày kỷ luật vì chuyện của các anh đấy!

Tôi chưa nói hết câu, nét mặt Vân và Lân đều bị lôi cuốn, háo hức muốn biết diễn tiến của sự việc, thì đột nhiên một hồi kẻng gióng lên lanh lảnh, âm thanh nhọn hoắt chĩa vào tai mọi người. Trong khi Vân xếp vội đồ nghề cuộn thuốc

vào trong chiếc túi thì anh Lân đã đứng lên nói nhỏ:

- Kẻng cấm rồi, mai mình sẽ nói chuyện tiếp.

Nhìn sàn trên, sàn dưới, mọi người đang vội vàng, ai về chỗ nấy, cũng là lúc tiếng loa vẫn rả rích, ẽo ợt nói thầm im bặt. Thấy Vân giở chăn chuẩn bị đi nằm, tôi cũng kéo chiếc chăn đơn từ chiều vẫn gập để trên phía đầu sàn để ngả lưng. Đầu óc tôi đang ngổn ngang bởi bao nhiêu thứ mới lạ của một cảnh đời tù tội thì Vân khẽ ghé sang thì thào:

- Chín giờ kẻng cấm, tuyệt đối không được ai nói chuyện. Ai cũng phải về chỗ nằm, dù muốn ngủ hay không!

Đã cuộn chăn nằm rồi, tôi chợt nhớ đến cái lõi chì mật. Buổi sáng ở dưới Hỏa Lò ra đi, vì chưa thể biết sẽ đi về đâu, với tình huống bất trắc thế nào nơi xa xôi núi rừng mờ mịt, nên tôi đã thận trọng nhét vào hậu môn. Trong chăn, tôi nhẹ, khẽ lần mò rút ra, nhét vào chiếc lỗ nhỏ dưới gấu vạt áo, nơi tôi vẫn để miếng dao nhỏ ở dưới Hỏa Lò. Có lẽ Vân thấy tôi hãy còn rục rịch chưa ngủ, cố ghé hẳn sang rỉ tai:

- Ngày mai có ai hỏi thăm, anh đừng nói nhiều, không có lợi đâu!

Một nỗi hoang mang, lắng lo đang len dần vào lòng tôi. Tuy mỏi mệt suốt từ sáng, từ dưới Hỏa Lò lên, đến bây giờ, biết bao nhiêu sự việc trong cảnh đời tù mới lạ nơi rừng núi thâm u. Một cảnh mà trước đây, tôi chỉ được đọc trên sách báo. Cho nên tôi cứ trằn trọc, thao thức mãi, không ngủ được. Trong đêm trường đầu tiên ở giữa rừng già, tôi chỉ nghe tiếng gió ngàn xào xạc. Thỉnh thoảng, có những tiếng hú dài lê thê xen lẫn những tiếng kêu cụt ngủn, ngoắc ngoải, không biết là tiếng của loài thú hay loại chim gì từ trong rừng sâu vẳng ra, càng khoét sâu niềm băn khoăn, thấp thỏm trong lòng tôi.

Chương 8

Tình Người Trong Mớ Bòng Bong

Tôi đang mơ màng đi dần vào giấc ngủ muộn rã rời, mỏi mệt thì đột nhiên có tiếng ai đó vang lên trong đêm:

- Báo cáo ông cán bộ, tôi xin đi tiểu!

Tiếng báo cáo giật giọng như gọi mọi người thức dậy của một người ở sàn trên, làm tôi giật mình mở choàng mắt. Vài tiếng ho húng hắng, xen lẫn tiếng trở mình, rồi tất cả lại chìm vào im lặng.

Cứ như vậy cho đến sáng, thỉnh thoảng đây đó, sàn trên hoặc sàn dưới lại dội lên tiếng báo cáo thì làm sao tôi ngủ được. Nhìn những người khác, tôi thấy họ vẫn ngủ đều. Có thể họ đã quen hàng đêm từ lâu như vậy rồi.

Vì không ngủ được nên tôi cũng mót đi giải. Tôi cứ nằm rụt rè đắn đo mãi, trong cái lần đầu phải báo cáo cái rắc rối này. Cho đến khi tưởng không còn có thể rụt rè nữa thì may quá vừa lúc đó có một anh ở sàn bên báo cáo; tôi cũng ngồi dậy báo cáo và theo họ vào nhà cầu.

Nhà cầu là một gian hẹp phía cuối buồng, chỉ rộng chừng một mét. Một đầu là một bệ xi măng nhỏ, chỉ có một chỗ cho người đi đại tiện. Một đầu là một cái giá gỗ ba tầng úp đầy những nón lá và áo tơi. Ngay phía giữa, sát dưới nền đất có cái máng bằng xi măng để cho gần một trăm người trong buồng đi tiểu tiện. Vì vậy khi tôi bước vào, một mùi khai nồng nặc xông lên làm cho mắt cay xè. Tôi vừa đi tiểu, vừa nghênh ngó nhìn chiếc đèn dầu hỏa con con treo sát vách tường chiếu ánh sáng lờ mờ, không rõ. Một anh vào trước đã đi tiểu xong, quay lại: Tôi hơi tò mò vì anh

cũng chỉ một mắt như Phan Thanh Vân, tuy rằng anh còn quá trẻ. Anh mỉm cười gật đầu chào tôi rồi hơi ngập ngừng dè dặt:

- Anh ở trong Nam ra ạ?

Nghe giọng nói hơi ngang, không rõ âm tiếng Việt nên tôi mỉm cười gật đầu. Anh sôi nổi:

- Em cũng là Biệt Kích ở trong Nam ra.

Tôi mở to mắt nhìn anh. Anh tiếp:

- Toán em bảy người, hiện nay ở đây có năm người.

- Ủa, thế tên cậu là gì?

Tôi hơi ngạc nhiên hỏi.

- Em là Shè Khửu Sáng.

Tôi hơi đắn đo:

- Thế Sáng là người dân tộc à?

Anh đã mở cửa đi ra, còn ngoái lại nói khẽ:

- Em là người Nhắng, quốc tịch Việt.

Khi trở về chỗ nằm mãi, vẫn không ngủ được, tôi nằm nghe tiếng đêm thâu với bao nhiêu nỗi khắc khoải cho ngày mai của cuộc đời. Bên cạnh tôi, Vân vẫn ngáy đều đều, ngay từ mười giờ tối.

Tôi đang chập chờn chìm dần vào cơn ngủ khuya thì một hồi kẻng rền rĩ, xé tan cái tĩnh mịch, âm u của núi ngàn làm tôi choàng tức dậy. Có tiếng loa "nói thầm" cũng bắt đầu lí nhí dạo điệu nhạc khởi đầu bài tập thể dục buổi sáng.

Căn buồng tôi như sôi lên tiếng lục sục gấp chăn, gấp màn. Tôi đã ngồi dậy nhưng vẫn còn ngơ ngác trong giấc ngủ nửa vời. Vân đang gấp chăn màn bên cạnh, quay lại giục giã:

- Kẻng báo thức rồi, gập chăn màn theo quy định trật tự nội vụ. Tranh thủ đi đái rồi vào ngồi điểm số. Cán bộ vào điểm bây giờ.

Thấy tôi cứ lúng túng mãi với màn, với chăn, Vân cầm lấy giũ tung ra rồi vừa gấp vừa nói:

- Bình phải nhớ màn gấp như thế này và chăn gấp như thế này!

Chỉ hai phút, Vân đã gấp xong gọn ghẽ. Màn bên trong, chăn bên ngoài thành một hình hộp chữ nhật; phải vuốt, nắn cho vuông thành, sắc cạnh. Chưa xong, sau đó Vân nghiêng đầu xuống sát sàn, ngắm, ra hiệu tay cho hộp chăn của người nào còn thụt vào, nhô ra. Cuối cùng, sao cho thành một hàng thẳng tắp: cách vách đúng một gang tay (20 phân). Vân vừa làm, vừa như căn dặn, giải thích:

- Mỗi sàn có một người chịu trách nhiệm trật tự nội vụ. Khi cán bộ điểm buồng xong, ban thi đua sẽ đi khám:Cchấm từng buồng trong nếp sống văn hóa mới, lấy điểm bình bầu của toán mỗi tháng, mỗi quý (tam cá nguyệt) và cuối năm.

Trong buồng, mọi người đã ngồi xếp hàng thứ tự, ngay ngắn từng đôi một ở sàn dưới. Vì buổi ban đầu còn nhiều lớ ngớ, chậm chạp nên tôi chưa kịp đi giải thì cửa đã loạch xoạch mở rồi. Trời mùa Đông, lại ở miền rừng núi nên bên ngoài vẫn mờ mờ chưa sáng hẳn. Tên Cẩn đã bước vào cửa buồng, đột nhiên y nghiêm trang đứng lại một vài giây liếc toàn buồng. Sau đó, tay y xách chiếc đèn bão, bước những bước dài theo lối đi giữa nhà điểm phạm; mỗi bước chân của y là một đôi. Tên Tân cầm chùm chìa khóa rủng rẻng, thập thò phía bên ngoài cửa. Nhiều buổi thấy tên Cẩn đứng lại một vài giây ở cửa trước khi điểm, tôi không hiểu thì sau này đã hiểu: Khi cán bộ bước vào buồng điểm, toàn buồng mọi người đều ngồi xếp chân bằng tròn. Thứ tự, anh sàn dưới ngồi trong, anh sàn trên ngồi phía ngoài thành từng đôi một. Hai tay để trên hai đầu gối, ngực ưỡn, đầu thẳng, người ngồi sau trông thẳng gáy người ngồi trước sao cho thẳng hàng ngang, hàng dọc, toàn buồng không một ai còn động đậy. Nếu ai đó đầu còn ngúc ngắc, hay còn xê dịch cho thẳng hàng thì cán bộ quay ngoắt trở ra ngay, đi điểm buồng khác.

Lúc đó thì buồng này thật khốn khổ. Thường thường cán bộ đi điểm hết các buồng rồi về phòng thi đua trật tự, cộng số phạm toàn trại thiếu, đủ. Giải quyết những việc đột xuất xẩy ra trong đêm có khi 15 hoặc 20 phút. Buồng đó vẫn cứ phải ngồi yên, chờ cho cán bộ trở lại điểm. Lúc này thì ai cũng nhớn nhác, vắt chân lên cổ mà chạy lo mọi việc. Ai cũng bị trễ, vì những giờ giấc từ lúc kẻng báo thức cho đến lúc kẻng tập họp đi làm, kẻng xuất trại đều đã được ban giám thị nghiên cứu tính sát nên ai cũng phải khẩn trương mới kịp.

Trong buồng, chỉ còn trút hết sự buồn giận vào anh nào đã không ngồi ngay ngắn để cả buồng bị phạt. Chưa hết, anh đó còn bị cả buồng sinh hoạt phê bình, sỉ vả trong tuần. Không những cá nhân anh đó mất điểm thi đua, mà cả toán, cả buồng đều bị giảm điểm thi đua. Chính vì thế cho nên ai cũng phải giữ nghiêm ngặt.

Trở lại chỗ tên Cẩn đang điểm. Khi tên Cẩn đi vòng ra tới cửa, một tay tên Tân đưa tập sổ điểm cho tên Cẩn, tay kia y nhận chiếc đèn bão do tên Cẩn đưa. Lúc tên Cẩn hý hoáy ký sổ đã điểm đủ người của buồng II là lúc tên Tân xách chiếc đèn bão và chùm chìa khóa vội vàng rảo bước, chạy sang mở tiếp cửa buồng bên cạnh. Như vậy, điểm cả ba buồng cũng chỉ hết 6 – 7 phút là cùng.

Khi tên Cẩn ra khỏi cửa buồng cũng là lúc tù túa ra sân như kiến động tổ. Người cầm bát, người cầm rổ, người xách gầu. Anh nào đến phiên trực của mâm thì hộc tốc chạy xuống bếp lĩnh sáng về chia cho các anh em trong mâm. Thật là ồn ào, ngoài sân, trong nhà, người chạy đi, người chạy lại í ới gọi ngoài sân, chỗ thì chia ở góc hè. Đã được anh Lân nhắc khi nãy là lấy sắn sáng ở mâm anh Đồng, vì vậy tôi theo Toàn lại một góc sân đặt rổ để lấy sắn.

Tuy vừa qua một đêm ít ngủ, chật chội ngột ngạt trong buồng, ra đến ngoài được thở hít bầu không khí trong lành của buổi ban mai; nhưng mùi sắn luộc nồng lên, tỏa ngát khắp sân đã cuốn hút hết cả tâm hồn tôi. Nhìn những củ sắn to nhỏ, trắng mát mắt xếp dầy một chiếc soong nhôm của mỗi mâm, nước chân răng tôi đã ướt dầm chỉ vì bụng tôi đã lép kẹp ngay từ tối hôm qua. Hơn nữa, từ lâu rồi cả ở trong Nam cho tới khi ra Bắc, cũng như dưới Hỏa Lò tôi chưa được ăn sắn luộc. Trong khi chờ mâm cân, chia sắn, tôi theo Toàn, vì Toàn có cái gầu gỗ con, chạy xuống phía giếng nước trước nhà bếp; cách buồng II chừng 50 -60 mét. Chiếc giếng thật rộng, đường kính đến 3 – 4 mét. Bờ giếng được xây cao hơn mặt đất khoảng 40 -50 phân. Giếng thật sâu, nhưng về mùa Đông nước nhiều nên chỉ cho gầu xuống 4 – 5 mét là tới rồi. Còn chiếc khăn mặt bằng miếng vải xoọc sé từ chiếc áo tù cũ ở dưới Hỏa Lò, tôi tranh thủ dùng nước để lau qua cái mặt. Nước lạnh buốt làm những ngón tay tôi cứng ra và đỏ lên.

Trời đã sáng dần, về hướng Đông, chìm sâu phía rừng già đã hồng đỏ lên một góc. Chắc hẳn mặt trời mùa Đông dậy muộn, sắp mò lên nhìn cảnh vật. Tôi vừa lau mặt, vừa nhìn mấy bụi chuối cạnh giếng. Lẫn vào đám lá xanh có một

bắp chuối con đã thò ra đỏ chót. Tôi đưa mắt nhìn quanh những tấm liếp bằng nứa đan dầy vây quanh giếng, lòng nghĩ ngợi mông lung: Nước buốt và lạnh thế này thì tắm làm sao? Nhưng Toàn đã ra khỏi giếng, quay lại giục tôi về ăn sắn kẻo sắp đến giờ tập họp đi làm.

Trở về đến chỗ mâm chia sắn, thì chỉ còn cái rổ của tôi và chiếc rá rách của Toàn để chơ vơ giữa nền sân. Phần của tôi cũng như của Toàn mỗi người, lớn thì 2 đoạn, nhỏ thì 3 đoạn sắn gồm chừng 2 lạng. Cầm rổ sắn, tôi theo Toàn vào mé hè của hội trường ngồi ăn. Tuy củ sắn có vài chỗ chạy máu đen xì hơi đắng, nhưng những chỗ còn tốt thì thật là tuyệt cú mèo; vừa bở, vừa ngọt lại vừa thơm. Miệng nhai, nhưng hồn tôi lặng lờ chảy ngược về những ngày xưa, lâu lắm rồi. Khi tôi còn nhỏ, thỉnh thoảng mẹ tôi đi chợ về mua cho mỗi đứa một đoạn sắn luộc. Mấy anh em chúng tôi bẻ ra từng miếng nhỏ, rủ nhau mang chiếu ra mải góc bờ ao dưới bóng của cây mơ già. Mỗi lần, mỗi đứa chỉ được lấy ra một miếng để ăn. Thành ra nó vừa thòm thèm, vừa ngon, ngon hơn cơm, ngon như một món quà. Tôi lại nhớ đến một lần ở dưới Hỏa Lò ngoài trại chung. Một buổi chiều, mụ Hoa và cô Vân ríu rít, hí hửng đã đem 2 cái bánh mì để đổi lấy 2 củ sắn mà một anh tù từ một trại trung ương phải về xử lại đem theo.

Đối với người ít khi được ăn sắn luộc thì nó như một món quà lạ miệng, ngon ơi là ngon! Mới chỉ vài phút, suất sắn của tôi đã sạch trơn. Trong khi tôi liếc Toàn và một số người khác thì họ vẫn còn ngồi nhai chậm chạp.

Tôi đang tính cầm rổ đứng dậy để vào buồng thì một bóng người cầm một chiếc đĩa nhôm đựng một suất sắn tiến lại phía tôi và Toàn đang ngồi. Anh chừng 35 – 40 tuổi mà tôi đã biết anh cũng ở buồng số II với tôi. Anh mặc bộ quần áo nâu, tuy cũ nhưng không có miếng vá nào; khác biệt với đại đa số tù, thường mặc là loại vải mầu xám xậm mà trại phát. Đặc biệt anh có đôi mắt lươn. Khi anh nhìn, tôi cứ tưởng như anh đang lim rim mơ màng. Cầm đĩa sắn, anh hơi ngập ngừng nhìn tôi:

- Anh thích ăn sắn lắm hả? Anh có ăn được nữa không?

Trời, sao lại hỏi lạ lùng như vậy. Tôi muốn nói là tôi còn thích hơn ăn cơm nữa ấy chứ! Nhưng tôi cũng hơi ngượng và chưa hiểu hết ý của anh nên cũng ngập ngừng, chậm rãi:

- Nhưng đó là phần của anh!

Anh nhìn tôi vẫn đôi mắt lim rim, rồi đặt ngay đĩa sắn vào cái rổ của tôi, nói kiểu coi pha cuộc đời:

- Tôi không ăn, anh thích thì cứ ăn. Tôi đã ăn sắn quá nhiều rồi!

Giọng anh nằng nặng của miền Nghệ An. Anh nói rồi bỏ đĩa sắn đấy đi luôn vào buồng. Tôi đang đắn đo thì Toàn đã nói nhỏ:

- Anh cứ ăn đi, Lê Sơn đấy! Anh ta vẫn không thích ăn sắn.

Tôi đang muốn hỏi "Vậy anh ta ăn bằng cái gì" thì thoáng thấy tên cán bộ trực trại và tên Tân từ phía nhà trật tự bên cạnh nhà bếp, rảo bước đi lên, rồi vào buồng số II của chúng tôi. Mọi người ở sân, kể cả tôi và Toàn đều ngạc nhiên nhìn theo với những đôi mắt dè dặt, lấm lét. Mới mấy phút, tôi chưa kịp hỏi Toàn thì đã thấy một anh chừng 25 – 26 tuổi, da trắng trẻo, nét mặt đăm đăm ôm chăn và chiếc chiếu từ trong buồng đi ra. Tên Cẩn theo sát phía sau, rủng rẻng lắc chùm chìa khóa. Tôi chợt nhớ ra anh bạn này, người đã phát biểu "xin cảm ơn đảng cho soong cơm đầy" bữa chiều, lúc chia cơm hôm qua.

Tôi đã dõi nhìn theo bóng chiếc áo vàng của tên cán bộ Cẩn và túm chăn chiếu đi trước y, về phía cuối nhà số III; chỗ có một căn nhà nhỏ làm thụt vào gần phía hàng rào cấm của trại. Tên Tân nhận chùm chìa khóa từ tay tên Cẩn

chạy lên trước, đến căn nhà đó mở cửa. Tôi quay lại nhìn Toàn như hỏi han, thì Toàn chỉ khẽ nói:

- Nhà kỷ luật!

Tôi còn định hỏi Toàn tiếp là anh ta tên gì và bị bắt vào tù vì tội gì v.v… Nhưng tôi thoáng cảm thấy một vấn đề: Tại sao, từ tối hôm qua, đến sáng hôm nay, ai đã báo cáo cho cán bộ đã vào đưa anh ta đi cùm? Giòng liên tưởng của óc tôi cứ trôi mãi: Vì sao mà nhiều người chỉ lấm lét nhìn tôi mà không ai dám đến trò chuyện? Vì sao bên ngoài thì máy bay Mỹ bắn phá như thế. Trong Nam thì trận chiến đang khốc liệt, thế mà từ hôm qua đến nay không có một ai, kể cả Nguyễn Huy Lân, Phan Thanh Vân; không hề một ai tò mò nhắc đến? Hầu như mọi người chỉ nói chuyện sinh hoạt, ăn, ngủ và lao động?

Bao nhiêu vấn đề, trong cái không khí ngột ngạt, đầy đe dọa này. Trong cái mớ bòng bong câm lặng nhiều hố tối, rồi đây tôi sẽ phải tìm hiểu. Mới có hơn một ngày mà ngay cả tôi cũng đâm ra dè dặt với cả mọi người. Bao nhiêu những hiểu biết, bao nhiêu những cái tai nghe, mắt thấy. Mỗi người đang buộc chặt, câm nín, đè ép lại trong lòng. Còn một điều nữa càng làm cho tôi phải dè dặt, thận trọng. Buổi tối hôm qua, lúc tôi đang nói chuyện với anh Lân và Vân; ở mãi góc sàn trên phía đối diện, có một cậu còn rất trẻ, bộ mặt rất hiền lành. Tôi bắt gặp nhiều lần ánh mắt của cậu ta nhìn tôi: Nửa như tò mò, nửa như thiện cảm. Sáng nay, trong lúc mọi người đang chạy ra, chạy vào lúc điểm xong, cậu ta đã đi sát vào người tôi nói nhỏ:

- Anh hãy coi chừng thằng Toàn!

Nói rồi, cậu ta đi luôn, để tôi cứ thỉnh thoảng phải để ý theo dõi cậu ta. Dù tôi chưa hề biết gì về cậu ta, ngay cả tên và tuổi.

Mải nghĩ suy về cảnh đời tù, tôi cảm thấy cả sân và hội trường đã thưa vắng hẳn người. Tôi nhìn lại Toàn thì cậu ta cũng đã đi từ lúc nào. Vội vàng, tôi mang chiếc rổ chiếc đĩa nhôm của anh bạn Lê Sơn đi vào buồng. Thì cũng là lúc một hồi kẻng nữa, từng tiếng một lại rền vang trong sương sớm. Đã bước gần vào tới cửa buồng, tôi còn ngoái lại liếc lên chòi gác phía cổng trại. Trong căn chòi nhỏ, thấp thoáng một tên bộ đội vũ trang đang cầm chiếc búa con, giang thẳng cánh, thong thả đập vào cái vỏ quả bom 50 kg treo lủng lẳng trong chòi. Cũng là lúc từ các buồng, tù nhân túa ra ngoài sân như vỡ tổ kiến càng.

Trong khi mọi người đổ xô ra thì tôi lại chen vào. Nhét vội cái rổ và chiếc đĩa nhôm lên cái kệ phía đầu giường rồi chạy ra.

Chương 9

Buổi Lao Động Ban Đầu

Chỉ 2 phút sau, người đã ngồi xếp hàng kín cả sân trại. Mỗi toán được xếp hàng đôi và ngồi dọc theo chiều dài. Tôi lướt nhìn, đến gần một chục toán, họ ngồi im phăng phắc. Thoáng thấy Toàn, Vân, một số người quen mặt ngồi trong hàng và nhất là trông thấy Nguyễn Huy Lân đang đứng ở đầu toán, tôi bước đến người ở phía sau. Tôi nghiêng người khẽ hỏi một anh ngồi bên:

- Sao kẻng tập họp đi làm sớm thế, bây giờ là mấy giờ?

Quay lại, anh nói rành mạch:

- 6 giờ rưỡi, kẻng tập họp để 7 giờ thì xuất trại.

Tôi không hỏi anh nữa, nhưng trong lòng tôi đang nghĩ ngợi: 5 giờ báo thức. Như vậy, chỉ có 1 giờ 30 phút mà bao nhiêu là việc, chả trách ai cũng nhanh nhẩu, nhớn nhác chạy như ma đuổi. Có nhiều con mắt nhìn về phía tôi, thậm chí nhiều người ngồi mải hàng trên còn ngoái lại. Có thể vì tôi là người tù mới đến trại. Hơn nữa, tôi vẫn còn mặc chiếc quần tergal mầu vàng và cái ruột áo bông còn tốt mà các cậu Phúc Thổ, Thọ Lột, Tiến Ga v.v... ở dưới Hỏa Lò đã trang bị cho. Loại quần áo này, làm khác hẳn với quần áo mầu xám xịt, hoặc nâu đất của anh em toàn trại. Bên ngoài cổng, một lũ công an vũ trang mặc quần áo xanh lá cây, đeo súng dài cũng đang đứng xếp hàng đôi một loạt. Cạnh đấy, một lũ công an mặc áo vàng mà lúc này gọi là quản giáo, đang đứng tùm hụm phía trong cổng. Một lúc sau, có lẽ chúng trao đổi, hoặc nhận chỉ thị chung gì đó, mỗi tên tản ra đến gặp toán trưởng từng toán tù.

Nhìn Lân ôm một chồng sổ sách đang đứng báo cáo với một tên cán bộ ở phía góc sân; tôi dự đoán có lẽ y là cán bộ của toán 2, tức toán của tôi. Nhất là, thấy y cứ liếc nhìn về phía tôi, hẳn Lân đã báo cáo với y có tù mới nhập toán. Tuy rằng, là cán bộ y đã phải biết trước Nguyễn Huy Lân nhiều ngày. Y khoảng 4 chục tuổi, có cái đầu cắt ngắn kiểu Tăng Gô làm cho mặt y hơi chất phác, không có vẻ ác ôn, láu lỉnh.

Trời sớm, chợt sáng bừng lên. Lơ đãng, tôi đưa mắt nhìn về phía Đông, mặt trời đã ngoi lên khỏi rừng nứa đến 3 gang tay, làm cho mầu đỏ nét chữ của khẩu hiệu: "Vì miền Nam ruột thịt, bộ đội đổ máu nơi chiến trường, nhân dân đổ mồ hôi trên đồng ruộng" tươi rói lên, tương phản với cái nền mầu trắng của tờ giấy dài, dán lên tấm phên nứa che giếng nước của trại. Tấm biểu ngữ ngay trước mặt như đập vào mắt những toán tù đang ngồi xếp hàng. Trời mùa Đông, nhưng hôm nay trong xanh. Một vài vạt mây trắng nằm trải dài trên những ngọn nứa xa xa như đang cố muốn ngóc đầu lên, để nhìn xuống sân trại xem đám tù ra quân; xả thân lao động vì miền Nam ruột thịt.

Chừng 20 phút sau, tên Cẩn và một tên cán bộ vũ trang đeo lon thiếu úy. Mỗi tên tay cầm một cuốn sổ, tay cầm cây bút đứng sát hai bên phía cổng trại. Tên Cẩn bắt đầu gọi từng toán một. Mỗi toán khi gọi đến tên, đều đứng hết dậy, rồi theo hàng đôi tiến ra phía cổng. Khi toán ra hết khỏi cổng trại, toán trưởng của toán đó, đứng lại báo cáo to nhân số xuất trại của toán mình; nếu phù hợp đúng với số người mà 2 tên đang điểm; khi đó, ở bên ngoài cổng sẽ có hai tên vũ trang đã được phân công từ trước, tách ra khỏi hàng, đeo súng đi theo toán tù đó.

Toán 2 và 3 là hai toán làm việc trong khu thủ công ngay cách cổng trại chừng 150 mét, vì vậy thường được gọi sau cùng. Lúc toán 2 ra khỏi cổng trại, Lân, lão cán bộ áo vàng quản giáo và hai tên bộ đội vũ trang đi sát liền phía sau. Ra đến bên ngoài, tôi lại nhìn thấy con đường đất đỏ mà ngày hôm qua tên Y đã dẫn tôi vào đây. Nhìn chéo phía trái, cũng vẫn lá cờ máu đang ngơ ngác trên ngọn chiếc cột là một cây muồng to thật dài sơn trắng. Phía bên trong là một khu nhà, trong đó có một cái nhà khá to, tuy cũng vẫn là gỗ với nứa. Bên ngoài, phía trước có nhiều chậu cảnh và những luống hoa dài mà tôi đã đoán từ hôm qua, đó là nhà của giám thị và bọn cán bộ coi trại.

Ngay phía bên phải đường theo một đường mòn khoảng dăm chục thước là một chiếc cổng bằng gỗ để mộc đã mốc đen xì vì mưa nắng. Bên trên là một chiếc biển đề: "Khu thủ công". Chiếc biển có lẽ đã mang nặng tuổi đời nên đã cong méo đi. Nét chữ đỏ nhiều chỗ sơn đã dộp lên như gỗ mục lâu ngày đang mọc nấm mèo.

Khi toán 2 đã vào hết trong sân khu thủ công, vẫn phải đứng xếp hàng đôi ở giữa sân. Anh Lân toán trưởng đi từ đầu toán xuống đến cuối, miệng lẩm bẩm, mắt nhìn từng đôi một. Sau đó, anh quay lại, tiến đến đứng nghiêm trước hai tên vũ trang, từ nãy vẫn đứng chờ ngay phía cuối toán:

- Báo cáo cán bộ, toán 2 điểm số 49 người, đủ!

Hai tên cùng lạnh lùng gật đầu. Bấy giờ toán mới tản mác , mỗi người chạy về cầu bào chỗ làm của mình. Tôi đang nhìn theo tên quản giáo toán đi phía trước, Lân ôm chồng sổ sách quầy quả đi theo sau về phía một chiếc nhà con,

đầu tôi chợt nghĩ: mới có từ trong trại ra đây chỉ hơn một 100 mét, thế mà đã phải điểm lại, báo số. Thật là một nguyên tắc giáo điều!

Vì chưa được phân bổ công việc, trong khi tên cán bộ toán và Lân chắc còn đang hội ý trao đổi hay báo gì đó trong căn nhà con. Hơn nữa, mỗi người mỗi việc chả ai nói gì đến tôi, cho nên tôi đi lang thang trong lán nhìn những cảnh lạ của cuộc đời mới lạ.

Một không khí lao động hùng hục, ai cũng luôn chân, luôn tay cưa, đục, đẽo; thấy tôi đi qua cầu bào chỗ họ đang làm. Thỉnh thoảng mới có một anh ngẩng lên nhìn tôi, hơi mỉm cười như chào, rồi lại cúi xuống say mê vào với công việc. Thấy Toàn đang mắm môi, gò lưng cưa một miếng gỗ dầy, tôi rảo bước tiến lại. Toàn ngừng tay, ngẩng lên vừa hỏi tôi vừa thở:

- Anh Bình chưa được phân về tổ nào à?

Tôi tươi mặt trả lời Toàn là chưa và tôi định hỏi làm như thế này thì có mệt lắm không. Nhưng Toàn đã lại gò người xuống, chồm chồm cưa rọc như bổ củi. Thấy vậy, tôi khẽ gật đầu chào Toàn vì tôi đã liếc thấy Phan Thanh Vân đang dạng hếch chân ra trên cầu bào, tay cầm chiếc dùi đục to tướng, đang vẹo người nện lấy nện để vào cái đục ở trong tay kia. Một tay ngoáy đục, một tay anh nện liên hồi, tôi đến kề bên mà anh vẫn không thấy. Chờ một giây, tôi đành cao giọng, lên tiếng vì tiếng đục, tiếng cưa vẫn cứ chan chát:

- Làm gì mà ghê thế? Chắc Vân đã quên ngày cầm càng lướt gió rồi à?

Vân ngẩng lên, mặt đỏ gay, chắc anh đang mệt. Một mắt của anh ánh lên hơi cười rồi liếc nhanh một anh bào soàn soạt ở cầu bào bên cạnh. Anh cố lờ ý nói đùa của tôi mà chỉ hỏi:

- Trước đây anh đã biết tí gì về nghề mộc chưa?

Vẫn giọng đùa cợt, tôi hỏi lại Vân:

- Thế ngày xưa Vân có biết làm mộc không?

Vân hơi nhếch mép cười rồi lại giơ dùi lên tiếp tục nện. Tôi cảm thấy rằng nhiều người không dám nói chuyện trong khi lao động. Nghĩ vậy tôi rảo bước sang chiếc lán nhỏ, chỗ có lò rèn và mấy bác già đan lát. Tôi rẽ ra một lối đi nhỏ, rồi bước lên hè của căn lán lò rèn. Ở đó, tôi thấy một số bác già đang cúi xuống, mải mê đan những chiếc giành. Tôi khẽ lách chân để đi qua, nhưng mấy bác đã lục đục đứng cả dậy hơi cúi đầu lễ phép:

- Xin chào cán bộ ạ.

Tôi ngạc nhiên nhưng chợt hiểu. Chỉ vì chiếc quần tergal màu vàng của tôi. Hẳn rằng các bác đang cắm cúi làm việc, thấp thoáng thấy chiếc ống quần mầu vàng, nên họ mới lầm như vậy. Tôi vừa đặt tay nhẹ vào một bàn tay nhăn nheo của một bác, vừa nói:

- Cháu cũng là tù đây mà bác!

Bác già hơi mở to mắt, rồi mấy bác cũng vừa cười vừa ngồi xuống, còn ngoái nhìn theo tôi mãi. Tôi thầm nghĩ: "thì ra cái mầu vàng ở đây cũng có oai thực".

Chương 10

Những Ngày Đầu Trong Lán Thủ Công

Sau đó, tôi định bước vào chỗ mấy ống bễ, thì phía lán của toán 2 đang ầm ầm những tiếng nói to như cãi nhau. Tôi vội vàng trở về lán vì cũng nhác thấy tên cán bộ toán và Lân đang từ trong buồng con đi ra và đang tiến về chỗ đám cãi nhau.

Một đám đông, độ mười mấy người trong đó có cả Phan Thanh Vân, Bùi Tâm Đồng cạnh chỗ một đống to vỏ bào ở góc sân. Có hai người đang đỏ mặt tía tai giằng co mấy tấm ván gỗ. Khi tên cán bộ đến, thì hai anh này đều bỏ tấm ván xuống rồi tranh nhau báo cáo. Tên cán bộ mặt đanh lại, chỉ vào người có dáng mảnh khảnh (sau này tôi mới biết tên anh là Châu), cho báo cáo trước. Anh Châu, tuy đã tỏ ra lễ phép nhưng vẫn còn toát ra nỗi uất giận trong giọng báo cáo:

- Báo cáo cán bộ, những tấm ván này, mấy hôm trước anh Lân toán trưởng đã phân về cho tổ chúng tôi. Chúng tôi chưa kịp lấy về thì tổ anh Vân hôm nay đã cho người ra khuân về.

Anh kia, người lùn tịt, hẳn là ở tổ Vân, cũng hấp tấp báo cáo:

- Thưa ông cán bộ, anh Châu đã nói không đúng, những tấm ván này, ngay từ tuần trước, tổ chúng tôi đã mất thời gian chọn lựa từ trong đống gỗ ra. Chúng tôi đã sắp xếp chuẩn bị từng khâu theo kế hoạch lao động của tổ chúng tôi.

Tên cán bộ nhăn mặt lại, dõng dạc giọng miền Nam:

- Bây giờ, không được ai dùng những tấm ván này. Tất cả hãy về chỗ, không được lãng phí thời gian trong lúc lao động.

Mọi người đều dãn ra, đâu trở về đấy, không còn một tiếng ho hay hắng dặng. Nhìn và nghe cảnh này, tôi cũng chịu. Có lẽ tôi không hay chưa hiểu nổi vì sao. Tôi đang định chuồn ra phía sau để tránh mặt tên cán bộ thì Lân đã trông thấy. Nhìn tôi, Lân cao giọng:

- Anh Bình lên cho cán bộ gặp!

Tên cán bộ liếc nhìn tôi như ý bảo theo y, rồi quay lưng lại đi về phía căn nhà con. Tôi lặng lẽ, chậm chạp đi theo phía sau y. Khi tới cửa, tôi ngừng lại, thì y đã chỉ chiếc ghế đẩu trước bàn của y rồi nhìn tôi nhẹ nhàng:

- Anh vào ngồi đây!

Y cúi xuống, lật qua mấy tờ ở tập sổ hay hồ sơ ở trước mặt, đoạn ngẩng lên nhìn tôi, thong thả:

- Anh tên gì?

- Dạ thưa, Đặng Chí Bình.

Y lại nhìn xuống cuốn sổ. Tôi liếc nhìn toàn bộ trong chiếc phòng con. Trong góc chỉ có một chiếc tủ con bằng gỗ

mộc, một cánh khép hờ. Trên mặt tủ, một cành hoa giấy mầu vàng nhạt, chắc vì lâu ngày nên đã xỉn lại. Bên cạnh là một chiếc lọ mực Waterman cũ kỹ không có nắp. Trên vách, phía sau lưng y, tấm hình tên Hồ già dán vào vách nứa. Đôi mắt lão lờ đờ vàng kệch vì tấm tranh đã sờn mép. Bên dưới có khẩu hiệu viết tay: "Hồ chủ tịch muôn năm", nét chữ còn mới, rất mềm. Nhất là hai bông hồng hai bên vẽ thật tươi, đầy sinh động, nhìn như hoa thật. Tôi cứ lơ đãng nhìn hai đóa hồng, trong lòng thầm ca ngợi người họa sĩ thì y lại hỏi:

- Trước đây, anh có biết tí gì về nghề mộc không?

Câu hỏi giống hệt anh chàng Phan Thanh Vân, tôi vội trả lời:

- Thưa, tôi không biết!

- Anh có nghề gì?

Tôi vừa lắc đầu, vừa nói "không". Y hơi cau mày, hỏi tiếp?

- Vậy trước đây ở miền Nam, anh làm nghề gì?

Tôi định nói, tôi biết làm nghề thợ vàng, nhưng tôi trả lời:

- Trong Nam, tôi chỉ đi học!

Mặt y có vẻ hơi dịu lại. Chiếc môi xam xám của y hơi rung rung. Nhìn tôi có vẻ nhẹ nhàng, tay y gập tập sổ lại, nói với một giọng mà tôi cảm thấy chân thành:

- Hiện nay ban giám thị chiếu cố cho anh hưởng 15 kg chất bột một tháng. Anh phải ra sức tích cực cải tạo lao động, nghiêm chỉnh chấp hành mọi điều khoản nội quy trại đã đề ra; ra sức phấn đấu trong lao động và học tập tiến bộ. Bây giờ anh xuống gặp anh Lân, toán trưởng đưa anh về tổ anh Quý.

Qua dáng dấp, cách nói, cách nhìn của y, tôi cứ cảm thấy y tương đối có tấm lòng thẳng thắn, bộc trực của người miền Nam. Cho nên tôi cũng nhìn lại y bằng ánh mắt dìu dịu tình người trước khi chào y và đi xuống lán.

Vừa xuống đến lán, anh Lân từ một cầu bào phía đầu lán đã đi lại phía tôi. Sau khi tôi nói với anh là cán bộ phân công tôi về tổ anh Quý, nhưng anh tỏ vẻ như đã biết rồi. Anh vẫy tay tôi đi theo vào một căn nhà xép làm nối liền với lán về phía sau. Đi qua một cái giậu gỗ thấp, vừa bước lên mấy bực thềm tôi đã thấy anh Lê Sơn, người đã cho tôi suất sắn sáng hôm nay; chiếc đĩa nhôm của anh tôi vẫn còn giữ. Anh đang cúi khòm người xuống nền đất viết, kẻ một khẩu hiệu lên một miếng bìa mầu trắng vừa to, vừa dài. Đây đó những hộp sơn, những bút vẽ để bừa bãi. Chung quanh vách, trên bàn còn treo nhiều băng khẩu hiệu vẫn còn tươi mầu mực, chắc là đang để cho khô.

Lán phụ này tuy có hai gian, nhưng chỉ thấy có hai người làm việc. Anh Lân vào gặp một anh phía trong cũng đang lúi húi quét sơn, hay dầu bóng vào một cái đầu giường còn mới nốt bào. Thấy Lân đến, anh đó đã đứng lên, tôi hơi ngạc nhiên vì anh chỉ có một tay. Anh Lân chỉ tay về phía tôi, quay nói với anh đó vẻ đầy thân tình:

- Bình nó về tổ Quý đấy nhé!

Từ nãy tới giờ, tôi đang băn khoăn; sao tự nhiên hôm nay Lân đối với tôi có vẻ vồn vã, thân tình hơn thì Lân đã hạ thấp giọng làm tôi đã hơi hiểu:

- Như vậy là Bình cũng ở trong Nam ra à?

Nghe thấy thế, Lê Sơn và Quý đều liếc nhìn lại phía tôi, Lân vẫn vừa cười, vừa nói tiếp:

- Thấy cậu ăn mặc chỉnh tề, tưởng cậu là cán bộ hay sinh viên du học bị bắt chứ, ai ngờ!

Trong khi nói thế, mắt anh ta vẫn cứ nhìn trân trân vào chỗ hàm dưới thiếu mấy cái răng cửa của tôi. Lê Sơn, từ lúc tôi vào vẫn cặm cụi tô vẽ, bây giờ đứng hẳn lên niềm nở, vẫn giọng Nghệ An nặng chình chịch:

- Hay quá, đang bù đầu, vào đây làm với anh em mình cho vui.

Khi Lân đã quay ra, trở xuống lán mộc thì anh Quý nhìn tôi nói nhỏ nhẻ, tuy cũng giọng miền Trung:

- Bình được vào tổ này là hay đấy! Đây là tổ vernie chỉ có tôi và Lê Sơn. Khi nào công việc nhiều thì mới gọi thêm người phụ, bình thường chỉ có hai người, nên văn nghệ lắm; không rắc rối, sinh hoạt như những tổ khác.

Nhìn thoáng qua công việc làm, tuy không phải năng khiếu của tôi, nhưng tôi cũng cảm thấy thích thú hơn là đi học mộc. Hơn nữa, thấy hai người tính tình cởi mở, gần gũi đã làm giảm hẳn nỗi nặng nề, lắng lo trong lòng tôi lúc mới bước chân vào khu thủ công này; cho nên tôi cũng tỏ sự chân thành:

- Những việc này tôi chưa hề biết làm, mong các anh chỉ dẫn dần dần cho.

Lê Sơn chỉ bức khẩu hiệu đang kẻ dở dưới sàn hỏi tôi:

- Những chữ này chắc anh kẻ, viết thừa sức?

Tôi đang nhìn chăm chú một cành hồng tươi roi rói, còn thắm au lên mầu mực mới. Những chiếc lá uốn éo, mềm mại tự nhiên, những cánh hoa lả lướt lung linh làm tôi cảm thấy như có làn hương ngan ngát, thoang thoảng của một cành hồng nở rộ đón Xuân sớm. Cho nên khi nghe câu anh hỏi, tôi chỉ lắc đầu và hỏi lại anh một cách trầm trồ:

- Thế hai đóa hồng trên buồng ông cán bộ cũng do anh vẽ đó ư?

Anh cười hềnh hệch, đôi mắt lươn của anh càng nhắm tít lại. Luồn trong giọng trả lời của anh có nét tự kiêu:

- Ông ta muốn thì tôi phải chiều. Tôi chỉ phóng tay mươi phút, thế mà cũng được hai điếu Điện Biên đấy!

Chắc để hưởng ứng cái tài của Lê Sơn, anh Quý cũng tiến lại vừa cười, vừa nói:

- Lê Sơn có tài hai tay vẽ như một. Hầu hết những ngày lễ, Tết của trại cũng như của ban giám thị, bao nhiêu khẩu hiệu cũng đều do Lê Sơn vẽ cả. Thậm chí, những trang trí phòng ốc để đón các phái đoàn quan khách cũng đều phải gọi đến Lê Sơn. Ngay ở ngoài trại chính, khi có việc cũng cử cán bộ vào gọi Lê Sơn.

Tôi nhìn Lê Sơn bằng đôi mắt ngưỡng mộ, sốt sắng hỏi anh:

- Ngoài những cánh hồng tươi thắm, nổi bật như thật là biệt tài của anh; anh có vẻ được những loại hoa khác hoặc như chim, bướm v.v...?

Anh gật gật đầu, mắt anh càng như nhắm lại, sôi nổi trả lời tôi:

- Tôi không phải là họa sĩ, nhưng nhiều thứ tôi làm được.

Nói rồi, anh liếc nhìn về Quý, lúc này đã lại cặm cụi vào chiếc đầu giường cách xa 4 – 5 mét; anh quay lại hạ thấp giọng chỉ đủ mình tôi nghe:

- Ở trong này, chúng nó bóc lột mình đến xương tủy, tội gì mà đưa máu cho chúng nó hút!

Tôi ngẩn người ra nhìn, nghe anh ta nói. Tôi chưa hiểu gì về anh và anh cũng chưa hiểu gì về tôi; thế mà anh phát biểu một câu động trời như vậy, tôi chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Nhưng xem ý anh ta cũng chẳng quan tâm, để ý xem thái độ của tôi khi nghe anh nói thế, ra sao. Tôi ngồi sát lại bên anh, chỉ băng khẩu hiệu anh đang kẻ, nói nhẹ nhàng:

- Tôi không có khả năng kẻ chữ như anh, nhưng để tô những nét anh kẻ rồi thì tôi làm được.

Mỉm cười, tôi nói tiếp như đùa:

- Tôi không có khả năng sáng tạo, nhưng lại có khả năng mô phỏng. Nghĩa là anh cứ chỉ dẫn, tôi sẽ làm được theo ý anh.

Nói rồi, tôi lựa một cái bút vẽ, cũng gò người cặm cụi tô những chữ anh đã kẻ. Như vậy cũng có thể thay được cái thời gian mà anh phải tô, để bắt đầu kẻ khẩu hiệu khác. Vừa làm vừa chuyện trò, chỉ có hai người nên cũng thoải mái. Hơn nữa, công việc này cũng ít nhiều là nghệ thuật nên không bị thúc ép mấy. Chính những lúc chuyện trò, trao đổi này, sơ lược tôi được biết về anh:

Anh là thiếu úy, làm Quân Báo hơn một năm, rồi về làm cận vệ cho ông Hồ Tùng Mậu. Anh đã theo ông Mậu đi khắp nơi trong những nẻo núi rừng Việt Bắc trong cuộc chiến tranh trường kỳ chống Pháp. Thậm chí anh đã lặn lội 2 – 3 lần theo ông Mậu sang Trung Quốc. Nhưng sau, phần vì cá tính của anh trực, thẳng thắn xen lẫn ý ngông cuồng. Phần khác, anh đã lập được nhiều công trạng với khả năng của anh, nhưng anh đã không được đền đáp xứng đáng. Trong khi nhiều kẻ không có tài, chỉ biết cách luồn cúi, nịnh bợ thì lại nhẩy lên vùn vụt trên đường hoạn lộ. Chính vì anh mang sẵn trong lòng sự bất mãn để cuối cùng anh bị bắt vào tù với cái tội "phát ngôn bừa bãi" và "chểnh mảng nhiệm vụ được giao". Bắt anh là lệnh tập trung 3 năm. Nhưng hiện nay anh đã sang lệnh thứ 4, nghĩa là đã 11 năm rồi.

Mải mê làm việc, và cũng mải mê trao đổi nghe chuyện của anh thì một hồi kẻng, dòn vang lên từ phía cổng trại làm tôi ngơ ngác nhìn Lê Sơn. Anh đã từ trong góc nhà, chỗ gần chiếc bàn có chồng bìa để kẻ khẩu hiệu đi ra, miệng rối rít giục:

- Bình xếp gọn sơ các thứ lại cho gọn ghẽ còn ra tập họp điểm số, 11 giờ rồi!

Tôi liếc nhìn ra lán mộc. Cả một bản đại hòa tấu các loại âm thanh hỗn độn lúc này đã ngưng bặt. Mọi người đang lục đục xếp gọn dụng cụ. Khi chúng tôi xuống đến lán mộc thì toán 2 và 3 đã xếp hàng đầy ở sân rồi. Anh Lân đang điểm người toán 2, quay lại nhìn chúng tôi đang chạy ra. Chắc rằng anh đã thấy đủ số, nên tiến đến chỗ 2 tên bộ đội vũ trang đang đeo súng đứng gần đấy. Anh Lân lại phải đứng nghiêm chân, thẳng người báo cáo con số.

Toán nào về đến cổng trại đều phải đứng lại. Trước khi toán vào trại, tên trật tự Phạm Huy Tân và tên Cẩn trực trại đến đầu toán. Lần lượt từng anh một, giơ hai tay thẳng lên đầu. Tên Tân dùng hai tay vuốt hai bên nách; vuốt lưng, bụng, hai chân từ háng trở xuống trước sự chứng kiến của tên trực trại Cẩn. Những ngày sau tôi đã hiểu rõ: Nội quy

cấm đưa vào trại mọi loại kim khí, mọi thức ăn (rau, sắn, gạo v.v…) củi, đóm, trà. Nếu trật tự khám thấy ở trong người anh nào thì anh đó phải đứng ra một bên phía trong cổng trại, chờ cán bộ sẽ phạt kỷ luật. Nhẹ nhất là mấy chiếc đóm nứa để hút thuốc lào. Hoặc một mẩu sắn con, hay nắm rau dại luộc. Anh đó cũng bị đứng giam trơ trơ ra ở cổng trại. Ráng chịu rét về mùa Đông; nắng cháy về mùa Hè hàng nửa giờ, có khi hàng giờ. Trong khi cơm nước không có ai đi lấy cho, tới khi được tha thì cơm đã nguội. Phải ăn hộc tốc, vội vàng để còn kịp giờ lại phải đi lao động. Thôi thì phải chịu nhiều thứ khó khăn sau đó. Chưa nói đến tối hay cuối tuần còn bị tổ, toán nạo cho mềm người.

Tên trật tự Tân, phần vì phải tích cực làm tròn hết mình nhiệm vụ được giao. Càng tìm khám ra được các thứ vi phạm nội quy thì càng có thể, được lòng tin của giám thị và cán bộ. Phần khác, nếu trật tự thông cảm hay tốt với người quen chẳng hạn. Thí dụ: Sờ bụng anh đó thấy gói trà, lờ đi để anh đó mang được trà vào trại. Buổi tối hay Chủ Nhật, họ sẽ lén lút, vụng trộm đun nấu trà để uống (nội quy cấm tuyệt đối không được đun nấu trong trại, trừ nhà bếp). Uống trà, nấu thì phải có khói nên những tên joóc (antene) sẽ báo cáo, hoặc chính cán bộ rình bắt được. Lúc đó, khuyết điểm của tên trật tự sẽ lòi ra. Bởi vậy, để không phải lo hậu họa, tên Tân chẳng để qua cho một ai. Khi đến lượt tôi phải giơ tay lên cho tên Tân vuốt người. Một nỗi sượng sùng, nhục nhã cứ rỉ ngấm dần vào để lòng se sắt ngậm ngùi cho một kiếp tù.

Sau khi tên Tân khám xét xong, bấy giờ tên Cẩn mới lùi về phía cổng trại thì anh Lân tiến lên đứng nghiêm trước mặt y rồi hô to, dõng dạc:

- Toán 2 xuất trại 49. Nhập trại 49, đủ. Xin cán bộ cho nhập trại.

Chương 11

Tiền Âm Phủ

Thời gian ăn, ngủ, lao động luôn luôn có hạn khít khao. Vì thế khi toán 2 bắt đầu nhập trại; những anh đi hàng đầu, đôi nào vào đến bên trong cổng trại là đã vội vã chạy về buồng. Người nào đến phiên trực của mâm thì chạy rẽ ngay vào nhà bếp để lĩnh cơm, canh. Khi xếp hàng ở bếp chờ lĩnh được rồi, hai tay bê soong canh hay cơm chạy hộc tốc về ngay buồng. Tìm đến chỗ vẫn chia cơm, canh của mâm đặt xuống, rồi lại hấp tấp chạy về buồng mình lôi bát đũa của mình ra. Người nào trực mâm thì cũng giữ cân của mâm. Hai người lúi húi chia cơm và canh. Những anh không phải ngày trực mâm thì cũng chả được nhàn rỗi. Sau khi đặt bát lấy cơm, canh cũng tất bật chạy xuống giếng múc gầu nước về để khi ăn xong rửa bát. Vả lại cũng cần lo toan mọi việc cho nhanh chóng để còn về đứng chứng kiến người chia cơm canh thì mới yên lòng. Trong hoàn cảnh đói khổ, thiếu thốn thế này thì chẳng ai tin được ai.

Tôi chạy vội về buồng lấy chiếc rổ và chiếc rá cơm để ra lấy cơm, canh. Nhìn thấy chiếc đĩa nhôm của Lê Sơn, liếc lên sàn trên, thấy Lê Sơn đang lúi húi lấy đồ trên cái kệ. Tôi giơ cao cái đĩa gọi với lên:

- Anh Sơn! Tôi gửi lại anh cái đĩa để anh lấy cơm.

Chắc đang bận lục tìm cái gì, quay lại anh chỉ nói ngắn ngủn:

- Anh cứ dùng đi, tôi có rồi!

Không đủ thời gian để trả lời anh, tôi lập cập mang cái đĩa lẫn rổ ra chỗ chia cơm, canh. Chỗ cơm cũng như chỗ canh, mọi người đã đặt đủ bát đĩa rồi, chỉ còn thiếu một mình tôi. Nhiều người quay lại có vẻ sốt ruột. Một anh cầm

chiếc đũa cả bằng nứa, đang đảo sùng sục soong cơm ngô, quay lại nhìn tôi:

- Sao chậm thế! Mọi người đang chờ mỗi mình anh.

Mặt anh còn rất trẻ, trắng trẻo mà nói tiếng kinh lại không rõ. Thấy tôi còn vẻ ngơ ngác chưa quen. Anh Đồng đã cầm chiếc rá lót ny lông của Toàn đưa hôm qua ở tay tôi. Anh đưa đến đặt ở chỗ chia canh, rồi kéo tôi lại chỗ chia cơm, chỉ anh trắng trẻo đang đảo cơm:

- Đây là anh Lù Chẳn Páng. Hôm nay anh Páng và anh Yên trực mâm, Thành Xuân Yên.

Anh vừa nói vừa chỉ lại chỗ một anh chừng 40 tuổi đang cặm cụi chia canh. Một cậu đứng bên cạnh tôi, chỉ vào con số 10 ghi ở soong cơm thắc mắc:

- Sao, mâm 5 của mình hôm nay lại chỉ có 10 suất?

Anh Páng vẫn đang đảo cơm, ngửng mặt lên:

- Anh Khải đi kỷ luật sáng nay, quên à?

Tôi cứ băn khoăn, tại sao Páng cứ ngồi đảo cơm mãi, để cơm nguội hết. Tôi hỏi anh Đồng thì anh đã giải thích: Việc này đã trở thành thông lệ của mọi năm rồi. Cơm cân, vì vậy phải đảo trên dưới cho đều, không còn để vầng, tảng. Cơm vầng và bên dưới, ướt sẽ nặng cân. Trước đây đã xẩy ra nhiều chuyện chửi bới thậm chí đấm, đá nhau chỉ vì cơm ướt, cơm khô. Cho nên bây giờ năm nào cũng vậy, trước khi cân đều phải đảo lộn, đánh cơm tơi ra.

Tôi đang nhìn mười chiếc gồm: Rổ, rá, đĩa, bát đủ kiểu, đủ mầu đặt lộn xộn một đám giữa sân thì anh Páng đảo soong cơm đã rời đều. Anh chọn lấy một chiếc bát tráng men to mầu xanh thẫm trong đám lộn xộn rổ, rá này. Chiếc bát thứt thẹo, nhiều chỗ sét rỉ đã đen sì như mụn ghẻ đang làm vảy. Hẳn nó ra đời đã lâu ngày và đã vật lộn nhiều với cuộc sống lam lũ với bao lần thất cơ, lỡ vận. Quay lại, anh với chiếc túi vải xanh kiểu dân tộc Mèo để bên cạnh. Chiếc túi đã đụp vá bằng 2 -3 miếng vải vừa nâu vừa đen; chắc đã lâu ngày không giặt, đầy cáu ghét. Anh lấy trong túi ra một cái bát sành con để xúc cơm ở soong vào chiếc bát xanh lớn chừng 2 bát cơm con ở gia đình. Anh khẽ đặt vào một chiếc cân mà một anh trong mâm đang giơ ra chờ. Tùy theo chiếc cán cân, bổng lên hay hạ xuống. Anh rút trong túi áo bông ra một chiếc cùi dìa con bằng nhôm. Cẩn thận, anh lấy ra hay cho vào chỉ từ mươi hạt cơm đến nửa thìa là chiếc cán cân đã ngang bằng trước sự chấp nhận của gần mười cặp mắt đang nhìn chằm chằm. Xong rồi, anh cầm chiếc bát xanh to đổ vào một cái rổ, rồi lại tiếp tục cân suất thứ hai.

Trông anh "thao tác" nhẹ nhàng, nhuần nhuyễn; hầu như mỗi lần xúc cơm, anh ước lượng, ướm thử bằng mắt, nên nhiều lần cân không phải lấy cơm ra hay cho thêm vào. Thật là tài, có thể do lâu ngày, cái tay xúc, cái mắt nhìn đã thành quen. Tôi đang đứng coi anh Páng cân được 5 -6 suất thì Toàn từ dưới giếng xách gầu nước về đặt vào một góc sân, rồi đến kéo tay tôi lại chỗ chia canh.

Bây giờ tôi mới để ý. Canh gì sền xệt có mầu trắng xam xám; mãi đến khi anh Yên dùng cùi dìa bửa những cục to ra làm đôi, ba miếng tôi mới hiểu là sắn. Anh nhẹ nhàng xúc những cục sắn nấu chưa tan bỏ đều vào các bát, các rổ. Nếu cục nào to thì anh lại xẳn bớt ra chuyển cho phần khác. Khi những cục sắn đã chia tương đối đều thành 10 suất, anh mới lấy, cũng một chiếc bát sành con múc cái nước sền xệt đổ vào từng suất cho đều. Khi đã làm hết lượt, còn một ít nào trong soong, anh lại lấy một chiếc muỗng nhôm múc thêm cho suất này, suất kia điều chỉnh cho đều tùy theo mắt anh quyết định. Đôi khi lại theo ý những người đang đứng theo dõi. Người bảo đổ thêm cho suất này, người bảo đổ thêm cho suất kia.

Thực ra điều này do tâm lý người đứng nhìn. Chỉ thấy bát mình ít hơn bát người khác, nên cứ chỉ chỏ lộn xộn. Cho nên, từ lâu đã nghiễm nhiên trở thành một nguyên tắc là không ai được chỉ hay nói. Hãy để tùy quyết định của người chia, vì ngày khác, đến lượt mình chia cũng được hưởng quyền đó.

Khi cầm cái rá đựng canh của tôi lên, thấy ướt nhèm. Nhìn xuống chỗ để chiếc rá, đất khoang ra một chỗ hãy còn ướt nguyên. Như vậy, miếng ny lông của Toàn lót hôm qua quá cũ nên đã bị rò. Tay còn đang cầm cái đĩa của Lê Sơn, tôi trút vội canh sang chiếc đĩa nhôm. Để chiếc đĩa nhôm chồng lên cái rá; đến lấy rổ cơm rồi theo Toàn vào hội trường.

Buổi trưa, trời còn sáng. Trong hội trường lại có nhiều bàn ghế vì nó vừa là nhà ăn, lại cũng vừa là hội trường dùng cho khi học tập hay khi ban giám thị nói chuyện. Lúc này người ta vào ngồi ăn kín cả hội trường. Dù tôi đang thích ăn sắn, vậy mà canh sắn lại đắng đắng do những củ sắn đã chạy máu, hơn nữa chỉ nấu với muối thành một thứ sền sệt, nên nhai với cơm ngô mãi không nuốt được. Tuy vậy, vì bụng đói nên cũng nuốt nhanh.

Ngồi nhai cơm, thoáng nhìn thấy Phan Thanh Vân và Lân ngồi cách hai ba bàn. Tôi và Vân đều gật đầu cười khi mắt gặp nhau. Nhìn thấy bát cơm của Vân hơn hẳn suất sơm của tôi với Toàn. Tôi ngạc nhiên hỏi Toàn mới hiểu được khái niệm: Toán hai có năm mâm, trong đó một mâm đặc biệt ăn 18 kg, ba mâm ăn 15 kg mà mâm chúng tôi là một. Ngoài ra còn một mâm ăn 13 kg, những người bị đi kỷ luật ăn 9kg thì không kể. Mâm ăn 18 kg là những người lao động khỏe, có năng suất, vượt chỉ tiêu lao động của trại. Hơn nữa, họ còn phải là những người cải tạo tiến bộ, không hề vi phạm nội quy của trại. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm họ thường được bầu là những cá nhân xuất sắc của trại.

Mâm ăn 15 kg là những người lao động chỉ đạt chỉ tiêu. Tuy có người trong nhóm này làm vượt chỉ tiêu, lao động tích cực nhưng có thể vì khâu tư tưởng, hoặc tỏ ra không năng nổ, tích cực làm gương cho những phạm nhân khác v.v… nên họ vẫn ăn ở mức 15 kg. Mâm 13 kg là những người không đạt chỉ tiêu lao động, hay phạm nội qui hoặc hay đau yếu v.v… Toàn nhấn mạnh:

- Em vừa nói là nhìn cái chung như thế. Nguyên tắc là vậy nhưng trong thực tế cũng có đầy rẫy những điều khó kiểu. Có nhiều người đang ăn ở mức thấp, lại nhảy lên mức cao hay ngược lại. Cũng có người lao động rất khỏe mà không bao giờ được ăn 18 kg. Nhiều vấn đề trong toán, không ai hiểu được lý do.

Nghe Toàn nói như thế, làm tôi chợt nhớ tới Lê Sơn, nên hỏi Toàn:

- Thế Lê Sơn ăn mức bao nhiêu?

Nuốt hết miếng cơm, Toàn chậm rãi:

- Lê Sơn thì hết nói. Chẳng ai kể được với anh ta. Hứng thì làm, không hứng thì ì ra, chỉ làm phất phơ. Đi kỷ luật xoành xoạch ấy. Ngang bướng, cứng cổ với cán bộ lại hay phạm nội quy nhưng anh ta có nhiều tài. Vì vậy ban giám thị cứ phải cần đến anh ta luôn. Có lúc ban giám thị cứ phải lờ khuyết điểm của anh ta đi, chỉ khi nào quá lắm mới đưa anh ta đi kỷ luật. Năm ngoái, anh ta còn dám làm tiền giả của trại nữa. Anh ta làm tinh vi đến nỗi nếu không có người tố cáo thì không ai phát hiện được.

Tôi hơi ngạc nhiên khi nghe Toàn nói đến tiền trại. Chắc Toàn cũng hiểu rằng tôi chưa hề nhìn thấy loại tiền đó bao giờ, nên anh ta thò tay vào ngực lấy ở túi áo trong ra một miếng bìa giơ cho tôi: Đây là một đồng này. Loại lớn nhất là năm đồng, sau đó là hai đồng, một đồng, 50 xu, 20 xu, 10 xu, 5 xu. Loại nhỏ nhất là 5 xu. Loại tiền 5 đồng to nhất, tờ bìa lớn gấp rưỡi tờ 1 đồng này. Rồi cứ nhỏ dần cho tới đồng 5 xu. Đồng 5 xu thì một bề 2 phân, một bề 2 phân rưỡi. Thấy tôi bần thần ra dáng chưa hiểu thì Toàn nói tiếp như giải thích:

- Những tiền này chỉ lưu hành trong trại tù trung ương số 1 Lào Cai bao gồm 5 phân trại mà thôi và trao đổi giữa tù và tù. Đôi khi tiền dùng để nhờ cán bộ mua hàng. Cũng có khi ban giám thị thông báo bán thuốc lào, kẹo, đường. Vì trại có mía, nên lâu lâu ba bốn tháng lại bán mía hay mật.

Trong trại, anh em thường gọi tiền này là tiền âm phủ vì ra ngoài xã hội không tiêu được. Cầm miếng bìa một đồng, tôi nhìn mãi. Tuy đơn giản nhưng với điều kiện hiện nay ở trong trại E mà làm được giả thì cũng chỉ có được một hai người.

Một miếng bìa mỏng mầu xám nhạt hình chữ nhật, một bề khoảng ba phân rưỡi, một bề năm phân. Một khung như con dấu này có một đường bờ rộng hai ly. Cái khung giữa miếng bìa, phái trên có chữ "một đồng". Hai bên, phía dưới, một bên chữ "ban giám thị", (có chữ ký). Một bên có chữ "C/B tài chính" (có chữ ký). Toàn bộ tờ giấy bạc đều in bằng mực mầu xanh cánh trà. Triện mộc của ban giám thị trại cải tạo trung ương số một đóng ½ vào một góc của tờ bìa.

Sau khi rửa đĩa, rổ xong với Toàn, tôi cố đưa mắt tìm anh Lê Sơn để trả lại cho anh chiếc đĩa và cảm ơn anh đã cho tôi sắn. Lúc này, nhà ăn đã thưa người vì thế tôi đã nhìn ngay thấy anh còn ngồi ở một bàn cuối. Anh đang nói chuyện với một anh tôi đã quen mặt. Phải rồi! Anh này là Lý A Chén, hôm qua cùng với anh Sín Cà ốm bệnh ở trong buồng mà tôi đã gặp. Anh ta là người dân tộc, chả hiểu là dân tộc gì? Lê Sơn tươi nét mặt khi thấy tôi đến. Đặt cái đĩa lên bàn, tôi nói trong niềm hoan hỷ ân tình:

- Anh đã thông cảm những khó khăn của buổi ban đầu, xin gửi lại anh cái đĩa.

Sơn vừa dịch người lại để chỗ cho tôi ngồi xuống chiếc ghế dài, vừa nói giọng người lính:

- Anh cứ giữ mà dùng, ở đây dần dần rồi sẽ có đủ. Để ý làm gì những cái vặt ấy!

Rồi anh chỉ người cùng bàn đối diện, quay lại tôi, cười giới thiệu:

- Đây là Lý A Chén, tự giác của toán mình đấy!

Tôi cũng cười, nói là đã biết anh Chén từ hôm qua rồi, chỉ không ngờ anh lại là tự giác của toán thôi. Qua buổi nói chuyện này, tôi hiểu thêm được một số vấn đề mới. Như vậy, mỗi toán có một người tự giác, người mà có thể ra vào trại đi lao động, không cần phải có cán bộ đi coi. Anh tự giác này, tất nhiên đã được thử thách lâu ngày về nhiều mặt. Anh có trách nhiệm phải chạy lo nhiều khâu ở bên ngoài cho toán như: Nguyên vật liệu, dụng cụ hoặc trông nom, bảo quản tài sản v.v… của toán ở bên ngoài trại. So với toán trưởng, trật tự thì quyền hạn và nhiệm vụ khác nhau.

Trong trại, thì trật tự là nhất. Ra chỗ lao động thì do toán trưởng điều hành toán. Nhưng trật tự và toán trưởng không thể ra vào trại mà không có cán bộ dẫn giải. Vì thế, trật tự và toán trưởng vẫn phải thân mật, hẩu với tự giác. Chính do thành phần tự giác này là đầu mối móc ngoặc, mua bán, đổi chác thầm lén với các phân trại khác và đôi khi cả với người dân của những bản làng trong khu vực. Cũng qua Lê Sơn và anh Chén trong gần một giờ ở buổi trưa này tôi đã nắm vững được giờ giấc sinh hoạt của trại:

Sáng sớm, 5 giờ: Kẻng báo thức. 6 giờ 30: Kẻng tập họp đi làm. 7 giờ: Kẻng xuất trại. 11 giờ: Kẻng về trại buổi trưa. 12 giờ 30: Kẻng tập họp đi lao động buổi chiều. 13 giờ: Kẻng xuất trại. 17 giờ: Kẻng về trại. 18 giờ: Kẻng thu tù vào buồng. 21 giờ, tức 9 giờ tối: Kẻng cấm, tất cả đi ngủ. Như thế là tròn một ngày của tù. Theo Lê Sơn nói: Trước đây, trại còn nhiều lần kẻng như:

Kẻng giải lao 15 phút giữa giờ lao động buổi sáng. Kẻng vào lao.

Kẻng giải lao 15 phút giữa giờ lao động buổi chiều. Kẻng vào lao.

Kẻng thu dụng cụ 15 phút trước 11 giờ, giờ tù về trại buổi sáng.

Kẻng thu dụng cụ 15 phút trước 5 giờ chiều, giờ tù về trại.

Kẻng lấy cơm buổi sáng. Kẻng lấy cơm buổi chiều.

Nghĩa là, suốt ngày tiếng kẻng, chát chúa khua đập vào tai mọi người. Có thể chính ngay lũ cán bộ cũng điên đầu, đinh tai, nhức óc suốt ngày đêm với tiếng kẻng. Bởi thế, bây giờ bỏ sót, nên mỗi ngày chỉ còn lại 9 lần kẻng mà thôi.

Thông thường, buổi trưa tù đi lao động về, chia chác cơm nước, ăn uống chỉ trong vòng nửa giờ. Do đấy, từ 11 giờ 30 phút cho đến 12 giờ 30 phút là lúc kẻng tập họp đi làm. Mọi người phải nằm nghỉ, ngủ trong một giờ để hồi sức tiếp tục lao động buổi chiều. Trong một giờ ngủ trưa này, nếu anh không ngủ được thì tuyệt đối không được gây một tiếng động làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của người khác. Đó cũng là nội quy của trại và trong những điều khoản của 12 điều "nếp sống văn hóa mới".

Chương 12

Một Chiều Vấn Vương

Trong buổi nói chuyện với Lê Sơn, Lý A Chén này, tôi thấy rằng: Lê Sơn là một con người có kiến thức, khá lanh lẹ, bén nhậy. Vì thế, anh đã nhìn sâu, nhìn sát được nhiều vấn đề nên có nhiều hiểu biết về cái chế độ mà anh đã nhiều năm xả thân phục vụ, cũng như hiện nay đang nằm trong nhà tù của nó. Bản tính của anh lại ngông cuồng, hơi kiêu ngạo. Một người như vậy thì không thể nịnh bợ, xum xoe, báo cáo lập công một cách hèn nhát. Còn Lý A Chén là người dân tộc. Tuy anh không nói rành tiếng Kinh, nhưng anh có cái láu cá, khôn lanh riêng của người thiểu số. Những chuyện lớn như trốn tù, phá trại, ăn cắp lớn của trại thì anh ta sẽ không ngần ngại gì mà không báo cáo. Chứ còn những chuyện vặt vãnh như: Vài lời nói phản động, dăm ba củ sắn, cái lược v.v… thì hẳn anh ta cũng biết dành ra một cách sống thích hợp.

Cũng một phần do sự chân thành nhã nhặn của tôi, nhưng cũng do sự hiểu biết và hiếu đượm tình người của các anh nữa nên buổi nói chuyện cởi mở có ít nhiều tin tưởng. Tuy vậy, từ sớm ý định của tôi muốn biết về anh Khải bị đi cùm sáng nay và còn nhiều điều nữa muốn thăm dò, hiểu biết, nhưng xét ra chưa vội. Hãy để những ngày tới cho tôi có thể nhìn kỹ hơn; vả lại thời gian buổi trưa cũng đã gần tàn.

Buổi chiều ở ngoài lán thủ công. Lê Sơn thấy tôi cũng làm được nhiều việc trong vấn đề sơn, vẽ và kẻ băng khẩu hiệu, phần nữa do phong cách sống trọng người của tôi nên anh đã thể hiện sự quan hệ thân mật hơn:

- Anh làm như vậy, chỉ ít ngày nữa là công việc chạy lắm. Mình phải biết điều chế cho vừa phải thôi, kẻo mệt về sau.

Anh cũng cho tôi biết, chỉ còn hơn 10 ngày nữa là Tết, vì vậy những khẩu hiệu này là để chuẩn bị treo dán cho trại cũng như cho cơ quan trong dịp Tết. Lê Sơn còn khoe: Cứ vào dịp này hàng năm anh sẽ phải lên cơ quan để trang trí nhiều ngày, và như vậy có nghĩa: Trà và thuốc lá là không chạy đâu được. Anh cười, nói thêm:

- Bộ đội và cán bộ có biết chó gì đâu!

Vừa để hưởng ứng, và cũng vừa muốn đề cao Sơn một tí cho anh vui, tôi cũng cười:

- Họ phải như vậy thì anh mới nổi bật và mới èo ọt với họ được chứ!

Không ngờ anh lại lắc đầu quầy quậy, nói giọng hơi bực:

- Thế mà có được cái chó gì đâu. Sang, hẩu lắm là một gói trà Đoàn Kết 2 hào, hay gói thuốc lá Trường Sơn 3 hào là hết bã.

Nói rồi, anh cúi xuống chỉ cho tôi làm tiếp một số công việc. Xong rồi anh hạ giọng:

- Bình làm đi, làm vừa phải thôi. Để ý thấy cán bộ hay người lạ lên đây, ho 2 tiếng báo động cho tôi.

Dặn tôi xong, anh quầy quả đi khuất vào phía trong nhà. Một lúc sau, tôi vào trong góc nhà chỗ Lê Sơn đang cắm cúi, hì hụi tôi mới hiểu: Anh đang cưa một chiếc lược bằng nhôm. Thấy tôi vào, ngừng tay, anh rút trong túi áo nâu ra một cái bọc con bằng vải đen, bên trong là một cái lược nhôm sáng bóng. Anh nương nhẹ bọc nó trong miếng vải sợ tay sờ vào làm mờ cái bóng soi gương được của chiếc lược. Anh đưa cho tôi xem rồi nói trong dáng tự hào:

- Hiện nay lược nhôm này đang được anh em trong trại ưa chuộng lắm, để làm quà khi gia đình lên thăm. Ngay cán bộ, bộ đội cũng có người lén lút nhờ làm, cũng để làm quà cho thân nhân mỗi khi họ được về phép. Nhất là trại nữ tiêu thụ mới nhiều.

Tôi cầm, ngắm nghía chiếc lược: Phía đầu có một cành hoa hồng cả nụ, hoa, lá uốn éo, mềm mại; phía chuôi là hai con thỏ say đắm ôm nhau. Nét khắc thật là điêu luyện, tuyệt vời. Nghe những chuyện anh nói tôi đã hiểu. Nhiều phạm nhân ở trại này cũng như ở các phân trại khác không thể làm lược được như Lê Sơn vì nhiều lý do: Thời gian, uy tín, nguyên liệu là nhôm và dura, lại không biết liều lượng pha chế giữa nhôm và dura của máy bay Mỹ để cho lược vừa cứng vừa bóng, chưa nói là khả năng cưa và khắc nữa. Rất nhiều điều không thể, nên chỉ có mình Lê Sơn làm được chiếc lược tuyệt hảo như vậy. Điều đáng nói nữa là Lê Sơn biết kìm chế ở mức điều kiện cho phép, tham thì đổ, vỡ. Tất nhiên anh phải bắt mối với những anh tự giác để chạy nguyên liệu cũng như tiêu thụ. Giá Lê Sơn bán là: Cái nhỏ 2 đồng, cái vừa 3 đồng, cái lớn 4 đồng.

Để có ý niệm thì một đồng bạc ở trong trại E hay trại trung ương số I lúc này thật là không nhỏ. Lương cả tháng của một người tù tập trung cũng chỉ có 1 đồng. Một ngày công lao động là 4 hào. Nếu ai lao động làm về một cái gì đó như mộc, rèn, xẻ. Có làm chết cha, chết mẹ gầy cả người đi thì một tháng mới may ra vượt được 3 – 4 ngày công. Như vậy cũng chỉ có 1 đồng 20 hay 1 đồng 60. Nhưng cả toán cũng chỉ dăm ba người làm được thôi.

Qua chuyện trò với Lê Sơn về việc này, tôi cũng có suy nghĩ: Tôi mới lên trại được vài ngày, Lê Sơn và tôi tiếp xúc với nhau chưa nhiều, vậy hẳn anh cũng có cái nhìn về tôi như thế nào. Tôi cũng hiểu về kinh nghiệm sắc sảo, tinh tế xét đoán con người thì tôi chỉ là học trò của anh. Mới lên trại tù lạ, chung quanh toàn những người e dè, lấm lét, câm lặng trong một bầu không khí ngột ngạt mà lại được gặp ngay Lê Sơn. Tôi còn được hưởng cái thích thú nữa là có người đã hiểu mình và dám tin mình. Chính vì vậy mà ngay chiều hôm ấy tôi đã hỏi Lê Sơn và anh Quý có cánh tay cụt là tổ trưởng lán vernie này. Vì anh chỉ có một tay nên toàn trại đều gọi anh là Quý Cụt. Tôi không thể ngờ Quý Cụt lại cùng vụ với Phạm Huy Tân. Cả câu chuyện về cái đảng "Tân Cách Mạng Việt Nam Phong Trào" gọi tắt là TÂN PHONG từ trong hố sâu của thời gian 4 năm xưa ở Hỏa Lò lại ùa về tràn ắp lòng tôi. Chợt nhớ đến ông Chương chủ tịch đảng mà tôi ngưỡng mộ từ lâu; săn đón tôi hỏi Lê Sơn:

- À, vụ của Quý Cụt, nghe đâu còn người nữa là Chương thế nào?

Lê Sơn ngước đầu lên nhìn tôi, hơi một chút ngạc nhiên, rồi chẳng hiểu anh nghĩ sao, cúi đầu chậm rãi:

- Ông Chương đang ở toán 3 ấy!

Hỏi Sơn sang một chuyện khác, vì tôi chủ trương sẽ có một buổi gặp ông ta khi điều kiện cho phép. Nói chuyện với Sơn tôi được biết thêm: Chẳng hiểu khi bị bắt, nội bộ đảng này có mâu thuẫn khai báo ra sao đó. Hiện giờ, giữa thằng Tân và Quý Cụt chẳng bao giờ nói chuyện với nhau, như muốn tránh nhau.

Mới khoảng 4 giờ chiều mà mặt trời đã đi đâu mất. Trong nhà vernie, ánh sáng nhạt đi rồi thẫm dần. Ngoài hiên đã có những hạt mưa li ti, trăng trắng như rây bột. Nhìn những hạt mưa bay đang quấn quít, dẫy dụa trên cây nứa cụt phía chái hồi như vẫy gọi, như nhắc nhở tôi về cái thú xưa. Cái thú ngay từ những ngày hoa mộng còn cắp sách đến trường mà bạn bè thân của tôi ai cũng đã biết. Dù đang làm gì, hễ cứ thấy mưa phùn bay là tôi mặc quần áo ra khỏi nhà, đi dưới mưa bay. Tại sao lúc này tôi lại không hưởng cái có thể của tôi, dù chỉ từ đây ra đến nhà cầu phía cuối lán thủ công? Nghĩ thế, tôi đứng dậy ra ngoài. Không được cái thú đi đường dài dưới mưa, thì ngồi nhìn mưa bay vậy. Thà chịu mùi hôi, tôi lên nhà cầu ngồi. Trong mưa bay dầy hạt, tôi đưa mắt nhìn toàn bộ khu thủ công. Nó là một hình thang méo, cạnh dài là phía cổng, nhìn xa xa là lá cờ và khu giám thị. Giữa khu giám thị và khu thủ công là một con đường đất rộng, dẫn ra phía trại xây đã hoang tàn mà tôi đã nhìn thấy trên đường vào đây, mấy ngày trước.

Chung quanh khu thủ công rào bằng những cây nứa chẻ đôi. Nứa dựng đứng, ghép sát vào nhau; buộc, kên chặt vào những chiếc cọc gỗ to chôn sâu xuống đất. Tuy rào nứa, nhưng chỉ có một lượt, lại thưa mắt cáo nên đứng ở trong lán nhìn ra ngoài đường, nếu có người đi lại cũng thấy thấp thoáng. Khác hẳn với hàng rào của trại giam, được kên chặt 2 lần của cả cây nứa, nên kín mít giữa trong với ngoài; vững chải, kiên cố như tường xây.

Trong khu thủ công gồm có hai lán dài chính và mấy chiếc nhà phụ. Lán dài nhất là lán làm mộc. Một gian đầu có vách kín dùng để kho chứa đồ, còn lại là 7 – 8 gian trống trơn không có vách. Mỗi gian có 4 cầu bào làm mộc đặt phía hai bên, để ở giữa có một lối đi rộng dọc theo nhà. Một lán chính giữa ngắn hơn là của toán xẻ gồm chừng năm sáu gian. Mỗi gian có 3 cặp xẻ với những khúc gỗ lớn dựng hơi nghiêng. Hai người một cặp với chiếc cưa to, dài ngoẳng. Một người đứng cao bên trên, một người đứng dưới, suốt ngày cứ kéo cưa lừa xẻ. Anh nào làm khỏe thì ăn 18 kg chất bột; anh nào làm vừa thì ăn 15 kg, còn anh nào làm yếu thì về… không được bú mẹ mà được đi kỷ luật cùm.

Một chiếc lán nhỏ hơn, ngay cạnh lán của toán xẻ; có một số bác già yếu, tật nguyền, đan lát ở một bên. Còn một bên là một chiếc bễ lò rèn, cứ thở phì phò suốt ngày. Có lúc như cãi nhau với tiếng khò khè xẻ gỗ của toán 3 bên cạnh. Nhưng có lúc lại như thủ thỉ, nồng đượm, đằm say của chàng với nàng. Thực vậy, bất cứ ai đã vào đến khu thủ công này đều không thể quên được bản hợp xướng vĩ đại của trại E nơi núi ngàn Hoàng Liên Sơn.

Dài theo cả ngày, tiếng pắc pắc liên tục như tràng pháo tép của dùi đục, của búa con thuộc lán mộc. Tiếng pang pang của búa tạ lò rèn; tiếng khò khè than thở của toán xẻ; tiếng phì phò, phì phò hổn hển của đôi bễ cứ quyện vào nhau, quấn quít lấy nhau, xoáy lên một cộng hưởng tuyệt vời của bản đại hòa tấu: "lao động là vinh quang muôn đời".

Nhìn ra phía hai đầu, có hai gian nhà được dựng tách rời, riêng rẽ ở hai khu đất trống. Đó là hai nhà làm việc của hai tên cán bộ quản giáo toán hai và ba. Ngoài một căn chòi nhỏ ngay phía cổng có một tên vũ trang gác. Phía sau lán, có hai chiếc chòi cao làm sát vào hàng rào, cũng có hai tên vũ trang. Mỗi đứa một chòi, ngồi trên đó.

Mưa càng lúc càng dầy, càng nặng hạt. Tôi ngồi đã ê cả chân mà lòng vẫn còn muốn ngồi nữa, nếu không thấy 2 bác già đang run rẩy, đứng chờ dưới mưa lạnh thì tôi vẫn chưa về lán. Tôi ngồi viết, vẽ được một lúc lâu, đã mỏi cả người, vậy mà hồn tôi vẫn chưa hết chơi vơi với gió mưa ở ngoài trời. Nhìn những chiếc lá hình quả trám của cây Chò phía hông lán mộc, giấy lên đành đạch từng hồi như muốn báo cho trại E biết, nàng Đông Bắc đã lại mò về.

Một nỗi nhớ nhung từng cơn như bẹo, chí lòng tôi. Cũng mưa bay, cũng gió thổi, mới buổi sáng hôm qua ở cái miền nhiều thương đau và cũng nhiều ngây ngất ấy; bây giờ xa vời vợi. Chẳng biết rằng, có lúc nào đó, người ấy còn nhớ đến tôi, đến một kẻ phải ôm một kiếp tù. Tay tôi làm việc, thỉnh thoảng tôi cứ nhìn ra mưa bay. Trong làn mưa lung linh ấy, rõ ràng một bóng hình thuôn thuôn, mềm mại với chiếc áo bông loang lổ hoa cà và làn tóc buông lơi vẫn đượm ngát mùi hoa nhài. Một vần thơ chẳng còn nhớ của thi nhân nào cứ lảng vãng trong hồn tôi:

Để thương, để nhớ cho đời.
Để vương vấn lại cho người xa xôi.

Nỗi nhớ từng cơn, từng cơn cứ cuồn cuộn lồng lên xé nát lòng tôi. Lúc giã từ, tôi cứ tưởng rằng, rồi đây ở nơi núi rừng hoang vắng, trong chỗ đen tối, lầm than của ngục tù; một trái tim đã bị cuộc đời vò xé, băm vằm tả tơi thì còn sá gì chuyện thương yêu. Nhưng người hỡi, tôi đã lầm!

Tôi đang để hồn đắm chìm vào niềm thương, nỗi nhớ thì chợt nghe có tiếng động ở chiếc cửa của hàng rào gỗ phía bên ngoài. Thoáng thấy tên cán bộ toán đang bước lên hè, tôi nhẹ ho 2 tiếng để báo động cho Lê Sơn. Từ lúc sáng do anh Lân, tôi đã biết tên của lão cán bộ toán là Kích, trung sĩ cán bộ tập kết. Khi y bước vào nhà thì Lê Sơn đã cầm bút vẽ đang choài người trên tấm khẩu hiệu như đang mải mê làm việc. Quý Cụt, tay còn cầm chiếc cọ từ phía trong đi ra lên tiếng trước:

- Chào cán bộ ạ!

Chúng tôi đều quay lại chào y, vừa gật đầu, y vừa tiến lại chỗ tôi, nhìn những chữ tôi đang tô vẽ. Mặt y hơi sáng lên, chiếc đầu hơi nhúc nhích gật. Một tia nhỏ hài lòng nhoáng lên trong mắt y. Lê Sơn đứng hẳn lên quay người lại, với giọng Nghệ An khìn khịt:

- Còn 3 băng khẩu hiệu lớn nữa trên ban giám thị mà sơn đỏ và trắng đã gần hết. Đề nghị cán bộ phản ảnh với ban giám thị cho cán bộ đưa sơn vào để chúng tôi còn làm kịp thời gian trên đã ấn định.

Tên cán bộ đã bước gần lại chỗ đống lửa đang âm ỉ cháy giữa nhà. Hai tay y rút ra khỏi túi, quơ quơ trên ngọn lửa vừa lướt nhìn một lượt chung quanh nhà rồi lay lứt giọng miền Nam:

- Các anh phải nhớ, sơn phải về mãi Hà Nội mới mua được, vì thế phải triệt để nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo quản tốt. Dù là ở trong lán mặc lòng, mỗi ngày khi làm xong phải đem sơn bỏ vào tủ khóa lại.

Thấy toàn những chuyện không nhằm nhè gì đến mình, tôi lách mở cửa sau, lại ra nhà xí để đi giải nữa. Bên ngoài gió Đông Bắc càng lúc càng mạnh, những hạt mưa phùn càng to và dầy đặc hơn. Con đường mòn đã lầm bùn lên nhớp nháp, nhiều vết chân đi. Vừa đi giải tôi vừa run cầm cập, càng về chiều, trời càng lạnh. Đã cuối Đông, nàng Xuân sắp về với núi ngàn sao mà còn lạnh thế! Tôi nhìn những ống vầu to tướng cưa vát miệng. Hơn một chục ống dựng hàng loạt, nghiêng dựa vào một cây nứa nằm ngang, được buộc chặt vào hai chiếc cọc gỗ. Ống thì lưng lưng, ống thì đầy nước tiểu. Sáng hôm nay, qua Quý Cụt tôi đã hiểu: Đây là một nguồn phân hữu cơ có giá trị kinh tế của trại. Nghe Quý nói, làm tôi nhớ đến buổi sinh hoạt của tổ Phan Thanh Vân tối hôm qua. Một anh đã phê bình một anh là đã đi giải không đúng chỗ quy định, làm lãng phí nhiên liệu. Nghe thấy lạ lùng khó hiểu, tôi cứ tưởng là họ

đang phê bình một anh nào đó đi tiểu bậy bạ không đúng chỗ làm mất vệ sinh, chứ đâu có nghĩ là lãng phí nhiên liệu. Một ý nghĩ làm bụng tôi cũng nhúc nhích buồn cười: Phải gọi là nhân liệu mới đúng.

Khi tôi trở về lán vernie thì tên cán bộ đã ra rồi. Tiến gần lại đống lửa, hơ tay cho đỡ cóng. Quý Cụt quay lại nhìn tôi, nói rổn rang như rắc sỏi:

- Bình mới nhập trại mà hên thật! Trời này, trong khu thủ công chỉ có lò rèn và lán vernie là duy nhất có lửa sưởi.

Tôi còn ngơ ngác chưa hiểu trọn ý của Quý Cụt, Lê Sơn đã giải thích:

- Mùa Đông rét căm căm, lạnh thun chim lại; được lao động trong lán là hạnh phúc rồi! Những toán làm rau, làm ruộng, vào rừng chặt cây, vác nứa v.v… Bình cứ tưởng tượng là thấy rồi. Trong lán thủ công, cái lửa của lò rèn là cái lửa của nghề nghiệp rồi, không nói. Còn lán vernie, dầu và vernie cần khô mới bóng nên phải đốt lửa.

- Như vậy là chúng ta bị sưởi, chứ không phải được!

Tôi nói tiếp, làm cả 3 đều cười thành tiếng. Trời càng về chiều gió càng lộng. Gió rào rào ở phía rừng cây thổi thốc vào trong nhà từng đợt. Nếu đóng cửa, có đống lửa thì cũng tương đối ấm. Nhưng lại bị tối lờ mờ thì làm sao mà viết với vẽ? Do đấy, dù lạnh đến cứng cả ngón tay không cầm được bút vẽ thì cũng đành phải mở cửa ra. Nhưng mỗi khi nghĩ đến, chẳng phải ở đâu xa, ngay anh em ở dưới lán mộc thôi, chung quanh, trống trơn không có vách, liếp, họ còn lạnh thế nào mà vẫn phải chịu, thì mình đây đã may mắn hơn họ nhiều rồi. Cứ nghĩ như thế là thấy bớt hẳn lạnh đi nhiều.

Khi toán tập họp ra về thì trời càng thẫm lại. Đứng ở sân tập họp, anh nào cũng áo bông, áo tơi chẳng đụp, lếch thếch lôi thôi. Lại còn những chiếc mũ nữa chứ! Thôi thì đủ kiểu, đủ mầu, từ những mảnh chăn rách, đến những miếng dạ đã rụng hết lông tơ đều có thể túm, véo thành một chiếc mũ để chống cái lạnh của đất trời. Tôi cứ nhìn về phía Vân mãi. Dáng anh đã cao, lại đội một chiếc mũ, chẳng biết do anh hay người khác thiết kế: Nửa dạ, nửa vải, tùm hụp che gần kín mặt; chỉ có một con mắt. Mỗi khi anh nhìn về phía này hay phía kia, tôi cứ cảm thấy lấp ló như mắt con cú mèo. Còn anh chàng Nguyễn Huy Lân nữa, thùm thụp khoác một chiếc áo bông tã cũng chẳng đụp, không biết nên gọi nó là mầu gì. Chỗ nâu, chỗ đen, chỗ xám nhưng chỗ nào cũng xỉn lại vì vải đã lâu ngày và lâu ngày không giặt. Anh đang ôm một chồng sổ sách đi từ đầu hàng trở xuống dưới mưa bay dầy hạt. Cứ đến một đôi, đầu anh lại gật một cái, môi nhóp nhép như chào; nhưng thực ra anh đang đếm nhẩm số người anh điểm.

Người đứng trong hàng đã run, mà người đi điểm cũng ngắc ngư. Một phần nữa là bụng anh nào cũng chả có cái quái gì để có calo chống lạnh cả. Ai cũng mong cho nhanh, cho chóng, làm lẹ để còn về tổ ấm trong nhà tù. Mưa, gió rét lạnh như vậy mà khi toán về đến cổng trại vẫn thấy một anh đứng cạnh cổng, tay cầm một gói lá giong dại. Trong gói có chừng 3 lạng lá cải bắp già đã luộc rồi. Bên cạnh, là một bác chừng 45 hay năm chục tuổi, hay tay đang ôm 3 – 4 củ sắn nướng, nhiều chỗ đã đen xì. Cả hai cùng khoác áo tơi lá cũng đã tả tơi nhiều chỗ rách. Hai cái mặt thì tái ngoét, hai cặp môi xám xịt, cứ đứng chơ vơ ngoài gió lạnh, mưa Đông. Hai chiếc áo tơi lá cứ rung tít mãi lên, không hiểu vì gió hay vì người? Khi về đến gần ngang buồng, đang đi cạnh anh Bùi Tâm Đồng, tôi hỏi anh giọng băn khoăn:

- Tại sao họ không ăn ở ngay ngoài đồng, mang về trại làm gì để bị phạt, đứng lạnh khổ như vậy?

Anh Đồng quay hẳn sang nhìn tôi đăm đăm một giây, ánh lên vẻ lạ lùng rồi mặt anh trở lại tự nhiên. Chắc hẳn rằng anh đã hiểu, chỉ vì tôi chưa biết mới hỏi. Vừa đi vào buồng, anh vừa nói:

- Đôi khi toán làm ở ngoài đồng được cải thiện. Hoặc anh nào đó lén lút, xoay sở kiếm chác được cái gì cố liều, giấu

mang về trại. Nếu may mắn mang thoát được vào trại sẽ ngấm ngầm móc ngược đổi lấy giấy viết thư, tem, phong bì hoặc thuốc lào, mà nếu không thì báo. Thiếu gì người có tiền, nhưng đói muốn mua.

Dù là mưa bay, nhưng mái tranh cũng nhì nhẹt nhỏ giọt. Mặt sân vẫn bùn đất, nhếch nhác vì thế các toán đều phải chia cơm canh ở những mái hiên hay vào trong hội trường. Trong lúc chia cơm, thỉnh thoảng tôi vẫn rõi mắt về hai người bị phạt còn đang đứng run rẩy ở phía cổng trại. Lòng tôi cứ ngậm ngùi, đầy vơi cho một kiếp người. Không biết bạn bè có ai lấy dùm cơm, canh cho họ hay không?

Chương 13

Một Buổi Sinh Hoạt Cuối Tuần

Hôm nay khi cán bộ trực trại vào điểm xong, sau khi cửa đóng, anh Lân cất cao giọng nói với toán hai:

- Mười lăm phút, các anh toán hai hút thuốc, đi giải rồi ta vào sinh hoạt toán.

Không thấy tiếng đài léo nhéo như hôm qua. Tôi hỏi Vân thì được biết, hôm nay thứ Sáu, không có đài, để cho các toán, các buồng sinh hoạt hàng tuần. Vân móc túi mời tôi điếu thuốc cuộn, rồi nhẹ nhàng nói:

- Tôi nghe Bình được vào làm ở tổ vernie, may đấy. Công việc mộc nặng lắm!

Ngưng một lúc, đốt điếu thuốc, Vân lại hỏi:

- Thế nào, cảm tưởng Bình ra sao sau một ngày đi lao động?

Nhiều ý tôi định nói, nhưng tôi trả lời lập lờ, sau khi mồi xong điếu thuốc Vân đưa:

- Mình là tù thì chỉ biết cố gắng.

Nói rồi, tôi hỏi tiếp Vân, giọng hơi thắc mắc:

- Này, sao tôi thấy sau lưng nhiều người có số tù. Nhiều anh lại chỉ có chữ "cải tạo"?

Vân cũng nhìn tôi như cái nhìn của anh Đồng, khi tôi hỏi về hai người bị phạt đứng ở cổng trại lúc chiều, rồi chậm rãi nói nhỏ:

- Điều này chẳng ai hiểu được. Tập trung hay người ta thường gọi là "tắc bọp" thì không có án đã đành. Nhưng nhiều người có án cũng không có số. Như tôi đây chẳng hạn.

Vân nói đến đây thì anh Lân ngồi ở sàn phía trước, ngay cạnh cửa ra vào, vẫy tay ra ý muốn gọi tôi sang. Vừa đến nơi, Lân kéo tay tôi ngồi xuống cạnh, rồi ghé tai tôi nói nhỏ:

- Tao đề nghị, và nói mãi với cán bộ để mày về tổ vernie đấy!

Thấy cử chỉ của anh tỏ ra đầy thiện cảm, qua ánh mắt của anh cũng không thấy gì phải dè dặt, tôi cũng thân mật:

- Trong Nam anh ở đâu? Gia đình ấy!

- Vợ con tao ở Nghĩa Hòa, Ông Tạ, Sài Gòn. Thế còn mày?

Anh vồn vả hỏi lại tôi. Mừng ra mặt, tôi cũng niềm nở:

- Cũng ở gần anh, cuối đường Bắc Hải, Lê Văn Duyệt, và cũng Ông Tạ.

Anh rối rít đập vào tay tôi:

- Thế à, thế sao tao không trông thấy mày bao giờ?

Tôi thấy buồn cười, rồi cũng trả lời anh:

- Thế mà tôi lại… cũng không trông thấy anh bao giờ.

Anh cười như nắc nẻ thành tiếng. Tôi cảm thấy anh cũng không có gì sâu, hiểm. Người anh, tuy da vẫn còn tai tái như mọi người tù khác, nhưng anh vẫn mập so với nhiều người. Tôi đang nghĩ ngợi về anh, thì anh lại đập vào tay tôi như thúc giục:

- Thôi về sinh hoạt đã, mai nói chuyện tiếp.

Nói dứt, anh đứng lên, đi ra giữa nhà cất tiếng dõng dạc:

- Anh em toán hai ở sàn trên xuống hết dưới này. Toán hai ngồi gọn tập trung sinh hoạt ở phía đầu này. Còn toán ba sinh hoạt ở sàn trên, phía đầu kia để không bị ảnh hưởng lẫn nhau. Anh vừa nói, tay anh vừa khoắng ra hai phía của căn nhà.

Trong buồng rầm rập, người trèo lên, người trèo xuống. Một vài tiếng í ới lớn tiếng của toán ba nhắc một người vào nhà xí, lấy chiếc đèn trong đó ra để sinh hoạt. Một anh toán hai trèo lên sàn trên với, tháo chiếc đèn bão đang treo giữa nhà xuống. Chỉ hai phút sau, căn buồng lại trở về im lặng. Trong góc phía sàn dưới, toán hai gồm năm mươi người quây quần, tụm lại một đám thành một vòng tròn. Ngay ở giữa, để một khoảng trống hơn một mét vuông. Lù lù ở một mé khoảng trống, đặt ngay trước mặt Phan Thanh Vân được Lân chỉ định làm thư ký ghi biên bản buổi sinh hoạt là một chiếc rương bằng gỗ, quét mực tím đã phai màu. Trên mặt rương, một góc là chiếc đèn bão, chính giữa là mấy tờ giấy trắng. Cái bút và lọ mực cũng mầu tím. Anh Nguyễn Huy Lân, toán trưởng chủ trì cuộc họp đang ngồi cạnh Phan Thanh Vân. Tôi ngồi trong một góc phía sau, cạnh Bùi Tâm Đồng với cậu Châu.

Ánh sáng của chiếc đèn bão hắt ra, làm cho những khuôn mặt ngồi xa phía sau thành đen thẫm. Lấp loáng những đốm mắt trắng đục lờ đờ, đăm chiêu đều nhìn vào chiếc đèn. Thoang thoảng một vài tiếng thì thào, rì rầm trong yên lặng. Nguyễn Huy Lân hơi dướn người lên, mắt lướt nhẹ một vòng qua các khuôn mặt, khèn khẹc vài tiếng, gãi cục đờm thuốc lào trong cuống họng. Anh cất tiếng, giọng vẫn còn rè:

- Lệnh và chỉ thị của ông cán bộ toán cho chúng ta sinh hoạt hôm nay nhấn mạnh. Toán ta phải đào sâu, cọ kỹ, mổ xẻ cụ thể về vấn đề tư tưởng. Toán chúng ta đã có truyền thống lao động hăng say, ít vi phạm nội quy của trại, triệt để áp dụng nếp sống văn hóa mới, thực hiện nghiêm chỉnh bốn tiêu chuẩn cải tạo, sản xuất thường vượt mức kế hoạch. Vậy mà chưa năm nào khi bình bầu, toán ta được là toán xuất sắc. Như vậy là vì sao? Chính là vì vấn đề tư tưởng. Chúng ta phải thừa nhận rằng thành phần của toán chúng ta thật phức tạp. Nhiều cặn bã, mầu sắc, khuynh

hướng được buộc chặt, gói kín. Nhưng thỉnh thoảng vẫn lấp ló ra trong lời nói hay hành động.

Chúng ta đều biết, hiện nay trong nhà kỷ luật có 6 người của toàn trại mà riêng toán ta đã chiếm 3 người. Tóm lại, chúng ta không thể phủ nhận là toán ta rất nặng về khâu tư tưởng. Bởi vậy, tôi đề nghị các anh hãy thành khẩn, tự nguyện trình bầy những khúc mắc trong lòng mình cho mọi người cùng đóng góp qua lại lẫn nhau, xây dựng giúp cho nhau cùng tiến bộ.

Anh Lân đã ngừng lời, cục hầu ở cổ anh cứ động đậy nhô lên, thụt xuống; chẳng hiểu vì muốn lấy hơi hay nuốt nước bọt? Láo liêng con mắt, anh nhìn khắp một lượt, đợi chờ.

Một phút, rồi hai phút, vẫn im lặng, nặng nề; nghe rõ cả một anh đang gãi bụng sồn sột. Một số cái đầu hơi cúi thấp xuống như muốn tráng ánh đèn. Bầu không khí đã bắt đầu hơi ngột ngạt, mặt tôi cũng dần dần nóng lên. Có lẽ anh Lân cũng thấy cái tắc nghẽn của sự im lặng, vì vậy anh lại rổn rang cất tiếng để tháo nút:

- Bây giờ trước hết từng tổ lần lượt phát biểu trình bầy những vướng mắc và những sự việc chính của tổ mình trong tuần qua.

Anh Lân vừa dứt lời thì đã có hai người giơ tay xin phát biểu. Cả hai anh tôi đều chưa biết tên, anh Lân chỉ một anh có cái đầu nhọn hoắt, cái môi dưới thuỗn ra như môi cá ngão, anh nói sôi nổi như cổ vũ:

- Hoan nghênh anh Dũng tổ 4. Xin mời anh phát biểu!

Anh có cái tên Dũng, lấy tay hất mạnh mái tóc đang phủ xuống mặt như đuôi con gà trống lên; mắt đăm đăm nhìn ngọn đèn:

- Tổ tôi gồm có 9 người, hiện nay chúng tôi nhận thi công 10 chiếc giường đôi của toán. Nói chung về khía lao động thì mọi người đều nổ lực làm đều tay. Còn về tư tưởng của mỗi người thì tôi không thể biết được. Tuy vậy, chỉ có anh Lù Chẳn Păng, trong giờ lao động, anh hay lén lút làm đồ tư. Cụ thể tôi đã đưa một chiếc hộp con anh đã làm bằng gỗ Mỡ, báo cáo với cán bộ toán. Mặt khác, những buổi trưa hay chiều, anh Páng thường lẩn ra phía sau hội trường để liên lạc, quan hệ thì thầm to nhỏ với nhiều người dân tộc khác. Hiện tượng này, trong tổ chúng tôi đã nhiều lần giúp đỡ, nhưng anh vẫn cứ chứng nào tật ấy. Chưa hết, chiều Chủ Nhật vừa qua, anh Páng đã đem 4 con tem thư để đổi lấy con chuột nướng của anh Thiềng tự giác toán 6.

Thấy y phát biểu cứ giật đùng đùng như người ta đánh trống ngũ liên; tôi hỏi nhỏ cậu Châu ngồi bên cạnh. Tôi đã biết Châu là một trong nhóm 4 người mà Shè Khửu Sáng đã nói với tôi:

- Này em, Dũng, y tội gì?

Châu ghé sát vào tai tôi thì thào:

- Thằng này tiến bộ lắm! Nó thuộc đảng phái trong nhóm của Phạm Huy Tân. Nó là Lê Khắc Dũng, anh em vẫn gọi nó là Dũng Khoằm. Anh có nhìn thấy cái mũi của nó khoằm xuống như mỏ con vẹt không?

Trong khi Châu đang thì thầm với tôi thì anh Lân đã hướng về anh thứ hai, đã giơ tay lúc nãy:

- Bây giờ xin mời anh Đinh Sơn, tổ kỹ thuật phát biểu.

Nghe anh Lân gọi là Đinh Sơn, tôi cứ chằm chặp nhìn anh ta mãi. Óc tôi đang lục tìm những cái tên trong toán

Boone biệt kích đã ra đầu hàng. Phải rồi Đinh Sơn, Lân, Thú, Công Thành v.v… Hôm qua tôi đã nhìn thấy anh này nhiều lần ngoài lán mộc. Dáng anh cao cao, nhưng cái lưng lại hơi cong về phía trước. Tóc anh cắt ngắn ngủn, đôi mắt to và sâu, làn lông mày thật thưa. Nét mặt luôn đăm chiêu, chưa thấy lúc nào anh ta cười.

Trong khi tôi đang thả hồn nghĩ ngợi về anh và toán Boone thì anh đang chậm rãi, nhỏ nhẻ phát biểu:

- Tổ chúng tôi chỉ có 3 người, thường sản xuất mặt hàng làm kỹ, riêng cho cán bộ và ban giám thị nên không có định mức. Tuy vậy, trong phong trào thi đua một người làm việc bằng hai để góp phần chống Mỹ cứu nước, tổ chúng tôi luôn luôn cố gắng thao tác tay nghề thành thực; nâng cao kỹ thuật để đạt hiệu suất cao. Hàng ngày chúng tôi thường động viên, giúp đỡ nhau trong ý thức tập thể vươn lên; triệt để hưởng ứng phong trào thi đua chung của trại.

Tuy lời phát biểu không có gì đặc biệt, nhưng anh nói từ tốn, trầm trầm thể hiện sự điềm đạm, sống nhiều về nội tâm. Tôi đang nhìn chiếc lưng dài, cũng hơi cong cong của Phan Thanh Vân đang ngồi khòm xuống ghi biên bản thì anh Lân lại hướng về một anh nhắc nhở:

- Còn tổ 3 của anh Phạm Tấn Tích nữa. Tổ vernie của anh Quý phát biểu đi chứ!

Một anh chắc là Tích, tuy còn trẻ nhưng dáng lùn tịt. Từ sớm, anh vẫn ngồi im lặng nhìn xuống khoảng chiếu trước mặt. Chiếc cằm của anh lẹm ngắn cũn cỡn; hàm răng trên lại hơi hô, nên nhìn thoáng, cứ tưởng như anh không có cằm. Anh ngẩng lên nhìn về phía chiếc đèn; cũng khọt khẹc gại giọng rồi anh nói ẽo ợt, giọng đặc Bến Tre:

- Tổ chúng tôi gồm 10 người, hiện đang nhận đóng 5 chiếc tủ áo hai ngăn của trại. Trong ý thức thi đua thực hiện tốt 4 tiêu chuẩn cải tạo, chúng tôi luôn nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, nâng cao tay nghề, nỗ lực lao động sản xuất để đạt năng suất cao. Về nội quy, tổ chúng tôi không vi phạm. Tuy vậy, tôi xin đề bạt một ý kiến trong thực tế mà chúng ta lại không ai nói đến.

Nói đến đây, anh Tích ngừng lại, a hèm mấy cái. Chắc bị vướng mấy tảng đờm trong cuống họng, vừa như anh cố ý để cho mọi người sốt ruột rồi mới nói tiếp:

- Trong phong trào thi đua một người làm việc bằng hai góp phần vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước với nhân dân. Hầu hết chúng ta ai ai cũng ra sức cải tạo, lao động không tiếc thân mình. Nhưng thực tế trong những buổi lao động, mọi người hùng hục hăng say thao tác chỉ được một giờ đầu, rồi sau đó rã rời uể oải dần. Tay cưa, tay đục, tay bào; thậm chí anh nào cũng hoa mày chóng mặt. Trong khí thế cả nước, quân cũng như dân đang dốc toàn lực cho sản xuất và chiến đấu, chúng ta không được quyền đòi hỏi ăn nhiều. Chúng ta chỉ xin ăn tạm đủ để có sức mà lao động sản xuất. Hơn nữa trong vụ giáp hạt của trại ta vừa qua: Gạo chúng ta không có đã đành, nhưng sắn cũng không đủ, nhất là rau. Phương ngôn của dân tộc ta vẫn có câu: Cơm không có rau, như đau không có thuốc. Chúng ta thiếu rau trầm trọng. Ăn muối rang nhiều bữa, nhiều người trong toán đã đi ngoài ra máu, trong đó có tôi. Toán chúng ta lại chỉ quanh quẩn làm trong lán thủ công…..

Anh Tích phát biểu đến đây, chừng như mệt ngừng lại để lấy hơi. Mọi người đều dướn người nhìn về phía anh. Da mặt ai hình như cũng được giãn ra, nên hơi sáng lên. Anh Tích lại tiếp tục:

- Tôi được biết toán rau đang thu hoạch toàn bộ 5 sào cải bắp cho cơ quan. Tuy những lá già được thu hoạch về phân phối một phần cho trại ta, một phần cho chăn nuôi của cơ quan. Nhưng anh em toán rau cho biết, vẫn còn nhiều rơi rớt, lãng phí. Do đấy, tôi đề nghị anh toán trưởng hãy mạnh dạn đề bạt với cán bộ toán quan hệ với ông Toàn cán bộ toán 5 cho anh Chén nhặt nhạnh và xin một ít lá cải bắp già về luộc cải thiện cho toán.

Đến đây thì mọi người nhao nhao lên tán đồng, ủng hộ ý kiến của anh Tích. Ngay cả tôi, mới vào có mấy ngày, cũng sót ruột như bào vì bữa cơm chỉ có sắn mà không có rau. Trong toán vẫn còn râm ran, ồn ào cả lên. Anh Lân phải cao giọng hai lần:

- Các anh trật tự, im lặng để sinh hoạt tiếp.

Rồi anh qua sang Phan Thanh Vân:

- Bây giờ đến tổ anh Vân cho ý kiến.

Từ đầu Vân vẫn cắm cúi ghi chép. Bỏ bút, anh hơi ưỡn người, chắc cho đỡ mỏi. Vì anh ngồi sát chiếc đèn, tôi nhìn rõ cái mắt chột phía trái của anh. Nó hoắm sâu vào như cái lỗ đáo, một vệt nước ướt vàng nhờn nhợt đang rỉ ra. Một cái sẹo dài ngòng ngèo, có một miếng thịt gồ lên ở dưới má. Mấy nốt sần sùi gần ngang miệng càng làm cho bộ mặt hơi to của anh thêm dữ tợn. Bù lại, anh có giọng nói nhỏ nhẻ và ấm cúng với chiếc miệng lúc nào cũng như cười, đã làm giảm hẳn cái nét dữ trên khuôn mặt. Một mắt anh liên láo nhìn mọi người một lúc, rồi cất giọng nói từ từ, thong thả:

- Tổ chúng tôi gồm 10 người. Chúng tôi đang nhận kế hoạch thi công 50 cái giường cá nhân. Sau nhiều lần bàn cãi, trao đổi, tổ chúng tôi đã cùng nhau hạ quyết tâm sẽ vượt mức ấn định 3 ngày, để lấy thành tích chào mừng quân và dân ta đã hạ 2000 máy bay của giặc Mỹ xâm lược. Nhưng hiện nay, chúng tôi hơi gặp khó khăn: Anh Khải bị đi kỷ luật sáng hôm nay, do đấy, hẳn rằng chúng tôi sẽ không thể thực hiện được mức đã giao kết. Ngoài ra, sáng hôm nay có sự hiểu lầm để đến chỗ tranh chấp nhau về gỗ lạt với tổ anh Tích. Tôi thấy rằng tổ anh Tích đã sai. Những tấm ván đó, chúng tôi đã mất công lục lọi, bới tìm từ trong đống gỗ của lán chọn ra. Như thế, những tấm ván mà anh Lân toán trưởng phân cho tổ anh Tích là những tấm ván khác. Hoặc, chính anh Lân đã chưa biết những tấm ván ấy là của chúng tôi đã chọn ra nên đã phân bổ cho tổ anh Tích.

Sau khi Vân phát biểu xong, đến Quý Cụt tổ vernie của tôi cũng phát biểu, nhưng không có gì mới. Đến đây, anh Lân lại nhìn khắp lượt cả toán rồi dè dặt thăm dò:

- Sau khi chúng ta đã nghe các tổ đã lần lượt trình bầy, bây giờ xin anh em trong toán phát biểu.

Anh Lân chưa dứt lời đã có 3 – 4 cánh tay giơ xin có ý kiến. Trong 4 người này thì tôi đã biết 2 là Lù Chẳn Páng và bác Đặng Minh Chánh. Anh Lân chỉ bác Chánh nói trước. Với giọng miền Nam khàn khàn, nhưng bác nói thật to và mạch lạc:

- Tôi phản đối ý kiến của anh Lân toán trưởng khi nãy, cho là toán hai khâu tư tưởng quá nặng nề. Tư tưởng là trừu tượng! Bản thân của tư tưởng thì không ai nhìn thấy nên không thể ai đánh giá được là xấu hay tốt. Vậy chỉ có thể đánh giá được khi nó thể hiện ra lời nói, cử chỉ hay việc làm. Bởi tư tưởng là thống soái, là bộ tổng tư lệnh chỉ huy mọi việc làm, cử chỉ cũng như lời nói của một người. Toán 2 chúng ta như các tổ đã trình bầy, hầu hết là hăng say, tích cực lao động. Lao động có hiệu suất cao, vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch, làm lợi cho công quỹ của trại. Thực hiện nghiêm chỉnh 12 điều nếp sống văn hóa mới, 10 điều nội quy và 4 tiêu chuẩn cải tạo. Như thế, nếu bảo tư tưởng không tốt, tư tưởng nặng nề thì làm sao đạt được những thành tích tốt đẹp như vậy? Làm sao mà hầu hết những công trình chính, những việc trọng yếu trong trại gần như đều do toán 2 thi công, thực hiện? Do đấy, những anh em bị đi kỷ luật là những cái riêng biệt cá nhân của mỗi người. Không thể nào chỉ nhìn vào vài cá nhân này mà đánh giá cả toán 2. Phần nữa, hiện nay anh Khâm của toán ta bị bệnh lao, đang nằm ở bệnh xá. Hôm qua tôi được biết, do thời tiết quá lạnh và do thiếu… à bệnh tình của anh khá nặng nên hai ngày nay anh đã lịm đi, ngay nước cháo cũng không ăn được nữa. Có thể đêm nay, hoặc ngày mai sẽ từ giã chúng ta. Tôi đề nghị, ngày mai nếu anh còn sống, toán ta cứ lấy hai người đại diện. Tuy chúng ta cũng chẳng có gì để giúp mình, nhưng gọi là nghĩa tình cùng một tầu

ngựa, thăm hỏi, an ủi nhau bằng một vài lời cho ấm lòng kẻ ra đi.

Ông già nói hùng hồn, nói phòi cả bọt mép ra. Cứ mỗi lần, ông nhấn mạnh, tay của ông lại vẩy ra một cái, như có con sâu róm đậu vào tay; như phụt ra được một ấm ức đã ủ nên từ lâu. Anh Lân lại chỉ tiếp một anh khi nãy đã giơ tay xin phát biểu. Anh này người thật to lớn khác thường, còn cao hơn cả Phan Thanh Vân. Anh là người cao, to nhất toán, có khi nhất trại. Cũng cái đầu cắt cao như Đinh Sơn, anh có làn da bánh mật. Những ngón tay của anh to như những quả chuối tiêu xanh luộc rồi, vừa dài, vừa xam xám. Nhưng anh lại có một bộ mặt nhìn thật hiền. Tò mò tôi lại ghé sang Châu thì được biết anh là Lê Văn Kinh, người nhái bị bắt trong vụ nổ, phá một chiếc tầu trên sông Gianh năm 1962. Khi phát biểu, tôi mới biết anh là người miền Nam. Anh nói giật giọng không đầu, không gẫy gọn, sáng tỏ ý. Chứng tỏ rằng anh không phải là người quen ăn nói, tranh cãi trước đám đông. Nội dung anh phát biểu cũng chẳng có gì khác lạ; không ngoài mấy vấn đề sinh hoạt, lao động trong tổ, trong toán. Nghe anh phát biểu, tôi có cảm tưởng anh chỉ muốn chúng tỏ là một người cải tạo tiến bộ, có tinh thần đóng góp với tổ, với toán mà thôi.

Lần này thì anh Lân chỉ tiếp đến Lù Chẳn Páng. Anh này, da trắng trẻo như con gái. Người tầm thước, hay mặc chiếc áo bóng xanh mầu da trời, nhiều chỗ bạc phếch với nhiều miếng vá loang lỗ. Tuy tiếng Việt nói không rõ lắm về âm sắc; chỉ thô kệch, mộc mạc, nhưng mặt anh đỏ lên trong khi phát biểu. Những lời nói của anh như được xì ra từ một nỗi căm tức, uất ức trong lòng:

- Tôi xin có ý kiến với anh em là anh Dũng tổ trưởng của tôi không có tốt. Anh ta cậy mình là tổ trưởng, áp chế tôi không biết ăn nói, là người dân tộc. Từ lâu, tôi có một miếng xà phòng của gia đình tiếp tế. Anh muốn xin một nửa, tôi không cho. Tôi để dành, để thỉnh thoảng gội đầu. Rồi anh ta ghét tôi. Anh ta giữ nội quy cũng không có tốt. Hôm nọ, buổi trưa, tôi thấy anh ta vào phòng trật tự của anh Tân cùng vụ với anh, giấu đem về buồng củ sắn nướng. Tôi nằm gần, thấy anh bỏ màn, lén lút lấy ra ăn. Anh Dũng không có cải tạo tốt đâu!

Một vài tiếng cười rúc rích khi nghe anh Páng phát biểu. Tôi cũng thấy rung rung trong bụng, không phải vì nội dung lời phát biểu của anh, nhưng là cử chỉ, thái độ tức bực, phẫn nộ của anh. Tuy ai cũng cảm thấy là anh đã nói thật.

Còn một người có ý kiến nữa là anh Lương Yên. Người quét dọn vỏ bào, làm vệ sinh ngoài lán thủ công của toán. Tuy anh chỉ khoảng 45 – 46 tuổi nhưng mồm anh chỉ còn cái răng, nên má hóp vào thành móm sều. Anh đề nghị mọi người trong toán khi lao động ở ngoài lán thủ công hãy tiết kiệm nước uống. Các cán bộ vũ trang, từ nay chỉ dẫn anh vào giếng trại lấy nước có một lần vào tiết lao động sáng. Bởi vậy, chỉ có một gánh nước nên buổi sáng một thùng và chiều một thùng, thay vì hai gánh sáng, chiều như trước đây.

Vì không có đài, nên cũng chả biết lúc này là mấy giờ. Nhìn qua khe cửa sổ ra bên ngoài, trời đen kịt một mầu. Tuy ngồi trong buồng, cạnh bao nhiêu người mà tôi vẫn lạnh run. Nhiều người đã ra chiều mỏi mệt, ít nhất cũng gần 3 tiếng đồng hồ rồi. Tư tưởng tôi đang bồng bềnh băn khoăn, vấn vít vào những tình huống của cảnh đời mới thì tiếng anh Lân dội lên:

- Cuối cùng xin anh Bình phát biểu cảm tưởng sau một ngày đi lao động.

Không hề nghĩ là anh Lân muốn tôi phát biểu hôm nay, vì tôi đã biết gì đâu? Bất ngờ nên hơi khớp, tuy vậy sau một giây lấy lại tinh thần tôi chậm chạp nói:

- Thưa các anh, sau một ngày theo các anh đi lao động ở lán. Nó cũng là ngày đầu tiên đi lao động trong cuộc đời cải tạo của tôi. Rồi tối nay lại được dự một buổi sinh hoạt chung với toán. Cảm tưởng của tôi thì nhiều, nhưng cảm tưởng nào cũng còn nhiều ngỡ ngàng chưa rõ, chưa chính xác. Có một điều đã rõ nhất là tôi được an lòng hơn so với khi chưa nhập trại.

Anh Lân thấy tôi ngừng lời, anh quay sang phía Vân:

- Đề nghị anh thư ký đọc lại biên bản cho toàn toán nghe như thường lệ.

Phan Thanh Vân đọc lại biên bản chưa xong, tuy đã gần hết thì kẻng cấm đã gióng giả từng tiếng một, lanh lảnh vang lên như khua đập vào óc. Trong buồng lại ồn ào như tan hát. Chỗ thì chen chúc nhau vào nhà cầu, chỗ thì túm hụm chung quanh những chiếc điếu cầy, trong khi Vân và Lân đang vội vàng ký vào những tờ biên bản.

Chương 14

Cái "Mánh"Của Tên Trực Trại

Hôm nay hơi đặc biệt. Kẻng cấm rồi mà đây đó, từ những chiếc điếu cầy đủ kiểu cứ thi nhau ré lên liên hồi như những chú dế cồ và những nàng dế đang thi gọi nhau, hẹn hò trao đổi ân tình trong đêm khuya.

Buổi sáng, cho tới khi tôi theo toán ra ngoài lán làm việc rồi mà lòng vẫn băn khoăn không dứt về một sự việc sáng sớm hôm nay khi tên trực trại Cẩn vào buồng điểm tù. Điểm buồng xong, y dừng lại trước chỗ anh Phạm Tấn Tích đang ngồi, cất giọng Cao Bằng lây lứt:

- Hôm qua, anh Tích phát biểu hay và khá lắm!

Thoáng qua, nghe như một câu khen ngợi bình thường, nhưng đã làm cho cả buồng ngơ ngác, đờ đẫn, nhất là tôi. Óc tôi lướt nhanh, tổng hợp mọi hiện tượng và sự việc. Đêm qua, toán 2 sinh hoạt từ 6 giờ đến 9 giờ, kẻng cấm. Bên ngoài trời mưa bay dầy hạt, gió lộng lạnh thấu xương. Bao nhiêu câu hỏi cứ vấn vít, quẩn quanh trong đầu tôi:

- Chẳng lẽ y chịu lạnh, đứng rình nghe bên ngoài vách để theo dõi buổi sinh hoạt của toán?

- Hay có đường dây báo cáo nào của toán 2?

- Tại sao sáng sớm hôm nay vào điểm buồng, y cố ý nói cho toàn buồng nghe để làm gì?

- Tại sao y lại chỉ rình nghe của toán 2 mà không ở các toán khác nữa? Hay có sự trùng hợp lúc Tích phát biểu thì y mới đến?

- Thực ra, bất cứ buổi sinh hoạt của toán nào đều có ghi biên bản. Như vậy, ai phát biểu ra sao thì trong biên bản đã ghi rồi. Tại sao y còn vào rình nghe?

- Chỉ là một tên trực trại, tại sao y lại theo dõi về tư tưởng? Theo như anh Đồng, lúc cùng ngồi ăn sắn sáng nay với tôi thì tư tưởng thuộc về cán bộ giáo dục. Trực trại chỉ bao quát về nội quy. Trách nhiệm chính yếu của trực trại vẫn là nắm vững nhân số phạm toàn trại, từng buồng và từng toán.

Quá nhiều câu hỏi mà chưa có lời giải đáp thỏa. Trong lúc làm việc với Lê Sơn, tôi đã lựa lời, lựa lúc hỏi Sơn thì được biết thêm: Hồi trước, ban đêm tên Cẩn thường hay vào trại đi bên ngoài các buồng để rình nghe như vậy.

Lấy điểm này, so sánh với điểm kia, loại bỏ những vô lý hoặc những vô lý hoặc mâu thuẫn thì chỉ có thể như sau:

- Dù ở khía nào thì tên Cấn cũng là một tên cán bộ mẫn cán. Phục vụ và tin theo hết lòng cái chế độ mà y đang làm việc.

- Y chỉ muốn tỏ cái tài, cái uy riêng của y với tù.

Để thực hiện cái ý trên, thỉnh thoảng y bỏ công, bất ngờ vào rình, dò xét một vài sự việc. Rồi từ những sự việc y đã biết rõ, lấy đó làm ông "ba bị" để hù lát mọi người tù. Tưởng như làm cho mọi người tù đều nghĩ và tin rằng; y có nhiều tai mắt ở khắp nơi, khắp chỗ. Ai làm cái gì, nói gì y đều biết.

Nếu y tưởng như vậy là y lầm, mà y lầm thì cũng không có gì lạ. Bởi vì với mớ kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm đóng hẹp trong cái nhãn quan truyền thống giòng tộc của y; đối với bên ngoài, tưởng mình đang đứng ở vị thế cao nhất. Hơn nữa, trong lòng y lại đang dạt dào, say mê tin tưởng tự hào, đang phục vụ cho, hoặc y cũng là một nhân tố trong cái đảng "vĩ đại, uyên bác cao siêu nhất" của loài người.

Thực ra với chủ trương ấy, y cũng là một con "ngáo ộp" được với một số người kém hiểu biết hoặc lười suy nghĩ. Chứ không thể có tác dụng với những người như anh Phạm Tấn Tích chẳng hạn. Khi anh phát biểu có người ghi biên bản thì cá cái ban nghiên cứu của giám thị sẽ đều biết. Bởi thế, bất kể ai đứng rình nghe hay theo dõi thì có nhằm nhè gì với anh?

Buổi trưa, lúc ngồi ăn cơm ở hội trường, tôi dõi mắt nhìn theo một bác người cũng thật to lớn như Lê Văn Kinh. Tay bác xách một cái bị bằng vải sô cũ, một tay cầm chiếc gậy đang rờ rẫm, chậm chạp đi trên hè buồng số III gần bếp, hướng ra sân chính của trại. Đầu óc tôi còn đang dập dờn về một kiếp người đã mất cả đôi mắt rồi mà vẫn chưa yên, thì thấp thoáng thấy màu áo vàng ở sân A, một tên cán bộ tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Người y nhỏ con, da trắng trẻo, nếu không nói là có dáng dấp thư sinh, chừng tuổi 35. Y không đeo lon nên tôi không biết y ở cấp bực gì. Hai tay vắt chéo sau lưng, y chậm chạp thả bước nhàn du, lang thang trong trại. Thỉnh thoảng đầu y nghiêng ngó, nhìn phía này, phía kia hoặc gật gật mỗi khi gặp một anh tù lễ phép cúi đầu chào y. Thái độ y vừa lạnh lúng, vừa lơ đãng.

Tôi cứ cảm thấy y là một tên tạch tạch sè (tiểu tư sản) chứ không quê đặc một cục, như tên Chu Huy Cẩn. Tôi thấy cậu Toàn đang ngồi lúi húi vá chiếc áo choàng bằng dạ, máu cứt ngựa ở mãi trong góc nhà ăn. Hẳn chiếc áo đã được sinh ra từ thời Tây, vì đã đụp nhiều tầng. Lách qua mấy chiếc bàn tôi đến bên, ra ý cho Toàn nhìn về tên cán bộ hãy còn đang lững thững gần cụm nứa phía dưới nhà ăn:

- Này ông cán bộ kia là ai đấy?

Toàn nhìn ra rồi quay lại ra vẻ hơi quan trọng, thì thầm:

- Đấy là ông Đức, thiếu úy, trưởng ban giáo dục trại này đó!

Tôi chỉ trả lời hai tiếng "thảo nào" rồi tôi mang chiếc rổ và cái đĩa nhôm đi vào buồng. Vừa đi tôi vừa nghĩ, làm sao mấy ngày tới, kiếm đâu được miếng vải khâu cái túi đựng bát, đĩa mới được. Ngay buổi chiều nay, một chiều thứ Bẩy không mưa rơi. Sau khi đi lao động ở lán về, anh Lân đã phổ biến cho toán, sáng mai Chủ Nhật toàn trại đi lao động xã hội chủ nghĩa. Mục đích là dọn dẹp, sắp xếp làm vệ sinh toàn trại để chuẩn bị ăn Tết.

Toán 2 là toán có tay nghề, nên được phân công sang sửa, làm hai luống hoa dài trước nhà số một và số hai. Buổi tối, mới điểm xong, anh Lân đã lại vẫy tay gọi tôi sang chỗ anh. Chẳng hiểu vì nguyên cớ nào, tôi cảm thấy anh Lân dành cho tôi một sự gần gũi, thân thiện như đã quen biết nhau từ lâu. Anh mở choàng chiếc chăn anh đang ngồi khoác ra để tôi cùng vào ngồi. Choàng chung một chiếc chăn ngồi nói chuyện cho ấm.

Phần do lòng thiện cảm mến người của anh; phần khác do những cái ngỡ ngàng của buổi ban đầu giữa một nơi còn nhiều cái tôi chưa biết; lại nhìn thấy bao nhiêu hiện tượng làm cho tôi chưa được yên lòng nên khi anh gọi, tôi vẫn đến với anh. Tôi nghĩ rằng, mình thân mật, thường chuyện trò với anh toán trưởng sẽ ít lo lắng cho những ngày sau. Vả lại, khi mới chuyển đến một môi trường mới, một vị trí mới trong cái mặt trận không dao, không súng này, không gì bằng hãy tìm một chỗ nấp tốt; một chỗ đứng tương đối an toàn, để quan sát, nghe ngóng đã chứ! Cho nên, dù có thân mật, chuyện trò với ai thì tôi vẫn chả hay chưa thổ lộ hoặc nói một điều gì ngược lại với xu hướng tiến bộ chung hiện nay.

Khi anh biết tôi chỉ là một học sinh trong Nam, chưa vợ con gì, anh càng trêu đùa và cứ gọi tôi bằng "mày" xưng "tao". Lúc này tôi cũng đã biết nhiều anh em gọi lén anh là "Lân Lợn", có lẽ vì con người sồ sề của anh. Ngay buổi tối đó, qua anh Lân, tôi được rõ thêm về lao động xã hội chủ nghĩa. Cứ một Chủ Nhật đi làm, thì một Chủ Nhật được nghỉ. Như vậy mỗi tháng có 4 tuần thì 2 tuần phải mất đi buổi sáng Chủ Nhật.

Một tuần lễ có 7 ngày, thì đi lạo động 6 ngày rưỡi. Lao động thì cực nhọc như trâu, bò. Dù bất cứ ở ngoài đồng, trong rừng hay trong lán đều phải dốc hết sức mình ra làm việc. Quần áo dơ dáy, mủn rách phải đụp vá, giặt giũ, còn tắm rửa. Với bao nhiêu việc khác nữa cho một cá nhân mà chỉ có nửa ngày. Con người bị coi như một cái máy. Bắt máy chạy liên tục mà chỉ đổ rất ít dầu, lại chỉ là dầu cặn, dầu thô như lời anh Khải đã phát biểu.

Đêm hôm ấy, lòng tôi cứ ngổn ngang với bao nhiêu khắc khoải cho cảnh đời trước mặt, nhất là lại nghe tin anh Khâm nào đó mà tôi chưa hề biết mặt, mắc bệnh lao của toán 2 đã chết ngay, trong đêm. Thế là toán 2 cũng chưa kịp cử người thăm hỏi, như đề nghị của bác Chánh trong buổi sinh hoạt tối hôm qua.

Mấy đêm nay, đêm nào giấc ngủ cũng không yên, tôi cứ trằn trọc thấp thỏm mệt mỏi rã rời cả thể xác, lẫn tinh thần; tôi chìm đắm vào cơn ngủ muộn xen lẫn những tiếng thở dài.

Sáng hôm nay, tôi đã mở mắt rồi mà chưa thấy kẻng báo thức. Liếc nhìn đây đó trong buồng, vẫn màn mắc vây kín mít. Không chịu được mãi nỗi băn khoăn trong lòng, tôi cố liếc nhìn qua khe hở của tấm vách liếp. Bên ngoài, trời đã hơi mờ mờ sáng, rõ ràng đã muộn hơn mọi khi. Tôi nghiêng người nhìn qua màn Vân. Thấy dáng Vân vẫn nằm dài, không biết thức hay ngủ. Tôi còn đang nhấp nhổm chưa yên thì hình như Vân cũng đã đoán được nỗi bần thần của tôi. Khi thấy tôi cứ xoay trở lục đục, Vân nhỏ nhẻ như tiếng gió:

- Cứ ngủ nữa đi. Chủ Nhật, sáu giờ ba mươi mới kẻng báo thức.

À ra thế! Bụng tôi nghĩ vậy, rồi tôi mơ màng để hồn lãng đãng cho thân xác bập bềnh chìm nổi trong giấc ngủ tiếp mập mờ. Hồn tôi đang lơ lửng với gió mây thì tiếng kẻng đã khua vang núi đồi. Những chiếc máy người lại bắt đầu khơi động cho công việc một ngày.

Qua những lúc chuyện trò ngắn ngủi với Vân, mãi đến hôm nay, tôi mới biết Vân không hút thuốc lào. Mặc dù những năm trước đây, anh đã hút khi mới bị bắt vào. Bây giờ anh đang cố xoay sở, móc nối với những anh tự giác của toán rua, để mua được những lá thuốc khô (một loại thuốc lá, khác với cây thuốc lào) do chính họ làm việc ngoài giờ, trồng được trong khu vực của toán họ. Vì không có công sức và thời gian chăm bón, nên mỗi anh chỉ trồng được vài chục cây. Do đó, khi các anh lén lút đưa thuốc được vào trong trại, thì bán hơi đắt. Chỉ những ai có nhiều tiền mới hút được.

Như vậy, tôi đã hiểu về giờ giấc ngày Chủ Nhật lao động xã hội chủ nghĩa. Bảy giờ ba mươi mới kẻng tập họp để tám giờ thì bắt tay vào lao động, đến mười hai giờ trưa mới nghỉ. Những điều ấy tôi chưa hỏi anh Lân tối hôm qua.

Khoảng bảy giờ, anh Lân, Vân và tôi ngồi nhai sắn sáng, trên chiếc chiếu con trải trên hè nhà, ngay cạnh cửa ra vào. Trời sáng nay không một vẩn mây, tuy thỉnh thoảng những đợt gió mùa Đông Bắc vẫn ào ào, luồn cái rét ngọt vào cơ thể mọi người. Nhưng ai cũng cảm thấy dể chịu hơn là có thêm mưa. Bởi vậy, trên hè, tuy bằng đất nện, nhưng khô ráo sạch sẽ nên cũng lố nhố nhiều người. Cả toán ba lẫn toán hai đang ngồi ngồm ngoàm những củ sắn để chờ giờ đi lao động.

Từ dưới sân chính phía nhà bếp, thoáng thấy bóng tên trực trại đi lên. Khi tới ngang buồng hai, y ngoặt vào, bước lên hè, làm nhiều người râm ran lên tiếng:

- Chào cán bộ ạ!

Y bước vào trong buồng một mình, nên anh Lân buồng trưởng phải đứng lên vào theo. Bên ngoài này, tôi và hắn còn nhiều người đều nghĩ, y lại sắp đem ai đi cùm, nên những chiếc mồm đang nhai sắn đều ngập ngừng, lắng nghe chờ đợi.

Một lúc sau, từ trong buồng y trở ra tới cửa, tôi và Vân vẫn cúi đầu chậm chạp, ngoạm nốt suất sắn sáng đang ăn dở. Thoáng bóng một bàn chân dép râu với chiếc ống quần mầu vàng, vừa để lên bậu cửa buồng, chếch ngay phía sau lưng tôi. Như vậy, y đang đứng nhìn Vân và tôi. Một giây sau, y cất tiếng hỏi đột ngột:

- Anh Bình, đêm qua anh nói mơ hay nói thật? Anh nói gì anh còn nhớ không?

Tôi quay lại, vì hơi bất ngờ nên làm tôi cũng hơi ngỡ ngàng. Tuy thế, chợt nhớ tới sự việc của y với anh Phạm Tấn Tích sáng hôm qua, nên tôi đã bình thản hỏi lại y:

- Thưa ông tôi đã nói mơ gì ạ?

Một vài giây, y ngập ngừng, trong khi có nhiều bộ mặt chung quanh, kể cả anh Lân đang lo lắng nhìn tôi. Hơi sừng sộ, y lớn tiếng:

- Anh thường nghĩ về cái gì, thì anh nói cái đó!

Hơi nhếch mép nhưng không cười, tôi trả lời:

- Nếu vậy, hắn rằng tôi lại nói về cái ăn rồi. Vì suốt ngày, lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ đến cái ăn mà thôi.

Hơi nặng chân, y bước hắn ra ngoài, xuống sân. Ngoay ngoảy đi về hướng nhà bếp, hắn rằng trong lòng y đang mang một nỗi hậm hực. Tôi nghĩ thầm: Thật là may, câu trả lời của y đã mở cho tôi một lối thoát để trả lời. Bởi vì, tuy từ nhỏ tới giờ tôi chưa hề bao giờ nghe thấy ai bảo tôi ngủ nói mơ, dù rằng tôi thường nằm chung đụng với nhiều người khi còn ở trại sinh Phú Thọ cũng như trong tù hiện nay. Song le ai dám chắc chắn, khẳng định hiện nay và sau này mình không bao giờ nói mơ, nói sảng? Chứ còn ngủ mơ thì ai mà chả. Nếu không thì làm sao lại vẫn có câu ca dao lơ lắng: "Đố ai nằm ngủ không mơ..."

Y đã đi rồi, cũng chẳng một ai hỏi han tôi về sự việc này, kể cả anh Lân và Vân ngồi ngay cạnh tôi. Đưa mắt nhìn lên mấy tảng mây trắng đang lững lờ bay, tôi nói một câu trống không:

- Hôm nay trời rét ngọt!

Chương 15

Một Buổi Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa Ngày Chủ Nhật

Hai con chim cánh thật trắng từ hướng Nam đang soải cánh chống với gió ngược, lao về phía Bắc xa vời. Mấy ngọn nứa già phía cuối hội trường đang nghiêng ngả, rũ rượi, gật gù như cảm thông với nỗi đắng niềm cay của kiếp người. Mươi chiếc lá khô từ mãi phía góc nhà kỷ luật, quyện đuổi theo nhau chạy đến gần buồng số II rồi cuộn xoay lại, quay tít.

Lần lượt nhiều người đứng dậy, cuộn chiếu vào trong buồng. Không bảo nhau, nhưng hình như cùng cảm thấy cái rã rời nặng nặng của cõi lòng ứa ra, rải khắp đâu đây, cả Lân, Vân và tôi đều đứng dậy, chậm chạp bước vào trong buồng.

Vào buồng, chưa ngồi nóng chỗ thì phía ngoài cửa đã có tiếng xôn xao. Thấy anh Lân chạy ra, tôi cũng bước theo. Ngay mé hè, anh Lý A Chén đã mang về một đống cuốc, xẻng và một cái hòm dụng cụ đồ mộc với mấy cái cưa tay. Và kia rồi, từ phía dưới sân lớn của trại, có 3 anh của toán làm sân đang è vai vác 3 bó nứa tươi to tướng, đốt thật dài. Mầu nứa tươi xanh mát cả mắt, lần đầu tiên tôi thấy, nên cứ nhìn mãi. Ở miền xuôi trước đây, tôi chỉ nhìn thấy nứa khô mà thôi. Tôi cứ luẩn quẩn, loanh quoanh bên 3 bó nứa mãi, nếu không có một anh tự giác khác lễ mễ gánh đến một gánh gần hai chục túm những cây hoa con. Một niềm háo hức yêu hoa đã đẩy tôi rảo bước chạy lại. Những cây hoa nhỏ nhiều loại, với những cánh hoa nhiều mầu sặc sỡ làm nhiều người túm hụm vây đến.

Cây to, cây nhỏ, cây đã có hoa, cây chưa ra nụ. Trong hàng chục loại hoa này tôi chỉ biết được mấy cây: Thược dược, mười giờ, cúc đại đóa và hoa… hồng. Do nhiều các anh, các bác đang đứng chỉ chỏ bình phẩm, nên các cô nàng e ấp cứ cúi mặt che giấu thân thế, đành ngập ngừng khai rõ họ tên: vọng ư thảo, vạn thiên kim, bách hợp, đinh tử hương, bóng nước, tư lự với tóc tiên. Cô nào cũng mơn mởn đào tơ, là lướt chuẩn bị để đón chúa Xuân sắp trở về.

Ngay từ khi còn dưới Hỏa Lò, "Khách Sạn Hilton Hà Nội", đã nhiều lần tôi băn khoăn tự hỏi: Tại sao trong chỗ thâm u, mờ mịt thê lương của ngục tù, chỉ có cùm, xích với những tiếng rên xiết, quằn quại, đắng cay thì người ta lại trồng nhiều hoa? Vì hoa là biểu tượng của hạnh phúc ấm êm, của ngọt bùi tươi sáng trong cuộc đời? Khi đó tôi đã tưởng, phải chăng đây chỉ là ý thích của tên Võ già, chánh giám thị của Hỏa Lò, người miền Nam. Nhưng lúc này, một trại giam, hẻo lánh xa xôi nơi đây, cũng đang được lệnh trồng hoa. Như vậy, phải chăng đây là một chủ trương của cục Lào Cai?

Lòng tôi còn đang bồng bềnh lẫn lộn giữa những hương sắc ngọt, bùi hạnh phúc của cuộc đời với những nỗi đắng cay tủi nhục, lầm than của kiếp tú, thì kẻng tập họp đã gióng lên đập tan nguồn suy nghĩ lãng đãng, vẩn vơ của tôi.

Chỉ nửa giờ sau, khi các tên cán bộ đã dặn dò, phân công với những anh toán trưởng từng toán. Tổ nào, toán nấy năng nổ, hùng hục làm việc khắp nơi, khắp chỗ trong trại. Chỗ cưa, chỗ đục, chỗ quét dọn râm ran tiếng chuyện trò, tiếng í ới gọi nhau. Tôi vừa kéo dây, cầm thước cho Đinh Sơn và anh Lân cắm cọc, phân luống trước nhà số II và III, vừa nhìn cái cảnh huyên náo, tấp nập làm việc của mọi người, mọi toán. Một khí thế lao động như giục giã, lôi, thúc người khác. Lòng tôi dâng lên một mối thẫn thờ hoang mang, xen nhiều nỗi ấm ức không hiểu được. Đói khát, khốn cùng, thương đau tràn lối mà mọi người vẫn hăng say, thi đua làm việc quên mình là vì sao?

Tôi mới mờ mờ cảm nhận thấy cái khả năng của Cộng Sản: Phỉnh phờ, dụ dỗ khích lệ, nhử mồi như cách mạng, yêu nước, yêu nhân dân, công bằng, ấm no, hạnh phúc ngày mai v.v… Kết hợp nhuần nhuyễn với súng, dao và cái dạ

dầy đã gây ra ao áp lực ngầm, để mọi người tù dù không còn cả muốn sống nữa mà vẫn phải bóc xương, bó tủy ra làm hết sức của mình. Thật là đáng kính nể những tên cáo già trong bộ chính trị của lũ cộng đỏ.

Hôm nay làm việc trong trại nên tôi có điều kiện chạy chỗ này, chỗ kia đây đó để nhìn các toán làm việc. Riêng toán 5, toán rau xanh do anh Xuân Tảo làm toán trưởng. Do anh Đồng, tôi đã biết anh là một nhà tư sản ở Hải Phòng. Người anh cũng mập như anh Lân, cũng nước da mai mái khô cằn, chừng 45 tuổi. Anh ăn nói nhã nhặn, điềm đạm, nên tôi cũng muốn có dịp làm quen với anh. Toán của anh có trách nhiệm nhặt cỏ và dọn lá cây khô phía trong hàng rào cấm, dọc theo chung quanh của hàng rào trại.

Đến đây tôi đã có khái niệm về hình thể phân trại E. Trại hình chữ nhật dài, nằm quay mặt về phía Đông Nam. Chiều dài chừng 150 mét, rộng chừng 80 mét. Hàng rào làm bằng những cây nứa, cao 8 – 9 mét. Nứa được chôn sâu xuống đất 40 phân gồm 2 lượt, kên sát vào nhau. Lượt ngoài chôn nghiêng 10 độ phía này, lượt trong nghiêng 10 độ phía kia. Ghép liền, kên chặt bằng 3 lượt đà tre nằm ngang với lạt và dây rừng. Trong cũng như ngoài cứ 4 mét, lại chôn một cái cọc gỗ to, vót nhọn đầu, đường kính từ 15 đến 20 phân, cao 2 mét. Nó to và chắc chắn như một chiếc cột, buộc ghì chặt vào hàng rào. Như vậy, hàng rào dầy đến 15 – 16 phân, kín mít không còn một khe hở. Tuy chỉ bằng gỗ và tre nứa nhưng thật là kiên cố, vững chãi; vừa ngăn tù trốn lại vừa chống với gió bão hàng năm của đất trời.

Phía bên trong, dọc theo hàng rào chính; cách hàng rào chính một mét là hàng rào cấm. Hàng rào này chỉ cao chừng 1 mét 20. Bốn góc trại có 4 chòi gác bằng gỗ, lợp nứa cao 9 – 10 mét, cao hơn cả hàng rào chính để công an vũ trang ngồi gác, có thể quan sát hết phía trong đến bên ngoài trại.

Riêng cổng trại ra vào là một chiếc cổng to 2 tầng, cũng lợp bằng những tấm phên nứa. Tầng trên, công an vũ trang ngồi gác cổng, trên đó treo một chiếc vỏ quả bom 50kg dùng làm kẻng. Tên bộ đội gác ở cổng này, ngoài nhiệm vụ gác cổng, phải chú ý giờ giấc để đánh kẻng trong những giờ đã quy định.

Nhân số toàn phân trại E lúc này khoảng 310 người. Hầu hết là chính trị phạm với những thành phần: Khoảng hơn hai chục người là Biệt Kích, gián điệp, Người Nhái (Biệt Hải) từ trong Nam ra Bắc hoạt động. Chừng trên dưới 100 người là dân tộc thiểu số: Mường, Mán, Mèo, Thổ, Nùng, Thái, v.v… bị Cộng Sản ghép cho cái tội là làm "phi". Số còn lại linh tinh gồm: Đảng phái, tu sĩ, tư sản, quân cán tập kết, vượt tuyến v.v… bị ghép chung một tội là phản cách mạng, phản tuyên truyền.

Khoảng 11 giờ 30, tên Cẩn trực trại vào đi kiểm tra khắp nơi những kết quả của từng phần việc được giao từng toán trong buổi lao động xã hội chủ nghĩa, để lấy điểm thi đua.

Chương 16

Điệp Vụ C47

Buổi trưa nay, sau khi cơm nước xong, tuy không mưa nhưng vẫn không có mặt trời. Vẫn thỉnh thoảng có những đợt gió mạnh rào rào chui vào trong trại nên đã có nhiều người đi nằm đắp chăn. Hàng tuần lễ nay có gió mùa Đông Bắc nên tôi không tắm được, thấy ngứa ngáy, khó chịu. Tôi rủ Toàn xách gầu xuống dưới giếng, dù không tắm được thì cũng phải lau người.

Hai anh em dùng chiếc khăn vải nhúng nước, rồi cứ mặc quần áo, cho khăn ướt vào lau trong người. Thế mà hàm răng anh nào cũng đập vào nhau cành cạch. Còn quần áo, tuy cũng thấy dơ bẩn nhưng xin cho miễn, đợi có dịp nào cũng vào ngày Chủ Nhật mà trời lại nắng hãy hay. Hơn nữa, tôi với Vân đã có hẹn nhau trong lúc lao động xã hội

chủ nghĩa, chiều nay sẽ ra hội trường nói chuyện. Khi tôi trở về đến buồng, tuy mới khoảng 2 giờ chiều nhưng nhiều người hãy còn nằm im trong chăn. Thấy Vân vẫn ngồi khoác chăn cuộn thuốc lá, tôi nói như đùa:

- Sao, Vân không tắm à?

Ngửng lên, ánh mắt của Vân như cười, nhỏ nhẻ:

- Tháng trước mình vừa tắm rồi!

Nói xong, Vân vừa đưa tôi điếu thuốc vừa hỏi lại:

- Bây giờ Bình có ngủ không? Mình ra hội trường nói chuyện cho thoải mái he?

Tuy tôi chỉ gật đầu, nhưng Vân cũng hiểu là tôi gật đầu cho ý sau, chứ không phải ý trước trong câu hỏi của Vân. Vì thế, Vân vội thu dọn lỉnh kỉnh những đồ nghề ra tiếp tục cuộn thuốc, vừa ngập ngừng, dè dặt hỏi tôi:

- Bình là Công Giáo à?

Nhìn Vân đăm đăm, tôi khẽ gật đầu nhưng mắt tôi như muốn hỏi lại "Có sao không"? Nhưng Vân vẫn không có thái độ gì khác, vẫn cắm cúi cuộn thuốc. Sau vài câu chuyện không đâu, Vân nhìn tôi, ra dáng băn khoăn:

- Bình biết về tôi ra sao, và vì sao Bình lại biết?

Dù rằng đã trao đổi, chuyện trò với Vân trong mấy ngày qua chưa nhiều, chưa đủ. Rồi lại qua lời Toàn dặn dò phải coi chừng Phan Thanh Vân. Nhưng qua từng điệu bộ, dáng đi, cách nhìn, cách nói của Vân thể hiện trong khi chuyện trò, tôi vẫn cảm thấy Vân là người chân thành, dù anh vẫn còn ít nhiều dè dặt. Vả lại quan điểm của tôi: Mình muốn người ta đối xử với mình ra sao thì mình hãy đối xử với người ta thế vậy, trước đã.. Vì vậy tôi đã chân thành nói thật hết, nội dung:

Từ một ngày Chủ Nhật 24/6/1962, tôi bị bắt vào Hỏa Lò, nhìn thấy Vân ngồi ở gốc cây bàng. Rồi khi còn ở trong Nam, một buổi nghe đài miền Bắc ở Cấp (Vũng Tầu) cho tới khi ra Hà Nội mua và đọc cuốn C47. Cũng như thời gian ở xà lim II, một buổi tối nghe Vân đọc lời kêu gọi anh em trong binh chủng Không Quân hãy lái máy bay vào vùng giải phóng v.v… Tóm lại, tôi đã nói hết những sự việc tôi đã biết về Vân.

Khi nghe tôi kể chuyện lại, ánh mắt của Vân đã giảm hẳn sự dè dặt, dọ dẫm, nhường cho sự gần gũi, thân mật, tin tưởng hơn. Tôi tin tưởng mãnh liệt rằng, sự thật bao giờ cũng có hồn, sẽ có sức truyền cảm mạnh đến người nghe. Cứ cần sự thật dù cách nói của mình có kém, có lúng túng không diễn đạt hết được ý, nhưng rồi người nghe cũng tin mình.

Vân rất ngạc nhiên và băn khoăn không biết được rằng điệp vụ C47 của anh, Cộng Sản đã xuất bản thành sách. Băn khoăn vì Vân không biết Cộng Sản đã nói những gì về anh. Thấy Vân nóng nảy muốn biết một vài khía cạnh nói về Vân trong nội dung tập sách, nhất là khi Vân nghe tôi nói: Hầu như cuốn sách đã tường thuật lại đầy đủ về phiên toà và nội dung vụ án mà còn có nhiều tấm ảnh tài liệu. Thậm chí chúng chụp cả bản khai cung của từng người như Vân, Phạm Văn Đăng (thợ máy), Đinh Như Khoa (gián điệp) v.v…

Một phần, cả tập sách điệp vụ C47 dầy gần 300 trang với bao nhiêu sự việc, lại nằm trong mục đích tuyên truyền, làm sao tôi nhớ và kể hết được. Phần khác, trong lòng tôi cũng nôn nóng. Tôi đã nghe đài Cộng Sản nói về Vân. Tôi cũng đã đọc sách của Cộng Sản nói về điệp vụ C47 của Phan Thanh Vân. Bây giờ do điều kiện và hoàn cảnh đặt,

đưa tôi lại gặp Phan Thanh Vân. Vậy tôi muốn biết những tình tiết thực tế của sự việc, để so với những điều tôi đã đọc trên sách.

Vì vậy tôi đề nghị Vân: Hãy kể lại sơ lược sự việc từ đầu, diễn tiến ra sao. Tùy theo đấy tôi sẽ có những câu hỏi, hoặc cho Vân biết là trong sách đã có sự khác biệt, khi cùng nói về một sự việc. Tay Vân đang quấn thuốc, như ngập ngừng, rời rạc. Mắt Vân lắng đọng đăm chiêu. Hẳn là Vân đang lần giở lại những trang đời nhiều mây gió, chồng chất những dáng hình, sự kiện trong hố sâu ngóc ngách của tâm tưởng. Anh hơi ngửng đầu lên. Mắt anh rõi nhìn về những ngọn nứa già đang lắc lư phía bên ngoài trại. Giọng anh chậm rãi đều đều với nội dung:

- Ngay từ hồi niên thiếu cắp sách tới trường, đôi khi tôi đã say mê đờ đẫn, nhìn theo những chiếc máy bay ì ầm, vi vút trên nền trời quê hương. Tôi đã có những ước mơ như một hoài bão: Sau này tôi sẽ tập trung mọi nỗ lực để thực hiện một mục đích, là trở thành một phi công cho thỏa chí ngao du hồ hải.

Cuối cùng sau bao nhiêu những cố gắng miệt mài, tôi đã được tuyển mộ đi học lớp phi công ở Marrakech. Tôi tốt nghiệp, trở về nước với những lời ngợi khen là một phi công ưu tú của các huấn luyện viên người Pháp trong trường. Lúc này, thực sự tôi chẳng hề có một chính kiến, dù chỉ là khái niệm về chính trị, đối với quê hương dân tộc. Ngoài những giờ bay nhiệm vụ, cũng như tập tành, huấn luyện, tôi vẫn buông lỏng tâm hồn, đắm chìm vào những thú rong chơi; lả lướt với những hương sắc của cuộc đời. Thậm chí, với những bối cảnh đẩy đưa cho mãi tới khi tình nguyện nhận lái chuyến bay định mệnh này, tôi vẫn chưa ý thức được đầy đủ về Cộng Sản, cũng như mức độ hiểm nguy thực sự của chuyến bay. Một chuyến bay, một công tác nguy hiểm, đầy cam go, có thể một đi rồi sẽ… không trở về.

Tâm tư tôi bảng lảng, lơ là nhìn chuyến đi như nhìn một khẩu hiệu, một tấm bảng ghi một chỗ; "nguy hiểm chết người". Nhiều lúc tôi cũng cảm thấy đôi phút ớn lạnh, rùng rợn như đang nhìn thấy một người giết một người. Lòng vẫn mơ hồ lăng đăng, người bị giết đó không phải là mình. Rồi cứ tiến bước trên con đường mình đã chọn.

Tuy vậy, khi chuyến bay vượt qua vĩ tuyến 17, bắt đầu xâm nhập vào bầu trời của miền Bắc, dù còn ở ngoài khơi biển Đông, cả 9 người chúng tôi trên chuyến bay đều bắt đầu căng thẳng thần kinh. Thỉnh thoảng người này liếc đôi mắt lắng lo nhìn người kia, chứ không ai nói với ai một lời. Đôi lúc thân chiếc C47 rung giật lên. Dù đó chỉ là hiện tượng bình thường của những chuyến bay đêm, cũng làm cho bầu không khí ngột ngạt, nặng nề thêm. Tôi nhìn nết mặt đăm chiêu của anh Tiêu Huỳnh Yên, điều hành viên, đang ngồi giữa tôi và anh Thích, phi công phụ. Rồi tôi ngoái lại, nhìn Đăng, cơ khí viên cũng đang ngồi trên đống bao lô dụng cụ quân trang. Tay anh đang chống cằm dáng mỏi mệt, dựa lưng vào thành chiếc cửa thông lên buồng máy. Đăng cũng đang chầm chập nhìn tôi thì anh Yên cao giọng nhắc nhở: "Đã sắp đến điểm chuẩn, quẹo trái, chếch 40 độ vào hướng đất liền".

Tôi nhớ rõ. Khi máy bay vào sâu nội địa, ở độ cao ba ngàn thước, chỉ chừng 20 phút thôi. Bầu trời như bức màn đen, không một mảnh trăng sao, lúc đó khoảng một giờ 20 đêm. Đột nhiên tôi thấy nháng lên như ánh chớp mầu da cam, ngay trước mặt. Máy bay rung mạnh, không hề nghe thấy một tiếng nổ bay bất cứ một âm thanh gì, mắt tôi còn thoáng thấy anh Yên và anh Thích ôm chầm lấy nhau. Rồi tôi không còn biết gì nữa.

Mãi khi thấy lạnh run, tôi mở mắt ra, nhưng vẫn đen kịt. Người tưởng như vỡ nát ra, tôi không cử động được chân tay nữa. Hồn lãng đãng lửng lơ, tôi tưởng tôi đã chết rồi hay đang…chết. Sau đó, một lúc, tôi mới thấy đau nhừ khắp cả người, chỗ nào cũng đau. Tay chân tôi vẫn chưa hề cử động được. Tôi đã mở mắt ra nhiều lần, nhưng vẫn không nhìn thấy gì. Đầu tôi như có ai đang cầm chiếc gậy cứ đập cứ đập vào đều đều.

Nói tới đây thì Vân ngừng lại. Tôi nghĩ là Vân muốn lấy hơi, vì nói đã hơi dài. Nhưng khi tôi nhìn con mắt của Vân trắng bạch ra lơ láo như hãy còn toát ra nỗi kinh hoàng, hãi hùng của giây phút rùng rợn gần 7 năm xưa. Tôi không dám lên tiếng, tôn trọng cái phút xuất hồn của Vân. Tôi vẫn im lặng, đưa mắt nhìn mấy bông bách hợp đang đong đưa, chờ Vân tiếp tục.

Một lúc, rồi anh lại thẫn thờ nói tiếp, giọng nao nao, da diết:

- Tôi mê man, trong đầu như có một khoảng rỗng im lìm. Chẳng còn một ý niệm gì về thời gian, không gian, rồi tôi lại không biết gì nữa.

Tôi cũng chẳng biết là cho đến bao lâu. Mãi khi tai tôi chợt nghe văng vẳng trong gió lao xao, loáng thoáng có tiếng người. Chợt lờ mờ có ý niệm về chiếc C47 tôi đang lái đã bị bắn và tôi đã rơi xuống đất. Tôi lại mờ choàng mắt ra, lúc này đã nhìn lơ mơ thấy khung cảnh đồng ruộng. Đầu đau nhức như có người lấy dao nạo vào óc tôi. Tai tôi đã nghe rõ tiếng người hò hét xa xa. Một ý thức bừng dậy thành phản xạ của sự sống còn, ập đến như một đòn bẩy giúp tôi đã nhấc được đôi tay. Mắt tôi đã nhìn thấy mờ mờ mầu đỏ loang lổ của máu nhầy nhụa lẫn vào đất bùn. Cả một nửa người tôi đã ngập sâu dưới bùn. Tai vẫn nghe tiếng léo nhéo, quát tháo vẳng vào trong gió. Cố vùng vẫy, kéo người lên khỏi đám xình lầy, nhưng tôi bất lực. Tôi tưởng phải nằm chịu trận, phó mặc cho cuộc đời. Nhưng rồi, đột nhiên như có một nguồn sức mạnh ở đâu đến trợ giúp, tôi đã ngoi và rút cả người lên mặt ruộng. Mắt tôi đã nhìn thấy những đám cói lưa thưa và tôi đã hiểu đây là một cánh đồng cói. Những tiếng quát càng lúc càng gần, lẫn lộn của đàn ông, phụ nữ:

- Chỗ này có một cánh tay!

- Chỗ này có một chiếc giầy!

- Có đứa còn sống. Các đồng chí cẩn thận!

Tôi run người lên, nhìn về phía trái có một đám cói rậm, mọc cao cách xa tôi chừng hơn 10 mét. Tôi cố nhoài, cố lê, rồi tôi cũng chui được vào đám cói rậm ấy. Những tiếng người hò hét như đã gần bên tôi. Phần vì khắp người đau như dần; phần khác, quá khiếp sợ, óc tôi tê đi. Vả lại, còn bao nhiêu sức cuối cùng vì sự sống còn tôi đã dùng hết để bò vào tới đây. Cho nên khi đã nghe thấy cả những bước chân lội bì bõm, tôi cũng đành nằm im, bất động; không còn một hơi sức nào để tự bảo vệ nữa. Cho đến lúc họ đã quát tháo ầm ầm ngay bên tai mà tôi vẫn nằm như một xác chết. Họ hò nhau, túm lấy chân tôi, kéo ra khỏi lùm cói rậm.

Lúc này, trời đã sáng rõ. Bao nhiêu là người, đàn ông, đàn bà lố nhố vây quanh tôi. Súng ống, gậy gộc. Họ hầm hè như muốn nhai xương, ăn thịt tôi. Đau đớn, sức tàn, sợ hãi, tôi lại nhắm mắt lại. Những tiếng quát, tiếng chửi vẫn ập, ngoáy vào tai tôi:

- Nó hãy còn sống!

- Đập chết nó đi!

- Nó là biệt kích của Mỹ Diệm!

Có một tiếng quát to, dõng dạc như ra lệnh:

- Không ai được đánh chết nó. Hãy lấy cáng khênh nó về cơ quan!

Nghe Vân kể đến đây, mặt Vân vừa tỏ ra mệt, vừa buồn rười rượi. Hơn nữa, trời cũng đã chiều gần tàn, sắp đến giờ cơm, nên tôi khẽ đặt tay vào vai Vân, nói nhè nhẹ:

- Xin cảm ơn Vân, lòng tôi cũng xúc động, cảm thông với những giây phút kinh hoàng gần 7 năm xưa Vân đã trải

qua. Còn một điều tôi muốn nói nữa: có lẽ đó là những hình ảnh hãi hùng, khiếp đảm lớn nhất, đã hằn sâu nét vào tâm hồn, nên Vân vẫn còn nhớ đầy đủ những chi tiết tỉ mĩ đáng ngưỡng mộ.

Vân nhìn tôi đầy thiện cảm, ánh lên mầu tin tưởng, tuy mắt Vân vẩn còn vướng vít một nỗi buồn mênh mông. Vân nhếch môi cười gượng gạo, nói nhát gừng:

- Những phút đầu và những ngày đầu thì vẫn cứ như in trong óc, nhưng những ngày tháng sau này thì tôi chẳng còn nhớ gì cả, ngoài những sự việc chính.

Phía buồng II, đã có một số các anh, các bác đem cân và bát, đĩa ra hè. Quay lại, tôi bảo Vân:

- Chắc cũng sắp kẻng cơm rồi! Ăn cơm xong, tối nay mình sẽ nói chuyện tiếp.

- Không được! Không tiện, để dịp khác, còn nhiều ngày.

Vân vừa lắc đầu, vừa nói, vừa đứng dậy mang túi thuốc lá về buồng. Tối nay, sau khi điểm xong, cửa buồng đã khóa, tiếng loa lại léo nhéo, rì rầm nhỏ to như mọi khi. Tôi đã hiểu, một tuần chỉ có mỗi ngày Chủ Nhật là không sinh hoạt buổi tối mà thôi. Tôi có ý định chờ cán bộ trực trại vào điểm xong sẽ hỏi tiếp Vân một số điều. Câu chuyện lúc chiều với Vân còn đang dang dở, nhưng đã thấy Vân chuẩn bị chăn đi nằm. Có thể câu chuyện lúc chiều đã gợi lại cho Vân nhiều nỗi niềm ngược xuôi, vơi đầy của cuộc đời. Vả lại, tôi chợt nhớ, ngay buổi chiều, khi còn ở hội trường Vân đã nói trước, không muốn nói những chuyện như vậy ở trong buồng.

Chương 17

Phỉnh Phờ, Dụ Dỗ

Đã từ mấy ngày nay, tôi vẫn nhớ một cậu có nét mặt trẻ măng, vẫn nhìn tôi bằng ánh mắt tràn đầy thiện cảm. Chính một lần cậu ta đã nhắc nhở tôi phải coi chừng Toàn. Qua Châu, tôi đã biết cậu ta cũng ở trong Nam và cùng ở trong toán biệt kích của Shè Khửu Sáng. Hiện nay, cậu ta ở toán 3 (xẻ), nằm trong góc, sàn trên phía trước. Tôi cũng hơi ngập ngừng khi định trèo lên thăm hỏi, chuyện trò với cậu ta. Chỉ vì, ngay ở toán mộc, còn nhiều người; họ hoặc tôi chưa dám tiếp xúc với nhau, huống chi cậu ta lại ở toán 3.

Nhưng từ bản tính thích tìm hiểu những điều mới lạ, lại cùng một buồng thăm hỏi thì có sao đâu. Nghĩ thế, tôi đã trèo lên sàn chỗ cậu ta. Thấy tôi nhô đầu lên, cậu ta vừa ngỡ ngàng, ngạc nhiên, lại vừa mừng, vồn vã ân cần tiếp chuyện tôi.

Khi biết tên cậu là Hùng, Hoàng Mạnh Hùng, tôi chợt liên tưởng tới anh Hoàng Hùng, tiểu đoàn phó "một chiến sĩ của Điện Biên" năm xưa, đã dẫn đại đội của mình, cắm lá cờ đầu tiên lên nóc hầm của Tướng De Castrie. Tôi đã nằm với anh ở buồng số 2, xà lim II của Khách Sạn Hilton Hà Nội. Một thoáng chạnh lòng, ngậm ngùi nghĩ đến anh. Chẳng biết anh còn sống hay đã chết, trong cái đêm oan nghiệt của đời anh?

Tôi còn đang ngỡ ngàng khi biết Hoàng Mạnh Hùng là người Thổ, dân tộc thiểu số, mới có 23 tuổi đời mà đã bị bắt 3 năm rồi, thì đã thấy Shè Khửu Sáng từ sàn dưới trèo lên. Sau khi ngồi yên chỗ, Sáng nói như thì thầm:

- Khi biết anh cũng ở trong Nam ra, chúng em đã nhiều lần muốn đến thăm anh mà chưa dám.

Tôi cứ nhìn con mắt của cậu Sáng. Con mắt trái hoắm sâu vào, một dòng nước nhờn trắng đục như rỉ, đang sùi ra một cục. Mặt cậu thật hiền hòa, toát ra một nét chất phác của tuổi đời 26. Rồi tôi lại nhìn Hùng, nước da trắng trẻo, mặt như còn hơi sữa. Lòng tôi dâng lên niềm dạt dào mến thương các cậu. Một sự gần gũi ân tình anh em, chiến hữu cùng trong một cảnh ngộ đã sưởi ấm hồn nhau.

Do buổi tối này, anh em bên nhau thì thầm, nhỏ to trò chuyện, tôi đã biết sơ lược về toán của các cậu như sau:

Toán gồm tất cả 7 người. Vào lúc 2 giờ, một đêm cuối tháng 4/1965, toán đã nhẩy xuống một vùng rừng già thuộc tỉnh Cao Bằng. Toán trưởng là Nông Quốc Hải, 26 tuổi (1965) người dân tộc Thổ. Toán có nhiệm vụ lúc đầu là bắt mối, liên lạc với địa phương, gây một cơ sở đầu cầu cho những toán kế tiếp. Sau đó, thâu tập một số tin tức tình báo thuộc địa bàn hoạt động. Nhưng khi toán nhẩy xuống điểm đã được quy định, chỉ 2 giờ sau đã bị bao vây. Trong lúc đêm tối, hỗn loạn chiến đấu, người chết, người bị thương tán loạn chẳng ai biết rõ về ai. Cho tới khi bị bắt về trại giam thì chỉ có 5 người. Trong số đó có Nông Quốc Hải, toán trưởng bị đạn xuyên qua đùi, nhưng không gẫy xương. Shè Khửu Sáng bị một viên đạn lồi hằn con ngươi ra ngoài. Còn 2 người nữa, không biết rõ là mất tích hay bị chết, cho đến nay (1968) chưa hề nghe tin tức gì về họ cả.

Năm người bị bắt, sau hơn một năm bị hành hạ khai thác ở Cao Bằng, cũng chẳng được đưa ra tòa xử mà bị nhận lệnh tập trung cải tạo, rồi chuyển về trại E này. Hiện nay cả 5 người đều ở buồng II. Hai người ở toán xẻ gỗ (toán 3) là Nông Quốc Hải, toán trưởng, 29 tuổi (1968); Hoàng Mạnh Hùng.

Ba người ở toán 2 (mộc) là: Shè Khửu Sáng – 26 tuổi, người Nhắng. Nguyễn Văn Châu – 25 tuổi, người Kinh; La Văn Thịnh – 23 tuổi, người Thổ.

Tất cả 7 cậu đều ở Tùng Nghĩa, Lâm Đồng. Khi các cậu được tuyển mộ vào ngành biệt kích, tuổi đời đều trên dưới 20. Trước đây, đôi lúc tôi cũng băn khoăn, nhớ khi bị bắt tuổi đời tôi mới 24, nhưng bây giờ nhìn về toán biệt kích này, tôi càng không khỏi bùi ngùi, khi vào tù các cậu chỉ mới ở tuổi đôi mươi. Câu chuyện của các cậu, dù tôi chưa biết được tỉ mỉ, chi tiết, nhưng cứ chập chờn len lỏi vào hồn tôi lúc rõ, lúc mờ trong giấc ngủ muộn.

Sáng hôm sau, thứ Hai. Điểm xong, khi ra khỏi cửa buồng, tôi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, khi nhìn thấy sương mù. Chưa bao giờ tôi thấy nhiều sương mù như vậy. Cả một bầu trời trắng đục, ngay cái hội trường chỉ cách gần 2 chục mét trước mặt mà cũng mờ mờ trong sương. Nhìn xuống phía dưới sân trại, những bóng người nhấp nhô, ngược xuôi thấp thoáng, di chuyển như trong một đám khói dầy. Tôi vừa chạy trong sương xuống phía giếng nước, vừa ngẫm nghĩ: chẳng biết ở những miền rừng núi thường có sương mù như thế, hay chỉ trong khu vực Hoàng Liên Sơn này?

Lúc tôi chạy trở về gần ngang buồng, cứ nhìn những bóng người thấp thoáng trong sương mờ, hồn tôi lại lắc lư, bồng bềnh liên tưởng về một ngày xưa xa lắm. Khi ấy, tôi còn rất bé, nhìn một bức tranh địa ngục với những bóng ma, quỷ tội đồ, xiềng xích. Họ làm việc khổ hình cũng trong khói sương thuộc quyền của Diêm Vương. Mập mờ, thoáng thấy bóng anh Lân và Lý A Chén cùng một số người đang ồn ào bàn tán. Thì ra hôm nay, toán trang trọng cử tự giác Chén ra đồng, sang toán 5 lĩnh lá cải bắp già về bồi dưỡng cho toán.

Ngay từ hôm thứ Bẩy, anh Lân đã vận động với ông cán bộ toán, liên lạc với cán bộ toán 5; sau khi anh Lân đã đến riêng với anh Xuân Tảo, toán trưởng toán 5. Theo anh Lân, anh đã phải vận dụng hết khả năng ngoại giao, mở cả một chiến dịch chạy chọt hai, ba nơi. Phải nêu những thành tích sản xuất vượt bực của toán 2, nói sùi cả bọt mép v.v… Bởi vì, theo kế hoạch phân phối đã từ lâu của trại thì những lá già của các loại rau xanh, chỉ dành riêng cho bên khu chăn nuôi của cơ quan và trại giam mà thôi. Nếu toán 3 xin riêng được, thì toán khác cũng xin được. Như vậy,

còn gì cho trại và cho chăn nuôi? Chưa hết, anh Lân lại còn phải lấy giấy giới thiệu của ông Kích, cán bộ toán để đến ông cán bộ nhà bếp xin 3 lạng muối nữa!

Một nguồn tin còn quan trọng gấp nhiều lần hơn tin bác Hồ trở lại thăm hang Pắc Pó. Nó làm cho khí thế lao động của toán 2 hôm nay, được nâng cao rõ rệt. Mặt anh nào cũng tươi rói, chào hỏi nhau, vồn vã khác thường.

Khi trò chuyện trong lúc kẻ khẩu hiệu với Lê Sơn sáng nay, tôi đã lựa lời hỏi về anh Khải bị đi kỷ luật tuần trước. Không ngờ, anh Khải còn một người bố nữa là Nguyễn Từ Hải, cũng đang ở toán 3 xẻ. Hai bố con cùng một tội phản tuyên truyền trong phong trào "trăm hoa đua nở" và "nhân dân giai phẩm". Hai bố con cùng ở Hà Nội, anh Khải là con trai cả, 28 tuổi, chưa lập gia đình. Cả hai bố con đã từ gần 10 năm rồi với cái lệnh tập trung cải tạo 3 năm.

Nghe Lê Sơn nói như vậy, tự nhiên tôi muốn biết cái cảnh cùm kỷ luật ở trại ra sao nên hỏi anh. Lê Sơn đang cắm cúi, nắn nót kẻ một đường kỷ hà trên tấm khẩu hiệu:

Chiến dịch Đông Xuân: Bộ đội đổ máu nơi chiến trường. Nông dân đổ mồ hôi trên đồng ruộng.

Nghe thấy tôi hỏi. Anh đứng giật dậy, quay hẳn lại phía tôi sôi nổi:

- Bình chưa biết cái cùm ở đây đâu. Một tác phẩm vĩ đại của Hoàng Thanh.

Trong khi tôi mở to mắt, đăm đăm nhìn. Tay Lê Sơn đang cầm chiếc bút vẽ cứ hất vung ra, mỗi khi anh giẫn giọng. Mặt anh còn toát ra sự uất hận nén đầy; làm cho Quý Cụt từ mãi trong góc nhà cũng quay ra nghe chuyện:

- Nó bằng 2 súc gỗ lim to tướng, đóng thành một cái hộp, mà mọi người gọi là "cái cùm hộp". Đã bị cùm thì chân không còn nhúc nhích. Ai mà bị cùm chỉ một tuần hay nửa tháng, lúc được thả ra đều phải bò về buồng. Nhiều người đã bị thối chân ra vì cái loại cùm này rồi.

Thấy tôi cau mày, hơi vẻ bàng hoàng. Quý Cụt hất hàm về phía Lê Sơn, rồi cũng lên tiếng như thể thừa nhận:

- Lần trước, cách đây mấy tháng. Lê Sơn khỏe như thế, chỉ bị cùm gần một tháng, khi ra phải hai người giúp, khênh về buồng, người chỉ còn xương với da. Sơn, nó cũng mới lại người đấy!

Đến đây, mắt Quý sáng lên, môi dưới hơi dề xuống ngọ nguậy nói tiếp:

- Lê Sơn mới xoay được tiền để mua chuột bồi dưỡng, nếu người khác thì đừng hòng!

Tôi chặc lưỡi, càng tỏ vẻ trầm trồ. Lê Sơn lại gằn giọng phẫn uất:

- Thằng Hitler bây giờ có sống lại, cũng phải quỳ xuống vái tụi này là tổ sư!

Thấy Lê Sơn phát biểu mạnh quá, làm tôi cũng hơi khớp. Khớp về sự kiện Sơn đưa ra thì ít, mà vì ngỡ ngàng thấy không khí riêng tư của buồng vernie này khác hẳn với bên ngoài trại. Tôi liếc mãi nhìn khoảng cách dưới lán mộc với nhà vernie, rồi chuyển hướng câu chuyện:

- Thế Hoàng Thanh là ai?

- Rồi Bình sẽ gặp, ông ta là trung úy giám thị phân trại E này.

Quý vừa nói xong, thoáng thấy bóng Nguyễn Huy Lân từ dưới lán mộc đi lên, cả 3 người lại cúi xuống làm việc. Lên đến hè, nhìn tôi, Lân nghiêm nghị:

- Bình lên gặp ban giám thị!

Quý Cụt và Lê Sơn đều quay lại nhìn tôi đầy nét dò hỏi. Phần tôi, cũng bắt đầu lo lắng. Tôi chậm chạp đi theo anh Lân. Thấy Lân dẫn sang phía toán 3, đi sát lại, tôi hỏi khẽ:

- Ông Hoàng Thanh à?

Anh Lân chỉ lắc đầu, tôi chẳng hiểu là anh không biết, hay không muốn nói? Thái độ của anh Lân lạnh lùng, khác hẳn với sự cười cợt thân mật mọi khi. Anh dẫn tôi đến trước căn nhà con của cán bộ toán 3. Chỉ vào cánh cửa gỗ đang khép hờ, anh nói nhẹ:

- Bình vào trong ấy!

Nói rồi, anh trở về lán mộc ngay. Hơi đắn đo, rồi tôi bước lên những bậc đất, đến trước cánh cửa khép. Một giọng Bắc, ngai ngái miền Bắc Ninh rất nhẹ phía trong:

- Anh cứ đẩy cửa vào đi!

Một người chừng 50 tuổi, hơi nhỏ con, tóc đã muối tiêu, đặc biệt có cặp lông mày thật rậm; đã ngồi sẵn phía sau chiếc bàn con để mộc. Hai bên ve áo, có hai chiếc lon hình chữ nhật lệch đỏ chóe. Trên mỗi chiếc lon có 4 ngôi sao và một chiếc vạch mầu vàng ươm, phía dưới. Tôi bước vào, hơi nghiêng người tỏ vẻ chào ông ta. Hơi hất hàm ra phía cửa, rồi ông ta nhìn xuống chiếc ghế đẩu, đang để chơ vơ phía trước bàn:

- Đóng cửa lại, rồi ngồi đây!

Một giây im lặng, ông ta cất tiếng nhè nhẹ như chuyện trò thăm hỏi:

- Hơn một tuần nay, lên đây rồi, anh thấy khung cảnh trại thế nào? Anh phát biểu tôi nghe!

Qua giọng nói nhỏ nhẹ, nhất là đôi mắt của ông ta dìu dịu như le lói, chút ít tình người. Tuy vậy tôi vẫn dè dặt:

- Dạ, thưa ông, tôi thấy tinh thần lao động của mọi người rất hăng say, tích cực.

Ông ta gật gật đầu nhưng miệng lại hỏi:

- Ngoài vấn đề lao động ra, tôi muốn anh phát biểu về những lảnh vực khác.

- Thưa ông, tôi mới nhập trại nên chưa biết gì.

Tôi đã hơi hiểu ý ông ta muốn những cái gì rồi, nhưng tôi vẫn trả lời như trên. Có lẽ thấy tôi ngập ngừng dè dặt, ông ta bắt đầu, hơi gằn giọng:

- Tôi biết tư tưởng anh chưa ổn định. Anh còn nhiều hoang mang, giao động khi phải chuyển đến một nơi chưa biết.

Ngưng lại một lúc, thấy tôi vẫn cúi đầu ngồi yên, ông ta lại tiếp:

- Chính vì thế, lẽ ra tôi chưa muốn gặp anh. Nhưng một cái cây, mới đem trồng vào đất khác; nếu nó nghiêng, có khi rồi nó sẽ đổ gục; hoặc nó sẽ cứ nghiêng mãi. Tôi muốn cái cây ấy mọc thẳng đứng ngay từ đầu.

Ngồi nghe ông ta nói, tuy chưa biết rõ ý đồ, mục đích của ông ta gặp tôi để làm gì, trong lòng tôi cũng nhiều lần tự hỏi, tên này tuy là đại úy nhưng chưa biết y ở cương vị nào. Xem vẻ y rất mềm mỏng, muốn đi sâu vào tâm hồn của đối tượng. Lạt mềm thì buộc chặt, loại này càng phải cảnh giác, thận trọng khi tiếp xúc, quan hệ. Thực ra trong lòng tôi, vẫn luôn luôn mang sẵn một quả bom nổ chậm. Chưa thể nói là đã lấy được hết ngòi nổ ra. Tuy rằng sau gần 6 năm khai thác, cuối cùng chúng đã đưa tôi ra tòa xử án, Nhưng dưới chế độ Cộng Sản, thực tế đã cho mọi người đều hiểu: Xán xong không có nghĩa là vụ án đã kết thúc. Bởi vậy, từ chuyện Z5 Hoàng Đình Thọ, đến tài liệu "M" v.v…luôn luôn làm tôi phải ngấp nghé, phập phòng mỗi khi phải gặp một tên cán bộ lạ.

Tôi vẫn cúi đầu nhìn xuống mép bàn, để lòng chảy về những năm tháng cũ ở Hỏa Lò thì ông ta đằng hắng:

- Anh Bình, anh phát biểu ý kiến của anh đi! Anh hoang mang à?

Thấy ông ta nói vậy, để cho xuôi và hợp lý, tôi phát biểu:

- Thưa ông, tôi xin nói thành thật là trước khi đến trại này tôi có hoang mang, vì tôi chưa từng ở một trại giam xa xôi thế này. Nhưng sau năm, sáu ngày ở đây, qua những sinh hoạt ăn ngủ, lao động, tôi đã tin tưởng vào đường lối chính sách cải tạo, giáo dục của đảng và nhà nước. Tôi không còn hoang mang nữa.

Ông ta gật đầu rồi nói đều đều như nhắn nhủ, như nhắc nhở:

- Tôi tin vào cái nhìn sâu, sát của anh. Vì vậy anh phải thực hiện thật tốt 4 tiêu chuẩn cải tạo mà nhà nước đã đề ra. Trong đó không những anh phải phấn đấu lao động, cải tạo tư tưởng cho bản thân mà còn có trách nhiệm phải giúp đỡ mọi người khác cùng tiến bộ. Đó cũng là cách tích cực nhất, anh đã tự mở con đường cải tạo thênh thang cho chính anh. Ngoài ra, tổng quan tình hình của trại, thấy những vấn đề gì làm trở ngại cho bước đi lên, anh cứ mạnh bạo đề xuất sáng kiến. Tôi sẽ gặp anh sau! Ông ta vừa nói, vừa đứng dậy.

Sau khi chào ông ta, tôi đã quay đi ra đến cửa, thì ông ta đến bên, nói như thân tình:

- Bất cứ khi nào anh cần gặp tôi, hãy đề bạt với ông cán bộ toán.

Tôi phải chào y lần nữa và bước ra khỏi cửa. Trên đường về lán mộc, lòng tôi thấy nhè nhẹ vơi hẳn cái lắng lo khi sớm. Nhưng tôi cũng mờ mờ cảm thấy, ông ta muốn tôi làm một con chó săn cho ông ta. Cá to thì phải câu cần to; cá nhỏ thì câu cần nhỏ. Cá nào cũng câu, chỉ còn tùy thuộc vào từng con cá, có cắn câu hay không. Đó là chủ trương của những người Cộng Sản giam giữ tù.

Đành rằng, ngay trong 4 tiêu chuẩn cải tạo đã có câu: "phát hiện và tố giác mọi phần tử xấu chung quanh, từ lời nói cũng như hành động". Nhưng tới đây, tôi cũng mới chỉ mơ hồ nhận thấy những phương pháp: Ngăn cách, ly gián, hư thực, thực hư…; lấy cái đói khổ (cái dạ dầy) sự khích lệ, tâng bốc, phỉnh phờ, kết hợp với áp lực của vũ khí. Nhào lộn nhuần nhuyễn để tùy theo áp dụng với từng người, sao cho đạt mục đích tối hậu là mọi phạm nhân trong trại, sẽ yên định như những chiếc nêm cối xay lúa. Nghĩa là, không thể nhúc nhích, yên lành sống, ngoan ngoãn trong cảnh tù đày; như không có chuyện gì xảy ra cả. Còn nhiều điều, nhiều khâu, tôi chưa nhìn được rõ ràng. Phải đợi những ngày tới, qua những tình huống và sự việc cụ thể, bằng người thực, việc thực mới giúp tôi nhìn sáng tỏ vấn đề này hơn.

Khi về qua chỗ cầu bào của Lân, anh gật đầu gọi tôi lại. Anh nhìn tôi chằm chặp rồi ngập ngừng:

- Có chuyện gì thế?

Để khỏi phải dài dòng, tôi thủng thẳng:

- Ông ta hỏi cảm tưởng mấy ngày ở trại và một vài sự việc trong vụ án của tôi.

Tôi hỏi lại anh Lân, ông ta tên gì và làm việc ở đâu, thì được biết ông ta tên Chuân, Nguyễn Chuân, giám thị ở trại chính. Tôi sắp từ giã, thì anh Lân ghé gần tai nói nhỏ:

- Hãy cẩn thận thằng Quý Cụt. Trước đây nó tiến bộ lắm, tố cáo lung tung mọi người, nhưng kỳ này bớt rồi. Tuy vậy "cẩn tắc, vô ưu".

Rời chỗ Lân để trở lên nhà vernie, tôi vừa đi vừa suy nghĩ: mấy người, trong năm ngày nay tôi hay chuyện trò, anh này bảo cảnh giác anh kia, như vậy người ta có thể nghi ngờ hết cả mọi người, kể cả tôi. Như thế là đúng như dụng ý của kẻ coi tù rồi! Tuy thế, chỉ có Lê Sơn thì chưa có một ai bảo tôi phải cảnh giác cả.

Lúc về đến nhà vernie, tôi cũng hỏi Lê Sơn và Quý Cụt như đã nói với anh Lân về chuyện gặp ông Chuân. Qua Lê Sơn, tôi còn được biết rõ hơn về Nguyễn Chuân. Giám thị của toàn trại Trung Ương số 1, gồm 5 phân trại là ông Toán, thiếu tá. Nhưng bí thư đảng ủy lại là ông Chuân. Tuy chỉ là đại úy, nhưng quyết định mọi việc lớn của trại, đều do ông Chuân, đại diện của đảng. Tôi cũng được biết là ông Chuân ít khi vào trại này và cũng năm thì, mười họa mới gặp phạm nhân mà thôi. Hơn một năm trước, có một lần ông ta vào gặp Vân và một lần gặp ông Hinh Mù, người mà đã một lần tôi trông thấy đang lần bước trên hè nhà số 1. Ông có thân hình to, cao như Lê Văn Kinh, ông chừng 55 tới 60 tuổi rồi.

Buổi trưa ở trong trại, sau bữa cơm ngô vội vàng, tôi đang nằm liu riu, mơ màng bên cạnh Vân để chờ giờ đi lao động buổi chiều, thì thoáng nghe tiếng rủng rẻng của chùm chìa khóa ở phía cửa, làm tôi mở choàng mắt ra. Tên Cẩn, trực trại và tên Phạm Huy Tân, trật tự đang đứng ở giữa nhà. Tên Cẩn đang chỉ chỏ lên sàn trên, phía trước của toán 3. Một bác chừng 50 tuổi ngoài, dáng hom hem, mảnh khảnh đang lúng túng cuộn chăn chiếu, lò rò trèo xuống. Tôi còn đang ngơ ngác, thì Vân cũng đã mở mắt rồi, nói khẽ:

- Ông Chương, Lê Tài Chương đi kỷ luật.

Hơi bàng hoàng, tôi hỏi lại Vân:

- Làm sao mà đi kỷ luật?

Vân vẫn nằm, nói nhỏ:

- Bình chưa hiểu được đâu, những người bị đi kỷ luật, chỉ đôi khi mọi người mới biết lý do. Còn thông thường chỉ có người nào bị đi, thì họ mới được biết mà thôi. Thế mà nhiều khi, ngay bản thân người phải đi kỷ luật, cũng không biết tại sao nữa. Thậm chí, như anh Đồng, hai tháng trước bị đi kỷ luật, cùm một tuần. Cho tới khi được tha, anh ta cũng chưa biết vì sao mà anh ta phải đi kỷ luật.

Nghe Vân nói thế, lòng tôi hoang mang cực độ. Vân nhìn thái độ của tôi một lúc, rồi anh vừa chùm chăn lên mặt, vừa nói:

- Tội tư tưởng, thì ai mà biết được!

Tôi nằm nhắm mắt, mà lòng ngổn ngang xôi động đầy vơi. Nỗi lắng lo về ngày mai, cứ dâng đầy, bủa kín hồn tôi. Óc tôi vất vưởng, chợt nhớ tới ông Chương. Phải rồi, ông Chương, chủ tịch đảng Tân Phong mà có lần Quý Cụt nói đến. Tôi vẫn có ý định đến gặp ông ta, để học hỏi thêm kinh nghiệm, kiến thức. Thế mà bề bộn nhiều sự việc lan man, tôi đã quên khuấy không tìm dịp gặp ông ta.

Chương 18

Những Con Rận Phiêu Lưu

Hồn tôi đang lãng đãng, chơi vơi, nửa mơ màng, nửa thức thì lại có tiếng lục đục ồn ào, ngay sàn trên chỗ tôi nằm. Tôi giật mình, ngồi bật dậy. Tưởng lại một người nữa đi cùm. Tôi chồm xuống đất, xỏ dép nhìn lên. Ba, bốn anh đang tranh nhau chộp vồ huỳnh huỵch. Thì ra có một con gián to, Lê Văn Kinh đã vồ được.

Vội vàng, Kinh trèo xuống đất, đến chỗ chiếc đèn con, đang để ở gầm sàn dưới, chỗ hút thuốc lào của buồng. Anh dùng một chiếc đóm nứa con đốt, hơ, nướng con gián. Con gián thật to, mầu sậm bồ quân. Cánh cháy trụi ngay, bụng nó bị ngọn lửa của chiếc đóm hơ mãi vào. Nó phình ra, rồi cong lên, phì ra một đám bọt li ti, sủi lên sùng sục. Một mùi thơm ngậy, phả ra khắp buồng.

Tôi mở to mắt, nhìn cái thân hình đồ sộ, nhìn những ngón tay chuối mắn dài nghêu của Lê Văn Kinh đang vặt từng chiếc chân, cái đầu con gián, đưa lên miệng. Cuối cùng, còn cái thân mình con gián, anh đút tỏm vào mồm, làm nước chân răng của tôi ứa ra. Qua ánh mắt của những người khác, đang ngồi nhìn Lê Văn Kinh thưởng thức con gián. Tôi dám cả quyết rằng cuống họng của họ, cũng bị ướt như tôi. Hàng tháng không có chất protein trong người, chỉ cần một tí hơi hướng, cũng làm say đắm hồn người.

Hắn cũng sắp đến giờ kẻng báo thức đi làm buổi chiều. Vì không chợp mắt được chút nào, người tôi cảm thấy mệt mỏi. Tôi vội vàng mượn chiếc gầu của cậu Toàn, chạy lẹ xuống giếng, rửa qua cái mặt cho tỉnh người. Khi ngang qua buồng số một, tôi thoáng thấy một đám người ồn ào, to tiếng ở phía chái hồi. Lẹ làng tôi ghé tới. Có mấy bác già, mặt đang chảy dài như quả bí khô. Một bác đang năn nỉ với tên trật tự Tân:

- Xin anh thông cảm tha cho, vì chúng tôi tuổi già không ngủ được.

Hai con mắt của tên Tân, càng trắng thêm ra. Tay y cầm một con dao con làm bằng một miếng sắt, dài hơn một ngón tay. Miệng y đang nguệch ra, hai hàm răng khít lại như không muốn cho ai nhìn thấy lưỡi:

- Tôi tha đề nghị kỷ luật. Từ trưa mai, dù không ngủ, các anh cũng phải vào buồng nằm. Tụ tập, chui rúc ra đây để bàn chuyện phản động à? Con dao này, tôi tịch thu!

Dù không phải chuyện của tôi, nhưng sao người tôi cứ nóng lên bừng bừng, chân tay tôi, thấy ngứa ngáy bứt rứt. Nghe tên Tân nói, tai tôi như có ai rắc sạn vào. Có lẽ, từ nỗi khinh rẻ, căm uất nó từ buồng số 2 xà lim II, Hỏa Lò, nên nhìn cảnh này, nỗi khinh, nỗi uất trong lòng tôi càng chất chứa nhiều hơn.

Xuống đến giếng rồi, mà tay chân tôi vẫn còn rần rật. Vừa lau mặt, vừa nhìn chiêc hoa chuối đang rung rinh với gió. Mới có mấy ngày mà hôm nay nó đã lồi ra, thò dài. Những chiếc bẹ úp phía ngoài, mầu đỏ đã thẫm lại, giương xòe ra như những chiếc cánh dơi. Ấp bên trong một lượt quả con tí, như những ngón tay con gái, dài ngoẵng, trắng đục màu ngà. Trông chiếc hoa chuối chiều nay như một chiếc hoa sen đại đang thì, đỏ choét.

Nước lạnh, nhìn hoa chuối đỏ, tôi quên béng chuyện của tên Tân, để rồi tiếng kẻng mất dạy, đập ngay vào bên tai. Trên chòi gác, tên bộ đội oắt con, cứ thong thả nện cái búa con, vào cái vỏ quả bom kêu oăng oẳng. Tôi thừa nhận cái kẻng này mất dạy thật. Người ta đang ngủ ngon lành thì nó khua dậy. Người ta đang gửi hồn, lãng đãng với trời, mây, gió, nước thì nó đập tan tành. Nó cũng mất dạy, trơ tráo, ỏm tỏi như những tên chủ của nó vậy.

Lúc các toán xuất trại đi làm chiều, tôi đang ngồi trong hàng ở giữa sân, bên cạnh Phan Thanh Vân. Vừa thì thào nói chuyện với Vân, mắt vừa lo đãng rõi nhìn các toán đang xếp hàng đôi, theo nhau ra ngoài cổng trại. Tiếng một tên cán bộ quát to, làm tôi chú ý:

- Không đi, thì lôi nó đi!

Toán bốn, toán nông nghiệp, do anh Hà làm toán trưởng. Theo lệnh của tên cán bộ toán, anh đang lúng túng, chỉ định cho hai đi cuối hàng, trở lại kéo một anh còn đang ngồi lại ở sân. Anh này chừng 30 tuổi, mặc bộ quần áo trại mầu xanh xám đã tã. Anh có bộ mặt xương xẩu, đang gục đầu vào hai đầu gối, hai tay luồn, ôm ngang bụng, mồm rên rỉ kêu:

- Thưa ông, tôi đau bụng quá!

Hai anh toán 4 được chỉ định, còn đang lóng ngóng, ngần ngừ, thì tên Cẩn trực trại, quát giận lên:

- Kéo nó đi, còn chần chờ gì nữa! Để cho toán khác xuất trại chứ?

Như cái máy khởi động do người khác điều khiển; hai người cầm hai tay anh đang đau bụng, kéo nê ra phía ngoài cổng. Anh đau bụng nằm ngửa hơ hơ, hai chân xuội ra, rê trên mặt đất. Đầu anh ngoẻo về một bên, đôi mắt nhắm nghiền, miệng cứ rên rỉ…đau quá! Vì lần đầu tôi nhìn thấy cảnh này, nên quay lại hỏi Vân:

- Đau bụng mà không được nghỉ lao động à?

Vân quay sang, như đang định trả lời, thì tên trực trại đã gọi đến toán 2. Thành ra, mãi tới khi vào đến nhà vernie, tôi phải hỏi lại Quý và Lê Sơn. Tôi rất ngạc nhiên, thấy Lê Sơn văng tục:

- Địt mẹ cái thằng Thái y tá! Phải có gì cho nó, thì không ốm, muốn nghỉ cũng được nghỉ.

Thấy thái độ giận dữ của Lê Sơn như vậy, Quý Cụt cũng buồn cười, nói vừa như dàn hòa, vừa như mai mỉa:

- Quy định của trại là 2 phần trăm người bịnh chung cho các toán. Như toán ta có 49 người, thì chỉ được phép nghỉ ốm 1 người là cao nhất. Nếu áp dụng đúng chính sách thì chỉ được nghỉ tám phần chín thân của một người mà thôi. Do đấy, không những mọi người đã "thông" mà còn phải biết ơn cái nhã ý, linh động, nhân đạo của ban giám thị nữa chứ! Hơn nữa, y tế cũng phải chấp hành lệnh của cán bộ mà!

Thấy Lê Sơn cầm mấy tờ bìa đi xuống dưới lán mộc, tôi lại hỏi Quý nữa:

- Việc gì mà phải lôi kéo như thế, nhỡ anh ta đau bụng thật thì sao?

Quý Cụt cười lên khềnh khệch:

- Y tá không cho nghỉ, thì đi làm. Không đi thì bị lôi đi, có khi còn vào kỷ luật nữa chứ!

Không hiểu vì sao, chỉ trả lời như vậy mà Quý lại cười? Hay anh cười tôi đã hỏi một câu thật là tồ? Tôi không hỏi nữa, quay vào lấy sơn, bút ra làm tiếp công việc buổi sáng. Tay làm việc nhưng lòng tôi vẫn băn khoăn; không yên được. Tôi lại đến chỗ Quý:

- Này, thế anh Thái nào đó là y tá có khá chuyên môn không?

Quý đang mở tủ xách mấy lọ dầu sơn ra. Vì Quý chỉ có một tay nên tôi phụ giúp. Xong, Quý quay lại thong thả giải thích:

- Chuyên môn ở đây là phụ thôi. Ông Đặng Văn Hiệp kia kìa, là bác sĩ nội khoa nổi tiếng đấy; đang ở toán 6 nông nghiệp, làm cỏ, nhổ mạ, gánh phân như điên. Vấn đề là tư tưởng và tội trạng, chứ chẳng phải do chuyên môn.

Quay về chỗ tiếp tục làm việc, tôi vẫn chưa hiểu hết vấn đề Quý nói.

Buổi cơm chiều nay, cả toán 2 xôn xao náo nhiệt hẳn lên. Cứ í a, í ới, ríu ra, ríu rít gọi nhau về bát với đĩa, làm như mở đại tiệc. Một đám đông những nhân vật tai mắt trong toán: Toán trưởng, tổ trưởng, tự giác đang túm hụm vây quanh gánh rau lá cải bắp già luộc. Tay chân các vị chỉ chỏ, miệng bàn tán cứ vung củ cải lên. Tôi nhớ, ngay từ khi còn ngoài lán thủ công: Lúc anh Lý A Chén gánh về một gánh đầy lá rau cải bắp. Trong lán, anh em giáo giác đổ xô hết cả ra chỗ gánh rau đang để ở giữa sân, bên cạnh đống lửa bác Đặng Minh Chánh hàng ngày vẫn đun nước sôi cho toán. Dù phải tôn trọng giờ lao động, nhưng ai cũng liều chạy ra nhìn một cái, rồi mới chịu vào làm. Tôi cũng chả ngăn được sự háo hức nên cũng phải nhào ra. Nhìn cái mầu xanh xậm của những lá cải bắp nằm từng loạt hơ hớ, xếp xuôi chiều, thấy mát cả mắt và cũng mát cả con tì, con vị luôn.

Tên Kích cán bộ toán hôm nay cũng có vẻ dễ dãi. Y cũng thấy nhiều anh em rầm rập chạy ra chỗ gánh rau, nhưng có lẽ y nghĩ rằng: Nỗi vui này, hạnh phúc này cũng có phần chính của y ban cho nên tuy y đứng ngay đấy mà chẳng hề nói gì. Mặc dù hàng ngày có bác Chánh dọn dẹp, phục vụ vệ sinh và đun nước cho toán, hôm nay anh Lân còn phân công thêm 2 người nữa, xin bộ đội vũ trang dẫn vào trại, gánh nước ra để rửa và luộc rau.

Thế mà chỉ khoảng 40 phút sau, rau đã được vớt ra để vào 3 cái giành còn mới tinh, đậy bằng mấy lá chuối tươi, khói tỏa ra nghi ngút. Cả toán được thưởng thức phần cải thiện đầu tiên ngay tại lán là nước rau. Cái này thì cho tự do, tuy vậy, anh Lân, toán trưởng cũng nhẹ nhàng nhắc nhở anh em hãy tự giác. Mỗi người nên uống in ít, còn để dành cho người khác.

Lê Sơn đưa cho tôi cái cóng nhôm Guigoz đã vàng khè vì đôi khi nấu trà:

- Bình hãy xuống múc đầy 3 chiếc ly nứa.

Nước óng lên mầu xanh bích ngọc, tôi nghĩ rằng nó chứa rất nhiều diệp lục tố. Nước nóng, 3 chúng tôi vừa thổi, vừa uống, vừa nhìn nhau. Uống đến đâu, tôi cảm thấy khoan khoái, mát rượi cả cõi lòng đến đấy. Tôi liên tưởng đến những năm xưa còn ở thành đô nhiều hương sắc. Những buổi trưa hè oi ả sau buổi tan tầm, ghé chiếc solex đến chiếc xe sinh tố ở đầu đường Yên Đổ làm một ly cối thập cẩm: Măng cụt, chuối, dứa, mãng cầu với một hột gà cũng tuyệt cú mèo đến thế này là cùng.

Bây giờ ở trong trại, theo anh Lân cho biết: Gánh rau luộc rồi cân được 19 kg 5. Như thế, toán 49 người, đổ đồng mỗi người cũng xấp xỉ 4 lạng rau chứ có phải chơi đâu. Của hiếm, lâu ngày mới có, nhiều anh toán 2 cũng đem đi chia xẻ niềm hạnh phúc với những người thân quen ở toán khác. Tôi vẫn có lòng thương mến riêng cậu Hùng, vì vậy tôi cũng đưa cho cậu một bát con; gọi là một chút cho ấm lòng nhau lúc này. Hôm nay trại cũng có canh rau, tuy

mỗi phần cũng chỉ độ nửa lạng, nhưng vì hàng tuần lễ chỉ có canh sắn hoặc muối rang. Cho nên, cũng có nhiều chỗ một, hai người đã hể hả ăn chung với nhau như một bữa tiệc thân tình.

Buổi trưa hôm sau, khi ăn cơm xong tôi và Toàn xách túi rổ, rá, bát đĩa từ dưới giếng về, vừa bước chân vào cửa buồng, thì anh Lân đang nằm ngay mép sân, cạnh lối cửa ra vào, bò giật dậy, tay chỉ vào tôi, miệng ré lên:

- Thằng Bình, mày đổ rận cho tao phải không?

Phần bất ngờ, phần thấy nhiều người đều chăm chú nhìn tôi, cả Toàn nữa làm tôi ngượng chín người, yếu ớt chống chế:

- Đâu có!

Anh Lân choài người ra, nắm tay tôi, kéo ngồi xuống chỗ anh, miệng vẫn bô bô, làm nhiều người đã nằm đều ngồi dậy nghe chuyện:

- Chính mày mang rận ở Hỏa Lòa lên rồi!

Thấy mọi người còn ngơ ngác nhìn, anh lại nói tiếp như phân bua:

- Tôi thấy lạ, mấy hôm nay đêm nằm cứ ngứa mãi. Lúc nãy cởi áo ra xem, bắt được mấy chú rận kềnh. Tôi nghĩ và biết ngay là anh chàng Bình chứ không có ai vào đấy cả.

Tôi chỉ cười, mặt hơi nóng lên vì ngượng. Nhất là mọi người cứ nhìn tôi như đang nghe một trò vui ngộ nghĩnh. Chưa tha, anh Lân còn chỉ vào mặt tôi giọng chì chiết:

- Trông mã cậu, kẻng trai, tư cách như sinh viên, ai ngờ người toàn rận. Mình không biết lại cứ ôm ấp nó!

Anh còn đang nói, thì Vân ở sàn trong cũng bò giật dậy, la hoảng:

- Thôi chết, thảo nào mấy đêm nay tôi cũng thấy ngứa quá!

Một số các anh, các bác xôn xao có ý kiến:

- Thôi, chiều nay anh Lân phải đề nghị ông cán bộ toán: Cho đun một thùng nước sôi. Tất cả quần áo chăn màn của 3 anh, hãy nhúng vào nước sôi, cho chết cả trứng đi. Nếu không, rận lan ra toàn toán thì chết.

Lân còn quay lại hỏi tôi:

- Có rận, sao không nói cho tao biết!

Lí nhí, ngập ngừng, tôi nói nhỏ:

- Tôi quên mất, là nó lại có thể bò sang người khác!

Nhiều người cười ầm cả lên. Để chữa ngượng, tôi nói như thanh minh:

- Lúc ở xà lim ra, họ cho tôi vào một cái buồng có đến hàng trăm đứa trẻ con. Ghẻ lở, rận, chấy đầy, tôi không biết

làm sao được.

Và buổi chiều hôm ấy ở ngoài lán, tôi phải một bữa rét run. Quần áo phải nhúng nước sôi, vắt kỹ rồi hơ, phơi ở đống lửa trong nhà vernie, suốt cả buổi mới khô.

Câu chuyện rận này, cho suốt mãi hàng chục năm sau, ở trại này, hay trại kia, nếu mỗi lần Nguyễn Huy Lân gặp lại tôi, còn nhắc nhở đến. Anh lại vẫn không quên nói với anh em chung quanh:

- Trông cậu thế đấy, mà trong người toàn rận thôi!

Chương 19

Nghệ Thuật Ăn "Hơi"

Sáng hôm nay trời mưa thật lớn, chẳng biết mưa từ lúc nào đó trong đêm. Trận mưa như tắm rửa, giặt giũ, kỳ cọ những cảnh vật vào cuối Đông để chuẩn bị đón nàng Xuân sắp về. Mưa ào ào dữ dội như có một giòng sông lớn ở trên trời, mở đập ngăn để cho nước đổ xuống trần gian.

Kẻng báo thức đã lâu rồi, mà tên trực trại vẫn chưa vào điểm buồng. Những khung cửa sổ, sàn trên cũng như sàn dưới, nhiều anh khoác chăn ngồi nhìn mưa rơi. Một giọng ngâm khàn khàn của ai đó ở sàn trên dội xuống:

- Em thương ơi!
Mưa có rơi dầm dề
Ngày có dài lê thê
Thì em ơi, em cứ đợi
Anh của em lại về…..

Tiếng ngâm rè rè, khô khan không hay mấy, mà cũng làm cho nhiều bộ mặt tần ngần, mắt đăm chiêu dõi mãi ra mưa gió mịt mờ. Nghĩ mình cóc có ai đợi cả, tôi quay sang Vân, đang phì phèo điếu thuốc buổi sáng ở môi:

- Có lẽ hôm nay nghỉ lao động?

Vân đưa hai ngón tay lên kẹp điếu thuốc vẫn ở trên miệng, hít một hơi thật dài. Đầu điếu thuốc lá cuộn, đỏ sáng lên. Vân vừa lấy điếu thuốc ra khỏi miệng, vừa nói trong làn khói hắt hiu, đang phả ra từng sợi ngoằn ngoèo lãng đãng:

- Mưa, bão. Trại nghỉ nhưng toán thủ công không bao giờ…..

Vân chưa nói hết câu, tôi còn đang tính toán, sắp xếp thời gian từng phút, vì hôm nay đến lượt tôi lấy sắn sáng, thì cửa đã lạch xạch và tiếng chùm chìa khóa rủng rẻng. Như tắt ngừng một cái máy, chỉ ba mười giây, âm thanh và mọi di động đều ngưng bặt. Khi cửa mở thì mọi người trong buồng đã ngồi ngay ngắn, thẳng hàng, im phăng phắc, như những tượng đá chùa Hương. "Hương Sơn đệ nhất động, hỏi rằng đây đó phải?"

Điểm xong, mặc mưa rơi, mặc gió thổi, áo tơi, áo lá, nhiều anh lao vào gió mưa, xuống bếp lấy sắn sáng về chia cho mâm mình. Hai buồng kia, cán bộ điểm xong, khóa cửa lại. Lúc ngồi nhai sắn ở hội trường, tôi hỏi anh Đồng mới hiểu: Không đi lao động, thì không có ăn sáng. Gà không cục tác, thì gác mỏ. Nhưng "gác mỏ" mà đâu có được nằm yên, trong buồng lại phải đọc báo rồi sinh hoạt. Bởi vậy, với đại đa số người tù, mưa không đi lao động được, lại là

một bất hạnh đối với họ. Sáng sáng, quen có mấy đoạn sắn vào dạ dầy, hôm nay đành nhịn teo, mà còn phải gò lưng ngồi sinh hoạt hay đọc báo nữa. Cho nên ai cũng muốn được đi làm, sướng hơn. Phải chọn giữa hai cái xấu, thì ai cũng sẽ chọn cái xấu ít.

Gần trưa thì mưa thưa hạt, rồi tạnh hẳn. Mặt trời lại vén bức màn mây xám xịt, thò mặt ra tươi cười chào mừng nhân thế. Núi rừng lại bừng sáng, lung linh. Hai con sáo to, mầu lông đen óng, hai chiếc mỏ đỏ như sơn Tầu. Chúng cứ khúc khích, nhún nhẩy trầm mình xuống vũng nước mưa ngoài chiếc sân con trước nhà vernie. Một con bọ ngựa mầu xanh lam, to như ngón tay cái, đứng nép dưới chiếc lá của cành muồng non phía chái hồi. Chiếc đầu hình tam giác tí hon, cứ nghiêng ngó nhìn cặp sáo đang vùng vẫy, nhởn nhơ trong hạnh phúc lứa đôi. Chẳng hiểu nó có chạnh lòng nghĩ đến cảnh đơn côi một chiếc của nó; hay nó cũng buông lơi tâm tư để hòa nhịp, hưởng ứng cái hạnh phúc của đời? Thân nó đứng không yên, cứ lắc lư như bà vãi lên đồng.

Tôi hơi bàng hoàng, khi thoáng nhìn thấy một bàn tay gầy nhăn nheo, đang từ phía sau gốc cây muồng cụt, thò ra chộp nghiến lấy chú bọ ngựa, làm rung rinh cành muồng còn đẫm nước. Ồ, bác Chánh, mắt bác vậy mà còn tinh gớm!

Hai con sáo bay vụt lên, đậu tít trên ngọn cây bằng lăng phía cổng khu thủ công. Chúng quay lại chí chóe nhìn bác Chánh đang mang con bọ ngựa về phía đống lửa đun nước, đang cháy hừng hực của toán. Chúng cứ chí chóe mãi, chẳng hiểu chúng trách oán ông Chánh đã phá bĩnh cuộc vui tắm mưa của chúng hay chúng mừng đã nhanh chân chạy thoát ông thần người?

Chỉ còn 5 ngày nữa là đã Tết. Sáng nay, nhân dịp mưa, anh Lân và Đinh Khắc Sản theo toán hai và ba ra lán, rồi được lệnh trở về họp ở trại.

Buổi chiều, anh Lân về phổ biến lại cho toàn buồng gồm cả toán hai và toán ba vì anh Lân là buồng trưởng, thi đua, trật tự, do ban giáo dục, cán bộ trực trại và cán bộ toán nhà bếp chủ tọa. Họp suốt gần ba tiếng đồng hồ, cuối cùng được công bố như sau:

1/ Trại viên sẽ chính thức được nghỉ hai ngày, mồng Một và mồng Hai. Ngày mồng Ba Tết, toàn trại sẽ ra quân, nỗ lực thi đua vượt mức kế hoạch vụ Đông Xuân, lấy thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng Lao Động vinh quang 3 tháng 2.

2/ Năm nay, do sự cố gắng lao động sản xuất, hăng say với khí thế một người làm việc bằng hai của toàn thể trại viên, nên đã vượt kế hoạch ấn định của trại. Ban giám thị quyết định, cho trại viên ăn Tết 4 bữa chính, cơm không độn. Một bữa chiều Ba Mươi Tết, sáng, chiều mồng Một và bữa cuối cùng vào sáng mồng Hai. Từ chiếu mồng Hai mọi sự trở lại bình thường.

3/ Hiện nay trại ta có nuôi được hai con lợn, một con 40 kg, một con 25 kg, ban giám thị quyết định cho giết cả để phục vụ trong bốn bữa Tết. Như vậy, kể cả nhân để gói bánh chưng, bình quân mỗi đầu người được hưởng 2 lạng 1 thịt lợn hơi (tính cả xương xẩu, lông lá, phèo lòng và phân của lợn nữa). Mỗi trại viên được một bánh chưng 2 lạng rưỡi gạo (luộc chín sẽ thành hơn 4 lạng). Đặc biệt, trại chính phân phối cho trại ta 50 kg, vừa cải bắp vừa chou-fleur (súp lơ), một tạ khoai tây.

4/ Toán hai, chịu trách nhiệm trang trí và vẽ khẩu hiệu trong toàn trại, và làm một bộ quân cờ lớn cho toàn trại viên vui Xuân.

5/ Về bầu thi đua giữa các toán, có 4 toán được là xuất sắc đó là:

Toán 1 nhà bếp.

Toán lâm sản.

Toán 2 mộc, thủ công.

Toán 3 xẻ, thủ công.

Đây là do trại bầu, còn quyết định tối hậu do ban giám thị điều nghiên, duyệt xét sẽ công bố sau. Khi anh Lân phát biểu xong, toàn buồng vỗ tay râm ran, đôm đốp như pháo. Mặt ai cũng tươi roi rói; già, trẻ ai cũng vỗ tay thật nhiệt tình. Thấy mọi người vỗ, thì tôi cũng vỗ hết khả năng, mặc dù tôi cũng chưa hiểu hết trọn vẹn ý nghĩa, đến nỗi vỗ xong, đau cả tay. Chờ cho Vân vỗ tay xong, tôi hỏi ngay:

- Buồng hôm nay vui thế?

Vân nói mà nỗi vui còn phè ra nét mặt:

- Gấp đôi năm ngoái, còn gì nữa mà không vui. Năm ngoái chỉ có hai bữa thôi, mà còn không có chou-fleur nữa.

Thấy bầu không khí trong buồng cứ vui như Tết, tôi cứ băn khoăn tự hỏi: Từ ngày tôi lên trại, hàng ngày mặt người nào cũng đăm đăm, mang nhiều u uất, nặng nề. Thế mà chỉ hai lạng thịt hơi, hãy còn trong hứa hẹn, đã làm tan biến cái màn u ám, đen tối, khổ đau; nhường chỗ cho những tiếng cười, tiếng nói thoải mái, không còn một chút ngập ngừng. Thế mới biết cái uy lực ghê gớm của vật chất, nếu biết dùng đúng chỗ và đúng lúc.

Hôm nay ngày 27 tháng củ mật (tháng Chạp), chỉ còn 3 ngày nữa là đã Tết rồi. Toán lâm sản chịu trách nhiệm lấy lá giong để gói bánh chưng, nên họ đã phân công 2 người vào rừng ngay từ sáng sớm hôm nay rồi. Ngoài ra, mỗi toán chọn lựa 2 người "đứng đắn" (có nghĩa là quá trình chưa bị những lem nhem, táy máy về ăn uống) xuống bếp gói bánh chưng và phụ với nhà bếp.

Mới có 2 ngày từ lúc tuyên bố – chưa có bánh chưng, chưa có thịt và chưa có cả Tết nữa, mà buổi tối ở các tổ, các toán sinh hoạt. Đã có nhiều người tố cáo, phát hiện anh này định bán bánh chưng với giá 2 đồng. Anh kia đã đặt tiền mua suất thịt ngày mồng 1, mồng 2 hoặc cả bốn bữa ăn của người khác rồi. Lung tung liên quan đến rất nhiều người. Để tối nay, các toán trưởng được lệnh của ban giám thị tuyên bố trước.

Nếu trong ngày Tết, cán bộ biết hay bắt được anh nào mua bán đổi chác dưới bất cứ hình thức nào về ăn uống sẽ bị tịch thu. Cả người bán lẫn người mua đều bị đi kỷ luật và không được ăn Tết.

Tôi hiểu rằng: Có những người cả năm không có một hơi hướng về miếng thịt, cũng thèm lắm chứ. Nhất là những người dân tộc, hoặc những anh đã kém khả năng xoay sở, lại không có gia đình tiếp tế. Họ cũng thèm ăn lắm; nhưng có thể nhiều thứ khác trong cuộc sống đối với họ còn cần thiết hơn. Như xà phòng, thuốc lào, tem giấy viết thư v.v…chẳng hạn. Họ đành nhịn, họ chỉ cần có cái ăn sao cho không chết, nên họ mới bán cái thứ quý báu mà hằng năm mới có này.
Ngay như tôi, nếu không sợ bị anh em tố giác, tôi cũng sẽ đổi chiếc bánh chưng hay 1 suất thịt để lấy miếng xà phòng con. Mỗi lần tắm về mùa Đông, nước quá lạnh tôi chỉ cần xát một tí lên đầu gội, hoặc để cọ xát cái bàn chải đánh răng mỗi buổi sáng một tí cho có bọt. Như thế chỉ hy sinh một suất thịt mà có thể dùng được 5 – 6 tháng. Hoặc nếu đổi thuốc lào, một chiếc bánh chưng trị giá những 2 đồng. Thuốc lào, giá chính thức ngoài xã hội là hai hào một gói. Nhưng giá trong trại là 5 hào, thì cũng được 4 gói. Hút dè cũng được 2 tháng rưỡi hay 3 tháng.

Chiều tối cũng như nhiều những buổi chiều khác. Nếu làm nhanh công việc riêng như ăn uống, rửa ráy thì thường thường ai cũng có khoảng 15 hay 20 phút thong dong trước khi kẻng vào buồng. 15 hay 20 phút này, vào những hôm trời không mưa, hoặc không quá lạnh. Chỗ tụ tập đông nhất ở ngoài sân là phía đầu nhà hội trường. Nơi có những cây sào nứa làm dàn để phơi quần áo.

Họ ra đây một phần là để cho thoáng khí, trao đổi những câu chuyện rông rài lúc lao động sản xuất của một ngày. Phần khác, mà có lẽ là phần chính yếu, họ ra đấy để thưởng thức những món ăn ngon lành mà đời họ không còn có được. Mấy hôm đầu thì tôi còn lạ, còn ngơ ngác, chứ bây giờ quen rồi. Bởi vậy, sau khi rửa bát xong khi Toàn nhắc tôi:
- Chốc nữa ra "ăn hơi" chứ anh Bình?

Tôi đã vừa cười vừa gật đầu đồng ý ngay. Của trời cho trại E, tại so không hưởng? Cho hồn ngây ngất, cho lòng đê mê! Khi tôi và Toàn ra tới nơi, thì đã có hơn một chục người rồi. Chỉ không có toán nhà bếp thôi, chứ toán nào cũng có. Chỗ thì 2 người đứng nói chuyện nhỏ to ra vẻ tâm đầu ý hợp lắm. Nhưng rất nhiều người chỉ đứng một mình thẩn thơ trầm ngâm. Mắt họ lơ đãng nhìn những ngọn nứa đang ngắc ngư phía bên ngoài bờ rào trại như những triết gia đang bận tâm tìm một lối thoát cho thế nhân đồng loại. Lại có người ngồi ghệ trên viên gạch, hay hòn đá con. Họ cũng cúi đầu đăm chiêu như đang để hết tâm hồn trên một hướng đi cho mình và cho dân tộc.

Có gì đâu, chỉ vì phía bên kia hàng rào là nhà bếp của cơ quan. Cứ đến cái giờ chết tiệt này là họ xào, họ nấu, họ nướng đủ thứ. Mùi hành, tỏi, mùi mỡ, mùi cá chiên, mùi thịt nướng theo gió, nó rót vào trại E. Có những buổi chiều, mũi nhiều anh đã phải cong lên, mặt đần ra, mắt lờ đờ chỉ vì những cái hương vị chết người đó, ở phía bên nhà bếp cơ quan bay sang. Bởi thế, nhiều người ra đây để tranh thủ 15 hay 20 phút. Có khi hẹn hò như tôi với Toàn, có khi không, nhưng cùng một chí lớn nên đều tụ về một điểm này để ăn…hơi. Mà khoa học thực nghiệm đã cho tôi biết: cái gì ăn tưởng tượng thường lại đẹp hơn cái mình đã có trong tay. Mà nhớ nó cũng thật lâu.

Sau này dù đi trại nào, hay ở đâu, tôi vẫn nhớ nhiều về trại E hơn, chỉ vì cái món ăn "hơi" tuyệt cú mèo này.

Chương 20

Những Kỷ Niệm Buổi Đầu Đời

Tết càng gần, nét Tết càng rõ trên mặt mọi người. Lòng mong Tết của người tù cũng như trẻ con mong Tết để được mừng tuổi. Để được mặc quần áo mới và để được chơi bời thỏa thích với bạn bè. Cả một năm lao động khổ sai, đói rét, cùng khổ, chìm đắm trong kiếp đời nhục nhằn lầm than. Tết đến, không những được nghỉ vài ngày, mà còn được ăn bánh chưng, được ăn thịt, được ăn cơm không độn nữa. Những thứ ưu việt cao quý nhất của loài người mà cả một năm không có. Thử hỏi ai mà không mong, không vui sao được?

Sáng hôm nay là 28 tháng Chạp rồi. Mới sáng sớm, mọi người còn đang ríu rít chia sẳn sáng thì tên Thái y tá kiêm phụ trách nhà tiếp tế của trại đã đến buống số 2. Tay y cầm mấy miếng giấy rơm mầu lá vàng khô. Ngay còn khi ở ngoài sân, lúc y vừa ở buồng số 1 ra. Nhiều con mắt, tuy chẳng ai bảo ai, thế mà đều quay lại nhìn y với ánh mắt đợi chờ, nghe ngóng cho tới khi y bước vào buồng số 2 thì nhiều người đã chạy xô vào, chằm chặp nhìn những tờ giấy vàng ở tay y, mặt hóng lên niềm hy vọng.

Cái tâm trạng này thật cũng đáng buồn cười. Những người có gia đình, thân nhân tiếp tế hồi hộp, nghe ngóng, đợi chờ đã đành. Cả đến những người chả có thân nhân, hoặc đã lâu năm không ai tiếp tế cũng thập thò, nhấp nhổm, dâng lên niềm mơ ước hy vọng như mây chiều trong gió lộng. Thậm chí ngay cả tôi. Tôi đã biết rõ, chẳng có ai là

thân nhân tiếp tế cho tôi cả. Suốt đời tù, chả viết thư cho ai, mà cũng chả có ai viết thư cho tôi. Vậy mà cũng thấy lòng động đậy, xốn xang nhìn về tên Thái.

Cái tâm trạng của những người cùng khổ, nó kỳ dị như một người nghèo chả bao giờ có tiền mua xổ số cả, mà lại mong trúng số độc đắc. Mộng ước những chuyện tự nhiên ở trên trời rơi xuống hoàn toàn không tưởng; không hề có một cơ sở thực tế nào. Vậy mà lòng vẫn cứ mong, vẫn cứ ước mơ.

Cuối cùng tên Thái đã đọc tên 5 người của buồng số 2. Những người này xin phép cán bộ toán ở nhà để ra gặp thân nhân, nhận đồ tiếp tế:

- Nguyễn Tứ Hải, toán 3.

- Nguyễn Khải, toán 2 (bị đi kỷ luật hơn 10 ngày trước, chưa được tha).

- Lù Chẳn Páng, toán 2.

- Lồ Cao Dưu, Lồ Cao Chính, toán 3.

Bao nhiêu con mắt nhìn về những người vừa được gọi tên. Họ thấy những người này, hôm nay khác hẳn với mọi ngày. Quan trọng hơn, giá trị hơn, Họ đã bước lên một giai cấp khác. Giai cấp có tiền, có thể trong cái xã hội nhà tù nhỏ bé này. Trong khi ấy thì mặt những người vừa được gọi tên đang đờ đẫn với bao nhiêu những nỗi niềm nguồn cơn về gia đình và cuộc đời; xốn xang chuẩn bị tinh thần để gặp gia đình và người thân.

Tôi quay lại nhìn anh Đồng ngồi ngay cạnh tôi. Mặt anh buồn rười rượi, đôi mắt áng lên mầu nâu xám như lắng đọng, chất chứa một nỗi sầu xa vắng. Tôi khẽ đặt một tay lên vai anh:

- Xin lỗi, hàng năm anh có nhận được tiếp tế của gia đình không?

Câu hỏi như khơi dậy, cho nỗi buồn thầm kín của anh chảy dài. Những vết hằn trên trán của anh càng nhăn nhúm lại, như trong lòng anh đang bị quặn thắt, xót xa. Anh nói như chia sẻ bầu tâm sự:

- Tôi chỉ còn một bà mẹ già, năm nay đã gần 70 tuổi. Năm năm trước, mẹ tôi đã mò mẫm, lặn lội lên đây thăm tôi một lần. Khi về, phần vì tuổi già, phần vì lam sơn chướng khí của miền đèo heo hút gió này đã quật bà cụ một trận ốm tơi bời hơn hai tháng. Từ đấy, mẹ tôi bị liệt một chân, phải đi nạng. Lá thư năm ngoái mẹ tôi gởi lên đã làm tôi nhiều đêm không ngủ. Hình ảnh của một người mẹ già sống lam lũ, thiếu thốn, cô đơn, heo hút trong căn nhà tranh xiêu vẹo phía cuối làng hoang vắng vẫn đêm đêm hướng về người con trai trong ngục tù biền biệt xa vời, cứ giằng xé, gậm nhấm hồn tôi. Nỗi đau, nỗi hận tôi đã kìm hãm, đè chặt trong tim; vậy mà nhiều lần vẫn ứ ra theo giòng nước mắt trong những đêm dài không ngủ.

Hai mẹ con côi, tôi là đứa con trai duy nhất của người. Bố tôi đã bị giết ngay từ 1955, đợt đầu của cuộc cải cách ruộng đất ở quê tôi. Hiện nay, mẹ tôi sống lần hồi rau cháo, hàng ngày quét dọn vệ sinh cho một hợp tác xã thủ công ở địa phương.

Ngồi nghe anh thổ lộ, tôi cũng thấy lòng se lại trước cảnh tình thương đau của anh. Tôi chợt muốn biết sơ qua về tội lỗi của anh, vì thế đợi anh ngừng tôi mới hỏi:

- Thế anh tội gì và án hay tập trung?

Anh ngửng lên nhìn tôi như đắn đo một lúc rồi ngập ngừng:

- Tội vượt tuyến, án tôi chung thân.

Tôi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, nên đầy thắc mắc:

- Vượt tuyến gì mà lại án chung thân?

Mặt hơi nhăn lại, mắt anh quắc sáng nhìn về phía chiếc cửa sổ phía đối diện như còn chất chứa một nỗi u uất tràn ắp trong lòng:

- Tôi và một người bạn nữa, bị vây bắt ở biên giới Lào và Việt thuộc Nghệ An. Trong thế cùng chúng tôi đã chống trả quyết liệt để thoát thân. Chúng tôi đã giết chết một tên bộ đội biên phòng. Cuối cùng người bạn của tôi bị bắn chết ngay tại chỗ và họ đã bắt được tôi. Chúng đã đánh tôi một trận đòn thù tưởng không thể sống được. Vết thương ở đầu làm tôi mê man gục xuống. Chúng tưởng tôi đã chết rồi. Mãi 3 tháng sau vết thương tôi mới tạm lành.

Nói đến đây, anh cúi đầu xuống, giơ một tay vạch tóc phía trên gáy cho tôi nhìn một vết sẹo gồ ghề, ngòng ngoèo, chỗ trắng, chỗ còn tím xậm dài đến 5 phân. Chẳng hiểu vì nỗi xúc động bừng dậy hay vì cái đau ẩn uất của tâm hồn; mặt anh tái hẳn lại. Anh đứng dậy ra khỏi buồng.

Còn nhiều điều nữa tôi muốn hỏi về anh, nhưng thấy thái độ của anh như vậy. Tôi chậm chạp tiến lại chỗ chiếc điếu cày, hút một điếu cho hồn vấn vít chảy vào khói mây với những bồng bềnh ngổn ngang, ngược xuôi của những kiếp người.

Ra lán thủ công lao động được một lúc, khi tôi ra chỗ nhà cầu để đi tiểu, thì anh Đồng từ dưới toán mộc cũng ra theo. Tôi có cảm tưởng như anh đã để ý chờ tôi từ sớm. Vừa đi tiểu anh vừa nhìn tôi dáng băn khoăn rồi nói như dặn dò:

- Hầu như tất cả đồng phạm ở đây không ai biết rõ về sự việc của tôi. Nhưng tôi đã thổ lộ với anh, chỉ vì tôi tin chắc, anh là người có ý thức, có tâm hồn, không làm thiệt hại gì đến tôi về sau.

Khẽ đặt tay lên vai Đồng, tôi nói giọng thân tình khẳng khít:

- Cám ơn anh, chắc rằng lòng tin tưởng của anh không sai đâu.

Buổi trưa, toán và trại đang ồn ào, rối rít chia cơm canh ở sân thì một tốp đến gần chục người buổi sáng đi gặp thân nhân và nhận quà tiếp tế, từ ngoài cổng trại đi vào, làm mọi người đều ngoái lại nhìn ra. Phía bên ngoài cổng trại. Tên cán bộ Cẩn trực trại và tên Tân trật tự đang lúi húi vuốt, nắn từng anh, và những gói quà tiếp tế trước khi cho vào trại. Mỗi người, tay xách chiếc túi vải con, mặt anh nào cũng rầu rầu. Có anh mắt hãy còn đỏ hoe, hẳn vừa trải qua những giây phút xúc động não lòng. Tôi chợt thấy anh Đồng đứng trong một góc khuất phía cuối hội trường. Mặt anh đờ đẫn chảy dài, cũng đang nhìn ra phía cổng. Tôi bước lên, tiến lên chỗ anh đứng. Gần 1 phút đứng bên anh, nhưng anh vẫn bần thần như xuất hồn, để rồi anh phải bàng hoàng giật mình khi thấy tôi đứng ngay bên cạnh. Để lấp cái ngỡ ngàng, ngượng ngập của anh, đưa hiệu mắt nhìn ra đám người đang xách những gói đồ tiếp tế tôi hỏi:

- Hàng năm, mới gặp gia đình nhận quà tiếp tế một lần, sao chỉ có một túi con vậy?

Anh quay lại, giọng rời rạc,heo hút:

- Anh tính đã 14 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa rồi. Gia đình nào cũng kiệt quệ, phải chạy ăn từng ngày. Những năm đầu, do tình thương yêu máu mủ nồng nàn, gắn bó giữa người thân yêu ruột thịt. Còn vài tháng hay 1 năm tiếp tế một lần. Sau dần dần, nhiều gia đình đành bỏ luôn. Nhất là người thân lại phải chuyển lên núi rừng xa xôi như thế này nữa. Vả lại, khi kinh tế gia đình khánh kiệt dần thì tình nghĩa cũng tàn rụi theo. Mặc dù anh nhìn thấy đấy, những đồ tiếp tế quanh quẩn chung chung thường là một ký đường cát, hoặc đường phên, ít muối vừng, ít bánh mì khô hoặc mấy con cá hay tôm khô. Một hai cái bánh chưng, đôi gói thuốc lá hay thuốc lào. Tất cả chừng 4 – 5 ký là nhiều.

Buổi chiều khi toán đi làm về, anh Nguyễn Huy Lân, buồng trưởng đứng ở giữa nhà, tay cầm một tờ giấy nói to:

- Như thường lệ hàng năm. Các anh em quân, cán tập kết hãy ghi tên vào danh sách này để chiều nay tôi nộp cán bộ giáo dục.

Trong khi anh Phạm Tấn Tích đến nhận tờ giấy từ tay anh Lân; tôi hỏi Phan Thanh Vân đang ngồi bên cạnh:

- Tại sao làm danh sách quân, cán tập kết để làm gì?

Vân vừa lục đục lấy túi bát đĩa ở trên kệ vừa thủng thẳng trả lời:

- Những anh cán bộ hay bộ đội tập kết từ trong Nam ra Bắc năm 1954 theo hội nghị Genève. Bây giờ bị bắt vì nhiều tội khác nhau như: Xét lại, hủ hóa, ương ngạnh, chống đối hay phản tuyên truyền v.v… Cứ cuối năm, gần Tết thì được mời riêng ra, để cán bộ nói chuyện.

Tôi chưa hiểu trọn ý của Vân nói, nên cũng cầm rổ, đĩa ra ngoài sân theo Vân để lấy cơm và hỏi tiếp:

- Mục đích, gọi họ ra như vậy để làm gì? Và có được ăn uống gì không?

Vân quay lại cười và nói nhẹ như thì thầm:

- Chỉ được uống nước trà và hút thuốc lá. Của đâu mà ăn!

Mục đích để động viên tinh thần, làm khỏa lấp nỗi nhớ nhà của họ mà thôi. Tuy vậy, hàng năm họ được đặc biệt thêm mỗi người một chiếc bánh chưng của trại.

Thấy nói đến bánh chưng của trại. Hơi thắc mắc nên tôi hỏi tiếp:

- Bánh chưng của trại là tiêu chuẩn chung của phạm nhân sao lại phát thêm cho họ? Sao không là bánh chưng của ban giám thị?

Vân kéo tôi lùi xa chỗ đám chia cơm, lấm lét nói nhỏ:

- Năm ngoái đã có 2 người đi cùm chỉ vì thắc mắc về bánh chưng của quân, cán như Bình.

Rồi Vân dặn dò:

- Đừng đem ý kiến này nói với ai, nhớ đấy!

Tôi hiểu rằng Vân đã thân tình với tôi hơn, nên lại hỏi tiếp:

- Quân cán ở trại này có đông không?

Vân hơi cau mày như để nhẩm tính:

- Buồng mình 8 người, toàn phân trại E này khoảng 22 – 23 người.

Cơm đã chia xong, nên tôi trở về phía mâm cơm. Sáng hôm sau, trời rét lạnh, hanh khô. Ánh nắng dịu ngọt làm vàng ửng những ngọn nứa già, cao lêu nghêu phía cuối hội trường. Góc phương trời phía Nam, vài vạt mây trắng hồng nằm gác dài trên rừng nứa xa xa. Đất trời như muốn báo cho nhân thế, nàng Xuân sắp về. Toàn trại vừa ồn ào, nhộn nhịp ngoài sân chia sẵn sáng xong. Đây đó, rải rác chỗ từng tụm, chỗ dăm ba người đang ngồi nhai vội vàng mấy đoạn sắn luộc để kịp giờ đi lao động của một ngày. Tôi ngồi ghế phía đầu chiếc ghế dài bên cạnh anh Đồng ở hội trường. Vừa nhai sắn, mắt tôi dõi nhìn hai con chim sẻ đang đứng dựa vào nhau, trên nóc nhà số một, cheo chéo phía trước mặt. Thỉnh thoảng chúng quay lại nhìn nhau, chí chóe chuyện trò. Nắng sớm, làm cho cánh và đầu chúng sáng hồng lên trên mầu trời xanh nhạt. Nhiều lúc cả 2 con, cánh chúng đều vung lên như giận dữ. Chúng lùi xa nhau ra, rồi lại tiến sát gần vào nhau, cùng nhìn xuống đám tù đang ngồi nhai sắn ở dưới sân.

Chẳng hiểu chúng là vợ chồng hay đang còn trong thời kỳ yêu nhau của buổi ban đầu? Nhưng tôi cứ nghĩ chúng chỉ là đôi bạn rủ nhau đi chơi sớm, nhân một ngày đẹp trời. Vì vậy dòng liên tưởng của tôi, đã đẩy tôi trở về một quãng đời ấu thơ rất xa xưa ở quê nhà. Khi ấy tôi khoảng độ 7 – 8 tuổi. Tôi có 2 người bạn rất thân cũng xấp xỉ tuổi tôi. Nhà chúng tôi rất gần nhau, và cùng ở phố huyện. Một cậu tên là Kim, bố mẹ nó mở hàng bán thịt chó duy nhất ở phố huyện, chỉ cách nhà tôi một cái chợ làng. Tôi nhớ nó nhiều nhất, vì mỗi lần đến bên, người nó toát ra một cái mùi khăn khẳn của thịt chó thui.

Một cậu nữa có cái tên rất là đặc biệt: Chũm Đế. Để mỗi khi tôi với Kim tức tên gọi là "Chũm Chọe" nó là con một ông Lý Cựu ở trong làng. Thế giới đối với chúng tôi lúc đó là phố huyện và xã hội, cuộc đời là chỉ gồm có 3 chúng tôi. Ngoài ra chúng tôi không hoặc chưa biết một chuyện gì khác của cuộc đời rộng lớn đầy phức tạp này.

Ôi thôi, khung cảnh ấy và giai đoạn tuổi đời này, chứng tôi có rất nhiều kỷ niệm không quên. Nhưng lúc này tôi chỉ nhớ nhất đến một việc khi nhìn đôi chim sẻ trên nóc nhà.

Một chuyện thật ngây thơ đến độ buồn cười. Chẳng hiểu do từ đâu và bắt đầu có từ bao giờ, để trở thành một quy định thế này giữa 3 chúng tôi: mỗi khi vì lý do nào đó tôi và Kim giận Chũm, không muốn chơi với Chũm nữa. Sáng sớm, chúng tôi ra đống đá của lục lộ đang làm đường. Mỗi đứa lấy hai hòn đá bằng nắm tay, đến ngồi trước ngõ nhà thằng Chũm. Cứ đập hai hòn đá vào nhau: cạch cạch… hàng giờ. Như vậy là báo cho Chũm, chúng tôi không chơi với nó nữa. Vậy nếu có gặp nhau thì đừng hỏi han gì cả, chúng tôi sẽ không trả lời đâu.

Có khi một người lại giận cả hai người. Buổi sáng đến gõ đá trước nhà hai người. Nếu ngày sau còn giận tiếp thì lại đến đập đá nữa. Bởi vì nếu buổi sáng không đến đập đá, có nghĩa là đã hết giận rồi. Đôi khi cả 3 người đều giận nhau. Trường hợp này phải đi đập đá lung tung.

Một lần tôi không nhớ rõ là chuyện gì mà cả Kim lẫn Chũm đều giận tôi. Mỗi sáng dậy tôi đã nghe tiếng cành cạch phía ngoài đường. Trong nhà nhìn ra, cả Kim và Chũm đang ngồi đập đá liên hồi. Lòng tôi vừa buồn vừa tức. Buồn tức cả ngày, đêm đi ngủ hay cả lúc ăn cơm cũng hãy còn buồn.

Sáng hôm sau, tôi chờ mãi không thấy chúng nó đến đập đá nữa. Như vậy chúng nó đã hết giận tôi rồi. Nhưng tức vì chúng nó đã làm tôi buồn mất mấy ngày, nên tôi lại lấy đá đến nhà chúng để đập v.v…

Chương 21

Khám Trại

Hồn tôi còn đang chảy dài xuống hố sâu của thời gian thăm thẳm đã qua, thì mắt tôi thoáng thấy một đoàn cán bộ vừa công an vũ trang đeo súng dài và cán bộ quản giáo, đến gần hai chục tên đang từ phía cổng xồng xộc đi vào trại. Tôi còn đang ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì thì đã thấy nhiều đồng phạm nhớn nhác, vội vàng hấp tấp mang bát đĩa đi vào buồng. Đồng thời tiếng kẻng mất dạy lại rống lên từng tiếng một ở phía cổng. Đến giờ tập họp đi lao động như mọi khi. Thấy anh Đồng vơ vội túi bát đi vào buồng, tôi cũng chạy theo, chỉ kịp hớt hãi hỏi anh:

- Chuyện gì thế?

Anh Đồng vừa chạy vừa trả lời đứt quãng:

- Khám trại!

Trong buồng, sàn trên, sàn dưới; mọi người đang hùng hục lấy những chăn màn, quần áo, cuốn chiếu bụi mù. Ai ai cũng khẩn trương sớn sác. Mãi lúc này, một lũ cán bộ đã đứng trước cửa buồng, một tên cán bộ dõng dạc tuyên bố:

- Lệnh của ban giám thị, hôm nay sẽ làm tổng vệ sinh toàn trại. Mỗi anh, công, tư trang có cái gì phải khẩn trương mang hết ra sân. Thứ tự tổ nào vào toán ấy, do cán bộ chỉ định từng khu vực. Bất cứ cái gì còn lại trong buồng đều sẽ bị tịch thu.

Rõ ràng, bây giờ cán bộ mới tuyên bố khám trại, vậy mà các anh, các bác tỏ ra đã có kinh nghiệm. Ngay khi đoàn cán bộ mới vào tới cổng, các anh các bác đã rối rít vào buồng chuẩn bị rồi. Sau này tôi mới hiểu. Do những nhu cầu của cuộc sống tù, hàng ngày, hàng năm mỗi người đều phải lo toan cho mình những thứ tối thiểu: Cái gô, cái cóng đun nước, cái lược, con dao con để xử dụng. Đôi khi mua, bán đổi chác lén lút được gói trà, nắm gạo v.v… Những thứ này đều vi phạm nội quy, cán bộ thấy sẽ tịch thu. Vì vậy ai cũng tớn tác lo cho mình làm sao giấu, đút qua mặt được cán bộ khi bị khám bất ngờ. Muốn vậy phải lanh lẹ chạy vào lo toan trước, chứ chậm, muộn thì còn làm sao giấu đút được nữa.

Tôi vừa vơ chăn màn, quần áo, rổ rá, đĩa và những đồ linh tinh, tôi vừa nghĩ: Mình chả có cái quái gì cả. Có cái quan trọng nhất là chì mật thì ngay từ những tháng trước, tôi đã luồn chắn chắn vào gấu chiếc quần đùi cũ. Chiếc quần đùi này, tôi không mặc, vẫn để lẫn trong túi quần áo. Tôi vẫn tin tưởng rằng: Dù cho cán bộ hay bất cứ ai có trông thấy cái mẩu chì này thì cũng chả hiểu được giá trị của nó. Vì vậy tôi vẫn yên tâm. Tôi theo Vân ôm đồ ra khỏi buồng.

Ngoài sân, la liệt khắp kín cả sân trại. Từ trên đầu nhà kỷ luật cho đến sát hàng rào giếng, phía cuối sân, đầy tù và chăn màn quần áo. Tổ nào toán nấy đều có 3 tên cán bộ áo vàng, nghiêm trang đứng đưa những đôi mắt cú vọ, soi mói quan sát mọi người.

Tôi khệ nệ ôm gói chăn màn, quần áo đến chỗ tổ vernie đã có Quý Cụt và Lê Sơn ở một góc phía đầu hội trường, thuộc về khu vực toán hai. Nhìn về buồng số II, bốn tên cán bộ vũ trang. Mỗi tên trên tay cầm một chiếc đèn pin đang lục lọi các ngóc ngách, sàn trên, sàn dưới. Một bác già vẫn làm vệ sinh trại, đem vào buồng một sọt lớn, đặt ở giữa nhà, để đựng những thứ tù bỏ sót lại hoặc các tên cán bộ đi khám, moi móc được những thứ tù cất, giấu.

Tôi để ý thấy tụi cán bộ lục soát thật kỹ càng. Từ trên mái nhà, dưới gầm sàn, chúng bới móc mọi nơi, mọi chỗ mà

chúng khả nghi tù có thể giấu diếm những đồ nội quy, quốc cấm. Tôi còn đang liếc nhìn những ánh đèn pin le lói, loang loáng phía trong buồng thì một vật cưng cứng, đột nhiên chạm nhẹ vào phía sau lưng tôi, trong khi tên công an vũ trang đứng ngay trước mặt, chỉ cách tôi hơn một mét. Tên này cũng đang đưa mắt nhìn về phía một tên cán bộ ở chỗ toán 3 đương quát tháo:

- Tất cả các anh nghe đây: Anh nào ngồi chỗ nào, ngồi yên chỗ ấy. Tuyệt đối không ai được di chuyển, đi lại lộn xộn. Anh nào đã được khám xong, ôm đồ đạc của mình vào trong hội trường gấp.

Mồm y nói, mắt y quắc sáng, tay chỉ vào trong hội trường cũng đã có một tên cán bộ đứng coi. Tôi lẹ đưa tay về phía sau, thì ra là một chiếc lược nhôm mới, rất bóng của Lê Sơn luồn cho tôi. Tôi chợt nhớ đến con dao nhỏ làm bằng lưỡi cưa con, dài hơn một ngón tay của tôi. Tôi vẫn dùng trong những công việc vặt, sinh hoạt của đời tù. Chỉ một thoáng suy nghĩ, tôi đã tìm ra một phương thế hữu hiệu. Ngay trên chiếc chiếu con tôi đang để chăn màn quần áo của tôi. Tôi lựa, lách lưỡi dao vào kẽ những sợi cói. Dùng sức, tôi giúi ngập ngay xuống nền đất của sân. Thế là ổn! Quý Cụt và Lê Sơn ngồi ngay bên cạnh tôi cũng không hề biết.

Bây giờ những tên cán chịu trách nhiệm từng toán bắt đầu lần lượt khám, lục xét vuốt nắn từng người và công tư trang của họ. Lắm anh có lẽ vì không cất dấu kịp nên bị tịch thu cũng nhiều. Nhìn chiếc sọt đựng đồ thu của mỗi toán. Tôi thấy nào ống bơ, lược, dao, nõ điếu nhôm, giấy má thư từ, hộp gỗ con v.v… vất lưng một sọt.

Lê Sơn bị tịch thu 2 chiếc lược nhôm kiểu con rồng, mới bóng và hai gói trà. Sau đó tôi được biết: Sáng đó Lê Sơn có gần một chục cái lược và một tá gói trà, nhưng anh đã khôn khéo tẩu tán, gửi gấm, giấu diếm gần hết.

Đến lượt tôi, tên công an vuốt nách, vuốt tay chân, lục túi rồi giũ từng cái chăn, cái quần, cái áo. Chả có cái cóc khô gì cả. Chỉ có một cái lược sừng và một cái lược nhôm của Lê Sơn vừa đưa. Theo nội quy, mỗi người chỉ được dùng một cái lược, ngoài ra bị tịch thu hết. Tên công an cầm hai cái lược hỏi tôi:

- Cho anh tùy ý giữ lại một cái.

Lòng tôi đang có sự giằng co lựa chọn. Tuy cái lược nhôm thật đẹp, giá trị gấp mấy lần cái lược sừng nhỏ của tôi. Nhưng cái lược sừng này là vật duy nhất của tôi, từ ở trong Nam. Nó đã theo tôi suốt dài những năm tháng tái tê trong xà lim, Hỏa Lò. Dù cái lược nhôm, hay bất cứ cái lược gì khác có quý đến nhiều lần hơn thế, thì tôi vẫn chọn chiếc lược sừng nhỏ, tuy xấu, cũ đã gãy 1 răng, nhưng nó như là một người bạn thân thiết của tôi. Ngày trước, khi tôi tự tử ở buồng số 6, xà lim I, của hơn 4 năm trước tôi cũng đã rũ rượi xin chào từ giã nó. Nhưng cái lược nhôm lại là của Lê Sơn vừa gởi.

Anh đã đối xử với tôi đầy ân tình. Tôi nhớ đến một hành động cao đẹp của anh, chiếc đĩa nhôm mà tôi đang dùng và những suất sẵn sáng anh đã giúp tôi một cách hào hiệp, lúc khó khăn buổi ban đầu mới lên trại của tôi. Hơn nữa Lê Sơn là một người có lý tưởng chống Cộng sâu sắc, kiên định. Tôi làm sao có thể để một người như thế, mất hay giảm lòng tin tôi. Tôi lúng túng đến nỗi mặt tôi nóng lên rần rật. Hết liếc nhìn Lê Sơn, rồi lại nhìn Quý Cụt ngay trước mặt tên cán bộ. Không thể có một cử chỉ, một nháy mắt ra hiệu được cho nhau. Cuối cùng, đành vậy, tôi giơ tay ngập ngừng, rụt rè cầm chiếc lược nhôm, để chốc nữa trả lại cho Lê Sơn. Tôi đành để mất chiếc lược sừng kỷ niệm, thân thương từ đấy; tuy trong lòng không khỏi xót xa, luyến tiếc.

Mãi gần trưa mới khám xong toàn trại và được lệnh các toán mang chăn chiếu vào buồng! Lòng buồn rười rượi, tôi nhìn Phan Thanh Vân đang gấp lại quần áo bên cạnh. Mặt Vân cũng đanh đỏ gay, tôi khẽ hỏi:

- Có mất gì không?

Vân trả lời trong hiu hắt:

- Vài thứ lặt vặt không đáng kể, nhưng có mấy tấm ảnh của bà chị ở Pháp gửi cho đã lâu, họ cũng không cho giữ.

Ngừng một lúc rồi Vân lại nói lầu bầu:

- Tôi sẽ làm đơn ra ông Toán, vì chính ông đã mang thư và ảnh đó từ trại chính vào cho tôi cơ mà.

Tôi chưa biết nói sao, nên chỉ biết khích lệ và an ủi Vân:

- Đúng đấy, Vân phải làm đơn đi. Ảnh gia đình, thân nhân của người ta mà cũng thu.

Ngay sau khi tôi xếp chăn màn, quần áo của tôi tạm ổn. Trèo lên sàn trên chỗ Lê Sơn, tôi rút chiếc lược nhôm ở túi ra gửi lại anh. Lê Sơn nhìn tôi đăm đăm rồi cười, anh đẩy tay tôi lại:

- Tôi tặng anh để làm kỷ niệm đấy!

Biết rằng, không thể nói cho anh hiểu được, tôi còn quý cái lược sừng của tôi hơn nhiều lần cái lược nhôm này. Vì anh và tất cả người khác không thể tin được. Cũng chính vì điểm này, tôi càng không thể nhận chiếc lược của anh tặng. Bởi vậy, tôi nói với anh bằng thái độ dứt khoát:

- Không được. Tôi cảm ơn nhã ý của anh, nhưng tôi nhất quyết không lấy chiếc lược này đâu. Để mai kia ra lán, anh cho tôi ít nhôm rồi anh chỉ cho tôi cách nấu và pha chế. Tôi muốn, chính tay tôi sẽ làm lấy một cái lược để tôi dùng.

Nói rồi tôi đặt cái lược lên đùi anh và trèo xuống, về chỗ.

Buổi trưa, tôi đang nằm liu riu. Một mắt ngủ, một mắt thức thì thấy xôn xao, ồn ào ngoài sân. Trong buồng cũng có một số người ngồi dậy đi ra. Tôi cũng tung chăn bò dậy. Ra tới cửa buồng, gặp cậu Hoàng Mạnh Hùng, tôi hất hàm ra phía sân, hỏi khẽ:

- Cái gì thế em?

Hùng ghé vào tai tôi thì thào:

- Họ thả những anh em bị kỷ luật, cho ra ngoài ăn Tết.

Gợi trí tò mò, tôi nhẹ đập vào tay Hùng tỏ ý cùng ra đó xem sao. Ngay trên đầu nhà số III, đã có gần chục các anh và các bác đang đứng túm tụm trên đầu hè, nhìn về phía nhà kỷ luật. Tên Cẩn, cán bộ trực trại cũng đứng gần chỗ nhóm nứa trước nhà kỷ luật. Tay y cầm chùm chìa khóa cứ rung, lắc reng reng. Sát phía đầu hồi nhà kỷ luật, tên trật tự Tân đang kéo tay một anh nằm dài dưới đất, miệng y léo nhéo:

- Cố đứng dậy mà đi! Ban giám thị khoan hồng cho ra ăn Tết lại không mừng sao?

Phía trong, chỗ hiên sau nhà kỷ luật, lố nhố có gần chục người. Người thì đang vịn vách lò dò bước ra, người thì bò lết dưới nền đất. Nhìn cảnh đó mà lòng tôi đờ dại ra. Một nỗi xót xa của những kiếp con người dâng ngập lòng tôi. Người già, người trẻ, mắt ai cũng trắng dã; tay chân khẳng khiu, gầy guộc như những cái càng của con cua rốc. Hai thái dương và hai má đều lõm vào, thành ra nhìn ai mặt cũng gồ ghề, toàn xương.

Một mùi khăn khẳn, ngai ngái, tanh tanh từ những đám người kỷ luật phả ra chung quanh. Thỉnh thoảng, tên Cẩn lại quay mặt ra phía đầu gió, gần hàng rào trại, xì khô mũi của y mấy cái. Cái mùi làm cho tôi nhớ lại, cái mùi của những con chuột chù, ngày còn bé tôi thường bắt chơi, ngửi thấy.

Thoáng thấy bóng anh Khải, tôi đến ngỡ ngàng nên cứ nhìn anh mãi. Mới có hơn một tuần lễ, mà tôi đã không nhận được ra anh nữa. Ông Nguyễn Tứ Hải, cha anh, một tay ông ôm chiếc chăn ẩm, một tay ông đỡ nách anh Khải. Hai cha con chậm chạp, bước từng bước run rẩy về phía buồng số II. Mỗi người đều có những bạn bè dìu, nâng, đang lê từng bước về buồng.

Riêng có một anh chừng 35 tuổi, dáng đã nhỏ con, lại chỉ còn xương với da. Nếu không nhìn thấy mấy sợi tóc bạc và những nếp nhăn nheo trên trán anh, thì tôi lại tưởng là một đứa trẻ con. Anh mệt nhọc ôm chiếc chăn tã, nhiều chỗ toàn bụi đất. Anh cứ lê, bò đi vài thước, lại đặt cái chăn xuống nền sân đất, rồi gục đầu lên đó nằm yên một lúc, lại ngẩng đầu dậy bò tiếp. Nhìn anh, tôi liên tưởng đến cái ngày khốn khổ, tôi ở cachot, Hỏa Lò bò ra năm xưa. Ruột tôi vặn vò không yên được; khẽ động vào tay Hùng tôi nói như thúc hối:

- Em hãy ra giúp anh ta về buồng, dù có bị liên quan, em cũng cứ làm đi!

Chắc Hùng cũng đang xúc động, thấy mắt cậu đỏ lên. Hùng chỉ khẽ nói:

- Anh Hải Sơn toán 2 đấy!

Nói rồi, Hùng tiến ra đỡ anh Hải Sơn đứng dậy trước con mắt gườm gườm, lạnh lùng của tên Cẩn và những con mắt mở to của mọi người. Mấy hôm, sau ngày Tết, tôi được anh Đồng cho biết: Anh Hải Sơn là người của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Anh ta bị bắt 11 năm rồi.

Khi về buồng, nghe mấy anh xì xèo bán tán với Nguyễn Huy Lân buồng trưởng tôi mới hiểu: Trong nhà kỷ luật lúc ấy có tất cả 9 người, đều được thả cho ra ăn Tết. Duy có bác Lê Tài Chương thì không được ra, chẳng một ai hiểu vì sao?

Những người đi kỷ luật về, đều được về toán của mình nằm cho lại sức. Chưa ai rửa ráy, tắm giặt gì được. Chiều hôm ấy cũng chưa ai được ăn cơm, tất cả đều phải ăn cháo, vì sợ thủng dạ dầy. Ba người của toán 2 là Nguyễn Khải, Hải Sơn và một anh nữa là Trần Hiển. Khi ra lán thủ công lao động buổi chiều, Quý Cụt đã cho tôi biết: Trần Hiển là một tu sĩ Công Giáo. Án tập trung cải tạo 3 năm, nhưng đã ở tù thành 9 năm rồi.

Hôm nay là ngày giáp Tết. Buổi sáng nay là buổi lao động cuối cùng của một năm. Theo như chương trình nghỉ Tết và gọi là vui Xuân (?) của trại sẽ diễn tiến như sau:

Hai giờ chiều, toàn trại tập họp ra hội trường để nghe ban giám thị nói chuyện và tổng kết những thành tích lao động sản xuất một năm của trại. Tuyên bố kết quả những toán và những cá nhân xuất sắc sau khi ban giám thị đã duyệt xét. Cuối cùng sẽ tuyên bố chương trình vui Xuân của trại gồm có thi đấu bóng bàn và cờ tướng.

Về bóng bàn:

Giải nhất – 1 bánh chưng, 1 gói trà và 1 bao thuốc lá.

Giải nhì – 1 bánh chưng và ½ bao thuốc lá.

Thi đấu cờ tướng:

Giải nhất – 2 bánh chưng, 1 gói trà và 1 bao thuốc lá.

Giải nhì – 1 bánh chưng, 1 gói trà và ½ bao thuốc lá.

Phần vì tôi cũng biết chơi ít nhiều cờ tướng ngay từ khi còn nhỏ, sau này vào Nam, ở trại học sinh di cư Phú Thọ, tôi lại tiếp tục chơi những khi có điều kiện. Phần khác, sau nhiều năm ngồi tù đơn độc trong xà lim ở Hỏa Lò, tình cảm tâm tư bị nén buộc, tôi muốn nhân dịp này gặp gỡ được nhiều người ở những toán khác. Bởi vậy, tôi cũng ghi tên tranh giải cờ tướng của trại. Phan Thanh Vân dù chỉ nhìn đời bằng một con mắt, anh cũng ghi tên tranh giải bóng bàn.

Vì thời gian chỉ có hạn, chỉ trong vòng có hai ngày rưỡi nên ban tổ chức vui Xuân quyết định: Sẽ đấu vòng loại ngay sau khi ban giám thị nói chuyện tổng kết ở hội trường. Riêng về cờ tướng, ngay khi hết hạn ghi danh lúc 5 giờ chiều hôm qua (ngày 29), tôi đã biết có 52 người ghi tên thi đấu của toàn phân trại.

Phải nói sáng hôm nay không khí của trại cũng khác thường, mặt anh nào cũng rạng rỡ hẳn ra. Như mỗi người đêm qua đều được uống một ly đường Cuba pha đậm vậy. Thực thế, rõ ràng mắt mọi người như mới được quét thêm cái mầu tình nghĩa và nụ cười đã trở lại ở trên môi nhiều người.

Khi cái toán xuất trại đi lao động, do sự chỉ định của cán bộ giáo dục: toán 2 phải để lại 4 người vẽ và làm lỗ cho bàn cờ tướng của trại.

Bàn gỗ bóng bàn, do nhóm kỹ thuật của Đinh Sơn đã làm xong từ gần một tuần trước. Hôm nay cũng được khênh về, lắp ráp ở trong cổng trại, chỗ gần bụi nứa cuối hội trường. Về cờ tướng, để thêm phần hào hứng cho mọi người tù, ban giáo dục cho vẽ bàn cờ lớn ngay ở sân chính của trại, trước nhà số I. Bàn cờ chiếm gần nửa cái sân. Quân cờ bằng những miếng gỗ hình chữ nhật, một bề 15 phân và một bề 20 phân, được sơn xanh và đỏ. Trên quân cờ viết chữ bằng sơn trắng để phân biệt quân của hai bên. Mỗi quân cờ được đóng vào một thanh gỗ, vuông 3 phân, dài chừng 70 phân để làm chân.

Vì thế, bàn cờ phải có lỗ để cắm quân. Những lỗ này chỉ cần cưa một đoạn đầu mặt của một ống nứa nhỏ, dài chừng 10 phân, rồi cứ việc đóng cho bằng xuống nền đất là thành một cái lỗ để cắm quân cờ.

Khoảng 10 giờ sáng, ngay khi toán còn ở ngoài lán thủ công lao động đã nghe thấy tiếng lợn kêu eng éc, từ nhà bếp cơ quan và nhà bếp của trại văng vẳng vọng ra. Tiếng lợn kêu, làm cho mắt ai cũng sáng lên long lanh. Anh nọ nhìn anh kia như có ý nói: Đấy… nghe thấy không bạn ơi! Cho đến trưa, khi toán về đến trại thì nỗi vui mừng, niềm hân hoan trên mặt mọi người đều bị phì ra tứ tung. Từ lời chào hỏi, xen lẫn ánh mắt dịu dàng nhìn nhau, cho đến dáng đi, nước bước đều như được chứa chất nỗi hưng phấn, đong đưa của một kiếp người.

Một mùi ngòn ngọt, ngây ngất thơm tho từ trong nhà bếp xông bừa ra phủ kín cả trại E. Để, dù cho xuống giếng rửa ráy, tắm giặt hay vào buồng nằm nghỉ; đâu đâu ai cũng ngửi, cũng hít thấy cái mùi mê ly, say đắm đến xụi hồn ra ấy. Tác dụng của nó đã làm cho mọi người hôm nay đối xử với nhau đậm đà, cởi mở hơn, nhã nhặn dễ dãi hơn.

Tuy chẳng nói ra, nhưng ai cũng tự hiểu: Bữa cơm trưa nay thì vẫn cơm ngô xay, muối rang như mọi ngày. Nhưng bữa chiều nay thì phải biết, phải tự mỗi người hãy suy nghĩ lấy… Có trời mà đoán được nó hạnh phúc như thế nào? Chính vì vậy, chính vì cái hạnh phúc đang đến thường thường lại hơn hẳn cái hạnh phúc đã đến rồi.

Một điều nữa, cũng chẳng ai nói ra nhưng ai cũng hiểu như nhau: Bắt đầu từ lúc này, không phải gò lưng để kéo xẻ, không phải è cổ gánh phân, vác gỗ, không phải vẹo người đế quai búa tạ v.v… Được xả hơi thong dong, nhàn du,

dài những 2 ngày rưỡi cơ mà; cho nên niềm vui, nguồn thanh thản, thênh thang càng được nâng cao rõ rệt.

Chương 22

Tổng Kết Một Năm Tù

Trưa nay tôi nằm mãi không ngủ được. Bên cạnh Vân cũng trở mình hoài. Tôi hiểu cũng ít ai ngủ được buổi trưa nay. Ngày Tết đã đến nơi rồi, mà tấm thân vẫn nằm trong tù mịt mù.

Mỗi người là một thế giới riêng biệt đầy ngược xuôi, ngang dọc nỗi niềm thì làm sao mà ngủ được. Tôi cứ nằm chập chờn trong cái bồng bềnh của tâm tư. Hình ảnh của bố mẹ, các em thơ dại; hình ảnh những phố phường, bạn bè, thân thuộc của miền Nam nồng đượm hương sắc; hình ảnh chiếc lưng ong mỹ miều của người Hưng Yên ngày ấy….. tất cả, có lúc lướt nhanh vùn vụt rồi cũng biến nhanh đi vào cõi mông lung, mịt mùng, nhưng có lúc nó dềnh dàng, chậm chạp lắc lư như dừng đứng lại, trong nỗi khắc khoải mênh mông.

Một giờ 30. Tiếng kẻng lại rổn rang lên trong cái tịch mịch hoang vắng của núi rừng giữa một buổi chiều cuối năm. Kẻng tập họp. Tất cả mọi người đều phải ra hội trường để dự lễ tổng kết cuối năm.

Hội trường hôm nay đã được dọn dẹp, trang hoàng, sạch sẽ. Bàn đã được khênh hết ra ngoài, chỉ còn những hàng ghế dài. Mười phút sau, hội trường đã chật ních đầy người. Phía khán đài, chính giữa treo tấm hình Hồ Chí Minh to tướng. Chung quanh là các khẩu hiệu chữ vàng, đỏ, treo la liệt. Tên Cẩn trực trại và mấy tên cán bộ lạ, đi lại lăng xăng. Đúng 2 giờ, một đoàn cán bộ, quần áo đại lễ, lúc nhúc từ phía cổng, trang trọng đi vào. Đi đầu là một tên đã đứng tuổi, đeo lon trung úy. Khi những tên này vào đến khán đài, một tên cán bộ đã đứng chờ sẵn hô to:

- Đứng dậy!

Cả hội trường phải đứng dậy chào y. Sau khi tù đã được lệnh ngồi xuống, tên đeo lon trung úy tiến ra bục nói chuyện. Y thao thao bất tuyệt, nói hết chuyện trên trời, dưới đất. Nào là quân dân miền Nam đang đà chiến thắng ở khắp mọi chiến trường. Quân dân miền Bắc sản xuất vượt mức trong mọi ngành, mọi nghề và hạ được nhiều máy bay Mỹ v.v…

Rồi về phần trại, y cũng nói rất nhiều. Cuối cùng vẫn có một câu bài vở: Hầu hết trại viên đã nổ lực, phấn đấu thi đua lao động cải tạo, nhưng vẫn còn một số phần tử ngoan cố không chịu cải tạo, từ chối sự giáo dục của đảng, vẫn ngày đêm ôm ấp, bao che những tư tưởng chống đối, chây lười lao động, ù lì trong học tập. Những phần tử này phải mau mau chuyển biến, hối cải. Đảng và nhà nước sẽ nghiêm khắc trừng trị đích đáng v.v…

Tôi thấy y nói cũng chẳng có gì mới lạ. Tôi vẫn đinh ninh lão là Hoàng Thanh, mà ít ngày trước đã có nhiều anh em nói tôi. Nhìn và nghe y nói, lòng tôi đã giảm hẳn những lắng lo, băn khoăn của tôi về y. Nghĩa là, y cũng bình thường và chung chung mà thôi, không như tôi tưởng. Quay sang Vân ngồi bên cạnh, tôi nói như chia xẻ:

- Tôi cứ tưởng Hoàng Thanh ghê gớm, nham hiểm, sâu sắc lắm!

Một mắt của Vân mở to nhìn tôi, rồi hơi nhếch môi trên, nửa như cười:

- Không phải đâu! Đây là ông Mạch, trưởng ban tuyên huấn của toàn trại trung ương số một này đấy.

Tôi hơi ngỡ ngàng, hỏi tiếp thì được biết: Hoàng Thanh đã đi đâu gần một tháng nay chưa về. Có thể ông ta có công tác về bộ.

Phần tuyên bố kết quả những toán và cá nhân xuất sắc do một tên cán bộ giáo dục đọc. Tên này, tôi vẫn thỉnh thoảng thấy y ra vào trại. Tuy y chỉ có cái lon trung sĩ, nhưng qua phong dáng và cách ăn nói, tỏ ra y là một người trầm tĩnh có năng lực điều hành, tổ chức. Chỉ nghe một buổi y nói chuyện, tôi có cảm nghĩ: Rồi đây y sẽ tiến lên cao nữa trên bước đường công tác của y. Sau đó tôi được biết tên y là Tập, Bùi Huy Tập. Hai toán được xét duyệt là thi đua xuất sắc: Toán 4 nông nghiệp và toán lâm sản.

Về cá nhân xuất sắc: Cả trại gồm 15, 16 người. Riêng toán 2 có 4 người là: Lê Khắc Dũng, Phan Thanh Vân, Lù Chẳn Páng và Lý A Chén (tự giác toán).

Khi bầu ở dưới toán thì có 7 người, trong số này không có Lê Khắc Dũng. Ngược lại Nguyễn Huy Lân (toán trưởng, buồng trưởng) Lê Văn Kinh (người nhái) Đặng Minh Chánh, khi đưa lên trên duyệt lại bị xóa tên.

Mỗi khi tên Tập đọc đến tên toán hay cá nhân xuất sắc thì người đó phải đi lên khán đài đứng quay mặt về phía trại viên. Toán thì do toán trưởng đại diện. Mỗi một người bước lên khán đài lại được một tràng vỗ tay của mọi người. Đến lượt Phan Thanh Vân ngồi cạnh tôi đứng dậy tiến lên khán đài, mặt Vân đỏ rừ, chả hiểu vì ngượng hay vì vui mừng?

Vì được chỉ định là đại diện các cá nhân xuất sắc nên Vân phải đọc một bài viết sẵn, cảm tạ đảng và ban giám thị, hứa hẹn sẽ duy trì và phát huy sự cải tạo tiến bộ của mình. Đại diện hai toán xuất sắc do anh Hà, toán trưởng toán 4, cũng đọc một bài bài viết sẵn. Nội dung cũng tựa tựa như trên.

4 giờ, vừa bế mạc lễ tổng kết. Tên Thái y tá, trưởng ban tổ chức Tết đã gọi tất cả các anh em ghi tên đấu cờ tướng và bóng bàn hãy tập trung tại hội trường để rút thăm đấu vòng loại, cho kịp chương trình vì thời gian chỉ có hạn. Theo chương trình, trận chung kết sẽ đấu vào mùng 2 Tết.

Riêng về cờ tướng, vì quá đông người ghi tên, nên chia ra làm 2 danh sách A và B, mỗi danh sách có 13 cặp. Tôi có tên trong danh sách B. Do thời gian tranh giải qua ngắn, nên sau khi rút thăm, đã bắt đầu đấu vòng loại ngay. Một cặp nào đó ra đấu ở bàn lớn ngoài sân, còn hầu hết các cặp khác đều đấu cờ bàn, tùy theo ở trong hội trường hay trong buồng. Khi đấu bất cứ bàn nào cũng đều có một người của ban tổ chức làm trọng tài, giám thị.

Tôi rút thăm gặp anh Thìn người Sơn Tây của toán Lâm Sản. Tôi thắng anh không có gì khó khăn lắm. Hơn một giờ sau, 26 cặp đấu vòng loại xong: Bảng A còn lại 7 cặp, bảng B còn lại 6 cặp. Sáng mai, mồng 1 Tết sẽ thi đấu tiếp.

Tôi được biết đã 2 năm rồi, chức vô địch cờ tướng của trại đều do bác Lẫm người Hà Nội của toán 5 rau xanh giữ. Nghe nói trước đây bác đã từng tranh giải cờ người ở chùa Lán và Văn Miếu. Như vậy tôi hiểu rằng bác chẳng phải là tay tầm thường trong làng cờ Bắc Việt.

Như trên tôi đã trình bày, mục đích chính của tôi chỉ muốn nhân dịp này để làm quen, biết thêm các anh, các bác ở các toán khác mà thôi. Cho nên tôi không đặt hoàn toàn chủ trương vào cuộc tranh giải. Vả lại, tôi hiểu rằng nếu quyết tâm tranh giải, sẽ phải tập trung hết tâm tư, trí lực vào bàn cờ. Đêm nằm cũng phải suy nghĩ tính toán từng thế, từng nước cờ. Như vậy còn đâu tâm hồn để thưởng thức những món ăn tuyệt vời, mà đã hơn 6 năm nay tôi không được hưởng. Chưa nói, còn đâu những giờ phút thảnh thơi, thanh thản buông lơi cho hồn chơi vơi với cái Xuân trong tù. Do thế, tôi chả dại.

Nhớ lại lúc ban giám thị tuyên bố những cá nhân xuất sắc. Trong đám đông tôi liếc nhìn thấy nét mặt của Nguyễn Huy Lân và Lê Văn Kinh trầm ngâm, thẩn thờ khác thường. Tôi hiểu rằng, tâm trạng những người bị xóa tên, ít nhiều đều ôm một nỗi băn khoăn thấp thỏm. Không hiểu mình có điều gì nặng về tư tưởng, hoặc có ai báo cáo ngầm với ban giáo dục những điều gì để cuối cùng ban giám thị đã gạch tên. Tôi có ý định nhân ngày nghỉ Tết sẽ đến anh Lân để chuyện trò tìm hiểu thêm về quan điểm của anh, cũng như vụ án của toán Boone biệt kích.

Khi vào buồng, Shè Khửu Sáng đã đón tôi ngay ở cửa, nói nhỏ:

- Chúng em đã chờ anh từ nãy, mời anh lên chỗ Hùng để uống nước trà.

Nghĩa tình anh em trải ra như vậy, nên dù định về chỗ nằm nghỉ ngơi tôi cũng ráng trèo lên sàn trên chỗ Hùng ngay. Ố, vui quá! Có La Văn Thịnh, Nguyễn Văn Châu, Sáng và Hùng, bốn cậu người dân tộc cùng một toán biệt kích. Không thấy Nông Quốc Hải, tôi hỏi thì Hùng tỏ ý ngập ngừng. Thoáng hiểu có một chuyện gì đó trong nội bộ, nhất là ít thấy Hải nói chuyện với các cậu, vì vậy tôi hỏi vấn đề khác:

- Làm sao các cậu có trà, và lại ngồi đàng hoàng thế này?

Châu vừa khẽ nâng cái ca tráng men rót trà vào 5 chiếc ly nứa con, vừa cười:

- Anh không biết à? Ngay từ trưa trại đã thông báo: "Trưa nay cho đến mồng 1, mồng 2 Tết, nhà bếp sẽ đun riêng 1 chảo nước sôi. Anh em trên toán được xuống lấy nước sôi tự do để pha trà". Chúng em…..

Châu vừa nói đến đấy thì chiếc nắp ca đột nhiên bật ra rơi xuống chiếu, làm tung cả bã trà ra. Giộ lên những tiếng xuýt xoa tiếc rẻ, cùng với 4 -5 bàn tay như những cái chổi con nhanh nhảu vơ quét những bã trà. Chỉ một loáng, chiếu đã sạch trơn không còn một cánh trà. Bã trà đã gọn ghẽ vào trở lại trong ca và tiếp tục đổ nước sôi. Hùng hắn còn nhớ ý của cậu Châu đang nói dở nên lại tươi mặt lên nhìn tôi:

- Chúng em có mấy người bạn dân tộc có gia đình tiếp tế, cho trà. Được phép chúng em mới dám công khai chứ anh!

Chỉ có dúm trà và ít thuốc lào, ngồi quây quần bên nhau thôi, nhưng dạt dào nghĩa tình anh em, chiến hữu. Trong cảnh bất hạnh, khốn cùng đầy ắp thương đau của đời, tình người lại càng nở hoa, lại càng thấy thương yêu nhau như anh em ruột thịt.

Chương 23

Nàng Xuân Đến Thăm Tù

Tôi mới uống được lưng chiếc ly nứa con, thì tiếng kẻng đã rống lên rồi. Cũng tiếng kẻng ấy, mọi khi tôi ghét cay, ghét đắng, nhưng hôm nay nghe nó thánh thót, ngân nga có lúc như tiếng sáo diều trưa hè ở quê xưa. Bởi vì hôm nay nó tử tế; lịch sự hiền ngoan lắm; nó trang trọng mời bà con xuống bếp lấy cơm Xuân, để đón đêm trừ tịch..

Không khí cả buồng, cả trại sôi ồn lên như giữa buổi chợ phiên. Chúng tôi, chả ai cần nói, cũng đều tạm dẹp chuyện nước nôi, đến đến tối hãy hay. Bây giờ phải đi lo cái chuyện quan trọng, chuyện lớn, nó liên quan đến cái hạnh phúc hay buồn khổ của đời người.

Ra đến ngoài sân, nườm nượp những người. Ai cũng rảo bước chạy, như một giòng nước chảy xuôi về phía nhà bếp.

Ngày thường 2 người trực mâm, một người chia cơm, một người chia canh. Nhưng hôm nay vì tình thế quá căng thẳng, nên mâm nào cũng đều phải tăng cường thêm 2 người nữa là 4. Chỉ mươi phút sau, giòng nước lại chảy ngược từ nhà bếp túa ra về các ngả.

Những ngày thế này thật là một cái nạn với một số đông người, nhất là tôi lúc này, một người mới tới trại. Hàng ngày chỉ cần 2 cái để đựng, một cái lấy cơm và một cái lấy canh hoặc muối, là đủ rồi. Hôm nay, trời đất ơi, những năm món, tôi bấn xúc xích cả lên! Lấy cái gì để đựng bây giờ đây, hỡi cuộc đời? Làm sao mà mượn được ai trong này! Những món mà mới chỉ nhắc đến tên thôi là nước miếng đã rỉ ra rồi:

1. Thịt lợn kho – 1 soong cho cả toán

2. Rau cải bắp trắng xào mỡ – mỗi mâm một soong

3. Khoai tây hầm xương lợn – mỗi mâm một soong

4. Lòng lợn xào chou-fleur – mỗi mâm một soong

5. Hành nén chua – mỗi mâm một soong

Tôi chỉ có một cái rổ con để lấy cơm. Còn có mỗi cái đĩa, thế mà những năm thứ, làm sao đây? Người ta gọi nhau í ới, râm ran cả sân lên. Dáng ai cũng tớn tác khẩn trương. Nhóm này gọi "Anh Bình ơi, đặt bát lấy khoai tây", nhóm kia gọi "Anh Bình ơi, đặt bát lấy cải xào".

Tôi hiểu rằng, phải có đủ bát thì họ mới chia lẹ được. Bởi vì, từ mấy ngày trước, trong khi chuyện trò tôi đã biết: Những hôm có tươi thế này họ chia chác cẩn thận lắm. Ấy là còn may, soong thịt lợn kho là quan trọng nhất, anh Lân toán trưởng chịu trách nhiệm đã giữ soong thịt để chia sau. Tôi bấn cả người lên ! Chạy ra, chạy vào, nhìn ngược, nhìn xuôi, cuối cùng tôi lật đật tạt vào buồng, lục lấy cái khăn mặt bằng vải áo tù, ở dưới Hỏa Lò đặt đại ra để lấy hành nén. Nhưng đến đây, lại có một khó khăn trở ngại nảy ra: Mọi thứ chia đặc biệt này, đều phải gọi tên. Nó đã trở thành một nguyên tắc không ai được quyền thay đổi, kể cả cán bộ hay ban giám thị. Người ta có rổ, hay đĩa sạch sẽ, nên khi gọi tên, ai lấy phải phần tôi đựng bằng giẻ thì làm sao họ bằng lòng?

Cả mâm 10 người nhìn nhau không tìm ra 1 cách giải quyết cho ổn. Bất chợt anh Đồng lên tiếng:

- Nếu tôi lấy phải cái khăn của anh Bình, tôi đồng ý đổi lại với anh.

Thấy vậy, Toàn và cậu Sáng cũng lên tiếng đồng ý như anh Đồng. Nghĩa là, nếu lấy phải cái khăn vải của tôi, họ cũng đồng ý đổi lại với tôi. Thế là bắt đầu chia. Hành nén, một củ thường có 2 hay 3 nhánh. Có nhánh to, nhánh nhỏ, nhánh vừa. Họ tách đều ra, rồi chọn 10 nhánh tương xứng bỏ vào 10 phần. Mười nhánh khác cũng thế. Cuối cùng khi đã chia xong, thì mỗi phần chừng độ 12, 13 nhánh.

Bắt đầu làm thủ tục gọi tên. Anh Đồng quay mặt ra phía hàng rào trại. Anh Yên cầm 1 phần lên, hỏi to:

- Ai?

Anh Đồng vẫn quay lưng, không được ngoái nhìn lại, trả lời:

- Anh Sáng!

Thế là cậu Sáng cầm lấy phần ấy. Anh Yên lại cầm phần khác lên hỏi "Ai" tiếp. Cứ như vậy cho đến phần thứ 9. Còn người cuối cùng không gọi đến tên, thì còn 1 phần là của người đó rồi. Chia xong hành, còn cái soong không, nhiều người muốn đến giành, nhưng anh Đồng và đa số anh em trong mâm đều đồng ý là để cho tôi. Đấy là nhã ý của họ với người mới đến trại, vì còn nhiều người nữa cũng không đủ bát đĩa.

Tôi đành giữ cái soong, rồi đem đĩa đi lấy từng thứ đem về đổ lẫn lộn vô soong. Chợt thấy ồn ào ở phía mâm ăn 18 kg, tôi xách chiếc soong theo, chạy lại. Kinh và Vân đang sừng sộ, chỉ vào mặt nhau. Nghe đâu Kinh múc nước khoai tây hầm chia không đồng đều. Chẳng có thì giờ để nghe rõ câu chuyện, tôi lại phải chạy về mâm để lấy phần.

Đến lần chia cải bắp xào mỡ, cũng phải gọi như vậy. Cho đến khi chia khoai tây hầm xương, lại có vấn đề hơi phức tạp, vì cả soong khoai chỉ có 3 – 4 cái xương, lại cái to, cái nhỏ. Chưa nói, ngay khoai cũng thế, có củ to, củ nhỏ, củ cắt đôi, củ không cắt. Cuối cùng củ nào họ cũng cắt làm đôi, rồi nhìn tương xứng 10 miếng bỏ 10 phần. Khi chia gần hết chỉ còn 2 miếng thì họ cắt mỗi miếng ra 5 phần đều nhau, để bỏ vào 10 suất. Nước gân riêng, đong bằng thìa, còn chừng 3 thìa thì họ đong bằng cho mỗi suất 1 tí cho đủ 10 phần đều nhau. Vài miếng thịt con lẫn trong nước đều được vớt riêng ra. Trong xương còn dính tí thịt nào cũng lấy ra hết, rồi trộn đều. Mỗi phần được ¼ thì thịt vụn nhừ. Còn 3 cục xương, chúng tôi thỏa thuận quyết định cứ bỏ đại bất kỳ 3 phần nào. May cho ai, người đó trúng số, sẽ hên cả năm. Xong rồi, họ lại tiếp tục cầm từng phần để gọi tên.

Đến chou-fleur xào lòng lợn. Vì một cỗ lòng lợn cho cả trại hơn 300 người, ai cũng hiểu, dù ngăn chận cách nào đi nữa, toán nhà bếp cũng phải chấm mút ít nhiều, vậy thì cỗ lòng còn lại được bao nhiêu? Cho nên 1 soong chỉ còn 4, 5 miếng ruột con con. Tuy vậy khi chia, cũng phải để nước riêng. Chou-fleur cũng phải cắt nhỏ hơn, và mấy miếng ruột cũng phải thái nhỏ thành 10 miếng đều nhau để mỗi suất có một miếng. Gan,phổi thì chẳng thấy đâu, nếu có thắc mắc thì được nhà bếp trả lời, nó lẫn vào toán khác. Cứ toán này lại cho là gan, phổi về toán kia, nhưng thực tế chả có toán nào có cả.

Đến cơm, hôm nay là cơm không độn, cơm trắng, cơm đặc biệt của cả 1 năm mới có. Bởi vậy, lại càng cần được đảo rời, trên dưới đều nhau, không chỗ nào để vừng. Vì ai cũng hiểu, cơm vừng thì nặng cân hơn cơm rời, cơm trên đã bốc hơi nên khô, cân sẽ được nhiều, cơm dưới ấm sẽ nặng cân v.v… Dù như vậy, khi cân xong, vẫn phải một anh quay đi và một anh cầm bát gọi tên.

Đến phần chia thịt mới là trọng tâm của vấn đề, một soong thịt chia cho cả toán. Lúc này các mâm đã chia xong, 5 mâm đưa đến 5 cái soong không.

Anh Lân được 2 người phụ giúp, trước hết gạn riêng nước ra hết, còn thịt được xúc vào 1 cái bát nhôm rồi đem cân như cân cơm ở trên. Cẩn thận, xúc nạc, mỡ tương xứng đều nhau, sau đó là chia nước. Nước cũng phải đảo đều vì váng mỡ nằm bên trên, ai cũng hiểu, từng thìa chia, tản đều nhau cho 5 phần. Năm người đại diện của mâm, lại một người quay đi gọi tên mâm như trên, nghĩa là 1, 4, 3, 5, 2 chẳng hạn. Phải gọi lung tung không được gọi thứ tự, vì người ta nghi ngờ có sự ăn ý; sắp xếp giữa người gọi và người cầm bát hỏi. Bây giờ về đến mâm, không đủ nhiều thịt để cân, bởi vì mỗi suất chỉ độ 3, 4 miếng, vậy miếng mỡ, miếng nạc thì làm sao? Đành phải dùng dao con cắt những miếng mỡ, miếng nạc riêng ra. Trông tương xứng bỏ cho 10 phần đều, càng về cuối càng phải cắt nhỏ.

Nước, nếu có nhiều váng mỡ ở trên thì lấy thìa nhỏ, khẽ múc nước váng đó chia cho đều đủ 10 phần, rồi sau mới múc chia nước phía dưới.

Sau khi làm xong, người chia mới hỏi ý toàn thể anh em trong mâm. Phần nào tương đối hơn, phần nào tương đối ít, hoặc ít ngon v.v… Anh em chỉ, chỏ điều chỉnh. Khi đã thỏa thuận tổng quát lại có 1 anh quay đi, để cho 1 anh hỏi v.v…

Nhìn cảnh chia chác phức tạp như vậy, tôi rất thắc mắc. Đứng cạnh anh Đồng nên tôi mới hỏi ngay anh:

- Này, đã chia tương đối đều rồi, tại sao còn phải gọi nữa, cho phiền? Bát đĩa lại phải trao trả lại? Nghĩa là, anh này lấy phải cái bát của anh kia, thì lại phải đổi trả bát lại. Nhiều khi rất lung tung, lộn xộn. Của anh A lại về anh B, nhưng bát anh B lại về anh H, mà bát anh H lại ở anh A v.v… Cứ tìm bát đổi lại, đã nhiều phiền phức rồi.

Trong khi chờ chia các món, nói chuyện với anh Đông và Quý Cụt tôi đã hiểu thêm nhiều sự việc. Sống cảnh cùng khổ này nó đẻ ra nhiều điều ti tiện, tính toán, lừa lọc vặt vãnh lắm! Trước đây mỗi khi có chất tươi, sau khi chia xong. Thường làm 19 tờ giấy con viết tên 10 người trong mâm, rồi 1 anh gấp lại, xóc đều bỏ vào cạnh mỗi phần một miếng. Bấy giờ cứ việc mở giấy ra, tên ai ở phần nào thì người đó nhận. Nhưng, dần dà đã có sự khôn lanh khi gấp giấy. Người gấp giấy, chỉ cần chú ý một cái giấy tên mình, rồi tìm phần nào có vẻ nhiều, hoặc ngon hơn thì bỏ miếng giấy đó. Hiển nhiên là không ai yên tâm, tin tưởng được. Thậm chí đã có tên lỳ lợm, khi đã chia xong sắp sửa bỏ phiếu, thấy suất nào có vẻ nhiều hay ngon, anh to nhổ đại một bãi nước bọt vào. Như thế sẽ không ai dám lấy phần ấy nữa, vậy là về anh ta.

Tóm lại, trước đây đã xảy ra nhiều chuyện lắm rồi. Cái tâm lý chung của mọi người trong cái cảnh thiếu thốn thương đau này là, mắt nhìn suất của người khác thường cứ thấy nhiều hay ngon hơn của mình. Mà như vậy thì trong lòng buồn lắm, ăn sẽ giảm ngon đi. Làm sao lòng còn được thảnh thơi hoàn toàn để thưởng thức trọn vẹn cái món ăn trọng đại 1 năm dài đăng đẳng mới có này. Thậm chí còn buồn cả đêm, cả 2 ngày Tết, có khi còn kéo dài cả năm, vẫn buồn mỗi khi nhớ đến cái phần ít, không công bằng của mình trong dịp đầu năm. Vì vậy dù chia đã đều rồi, vẫn phải gọi tên, như thế về mặt tâm lý, sẽ bằng lòng, sẽ thỏa đáng. Ngon hay không ngon, nhiều hay ít, đấy là do cái số phận của mình thôi. Có như vậy mới hoàn toàn yên tâm để tận hưởng cái vưu vật, hiếm có của đời tù.

Cũng có nhiều tên cán bộ, cả giám thị nữa, vào đứng nhìn cảnh tù chia chác thế này. Họ đều lắc đầu, giờ giọng khuyên răn v.v… Họ chỉ khuyên răn, mà họ không thể ra lệnh, vì họ cũng hiểu đây là tiêu chuẩn của người tù được hưởng. Họ chỉ lấy lời khuyên tù không nên chia chác ti tiện như vậy, hơn kém một vài hạt cơm, một tí thịt, thì có sao đâu v.v… Nhưng đều vô hiệu. Những người tù ai cũng vậy, họ đã phải đổ mồ hôi, nước mắt đến tàn lụi xác thân mới được hưởng những thứ này. Nó là sự sống của họ, là thịt là máu của họ. Một hạt cơm là một tí thịt, tí máu của họ để họ sống. Họ chỉ muốn có sự công bằng với nhau, chứ họ không hề chống đối chính quyền, chống đối ban giám thị.

Cuối cùng, những tên cán bộ ấy và những tên giám thị nọ, vẫn không thể hiểu được cái bé nhỏ ẩn tàng trong lòng người tù, đã bị đói khổ nhiều năm, tháng. Bất kể một ai, dù cho danh giá như là một tổng thống, một nhà bác học, một nhà hiền triết hay một ông triệu phú, nếu phải ở vào cảnh này, thì họ cũng sẽ như vậy. Chỉ trừ họ không phải là người, chứ đã là người thì cũng chỉ là một sinh vật nên phải cần sống đã. Trong đám tù cùng khổ ở đây, cũng có nhiều người trước đây, đầy hào hoa phong nhã. Đã một thời, đã từng coi miếng ăn là sự tầm thường, hèn hạ của con người như Phan Thanh Vân, Bác Sĩ Hiệp, hay như ông Hinh mù tư sản đài các, thanh lịch của Hà Nội v.v…

Sau khi chia cơm nước xong, bóng chiều đã ngập ngừng dâng lên. Từng mảng tối thẫm với nhiều hình thù kỳ dị đang từ những bìa rừng lẩn thẩn bò ra, che mờ dần cảnh vật. Trên chóm những ngọn núi xa xa, còn rơi rớt chút ánh vàng loãng nhợt. Một đàn vạc trắng giăng hàng như một cánh cung, đang mải miết bay về phương Bắc. Một con chim rừng phía sau trại, thỉnh thoảng cất giọng đều đều "bắt cô trói cột" mà sau này, những tên cán bộ phụ trách dân công chiến trường miền Bắc, đã đặt trẹo đi là "khó khăn khắc phục". Nhưng lúc này, tôi lại cứ nghe ra là nó hót "chết ai cũng mặc". Một nỗi mênh mông khắc khoải, luồn dần vào giọng hót của con chim, cùng với đêm trừ tịch giữa rừng hoang, đang ùa về đè nặng hồn tôi. Không gian, núi rừng đã ngã màu xám sậm. Vài chiếc lá nứa vàng khô rời cành lắc lư, chao đảo đìu hiu trong buổi chiều muộn để về lòng đất ẩm.

Tôi thấy sân vắng, thưa hẳn người ra. Trong hội trường cũng chỉ còn lác đác dăm ba người. Mà ngay cả những tiếng ồn ào, râm ran cũng đã lắng dần vào yên lặng. Hơi ngạc nhiên, như mọi bữa, sau khi chia cơm, canh xong lúc ăn

uống cũng còn ầm ĩ chán.

Một tay cầm rá cơm, tay ôm cái soong thức ăn lẫn lộn, tôi cũng đi vào buồng. Tôi cứ tưởng chỉ có mình tôi mới có ý định riêng là sẽ không vội vàng gì cả, chờ cho cán bộ điểm xong đâu đấy, bấy giờ mới thong thả thưởng thức cái của ngon vật lạ này trên cái cõi đời tù. Thế mà khi vào buồng, sàn trên, sàn dưới, hầu như mỗi người đều đã ở chỗ của mình. Họ ngồi yên lặng, nét mặt nghiêm trang, thỉnh thoảng họ cúi gầm đầu xuống những món ăn, nét mặt thành khẩn, ngoan ngoãn như ngồi trước một bậc trưởng thượng rất mực tôn kính. Chỉ có một vài người, chắc không thể chịu đựng được, lấy tay nhón một vài miếng nhỏ, bỏ vào miệng để nhấm nháp trước, chứ họ cũng đều muốn chờ điểm xong đã như tôi.

Ngay anh chàng Vân ở bên cạnh cũng đang ngồi thừ người ra nhìn đám thức ăn, đang để tênh hênh ra trước mặt. Chẳng biết Vân đang nghĩ gì, nhưng tôi hiểu anh không muốn nói chuyện lúc này. Tôi xin được tôn trọng và trong lòng tôi cũng muốn được yên lặng. trong những giờ phút thiêng liêng này như anh.

Hôm nay tên cán bộ ngồi ở trên chòi gác ở cổng trại, chẳng hiểu vì tâm hồn y cũng đang vơi đầy với đêm cuối năm giữa rừng sâu hoang lạnh, để tâm hồn thẩn thờ, để mắt đăm chiêu rọi tìm vào cõi xa xăm đen tối những hình dáng thân nhân, ruột thịt, hay y có lệnh hôm nay gõ kẻng điểm muộn, nên mãi y cũng chẳng chịu gõ để anh em tù phải chờ?

Mãi rồi tiếng kẻng cũng réo vang lên trong cái tịch mịch của núi ngàn. Sau khi điểm xong, cửa đóng, then cài khóa kỹ.. Hơi ồn ào một chút lúc đầu vì những tiếng rít của điếu cầy và vì ai cũng vào nhà cầu để đẩy ra hết những cái nước thừa cho nhẹ lòng.

Ánh sáng của chiếc đèn bão treo lủng lẳng giữa nhà, càng làm cho căn buồng thêm mờ ảo, mông lung. Tôi ngồi xếp chân tròn ngay ngắn, thụt sâu lên phía đầu sàn, trong bóng tối. Nhẹ đưa mắt một lượt chung quanh phía sàn dưới, rồi nhìn về chiếc soong và rá cơm của mình phía trước mặt. Lòng hơi gợn lên một chút xót xa, khi thấy soong thức ăn của tôi, lộn tùng phèo các món. Nhưng không sao, sá gì mấy cái tiểu tiết ấy. Bởi vì, từ nãy tới giờ tôi đã phải nuốt vào nhiều lần nước chân răng rồi.

Ngay từ lúc chia, tôi đã biết chắc là phần của tôi có 4 miếng thịt lợn, mầu nâu xậm, óng lên những mỡ rồi. Miếng to nhất phải bằng đến 4 đốt ngón tay ghép lại, chứ có chơi đâu. Nghĩa là, một bề 3 phân, một bề 4 phân và dầy đến gần một phân. Bây giờ tôi vẫn còn nhìn rõ, nó nằm lù lù một góc soong kia. Người tôi đã nóng lên rần rật rồi, tay chân đã thấy ngứa ngáy ran lên. Nhưng tôi phải trầm tĩnh, không vội vàng, dù cái mùi ngọt ngào, ngầy ngậy thơm phức cứ xộc bừa vào mũi tôi. Óc tôi còn đang bận suy nghĩ là nên hưởng cái gì trước? Hơi hoang mang, ngập ngừng một giây trong lựa chọn. Cuối cùng tôi quyết định: Đầu tiên, cái đầu tiên phải là một miếng thịt đã!

Tay đã cầm cái thìa cụt Toàn cho, lăm le từ nãy. Bây giờ tôi khẽ nương nhẹ, xúc một miếng cho gọn ghẽ vào trong cái thìa. Trước khi cho miếng thịt vào miệng, mắt tôi lại phải liếc thiên hạ chung quanh một cái nữa đã. Yên tâm, trong bóng tôi, chả ai nhìn thấy tôi. Ngửa cổ, tôi há hốc miệng ra; hai đầu gối của tôi tự nhiên động đậy rồi rung lên. Từ từ, tôi đẩy miếng thịt vào giữa hai hàm răng. Dập mạnh, hai hàm cắn mạnh, vất chiếc thìa vào soong, tôi nằm vật ngửa trên cuộn chăn phía đầu sàn. Cương quyết tôi không nhai, cứ ngậm chặt hai hàm răng vào miếng thịt như vậy. Mắt nhắm nghiền, tôi im lặng nghe ngóng. Ruột tôi cứ cuồn cuộn, vặn vò, giẫy dọn gây ra những tiếng ơ…ợ, e…ẹ liên hồi. Tôi hiểu, ruột và dạ dầy của tôi đang vật vã kêu xin, van nài tôi, mau cho chúng được hưởng chút ân tình đặc biệt của trời, mà từ lâu lắm rồi, chúng khao khát, mòn mỏi mong chờ.

Mãi tới lúc này, tôi mới chịu chấp nhận lời khẩn cầu của chúng, mới chịu nuốt những dòng nước miếng, đã đầy ắp miệng tôi từ nãy. Đột nhiên hai hàm răng tôi mở ra, rồi thong thả lại cắn vào miếng thịt. Lại từ từ há ra, rồi lại tiếp tục dập mạnh vào. Ba, bốn lần như vậy, như một nghệ sĩ đang điều khiển trống, trong một ban nhạc, chân đang

nhận bass: Pạch… pạch… pạch… Tôi không còn nghe thấy tiếng vật vã, của ruột và dạ dầy nữa, nhưng lại còn có một tiếng khác, rất lạ. Tiếng róc rách của một giòng suối trong vắt đang chảy từ cuống họng tôi xuống dạ dầy, mà tôi lại tưởng là những giọt nước nhểu của mái tranh đầu hè trong những trận mưa.

Một lúc lâu lắm tôi mới ngồi dậy được. Liếc nhìn anh chàng Vân, cũng đang nằm ngửa hơ hơ trong khi miệng anh vẫn nhai nhóp nhép. Kệ anh. Tôi quay lại tiếp tục thưởng thức dần những thứ vưu vật của trời, lúc này đã hoàn toàn thuộc quyền của tôi.

Chỉ mới 40 phút sau, tất cả đã sạch trơn, dù tôi đã cố ý dềnh dàng kéo dài lúc hưởng thụ. Thế mà xem ý ruột, gan và dạ dầy của tôi sẵn sàng lịch sự xin nhận nữa. Tôi thầm nhủ lòng và cũng như nói nhẹ với chúng, xin vui lòng đợi đến ngày mai. Lúc này tuy mới 8 giờ tối, trong buồng đã nhiều người đi nằm đắp chăn. Có lẽ ai cũng vậy, sau một bữa ăn không bình thường, anh nào cũng muốn nằm cho tâm tư, bồng bềnh nổi trôi với cuộc đời.

Theo truyền thống hàng năm, đêm nay và đêm mai (mồng một Tết) không có kẻng cấm, đi tiểu, đi cầu đều không phải báo cáo cán bộ như mọi khi. Nghĩa là tự do, thức hay ngủ cả đêm, đó là quyền của anh. Mọi người cũng đã được thông báo ngay từ buổi chiều: Đặc biệt đêm nay, đêm Trừ Tịch, 9 giờ cán bộ sẽ mở cửa phát bánh chưng và nhà bếp sẽ cho mỗi buồng 1 thùng nước sôi, để tù nhân pha trà đón Giao Thừa.

Chương 24

Tiếng Khèn Đêm Trừ Tịch
và
Nỗi Sầu Tết Mậu Thân

Nằm một lúc, tôi chợt nhớ đến toán Boone. Mấy ngày trước có lúc tôi chuyện trò với anh Lân, có lúc với anh Thú hoặc Đinh Sơn. Tôi đã cảm thấy trong nội bộ của toán biệt kích này có những điều khúc mắc. Hầu như ai cũng tránh né không muốn nhắc lại sự việc đã qua của toán họ.

Tôi biết hiện nay ở trại này toán của họ có 5 người. Riêng Phạm Công Thành được ở dưới toán nhà bếp. Ngay trong buồng này có 4 người là Nguyễn Văn Bắc, Đinh Văn Sơn, Nguyễn Văn Thú và Nguyễn Huy Lân. Qua cái nhìn của tôi, trong một số ngày qua thì anh Thú tương đối chân thành và cởi mở. Anh vẫn kiên định, duy trì lập trường chống Cộng, nên dễ tâm sự hơn.

Ngoài ra còn Lê Văn Kinh người nhái nữa. Vụ án ở sông Gianh tôi đã loáng thoáng nghe từ trước. Lại còn câu chuyện bỏ dở của Vân nữa. Tôi đã có ý định lợi dụng trong dịp Tết này, sẽ tìm biết những điều cơ bản về mấy vụ này. Nghĩ thế, tôi bò bật dậy trèo lên chỗ anh Thú.

Còn đang chuyện trò với anh Thú thì bỗng có ánh đèn bão lấp loáng ngoài sân. Rồi có tiếng lạch cạch, chìa khóa mở cửa buồng. Buồng lại ồn ào, náo nhiệt lên. Nguyễn Thạc, toán trưởng nhà bếp gọi Nguyễn Huy Lân và Đinh Khắc Sản ra nhận bánh chưng cho toán 2 và 3. Bên ngoài cửa, tên Tân trật tự cầm chiếc đèn bão, đang đứng cạnh tên Cẩn cán bộ trực trại. Một thùng nước sôi còn khói nghi ngút được đặt ngay giữa nhà.

Sau khi cửa đã đóng, nhiều người tíu tít, ca, gô, cốc chạy đi, chạy lại lấy nước pha trà. Thật là nhộn nhịp, tưng bừng, cứ vui như ngày…Tết. Mùi bánh, mùi lá còn nóng hổi nồng nồng, ngan ngát của nàng Xuân, ai ngửi thấy mắt cũng sáng lên long lanh. Có 6 món để tượng trưng cho ngày Tết của dân tộc, chúng tôi đã có đến 3, lại là 3 món quan

trọng nhất, chính yếu nhất thì hỏi rằng ai mà không vui sao được? Này nhé:

Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Còn ba cái món pháo nổ, nêu cao với câu đối thì có nhằm nhò gì với chúng tôi trong tình thế này? Chưa hết, còn nữa, sau khi gọi tên từng người để phát bánh chưng xong, anh Lân ra đứng giữa nhà cao giọng:

- Toàn buồng yên lặng, chú ý: Một tin giật gân mới nhận được!

Đâu đó đều im bặt. Mọi người đều hướng về anh Lân đợi chờ. Nguyễn Huy Lân nói sôi nổi như tràn ứ, nét hưng phấn:

- Một ân huệ của ban giám thị, toán nhà bếp nâng cao tinh thần phục vụ trại viên. Đặc biệt sáng ngày mai, trại sẽ có cháo… lòng…

Tiếng hò, tiếng vỗ tay, tiếng đập sàn, tưởng đến rung rinh cả căn buồng ra. Ôi, sao lại có nhiều cái vui thế này? Kiếp con người như lúc này, thật đáng sống biết bao!

Đã hơn 10 giờ khuya. Mọi người ăn nhiều hơn và uống nước cũng nhiều hơn nên cũng phải ra vào nhà cầu nhiều lần hơn. Không hiểu tại sao, khi mở cửa vào nhà cầu, tôi tưởng như nghẹt thở, mắt cay xè, không mở ra được. Anh nào cũng bịt mũi, nín thở đi tiểu vội vàng rồi chạy ra. Thì ra cái mùi như "acid" đó là do hành nén. Thật cũng lạ kỳ! Ăn nhiều hành nén nước giải lại có cái mùi ghê gớm như thế! Nhưng lòng của con người còn lạ kỳ hơn nữa. Vừa mới xốn xang, hồn bay bổng ngất ngây, vui như cỡi… ngựa, thế mà về chỗ nằm đắp chăn một lúc. Tâm tư đã tơ vò nặng trĩu. Cuộc đời, gia đình, đất nước nổi trôi, tấm thân tù tội, ngổn ngang lớp lớp đã dần dần len vào cuốn chặt hồn tôi.

Đêm càng về khuya, càng vắng lặng. Thỉnh thoảng một vài tiếng hú, rống dội lên dài lê thê của những con vượn, xen lẫn tiếng rúc của cú rừng ăn đêm, từ trong rừng sâu vọng về, càng khắc khoải não nề cho người tù nằm nghe.

Gió rừng đêm nay cũng thật lớn. Gió luồn qua những kẽ hở của vách nứa, gió lách qua những tấm phên tre của mái nhà, đẩy những cái lạnh cuối Đông vào trong buồng. Tiếng khàn khàn, đùng đục, vi vu của những lỗ kèo, lỗ đòn tay nữa, trên mái nhà với tiếng xào xạc, ray rứt của lá rừng. Nằm càng nghe, lòng càng co thắt.

Đột nhiên một âm thanh lạ hoắc, te te, rè rè như tiếng nai con gọi mẹ, xa xôi lơ lửng lẫn vào trong gió. Một tiếng nữa, trong hơn, ro ro…róc rách như đứa bé trai đứng tồ vào chiếc lu sành ở chái hồi. Lại một tiếng nữa, cất lên gầm ghì, tỉ tê, ẽo ợt như tiếng mèo gào ráng đêm trên mái nhà. Hồn tôi lập lờ chơi vơi cuốn lượn theo những âm thanh lạ như thực, như mơ, bập bềnh trong sương khói. Chợt, Vân nằm bên cạnh đập mạnh vào người tôi:

- Buồn quá Bình ơi! Dậy nghe mấy người dân tộc thổi khèn.

Như choàng tỉnh một cơn mộng ngày, tôi tung chăn ngồi bật dậy. Trong bóng tối, sáng lờ mờ, phía góc sàn dưới, gần nhà cầu, một đám người dân tộc, đến gần hai chục người ngồi quây quần bên nhau, yên lặng đăm chiêu. Có bốn, năm người đang tấu lên những khúc nhạc buồn dân tộc, gọi hồn quê hương trong rừng thẳm. Thì ra những âm thanh lạ mà tôi cứ tưởng trong mơ, lại là có thật ở ngay trong buồng. Từ những năm tháng cũ trong tuổi ấu thơ, tôi đã đọc những trang sách, tả về tiếng khèn man dại của người dân tộc thiểu số: Mường, Thổ, Mèo, Mán, Thái v.v… trong rừng già hẻo lánh, nơi biên cương như: Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Bắc Cạn đầy lam sơn chướng khí, huyền bí của vùng Việt Bắc. Bây giờ tiếng khèn ấy đang nỉ non tấu lên ngay ở đây, trong buồng này giữa đêm Trừ Tịch.

Lòng tò mò, đã giục tôi tiến lại gần đám người dân tộc. Thấy tôi đến, Lầu Phá Tra và Sín Dẫu đang ngồi ngay đầu sàn, đã dịch ra một chỗ cho tôi ngồi. Nhìn sang sàn bên, Vân cũng đang lúi húi tìm thế ngồi với mấy người dân tộc khác. Trong bóng mờ của khói trà, khói thuốc lào; những ánh mắt, những khuôn mặt, quen thuộc, ẩn hiện thấp thoáng: Lý A Chén, Lồ Cao Diu, Lồ Cao Chính, Quách Mơi, Lù Chẳn Páng, có cả nhóm của Hùng, Nông Quốc Hải. Nhìn kỹ, tôi hơi ngạc nhiên, lại có cả Thạch Rươn biệt kích, gốc Campuchia, nhà ở Trà Vinh; A Peng, Vàng A Páo biệt kích, người Lào. Người thì ngồi cúi gằm như để hồn tìm về một thế giới riêng tư, người thì cặp mắt lờ đờ nhìn vào bóng tối đăm đăm như gởi gấm tâm tư về nơi núi ngàn.

Họ im lặng buông lơi tâm tư để mặc cho tiếng khèn ve vuốt, nắn xoa hồn họ. Tôi cũng chăm chú nhìn vào những chiếc khèn, mà 4, 5 người đang hất lên, hạ xuống theo hơi thở nén lúc đầy, lúc vơi cho âm thanh trầm bổng lúc dài, lúc ngắn.

Những tiếng khèn, nhiều kiểu khác nhau, đều ghép bằng những ống nứa con con, cắt ra từ những cánh nứa nhỏ. Mỗi ống dài, cái thì 10 phân, cái thì 15 phân. Họ khéo léo ghép với nhau thành nhiều kiểu: Kiểu khèn 1 ống, 2 ống, cứ cái đến 6, 7 ống, trông như những cái lỗ của tổ con tò vò. Hồn tôi cũng bị chìm sâu, cuốn hút vào tiếng khèn man dại. Nhiều lúc 3, 4 tiếng khèn cùng rú lên như những hồn oan, lạc lõng trong đêm rừng. Có lúc nghe như những lời gào thét, rên xiết não nề của những kiếp người tủi cực, mò mẫm trong tăm tối. Tôi ngồi âm thầm, cúi mặt hàng giờ.

Hắn lúc này cũng đã Giao Thừa. Giọng một con chó rừng hú dài trong rừng sâu, như ngoáy vào đêm khuya, đệm vào những tiếng khèn ai oán. Ruột tôi như co lại, vặn vò, ép nặn cho rỉ dần ra từng giọt, cái sầu thiên thu của nhân thế. Một nỗi buồn lai láng, mênh mông ập vào, làm tâm hồn tôi rã rượi. Tôi không thể nào ngồi dậy được nữa, nhìn sang Vân thì anh cũng đã về chỗ nằm từ lúc nào.

Về tới sàn mình, tôi nằm lịm đi, để mặc cho thân xác chìm nghỉm vào nỗi sầu tràng giang của đời. Những tiếng khèn vẫn tỉ tê, rả rích dẫn dần tôi vào giấc ngủ nặng nề, nhiều ngắc ngoải.

Những tiếng lịch kịch ngay bên cạnh, làm tôi choàng tỉnh dậy. Trời đã sáng rõ. Hôm nay không có kẻng báo thức. Tôi ngạc nhiên, thấy nhiều người đổ xô ra những cửa sổ phía trước nhà, để nhìn ra sân. Qua một kẽ chấn song tôi nhìn ra, tên Cẩn trực trại, tay cầm chìa khóa đang đứng trên hè hội trường một mình. Tôi đang lạ lùng sao y chưa đi mở cửa, điểm sổ các buồng, thì y đã quay hướng về 3 buồng, cao giọng dõng dạc từng tiếng:

- Các trại viên ở trong buồng im lặng, chú ý! Các anh hãy phấn khởi nghe tin đột xuất vui mừng cho cả nước: "Theo đài phát thanh của chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam. Đúng không giờ đêm vừa qua (31/01/1968), quân và dân toàn miền Nam, từ Bến Hải đến mũi Cà Mâu, đã đồng loạt nổi dậy, tấn công Mỹ, Ngụy ở khắp các thành phố và thị xã. Chúng ta đã làm chủ được nhiều tỉnh, nhiều thành phố. Ngay tại Sài Gòn, nơi hang ổ cuối cùng của ngụy quân, ngụy quyền, quân và dân ta đang tiêu diệt từng ổ đề kháng lẻ tẻ của chúng.

Tên Cẩn vừa dứt lời, trong các buồng, bắt đầu có những tiếng vỗ tay lác đác, rời rạc. Sau dần dần om lên như pháo rang, tưởng như các căn nhà cũng bị rung rinh lên. Ngay trong buồng 2, anh này ngơ ngác nhìn anh kia vỗ tay, rồi cũng vỗ theo. Tôi bàng hoàng, trong lòng đang đau như cắt, nhưng thấy mọi người vỗ tay; cả Vân nữa, đã bắt đầu hai tay đập mạnh vào nhau đôm đốp, nên tôi cũng phải vỗ như mọi người. Hầu như ai cũng tự hiểu rằng, dù trong tim, trong lòng anh ra sao không cần biết, nhưng trước sự việc này, nếu anh không vỗ tay như mọi người, thì hậu họa không thể tránh khỏi, vì đây là vấn đề tư tưởng.

Cũng những tiếng vỗ tay ấy, của cùng những con người ấy, mà ngay lúc buổi đêm rồi, nó làm bừng bừng mối hân hoan, niềm hạnh phúc buông lơi, bay lượn với hồn Xuân, nhưng lúc này, chúng như trăm ngàn cái kim, cắm sâu vào trái tim tôi và chắc chắn cũng vào nhiều những trái tim khác trong căn buồng này. Vỗ tay mắt ai cũng trắng dã ra. Người nào cũng phờ phạc, rũ rượi như những chiếc lá vàng khô trong mưa gió. Tin như sét đánh, làm tôi bủn rủn,

rụng rời.

Chẳng hiểu những người lãnh đạo, có trách nhiệm ở miền Nam có hiểu được những mưu mô, nham hiểm của Cộng Sản hay không? Hay các ngài đang bận rộn tổ chức những buổi tiệc linh đình, những buổi dạ vũ quay cuồng, phè phỡn đón Xuân, lơ là tay súng để rồi mà khóc than cho thân phận, cho gia đình, ôm hận, không phải một đời mà ngàn đời?

Ngay từ trong đêm tôi cứ tưởng rằng, sáng hôm nay tôi sẽ đón một nàng Xuân hiền hòa, đôn hậu, sắc nước hương trời, nhưng nàng Xuân hôm nay ủ rũ, rách rưới, tả tơi. Vả lại, tôi cũng chẳng còn bụng dạ nào để nhòm ngó đến nàng nữa. Tôi chán chường cả cháo, cả cơm, cả thi đấu cờ và cả không muốn dự cái lễ bắt buộc chúc Tết đầu năm, của ban giám thị ở hội trường. Tôi chỉ muốn nằm im lìm một chỗ, để nghe tim mình ê chề, rỉ máu. Nhưng vì những tên chó săn, nhất là tên Cẩn thường xuyên ra vào từng buồng xục xạo, ngó ngấp, cho nên ai cũng thế, trừ những đã ốm bịnh từ hôm qua, hôm nay dù có ốm thật, thì cũng phải cố gượng mà cười, mà vui. Ai nằm, dù chỉ nhớ nhà, hoặc tỏ vẻ buồn phiền chuyện riêng tư của đời mình, đều có danh sách lên ban giáo dục. Về điểm này, chúng đã có nhiều kinh nghiệm về những diễn tiến tư tưởng tất yếu của từng loại người. Nghĩa là tùy theo từng người khác nhau để chúng quy kết mức độ tư tưởng mà xử lý khác nhau.

Ngay từ lúc 8 giờ, chúng đã cho người mắc một chiếc loa to, trên chòi gác phía cổng, để hướng vào trong trại. Chiếc loa chắc bắt nối từ một chiếc radio ngoài phòng của ban giám thị. Nó bắt đầu ra rả nói về tình hình chiến sự ở miền Nam. Nào là chúng đã làm chủ tình hình ở Huế, cũng như nhiều nơi khác chính quyền cách mạng đã thiết lập những guồng máy hành chính, cũng như quân sự ở từng địa phương để duy trì an ninh cho dân chúng. Mặt khác, chúng cũng đang ráo riết truy lùng những phần tử có nợ máu với nhân dân v.v... Chúng đang chiến thắng. Chúng hiểu những tin tức này sẽ làm ruỗng lòng, làm tan nát niềm tin của những tên tù phản động này.

Thực sự, lòng tôi cũng bối rối, hoang mang không ít. Tuy có một điều tôi vẫn còn khúc mắc, trong mối hy vọng lờ mờ. Trong miền Nam lúc này, quân đội Mỹ và đồng minh còn đến 4, 5 trăm ngàn người, Cộng Sản Việt Nam có thể bắt, hoặc tiêu diệt được hết sao? Mà đã không thể tiêu diệt hết được, thì đâu có thể chúng nuốt trọn miền Nam nhanh chóng như vậy? Chính vì một điểm mơ hồ để bấu víu niềm tin này đã giúp tôi gắng gượng được phần nào, cho bộ mặt và thái độ không quá bi quan, rã rượi.

Tôi lại tiếp tục đi tham gia đấu cờ. Tình hình đang nóng, lạnh chưa ngã ngũ, lòng ai cũng bối rối, chưa ai dám tâm sự bàn tán với ai sợ mang di họa. Mọi người chỉ giao tế bình thường trong sinh hoạt. Không một ai dám nhắc đến, hay gợi đến cái nóng bỏng của miền Nam, dù ai cũng đang đầy ắp, lắng lo tơ vò trong lòng mình. Thường chỉ nhìn nhau bằng những ánh mắt dè dặt, dọ dẫm trong đám mây buồn.

Trong khi đang ngồi đấu cờ với anh Hiệp của toán 4 nông nghiệp, tôi chợt nhớ đến một hình ảnh lúc sáng của tên Cẩn. Cũng khoảng lúc 8 giờ, anh em tù đang chia cháo lòng ở sân, ngoài cổng mấy anh tù thợ điện, đang mắc chiếc loa, thì tên Cẩn từ ngoài cổng đi vào. Hôm nay, khác hẳn mọi khi, y đeo kềnh kềnh bên hông một chiêc radio transistor của Nhật. Dáng đi khệnh khạng khác thường, ngực y hơi ưỡn ra. Cái mặt y mới buồn cười, một bên má hơi hóp, nên nó méo hẳn đi. Cái môi trên của y mới lạ nữa, hàng ngày nó đã vẫu ra rồi, hôm nay nó lại cong, loe ra như một cái phễu. Khoan thai, y thong thả bước, nhàn du như một chủ nhân ông trước đám nô lệ. Mắt y giương giương lên nhìn mọi người.

Một đám tù ùa đi theo trầm trồ, xum xoe (loại người này, lúc nào và ở đâu cũng không thiếu) nhìn chiếc radio mà có lẽ lần đầu tiên họ mới nhìn thấy trong cuộc đời. Một anh có vẻ hiểu biết, cất tiếng hỏi:

- Thưa cán bộ, cái đài này của nước nào mà đẹp thế ạ?

Tên Cẩn đã trèo lên hè nhà số I. Y quay lại, dưới ánh nắng sớm, mặt thộn ra một lúc nghĩ ngợi, rồi như đã nhớ ra một điều gì rất khó:

- À, cái này ma…ze…gia pan đấy! (made in Japan).

Bây giờ ngồi đánh cờ với anh Hiệp, nhớ đến, tự nhiên tôi bật cười thành tiếng. Anh Hiệp đang gặp nước cờ bí, lại tưởng tôi cười anh, nên cau mặt lại nhìn tôi. Vừa cười, vừa lắc đầu, tôi nghĩ bụng, làm sao mà thanh minh để anh hiểu được. Ngày hôm nay, từ sáng tới chiều tôi đã đấu ba ván cờ. May mắn thế nào, tôi lại thắng cả ba. Sáng mai, mùng hai tôi phải chuẩn bị vào vòng bán kết. Chiếc loa ở cổng trại cứ léo nhéo suốt ngày. Lòng tôi cũng đầy mâu thuẫn: Thực sự, tôi chả muốn nghe tiếng đài chó chết ấy làm gì. Càng nghe nó, tôi càng tím thẫm sượng sùng, cúi đầu. Nhưng nếu không nghe thì lại không biết gì, dù chỉ là khái niệm những diễn biến nóng hổi của miền Nam thân yêu lúc này, nên đành lòng ngồi nghe nó rỉa ráy, châm chọc tim gan của mình.

Sáng mồng hai, tôi đấu vối bác Hiểu già toán 3, tôi lại thắng để đứng đầu bảng B. Bảng A, người duy nhất còn lại chính là bác Lẫm Hà Nội. Như vậy, không còn tránh đi đâu được, chiều nay tôi phải đương đầu với bác một trận chung kết để tranh giải nhất và nhì ở bàn cớ lớn ngoài sân.

Phần vì tinh thần của tôi không được tập trung, phần khác tôi vẫn kiêng nể cái "uy" hai năm vô địch trại của bác, nên trong tâm cũng gờn gợn, băn khoăn. Nghĩ lại, những năm tháng ở trại học sinh Pavie Lamothe, Phú Thọ, miền Nam. Thời gian này có Lê Quang Huyến cũng ở buồng 4 với chúng tôi. Nó có bộ óc thông minh đặc biệt, nhất là về toán. Sau khi nó tốt nghiệp tú tài toàn phần ban B xong, để chuẩn bị cho năm tới thì toán đại cương (math general), nó đặt mua những sách báo chuyên đề về toán ở hải ngoại, có những bài toán hóc búa để giải. Cờ tướng là món chơi sở thích của nó, vì cờ cũng có liên quan đến cái óc tính toán. Ngoài những sách báo dạy về cờ, nó còn sưu tầm những ván cờ nổi tiếng của những tay cờ vô địch Bắc, Trung, Nam. Nó cũng đặt mua tờ tuần báo duy nhất về cờ tướng của người Tầu bên Chợ Lớn. Ngoài ra những trận cờ nổi danh của kỳ vương Lý Chí Hải ở Hồng Kông sang đấu tại Sài Gòn nó cũng không bỏ sót. Thảng hoặc, tôi cũng xem sách báo và đấu cờ với nó, vì vậy tôi cùng có phần nào tin vào khả năng của mình.

Khi được biết tôi đúng đầu bảng B, nhiều anh em quen biết đều ngạc nhiên, vì chả khi nào tôi nói chuyện về cờ tướng cả, cũng như ghé lại nhìn những bàn cờ họ đang đấu chơi với nhau vào những ngày Chủ Nhật.

Tôi không ngờ, trận chung kết cờ chiều nay thật đông khán giả tham dự. Có cả tên Cẩn trực trại và mấy tên cán bộ, bộ đội vũ trang cũng vào xem. Anh em đứng vây kín cả một bàn cờ rộng mỗi bề hàng chục mét ở giữa sân. Khi rút thăm để được tiện nghi dành quyền đi trước, tôi nhìn bác Lẫm mãi. Bác phải ngoài 60, tóc đã điểm sương. Mặt bác rất hiền, phải nói là phúc hậu nữa là khác. Mới nhìn thấy bác mà tôi đã đem lòng nể kính ngay, vì vậy tôi vội nhã nhặn nói:

- Từ lâu, cháu vẫn trọng kính những người có tuổi, Bởi thế, bác cho cháu được giữ đạo lý đó, xin mời bác đi trước, không phải rút thăm nữa.

Hơi ngần ngừ, nhìn tôi một lúc, rồi bác gật đầu đồng ý. Không nói một lời, mặt bác tươi lên như cười, thong thả bước vào bàn cờ. Ngay nước đầu, bác đẩy con tốt biên: 1 tiến 1.

Tôi hiểu đây là một người thận trọng trầm tĩnh, vừa nhã nhặn, vừa không coi thường đối thủ. Mục đích chỉ để thăm dò, bắt mạch đối phương. Tôi cũng hiểu rằng cờ tướng là một môn tranh hơn thua không những bằng thế, bằng mưu, mà còn bằng tâm lý nữa. Có những đối thủ cáo già, họ đi những bước đầu hơi hớ hênh, hoặc ngập ngừng. Họ chỉ trỏ, tính toán nước này, nước kia tỏ rằng không có chủ định, để đối thủ tưởng lầm rằng là một tay cờ bình thường, mà chết. Ngược lại, cũng có người ngay từ đầu, đi những nước rất lạ, cách đặt quân vững chải, tỏ ra đầy tự

tin; mục đích gây hoang mang cho đối thủ, chứ thực ra họ chả có gì sâu sắc cả. Thậm chí họ còn đánh "võ miệng", nào là đã từng đấu với nhân vật này, hạ nhân vật kia để hù về mặt tâm lý nữa.

Một mái đầu xanh với một mái đầu bạc đăm chiêu tính toán để hạ nhau. Như trên tôi đã trình bày, phần vì tôi vẫn nể cái "uy" của bác (tâm lý chủ bại thì ít khi thắng), phần khác, tôi chưa hề đấu bàn cờ rộng thế này bao giờ. Nhìn nó bao quát, lạc hẳn đi, làm giảm hẳn trí có tính toán của tôi. Hơn nữa, những tác động ồn ào, bàn tán của người xem cũng làm loãng những trù liệu của tôi đối với đối thủ. Tuy vậy, tôi cũng tạo dựng, lựa nhiều nghi binh để được vào một vài thế có lợi cho tôi, cho nên hơn một giờ sau, bàn cờ đã nghiêng hẳn về phía tôi.

Tôi còn đủ bộ xe pháo mã, trong khi bác Lẫm kém tôi một con mã, mà còn ở thế bị tấn công. Hai đấu thủ cờ, xấp xỉ tài năng, một chín, một mười. Bên nào đã hơn quân rồi mà còn được ở thế tấn công, thì hầu như bàn cờ đã được định đoạt.

Mặt bác Lẫm lúc này, đỏ gay, thỉnh thoảng bác phải dùng chiếc khăn đỏ đang quấn ở cổ để lau trán, lau mặt. Mặt tôi cũng nóng bừng, nhất là lúc này nhiều người xô đến gần cổ vũ, góp ý (thói đời, người ta chỉ phù thịnh thôi). Ngay tên Cẩn đã nhìn tôi, nói to như động viên khích lệ:

- Không ngờ Bình lại cao cờ thế, nhiều mưu lắm!

Mãi đặt hết tâm hồn vào những thế hơn thua của cuộc cờ, tôi đã quên béng đi, hay không hề nghĩ đến một điều to lớn khác. Đến lúc này, nghe tên Cẩn nói, tôi mới thót nghĩ ra. Tôi chợt hiểu, tôi còn nông nổi hiếu thắng lắm! Còn non lắm mà lại cứ tưởng mình đã già dặn rồi. Tất cả những ý nghĩ luẩn quẩn trên đã tác động vào tâm trí tính toán thế cờ của tôi. Tôi còn một nhược điểm nữa rất to lớn. Mặc dù lúc đầu nhiều việc thường thận trọng, trầm tĩnh tính toán, nhưng khi gần đến thắng lợi, đến thành công lại rơi vào cái hố chủ quan. Mà đáng lẽ ra, chỉ được phép vui mừng, lỏng tay súng khi đã tiêu diệt hết kẻ thù. Phải vẫn thận trọng, cảnh giác, dè dặt tới lúc bàn cờ kết thúc. Chính vì những nhược điểm trên, cuối cùng, tôi đã rơi vào những cái thế bị động, mở đường máu thoát thân của bác Lẫm.

Kết lại, đánh cờ là đấu trí, dù ở khâu nào, lý do nào tôi cũng đã thua trí của bác Lẫm. Tôi thua bác thực sự, không hề ân hận, áy náy vì tôi còn quá nhiều nhược điểm. Nhưng rất nhiều người, kể cả những tên cán bộ lại cứ cho là tôi có ý nhường bác Lẫm. Thậm chí, cho đến chiều muộn, khi ban tổ chức phát giải thưởng, bác lẫm còn vỗ vai tôi:

- Cậu đã nhường tôi.

- Chính cháu không hề nghĩ lại được vào chung kết. Cháu tưởng, cháu sẽ bị loại ngay từ những vòng đầu. Chứ đấu được với bác như thế, cháu đã thấy may mắn và khá rồi đấy!

Tôi chân thành nói với bác Lẫm như vậy.

Về bóng bàn của Phan Thanh Vân, anh cũng chỉ ở giải nhì, còn Đinh Sơn chiếm giải nhất, cả hai đều là đấu thủ miền Nam.

Về sau này, thật không ngờ, ván cờ ấy tôi bị thua bác Lẫm, nhưng tôi lại được một cái khác to lớn hơn, ý nghĩa và tình người hơn. Sau đấy, bác Lẫm lại mến tôi đặc biệt. Một buổi trưa tôi đang ngồi ở hội trường, bác mang cho tôi một lưỡi dao cạo "Gillettte" còn mới, bác nói:

- Cậu phải thường xuyên cạo râu cằm đi, mà chỉ để râu trên mới đẹp.

Lưỡi dao cạo ở trong tù rất hiếm, nên vô cùng giá trị. Tôi bẻ đôi, cất kỹ dùng đến 8 năm sau mới mất (cùn thì mài).

Cứ thỉnh thoảng bác lại dấu đút cho: Khi thì củ sắn, củ khoai nướng, khi nắm rau luộc. Vì bác ở toán rau, nên được ra ngoài đồng làm việc.

Những năm sau, mỗi khi nghĩ đến trận cờ năm ấy, tôi vẫn thấy vui. Khi ấy, nếu có đủ lực thắng bác Lẫm thì cũng nên thua vì kết quả lại còn được nhiều cái hơn, huống chi tôi lại thua thực. Như vậy, trong cuộc sống, nhiều khi không tính mà lại làm đúng.

Chiều ngày mồng 4 Tết, khi toán chúng tôi đi lao động về thì chiếc loa to ở cổng trại đã được tháo đi rồi. Lý do là chỉ ráp nối cho trại viên nghe đài ngày Tết mà thôi. Thực ra thì không phải vậy. Qua một số nguồn tin rỉ tai từ một vài người có thân nhân lên tiếp tế sau Tết, loáng thoáng cho biết vụ Tết Mậu Thân, không phải Việt cộng hoàn toàn chiến thắng như đài, báo của Cộng Sản tuyên truyền. Nghe đâu, quân của chúng bị vây ở Sài Gòn và nhiều nơi khác, bị bắt và bị chết nhiều lắm v.v… Nguồn tin này, đối với tôi thì có thể tin được. Bởi vì nó gần như một quy luật: Khi nào chúng nó chiến thắng thì chúng bắt tù phải nghe đài, phải đọc báo, đêm ngày, nó ra rả sủa vào tai. Còn khi nào chúng thua, tin tức bất lợi cho chúng thì đài bị hư, báo bị tắc đường, xe không đến trại được v.v…

Có một điều làm day dứt lòng tôi mãi nhiều năm. Ngay chiều tối, khi các buồng đã điểm xong, khóa cửa rồi, tên trực trại Cẩn và tên Tân trật tự, lại xách đèn bão đến buồng 2. Tên Cẩn đọc tên 4 người toán 2, ra lán thủ công để đóng một cỗ quan tài, đột xuất. Hơn một giờ sau, khi 4 người trở về buồng thì mọi người mới biết: Bác Lê Tài Chương trong nhà kỷ luật đã chết rồi. Nghe tin mà tôi điếng người, ngẩn ngơ. Mới vào kỷ luật có khoảng 10 ngày, sao mà đã chết? Dù bác có yếu, nhưng sao có thể chết nhanh như vậy? Ôi, một kiếp người vô nghĩa đã trở về với cát bụi hư không.

Chẳng hiểu bác chết vì tự tử hay vì sao, mà sau đó tôi không hề nghe một ai bàn tán gì đến cả. Ngay tên Tân trật tự, hàng ngày y đưa cơm trong nhà kỷ luật; bác Lê Tài Chương lại là chủ tịch đảng của nhóm y, đồng vụ với y, nhưng sự việc vẫn kín bưng như hũ nút, chẳng một ai biết rõ.

Trước đây, đã nhiều lần tôi định đến với bác để tìm hiểu và học hỏi thêm, Ai ngờ đâu, một kiếp người lại giản dị, dễ dàng ra đi nhanh như thế!

Chương 25

Hung Thần Hoàng Thanh

Tôi nhớ sau vụ bác Lê Tài Chương chết ở trong nhà kỷ luật, hai hay ba ngày. Một buổi sáng khi các toán đang xuất trại đi lao động, anh Lân đứng báo cáo với tên Kích, cán bộ toán như thường lệ mỗi buổi sáng. Sau đó, anh đi xuống chỗ toán đang xếp hàng dài, nhìn tôi:

- Bình ở lại trại gặp cán bộ.

Hơi bàng hoàng lo lắng, tôi không biết có chuyện gì? Nhiều anh em trong toán quay lại nhìn tôi bằng những ánh mắt hơi ngạc nhiên. Đành rằng, hàng ngày không những toán 2 mà còn ở nhiều toán khác nữa, vẫn có nhiều anh được lệnh ở lại trại để gặp cán bộ, nhưng hôm nay là lần đầu đối với tôi, cho nên tôi vẫn e ngại.

Trại đi lao động chừng gần một tiếng thì tên Cẩn trực trại vào buồng II. Trong buồng trống trơn, chỉ con hai anh Hiển và Khải mới ở nhà kỷ luật ra, còn yếu chưa đi làm được. Thấy tôi, y ra hiệu tay theo y ra cổng trại. Đến cổng, y ngửng mặt lên nói với tên công an vũ trang cộc lốc:

- Đồng chí, tôi nhận một phạm ra ngoài.

Quay lại, y chỉ tay về khu ban giám thị, chéo phía trái của cổng trại bảo tôi đi, y đi theo phía sau. Ngòng ngoèo một con đường nhỏ lát gạch, dài chừng một trăm mét. Tên Cẩn hất hàm về phía một căn nhà nhỏ, bên cạnh chiếc nhà khác to lớn của giám thị:

- Anh vào trong đó!

Tôi còn hơi ngập ngừng đứng trước cửa buồng, thì một giọng rất đanh, khô lạnh giá phía trong:

- Vào đi!

Tôi hơi ngỡ ngàng, một tên cán bộ lạ hoắc, tôi chưa hề nhìn thấy bao giờ. Y đeo chiếc lon trung úy đã bạc mầu. Dáng y cao, thành ra người rong rõng gầy. Bộ mặt y hơi dài, xương xẩu nên có nhiều góc cạnh; đặc biệt là đôi mắt, sắc, lạnh loang loáng. Tất cả nói lên, y là một người tinh quái, nham hiểm, lạnh lùng. Nhìn tôi một lúc, y chỉ vào chiếc ghế đẩu để trước bàn, hách dịch:

- Cho anh ngồi!

Tôi ngồi chừng một phút, y mới cất tiếng nói, lần này lại có vẻ hơi nhẹ nhàng:

- Anh lên trại này được bao lâu rồi?

- Thưa ông gần một tháng ạ.

- Tôi hiểu, lúc này trong óc anh đang băn khoăn muốn biết về tôi là ai ở đây. Rồi anh sẽ biết, không muộn!

Nói xong, y xoay người nhìn ra chiếc cửa sổ con hướng về phía trại giam một lúc, rồi quay lại nhìn tôi, nói tiếp:

- Hôm nay, tôi gọi anh lên đây, buổi đầu ta gặp nhau. Tôi muốn anh thoải mái nói chuyện thẳng thắn; để minh xác vấn đề, tôi cũng thẳng thắn với anh: Hầu hết các anh, không hoặc chưa bao giờ thích chúng tôi, mà còn căm thù nữa. Nếu các anh nói là yêu cách mạng, yêu xã hội chủ nghĩa thì cũng chỉ ở mồm, ở miệng mà thôi.

Nói đến đây, y ngừng lại một lúc. Cầm chén trà đang còn vương vít một ít khói, uống một ngụm, rồi y lại nói tiếp:

- Điều đó tôi cũng không trách các anh, bởi vì các anh đã bị bắt vào quá sớm, hoặc đã lâu. Các anh không có điều kiện để nhìn thấy tận mắt, cuộc sống xã hội bên ngoài đang đổi thay từng ngày, tiến bộ rõ rệt. Do đấy, anh nào cũng ôm chặt khư khư cái mơ ước viển vông cho tới ngày chui vào lòng đất. Tiếc rằng, tôi không đủ quyền hạn, tôi sẽ cho các anh đi nhìn, đi xem, đi nghe tận chỗ. Hiện nay, quân và dân ta đang kiên trì, dũng cảm nối tiếp truyền thống bất khuất của ông cha, đánh cho giặc Mỹ, tên đầu xỏ đế quốc của thời đại, phải run sợ đang chờ ngày bại trận, rút về nước không xa nữa.

Nếu ai trong các anh còn chút lương tâm của người Việt Nam, trong tim, trong phổi thì cũng đều hởi lòng, hởi dạ. Chính tôi vừa qua, có dịp về công tác ở Hà Nội, tôi cũng không ngờ sự lớn mạnh của nhân dân ta vĩ đại như vậy. Ý kiến của anh ra sao, anh cứ phát biểu thực sự những suy nghĩ của anh.

Ngồi nghe y nói, tôi đã mường tượng y là Hoàng Thanh. Mới hôm qua, hôm kia đây, ở ngoài lán thủ công, trong câu chuyện, có đề cập đến việc bác Chương bị chết ở trong nhà kỷ luật, Lê Sơn đã nói, từ khi anh ta ở trại này 5 năm

nay, Hoàng Thanh đã cùm chết gần hai chục người rồi. Thế mà hôm nay, y lại tỏ ra cởi mở, hay không phải y là Hoàng Thanh? Để thăm dò tôi mạnh bạo phát biểu:

- Thưa ông, nghe những lời ông nói quá rộng lớn, có nhiều điều, tôi chưa hiểu đến. Phần do tuổi đời, phần do sự hiểu biết của tôi hạn hẹp. Cũng do sự hiểu biết còn non dại của tôi, nên tôi đã sai lầm phạm tội với nhân dân. Bởi vậy lúc này, tôi chỉ biết ngày đêm tâm niệm tin tưởng tuyệt đối vào đường lối giáo dục cải tạo những người tội lỗi, sai lầm của nhà nước. Tôi sẽ đem hết sức mình ra lao động để tự cải tạo bản thân, để mong một ngày được hưởng lượng khoan hồng của đảng và nhà nước, tôi được trở về làm lại cuộc đời. Điều này…

Tôi đang nói thì y khua tay bắt tôi ngừng:

- Thôi! Tôi đã đoán trước nội dung anh sẽ nói như vậy rồi. Anh nói theo một bài học khuôn thước như mọi người. Tôi lại không muốn nghe những điều như vậy. Thôi được, để thời gian! Này, gần tháng nay, chắc anh đã nghe những đồng phạm bàn tán về tôi ra sao?

Tôi còn dè dặt, ngập ngừng, thì y lại nói tiếp:

- Như: Ác ôn, tàn ác đã giết nhiều người này, phải không? Nên đã làm cho anh phải đắn đo, e ngại? Anh phải hiểu rằng, họ chỉ đứng từ một vị trí rác rưởi nhìn tôi, nên họ không thể hiểu được cách làm việc của tôi. Còn anh, tôi nghĩ rằng anh là con người thức thời, anh phải nhìn vào thực tế…

Nói tới đây, mắt y quắc sáng nhìn tôi như có tia lửa. Bàn tay y giơ ra về phía tôi, xòe ra, rồi lại nắm vào:

- Hiện nay, anh đang nằm gọn trong tay tôi, tôi mở thì anh sống, tôi bóp thì anh sẽ chết. Bây giờ, tôi cho anh về để mà suy nghĩ, chọn cho mình một sinh lộ. Hôm nay, anh có nói nữa thì cũng toàn là những chuyện không thật, mà tôi lại không muốn nghe.

Hơn một tiếng đồng hồ tôi gặp y, khi về trại rồi mà tôi vẫn còn phải suy nghĩ mãi về y. Có một điều tôi đã cảm nhận trong lòng như một nguyên tắc: Dù cho chính y là Hoàng Thanh, tinh khôn, ác ôn, nham hiểm, nhưng đã nói nhiều thì tôi cũng không sợ mấy. Một điều nữa, tôi để ý trong suốt buổi gặp y; y không hề đả động gì về tình hình đang nóng bỏng ở miền Nam. Điều này càng cho tôi thấy rằng, những suy đoán của tôi về tình hình chiến sự đã có chiều hướng đúng.

Buổi chiều đi lao động, qua Lê Sơn và Quý Cụt, tôi đã biết chính y là Hoàng Thanh. Một tên hung thần của trại trung ương số I phố Lu, Lào Cai. Tôi chưa biết rõ về y lắm, nhưng phải nói y có một cái uy đáng nể. Thấy y về, không khí trong trại có vẻ nặng nề khác thường. Từ cán bộ, bộ đội cho đến tù nhân trong trại hầu như đều trầm lặng, ít nói, ít cởi mở hẳn đi. Tuy vậy cũng có một sự việc làm cho anh em buồng số II khi đi lao động cứ liếc nhìn nhau cười thầm bằng ánh mắt hoài.

Đêm vừa qua, lúc gần sáng, tôi còn đang chìm sâu vào giấc ngủ muộn thì có tiếng chửi bới quàng quạc như vịt được tháo chuồng, làm cả Vân và tôi đều choàng tỉnh dậy. Mùi phân và mùi nước tiểu thối hoăng lên ở trong buồng. Anh chàng Lê Ngọc Phi, chân không guốc dép đang đứng ở giữa buồng, gào thét, chửi bới như một tên khùng. Thì ra, đêm y dậy vào nhà cầu; đến khi trở về chỗ, màn và chăn chiếu của y đầy nước tiểu và phân người. Chẳng biết ai đã bí mật, theo dõi chờ y vào nhà xí, đã hắt một lon cứt và nước đái vào chăn màn của y. Bây giờ chăn màn ướt át, đầy cứt và nước đái, y không còn chỗ nằm nữa. Phi thuộc toán ba xẻ gỗ, chỗ y nằm ở sàn dưới phía trước, gần cạnh chỗ toán trưởng Đinh Khắc Sản.

Mới vào Xuân, trời vẫn còn lạnh căm căm, bên ngoài vẫn tối om, có lẽ mới khoảng 3 hay 4 giờ sáng. Tiếng gầm thét,

chửi rủa của tên Phi làm cho cả buồng nhốn nháo, nhiều người thức dậy. Đây đó một vài tiếng cười. Một giọng nói từ góc phía đầu nhà của sàn trên dội lên như giễu cợt:

- Nào biết ai bây giờ! Tôi mà biết đứa nào tôi sẽ đập nó chết cho anh thỏa lòng. Thôi đi ngủ đi, mai ra báo cáo cán bộ sớm!

Lại có những tiếng cười nữa của nhiều người. Anh chàng Phi càng phát khùng, y gầm lên:

- Các anh phải biết rằng tôi được ban giám thị giao cho trách nhiệm theo dõi, để ý tất cả các anh ở trong buồng này. Còn nhiều những lời nói và việc làm phản động của các anh, tôi đã thông cảm không báo cáo hết với cán bộ, vậy mà các anh còn chưa biết điều.

Tiếng cười ồn lên ở trong buồng. Anh Lân buồng trưởng đứng ra giữa nhà nói to:

- Bây giờ, tất cả buồng im lặng, đi ngủ để mai còn đi lao động. Anh Phi cũng đi ngủ, sáng mai cán bộ sẽ giải quyết.

Tên Phi càng như điên khùng, không kể gì buồng trưởng hay ai, y quay lại xửng cồ cả với Lân:

- Chăn màn toàn cứt với với nước đái thì ngủ thế nào?

Buồng càng cười dữ, có anh cười ré lên như dê kêu. Bất chợt có tiếng báng súng đập mạnh vào cánh cửa:

- Buồng này làm cái gì mà ầm lên thế! Các anh muốn phá trại hả?

Anh Lân tiến ra định báo cáo, thì tên Phi xộc đến, len ra trước sát cửa:

- Báo cáo ông cán bộ, chúng nó đổ cứt và nước đái đầy chăn màn của tôi.

Giọng tên công an vũ trang hách dịch:

- Đứa nào?

- Thưa, tôi không biết!

Im lặng một lúc, chắc tên cán bộ thấy chẳng giải quyết gì được trong lúc này (y làm gì có chìa khóa, và đâu được quyền mở cửa buồng), vì vậy y lại quát:

- Toàn buồng tuyệt đối im lặng. Tôi thấy anh nào còn rì rầm, mai cho đi kỷ luật,

Bấy giờ tên Phi mới chịu im. Lủi thủi về chỗ ngồi ghẹ vào mép sàn. Từ hơn một tuần trước, qua anh em tôi đã biết tên Phi này là một bần nông ở vùng Bắc Ninh. Trong cuộc cải cách ruộng đất, y là thành phần cốt cán. Y đã cuồng nhiệt hăng say tố cáo, đánh phá địa chủ ở địa phương. Vì vậy gia đình y được chia một căn nhà khá khang trang của một người địa chủ đã bị xử bắn. Sau đó y được bầu là nông hội trưởng. Nhưng khi có chính sách sửa sai, người ta lấy nhà y để trả lại cho vợ con địa chủ.

Từ đấy, y bất mãn trong công tác, phát ngôn những lời bừa bãi, mất chính trị. Y bị chính quyền mới của xã, giáo dục nhiều lần, lại còn truất phế chức nông hội trưởng của y. Y càng lồng lộn bất mãn thêm để cuối cùng phải vào trại giam từ năm 1957. Y bị cái án dây thun tập trung với tội phản tuyên truyền. Vào trại giam, lúc đầu y cũng chống đối,

chây lười lao động, thường hay vi phạm nội quy đã nhiều lần phải đi kỷ luật. Nhưng từ ba, bốn năm nay, chẳng hiểu do sự phỉnh phờ, khích lệ dụ dỗ của ban giáo dục với y thế nào, y bắt đầu làm Joóc (antenne). Càng ngày y càng lao sâu vào con đường làm chó săn cho ban giám thị.

Dần dần, hành động lén lút, hèn mạt của y không thể che mắt được ai. Cả buồng, cả trại đều biết, không còn ai dám gần y để chuyện trò tâm sự nữa. Từ hơn một năm nay, y và chủ y đã tìm ra một phương kế khác. Trước đây, hàng tuần, hàng tháng, mỗi ngày, có khi đôi ba ngày lại gọi vài anh ra gặp cán bộ giáo dục. Trong những người này, dĩ nhiên, lẫn lộn người cải tạo tốt, người cải tạo xấu, người làm joóc, người không. Mục đích để tung hỏa mù, không cho tù biết ai làm chó, ai không làm chó. Đấy là một cách của người chủ bảo vệ cho những con chó của chúng. Cán bộ giáo dục không gọi tên Phi nữa, nhưng cứ thỉnh thoảng, có khi một tháng, có khi hai tháng không chừng, tên Phi lại tìm chuyện gây sự, rồi chửi nhau, có khi đánh nhau với một đồng phạm. Như vậy cả hai đều báo cáo tình hình trong trại, trong toán và về những cá nhân.

Ngay cả điều này rồi cũng không qua mắt được những người tinh tế. Vì vậy họ phải ngăn chận những con chó ăn cứt, làm thối cả mọi người này, bằng cách rỉ tai những người thân tin. Mặt khác, tùy theo điều kiện họ có thể làm được những gì mà cán bộ cũng như nhiều đồng phạm khác không biết như: Lén rút quai dép râu (ở đây, mất quai hay mất dép thì đi đất, không có mà mua), có khi lấy một chiếc ném ra rừng. Hoặc gói phân đút vào trong bọc quần áo của những tên joóc v.v…

Cho tới sáng, tôi nằm mãi không ngủ được, đầu óc cứ quanh quẩn về việc vừa xảy ra. Tôi hiểu rằng, trong buồng này không phải chỉ có một mình tên Phi làm joóc, mà còn nhiều người nữa. Do trình độ kiến thức và do sự tinh quái nên họ thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và mức độ làm joóc cũng khác nhau. Chứ tên Phi này, do văn hóa không có, nên sự hiểu biết tinh vi cũng hạn chế. Tuy làm joóc nhưng cũng chỉ nói lên được những điều vặt vãnh, bề nổi bên ngoài mà thôi. Tôi lại nghĩ đến, không biết anh nào, hay một nhóm nào đã có những hành động thể hiện được lập trường và ý chí của họ đối với kẻ thù và lũ chó săn của chúng. Rồi đây tôi cũng phải tìm hiểu.

Trời sáng dần. Khi tên Cẩn trực trại điểm xong vừa ra tới cửa, tên Phi đã hấp tấp ra trước mặt y, nghiêm cứng người báo cáo chuyện cứt, đái lúc ban đêm. Tên Cẩn trở lại vào xem chỗ chăn màn của tên Phi. Mặt y đỏ dần lên tỏ vẻ tức tối lắm. Y hiểu rằng, cứ để tình trạng này tiếp diễn, thì rồi đây không còn ai dám làm joóc cho chúng nữa. Nhưng chắc y cũng biết rằng, ngay lúc này làm sao y có thể tìm ra thủ phạm được. Bởi vậy, sau khi y gọi anh Lân ra ngoài hè hỏi gì đó, y tiếp tục đi điểm buồng khác.

Chương 26

Toán Boone Biệt Kích

Hôm nay đã 15 tháng Giêng 1968. Thấm thoát tôi đến trại E này đã hơn một tháng rồi. Thời tiết ấm dần, đôi ngày, dăm ba trận mưa Xuân phun bụi nước khắp núi rừng. Cây cối bắt đầu đâm hoa, nẩy lộc. Đồi núi chuyển dần từ mầu xanh xậm thành mầu con gái hơ hớ với trời Xuân. Tuy thỉnh thoảng vẫn còn một vài anh chàng gió mùa Đông Bắc lì lợm, vẫn thập thò mò về lả lướt với nàng Xuân mới lớn, nhưng cũng chỉ dăm thì, mười họa mà thôi.

Hôm qua, Phan Thanh Vân được cán bộ dẫn giải ra trại chính để gặp ông Toán, thiếu tá giám thị trưởng trại trung ương số I, về thì thầm cho tôi biết toàn trại sắp sửa vào đợt học tập chính trị vài ngày. Chuyện đó còn xa, tôi biết vậy, lòng tôi còn đang bận rộn với toán Boone biệt kích của Nguyễn Huy Lân.

Ngay khi tôi còn ở dưới Hỏa Lò Hà Nội, toán biệt kích này đã gây ra rất nhiều dư luận bàn tán khác nhau, nên sự ngộ nhận cũng không ít. Đây là một toán biệt kích điển hình đối với dư luận miền Bắc. Toàn toán đã không chiến đấu, mà đã ra hàng ngay. Nhà cầm quyền miền Bắc mời các phóng viên ngoại quốc cũng như đại biểu các tỉnh, các cơ quan toàn miền Bắc về dự phiên tòa kéo dài ròng rã 3 ngày ở Hà Nội. Kết cuộc phiên tòa, chúng đã trang trọng tuyên bố tha bổng toàn bộ toán Boone biệt kích. Chúng mở một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ qua báo chí và đài phát thanh. Chúng huênh hoang về độ lượng khoan hồng của đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa, dạt dào thương yêu những đứa con lạc mẹ, nay đã biết ăn năn quay về với cha mẹ. Chúng vừa được về mặt chính trị đối với trong nước cũng như ngoài nước, mà chúng còn dùng sự kiện đó để phỉnh phờ, dụ dỗ những toán biệt kích khác ra sau.

Tôi lợi dụng mọi điều kiện có thể để gặp gỡ, tiếp xúc với từng người của nhóm biệt kích này. Sau nhiều buổi tôi gặp Nguyễn Huy Lân, Nguyễn Văn Thú, Đinh Văn Sơn và Nguyễn Văn Bắc để chuyện trò tìm hiểu, tôi thấy rõ một điều là tất cả nhóm này đều không muốn nhắc lại những chuyện đã qua của toán họ, chắc hẳn họ đều mang một tâm trạng chung khá nặng nề:

- Thấy hổ lòng với anh em đồng phạm, vì họ đã ra hàng.

- Được tha bổng, nhưng thực tế vẫn tù như những người tù khác.

Tuy rằng hiện nay ở trong trại, nhìn bề ngoài, nói chung họ đều là những người cải tạo tiến bộ; trừ có Nguyễn Văn Thú là lao động cải tạo ở cái thế cầm chừng bắt buộc. Anh phải giữ ở cái mức bình thường như nhiều người khác để tránh sự hạ mức ăn, bị trù dập, hay phải đi kỷ luật.

Đinh Văn Sơn – tổ trưởng kỹ thuật.

Nguyễn Huy Lân – buồng trưởng, kiêm toán trưởng toán 2.

Nguyễn Văn Bắc – tổ trưởng tổ 4 của toán 2 (mới được cán bộ chỉ định thay Lê Khắc Dũng. Dũng đã vi phạm nội quy, Lù Chần Páng đã tố giác trong một buổi sinh hoạt toán trước đây).

Phạm Công Thành – toán phó toán nhà bếp (ai được ở toán nhà bếp đã là một đặc ân, hoặc cải tạo tiến bộ rồi).

Chính vì lý do trên, tôi đã phải vận dụng khả năng nghề nghiệp một cách hơi vất vả mới có một số nét khái niệm về toán Boone này. Trước đây, khi tôi còn ở buồng số 5 trại chung, với đám tù thiếu niên dưới Hỏa Lò, tôi cứ tưởng toán Boone này chỉ có 5 người là:

Nguyễn Huy Lân – toán trưởng.

Đinh Văn Sơn – toán phó.

Nguyễn Văn Thú – toán viên.

Phạm Công Thành – toán viên.

Trần Mạnh Hùng – toán viên.

Nhưng bây giờ thôi hiểu thực tế, toán Boone có những 9 người.

Từ năm 1963, Trại Huấn Luyện Biệt Kích Long Thành được điều khiển, do những huấn luyện viên Mỹ và Việt lẫn lộn.

Trong thời gian huấn luyện, Đinh Văn Sơn và Nguyễn Huy Lân là 2 toán trưởng của hai toán khác nhau. Do những xáo trộn của cuộc binh biến 1-11-1963 lật đổ ông Ngô Đình Diệm, nhiều người Biệt Kích đã đào ngũ trốn khỏi Long Thành. Toán của Lân và của Sơn cũng có một số người bỏ trốn. Rồi do những yêu cầu của những công tác trong mặt trận tình báo tung người ra Bắc hoạt động nên đã sát nhập 2 toán vào làm một, lấy tên là toán Boone. Ban chỉ huy của trại Long Thành đã sắp xếp như sau:

Nguyễn Huy Lân – toán trưởng (bao quát toàn bộ)

Đinh Văn Sơn – toán phó (đặc trách tình báo)

Nguyễn Văn Bắc – toán phó (đặc trách phá hoại)

Hồng Tôn Khải – truyền tin số I (chính)

Vũ Gia Thoa – truyền tin xố II (phụ)

Nguyễn Văn Thú – toán viên

Trần Mạnh Hùng – toán viên (liên đội 31 biệt kích)

Ngọc – toán viên

Phạm Công Thành – toán viên, đồng thời là người dẫn đường.

Công Thành, sinh quán ở Nghệ An, vượt tuyến vào Nam năm 1961. Anh ta là thổ công vùng biên giới Lào + Việt, Nghệ An, vì vậy tổ chức đưa anh vào toán Boone để dẫn đường. Bởi vì địa bàn hoạt động của toán Boone bao gồm những khu vực Bản Hang, Nông Hét, Mường Xén, Con Cuông, thuộc biên giới Lào, Việt Nghệ An. Khoảng tháng 6 năm 1964, lúc 1 giờ của một đêm cuối tháng không trăng sao, toán Boone xuất phát bằng một chiếc C47, sơn đen. Sau hơn một giờ bay trong đêm tối, chiếc máy bay đã lao tới mục tiêu. Toàn toán đã được lệnh nhẩy dù xuống một bãi đáp gần bản Hang, sát biên giới Lào, Việt, trong một khu rừng già của dẫy Trường Sơn.

Địa điểm tập kết là Con Cuông gần sông Lam (tên khác là sông Cả). Con sông này bắt nguồn từ Lào chảy sang Việt Nam xuôi về của biển là Bến Thủy, gần thành phố Vinh, Nghệ An. Nhiệm vụ của toán:

- Chấm tọa độ.

- Theo dõi sự di chuyển xe cộ, bộ đội trên quốc lộ 6 và 7.

- Rải truyền đơn gây hoang mang cho địch, khích lệ, hỗ trợ sự nổi dậy của dân chúng.

- Lập chiến khu, làm đầu cầu cho những toán kế tiếp ra sau.

- Bí mật bắt mối với nhân dân trong địa bàn hoạt động.

Chính vì do sự sắp xếp, sát nhập 2 toán biệt kích này làm một, đã gây ra nhiều mâu thuẫn giữa người của 2 toán. Hơn nữa, người của 2 nhóm này cũng lẫn lộn dân sự và quân sự nữa. Nguyễn Huy Lân là một thượng sĩ trong quân đội, trong khi Đinh Văn Sơn lại là dân sự. Ngoài ra Sơn coi Lân là người thiếu kiến thức, không đủ khả năng lãnh đạo toán, cho nên Sơn và nhóm của Sơn không phục, không chịu nghe lệnh của Lân. Điều này, không biết những người

có trách nhiệm tung toán Boone vào đất địch có biết hay không? Tôi nghĩ rằng, thà họ nhận là không biết thì còn ít lỗi lầm hơn.

Nói về chiếc C47. Khoảng hơn 2 giờ đêm thì tới mục tiêu, trời vẫn tối đen như mực. Phần vì tinh thần, tư tưởng của toán Boone chưa được trang bị đủ mức yêu cầu, phần khác chưa đủ kinh nghiệm hoạt động trong đất địch. Bởi vậy, ngay từ khi xuống dù đã thất lạc hỗn độn, mỗi người mỗi nơi. Đến khi trời sáng, mãi tới gần trưa mới tập họp lại được thì toán chỉ còn 7 người. Thiếu mất 2 người là Hồng Tôn Khải, truyền tin số I và Ngọc là toán viên. Mọi người chia nhau ra các hướng để đi tìm. Mãi gần về chiều mới thấy dù của anh Ngọc gác lên một cành cây đổ, ở cạnh một bờ suối, nhưng không thấy người. Lục lọi, xem xét kỹ cũng không thấy dấu vết gì tỏ là anh Ngọc bị thương, hay bị thú rừng ăn thịt. Rồi mãi tới gần tối mới tìm thấy dù và xác của anh Khải, thịt, xương be bét dưới một thung lũng đầy mây rừng. Toàn nhóm đã xác định, dù của anh Khải không mở, như một cục thịt từ ở trên trời rớt xuống nên cơ thể mới bị nát bấy như vậy.

Đến đây, toàn toán ai nấy đều hoang mang lo sợ vì anh Khải là truyền tin chính, một cột trụ để liên lạc với Sài Gòn thì đã chết rồi. Vũ Gia Thoa, truyền tin số 2, lúng túng, không đủ chuyên môn để sử dụng máy liên lạc với Sài Gòn. Như thế, coi như toán đã bị đứt liên lạc ngay từ đầu với trung ương. Tình trạng, bất lợi hỗn độn như vậy càng khoét sâu nỗi hoang mang, giao động trong lòng mỗi người. Lúc này, không còn ai bảo ai nghe được nữa, mỗi người mỗi ý kiến. Cuối cùng, Nguyễn Huy Lân động viên những người còn lại cứ quyết định di chuyển tìm đường về địa điểm tập kết ở Con Cuông.

Khi trong lòng mỗi người đã rối bời, lo lắng thì lòng tin vào mục tiêu đi tới cũng mất dần. Do chân chùn, lòng nản, tinh thần rã rời ngại khó, ngại khổ nên di chuyển rất chậm chạp. Cho tới khi đã hết lương thực mà mục tiêu vẫn còn ở đâu chưa thấy. Tinh thần càng khủng hoảng, sa sút, người này đổ lỗi cho người kia, thậm chí cãi nhau, chửi nhau hỗn độn không khác chi cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

Theo anh Nguyễn Văn Thú, tới ngày thứ 11 hay 12, kể từ lúc toán nhẩy xuống bãi đáp thì bị lộ và bị bao vây. Khi có tiếng loa của đội quân bao vây, chõ vào rừng kêu gọi toán ra đầu hàng, thì trong nhóm càng lộn xộn. Người đồng ý ra hàng, người không, để cuối cùng Trần Mạnh Hùng dùng súng uy hiếp toàn toán phải đầu hàng để sống. Phạm Công Thành đã cởi ngay chiếc áo maillot trắng đưa cho Vũ Gia Thoa, buộc vào đầu một cành cây, giơ lên đi trước tiến ra ngoài, tỏ dấu toàn thể toán xin đầu hàng vô điều kiện. Sau đó, đoàn bộ đội bao vây đã trói gô từng người rồi giải về nhà giam Thanh Chương, trực thuộc quân khu 4. Chúng giam riêng mỗi người mỗi buồng để truy cung, khai thác từng ngày.

Sau hơn 4 tháng cung kẹo, khai báo, chúng chuyển toán Boone về Hà Nội và đưa ra tòa xử công khai như đã trình bày ở trên. Đặc biệt là, khi tòa vừa tuyên bố tha bổng toàn thể nhóm Boone biệt kích, thì Vũ Gia Thoa được một người họ hàng cao cấp trong chính quyền của Cộng Sản bảo lãnh. Và cũng từ đấy, không ai còn biết tin tức gì về Vũ Gia Thoa nữa. Khi xử xong, chúng chuyển toán Boone về trại giam Yên Thọ hơn một năm, rồi lại chuyển về Phố Lu, trại trung ương số I ở Lào Cai này từ năm 1966.

Do toán Boone đầy rẫy những mâu thuẫn nội bộ từ ở trong Nam cũng như khi ra Bắc, bởi vậy, chúng thường giam riêng, và chế độ đãi ngộ cho mỗi người cũng khác nhau. Hiện nay, (1968), Trần Mạnh Hùng được hưởng chế độ 18 đồng (tiêu chuẩn chung cho một tù nhân ở các trại giam miền Bắc là 12 đồng). Hùng lại được làm toán trưởng toán nhà bếp ở trại Phong Quang, trại trung ương số II ở Yên Bái. Phạm Công Thành vì có công đã cởi chiếc áo maillot trắng làm cờ hàng, nên khi đến trại E này, được cho làm toán phó, toán nhà bếp. Từ hôm tôi đến phân trại E này đã hơn một tháng, tôi cũng chưa nhìn thấy Phạm Công Thành. Cái chính, chỉ vì qua dư luận của anh em trong trại, tên Thành nhà bếp rất tiến bộ và đểu cáng. Đôi khi những anh em được nghỉ một ngày bệnh ở trên toán, xuống bếp xin tí nước sôi để pha trà hay thích uống nước uống nóng, y đã quát tháo, chửi bới quầy quậy đuổi người ta về. Thậm chí nhiều lần y đã ném ca, đập gô anh em, do đấy tôi cũng ghét luôn chả muốn tìm gặp y để làm gì. Tôi để ý, tên

Thành cũng không quan hệ đi lại với những người cùng toán Boone của y ở trên các buồng.

Trong khi chuyện trò, tôi có hỏi anh Thú:

- Tại sao tòa đã tuyên bố trắng án, tha bổng nhưng vẫn đưa vào trại tù, các anh không phản đối hay thắc mắc à?

Mắt anh Thú long lanh, quắc sáng, miệng cười gằn như mếu, trả lời:

- Ở Yên Thọ, tôi đã bị cùm hơn 2 tháng gần chết vì dám chắc mắc hỏi ban giám thị trại về chuyện này. Khi đến trại này, hai năm trước, Bắc cũng tâm sự, thắc mắc với một đồng phạm, rồi bị họ tố, Bắc cũng bị đi cùm gần 1 tháng phải bò ra, cho nên…

Thú nói đến đây thì không nói nữa, anh lái sang chuyện khác. Tôi cũng đã tự hiểu nên cũng chả bao giờ đề cập đến chuyện ấy nữa.

Sáng hôm nay Chủ Nhật, một buổi sáng Chủ Nhật không phải đi lao động xã hội chủ nghĩa. Tối qua, tôi có hẹn với Lê Văn Kinh, hôm nay ra hội trường nói chuyện. Mục đích tôi muốn biết sơ lược nội vụ câu chuyện của anh trong vụ sông Gianh. Trong khi chờ Kinh còn đang đi tắm giặt ở giếng tôi ngồi ở hội trường nói chuyện với anh Hiển. Vũ Mạnh Hiển, một chủng sinh (đại chủng viện Công Giáo) bị bắt tập trung cải tạo chỉ vì cái tội: Chủng viện đã được nhà nước giải tán, chính phủ khuyên mọi người trở về lấy vợ, lập gia đình, anh Hiển lại không chịu lấy vợ, cứ quyết một lòng hiến dâng đời mình, trọn vẹn đức tin nơi Chúa. Anh mới được thả kỷ luật dạo Tết, người anh bây giờ hãy còn gầy nhom và xanh tái.

Ngồi nói chuyện với anh, mắt tôi đang lơ đãng nhìn một con nhện đen, có những bộ chân dài ngoẵng đầy lông, đang chăng tơ làm tổ trên ngọn những cây nứa khô của hàng rào trại. Con nhện đang loay hoay trèo lên, trèo xuống nhiều lần. Nhìn vị thế của cái tổ mới nó đang làm, tôi hiểu rằng nó phải chăng 4 sợi tơ ở 4 điểm chính làm cái khung thì mới làm được cái tổ. Nhưng nó mới chăng được 3 điểm, còn một điểm nữa mãi chéo ở đầu một ngọn nứa hơi cong. Thấy dáng điệu có lúc ngần ngừ, có lúc tất bật của nó, tôi nghĩ rằng nó đang điên đầu, tính toán làm sao để mắc được đường tơ lên ngọn cây nứa cong ấy. Ồ, tôi đã lầm, nó đang chờ, đang đợi một làn gió quẩn ngược chiều. Nó trèo lên mãi một ngọn nứa cao, đít nó dụi, dính một mối tơ vào đấy, rồi nó buông thõng người cho rơi sâu trở xuống đến hơn một mét. Khi nó theo dây tơ leo lên về chỗ cũ, có một sợi tơ mỏng manh, lấp lánh dưới ánh nắng sớm, theo gió đong đưa, hất nhẹ đến cái điểm thứ 4 ấy. Sợi tơ chạm vào ngọn nứa cong là dính liền. Thế là con nhện, nhanh nhẹn theo sợi tơ leo sang ngọn nứa cong. Nó từ từ kéo căng sợi to. Vậy là nó đã đạt được 4 điểm tựa chính của cái mạng lưới mới để săn con mồi.

Lòng tôi đang rộn lên một nguồn vui nhè nhẹ như chia xẻ với sự thành công của con nhện, thì chợt có tiếng bình bịch của chân người chạy phía hiên sau hội trường. A, tên Tân, trật tự, mắt y đang trợn lên như mắt con lợn nhúng nước sôi. Một tay y vẫn cầm chiếc gậy, như mỗi khi y đi tua một mình trong trại; một tay y đang giằng co một chiếc rổ con, có mấy ngọn rau tầu bay với bác Thẩm Tố Lân, người gốc Tầu. Bác Lân 2 tay đang kéo cái rổ lại, miệng nói tiếng Việt chưa sõi lắm, giọng như năn nỉ:

- Anh à, tôi sót cái luột quá! Mấy hôm nay tôi có cái bụng táo bón, không ti cầu tược. Tôi bòn tược mấy cái lau dại này tể chốc nữa ăn với cơm.

Tôi nhìn thoáng thấy trong chiếc rổ con có một nắm rau, những ngọn rau tầu bay con con và mấy ngọn rau rệu. Trong trại, khắp nơi không có một chỗ nào có những ngọn rau dại mọc được mà còn lại. Bởi vì có một ngọn nào mới nhú, không người này thì người khác đã vặt ngay rồi. Thậm chí, họ móc họ đào lần lấy hết cả gốc, rễ của nó rồi còn đâu. Tôi chợt nhớ đến mấy cây rau tầu bay phía sau lán vernie, và một bụi rau rệu mọc dưới cái rãnh cạnh nhà cầu

ngoài lán mộc. Mấy cây rau tầu bay này cũng vậy, cứ đâm ra được một vài ngọn con thì đã có người vặt rồi. Cả bụi rau rệu cũng thế, hễ ngọn nào mới thò ra được một vài lá cũng đã cụt luôn. Chính tôi mấy lần mò ra định kiếm mấy ngọn cho đỡ sót ruột, vì bữa cơm toàn ăn với muối rang, vậy mà đều hụt vì người khác đã hái rồi.

Tên Tân đang dư dứ cái gậy vào đầu bác Lân, rồi y giật cái rổ rau, ném mạnh xuống đất. Y lấy chân đạp bẹp cái rổ, rồi di di, di lại cho mấy ngọn rau nát bét:

- Nội quy cấm ăn rau sống, anh còn chống đối tôi hả?

Nhiều người ngồi trong hội trường lúc ấy, ai cũng lộ vẻ căm phẫn với việc làm của tên Tân. Nhưng họ vẫn ngồi yên, có lẽ họ đều nghĩ trong cảnh này hãy chịu nhẫn nhục để sống yên thân. Họ đều hiểu rằng đằng sau tên Tân còn có một con ngáo ộp là ban giám thị và những tên cán bộ, cho nên họ chỉ ngồi nhìn ra. Tôi cũng hiểu như vậy, nhưng có lẽ một phần vì lòng khinh ghét có sẵn với tên Tân từ dưới Hỏa Lò, phần khác do bản tính hãy còn hơi liều bất tử nên tôi đã đứng dậy, tiến đến và quắc mắc nhìn tên Tân, dù rằng lời nói của tôi còn mềm mỏng:

- Người ta sai thì anh phải từ tốn nhắc nhở người ta chứ! Anh có hành động tàn ác không còn tính người như vậy à?

Ngay từ lúc thấy tôi tiến đến, y đã hơi chờn. Chắc hẳn y vẫn chưa quên được ở buồng số 4 xà lim II, Hỏa Lò. Một lần, y có những thái độ bẩn thỉu, khi y lấy cơm từ ngoài chống vào cho tôi, tôi đã đập nhau với y ở trong buồng. Lúc ấy tôi bị cùm một chân mà y còn không dám tiến lại gần, y phải dùng cái chăn bông dầy của y, từ ở một góc xa tầm tay của tôi, để quật nhau với tôi. Nhưng lúc này trong trại, y đầy uy quyền, không ai dám cãi lại với y cả. Phần khác, trước mặt nhiều người y không thể chịu ở cái thế nhún nhường thua kém, vì vậy, y chỉ cái gậy vào mặt tôi nạt nộ:

- Mày cấu kết với nhau để chống đối hả?

Thực sự trong lòng tôi tuy căm tức và khinh ghét nó lắm. Tôi đã có chủ trương, một buổi nào đó thuận tiện tôi sẽ xả cái khinh đó ra với nó, nhưng chưa phải hôm nay. Khốn, lòng tôi đã nóng lên rồi. Tuy vậy, tôi cố kìm lại, tôi chỉ hất mạnh cái gậy của y ra:

- Hãy ngậm cái miệng của mày lại!

Nói rồi, tôi đi về chỗ, nhưng y như một con hổ nhẩy theo, giơ cao chiếc gậy vụt vào cổ tôi. Tôi lạng người, hụp xuống tránh chiếc gậy, cũng là lúc tôi gắn cái gót chân vào ngực y. Y hự lên một cái, khựng lại rồi như điên rồ, y quật tôi túi bụi, miệng lải nhải văng tục:

- Địt mẹ mày, gián điệp, biệt kích, vét đĩa này!

Tôi không còn kiểm soát được tôi nữa, tôi chẳng còn nghĩ đến lợi hay hại nên cứ đấm đá thả dàn. Sau một hồi quần thảo, chẳng hiểu tôi vung vẩy tay thế nào không biết, đấm trúng vào mặt y một cú làm chồn cả tay tôi lại. Mũi y có máu chảy ra, vậy mà y vẫn còn hung hăng, cầm cái gậy choi choi đâm tôi. Lựa thế, tôi bắt được cánh tay cầm gậy của nó. Tôi đưa vào một thế khóa, định bẻ gẫy cánh tay của nó. Nó gào lên thảm thiết, nhiều anh em trong trại đã chạy đến. Lê Sơn chen đẩy mấy người, tiến lại, để tay lên vai tôi:

- Thôi, anh Bình!

Tôi biết rằng, tôi chỉ cần gồng mạnh lên một chút là cánh tay nó sẽ bị bẻ giật gẫy. Mồm nó vẫn kêu như bò rống. Tôi hiểu nếu bỏ tay nó ra bây giờ, đang hung máu, nó sẽ làm phiền tôi nữa. Tôi còn đang lưỡng lự thì tên Cẩn trực trại và mấy tên công an vũ trang từ cổng trại chạy vào. Tên Cẩn xông đến quát:

- Anh Bình, buông tay ra ngay!

Tên Tân mặt xám lại, nhăn như khỉ ngửi phải mùi mắm tôm. Tay trái y đỡ cánh tay phải, người y khòng xuống, văn vẹo. Tên Cẩn mặt tím bầm, chỉ tay vào tôi:

- Anh dám đánh trật tự phải không? Anh muốn làm loạn à?

Rồi y quắc mắt, nói như ra lệnh:

- Về ôm chăn chiếu đi kỷ luật, rồi sẽ giải quyết!

Khi tôi quay về buồng để lấy chăn chiếu, còn nghe mấy người đứng ở đó nhao nhao lên, có cả tiếng của Lê Sơn:

- Báo cáo ông Cẩn, anh Tân đã đánh anh Bình trước, anh Bình phải tự vệ.

Dù như vậy, tôi vẫn phải vào nhà kỷ luật.

Chương 27

Tuyệt Tác của Hoàng Thanh

Tôi đã nhìn thấy cái cùm, tác phẩm của Hoàng Thanh. Sau khi mở cửa nhà kỷ luật, tên Thái y tá mở cùm theo lệnh của tên Cẩn. Đứng ở cửa, tên Cẩn quát, bắt tôi bỏ cả 2 chân vào. Cùm xong, trước khi y đóng cửa, tên Cẩn còn quay lại gằn giọng:

- Anh không coi chúng tôi ra cái gì cả!

Tôi chỉ nói:

- Thưa ông, đây là chuyện riêng của tôi và thằng…..

Tôi chưa nói hết câu, y đã đóng cửa, đi rồi. Trong ánh sáng lờ mờ, tôi loay hoay, cọ cựa đôi chân, tìm một cái thế dễ chịu một chút. Quả cái cùm này thật đáng nể. Chả trách Lê Sơn đã nói: "Hitler có sống lại, còn phải quỳ xuống tôn tụi này là tổ sư". Chiếc cùm là một súc gỗ lim với những đai thép kiên cố, chắc chắn. Một bề 35 phân, một bề 60 phân, có 2 khuy sắt, bằng loại sắt tròn, đường kính 2 phân nằm gần phía 2 đầu. Vì thế phải có 2 then sắt cài, thọc vào hay mở ra từ phía ngoài vách. Trông cái cùm giống như một cái hộp, nên anh em trong trại còn gọi là cái cùm hộp. Nhìn nó thật thô sơ, nhưng quả thật là nguy hiểm, vì nó chiếm từ cổ chân lên đến gần đầu gối. Hai đầu bàn chân lại đút vào 2 cái lỗ đục sẵn nằm ở nửa súc gỗ phía trên. Do thế, khi bị cùm thì cái chân chỉ di chuyển cựa quậy được trong khoảng 90 độ.

Tôi đã từng tập luyện, kinh qua nhiều năm tháng với cái cùm ở Hỏa Lò do thực dân Pháp chế tạo, nhưng với cái cùm này tôi cũng phải kinh hồn. Khi bị cùm, chẳng khác gì như đi giầy ống. Còn một điều đáng sợ nữa, có rất nhiều rệp, nhưng không thể cho ngón tay vào gãi và cũng không thể bắt rệp được. Đành chịu ngứa ngáy cũng như để cho rệp hút máu. Trước đây nghe Lê Sơn nói, và nhất là kỳ Tết vừa qua, nhìn thấy một số người bị kỷ luật được tha, thấy họ phải bò ra, không đi, không đứng được. Tôi chẳng nói ra, nhưng trong lòng nghĩ: "Họ yếu thật, mình còn bị mấy năm với chiếc cùm ghê gớm ở Hỏa Lò v.v…". Nghĩa là, chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ. Ngồi ở dưới đấy giếng rồi

tưởng trời chỉ nhỏ như cái vung đậy nồi cơm của nhà mình vậy.

Bây giờ đã quá trưa rồi, thấy cái bụng cứ kêu ọ ọ, ẹ ẹ như tiếng của những thân cây tre làng cọ xiết vào nhau trong những tháng Hè, tôi mới chợt nhớ ra là, trưa nay tôi chưa được ăn. Từ ý nghĩ này, tôi chợt nảy nghĩ đến tên Tân. Chết rồi! Hàng ngày nó vẫn thường đưa cơm cho kỷ luật ăn. Chuyến này, hẳn tôi sẽ có nhiều khó khăn với nó đây. Chân lại bị cùm, tôi phải nâng cao cảnh giác nghe ngóng mọi hiện tượng, đề phòng mọi vấn đề. Với một tên tiểu nhân như vậy, tôi phải coi chừng từ cơm ăn, nước uống và mọi thái độ ra vào của nó. Tuy thế, nghĩ lại chuyện vừa qua, tôi vẫn bằng lòng, không hề ân hận một chút nào, vì đấy là chuyện cuộc đời mà, chả trách được. Thấy việc phải làm thì cứ làm rồi kệ nó.

Chợt thoáng có tiếng lịch kịch, rồi tiếng nước giải chảy tong tong vào ống nứa gần phía đầu nhà kỷ luật làm tôi lạ lùng hết sức. Theo tôi biết kỳ Tết đã tha hết mọi người trong nhà kỷ luật rồi cơ mà, còn mỗi bác Lê Tài Chương thì đã chết, vậy ma hay là người? Nghĩ một lúc, tôi lên tiếng:

- Anh bạn nào bị cùm ở phía trong ấy đấy?

Một giọng ấm và cứng cất lên vồn vã:

- Có tôi đây, anh vì sao phải vào thế?

- Đánh nhau với tên Tân.

Tôi cũng háo hức đáp lại anh. Lòng thấy vui hẳn lên, có bạn để nói chuyện, đỡ sầu. Tôi hỏi lại anh:

- Thế, anh bị kỷ luật vì chuyện gì?

Im lặng một lúc rồi anh thủng thẳng:

- Tôi cũng chẳng biết nữa, gọi đi là phải đi!

Tôi vẫn chưa quên cái đói nên hỏi lại anh:

- Anh ăn cơm chưa?

- 2 giờ mới có cơm chứ!

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng tôi chợt hiểu. Kỷ luật chỉ được ăn một bữa mà thôi. Thế mà bao nhiêu ngày ở ngoài, đã nói chuyện về kỷ luật ở đây với nhiều người, vậy mà tôi cứ tưởng kỷ luật ở các trại trung ương vẫn ăn 3 bữa dù chỉ ít thôi. 9 kg gạo cho 1 tháng. Thế mới biết trong cuộc đời, nhiều cái phải bắt tay mình làm thực tế mới hiểu được hết chi tiết. Chỉ nhìn và nghe, chưa đủ!

Qua một lúc chuyện trò, tôi biết tên anh là Vũ Đình Bách. Anh ở số 57 phố Hàng Đậu, Hà Nội. Anh bị án tập trung với tội phản tuyên truyền, phản cách mạng, bị bắt từ đầu 1963. Hiện nay anh ở toán 4 nông nghiệp, rất thân với anh Bác Sĩ Hiệp cùng toán. Chính vì thế, khi tôi nói mới lên trại, anh đã biết ngay tôi là Bình. Chỉ vì anh đã biết, tôi đã đấu cờ với anh Hiệp và bác Lẫm để tranh giải cờ tướng trong dịp Tết vừa qua, cho nên anh nói chuyện với tôi rất cởi mở.

Khoảng 2 giờ chiều, có tiếng chìa khóa mở cửa nhà kỷ luật. Tôi ngồi bật dậy, quan sát, nghe ngóng. Mắt tôi đã liếc

nhìn cái ống nứa để đi giải, đang đựng phía đầu sàn. Từ sớm, tôi đã có chủ định, với cái ống nứa duy nhất này để tự vệ, tôi chả sợ tên Tân, dù y có dao, có gậy. Không ngờ người đưa cơm kỷ luật hôm nay lại là tên Thái y tá. Một điều làm tôi ngạc nhiên hơn nữa là tên Thái lại tỏ ra niềm nở, thiện cảm với tôi. Y cho biết tên Tân, tay còn đang bị bó thuốc. Rồi y tỏ ra như tán đồng việc làm của tôi, nào là tên Tân quá lắm, hách dịch hay bắt nạt tù, nhất là những bác già và những người dân tộc.

Chỉ qua vài câu chuyện tôi đã thấy ngay tên Tân và Thái, cũng chẳng ưa gì nhau. Cái không ưa nhau của những con chó tranh nhau để làm vừa lòng chủ, để cho chủ thương, chủ hài lòng. Chuyện đó là của họ, chả nhằm nhò gì đến tôi, tôi chỉ thấy một điều may. Chẳng hiểu có phải do sự nghiên cứu của ban giáo dục, sợ tên Tân vào nhà kỷ luật làm liều để trả thù tôi, hay vì sao đó mà không để làm cho tên Tân đưa cơm. Dù sao tôi cũng xin cảm ơn, điều này làm nhẹ hẳn nỗi lắng lo từ sáng vẫn đè nặng trong lòng tôi về tên Tân.

Cái cùm của Hoàng Thanh, quả thật là ghê gớm. Mới chỉ sau 6 tiếng đồng hồ cùm, hai chân tôi đã cắn buốt như có nhiều mũi kim châm vào. Nó nhức nhối từ ở trong xương, trong tủy, tôi có cảm tưởng từ đầu gối trở xuống đến bàn chân, ngón chân máu bị đông đặc lại, máu ở bên ngoài không thể chạy xuống dưới đấy được. Chỉ nằm xuống một tí là hai chân nóng lên rần rật, buốt ngứa như có hàng chục con ong vàng đang đốt. Hai bàn chân tê, cắn như vậy, mà cái cùm quái ác này, không làm sao với tay tới để xoa nắn được bàn chân của mình. Chỉ vì đôi chân không thể nghiêng hẳn bên này hay bên kia cho nên cũng không thể co hẳn lại được.

Cái nạn đi đái, đi ỉa mới thật đáng sợ, mặc dù sàn nằm đã được khoét một cái lỗ đường kính khoảng 8 phân ngang chỗ hậu môn của người bị cùm. Mỗi khi muốn đi đái hoặc ỉa, trước hết phải chịu đau, nhoài người với tay tới mé vách cầm cái ống nứa, gò người xuống đút ống nứa vào gầm sàn, kê đầu vào một miếng gỗ đã đóng sẵn, sao cho đúng lỗ chỗ mình ỉa hoặc đái xuống. Sau đó cởi quần, phải nhích người sao cho tụt được quần xuống gần sát đầu gối. Khi ỉa hoặc đái phải rướn người, chống hai tay xuống sàn lấy gân nâng đít lên thì mới rặn được. Mỗi lần ỉa xong chẳng lẽ không rửa, mà một gáo dừa nước đổ rửa rồi mà ngay tay cũng còn phân chưa sạch huống chi là đít vì không còn cái tay nào nữa để chống nâng đít lên được. Cho nên mỗi lần ỉa, tuy không hề thấy tủi nhục, lòng tôi không hề uất ức nhưng mắt tôi vẫn mờ đi vì nước mắt chảy ra do những co thắt của đường gân thớ thịt.

Ai đã nghĩ ra kiểu cùm này, giúp ý kiến Hoàng Thanh, hay chính Hoàng Thanh đã nghĩ ra? Dù là ai thì cũng đáng được kính nể, chiếc cùm như một tuyệt tác góp phần vào nền văn hóa mới của xã hội Cộng Sản đi đến mức tuyệt đỉnh.

Bụng đói, chân nhức buốt, lúc đầu rệp cắn còn thấy ngứa, hay những con rệp đã ăn no rồi, không cắn nữa thì tôi cũng chả nhìn thấy mà biết được. Chúng nó no hay đói, cắn hay không cắn nữa thì tôi cũng đành chịu, vì chả có cách nào móc tay vào trong súc gỗ để gãi hay để bắt chúng. Bù lại, trong cái heo hút, lủi thủi một mình lại có anh Bách để chuyện trò. Mặc nhiên, tôi được có cái cảm nghĩ, hiện đang có một người nữa cũng đang chịu những nỗi niềm cay đắng, nhức buốt như mình là tự thấy lòng nhẹ đi được một nửa rồi. Tuy rằng anh Bách chỉ bị cùm một chân, nhưng cũng gọi là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mà lị! Vả lại, anh Bách lại là một người kể chuyện rất hay. Anh đã kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện xẩy ra ở Hà Nội và của miền Bắc sau năm 1954 nên cũng quên được phần nào cái nhức nhối của đôi chân và cái vặn vò, rên rỉ của dạ dầy đòi ăn.

Tôi bị tên Cẩn cùm cả hai chân, có thể tên Cẩn đã ghét tôi từ trước. Phần khác, y muốn trị cái tội dám đánh trật tự, người đại diện uy quyền của y ở trong trại.

Chương 28

Thầy Pháp và Âm Binh

Trong những câu chuyện anh Bách kể cho tôi nghe, có một chuyện làm cho lòng tôi cũng thấy hơi hơi thích thú nên không thể quên được. Nhưng để ý nghĩa của câu chuyện đó thêm sáng tỏ, tôi phải trình bầy một vài sự việc có liên quan:

Ai cũng biết miền Bắc Việt Nam, hầu như đến 7 – 8 phần mười đất đai là núi và rừng, lưu cữu từ hàng bao nhiêu ngàn năm, nơi hợp lưu chất chứa, tích tụ và xuất phát của giòng giống Bách Việt. Ngày nay còn lại những nhánh, chỉ, riêng biệt bao gồm hàng 5 chục tộc như Mường, Mán, Mèo, Xạ Phang, Thái, Nùng v.v…mà mỗi tộc lại tin tưởng thờ cúng một số thần thánh, một số ma quỷ trong nơi rừng sâu hoang dã, hẻo lánh, đầy huyền bí man dại, cách biệt hẳn với thế giới văn minh của loài người; những âm binh, thiên tướng, ma tràng, ma xó, thày mo, thày pháp, thư, ếm v.v… Còn nữa, nào là long mạch, quy mạch, mồ mả, thầy tướng, thầy số, thầy đồng, các cô, các cậu, tạo nên hàng ngàn, hàng chục ngàn những câu chuyện ma quái, thần thánh ở các địa phương cứ như thật, tưởng như ai cũng trông thấy hết, mà ai cũng hơn một lần nghe người khác kể lại.

Những sự việc đó, cứ thông truyền từ đời nay qua đời khác, từ thế hệ này thế hệ kia. Nó lan tràn chui sâu, luồn lách vào từng đường gân, thớ thịt trong tim, óc của mọi người. Thậm chí cho tới bây giờ, những thứ ma quỷ đó vẫn còn ngự trị ở trong lòng nhiều người, chưa biết đến đời nào mới hết? Lòng tin tưởng ấy đã gắn liền vào xương, vào thịt của họ. Đến nỗi tôi nghĩ rằng, đối với nhiều người thà họ bị giết chết, chứ không thể diệt được lòng tin của họ vào những điều dị đoan, mê tín. Điển hình, tôi xin tường thuật lại 2 câu chuyện thực tế đã xẩy ra trong một khoảng đời ấu thơ của tôi tại quê tôi.

Câu chuyện thứ nhất:

Nhà tôi ở ngay cạnh con đường chính của huyện. Ban ngày có nhiều người đi chợ qua lại. Vì không có điện nên cũng như nhiều những vùng quê khác, ban đêm thì tối đen như mực, dành cho thế giới huyền bí, ma quái, ghê gớm, không ai biết được. Cách nhà tôi khoảng hơn nửa cây số, có một cây đa thật to, gốc rễ chằng chịt chiếm hẳn một khoảng đất rộng. Nó to đến người ta đã làm ở trong gốc của nó một cái miếu lớn mà người ta có thể ra vào được. Trong miếu này và chung quanh gốc đa, người ta chất, người ta treo la liệt những ông bình vôi đủ kiểu, đủ loại. Cây đa có rất nhiều cành, nhiều ngọn um tùm, che rợp bóng hàng mẫu đất. Người ta nói cây đa này đã có từ hàng trăm năm, và ngọn của nó soi bóng sang mãi bên Tầu, vì Tầu nó để của và ếm thầy, bùa ngải để giữ của, giữ vàng. Cây đa này gọi là cây đa Hòa Lạc, vì nó nằm trên quãng đường huyện của làng Hòa Lạc.

Tôi đã được nghe hàng trăm câu truyện rùng rợn, kinh hoàng, dựng tóc gáy về cây đa này. Để rồi suốt thời gian ấu thơ của tôi, cây đa Hoà Lạc và cái đền hoang của bà chúa Đông Ngàn cũng gần đấy, đã làm tôi nhiều đêm không dám đi đái; trùm chăn kín đầu không dám cả thở mạnh, da gà nổi lên khắp tứ chi.

Một lần, một sự việc đã ghi hằn vào bộ óc non dại của tôi. Hôm ấy, huyện tôi có một đám rước lớn lắm. Đường làng, đường phố chỗ nào cũng đầy ắp những người. Trẻ con người lớn, ai cũng mặc những bộ quần áo đẹp nhất. Cờ, quạt, trống, kèn ầm vang cả xóm, ngõ. Hình như đó là ngày nào đám của các ông thần, bà chúa ở trong huyện, mỗi năm chỉ có một lần.

Tuy tôi ở thôn Công Giáo, nhưng trẻ con chúng tôi rủ nhau đi theo xem đám rước suốt ngày; hơn nữa, tôi cũng có nhiều thằng bạn ở những thôn bên lương. Đám rước thật dài, cứ một đoạn lại có một chiếc kiệu. Những chiếc kiệu sơn son, thiếp vàng nhiều kiểu, nhiều loại thật lộng lẫy uy nghi. Mỗi chiếc kiệu thường có 8 người thanh niên khỏe mạnh, mặc đồng phục khiêng, vác trên vai.

Lũ trẻ con chúng tôi thích và chú ý nhất một người mặc quần áo đỏ chóe, đội mũ cánh chuồn. Ông ta chừng 4 chục

tuổi, dáng cao lêu nghêu. Ông ta bước từng bước dõng dạc, từ tốn giữa đám rước. Giữa má ông ta có một cái lình rất to, xuyên suốt từ má này má kia. Chiếc lình bằng đồng, trông như cái đại đao của Quan Vân Trường thu nhỏ, dài chừng 1 mét. Phía chuôi nhọn hoắt, to bằng ngón tay, chọc xuyên thủng qua 2 má. Một người mặc quần áo xanh, 2 tay 2 chiếc khăn đỏ, đỡ ngang một đầu lình. Ông này cũng trang nghiêm đi song song với ông áo đỏ. Một người nữa, 2 tay kính cẩn giương cao một chiếc lọng xanh áo to tướng, che trên đầu cho ông áo đỏ xuyên lình. Phía sau, có nhiều các bà mặc áo xanh, áo đỏ, tay lần hạt, miệng niệm kinh. Người ta nói rằng, ông áo đỏ đang thăng đồng, thánh đã nhập.

Chúng tôi mở to mắt, lạ lùng nhìn chằm chằm vào 2 miếng bìa mầu vàng, hình tròn to bằng quả ổi, dán vào 2 bên má, chỗ chiếc lình xuyên qua. Rõ ràng, không hề máu chảy. Như vậy, 2 cái lỗ ở má của ông xuyên lình phải to để cái lình xuyên qua chứ!

Quá trưa một tí, tự nhiên đám rước chùn ứ lại, rần rật, xôn xao cả lên. Chiếc kiệu của bà chúa Đông Ngàn và chiếc kiệu của ông thần Thành Hoàng của làng Tuần Lễ xoay ngang ra, chồm lên phía trước, rồi giật lại phía sau, cuối cùng xông bừa xuống ruộng, chạy vung cả nước lên. Hai chiếc kiệu cứ như say rượu, điên đảo ở giữa cánh đồng, lúa đã gặt rồi. Trên đường hầu hết đám rước, già, trẻ, lớn, bé đều quỳ mọp xuống đất, mặt đều hướng ra hai chiếc kiệu, lạy như tế sao, miệng khấn vái, cầu, kêu inh ỏi. Chúng tôi lúc đó cũng xanh cả mắt, sợ quá cũng phải quỳ xuống theo mọi người. Người ta bảo, ông thần, bà chúa đang tức giận dân làng.

Câu chuyện thứ hai:

Tôi nhớ rõ, lúc ấy khoảng năm 1947, tôi đã lên 9. Quê tôi vẫn còn nằm trong vùng kiểm soát của Việt Minh.

Vào một buổi đó, tôi cùng mấy đứa bạn trốn học theo người ta sang một xã bên cạnh, xem một trận thư hùng của hai con gà chọi nổi tiếng trong khu vực. Thật không may cho tôi, trong khi tôi đang hớn hở vỗ tay hoan hô một "pha" gay cấn của hai con gà thì bố tôi đi với bác tôi, chợt ghé vào nhìn thấy. Điếng hồn, tôi bỏ đám gà chọi, lủi lẹ; cho đến chiều hôm ấy tôi cũng không dám về nhà. Tôi hiểu rằng, chắc chắn tôi sẽ bị một trận đòn nên thân. Đợi mãi lúc trời đã chập choạng, tôi mới dám mò về phía hồi sau của nhà tôi.

Không ngờ, hôm đó nhà tôi lại có giỗ (tôi chưa biết giỗ ai). Trong nhà, họ hàng, chú bác đến đọc kinh râm ran đầy nhà. Phía sau nhà tôi có một bụi hóp rất rậm dọc theo chiều dài của ngôi nhà. Bụi hóp này là ranh giới giữa nhà tôi và nhà bên cạnh. Một mình tôi cứ lủi thủi, tuy bụng vừa đói vừa sợ bị đòn nhưng vẫn tò mò theo dõi một đàn kiến nghệ đang chuyển đất lên làm tổ ở một cành hóp. Bất chợt, tôi nhìn thấy xác một con rắn to nằm dài, ghếch lên những cành hóp ở giữa bụi. Cái xác rắn dài đến 1 mét rưỡi, hãy con ướt nguyên. Chứng tỏ con rắn vừa mới lột xong. Khoái quá, nhẹ tay, khéo léo lần mò lấy được xác rắn, không hề rách một tí nào. Lòng hí hửng, tay mân mê cái xác rắn. Tôi chợt nghĩ đến bố tôi, có lần, nói chuyện với khách, ông đã ca ngợi xác rắn làm thuốc chữa được rất nhiều thứ bệnh. Vừa có ý nghĩ để cho bố ngạc nhiên, vừa nghĩ có thể thấy xác rắn to và mới lột như vậy bố sẽ vui; may ra sẽ giảm hay tha cho trận đòn không chừng.

Nghĩ xong, tôi mò đến gian buồng của bố tôi. Qua cửa sổ hé mở, nhìn vào, giường bố tôi nằm ngay sát cửa sổ, đã bỏ màn. Trong màn trống trơn, chắc bố tôi cùng họ hàng đang đọc kinh ở gian nhà khách. Tôi thò tay vào, khẽ kéo màn, đã dập dưới chiếu, cuốn tròn cái xác rắn, luồn đưa vào trong màn, rồi lại dập lại như cũ.

Khi đọc kinh xong, mùi xôi chè nồng lên, xông ra càng làm cho bụng tôi cồn cào. Chắc hẳn trong nhà đang chuẩn bị ăn. Không chịu được, tôi thập thò về phía nhà bếp, gặp ngay bà ngoại. Biết tôi đói, bà giúi cho tôi một nắm xôi và bảo: "Hôm nay là ngày giỗ ông nội mày, cứ về bố mày không đánh đâu. Có gì tao xin cho!" Tin bà, nên tôi đã theo bà tôi vào trong nhà, ăn uống với đám trẻ con.

Bố tôi không thích ăn đồ ngọt và nếp, nên kiếu khách vào buồng nằm nghỉ. Bỗng từ trong buồng, bố tôi chạy giổ ra hớt hải kêu tướng: "Rắn, rắn!" Vừa kêu, bố tôi vừa vội vàng ra lấy cái đèn to ở giữa nhà cùng một số đàn ông, xô vào trong buồng. Trong khi, bên ngoài trẻ con và đàn bà nhớn nhác, quýnh, dúm người lại. Dưới ánh đèn sáng trưng, trước mắt mọi người, bố tôi lôi từ trong màn ra một cái xác rắn to và dài thuỗn, hãy còn ướt. Để giữ muỗi, chân màn bố tôi đều dập chặt dưới chăn và chiếu, cửa màn đóng kín; mới một giờ trước đấy bố tôi ở trong màn ra gian nhà khách để đọc kinh. Vậy con rắn chui vào lối nào để lột? Và khi lột rồi thì con rắn cũng ra lối nào? Khắp chung quanh màn, chiếu vẫn còn dập y nguyên. Một sự lạ trước mắt mà không ai có thể hiểu được, không ai lý giải được. Trong đám khách họ hàng đọc kinh hôm ấy lại có một ông trùm và một ông thầy của nhà xứ.

Lại có một sự việc trùng hợp khá hòa nhịp nữa: Bố tôi là một người có võ nghệ mà trong huyện có nhiều người biết. Gần một năm trời, do sự lôi kéo, phỉnh phờ của Việt Minh, bố tôi đã đi huấn luyện võ thuật cho du kích ở nhiều xã trong huyện. Điều này, các Cha và phía bên Công Giáo ở địa phương lúc ấy không thể chấp nhận được. Coi việc làm đó như là một hành động bỏ Chúa, phản giáo để đi theo lũ vô thần, quỷ dữ. Nhưng chẳng hiểu sao, do nguyên nhân nào, hơn một tháng trước, bố tôi bỗng dưng từ bỏ không đi dậy võ cho du kích nữa. Chính vì thêm cái lắt léo này, cho nên ngay buổi tối hôm ấy, câu chuyện nghiễm nhiên trở thành một huyền thoại như sau: "Hôm nay là ngày giỗ bố (ông nội tôi) hiển linh. Bố tôi đã bỏ đạo theo lũ vô thần nên tượng trưng là con rắn. Con rắn đã lột xác để trở về với Thiên Chúa ngay lành, tẩy trừ, gột rửa tội lỗi."

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ cũng đồn xa, nhưng phép lạ thì còn đồn xa hơn nữa. Một đồn mười, mười đồn trăm, những ngày sau đó rất nhiều người đến xem tại chỗ sự lạ. Cái xác rắn bố tôi đã để trong một cái hộp kính, đặt ngay tại gian nhà giữa nhà khách, cạnh buồng của bố tôi. Bất cứ ai đến cũng được xem tỉ mĩ xác rắn, và vào tận giường bố tôi để quan sát. Có nhiều những ông già, bà cả ở những huyện xa cũng mò đến nơi để được nhìn tận mắt. Thậm chí ngay Cha Xứ cũng xuống xem, rồi rao giảng sự việc ở nhà thờ nữa. Câu chuyện chỉ tự nhiên được thêm một chi tiết: Cái xác rắn dài thõng thượt ngay chính giữa chỗ bố tôi nằm, trong khi thực tế thì tôi đã cuộn lại.

Chỉ có tôi, thời gian ấy, đã vô cùng ngạc nhiên; ngạc nhiên đến độ sợ hãi vì câu chuyện đã trở thành nghiêm trọng quá nên tôi không còn dám nói với một ai. Lúc đầu, mục đích chỉ muốn làm quà cho bố tôi để nhẹ trận đòn. Sau thấy diễn tiến của sự việc được nhiều người chú ý thì chỉ thấy mừng vì ông bố đã quên béng buổi trốn học đi xem chọi gà của tôi. Chứ đâu tôi có ngờ, câu chuyện càng ngày, càng mở rộng ra khắp huyện như vậy.

Rồi thời gian trôi đi, năm 1950, tôi ra Hà Nội; rồi vào Nam cho tới khi lại trở ra Bắc và cho tới bây giò. Do những đẩy xô, lôi kéo của cuộc đời, tôi chưa có dịp nào để trình bầy lại sự thật của sự việc này cho những người của muôn năm cũ ấy. Ngày nay, bố tôi, mẹ tôi đã mất và cả ai còn, ai mất của những ngày ấy. Hẳn rằng, cho tới khi họ nhắm mắt lìa đời, lòng họ vẫn sắt đá tin rằng con rắn sau khi lột xong đã biến mất là một sự lạ hiển nhiên, trông thấy, nên họ vẫn tin, như tin có mặt trời vậy.

Thế mà, theo anh Bách, vào cuối năm 1956, sau khi Cộng Sản tiếp quản thủ đô Hà Nội ngày 10/1/01954 theo những thời gian đã ấn định của hội nghị đình chiến Genève. Hơn một năm trời Cộng Sản không hề đá động gì đến các tín ngưỡng của người dân, vì chúng còn bận lo nhiều chuyện khác lớn hơn, khi mới tiếp quản. Lúc này chúng đã nắm chắc mọi vấn đề chính rồi; cũng là lúc chúng đã theo dõi, moi móc, tìm tòi nắm chắc, xếp loại được mọi thành phần của người dân trong tay chúng. Bấy giờ chúng mới mở một chiến dịch rầm rộ đánh phá những cái mà chúng cho là dị đoan, mê tín v.v…trong quần chúng. Chúng phát động một chiến dịch dài ngày trên khắp miền Bắc, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, nhất là những nơi hẻo lánh, hoang dã giữa rừng sâu.

Như trên đã trình bầy, chúng đã chọn, đã lọc ra những loại điển hình đầu sỏ của từng địa phương, từng bản làng.. Những thầy mo, thầy pháp tổ sư nổi danh nhất, đã dạy, đã đào tạo ra bao nhiêu học trò trở thành pháp sư làm ăn ở các địa phương khác. Những loại tổ pháp sư phải có dưới tay hàng chục ngàn âm binh, thiên tướng, khét tiếng linh thiêng, uy quyền như thần, như thánh. Từ thời Pháp thuộc, thời Bảo Đại, quan châu, quan phủ, không một ai dám

động đến các thầy, sợ các thầy thư, các thầy ếm âm binh về phá gia cang v.v…Tùy theo từng tỉnh, huyện miền suôi, hay châu, phủ miền ngược. Cộng Sản chọn những nhân vật nổi tiếng nhất, điển hình nhất, xin mời tất cả các vị về thủ đô Hà Nội, gồm trên dưới 100 người. Những tay tổ nhất về các lãnh vực huyền bí đều không thiếu mặt. Thậm chí, ngay cả các dụng cụ đồ nghề như kiếm, đao, thương, xuyên lình, hình nhân các loại âm binh; cả các loại sách vở tướng số, bùa ngải v.v…đều được đem đi theo với các thầy về Hà Nội.

Cộng Sản để ngay các thầy tại phòng thông tin cũ (trước 1954) gần đền bà Kiệu, trông chéo ra cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, hồ Hoàn Kiếm. Bên ngoài có công an vũ trang canh phòng cẩn mật. Hàng ngày có các cán bộ đến giảng dậy về nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi người phải ra sức nhiệt tình giúp chính phủ gột rửa được những tệ đoan, mê tín trong óc đám quần chúng ít học, ít hiểu biết. Nếu anh nào chị nào (ông già râu bạc, bà già móm mém khi bị bắt, Cộng Sản đều gọi là anh chị) thành khẩn, ăn năn, tự phơi bầy những mánh khóe bịp bợm, thủ đoạn, tâm lý v.v… từ đời này truyền qua đời khác, reo rắc những thần, thánh, ma quái bịp bợm mọi người ra sao, nhà nước sẽ cứu xét tha cho về, làm lại cuộc đời lương thiện với vợ con, bản làng. Ngược lại, anh chi nào ngoan cố, cứ khư khư giữ, giấu cái món bí truyền ấy thì cứ ở đấy mà suy nghĩ.

Thôi thì các cụ, đại đa số đã già lão, yếu đau, trước đây, một bước đều có kẻ hầu, người hạ, một cái giơ tay lắm kẻ nâng đỡ, bây giờ, bị giam ở đây, một mình khổ cực, trăm bề thiếu thốn sao chịu cho nổi. Hơn nữa, ai cũng thấy bây giờ đã đổi đời rồi, không còn thể bịp thiên hạ mà sống được nữa, không gì bằng, hãy thành khẩn thú thật hết mọi mánh khóe, thủ đoạn bịp bợm trước đây của mình.

Đến đây, có một chi tiết không thể không nói được, đó là khi nhà cầm quyền Cộng Sản đã nhốt các vị ấy rồi, ngoài những bài học tập, những lời giáo dục ra họ có tuyên bố: nếu ai trong các anh chị cần lấy bất cứ thứ gì ở nhà nơi địa phương, về dụng cụ, về chất liệu để hành nghề, họ sẽ đến lấy cho. Nghĩa là, sẵn sàng tạo giúp cho anh chị nào muốn sai âm binh, thiên tướng, hoặc độn thổ, thăng thiên ra ngoài được thì nhà nước sẽ tha cho. Còn ai không làm được, thì chịu khó ở đấy mà ra sức học tập.

Có lẽ, các quý vị tổ sư chẳng nỡ sai âm binh hại Cộng Sản. Các thầy địa lý, chẳng bỏ xóa long mạch của những tên lãnh tụ Hồ, Đồng, Khu, Giáp. Các ông thần, bà chúa chẳng thèm nói chuyện với Cộng Sản, cho nên các bậc tổ sư, từ đầu bao nhiêu người, thì cuối vẫn còn bấy nhiêu người. Chỉ trừ thiếu đi khi các vị không thể chịu được những cay đắng, lầm than trong ngục tù phải chui về lòng đất thì không kể.

Gần 2 tháng trời, chúng lựa chọn, lọc lõi những bài kiểm điểm, tự thú nói lên sự việc một cách điển hình. Chúng chọn 10 người điển hình nhất, tổ chức một cuộc mít tinh lớn, mời đồng bào các nơi về dự. Mười người điển hình này, lần lượt ra trình bầy mọi mánh khóe, thủ đoạn lừa bịp người khác về các mặt: thầy pháp, lên đồng, đánh đồng cốt, xuyên lình cổ, má; các loại ma xó, ma tranh, bủa ngải, thư, ếm…..trong gần 1 tuần lễ trước quần chúng nhân dân.

Sau đó, chúng cho đại đa số các thầy về địa phương quản chế giáo dục tiếp. Ngược lại, còn một số ít, khoảng hơn hai chục người ngoan cố, tìm cách xuyên tạc, che dấu mà Cộng Sản cho là không thể giáo dục được. Thì bị chúng cho đi vào ấp để những người này có điều kiện luyện tiếp âm binh cho thành cao thủ. Riêng phân trại E này có 6 người, mấy năm trước chết mất 2, bây giờ còn 4 người là Quách Cẩm, 72 tuổi ở toán 4. Quác Mơi, 56 tuổi ở toán xẻ. Lồ Phá Chi, 70 tuổi ở toán 5 (toán rau). Đèo Sín Kha, 58 tuổi ở toán 6 nông nghiệp.

Theo anh Bách, trước đây, đôi khi anh em trong trại thường hay hỏi đùa các cụ: "Sao các cụ không sai âm binh nó rỡ hàng rào trại, hoặc bóp cổ hết lũ giám thị, để chúng mình về với vợ con?" Thì các cụ chỉ móm mém cười buồn mà không trả lời. Hiện nay, có thể vì gần cuối đời rồi mà còn bị búa đời phang cho túi bụi, kết hợp với những tủi nhục, đắng cay của cảnh tù đầy đã làm cho cụ nào cũng đờ đẫn, lù khù. Riêng Quách Mơi còn tương đối minh mẫn. Họ Quách đối với dân tộc Mường là một trong 4 họ danh giá, thế phiệt nhất. Quách Mơi nổi tiếng trong trại là người duy nhất thích ăn thạch sùng (mối) sống. Nếu ai bắt được con mối còn sống, có thể đổi được ít thuốc lào với Quách Mơi.

Nhiều người khi bắt được con mối, cũng muốn nướng ăn, nhưng lại muốn cho Quách Mơi để được nhìn cách Quách Mơi nuốt con mối. Anh Bách nói, Quách Mơi không phải là nuốt mối, mà ông ta đặt con mối chui đầu vào miệng, rồi bóp mạnh cái đuôi con mối, tự con mối chạy chui xuống dạ dầy của ông ta.

Nghe anh Bách nói đến đây, tôi nôn nóng hỏi ngay:

- Thế, có biết Quách Mơi nuốt thạch sùng sống để làm gì không? Hay chỉ vì thiếu chất protéin?

Một lúc lâu, mới nghe anh Bách trả lời:

- Cũng đã có rất nhiều anh em hỏi, nhưng chưa bao giờ Quách Mơi nói lý do. Vì vậy có người đoán, có lẽ âm binh hay ma tràng, ma xó trong bụng của Quách Mơi cần ăn thạch sùng sống, hay Quách Mơi đang luyện một món "bí kíp" mới, ai mà biết được.

Đến dây, cũng chưa phải là câu chuyện anh Bách kể làm tôi thích thú, nên ghi mãi trong lòng. Cái chuyện làm tôi thích thú, chỉ vì con mối, tức con thạch sùng của Quách Mơi lại có liên quan đến một câu chuyện buồn cười trong một đoạn đời ấu thơ của tôi.

Ngày xưa xa lắm (cứ nói ngày xưa cho nó có vẻ truyện cổ tích) khi ấy tôi độ 5 – 6 tuổi, nhà bố mẹ tôi thì ở dưới phố huyện. Còn nhà bà nội tôi thì ở mãi trên nhà quê xa lắm, cách nhà bố mẹ tôi đến 6 -7 cây số. Chả biết ông nội tôi chết từ khi nào, tôi chỉ thấy một mình bà tôi sống ở một căn nhà 3 gian, chung quanh có vườn, trồng nhiều cây cối.

Cái làng của bà nội tôi thật là nhà quê. Hầu hết dân làng đi chân đất, đàn bà mặc váy mà sau này người ta gọi đùa là quần một ống. Ngay bà tôi cũng chỉ có một đôi guốc đẽo bằng gốc một cây tre già; nó cong cong và cao lênh khênh. Bà tôi chỉ dùng để rửa chăn trước khi đi ngủ. Có lẽ bà tôi ở một mình buồn, nên ngay từ khi tôi được 3 -4 tuổi, bà tôi đã bắt tôi về ở với bà. Bà tôi chiều tôi hết ý, nên có rất nhiều chuyện xẩy ra trong thời gian này, trong đó có một câu chuyện liên qua đến con thạch sùng.

Như tôi đã nói, tôi khoảng 5 – 6 tuổi, tuy suốt ngày mặc áo, nhưng vẫn cởi truồng. Tôi chỉ có 2 cái quần, một cái quần đùi và một cái quần dài. Tôi chỉ được mặc khi theo bà xuống dưới nhà bố mẹ tôi, hoặc vào những ngày giỗ, Tết. Chính vì tôi cứ ở truồng như vậy, nên la cà, chơi bời thế nào không biết, cứ lâu lâu chim lại bị sao đó, nó sưng, nó ngứa ghê lắm. Càng gãi, càng xoa nó lại càng sưng to, đỏ mọng lên. Mỗi lần tôi bị như thế, bà tôi thường bảo:

- Mày lại bị con "ma mò" nó cắn rồi!

Với đầu óc của tôi thời gian ấy, tôi tưởng tượng ra con "ma mò" nó ghê gớm lắm. Đêm đêm nó thò những cái vòi đỏ choét quấn chặt, rồi cắn tôi. Tôi chỉ biết khóc, năn nỉ bà tôi chữa cho.

Thế rồi bà tôi chuẩn bị chữa cho tôi. Cái khâu đầu tiên là bà tôi phải tìm, rình bắt cho được một con thạch sùng. Có khi bà tôi không tìm ra hay không bắt được, bà tôi phải sang nhà một ông trùm họ (Công Giáo) tên là Việt ở xóm bên cạnh, nhờ bắt giùm. Khi có con mối rồi, bà tôi vào buồng lấy một cái lọ sành vẫn đựng chừng 2 kg đậu đen để dành cho ngày Tết nấu xôi hay chè. Bà tôi đổ đậu ra một cái thúng con, lấy cái lọ không, rồi bỏ con mối vào trong. Theo bà tôi giải thích, chữa bệnh "ma mò" này chỉ được chữa vào buổi tối mới linh nghiệm. Chờ cho trời tối hẳn, một đống tro than rạ còn nóng hổi. Bà tôi lấy một đôi đũa cả, đút phía đầu nhọn của đôi đũa vào đống tro than nóng. Xong rồi, bà tô bắt tôi ngồi xổm, giơ chim ra. Một tay, bà tôi cầm cái lọ có con thạch sùng ở bên trong; một tay bà tôi dùng đôi đũa cả đã dúi, vùi trong tro nóng. Nhanh nhẹn, bà tôi cứ gắp, vuốt vào chim tôi từ trong ra ngoài, rồi bỏ vào cái lọ. Mỗi lần bà tôi gắp bỏ lọ, miệng bà tôi lại lẩm bẩm:

- Gắp "bống" bỏ lọ này!

Tôi chỉ thấy nóng rát. Nhưng rất kỳ lạ, chỉ "bỏ lọ" chừng vài lần là đỡ ngứa hẳn đi. Nghỉ khoảng một giờ sau, lại gắp bỏ lọ một đợt nữa là khỏi. Khi xong việc, thường thường trời đã tối mịt. Bà tôi còn phải ôm cái lọ, lần mò ra tận ngoài cổng để đổ "ma mò" đi. Theo bà tôi, con thạch sùng nó thích ăn "ma mò" lắm.

Sau này tôi lớn lên, đôi khi nhớ đến việc gắp "bống" bỏ lọ này, tôi thầm nghĩ: Đây là một sự mê tín dị rất kỳ khôi! Có thể là do những con mò gà (một loại rận, mát của gà) do tôi lê la, nghịch ngợm, chơi bời; chim thì da non, lũ mát gà này chui vào cẳn. Bà tôi dùng đũa cả nóng vuốt, các chú mát dúm người lại rời ra, hay bị chết nóng nên tôi đã khỏi. Chứ chả phải con thạch sùng thích ăn "ma mò".

Đây mới là đoạn tôi thích thú và nhớ mãi những ngày kỷ luật này với anh Bách: Tôi cứ tưởng câu chuyện "ma mò" chỉ có riêng tôi bị, và cũng chỉ ở riêng vùng quê tôi mới có mà thôi. Không ngờ, anh Bách sau khi nghe tôi kể lại, cũng nói: Khi anh còn nhỏ ở vùng Bắc Ninh, quê anh. Anh cũng bị "ma mò" và cũng chữa tương tự như vậy. Chỉ có hơi khác, anh Bách là do mẹ anh ta chữa, và bà gắp lại bỏ vào một cái túi vải, cũng có con thạch sùng bên trong, và cũng phải đưa ra ngoài ngõ đổ.

Tôi và anh Bách thật không ngờ có một câu truyện cứ tưởng chỉ riêng mình có, hóa ra lại giống nhau. Tuy chân đang đau buốt rã rời, và bụng đói cào cấu, thế mà anh Bách và tôi đã có thể còn cười thành tiếng được, khi cùng tưởng tượng lại cái cảnh bị gắp "bống" bỏ lọ và bỏ túi ngày ấy.

Một điều thật bất ngờ đối với tôi. Khoảng 1 giờ trưa ngày thứ Năm, kể từ ngày tôi phải vào nhà kỷ luật, đột nhiên cửa nhà kỷ luật loạch xoạch chiếc khóa rồi mở toang. Bây giờ chưa phải là giờ cơm, kẻng xuất trại 1 giờ vừa xong. Bởi vậy tôi vội chuẩn bị tinh thần để đón nhận cái bất ngờ, có thể đến với mình. Thoáng bóng tên Cẩn trực trại và tên Thái y tá. Tên Cẩn, mặt rất lạnh lùng, tiến đến trước cái cùm chân của tôi. Y ưỡn người, đứng nghiêm nói nhát gừng:

- Lệnh của ban giám thị, tôi tuyên bố tha cùm anh.

Trong khi tên Cẩn quầy quả trở ra bên ngoài cửa để rút chốt cùm, tôi bàng hoàng ngẩn hẳn người ra. So với những tội của những người đã đi kỷ luật, tôi đinh ninh, chuyến này ít ra cũng nửa tháng hay một tháng. Tên Thái, phụ tôi nhấc cái nửa cùm phía trên, để tôi rút chân ra. Mới chỉ là ngày thứ ba mà tôi đã đứng lên không được. Thái đã đỡ tôi ra hè ngồi đến 5 phút để xoa nắn bắp chân và đôi bàn chân, tôi mới cố gượng đứng lên được. Trong khi tên Cẩn đang khóa cửa nhà kỷ luật, tôi vịn tay tên Thái, quay lại phía trong nói to:

- Tạm biệt anh Bách, giữ gìn sức khỏe nhé!

Tên Cẩn đưa mắt lườm tôi, nhưng tôi lờ đi. Tôi đường hoàng vì nội quy của trại không có điều khoản nào cấm 2 người trao đổi tình người những lúc này. Chính vì thái độ mạnh dạn, không sợ tên Cẩn của tôi, nên tên Thái cũng tỏ vẻ muốn làm thân với tôi. Cụ thể, khi y dẫn tôi đến trước nhà số 3, tên Cẩn đang đi phía trước, tên Thái ghé vào tai tôi thì thào:

- Ông Cẩn định cùm anh lâu, nhưng Hoàng Thanh đã ra lệnh thả anh.

Về đến buồng, tôi vẫn nghĩ mãi, tại sao tên Thái lại có thể biết được tình tiết như vậy? Còn Hoàng Thanh? Dù tôi mới chỉ gặp y một lần, nhưng tôi cũng đã hiểu, y không phải là loại người thấp kém. Với con mắt tinh tế của y, tôi tin rằng y đã nhìn được tôi không phải là loại người mua bằng uy quyền và lợi lộc. Nếu mục đích y dùng ân huệ thả cùm này để mua tôi thì y đã có tài làm cho tôi nhìn sai lệch về y. Vậy y tha cùm tôi nằm trên ý đồ nào? Thời gian sẽ cho

phép tôi hiểu rõ.

Việc tôi được tha cùm sớm như vậy, cũng làm cho anh em trong trại bàn tán không ít. Tên trật tự Tân và tên Thái y tá thấy rằng, sơn của chúng không ăn được mặt tôi nên chúng cũng không làm gì quá đáng để tôi phải khó xử cả. Cụ thể mấy lần, khi toán 2 về cổng trại, tên Tân khám nắn từng người. Lục soát những đồ nội quy cấm không được mang vào trại. Ba bốn cái đóm nứa trong người y cũng lôi ra. Bởi vì theo quy định, mỗi phạm nhân, mỗi ngày chỉ được đưa vào trại 1 cái đóm để hút thuốc lào đêm mà thôi. Nhưng khi y khám đến tôi, cả một bó đóm gần một chục cái, tôi dắt trong lưng áo. Y sờ thấy, y chỉ nhìn tôi một cái như ý nói: "Tôi thấy rồi" mà không lấy bó đóm ra. Như vậy tôi cũng phải biết điều, không nên căng quá với y nữa.

Do tôi được thả cùm sớm, một số anh em chưa hoặc ít tiếp xúc với tôi, họ đều nhìn tôi bằng ánh mắt dè dặt, nghi ngờ. Ngược lại, những người mà tôi đã qua lại tiếp xúc nhiều, đã hiểu tôi, họ lại càng quý mến tôi hơn như Lê Sơn, Quý Cụt, Vân, Thú, nhóm Nông Quốc Hải, bác Lẫm v.v…

Một việc đã làm tôi rất xúc động. Tôi rất ngại ngần, giằng co không muốn viết ra nhưng suốt đời không thể quên được. Một buổi trưa, hơn một tuần lễ sau khi tôi được tha cùm. Lầu Phá Tra và Lồ Cao Chính, hai anh là người dân tộc, có thể họ đã theo dõi, để ý tôi từ trước mà tôi không biết. Họ kéo tay tôi, ra hiệu đi theo họ về phía sau của ngôi nhà số 3. Chỗ này có một bụi nứa che một góc khuất tương đối kín đáo với mọi hướng. Hai anh chẳng nói năng gì, vẻ mặt đầy xúc động, thành khẩn. Mỗi anh cầm một tay của tôi, cùng cuối xuống hôn rồi đặt tay tôi lên đầu của họ. Lầu Phá Tra nói chưa sõi tiếng kinh:

- Anh Bình, chúng tôi thích anh lắm! Sau này anh ở đâu, lúc nào anh gọi, chúng tôi sẽ đi theo anh suốt đời.

Thật bất ngờ, nên tôi bàng hoàng xúc động, không nói lên lời. Tôi đâu được xứng đáng để họ đặt lòng tin yêu như vậy? Dù vậy tôi cũng thân thiết cầm bàn tay họ và nhìn họ với mầu mắt của những người cùng đi một hướng. Tôi hiểu lòng họ thật chất phác, đầy ắp thủy chung, nhưng để phòng hờ tôi vẫn dặn họ không được nói sự việc này với những người khác. Những ngày tới, tôi sẽ nói chuyện tiếp với họ.

Khi về buồng cũng như đêm hôm ấy, tôi vẫn suy nghĩ về họ nhiều. Những người này, tôi chưa hề chuyện trò hay quan hệ nhiều với họ. Học chỉ nhìn tôi qua con người và những hành động, sinh hoạt hàng ngày, mà họ tin tôi như vậy. Tiền bạc, uy quyền có thể mua được nghĩa tình này đâu. Tuy sau đấy tôi còn nhiều vấn đề với các anh, nhưng việc làm này của các anh đã làm lòng tôi khắc khoải không thôi. Những nỗi niềm vơi đầy tràn ứa bao nét hổ lòng.

Trưa hôm qua, lại có điều kiện nói chuyện lâu với Vân ở hội trường. Vân tỏ ra rất tán đồng việc tôi đánh tên Tân. Theo Vân, nó sẽ bớt hống hách, áp bức những người tù kém tài, yếu thế. Vân cho tôi xem hơn một chục tấm ảnh gia đình của bà chị tên là Phan Thị Hồng Ngọc hay Diễm Ngọc ở Pháp gửi cho. Nhìn những tấm hình, dù chỉ là một góc cạnh của một gia đình, nhưng cũng ánh lên những cảnh đời tưng bừng, tươi sáng đầy sắc hương của tự do và tình người.

Qua những tấm hình này, tôi đã là người xưa của phương trời tự do bên ấy mà vẫn còn thấy man mác, bâng khuâng thì hỏi rằng những người mà suốt đời chưa hề nhìn thấy một chiếc ô tô, chưa nhìn thấy một chiếc cravate, họ sẽ suy nghĩ thế nào? Bởi thế, ngay khi Vân được nhận ảnh, ông Toán chánh giám thị đã căn dặn anh, không được cho nhiều người xem. Vân còn nói, thỉnh thoảng bà chị vẫn gửi cho mỗi lần 5 -6 trăm francs đến thẳng bộ công an. Nhưng do điều kiện ở trong tù, mỗi tháng chỉ cho tiêu vài chục francs. Vài chục này đổi ra tiền Việt cũng hơn một chục bạc chứ ít ỏi gì, cho nên hiện nay trong trại Vân là tay tư bản kếch xù nhất. Một tháng hoặc đôi ba tháng, trại thông báo bán bánh sắn và thuốc lào. Bánh làm bằng bột sắn, ở giữa có tí mật trộn với khoai lang làm nhân; bánh nướng rồi, mỗi chiếc cân nặng 1 lạng, giá mỗi chiếc 2 hào. Nhiều người chả bao giờ có tiền mua đã đành. Những người có tiền cũng chỉ mua 1 cái, 2 cái, cao nhất 5 cái là cùng, thế mà Vân mua cả 2 -3 chục cái. Đôi khi Vân thích

ai, gọi vào cho họ một cái.

Phải nói trong trại E, Vân có một điều kiện riêng biệt duy nhất. Vân được như vậy, một phần do những điều kiện chủ quan. Phần khách quan hỗ trợ, theo Vân là ông Toán, thiếu tá giám thị trưởng của trại trung ương số I, ông ta cũng chột một mắt như Vân, trong chiến tranh 9 năm chống Pháp. Tuy khác nhau ở hai trận tuyến đối đầu, nhưng lại giống nhau ở chỗ cùng chột một mắt; nên ông ta có nhiều thiện cảm với Vân. Vả lại, Vân chỉ là một phi công đơn thuần, nên ông ta cũng không phải e ngại bị gán ghép là lệch lạc tư tưởng.

Một điều rất đặc biệt, có thể do nhiều ngày tâm sự, đổi trao nên Vân đã hiểu tôi. Hôm nay bất ngờ Vân cho tôi biết một việc tương đối nghiêm sâu. Hơn một tuần trước ngày tôi đến trại, Vân đã được cán bộ giáo dục gọi lên báo cho biết: Mươi ngày nữa, sẽ có một người tù đến trại, tên này tư tưởng rất phức tạp, lại có kiến thức. Vân có trách nhiệm chuyện trò, tâm sự để tìm hiểu tư tưởng của tên tù đó là tôi. Bởi thế, chẳng phải ngẫu nhiên, mà tôi đã được sắp xếp từ trước cho nằm cạnh Vân.

Nghe Vân chân thành thổ lộ, tôi đã mở mắt to chăm chăm nhìn Vân. Đây là một vấn đề thật rộng, thật nhiều nghĩa. Đành rằng, ngay từ ngày đầu tôi đến trại, thấy nằm canh Phan Thanh Vân, kết hợp với những điều tôi đã biết về Vân ở dưới Hỏa Lò. Tôi đã hiểu, nằm cạnh Phan Thanh Vân là có vấn đề. Nhưng quan điểm của tôi đã có từ trước, như một phương châm xử thế, một hành trang luôn luôn mang theo mình trên đường đi tới. Đó là, đường của mình đang tiến bước có ưu thế hơn hẳn kẻ thù là nhân bản, tự do và thắm đượm tình người. Mình đã có cái ưu thế thực tế tuyệt đối này, tôi lại tự tin ở khả năng biết vận dụng, phát huy cái tinh túy, cái bản chất của thực tế đó. Bởi vậy, đối với người bị hỏa mù, lệch lạc tư tưởng làm tay sai, làm lợi cho kẻ thù. Hoặc ngay với chính kẻ thù đi nữa, mà tôi phải hay được tiếp xúc, tôi tin tưởng mãnh liệt là họ sẽ phải ngả theo sự thật. Chỉ vì cứ riêng sự thật không thôi, bản thân nó đã có lôi cuốn, thuyết phục đáng kể rồi. Nếu biết vận dụng nó chính xác về thời gian, không gian và điều kiện thì không một ai cưỡng nổi. Sau này có nhiều chuyện thực tế minh chứng.

Không phải đơn giản để Vân nói thực với tôi. Điều chắc chắn Vân đã phải hiểu rằng, tôi đã hiểu điều kiện và cái thế của Vân, phải tỏ ra, phải đóng cái vai là người cải tạo tiến bộ. Tôi cũng hiểu nữa rằng, trong cái giai đoạn tối tăm, đầy lừa lọc, phản trắc ở trong tù lúc này; đối với hầu hết mọi người, Vân vẫn khăng khăng đứng ở vị trí của một người thích Cộng Sản. Vân không cần băn khoăn, họ sẽ nhìn về Vân như thế nào.

Chỉ gần 2 tháng trời tôi đến trại, tôi sống chân thành. Sự chân thành toát ra từ một sức mạnh tiềm ẩn trong ý chí; đủ uy lực làm tan hết những ngại ngần, dè dặt, băn khoăn trong lòng Vân. Vân cũng hiểu rằng, nếu tôi báo cáo với Cộng Sản là Vân đã thú thực với tôi là được cán bộ giao cho nhiệm vụ theo dõi tư tưởng của tôi, thì Vân sẽ thiệt hại như thế nào, khi Vân vẫn còn nằm trong bàn tay của chúng. Vậy chỉ cần còn một chút băn khoăn thôi, thì Vân cũng không dại gì nói thật điều đó với tôi. Hơn nữa, Vân lại không phải là một người không tinh tế.

Tóm lại, qua sự việc này, tôi cũng biết rõ thêm là Cộng Sản đã đánh giá tư tưởng của tôi còn phức tạp. Nghĩa là chúng chưa thể kết luận tư tưởng của tôi ở hướng này hay ở hướng kia, sau hơn 6 năm tôi đã nằm trong tay chúng.

Vân cũng hỏi ý kiến tôi, vì lúc này Vân đang lo lắng, không hiểu Cộng Sản có thả Vân ra đúng hạn kỳ, của tòa án hay không? Vân đã nhìn thấy hầu hết những tù nhân hiện nay đang ở trong trại: Án tập trung 3 năm gọi là "án dây chun" thì không kể, ngay những người có án 5 năm, 7 hay 10 năm mà tòa án Cộng Sản đã xử công khai đàng hoàng, hết án lại bị chuyển sang lệnh tập trung cải tạo. Và những người bị tập trung cải tạo 3 năm, đã ở thành 2 lệnh, 2 lệnh. Thậm chí, nhiều người đã ở đến 4 lệnh rồi như anh Hàm, anh Hiển (tu sĩ), Phùng Văn Tại, Thành Xuân Yên (phản tuyên truyền) đang ở ngay toán 2, vẫn chưa được nói động gì đến, là tù nữa hay tha cả. Nghĩa là những người này tù từ khi bắt đầu có chính sách tập trung cải tạo. Đã nhiều lần trước, cứ gần đến ngày hết hạn 3 năm, có anh nào dũng cảm, dám hỏi cán bộ là hết hạn tập trung rồi, sao tôi chưa được về? Thì luôn luôn được cán bộ trả lời với nội dung: chính sách cải tạo của đảng và nhà nước là cải tạo một người có tư tưởng xấu, tư tưởng phản động,

trụy lạc, bóc lột trở thành người tốt. Vậy anh đã tốt chưa? Đến đây, ai cũng hiểu tư tưởng thì vô hình, làm sao để biết được xấu hay tốt. Vả lại, một con người mà bị bới, tìm thì ai mà chẳng có cái không tốt? Tóm lại, đây chỉ là một cái "chốt" để Cộng Sản muốn giam hay thả là tùy theo họ, chứ không phải do người tù cải tạo tốt hay xấu.

Vậy thắc mắc hay hỏi cán bộ, đều không giải quyết được mà còn bị quy thêm cho cái tội: "tư tưởng còn ngoan cố, không tin đảng, dám thắc mắc với đảng." Bởi thế, bây giờ ai cũng ngậm miệng dù hết án hay hết hạn tập trung. Vân đã nhìn thấy hết như vậy, cho nên làm sao mà yên lòng được!

Dù sự hiểu biết của tôi về sự nham hiểm dã man, đầy thủ đoạn của Cộng Sản trong lĩnh vực giam giữ và trị người chưa nhiều, hãy còn nhiều hạn chế, nhưng riêng trong trường hợp của Vân, tôi đã nhìn thấy một cách vững vàng: "Chúng sẽ phải thả Vân ra đúng với hạn kỳ của án xử". Tôi đưa ra những yếu tố cụ thể với Vân:

- Vụ án của Vân đã được viết lại và xuất bản thành sách, có nhiều công luận biết đến.

- Trong bức màn sắt, nội bất xuất, ngoại bất nhập, chỗ của chủ nghĩa Cộng Sản độc tài, khát máu đàn áp, tiêu diệt những gì phi Cộng Sản; bên ngoài, không ai biết hoặc chỉ biết mơ hồ. Những chuyện của Vân có người chị ruột ở Pháp, Cộng Sản đã cho liên lạc gửi tiền, thư. Chúng nó đang rất cần dư luận ở Pháp để tuyên truyền bịp bợm với thế giới.

- Vân chỉ là một phi công đơn thuần, không hề được đào tạo về nghiệp vụ tình báo.

- Gia đình không có nợ máu, đối kháng với Cộng Sản.

Xét kỹ, tha Vân đúng kỳ hạn, chúng sẽ có lợi hơn nhiều lần là giữ Vân. Do đấy, có thể trong điều kiện chiến tranh như hiện nay, chúng sẽ không thả ai dù hết án, nhưng chúng sẽ thả Vân. Tất nhiên, trong hoàn cảnh đất nước chia đôi. Chả bao giờ chúng lại thả Vân về miền Nam hay sang Pháp, mà chúng sẽ đặt một hình thức giam lỏng, ở một địa phương nào đó. Vả lại, với điều kiện quản lý người dân ở miền Bắc lúc này, tha Vân thì cũng như đem từ cái lồng nhỏ, bỏ ra cái lồng lớn mà thôi.

Vân ngồi nghe tôi trình bầy những ý kiến như thế, mặt sáng dần rồi tươi hẳn lên. Niềm lắng lo đang nặng trĩu trong lòng Vân, hình như được vơi hẳn. Tôi hiểu rằng, thông thường "việc người thì sáng, còn việc mình thì quáng". Chẳng phải là Vân không nhìn thấy và hiểu như vậy, nhưng đôi khi sự việc của chính mình, lại không nhìn ra; trong khi người ngoài nhìn vào thì lại rất rõ.

Tôi ngồi nhìn Vân đang chúm môi thả một làn khói thuốc xám xịt, nhỏ tý, ngòng ngoèo, tan loãng dần vào ánh nắng Xuân đã ngả chiều. Mắt Vân đang lơ đãng nhìn vươn ra phía bên ngoài hàng rào nứa về một phương trời xa xôi. Hẳn rằng Vân đang vấn vít thả hồn về những cảnh đời ngày mai khi được thả ra ngoài trại giam. Hình ảnh ấy của Vân cũng làm cho lòng tôi bâng khuâng, chạnh nhớ đến cái đời riêng của mình còn đương mò mẫm trong con đường tăm tối dài lê thê biết đâu là cùng. Một tiếng thở dài được nén chặt trong lồng ngực đang rỉ dần ra.

Hồn tôi còn đang thả vào cõi bồng bềnh ngược xuôi, mắt tôi chợt nhìn xuống một bàn chân của Vân. Một ngón út bị cụt sát đến bàn chân, kéo theo một cái sẹo dài ngòng ngoèo trên mu bàn chân. Tôi liên tưởng đến câu chuyện còn bỏ dở lần trước, do đấy tôi lôi hồn Vân về thực tại:

- Ồ, ngón chân út của Vân bị cụt từ hồi nào thế?

Tôi vừa hỏi, vừa chỉ vào bàn chân có cái ngón cụt. Vân qua lại tôi cười, môi dưới hơi dề xuống nên cái miệng méo hẳn đi:

- Bị cụt ngay hôm máy bay rớt!

Rồi như một nỗi niềm đã chìm lắng trong đáy lòng được khơi dậy, Vân sôi nổi hẳn lên:

- Bình có biết không? Suốt từ ngày máy bay bị bắn rớt cho tới nay đã gần 7 năm rồi, mà tôi vẫn còn lạ lùng về cái ngón chân cụt này. Tôi ngạc nhiên vì không thể suy đoán được tại sao nó bị cụt? Tôi nhớ lại, hôm đó họ khênh tôi về, đặt trên một cái sân gạch của hợp tác xã thì phải. Rồi có lẽ thấy tôi bị thương tứ tung, máu ra nhiều quá, nên họ cho cáng tôi lên ngay nhà thương của tỉnh. Lúc này tôi đã hơi tỉnh, sau khi được băng bó tạm thời. Tôi được biết cả một tròng mắt của tôi bị lồi ra nên họ đã cắt rồi. Mặt, tay, mình mẩy nhiều vết thương. Riêng về chân tôi, theo bác sĩ và y tá ở đó, họ cũng ngạc nhiên. Bởi vì khi khênh tôi đến bệnh xá tỉnh thì 2 chân tôi vẫn đi giầy, đến đấy, họ chỉ chú trọng chữa, xức thuốc, buộc băng những vết thương ở mặt và tay thôi. Cho tới khi họ tháo đôi giầy ra thì một chân của tôi be bét những máu và ngón chân út đã bị đứt rời ra. Cái lạ là đôi giầy vẫn còn nguyên. Chính tôi, khi tỉnh hẳn vẫn còn được họ cho xem đôi giầy, trước khi đưa về phòng lưu trữ tài liệu, chứng cớ để ra tòa xử sau này. Vân tóm tắt cho tôi biết sơ lược như sau:

Khi máy bay bị bắn rơi đã bị đứt ra làm đôi, nửa đầu bị cắm ngập xuống một thửa ruộng cói. Còn nửa dưới thì nằm chổng kềnh cũng trên một thửa ruộng cói khác ở cách đấy hơn 300 thước. Xác chết, người bị thương, vật dụng văng vãi, rải rác tứ tung trong một đường kính hơn một cây số. Những người chết không kể, ai còn sống sót cũng đều bị thương. Thiếu Úy Khánh bị thương nặng nhất, vì vậy cho tới ngày ra tòa, Khánh vẫn không thể ra được. Bởi thế, phiên tòa xử chỉ có Vân, Đinh Văn Khoa và Phạm Văn Đăng mà thôi.

Lắng nghe Phan Thanh Vân kể sự việc của anh, tôi thấy rõ anh là phi công trưởng, còn Trung Úy Thích là phụ. Ngược lại, trong cuốn "C47" điệp vụ xâm nhập miền Bắc mà Cộng Sản đã xuất bản thì Trung Úy Thích là phi công chính, Vân là phi công phụ. Điều thắc mắc này, tôi đem ra hỏi thì Vân hơi cúi đầu, trả lời hơi chút ngập ngừng:

- Đằng nào anh Thích cũng chết rồi. Tôi nghĩ khai như vậy, tôi sẽ nhẹ tội hơn.

Nghe Vân trả lời như vậy, tôi chưa thể thỏa mãn nên hỏi tiếp:

- Ồ, làm sao được! Chấp pháp hỏi cung có phải tay mơ đâu, còn các anh Khoa, Đăng nữa. Chúng là mộc hay sao mà chúng lại không biết khai thác những mâu thuẫn, riêng biệt từng người?

Vân nói nhỏ hẳn lại, khi thoáng thấy bóng một anh toán 5 đi qua:

- Thực ra vấn đề chính hay phụ không quan trọng lắm; vả lại, khi bàn giao nhiệm vụ này chỉ có anh Yên, anh Khánh, anh Thích và tôi. Anh Yên, anh Thích đã chết, anh Khánh lại còn không nói được nữa nên tôi mới qua mặt chúng được một chuyện nhỏ đó chứ tôi thừa nhận, chấp pháp họ tra hỏi, khai thác, không thể hoặc rất khó dấu diếm gì được họ.

Ngồi nghe Vân nói đến đây, tôi chợt nhớ lại Đinh Như Khoa, điệp viên bị kết án 15 năm. Đầu năm 1962, một buổi ra Cấp để phơi nắng với Hoàng Công An, tôi mở radio bắt đài miền Bắc nên đã nghe được buổi xử, vì vậy tôi hỏi Vân:

- Còn anh Đinh Như Khoa, hiện giờ Vân có biết ở trại giam nào không? Anh Đăng nữa?

Nghe tôi hỏi thế, Vân lắc đầu quầy quậy trả lời:

- Riêng về Đinh Như Khoa, sau ngày xử tôi không hề biết ở đâu. Trường hợp Phạm Văn Đăng, thợ máy bị kết án nhẹ

nhất là 5 năm. Hai năm trước, một buổi tôi được gặp một ông cán bộ của bộ, từ Hà Nội lên đây để hỏi lại tôi một số việc. Để thăm dò về ngày hết án của tôi, tôi có hỏi về Đăng thì được biết: Hơn 3 năm sau kể từ buổi xử án, Đăng vì quá yếu sức nên bị bệnh và đã chết rồi.

Chương 29

Khách Yêu Hoa

Hôm nay là Chủ Nhật, một Chủ Nhật không phải đi lao động xã hội chủ nghĩa vinh quang. Nhưng không đi lao động thì không có ăn sáng. Quen mỗi buổi sáng có mấy mẩu sắn nhét vào dạ dầy, hôm nay phải nhịn teo nên ai cũng bải hoải, rã rời. Hầu hết mọi người, sau khi chờ cán bộ vào điểm số xong, đều nằm trở lại, để ngâm dấm với cái bao tử rỗng. Cho nên lâu lâu có một Chủ Nhật được nghỉ lao động thì vui thật; nhưng cái bụng lại bị lép kẹp thì chẳng còn vui mấy.

Tôi cũng nằm rán cho hồn bồng bềnh một lúc. Chợt nhớ hôm nay sẽ gặp Lê Văn Kinh để biết sơ lược về vụ án người nhái ở sông Gianh, tôi bò nhổm dậy, xuống giếng rửa mặt.

Ánh nắng sớm, đã nhuộm vàng mấy ngọn nứa phía cuối sân. Nền trời xanh thẳm, cao ngất. Chéo phía tây, những lớp mây trắng đục hình vảy cá, xếp đều đặn trông như một cái tổ ong khổng lồ. Phía trên của lớp mây ửng lên, vàng chóe như viền của những chong đèn cù trong ngày hội. Cây rừng yên ả không một làn gió, vài chiếc lá nứa mỏng dính, nhè nhẹ ngút ngắc, đong đưa càng nói lên cái êm ả của một buổi sớm trong rừng già.

Ngoài sân, trong hội trường, đây đó cũng có vài bóng người. Hắn cũng như tôi, muốn gửi hồn vào thiên nhiên vắng lặng của buổi sớm mai trong ngục tù. Những mầu sắc rực rỡ tươi rói dưới nắng Xuân của mấy bông bách hợp đã kéo tôi lại bên luống hoa trước ngôi nhà số I. Một cây thược dược ngay ở đầu luống chỉ chừng tuổi mười sáu, có một chiếc nụ còn buộc kín, trên đầu hơi loe, thò ra một giải con con mầu tím xậm băng trinh. Bên cạnh là một đóa hoa đến thì nở rộ, vươn cao. Những cánh hoa nhung mượt, tím ngắt, hơ hớ, e ấp còn ngậm mấy giọt sương đêm, dáng dấp như một cô tiểu thư đài các, trâm anh đang đứng cạnh mấy nàng thôn nữ cúc vàng đại đóa phía bên trong.

Một con bướm cánh vàng hoe, thân và đầu đen thẫm, lả lơi rời bông hoa bách hợp kép để sà đến cô nàng thược dược đang lắc lư đợi chờ. Cái mùi thanh thanh ngòn ngọt của thế phiệt trâm anh quyện chặt vào cái mùi nồng nồng, ngầy ngậy của mộc mạc thôn dã phả dài vào ánh nắng Xuân. Hồn tôi ngất ngây, quên cả thực tại đến nỗi, đã rỉ ra mấy câu thơ cóc nhẩy:

Muôn hồng ngàn tía, sắc hoa tươi,
Nhún nhẩy, đong đưa mỉm miệng cười.

Tôi còn đang thả hồn chìm lắng vào một trời sắc hương thì một giọng nói đanh và ấm cất lên ngay phía sau lưng đã làm tôi tỉnh hẳn một giấc mộng ngày:

- Trong mấy luống hoa này, anh thích loại hoa nào nhất?

Tôi quay lại, hơi điếng hồn! Tôi không thể ngờ vì đó là Hoàng Thanh, ông ta mỉm cười với tôi. Mắt tôi còn kịp thấy nhiều người ở những cửa buồng, và ở phía xa xa đang nhìn về phía tôi và Hoàng Thanh. Ngay đầu luống hoa nhà số II, từ nãy có 2 -3 người đứng cũng đã lủi đi mất.

Sau một giây bàng hoàng lúc đầu, vì tôi không thể nghĩ Hoàng Thanh lại vào trại ngay buổi sáng sớm ngày Chủ Nhật như thế này. Tôi lại liên tưởng đến cái ngày ông ta thả cùm tôi hơn nửa tháng trước, vì vậy tôi cũng mỉm cười, gật đầu chào ông ta. Hoàng Thanh, nhìn như không cần chú ý vào nét ngỡ ngàng của tôi, ông ta hất hàm vào luống hoa và nhắc lại câu hỏi khi nãy.

Trong lòng tôi thực sự cũng hơi chờn, vì dù sao thì y cũng là một tên hung thần ác ôn. Tôi định tìm một thế rút lui để tránh vạ là hơn, nhưng nhìn mặt y lúc này rõ ràng cởi mở, không có mùi sát khí. Tôi tự nghĩ, thì mình cứ nói chuyện đàng hoàng đã sao. Nghĩ thế, tôi ung dung trả lời:

- Thưa ông, mặc dù mấy bông hồng và vạn thiên kim đẹp thật, nhưng tôi vẫn thích thược dược hơn. Cái đẹp của nó có vẻ khép kín, khiêm tốn.

Mắt Hoàng Thanh sáng lên long lanh, đầu y gật gật, nét vui lộ hẳn ra mặt:

- Riêng về điểm này, sao anh lại giống tôi thế!

Rồi như ý tưởng của y được khơi dậy, y vồn vã kể lại cái ngày y được cử đi học ở bên Trung Quốc. Vì thích hoa, ngày Chủ Nhật, y đã đạp xe đạp hơn 20 cây số để thăm một cái trại hoa khổng lồ ở ngoại ô Bắc Kinh. Y kể, tả lại bao nhiêu loại hoa hiếm quý; rồi những buổi, y đi thăm những vườn hoa ở Ngọc Hà, Hà Nội v.v… Khi có kẻ "đồng thanh tương ứng" đã làm cho tôi say sưa cũng kể và tả lại những vườn hoa trác tuyệt của Đà Lạt mộng mơ mà tôi đã có dịp đến thăm khi mới di cư vào Nam.

Từ những chuyện chuyên đề về hoa, khi đề cập tới cái cao quý của bông sen, tôi liên tưởng tới những bộ hoa tứ bình. Hoàng Thanh thấy tôi nói về tứ bình, y chặn lại hỏi ngay:

- Anh có hiểu nhiều về những bức họa của Việt Nam và Trung Quốc không?

Tôi hơi chột dạ, vẻ ngượng ngập lúng túng lộ ra:

- Thưa ông, về lãnh vực hội họa thì tôi chả biết gì cả. Tôi chỉ thấy một bức tranh đẹp thì thích ngắm nghía chứ tôi chả hiểu xuất xứ, nội dung của nó. Tôi chỉ biết mấy bộ tứ bình, vì hồi tôi còn ở trong Nam, tôi có một người bạn vong niên làm sơn mài. Anh đã chỉ cho tôi biết mấy bộ như: Cúc, Trúc, Lan, Mai và một bộ nữa là: Liên, Áp, Lộc, Tùng, Mai Điểu, Trúc Tước.

Y quay lại hỏi tôi như khảo bài:

- Thế, anh có biết những bộ đó thuộc về thời nào không?

Thật mình đã dốt, lại cứ muốn tỏ ra ta hiểu biết nên đã thò đuôi ra cho y nắm:

- Thưa ông tôi không biết!

Hoàng Thanh coi như cái kém cỏi của tôi là đương nhiên, dù tôi đã 30 tuổi đời nhưng đã có 6 năm nằm trong ngục tối. Bởi vậy, y nói như giải thích:

- Hai bộ đó thuộc đời Đường!

Rồi một phần vì đang say sưa trong câu chuyện, phần khác, cũng muốn khoe cái hiểu biết của mình, y niềm nở hỏi

tôi:

- Anh có bao giờ nghe nói về "bát cảnh danh họa" của Trung Quốc chưa?

Phần vì cũng hơi tò mò, phần nữa cũng muốn "đắc nhân tâm" làm cho y vui lòng nên tôi lắc đầu, mắt mở to háo hức chờ đón. Hình như tôi đã gãi đúng chỗ ngứa của y. Y quay lại dựa hẳn vào chiếc hàng rào nứa của luống hoa. Rồi như y chuẩn bị để tôi có thể tiếp nhận hết được những ý nghĩa tinh túy của những bức họa, y nói:

- Như anh đã biết đấy, trong cuộc đời cái gì vui thì thường hay nông cạn, không có chiều sâu, người ta dễ quên đi. Bởi vậy, những tác phẩm bất hủ của loài người thường có nội dung buồn. Nỗi buồn nó mới gậm nhấm lòng người da diết. Sau mỗi khi y nói tên một bức họa, y lại vừa như giải thích vừa như bình phẩm như sau:

1/ Tiêu Tương dạ vũ.

Đêm khuya mà mưa dầm trên sông Tiêu Tương thì thật buồn.

2/ Yên tự vãn chung.

Tiếng chuông thu không trong một ngôi chùa vắng thì buồn ơi là buồn.

3/ Giang Thiên mộ tuyết.

Một nấm mộ hoang, tuyết phủ bên một giòng sông tịch mịch.

4/ Ngư thôn tịch chiếu.

Một xóm chài lưới đầu ghềnh phản chiếu ánh chiều tà vắng lặng.

5/ Sơn thị tình lam.

Một cái chợ trên miền sơn cước; chiều tàn, dăm chiếc lều xiêu vẹo, vài bóng người trên sườn đồi.

6/ Viễn phố quy phàm.

Một cánh buồm trôi về bến xa vời giữa cảnh trời nước mênh mông.

7/ Bình sa lạc nhạn.

Trên bãi biển chiều vắng lặn, một cánh nhạn lẻ loi lạc đàn.

8/ Động Đình Thu nguyệt.

Trăng thu trên hồ Động Đình. Tĩnh lặng chỉ có tiếng cú kêu lẫn vào tiếng gió ngàn.

Theo Hoàng Thanh, cũng vào lần đi học ở Trung Quốc 1957, y đã gặp một họa sĩ già đang bị nhà nước Trung Quốc quản chế ở Quế Sơn đã cho y biết. Bây giờ đã là năm 1968. Như vậy đã 11 năm, mà y còn nhớ rành rọt như nhớ một bài học thuộc lòng.

Tôi và Hoàng Thanh đứng cạnh luống hoa trước ngôi nhà số I cứ miên man chuyện trò cho tới khi kẻng bom ở cổng rổn vang lên, báo hiệu giờ lấy cơm trưa. Cả y và tôi đều choàng tỉnh, không ngờ thời gian lại đi mau như vậy. Lúc đầu còn nói chuyện hoa, sau ra chuyện họa, mà họa thật. Ngay từ buổi chiều hôm ấy, rất nhiều anh em trong trại đã nhìn tôi bằng ánh mắt lạnh lùng, khinh khỉnh. Cả Lê Sơn, Quý Cụt, Nguyễn Huy Lân v.v… họ cũng có thái độ lạnh lùng với tôi. Tôi thật buồn, làm thế nào để thanh minh được? May, chỉ có bác Lẫm và Vân mới thông cảm với tôi. Mấy ngày sau, bác Lẫm đã gặp riêng tôi, hỏi vẻ buồn trách:

- Sao Bình lại chuyện trò vui vẻ với Hoàng Thanh như bạn vè thân thiết thế? Bình có biết rằng nó đã giết chết bao nhiêu người của chúng ta rồi không?

Tôi cũng buồn, trả lời bác Lẫm, đây là một chuyện hoàn toàn vô tình. Hơn nữa, theo sự suy nghĩ và quan điểm của tôi lúc ấy: Dù có phải giết nhau, nhưng chúng ta vẫn có thể lịch sự với nhau. Điều đó chỉ chứng tỏ lòng mình, lập trường của mình đã được tôi luyện vững chắc rồi. Tuy thái độ lịch sự, lời nói mềm mỏng nhưng nó có thép ở trong. Tuy thế, tôi cũng đã thấy khuyết điểm của tôi. Tôi nhìn nhận, đó là bài học cho tôi.

Theo quan điểm của đại đa số anh em tù giai đoạn ấy là không bao giờ được cười cợt, đùa bỡn với kẻ thù. Thái độ phải nghiêm chỉnh, lạnh lùng khi phải tiếp xúc với cán bộ. Tôi là người ít nhiều có nghiệp vụ để hoạt động chính trị. Tôi hiểu rằng, đôi khi để đạt được mục đích tối hậu, có nhiều khi phải để quần chúng hiểu lầm mình. Nhưng phương cách ấy, ở đây, lúc này không thích hợp. Tuy vậy, sự thật trước hay sau bao giờ cũng chỉ có một. Bởi vậy, những ngày sau đó, anh em cũng đã dần dần hiểu ra nên đã trở lại bình thường, chỉ có riêng tôi vẫn phải suy nghĩ về Hoàng Thanh. Tôi vẫn chưa trả lời được vì sao, y đã tha cùm cho tôi, và vì sao y có vẻ có thiện cảm với tôi? Suy nghĩ hướng nào cũng có mâu thuẫn, chỉ có thể tạm chấp nhận cái lý, tình cảm riêng tư đặc biệt của mỗi người, mà nhiều khi chính người đó cũng không lý giải được. Mặc dù cùng gặp một lúc, chưa hề tiếp chuyện nhưng tôi lại ưa người này, mà lại không ưa những người kia, làm sao mà giải lý? Cũng có thể là một con cáo già cao tay nên đã làm mờ cái nhìn của tôi, đã không thể nhìn rõ được y chăng? Thời gian và sự việc tôi sẽ làm sáng tỏ.

Chương 30

Vụ Án Sông Gianh

Cũng vì buổi sáng hôm Chủ Nhật đó, tôi nói chuyện với Hoàng Thanh nên đã quên buổi hẹn với Lê Văn Kinh. Chiều hôm ấy, tuy Kinh và tôi có gặp nhau nói chuyện ở hội trường, nhưng Kinh tiếp tôi như một sự gắng gượng, thiếu hẳn nét cởi mở của những ngày trước. Tôi hiểu rằng, cái nguyên nhân chính cũng chỉ vì cái buổi nói chuyện của tôi với Hoàng Thanh khi sáng. Chính vì thế, tôi biết nội dung sự việc của Lê Văn Kinh chỉ sơ lược, nhưng sau tôi đã gặp đám thủy thủ cùng vụ với Kinh. Trong đám thủy thủ này lại có nhiều người đã đưa tôi ra Bắc trước đấy mấy tháng nên vụ án sông Gianh lại tương đối có chi tiết. Nội dung chính như sau:

Đây là một trong những kế hoạch đầu tiên, trong chủ trương dùng Người Nhái bất ngờ xâm nhập bờ biển miền Bắc của Cộng Sản để phá hoại những công trình quân sự, để trả đũa phía Cộng Sản đã thành lập mặt trận giải phóng và càng ngày càng gia tăng quấy phá miền Nam.

Do những tin tức tình báo và do những tấm không ảnh chụp được của máy bay Mỹ, nên đã nhìn rõ về giòng sông Gianh. Giòng sông đã đi vào lịch sử của dân tộc, nó đã làm mốc ngăn chia đất nước trong giai đoạn chúa Trịnh và chúa Nguyễn phân tranh.

Cơ quan tình báo trung ương của miền Nam phát giác, phía sâu trong nội địa hàng chục cây số, trên giòng sông Gianh có một số tầu thuộc hải quân miền Bắc. Từ căn cứ sâu hiểm này, những chiếc tầu đó lén lút chuyển vũ khí vào

miền Nam qua những mật cảng trong khu vực ranh giới của Việt Nam và Kampuchia. Để triệt hạ tại gốc, tình báo miền Nam hoạch định một công tác đặc biệt: Dùng Người Nhái bí mật đột nhập vào sông Gianh, dùng hải mìn đánh chìm những chiếc tầu này.

Sau nhiều ngày nghiên cứu tuyển lựa, tình báo Sài Gòn đã chọn được 4 Người Nhái quả cảm và có nhiều kinh nghiệm:

1/ Lê Văn Kinh, dân sự, cao 1 mét 82, nặng 73 kg. Anh đã đạt nhiều thành tích trong những công tác thủy chiến ở miền Nam.

2/ Nguyễn Văn Tâm, quân sự, cao 1 mét 78, nặng 70kg. Một huấn luyện viên Người Nhái đã tình nguyện tham gia công tác đặc biệt này.

3/ Nguyễn Văn Thảo, quân sự, cao 1 mét 78, nặng 68kg. Một con rái biển của biệt hải miền Nam.

4/ Võ Chuyên, quân sự, cao 1 mét 75, nặng 70 kg. Một hung thần xung kích. Do truyền thống gia đình đã có nhiều hận thù sâu nặng với Cộng Sản, anh đã có nhiều lần tử chiến với quân Cộng Sản. Ngực anh đã xâm hai chữ "sát Cộng", thề không đội trời chung với kẻ thù là lũ Cộng khát máu.

Trong số 4 người quả cảm, ưu tú của Người Nhái được tuyển chọn này, có hai anh Tâm và Chuyên những năm trước đấy đã được đi dự khóa luyện đặc biệt đầu tiên về biệt hải ở Đài Loan. Khi đó các anh còn trong liên đội quan sát I do Thiếu tá Phạm Văn Phú làm liên đội trưởng và đại úy Lê Văn Tất làm liên đội phó, trực thuộc sở khai thát địa hình do Đại Tá Lê Quang Tung chỉ huy.

Các anh được huấn luyện bổ sung và thực tập công tác ở một doanh trại đặc biệt bên Mỹ Khê, Đà Nẵng. Ngoài những huấn luyện viên về chuyên môn, người trực tiếp chỉ huy là ông Phan và ông Lý (ông Phan cũng là người đưa tôi đi ở Đà Nẵng, ông Lý tôi cũng đã nói tới nhiều lần khi tôi còn ở Đà Thành), và một người cố vấn Mỹ tên là Robert, cũng là một con cá kình của Người Nhái Mỹ.

Vào một ngày cuối tháng 10 năm 1962. Khoảng 10 giờ sáng tại một bến hẻo lánh bên biệt khu hải quân gần Sơn Trà, Đà Nẵng, cả ông Phan, ông Lý và Robert cố vấn đã hân hoan, niềm nở cùng 4 chúng tôi (từ đây là lời Lê Văn Kinh) sắp xếp, chuẩn bị với những vật dụng trang bị từ vũ khí đến hải mìn. Chiếc hải thuyền đưa chúng tôi đi, trang bị như nhiều thuyền đánh cá khác ở những vùng ven biển. Thủy thủ đưa chúng tôi gồm 10 người, trong đó có bác Vương Tiến An làm thuyền trưởng và anh Nguyễn Dụ là thợ máy (anh Dụ này cũng là thợ máy trong chuyến đầu tiên của tôi đổ bộ hụt ở ranh giới 2 huyện Kim Sơn và Nga Sơn). Khi đó tôi chỉ biết tên anh là Tarzan theo Phan gọi.

Đặc biệt trên hải thuyền có một chiếc thuyền gỗ con. Chiếc thuyền gỗ này làm giống hệt theo kiểu những chiếc thuyền con dùng để đánh đáy ở các cửa sông ngoài miền Bắc. Theo kế hoạch, khi hải thuyền đến ngang cửa sông Gianh sẽ lảng vãng ở ngoài khơi chừng 15 hay 20 cây số. Thả chiếc thuyền con xuống biển, bên trên vờ có 2 người ngồi chèo thuyền, nhưng thực tế, thuyền lắp ngầm một máy cực mạnh, có thể chạy 10 – 12 hải lý giờ.

Chiếc thuyền con sẽ tùy theo hoàn cảnh của từng đoạn đường, lúc dùng máy, lúc dùng chèo len lỏi vào cửa sông, lẫn vào những thuyền đánh đáy khác. Cứ thế rồi tiến sâu dần vào mục tiêu để thực hiện công tác. Theo quy định đã được phân nhiệm rõ ràng khi còn ở trong phòng hành quân ở Mỹ Khê thì:

Anh Võ Chuyên là toán trưởng. Anh Nguyễn Văn Tâm là toán phó. Khi đến mục tiêu thì cả 4 người, mỗi người sẽ ôm một hải mìn nổ chậm. Loại mìn này có chỗ điều khiển, bấm nút để điều chỉnh thời gian mìn nổ. Mỗi hải mìn nặng trên 3 kg. Sau khi quan sát tại chỗ, anh Võ Chuyên chỉ định từng mục tiêu cho mỗi người. Cuối cùng chính anh cũng

phải ôm một hải mìn đến đặt, để phá một chiếc tầu mà chính anh đã tự nhận.

Sau khi ông Phan, Lý và Robert đã kiểm tra lại đầy đủ mọi vật dụng cho chuyến đi là những cái bắt tay nồng nhiệt, những lời chúc thành công và hẹn ngày mai, cũng vào giờ này sẽ ra đây đón do những người ở lại. Chúng tôi rời bến hải khu lúc 11 giờ, cái lúc mặt trời đang mở to mắt, quắc lên từ trên cao nhìn thẳng xuống hải thuyền. Trên hải thuyền còn lại tất cả 14 người gồm, 10 thủy thủ và 4 chúng tôi. Con thuyền rẽ sóng âm thầm ra khơi, hướng về phía Bắc.

10 giờ 15 phút tối hôm đó, bác An thuyền trưởng báo cho chúng tôi biết là thuyền đang ở ngoài khơi cách cửa sông Gianh từ 15 đến 20 cây số. Chúng tôi khẩn trương chuẩn bị hành trang, đồ nghề. Cuối cùng, chúng tôi hè nhau đẩy chiếc thuyền con từ trên thuyền lớn xuống biển.

Đã được phân công từ trước, 3 người thủy thủ to khỏe, nhanh nhẹn tháo vát sẽ chèo và lái thuyền con đưa chúng tôi đến mục tiêu. Ba anh thủy thủ, sau này chúng tôi được biết tên là Hoàng Bài, Trịnh Văn Truyện và Nguyễn Dụ là thợ máy. Thuyền con rời hải thuyền lúc 10 giờ 35 phút.

3 thủy thủ, 4 chúng tôi gồm tất cả là 7 người, trên chiếc thuyền con, mở máy lầm lủi, tiến sâu vào cửa sông Gianh. Hơn 1 giờ sau, trong cái lấp loáng mờ ảo giữa nước với trời, chúng tôi đã nhìn thấy những ánh đèn đầu le lói của những chiếc thuyền đánh đáy ngoài cửa sông. Chúng tôi cùng bảo nhau, một mặt tắt máy đi, mặt khác cũng thắp lên ngọn đèn con như những thuyền của họ.

Len lỏi qua những bè đáy, có lúc rất gần, chúng tôi trông thấy cả những bóng người ngồi trên những con thuyền nhỏ đánh đáy. Theo những hoạch định ngay từ ngoài khơi, 4 chúng tôi và anh Hoàng Bài nằm sát xuống sạp thuyền, che bạt ở trên. Như vậy, trông xa chỉ có anh Nguyễn Dụ và Truyện chèo thuyền. Tuy chúng tôi nằm, mà lòng vẫn bồn chồn, hồi hộp, căng thẳng trong những giờ phút đã tiếp cận với kẻ thù. Thậm chí, có lần chúng tôi còn nghe thấy cả giọng Quảng Bình nặng chịch hỏi ré lên:

- Sao về sớm rứa!

Tiếng hỏi thọc sâu vào tiếng sóng rầm rì; chúng tôi đều bảo nhau là hãy im lặng không trả lời. Qua được vùng đáy, thuyền chúng tôi đã vào hẳn bên trong cửa sông. Mập mờ, hai bên bờ sông, cảnh vật thấp thoáng chìm trong màn đêm và sương đục. Cửa sông Gianh rộng đến hàng cây số, nhưng càng sâu vào trong, càng hẹp lại. Vắng lặng, chỉ có tiếng gió thì thầm nói chuyện với tiếng sóng đêm, chúng tôi ngồi hết cả dậy, mở máy tiến vào mục tiêu. Trong cái mờ ảo của bóng đêm trên mặt sông, xa xa, chúng tôi đã nhìn thấy một vài ánh đèn lấp ló trên cao, khoảng ngang mái nhà. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết, đấy là những chiếc đèn canh đêm trên chòi lầu.

Lúc này đã 12 giờ 15 phút, thuyền chúng tôi giảm ga, giảm tốc độ, cho tới khi chúng tôi đã nhìn rõ những chiếc tầu thân xám xậm đang nằm say sưa ngủ trên mặt sông. Nước thủy triều đang dâng lên cao, tắt hẳn máy, dùng chèo, chúng tôi tiến sát gần những chiếc tầu. Trong một cái hủng sông phía bờ trái, có nhiều cây dại mọc trùm xuống mép nước, chúng tôi lần mò, lách thuyền vào. Thuyền chúng tôi chỉ cách những chiếc tầu của địch từ 100 đến 150 mét là cùng. Trong màn sương đêm, chúng tôi đều trố mắt quan sát toàn bộ khu vực có thể nhìn được, không kể những chiếc thuyền gỗ nhỏ, chỉ có 6 chiếc tầu, 3 chiếc khằm xuống hẳn, vì chứa đầy hàng bên trong.

Khi đã hiểu rõ tình hình và điều kiện tại chỗ, anh Võ Chuyên đã phân công rõ ràng: Lê Văn Kinh và Nguyễn Văn Tâm có nhiệm vụ gắn mìn, phá 2 chiếc tầu chéo phía trong cách khoảng 150 chục mét. Nguyễn Văn Thảo và chính anh Chuyên sẽ phá 2 chiếc ngay phía trước mặt, chỉ cách 90 đến 100 mét. Hai chiếc này thật to, mỗi chiếc dài đến 30 mét, lại chở nặng khằm.

Theo quy ước đã đồng ý với nhau khi mọi người rời thuyền con: sau khi dùng chuyên môn gắn hải mìn vào nơi thân tầu đã quy định. Để thời gian nổ chậm là 2 giờ rồi bấm nút, rời mục tiêu, bơi ngay về chỗ thuyền con. Phòng hờ một vài trục trặc bất ngờ, nên đã đều nhất định để thời gian mìn nổ là sau 2 tiếng đồng hồ. Thực ra, thời gian bơi đến mục tiêu, gắn mìn, rồi trở về thuyền con, thuyền con chạy ra thuyền mẹ là hải thuyền đang chờ ở ngoài khơi chỉ hết khoảng 1 giờ 30 phút đến 1 giờ 40 phút là cùng. Nghĩa là khi hải mìn nổ, thì cũng là lúc hải thuyền đang trên đường trở về Đà Nẵng rồi.

Tính ở trên là tính theo cái lẽ thông thường của cuộc đời. Tính nước chảy xuôi theo giòng, mà cuộc đời lại vẫn có cái lẽ không thường của nó và những giòng nước chảy ngược lại thì ít ai tính được. Bởi vậy, (từ đây theo lời của các anh Truyện, Hoàng Bài và Nguyễn Dụ- ba người thủy thủ còn lại trên chiếc thuyền con. Sau này, 1972, tôi gặp ở trại chính Phố Lu thuật lại) khi các anh Kinh, Tâm và Thảo đã xuống nước bơi đi đến 5 – 10 phút rồi, anh Võ Chuyên mới đeo các đồ nghề Người Nhái, ôm mìn tụt xuống nước.

Sau khi anh Chuyên đã xuống nước rồi, bơi được hơn một chục mét, không hiểu nghĩ thế nào, anh lại bơi quành trở lại thuyền, ra hiệu cho anh Truyện trao cho anh khẩu tiểu liên ở trên thuyền mà anh muốn mang theo. Anh Truyện vừa trao khẩu súng cho anh Chuyên, thình lình một ánh sáng vàng chóe, loáng lên trong đêm đen. Rõ ràng, anh Truyện nhìn thấy chiếc tầu lớn phía trước mặt được phân công cho anh Thảo đặt mìn phá, bỗng dưng nhẩy chồm lên khỏi mặt nước, một tiếng nổ tưởng xé màng tai. Một làn hơi ép xô mạnh đến làm quay ngang chiếc thuyền con đang ở cách chiếc tầu đến 90 mét. Cả một khoảng sông sóng cuộn lên. Chúng tôi nhớn nhác mất cả tinh thần, vội vàng kéo anh Chuyên lên thuyền. Nhìn về phía anh Tâm và Kinh, trời tối đen kịt, không thấy bóng dáng các anh đâu. Nước lại chảy xiết, lúc này khắp nơi vang lên tiếng kêu, gọi nhau, tiếng quát tháo inh ỏi rồi tiếng còi hụ báo động ong ỏng rên lên. Thấp thoáng đã có những vệt đèn pin vạch kẻ màn đêm chằng chịt thành nhiều nét. Chúng tôi trên thuyền con đã hơi chợt hiểu. Có thể anh Thảo, trong lúc chìm sâu dưới đáy nước tinh thần lại căng thẳng nên đã điều chỉnh, bấm nút nhầm từ 2 giờ như đã quy định thành 1 phút hay 2 phút. Và như vậy, hẳn rằng thân xác của anh cũng đã tan theo quả mìn định mệnh, không những phá được tầu của địch mà còn giết cả người đặt mìn.

Do chúng tôi suy đoán như vậy, cho nên chúng tôi chỉ hướng về nơi các anh Tâm, Kinh đón các anh rồi tẩu vi thượng sách. 5 phút, 10 phút tình thế nước sôi, lửa bỏng, nhưng vẫn bặt dáng các anh. Chúng tôi suy đoán, có lẽ vì nước chảy quá mạnh, các anh khó bơi ngược trở lại thuyền con, vì vậy, chúng tôi chèo thuyền con về phía các anh để đón. Nhưng trong đêm tối mịt mù, lúc này khoảng gần 2 giờ đêm. Thời gian như căng trên sợi chỉ, không thể cho phép chúng tôi chờ chực được nữa. Nhất là khi đã có vài tràng súng AK đanh đanh thọc vào sông nước, vắt vào đêm trường, kết hợp với những tiếng máy ca nô khởi động rú lên. Bốn chúng tôi quay mũi thuyền trở ra và mở hết tốc độ… chuồn.

Trên đường tháo chạy, đã có những chiếc ca nô rượt theo bắn đuổi. Do sự bắn trả quyết liệt của anh Chuyên, nên chúng nó đuổi rất chậm. Chúng tôi lại không có súng (đến đây là lời tường thuật của anh Truyện, thủy thủ). Khoảng 3 giờ 30 sáng, thuyền con của chúng tôi chạy ra tới thuyền mẹ. Lúc này, rất nhiều tầu và ca nô từ trong bờ, vừa tiến ra bao vây vừa bắn xối xả. Cả đại liên lẫn tiểu liên, đạn réo lên ào ào về phía thuyền của chúng tôi. Chúng tôi vừa bắn trả, vừa mở máy tối đa chạy về hướng Nam. Dọc đường, gặp những ca nô và thuyền từ trong bờ xông ra chẹn đường chúng tôi về. Với một ý chí quyết tử, chúng tôi mở máy xông bừa vào thuyền chúng. Trước sự dũng mãnh thà chết của chúng tôi, chúng phải tránh dạt để thuyền chúng tôi đi.

Trời sáng dần, rồi mặt trời ngoi lên nhìn rõ cảnh và vật. Phía sau chúng tôi, lổm nhổm nhiều tầu và ca nô biên phòng của Cộng Sản đuổi theo. Thuyền chúng tôi chỉ có 4 khẩu tiểu liên của 4 Người Nhái. Ba khẩu của các anh Tâm, Kinh, Thảo để lại thuyền, chúng tôi là thủy thủ, hầu hết là dân sự, chỉ chuyên nghề chài lưới, vì thế, anh Chuyên đã chỉ bảo cấp tốc cách xử dụng tiểu liên để chiến đấu trong giờ phút ngồi trên nồi rang này.

10 giờ, rồi 11 giờ, lù lù, một đoàn tầu 4 chiếc của hải quân Cộng Sản từ Đồng Hới tiến ra chận đường của chúng tôi.

Nhìn chiếc hải thuyền nhỏ bé, với những chiếc tầu to nhỏ phía trước, phía sau, tôi có cảm tưởng chiếc hải thuyền như con nai tơ đơn độc bị một đàn sói thèm thịt bao vây trên thảo nguyên bao la hoang vắng, không còn một hướng, một phương nào cho con nai vàng chạy thoát.

Vòng vây càng lúc càng siết chặt dần, nhất là lúc này trên hải thuyền đã có 3 – 4 người bị thương. Anh Chuyên đã bị một viên đạn đại liên gẫy nát cánh tay trái. Tôi (tức Truyện) bị một viên đạn AK bắn rách hông, xuyên vào ngực phía phải anh Hùng đang đứng phía sau. Tầm viên đạn oan nghiệt sau khi vào tôi đã yếu đi, nên đến ngực anh Hùng nó không đủ sức xuyên qua. Hải thuyền đã bị vỡ nát nhiều chỗ, vì vậy, chúng tôi đành đau đớn nhìn nhau để mặc cho đời trôi theo giòng nước chảy ngược.

Lúc những tên Cộng Sản đầu tiên bước lên hải thuyền, cũng là lúc một phát súng chát chúa giật lên, làm choáng hồn mọi người. Những tên Cộng Sản thụt lùi lại mấy bước, mặt nhớn nhác. Chúng tưởng chúng đã bị lọt ổ phục kích. Nhưng đó chỉ là phát súng cuối cùng của anh Chuyên đã tự kết liễu đời anh. Anh đã thực hiện đến cùng lời thề thiêng liêng của giòng họ: Không đội trời chung với Cộng Sản.

(Xin nghiêng mình, cúi đầu trước anh linh của anh. Anh đã quyết tử để làm vẻ vang, sáng chói lý tưởng tự do bất khuất trước bè lũ Cộng Sản khát máu.. Nhớ xưa (1958), cái ngày nền đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta trăm hoa còn rộ nở khắp nơi nơi ở miền Nam, anh đã chiếm giải nhất trong một cuộc thi lực sĩ đẹp, và người nữ sinh hoa khôi của miền cát trắng hiền hòa Nha Trang đã e ấp choàng vòng hoa danh dự vào cổ người trai hùng. Rồi những sắp xếp của duyên đời để anh và giai nhân ấy đã nên duyên chồng vợ, làm xôn xao lòng ngưỡng mộ của miền Thùy Dương một thời. Anh chị đã có hai mặt con. Ngày nay, sau gần ba chục năm dài, chị và hai cháu đang ở đâu? Còn sống hay thế nào? Chị và hai cháu có biết rằng anh Chuyên đã anh dũng nằm xuống cho quê hương? Chị và hai cháu hãy ngửng mặt lên với lòng tự hào đã có một người cha, một người chồng sống bất khuất xứng đáng nhưng khi anh phải nằm xuống còn làm cho kẻ thù kinh hồn, run sợ.)

Chúng trói giặt cánh khuỷu từng người, rồi đưa chúng tôi vào trong bờ. Khi vào đến bờ thì anh Hùng đã chết rồi, có lẽ viên đạn đã lọt vào phổi của anh. Như vậy, anh Hùng cũng đã thực hiện được ý định của anh trước đây. Anh là người vượt tuyến vào Nam năm 1960. Khi anh đã đến được bờ của đất Tự Do, anh có tự hứa rằng: Rồi đây, thà anh chết cho tự do, còn hơn sống trở lại chế độ Cộng Sản. Những năm, tháng trước đây, mỗi khi anh thổ lộ tâm sự anh thường nói với mọi người như thế.

Chúng đưa chúng tôi về trại giam Quảng Bình, giam riêng mỗi người mỗi nơi. Riêng tôi, có lẽ phần vì bị thương, phần khác tôi chỉ là một người đưa thuyền nên chấp pháp chỉ xuống buồng hỏi sơ 4 -5 lần về lý lịch cũng như sự việc. Mãi hơn 2 tháng sau tôi được đưa ra xử trước tòa án nhân dân ở Quảng Bình tôi mới gặp lại anh Tâm và anh Kinh.

Đến đây về phía Lê Văn Kinh tường thuật lại: Sau khi tôi nhận hải mìn, tôi và Nguyễn Văn Tâm bơi về phía 2 chiếc tầu mục tiêu của chúng tôi. Khi gần tới chiếc tầu, tuy chẳng cần ai phải nói với ai. Do những kinh nghiệm qua nhiều lần công tác, chúng tôi đều im lìm lặn xuống nước, vì sợ bất ngờ người canh gác ở trên tầu nhìn thấy. Mục tiêu của tôi và Tâm tuy cùng một hướng nhưng cũng ở cách xa nhau hàng 5 chục mét, trong khi chỉ cần 5 mét đã không nhìn thấy người rồi. Khi tôi bơi đến sát con tầu mục tiêu của tôi, tôi lặn xuống phía đáy. Tôi đang chuẩn bị gắn hải mìn vào chiếc tầu thì đột nhiên như có người dùng cái vồ dầm, phang mạnh vào đầu tôi. Tôi không thở được nữa, tay tôi buông rơi cả hải mìn và hồn tôi dật dờ, lãng đãng lạ lùng, rồi tôi không biết gì nữa. Một lúc, tôi mơ màng mở mắt ra, trời đen kịt, tôi không biết đâu là phương hướng. Tay tôi sờ thấy bờ đất và tôi tỉnh dần. Trong cái hỗn mang của sự sinh tồn, tôi thấy cần phải bơi về phía chiếc thuyền con, điểm hẹn sau khi đã gắn mìn.

Khi tôi bơi về đến nơi thì thuyền con mất hút, tôi hoang mang, mất tinh thần. Tôi bơi khắp đây đó mò mẫm trong bóng đêm để tìm con thuyền cứu mệnh. Nhưng nỗi lòng của tôi cũng đen tối như đêm đen lúc này. Trong bóng

đêm, tiếng hò hét, tiếng quát tháo xen lẩn tiếng máy tầu nổ râm ran. Thỉnh thoảng xa xa vài tràng súng AK ré lên, vọng lại, càng làm cho hồn tôi kinh đảm tái tê. Tôi lạc lõng, bơ vơ nhìn vào đêm tối. Tôi thấy rõ đời mình đang lăn đi bằng ánh mắt não nề, xót xa. Người tôi rã rời, đầu tôi tê dại, bồng bềnh. Tôi tấp mình nằm im trong một hốc cỏ dại mé sông. Trời càng sáng thì đời tôi càng đen thẩm lại. Chúng đã tìm thấy tôi, chúng hè nhau lôi tôi lên bờ. Chúng nó đạp, đá; chúng nó lấy báng súng phang tôi lia lịa, cuối cùng tôi ngất đi. Đến khi tôi tỉnh lại thì chúng đã trói gô giặt 2 tay về phía sau từ bao giờ rồi, chúng giong tôi về trại giam Quảng Bình. Tôi nhớ rõ, khi tôi tỉnh lại, tôi thoáng thấy anh Tâm cũng đang bị một đám đông vây lại đạp, đánh. Rồi mỗi người mỗi hướng từ đấy. Vì có nhiều người cùng bị bắt trong một vụ, nên chúng khai thác chả khó khăn gì. Không thể che dấu được gì khi chúng lấy người này để khai thác, gài bẫy người kia. Cuối cùng ai cũng phải khai thực hết. Chính vì vậy, chỉ hơn 2 tháng sau, chúng đã đem vụ án sông Gianh ra xử. Phần khác vì lý do chính trị chúng muốn đưa những tội phạm ra xử sớm để trấn an lòng người và tranh thủ lẽ phải đối với dư luận thế giới.

Phiên tòa chúng tuyên truyền rầm rộ, mời nhiều phóng viên ngoại quốc và dân chúng tham dự đông đảo. Sau một ngày, qua những thủ tục, hình thức xỉ vả, huênh hoang đe dọa, nâng lên, đập xuống của lũ vẹt không hồn, không tim chúng kết án:

Nguyễn Văn Tâm, chung thân. Vì đã gài xong mìn, mà chúng đã tháo gở kịp trước thời gian.

Lê Văn Kinh, 20 năm.

Nguyễn Dụ, thợ máy, 12 năm.

Hoàng Bài, Trịnh Văn Truyện, mỗi người 6 năm.

Bác Vương Tiến An già, 5 năm.

Thủ, Hoàng, Thiêm v.v… mỗi người 3 năm.

Xử xong, chúng chuyển cả nhóm về Hỏa Lò, rồi chuyển lên trại Mỏ Chén, Sơn Tây. Đến năm 1966, chúng lại chuyển anh em thủy thủ và Tâm lên trại Yên Thọ, thuộc tỉnh Phú Thọ. Riêng Lê Văn Kinh thì được chuyển về phân trại E thuộc trại trung ương số I, Phố Lu, Lào Cai này.

Chương 31

Một Chuyện Tình Trong Chế Độ Ưu Việt

Sáng hôm nay khi toán 2 xuất trại, lúc toán ra khỏi cổng trại đi gần đến cổng khu thủ công. Những anh đi đầu của toán đã bắt đầu quay rẽ vào cổng, tôi bỗng thấy anh em trong toán xôn xao hẳn lên. Nhất là cậu Toàn và Châu, cứ rên lên ư ử. A, đây rồi, ở phía con đường dẫn ra trại chính, có một đoàn tù nữ khoảng hơn một chục chị, tuổi từ 20 đến 30. Đi phía sau có một bà cán bộ quản giáo chừng 30 tuổi. Đoàn tù đang đi rẽ vào một con đường dẫn ra phía sau khu nhà của ban giám thị. Tôi hơi ngạc nhiên, hơn 3 tháng tôi đến trại này, hôm nay tôi mới nhìn thấy một đoàn tù nữ vào trại E. Hầu như chả có con mắt nào của đoàn tù toán 2 lại không hướng nhìn về phía đoàn tù nữ chằm chằm, kể cả hai tên công an vũ trang và tên quản giáo Kích đi phía sau toán.

Lê Sơn đi bên cạnh tôi, mắt cũng đang đờ đẫn nhìn về phía đoàn nữ tù ấy. Tôi không kìm hãm được sự háo hức,

muốn biết tại sao lại có đoàn nữ tù này, nên đành phải bất lịch sự với Lê Sơn. Tôi đập vào tay anh hỏi khẽ nhưng cũng đầy sôi nổi:

- Họ làm gì mà vào đây thế?

Anh chẳng trả lời tôi, mắt anh vẫn hướng về phía xuân xanh ấy. Nhìn mắt anh, tôi có cảm tưởng nó lồi hẳn ra và bất động như mắt giả. Hình như anh không nghe thấy cả câu tôi vừa hỏi. Toán 2 đã đi vào cổng lán, vậy mà còn nhiều cái đầu vẫn ngoái lại phía sau như người ta vừa nhìn thấy một cái vật gì quý lắm, kỳ vĩ lắm trong cuộc đời này không bằng. Cũng như miếng ăn, khi người ta bị đói nhiều ngày, cho nên cái uy lực của nữ giới lúc này cũng thật kinh hồn! Rồi cả buổi sáng và cả buổi chiều, suốt ngày cái chủ đề phụ nữ đã trở thành chính yếu trong lúc bàn tán hay chuyện trò của toán 2. Nhân thế, hôm nay qua Lê Sơn và Quý Cụt tôi mới biết thêm được nhiều vấn đề của trại. Chỉ có tôi mới thực là ngố Tầu, mãi hôm nay tôi mới hiểu, thường ngày vẫn có một đoàn nữ tù từ trại nữ vào chỗ lán may (phía sau khu nhà giám thị) vừa học may do một anh tên Hoàng Xuân Oánh ở trong trại E chỉ dạy và phụ trách.

Thảo nào, những ngày trước đây, có lần tôi thấy một anh chừng 4 chục tuổi từ ngoài cổng trại đi vào một mình, khi trại đã sắp điểm vào buồng lúc chiều muộn. Anh Đồng thì phải, có chỉ anh đó nói là Oánh thợ may, án chung thân, rồi tôi không để ý nên cũng quên đi.

Thường thường mọi khi, đám tù nữ thợ may này vào đến trại này cũng đã 8 giờ là lúc toán 2 đã vào lán thủ công làm việc được hàng giờ đồng hồ rồi. Chiều 4 giờ toán nữ đã trở về K2 (trại nữ), trong khi toán 2 mãi 5 giờ mới nghỉ tay lao động. Do thế, chả bao giờ gặp nhau hay trông thấy nhau. Hôm nay, hẳn bên đám tù nữ có một chuyện gì đặc biệt nên mới vào sớm như vậy, để rồi đã gây ra một mối bất an trong lòng những người tù toán 2 trong một số ngày.

Cũng ngày hôm nay tôi mới hiểu được sơ sơ về anh chàng Oánh này, khi tôi tỏ vẻ trầm trồ ca ngợi cái vị trí ngon lành, độc đáo được phụ trách một đoàn tù nữ trong giai đoạn hạn hán, hanh khô này của anh ta. Tôi nói như vậy, thực ra cũng không ngoa, không cường điệu. Ông bà mình thường nói "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén", đấy là trong lẽ bình thường của người đời. Trong trường hợp này thì khí thế còn cao hơn nhiều. Những người tù nam và những người tù nữ, hàng tháng, hàng năm, có khi hàng chục năm không trông thấy nhau. Họ là những người tù chứ không phải đi tu, thì phải nói là như lửa vời dầu xăng ấy chứ. Hễ cứ để gần nhau là tất nhiên phải nổ!

Vụ án của Hoàng Xuân Oánh cũng một thời sôi nổi điển hình của thành phố Hải Phòng năm 1960. Oánh là chủ nhiệm một hợp tác xã may mặc lớn ở Hải Phòng. Anh ta có một người vợ trẻ với đứa con một tuổi. Khi người vợ có mang, rồi đến ngày khai hoa nở nhụy của đứa con thứ hai, được bố mẹ vợ cho đứa em gái vợ 17 tuổi, đang học lớp 9 (hệ 10 năm) từ quê ở Kiến An lên giúp chị. Ông bà phần vì thương đứa con gái phải vượt cạn một mình, phần vì tin tưởng vào người con rể có uy thế, học thức đã được nhà nước giao cho làm chủ nhiệm một hợp tác xã may mặc lớn, nên đã để cho đứa con gái còn hơ hớ tuổi xuân lên giúp chị.

Rồi chuyện đi về, ở ăn sao đó giữa Oánh và cô em vợ thì không ai biết được, kể cả bố mẹ vợ cũng như chính vợ của Oánh, cho tới khi nội vụ đổ bể; sự việc phải ra trước vành móng ngựa, người ta mới hỡi ơi ra. Nội vụ như sau:

Người em vợ đó tên là Hồng Hạnh, bị ông anh rể cho ăn trái cấm nên đã có thai. Cô Hạnh lo sợ quá, khi cái bụng càng ngày càng to, làm sao để che dấu được làng nước và bố mẹ. Chàng Oánh thì cũng bấn xúc xích lên, còn mặt mũi nào để nhìn bố mẹ vợ và ngày cả vợ mình. Hơn nữa, có thể cái địa vị béo bở của chàng cũng sẽ tan theo mây gió. Bởi vậy, Oánh đã tính toán kỹ một kế hoạch, nhưng có lẽ tính kỹ quá thành ra tính quẩn. Anh đã chuẩn bị một âm mưu để giải quyết với người em vợ. Anh viết một lá thư đầy nghĩa tình nồng thắm, thương yêu hẹn Hồng Hạnh ở một cánh đồng vắng, nơi cũng đã từng nhiều lần hò hẹn với Hạnh trước đây. Lúc này, Hồng Hạnh đã có mang được 5 – 6 tháng. Gặp nhau giữa đất trời bao la trên cánh đồng lúa đang vào thời kỳ giáp hạt. Trước khi Oánh thực hiện ý

đồ của y, y còn muốn diễn lại câu thơ trữ tình của cụ Nguyễn Công Trứ với Hồng Hạnh một lần nữa:

Giang sơn một gánh giữa đồng.
Thuyền quyên ứ hự, anh hùng nhớ chăng?

Sau khi đã ứ hự với Hồng Hạnh xong, Oánh liền rút trong bọc ra một con dao nhọn dài hơn 20 phân. Lúc này Hồng Hạnh đã chợt hiểu, mặt không còn hạt máu, cô liền quỳ xuống giữa cánh đồng, lậy Oánh như tế sao. Nước mắt đầm đìa, cô khẩn nài xin Oánh đừng giết. Rằng đời của cô đã tàn rôi cũng không thiết sống nữa, nhưng xin hãy tha cho đứa con còn trong bụng chưa được chào đời. Hồng Hạnh xin cam chịu mọi hình phạt búa rìu, tủi nhục của cuộc đời để cho đứa con được ra đời rồi Hồng Hạnh sẽ tự tử, hoặc lúc đó Oánh giết thì cô không còn oán thán gì nữa. Nhưng Oánh lúc này như một tên hung thần cứ đâm túi bụi vào thân hình một con người mà vừa trước đó mấy phút, Oánh còn đắm say, cuồng bạo yêu đương.

Trong khi Oánh đã đâm hàng chục nhát dao rồi mà Hồng Hạnh vẫn còn cố gắng quỳ lên chắp tay để lậy Oánh xin tha cho mình và tha cho đứa con, cho tới khi gục xuống chết hẳn. Tên Oánh đã chuẩn bị sẵn một chiếc xẻng con, y tìm một chỗ khuất nẻo đào nông một hố để lấp xác Hồng Hạnh. Làm xong, y tắm rửa, thay áo quần rồi trở về với vợ con ở Hải Phòng coi như chẳng hề có chuyện gì đã xẩy ra.

Sau 2 ngày, bố mẹ Hồng Hạnh không thấy con gái đâu dù tìm hỏi khắp nơi, nên đã đến đồn công an để trình báo về sự mất tích của Hạnh. Cuối cùng, dân làng và nhà chức trách đã tìm được đến chỗ chôn xác Hồng Hạnh. Khi bác sĩ chuyên môn khám nghiệm, đã tìm thấy tất cả 37 nhát dao đã đâm khắp đầu, mình và chân tay của Hồng Hạnh. Với những cánh thư, và với những hiện tượng trước đấy, người ta dễ dàng tìm bắt được đích danh thủ phạm. Cho tới khi đưa ra tòa cử với cái án chung thân, tên Oánh đã phải diễn đi, diễn lại nhiều lần cái buổi y đã hạ sát Hồng Hạnh.

Ngồi nghe Quý Cụt và Lê Sơn thuật lại câu chuyện về tên Oánh, tôi đã nhớ lại bộ mặt và dáng người của y. Người y tầm thước, da trắng trẻo hay mặc đồng bộ mầu nâu. Y có cái trán cao, đặc biệt là đôi lông mày thật rậm, ăn nói thì nhỏ nhẻ, tỏ ra một con người hiền lành tử tế.

Qua sự việc của Oánh, kết hợp với một số vụ khác mà tôi đã biết, tôi đã thấy được cái chủ trương, cái nguyên tắc giải quyết của Cộng Sản. Những vụ án có tính cách trầm trọng làm đảo lộn luân lý, thuần phong, đạo đức làm dư luận quần chúng căm phẫn, chúng xử phạt có vẻ nặng nề để xoa dịu công luận. Nhưng khi vào trại giam, chúng lại chiếu cố, tin dùng cho làm những công việc béo bở ở trong tù như: Tự giác, chăn nuôi, coi ao cá v.v… Dù cho án chung thân chăng nữa thì cũng chỉ ở mươi hoặc 12 năm là đã được tha rồi. Bởi vì theo chúng, những tội trạng đó chỉ nằm trong hệ mâu thuẫn nội bộ. Chúng rất lơ là với những chuyện trai gái, cướp bóc, cắp trộm, giết người. Ngược lại, cái điều chúng đặt lên hàng đầu, bất cứ vấn đề gì chỉ hơi dính dáng đến chính trị, thì chúng nỗ lực tìm tòi điều tra cho đến nơi, đến chốn, đến chân răng, kẽ tóc, đến cùng kiệt của sự việc mới thôi. Những điều này chúng đặt là thuộc hệ mâu thuẫn đối kháng. Đã vào tù, dù bất cứ dưới hình thức nào: án hay không chỉ khi nào tốt mới cho về. Mà tốt hay xấu trong tư tưởng thì làm sao mà biết được. Đấy là lý do Cộng Sản nó muốn giam giữ người tù đến bất cứ khi nào là tùy ý chúng.

Câu chuyện của anh chàng Oánh hôm nay lại làm tôi nhớ đến 2 câu chuyện mới xẩy ra 2 hôm trước ở trong trại mà mãi hôm nay anh em vẫn còn đùa cợt, bàn tán. Câu chuyện đau lòng là câu chuyện của tên trật tự ác ôn Phạm Huy Tân: Buổi sáng y được gọi ra nhận tiếp tế vì vợ y lên thăm. Y hớn hở, vui mừng lộ hẳn ra trong cử chỉ và nét mặt. Y chắc nẩm, là trật tự, đệ nhất tay sai ở một trại; hẳn rằng ít nhất y cũng được 24 tiếng để hú hí với vợ con, chứ nếu không thì phải 48 tiếng, vì ngay những bọn tự giác, những bọn cải tạo tốt còn được 24 tiếng nữa là y. Nhưng không ngờ, ở đời chỉ có một chữ "ngờ" là chẳng ai học được. Tên cán bộ giáo dục đã giữ kín cho tới phút tên Tân ra gặp vợ mới ngã ngửa ra. Người vợ mang tiếp tế cho y 3 cái bánh mì, 6 quả chuối, 1 kg muối vừng và 2 bao thuốc lá Trường Sơn, kèm theo tờ giấy ly dị. Y thị nhờ đảng và ban giáo dục trại giải quyết thỏa đáng cho y thị, lý do: Y thị, sau 6

năm suy nghĩ, quyết định dứt khoát không thể có tình cảm luyến ái vợ chồng với một tên phản cách mạng. Ai cũng biết, điều này đảng và nhà nước ủng hộ, giúp đỡ quá đi ấy chứ, dù cũng ra cái vẻ khuyên răn, dàn hòa. Bởi vậy, tên Tân không những không được 24 tiếng mà chỉ vỏn vẹn 20 phút đồng hồ, sau khi ký giấy, trước sự chứng kiến của ban giáo dục. Theo tên Thái y tá kể lại, Tân đã tâm sự với y: Tân đã cố nén lòng trên đường về trại, y thấy đời anh tan nát hết không còn gì nữa. Y trở thành một tên tù bơ vơ lạc lõng trên cái trái đất đầy bùn đen này. Để rồi y đã không thể ngăn nổi 2 giòng nước mắt đầm đìa khi bước chân vào cổng trại; mặc cho thiên hạ anh em cười chê. Riêng tôi, khi biết được chuyện không may của y, cũng thấy mủi lòng. Đành rằng y là một tên ác ôn, đã làm hại biết bao nhiêu đồng phạm, chẳng qua chỉ vì sự ngu muội của y, chứ y cũng chỉ là một nạn nhân, một tên tù không hơn, không kém. Tôi thấy ngao ngán buồn cho tình đời trong những cảnh đời dưới chế độ xã hội ưu việt của loài người. Tôi có ý định, hôm nào thuận tiện sẽ gặp, thăm hỏi, an ủi gọi là chia xẻ, cảm thông với y phần nào. Điều mà trước đây, tôi nghĩ chẳng bao giờ, nếu có đến với y chỉ là cái nắm tay và những cẳng chân mà thôi.

Còn câu chuyện thứ 2, câu chuyện buồn cười của anh chàng Phan Thanh Vân tư bản kếch xù. Theo Vân tường thuật lại: Vân có một đôi quần đùi thật đẹp của bà chị ở Pháp gửi cho. Vân cũng chả mặc bao giờ, trừ ngày mồng một Tết, Vân mặc một lần để thi đấu bóng bàn, trước những con mắt thòm thèm, suýt soa của nhiều anh em tù khác. Buổi trưa trời nắng hửng, anh chợt nghĩ đến chiếc quần đã mặc có thể bị ẩm mốc nên đem ra phơi ở chỗ những sào nứa, nơi chúng tôi thường ăn hơi mỗi buổi chiều. Phơi rồi, Vân cũng sợ bị mất cắp, bởi vậy anh ngồi ngay tại cửa buồng 2 vừa cuốn thuốc, vừa nhìn ra coi. Chỗ phơi chỉ cách Vân hơn 10 mét. Lúc anh cúi xuống cuộn điếu thuốc, khi ngẩng lên thì chiếc quần đã không cánh mà bay mất rồi. Hộc tốc anh chạy ra thì chỉ có vài người vẫn lảng vàng, trầm tĩnh đi đi, lại lại vì người ta cũng đang có nhiều nỗi ngược xuôi của đời tù nên không ngủ trưa được. Hỏi ai cũng không thấy, Vân bực vô cùng và ai biết cũng ngạc nhiên thay: Ai lấy cái quần mà nhanh như biến thế!

Tối hôm đó, Vân bàn riêng với Nguyễn Huy Lân buồng trưởng và Đinh Khắc Sản toán trưởng toán 3. Ngày mai, Vân còn một chiếc quần đùi nữa, sẽ đem ra chỗ cũ phơi, Vân sẽ nấp ở trong buồng, nhìn qua một cái khe vách hở, rình bắt cho được cái tên ăn cắp khốn khiếp ngày hôm qua.

Chủ trương và tính toán như thế rồi, trưa hôm sau Vân cứ thế thực hiện để bắt con mồi. Vân ngồi im lặng rình trong một góc nhà phía sàn dưới, dù mót đi giải, anh cũng không đi.

Trong các buồng nhiều người nằm ngủ trưa để chiều đi lao động. Ngoài sân, trong hội trường, đây đó dăm ba người ngồi chuyện trò, thầm thì nho nhỏ, hoặc khâu vá ngoài sân. Chiếc quần đùi vải ngoại mầu vàng tươi, lồ lộ vẫn nằm yên trên một con sào lẫn vào những chiếc áo bông dầy cộm, rách tã, cùng những chiếc quần áo trại đã bạc mầu nắng mưa.

Vân ngồi đã mỏi người, tê chân. Anh nghĩ, có lẽ tên ăn cắp đã thấy anh ngồi rình (mặc dù chuyện rình chỉ có 2 người nữa biết), hoặc nó đã lấy được một cái đủ dùng rồi, vậy có ngồi đến tối thì chiếc quần vẫn nằm yên đấy. Từ những nghĩ suy như vậy nên anh bình thản hơn, thảnh thơi hút thuốc, đôi khi quay lại trả lời những người thấy anh ngồi đấy mãi lạ lùng nên han hỏi. Rồi một lần sau khi quay lại trả lời một người, khi quay ra thì chiếc quần đã biến mất lúc nào. Vân chạy vội ra tìm và ngơ ngác nhìn đây đó khắp sân.

Hẳn rằng tên ăn cắp, phải là 2 tên, đang đứng ở một chỗ nào đó nhìn Vân, rồi nhìn nhau thích thú. Một người to xác, nhưng lại thật thơ ngây. Cứ tưởng mình có vỏ quýt dầy nhưng đã gặp phải ngón tay nhọn hoắt. Nghe Vân kể lại sự việc tôi cũng buồn cười, mà không dám cười, bởi vì nỗi bực tức vẫn đang dàn đầy ra trên nét mặt Vân. Tôi góp y với Vân như sau:

Lần thứ nhất Vân mất quần đùi thì tôi đã hơi nghi, nhưng lần thứ 2 thì tôi khẳng định là ít nhất có 2 người cùng bàn nhau để ăn cắp chơi của người tư sản trong trại. Nghĩa là phải có một người nào vào làm cho Vân chia trí đi từ 30 giây cho đến 1 phút. Bây giờ đã mất rồi không nói làm gì nữa, cái điều cần nói là làm sao tìm lại được.

Bất kỳ ai lấy, chắc chắn: Không dám dùng ở trong trại và cũng không dám để lâu ở trong trại vì ngoài những kỳ khám trại chính thức, cán bộ lại hay vào khám tư trang bất ngờ. Do đó, đường dây ra ngoài thì không thể ngoài những anh tự giác của toán, hoặc toán lâm sản. Cho nên tôi đề nghị Vân, không gì bằng hãy liên lạc, khéo léo đặt mua mấy người thân trong đám tự giác thì sẽ ra… Bởi vì chỉ có họ mới có điều kiện ra gặp nhà dân để mua bán đổi chác mà thôi.

Đang khi Vân đồng ý để tiến hành, thì 4 – 5 ngày sau, anh được gọi ra trại ngoài để gặp cán bộ. Khi về Vân cho biết: Ông Toán đã báo cho biết là Vân sắp được tha, họ đang chuẩn bị cho Vân sẽ làm công nhân phục vụ ngay cho trại trung ương số I, trong bộ phận điện. Bởi vì, các phân trại, kể cả phân trại E này cũng sắp được phân phối máy phát điện nhỏ để phục vụ tối thiểu về điện cho trại.

Vân rất phấn khởi, lúc đầu chỉ nói riêng cho tôi biết rằng ông Toàn bảo nhà nước sẽ chiếu cố đặc biệt cho Vân, có thể sẽ cho Vân về Hà Nội để làm một con mắt giả. Tóm lại, Vân đang nhìn con đường ngày mai của anh càng ngày càng rộng mở. Vì thế, Vân chẳng còn, hay chẳng cần để ý gì về 2 chiếc quần đùi đã mất nữa. Phần tôi cũng thấy vui vui trong dạ. Trong cảnh khổ đau tăm tối này ai thoát ra được, dù ở cảnh nào thì cũng mừng cho họ. Phần khác, còn gì thú bằng, sự lý luận suy đoán của tôi với Vân trước đây đã diễn tiến theo chiều hướng như vậy.

Chương 32

Một Vụ Vượt Thoát

Tôi nhớ khoảng hơn một tuần, sau vụ mất quần đùi của Phan Thanh Vân. Lúc này chừng 4 giờ chiều, tôi và Quý Cụt đang mải mê đánh vernie mấy chiếc giường đôi kịp cho ngày mai, trại ngoài vào lấy (giai đoạn này, ít khẩu hiệu, sơn vẽ nên một mình Lê Sơn làm. Tôi phải sang phục vụ vernie với Quý Cụt). Bất chợt, có 2 tiếng súng nổ ròn, rổn rang lên từ phía trong rừng. Mọi người còn đang ngác ngơ, thì tiếp theo 2 phát nữa đoàng đoàng, chát chúa ở ngay cổng trại.

Tôi mở to mắt sớn sác nhìn Quý và Lê Sơn. Vì là lần đầu tiên quá bất ngờ nên một thoáng, tôi tưởng như ở trong Nam, lại có đụng độ đánh nhau tới nơi. Nhất là lúc này, tiếng kẻng bom ở cổng trại đang khua vang liên hồi, dồn dập. Ngay giữa sân, tên bộ đội vũ trang đang thổi còi ré lên, tay y khua rối rít dục tù ra xếp hàng tập họp. Tên Kích và tên cán bộ toán 3 chạy xổ từ trong buồng ra sân mặt hớn hở, hớt hải, miệng hò hét inh ỏi. Nhìn thấy tôi đứng ngây người ra, Lê Sơn và Quý Cụt vừa thu dọn đồ, vừa bình thản cho tôi biết chỉ là rải rác khắp nơi trong rừng. Toán nào phát hiện, toán của mình có tù trốn, cán bộ nơi đó cấp tốc bắn 2 phát súng báo hiệu. Những toán lao động gần đấy, cán bộ lại bắn tiếp 2 phát nữa. Nghĩa là bắn chuyền cho đủ cả 5 phân trại đều biết là đã có tù trốn, và tất cả các toán kể cả tự giác cũng phải thu quân về trại.

Khi toán 2 vừa ra khỏi cổng khu thủ công để về trại thì gặp một lũ cán bộ, công an vũ trang súng ống túa ra hướng có 2 phát súng nổ đầu tiên. Ngay ở cổng trại, Phong, tên thiếu úy công an vũ trang, tay đang cầm 4 sợi dây da dắt 4 con chó to lớn đang lồng lộn sủa gâu gâu inh ỏi. Chúng đang nhe miệng thò ra những chiếc răng nhọn hoắt, trắng hếu, lợi và lưỡi đỏ lòm trông thật dữ tợn. Lê Sơn đi bên cạnh, ghé sát tôi thì thầm:

- Giống bẹc-dê này của Đông Đức đấy! Con cháu của bẹc-dê thời Hitler khát máu ngày xưa.

Tên cán bộ nào cũng tớn tác, khẩn trương sôi nổi hẳn lên. Lúc toán 2 vào trại cũng là lúc tên Cẩn trực trại và một tên cán bộ giáo dục, tay đang xách mấy bộ quần áo rách từ trên phía buồng số 3 chạy ra phía cổng trại. Tò mò, sau khi vào khỏi cổng trại, tôi quanh lại liếc nhìn ra: Chúng vất mấy bộ quần áo rách đó xuống đất, 4 con chó xông đến

hà, hít một lúc, rồi tên Thiếu Úy Phong và 3 tên vũ trang nữa; mỗi đứa dẫn một con chó chạy xồng xộc về hướng có tù trốn.

Bây giờ thì chúng tôi đã hiểu, người tù trốn là anh Phồn Lạc. Anh là người thuộc đảng Việt Xã trong Liên Hiệp Pháp, anh ở toán làm gạch. Tên trực trại đã vào buồng số 3, đến chỗ anh lục tung quần áo bát đĩa của anh. Y vừa tìm những vật khả nghi có liên quan đến việc trốn tù, vừa lấy quần áo của anh cho chó đánh hơi, đánh mùi để đi tìm anh.

Câu chuyện đảng phái của anh, từ hơn một tháng trước tôi đã nghe anh em nói đến, nhưng chỉ hiểu sơ lược, loáng thoáng: Đảng Việt Xã trong Liên Hiệp Pháp được thành lập ở Sơn Tây, quy tụ được một số người. Đa số là những thành phần lính tráng, hạ sĩ quan đã từng ở các đơn vị quân đội thuộc Liên Hiệp Pháp trước 1954. Thêm vào đó là một số thân thuộc, họ hàng con cháu của họ, hầu hết là người Sơn Tây. Họ đã bí mật hoạt động được vài năm. Những người lãnh đạo trong đảng có thể chỉ có tinh thần cương cường chống Cộng Sản nhưng thiếu trình độ tổ chức; không đủ kiến thức để nhìn rõ mình và kẻ thù. Không có đường lối vững vàng, sáng tỏ để thu hút, lôi kéo quần chúng cùng đứng dậy để chống kẻ thù chung. Tôi nói như vậy là căn cứ vào 3 sự việc sau:

1/ Ngay cái sự việc đặt đảng trong Liên Hiệp Pháp đã không có chính danh rồi. Nếu ban lãnh đạo chỉ cần có một ít kiến thức hiểu biết thì dứt khoát họ đã không dùng tên đảng như vậy.

2/ Với một lực lượng hơn 20 người, không có nội ứng mà dám chủ trương cướp trường Sĩ Quan Bộ Binh của Cộng Sản ở Phùng, Sơn Tây để đoạt khí giới phát triển lực lượng.

Số lượng người đã ít, lại ô hợp, không được huấn luyện kỹ. Vũ khí lại thô sơ thiếu sót: Chỉ có 7 khẩu CKC và 2 khẩu AK, còn hầu hết là mã tấu với lựu đạn. Lợi dụng một đêm tối trời, không trăng sao, đoàn quân của đảng quấn giẻ, tẩm dầu vào đuôi 3 con trâu. Bật hồng đồng loạt đốt cho 3 con trâu chạy vào cổng trường Sĩ Quan Lục Quân như một lá chắn, như một mũi nhọn xung phong để đoàn quân nương theo vào phá trường. Để rồi hơn 1 tiểu đoàn bộ binh của Cộng Sản ở Ba Vì gần đấy đến bao vây và bắt gọn.

(Trên đây, chính là lời của anh Phùng Văn Cần, một trong những yếu nhân của đảng. Trong trại anh em thường gọi đùa là "tướng Cần" đã nói chuyện với tôi một buổi tối ở hội trường).

3/ Riêng phân trại E này có hơn một chục người của đảng Việt Xã. Trong đám này có 2 người tương đối có cỡ của đảng là Đinh Khắc Sản, hiện anh đang làm toán trưởng của toán 3 (xẻ gỗ). Theo như quy ước đã dự trù, nếu sau này lật đổ được Cộng Sản, anh sẽ thành bộ trưởng Bộ Nội Vụ. Người thứ 2 chính là anh Phùng Văn Cần, tức "tướng Cần". Người ta gọi đùa như vậy, bởi vì chính anh là người chỉ huy cuộc tấn công "châu chấu đá xe" vào trường Sĩ Quan Lục Quân ở Phùng.

Tôi rất ngạc nhiên về trình độ văn hóa và kiến thức của cả 2 người. Văn hóa, có lẽ chỉ xong tiểu học và kiến thức cũng chỉ xoay quanh cái tỉnh Sơn Tây mà thôi mà dám lập một đảng cách mạng.

Có lẽ vì thế, nên tụi Cộng Sản đã để cho 2 người sống. Mỗi người chỉ mang cái án 20 năm. Một sự việc về tính chất đâu có phải là nhỏ.

Từ khi ra Bắc, trong cái điều kiện giới hạn, hẹp hòi của tôi, trước đây biết một chút về đảng Tân Phong của Phạm Huy Tân, rồi giờ đây lại biết một ít về cái đảng Việt Xã này, làm cho lòng tôi chả có cái gì vui.

Trở lại việc anh Phồn Lạc trốn tù. Hầu hết trong trại, cho tới khi cơm nước xong, vào buồng điểm, khóa buồng, anh em tuy không dám bàn tán, xầm xì, nhưng nét mặt của ai cũng đăm chiêu khác thường. Trong lòng tôi, tuy chả nói

với ai, tôi vẫn cầu mong cho anh Lạc may mắn thoát khỏi những nanh vuốt của kẻ thù. Khi nãy nghe anh Đồng nói sơ qua tôi đã hiểu: Mỗi khi có tù trốn, một số cán bộ và công an vũ trang đã được phân công từ trước. Tất cả sơ đồ, địa hình toàn bộ khu vực trại có những đường mòn dẫn tới đâu, đều có cán bộ mang cơm nắm đi nằm ếm khắp các nẻo đường. Bởi thế, đã từ lâu, thỉnh thoảng có tù trốn, nhưng sớm muộn trong vài ngày là đều bị bắt lại. Tuy tình huống khác nhau nhưng mỗi người đều gặp những chuyện không ngờ cả.

Tôi nằm đắp chăn, cứ hình dung tưởng tượng. Bên ngoài, một lũ người và một lũ chó đang xục xạo khắp nơi để tìm một con mồi. Con mồi đó thật khốn khổ yếu đuối, so với cái lực lượng lớn mạnh như thế đi săn tìm. Tôi hiểu anh Lạc, trước khi trốn đi, cũng đã phải nhiều đêm ngày đấu tranh gay gắt, giằng co tơi bời ở trong lòng. Hẳn anh cũng đã biết, anh chẳng có hy vọng nhiều thoát khỏi, có chăng chỉ một chút le lói niềm tin ở những chuyện bất ngờ. Một kiếp người, một mạng sống thật rẻ để đánh canh bạc này. Một canh bạc, một ăn mười thua để rồi cuộc đời sẽ chết hay sẽ khổ đau hơn nữa. Hoặc nếu may mắn, được ở trong cái tỷ lệ 1/10 thành công thì cũng chỉ tìm được một cuộc sống tối thiểu bình thường cho một kiếp người.

Trời bên ngoài càng lúc càng tối dần, nhưng niềm hy vọng anh Lạc trốn thoát, lại càng lớn dần lên. Phan Thanh Vân nằm bên cạnh vẫn chưa ngủ. Thấy anh trở mình xoành xoạch, thỉnh thoảng thoát ra một tiếng thở dài nhè nhẹ. Chẳng hiểu Vân có đang nghĩ đến anh Lạc như tôi không? Hay Vân sắp được tha, Vân đang suy nghĩ về những cảnh đời sắp tới của Vân? Lòng người vạn ngả , ai hiểu được lòng ai? Dù có nằm bên cạnh nhau.

Hồn tôi bồng bềnh, lãng đãng chìm dần vào giấc ngủ muộn thì 3 tiếng súng dóng đuôi nhau giật ré lên trong rừng sâu. Âm thanh của 3 tiếng nổ, kéo dài ra đập vào những cây nứa già rên lên như ai oán làm tôi choàng tỉnh dậy. Hai ba tiếng nói dội vào bóng đêm ở phía sàn trên:

- Bắt được tù rồi!

Tim tôi hơi giồi lên nghẹn lại. Tôi chưa hiểu lúc này là mấy giờ khuya? Thấy Vân trở mình, tôi lên tiếng:

- Mấy giờ rồi Vân?

- Khoảng 11 giờ!

Giọng tỉnh queo của Vân làm tôi tỉnh hẳn. Như vậy, Vân vẫn chưa ngủ. Tôi đã hiểu khi có 3 tiếng súng, là ở nơi đó đã bắt được tù. Tôi chưa biết người anh Phồn Lạc, nhưng lúc này tôi thấy thương anh thật nhiều. Bây giờ mọi người trong buồng đang nằm yên ổn trong chăn ấm, nhưng ở chỗ kia, chỉ gần đây thôi hẳn là anh Lạc đang tối tai mặt mũi đón nhận những trận đòn thù, hội chợ. Ôi, một kiếp người yếu đuối, lẻ loi trước cường quyền!

Chừng nửa giờ sau, trong buồng hơi xôn xao. Một số người xô ra phía cửa sổ nhìn ra ngoài sân trại. Tôi cũng nhào đến. Kia kìa! Hai chiếc đòn nứa còn tươi, được buộc với 3 đoạn nứa nhỏ nằm ngang thành một chiếc cáng thô sơ. Tên Thái đi trước, tên Tân trật tự đi sau. Hai tên đang khênh trên cáng một thân hình gầy guộc, trần như nhộng, mặc mỗi chiếc quần đùi rách, đầu tóc, mình mẩy đầy bùn đang nằm không khoèo bên trên. Tên Cẩn trực trại và mấy tên bộ đội nữa cầm một chiếc đèn bão và súng ống đi kèm theo sau về phía nhà kỷ luật.

Bao nhiêu người trong buồng chen nhau nhìn cảnh ấy, nhưng rồi chẳng ai nói với ai một lời, đều về chỗ nằm của mình trùm chăn, tôi cũng vậy. Một nỗi sầu của đời đang phủ dần xuống lòng mọi người.

Sáng hôm sau ra lán lao động. Mới khoảng 10 giờ, Nguyễn Huy Lân đã lên chỗ lán vernie nhỏ nhẻ nói cho biết một ít chi tiết về vụ Phồn Lạc trốn mà Lân vừa được lão cán bộ Kích rỉ cho biết sáng hôm nay: Toán gạch làm việc ở một bãi đất trống và trũng cách trại E hơn 2 cây số (đường chim bay) về phía Tây. Trong khu vực toán gạch này, trống

trơn, chỉ có một căn nhà con, được chia làm 2 gian, một gian cho cán bộ ngồi làm việc, một dùng để làm kho. Một chiếc lò gạch to với một cái sân rộng có một số gạch thô đang phơi và mấy đống gạch đã nung rồi. Nhiều bộ phận khác nhau của toán cũng đều làm việc suốt ngày ở ngoài trời.

Buổi chiều, khi gần hết giờ, tù cất dọn dụng cụ và rửa chân tay rồi tập họp điểm số như thường lệ thì thấy thiếu một người. Sau một lúc tìm, xét, cuối cùng đã biết là anh Phồn Lạc. Mọi người từ toán trưởng trở xuống đều khẳng định: hơn một giờ trước, vẫn còn thấy anh Lạc, nhưng bây giờ thì không ai biết anh Lạc đi đâu. Sau đó cán bộ bắn súng v.v...

Các bộ phận đi nằm lỗng (*), đã sục khắp nơi trong rừng. Vòng đai tìm kiếm càng lúc càng mở rộng. Suốt từ 5 giờ chiều cho tới 10 giờ đêm, Phồn Lạc vẫn bặt vô âm tín. Sau đó, ban tham mưu và trinh sát của trại, có người đặt vấn đề hãy trở lại hiện trường toán gạch tìm kiếm, điều xét lại một lần nữa. Cuối cùng, chỉ vì mấy con chó chết cứ sục vào đống gạch ở giữa sân sủa ăng ăng. Sinh nghi, cán bộ cho lục bới từng đống gạch và đã tìm thấy Phồn Lạc đang nằm run như con cầy sấy trước một định mệnh quái ác, trêu người.(*) Nằm lỗng là nằm phục kín đáo ở những nẻo đường mòn dẫn ra các đường mòn dẫn ra các đường lớn để đón bắt tù trốn.)

Lạc đã bị khảo tra, đánh đập chết đi sống lại mấy lần vì không chịu khai ra ai đã đồng mưu xếp gạch che kín lỗ cho Lạc. Nhưng anh Lạc dù bị đánh tưởng không còn thể sống được nữa, anh vẫn cương quyết trước sau như một là do tự một mình anh. Anh cứ trình bầy là chính anh đã chuẩn bị nhiều ngày mà không cho ai biết. Ngay cả cách xếp gạch để che kín lỗ cuối cùng là một chiếc que gỗ và một miếng ván hình vuông xếp được 12 viên gạch. Nguyễn Huy Lân kể sự việc của anh Lạc đến đây thì Lê Sơn ném mạnh cái bút lông đang vẽ xuống nền nhà, giọng bực tức:

- Cái thằng Lạc này dốt thế mà cũng đòi trốn! Không có một chút óc linh hoạt, bén nhậy tí nào cả.

Thái độ sửng cồ của Lê Sơn làm cho Lân, Quý và tôi nhìn nhau cười. Tôi cười nhưng tôi lại nghĩ đến một vấn đề khác. Tôi cảm thấy thoải mái, thích thú làm việc ở cái lán vernie này, không phức tạp vì không có ai làm chó má cả. Có lẽ Lân cũng hiểu vậy, cho nên chỉ lên đây, Lân mới nói chuyện cởi mở không phải giữ gìn. Khi nghe Sơn nói thế, Lân cau mày cãi lại Lê Sơn:

- Mưu sự tại nhân, chẳng qua là số trời chứ dốt gì?

Sơn quay phắt lại nói như gắt:

- Này nhé, nằm im trong đống gạch, nghe ngóng theo dõi. Khi nghe thấy bắn hai phát súng thì hiểu ngay là sẽ thu quân. Chờ chừng 1 đến 2 giờ thì phải chuồn đổi địa điểm ngay. Nhược bằng tính nằm lỳ, thì bằng mọi giá phải chuẩn bị tỏi, hay dầu cao sao vàng sát vào quần áo, vào người để bịt mũi lũ chó. Ai chả biết trại có một đội chó kinh hồn. Bất cứ ai muốn vượt ngục trại này, trước hết đều phải nghĩ cách vô hiệu hóa lũ chó đã.

Nguyễn Huy Lân nhìn tôi rồi lại nhìn Lê Sơn. Nét mặt Lân như đanh lại, đỏ lên tưởng như ngấu nghiến cãi nhau tay đôi với Lê Sơn, nhưng bây giờ hình như hơi nóng đã xì ra hết; Lân lại đổi "gam" thành ra ca ngợi Lê Sơn:

- Ừ, trốn phải như Lê Sơn mới là trốn, cứ như xi-nê! Đến nỗi hơn 2 năm sau, tình cờ bắt được Lê Sơn; mọi người mới vỡ lẽ ra vì sao Lê Sơn đã biến mất như tàng hình.

Thấy tôi trố mắt, háo hức ngạc nhiên nhìn Lê Sơn, Lân lại quay nhìn Sơn lần nữa rồi nói như thúc giục:

- Hãy kể lại cho thằng Bình nó nghe một cú vượt thoát tuyệt hảo của mày đi!

Để thỏa óc tò mò đang nóng của tôi, tôi trầm trồ để thêm:

- Thế Sơn trốn bao giờ? Tình tiết ra sao, hãy cho tôi học hỏi một chuyện hay của đời.

Quý Cụt từ nãy vẫn cắm cúi chà sát mẩu bông gòn thấm vernie lên mặt chiếc cánh tủ, ngừng lên tham gia:

- Vụ Lê Sơn vượt đã lâu rồi, từ đầu 1964 kia.

Tôi chợt nhớ đến lần vượt trốn của tôi ở dưới Hỏa Lò, cũng đầu năm 1964. Lòng tôi như chìm hẳn xuống, môi mím chặt lại, lưỡi tôi lo le đẩy vào chỗ trống của 3 chiếc răng cửa hàm dưới. Một nỗi buồn kém khả năng, thiếu bản lãnh rỉ dần ra.

Mặt Lê Sơn tươi lên roi rói, bất cứ một ai cũng hả hê thích thú khi có người khen đúng khả năng của mình. Sau đây là nội dung sơ lược vụ trốn tù của Lê Sơn và do chính anh thuật lại:

"Giai đoạn này Mỹ chưa bắn phá miền Bắc, nên hầu hết tù chính trị vẫn còn ở ngoài trại chính (tức trại xây đã hoang tàn, chỉ còn bức tường đá xây chung quanh mà tôi đã trông thấy trong ngày đầu tới trại này). Tuy cổng xây, nhưng hàng ngày cửa thường không đóng, vì luôn luôn có một công an vũ trang vừa canh gác, vừa trực gõ kẻng vào những giờ quy định, cũng như trại E hiện giờ.

Do cái khả năng viết, vẽ trang trí của tôi, nên thỉnh thoảng tôi được cán bộ vào đưa ra cơ quan ban giám thị làm việc, hoặc ở lại trại để kẻ những khẩu hiệu v.v... Từ ít lâu nay tôi đã có chủ trương trốn, bởi thế lợi dụng những buổi ra vào giữa trong trại và khu ban giám thị, bên ngoài tuy luôn luôn có cán bộ đi theo. Tôi quan sát, để ý theo dõi những giờ giấc sinh hoạt hàng ngày của cán bộ cũng như toàn bộ những khung cảnh của khu vực trại giam.

Ở trại giam trung ương nào cũng vậy, thường ngày có cán bộ giáo dục, trực trại vào nhận những phạm nhân ra ngoài giáo dục, hoặc tìm hiểu tình hình trong trại. Chỉ sau một thời gian để ý tôi đã nhìn thấy một kẽ hở, từ đấy tôi nghĩ có thể thực hiện được ý đồ vượt thoát của tôi. Trong những buổi kẻ vẽ hay trang trí ở cơ quan, tôi đã xin được một chiếc mũ bộ đội cũ, nhưng tôi không hề đội bao giờ. Tôi đã tháo được một cái huy hiệu công an mà người mất ai cũng có thể nghĩ là đã rơi tuột đâu mất. Chính tôi đã làm giả một đôi lon trung sĩ. Tôi sẵn có một cái sơ mi bộ đội cũ mà tôi đã giấu được không bị đóng dấu. Tôi thường có gần một chục cái bánh sắn mua của trại, vẫn để hợp pháp trong cái rương nhỏ của tôi. Mọi việc tôi đã chuẩn bị tương đối kỹ, chỉ còn đợi thời cơ. Và rồi chờ mãi thời cơ cũng đã đến.

Một buổi chiều trời mưa lâm râm nhì nhẹt, tôi đang phải kẻ mấy cái khẩu hiệu ở hội trường trong trại. Tôi để ý theo dõi từ trưa tới giờ, một tên công an vũ trang mặt mũi còn mới toanh, chắc hẳn mới đổi về. Y vừa đến cổng trại để đổi thay ca gác với một tên cũ. Không chần chờ do dự, tôi về buồng chuẩn bị. Trong buồng chỉ có một bác Tân già nằm ốm bịnh ở sàn trên, đang đắp chăn ngủ yên ắng. Tôi chạy sang buồng bên cạnh gặp anh Lù Pả đang lục đục ngồi hút thuốc lào. Anh Pả hôm nay xin nghỉ bệnh.

Trong trại, do cách sống đứng đắn, hào phóng của tôi và nhất là uy tín làm việc của tôi đối với cán bộ, bộ đội. Bởi thế, đa số anh em trong trại đều tin tưởng ở khả năng xoay sở của tôi. Vả lại, tôi chưa làm thiệt hại đến ai bao giờ nên tôi nói là họ tin theo. Lúc ấy tôi hỏi nhỏ anh Pả, anh có muốn trốn theo tôi không? Mới đầu anh còn ngạc nhiên, nhưng sau thấy thái độ khẩn trương, thận trọng, thận trọng của tôi nên anh tin ngay và gật đầu. Tôi nói: Anh phải tuyệt đối theo lời tôi chỉ dẫn, bảo làm gì thì làm cái ấy là được rồi. Anh đã hiểu tôi từ nhiều năm trước rồi nên anh gật đầu. Tôi căn dặn: Bây giờ anh chuẩn bị quần áo đàng hoàng, nghĩa là mặc quần áo sạch sẽ. Anh có hòm, rương gì không? Anh lắc đầu và nói chỉ có một cái túi vải. Tôi dẫn Pả sang lấy cái rương của tôi. Những gì không cần thiết ném bỏ lại vào gầm sàn dưới. Những gì cần mang theo, dồn hết vào một cái rương này mang đi.. Pả ngạc nhiên,

mắt đờ đẫn nhìn tôi rồi nhìn cái rương tưởng như không tin vào cái tai của mình, đến nỗi tôi phải nhắc lại:

- Tôi bảo sao, anh cứ làm vậy!

Mọi thứ khi chuẩn bị xong, lúc này đã khoảng 3 giờ hay 3 giờ rưỡi chiều rồi. Trời có vẻ hơi hừng sáng, chỉ còn lất phất mấy sợi mưa phùn lưa thưa. Từ ở trong nhà cầu, tôi đội mũ đeo lon đi ra trước con mắt to đầy ngạc nhiên nhưng vẫn còn nhiều lo lắng của anh Pả. Tôi bình thản và tỏ ra rất đường hoàng để trấn áp nỗi lắng lo của Lù Pả, tôi bảo anh ta:

- Bây giờ cứ xách chiếc rương đường hoàng theo tôi ra cổng trại.

Ra tới sân, tôi kéo hơi thấp chiếc mũ xuống một chút vì thoáng gặp bác Thản già quét dọn vệ sinh trại từ phía dưới bếp đi lên. Lúc bác đi ngang qua, bác còn cúi đầu lễ phép chào tôi. Phải nói là lúc bác ngửng lên nhìn theo thì tôi và Lù Pả đã ra gần đến cổng trại rồi.

Ra tới cổng, tên công an vũ trang ở trên chòi gác vừa thò cổ ra ngó xuống, tôi hơi ngửng lên, tay chỉ Lù Pả đanh giọng:

- Đồng chí cho tôi nhận tên phạm này!

Y nhìn một tí rồi gật đầu, tôi quay lại khoẳng tay cho Lù Pả, ra ý bảo đi trước (ra ngoài trại, tù phải đi trước, cán bộ theo sau). Tôi nhìn mặt Lù Pả hơi tái đi, chiếc rương anh đang xách cứ rung rung. Tim tôi cũng hơi nghẹn lại, nhưng tôi vẫn bước dõng dạc sát phía sau Lù Pả. Ra tới chỗ đường rẽ, cách cổng trại chừng 60 – 70 mét mà tôi tin chắc tên công an gác cổng vẫn còn nhìn theo. Một ngả tiến về khu giám thị và khu công an vũ trang. Một ngả dẫn ra Phố Lu, Lào Cai cách đấy 8 – 9 cây số. Tôi lên tiếng khẽ bảo Lù Pả đi phía trước, giữa lúc anh Pả đang ngập ngừng chưa biết sẽ rẽ theo hướng nào:

- Rẽ về phía ban giám thị!

Từ phía sau nhìn Lù Pả, lúc này không phải chỉ thấy cái rương rung rung nữa, mà như cả người anh Pả, những bước chân đi xiêu vẹo đò đẫn như muốn khuỵu xuống. Tôi cũng hơi lo, tôi vội lên tiếng nữa để động viên:

- Anh hãy yên tâm! Tôi đã có chủ định, sắp đến chỗ an toàn rồi.

Từ cổng trại đến khu nhà của ban giám thị khoảng 250 đến 300 mét. Con đường, một bên là chiếc ao lớn, một bên là một triền đồi dốc, hẹp trồng khoai lang. Dù tôi đã động viên, nhưng khi càng tiến đến gần căn nhà chính của ban giám thị thì anh Pả như không muốn bước nữa.

Từ nãy, tôi rất lo, nếu giữa quãng đường trống này, có một tên cán bộ nào đó, bất chợt từ trong khu giám thị đi ra, thì thật là nguy hiểm. Bởi vậy tôi giục anh Pả phải bước nhanh. Khi đến trước một luống hoa, tôi tiến nhanh lên phía trước, kéo tay anh chạy lủi vào một bụi nứa có những dây sàn sạt leo kín. Từ đấy tôi kéo anh Pả luồn ra phía sau của căn nhà chính ban giám thị. Chỗ này có mấy bụi giong riềng rất rậm. Ngay sát vách phía sau nhà của giám thị, chúng tôi chui vào nằm im. Tôi đã tính rồi, chính cái điều bất ngờ nhất, nên chỗ này cũng là chỗ an toàn nhất trong lúc này.

Về tâm lý, không một ai có thể nghĩ tù trốn, lại vào chỗ khu giám thị, nơi đầy rẫy cán bộ chỉ huy của trại mà nằm. Bởi thế, kể cả người lẫn chó, chẳng bao giờ xục vào miếng đất đã có chính quyền bảo kê đó.

Quả như tôi đã dự đoán, cho tới lúc kẻng lấy cơm, chừng 15 phút sau thì có 2 phát súng nổ ngay phía cổng trại (lúc chia cơm, không có tôi đặt bát cơm canh, từ đấy tôi dự đoán họ đã phát hiện ra). Sau đó là tiếng kẻng báo động, tù phải vào buồng ngay. Như vậy tù phải mang cơm vào buồng ăn. Tiếp theo là tiếng chó sủa ầm lên.

Trời càng tối tiếng chó và những âm thanh huyên náo, nghe càng nhỏ dần về phía rừng sâu. Tôi ra hiệu và nói khẽ cho Pả nằm yên tại chỗ. Tôi khẽ bò ra phía trước để nghe ngóng, quan sát. Trong nhà ban giám thị điện vẫn sáng trưng, 6 – 7 người lố nhố đang ngồi họp, trong đó có ông Toán, chánh giám thị. Mọi chỗ khác đều yên ắng như tờ. Với những kinh nghiệm của những năm tháng trước đây còn ở bên quân báo, qua một số âm thanh, một số địa hình tôi đã nắm, kết hợp với những nguyên tắc di chuyển đêm trong một vùng nghi ngờ có những ổ phục kích, tôi vững tâm, rời chỗ nấp tiến bước về hướng chủ định. Trước khi rời khỏi đám giong riềng, tôi thì thào cho Pả hiểu:

- Tôi sẽ mang anh ra tới chỗ an toàn, lúc đó chúng ta sẽ chia tay. Tôi sẽ tìm đường về xuôi, còn anh sẽ về ngược, vì quê anh ở bản Pó thuộc Bắc Cạn. Với một quy ước kiên định, không hề biết gì về nhau cả.

Với những phương pháp đi đêm đặc biệt ở trong rừng, chúng tôi đã vượt qua được nhiều chặng nguy hiểm. Cuối cùng tôi đã đưa anh Pả đến được con đường hàng tỉnh mà anh đã quen biết. Chúng tôi chia tay nhau, để đi về 2 ngã đời khác biệt. Riêng về chiếc rương gỗ, khi đi khỏi khu ban giám thị chừng nửa cây số, chúng tôi đã dúi nó xuống một đám bùn có bèo lục bình, sau khi đã lấy hết những thứ cần mang theo.

Phần tôi, sau 6 ngày lần mò vất vả, tôi đã về tới Hà Nội. Quê tôi ở Vĩnh Yên, nhưng tôi không hề bén mảng về. Hà Nội lúc này dân chúng đang chuẩn bị sơ tán, không khí chiến tranh đang bao trùm khắp đó đây. Tôi làm giấy giả, thay tên đổi họ, rồi tôi lấy vợ và đã có một đứa con trai. Vì tôi nằm trong lòng chế độ này, do đấy tôi lách được vào nhiều khoảng hở để sinh hoạt, tồn tại. Cũng vì cuộc sống, tôi phải đi buôn hàng chuyến trên con đường Hải Phòng, Hà Nội và Hòa Bình. Thời gian cứ như vậy trôi đi được gần 2 năm.

Vào một buổi đó, trên chuyến tàu xuôi từ Phú Thọ về Hà Nội, tôi đang ngồi ngả lưng vào thành tầu. Thân hình lắc lư với những cái nhún nhẩy của con tầu đang đi. Tôi thả hồn theo khói thuốc sau một lúc khảo chuyện với mấy người bạn đồng hành. Rõ ràng, có một mầu vàng chắn ngang vào những làn khói thuốc trước mắt. Tôi choàng tỉnh, nhìn một bóng hình to lớn, lồ lộ đứng ngay trước mặt tôi. Ông Toán, chánh giám thị trại cải tạo trung ương số I Lào Cai.

Tôi choáng hồn, đứng bật dậy, không phải để chạy (vì còn chạy đâu được) mà để chào ông ta, nhưng ông ta đã đặt một tay lên vai tôi đè tôi ngồi lại ghế. Ông nói vừa nhẹ nhàng, nhưng cũng như vừa ra lệnh:

- Cứ ngồi yên!

Tôi cứng đơ người ra như cái máy. Tôi chỉ thoáng liếc chiếc lon thiếu tá còn mới, đỏ ráu ở cổ áo ông ta (khi tôi trốn, ông mang lon đại úy). Tôi cười như mếu nhìn ông ta, bao nhiêu những khí thế linh hoạt có sẵn trong người đều như biến đi hết. Người tôi cứng ra như "Từ Hải chết ngồi" không còn biết nói năng chi, cứ im thin thít như thịt nấu đông.

Mấy anh bạn đồng hành, thấy ông công an to quá cũng đã chuồn sang toa khác từ lúc nào. Tôi còn đang bấn loạn, thấy cả một cuộc đời, cả vợ, cả con bỗng chốc tan thành khói mây thì ông Toán đã rút trong cặp ra cái còng số 8 đen xì mở ra. Tôi líu ríu như một cái máy giơ 2 tay ra cho ông ta còng. Khi xuống ga Hàng Cỏ, ông đã điện cho xe công an đưa tôi vào gửi ở Hỏa Lò. Sau 2 ngày, chính ông ta đến lĩnh tôi ra và đưa trở lại trại I này."

Lê Sơn nói đến đây thì ngừng lại, coi như câu chuyện đã kết thúc nhưng nét mặt anh vẫn còn đăm chiêu, nhìn ra khoảng trời phía bên ngoài. Giây phút hồn anh lắng đọng đã ép, nén chúng tôi cũng nín chìm vào nỗi niềm. Một phút nặng nề riêng tư, đột nhiên anh lại nói tiếp như minh giải với những tảng mây đang lững lờ trôi ngoài khung trời ấy, hay với cõi hồn xa cũ:

- Nếu không vì cuộc sống, để tôi phải bôn ba cầu thực thì có trời mà bắt được tôi!

Câu nói của anh vẫn lọt thỏm vào cái hũ im lặng của 3 người. Còn một chút khắc khoải trong dòng liên tưởng của tôi, nên đành làm rạn vỡ cái trầm lắng do câu chuyện:

- Thế về trại rồi sau đó ra sao?

Như choàng tỉnh, mặt Lê Sơn rắn lại, mắt anh như có những tia sáng, quắc lên:

- 6 tháng trời, cùm kẹp thê lương! Nếu không vì một số cán bộ có thiện cảm riêng tư từ trước thì họ đã để cho chết rồi. Với bao nhiêu kiểm thảo, kiểm điểm, học hành cho đến rã người ra.

Sơn ngừng lại một lúc rồi lại tiếp, giọng đầy ai oán:

- Khi được thả cùm ra, tôi đã được khênh về buồng, rồi ốm thêm 2 tháng nữa mới khỏi, mới lại người. Mọi người tưởng tôi không còn sống được. Trước đây tôi bị ràng, bố, theo dõi chặt chẽ lắm, chỉ mới lỏng ra được hơn năm nay.

Để cho Sơn nói xong, tôi chỉ hỏi một câu trống không, có thể trả lời theo nhiều hướng:

- Thế bây giờ sao?

Nhưng Lê Sơn rất bén nhậy, đã trả lời đúng ý tôi muốn biết:

- Bây giờ thì tôi không muốn trốn nữa, vì tôi sắp được về rồi!

Quý Cụt, Lân và tôi đều mở to mắt thì Sơn để một ngón tay lên miệng cộc lốc:

- Bí mật!

Nói rồi, anh quay vào tiếp tục kẻ, vẽ.

Nghe xong câu chuyện vượt ngục của Lê Sơn, tôi thừa nhận anh thật nhanh lẹ, có tài. Tôi nghĩ đến đoạn Sơn dẫn Lù Pả ra khỏi cổng trại: Nếu lúc ấy lại có một cán bộ quen, bất chợt đi ra thì làm sao? Nghĩ thế, vì tôi liên tưởng đến vụ trốn của tôi ở Hỏa Lò. Thôi, định mệnh! Lại nhắc đến những chữ "nếu" đáng ghét trong cuộc đời này làm gì nữa.

Chương 33

Nhân Chi Sơ...Tính Bản Thiện

Tối nay, sau khi điểm xong, buồng 2 rôm rả hẳn lên. Trước khi vào buổi sinh hoạt tổ thường lệ, anh buồng trưởng Nguyễn Huy Lân tuyên bố:

- Thể hiện lòng ưu ái, chiếu cố của ban giám thị, trại thông báo bán mía cho trại viên. Mỗi kg mía giá 1 hào, các toán làm danh sách thu tiền. Chiều mai, tự giác của mỗi toán sẽ ra trại ngoài xe mía về.

Chỉ mấy câu tuyên bố của anh Lân mà làm cho buồng 2 sôi động ồn ào như ong vỡ tổ. Người ta trèo lên, trèo xuống

giữa sàn trên và sàn dưới. Người ta chạy Đông, chạy Tây để mượn tiền nhau và để ghi tên mua mía. Chất ngọt ở trong tù là một thứ vưu vật của cuộc đời. Theo anh em thì đã hơn 10 tháng nay rồi, nay trại mới lại bán mía.

Những người có tiền mua mía xốn xang, hân hoan sôi nổi bao nhiêu, thì càng khoét sâu nỗi niềm lẻ loi, âm thầm lạc lõng của những người không có tiền bấy nhiêu. Đây là một dịp như ngàn năm một thuở, nên hầu như ai ai tùy theo ít hay nhiều đều có ghi tên và số tiền mua mía. Không có tiền thì vay mượn, tôi để ý cả các anh em Biệt Kích như các cậu Châu, cậu Sáng cũng rối rít ghi tên. Tôi hiểu rằng họ là những người đã ở trại này lâu rồi nên ít nhiều có tiền năng suất trong khi lao động. Dù cho họ không có năng suất chăng nữa, trong cách giao tế, họ xoay sở cũng có chỗ mượn vay được. Hoặc họ là loại tù tập trung, mỗi tháng họ đã có một đồng. Theo quy chế của các trại giam trên toàn miền Bắc ở giai đoạn ấy. Tiêu chuẩn cho một người tù có án là 12 đồng một tháng. Loại tập trung cải tạo 3 năm thì tiêu chuẩn là 13 đồng một tháng, loại này, cứ 3 năm thì được phát một cái màn cá nhân, tù án thì không có. Như vậy, tiêu chuẩn chung cho một người tù mỗi tháng là 12 đồng, do đấy, những ai bị tập trung cải tạo, mỗi tháng được lĩnh một đồng để giải quyết trong sinh hoạt.

Chỉ có tôi, một phần vì mới lên trại, chưa có quan hệ thâm tình với ai. Nhưng cái chính là do cái quan điểm, cái mặc cảm sai lầm là không thể mở miệng để vay mượn ai của tôi (vì vay rồi thì lấy đâu mà trả). Bởi vậy, tôi đã tự khoanh cho tôi một cái vòng, thiếu hòa đồng để trở thành đến lủi thủi âm thầm một mình. Chính vì cái quan điểm vẩn vơ này mà ngay những điếu thuốc lào nó cũng đã hành tôi biết bao nhiêu, trong những đêm buồn ít ngủ. Tuy tôi hút không nhiều, mỗi ngày chỉ 3 – 4 điếu là cùng. Ban đêm, mỗi khi giật mình dậy đi đái, nhưng khi đái xong, trở lại trong mùng thì không thể ngủ được nữa vì thèm một điếu thuốc lào. Không ngủ được thì ngồi ở trong màn… chờ. Nhìn hết sàn trên rồi sàn dưới, chờ cho tới khi có một ai đó báo cáo dậy đái. Lại phải xem họ là ai, họ có hút thuốc lào hay không? Họ có quen mình hay không, hay có phải là người dễ dãi, thông cảm với mình không?

Chưa có hút thì ngồi sầu mong đợi, nếu gặp được người thông cảm cho hút xong điếu thuốc rồi: Say thì vẫn say, nhưng lại có một nỗi sầu khác càng sầu hơn nữa. Nỗi sầu tủi của người không tiền cứ gậm nhấm, rỉa mó cõi lòng của mình chìm mãi vào đêm thâu. Ôi, biết bao thấp thỏm, nhục buồn do điếu thuốc lào chỉ vì tôi chưa tìm được cách nào để kiếm được tiền.

Cũng đã nhiều lần phẫn uất, tôi định từ bỏ nó, nhưng rồi nhìn khắp 4 phương, cuộc đời của mình có còn cái gì vui đâu. Chỉ còn có điếu thuốc lào, là người bạn thủy chung để mình gửi gấm những tâm tư, những nỗi niềm thầm kín riêng của mình. Tóm lại, vì tôi không có tài xoay sở, lại không muốn mở miệng vay mượn ai, dù tôi hiểu nếu tôi vay thì sẽ được. Cho nên, tất yếu là phải nhận lấy những nỗi niềm đang nhận.

Chuyện mua mía chưa hết, rồi cho tới ngày mía được phân phối về từng toán. Người ta ồn ào, í ới gọi nhau chia chác. Chia xong, người ta hì hục, hớn hở khuân mía về chỗ mỗi người để cất, để dành, rồi lại ríu rít quây quần ngồi nhai mía.

Trong khi mọi người hân hoan, mải mê tận hưởng cái vưu vật của đời thì lại là cái nạn đối với tôi. Do cái bản tính rởm của mình, tôi không thể ngồi nhìn mọi người thưởng thức cái ăn. Nếu tôi lì mặt ngồi đó, thì sẽ có người thấy ái ngại mà mời tôi ăn. Từ chối không ăn thì tỏ ra kênh kiệu mà còn làm cho người ăn mất tự nhiên, nếu cứ ngồi đấy. Tôi hiểu rằng đây là của quý, của hiếm, là thịt, là máu của họ; cho nên tôi sẽ còn khổ tâm biết bao nhiêu khi phải nhận cái mà họ mời mình gượng ép. Bởi thế, nó sẽ nhẹ nhàng cho tôi biết bao, nếu họ ăn vào những giờ trưa, hay những ngày Chủ Nhật. Tôi chỉ cần ra khỏi buồng tránh chỗ họ ăn là được. Tuy rằng, ở trong trại chẳng còn tránh chỗ họ ăn là được. Tuy rằng, ở trong trại chẳng còn một chỗ nào để tôi ngồi được thoải mái, yên thân. Hội trường, hè trước, hồi sau, đâu đâu cũng có nhóm hoặc từng cá nhân ngồi nhai mía. Vậy chỉ còn một chỗ duy nhất, yên tĩnh nhất, tuy phải cái mùi hơi thối là trong nhà cầu của trại. Tôi đành ra đấy ngồi; thà để mũi chịu đựng cái mùi phân (phân tù không thối mấy) còn hơn mang cái nỗi nặng nề ở trong lòng. Nhưng nếu họ ăn vào những buổi tối thì thật là buồn ơi là buồn! Trời lạnh còn đỡ, trời nóng tôi vẫn phải nằm đắp chăn chùm kín đầu. Nghĩa là, cứ sau khi sinh

hoạt tổ, toán xong, thấy họ rục rịch lôi mía ra chuẩn bị ăn là tôi phải sắp xếp đi nằm.

Có lần Phan Thanh Vân cứ đập vào chăn bắt tôi ngồi dậy ăn mía với anh, nhưng tôi đã cảm ơn, nói trong người đang khó chịu. Đã từ chối một người thì phải từ chối hết. Nằm đấy mà lòng có yên đâu, tai vẫn nghe họ nhai mía rồn rột ấy.

Tôi cũng hiểu rằng, trong trại hàng mấy trăm con người, chẳng phải duy nhất có một mình tôi là không có cách nào có tiền. Tuy số này rất ít, mỗi toán chỉ một hay hai người. Những người này được coi là kém về mọi mặt, ở cái thành phần vơ vét, nhặt nhạnh. Họ đi vơ, đi gom những bã mía, vỏ mía để ngày hôm sau đem ra lán hay ra đồng dùng ống nứa tươi nấu kỹ lại, cô đọng may ra còn ít chút ngòn ngọt. Ngọn mía thì đều bị chặt ngay từ lúc thu hoạch, để dành trồng cho vụ mía năm tới. Mặt khác, phải hiểu là cái máy nghiền (hàm răng) của mỗi người tù đói khổ thì bã mía cũng xác xơ, không còn gì; ngay ruồi nhặng cũng đừng hòng kiếm chác. Thông thường, mỗi đợt trại bán mía như vậy. Trại ăn lai rai hàng tháng trời mới hết, dù trung bình mỗi người mua từ 5 kg tới 10 kg, tức khoảng từ 2 cây đến 5 cây mía.

Chính vì những dồn nén của hoàn cảnh sống trong tù như thế, nên tôi đã nhờ Nguyễn Huy Lân toán trưởng xin với cán bộ toán cho tôi sang học mộc. Không ngờ, sự đề nghị sang học mộc của tôi lại được ông Kích, cán bộ toán đánh giá là tiến bộ. Bởi vì với cái nhìn của mọi người về tổ vernie là một chỗ lao động tương đối nhàn hạ. Phải là người được chiếu cố, hoặc có ít nhiều khả năng mới được làm ở đấy.

Tuy công việc vẽ hay đánh vernie không có năng suất nhưng là một công việc "hoa lá cành" nghệ thuật. Nhiều người có quan điểm "vạn sự bất như nhàn", nhưng với tôi, như đã trình bầy ở trên, tôi phải tìm một cách sống phù hợp với tôi. Còn một điều nữa cũng góp phần thúc hối tôi quyết định học nghề mộc. Thường thường cứ 10 ngày hay một tuần lễ, có một chiếc xe vận tải ọp ẹp từ trại chính vào lấy sản phẩm như giường bàn, tủ ghế. Lúc đó, cán bộ và toán trưởng không bao giờ lấy người thợ chính đi khênh vác mà cứ nhằm những anh tép riu, nhừng nhỡ, không nghề, không nghiệp bắt đi khênh, chuyển hàng ra xe đậu bên ngoài cổng lán thủ công. Bị những tên cán bộ hoặc toán trưởng quát tháo chỉ tay sai phải khênh cái này, vác cái kia làm cho cõi lòng tôi càng tím thẫm lại hơn. Vả lại, dù mới lên trại hơn 3 tháng cũng đủ cho tôi thấy: Sống ở trong bất cứ một tập thể nào, nhất là ở trong nhà tù càng đầy rẫy những người chung quanh muốn trèo, muốn đạp mình xuống để họ vươn lên. Bởi vậy, để khỏi bị đè đầu, chèn ép: Một là anh phải tìm mọi cách để vươn lên ở cái thế lãnh đạo, chỉ huy như trật tự, toán trưởng, tổ trưởng. Hai là anh đi làm chó tố cáo anh em để có thế của cán bộ, không ai dám đè mình.

Nếu cả 2 thứ trên, không phải là mục tiêu hành xử của anh thì chỉ còn có một con đường duy nhất: Anh phải có một cái nghề vững, một tay nghề mà ít người làm được như anh. Như vậy mới có thể khả trợ tránh được những đè ép của đời tù. Tôi nhớ lại một sự việc, cho đến bây giờ vẫn chưa mờ nhạt được trong lòng tôi:

Chừng khoảng nửa tháng, sau vụ trại bán mía cho tù. Vào một buổi chiều Chủ Nhật, tôi loay hoay quét dọn, làm vệ sinh ở chỗ tôi nằm. Phan Thanh Vân đang tắm giặt ở dưới giếng. Khi tôi kéo cái bọc quần áo cũ của tôi trên cái kệ phía trên đầu sàn. Một cái túi con vải nâu, bé tí bằng bàn tay đứa trẻ lên 3, đột nhiên rơi xuống sàn. Tôi vội vàng nhặt lấy mở ra, choáng hồn, bên trong có 4 tờ giấy bạc một đồng, tiền của trại. Trời! Ai có nhiều tiền thế! Những 4 đồng có phải ít đâu. Tôi đoán chắc là của Phan Thanh Vân, nhưng sao lại sang chỗ tôi? Có thể Vân đã vô tình để vương sang chăng? Tôi liếc nhìn Lù Chẳn Páng và bác Chánh già ở cách đấy mấy chiếu, đang ngồi khâu vá. Chẳng ai để ý đến tôi cả. Tim đập hơi khác thường, tôi đấu tranh giằng co giữa 2 vấn đề: Chốc nữa hỏi Vân xem có mất tiền hay không? Hoặc cầm chiếc túi giơ cao, rao to ở trong buồng: Ai có chiếc túi nay, hãy nói bên trong có gì, nếu đúng, tôi sẽ trả. Hay cứ im đi, cất kỹ nếu có ai kêu mất thì mình sẽ đưa ra. Tôi ngồi thừ ra một lúc, một ý tưởng lờ mờ, lớn vớn lẻn vào trong óc: Nếu mình có 4 đồng này sẽ ưu tiên cho 2 cái cần thiết là thuốc lào và xà phòng. Cả một năm, mình sẽ ung dung không phải lo đến 2 thứ đó nữa.

Ôi, 4 đồng, số tiền lớn quá! Tôi thấy bấn hết cả người lên, vội vàng quét dọn sơ sơ rồi tôi chạy hộc tốc xuống giếng. Thực ra lúc tôi chạy xuống giếng, cũng không biết để làm gì nữa chứ? Có lẽ để nhìn mặt Phan Thanh Vân xem sao, thế thôi! Tôi có cảm tưởng là chỉ cần nhìn mặt Vân là tôi đã biết được ngay tiền đó là của Vân hay không.

Gặp Vân, thấy anh đang lom khom kéo chiếc gầu tôn nước dội xối xả vào người. Tự nhiên tôi thấy vui hẳn lên. Tôi ca ngợi Vân chịu lạnh tốt, vì trời vẫn còn lành lạnh của những trận Heo May cuối mùa. Tôi cười nói huyên thuyên với Vân một lúc, rồi tôi lại chạy về buồng, lấy chăn ra đắp, nằm suy tính cho dứt khoát. Anh chàng Vân, nếu tinh ý, sẽ thấy ngạc nhiên tại sao hôm nay tôi lại vui thế; và Vân sẽ phải tự hỏi, tôi xuống dưới giếng để làm gì chứ? Chả lẽ, trời lạnh như vậy tôi chạy hộc tốc xuống giếng chỉ để nói vài câu bâng quơ với Vân rồi lại chạy về ư? Nhưng nỗi niềm ở trong lòng mỗi người, bên ngoài ai mà biết được! Và mỗi người là một cuộc đời riêng, ai để ý làm gì? Cho tới lúc Vân đã phơi quần áo xong, về chỗ. Lúc Vân lục đục ngay bên cạnh tôi, thì tôi đã quyết định dứt khoát: Tôi sẽ cất kỹ cái túi, im bặt. Nếu Vân hay bất cứ ai trong buồng kêu mất cái túi thì tôi sẽ lấy ra trả, nói rằng thấy rơi ở phia đầu giường.

Mặc cho Vân vẫn cứ hì hục bên cạnh, tôi nằm lan man suy nghĩ hết hướng nọ ngả kia. Từng mảnh đời to nhỏ ngược xuôi, có lúc lững lờ, lảng vảng, có lúc vùn vụt chạy qua óc tôi. Tư tưởng diễn tiến của một con người cũng thật phức tạp, kỳ lạ. Mới nửa giờ trước còn định cầm cái túi rao to lên để trả cho người mất, thế mà giờ đã thay đổi khác rồi, đã thấy mình có một phần quyền lợi trong cái tiền 4 đồng, thực tế là của người khác. Tôi nhớ vào khoảng năm 1958 ở thành đô đầy hương sắc và tình người:

Vào một buổi tối, tôi và đứa em trai 15 tuổi đèo xe đạp nhau đi xem xi nê ở rạp Nam Quang trên đường Lê Văn Duyệt. Chúng tôi xem suất cuối, từ 9 giờ đến 11 giờ đêm. Hôm ấy chiếu phim gì cho tới nay tôi không còn nhớ rõ, nhưng một sự việc trong buổi ấy vẫn hằn lên trong lòng tôi không thể phai mờ.

Trong rạp, khi phim vừa hết, đèn bật sáng. Mọi người đều lũ lượt theo nhau ra phía cửa rạp để về nhà cho sớm. Tôi và thằng em đứng lên sau cùng, chúng tôi đều nhìn thấy ở hàng ghế phía trên, một chiếc ví da dầy cộm đang nằm phơi mình trên một chiếc ghế. Nhìn quanh, suốt mấy hàng ghế đó chả còn ai. Tôi nghiêng cúi người sang cầm lấy chiếc ví, mắt ngơ ngác nhìn theo những giòng người đang chen chúc nhau ra về.

Tôi chờ, tôi tưởng như sẽ có một người hốt hoảng trở lại hàng ghế để tìm chiếc ví của mình. Vì thế, tôi vẫn cầm nguyên chiếc ví ở tay chẳng dám mở ra để biết cái gì bên trong. Mãi cho tới lúc người ta đã ra hết, tôi ra hiệu cho thằng em cũng ra ngoài cửa, trước con mắt chằm chằm của nó đang nhìn vào chiếc ví.

Khi ra đến ngoài, cửa rạp đã lưa thưa, vẫn hằn bóng người. Trời đã vào khuya, 11 giờ 30 đêm rồi! Một tay tôi vẫn cầm chiếc ví, một tay dắt chiếc xe đạp. Tôi còn bấn loạn tâm hồn chưa biết quyết định ra sao trước một việc bất ngờ thế này. Thằng em trai cứ líu ríu theo tôi, nó vẫn tin và làm theo những quyết định của tôi. Dùng dằng, do dự một lúc, tôi quyết định phải mở chiếc ví ra xem bên trong có cái gì? Tôi đưa chiếc xe đạp cho người em dắt, dẫn lại dưới một cột đèn sáng, tôi mở chiếc ví. Lần đầu tiên trong cuộc đời hai anh em tôi nhìn thấy dollars Mỹ. Có khoảng 10 tờ giấy 10 đô la, hơn một chục đô la loại giấy một đồng, và một tờ giấy 50 đô la. Ngăn bên kia, hơn 20 tờ giấy một trăm tiền của Việt Nam Cộng Hòa. Còn nhiều giấy tờ nữa, đút đầy trong các ngăn của chiếc ví mà tôi không dám và không muốn lục lọi kỹ. Tôi vẫn có cảm tưởng là không được xục xạo chuyện riêng tư của người khác. Tôi nhìn thấy một tấm thẻ tên Võ Văn Ba số nhà 50B đường Lê Văn Duyệt, Gia Định.

Lúc này, tim tôi càng xốn xang đập mạnh hơn. Trời lại càng khuya, đường phố đã vắng hẳn bóng người. Tôi có ý định, hay đem vào gửi người coi rạp xi nê để cái ông Ba này sẽ trở lại hỏi, tìm chiếc ví. Nhưng khi 2 anh em tôi trở lại trước cửa rạp thì họ đã đóng chặt hết các cửa rồi, im ắng, chả còn ai ở đấy. Đầu tôi chợt lóe lên một ý tưởng, tại sao không mang đến trình, nộp cho bót cảnh sát? Nghĩ thế, tôi bàn với thằng em, rồi dẫn xe đạp xuống đường, háo hức đèo nhau về bót cảnh sát quận Nhất.

Đường khuya, phố vắng, phần vì lo về nhà quá khuya sẽ bị bố mẹ la rầy, phần vì thấy lòng hân hoan vui thích cứ tưởng như chúng tôi đang làm một chuyện tốt, một chuyện được nhiều người khác khen ngợi là đã làm đẹp cho cuộc đời. Vì vậy, tôi càng gò lưng miệt mài chiếc xe phóng như bay trong đêm khuya.

Đến đồn cảnh sát, đã 12 giờ rưỡi khuya, vắng lặng, chả thấy ai ở bàn trực. Hai anh em tôi trở ra, trở vào thập thò một lúc mới thấy một ông cảnh sát ở trong buồng đi ra. Thoáng thấy chúng tôi, ông ta quát lớn:

- Mấy cậu kia đi đâu?

Tôi vào, đặt chiếc ví lên bàn và trình bầy lý do đã nhặt được nó. Cuối cùng, tôi nhờ cảnh sát trả lại chiếc ví cho người chủ của nó. Ông ta cầm ngay lấy chiếc ví, mắt ông ta chuyển ngay từ mầu vàng, cái mầu của hách dịch, lạnh lùng sang cái mầu xanh lam êm dịu nhìn chúng tôi. Rồi tới khi ông ta mở chiếc ví thì mắt ông ta như lồi thêm ra, mồm há hốc. Tay ông ta run rẩy lôi những tờ dollars ra để xuống bàn, mắt ông ta lại ra vẻ lấm lét nhìn chúng tôi. Tay ông ta chỉ hàng ghế dọc theo phía tường trước bàn, miệng ông ta nói trong nỗi xúc động tràn ứ:

- Các cậu hãy ngồi xuống đó cho khỏi mỏi chân.

Cũng là lúc một ông cảnh sát nữa từ ở phía trong đi ra. Hai ông vừa đếm tiền, vừa xem xét các giấy tờ. Thỉnh thoảng các ông lại liếc về phía chúng tôi. Chừng 10 phút sau, các ông nói nhỏ với nhau một lúc rồi cùng tiến lại phía chúng tôi. Ông cảnh sát ra lần sau, đặt một tay lên vai tôi nói rất nhỏ nhẻ, êm dịu:

- Các các cậu vẫn còn là học sinh phải không? Các cậu đã làm một việc đáng khen, bây giờ, các cậu có thể về nhà nghỉ, kẻo khuya rồi. Chúng tôi sẽ có trách nhiệm mang chiếc ví lại trả lại cho người chủ, và chúng tôi thay mặt người chủ chiếc ví cảm ơn các cậu.

Hai ông cảnh sát rất vồn vã, tiễn hẳn chúng tôi ra đến cửa, còn đừng nhìn theo chúng tôi đạp xe đi xa rồi mới quay vào.

Về đến nhà, đã 2 giờ khuya, tuy mệt nhọc, nhưng lòng chúng tôi thênh thang như mở hội. Tôi vẫn nhìn thấy cuộc đời toàn gấm hoa rồi mơ màng chìm dần vào giấc ngủ muộn của tuổi đôi mươi.

Mấy hôm sau, tôi đem chuyện nhặt được chiếc ví khoe với mấy người bạn. Họ đều nêu lên vấn đề là có thể các ông cảnh sát sẽ lấy hết tiền, rồi chỉ trả cho người chủ chiếc ví những giấy tờ mà thôi. Họ trách tôi, sao không để hẳn lại ngày hôm sau mang lại nhà trả cho ông Võ Văn Ba.

Tôi cũng thấy ý kiến của các bạn cũng có khá đúng, nhưng phần vì tôi không muốn mang chiếc ví lại nhà họ, để ra cái vẻ mặt một người làm ân đứng trước một người thọ ân. Phần khác, tôi vẫn cho rằng, tôi đã làm tròn, làm đẹp cái khâu trách nhiệm của mình rồi. Nghĩa là nhặt được của rơi đã đưa đến nộp cho cảnh sát. Vậy còn những khâu khác, nếu họ không làm tốt, làm đẹp thì thuộc về cuộc đời rồi, tôi làm sao mà lo hết?

Từ chuyện chiếc ví năm xưa, giòng tư tưởng của tôi lại chảy dài về một sự việc khác, 7 năm sau đó, ở Hỏa Lò Hà Nội: Giai đoạn này tôi đang ở xà lim I (xà lim án chém). Xà lim lúc đó do ông Dư phụ trách. Một sự việc mà tôi vẫn thấy lòng bâng khuâng, buồn buồn mỗi khi nghĩ đến. Tôi nhớ vào một buổi, tôi cũng vào nhà tắm để đổ bô như thường lệ. Trong khi tay tôi vẫn khoắng bô tráng nước thì mắt tôi liếc đây đó, nhất là cái thùng đựng giẻ chùi (tôi đang tìm giẻ để khâu đồ chống muỗi). Tôi thoáng thấy ở mé bậu cửa có một miếng xà bông thơm, mầu xanh to bằng 2/3 hộp quẹt diêm. Phải nói là từ mấy năm rồi nằm ở xà lim, tôi ước mong có một miếng xà bông con như vậy, nhưng chưa bao giờ được. Tôi có cài bàn chải đánh răng, từ bao lâu chỉ đánh bằng nước lã. Tuy tôi không nhìn thấy,

nhưng tin chắc là răng tôi bẩn lắm, sợ có thể bị sâu, hơn nữa hôi mồm. Tôi cần một miếng xà bông bất kể là loại gì, chả cần to lắm. Mỗi ngày tôi chỉ cần quệt có một tí cho có bọt rồi đánh răng cho nó sạch miệng.

Thế mà hôm nay, bất ngờ lại nhìn thấy, tôi suy đoán, có thể của một nữ cán bộ nào vào tắm rồi quên. Và cũng có thể là của một buồng nào đó họ để họ để quên không chừng. Tôi đã nhét vào cạp quần, rồi băn khoăn lại moi ra định để lại chỗ cũ. Nhưng sau không cưỡng nổi với lòng tham của tôi, vì một miếng xà bông này, tôi có thể dùng ít ra được một năm, trong khi không còn một cơ hội nào để tôi có cả. Vì vậy, tôi lại nhét trở lại cạp quần và mang về buồng.

Vào buồng, tôi đang hí hửng với một món đồ quý, ngẫu nhiên lại có, thì buồng số 14 báo cáo giọng Quảng Nam trọ trẹ:

- Béo céo cán bộ, buồng tôi để quên miếng xà bông trong nhà tắm!

Tôi vừa hồi hộp, vừa ngần ngừ lắng nghe. Tiếng báo cáo 2 – 3 lần mới thấy tên Dư vào mở cửa buồng:

- Để quên đâu vào mà lấy!

Tôi ngập ngừng, giằng co giữa muốn báo cáo trả, nửa không muốn trả. Cuối cùng giọng số 14 vừa từ nhà tắm đi ra vừa báo cáo:

- Béo céo, buồng nào đã lấy mất rồi!

- Miếng xà bông to không?

- Bằng bao diêm, bánh xà bông hoa nhài, vợ tôi mới gửi vào, tôi cắt đôi.

Tôi biết xà bông hoa nhài giá 4 hào, một bánh. Đây là ½ bánh, nhưng đã dùng nhiều lần rồi chỉ còn bằng 2/3 bao diêm thôi. Giọng tên Dư lại cất cao:

- Buồng nào lấy nhầm miếng xà bông của người ta, báo cáo trả lại cho người ta. Nếu không, tôi vào từng buồng khám thấy thì đừng trách.

Tôi đã lưỡng lự, định báo cáo trả, nhưng khi nghe y đe dọa sẽ khám các buồng thì tôi lại không muốn trả nữa. Để xem y có khám được không! Tôi cúi nghiêng xuống, sờ tay xuống mặt dưới của cái sàn xi măng. Vì là mặt dưới nên họ đổ xi măng hãy còn lỗ chỗ, sần sùi sỏi lẫn cát. Tôi lấy miếng xà bông ra, mò tay xuống ấn ngược lên, miếng xà bông dính chắc. Như vậy có trời mà tìm, trừ trường hợp có cái máy ngửi xà bông thì mới họa chăng. Tên Dư cũng chỉ phách lối, dọa như vậy, chứ cũng không đi khám buồng nào cả.

Tôi cứ nằm bồng bềnh, đầu óc cứ hết cuộn vào rồi lại mở ra. Từ chuyện cái ví năm xưa, đến miếng xà bông mới đây ở dưới Hỏa Lò và bây giờ là 4 đồng bạc. Nội dung của chiếc ví và 4 đồng bạc lúc này thật là giống nhau, nhưng đã thay đổi hẳn hồi kết cục chỉ vì nó cách nhau một thời gian 10 năm. 10 năm trước, tâm hồn của một người thanh niên hãy còn trong trắng, chở đầy chiếc thuyền đời toàn là nhung với lụa. Mười năm sau, cũng người thanh niên ấy, tâm hồn đã vẫn đục như nước lũ mùa Hè.

Như vậy, phải chăng do chính tôi đã làm cho tôi xấu dần theo tuổi đời, hay do xã hội, cuộc đời đã làm bẩn dần tâm hồn của một con người? "Nhân chi sơ, tính bản thiện", từ đấy suy ra, người càng già thì càng nhiều thói xấu, càng đục hay sao? Tôi không tin như vậy! Có thể con người ta sẽ xấu, sẽ đục đến một cái mức nào đó, đến một cái tuổi

nào đó, rồi người ta lại phải tìm về cái đẹp, cái thiện và lọc dần cho tâm hồn trong lại. Cho nên mới có nhiều ông già, bà già rất phúc hậu đạo đức.

Hàng tuần lễ sau khi tôi vớ được 4 đồng, cũng chả thấy ai kêu mất tiền. Hơn một tuần rồi, phải thành thật mà nói rằng: Lúc này dù có ai kêu mất tiền, chưa chắc tôi đã trả, vì tôi đã biết một anh ở toán 6 có một miếng xà bông to. Anh đã bằng lòng bán cho tôi với giá một đồng, hơn nữa, tôi đã dự trù cuối tháng nhờ mua mấy gói thuốc lào nữa rồi.

Tôi quan sát, nghe ngóng từng người chung quanh tôi. Tôi có thể đoán gần chắc 4 đồng bạc này là của Phan Thanh Vân, Vân có nhiều tiền nên để quên hoặc lại tưởng rơi ở nơi khác nên đã không kêu, không hỏi.

Chương 34

Phỉnh Phờ Phạm Nhân Làm Chó

Tôi đã được chuyển về tổ học nghề mộc do Nguyễn Huy Lân, toán trưởng dạy hơn một tuần rồi. Tổ này, không kể anh Lân gồm có 5 người. Điều làm tôi mừng vui là lại có cậu Toàn Thái Lan và anh Thành Xuân Yên, những người cùng mâm cơm với tôi từ khi tôi mới lên trại.

Hàng ngày tôi làm quen dần với các loại dụng cụ và những từ chuyên môn của nghề mộc. Anh Lân đã chỉ cho tôi cách mài chàng, mài đục, bướm, lưỡi bào v.v… Dần dần, tôi hiểu được thế nào là cưa mộng, cưa rọc, bào lau, bào phá, bào thẳm. Sau những bỡ ngỡ, chập choạng của những buổi ban đầu, chỉ 3 ngày sau tôi đã có thể tự lấy mực và làm hoàn thành một chiếc ghế đẩu. Chiếc ghế đẩu được Nguyễn Huy Lân khen là đẹp, chắc chắn, nhẵn nhụi, tuy nước bào lau còn cần phải thao tác, nghiên cứu nhiều.

Tôi say sưa nhìn tác phẩm đầu tay của tôi. Tôi trìu mến, ve vuốt nó, hân hoan lòng tự nhủ lòng: Chính bàn tay mình đã làm được một sản phẩm hữu ích cho đời dù bé nhỏ. Từ ý thức phải học một cái nghề cho tinh, cho vững ở trên tôi đã trình bầy. Phần khác cũng do quan điểm: "Nếu trong cuộc sống chưa có cái mình thích, thì hãy thích cái mình đang có". Trong điều kiện hiện nay ở nhà tù thì tôi phải yêu cái nghề mộc này. Tôi yêu cái tôi đang có. Chính vì vậy, tôi đã háo hức hăng say học hỏi và nỗ lực lao động. Chỉ sau 2 tuần lễ, tôi đã làm được một ghế đẩu trong một công lao động (một ngày). Đạt mức khoán, điều mà tổ học nghề trước đấy chưa ai đạt được.

Đợt kế tiếp, tôi nhận lãnh 5 chiếc ghế đẩu, tôi chỉ thao tác trong 4 ngày là đã hoàn thành. Như thế tôi đã vượt năng suất một công. Theo quy định của trại, một công lao động của một người tù trị giá 4 hào. Có thể do anh Lân báo cáo thế nào với cán bộ Kích. Nhiều lần, y xuống dưới lán mộc, đứng hàng giờ quan sát tôi miệt mài thao tác lao động, để rồi cuối tháng đó anh Lân nộp danh sách bầu mức ăn của toán cho cán bộ toán. Chính tên Kích đã bảo anh Lân ghi tên tôi vào danh sách những người được ăn 18 kg để cho y duyệt rồi đưa lên ban giáo dục (Lân về kể riêng cho tôi biết). Trong khi ở toán không ai bầu cho tôi cả vì mới lên trại và còn đang ở tổ học nghề. Điều này, cũng làm cho một số anh em trong toán không hiểu rõ đã nhìn tôi với vẻ dè dặt, ít thiện cảm. Tôi đành chấp nhận, tôi không thể đi thanh minh với hết mọi người, vả lại tôi phải cần có một số tiền để giải quyết những cái tối thiểu trong cuộc sống tù của tôi. Điều quan trọng, điều chủ yếu là việc tôi làm không trực tiếp thiệt hại đến người khác là được rồi.

Chiều nay, một tin làm cho mọi người choáng váng đờ đẫn. Ngoài lán thủ công, mọi người đang cắm cúi lao động thì anh Lân từ phòng cán bộ xuống lán cắt cử 4 người đóng gấp cỗ quan tài phải xong trước giờ trại về. Anh Phồn Lạc trong nhà kỷ luật từ mấy ngày nay không ăn uống gì được mà chỉ nôn ra máu. Trưa nay, khênh anh xuống bệnh xá cấp cứu, nhưng anh đã trút linh hồn khi vừa đặt anh nằm xuống trên chiếc giường duy nhất của bệnh xá. Anh đã thoát khỏi cảnh đọa đầy, khổ đau của đời anh.

Người ta rì rầm bàn tán, ngực của anh khi chết rồi bị tím đen lại. Ngoài ra toán 4 và toán 6 có 3 người nữa vừa phải vào nhà kỷ luật sáng nay. Ngay anh Hai Sơn của toán 2, anh mới được ra kỷ luật đang ốm bịnh ở nhà, chẳng hiểu sao trưa nay cũng phải ôm chăn chiếu vào nhà kỷ luật. Một bức màn đen tối đầy lắng lo, buồn thảm đang bao trùm tâm hồn mọi người.

Đêm nay tôi nằm mãi không ngủ được, tâm tư khắc khoải cứ cuộn vào cái mớ bòng bong bất hạnh của đời mình. Bên ngoài, trận mưa từ chập tối vẫn kéo dài rả rích canh thâu. Tiếng những giọt mưa ở mãi hồi sau cứ rơi thống thượt gợi sầu. Nghe tiếng mưa rơi trong đêm dài không ngủ, dù lòng còn đang tê dại với cảnh đời tăm tối của mình, óc tôi vẫn gợi tưởng tới mấy câu thơ của Huy Cận thì phải:

Lắng nghe giọt nhẽ rơi rơi.
Heo May hiu hắt bốn bề tâm tư.
Tâm tư hướng lạc phương mờ.
Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe.
Gió về lòng rộng không che.

Phải nói là gối gỗ nằm tê cứng cả đầu, đau cả cổ chứ còn tìm đâu ra gối mộng của đời mình. Giòng tư tưởng cứ bập bềnh nổi trôi; một thoáng về miền Nam xa vời phía bên kia chân trời, một thoáng về Hỏa Lò với dáng hình chiếc lưng ong của người Hưng Yên chập chờn, lẩn quất chìm dần vào giấc ngủ muộn đêm rừng mưa dai.

Sáng nay, tôi đang ngồi chờ trong hàng, đợi gọi đến toán 2 xuất trại thì anh Lân, sau khi gặp cán bộ toán, anh quay xuống chỗ tôi và Lê Khắc Dũng mũi khoằm bảo ở lại gặp cán bộ. Thằng Dũng này trong vụ của Phạm Huy Tân, từ lâu với tôi không ưa, vì thế khi trở về buồng nó với tôi chẳng nói với nhau một lời. Một lúc sau tên Cẩn trực trại vào dẫn nó ra khu giám thị trước, rồi y lại trở vào gọi tôi. Ngay từ sớm, tôi đã suy đoán có thể hôm nay sẽ lại gặp Hoàng Thanh. Tôi chưa hiểu y gặp tôi để làm gì, từ buổi nói chuyện với y về hoa ở sân trại, lòng tôi mong muốn là không gặp y nữa. Đến khi bước vào buồng thì ra tên Thiếu Úy Đức trưởng ban giáo dục trại E. Sau khi y chỉ chiếc ghế đẩu cho tôi ngồi, tay y cứ xoay xoay cái lọ mực ở trên bàn, mặt y tươi tỉnh vẻ săn đón:

- Anh kỳ này có khỏe không?

Vì là lần đầu tiên tôi gặp y nên tôi ngửng đầu lên nhìn y dè dặt:

- Dạ, cảm ơn ông tôi bình thường!

Tay vẫn xoay xoay lọ mực y vồn vã:

- Tuy tôi chưa gặp anh, nhưng tôi đã được các đồng chí phản ảnh anh đã đứng đúng chỗ đứng của mình. Trong sinh hoạt học tập cũng như trong lao động anh đã tỏ rõ lập trường minh bạch, không mập mờ ẩn núp, lao động hăng say; chính sự lao động này đã thể hiện tư tưởng của anh. Chúng tôi được đảng và nhân dân giao phó có trách nhiệm giúp đỡ anh tiến bộ đúng theo đường lối giáo dục cải tạo của đảng.

Ngồi nghe y nói, tôi thấy y ít nhiều có học hơn một số tên ở đây. Trông y trắng trẻo, người lại bé nhỏ như con gái. Cấp bậc công an thiếu úy bạc mầu, đã nói rằng y mang nó từ lâu. Trong cách y nói, chẳng qua y dùng những thủ thuật nghề nghiệp của y mà thôi. Bởi vì từ những tháng trước, tôi đã nghe nhiều tên cán bộ mắng mỏ, xỉ vả phạm nhân là đã lấy lao động để che dấu những tư tưởng phản động. Chỗ này, y tìm một điểm tốt của một người rồi khích lệ, ca ngợi để lôi kéo người đó về phía mình, theo mình, ủng hộ mình; vì nghĩ thế nên tôi cứ ngồi yên nghe y nói tiếp. Hết xoay lọ mực y lại cầm cái tẩy vê vê trên 2 ngón tay:

- Gần 4 tháng nay, với khả năng của anh, hẳn anh đã nhìn rõ những người chung quanh anh: Có người tư tưởng tốt, có người tư tưởng xấu. Người có tư tưởng xấu, người có tư tưởng sai cũng ví như một con bệnh phải cần có thầy thuốc chữa cho là cán bộ giáo dục. Nếu người thầy thuốc không biết rõ căn bệnh của người bệnh thì chữa làm sao, mà nếu không chữa khỏi bệnh thì làm sao con bệnh về với gia đình, vợ con, bố mẹ? Vì vậy, anh phải có trách nhiệm giúp những người đó, bằng cách tìm hiểu là bệnh gì, mức độ nặng nhẹ tới đâu rồi anh trình bầy với thầy thuốc là cán bộ. Từ đấy cán bộ mới biết được căn bệnh của họ để chữa trị. Có như vậy anh đó mới chóng được về với gia đình, như thế anh đã trở thành người ân đối với anh đó. Sau đây, tôi sẽ hỏi anh và gợi ý cho anh một số vấn đề. Tuy tôi hỏi về người khác, nhưng chính thái độ trả lời trình bầy của anh để chúng tôi hiểu về tư tưởng của anh đấy.

Nghe y nói đến đây, tôi thấy y ví von người tù như một con bịnh thì cũng không đúng lắm nhưng tôi chợt thấy ý tưởng của y giống hệt tên Phan Tấn Hưng đã nói với tôi ở Hỏa Lò, chỉ có khác là ở đây kèm theo áp lực đe dọa nữa. Thì ra cùng ở trong một cái lò, lời nói, ý tưởng của chúng cũng cùng trong một cái khuôn như nhau. Tuy vậy, tôi cũng hơi bàng hoàng, băn khoăn. Trước đây tôi tưởng, tôi có thể lấy cái khâu lao động tốt để sống yên thân, sống chìm như hòn sỏi, hòn đá nhưng như thế này cũng thật khó ổn. Để thăm dò tôi phát biểu, nhất là thái độ của y lại đang im lặng chờ tôi nói:

- Thưa ông, từ ngày lên trại, tôi đã xác quyết chỉ có một con đường duy nhất là quyết tâm cải tạo mình để mong một ngày nào đó được hưởng lượng khoan hồng của đảng và chính phủ. Bởi vậy, tôi chỉ nỗ lực, hăng say học nghề một cho tốt, từ đấy tôi có điều kiện để làm ra của cải cho trại.

Nghe tôi nói đến đây, y cau mày rồi giơ tay ngăn lại không cho tôi nói nữa:

- Thôi thôi, anh đã cố ý không muốn hiểu lời tôi nói, vậy anh có thể đứng lên đi về trại.

Nói rồi mặt y lạnh hẳn lại. Tôi hiểu, tôi không được phép làm căng, cương ở đây mà nó đã đè thì không còn có cơ hội nào đứng dậy được, vì vậy tôi xả hơi:

- Thưa ông, tuy tôi đã ở tù lâu, nhưng thực sự ở chung với đồng phạm chỉ mới mấy tháng nay, do thế còn nhiều điều tôi chưa hiểu rõ. Ông là cán bộ giáo dục của đảng, để nghị ông hãy chỉ dạy cho tôi những đường hướng tôi phải đi, những việc tôi phải làm.

Mặt y tươi dần lại, xoay hẳn người về phía tôi mà từ nãy y đã xoay ra phía cửa sổ :

- Anh phải biết rằng, chúng tôi đánh giá các anh, những gián điệp, Biệt Kích từ trong Nam ra xâm nhập miền Bắc hoàn toàn khác. Các anh là những đứa con ở xa cha mẹ, xa nhân dân, thường ngày chỉ nghe lũ tay sai và đế quốc, xúi dục, phản tuyên truyền, nói xấu cha mẹ. Các anh đã hiểu được lòng cha mẹ thương nhớ những đứa con phải xa nhà, lạc mẹ thế nào đâu, nên đã nghe theo lời dụ dỗ, phỉnh phờ của chúng trở về làm hại, chống cha mẹ mình. Bây giờ các anh đã về đây, đã thấy, đã hiểu được lòng cha mẹ, cho nên các anh dễ cải tạo lắm. Ngược lại, những tên phản cách mạng ở ngay trong nhà, những tên phản động đội lốt tôn giáo đã hiểu rõ đường lối chính sách vì nhân dân của đảng và chính phủ. Nhưng chỉ vì những quyền lợi cá nhân, cục bộ nhỏ bé của mình, chúng đã lập phái này, đảng kia để nói xấu, để chống phá cách mạng. Những loại này rất khó hay không thể cải tạo được. Nhưng với vũ khí vô song là vô sản chuyên chính, đảng và nhà nước cương quyết đập tan, phá nát mọi tư tưởng phi vô sản. Tiêu diệt mọi khuynh hướng phản động của giai cấp bóc lột để tạo dựng một xã hội công bằng, ai cũng như ai. Do đấy, anh có trách nhiệm giúp nhà nước hoàn thành sứ mệnh cao cả ấy.

Y hùng hồn dùng đao to búa lớn quá, tôi thấy rằng, tốt nhất hãy tìm cách "hoãn binh" để rồi tùy theo sẽ lựa thế sau. Dù rằng chưa dám đóng hẳn cánh cửa, nghĩa là từ chối thẳng thì cũng phải mở hé ra kẻo rồi sẽ khó khăn về sau

này, nghĩ thế tôi phát biểu:

- Thưa ông, hôm nay được ông chỉ dạy cho tôi hiểu biết thêm được nhiều điều mới lạ. Tôi tự hiểu trong đầu óc của tôi còn đầy rẫy những tư tưởng lạc hậu, lỗi thời phản động. Từ nay tôi sẽ quyết tâm gột rửa dần dần vì tôi nghĩ rằng: Bản thân tôi, lòng có sạch, tâm có trong thì mới nhìn được sự trong đục chung quanh mình.

Y đứng dậy, đi ra phía cửa sổ nhìn ra bên ngoài, rồi ngoái lại gằn giọng:

- Được, thời gian còn dài, tôi cho anh về suy nghĩ cho thấu đáo. Tùy anh sẽ chọn con đường sáng sủa thênh thang, hay con đường chông gai, đen tối.

Tôi trở về trại, lòng buồn rười rượi. Ngày hôm sau, tôi đem nỗi niềm nặng chĩu tâm sự với bác Lẫm, tôi mới hiểu được thêm những mánh khóe, thủ đoạn của những tên cán bộ giáo dục: Cũng chính tên Đức, hơn một tháng trước đấy đã gọi bác Lẫm lên để giáo dục, lại nói: "Các anh là con cái trong nhà, dù có sai phạm, lỗi lầm thì chỉ là nhất thời cũng như đứa con hư, nên bố mẹ dạy bảo, sửa chữa chẳng khó khăn gì; chỉ những tên Biệt Kích, gián điệp từ trong Nam ra phá hoại thành quả của cách mạng. Chúng là những loại khát máu, phản động bóc lột, làm tay sai cho ngoại bang, ngay từ trong xương, trong thịt, bởi vậy rất khó cải tạo. Do đấy, các anh là con cái trong nhà, hãy nâng cao trách nhiệm, để ý tìm hiểu những tư tưởng, việc làm của chúng, kịp thời báo cáo rõ ràng với cán bộ v.v..." Nghe bác Lẫm thuật lại, đã làm tôi bàng hoàng! Phải nói rằng giữa bác Lẫm với tôi do những quan hệ thâm tình nhìn được từ trong ánh mắt của nhau nên đã cởi mở từ đáy lòng trao đổi, cho nên những thủ đoạn quỷ quyệt của chúng mới sáng rõ. Tôi bị bàng hoàng vì tôi chợt hiểu rằng: Trong cảnh sống đầy đau thương và đe dọa này, hầu hết không ai dám tâm sự với ai. Ngay như tôi, chỉ với bác Lẫm là duy nhất tôi mới dám tâm sự cởi mở hết lòng, trong khi dù Lê Sơn, Vân hay nhiều người khác, nhìn trong sinh hoạt tưởng như là thân nhau lắm, nhưng tôi cũng như họ đâu dám thực sự tin nhau hoàn toàn; cho nên ai cũng ngậm miệng để khỏi di họa. Mà như vậy thì với mức độ khác nhau đều bị rơi vào cái bẫy của Cộng Sản:

Ngăn cách, ly gián, gây nghi ngờ giữa mọi phạm nhân với nhau, từ đấy mỗi người tứ tưởng chỉ có mình mới được cán bộ tin cẩn đánh giá tốt, không tốt mà lại giao cho nhiệm vụ đặc biệt theo dõi, tìm hiểu từng cá nhân ở trong trại?

Sau buổi nói chuyện với bác Lẫm, tôi nhìn mọi người ra vào sinh hoạt, tôi liên tưởng đến một câu chuyện "người chủ nhà và ba người thợ gặt":

Anh chủ nhà có ruộng. Anh mướn được ba người thợ gặt khác nhau. Mục đích anh chủ nhà muốn là: Công việc gặt hái phải nhanh, tốt, không để vương vãi phí phạm. Anh gọi từng người riêng biệt, mà không cho 2 người kia biết, vào trong buồng, rót cho một ly rượu nhỏ rồi trìu mến, ân tình căn dặn: "Ngay từ đầu tôi chỉ tin tưởng nơi anh, hai anh kia không có tinh thần trách nhiệm, nên tôi không thể yên tâm giao việc cho họ; vậy tôi giao mọi việc gặt hái cho anh. Anh hãy để ý xem xét và cố gắng làm việc; tôi sẽ không để thiệt anh." Nếu ba người thợ gặt này thổ lộ với nhau thì cả ba anh sẽ thấy rõ âm mưu của chủ nhà, vì mỗi anh đều cũng được một chén rượu như nhau. Nếu không, mỗi người sẽ tưởng bở, ông chủ nhà chỉ tin mình và tốt với mình mà thôi.

Chương 35

Những Tượng Ảnh Làm Ô Uế CHÚA

Chiều nay, một nguồn vui bất ngờ làm xôn xao cả trại. Do tinh thần lao động hăng say của các toán, ban giám thị mua về cho cả trại hai con lợn, mỗi con nặng hai mươi lăm ký và đặc biệt chiều nay cơm không độn.

Nguồn tin rộ ra khi đã xuất trại rồi vậy mà nó lan tràn rất nhanh ra khắp các toán ở ngoài rừng cũng như trong lán thủ công. Nhiều con "phe" đã thập thò, thì thầm đặt hàng mua bán, đổi chác cái món ăn tuyệt vời mà từ Tết tới giờ hơn ba tháng rồi mới có. Ngay ở trong lán, mùi hành, mùi tỏi từ phía nhà bếp trại lách vào trong gió theo nhau ra cả đến chỗ người ta làm mộc. Nhiều anh, dù đang cưa, bào đục đẽo cũng phải ngửng lên hếch mãi cái mũi lên cao hà hà, hít hít, mắt sáng long lanh nhìn nhau như muốn nói: Đấy… có ngửi thấy không?

Phần tôi, dù đang cắm cúi bào mấy cái mặt ghế đẩu sồn sột, trong lòng vẫn cứ nhấp nhổm tính. Ngay từ mấy ngày trước, tôi đã nhìn thấy mấy cây ngò gai của bác Chánh trồng bên cạnh gốc cây muồng cụt phía sau lán vernie. Dứt khoát bằng mọi giá tôi phải ngoại giao để kiếm được hai lá về để "xịa" vào mấy miếng thịt chiều cho đời lên hương sắc. Nhưng cho đến khi toán về, khi vào qua cổng trại, một mùi thơm của thịt thật lạ lùng, nó nồng nồng, ngái ngái phả khắp đó đây. Anh em vẫn nôn nóng hơn mọi khi như thôn, làng chuẩn bị vào đám. Nhưng cũng có nguồn tin đang được rỉ tai: "Thịt lợn chết ấy mà". Mới nghe, mọi người có vẻ hơi buồn một chút, nhưng rồi hầu như mọi người lại gượng vui chấp nhận: "Có còn hơn không".

Nguồn tin càng gần đến giờ lấy cơm lại càng bành trướng to mãi ra rồi đẻ dài ra nhiều chi tiết cụ thể: "Ân huệ chó gì đâu, mấy con lợn này là của cán bộ mua từ miền xuôi lên. Trời thì nóng, xe thì chậm chạp cũ kỹ nên lợn bị chết đã từ hai ngày ở dưới Hải Phòng. Cán bộ quyết định mổ, lấy ruột ra rồi nhân những thùng mắm cùng mua về cho cơ quan, đem hai con lợn chết ướp vào đấy trên đường về cho thịt khỏi hư. Nhưng có lẽ hai con lợn chết đã lâu, thịt đã ươn nên dù có ngâm vào thùng mắm, nó vẫn có cái mùi khăn khẳn. Chính vì thế, ngoài cơ quan cán bộ không ăn, nhưng lại không muốn mất tiền, cho nên mới bán lại cho bếp trại.

Đấy là lòng thương yêu của ban giám thị!

Dù đã nghe mọi người rì rầm bàn tán như thế, nhưng hầu hết anh em do thèm khát, thiếu đói lâu ngày nên đều đồng ý: Có mà ăn là tốt rồi! Vả lại thịt đã được ngâm mắm lại càng thơm càng đậm đà.

Nhưng chả hiểu đường dây báo cáo "chó chết" nào cũng thật nhanh và nhậy. Chỉ mới đến lúc 3 tiếng kẻng rống lên ở cổng trại báo hiệu giờ hạnh phúc, giờ lấy cơm của anh em đã điểm. Anh em đang ồn ào, chen chúc nhau chạy túa về phía nhà bếp thì tên Đức, thiếu úy trưởng ban giáo dục và tên Cẩn trực trại từ phía cổng hộc tốc đi vào nhà bếp. Một tin lại làm tê điếng lòng mọi người: Nghiêm lệnh đột xuất của ban giám thị, bắt đem toàn bộ số thịt lợn đó đi chôn. Lệnh giao cho Thiếu Úy Đức, trưởng ban giáo dục trực tiếp thi hành triệt để.

Lần này trong trại còn xôn xao hơn cả buổi trưa, kêu trời chửi đất râm ran lên như vịt đẻ. Người ta kéo nhau ra đầy sân, đầy cửa đứng nhìn mấy anh tự giác gánh gồng, cuốc xẻng do cán bộ áp giải đem thịt đi chôn. Mọi người nguyền rủa, căm thù tên gian tặc nào đó đã báo cáo. Nó ngu quá, khôn như người ta thì hãy để ăn xong rồi hẵng cáo cầy, để bây giờ nhỡ nhàng chỉ có cơm trắng với muối rang. Câu chuyện thịt chết đến đó vẫn còn chưa xong.

Hai hôm sau, vào ngày Chủ Nhật. Trời đã vào Hè, nắng chang chang. Buổi trưa, không hiểu sao trong trại nhiều nhặng xanh thế? Buồng nào nhặng xanh cũng kéo vào như đàn ong. Đuổi chúng cũng không bay đi, lại cứ xấn cồ vào trong buồng. Một cái mùi tanh tanh, khăn khẳn buồn nôn, cái mùi của thịt chết lâu ngày nồng nặc trong khu trại. Ngửi thấy cái mùi này, tôi lại liên tưởng đến cái mùi thịt của những xác chết ươn đã nhiều ngày ở nghĩa địa Đô thành trong ngày binh biến 11/11/1960, và cái mùi của chiếc chân thối của vị linh mục ở Cassô, Hỏa Lò ngày nào. Chẳng còn ai ngủ trưa được nữa, người ta dậy để đuổi nhặng, và mọi người mới hiểu được nguyên nhân: Có những đường dây ngầm, móc ngoặc giữa tự giác với con buôn và người có tiền. Họ đã bí mật đào lấy mấy bọc thịt lợn chôn về, lén lút bán một đồng một cóng bơ sữa bò. Nhiều người có tiền ở các toán đã bắt mối nhau mua. Người mua, chủ trương sẽ cho nhiều muối vào kho mặn rồi giấu kỹ để ăn dần. Nhưng có lẽ một phần vì thịt lợn chết đã quá lâu, đã ươn rữa, phần khác, muối đâu có thể kiếm được đủ dễ dàng. Vả lại, người ta cũng chả ngờ được những con nhặng chó chết,

mũi thật tuyệt vời. Người ta đã đậy kỹ, giấu mãi trong rương, trong bọc vậy mà chúng cũng đánh hơi thấy nên đã lăn xả vào con mồi.

Oan khổ hai anh tự giác vừa mất chân béo bở, lại vừa phải nằm nghỉ ngơi, nhưng bụng rỗng ở trong nhà kỷ luật. Mọi người đã mua thịt đều phải tự giác đem ra, không tự giác cũng không được vì những con nhặng sẽ tìm ra ngay; hơn nữa còn bị áp lực gắt gao của những người nằm bên cạnh không mua thịt. Tuy vậy, do quá thèm khát lâu ngày và do tiếc đồng tiền đã bỏ ra nên đại đa số đã ngấu nghiến nhai vụng, nếm ngầm, nuốt bớt để rồi đi ỉa chảy trở thành cái dịch kiết lỵ cho hơn hai chục người trong trại. Cuối cùng 3 người đã phải đền mạng vì đợt thịt chết này là: Trần Đóa, một ông quận trưởng già ở Nam Định thuộc toán 4, Nông A Dzìn và Lò Đót thuộc toán 6. Trong cuộc đời có nhiều cái chết thật rẻ và cũng thật vô duyên!

Thời gian thấm thoát thoi đưa đã chảy dần vào cái Hè oi ả của tháng 6 tháng 7. Cái tháng của mặt trời đốt khô cảnh vật, nhưng cũng có hôm nước đổ ào ào trong những trận mưa rừng dẫn dỗi làm ngập lụt cả đường đi. Tôi đã được chuyển lên tổ mộc của Phan Thanh Vân hơn 2 tháng rồi. Vân đã tận tình truyền dạy tay nghề cho tôi, phần khác, do tự tìm tòi học hỏi thêm ở những người thợ vững tay nghề khác, cho nên tôi đã làm được bàn và giường cá nhân khá về kỹ thuật cũng như về năng suất. Ông cán bộ Kích, quản giáo toán đã đổi đi nơi khác hơn một tháng rồi. Phải nói tôi rất có cảm tình với ông Kích, tuy theo Cộng Sản nhưng vẫn giữ được ít nhiều cái bản tính bộc trực, thẳng thắn của người miền Nam gốc Long Xuyên. Một buổi, chính ông đã gọi tôi lên phòng; trong những câu chuyện trò, hỏi han vẫn có một sợi tơ tình luồn lách, lẩn quất bên trong. Ông đã nói ý cho tôi: "Cứ lao động vừa thôi thì tôi cũng đã được ăn 18 kg rồi, phải biết giữ sức mình."

Đây là một ý tưởng rất hiếm, rất quý của một cán bộ trở thành đến lạ lùng nên tôi không thể quên được ông. Ngược lại, tên cán bộ toán mới này, y cũng là người miền Nam tập kết, nhưng tôi không biết quê quán ở đâu. Hơn một tháng nay từ khi về nhận toán 2, y năng nổ theo dõi sát nút các khâu và mọi phạm nhân trong toán. Y tận dụng mọi thời gian luôn luôn thúc giục tù làm việc. Họp hành, kiểm thảo phê bình càng được tăng cường về cả nội dung cũng như thời gian. Tên y là Sỹ, cũng chỉ có cái lon trung sĩ từ mầu đỏ cạch đã phai đi thành cái mầu lá chết. Da y đen thẫm mầu bánh mật, hai má hóp lại nên đôi gò phía trên gồ ra đối với chiếc cằm nhọn làm cho cái mặt y choắt lại. Nét mặt y như vậy là thể hiện nội tâm của một con người suốt ngày đêm lo toan, tính toán để làm sao vươn cao, nổi bật hơn người chung quanh. Tôi tin rằng những ưu lo của y đã cuốn chặt cả vào những giấc ngủ ban đêm và bữa ăn của y ban ngày.

Một loại người như vậy, thì sống ở bất cứ một cái tập thể nào thì cũng làm phiền toái, gây ra nhiều bực dọc cho cái tập thể đó mà thôi. Ngoài xã hội thì kích bác, ghen ăn, ghen ở, tức ở, thủ đoạn, nịnh bợ. Trong nhà tù thì tất yếu sẽ làm chó không sai. Người như vậy mà có quyền hành thì thật là khốn khổ cho toán 2 chúng tôi trong giai đoạn này. Tôi nhớ một nhà tư tưởng có nói một câu: "Một tội ác nghiêm trọng của loài người là lại giao quyền hành vào trong tay một kẻ ngu."

Chẳng hiểu tên Sỹ ác ôn này đề xuất, phát triển ý kiến sao đó; y lọc chọn toán 2 ra một bộ phận chính gồm toàn những anh trẻ khỏe hơn 30 người. Y đặt cái tên cho cái nhóm này là: "Đội mũi nhọn tiên phong". Số già yếu còn lại của toán gồm gần 2 chục người ở lại lán làm việc do một tên công an vũ trang quản lý. Số già yếu này phải nhận một phần việc gấp 2 lần để thay cho đội "mũi nhọn" phải nhận một công việc bất ngờ đặc biệt.

Hơn hai năm trước, khoảng giữa năm 1966, lúc này chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ bằng Không Quân đang được mở rộng. Vào một buổi chiều thứ Bẩy, những đoàn tù lũ lượt gánh gồng những sản phẩm như ngô, khoai, sắn ở ngoài đồng về kho trại (trại chính). Chiếc kho này gồm 3 căn nhà xây ngay cạnh trại. Trời trong xanh, phía Đông dăm ba chùm mây trắng lững lờ, ngắc ngư theo gió mò về phía mặt trời lặn. Hai chiếc máy bay trên cao tít, lẫn vào trong mây, chẳng hiểu đi bắn phá mục tiêu ở đâu bay trở về. Có thể mấy anh phi công Mỹ nhà mình, nhìn thấy mấy khu nhà bên ngoài trại giam lại có mấy cái nhà xây. Trong khi, khu nhà của ban giám thị và khu công an vũ trang

cũng như những căn nhà trong trại lại là tre, gỗ và lợp nứa. Các anh có biết đâu rằng, đối với công an kho lương thực là quan trọng nhất, nên phải xây gạch để bảo trì; cho nên các anh đã sà xuống ngắt chơi cho 2 quả bom nhẹ, loại 100 pounds, vì tưởng đấy là lũ người coi trại.

Kết quả cả 3 căn nhà kho đều đổ nát, 18 người tù được tha bổng, 6 người bị thương. Riêng phía công an chết 5 tên, có một nữ cán bộ đang ở tuổi trăng tròn, hơ hớ tuổi xuân. Thế là tù được lệnh phân tán di chuyển về các phân trại. Nhà tù ở cũng được gỡ xuống đem gỗ cất giấu. Riêng có 5 căn nhà dài được rỡ về, xếp thành mấy đống lù đù ở cạnh tại E hiện nay, vẫn bao lợp bằng nứa đan.

Bây giờ giữa năm 1968, Mỹ đã tuyên bố hạn chế bắn phá. Do thế, "đội mũi nhọn" được lệnh chuyển tất cả những cột, kèo gỗ lạt của 5 căn nhà đó trở về trại xây. Đường từ trại E ra trại xây chỉ khoảng 4 cây số nhưng nhiều ngoắt ngoẻo, dốc đồi.

Hầu hết số biệt kích, gián điệp ở trong Nam ra đều được chọn vào cái đội "mũi nhọn" chết người này. Kể cả Đinh Sơn, tổ trưởng, tổ kỹ thuật và Nguyễn Huy Lân toán trưởng cũng không thể thoát cái lệnh quái ác của tên Sỹ. Tên Sỹ đứng ốp ngay tại đống gỗ. Cột cái 4 người trong người kia, ai cũng phải vác những cái mà tên Sỹ nhìn được.

Hai tên bộ đội vũ trang áp giải cũng thật vất vả. Chúng cũng phải chạy theo những người mang vác. Phần vì mang vác nặng thường phải chạy nhanh một đoạn đường để nghỉ dăm phút cho đỡ đau vai. Phần khác, cũng do tên Sỹ thúc ép quát tháo, giục chạy ở phía sau. Buổi sáng một chuyến, chiều một chuyến; như vậy cả đi và về tất cả 4 lần, tức 16 cây số mỗi ngày. Cái điều đáng sợ là phải triệt để thực hiện khẩu hiệu: "Đi có về có" của tên Sỹ. Ở gần trại chính khoảng 500 mét, có mấy đống củi gỗ lớn chẳng hiểu có từ bao giờ. Vì thế, sau khi khênh, vác gỗ làm nhà vào trại chính xếp gọn ghẽ, lại trở ra chỗ đống củi, vác củi về trại E cho bộ đội và cán bộ thổi nấu và sưởi về mùa Đông.

Tuy được bồi dưỡng đặc biệt, anh Lý A Chén, tự giác toán, được quyền mỗi ngày đào 30 kg sắn, bóc vỏ, luộc để "đội mũi nhọn" ăn thêm cho có sức lao động. Bóc vỏ rồi luộc, chia ra thì mỗi người cũng được 7 lạng sắn chứ có ít đâu. Ngày đầu ai nấy đều hăm hở ăn hết, nhưng những ngày hôm sau thì đã có nghiều người nhai không muốn nuốt, chỉ vì người quá mệt.

Tôi với Vân thường 2 người vác một cột quân. Vân cao lớn hơn tôi, nên đi sau. Kẻ trước người sau đều è vai, mặt đỏ tía tai đẩy kéo nhau chạy. Một vài ngày đầu, ai cũng hăng say phấn khởi, nhẩm bụng mỗi ngày có gần 1 kg sắn thì hẳn phải được ăn no. Những ngày hôm sau, phần vì mệt, hết hơi, hết sức, phần khác, người và vai đau như giần. Đang là một thân tù ốm yếu, hàng ngày chỉ ra lán thủ công lao động, bây giờ mỗi ngày chạy 16 cây số, chưa nói là phải mang vác nặng nề thì ai mà không sợ. Những ngày nắng gắt, mặt trời như đổ lửa xuống núi rừng, mồ hôi chảy tong tong ướt đẫm cả áo quần. Những buổi mưa gió dầm dề, đường trơn lầy lội, anh chàng Vân chỉ to xác, tôi có cảm tưởng 2 cái chân ấy, không phải là của cái thân hình dài ngoẵng của anh ta. Nó chòng chành, run rẩy, xiêu vẹo cứ như lúc nào cũng muốn đổ kềnh ra. Thân tôi cũng đang ngắc ngư con tầu đi, nhưng nhìn Vân tôi cũng thấy não lòng ái ngại. Rõ ràng Vân đi không vững, có lần trượt chân, Vân ngã xấp xuống đám bùn lỗ chân trâu, hất tung cái cột lăn ra mé đường kéo tôi nằm ngửa hơ hơ cũng trên bùn với nước. Những lúc quá nặng, quá mệt, Vân và tôi ghệ chiếc cột vào một bụi nứa bên đường để nghỉ. Thắc mắc, hỏi Vân, tôi mới hiểu: Anh đi không vững, một khía do bàn chân mất một ngón, khía nữa chỉ có một con mắt nên cứ chổng chểnh chạy theo, chứ nhiều khi Vân chả nhìn thấy vũng nước hay ổ gà. Thảo nào, những hôm đường trơn toàn bùn, Vân ngã xiêu, ngã vẹo xoành xoạch, quần áo, mặt mũi lấm be, lấm bét. Trông mặt Vân méo xẹo, nhưng tôi cũng chả hơn gì, chẳng qua đã là tấm thân tù rồi. Hữu thân, hữu khổ phàn nàn cùng ai?

Được gần một tuần thì anh Phạm Tấn Tích tổ trưởng tổ 3 ngã, bị cây cột cái đè gẫy xương sống, phải khênh về bệnh xá trại. Dù đã có người bị thương nặng, nhưng "đội mũi nhọn" vẫn bị tiếp tục duy trì cường độ lao động, cho tới xong để đạt chỉ tiêu thi đua mà tên Sỹ đã đăng ký lập công, với cấp trên, với tổ đảng. Chỉ hơn nửa tháng trời, mắt

anh nào cũng trắng ra, má hóp vào, mặt vêu vao như sau một trận ốm nặng.

Điều vui mừng cho Vân là sau đợt lao động của "đội mũi nhọn" này, Vân đã có lệnh tha. Vân đã được tha ra trước án mấy tháng. Tôi vừa mừng vừa gạt được cái nỗi nặng nề, vẫn canh cánh trong lòng. Mừng vì Vân được tha ra đúng như tôi đã lý luận dự đoán. Lòng tôi nhẹ đi, vì dù sao chăng nữa, từ ngày tôi nhặt được 4 đồng bạc, mà tôi đã đoán đến 90% là của Phan Thanh Vân. Bởi vậy, mỗi lần nhìn thấy Vân, lòng tôi lại gờn gợn lên nét sượng sùng. Bây giờ cuộc đời của Vân đã được đi ra con đường rộng, đã ra chỗ sáng, lòng tôi sẽ không còn áy náy nhiều nữa. Tuy vậy, khi viết đến mấy giòng này, tôi chưa biết Vân đang ở đâu, nếu tìm được, tôi sẽ trả cả vốn lẫn lời cho cái món nợ trong chốn khốn cùng của quê hương ấy.

Cho tới lúc này, tôi tin rằng Vân cũng không thể quên tôi được, bởi vì Vân còn nhớ chăng? Đôi bát to tráng men mầu xanh lá chuối non. Đôi bát lúc ấy là một thứ quý giá nhất đối với đời một người tù, Vân đã dành riêng để lại cho tôi. Đôi bát ấy đã quyện chặt nghĩa tình của Vân. Chúng đã lầm lủi, sắt son theo tôi cho đến ngày cuối ngục tù của đời tôi.

Vân được làm công nhân ngay trong trại I. Những tháng sau đó, đôi ba lần tôi thoáng thấy Vân mặc bộ đồ nâu đi giăng mắc dây điện cho trại. Nghe đâu, lương của Vân mỗi tháng 36 đồng.

Rồi do những đổi thay xê dịch của đời tù, mãi đến năm 1974 sau Hội Nghị Paris một năm. Lúc này tôi đang ở trại trung ương số II Phong Quang, thuộc tỉnh Yên Bái. Tình cờ nghe mấy em tù hình sự kể chuyện lại: Phan Thanh Vân được về Hà Nội làm công nhân, rồi vì sao đó bị bắt lại trại I. Do sự bất mãn nên đã ương ngạnh với chính quyền mà phải vào nhà kỷ luật. Trong nhà kỷ luật, hơn một tháng sau bị đi kiết lỵ rồi chết. Từ dạo biết tin ấy, tôi rất buồn cho đời Vân. Chẳng thể ngờ đời một con người đã chịu khổ cực tù đầy bao nhiêu tháng, năm cho tới khi được tha, kết quả là như thế hay sao?

Mới đây, tôi nghe có người nói: Hiện nay Vân đang ở Pháp. Nghe tin tôi vừa bàng hoàng vừa mừng, nếu như đó là sự thực, tôi tin rằng những ngày tới tôi sẽ tìm thấy Vân. Như vậy, phải chăng nguồn tin Vân bị bắt lại và bị chết là do Cộng Sản đưa ra?

Hôm nay là Chủ Nhật, lao động xã hội chủ nghĩa buổi sáng. Toán 2 được công an vũ trang dẫn giải dùng dao phát quang chung quanh trại. Sửa sang buộc lại hàng rào trại. Khi lao động xong về trại, đang lúc trại ồn ào chia cơm canh, đột nhiên phía ngoài cổng trại lao xao, náo nhiệt hẳn lên. Một đoàn tù đến sáu, bảy chục người, già, trẻ lôi thôi, lếch thếch gồng gánh rương hòm, chăn mùng xếp hàng theo nhau vào trong sân trại. Bên ngoài cổng lố nhố một lũ cán bộ áo vàng. Tên trực trại Cẩn, tay cầm quyển sổ vừa ghi điểm nhận số tù nhập trại xong, y chỉ tay quát bảo đoàn tù vừa nhập trại ngồi xếp hàng 4 ngay tại sân. Tên trật tự Tân và tên Thái y tá đang lăng xăng người ôm hộp con dấu, người xách chiếc sọt tiến ra đám tù thì 6 – 7 tên cán bộ khác cũng từ cổng đi vào. Tên Cẩn đứng ở đầu sân cao giọng:

- Lệnh của ban giám thị, các anh hãy mở hết tư trang ra để cán bộ kiểm tra. Lần lượt từng anh, hết khám người rồi lục lọi từng thứ một. Quần áo, mùng mền, cái nào chưa đóng dấu đều bị đóng dấu. Ca, gô, bát đĩa, mỗi người chỉ được giữ lại một cái: Hoặc gô, hoặc ca và một đôi đĩa bát, còn bao nhiêu đều bị tịch thu hết.

Nhiều anh em trong trại, tuy chưa dám đến gần đám tù mới vào nhưng từ xa, ai cũng đứng nhìn ra mong tìm gặp người quen. Sau khi khám xong, đám tù mới được lệnh ôm quần áo vào hội trường ngồi chờ có lệnh sắp xếp, biên chế về các toán. Lúc này, đã có một số người trong đoàn tù mới đến, quen biết với những anh em ở trại. Họ còn đang í ới gọi, nói, chào hỏi nhau thì Hoàng Thanh lững thững từ ngoài cổng trại đi vào.

Chỉ thoáng thấy bóng dáng tên hung thần, hầu hết anh em ở trại đã lấm lét lủi đi hết, kể cả tôi. Chúng tôi đã được

biết đây là anh em ở trại Vĩnh Tiến chuyển về. Đám tù mới, ngồi ở hội trường, có thể nhiều người chưa biết tiếng Hoàng Thanh, mà chỉ thấy một cán bộ trung úy bình thường nên họ cứ ngồi trân trân nhìn. Nhưng khi thấy anh em cũ ở trại lủi đi hết nên cũng có người chột dạ cúi xuống ngồi im.

Hoàng Thanh dáng người cao lêu nghêu, hai tay vắt sau lưng, lững thững lách vào đám tù ở hội trường nhìn mặt từng người cứ như nhận diện. Y thấy ai ở cổ đeo thánh giá hay mẫu ảnh, thò tay cầm, mân mê xem rồi y giật đứt, ném mạnh xuống đất cho tên Tân đang đi sau nhặt bỏ vào sọt rác. Miệng Hoàng Thanh nói với vẻ dằn dỗi, trách móc:

- Các anh bậy thật! Tượng ảnh là một thứ thiêng liêng để tôn thờ. Các anh làm bậy, làm bạ thế này mà đeo, tôi cấm các anh từ nay không được đeo nữa! Làm ô uế cả tôn giáo ra!

Cứ thế, y đã giật đứt tượng ảnh của 3 – 4 người rồi. Những người khác vội vàng tháo ra giấu đi thì thôi, nhưng có 2 anh, trông chừng 25 – 30 tuổi đã nói to phản kháng.

- Đây, các anh xem, cái miếng sắt, miếng tôn thế này mà bảo là ảnh Chúa à? Đúng, nhà nước không cấm, nhà nước chủ trương tự do tín ngưỡng nên nhà nước có trách nhiệm bảo vệ tôn giáo. Bao giờ những tượng ảnh này có giấy xác nhận của tòa thánh La Mã thì tôi đồng ý cho các anh đeo. Vả lại, quyền tự do tín ngưỡng là đối với người dân, chứ các anh là những kẻ tội phạm rồi, mất tự do thì cũng không còn được hưởng quyền đó nữa. Các anh hãy cố gắng cải tạo tốt, khi chính phủ tha về, bấy giờ các anh muốn đeo gì thì đeo.

Hai anh đó (sau đấy tôi biết) đều ở Nghệ An, là tu sĩ ở đại chủng viện tên là Nguyễn Thanh Đương và Trần Quốc Anh. Tuy hai anh em đều tím ruột, tím gan, nhưng trước cường quyền hai anh đành nén, nuốt xuống những giọt máu trào, phải tưởng úa ra tai, ra mắt, ra miệng. Vậy mà, ngay sau đó dù chưa được phân bố về toán nào, hai anh đã được lệnh ôm chăn chiếu vào nhà kỷ luật do tên Cẩn và tên Tân dẫn đi.

Buổi chiều, toàn trại cũng sắp xếp, chuyển đổi chỗ nằm theo bản sơ đồ chỉ định của từng toán do ban giáo dục đưa vào. Số người ở trại Vĩnh Tiến chuyển về được phân bố về toán 2 (mộc) 12 người như sau:

- Trần Lào (Thái Lan về nước, vượt biên) tập trung, cải tạo.

- Nguyễn Văn Gôm (phản cách mạng) án 12 năm.

- Lê Văn Bưởi (gián điệp) án 20 năm.

- Nguyễn Thanh Đương (tu sĩ) tập trung cải tạo.

- Lộc Mù (phản cách mạng) tập trung.

- Lê Liễu (đảng phái) án 20 năm.

- Lò Văn Lui (phản cách mạng, dân tộc Lào) tập trung.

- Hoàng Đức Tùng (Thái Lan về nước, vượt biên) tập trung.

- Thân Lân (bộ đội tập kết, xét lại) tập trung.

- Nguyễn Văn Tiến (phản tuyên truyền) tập trung.

- Trần Thanh Tùng (tân đảo về nước, vượt biên) tập trung.

- Nguyễn Văn Cường (tu sĩ) tập trung.

Phân bổ về toán 3 (xẻ) ở cùng buồng với toán 2 gồm 9 người, trong đó có:

- Lê Triết (em ruột Lê Liễu) án 15 năm.

- Trần Như (phản cách mạng) tập trung.

- Đoàn Giám (tu sĩ) tập trung.

- Vũ Hàm (tu sĩ) tập trung.

- Trần Quốc Anh (tu sĩ) tập trung.

Tôi cũng bị chuyển chỗ nằm, tuy vẫn ở sàn dưới nhưng gần sát nhà cầu, nằm cạnh bác Nguyễn Văn Tiến.

Gần tuần sau, tôi được biết sơ lược: Cục Lao Cải quyết định bỏ trại Vĩnh Tiến. Một số người tội nhẹ, bị bắt đi tập trung cải tạo một cách ồ ạt năm 1963 thì tha về địa phương. Còn lại những loại ngoan cố và án nặng được chuyển phân tán về nhiều trại khác. Riêng chuyển về trại số I này là 68 người. Trong số những người được chuyển về toán 2, người mà tôi chú ý nhất là anh Lê Văn Bưởi. Chúng tôi chỉ mới chào hỏi nhau sơ sơ nhưng qua người khác, tôi được biết anh là đại úy. Một điệp viên qua sông Bến Hải và cũng bị bắt năm 1962.

Một đồng cảnh, lại đồng nghiệp, do đấy tôi phải lựa thế để biết về anh. Tôi nói lựa thế, bởi vì lúc này mắt của những con chó săn đang xục xạo chờ đón ghê lắm. Hàng ngày, ai tiếp xúc với ai, hiện tượng thế nào? Cho nên để khỏi phiền toái về sau, tốt nhất hãy thong thả, để cho thời gian làm loãng đi đã, vội gì. Hơn nữa, kỳ này các toán, các tổ đang khẩn trương làm việc và sắp xếp công việc của toán, của trại cho tạm ổn theo kế hoạch. Lệnh của ban giám thị, mừng lễ quốc khánh xong, ngày 4 tháng 9 toàn trại sẽ dự lớp học tập chính trị dài ngày: "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" Theo các tên các bộ, đây là một đợt học tập thật quy mô cho toàn dân, toàn quân. Có nghĩa, bên ngoài dân chúng, các cơ quan, nhà máy cũng như tất cả các trại giam trên toàn miền Bắc đều phải học tập lớp học đặc biệt này.

Chỉ còn hơn một tuần nữa đã bước vào đợt học tập. Do những yêu cầu của viết, vẽ các khẩu hiệu phục vụ cho ngày 29 và cho lớp học, tôi lại được phân công lên lán vernie để phụ giúp Lê Sơn.

Tôi thật vui và không ngờ được nằm cạnh bác Tiến, một người thực uyên bác về nhiều lãnh vực. Đấy là điều tôi vẫn hằng sở nguyện từ khi vào tù là được gần những nhân vật lỗi lạc để học hỏi những điều mới lạ của xã hội và những kinh nghiệm trong cuộc đời. Tuy vậy, một đêm tôi chợt nhớ đến tên Đức, trưởng Ban Giáo Dục. Có thể đây là nó cố ý sắp xếp để tôi nằm cạnh bác Tiến để theo dõi, hiểu về tư tưởng của bác Tiến, vậy sẽ có một ngày nó sẽ hỏi tôi về bác Tiến.

Cái điều tôi phải cân nhắc, tính toán suy nghĩ sao để tìm ra một giải pháp như một phương châm, một mẫu mực thích hợp để hành sử, noi theo suốt những tháng năm còn ở trong tù, trong tay Cộng Sản: Do toàn bộ sự việc từ lúc đầu, không có cách thứ hai, tôi luôn luôn phải đóng một vai là một người tù tiến bộ rồi. Vậy điều cần soi kỹ, rọi sâu là triệt để không làm một điều gì thiệt hại không thể chấp nhận cho lý tưởng, cho đường đi của mình. Điều này tôi hiểu không phải là dễ dàng, nó đòi hỏi phải thường xuyên cân nhắc, ý thức trước mỗi sự việc. Tôi cũng hiểu nữa

rằng, trong cuộc đời phải chấp nhận: Muốn câu được cá thì đành phải bắt, giết mấy con giun để làm mồi.

Phải nói, do những anh em ở Vĩnh Tiến về, chúng tôi ở trại E mới biết một cách xác định về vụ Tết Mậu Thân vừa qua, Cộng Sản đã bị thất bại hoàn toàn. Chúng bị bao vây ở khắp nơi, nhất là ở Sài Gòn. Bộ đội của chúng bị tiêu diệt và bị bắt sống làm tù binh rất nhiều. Tuy vậy, trong thời gian chúng chiếm thành phố Huế, chúng đã bắt và giết rất nhiều người đã làm việc cho chính phủ quốc gia. Tàn sát hàng loạt, chúng đã giết hại hàng ngàn người vô cùng dã man, tàn bạo trước khi chúng rút lui.

Theo bác Tiến, đây là một mưu đồ của Bộ Chính Trị Công An để giải quyết những mâu thuẫn cục bộ chống chính quyền Sài Gòn và Mỹ giữa Bắc và Nam. Đồng thời, để gây tiếng vang với dư luận thế giới nhất là nhân dân Mỹ. Tóm lại, cũng theo ý kiến của Tiến: Tuy vụ Mậu Thân, Cộng Sản ở miền Nam bị thất bại, nhưng Bộ Chính Trị Cộng Sản Việt Nam đã thắng. Chúng đã đạt được 2 mục đích: Giảm bớt những sức mạnh mang tư tưởng cục bộ, không chịu sự lãnh đạo triệt để của Bộ Chính Trị. Hai là lôi kéo lương tâm và sự ủng hộ của thế giới, nhất là nhân dân Mỹ.

Sở dĩ chúng làm được như vậy là do những thủ đoạn tuyên truyền vô cùng hữu hiệu của chúng. Nhân dân thế giới và ngay nhân dân miền Nam dưới sự kiểm soát của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn đa số người mơ hồ, có thiện cảm với Cộng Sản.

Chương 36

Nghệ Thuật Tuyên Truyền Của Cộng Sản

Thấy bác Tiến nhận định và có nhìn sắc bén như vậy làm cho tôi suy ngẫm riêng về lãnh vực tuyên truyền của Cộng Sản và thế giới tự do của chúng ta. Tôi đã hùng hồn bộc lộ cái nhìn của tôi về lĩnh vực này với bác Tiến, nội dung như sau:

Tôi đã ở miền Nam, tôi đã ra miền Bắc. Tôi đã nhìn góc này, khía kia qua cả thực tế cũng như trên sách báo. Tôi lấy một hình tượng rất giản đơn để so sánh:

Tôi nhớ lại những ngày tôi còn lang thang trên khắp phố phường của Hà Nội trước khi bị bắt vào Hỏa Lò. Một lần tôi vào một hiệu sách Nhân Dân trước cửa chợ Đồng Xuân. Tôi lục lọi xem, tìm một số sách vở, thoáng thấy một cuốn tự điển chính trị thật dầy của Liên Xô đã được dịch ra tiếng Việt. Mở thoáng đọc một số trang, tôi nhìn thấy chữ "nghệ thuật tuyên truyền" được định nghĩa như sau: "Cái không có, mà nói cho người ta tin là có, đó là nghệ thuật tuyên truyền."

Ngày nay, hầu hết chúng ta, qua thời gian và thực tế đều để hiểu: thế giới tự do, thực sự đã mang cơm no, áo ấm, tự do hạnh phúc cho mọi người. Nhưng trước đây, người dân lại không tin như vậy. Họ chỉ thấy là đế quốc, thực dân bóc lột, là "Ngụy", là phi chính nghĩa v.v... Như vậy "ta có mà người ta lại không tin là ta có." Ngược lại, Cộng Sản, ai cũng thấy chúng bóc lột đến giấc ngủ cũng không yên. Nhưng trước đây, khi người ta chưa nhìn thấy thực chất của Cộng Sản thì hầu hết lại tin rằng Cộng Sản là chính nghĩa, là đã đem độc lập, tự do, hạnh phúc lại cho nhân dân. Xã hội Cộng Sản là xã hội công bằng, không có cảnh người bóc lột người.

Như vậy, hiển nhiên ta thấy: Cộng Sản không có cái công bằng, dân chủ, nhưng chúng đã tuyên truyền để mọi người tin là chúng có. So sánh, chúng ta thấy rõ ràng như ban ngày: Cộng Sản tuyên truyền cái "không có" cho người ta tin là "có". Đấy là nghệ thuật tuyên truyền! Là nghệ thuật bậc thầy. "Có" mà tuyên truyền cho người ta tin là "có". Là nghệ thuật học trò.

Nhưng đây, thế giới tự do của chúng ta "Có" mà nguời dân lại không tin là có. Như thế, về lãnh vực tuyên truyền ta chỉ là bậc cháu của Cộng Sản. Nghĩa là ta chỉ đáng là học trò của học trò Cộng Sản mà thôi!

Huống chi, Cộng Sản đã tìm và nhìn đúng loại đối tượng để tuyên truyền. Đó là những đám nông dân, công nhân, những người lao động nghèo khổ, ít học. Mà trong nước ta thành phần này chiếm đến 90% của dân số. Họ chỉ biết suốt ngày cặm cụi làm việc vất vả để mưu sinh cuộc sống. Bởi thế, giả dụ: Khi Cộng Sản nói trên đài, đăng trên báo: ở một khu vực nào đấy, có một tiểu đội du kích. Do lòng căm thù giặc sâu sắc, do đường lối anh minh của đảng và cách mạng soi sáng chỉ đường, đã dùng mưu lược đánh đuổi được một tiểu đoàn của "ngụy" chạy tóe cứt, vãi đái ra quần v.v… Họ vẫn tin đấy! Vì họ có thì giờ và kiến thức đâu mà suy luận, phân tích thời cuộc làm gì cho nó mệt óc, nhức đầu? Mà một khi quần chúng có niềm tin thì trở thành sức mạnh rồi.

Ngược lại, phía chúng ta, những người Quốc Gia của thế giới tự do. Nếu có một tờ báo nào đó cũng đăng một cái tin: Ở một địa khu nào đó có một tiểu đội địa phương quân, do lòng sôi sục hận thù giặc Cộng; do lý tưởng nhân bản, tự do dẫn đường, vạch lối, đã dùng mưu lược trận đồ đánh tan một tiểu đoàn chính quy của Cộng phỉ. Tiêu diệt hơn 100 tên, bắt sống 26 tên và thu nhiều vũ khí quân trang v.v…

Chưa nói về độc giả. Ngay những tờ báo bạn, những cơ quan thông tin cùng một phe đã gửi thư, viết bài đăng báo phản đối, chửi bới là nói láo; nói còn để cho người ta nghe được chứ! Nói ngu như thế mà nói được à v.v…. Độc giả như bác với cháu, hay Gôm, Nhu chẳng hạn, sẽ ném vất tờ báo đi, không thèm đọc. Tờ báo đó còn đăng những tin láo khoét như vậy, thì sẽ không mua nữa. Như vậy, tờ báo đó nếu không muốn bị các bạn chửi bới và sẽ bị chết vì không còn ai mua báo nữa thì chỉ còn một cách: Không bao giờ dám đăng những tin tuyên truyền loại đó nữa.

Từ đấy suy ra, vô hình chung các cơ quan ngôn luận tuyên truyền của ta chỉ tập trung cố gắng để làm vừa lòng, chiều theo thị hiếu của cái số độc giả có học, có kiến thức hiểu biết. Mà cái thành phần này trong quần chúng chỉ chiếm 10 phần trăm. Nhưng lại nực cười nữa là cái số 10 phần trăm có kiến thức này như bác, Gôm, Vân, Khải v.v… không những không cần tốn công sức, giấy mực để tuyên truyền, lôi cuốn; mà có đẩy, xô sang phía Cộng Sản thì chắc chắn cũng bỏ cả cha, cả mẹ chạy vội về phía quốc gia tự do rồi. Tóm lại, chúng ta phải nghiên cứu toàn bộ lại phương cách tuyên truyền của chúng ta hiện nay. Dù không nói láo như Cộng Sản, nhưng phải hữu hiệu hơn.

Nghe tôi nói xong, bác Tiến bò nhỏm dậy, vừa kéo tay tôi ra chỗ hút thuốc lào vừa nói trong nét hưng phấn:

- Sự việc này lùng bùng, phức tạp phải dùng cả một bài báo, một cuốn sách để chứng minh diễn giải mà cháu lý luận đơn giản như thế thành ra sáng tỏ dễ hiểu.

May quá! Trời đã tối, chiếc bóng điện 40 watts mới bắt ở giữa nhà không đủ sáng để bác Tiến thấy được nét ngượng ngùng của tôi. Dù vậy, như một sự khích lệ, hút xong điếu thuốc, về chỗ, tôi hăng say thuật lại cho bác Tiến nghe một sự việc cụ thể về nghệ thuật tuyên truyền của Cộng Sản. Sự việc này do chính Hoàng Công An đã thuật lại tỉ mỉ cho tôi nghe, trước khi dẫn tôi đến gặp Sư Bà Đàm Hướng trong vỏ bọc thứ 3 của tôi. Nội dung như sau:

Ngay từ khi Cộng Sản chuẩn bị sẽ ký kết Hội Nghị Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954, chúng hiểu rằng, khi đất nước chia làm 2 miền, với những thủ đoạn độc tài, phát xít nham hiểm, quỷ quyệt trong những năm qua của chúng đã lộ ra ít nhiều cho một số quần chúng đã biết được, thì tất yếu có rất nhiều người dân sẽ bỏ chúng để đi vào miền Nam theo phía bên kia.

Như vậy, cả về mặt chính trị cũng như xã hội, chúng sẽ bi lao đao, khủng hoảng. Do đấy, Bộ Chính Trị, chủ chốt là tên cáo già Hồ Chí Minh họp bàn để tìm ra một phương kế hòng lấp bớt cái hố sâu lo này của chúng. Cuối cùng chúng đã tìm ra được một nhân vật lá chắn, đầu cầu là Dược Sĩ Thẩm Hoàng Tín, đương kim thị trưởng thành phố Hà Nội. Một nhân vật điển hình, vừa danh tiếng, vừa uy quyền và giầu có.

Chúng tin rằng, nếu chúng lôi kéo được Thẩm Hoàng Tín ở lại với chúng thì có thể kéo lại một mảng, có thể đến hàng chục ngàn người cũng ở lại theo. Do đấy, chúng đã nghiên cứu một kế hoạch tỉ mỉ, công phu ngay từ khi Hội Nghị Genève sắp được ký kết. Chúng đã thực hiện kế hoạch từng bước. Chúng chỉ định một cán bộ trung ương đảng có khả năng thuyết phục và có tình cảm lôi cuốn là Nguyễn Duy Trinh (sau này được vào Bộ Chính Trị và đã từng nắm giữ bộ ngoại giao).

Nguyễn Duy Trinh đã bí mật vào Hà Nội để gặp Thẩm Hoàng Tín. Cộng Sản đã nắm vững là trong giai đoạn này, dù cho Thẩm Hoàng Tín có không đồng ý chăng nữa cũng không dám ra lệnh bắt giữ người của chúng gửi vào. Những ngày ráp ranh, thế lực Cộng Sản đang lên như diều ở Hà Nội, ai mà không rét?

Thẩm Hoàng Tín lúc đầu còn ngỡ ngàng, ngạc nhiên, lo lắng khi gặp một cán bộ trung ương của Cộng Sản. Nhưng người cán bộ này đã hân hoan nồng nhiệt mang lời nhắn nhủ của bác Hồ vào thăm hỏi sức khỏe của chú Tín. Từ trong chiến khu chống giặc Pháp, bác vẫn để ý xem xét, theo dõi khít khao hành động của chú Tín. Cụ thể năm này, tháng nọ đã ra lệnh tha bao nhiêu người tù (nhà tù nào của chúng ta hàng năm lại không tha người?). Đã dựng trường học này, đã xây chiếc cầu kia v.v… Thẩm Hoàng Tín nghe mà bàng hoàng, nhưng cũng dội lên một chút hưng phấn trong dạ. Trong lúc hưng phấn, Thẩm Hoàng Tín không kịp thấy rằng, khi muốn tìm điểm tốt của một người thì bao giờ và ai chả có cho nên niềm vui, lòng hãnh diện cứ thấm dần vào tâm, nên óc Tín đã mờ dần.

Là một dược sĩ tầm thường, chỉ giữ cái chức thị trưởng thành phố Hà Nội. Trước đây, ông Tín nghĩ rằng mình có tội với Cộng Sản, thế mà nay được hẳn một cán bộ trung ương từ ngoài chiến khu mang lời thăm hỏi, khen ngợi của bác Hồ vĩ đại kính yêu, thì thật nằm mơ cũng không thấy.

Tín đêm ngày suy ngẫm, mình được bác Hồ khen cũng là đúng (tâm lý, ai được khen thưởng thấy đúng), mình đối với dân cũng có lương tâm lắm chứ! Bởi vậy, Thẩm Hoàng Tín đã gửi kính thăm sức khỏe của bác, không quên gửi kính biếu bác ít sâm nhung đặc quý. Rồi cho tới khi ký Hiệp Định Genève, nhiều cán bộ trung ương ra vào gặp Thẩm Hoàng Tín nói là bác Hồ nhớ chú Tín lắm, bác cảm ơn chú Tín đã tặng quà cho bác. Bác muốn chú Tín ở lại gặp bác.

Tuy trong lòng có thiện cảm phần nào với bác Hồ, với cách mạng nhưng trong lòng Thẩm Hoàng Tín vẫn còn nhiều băn khoăn, lo lắng. Chưa biết đâu được, chẳng có gì chắc cả, không chơi dại, ở lại với Cộng Sản nhỡ có chuyện gì thì chạy đâu được. Những cán bộ tiếp xúc với Tín đã thấy mối băn khoăn, giằng co lưỡng lự của Tín. Cho tới còn hơn một tháng trước ngày tiếp quản thủ đô Hà Nội 10/10/1954. Nguyễn Duy Trinh lại vào gặp Tín một lần nữa; mang theo lá thư của Hồ chủ tịch gửi cho chú Tín, nội dung:

"Do những thành tích sáng ngời vì dân vì nước của Thẩm Hoàng Tín. Với tư cách là chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, trang trọng đặc biệt đảm bảo riêng cho Thẩm Hoàng Tín, gia đình, họ hàng và toàn bộ tài sản của Thẩm Hoàng Tín an toàn triệt để cùng toàn dân đón chờ tới 1956, ngày tổng tuyển cử, đất nước thống nhất một nhà." Lá thư có đóng đấu và chữ ký của chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là Hồ Chí Minh.

Còn nỗi mừng vui hãnh diện nào to lớn hơn. Trong lòng Tín còn chút băn khoăn ngập ngừng nào đã tan thành khói bay theo mây chiều về phương Nam xa xôi. Hãy giữ chắc lá thư lịch sử này, nó như một lá bùa, một bảo bối bảo vệ cho Tín và gia đình an toàn sau này. Một mối lắt lay thầm kín trong lòng Tín từ mấy tháng nay. Bao nhiêu của cải, tài sản nhà cửa, xe cộ cả một đời tạo lập, nếu phải bỏ lại để ra đi thì rồi cũng héo mòn trong luyến tiếc. Không ngờ, ngày nay đã ổn đẹp, mà cuộc đời lại có chiều hướng đi lên. Thế là Thẩm Hoàng Tín quyết định ở lại, không đi vào Nam xa xôi vời vợi dù bạn bè và chính phủ quốc gia khuyên can bao nhiêu cũng không lay chuyển được tấm lòng đã đổi chiều của Thầm Hoàng Tín.

Nguồn tin Dược Sĩ Thẩm Hoàng Tín, đương kim thị trưởng thủ đô Hà Nội, một người vừa danh tiếng, vừa giầu có ở

lại không đi vào Nam được Cộng Sản thổi phồng tung ra lan tràn khắp miền Bắc.

Trong cảnh đất nước chia đôi, lòng người ai cũng vậy. Nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả ông cha, nơi chôn nhau, cắt rốn, ai đâu bỗng dưng cắt ruột mà ra đi về một phương trời chưa hề biết. Cho nên trong lòng mỗi người đều có mối giằng co gay gắt giữa ra đi và ở lại. Hơn nữa, giai đoạn này có phải ai cũng hiểu được Cộng Sản như sau này.

Vì thế, mấy ông chủ sự, chánh văn phòng, giám đốc v.v… đều nghĩ nếu như ông Thẩm Hoàng Tín, một đương kim thị trưởng của một thủ đô, giàu có như vậy mà còn ở lại, ông ta còn hiểu biết Cộng Sản cũng như thời cuộc còn bằng mấy mình ấy chứ. Thế là họ quyết định ở lại. Những ông trưởng đồn cảnh sát, thiếu úy, trung úy v.v… lại nhìn từ ông Thẩm Hoàng Tín cho đến những ông giám đốc, chủ sự. Cứ người này ở lại, kéo theo người kia, để rồi biết bao nhiêu người đã quyết định ở lại theo sự liên đới mà chủ chốt là Thẩm Hoàng Tín.

Về phần Thẩm Hoàng Tín, khi đã quyết định ở lại rồi thì lòng càng mở rộng để nhìn về cách mạng. Thôi thì cứ như thoi đưa, hết cán bộ cấp này đến cấp kia ra vào gặp Tín như cơm bữa. Để rồi nhiều đêm nằm suy tưởng. Tín đã tưởng chính mình cũng là người của cách mạng. Càng gần ngày Cộng Sản tiếp quản Hà Nội, mảnh đất ngàn năm văn vật, càng lổn nhổn lên những con người xôi với đậu, kẻ ở, người đi. Bóng người xưa thưa vắng dần dần. Nhìn cảnh phố phường rệu rạo, đổi màu đôi lúc lòng Tín cũng vẩn lên nỗi man mác, bâng khuâng về những cảnh đời quen thuộc, quyền hành của mình đã qua. Nhưng rồi cái màu đỏ chói của cách mạng đã lôi hồn Tín trở về với những xốn xang, xởi lởi của những buổi ban đầu giao duyên với cách mạng.

Rồi cho tới ngày 10 tháng 10 năm 1954, Cộng Sản vào tiếp quản Hà Nội, lòng Tín như mở hội. Tín làm nhiều bữa tiệc tưng bừng để đón chào những người con cưng của Tổ Quốc, những cán bộ ruột thịt của cách mạng huy hoàng. Họ muốn cái gì, Tín cũng tặng. Họ muốn xe, có xe; muốn mũ, có mũ; muốn giày, có giày. Những thứ quý giá, đắt tiền nhưng Tín không hề do dự tặng, dâng. Tín làm như vậy là để thể hiện tấm lòng thương yêu, sắt son đối với cách mạng. Nhưng chỉ vài ngày sau đó, những cán bộ ân tình, quen thuộc thường xuyên ra vào nhà Tín trước đây, Tín đã đối xử với họ như những anh em đồng chí bây giờ bẵn bặt đi đâu, hầu như không còn ai lai vãng. Tín chỉ cho là vì công việc tiếp quản bề bộn quá nhiều nên cán cán bộ đều bận.

Ít tháng sau, nhà nước ra thông báo có lệnh kiểm kê toàn bộ tài sản khắp miền Bắc mà các thành phố là điển hình. Tín cũng có lắng lo nên để ý, nghe ngóng. Các cán bộ kiểm kê ở khu phố Tín ở và những khu có nhà của Tín. Họ đã khẩn trương làm hết các nhà xung quanh nhưng không hề động chạm gì đến nhà đất, xe cộ của Tín. Lòng Tín và vợ con Tín tươi như hoa. Tín nằm ngủ mơ còn cười: Thế chứ! Bác Hồ mà, chủ tịch nước và chủ tịch đảng chứ có chơi đâu.

Tín và gia đình suy nghĩ: Bác và cách mạng đã đối xử với mình như thế, mình cũng phải biết điều chứ. Tín có nhiều xe, nhiều nhà, Tín tự nguyện tặng cho thành phố mấy cái xe mấy cái nhà để giúp phương tiện cho các cơ quan làm việc. Nhà nước càng hoan nghênh Tín.

Lệnh của ban kiểm kê tài sản: Anh có bao nhiêu nhà cửa, xe cộ, ruộng vườn không cần biết. Tất cả nhà anh lớn bé có bao nhiêu người, sẽ chia theo đầu người và tùy theo người lớn trẻ con, chính sách đã quy định rõ ràng là được ở bao nhiêu thước vuông. Ruộng, vườn, xe cộ cũng theo thế mà quy định. Của cải của nhân dân, cũng là của nhà nước, không nên để thừa thải, không hợp lý. Bởi vậy, khi di cư vào Nam, có nhiều người viết giấy ủy quyền với những thủ tục pháp lý đầy đủ như: Bố để lại cho con, con cho bố, cho anh em vợ chồng v.v… đều không còn giá trị nữa.

Mãi gần 3 tháng sau, về cuối đợt kiểm kê vào nhà gặp Thẩm Hoàng Tín, lý do:

- Ban kiểm kê tài sản đã biết ông Tín có giấy bảo lãnh của bác Hồ, cho nên không một cán bộ nào dám đụng chạm

gì đến tài sản của ông. Chúng tôi đến với ông hôm nay, xin ông vui lòng cho phép chúng tôi kiểm kê toàn bộ tài sản của ông. Bao nhiêu nhà cửa, ruộng đất, xe cộ cũng như những vật dụng đáng giá trong nhà. Mục đích, để nhà nước biết được cái tiềm năng của cải của đất nước mà thôi, chứ chúng tôi không hề làm suy chuyển, dù là một cái đanh, một miếng gỗ thuộc về tài sản của ông.

Tín nghe thì cũng có chút phật lòng, bỡ ngỡ. Nhưng nghĩ cho kỹ, cũng thấy hợp lý, vì nhà nước cũng cần phải biết mức độ của cải, giầu nghèo của toàn dân. Vả lại, mình đã có là bùa hộ mệnh thì còn e dè, sợ sệt cái quái gì nữa. Nghĩ thế, nên Tín đã hân hoan tạo điều kiện cho các cán bộ kiểm kê làm việc được dễ dàng, thuận tiện. Sau mấy ngày khẩn trương làm việc nghiêm túc mới kiểm kê xong, cuối cùng người trưởng đoàn căn dặn Tín:

- Tất cả những đồ đạc, xe cộ v.v… mà chúng tôi đã kiểm kê, yêu cầu không được di chuyển hay cho ai vì nhà nước còn nghiên cứu và thẩm tra lại.

Tin nghe căn dặn, điếng cả người, của mình mà mình không được cho, không được di chuyển và càng không thể được bán (mà có bán lúc này thì ai mua của ai?) như vậy đâu có còn là của mình nữa. Cả nhà buồn, lo rười rượi, ăn không ngon, ngủ không yên. Tín bàng hoàng tức tối, nhất định phải hỏi cho ra nhẽ mới được. Nhưng dạo này những cán bộ cao cấp có còn thấy mống nào đến nhà nữa đâu. Hỏi những cơ quan lớn của thành phố thì họ đều trả lời không biết. Hỏi thẳng Cơ Quan Kiểm Kê cũng như Cục Nhà Cửa thì họ chỉ biết trả lời là họ thi hành lệnh trên. Trên là trên nào thì may ra chỉ có ông trời mới biết. Đầu óc cứ như muốn nổ tung ra vì nghĩ với suy. Cùng thì tắc. Tắc rồi thì phải thông, đó là lẽ trời, vì thế Thẩm Hoàng Tín quyết định.

Một hôm trời đẹp như thơ, Thẩm Hoàng Tín khăn gói quả mướp quyết định vào thẳng Phủ Chủ Tịch xin gặp bác Hồ. Năm lần, bẩy lượt đều được trả lời là bác đi công cán không có nhà. Thôi bây giờ cái thế chơi dao đã lú lẫn cầm phải đàng lưỡi rồi. Nghĩa là ở vào cái thế phải chạy theo thì cũng đành vậy. Quyết tâm, Tín bỏ nhiều công thập thò, chờ đợi cho đến một buổi đó, trời cũng giúp ông Tín: Một đoàn xe đang hộ tống chiếc xe của chủ tịch đi ở giữa tiến vào cổng phủ, rõ ràng có bác Hồ kính yêu ngồi ở trong. Không thể chần chờ, Tín đã xông ra, nhiều người hộ tống bác Hồ ngăn cản, giằng co với Tín. Bác Hồ đã trông thấy, ra hiệu cho Tín đến gặp. Tín hãy còn hổn hển vì vừa bị đám cận vệ ngăn cản, lôi kéo, chỉ biết cúi đầu thật thấp, xin được gặp bác 5 phút thôi.

Hồ Chí Minh gật đầu chấp nhận và Tín được vào phòng khách của Phủ Chủ Tịch ngồi chờ. Sau gần 20 phút đợi chờ, Tín còn đang rụt rè đưa mắt nhìn những cảnh trang hoàng mới lạ của chiếc phòng khách mà trước đấy, thuở vang bóng ngày xưa Tín đã ra vào nhiều lần thì bác Hồ từ một cửa ngách đi ra. Mặt rồng hớn hở, bác tiến lại giơ tay cho Tín bắt. Lòng Tín xốn xang, cúi đầu thật thấp, run rẩy đưa 2 tay ra nắm chặt bàn tay quyền lực của bác. Bác Hồ vồn vã:

- Đã mấy lần, tôi định đến thăm chú, nhưng việc nước bề bộn, không có rảnh rang được chút nào. Thế hôm nay chú đến thăm tôi hay có việc gì?

Ngập ngừng, Tín trả lời trong hồi hộp nguồn cơn:

- Thưa bác, cháu muốn kính thăm sức khỏe của bác và xin ý kiến bác về một việc.

Hồ Chí Minh giọng vẫn xởi lởi thúc giục:

- Chú cần việc gì thế, cứ nói đi! Tôi sẵn sàng làm cho chú vừa ý!

Được lời như cởi tấm lòng, Tín nói thẳng những điều đang ấm ức trong lòng:

- Được bác thương yêu bảo lãnh cho cháu và gia đình, nhưng nay cán bộ đến kiểm kê hết tài sản của cháu và ra lệnh cấm tuyệt đối không cho di chuyển hoặc cho ai.

Mắt Minh mở to, mặt mất sắc, trắng ra vì ngạc nhiên. Minh quay lại ông bộ trưởng phủ chủ tịch đang đứng phía sau:

- Đồng chí, cho gọi ngay đồng chí bộ trưởng chịu trách nhiệm kiểm kê tài sản toàn quốc, vào đây ngay.

Khi tên bộ trưởng phủ chủ tịch ra ngoài rồi, Minh quay lại, nét mặt còn giận dữ nói với Tín:

- Láo thật! Như thế này thì không còn thể thống pháp lý gì cả.

Chỉ 3 phút sau, ông bộ trưởng đặc trách kiểm kê tài sản rụt rè tiến vào. Minh đứng giật dậy, nhìn ông bộ trưởng vừa vào, hỏi dằn giọng vẫn còn đầy tức tối:

- Tôi đã viết thư, ký nhận bảo đảm tài sản của chú Tín, vậy sao đồng chí còn cho lệnh vào kiểm kê nhà cửa, xe cộ của chú Tín?

Tên bộ trưởng cúi đầu rụt rè, ngập ngừng không nói ra lời. Minh đập tay xuống bàn quát:

- Tại sao?

Tên bộ trưởng nói ngắt quãng:

- Dạ.....thưa bác.....không phải tại cháu ạ!

- Thế, tại ai? Ai ra lệnh?

Minh hỏi dồn dập, tên bộ trưởng giơ hai tay lên xoa tai nói nhỏ:

- Thưa bác.....nhân dân ạ!

Hồ Chí Minh giơ cả hai tay lên trời, đầu lắc quầy quậy nhìn Tín:

- Ồ, nếu là nhân dân thì tôi xin chịu. Bởi vì cả cuộc đời tôi được sinh ra là để phục vụ nhân dân. Nhân dân bảo chết, tôi xin chết. Nhân dân bảo sống, tôi được sống. Tôi chỉ là một cá nhân nhỏ bé, vô giá trị trước nhân dân.

Tin như từ trên trời rớt xuống; đầu choáng, mắt hoa; ra về mà cái chân đi không còn thấy lối. Uất hận, đau thương ngập trời chỉ còn biết mình tự trách mình:

Than ôi! Tay trót nhúng chàm.

Dại rồi, còn biết khôn làm sao đây?

Sau đó, nghe đâu Thẩm Hoàng Tín đã tự tử nhưng được cứu sống, rồi bị bắt hay bị quản thúc thì không được nghe ai nhắc đến nữa.

Chuyện bị bắt hay có tội dưới chế độ Cộng Sản miền Bắc nó rất bình thường, đơn giản. Nó đơn giản đến cái độ mà người ở thế giới bên ngoài không thể hiểu được, cho nên dù có ai nói cũng không tin. Anh có của, có nhà, chính phủ

đến lấy, đến tịch thu; anh cứ phải vui như Tết. Từ ở trong lòng, cũng như anh phải thể hiện với người chung quanh là chính phủ đã làm đúng, anh hoàn toàn bằng lòng. Nếu anh lại tỏ ra buồn phiền, phàn nàn hay tức tối, như vậy là tội đấy. Cán bộ sẽ có biện pháp kỷ luật, không cho anh ra khỏi nhà, không được tiếp xúc với ai. Anh lại càng tức tối nữa, phẫn uất như điên, lời nói phản đối nhà nước càng nặng hơn, như vậy tội càng lớn hơn. Cứ như thế, để rồi cuối cùng phải vào trại giam

Anh đang làm trưởng phòng của một cơ quan nào đó. Do những ý riêng hoặc yêu cầu của nhà nước, họ sẽ tìm một vài khuyết điểm vu vơ của anh. Chính phủ hạ anh xuống làm một nhân viên, anh phải vẫn hân hoan, vui vẻ tích cực làm việc ở cương vị đó một cách thực lòng. Nếu anh tỏ ra tiêu cực trong công tác, như vậy là tội đấy, anh đã hờn oán chính phủ. Họ sẽ có biện pháp kiểm thảo, hạch sách, kỷ luật hành anh đủ điều. Anh lại càng hận, tức hơn, tất nhiên sẽ thể hiện trong lời nói và việc làm, anh lại bị nặng hơn nữa, cuối cùng chỗ anh ở vẫn là nhà giam. Nói một cách dễ hiểu: anh đang tự do, trói anh lại, anh đừng giẫy, vẫn vui vẻ thì không sao. Nhưng cả ngàn người khi tự nhiên bị trói thì đều tức tối, giẫy dụa kêu trời, thậm chí còn chửi bới. Vậy, đó là tội đấy!

Tóm lại, với Cộng Sản, xin những nhà nước và những cá nhân đừng tin, đừng ký kết với họ cái gì cả. Ký một hợp đồng đầu tư xây dựng một nhà máy gì đó trong đất Cộng Sản là bạn đã ký giấy cam kết với con hồ ly tinh. Chắc chắn, không sớm thì muộn bạn sẽ bị xiểng liểng với nó. Cộng Sản sau đó sẽ có trăm ngàn lý do làm cho bạn phải đau đầu. Cũng như Cam Ranh của Việt Cộng bây giờ (1990). Rất ngon lành mời gọi, nếu Mỹ cứ mó vào. Tôi chắc chắn rồi Mỹ sẽ phải điên đầu, xiểng liểng thất cơ lỡ vận, lúc đó xin đừng kêu trời.

Phải nói rằng giai đoạn này, bác Tiến và tôi, một già, một trẻ thường say mê chuyện trò với nhau. Tôi cố hạn chế không muốn cho nhiều người biết sự thân mật, chuyện trò giữa tôi và bác Tiến. Thường thường những buổi tối khi đã bỏ màn, chúng tôi ngồi trong màn nói chuyện, bên cạnh lại là mấy người dân tộc nên cũng không đáng ngại. Do cách sống đạo đức, hiền hậu của bác, và nhất là uy tín của bác trước đây nên có nhiều người, nhất là thanh niên, trong đó có những tu sĩ, vẫn thầm kín giúp đỡ bác trong những khó khăn của đời tù vì tuổi già, sức yếu. Năm nay bác đã 65 tuổi rồi (1968).

Trông bác phúc hậu, hiền lành, ăn nói từ tốn cho nên được hầu hết anh em trong tù trọng mến. Ngược lại tụi cán bộ lại ghét cay, ghét đắng bác. Có lần một buổi trưa, bác Tiến đang ngồi ở hội trường nói chuyện với mấy thanh niên tu sĩ, tên Đức trưởng ban giáo dục từ ngoài cổng trại đi vào. Đến hội trường, thấy vậy, y bước đến, chỉ bác Tiến, bắt bác nhặt hết những lá khô, rác rưởi ở dưới rãnh dọc theo mái hiên của hội trường. Nó không cho ai giúp bác, chủ trương của nó là chỉ muốn hành hạ bác chơi vậy thôi. Phần do bản tính hiền lành, phần biết nhẫn nhục thích ứng nên bác đã lẳng lặng làm theo lệnh của nó với quan điểm "nín thở qua đò".

Tên Cẩn trực trại cũng thế. Một buổi Chủ Nhật nó đi lang thang vào nhòm ngó các buồng. Khi nó vào buồng 2, nhìn thấy bác Tiến đang ngồi nói chuyện trong một đám người, mặt nó lạnh tanh như da trâu ngâm nước, nó bước thẳng vào nhà cầu của buồng rồi trở ra. Vẫy tay gọi bác Tiến, nó dẫn bác vào nhà cầu chỉ chỗ đi ỉa, đi đái đầy mùn, bựa dơ bẩn. Nó ra lệnh cho bác Tiên phải xuống giếng lấy nước, dùng bàn chải cọ cho sạch ngay trong ngày hôm ấy. Chiều nó vào kiểm tra mà còn bẩn thì đừng trách nó. Mọi người thấy nó hành hạ bác Tiến như vậy đều mủi lòng thương, nhưng không ai dám giúp đỡ. Chờ cho đến khi tên Cẩn đi ra, mới có mấy thanh niên đi xách nước cọ giúp cho bác. Mặc dù việc cọ rửa nhà cầu đã có anh Lương Yên, một người Lào gốc Việt vẫn hàng ngày làm vệ sinh trong trại chịu trách nhiệm.

Vậy mà sáng hôm sau, các toán đang chờ xuất trại đi lao động thì có lệnh của ban giáo dục: Phùng Văn tại (toán 2), Hoàng Mạnh Hùng (toán 3) ôm chăn chiếu đi kỷ luật. Hai cậu này hôm qua đã giúp bác Tiến cọ nhà cầu.

Sau một số ngày chuyện trò với bác Tiến, cũng như qua mấy người khác cùng ở trại Vĩnh Tiến với bác, tôi được biết sơ lược về bác như sau:

Là một thanh niên trí thức của Hà Nội, cũng như nhiều thanh niên trí thức có tâm hồn khác. Thấy lòng uất hận, tủi nhục nhìn cảnh quê hương dân tộc bị giặc Pháp thống trị, bóc lột nên ngay từ 1925, bác đã tìm đường trốn ra nước ngoài, hòng tìm ra một phương cách, một giải pháp cứu giúp đồng bào, đất nước. Bác đã lặn lội, lang thang gần khắp châu Âu, hết Anh, rồi Đức lại đến Pháp. Cuối cùng bác đã gia nhập đảng Cộng Sản Pháp. Từ tấm lòng hướng về quê hương, bác đã nghiên cứu, học tập hoạt động hăng say dần dần trở thành một đảng viên xuất sắc. Uy tín của bác được đảng Cộng Sản Pháp đề cao.

Theo sự suy nghĩ của bác, muốn hoạt động cho nền độc lập của nước nhà, không những phải vận động ở bên ngoài, mà còn cần phải có quần chúng, có hậu thuẫn ở trong nước nữa. Vì thế bác đã cậy cục trở về nước bí mật hoạt động vào thời gian Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930). Sau vì những điều kiện trong cũng như ngoài chưa đủ chín mùi, nếu manh nha sẽ bị thực dân Pháp nhận chìm vào biển máu nên đổi chiến thuật, bác quay ra làm sách, làm báo công khai để vận động quần chúng, khích lệ, gieo mầm nuôi dưỡng các phong trào. Cho tới ngày 19 tháng 8 năm 1945 toàn dân đã cướp được chính quyền từ trong tay thực dân Pháp. Do mâu thuẫn nặng nề về chính kiến với những phương cách nham hiểm, tàn bạo của những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam, bác lại ra đi trở về Pháp.

Bác không những là bạn đồng chí mà còn là bạn thân của Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, cả ngay Hồ Chí Minh nữa. Trước đây ở Pháp, bác đã gặp gở và giúp đỡ Minh vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn.

Khi trở về Pháp lần này, bác miệt mài nghiên cứu, đào sâu chủ nghĩa Marx và Lénine cùng với một số học thuyết khác. Rồi trong một lần bác được yết kiến Đức Giáo Hoàng, Chúa Kitô soi sáng tâm hồn bác, bác thấy bừng lên một chân trời sáng bao la, cao siêu, đầy nhân hòa trong xã hội loài người. Bác sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng với thực dân, phong kiến và đế quốc, nhưng bác cũng không ưa sự tàn bạo, quá khát máu của Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế. Một thời gian nghiên cứu về thần học, bác đã tìm ra một đường lối giao hòa giữa Cộng Sản và Thiên Chúa Giáo. Bác càng nổ lực nghiên cứu thấu đáo con đường bác đã nhìn thấy, hòng cứu vãn dung hòa cái khắc nghiệt của máu sẽ chảy nhiều của thời đại.

Bác đã từ chối hết mọi danh vọng, lời mời mọc của Đồng, Giáp, Liệu. Nào là họ sẽ giao Mặt Trận Tổ Quốc cho bác, hoặc bác sẽ nhận trách nhiệm hành chính của một tỉnh v.v… Rất nhiều những lá thư tay, lôi kéo, dụ dỗ của Đồng, Giáp, Liệu gửi cho bác cho tới ngày bác về nước đợt này.

Lúc này bác trở về quê hương (1960), mục đích của bác là để vận dụng, thực thi con đường giao hòa giữa Cộng Sản và Thiên Chúa Giáo. Trần Huy Liệu và Võ Nguyên Giáp cùng một số cán bộ cao cấp đã đến chỗ ở của bác ở gần Hà Nội gần Nhà Thờ Lớn, nhiều lần đe dọa, áp lực bắt bác phải từ bỏ con đường bác đã chọn. Dù bác không chống họ, nhưng cho tới đầu 1962, họ đã bắt bác vào Hỏa Lò với lệnh tập trung cải tạo.

Khi nghe nói bác bị bắt vào Hỏa Lò 1962 trùng một năm với tôi, tôi chợt nhớ lại. Khoảng 1963 khi tôi được chuyển từ xà lim 3 về xà lim 2 ở buồng số 4 với Phạm Huy Tân. Có một lần Tân nói: Trong buồng này, có một bác già tên là Tiến vừa được chuyển đi thì anh đến. Buồn cười lắm! Ông ta nghiện thuốc lào, vì có tiếp tế nên có diêm, có thuốc mà lại không có điếu. Ông ta có một miếng xà phòng giặt, lấy một chiếc đũa thọc xuyên qua thành một cái lỗ, rồi khoét rộng một đầu để có thể vê điếu thuốc nhét vào. Mỗi khi hút, ông ta tỳ miệng vào một bên của cục xà bông, bên kia đánh diêm hút. Ông ta hút một điếu thuốc thật vất vả, nhưng có thể vì xà phòng sao đó ông ta bị đi ỉa chảy mấy ngày nên không dám hút nữa. Khi ỉa chảy đơ đỡ, thèm thuốc quá, ông ta lại hút và lại tiếp tục bị đi ỉa, toàn ra nước với bọt thôi.

Lúc đó nghe Tân nói, tôi nghĩ, ông ta cũng như trăm ngàn người khác nên tôi cũng chả hỏi thêm làm gì. Nhưng bây giờ tôi đoán, hẳn là bác Tiến chứ không ai khác, và như thế tên Tân hiện đang làm trật tự ở trại này chẳng còn lạ gì bác. Có điều y lờ đi, coi như chưa từng quen biết bác. Giòng suy tư của tôi lững lờ chảy đến đây, tôi qua lại hỏi bác

Tiến ngay:

- Thế ở Hỏa Lò ai tiếp tế cho bác?

Bác cười trả lời:

- À, thời gian ở ấy thì có mấy con cháu, nó vẫn tiếp tế cho bác. Nhưng từ ngày chuyển đi các trại, họ không cho gửi thư, nên các cháu chả biết bác ở đâu.

Những lúc ngồi nghe bác tường thuật lại những cảnh đời bôn ba, lúc thuận tiện cũng như những lúc khó khăn trong quá trình của đời bác. Nhìn mái tóc đã gần trắng hết đầu, nét mặt đôn hậu, hiền hòa, phương phi, tôi chợt nhớ đến gương mặt của Hồ Chí Minh. Giòng suy tưởng của tôi cứ trôi dài vào cái lẽ thăng trầm của thế sự ngược xuôi, thành công và thất bại.

Có tài, nỗ lực làm việc mới chỉ là một điều kiện. Còn một điều kiện, một yếu tố nữa là may mắn gặp thời.

Thời lai, đồ điếu thành công dị.
Vận khứ, anh hùng ẩm hận đa.

Ngày xưa, tôi nhớ trong sách toán học trong miền Nam từ đệ nhị cấp trở lên, ngoài bìa thường in cái phương trình làm việc của nhà bác học Albert Einstein như sau:

X + Y + Z = THÀNH CÔNG

Với ba ẩn số: Z = Cố gắng, nỗ lực. Y = Làm việc, nghĩa là phải bắt tay vào làm cái việc mình định làm. X = May mắn, thời cơ.

Theo lẽ thông thường, yếu tố nào quan trọng hơn người ta đặt trước. Như vậy, dù Albert Einstein, một nhà đại bác học mà cả khối tự do cũng như Cộng Sản đều phải thừa nhận. Nghĩa là, ông là một nhà khoa học đến chân răng, kẽ tóc, thế mà, ông ta vẫn thấy, và thừa nhận yếu tố may mắn trong cuộc đời là quan trọng và cần thiết. May mắn là nói theo khoa học; nói theo lối thông thường là số phận, là định mệnh.

Từ những chứng kiện trên qua óc liên tưởng, cho phép tôi tin: Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đã lập được một chiến công lẫy lừng đại phá quân Thanh năm 1789. Chúng ta là kẻ hậu thế chỉ thấy cái sáng chói hiển hách của vị anh hùng dân tộc. Nhưng cùng đồng thời với ông hẳn cũng có nhiều người tài ba nhưng vì không may mắn, không gặp thời nên đã mai một đi, trở thành vô tên tuổi. Thời Hồ Chí Minh cũng vậy, và cả thời Ngô Đình Diệm cũng thế. Tóm lại, người thành công nhất, chưa hẳn đã là người tài giỏi nhất.

Hai anh Nguyễn Thanh Đương và Trần Quốc Anh bị đi kỷ luật hôm Hoàng Thanh giật dây ảnh, mãi hơn một tuần sau mới được thả ra. Hai người lặc lè về buồng 2. Mặt mũi anh nào cũng phờ phạc, xanh tái, hẳn đã phải làm bản kiểm điểm, một hình thức nhận lỗi, nhận sai lầm thì mới được ra. Tôi hiểu, Hoàng Thanh chỉ muốn dằn mặt buổi ban đầu với người vừa ở trại khác chuyển đến mà thôi.

Chương 37

Một Mảnh Đời Của Nữ Sĩ Thụy An

Trời càng ngày càng nóng, chẳng biết ngày tháng Âm Lịch hôm nay là bao nhiêu. Ngày mai toàn trại đã vào đợi học tập dài ngày rồi, nghĩa là đã đầu tháng 9 Dương lịch. Nếu chẳng đầu Thu thì cũng cuối Hè rồi vậy mà sao trời còn nóng đổ mỡ suốt ngày đêm. Cái nóng khủng khiếp, suốt đêm như trong lò đốt không ngủ được.

"Cái nóng nung người nóng nóng ghê!"

Hàng đêm, với một chiếc quần đùi rách, tôi lăn xuống nền đất, chui mãi vào gầm sàn; mặc cho mồ hôi đất cát bẩn dơ, để tìm được một chút hơi ẩm của đất. Hàng 120 người nhét trong một căn buồng mà trước đây 100 người đã chật. Ban ngày còn cái nạn nước để tắm rửa mới tái tê. Toán nào cũng vội vàng làm công việc cho hoàn tất, để cán bộ cho về trại sớm mươi mười lăm phút, để có thời gian lấy ít nước trong mà tắm rữa. Vì thế toán nào cũng vậy, từ lao động ở ngoài đồng cũng như trong khu thủ công. Ai bước chân vào khỏi cổng trại là chân chạy, tay cởi giải rút quần, (không phải cởi áo, mùa Hè hầu hết tù ở trần) chưa vào tới giếng thì đã tụt xong quần.

Hằng trăm người, già trẻ trần truồng vây quanh cái giếng nhưng chỉ có khoảng hai chục cái gầu (gầu gỗ, tôn, nứa). Người có gầu thì múc dội xối xả. Người không gầu thì chui đại vào dưới háng, kẽ nách để hứng lại ít nước thừa vào đầu óc, cơ thể cho đỡ nóng và cái nhờn của mồ hôi. Vậy mà chỉ vài chục phút là nước giếng đã đục ngầu rồi cạn dần cho tới đáy. Nước dù đục, lẫn bùn vẫn còn mát và vẫn còn đỡ hôi hám hơn mùi mồ hôi. Những ngày đầu thực ngượng ngùng, tôi không dám cởi quần ra, nhưng bị khó khăn trở ngại rất nhiều, như vướng vít, không sạch, thay quần, giặt quần v.v… Thôi thì nhập gia tùy tục, bởi vậy tôi cũng đành tô hô và cứ nhìn nhau mà cười. Toán nào về muộn, hay chậm chân thì chỉ còn nước đục; đôi khi không còn nước, đành tối về buồng ngồi "tắm cạn". Nghĩa là ngồi vo ghét khắp mình, cổ, thành từng cục như hòn bi con rồi búng ném tứ tung khắp buồng.

Sáng hôm nay, một buổi sáng gió rừng thật lộng. Cụm nứa già phía cuối hội trường ngả nghiêng, có lúc như cúi rạp, sát xuống để thầm thì, tâm sự với chiếc mái nứa của hội trường. Những chiếc lá con thon dài, nhọn hoắt ríu rít khua vào nhau thành những tiếng xào xạc như nhắc nhở mọi người: hôm nay khai giảng lớp học tập, chỉ một tí nữa thôi sẽ có một tổ nữ tù ngoài trại nữ cùng vào dự chung lớp học hôm nay.

Thực ra cái nguồn tin tươi sáng này chẳng biết từ đâu rỉ vào, anh em đã bàn tán xôn xao từ mấy hôm nay rồi. Vì thế sáng hôm nay hầu hết những thanh niên, kể cả những chủng sinh và những người còn tre trẻ đều mặc những bộ quần áo đẹp và sạch nhất. Mặt mũi, đầu tóc được làm kỹ hơn mọi ngày. Dù ai cũng tỏ với mọi người khác là mình sạch sẽ để tôn trọng lớp học mà thôi. Buồn cười nhất là anh chàng Hoàng Đức Tùng, chừng khoảng 27 hay 28 tuổi. Nghe đâu anh này cũng ở Thái Lan về nước như Trần Lào hay Trần Thanh Tùng trong nhóm chuyển từ trại Vĩnh Tiến về. Tùng có cái áo sơ mi ca rô màu xanh nhạt bằng ny lông với chiếc quần tergal màu cà phê sữa. Tuy có mấy dấu cải tạo, hắc ín to tướng đóng phía trước và đàng sau, nhưng nó vẫn nổi bật màu riêng biệt giữa đám quần áo màu xám đậm của trại. Đầu Tùng chải kiểu đít vịt bóng loáng, kết hợp với đôi xăng đan da màu nâu, kiểu hai quai chéo. Rõ ràng đúng dáng dấp của một anh công tử nông thôn ra thành phố. Ngay từ sáng sớm, Tùng cứ hết vào buồng lại trở ra, rồi đi xuống giếng lại lên phía đầu hội trường, trước những con mắt ngẩn ngơ, trầm trồ của những người… dân tộc.

Hôm nay tôi cũng có nét xốn xang đợi chờ. Đây là một lớp học chính trị vì thế tôi tin những người tù nữ vào dự lớp học này đều phải là chính trị. Hơn nữa, hôm qua Lê Sơn đã nói, trong đám này có cả nữ sĩ Thụy An.

Như đã trình bầy trước đây, tôi chưa bao giờ trông thấy bà. Khi còn ở trong Nam, tôi theo dõi đọc thiên phóng sự "Bên Kia Bức Màn Sắt" của nhà văn Hoàng Hải Thủy đăng trên nhật báo Tự Do; có nói sơ đến cuộc đời hoạt động cũng như tình cảm của nữ sĩ Thụy An với Đỗ Đình Đạo và Hoàng Quốc Việt v.v… Cho tới khi tôi ra Hà Nội bị bắt; khi chuyển đến buồng số 12 ở xà lim I, tôi đã thấy giòng chữ viết trên tường của bà, nói đã chọc mù một mắt. Không ngờ, hôm nay tôi lại có thể gặp để nhìn thấy con người của bà cụ thể mà từ lâu tôi vẫn hằng ngưỡng mộ.

Chẳng phải chờ lâu, khoảng 8:30, một đám cán bộ nam, trong đó có một cán bộ nữ hãy còn trẻ chỉ chừng tuổi đôi mươi tiến vào. Chính vì cùng đi chung với một cán bộ nữ mà đám cán bộ nam cười nói vui như Tết; trong đó có cả tên Đức thiếu úy trưởng Ban Giáo Dục. Tiếp theo đám cán bộ là một đoàn tù nữ chừng 14 – 15 người. Đa số còn trẻ, dù vậy cũng phải từ hai mươi mấy tuổi trở lên. Có mấy người già khoảng 60 hoặc 60 ngoài. Người thì vấn khăn, người thì cặp tóc, hầu hết đều ăn mặc quần áo trại màu xám nhạt.

Khi đoàn tù nữ đi qua sân để vào hội trường, có nhiều tiếng chào hỏi với anh em trong trại, chứng tỏ họ đã quen biết nhau từ trước. Ngay từ sáng, vì tôi nóng lòng muốn biết mặt nữ sĩ Thụy An nên tôi đã rủ Lê Sơn lên chỗ cuối hội trường đứng chờ. Thực ra lúc này, chẳng phải chỉ có một mình Lê Sơn biết bà Thụy An mà có rất nhiều người đang chỉ, chỏ kia là bà Thụy An.

Trước đây đọc sách báo, biết về bà, trong óc tôi đã tự vẽ lên một hình ảnh tưởng tượng của nữ sĩ. Rồi cứ thế nó cứ nằm dài theo năm tháng trong lòng tôi. Bây giờ nhìn thấy bà, tôi đã bàng hoàng ngẩn ngơ đến độ đờ đẫn. Một bà chừng 45 đến 50 tuổi (1968) tuy tóc chưa bạc nhưng đã khô cằn, đỏ quạch. Da mặt bà trắng xám, nhăn nhúm thành nhiều vết hằn nhỏ con chạy túa về hốc chiếc mắt chột, hoắm sâu vào như một cái lỗ. Mấy chiếc răng cửa hàm trên, chẳng biết do bà hút thuốc hay ăn trầu, cáu xỉn lại, giô hẳn ra ngoài môi, chĩa ra hai bên. Chiếc lưng hơi còng còng ra phía trước đã nói lên nó đã phải gánh quá nặng những nỗi truân chuyên thương đau của đời người chủ nó. Vì chỉ còn một mắt nên đầu bà thường phải nghiêng bên này, nghiêng bên kia. Thỉnh thoảng bà mỉm cười để đáp lễ những người quen.

Tôi hiểu rằng, sau buổi khai giảng lên lớp này, họ sẽ chia thành từng tổ học tập nên sẽ bị chỉ định chỗ ngồi mỗi khi vào hội trưởng. Ngay lúc này, để có thể đến gần với bà tôi đã chen vượt qua mấy người để ngồi ngay sau lưng bà vì bà là người ngồi phía dưới cùng của tổ nữ.

Bây giờ thì chỉ cách bà 50 – 60 phân, tôi đã nhìn rõ từng sợi tóc của bà. Đầu bà đã có dăm mười sợi tóc trắng. Tôi ngồi phía sau cứ chằm chằm nhìn mãi tóc phai màu và đôi vai gầy của bà, trí óc tôi cứ rỉ dần vào giòng đời. Tôi không thể hình dung ra được ngày xưa, cái ngày ngập tròn hương sắc của đời bà đã làm cho biết bao người nghiêng ngả, nó như thế nào? Dù tôi hiểu rằng, tất cả mọi người, nếu mà không biết, sẽ đều phải trở về già. Tre già thì tre tốt, nhưng người già, mà lại buồn phiền nữa thì ôi thôi, phải gánh chịu mọi cái bẽ bàng, tủi hận của một đời người. Tôi vẫn không kìm hãm được tiếng thở dài nhè nhẹ xì ra:

Tuổi trẻ khô đi mặt xấu rồi!
Chết dần từng nấc thang mai một,
Chết cả mùa Xuân, chết cả đời.

Hội trường đầy ắp người. Nhiều tiếng ồn ào, rì rầm bàn tán, chuyện trò. Không khí mỗi lúc một oi nồng. Cả hội trường, chả ai nhắc nhở nhưng vẫn im bặt, khi một tên thượng sĩ cán bộ trong ban tuyên huấn của trại tiến đến chiếc micro giới thiệu ông chánh giám thị lên bục nói chuyện và khai mạc lớp học. Toàn thể mọi người tù đều phải đứng dậy, khi tên Toán, thiếu tá giám thị trưởng trại cải tạo trung ương số I, rời khỏi hàng ghế tiến vào bục nói chuyện. Người y to lớn, da dẻ hồng hào với mọi người đều phải thẳng đứng người chào y. Mặt tươi lên, miệng y nở một nụ cười thỏa mãn. Tay y vẫy vẫy ra hiệu bảo những tên tù ngồi xuống. Sơ lược nội dung y nói:

Do sự chiếu cố thương yêu của đảng; đứng đầu là Hồ chủ tịch kính yêu, chính phủ quyết định mở một lớp học tập chính trị dài ngày: "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" cho toàn thể những trại viên trên toàn miền Bắc. Riêng ban giám thị trại I đã không tiếc thời gian và công việc, tạo điều kiện cho trại viên học tập kết quả. Vậy toàn thể mọi trại viên hãy quyết tâm ra sức học tập cho thật tốt để gặt hái những thành quả tiến bộ cho riêng mình và cũng là thể hiện lòng biết ơn ban giám thị và nhà nước…..

Tôi liếc nhìn toàn bộ các toán đang hướng mặt lên phía tên Toán nói chuyện. Tôi đưa mắt nhìn hàng ghế các tên cán bộ đang ngồi trên khán đài. Năm sáu tên lúc nhúc trong đó có cả Hoàng Thanh, đặc biệt không thấy tên Nguyễn Chuân.

Lòng tôi còn bồng bềnh, lãng đãng vì tôi chưa hiểu mục đích chủ trương của chúng muốn cái gì trong lớp học này. Tuy tôi vẫn biết ngoài những đòi hỏi dụng ý riêng của từng lớp học, chúng còn có một mục đích chung là thường xuyên không để cho trí óc người tù ngơi nghỉ. Mãi cho tới khi tên Mạch, trung úy trưởng Ban Tuyên Huấn của trại I nói về nội dung lớp học tôi mới hiểu: lập công ở đây là mỗi người đều phải đào sâu suy nghĩ; vắt lòng vắt óc trong suốt quá trình của đời mình. Lục soát từng không gian, từng thời gian xem đã nghe, thấy, biết bất cứ cá nhân hay một đảng phái tổ chức chính trị nào dù là bạn bè hay thân quen; còn ở ngoài xã hội hay đã vào tù; ở trong Nam hay ngoài Bắc, xét ra có hại cho cách mạng, cho nhà nước, đều phải viết tỉ mỉ, chi tiết trình bầy sáng tỏ v.v… với nhà nước.

Để làm loãng, làm mất cảnh giác mọi người về cái mục đích này của chúng, hàng ngày những buổi lên lớp rồi về thảo luận, chúng giảng về tinh thần bất khuất, truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc qua các thời đại. Từ bà Trưng, bà Triệu cho đến thời đại Hồ Chí Minh.

Về kinh tế, chúng khích lệ, khêu gợi nào là Tổ Quốc giang sơn gấm vóc giầu đẹp, tiền rừng bạc bể. Chúng vẽ ra một bức tranh huy hoàng đầy tươi sáng của ngày mai khi quân và dân cả nước tiêu diệt xong Mỹ và tay sai ở miền Nam v.v…

Đã mấy lần, trong những giờ giải lao (15 phút) giữa hai buổi lên lớp, tôi đã định xông bừa đến chỗ bà Thụy An để làm quen và thăm hỏi. Nhưng tôi cứ thập thò ngập ngừng mãi chỉ vì có bao nhiêu người cứ xâu xâu vây quanh đám đàn bà con gái. Mà tính tình của tôi ở những giai đoạn ấy còn rất nhiều lẩm cẩm. Tôi thập thò là chủ trương muốn đến nói chuyện với nữ sĩ Thụy An, nhưng mấy cô gái đang được mấy cậu vây quanh chuyện trò có thể tưởng tôi cũng ngất ngây muốn đến với các cô, là điều mà tôi kỵ, chúa ghét. Khi thấy một cô gái có nhiều cậu trai quấn quít thì tôi tránh xa, không bao giờ tôi lại xông vào cũng săn đón chuyện trò chung với họ. Điều này chẳng hiểu sao tôi lại kỳ cục như vậy.

Do cái tính kỳ cục một cây ấy mà mãi chiều ngày hôm sau tôi mới có dịp nói chuyện với bà Thụy An. Lúc đó vừa mãn một giờ giảng bài, thấy bà vội vàng đi một mình xuống phía giếng, tôi lẹ làng lách đám đông chạy theo. Khi đi ngang qua, hơi hồi hộp và ngường ngượng vì tôi chưa biết gọi là bà hay là chị, nên đành phải nói trống không, không có chủ từ. Tôi nghiêng đầu chào rồi nói một hồi:

- Xin chào, tôi ở trong Nam ra Hà Nội hoạt động tình báo, bị bắt vào Hỏa Lò. Tại xà lim I, khi bị giam ở buồng 12, tôi thấy chữ viết trên tường của…ở gần chỗ cái cùm.

Bà Thụy An ngừng hẳn lại, hơi ngạc nhiên nhưng rồi có lẽ bà đã nhìn thấy thái độ lúng túng của tôi nên bà cười, vồn vã hỏi lại:

- Cậu còn đọc được cơ à, thế cậu lên trại lâu chưa?

Thấy gọi tôi bằng cậu và sự ân cần tự nhiên của bà, phần khác, tôi thường chỉ lấn cấn lúc đầu, bởi vậy tôi cũng niềm nở tỏ ân tình:

- Chị có khỏe không?

Chị hơi ngập ngừng rồi trả lời:

- Khỏe!

Tôi hiểu cái ngập ngừng của chị là chị không được khỏe, nhưng để cho qua nên chỉ đã trả lời như vậy. Sau khi chị nói "khỏe" xong, mặt chị tươi lên rồi nói như thân tình:

- Chờ một chút nhé, tối ra mình sẽ nói chuyện tiếp.

Đột nhiên chị cúi sát gần vào tôi hạ giọng:

- Cậu tên gì?

- Bình ạ!

Chị vừa gật nhẹ đầu vừa tất tả bước lên thêm để vào buồng y tá. Quý Cụt đi ngang qua tôi miệng cười cười:

- Quen đấy ư?

Tôi chỉ gật đầu để trả lời Quý vì một ý nghĩ khác đã xộc vào óc tôi. Trông mặt chị ấy như vậy mà lại đã từng giết người hay sao? Bởi thế tôi có ý định cứ hỏi thẳng xem chị trả lời thế nào. Tôi cũng biết làm gì có điều kiện để nói chuyện với chị nhiều. Vừa lúc đó tiếng còi ở phía hội trường đã ré lên như thúc giục mọi người vào lớp nghe giảng bài tiếp vì giờ giải lao đã hết.

Chị từ trong phòng y tá hấp tấp bước xuống sân đi nhanh về phía tôi. Chị khẽ đập tay vào vai tôi ra ý cùng chị đi vào lớp. Thái độ cởi mở như chị đã quen tôi lâu ngày càng làm tôi mạnh bạo thực hiện ý định lúc nãy khi cùng chị đi đến giữa sân:

- Xin lỗi chị, chẳng có điều kiện gặp được chị lâu. Có phải chính chị đã đánh thuốc độc giết ông Đỗ Đình Đạo?

Đang bước những bước dài, đột nhiên chị ngừng hẳn lại, quay sang nhìn tôi. Mắt mở to trán chị cau lại như ngạc nhiên, như dò xét rồi mặt chị như dãn ra, mềm hẳn lại:

- Không phải đâu, câu chuyện dài lắm. Có dịp tôi sẽ nói cho cậu nghe.

Chị vừa lắc đầu vừa trả lời, cũng là lúc cả chị và tôi đã chìm lẩn vào đám đầy người ở hội trường. Lớp học trong một tuần lễ, cứ hết lên lớp nghe giảng lại về tổ sinh hoạt, thảo luận, thu lượm rồi lại lên lớp. Tổ học tập phân chia không tùy thuộc theo toán, mà theo toàn trại. Vì vậy mỗi tổ từ 15 đến 20 người gồm người của nhiều toán khác nhau. Mỗi tổ học tập có một cán bộ đi sát phụ trách. Tôi ở tổ 4, cán bộ phụ trách tên là Hoàng. Y chỉ định cho anh Phán thuộc toán 7 làm tổ trưởng, còn tôi là thư ký ghi chép biên bản sinh hoạt. Tổ tôi 19 người mà chỉ có 4 người thuộc toán 2 là Nguyễn Văn Gôm, Lò Văn Lui, Nguyễn Thanh Đương và tôi.

Trong đợt học tập này, tôi nhớ nhất một chuyện ở ngay trong tổ của tôi. Sáng hôm đó, trên lớp giảng ở hội trường, chủ đề sinh hoạt là: "Cuộc kháng chiến thần thánh oai hùng của vị anh hùng Lê Lợi đất Lam Sơn đã kiên trì, chiến đấu gian khổ trong 10 năm. Cuối cùng đã đuổi được giặc Minh ra ngoài bờ cõi. Người góp công sức nhiều nhất và cũng đầy tài ba mưu lược nhất của cuộc kháng chiến đó là Nguyễn Trãi".

Tên Mạch trung úy trưởng ban tuyên huấn cứ thao thao bất tuyệt trên bục giảng: nào là Nguyễn Trãi trong giai cấp nông dân. Một giai cấp đồng chí của giai cấp công nhân sau này của đảng. Nào, tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi,

cứ như là của một người Cộng Sản thời bấy giờ. Mọi người nghe, thấy ngứa cả tai. Vì vậy khi đến phần thắc mắc về bài giảng; chỗ nào học viên chưa hiểu, hoặc chưa sáng tỏ cứ việc hỏi. Nguyễn Thanh Đương một tu sĩ ở trại Vĩnh Tiến mới chuyển về, giơ tay xin hỏi. Tên Mạch, mắt sáng lên, mặt hớn hở ra hiệu tay cho anh Đương đứng lên phát biểu..

Nguyễn Thanh Đương, dáng người lùn thấp. Tôi nhớ anh nhất vì phía đuôi hai con mắt của anh có nhiều tia ngoằn ngoèo đỏ như máu. Chả hiểu đó là do bệnh đau mắt của anh hay từ khi bẩm sinh? Anh phát biểu rất từ tốn, nặng nặng giọng Nghệ An:

- Thưa ông, theo tôi hai ông Nguyễn Trãi và Lê Lợi rất phong kiến. Đi đến đâu cũng kẻ hầu người hạ, thường ngồi trên ngai, trên kiệu. Tư tưởng thống trị và bóc lột đã thể hiện ra cách sống. Bởi vậy, nếu hai ông ấy sống lại bây giờ, chắc chắn đảng ta sẽ cho hai ông đi cải tạo mút mùa.

Ai nghe cũng tươi mặt lên và buồn cười, nhưng chỉ có vài người cười thành tiếng. Trên bục nói chuyện, tên Mạch xạm hẳn mặt lại, sượng sùng một lúc rồi y nói ngập ngừng:

- Nguyễn Trải và Lê Lợi là hai vị anh hùng của dân tộc, làm sao lại cho đi cải tạo?

Nói đến đây tự nhiên mặt y đanh lại, mắt quắc lên chỉ tay vào anh Đương:

- Vì máu anh là máu phản động, nên mới hỏi bậy bạ như vậy. Về tổ học tập, mọi người trong tổ phải giải phẫu thật kỹ càng tư tưởng phản động ấy.

Rồi để khỏa lấp cái không khí nặng nề đã đọng lại từ khi có câu hỏi của anh Đương, y khỏa tay hỏi nhanh: "Còn ai thắc mắc điều gì khác?" Sau đó y chuyển sang mục thi đua học tập. Chắc tên cán bộ Hoàng phụ trách tổ tôi có chỉ thị đặc biệt, nên y đã bắt tổ sinh hoạt kiểm điểm về chuyện anh Đương mãi tận lúc kẻng lấy cơm mới thôi, trong khi hầu hết các tổ khác đã nghỉ trước đấy gần một giờ rồi. Chưa xong, sau một tuần lên lớp. Đến giai đoạn cá nhân ngồi viết tường thuật cuộc đời, anh Đương lại phải vào nhà kỷ luật. Anh mới ra khỏi kỷ luật hơn nửa tháng trước vì chuyện giật tượng ảnh của Hoàng Thanh.

Về chuyện của chị Thụy An những ngày sau đó, tuy có mấy lần gặp lại chị nhưng chỉ cười hoặc gật đầu chào nhau chứ chưa có dịp nào để tôi nghe tiếp câu chuyện của chị.

Sau một tuần lễ lên lớp nghe giảng và thảo luận, đến phần viết tường thuật cuộc đời của mỗi người. Một tuần sau nữa, tổ nữ lại vào trại E để dự buổi lễ bế mạc của lớp học. Người nào viết xong thì nộp cho cán bộ phụ trách rồi tiếp tục đi lao động. Người nào chưa viết xong thì cứ tiếp tục. Cán bộ đã nhắc nhở rõ ràng: "Viết tỉ mỉ chi tiết, khẩn trương nhưng không hạn chế thời gian".

Hơn một tuần lễ sau, số người viết xong đến 90 phần trăm, vì thế lớp học đã coi như bế mạc. Chính cái buổi bế mạc lớp học này tôi gặp lại chị Thụy An một lần nữa. Cũng vào giờ giải lao, tôi đang ngồi nói chuyện với Nguyễn Văn Gôm ở hàng ghế phía cuối hội trường, thì chị Thụy An đã đến với tôi. Tay chị đang cầm một tập giấy dầy đã viết rồi. Có thể đấy là bản viết tường thuật cuộc đời của chị, cũng có thể là bản thâu hoạch ghi chép những ý tưởng của cán bộ giảng. Bởi vì ngay từ hôm nọ, tôi đã hiểu chị là tổ trưởng của tổ nữ duy nhất ấy. Tôi và nhiều anh em khác đã trầm trồ bán tán nhìn chị ngồi ghi những ý của cán bộ trên bục giảng. Tay chị thoăn thoắt ghi chép như máy. Tôi có cảm tưởng như chị viết tốc ký.

Sau khi tôi và Gôm vồn vã chào chị, chị ngồi ngay xuống chiếc ghế dài bên cạnh, đặt tập giấy trên đùi, chị vừa cười vừa hỏi tôi:

- Thế cậu Bình ra Bắc từ bao giờ và bị bắt lâu chưa?

- Tôi ra năm 1962, gần một tháng sau thì bị bắt vào Hỏa Lò.

Tôi trả lời chị như vậy, vì Gôm cũng đã biết. Chị nhìn tôi mắt chị loáng lên một chút tiếc nuối:

- Bị bắt sớm quá!

Do hoàn cảnh và thời gian hạn chế, tôi hơi gật đầu như đồng ý với chị. Tôi nghĩ chả cần thanh minh, thanh nga lôi thôi; nhưng Gôm lại bật lên, tỏ ra như một người bạn thân của tôi:

- Công tác của Bình ngắn hạn có 25 ngày thôi mà.

Nỗi băn khoăn của chị như được vơi hẳn, chị quay sang Gôm đon đả:

- Thế còn cậu?

Gôm thì mồm mép một cây nên cũng vồn vã xưng với chị là em:

- Em ở Hà Nội.

Sau khi biết Gôm ở số 42 Khâm Thiên, chị Thụy An lại hỏi Gôm về một người ở Hà Nội mà Gôm cũng biết. Mắt tôi cứ nhìn vào tập giấy chị đang để trên đùi. Mục đích muốn nhìn nét chữ của chị, nhưng tôi lại thấy một góc trang giấy phần ghi lý lịch: "Lưu Thị Yến, thôn Hòa Xá, tổng Thái Bình, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông". Óc tôi vẩn vơ thấy chiều hướng không thể nói chuyện được với chị lâu nữa, phần nữa tôi có nghĩ đâu rằng, có một ngày tôi sẽ phải ngồi viết về chị. Cho nên lẽ ra tôi phải hỏi ngay chị một số chi tiết cần thiết, tôi lại lửng lơ hững hờ buông trôi theo sự việc.

Để rồi mãi gần ba năm sau, tôi đã được chuyển về trại chính (trại xây), thời gian ấy tôi ở toán làm nhà. Một lần toán tôi phải dựng một chòi gác phía sau trại nữ, tôi thoáng thấy một bà già chít khăn vuông thâm, khòm lưng đang đưa dài mái chổi quét con đường đi phía sau trại. Khi bà ta ngẩng đầu lên, tôi đã bàng hoàng đến thộn người ra; không ngờ đó lại là chị Thụy An. Người chị gầy đi, bé nhỏ hẳn lại.

Nhìn thấy tôi chị mừng rộ ra nét mặt. Chị thăm hỏi tôi ríu rít như người thân lâu ngày mới gặp lại. Vì sợ lão cán bộ của toán tôi biết, cho nên sau những câu thăm hỏi về sức khỏe, tôi chỉ biết chị được ra làm tự giác hơn một năm nay. Do tù lâu, và do tuổi già sức yếu nên giám thị trại cho chị hàng ngày đi lao động tự giác (không có cán bộ dẫn giải). Phần việc là làm vệ sinh quét dọn ở trong trại cũng như những khu vực bên ngoài trại.

Chừng hơn nửa giờ sau, trong lúc tôi còn đang mải mê lao động với toán, thừa một lúc tên cán bộ toán không có ở đấy, chị đã lén đưa cho tôi hơn 1 kg sắn đã luộc rồi. Và đấy là lần cuối cùng tôi nhìn thấy chị cho tới bây giờ. Vào đầu năm 1976. Lúc tôi đang ở trại tù Phong Quang, trại trung ương số II, nằm trong tỉnh Yên Bái. Trong một lần nói chuyện vui với anh Kiều Duy Vĩnh, anh cho biết loáng thoáng: Nghe đâu, cuối năm 1973, chị Thụy An bị bệnh nặng, gần chết (không rõ bệnh gì) nên Cộng Sản đã thả chị về Hà Nội. Không hiểu từ đấy, cuộc đời chị rồi ra sao? Sau nhiều những năm, tháng nổi trôi trong tù, tôi không hề còn nghe ai nhắc về chị nữa.

Tóm lại, sau đợt học tập "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước" qua Nguyễn Văn Gôm và bác Lẫm tôi chỉ được biết sơ một chút về cuộc đời của bà Thụy An như sau:

Bà là con gái ông thủ quỹ họ Lưu. Người ta thường gọi là ông Quỹ Lưu ở Hà Đông. Bà nói tiếng Pháp rất rành, thường giao du với những đặc phái viên của hãng thông tấn xã Pháp (A.F.P.). Không những bà viết sách báo, mà còn đôi khi bán tin tức cho các nhật báo Việt ngữ ở Hà Nội nữa. Bởi thế có dư luận bà là người thân Pháp mới có những tin tức đặc biệt như vậy. Hơn nữa, bà lại rất hăng say, năng nổ về lãnh vực chính trị nên cũng có tiếng vang trong nữ giới ở Hà Thành.

Khoảng cuối 1946, cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Dần dà Pháp dùng Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân kỳ cựu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông Đạo được Pháp giao trách nhiệm thành lập hai tiểu đoàn khinh quân tự trị do Pháp võ trang hoàn bị, gọi là quan thứ lưu động. Mục đích để bình định, mở rộng vòng đai thuộc vùng quốc gia và quấy phá Việt Minh. Tất nhiên cả về tài chính cũng như những phương tiện khác cho hai tiểu đoàn đều do Pháp đài thọ. Đỗ Đình Đạo lại không khá tiếng Pháp vì vậy Pháp đã gài bà Thụy An vào làm chánh văn phòng để giao dịch bằng văn thư với Pháp hoặc thông dịch trong những khi giữa Pháp và Đạo cần đàm thoại.

Đại bản doanh của hai tiểu đoàn khinh quân thuộc thứ lưu động kể trên đóng căn cứ tại Ngã Tư Sở, ranh giới giữa Hà Nội và Hà Đông. Dư luận của chính giới cũng như của Hà Nội bấy giờ đều cho rằng: Do điều kiện và cảnh sống tiếp cận như vậy đã tạo lên một mối tình luyến ái giữa hai người. Vả lại họ thường thấy hai người đi đôi như một cặp bài trùng. Nhất là lúc này, mỗi khi bà viết báo hay truyện lại thường lấy bút hiệu là Thụy An Hoàng Dân. Mà Hoàng Dân lại là bí danh của Đỗ Đình Đạo.

Mỗi tháng Pháp phải trả lương cho hai tiểu đoàn này số tiền 350.000 đồng tiền bấy giờ. Vào đầu năm 1954, lúc này tình hình chiến sự rất căng thẳng ở khắp nơi thuộc 3 nước Việt + Miên + Lào, mà gay go nhất là trận chiến Điện Biên Phủ. Một lần vào cuối tháng cũng như mọi khi, buổi chiều Đỗ Đình Đạo đánh xe đi Hà Nội nhận tiền về, để phát lương cho binh lính dưới quyền. Nhưng sáng hôm sau, người lính cận vệ không thấy Đỗ Đình Đạo ở đại bản doanh cũng như ở văn phòng làm việc tại nhà. Anh ta vào gõ cửa buồng ngủ cũng không có tiếng trả lời. Anh đi kêu mấy người đồng đội phá cửa vào phòng thì thấy Đỗ Đình Đạo chỉ còn là cái xác không hồn, nằm cứng đơ ở cạnh tủ áo. Còn Thụy An là chánh văn phòng thì mất tích. Sau hai ngày im lặng để nhà chức trách điều tra, báo chí Hà Nội đã tung tin rùm beng: "Đỗ Đình Đạo bị chết vì thuốc độc. Dư luận kết tội Thụy An đã đầu độc Đỗ Đình Đạo." Sau đấy hai tiểu đoàn khinh quân trở thành địa phương quân thuộc tỉnh Hà Đông.

Theo dư luận báo chí thời gian ấy, chả hiểu là đúng hay sai: Thụy Anh ẵm số tiền kếch xù về quê thuộc vùng kiểm soát của Việt Minh, đem dâng nộp cho ủy ban hành chính kháng chiến huyện Ứng Hòa để lập công chuộc tội. Nhưng nghe đâu Việt Minh không tin, chúng đặt vấn đề đây là do Pháp làm mồi để cài Thụy An vào hàng ngũ kháng chiến; cho nên tiền thì chúng lấy, còn người thì chúng giam để khai thác.

Sau hội nghị Genève về Đông Dương, chúng đem bà về quản chế tại địa phương. Nhưng vào đầu năm 1958, bà bị bắt lại trong chiến dịch Cộng Sản đánh phá văn nghệ sĩ miền Bắc xuyên qua phong trào "Nhân văn giai phẩm" đã gián tiếp phản đối sự lãnh đạo văn hóa tuyệt đối của đảng. Lợi dụng dịp "Trăm hoa đua nở" này, bà cũng viết mấy bài báo đăng trên tuần báo Văn tỏ ý gián tiếp chống đối lề lối văn nghệ chỉ huy của đảng. Lần này chúng bắt bà với tội danh: Phản tuyên truyền và làm gián điệp cho CIA Mỹ. Khi khai thác cung bà ở Hỏa Lò, chúng cứ gán ghép, truy hỏi: Những mạng lưới tình báo thuộc phòng nhì của Pháp ở miền Bắc, bây giờ đã được chuyển sang cho tình báo Mỹ.

Tôi ngồi nghe bác Lẫm kể về chị Thụy An, nhưng lòng vẫn bán tin, bán nghi chưa hiểu đâu là sự thật của vấn đề, bởi vì dư luận có phải bao giờ cũng chính xác đâu.

Chương 38

Đời Tù Cũng Có Cái Vui

Tôi đã nói nhiều về Nguyễn Văn Gôm chỉ vì Gôm đã trở thành người bạn tư tưởng của tôi. Hàng ngày chúng tôi chuyện trò với nhau thật là thoải mái tâm đắc, tin cậy lẫn nhau. Tôi nhớ lại, chỉ sau mấy ngày Gôm ở trại Vĩnh Tiến chuyển về. Tôi để ý một anh cứ vào những buổi trưa, hoặc buổi tối sau giờ sinh hoạt của toán hay tổ. Anh có một ngọn đèn con tí làm bằng chiếc lọ Peniciline; anh ngồi miệt mài đọc sách. Cho đến một buổi tối hôm ấy, một tên bộ đội đi đi, lại lại gác bên ngoài đã đập báng súng vào cửa sổ chỗ anh ta đang ngồi đọc sách quát inh ỏi:

- Anh này đọc sách gì đấy, đưa đây coi!

Tiếng quát làm cho nhiều người quay lại theo dõi. Từ mấy hôm trước tôi cũng đã hơi tò mò muốn biết anh đó đọc loại sách gì nên tôi đã tiến lại gần chỗ tên bộ đội. Tên bộ đội, lôi cuốn sách ra ngoài song cửa, dùng đèn bấm coi; y lật, mở các trang sách; y cho sát miệng vào cửa sổ dằn từng tiếng như hạch hỏi:

- Sách gì mà toàn hình thế này?

Anh đọc sách có một cái cười thật đáng ăn quả thụi, anh ta còn nhay nháy mắt trả lời:

- Sách "Maths" của Liên Xô đấy!

Chắc thấy nói tới Liên Xô nên giọng tên bộ đội dù còn vẻ thắc mắc nhưng đã dịu hẳn lại. Y thò cuốn sách vào trong song cửa trả lại:

- "Mát" là cái gì? Cứ vẽ bậy, vẽ bạ thôi à!

Anh đó cầm lấy cuốn sách, nụ cười riễu cợt lại càng xòe rộng thêm ra. Anh quay lại cũng vừa bắt gặp cái cười đồng tình của tôi. Khi tôi nhìn chiếc bao tải nằm một đống trên cái kệ phía đầu nằm của anh tôi mới chợt nhớ lại. Hôm tên Cẩn khám, đổ bao tải ra chỉ toàn là sách, đủ loại to, nhỏ, dầy, mỏng, nặng chịch. Đến bây giờ tôi mới hiểu toàn là sách toán. Cho nên khi thấy anh muốn mời tôi ngồi nói chuyện, tôi đã sà ngay xuống, rồi chúng tôi quen và thân nhau từ đấy.

Chúng tôi quen và thân nhau, phải nói vì nhiều lý do Gôm tỏ ra rất sắc sảo, khôn quái. Anh có những cái nhìn bén nhậy, sâu sắc về Cộng Sản. Về mặt nào đó anh cũng là một con người có chí. Anh tâm sự với tôi: "Chương trình toán cao cấp, bên ngoài thường phải học 8 năm. Nhưng trong tù thiếu sách vở lại không có thầy, tôi chủ trương sẽ đeo đuổi ròng rã 12 năm cho xong. Tôi sẽ đi được, bởi vì toán học độc lập với chính trị, càng lại không có tư tưởng cho nên chúng sẽ chẳng làm gì tôi được." Gôm đã đeo đuổi được 4 năm rồi.

Thấy một người có chí dài như vậy tôi càng cố khuyến khích để họ đi đến đích. Tôi ngưỡng mộ và mến Gôm vì Gôm là con người sắc sảo và có chí. Ngược lại, Gôm có thiện cảm với tôi chỉ vì từ lâu anh rất thích ngành điệp báo. Anh đã từng xem nhiều sách, báo phim ảnh về loại này, nay anh gặp tôi một điệp viên do CIA đào tạo, huấn luyện từ trong Nam ra. Theo cái óc tưởng tượng có sẵn của anh trước đây, hẳn tôi cũng phải ít nhiều có cái gì đó khác người, nhất là trí thông minh. Anh có biết đâu rằng, nếu anh đọc rõ được những suy nghĩ trong óc tôi, anh sẽ thấy tôi đang ngưỡng mộ, phục anh sát đất. Tôi đang buồn và tự trách tôi: "Tại sao trong cuộc đời lại có nhiều người thông minh, thế mà cái óc của mình lại tồi như vậy."

Chính vì những cái lắt léo của tình đời như trên, nên đã đẻ ra một kỷ niệm khó quên giữa tôi và Gôm. Tôi còn nhớ Gôm có một trò chơi ngộ nghĩnh, để thử thách tôi trong những buổi ban đầu chúng tôi quen nhau; để rồi đến hàng chục năm sau chúng tôi còn buồn cười khi nhắc tới:

Một buổi sáng, tôi và Gôm ngồi bên nhau trong hàng đôi của toán, chờ tên Cẩn gọi xuất trại đi lao động. Gôm quay sang tôi nhỏ nhẻ, tỉ tê. Đại cương như sau: Để cho đỡ buồn, để óc đỡ phần nào suy nghĩ về những cảnh đen tối của đời tù, Gôm sẽ đố chơi tôi một bài toán, nội dung: Có một nhà tư sản Mỹ đi công cán kinh doanh ở Âu Châu. Sau một số ngày, ông ta gặp được một chuyện làm ăn không dự trù trước. Ông ta phải cần có thêm một số tiền, vì thế ông ta gửi một bức điện tín gấp về Mỹ cho ông tổng quản lý của ông ta, bảo cần gửi ngay tiền cho ông ta. Óc thực tế của người Mỹ đã trở thành truyền thống "không trả tiền, dù chỉ một xu cho những cái gì thừa thải, vô ích." Vì vậy bức điện tín càng ngắn gọn bao nhiêu, để càng trả ít tiền thì càng tốt bấy nhiêu. Với điều kiện công việc hết quả thỏa đáng. Hơn nữa, ông ta cũng tin vào khả năng minh mẫn, bén nhậy của người quản lý thân tín mà ông đã thử thách, thực nghiệm nhiều lần.

Nguyên văn bức điện như sau: SEND MORE MONEY. Nếu đúng theo trọn ý của câu thì phải viết: "Send me more money". Nhưng bỏ chữ "me", người quản lý vẫn hiểu đầy đủ bức điện mà không phải trả tiền cho chữ "me". Với sự sáng suốt của ông tổng quản lý, nhà tư sản tin chắc chắn sẽ nhận được đúng số tiền mà ông ta muốn.

Nếu bạn là người quản lý, bạn sẽ gửi bao nhiêu tiền? Toán thì chỉ có một đáp số, vậy số tiền phải là duy nhất". Theo Gôm, bài toán này, trước đây có người đã đố Gôm. Sau một tuần Gôm đã tìm ra đáp số. Bây giờ, do nhiều năm tháng tù đầy đau thương khổ cực, đầu óc sẽ giảm sự linh anh, bén nhậy; do đấy Gôm sẽ cho tôi thời hạn là một tháng. Nếu trả lời đúng, Gôm sẽ thưởng cho một gói thuốc lào hai hào.

Tuy trong lòng vẫn đầy ắp mối băn khoăn, lắng lo vì sự hiểu biết và trình độ của mình chỉ có hạn. Nhưng dù sao thời gian ấy, tôi vẫn còn cái tính sục sạo, háo thắng của người thanh niên. Vì thế sau khi hỏi lại biết là không còn một chi tiết nào nữa bổ sung cho bài toán, tôi đã bắt tay Gôm nhận lời.

Như trên tôi đã trình bầy, do bản tính hãy còn sôi nổi; điều gì còn mập mờ, ẩn giấu trước mặt, tôi sẽ phải tìm cho ra với khả năng tối đa của mình. Ngoài khả năng và điều kiện thì chịu. Chính vì vậy, từ buổi nhận lời với Gôm, bất cứ ở đâu hay làm gì; lúc lao động cũng như lúc ăn uống; ỉa đái tắm rửa, thậm chí ngay trong giấc ngủ; bài toán cũng chen lấn vào làm cho giấc ngủ không yên. Còn một điều nữa, tuy không rõ nét nhưng nó nằm sâu trong một ngách của lòng tôi, cũng thúc đẩy sự quyết tâm, tôi phải tìm ra đáp số của bài toán. Đó là tôi cứ tưởng như nếu tôi không giải được bài toán này không những Gôm chỉ coi thường cá nhân tôi mà Gôm còn coi thường dù không nhiều cả cái miền Nam tự do thân yêu của tôi nữa.

Chính vì có nhiều những cái ngấm ngầm kéo lôi như vậy nên chỉ tới ngày thứ ba tôi đã tìm Gôm để giải bài toán này. Gôm đã vỗ cả hai tay vào vai tôi đập bành bạch, chào mừng một người bạn trí óc hãy còn tương đối tốt. Dĩ nhiên là tôi không quên nhận gói thuốc lào hút cho nó đã, cho nó sướng cái đời gió mưa.

Kỳ này trong trại cũng có một câu chuyện buồn cười, dù nho nhỏ nhưng tôi vẫn không quên được. Chẳng hiểu từ bao giờ và do ai bắt đầu thì cũng khó mà ai biết. Về cái tục lệ lưu cữu từ hàng bao nhiêu năm nay là đêm đêm bất cứ trại viên nào muốn dậy đi đái, đi ỉa đều phải báo cáo cán bộ, dù có cán bộ hay không cán bộ. Nếu ai phát giác được anh nào dậy vào nhà xí mà không báo cáo là anh đó bị vi phạm nội quy. Bị kết tội là có ý tưởng mờ ám hoặc định trốn tù.

Vấn đề này đã gây ra biết bao nhiêu cảnh cấu xé, chụp mũ cho nhau; thậm chí gây thành thù oán muôn đời. Bởi thế hàng đêm, khúc nhạc đi ỉa, đi đái đã làm quen tai mọi người cũng như tiếng ho tiếng hắng dặng.

"Báo cáo ông cán bộ, tôi xin đi ỉa!"

Phải nói rằng trong lòng mọi người tù, dù là ai; tiến bộ hay không tiến bộ thì cũng đều ít nhiều tức bực cho cái việc

phải báo cáo phiền toái, miễn cưỡng này. Có lẽ vì vậy, câu báo cáo, điệu nhạc đêm đi ỉa, đi đái cứ rút ngắn lại dần theo năm tháng.

- Báo cáo ông, tôi xin đi đái!

- Báo cáo ông, xin đi đái!

Nhưng từ ít lâu nay, chẳng biết có ai bảo ai mà hầu như buồng nào cũng vậy. Khúc nhạc đi đái đã đổi nốt thành như sau:

- Báo cáo ông…..đi đái!

- Báo cáo….. ông đi đái!

- Báo cáo…..ông đi ỉa!

Cứ thỉnh thoảng khúc nhạc lại được tấu lên giật đùng đùng trong đêm khuya. Bất cứ ai nghe thấy cũng phải buồn cười, thinh thích. Mà tụi cán bộ đi tuần đêm bên ngoài, chắc sẽ tức ói mật, lộn ruột ra ngoài. Lúc đầu ban giáo dục còn chỉ thị xuống toán, buồng sinh hoạt, tìm cho ra kẻ nào lại dám báo cáo láo lếu như vậy. Nhưng có thể đây là một quyền lợi chung của mọi người tù, dù cho là loại chó má, antenne, chỉ điểm cũng không muốn cho nên các buồng đã cọ sát, sinh hoạt mấy buổi tối liền nhưng đều vô hiệu. Hơn nữa, vấn đề này rất tế nhị, người ta có muôn ngàn lý do để trả lời. Thí dụ:

Rõ ràng tôi nói: "Báo cáo ông, xin đi ỉa!" nhưng ai đó, một khi đã có ấn tượng trước nên mới nghe ra thế khác; hoặc đang báo cáo thì bị nghẹn v.v…

Tóm lại, khi mọi người đã ít nhiều đồng tình thì chả bao giờ tìm ra thủ phạm cả. Và từ đấy, cho đến sau này, chúng tôi không còn ai nghe thấy khúc nhạc đêm "bất đắc dĩ" ấy nữa. Chắc rằng Ban Giáo Dục cũng thấy khó mà tìm ra được thủ phạm; vậy thà cho chúng nó miễn báo cáo đi, còn đỡ tức. Chứ cứ đêm đêm nghe chúng nó báo cáo, về nhà lòng cuộn lên anh ách, ăn cơm cũng mất cả ngon.

Chương 39

Chiếc "hồ lô" Của Thân Lân

Có lẽ trời đã vào giữa hay cuối Thu. Những chiếc lá nứa từng ngày đổi thành mầu vàng đậu phụ rán. Một vài làn heo may lảng vảng làm ráo hoảnh những đám rêu đầu hè, làm những làn da tay chân căng ra lăn tăn, gờn gợn ngứa. Hương Thu nồng nồng, ngai ngái thấp thoáng trong bụi chuối đầu giếng. Hẳn trong rừng sâu đã có những chú nai vàng ngơ ngác đang đạp trên những lá vàng khô.

Sáng hôm nay đang lúc trại chia sẳn sớm, có tiếng một con chim kêu rất lạ trong bụi nứa già phía cuối hội trường. Cứ một đợt 3 tiếng một: hù lú… hù lú… hù lú…

Gợi trí tò mò, cầm đĩa sắn luộc chạy về phía bụi nứa, tôi vừa ăn vừa ngấp nghé nhìn trong đám lá nứa rậm xì. Kìa rồi, cho tới lúc nó hót tôi mới nhìn thấy. Những hai con, mà chỉ có một con hót. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy loại chim

này. Chiếc mào mầu nâu tươi gồ lên, một chiếc lông trắng như bông đang ngoe nguẩy với gió trên chỏm của chiếc mào, trông như chiếc ngù của một vị hầu tước. Đặc biệt là cái đuôi mầu xanh cánh chả dài thuổng, nhọn hoắt, cứ uốn lên rồi hạ xuống liên hồi. Cái con mình hơi nhỏ hơn, cứ thỉnh thoảng lại cất tiếng hót lạ; trong khi con lớn hơn đứng bên cạnh, có lẽ là con trống, thỉnh thoảng lại quay nhìn con mái. Mỗi khi con mái hót, tôi nhìn và lắng nghe kỹ; rõ ràng con trống lại hơi gật gật cái đầu và có tiếng ừ ừ … rất nhỏ.

Cứ mỗi lần con mái kêu "hù lú" thì con trống lại "ừ" rồi chúng cùng nhìn xuống chiếc hè phía sau hội trường. Ở đấy có anh chàng Thân Lân, người tù đơn độc, cách biệt hết với mọi anh em tù trong trại. Anh đang ngồi riêng biệt một mình nhai sắn, bên cạnh chiếc lọ thần kỳ mà từ anh em trong trại cho đến những tên cán bộ đều gọi là chiếc "hồ lô" của Thân Lân.

Tôi ngồi bần thần, đôi khi đưa mắt nhìn đôi chim vẫn đu đưa trong bụi nứa. Tai thẫn thờ chờ nghe tiếng chim hót lạ hòa với gió heo may như tiếng của mùa Thu gọi nhịp cho núi rừng. Tiếng chim hót lúc này tôi lại nghe ra là hồ hô… hồ lô… hồ hô… vì cũng là lúc Thân Lân đã ăn sắn xong, anh đang dốc ngược chiếc "hồ lô" vào miệng để đón nhận một ngụm đầy cái nước đùng đục, lờ lờ mầu cánh cam phía bên trong.

Chiếc "hồ lô" có sức kéo tôi khỏi bụi nứa, rời đôi chim lạ để tiến về chỗ Thân Lân. Hơn nữa gần 4 tháng nay, từ ngày Thân Lân ở trại Vĩnh Tiến chuyển về, hầu như anh chẳng nói chuyện với ai. Anh chỉ thích lủi thủi riêng biệt một mình nên càng gợi trí tò mò của tôi.

Ngay từ những ngày đầu tôi đã để ý thái độ lạnh lùng, cách ly với mọi người của anh. Gôm và các anh em ở trại Vĩnh Tiến về cho biết, anh là cán bộ tập kết, hình như ở Quảng Nam hay Quảng Ngãi gì đó. Người ta không biết cấp bực của anh, chỉ biết anh là bộ đội chính quy. Anh bị bắt vì tội phát biểu rộng rãi, bậy bạ, không đúng đường lối chính sách của đảng nên bị ghép vào tội có tư tưởng xét lại v.v… đã ở tù 6 – 7 năm rồi. Anh cũng mang cái án cao su tập trung cải tạo 3 năm. Trông người của anh rất khó đoán tuổi. Có thể 30 mà cũng có thể 40 (1968). Bởi vì anh không có râu, nước da lại mai mái, chỉ cao khoảng 1 mét 55 hay 57. Ngay cái tên Thân Lân, từ các cán bộ cho đến anh em cả trại đều gọi như vậy, cho nên không rõ "Thân" là họ của anh, hay chỉ là tên đệm?

Mùa Hè, bất cứ ngày hay đêm lúc nào anh cũng cởi trần trùng trục, mặc mỗi chiếc quần đùi từ chiếc quần dài cũ của trại xé ra. Đặc điểm là anh có cái bụng tương đối vĩ đại. Thành ra nhiều lúc trông người của anh nó giống hệt con ễnh ương. Về tính tình của anh cũng có cái đặc biệt. Anh lao động trên tinh thần tự nguyện, tự giác. Nghĩa là có cán bộ cũng vậy; không có cán bộ cũng thế. Tổ, toán hay cán bộ giao cho anh ta làm phần việc gì (làm riêng), anh làm có ý thức trách nhiệm cho tới xong. Ai ngồi chơi mặc, anh chưa làm xong thì cứ lầm lủi làm. Ngược lại, ai làm cứ làm, xong việc là anh ngồi chơi. Hoặc khi thấy bụng đói quá là ngồi, dứt khoát không làm nữa dù có đưa anh ta vào cùm. Anh không hề gian tham hay tố giác bất cứ một ai bao giờ.

Chẳng biết từ khi nào, và anh kiếm ở đâu; ngay từ ở trại Vĩnh Tiến, anh đã có một cái chai thủy tinh trắng, cổ rụt, cao độ 25 phân, dung tích khoảng chừng một lít rưỡi. Không có nút nên anh đã nhờ ai hay chính anh đã làm một cái nút bằng gỗ thay vào.

Chiếc chai này đã làm cho Thân Lân phải đi cùm mấy lần ở trại Vĩnh Tiến cũng như ngay ở trại E này. Khi anh mới về đây được hơn nửa tháng cũng đã phải vào nhà kỷ luật 12 ngày vì cái chai đó mà Hoàng Thanh cuối cùng phải nhượng bộ. Chiếc chai của anh dùng để chứa tất cả những cái gì có thể ăn hay uống được trên cái cõi đời này. Bữa cơm anh đi lang thang nhìn các chỗ, nơi người ta ăn uống. Có những anh tài ba xoay xở kiếm chác được con cá, lá rau, đôi khi con chuột hoặc bồ nhông v.v… Đĩa bát của họ ăn rồi thừa tí chút anh đến xin rồi trút, vét hết vào chiếc lọ của anh: mấy cái xương cá, tí nước rau thừa, dăm ba cái xương chuột, xương ếch. Đôi khi anh bắt được con gián, con ngóe, con bọ xít… nghĩa là bất kể con gì; ngay những đồ ăn của chính anh; những ngày trại có tươi, ngày lễ, ngày Tết, còn bao nhiêu anh đều dồn vào chiếc lọ đó.

Do nhiều ngày tháng dài, tất cả mọi vật trong chiếc lọ đó đều rữa mục, không những thịt, da, rau cỏ mà cả xương chuột, ngóe, rắn v.v… cũng đều tan ra nước hết, chỉ có những mảnh xương ống chân của lợn hay trâu thì mới không thể tan được mà thôi, để thành một thứ nước đùng đục, nhờn nhờn; có khi là mầu xanh xám, có khi là mầu nâu đậm. Chẳng ai biết cái vị của cái nước ấy ra sao.

Cơm nước, anh thường tìm một xó hay một chỗ riêng biệt ngồi một mình. Cứ sau mỗi bữa cơm, anh thường tu một ngụm cái nước đó. Nước cứ vơi đi lại đầy lên, bao giờ cũng gần lưng lọ, không bao giờ cạn. Anh chẳng ốm đau, bệnh tật gì, lại không hề làm phiền hà gì ai, do đấy cũng có nhiều người có thiện cảm gọi anh, để cho anh ít thức ăn thừa hay canh thừa.

Chiếc lọ luôn luôn gắn liền với anh như tay hay chân của anh vậy. Ngày đêm, khi ăn, khi ngủ, khi lao động, lúc nào anh cũng đeo nó ở cạnh sườn. Cũng có nhiều lần, nhiều anh em, thậm chí cả cán bộ cũng đồng ý, chờ rình lúc anh ngủ say đã lấy chiếc lọ của anh giấu đi. Mục đích giúp anh, ngăn anh, không cho anh dùng cái loại nước mất vệ sinh như vậy. Nhưng khi anh tỉnh dậy, thấy mất cái lọ, anh đã lăn ra giẫy đành đạch kêu ban giám thị, kêu cán bộ, kêu chính phủ trả lại cho anh chiếc lọ đó. Dứt khoát không chịu đi lao động, dù đưa vào nhà kỷ luật; mặc ai nói sao, thí đố anh thế nào cũng chỉ một mực yêu cầu trả lại anh chiếc lọ.

Anh em trong tù cũng như cán bộ thấy rằng, anh không hề chống đối ai, lao động thì tốt. Anh cũng không làm ảnh hưởng hay làm mất vệ sinh đến người chung quanh. Cuối cùng rồi cũng đành trả lại chiếc lọ nước thánh cho anh, và anh lại ngoan ngoãn tiếp tục đi lao động như thường.

Nhưng rồi chắc Hoàng Thanh cũng đã được nghe cán bộ báo cáo về Thân Lân. Và hẳn Hoàng Thanh cũng nghĩ rằng chỉ vì các cán bộ yếu tay, thiếu bản lĩnh cho nên đã không trị được Thân Lân chứ hẳn vẫn có bàn tay sắt mà biết bao nhiêu những tên phản động trước đây, mọc bao nhiêu cái sừng. bao nhiêu cái ngà cũng đều hoặc bị tiêu diệt, hoặc lậy van xin chừa. Có một điều Hoàng Thanh đã quên là ở đây Thân Lân không hề chống đối ương ngạnh.

Bởi vậy, một buổi trưa Hoàng Thanh vào trại, y lững thững đến toán 2, tới chỗ Thân Lân đang ngồi ăn cơm một mình ở góc hè. Y cúi xuống cầm chai nước lên hỏi Thân Lân, nước gì bên trong? Thân Lân đã trả lời đấy là nước uống của anh.

Hoàng Thanh quay lại đưa chiếc lọ cho tên trật tự Tân đi theo phía sau, ra lệnh:

- Đem quẳng chiếc lọ này đi! Và cấm Thân Lân từ nay không được uống cái nước bậy bạ mất vệ sinh như vậy nữa.

Thân Lân đã nằm lăn ra gào thét đòi lại, để cuối cùng phải vào kỷ luật. Ngày đêm từ nhà kỷ luật, Thân Lân vẫn ầm ĩ kêu xin đảng, nhà nước, ban giám thị xin trả lại cho anh chiếc lọ. Thân Lân bị vào kỷ luật đã được mấy ngày; đêm qua lúc gần sáng, tôi giật mình thức giấc vì một cơn mộng hãi hùng. Nằm ngay cạnh cửa sổ phía sàn trong, trằn trọc mãi tôi vẫn chưa dỗ lại được giấc ngủ còn dang dở. Trong cái vắng lặng của đêm khuya, thỉnh thoảng một vài tiếng kêu của thú rừng văng vẳng vọng về, nhưng tiếng kêu nài than thở của Thân Lân từ nhà kỷ luật lại nghe rỏ mồn một. Giọng anh hơi lạ, đùng đục, khàn khàn như thiếu nước hoặc đã phải nói quá nhiều hay quá mệt. Lúc thì nức nở, tha thiết: – Thưa bác Hồ kính yêu, cháu đã phải chia tay với cô Lành, mối tình đầu và rời xa cả bố mẹ của cháu, nghe theo lời bác kêu gọi, trở về quê hương của cách mạng để được gần bác, đến nay đã mười mấy năm rồi.

Nhưng có lúc thì nghe sôi nổi, dứt khoát:

- Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hơn 6 năm dài trong đơn vị, cháu đã nổ lực liên tục phấn đấu gian khổ trong công tác cũng như trong học tập. Kết quả cháu đã được toàn tiểu đoàn bình bầu là chiến sĩ thi đua và vinh hạnh to lớn là

được kết nạp vào đảng Lao Động Việt Nam vinh quang. Ngày nay cháu xin trả lại đảng tịch và cả bằng "chiến sĩ thi đua" để đổi lại cái lọ. Xin bác hãy ra lệnh cho ban giám thị trả lại cái lọ cho cháu.

Lòng tôi đã não nuột, ê chề, nằm nghe Thân Lân kể lể, than van trong đêm lạnh càng làm cho hồn rã rời lịm dần vào biển đắng.

Ba ngày, năm ngày rồi cả tuần lễ vẫn thế. Chắc rằng cũng có một số cán bộ mủi lòng nên đã đề ý kiến với Hoàng Thanh chăng? Mãi đến ngày thứ 12, buổi chiều Hoàng Thanh vào nhà kỷ luật. Chả hiểu có cuộc chuyện trò qua lại giữa Hoàng Thanh và Thân Lân sao đó. Chỉ biết, sau đấy Hoàng Thanh ra lệnh thả cùm cho Thân Lân và bắt tên trật tự Tân mang chiếc lọ trả lại cho anh ta. Và từ đấy, không những anh em trong tù mà cả cán bộ đều gọi chiếc lọ ấy là cái "Hồ Lô" của Thân Lân.

Nhìn cái bụng của Thân Lân nhiều lúc tôi và Gôm hỏi đùa nhau: chẳng biết ở trong đó chứa cái gì mà to thế? Mỡ thì chắc chắn chả có rồi; vậy thì giun, sán hay một thứ ký sinh trùng gì khác? Chúng tôi cũng tự bàn tán, đây là một luật trừ, một trường hợp đặc biệt của một con người do hoàn cảnh tạo nên. Chúng tôi tin rằng bất kể một ai, nếu uống cái nước nhờn nhợn đó vào, nếu không ngỏm củ kiệu thì cũng nằm ốm liệt giường, liệt chiếu; vậy mà Thân Lân lại không sao cả. Biết bao nhiêu loại vi trùng và dơ bẩn ở trong nước ấy. Hẳn cơ thể của anh đã tạo lập được một chất miễn dịch đặc biệt, khác với mọi người.

Chưa hết, Thân Lân còn một việc làm đặc biệt nữa mà ai ở trong trại cũng không thể quên được. Anh ta chẳng có thân nhân, nên cả năm chả gửi hay nhận thư của ai. Tuy vậy, suốt năm đi lao động làm việc ở chỗ này hay chỗ khác; thấy từng mảnh giấy to, nhỏ dù dơ bẩn, anh ta cần cù rửa sạch rồi phơi phóng. Những buổi trưa, hay những ngày Chủ Nhật không có lao động xã hội chủ nghĩa, lủi thủi một mình mầy mò, anh ta ghép, dán thành từng tờ giấy to tương đối rồi xếp cất đi. Cứ như vậy cho đến gần ngày Quốc Khánh mồng 2 tháng 9 mỗi năm. Năm thì anh ta viết lá đơn to như tờ báo xin đề nghị Quốc Hội sửa lại điều khoản này, điều khoản kia trong hiến pháp. Năm thì làm đơn gửi chủ tịch nước là bác Hồ, xin cho sửa sang lại thành phố Hà Nội.

Mồng 2 tháng 8 vừa qua, trước ngày có lớp học tập "Lập công chuộc tội, chống Mỹ cứu nước", tôi, Gôm và nhiều anh em khác đã theo dõi để ý. Thân Lân hý hoáy bao nhiêu ngày để vẽ một số kiểu xe tăng, một số khẩu pháo, mìn và lựu đạn. Anh ta vẽ tượng trưng và có chú thích từng bộ phận. Rồi anh viết một lá đơn khác, lời lẽ rất trang trọng, nghiêm chỉnh. Đề nghị ông bộ trưởng bộ quốc phòng Võ Nguyên Giáp; cải tiến một số xe tăng, một số pháo hiện nay của quân đội Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Tuy không có phong bì, nhưng anh gấp gọn ghẽ. Sáng ngày mồng 2 tháng 9. Khi Hoàng Thanh và đoàn cán bộ tề chỉnh, quần áo tươm tất trong ngày lễ trọng đại hàng năm, vào trại dự lễ. Chờ cho ban giám thị trên bục nói chuyện vừa dứt, ở dưới, bất ngờ anh xông lên. Hai tay anh đưa nộp tận tay ban giám thị tờ đơn và bản sơ đồ nói trên.

Lần đầu, thấy Thân Lân xồng xộc đi lên chỗ khán đài, Hoàng Thanh và các cán bộ đều ngỡ ngàng, ngơ ngác. Mãi cho tới khi Lân hai tay đưa tập đơn nhờ ban giám thị chuyển lên đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hoàng Thanh mới thấy là chuyện vớ vẩn, lẳng nhẳng, nên y quắc mắt, gạt tờ giấy ra, không nhận và bắt Lân về chỗ. Nhưng Lân vẫn cứ lỳ ra dứt khoát không về chỗ nếu ban giám thị không nhận lá đơn của anh ta. Có lẽ cán bộ giáo dục đã đọc kỹ hồ sơ của Lân rồi, nên đã nói nhỏ cho Hoàng Thanh biết. Bởi vậy Hoàng Thanh quay lại nhận lá đơn của Lân đưa. Lúc đó anh mới chịu trở xuống ngồi vào chỗ.

Rồi từ đấy thành cái lệ, cứ mồng 2 tháng 9 nào cũng vậy. Từ giám thị cho đến các cán bộ, cũng như anh em trong trại đều đã hiểu. Ban giám thị cứ nhận đơn rồi ném vứt đi, bởi vì trong lá đơn không hề có lời xỏ xiên, hỗn xược. Vả lại, dù sao cán bộ cũng đánh giá Lân đã là người ít nhiều bất bình thường.

Cứ như thế, thời gian trôi chảy mãi cho đến hơn một chục năm sau. Năm 1980, tôi vẫn gặp Thân Lân ở trại Thanh

Phong, Thanh Hóa. Vẫn chiếc "hồ lô" ấy, vẫn cũng đơn từ hàng năm vào dịp mồng 2 tháng 9, và vẫn chiếc bụng to của con ễnh ương ngày xưa, tuy da mặt Lân có nhăn thêm, và tóc của Lân đã có sợi đổi màu. Anh vẫn sống nhăn ra; trong khi nhìn lại những người cùng thời gian ấy, đã nhiều người vĩnh viễn nằm xuống trong lòng đất lạnh của quê hương nhiều năm máu lửa rồi.

Chương 40

Một Trời Quan Tái Mấy Cho Say ....

Chiều nay, khi toán 2 vừa xuất trại ra tới lán thủ công, tôi đang háo hức, say mê làm những phần việc cuối cùng để hoàn thành chiếc giường đôi đầu tiên do tôi đóng, thì anh Nguyễn Huy Lân toán trưởng, từ trên phòng cán bộ xuống gọi tôi mặc quần áo ra gặp cán bộ. Thoáng nhìn ra thấy tên Cẩn trực trại đang đứng ở gần cổng lán nói chuyện với tên cán bộ vũ trang. Một thoáng băn khoăn thoảng qua trong đầu; cán bộ nào gặp mình đây? Mọi khi, mỗi lần cán bộ giáo dục cần gặp, tôi thường được lệnh ở lại trại ngay lúc xếp hàng đi lao động. Vậy đây là ai? Nghĩ đến đây thì tôi đã ra tới cổng trại. Tên Cẩn cũng như thường lệ, y ra hiệu tay để tôi đi trước, trong khi y quay lại gật gật đầu với tên bộ đội với tên bộ đội như bảo: "Tôi nhận tên phạm này nhé".

Thoáng nhìn vào căn phòng giáo dục nhỏ, tôi đã thấy dáng của Hoàng Thanh. Đã lâu, hôm nay tôi mới lại gặp y. Thái độ của y có vẻ lạnh lùng, khác hẳn với sự đon đả lần trước.

Sau mấy câu hỏi chung chung về sức khỏe, y vẫn thấy tôi ngồi cúi đầu trên chiếc ghế đẩu phía trước mặt y. Tuy tôi hơi cúi đầu, không nhìn y, nhưng trong trường mắt của tôi, mọi cử chỉ của y đều được ghi nhận. Một tay y để trên bàn cứ cầm cái bút lên rồi lại bỏ xuống mấy lần; tỏ rằng y đang cân nhắc, tính toán một thái độ, một biện pháp trấn áp hay lôi kéo gì đó. Lòng tôi từ ít lâu nay đã có chủ định cho nên vẫn mở cửa ngồi chờ cho y chủ động. Giây phút thinh lặng có lẽ làm cho người y ngứa ngáy, y đứng dậy và gọi hẳn tên tôi:

- Anh Bình!

Tôi ngửng lên, mặt y càng lạnh băng. Tay y chỉ ra phía sau lưng tôi dưới nền đất, miệng y chậm rãi:

- Anh có nhìn thấy cái loại gì kia không?

Tôi quay lại, chỉ có cái nền đất trống trơn. Đây đó mươi nhánh cỏ mọc lên trong những đường nứt nẻ trên nền đất. Bên ngoài, một vài dây thài lài thò vào qua kẽ liếp. Một thoáng ngần ngừ vì tôi chưa nắm được chủ ý của y thì y đã nói tiếp, mang một ẩn ý chính trị:

- Anh có thấy những đám cỏ dại đó không? Chúng nó lợi dụng những chỗ yếu, chỗ nhược; những kẽ hở để tồn tại và phát triển. Nếu ta không nhổ nó đi thì một ngày kia chúng sẽ mọc che kín hết cả cái nền này.

Nói tới đây, y lại ngồi xuống rồi nói như ra lệnh:

- Anh hãy nhổ hết những đám cỏ dại đó đi. Đó là trách nhiệm tôi giao cho anh đấy!

Tôi vừa nhổ cỏ, dòng suy tưởng của tôi vẫn chảy dài trong óc. Phải, đây là những cỏ dại, nhưng nó là thiên nhiên, nó sẽ trường tồn mãi mãi với đất trời. Mảnh đất nào ngừng canh tác, trông nom dọn dẹp thì sẽ bị cỏ cây bao trùm.

Tóm lại, sớm hay muộn, mọi mảnh đất sẽ phải trở về với thiên nhiên. Nếu như tôi chưa có chủ định, thì trong trường

hợp này dứt khoát tôi sẽ nói thẳng những ý tưởng đang cuồn cuộn dâng đầy trong đầu tôi, cũng sẽ nằm trong ẩn ý đối lại với y. Nhưng lúc này tôi cứ im lặng nhặt cỏ.

Thấy tôi nhặt hết đám cỏ dại dưới nền, y lại chỉ mấy ngọn thài lài ở trên vách:

- Anh dứt cả mấy cái dây dại đó đi! Ở trong ngóc lên, ở ngoài thò vào!

Để cho chủ trương của tôi có nhiều bức tường che, tôi nói một câu vừa tỏ ra đã hiểu những ẩn ý bóng bẩy của y lại vừa đóng góp thêm vào sự năng nổ, tích cực của mình:

- Thưa ông, với những cỏ dại phía bên ngoài, biện pháp hữu hiệu nhất là ra hẳn ngoài để nhổ tận gốc, chứ không hẳn chỉ ngăn chặn từ phía bên trong.

Mặt y bừng sáng, tươi hẳn ra. Y nghiêng người với cái "phíc" rót một chén nước trà nóng, xì xụp uống. Nét thỏa mãn ánh lên trong đôi mắt y. Sau đó y hỏi tôi về tình hình trong trại, về một số cá nhân ở trong tổ, trong toán. Y cũng đặt vấn đề tại sao tôi thân mật với Nguyễn Văn Gôm và bác Nguyễn Văn Tiến, cũng như tiếp xúc với nhiều người. Tôi mượn ngay cái bọc của y để che cho mình nên trả lời, muốn hiểu ai thì phải tiếp xúc với họ.

Cuối cùng, y đưa cho tôi một tờ giấy trắng, y chỉ một chiếc bàn con ở góc nhà đã có sẵn lọ mực và cái bút. Y bắt tôi ngồi viết những điều tôi vừa trình bầy về tình hình trong trại và một số cá nhân. Qua buổi nói chuyện với y, tôi khẳng định đã có nhiều người báo cáo về tôi. Hầu như mọi sinh hoạt của tôi y đều nắm được.

Những ngày trước, tôi và Gôm đã nhiều lần trao đổi. Chúng tôi đều đã nhận định: Cộng Sản đã khéo léo lợi dụng quy luật đấu tranh để sinh tồn của mọi sinh vật, kể cả thực vật. Chúng áp dụng quy luật ấy với những người tù đói khổ lại càng hữu hiệu hơn nữa. Chúng dùng sự đói khát, cùm kẹp, lao lực, kết hợp với dụ dỗ, phỉnh phờ gây ra ly gián, đói khổ tranh sống. Hình dung như những con cua trong một cái giỏ, suốt ngày đêm giẫy dụa chen chúc con nào cũng tìm cách để trèo lên miệng giỏ. Do sự tranh giành này, phải đạp lên nhau, cấu xé nhau để vượt lên. Bởi vậy, con thì sứt mai, con thì gẫy còng. Nhưng khi leo lên tới miệng giỏ lại vướng cái hom để rồi mỏi mệt lại rơi xuống đáy giỏ. Cuối cùng, con nào cũng chỉ quanh quẩn trong cái giỏ cua mà thôi.

Trong những con cua này, nếu có con nào tỉnh táo hiểu rằng, có nỗ lực, cậy cục, trăn trở lắm thì cũng thế mà thôi. Hãy biết thân phận trèo lên một chỗ nằm đấy cho đỡ mệt. Nhưng nếu nó biết như vậy, thì nó đã không còn là con cua nữa. Bởi vậy có những con trèo lên đến miệng giỏ, đã ngã xuống rồi, thế mà lại vẫn hì hục, cố gắng bò lên nữa. Cho nên, tôi càng cần phải tỉnh táo, cân nhắc, ý thức từng sự việc, sao cho không thiệt hại đến những điều chủ chốt của lý tưởng, đường đi của mình.

Điều này tôi tin rằng tôi sẽ làm được. Với những năm kinh qua đấu tranh với phòng 44 chấp pháp của Hà Nội. Hoàng Thanh tuy là một tên quái, nhưng không thể có nghiệp vụ chuyên môn như phòng 44. Dù như vậy, tôi cũng không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác. Tôi vẫn thừa nhận Hoàng Thanh là một tên sắc sảo, tinh quái. Mỗi một lời nói, một việc làm đều có dụng ý. Y là loại người đóng cửa trước, mở cửa sau, gieo mầm bây giờ để gặt hái về sau.

Nhìn lại suốt quá trình từ ngày tôi ra miền Bắc. Tôi đã gặp biết bao nhiêu loại người của đối phương, nhưng y là người thứ hai mà tôi nhờn, tôi phải để tâm nhất. Người thứ nhất là cái lão già chó chết, một buổi chiều Chủ Nhật đã gặp tôi ở Hỏa Lò chỉ có 15 phút ở phòng ban giám thị. Y đã ngoay ngoáy ngón tay chỉ vào mặt tôi.

Tôi tin rằng tên Hoàng Thanh này, tuy hiện nay y chỉ đeo chiếc lon trung úy, làm giám thị cho một phân trại nhỏ bé. Nhưng trong tương lai, chắc chắn y sẽ tiến cao mãi, sẽ vượt qua nhiều những tên hiện nay đang là cấp trên của y để ngoi lên trên con đường hoạn lộ của chủ nghĩa này.

Như trên tôi đã trình bầy, do những tình tiết toàn bộ sự việc của tôi, khi còn ở Hỏa Lò cũng như lên trại trung ương, tôi luôn luôn phải ở tư thế một người cải tạo tiến bộ rồi. Hơn nữa mới đây, chỉ hơn hai tháng trước, trong một buổi ngồi tâm tình, chuyện trò với Nguyễn Văn Gôm, đầu tôi đã chợt lóe lên một ý tưởng mà trước đây chưa bao giờ tôi nghĩ tới.

Công tác của tôi ra Bắc một phần chính là tuyển mộ và huấn luyện. Nghĩa là cấu tạo và hình thành những hạt nhân, những đường dây để hoạt động bí mật trong một mạng lưới riêng rẽ hay từng chuỗi. Tôi đã thất bại, bị bắt vào tù; trong một môi trường cùng khổ đầy xương, đầy máu này nhưng lại cũng rất đặc biệt, không thiếu gì nhân tài, không thiếu gì hạt nhân, cốt cán, nhan nhản ra chung quanh.

Tôi hiểu rằng trong cuộc đời, bất cứ việc gì cũng đều có hai mặt. Trong sự việc không may, thất bại đi tù của tôi cũng có cái mặt tích cực của nó, chỉ cần ta biết nhuần nhuyễn khéo léo, chuyển hóa, đôi khi nó không còn là sự thất bại, hay không may nữa. Tôi đã có nghiệp vụ, tôi đã có thực tiễn kinh qua. Hãy chọn lựa, ấp ủ hạt giống rồi gieo đi khắp các nẻo đường của đất nước.

Mai đây những hạt giống nào chẳng may rơi vào vùng đất xấu không mọc được thì tôi cũng chả mất gì thêm. Còn những hạt giống may mắn rơi vào vùng đất mầu mỡ, thuận tiện thì sẽ trưởng thành nở hoa, kết trái cung cấp trái ngon, trái ngọt cho cuộc đời, cho lý tưởng.

Dân tộc, người Kinh, kẻ nông thôn, người thành thị, từ núi rừng hẻo lánh cho đến đồng bằng phì nhiêu, tôi cứ làm những cái gì tôi có thể làm được. Thời gian và hoàn cảnh thật là thuận tiện, còn an toàn hơn cả ngoài xã hội nữa. Vì những chủ trương này, tất yếu tôi phải tìm một chỗ đứng tốt. Hiện nay, không có bức tường chắn tốt nào bằng bức tường của Hoàng Thanh cả.

Ngay Hoàng Thanh, trước đây cứ mỗi lần y tiếp xúc với tôi, y luôn luôn phải đắn đo, thủ đoạn như trong tay y thường phải sẵn sàng lăm le một khẩu súng mà đạn đã lên nòng…nhưng rõ ràng càng về sau y đã bỏ khẩu súng xuống bàn hay đã đút vào ngăn kéo rồi. Nghĩa là tôi đã tạo cho y tưởng rằng y đã nắm được tôi. Tôi không còn là đối tượng y cần khoanh vòng nữa. Mà tôi thì cũng cần và chỉ mong như vậy.

Chiều hôm nay, nhìn cụm thược dược phía đầu luống gần chái hồi nhà số 2. Mấy đóa nhung vươn dài ngượng ngập mà tôi vẫn gọi là mấy "cô tiểu thư con gái nhà lành" đang lè ra mấy chiếc yếm xanh bọc túm cái duyên nửa chừng như báo cáo cho thế nhân, mùa Đông đã lại về.

Nhanh thật, vừa mới nóng xong đã lạnh rồi!
Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người đi những nẻo đường…

Thấm thoát tôi đã lên trại xấp xỉ một năm rồi. Hồn tôi bập bềnh nổi trôi trong làn mưa bụi cứ dần dà dạt về miền xuôi. Chợt lảng vảng chiếc lưng ong và làn tóc buông dài dưới gốc cây bàng giữa sân Hỏa Lò, cũng một chiều mưa bay đã ùa vào tràn ắp lòng tôi. Một nỗi nhớ niềm thương quắt quay, cộng với cuộc đời mưa gió, cứ xoáy mãi cõi hồn.

Không biết giờ này người ấy ra sao? Một ý thơ da diết của thi gia Nguyễn Bính thì phải, đã lách vào tim tôi thắt lại:

Chiều nay ….. thương nhớ nhất chiều nay
Thoáng bóng em trong cốc rượu đầy.
Anh uống cả em và ….. uống cả,
Một trời quan tái mấy cho say.

Bây giờ tôi đâu có cốc rượu đầy, mà chỉ có một trời cay… cay hơn ớt. Tôi còn đương mơ màng trong một trời chiều mây tím thì những tiếng huyên náo ầm ầm ở nhà số I. Những tiếng huỳnh huỵch vật lộn phía trong buồng khi tôi chạy xấn vào. Máu me văng vãi tứ tung, Lê Văn Kinh, người to như hộ pháp đang đè Phạm Công Thành gò người lại như con tôm chiên ở dưới nền nhà.

Công Thành mắt trợn ngược, đang khò khè tưởng không thở được nữa, tuy tay vẫn cầm chặt con dao nhọn dài đến 15 phân. Dưới má Lê Văn Kinh, một vết dao rộng chừng 3 phân. Máu từ đấy, vung vẩy khắp nhà.

- Biệt kích đánh biệt kích!

Có người nói to như vậy. Anh em, một số người đã xông đến. Tôi lẹ tay giật lấy con dao ở tay Công Thành. Mọi người hò trói Công Thành lại và họ đã trói thực. Một số người khác dẫn tay đưa Kinh xuống bệnh xá để băng bó vết thương. Sau một lúc câu chuyện đã được sáng tỏ:

Tên Công Thành (trong toán Boone biệt kích của Nguyễn Huy Lân) ở dưới nhà bếp, thường hay quát tháo, xua đuổi, đập gô, đập bát của các anh em trên các buồng xuống xin nước sôi. Hầu như cả trại không ai ưa y. Nhiều người căm tức nhưng không dám làm gì y vì y núp dưới bóng những tên áo vàng.

Lê Văn Kinh là người miền Nam rất thẳng tính, và nghĩ rằng nó đã làm xấu lây anh em biệt kích với những người tù miền Bắc. Bởi vậy, nhiều lần Kinh trông thấy Thành, Kinh chửi nên Thành rất hận. Đã có nhiều trận chửi nhau trước đấy, bao giờ anh em cũng bênh vực về bè với Kinh. Nếu Lê Văn Kinh không là người lao động tốt thì đã bị đi cùm nhiều lần rồi do sự báo cáo của Công Thành. Tất nhiên mỗi lần Kinh chửi Công Thành cũng đều phải lấy những cớ, lỗi của Thành trong sinh hoạt; chứ chẳng ai dám chửi Thành là kẻ đã làm chó, làm Joóc.

Thành xây hận lâu ngày, tuy Công Thành cũng to khổ vì làm nhà bếp, nhưng so với tấm thân đồ sộ Người Nhái của Kinh thì không đi đến đâu. Vì vậy Thành đã thủ sẵn một con dao, chờ dịp. Và hôm nay, sau một hồi cải vã, bất ngờ Thành đã rút dao ra, chồm sang sàn Kinh để đâm.

Kinh người to, nhưng cũng rất nhanh. Kinh bị đâm một nhát, vội nhẩy đến, hất dao và vật Thành ra. Hôm nay cũng là dịp, anh em trong trại dồn cơn căm tức Thành đã lâu; bởi thế khi trói, mấy người đã cố ý kéo gò, riết chặt. Công Thành nằm như con heo, ư ử rên la ở giữa nhà. Ai cũng mượn cớ tên Thành đã dùng dao đâm người, trong khi chờ cán bộ vào giải quyết thì phải trói lại vì sợ anh ta tiếp tục hành hung.

Khi tên Đức trưởng ban giáo dục và tên Cẩn trực trại vào. Y thấy tên tay chân của chúng bị trói gô, y ra lệnh cởi trói. Tên Đức và tên Cẩn, hẳn cũng đã hiểu những điều ẩn tàng bên trong sự việc; nhưng vì nhát dao đâm Kinh quá sâu nên đã ra lệnh đưa Công Thành vào kỷ luật để xoa dịu sự bất mãn của trại. Tuy thế Công Thành cũng chỉ bị kỷ luật 2 ngày rồi lại được trở về nhà bếp như cũ. Sự việc này càng tỏ rõ bộ mặt tay sai, chó má của Công Thành, cho nên anh em càng không ai tiếp xúc với y.

Tối nay, sau khi toàn buồng sinh hoạt tổ như thường lệ, tôi vừa ra chỗ chiếc đèn con "Hoa Kỳ"; cầm cái điếu cầy về chỗ để "bắn" một điếu với bác Tiến thì Gôm đến. Chẳng biết Gôm thâu lượm được nguồn tin từ đâu, đã thì thầm cho biết: "Hòa nghị Paris về chiến tranh Đông Dương đã bắt đầu họp từ đầu tháng 5 rồi. Hiệp nghị gồm có 4 thành phần: Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, miền Bắc Việt Nam và một bộ phận của chúng ở miền Nam là Mặt Trận Giải Phóng. Tuy đã họp hơn 6 – 7 tháng nay rồi, nhưng lập trường của các bên cách xa nhau một trời, một vực, nên chưa đến một kết quả nào: Nguồn tin này cũng làm cho bác Tiến và tôi sững sờ suy nghĩ. Thảo nào, cũng từ mấy tháng nay, trại cũng chả có đài, hay báo chí gì cả. Tên Mạch, trưởng ban tuyên huấn lại giải thích ở ngoài hội trường hơn một tháng trước là để cho toàn thể trại viên tập trung tư tưởng theo học lớp chính trị dài ngày: "Lập công chuộc tội,

chống Mỹ cứu nước" nên tạm ngừng đài và báo.

Vì ở trong một cái hòm đóng kín, thiếu nhiều cơ sở để nhìn, để cọ sát, tham khảo; dù vậy bác Tiến cũng bảo:

- Chúng (chỉ Cộng Sản), nhìn từ bản chất thì chúng chỉ muốn dùng hội nghị Paris như một cơ quan tuyên truyền, cầm chân Mỹ mà thôi. Tuy vậy, đây cũng là một dấu hiệu, chúng đã phải từ bỏ phần nào cái quyết tâm cao ngạo lúc đầu của chúng là sẽ "cướp cho được miền Nam bằng võ lực". Vấn đề lớn ở đây là nếu Mỹ và Sài Gòn không tỉnh táo, thì sẽ bị hố với tụi này.

Chương 41

Ân Tình Của Chúa Sơn Lâm

Một câu chuyện bình thường về một con trâu nhưng nó đã gợi nhớ cho tôi một cái mốc thời gian trong cái hố sâu của dĩ vãng. Hôm đó, vào một đêm mưa dầm thứ Bẩy, giữa tháng Ba năm 1969. Lúc này trại đã ăn Tết Âm Lịch đã được gần một tháng. Trời hãy còn lành lạnh của cái rét nàng Bân. Trại đang ngủ yên ắng, gần nửa đêm về sáng; đột nhiên có những tiếng huỳnh huỵch, ầm ầm như cây đổ phía chuồng trâu đằng sau trại. Một số người tỉnh ngủ trong buồng đã ngồi dậy nhớn nhác, ngác ngơ nhìn ra cái khoảng đen tối của rừng khuya.

Bác Tiến đã thò tay sang màn tôi, lay tôi dậy; nhưng tôi đã tỉnh lâu rồi, mà vẫn nằm yên nghe ngóng. Bỗng có tiếng gầm như rung chuyển cả núi rừng, làm đong đưa ngọn đèn 40 nến đang treo lủng lẳng ở giữa nhà. Tiếng gầm làm hầu hết mọi người đều choàng dậy. Trong buồng có nhiều người dân tộc thiểu số mà núi rừng là quê hương, nhà cửa của cả đời họ nên họ đã biết ngay, đó là tiếng hổ về bắt trâu.

Tiếng hổ gầm cũng có lẽ đã đánh thức tụi cán bộ phía khu nhà giám thị, vì bất chợt một tràng súng AK rú lên. Âm thanh như mũi giáo ngoáy vào màn đêm tịch mịch.

Trong buồng chúng tôi đều hiểu, chúng bắn tràng súng là để dọa đuổi hổ đi, chứ sức mấy đứa nào dám mò ra rừng khuya, giữa lúc mưa lạnh thế này. Chẳng ai dám bàn tán, nhưng nhìn nhau, mắt ai cũng ánh lên niềm vui. Hẳn trong lòng mỗi người, ai cũng đều hớn hở chào mừng "bác" hay "cụ" mồi. Bởi vì, theo anh em, những năm trước đã có nhiều cụ hổ về bắt trâu của trại. Mỗi lần như vậy, thể nào trại cũng có bữa tươi; vì thường thường ông hổ chả ăn hết con trâu. Đó là ân huệ của ông để lại cho đám người cùng khổ.

Sáng hôm sau, nguồn tin sốt dẻo đã có sớm: Cụ hổ đã bắt con trâu mộng đầu đàn đem đi mất tiêu hôm qua! Người ta nhìn thấy vết chân hổ to như bàn tay xòe, dẫm nát cỏ cây chung quanh chuồng trâu. Có một cái điều làm cho cán bộ cũng như tù ồn ào, bàn tán không ít là cửa và hàng rào của chuồng trâu vẫn không sao cả. Hàng rào cao khoảng 1 mét rưỡi gần ngang cổ của người lớn. Người ta tự hỏi, con trâu mộng to như vậy, chả lẽ cụ hổ cõng nhẩy qua? Nghĩa là sự việc đó khó tin được; nhưng cụ thể là con trâu đã mất.

Ngay từ sáng sớm, 4 tên vừa cán bộ vừa bộ đội dẫn theo 4 tên tù tự giác. Cơm đùm, cơm nắm dõi theo vết chân của lão chúa sơn làm vào nơi thâm u của núi rừng hoang dã. Cả trại đi lao động ngày hôm ấy đều phập phồng mang theo niềm hy vọng đợi chờ.

Nhưng cho tới chiều tối, đoàn người đi tìm mệt mỏi trở về không và niềm đợi chờ, mong ngóng của anh em cũng xẹp xuống. Mặc dù thế, toán đi tìm hôm sau vẫn tiếp tục. Nhưng người ta cũng kháo nhau nhiều chuyện chung quanh cụ hổ bắt trâu này như những huyền thoại thần bí, linh thiêng của rừng già.

Hôm su, gần về trưa trại xôn xao, náo nhiệt hẳn lên. Đoàn đi tìm đã hì hục khênh, gánh về cái đầu, 2 đùi trước với

bộ lòng của con trâu. Cụ hổ đã ăn hết hẳn nửa sau của con trâu. Hai đùi và chỗ thịt ngon, gồm trên 50 kg thì được khênh về khu vũ trang và giám thị (như vậy cụ hổ cũng là ân nhân của lũ cán bộ nữa). Đầu, cẳng chân, xương, da và ruột thì phần trại tù. Tất nhiên cũng phải cân lường kỹ càng để tính tiền trong những kết toán hàng quý, hàng năm của trại. Nhưng phải nói rằng, giữa rừng núi hiếm hoi, có thịt, xương mà mua là tuyệt rồi. Xương lọc kỹ không kể, thịt được 15 kg, với bộ da và bộ lòng cho nhân số hơn 400 thì mỗi người cũng chỉ được một vài miếng nho nhỏ.

Nhưng điều tôi chú ý hơn cả, và có thể nhiều người khác cũng vậy. Chúng tôi chen lấn nhau đổ xô xuống sân nhà bếp để nhìn cái đầu con trâu mộng. Tôi chả nhìn thấy mình con trâu, nhưng cứ nhìn cái đầu đồ sộ ngoại cỡ của nó thì tôi đã hình dung ra con trâu đầu đàn to khỏe như thế nào rồi. Một bên sừng bị gẫy một nửa, để lòi ra một đám tủy trắng đỏ, nhờn nhợt. Một mắt lõm sâu, lua tua vài miếng thịt, con ngươi văng đâu mất. Hàm răng nhe ra, rãi và máu đóng lại thành bờ. Da mặt bị cào xé rách nát. Tôi cứ đứng hàng giờ chằm chằm nhìn con trâu. Tôi hình dung một cuộc chiến đấu ác liệt, dai dẳng giữa con hổ và con trâu mộng này. Hẳn rằng trước khi chết, đành gục xuống phó mặc cho con hổ nhai thịt của mình; con trâu đã vì sự sống của mình, nó vừa run sợ, vừa phải chiến đấu dù với một cách não nề, vô vọng với một kẻ thù có truyền thống ăn thịt loài của mình. Tôi cứ nhìn con mắt thất thần còn lại của nó, trợn ngược, trắng dã. Hẳn nó phải chết trong nỗi kinh hồn, khiếp đảm, thảm thương.

Như trên tôi đã nói, chuyện con trâu này đã gợi nhớ cho tôi một cái mốc của thời gian, đến đây cũng chưa phải, mà chính là một sự việc như sau: do cái tài xoay sở, khéo léo của Gôm đã quan hệ thế nào đó với một đường dây tự giác rất đặc biệt. Gôm và tôi góp nhau mỗi người một đồng. Ngày hôm sau ra lán thủ công, đã có một bọc da trâu đến 2 kg thui rồi, giấu trong một đống vỏ bào đã dặn trước. Do những yêu cầu về nấu nướng, chúng tôi chỉ bí mật cộng tác với bác Chánh già làm vệ sinh. Người canh, người cạo rửa rồi cho vào một cái gầu bằng tôn ninh nhừ. Gôm còn ngoại giao đổi chác với nhà bếp để có ít muối.

Buổi chiều hôm ấy, làm sao tôi quên được. Ba chúng tôi: Bác Chánh, Gôm và tôi hò hẹn chui vào một bụi bìm bìm phía sau lán. Do sự quy ước chặt chẽ với nhau là không cho người thứ tư biết, vì thế tuyệt đối không được cho ai và phải ăn hết tại chỗ.

Thôi thì nắng hạn gặp mưa rào.
Rét nhiều nên mới có ngày mồ hôi!

Chúng tôi vừa trợn trừng nhai vừa nhìn nhau. Mồm nhai chưa nuốt xong, tay đã cầm sẵn miếng khác chờ chực đút vào rồi. Ăn nấy, ăn để quên hết cả đất trời, tổ quốc, quê hương. Thế mà chỉ một loáng đã sạch trơn. Hai ký da trâu đã chui béng vào bụng ba người. Nhưng mà trời đất hỡi! Cái đêm hôm ấy người tôi như có ai thổi lửa vào hậu môn. Bụng nóng hừng hực, người nôn nao quay cuồng. Tôi bỏ màn đi ngủ sớm. Tôi liếc nhìn lên sàn trên chỗ Gôm, cũng đã thấy bỏ màn rồi. Tôi cố dằn nằm yên, tay xoa bụng. Thỉnh thoảng thấy Gôm mặt đỏ rừ chạy vào nhà cầu.

Nhưng thật oan gia là bác Chánh, có lẽ vì bác già yếu nên đã không chịu nổi như chúng tôi. Bác ngồi trên sàn ồng ộc, nôn thốc, nôn tháo xuống đất. Bác cứ vặn vẹo người, nước mắt, nước mũi dầm dề vì nôn chưa hết. Mỗi lần bác ộc ra, từng sợi nhớt dài thoòng, nhễu nhợt nối từ miệng bác với bãi nôn dưới đất. Mùi khăn khẳn, nồng nồng xông lên khắp buồng. Nhiều người bịt mũi đi nằm vậy mà Thân Lân vẫn chịu khó hì hục lấy tay vớt từng miếng da trâu chưa nát vì ăn vội, nhét vào chiếc "hồ lô". Mặt anh tươi roi rói, phởn phơ của một ngày vớ bở. Phần tôi tuy không nôn, nhưng phải một bữa gần chết, cả đêm hôm ấy trằn trọc không ngủ được, nhớ mãi tới bây giờ chưa quên.

Sau này tôi nghĩ lại, thấy thật là dại, da trâu ninh nhừ ăn để chống đói thì thật là tuyệt nhưng với điều kiện ăn vừa thôi. Chỉ vì đói, thiếu lâu ngày, nay vớ được, ăn cho đã cái miệng nên mới bị như vậy.

Chương 42

Một Chiến Hữu Đồng Nghiệp...”Hang Một Lỗ”

Trưa hôm nay, sau một buổi sáng lao động mệt mỏi, hầu hết anh em tù, ai cũng tranh thủ nằm chợp mắt mươi mười lăm phút cho lại sức, để tiếp tục đi lao động buổi chiều.

Nằm trằn trọc mãi với bao nhiêu nỗi niềm ngang, dọc của cuộc đời, tôi bò dậy xếp gọn chỗ nằm. Như mọi khi, lững thững ra phía cuối hội trường, tôi ngồi trầm ngâm cho hồn lãng đãng, tai buông lơi nghe gió chiều xào xạc trong bụi nứa. Tiếng âm a của bài tập đọc về anh hùng La Văn Cầu của lớp bổ túc văn hóa buổi trưa ở trong hội trường làm tôi chú ý, quay lại.

Hơn mười người, hầu hết là dân tộc thiểu số, trong đó chỉ có 2 – 3 người kinh; đặc biệt nhất là anh Lê Văn Bưởi. Câu chuyện anh Bưởi lẽo đẽo theo học lớp bổ túc văn hóa lớp hai của trại, hơn hai tháng nay đã làm cho một số anh em trong trại bàn tán. Bởi vì học lớp hai bổ túc văn hóa là tập đọc tiếng Việt và tập làm tính trừ, tính cộng. Người ta bàn tán chỉ vì có nhiều mâu thuẫn, đến trở thành như lập dị. Theo như bản lý lịch mà tù nhân nào cũng phải tự viết, khai trong bản kiểm điểm của hàng quý và hàng năm thì lý lịch của anh Lê Văn Bưởi như sau: Sinh ngày 10–2–1931 tại thị xã tỉnh Quảng Yên. Cấp bực đại úy của Việt Nam Cộng Hòa. Can tội vượt tuyến ra Bắc để hoạt động gián điệp. Án phạt 20 năm. Vậy mà mỗi buổi trưa, lại cắp vở theo những người dân tộc đi học lớp 2 bổ túc văn hóa.

Như tôi đã nói đến ở trên, ngay từ khi anh Lê Văn Bưởi được chuyển từ trại Vịnh Tiến về trại này. Khi được biết anh cũng cũng một cái “nghiệp hang một lỗ” như tôi, tôi đã lựa thế làm loãng phần nào sự chú ý của những tên Joóc, rồi sau đó đã liên tục tiếp xúc với anh. Đến bây giờ hơn 7 – 8 tháng rồi, anh và tôi đã trở thành đôi bạn. Nhất là từ gần một tháng nay, tôi làm tổ trưởng tổ học nghề mộc, tổ gồm 6 người, trong đó lại có anh.

Cái việc anh đi học bổ túc văn hóa, do chủ trương và quyền tự do của anh, tôi không có ý kiến. Nhưng theo quan điểm của tôi, làm việc gì cũng cần phải biết mình và biết người. Anh đi học như vậy nó trở thành một trò cười, mà người khác, nhất là đối phương đã nhìn thấy cái hời hợt, ngây thơ của anh; hoặc gây sự chú ý cho họ. Dù tôi nghĩ như vậy nhưng tôi cũng cứ để cho thời gian làm sáng tỏ. Tôi chưa kết luận, vì biết đâu đây chẳng là một ý đồ để kẻ thù đánh giá anh non nớt, hời hợt, một chiến thuật cao tay hơn. Chính Hoàng Thanh đã có lần y đặt vấn đề hỏi tôi:

- Này, theo cái nhìn của anh thế nào? Chả lẽ anh Bưởi lại là một đại úy tình báo của miền Nam?

Y vừa cười vừa hỏi tôi với một ánh mắt dò xét thái độ trả lời của tôi. Tôi cũng nói thực ý nghĩ của tôi là tôi cũng không hiểu thế nào, tuy trong lòng tôi có phần ngạc nhiên. Ngay tình tiết sự việc của anh ra ngoài miền Bắc cũng đầy rẫy những khoảng mù mịt như những lời anh đã tâm sự với tôi. Đã bao nhiêu lần anh với tôi trao đổi tâm tình qua những sự việc của anh ra ngoài Bắc và cả của đời anh nữa. Sơ lược như thế này:

Quê anh ở Quảng Yên, cái vùng có thật nhiều biển và cũng thật nhiều núi. Ngày từ lúc anh 19 tuổi, sau khi đã tốt nghiệp bằng Thành Chung, anh đã tình nguyện gia nhập quân đội Pháp kể từ ngày 01 – 01 – 1950, tại phòng hai tiểu khu Quảng Yên.

Năm 1953 anh tốt nghiệp chuẩn úy tại Trung Tâm Huấn Luyện Quảng Yên. Rồi giữa năm 1954, anh được chính thức đeo lon thiếu úy. Cùng năm đó, anh được Thiếu Tướng Congie tặng thưởng một huy chương Lá Liễu và hứa sẽ đưa anh về Pháp trau dồi thêm nghiệp vụ. Nhưng rồi tình hình dồn dập biến chuyển nên lời hứa đó đã không thực hiện được. Trong suốt thời gian anh phục vụ ở F2 (tôi không hỏi F2 là gì) anh đã được cấp trên tặng thưởng thêm 2 huy chương Lá Liễu nữa và 4 ngôi sao các loại cùng nhiều bằng khen.

Sau Hiệp Định Genève 1954 về Đông Dương, đơn vị và cơ sở của anh rút vào bên trong vĩ tuyến 17. Đất nước lúc này đang chuyển vần, nghiêng ngả từng ngày. Sau một số ngày đêm đấu tranh suy nghĩ, cuối cùng anh quyết định

gia nhập quân đội Quốc Gia tại thị xã Quảng Trị. Do những quá trình chuyên môn nghiệp vụ của anh, anh được vào Sài Gòn dự một lớp tu nghiệp đặc biệt. Sau đấy trở lại làm việc tại phòng tình báo của ông Ngô Đình Cẩn trong thành phố Huế đặc trách khu vực giới tuyến 17.

Giai đoạn này anh thường xuyên chuyên trách nghiên cứu những tài liệu và tin tức tình báo giữa miền Nam và miền Bắc. Dần dà do những yêu cầu của tình hình thực tế anh đã tình nguyện ra Bắc để nghiên cứu tại chỗ, cũng như tạo lập những màng lưới hoạt động bí mật ngay trong lòng địch. Phòng tình báo miền Trung và anh đã miệt mài nghiên cứu một kế hoạch tỉ mỉ, một công tác dài hạn trong đất kẻ thù. Theo anh nói: Anh có một người mẹ với một đứa con gái hiện còn đang ở vùng quê hương Quảng Yên của anh. Do tình hình và điều kiện ngặt nghèo của 1954, anh đã không thể đón mẹ và con gái anh cùng vào Nam. Con gái anh đã sống với bà nội ở một làng quê mà Việt Minh đã kiểm soát.

Chính vì vậy, trong kế hoạch anh ra miền Bắc, anh đóng vai là một trung sĩ cảnh sát, nhớ mẹ già, thương con gái, đồng thời chán chường chế độ độc tài, gia đình trị họ Ngô, anh muốn về với người mẹ và đứa con gái ở miền Bắc.

Mỗi tuần 2 ngày, anh phải ra đứng gác ở cầu Hiền Lương trên bờ sông Bến Hải theo những tiến trình của công tác đã vạch ra cho từng khâu. Những người cảnh sát phía bờ Nam và những tên công an phía bờ Bắc cùng gác trên cầu Hiền Lương; do nhiều lần thấy nhau nên quen mặt. Bởi vậy đôi khi cũng chuyện trò dăm ba câu về trời mưa, trời nắng.

Những tên công an bờ Bắc thỉnh thoảng mồi chài, lôi kéo, rủ rê những anh cảnh sát bờ Nam ra miền Bắc, về với nhân dân, về với cách mạng. Anh Bưởi đã lợi dụng hình thái này, nghĩa là anh cũng đã để cho những tên công an bờ Bắc rủ rê nhiều lần. Và lần đó, ngày 6/6/1962, anh đã ôm một bọc quần áo chạy bừa sang phía bên kia cầu bờ Bắc theo đúng những lời chỉ bảo của một tên công an.

Anh được dân chúng và cán bộ nồng nhiệt đón anh đưa về huyện Vĩnh Linh. Sau mấy ngày tiệc tùng, chào mừng; hàng ngày anh phải đến một bàn giấy để khai báo chi tiết, tỉ mỉ về thân thế, gia đình trong Nam cũng như ở ngoài miền Bắc. Từ ngày vào Nam, làm gì, ở đâu, từng thời gian. Hết hỏi han, khai báo rồi chúng đưa giấy bút, bắt anh phải tự viết tường thuật lại từ khi mới lớn lên ở miền Bắc cho đến vào miền Nam.

Cứ viết một thời gian, lại hỏi, rồi lại viết. Hơn một năm trời với bao nhiêu hình thức thủ đoạn mua chuộc, khích lệ, hứa hẹn và đe dọa. Thỉnh thoảng, chúng cho đi thăm những cơ sở này, xí nghiệp kia rồi lại về truy tìm, hỏi han. Sinh hoạt ăn, ở của anh bị chúng nó quản lý chặt chẽ. Bao nhiêu lần anh xin về quê ở Quảng Yên để thăm mẹ già và con gái nhưng chúng đều hứa hẹn, anh phải thành khẩn khai báo tốt thì chúng mới cho về. Hơn nữa chúng nhấn mạnh, chúng đã biết hết về âm mưu ý đồ của anh ra miền Bắc. Chúng đã có tài liệu đầy đủ, chỉ vì chúng có rất nhiều người nằm ngay trong cơ quan tình báo của Ngô Đình Cẩn v.v…

Đến đây, anh Bưởi không nói rõ, nhưng qua tình tiết diễn tiến, tôi suy đoán, có thể anh đã khai báo phần nào sự thật (Cộng Sản đã hiểu chế độ của chúng chỉ có đói khổ, nên chúng không bao giờ tin những lý do vớ vẩn như vậy mà người ta lại bỏ một chỗ ấm, no để vào một chỗ đói khổ), nghĩa là sanh ra miền Bắc là vấn đề hoạt động tình báo. Cho nên chúng đã kéo dài thời gian đến 16 tháng để tìm hiểu, điều tra, nghiên cứu về anh. Cuối cùng, chúng thả anh ra, cho anh đi tự do về quê. Nhưng khi anh mới đi đến Quảng Bình, chúng đã đem xe theo đón bắt anh với lệnh của bộ công an vào ngày 23–10–1963. Chúng đem anh trở lại Vĩnh Linh tiếp tục khai thác. Sau một thời gian, chúng đưa anh ra trước tòa án nhân dân khu vực Vĩnh Linh, xử phạt anh 20 năm, với tội danh: Gián điệp xâm nhập miền Bắc để hoạt động chống phá cách mạng.

Anh và tôi càng ngày càng thân nhau, đã kể cho nhau nghe biết bao nhiêu chuyện về gia đình, cuộc đời từ nhỏ cho tôi lúc trưởng thành vào đời. Theo anh nói: Gia đình anh cũng là một gia đình thế phiệt, gia giáo, trong miền Nam

rất có thần thế. Anh được gặp ông Cẩn, ông Nhu là chuyện thường; chú anh là Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng v.v… Cho nên tuy anh chỉ là một đại úy nhưng anh đã được ông Cẩn tin tưởng, coi như người nhà.

Mới hôm Chủ Nhật vừa qua, buổi chiều, tôi và anh Bưởi rủ nhau ra giếng tắm giặt xong. Về buồng, tôi xuống chỗ anh Bưởi, hai anh em nằm chèo khoeo chuyện trò tâm sự. Sau một vài câu chuyện bình thường như mọi khi, đột nhiên anh quay sang, dịch gần sát lại phía tôi, hạ thấp giọng:

- Tôi coi Bình cũng như anh em, tôi nói cho Bình nghe một chuyện mà tôi đã ôm chặt trong lòng hơn một năm nay. Từ ngày tôi ở trại Vĩnh Tiến đến bây giờ, không một ai trong tù này biết.

Thấy vẻ mặt và giọng nói của anh đầy vẻ thân tình nhưng nghiêm trọng, tôi cũng nghiêng hẳn người lại sốt sắng, chờ lắng nghe. Nội dung: Anh nói là anh có công rất lớn với nhà nước, với cách mạng. Anh đang chờ, không những anh sẽ ra khỏi tù mà anh còn phải làm việc nhiều nữa, lúc đó anh sẽ không quên tôi. Anh kể tiếp, khoảng đầu năm 1960. Một buổi chiều muộn trong tư dinh của ông Cẩn. Lẽ ra mọi khi, giờ đó anh đã trở về buồng mình để tắm rửa nghỉ ngơi, nhưng hôm nay vì anh mời uống hai ly rượu mạnh. Vừa mệt, vừa buồn ngủ, anh đã nằm ngay tại một phòng dụng cụ ở chỗ làm việc, rồi ngủ quên luôn. Gần về khuya, giật mình anh tỉnh dậy, nhìn đồng hồ đã 11 giờ 30. Tai anh nghe thoáng có tiếng rì rầm ở phòng bên, nhất là lại có ánh đèn sáng trưng. Tò mò, anh lựa thế nhìn qua một khe cửa sổ thì thấy có 3 người là ông Cẩn, ông Nhu và Bác Sĩ Trần Kim Tuyến. Ba người đang ngồi châu vào một cái bàn với một chồng sổ sách ở trên bàn. Anh không ngờ ông Nhu và ông Tuyến từ Sài Gòn ra ngay từ chập tối mà anh không biết.

Thấy thái độ bí mật và nghiêm trọng của mỗi người nên anh càng tò mò đứng nhìn và lắng nghe. Ba người đang họp bàn để quyết định những công tác có tính cách chiến lược của một số mạng lưới ở miền Bắc, có liên quan đến phòng nhì của Pháp và CIA, của Mỹ. Anh đã lắng nghe được tên cũng như chức vụ của hơn 10 người từ giám đốc một cơ quan đến những cán bộ trung ương ở miền Bắc. Anh hiểu đây là một bí mật to lớn của đất nước. Anh chỉ hiểu như vậy một mình anh, và chôn chặt trong đáy lòng từ 7 – 8 năm nay. Ngay cả khi ra miền Bắc rồi bị bắt, dù phải trải qua biết bao nhiêu cay đắng, khốn cùng của những năm tháng dài khai thác và tù đầy. Nhưng năm ngoái, một cán bộ cao cấp của bộ công an xuống gặp anh ở trại Vĩnh Tiến. Sau nhiều ngày đêm đấu tranh, giằng co gay gắt trong tư tưởng anh đã muốn lập công với cách mạng nên anh đã khai hết với ông cán bộ đó. Sau đấy, nhiều cán bộ dưới Hà Nội xuống trại tập trung anh liên tục trong gần một tháng trời, trước khi chuyển anh về trại này.

Nghe anh Bưởi thổ lộ đến đây, tôi lướt nhanh suy nghĩ lại toàn bộ sự việc của anh. Nhất là nhìn thái độ của anh nói, mắt anh còn long lanh sáng, mang nhiều hy vọng đợi chờ. Đành rằng những suy nghĩ, nhận định của tôi chỉ là chủ quan nên chưa hẳn đã là đúng.

Anh Bưởi chỉ là một con bài của ông Nhu và Cẩn. Chính ông Nhu và Cẩn đã cố ý tạo nên một buổi họp và cố ý vô tình để cho anh Bưởi biết. Hẳn ông Nhu và ông Cẩn đã nhận định, soi kỹ về con người của anh Bưởi; kể cả về bản tính. Anh không đủ nội lực để đảm trách những công việc tương xứng với chức vụ, mà do tình cờ nghe, biết, nắm giữ được những điều bí mật, tối quan trọng. Bản chất một người như vậy, khi đã ở trong tay của Cộng Sản, không sớm thì muộn, để cứu thoát bản thân, anh sẽ trình bầy với Cộng Sản để lập công. Lúc đó tùy theo mức độ sẽ làm lũng đoạn, mâu thuẫn trong nội bộ hàng ngũ lãnh đạo của Cộng Sản miền Bắc.

Ông Nhu và ông Cẩn, tình báo của miền Nam hẳn cũng đã hiểu: với sự cảnh giác đến chân răng kẽ rốn của Cộng Sản, không bao giờ chúng có thể tin được anh Bưởi. Một người đã bỏ mẹ và con gái để đi vào Nam năm 1954. Bây giờ lại bỏ một xã hội vật chất dư thừa, thoải mái tự do để tìm về một xã hội vật chất thiếu đói, hạn hẹp gò bó về sinh hoạt, chỉ vì nhớ mẹ và con gái. Về chơi rồi đi thì người ta mới tin được.

Khi mà Cộng Sản đã không tin, thì chẳng có điều gì có thể ngăn chận chúng không bắt anh khai thác. Mà chúng đã

đặt vấn đề nghi ngờ để điều tra khai thác thì sẽ phải ra. Cứ đặt giả thuyết, đây là một đòn cao, một đòn sâu của ông Nhu, Cẩn và tình báo miền Nam đi nữa thì Cộng Sản cũng không mắc. Tôi chỉ là một cá nhân tầm thường, lại không phải chuyên trách cứu xét sự việc mà cũng phải đặt vấn đề, huống chi là Cộng Sản. Chúng nó có cả một bộ môn, một tập thể để soi rọi, chiếu lên từng mảnh vụn của sự việc.

Còn riêng về phần anh Bưởi, ngay ở trong tù hiện nay. Hàng ngày anh lẽo đẽo cắp vở đi theo học lớp hai bổ túc văn hóa, mục đích để làm gì?

Phải chăng mục đích của anh, để cho Cộng Sản đánh giá anh là một người nông nổi, ba tếch, ba toác, không có trình độ? Nhưng cụ thể anh đã khai báo là một điệp viên đại úy tình báo, điều mà lẽ ra anh phải có chủ trương ngay từ đầu, ngay từ ngày anh bước sang phía Cộng Sản ở cầu Hiền Lương. Chứ che dấu ban giám thị trại này, che dấu anh em tù nhưng lại khai rõ trên bộ công an thì đâu còn là một chủ trương thống nhất? Trong cuộc sống, nhiều khi một sự việc rất nhỏ lại trả lời cho một vấn đề rất lớn.

Một lần vào buổi sáng Chủ Nhật. Anh em, người thì đi tắm giặt, người thì ra sân, ra hội trường. Trong buồng sàn trên, sàn dưới thưa thớt dăm mười người. Tôi ngồi ở sàn trên đọc sách; nhìn xuống sàn dưới phía bên kia đối diện, anh Bưởi đang lúi húi vá cái áo trại. Sáng nay, tôi mới xin bác Lẫm được 2 điếu thuốc lào, muốn gọi anh lên để hai người cùng say sưa, vì thuốc lào kỳ này rất khan hiếm nên tôi không muốn cho người khác biết. Tôi mong anh Bưởi khâu một lúc, mỏi người sẽ ngửng mặt lên là tôi vẫy gọi anh. Nhưng tôi chờ mãi đến nửa giờ, có lúc anh ngừng khâu, ngửng đầu lên, nhưng lại chỉ đưa mắt nhìn chung quanh phía bên dưới mà không hề nhìn lên sàn trên. Nếu anh nhìn lên một tí, anh sẽ thấy cái mặt tôi đang tươi roi rói hướng về anh ngay phía đối diện; chỉ chếch phía trên, xa chỗ anh ngồi chừng 5 mét.

Sốt ruột quá, tôi tìm được một miếng giấy con, vo nhỏ lại bằng đầu ngón tay út, ném mạng vào đầu anh. Thấy tiếng động vào đầu và nhất là thấy hòn bi giấy con tí văng xuống đất trước mặt anh, anh quay lại chung quanh ngơ ngác nhìn về phía một bác dân tộc đang nằm nhắm mắt cách anh 3 chiếu. Anh chỉ nhìn ở sàn dưới mà không hề nhìn lên sàn trên; không thấy gì, anh lại tiếp tục cúi xuống khâu. Nóng cả ruột, tôi đã định sẽ hưởng một mình, không cho anh hút nữa, nhưng thấy thiếu vui và không tốt. Tôi lại tìm bẻ được một cái đầu que nứa ở tấm vách, nhằm anh tôi ném mạnh, trúng ngay vào vai anh. Anh ngửng phắt mặt, quay ra liếc nhìn đàng trước, đàng sau cũng vẫn chỉ có bác dân tộc mà thôi, anh vẫn chả nhìn lên sàn trên. Tôi tức muốn gào lên "hãy nhìn lên đây cơ mà!"

Tôi đặt vào trường hợp của tôi, chỉ thoáng khi thấy mẩu giấy rơi ra, tôi phải nhìn khắp trên dưới, chỗ nào có khả năng ném tôi, hay từ đâu rơi ra tôi phải biết nguyên nhân. Nếu tôi không thấy gì, tôi sẽ khâu tiếp rồi bất chợt sẽ ngẩng lên nhìn ra khắp lượt. Chứ mà bị ném đến lần thứ hai thì tôi phải bỏ khâu đấy, đứng dậy quan sát khắp chỗ. Và tôi nghĩ rằng, rất nhiều người khác cũng sẽ như tôi chứ không như anh Bưởi.

Nhưng cuộc đời hình như có sự bù trừ. Anh Bưởi lại có khả năng làm cho nhiều người chung quanh tin tưởng rằng trong anh có nhiều tài năng ẩn tàng. Thậm chí, chính Nguyễn Văn Gôm, một con người tinh nhanh, sắc sảo có lần đã thổ lộ với tôi:

- Anh Bưởi là một thứ "xịa" ghê gớm lắm! Bề ngoài trông anh chậm chạp, củ mỉ, củ mì vậy đấy thôi, chứ hiện nay anh còn giữ được một loại thuốc rắc vào cùm, vào khóa là chúng sẽ chảy ngay ra như nước. Chưa hết, anh còn một bí quyết nữa; anh có thể không ăn trong một tuần lễ mà sinh hoạt lao động bình thường.

Chính vì vậy Gôm đang nỗ lực ráo riết, chiều đón, xu phụng anh Bưởi để anh sẽ truyền bí quyết cho, cũng như anh sẽ cho xem cái loại thuốc thần kỳ nói trên.

Điều này tôi đã suy nghĩ mãi nhưng thật khó mà giải thích. Chỉ có thể nói là "Trời sinh ra như vậy". Như con cua gặp

con ếch. Con cua mà gặp con ếch là co dúm người lại cho con ếch đớp rồi nuốt. Nếu con cua cứ giương rộng càng thì con ếch làm gì được. Rồi tới lượt ếch gặp rắn cũng vậy, thoáng thấy bóng rắn là ếch cụp đầu xuống, co quắp người lại để xin mời ông rắn sơi. Nếu con ếch nó cứ bật nhẩy như lò xo, mỗi cái nhẩy hàng thước thì rắn nào đuổi kịp. Như vậy trong cuộc đời có cái này kỵ cái kia, ai mà biết được lý do? Về anh Bưởi, thời gian còn dài, sẽ còn nhiều sự việc để làm sáng tỏ vấn đề.

Tối nay tôi nằm mãi mà không ngủ được, đầu óc cứ còn vấn vương về câu chuyện do Lầu Phá Tra và Lồ Cao Chính kể cho tôi nghe lúc buổi trưa ở hội trường. Lầu Phá Tra và Lồ Cao Chính, hai người đã hôn và đặt tay tôi lên đầu họ hồi năm ngoái, khi tôi lên trại mới được 2 – 3 tháng. Tuy không thường xuyên nhưng tôi vẫn khắn khít tiếp xúc với họ khi có vấn đề cần trao đổi. Lúc trưa họ kể sơ lược cho tôi nghe về Vương Chí Sình- Một ông vua, một người chúa của dân tộc Mèo. Đối với người dân tộc thiểu số trên miền thượng du Việt Bắc, Vương Chí Sình không những chỉ là người chúa của dân tộc Mèo, nhưng ông còn là người khôn khéo, tài ba có uy tín lớn với các sắc tộc khác. Trong sự chống đối, bất hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh của các dân tộc thiểu số thì ông là một điểm sáng chói, là linh hồn của họ.

Ông đã xây dựng, thành lập và lãnh đạo một đội quân đông đảo người dân tộc. Tuy trang bị vũ khí thô sơ nhưng biết lợi dụng địa thế núi rừng hiểm trở của thiên nhiên, nên Việt Minh đã hao tốn bao nhiêu công lao, tâm sức kể cả người và của về chính trị cũng như quân sự mà không thể thu phục được. Họ đã phải dùng nhiều đơn vị lớn, mở nhiều chiến dịch len lỏi vào núi rừng để lùng xục, tiễu trừ đoàn quân chống đối của người dân tộc mà chúng gán cho cái tên là giặc cướp, là thổ phỉ.

Nhưng sau nhiều ngày tháng, Cộng Sản đã không thể làm gì được mà nhiều lần, cái đội quân "phỉ, cướp" đó đã bất ngờ đánh cho lũ cáo Hồ những trận liểng xiểng. Hồ Chí Minh, con cáo già nhiều thủ đoạn cho những tên cán bộ người dân tộc len lỏi, môi giới vào tìm gặp được Vương Chí Sình. Khi đã bí mật liên lạc với Sình được rồi, y dùng những cán bộ trung ương giỏi mồm mép, giỏi nghề dụ, xui người khác ăn cứt gà vào tiếp xúc với Sình. Mặt khác, y lại viết thư như đã từng viết cho Thẩm Hoàng Tín, tình cảm dạt dào, lời lẽ khẳng khái đoan chính v.v… Cuối cùng y đã lôi được Vương Chí Sình về Hà Nội, đã tách cọp ra khỏi rừng, cho cọp về thành phố chơi. Vương Chí Sình cùng với đoàn bộ hạ tham mưu được đón rước linh đình vào phủ chủ tịch, mở hội hoa đăng để kết nghĩa anh em. Chắc Vương Chí Sình cũng sướng tê người như Thẩm Hoàng Tín. Một tên chúa Mèo ở trong rừng sâu hoang dã lại được kết nghĩa anh em, đoàn viên với Hồ Chí Minh, chủ tịch của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Khi quân đã không có chủ tướng, Hồ già càng dễ gây ly gián, nghi ngờ nhau giữa những thành phần của đội quân người dân tộc. Để cuối cùng chúng tiêu diệt dần cho tới khi bắt gọn. Kết quả là biết bao nhiêu người dân tộc phải chết hoặc ở trong tù như hiện nay, trong đó có Lầu Phá Tra và Lồ Cao Chính. Chỉ vì người lãnh đạo mắc một căn bệnh chung là không hay chưa hiểu đủ về Cộng Sản.

Vương Chí Sình khi biết là mình bị ăn cứt gà thì đã muộn. Theo Tra và Chính thì cho đến bây giờ họ cũng không biết rõ về số phận của Vương Chí Sình nữa, vì có nhiều nguồn rỉ tai: Có thể ông Sình bị giam lỏng ở Hà Nội và cũng có thể bị chết rồi.

Một bài học quái ác, là cứ phải ngã rồi mới học được! Óc tôi cứ vấn vít xoay quanh về câu chuyện này mãi, mà càng suy nghĩ thì đầu càng nóng lên, để rồi trăn trở mãi mới chìm dần vào giấc ngủ hãy còn nhiều khắc khoải, cau mày.

Chương 43

"Đau Thương Này Thật Là Vô Kể!"

Chẳng mấy chốc mà đã lại sắp sửa tới ngày Quốc Khánh mồng 2 tháng 9 rồi. Đời của những người tù ở miền Bắc,

một năm chỉ đợi chờ có 2 dịp: mồng 2/9 và ngày Tết của dân tộc. Ai cũng hiểu là mong hai ngày ấy cũng chỉ vì những ngày ấy mới có chất tươi, mới có cơm không độn và mới cho đời người tù hiểu thấm thía cái ý nghĩa của một kiếp sống con người.

Còn những 3 ngày nữa, thế mà do những nguồn tin rỉ tai từ phía cán bộ, anh em trong trại đã biết rõ, mồng 2 tháng 9 năm nay sẽ ăn to! Riêng bút cho bữa cơm sáng ngày Quốc Khánh là một con lợn cân nặng 40 kg. Về buổi chiều, một đặc ân kỳ vĩ, có một không hai của ban giám thị sẽ cho tù thưởng thức món… phở truyền thống của dân tộc.

Ối giời ơi! Thật là ngàn năm một thuở. Cái tiếng "phở" mà nhiều người tù đã quên béng đi từ cái dạo mới bị bắt kia. Trong này có ai còn dùng cái từ ấy làm gì nữa. Vậy mà mấy ngày hôm nay, trong trại, ngoài lán thủ công, cho đến trong rừng sâu, đồi dốc, chỗ nào có người tù lao động là chỗ ấy bàn tán nhắc nhở nhiều đến chữ "phở". Tôi, Gôm và một số người bạn nữa, trong đó có cả bác Tiến và bác Lẫm cứ xoành xoạch lôi Nguyễn Tuân ra để mổ xẻ, bàn tán, tranh luận cứ rối rít tít mù cả lên về tuyệt tác "Phở" của ông.

Trại trung ương số I sẽ đặc cách giết một con trâu 2 tạ. Riêng phân trại E sẽ được phân phối 50 kg cả xương lẫn thịt. Còn một nguồn tin cũng không kém phần ghê gớm nữa: Tối mồng 2/9 đoàn văn nghệ của trại chính sẽ vào diễn kịch tại trại E. Cái điều làm cho nhiều người trai trẻ, kể cả mấy ông già cứ nhìn nhau, lồi cả mắt ra là đoàn văn nghệ năm nay có những 5 giai nhân tuyệt cú mèo của trại nữ.

Cái này cũng không biết tại sao lại như thế, có lẽ trời bảo vậy. Anh nào cũng lục lọi, chuẩn bị một bộ quần áo đẹp nhất. Dù là quần áo trại hay của tư, nhưng chắc chắn là bộ quần áo mình phải vừa ý nhất. Những buổi trưa trong các buồng đã ít người ngủ hẳn đi. Người ta bận giặt giũ, tắm rửa. Người ta bận nhờ nhau cắt tóc, cạo mặt. Với những mảnh kính, mảnh gương con, những chiếc nhíp tự chế, người ta đang bận sửa sang cái đầu, cái mặt ở những chái hồi, xó hè.

Ôi chao, sao lòng người lại có nhiều nguồn vui rủ nhau cùng đến một lượt như thế! Phương ngôn đã dạy: "Phúc bất trùng lai", vậy mà phở với giai nhân, cứ thập thò ở cửa miệng mọi người và hằn rằng, nó len lỏi vào cả trong những giấc mơ của họ nữa. Tôi cứ thấy ở tôi, rồi suy ra thì đủ hiểu. Đêm qua tôi đã nằm mơ, được ăn một bát phở đầy, mùi hành, nước mắm, lá thơm đã làm tôi lúc tỉnh dậy thấy nước miếng còn chảy ướt cả mép. Rõ ràng, tôi ngửi thấy cả mùi phở xông lên ngào ngạt, vừa ngọt, béo, thơm đến ngứa cả cuống họng. Nghe đâu cả nột toán nữ gần 4 chục người, trong một tuần lễ xay bột và tráng bánh phở. Chưa được ăn mà người ta đã đùa vui khác nhau. Chuyến này bánh phở, anh nào tinh mũi, sẽ ngửi thấy cả hơi tay, thậm chí cả hơi người của phụ nữ nữa đấy nhé.

Mong ngóng, chờ đợi mãi rồi ngày mồng 2/9 cũng phải đến. Ngay từ sáng sớm, những cái đầu gọn ghẽ, những bộ quần tươm tất; đeo, đội trên những tấm thân gầy, cứ đi ra đi vào cái hội trường và đi lên, đi xuống ở cái sân trại. Người ta cứ ngóng ra cổng, rồi lại nhìn nhau, mặt ai cũng tưởng như vừa mới được xức nước hoa "Ba Đình" không bằng, phởn phơ, tươi roi rói. Tôi ngồi ở hội trường với Gôm, cứ nhìn theo anh chàng Hoàng Đức Tùng và Trần Lào mà buồn cười. Hai anh đều là dân ở Thái Lan về nước.

Hai cái đầu vuốt nước chải thật mượt. Một anh thì chải quặt ra phía sau, như đít con vịt bầu. Một anh chải hất ngược, uốn một cái lưỡi trai meo méo, nằm trên một khuôn mặt gầy, làm đôi má và thái dương hõm vào, khúc khuỷu trông như con gà rừng đang vặt lông dang dở.

Cái anh có cái đầu đít vịt là Trần Lào. Cái quần tergal nâu, mang 4 cái dấu hắc ín to tướng "cải tạo" ôm lấy cái áo sơ mi mầu cứt ngựa bỏ trong thùng. Còn anh chàng Hoàng Đức Tùng thì hết chê. Vẫn bộ quần áo và đôi dép quai chéo lần trước, trong dịp Tết Nguyên Đán vừa rồi. Nhìn hai anh đi đi, lại lại, thỉnh thoảng lại nhìn ra phía cổng làm cho con mắt của tôi nhiều lần muốn tránh né, mặc dù tôi vẫn hiểu, họ chả có liên quan gì tới tôi.

Mãi tới khoảng 10 giờ. Mới đầu, còn lác đác một vài người thắc mắc, ngơ ngác nhìn ra phía cổng, phía khu cán bộ, vẫn thấy im ắng, lặng như tờ. Nhưng cho tới 11 giờ, thì cả trại ai cũng cảm thấy một sự bất thường. Có một vấn đề gì đó, mà không ai đoán được, thì cũng là lúc cán bộ nhà bếp vào trại cho lệnh: Vẫn cứ ăn cơm thường như mọi khi, mà không cho biết lý do tại sao, trong khi tiếng loa ở các buồng thì im bặt vì đài bị hư.

Mọi người chả hiểu ra sao, nhiều những nguồn tin rỉ tai, linh tinh chả có một cơ sở nào cả. Bao nhiêu mộng mơ, hy vọng đều tan tành khói bay trong mây chiều. Mọi người đi ngủ, vẫn còn ấm ức, như mỗi người phải ngậm một cục sỏi ở trong mồm.

Hôm sau mồng 3/9, trại vẫn đi lao động. Thái độ của cán bộ, bộ đội âm thầm, lạnh lùng, miệng cứ câm như hến, nên chẳng một tên tù nào dám hỏi han gì. Nhưng cho tới sáng hôm mồng 4 thì mọi người mới vỡ lẽ: Cáo Hồ xuống âm phủ để hầu hạ Karl Marx và Lénine.

Cũng mãi tới sáng mồng 4 lá cờ đen, mới chính thức kéo lên trên cây cột cờ chính ở trước nhà ban giám thị. Radio lại sửa được, tiếng đài lại nhí nhéo. Tiếng của đồng chí Tổng Bí Thư Lê Duẩn oang oang dõng dạc:

….. Tổn thất này, thật là… lớn lao.
Đau thương này, thật là … vô hạn!…..

Anh em tù đã hiểu, nên cũng thông cảm cho ban giám thị. Tuy vậy, trong lòng mọi người vẫn oán giận lão già chó chết, vì nghe đâu lão chết đúng ngày mồng 2 tháng 9. Mãi không sao, chết bờ, chết bụi ở đâu không biết, lại mò đúng vào cái ngày oan gia này mà củ. Sáng nay, ở ngoài lán thủ công, trong một góc lán của bộ phận học nghề, lúc ấy chỉ có bác Tiến, Gôm và tôi. Ba người đang than vãn tiếc rẻ về bữa phở hụt, đột nhiên Gôm đứng phắt dậy, nghiêm mặt, nghiêng người, cũng oang oang dõng dạc tuyên bố:

Đau thương này, thật là…..oái oăm!
Tổn thất này, thật là…..thắt ruột!

Thực vậy, chả có gì bù đắp lại cho chúng tôi, có chẳng chỉ có ít nước muối và 2 chiếc bánh ướt. Báo hại, trong cái tuần lễ cả nước phải treo cờ rũ để tang này. Trước sau, trại có 12 người bị vào nhà kỷ luật, trong đó toán 2 có hai người là anh Cường và Trần Quốc Anh tu sĩ. Cái tội chỉ vì vô ý cười to về một chuyện khác, nhưng bị những tên Joóc báo cáo: Đã tỏ ra thích thú, vui sướng vì Hồ Chí Minh chết.

Rất nhiều người, do phải chịu đựng quá dài, những năm tháng đầy đọa thương đau cùng cực, nên khi thấy Hồ Chí Minh chết đi, họ đều hy vọng mong chờ một chuyển biến, thay đổi mới ở ngoài xã hội, cũng sẽ đổi thay được phần nào cái đời lầm than của họ. Cụ thể nhất là Nguyễn Văn Gôm, một người có học, sắc sảo, bén nhậy về tình hình chính trị, đã sống 15 năm dưới chế độ Cộng Sản. Anh Lê Văn Bưởi, một đại úy tình báo của miền Nam ra Bắc hoạt động, đều nhận định, tin tưởng: Hồ Chí Minh chết đi, đường lối chính sách của chế độ miền Bắc cũng sẽ thay đổi. Để rồi trong một buổi chớp nhoáng mạn đàm ở hội trường giữa 4 người gồm anh Bưởi, Gôm, bác Tiến và tôi. Bác Tiến đã giải thích sáng tỏ:

Đã có những nhà ngoại giao, những chính phủ chưa hiểu rõ được Cộng Sản, chỉ vì họ cứ nhìn sự việc từ một ống kính của một nước tư bản để soi rọi, suy xét ở một nước Cộng Sản, cho nên hầu hết đều bị lầm. Để rồi kết quả sự việc xẩy ra lại khác hẳn, thì họ lại đổ cho lý do mới, còn vẫn khăng khăng cho sự nhận định của họ trước đây vẫn là đúng. Vì thế, những lần sau lại tiếp tục lầm nữa.

Thí dụ 2 quan điểm về cùng một sự việc:

1/ Lòng nhân đạo.

Tư bản: Đơn thuần, thấy ai sắp chết thì cứu. Thấy ai quá đau đớn thì chữa cho họ khỏi đau v.v…

Cộng Sản: Phải có tính giai cấp. Trước hết phải xem người sắp chết đó là loại nào? Nếu nó là một tên chống phá lại đảng, nó là một tên ở giai cấp bóc lột, thì cần phải đâm thêm cho nó chết ngay. Nhân đạo là tiêu diệt cái thiểu số, để cứu cái đa số mà chúng bịp bợm gọi là "nhân dân".

2/ Sự công bằng.

Tư bản: Mọi người ai cũng như ai. Được đối xử như nhau trước pháp luật. Ai có tài thì được dùng, không hề có cái gì gọi là "tính giai cấp" nào ở đây cả.

Cộng Sản: Trước đây anh là chánh tổng, lý tưởng. Như vậy là cường hào ác bá đè đầu, cỡi cổ đám dân nghèo khổ, bây giờ đảng bắt chúng mày xuống nghèo khổ cho công bằng. Trước đây anh là tư sản, bóc lột người nghèo, bóc lột công nhân lao động, bây giờ để cho công bằng, đảng sẽ lấy hết tài sản của anh để trả lại cho người nghèo, cho công nhân thì học lại trở thành giầu, thành tư sản. Bởi thế, hãy để chính phủ, để nhà nước giữ vậy.

Trên đây chỉ là hai thí dụ nhỏ, trong muôn ngàn khía cạnh, của xã hội con người. Ngay cả về tình cảm, giữa hai xã hội, quan điểm cũng hoàn toàn khác nhau. Bởi vậy, hầu hết các nước dân tộc, tư bản, nếu vị nguyên thủ quốc gia bị giết hay bị chết bất ngờ, thì thường xã hội có nhiều thay đổi. Nhưng dưới chế độ Cộng Sản thì hầu như chẳng có chuyện gì xẩy ra. Lãnh đạo đất nước là một tập thể, gồm những tên trong bộ chính trị, chúng quyết định mọi đường lối chính sách. Vậy nếu chỉ định tên này làm thủ tướng, tên kia làm chủ tịch v.v… Đều chỉ là một cái khung, một đường dây loa mà thôi. Cho nên có mất hay chết một tên này, hay vài tên khác thì nó vẫn như thế, chả có gì đổi thay cả. Điều này cũng đã giải thích vì sao, hầu như tất cả các nước Cộng Sản, những tên lãnh tụ cứ đi phây phây mà không đứa nào bị ám sát cả. Vì người ta đã hiểu rằng, có tốn công, tốn tiền, tốn người để ám sát một tên lãnh tụ Cộng Sản, thì cũng vậy mà thôi. Bài học được rút ra từ trường hợp của tên Lénine bị ám sát trước đây.

Cho nên rất buồn cười, có rất nhiều những chính khách, thấy một tên đại diện, hoặc một tên lãnh tụ Cộng Sản đi ra nước ngoài để họp hội nghị hay công cán, họ đã cố gắng mồi chài, lôi kéo để lấy cảm tình. Cứ tưởng như nếu mua được tên đó, là mua được cả chế độ của nước Cộng Sản ấy vậy.

Cuối Đông, đã sắp sửa sang Xuân, vậy mà thỉnh thoảng vẫn còn những đợt gió mùa Đông Bắc mò về muộn, làm cho tiết trời lạnh ngóm. Mấy ngày rồi thật là ảm đạm, âm u chả có tí ánh mặt trời nào. Mãi quá trưa này, mặt trời mới chịu thò mặt ra, nhìn cảnh vật một tí.

Đã hai tuần rồi, lạnh quá tôi chả dám tắm. Người có ngứa ngáy khó chịu lắm, thì cũng chỉ ra giếng múc một gầu nước, dúng cái khăn ướt, vắt khô rồi thò vào bên trong áo, lau sơ sơ. Nhìn lại, so với nhiều người, tôi vẫn còn vệ sinh, sạch chán. Hôm nay nhất định tôi phải uống thuốc liều, tôi đã rủ anh chàng Gôm ra giếng tắm cho vui. Nhưng y đã giẫy nẩy lên, như con đĩa phải vôi, đầu lắc quầy quậy, miệng y liến thoắng:

- Không có một kẻ nào trên cái cõi đời này, lại bắt được tôi đi tắm bây giờ cả, trừ có hai điều.

Thấy Gôm cố ý nói nhăng để không tắm, tuy vậy tôi vẫn hỏi, trừ hai điều gì? Nằm cuộn tròn trong chăn, Gôm thò ra hai ngón tay:

- Ông Trần Quốc Hoàn (bộ trưởng bộ công an) bảo: Tên Gôm kia, hãy đi tắm rồi ta sẽ tha cho về Hà Nội.

Nói xong rồi Gôm trùm chăn kín đầu. Tôi đã xách gầu và quần áo định quay ra cửa. Tôi cũng chẳng lạ gì anh chàng Gôm này, nhưng cũng thấy phảng phất một chút băn khoăn, nên lại quay vào hỏi tiếp:

- Thế còn điều hai?

Gôm lại hất chăn xuống, lò mặt ra, mắt long lanh nhay nháy:

- Một cô em thơm như múi mít nỉ non: Anh Gôm của em ơi! Anh dậy đi tắm rửa cho sạch sẽ, anh yêu nhé!

Nhiều người ngồi, nằm gần đấy cười ầm cả lên, đều biết là anh chàng Gôm tếu. Tôi vừa xách gầu chạy xuống giếng vừa nghĩ: Tù đầy mãi, nhũn quắt cả ruột, lại còn mơ em, với mận chị gì nữa.

Phải nói, mỗi lần dội thùng nước giếng vào người, nó lạnh thấy bốc khói ở người lên. Lạnh quá, không ai dám tắm, một phần nữa vì tắm ở giữa trời, gió thổi hun hút không có gì che. Tôi lúi húi phơi bộ quần áo trại, vừa giặt xong ở chỗ đám dây phơi, phía đầu hội trường. Người còn đang run bần bật như cầy sấy, thì anh Lương Yên đã đi đến. Một tay anh đút trong túi áo, mặt anh khó đăm đăm, như anh đang có một điều ấm ức trong lòng. Anh nói hơi phì phào vì khoảng trống của 3 chiếc răng cửa hàm trên của anh bị thiếu:

- Anh ra hội trường, tôi gặp anh tí!

Gật đầu, bảo anh ra trước, tôi trở vào buồng lấy chiếc ruột áo bông khoác cho đỡ lạnh rồi sẽ ra sau. Chưa biết anh gặp tôi có chuyện gì, vừa đi vào buồng tôi vừa nghĩ về anh: Từ dạo anh chuyển ở trại Vĩnh Tiến về, trong lớp học tập "Lập công chuộc tội chống Mỹ cứu nước". Sau khi tôi viết xong của tôi, tôi được cán bộ chỉ định, viết tường thuật cuộc đời cho hai người là anh Sín Dẩu, người Tầu, đẻ ở Việt Nam và anh Lương Yên, người Việt đã ở Sầm Nứa (Lào) hơn hai chục năm.

Hai anh đều đang theo học lớp 1 bổ túc văn hóa, nên không viết được. Viết tường thuật cuộc đời là kể lại chi tiết những diễn tiến của đời mình, từ nhỏ tới lớn cho đến khi vào tù. Chính vì thế tôi đã biết tường tận nhiều chi tiết, quãng đời đã qua của anh Lương Yên.

Sơ lược: Do nạn đói của năm Ất Dậu (1945), lúc này anh 24 hay 25 tuổi. Tha phương cầu thực, anh lạc lõng sang Lào. Anh đi ở đợ, rồi làm công cho nhiều người Lào ở Sầm Nứa. Ba mươi tuổi đời, anh gặp một cô gái Việt, sinh đẻ ở Lào mới 20 tuổi, rồi nên duyên vợ chồng. Hai vợ chồng tuy nghèo khổ, sống trong một khu lao động ở ngoại ô thị xã Sầm Nứa. Dù cảnh sống đầy gian chuân cực nhọc, nhiều tủi hờn trên xứ lạ quê người, nhưng hai người vẫn dắt díu, đùm bọc nhau để sống. Anh chị đã có 4 mặt con.

Năm 1963, lúc này ở Lào có rất nhiều phe phái chính trị. Có đại sứ của Sài Gòn và cũng có tòa đại sứ của Hà Nội. Hai bên đều dùng nhiều thủ đoạn tuyên truyền, để lôi kéo Việt kiều về với phe mình. Ngoài ra cũng đầy rẫy những lực lượng bí mật, gây sức ép trong giới Việt kiều để tranh giành ảnh hưởng. Một lần có 2 người Việt Nam đến nhà thăm vợ chồng anh. Họ tự giới thiệu là cán bộ cụ Hồ, của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Chấp hành đường lối thương yêu dân, như con của cụ Hồ, nước nhà ngày nay đã độc lập; khắp cả nước đâu đâu cũng chỉ có tiếng hát, nụ cười, cụ Hồ nghĩ đến những người con phải lưu lạc, xa quê hương, tổ quốc. Cụ muốn tuyển chọn một số Việt kiều, thành phần cốt cán như gia đình của Lương Yên. Nhà nước sẽ đài thọ hết phí tổn, để đưa kiều bào về tham quan tổ quốc.

Những kiều bào nào được tuyển chọn, khi về nước sẽ được học tập đường lối mới, của một nước nhà độc lập; niềm tự hào, kiêu hãnh của mọi người dân. Sau khi biết được thời gian về thăm quê hương sẽ tùy theo ý của mỗi người, có thể dăm ba tháng rồi trở lại đón vợ con cùng về nước hoặc ở lại Lào là do mình quyết định. Hơn nữa, ai xa quê

hương mà chả nặng lòng với đất nước, nên cuối cùng anh đã nghe theo họ về nước vì anh nghĩ: Đây cũng là dịp anh về chơi thăm quê nhà, sau mấy chục năm trướng xa vắng.

Khi đi qua khỏi biên giới Lào + Việt, thái độ của hai tên cán bộ đã khác hẳn. Lạnh lùng và hình như anh cảm thấy mình bị quản chế. Họ ra lệnh cho anh không được tự tiện, đi lang thang ra ngoài. Anh vô cùng lo lắng, anh hỏi họ thì được trả lời:

- Cứ đi rồi sẽ biết!

Cuối cùng họ đã đưa tuột anh vào Hỏa Lò Hà Nội. Hàng ngày phải đi khai cung, họ truy hỏi, gán ghép cho anh là CIA, là chỉ điểm cho Sài Gòn. Họ bắt anh khai ra hiện nay vũ khí là khẩu súng ngắn giấu ở chỗ nào trong nhà v.v…

Đến đây anh Lương Yên mới ngã ngửa người ra. Nhớ lại, đầu năm ngoái, một lần anh đi khuân vác hàng cho một chiếc xe vận tải, anh đã vớ được một khẩu súng lục, không biết của ai để rơi trong một góc xe. Táy máy, thấy của hiếm, anh đã mang về nhà cất đi. Mấy tháng sau, một lần vợ chồng cãi nhau, anh lại quá chén nên say, đã vào buồng lấy khẩu súng ra dọa vợ, rồi lại cất đi.

Mãi gần Tết vừa rồi, nhà túng bấn quá, anh đã gạ bán khẩu súng đó cho một ông chủ hiệu tạp hóa người Lào, ngay gần nhà anh với giá rẻ mạt là 200 đồng kít. Ông chủ hiệu tạp hóa đã biết rõ vợ con, nhà cửa của anh Lương Yên nên mới mua để phòng thân, giữ của.

Vì đây là một chuyện thực. Chắc hẳn, sau khi anh khai báo, Cộng Sản đã đến tận nhà ông chủ hiệu người Lào để xác minh. Khi họ đã biết rõ sự thật, nhất là anh Yên trình độ lại không biết đọc, biết viết. Nhưng đã trót bắt lầm anh rồi, đâu có thể thả trở lại Lào được nữa. Một cái lưỡi sống sẽ làm mất chính trị biết bao nhiêu, trong cái đám kiều bào vẫn còn lơ ngơ chưa tin hẳn vào cụ Hồ và cách mạng. Bởi vậy, một mặt cứ vờ quả quyết Lương Yên đã làm chỉ điểm cho Sài Gòn mà không chịu khai báo; mặt khác, tống Yên lên trại cải tạo, với cái lệnh tập trung thì đảng có mất mát cái quái gì đâu.

Vì tội trạng của Lương Yên như thế, nên ở trại Vĩnh Tiến cũng như trại này, sau hơn một tháng đến trại, là cho làm tự giác quét dọn, vệ sinh ở trong trại. Tự giác của Lương Yên ở đây là buổi sáng cũng như buổi chiều, anh phải quét dọn sạch sẽ trong toàn trại. Sáng một lần, chiều một lần được gánh cái rác bẩn đó ra một chỗ quy định, bên ngoài trại để đổ. Mặc dù mỗi lần ra vào cổng trại, đều phải báo cáo với công an vũ trang gác cổng.

Anh Lương Yên rất hiền lành tử tế, nhiều khi nghĩ đến anh tôi thật mủi lòng. Tôi hiểu rằng, anh đã ở tù 7 năm rồi, đã hơn 2 cái lệnh tập trung, nhưng cái tội của anh lại không thể tha được. Anh đã mang cái tội mà dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, lại không ít người mắc phải. Đó là cái tội "Bị bắt lầm". Nếu thả anh về Lào bây giờ, về chính trị hại cho chế độ gấp trăm lần hơn là giam anh. Giam anh, thì chỉ có một gia đình anh bị thiệt. Vợ mất chồng, con mất cha và đời anh sẽ chết dần ở trong tù. Càng giam giữ lâu, thì lại càng không thả được nữa.

Tôi ra đến hội trường, rải rác đây đó, một số người ngồi chuyện trò hay khâu vá, anh Lương Yên ngồi mãi trong một góc khuất phía cuối. Thận trọng, liếc nhìn chung quanh, anh rút trong túi ra một cái phong bì đã bị bóc mất tem và một lá thư đã bị xé làm nhiều mảnh. Giấy đã nhầu nát, vàng khè, nhiều chỗ chữ đã nhòe nhoẹt. Tôi hơi chột dạ, cầm vội mấy mảnh thư lên coi, vì rõ ràng đây là nét chữ của tôi; nhưng tôi đã chợt hiểu. Đây là lá thư anh Yên gửi về cho vợ con anh ở bên Lào mà tôi đã viết hộ anh, hơn 3 tháng trước.

Với nét mặt rầu rầu, tuy anh Yên nói nhỏ, nhưng giọng anh đầy uất hận:

- Sáng nay tôi ra đổ rác ở chổ cái hủng đất mọi khi. Lúc tôi cào cho đống rác cho gọn lại, thoáng nhìn thấy cái mầu

phong bì giống mầu phong bì của tôi và khi cầm lên, thì rõ ràng là nét chữ của anh nên tôi đã lục tìm, moi móc nhặt hết về.

Nhìn mặt anh buồn rười rượi. Nhớ lại, tôi đã viết hộ anh cả thẩy 3 lá thư, từ khi anh về trại này hơn một năm rồi. Do lòng nhân đạo của đảng và nhà nước, chiếu cố đến tình cảm gia đình của mỗi phạm nhân, nhà nước quy định cho mỗi người tù, được gửi thư về gia đình mỗi tháng một lần. Do đấy, cứ vào mồng một mỗi đầu tháng, mọi người trong toán nộp thư cho toán trưởng, rồi toán trưởng đưa nộp thư cho cán bộ của toán. Thư không được dán, để cho cán bộ duyệt. Đầu tiên là cán bộ toán duyệt rồi đưa lên cho ban giáo dục duyệt lại một lần nữa.

Hoàn cảnh của anh Yên cũng thật ái ngại. Anh không có tiền, lại hiền lành chậm chạp, không có tài xoay sở, cho nên cứ ba bốn tháng anh mới gửi thư một lần. Bởi vì mỗi lần anh gửi một lá thư anh phải nhịn ăn sáng 3 ngày. Một suất sáng để đổi lấy phong bì và giấy, một suất để đổi lấy con tem và một suất sáng tặng cho người mà anh nhờ viết hộ lá thư.

Nhớ lại năm ngoái, lần đầu tiên tôi viết hộ lá thư cho anh. Anh đưa ra một cái túi vải, trong có một suất sắn sáng, anh có nhã ý mời tôi ăn. Tuy tôi vẫn đói, nhưng tôi hiểu đó là phần sắn buổi sáng của anh, anh phải nhịn, vì thế tôi từ chối không ăn. Anh cứ nằn nì mãi, để tôi phải đứng dậy nói dứt khoát: Nếu vậy tôi sẽ không biết hộ thư cho anh nữa, bấy giờ anh mới chịu. Chậm chạp, anh móc trong túi áo ra một lá thư của vợ anh. Theo anh, đây cũng là lá thư đầu tiên và duy nhất sau gần 7 năm anh về thăm tổ quốc, quê hương yêu dấu. Hơn 3 năm xưa anh đã nhận được, khi còn ở trại tù Vĩnh Tiến. Tôi cầm lá thư đã nhầu nát, do thời gian và có thể do đã không biết bao lần anh mở ra "đọc" nó.

Nét chữ nguệch ngoạc, lời thư của một người vợ với một đàn 3 đứa con dại, ngày đêm thương nhớ chồng. Những giòng chữ mộc mạc, chân chất với nỗi khắc khoải của những đêm dài vời vợi nhớ thương, làm cho lòng tôi cũng xốn xang, vơi đầy. Người chồng đã ra đi biền biệt mãi không về, bỏ lại một đàn con dại với người vợ trẻ. Chị đã phải nai lưng ra làm thuê, làm mướn. Phải chịu bao nhiêu đắng cay, tủi cực, chồng chất lên nỗi nhớ thương chồng, thương con và thương mình, đêm ngày đầy vơi, ngơ ngác giữa cuộc đời.

Vì muốn trung thực trình bầy rõ những nỗi nhớ, niềm thương của anh với vợ con anh, nên tôi phải gợi hỏi anh từng chi tiết, cụ thể. Làm sao tôi quên được, cứ mỗi lần ngồi viết thư cho anh. Hình ảnh một người, nếu gọi bằng anh thì quá già, nhưng gọi bằng bác thì quá trẻ vì anh mới khoảng 45 hay 46. Thời gian và những thương đau chất chồng của đời, đã vạch hằn trên lên trán, lên mặt anh nhiều vết nhăn. Chẳng hiểu trong lòng anh đã chất chứa, nén đầy hình ảnh vợ anh, con anh ra sao mà suốt lúc tôi viết thư, môi anh cứ run run mấp máy, mắt anh thỉnh thoảng lại đỏ lên, có lúc tuôn dài hai giòng lệ. Thậm chí, có lần quá xúc động anh gục xuống đôi tay khoanh để trên bàn, vai cứ rung rung thổn thức, làm gián đoạn cả ý thư tôi đang viết. Những giọt nước mắt nhỏ xuống, cho vợ con anh hay cho đời anh? Của một kiếp người! Ai đã vùi dập, chia cắt gia đình anh?

Tôi mần mò ghép lại lá thư bị xé, để đọc lại. Lá thư không hề nói một tí gì về chính trị. Hoàn toàn chỉ là tình cảm, nỗi nhớ thương vợ chồng con cái. Tôi chợt hiểu, chính cái nhớ thương này, nhớ thương thì phải buồn, phải sầu, đấy là lý do lá thư bị xé. Người xé thư, cũng không quên lấy lại con tem.

Sau một hồi suy lý, tôi bàn với anh Yên, cái mục đích chính là làm sao cho chị nhận được thư của anh, để cho lòng của chị ấy đỡ khắc khoải đêm ngày. Vậy lá thư, chỉ cần viết sự nhớ nhung bình thường mà phải nói đến vui chơi, học tập tiến bộ, khỏe mạnh, miệt mài hăng say công tác, nỗ lực cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược v.v…

Chung quy, đã lại rơi vào cái bẫy của Cộng Sản,, dù hiểu chúng hay không hiểu chúng. Nghĩa là, chúng ta đã tự nguyện, tuyên truyền đắc lực không công cho chúng. Tôi cứ hình dung những người có trách nhiệm tuyên truyền của Sài Gòn ở Lào. Phần vì mãi hưởng lạc, hời hợt không có một kế hoạch tỉ mỉ, sâu sắc để lôi kéo lòng người. Phần

khác, người ta không tin ai bằng tin người nhà của người ta cả. Chồng người ta, con người ta, họ sẽ tin hơn. Đây, lá thư của chồng người ta đã viết rành rành ra đây. Vậy mà bảo Cộng Sản xấu sao được. Một đồn mười, mười đồn trăm, cán bộ Sài Gòn nào mà tuyên truyền lại được?

Như thế, anh em tù nhân cứ viết thư, cán bộ cứ nhận thư, rồi gửi hay xé đi là tùy theo lá thư. Vậy nếu anh không tự hiểu, anh cứ viết đi theo kiểu của anh, rồi dài cổ ra mà ngóng thư trả lời.

Chương 44

Chuyển Về Trại Chính

Tháng 3/1970. Lúc này, về nghề mộc, ơn đảng và bác đã dạy cho tôi biết làm giường, bàn, tủ, ghế. Tôi đã trở thành một người thợ mộc chính dù chưa thể làm được những hàng mộc kỹ thuật, cao cấp như tổ kỹ thuật của Đinh Sơn.

Vì Mỹ đã thẳng thắn tuyên bố ngừng bắn phá miền Bắc và hẳn do những yêu cầu mới nào đó, trại rục rịch sẽ chuyển tù về trại xây, trại chính. Lê Văn Kinh, Nguyễn Văn Thú, Nguyễn Văn Bắc, tôi và một số người nữa được tách ra thành một nhóm theo bác Cát để tập làm nhà. Bác Cát đã có tay nghề 15 năm xàm nhà, dựng nhà ở miền Bắc. Bác bị bắt vì tội hoạt động trong đảng Liên Xã (Liên Minh Xã Hội) trong vùng Việt Trì, Phú Thọ. Bác bị bắt từ năm 1958.

Hàng ngày chúng tôi đi theo bác để tập xàm nhà. Làm nhà, tuy không luôn chân, luôn tay như làm mộc, nhưng rất nặng nhọc vất vả. Trời nắng hay trời mưa cứ phải phơi mặt ra ngoài sân. Hôm nay tôi phải tranh thủ, lén lút làm cho bác Tiến cái gối bằng gỗ. Cái kiểu gối giống như hình chữ nhân (X) để gối về mùa Hè cho nó mát. Thấy cái gối bác đang gối bằng một đoạn gỗ lim nặng chịch, tôi muốn làm tặng cho bác một cái gối kiểu mới mà không cho bác biết trước. Khâu làm đã phải lén lút che dấu, khâu đưa vào trại cũng không phải là dễ. Với người khác thì khó thật, nhưng như tôi đã trình bầy ở trên, tên Tân trật tự kỳ này rất biết điều với tôi. Thường thường mỗi khi toán về đến cổng trại, lúc y khám, vuốt, mò vào bụng, mò vào lưng tôi, thấy trà hay cái gi vi phạm nội quy, y nhìn tôi một cái như muốn nói "tôi bỏ qua đấy nhé" rồi y tiếp tục khám người khác. Vì vậy tôi tin tôi có thể mang chiếc gối về trại cho bác được.

Nhớ lại lúc giao thừa đêm trừ tịch của ngày Tết vừa qua. Giữa lúc chiếc loa treo ở trên cửa buồng, tên Tôn Đức Thắng đang phều phào đọc bản diễn văn chúc Tết thì bác Tiến bò nhỏm dậy. Bác thò tay sang màn tôi, đập vai gọi tôi dậy. Chẳng biết bác đã chuẩn bị từ bao giờ, bác rút trong túi áo ra một chiếc khăn mặt còn mới tinh. Một tay bác đưa chiếc khăn cho tôi, một tay bác đặt lên vai tôi, bác nói như thâm tình nhắn nhủ:

- Cháu Bình, đây là chiếc khăn mặt bác đã ủ trong người hàng tháng nay. Nhân dịp ngày Tết cổ truyền từ ngàn đời, linh thiêng của dân tộc, bác tặng cháu, để chuyển nhượng, để gửi gấm cho cháu những hoài bảo mà bác còn đang làm dang dở cho quê hương. Thế hệ của bác đã về chiều tối rồi, nhiều việc bác không thể còn mà được nữa. Qua một số ngày bác trao đổi với cháu, bác tin tưởng rồi đây cháu sẽ phải làm được một cái gì cho đất nước, cho giống nòi.

Tôi thấy lòng xốn xang, bàng hoàng. Một nỗi sầu ray rứt, rỉ dần ra trong lòng tôi. Tôi là một tên vô danh tiểu tốt. Tôi đang bị sóng đời dìm vào đáy vực tăm tối, chẳng biết ngày mai, và cũng chưa biết sống chết lúc nào. Nhưng nhìn ánh mắt thiết tha trao gửi của bác, nhìn mái tóc đã trắng gần hết đầu, tôi đành nhận, nén chặt tiếng thở dài để cho bác vừa lòng. Tâm trạng của tôi như một người bị cụt chân, nhưng thấy một người già yếu đang ì ạch đẩy một chiếc xe bò lên dốc, lòng thì muốn ghé vai đẩy giúp mà khả năng không còn. Tôi cũng thông cảm với nỗi lòng của những người già, khi tuổi đã về chiều. Nhìn về phía trước, con đường còn dài ngút ngàn vời vợi mà gối đã mỏi, chân đã chồn và sức đã tàn, lực kiệt. Chắc rồi đây cũng lại sẽ đến lượt tôi, nếu như tôi không chết trẻ.

Từ dạo theo bác Cát tập xàm nhà, để rộng chỗ đẽo và xàm, và cũng tiện chỗ để cho trâu kéo gỗ từ rừng về, chúng tôi được ra thao tác, lao động ở một bãi đất trống ngay cạnh lán thủ công. Không ngờ, vị trí của cái bãi này thật là tuyệt vời. Xa xa khoảng nửa cây số là cùng, trên chỏm một ngọn đồi về phía Đông, có một cây tùng già to tướng. Không biết nó đã bao nhiêu tuổi, nhưng khắp vùng này chả có một cây nào to như nó. Mà cũng chỉ có nó là tùng mà thôi. Xa xưa chả biết ai đã trồng nó hay hạt giống từ một phương nào bay tới. Nó um tùm, kềnh càng ra rất nhiều cành làm tím thẫm cả một ngọn đồi. Cứ sáng nào cũng vậy, nhất là vào những hôm trời trong vắt, không một vẩn mây. Tôi vừa lao động, vừa chờ mảnh mặt trời từ phía bên kia đồi mò lên, để có 15 đến 20 phút, được ngắm, được nhìn, được ngây ngất với cái kỳ ảo của thiên nhiên, của núi rừng.

Hôm nay cũng vậy, sau trận mưa dài một ngày, một đêm, núi rừng cảnh vật như được cọ rửa, lau chùi như mới. Trời cao xanh thẳm, chéo mãi phía Tây vài vẩn mây gầy lớn vớn như sương khói. Làn gió hiu hiu làm đong đưa vài chiếc lá sồi non phía trước mặt. Cảnh núi rừng của một sáng cuối Xuân, đầu Hè thật êm ả lạ thường. Vài tiếng hót "cọt kẹt" của mấy con chim sâu trong khóm vi lan dại càng làm rõ cái vắng lặng quạnh hiu của cõi hồn.

Kia rồi! Mảnh mặt trời đỏ như một cục máu đã lấp ló dưới gốc của cây tùng phía đồi bên ấy. Vừa mới chăm chú để ý bác Cát chỉ cho cách xàm một đầu của cái xà thượng vào một cây cột quân, thế mà mặt trời đã leo lên tới cái chỗ tôi đợi chờ rồi. Liếc nhìn tên Sỹ, cán bộ toán, tay y đang chỉ trỏ nói chuyện với bác Cát ở góc chiếc lều con. Tôi ném vội cả cái bướm lẫn dùi vào thùng đồ nghề. Vờ chạy lại chỗ đống lửa để hút điếu thuốc, nhưng mắt tôi đã hướng về phía cây tùng.

Lúc này vào khoảng 8 giờ. Mảnh mặt trời vừa chui vào cái chỗ nhiều cành lá rậm nhất của cây tùng. Trong cái đám xanh thẫm như một bức màn, từng chùm ánh sáng thọc xuyên qua những khe hở của cành lá, loe ra mọi hướng như lan quạt. Trông như những ánh đèn pha cực mạnh trong buổi tối trời. Chẳng hiểu nó phản xạ ra sao, chùm thì mầu tím hoàng hôn, chùm thì mầu xanh cánh chả; chùm vàng như lúa chín, chùm đỏ, chùm hồng, có chùm tím ngắt như mầu mắt giai nhân. Xuôi theo hai mé đồi, một mầu vàng chói, óng ánh viền trên những ngọn nứa. Một đàn cò trắng toát bay theo đội hình chữ "V" ngang lưng trời. Hồn tôi như luồn ra khỏi cơ thể để hòa lẫn vào thiên nhiên lung linh, mờ ảo.

Tôi liếc nhìn đây đó để tìm một ánh mắt ít nhiều đồng cảm với tôi trong lúc này, nhưng mọi người vẫn cắm cúi làm việc. Tưởng như cái đẹp hùng vĩ kỳ diệu này không hề có liên quan gì đến đời của họ. Lầu Phá Tra gò lưng với chiếc rìu đang đẽo cây cột cái ở phía đầu bãi đất. Không chịu được, tôi đã chạy đến kéo Tra nhìn về phía cây tùng. Anh ngẩng lên, mặt anh ướt đẫm mồ hôi. Vừa hổn hển thở, vừa nhìn về phía cây tùng, đầu anh gật gật không nói một lời. Tôi buồn một giây, trở về chỗ làm việc vì cũng là lúc cái giây phút thần kỳ của tạo hóa đã qua rồi. Những ánh đèn pha đã tắt, những mầu sắc mờ ảo lung linh đã loãng rồi. Mặt trời đã bò lên chỗ ngọn cao nhất của cây tùng.

Về đến chỗ làm một lúc rồi mà tôi vẫn còn băn khoăn mãi, không hiểu Tra gật gật đầu khi nãy là anh cùng đồng ý với tôi cảnh đó đẹp thật, hay ý anh định nói là anh đã nhìn thấy rồi? Tôi lại cúi xuống tiếp tục làm việc, nhưng óc tôi vẫn chảy dài vào một ý tưởng so sánh buồn cười: Khi nhìn một cảnh thiên nhiên đẹp tuyệt vời, thì lại bảo là cảnh đẹp như tranh vẽ. Nhưng nếu nhìn một bức tranh vẽ thật đẹp, thật tài tình thì lại bảo tranh vẽ như cảnh thật.

Do những yêu cầu về chỗ ở, cho nên hầu hết toán 2 đều phải ra làm nhà hoặc phục vụ cho làm nhà. Nhiều những toán khác, trừ những toán trực tiếp sản xuất ra lương thực không kể, còn hầu hết các toán đều phải băm bã, đan tranh để lợp nhà.

Cuối tháng 8/1970, toàn trại E chuyển ra trại xây, vì ở ngoài ấy đã dựng xong 3 căn nhà và một căn bếp cho trại rồi. Khu kỷ luật cũ vẫn còn lại, như vậy những nét chính cho một trại giam đã hình thành: Có chỗ ở, chỗ nấu ăn và chỗ kỷ luật.

Trước ngày chuyển ra trại xây, lệnh ở trên cục Lao Cải (lao động và cải tạo) tha mười sáu người. Riêng toán 2 có hai anh được về: Lê Sơn, tập trung cải tạo 3 năm mà ở thành 11 năm. Thành Xuân Yên, tội chính chỉ có buôn lậu 5 kg chè búp với án phạt 6 tháng về hình sự. Nhưng khi tù bên hình sự anh lại hay chửi đổng, xuyên tạc chính sách nên trở thành phản động, bị tống sang bên chính trị. Anh phải lãnh cái lệnh tập trung cải tạo 3 năm, nhưng anh cũng đã ở thành 8 năm rồi.

Tôi nhớ lại về anh Yên, trong dịp học tập "lập công chuộc tội..." ở trong tổ học tập một lần anh đã phát biểu: "Tôi thấy đời sống ở trong tù còn thoải mái, dễ chịu, bình yên hơn ở nhà, vì vậy tôi xin biết ơn đảng và nhà nước, tôi muốn ở tù mãi".

Buổi sinh hoạt có cán bộ chủ trì, lời phát biểu của anh có ghi biên bản. Nhiều người nhìn anh ngạc nhiên, nhất là tôi. Tôi nghĩ đây là một cách nói "lẫy" của anh. Nhưng khi phát biểu, mặt anh rất chân thành, tỏ ra đấy là ý nghĩ thực sự trong lòng anh. Tuy vậy tôi vẫn bán tín, bán nghi. Hôm sau tôi đã lựa lời hỏi riêng anh, anh đã giãi bầy tâm sự:

- "Anh thử tính xem, ở ngoài, tôi có vợ và 2 đứa con nhỏ với một mẹ già. Cả hai vợ chồng tôi đều làm cho hợp tác xã nông nghiệp ngay ở quê tôi. Năm nào cũng vậy, cứ chia bình quân đầu người, mỗi tháng là 14 kg thóc. Cả nhà 5 miệng ăn mà chỉ có 28kg thóc, ăn trong một tháng. Bữa cháo, bữa cơm cũng không đủ, rồi cảnh mẹ già thường bịnh hoạn, ốm đau. Vợ chồng tôi phải làm đêm, làm ngày, ngay ban đêm, giấc ngủ cũng không yên mà vẫn túng, đói nên tôi phải theo người ta đi buôn chè, để rồi bị bắt.

Tám năm tù. Hai năm sau ngày tôi bị bắt, mẹ tôi đã chết, vợ tôi đã bỏ nhà đi theo trai. Năm ngoái, đứa con trai 10 tuổi chết vì bệnh kiết lỵ. Còn lại đứa con gái 12 tuổi đang bị bệnh hen suyễn, sống lây lứt trong hợp tác xã. Tôi mà được về bây giờ, tôi còn khổ cực, lo toan hơn ở đây nhiều. Trong tù tuy mất tự do, tuy đói, nhưng bữa nào cũng có ăn. Về quê, lại là người mang cái tội phản động đi tù về nữa, chẳng ai cho mình làm ăn gì, cho nên tôi nói thực với anh là tôi không muốn về".

Ngày chuyển trại, hôm ấy cũng thật là vất vả. Do anh em tù đầy lâu dài, nhiều năm tháng nên đã có kinh nghiệm. Theo nguyên tắc, đồng thời cũng là một kế hoạch của trại giam là mỗi khi chuyển tù từ trại này đi trại kia, cán bộ thường giữ bí mật tối đa. Nhiều khi họ còn tung tin hỏa mù, đánh lạc hướng để cho mọi người tù bị bất ngờ nhất.

Đợt này tuy chỉ chuyển từ một phân trại này qua một phân trại khác của cùng một ban giám thị, vậy mà anh em tù cũng không hề một ai biết. Tuy mọi người có nhiều kinh nghiệm nghe ngóng, thăm dò, bén nhậy bắt, chộp từng hiện tượng, từng lời nói sơ hở của tụi cán bộ mà lại vẫn còn bị bất ngờ về cái không ngờ.

Thường thường nhà tù là hình thức của một xã hội thu nhỏ, cô đọng. Vì là cả một cuộc đời cho nên mỗi người đều có ít nhiều những cái riêng tư, bí mật. Tiền bạc, dao, lược, nợ nần, giấy tờ, hẹn hò v.v... Đùng một cái phải chuyển đi trại khác là mất luôn, thường là cả đời chả gặp lại nhau nữa.

Những tháng trước, do chuyển gỗ và dựng nhà ở trại xây, anh em ai cũng hiểu là sẽ chuyển trại, nhưng không biết khi nào. Khi mò mẫm, thu lượm những nguồn tin từ trăm tai, nghìn mắt của anh em đã nắm được ngày chuyển trại, cho nên ai cũng khôn khéo chuẩn bị ổn định những cái riêng tư của mình. Nhưng không ngờ ngay buổi sáng hôm ấy, khi ban giám thị có lệnh mang hết quần áo chăn, chiếu, công tư trang ra ngoài sân. Ai cũng lo buộc gói cẩn thận để khênh, gánh đi đường, thì bất ngờ được lệnh tổng kiểm tra. Đây là một điều rất hạn hữu, thông thường thì chỉ trại nào nhận tù đến mới khám, mới kiểm tra mà thôi. Chính vì thế, rất nhiều anh em bị tịch thu giấy tờ, sách vở (học Anh, Pháp văn lén lút) thậm chí cả tiền bạc.

Anh Bùi Tâm Đồng mặt nhầu như chiếc giẻ lau, rỉ tai thổ lộ với tôi: Anh có 2 tờ giấy 5 đồng (tiền ngoài xã hội, không

phải loại tiền âm phủ của trại), anh đã hao tốn bao công sức đổi chác và giữ gìn từ mấy năm nay trong kế hoạch vượt thoát của anh. Thế mà, nếu anh không có cái nghệ thuật "búng" điêu luyện thì chắc chắn sẽ bị vừa mất của mà còn phải đi cùm nữa. Nghĩa là chỉ cần một, hai giây, hay một cái liếc mắt, dù cán bộ đang vuốt, khám người anh, tiền vẫn có thể vo viên búng đi xa hằng 5 – 6 mét mà không ai nhìn thấy. Từ trước người ta thường chú ý đến đối tượng cho vào miệng nuốt.

Khi ra đến trại ngoài, đã có 4 anh phải vào nhà kỷ luật. Ba anh vì tiền, một anh vì một lá thư có lời lẽ phản động, định lén lút gửi về gia đình, nhưng chưa kịp gửi. Còn lược nhôm, dao và đồ dùng thì bị thu vô kể. Toán 2 và 3 vẫn ở chung, cùng được chuyển vào nhà số một ở gần ngay phía cổng trại. Một chiếc cổng xây kiên cố 2 tầng còn lại không bị phá.

Như trên tôi đã nói, lúc này trại dốc toàn lực lượng để làm nhà và dựng nhà. Dựng nhà cho tù ở, lán cho tù lao động và dựng nhà cho cán bộ ở. Khu vực, đất đai trong vòng tường xây của trại rộng gấp 5, gấp 6 lần trại E. Do đấy từ buồng số I (phía gần cổng trại) xuống nhà bếp lấy cơm nước thật xa đến 300 mét. Bởi vậy, những ai phải phiên trực lấy cơm cho mâm, đều phải chạy mệt nghỉ.

Chỉ hơn 3 tháng sau, khi những làn gió lạnh mùa Đông ở mãi bên Trung Quốc bắt đầu mò về, đuổi dòng tộc những chú ve sầu đi về phương trời khác, thì trại đã tươm tất thành từng khu vực riêng biệt. Từ cổng trại đi vào, ngay phía tay phải là khu C gồm 3 căn nhà mới xây, kiểu cơ bản. Một loại nhà tường xây, lợp ngói, kèo, đòn tay…bằng gỗ xẻ vuông, lắp, ghép lại bằng đinh và bù loong (miền Bắc gọi là nhà kiến thiết cơ bản). Khi chúng tôi được chuyển từ trại E ra, thì đã có 3 căn nhà này rồi. Ba căn này vừa mới xây xong, mới lợp ngói và hoàn tất được 1 căn nhà, còn 2 căn nữa đang lợp ngói dang dở. Hẳn đây là những công trình mà công nhân bên ngoài đến làm. Chắc do sự ngăn cách giữa tù và công nhân xây dựng nên họ đã để lại cho tù làm tiếp. Mặc dù nghe nói như thế, nhưng chúng tôi chẳng thấy bóng dáng một người công nhân nào, có lẽ họ đã đi rồi khi chúng tôi đến.

Về phía tay trái là khu A, khu vực tù chính trị gồm có 4 nhà, mỗi nhà chứa hơn 100 tù. Đi vào nữa là nhà hội trường cho cả khu A và khu B. Khu B phía trong là khu tù hình sự, gồm có 5 nhà. Trừ khu C có 3 căn nhà xây cơ bản, toàn trại nhà đều bằng gỗ lợp phên nứa. Mỗi khu đều có hàng rào kín bằng nứa chẻ đôi, cao chừng 4 mét ngăn cách riêng biệt. Ba khu có 3 cái giếng riêng. Một cái giếng riêng cho nhà bếp nữa, như vậy toàn trại có 4 cái giếng nước.

Trên nguyên tắc, giữa các khu tuyệt đối không được liên lạc quan hệ. Dù vậy, với những cái tinh quái của người tù và những nhu cầu của cuộc sống trong tù, vẫn có một số người dùng nhiều cách, lén lút liên lạc để mua bán, đổi chác: trà, thuốc lá, thuốc lào v.v…giữa hình sự và chính trị. Chỉ có khu C, mới có một căn hoàn chỉnh, tuy đã có tù ở nhưng cách một bức tường cao, chúng tôi chưa biết gì về những người tù trong ấy.

Chung quanh trại là bức tường xây bằng đá hộc cao 5 mét. Tuy vậy phía bên trong vẫn có một hàng rào nứa cao 1 mét rưỡi, cách tường 1 mét, gọi là hàng rào cấm. Không kể nơi cổng, chung quanh trại có 4 chòi gác của công an vũ trang.

Như vậy vào cuối năm 1970. Trại chính trung ương số I Phố Lu, Lào Cai hay gọi là K1, xấp xỉ trên dưới một ngàn tù nhân, trong đó có hơn 400 là tù chính trị. Trại lúc này, vẫn do tên Phạm Huy Tân từ trong trại E ra làm trật tự, cả khu A và khu B. K2 là trại nữ cách K1 khoảng hơn một cây số đường chim bay. Còn K3, K4 và K5 thường ở rải rác trong rừng. K này cách K kia chừng 4 – 5 km.

Được chuyển về trại xây, đối với tôi có ý nghĩa và thích thú là nhất là ở hội trường có một thư viện con con, do một anh tên là Phạm Thành trông coi, quản lý. Anh là giáo viên cấp 2, bị tội hủ hóa, thuộc bên hình sự. Điều này thật là bất ngờ đối với tôi. Trước đây tôi không bao giờ nghỉ tới và cũng chả có ai nói với tôi, trong trại giam lại có thư viện.

Tôi nhớ lại, sau ngày chuyển ra K1 này hơn 2 tuần lễ. Sau những ngày bận rộn túi bụi buổi ban đầu cho tạm ổn chỗ ăn, chỗ ở. Tôi chưa có thì giờ nhìn hình thể cái trại nó ra sao, chứ đừng nói mò mẫm ra hội trường làm gì.

Một buổi trưa, sau 4 giờ liền, lao động dựng nhà mệt nhọc, về nghỉ ăn cơm. Ăn xong, tôi xách túi bát đĩa vào buồng, chuẩn bị đánh một giấc ngủ ngày mươi phút. Thoáng thấy anh Lê Liễu, nằm ở sàn dưới đang mải mê đọc một cuốn sách thật dầy. Trông thấy sách như trông thấy hoa, tôi xán đến. Đang nằm, quay lại, thấy tôi, anh bò nhổm dậy tươi cười, nói nhỏ:

- Ngồi chơi anh Bình!

Phần vì không muốn làm phiền những người bên cạnh đang ngủ trưa, phần khác, cũng chẳng muốn quấy rầy chính sự yên tĩnh của anh, nên tôi chỉ vào tập sách anh đã gập lại, hỏi khẽ:

- Anh đọc sách gì thế?

Lúc tôi hỏi anh cũng là lúc tôi đã nhìn thấy nhan đề cuốn "Chiến tranh và hòa bình" của Léon Tolstoi, khi anh đẩy cuốn sách nghiêng nằm ra. Bởi vậy tôi hỏi tiếp là sách của anh hay của ai?

Khi anh cho biết là trại có một tủ sách ở ngoài hội trường, tôi vội cám ơn anh và đi ngay lên hội trường. Vì muốn qua sông nên phải lụy đò, vì yêu sách nên tôi phải yêu cả người coi sách là chuyện cuộc đời rồi, nhưng còn một lý do nữa cũng không thể bỏ qua: khi hai người cùng một sở thích thì thường mến nhau. Anh Thành thích sách và tôi yêu sách nên dễ dàng trở thành bạn.

Thư viện trại I, nói là thư viện là nói theo lối ăn to, nói lớn của Cộng Sản, chứ thực ra cũng chỉ có khoảng hơn 400 cuốn sách. Đa số là sách lý luận chính trị, rồi đến nông trường, nhà máy, khoa học kỹ thuật. Tuy vậy có một số sách dịch cũng đáng đồng tiền bát gạo: Ruồi Trâu, Sông Đông Êm Đềm, Người Thứ 41 v.v…dịch từ sách của các nước xã hội chủ nghĩa. Trong trại, giai đoạn ấy có một cuốn sách khó mượn nhất, vì thường có đến hàng chục người đăng ký chờ mượn rồi. Đó là cuốn "X30 phá lưới", một câu chuyện tình báo tưởng tượng khá ly kỳ, hấp dẫn giữa tình báo miền Bắc và nên đệ nhất Cộng Hòa miền Nam. Vai chính trong truyện là Phan Thúc Định, một tên điệp viên cao ráo, đẹp trai, học thức được cài vào cơ quan đầu não của chính quyền miền Nam. Nó tung hoành, xỏ mũi ông Nhu, bà Trần Lệ Xuân cho đến các tướng, tá. Thậm chí cả những tên CIA, Mỹ kếch xù, cũng bị Định dắt cho đi chơi mát.

Theo quy định, mỗi tù nhân được mượn một cuốn sách trong một tuần. Nếu cuốn sách nào hay, có khi phải đăng ký chờ 4–5 tháng sau mới được đọc. Nhưng như trên tôi đã thưa rồi, tôi và anh Thành đã trở thành bạn. Tôi nghiễm nhiên được đứng hàng thứ nhì trong 4 cái tiêu chuẩn, có nội lực vô cùng thâm hậu trong sinh hoạt xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt:

Nhất ngoặc (tiền)
Nhì thân (bạn, thân thuộc)
Tam thần (có quyền)
Tứ thế (quen biết những người có chức, có quyền)

Tôi chỉ chịu thua có đồng tiền. Vì đồng tiền càng trong một cái xã hội nghèo đói, thì uy lực của nó càng kinh hồn. Vì tiền là bà tiên, ông phật có khả năng hoán chuyển tất cả mọi vấn đề theo ý mình muốn. Tóm lại, tủ sách trại I do anh Thành quản lý, tôi tha hồ thao túng, và cũng từ đấy tôi miệt mài bạn bè với sách vở.

Tôi chuyển đối ý đồ của Cộng Sản. Chúng dùng sách báo để tuyên truyền, cải tạo tư tưởng của phạm nhân. Tôi lại dùng sách báo của chúng như những điểm tựa, những cơ sở để thắp lên ngọn đèn pha soi sáng thực tế. Dần dần

cho phép tôi nhìn sâu vào bản chất của chế độ Cộng Sản.

Dạo này nhân số của trại càng ngày càng đông. Không những ở bên phía khu B hình sự, cứ vài ngày lại có một nhóm tù đến mà ngay bên khu A chính trị cũng vậy. Hôm qua có một nhóm 4 người mới nhập trại. Hai người về toán 3 xẻ, hai người về toán 2 mộc. Qua dáng dấp và cách ăn mặc, tôi có cảm tưởng cũng là người của miền Nam như chúng tôi.

Quả vậy, sáng hôm nay, một anh được phân công đi theo tôi làm thợ phụ, học xàm nhà nên tôi đã hiểu sơ sơ: anh tên là Nguyễn Cao Sơn, chuẩn úy, sĩ quan Thủ Đức khóa 20. Án phạt 20 năm. Một anh nữa cũng ở toán 2 là người Tầu. Anh tên là Trương Nàm Tráng, án phạt 12 năm. Hai người nữa ở toán 3 (xẻ) là:

Nguyễn Như Ánh – Án phạt 15 năm.

Trần Quốc Quang – Án phạt 10 năm. Anh này cũng là người Tầu, nói tiếng Việt còn chưa rõ.

Mấy hôm sau, tôi nghe dư luận: Nội vụ của toán biệt kích này, có một vài ẩn khúc không bình thường. Tôi chủ trương, sau này có dip sẽ tìm hiểu kỹ lại.

Chương 45

Một Căn Bệnh Thần Kỳ

Chiều hôm qua, một câu chuyện của anh Lê Văn Bưởi làm cho tôi và có lẽ cả khu A chính trị không thể quên được. Như tôi đã nói trước đây, khi còn trong trại E, anh Bưởi cứ lẽo đẽo cắp vở theo học lớp 2 bổ túc văn hóa vào những buổi trưa của trại. Lúc đầu còn nhiều anh em bàn tán, xầm xì; nhưng mãi rồi cũng thôi. Phần tôi nhìn về anh, vì anh và tôi càng ngày càng thân hơn do giống nhau ở nhiều điều kiện nên được nhiều chi tiết cụ thể hơn. Những tháng đầu anh mới chuyển về trại E, mặt anh thường tươi vui phấn chấn. Có thể vì anh còn đang ấp ủ một niềm hy vọng tràn trề trong lòng theo như anh đã tâm sự với tôi: "tôi có rất nhiều công lớn với đảng và nhà nước". Nhưng rồi niềm hy vọng của anh cứ phai lạt dần theo thời gian, để rồi chính anh cũng chẳng còn bao giờ nhắc điều đó với tôi nữa.

Sau khi chuyển ra trại xây, trại chính này hơn một tuần. Một đêm mưa rơi tầm tả làm thao thức, khắc khoải bao tâm hồn người tù. Sáng hôm sau, cái chân phải của anh Bưởi, không hiểu vì sao đó bị co rút gập lại, anh không đi lại được nữa. Cán bộ và y tế vào buồng khám, chỉ thấy anh rên rỉ, kêu la đau đớn. Họ nắn bóp, sờ mó chân anh nhưng chưa thể kết luận là bệnh gì. Nhìn cảnh sinh hoạt của anh ai cũng mủi lòng, thương hại.

Theo quy định của trại, ban ngày không ai được vào nhà cầu trong buồng để đại, tiểu tiện. Vả lại người làm vệ sinh đã lấy thùng đi từ sáng sớm rồi. Mọi người ốm bịnh ở lại buồng đều phải ra nhà cầu công cộng của trại. Anh Bưởi không đi được, nhẩy lò cò thì đau đớn, vì thế nhiều lần anh phải bò, lết đi ra rửa ráy. Những hôm nắng ráo đã đành, vào những ngày mưa dầm ướt át thì thật khốn khổ cho anh. Cũng có nhiều anh em thông cảm, trông thấy nên đã dắt dẫn anh đi.

Phải nói tôi rất thương anh. Anh cũng như tôi, một thân, một mình chẳng may rơi xuống vực thẳm của đời, đành lầm lũi, lê kiếp sống lầm than trong ngục tù tăm tối đã thối ruỗng, não nề cõi lòng rồi. Bây giờ lại bị bán thân bất toại nữa thì còn cay đắng tủi cực đến đâu.

Chính vì thế, nhiều đêm tôi đã chui sang màn anh, thăm hỏi, ủi an, xoa bóp chân cho anh, đã nhiều lần tôi phải cõng anh ra nhà cầu của trại, cũng như ra rửa ráy, giặt giũ. Hơn một tháng sau, hôm ấy, khi toàn trại đã đi lao động có

một trung úy là bác sĩ trên tỉnh (Lào Cai) vào buồng khám bệnh cho anh Bưởi. Ông bác sĩ, có cán bộ y sĩ trại là thượng sĩ Thìn đi theo. Sau đấy, cả tên Đức trưởng ban giáo dục trại, rồi Thạc y tá của trại. Một đoàn người kéo vào buồng I để khám bệnh cho anh Bưởi.

Người ta dùng ống nghe, dùng vồ con gõ, đập khớp xương. Cuối cùng, một người khoác nách, hai người cầm chân anh Bưởi, họ ra sức kéo thẳng ra. Anh Bưởi đau đớn, kêu như bò rống, nhưng khi họ bỏ chân anh ra, nó lại gập lại như cũ. Phần vì không có thuốc để tiêm, phần khác không có đủ phương tiện để khám nghiệm cho nên chân anh Bưởi cứ đành bị gập như vậy. Cứ như thế kéo dài 3 – 4 tháng sau. Dĩ nhiên là anh Bưởi không đi lao động được.

Anh được ban giám thị cho tổ kỹ thuật của Đinh Sơn làm cho anh một cái nạng gỗ thật nhẹ và đẹp. Từ đấy cuộc đời anh đỡ nhiều nỗi khó khăn trong sinh hoạt. Trong buồng, nhất là những anh nằm gần anh Bưởi, họ nhìn thế nào về anh thì tôi không được biết, riêng tôi, cũng có lần tôi đặt vấn đề suy nghĩ. Tất nhiên, trong cuộc sống của con người, ai cũng đầy rẫy những vấn đề phải lo lắng suy nghĩ rồi, đâu cần bận tâm suy nghĩ về những câu chuyện của người khác. Nhưng sự việc cứ bầy ra trước mắt hàng ngày, nên rồi cũng có lần phải suy nghĩ tới. Nếu anh Bưởi không có bệnh, chân anh cứ co quắp suốt ngày đêm như vậy, thì làm sao anh chịu được. Nó sẽ bị tê buốt nhức nhối. Có lẽ những tên cán bộ giáo dục và những tên cán bộ y tế, cũng nghĩ như thế. Cho nên, một hôm chúng nó lại xuống buồng dùng băng quấn chặt chân anh Bưởi lại. Chúng xỏ lá nói là phải buộc như vậy để cái máu tê xuội nó không thể chạy lung tung khắp người, có khi nó còn chạy sang chân bên kia nữa.

Tôi nhìn anh Bưởi mà thương hại anh, nếu anh bị thật thì không nói làm gì, nếu giả thì không biết anh sẽ bị khó khăn như thế nào. Phải nói vì chuyện này, mà đã từ lâu tụi cán bộ giáo dục, đã gọi hầu như lần lượt khắp buồng lên để hỏi về anh Bưởi. Ngay chính tôi, đã 2 lần khi chúng gọi tôi lên để giáo dục, tên Đức đã hỏi tôi có nhận xét gì về cái chân của anh Bưởi. Một lần khác tên Tập trung sĩ (tên này là cán bộ giáo dục mới ở đâu về) cũng hỏi tôi về cái chân anh Bưởi. Trong lòng tôi, thực sự cũng có nghi là anh Bưởi làm giả, nhưng tôi nghĩ rằng: Thứ nhất, đây là một chuyện vô thưởng, vô phạt đối với mình; thứ hai, dù anh Bưởi có làm giả thì đó là một chủ trương của anh, một hình thức đấu tranh của anh đối với Cộng Sản. Nếu bất cứ ai có ý thức với đường đi của mình thì đều phải giúp đỡ anh, bao che, tạo điều kiện cho anh. Tuy vậy, để khỏi mang mối ưu lo về sau với một việc làm mà tôi đã cho rằng chưa đủ thấu quát, nên tôi đã đều trả lời:

- Tôi nằm ở sàn đối diện, nhiều đêm tôi thấy anh rên la ghê lắm! Chính tôi cũng thông cảm và giúp đỡ anh nhiều lần. Nhưng như ông đã biết đấy, hàng ngày tôi thường nỗ lực lao tác dựng nhà. Về buồng tôi chỉ đọc sách rồi mệt thì ngủ, nên tôi không biết rõ lắm.

Từ ngày chuyển ra trại chính này, Hoàng Thanh đi đâu biệt không thấy mặt. Nhiều lần ban giám thị xuống nói chuyện với trại ở ngoài hội trường, chỉ thấy tên Toán, Chuân, Mạch mà không thấy bóng dáng Hoàng Thanh đâu. Có lẽ y phải chuyển đi nơi khác! Hoặc có khi y buồn, vì không mang được cái tác phẩm kỳ vĩ của y là cái cùm hộp ra trại chính này, cho nên y đã bỏ đi chăng?

Mới hai tuần trước, tôi thoáng thấy cái dáng cao lênh khênh của y lững thững từ phía cổng trại đi xuống khu nhà bếp. Trông xa từ gần 200 mét, rõ ràng chiếc lon trên cổ áo của y còn tươi đỏ như máu, có 3 ngôi sao vàng lấp lánh mới toanh. Như vậy y đã lên thượng úy rồi. Dạo này những buổi sáng và những buổi chiều khi toàn trại đã đi lao động, đã có nhiều người được lệnh ở lại trại để đi gặp cán bộ. Tuy trước đây hàng ngày vẫn có người phải ở lại gặp cán bộ giáo dục nhưng từ ngày Hoàng Thanh về, mật độ đã dầy hơn. Anh Bưởi bị Hoàng Thanh gọi lên gặp mấy lần. Và chiều hôm qua khi chúng tôi đi lao động về thấy anh Bưởi không đi nạng nữa. Anh mang quần áo ra giếng tắm rửa như một người khỏe mạnh bình thường. Tôi và nhiều anh em khác mở to mắt ngạc nhiên, thì Nguyễn Văm Gôm và Trần Như nghỉ ốm ở nhà đã cười rộ lên, Gôm nhanh nhẩu:

- Hôm nay Hoàng Thanh gọi anh Bưởi ra ngoài chỗ khu ban giám thị. Chẳng hiểu Hoàng Thanh đã dùng phương

cách gì, hay nói năng với anh Bưởi ra sao, chỉ biết khi anh trở về trại, anh đi đứng bình thường, và chiếc nạng chắc Hoàng Thanh giữ lại để làm kỷ niệm.

Nói đến đây, Gôm lại cười hô hố nói tiếp:

- Nghe đâu Hoàng Thanh đã ra lệnh cho anh Bưởi phải khỏi cái chân ngay lập tức, nếu không y sẽ thẳng tay trừng trị. Và anh Bưởi đã chấp hành lệnh của Hoàng Thanh để khỏi cái chân thật, sau gần 6 tháng què.

Câu chuyện què chân của anh Bưởi, làm cho anh em trong trại đùa vui như một giai thoại của nhà tù. Sau này thỉnh thoảng tôi nghĩ đến hành động này của anh Bưởi. Có thể tôi đã nhìn sai? Anh Bưởi làm như vậy để giải quyết điều gì? Phải chăng để cho Cộng Sản thấy anh què, sẽ tha anh? Hay anh làm thế để khỏi phải đi lao động? Kết hợp với việc đi học lớp 2, bổ túc văn hóa của anh, tôi cứ nghĩ rằng: Đây là hành động của một người nhìn việc đời chỉ từ một góc độ, trong khi thường phải nhìn từ rất nhiều phía.

Chương 46

Những Chiếc Trực Thăng Giấy

Đang từ một khung cảnh nhỏ của trại E, toán 2 được chuyển về trại chính này như bị rơi tõm vào một thế giới to rộng, bao la. Đã 5 – 6 tháng trôi qua rồi, đã hết cái mùa Đông u buồn lạnh lẽo để bước gần tới ngưỡng cửa của cảnh trời Xuân. Trong một cái trại có hàng nghìn phạm nhân với bao nhiêu khu vực khác nhau. Mỗi một ngày là bao nhiêu chuyện xẩy ra, vậy mà hầu như tôi rất ít biết; chỉ vì tôi cứ miệt mài vào sách với vở. Nhất là kỳ này, sau khi có bao nhiêu tập sách hay của cái thư viện con con này tôi đã lục lọi đọc hết. Bây giờ chỉ còn các loại con cá, lá rau như: Anh Hùng Lúp, Bế Văn Đàn, Lê Văn Tám, Nông Trường, Hợp Tác Xã với những tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa v.v… Thành thực mà nói dù đói (tinh thần) tôi cũng không thể ngốn những loại này được. Còn một loại sách nữa, cũng rất nhiều người không đọc, cá biệt có một ai đó cũng ra vẻ ta đây có trình độ, có tư tưởng sâu sắc, mượn một vài cuốn về thì lại cũng vứt lây, vứt lất ở sàn trên hay sàn dưới trong buồng. Có ai nhìn thấy, mó đến, lặt một vài trang rồi cũng vất lại chổ cũ. Đó là những sách triết của các nhà lý luận tư tưởng của chủ nghĩa Cộng Sản.

Bản thân tôi cũng vậy. Tôi thèm đọc sách lắm, vì đó là một sở thích của đời tôi, thế mà mỗi khi rờ đến những loại sách đó tôi cũng thấy chán. Phần vì tôi đã học triết bao giờ đâu. Tuy thời gian hơn một tháng ở số 2 J. Jacques Rousseau bên Chợ Lớn, cũng tí toe, ngúng nguẩy một tí với triết chứ đã biết quái gì đâu. Phần khác, sách triết vừa khô khan khó hiểu, có khi đọc cả trang mà chả hiểu gì. Nào những thượng tầng kiến trúc, những hạ tầng cơ sở; nào những bản chất với hủy thể v.v… cứ rối rít, tít mù cả lên.

Nhưng hết sách rồi, tôi buồn quá! Tôi cảm thấy cuộc sống ở trong tù khô cằn hết hẳn ý nghĩa đi. Và vào một ngày Chủ Nhật đó, tôi đã vớ đại một cuốn: Sự Khốn Cùng Của Nền Triết Học Đức. Tuy không hiểu lắm nhưng cứ nhồi đại vào, nhưng càng đọc óc tôi càng sáng ra. Rồi những học thuyết này, những tư tưởng kia. Những chủ nghĩa này đối kháng, mâu thuẫn với chủ nghĩa kia v.v… Lénine chửi Trosky, mạt sát Causky; Causky rủa sả Lénine. Người này viết sách lý luận chửi người kia, tôi muốn biết vì sao mà họ chửi nhau, họ chửi thế nào? Đúng hay sai? Thế là dần dà, tôi mê mệt, say sưa vào những cuốn sách loại đó.

Ngày đi lao động, trưa, tối, những ngày nghỉ, tôi chỉ ngoại giao với tên trật tự Tân, để bí mật có tí dầu lửa (điều này chả có khó khăn gì giữa Tân và tôi). Đốt một ngọn đèn con, chụp đèn bằng cái lọ pénicinine cắt thủng đít. Tối nào tôi cũng đọc sách đến 10 giờ, thi đua với Nguyễn Văn Gôm. Gôm học toán, tôi xem sách triết. Tôi cũng làm những bản thu lượm những tư tưởng chính của từng cuốn sách.

Trong trại tù, sách hiếm hoi, có cuốn này thì thiếu cuốn kia. Anh em khác làm đồ tư cho cán bộ như cái thước kẻ, thước mét, cái hộp con v.v… để mong cán bộ cho gói trà, bao thuốc lá. Nhưng tôi chỉ mong cán bộ mượn cho những cuốn sách mà tôi cần, ở trên thư viện của cơ quan.

Tôi đường hoàng ghi chép vì tôi đã dùng sách để cải tạo tư tưởng còn đầy rẫy lạc hậu của tôi đúng như ý đồ của họ. Như vậy là tôi tiến bộ quá ấy chứ, tôi còn sợ gì? Như trên tôi đã trình bầy, chỉ vì mải mê vào sách vở cho nên rất nhiều sự việc xẩy ra ở trong trại, có khi ngay chung quanh mình mà tôi chỉ ỡm ờ nghe. Nhưng có một sự việc tôi không thể bỏ qua.

Khoảng cuối tháng 11, đầu tháng 12/1970. Không khí sinh hoạt của trại khác hẳn, nhất là bên ngoài trại phía cán bộ. Những toán tự giác như lâm sản, có lệnh nghiêm ngặt phải có mặt ở trại trước 5 giờ chiều. Tù đi lao động ra vào trại bị kiểm soát gắt gao. Bên ngoài, xa xa trên những ngọn đồi cây chung quanh trại, lấp ló đây đó là những chiếc trực thăng bằng giấy, làm to như thật. Có đủ cánh quạt và mầu sắc cũng như những chữ số để phân ra từng loại máy bay. Không ai có thể suy đoán được, họ làm như vậy để làm gì, nhất là đã lâu để làm gì, nhất là đã lâu rồi trại không có đài hay báo chí.

Đêm đêm, có những tràng súng trung liên, tiểu liên, thậm chí cả đại liên đã khua động lòng người tù. Người ta bàn tán, nào là đảo chính ở Hà Nội, nào có rất nhiều truyền đơn rải ngay chung quanh trại v.v…

Tôi hiểu đây là những nguồn tin có thể từ những tụi cán bộ rỉ tai tung ra. Nhưng cũng có thể từ ngay chính anh em ở trong tù. Do sự bế tắc cùng khổ của đời tù tội, người ta thường mơ ước, tưởng tượng, hình dung những điều tốt đẹp đến với họ, từ một sự tưởng tượng của một cá nhân nào đó. Thí dụ: một anh đêm nằm không ngủ được, nhìn thấy những hiện tượng súng nổ, cán bộ ra vào nghiêm ngặt…lại không biết rõ lý do nên anh ta suy đoán: bên ngoài xã hội, trong chính quyền có phe thân Liên Xô, phe thân Trung Cộng; phe này lật đổ phe kia thì dứt khoát cuộc đời mình sẽ thay đổi. Sáng hôm sau, anh đó gặp một người bạn thân, vẫn thường trao đổi, bàn bạc tình hình mỗi khi có một hiện tượng lạ. Anh này kể lại sự suy đoán của anh ta, nhưng để cho người bạn chú ý đến lời nói của mình, ý kiến của mình hơn, anh đó đã nói với vẻ như thật là anh đó đã bí mật nghe được từ tự giác, hay của cán bộ v.v… Anh sau lại tiếp xúc với một người bạn thân khác. Anh đã kể lại sự việc hoàn toàn như một nguồn tin, không còn là một sự suy đoán nữa, không quên thêm vào, bớt ra cho câu chuyện có vẻ tình tiết. Và cứ như vậy, truyền miệng, rỉ tai. Trong một trại giam, phương pháp thì thầm, rỉ tai này thật hữu hiệu. Tụi cán bộ trại giam dùng nó bao giờ cũng đạt kết quả theo ý muốn. Sau này sẽ minh chứng dần bằng những người thực, việc thực cụ thể.

Từ hơn 1 tháng nay, tôi lại được chuyển về làm mộc ở trong lán thủ công. Lán thủ công ở đây rộng gấp 2 lần lán thủ công của trại E, nhưng cũng chỉ có hai toán như cũ: toán 3 xẻ và toán 2 mộc. Ông cán bộ toán 2 kỳ này là Lê Trí Miễn. Da y đen đen, tuy còn rất trẻ, chỉ khoảng 24 – 25 tuổi, nhưng tôi vẫn gọi là ông. Khác với tên Sỹ chó chết trước đây đã đi đâu mất tiêu rồi. Chưa hiểu sau này ra sao, nhưng ngay từ những ngày đầu, qua những ánh mắt, cử chỉ, tôi thấy có thiện cảm với ông ta. Và chính ông Miễn cũng dành cho tôi nhiều điều đặc biệt. Nhưng phải nói đặc biệt nhất lại là ông cán bộ toán 3. Tên ông ta là Tụ. Tôi có thiện cảm với ông Miễn hơn ông Tụ, nhưng ông Tụ lại mến tôi và tin tưởng tôi một cách mà tôi không ngờ được.

Ông Tụ phụ trách toán 3. Tuy toán 3 cũng có nhiều biệt kích, nhưng ông ta không có liên quan gì với tôi cả. Lúc đầu, tôi quen biết ông chỉ vì ông ta nhờ tôi bào cho mấy cái thước kẻ (phải có kỹ thuật tốt mới làm được thước). Ông ta cho tôi mấy điếu thuốc lá Tam Đảo. Tôi không nhận, lại nhờ ông mượn sách. Rồi qua một vài quan điểm trao đổi; càng ngày ông ta càng có thiện cảm với tôi. Tôi vẫn dè dặt, vả lại như tôi đã nói, tôi có thiện cảm với ông Miễn hơn.

Cho đến một buổi, tôi ra chỗ nhà cầu cuối lán thủ công để đi cầu. Rõ ràng tai tôi nghe nho nhỏ giọng hát quen thuộc ngày xưa của Thanh Thúy. Vừa tò mò, vừa ngạc nhiên, tôi men theo một bờ cỏ tiến dần về phía giọng hát từ ở một cái nhà con, chỗ làm việc của cán bộ toán 3. Căn nhà làm việc đó cũng bằng căn nhà con làm việc của cán bộ toán

2. Hai căn làm giật lại phía sau cách xa lán xẻ và lán mộc. Hai căn dựng cách nhau khoảng 50 mét.

Nhìn vào căn nhà đang có tiếng hát, tối om, cửa đóng kín. Tuy chỉ là vách nứa, lợp tranh nhưng cũng kín đáo. Bây giờ tôi nghe rõ ràng là bài "Chiều mưa biên giới" do ca sĩ Thanh Thúy hát. Ôi, giọng hát lả lướt, truyền cảm nồng đượm như ánh nắng mùa Đông sưởi ấm những cõi lóng khắc khoải, băng giá đã cuốn chặt hồn tôi. Cả một nỗi niềm chất chồng thương nhớ về miền Nam thân yêu đã nén chặt trong lòng tôi nhiều năm, hôm nay đã túa ra thành giọng hát ngọt ngào thương yêu ruột thịt. Tôi gục đầu vào sau vách cho hồn chảy dài vào lời ca tiếng nhạc. Bất chợt, cánh cửa sổ trên đầu tôi mở ra làm tôi choáng váng. Ông cán bộ Tụ cũng mở to mắt nhìn tôi. Hai mặt chỉ cách nhau 50 phân.

Như tên trộm bị chủ nhà bắt quả tang ở trong nhà. Tôi còn lúng túng lựa lời chống đỡ rồi tìm cách chuồn thì ông ta nhỏ nhẹ thân tình:

- Anh Bình đấy à, vào trong này!

Tôi đang lo sợ bị truy, chụp về tư tưởng, không ngờ còn được ông gọi vào trong nữa chứ. Đắn đo một giây rồi quyết định đi vào.

Vừa bước qua ngưỡng cửa, ông đã đóng chốt then cửa phòng lại. Ông chỉ chiếc ghế đẩu vẫn thường dành cho phạm nhân ngồi, nói nhỏ:

- Ngồi đi!

Cũng là tiếng "ngồi đi" như nhiều những cán bộ khác vẫn bảo tù, nhưng qua giọng và cách nói hôm nay của ông Tụ, tôi có cảm tưởng khác thuòng. Nó dịu êm, thân mật như của một người bạn đối với một người bạn.

Quả vậy, gần nửa giờ ở trong phòng của ông Tụ có lúc nghe nhạc, có lúc nói chuyện tình cảm giao du giữa một người và một người, chứ không phải giữa cán bộ với tù nhân. Rồi từ buổi ấy, thỉnh thoảng tôi lại linh sang gặp ông, vì cùng trong khu thủ công. Vả lại phạm nhân mà gặp cán bộ thì có gì là khác thường đâu. Những giữa tôi và ông Tụ, tuy không ai nói ra nhưng hai bên đều tự hiểu, sự quan hệ này chỉ là riêng hai người chẳng nên để cho bất cứ người thứ 3 nào biết.

Chẳng hiểu ông Tụ có những cái nhìn, những nhận định thế nào về tôi, có lần ông ta dám nói một ý với tôi thật là táo bạo: "Mỹ không hiểu biết gì về miền Bắc cả. Mỹ cứ ném bom thế này thì giải quyết cái gì? Nếu Mỹ và Sài Gòn đem quân đánh thẳng ra đây thì sẽ có đại đa số người dân đi theo, trong đó có tôi." Trong lòng tôi thì ngạc nhiên đến ngỡ ngàng, nhưng để bắt kịp một chỗ nối đổi mầu, mặt tôi thản nhiên, đầu tôi gật gật, tôi giơ một ngón tay cái ra trước mặt ông ta, giọng tôi trầm trồ: "Ông có cái nhìn thật là sắc!"

Thái độ đó của tôi, cũng muốn nói ý với ông Tụ là: "Tôi đã hiểu anh, cứ tự nhiên và anh yên tâm. Anh đã gặp một người có ý thức và có tâm hồn, dám chịu thiệt hại đối với người tri kỷ lắm."

Sau đó, sự quan hệ giữa tôi và ông Tụ, tuy không dầy, chỉ thưa thớt bề ngoài nhưng có chiều sâu. Do đó qua ông, tôi đã biết thêm cũng như xác minh được một số tin tức bên ngoài.

Chính vì vậy, ngay từ đầu tháng 12/70 qua ông Tụ, tôi đã được biết sở dĩ tất cả các trại giam trên miền Bắc đều phải thực tập canh gác, báo động đêm ngày. Phải làm những trực thăng quân sự giả, nhưng cũng có chỗ là thật, để đánh lừa không ảnh của máy bay Mỹ. Bởi vì Mỹ đã bất ngờ cho máy bay trực thăng xuống một trại giam ở Sơn Tây đã được di chuyển đi 3 – 4 tháng trước đấy rồi. Trại giam đó nhỏ, bây giờ chỉ nhốt tù hình sự mà thôi.

Gần 3 giờ sáng ngày 21 tháng 11, có 6 trực thăng của Mỹ, thình lình đến trại giam Sơn Tây. Hai chiếc đáp xuống bên trong trại giam, 4 chiếc vòng đảo trên trời để bắn phá bộ đội tiếp viện bên ngoài. Chúng bắn chết một số bộ đội canh gác trại, phá khóa các buồng giam, nhưng bên trong toàn là tù hình sự. Sau gần nửa giờ lùng xục, chúng chẳng tìm được một tên phi công nào. Khi tháo lui, một chiếc trực thăng bị gẫy cánh quạt vì vướng cành của một cây bàng, phải nằm tại chỗ ở trong sân trại. Báo hại, họ đã bắt theo cô Nguyễn Thị Linh làm văn thư mang vào Nam. Cô Linh lại là cháu ruột của đại úy Côi, giám thị ở K3 thuộc trại Phố Lu này.

Khi về trại, tôi chỉ kể riêng cho Gôm và Quốc Anh nghe mà thôi. Gôm cứ xuýt soa ca ngợi số phận của cô gái có cái tên là Linh. Bất ngờ cô ta đã "linh hỏi" lẹ từ một cảnh đời nhầy nhụa, đói khổ sang một cảnh đời ngọt ngào sắc hương. Tôi thì nghĩ, có thể cô Linh còn sang đến tận xứ Cờ Hoa ấy chứ, vì tình báo Mỹ phải cần cái lưỡi sống của cô.

Còn một tin tức đặc biệt nữa cũng do ông Tụ đã làm tôi ngẩn người ra vì ngỡ ngàng. Đó là phi thuyền không gian Apollo 11 do hai phi hành gia người Mỹ đã đổ bộ xuống mặt trăng vào tháng Bẩy năm 1969. Chắc hẳn thấy thái độ của tôi còn đầy băn khoăn nên ông Tụ đã vào góc phòng lục trong đống báo cũ lấy ra một tờ Quân Đội Nhân Dân rồi chỉ vào một góc phía dưới của tờ báo:

- Đây này, anh đọc đi!

Chỉ có 2 giòng chữ đơn giản ở mãi cuối tháng 3: "Sau nhiều lần thất bại, ngày…tháng 7 năm 1969, phi thuyền Apollo 11 của Mỹ mang 2 phi hành gia là (tôi quên tên) đã đổ bộ xuống mặt trăng." Nguồn tin này, về trại tôi chỉ kể riêng cho bác Tiến, bác Lẫm và Gôm nghe, nhưng chỉ vài ngày cả trại đã thì thầm bàn tán. Phải nói kỳ đó hầu hết chúng tôi đều bàng hoàng suy ngẫm về con người, đã đặt chân lên cung Quảng đánh dấu một kỷ nguyên mới cho nhân loại, vậy mà hơn một năm sau chúng tôi mới biết.

Chương 47

Một Chuyện Tình Hi Hữu

Chả biết Gôm xoay xở quan hệ sao đó, quen được với anh Khuê là thư ký nhà bếp. Nghe đâu 2 người cùng ở Hà Nội lại đã biết nhau từ khi chưa đi tù. Chính vì thế Gôm biết được một câu chuyện tình đặc biệt ở dưới khu nhà bếp. Tối hôm qua, trước khi Gôm kể lại cho tôi nghe câu chuyện đó, Gôm đã hỏi tôi:

- Anh Bình có còn nhớ, hơn 2 tháng trước, cái nhà hủi ở khu cách ly phía cuối trại bị cháy không?

Tôi vừa cười, vừa nhìn Gôm, chưa hiểu mục đích của Gôm định nói cái gì, vì vậy, tôi vẫn trả lời thăm dò:

- Anh chàng Lộc hủi trốn tù chứ gì?

Gôm trề môi xuống:

- Đấy, đấy…Câu chuyện tình bắt đầu từ đấy đấy!

Tôi buồn cười vì anh chàng này dùng nhiều chữ "đấy" quá. Đời tù khô khan như nằm trên nồi rang, tôi cũng muốn nghe một câu chuyện tình cho đời thêm âm ẩm lại. Hơn nữa, câu chuyện tình này lại ở ngay dưới nhà bếp, vì vậy, tôi háo hức giục Gôm:

- Bạn cứ kể đi, khỏi cần phải mở đề nữa!

Nhìn anh chàng Gôm cứ mó cái này, xếp cái kia, tôi nóng cả tiết. Tôi biết tính anh chàng ngày là như vậy. Cứ gợi một câu chuyện, cho đến khi nào người ta thích nghe là anh chàng bắt đầu khệnh khạng, làm điệu. Biết tỏng như thế, nên tôi đứng dậy định trèo xuống sàn:

- Thôi, tôi đi về chỗ đọc sách!

Gôm vồ cả 2 tay kéo tôi lại, miệng hềnh hệch:

- Thôi mà, xin huynh đừng nổi giận hết cả đẹp trai đi!

Tôi ngồi lại mà niềm thích thú cứ rung mãi ở trong bụng. Nếu Gôm biết rằng, Gôm chẳng kéo lại thì tôi cũng ở lại, để giục Gôm kể câu chuyện tình ở trong tù ấy bằng được. Gôm đã kể nội dung câu chuyện tình đó như sau:

Anh chàng Lộc này, chả biết bị cái tội gì bên phía hình sự. Anh ta bị bắt vào tù từ khi nào, vì sao anh ta bị hủi và cũng hủi từ bao giờ thì cũng chả ai tìm hiểu, vả lại cũng không có điều kiện. Chỉ biết khi trại này xây dựng lại. Mãi phía cuối trại, cách nhà bếp khoảng 50 mét, có một căn nhà con, chung quanh có rào nứa che kín. Đấy là khu cách ly của người hủi. Nhà bếp hàng ngày vẫn đưa một suất cơm, thường đặt ở cổng hàng rào. Bệnh hủi đã ăn cụt của anh ta hết 3 ngón chân và một góc tai bên phải. Anh chừng 24 hay 25 tuổi. Có lẽ vì con hủi nên da mặt anh ta rất hồng hào, sáng sủa. Một mình anh sống đơn độc trong căn nhà hoang vắng đó với căn bệnh quái ác của cuộc đời.

Chẳng biết ai cho hay anh kiếm ở đâu và tự bao giờ, một cuốn thơ của Hàn Mạc Tử. Lúc nào cũng thấy anh cầm ở tay. Có lẽ vì đồng căn bệnh nên cùng một niềm u uất, cấu, xé tim gan, anh đã gửi, buộc hồn anh vào những vần thơ ngâm, dầm trong máu của Hàn Mạc Tử? Rồi chẳng biết, anh có những tính toán sao đó về cuộc đời của anh. Một đêm anh đã đốt căn nhà cách ly với loài người đó của anh. Lợi dụng đêm tối và lúc tụi cán bộ đang hỗn loạn chữa cháy, anh đã trèo qua tường trại để trốn. Nhưng chỉ 15 phút sau, anh đã bị trói gô, giong về trại, đưa ngay vào nhà kỷ luật.

Thời gian ở nhà kỷ luật này, duyên đời lúc nào cũng bay bổng khắp đó đây của đất trời, đã đến với anh. Trong trại nữ, nhà kỷ luật đang sửa lại, nên có một nữ tướng đấm, đá Hồng Đào bị giong ra, nhờ kỷ luật ở trại chính; vì tội đã đánh bị thương nặng một đồng phạm.

Trong nhà kỷ luật, do những buổi ra ăn cơm nước gặp nhau, rồi do những sợ tơ đời nối duyên, Hồng Đào và Lộc hủi đã nhìn nhau mà say đắm. Tình yêu trong sáng thì không phân biệt tuổi tác, giầu nghèo, sang, hèn và xấu, đẹp, chỉ đơn thuần là tiếng nói của hai trái tim; nó độc lập với ngoại cảnh. Tình yêu có tính toán một ít, thì vẩn đục một ít; tính toán nhiều thì vẩn đục nhiều. Có phải ai trong cuộc đời này cũng được hưởng cái tình yêu kỳ diệu nguyên thủy đó đâu?

Có lẽ, ai cũng phải nghĩ đến cái nỗi thương đau, niềm bất hạnh của một kiếp người mang cái bệnh hủi. Cho nên, anh chàng Lộc hủi bất hạnh nhưng được cuộc đời thương. Chỉ sau nửa tháng vào nhà kỷ luật, cán bộ đã tha cùm. Trong khi chờ nhà cách ly làm lại, Lộc hủi cứ ở trong nhà kỷ luật, nhưng không còn là một người bị kỷ luật nữa. Vì vậy một đêm, do những sợi dây tơ đồng, anh đã dũng cảm trèo tường sang chỗ Hồng Đào bị cùm. Rồi những buộc, nén, gò ép của cảnh đời tù đã mau chóng tạo lên một cuộc mưa gió trên ngọn sầu đông. Đường đi quen lối, cứ như vậy tiếp diễn hàng đêm. Trong cái chỗ cùng khổ, đen tối của cuộc đời vẫn có thể nở những bông hoa hạnh phúc ngất ngây của loài người. Hỏi rằng trên cỗ long sàng của bậc đế vương với chỗ ngục tối, người bị hủi, người bị cùm, ai đã mê dại đã đầy hơn ai? Âu, đây cũng là một sự sắp xếp, an bài kỳ diệu của tạo hóa. Sự sung sướng và khổ đau, ai cũng được hưởng bằng nhau trong cuộc đời!

Nửa tháng, Hồng Đào kết hạn kỷ luật trở về trại nữ. Nhưng cũng chỉ hơn nửa tháng sau Hồng Đào lại bị kỷ luật, để phải trở lại nhà kỷ luật của K1. Đối với mọi người đó là căn nhà kỷ luật, nhưng đối với Hồng Đào và Lộc hủi thì đó lại là căn nhà hạnh phúc. Cứ như vậy, dòng thời gian quấn quít, ôm chặt cuộc tình cho đến lần thứ 3 Hồng Đào lại bị đi kỷ luật nữa. Nếu cuộc đời cứ trôi đều đi như vậy thì quả là không còn thi vị, mà cuộc đời thực tế lại đầy thi vị cho nên nó đã chẳng trôi đều. Chỉ vì nó không trôi đều nên cuộc đời mới biết câu chuyện tình hi hữu ấy. Nếu không, chỉ giữa hai người thì có trời mới biết mà thôi.

Tên Tập cán bộ giáo dục đã đặt vấn đề. Khi đặt vấn đề, thì y phải để ý theo dõi, rình mò. Mà đã rình thì phải bắt được cả đôi chim đang đu đưa trên ngọn cây sầu đông. Khi đó Hồng Đào có thai hơn 2 tháng. Bắt được như vậy, ban giám thị giận lắm, nhưng không thể kỷ luật Hồng Đào được nữa mà bắt về trại nữ. Để cho Hồng Đào ôm trọn một khối tình, có xuống tuyền đài vẫn chưa tan. Hiện giờ Lộc hủi vẫn còn đang nằm trong nhà kỷ luật.

Gôm đã ngừng kể một lúc rồi, mà tôi và Gôm vẫn cứ ngồi im. Hình như lòng mỗi người đang lắng đọng vào cái nỗi đầy vơi, bồng bềnh của cuộc đời.

Trưa hôm nay, tôi vừa nói chuyện với anh Thành tôi vừa lục tìm trong cái thư viện con con của trại trung ương số I. Tôi cố gạn lọc, may ra còn cuốn nào có thể tạm xem được. Móc ở mãi trong kẽ của một ngăn tủ sách, thấy một cuốn sách mỏng bìa bọc bằng một miếng giấy xi măng đã cũ. Nhan đề của cuốn sách viết dài thoòng: Những Phong Trào Văn Hóa Đấu Tranh Chống Thực Dân Pháp Trước Cách Mạng Tháng Tám. Viết theo dạng hồi ký. Tôi lần dở một vài trang, chợt tôi nhìn thấy một tấm hình chụp 5 người. Tấm hình có chú thích phía dưới: Ban chủ trương, biên tập của tờ báo "Le travail" ở Hà Nội. Tấm hình chụp ngay trước cửa tòa báo.

4 người biên tập viên là: Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thái Mai và Phạm Văn Đồng. Chủ nhiệm là ông Nguyễn Văn Tiến.

Nhìn thấy tấm ảnh bác Tiến, tôi bỏ cả cuộc nói chuyện với anh Thành coi thư viện. Tôi mượn cuốn sách chạy về buồng. Bác Tiến còn đang lục đục ở ngoài nhà ăn. Vui mừng như năm ngoái nghe tin Hồ Chí Minh hộc máu ra chết, tôi rối rít khoe:

- Bác ơi! Có ảnh của bác chụp trước tòa báo Le Travail đây này!

Mặt bác Tiến tươi hẳn lên, quay lại, trong khi bác còn cho tay vào túi áo móc cái kính ra, tôi cứ líu lo:

- Có cả Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu nữa bác à!

Một số người, trong đó có cả 3 anh tu sĩ là: Sĩ An, Quốc Anh và Phùng Văn Tại cũng xô đến mà coi. Qua bức hình này, bác Tiến càng được anh em kính nể hơn. Ngược lại, những tên cán bộ, nhất là tên Đức, thiếu úy trưởng ban giáo dục, hễ khi nào thấy bác, chúng lại sai bảo, hành hạ chơi, coi như một cái thú vui của chúng.

Sáng hôm qua, buổi gần trưa, lúc trại đi lao động về, có một nhóm 4 người tù mới. Nghe đâu thuộc Biệt Hải, Người Nhái vừa chuyển từ trại Thanh Liệt đến. Trông 4 người tuy xanh xao gầy guộc nhưng đều cao lớn. Họ đều còn trẻ cả, chỉ trong khoảng từ 24 đến 27 tuổi là cùng. Buổi chiều, một anh được phân về toán xẻ là Lý Giồng Slau, còn lại là 2 anh phân về toán 2 là: Lầu Chí Chăn, Dương Long Sang và Vòng Hợp Văn. Cả 4 anh đều là gốc Tầu, quốc tịch Việt. Nghe Nguyễn Văn Gôm kể lại, các anh đều ở bên Chợ Lớn.

Sở dĩ tôi nghe Gôm và Trần Như kể lại loáng thoáng như vậy chỉ vì tôi chưa vội vàng, vồ vập buổi đầu. Mặc dù trong lòng tôi cũng đang ngứa ngáy muốn biết những tình tiết, nội vụ của nhóm Người Nhái này. Cũng chính vì cái nhóm

Người Nhái này đến trại ngày hôm qua, chiều nay ở chỗ nhà ăn trong lúc chờ tên cán bộ trực trại vào "cho gà vào chuồng"; bác Tiến, Gôm, Nhu và tôi hãy ngồi tán chuyện gẫu. Gôm, Nhu và bác Tiến hẳn từ lâu đã được nghe nhiều do chính những người biệt kích, gián điệp trong Nam ra kể sơ lược lại về bản thân mỗi người. Chính quyền miền Nam huấn luyện biệt kích, gián điệp rồi tung ra miền Bắc ra sao, họ đều đã có những cái nhận định chung, nhưng hôm nay họ lại đem vấn đề đó ra hỏi lại tôi.

Lòng người dân miền Bắc, như tôi đã trình bầy trước đây, khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lũ tướng, tá đảo chính hồi cuối năm 1963, họ vẫn hướng về mảnh đất phía Nam của tổ quốc. Nhất là những người đã phải vào tù, những lúc lòng họ tím thẫm, tối đen nhất, họ lại hướng về miền Nam, mong mỏi nhìn thấy một nguồn tia sáng hy vọng, hòng giải thoát cái cảnh đời ngục tù của họ.

Bởi thế, khi ở trong tù họ lại được gặp chính những người miền Nam ra Bắc để hoạt động chống Cộng Sản, hầu hết họ đều tò mò muốn tìm hiểu về miền Nam, nơi mà lòng họ vẫn và đang ngưỡng vọng trong mỏi mòn. Tóm lại họ đã hỏi tôi như sau:

- Các anh, dù là biệt kích, biệt hải, lôi hổ hay gián điệp, chúng tôi thấy các anh được đào tạo rất công phu, được trang bị đầy đủ đến chân răng, kẽ tóc. Nhưng có một điểm quan trọng bậc nhất là các anh không được trang bị về tư tưởng, hoặc nếu có thì cũng chỉ hời hợt, tùy tiện mà thôi. Có phải thế không?

Trước mặt tôi, tuy họ không nói thẳng ra, nhưng tôi hiểu trong lòng của họ muốn nói tư tưởng ở đây là "Lý tưởng và lòng căm thù giặc". Tôi hiểu đây là một cái lỗi, chẳng phải của riêng ai, mà nó đã nằm sẵn trong cái đáy của cái xã hội của những nước tư bản rồi, nghĩa là ngay từ nước Mỹ chứ không phải chỉ ở miền Nam Việt Nam. Do lòng tự mãn tin vào vũ khí và sức mạnh của tiền bạc nên đã coi nhẹ cái khâu tinh thần này. Thậm chí, hầu hết đều mang một quan điểm, cứ để tùy tiện lòng của mỗi người đối với kẻ thù. Tôi cứ cấp súng, giao tiền cho anh để anh đi đánh Cộng Sản. Nếu gia đình anh có nợ máu với Cộng Sản thi anh đánh hăng, nếu không, anh có đánh kẻ hời hợt thì cũng tùy anh.

Chính ngay bản thân tôi, cũng ấm ức cái thắc mắc này. Tôi nhìn chung, bao nhiêu toán biệt kích đi ra miền Bắc, đa số đã vào trại giam miền Bắc, nếu không nói là còn cao hơn nữa. Thậm chí cứ gửi toán này ra, bị mất tích, lại gửi toán khác ra, lại cũng biệt tăm. Vậy mà sau đó vẫn cứ gửi tiếp. Nỗi ấm ức này đã thúc hối tôi cũng đi phỏng vấn đủ thành phần, từ trong Nam xâm nhập vào miền Bắc để hoạt động chống Cộng Sản. Để rồi, tôi được nghe người ta giải thích như một giai thoại nghe mà cười méo cả miệng thế này. Ngay từ khi còn ở các trại Long Thành (Bà Rịa), Mỹ Khê, Sơn Trà (Đà Nẵng) cũng đã có nhiều anh em thắc mắc. Anh em thấy toán nào ra đi cũng thường không về, mà bây giờ đến lần họ lại phải ra đi, cho nên họ đã hỏi thẳng ngay những cố vấn Mỹ này cởi vòng xoắn đó như sau: "Các anh cứ yên tâm ra đi, nếu có bị bắt cũng không sao. Chỉ cần các anh cố giữ lấy cái đầu (nghĩa là đừng chết). Chúng tôi muốn gửi các anh ra đó, để Cộng Sản huấn luyện tư tưởng cho các anh. Sau này tư tưởng của các anh sẽ được tôi luyện già dặn, trở thành sắt thép để chống lại Cộng Sản".

Đành rằng đây chỉ là một lời giả tạo, một lời khích lệ, hứa hẹn để yên lòng người đi nhưng về một khía nào đó, ít nhiều nó cũng có giá trị thực tế. Thực tiễn đã cho thấy, những người càng ở tù lâu trong tay Cộng Sản bao nhiêu, lòng họ càng cứng rắn chống Cộng Sản bấy nhiêu. Có những người lúc ra đi, dù chưa có ý thức chống Cộng Sản, thì rồi cũng trở thành người chống Cộng từ trong máu. Vì vậy, tôi cũng tạm lấy cái ý này, gượng gạo trả lời bác Tiến, Gôm và Nhu, tuy trong lòng tôi lại nghĩ hoàn toàn khác.

Hơn một tuần lễ sau, tối hôm nay, tên cán bộ Y trực trại vừa vào điểm buồng đi ra. Từ gần 3 năm xưa, ngày đầu tôi lên trại, cũng tên Y này đã dẫn tôi vào phân trại E. Khi trở ra trại này, cũng 6 – 7 tháng rồi, mãi hôm nay tôi mới lại thấy y. Vẫn dáng dấp quân sự, với những bước đi dài, dõng dạc, chỉ có khác, cầu vai của y bây giờ mang cái lon thượng sĩ. Dòng tư tưởng của tôi còn đang lãng đãng, bần thần suy nghĩ về tên Y này, bỗng anh chàng Gôm nổi

hứng bất tử, đứng ở giữa buồng cao giọng tuyên bố:

- Đồng bào hãy chú ý: Một nguồn tin nóng hổi vừa thổi vừa ăn à…nghe, tôi vừa mới nhận được 10 phút trước đây!

Nhiều người im lặng quay lại, Hoàng Đức Tùng từ sàn trên nói vọng xuống:

- Nói ngay đi, đang chờ nghe đây!

Để nửa phút cho cả buồng im lặng, bán tín, bán nghi với cái tếu của Gôm, bấy giờ Gôm mới dõng dạc từng lời:

- Một thiếu nữ 17 tuổi đã bắt cóc 4 thiếu niên mang vào rừng hơn 3 tháng nay. Sáng hôm nay mới tìm thấy thì 4 chàng thiếu niên đã bò đi không được.

Gôm tuyên bố xong, quay ngoắt vào nhà cầu để đi đái. Trong khi căn buồng sôi nổi, râm ran lẫn lộn tiếng cười, tiếng nói. Người hỏi thế này, người hỏi thế kia, chả ai nghe rõ cả. Cho đến lúc các tổ vào ngồi sinh hoạt buổi tối. Nhiều anh còn hấp háy, thấp thỏm về câu chuyện 4 cậu thiếu niên, chả biết anh chàng Gôm này nói thực hay nói đùa.

Tôi cũng hiểu Gôm thỉnh thoảng hay tếu, bốc đồng nhưng cũng phải thừa nhận anh ta có cái tài săn tin, nhất là về những mối tình đặc biệt trong cái thế giới nhà tù này. Buổi tối hôm ấy, chẳng còn phải do tôi đến với anh chàng Gôm để tìm cách biết về câu chuyện nóng hổi đó nữa. Rất nhiều người trong buồng, sau khi sinh hoạt xong đã đổ xô đến vây quanh chỗ Gôm, bắt Gôm phải nói rõ sự việc.

Trong một cái xã hội hàng ngàn người, lẫn lộn chính trị, hình sự này. Chả hiểu Gôm đã nhận được một nguồn tin từ một đường dây nào đó thì không biết. Đường dây nào thì cũng không ngoài những bộ phận tự giác, mà trại tù nào cũng phải có. Gôm đã kể nội dung như sau:

Cách đây 3 ngọn đồi và một khoảng rừng già, nghĩa là xa đến 7 – 8 cây số về hướng Tây, có một trại tù thiếu niên tuổi từ 12 đến 17. Trại này có cái tên mỹ miều, tiến bộ để đánh lừa thiên hạ: "Trường phổ thông công nghiệp I", chứa chừng trên dưới 400 em, vừa trai, vừa gái. Con gái chỉ có một phần mà con trai chiếm đến 3 phần. Tuy có hàng rào ngăn chia 2 khu trai, gái ở riêng biệt nhưng bếp chung và học chung một dẫy nhà. Trại nằm chỉ cách 2 cây số bên trái tỉnh lộ Lào Cai với Yên Bái. Trại cũng có ban giám thị và quản giáo nhưng được gọi thay là ban giám đốc và các thầy cô. Một đại đội công an vũ trang, hàng ngày mang súng đưa các em ra ngoài trại lao động. Các em cũng được chia thành tổ, toán. Nửa ngày ở nhà học văn hóa và học nghề rèn, mộc, xẻ; nửa ngày đi lao động trồng khoai, trồng sắn, trồng rau và làm ruộng. Để cho các thầy cô có thể đi sát với các em, và cũng để khác với trại tù một tí, các thầy cô tuy có phòng riêng nhưng cũng ở cùng khu với các em.

Trong một khung cảnh nửa nhà tù, nửa trường học, trai gái lẫn lộn như vậy, cứ hình dung, tưởng tượng thì biết bao nhiêu cậu chuyện xẩy ra hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Nhưng người ta vẫn nói, thèm cái gì thì hay nghĩ và hay nói về cái đó. Những tin tức khác, có thể Gôm đã loại bỏ, mà chỉ chú ý về những giai nhân và những chuyện tình giật gân. Nào là, có thầy giáo cứ mang riêng từng nữ sinh vào rừng tập dậy tập thể dục, để rồi nhiều thầy giáo mất lon, mất việc, có khi phải vào ấp. Nào là, có hai học sinh nhìn thấy cô giáo ngon thơm như múi mít, đang đêm rủ nhau đột kích vào buồng cô giáo, trói tay chân cô giáo xuống giường rồi hè nhau đu đưa trên ngọn cây sầu đông. Trước khi bị trói, cô giáo đã hành động rất thông minh đúng bậc thầy. Trong bóng đêm đã vảy kịp cái bút máy có mực vào những kẻ "ong non ngứa nọc châm chọc hoa rữa", để rồi sáng hôm sau đã tìm ra đích thủ phạm là 2 chú "dê còn buồn sừng thích húc dậu thưa".

Nhưng câu chuyện sốt dẻo được Gôm chú ý nhất là cô Yến Cổ Am, nghe đâu cô là gái của làng Cổ Am, Bắc Ninh. Cô này có đôi mắt một mí và một chiếc má lõm đồng tiền. Đặc biệt, cô có một cơ thể rất nẩy nở của tuổi trăng gần

tròn.. Rất năng động và tháo vát, vì vậy không những cô là toán trưởng của một toán 32 người, cô còn là tự giác của trường nữa. Toán của cô trồng chè và hái chè. Bên khu con trai có 4 cậu choai choai chơi một băng với nhau là Minh Cò, Đạt Chộp, Hổ Mưu, còn một cậu nữa quên tên, tuổi từ 15 đến 17. Chả biết cô Yến Cổ Am hẹn hò,, dỗ dụ làm sao đó, bốn cậu quyết tâm đi theo tiếng gọi của đò đưa để cho cô Yến dẫn lên một ngọn đồi hoang có một căn hầm tăng xê bỏ phế từ thời chống Pháp. Vì cô Yến là tự giác nên đã lén mang được chăn chiếu và một vài thứ đồ dùng tối thiểu cho các cậu ở một nơi cách xa trường đến gần 2 cây số. Thỉnh thoảng đôi ngày, có khi một ngày cô Yến lại mò lên vừa tiếp tế thức ăn vừa cùng các cậu thượng đài giao đấu.

Thời gian cứ thế trôi đi. Trong trường cũng như ban giám đốc đều nghĩ rằng các cậu đã biến về miền xuôi rồi, cho nên cũng chỉ ra lệnh tầm nã thường lệ, vì cả nước đang có chiến tranh chống Mỹ. Câu chuyện, 4 cậu thanh niên trốn trại, dần dần chìm vào quên lãng của thời gian đến nay đã hơn 3 tháng.

Tên Dũng là một hạ sĩ quan vũ trang, 25 tuổi. Tuy đã có vợ, một con ở quê nhà miền Thanh Nghệ, nhưng y làm công tác ở nơi núi rừng heo hút đêm, ngày chỉ nghe thấy gió ngàn rên rỉ, lòng y càng nặng trĩu những lúc gió mưa và những buổi tối trời. Trong những xê dịch, quan hệ của cuộc sống ở trường tù này, đã nhiều lần y nhìn thấy Yến Cổ Am mơn mởn đào tơ. Đêm ngày y dệt chiếc lưới tình mong bủa được con chim Yến làng Cổ Am. Bản tính phóng đãng của con mồi như vậy, nên lưới của y chả cần dệt xong thì con mồi đã ngoan ngoãn chui vào vòng tay của y. Rồi từ đấy, cô gái Cổ Am 17 không phải chỉ bẻ gẫy một sừng trâu mà những 4 -5, để đường đi phải rẽ 3 -4 ngả.

Tên Dũng đã đu đưa nhiều lần trên ngọn cây sầu đông với cô Yến. Y thấy cô Yến có những thời gian, và những hướng đi bất thường nên y lập tâm theo dõi. Vào một ngày đẹp trời có nhiều mây bay, gió thổi, tên Dũng đã theo, rình và bắt tại trận 4 cậu dê non. Tuy cậu nào cũng chỉ còn da bọc xương với những đôi mắt thất thần trắng hếu, vậy mà vẫn hăm hở, lần lượt thay phiên nhau "ấy" với cô gái Bắc Ninh. Thật là chẳng sai, mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo…đồi. Thấy vậy y giận quá! Nếu anh chàng Dũng chịu suy xét, hiểu chuyện đời…là như vậy thì cứ ngậm miệng tiến bước trên con đường đi như cũ. Có thể vì giận nên mất khôn; nhưng có lẽ y tưởng, phát hiện được 4 tên vượt ngục này, vai y sẽ thêm một sao nữa và đảng cũng sẽ tín nhiệm y thêm, nên y đã cấp tốc về báo cáo với ban giám đốc. Thế là cả một tổ chim lớn trên đồi hoang bị bắt gọn, 4 chú "ong non" đã phải vừa đi vừa bò về trại.

Cuối cùng câu chuyện vỡ banh ra hết. Anh chàng Dũng vũ trang có công đã phát hiện được tổ chim, nên chỉ bị lột lon cho về nhà đuổi gà cho vợ. Đến đây câu chuyện của cô Yến Cổ Am vẫn chưa hết. Sáng hôm sau, Nguyễn Văn Gôm được lệnh ở lại trại để gặp cán bộ. Đến trưa, chúng tôi đi làm về thì được biết Gôm đã bị đi kỷ luật rồi. Chúng tôi chưa dám kết luận vì sao, tuy vậy Bùi Tâm Đồng vẫn nói đùa:

- Chắc ban giám thị gửi Gôm vào nhà kỷ luật gặp Lộc hủi để tìm hiểu thêm về cuộc tình giữa Hồng Đào và Hộc hủi.

Hơn một tuần sau, Gôm ôm chăn chiếu trở về buồng, mặt buồn rười rượi nói nhỏ với tôi:

- Mẹ cha nó, chắc thằng Phi tổ tôi chứ không ai. Ban giám thị kết tội tôi làm ảnh hưởng đến tinh thần lao động của trại viên.

Tôi đùa, cũng nói nhỏ với Gôm:

- Họ kết tội như vậy quả không sai, mấy đêm nay tôi vẫn còn mơ màng về câu chuyện của cô Yến Cổ Am đấy, cứ khắc khoải mãi giấc ngủ có yên đâu.

Mặt Gôm còn mệt và xanh tái, vậy mà miệng vẫn toét ra cười:

- Hơn một tuần lễ để chân trong cạm, tôi càng giận thấu xương cô gái làng Cổ Am này. Sau này, nếu tôi gặp một cô

Yến khác nào, tôi sẽ chạy tránh ngay ra xa.

Tôi đã biết tỏng anh chàng Gôm này rồi. Thấy gái như người khát nước thấy quả mơ, nhưng bác Tiến ngồi bên cạnh đã ngạc nhiên, quay lại hỏi Gôm:

- Mình không thích người ta thì thôi, chứ việc gì mà phải chạy ?

Như giũ sạch cái buồn vừa đi kỷ luật về, Gôm đã đon đả:

- Cháu chạy ra xa lấy trớn, để lao vào cho mạnh hơn bác ạ!

Đúng là cái nết, cho kỷ luật chết cũng không chừa.

Chương 48

Ai Đã Cho Shihanouk Ăn ...Cứt Gà Sáp?

Hôm nay, toán 2 đi lao động ở lán mộc thủ công về, vừa vào đến cổng trại đã nghe thấy tiếng loa oang oang, làm cho mặt ai cũng tươi tỉnh hẳn lên. Nhìn thái độ phấn chấn của mọi người, vừa đi về buồng tôi vừa suy nghĩ. Tâm lý con người thật cũng kỳ lạ! Trước đây, tiếng loa cứ nheo nhéo suốt ngày đêm, thì ai cũng đau đầu, nhức óc, chửi nó là "con mẹ chửi thuê đầu đường, xó chợ". Vậy mà bỗng đi không có nó, lại thắc mắc, lại mong. Lòng con người thật cũng khó mà chiều!

Từ mấy ngày trước, có mấy người thợ điện của trại vào mắc hệ thống dây và loa cho các buồng. Nhớ đến Phan Thanh Vân, tôi hỏi thăm mấy anh thợ điện. Khi nghe tôi hỏi, mặt anh nào cũng ngơ ngác, rồi như chợt nhớ ra, một anh đã trả lời lấp lửng: "Hình như Phan Thanh Vân đã được chuyển về Hà Nội gần một năm nay rồi, chúng tôi là những người mới, nên không biết rõ". Thấy họ không biết gì hơn, tôi không hỏi nữa. Lòng tôi cũng thấy vui vui vì đường đi của Vân càng ngày, càng mở rộng mở.

Thảo nào mà chúng mắc đài, mắc dây rối rít cả lên. Dù chúng tôi chẳng còn lạ quái gì nữa, vậy mà vẫn phải nói. Hể khi nào chúng bắt tù nghe đài, đọc báo là tình hình có lợi cho chúng. Còn khi nào đài bị hư, báo bị nghẽn đường v.v... là phải hiểu, chúng đang bị khốn đốn, tình hình đang bất lợi cho chúng. Đài cứ ra rả sáng, trưa, chiều, tối, chúng chưởi bới Nixon là con diều hâu. Về hội nghị Paris chúng chửi Nixon và Thiệu ngu xuẩn và ngoan cố. Chúng sẽ tăng cường sức mạnh để đè bẹp sự ngoan cố, thực dân của Mỹ v.v... Nhân dân thế giới đang sôi nổi ủng hộ chúng. Nhân dân Mỹ phản chiến chống chính phủ Mỹ. Đặc biệt nhất, chúng làm rùm beng nhất là một chiến dịch to lớn quy mô chào mừng hội nghị nhân dân Đông Dương 3 nước Việt, Miên, Lào.

Anh chàng Shihanouk đã bạc đầu ra rồi, mà vẫn hí hửng nhai cứt gà sáp của Cộng Sản. Tôi vẫn hiểu rằng, trước đây, bây giờ và sau này còn nhiều người to đầu, tài ba nữa mà vẫn nhai cứt gà sáp của Cộng Sản huống gì Shihanouk. Cái điều đáng nói là người nào tỉnh sớm và người nào tỉnh muộn mà thôi. Nhưng hầu hết, hoặc đại đa số, khi còn khẩu súng trong tay, khi còn nhiều của cải, sức mạnh đầy đủ, khi còn phây phây, nhởn nhơ ở một nước tự do thì không bao giờ tỉnh. Lúc đó ai cũng nhìn thấy Cộng Sản là một người đạo mạo, hiền từ, yêu chuộng hòa bình trên hết, chỉ chiến đấu cho công bằng và tình người. Chỉ khi nào, ai đó không còn những cái ưu thế ở trên, bấy giờ mới nhìn thấy bộ mặt thực của Cộng Sản là một con quỷ có ngà. Bạn còn vũ khí trong tay, bạn có thể bắn chết nó thì hãy tin chắc chắn không bao giờ Cộng Sản làm mất lòng bạn, chúng sẽ tìm mọi cách ve vãn, nào là hòa bình, tình người, hữu nghị, làm sao cho bạn lỏng tay súng, thậm chí cất súng, bẻ súng đi, lúc đó, bạn sẽ bắt đầu hiểu Cộng Sản, mà mỗi khi hiểu thì thường thường đã muộn.

Sáng hôm nay, nhìn tấm ảnh to tướng ngay ở trang nhất tờ báo Nhân Dân, thấy Shihanouk và vợ (bà hoàng Monic) mặt hớn hở, tươi như hoa, đứng bên cạnh Tôn Đức Thắng và Phạm Văn Đồng. Tôi cầm tờ báo trầm ngâm, nhìn tấm hình, dòng tư tưởng của tôi cứ trào lên vơi đầy. Tôi đặt giả thuyết: những người này, đang hớn hở, ca tụng nhau đây. Nhưng nếu Shihanouk và Monic được toàn quyền quyết định số phận của Tôn và Đồng, tôi tin chắc rằng họ chỉ muốn Thắng và Đồng là bạn, sống thân thiện hòa bình. Ngược lại, nếu Thắng và Đồng được toàn quyền quyết định số phận của vợ chồng ông hoàng Shihanouk, chắc chắn, đôi vợ chồng này phải đi cải tạo, mỗi người mỗi nơi. Vì mục tiêu của Cộng Sản là tiêu diệt các tư tưởng, mọi quan điểm không là Cộng Sản (phi vô sản) nhất là tư tưởng phong kiến, muốn cười cổ nhiều người của mấy ông hoàng bà chúa này.

Khác nhau một trời, một vực như vậy đấy! Shihanouk có hiểu như thế không? Khi Cộng Sản cần ai thì chúng nâng người đó lên tận mây xanh. Shihanouk đến Hà Nội, chúng đón rước như một ông thánh. Chúng trải nhung dọc đường phố trước chủ tịch phủ để Shihanouk đi. Đài, loa ngày đêm ra rả ca bài hát "Nhân Dân Đông Dương" mà chúng bốc thơm rằng đây là nhạc và lời của thái tử Shihanouk, chúng ta dịch sang Việt ngữ. Cả nước, ngoài xã hội cũng như trong tù, mọi người phải tập hát thuộc như bài ca "giải phóng miền Nam".

Mỗi toán đi lao động, đều cử một người biết nhạc ở lại trại, để cán bộ văn nghệ trại phổ biến và tập cho hát ở hội trường. Tối về anh đó lại dậy cho toàn thể toán của mình.

Chuyện hát xướng ở trong tù của Cộng Sản là thường xuyên. Đây là nỗi ấm ức, khổ tâm của nhiều người. Ai cũng thấy, chúng nó đang bắt mình, giam mình ở trong tù, chúng coi mình là kẻ tử thù đối kháng mà chúng vẫn tuyên bố công khai là phải tiêu diệt. Vậy mà hàng ngày phải ngồi ca vang những bài hát ca tụng đảng và bác, mạt sát, chửi bới chính ngay mình. Nếu ai chỉ cần có ý thức một chút thôi, cũng thấy ngượng mồm. Chính vì cái oái ăm, ngược xuôi trong lòng như thế, nên nhiều người mỗi khi phải hát tập thể, ngồi cứ cúi gằm mặt xuống, không chịu hát. Nhưng rồi đâu có yên được. Tên cán bộ phụ trách đứng nhìn, quan sát từng người và bị chỉ đích danh như: Lê Liễu, Quốc Anh, bác Tiến đã bị chúng nạt nộ, hạch hỏi, quy cho là còn tư tưởng phản kháng ở trong máu, trong xương. Cho nên bất kỳ ai, dù không hát cũng phải há mồm, nhóp nhép như mọi người mới yên.

Nhưng phải thừa nhận, cái phương pháp bắt người ta hát mãi một bài. Trên loa, trên đài, mọi người chung quanh đều hát, cứ nghe đi nghe lại cái bản hát đó, lời ca, ý nhạc, nó ngấm, nó luồn, nó lách vào trong lòng mình lúc nào không hay.

Tôi phản ứng từ ý thức, dứt khoát không bao giờ chịu hát hay học những bài ca chó chết đó, nếu chúng nó không bắt tôi phải đứng hát một mình hay hai người. Mà lại chả bao giờ có cái cảnh 1 hay 2 người hát, vì tôi có phải làm văn nghệ đâu, cho nên, hầu như rất ít khi tôi hát những bài ca đó thành lời. Thế mà, sau này tôi thuộc đến gần chục bài hát của Cộng Sản. Để đến nỗi, ở một lúc nào đó, mỗi khi thấy lòng diệu vợi, bâng khuâng, miệng bộc phát lên mấy lời ca ông ổng. Thì lại là lời ca, tiếng nhạc của Cộng Sản. Đã rất nhiều lần, khi óc tôi đang nghĩ một chuyện khác của cuộc đời, tự nhiên tôi hứng tình, hát vang một lời ca trong một bản nhạc nào đó; dần dần hát đến chỗ "diệt đế quốc Mỹ, diệt lũ tay sai bán nước", hoặc lại "Hồ Chí Minh muôn năm" thì óc tôi chợt mới tỉnh, tôi vội bẻ quẹo sang một điệu nhạc, lời ca của miền Nam thân yêu. Tôi vẫn bị vấp như vậy nhiều lần. Thế mới kinh khủng chứ!

Ngay như bài ca "Nhân Dân Đông Dương". Sau đến hơn 20 năm mà tôi vẫn có thể nhớ ra được một đoạn: "Ta hát bài ca, đi lên chúng ta bên nhau Việt, Lào, Khme anh em. Cùng chung dòng sông…Mêkông đắp xây mối tình…kết đoàn chống kẻ thù chung. Hôm nay đánh Mỹ…sát vai cùng nhau đấu tranh…Ta nguyền đồng tâm gìn giữ núi sông…Chung xây hòa bình … giữ gìn đất nước chúng ta…Sáng tươi dưới trời tự do…".

Nó dễ thuộc, dễ nhớ mãi không quên như bài "Giải Phóng Miền Nam" của chúng vậy. Bài "giải phóng" này do Huỳnh Minh Siêng, mà Siêng lại là Lưu Hữu Phước, tác giả bài "Tiếng Gọi Sinh Viên", sau được đổi thành bài Quốc Ca kính

yêu của chúng ta. Bởi vậy, tôi tin rằng: bài "Nhân Dân Đông Dương" là của Lưu Hữu Phước rồi Cộng Sản gán cho Shihanouk, vừa để đề cao bốc thơm, lấy lòng y, lại vừa có ý nghĩa chính trị nữa.

Đã lâu lắm, từ ngày chuyển ra trại này, do những kéo lôi của nhiều khía cạnh trong cuộc sống tù, tôi chưa hề nghỉ một ngày bệnh nào. Vả lại hôm qua, nhờ ông Tụ, tôi đã mượn được cuốn "Tư Bản Luận" của Marx cho nên sáng nay tôi quyết định xin nghỉ ốm một ngày để đọc cho đã.

Vấn đề nghỉ ốm trong toán cũng thật là tế nhị. Do cái tỷ lệ 2 phần trăm quái ác, chẳng biết có từ bao giờ, vì thế toán nào, hàng ngày cũng chỉ được nghỉ từ 1 đến 2 người là cùng. Bởi vậy phải biết nhìn nhau mà xin nghỉ ốm. Trừ những người bị ốm nặng đặc biệt không kể, hoặc những tai nạn đột xuất. Cho nên, cứ trung bình một tháng rưỡi nghỉ một lần là biết điều. Anh nghỉ rồi còn cho người khác nghỉ nữa chứ! Anh nghỉ hôm nay rồi, mai lại xin nghỉ nữa thì ngay y tá trại cũng không cho anh nghỉ rồi, huống chi còn ở toán nữa. Anh muốn nghỉ bệnh, ngay lúc kẻng báo thức 5 giờ, phải đến chỗ toán trưởng báo cáo, xin ghi tên vào sổ khám bệnh. Người xin ghi tên thường phải báo cáo to để cả buồng cùng nghe; để người khác định nghỉ thì tự thôi để ngày khác.

Sau đó, người xin nghỉ nhờ người khác đặt rổ hay bát lấy bữa sáng dùm rồi cầm cuốn sổ, có toán trưởng đã ghi tên mình, chờ cán bộ vào điểm xong, hộc tốc chạy xuống phòng y tá ở dưới khu nhà bếp để đặt lấy chỗ, đợi cho tới khi y tá gọi tên toán mình vào khám bịnh. Nếu như vì lý do nào đấy y tế không cho nghỉ thì vội vàng về mà ăn sáng, còn xếp hàng theo toán đi lao động.

Cuộc đời mà, bất cứ ở đâu cũng vậy. Nguyên tắc là như thế, nhưng nó vẫn có luật trừ. Chẳng bao giờ có sự công bằng theo đúng nghĩa cả. Vẫn có cái cảnh người thì ăn không hết, người lần không ra. Khi tôi cầm cuốn sổ chạy xuống tới phòng y tế, thì đã có hàng 30 – 40 người ở mảnh sân con xếp hàng, đang chờ sát cạnh phòng y tế. Hình sự lẫn chính trị, kẻ đứng người ngồi; người khoác chăn, người quấn áo. Sau khi tôi đặt sổ xong, cũng ra tìm một chỗ ngồi chờ. Tôi đang lơ đãng đưa mắt nhìn những hàng cây trên chỏm đồi phía bên kia vẫn còn rúc đầu vào đám sương sớm thì tiếng quát tháo trong phòng y tế làm tôi tiến lại nhìn vào. Không ngờ, y ta lại vẫn chính là tên Thái từ trong trại E. Một bác già, hình như ở toán 6 bên khu chính trị đang nhăn nhó, nằn nì với y xin cho nghỉ vì bác bị đi ỉa chảy suốt đêm qua. Tiếng Thái đanh đanh:

- Tôi nói, không được là không được. Đây chỉ là xáo trộn của bộ tiêu hóa, về uống ít nước đi là khỏi!

Bác già cuốn sổ đi ra, mặt nhăn như bị. Lại một cậu hình sự chừng 21 – 22 tuổi. Hai chân lều khều như chân con hạc, khoác chiếc chăn rách, cứ van xin y cho nghỉ, vì cậu ta bị sốt cả đêm qua. Tiếng Thái gắt gỏng:

- Cặp nhiệt không lên, về đi làm!

Đến lượt toán 2, tôi tiến vào. Thái, ngửng lên thấy tôi, đã vồn vã thăm hỏi. Khi biết tôi không có bịnh gì, mà chỉ mệt, muốn xin nghỉ một ngày. Y đon đả bắt tay, bảo tôi về nhà nghỉ đi. Khi tôi ra tới cửa buồng, y còn ghé tai nói nhỏ:

- Nếu mai anh còn mệt, muốn nghỉ nữa thì cứ ghi tên vào sổ bệnh, mà không cần phải xuống nữa.

Tôi cảm ơn và chào y ra về. Dòng liên tưởng của tôi cứ cuộn vào trong óc, hằn rằng Thái chưa quên được trận tôi đánh tên Tân trật tự ở trại E và thái độ của Hoàng Thanh đối xử với tôi. Một tiếng thở dài mà tôi cố nén lại cứ rỉ dần ra. Đời là thế! Người ta làm cách mạng, người ta đi chiến đấu để đòi hỏi sự công bằng cho xã hội. Nhưng người ta lại không làm cách mạng, không chiến đấu với sự bất công ngay trong lòng của chính mỗi người. Bởi vậy, sự bất công trong xã hội loài người cứ còn tồn tại mãi mãi; mặc dù rồi đây còn nhiều thế hệ khác sẽ vẫn còn chiến đấu với sự bất công của con người.

Chương 49

Vinh Danh Người Nhái

Khi các toán đã đi lao động rồi, trại vắng teo, mỗi buồng chỉ còn lèo khèo mấy người mệt, bịnh. Tôi ngồi đọc sách một lúc, mỏi cả mắt. Đang định ra sân làm vài động tác thể dục cho đỡ mỏi người thì mắt tôi chợt nhìn xuống sàn dưới, phía đối diện, thấy một anh ngồi thụt mãi vào trong góc sàn. Anh ngồi xổm, quấn chặt cái chăn chỉ thò ra đầu và 2 con mắt. Mắt anh cũng đang ngước nhìn tôi đăm đăm, ánh lên niềm vui chào đón; trong khi tôi cũng tươi nét mặt nhìn, để đáp lại nhã ý của anh, lòng tôi vẫn bàng bạc, ngạc nhiên: Anh là một trong bốn Người Nhái mới đến trại, anh cũng ở toán 2. Sáng nay, rõ ràng không thấy anh xuống y tế khám bịnh mà? Tuy trong lòng tôi hơi băn khoăn, nhưng chưa tiện hỏi. Tôi trèo xuống, ghé sang chỗ anh đon đả:

- Có biết hút thuốc lào không?

Anh mở chăn, xoay hẳn người ra niềm nở:

- Có, hút kỹ ấy chứ!

Nhìn 2 cái đầu gối của anh ngồi, cao gần chấm tai anh. Anh mặc mỗi chiếc quần đùi, do quần dài cũ của trại xé ra, nên gấu quần lởm xởm, lua tua. Thảo nào, anh phải quấn chăn. Ngay từ những phút ban đầu, chả hiểu sao tôi cảm thấy rất mến anh, và hình như anh cũng dành cho tôi lòng thiện cảm đặc biệt. Nghe giọng nói của anh hơi một chút cợn, để rồi khi biết tên anh là Lầu Chí Chăn, người Nùng. Tôi lại hân hoan ca tụng giọng nói tiếng Kinh quá sõi của anh. Còn một điều nữa, anh có một người mẹ già, hiện đang sống ở vùng cây Da Sà, Chợ Lớn. Người mẹ đó vẫn ngày đêm mỏi mòn ngóng chờ người con trai đã đi phương trời nào mất tăm, cũng tương tự giống tình cảnh mẹ của tôi.

Sau vài câu thăm hỏi, tôi đã hiểu, hai ngày trước anh bị đi kiết ra máu. Đêm qua mới cầm, vì vậy y tá cho anh nghỉ thêm ngày hôm nay. Rất lạ lùng là chỉ hơn một giờ sau, chúng tôi đã thân nhau ngay. Cả ngày hôm ấy, tôi đã chả đọc được tí sách nào. Tôi trèo xuống sàn dưới, hai anh em nằm đắp chăn chung, trao hỏi chuyện cuộc đời. Từ vài câu han hỏi lúc Chăn bị bắt, câu chuyện cứ gợi dần trí tò mò của tôi. Cuối cùng, không dằn được lòng, tôi đã đề nghị Chăn hãy tường thuật lại từ lúc bắt đầu vào ngành Biệt Hải cho tới khi bị bắt. Do lòng thiện cảm đã có sẵn với tôi, phần khác, có lẽ cũng muốn cởi mở một mảnh đời cho một người đang háo hức, chăm chú lắng nghe, vì vậy sơ lược, Chăn đã kể lại đời Chăn như sau:

Là một người dân tộc thiểu số nhưng cũng là người Việt, tuy gia đình anh vẫn dùng tiếng Quảng Đông là chính, quan điểm của Chăn: đây là cũng là quê hương Tổ Quốc của Chăn. Chính vì thế, khi có một chút trí khôn, hiểu biết, anh đã xin vào một trường Kinh để học chữ quốc ngữ. Cũng do học ở trường Việt nên Chăn quen biết rất nhiều bạn bè người Kinh.

Ngay từ lúc còn 9 – 10 tuổi, (từ đây là lời tâm sự của Chăn) tôi có một ông chú họ trên vùng Blao. Mỗi lần, ông chú xuống Chợ Lớn để thăm bố mẹ tôi, thường dẫn tôi đi chơi. Ông rất thương tôi và tôi cũng yêu kính ông như cha.

Khoảng năm 1959, vào một ngày Chủ Nhật, đột nhiên có người con trai của ông chú từ Blao xuống báo cho biết một tin rụng rời: Bố đã bị Cộng Sản đem ra phía sau nhà chặt đầu đêm hôm qua. Từ lòng mến thương người chú, một ý niệm đã hằn sâu vào bộ óc ngây thơ của tôi. Tại sao Cộng Sản dã man, tàn ác thế? Dù còn mơ hồ chưa rõ ràng, nhưng tôi đã thấy Cộng Sản là kẻ phi nghĩa. Nếu tôi luyện được những bí kíp như những cao thủ trong truyện chưởng, tôi sẽ đi tiêu diệt Cộng Sản.

Sau này, càng ngày càng lớn lên, tôi nhìn thấy chung quanh, có nhiều bạn bè người Kinh cũng như người Nùng xin gia nhập quân đội để đi đánh Cộng Sản; lòng tôi càng háo lức thăm hỏi đó đây. Cuối năm 1963, lúc này tôi đã 21 tuổi. Do cơ thể cường tráng, cao lớn, lại rất thích bơi lội nên tôi đã nhờ một người Kinh, giới thiệu để tôi xin gia nhập lực lượng Người Nhái. Do sự nỗ lực, quyết tâm của tôi, tôi vẫn kiên trì làm nhiều thủ tục theo yêu cầu, nhất là khâu khám sức khỏe. Kết quả, đầu tháng 2 năm 1964, tôi được tuyển chọn đưa ra Đà Nẵng để dự lớp huấn luyện.

Huấn luyện gồm nhiều môn, nhưng chủ yếu là tình báo và phá hoại. Theo lịch trình thời gian sẽ học tập, huấn luyện trong vòng 8 tháng. Sau đó sẽ được huấn luyện bổ túc theo yêu cầu của mỗi chuyến công tác khác nhau. Trong thời gian huấn luyện được chia làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn I.

Gồm 6 tuần lễ, chuyên về thể dục, thể thao để thử nghiệm thể lực và sức chịu đựng dẻo dai của mỗi khóa sinh trong môi trường ở rừng núi cũng như ở biển cả. Trong 6 tuần này, có một tuần lễ cuối cùng, được gọi là "tuần lễ địa ngục". Phải nói rằng gần như 24/24 thời gian của một ngày không được ngủ, nghỉ ngơi.

Huấn luyện viên được chia làm 3 tốp, thay phiên nhau để quần thảo khóa sinh. Họ cũng được chia thành 3 ca, mỗi ca 8 giờ. Không kể ngày hay đêm, bắt khóa sinh phải liên tục chạy, nhẩy, tập tành tối đa. Trong tuần lễ địa ngục này, có rất nhiều khóa sinh bị loại. Nếu khóa sinh nào vượt qua được tuần lễ gắt gao này thì được coi như tạm đủ tiêu chuẩn để tiếp tục theo học giai đoạn II. Tuy vậy, vẫn còn một trường hợp nữa, khóa sinh cũng sẽ bị loại. Nghĩa là, khóa sinh nào đã vượt qua tuần lễ địa ngục, đều phải được thử đeo bình dưỡng khí với một độ áp suất và thời gian nhất định. Nhiều người bị đau màng nhĩ nên cũng bị loại luôn.

Giai đoạn II.

Gồm tình báo và phá hoại. Huấn luyện viên lẫn lộn Việt và Mỹ. Trong mỗi tuần lễ, dành 2 buổi cho huấn luyện viên Việt Nam, chuyên về tình báo. Tìm hiểu về sự tổ chức của xã hội Cộng Sản miền Bắc Việt Nam, từ nông thôn cho tới thành thị. Nhất là về mạng lưới tổ chức, bố phòng của bọn công an biên phòng dọc theo bờ biển Bắc Việt. Học cách khai thác tin tức từ một người dân thường cho đến một cán bộ nồng cốt của Cộng Sản.

Phần huấn luyện viên Mỹ chuyên về kỹ thuật phá hoại, bắt cóc và cấp cứu từ trong lòng đất địch. Mở đầu huấn luyện, học sử dụng từ súng cá nhân cho đến súng lớn 106mm, mìn và các loại chất nổ. Học cách tự chế biến các kiểu mìn bằng chất nổ theo ý muốn, để phá hoại các mục tiêu ở đất liền cũng như nằm sâu dưới nước. Huấn luyện phương pháp đột nhập, bắt cóc bộ đội, cán bộ hay tự cấp cứu ngay trong đất của kẻ thù. Học sử dụng và bảo trì một số dụng cụ máy móc để phục vụ công tác.

Giai đoạn III.

Ôn tập lại toàn bộ những điều đã được học từ đầu. Phối hợp, thực tập với bên lực lượng của bạn là Hải Tốc Đĩnh (P.T.F.) là một loại chiến hạm nhỏ chạy với tốc độ khá cao. Giai đoạn này, loại PTF thường xuyên công tác ở hải phận Bắc Việt. Thực tập mang bình dưỡng khí nhảy dù xuống biển theo tọa độ, để lặn tới mục tiêu…

Nói về thời gian và những chi tiết của từng chuyến công tác thì tôi không thể nhớ hết được. Nhưng chắc chắn là không dưới 20 chuyến công tác xâm nhập vào hải phận Bắc Việt kể từ ngày tôi gia nhập lực lượng Người Nhái cho tới chuyến đi định mệnh này. Tôi sẽ kể về một vài chuyến công tác mà tôi nhớ được cho anh nghe. Cái chuyến công tác đầu tiên thì không thể nào tôi có thể quên được. Đó là vào cuối tháng 11 năm 1964.

Tôi được ghép chung với 2 người nữa thành một tổ 3 người. Hai anh này là Zếnh và Minh. Các anh đã đi công tác nhiều lần xâm nhập bờ biển miền Bắc rồi. Ngay trong tháng 6 vừa qua, lúc chúng tôi còn đang dự lớp huấn luyện, hai anh đã được PTF phối hợp đột nhập vào vùng bờ biển Thanh Hóa. Bất ngờ, các anh đã dùng hỏa lực mạnh, tiêu diệt toàn bộ lực lượng dân quân gác chiếc cầu Hổ, rồi đặt chất nổ phá gục chiếc cầu này. Chiếc cầu dài gần 100 mét trên quốc lộ số I thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa.

Chuyến công tác thành công mỹ mãn của hai anh trở về được anh em nồng nhiệt đón chào. Hôm sau, trại mở tiệc mừng, chúng tôi là khóa sinh mới cũng được dự.

Vì là lần đầu, nên tôi được đi với hai anh để học hỏi kinh nghiệm. Nhiệm vụ được giao cho tổ chúng tôi trong chuyến công tác này là phối hợp với PTF xâm nhập vào lãnh hải Bắc Việt. Bắn phá một trạm rada nằm cạnh bờ biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An. Sau đó, PTF sẽ khống chế và yểm trợ để 3 chúng tôi đột nhập bắt một số thủy thủ thuộc các đội đánh cá của tỉnh Thanh Hóa đem về Nam làm tài liệu sống để khai thác một số tin tức về tình báo địa phương.

Khoảng 10 giờ sàng, lúc này mặt trời đã chói chang trên khung trời Đà Nẵng. Chúng tôi gồm 2 chiếc Hải Tốc Đĩnh, nổ mày rời khỏi Đà Thành. Hai chiếc tầu hình con thoi xé nước tiến ra cửa biển hướng về phía Bắc. Nhìn cảnh vật hai bên bờ sông Hàn, tôi có cảm tưởng 2 con tầu như 2 con chó sói đang hồng hộc lướt nhanh trên mặt tuyết bao la để săn đuổi con mồi. Ra đến biển khơi, giữa muôn ngàn lớp sóng bạc đầu, tôi nhìn chiếc PTF đi chéo phía bên; trông nó như bay sát trên ngọn những lớp sóng cồn với tốc độ 30 -40 dặm một giờ. Để tránh rada và tầm nhìn của địch, tầu của chúng tôi đi mãi ngoài khơi cách bờ 50 – 60 cây số.

11 giờ đêm hôm ấy, như vậy chỉ sau 13 tiếng đồng hồ, tầu chúng tôi đã tới mục tiêu. Bất ngờ 2 chiếc PTF bẻ lái tiến vào bờ. Trong đêm tối, khi còn cách giàn rada của địch 3 – 4 trăm mét. Hỏa lực của chúng tôi là những mũi súng 106mm và 20mm, bắt đầu khạc lửa vào mục tiêu. Tuy có vài tràng đại liên bắn trả nhưng chả thấm gì với hỏa lực của tầu chúng tôi. Chỉ 5 phút sau, cả một vòng lửa lớn, đỏ ối, sáng rực đã bao trùm mục tiêu. Trong khi ở ngoài khơi, nhiều chiếc tầu đánh cá của địch nhốn nháo tháo chạy vào phía đất liền.

Do 2 chiếc PTF kèm uy hiếp, một chiếc tầu đánh cá của địch đã chịu trận. Với những thao tác, nhuần nhuyễn chuyên môn, 3 chúng tôi lao nhanh sang tầu đánh cá. Tước hết vũ khí và lần lượt giong họ về tầu của chúng tôi. Họ gồm 9 người, bao gồm cả thuyền trưởng. Để giữ an toàn tuyệt đối, chúng tôi phải trói cả 9 người lại. Trước khi rút lui, chúng tôi không quên dìm con tầu đánh cá của địch xuống đáy biển.

Với thời gian chớp nhoáng, từ lúc bắt đầu nhả đạn vào giàn rada cho tới khi bắt gọn đám thủy thủ của chiếc tầu đánh cá chỉ trong vòng 20 phút. Tôi vẫn không quên được, do cái bản tính tiểu tư sản, quân tử Tầu mà nhiều người trong chúng ta đều có. Khi kẻ địch thất thế bị bắt trong tay mình rồi, tình người của tôi lại trỗi dậy. Trước những bộ mặt tái mét, run rẩy của họ, tôi đã bóc từng múi cam đút vào miệng cho họ vì tay họ bị trói. Tôi đốt từng điếu thuốc, cầm cho từng người hút. Tôi còn nhớ rõ cái ông thuyền trưởng tên là Đán, đã thổn thức, ngập ngừng nói với tôi:

- Anh tử tế quá!

Tóm lại, chuyến công tác buổi đầu của tôi hoàn toàn thành công. Từ năm 1965 trở đi dường như tháng nào tôi cũng có mặt, ít nhất là 3 lần tại bờ biển miền Bắc, từ vĩ tuyến 17 cho đến đảo Bạch Long Vĩ. Thường, thường, với nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với PTF để phong tỏa, bắn phá các mục tiêu quân sự dọc theo bờ biển từ Quảng Bình cho đến Móng Cái. Đôi khi, đổ bộ do thám và dùng chất nổ để phá một số trạm tiếp tế nhiên liệu. Đây là những trạm dừng chân, chuyển đổi để địch mang nhiên liệu, tiếp tế vào Nam.

Tôi nhớ một chuyến vào khoảng tháng 5 năm 1965. Toán của tôi gồm 6 người được chỉ định đi công tác, gồm có: Quý, Tăng, Văn, Bằng, Hoa và tôi. Ngay từ tối hôm trước, huấn luyện viên đã thông báo giờ giấc, chúng tôi phải

mang đầy đủ vũ khí, quân trang, đồ nghề có mặt tại phòng hành quân. Sau khi nghe thuyết trình xong, chúng tôi được chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm 3 người. Chúng tôi được nhận thêm hơn mọi khi 2 cây đại bác không giật 106mm và 6 thùng chất nổ.

Mục đích của chuyến công tác này là phối hợp với PTF nhằm tiêu diệt và bắt sống một số tàu, thuyền. Tin tình báo khai thác được từ những cái lưỡi sống cho biết: Hải quân Việt Cộng đã ngụy trang thành thuyền đánh cá hoặc vận tải để tránh sự oanh kích của không quân Hoa Kỳ. Mặt khác, chúng rình rập ngày đêm để chuyển vũ khí đạn dược vào Nam cho đồng bọn.

Xuất phát điểm cũng từ hải khu Đà Nẵng. Chuyến công tác này của chúng tôi gồm 3 chiếc PTF. Toán tôi được bố trí xuống 2 chiếc, mỗi chiếc 3 người. Còn lại chiếc thứ 3 dành cho người của toán bạn. Tầu rời bến từ lúc giữa trưa, cho đến chiều, chúng tôi đã vượt qua hòn Cơ (tức hòn Cọp). Vào khoảng 12 giờ đêm, chúng tôi được lệnh sẵn sàng chiến đấu. Chỉ 5 phút sau, chiếc PTF đi đầu đã khai hỏa nổ súng bắn chặn một trong hai chiếc tầu của địch đang mở hết tốc lực, chạy về hướng có tầm hỏa lực yểm trợ của bọn chúng ở trong đất liền đang bắn ra.

Chiếc PTF đi đầu vẫn tiếp tục bám riết, nổ súng truy kích chiếc tầu địch đã trốn thoát vào bờ, đồng thời vẫn làm công tác yểm trợ, cảnh giới để 2 chiếc còn lại khống chế và dùng lao phóng thanh, hướng về chiếc tầu địch đang trong vòng vây ở ngoài khơi. Kêu gọi địch quân hãy bỏ hết vũ khí lên boong tầu và để 2 tay lên đầu. Bọn chúng trong thế cùng đã làm y như vậy, theo lệnh của tiếng loa. Với ngọn đèn pha cực mạnh của 2 chiếc PTF, chúng tôi có thể nhìn rõ từng động tác một của chúng. Văn, Bằng và tôi đang chuẩn bị với tư thế nhẩy sang tầu địch, kiểm soát, bắt tù binh và đặt chất nổ phá tầu. Thình lình, ngay lúc đó, một tia chớp nhoáng lên, xanh cả mặt biển. Một tiếng nổ xé tai gần ngay cạnh chúng tôi, thân tầu của chúng tôi run lên. Biết rằng có phản biến, ngay tức khắc, các họng súng của chúng tôi đồng loạt khạc lửa trùm lên tầu địch. Bọn đứng trên boong, không còn tên nào lọt sổ, ngay sau mấy chục giây đầu tiên. Sau 3 – 4 phút chiến đấu, tầu địch phát nổ tung. Ngọn lửa bốc cao rồi chìm dần, toàn bộ bọn chúng đã bị đền tội.

Phía chúng tôi, trên mỗi chiếc PTF có từ 10 đến 12 người, chỉ có 2 người bị thương. Một người, bị đạn làm rách một mảnh đùi, một người bị xước vai, chảy máu do một mảnh kính vỡ của tầu bắn vào. Tầu chúng tôi bị thủng một lỗ, đường kính vở khoảng 12 inches. Phòng rada bị phá hủy, nhưng rất may mắn, 2 buồng đầu lớn nằm sát ngay đấy lại không bị nổ. Lỗ thủng ở phía trên mặt nước nên tầu vẫn tiếp túc chạy được. Toàn bộ nhân viên trở về Nam an toàn.

Thấy Chăn nói đã nhiều, phần khác, tôi lại vứa thèm thuốc, lại vừa mót đi tiểu, tôi hất chăn ra, vừa nhỏm dậy vừa quay lại Chăn:

- Mình đi giải lao đã, đi đái đi?

Chăn gật đầu rồi lồm cồm bò dậy. Thấy Chăn lúng túng, định với tay lên cái kệ gỗ trên phía đầu sàn để lấy cái quần dài mặc, tôi đẩy tay vào lưng Chăn:

- Vẽ vời, đây ra nhà cầu, cần gì! Khoác cái chăn cũng được rồi.

Tôi nhìn Chăn đang đứng xuống đất để cuộn cái chăn vào người, vừa gầy, vừa cao nên cái dáng lại càng khều khoào, đôi chân hơi khòng như chân gấu, tôi nói đùa:

- Chăn lại khoác chăn!

Chăn cười khềnh khệch. Ra đến ngoài mới biết, mặt trời đã lên cao đến 3 con sào. Chắc cũng khoảng 9 rưỡi, 10 giờ rồi. Trở vào buồng, hai anh em rủ nhau lúi húi bắn một điếu thuốc lào cho đời lên hương. Hai đứa lại nằm bên nhau,

trong khi còn đang loay hoay hất cái chăn cho kín cả 4 cái chân, tôi chợt nghĩ đến một người, tôi quay lại hỏi Chăn:

- Này, thế Chăn có biết ông Phan không?

Chăn quay hẳn sang, mở to mắt nhìn tôi, ánh mắt đầy ngạc nhiên như muốn hỏi: "Tại sao tôi lại biết Phan?" Tuy vậy sau một vài giây ngập ngừng, Chăn vẫn trả lời:

- Ồ, ông Phan là người phụ trách chung về tình báo ở Đà Nẵng.

- Chăn có gặp ông ta lần nào không?

- Ông ta có xuống trại mấy lần. Nhóm tôi cũng đã ăn cơm chung với ông ấy một lần.

- Chắc hẳn, bây giờ là thiếu tá rồi?

- Đúng rồi, tuy ông Phan chỉ mặc thường phục, nhưng có lần đại úy Đoàn Hùng phụ trách trại tôi, chào là thiếu tá Phan.

Nghe Chăn trả lời, óc tôi miên man chảy về những cảnh đời ngày xưa đã 9 – 10 năm rồi. Bây giờ Phan là như vậy. Hẳn rằng chẳng có khi nào, Phan còn nhớ lại một thanh niên; trong một chiều mây buồn lãng đãng ở Đà Thành năm xưa, Phan đã tiễn đưa người ấy vào vùng gió xoáy của cuộc đời. Bây giờ người thanh niên ấy còn hay mất, u uất trong đêm dài ra sao? Dòng đời đã khép kín. Đẩy sâu vào hố thẳm của thời gian, Phan đã quên mất rồi. Tôi lắc lắc cái đầu, như muốn vẩy, muốn xua những trong đời không muốn nhớ.

Để góp phần đẩy, xô những hình ảnh làm tím thẫm lòng mình tan vào mây gió, tôi quay sang Chăn nói như giục:

- Bây giờ Chăn cho nghe tiếp chuyến đi định mệnh này đi!

Chăn đang nằm ngửa, mắt trừng trừng nhìn lên những tấm ván của sàn trên. Hình như mắt Chăn đang dõi tìm về một chân trời, có những cảnh đời nhiều hương sắc của mảnh đất Ngũ Hành Sơn. Chăn quay lại nhìn tôi, ngập ngừng một lúc, rồi lại xoay đầu nhìn về chỗ cũ của mấu tấm ván, Chăn tiếp tục:

Ngày mồng 6 tháng 6 năm 66, cái ngày định mệnh cuộc đời của bốn chúng tôi. Chúng tôi gồm: Vòng Hợp Văn, toán phó; Lý Giòng Slau, toán trưởng, Dương Long Sang và tôi là toán viên. Tất cả là 4 người. Chúng tôi được chỉ định đi chuyến công tác này, địa điểm và mục tiêu của công tác, chúng tôi đã đi 2 lần rồi. Để rồi lần này (lần thứ 3) đã đi thẳng một lèo, vào nhà tù của Cộng Sản.

Lần thứ nhất: Tầu chúng tôi đi gần đến điểm đổ bộ thì đột ngột có lệnh của bộ chỉ huy, gọi tầu của chúng tôi phải quay về.

Lần thứ hai: Cũng gồm 3 tầu PTF. Khi tầu đến điểm đổ bộ, chúng tôi đang chuẩn bị rời tầu để tiến vào mục tiêu thì chiếc tầu của tôi không hiểu vì sao đó, bỗng nhiên bị phát hỏa. Máy móc của tầu không thể sử dụng được nữa. Mục tiêu đổ bộ bị lộ, chúng tôi quyết định phải quay về, hủy bỏ công tác.

Đêm ngày 6/6/66. Chúng tôi lại được chỉ định đi tiếp chuyến cống tác đã phải bỏ dở 2 lần trước. Nhiệm vụ chính của công tác là do thám, quan sát và chụp ảnh một hải cảng mới, thường có tầu của nước ngoài hay ra vào.

Tôi còn nhớ rất rõ, vào một ngày Chủ Nhật, hôm ấy, chúng tôi một nhóm 4 người lái xe sang thành phố Đà Nẵng

chơi. Một lúc sau, một anh trung sĩ liên lạc, lái chiếc xe jeep sang tìm chúng tôi về, vì có lệnh cấm trại 100%. Chúng tôi đã từ chối không trở về trại, chỉ vì huấn luyện viên trực tiếp của chúng tôi là ông Brawne đã đi nghỉ mát 2 tuần ở Hồng Kông. Trước khi đi, ông ấy đã căn dặn 2 – 3 lần với chúng tôi: "Trong thời gian tôi đi Hồng Kông, không một ai có thể điều các anh đi bất cứ nơi nào, mà không có sự ủy nhiệm của tôi". Vì vậy chúng tôi dứt khoát, không về trại.

Đến buổi chiều, lại có 2 người Mỹ cũng đi một chiếc xe jeep, sang gặp chúng tôi. Một trong 2 người này, tôi biết rõ, ông ta làm việc ở bên khu trại Bạch Đằng, Đà Nẵng. Trước đây, ông này thường đi thực tập với tôi. Còn lại người Mỹ kia, rất lạ với chúng tôi. Ông ta tự giới thiệu với chúng tôi, ông ta mới đến đây được 2 ngày; hiện nay, ông là trưởng huấn luyện viên của chúng tôi, thay thế ông Brawne đã trở về Mỹ. Sau đó ông ta nói chuyện với chúng tôi rất là tâm lý. Ông ta nói rằng, trước khi đến gặp chúng tôi, ông ta đã nghiên cứu nhiều lần, rất kỹ về quá trình những công tác của chúng tôi. Ông ta hết sức khen ngợi về những thành tích mà chúng tôi đã tháo vát, linh hoạt, dũng cảm đạt được. Cuối cùng, ông khuyên chúng tôi hãy trở về trại, rồi thì sẽ có cuộc họp riêng với ông ta…

Buổi tối hôm ấy, chúng tôi bốn người được gọi lên văn phòng, để gặp cái ông Mỹ đó, người huấn luyện viên mới của chúng tôi. Ông ta tỏ ra là một người khá giầu kinh nghiệm về tâm lý con người. Ông ta khêu gợi lòng ham muốn tang bồng, hồ thỉ của người con trai; đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, dân tộc. Chỉ sau hơn một giờ, ông ta thuyết phục, chúng tôi đã hăm hở, tự nguyện nhận đi công tác, bất cứ khi nào mà kế hoạch yêu cầu.

Ngay từ 7 giờ sáng, ngày 6/6/66, chúng tôi bốn người đều hân hoan chuẩn bị hành trang, vũ khí để đi công tác. Thường ngày, mỗi buổi sáng chúng tôi phải tập thể dục, thể thao và bơi lội một tiếng rưỡi đồng hồ, nhưng hôm đó, chúng tôi không phải tập thể dục theo toán.

Nói là chuẩn bị chứ thật ra, chả có cái quái gì phải chuẩn bị cả, vì rằng công tác đối với chúng tôi đã như cơm bữa rồi. Về tất cả những thứ cần thiết, để đi công tác thì đã có những bộ phận khác lo sẵn. Điều quan trọng nhất của chúng tôi, là ổn thỏa về mặt tinh thần là xong hết. Cũng như mọi khi, chúng tôi rời bến tại hải khu Đà Nẵng, vào lúc gần trưa ngày 6/6/66.

Đoàn tầu gồm 3 chiếc PTF. Trên đường đi đến mục tiêu, bốn anh em chúng tôi đã bàn thảo, sắp xếp và xác định lại một lần nữa, những công việc phải làm, của từng người. Chúng tôi cũng lần lượt kiểm tra lại tất cả những vật dụng, mà chúng tôi cần phải mang theo.

Khoảng 1 giờ sáng, ngày 7/6/66 thì đoàn tầu đã đưa chúng tôi đến điểm đổ bộ. Chuyến công tác này, người trực tiếp đi theo trên Hải Tốc Đĩnh, tiễn đưa chúng tôi là đại úy Đoàn Hùng. Ông này là trưởng trại Mỹ Khê, thuộc sở phòng vệ duyên hải. Trước khi chúng tôi rời tầu mẹ, ông Hùng lần lượt bắt tay từng người của chúng tôi và chúc tụng. Làm sao tôi quên được cái buổi chia tay chẳng muốn nhớ ấy. Theo kế hoạch đã quy định, chúng tôi lợi dụng đêm tối sẽ bí mật bơi vào một khu rừng non an toàn, ở gần ngay bờ biển. Một ngày trời ở đấy, để chúng tôi chụp ảnh những tầu bè của địch ra vào và quan sát, do thám mục tiêu.

1 giờ đểm hôm sau, tầu PTF sẽ lại ra đón chúng tôi, ở ngoài khơi theo những tín hiệu của máy hồng ngoại tuyến. Chính vì vậy nên đại úy Hùng, lúc chia tay đã ân cần hỏi chúng tôi:

- Mai, khi chúng tôi ra đón, các anh cần ăn gì, tôi sẽ mua cho?

Tôi đưa mắt nhìn ông Hùng và những anh còn lại trên chiếc PTF, tâm trạng dửng dưng như một buổi đi thực tập ở trong Nam, vì thế tôi đã vừa cười vừa trả lời. "Có lẽ không cần phải mang thức ăn, chỉ cần mua cho chúng tôi ít cam, hay quít là được rồi". Tôi có biết đâu rằng, cam hay quít đó, mãi mãi cùng với hình ảnh đại úy Hùng và các anh em còn lại trên tầu, đã và đang lùi dần vào sau cánh cửa đời đã khép kín; bốn chúng tôi đã sang một cảnh đời khác từ

đây.

Chúng tôi, bốn người lao mình xuống biển trong màn đêm dầy đặc; nước đang réo lên trong những lớp sóng bạc đầu. Đoàn tầu quay mũi tăng tốc độ, vọt trở về hướng Nam. Âm thanh của những chiếc máy tầu dội lên, nhỏ dần rồi mất hẳn, chỉ còn tiếng ì ầm của sóng biển và những tiếng bơi lội bì bõm của bốn anh em chúng tôi.

Theo tôi ước tính, chậm nhất là 3 giờ sáng, chúng tôi sẽ đến được mục tiêu đã ấn định. Với một khoảng dài trên dưới 1 cây số, thông thường chỉ cần 1 tiếng đồng hồ là đã tới rồi. Khi còn ở trại, các huấn luyện viên đã chọn những địa điểm tương tự, hoặc khó khăn phức tạp hơn, để cho chúng tôi thực tập đi, thực tập lại rất nhiều lần như vậy rồi. Hôm nay, chúng tôi không dùng bình dưỡng khí, mà chỉ bơi bằng tay, vì phải kéo theo một chiếc thuyền cao su nhỏ để chở theo một số dụng cụ rất là cồng kềnh.

Trong màn đêm đen tối mịt mù, dầy đặc khói sương, chúng tôi cứ bơi mãi. Khi xem đồng hồ thì đã 4 giờ sáng, nghĩa là chúng tôi đã bơi được 3 tiếng đồng hồ rồi, nhưng nhìn về hướng đất liền, trong ánh sáng lờ mờ, chỉ thấy có trời với nước. Tuy không nói ra, nhưng trong bụng người nào cũng có phần thấm mệt, đã 3 giờ đồng hồ ngâm dầm ở dưới nước lạnh rồi. Chúng tôi mở hải bàn, xác định lại một lần nữa. Hướng đi và góc độ vẫn chính xác. Tuy lạnh và mệt, chúng tôi vẫn nỗ lực hướng về mục tiêu bơi tiếp.

Gần 5 giờ sáng rồi, mà nhìn về hướng mục tiêu, vẫn chỉ là trời nước bao la. Khi thuyết trình ở phòng hành quân, huấn luyện viên và những người liên hệ, đã cho chúng tôi biết: điểm từ tầu mẹ vào đến đất liền không quá 800 mét, nên không có lý do gì mà phải mất đến 4 giờ đồng hồ bơi cả. Tay và chân vẫn đều đều những động tác lướt đi trong nước, nhưng nỗi băn khoăn trong lòng chúng tôi càng lúc càng lớn. Nhìn về phía mục tiêu, tuy chưa thấy một hiện tượng gì của đất liền, nhưng về phía tay mặt, thỉnh thoảng có những luồng chớp sáng. Lúc đó, chúng tôi chưa xác định được là cái gì, vì màn đêm vẫn còn quá dầy đặc.

Theo quy định, chúng tôi phải vào đất liền, đến khu an toàn trước khi trời còn mờ sáng, nhưng lúc này chân trời phía Đông đã có mầu sữa đục, mà hướng đất liền vẫn chỉ có nước với trời gắn liền nhau. Đầy hoang mang lo lắng, Lý Giòng Slau quyết định mở máy ra để liên lạ với tầu mẹ, mặc dù có lệnh cấm nghiêm ngặt. Chỉ đến ngày hôm sau, khi tầu đến đón trong giờ quy định mới được mở máy ra liên lạc mà thôi. Sở chỉ huy cho rằng, nếu mở máy liên lạc, rất dễ bị địch phát hiện bằng máy kiểm thính. Nhưng Slau loay hoay mãi, không hiểu vì lý do gì, do nước biển hay trục trặc về kỹ thuật, máy cũng không liên lạc được.

Đã gần 6 giờ sáng rồi, chúng tôi đã thất vọng hoàn toàn, vì trời đã sáng dần mà chúng tôi vẫn cách bờ khoảng chừng 600 mét. Vừa lạnh, vừa mệt rã rời nhưng chúng tôi vẫn động viên nhau tiếp tục bơi vào. Theo không ảnh mà chúng tôi đã được nghiên cứu thì nơi chúng tôi đến là chỗ không có người, nếu có chăng nữa củng chỉ họa hoằn một vài người đi làm rừng đốt than mà thôi. Đến khoảng 6 giờ 30, nhìn vào phía bờ cảnh, vật đã hiện lên lờ mờ, thậm chí chúng tôi đã nhìn thấy cả những bóng người di chuyển. Tuy chẳng ai nói với ai nhưng đều hiểu cuộc đời chúng tôi đã trôi, chuyển sang chỗ đen tối, tàn lụi. Chúng tôi cấp tốc quyết định phá hủy toàn bộ máy móc và lưới rada chở trên thuyền cao su, đồng thời cho nổ luôn cả chiếc thuyền chìm xuống đại đương.

Lúc này gió rất mạnh và cũng có thể vì gần bờ biển nên sóng càng lớn, Văn và Slau bị sóng đánh tôi dạt về phía Nam., còn tôi và Sang cứ bơi thẳng theo tọa độ vào bờ. Dù tiếng ầm ào của sóng biển, chúng tôi cũng đã nghe thấy tiếng quát tháo, hò hét ở trong phía bờ. Mặt trời vừa chui lên khỏi mặt nước làm cảnh vật sáng hồng lên nhưng lòng chúng tôi đã đen thẫm lại khi 2 chiếc tầu tuần của công an biên phòng Thanh Hóa bắt cách bờ khoảng 200 mét vào lúc 7 giờ sáng.

Khi tôi bị đưa lên bờ, lố nhố đầy người, bộ đội, du kích, súng ống, gậy gộc, họ cứ nhao nhao lên hò hét chửi bới. Chỉ 15 phút sau, qua những tiếng hò hét của họ, chúng tôi cũng đã biết Văn và Slau cũng đã bị tầu tuần của công an

biên phòng Nghệ An bắt rồi, vì chỗ đó là giáp giới của 2 tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Vào bờ, lúc này chúng tôi chưa bị bịt mắt và đánh đập, tôi xác định được vị trí chúng tôi đổ bộ bị sai khoảng từ 5 tới 7 cây số so với không ảnh mà chúng tôi đã được nghiên cứu. Mặt khác, theo như thuyết trình ở phòng hành quân đã quy định, điểm rời tầu mẹ đến đất liền khoảng cách từ 800 mét cho đến 1000 mét. Nhưng điều đau lòng là thực tế nó đã xa bờ từ 4000 cho đến 5000 mét. Chăn vừa nói đến đây thì ngoài cổng trại đã có tiếng ầm ầm, vì các toán đã về, tôi chỉ kịp đập nhẹ vào tay Chăn:

- Để dịp khác tiếp tục nhé!

Rồi vội vàng tôi trèo lên sàn, về chỗ nằm đắp chăn….

Tập IV - Nỗi Lòng Người Viết

Nỗi Lòng Người Viết

Kính thưa các qúy vị.

Đã bao nhiêu năm trôi qua, với bao nhiêu trăn trở khắc khoải để viết cho xong tập hồi ký thương đau của đời mình. Tôi đã chuẩn bị một căn buồng nhỏ ở dưới basement. Nhưng nhiều lần ngồi trầm lắng một mình hàng ngày, rồi cũng đành mệt nhọc đứng dậy vì nước mắt chảy ra mờ cả mắt, với những cơn đau đầu, đau lưng, đau cổ.

Năm 2002, để tự khích lệ như một đòn bẩy, tôi đã làm một tờ cam kết với hai đứa con: Một đứa học năm thứ 2, một đứa năm thứ 3. Cùng ký nhận cam kết: Chúng nó ra trường đại học, tôi viết xong Thép Đen. Để rồi một đứa đã ra trường 2004, và một đứa sẽ ra trường năm nay 2005.

Thậm chí, tôi đã viết một tấm biển để ngay trước bàn viết: Hãy viết cho xong Thép Đen! Viết cho mình đọc, cho bạn bè, người thân đọc. Không dám xuất bản cho các qúy độc giả của mình nữa. Hạ thấp yêu cầu, để tự ép buộc tôi cầm bút. Nhưng rồi cũng đành buông xuôi với sức khoẻ, với mưu sinh, với những tác động của cảnh sống của mình.

Đầu tháng 10/2003, một số anh em biệt kích nhẩy Bắc, từ những tiểu bang xa đến thăm tôi. Trong bữa cơm họp mặt, ngoài 7 anh em biệt kích, chỉ có anh Nguyễn chí Thiện là thân hữu. Nhiều nỗi niềm, nhiều sự việc được đề cập, sau 23 năm, có anh 30 năm mới tái ngộ. Một ý kiến chung anh em nhắc nhở:

- Anh Bình ơi! Nếu anh không mạnh dạn gạt đi những ràng buộc của cuộc sống chung quanh, nâng cao quyết tâm ngồi viết cho xong bộ Thép Đen, thì rồi anh sẽ mang cái dang dở đó theo anh về lòng đất…

Rồi mới đây, 25/5/2004 anh Trần Nam, xướng ngôn viên của VOA phỏng vấn về "Hành hạ tù nhân tại Iraq". Tôi đã tặng anh bộ TĐ. Anh lại muốn tặng 2 bộ cho bạn thân, ở hai tiểu bang khác. Anh đã hào phóng gửi 200 dollars, đặt luôn cho tập IV.

Một cậu (NTV) ở Canada, lái xe sang tận nhà lấy một bộ TĐ, cũng đưa tiền một cách hào sảng, đặt cho cả tập IV. Anh Bùi Tín ở Pháp cũng nói đang chờ tập IV. Đặc biệt hơn nữa, Lê văn Hạnh, cháu của anh Nguyễn văn Thông (bạn thân). Đến tận nhà lấy một bộ TĐ và cũng đặt tiền mua cả tập IV.

Hạnh mở tập sách yêu cầu tôi viết và ký tên: "Cháu Hạnh đã cùng bác dọn sạch căn buồng này" ở tấm hình tôi ngồi viết TĐ III, sau nhà anh Thông. Tôi đã đưa tiền lại cho cháu Hạnh, như nói với con cháu trong nhà: "Bác không lấy

tiền của cháu đâu! " Hạnh đã dứt khoát không cầm và nói: "Bác đi làm và cháu cũng đi làm! (Giáo viên Tiểu học). Tập IV TĐ, bác viết một năm. Như bác nói: nếu bác bán tác quyền, họ trả bác bẩy ngàn dollars. Vậy lương của cháu gấp bốn, năm lần của bác?"

Câu nói tha nhân, đầy nghĩa tình đùm bọc, phảng phất cái hương man mác nhè nhẹ của hoa soan, hoa bưởi, hoa cau của quê nhà, làm cho người nghe khó quên. Và còn 8, 9 độc giả nữa hơn 10 năm nay, đã đặt mua TĐ. IV, trên phone hay trong thư (tôi sẽ lục lại), mà tôi chưa dám nhận tiền. Sách chưa viết, mà nhiều người thương nên đã đặt mua, dù chưa biết giá.

Riêng cháu Hạnh, tôi nói đặc biệt vì thông thường, mọi người đều thấy nhàm chán, với văn chương của người thân. Cụ thể, hai đứa con lớn của tôi, chưa bao giờ thấy chúng đọc Thép Đen. Tháng trước, Bs VLH, hiện ở Caney hospital, đã gặp nhau 21 năm xưa, tại trại tỵ nạn Galang "Tình Xù", bây giờ gặp lại tại Boston. Anh đã nói một câu "xanh rờn": "Ở hải ngoại, người VN nào còn quan tâm đến đất nước, quê hương mà chưa đọc TĐ, thì thật là quê!".

Mới sáng hôm nay (18/2/05), cú phôn cuả người em họ (PVC) là một thầy Sáu bên LA (CA), đã phát biểu một câu lạ: "TĐ của anh bây giờ như thuốc Aspirine". Tôi khựng lại, ngỡ ngàng, cậu em đã giải thích: "Nhiều đài đọc, nhiều báo đăng, CD rồi trên Internet. Mấy tháng trước, người bạn em học Sorbone (Pháp) bắt em gửi TĐ cùng vài cuốn sách khác sang, để research cho luận án của anh ta. Em cảm thấy TĐ phổ cập như thuốc Aspirine, lúc nào, ở đâu dùng cũng được (không có tác quyền), chẳng còn thuộc một hãng bào chế thuốc nào nữa."

Những phát biểu từ lòng thương mến, tuy không đúng mức độ sự thật, tôi cũng xin cảm tạ sự độ lượng, bao dung của các bạn. Tôi không còn nói được, một lời nào nữa.

Tôi phải viết xong Thép Đen. Dù có phải về lòng đất sớm (do sức khoẻ), tôi cũng cứ viết. Mười một tháng nay, hàng ngày sáng sớm (6 giờ) không kể mưa nắng, tuyết nhiều ít, tôi đi bộ hơn 5 cây số, đến thư viện UMASS ngồi viết; chiều muộn mới trở về.

Những ngày đầu, tưởng như chân tôi không muốn bước, tâm trí như chui vào sương mù mùa Đông. Nhưng mỗi ngày sương mù tan dần, để rồi tôi say mê khao khát viết, lòng cuốn hút như được bú dòng sữa mẹ hàng ngày, lúc còn thơ.

Đến hôm nay 26/1/2005, tôi đã viết, sửa chữa, đánh máy xong TĐ. IV. Tập cuối cùng bộ hồi ký của đời tôi.

Tôi xin cảm tạ đất trời và sự kỳ diệu của đời.

Boston, ngày 26/1/2005.

Đặng Chí Bình

Chương 1

SÀIGÒN ƠI!

Sáng hôm nay, sau khi Ý, cán bộ trại vừa điểm buồng xong quay đi, tôi là một trong những người đầu tiên ra sân. Như mọi buổi sáng, tôi vội chạy ra sau nhà làm vài động tác tay chân, cố hít thở cái không khí ban mai của một ngày

trong hai, ba phút.

Mấy đêm trước giấc ngủ của tôi không yên, tâm tư cứ khắc khoải vơi đầy, chỉ vì chiều hôm ấy cách đây ba ngày, ở dưới phòng y tế của anh Thái, do một sự tình cờ, một em tù hình sự vừa mới nhập trại, xuống xin thuốc hắc lào, đã nói đến cô y tá Hỏa Lò. Tôi đã vồ vập hỏi, nhưng em không hề biết gì hơn về người Hưng Yên. Em chỉ xác định là bốn tháng trước ở Hỏa Lò, em có xin thuốc hắc lào của cô Vân y tá, 1 lần.

Cô Vân ơi! Ngay đầu 1968, trong buổi giã từ não nuột dầm dề mưa rơi ấy ở Hoả Lò, đã hơn 3 năm rồi, tôi vẫn lầm lũi quẫn quại trong ngục tù tăm tối, nơi rừng núi biên cương. Tôi không hề biết một tin tức gì về cô cả, để rồi chỉ nghe thoáng đến tên cô, lòng tôi đã xáo trộn mấy đêm nay. Rất may đêm qua, tôi ngủ được một giấc đã đầy, bù lại.

Phía Đông đỏ rừng rực, rồi mặt trời mò lên; xa xa chéo phía Tây Nam, rặng Hoàng Liên Sơn mây trắng che phủ ngọn, cũng vàng ửng lên rực rỡ. Một đàn vạc trắng hình cánh cung, đang sải cánh bay về hướng Đông Bắc.

Nhìn mấy tảng mây trắng hồng từ hướng nam lững lờ bay đến, tôi có cảm tưởng chúng đang mang theo những hơi hướng ngọt bùi, ruột thịt, tha thiết của gia đình, bạn bè thân quen phương trời bên ấy. Tôi rướn người, kiễng chân lên để hít lấy cái hơi thương nhớ, vời vợi của 9 năm dài đằng đẵng. Từ nơi sâu thẳm của cõi hồn, một giọng hát nỉ non, tỉ tê nghe rõ mồn một : "Hôm nay… Sài Gòn… bao nhiêu tà áo… khoe mầu phố vui… Riêng tôi một mình… tâm tư sầu lắng… đi trong bùi ngùi… Sài Gòn ơi…"

Bỗng tiếng Lầu Chí Chăn dội lên, từ cửa sổ phía sau nhà :

- Anh Bình không đặt bát để lấy sắn à?

Như choàng tỉnh một cơn mơ ngày, tôi vừa "ờ… ờ" vừa chạy ra sân trước. Nhìn các mâm đang ồn ào tíu tít chia sắn sáng, tôi chợt nhớ tối qua sinh hoạt toán, Nguyễn Huy Lân đã rành mạch tuyên bố, "Theo chỉ thị của ông Miễn cán bộ toán 2, ngôi nhà cơ bản số 3, còn bảy cái cửa ra vào chưa lắp cánh xong. Vì thế năm người, được phân công làm trong trại gồm: Lê Văn Kinh, Bùi Tâm Đồng, Lầu Chí Chăn, Nguyễn Thanh Đương và Đặng Chí Bình. Tạm thời ĐCB làm tổ trưởng, chịu trách nhiệm kỹ thuật. Vẫn xuất trại theo toán ra lán thủ công để lấy dụng cụ. Sau khi lấy dụng cụ, cán bộ toán 2 sẽ dẫn cả tổ trở vào trại. Gần cuối giờ, cán bộ toán lại vào trại đón tổ ra lán để cất dụng cụ, rồi cùng về trại trả số tù".

Cùng những ngày tổ mộc lắp cửa, cũng có một tổ xây đang lợp ngói cho xong nóc nhà, mà đám công nhân xã hội còn làm dở. Một buổi trưa, tôi đang hì hục cắm cúi làm, thì Chăn đi vệ sinh về, ghé tai tôi nói nhỏ :

- Anh em lợp nhà ở trên nóc, nhìn sang sân khu nhà số hai thấy có nhiều người tụm năm, tụm ba cởi áo phơi nắng, bắt rận.

Gợi trí tò mò, xế trưa tôi trèo lên chỗ anh em lợp nhà. Đúng như rằng, ngoài sân khu nhà cơ bản số hai có chừng hơn hai chục người: Người đứng, người ngồi, đi đi lại lại. Có nhiều bác tóc đã muối tiêu, và cũng gầy xanh như chúng tôi. Vì từ xa, nhìn thẳng, khoảng cách từ 60 đến 80 mét nên chỉ nhìn nhau. Thỉnh thoảng có anh giơ tay vẫy vẫy chào, nhưng không thể biết một tí gì về nhau cả. Khó khăn đẻ ra sáng kiến, tôi chợt nhớ tới cách liên lạc khi còn ở xà-lim I Hoả Lò. Tôi trèo xuống chỗ làm, kiếm được tấm gỗ mỏng nhẹ để làm cửa, bề chừng 60, bề chừng 40 phân. Vì có chủ ý, tôi xách miếng gỗ, lại trèo lên chỗ đám lợp nhà.

Mất dăm phút ra hiệu tay, khua vẫy nhiều anh em ở sân bên ấy đổ xô đến, ngước mắt nhìn lên. Để an toàn, tôi nhờ một anh toán xây, để ý cán bộ dưới sân bên ngoài. Tôi giơ miếng gỗ quay lại, chậm chạp, dùng ngón tay trỏ, tôi viết từng chữ theo lối in, vào tấm gỗ: "ANH NHÌN THẤY KHÔNG ?"

Lần đầu, họ đều tỏ ra lơ mơ và lắc đầu. Tôi thong thả làm lần nữa. Nhiều người khua tay mừng rỡ, đầu gật gật. Tôi bảo các anh, tìm cái gì viết lại cho tôi. Mấy người chạy vào nhà, rồi một người cầm ra một miếng gì, như cái nia con mầu nâu xám, đường kính khoảng 80-90 phân. Một anh cầm, một anh viết kiểu chữ in như tôi. Ở dưới sân nhà số hai an toàn hơn, họ chỉ cần để ý phía cổng khu của họ. Ngược lại, chúng tôi ở trên nóc nhà trống trải hơn, nhưng cũng có cái lợi, ở trên cao, quan sát ngay từ cổng trại, cán bộ ra vào chúng tôi đều trông thấy. Còn công an vũ trang ở các chòi gác thì quá xa, dù cho có nhìn cũng chả hiểu gì, chỉ coi như đám tù đang lao động mà thôi.

Hơn một giờ liên lạc, tôi vừa đoán vừa hiểu được: Bên ngoài mới có một cuộc đảo chính hụt giữa phe thân Liên Sô và phe thân Trung Cộng, khoảng cuối năm 1967 (cũng là giai đoạn CS Hà Nội đưa tôi ra tòa). Phe thân Trung Cộng do Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh đứng đầu, có chính quyền trong tay nên đã thắng thế; bất ngờ bao vây bắt nhiều người thuộc phe thân Liên Sô, do Võ Nguyên Giáp đứng đằng sau hậu thuẫn, và bị ghép tội là bọn xét lại hiện đại. Trong những người thân Liên Sô bị bắt có: Hoàng Minh Chính viện trưởng Viện Triết Học, Vũ Đình Huỳnh trợ lý của HCM và Đặng Kim Giang thiếu tướng, phó chủ nhiệm tổng cục hậu cần. Phe này có nhiều người trong giới quân sự tham gia.

Phần tin tức về chúng tôi, tôi cũng cho họ biết sơ lược. Trong trại I này chúng tôi có chừng hơn 2 chục Biệt Kích từ trong Nam ra Bắc hoạt động chống Cộng Sản, thường đã tù từ 9, 10 năm rồi.

Do cách liên lạc không thuận tiện, nhưng phần chính là sợ trong đám tổ xây có antene, và cả khu nhà số hai bên ấy nữa, chúng tôi đã biết thế nào đâu. Vả lại thấy đã tạm đủ nên tôi và Chăn quyết định, không liên lạc tìm hiểu thêm nữa.

Chiều nay thứ Sáu, không khí trong trại nhộn nhịp khác thường. Nguồn tin từ các cán bộ toán cho biết khu A (chính trị) cũng như khu B (hình sự) sẽ lao động xã hội chủ nghĩa Chủ Nhật này (một Chủ Nhật nghỉ, một CN lao động XHCN đã trở thành thông lệ ở các trại giam từ lâu). Chúng tôi sẽ móc bùn, vớt bèo, làm cỏ toàn bộ 3 chiếc ao lớn thả cá trước khu của ban giám thị trại. Cái điều làm cho khí thế của trại sôi nổi, là nguyên nhân có ban thi đua do cán bộ giáo dục Bùi Huy Tập làm trưởng ban, trực tiếp chấm điểm giữa 3 khu tù nhân của trại. Khu A trách nhiệm chiếc ao giữa, khu B trách nhiệm chiếc ao trước khu công an vũ trang, còn chiếc ao thứ 3, phía trái của khu ban giám thị do K2 (trại nữ) đảm trách.

Đây là điểm mấu chốt làm cho khu nào cũng xốn xang bàn tán, chuẩn bị. Điểm đặc biệt của lần LĐXHCN kỳ này là, do sự trù liệu công việc, ban giám thị trại quyết định: Tù nhân sẽ làm lao động XHCN liên tục từ 8 giờ sáng đến 2:30 chiều, chỉ trừ nghỉ 15 phút để tù giải lao ăn sắn bồi dưỡng lúc 10 giờ sáng, và 30 phút ăn trưa lúc 12 giờ. Thường LĐXHCN chỉ làm nửa ngày, tức 4 giờ.

Cứ nhìn khu A này, tôi đã hình dung ra cái cảnh rạo rực chuẩn bị sửa soạn quần áo, đầu tóc của mỗi người, nhất là những người còn trẻ, còn một chút nhựa xuân nào trong người ở 2 khu B và K2 kia.

Ngay từ trưa thứ Bảy, toán nhà bếp, có các anh tự giác của mỗi toán xuống phụ giúp gồm hơn 2 chục anh: Họ được lệnh gồng gánh, cuốc xẻng, xe ba gác để đi đào sắn. Tiêu chuẩn bình quân đầu người LĐXHCN được hưởng 8 lạng sắn kể cả vỏ. Nhà bếp K1 phục vụ khu A và B, bếp K2 phục vụ K2. Không biết phía đàn bà con gái bên K2 có mong ngóng được nhìn thấy đàn ông, con trai bên K1 hay không, chứ bên K1 này thì từ rừng sâu, trong lán thủ công đến ngoài nương khoai, đồi sắn, vườn rau; đâu đâu nơi nào có tù lao động đều say sưa bàn tán rôm rả trong cái dịp ngàn năm một thuở này.

Đúng thế, trừ trường hợp cá biệt, còn thông thường, đàn ông, đàn bà chúng tôi hàng năm chả nhìn thấy bóng dáng của nhau. Thậm chí anh Nguyễn Văn Thú (Biệt Kích), tối qua ở trong buồng đã nói: Lâu ngày quá, anh đã quên cả

đàn bà, con gái. Đến nỗi anh đã ngẩn ngơ cả đêm mà vẫn không thể hình dung ra thế nào cả. Anh chỉ thấy họ tuyệt vời lắm! Họ là một thứ vưu vật, là lẽ sống của cuộc đời v.v...

Anh Thú cứ ông ổng ca tụng người đàn bà, con gái mãi. Rất nhiều người tán đồng phụ họa; nhưng cũng nhiều người phản đối. Anh Bùi Tâm Đồng đã đứng hẳn lên sàn dõng dạc:

- Vừa thôi, anh Thú ơi! Anh cứ làm như nếu trên cõi đời này không có đàn bà con, gái thì chúng ta không sống được hay sao?

Hàng 4, 5 cái miệng đều rống lên:

- Đúng! Đúng! Không sống làm gì nữa !

Giọng một anh từ trong nhà cầu đi ra, gào lên :

- Nếu biết chắc trên đời này không có và không còn đàn bà, con gái, sáng sớm mai tôi sẽ cắn lưỡi, xin từ giã tất cả các qúy bạn để về với Chúa ngay.

À... anh chàng Gôm! Tôi đã thấy hơi lạ, từ lúc trong buồng sôi nổi bàn chuyện đàn bà, con gái mà không thấy anh chàng này tham gia. Đang ồn ào náo nhiệt sục sôi cả căn buồng thì bỗng có tiếng báng súng đập vào vách nứa ầm ầm; giọng một tên công an vũ trang quát :

- Buồng này làm cái gì, ồn ào như cái chợ vậy?

Giọng khàn khàn của anh Thành Xuân Yên từ tốn :

- Thưa cán bộ, họ đang tranh luận, nếu trên đời này không có đàn bà, con gái thì họ sẽ tự tử hết!

Im lặng một lúc, rồi giọng tên vũ trang đã hạ xuống :

- Bậy bạ! Thì nói nhỏ vừa nghe thôi!

Thấy thế, trong buồng lại râm ran trở lại. Anh Lân buồng trưởng đã phải ra đứng giữa buồng khoắng tay:

- Toàn buồng trật tự yên lặng! Các anh bàn chuyện đàn bà, con gái thì nói cả đời không hết! Đây là chuyện thực của đời tôi. Từ ngày tôi bị bắt đã 8 năm rồi, có một điều tôi ân hận nuối tiếc lớn nhất, vẫn ngày đêm dằn vặt lòng tôi.

Rồi anh im bặt. Có nhiều tiếng hối thúc :

- Nói ra đi! Nói ra đi!

Cũng lại ầm cả lên. Tôi cũng tò mò, đến bên Lân cao giọng :

- Các anh đừng làm ồn, để anh Lân nói ra đã!

Rồi tôi quay lại anh Lân như thúc giục :

- Anh nuối tiếc ân hận điều gì thế, hãy cho chúng tôi biết đi!

Anh cười và tỏ vẻ thành khẩn :

- Hiện nay, tôi đã có 4 mặt con: 2 trai và 2 gái, vậy mà tôi vẫn chưa nhìn thấy cái của vợ tôi nó như thế nào cả. Tôi ân hận sao lại không nhìn rõ một lần cho đã, để bây giờ khỏi hối tiếc!

Cả buồng réo lên:

- Không tin được! Không tin được! Vô lý !....

Cuối cùng, anh Lân đã thong thả chậm chạp như tâm sự :

- Tôi xin thú thực với các anh em. Bởi vì chúng tôi ở nhà quê, chỉ khi nào đêm khuya, tin chắc cả nhà đều đã ngủ yên thì 2 vợ chồng mới... tò te mà thôi. Thường trời tối giơ bàn tay không nhìn thấy, thì nhìn làm sao được cái kia?

Câu chuyện này, cho đến bây giờ đôi khi tôi vẫn còn nhớ lại. Vừa đây, tháng 8-2003, tôi có dịp sang tiểu bang Philadelphia, do một sự tình cờ, tôi gặp lại anh Nguyễn Huy Lân, anh mới đi HO sang Mỹ 1994. Anh ở một town gần đấy, khi biết tôi sang, anh đã lái xe đến thăm. 23 năm mới gặp lại nhau, trong một bữa cơm có mấy anh Biệt Kích nữa, nhớ lại câu chuyện LĐXHCN ở trại Trung Ương Số I Phố Lu, Lào Cai, đầu năm 1972, tôi đã tươi mặt hỏi lại anh :

- Thế nào, Lân Mều! Từ ngày được tha về với gia đình, anh đã nhìn rõ cái "miếng ngọc" của anh chưa?

Cả bàn tiệc cười ngặt nghẽo như đê bị rò khi nước lụt.

Xin trở lại buổi LĐXHCN. Đêm hôm đó, khi nằm chưa ngủ được, đầu óc tôi miên man nghĩ đến anh chàng Lân Mều này. Tôi còn nhớ rõ 4 năm xưa (1968), khi ấy tôi từ dưới Hoả Lò mới lên Trại Trung Ương số I, rồi được chuyển vào phân trại E do Hoàng Thanh làm giám thị.

Riêng về toán 2 mộc, sau khi cả Nguyễn Huy Lân (toán trưởng) và Đinh Sơn (tổ trưởng Tổ Kỹ Thuật) chuyển đi; anh Nguyễn Trọng Tiềm tù chính trị miền Bắc lên làm toán trưởng. Tôi là tổ trưởng Tổ Kỹ Thuật (thay Đinh Sơn), chuyên đóng những hàng kỹ, gỗ quý, thường làm cho các cán bộ đặt là chính.

Trước đây lực lượng Biệt Kích hầu như đảm nhận những sản phẩm chính yếu của toán mộc. Giờ đây do những anh em tù chính trị miền Bắc là nồng cốt. Khá tay nghề chỉ còn tôi và Lầu Chí Chăn đều trở về Tổ Kỹ Thuật, để làm hàng đặt của cán bộ các phân trại. Cán bộ toán 2 vẫn do ông Lê Trí Miễn phụ trách, hàng ngày chúng tôi vẫn đi lao động trong lán thủ công phía trái của trại. Do những xáo trộn như tôi đã trình bầy, bây giờ ngay đầu lán mộc, cạnh tổ kỹ thuật của tôi lại có một tổ làm guốc (mặt hàng mới) gồm 4- 5 người, do anh Phạm Phú Lục làm tổ trưởng.

Qua trao đổi tâm tình, được biết anh Lục là người Bình Định, cán bộ huyện tập kết. Anh bị bắt vì có tư tưởng chống đối đường lối lãnh đạo độc tài của đảng Lao Động, đã bị bắt 6 năm rồi. Khi còn ngoài xã hội, anh đã từng phục vụ trong một cơ sở thủ công về dép, guốc phụ nữ ở Hải Phòng. Sáng nay anh ghé sang tôi, đứng nhìn Chăn và tôi đang thao tác một cái tủ lệch, kiểu Đức bằng gỗ lát cho ông Toán, chánh giám thị trại. Lúc chỉ còn mình tôi Lục đến sát tôi nói nhỏ:

- Bình có biết Kissinger sang Trung Quốc chuẩn bị cho Nixon sẽ sang gặp Mao đấy?

Tôi vừa lắp cái bản lề cánh tủ, vừa hỏi lại Lục :

- Tin ở đâu mà đặc biệt thế?

Lục nheo nheo cặp mắt, miệng nói như vội vàng :

- Cứ biết thế, đừng hỏi!

Rồi Lục bước vội sang tổ guốc, cùng lúc ấy Chăn và Phùng Văn Tại lặc lè, khênh một tấm ván gỗ mỡ về. Tại cùng tổ của tôi, anh là một chủng sinh, cũng cái tội không chịu bỏ tu để về nhà lấy vợ; tôi cũng nói sơ qua sự việc đó với Chăn và Tại.

Mấy ngày nay, nhìn sang toán xẻ, tôi thấy có nhiều tù lạ. Chăn đã cho biết, đó là những Biệt Kích ở trại Quyết Tiến trong khu nhà xây số 1. Trong khi thao tác, tôi nhìn sang, thấy dáng dấp mấy anh em quen quen. Lợi dụng sự đi lại trong giờ giải lao, tôi lỉnh sang. Đúng như rằng, tôi vừa ghé sang đến toán 3, thì một anh còn trẻ từ một góc trong chạy vội ra mừng rỡ, vồ vập :

- Anh Bình! Anh lại ở đây à?

Tôi cũng vui ra mặt, ôm chầm lấy, đó là Lưu Nghĩa Lương. Từ ngày ở xà- lim 1 Hoả Lò tôi ra trại chung (cuối 1967) 5 năm bất ngờ gặp lại. Mừng rỡ như chị gặp em, tíu tít bao nhiêu chuyện, Lương ríu rít :

- Nguyễn Phương, Hoàng Cung, Trịnh Văn Truyện, Hoàng Trọng cũng có ở đây anh ạ!

Tôi choáng người, vừa nhìn dáo dác vừa hỏi ngay :

- Đâu? Đâu?...

Lương đã dẫn tôi ra sân sau, của toán 3. Tôi choáng vì mấy người đó là thủy thủ trên con thuyền định mệnh, đã đưa tôi ra Bắc 10 năm xưa. Tôi mới bước chân tới sân sau, một việc tuy nhỏ bé, nhưng đã khắc ghi vào lòng tôi cho đến bây giờ. Vì nó nói lên sự thủy chung, tư cách ứng xử truyền thống nho phong của một con người. Tôi bước vào, có 5- 6 anh đang cởi trần trùng trục, mồ hôi nhễ nhại, chắc vừa cưa xẻ, ngồi nghỉ mệt: Anh Nguyễn Phương (chuyến đi của tôi anh là Tarzan thợ máy dễ mến), các anh Cung, Truyện thoáng thấy tôi, vội vàng với tay lấy cái áo đang treo ở cột khoác vào, rồi đều quay lại, hơi thấp đầu nói nhỏ:

- Chào ông!

Tôi quá cảm động cũng không nói lên lời, thành ra lí nhí :

- Cám ơn các anh!

Có thể trong một phút bất ngờ, phản xạ tự nhiên? Các anh quên mất các anh là tù và tôi cũng là tù.

Tuần trước, tôi và Lầu Chí Chăn lên gian vernie, do Quý cụt làm tổ trưởng. Ngồi nói chuyện với Quý, tôi và Chăn đều ngửi thấy mùi "cồn" nồng nặc. Chỉ ngửi mùi cồn, mà người cũng thấy lâng lâng, hồn muốn bay la đà nhấp nhổm. Thế là Chăn và tôi đã lén lút thì thầm: Nếu vernie này, lọc qua một cục bông gòn thì có thể uống được.

Đời bây giờ tăm tối mịt mù, hãy thử cho say một bữa, cho lòng đê mê, cho hồn bay bổng lên cuộc đời một lần, cho sướng. Bàn tính, chuẩn bị, theo dõi mọi tình huống.

Quý cụt được cán bộ toán tin cẩn, giao chìa khoá kho, nhưng chúng tôi đã dạm thử nhiều lần, thấy không kết quả. Còn Phạm Phú Lục tổ guốc là phụ tá cho Quý (Quý cụt tay không thể mang vác), thường xuyên ra vào kho. Sau khi tôi dạm ý, anh ta đã đồng ý ở mức độ: Coi như không hề biết dù có trông thấy.

Đành phải trù liệu một kế hoạch nhỏ. Bắt buộc phải cho bác Lương Yên người Lào, gốc Việt, làm vệ sinh của toán tham gia. Bác có điều kiện gác tên công an võ trang ở chòi gác, cách lán chừng 5 chục mét và coi cán bộ, bất chợt đi ra thì làm hiệu tay.

Tôi sẽ nói chuyện với Quý cụt, để giữ nó mươi phút. Chăn ở một cái ngách, luồn trèo lên mái nhà kho. Khéo léo cắt, tháo lạt buộc những tấm phên nứa trên mái, rồi chui xuống; đã chuẩn bị một ống nứa chứa chừng một lít. Sau khi xong, trèo lên, buộc lại trong vòng 10 phút. Sau những chuẩn bị táo bạo, kết quả: Lầu Chí Chăn đã dũng cảm thi hành công tác, một cách mỹ mãn. Chiều hôm đó đã có một ống nứa đầy vernie, nút kín, dung tích gần một lít, giấu trong cầu bào của tôi.

Cái khâu lọc vernie không thể thực hiện được, vì cái mùi cồn nồng nặc. Đã từ những tháng trước, tôi có giao tình "hẩu" với anh trật tự mới của trại là Shi-Ha Nam (người Campuchia). Tên Việt anh ta là Nam, nhưng chúng tôi gọi đùa là Shi Ha Nam (Campuchia khi đó có ông vua Shihanouk) rồi thành tên, cả trại đều gọi. Nghe nói anh ta mang tội buôn lậu thuốc phiện, tù bên phía hình sự. Cho nên tôi chịu trách nhiệm đưa vernie vào trại. Tôi đã chuẩn bị, nếu bị lộ tẩy thì nói là đem vernie về đánh lại mấy cái hòm (rương) đã quá cũ v.v… của chúng tôi.

Với nhiều những ứng biến khéo léo, buổi chiều thu quân hôm ấy, tôi đã đưa lọt vernie vào buồng giấu kỹ. Cái khâu lọc vernie làm cho tôi nát óc; ngay sau khi cơm nước xong, tôi chạy sang gặp anh Hiệp ở buồng số 1 bên cạnh (Hiệp đã đánh cờ với tôi ở phân trại E), không ngờ quá dễ dàng giải quyết cái khâu này. Vernie gồm có cồn và cánh kiến hoà tan, bây giờ chỉ cần đổ một ít nước lạnh vào, cánh kiến sẽ nổi lên, vớt hết đi, nước còn lại có mầu sữa loãng, lại đỡ mùi hăng của cồn xông lên.

Quan điểm của tôi và Chăn là khi mình có một món ăn ngon, muốn cho mọi người thân quen được thưởng thức. Bạn bè thân quen thì hàng chục, tôi hiểu rằng hễ nhiều người biết thì sẽ lộ. Khâu đổ nước vớt cánh kiến, lúc đầu chúng tôi định giải quyết ở trong nhà cầu, nhưng thấy thường xuyên có người ra vào, nên quyết định làm ở trong mùng. Tôi, Chăn và anh Lương Yên đều nằm sàn dưới, không tiện; Phạm Phú Lục nằm sàn trên, nhưng Lục e ngại vì anh có trách nhiệm trong kho vernie.

May quá, anh Hưng, một dân chơi Hà Nội như Nguyễn Văn Gôm (Gôm không hẩu rượu nên không để tham gia). Hưng thuộc toán 3 nằm cùng buồng với toán 2. Do một sự tình cờ, Hưng chui vào gầm sàn để tìm chiếc dép râu, mà anh cho là một người bạn nào đó đã trêu anh, vì thế anh đã nhìn thấy ống nứa đựng vernie. Tôi phải dàn xếp, sau khi biết nội vụ, Hưng rất hân hoan, nồng nhiệt xin tham gia. Hưng đã háo hức thì thào vào tai tôi :

- Anh Bình có biết không? Ngày xưa còn đi học ở Hà Nội, em là con sâu rượu. Bị bắt hơn 4 năm nay em thèm, em nhớ hơn cả người yêu; xin anh cho em tham gia, với lòng tự trọng, em xin giữ bí mật, dù có bị thiệt hại.

Thấy Hưng khẳng khái và nhiệt tình tôi và Chăn đều để Hưng cùng thưởng thức. Hưng lại ở sàn trên, nên tối hôm đó, sau khi cán bộ điểm xong, Hưng bỏ mùng sớm. Hưng lấy lý do thấy người khó chịu, Chăn chui vào mùng, 2 người làm việc. Tôi chịu trách nhiệm "ghếch" quan sát, phòng hờ mọi tình huống. Vả lại, thông thường, khi điểm xong nếu không sinh hoạt tổ, toán thì tùy theo, tụm 5, tụm 3 chuyện trò tán gẫu. Nhiều người đi nằm vì muốn yên tĩnh hoặc mệt mỏi v.v…

Để giảm bớt nguy cơ bị phát hiện, tôi bàn với Chăn: Chơi theo lối cá lẻ, nghĩa là mỗi người 1 ly (ống nứa con) vào mùng của mình thận trọng mà hưởng. Ba người kia biết tôi và Chăn, còn 3 người ấy không hề biết cùng uống tối

hôm đó. Sau khi sắp xếp ổn, mỗi người đều có 1 ly riêng vào mùng tự thưởng thức.

Phần tôi, chao ôi! Sao mà đê mê thế hỡi trời! Đúng là: Chiến đấu càng gian nan, chiến thắng càng vinh quang. Tôi trang trọng nói rằng: Không phải ai cũng được hưởng cái thú Lưu Linh tuyệt vời như chúng tôi. Giữa cái nghiêm khắc ngặt nghèo; cái khổ đau tràn lối, bị o-ép tứ bề của nhà tù CS mà được hưởng cái ngất ngưởng đê mê và cũng tê tái cuộc đời, thì mới cảm nhận đến cái đáy cùng bủn rủn, ngất ngây của kiếp người. Tôi xin cảm tạ ông thần Lưu Linh!

Khoảng hơn 9 giờ, tai tôi nghe rõ vừa kẻng cấm xong, chừng mươi phút; bỗng anh chàng Hưng ở sàn trên ông ổng rời rạc, rên rỉ bài thơ "Say Đi Em" của Vũ Hoàng Chương: Say đi em! Say đi em! Say cho lơi lả ánh đèn. Say không còn biết chi đời… Đất trời nghiêng ngửa. Mà trước mắt thành sầu… chưa sụp đổ. Thành sầu, không sụp đổ… Em ơi!

Không thể được, tôi bò dậy, trèo vội lên và chui vào mùng của Hưng. Hưng đang nằm ngửa, chân giạng ra, hai tay chới với giơ lên phía đỉnh màn, miệng vẫn gầm gừ như con chó đang tranh ăn, tôi đập khẽ vào ngực Hưng :

- Làm cái gì vậy Hưng ?

Hưng gạt tay tôi ra, mồm còn lảm nhảm: Trời say ta cũng lăn quay. Ở đời được mấy lần say mà già.

Tôi bịt miệng Hưng và ghé sát vào tai:

- Muốn cả lũ vào kỷ luật, cùm ư?

Hưng im bặt và như tỉnh ra. Tôi lại ghé sát vào tai Hưng nói tiếp :

- Bản lĩnh của người con trai, lý trí vững mạnh của Hưng đâu ? Hãy uống một ngụm nước rồi nằm im.

Nói rồi, tôi với tay lấy chai nước ở phía đầu giường, mở nút đưa cho Hưng. Như có một sức mạnh tiềm ẩn, Hưng ừng ực uống hai ngụm, còn nói khẽ :

- Xin lỗi anh Bình!

Rồi Hưng nằm xuống trong thái độ tỉnh táo; ngồi thêm chừng 2 phút, tôi mò xuống chỗ Lương Yên. Anh nằm như chết và đang kéo gỗ. Tôi lại trèo lên mùng Phạm Phú Lục, anh ta cũng nằm ngủ rồi. Tôi lại lỉnh xuống mùng của Chăn. Thấy nằm yên ắng, tôi cầm tay, Chăn nói như bình thường :

- Yên trí, không sao đâu!

Buột miệng tôi nói khe khẽ với vẻ tự hào và hơi ích kỷ :

- Thế mới xứng đáng là Người Nhái chứ!

Tôi vào đi tiểu, rồi mò về mùng chui vô, lòng vừa buồn vừa vui. Vui vì xem ra sự việc đã ổn, buồn vì tiếc, cả 10 năm trường, được cái may mắn diện kiến với cụ Lưu Linh, nhưng không được hàn huyên, tâm sự.

Đêm nay nằm trằn trọc mãi không ngủ được; tôi chợt nhớ đến lúc sinh hoạt của toán buổi tối hôm qua. Nghĩ đến bộ mặt ngơ ngác, nhớn nhác của anh chàng Phạm Phú Lục, bụng tôi còn cười rung lên. Đã trở thành thông lệ hàng năm, cứ mỗi độ Hè về tù lại phải tắm "khô" nghĩa là, tắm không cần nước.

Tuy vừa hết Xuân mới chạm đến Hè mà trời đã nóng chảy mỡ, nhất là ngồi trong một cái buồng chật chội hàng trăm người. Tuy hầu hết anh em đều cởi trần, nhưng ngồi sinh hoạt mồ hôi lúc nào cũng nhơm nhớp. Nhiều anh cái tay tẩn mẩn cứ vân vê lưng, tay, cổ của mình; hàng 5- 6 ngày không có điều kiện tắm rửa nên nó ra hàng cục ghét. Cái tay buồn cứ vò mãi, vê mãi, ghét thành từng cục, có khi bằng hột đậu xanh, cá biệt có khi bằng hạt đậu đen rồi búng đi tứ tung trong buồng.

Vì thế có anh đang ngồi bị "độp" một cái vào mặt, có khi vào tai, vào cổ v.v... Lúc đầu người nào chưa hiểu thì giật mình ngơ ngác, nhìn khắp chung quanh xem có ai trêu ném mình, có khi nhìn lên mái nhà, suy đoán là con mối hay con gián ỉa?

Tối hôm qua, anh chàng Lục đang phồng mang, trợn mắt phát biểu ý kiến xây dựng phê bình anh Lê Văn Bưởi, không chịu lao động tích cực, mà chỉ làm cầm chừng. Đột nhiên, một cục ghét bắn ngay vào mắt anh, Lục giật mình nhìn khắp mọi người tưởng ai ném anh ta, nhưng họ đều ngồi yên, không ai nhìn, anh đành cúi xuống giụi mắt. Chỉ có người búng viên ghét ấy, thì cười rung bụng và cứ mỗi lần nghĩ tới, bụng tôi lại rung lên bần bật (kể cả lúc bây giờ ngồi viết lại).

Chương 2

MIẾNG NGỌC CỦA ĐỜI

Sáng hôm nay, sau khi toán 2 cũng như các toán khác, xếp hàng đôi ra đến chỗ quy định, ngồi chờ cán bộ gọi toán xuất trại như mọi khi, anh Tiềm toán trưởng tiến ra gần cổng trại chỗ đám đông cán bộ , bộ đội vũ trang để báo cáo như thường nhật với ông Lê Trí Miễn, cán bộ toán. Tiềm trở về chỗ toán ngồi xếp hàng, anh đến chỗ tôi tươi mặt:

- Ông Miễn chỉ định phân công Bình với Nguyễn Thanh Đương, hôm nay vào K2 sửa chữa sàn và cửa. Bình theo toán ra lán thủ công lấy dụng cu, rồi có cán bộ dẫn vào K2.

Mấy người ngồi gần nghe thấy đều ồ... ồ... lên, anh chàng Gôm ré lên :

- Tôi xin tình...

Anh Đồng ngồi cạnh đấy đã cắt câu nói của Gôm :

- Không phải ai cũng được vào K2; phải tương đối nghiêm trang, đứng đắn, chứ ồn ào như cậu, vào đấy để làm loạn à?

Ra tới lán, sau khi anh Tiềm đứng nghiêm trang báo cáo với tên công an võ trang, con số toán vừa xuất trại theo thủ tục, tôi và Đương chạy về phía cầu bào của mình để lấy dụng cụ . Tôi còn đang lúi húi xếp vài cái dụng cụ cần thiết vào cái hòm con cho Đương xách đi, thì anh Tiềm tiến lại cầu bào, bảo tôi :

- Ông Miễn bảo Bình lên gặp ông!

Khi tôi bước vào căn buồng riêng của ông, ông nói ngay :

- Tôi định để anh Chăn đi với anh, nhưng anh ấy phải ở lại Tổ Kỹ Thuật, vả lại "thầy 1 thợ đôi" anh chỉ cần 1 thợ phụ thôi.

Khi tôi chào ông bước ra, ông ta còn nói với theo :

- Tôi tin tưởng nơi anh.

Tôi và Đương xách hòm dụng cụ và cái cưa con đi ra cổng lán thủ công, cũng là lúc một tên công an võ trang đang đứng với ông Miễn ở cổng lán, đi ra theo.

Mây trời lãng đãng vài vạt lửng lơ không một ngọn gió, cây rừng đứng im phăng phắc. Mới giữa tháng năm mà hôm nay sao nóng lạ? Chỉ hơn 2 cây số đường mòn, mà áo tôi và Đương đã ướt đẫm mồ hôi; tên công an đi phía sau chắc cũng chảy nước! Chẳng nói với nhau một lời, tuy cùng một quê hương nhưng thành 2 thế giới, mỗi bên đều có một bức tường riêng.

Trong khi tôi với Đương thì ríu rít chuyện trò, như được xổ lồng, phơi phới đón nhận cảnh núi rừng thiên nhiên. Tôi dõi mắt theo một đôi bướm vàng đang đuổi nhau, chúng lả lơi luồn dưới cành này, lách qua mấy cành kia nhởn nhơ nhung nhăng, phớt lờ coi như không có chúng tôi đang đi ở trên đường; nghĩ lại cảnh đời của mình, một hơi thở dài nhè nhẹ xì ra không nín được.

Kia rồi, đã tới cổng của trại nữ, trại vây bọc bằng nứa cây, giống như phân trại E tôi đã ở. Nhìn thoáng bên trong có chừng 7, 8 ngôi nhà tranh dài như lán chúng tôi, ngoài khu A trại chính. Một nữ cán bộ, mặc bộ đồ vàng, chừng ba chục tuổi, tay cầm một cuốn sổ và một nữ tù trẻ hơn mặc áo sọc, quần đen ra cổng đón chúng tôi. Tên vũ trang nói gì với cán bộ nữ, bấy giờ y quay lại mới mở miệng nói với chúng tôi:

- Khoảng 5 giờ chiều tôi sẽ trở lại đây đón các anh!

Chúng tôi đều dạ… theo thủ tục, trong khi y đã quay ngoắt đi trở lại con đường rừng. Người nữ cán bộ quay lại vẻ mềm mỏng:

- Các anh đã ăn sáng chưa? Tôi là cán bộ trực trại, còn đây là chị Mai, trật tự thi đua của trại, chị ấy sẽ dẫn các anh đến buồng số 3 có một cái sàn bị sập, có gì cần cứ nói với chị.

Thấy người nữ cán bộ trực trại thái độ nhã nhặn, nên tôi cũng cởi mở:

- Cảm ơn bà… chúng tôi đã ăn sáng rồi!

Rồi tôi quay sang cô Mai trật tự, hơi gật đầu như chào:

- Cô vui lòng dẫn chúng tôi tới ngôi nhà số 3.

Không hiểu vì lý do gì, cô Mai có vẻ hơi ngập ngừng không được tự nhiên, khi dẫn chúng tôi đi. Tôi tươi mặt dịu dàng hỏi:

- Một sự tình cờ được gặp cô, cô có thể vui lòng cho chúng tôi thăm hỏi cô một chút, có được không ạ?

Cô nhỏ nhẻ khe khẽ:

- Anh cứ hỏi đi!

Tôi thấy cứ thẳng thắn nêu vấn đề, điều gì mình muốn biết. Quan điểm của tôi: Cởi mở thì sẽ gặp cởi mở, hoặc

ngược lại, vì thế tôi nói thẳng:

- Dù sao chúng ta cũng đều là tù cả, tôi đã bị tù 10 năm rồi, còn cô?

Cô mở to mắt hỏi như ngạc nhiên:

- Anh tội gì mà ghê thế? Em bị bắt hơn 2 năm rồi!

Để trông cái thông thường, cần giản dị:

- Tội của tôi thuộc về tư tưởng xét lại hiện đại! Còn cô?

Thấy cô có vẻ ngập ngừng, ngại ngần, tôi nói luôn :

- Nếu cô thấy hơi ngại, thì thôi! Không sao cả!

Cũng là lúc đến một cái cửa, tôi nhìn lên thấy số 3 bằng sơn trắng: Vào trong buồng, nhìn dọc sang hai đầu nhà; cũng sàn trên, sàn dưới bằng gỗ giống như những lán chúng tôi đang ở. Cô Mai dẫn chúng tôi tới gian thứ hai phía trái, sàn dưới bị gẫy sập xuống. Một cái cửa vào nhà cầu bị rơi bản lề ra, nên cửa phải dựng ở bên cạnh. Một gian khác có mấy tấm ván long đinh ra, vài chỗ khác không đáng kể. Cả buồng có 3 người bị ốm, có lẽ ông Miễn đã biết trước nên đã bảo tôi đem đi, 2 hộp đinh 5 phân đóng sàn.

Đương và tôi, bắt đầu bỏ đồ nghề hì hục thao tác, chúng tôi làm được khoảng 1 giờ, nóng quá tôi xin lỗi 3 người bịnh để cởi trần. Khoảng 10 giờ, cô trật tự Mai đưa đến cho chúng tôi một cái rá con đựng sắn luộc, chừng hơn 1 ký còn đang bốc khói, cô nói một cách ngại ngần:

- Đây là sắn ở nhà bếp còn thừa, bà cán bộ trực trại bảo em đưa lên, mời các anh.

Dù trong bụng chúng tôi đang đói, nhưng cũng không khao khát ăn như thế, tuy vậy tôi cũng nói thẳng ý này.

- Xin cảm ơn cô Mai, chúng tôi đã ăn sáng ở trại, nhưng cô đã đưa ra chúng tôi xin nhận, và nhờ cô cám ơn bà cán bộ trực trại.

Trong lúc cạy sửa 1 số sàn, chúng tôi thấy ở những chỗ kẽ, phía dưới sàn 2, 3 miếng bằng gỗ nhẵn nhụi như cái chầy con, đường kính khoảng 2 phân rưỡi đến 3 phân, dài chừng 14, 15 phân. Nguyễn Thanh Đương giơ ra hỏi tôi, tôi cũng lắc đầu, chịu chết, chẳng biết họ dùng những cái đó để làm gì, nên chúng tôi cứ để lại chỗ cũ, sau khi sửa sàn xong. Một lúc sau, cô Mai đến nhẹ nhàng nói:

- Gần 12 giờ, xin các anh nghỉ tay, mang dụng cụ lên chỗ phòng trật tự. Các anh ra giếng rửa mặt, tay chân, rồi trở lại phòng trật tự đã có cơm sẵn.

Miệng nói tay cô chỉ cho chúng tôi một gian nhà con con, gần phía nhà bếp.

Tôi và Đương đang lúi húi rửa tay chân, mặt mũi, thì ầm ầm, bình bịch, tiếng la hét, rồi một đám đông hàng trăm người già trẻ lớn bé, nhàng nhàng nhỡ nhỡ, đàn bà, con gái, trần truồng như nhộng, từ cổng trại ùa vào trong giếng…

Thật là bất ngờ, tôi và Đương quýnh cả lên! Tội nghiệp anh chàng chủng sinh Đương, cố chạy ra cửa giếng, bị họ

đẩy xô vào ngã xấp, ngã ngửa mặt đỏ như gấc chín. Còn tôi cũng chẳng hơn gì, tôi không biết làm sao, chạy ra không được. Phải nói 4, 5 chục người xô vào trong giếng, quần áo họ đã vắt hết lên liếp chung quanh giếng; họ giật lấy cả cái gầu tôi đang rửa.

Trong thâm tâm cũng muốn nhìn cho rõ khi họ cởi truồng, nhưng vì họ đông quá, làm cho tôi không dám mở mắt ra nhìn, đành lấy khăn mặt che đôi mắt bằng hai tay, mặc cho họ đẩy xô chỗ này, sang chỗ khác. Giữa những tiếng la hét, những tiếng cười rũ rượi và nước dội xối xả. Mãi hàng mươi phút sau tôi và Đương mới thoát ra khỏi giếng, mất cả dép và khăn mặt mà không dám vào lấy.

Suốt đời tôi không quên được, anh chàng Đương ngày nay (2002) đã là một linh mục thuộc địa phận Quy Hậu, Tân Kỳ, Nghệ An, cho tới khi về với Chúa thì cũng chắc chẳng thể quên.

Thực ra, bên trại tù đàn ông của chúng tôi, thì mùa Hè nào cũng vậy. Cả khu trại có một cái giếng, cho nên toán nào cũng thì thọt, mánh với công an võ trang cho về sớm mươi phút trước. Về chậm, về sau, giếng chỉ còn nước đục; nếu không nói là cạn hết, chỉ còn nước bùn.

Nhưng trước đây, ở trại tù đàn ông chúng tôi, cái cảnh vào khỏi cổng trại, là tranh thủ vừa chạy vừa cởi quần áo để xông vào giếng, là chuyện bình thường. Nhưng bây giờ tôi mới hiểu do hoàn cảnh khó khăn bên trại nữ cũng vậy, chỉ mấy anh chàng bộ đội vũ trang ở mấy chòi gác là bở. Mùa Hè, ngày nào cũng được rửa mắt để nhìn, để chiêm ngưỡng những "miếng ngọc" của trời.

Chương 3

MỘT GÓC HIỆP NGHỊ PARIS

Một buổi sáng, vừa ăn sáng xong chúng tôi đang chờ kẻng tập họp để đi lao động như mọi khi, thì tên cán bộ Ý trực trại, hộc tốc từ ngoài cổng khu A đi vào buồng số 2. Đến cửa, hắn vẫy tay gọi anh Tiềm- toán trưởng toán 2- tới, rồi y rút trong người ra một cuốn sổ, dõng dạc:

- Những anh có tên sau đây, mang hết công tư trang theo tôi. Trần Quốc Quang, Trương Nàm Tráng, Lầu Chí Chăn, Lý Giòng Slau, Đặng Chí Bình, Lê Văn Bưởi.

Thật là bất ngờ, tôi hấp tấp, tíu tít thu dọn chăn màn, quần áo. Một số anh em còn ngoài sân, chạy xô vào buồng. Trước mặt tên Ý, tôi không nói từ giã được với bất cứ ai, kể cả anh Tiềm toán trưởng, đứng ngay đấy. Khi đi theo tên Ý ra sân, tôi chỉ kịp nhìn khắp một lượt anh em như chào giã biệt. Ngay lúc tôi lúi húi vơ xếp chăn mền, trong đầu thoáng nghĩ: Mới sáng sớm, không biết họ chuyển chúng tôi đi trại nào, thuộc tỉnh nào….?

Vừa ra khỏi cổng khu, nhìn ra sân trại tôi đã nhìn thấy một dẫy tù chừng 7- 8 chục người. Họ xếp hàng đôi ôm đồm chăn màn, hòm xiểng như chúng tôi, ngay sát phía cổng trại. Mấy cán bộ lạ cùng mấy cán bộ trại I đi lại lăng xăng. Đặc biệt, tôi nhìn thoáng thấy ông Toán chánh giám thị ở phía trong cổng trại. Tên Ý dẫn 6 chúng tôi đến phía cuối của dẫy tù đó, cao giọng:

- Các anh xếp hàng đôi nối theo đây!

Tôi cũng đã nhìn thấy Lưu NghĩaLương, anh Tarzan và một số anh thủy thủ, tôi đã gặp mấy ngày trước ở toán 3. Như vậy họ là tù Biệt Kích ở trại QT chuyển về khu nhà xây trước đây, nhà số 1. Tôi hỏi mấy anh ở hàng cuối xem họ có biết sẽ chuyển đi trại nào không, nhưng họ đều ngơ ngác không biết như chúng tôi. Đoàn tù 73 Biệt Kích của

trại Quyết Tiến và 6 chúng tôi ở trại I gồm 79 Biệt Kích. Đi áp tải có 4 công an võ trang, một tên cán bộ lạ, Bùi Huy Tập cán bộ giáo dục và tên Cao Văn Thục huấn luyện viên võ thuật của cán bộ trại I. Tên Tập đi đầu dẫn đoàn tù đi về phía trái, như thế là đoàn tù đi bộ. Tên Thục đi gần chúng tôi nhìn Chăn và Slau (Người Nhái) y nói như đùa :

- Trông đoàn đi cứ như là "lính thủy đánh bộ" ấy!

Y nói rồi cười, nhưng chả có ai hưởng ứng, có lẽ vì mệt phải ôm, vác. Khi nãy, tôi đã hỏi lão Tập, chúng tôi chuyển đi đâu? Nhưng y đã lạnh lùng, cộc lốc:

- Cứ đi sẽ biết!

Thấy tên Thục có vẻ vui, tôi hỏi ngay:

- Thưa cán bộ, chúng tôi được chuyển về đâu mà đi bộ thế này?

Y nói cũng cộc lốc:

- K3.

Đi chừng hơn 2 cây số, thấy mọi người mang vác mỏi mệt, nên cán bộ cho nghỉ 10 phút. Giữa 2 bên là triền rừng khuất gió nên thật là oi ả, dù mới cuối tháng 3 sắp bắt đầu vào Hè. Thấy một anh Quyết Tiến cứ nhìn tôi như thiện cảm, tôi cười làm quen: Được biết anh là Nông Văn Hính, dân tộc Tầy, án của anh chung thân (hiện nay ở Cali), thuộc toán SWAN gồm 6 người:

1.

Nông Công Định toán trưởng, chiến đấu, chết trận, ngay ngày đầu đổ bộ.
2.

Đàm Văn Ngô phụ tá truyền tin, còn ở VN.
3.

Đàm Văn Tôn (Tầy) tử trận ngay hôm đổ bộ.
4.

Lý A Nhì toán viên, hiện ở Texas Mỹ.
5.

Nguyễn Văn Ban Tử hình, trong một vụ vượt ngục.

Toán Swan hầu hết là người dân tộc Tầy. Ra Bắc ngày 4 tháng 9-1963. Địa bàn hoạt động thuộc Bắc Cạn. Lại nhìn thấy một anh ngồi cạnh đấy, mặt mũi trắng trẻo, nhưng có nét trầm ngâm, tôi nhìn anh rồi cười như chào; không ngờ anh lại vồn vã nói chuyện. Được biết anh là Nguyễn Phước trong toán Buffalo, nhẩy ở Quảng Bình ngày 9/6/1964.

Toán anh gồm 9 người, hiện nay ở đây chỉ có anh, rồi liếc mắt chỉ tay một người, đang đứng nói chuyện với tên cán bộ lạ, tên anh ta là Trương Bá Ngữ, cùng toán.

Sau này tôi được biết, những anh trong toán Buffalo gồm có:

1.

Võ Khôn, toán trưởng, được tha về chết (ở VN?)
2.

Trương Bá Ngữ (hiện ở California)
3.

Lê Chất (không rõ) từ 12/72.
4.

Nguyễn Hóa Đều (chết ở trại Quyết Tiến cổng trời do bị cùm)
5.

Nguyễn Khôi (chết trong nhà kỷ luật)
6.

Nguyễn Huy (không rõ) từ 12/72
7.

Nguyễn Phước (không rõ) từ 12/72
8.

Lê Trang (không rõ) từ 12/72
9.

Trần Hiệu (không rõ) từ 12/72

Tuy buổi đầu gặp anh, nhưng tôi đã thấy thái độ của anh toát ra là không ưa Trương Bá Ngữ, cùng một toán Buffalo với anh. Gần trưa thì đoàn tù đến phân trại K3, một cái trại vừa phải (xấp xỉ phân trại E), chung quanh là 2 lượt nứa cả cây, chôn dựng đứng làm hàng rào của trại. Bên trong có 6, 7 ngôi lán dài cũng bằng tre, nứa và gỗ như nhà chúng tôi đã ở ngoài trại xây.

Sau khi vào trại, vào buồng, chúng tôi mới biết: Trại chia làm hai khu, chính trị và hình sự. Khu chính trị lại chia làm 3 là F1, F2, và F3. Chúng tôi được dồn vào một cái nhà gọi là F3, gồm gần 100 người. Mấy ngày sau F3 được chia làm 2 đội. Đội mộc hơn 3 chục người trong đó có Lê Văn Bưởi, Lầu Chí Chăn và tôi, do Trương Bá Ngữ làm đội trưởng. Tên Dương Đình Thắng, là cán bộ ở Quyết Tiến về phụ trách. Còn lại gần 6 chục người là đội xẻ, may và công việc linh tinh. Woòng A Cầu là đội trưởng, Nguyễn Xuân Sang đội phó.

Phân trại K3 trước đây chỉ dành cho hình sự, do tên Đại Úy Nguyễn Thành Cửu làm giám thị. Bây giờ có thêm tù chính trị, nhưng toàn là Biệt Kích, gián điệp, từ trong Nam ra Bắc hoạt động, bị bắt, vẫn do tên Cửu làm giám thị. Đội mộc hàng ngày ra lao động tại một cái lán con, trên dốc đồi cheo chéo phía trái, trước ban giám thị.

Có thể do những cảm nhận sẽ có nhiều chuyển biến của tình hình, nên khí thế lao động của toán mộc và xẻ ở K3 không còn nỗ lực, hăng say như trước đây nữa. Ngược lại, tên cán bộ Thắng ở QT về, lại tỏ ra rất nghiêm khắc trong sinh hoạt. Y người bé choắt, chỉ có cái lon trung sĩ, lúc nào mặt y cũng cau có; gần một tháng trời, tôi chưa hề nhìn

thấy một nụ cười nào của y. Không biết y được chỉ thị thế nào, trước toàn buồng F3 gồm mộc, xẻ, may, y tuyên bố:

- Hai người nói chuyện với nhau mà không có người thứ ba nghe thấy, là phạm nội quy, sẽ bị kỷ luật!

Tối nào cũng sinh hoạt rồi đọc báo 1 giờ cho tới khuya. Không khí ngột ngạt ngày đêm ép đè, không ai dám ngồi tâm sự chuyện trò với ai. Một hôm tôi nghỉ bệnh, đang ngồi nói chuyện với hai anh Đoàn Phượng và Lò Văn Cương cũng nghỉ ốm ở sàn dưới. Bỗng thoáng nhìn thấy máu chảy từng giọt xuống, từ sàn trên, chéo phía chân tôi ngồi chừng 2 mét. Tôi trèo vội lên, thấy Lưu Nghĩa Lương (hiện nay ở California) đang nằm sấp xuống sàn. Tôi vội vàng kéo tay Lương, hốt hoảng hỏi :

- Sao vậy em? Em làm sao vậy!

Cũng là lúc tôi đã nhìn thấy một vệt cắt dài ở tay Lương, trong khi đôi mắt Lương nhắm nghiền. Chạy vội ra phòng y tá, thấy có một người, tôi hổn hển nói ngay:

- Ở F3 có người tự tử!

Tên y tá theo tôi về F3, đã có 5, 6 người đang nhớn nhác trèo lên sàn trên ngấp ngó Lương. Sau khi tên y tá (sau này tôi biết tên y là Đại) trèo lên, y lại trèo xuống, rồi ra thẳng cơ quan chỗ giám thị. Mười phút sau, tên Đại y tá, một thượng sĩ lạ và tên Thắng vào trại, đến nhà F3. Phượng, Cương và mọi người đã về chỗ nằm của mình. Tên Đại về buồng y tá mang đến cuộn băng, cái kéo và một lọ thuốc rồi cùng tên Thắng trèo lên sàn trên.

Tuy tôi vờ nhắm mắt nằm, nhưng cũng không thể nghe được chuyện gì trên sàn Lương. Chừng 15 phút sau, cả 3 tên đều đi ra về phía phòng y tá, như cái máy, tôi phóng lên, thấy Lương nằm đắp chăn, tôi đặt tay lên vai, khẽ hỏi:

- Em có sao không?

Lương mệt nhọc, chậm chạp trả lời tôi :

- Em không sao đâu!

Liếc nhìn phía phòng y tá thấy bọn chúng trở ra, tôi lẹ làng về chỗ nằm. Cả 3 tên lại tiến vào F3; đứng ở cửa, tên Đại nói đủ nghe trong buồng:

- Lệnh ông cán bộ, tất cả những người ốm bịnh đều ra sân tập họp.

Đoàn Phượng, Cương tôi và 3 người nữa đều lục đục kéo ra sân. Tên Đại, cho đi gọi cả anh làm vệ sinh của trại; tất cả 7 người ngồi ở sân. Tên Thắng nghiêm mặt nói rõ ràng:

- Câu chuyện của anh Lương hôm nay, tuyệt đối khi trại về không được nói cho một ai biết. Nếu ai không kín miệng, sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Nói rồi y phẩy tay – Các anh về chỗ!

Vào buồng một lúc, thấy chúng đã ra khỏi cổng trại, tôi trèo vội lên, lật chăn Lương, nhưng Lương đã nhắm mắt im lìm như ngủ say. Trèo xuống chỗ nằm đã thấy các anh Cương và Phượng đang loay hoay hút thuốc lào. Tôi cũng sà đến làm một điếu!

Trong cảnh sống ngột ngạt, nghiêm ngặt ấy, mỗi người đều tự hiểu, tốt nhất là hãy "đậy" cái miệng của mình lại. Bởi vì nhiều lần, ai cũng thấy, khi có một tin tức gì lộ ra; có một tên antenne báo với cán bộ giáo dục, là ai nói tin đó. Cán bộ sẽ gọi người ấy lên hỏi, truy, cuối cùng sẽ đến gốc là ai. Vậy, phải tự hiểu để khỏi hậu hoạ lôi thôi, cứ im lặng là vô lo. Tôi, Phượng và Cương thăm hỏi nhau chuyện khác: Ngồi 3 người rất hợp pháp. Hôm ấy, tôi được biết sơ về anh Lò Văn Cương: Anh thuộc toán Dauphine gồm 5 người là các anh:

1.

Triệu Trung, toán trưởng (tử hình);
2.

Nông Đức Vũ, truyền tin (tử hình);
3.

Hoàng Tồn, toán phó (hiện ở Iowa);
4.

Lò văn Cương, toán viên (hiện ở VN);
5.

Đèo Văn Bạch, toán viên (hiện ở MA).

Toán này ra Bắc ngày 4/6/1963 địa bàn hoạt động tại Hà Giang.

Còn về anh Đoàn Phượng thuộc toán TELLUS gồm 4 người là các anh :

1.

Nguyễn Văn Ngô, toán trưởng (hiện ở San José);
2.

Nguyễn Cuông, toán viên (ở Mỹ);
3.

Đoàn Phượng, truyền tin trưởng (chết, vượt biên 1982);
4.

Đỗ Văn Tương, toán viên (hiện ở Mỹ).

Toán này ra Bắc 7/6/1963 địa bàn hoạt động tại Ninh Bình.

Cho đến trưa và chiều hôm ấy các toán của trại đi lao động về, không một ai biết, hay bàn tán gì về chuyện Lưu Nghĩa Lương tự tử.

Lợi dụng trong lúc vào nhà cầu, tôi chỉ nói nhỏ với Lầu Chí Chăn biết và cũng phải dặn kỹ, không nói cho người thứ 2 biết. Đến cả tuần sau, trong trại coi như không hề có sự việc Lương tự tử. Những khi chưa ngủ, nằm miên man suy nghĩ, tôi phải rùng mình kinh sợ, cho cái uy lực nhiều chiều ngang dọc của CS o ép con ngươi. Khoảng hơn 10 ngày, khi vào K3, tôi biết trong khu F1, F2 có hơn 50 Biệt Kích, từ trại trung ương số 2 Phong Quang, Yên Bái chuyển về

K1 (Khu nhà xây số 3). Rồi tách làm 2 khi chuyển vào K3 thành F1, F2 trước chúng tôi 3 ngày. Do đấy K3 có khoảng 150 Biệt Kích và chừng 350 hình sự lưu manh, tất cả trại trên 500 người.

Trong một cái trại hơn 500 người tù, như một cái xã hội thu nhỏ. Trước đây ở các trại giam khác, cuộc sống lao tù thật đơn điệu, ngoài những chuyện đục, cưa, bào, xẻ, tắm rửa, ăn uống con cá, lá rau. Mà cũng không có con cá lá rau mà bàn, cho nên khi có một chuyện gì đặc biệt một chút, cứ ghé tai truyền miệng nhau, trong một ngày là cả trại đều biết. Cái tâm lý khao khát, tò mò, muốn biết chuyện lạ trong một nơi cùng khổ, nó đòi hỏi ghê gớm lắm.

Thế mà cái chuyện tự tử của Lưu Nghĩa Lương, cắt tay máu chảy có dòng xuống sàn dưới, cứ im thin thít như thịt nấu đông. Càng suy nghĩ, càng thấy cái sức ép ngầm của CS, khủng khiếp thật.Tôi thấy cuộc sống như thế thì sống làm gì, tôi không chịu được nữa.

Tôi bàn riêng với Chăn, mình phải chịu trận trước, rồi sao cũng được! Thế là ngày thứ Bảy cuối tháng 5, Chăn và tôi đường hoàng ở trong sân khu F3, hai người đứng riêng ra một góc sân, đi đi, lại lại, tâm tình nhỏ to chuyện trò. Ngay buổi chiều hôm ấy Trương Bá Ngữ và Vòng A Cầu được gọi ra khu giám thị về, yêu cầu F3 (mộc, xẻ) sinh hoạt có cán bộ Dương Đình Thắng chủ trì, để truy bức 2 người, Lầu Chí Chăn và Đặng Chí Bình chống phá và vi phạm nội quy.

Rất nhiều anh em thân quen lo cho chúng tôi, thế nào cũng phải đi kỷ luật và hạ mức ăn. Như trên tôi đã trình bày, nếu có phải đi kỷ luật, chúng tôi đồng ý chấp nhận. Khoảng 4 giờ chiều tên Thắng vào hội trường khu F3, gọi cả người ốm, bệnh ra hội trường sinh hoạt. Sau khi gần 100 người tụ tập đông đủ ở hội trường, tên Thắng mặt lạnh như tiền ngồi chủ tọa, có Nguyễn Xuân Sang toán phó (mộc) ngồi ghế bên cạnh ghi biên bản.

Để cho một phút mọi người im lặng trong không khí nặng nề, tên Thắng gằn giọng nhìn tôi và Chăn.

- Anh Bình và anh Chăn hãy đứng dậy!

Tôi và Chăn đều đứng lên một cách miễn cưỡng, xa nhau 5, 6 người; tên Thắng cũng đứng lên và cao giọng:

- Sáng nay, những ai đã trông thấy 2 anh Chăn và Bình nói chuyện riêng ngoài sân?

Có hơn chục cánh tay chậm chạp đưa lên. Y quay lại Chăn và tôi vẻ hằn học:

- Hai anh ngang nhiên chống phá và vi phạm nội quy một cách trầm trọng; hôm nay tôi cho phép tổ, toán hãy mổ xẻ, phân tích phê bình giúp đỡ để hai anh, thấy được mức độ sai trái của các anh.

Một anh tôi chưa quen đầu cắt cao, mặt hơi tròn, giơ tay xin nói. Còn 2, 3 người nữa cũng giơ tay xin phát biểu, qua nét mặt và thái độ, tôi thấy còn mấy anh nữa cũng còn muốn giơ tay. Tên Thắng chỉ tay cho anh mặt hơi tròn, đầu cắt cao phát biểu trước. Giọng anh hơi khàn, nhưng thái độ thật mạnh bạo:

- Thưa cán bộ, ngay trước mặt mọi người anh Chăn và anh Bình, đường hoàng rủ nhau ra một chỗ vắng, để nói chuyện riêng. Như vậy là các anh đã coi thường nội quy của trại và đã bỏ ngoài tai, lời cán bộ mới nhắc nhở nửa tháng trước đây.

Tên Thắng gật gật gật đầu, có vẻ thoải mái, y chỉ tiếp một anh khác đã giơ tay. Anh này người nhỏ bé, mặt hơi gầy gầy, tôi cũng chưa biết tên. Giọng anh nhỏ nhẻ, từ tốn:

- Thưa cán bộ, sáng nay tôi thấy hai anh thì thầm, to nhỏ ở chái hội trường, trong khi toàn buồng không một ai nói

chuyện với nhau mà không có từ 3, 4 người trở lên. Tôi nghĩ rằng anh Bình và anh Chăn là thợ giỏi, thường đóng hàng cho cán bộ, mới dám ngang nhiên như thế. Tôi đề nghị các anh phải hoàn toàn chấp hành, nội quy của trại.

Thấy còn một số anh em nữa định phát biểu, tôi thấy không có gì khác hơn, nên tôi giơ tay xin nói. Tên Thắng và một số anh em có vẻ hơi ngạc nhiên, cuối cùng tên Thắng vẫy tay đồng ý cho tôi nói. Tôi nghĩ rằng cứ thong thả mềm dịu là tốt nhất, tôi nói với một thái độ nhã nhặn:

- Thưa cán bộ và toàn thể anh em trong buồng F3. Trước hết tôi phải cám ơn cán bộ và các anh em đã có buổi họp này, để giúp đỡ chúng tôi. Tôi thấy rằng không gì bằng là tôi xin trình bầy hết những suy nghĩ trong lòng tôi. Ở bất cứ tập thể nào đều cũng có nội quy, nhất là ở trong trại giam. Vì ý thức như thế, nên tôi đã có 10 năm ở trại giam rồi, tôi chưa hề vi phạm hoặc khi nào chống đối nội quy, từ ở Hỏa Lò, phân trại E rồi K1, cho tới K3 này. Từ khi cán bộ ra chỉ thị: "Hai người nói chuyện, không có người thứ 3 nghe thấy, là phạm nội quy". Từ ngày ấy hơn một nửa tháng nay, khí thế lao động, hăng say sản xuất của F3 đã giảm thấy rõ ràng đã gây ra một không khí căng thẳng và anh em rất khó thực hiện được chỉ thị của cán bộ trong lao động (vì lý do khác, nhưng tôi cứ níu kéo vào đây để bảo vệ, để tăng cường cho ý kiến của mình). Bây giờ một cặp xẻ, mỗi khi phải bàn nhau một điều gì khi gặp trở ngại về nghề nghiệp, lại phải gọi một người thứ 3 đến chứng kiến hay sao? Một cặp quai bễ lò rèn cũng vậy. Tôi và anh Chăn đang đóng một cái giường đôi đặt, cho ông Cửu (giám thị K 3) chúng tôi đang gặp khó khăn nghề nghiệp, nên anh Chăn và tôi rất băn khoăn, ăn ngủ không yên (điều này tôi đã nói với Chăn trước). Chúng tôi sáng nay đang thảo luận với nhau sao để thứ Hai này, chúng tôi giải quyết cái giường ấy cho ổn. Vả lại, 10 năm ở trại giam, tôi chỉ học thuộc và thi hành 4 tiêu chuẩn cải tạo, và 6 điều nếp sống văn hóa mới, mà thôi. Tôi chưa thấy cái nội quy nào hai người không được trò chuyện với nhau cả.

Trong khi tôi nói đến chỗ bàn nhau đóng giường, anh Chăn cũng giơ tay thừa nhận, tôi nói là đúng sự thật.

Tên Thắng sạm mặt xuống, trong khi anh em mặt lại tươi lên, mắt các anh sáng lên nhìn tôi. Tên Thắng đứng lên định nói gì đó… Thì cũng là lúc tiếng kẻng giờ lấy cơm, nên tên Thắng xua tay nghỉ buổi họp. Đặc biệt, không phải đọc lại biên bản sinh hoạt buổi họp như mọi khi. Anh chàng Vòng A Cầu của toán xẻ và may cứ nhìn tôi cười. Ngay buổi tối hôm đó, cái anh người nho nhỏ, mặt gầy đã đến nói chuyện với tôi và Chăn, tỏ vẻ hãy thông cảm. Tôi đã bắt tay anh và vồn vã thăm hỏi anh,

Được biết anh là Thân Văn Kính, án chung thân. Toán của anh là PEGASUS gồm 6 người. Ra Bắc 20/2/1963. Địa bàn hoạt động thuộc Lạng Sơn. Toán gồm có:

1.

Thân Văn Kính, toán trưởng;
2.

Hứa Viết Cóc, toán phó (tử trận, trong chiến đấu ngay khi đổ bộ);
3.

Lương Văn Phổ, truyền tin, không rõ từ 12/72;
4.

Bành Viết Kim, toán viên, chết ở trại QT;
5.

Hà Văn Thưởng, toán viên, bị tử hình trong một vụ trốn tù ở Yên Thọ;

6.

Hoàng Văn Vân, chung thân, hiện ở Atlanta.

Sau đó, cái mặt anh hơi tròn, đầu húi cao cũng đến nói chuyện với chúng tôi, ý nói anh phải tỏ ra tiến bộ nên phát biểu vậy. Tôi nói là rất hiểu, không sao đâu. Và tôi thăm hỏi về toán của anh. Được biết anh là Bùi Văn Ân thuộc toán Bart. Gồm 5 người, ra Bắc 4/6/1963, địa bàn hoạt động thuộc tỉnh Nghệ An. Toán của anh gồm có:

1.

Bùi Văn Ân, toán trưởng, hiện ở Oregon;
2.

Đinh Văn Chúc, chết ở Gia Kiệm, Sài Gòn (về nhà chết);
3.

Nguyễn Khắc Định, chết ở Rạch Giá (được tha về chết);
4.

Nguyễn Văn Tập, chết ở Gia Kiệm (tha về mới chết);
5.

Trần Văn Thành chết ở trong tù.

Khoảng cuối tháng 5/72, hơi chéo phía trước trại giam K3 đã dựng rất nhanh 4 cái nhà con, do nhóm làm nhà của Vòng A Cầu làm. Mỗi cái chiều rộng chừng 3m, chiều dài khoảng 4m; đề những con số to 1, 2, 3 và 4 mầu đen, phía ngoài vách nứa. Chúng tôi trong trại nhìn ra, cũng như khi đi làm qua, không hiểu chủ trương 4 căn nhà đó để làm gì? Chừng vài ngày sau, khi đi làm ở lán thủ công, lại nhìn thấy ở sân ban giám thị K3, có một chiếc xe bus rất to và dài. Có nhiều người mặc thường phục, ra vào mấy cái nhà to, của khu giám thị.

Ngày hôm sau, khu F3 tập họp đi lao động, cán bộ trực trại gọi 4 người ở lại để gặp cán bộ là Đặng Công Trình, Thân Văn Kính, Lê Văn Bưởi, Lý Văn Chung tức Ngô Quốc Chung.

Chúng tôi đi làm, ai cũng băn khoăn không hiểu thế nào? Mãi trưa hôm ấy đi lao động về, tôi tìm mọi cách để hỏi thăm các anh. Anh Ngô Quốc Chung, rất kín đáo, ngại ngần. Anh nói cán bộ dặn tuyệt đối về trại, không được nói với bất kỳ ai, buổi gặp cán bộ hôm nay: Không nói một điều gì với bất cứ ai đến thăm hỏi, nếu không anh sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Cuối cùng tôi không hề biết một tí gì. Những ngày sau đó, tôi tìm hiểu được biết sơ lược về anh.

Anh bị mất một mắt ở điểm nhẩy ngày 4/ 7/1963, anh là toán trưởng toán PACHER. Địa bàn hoạt động thuộc Lào Cai. Toán anh gồm 5 người:

1.

Lê Văn Can, hiện nay không biết;
2.

Phạm Quang Cảnh, ở lại miền Bắc;

3.

Vàng Văn Chương, không rõ từ 12/72;
4.

Đỗ Văn Thảo, không rõ từ 12/ 72;
5.

Riêng anh Ngô Quốc Chung, sau này do giấy tờ lẳng nhẳng, ghép chuyện vợ con nên phái đoàn Mỹ từ chối, không thể đi HO. Hiện nay anh vẫn ở VN, không rõ sống hay chết (mới đây, đầu 2004, tôi được biết anh Chung đã được đến Mỹ, nhưng tôi chưa có dịp nói chuyện với anh).

Tôi thăm hỏi với anh Thân Văn Kính cũng nhã nhặn từ chối (anh Kính chết 3/5/2000 do bệnh ung thư ở Atlanta). Mãi tới hôm đó tôi mới gặp được anh Đặng Công Trình, anh đã hiểu tôi nên anh tin, mới cho tôi biết:

- Họ có vẻ là cán bộ của bộ, rất hoà nhã, lịch sự, mời thuốc lá uống trà; đàm đạo như bạn bè. Cán bộ chỉ hỏi thăm sơ về toán ra Bắc bao giờ, nhẩy ở đâu v.v… Đặc biệt họ rất quan tâm: Ở những trại nào? Bị cùm kẹp ra sao? Có cán bộ nào ức hiếp? Hiện giờ có khỏe không? Có bệnh tật gì không v.v…

Anh Trình có cảm tưởng cán bộ đó là người của phía bên mình, tức là của chính quyền miền Nam.

Sơ lược tôi biết về toán anh Trình: Tên toán SCORPION. Toán của anh gồm 7 người :

1.

Nguyễn Xuân Phương, toán trưởng không rõ từ 12/72;
2.

Nguyễn Văn Chỉnh, toán viên hiện ở TX Hoa Kỳ;
3.

Nguyễn Văn Khải, toán viên không rõ từ 12/ 72;
4.

Vũ Đình Nghị , toán viên chết ở trong tù trại QT;
5.

Nguyễn Văn Thưởng, toán viên, hiện ở TX Hoa Kỳ;
6.

Đinh Quý Mùi, anh này không về K3 phố Lu, Lào Cai.
7.

Đặng Công Trình, toán phó, án chung thân. Anh đã chết ngày 21/8/1996 lúc 11 :30 AM tại Cali, do bị tai biến mạch máu não.

Toán anh ra Bắc ngày 17/6/1964, địa bàn hoạt động thuộc Yên Bái.

Còn anh Lê Văn Bưởi, cũng nói như anh Đặng Công Trình, anh Bưởi là người đi lẻ (điệp viên) như tôi. Tôi đã trình bày chi tiết về anh ở tập 3 Thép Đen. Một điều đau lòng là, anh Bưởi đã chết ở NY (Hoa Kỳ) ngày 27/ 10/ 1995, sau khi anh sang Mỹ diện HO được 3 năm. Tôi đã đến thăm mộ anh ở NY năm 1999. Anh Lê Văn Bưởi chết vì bệnh ung thư màng óc. Vợ con anh còn ở Đà Nẵng, VN.

Rồi từ đấy, buổi sáng, buổi trưa, mỗi ngày 2 lần, họ lần lượt gọi các anh ở F3; cũng có khi gọi F1, F2 có cán bộ vũ trang đi kèm sát ra tới các buồng con. Mục đích họ không cho F1, F2, có thể liên lạc được với F3 phía bên ngoài.

Một buổi chiều Chủ Nhật, chúng tôi đang ngồi tụm ba, tụm năm, ở hội trường, vừa hóng thở một chút không khí trong lành, vừa chờ kẻng cơm chiều. Bỗng nghe thoáng mấy tiếng gào thét, phía căn nhà số 3 bên khu hình sự. Nhiều người chúng tôi, đều tiến ra cổng khu F3 nhìn sang. Cửa nhà số 3 vẫn khóa, bên ngoài cửa, ngay ở dưới sân có 2 em hình sự chừng 18, 20 tuổi bị trói giật 2 tay ra sau lưng, đang lăn lộn khóc, rên la. Hai tên công an thỉnh thoảng lại đá rồi đạp cả hai em hình sự nằm dưới sân, các em kêu gào thảm thiết. Trong khi còn một tên CA nữa đang cầm một đoạn gỗ như cái cán xẻng, thẳng tay giáng xuống 2 cái tay, thò ra ngoài chấn song của cánh cửa, bị khóa cái còng số 8. Tiếng hét ré lên:

- Gẫy, đứt tay của con rồi! Con lậy ông cán bộ!

Những tháng trước đây, nhiều ngày, tôi cũng có nghe thấy những tiếng la thét phía bên hình sự, đêm cũng như ngày, nhưng tâm trạng của tôi khi ấy : chính mình cũng chưa biết khi nào về lòng đất, huống chi chuyện thiên hạ, chuyện của đời, xin mặc cho đời; tôi không còn quan tâm. Nhưng hôm nay, đứng nhìn cảnh này, dạ tôi xót xa đầy vơi, tâm tư triền miên trong niềm sầu tê tái. Tôi chợt nhìn thấy mầu đỏ ối ở đôi tay bị khóa ở cửa, mầu đỏ loang lổ cả dưới đất. Ba tên công an VC tụm lại nói gì với nhau, rồi cùng hè nhau đá, đạp túi bụi vào 2 em đang nằm dưới sân, một giọng khàn khàn rên rỉ thốt ra ngay trong đám anh em:

- Đừng đánh nữa! Người ta chết mất!

Rồi một người nữa, nói như than van trong nghẹn ngào:

- Cùng đồng bào, sao mà ác nghiệt thế!

Tôi quay lại, ra bác Dâng, mặt bác mếu xệu như khóc. Trong khi một tên CA, hung hãn một chân đứng trên ngực, một chân gi gi trên mặt một em nằm dưới đất: Không còn tiếng rên la, tôi đã thấy mầu đỏ, chảy ra loang lổ. Một tên CA quầy quả vào phía trong, rồi y cùng với tên Đại y tá trở lại, khênh cả hai em khuất về bệnh xá. Hai tên CA còn lại, mở cửa buồng, mở khóa tay, em hình sự cũng đã bị ngất xỉu, chúng khênh em ra để ở sân. Một tên khóa cửa buồng, rồi cùng đi theo, khi chúng khênh em bị xỉu dưới sân, khuất vào phía trong.

Tất cả chúng tôi, mặt người nào cũng buồn rười rượi, tôi kéo tay anh Bưởi đi vào buồng. Cả đêm hôm ấy, tôi cứ thao thức mãi về một cảnh đời thương đau, tôi chứng kiến. Chỉ hai ngày sau, F3 chúng tôi được tập họp lại, bốn, năm tên cán bộ của Bộ vào tuyên bố: Từ nay chúng tôi được ăn chế độ bồi dưỡng, riêng về gạo tất cả đều ăn mức 18 kg. Từ đấy sáng cũng như chiều, ngày nào bữa cơm cũng có đủ thịt cá. Lại còn được tuyên bố: Cứ 5 ngày lại có một bữa liên hoan, có kẹo bánh, thịt cá ê hề.

Từ buổi chúng tôi chứng kiến cảnh CA đánh các em hình sự (không biết vì lý do gì), mấy ngày sau, tôi tìm cách đến thăm hỏi chuyện bác Dâng. Không ngờ đây là nhóm thủy thủ Hải Thuyền đầu tiên bị bắt ở miền Bắc. Nhóm của bác gồm 10 người bị bắt ngày 14/ 1/ 1962. Như thế nhóm của bác đã bị bắt trước tôi 5 tháng, khi ấy tôi còn ở Sài Gòn. Tôi tò mò để hỏi những người trong nhóm là đưa ai (điệp viên) đi, nhưng các bác chỉ nói một người chừng 4 chục tuổi. Tôi hiểu và thông cảm, làm sao các bác biết được tên tuổi người mà các bác đưa đi, cũng như tôi. Nhóm thủy

thủ này gồm 10 người :

1.

Bác Vy Văn Dâng, thuyền trưởng, đã đến Mỹ, chết ở Sacramento.
2.

Trần Văn Cương, Hiện nay (16-03-2004) ở San José.
3.

Nguyễn Xuân Đình ở Los Angeles.
4.

Lê Văn Đức, không rõ từ 12/ 72.
5.

Nguyễn Xuân Hạ, chết ở Cali tháng 12/ 1995.
6.

Trần Văn Nhung ở Sacramento.
7.

Hoàng văn Sỏi ở Sacramento.
8.

Đỗ xuân Thành ở Sacramento.
9.

Nguyễn Văn Trình, không rõ từ 12/ 72.
10.

Nguyễn Quốc Tuấn , không rõ từ 12/ 72.

Sau nhiều hiện tượng, thái độ của các cán bộ của Bộ, của trại và trao đổi một số anh em Biệt Kích, đã nhiều lần được gặp cán bộ của Bộ; rồi chính bản thân tôi đã phải gặp họ 2 lần, tôi đã dự đoán được ý đồ và chủ trương của họ. Vì chưa đủ yếu tố để khẳng định, cho nên tôi phải dùng từ ngữ "Có Thể": Có thể họ đang chuẩn bị để rồi sẽ ký Hiệp Định Paris đã dằng dai mấy năm rồi, nên họ dành quyền chủ động trước.

Chúng tôi biết, những Biệt Kích gián điệp này, VC không hề muốn trao đổi, hay trao trả cho phía Mỹ và VNCH. Vì như thế có khác gì thả hổ về rừng, để rồi phải lo hậu họa? Với những điều khoản của hiệp nghị, có thể họ không thể lắt léo, chuyển đổi lập lờ, đánh lừa nhiều khâu theo bản tính của họ (CS) được. Vạn bất đắc dĩ phải trao trả những Biệt Kích gián điệp này, CS phải nghiên cứu sao, để coi như đã cắt gân chân hết. Chúng có được về rừng, thì cũng chả còn làm gì được phiền toái, cho họ sau này.

Nguyên tắc bản chất của CS là: Bất kể kẻ thù nào, nếu ai hiểu được những hiểm độc, lật lọng, tráo trở của chúng, hiểu đến chừng mực nào; CS nham hiểm, quỷ quyệt là 10. A hiểu cái đó đến 4, B hiểu đến 3, C hiểu đến 7.Tùy theo để chúng có kế sách đối xử với từng loại. CS kỵ nhất là ai hiểu hết cái tẩy đen của chúng.

Tướng, tá, chính khách, hay học giả uyên bác mà chưa hiểu hết tẩy của CS. Không những chúng coi thường, mà còn tìm cách lợi dụng những điều chưa hiểu chúng. Nhưng một anh địa phương quân, một ông cha, một ông sư, hay một người bình thường dân dã, mà lại hiểu hết tim độc của CS, thì chúng thấy nguy hiểm hơn, chúng kỵ nhất. Nó sẽ tìm đủ mọi cách để tiêu diệt, hoặc hoá giải. Nếu không được thì chúng tìm cách hạ uy tín, hoặc mượn tay của kẻ khác giải quyết v.v… CS có trăm phương ngàn kế cuối cùng sao cho, ai chúng kỵ, cũng trở thành vô hiệu hóa.

Những người bộ gọi lên, bộ hành xử mỗi Biệt Kích mỗi kiểu, mỗi cách, mức độ khác nhau. Cá nào thì mồi nấy. Cán bộ hết sức nhã nhặn, bắt tay, vỗ vai coi như anh em một nhà, người cùng một nước. Nhẹ nhàng, khoét sâu những nhược điểm của Biệt Kích, gián điệp, của xã hội miền Nam, của Mỹ (xã hội nào, cá nhân nào chả có nhược điểm, chỉ ít nhiều và loại nhược điểm khác nhau).

- Anh bị cùm kẹp, tù đày bao nhiêu năm? Như thế thật tội nghiệp cho anh!

- Anh mất hết cả tuổi trẻ, tuổi hoa mộng! Anh thật may mắn, được sống sót đến ngày nay.

Y hỏi với thái độ và đôi mắt thật thương cảm; rồi y nhấn mạnh :

- Người đau khổ hơn cả là cha mẹ anh, vợ con anh v. v… Có khi nào, anh suy ngẫm, truy nguyên là do đâu không? Anh có biết hiện nay, những tên đã dạy anh, cấp chỉ huy của anh, chúng nó bây giờ ra sao không? Không những họ đã quên các anh rồi ! Họ đào tạo xong một người, đẩy sang khỏi vĩ tuyến là lĩnh thưởng, lĩnh lương, hết trách nhiệm!

Trong khi Mỹ vẫn đài thọ lương năm, lương tháng của các anh, nhưng chúng đã lắt léo, tìm cách ăn chặn hết. Bố mẹ, vợ con của các anh vẫn khổ cực, lầm than. Vẫn phải chạy chọt cuộc sống, miếng ăn hàng ngày kết hợp với niềm thương nhớ, cùng với bao nhiêu nước mắt vì anh. Nói đến đây, thì hẳn anh đã nhận ra, cái nguyên nhân rồi?

Nếu chính quyền miền Nam, cán bộ miền Nam không hề ăn chặn lương của Biệt Kích gián điệp. Sự khêu gợi này đã làm cho chúng tôi phải suy nghĩ nhiều rồi. Huống chi, trong muôn một lại có hiện tượng, một số cán bộ ở Long Thành hoặc ở khâu khác, tìm cách ăn chận. Thậm chí còn lường gạt những người vợ trẻ, khi đi lĩnh lương của chồng là Biệt Kích, mới cưới bị bắt ngoài Bắc. Đem vợ con của người ta đi hết khách sạn này đến khách sạn khác. (Sự việc này có thật, người thực, việc thực, tôi chưa muốn nêu tên) .v. v… Sự gây phân hóa này càng hữu hiệu thần kỳ. Chúng biết chỗ mạnh của chế độ tư bản, tự do; chúng cũng biết và biết rất rõ những cái nhược của chúng ta.

Mới chỉ hơn một tháng bồi dưỡng ăn uống, tuy không nói là đầy đủ, nhưng không còn đói nữa. Hằng ngày, nhìn nhau anh nào cũng lên cân, lại sức trông thấy. Cũng như một cái cây, lâu ngày cằn cỗi vì thiếu nước, giờ đây tưới bón đầy đủ thì nó lớn trông thấy. Hơn nữa, cái tinh thần mới quan trọng, mỗi người biết bao nhiêu hy vọng, huy hoàng mơ mộng, xây đắp mộng ngày mai, cho nên trông ai cũng mắt sáng long lanh, da dẻ hồng hào trở lại. Cụ thể nhất là Lầu Chí Chăn (Người Nhái) hay Đèo Văn Bạch anh nào cũng to lớn khác thường.

Qua phương cách bí mật liên lạc với trong F1 và F2 chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng có phần khác với F3. Chúng tôi được biết, trong F1 và F2 mỗi người được phát một cái khăn mặt, một bàn chải và một tuýt thuốc đánh răng. Trong khu lại có lược, kéo, dao cạo, tông đơ để cắt tóc cho nhau. Bên F3 hoàn toàn không có những thứ đó (hẳn ai cũng biết vì sao rồi).

Chiều hôm qua Chăn gọi tôi ra hội trường F3 nói chuyện, tâm sự (hai người chuyện trò, không còn ai để ý nữa). Từ cái buổi sinh hoạt toàn buồng, để tố Chăn và tôi. Cũng có thể là do đúng lúc tuyên bố chế độ bồi dưỡng, nên mới cởi mở thế chăng? Chăn và tôi đang nói chuyện, Nông văn Hính cũng kéo đến rồi cả Lưu Nghĩa Lương nữa. Chúng tôi pha trà để câu chuyện thêm ấm cúng, Lầu Chí Chăn hỏi nhỏ:

- Tại sao F1, F2, lại có chế độ bồi dưỡng khác chúng ta? Anh có đoán ra không?

Đắn đo một lúc rồi tôi cũng nói:

- Chăn hỏi thế thì tôi cũng tịt thôi, nhưng tôi cứ dự đoán, chả biết có đúng hay không?

Chăn, Hính, Lương đều khích lệ :

- Cứ nói đi! chả đúng cũng không sao?

Thấy anh em ủng hộ, khích lệ tôi cũng nói đại :

- Đã gần một tuần nay, tôi cứ suy nghĩ về điều này mãi, lối nào cũng có mâu thuẫn, nên lại phải gạt đi. Chỉ còn hướng này có khả dĩ tạm thời chấp nhận. Hầu hết anh em Biệt Kích ở F1, F2 so với chúng ta đều là người mới. Họ ra Bắc từ 1965 trở đi, thậm chí có toán mới năm 1967 vừa đây. Như chúng ta đã biết mánh khoé CS: "Cá nào, mồi nấy". Những người ra sau, mới tù ít, chưa hiểu hết cái ểu giả, độc hiểm, trắng trợn, muôn mầu đổi thay của CS, như chúng ta nên họ mua kiểu khác. Người nào hay loại nào đã hiểu hết cái độc hiểm của chúng, thì chúng không cần mua nữa, chỉ có thủ tiêu hay giết.

Cả 3 người đều gật gật đầu, Hính nói:

- Anh Bình nói có lý đấy! Nhưng tại sao nhiều người cứ bị lừa mãi?

Nói về sự nham hiểm, lừa lọc của người CS; tôi nhớ đến lời của Đức Khổng Phu Tử xưa có nói với học trò: "Lý luận mà không giản đơn, hoặc phải lấy thí dụ cho người khác hiểu, thì chính người đó không có khả năng".

Vậy tôi xin trình bày thế này:

- Nói về cái tài lừa lọc gây chia rẽ, chọc vào những huyệt mâu thuẫn, của từng loại người thì không ai bằng VC. Nó nguy hiểm ở chỗ; người bị mắc lừa ở mức độ, khác nhau mà vẫn không biết. Tôi xin thí dụ: Ngay cá nhân với cá nhân, giữa anh A và B, do mồm mép, tâm lý thu phục tình cảm. Nghĩa là do cái tài che giấu của anh A đã làm cho anh B thương cảm, tin tưởng để rồi A đã làm một cú lừa ngoạn mục đối với B. Như vậy sau này, đừng hòng bao giờ dùng miệng lưỡi, dùng phương pháp này nọ mà anh A lừa anh B lần thứ hai. Thế mà, xin các anh hãy nhìn bằng sự thật, việc thật, hãy nhìn ngay vào quê hương đau khổ, mộc mạc của chúng ta: Từ cái thời Sô Viết Nghệ Tĩnh 1930, thời mặt trận Bình Dân, với tờ báo Le Travail ở Hà Nội, ta cũng không bàn đến vì xa quá. Hãy nói từ cái gọi là Cách Mạng Tháng Tám 1945, chính phủ liên hiệp với bao nhiêu thành phần quốc gia. CS gây mâu thuẫn xúc xiểm giữa những thành phần quốc gia với nhau. Phần khác, chúng bí mật thủ tiêu, nhưng nó lập lờ đánh lạc, để rồi những đảng phái, đoàn thể nghi ngờ lẫn nhau. Cuối cùng CS đã lừa được biết bao nhiêu người. Rồi diễn tiến cho tới Hội Nghị Genève 20-7-54. Một nửa nước bị lừa, điển hình là ông Thẩm Hoàng Tín, dược sĩ, đương kim thị trưởng thành phố Hà Nội.

Chương 4

NĂM CON ĐỈ CỦA NHÂN DÂN

Trời đã bắt đầu vào Thu, tiếng ve sầu nỉ non ở những đám cây rừng, chung quanh trại đã thưa dần. Cái mầu vàng ươm ươm của trời Thu làm cho cảnh vật sạm lại, như chiếc đỉnh đồng hoen rỉ. Dăm chiếc lá vàng rời cành sớm, la

đà, chao đảo, lửng lơ như nhõng nhẽo với nàng Thu, cả một năm mới mò về. Một buổi trưa tôi đang thơ thẩn một mình ở hội trường để chào đón cô Thu đã trở lại; để hít thở cái hơi nồng nàn của nàng Thu đã đến thì.

Những tiếng xôn xao ở phiá cổng của F3, đã kéo tôi về trại tù K3. Đã từ hơn một tháng nay, thường buổi trưa có các em phía bên tù hình sự, kéo sang phía cổng khu F3, để xin cơm và những thức ăn thừa. Tuy chẳng có đâu mà thừa. Có thể các anh, các bác khu F3 do tình thương yêu, lá rách ít, đùm bọc lá rách nhiều, nên đã cố dành lại ít cơm canh, có thể được để chia xẻ với các em bên đó. Chính tôi và Chăn cũng có một buổi trưa mang cho một em ghẻ, lở, lại què chân, và một em cụt tay, hai suất cơm không, như một sự cảm thông nỗi bất hạnh của nhau.

Đặc biệt trưa nay có đến hơn một chục em, có cả một vài người lớn tù hình sự đứng phía ngoài cổng F3, thò những bàn tay gầy, khẳng khiu ghẻ lở vào xin ăn. Cũng hơn chục anh Biệt Kích, người thì bát cơm, bát rau; người thì vài miếng thịt với tí nước, miếng bánh mì chưa ăn hết, khúc xương heo còn chút thịt gân chưa gặm, đều đưa ra cho các bạn tù hình sự. Các em và các anh tù hình sự đã tranh giành nhau, cãi nhau như mổ bò, để rồi tên cán bộ trực trại phải đến quát tháo, đuổi đi. Tự nhiên một anh hình sự, đứng ở giữa sân gào lên:

- Sao các ông nói, bọn Biệt Kích gián điệp là ác ôn, hay ăn gan, uống máu đồng bào, mà bây giờ các ông lại cho họ ăn thịt cá ngon thế? Còn chúng tôi là con đẻ, của nhân dân thì khổ thế này?....

Tiếng gào của anh tù hình sự, làm cho chúng tôi và cả tên trực trại ớ ra... ngỡ ngàng. Tên trực trại sạm mặt lại mấy giây, rồi y quay ra phía tên hình sự quát rổn rảng:

- Họ, bây giờ khác; rồi đây đảng còn cho họ ăn không hết, đổ đi nữa đó. Các anh cũng không được phân bì!

Thấy những chuyện khó nghe, khó nhìn, tôi kéo tay Hính và Chăn đi vào buồng. Buổi tối hôm ấy, sau khi cán bộ trực vào buồng điểm xong bước ra, anh Nguyễn văn Tâm kỹ thuật tổ may, đứng giữa buồng nói to:

- Tôi được lệnh của cán bộ, xin các anh vui lòng lần lượt đến tôi để đo, sau này cắt may quần áo!

Cả buồng xôn xao suy đoán, là sắp được trao trả rồi. Nhất là, từ ít tuần nay, ra đường chúng tôi được gặp cán bộ trại, nam cũng như nữ cho đến cả anh Đại y tá, thái độ tình cảm, niềm nở khác thường. Thậm chí bà Hoàng cán bộ y tế của trại, khi bất ngờ gặp tôi trước khu ban giám thị, đã cong cớn chì chiết:

- Về miền Nam, thì đừng quên miền Bắc nhé!

Tôi chỉ cười, mà không nói gì; tôi hiểu chuyện đời không đơn giản như 2 + 2 = 4. Nhưng nhìn lại mọi vấn đề, từ hiện tượng, đến thái độ lời nói của cán bộ của Bộ, của trại kể cả giám thị trưởng là ông Nguyễn Thành Cửu cũng thế. Một hôm tôi ở ngoài lán mộc, ông ghé qua xem cái giường đôi, tôi và Chăn đang làm dở. Trong một câu chuyện vui ông vồn vã nói :

- Sau này, anh còn làm gì đến cái nghề này nữa?

Tôi coi như ông ta nói đùa nên trả lời:

- Thưa ông, đây là nghề kiếm cơm của tôi, đảng và nhà nước đã giáo dục dậy cho tôi cái nghề này, làm sao tôi bỏ được!

Tóm lại với cái nhìn và cái hiểu của tôi, từ cán bộ Bộ, cán bộ trại họ đều đinh ninh, tin tưởng là số Biệt Kích gián điệp này, sẽ được trở về với gia đình ở trong Nam. Đến ngay bản thân chúng tôi, hầu như ai cũng nghĩ như thế (Họ làm

sao hiểu được chủ trương, thâm mưu của Bộ Chính Trị?). Riêng tôi, nhiều đêm ngày nghĩ suy, qua sách vở, qua phim ảnh kết hợp với kiến thức của mình. Rất nhiều sự việc trong Thế Chiến I và II, chuyện cổ, chuyện kim cho tôi hiểu đừng thấy đỏ mà kết luận là đã chín. Ông bà mình vẫn thường ca thán: Leo cây đã đến buồng rồi, mà vẫn không được ăn v.v...

Có những chuyến tàu trao trả tù binh; ra tới giữa biển thì nổ tan tành, chìm mất tiêu cả người áp tải, đến tù binh. Vậy phải thận trọng tối đa, với điều kiện có thể. Suy nghĩ như vậy, một buổi tối cuối tuần, tôi đã gọi Nông văn Hính và Lầu Chí Chăn; những hạt nhân đã được tôi luyện, thử thách. Sau khi tôi đưa ra ý kiến, và trình bày chung quanh sự việc; các anh đều thấy cái nguy hiểm: Có khi ở tù mãi không sao, nhưng phút cuối cùng tưởng chim đã xổ lồng, sẽ thực hiện những mộng đẹp, đã xây từ bao ngày tháng trước đây, lại trở thành Zêrô vào gió bụi.

Nghe tôi đưa ra sự việc như vậy Chăn và Hính đều có nét tư lự, suy tư. Thấy vậy, tôi cười kể cho Hính và Chăn nghe một sự việc người thật, việc thật như sau:

- Quá lâu ngày tôi không còn nhớ rõ do ai và bao giờ, nhưng có một anh ở trong tù bị bắt về tội vượt tuyến kể lại. A! Tôi nhớ ra rồi, anh ta là Nguyễn chí Sơn, tình báo đặc công cấp huyện, tập kết từ trong Nam ra Bắc của CS. Năm 1964 anh ta muốn vượt tuyến (qua giới tuyến 17) vào miền Nam. Sau nhiều những chuẩn bị, luồn lọt, lắt léo, công phu, anh mò vào đến bờ sông Bến Hải. Cái đêm hôm ấy, ra tới bờ sông, anh nhìn giòng nước lững lờ chảy ra phía cầu Hiền Lương, tâm hồn anh thanh thoát lâng lâng, với bao nhiêu mộng đẹp ngày mai. Anh nghĩ, biết bao nhiêu gian nan, khổ cực anh đã trải qua, chỉ còn một giòng sông này nữa và anh đã trườn nhẹ xuống nước, để bơi sang kia bờ. Khi tới bờ bên kia, tuy mệt, nhưng sự sung sướng đã làm anh, quên cả mệt. Để thưởng nhận cái phút linh thiêng ban đầu của tự do, anh đã giang tay nằm xấp, ôm lấy mảnh đất tự do, qúy yêu của miền Nam. Ở giữa đám cây rừng, miệng anh gào to cho thỏa, cái sướng vui trong lòng : Ôi! Tự do đây rồi! Ta đã được tự do rồi! Ngay lúc đó, hai tên CA thường phục, bẻ giật hai tay anh ra sau lưng khóa lại. Chỉ vì giòng Bến Hải, chỗ đó có một giòng nhánh, mà theo vĩ tuyến 17 thì nó vẫn còn thuộc bờ Bắc khu phi quân sự.

Trong niềm hưng phấn, lẫn lộn nỗi ưu lo, tôi hay thơ thẩn một mình ra những chỗ vắng vẻ trầm ngâm suy tư. Tình cờ tối hôm qua ở ngoài hội trường, nhìn thấy anh Tarzan dễ mến. Người thợ máy trên con thuyền định mệnh đã đưa tôi ra Bắc năm 1962, mừng rỡ, tình thâm tôi bắt tay anh mà giữ mãi chẳng muốn rời. Thấy anh đang chuyện trò với một người nữa, tôi chỉ mỉm cười, anh Tarzan (Nguyễn Phương) vẫn cầm tay tôi, hất hàm về người đó:

- Đây là anh Hưng 10 năm xưa, cũng là thủy thủ đưa anh đi chuyến đó!

Tôi mừng rỡ ra mặt, cũng bắt tay, nhưng không thể nhận ra anh; làm sao mà nhớ được! Nhân dịp này tôi tíu tít hỏi hai anh về chuyến đi, bị bắt của các anh; đồng thời tôi mong muốn được gặp lại bác thuyền trưởng già ngày ấy. Anh Hưng rối rít chạy vào buồng, rồi cùng ra với 2, 3 người nữa, anh Hưng chỉ một bác đã có tuổi nói nhè nhẹ:

- Đây là bác Vy Tiến An thuyền trưởng!

Câu chuyện hàn huyên rôm rả, nhưng cũng có nhiều tiếng thở dài. Nhóm thủy thủ do bác Vy Tiến An làm thuyền trưởng, gồm 11 người bị bắt ở ngay bên ngoài cửa sông Gianh, ngày 28/ 6/ 1962. Như thế chỉ đúng một tháng sau (ngày tôi ra Bắc 28/5/1962), các anh đã bị bắt rồi ở một chuyến khác. Thương các anh, các bác và, tôi cũng thương tôi nữa. Cho đến nay tôi được biết 11 người Hải thuyền đó: Vy Tiến An, thuyền trưởng, chết ở trại tù Thanh Phong Thanh Hóa 1981. Hoàng Bài, Thủy thủ hiện ở California. Hoàng Cung, Thủy thủ hiện ở California. Nguyễn Hưng, Thủy thủ chết ở trại tù T52 Hà Sơn Bình. Nguyễn Phương (Tarzan) thợ máy, hiện ở Tortine Cali. Hoàng Thêm, thủy thủ hiện ở Cali. Hoàng Thủ, thuỷ thủ hiện ở Cali. Hoàng Xuân Tình, thủy thủ, hiện ở Cali. Nguyễn Hòa, thủy thủ, hiện ở Cali. Trịnh văn Truyện, Thủy thủ, hiện ở Florida. Nguyễn Thiện, thủy thủ, chết ở trại tù Cổng Trời, Quyết Tiến.

Ngay buổi tối, đến lượt tôi được đo giầy, đo quần áo, tôi tần mần cứ nhìn anh chàng Tâm đo chiều này, chiều kia. Đầu lại suy nghĩ về cái toán Người Nhái của anh, vụ án sông Gianh, tôi đã tường thuật ở tập 3 Thép Đen. Ra Bắc 26/ 6/ 1962. Vụ của anh có 4 người là: Lê Văn Thảo, chết ngay khi bấm nút mìn, nhầm từ 2 giờ thành 2 phút. Nguyễn Văn Tâm, toán phó, hiện ở Cali. Nguyễn văn Chuyên, toán trưởng không rõ. Lê Văn Kinh, hiện ở Florida.

Khi Tâm đo gần xong, đột nhiên tôi hỏi :

- Anh có biết anh Chuyên sống chết ra sao không?

Anh chỉ nhìn tôi, như ngỡ ngàng rồi lắc đầu. Trong đầu tôi lại loé lên một ý nghĩ: Không biết có liên quan gì, giữa chuyến của Lê Văn Kinh, toán Người Nhái (Frogman), và của bác Thuyền Trưởng Vy tiến An hay không? Tôi chưa có điều kiện hỏi.

Đã hơn một tuần rồi từ cái hôm Hính, Chăn và tôi bàn đến sự an nguy của chuyến tàu về Nam. Hôm nay, tôi có ý định gặp lại hai anh, thấy hai anh không có ý kiến gì; tôi đành phải thong thả trình bày:

- Vì sự sống còn của bản thân chúng ta, phải cần ít nhất 5, 7 người, tương đối bén nhậy tinh nhanh, phân công đều khắp những nơi cần thiết của con tầu, nâng cao cảnh giác tối đa: Mọi hiện tượng không bình thường, bất kỳ của thủy thủ đoàn, cũng như những thành phần của đối phương liên hệ. Tóm lại, không bỏ qua bất cứ một hiện tượng nào nghi ngờ, thái độ, ánh mắt của họ nhìn nhau v.v… Chúng ta đều ít nhiều có một chút chuyên môn, về mìn và chất nổ.

Hính và Chăn đều đưa ra ý kiến là phải có một người, chịu trách nhiệm điều hành, và đặt tên là gì? Tôi cũng lúng túng, xưa nay mình có quen kiểu đó đâu, nên nói đại : Hay là cứ tạm thời đặt là "Ủy ban hành động". Lúc này chỉ cần 3 chúng ta, sau này diễn tiến tới đâu, mỗi người chúng ta đều nhắm, dự trù 2 người, như tiêu chuẩn đã nói. Khi gần cuối chúng ta mới báo, đưa họ vào ủy ban. Giữa 3 người (ý kiến 2 anh), tạm thời tôi làm tổ trưởng điều hành.

Buổi tối, khi sinh hoạt tổ, toán xong, Chăn ghé tai tôi:

- Anh Bình có muốn gặp mấy anh bộ đội miền Bắc, bây giờ là Biệt Kích không?

Tò mò, tôi nhận lời ngay, cuối cùng tôi đã gặp 3 anh: 1) Nguyễn Thế Hiên, tiểu đội trưởng bộ đội Việt Cộng. 2) Lò Khâm Thái, bộ đội VC. 3) Nguyễn Đình Linh, đại đội trưởng bộ đội VC. Ba anh này đều là bộ đội của CS, đóng quân ở Hòa Bình đã đào ngũ, trốn sang Lào rồi vào Sài Gòn. Sài Gòn đã tuyển mộ để huấn luyện tình báo, trở thành Biệt Kích. Ba anh đều đi bổ sung, cho một toán Biệt Kích đã hoạt động ở miền Bắc, các anh bị bắt ngày 9/ 9/ 1962.

Điều đáng đau lòng, với những tiếng thở dài cho tới nay, tôi được biết cả 3 anh đều đã sang bên kia thế giới. Riêng anh Nguyễn Thế Hiên, một lần đã cướp súng của một tên công an võ trang ở trại tù Thanh Phong Thanh Hóa, chạy vào rừng. Bị chúng truy đuổi theo và đã bị bắn chết đầu 1980. Giờ đây, tôi được biết 2 anh Thái và Linh cũng bị chết do cùm kẹp ở trại Thanh Phong. Tôi xin kính cẩn thắp nén hương lòng, cầu chúc cho linh hồn, các anh với lòng kính trọng, và biết ơn của tôi.

Đến đây, lòng tôi cũng nhiều day dứt không thể ghi nhớ được nhiều sự việc một cách rõ ràng. Nguyên nhân chính từ dạo đó (1972), tôi có nghĩ đâu sẽ có một ngày, được ngồi viết lại chi tiết những sự việc đã trông thấy, đã trải qua?

Buổi sáng ngày 20- 11-1972, khi F3 tập họp để đi làm như mọi ngày, tên trực trại đọc 3 tên ở lại trại: Lưu Nghĩa Lương, Lê Văn Bưởi, Đặng Chí Bình. Cả 3 chúng tôi đều nghĩ, lại sẽ lên gặp cán bộ của bộ. Sau khi F3 đã xuất trại gần 1 giờ, tên trực trại lại vào F3, y chỉ tay vào chúng tôi, cao giọng rõ ràng:

- Hai anh hãy chuẩn bị tất cả công tư trang của 2 anh, 15 phút nữa ra chờ phía cổng F3.

Chúng tôi nhớn nhác, vừa buộc gói chăn màn xong thì một tên cán bộ đi vào; thì ra là tên Bùi Huy Tập, cán bộ giáo dục của trại; chúng tôi đã nhẵn mặt. Hôm nay y rất lạnh lùng:

- Các anh ôm chăn chiếu theo tôi!

Tôi quay lại nhìn anh Bưởi, vừa như chào, vừa ngỡ ngàng không biết thế nào? Khi chúng tôi ra tới cổng trại, có một tên công an võ trang từ cổng tách ra, đi sau chúng tôi. Tên Tập đi trước rẽ về phía đường ra trại 1 (dù đi tỉnh nào, cũng phải đi ra trại 1 rồi qua phố Lu).

Loay hoay hơn 3 cây số đường rừng, dù trời đã vào chớm Đông mà tôi và Lương cũng toát mồ hôi, vì đi bộ và ôm, vác. Nhưng cái làm chúng tôi mệt hơn cả là lòng hoang mang, không biết chúng đưa chúng tôi đi đâu, rời chỗ đang ăn uống no nê bồi dưỡng v.v…?

Khi tới cổng trại 1, tên Tập ra hiệu tay cho hai chúng tôi đi vào. Lại một bất ngờ nữa, có trời mới hiểu, chúng định làm gì? Rồi y chỉ tay tiếp, rẽ vào ngôi lán ở sát cổng. Đây là toán lâm sản, của những người tù chính trị địa phương. Nghĩa là chúng tôi lại trở về tù, như mọi khi, ăn chế độ 12 đồng. Phần vì mệt, nhưng cái chính là nỗi buồn hoang mang. Đời lại rơi xuống hố đen thẳm, như trước đây; vì thế cả Lương và tôi đều vất chăn màn vào chỗ chỉ định rồi nằm vật ra, im lìm như ngủ. Đến bữa, mấy anh toán lâm sản giục đem bát ra chia cơm, cả Lương và tôi chẳng còn thiết ăn uống gì, nên đều nói:

- Xin mời các anh chia cả cho toàn mâm, hôm nay chúng tôi không ăn!

Nằm im như ngủ, nhưng lòng tôi đang nghĩ lại trong đó, K3 đang ríu rít anh em ăn uống thịt cá, còn chúng tôi thì hết rồi! Nhìn sang Lương nằm bên cạnh, tôi đoán chắc Lương cũng chẳng hơn gì tôi.

Khoảng 2 giờ chiều, lại thấy anh Lê văn Bưởi, mặt cũng dài và nhăn như cái giẻ, ôm chăn chiếu bước vào. Thủ đoạn gớm thật, một chút cũng thủ đoạn, chỉ có một con đường ngắn, từ K3 đến K1 hơn 3 cây số, ba chúng tôi chúng phải đưa làm 2 lần.

Tôi tin rằng tất cả các anh em Biệt Kích, ở F1, F2, F3 không một ai biết là ba chúng tôi, đang ở ngay K1 này. Đúng như thế, cụ thể mới đây trong một lần, tôi đi Cali để tìm tòi lại những dữ kiện, chuẩn bị viết cuốn Thép Đen 4, là cuốn cuối cùng cho xong món nợ nhỏ nữa, với quê hương. Một bữa có 7 người ngồi ở phòng khách của nhà anh Hồ Văn Sinh, trong đó có 5 người là Biệt Kích, có cả bác Hà văn Chấp, toán trưởng của toán Biệt Kích đầu tiên ra miền Bắc. Trong tù chúng tôi đều gọi là bác, năm nay bác đã 85 tuổi.

Tên toán của bác là CASTER (Mỹ là CASTOR), gồm 4 người ra Bắc ngày 27- 5-1961, do Nguyễn Cao Kỳ lái, địa bàn hoạt động thuộc Sơn La, Lai Châu. Hà văn Chấp Toán trưởng, hiện nay ở Cali. Đinh văn Anh, truyền tin trưởng, hiện nay ở Cali. Lò văn Piếng, truyền tin phó. Tôi nghe loáng thoáng đổi hay ghép người, phái đoàn Mỹ phỏng vấn, anh bị từ chối, nên vẫn còn ở VN. Quách Thức, hiện nay nghe nói đã chết ở VN.

Đúng một tháng sau, chuyến bay C47 (Cò trắng) do Phan Thanh Vân lái ra để tiếp tế ngày 2/7/1961, bị hạ ở Cồn Thoi, Ninh Bình. Tôi đã tường thuật ở Thép Đen III. (Hiện nay, tôi có bản viết như hồi ký "Người Về Từ Cõi Chết". Ký tên "Cò Trắng Phan Thanh Vân". Nếu không có gì trở ngại, tôi sẽ in nó vào phần cuối tập này).

Trở lại ngôi nhà anh Hồ văn Sinh, tôi nhớ hôm đó là 16-11-2003. Có 7 người gặp nhau họp mặt, 5 Biệt Kích là. 1- Hà

văn Chấp. (Đã nói ở trên) 2- Đinh văn Anh. (Đã nói ở trên) 3- Lưu Nghĩa Lương. Đã nói về Lương trong tập 2 Thép Đen. 4-Đặng Chí Bình. 5-Phạm Ngọc Ninh. Trong toán Hadley, 11 người do Lê văn Ngung làm toán trưởng, bị bắt 26-1-1967. Còn hai người không phải Biệt Kích là anh Phan Nhật Nam và anh Nguyễn Chí Thiện.

Trong một câu chuyện, đề cập đến buổi VC gọi đưa anh Bưởi, tôi và Lương đi. Anh chàng Ninh phát biểu, như khẳng định.

- Khi đó và ngay cả bây giờ chúng tôi cứ nghĩ, nó (CS) đưa các anh ra để tha trước!

Anh Bưởi thì chết ở NY rồi. Tôi và Lương ngồi đấy, đều cười và nói :

- Nó chuyển ra ngay K1 rồi đưa sang trại Phong Quang.

Nhưng Phạm Ngọc Ninh vẫn cho là chúng tôi nói đùa chứ anh tin là CS đã tha chúng tôi rồi. Dù chuyện của 3 người, mà 2 người ngồi đấy là hai chúng tôi đều khẳng định, VC đưa chúng tôi vào tù trở lại. Ninh vẫn cứ tưởng chúng tôi nói vui đùa. Thấy vậy, tôi nghiêm mặt hỏi Ninh :

- Em nghe ai nói thế? Khi đó em đang ở trong F1, F2 mà. (vì Ninh nhỏ hơn tôi hàng chục tuổi, nên tôi vẫn gọi thế từ khi biết nhau).

Ninh thẳng thắn trả lời ngay :

- Khi họ đưa các anh đi tha, F3 ai cũng biết, kháo nhau ầm lên, hai ngày sau tin đó mới vào F1, F2 chúng em!

Tôi trình bày chi tiết một sự việc để thấy rõ cái thủ đoạn lắt léo, lừa lọc của CS. Sự việc của 3 người, mà 2 người còn sống ngồi ngay đấy, Ninh còn không tin. Nếu 1 hoặc cả 2 chúng tôi đều chết, thì ai mà thanh minh? Ngay buổi tối, khi ở nhà anh Sinh về Lưu Nghĩa Lương, đã hỏi thẳng tôi :

- Em vẫn chưa hiểu hoàn toàn, CS lắt léo vụ 3 anh em mình ở K3 ngày ấy, thì họ có lợi gì? Tôi nhìn Lương bằng đôi mắt nheo nheo như cười; như muốn nói với Lương : Tôi biết Lương cũng hiểu nhưng, muốn thử xem trí của tôi, còn sài tạm được hay không mà thôi; hay đã lú lẫn, lẩn thẩn rồi; dù thế tôi cũng nói :

- Do anh em mình mỗi người đều phải mưu sinh; không có điều kiện chuyên trách ngồi nghiên cứu, đào sâu, xét kỹ những thủ đoạn lắt léo, lừa lọc của CS, cho nên chúng ta khó thể quán triệt. Tuy thế trong trường hợp này, anh cũng thấy CS có 3 điểm lợi chính :

1/ Bọn Biệt Kích gián điệp này chúng không muốn trả về miền Nam. Như một con nợ không muốn trả, mà người đòi lại lịch sự, hòa nhã, tư cách kiểu salon, bàn giấy thì chúng giấu bớt đi. Trước hết là những thành phần đi lẻ, không là một tập thể như một toán Biệt Kích, có sự ràng buộc liên đới với nhau. Chúng có muôn ngàn lý do nói về những cá nhân này : Anh ta đã chết bịnh ở một trại nào đó, năm nào đó. Ở trại X, anh ta đã trốn vào rừng, nghe đâu đã chết rồi v.v…

2/ Đây là những anh đã thực sự cải tạo tốt nhất; đã tố cáo mọi sai trái, để giúp đỡ những người chung quanh tiến bộ, vì thế Đảng và nhà nước đã tha, cho các anh ấy về với gia đình trước v.v… Niềm khích lệ, niềm cổ vũ cho những ai còn mơ hồ.

3/ Trong đám Biệt Kích còn lại, có những người sâu sắc suy đoán : Có thể chúng đem 3 người đi vào rừng thủ tiêu; chứng cớ chúng đưa đi 2 đợt, dù chỉ có 3 người. Gây ra những áp lực ngầm lo sợ cho bản thân mỗi người, hãy

ngoan ngoãn yên lành, chịu đựng như thế.

Nói về cái thủ đoạn lọc lừa của CS thì nói mãi cũng không cùng. Tôi nhớ lại một sự việc ở Hội Nghị Genève 20-7-1954. CS đã làm cho thế giới, trắng mắt ra mà nhìn. Hội Nghị Genève có Ủy hội Quốc Tế 3 nước, một nước trung lập là Ấn Độ làm Chủ Tịch, còn 2 nước ở 2 phe : CS có Ba Lan, tự do có Canada.

Uỷ hội QT này có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, xem xét 2 phía, thực thi những điều khoản của hội nghị. Riêng điều khoản, dân chúng 2 miền Nam Bắc vĩ tuyến 17 được toàn quyền, ở lại hay sang phía bên kia sống, tùy theo ý muốn.

Đối với dân chúng miền Bắc thì Ủy hội và thế giới khỏi lo : Vì chính phủ VC đã tuyên bố rõ ràng : Chính quyền của chúng tôi từ dân mà ra, cho nên mục tiêu là phục vụ người dân. Nếu dân muốn, không những chúng tôi làm theo mà còn tạo mọi điều kiện thuận tiện dễ dàng, cho họ làm theo ý muốn.

Đến giai đoạn các điều khoản bắt đầu có hiệu nghiệm thực thi. Trong hội nghị, những buổi liên hoan tiệc tùng, họp hành CS cũng đã tuyên bố rõ, nhất là với phái đoàn Canada : Trên miền Bắc các ông có toàn quyền đi bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm để thăm hỏi dân chúng, có muốn di cư vào miền Nam. Nhưng xin các ông cũng thông cảm cho chúng tôi. Mới tiếp nhận, chúng tôi chưa đủ khả năng kiểm soát được hết. Chiến tranh vừa xong, súng ống, đạn dược đây đó còn nhiều, chúng tôi chưa thể quán thấu. Do đấy, nếu các ông muốn đi đến vùng nào, huyện nào xin các ông cho chúng tôi biết nơi và thời gian chính xác, chúng tôi có trách nhiệm giữ an toàn bảo vệ cho các ông. Các ông không còn lạ gì nữa, dân chúng mà mình chưa kiểm soát được, do những căm thù riêng rẽ cá nhân. Họ dùng súng chỗ nào đó "đoàng" một phát thì nguy hiểm, chúng tôi cũng có phần trách nhiệm v.v…

Mấy ông tư bản của chúng ta, cũng hiểu CS có nhiều độc hiểm. Mình đi làm đây lương năm, lương tháng lo cho vợ, cho con, cho bố, cho mẹ v.v… Xông xáo, xục xạo lắm, chẳng giải quyết được cái gì, nhỡ không may thì khổ vợ, khổ con v.v… Vậy để an toàn cứ nên làm theo CS.

Xin trở lại trại trung ương số 1 phố Lu, Lào Cai. Giai đoạn này chúng tôi tất cả gồm 3 người tâm trạng chán chường, lo âu, lại phải ăn đói, sống cuộc sống lầm than khổ cực. Vì thế ngay khu A chính trị, cách cái sân trại phía hàng rào bên kia, chúng tôi cũng chả cần biết, còn các anh em tù chính trị miền Bắc nữa hay không?

Chừng hơn một tháng sau, gần Tết âm lịch, chúng tôi cũng tưởng sẽ ăn Tết ở K1. Chắc giai đoạn này, diễn tiến ở bàn hiệp nghị Paris, chúng đã thấy có chiều hướng chắc chắn, giấu bớt tù được. Một buổi sáng khoảng 8 hay 9 tháng 1-1973 tên Tập vào bảo chúng tôi, mang hết chăn màn v.v… Ra tới cổng đã có một công an võ trang với một cán bộ lạ; họ đưa chúng tôi lên một chiếc xe tải không có mui. Họ khóa tay cả 3 người lại với nhau, chỉ định tôi ở giữa anh Bưởi và Lương. Có nghĩa anh Bưởi và Lương còn một tay, riêng tôi cả hai tay đều bị còng, vì ở giữa hai người. Trên con đường gập ghềnh, chiếc xe lắc lư, chao đảo như trong cõi lòng héo úa, của chúng tôi.

Khoảng hơn 3 giờ chiều, tôi nhìn về phía trước là một khu có nhiều nhà tre nứa, nhất là lại thấy một khu rộng có hàng rào nứa dựng đứng thật cao. Chúng tôi đều hiểu đấy là một trại giam. Xe đi tuột vào trong khu hàng rào nứa; khi xe ngừng tên cán bộ vẫy tay bảo, chúng tôi xuống. Phần tôi, cả hai tay đều lẳng nhẳng, với anh Bưởi và Lương, nên loay hoay mãi 3 chúng tôi mới xuống đất được.

Tên cán bộ mở khóa cho chúng tôi, ra hiệu tay, hãy ngồi tại chỗ, ngay sân trại. Y quầy quả đi ra khỏi cổng, vào một căn nhà ngay trước cổng. Tôi đưa mắt nhìn vào phía trong, rất nhiều nhà lán sàn, lại chia ra làm nhiều khu. Một tên công an lạ, tay cầm miếng giấy từ cổng đi vào, mắt y lừ đừ nhìn chúng tôi, rồi lạnh lùng :

- Ba anh là ĐCB, Lưu Nghĩa Lương và Lê Văn Bưởi phải không?

Chúng tôi đều "dạ" nhè nhẹ.

Y cộc lốc :

- Bỏ tất cả đồ đạc, chăn màn ra, khám!

Cũng lúc đó một tên tù từ phía trong đi ra, ôm theo một chiếc hộp hắc ín. Sau này tôi biết tên là Bằng, trật tự của trại. Anh Bằng lục lọi quần áo, chăn màn chúng tôi. Bằng thấy có dấu đầy đủ nên khẽ hỏi :

- Các anh ở trại nào chuyển đến :

Tôi cũng nói nhỏ :

- Trung ương số 1 phố Lu, rồi hỏi lại – Đây là trại gì thế anh?

Bằng nói vừa đủ để 3 chúng tôi nghe :

- Trung ương số 2 Phong Quang, Yên Bái.

Theo lệnh của tên trực trại, Bằng dẫn cả 3 chúng tôi vào một cái lán ở gần đấy, ngay ngoài sân trại. Qua Bằng, tôi biết tên trực trại là Hường, y chỉ định cho chúng tôi 3 chỗ nằm, rồi ngắn gọn :

- Sáng mai sẽ được phân bổ tổ, toán!

Nhìn thoáng cả một căn lán dài, cũng giống như những lán tù bên trại 1, có hai, ba, người đang nằm, chắc là bịnh. Như tôi đã nói, phần vì mệt, phần khác cũng là phần chính, lòng đang ôm một mối sầu rười rượi, nên mỗi người đều về chỗ nằm, cho hồn dập dềnh vào biển đen, vùng Địa Trung Hải.

Những tiếng ầm ầm xôn xao, tôi bò dậy, các toán đi làm về, đầy buồng ồn ào cơm nước. Cho tới tối, ngồi nói chuyện với một anh chủng sinh tu sĩ bên cạnh, là Trần thế Khải người Hà Nội. Anh cho biết, cha anh là Trần tứ Hải cũng bị bắt và cũng ở trại này, nhưng ở toán khác, khu II ở bên kia. Qua anh Khải tôi biết sơ : Đây là phân trại B của trại Phong Quang, phân trại A xây, là trại chính ở phía ngoài cách đây hơn 5 cây số.

Ngồi nói chuyện với anh Khải, tôi để ý cách tôi mươi mét, phía chéo sàn bên kia có một bác già, từ nãy cứ ngồi yên xếp chân bằng tròn nghiêm trang; thỉnh thoảng làm dấu thánh giá. Anh Khải cho biết đấy là bác Túy, chánh trương một xứ đạo, bác chẳng nói chuyện với ai, chỉ thường ngồi một mình đọc kinh lần hạt. Như thế trong buồng hơn 100 người, hầu hết là tù chính trị ở miền Bắc, 1/ 3 là công giáo hoặc tu sĩ chủng sinh.

Sáng hôm sau, còn đang chia sẵn sáng, một tên cán bộ lạ đi vào buồng, đi theo có tên Bằng trật tự. Tên cán bộ lạ có đôi mắt tí him nhập nhèm. Y chẳng đeo lon lá gì, chẳng hiểu y có một uy lực như thế nào, khi y bước vào buồng, tiếng râm ran chuyện trò im bặt, ai cũng nem nép khác thường. Y đến thẳng chỗ anh Bưởi và tôi, cười nửa miệng nhìn chúng tôi, giọng Thái Bình rang rảng :

- Anh nào là ĐCB?

Tôi nhổm lên trả lời nhè nhẹ :

- Thưa ông tôi!

Cái cười nửa miệng ngậm lại, rồi y nghiêm giọng :

- Anh đi làm theo toán mộc!

Y nhìn sang anh Bưởi :

- Anh là Lê Văn Bưởi? Lưu Nghĩa Lương đâu?

Cũng là lúc Lương đang lách khỏi 2 người, đến trước tên cán bộ.

- Thưa ông tôi là LN Lương!

Y nhìn Lương vài giây, rồi rành rọt :

- Anh theo trật tự về toán 5; còn anh Bưởi về toán 10.

Nói xong, lật đật y ra khỏi buồng, bấy giờ buồng mới râm ran, ồn ào trở lại. Qua anh Khải tôi được biết, y tên là Tằng, anh em vẫn gọi là Tằng toét. Y là cán bộ giáo dục, nhưng là một tên Hung thần của trại Phong Quang này. Người ta vẫn thì thầm, thuật lại : Y đã cùm chết chú ruột của y, gần 2 năm trước đây.

Đến giờ trại tập họp đi làm, tôi theo toán ra ngoài sân trại. Trời ! Một cái sân trại to như thế mà ngồi che kín khắp, toàn là tù; có lẫn 3, 4, toán là tù hình sự vì tôi thấy mấy cậu trẻ, rách rưới lau nhau; có cậu đi chân đất.

Toán của tôi chỉ gọi là toán mộc, có chừng hơn 2 chục người do anh Ngô xuân Hòa làm toán trưởng. Khi toán xuất trại, toán rẽ phía trái rồi tiến dần lên một cái đồi con, trên đó có một cái lán mộc nhỏ, chừng hơn hai chục cái cầu bào. Chắc trong hồ sơ của tôi có ghi về tay nghề, nên được cán bộ toán phân công làm cửa chớp. Tên y là Nguyễn đức Khẩn, đeo lon trung sĩ.

Buổi trưa toán về, vào đến trại, thấy một nhóm gần 6 chục người ôm đồm chăn chiếu ở sân; hỏi ra là ở trại Tân Lập chuyển đến. Mấy ngày sau, tôi gặp một anh ở Tân Lập tên Thành. Tôi được biết trại Tân Lập có rất nhiều Biệt Kích, cũng mới chuyển đến. Họ được ăn bồi dưỡng, chuẩn bị, để trao trả trong hội nghị Paris.

Có thể do ảnh hưởng những diễn tiến của hiệp nghị Paris, không khí trong trại có một chút cởi mở. Cụ thể những ngày cuối tuần, đã có một vài anh tù mở đường, mò từ khu nọ sang khu kia chơi. Vài ngày sau, lại có một nhóm tù, từ trại Vĩnh Tiến chuyển về, rồi lại một nhóm tù từ trại Nam Hà chuyển lên. Phần tôi tinh thần và thể xác cứ như con gà rù, bao nhiêu diễn tiến của sự việc chung quanh, tôi nhìn như những áng mây trôi trên trời. Tôi nhớ rõ, vào ngày 30 hay 31 tháng 1 năm 1973, ba chúng tôi đã chuyển sang trại Phong Quang khoảng hơn 2 chục ngày. Một buổi sáng sớm, tiếng loa ở cổng trại nheo nhéo những điệu nhạc, cũng khuôn khổ các tiết mục của mỗi ngày như mọi khi (Hầu hết tù nhân chả còn để ý đến); bỗng một bản tin đặc biệt là hội nghị Paris đã được 4 bên long trọng ký kết ngày 27-1-1973 v.v…

Một tia sáng loé lên trong đầu, tôi xốn xang muốn xông xáo, chỗ này, chỗ kia để trao đổi sự kiện này, với các anh em quen biết; nhưng tia sáng đó chợt tắt ngủm trong lòng tôi. Họ đưa chúng tôi đến trại này, tức là họ đã giấu chúng tôi đi. Với sự hiểu biết của tôi, về ý thức và cách làm việc của Mỹ và chính quyền miền Nam, tôi chẳng có một chút hy vọng gì.

Tuy thế, khi tập họp trại đi lao động sáng hôm nay, thái độ của các cán bộ có khác thường; mặt người nào cũng

trầm ngâm ít nói hẳn đi. Ngay không khí thái độ, của đám đông tù ngồi ở sân, cũng trầm lắng khác mọi khi. Như vậy hiệp định Paris đã ký 27-1-1973, mà mãi hôm nay ngày 31 đài mới nói tới.

Không hiểu đến bao giờ chúng tôi mới có báo Quân Đội Nhân Dân và tờ báo Nhân Dân của Đảng để đọc, biết qua những điều khoản, trong Hiệp Định. Tôi tin rằng toàn bản hiệp định, sẽ được đăng trên 2 tờ báo này; trường hợp này công khai mà. Vả lại CS đã chủ động, thì họ phải có lợi rồi.

Kế sách giằng co của chúng, đã có kết quả (Hầu hết các bàn cãi để ký, một hợp đồng hay hiệp nghị nào. Kế sách của chúng là lì…. cò cưa). Từ trước đến nay, hầu như chúng ta đều thua, vì chúng ta không có lòng nhẫn nại, cứ bàn cãi những cái cũ nhàm chán mãi, mỗi ngày; có khi cả tháng, cả năm v.v… Sốt ruột, thôi phiên phiến cho xong! Thế là lại rơi vào cái chủ trương, của chúng.

Chiều nay là thứ sáu, tôi sẽ tìm cách lỉnh sang mấy khu 1 và 2. Thật là bao nhiêu người mới, sự việc mới, đặc biệt được gặp lại một số anh em tù chính trị địa phương (Miền Bắc) cũ ở trại phố Lu. Những người của muôn năm cũ, tưởng đã xa rồi…. không còn gặp lại nữa như : Bác Nguyễn văn Tiến, Lê Phiến, Lê Liễu, bác Lẫm, Bùi Tâm Đồng, Trần Nhu, Kiều Duy Vĩnh, Nguyễn Chí Thiện. v.v… Anh Vĩnh là một đại úy thời Liên Hiệp Pháp, đã một lần tôi ngồi uống trà với anh. Anh Thiện ở toán già yếu do tên cán bộ Khê phụ trách. Chiều chiều hoặc thứ Bẩy, Chủ Nhật, nhìn dáng anh Thiện cao gầy, xách lon guigoz trà cáu ghét, đi đôi guốc lộc cộc ngoài sân. Mấy anh Lê Văn Bưởi, Trần Nhu, Nguyễn Chí Thiện và Phùng Cung hay túm tụm chuyện trò ngoài sân, tôi cũng mặc. Tâm trạng của tôi vẫn chui rúc trong sương mù dầy đặc, như gà rù gặp chướng khí, nên chẳng muốn tiếp xúc tâm tình với ai. Hôm qua tình cờ có một chút niềm vui, tôi mới quen được 4 anh : Nguyễn văn Đằng, Hoàng đình Vinh, Tiệp và Thuần . Hai anh Tiệp và Thuần (mấy năm lục lọi cái trí óc cằn cỗi của tôi mà không thể nhớ, được họ của các anh). Tôi nói về 4 anh này vì có nhiều lý do. Các anh là tù ở bên trại tù quân đội (những người bị bắt ở miền Nam, rồi bị bí mật đưa ra Bắc). Ở trại tù quân đội, hầu hết tù chưa hiểu CS mấy, nên có quy chế tốt hơn. Các anh lập kế vượt ngục, chúng ráo riết truy lùng, nên đã bắt được. Để kỷ luật, chúng cho các anh vào trại tù của CA, ở miền Bắc như chúng tôi, đã hơn một năm rồi.

Do quan hệ cá nhân, tình người nên các anh và tôi rất qúy mến nhau. Sau đó, các anh và tôi qua lại chuyện trò thường xuyên hơn. Cá biệt, cậu Tiệp và tôi mỗi ngày mỗi tin tưởng nhau hơn, để có thể nói với nhau những chuyện, không thể nói với nhiều người.

Tiệp khoảng chừng 26, 27 tuổi, là thông dịch viên trong quân đội (VNCH). Qua 4 người này, tôi biết thêm trại Phong Quang này có hàng trăm Biệt Kích gián điệp. Sáu, bảy tháng trước họ chia làm 2, một nhóm chuyển về trại Tân Lập, một nhóm về phố Lu, mà tôi đã trình bày ở trên (52 Biệt Kích).

Vào khoảng giữa tháng 2, ban thi đua, đưa vào mỗi khu một tờ báo Quân Đội Nhân Dân và tờ Nhân Dân : Đúng là cá đói lâu ngày được ăn, chen chúc, giành giật tờ báo, châu đầu vào đọc ngấu nghiến. Tôi liếc sơ qua thấy có toàn bản các điều khoản của hiệp nghị Paris. Để cho mọi người đọc, tôi trở về lán.

"Muốn ăn két thì phải đi đào giun", tôi mò lên phòng trật tự thi đua. Chỉ là một phòng xép ở trong, đầu hội trường, chừng 2 x 3 mét, kê vừa một cái bàn với mấy cái ghế. Thoáng nhìn thấy anh Bằng trật tự đang cắm cúi đọc tờ Nhân Dân; tôi chào rồi lách cửa bước vào. Do thái độ tự trọng, nhã nhặn của tôi, anh đã niềm nở tiếp chuyện. Chúng tôi đã quen nhau và ngay chiều ấy, tôi đã mượn được tờ ND rồi mang sang lán bác Tiến ở khu 2, để cùng đọc. Trên đường về lán, nhớ đến lời anh Bằng trật tự dặn khi nãy : "Anh hay vào các khu khác chơi, nếu gặp ông Tằng, đừng để ông ấy bắt gặp, hơi phiền đấy!"

Ông Tằng thì ai mà chả ngán! Anh Bằng là trật tự thi đua, mà tỏ ra một người có tư cách. Nhiều tên trật tự mặt cứ câng câng, thái độ như một tên ác ôn hay xừng xộ, với mọi người.

Hôm nay tôi đã miệt mài đọc tờ báo mãi, có văn kiện Hiệp nghị Paris lập lại hoà bình, ở Việt Nam. Tôi nhớ hình như có 9 chương và khoảng 22 hay 23 điều khoản. Tôi tìm ngay đến chỗ trao trả tù binh, ở chương III. Trong chương này, tôi đọc kỹ điều 8a/ Trao trả nhân viên, quân sự và dân sự cho 4 bên.

Mãi trưa hôm sau, thứ Bẩy tôi mới thuận tiện sang thăm bác Tiến. Chỗ bác có Lê Phiến và Nguyễn quốc Anh đang chuyện trò. Giở tờ báo tôi chỉ vào mục trao trả, những thành phần tù nhân của 4 bên. Để cho bác yên tĩnh đọc và suy ngẫm, tôi liếc nhìn một tấm hình ở trang 3, trang phụ có 3, 4 thanh niên trẻ, mặt tươi hớn hở, đến ghi tên xin nhập ngũ ở bàn giấy thuộc huyện (không nhớ) tỉnh Hà Tây. Với dòng chữ to dưới tấm hình : Hoan nghênh tinh thần xung phong, gia nhập bộ đội của đoàn viên, thanh niên Huyện (Thanh Chương?).

Chúng tôi nói chuyện với nhau một lúc, bác Tiến bỏ báo xuống, rồi dịu dàng như nói chuyện với các cháu con :

- Nội dung của bản hiệp định này, không thể mổ xẻ một lúc mà sáng tỏ. Bác chỉ muốn nói những sự việc chung quanh, nhưng nó lại không kém phần quan trọng, đối với CS. Kế sách của chúng là lắt léo, tráo trở, chúng phải tìm mọi kẽ hở, mọi mắt lưới, để chúng đạt những kết quả, có lợi cho chúng. Dùng những câu văn, những từ ngữ lập lờ, lắt léo, để có thể hiểu theo nhiều hướng. Chúng nghiên cứu kỹ từng dấu phẩy, dấu chấm; chấm chỗ nào và phẩy chỗ nào. Sau hết, bác muốn lưu ý với các cháu, điểm này : Từ thế chiến I, II cho đến bây giờ, hầu hết các chính khách, các nhà quân sự, đều có ý niệm chung về một hiệp nghị hòa bình (đình chiến), là giai đoạn nghỉ ngơi, để lại sức rồi lại tiếp tục chiến tranh (đánh nhau). Đấy là những người có đầu óc cảnh giác, lo xa, nhưng với CS thì phải nhớ điều này : Đình chiến là giai đoạn nỗ lực, đẩy mạnh, xúc tiến cho chiến tranh cao nhất.

Nghe bác Tiến nói tới đây, đúng vào một mối đang băn khoăn trong lòng tôi, cho nên tôi tỏ thái độ muốn nói. Bác hiểu ý, nên nhìn cả 3 chúng tôi, hòa nhã :

- Bác cháu mình gặp nhau là để đổi trao bổ sung, những kinh nghiệm và hiểu biết, cho nên các cháu phải nói, phải hỏi, phải đặt vấn đề.

Tôi cầm tờ báo, nhìn Quốc Anh, Lê Phiến rồi nhìn bác Tiến, mở trang 3, chỉ vào mấy tấm hình đoàn viên :

- Bác ơi! Cháu nhìn tấm hình từ hôm qua, cháu cứ thấy một cái gì nó hơi không bình thường. Hiệp định Paris vừa ký, mà CS vẫn tuyển quân, rồi cháu lại vừa nghe bác lý luận về hiệp nghị hòa bình. Từ chỗ băn khoăn lạ lùng, dần dần đến lo lắng bác ạ. Qua lời bác nói, cháu cứ hình dung ở miền Nam, cuộc chiến vừa qua đã tạo thành những khu vực, bản làng xen kẽ giữa 2 bên. Hầu hết bên phía VNCH từ trên xuống dưới, hành chính cũng như quân sự; dù người có lòng cảnh giác cao nhất thì cũng phải nghỉ ngơi 1 tuần, mươi ngày, sau một cuộc chiến dằng dai hơn 15 năm. Nhưng với CS chúng chủ động ký bản hiệp nghị này, chúng đã chuẩn bị hàng nhiều tháng, nếu không nói là hàng năm. Cứ nhìn cái đám tù Biệt Kích gián điệp, chúng đã chuẩn bị hàng năm trước, trước khi ký.

Các lãnh vực khác, nhất là quân sự, có những sự việc do những ngăn chận đối đầu của VNCH và của Mỹ, chúng không thể chuyển hàng (vũ khí) chuyển quân theo yêu cầu, theo ý muốn của chúng. Giờ đây là một giai đoạn, một thuở ngàn năm. Về quân sự : Sư đoàn này, binh đoàn kia, vũ khí lương thực… Chúng cho lệnh bên Paris kéo dài, giằng co điểm này, ý kia v.v… Khi tất cả các nơi, các chỗ tiếp ranh, các binh đội, súng ống, xe cộ chuẩn bị xong chờ sẵn, bấy giờ CS mới cho lệnh bên Paris ký.

Lúc đó là hàng sư đoàn, hàng trăm xe cộ ào ạt tiến. Trong khi các nơi, các quân binh chủng của VNCH, cũng đang chờ giờ ký, giờ hiệp nghị Paris có hiệu nghiệm. VNCH chuẩn bị chờ ký để làm gì? Tiệc đã nấu sẵn; hoa, pháo và cả súng (bắn chào mừng) nữa đã sẵn sàng. Khi giờ G đến, họ đều nhẩy lên, hoan hô, reo hò, mừng rỡ, cắm hoa đầu súng, thì cũng là lúc phía bên CS ngược lại. Để rồi… sẽ mang hận…. ngàn đời.

Chính tôi một buổi khác đã nói trước bác Tiến và Trần Nhu (Tù miền Bắc, hiện đang ở Wichita KS) : "Có thể vì hiệp nghị Paris này, miền Nam sẽ mất! Tôi không nói theo ngẫu hứng, mà phải dựa trên những cơ sở cụ thể".

Sáng hôm nay, cũng như mọi buổi sáng, sân đầy tù đang chờ cán bộ gọi xuất trại, bỗng có tiếng nói trẻ và rất trong :

- Bác Thiệu ơi ! Chúng cháu mong bác ra Hà-Nội lắm!

Mấy tiếng cười rộ lên của mấy cậu choai choai phía bên 4 toán hình sự, nhiều người tù chính trị, cả mấy tên cán bộ đứng gần đấy, đều quay ngoắt sang đám tù hình sự. Nhưng rồi lại chìm vào cái im lặng, với những nét mặt trầm ngâm.

Có lẽ còn rơi rớt cái dư âm, của cái hiệp định Paris vừa ký chăng? Một luồng liên tưởng đã xông vào giòng suy tư của tôi : "Bác Thiệu"! Nghe thật lạ! Có thể trong cái khuôn thước bác Hồ ở miền Bắc, mà lũ trẻ đã bị ấn, nhét vào đầu từ khi còn ấu thơ? Bây giờ chán chường, ghê sợ, kinh tởm bác này, thì tìm một cứu cánh là một bác khác, ở miền Nam? Trong những cái đầu còn nhiều mầu hồng, mầu xanh của các em, chỉ biết nhìn lên mây trời rồi gọi đại; chứ bác Thiệu làm sao xứng! Có chăng là cụ Diệm, một người ít ra có khí phách cương cường, có lòng tự trọng dân tộc. Thà chịu chết nhất định không thể chấp nhận, chủ quyền quốc gia bị xâm phạm. Một người có ý chí, đứng thẳng bằng chính đôi chân của mình, dù rằng cụ cũng còn một số điểm, phải sửa đổi.

Chương 5

HUNG THẦN TẰNG TOÉT

Chiều nay tôi đang lửng lơ, khệnh khạng (buồn chán không muốn làm gì cả) lắp ghép một cánh cửa chớp trên lán mộc, thì có tiếng ồn ào ở phiá dưới chân đồi, nơi có toán 4, đa số là tu sĩ chủng sinh, trong đó có bác Túy, một ông Chánh Trương thường ngồi một mình đọc kinh, lần hạt, mà buổi đầu tôi đến trại đã thấy. Toán đang đào một chiếc ao ngay phía trái của trại, hàng tháng nay rồi, toán này bị hành, làm bùn đất.

Tuy đã giáp Tết nhưng trời vẫn còn lạnh buốt, với những cơn gió mùa Đông Bắc, về muộn. Từ chỗ lán mộc của toán tôi, trên một cái đồi con gần khu ban giám thị, nhìn xuống chỗ đào ao xa, khoảng 6, 7 chục mét. Từ dưới ao chuyển đất lên bờ, tù đứng thành mấy dây, để chuyền đất.

Qua dáng dấp, rõ ràng bác Túy, có thể vì tuổi già, hơn nữa bác đã ốm bịnh mấy ngày ăn cháo, nên không chuyển kịp đất. Tên Tằng (toét) từ cổng trại đi ra, đứng nhìn một lúc, rồi tay y khua khoắng chỉ trỏ gì đó, tôi không nghe rõ; đột nhiên tôi thấy tên Tằng đạp cho bác Tuý một cái, bác ngã sóng soài ra. Mấy anh chủng sinh chạy lại đỡ bác dậy, nhưng tên Tằng không cho một ai đỡ bác; y bắt bác đứng vào đường dây. Tên cán bộ toán, tên công an võ trang đứng gần đấy cũng không có thái độ gì. Bác Túy lặc lè, xớ rớ vừa đứng dậy được; tên Tằng xông đến đạp một cái nữa. Bác lộn từ ở trên bờ cao, lao xuống chỗ đất bùn, đầu cắm ngập xuống bùn. Chân tay bác giẫy chới với ở trên không, mấy người chạy xô xuống định kéo bác lên, nhưng tên Tằng quát to : "Cấm không anh nào được mó vào người anh ta!"

Chúng tôi ở lán đứng nhìn, cùng kêu ồ lên! May quá, đúng khi ấy Tôn đại úy (người miền Nam tập kết chừng hơn 5 chục tuổi) giám thị phân trại B, từ trên khu giám thị đi ngang thấy thế, ông ta quát : "Ai kéo anh ta lên, không thì chết!"

Tên Tằng chạy lại kéo tay tên đại úy Tôn (nói gì nhỏ, xa nghe không rõ), rồi một tay y chỉ về phía cổng trại. Giữa lúc ấy tên Hòa, cán bộ toán mộc ra đuổi chúng tôi về chỗ làm.

Tan tầm, toán mộc của tôi về ngang cổng trại. Bác Túy đang bị treo ngoài hè nhà trực trại, như cái trống. Đầu và chân bác thõng xuống, không động đậy, hai tay bác bị bẻ giặt phía sau lưng, treo lên mái. Những toán đi lao động về ngang đều nhìn thấy, tù nhân chỉ lấm lét, nhìn nhau! Người tôi như đờ đẫn, tôi ghé vào tai Phùng Văn Tại :

- Nó sẽ hành bác Túy, chết mất!

Mãi hơn 7 giờ, cơm nước đã xong, tên Hường trực trại vào gọi toán trưởng của toán 4 (đào ao) ra nhà trực. Hai mươi phút sau, Bằng trật tự và toán trưởng 4, khênh bác Túy về chỗ của bác. Một số các anh chủng sinh và quen biết, xúm lại lau bớt bùn đất, đắp chăn bỏ mùng cho bác. Bác không nói năng gì được nữa. Dưới ánh đèn không đủ sáng, tôi thấy tay và mặt bác sưng tấy lên nhiều chỗ. Vài người có một số thuốc riêng, cố cho bác uống. Nghe mấy anh lau rửa cho bác nói, ngực bác tím bầm sưng to ở phía trên mỏ ác. Tôi cũng được anh em toán thuật lại : Ông Tôn giám thị ở chỗ đào đất, bảo mấy người kéo bác Túy lên, nhưng tên Tằng toét đã hẩy tay ông Tôn và nói nhỏ :

- Ông hãy về làm việc của ông đi! Để tôi giải quyết!

Tên Tằng toét, có người nói y chỉ có cái lon thượng sĩ thôi, thấy lạ, tôi mò mẫm tìm hiểu. Chính anh Bằng trật tự đã cho tôi biết : Tằng chỉ là thượng sĩ, cán bộ giáo dục nhưng y là bí thư đảng ủy. Ông Thích, thiếu tá Giám thị trưởng của trại Phong Quang này, mà vẫn còn phải nể. Nhiều sự việc, tai nghe, mắt thấy để sự hiểu biết của tôi, được nới rộng.

Tôi cũng lấy làm lạ, không hiểu vì sao tên Tằng lại hành động dã man, với bác Túy như thế? Nghe dư luận, hơn một tháng trước, khi bác Túy (Lâm Đình Túy), từ trại Vĩnh Quang chuyển đến, cùng hơn một chục người tù khác. Trong lúc khám tư trang ở cuối hội trường, chăn màn quần áo của bác Túy còn để đấy, nhưng không thấy bác đâu. Chính tên Tằng, vào hội trường thấy bác Túy đang ngồi khoanh chân một mình dưới đất trong một góc, mắt nhắm nghiền, miệng lẩm nhẩm đọc kinh. Y quát và kéo bác ra sân.

Đột nhiên bác Túy tát cho tên Tằng một cái. Vì bất ngờ, tên Tằng bị một cái tát như trời giáng. Mọi người tù có mặt đều choáng hồn, xanh mắt, một việc chưa thấy ở nhà tù Việt Cộng. Tên Tằng hùng hục đấm đá, rồi sai trói bác Tuý treo ngay ngoài nhà trực trại.

Sáng mồng một Tết, tôi dậy sớm ngồi trong mùng, đầu óc mông lung, rồi rũ rượi. Chợt một ý thơ xưa (tiền chiến) chẳng nhớ rõ của ai, tôi xin phép cứ đổi đại, để phù hợp với lòng tôi lúc này, miệng lẩm nhẩm cóc rỉ :

Xuân đã sang rồi… ai có hay?
Tình xuân chan chứa… ý xuân đầy.
Trại giam buồn lắm… xuân không đến.
Chỉ đứng bên ngoài… ngắm vào đây.

Xuân về mà lòng buồn rười rượi; bao nhiêu điều ngược, xuôi trong đầu. Tôi có ý định bàn với anh Bưởi và Lương, khi Tết xong, cứ lên cán bộ hỏi đại : "Bây giờ đã có hiệp nghị Paris thì giải quyết chúng tôi thế nào?" Xem họ trả lời sao? Bật dậy, gấp chăn màn, rửa mặt rồi linh sang anh Bưởi và Lương.

Đầu tôi chợt lóe một tia sáng! 4 anh chàng : Tiệp, Đằng, Vinh và Thuần có liên hệ, đến trại tù quân đội; vậy thì biết đâu! Họ sẽ được về? Tôi phải thăm… hỏi!

Làm sao tôi quên một sự việc : khoảng 10 giờ tên Tằng vào trại, hôm nay y gọi trật tự hô hào các buồng ra sân trại chơi vui ngày Xuân (có thể y cũng vui vì Đảng của y đã ký được hiệp nghị Paris có lợi). Y cổ khích lệ, đem vào một quả volley, bảo anh em chăng lưới. Rồi sai Bằng lấy một sợi dây thừng to, giở trò thi các toán kéo co.

Có thể tâm trạng của đa số tù nhân, ngày Xuân dân tộc mà! Ủ rũ trong buồng thì buồn quá! Gia đình, cuộc đời, đất nước, trăm thứ nó xé óc mình ra. Thì cứ vui đại cho quên đời v.v… Cho nên anh em cũng ra đông, hò reo, chạy nhảy, chuyện trò. Tôi nhớ nhất về cái vụ kéo co : 17, 18 toán toàn trại, thi kéo co với nhau. Cho tới chiều, toán thợ xẻ là vô địch.

Toán này có mấy cái ưu thế : kéo xẻ, việc nặng thường ăn mức 18 kg gạo, hai cánh tay chỉ có cò cưa suốt ngày. Tên Tằng cũng tỏ vẻ bực bội với toán xẻ. Y nghĩ thế nào không biết, y lấy chùm chìa khóa trong túi, lạch cạch mở cổng khu kiên giam hình sự : toàn những tay đầu gấu anh chị, võ biền. Đội xẻ kéo co có 16 người, y vào khu kiên giam hơn nửa giờ. Chả biết y kích bác ra sao ở trong đó, y chọn được 16 anh trẻ, ngổ ngáo, tay chân xâm vẽ rồng, phượng, trông gớm ghiếc.

Y dẫn 16 cậu ra sân; tinh thần thể thao của trại càng được khích lệ. Mấy chỗ bóng chuyền cũng dẹp, để tụ tập vây quanh đám kéo co. Phần thưởng là 3 cái bánh chưng; với những tiếng hò reo cổ vũ cho mỗi bên, cũng làm cho lòng ai, vài giờ quên đi… Cái sầu vạn cổ, chất trong hồn chiều nay… Chất trong hồn… chiều nay. Nhớ nhà châm điếu thuốc… Khói vàng bay lên mây… (Hồ Dzếnh).

Điều này cho tôi hiểu : Cái hệ thống uy lực của đảng CS! Thông thường, khu kiên giam chỉ có lệnh trực tiếp của Ban giám thị trại, mới được mở cửa, thế mà tên Tằng, đã chả coi BGT ra cái gì, do một cái hứng cá nhân ! Một ông đại úy giám thị một trại, mà một tên thượng sĩ coi như cái móng tay, chỉ vì đảng.

Cuối cùng chức vô địch trại, không một toán nào lấy khỏi tay toán cò cưa. Anh chị võ biền, ngổ ngáo mà đói meo thì cũng đành nhìn mấy anh già toán xẻ, mà lồi mắt ra. Tên Tằng cũng ứ ruột, máy tốt mà không có xăng thì cũng chào thua!

Như đã hẹn hôm mồng một Tết với Đằng, Tiệp, Vinh và Thuần, chiều nay tôi ghé sang nhà A khu II. Ngày Xuân còn rơi rớt, cũng có ca trà với mấy chiếc ly nứa con con, anh em hàn huyên cho niềm Xuân trong tù bớt phần nào da diết. Hỏi thêm một vài chi tiết liên quan, tôi gợi ý; nhìn các cậu, mắt ai cũng sáng dần ra. Anh Thuần tương đối lớn tuổi, khoảng 44, 45, tỏ ra chững chạc, điềm đạm. Nhưng, hầu như anh chỉ thể hiện, tình thương nỗi nhớ, vợ con là chính. Sau buổi nói chuyện, cả 4 người đều dạt dào hy vọng. Phần tôi, với những điều tôi hỏi các anh từng chi tiết sự việc, tôi cũng tin tưởng rất nhiều là 4 người sẽ về miền Nam.

Riêng Tiệp, tôi hẹn một ngày sang tôi, anh em mình sẽ nói tiếp, hiểu ý tôi nên Tiệp nhẹ gật đầu mà mấy anh em kia không để ý thấy. Vả lại tôi và Tiệp cũng thường xuyên gặp nhau từ trước, không như ba người kia. Khoảng 10 giờ tôi đang lơ mơ đi vào giấc ngủ, bỗng nghe tiếng sang sảng, giọng Nghệ An rủng rẻng, xoáy vào đêm rừng, rõ như hát : "Nói dối trở thành công khai, hợp pháp! Thầy nói thầy thương yêu trò lắm! Trò nói trò kính yêu thầy lắm! Cả thầy lẫn trò đều hiểu là nói dối, nhưng cả hai bên đều chấp nhận và nó trở thành hợp pháp, công khai!" Rồi có tiếng cười ròn sằng sặc…..như nắc nẻ.

Thấy anh Trần Thế Khải dậy đi đái qua, ngồi trong màn tôi hỏi với ra :

- Sao lạ vậy! Ở đâu, ai mà dám nói thế?

Anh Khải ngập ngừng đứng lại, thì anh Khẩn toán trưởng cũng nằm trong màn nói vọng ra :

- Cái anh chàng Bổn đó mà! Ở ngay đầu lán A khu 1, nghe đâu anh ta bị bắt từ giữa 1954, đêm tối thỉnh thoảng anh ta cứ hay lảm nhảm như vậy!

Nhẩm tính, anh này đã tù 18 – 19 năm rồi còn gì! Chẳng hiểu anh ta tội tình gì? Gợi trí tò mò, định tâm sẽ tìm hiểu nếu có dịp, trong những ngày tới.

Ngay phía sau lán mộc của tôi, chỗ vẫn thường đi tiểu tiện; cạnh đó có một cây trò cụt. Cứ mỗi lần đứng tồ, mắt tôi lơ đãng nhìn cây trò cụt; không hiểu vì sao nó cụt lưng chừng, từ gốc tới chỗ cụt, chỉ chừng 1m50. Sau nhiều những trận mưa rừng rả rích, mãi trong một góc khuất, sáng nay nó nảy ra 3 – 4 cái nấm trắng hồng ngồn ngộn, non hơ hớ. Đúng là nấm mèo, loại nấm ở trại I tôi đã ăn nhiều năm, nhiều lần. Của núi rừng tặng thưởng, mình phải biết nhận chứ!

Nghĩ như thế, tôi cố tìm cách lại ra "tồ" lần nữa. Mắt trước, mắt sau tôi hái hết, giấu trong miếng giẻ, đem vội vào cầu bào cất kỹ. Như "buồn ngủ gặp chiếu manh", cả một buổi làm, thỉnh thoảng như tôi muốn cười với gió núi, cây rừng; hứa hẹn sẽ có một bữa ngất ngây tuyệt cú mèo. Tôi nghĩ đến chiếc ca tráng men đã cũ mèm, vẫn đun pha trà 6, 7 nước, đến khi trà đã nhừ nát mới thôi! Nồi đấy, và đống lửa kia, ôi sao cuộc đời hậu hĩnh!

Gần tới giờ chiều thì chiếc ca nấm nóng hổi, đã sôi nhiều lần. Tôi đã lau chùi sạch sẽ, thương mến, nâng niu như một cô nàng, ngọc ngà mỹ miều, đang nằm khuất trong góc cầu bào rồi. Dù mùi thơm của nàng xì ra đã ngứa cả mũi, nhưng tôi cương quyết không nếm, hay ăn thử. Chế ngự sự ham muốn của lòng mình, để mang về trại (tin tưởng anh Bằng và khả năng ứng xử của mình). Chờ khi nào điểm xong, bỏ mùng, bấy giờ ta mới mở nàng ra mà thưởng thức. Chỉ mới suy nghĩ thế mà cái tay bào thằm thấy khỏe hẳn lên, đẩy xoèn xoẹt phoi bào chạy ra văng tứ tung, như pháo bông ăn mừng đêm dạ hội.

Tối đến cơm nước cũng như mọi khi, đã vào nằm yên một chỗ trong dạ dầy. Tất cả đều diễn tiến, như đã dự trù. Bỏ mùng sớm, từ nãy tôi vẫn ủ kỹ nàng trong người, bây giờ tôi mới êm ái lôi tuột nàng ra chiếu. Sờ vào nắp ca vẫn còn âm ấm tay, chẳng cần ly bát, thìa đũa làm quái gì, có phải mỡ, mắm đâu? Mắt liếc nhìn bóng người qua lại lờ mờ phía ngoài mùng, tay tôi khe khẽ thò vào, lại thấy hơi nhơn nhớt. Nhón lẹ một miếng, tôi ngửa hẳn mặt lên, há hốc miệng ra từ từ sẽ đưa miếng nấm vào… Nhưng mà ngọt quá, thơm quá! Ôi! Nấm mèo Yên Bái sao mà thơm ngon thế, hỡi núi rừng! Tôi ngấu nghiến nhai, rồi cầm cả ca uống ừng ực.

Chỉ một phút đã sạch trơn, sạch khô không còn một tí nước. Mặc cuộc đời, mặc thiên hạ tôi nằm đổ vật ra, để thưởng thức cái của hiếm, của núi đồi sơn cước; để cho con tì, con vị nó nhẩy nhót tự do, như chưa bao giờ nó hiểu thế nào là tự do. Nằm tơ mơ lòng vần thầm nhủ : Xin cảm tạ rừng thiêng Yên Bái đã ban đặc ân cho tôi!

Nhưng cũng đất trời hỡi, tự nhiên nhà cửa, đất trời quay như chong chóng, người tôi cứ giật lên từng cơn, cả tay chân cũng giật. Tôi chỉ kịp nhấc được cái mùng rồi tôi nôn thốc, nôn tháo xuống đất. Tôi chả còn biết ngượng ngùng, hay xin lỗi ai. Dưới đất chỉ có một đống lá rau cải bắp già và nước đen đen, vàng vàng. Từng sợi nhớt kéo dài từ đống nôn, nối dài tới miệng tôi, tôi không còn biết ngượng nữa, và tôi cũng không biết gì nữa.

Mãi khi tôi lơ mơ nhìn thấy ánh nắng, và bóng anh y tá đẩy cửa bước vào. Anh y tá này tên là Kiệt người miền Nam, anh nói nhưng mặt lại lạnh lùng :

- Đù mẹ, tôi tưởng đêm hôm qua anh chết rồi chứ!

Quá nhiều nỗi niềm trong lòng, nên tôi im luôn, chả nói năng gì! Tôi muốn hỏi anh vì sao tôi lại ở đây, mà bây giờ tôi đã biết đấy là buồng y tế, ở mãi gần nhà kỷ luật. Thấy thái độ của anh ta như vậy, tôi đành nuốt mọi thắc mắc vào trong lòng. Anh ta cũng đóng, rồi khóa cửa đi luôn. Mãi hơn 1 giờ sau, Y trở lại với tên Hường trực trại, bảo tôi hãy

đi về lán. Do lòng không vui nên tôi cố gắng kéo người ngồi dậy, để chân xuống đất tìm dép nhưng chợt hiểu, nên tôi gắng đứng dậy, tập tễnh chân không đi về lán. Phải đến hơn 100m, lưng chừng có anh Bằng trật tự ghé đến, dắt tay tôi.

Về đến lán chưa nằm ấm chỗ, khoảng hơn 10 phút thì ông Tôn giám thị, đi theo có tên trực trại Hường bước vào lán. Nghĩ đến tấm lòng của ông Tôn hôm sự việc bác Túy, tôi cố bò dậy thể hiện một thái độ nhỏ với người có lòng. Yên lặng 5-10 giây, y liếc khắp lán một lượt quay lại, vẻ trang trọng :

- Anh phải thành khẩn biết ơn Đảng và nhà nước, đã cứu sống anh đêm qua!

Tôi tỏ ra thành khẩn, nói trong niềm xúc động :

- Tôi xin cảm tạ Đảng và nhà nước đã đặc ân cho tôi!

Trong lòng tôi lại nghĩ thầm : "Như tôi đã thành khẩn cám ơn rừng thiêng Yên Bái, đã ban đặc ân cho tôi." Trước khi ra, y còn nói :

- Anh hãy nằm xuống đi, phải nhớ chú ý, cẩn thận ăn uống sau này!

Như tôi đã có chủ trương từ trước, sẽ lên hỏi thẳng cán bộ, Hiệp định Paris đối với chúng tôi thì sẽ như thế nào? Tôi cũng có nhiều lần bàn với anh Bưởi và Lương rồi; nhưng cứ lần lữa, rụt rè ngày này qua ngày khác. Bây giờ đã giữa tháng 3, từ ngày ký hiệp nghị Paris đã một tháng rưỡi rồi, mà không ai nói gì đến chúng tôi cả.

Trong dạ chúng tôi đều đinh ninh, những anh em Biệt Kích ở trại trung ương số 1, đã được về miền Nam rồi. Không do dự ngần ngại nữa, một buổi sáng tôi thấy ông Tằng (tôi đã biết là bí thư Đảng, ông Tôn Đại uý giám thị không quan trọng). Tôi xông thẳng vào cửa chính, hỏi ngay tên có quyền, tôi tiến lên tới chỗ ông Tằng. Y quay lại tôi, mặt hơi ngạc nhiên.

- Thưa ông, tôi muốn gặp ông; khi nào thuận tiện ạ?

Mặt y tươi hẳn, nói nhè nhẹ :

- Anh về chỗ, hôm nào tôi sẽ gọi! Anh tên gì?

- Thưa ông tôi là ĐCB, người của VNCH bị bắt!

Ngay chiều hôm ấy, sau khi anh Khẩn toán trưởng đến cán bộ toán báo cáo công việc thường lệ. Anh quay xuống hàng toán đang ngồi, đến chỗ tôi :

- Anh Bình ở lại, gặp cán bộ!

Về lán, cũng hơi hồi hộp, nhưng lại nghĩ tới nguyên tắc : "Không liều không có cái gì cả!" Bây giờ hãy cứ xông đã!

Xuất trại xong chừng nửa giờ, anh trật tự Bằng vào buồng gọi tôi ra cổng trại. Tôi ra đến nơi, cán bộ trực trại Hường, đứng từ nhà trực trại, chừng 15-20 mét vẫy tay. Chắc có sự hợp ý trước, tên công an võ trang gác cổng chỉ nhìn tôi gật đầu. Tôi tưởng gặp trực trại Hường, nhưng khi tới nơi, y ra hiệu tay, tôi đến cửa một gian buồng, ngăn đôi với phòng trực trại. Bên trong, có tiếng nói lão Tằng :

- Cứ mở cửa vào!

Phòng rất đơn giản, chỉ có hai cái bàn to và nhỏ, tên Tằng cầm bút ngồi ở cái bàn to, trước mặt cũng có một ghế đẩu cho bị can ngồi, như phòng hỏi cung. Trong góc có chiếc bàn con và chiếc ghế, chắc cho tù ngồi viết báo cáo hay kiểm điểm. Mắt tên Tằng có cái lẹo, thành ra mắt lão nhìn như chỉ mở một nửa, hơi nhếch mép cười hỏi tôi :

- Anh muốn gặp tôi làm gì?

Trong túi tôi đã mang sẵn tờ báo ND có đăng bản Hiệp nghị Paris; nhưng tôi chưa lấy ra tôi hỏi thẳng :

- Thưa cán bộ, bây giờ có hiệp nghị Paris, nhà nước sẽ giải quyết tôi thế nào ạ?

Tên Tằng toét đứng xổ dậy, thái độ vẻ hùng hổ, mắt y càng nhắm lại. Y tiến đến chỗ cái bàn con trong góc, lật mấy tờ báo rồi lôi tờ ND, ném xuống bàn trước mặt tôi, giọng như riễu cợt :

- Đâu chỗ nào, nói trao trả các anh?

Mở tờ báo, liếc nhìn điều 8a, tôi chỉ vào giọng tin tưởng :

- Thưa ông đây ạ! Điều 8a đã nói rõ ràng : Trao trả lại người của 4 bên!

Mặt vênh lên, mắt y càng nhắm lại :

- Đọc kỹ lại đi! Anh là người Việt Nam hay là người nước ngoài?

Tôi hơi chột dạ, tuy vậy vẫn cúi xuống đọc : Nhân viên quân sự, dân sự nước ngoài bị bắt…. Tôi hơi đờ ra vài giây, vì bất chợt, nhưng tôi đã nói ngay :

- Thưa ông, theo công pháp quốc tế thì VNDCCH và VNCH là 2 chế độ chính trị khác nhau là 2 nước khác nhau!

Tôi mới nói tới đây y dõng dạc gạt ngay :

- Hội nghị Paris để giải quyết cho người nước ngoài, không phải giải quyết cho người VN. Thôi anh hãy về suy nghĩ cho nó kỹ! Anh không hiểu biết gì cả! Đừng có suy nghĩ viển vông!

Nói rồi, thái độ của y như muốn đuổi tôi về. Tôi không thể quên được một việc này. Khi tôi đã bước ra cửa, để về trại, y gọi giật lại rồi chỉ vào tờ báo :

- Có mục giải quyết cho người Việt Nam, đây này!

Tôi cắm cúi đọc điều 8c : Về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam, bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam, sẽ do hai bên miền Nam, giải quyết.

Không biết rằng các ông ký hiệp nghị kể cả Mỹ, có hiểu rằng làm sao tù, dám cãi lý tay đôi với cán bộ giam giữ?

Các ngài, các qúy vị có biết rằng với VC : Cũng cùng một sự việc! Qúy vị thảo luận, bàn cãi thêm bớt điều này, khoản kia, qúy vị nói chuyện với chúng ở đâu? Ở ngoại quốc, ở nước các qúy vị, ở VN hay ở trong tù, là hoàn toàn khác nhau. Tôi xin tường thuật lại một sự việc cụ thể, mà tôi là nhân chứng cho sáng tỏ : Vụ việc của anh Trần Thế Khải.

Anh là một chủng sinh tu sĩ, bố là ông Trần Tứ Hải cùng ở Hà-Nội. Cả hai bố con đều bị bắt, từ đầu năm 1964. Khoảng năm 1974 – 1975, tôi gặp hai cha con đều tù ở phân trại B Phong Quang. Sau khi VC cướp được miền Nam, thì chúng thả ông Hải về cuối năm 1975, anh Khải thì vẫn còn ở tù.

Đầu năm 1976, anh gửi một lá thư lén lút (qua những người đi tiếp tế), về cho ông bố là Tứ Hải. Thư hợp pháp, là thư tù viết mỗi tháng một lần, gửi cho thân nhân. Với điều kiện, thư viết xong để vào bì thư, không được dán. Đưa cho cán bộ duyệt xét, rồi cán bộ gửi đi. Tù nhận thư gia đình, cán bộ cắt ra, duyệt xét. Lá thư chui, anh Khải đã nói ý với bố, hãy hỏi cho ra nhẽ. Hiến pháp của VC có ghi rõ ràng, quyền tự do tôn giáo. Muốn tu hay tôn thờ đạo nào, là quyền của mọi người; vậy tại sao, anh chỉ đi tu dòng thôi, anh đã tự hiến dâng mình cho Chúa, mà Đảng và nhà nước đã bắt giam giữ anh, hơn 10 năm rồi?

Không biết vì sao lá thư chui của anh Khải, bị ban giáo dục phát hiện. Trước 4, 5 toán trong toàn khu II, phân trại B. Ban giáo dục do Tằng Toét triệu tập, để tố anh Trần Thế Khải đã vi phạm nội quy, trầm trọng.

Trong buổi truy ép này, anh Khải phải đứng riêng một chỗ, cho mọi người "nhằm" để truy ép, phát biểu. Có thể kỳ này VC đã chiếm được miền Nam, những kìm kẹp, o ép trong xã hội đã có phần lới lỏng, (trước đây, nó cứ đưa đi cùm, chẳng cần sinh hoạt) anh Khải phát biểu, rất hùng hồn :

- Thưa cán bộ : Hiến pháp của nước nhà, Đảng và nhà nước đã công nhận, quyền tự do tín ngưỡng; vậy tôi đi tu thì có tội gì?

Lời phát biểu rất lạ ở trong tù tôi chưa được nghe, trong khu này có hơn 1 chục tu sĩ chủng sinh, đang ngồi như : anh Phạm Sĩ An, Nguyễn Thanh Đương, Phùng Văn Tại, Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Xuân An, Phạm Xuân Thi.v.v… Mặt ai cũng hồng lên như thêm khí thế mới! Tên Tằng Toét, dõng dạc, bước đến gần anh Khải, rồi quay lại anh em, y khoẳng tay gằn giọng :

- Đúng! Đúng chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, nguyên tắc sống, một triệu lần ưu việt hơn bất cứ một chế độ nào : mọi người không ai ăn bám ai!

Ngừng lại một tý, rồi y quay lại, cao giọng hỏi cả buồng :

- Các anh có đồng ý như vậy không?

Cả buồng ồn ào lên tiếng : "đồng ý ạ"

Y quay lại anh Khải, nhấn mạnh lần nữa : "Anh có đồng ý cái nguyên tắc, đó không?"

Anh Khải cũng dõng dạc trả lời : "Tôi rất đồng ý!"

Tên Tằng cười nửa miệng, y tiến sát anh Khải hơn, cầm cái ve áo của anh, y hằn học :

- Anh có làm được, cái áo này không?

Mặt anh Khải vừa đỏ mặt lên,vừa lắc đầu. Y lại chỉ đôi dép râu, anh Khải đang đi :

- Anh có làm được, đôi dép kia không?

Anh Khải lại lắc đầu! Y quay lại nói giọng đều đều.

- Cái kính anh đeo, bát cơm anh ăn, anh đều không làm được. Người khác đã làm cho anh! Vậy anh cũng phải có trách nhiệm, với người khác. Nghĩa là, anh cũng phải như mọi người dân, cũng phải đi nhân công, thủy lợi. Anh cũng phải đi nghĩa vụ quân sự, như mọi người!

Hầu hết anh em, trong đó có tôi đều ớ ra. Tôi định giơ tay phát biểu. Nhưng tôi chợt tự hiểu, tôi đành nuốt xuống, rồi ngồi yên. Tôi tin hầu hết anh em khác, cũng tự hiểu như tôi, kể cả anh Trần Thế Khải.

Nếu được tự do bàn cãi tranh luận thì ai cũng thấy : Trong vấn đề liên đới xã hội, không một ai có thể làm hết mọi nhu cầu của mỗi người. Vậy người làm cái này, người làm cái kia tác động qua lại vậy thôi, chứ từ xưa có ai ăn bám ai đâu? Cho nên, người nào đặt câu hỏi như vậy, là không hiểu gì về sự tương quan của xã hội, nếu không nói là ngu! Nhưng đấy là tự do bàn cãi. Chứ anh là người dân trong chế độ VC, nhất là tù nữa thì phải biết điều, nó khác hẳn nhau đấy. Không biết thì ráng mà chịu, đừng có kêu trời!

Kết quả buổi truy ép anh Khải : Anh nhận vi phạm nội quy đã viết thư thắc mắc điều sai trái. Anh phải nhận 2 tuần kỷ luật, 6 tháng không được viết thư và nhận quà tiếp tế, của gia đình.

Do những chồng chéo liên hệ, để chế độ Độc Tài CS còn duy trì, do đó chúng bị một số sức ép bên ngoài nên khoảng 1981 – 82 đa số các tu sĩ chủng sinh còn sống, được tha về. Người lập gia đình lấy vợ con, có người vẫn lén lút, tận hiến mình cho Chúa. Để rồi phải luồn lách, dưới nhiều hình thức, cuối cùng thụ phong linh mục "chui" được một số vị.

Phần anh Trần Thế Khải, 1982 anh được về nhà ở đường Ngô Thời Nhiệm, anh tiếp tục tu ở nhà thờ Hàm Long. Rồi được thụ phong linh mục chui do Đức Giám Mục Nguyễn Kim Điền. Sau đó được chính thức, về làm cha xứ ở nhà thờ cửa Bắc. Hai năm trước đây, đầu 2002, linh mục Khải bị " stroke" liệt hết nửa người, linh mục đã trở về nhà chung của nhà thờ lớn để dưỡng bệnh. Bố của anh, là ông Tứ Hải đã chết từ năm 1985.

Xin trở lại chuyện của tôi, với Tằng Toét. Trên đường vào trại, tôi vừa buồn vừa ức. Buồn vì sự việc đã rõ ràng, họ giấu mình, họ không muốn trả mình! Ức vì "Con dại cái mang" Bố mẹ có tài có của, thì con cái được nhờ! Ngược lại bố mẹ đã không khôn lanh, hiểu được kẻ thù, lại vô trách nhiệm, thì con cái ráng mà chịu. Nhất lại là những đứa con, đã bị bỏ rơi như tôi!

Tuy vẫn đi làm (không đi làm không được) nhưng lòng buồn rã rượi. Trong lòng lại cứ hình dung, các anh em Biệt Kích ở trại 1 bây giờ, đang tíu tít chìm ngập vào một trời mầu sắc huy hoàng, của miền Nam. Tôi cũng đã cho anh Bưởi và Lương biết sự tình. Chúng tôi cùng nhìn nhau, bằng đôi mắt đờ đẫn, không còn sinh khí.

Mới được 3 – 4 ngày, một buổi sáng, Hường trực trại vào gọi tôi ôm chăn chiếu, chuyển về toán 6 (toán rau xanh). Tôi ôm chăn chiếu đi, và tự hiểu : Họ không cần nghề nghiệp gì cả, dù tôi có nghề mộc vững. Họ đẩy ra chỗ cứt đái, đất cát, để tự ngẫm, tự thấy vì sao? Tôi ngồi đăm chiêu một lúc, rồi lòng như cứng lại : Không sao cả! Hãy gồng mình lên, đón nhận những trái đắng, mà mình đã tự nguyện gieo!

Toán rau, do một cán bộ tên Mão phụ trách, dáng y lùn lùn nhà quê đặc sệt. Tôi được phân công tưới, tiêu một số vườn cà, đậu, gánh gồng cứt, nước đái, ruồi, bọ tiếp xúc hàng ngày.

Có những buổi tôi đứng giữa trời bao la, bên cạnh những hố phân và nước tiểu, nghĩ suy : Một đời người của bất cứ ai, đều phải có những giai đoạn khó khăn, và những giai đoạn thuận tiện. Điều quan trọng khi gặp giai đoạn khó khăn, hãy vận dụng trí óc tìm ra phương cách, để chuyển đổi thành giai đoạn thuận tiện. Bây giờ, theo họ là tôi đang bị hành! Tại sao tôi không biết thưởng thức, cái tuyệt vời của thiên nhiên? Bình minh và hoàng hôn diệu kỳ? Mây

chiều, gió núi và những sinh hoạt của sinh vật của đất trời, dù cho là con bọ, con bướm, con sóc, con trùng?

Rồi những ngày sau, tôi đã tìm ra những phương cách cải thiện : Cà luộc, cà nướng, đậu luộc, đậu nướng, mùa nào thức ấy, tôi qua mặt hầu hết! Khéo léo tôi kết hợp với anh Vàng Dơi, một người dân tộc Mèo, trong toán chúng tôi lại được về một tổ, cùng làm một công việc, thật là hết ý.

Đã có những con Cuốc gọi vào Hè; hàng ngày tôi chỉ đánh có cái quần đùi, còn trần trùng trục, ngoài vườn rau. Giữa thanh thiên bạch nhật, cán bộ, công an võ trang ngồi gác cả các khu vườn rau rộng. Tôi nằm ngửa, trườn vào giữa vườn ớt, vườn cà, (nếu ngồi sẽ thấy đầu nhấp nhô) tha hồ với tay chọn những quả, ưng ý nhất.

Tôi chỉ mặc mỗi cái quần đùi, có 2 lý do : 1) Mọi người từ cán bộ trại, toán trưởng tự hiểu, tôi không thể giấu đút được, một cái gì; mà lại ra vẻ chịu khó lao động. 2) Tôi khâu một cái túi nhỏ dài chừng 18 – 20 phân, rộng 6 – 7 phân, miệng túi khâu liền vào cạp quần phía trong. Cái túi lủng lẳng, khoảng giữa "tổ chim". Thôi thì thượng vàng, hạ cám, toàn những thứ quốc cấm đầu mùa, vừa non, vừa ngon, kể cả ban giám thị cũng chưa có ăn, như ớt, cà, đậu v.v… Tôi cho vừa đủ vào túi, nhìn bên ngoài không có một hiện tượng khả nghi. Khi về cổng trại, cán bộ, cũng như trật tự thường chú ý khám xét, những anh quần áo rườm rà, ôm xách lềnh khềnh. Tôi chỉ mặc cái quần đùi, tay cầm một cái ca uống nước cũ mèm, nhiều khi tôi để vài cái rau già, có khi mở nắp đường hoàng v.v…

Tóm lại, giai đoạn này tôi không còn đói như trước đây, cơ thể của tôi còn được bồi dưỡng. Rau, trái ngon đầu mùa, thứ mà hơn một chục năm, cơ thể tôi không có (chỉ ăn muối rang là nhiều). Tôi cũng muốn cho, những bạn bè thân quen được hưởng ít nhiều, nên mới có cái túi bí mật trên. Một buổi vào giữa hay đầu tháng Tư, Tiệp sang tôi với đôi mắt long lanh, ghé tai tôi thì thầm :

- Anh nhận định rất đúng, hôm qua cán bộ gọi chúng em, họ chuẩn bị trao trả về miền Nam. Cán bộ căn dặn tuyệt đối không được nói, với bất cứ ai.

Tôi đờ người suy nghĩ : vui, buồn, lẫn lộn. Bốn người được về, thì mừng cho anh em rồi, nhưng điều đó càng khoét sâu những nỗi niềm riêng, trong lòng mình.Tôi đề nghị hôm sau gặp lại Tiệp, rồi chuẩn bị, trang bị, tư tưởng, quyết tâm, phương cách kỹ thuật v.v…

Sau những thăm dò, gợi ý, tôi và Tiệp đã bí mật thỏa thuận một kế hoạch, do khả năng vận động điều hành của Tiệp là chính để vớt vát phần nào danh dự cho vụ cướp phi công, ở Sơn Tây 11/1971 Mỹ đã thất bại chua cay, để cổ vũ khích lệ cho những người có tinh thần chống đối, trong chính quyền cũng như, ngoài nhân dân.

Chuẩn bị, dự trù, sơ lược :

Phương tiện : Chỉ cần 3 máy bay trực thăng, loại cơ biến tối tân nhất, bất ngờ đột nhập từ phiá Lào sang. Hai cái, có nhiệm vụ bắn phá, kìm hãm mấy cơ sở bộ đội và Công An Nhân Dân, trong bán kính 5 km. Một cái, sẽ đáp xuống sân trại tù Phong Quang, Yên Bái để giải cứu chừng 8 – 12 người tù.

Thời gian quy định tối đa 30 phút (từ lúc đến tới lúc đi) vào đêm, từ 1 – 3 giờ ngày 15 mỗi tháng. Tám đến mười hai người này, dấu hiệu : Khăn trắng buộc cánh tay trái. Khẩu hiệu : Hỏi : Đi đâu? Đáp : Hải Phòng!

Tám đến mười hai người này, ngoài những nhiệm vụ thức đêm của ngày 15 mỗi tháng, từ 1- 3 giờ, cùng hô hào, phá vách, phá cửa. Tùy mỗi người tù, tự ý giải quyết đời mình. Ngăn chặn bất cứ ai không đúng mật khẩu quy định, xông vào máy bay. Mục đích chính : Cổ vũ khích lệ cho những người có tinh thần chống VC, trong chính quyền cũng như ngoài nhân dân. Nếu thành công, 8-12 người tù thì nhỏ, nhưng về chính trị sẽ to lớn đến trăm, ngàn lần.

Cuối cùng, tôi còn nhắc Tiệp : Về tới miền Nam, phải nỗ lực xúc tiến, nỗ lực ưu tiên cho kế hoạch.

Sáng ngày 20-5-1973, trước sân trại đông đầy các toán. Đông đủ cán bộ trại, có mấy cán bộ lạ, họ đã đọc tên 4 người : Đẳng, Vinh, Tiệp, và Thuần được tha về miền Nam, theo hiệp nghị Paris, để hoà giải dân tộc. Bốn cậu đều được mặc quần áo nâu mới, một túi xách, tôi chỉ kịp thời nói riêng với Tiệp một câu :

- Tháng 7 bắt đầu!

Một chiếc comanca đã đợi sẵn ngoài cổng trại, phần tôi với bao công trình bí mật, chuẩn bị với các buồng. Những ai là hạt nhân, cốt cán đã được tôi luyện, thử thách.

Sau khi 4 người đi cũng có nguồn tin, có khi ra ngoài kia (cách trại 5 – 7 cây số) đã có xe khác đón đi. Hoặc chính chiếc comanca đó, ở cổng trại sẽ đưa các cậu, về một trại giam khác (Điều này trước đấy, đã xẩy ra nhiều ở các trại). Có những người tù được tuyên bố tha ở trại này, dăm ba năm sau lại gặp ở một trại khác.

Chừng 5 tháng sau ngày Tiệp về, có một em hình sự bí mật cho tôi biết : Do gia đình tiếp tế nghe đài ở Sài Gòn, Tiệp có họp báo ở SG, Tiệp được thăng cấp là trung úy. Nhưng còn chúng tôi, từ tháng 7-1973 cứ mòn mỏi, khắc khoải băn khoăn mãi, cho tới khi mất miền Nam, mới hiểu được gần đúng cái nguyên nhân tại sao!

Bây giờ đây (March 04) anh chàng Tiệp ở nơi nào, còn sống hay đã đi về với gió bụi? Ở nước ngoài hay còn ở trong nước? Tại sao ngày ấy lại lơ là, bỏ quên hở Tiệp? Lý do nguyên nhân thì nhiều lắm! Nhưng tôi vẫn mong ước, muốn nghe đích xác vì sao? Để phần nào lấp đi những nỗi niềm, gần 2 năm vò xé khắc khoải của cõi lòng, của mỗi đêm ngày 15 mỗi tháng?

Dù ở cảnh ngộ nào, khi trong lòng có niềm hy vọng, thì tinh thần sảng khoái, nét mặt sẽ lộ đầy sinh khí. Tôi vẫn đi lao động hằng ngày, nhưng với một tinh thần năng nổ, lạc quan khác mọi khi.

Sáng nay, trời trong xanh, không một vẩn mây; ngước mắt nhìn khắp bầu trời, lòng tôi nao nao yêu trời, yêu đất, yêu thiên nhiên lạ thường. Bên cạnh một hố phân to, với những phân đánh đống trên bờ. Hôm nay tôi và anh Vàng Dơ, thay phiên nhau anh đi tưới, còn tôi đảo phân dưới hố, và đắp che lại những đống phân, ở trên bờ.

Trời cao lồng lộng, rừng rộng, núi cao, chỉ một mình tôi với trời. Đột nhiên nghe vi vu, re re như một tổ ong bị vỡ; rồi ríu rít, vù vù, một đàn sáo sậu đến 3, 4 chục con, bay sà đến đậu ở cây muồng mun, duy nhất của vườn rau, cạnh hố phân. Chẳng biết chúng có phiên họp, hay những cuộc hẹn hò gì, mà cứ như cái chợ.

Chúng nhẩy nhót lung tung, chuyền cành, mỏ thì ríu ra, ríu rít. Lại một đàn sẻ, cũng từ mãi phía căn nhà con, của cán bộ Mão, rào rào bay đến. Tôi vẫn cắm cúi giấn sâu cái cần đảo, xuống giữa hố, để đẩy những đống phân đóng cục lâu ngày. Chưa được mươi phút, một đàn sáo đá đến hơn chục con ở đâu cũng lướt đến.

Thấy khác thường, những ngày trước cũng có những đàn chim, mò đến cây muồng này, nhưng không nhiều như hôm nay. Ở trên cây, chúng nó cãi cọ nhau như mổ bò, nhưng dù sẻ hay sáo hầu hết chúng cứ chằm chằm, nhìn tôi đang đảo phân. Tôi có cảm tưởng, như chúng nó muốn nói gì với tôi. Nhìn những con bọ đang lềnh bềnh, bơi trên hố phân. Lại nhìn một đống bọ trắng hếu, chảy dài như một giòng suối con, từ trong đống phân chảy ra, tôi chợt hiểu, chính vì những chú bọ này. Tôi phải biết điều, nhìn lên cây muồng chỗ đám chim, như tôi muốn nói với chúng :

- Xin mời các qúy vị, tôi thật là dốt, tôi có biết đâu!

Tôi bỏ cần đảo phân, rồi chạy chui vào vườn ớt, ngồi im. Đúng như rằng, sau vài phút nghe ngóng, chúng rào rào

chúng bay xuống hố phân, đống phân trông cứ như… một đàn chim rừng nhiều loại!

Thiên nhiên cũng lạ lùng! Đàn nào nó ra đàn nấy, không hề lẫn lộn, để ý nhìn, tôi chưa thấy con sẻ lại nói chuyện với con sáo. Hoặc ngay sáo sậu với sáo đá, chắc cũng cùng họ hàng giòng giống với nhau, vậy mà tôi cũng không thấy chúng hỏi han tâm tình với nhau, dù chỉ là lịch sự, xã giao. Anh Vàng Dơ đã quang gánh trở về, đàn chim vù vù tán loạn bay đi, sau khi đã làm sạch bữa tiệc thịnh soạn, do tôi mời.

Nhìn hai con chim Di bé tí đang luồn lách trong mấy cây ớt tìm sâu, tôi nghĩ tới tối hôm qua. Vì ở nhà B trong khu 1 tôi chợt nhớ chuyện của anh Bổn hôm nọ đã hô hoán trong đêm : "Nói dối được công nhận hợp pháp trong xã hội".

Do muốn tìm hiểu sự việc, nên phải qua một số anh, cuối cùng phải có anh Bằng trật tự, tôi đã một lần trực tiếp nói chuyện với anh Bổn, nên đã hiểu sơ về anh. Anh là Trần Phú Bổn, trung đội trưởng du kích, đặc công của huyện Nghĩa Đàn (Quê của HCM), tỉnh Nghệ An. Anh cũng là phó bí thư chi đoàn thanh niên CS (sau này mới đổi thành đoàn thanh niên HCM).

Trong đợt chống phá ngăn chặn, "đồng bào di cư vào Nam, theo Mỹ Diệm" (1954), anh là trưởng đoàn đặc công của Huyện. Nhiệm vụ của đoàn là tìm mọi phương cách ngăn cản (tuyên truyền, phao những tin thất thiệt, kể cả bạo động : đốt nhà, bắt cóc trẻ con, thủ tiêu v.v…). Làm sao thực hiện hữu hiệu ngăn chận, những người công giáo, "theo Mỹ Diệm vào Nam".

Anh tâm sự : Trong quá trình thực hiện công tác, anh ra lệnh cho từng tổ, đôi khi chính anh dẫn một tổ đi làm nhiệm vu, vì lòng hăng say phục vụ công tác khi ấy. Anh nói như than thở những câu chỉ vì khi ấy, tôi cũng như nhiều thanh niên khác quá tin vào cái bánh họ vẽ ra! Không những họ nói láo, nói bịp với người dân, họ còn bịp cả nhau nữa : Bàn giấy này bịp bàn giấy kia; cơ quan này bịp cơ quan kia; tổng bí thư bịp bộ chính trị, bộ chính trị bịp ủy ban trung ương, trung ương bịp tỉnh, giám đốc v.v… Nghĩa là cả một xã hội nói láo, ai cũng biết, nhưng không ai thắc mắc. Tôi đã hăng say đốt nhà, có khi phải thủ tiêu người để lập công với Đảng! Cuối cùng anh nói :

- Rồi đây, tôi sẽ phải làm một cái gì để đền tội, của tôi! Tóm lại, anh và cả tổ 3 người bị bắt đêm 29-3-1955 (Hãy còn khu vực 300 ngày Hải Phòng). Do ông cha và đám thanh niên công giáo một họ đạo… Họ trói chúng tôi cho tới sáng. Cơ quan của huyện xuống, tôi và đồng chí huyện ủy đã nháy nhau. Tôi tưởng họ sẽ dẫn về huyện là xong, nhưng họ đã dẫn vào trại giam. Chúng tôi chờ ở trại giam cả tuần không thấy gì. Tôi gọi lão trực trại vào, bảo y mở cửa để chúng tôi ra, y cứ lừ lừ nhìn, tôi tức mình chửi cho một chập, rồi cứ thế chúng đưa hết trại này đến trại kia. Ở trong tù, tai nghe, mắt thấy rồi có điều kiện ngẫm suy, tôi đã sáng mắt ra hiểu được nhiều vấn đề trong bóng đêm của địa ngục, tôi điên, tôi đã chửi ráo. Hai người kia cùng tổ, bây giờ không biết ở đâu, tôi bị đưa về trại này hơn 5 năm rồi.

Sau khi nghe hiểu biết về anh Bổn, tôi nghĩ anh đã phạm vào một cái tội quá nặng nề, trong tay CS. Đó là cái tội "không thể tha!" Trong xã hội CS, có một loại người bị cái tội này. Nếu không tha Bổn chỉ có một mình anh ta khổ cực, gia đình vợ con anh ta nhớ thương khổ đau. Tha anh ta thì mất chính trị (đảng sai làm, rồi bỏ tù) thiệt hại cho Đảng. Chưa nói, nếu anh ta lại đem cái hiểu biết đó cho nhiều người biết, thì còn bị thiệt hại nguy hiểm đến chừng nào.

Kỳ này lại càng có nhiều trại chuyển tù về đây; trại thì mươi người; trại thì vài chục người v.v… Tôi có cảm nghĩ CS đã ký hiệp nghị Paris, chúng suy đoán có thể rồi đây có các phái đoàn Quốc Tế sẽ đến quan hệ, xem xét, du lịch, tham quan v.v…Vậy phải dẹp bớt trại giam. Lọc lõi những trại nào, thành phần, tội lỗi xét ra không nguy hại lắm thì cho về. Bởi vì có cho về cũng chỉ là cho chúng ra cái lồng lớn hơn, mà thôi. Khi tình hình cần thiết thì lại bắt vào, chứ chúng chạy đi đâu được! Còn những tên nào xét ra không thể tha, chưa thể tha v.v… Hãy dồn chúng vào một số trại đặc biệt, còn thì phá bỏ bớt trại giam đi.

Trưa hôm qua, tôi đang nằm nghỉ mươi, mười lăm phút để chiều đi làm, thì nghe mấy người ở cổng khu hô hoán :

- Các anh ơi! Có ra xem vua tù không?

Nghe lạ tai, tôi cũng mò ra. Ở sân trại chính có hơn chục người ôm chăn chiếu : Họ chỉ một anh tóc đã có sợi bạc, gọi bằng bác thì quá trẻ, vì cái mặt chỉ hơn 5 chục. Họ bảo anh đó là Tôn Thất Tần người tù từ 1945. Nghĩ mình đã tù 11 năm, đã thấy là lâu, anh Bổn 18 năm rồi. So với một đời người đã thấy ghê sợ; nhưng Tôn Thất Tần 28 năm mà vẫn còn ở trong tù, thì đáng là vua rồi. Khó có ai hơn, vì có ai đó, thì phải chết rồi còn đâu! Nghĩ như vậy, tôi định có bữa nào sang làm quen

Chương 6

NHẠC VÀNG QUÊ HƯƠNG

Nhiều chuyện quá, sáng nay lại nghe bên khu 2, có nhóm nghệ sĩ nhạc vàng đồi trụy của Hà Nội, mới chuyển đến. Rồi còn nghe nói có một tướng phỉ, khỏe như con gấu là Lý Cà Sa cũng mới chuyển về v.v… Từ từ tôi sẽ tìm cách đến thăm hỏi, khi có điều kiện sau này. Chỉ vài ngày sau, tôi đã mò sang chỗ nhóm "nhạc vàng" ở nhà B khu 2. Có thể vì 2 lý do: Cùng dân 36 phố phường mí nhau. Cùng một quan điểm yêu nhạc tình êm dịu, quê hương; trữ tình pha chút lãng tử, hải hồ cho nên tôi và nhóm "nhạc vàng" dễ thân nhau. Nhóm này gồm có 4 cậu, tên mỗi cậu đều có một đặc danh đi theo: Toán Xồm (Nguyễn Thắng Toán, Guitar kèn), Đắc Sọ (trống),Thành Tai Voi (kèn), Lộc Vàng (Nguyễn Văn Lộc, ca).

Nhóm "nhạc vàng" bị bắt năm 1967 cũng là năm có vụ án "xét lại hiện đại". Toán Xồm là đầu vụ, một phiên tòa ở Hà Nội đã xử năm 1969, CS gọi là nhóm "nghệ sĩ nhạc vàng đồi trụy". Kết quả Toán Xồm 15 năm, Đắc Sọ 12 năm, Thành Tai Voi 10 năm và Lộc Vàng 10 năm. Toán người nhỏ tí, có cái mũi như lai Tây, Toán học trường Tây, nhưng vì yêu văn nghệ, thích đàn hát nên học hành chẳng ra sao. Vì vậy, bắt đầu khoảng 57 – 58 một số cậu choai choai không có tiền, đàn đúm, còn đói ăn nữa nên đã tụ tập một nhóm nhỏ yêu nghệ thuật, yêu ca nhạc. Lúc đầu chỉ hát "nhạc xanh" là nhạc của các nước XHCN phương Tây. Ban nhạc của các cậu thường vào chơi trong những buổi tiệc tùng, liên hoan ở các sứ quán Ba Lan, Tiệp Khắc, Liên Sô v.v… Được vài năm, nhưng cũng đói rách. Khoảng 61- 62 lũ choai choai Hà Nội có phong trào bí mật nghe đài Sài Gòn. Bài hát nào mới ở SG, chỉ vài ngày sau chúng đã lén lút, ca cho nhau nghe ở Hà Nội rồi như: Đời là vạn ngày sầu…. biết tìm vui chốn nào… Ta yêu nhau đi thôi!…. Duyên tình ta xé… làm đôi… Hoặc: Tầu Đêm Năm Cũ… Thực ra dạo ấy và cho tới cả bây giờ tôi cũng không biết những bài hát đó tác giả là ai? Nhưng ngay trong trại Phong Quang vào những ngày thứ Bẩy, Chủ nhật một ấm chè rẻ tiền (chè cám) 5, 7 người có chút tâm hồn văn nghệ tụ tập (lén lút) ca hát, với một cây đàn tự chế. Khi thấy "áo vàng" vào khu, các cậu đổi "gam" ngay, thành những bài hát VC.

Như tôi đã nói, do cùng Hà Nội, lại có "gu" giống nhau nên bất cứ có buổi ca nhạc "bỏ túi" ở buồng nào các cậu thường báo trước, tôi là một khán, thính giả nhiệt tình. Tôi đã được nghe nhiều bài hát của Sài Gòn ở trại Thanh Phong. Thời gian ấy, một vài sự việc cho tới bây giờ, vẫn hằn vào lòng tôi.

Toán Xồm có cái tài bắt chước, khi ấy gọi là "bắt vở". Bất cứ một cán bộ lạ hay quen, từ trên bộ về nói chuyện với toàn trại, những ngày sau khi về trại, có khi đang lao động, có khi ngồi uống trà v.v… Toán Xồm bất ngờ làm một động tác, lột tả lại để ai cũng hiểu, Toán Xồm muốn nói đến cán bộ nào rồi, kể cả giám thị, cho đến ông cục trưởng Cục Lao Cải (giai đoạn ấy). Buồn cười một cách ý nhị, tôi phải thừa nhận là một cái "tài" không phải ai cũng làm được. Chỉ một cái "nháy mắt", "nhếch môi", "giọng khạc", "mắt liếc", "tay vẫy" mỗi khi nói v,v… Nghĩa là ai có cái tật gì Toán Xồm làm đúng như thế. Không hề nói trước, nhưng những người chung quanh đều hiểu Toán Xồm muốn nói đến ai. Vì thế, mọi người đều cười thoải mái!

Sự việc thứ 2 Toán Xồm kể lại, khi còn ở Hà-Nội, trong thời gian nhạc xanh, nhạc vàng, nhóm cũng "rách" lắm (cả xã hội cùng đói rách, chứ riêng gì ban nhạc), bàn nhau mới nghĩ ra, đành phải sắm thêm vài chiếc kèn đám ma, kiếm gạo cơm trong những người chết, để cứu cuộc sống của nhóm. Nhóm đã hành nghề mấy năm của cái đất Thăng Long dưới cái chế độ "Xếp Hàng Cả Ngày" thời gian ấy, thì cũng thêm cho bát cơm đầy.

Về anh Tôn Thất Tần, giai đoạn 73 – 74 anh được làm vệ sinh tự giác trong trại, tương đối nhàn hạ, có thể vì công việc dễ chịu như được chiếu cố nên anh dè dặt nói chuyện, để bảo vệ cái "job" thơm? Tôi và anh đã đánh cờ tướng 3, 4 lần, trí óc của anh còn minh mẫn lắm! Tôi chỉ biết một chút về anh: Bị bắt ngày 24 – 9 -1945. Anh là Đổng Lý Văn Phòng, đã kịch liệt phản đối Vĩnh Thụy (Bảo Đại) trao ấn tín cho Trần Huy Liệu của Việt Minh. Hơn một tháng sau, của ngày 19 – 8 -1945, Việt Minh truy ép anh mấy lần không được, nên họ đã bắt Anh nói với tôi như vậy, thực hư tôi không rõ.

Một buổi sáng, đầu tháng 7 – 1974, tên Hường trực trại đọc tên tôi trước hàng tù, đợi xuất trại đi làm. Tôi được chuyển về toán 7 làm nhà, tôi bàng hoàng ngẩn ngơ tiếc nuối toán rau của ông Mão, được hơn một năm trường (ra toán rau là đi đày, ý chí chuyển đổi khó khăn ra thuận tiện của tôi có hiệu lực. Có thể chúng thấy, hơn một năm đầy tôi ra cứt, đái, nắng mưa ở toán rau, chắc tôi đã biết thân rồi! Cũng có thể chúng xem hồ sơ của tôi; tên này ở trại trung ương số 1 đã là kỹ thuật xây dựng nhà cửa; cũng là kỹ thuật hàng ngang (mộc), vậy hãy cho nó về toán làm nhà xem sao? Hẳn nó đã tự biết thân! Chúng có biết đâu rằng, con người cái chính là khâu tư tưởng! Tôi đang mang tâm trạng, bao nhiêu anh em Biệt Kích khác đã được về miền Nam tự do, còn tôi chúng giấu đi, nhét trở lại tù ngục, lam lũ đói khát.

Về toán làm nhà do tên trung sĩ Đạo phụ trách; toán trưởng là anh Nguyễn Trí Viên (tù chính trị địa phương). Khi ra hiện trường anh Viên phân công, cho tôi làm vì trưởng một căn nhà gỗ 5 gian. Năm gian thì có 10 vì, tôi đã trả lời anh Viên là tôi không biết làm! Viên chạy đến cán bộ Đạo, một lúc sau cả Đạo và Viên xồng xộc đến chỗ tôi. Tên Đạo sừng sộ :

- Tôi còn lạ gì anh nữa! Ở trại 1 anh đã dựng cả một công trình!

Tôi nói dịu dàng :

- Thưa ông, đầu óc tôi không biết làm sao, tôi chả còn nhớ gì ở trại 1.

Không nói gì thêm, y bỏ đi! Anh Viên lấy một cái đục 2 phân với một cái bướm đưa đến, rồi chỉ cho tôi một cái lỗ đục ở cây cột cái để "Xàm" xà. Tôi suy nghĩ: Mình vẫn là tên tù, không nên làm quá; cái gì quá đều không tốt! Hãy theo cái thuyết của Albert Einstein; nghĩa là tương đối, trung dung, vừa phải thôi. Rồi tùy từng sự việc, tùy từng giai đoạn để xê dịch, trung dung ở chỗ nào cho thích hợp.

Theo qui định thời gian ấy, 12 lỗ đục cột, một công khoán, vậy tôi cứ tà tà đục chừng 9 hay 10 lỗ một ngày, không cần kỹ thuật. Để nhắm mắt qua cầu, cho đầu óc còn làm nhiều việc khác! Cái thích thú của tôi là, trong toán làm nhà này lại có Lý Cà Sa, tôi đang muốn làm quen, tìm hiểu. Lý Cà Sa là người duy nhất ở trại Phong Quang được ăn 21 kg. Thông thường, người tù nào làm khỏe, năng suất cao, thì cũng chỉ được ăn mức 18 kg là mức cao nhất, theo quy định của Cục Lao Cải.

Anh em trong toán kể lại: Một buổi ngoài hiện trường lao động làm nhà, cây cột cái thường phải 4 người khỏe khiêng; thế mà Lý Cà Sa một mình vác. Tên Tăng và nhiều cán bộ chứng kiến, vì thế tên Tăng ký giấy đặc biệt cho Cà Sa ăn mức 21 kg. Về tâm lý, hầu hết mọi người đều trầm trồ ca ngợi, có thiện cảm với một người khỏe mạnh khác thường như thế. Trần Định toán trưởng, cũng như anh em trong toán nhà bếp. Mỗi khi Cà Sa mang soong

xuống bếp lấy cơm (lấy riêng), nhà bếp cứ ang áng xúc cho một xẻng cơm, có khi còn hơn cả mức 21kg nữa. Vì vậy Cà Sa cũng lén lút cho chác, những ai Sa mến.

Cũng là một đặc biệt, Cà Sa lại thích đùa bỡn với mấy cậu nho nhỏ, be bé. Luật bù trừ của tạo hóa cũng kỳ diệu! Người to lại thích người nhỏ, gầy thích mập, cao thích lùn và ngược lại. Không biết người thông minh có thích người đần không? Hoặc người vui tươi, nồng nhiệt có thích người sầu buồn như gà rù không? Cái này xin để quý vị thẩm định.

Cũng vì thế Toán Xồm (bé tí) rất thích Lý Cà Sa, nên hằng ngày thường sang chỗ Cà Sa. Tất nhiên Cà Sa cũng thích Toán Xồm và hay đần mặt ra, nghe lời ca tiếng nhạc của nhóm "nhạc vàng".

Con người của Lý Cà Sa cũng khác thường, chân tay mình mẩy rất nhiều lông, mà lông lại dài nữa. Mặt anh ta, tôi có cảm tưởng hơi giống như con khỉ đột, đôi mắt sâu, lông mày rậm. Tôi cũng đã được nhìn thấy nhiều người to khỏe rồi, nhưng phải thừa nhận Cà Sa có một sức khỏe lạ thường trời cho. Chắc chắn Cà Sa không phải là người to, cao nhất, anh ta cao chừng 1m 83 đến 1m 85 (xin quý vị tín nhiệm mắt của một người thợ kim hoàn, một kỹ thuật nhà, mộc!. Cụ thể tôi đã vẽ kích thước cái cùm Hỏa Lò bằng trí nhớ, ở tập 1 Thép Đen, đã không sai với hình chụp hiện nay). Còn Cà Sa cân nặng bao nhiêu tôi xin chịu (nhà tù chưa bao giờ có cân).

Nhớ lại Tết vừa qua, trong vấn đề kéo co, cũng tên Tẳng Toét và cả anh em tù, cũng muốn thử xem sức khỏe của Cà Sa như thế nào? Bữa hôm Tết, y cho 6 người của toán cò cưa và Lý Cà Sa ăn no; buổi chiều y cho 6 người này, kéo dây " kéo co " với Cà Sa. Trước sự cổ vũ của anh em tù cũng như cán bộ toàn trại, cuối cùng Cà Sa đã thắng!

Một buổi uống trà cám, Cà Sa đã kể lại thời kỳ anh ta bị bắt. Trước 5 – 6 người, có Toán Xồm và tôi, Cà Sa nói:

- Hàng mấy năm trường vùng vẫy trong vùng Hoàng Su Phì Hà Giang. Việt Minh không thể làm gì y được. Sau VM dùng trò mua chuộc, dụ dỗ sẽ cho làm tướng vùng dân tộc thiểu số, sẽ cấp dinh thự, kẻ hầu người hạ v.v… Cuối cùng đã bắt được Cà Sa.

Cà Sa kể tiếp:

- Trong thời gian khai thác, thẩm cung luôn có 6 CA võ biền, to khỏe canh gác. Chân tay Cà Sa lúc nào cũng bị xiềng xích ngày đêm, vậy mà khi Cà Sa đi cầu cũng 4 người đứng canh. Khi Cà Sa biết bị lừa, y gầm thét phá phách dữ dội, có lần y vớ được một tên CA, y ném qua một bờ suối rộng 3m. Việt Minh phải trị bằng cách cho ăn đói nhiều ngày. Ăn được 5 phần thì chỉ cho 1 phần thôi "Thà không cho ăn để chết, không ác độc, thâm hiểm bằng cho ăn ít như thế!" Đấy là lời nói của Lý Cà Sa.

Đêm qua bên nhà A khu 1 có một chuyện không bình thường: Nghe đâu cũng lại ăn nấm độc, 6 người bị nặng nhất đang đêm phải đưa đi nhà thương Yên Bái, nhưng 4 người đã chết. Sáng ngày ra, trong trại xôn xao, bàn tán như sau: Một cặp tù xẻ gỗ thuộc loại tự giác. Những cặp loại này không cần phải công an võ trang đi kèm, cứ 2 người đi thăm thưng trong rừng cây, thấy cây nào đáng xẻ, gỗ thuộc loại nào về báo với cán bộ toán. Khi đã được chấp thuận, cho chỉ thị xẻ theo quy cách, kích thước, ngày tháng mức ấn định v.v… Do đấy, có cặp xẻ phải làm tại chỗ hàng tuần, hàng tháng, cứ sáng sớm xách cơm nước đi, tối phải về trại trình diện.

Hôm qua, một cặp xẻ: Hoàng Điểm và Ngô Thanh (tù chính trị địa phương, tức miền Bắc) những cây gỗ gần chỗ các anh xẻ, sau những trận mưa rừng rả rích, cũng mọc lên rất nhiều những loại nấm mèo. Ngay từ chiều 2 anh đã nấu thử tại chỗ để ăn (những người khác trong toán kể lại). Các anh về khoe là ngon như thịt gà! Ngon quá! Lại nghĩ đến những bạn bè thân của mình, các anh đã mang về một ống Guigoz và một cà men con. Tối các anh về trại, vào buồng chia ra làm 5 phần, anh thì có 3 người thân, anh thì có 2. Các anh đã lén lút đưa cho người thân, để cùng

thưởng thức.

Nghe bạn thân là anh Điềm với anh Thanh ca ngợi hết lời, lại thấy 2 anh đã ăn rồi mà có sao đâu. Vả lại, đang đói thiếu, của thơm ngon như thế mời gọi, của qúy dành cho người thân! Bởi vậy các anh đều nhiệt tình thưởng thức, còn không cho ai biết nữa chứ. Chỉ có một người là anh Hoè của toán nhà bếp (bạn của anh Điềm) bị đau bụng từ chiều, nên anh để dành lại, sáng mai khỏi đau bụng sẽ ăn.

Buổi trưa hôm đó, sau khi đã có 4 người chết ở nhà thương, còn 2 người ngắc ngoải. Tên Tằng Toét đã lấy cái phần của anh Hoè đau bụng chưa ăn, chừng 1 phần 3 chiếc ca nhỏ uống trà. Y bắt con Vện của cán bộ trực trại ăn thử; nửa giờ sau con chó sùi bọt mép, giẫy lên rồi nằm luôn.

Vấn đề kỳ lạ để lại trong lòng nhiều người: Tại sao anh Điềm và anh Thanh đã ăn tại chỗ từ chiều, cho tới khi về trại không sao cả. Hai anh đã chết rồi, thì ai trả lời được cho mọi người khỏi băn khoăn? Theo tôi, chỉ có một cách giải thích hợp lý: Vì lý do, nguyên nhân gì đó, buổi chiều hôm ấy anh Điềm và anh Thanh chưa hề ăn nấm mèo ấy. Hoặc, các anh đã ăn nấm khác, không phải cùng nồi, đã múc đưa về trại.

Gần 3 tháng trời họ chuyển tôi về toán ông Đạo làm nhà, thấy tôi không chuyển biến tư tưởng, chẳng chịu làm ăn cái gì cho ra hồn. Thật không ngờ, đầu tháng 2- 1975 họ lại chuyển tôi về toán mộc để làm hàng ngang. Lán mộc bây giờ ở ngay phía trước cổng trại, ngay sau phòng trực trại của tên Hường.

Toán mộc cũng vẫn là cán bộ Hòa và toán trưởng vẫn là anh Khẩn, như khi tôi mới chuyển về trại này. Họ phân công cho tôi đóng giường đôi, và làm ghế. Quan điểm của tôi đã nói ở trên, tôi chỉ làm cầm chừng, "nhắm mắt qua đò". Kỳ này tôi lại đốc tật là thích uống trà đêm, trong buồng cũng có một vài anh cũng thích uống trà ban đêm. Ngồi một mình trong mùng, nhấm nháp ly trà (ly nứa) để cho lòng lâm ly, để cho óc trầm ngâm suy tư chuyện Đông, chuyện Tây, chuyện trong, chuyện ngoài, nghĩa là chuyện đời.

Những người uống trà đêm, "muốn ăn thì phải lăn vào bếp". Họ phải lo chuẩn bị đóm nứa khô. Nội quy cho mỗi tù nhân, chỉ được mang một cái đóm vào trại, để hút thuốc.

Tùy theo khả năng, tài ba của mỗi người, có gia đình tiếp tế, có tiền thì uống trà ngon, trà búp. Kém khả năng thì uống trà cám loại bẹt, một gói giá 1 hào 50, uống được một tuần. Nhấm nháp một tí đặc chát, để cho đời lên men.

Thường thường 11- 12 giờ đêm, người ta ngủ yên ắng, mình khe khẽ bò dậy, vào nhà xí chừng 3, 4 cái đóm nứa, đã có thể sôi nước trong một cái ca con. Sau khi đã đun trà xong, chuẩn bị cái giẻ rách lau cho ca sạch trắng. Một cái giẻ dùng hàng tháng. Cứ đêm lau, sáng ra lán giặt phơi, nó cũng là một cái thú ở trong tù.

Thấy cứ phải lau chùi ca, chạy vào, chạy ra trong nhà xí. Một đêm, tôi chợt nghĩ ra một cách, theo điều kiện cho phép của tôi. Đã cuối tháng 2 đầu tháng 3, sắp hết Xuân vào Hè, tôi lại dùng cái quần đùi thời gian ở toán rau. Chỉ khác đi là lần này đựng than, loại than gỗ cứng qúy. Ở ngoài lán mộc luôn có đống lửa, hút thuốc, đun trà v.v… Tôi chọn những gỗ cứng, tốt đốt cháy đến đâu, tôi nhúng vào nước. Có một loại than thật cứng, giữ được lửa lâu. Mỗi ngày tôi mang về 6 cục, mỗi buổi tôi mang về 3 cục. Đêm có thể tôi đun 2, 3 lần trà, than vẫn còn đượm. Chỉ ngồi một mình trong màn, lại không có khói, ấm cúng, chủ động, không phải lấm lét canh công an võ trang.

Tôi làm ở lán mộc này được hơn một tháng, một buổi tôi ra chỗ góc lán đi tiểu, chỗ tôi trồng mấy ngọn lang để cải thiện. Thoáng bóng một chú gà giò, chừng 2 vụm tay, chú gà cứ tẩn mẩn mổ mấy loại côn trùng, ở đám dây khoai lang. Tôi chợt lóe một ý nghĩ: Hàng chục năm không có mùi thịt gà! Dịp may trời cho, tại sao không liều? Chắc chú gà này của vợ chồng lão Tôn đại úy giám thị trại, ở phía bên kia hàng rào với lán mộc. Phải liều, cứ cái câu "không liều thì không có cái gì cả". Nhìn trước nhìn sau, tôi lựa thế le con gà vào một cái góc. Như một cái máy, tôi chộp lẹ.

Có lẽ vì là chú gà giò chưa lớn bao nhiêu, nên không hề kêu gì cả. Bóp cổ 2 phút là chú giẫy chết! Tôi thành thật xin chú mày tha lỗi! Vì tôi đói và thèm quá! Vùi đất ngay tại chỗ, vì đi tiểu đã lâu. Tôi vào cầu bào, không ai để ý gì, tuy vậy trống ngực tôi cũng đánh liên hồi.

Cắm cúi cưa, cắm cúi bào, nhưng đầu tôi tính một cách, sao mang về lọt qua cổng trại! Đi tiểu lần sau, chỉ kịp vặt hết lông. Mười lăm phút tôi lại đi lần nữa, đã chuẩn bị, mang theo một cái chàng sắc bén, vội vàng mổ ruột vất hết, chỉ gan và mề để lại. Quá 5 phút lại phải vào, liệu chờ người đi tiểu ra, tôi lại đi. Nếu ai để ý sẽ thấy lạ, có thể đoán tôi hôm nay bị đi đái rắt. Đã tính rồi, tôi ra cắt béng đầu và 2 chân gà đi, con gà bây giờ chỉ còn khoảng 2, 5 đến 3 lạng là cùng. Tôi mang vào giấu ở cầu bào.

Cứ có điều kiện không ai để ý, tôi lại cắt con gà thành những miếng nhỏ, sao cho cả con gà càng thu nhỏ lại, càng tốt. Gần giờ thu quân, tôi dồn hết vào cái túi bí mật ở trong quần. Nếu ai tinh ý sẽ thấy cái chỗ đi tiểu của anh chàng này, hôm nay hơi to. Tôi phải cố thót bụng lại, để đánh lạc hướng trật tự và trực trại. Tay tôi cầm 4, 5 cái đóm hút thuốc, với cái ca con, đựng tí bã trà.

Khi toán về tới cổng trại, ngay từ xa tôi đã thoáng nhìn thấy dáng dấp tên Tằng Toét, tôi cũng hơi chờn. Có Tằng đứng đấy, trực trại, trật tự phải nghiêm khắc xét, khám kỹ hơn. Tôi băn khoăn, vài phút rồi quyết định: Đã tính rồi, cứ tiến!

Sau khi anh Khẩn đứng nghiêm báo cáo con số toán, tên trực trại nhìn 5 cái đóm trên tay tôi, y quát :

- Anh kia mang nhiều đóm thế!

Tôi nói cố hết sức dịu dàng:

- Thưa ông, có 2 anh bị ốm ở nhà, nói với tôi mang hộ!

Y gằn giọng :

- Không được!

Tôi bỏ lại 3 cái, y cũng không nghe (vì có tên Tằng đứng đấy) đúng nội quy chỉ được mang một cái mỗi người. Tôi chỉ cầm một cái đi vào, còn bỏ lại hết. Khi đi qua tên Tằng và tên Hương, tôi có cảm tưởng chúng cứ nhìn tôi mãi. Không biết mũi của chúng có ngửi thấy mùi thịt gà tươi, ở trong quần của tôi không? Thế là nhiệm vụ hoàn thành!

Cái đêm hôm ấy, hầu như tôi thức cả đêm! Sau khi điểm xong, cho tới kẻng cấm, tuy nằm mà bao hy vọng chờ đón, lẫn với tính toán đến 12 giờ đêm, chả làm sao ngủ được. Nghe ngóng yên ắng, có nhiều tiếng gáy, tôi mới bò dậy xuống sàn, vào nhà xí nhóm than cho cháy. Chỉ nửa giờ sau đã có già nửa cái lon Guigoz, là thịt gà giò chín thơm lừng. Mở cửa nhà xí, ngó ngấp, nghe ngóng, bấy giờ mới rón rén khe khẽ trèo lên sàn, chui vào mùng, để mà hưởng thụ.

Thành thực mà nói, 13 năm tôi đã hoàn toàn quên béng cái mùi thịt gà giò đi rồi. Cũng xin thành khẩn nhận lỗi, đêm hôm đó tôi đã quên hết… Một câu thơ con cóc: Cái đêm hôm ấy, đêm gì? Gà non, nhóp nhép….gầm ghì cả đêm! Cho đến khi tôi viết mấy dòng này, tôi hơi một chút băn khoăn, có nên cảm ơn vợ chồng ông đại uý Tôn, của trại Phong Quang ngày ấy? Chỉ vì Tôn có chút tình người.

Sáng hôm sau, trong khi ngồi xếp hàng chờ cán bộ vào điểm, bỗng anh Bùi Tâm Đồng nói to bâng quơ:

- Đêm qua tôi nằm mơ được ăn thịt gà, sáng ra vẫn còn mùi thơm của thịt gà!

Có mấy anh nữa rống lên phụ họa :

- Tôi cũng ngửi thấy mùi thịt gà thơm phức!

- Tôi thấy thơm lừng trong buồng, vào nhà cầu đi đái tôi còn ngửi thấy!

Chỉ có một mình tôi biết, mùi thịt gà đó do đâu ra, và nó còn nằm trong bụng của ai bây giờ, mà thôi!

Những tháng năm lang thang trên xứ người, có nhiều lúc tôi nhớ lại con gà giò "ăn cắp"của ông bà Tôn năm ấy. Tôi có ý nghĩ: Nếu có thể được, bằng cách nào đó, trong điều kiện nào đó, tôi sẽ xin trang trải món nợ của ông bà Tôn ngày ấy, cả vốn lẫn lời. Cũng như tôi đã trả được món nợ cả vốn và lời, 4 đồng của Phan Thanh Vân ở phân trại E, phố Lu năm 1969 (năm Hồ già về với Karl Marx). Hiện nay Vân đang ở Washington DC.

Nói về ông đại úy Tôn này, tháng trước (10/04) chính Lưu Nghĩa Lương ở toán 5 đã kể cho tôi nghe (Lương hiện ở CA.). Tay Tôn này tập kết, chả hiểu trong Nam có vợ con hay chưa? Cơ quan, ban giám thị có một cô loại thanh niên xung phong, chừng 22 – 23 tuổi. Dáng quê, không đẹp vẫn hàng ngày phục vụ dọn dẹp, lau chùi, giặt giũ v.v… Ông Tôn đã làm cho cô ta có bầu. Đảng, cơ quan bắt y phải cưới làm vợ. Rồi Đảng cho vợ chồng một căn nhà con, phía bên kia hàng rào lán mộc của chúng tôi. Lương còn nói: Có lần Lương gặp đại uý Tôn đi trên chiếc cầu con (từ cổng trại ra lán thủ công, và nhà ông Tôn có một cái suối nhỏ) Lương vừa chào lại có ý móc máy, đùa cợt :

- Chào ông ạ! Thưa… bà đẻ con trai hay con gái ạ?

Tôn quay hẳn lại nhìn, xem thằng nào biết mà lại hỏi thế? Dù vậy y vẫn trả lời như vui, như đùa :

- Theo Đảng mấy chục năm, bây giờ mới có cái "thằng".

Qua cách trả lời Lương, ta đã thấy phần nào con người của "ông" Tôn rồi!

Sau cái đêm chén con gà giò, ngay ngày hôm sau đi làm ngoài lán mộc. Mỗi lần tôi đi tiểu, đều nhìn sang phía nhà vợ chồng ông Tôn nghe ngóng động tĩnh, có hiện tượng tìm tòi, kêu ca mất gà hay không?

Nhưng tôi vẫn thấy im lìm. Trong khu hàng rào, có căn nhà nhỏ của vợ chồng ông Tôn, chung quanh tôi thấy có một số cây rừng nho nhỏ. Sát phía căn nhà có một cái chuồng gà, bằng tre và nứa. Chừng gần 2 chục con gà lớn bé, hàng ngày ra lang thang trong khu vườn con đó. Chúng tìm những con sâu, bọ, côn trùng, ngoài một bữa ăn duy nhất khoảng 4 giờ chiều. Từ cái lỗi lấy trộm gà của tôi đối với gia chủ là ông Tôn, dần dần tôi càng để ý nhà ông ta kỹ hơn.Tôi làm mộc, cứ mỗi buổi chiều nghe thấy 3 tiếng phạch, phạch, phạch, của một cái que đập vào một cái phên liếp là tôi chạy vội ra chỗ đi tiểu, ghé mắt sang bên kia phía hàng rào nhà ông Tôn.

Một bà chỉ 26, 27 tuổi, tôi đoán là vợ ông Tôn nên gọi là bà, mang một cái rá con lẫn lộn ngô xay với cám gạo, bà rắc vãi ra phía trước mặt. Rào rào từ khắp các ngõ ngách, các chú gà lớn nhỏ chạy bổ, chạy đáo về chỗ bà chủ. Có con vội vàng quá, vấp vào những cành cây, ngã lăn lộn mấy vòng nhưng cũng cố vội vàng, bò dậy chạy về chỗ ăn.

Nhìn cảnh này, óc tôi liên tưởng suy ngẫm: Những con gà trong khu vườn này, đã được thả ra khỏi chuồng từ sáng sớm. Lang thang kiếm ăn cả ngày trong vườn, ngày nào cũng thế nên những con côn trùng không còn bao nhiêu, cho nên, chúng đói lắm. Vì vậy khi nghe 3 tiếng hiệu lệnh bằng mọi giá, chúng phải chạy về ăn, nhất là phần ăn chỉ

có hạn. Nếu trong khu vườn con ấy, gia chủ lại phơi vài chiếu thóc, ngô, đậu hay gạo v.v… Những con gà kiếm chác được ít nhiều, đôi khi còn no nê nữa. Chắc chắn chúng sẽ không chạy bán sống, bán chết khi nghe 3 tiếng lệnh gọi về ăn, như tôi đã thấy.

Suy ra xã hội CS: Từ mấy con cá dưới sông, con chim trên trời; cành khô, củi mục, tất cả mọi nguồn lợi kinh tế của quốc gia, CS phải quản lý hết, quản lý nghiêm ngặt. Dù có thừa, vựa lúa gạo của miền Nam từ ngàn xưa bao giờ cũng thừa, bây giờ lại cải tiến tăng vụ nữa. Chúng phải cất đi, phải giấu đi, phải cho đi v.v… Thậm chí thà để mốc đổ đi, chứ không thể để, cho dân chúng no nê đầy đủ. Của thừa, không tiếc! Nhưng cho ăn đầy đủ thì lại lắm chuyện, không quản lý được. Tất cả để phục vụ cho một mục tiêu chính: Quản lý con người, quản lý xã hội. Đặc biệt về vấn đề an ninh nhà nước, tức cho ngay bản thân chúng, đó cũng là một cái khóa an toàn vạn năng.

Cũng từ đấy ta suy ra, nền công nghiệp quốc phòng của chúng thì vô cùng hiện đại, để chống với nước khác là phụ. Cái chính là để trấn áp, tiêu diệt mọi mầm mống nổi dậy, của dân chúng trong nước của chúng. Sao cho bảo vệ cái chỗ ngồi của những tên lãnh đạo, được vững chắc ngàn thu.

VC đã nhìn thấy: Con người khi có cuộc sống đầy đủ, thừa thãi thì không thể quản lý được (như đàn gà nói trên). Cho nên ai cũng nhìn thấy rõ ràng như ban ngày: Dưới chế độ CS bất cứ ở đâu, đã qua, bây giờ và sau này, không bao giờ người dân trong chế độ đó được tự do, dân chủ, dân quyền, no ấm, thừa thãi v.v

Chương 7

SẦU LẮNG MÊNH MÔNG

Dư âm của bữa ăn con gà giò hãy còn rơi rớt trong cảm giác, hãy còn làm cho lòng tôi lâng lâng nhìn cuộc đời. Sáng sớm hôm nay, trong buồng hãy còn tối, tôi giật mình thức giấc vì chiếc loa ở cửa buồng nheo nhéo loan báo: Ngày 13 – 3 đại quân CS có xe tăng đại pháo đã bất ngờ mở trận tấn công vào thị xã Buôn Mê Thuột ở cao nguyên miền Nam, chúng đã chiếm được thị xã Buôn Mê Thuột. Hôm nay là ngày 15-3, như thế đã 3 ngày chúng mới loan tin trên đài. Tình hình phải chắc ăn chúng mới loan tin, chúng rút kinh nghiệm năm Mậu Thân 1968.

Người tôi tự nhiên đờ ra, tôi đã ngồi dậy rồi, lại nằm xuống lịm đi, phải chăng mối ưu lo của tôi hơn 2 năm xưa bây giờ đã ló ra? Tôi nhớ thời gian ký hiệp nghị Paris, nhìn một tấm hình chúng đang tuyển quân, tôi đã lo có khi vì hội nghị Paris này rồi sẽ mất miền Nam!

Cả ngày hôm ấy, người tôi như mất hồn. Ngồi xếp hàng với các toán chờ xuất trại, tôi liếc nhìn mãi sang phía bác Tiến, anh Bưởi và các toán chung quanh. Mọi người nhìn nhau bằng những đôi mắt trắng nhờ nhờ. Ngay xa xa chỗ mấy toán hình sự, hôm nay cũng không còn ồn ào cãi cọ nhau, như mọi khi.

Từ tối hôm qua, lòng tôi đã nhẩm tính dự trù cho đêm nay (15-3) như mỗi tháng. Từ cái tháng 7/1973 cho tới bây giờ niềm hy vọng mòn mỏi đợi chờ cứ mỗi tháng, mỗi bé dần, bé dần cho đến đoạn chót chỉ còn bé một tị. Cũng như đêm nay, niềm mong chờ, hy vọng của chúng tôi cũng còn bé, chỉ còn chút síu.

Bản tin buổi chiều, lại thêm: Đại quân hàng 5- 6 sư đoàn đã vượt sông Bến Hải, bất ngờ thần tốc tiến chiếm Cổ Thành và thị xã Quảng Trị. Đại quân đang trên đường tiến vào cố đô Huế. Từ nay chúng không để hai, ba ngày sau mới đưa tin tức nữa. Có lẽ riêng về trận đầu, trận mở màn ở Buôn Mê Thuột chúng thận trọng, nghe ngóng trong nước ngoài nước nên chúng mới chậm trễ, đưa tin cho nhân dân miền Bắc như vậy. Còn bây giờ thì đài, báo, cứ ra rả từng bước tiến, từng trận đánh của đại quân mà chúng đã tuyên bố là chiến dịch tổng tấn công toàn diện, lấy tên là Hồ Chí Minh.

Đất nước miền Nam thương yêu ơi! Ông bà tổ tiên ơi! Có chứng giám lòng con lúc này! Vì tôi hiểu, tôi nhìn vào bản chất của cuộc chiến, hoàn cảnh, điều kiện nên tôi mới buồn héo hắt, rũ rượi như thế này!

Đúng như ông bà mình dạy: "Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí". Đêm ngày 2-4 khoảng 10 giờ; kẻng cấm 9 giờ vừa xong một lúc; bên ngoài cổng và sân trại rầm rập í ới tiếng của công an võ trang và cán bộ. Nhìn ra về phía lán thủ công có ngọn lửa sáng, biết là có cháy nhà, nhưng chúng tôi không biết cháy ở đâu, phía ngoài cổng trại. Nửa giờ sau, ngọn lửa đã được dập tắt, một đoàn cán bộ và công an võ trang lại vào mở khóa, ngay lán của chúng tôi. Thoáng nhìn tôi thấy cả Tôn, Tằng, cán bộ toán tôi và trực trại, tên Hường đứng trước cửa cầm tờ giấy dõng dạc :

- Anh ĐCB nghe đây: Anh giấu than trong cầu bào, than đã ngún lửa, cháy cầu bào. Lệnh của ban giám thị, ĐCB bị kỷ luật một tuần, hạ mức ăn 13 kg.

Không ngờ nguyên nhân vụ cháy lại là do chính tôi, chỉ vì kỳ này tâm hồn "bay lên cây" cả rồi. Tôi đã cập rập, vội vàng, lú lẫn giấu than như mọi khi trong cầu bào, nhưng hôm nay đã không coi kỹ, than hãy còn tí lửa, ngún dần đến 10 giờ thì cháy lên.

Tôi ôm chăn chiếu vào nhà kỷ luật, trong đó đã có 2 – 3 cậu hình sự cũng đang bị cùm. Loại cùm suốt, giống như ở trại giam Hà Tĩnh tôi đã bị cùm. Cùm loại này chỉ là hàng cháu, hàng chắt của cái cùm Hỏa Lò. Hạ mức ăn 13 kg, chứ dù 7.50 kg một tháng, đối với tôi cũng chẳng nhằm nhò gì lúc này. Cái quan trọng, cái làm tan nát lòng tôi bây giờ là, tình hình chiến sự ở miền Nam.

Tôi bị cùm chừng 5 ngày, một hôm một em tù hình sự cùng suốt cùm với tôi, đưa cho tôi một miếng giấy cuộn tròn nhỏ xíu:

- Chú ơi! Có một chú ở gian đầu nhà kỷ luật này, bảo cháu trao giấy này cho chú! Cháu nghe nói chú ấy là Nguyễn Hữu Luyện, Đại Úy Biệt Kích trong Nam ra Bắc hoạt động. Chú ấy hiện giờ mức ăn kỷ luật, nhưng không bị cùm.

Trong bóng điện mờ mờ, Tôi mở miếng giấy ra; chữ viết bằng bút chì nguyên văn: Chào anh Bình! Anh hãy yên tâm! miền Nam của chúng ta sẽ không sao cả! Ít ngày tới anh sẽ biết!

Tôi đọc miếng giấy ân tình, đăm chiêu một lúc! Trước hết tôi xúc động, cảm ơn anh Luyện, tôi chưa hề biết gì về anh, thế mà anh đã gửi lá thư động viên cho tôi. Bình thường như mọi khi, trường hợp này là tôi đôn đáo, xúc tiến để liên lạc với anh. Anh không tìm tôi, tôi cũng tìm đến anh. Nhưng bây giờ cơ thể tôi như con gà đang bị "dịch", tinh thần của tôi thì đã bay lên cây mất rồi, nên tôi chả muốn gì hết! Tôi chả cần hỏi em hình sự bằng cách nào và đường dây nào, để mảnh giấy này đến tay tôi? Hẳn anh Luyện nghĩ anh là Đại úy, lại mới ra Bắc sau này, anh nắm vững được tình hình hơn, nên anh có trách nhiệm, làm yên lòng anh em đã từ lâu, không thể biết hiện tình.

Tôi hiểu thế, và lòng tôi vẫn xúc động biết ơn anh vì tình chiến hữu, cùng mầu cờ sắc áo, cùng không may đã rơi vào tay kẻ thù. Cũng mừng cho anh, một mình ở trong một gian nhỏ, không bị cùm xích, như một hình thức kiên giam. Anh đã viết thư an ủi, động viên tôi nhưng anh Luyện ơi! Tôi còn hiểu, không phải anh mà cả những vị lãnh đạo ở miền Nam cũng chưa nhìn từng điều kiện, hoàn cảnh của mỗi giai đoạn, cho nên còn mơ hồ là Mỹ, sẽ mang quân vào cứu.

Chúng ta gạt bỏ một điều khách quan: Với cái điều kiện cuộc chiến ở VN vừa qua, dù Mỹ có bom, nguyên tử, khinh khí cũng không bao giờ dám dùng. Nếu Mỹ khùng, Mỹ dốt, Mỹ kém mà dùng là Mỹ tự sát. Không những cả nhân dân thế giới ngăn chặn, mà chính ngay nhân Mỹ, trong chính quyền Mỹ sẽ sớm muộn giải quyết, kẻ nào quyết định dùng bom nguyên tử. Vậy chúng ta chỉ bàn về chiến tranh thông thường, với những vũ khí thông thường.

Đúng bẩy ngày tôi được tha kỷ luật, lại trở về lán làm mộc. Tôi phải tiếp tục lao động hàng ngày, nên trừ lúc tôi còn trong kỷ luật ăn 9 kg, bây giờ tôi lại trở về mức ăn bình thường 15 kg. Những điều này làm sao tôi còn quan tâm đến. Hàng ngày những tin tức miền Nam đã làm lòng tôi thiu sượng, rữa ra rồi. Hôm nay đã 9/4 quân dân miền Nam thương yêu của tôi, đã rơi vào cái thế "cuốn chiếu". Lúc này dù bất cứ ai, dù có tài thánh cũng không thể còn cứu giúp miền Nam, được nữa. Trừ trường hợp dùng bom nguyên tử, cái mà tôi đã gạt bỏ đi rồi.

Với sự xét luận của mình, tôi đã thấy trước, thấy đã từ gần 2 năm xưa. Thế mà sao lòng tôi vẫn rách nát, vặn vò nghe những sự việc diễn tiến từng ngày, ở miền Nam ruột thịt lúc này. Tôi nhìn những cây "bàng lăng" vô tri bên cạnh lán mộc, cành lá vẫn vung vẩy với gió. Nhìn cả mấy con chim câu đang đùa bỡn rúc mỏ vào nhau, trên nóc nhà trực trại, lòng tôi như muốn hỏi chúng: "Chim ơi! Cây ơi! có hiểu lòng tôi đã ung thối thế nào không?"

Hôm nay đã 20/4 tôi chẳng còn muốn chạy sang bác Tiến, anh Bưởi và nhiều bạn tâm hồn khác, cả Lý Cà Sa, Lưu Nghĩa Lương v.v… để bàn luận tình hình nữa. Tôi chỉ muốn không biết gì nữa! Tôi cố không muốn rơi vào những chuyện bình thường của cuộc đời: Khi vui, khi thắng, khi thành công, thì tay bắt mặt mừng, liên hoan, chúc mừng v.v… Nhưng khi hư hỏng, thua lỗ, thất bại thì quay ra vặc nhau, hết đổ lỗi cho người này, lại người kia của bất cứ một đoàn thể, một công ty, hay một nước nào.

Có thể vì tôi kỳ này ít ăn, nên sức yếu hoặc ít ngủ hay bị cơn gió không lành. Chiều hôm qua tôi đang đứng nói chuyện với mấy chủng sinh: bỗng hoa mày chóng mặt rồi tôi không biết gì nữa. Khi tôi tỉnh dậy; các anh Nguyễn Thanh Đương, Nguyễn Quốc Anh và Phùng Văn Tại đang xoa dầu, nắn bóp tay chân của tôi. Các anh nói, tôi ngất xỉu té xuống sân trại, các anh đã kịp đưa vào trong buồng xoa dầu, cao. Dù thế nào tôi cũng xin cảm tạ Chúa cho tôi sống, cảm ơn các anh, bạn bè đã tương trợ, cưu mang.

Rồi cái ngày 30/4/1975 phải đến…. và đã đến. Cái ngày mà cả miền Bắc cũng như miền Nam, không ai là không biết đến. Trong chốn ngục tù tăm tối, cái ngày 30/4/1975 đến với tôi, như một mốc nghiệp của đời. Xoá đi hết những hy vọng, những mộng mơ, những viễn tưởng. Đồng thời những cùm kẹp khổ đau của tôi, những đói khát đọa đầy, cả tuổi xuân hoa mộng của tôi đều trở thành con số Zêrô to lớn.

Tôi nghĩ đến đoạn chì mật duy nhất, tôi còn cất giấu. Tôi cứ tưởng, cứ đinh ninh đã phòng hờ cả 2 hướng tốt và xấu. Tốt là nếu có điều kiện sẽ dùng nó, để hoạt động trở lại. Xấu là tôi quyết đem theo nó, về lòng đất với tôi. Ai ngờ đâu, lại có hướng thứ 3. Tôi đã moi đoạn chì mật trong riềm gấu, của chiếc áo soọc tù đã cũ rách, và tôi đã tự hủy nó.

Nhưng sau cái ngày đen tối ấy đến, một đêm tôi chợt lóe lên một ý niệm: Sống, tôi cần phải sống, can đảm nhận lãnh cuộc sống này để…. sám hối…. Để chuộc cái lỗi lầm, tội lỗi với những thương đau, khốn cùng của đồng bào từ đây, và cho những ngày tới, mà chính tôi đã góp phần gây ra. Không làm tròn một trách nhiệm nhỏ, được đất nước trao cho.

Sau cái ngày 30-4-1975, cái ngày Dương Văn Minh đại diện quân nhân miền Nam, tuyên bố đầu hàng CS vô điều kiện. Dù tâm niệm là cần phải sống, nhưng con người tôi như không còn hồn, vẫn như một cái xác biết đi. Đã giữa tháng 5, đã có những chú ve sầu rả rích, nỉ non than vãn trong những cây rừng chung quanh trại. Tôi vẫn đội một chiếc mũ dạ rách vá 2 – 3 mầu, trùm đầu, trùm tai chẳng còn muốn nói chuyện với ai. Râu ria, tóc tai không cần cắt, không cần cạo, lang thang một mình, miệng luôn lẩm bẩm một câu duy nhất: Riêng tôi một mình… tâm tư sầu lắng đi trong… bùi ngùi…

Khoảng gần cuối tháng 5, họ chuyển tôi về toán làm gạch. Theo cái hiểu biết của mọi người tù, toán gạch là một toán làm nặng, bùn đất, nắng mưa; cho nên phải về toán gạch có nghĩa là bị phạt, bị trừng giới trong tù. Tôi được

chuyển vào khu II ở nhà A. Cán bộ phụ trách toán gạch là trung sĩ Hoàn người lùn tịt nhưng thuộc loại hắc ám, ác ôn. Địa điểm làm việc của toán gạch thật xa trại đến hơn 2 cây số.

Làm gạch có nhiều khâu: Khâu lấy đất, nhào đất, khâu đóng khuôn, phơi gạch, khâu vận chuyển về lò nung v.v… Vì tôi là lính mới, chưa biết cách làm ở các khâu khác, nên họ phân công vào một nhóm hơn chục người vận chuyển, gạch thô về lò. Gạch thô là gạch chưa nung, còn ở sân phơi, mỗi một viên nặng gần 2 Kg.

Mỗi người quang gánh với 2 cái sọt, người gánh yếu nhất cũng phải mỗi bên sọt 5 viên, như vậy cũng 2 chục kg trên một đoạn đường gần 1000m. Người trung bình mỗi bên sọt 10 hay 15 viên gạch. Trong tổ, cá biệt có anh Thanh, do "tinh thần phấn đấu thi đua", gánh mỗi bên 20 viên, như thế cũng gần một tạ rồi. Gánh gạch hay làm ở các khâu, có tổ trưởng ghi đếm từng ngày. Về toán gạch, tôi cũng có một chút vui vui. Một buổi tôi thoáng thấy bóng Nguyễn Chí Sơn, anh chàng đầu 1972 đã trốn tù ở trại trung ương số I Lào Cai, thế mà bây giờ 1975 lại thấy lao động ở khâu đóng gạch này.

Tôi nhớ Chí Sơn, tập kết ra bắc theo đảng VC. Năm 1964 Sơn đã thấy được bộ mặt thật của con Hồng Tuộc, nên đã vượt tuyến vào Nam (Thép Đen III). Ngay trong nhóm vận chuyển gạch này lại có cả Lưu Nghĩa Lương, chắc cũng bị đầy ra toán này. Lúc đầu về toán gạch tâm trạng "mũ ni che tai "để qua cầu, nên tôi gánh mỗi bên sọt 5 viên gạch. Được 2 – 3 ngày cái vai nó sưng, đau nhức lòng tôi càng bế tắc, bi đát.

Tôi đã hiểu và hiểu đến đáy, càng chán chường, sầu não càng chóng tàn lụi; nhưng lúc này tôi không còn quan tâm đến bất cứ thứ gì. Hôm sau tôi khai bệnh nghỉ, không đi làm. Chúng không cho nghỉ, chúng bắt trật tự, toán trưởng lôi kéo.

Thậm chí có ngày chúng được lệnh lôi tôi xềnh xệch, từ trong sân ra ngoài cổng trại, để theo toán. Ra ngoài hiện trường, tôi liều lĩnh muốn ra sao thì ra, mỗi bên sọt tôi để 1 viên gạch, rồi gánh theo nhóm. Tên Hoàn tức ứ ra mặt, đã mấy lần lão định đến đấm đá tôi, chắc y đã báo cáo về giám thị nhiều lần và chắc giám thị cũng xem hồ sơ của tôi. Tôi là dạng tích cực lao động, một con người năng động cải tạo tiến bộ, mà bây giờ lại như thế, chắc họ đã đoán ra ngày 30-4 miền Nam mất đi, phải có liên quan!

Một buổi nhóm gánh gạch chúng tôi sắp về tới lò nung, phải đi qua chiếc nhà con, của cán bộ toán. Xa xa ở một cái lều con, ngay cạnh đường, tôi thấy 5 – 6 cán bộ áo vàng, các anh em đã nhìn thấy đều lộ vẻ nghiêm trang lo lắng. Có cả thiếu tá Thích, giám thị trưởng của trại trung ương số 2, Phong Quang!

Tôi đoán, tên Thích này đã nghe báo cáo: Tên ĐCB gánh mỗi bên chỉ có một viên gạch; hôm nay lão thân chinh ra tận hiện trường xem thực hư? Phần tôi, nếu bây giờ quá sợ sệt, tôi xin anh em vài viên gạch bỏ thêm vào sọt, thì cảm thấy hèn quá! Dứt khoát, dù có bị bắn vẫn tiến bước! Khi nhóm đi qua 5, 6 tên cán bộ, chúng đều quay ra gườm gườm nhìn. Tên Thích đeo chiếc lon thiếu tá, hai tay chống cạnh sườn tiến ra chỗ tôi, anh em đều cúi đầu chào: Thưa ban!

Tôi không nhìn y, nhưng cũng làm theo! Mắt y quắc lên, trắng như mắt cá mè. Khi tôi đi ngang qua, y gọi giật lại :

- Anh Bình đứng lại!

Tôi gánh 2 viên gạch đứng im. Bước lại gần, y cầm hai viên gạch đưa sát mặt tôi, nói như quát :

- Anh vất mẹ cái quang gánh đi! Hãy cầm mỗi tay một viên này, mà đi!

Hai tay tôi đỡ hai viên gạch từ tay y, rồi lại cắm cúi đi theo tổ, trước hàng chục con mắt tưởng phụt lửa của lũ áo

vàng và gần 2 chục con mắt lấm lét của anh em tù.

Vắng lặng, ngột ngạt căng thẳng, tôi biết tên Thích đã kìm chế mạnh lắm. Tôi đã chuẩn bị đón nhận, một trận cuồng phong của y. Khi tổ trở lại thì đám áo vàng đã đi đâu hết, chỉ còn một tên vũ trang đeo súng, đứng lơ ngơ bên ngoài văn phòng, của tên cán bộ toán. Tôi tự hiểu, chiều nay và những ngày tới tôi sẽ gánh những hậu quả của việc làm này.

Trong một nhà tù kín mít hàng ngàn tù nhân, trưa và chiều hôm ấy, cái chuyện ĐCB gánh mỗi bên quang một viên gạch, làm đầu câu chuyện, để nhiều anh em bàn tán kháo nhau. Ngày hôm sau, chiều tan tầm, đoàn tù của toán gạch lếch thếch uể oải, trên đường về trại như mọi ngày. Khi toán đến một khúc quành, đột nhiên có 3 tiếng súng phiá hàng đầu. Hai tên công an vũ trang cầm ngang, 2 khẩu CKC và tên cán bộ Hoàn nhớn nhác, hùng hục quát tháo ầm ĩ :

- Cả toán tập trung lại, anh Dậu điểm con số toán!

Chúng tôi phải xếp hàng đôi, vón lại cho anh Dậu điểm người, và đã biết là Nguyễn Chí Sơn. Chí Sơn đã làm cho tên vũ trang đi cạnh mất cảnh giác, trong một khúc quẹo, anh đã lẻn nhanh vào một vạt rừng giang.

Tôi nhìn vào cánh rừng trong chiều muộn, khoảng 3 chục mét cách đường đi. Một vài đống giang chặt từ tuần trước, còn xếp đấy. Khi đã biết rõ là Nguyễn Chí Sơn, mấy tên vũ trang và tên Hoàn, bắt toán nghiêm chỉnh xếp hàng đôi, tiếp tục đi về trại.

Những lần khác tôi không biết, cụ thể tại trại Trung Ương số 1, Sơn đã trốn ở thùng phân nhà cầu, hơn bốn năm trước. Anh chàng Nguyễn Chí Sơn này cũng như Lê Sơn ở phân trại E, đều là người của họ, đã có nhiều công lao trước đây với chúng. Vì thế chúng đã không hành hạ tới chết, chứ loại chúng tôi, mà chúng bắt được, thì khó mà tồn tại.

Tôi đang miên man về hai anh chàng Sơn, tiếng chó cắn ở một khúc khuất vắng, văng vẳng đến. Sáu, bẩy tên công an vũ trang với ba con chó to, cao, lo le ba cái lưỡi đỏ lòm, rầm rập chạy ngược từ phiá trại ra. Gặp đoàn tù đang líu ríu về trại, chúng hội ý với mấy tên cán bộ của toán, rồi dắt chó chạy xô toả vào rừng giang. Nhìn cảnh bố ráp săn đuổi của lũ áo vàng, tôi rất lo lắng cho Sơn. Tôi biết Sơn đã từng là đặc công khu Ba Lòng, vừa lanh lẹ vừa tinh khôn, nhưng vẫn phải cần những may mắn, của đời hỗ trợ. Cả trại chiều hôm ấy đều được lệnh ăn cơm sớm, vào buồng điểm số ngay.

Trăn trở tâm tư khắc khoải, trong lo âu lẫn chán chường cả ngày, nên tôi nằm xuống là đi ngay vào một giấc mịt mùng vô thức. Tiếng ồn ào ở trong buồng, rồi tiếng giật giọng của ai: "Chí Sơn"! Tôi bò nhổm dậy. Qua lỗ vách nứa đan, bẩy, tám tên áo vàng, quần ống cao, ống thấp. Một tên cầm một sợi thừng, đang kéo Chí Sơn bị trói giật cánh khỉ, đi ở giữa. Hơi ngạc nhiên, ở phân trại E hoặc phân trại A trại tù Trung Ương số 1, đã mấy lần tôi nhìn thấy cảnh lũ áo vàng bắt được tù trốn, thường nằm trên mấy đòn cây rừng mang về.

Bởi khi bắt được tù trốn, chúng thường phỉ nỗi bực tức căm giận, vì mệt nhọc lùng xục tìm tòi, qua những cẳng chân, nắm tay hay những chiếc gậy vào người tên tù, thì còn làm sao mà đi được. Nhưng Chí Sơn chỉ bị trói dong về trại, chắc rằng chúng đã được lệnh nghiêm ngặt không được đánh, vì Sơn chỉ là đối tượng, mâu thuẫn nội bộ?

Ở trong trại, những ngày cuối tuần hay những giờ không đi lao động, anh Bưởi và Lương thấy tôi buồn ít nói, nên hay rủ tôi tới thăm uống trà, với anh này anh kia như: Kiều Duy Vĩnh (nghe nói là một đại úy thời Liên Hiệp Pháp) hay anh Nguyễn Chí Thiện, hoặc anh Phùng Cung v.v... (những thi nhân phản kháng trong nhân văn giai phẩm). Tôi đều từ chối, tránh xa những chỗ đông người. Tuy ra vào khu có nhìn thấy nhau, nhưng chưa hề tâm sự với ai, vì giai

đoạn này tôi có còn hồn đâu!

Trưa hay chiều, tôi hay lang thang một mình ra phía sau lán, ngồi vắng lặng đăm chiêu, cho hồn lửng lơ hay đi chơi đây đó! Một buổi trưa mắt tôi lững lờ, lần theo một bóng người với chiếc cần câu, phải nói là một chiếc que nứa dài hơn 1m. Bóng đó cứ loay hoay, thả câu trong một cái ao con. Phải nói là cái rãnh con, đầy bèo tấm, nước đen ngòm. Tôi đoán chiếc ao con này, (bên trong hàng rào trại) khi làm trại người ta đào lấy đất đắp, mấy cái nền của lán trại. Do năm tháng, và mưa nắng thành một rãnh nước tù, như những người tù trong trại.

Thỉnh thoảng tôi cũng thấy có tiếng động trong đám bèo tấm. Chắc chỉ là mấy con ngóe, con ễnh ương chứ không phải là cá. Cá ở đâu vào đây? Và nếu có do trời mưa, thì lấy cái gì để mà ăn, nước lại đen thẫm như vậy!

Bỗng bóng người đó giật mạnh chiếc que nứa! Rõ ràng một chú cá trê đen thẫm, như mun tung lên cao, ngọ ngoạy mấy cái rồi lại rơi tõm, xuống chiếc rãnh màu đen mất tiêu. Tôi chạy bổ đến, ra là anh Bùi Tâm Đồng, anh đang ngẩn ngơ nhìn xuống chiếc ao đen, tay mân mê chiếc lưỡi câu. Tôi háo hức vồn vã:

- Tiếc quá! Tôi cũng tiếc cho anh!

Anh xòe tay rồi đưa cho tôi một chiếc xương hàm trên, của con cá còn dính ở lưỡi câu :

- Đây anh xem, nó đã bị xứt hàm rồi, chắc chả bao giờ còn dám cắn câu nữa.

Rồi anh nói thêm như giãi bầy :

- Tôi đã rình và chuẩn bị hơn 2 tháng nay, qua hiện tượng động tĩnh sau những trận mưa, tôi xác định chiếc rãnh này có một con cá, mà tôi còn đoán được là cá trê nữa! Tôi phải tìm thép, chặt ngạnh uốn thành một lưỡi câu, rồi tôi phải hy sinh một miếng tóp mỡ, mẹ tôi hồi tết mò mẫm lên tận đây tiếp tế. Cũng hàng tuần lễ nay, hôm nay nó mới cắn, thì chỉ được mỗi cái hàm trên của nó.

Để cho câu chuyện tôi và anh gần gũi nhau hơn, và cũng để khích lệ, tôi động viên :

- Yên chí anh Đồng ơi! Nó vẫn là một sinh vật, đói phải ăn, hãy kiên trì!

Và rồi mãi hơn một tháng sau, một trận mưa đêm thứ Bẩy, ngày Chủ Nhật tôi và anh Đồng đã lại câu được chú cá trê ngày ấy. Hàm trên của chú cá đã thành sẹo, trông chú giẫy như một người bị tật méo mồm. Nhìn con cá trê gầy nhẳng, tuy không to nhưng tôi chắc nó đã già lắm rồi!

Không phải nó không biết, nó không rút kinh nghiệm, có khi nó đã tự thề hứa là không còn bao giờ cắn những cái loại vớ vẩn ấy nữa! Đã làm mình mất cả xương hàm trên, lại còn bay lên trời như pháo thăng thiên nữa. Thà đi kiếm chác con sâu, con bọ ở mé bờ, cùng lắm thì mấy cánh bèo mà sống. Nhưng…. Như tôi đã nói chữ "nhưng" ở đời, con cá cũng không thoát khỏi chữ "nhưng". Đói quá! Chẳng có con sâu, con bọ nào cả, suốt ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác chẳng có một cái gì, ngoài những cánh bèo. Thôi thì, nếu có phải "đớp" vào là sẽ chết, thì cũng xin một lần, vì thế cậu cá trê ngày ấy lại sơi nữa. Và bây giờ chúng tôi: Anh Đồng và tôi, chạy chọt ngoại giao được tí muối với một cái lon Guigoz. Chiều nay sẽ có một bữa tơi bời hoa lá cành, với chú cá trê này.

Chúng tôi xốn xang tất bật chuẩn bị nhiều mặt; lửa đóm canh gác, bí mật chỉ có 2 người thôi. Khi cắt đôi con cá, thấy ruột nó ngắn một tị chừng 2 phân toàn đất thôi. Lá gan và tim của nó cũng tí teo, khác hẳn với một con cá to bằng thế, mà ở điều kiện bên ngoài. Chưa nói, khi mỗi người có một phần, bắt đầu thưởng thức thì ôi thôi! Thịt của nó như mùi con bọ xít của cây bí ngô, bí đao, nó vừa khăn khẳn lại vừa nồng nồng. Tuy thế chúng tôi cũng vui vẻ và

nhăn mặt, trợn mắt chén hết!

Ngày 19/2/76, buổi sáng, tôi đang ngồi trong hàng chờ toán xuất trại như mọi khi, tên Hường trực trại đọc tên tôi ở lại, chuẩn bị công tư trang, chuyển trại.

Đã từ lâu tôi xác định, mình bây giờ như một món đồ vật, vậy tùy chúng muốn đưa đi đâu thì đi, muốn để ở đâu thì để. Không đâu xa, chúng chuyển tôi ra phân trại A.

Đây là trại chính của trại Phong Quang, trung ương số Hai Yên Bái có tên tổng giám thị là Thiếu Tá Nguyễn Trọng Thích trực tiếp phụ trách. Chung quanh trại có tường xây như bên trại chính phố Lu, Lào Cai. Bên trong có 7 – 8 ngôi lán tù cũng bằng tre, nứa, gỗ như trong phân trại B, tôi vừa chuyển đi.

Chương 8

CŨNG MỘT KIẾP NGƯỜI

Sau mấy ngày, tôi đã biết phân trại A này có khoảng 7, 8 trăm tù, hầu hết là hình sự: tham ô, trộm cắp, giết người. Chỉ có một toán tù chính trị địa phương, duy nhất hơn 4 chục người, làm mộc và làm nhà do tên cán bộ Tý phụ trách, anh Ngô Đạo làm toán trưởng.

Lán mộc cũng là tre nứa, gỗ trống trếnh 4 gian ở ngay cạnh đường cái. Gọi là đường cái chứ cũng là đất, đôi khi có một vài chiếc xe cổ lỗ hoặc là xe bò của trại đi qua. Hàng ngày toán tù chính trị chúng tôi xuất trại ra khỏi cổng, rẽ tay phải theo đường cái chừng 200m, là đến lán mộc thủ công. Ở lán mộc tôi được phân công trong tổ làm cửa và một vài ngày lại đóng quan tài, gọi là quan tài cho nó sang, vì bên hình sự này chết hơi nhiều (chết đói và kiết lỵ). Chúng tôi được lệnh chỉ cần rọc 4 tấm ván thô (không bào), rồi đóng đinh là xong.

Từ lán mộc, sáng, trưa, chiều, tôi vẫn nhìn thấy những toán hình sự rách rưới, gầy yếu, ghẻ lở đi qua lại. Có hôm anh Ngô Đạo toán trưởng, nhìn những đoàn tù hình sự đi qua nói chuyện với tôi. Anh chỉ tay xa xa, phía trước mặt :

- Anh Bình có biết không? Chúng nó đói quá, trên đường đi lao động về mấy cái nhà tư của cán bộ có mấy giậu dâm bụt và thài lài phía sát đường. Họ vặt sạch, đút ngay vào miệng nhai ngấu nghiến, về sau trên đường đi về, hai bên đường, bất cứ cành cây rừng nào chĩa ra, họ cũng vặt lá đút vào mồm, dù bị công an võ trang dùng báng súng thúc, đánh, đá tơi bời.

Nghe anh Đạo nói chuyện, lòng tôi vặn vò như xát muối. Tôi thầm nhủ trong lòng, nỗi thương đau này của họ, có một phần do tôi gây ra!

Một sự việc buổi chiều hôm qua, vẫn còn chèn ứ chật cứng lòng tôi: Tôi đang làm việc với tổ mộc làm cửa ở lán, một số người láo nháo, rầm rì chỗ căn nhà con của cán bộ Tý, mé sau của lán mộc. Căn nhà con này trên một khu đất cao. Tò mò, tôi lách lên nhìn vào chiếc sân con, trước mặt căn nhà: à, anh Lộc Mù, đang nằm xấp dưới đất, tay chân đều xuôi thẳng! Tên cán bộ Tý đang trợn mắt nhìn anh Tuấn Nguyệt, cầm một chiếc roi tre, quát :

- Đánh mạnh vào, đúng 10 roi! Cho chừa tội ăn cắp sắn!

Trước 7, 8 người trong tổ làm nhà, anh Lộc Mù, mọi người gọi anh như thế. Mắt anh bị bệnh mắt đỏ, nên không mở to được. Anh Lộc chừng 45 tuổi, người Hà Nội cùng quen biết với ban nhạc vàng của Toán Xồm. Sau 10 roi, anh Lộc lồm cồm bò dậy. Đến lượt anh Tuấn Nguyệt, lại nằm xuống và anh Lộc lại cầm roi. Tên Tý mắt gườm gườm, gằn

giọng :

- Trước mặt tôi, các anh không đánh thật, đánh mạnh, tôi sẽ ngồi đây, bắt các anh thay nhau đánh tới khi trại về.

Tôi bàng hoàng, ngẩn người ra! Tôi nhẹ nhàng lủi xuống chỗ làm. Tôi ngồi nhắm mắt lại cho hồn lẩn trốn vào mây đen, của cuộc đời. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cảnh này trong tù! Phải rồi, trước đây còn miền Nam, còn một nửa nước nữa VC chưa chiếm được, chúng còn che giấu để bịp bợm tuyên truyền. Bây giờ, chúng đã nuốt xong miền Nam rồi, không cần phải che đậy nữa.

Tên Tý chừng 3 chục tuổi, anh Lộc 45 tuổi, anh Tuấn Nguyệt khoảng 40 tuổi đều là dân ăn chơi, của đất ngàn năm văn vật. Tôi đã quen biết các anh hơn một năm trước trong trại B, ở những buổi nhạc vàng bỏ túi, lén lút cuối tuần. Tuy đánh không đau lắm, vì có quần áo, nhưng mà nhục. Có lẽ tên cán bộ Tý mục đích, cũng chỉ muốn làm nhục là chính. Tất nhiên tôi hiểu, phải có chủ trương từ trên, thì tên Tý mới dám làm như vậy.

Ít ngày sau, một buổi tối cán bộ trực trại vừa vào điểm xong ra khóa cửa buồng, lại thấy mở khóa nữa. Tên trực trại, tên Tý cán bộ toán nói gì với anh Đạo toán trưởng. Anh Đạo quay lên sàn trên nói to :

- Anh Bình và anh Tuấn Nguyệt khẩn trương theo cán bộ ra lán, đóng 2 chiếc quan tài có bồi dưỡng 1 kí sắn luộc.

Tôi và anh Tuấn Nguyệt đều vội vàng leo xuống, theo một tên công an võ trang ra lán thủ công. Trời đã tối đen, chỉ có một ngọn điện 40 Watts treo giữa lán. Ít khi nào tù làm đêm, vì thế bóng đêm phủ căn lán gần hết. Trên đường vào lán mộc, trong bóng tối mập mờ, tôi thấy một chiếc xe ba gác trên có 2 xác người, với 4 anh tù hình sự đang ngồi gục đầu ở mé đường. Một tên công an võ trang đeo súng, miệng lập lòe điếu thuốc đứng bên cạnh, với tên Thông y tá hình sự của trại. Như vậy gồm có mười người: Hai tên công an võ trang, tên cán bộ trực trại, Tuấn Nguyệt và tôi, y tá với 4 anh hình sự, không kể 2 cái xác.

Trong bóng đêm rừng, ngọn điện chỉ khoét ra một lỗ sáng méo mó, còn đều đen ngòm. Phần vì gió lộng thêm, sương núi lại tỏa ra nhiều như mưa phùn, nên cả 4 anh hình sự và 3 tên cán bộ, đều vào trong chỗ chúng tôi làm. Tiếng rọc cưa xoèn xoẹt rù rì, vài tiếng cú rừng the thé vọng về, càng khoét sâu lòng mọi người, ai cũng câm nín. Bỗng tên trực trại ghé về phía anh y tá hình sự, giọng thắc mắc :

- Làm sao, chúng chết nhanh như thế?

Dưới ánh đèn, hai con mắt tên y tá trắng dã như mắt cú mèo, lấm lét nhìn mấy tên áo vàng, rồi lắc đầu chậm chạp :

- Thưa cán bộ, cháu cũng không biết, khi khênh ra khỏi buồng, thì chúng đã chết rồi!

Tên trực trại, thái độ có vẻ ấm ức, tò mò. Y dõng dạc ra lệnh cho 4 tên hình sự, đang ngồi như 4 con gà rù, ở mé cầu bào bên kia :

- Bốn anh ra mang một cái, vào đây cho tôi!

Nói xong, y quay lại tên y tá hình sự, nhưng nói với tôi :

- Anh hãy cho anh y tá mượn cái chàng, hay cái bướm một tí!

Tôi và Tuấn Nguyệt cũng muốn biết ra sao, nên đã đưa một cái chàng, tôi mới mài.

Tên Thông y tá đã chỉ một cái cầu bào trống bên cạnh, cho 4 tên hình sự đặt cái xác lên. Dưới ánh đèn mập mờ, tôi thấy cái xác chừng 20 tuổi quần áo rách tả tơi. Cái mặt xám đen, đặc biệt là cái bụng phình to tướng. Tên Thông cầm cái chàng, rạch mạnh cái bụng to ấy, nó phì ra thành tiếng, như chiếc lốp xe đạp bị xì hơi. Tên trực trại ra hiệu tay, cho tên Thông :

- Rạch nữa, cho rộng ra! Rạch cả cái bọc dạ dầy kia kìa!

Tôi chạy sang liếc nhìn, chỉ có một tí máu đen bên ngoài, trong dạ dầy, chỉ có vỏ sắn và lá cây, thành một màu xam xám xanh xanh.

Tôi và Tuấn Nguyệt nhìn nhau, rồi đều quay về chỗ đóng đanh ghép cho xong 2 chiếc quan tài. Vừa mệt vừa đói, tôi và Tuấn Nguyệt cũng đều không ăn được kí sắn luộc, cuộn trong chiếc lá đu đủ để đấy. Được sự đồng ý của Tuấn Nguyệt tôi mang cả gói sắn luộc, đưa cho 4 cậu hình sự, vì họ cứ liếc nhìn trộm, gói sắn từ sớm tới giờ. Chúng tôi cũng là tù đói, vậy mà thấy vậy chẳng muốn ăn. Chỉ trong một phút, cả 1 kí sắn 4 cậu chia nhau, ngốn hết chả, còn tí sơ nào!

Tôi hỏi ra, các cậu đi chôn, mỗi người chỉ có 2 lạng sắn bồi dưỡng, đã ăn ngay hơn một giờ trước rồi. Tôi và Tuấn Nguyệt vội vàng thu dọn dụng cụ, để tên vũ trang dong về trại. Trên đường vào trại tăm tối gập ghềnh, tôi liên tưởng cảnh vừa qua. Tôi nhớ đến một ý thơ :

Không kèn, không trống, không ai tiễn
Chẳng khói, chẳng nhang, chẳng nguyện cầu.
Chỉ có bạn tù, khiêng lặng lẽ,
Vùi nông một lỗ, kiếp người ơi!

Chừng hơn 2 tháng sau, được lệnh của tên cán bộ Tý, anh Đạo chuyển tôi sang tổ làm nhà. Tôi ở tổ này khoảng hơn 3 tháng. Tôi nhớ vào đầu 1977, một hôm tên Thành, cán bộ giáo dục của phân trại A, gọi tôi. Gần một năm ra trại này y mới gọi. Y gợi ý và bơm cho tôi như sau: Sớm muộn Đảng và nhà nước sẽ tha cho tôi, về một công nông trường nào đấy. Nhưng có điều, nếu cho tôi ra nông trường, công trường, thì không còn thợ làm nhà, ở trong trại giam. Vì thế tôi phải có ý thức đào tạo, dạy cho các cậu bên khu hình sự án dài, biết làm nhà để thay thế các anh, các bác bên chính trị, chết hoặc được tha v.v…

Tôi hiểu, chẳng qua đây cũng chỉ là một cách khích lệ, dụ tôi dậy hết nghề, cho đám trẻ hình sự mà thôi. Hiểu như vậy, nhưng là tù, thì cứ tà tà mà làm, rồi đến đâu hay đến đó.

Ba ngày sau tên Tý dẫn đến 3 cậu chừng 19 – 20 tuổi. Ngay nơi sân sau của lán mộc, tôi đang chuẩn bị để làm một căn nhà 3 gian. Tôi chỉ biết, chịu trách nhiệm làm theo kích thước đã vẽ sẵn, còn họ dựng ở đâu thì tôi không biết. Ba cậu đều là dân ở khu Hoàn Kiếm Hà Nội. Lúc đầu các cậu tỏ ra thái độ ngang tàng, bất cần đời, nhưng sau những thăm hỏi, trao đổi tâm tình, các cậu lại tỏ ra sốt sắng, ân cần ngoan ngoãn và vui vẻ làm theo, những lời tôi chỉ dậy.

Hơn 10 năm xưa tôi đã có một số kinh nghiệm sống với biết bao nhiêu các cậu "cháu ngoan của bác Hồ" ở Hỏa Lò. Thậm chí, cả những loại là giới anh chị của các cậu nữa, nên điều hành 3 cậu này, chẳng khó khăn gì.

Cậu Nguyễn Đắc Dũng 20 tuổi, cậu Phan Hà 19 tuổi cùng một vụ ở Ngõ Huyện Hà Nội, đầu năm 1976. Cậu thứ 3 là Hoàng Văn Nô ở một vụ khác, các cậu đều mới lên trại được 5 tháng. Về vụ việc của cậu Dũng và Hà, tôi xin sơ lược như sau: Vào cái dịp Tết (âm lịch) của năm 1975 đầu 76. Có lẽ vừa cướp được miền Nam béo bở, VC hơi lơ là vấn đề quản lý xã hội ở miền Bắc nói chung, và Hà Nội nói riêng. Nhóm Ngõ Huyện gồm 5 cậu Dũng, Xuân, Hà, Kỷ, và Thái. Các cậu lêu lổng không chịu học hành, và cũng không theo một cái khuôn khổ của Đảng, là gia nhập đoàn thiếu nhi,

hay đoàn thanh niên CS.

Một đêm 2 cậu Dũng và Thái, đi chơi la cà ra khu bờ sông gần nhà Bác Cổ. Trong bóng đêm 2 cậu thoáng thấy một cô gái đang ngồi ủ rủ ở một bậc hè, của một ngôi nhà trên đường phố. Nháy nhau 2 cậu đều quay xe đạp trở lại, vì đoán là "bò lạc" các cậu vẫn thỉnh thoảng vớ được. Được biết cô này tên là Hồng, 16 tuổi lên Hà Nội để chăm sóc bố bị bệnh lao xương, nằm ở Việt Đức.

Thấy Hà Nội phố phường có nhiều cửa hàng, cửa hiệu, cô cứ đi, rồi bị lạc không biết đường về, nhà thương. Cô đã đi mỏi cả chân, lại còn bị đói từ sáng, chưa ăn uống gì.

Hai cậu dụ Hồng đi ăn phở, cô Hồng lên xe cho Dũng đèo đi. Hai cậu đưa Hồng ra phía sau, đầu nhà thờ lớn rồi đè Hồng ra làm bậy, vừa đói, vừa không chăn chiếu, ở ngay sàn gạch. Sau khi 2 cậu làm xong, bỏ mặc Hồng nằm đó khóc, các cậu về nhà vì đã 11 giờ đêm rồi.

Nhưng nằm không yên, nghĩ đến mấy thằng bạn ở Hàng Trống và Hàng Gai, các cậu đã xách xe đến tìm. Cậu này gọi cậu kia thay nhau tất cả 5 cậu. Riêng cậu Dũng và Thái, gần sáng còn trở lại làm thêm lần nữa. Tuy các cậu đã dặn kỹ Hồng, không được nói với ai, nhưng có lẽ phần vì đói, phần vì đau, nhục, nên cô đã bò về phía Hàng Trống, rồi đến được đồn cảnh sát thì bị ngất.

Lần lượt các cậu đều bị bắt, sáu tháng sau đem các cậu ra tòa xử: 3 cậu Dũng, Hà, Thái, mỗi cậu 20 năm; hai cậu Kỷ và Xuân mỗi cậu 18 năm vì các cậu đã từ chối không muốn đi, nhưng Hà, Thái, Dũng cứ lôi kéo. Cái điều đáng trách nhất của các cậu, là cô Hồng đã đói từ sáng, mà không cậu nào kiếm cái gì, cho cô đó ăn. Tôi có hỏi thì Dũng, Hà đều nói trong niềm xúc cảm, đau đớn ra mặt :

- Khi ấy chúng em cũng đói, mà không đứa nào có tiền cả!

Gần một thế kỷ tù, trong một vụ án vẩn vơ không tên tuổi. Năm cuộc đời hay cả sáu cuộc đời sẽ đi vào khổ đau, tàn lụi. Nghe chuyện các cậu tôi hiểu, cái chính là các cậu gặp lúc không may nữa. Chính trị cũng như hình sự, CS hay lấy một sự việc trị đến nơi đến chốn, trị nặng gấp đôi gấp ba. Vì chúng muốn trị người chưa, vi phạm hoặc mới vi phạm, không dám vi phạm nữa. Có thể đám anh chị Ngõ Huyện (khu nhà thờ lớn Hà Nội) làm nhiều chuyện đã từ lâu, nhưng CA không tìm bắt được. Bây giờ vớ được một vố chúng xử làm gương, cho giới bụi đời, anh chị Hà Nội?

Làm nhà với các cậu còn trẻ, cái khó nhất là chữ Nho: Tiền hậu, thượng, hạ v.v… Tôi thay vào bằng chữ in và số La Mã. Các cậu đều học lớp 7, lớp 8 (hệ 10 năm) nên tôi áp dụng công thức, của tam giác vuông góc Pythagore, cho các cậu tìm đường chéo v.v… Có thể do sự thông minh của các cậu, hoặc do sự pha trộn nhuần nhuyễn giữa: nghề nghiệp, kiến thức, lý tình của người hướng dẫn. Chỉ ba tháng sau, các cậu không những đã xàm được các xà thượng, hạ, đúng qui cách kỹ thuật, mà còn có thể đứng làm vì trưởng. Như vậy có thể tạm gọi là một thợ làm nhà, được rồi.

Một buổi chiều tôi theo toán đi làm về; ra khỏi lán mộc, toán rẽ trái để về trại. Từ xa (200 m) trước cửa căn nhà trực trại, đối diện với cổng trại. Có 6 – 7 cán bộ áo vàng lố nhố, tôi thoáng thấy một bóng người cao cao, đúng là hung thần Hoàng Thanh.

Tôi hơi choáng khi bất chợt nhìn thấy y, nhưng lòng cũng một chút vui vui, gặp lại một người quen biết đã lâu không gặp. Dù sao 7, 8 năm xưa, một lần tôi và y đã có một buổi ở phân trại E phố Lu, đàm đạo về một số loài hoa của quê hương. Có thể y đã quên tôi rồi, một người tù trong hàng chục ngàn người tù khác. Tôi nhìn đi nơi khác, khi toán đi qua mặt y. Nhưng y đã tiến ra sát mé đường, gần hàng toán mộc đang đi. Tôi quay lại nhìn y, và hơi gật đầu miệng nói nho nhỏ: "Chào ông!" Cổ áo y thường không đeo lon, mắt y sáng lên rồi vồn vã :

- Anh có khỏe không? Cắt tóc và cạo cái râu đi! Trông yếm thế quá!

Anh em trong toán và cả tên Tý cán bộ toán, cũng hơi ngạc nhiên. Có thể là một thứ giác quan đặc biệt của một người với một người? Về trại anh em nói Hoàng Thanh hiện nay là cán bộ cao cấp trên bộ nội vụ; ông Thích tổng giám thị vẫn phải nem nép nể vì.

Bốn ngày sau, buổi sáng cán bộ trực trại, đọc tên tôi ở lại trại để gặp cán bộ. Khi trại đã đi lao động hết, tên trực trại sai trật tự vào gọi tôi. Tên trực trại dẫn tôi đến một căn nhà nhỏ, ở trên một khoảnh đồi con, phía trái của trại.

Đến cửa, tiếng nói phía trong rất mềm dịu nhã nhặn :

- Anh mở cửa vào đi!

Một cán bộ lạ cũng không đeo lon, chừng 40 tuổi. Sau khi tôi lễ phép chào theo thủ tục, y chỉ chiếc ghế đối diện :" Anh ngồi đi! Tôi là cán bộ của bộ, hôm nay tôi muốn hỏi lại anh một số sự việc"- trong khi tay y đặt một cái tách trên bàn rồi rót trà. Điều tôi chú ý nhìn là bao thuốc lá Điện Biên giấy bạc thò ra hai, ba, điếu ở góc bàn. Có lẽ y cũng nhìn thấy thái độ của tôi, nên y cầm bao thuốc, rút thò ra một điếu thuốc, rồi giơ về phía tôi :

- Anh có hút thuốc lá không? Mời anh!

Tôi đường hoàng rút một điếu, y còn lịch sự bật quẹt ga cho tôi hút! Tôi vừa cám ơn y, vừa nhìn mấy sợi khói nho nhỏ của tách trà. Chúng đang uốn éo cong queo bỗng duỗi thẳng ra, rồi cùng chui vào đám khói thuốc lá, tôi vừa thở ra. Hồn tôi cũng đê mê, đờ đẫn vì lâu ngày mới được dầm mình, vào cái không khí thuốc thơm, trà ngon.

Hơn một tiếng đồng hồ, y hỏi lại một vài sự việc mà tôi đã khai báo trước đây ở Hỏa Lò. Tôi thận trọng trả lời những câu hỏi của y, lòng cũng hơi lo lắng, vì bây giờ chúng đã chiếm được miền Nam rồi. Có thể một số hồ sơ riêng về vụ án của tôi, chúng phát hiện được, những điều khác thường?

Nhưng qua nghe ngóng từng lời nói, từng hiện tượng, tôi yên lòng, vì y chỉ hỏi lại những điều cũ, trước đây mà thôi. Tuy thế, tôi cũng phải kính nể, cho sự dè dặt thận trọng của chúng. Vụ án của tôi, đã có gần 6 năm khai thác. Đã đem ra tòa xử gần 10 năm xưa, thế mà bây giờ chúng còn hỏi lại sự việc.

Tên cán bộ đột nhiên cúi xuống mở chiếc cặp ở dưới chân, lấy ra một bao thuốc lá lạ, đã bóc dở. Nhìn thoáng bao thuốc, tim tôi như ngừng hẳn lại hai, ba, giây. Nhìn lá cờ vàng 3 sọc đỏ, người tôi đờ ra. Cảm giác như nhìn thấy một cái gì cao qúy thiêng liêng, của đời tôi. Thoảng mấy giây, tưởng như nhìn thấy người yêu lý tưởng 15 năm mới gặp lại. Từ đầu 1962 bây giờ là giữa năm 1977. Tôi ngẩn ngơ đến nỗi, tên cán bộ nói gì đó, tôi phải hỏi lại. Y mới nhắc lại :

- Anh còn nhớ loại thuốc này không?

Tôi hổn hển ngắt quãng, ngập ngừng :

- Thưa ông…. thuốc của quân đội miền Nam, Quân Tiếp Vụ, đã lâu lắm rồi ạ!

Có thể y cũng thấy cái lúng túng, khác thường của tôi. Y chỉ bao thuốc, miệng cười nhã nhặn: "Anh có muốn hút thử lại không?"

Như vồ lấy bao thuốc, có lá cờ vàng 3 sọc đỏ, miệng tôi lắp bắp :

- Thưa ông có ạ!

Trong bao thuốc còn 2 điếu, tôi rút 1, mới thoáng ngửi mùi thuốc Quân Tiếp Vụ. Một mùi hương thoang thoảng nhè nhẹ, ngọt lịm như cam thảo, như đường phèn, cái mùi của gần gũi thân thương! Tôi không thể chịu được nữa, tôi đưa đại bao thuốc lên mũi. Hà hít cho đã niềm thương, nỗi nhớ của 15 năm dài đằng đẵng, y nhìn thái độ lính quýnh của tôi, vẫy tay :

- Còn 2 điếu, anh 1 tôi cũng muốn hút lại một hơi. Ba tháng trước tôi vào Sài Gòn công tác, tôi mua thử một bao. Về Hà Nội tôi cũng cho mấy người quen, và mấy đồng chí hút thử. Nó cũng có mùi thơm lạ, khác với Điện Biên và Tam Đảo. Hôm tôi được lệnh lên gặp anh, tôi nghĩ nếu anh hút thuốc, chắc trước đây đã hút thuốc này. Tôi lục lại, thấy bao chỉ còn 2 điếu, tôi mang đi.

Tôi mừng vui quá, nên bộc phát thành lời :

- Xin cảm ơn và nhớ ông nhiều lắm! Tôi tìm lại được một dư vị cũ, ngày xưa!

Xem ra, y cũng chẳng để ý những gì tôi nói, tôi đánh bạo :

- Ông cho tôi cái bao này, để nhớ ngày tôi được gặp ông?

Y cười rất tự nhiên :

- Anh lấy thì lấy, không thì vất đi chứ làm cái gì!

Cái điều tôi phải ngổ ngáo, thô lỗ chỉ vì "lá cờ vàng 3 sọc đỏ" như một thứ cao quý, linh thiêng của đời tôi. Tôi muốn ôm ấp lá cờ thiêng liêng ấy, ép vào trái tim thương yêu, nhưng đã lâu ngày bầm tím của tôi.

Tôi vẫn để bao thuốc lá Quân Tiếp Vụ, cố gấp nhỏ giấu đút vào một chỗ kín và qúy nhất, trong những vật dụng của tôi. Tôi chủ trương là, sẽ giữ mãi bao thuốc lá cao qúy này, cho tới khi tôi mang theo về lòng đất. Nhưng… lại chữ "nhưng" quái ác, chữ "nhưng" độc địa….. Tôi đã bị…. không thể thực hiện được chủ trương, dù nhỏ nhặt của tôi…. Vì sao? Xin sẽ trình bày ở những chương tới.

Hơn một tháng sau, ngày 7/8/1977, một buổi sáng, trước toàn phân trại A, có mấy tên cán bộ lạ. Có cả tên Thiếu Tá Thích tổng giám thị. Tên cán bộ giáo dục đọc một bản tuyên bố, nội dung: Do sự tích cực lao đông cải tạo của trại viên, và do lòng nhân đạo của đảng và nhà nước, nay tuyên bố tha cho các anh có tên sau đây về công trường Hồng Thắng, phố Lu Lào Cai. Vẫn dưới sự quản lý, của bộ nội vụ (Bộ Công An trước đây).

Đọc 12 – 13 tên, đặc biệt trong đó có tên ĐCB là tù chính trị duy nhất, còn lại hầu hết là hình sự. Có thể trong toán tù chính trị địa phương, ai cũng có gia đình, quê quán, thân nhân, nên nếu được tha, đều được về nhà. Chỉ có mình tôi, là loại "tứ cố vô thân" ở miền Bắc.

Tất cả 13 người được tha, về trại công nhân Hồng Thắng này, đều được phát một bộ đồ nâu. Chiều hôm đó tập họp lại ở hội trường, cán bộ vào tuyên bố nội dung: Tuy được ra công nhân, nhưng vẫn dưới sự quản lý của Bộ nội vụ, cho nên các anh phải tuyệt đối chấp hành nội quy của công trường.

Chương 9

RA CHIẾC LỒNG TO

Tôi hiểu đấy cũng chỉ là một sự chuyển đổi, xả hơi cái nồi "súp ze". Chẳng có thể giết sạch những người tù này! Nếu giết mà êm thấm, thì chúng tôi chẳng còn ai! Chẳng lẽ cứ giam tù mãi, lại còn phải bắt nữa, dài theo năm tháng, như thế sẽ có rất nhiều trở ngại.

Vậy thì đây cũng như một chỗ tạm thời mở nút. Vả lại, ai cũng đã hiểu dưới chế độ VC, nếu có phải tha một người tù, cũng như mở cửa cái lồng nhỏ, cho tù ra một cái lồng lớn mà thôi khi anh đã có cái gốc là đã đi tù, trong chế độ.

Sáng hôm sau, một chiếc xe Camion thời Tây chở cả 13 chúng tôi đi. Gần chiều xe đưa tôi trở về phố Lu, nhưng ở một khu vực khác; vẫn hàng rào nứa cũng như trại tù. Trong khu này có 3 cái lán dài, cũng có cổng nhưng không có công an võ trang gác. Khi xe chúng tôi vào cổng, trong một cái lán cũng râm ran tiếng người. Chúng tôi được dẫn vào một căn lán cạnh đấy, bên trong đã có 3 – 4 chục cậu, cũng toàn là hình sự ở các trại khác về.

Sáng sớm ngày hôm sau, trời hãy còn tối đất, tôi đã nghe thấy tiếng xe Camion rình rình chạy vào trại. Tiếng xe Camion rọt rẹt như tiếng than thở của một ông già ốm yếu, phải làm việc nặng nhọc cả cuộc đời. Tôi và mấy cậu, chạy vội ra ngó ngấp, thấp thoáng bóng người đang trèo xuống trên 2 chiếc Camion thời Tây, một niềm hưng phấn ùa vào lòng tôi.

Rõ ràng chiếc bóng cao lớn của Lê Văn Kinh Người Nhái, vụ sông Gianh đã hơn 5 năm, bây giờ gặp lại. Tôi chạy bổ ra, lại thấy La Văn Thịnh trong toán Biệt Kích của Nông Quốc Hải, cũng hơn 5 năm gặp lại.

Nhìn gần 4 chục anh đều là Biệt Kích. Lòng tôi lúc này lại vừa vui nhưng lại vừa buồn. Niềm vui như những cánh bèo bập bềnh trôi nổi trên mặt nước; được gặp lại một số anh em quen cũ ngày xưa; và anh em Biệt Kích cũng không được trao trả theo Hiệp Nghị Paris như mình. Nỗi buồn như cả một làn nước ao tù, suốt ngày và suốt đời hẩm hiu quanh quẩn với bùn lầy hôi thối. Thương mình, lại thương anh em. Ai cũng tự hiểu đều là những kẻ khốn cùng, hãy yêu thương nhau, đùm bọc nhau mà sống.

Vài ngày sau lại có hơn một chục anh em Biệt Kích ở Trại Trung Ương số I phố Lu đến, trong đó có Lý Giòng Lau (Người Nhái) Vòng A Cầu, Lê Trung Tín v.v… Trước sau đã có hơn 6 chục anh em Biệt Kích đến trại công nhân Hồng Thắng, với hơn 100 là hình sự do một tên Trung Úy Tô Bá Oanh làm giám đốc. Một đêm lại có mười mấy anh em Biệt Kích, ở trại Tân Lập Vĩnh Phú, cũng đến Hồng Thắng.

Cuối tuần có một buổi tập trung "công nhân" anh em từ Biệt Kích đến hình sự đều gọi như thế. Gần 200 người được chia làm 3 đội: Đội mộc, xẻ; Đội làm đồi: Trồng dứa và sắn khoai. Đội linh tinh: Làm nhà, lấy gỗ, đan lát v.v… Mỗi đội có một anh đội trưởng, do Ban Giám Đốc chỉ định và một cán bộ áo vàng phụ trách (cũng giống như của tù). Tôi thuộc về đội mộc, hàng ngày đóng giường, bàn, tủ, ghế v.v… Do tên cán bộ Trung Sĩ Nguyễn Ngọc Thành phụ trách. Công nhân làm theo mức khoán sản phẩm, và công việc chỉ định.

Trong buổi tập họp toàn công trường, có 3 – 4 tên cán bộ áo vàng phụ trách các đội lăng xăng chạy ra, chạy vào chỉ cho các đội kê bàn, kê ghế! Mãi khoảng gần 10 giờ, tên Trung Úy Giám Đốc Tô Bá Oanh đến. Mặt y cố tươi roi rói, miệng luôn nở nụ cười tuyên huấn, mầu mè. Y khoa tay như tập thể dục buổi sáng, y hồ hởi cao giọng, nội dung y hân hoan chào mừng toàn thể các anh em công nhân, y được đảng và nhà nước, giao cho trách nhiệm giúp và tạo điều kiện cho các công nhân, nhìn rõ tương lai mở rộng của mỗi người. Y đề nghị các anh em công nhân, cùng với y quyết tâm trong 2 năm, tức là tới năm 1979 sẽ biến nơi này, thành một thị trấn trù phú, của miền núi! Sẽ có một ngày Hồng Thắng muốn ăn kem thì mua kem ăn, muốn ăn bánh mì thì mua bánh mì ăn. Y đang vẽ ra những chiếc bánh tưởng tượng, đó là phương cách chung của CS, ở đâu và bao giờ cũng thế. Thôi kệ chúng!

Tôi chỉ chú ý nghe, những điều kiện sinh hoạt ra sao. Nội dung y nhấn mạnh: Tuy là công nhân, nhưng là tạm thời bước đầu, vì thế mọi công nhân phải chấp hành, một nội quy nghiêm ngặt. Dù làm gì hay đi đâu, đến 9 giờ tối, phải có mặt ở công trường như một hình thức tự giác, ở trong trại tù trước đây. Có hơn những tự giác ở trong tù, những mặt sau: Nếu lao động tốt, có năng suất, giữ gìn nội quy đúng, cuối năm sẽ được đi phép, về thăm gia đình. Mức ăn đồng đều 15 đồng (tù có 12 đồng), Ban Giám Đốc công trường đã nghiên cứu thí điểm, nên sát nút: Nếu công nhân nào chịu khó lao động, đều có thừa thãi 5 – 7 đồng, trong một tháng, để tiêu xài cá nhân như trà, thuốc. Cuối cùng Tô Bá Oanh rành mạch kết luận do những quy định như trên, các anh nên nhớ rõ: Có thể một giờ trước các anh là công nhân, nhưng một giờ sau các anh đã là tù rồi.

Mặc cho y nói, mấy điều chính tôi đã hiểu được. Tâm tư của tôi mấy ngày nay, đang tập trung tâm tình trao đổi, thăm dò với các anh em Biệt Kích ở các nơi về, để biết rõ những diễn tiến. Tôi có một chút khái niệm, hiểu biết tình trạng thê thảm, bất hạnh của những đứa con, bị bố mẹ bỏ rơi. Mà lại bỏ rơi trong tay kẻ địch, kẻ thù của mình.

Qua nhiều nguồn tin từ các anh em tôi được biết: Gần thời gian CS chủ động ký Hiệp Định Paris, tất cả Biệt Kích gián điệp trong mặt trận tình báo giữa Bắc và Nam gần 20 năm, đã bị CS bắt, chúng tập trung thành 3 nơi để bồi dưỡng, học tập chuẩn bị nếu có phải trao trả, như tôi đã trình bày ở trên.

1) Ở trại Hoành Bồ thuộc tỉnh Quảng Ninh, hơn một trăm Biệt Kích gián điệp.

2) Trại Tân Lập thuộc tỉnh Vĩnh Phú, hơn một trăm Biệt Kích gián điệp.

3) Trại Trung Ương số I phố Lu thuộc tỉnh Lào Cai, khoảng 160 – 170 Biệt Kích gián điệp.

Có lẽ phố Lu, CS tập trung Biệt Kích nhiều nhất. Trước đây trong Hội Nghị Genève 20/7/1954 CS chỉ có kinh nghiệm với Pháp thôi. Mà Pháp thì chúng đã qua mặt, được rất nhiều sự việc nghiêm trọng. Ngay trong việc trao trả tù binh, hiện nay (1977) còn hàng trăm Maroc, Algérie, thậm chí cả người Pháp, vẫn còn sống ở mạn Ba Vì, những người tù cải tạo ở miền Bắc vẫn gặp.

Nhưng bây giờ là Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa. Vì cũng là người Việt Nam, nên chúng ta cũng biết những cái quái quỷ, lọc lừa của Cộng Sản, vì vậy chúng ta cứ phải chuẩn bị, phòng hờ trước. Còn CS, chúng muốn chủ động, thì phải chuẩn bị; càng chuẩn bị kỹ, tính chủ động càng cao (tôi đã trình bày ở những chương trên). CS đã chuẩn bị cho Biệt Kích gián điệp gần một năm, trước khi CS ký hiệp định.

Sau mươi ngày, tạm thời ổn định chỗ ăn, chỗ làm, tôi và Lê Văn Kinh định cuối tuần làm một cú xuất hành, đầu tiên ra chợ Bắc Ngầm. Một ngôi chợ Huyện của miền Núi (một tháng mới họp một lần). Cả Kinh và tôi ở những đường hướng khác nhau, nhưng có nhiều những cái chung, nên đồng cảm nhiều vấn đề.

Cách nhau vài tháng, nhưng Kinh và tôi đều bị bắt vào giữa năm 1962. Và bây giờ cùng ở một cái trại công nhân "đểu "này. Hai người đều có cái cảm giác: Đã 15 năm tù, cùng không vợ con, vậy sẽ đi hưởng tự do một chuyến, xem nó ra làm sao?

Cái ngày thứ Bẩy năm xưa ấy, vẫn hằn nét trong lòng tôi. Tôi chắc chắn Lê Văn Kinh (hiện ở Florida), cũng không thể phai mờ trong tâm tưởng hình ảnh ngày thứ Bẩy, của buổi ban đầu, sau 15 năm bị buộc kín trong chuồng.

Vào một sáng thứ Bẩy của tháng 10/1977, tôi không thể nhớ ngày. Trời Lào Cai, từ mấy ngày trước đã có những con nhạn trắng, dài mỏ ra réo gọi mùa Thu về. Hôm nay tôi mới lục dưới đáy chiếc hòm con (rương), cái quần Tergal mầu vàng, chiếc áo sơ-mi ca-rô xám mà các cậu Tiến Ga, Thọ Lột đã trang bị cho tôi từ dưới Hỏa Lò ra mặc, chỉ có đôi giầy "ba-ta" mầu xanh là mới. Từ hôm đến trại Hồng Thắng, tôi đã quen với một cậu hình sự tội tham ô, tên là

Nguyễn Trọng Phú. Tuổi chừng 30, người Sơn Tây, trắng trẻo, thư sinh, học hết lớp 10 hệ 10 năm. Phú tỏ ra rất mến tôi, thấy tôi chỉ đi một đôi dép râu hoài, cậu lục va li lôi ra đôi "ba-ta" và niềm nở:

- Em tặng anh đôi "ba-ta" này, mẹ em năm ngoái mới đưa lên tiếp tế cho em!

Thật bất ngờ, tôi xúc động ra mặt! Ở miền Bắc không còn cái kiểu chơi "ân tình" như thế này. Tôi đã ôm lấy Phú như một sự chấp nhận, không nói thành lời.

Lính quýnh trong bộ đồ, tâm trạng như đứa trẻ "mặc manh áo mới ngày Tết". Anh em nhìn tôi với những đôi mắt, đượm mầu xanh chia xẻ!

La Văn Thịnh đã thốt lên :

- Ông anh còn phong độ lắm!

Tôi quay lại nhìn Thịnh, dịu dàng: "Em lại cho anh đi "trực thăng giấy" rồi!" Trong bụng của tôi lại lẩm bẩm: Có "quê một cục" thì có!

Tôi và Kinh mới bước xuống sân, ngước nhìn lên trời tôi đã gặp cụ Nguyễn Khuyến: Trời xanh cao ngất mấy tầng cao…

Hình như hôm nay, cảnh và vật phố Lu có vẻ hưng phấn hẳn lên, cứ như chào đón chúng tôi. Từ những ngọn núi xa xa mầu xanh thẩm, đến những cánh rừng bạt ngàn xanh lam chung quanh, như đang mỉm cười với chúng tôi. Nhìn những cành thông gió đẩy đưa, nhấc lên, nhấc xuống ở bên đường, tôi còn có cảm tưởng như những bàn tay của núi rừng, đang vẫy chào chúng tôi. Trên một đoạn đường rừng gần 5 cây số dẫn đến chợ Bắc Ngầm, chúng tôi sóng bước đi bên nhau, đã nhiều lần ngoảnh lại phía sau rồi cùng nhìn nhau mỉm cười, với đôi mắt nhấp nháy như cùng hiểu: Chả thấy một tên công an võ trang nào đeo súng, đi "hầu" phía sau như mọi khi!

Phải rồi đã 15 năm, chưa bao giờ chúng tôi đi mà lại không có một vài tên công an võ trang cắp súng theo sau. Hôm nay mới thực sự là "tự do" trong cái lồng to!

Đã 40 tuổi rồi, đi trên đường chân tôi cứ thỉnh thoảng nhẩy "cẫng" lên như một cậu bé 14–15 tuổi. Không biết do đôi "ba-ta" mới xỏ, hay trong lòng tôi? Chẳng biết được! Cứ cho là cả hai đi, có ảnh hưởng sai lầm gì đâu? Nhìn cheo chéo trên một hẻm đồi cao, trong đám rừng cây rậm xì, có một giòng suối con đang róc rách chảy đều đều, tôi chợt liên tưởng đến bài "Suối Mơ" ngày xưa.

Tôi không thể kìm hãm lòng mình được nữa! Tôi đã rủ Lê Văn Kinh đến tận bên con suối, để ngắm nhìn cho đã! Biết đâu lại chả có những cô Thiên Nga, đùa giỡn đang tắm phía sau đồi! Một ngày quá đặc biệt, tôi đã thả lỏng hồn tôi tự do lang thang đây đó! Tôi còn định kéo tay rủ Kinh vào gặp cụ Văn Cao trong Thiên Thai nữa chứ! Nếu Lê Văn Kinh không phản đối tôi kịch liệt…

- Thôi! Tôi không vào trong ấy đâu! Tại sao Bình lại cứ ngẩn ngơ, với những vật vô tri ấy như vậy?

Tôi đành dịu dàng năn nỉ :

- Kinh ơi! Một chiếc cầu ao, mái nhà tranh, một ngọn cỏ, một lũy tre làng, một ánh trăng, một giòng suối, một cây rừng v.v… Đúng là những vật vô tri theo bạn. Nếu bạn biết "xuất hồn "cảm nhận, thì những vật vô tri ấy đều có "hồn" cả. Chúng cũng biết giận hờn hay mừng vui chào đón bạn, chia xẻ với bạn nhiều lãnh vực, khi bạn vui cũng

như lúc bạn buồn.

Tôi đã tha thiết vận dụng, cái óc nhiều "bã đậu"của tôi để nói nhiều. Nhưng nhìn đôi mắt mầu nhờn nhợt nâu nâu, của Lê Văn Kinh, tôi cũng đành ngừng lại. Kinh chẳng chiều, chẳng thông cảm cho tôi, thì tôi phải chiều Kinh vậy. Tôi kéo Kinh ra đường, tiếp tục đi, và chỉ nói những chuyện về chấp hành nội quy của Hồng Thắng. Đóng giường, tủ ghế, sao cho nhanh và đẹp. Chốc nữa đến chợ, mua được cái gì tươi để cải thiện cái dạ dầy v.v…

Từ xa, kia rồi, tôi đã thấy một đám đông người trên ngang lưng một ngọn đồi, cạnh đường đi. Những chiếc lều trống trải, một vài con bò, con trâu gầy, không phải để bán mà là những vật dụng, chuyên chở trên đường rừng. Trong đám đông hàng trăm người ấy, chỉ có dăm, mười người là Kinh, hầu hết là bán hàng, còn hầu như toàn là người dân tộc thiểu số. Tôi chẳng biết họ thuộc những sắc tộc gì; nhưng chắc chắn họ đều là người VN. Nhìn từ xa, ngôi chợ chỉ là một mầu nâu, hay xám. Bước vào chợ, có một cái mùi ngai ngái của phân trâu, phân bò, lẫn mùi cây rừng và đá núi, thành một cái mùi giản dị, mộc mạc thô kệch mà chất phác, của quê hương.

Cũng có vài tấm phản, trên có vài mảnh thịt của những con thú rừng như nai, hoẵng, gà Gô. Đa số là thịt khô đã treo trong bếp, ám mồ hóng lâu ngày. Tuyệt đối không có thịt trâu, bò, lợn, gà, vịt, gạo, đậu v.v… Những thứ này nhà nước đã quản lý chặt, phải đến cửa hàng Quốc Doanh, mua theo tem phiếu cố định, ở những thị trấn, thị xã.

Cảnh chợ hầu như người ta chỉ bán bằng thúng và mẹt, chỗ này một ông dân tộc, để trên cái mẹt vài cái nhạc ngựa bằng đồng, vài cái vòng tay, vòng cổ, hay giây chuyền của phụ nữ bằng bạc đã cáu ghét, đen xỉn lại. Chỗ kia mấy bà bày mấy quả cây rừng, vài cái lược, cặp tóc v.v… Đồ dùng của phụ nữ, miền sơn cước.

Có 2–3 anh mặc quần áo xám bộ đội, tay đeo chiếc băng đỏ. Một hình thức như cảnh sát, giữ trật tự ở dưới xuôi. Một anh chừng 25 tuổi, nhìn tôi và Kinh bằng đôi mắt màu thiên lý thiện cảm, rồi cười. Chúng tôi cũng cười đáp lại và tôi đã làm quen. Anh tưởng chúng tôi là nhà báo, hay cán bộ miền xuôi, của nhà nước. Tôi đã nói thẳng, thật, chúng tôi là tù đã gần 2 chục năm rồi, bây giờ là công nhân ở Hồng Thắng. Có lẽ vì tôi tỏ ra thành thật chân thành, nên anh càng có thiện cảm hơn. Anh là dân tộc Thổ, tiểu đội trưởng du kích ở Bắc Ngầm. Anh chỉ tay về phía cuối đường, chừng nửa cây số, có mấy căn nhà lá con:

- Nhà tôi nớ!

Chiều tan chợ, tôi định ghé thăm nhà anh, tên anh là Sín Lồ hay Sín Lò tôi không còn nhớ rõ. Tôi và Kinh mua được mấy bắp ngô luộc, ăn thay bữa trưa. Mới khoảng hơn 2 giờ chiều, chợ đã vãn người, có lẽ miền núi họ phải về bản làng xa chăng? Nhìn ngôi chợ miền Núi về chiều, tôi chợt nhớ đến Bà Huyện Thanh Quan "Qua Đèo Ngang". Rồi lại nghĩ đến Hoàng Thanh trong "Bát Cảnh Danh Họa" đời Đường: "Sơn Thị Tình Lam" ở phân trại E. ngày nào! Tôi và Kinh còn mải mê ngắm nhìn con trâu gầy ở góc chợ, đang nhai cỏ, thì chính Sín Lồ đến. Anh muốn rủ chúng tôi trên đường về Hồng Thắng, ghé vào chỗ anh.

Khoảng 3 giờ, tôi và Kinh lang thang, thảnh thơi trên đường trở về Hồng Thắng. Đặc biệt là chúng tôi mua được 10 bắp ngô sống, định mang về công trường, ngày mai luộc ăn thêm.

Khi đi qua xóm nhỏ của Sín Lồ, chính anh lại ra đường vẫy chúng tôi vào, tôi kéo tay Kinh cùng đi vào! Thoáng bên trong có một cái chõng tre đã lên mầu thời gian; có hai thanh niên nữa. Sau khi chuyện trò được biết cả 3 anh đều là bạn và cũng là du kích của Bắc Ngầm, chúng tôi cũng chuyện trò xã giao. Tôi không thể quên được một sự việc trong lúc ngồi hút thuốc lá Hoa Mai, uống trà chuyện trò, tôi nhìn lên vách thấy tấm hình của HCM bị lệch. Để tỏ cái "mắt thợ" của mình, và cũng để nghe xem sao, lòng của người dân Bắc Ngầm. Tôi chỉ tấm hình, nói như nhắc nhở:

- Tấm hình của bác Hồ, bị lệch kìa!

Cả 3 anh quay lại nhìn tôi, nửa như ngạc nhiên, nửa như thăm dò; Sín Lồ chậm rãi :

- Lệch đã lâu rồi! Có rơi cũng không sao?

Tôi nhìn Kinh rồi ngừng lại đấy, và chuyển đề tài:

- Các anh có hay ra thị xã Cốc Lếu chơi không? Và cách đây bao xa?

Sín Lồ lại vồn vã trả lời:

- Một, hai tháng mới ra một lần! Xa lắm! Đi xe đạp cũng hơn 2 tiếng, mới tới!

Thấy hôm nay, buổi đầu; như vậy là tạm đủ. Hơn nữa thái độ mấy cậu có vẻ bồn chồn, như sắp phải đi đâu, hay làm gì. Tôi nhìn Kinh như ra ý rồi quay lại từ giã ra về, hẹn một ngày thuận tiện sẽ gặp lại. Cả 3 cậu đều niềm nở tiễn đưa, chúng tôi ra đầu ngõ.

Vừa bắt tay với Sín Lồ, quay ra, tôi bàng hoàng giật mình, như có một gáo nước lạnh bất ngờ dội vào người. Một nàng tiên của núi rừng; phải nói là một sơn nữ, từ ngoài đường đang đi vào. Da cô trắng mát, ngược lại với mái tóc đen huyền, thò ra trong chiếc khăn vuông mầu xanh xanh đo đỏ. Lưng đeo một chiếc gù mây, chẳng biết đựng gì chỉ thấy một bông hoa rừng trắng toát lắc lư, nhô cao hơn miệng gù. Một bàn tay như thỏi sáp, hờ hững cầm vào một chiếc quai gù phía trên ngực, làm cho ngực của cô càng giồ lên. Đôi mắt của cô cũng đang mở to nhìn chúng tôi, như của một con nai tơ mới trong rừng sâu đi ra, bất chợt gặp bóng người.

Tôi ngây người ra đờ đẫn, chân không thể nhắc lên để bước đi. Mặt cô đỏ lên, rồi nhìn vào phía trong khu nhà, một giọng oanh vàng ré lên, như cầu cứu :

- Sín Lồ Cố!

Lê Văn Kinh đã kéo tay tôi đi, mà đầu tôi còn ngoảnh lại, cô sơn nữ cũng ngoảnh lại nhìn chúng tôi. Tôi ngoảnh lại vì tôi đang lục lại, và so sánh nàng sơn nữ đã từ lâu; qua văn, thơ vẫn êm đềm, nằm trong trí, hình dung tưởng tượng của tôi: Sơn Nữ ơi!…. Hoàng hôn xuống dần…. chờ đợi ai? Làm chi…. cho đớn đau lòng… Trong một thời gian rồi thương…. rồi nhớ… Sơn nữ ơi! Với cô sơn nữ tôi vừa gặp, khác nhau như thế nào!

Còn cô ngoảnh lại, tôi chắc cô ta cũng băn khoăn, không hiểu tại sao lại có một anh chàng, mặt lại đần ra như ngỗng ị thế? Trên đường về Hồng Thắng, Kinh nói những chuyện gì tôi chẳng hiểu và cũng chẳng còn nhớ gì hết.

Hôm sau chủ nhật, tôi nhớ đến anh chàng y tá Vũ Mạnh Tâm, khu tập thể công nhân xã hội (công nhân này không phải là tù như chúng tôi). Có khoảng hơn 100 người cả nam lẫn nữ, hầu hết từ thanh niên xung phong tuyển vào. Họ ở cách chúng tôi hơn 2 cây số, đang xây dựng mấy căn nhà "kiến thiết cơ bản" bên cạnh con đường ra phố Lu.

Tuần trước, tôi lang thang tò mò đã vào khu của họ và đã quen anh y tá tên là Tâm, chịu trách nhiệm y tế của khu. Anh ta khoảng hơn 4 chục tuổi có vợ con ở Bắc Ninh, tôi và anh đã hẹn nhau chủ nhật này để chuyện trò, quen biết bạn bè. Tôi cũng đã nói thẳng, vả lại đám công nhân này cũng biết Hồng Thắng có một trại công nhân "rởm".

Tôi tính lại rủ thêm Lê Văn Kinh, cùng là Biệt Kích gián điệp (Biệt Kích GĐ) ở Sài Gòn, đi chơi thuận tiện hơn.

Tôi lại đóng bộ quần áo hôm qua đi Bắc Ngầm, đó cũng là bộ đồ duy nhất để diện. Ngoài một bộ đồ nâu và mấy bộ

sọc (của tù) tôi vẫn thay đổi để đi lao động. Những ngày cuối tuần, trên đường đi rải rác đây đó, đã có những bóng dáng những anh chàng công nhân "rởm" của Hồng Thắng.

Tôi và Kinh đi đến một đoạn vòng cung của một ngọn đồi, thoáng thấy một bóng áo vàng đi ngược chiều. Đến gần ra là chính Tô Bá Oanh, như thế anh chàng này cũng thích trầm tư lang thang một mình. Mới chỉ một vài lần trao đổi tiếp xúc, khi ông ta vào lán mộc như quan sát, nhìn, xem xét của một ông giám đốc công trường. Nhưng tôi đã thấy Tô Bá Oanh, tuy mang cái lon trung úy và chừng khoảng gần 4 chục tuổi như tôi, nhưng tôi cảm thấy tay này cũng khôn, quái và nhiều tham vọng lắm!

Chúng tôi đều cúi đầu chào theo thủ tục, mắt y lại sáng lên, tiến sang hẳn bên này đường, phía chúng tôi, tươi mặt vồn vã:

- Trông xa tôi lại tưởng là khách lạ, ở dưới xuôi lên!

Y nói, nhưng mắt chằm chằm nhìn quần áo của Kinh và tôi. Nhìn sang Kinh cũng bộ quần áo bộ đội hôm qua đi chợ, Kinh vẫn đi đôi dép râu "Bình Trị Thiên" như nhiều công nhân của Hồng Thắng. Chỉ có tôi mang đôi "ba-ta" mới, nên hơi khác một chút, ở nơi núi rừng. Tôi cười và nói cho qua chuyện:

- Thưa ông! Bộ quần áo này tôi mua rẻ lại của các cậu bên hình sự!

Nói rồi chúng tôi chào, và rút lui ngay.

Vào khu công nhân xã hội, tìm đến buồng y tá của anh Tâm. Nhìn chung một vài nét, tuy ở nhà xây (cơ bản) những ngôi nhà, chính họ đã xây, tạm thời họ ở, để xây những cái tiếp. Hai khu Nam, Nữ ở hai nhà khác nhau.

Thoáng một số nét sinh hoạt, họ cũng nghèo nàn lạc hậu, chả hơn gì chúng tôi bao nhiêu, đặc biệt là tinh thần, họ rất lười. Với cái năng suất lao động như vậy còn kém chúng tôi hàng nửa, thời gian cả về mặt kỹ thuật. Họ lơ là, đàn đúm chơi đùa là nhiều.

Anh Tâm ở một mình, trong một căn phòng con chật hẹp của y tế. Bốn chục tuổi mà có vẻ trầm lắng, không giao thiệp nhiều với những công nhân khác. Quan điểm của tôi lúc nào cũng thể hiện chân thành trước, tôi cũng đã nói thẳng, nói thật chúng tôi là loại Biệt Kích GĐ từ trong Nam ra Bắc v.v... Anh Tâm vui ra mặt, anh lăng xăng hoạt bát hẳn lên.

Tôi có cảm tưởng cuộc sống của anh bị buộc kín theo xã hội. Ở "bầu thì tròn ở ống thì dài" hôm nay anh gặp được mấy người thể hiện "tình người là chính" nên anh đã hưng phấn như thế?

Tôi đã được nghe nhiều sự thật, của cái hệ thống công nhân này. Như làm ít báo cáo nhiều, làm xanh lại báo cáo đỏ. Anh ở trong đảng ủy của công trường, anh đã lập gia đình 5 năm rồi. Vợ anh cũng là đảng viên, trong một xí nghiệp may ở Bắc Ninh. Vợ chồng anh có một đứa con trai 4 tuổi.

Tôi luôn mang một ý niệm: Mình có thật sự, như vậy đường mình đi là chính thống, vậy chỉ cần khéo léo trong hành xử, chắc chắn mình có tính hơn hẳn. Vậy thì bất kể với ai, dù chung quanh toàn là kẻ thù, nham hiểm là người của đối phương, ta vẫn mở cửa. Không phải chỉ có máy nhìn, mà có cả máy ngửi. Dù anh có bọc bao nhiêu lần vỏ, pha trộn bao nhiêu màu, ta tin tưởng sẽ nhìn vào cái nhân, vào bản chất của con người và sự việc. Rồi tùy theo, sẽ giải quyết theo chiều hướng ta muốn,

Có một chuyện vui mà tôi chưa quên: Sau khi Tâm biết chúng tôi là tù nhân 15 – 16 năm rồi, một loại tù phải chịu

những hình thức khai thác ngặt nghèo, khác thường. Nghèo thôi, nhưng chân thành, chỉ có đậu phụng rang và ổi xanh với rượu trắng, mỗi người góp một đồng là có một bữa say, đầy nghĩa tình người. Trong lúc bên trong là say, bên ngoài là tỉnh, rồi lẫn lộn: Tâm rất băn khoăn thắc mắc: Tại sao tôi và Kinh đã trên dưới 40 tuổi, Tâm mới 35 tuổi lại già hơn, cằn cỗi hơn? Trong khi Kinh và tôi phải ở trong tù, khổ đau như vậy?

Chính Lê Văn Kinh cũng không thể giải lý rõ vì sao, mà chỉ quy cho là có người trẻ hơn tuổi; có người già trước tuổi là do trời, do máu, do giòng họ của mỗi một người.

Tôi đồng ý, chúng ta không thể phủ nhận được yếu tố đặc biệt này, nhưng nếu ta xét, ta nhìn cái chung: Một chục người cùng tuổi ấy, điều kiện ấy mà ở trong tù cách biệt kiên giam. Và một chục người cùng tuổi ấy, điều kiện ấy ở ngoài đời có vợ, có con thì sẽ thấy yếu tố trên, không còn đúng hoàn toàn nữa.

Tuy đầu tôi nghĩ thế, nhưng tôi vẫn ngồi im lặng; mãi cho tới khi cả Kinh và Tâm bắt tôi phát biểu ý kiến. Cũng đã gặp cụ Lưu Linh rồi, nên tôi mạnh bạo trình bày, dù tự biết đầu óc của mình có nhiều "sạn, sỏi". Nhưng phải cởi mở lòng mình, phải chân thành như lòng mình đã, nên tôi đã mạnh dạn phát biểu:

- Tôi suy nghĩ thế này: Phật và Chúa nói theo từng tôn gíao, nói chung là đấng tạo hóa sinh ra con người. Ngài ban cho mỗi người kể cả đàn ông, lẫn đàn bà, một bọc, một cục sống. Nói một cách giản dị là tạo hóa ban cho mỗi người 1000 đồng chẳng hạn. Bằng nhau, ai cũng như ai. Nếu anh phung phí tiêu nhiều, về cuối anh còn ít. Ngược lại thì anh còn nhiều, đó là hình dung theo toán. Bây giờ ta hình dung có vẻ theo kiểu văn chương: Tạo hóa ban cho loài người đồng đều, mỗi người một sợi tơ đồng, để hưởng một thời hoa mộng. Nói chung, từ khoảng 20 tuổi đến 40 tuổi, cái dây tơ hồng đó, có qúy vị gẩy nhiều, người gẩy ít tùy theo. Bình thường trong 20 năm gẩy, thì sợi tơ đồng đó đã dão ra rồi, nên khi gẩy thì tiếng kêu của nó đã rè, đã đục. Các qúy vị cứ nhìn các ông Cha, ông Sư. Các ông ấy thường trẻ hơn, với những người cùng tuổi ở ngoài đời, đấy là cái chung. Chứ tôi hiểu cá biệt có những ông Cha, những ông Sư (nhất là ở Việt Nam hiện nay) các ông ấy không những vẫn gẩy đàn, mà còn gẩy hơi nhiều, gẩy hơn một người bình thường nữa. Như vậy thì ai cũng đã thấy, nếu đem cái dây tơ đồng của một ông 40 tuổi ra gẩy, nếu nó không rè rè thì nó cũng kêu bùng bục. Ngược lại, Lê Văn Kinh và tôi không gẩy và chưa hề dùng đến cái dây tơ đồng ấy. Nếu bây giờ đem gẩy thì nó vẫn thánh thót, du dương như thuở ban đầu vậy.

Tâm và cả Kinh đều cười ngặt nghẽo, cười bò ra, tay ôm bụng. Nỗi hưng phấn của Vũ Mạnh Tâm, càng được đẩy cao; anh chạy đến chiếc tủ con, mở lấy ra một chiếc máy ảnh nhỏ, quay lại nói rổn rang:

- Đây là chiếc máy ảnh của ông anh trung tá sư phó, mới mua ở Sài Gòn tháng trước, cho tôi mượn một tuần. Hôm nay anh em ta ghi một tấm hình, để kỷ niệm.

Truyện trên trời rơi xuống! Chụp ảnh ngoài xã hội lúc này còn khó, huống chi lại ở trong tù. Tôi nhoài người đến cầm chiếc máy, ngắm nghía. Máy ảnh của Nhật, TENKA II có automatic nữa. Ra ngay ngoài hè, Tâm chụp mấy tấm, trong đó có riêng một tấm Kinh và tôi. Có lẽ đó là một tấm hình đặc biệt duy nhất, của Kinh và tôi, chụp để kỷ niệm trong giai đoạn ở tù.

Buổi chiều trở về, mới bước chân vào đến cổng của Hồng Thắng, tôi mừng quá! Lý Cà Sa to lớn tiến lại bắt tay tôi, có một số công nhân mới chuyển đến, có thêm mấy anh Biệt Kích nữa trong đó có cả Nguyễn Cao Sơn (một chuẩn uý của Thủ Đức).

Trên đường vào chỗ của mình, đầu tôi suy tư: Lý Cà Sa mà được ra công trường HT, cũng là một sự khác thường. Tôi xách gầu và quần áo ra sau giếng tắm một cái, sau 2 ngày ngược xuôi quanh vùng.

Trong hàng chục người chung quanh giếng, có một cậu hình sự chừng 20 tuổi cứ liếc nhìn tôi, thái độ khác thường.

Xong xuôi, tôi vừa rẽ về đến ngôi nhà số 2, thì cái cậu liếc nhìn tôi khi nãy, đã đón đường. Thái độ cậu ta hơi ngập ngừng, hai tay xoa xoa vào nhau; rồi giọng như được tăng số:

- Em hỏi thực anh, có phải anh là một điệp viên cừ khôi được đào tạo công phu ở Nhật, về Hà Nội hoạt động phải không?

Tôi còn ngạc nhiên, đắn đo quan sát thái độ của cậu, cậu ta lại nhấn mạnh :

- Anh cứ nói thật với em đi!

Một chút băn khoăn, tôi khẽ để một tay lên vai cậu:

- Trước khi anh trả lời, hãy cho anh biết do đâu em lại hỏi anh như thế?

Cậu này tỏ ra hơi bộp chộp, nên trả lời ngay:

- Nhiều bạn bè em chỉ anh, nói với em như vậy!

Tôi vẫn đặt tay lên vai cậu, dịu dàng nói với cậu:

- Cám ơn em đã hỏi anh như vậy, anh xin nói ngay là những lời đồn đó, là không đúng sự thật. Tên em là gì?

Cậu trả lời tên là "Công" còn gặn lại:

- Hãy tin em! Nếu thật em sẽ xong ngay!

Tôi thấy không giải quyết cái gì, cũng chả cần hiểu "xong ngay" là "xong"gì? Tôi đập vào vai cậu, như đẩy đi:

- Thôi chào em Công nhé!

Quay vào buồng tôi nghĩ: Tiếng đồn thì thường hay phóng đại!

Đã có một số cậu hình sự xin đi phép, cả một vài Biệt Kích cũng đã xin đi phép vào miền Nam 2 tuần, 1 tháng. Để nghe ngóng, để thử, tôi cũng dần đánh tiếng qua tên cán bộ trực của công trường là Đỗ Nhận. Nghe đồn tên này là trung sĩ cán bộ trên trại Quyết Tiến (Cổng Trời) về đây.

Ra vào qua ánh mắt; tôi thấy y có chút thiện cảm cá nhân với tôi, nên một buổi thuận tiện gặp y, trên một quãng đường từ cơ quan vào Hồng Thắng. Nghĩ đến Hà Nội, còn mấy người em ở Hàng Bột con bà dì, em ruột của mẹ tôi. Tôi còn một bà dì họ ở Lương Ngọc Quyến. Thì cứ thử xin 2 tuần, xem họ có cho đi không đã. Nhưng tên Nhận đã nhìn tôi, rồi nói rõ ràng:

- Anh Bình cứ thử làm đơn lên Ban Giám Đốc! Theo tôi đã có 2 người (Biệt Kích) đi phép vào Nam, nếu họ không trở lại thì không phải là dễ.

Thực sự ra, anh em Biệt Kích ai cũng sẽ như tôi, cũng ray rứt khắc khoải nhớ thương bố mẹ, vợ con, anh chị em, và miền Nam trong tim, trong máu. Nhưng tôi phải thử xem sao. "Dục tốc bất đạt" ông bà đã dậy mình.

Chương 10

THỦY CHUNG – CHÍNH CHUYÊN

Mấy ngày trước, có vợ của anh Đoàn Phượng (cưới được một tuần, trước khi anh ra Bắc) ra mãi Hồng Thắng để thăm chồng sau 15 năm xa cách. Thoáng nghe mà lòng tôi đã háo hức muốn gặp, muốn nhìn thấy chị Phượng, một người con gái Việt Nam đã cho tôi được hưởng nét tự hào của dân tộc tôi. Anh Đoàn Phượng là một Biệt Kích ra Bắc từ mồng 7 tháng 6 năm 1963. Toán của anh là Tellus, gồm 4 người. Anh là truyền tin trưởng của toán.

Khi một toán Biệt Kích hay đi lẻ như tôi, nếu theo những quy định thời gian đưa và đón, mà không về thì thường được kết luận là mất tích. Cái từ "Mất tích" bao hàm rộng: Có thể chết, bị bắt, trốn chạy v.v… Coi như không có ngày về, thế mới thấy rõ tấm lòng của chị Phượng. Tôi chưa hề thấy mặt, nhưng lòng tôi đã dạt dào ngưỡng mộ. Tôi đã sang buồng của anh Đoàn Phượng gặp anh, tôi đề nghị:

- Đây là một sự cao đẹp của tình người, đề nghị anh Đoàn Phượng, một buổi để chị vào hẳn công trường, gặp luôn một số Biệt Kích của chúng ta, và cũng để anh em Biệt Kích được nghe, được nhìn tận mắt sự sắt son của một phụ nữ Việt Nam. Cũng để cho cán bộ CS, nhìn thấy cái truyền thống, của tình tự dân tộc thiêng liêng, cho lòng người nở hoa như thế nào.

Ngày hôm sau, anh Phượng cho biết được cán bộ trực, cho phép sáng thứ Bẩy, chị Phượng và bà mẹ sẽ vào công trường. Anh em Biệt Kích ai cũng nức lòng, chúng tôi tạo mọi điều kiện có thể, cho buổi trùng phùng cảm động này.

Giản dị mộc mạc như cuộc đời của chúng tôi, một gian nhà trống không có đủ bàn, chỉ có mấy cái ghế dài kê chung quanh sát vách. Một cái bàn mộc con ở giữa, với một tích trà (mượn được của ông cán bộ trực), hai bao thuốc lá Trường Sơn.

Hơn 2 chục anh em Biệt Kích quần áo nâu sồng, ngồi kín những chiếc ghế dài. Gần 10 giờ, anh Phượng dẫn chị ấy và bà cụ trên 60 tuổi chậm chạp đi vào. Chúng tôi không ai bảo ai nhưng đều đứng hết cả dậy, mặt hớn hở, mắt long lanh, tay vỗ đôm đốp, như hoan hô, chào đón.

Căn buồng tuy bé nhỏ, nhưng đã tràn ắp tình người, làm cho anh Đoàn Phượng, bà cụ và chị ấy cũng lúng túng. Tôi và mấy anh đã Sấn đến, đỡ bà cụ vào ngồi một chiếc ghế độc nhất, dành cho bà cụ. Nhiều anh em, râm ran ríu rít thăm hỏi bà cụ và chị Phượng. Lưng bà cụ hơi còng một chút, tóc đã "muối nhiều hơn tiêu" nhưng tinh thần của cụ còn tỏ ra rất nồng nhiệt. Không nồng nhiệt mà thân già, còn lẽo đẽo theo con gái lên mãi miền sơn cước này, để thăm một "chàng" con rể tù có cái dấu "không có ngày về".

Chị Phượng chừng hơn ba chục, rất ít nói, không hiểu sao tôi nhìn đôi mắt của chị, nó ánh lên cái mầu của lá bưởi non. Cái màu của thủy chung, của nghĩa tình.

Chẳng được anh em chỉ định, nhưng có lẽ từ hôm qua, anh em thấy tôi lăng xăng nhiều, trong việc đón rước chị Phượng và người mẹ yêu qúy của chị. Vả lại, nhìn toàn bộ anh em, không thấy ai tỏ vẻ muốn phát biểu một vài lời, với cụ và chị Phượng. Thôi thì từ lòng ngưỡng mộ của mình, tôi nhìn anh Phượng rồi đứng ra nói đại, dù đã biết mình không có khả năng ăn nói. Lâu ngày tôi không còn nhớ được nguyên văn nhưng nội dung như sau:

- Thưa cụ và chị Phượng, cháu chỉ là một trong những anh em Biệt Kích như anh Phượng, do lòng ngưỡng mộ cụ và chị Phượng, nên cháu nói vài ý kiến. Đêm qua, cháu cứ khắc khoải mãi mà không ngủ được, nếu cháu không nhìn thấy, nghe thấy bằng tai, bằng mắt thì cháu không thể tin, trong cuộc đời ngày nay, còn những tình nghĩa sâu nặng

như thế này. Cụ và chị đã làm cho cháu yêu thương cuộc đời này nhiều hơn, vì nó vẫn còn nhiều tình sâu nghĩa nặng mà cháu chưa, hoặc không hiểu được!

Tôi quay hẳn về phía chị Phượng:

- Thưa chị, trước đây các bậc cha, anh đã viết, đã nói nhiều về sự thủy chung, của người phụ nữ Việt Nam. Xin chị cho tôi hỏi chị một câu, cứ sự thật nghĩ sao chị trả lời vậy…

Thấy chị Phượng gật đầu, tôi hỏi ngay điều tôi muốn:

- Biết bao nhiêu Biệt Kích đã chết rồi, nếu anh Đoàn Phượng đã chết, thì chả lẽ chị chờ mãi ư?

Chị quay lại nhìn anh Phượng rồi nhìn tôi, chị nói bình thản:

- Tôi không có chờ anh Phượng!… Mà tôi đã xác định "Nếu anh Phượng sống trở về thì tôi có đôi, nếu anh chết thì tôi ở một mình".

Một hơi lạnh chạy lên gáy của tôi! Tôi quay về chỗ ngồi, hút hết hơi thuốc Trường Sơn, khi nãy còn bỏ dở. Anh em tiến đến thăm hỏi cụ và chị Phượng được biết thêm, khi nhận được thư anh Phượng gửi về, chị Phượng muốn ra Bắc ngay, nhưng vì thân gái một mình, chưa hề biết gì về miền Bắc cả. Để rồi bà cụ thương cảnh hẩm hiu, của con gái và người con rể. Anh đã chẳng vì hạnh phúc của mình, mà dấn thân vào chỗ chết! Ra đi không hẹn ngày trở lại! Nên dù tuổi già sức yếu, cũng quyết một lòng dẫn con gái đến một miền, mà chính cụ cũng chưa hề biết.

Trong hơn 2 chục anh em Biệt Kích cùng tiếp đón bà cụ và chị Đoàn Phượng, có một cậu mặt còn non choẹt "búng ra sữa". Thấy hơi khác thường tôi đã gọi em ra riêng, lúc buổi gặp chị Phượng đã vãn. Em đã ngập ngừng, ngượng nghịu đỏ mặt, trong khi truyện trò, ân cần thăm hỏi của tôi. Em tên là **Lê Trung Tín**, khi gia nhập và được huấn luyện trở thành một Biệt Kích nhẩy Bắc em mới có 17 tuổi, hiện nay em đã 27 tuổi rồi. Sau buổi tâm tình với em, tôi biết sơ lược toán của em là **Red Dragon** gồm 7 người:

1. Phạm Ngọc Anh, được tha về, đã chết ở Sài Gòn.
2. Phạm Xuân Kỳ. Toán phó truyền tin. Hiện nay ở tiểu bang Texas.
3. Nguyễn Thái Kiên. Hiện nay ở Atlanta.
4. Phạm Ngọc Khánh. Hiện nay ở Boston MA.
5. Vũ Sử. Hiện nay ở Washington.
6. Nguyễn Hữu Tấn. Hiện nay ở California.
7. Lê Trung Tín. Mới nhất hiện nay (2004) nghe nói đã đến Colorado.

Ra Bắc ngày 21-9-1967. Địa bàn hoạt động tại Hà Giang. Dù toán của em ra Bắc muộn, nhưng cũng đã ở tù hơn 10 năm rồi. Em rất thân với Vòng A Cầu.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, cân nhắc, hơn nửa tháng trước tôi đã làm một lá đơn xin đi phép 2 tuần về Hà Nội thăm bà Dì và mấy người em. Tôi đã nộp đơn lên Ban Giám Đốc của công trường, cũng đã hơn nửa tháng mà đơn vẫn chưa được trả lời, là được chấp nhận hay không? Qua nghe ngóng Giám Đốc T.B. Oanh đã công tác về Hà Nội.

Tôi nghe một vài nguồn tin của người dân Bắc Ngầm: Trong Nam CS đã đuổi và cho người Hoa trở về Trung Quốc. Rồi khoảng đầu tháng 2-1978, chính cậu Lê Trung Tín và Vòng A Cầu đã đi đâu, 9 giờ tối cũng không có mặt, theo nội quy của công trường. Một buổi chiều, sau giờ lao động ở lán mệt nhọc, tôi trở về công trường, vừa tắm rửa xong. Một em hình sư, đến bên tôi nói nhỏ :

- Bẩy giờ tối nay, anh ra chỗ gốc cây Sồi ở ngã ba, có người muốn gặp anh.

Phần vì vừa tắm đang vội về, để ra chỗ anh Tâm y tá công trường xã hội (CTXH) đã hẹn từ hôm qua. Phần khác trời đã hơi cập quạng, nên tôi đã không nhìn rõ cậu em hình sự đã nói với tôi. Tôi thấy dù sao cũng không thể ra gặp Tâm (chuyện trò bình thường). Hôm nay phải ra xem ai cần gặp tôi lúc 7 giờ tối nay? Nhiều băn khoăn cũng không thể dự đoán được, vậy chỉ còn cứ đi sẽ biết. Cũng chẳng xác định được hướng lành dữ ra sao! Nhưng bản tính, dù ngược hay xuôi thì chỉ thêm cho sự kích thích, của lòng tôi hơn.

Trời tối, tôi đánh bộ đồ nâu sồng công nhân, mò ra chỗ hẹn. Chủ trương của tôi là ra sớm, ra trước giờ hẹn, rồi tìm vị trí thích hợp kín đáo ngồi chờ, chủ động quan sát để biết người muốn gặp mình là ai?

Không có đồng hồ, nên chỉ dự đoán theo giờ của cái đồng hồ ở công trường, có thể sẽ sai, đúng 5-10 phút. Tôi ngồi đã ê cả chân trong một bụi cây con, xa chỗ gốc cây Sồi đến gần 100 mét. Trong ánh sáng cập quạng của núi rừng tối muộn, tôi vẫn còn nhìn thấy gốc cây Sồi sơn mầu trắng, theo quy cách của thời Pháp thuộc. Chừng mươi phút sau, có bóng một người đi xe đạp từ phía Bắc Ngầm đi tới. Cũng may, từ công trường ra, tôi đã đi qua cây Sồi mới ngồi chờ, tôi cố nhìn theo bóng người đi xe mà tôi đã hơi ngờ ngợ. Đúng như rằng, người đó dựng xe đạp vào gốc cây rồi bước ra giữa đường. Tôi hơi giật mình, vì bóng đó ra giữa đường nên tôi thoáng qua dáng dấp quen quen. Ồ…. Sín Lồ! Sao lại kỳ lạ như thế! Sín Lồ là tiểu đội trưởng du kích của Bắc Ngầm, tuy có hiện tượng là câu chuyện tấm hình của HCM bị lệch. Nhưng có gì đến nỗi hôm nay đến hẹn gặp tôi như thế này? Đã quan sát rồi, chỉ có một mình Sín Lồ.

Tôi chờ anh ta quay mặt về phía công trường, tôi lách vội ra đường, như một người đang đi trên đường. Coi như không để ý đến người đứng ở một gốc cây, mặt tôi nhìn chéo với gốc cây 45 độ, theo dõi thái độ của Sín Lồ. Cậu ta đã nhìn thấy tôi, và tiến ra, vậy thì tôi tiến vào, và vồn vã :

- Sao lạ thế! Có cái gì mà phải hẹn ra đây? Cậu chỉ cần nhắn là tôi sẽ ra tận…

Cậu ta đã ngắt lời tôi, ra hiệu tay nói nhỏ! Rồi cậu ghé gần tôi vẻ thân mật :

- Anh có đi TQ không? Sẽ đi với một người nữa cũng ở công trường.

Tôi đã chợt thấy có vấn đề, tôi định hỏi với một người nữa là ai ở công trường? Thì Sín Lồ đã nói vẻ vội vàng :

- Nếu anh đồng ý đi, từ 9:30 đến 10 giờ tối mai, anh ra đây sẽ có người đưa đi!

Nói rồi, Sín Lồ đập nhẹ vào vai tôi như từ giã. Cậu ta nhẩy xe đạp đi ngược, về phía Bắc Ngầm.

Tôi bần thần cả người trên đường đi về công trường. Không biết người kia là ai, để từ đấy phần nào thấy về hướng nào? Là chính trị hay hình sự? Nếu chính trị thì Biệt Kích hay chính trị địa phương? Và điều quan trọng nhất: Sự việc này thật hay giả? Có bàn tay đen nào nằm trong vụ này không?

Đêm hôm ấy và ngày hôm sau, trong lòng tôi như có một trận bóng đá Quốc Tế, với những cú lách, lừa nhè nhẹ, nhưng có những cú "sút" sấm sét như "căng chỉ" làm bàn. Bao nhiêu phán đoán, bao nhiêu giằng co, bao nhiêu rụt rè e sợ, nhưng cũng bao nhiêu liều lĩnh coi trời "bằng vung".

Có những lúc tôi đi thơ thẩn, lang thang ở cả hai căn nhà. Nhìn người này, rồi nhìn người kia để từ đấy có cảm nhận một hiện tượng gì làm cơ sở. Tôi đã nhìn thấy cả cái cậu tên Công, đã có lần hỏi tôi, nếu tôi nhận thì cậu sẽ "xong

ngay".

Nhưng quan sát hàng chục bộ mặt đã thấy không phải đối tượng, mà tôi đang cần tìm. Tôi cũng muốn tìm lại cái cậu hình sự đã hẹn cho tôi gặp Sín Lồ. Nhưng như tôi đã nói rồi, chiều hôm qua tôi thật vô tâm, không còn nhớ được dáng dấp và hình hài bộ mặt chút nào.

Cho đến chiều ngày hôm sau (cái buổi chiều có cái hẹn tối 9:30 đến 10 giờ). Tôi đã xác định như sau: Với cái tuổi của mình thì việc gì cũng còn dài, sự việc nào không rõ ràng, nhiều mơ hồ thì đừng có vội vàng hấp tấp, và tôi đã bỏ buổi hẹn. Cho tới bây giờ, tôi vẫn chưa quên buổi hẹn ngày ấy.

Sáng ngày hôm sau, thì thấy mất Lý Cà Sa. Và ngay chiều ngày hôm ấy; gần giờ tan tầm, tên cán bộ Thành phụ trách đội mộc của công trường đến ngồi nói chuyện với tôi. Y nhìn tôi đang thao tác lắp cái giường đôi, cho vợ chồng một tên cán bộ khác, ở bên trại tù. Chuyện trò cười nói rôm rả, đến chỗ cắt 5 cái thang giường, để 2 cái vỉ giường, cho giải chiếu. Công việc cắt cái đầu thang giường này không phải thợ học nghề, mà ai cũng có thể cắt được. Nhưng, có thể do đầu óc tôi quá nhiều sự việc căng thẳng từ hôm qua, hoặc có thể mải vui câu chuyện với tên cán bộ của đội mộc. Tôi cắt hụt chừng 3 phân một cái thang giường, tên Thành đứng dậy gào to:

- À anh Bình, muốn phá hoại tài sản công trường, của nhà nước à?

Tôi ngửng lên nhìn y, tôi còn tưởng y nói đùa; nhưng nét mặt của y đã trả lời là nói thật. Thấy thế, tôi cười nói như diễu cợt:

- Cắt cái thang giường mà ông cho là phá hoại, nó chỉ…..

Y đã đứng dậy ra phía ngoài cửa, một tên công an võ trang đeo súng theo y tiến vào.

Tên cán bộ nói líu nhíu:

- Anh bị bắt sang trại tù! Anh theo vũ trang về trại.

Như thế là họ đã chuẩn bị sẵn từ trước, chỉ có tôi mới "tồ" nên bất ngờ mà thôi! Tôi theo tên công an vũ trang ra cổng lán mộc, trước những con mắt mở to của các anh em Biệt Kích khác. Đúng như lời dậy của cổ nhân: Chỉ có chữ "bất ngờ" cho tới già vẫn chưa ai học hết được!

Đã rõ như ban ngày là họ có chủ trương bắt tôi trở lại tù, dù tôi chẳng có vi phạm điều khoản nội quy nào của công trường, mà chính họ đã đặt ra, như Hiến Pháp của họ, cho đất nước. Tên công an võ trang dẫn tôi về công trường lấy chăn màn, quần áo để sang trại tù. Khi bước vào cổng trại tù, đã thấy tên cán bộ trực trại chờ sẵn ở căn buồng con, cạnh cổng vẫy tay. Tôi ôm chăn màn và chiếc hòm con đi theo, y bắt tôi mở hòm ra, lục tung khám xét mọi thứ. Tất cả thư từ, hình ảnh của cá nhân, hay bất cứ giấy tờ gì, y giữ lại hết, tôi phản đối:

- Thưa ông, thư từ hình ảnh là của thân nhân tôi, ở các trại tù khác, các cán bộ đã duyệt xét rồi!

Qua một vài nét tôi hiểu: Đây không phải do y, mà y chỉ thừa lệnh; vì thế y chỉ cộc lốc:

- Không được! Phải duyệt xét lại!

Y ra hiệu tay, tôi ôm vật dụng theo y vào một căn lán trại tù. Y chỉ tay lên một chỗ ở sàn trên:

- Chỗ anh nằm đó!

Đây là khu hình sự, trại chưa đi lao động về; chỉ lèo tèo vài người ốm bệnh ở nhà. Tôi còn đang sắp xếp lại quần áo của tôi, sau khi đã bị lục tung, thì trại ầm ầm huyên náo. Tù đã đi lao động về.

Cái đêm hôm ấy trời lại mưa to tầm tã, sấm chớp ầm ầm. Nằm nghe sấm sét, gió mưa gào thét ngoài núi rừng, hình như cũng có một trận gió mưa tầm tã khác, đang diễn ra trong lòng tôi. Rũ rượi rồi tôi lịm dần vào giấc ngủ muộn, đầy khắc khoải. Gần sáng, giòng tư tưởng của tôi chợt ghé đến cụ: Tam Nguyên Trần Bích San với tư tưởng khích lệ, trác tuyệt của cụ:

Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí.
Nhân bất phong sương, vị lão tài.

Xin phép tạm chuyển dịch:

Đất mà không có núi, có sông thì đâu có lạ kỳ, đâu có đẹp.
Con người mà không từng trải thăng trầm gió, mưa thì làm sao có chí lớn, tài cao?

Có lẽ vì trong lòng tôi đã nhão nhoẹt nhiều quá, nên tôi tìm đại câu trác tuyệt của ông cha làm "cứu cánh" để tự an ủi mình, trong lúc buồn nản này. Tuy thế, tôi cũng tâm thành cảm tạ cụ Tam Nguyên Trần Bích San.

Tinh thần của tôi như vừa được uống một liều thuốc tăng lực, để tỉnh táo xét suy: Chắc chắn họ không để tôi ở khu hình sự này lâu. Có lẽ vì họ được lệnh bất chợt, sợ đưa tôi vào khu Biệt Kích (khu Biệt Kích chỉ cách một hàng rào nứa) sẽ làm hoang mang, ảnh hưởng đến tinh thần của họ? Hay vì lý do khác, làm sao tôi biết được?

Đêm qua nằm nhẩm tính, tôi ra khu công nhân Hồng Thắng, chừng hơn 5 tháng đã lại bị bắt vào trại tù rồi. Đúng một tuần sau, tên trực trại vào gọi tôi ôm chăn chiếu sang khu Biệt Kích bên cạnh. Y chỉ cho tôi một chỗ cũng ở sàn trên và cũng câu nói của tuần trước, y đã nói với tôi bên khu hình sự:

- Chỗ anh nằm đó!

Tôi đã suy đoán không sai, lại được về tù chung với anh em Biệt Kích, như hơn 6 năm xưa.

Buổi trưa, trại về anh em chạy đến thăm hỏi tíu tít. Toán trưởng vẫn là Trương Bá Ngữ, toán phó là Nguyễn Xuân Sang. Quách Rạng đã ghé tai tôi nói nhỏ :

- Chúng tôi đã biết anh sẽ về đây, 2 ngày rồi!

Tôi còn đang ngạc nhiên, chưa kịp hỏi: Sao mà biết? Thì Rạng đã nói như trả lời :

- Lê Văn Kinh cũng đã bị bắt vào 2 ngày trước! Cả Nguyễn Cao Sơn cũng mới vào hôm qua. Cả hai còn nằm rũ ra kia kìa!

Có Kinh và Sơn cũng bị bắt vào, tôi hơi suy đoán ra: Đây là 3 tên (theo cái nhìn của CS) nguy hiểm hơn, so với một số anh em Biệt Kích ở công trường. Tình hình, có biến chuyển thế nào cứ "vồ" 3 tên này trước đã.

Vụ việc của Lê Văn Kinh Người Nhái phá tầu ở sông Gianh 1962 tôi đã tường thuật rồi, còn toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn. Tôi nhớ trước đây có tìm hiểu về toán này, tôi chỉ biết sơ lược, bởi vì toán Biệt Kích này có một vài

sự việc không bình thường, cho nên anh em trong toán đó không muốn nhắc lại, vì thế nên ít người biết chi tiết. Tên toán là STRATA 120.

Toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn tên là STRATA 120. Ra Bắc ngày 14- 5-1968, toán gồm 6 người.

1. Nguyễn Đình Lánh một chuẩn úy là toán trưởng (đã chết).
2. Trần Quốc Quang, toán viên.
3. Trương Nàm Tráng toán viên (người Việt gốc Tàu).
4. Nguyễn Ngọc Anh,
5. Nguyễn Như Ánh hiện nay ở Chicago.
6. Nguyễn Cao Sơn cũng là một chuẩn úy của trường Thủ Đức.

Chính vì một toán Biệt Kích lại có 2 chuẩn úy nên mới xẩy ra nhiều chuyện đáng tiếc sau này, khi vào vùng hoạt động mà đã bị lộ. Hiện nay, Nguyễn cao Sơn đã tới Mỹ, nhưng tôi không rõ tiểu bang nào.

Mấy ngày nói chuyện với Quách Rạng tôi cũng có hỏi sơ sơ được biết: **Toán của Quách Rạng là GRECO ra Bắc ngày 14-11-1964. Toán gồm có 7 người:**

1. Đinh Công Bích, toán trưởng. Dân tộc Mường. Bích là trung úy (xuất thân trường Võ Khoa Đà Lạt, rớt ra chuẩn úy). Chết năm 1979 tại trại Tân Lập (vợ có được lĩnh tiền của Bộ Quốc Phòng ở Mỹ).
2. Bùi Văn Cởi (chết trận).
3. Quách Hinh, truyền tin phó, hiện ở Atlanta, Hoa Kỳ.
4. Đinh Thế Hùng, truyền tin (chết ở trại Vĩnh Quang 1968).
5. Đinh Công Ngọc, truyền tin trưởng. Hiện ở Chicago.
6. Quách Rạng hay Quách Thái Bằng, phụ tá toán trưởng. Hiện ở Atlanta.
7. Quách Công Tiếng (Hạ), toán phó phá hoại. Hiện ở Atlanta.

Gần một tháng sau, những tin rỉ ra từ hướng này, hướng kia tôi biết là Vòng A Cầu ở toán Biệt Kích CANCER đã rủ Lê Trung Tín của toán RED DRAGON chạy sang Trung Quốc. Rồi sau đó kéo thêm Lý Cà Sa nữa.

Sau này nghe dư luận Lý Cà Sa có cầm quân Trung Quốc đánh sang tỉnh Lào Cai, trong đợt Trung Quốc vượt biên giới tấn công VN để dậy cho CSVN một bài học 17/2/79. Còn Vòng A Cầu, nghe đâu vẫn còn ở bên Trung Quốc thuộc tỉnh Quảng Đông? Riêng Lê Trung Tín hiện nay đã ở Mỹ nhưng tôi cũng chưa rõ ở tiểu bang nào? Mới đây, 12/2004 tôi nghe nói loáng thoáng: Tín đã từ Trung Quốc vượt trở về Việt Nam, rồi đi HO. sang Mỹ. Ở Colorado.

Bản thân tôi cũng đã nhiều đêm ngày tâm tư bị bóp nặn, giằng co: Nếu buổi hẹn 9:30-10:00 tối hôm ấy ở ngã ba cây Sồi, tôi thực thi lời hẹn thì sao? Thì có muôn ngàn tình huống tôi không thể biết. Nhưng có một tình huống tôi biết chắc: Tôi không được cái vinh dự, ngồi viết những dòng tường thuật này, để các quý vị độc giả nhìn lại một vài góc cạnh của một cuộc chiến "nồi da, nấu thịt". Và một góc đen tối, ở phía Bắc quê hương thương đau của chúng ta.

Tôi bị bắt trở lại chừng gần 2 tháng. Một buổi sáng sớm khoảng 4 giờ, trật tự và cán bộ đã mở cửa vào buồng. Tuyên bố tất cả mọi người chuẩn bị công tư trang để chuyển trại. Mười lăm phút sau tất cả tù đều phải ra ngoài. Như một đàn gà được chuyển chuồng, rầm rập chạy lên, chạy xuống, chạy ngược, chạy xuôi, đôn đáo ai cũng tự lo cho mình. Cán bộ lại mở cửa, lần lượt hàng đôi ôm đồm chăn chiếu tiến ra sân.

Trời còn tối đen, ở sân đã có 2 chiếc xe chở khách đã tã, mầu sơn long lở. Cán bộ nhà bếp, trật tự và một anh bếp hình sự gánh đến một gánh bột mì luộc, lần lượt phát theo hàng mỗi anh một miếng mì luộc, chừng gần 2 lạng trong miếng lá chuối. Hơn 8 chục Biệt Kích chèn nhét lên hai chiếc xe thời cà cộ.

Chẳng một ai biết là sẽ chuyển đến trại tù nào? Riêng tôi cứ băn khoăn ngẩn ngơ. Như thế là tất cả: Hình ảnh, thư từ, giấy tờ đã bị họ tịch thu khi bị bắt vào, bây giờ chuyển trại là coi như mất tiêu hết.

Tiếc nhất mấy tấm hình anh Tâm y tá chụp cho (sau này không ngờ Lê Văn Kinh, lại không bị tịch thu, Kinh còn giữ được, ở Florida, Kinh đã gửi cho tôi). Chả cần tường thuật lại cái cảnh 2 người một khóa của cuộc chuyển tù, biết bao khó khăn, khổ cực trong những sinh hoạt cá nhân. Tâm trạng người nào cũng ngơ ngác như đi giữa sa mạc, chẳng biết một hướng nào và về đâu?

Tôi cố căng mắt nhìn cảnh vật, vận dụng cái trí óc của người rừng dân tộc để suy đoán. Quá trưa, chúng tôi đã xác định xe ngắc ngư bò về miền xuôi. Tôi cũng thấy hơi lạ, đã từ hàng chục năm xưa tù chỉ có chuyển về miền ngược, miền núi rừng, giờ đây lại chuyển tù xuôi về đồng bằng. Do đều không biết nên anh em suy đoán linh tinh, tỉnh nọ, tỉnh kia, trại nọ, trại này v.v…

Gần chiều muộn hai xe ngừng lại trên một con lộ ở giữa cánh đồng lúa. Nhìn xa xa chung quanh là những xóm giềng của những nhà tranh và những lũy tre làng. Mươi phút sau, hai xe lại bắt đầu chuyển bánh. Đến một ngã ba, có một con đường đất rẽ vào làng, xe tiến vào. Đã có nhiều kinh nghiệm ở những nhà tù miền Bắc. Miền xuôi, thì phải có tường xây cao kiên cố, như Hỏa Lò chẳng hạn. Vì thế khi được lệnh của các cán bộ, có súng có ống bảo, tất cả xuống xe. Chúng tôi hầu hết đều ngỡ ngàng e ngại, chẳng lẽ họ cho chúng tôi đi ngủ, ở giữa cánh đồng này?

Tay bị khóa, và ôm vác trong cánh đồng chiều, theo các ông súng ống. Đi hàng đôi, chừng 5–600 mét, chúng tôi đã nhìn thấy những bức tường xây ẩn trong những lũy tre cao. Càng gần đến, càng thấy cái bề thế, của một trại tù lớn trong lũy tre, lại ở giữa một cánh đồng lúa đã chín vàng. Văng vẳng tiếng ễnh ương, tiếng côn trùng nỉ non, của đồng nội quê nghèo.

Vào đến trong trại, khi đã được mở còng tay, mới càng thấy quy mô của cái trại. Rất nhiều khu nhà xây, tường xây cao với những mảnh chai, dây điện chăng, cắm phía trên. Chúng tôi được dẫn vào một khu phía trái, trong một căn nhà xây, cũng sàn trên, sàn dưới bằng gỗ như của một trại tù miền ngược.

Điều đặc biệt vui là gặp lại mấy chục anh em Biệt Kích, ở trại I Lào Cai từ đầu 1972, chuyển đi trại Hoành Bồ Quảng Ninh. Anh chàng Nguyễn Huy Lân "mều" và Hoàng Mạnh Hùng cứ nắn, bóp tay tôi ríu rít. Lân Mều mở to mắt đập tay vào vai tôi:

- Sao chúng mày lại về đây?

Chẳng ai trả lời! Vả lại làm sao biết mà trả lời. Chỉ một lúc sau, chúng tôi đã biết: Đây là trại T 52 Hà Sơn Bình. Có rất nhiều quân cán của chính quyền VNCH bị giam giữ tại đây. Hàng chục năm mới gặp lại nhau, với bao nhiêu diễn biến của quê hương: Hội Nghị Paris, Sài Gòn bị "đứt phim", rồi mỗi cảnh đời tù của mỗi phía để trao đổi, hàn huyên. Xin xếp lại đấy, hãy nói những điều hiện tại và phía trước đi tới.

Tôi, Kinh và mấy anh em nữa được phân về đội mộc của anh chàng Lân "Mều". Kể cũng lạ, hàng chục năm, ngay từ đầu 1968 đến giờ 5 lần, 7 lượt chạy nhiều hướng tù, mỗi người mỗi lối, cuối cùng vẫn anh chàng "Mều" này làm đội trưởng.

Trước đây gọi là toán, bây giờ đổi là đội. Chuyện lớn đổi thay, chuyện nhỏ cũng thay đổi. Đổi thay luôn luôn, tên nước, tên đảng, tên cơ quan, tên tổ chức, kể cả hiến pháp. Từ đấy, bây giờ họ đặt là thành phố HCM, rồi đây ai cũng thấy một ngày nào đó, sẽ đổi thành một cái tên khác. Cho nên ví tượng trưng chế độ CS = con Bồ Nhông thì cũng không sai. Con Bồ Nhông luôn luôn thay đổi mầu, theo thời tiết và ánh sáng. Sáng, trưa, chiều, tối, nắng, mưa v.v…

Vì sao và mục đích nó phải thay đổi mầu, để làm gì? Hỏi để mà hỏi, chứ ai cũng trả lời được, vì ai đã ở nhà quê hay miền rừng núi, cũng ít nhiều thấy nó rồi. Con bồ nhông phải thay đổi mầu của nó, chỉ vì muốn làm mờ mắt: 1/ Đối thủ: Thằn lằn, tắc kè, bọ cạp, rắn mối v.v… (những nước nào? Những đối tượng nào? Tự suy). 2/ Kẻ đại thù, kẻ muốn sơi thịt nó: Diều hâu, cú mèo, quạ đen, hải âu v.v… (nước nào, người nào. Tự thấy). 3/ Con mồi: Cào cào, dế, bọ xít, bọ ngựa v.v… (nước nào, đối tượng nào. Tự suy ngẫm).

Không những làm mờ mắt các đối thủ, kẻ đại thù mà còn làm mờ mắt các con mồi của nó. Con nào nó đang ăn và sẽ ăn, chính con mồi cũng không hề hay biết. Cho nên, xin đừng coi thường, để rồi quên đi: Dù nó có thay đổi như thế nào, nó vẫn là con bồ nhông mà thôi.

Tôi theo đội mộc của Nguyễn Huy Lân đi làm. Ra khỏi cổng trại rẽ về phía trái chừng 250 mét là tới lán mộc. Lán mộc ở đây cũng lợp ngói kiểu nhà "kiến thiết cơ bản" nhưng vách, tường không có. Toàn bộ lán chừng 2 chục cái cầu bào, cho những người thợ chính.

Cán bộ đội mộc, tôi đã thấy từ khi y vào khu Biệt Kích trong trại. Da y trắng trẻo, tôi cứ có cảm tưởng y là loại "tạch tạch sè" (tiểu tư sản) vậy mà y lại có cái tên là Hồng Thắng Tài. Ngay cái tên y cũng đã thấy khái niệm. Không biết do bố mẹ y đặt, hay y tự chọn lấy sau này? Đầy nịnh bợ và cũng tràn ắp lòng tin vào "chiếc bánh vẽ" của CS. Một lòng theo Đảng, thì còn hơn là người có tài. Lân đã biết khả năng nghề nghiệp của tôi, và đã trình bày với tên Tài. Tên Tài đã phân công cho tôi, đóng một chiếc ghế lệch kiểu Đức.

Ngay buổi chiều hôm ấy, đội mộc ra khỏi lán trở về phía trước cổng trại. Một cảnh tượng đã hằn vào lòng tôi, đã cuốn chặt vào hồn tôi cho tới bây giờ, vẫn chưa lơi lỏng. Cả một cái sân lớn phía trước cổng trại, ngồi kín những binh lính của VNCH, quần áo rằn ri hoặc xám, chỉ có khác là không có súng ống. Lẫn vào đây đó có những tên áo vàng (cán bộ) và mầu xanh đeo súng là những tên công an võ trang. Nhìn chéo ra những cánh đồng lúa, trên những con đường đất dẫn về cổng trại, thỉnh thoảng một đoàn quân đội VNCH xếp hàng đôi tiến về cổng trại, theo sau có một tên công an võ trang "oắt tì" đeo súng áp tải.

Bây giờ đọc đoạn này, có còn ai thấy lòng dạ thế nào không? Chứ khi ấy, giai đoạn ấy ruột gan của tôi như vặn vò, rướm máu. Nhất là lại là buổi ban đầu sau 16 năm, nằm trong ngục tù. Hôm nay tôi mới nhìn thấy, những chiến hữu ruột thịt nhớ thương, khao khát của mình.

Hơn một tuần sau, tôi đã có một chút khái niệm về cái trại giam đặc biệt, Hà Sơn Bình này. Khoảng trên dưới 900 tù nhân, hầu hết là quân cán của chính quyền miền Nam. Đặc biệt là có 2 đội, VC gọi là "bò lục" chừng hơn 9 chục, toàn là đại tá của VNCH. Cứ sau khi toàn trại đi lao động, hai đội này mới được ra quét dọn, nhặt cỏ, những công việc vặt vãnh không cần chuyên môn.

Anh em cho biết đã có lần, 2 ông đại tá trong những ngày nghỉ, đã trèo vào khu Biệt Kích lén lút chuyện trò, có Biệt Kích "ghếch" áo vàng. Đặc biệt hơn nữa, cũng anh em cho biết: Trong một khu đối diện phía bên kia, kiên giam toàn là tướng và hàng bộ trưởng, không có ra làm việc bên ngoài. Lòng tò mò tìm hiểu của tôi được khích lệ, lòng tự nhủ lòng: Được! Tôi còn ở đây rồi sẽ biết!

Cũng nguồn tin từ các ông "bò lục", khi VC chiếm được miền Nam, nhiều kho vũ khí, và quân nhu còn lại, ta chưa kịp phá hủy. Bây giờ chúng lấy những bộ đồ đó, đành rằng chúng có thể đổi chác với các nước chung quanh, dân chúng của VC còn thiếu quần áo mặc, nhưng bao giờ chúng vẫn dành ưu tiên cho tuyên truyền. Bắt những tù VNCH mặc quần áo mới đó, CS có những điều lợi: Càng khoét sâu, làm thối ruỗng ý chí của những người tù, mà đàng nào cũng phải cung cấp quần áo tù lao động, cho họ (nhất cữ lưỡng tiện). Những cán bộ, những người dân qua lại, chứng kiến

càng nức lòng hồ hởi tung hô tài ba vô địch của chủ nghĩa CS chuyên chính, (nhất cử, tam, tứ tiện). Tại sao chúng không làm?

Từ khi còn mồ ma HCM, VC luôn luôn kêu gọi đồng bào miền Bắc thắt lưng, buộc bụng để chi viện cho đồng bào miền Nam đang bị đói khổ, lầm than trong tay đế quốc và tay sai. Nhưng sau khi chúng cưỡng chiếm được miền Nam, không những nhân dân miền Bắc đã bật ngửa ra, mà ngay cán bộ của CS cũng không thể ngờ. Cụ thể tên Bộ Trưởng Ngoại Giao Nguyễn Duy Trinh (giai đoạn ấy) đã thốt lên: "Không ngờ, đời sống của miền Nam trù phú thật". Tôi đã đọc được câu nói của y trong một bài báo "Đảng Ta Thắng Lớn" trên tờ QĐND cuối năm 1975.

Nguồn: http://tvvn.org

Xem tiếp từ chương 11 - 52 - Lời kết - trang dưới

THÉP ĐEN

(Tiếp theo)

(Chương 11 - Chương 52 – Lời Kết)

Chương 11: VÀO LỒNG NHỎ

Sáng ngày hôm sau, thì thấy mất Lý Cà Sa. Và ngay chiều ngày hôm ấy; gần giờ tan tầm, tên cán bộ Thành phụ trách đội mộc của công trường đến ngồi nói chuyện với tôi. Y nhìn tôi đang thao tác lắp cái giường đôi, cho vợ chồng một tên cán bộ khác, ở bên trại tù. Chuyện trò cười nói rôm rả, đến chỗ cắt 5 cái thang giường, để 2 cái vỉ giường, cho giải chiếu. Công việc cắt cái đầu thang giường này không phải thợ học nghề, mà ai cũng có thể cắt được. Nhưng, có thể do đầu óc tôi quá nhiều sự việc căng thẳng từ hôm qua, hoặc có thể mải vui câu chuyện với tên cán bộ của đội mộc. Tôi cắt hụt chừng 3 phân một cái thang giường, tên Thành đứng dậy gào to:
– À anh Bình, muốn phá hoại tài sản công trường, của nhà nước à?

Tôi ngửng lên nhìn y, tôi còn tưởng y nói đùa; nhưng nét mặt của y đã trả lời là nói thật. Thấy thế, tôi cười nói như diễu cợt :

– Cắt cái thang giường mà ông cho là phá hoại, nó chỉ.....

Y đã đứng dậy ra phía ngoài cửa, một tên công an võ trang đeo súng theo y tiến vào.

Tên cán bộ nói líu nhíu :

– Anh bị bắt sang trại tù! Anh theo vũ trang về trại.

Như thế là họ đã chuẩn bị sẵn từ trước, chỉ có tôi mới "tồ" nên bất ngờ mà thôi! Tôi theo tên công an vũ trang ra cổng lán mộc, trước những con mắt mở to của các anh em Biệt Kích khác. Đúng như lời dậy của cổ nhân: Chỉ có chữ "bất ngờ" cho tới già vẫn chưa ai học hết được!

Đã rõ như ban ngày là họ có chủ trương bắt tôi trở lại tù, dù tôi chẳng có vi phạm điều khoản nội quy nào của công trường, mà chính họ đã đặt ra, như Hiến Pháp của họ, cho đất nước. Tên công an võ trang dẫn tôi về công trường lấy chăn màn, quần áo để sang trại tù. Khi bước vào cổng trại tù, đã thấy tên cán bộ trực trại chờ sẵn ở căn buồng con, cạnh cổng vẫy tay. Tôi ôm chăn màn và chiếc hòm con đi theo, y bắt tôi mở hòm ra, lục tung khám xét mọi thứ. Tất cả thư từ, hình ảnh của cá nhân, hay bất cứ giấy tờ gì, y giữ lại hết, tôi phản đối :

– Thưa ông, thư từ hình ảnh là của thân nhân tôi, ở các trại tù khác, các cán bộ đã duyệt xét rồi!

Qua một vài nét tôi hiểu: đây không phải do y, mà y chỉ thừa lệnh; vì thế y chỉ cộc lốc :

– Không được! Phải duyệt xét lại!

Y ra hiệu tay, tôi ôm vật dụng theo y vào một căn lán trại tù. Y chỉ tay lên một chỗ ở sàn trên :

– Chỗ anh nằm đó!

Đây là khu hình sự, trại chưa đi lao động về; chỉ lèo tèo vài người ốm bệnh ở nhà. Tôi còn đang sắp xếp lại quần áo của tôi, sau khi đã bị lục tung, thì trại ầm ầm huyên náo. Tù đã đi lao động về.

Cái đêm hôm ấy trời lại mưa to tầm tã, sấm chớp ầm ầm. Nằm nghe sấm sét, gió mưa gào thét ngoài núi rừng, hình như cũng có một trận gió mưa tầm tã khác, đang diễn ra trong lòng tôi. Rũ rượi rồi tôi lịm dần vào giấc ngủ muộn, đầy khắc khoải. Gần sáng, giòng tư tưởng của tôi chợt ghé đến cụ: Tam Nguyên Trần Bích San với tư tưởng khích lệ, trác tuyệt của cụ:

Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí.

Nhân bất phong sương, vị lão tài.

Xin phép tạm chuyển dịch: (Đất mà không có núi, có sông thì đâu có lạ kỳ, đâu có đẹp. Con người mà không từng trải thăng trầm gió, mưa thì làm sao có chí lớn, tài cao?) Có lẽ vì trong lòng tôi đã nhão nhoẹt nhiều quá, nên tôi tìm đại câu trác tuyệt của ông cha làm "cứu cánh" để tự an ủi mình, trong lúc buồn nản này. Tuy thế, tôi cũng tâm thành cảm tạ cụ Tam Nguyên Trần Bích San.

(Đến đây tôi xin phép quý vị độc giả năm, mười phút để nói về cụ Tam Nguyên Trần Bích San. Cũng là thể hiện sự tôn trọng các quý vị)

Từ một tâm niệm học hỏi, những kiến thức hữu ích, của nhân loại, tôi đọc bất kỳ một tư tưởng, một phát kiến uyên bác ở sách nào, báo nào, tôi đều thường ghi nhận. Tôi là thế hệ con cháu được thừa kế, ứng dụng, trong cuộc sống. Cái câu thâm thúy: *"Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí. Nhân bất phong sương, vị lão tài." tôi đọc được trong một tờ báo, khi tôi còn ở trong tù. Tờ báo đó ghi tác giả là Tam Nguyên Trần Bích Lan. Câu nầy thật là thần kỳ, đã an ủi, thúc đẩy tôi khi lòng tôi nhão nhẹt, ủ rũ, vì VC bắt tôi vào tù trở lại.*
Ngày nay tôi viết hồi ký TĐ, tôi chợt nhớ thầy Trần Bích Lan (nhà thơ Nguyên Sa) đã dạy tôi nhiều giờ Việt văn ở năm Đệ Nhị chuyên khoa 1958, trường trung học Nguyễn Bá Tòng Sàigòn, như vậy phải chăng có hai ông Trần Bích Lan? Tôi không có điều kiện tra

cứu ở các thư viện, tôi phải thăm hỏi những bạn già trên 70 tuổi ở nhiều nơi, cả ở Pháp và Úc. Tất nhiên những bạn ấy, đều ít nhiều có Hán học chứ không phải mấy anh Tiến sĩ Tây học hay Mỹ học. Các anh đều lơ mơ nhưng đều xác quyết như tôi, là dứt khoát không phải của ông Trần Bích Lan (Nguyên Sa). Bởi vì từ khi Pháp đô hộ, thì còn làm gì có thi Hương, thi Hội, thi Đình để có cái Tam Nguyên như của cụ Tam Nguyên Yên Đổ?
Tôi đã định sửa lại chung chung là :"một câu trác tuyệt của người xưa", nhưng tình cờ nói chuyện với một anh bạn già nữa là anh Nguyễn Văn Vĩnh, cùng khoá 11 Thủ Đức ở TX (anh cũng là một cây Nho xanh rờn). Anh hứa sẽ hỏi ông anh ruột (cụ Đào Nguyên Nguyễn Văn Nguyện) có quen với ông Trần Bích Lan (Nguyên Sa) và tôi đã được chi tiết rõ ràng:
Cụ Tam Nguyên Trần Bích San biệt hiệu Mai Nham, danh sĩ triều Nguyễn (1839-1977) là con của cụ Phó Bảng Trần Doãn Đạt. Cụ người làng Vị Xuyên (cùng làng với cụ Trần Tế Xương), Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Cụ đỗ dầu khoa thi Hội ở Huế 1865. Vua Tự Đức rất thương mến ban cho biệt hiệu là Trần Hy Tăng (Vương Tăng, Trung Quốc). Về sau cụ được thăng tri phủ Thăng Bình năm Tự Đức 20. Năm 1870 cụ đi sứ Trung Hoa, rồi được cử đi sứ nước Pháp. Khi cụ trở về được thăng tuần phủ Hà Nội. Cụ cũng để lại cho đời tập Mai Nham Thi Khảo (Xin các quý vị có tư liệu về cụ Tam Nguyên Trần Bích... chỉ giáo. Xin cảm ơn quý vị và trở lại Thép Đen)

Tinh thần của tôi như vừa được uống một liều thuốc tăng lực, để tỉnh táo xét suy: Chắc chắn họ không để tôi ở khu hình sự này lâu. Có lẽ vì họ được lệnh bất chợt, sợ đưa tôi vào khu Biệt Kích (khu Biệt Kích chỉ cách một hàng rào nứa) sẽ làm hoang mang, ảnh hưởng đến tinh thần của họ? Hay vì lý do khác, làm sao tôi biết được?

Đêm qua nằm nhẩm tính, tôi ra khu công nhân Hồng Thắng, chừng hơn 5 tháng đã lại bị bắt vào trại tù rồi. Đúng một tuần sau, tên trực trại vào gọi tôi ôm chăn chiếu sang khu Biệt Kích bên cạnh. Y chỉ cho tôi một chỗ cũng ở sàn trên và cũng câu nói của tuần trước, y đã nói với tôi bên khu hình sự :

– Chỗ anh nằm đó!

Tôi đã suy đoán không sai, lại được về tù chung với anh em Biệt Kích, như hơn 6 năm xưa.

Buổi trưa, trại về anh em chạy đến thăm hỏi tíu tít. Toán trưởng vẫn là Trương Bá Ngữ, toán phó là Nguyễn Xuân Sang. Quách Rạng đã ghé tai tôi nói nhỏ :

– Chúng tôi đã biết anh sẽ về đây, 2 ngày rồi!

Tôi còn đang ngạc nhiên, chưa kịp hỏi: Sao mà biết? Thì Rạng đã nói như trả lời :

– Lê Văn Kinh cũng đã bị bắt vào 2 ngày trước! Cả Nguyễn Cao Sơn cũng mới vào hôm qua. Cả hai còn nằm rũ ra kia kìa!

Có Kinh và Sơn cũng bị bắt vào, tôi hơi suy đoán ra: Đây là 3 tên (theo cái nhìn của cộng sản) nguy hiểm hơn, so với một số anh em Biệt Kích ở công trường. Tình hình, có biến chuyển thế nào cứ "vồ" 3 tên này trước đã.

Vụ việc của Lê Văn Kinh Người Nhái phá tàu ở sông Gianh 1962 tôi đã tường thuật rồi, còn toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn. Tôi nhớ trước đây có tìm hiểu về toán này, tôi chỉ biết sơ lược, bởi vì toán Biệt Kích này có một vài sự việc không bình thường, cho nên anh em trong toán đó không muốn nhắc lại, vì thế nên ít người biết chi tiết.

Tên toán là STRATA 120. Toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn tên là STRATA 120. Ra Bắc ngày 14- 5-1968, toán gồm 6 người.

1. Nguyễn Đình Lánh một chuẩn úy là toán trưởng (đã chết).

2. Trần Quốc Quang, toán viên.

3. Trương Nàm Tráng toán viên (người Việt gốc Tàu).

4. Nguyễn Ngọc Anh,

5. Nguyễn Như Ánh hiện nay ở Chicago.

6. Nguyễn Cao Sơn cũng là một chuẩn úy của trường Thủ Đức.

Chính vì một toán Biệt Kích lại có 2 chuẩn úy nên mới xẩy ra nhiều chuyện đáng tiếc sau này, khi vào vùng hoạt động mà đã bị lộ. Hiện nay, Nguyễn cao Sơn đã tới Mỹ, nhưng tôi không rõ tiểu bang nào.

Mấy ngày nói chuyện với Quách Rạng tôi cũng có hỏi sơ sơ được biết: Toán của Quách Rạng là GRECO ra Bắc ngày 14-11-1964. Toán gồm có 7 người:

1. Đinh Công Bích, Toán trưởng. Dân tộc Mường. Bích là Trung úy (xuất thân trường Võ Khoa Đà Lạt, rớt ra chuẩn úy). Chết năm 1979 tại trại Tân Lập (vợ có được lĩnh tiền của bộ quốc phòng ở Mỹ).

2. Bùi văn Cởi (chết trận).

3. Quách Hinh, truyền tin phó, hiện ở Atlanta, Hoa Kỳ.

4. Đinh thế Hùng, Truyền tin (chết ở trại Vĩnh Quang 1968).

5. Đinh công Ngọc, Truyền tin trưởng. Hiện ở Chicago.

6. Quách Rạng hay Quách Thái Bằng, phụ tá toán trưởng. Hiện ở Atlanta.

7. Quách Công Tiếng (Hạ), toán phó phá hoại. Hiện ở Atlanta.

Gần một tháng sau, những tin rỉ ra từ hướng này, hướng kia tôi biết là Vòng A Cầu ở toán Biệt Kích CANCER đã rủ Lê Trung Tín của toán RED DRAGON chạy sang Trung Quốc. Rồi sau đó kéo thêm Lý Cà Sa nữa.

Sau này nghe dư luận Lý Cà Sa có cầm quân Trung Quốc đánh sang tỉnh Lào Cai, trong đợt Trung Quốc vượt biên giới tấn công VN để dậy cho cộng sảnVN một bài học 17/2/79. Còn Vòng A Cầu, nghe đâu vẫn còn ở bên Trung Quốc thuộc tỉnh Quảng Đông? Riêng Lê Trung Tín hiện nay đã ở Mỹ nhưng tôi cũng chưa rõ ở tiểu bang nào? Mới đây, 12/2004 tôi nghe nói loáng thoáng: Tín đã từ Trung Quốc vượt trở về Việt Nam, rồi đi HO. sang Mỹ. Ở Colorado.

Bản thân tôi cũng đã nhiều đêm ngày tâm tư bị bóp nặn, giằng co: Nếu buổi hẹn 9:30-10:00 tối hôm ấy ở ngã ba cây Sồi, tôi thực thi lời hẹn thì sao? Thì có muôn ngàn tình huống tôi không thể biết. Nhưng có một tình huống tôi biết chắc: Tôi không được cái vinh dự, ngồi viết những dòng tường thuật này, để các quý vị độc giả nhìn lại một vài góc cạnh của một cuộc chiến "nồi da, nấu thịt". Và một góc đen tối, ở phía Bắc quê hương thương đau của chúng ta.
Tôi bị bắt trở lại chừng gần 2 tháng. Một buổi sáng sớm khoảng 4 giờ, trật tự và cán bộ đã mở cửa vào buồng. Tuyên bố tất cả mọi người chuẩn bị công tư trang để chuyển trại. Mười lăm phút sau tất cả tù đều phải ra ngoài. Như một đàn gà được chuyển chuồng, rầm rập chạy lên, chạy xuống, chạy ngược, chạy xuôi, đôn đáo ai cũng tự lo cho mình. Cán bộ lại mở cửa, lần lượt hàng đôi ôm đồm chăn chiếu tiến ra sân.

Trời còn tối đen, ở sân đã có 2 chiếc xe chở khách đã tã, mầu sơn long lở. Cán bộ nhà bếp, trật tự và một anh bếp hình sự gánh đến một gánh bột mì luộc, lần lượt phát theo hàng mỗi anh một miếng mì luộc, chừng gần 2 lạng trong miếng lá chuối. Hơn 8 chục Biệt Kích chèn nhét lên hai chiếc xe thời cà cộ.

Chẳng một ai biết là sẽ chuyển đến trại tù nào? Riêng tôi cứ băn khoăn ngẩn ngơ. Như thế là tất cả: hình ảnh, thư từ, giấy tờ đã bị họ tịch thu khi bị bắt vào, bây giờ chuyển trại là coi như mất tiêu hết.

Tiếc nhất mấy tấm hình anh Tâm y tá chụp cho. (Sau này không ngờ Lê Văn Kinh, lại không bị tịch thu, Kinh còn giữ được, ở Florida, Kinh đã gửi cho tôi). Chả cần tường thuật lại cái cảnh 2 người một khóa của cuộc chuyển tù, biết bao khó khăn, khổ cực trong những sinh hoạt cá nhân. Tâm trạng người nào cũng ngơ ngác như đi giữa sa mạc, chẳng biết một hướng nào và về đâu?

Tôi cố căng mắt nhìn cảnh vật, vận dụng cái trí óc của người rừng dân tộc để suy đoán. Quá trưa, chúng tôi đã xác định xe ngắc ngư bò về miền xuôi. Tôi cũng thấy hơi lạ, đã từ hàng chục năm xưa tù chỉ có chuyển về miền ngược, miền núi rừng, giờ

đây lại chuyển tù xuôi về đồng bằng. Do đều không biết nên anh em suy đoán linh tinh, tỉnh nọ, tỉnh kia, trại nọ, trại này v.v...

Gần chiều muộn hai xe ngừng lại trên một con lộ ở giữa cánh đồng lúa. Nhìn xa xa chung quanh là những xóm giềng của những nhà tranh và những lũy tre làng. Mươi phút sau, hai xe lại bắt đầu chuyển bánh. Đến một ngã ba, có một con đường đất rẽ vào làng, xe tiến vào. Đã có nhiều kinh nghiệm ở những nhà tù miền Bắc. Miền xuôi, thì phải có tường xây cao kiên cố, như Hỏa Lò chẳng hạn. Vì thế khi được lệnh của các cán bộ, có súng có ống bảo, tất cả xuống xe. Chúng tôi hầu hết đều ngỡ ngàng e ngại, chẳng lẽ họ cho chúng tôi đi ngủ, ở giữa cánh đồng này?

Tay bị khóa, và ôm vác trong cánh đồng chiều, theo các ông súng ống. Đi hàng đôi, chừng 5 – 600 mét, chúng tôi đã nhìn thấy những bức tường xây ẩn trong những lũy tre cao. Càng gần đến, càng thấy cái bề thế, của một trại tù lớn trong lũy tre, lại ở giữa một cánh đồng lúa đã chín vàng. Văng vẳng tiếng ễnh ương, tiếng côn trùng nỉ non, của đồng nội quê nghèo.

Vào đến trong trại, khi đã được mở còng tay, mới càng thấy qui mô của cái trại. Rất nhiều khu nhà xây, tường xây cao với những mảnh chai, dây điện chăng, cắm phía trên. Chúng tôi được dẫn vào một khu phía trái, trong một căn nhà xây, cũng sàn trên, sàn dưới bằng gỗ như của một trại tù miền ngược.

Điều đặc biệt vui là gặp lại mấy chục anh em Biệt Kích, ở trại I Lào Cai từ đầu 1972, chuyển đi trại Hoành Bồ Quảng Ninh. Anh chàng Nguyễn Huy Lân "mều" và Hoàng Mạnh Hùng cứ nắn, bóp tay tôi ríu rít. Lân Mều mở to mắt đập tay vào vai tôi :

– Sao chúng mày lại về đây?

Chẳng ai trả lời! Vả lại làm sao biết mà trả lời. Chỉ một lúc sau, chúng tôi đã biết: Đây là trại T 52 Hà Sơn Bình. Có rất nhiều quân cán của chính quyền VNCH bị giam giữ tại đây. Hàng chục năm mới gặp lại nhau, với bao nhiêu diễn biến của quê hương: Hội nghị Paris, Sài Gòn bị "đứt phim", rồi mỗi cảnh đời tù của mỗi phía để trao đổi, hàn huyên. Xin xếp lại đấy, hãy nói những điều hiện tại và phía trước đi tới.

Tôi, Kinh và mấy anh em nữa được phân về đội mộc của anh chàng Lân "Mều". Kể cũng lạ, hàng chục năm, ngay từ đầu 1968 đến giờ 5 lần, 7 lượt chạy nhiều hướng tù, mỗi người mỗi lối, cuối cùng vẫn anh chàng "Mều" này làm đội trưởng.

Trước đây gọi là toán, bây giờ đổi là đội. Chuyện lớn đổi thay, chuyện nhỏ cũng thay đổi. Đổi thay luôn luôn, tên nước, tên Đảng, tên cơ quan, tên tổ chức, kể cả hiến pháp. Từ đấy, bây giờ họ đặt là thành phố HCM, rồi đây ai cũng thấy một ngày nào đó, sẽ đổi thành một cái tên khác.

Cho nên ví tượng trưng chế độ cộng sản = con Bồ Nhông thì cũng không sai. Con Bồ Nhông luôn luôn thay đổi mầu, theo thời tiết và ánh sáng. Sáng, trưa, chiều, tối, nắng, mưa v.v...
Vì sao và mục đích nó phải thay đổi mầu, để làm gì? Hỏi để mà hỏi, chứ ai cũng trả lời được, vì ai đã ở nhà quê hay miền rừng núi, cũng ít nhiều thấy nó rồi.

Con bồ nhông phải thay đổi mầu của nó, chỉ vì muốn làm mờ mắt:

1/ Đối thủ: Thằn lằn, tắc kè, bọ cạp, rắn mối v.v... (Những nước nào? Những đối tượng nào? Tự suy).

2/ Kẻ đại thù, kẻ muốn xơi thịt nó: Diều hâu, cú mèo, quạ đen, hải âu v.v... (Nước nào, người nào. Tự thấy).

3/ Con mồi: Cào cào, dế, bọ xít, bọ ngựa v.v... (Nước nào, đối tượng nào. Tự suy ngẫm).

Không những làm mờ mắt các đối thủ, kẻ đại thù mà còn làm mờ mắt các con mồi của nó. Con nào nó đang ăn và sẽ ăn, chính con mồi cũng không hề hay biết. Cho nên, xin đừng coi thường, để rồi quên đi: dù nó có thay đổi như thế nào, nó vẫn là con bồ nhông mà thôi.

Tôi theo đội mộc của Nguyễn Huy Lân đi làm. Ra khỏi cổng trại rẽ về phía trái chừng 250 mét là tới lán mộc. Lán mộc ở đây cũng lợp ngói kiểu nhà "kiến thiết cơ bản" nhưng vách, tường không có. Toàn bộ lán chừng 2 chục cái cầu bào, cho những người thợ chính.

Cán bộ đội mộc, tôi đã thấy từ khi y vào khu Biệt Kích trong trại. Da y trắng trẻo, tôi cứ có cảm tưởng y là loại "tạch tạch sè" (tiểu tư sản) vậy mà y lại có cái tên là Hồng Thắng Tài. Ngay cái tên y cũng đã thấy khái niệm. Không biết do bố mẹ y đặt, hay y tự chọn lấy sau này? Đầy nịnh bợ và cũng tràn ắp lòng tin vào "chiếc bánh vẽ" của cộng sản. Một lòng theo Đảng, thì còn hơn là người có tài. Lân đã biết khả năng nghề nghiệp của tôi, và đã trình bày với tên Tài. Tên Tài đã phân công cho tôi, đóng một chiếc ghế lệch kiểu Đức.

Ngay buổi chiều hôm ấy, đội mộc ra khỏi lán trở về phía trước cổng trại. Một cảnh tượng đã hằn vào lòng tôi, đã cuốn chặt vào hồn tôi cho tới bây giờ, vẫn chưa lơi lỏng. Cả một cái sân lớn phía trước cổng trại, ngồi kín những binh lính của VNCH, quần áo rằn ri hoặc xám, chỉ có khác là không có súng ống. Lẫn vào đây đó có những tên áo vàng (cán bộ) và mầu xanh đeo súng là những tên công an võ trang. Nhìn chéo ra những cánh đồng lúa, trên những con đường đất dẫn về cổng trại, thỉnh thoảng một đoàn quân đội VNCH xếp hàng đôi tiến về cổng trại, theo sau có một tên công an võ trang "oắt tì" đeo súng áp tải.

Bây giờ đọc đoạn này, có còn ai thấy lòng dạ thế nào không? Chứ khi ấy, giai đoạn ấy ruột gan của tôi như vặn vò, rướm máu. Nhất là lại là buổi ban đầu sau 16 năm, nằm trong ngục tù. Hôm nay tôi mới nhìn thấy, những chiến hữu ruột thịt nhớ thương, khao khát của mình.

Hơn một tuần sau, tôi đã có một chút khái niệm về cái trại giam đặc biệt, Hà Sơn Bình này. Khoảng trên dưới 900 tù nhân, hầu hết là quân cán của chính quyền miền Nam. Đặc biệt là có 2 đội, VC gọi là "bò lục" chừng hơn 9 chục, toàn là đại tá của VNCH. Cứ sau khi toàn trại đi lao động, hai đội này mới được ra quét dọn, nhặt cỏ, những công việc vặt vãnh không cần chuyên môn.

Anh em cho biết đã có lần, 2 ông đại tá trong những ngày nghỉ, đã trèo vào khu Biệt Kích lén lút chuyện trò, có Biệt Kích "ghếch" áo vàng. Đặc biệt hơn nữa, cũng anh em cho biết: trong một khu đối diện phía bên kia, kiên giam toàn là tướng và hàng bộ trưởng, không có ra làm việc bên ngoài. Lòng tò mò tìm hiểu của tôi được khích lệ, lòng tự nhủ lòng: Được! Tôi còn ở đây rồi sẽ biết!

Cũng nguồn tin từ các ông "bò lục", khi VC chiếm được miền Nam, nhiều kho vũ khí, và quân nhu còn lại, ta chưa kịp phá hủy. Bây giờ chúng lấy những bộ đồ đó, đành rằng chúng có thể đổi chác với các nước chung quanh, dân chúng của VC còn thiếu quần áo mặc, nhưng bao giờ chúng vẫn dành ưu tiên cho tuyên truyền. Bắt những tù VNCH mặc quần áo mới đó, cộng sản có những điều lợi: Càng khoét sâu, làm thối ruỗng ý chí của những người tù, mà đàng nào cũng phải cung cấp quần áo tù lao động, cho họ (nhất cữ lưỡng tiện). Những cán bộ, những người dân qua lại, chứng kiến càng nức lòng hồ hởi tung hô tài ba vô địch của chủ nghĩa cộng sản chuyên chính, (nhất cử, tam, tứ tiện). Tại sao chúng không làm?

Từ khi còn mồ ma HCM, VC luôn luôn kêu gọi đồng bào miền Bắc thắt lưng, buộc bụng để chi viện cho đồng bào miền Nam đang bị đói khổ, lầm than trong tay đế quốc và tay sai. Nhưng sau khi chúng cưỡng chiếm được miền Nam, không những nhân dân miền Bắc đã bật ngửa ra, mà ngay cán bộ của cộng sản cũng không thể ngờ. Cụ thể tên bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh (giai đoạn ấy) đã thốt lên: "Không ngờ, đời sống của miền Nam trù phú thật". Tôi đã đọc được câu nói của y trong một bài báo "Đảng ta thắng lớn" trên tờ QĐND cuối năm 1975.

CHƯƠNG 12: GẶP LẠI NGƯỜI XƯA

Được hơn một tháng, qua một vài hiện tượng, một vài nét chúng tôi đều nhìn anh em bên Z. (Giai đoạn ấy VC gọi những người tù của VNCH sau 1975 là Z), các anh có vẻ quá lịch sự, trở thành lễ phép khác thường, với tụi cán bộ áo vàng. Những ngày nghỉ các anh bách bộ, hay chuyện trò với nhau, trong sân trại. Bất ngờ có một tên áo vàng đi vào, dù các anh đang tụm 5, tụm 3 nói chuyện, các anh đều quay lại, hai tay đan ngón lại, đầu hơi cúi:
– Xin chào cán bộ ạ!

Tôi hiểu VC đã nghiên cứu ra những nguyên tắc tinh vi như: 4 tiêu chuẩn cải tạo, 8 điều nếp sống văn hóa mới v.v... Chúng nhấn mạnh nhất là vấn đề lễ phép: "Tiên học lễ, hậu học văn". Chúng cố ý mập mờ cho những quân cán VNCH bị tù, tự thấy: Được tha về sớm hay muộn, ở trên xét để các anh được về với gia đình vợ con, làm lại cuộc đời. Yếu tố đầu là hạnh kiểm: Ngoan ngoãn và lễ phép.
Các anh em Z không đáng trách một chút nào, các anh mới bị bắt 1-2 năm. Trong khi ngay những Biệt Kích chúng tôi đã tù 16 – 18 năm rồi, cá biệt có những anh còn nghĩ: Phải lễ phép với cán bộ thì mới sớm được về!

Một sự việc cũng hơi buồn cười: Hai, ba đội trong khu Biệt Kích xuất, nhập trại thường báo cáo như hàng chục năm trước, ở các trại tù khác. Nhưng không hiểu sao buổi chiều hôm ấy, Nguyễn Huy Lân dẫn đội mộc, về tới cổng trại. Như mọi khi Lân điểm sơ lại số tù của đội, rồi tiến lên trước cổng đứng nghiêm :

– Báo cáo cán bộ, đội mộc xuất 43, nhập 43 đủ!

Tên cán bộ trực trại cầm sổ đứng một bên, tên thiếu úy vũ trang cầm sổ đứng một bên vẫn đứng yên, không bảo hay ra hiệu tay cho toán vào. Đội mộc cứ đứng giữa cổng, cán bộ cũng không nói năng gì. Hai bên đứng yên thi gan đến 2- 3 phút, trong khi các đội bên Z đang túa từ các ngả về cổng trại. Tôi đã thò một ngón tay, kết hợp với mắt ra hiệu với Lân: Dứt khoát, thà chết "cứ đường cũ mà đi".

Rất nhiều đội Z chứng kiến, vì họ cũng đang chờ đến lượt, báo cáo vào trại. Cuối cùng tên trực trại và tên vũ trang đưa tay ra làm hiệu, gạt đội mộc dẹp vào mé tường xây bên cạnh. Tên Tài cán bộ của đội, và tên vũ trang đều vào cổng. Chúng bàn luận với nhau thế nào không rõ, chúng tôi 43 người đều ngồi xuống. Từ nãy, Lân đã giải thích cho anh em :

– Tất cả các đội Z, sau khi đội trưởng báo cáo xong số tù, phải nói một câu: "Xin cán bộ cho vào!"

Mấy đội Biệt Kích thì không chịu nói, 5 cái từ đó, mà từ trước chẳng trại nào có.

Tâm trạng của mọi người tù, đi lao động cả buổi về, vừa đói vừa mệt nhọc, ai cũng muốn về sớm để tranh thủ lo chuyện cá nhân của mình. Ngay trong đội đã có một vài anh muốn tỏ ý: Thôi hãy chịu thua đi! Hãy vào, biết phép đứng nghiêm nói: Xin cán bộ cho vào! Nhưng hầu hết anh em quyết tâm, dù có phải ngủ ngay chân tường của trại, cũng sẵn sàng.

Bao nhiêu đội Z, cả những đội về muộn họ đều nhìn đám Biệt Kích này. Kẻ đứng người ngồi như những đám tù "đoàn tù lê thê cất bước đi trên đường".

Trời thẫm dần, đã nghe những tiếng rên rỉ của đám côn trùng từ đồng ruộng vọng về. Những hơi rơm nồng và rạ ẩm luồn vào trong gió, từ ngoài đồng lách vào mũi của những anh tù Biệt Kích. Tôi ngồi dựa vào vai anh Quách Thức, mắt hết nhìn

những đám mây vừa đen vừa xám đang vần vũ trên trời, lại nhìn 3 tên vũ trang uể oải, thỉnh thoảng lại dậm chân, khua tay cho đỡ mỏi người, vì không được ngồi như chúng tôi. Ba tên này là thiệt nhất, vì cứ phải đứng và phải coi đám tù "mất dậy" này. Trong khi gần 2 chục tên áo vàng, đủ loại bàn tán trong cổng trại.

Chúng tôi nắm được cái thế: Chúng tôi đã làm đúng như các trại tù khác! Đồng thời chúng tôi hiểu rằng: Có cho thêm vàng, những tên loe ngoe ở cổng trại, cũng không dám để chúng tôi ở ngoài. Bậc thầy của chúng, cũng chả dám để loại tù này, ở ngoài trại suốt đêm.

Đúng như nhận định của chúng tôi. Hơn một giờ sau, tên trực trại được lệnh trực tiếp của Tổng gíam thị, phải để tụi tù Biệt Kích vào trại, không phải nói: Xin cán bộ cho vào!

Vào tù mà lại phải xin vào là thế nào?

Trời đã cập quạng, gà đã lên chuồng, đoàn tù Biệt Kích chúng tôi qua cổng vào trại, trước những con mắt màu nâu xám của đám cán bộ ở cổng. Chắc chúng đã họp hành, trao đổi với nhau. Từ hôm ấy tụi cán bộ áo vàng, áo xanh nhìn chúng tôi với những con mắt, con ngươi mầu đỏ quạch, khác thường.

Chẳng bao lâu, lại xẩy ra một chuyện nhỏ khác nữa. Hơn một tuần sau, tôi được lệnh của cán bộ đội mộc, về cổng trại để đo chính xác cái bàn của trực trại (thay cái bàn khác). Trên con đường trở về lán mộc (hơn 200 mét), từ xa thấy một tên trung úy áo vàng đi ngược chiều. Để tránh khỏi phải chào thưa lôi thôi, tôi vờ nhìn cái chòi gác của công an võ trang trên tường của trại giam, phía trái. Khi tôi đi qua tên trung úy, gọi giật lại vẻ hách dịch :

– Anh kia, anh tên gì, ở đội nào?

Tôi quay lại, như bây giờ mới thấy y. Tôi tỏ thái độ nhã nhặn :

– Cán bộ hỏi gì, tôi chưa nghe rõ ạ?

Hằn học, y cộc lốc :

– Đội nào, tên gì?

Tay trái đang cầm cái thước gỗ, tôi chuyển sang tay phải. Thái độ của tôi cố như tỏ ra, muốn quật cho y một cái, làm cho y hơi như lùi lại thủ thế, nhưng mặt tôi lại tỏ ra thản nhiên lễ phép :

-Thưa là ĐCB, đội mộc ạ!

Y rút cái bút và một cuốn sổ nhỏ ở túi áo ngực ra ghi vào, rồi y đi luôn vào cổng trại, không nói thêm một lời.

Tôi biết sẽ có vấn đề, nhưng tôi chấp nhận.

Về lán mộc, tôi đã nói cho Lân nghe sự việc, tôi yêu cầu ủng hộ. Từ lâu, tôi và Lân vẫn có hiểu ngầm nhau đặc biệt. Tôi cũng định nói trước toán, nhưng tôi hiểu có những đường giây riêng với cán bộ, nên tôi chỉ nói nhỏ với Hoàng Mạnh Hùng, và Lê Văn Kinh.

Cả buổi trưa, cho tới khi đội đi làm, cũng không thấy gì. Chiều hôm ấy, sau khi khu Biệt Kích cơm nước xong, có 3 tên cán bộ đi vào, đi đầu là Hồng Thắng Tài, cán bộ đội mộc, rồi đến tên trung úy tôi đã gặp buổi sáng, và tên thiếu úy trực trại.

Tên trực trại (sau tôi biết là Toàn) gọi cả 3 toán trưởng Biệt Kích là Nguyễn Huy Lân (Mộc), Trương Bá Ngữ (may) và Nguyễn Xuân Sang (đan lát, rèn). Tên Toàn cho lệnh tập họp toàn khu Biệt Kích.

Giữa cái sân con của khu, có một cái bàn với 3 cái ghế để tụi cán bộ ngồi, sau khi tù đã ra đầy đủ gồm hơn 130 Biệt Kích, xếp hàng thành 3 đội. Hầu hết toàn khu Biệt Kích không ai hiểu vì sao lại tập họp như thế, chỉ có vài người chúng tôi biết nguyên nhân. Phần tôi đã chấp nhận, dù có phải bị cùm, kỷ luật.

Tên Tài giọng lẫn đờm gọi to :

– Anh ĐCB!

Tôi giơ tay và ra khỏi hàng, đứng phía cuối. Y vẫy tay, giọng khàn, tiếp tục :

– Anh lên trên này!

Khi tôi đến gần, y chỉ tên trung úy hỏi :

– Anh có biết ông cán bộ này, là ai không?

– Thưa, tôi không biết ạ!

Tên Toàn trực trại, gằn giọng hách dịch :

– Đây là ông trưởng ban giáo dục của trại này, thế mà sáng nay anh gặp ông, anh lại quay đi không chào phải không?

Đã suy nghĩ và đã có chuẩn bị, tôi nhìn thẳng tên trưởng ban giáo dục, rồi nhìn tên trực trại :

– Đúng, tôi không có chào, thưa ông, nhưng ông có cho phép tôi nói lý do tại sao không ạ?

Cả 3 tên đều nhìn tôi chằm chằm, với thái độ trấn áp ra mặt :

– Được! Cho anh nói!

Lối nào thì cũng dẫn đến một kết quả, tôi đường hoàng, dõng dạc :

– Trước hết tôi xin cảm ơn các cán bộ, đã cho tôi được nói hôm nay. Tôi đã được chuyển về trại này gần 2 tháng, đã từ lâu quan điểm của tôi là: Bất cứ ai, cuộc sống của mỗi người đều có những khó khăn riêng. Vì thế, nếu gặp nhau nên hòa nhã cởi mở, để cho phần nào vơi đi những nỗi niềm trong lòng. Tuân theo lời ông bà dậy: "Lời nói chẳng mất tiền mua, liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau".

Vì mang quan điểm ấy, nên bất cứ ai tôi gặp, nhất là cán bộ của trại, những người trực tiếp giáo dục, dậy bảo mình nữa. Tôi gặp, tôi thường nhã nhặn chào, nhưng cũng nhiều lần, tôi về buồng, bực tức và buồn vời vợi. Cán bộ không nói thì ít ra cũng gật đầu, để tôi biết là ông ấy đã nghe thấy tôi chào. Ở đây, hầu hết đều yên phăng phắc, không tỏ một thái độ gì, để rồi tôi vừa đi, vừa mang một nỗi buồn và tiếc.

Tôi buồn: Vì mình là tù nên các cán bộ không thèm trả lời mình, tiếc là mình đã mất công chào vô ích.

Nỗi buồn tiếc ấy thường theo tôi về đến buồng tù. Đã có lần tôi cũng đã thổ lộ với anh Lê Văn Kinh, có khi cậu Hoàng Mạnh Hùng. Cũng đã có lần tôi ca thán cả với anh Nguyễn Huy Lân là đội trưởng như: Buồn quá anh Lân ơi! Hôm nay mình gặp một ông cán bộ, mình lễ phép chào mà ông ấy chẳng nói năng hay gật đầu! Lần khác và lần khác nữa, để rồi một lần tôi tự nhủ: Thôi, từ nay hãy biết thân phận là tù, đừng có với cao nữa, và từ đấy, mỗi khi bất ngờ gặp cán bộ, tôi tránh hoặc nhìn đi nơi khác.

Tôi nhìn cả 3 tên, nói cao giọng hơn :

– Bất ngờ nhất, ngay bây giờ các cán bộ gọi những anh tôi vừa nhắc tên, cán bộ sẽ biết rõ.

Tôi vừa nói tới đó, thì có mấy tiếng nói to ở dưới hàng, đội đứng :

– Thưa cán bộ, anh Bình đã nói đúng ạ!

– Thưa cán bộ, tôi cũng bị như anh Bình, nhiều lần như thế ạ!

Mặt cả 3 tên cán bộ như bị hụt hẫng; không còn cái khí thế hừng hừng, như lúc mới vào. Tên trung úy Trưởng ban giáo dục (sau này tôi mới biết tên là Thông), khoát tay nhìn tôi :

– Cho anh về chỗ!

Rồi y tiến dần đến các đội, hai tay y giơ cao, giọng ôn tồn :

– Đây là một sự hiểu lầm đáng tiếc! Tôi cũng vui thấy các anh có ý thức hòa nhã giữa người với người. Các anh cũng phải luôn xác định: Chúng tôi là những cán bộ của nhà nước, đang thực thi trách nhiệm giáo dục, uốn nắn những sai trái trước đây của các anh. Phần chúng tôi, sẽ nhắc nhở cán bộ nâng cao ý thức về thái độ, vai trò của mỗi người. – Miệng y nở một nụ cười hài lòng, hai tay y lại hất lên – Cho các anh giải tán!

Anh em quay lại nhìn tôi, đa số đều cười bằng mắt!

Qua sự việc này đã củng cố cho tôi thêm 2 điều, tôi đã học:

1) Phương pháp quan trọng hơn nội dung.

2) Hãy đứng thẳng và đứng vững, bằng chính đôi chân của mình.

Đội mộc kỳ này lại nhận một kế hoạch hơi đặc biệt. Đóng 200 chiếc hộp, theo quy cách độc đáo từ trước đến giờ. Bằng những miếng gỗ rời, dầy 2, 5 phân, dài 1m60, rộng 0m15. Không cần bào, đóng thành những chiếc hộp 1m60 x 1m20 x 1m00, đóng bằng đinh 5 phân, đóng những miếng gỗ hở cách nhau một phân. Điều khác thường là, sau khi làm xong, tất cả đều sơn, quét hắc ín.

Để thực thi kế hoạch này, cho kịp thời gian 10 ngày cả đội mộc đều ngưng công việc đang làm, để cùng làm 200 chiếc hộp này. Không một ai suy đoán ra đóng hộp như vậy để làm gì? Dù chính trị địa phương (miền Bắc) hay Biệt Kích đã tù lâu. Ai cũng tự hiểu, những việc như thế này, để khỏi lo âu hậu họa, tốt nhất là đậy cho kỹ cái miệng mình lại. Tôi cũng hiểu vì có những đường giây ngầm, nên cán bộ chuyên trách, sẽ biết tù bàn tán, suy đoán ra sao?

Đóng những chiếc hộp được khoảng 5 ngày. Một buổi tối, sau khi sinh hoạt đội xong, tôi đến chỗ Lân Mều, ngoài những câu chuyện thông thường, tôi nhẹ giọng hỏi Lân :

– Lân có biết họ đóng hộp này, để làm gì không?

Tôi và Lân đã có nhiều chuyện không thể nói với nhiều người, Lân liếc nhìn một anh nằm cạnh rồi nói khẽ :

– Tao cũng lạ! Suy đoán mãi mà chưa ra! Có lẽ mày đã đoán ra rồi phải không?

Tôi cười nhẹ và cũng nói nhỏ :

– Cứ làm như tôi có “bửu bối” không bằng! Tôi cũng đã suy luận mấy ngày rồi! Rõ ràng là hộp này di chuyển trong đêm tối. Tôi đã nghĩ tới vũ khí, nhưng miền Nam đã xong rồi, chả lẽ Miên, Lào, hay Thái Lan? Để giữ an ninh cho mình, có thể họ sẽ chơi Miên. Từ ít lâu nay biên giới Miên, miền Nam nhiều lộn xộn những vụ “Cáp Zuồn”.

Đài và báo chí đã nhiều lần phản đối. Bí mật chuyển vũ khí, đạn dược, làm hộp này không có đâu kín được bằng trong trại tù, có tên nào được ra ngoài đâu!

Mười ngày sau, chúng tôi đã làm đúng theo chỉ tiêu. Chúng tôi cũng phải khuân xếp ra đường đi phía trước lán. Tay chân anh nào cũng đen nhẻm, xà phòng rửa cũng không đi. Cán bộ phải cho người về trại xin được nửa lít dầu hỏa, mới giải quyết được. Nửa đêm chúng tôi nghe nhiều tiếng xe cam nhông, chạy rầm rì. Sáng chúng tôi ra lán, thì những chiếc hộp đã được chuyển đi hết rồi.

Có những sự việc đã nhiều lần tôi không muốn tường thuật lại. Đó là sự tiếp tế quá dồi dào của các gia đình Z ở miền Nam. Có lẽ vì mình chả bao giờ có tiếp tế, nhưng phải nói, cái chính là tôi có một chút lòng tự trọng lẩn quẩn trong đấy. Mãi hôm qua, khi đội đi làm trưa, về qua cổng trại tôi thấy hai chiếc xe ba gác đầy đồ tiếp tế, ì – ạch hai người đẩy. Mỗi xe một người kéo, một người đẩy, mì gói, lạp xưởng, bánh kẹo, thịt quay v.v... Không những đã làm phiền mắt và phiền lòng chúng tôi, mà còn khiến mọi người bàn tán nhiều, dai dẳng đến cả tuần. Huống chi lũ cán bộ, cả đời chưa bao giờ nhìn thấy, nên trố mắt thô lố ra nhìn theo.

Giai đoạn này, khu Biệt Kích được lệnh ra hẳn ngoài sân trại chung, để xuất trại đi lao động. Ba đội Biệt Kích được xếp hàng ngay trước cổng của khu, cái sân trại quá rộng lớn, thế mà đầy là tù Z. Từ chỗ Biệt Kích ngồi xếp hàng đến chỗ các đội Z khoảng cách đến 40 – 60 mét, nhưng cũng nhìn tương đối rõ mặt. Chứng cớ thỉnh thoảng có anh Biệt Kích hoặc một anh Z, đã giơ tay vời chào nhau, vì gặp lại. Do đấy sáng, trưa khi xếp hàng đi làm, bên khu Biệt Kích cũng như bên khu Z đa số đều dõi mắt về phía nhau.

Có thể vừa tò mò, vừa muốn tìm người quen. Riêng với tôi và một vài anh nữa đã bị nằm ấp từ 1961- 1962 đến nay, đã 16 – 17 năm rồi. Ngay ngoài đời gặp nhau cũng khó ai nhận ra ai, huống chi ở trong tù. Chẳng có một dịp ngồi với nhau, rồi cùng nói về một chuyện, từ đấy mới có thể nhận ra. Đa số các anh Biệt Kích ra sau từ 1964- 1968, nhiều cậu Biệt Kích kể lại, đã nhìn thấy ông Thiếu tá A, ông Đại úy B v.v... ngày xưa đã chỉ huy cậu ta, hoặc có quen biết.

Một hôm ở ngoài lán mộc thủ công, sau khi chúng tôi lao động được một lúc. Bỗng thấy có 2 toán Z từ cổng khu thủ công đi vào. Vì thấy có nhiều cái đầu muối tiêu hoặc, muối nhiều hơn tiêu nên tôi xin gọi là các anh, các bác. Vì đã ở cùng trại mấy tháng, nên hẳn đã đều nghe nói về nhau. Như thế, hẳn các anh, các bác cũng biết chúng tôi đã tù hơn chục năm rồi, cá biệt có anh 16- 17 năm đã trôi qua cửa sổ. Hai bên nhìn nhau đều có thiện cảm đặc biệt. Chúng tôi quý mến các anh, như tôi đã có lần trình bầy rồi. Các anh, các bác nhìn chúng tôi có chút thương cảm, mình mới tù đây mà đã thấy khổ, họ (Biệt Kích) đã tù từ lâu. Khi miền Nam hãy còn phây phây, thì họ đã tù rồi. Hơn nữa, cái tù của họ, phải bị hành hạ nhiều hơn.

Các anh, các bác rải rác nhặt cỏ ngoài sân của khu thủ công. Tuy có cán bộ và công an võ trang coi mỗi đội, nhưng phần vì trời nắng, phần khác chả lẽ đứng giữa sân

mãi sao, nên các bác vào những gốc cây, hoặc mái hiên hút thuốc. Chúng tôi cắm cúi bào, đục, cưa, thỉnh thoảng nhìn ra các anh, các bác, hai bên đều cười với nhau.

Tay tôi vẫn thao tác theo nghề nghiệp, nhưng giòng tư tưởng của tôi cứ chảy ra lênh láng, nhiều sự việc. Lòng tôi đã lạnh mấy tháng rồi, giờ nhìn những mái đầu đều bạc, cặm cụi ngoài sân mà vẫn còn xót xa thương các anh, các bác. Tôi hiểu, hai đội của các bác, các anh đều là Đại Tá mà tôi đã nghe, đã nhìn từ những ngày đầu đến trại này. Chợt nghĩ đến tuổi thanh xuân của tôi, hoa mộng của một đời người, đã tan theo mây chiều mất hút. Một luồng hơi nóng, từ trong trái tim đang rỉ máu, bốc lên đầu.

Tôi không kìm được nữa, liếc nhìn mấy tên áo vàng đang cười nói, ở một mái hiên phía bên kia. Tôi làm như đi tiểu, chỗ quây tấm cót dành cho đội thủ công, không cao hơn đầu người. Tôi đi qua giữa sân để qua, gần sát các bác, các anh. Đi ngang, mấy bác đều ngửng lên cười như chào, tôi cũng cúi đầu như chào các bác, các anh. Tôi nhẹ nói nhưng rất rõ ràng :

– Tôi thương các anh, các bác lắm! Nhưng các bác, các anh giờ đây có tư cách như thế này cũng xứng đáng lắm!

Nói rồi tôi bước lẹ vào chỗ tấm cót. Tôi còn xúc động chưa đi tiểu được, thì có 2 anh đầu cũng đã muối tiêu cũng đi vào đi tiểu, một anh để một tay lên vai tôi rồi dịu dàng :

– Anh thông cảm, tụi Mỹ nó đã bỏ mình!

Một luồng hơi nóng khác, lại xộc lên từ trái tim cằn của tôi. Tôi đã cầm lấy tay của bác đó, nhưng mắt tôi không còn dịu hiền :

– Tại vì mình đã không đứng bằng đôi chân của mình!

Liếc nhìn mấy tên áo vàng, từ xa đang nhìn chúng tôi. Tôi phải vào trước, vì ra đã lâu. Đấy là 2 câu đối đáp duy nhất trong những năm tháng thương đau của tôi, với những chiến hữu cùng phụng sự, một lá cờ vàng 3 sọc đỏ.

Cho tới bây giờ tôi đang ngồi viết những dòng chữ này, tôi vẫn chưa được biết hai anh đó là ai? Một chút khao khát trong lòng! Ước gì bây giờ ở trên xứ người này, tôi được ngồi với 2 anh để uống một ly nước, như uống ly nước mắt của quê hương, chẳng biết hai anh còn trên dương thế? Vì tôi cũng đã về chiều rồi.

Dù cho các anh ở cảnh ngộ nào, mà không đến tôi được, nếu tôi có địa chỉ của các anh, dù bất cứ ở đâu (trừ ở Việt Nam), tôi sẽ tìm cách mò mẫm đến, để thỏa lòng khao khát của tôi, và cho tình người, tình đồng bào thêm hoa, thêm trái.

Chiều hôm qua có anh Cao Văn Gion bị ngất ở trong buồng. Anh em một mặt ra cổng gào, báo cáo với trực trại, một mặt lo lấy dầu nóng tíu tít xoa bóp, làm hồi sinh

cấp cứu cho anh. Thật là may! Cho tới khi bà y tá trung sĩ đến. Theo sau có một ông cao cao, đầu đã bạc bưng khay thuốc, thì anh đã tỉnh lại. Thấy một ông đầu đã có nhiều sương trắng, lại đi theo một trung sĩ y tá. Anh em cho biết: Cái ông đầu có nhiều sương trắng ấy là bộ trưởng y tế của chính quyền VNCH khi đứt phim. Được làm vua, thua làm tay sai! Đời là thế!.... Ngày xưa.... Một cô y tá, làm sao đến gần được, một ông bộ trưởng?

Tối hôm đó tôi đã đến thăm hỏi để chia xẻ với anh Cao Văn Gion. Tôi được biết sơ lược: Anh trong một toán Biệt Kích, đa số là người Lào. Tên toán là EASY gồm 7 người nhẩy ở dẫy Fan- si – Pan (Hoàng Liên Sơn), ngày 9 – 8- 1963:

1. Vàng Cha,

2. Vàng Giơ,

3. Vàng Vàng (ba người Lào, của tướng Vàng Pao)

4. Cao Văn Gion đã chết cuối 1978 trong tù

5. Lầu Chí Lù hiện nay không rõ

6. Đèo Văn Luyện Truyền tin (Mất tích)

7. Đèo Văn Tuyển Toán trưởng (Hiện nay ở Atlanta).

Toán này cũng bị phản gián (sau đây, những chương tới, tôi sẽ trình bày về các toán BK bị phản gián).

Anh Luyện là truyền tin, bị áp lực đầu súng dí vào lưng. VC bắt anh gọi vào Nam, báo là toán đã bình yên, xin tiếp tế và gửi tiếp các toán khác ra tăng cường v.v... Lợi dụng một lúc mấy tên VC sơ hở, anh Đèo văn Luyện, đã cướp súng rồi chạy vào rừng, chúng bắn theo và truy nã gắt gao. Buổi chiều, chúng tuyên bố là anh Luyện, đã "đền tội".

Một ngày cuối tuần, gần cuối tháng đó, buổi chiều muộn, cô Văn Thư Trung Sĩ ôm hai cuốn sổ rất dầy, đi vào khu Biệt Kích. Chúng tôi hơi lạ, biết đấy là cô văn thư của trại. Mọi khi chúng tôi là những người từ trong hiệp nghị Paris (Chắc là Mỹ thỏa thuận, có quỹ đài thọ) mỗi Biệt Kích được lĩnh 3 đồng một tháng. Chúng tôi vẫn cứ lần lượt ký vào cuốn sổ, do cô văn thư chỉ từng chỗ, và ngồi chứng kiến. Sau khi ký xong; một vài ngày sau anh đội trưởng lấy tiền âm phủ (tiền trại) về, theo danh sách phát cho mỗi người.

Sau này, tôi được biết cô văn thư có cái tên rất là mộng, tên cô là Mơ. Cô Mơ vào nói gì với đội trưởng Nguyễn Huy Lân, cô đưa một cuốn sổ dầy cho Lân, rồi tất tả đi ra.

Được Lân giải thích: Cô Mơ đi phép về trễ 2 ngày nên không kịp, cô đưa sổ cho anh em ký, sáng sớm mai cô sẽ đến lấy. Anh em vây lấy Lân Mều, tranh nhau ký. Mãi gần cuối, tôi mới đến ký. Tôi lật cuốn sổ cả mấy trăm trang, nhiều những tên ký nhận nhập, xuất tiền tiếp tế, tiền gửi v.v... Hầu hết là của bên các anh Z. Đặc biệt tôi giở đến một chỗ, thoáng thấy cũng ký nhận 3 đồng như chúng tôi. Thì ra toàn của các ông bộ trưởng, tướng tá, ở trong khu kiên giam, mãi phía bên kia sân trại. Không hiểu sao, các ông này cũng được lĩnh 3 đồng như chúng tôi? Tôi và Lân nhìn những chữ ký của các ông:

Trần Trung Dung, Lý Trung Dung, Nguyễn Hữu Có, Lê Minh Đảo, Nguyễn Vĩnh Nghi, Lam Sơn Phạm Phú Thứ, Lý Tòng Bá, Lê Trung Tường v.v...

Tôi chợt có một ý nghĩ, tôi ghé vào tai Lân :

– Tao cần ghi toàn bộ 42 vị này. Đêm nay khi anh em ngủ, mày canh cho tao ghi nhé!

Lân khẽ gật đầu. Tôi lợi dụng ngay bút mực của cô Mơ, nhưng còn giấy? Tôi đã định tìm cách xé một tờ trong cuốn sổ, nhưng đều đã có chữ, hơn nữa đã đánh số từng trang. Tôi vắt óc suy tính, nghĩ đến mấy cái riềm, của tờ báo Nhân Dân và Quân đội Nhân Dân. Khéo léo, tôi đã có những miếng giấy dài mà nhỏ để ghi tên, tôi nháy mắt với Lân là đi ngủ sớm để đêm dậy. Tôi hiểu đây là một việc làm nguy hiểm, ghi những bộ trưởng, tướng tá, mà VC đang giấu để làm gì? Đầu 1978 không ai biết, các vị lãnh đạo của chính quyền VNCH, Việt Cộng giam giữ bí mật ở đâu? Tôi không nghĩ gì cả! Điều kiện đến thì tôi cứ làm, biết đâu ngày mai? Điều này thì không thể một ai biết được! Những người trong Nam ra tiếp tế v.v...

Cái danh sách bí mật này, Nguyễn Huy Lân là người canh gác, chứ cũng chưa đọc đến. Mãi đầu năm 1980, do một dịp cùng nghỉ bịnh, tôi đã "ghếch" cho một người duy nhất, đọc cái danh sách này ở trại Thanh Phong, Thanh Hóa. Đó là anh Nguyễn Hữu Luyện, hiện nay anh cùng ở Boston với tôi.

Tôi còn đang cắm cúi thẳm một cái vai của một cái bàn gỗ "gụ" thì Lân Mều, từ buồng ông cán bộ Tài chạy đến. Mắt Lân lóe lên long lanh, vẻ hớn hở :

– Chiều nay đội mình được cải thiện bồi dưỡng!

Mấy cầu bào bên cạnh cũng bu lại, với những bộ mặt phởn phơ như mẹ sắp cho kẹo, ngày xưa. Từ cái ngày đội mộc nỗ lực làm đạt thành tích, 200 chiếc hộp. Ban giám thị trại đặc cách, thưởng cho đội mộc, 4 kg ngô đã xay. Nếu đem bung hay hấp, chia cho 43 người thì chả được bao nhiêu. Chủ trương của cán bộ Tài, đã bàn với Huy Lân, trại kỳ này thiếu rau, thường chỉ ăn với muối rang, ai cũng khao khát thèm rau. Ông Tài đã ngoại giao với cán bộ đội rau từ lâu, hôm nay đội rau thu hoạch rau muống, cho cán bộ và công an võ trang của trại. Cán bộ đội rau đã đồng

ý tặng đội mộc, một sào gốc rau muống trại vừa thu hoạch rau xong, trước đây là phần của khu chăn nuôi, cơ quan (cho lợn, gà, vịt).

Cả đội rầm rầm vỗ tay ngay ở lán mộc, làm cho tên Tài cũng phải thò cái mặt hưng phấn lây, ra ngó. Ngay khi đó chỉ định 2 anh, theo cán bộ ra đội rau, là anh Hứa Viết Khìm và anh Vương Văn Can. Gần trưa các anh về cho biết cái công đào gốc rau muống thì nhanh, nhưng cái công xuống suối rửa cát đất ở gốc rau, thì không thể mau được. Phải để buổi chiều ra sẽ tiếp tục, rau còn đang ngâm ở suối cho đất cát rời ra, dễ rửa.

Do đói, và quá thèm khát chất rau, nên chỉ là gốc của rau muống, cũng làm cho anh em đội mộc tinh thần hưng phấn hẳn lên. Thế mà cũng ngót nghét 2 gánh rau muống, sau khi đã luộc rồi, với một sọt con ngô xay bung, để ở góc lán. Từ đám gốc rau luộc này, khói hương bay nghi ngút, anh em cả đội mộc tâm trí buổi chiều ấy, bị 4 sọt rau muống luộc hút hết vào. Chúng cũng kéo mắt của các anh phải luôn luôn ngắm nhìn chúng. Chúng cũng phì hơi thơm ra, như khao khát, được vinh hạnh chui vào lòng, của những người thương. Tên Tài ra đứng ngoài cửa gian buồng con của y, nét mặt y đăm chiêu nhìn, niềm hưng phấn của đội mộc, trong đầu óc của y nghĩ gì thì làm sao tôi biết. Hẳn có lúc y phải nghĩ: Niềm vui hân hoan của 43 tên tù này, có bàn tay ban phát của y.

Đội có 3 anh bịnh ở nhà, 40 người đi lao động, nhưng anh em nhất trí sẽ chia đều cho cả 3 anh bịnh. Nhìn mấy sọt gốc rau muống, nếu chia đều mỗi anh cũng được ngót nghét 2 lạng chứ không ít đâu. Còn sọt ngô xay bung, phải mỗi người cũng gần một lạng. Điều chắc chắn chiều nay đội mộc sẽ "bành" hả hê rồi.

Gần lúc đội về lại có ý kiến: Đây là một đặc ân của trời ban cho, nên hãy chia đều cho cả khu Biệt Kích gồm 132 người. Nghe như vậy, hầu hết đội mộc đều sôi nổi đồng ý, làm cho tên cán bộ Tài mở to mắt. Y không tin được, trong lúc thiếu đói của đôi mộc, mà y là chứng nhân? Vì y không tin! Cho nên, tới khi đội mộc vào trại, y rủ theo một tên thiếu úy vũ trang, vào trong khu Biệt Kích. Chúng muốn chứng kiến cảnh chia rau, chia ngô cho đều 132 suất, mỗi suất chỉ còn hơn 1 lạng cả gốc rau lẫn ngô xay. Trước khi tên Tài và tên thiếu úy quay ra cổng, tên Tài nhìn khắp lượt, lắc đầu nói :

– Tôi không hiểu nổi các anh!

Đặc biệt, một sự việc hãy còn hằn vào lòng tôi, vẫn chưa phai. Ngoài sân, trong đội còn đang ồn ào với ngô xay, với gốc rau muống luộc, thì anh Hứa Viết Khìm đã mang suất của anh lại chỗ tôi, nói giọng nồng nàn :

– Anh Bình hãy ăn thêm suất này! Tôi, hôm nay khó chịu không muốn ăn!

Tôi ngạc nhiên, anh và tôi đã nói chuyện với nhau một vài lần, nhưng chưa thân lắm, tôi nhìn anh dịu dàng :

– Cảm ơn anh Khìm! Anh cũng đói như tôi vậy!

Anh quay lại tôi, giọng khẳng khái:

– Nói thực với anh, ở ngoài đồng, do vô ý chúng tôi làm đổ mấy lọn rau xuống đất. Cán bộ không cho đưa vào sọt rau, ông ấy bảo "hai anh xuống suối rửa cát đi mà ăn". Tôi và anh Can đã ăn mỗi người, hơn một bát.

Thấy anh nhiệt tình, và không để anh nói nhiều, tôi cầm bát rau nhưng dứt khoát không nhận bát con ngô xay. Buổi tối, tôi đến chuyện trò và cảm ơn anh Khìm, tôi được biết sơ lược về toán biệt kích, của anh ra Bắc:

Toán của anh là EAGLE ra Bắc ngày 28-6-1964, nhảy ở Lạng Sơn. Toán anh gồm 6 người:

1. Hứa Viết Khìm toán trưởng, kiêm truyền tin trưởng, 1982 anh đã được tha về Sài Gòn. Anh bị bịnh chết năm 1992.

2. Bế Viết Quang đã chết ở Sài Gòn năm 1995.

3. Lã Văn Hoàng hiện ở Hoa Kỳ.

4. Đàm văn Phình chết ở trong tù năm 1967.

5. Lý A Phổ 79 tuổi (2004) hiện đang ở Malden, tiểu bang MA. Anh vẫn thường đến tôi chơi.

6. Nguyễn Viết Dũng toán phó hiện ở TX.

Một chuyện cũng hơi riêng biệt của anh Hứa Viết Khìm. Trần Văn Mạo tức Mạc trong toán KERN ra Bắc 4-3-1966. Khi được tha về Sài Gòn ở nhà anh Khìm, rồi nên duyên chồng vợ với người con gái lớn của anh Hứa Viết Khìm. Hiện nay hai vợ chồng Mạc đã ở Hoa Kỳ (April 2004).

Chiều nay lại có một nguồn tin mới, tối mai thứ Bẩy, trại có buổi văn nghệ đặc biệt do anh em bên Z trình diễn. Chúng tôi cũng khao khát và háo hức lắm! Muốn thưởng thức phần nào cái hơi hướng của VNCH đã lâu ngày, đã chôn sâu vào cái hố quên lãng. Tâm trạng của chúng tôi khác hẳn với những buổi văn nghệ trước đây, chúng tôi phải đi tham dự như một sự bắt buộc. Nếu không đi sẽ bị quy vào tội tư tưởng, không muốn tham dự vào mạch sống cách mạng, của một xã hội mới của Đảng.

Đặc biệt buổi văn nghệ này, lại có dân chúng và những cơ quan địa phương, cũng được mời vào tham dự. Nơi trình diễn lại ở một bãi rộng, cách xa cổng trại giam gần một cây số.

CHƯƠNG 13: YÊU LẦM CHỘT MỘT ĐỜI

Khi chúng tôi từ khu biệt kích ra tới cổng trại; xa xa trong đám tối của những mái nhà tranh, của những lũy tre làng, có một khoảng sáng bật lên. Từ chỗ vùng ánh sáng đó, tiếng trống, tiếng kèn, đã văng vẳng nhào qua những cánh đồng, mời gọi khách lãm du, hãy rảo bước. Lòng chúng tôi cũng dấy lên một chút xốn xang. Dù đã tối, tôi vẫn thấy cái mênh mông, của đất trời rộng mở. Từng làn gió nhẹ, khe khẽ đưa cái hơi nồng của ruộng đồng, đến từng mũi mọi người.
Công An Vũ Trang với súng ống kè kè sau lưng, hôm nay cũng được tăng cường thật dầy. Tù nhân được lệnh tuyệt đối không được di chuyển, phải ngồi tại chỗ trong đội của mình theo nơi đã được quy định. Chỗ đi tiểu tiện, đã được quây cót, ở ngay phía sau mỗi khu.

Sau những thủ tục khai mạc của một trại tù như trước đây, đến phần trình diễn văn nghệ. Tôi đã hiểu đó là điều tất yếu của một trại tù trong chế độ VC. Chính tù, được xem anh em trình diễn, vừa được nghỉ ngơi mà vẫn còn, thấy ngán ngẩm. Hết ca ngợi quê hương 5 tấn, lại thúc giục xây dựng nhà máy, công nông trường.

Mãi gần về cuối, có một tiết mục hơi lạ. Hợp ca của khoảng 6 – 7 chục người. Các anh Z khéo chọn lựa, có đến 5 – 6 bè rõ rệt. Bè thì ồ ồ như tiếng xe cam – nhông đang chạy, bè thì nghe róc rách như nước suối chảy lưng đèo, bè nghe như tiếng chim non kêu gọi mẹ, vì đói ăn. Có bè réo rắt như Tiếng Sáo Thiên Thai của Văn Cao thời tiền chiến. Không những làm cho chúng tôi say mê đờ đẫn, mà còn làm cho lũ cán bộ và những người dân quanh vùng, mắt thao láo, mồm há hốc ra, như miệng của những con ếch đang gọi mưa.

Cả một đám đông hàng ngàn người, mà tôi còn nghe được tiếng quang quác, của những đàn ngỗng trời bay ngang. Một sự việc cũng quá đặc biệt, trước đây tôi chưa từng thấy. Theo lời người điều khiển chương trình, là ông phó chủ tịch Huyện, muốn có vài lời với mọi người.

Một ông chừng 50 tuổi, người bé nhỏ, nhưng nước da như người Ấn Độ, ông nói rất từ tốn và rõ ràng:

– Thưa các đồng chí! Do một sự may mắn, tôi được thay đ/c chủ tịch Huyện đi công tác. Tôi được dự một buổi văn nghệ ngoài trời, của trại viên trại T52 này. Phải nói tôi chưa bao giờ được thưởng thức, một ban hợp ca đầy sáng tạo nghệ thuật mới lạ như hôm nay, tôi xin cám ơn các anh trại viên.

Những tiếng vỗ tay râm ran, dai dẳng làm cho lòng tôi cũng cuộn lên một chút tự hào, về cái miền Nam thân yêu đã mất của mình. Những ngày sau, tôi đã tìm mọi cách chuyện trò với tên cán bộ Hồng Thắng Tài để biết tên, hoặc một chút gì về cái ông Phó chủ tịch huyện, tối văn nghệ hôm ấy. Nhưng đành thất vọng, cho tới ngày biệt kích, rời khỏi trại T 52 Hà Sơn Bình này, vào mùa Đông 1978.

Vào khoảng gần cuối tháng 11 năm 1978. Tất cả 132 biệt kích lại được chuyển về xuôi phía Nam nữa. Hai chiếc xe tải dài ọp ẹp, chắc từ thời tôi còn chưa được mặc quần, khò khè nặng nề nhét chặt 132 anh chàng biệt kích chỉ còn da bọc xương, vào lòng mình. Chúng mò mẫm bò về phía Nam. Nhiều lúc, chắc vì nặng quá, vì phải đèo thêm hơn chục tên áo vàng và công an võ trang, chúng xịt cả khói đen ra đầy đường. Mấy bác nông dân gồng gánh đi đường, cũng phải bịt mũi, quắc mắt nhìn theo hai chiếc xe chết tiệt. Tay của tôi nối chặt với Quách Nhung, bởi một cái còng số 8. Xế trưa, quá mỏi và đau tay, tôi ra hiệu kéo Nhung ra sát cửa sổ nhìn xuống đường, thoáng thấy một cột cây số sơn trắng, đầu đỏ đề: Thanh Hóa 59 cây số. Như thế đây là Quốc Lộ I. Từ thời Tây, ở miền Bắc các cột cây số trên đường lộ, đều sơn trắng. Đầu đỏ là Quốc Lộ; đầu xanh là Tỉnh Lộ.

Xe bắt đầu rẽ vào Tỉnh Lộ, bóng chiều đã ngã muộn, gà bắt đầu lên chuồng. Xe leo qua một cái dốc dài rồi ngừng lại, ngay giữa rừng già Thanh Hóa. Nhìn theo một con đường nhỏ dài hơn 2 chục mét, chỉ có 3 mái nhà tranh dài, rào vây quanh cũng là tre với nứa. Rõ ràng là một trại giam mới chưa làm xong, còn 2 – 3 cái nhà nữa, mới chỉ có cái khung. Điều này đã nói lên, VC đã phải vội vàng đưa, những đám biệt kích này đến, không có dự trù trước. Đúng như vậy, vài ngày sau chúng tôi đã biết: Đây là trại Thanh Phong, tên một huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa, chỉ là một trại giam nhỏ của Huyện, với hơn 100 tù hình sự.

Những ngày sau, tất cả chúng tôi đều phải làm thêm và làm tiếp những căn nhà lán tù, chưa làm xong. Lúc đầu trại chỉ có một cái giếng nhỏ đủ nước cho bếp nấu ăn. Tắm rửa, mỗi buổi chiều công an võ trang phải dẫn từng toán tù (đến đây lại gọi là toán) xuống hết một cái dốc đồi, dài hơn một cây số. Ở đấy có một giòng suối rộng có chỗ đến hơn 10 mét, với những tảng đá lớn lổm ngổm, ở giữa giòng. Tôi chưa biết giòng suối này tên là gì, nhưng ở các trại giam trên miền ngược, chưa bao giờ tôi được nhìn thấy một cái suối nào, to và đẹp như vậy.

Nhìn cheo chéo phía bên kia suối, có một cái guồng to tròn, như một cái bánh xe khổng lồ bằng gỗ. Hỏi những tên công an võ trang coi toán, tôi được biết đó là những cái guồng nước ở miền núi. Người ta dùng để lấy nước, từ dưới suối lên dẫn nước đi xa, có khi cho cả một xóm dùng.

Thời tiết đang ở giữa mùa Đông, nên trời còn lạnh ngóm. Tuy trong trại không có nước, nhưng rất nhiều anh, cả các anh dân tộc vẫn còn sợ nước. Các anh chỉ ở cạnh bờ suối, thò những miếng giẻ rách to, nhỏ nhúng nước thay cho khăn mặt, rồi lách vào trong áo, trong quần để lau người.

Ngược lại, Lê Văn Kinh, Quách Nhung, tôi và gần chục anh em nữa thì như "cờ gặp gió, cá gặp nước". Giữa trời, mây với cây rừng đá núi, chúng tôi đều trở lại thời tiền sử của loài người. Cả một lũ tồng ngồng, nhẩy xuống nước nhào lộn, vẫy vùng. Không những làm cho mấy tên công an võ trang (3 toán thì 3 tên) cũng lác cả con ngươi.

Tôi cũng thấy lạnh tê cả đầu, và cứng cả người, nhưng có lẽ quá thèm khát nước lâu ngày. Cái từ bơi lội suốt 16 năm, coi như chúng tôi không còn hề nhắc đến. Ngay cái anh chàng Kinh là người Nhái mà cũng lạnh thun "gân" lại còn bé tí tị. Lên bờ rồi, nhìn người nhau còn bốc khói! Tôi cũng lấy làm lạ, tuy lạnh nhưng có lạnh quá như trên Lào Cai, Yên Bái đâu? Có lẽ cái chính là vì quá đói, cơ thể không có và không còn nhiệt để chống đỡ, với cái lạnh ở bên ngoài.

Những ngày sau, chúng tôi phải làm một căn lán thủ công 5 gian, cạnh con đường chính ra suối. Lán thủ công cách trại khoảng 300 mét. Tối hôm qua lại có 2 xe chở biệt kích đến Thanh Phong. Thật vui, gặp lại hầu hết anh em trước đây, ở các trại trên miền ngược.

Trại Thanh Phong bây giờ, riêng biệt kích cũng trên dưới 250 người. Lán mộc hoàn thành, toán mộc hàng ngang, cũng được thành lập. Toán mộc kỳ này tương đối là đông gồm 44 người, do tên Lê Xuân Hoàn, trung sĩ phụ trách. Tên này người miền Bắc, cái mặt xám xịt, tỏ ra rất nghiêm khắc. Toán trưởng toán mộc lần này lại là một anh chính trị địa phương. Anh là Trần Bá Đôn, một tu xuất, đã có vợ con. Anh đã từng là tổ trưởng mộc, của một cơ sở sản xuất, huyện Kim Anh.

Toán mộc lại tiếp tục những giường, bàn, tủ, ghế gọi là hàng ngang, khác với mộc làm nhà cửa. Tôi vẫn phụ trách tổ kỹ thuật, chuyên đóng hàng kỹ cho các cán bộ của trại. Tổ kỹ thuật chỉ có 3 người: Lầu Chí Chăn, Vũ Viết Tinh (Tinh Còi) và tôi.

Vì là một trại mới trở thành quy mô, khi bất ngờ là nơi Cục Lao Cải chọn để quy tụ biệt kích gián điệp của VNCH cũ. Rất nhiều vấn đề thiếu thốn ở nơi giữa rừng già, cái thiếu bình thường nhưng lại trở thành nguy hiểm, là rau xanh. Với một số tù nhân đủ loại, trên dưới 500 như thế, mà lại không có rau xanh. Ngay tụi cán bộ, chừng gần 4 chục tên và khoảng hai đại đội công an võ trang, cũng còn thiếu rau xanh nữa là tù. Bởi thế nếu có chuyến xe con rau nào, tụi cán bộ phải bí mật lén lút, giấu để dùng dần. Còn mặc kệ tụi tù, làm sao quan trọng bằng cán bộ?

Chính vì lý do này mà trại tù Thanh Phong, đã nổi bật hơn các trại tù khác, ở một sự việc độc đáo: Hàng tháng không hề có rau, mà chỉ có toàn muối rang, hết pha thành nước, lại rang. Chung quanh không hề có những loại rau dại, như ở miền xuôi, hay nơi đã có giai đoạn, có người ở hay qua lại. Cho dù là người dân tộc, ở đây hoàn toàn giữa rừng già. Nhiều lúc tôi suy ngẫm, do luật bù trừ huyền bí của tạo hóa, thiên nhiên, nếu không có con suối trên tôi đã nói, thì rồi không biết sẽ ra sao, khi tù phải sống ở cái vùng khắc nghiệt, khác thường này?

Đầu tiên là đám tù hình sự, do còn trẻ, bản tính bất cần đời nên không có ý chí chế ngự, chịu đựng, ăn bậy bạ nhiều. Do những mánh lới chuyên nghiệp (lưu manh) đã kiếm được lá sắn, đôi khi kiếm được củ, thì xơi cả ruột lẫn vỏ. Một sự không may, có thể do những vườn sắn mới trồng, đất chưa thuần, còn hơi hướng, gốc rễ của những cỏ gianh (Tôi đã có kinh nghiệm hàng chục năm, ăn sắn). Cây sắn nào mà củ

chui vào rễ cỏ gianh, ăn vào là say, nhức đầu nôn mửa, hay té re, tháo tỏng, nặng có khi là tử.

Một loạt các cậu tù hình sự bị nhức đầu, nôn mửa (hầu hết các em còn trẻ 18 đến 20 – 25). Tên cán bộ y tế của trại, lại chưa có kinh nghiệm, với loại say sắn! Y thấy hàng mấy chục người nôn mửa và nhức đầu. Y quýnh quá, lấy Aspirin cho mỗi cậu 2 viên uống, để rồi sáng hôm sau chết một lúc 13 – 14 người. Chắc là cán bộ đảng ủy của trại thấy trầm trọng, vội ưu tiên lập 3 đội, phá bỏ những loại cây trồng khác, chỉ chuyên đề trồng rau xanh. Ý muốn thì nhanh, nhưng hiện thực phải qua nhiều khâu. Phải cho cán bộ về thành phố kiếm tìm hạt giống, chuẩn bị đất để trồng v.v... Cho tới khi có rau ăn, cũng phải mất hàng nửa năm.

Riêng với khu biệt kích, dù sao đã là những người lớn, và tương đối có ý chí tự tồn, trong những điều kiện ngặt nghèo. Một đoạn đường rừng hơn một cây số, từ trại tù ra tới con suối (khi mới đến chúng tôi chưa biết tên, bây giờ chúng tôi biết đó là con sông Tràng. Con sông sau này đã gây ra nạn lụt 1981, trôi cả lán trại, trâu bò). Dù đã biết đó là con sông Tràng, nhưng chúng tôi vẫn gọi đó là con suối Tiên. Vì nó đã góp phần duy trì sự sống, sự tồn tại của anh em biệt kích. Đoạn đường này, hai bên đường là những cây rừng, hàng ngày các toán chúng tôi đều qua lại để ra suối, rửa ráy, tắm rửa sau một ngày lao động cực nhọc.

Qua mùa Đông 1978 để vào mùa Xuân 1979, những cây rừng cũng nẩy lộc, đâm chồi. Cũng giai đoạn này, qua những tin đồn người tiếp tế ở trong Nam, VN đã đánh chiếm Campuchia, tôi chợt nhớ đến 200 chiếc hộp hắc ín, ở trại T52.

Những chồi lộc của những loại cây rừng, mỗi ngày mơn mởn mỗi lớn, mỗi xanh tươi. Không biết là do ai? Trong anh em biệt kích, có thể là những biệt kích người dân tộc. Có lẽ các anh, cũng cùng tâm trạng như mọi người, nhưng do sáng kiến (Cùng thì phải tắc, tắc thì phải thông). Một anh đã hái một ít đọt lá non, của một cây rừng.

Hôm sau ra nơi lao động anh cho vào bô tôn, thùng thiếc, đổ nước, luộc rừ rồi ăn thử. Lúc đầu là thử nếm rồi nghe ngóng cơ thể, thấy không sao. Thế là cái loại cây đó được phổ biến cho bạn thân, mà đã ra người thứ hai, thì cả biệt kích đều biết, và ai cũng thấy. Các loại lá cây ấy, trên con đường từ trại ra "Suối Tiên" hết dần, và càng gần cuối thì tốc độ hết, càng nhanh. Để rồi ra cái chồi hay lá non nào, đều bị vặt hết, vặt cả ngọn.

Hết loại cây ấy, con người lại phải thực nghiệm sang một loại cây khác. Cuối cùng chỉ gần 3 tháng, từ đầu tháng 1 đến cuối tháng 3 năm 1979, cả 2 bên triền rừng, từ đường lấn sâu vào rừng chừng 15- 20 mét, đa số lá cây rừng sạch trơn, như có thỏ hay hươu cao cổ, ăn lá cây vậy.

Từ cán bộ hay công an võ trang nào cũng thấy chính mình, mà còn không có rau. Vả lại, tụi nó nằn nì (cả toán ai cũng nằn nì) chỉ tranh thủ vặt những lá cây rừng. Cán bộ

chỉ mất 5- 10 phút, đã ban cho những thằng tù một đặc ân, mà chúng chả có mất cái gì cả. Chúng được những tên tù khẩn khoản, nhìn với những con mắt ân huệ, biết ơn.

Không những là khu biệt kích rồi lan dần ra khu hình sự, cụ thể là khu biệt kích gần 300 người, nếu có người chết là rất cá biệt. Nếu không nói là không một ai bị chết, vì thiếu chất rau xanh, ở giai đoạn ấy. Cả một mùa Xuân, của cây rừng 2 bên đoạn đường ấy, không còn khoe hương, khoe sắc với chúa Xuân như mọi năm. Nhưng, chúng đã làm được một việc thiết thực hơn nghệ thuật. Chúng đã cưu mang, giúp đỡ bọn biệt kích sống còn. Chúng đã phục vụ, nhân sinh.

Có lần chân tôi bước theo hàng đôi của toán trên con đường "huyết mạch" đó, óc của tôi miên man chạy ngược về những năm tháng trước đây. Khi ấy CIA và Cục Trung Ương tình báo của VNCH, dạy tôi trong giai đoạn thực tập "mưu sinh" sống trong rừng, mà không có lương thực. Ngoài những chuyện bẫy, bắt cá và thú rừng, củ, rễ cây rừng v.v... Từ trong trí óc đã đẩy ra miệng tôi thành cười mỉm: Có thể rồi đây, các cơ quan tình báo nổi tiếng, Quốc Tế như CIA, Hắc Long của Nhật, I S của Anh, Gestapo (Đức), KGB, RU, Liên Xô v.v... cần phải nghiên cứu bổ sung, trong bài học "mưu sinh".

Tối hôm qua về trại, tôi nghe loáng thoáng Trung Quốc lại đem quân vượt biên giới, đánh VN. Tôi bí mật tìm hiểu, nguồn tin là do anh Hoàng Tồn được ra tự giác, từ mấy tháng trước. Anh có một chiếc xe ba gác, thường chở những đồ tiếp tế cho gia đình của các anh em biệt kích, từ trong Nam ra tiếp tế. Tôi đã đến anh Tồn để biết sơ qua, có tính cách khái niệm. Một vấn đề tương đối lớn, tương đối sâu trong nội bộ của Đảng cộng sản Quốc Tế.

Việt Nam đánh Cam-pu-chia (7/1/79), rồi bây giờ Trung Cộng lại đánh Việt Nam (17/2/79). Có thể đây là những tiền đề, cho những bước kế tiếp của các Đảng cộng sản. Cũng có những dư luận về Lý Cà Sa. Từ nhiều nguồn tin, Lcộng sản có cầm quân trở lại Lầu Cai, là đúng! Cầm bao nhiêu quân, đánh ở đâu, mức độ? v.v... Ta không bàn ở đây, các chi tiết ấy dành cho các nhà chuyên môn.

Chỉ vì tôi có một chút xíu dây dưa liên quan với Cà Sa về không gian, và thời gian mà thôi! Sáng hôm nay khi toán chúng tôi ra tới lán thủ công, anh Đôn toán trưởng đã đến tổ kỹ thuật gọi tôi:

– Bình ơi! Ông Hoàn kêu anh vào ông ấy gặp!

Ít khi cán bộ toán gọi, nên tôi vội vàng đi về phòng cán bộ toán. Thấy tôi vào, y chỉ tay vào chiếc ghế trước bàn:

– Anh ngồi đi!

Tuy y chỉ nói như thế! Nhưng thái độ và cách nói tỏ ra rất thân tình. Thấy thân tình, tôi lại phải cảnh giác, nên tôi vẫn ngồi yên chờ.

May quá! Y đã vào đề ngay, y nói:

– Ông Giám thị đại úy Hà Văn Nho, muốn đóng một cái tủ lệch, kiểu Đức bằng gỗ lát!

Đến đây tôi đã hiểu, chỉ là vấn đề nghề nghiệp, thì có gì cần nói đâu. Tôi xuống tổ cũng nói sơ qua cho Chăn và Tinh, để sắp xếp những công việc đang làm, v.v... Đóng đồ cho ông Giám thị trại, cũng chẳng có cái gì hơn. Nhưng, tâm lý ai cũng vậy, nhất là ở một cái xã hội bao cấp, thì càng phải quan tâm nhiều đến những cái, riêng tư. Nghĩa là nếu muốn cái tủ gỗ tốt, đóng cẩn thận thì ít nhiều phải làm cho người thợ đó vui lòng, dù không phải nói ra bằng lời, khi y ở một cương vị là thủ trưởng, của cái khu vực đó.

Tổ kỹ thuật lại ở ngay đầu lán thủ công, từ đây nhìn ra đường chỉ 2 chục mét, vì thế đã nhiều ngày Lầu Chí Chăn và Vũ Viết Tinh đã đổ xô ra, khi có một đoàn người trong Nam ra tiếp tế. Tâm trạng của Chăn và Tinh như vậy cũng là đương nhiên, vì hai người đã nhận được quà của gia đình, từ trong Nam gửi ra. Chỉ có tôi, tôi có một chút ý nghĩ hơi lẩm cẩm, nên tôi chả mong ngóng? Dù rằng:

Biết đâu... trong đám người đi ấy! Lại chẳng có người của... chính tôi?

Đúng như tôi đã suy ngẫm, từ những ngày đầu vào trong nhà tù VC. Bản tính tạo nên cuộc đời, nói khác đi chính bản tính của mình đã tạo ra cuộc sống của mình. Bản tính lại không thay đổi được. *Giang sơn thì dễ chuyển, nhưng bản tính thì khó dời.* Tôi đã mang một quan điểm: Cái gì đẹp, tốt, hay, hãy mang đến cho bố mẹ, họ hàng, người thân của mình cùng hưởng. Ngược lại những sự đau thương bất hạnh, thì hãy kiên trì chịu đựng, đừng bắt người thân chịu lây với mình. Chính vì những ý nghĩ lẩn thẩn ấy, từ khi miền Nam bị mất, tôi nhất quyết không viết thư về Nam dù cho nhiều cán bộ giáo dục đã khích lệ cổ vũ anh em biệt kích, hãy viết thư thăm hỏi và báo tin cho thân nhân ở miền Nam, biết về mình. Tôi hiểu trước đây Biệt Kích GĐ (biệt kích gián điệp) khai báo với chúng, chúng chưa có dịp xác minh. Bây giờ là lúc chúng đến từng địa phương, từng gia đình để kiểm tra lại sự việc. Vì thế về một mặt, không những chúng khích lệ, mà còn tạo điều kiện cho Biệt Kích GĐ viết thư, về cho gia đình thân nhân. Mãi chúng cũng không thấy tôi viết một lá thư nào về miền Nam. Chúng đã hỏi thẳng tôi, tại sao? Tôi cũng đã thẳng thắn trả lời chúng:

– Thưa các ông, 17-18 năm xưa tôi đã bất ngờ ra đi bố mẹ anh em không hề biết. Chắc rằng bố mẹ, anh em tôi đã đau đớn, khóc thương nhiều. Do thời gian nỗi niềm thương đau ấy, chìm dần vào quên lãng, như một đống tro đã tàn. Bây giờ báo tin cho bố mẹ biết, là lại bới cái đống tro tàn đau thương đó ra. Bắt người thân lại khóc lóc nhớ thương, thậm chí phải chạy vạy tiền nong, mò mẫm ra thăm chồng, con vẫn còn ở trong tù ở ngoài Bắc, chẳng có ngày về. Như vậy là càng làm cho gia đình,

thân nhân buồn khổ thêm. Cho nên, trừ phi khi tôi được tha, tôi mới báo cho bố mẹ, thân nhân tôi biết mà thôi.

Thậm chí tôi đã viết thư hộ, cho những anh em người dân tộc và có khi còn được hưởng những quà cáp của gia đình một số anh BK, từ trong Nam gửi hay trực tiếp ra Bắc. Nhưng tôi vẫn một lòng đè niềm thương, nỗi nhớ vào sâu kín trong lòng. Tuy niềm khắc khoải giằng xé lòng tôi, tưởng như nhiều khi không thể kìm chế được: Bố mẹ, các em, họ hàng, bạn bè trong bao nhiêu năm? Bao nhiêu những biến thiên, chìm nổi trong khói lửa, của quê hương. Ai còn, ai mất, ai sẽ như thế nào?

Nhìn lên bầu trời của Thanh Phong hôm nay, tôi cứ đê mê ngắm mãi, cái màu xanh hy vọng của da trời. Những lọn, những cục bông gòn trắng nõn nà, ai để vương vãi lung tung rải rác khắp trên miếng thảm, màu xanh thương yêu? Những miếng bông gòn vương vãi ấy, từ chân trời phía Tây đang từ từ chậm chạp tiến về Đông.

Vài tiếng quang quác thanh thanh của một đàn cốc bay ngang, như nhắc nhở tôi đã bắt đầu vào Hè. Mấy cô nàng én của mùa Xuân, đã vội vàng gọi những chàng cốc, đến thay phiên trực, mà tôi đâu có hay. Chỉ vì kỳ này tâm hồn tôi, đã nhờ gió đưa về miền Nam thương yêu của tôi, hơi nhiều.

Thoáng bóng ông cán bộ toán, đang lững thững tiến về chỗ tổ kỹ thuật của chúng tôi. Đây là ông Lê Hoài Lĩnh (trung sĩ) mới thay tên cán bộ Hoàn, 2 ngày hôm trước. Những tên cán bộ khác, tôi đều gọi là ” y ” hoặc ” tên “. Nhưng với ông Lĩnh, tôi đã phân biệt đối xử, chỉ vì, mới qua lại vài câu nói và cách hành sử tôi đã thấy ông cán bộ Lĩnh có cái ” máu lính và bụi đời ” nên tôi khoái mà thôi!.

Ông Lĩnh đã bước vào, chúng tôi chưa kịp chào, thì ông ta đã niềm nở vừa như hỏi, vừa như chào chúng tôi trước:

– Các anh có thèm rau lắm không? Buổi họp hôm qua ban giám thị đã quyết định, chiều nay sẽ có một bữa rau cải đầu mùa của trại, cho các anh!

Nói rồi ông ta lại tất tả tiến sang phía nhà kho của trại. Nguồn tin ” bữa rau cải đầu mùa ” từ tổ kỹ thuật phát ra, đã nhanh chóng lan tràn khắp cả toán. Mặt chúng tôi người nào cũng phơi phới, cứ như mới nhận được tin người yêu của người mình “ghét” đi lấy chồng!

Nếu biết rằng tôi đi lấy chồng,

Trời ơi! Người ấy (kẻ thù của người yêu) có cười không?

Hoan hô anh em các toán rau! Vì chủ nghĩa xã hội đã nỗ lực thi đua phục vụ anh em tù, trại Thanh Phong có “bữa rau cải đầu mùa”. Hai toán rau: Quý Chổi, toán rau xanh, chung cho cán bộ và trại Hoàng Ngọc Chính, toán rau cải thiện riêng cho tù. Không biết toán nào thực sự được niềm vinh dự, nhận những tiếng hoan hô, của tù Thanh Phong chúng tôi?.

Cũng qua ông cán bộ Lĩnh ”máu lính” này, những ngày sau đó tôi biết được một số tin, mà bình thường tôi không thể biết:

– Kỳ này cán bộ các trại giam chuyển vào trong Nam rất nhiều, ông Lĩnh cũng muốn lắm, nhưng không được bình bấu hay chỉ định.

– Trung Quốc đánh sang 6 tỉnh phía Bắc của ta. Chúng đã rút về nước 5/3/79. Điều đáng nói là, khi chúng kéo quân về nước, chúng đã cho di chuyển các cột mốc biên giới vào trong đất của ta hàng 4, 5 chục cây số.

– Tên chánh giám thị Nguyễn Huy Thùy (thiếu tá) đi Liên Xô dự lớp học đặc biệt, về quản lý trại giam. Tên Đại úy Hà văn Nho, mới lên làm quyền Giám thị. Chúng tôi (tổ kỹ thuật) đang đóng cái tủ gỗ lát (tủ lệch kiểu Đông Đức) cho tên Nho này.

Thấy y rất săn đón cái tủ của y, tôi càng bầy ra nhiều kiểu bàn ghế về gỗ lát. Tôi biết gỗ lát là loại gỗ quý, loại quốc cấm của XHCN. Loại gỗ này rất quý ở trong rừng Thanh Hóa, các nơi khác rất hiếm. Đã có lệnh cấm từ trung ương là không được khai thác. Nhưng tôi nghĩ đối với công an, nhất là CA quản lý trại giam, còn ai là người kiểm soát? Vì vậy tôi càng đưa những “miếng mỡ ” ra trước miệng “con mèo” xem nó ra làm sao?

Tôi đã ra chỗ Quách Nhung, mới được làm toán trường toán xẻ. Được Quách Nhung cho biết, toán xẻ được lệnh của giám thị, dành riêng ra hai cặp xẻ, chuyên xẻ gỗ lát cho tên Nho. Toán lâm sản do Nguyễn Huy Lân, cũng được chỉ định 4 người, hàng ngày vào rừng sục xạo, lên núi xuống vực tìm cây gỗ lát, để hạ v v .

Tối hôm qua đã khuya muộn, kẻng cấm 9 giờ tối đã lâu lắm rồi, một giọng miền Nam khàn khàn ểu ợt, gần như hết hơi:

– Theo tên “Bịp” tập kết ra Bắc! Nay nó đã chết xanh mồ rồi! Miền Nam cũng được ”giải phóng” rồi, mà còn không cho tao về ……..

Đêm rừng khuya, nghe tiếng chửi bới thều thào, gần như không còn hơi thở, đã làm não ruột lòng tôi, và chắc cũng làm “héo úa ” nhiều người tù khác.

Tiếng chửi bới, tiếng nỉ non như không còn sinh khí, nhưng phát ra ngay ở bệnh xá, phía bên kia sân trại (15m). Tôi đã biết đó là của bác Đặng Minh Chánh. Tôi làm sao quên được bác! Ngay từ đầu năm 1968, khi tôi mới bắt đầu từ Hỏa Lò lên trại trung ương số I vào phân trại E, tôi đã gặp bác, một cán bộ huyện ở Bến Tre (quê hương đồng khởi) tập kết ra Bắc năm 1954.

Ba năm sau (1957) đã bị bắt vào với cái tội: Không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách, của Đảng. Người bác thật cao ráo, bộ mặt quắc thước với hai cái tai thật to. Nếu gặp thời, thì cũng đôn hậu ”cha già dân tộc” như ai. Nhưng đã không gặp thời, lại bất hạnh nữa, nên bác đã phải chuyển đổi bao nhiêu trại tù. Bây giờ 1978 tôi vẫn gặp bác ở đây, bác đã tù 21 năm rồi.

Sáng hôm sau, tôi gặp anh Mai Nhuệ Anh BK, làm y tá trưởng (phụ tá là Lê Ngung cũng là BK) của trại. Tôi được anh Anh cho biết bác Chánh đã tuyệt thực 2 ngày rồi, bác nhất định không ăn uống gì cả. Ngày đêm, khi nào tỉnh ra là chửi cộng sản không tiếc lời. Tôi dự định trưa nay không ngủ trưa, sẽ sang thăm bác.

Sau khi cơm nước xong, tôi lỉnh sang bệnh xá. Gọi là bệnh xá mà chỉ có 4 cái gường cá nhân. Mai Nhuệ Anh rất từ tốn và có nhiều tình người, tỏ ra một người có lòng tự trọng cao. Anh chỉ vào trong góc, một cái mùng rách vàng khè, càng làm cho chỗ góc đó tối hơn:

– Bác Chánh nằm kia!

Nhấc cánh màn, tôi đờ người, tim tôi như bị bóp nhẹ ! Bác Chánh đây ư? Một người da xám ngoét, cái mặt bé choắt, chỉ còn 2 cái tai to, tôi mới nhận ra bác Chánh. Tôi cầm nhẹ tay bác, đôi mắt của bác lờ đờ nhìn tôi, như chợt nhận ra tôi, mắt bác như có một luồng sinh khí mới, miệng bác mấp máy phều phào, rời rạc:

– Bình... hả? Cố... gắng... cho... quê... hương...!

Bác nấc lên, rồi bác nằm yên! Mai nhuệ Anh đã nhè nhẹ nghẹn ngào:

– Bác đi rồi!

Tôi chả hiểu bác bảo tôi cố gắng cho quê hương, điều gì? Trong khi... tôi vẫn trong tù..! Rồi đây tôi cũng sẽ như bác mà thôi?

Chạnh nỗi niềm riêng của mình, lòng tôi lại càng thương bác. Mắt tôi đã mờ đi, trong niềm xúc động dâng lên đầy lòng! Dù gì tôi cũng phải tôn trọng một người, đã cả một đời không những đã khổ đau về vật chất, mà còn khổ đau về tinh thần. Cái khổ đau giằng xé, nội tâm bác cho tới lúc lìa đời, chỉ vì đã lầm. Bác đã lầm tin theo một con Chằn Tinh, đóng vai là một Quan Thế Âm Bồ Tát. Bác đã phải trả một cái giá cho sự lầm lỡ, dại khờ của bác là một cuộc đời.

Tin bác Chánh ra đi, Lê Ngung và một số người chạy bổ vào. Cũng là lúc kẻng đi làm chiều rống lên, tôi ghé vào tai Ngung:

– Ngung đặc biệt lo cho bác Chánh nhé! Tôi sẽ tình nguyện đóng cho bác một cỗ quan tài, hết điều kiện của tôi.

Ngay chiều hôm ấy, khi ra lán, tôi đã khẩn khoản nói với ông Lĩnh cán bộ toán: Tôi và Chăn tình nguyện làm thêm giờ, đóng quan tài cho bác già Đặng Minh Chánh. Ông Lĩnh hơi ngần ngừ, vì sợ chúng tôi làm chậm cái tủ cho giám thị, Chăn và tôi đã dõng dạc:

– Thưa cán bộ, cỗ quan tài chúng tôi chỉ làm trong 2 giờ, vì thế sau giờ giải lao, chúng tôi mới bắt đầu làm quan tài?

Ông Lĩnh không nói gì, nhưng nhìn qua ánh mất, tôi đã biết là chúng tôi đã được sự chấp nhận.

Chúng tôi đã lựa loại gỗ tốt, chịu nước, lâu mục. Chúng tôi bảo nhau thẳm khít, bào kỹ. Chúng tôi làm cỗ quan tài với tâm trạng: Làm đẹp, làm tốt như một nén hương lòng, của những người Việt lầm than. Chào mừng một người cộng sản (ở phân trại E phố Lu, bác Chánh đã nói với tôi, bác có 5 tuổi Đảng) đã sớm quay về với dân tộc, trước khi chết.

Đúng lúc kẻng tan tầm chiều, chúng tôi đã làm xong cỗ quan tài. Chúng tôi còn định lấy vẹc-ni quét một lượt, nhưng anh Trần Bá Đôn, toán trưởng nói không nên. Vì chưa có quan tài tù nào, được sơn quét cái gì.

Khi toán vào tới trại, được biết: Lệnh của cán bộ trực trại, không một ai được vào bệnh xá, nếu không được phép của cán bộ. Y là chuẩn úy tên Hòa Ba Tai, y được tù gọi là "ba tai". Tai phải của y rách thành hai mảnh, vì y hắc búa và ác ôn, nên tù mới gọi y như vậy.

Điểm xong, tù vào chuồng. Bấy giờ mới có 4 cậu hình sự tự giác khênh bác Chánh ra nghĩa địa tù. Chẳng biết bác có họ hàng, con cháu gì ở trong Nam không? Có khi họ còn trách bác, đi theo bác Hồ từ ngày ấy, chắc bây giờ làm to lắm nên đã quên cả bà con, bạn bè?

Cả cái đêm hôm đó, tôi cứ quằn quại trằn trọc mãi, cũng không chớp mắt được. Câu chuyện của đời bác Đặng Minh Chánh, cứ quấn mãi vào lòng tôi. Ngày hôm sau, buổi đi làm trưa về, tôi lại lén ra buồng y tá, để nói chuyện với Mai Nhuệ Anh và Lê Ngung, biết thêm được vài chi tiết về bác Chánh. Cũng qua dịp này tôi có điều kiện chuyện trò, với Ngung và Anh một chút về quá trình: Lê Ngung bị bắt từ 1967 trong một toán BK tên HADLEY, tôi biết thêm cậu Vũ Viết Tinh trong tổ kỹ thuật của tôi, cũng cùng toán với Ngung.

Toán HADLEY gồm 11 người. Ra Bắc ngày 26- 1- 1967. Nhẩy ở vùng Hà Tỉnh.

1. Toán trưởng là Lê Văn Ngung, hiện ở Baltimore, Maryland.

2. Vũ Hình chết ở Missouri 2001, do ung thư phổi.

3. Nguyễn Thế Khoa, truyền tin trưởng. Tha 1982, hiện ở VN.

4. Nguyễn Huy Khoan, vì trốn trại nên là người duy nhất của toán, mãi tới 28-12-1984 mới được tha từ trại Tân Kỳ, Nghệ An trong khi hầu hết toán Hadley được tha năm 1982.

5. Lê Văn Lào, hiện ở Chicago.

6. Phạm Ngọc Ninh, hiện ở CA.

7. Phạm Viết Phúc, Truyền tin phụ, đã chết ở Sài gòn.

8. Trần Văn Quy, Toán phó, hiện ở Minnesota.

9. Lương Trọng Thương, chết 1970 tại trại tù Phong Quang.

10. Vũ Viết Tinh, hiện ở Indiana.

11. Vũ Như Tùng, hiện ở Chicago.

Còn Mai Nhuệ Anh lại ra Bắc trước Ngưng gần một năm. Toán của Anh là HECTOR BRAVO B. Ra Bắc ngày 13-9-1966, gồm 12 người. Địa bàn hoạt động tại tỉnh Quảng Bình, gần đường mòn HCM. Do một Thiếu úy: Đặng Đình Thúy của trường Sĩ Quan trừ Bị Thủ Đức, làm cố vấn hiện ở San Jose.

1. Mai Nhuệ Anh ,Toán trưởng, hiện ở Wa. State

2. Vũ Văn Chí ,Toán phó, hiện ở Louisiana

3. Nguyễn Văn Đình, Truyền tin trưởng, hiện nay ở Cali

4. Nguyễn Văn Độ, hiện ở Cali.

5. Hà Trung Huấn, truyền tin phụ, chết trận ngày 13-9-66.

6. Hoàng Đình Khả, cũng chết khi chiến đấu 13- 9- 1966

7. Lê Ngọc Kiên, hiện ở Cali

8. Trần Trọng Nghĩa, hiện ở Cali

9. Âu Dương Quy , hiện ở Cali

10. Tống Văn Thái, Truyền tin phó, hiện ở Cali

11. Nguyễn Văn Dũng, hiện ở Cali

Sáng hôm nay, tôi đang cắm cúi lắp cái ngăn kéo cho cái tủ gỗ lát của Hà văn Nho, nghe ồn ào léo nhéo ở phía nhà kho. À thì ra toán nông nghiệp của Phạm Ngọc Ninh (Ninh côi) đang ôm, vác vận chuyển những bao tải lạc củ (đậu phụng) vào kho . Tôi, Chăn và Tinh liếc nhau, nhưng như cùng hiểu; “làm sao kiếm được một ít lạc bây giờ, thì đúng là chúng ta được vào Thiên Thai”.

Tên cán bộ toán nông nghiệp trông rất còn trẻ, chỉ 27- 28 là cùng. Y nhìn qua lán mộc, chân y tiến bước sang, tiến vào ngay tổ kỹ thuật của tôi. Hơi gật đầu chào y

theo xã giao và theo thủ tục. Y cũng hơi gật đầu, đáp lễ lại chúng tôi. Y sờ tay, quan sát cái tủ tôi đang làm, rồi ra vẻ trầm trồ:

– Cái tủ đẹp và gỗ cũng đẹp!

Thời cơ đến! Mặc cho y ngắm nghía cái tủ, tôi quan sát loáng một cái, hiện trường. Tôi khẽ bảo nhỏ, Chăn và Tinh:

– Tôi sẽ nói chuyện với tên cán bộ này! Các cậu tính sao để kiếm tí chút!

Tôi liếc nhanh tên CAVT, đang cầm khẩu AK đứng gần nhà kho. Tinh kiếm cớ ra hỏi chuyện tên đó cái gì, để che mắt. Chăn làm hiệu sao với toán trưởng Ninh (côi) (Phạm Ngọc Ninh) mở sẵn một bao lạc ra. Chăn chỉ việc vào xúc, chừng 1 kg là được rồi .Làm lẹ !

Tuy tôi quay lại tán chuyện, với tên cán bộ nông nghiệp về chiếc tủ v.v... nhưng mắt tôi không bỏ qua một hiện tượng nào, của hiện trường. Tôi đã thấy Chăn, Tinh, và Ninh Côi đã nhịp nhàng, tiến hành từng động tác. Tới chỗ Tinh tiến đến tên CAVT, Chăn lỉnh vào nhà kho. Tôi choáng cả hồn, làm câu chuyện tôi đang nói với tên cán bộ, bị ngắt quãng. Nếu y tinh ý, y sẽ thấy bất thường. Lầu Chí Chăn ôm luôn cả một bao tải lạc, lủi ra phía sau toán mộc, khuất chỗ 6 -7 cái giường đóng rồi, đang để chồng lên nhau. Anh chàng Người Nhái này liều thật! Tôi cứ tưởng kiếm được một vài kg lạc, là đạt yêu cầu rồi !

Chính Ninh Côi và cả toán nông nghiệp, những cậu nhìn thấy cũng hết cả hồn. Sau này tôi được biết Ninh Côi đã mở sẵn một bao tải lạc, cho Chăn lẹ vào xúc. Thế mà Chăn lại ôm ngay một bao tải khác, nặng hàng 40 kg.

Một kỷ niệm không quên. Bây giờ ở Mỹ (2004) Chăn chạy xe tải, Ninh Côi chạy Taxi ở Cali và tôi. Qua điện thoại, đôi khi còn nhắc lại cái buổi ” chôm ” bao tải đậu phụng ngày ấy, ở trại Thanh Phong.

Chiều hôm ấy, ông Lĩnh và tên CAVT cho toán mộc ra Suối Tiên (hay sông Tràng) tắm giặt như mọi khi, mỗi tuần. Tâm hồn tôi như bay lượn, với khung trời suối Tiên. Cũng 2 cái guồng nước, chéo 2 phía, ở bên kia giống suối như mọi khi. Hôm nay dưới ánh nắng chiều xiên khoai, nửa sáng, nửa tối. Tôi cổ cảm tưởng hai guồng nước, như 2 con mắt của một ông thần khổng lồ, đang nhìn chúng tôi tắm rửa ở dưới dòng suối. Ở một cành cây rừng cạnh bờ suối, một con chim cánh chả xanh biếc, lao vụt xuống suối để bắt cá, như chiếc ” Thần Sấm ” từ trên trời lao xuống Hà Nội rắc bom năm xưa, từ cửa sổ xà-lim I Hoả Lò, tôi đã chứng kiến.

CHƯƠNG 14 : VÀO LỒNG NHỎ

Sáng ngày hôm sau, thì thấy mất Lý Cà Sa. Và ngay chiều ngày hôm ấy; gần giờ tan tầm, tên cán bộ Thành phụ trách đội mộc của công trường đến ngồi nói chuyện với tôi. Y nhìn tôi đang thao tác lắp cái giường đôi, cho vợ chồng một tên cán bộ khác, ở

bên trại tù. Chuyện trò cười nói rôm rả, đến chỗ cắt 5 cái thang giường, để 2 cái vỉ giường, cho giải chiếu. Công việc cắt cái đầu thang giường này không phải thợ học nghề, mà ai cũng có thể cắt được. Nhưng, có thể do đầu óc tôi quá nhiều sự việc căng thẳng từ hôm qua, hoặc có thể mải vui câu chuyện với tên cán bộ của đội mộc. Tôi cắt hụt chừng 3 phân một cái thang giường, tên Thành đứng dậy gào to:
– À anh Bình, muốn phá hoại tài sản công trường, của nhà nước à?

Tôi ngửng lên nhìn y, tôi còn tưởng y nói đùa; nhưng nét mặt của y đã trả lời là nói thật. Thấy thế, tôi cười nói như diễu cợt :

– Cắt cái thang giường mà ông cho là phá hoại, nó chỉ.....

Y đã đứng dậy ra phía ngoài cửa, một tên công an võ trang đeo súng theo y tiến vào.

Tên cán bộ nói líu nhíu :

– Anh bị bắt sang trại tù! Anh theo vũ trang về trại.

Như thế là họ đã chuẩn bị sẵn từ trước, chỉ có tôi mới "tồ" nên bất ngờ mà thôi! Tôi theo tên công an vũ trang ra cổng lán mộc, trước những con mắt mở to của các anh em Biệt Kích khác. Đúng như lời dậy của cổ nhân: Chỉ có chữ "bất ngờ" cho tới già vẫn chưa ai học hết được!

Đã rõ như ban ngày là họ có chủ trương bắt tôi trở lại tù, dù tôi chẳng có vi phạm điều khoản nội quy nào của công trường, mà chính họ đã đặt ra, như Hiến Pháp của họ, cho đất nước. Tên công an võ trang dẫn tôi về công trường lấy chăn màn, quần áo để sang trại tù. Khi bước vào cổng trại tù, đã thấy tên cán bộ trực trại chờ sẵn ở căn buồng con, cạnh cổng vẫy tay. Tôi ôm chăn màn và chiếc hòm con đi theo, y bắt tôi mở hòm ra, lục tung khám xét mọi thứ. Tất cả thư từ, hình ảnh của cá nhân, hay bất cứ giấy tờ gì, y giữ lại hết, tôi phản đối :

– Thưa ông, thư từ hình ảnh là của thân nhân tôi, ở các trại tù khác, các cán bộ đã duyệt xét rồi!

Qua một vài nét tôi hiểu: đây không phải do y, mà y chỉ thừa lệnh; vì thế y chỉ cộc lốc :

– Không được! Phải duyệt xét lại!

Y ra hiệu tay, tôi ôm vật dụng theo y vào một căn lán trại tù. Y chỉ tay lên một chỗ ở sàn trên :

Advertisement

– Chỗ anh nằm đó!

Đây là khu hình sự, trại chưa đi lao động về; chỉ lèo tèo vài người ốm bệnh ở nhà. Tôi còn đang sắp xếp lại quần áo của tôi, sau khi đã bị lục tung, thì trại ầm ầm huyên náo. Tù đã đi lao động về.

Cái đêm hôm ấy trời lại mưa to tầm tã, sấm chớp ầm ầm. Nằm nghe sấm sét, gió mưa gào thét ngoài núi rừng, hình như cũng có một trận gió mưa tầm tã khác, đang diễn ra trong lòng tôi. Rũ rượi rồi tôi lịm dần vào giấc ngủ muộn, đầy khắc khoải. Gần sáng, giòng tư tưởng của tôi chợt ghé đến cụ: Tam Nguyên Trần Bích San với tư tưởng khích lệ, trác tuyệt của cụ:

Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí.

Nhân bất phong sương, vị lão tài.

Xin phép tạm chuyển dịch: (Đất mà không có núi, có sông thì đâu có lạ kỳ, đâu có đẹp. Con người mà không từng trải thăng trầm gió, mưa thì làm sao có chí lớn, tài cao?) Có lẽ vì trong lòng tôi đã nhão nhoẹt nhiều quá, nên tôi tìm đại câu trác tuyệt của ông cha làm "cứu cánh" để tự an ủi mình, trong lúc buồn nản này. Tuy thế, tôi cũng tâm thành cảm tạ cụ Tam Nguyên Trần Bích San.

(Đến đây tôi xin phép quý vị độc giả năm, mười phút để nói về cụ Tam Nguyên Trần Bích San. Cũng là thể hiện sự tôn trọng các quý vị)

Từ một tâm niệm học hỏi, những kiến thức hữu ích, của nhân loại, tôi đọc bất kỳ một tư tưởng, một phát kiến uyên bác ở sách nào, báo nào, tôi đều thường ghi nhận. Tôi là thế hệ con cháu được thừa kế, ứng dụng, trong cuộc sống. Cái câu thâm thúy: *"Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí. Nhân bất phong sương, vị lão tài." tôi đọc được trong một tờ báo, khi tôi còn ở trong tù. Tờ báo đó ghi tác giả là Tam Nguyên Trần Bích Lan. Câu nầy thật là thần kỳ, đã an ủi, thúc đẩy tôi khi lòng tôi nhão nhẹt, ủ rũ, vì VC bắt tôi vào tù trở lại.*
Ngày nay tôi viết hồi ký TĐ, tôi chợt nhớ thầy Trần Bích Lan (nhà thơ Nguyên Sa) đã dạy tôi nhiều giờ Việt văn ở năm Đệ Nhị chuyên khoa 1958, trường trung học Nguyễn Bá Tòng Sàigòn, như vậy phải chăng có hai ông Trần Bích Lan? Tôi không có điều kiện tra cứu ở các thư viện, tôi phải thăm hỏi những bạn già trên 70 tuổi ở nhiều nơi, cả ở Pháp và Úc. Tất nhiên những bạn ấy, đều ít nhiều có Hán học chứ không phải mấy anh Tiến sĩ Tây học hay Mỹ học. Các anh đều lơ mơ nhưng đều xác quyết như tôi, là dứt khoát không phải của ông Trần Bích Lan (Nguyên Sa). Bởi vì từ khi Pháp đô hộ, thì còn làm gì có thi Hương, thi Hội, thi Đình để có cái Tam Nguyên như của cụ Tam Nguyên Yên Đổ?
Tôi đã định sửa lại chung chung là :"một câu trác tuyệt của người xưa", nhưng tình cờ nói chuyện với một anh bạn già nữa là anh Nguyễn Văn Vĩnh, cùng khoá 11 Thủ Đức ở TX (anh cũng là một cây Nho xanh rờn). Anh hứa sẽ hỏi ông anh ruột (cụ Đào Nguyên Nguyễn Văn Nguyện) có quen với ông Trần Bích Lan (Nguyên Sa) và tôi đã được chi tiết rõ ràng:
Cụ Tam Nguyên Trần Bích San biệt hiệu Mai Nham, danh sĩ triều Nguyễn (1839-1977) là con của cụ Phó Bảng Trần Doãn Đạt. Cụ người làng Vị Xuyên (cùng làng với

cụ Trần Tế Xương), Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Cụ đỗ đầu khoa thi Hội ở Huế 1865. Vua Tự Đức rất thương mến ban cho biệt hiệu là Trần Hy Tăng (Vương Tăng, Trung Quốc). Về sau cụ được thăng tri phủ Thăng Bình năm Tự Đức 20. Năm 1870 cụ đi sứ Trung Hoa, rồi được cử đi sứ nước Pháp. Khi cụ trở về được thăng tuần phủ Hà Nội. Cụ cũng để lại cho đời tập Mai Nham Thi Khảo (Xin các quý vị có tư liệu về cụ Tam Nguyên Trần Bích... chỉ giáo. Xin cảm ơn quý vị và trở lại Thép Đen)

Tinh thần của tôi như vừa được uống một liều thuốc tăng lực, để tỉnh táo xét suy: Chắc chắn họ không để tôi ở khu hình sự này lâu. Có lẽ vì họ được lệnh bất chợt, sợ đưa tôi vào khu Biệt Kích (khu Biệt Kích chỉ cách một hàng rào nứa) sẽ làm hoang mang, ảnh hưởng đến tinh thần của họ? Hay vì lý do khác, làm sao tôi biết được?

Đêm qua nằm nhẩm tính, tôi ra khu công nhân Hồng Thắng, chừng hơn 5 tháng đã lại bị bắt vào trại tù rồi. Đúng một tuần sau, tên trực trại vào gọi tôi ôm chăn chiếu sang khu Biệt Kích bên cạnh. Y chỉ cho tôi một chỗ cũng ở sàn trên và cũng câu nói của tuần trước, y đã nói với tôi bên khu hình sự :

– Chỗ anh nằm đó!

Tôi đã suy đoán không sai, lại được về tù chung với anh em Biệt Kích, như hơn 6 năm xưa.

Buổi trưa, trại về anh em chạy đến thăm hỏi tíu tít. Toán trưởng vẫn là Trương Bá Ngữ, toán phó là Nguyễn Xuân Sang. Quách Rạng đã ghé tai tôi nói nhỏ :

– Chúng tôi đã biết anh sẽ về đây, 2 ngày rồi!

Tôi còn đang ngạc nhiên, chưa kịp hỏi: Sao mà biết? Thì Rạng đã nói như trả lời :

– Lê Văn Kinh cũng đã bị bắt vào 2 ngày trước! Cả Nguyễn Cao Sơn cũng mới vào hôm qua. Cả hai còn nằm rũ ra kia kìa!

Có Kinh và Sơn cũng bị bắt vào, tôi hơi suy đoán ra: Đây là 3 tên (theo cái nhìn của cộng sản) nguy hiểm hơn, so với một số anh em Biệt Kích ở công trường. Tình hình, có biến chuyển thế nào cứ "vồ" 3 tên này trước đã.

Advertisement

Vụ việc của Lê Văn Kinh Người Nhái phá tàu ở sông Gianh 1962 tôi đã tường thuật rồi, còn toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn. Tôi nhớ trước đây có tìm hiểu về toán này, tôi chỉ biết sơ lược, bởi vì toán Biệt Kích này có một vài sự việc không bình thường, cho nên anh em trong toán đó không muốn nhắc lại, vì thế nên ít người biết chi tiết.

Tên toán là STRATA 120. Toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn tên là STRATA 120. Ra Bắc ngày 14- 5-1968, toán gồm 6 người.

1. Nguyễn Đình Lánh một chuẩn úy là toán trưởng (đã chết).

2. Trần Quốc Quang, toán viên.

3. Trương Nàm Tráng toán viên (người Việt gốc Tàu).

4. Nguyễn Ngọc Anh,

5. Nguyễn Như Ánh hiện nay ở Chicago.

6. Nguyễn Cao Sơn cũng là một chuẩn úy của trường Thủ Đức.

Chính vì một toán Biệt Kích lại có 2 chuẩn úy nên mới xẩy ra nhiều chuyện đáng tiếc sau này, khi vào vùng hoạt động mà đã bị lộ. Hiện nay, Nguyễn cao Sơn đã tới Mỹ, nhưng tôi không rõ tiểu bang nào.

Mấy ngày nói chuyện với Quách Rạng tôi cũng có hỏi sơ sơ được biết: Toán của Quách Rạng là GRECO ra Bắc ngày 14-11-1964. Toán gồm có 7 người:

1. Đinh Công Bích, Toán trưởng. Dân tộc Mường. Bích là Trung úy (xuất thân trường Võ Khoa Đà Lạt, rớt ra chuẩn úy). Chết năm 1979 tại trại Tân Lập (vợ có được lĩnh tiền của bộ quốc phòng ở Mỹ).

2. Bùi văn Cởi (chết trận).

3. Quách Hinh, truyền tin phó, hiện ở Atlanta, Hoa Kỳ.

4. Đinh thế Hùng, Truyền tin (chết ở trại Vĩnh Quang 1968).

5. Đinh công Ngọc, Truyền tin trưởng. Hiện ở Chicago.

6. Quách Rạng hay Quách Thái Bằng, phụ tá toán trưởng. Hiện ở Atlanta.

7. Quách Công Tiếng (Hạ), toán phó phá hoại. Hiện ở Atlanta.

Gần một tháng sau, những tin rỉ ra từ hướng này, hướng kia tôi biết là Vòng A Cầu ở toán Biệt Kích CANCER đã rủ Lê Trung Tín của toán RED DRAGON chạy sang Trung Quốc. Rồi sau đó kéo thêm Lý Cà Sa nữa.

Sau này nghe dư luận Lý Cà Sa có cầm quân Trung Quốc đánh sang tỉnh Lào Cai, trong đợt Trung Quốc vượt biên giới tấn công VN để dậy cho cộng sảnVN một bài học 17/2/79. Còn Vòng A Cầu, nghe đâu vẫn còn ở bên Trung Quốc thuộc tỉnh Quảng Đông? Riêng Lê Trung Tín hiện nay đã ở Mỹ nhưng tôi cũng chưa rõ ở tiểu bang nào? Mới đây, 12/2004 tôi nghe nói loáng thoáng: Tín đã từ Trung Quốc vượt trở về Việt Nam, rồi đi HO. sang Mỹ. Ở Colorado.

Bản thân tôi cũng đã nhiều đêm ngày tâm tư bị bóp nặn, giằng co: Nếu buổi hẹn 9:30-10:00 tối hôm ấy ở ngã ba cây Sồi, tôi thực thi lời hẹn thì sao? Thì có muôn ngàn tình huống tôi không thể biết. Nhưng có một tình huống tôi biết chắc: Tôi không được cái vinh dự, ngồi viết những dòng tường thuật này, để các quý vị độc giả nhìn lại một vài góc cạnh của một cuộc chiến "nồi da, nấu thịt". Và một góc đen tối, ở phía Bắc quê hương thương đau của chúng ta.
Tôi bị bắt trở lại chừng gần 2 tháng. Một buổi sáng sớm khoảng 4 giờ, trật tự và cán bộ đã mở cửa vào buồng. Tuyên bố tất cả mọi người chuẩn bị công tư trang để chuyển trại. Mười lăm phút sau tất cả tù đều phải ra ngoài. Như một đàn gà được chuyển chuồng, rầm rập chạy lên, chạy xuống, chạy ngược, chạy xuôi, đôn đáo ai cũng tự lo cho mình. Cán bộ lại mở cửa, lần lượt hàng đôi ôm đồm chăn chiếu tiến ra sân.

Trời còn tối đen, ở sân đã có 2 chiếc xe chở khách đã tã, mầu sơn long lở. Cán bộ nhà bếp, trật tự và một anh bếp hình sự gánh đến một gánh bột mì luộc, lần lượt phát theo hàng mỗi anh một miếng mì luộc, chừng gần 2 lạng trong miếng lá chuối. Hơn 8 chục Biệt Kích chèn nhét lên hai chiếc xe thời cà cộ.

Chẳng một ai biết là sẽ chuyển đến trại tù nào? Riêng tôi cứ băn khoăn ngẩn ngơ. Như thế là tất cả: hình ảnh, thư từ, giấy tờ đã bị họ tịch thu khi bị bắt vào, bây giờ chuyển trại là coi như mất tiêu hết.

Tiếc nhất mấy tấm hình anh Tâm y tá chụp cho. (Sau này không ngờ Lê Văn Kinh, lại không bị tịch thu, Kinh còn giữ được, ở Florida, Kinh đã gửi cho tôi). Chả cần tường thuật lại cái cảnh 2 người một khóa của cuộc chuyển tù, biết bao khó khăn, khổ cực trong những sinh hoạt cá nhân. Tâm trạng người nào cũng ngơ ngác như đi giữa sa mạc, chẳng biết một hướng nào và về đâu?

Tôi cố căng mắt nhìn cảnh vật, vận dụng cái trí óc của người rừng dân tộc để suy đoán. Quá trưa, chúng tôi đã xác định xe ngắc ngư bò về miền xuôi. Tôi cũng thấy hơi lạ, đã từ hàng chục năm xưa tù chỉ có chuyển về miền ngược, miền núi rừng, giờ đây lại chuyển tù xuôi về đồng bằng. Do đều không biết nên anh em suy đoán linh tinh, tỉnh nọ, tỉnh kia, trại nọ, trại này v.v...

Gần chiều muộn hai xe ngừng lại trên một con lộ ở giữa cánh đồng lúa. Nhìn xa xa chung quanh là những xóm giềng của những nhà tranh và những lũy tre làng. Mươi phút sau, hai xe lại bắt đầu chuyển bánh. Đến một ngã ba, có một con đường đất rẽ vào làng, xe tiến vào. Đã có nhiều kinh nghiệm ở những nhà tù miền Bắc. Miền xuôi, thì phải có tường xây cao kiên cố, như Hỏa Lò chẳng hạn. Vì thế khi được lệnh của các cán bộ, có súng có ống bảo, tất cả xuống xe. Chúng tôi hầu hết đều ngỡ ngàng e ngại, chẳng lẽ họ cho chúng tôi đi ngủ, ở giữa cánh đồng này?

Tay bị khóa, và ôm vác trong cánh đồng chiều, theo các ông súng ống. Đi hàng đôi, chừng 5 – 600 mét, chúng tôi đã nhìn thấy những bức tường xây ẩn trong những lũy tre cao. Càng gần đến, càng thấy cái bề thế, của một trại tù lớn trong lũy tre, lại ở

giữa một cánh đồng lúa đã chín vàng. Văng vẳng tiếng ễnh ương, tiếng côn trùng nỉ non, của đồng nội quê nghèo.

Vào đến trong trại, khi đã được mở còng tay, mới càng thấy qui mô của cái trại. Rất nhiều khu nhà xây, tường xây cao với những mảnh chai, dây điện chăng, cắm phía trên. Chúng tôi được dẫn vào một khu phía trái, trong một căn nhà xây, cũng sàn trên, sàn dưới bằng gỗ như của một trại tù miền ngược.

Điều đặc biệt vui là gặp lại mấy chục anh em Biệt Kích, ở trại I Lào Cai từ đầu 1972, chuyển đi trại Hoành Bồ Quảng Ninh. Anh chàng Nguyễn Huy Lân "mều" và Hoàng Mạnh Hùng cứ nắn, bóp tay tôi ríu rít. Lân Mều mở to mắt đập tay vào vai tôi :

– Sao chúng mày lại về đây?

Chẳng ai trả lời! Vả lại làm sao biết mà trả lời. Chỉ một lúc sau, chúng tôi đã biết: Đây là trại T 52 Hà Sơn Bình. Có rất nhiều quân cán của chính quyền VNCH bị giam giữ tại đây. Hàng chục năm mới gặp lại nhau, với bao nhiêu diễn biến của quê hương: Hội nghị Paris, Sài Gòn bị "đứt phim", rồi mỗi cảnh đời tù của mỗi phía để trao đổi, hàn huyên. Xin xếp lại đấy, hãy nói những điều hiện tại và phía trước đi tới.

Tôi, Kinh và mấy anh em nữa được phân về đội mộc của anh chàng Lân "Mều". Kể cũng lạ, hàng chục năm, ngay từ đầu 1968 đến giờ 5 lần, 7 lượt chạy nhiều hướng tù, mỗi người mỗi lối, cuối cùng vẫn anh chàng "Mều" này làm đội trưởng.

Trước đây gọi là toán, bây giờ đổi là đội. Chuyện lớn đổi thay, chuyện nhỏ cũng thay đổi. Đổi thay luôn luôn, tên nước, tên Đảng, tên cơ quan, tên tổ chức, kể cả hiến pháp. Từ đấy, bây giờ họ đặt là thành phố HCM, rồi đây ai cũng thấy một ngày nào đó, sẽ đổi thành một cái tên khác.

Cho nên ví tượng trưng chế độ cộng sản = con Bồ Nhông thì cũng không sai. Con Bồ Nhông luôn luôn thay đổi mầu, theo thời tiết và ánh sáng. Sáng, trưa, chiều, tối, nắng, mưa v.v...
Vì sao và mục đích nó phải thay đổi mầu, để làm gì? Hỏi để mà hỏi, chứ ai cũng trả lời được, vì ai đã ở nhà quê hay miền rừng núi, cũng ít nhiều thấy nó rồi.

Con bồ nhông phải thay đổi mầu của nó, chỉ vì muốn làm mờ mắt:

1/ Đối thủ: Thằn lằn, tắc kè, bọ cạp, rắn mối v.v... (Những nước nào? Những đối tượng nào? Tự suy).

2/ Kẻ đại thù, kẻ muốn xơi thịt nó: Diều hâu, cú mèo, quạ đen, hải âu v.v... (Nước nào, người nào. Tự thấy).

3/ Con mồi: Cào cào, dế, bọ xít, bọ ngựa v.v... (Nước nào, đối tượng nào. Tự suy ngẫm).

Không những làm mờ mắt các đối thủ, kẻ đại thù mà còn làm mờ mắt các con mồi của nó. Con nào nó đang ăn và sẽ ăn, chính con mồi cũng không hề hay biết. Cho nên, xin đừng coi thường, để rồi quên đi: dù nó có thay đổi như thế nào, nó vẫn là con bồ nhông mà thôi.

Tôi theo đội mộc của Nguyễn Huy Lân đi làm. Ra khỏi cổng trại rẽ về phía trái chừng 250 mét là tới lán mộc. Lán mộc ở đây cũng lợp ngói kiểu nhà "kiến thiết cơ bản" nhưng vách, tường không có. Toàn bộ lán chừng 2 chục cái cầu bào, cho những người thợ chính.

Cán bộ đội mộc, tôi đã thấy từ khi y vào khu Biệt Kích trong trại. Da y trắng trẻo, tôi cứ có cảm tưởng y là loại "tạch tạch sè" (tiểu tư sản) vậy mà y lại có cái tên là Hồng Thắng Tài. Ngay cái tên y cũng đã thấy khái niệm. Không biết do bố mẹ y đặt, hay y tự chọn lấy sau này? Đầy nịnh bợ và cũng tràn ắp lòng tin vào "chiếc bánh vẽ" của cộng sản. Một lòng theo Đảng, thì còn hơn là người có tài. Lân đã biết khả năng nghề nghiệp của tôi, và đã trình bày với tên Tài. Tên Tài đã phân công cho tôi, đóng một chiếc ghế lệch kiểu Đức.

Ngay buổi chiều hôm ấy, đội mộc ra khỏi lán trở về phía trước cổng trại. Một cảnh tượng đã hằn vào lòng tôi, đã cuốn chặt vào hồn tôi cho tới bây giờ, vẫn chưa lơi lỏng. Cả một cái sân lớn phía trước cổng trại, ngồi kín những binh lính của VNCH, quần áo rằn ri hoặc xám, chỉ có khác là không có súng ống. Lẫn vào đây đó có những tên áo vàng (cán bộ) và mầu xanh đeo súng là những tên công an võ trang. Nhìn chéo ra những cánh đồng lúa, trên những con đường đất dẫn về cổng trại, thỉnh thoảng một đoàn quân đội VNCH xếp hàng đôi tiến về cổng trại, theo sau có một tên công an võ trang "oắt tì" đeo súng áp tải.

Bây giờ đọc đoạn này, có còn ai thấy lòng dạ thế nào không? Chứ khi ấy, giai đoạn ấy ruột gan của tôi như vặn vò, rướm máu. Nhất là lại là buổi ban đầu sau 16 năm, nằm trong ngục tù. Hôm nay tôi mới nhìn thấy, những chiến hữu ruột thịt nhớ thương, khao khát của mình.

Hơn một tuần sau, tôi đã có một chút khái niệm về cái trại giam đặc biệt, Hà Sơn Bình này. Khoảng trên dưới 900 tù nhân, hầu hết là quân cán của chính quyền miền Nam. Đặc biệt là có 2 đội, VC gọi là "bò lục" chừng hơn 9 chục, toàn là đại tá của VNCH. Cứ sau khi toàn trại đi lao động, hai đội này mới được ra quét dọn, nhặt cỏ, những công việc vặt vãnh không cần chuyên môn.

Anh em cho biết đã có lần, 2 ông đại tá trong những ngày nghỉ, đã trèo vào khu Biệt Kích lén lút chuyện trò, có Biệt Kích "ghếch" áo vàng. Đặc biệt hơn nữa, cũng anh em cho biết: trong một khu đối diện phía bên kia, kiên giam toàn là tướng và hàng bộ trưởng, không có ra làm việc bên ngoài. Lòng tò mò tìm hiểu của tôi được khích lệ, lòng tự nhủ lòng: Được! Tôi còn ở đây rồi sẽ biết!

Cũng nguồn tin từ các ông "bò lục", khi VC chiếm được miền Nam, nhiều kho vũ khí, và quân nhu còn lại, ta chưa kịp phá hủy. Bây giờ chúng lấy những bộ đồ đó, đành rằng chúng có thể đổi chác với các nước chung quanh, dân chúng của VC còn thiếu quần áo mặc, nhưng bao giờ chúng vẫn dành ưu tiên cho tuyên truyền. Bắt những tù VNCH mặc quần áo mới đó, cộng sản có những điều lợi: Càng khoét sâu, làm thối ruỗng ý chí của những người tù, mà đàng nào cũng phải cung cấp quần áo tù lao động, cho họ (nhất cữ lưỡng tiện). Những cán bộ, những người dân qua lại, chứng kiến càng nức lòng hồ hởi tung hô tài ba vô địch của chủ nghĩa cộng sản chuyên chính, (nhất cử, tam, tứ tiện). Tại sao chúng không làm?

Từ khi còn mồ ma HCM, VC luôn luôn kêu gọi đồng bào miền Bắc thắt lưng, buộc bụng để chi viện cho đồng bào miền Nam đang bị đói khổ, lầm than trong tay đế quốc và tay sai. Nhưng sau khi chúng cưỡng chiếm được miền Nam, không những nhân dân miền Bắc đã bật ngửa ra, mà ngay cán bộ của cộng sản cũng không thể ngờ. Cụ thể tên bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh (giai đoạn ấy) đã thốt lên: "Không ngờ, đời sống của miền Nam trù phú thật". Tôi đã đọc được câu nói của y trong một bài báo "Đảng ta thắng lớn" trên tờ QĐND cuối năm 1975.

CHƯƠNG 15: GẶP LẠI NGƯỜI XƯA

Được hơn một tháng, qua một vài hiện tượng, một vài nét chúng tôi đều nhìn anh em bên Z. (Giai đoạn ấy VC gọi những người tù của VNCH sau 1975 là Z), các anh có vẻ quá lịch sự, trở thành lễ phép khác thường, với tụi cán bộ áo vàng. Những ngày nghỉ các anh bách bộ, hay chuyện trò với nhau, trong sân trại. Bất ngờ có một tên áo vàng đi vào, dù các anh đang tụm 5, tụm 3 nói chuyện, các anh đều quay lại, hai tay đan ngón lại, đầu hơi cúi:
– Xin chào cán bộ ạ!

Tôi hiểu VC đã nghiên cứu ra những nguyên tắc tinh vi như: 4 tiêu chuẩn cải tạo, 8 điều nếp sống văn hóa mới v.v... Chúng nhấn mạnh nhất là vấn đề lễ phép: "Tiên học lễ, hậu học văn". Chúng cố ý mập mờ cho những quân cán VNCH bị tù, tự thấy: Được tha về sớm hay muộn, ở trên xét để các anh được về với gia đình vợ con, làm lại cuộc đời. Yếu tố đầu là hạnh kiểm: Ngoan ngoãn và lễ phép.
Các anh em Z không đáng trách một chút nào, các anh mới bị bắt 1-2 năm. Trong khi ngay những Biệt Kích chúng tôi đã tù 16 – 18 năm rồi, cá biệt có những anh còn nghĩ: Phải lễ phép với cán bộ thì mới sớm được về!

Một sự việc cũng hơi buồn cười: Hai, ba đội trong khu Biệt Kích xuất, nhập trại thường báo cáo như hàng chục năm trước, ở các trại tù khác. Nhưng không hiểu sao buổi chiều hôm ấy, Nguyễn Huy Lân dẫn đội mộc, về tới cổng trại. Như mọi khi Lân điểm sơ lại số tù của đội, rồi tiến lên trước cổng đứng nghiêm :

– Báo cáo cán bộ, đội mộc xuất 43, nhập 43 đủ!

Tên cán bộ trực trại cầm sổ đứng một bên, tên thiếu úy vũ trang cầm sổ đứng một bên vẫn đứng yên, không bảo hay ra hiệu tay cho toán vào. Đội mộc cứ đứng giữa

cổng, cán bộ cũng không nói năng gì. Hai bên đứng yên thi gan đến 2- 3 phút, trong khi các đội bên Z đang túa từ các ngả về cổng trại. Tôi đã thò một ngón tay, kết hợp với mắt ra hiệu với Lân: Dứt khoát, thà chết "cứ đường cũ mà đi".

Rất nhiều đội Z chứng kiến, vì họ cũng đang chờ đến lượt, báo cáo vào trại. Cuối cùng tên trực trại và tên vũ trang đưa tay ra làm hiệu, gạt đội mộc dẹp vào mé tường xây bên cạnh. Tên Tài cán bộ của đội, và tên vũ trang đều vào cổng. Chúng bàn luận với nhau thế nào không rõ, chúng tôi 43 người đều ngồi xuống. Từ nãy, Lân đã giải thích cho anh em :

– Tất cả các đội Z, sau khi đội trưởng báo cáo xong số tù, phải nói một câu: "Xin cán bộ cho vào!"

Mấy đội Biệt Kích thì không chịu nói, 5 cái từ đó, mà từ trước chẳng trại nào có.

Tâm trạng của mọi người tù, đi lao động cả buổi về, vừa đói vừa mệt nhọc, ai cũng muốn về sớm để tranh thủ lo chuyện cá nhân của mình. Ngay trong đội đã có một vài anh muốn tỏ ý: Thôi hãy chịu thua đi! Hãy vào, biết phép đứng nghiêm nói: Xin cán bộ cho vào! Nhưng hầu hết anh em quyết tâm, dù có phải ngủ ngay chân tường của trại, cũng sẵn sàng.

Bao nhiêu đội Z, cả những đội về muộn họ đều nhìn đám Biệt Kích này. Kẻ đứng người ngồi như những đám tù "đoàn tù lê thê cất bước đi trên đường".

Trời thẫm dần, đã nghe những tiếng rên rỉ của đám côn trùng từ đồng ruộng vọng về. Những hơi rơm nồng và rạ ẩm luồn vào trong gió, từ ngoài đồng lách vào mũi của những anh tù Biệt Kích. Tôi ngồi dựa vào vai anh Quách Thức, mắt hết nhìn những đám mây vừa đen vừa xám đang vần vũ trên trời, lại nhìn 3 tên vũ trang uể oải, thỉnh thoảng lại dậm chân, khua tay cho đỡ mỏi người, vì không được ngồi như chúng tôi. Ba tên này là thiệt nhất, vì cứ phải đứng và phải coi đám tù "mất dậy" này. Trong khi gần 2 chục tên áo vàng, đủ loại bàn tán trong cổng trại.

Chúng tôi nắm được cái thế: Chúng tôi đã làm đúng như các trại tù khác! Đồng thời chúng tôi hiểu rằng: Có cho thêm vàng, những tên loe ngoe ở cổng trại, cũng không dám để chúng tôi ở ngoài. Bậc thầy của chúng, cũng chả dám để loại tù này, ở ngoài trại suốt đêm.

Đúng như nhận định của chúng tôi. Hơn một giờ sau, tên trực trại được lệnh trực tiếp của Tổng gíam thị, phải để tụi tù Biệt Kích vào trại, không phải nói: Xin cán bộ cho vào!

Vào tù mà lại phải xin vào là thế nào?

Trời đã cập quạng, gà đã lên chuồng, đoàn tù Biệt Kích chúng tôi qua cổng vào trại, trước những con mắt màu nâu xám của đám cán bộ ở cổng. Chắc chúng đã họp

hành, trao đổi với nhau. Từ hôm ấy tụi cán bộ áo vàng, áo xanh nhìn chúng tôi với những con mắt, con ngươi mầu đỏ quạch, khác thường.

Chẳng bao lâu, lại xẩy ra một chuyện nhỏ khác nữa. Hơn một tuần sau, tôi được lệnh của cán bộ đội mộc, về cổng trại để đo chính xác cái bàn của trực trại (thay cái bàn khác). Trên con đường trở về lán mộc (hơn 200 mét), từ xa thấy một tên trung úy áo vàng đi ngược chiều. Để tránh khỏi phải chào thưa lôi thôi, tôi vờ nhìn cái chòi gác của công an võ trang trên tường của trại giam, phía trái. Khi tôi đi qua tên trung úy, gọi giật lại vẻ hách dịch :

– Anh kia, anh tên gì, ở đội nào?

Tôi quay lại, như bây giờ mới thấy y. Tôi tỏ thái độ nhã nhặn :

– Cán bộ hỏi gì, tôi chưa nghe rõ ạ?

Hằn học, y cộc lốc :

– Đội nào, tên gì?

Tay trái đang cầm cái thước gỗ, tôi chuyển sang tay phải. Thái độ của tôi cố như tỏ ra, muốn quật cho y một cái, làm cho y hơi như lùi lại thủ thế, nhưng mặt tôi lại tỏ ra thản nhiên lễ phép :

-Thưa là ĐCB, đội mộc ạ!

Y rút cái bút và một cuốn sổ nhỏ ở túi áo ngực ra ghi vào, rồi y đi luôn vào cổng trại, không nói thêm một lời.

Tôi biết sẽ có vấn đề, nhưng tôi chấp nhận.

Về lán mộc, tôi đã nói cho Lân nghe sự việc, tôi yêu cầu ủng hộ. Từ lâu, tôi và Lân vẫn có hiểu ngầm nhau đặc biệt. Tôi cũng định nói trước toán, nhưng tôi hiểu có những đường giây riêng với cán bộ, nên tôi chỉ nói nhỏ với Hoàng Mạnh Hùng, và Lê Văn Kinh.

Cả buổi trưa, cho tới khi đội đi làm, cũng không thấy gì. Chiều hôm ấy, sau khi khu Biệt Kích cơm nước xong, có 3 tên cán bộ đi vào, đi đầu là Hồng Thắng Tài, cán bộ đội mộc, rồi đến tên trung úy tôi đã gặp buổi sáng, và tên thiếu úy trực trại.

Tên trực trại (sau tôi biết là Toàn) gọi cả 3 toán trưởng Biệt Kích là Nguyễn Huy Lân (Mộc), Trương Bá Ngữ (may) và Nguyễn Xuân Sang (đan lát, rèn). Tên Toàn cho lệnh tập họp toàn khu Biệt Kích.

Giữa cái sân con của khu, có một cái bàn với 3 cái ghế để tụi cán bộ ngồi, sau khi tù đã ra đầy đủ gồm hơn 130 Biệt Kích, xếp hàng thành 3 đội. Hầu hết toàn khu Biệt

Kích không ai hiểu vì sao lại tập họp như thế, chỉ có vài người chúng tôi biết nguyên nhân. Phần tôi đã chấp nhận, dù có phải bị cùm, kỷ luật.

Tên Tài giọng lẫn đờm gọi to :

– Anh ĐCB!

Tôi giơ tay và ra khỏi hàng, đứng phía cuối. Y vẫy tay, giọng khàn, tiếp tục :

– Anh lên trên này!

Khi tôi đến gần, y chỉ tên trung úy hỏi :

– Anh có biết ông cán bộ này, là ai không?

– Thưa, tôi không biết ạ!

Tên Toàn trực trại, gằn giọng hách dịch :

– Đây là ông trưởng ban giáo dục của trại này, thế mà sáng nay anh gặp ông, anh lại quay đi không chào phải không?

Đã suy nghĩ và đã có chuẩn bị, tôi nhìn thẳng tên trưởng ban giáo dục, rồi nhìn tên trực trại :

– Đúng, tôi không có chào, thưa ông, nhưng ông có cho phép tôi nói lý do tại sao không ạ?

Cả 3 tên đều nhìn tôi chằm chằm, với thái độ trấn áp ra mặt :

– Được! Cho anh nói!

Lối nào thì cũng dẫn đến một kết quả, tôi đường hoàng, dõng dạc :

– Trước hết tôi xin cảm ơn các cán bộ, đã cho tôi được nói hôm nay. Tôi đã được chuyển về trại này gần 2 tháng, đã từ lâu quan điểm của tôi là: Bất cứ ai, cuộc sống của mỗi người đều có những khó khăn riêng. Vì thế, nếu gặp nhau nên hòa nhã cởi mở, để cho phần nào vơi đi những nỗi niềm trong lòng. Tuân theo lời ông bà dậy: “Lời nói chẳng mất tiền mua, liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Vì mang quan điểm ấy, nên bất cứ ai tôi gặp, nhất là cán bộ của trại, những người trực tiếp giáo dục, dậy bảo mình nữa. Tôi gặp, tôi thường nhã nhặn chào, nhưng cũng nhiều lần, tôi về buồng, bực tức và buồn vời vợi. Cán bộ không nói thì ít ra cũng gật đầu, để tôi biết là ông ấy đã nghe thấy tôi chào. Ở đây, hầu hết đều yên phăng phắc, không tỏ một thái độ gì, để rồi tôi vừa đi, vừa mang một nỗi buồn và tiếc.

Tôi buồn: Vì mình là tù nên các cán bộ không thèm trả lời mình, tiếc là mình đã mất công chào vô ích.

Nỗi buồn tiếc ấy thường theo tôi về đến buồng tù. Đã có lần tôi cũng đã thổ lộ với anh Lê Văn Kinh, có khi cậu Hoàng Mạnh Hùng. Cũng đã có lần tôi ca thán cả với anh Nguyễn Huy Lân là đội trưởng như: Buồn quá anh Lân ơi! Hôm nay mình gặp một ông cán bộ, mình lễ phép chào mà ông ấy chẳng nói năng hay gật đầu! Lần khác và lần khác nữa, để rồi một lần tôi tự nhủ: Thôi, từ nay hãy biết thân phận là tù, đừng có với cao nữa, và từ đấy, mỗi khi bất ngờ gặp cán bộ, tôi tránh hoặc nhìn đi nơi khác.

Tôi nhìn cả 3 tên, nói cao giọng hơn :

– Bất ngờ nhất, ngay bây giờ các cán bộ gọi những anh tôi vừa nhắc tên, cán bộ sẽ biết rõ.

Tôi vừa nói tới đó, thì có mấy tiếng nói to ở dưới hàng, đội đứng :

– Thưa cán bộ, anh Bình đã nói đúng ạ!

– Thưa cán bộ, tôi cũng bị như anh Bình, nhiều lần như thế ạ!

Mặt cả 3 tên cán bộ như bị hụt hẫng; không còn cái khí thế hừng hừng, như lúc mới vào. Tên trung úy Trưởng ban giáo dục (sau này tôi mới biết tên là Thông), khoát tay nhìn tôi :

– Cho anh về chỗ!

Rồi y tiến dần đến các đội, hai tay y giơ cao, giọng ôn tồn :

– Đây là một sự hiểu lầm đáng tiếc! Tôi cũng vui thấy các anh có ý thức hòa nhã giữa người với người. Các anh cũng phải luôn xác định: Chúng tôi là những cán bộ của nhà nước, đang thực thi trách nhiệm giáo dục, uốn nắn những sai trái trước đây của các anh. Phần chúng tôi, sẽ nhắc nhở cán bộ nâng cao ý thức về thái độ, vai trò của mỗi người. – Miệng y nở một nụ cười hài lòng, hai tay y lại hất lên – Cho các anh giải tán!

Anh em quay lại nhìn tôi, đa số đều cười bằng mắt!

Qua sự việc này đã củng cố cho tôi thêm 2 điều, tôi đã học:

1) Phương pháp quan trọng hơn nội dung.

2) Hãy đứng thẳng và đứng vững, bằng chính đôi chân của mình.

Đội mộc kỳ này lại nhận một kế hoạch hơi đặc biệt. Đóng 200 chiếc hộp, theo quy cách độc đáo từ trước đến giờ. Bằng những miếng gỗ rời, dầy 2, 5 phân, dài 1m60, rộng 0m15. Không cần bào, đóng thành những chiếc hộp 1m60 x 1m20 x 1m00, đóng bằng đinh 5 phân, đóng những miếng gỗ hở cách nhau một phân. Điều khác thường là, sau khi làm xong, tất cả đều sơn, quét hắc ín.

Để thực thi kế hoạch này, cho kịp thời gian 10 ngày cả đội mộc đều ngưng công việc đang làm, để cùng làm 200 chiếc hộp này. Không một ai suy đoán ra đóng hộp như vậy để làm gì? Dù chính trị địa phương (miền Bắc) hay Biệt Kích đã tù lâu. Ai cũng tự hiểu, những việc như thế này, để khỏi lo âu hậu họa, tốt nhất là đậy cho kỹ cái miệng mình lại. Tôi cũng hiểu vì có những đường giây ngầm, nên cán bộ chuyên trách, sẽ biết tù bàn tán, suy đoán ra sao?

Đóng những chiếc hộp được khoảng 5 ngày. Một buổi tối, sau khi sinh hoạt đội xong, tôi đến chỗ Lân Mều, ngoài những câu chuyện thông thường, tôi nhẹ giọng hỏi Lân :

– Lân có biết họ đóng hộp này, để làm gì không?

Tôi và Lân đã có nhiều chuyện không thể nói với nhiều người, Lân liếc nhìn một anh nằm cạnh rồi nói khẽ :

– Tao cũng lạ! Suy đoán mãi mà chưa ra! Có lẽ mày đã đoán ra rồi phải không?

Tôi cười nhẹ và cũng nói nhỏ :

– Cứ làm như tôi có "bửu bối" không bằng! Tôi cũng đã suy luận mấy ngày rồi! Rõ ràng là hộp này di chuyển trong đêm tối. Tôi đã nghĩ tới vũ khí, nhưng miền Nam đã xong rồi, chả lẽ Miên, Lào, hay Thái Lan? Để giữ an ninh cho mình, có thể họ sẽ chơi Miên. Từ ít lâu nay biên giới Miên, miền Nam nhiều lộn xộn những vụ "Cáp Zuồn". Đài và báo chí đã nhiều lần phản đối. Bí mật chuyển vũ khí, đạn dược, làm hộp này không có đâu kín được bằng trong trại tù, có tên nào được ra ngoài đâu!

Mười ngày sau, chúng tôi đã làm đúng theo chỉ tiêu. Chúng tôi cũng phải khuân xếp ra đường đi phía trước lán. Tay chân anh nào cũng đen nhẻm, xà phòng rửa cũng không đi. Cán bộ phải cho người về trại xin được nửa lít dầu hỏa, mới giải quyết được. Nửa đêm chúng tôi nghe nhiều tiếng xe cam nhông, chạy rầm rì. Sáng chúng tôi ra lán, thì những chiếc hộp đã được chuyển đi hết rồi.

Có những sự việc đã nhiều lần tôi không muốn tường thuật lại. Đó là sự tiếp tế quá dồi dào của các gia đình Z ở miền Nam. Có lẽ vì mình chả bao giờ có tiếp tế, nhưng phải nói, cái chính là tôi có một chút lòng tự trọng lẩn quẩn trong đấy. Mãi hôm qua, khi đội đi làm trưa, về qua cổng trại tôi thấy hai chiếc xe ba gác đầy đồ tiếp tế, ì – ạch hai người đẩy. Mỗi xe một người kéo, một người đẩy, mì gói, lạp xưởng, bánh kẹo, thịt quay v.v... Không những đã làm phiền mắt và phiền lòng chúng tôi, mà còn

khiến mọi người bàn tán nhiều, dai dẳng đến cả tuần. Huống chi lũ cán bộ, cả đời chưa bao giờ nhìn thấy, nên trố mắt thô lố ra nhìn theo.

Giai đoạn này, khu Biệt Kích được lệnh ra hẳn ngoài sân trại chung, để xuất trại đi lao động. Ba đội Biệt Kích được xếp hàng ngay trước cổng của khu, cái sân trại quá rộng lớn, thế mà đầy là tù Z. Từ chỗ Biệt Kích ngồi xếp hàng đến chỗ các đội Z khoảng cách đến 40 – 60 mét, nhưng cũng nhìn tương đối rõ mặt. Chứng cớ thỉnh thoảng có anh Biệt Kích hoặc một anh Z, đã giơ tay vời chào nhau, vì gặp lại. Do đấy sáng, trưa khi xếp hàng đi làm, bên khu Biệt Kích cũng như bên khu Z đa số đều dõi mắt về phía nhau.

Có thể vừa tò mò, vừa muốn tìm người quen. Riêng với tôi và một vài anh nữa đã bị nằm ấp từ 1961- 1962 đến nay, đã 16 – 17 năm rồi. Ngay ngoài đời gặp nhau cũng khó ai nhận ra ai, huống chi ở trong tù. Chẳng có một dịp ngồi với nhau, rồi cùng nói về một chuyện, từ đấy mới có thể nhận ra. Đa số các anh Biệt Kích ra sau từ 1964- 1968, nhiều cậu Biệt Kích kể lại, đã nhìn thấy ông Thiếu tá A, ông Đại úy B v.v... ngày xưa đã chỉ huy cậu ta, hoặc có quen biết.

Một hôm ở ngoài lán mộc thủ công, sau khi chúng tôi lao động được một lúc. Bỗng thấy có 2 toán Z từ cổng khu thủ công đi vào. Vì thấy có nhiều cái đầu muối tiêu hoặc, muối nhiều hơn tiêu nên tôi xin gọi là các anh, các bác. Vì đã ở cùng trại mấy tháng, nên hẳn đã đều nghe nói về nhau. Như thế, hẳn các anh, các bác cũng biết chúng tôi đã tù hơn chục năm rồi, cá biệt có anh 16- 17 năm đã trôi qua cửa sổ. Hai bên nhìn nhau đều có thiện cảm đặc biệt. Chúng tôi quý mến các anh, như tôi đã có lần trình bầy rồi. Các anh, các bác nhìn chúng tôi có chút thương cảm, mình mới tù đây mà đã thấy khổ, họ (Biệt Kích) đã tù từ lâu. Khi miền Nam hãy còn phây phây, thì họ đã tù rồi. Hơn nữa, cái tù của họ, phải bị hành hạ nhiều hơn.

Các anh, các bác rải rác nhặt cỏ ngoài sân của khu thủ công. Tuy có cán bộ và công an võ trang coi mỗi đội, nhưng phần vì trời nắng, phần khác chả lẽ đứng giữa sân mãi sao, nên các bác vào những gốc cây, hoặc mái hiên hút thuốc. Chúng tôi cắm cúi bào, đục, cưa, thỉnh thoảng nhìn ra các anh, các bác, hai bên đều cười với nhau.

Tay tôi vẫn thao tác theo nghề nghiệp, nhưng giòng tư tưởng của tôi cứ chảy ra lênh láng, nhiều sự việc. Lòng tôi đã lạnh mấy tháng rồi, giờ nhìn những mái đầu đều bạc, cặm cụi ngoài sân mà vẫn còn xót xa thương các anh, các bác. Tôi hiểu, hai đội của các bác, các anh đều là Đại Tá mà tôi đã nghe, đã nhìn từ những ngày đầu đến trại này. Chợt nghĩ đến tuổi thanh xuân của tôi, hoa mộng của một đời người, đã tan theo mây chiều mất hút. Một luồng hơi nóng, từ trong trái tim đang rỉ máu, bốc lên đầu.

Tôi không kìm được nữa, liếc nhìn mấy tên áo vàng đang cười nói, ở một mái hiên phía bên kia. Tôi làm như đi tiểu, chỗ quây tấm cót dành cho đội thủ công, không cao hơn đầu người. Tôi đi qua giữa sân để qua, gần sát các bác, các anh. Đi ngang,

mấy bác đều ngửng lên cười như chào, tôi cũng cúi đầu như chào các bác, các anh. Tôi nhẹ nói nhưng rất rõ ràng :

– Tôi thương các anh, các bác lắm! Nhưng các bác, các anh giờ đây có tư cách như thế này cũng xứng đáng lắm!

Nói rồi tôi bước lẹ vào chỗ tấm cót. Tôi còn xúc động chưa đi tiểu được, thì có 2 anh đầu cũng đã muối tiêu cũng đi vào đi tiểu, một anh để một tay lên vai tôi rồi dịu dàng :

– Anh thông cảm, tụi Mỹ nó đã bỏ mình!

Một luồng hơi nóng khác, lại xộc lên từ trái tim cằn của tôi. Tôi đã cầm lấy tay của bác đó, nhưng mắt tôi không còn dịu hiền :

– Tại vì mình đã không đứng bằng đôi chân của mình!

Liếc nhìn mấy tên áo vàng, từ xa đang nhìn chúng tôi. Tôi phải vào trước, vì ra đã lâu. Đấy là 2 câu đối đáp duy nhất trong những năm tháng thương đau của tôi, với những chiến hữu cùng phụng sự, một lá cờ vàng 3 sọc đỏ.

Cho tới bây giờ tôi đang ngồi viết những dòng chữ này, tôi vẫn chưa được biết hai anh đó là ai? Một chút khao khát trong lòng! Ước gì bây giờ ở trên xứ người này, tôi được ngồi với 2 anh để uống một ly nước, như uống ly nước mắt của quê hương, chẳng biết hai anh còn trên dương thế? Vì tôi cũng đã về chiều rồi.

Dù cho các anh ở cảnh ngộ nào, mà không đến tôi được, nếu tôi có địa chỉ của các anh, dù bất cứ ở đâu (trừ ở Việt Nam), tôi sẽ tìm cách mò mẫm đến, để thỏa lòng khao khát của tôi, và cho tình người, tình đồng bào thêm hoa, thêm trái.

Chiều hôm qua có anh Cao Văn Gion bị ngất ở trong buồng. Anh em một mặt ra cổng gào, báo cáo với trực trại, một mặt lo lấy dầu nóng tíu tít xoa bóp, làm hồi sinh cấp cứu cho anh. Thật là may! Cho tới khi bà y tá trung sĩ đến. Theo sau có một ông cao cao, đầu đã bạc bưng khay thuốc, thì anh đã tỉnh lại. Thấy một ông đầu đã có nhiều sương trắng, lại đi theo một trung sĩ y tá. Anh em cho biết: Cái ông đầu có nhiều sương trắng ấy là bộ trưởng y tế của chính quyền VNCH khi đứt phim. Được làm vua, thua làm tay sai! Đời là thế!…. Ngày xưa…. Một cô y tá, làm sao đến gần được, một ông bộ trưởng?

Tối hôm đó tôi đã đến thăm hỏi để chia xẻ với anh Cao Văn Gion. Tôi được biết sơ lược: Anh trong một toán Biệt Kích, đa số là người Lào. Tên toán là EASY gồm 7 người nhẩy ở dẫy Fan- si – Pan (Hoàng Liên Sơn), ngày 9 – 8- 1963:

1. Vàng Cha,

2. Vàng Giơ,

3. Vàng Vàng (ba người Lào, của tướng Vàng Pao)

4. Cao Văn Gion đã chết cuối 1978 trong tù

5. Lầu Chí Lù hiện nay không rõ

6. Đèo Văn Luyện Truyền tin (Mất tích)

7. Đèo Văn Tuyển Toán trưởng (Hiện nay ở Atlanta).

Toán này cũng bị phản gián (sau đây, những chương tới, tôi sẽ trình bày về các toán BK bị phản gián).

Anh Luyện là truyền tin, bị áp lực đầu súng dí vào lưng. VC bắt anh gọi vào Nam, báo là toán đã bình yên, xin tiếp tế và gửi tiếp các toán khác ra tăng cường v.v... Lợi dụng một lúc mấy tên VC sơ hở, anh Đèo văn Luyện, đã cướp súng rồi chạy vào rừng, chúng bắn theo và truy nã gắt gao. Buổi chiều, chúng tuyên bố là anh Luyện, đã "đền tội".

Một ngày cuối tuần, gần cuối tháng đó, buổi chiều muộn, cô Văn Thư Trung Sĩ ôm hai cuốn sổ rất dầy, đi vào khu Biệt Kích. Chúng tôi hơi lạ, biết đấy là cô văn thư của trại. Mọi khi chúng tôi là những người từ trong hiệp nghị Paris (Chắc là Mỹ thỏa thuận, có quỹ đài thọ) mỗi Biệt Kích được lĩnh 3 đồng một tháng. Chúng tôi vẫn cứ lần lượt ký vào cuốn sổ, do cô văn thư chỉ từng chỗ, và ngồi chứng kiến. Sau khi ký xong; một vài ngày sau anh đội trưởng lấy tiền âm phủ (tiền trại) về, theo danh sách phát cho mỗi người.

Sau này, tôi được biết cô văn thư có cái tên rất là mộng, tên cô là Mơ. Cô Mơ vào nói gì với đội trưởng Nguyễn Huy Lân, cô đưa một cuốn sổ dầy cho Lân, rồi tất tả đi ra.

Được Lân giải thích: Cô Mơ đi phép về trễ 2 ngày nên không kịp, cô đưa sổ cho anh em ký, sáng sớm mai cô sẽ đến lấy. Anh em vây lấy Lân Mều, tranh nhau ký. Mãi gần cuối, tôi mới đến ký. Tôi lật cuốn sổ cả mấy trăm trang, nhiều những tên ký nhận nhập, xuất tiền tiếp tế, tiền gửi v.v... Hầu hết là của bên các anh Z. Đặc biệt tôi giở đến một chỗ, thoáng thấy cũng ký nhận 3 đồng như chúng tôi. Thì ra toàn của các ông bộ trưởng, tướng tá, ở trong khu kiên giam, mãi phía bên kia sân trại. Không hiểu sao, các ông này cũng được lĩnh 3 đồng như chúng tôi? Tôi và Lân nhìn những chữ ký của các ông:

Trần Trung Dung, Lý Trung Dung, Nguyễn Hữu Có, Lê Minh Đảo, Nguyễn Vĩnh Nghi, Lam Sơn Phạm Phú Thứ, Lý Tòng Bá, Lê Trung Tường v.v...

Tôi chợt có một ý nghĩ, tôi ghé vào tai Lân :

– Tao cần ghi toàn bộ 42 vị này. Đêm nay khi anh em ngủ, mày canh cho tao ghi nhé!

Lân khẽ gật đầu. Tôi lợi dụng ngay bút mực của cô Mơ, nhưng còn giấy? Tôi đã định tìm cách xé một tờ trong cuốn sổ, nhưng đều đã có chữ, hơn nữa đã đánh số từng trang. Tôi vắt óc suy tính, nghĩ đến mấy cái riềm, của tờ báo Nhân Dân và Quân đội Nhân Dân. Khéo léo, tôi đã có những miếng giấy dài mà nhỏ để ghi tên, tôi nháy mắt với Lân là đi ngủ sớm để đêm dậy. Tôi hiểu đây là một việc làm nguy hiểm, ghi những bộ trưởng, tướng tá, mà VC đang giấu để làm gì? Đầu 1978 không ai biết, các vị lãnh đạo của chính quyền VNCH, Việt Cộng giam giữ bí mật ở đâu? Tôi không nghĩ gì cả! Điều kiện đến thì tôi cứ làm, biết đâu ngày mai? Điều này thì không thể một ai biết được! Những người trong Nam ra tiếp tế v.v...

Cái danh sách bí mật này, Nguyễn Huy Lân là người canh gác, chứ cũng chưa đọc đến. Mãi đầu năm 1980, do một dịp cùng nghỉ bịnh, tôi đã "ghếch" cho một người duy nhất, đọc cái danh sách này ở trại Thanh Phong, Thanh Hóa. Đó là anh Nguyễn Hữu Luyện, hiện nay anh cùng ở Boston với tôi.

Tôi còn đang cắm cúi thẳm một cái vai của một cái bàn gỗ "gụ" thì Lân Mều, từ buồng ông cán bộ Tài chạy đến. Mắt Lân lóe lên long lanh, vẻ hớn hở :

– Chiều nay đội mình được cải thiện bồi dưỡng!

Mấy cầu bào bên cạnh cũng bu lại, với những bộ mặt phởn phơ như mẹ sắp cho kẹo, ngày xưa. Từ cái ngày đội mộc nỗ lực làm đạt thành tích, 200 chiếc hộp. Ban giám thị trại đặc cách, thưởng cho đội mộc, 4 kg ngô đã xay. Nếu đem bung hay hấp, chia cho 43 người thì chả được bao nhiêu. Chủ trương của cán bộ Tài, đã bàn với Huy Lân, trại kỳ này thiếu rau, thường chỉ ăn với muối rang, ai cũng khao khát thèm rau. Ông Tài đã ngoại giao với cán bộ đội rau từ lâu, hôm nay đội rau thu hoạch rau muống, cho cán bộ và công an võ trang của trại. Cán bộ đội rau đã đồng ý tặng đội mộc, một sào gốc rau muống trại vừa thu hoạch rau xong, trước đây là phần của khu chăn nuôi, cơ quan (cho lợn, gà, vịt).

Cả đội rầm rầm vỗ tay ngay ở lán mộc, làm cho tên Tài cũng phải thò cái mặt hưng phấn lây, ra ngó. Ngay khi đó chỉ định 2 anh, theo cán bộ ra đội rau, là anh Hứa Viết Khìm và anh Vương Văn Can. Gần trưa các anh về cho biết cái công đào gốc rau muống thì nhanh, nhưng cái công xuống suối rửa cát đất ở gốc rau, thì không thể mau được. Phải để buổi chiều ra sẽ tiếp tục, rau còn đang ngâm ở suối cho đất cát rời ra, dễ rửa.

Do đói, và quá thèm khát chất rau, nên chỉ là gốc của rau muống, cũng làm cho anh em đội mộc tinh thần hưng phấn hẳn lên. Thế mà cũng ngót nghét 2 gánh rau muống, sau khi đã luộc rồi, với một sọt con ngô xay bung, để ở góc lán. Từ đám gốc rau luộc này, khói hương bay nghi ngút, anh em cả đội mộc tâm trí buổi chiều ấy, bị 4 sọt rau muống luộc hút hết vào. Chúng cũng kéo mắt của các anh phải luôn luôn ngắm nhìn chúng. Chúng cũng phì hơi thơm ra, như khao khát, được vinh hạnh chui vào lòng, của những người thương. Tên Tài ra đứng ngoài cửa gian buồng con của y, nét mặt y đăm chiêu nhìn, niềm hưng phấn của đội mộc, trong đầu óc của y nghĩ

gì thì làm sao tôi biết. Hẳn có lúc y phải nghĩ: Niềm vui hân hoan của 43 tên tù này, có bàn tay ban phát của y.

Đội có 3 anh bịnh ở nhà, 40 người đi lao động, nhưng anh em nhất trí sẽ chia đều cho cả 3 anh bịnh. Nhìn mấy sọt gốc rau muống, nếu chia đều mỗi anh cũng được ngót nghét 2 lạng chứ không ít đâu. Còn sọt ngô xay bung, phải mỗi người cũng gần một lạng. Điều chắc chắn chiều nay đội mộc sẽ "bành" hả hê rồi.

Gần lúc đội về lại có ý kiến: Đây là một đặc ân của trời ban cho, nên hãy chia đều cho cả khu Biệt Kích gồm 132 người. Nghe như vậy, hầu hết đội mộc đều sôi nổi đồng ý, làm cho tên cán bộ Tài mở to mắt. Y không tin được, trong lúc thiếu đói của đôi mộc, mà y là chứng nhân? Vì y không tin! Cho nên, tới khi đội mộc vào trại, y rủ theo một tên thiếu úy vũ trang, vào trong khu Biệt Kích. Chúng muốn chứng kiến cảnh chia rau, chia ngô cho đều 132 suất, mỗi suất chỉ còn hơn 1 lạng cả gốc rau lẫn ngô xay. Trước khi tên Tài và tên thiếu úy quay ra cổng, tên Tài nhìn khắp lượt, lắc đầu nói :

– Tôi không hiểu nổi các anh!

Đặc biệt, một sự việc hãy còn hằn vào lòng tôi, vẫn chưa phai. Ngoài sân, trong đội còn đang ồn ào với ngô xay, với gốc rau muống luộc, thì anh Hứa Viết Khìm đã mang suất của anh lại chỗ tôi, nói giọng nồng nàn :

– Anh Bình hãy ăn thêm suất này! Tôi, hôm nay khó chịu không muốn ăn!

Tôi ngạc nhiên, anh và tôi đã nói chuyện với nhau một vài lần, nhưng chưa thân lắm, tôi nhìn anh dịu dàng :

– Cảm ơn anh Khìm! Anh cũng đói như tôi vậy!

Anh quay lại tôi, giọng khẳng khái:

– Nói thực với anh, ở ngoài đồng, do vô ý chúng tôi làm đổ mấy lọn rau xuống đất. Cán bộ không cho đưa vào sọt rau, ông ấy bảo "hai anh xuống suối rửa cát đi mà ăn". Tôi và anh Can đã ăn mỗi người, hơn một bát.

Thấy anh nhiệt tình, và không để anh nói nhiều, tôi cầm bát rau nhưng dứt khoát không nhận bát con ngô xay. Buổi tối, tôi đến chuyện trò và cảm ơn anh Khìm, tôi được biết sơ lược về toán biệt kích, của anh ra Bắc:

Toán của anh là EAGLE ra Bắc ngày 28-6-1964, nhảy ở Lạng Sơn. Toán anh gồm 6 người:

1. Hứa Viết Khìm toán trưởng, kiêm truyền tin trưởng, 1982 anh đã được tha về Sài Gòn. Anh bị bịnh chết năm 1992.

2. Bế Viết Quang đã chết ở Sài Gòn năm 1995.

3. Lã Văn Hoàng hiện ở Hoa Kỳ.

4. Đàm văn Phình chết ở trong tù năm 1967.

5. Lý A Phổ 79 tuổi (2004) hiện đang ở Malden, tiểu bang MA. Anh vẫn thường đến tôi chơi.

6. Nguyễn Viết Dũng toán phó hiện ở TX.

Một chuyện cũng hơi riêng biệt của anh Hứa Viết Khìm. Trần Văn Mạo tức Mạc trong toán KERN ra Bắc 4-3-1966. Khi được tha về Sài Gòn ở nhà anh Khìm, rồi nên duyên chồng vợ với người con gái lớn của anh Hứa Viết Khìm. Hiện nay hai vợ chồng Mạc đã ở Hoa Kỳ (April 2004).

Chiều nay lại có một nguồn tin mới, tối mai thứ Bẩy, trại có buổi văn nghệ đặc biệt do anh em bên Z trình diễn. Chúng tôi cũng khao khát và háo hức lắm! Muốn thưởng thức phần nào cái hơi hướng của VNCH đã lâu ngày, đã chôn sâu vào cái hố quên lãng. Tâm trạng của chúng tôi khác hẳn với những buổi văn nghệ trước đây, chúng tôi phải đi tham dự như một sự bắt buộc. Nếu không đi sẽ bị quy vào tội tư tưởng, không muốn tham dự vào mạch sống cách mạng, của một xã hội mới của Đảng.

Đặc biệt buổi văn nghệ này, lại có dân chúng và những cơ quan địa phương, cũng được mời vào tham dự. Nơi trình diễn lại ở một bãi rộng, cách xa cổng trại giam gần một cây số.

CHƯƠNG 17: TỰ THẮNG GIẢ HÙNG

Nhìn anh em toán mộc, kỳ cọ đùa vui với dòng Suối Tiên, tôi chợt nghĩ, biết đâu ở ngay phía đầu nguồn bên kia, lại chả có vài nàng sơn nữ cũng đang tắm rửa, kỳ cọ như chúng tôi trong buổi chiều tàn của núi rừng? Nghĩ như vậy, tôi lấy hơi, lặn sâu xuống đáy suối, và ngâm ở dưới ấy một hơi dài, cho lòng đê mê, cho võng đời đong đưa.
Tôi trèo lên chỗ Khánh Lèo (Phạm Ngọc Khánh) đang ngồi trên một hòn đá to, trồi lên giữa suối. Dựa lưng vào Khánh, tôi đưa mắt nhìn khắp núi đồi, của vùng Suối Tiên. Tai nghe tiếng chim rừng líu lo, hòa với tiếng réo roàn roạt của dòng nước, xoáy quanh mấy hòn đá nằm giữa dòng, thành một điệu nhạc nghê thường của Thiên Thai. Phải rồi! Suối Tiên thì phải ở cõi tiên! Mình cứ hình dung tưởng tượng đây là cảnh tiên, cảnh của Thiên Thai mà cụ Văn Cao thời tiền chiến, đã khảm (phổ) nhạc vào:

Thiên Thai.... chốn đây... Hoa Xuân ... chưa gặp bướm ... trần gian.... Có một mùa đào...dòng ngày tháng... chưa.. tàn qua ... một lần... Thiên Thai ... chúng em xin dâng.. cho chàng ... hai trái... Đào thơm... Ái ân thiên tiên.. em không ngờ phút mê cuồng... có một lần... Ánh trăng ... tan thành suối... trần gian....

Anh chàng Khánh thật là bất lịch sự, cậu ta dịch mạnh chiếc lưng ra, làm cho tôi ngã "tỏm" xuống nước. Tan biến một giấc mơ tiên của tôi, chỉ có... một lần !

Trên đường theo toán về trại, tôi cứ luẩn quẩn suy nghĩ mãi: Nguồn vui nào đã đẩy tôi vào một giấc mơ tiên vừa qua? Đúng rồi! Chính do bao tải lạc 40 kg, của buổi sáng hôm nay. Cơm nước chiều vừa ăn xong, là tôi chuẩn bị hưởng thụ mấy phút hạnh phúc, một ngày của tôi.

Tôi mà không trình bày lại sự việc, để cho nhiều người cùng biết thì "mấy phút hạnh phúc" của tôi sẽ giảm "sướng" đi rõ rệt.

Xin thưa sự việc như sau:

Hơn 20 ngày trước, do một sự may mắn, tôi và Quách Nhung đã "móc ngoặc" mua được hai bao thuốc lá Điện Biên. Sau những thảo luận cân nhắc, ý kiến của tôi đưa ra đã được Quách Nhung đồng ý "ngoắc" ngón tay út.

– Khổ đau, nặng nhọc làm càng nhanh, để rút ngắn thời gian khổ cực lại

– Hạnh phúc, nhàn hạ phải biết kìm hãm, chế ngự để kéo càng dài, không thể kéo được nữa, mới chịu thôi.

Do điều kiện khó khăn ở trong tù, chúng ta có hai bao thuốc. Mỗi một ngày, sau khi cơm nước buổi chiều, mỗi người chỉ kéo một hơi thôi, như thế chỉ hết nửa điếu thuốc. Kiên trì, cương quyết chỉ một hơi! Vừa không hại sức khỏe, không tốn tiền, vừa ngon, say sưa vì 24 giờ mới hút có một lần. Dù ngày vui, hay ngày buồn cũng không thay đổi. Điều này duy trì được, cũng nói lên bản lĩnh chế ngự của một người. Chúng tôi học theo một ý tưởng trác tuyệt, đã trở thành danh ngôn của cụ Dương Hùng, đời Hán:

Tự tri giả anh... tự thắng giả hùng.

(Tự kìm chế, tự biết được chính mình, đã là giỏi, là anh hùng rồi).

Rất buồn cười, Quách Nhung cũng như tôi, mỗi lần hút đều phải cố thở hơi ra hết, để lấy sức kéo vào. Hút xong, mặt anh nào cũng đê mê, đờ đẫn, mắt lờ đờ. Mặt đực ra, như mặt ngựa mót đi cầu. Như thế một điếu thuốc lá Điện Biên, chúng tôi chỉ kéo được bốn hơi là hết.

Ngày hôm qua (May 5- 04), gọi điện thoại sang Atlanta. Quách Nhung đã nói nguyên văn: "ở Mỹ bao nhiêu thuốc ngon mà em vẫn thèm, một hơi thuốc lá Điện Biên ngày ấy!"

Quách Nhung đã xấp xỉ lục tuần, được ra tù 1983. Lập gia đình, đã có bốn con, ba gái một trai. Đứa gái lớn đã vào Đại học và đứa con trai, nhỏ 15 tuổi. Hiện nay Quách Nhung sống, hạnh phúc với gia đình ở Atlanta.

Toán BK của Quách Nhung hơi đặc biệt (toán gồm 5 người), nhưng hiện nay (12/2004). Chỉ duy nhất Quách Nhung còn sống. (những người khác chết, nhưng không phải là chết trận).

Tên toán là Horse, ra Bắc ngày 10/5/1965. Địa bàn hoạt động thuộc tỉnh Sơn La.

1. Đinh Thế Chân, toán trưởng, bị cùm chết ở trại Phong Quang, Yên Bái.

2. Quách Nhung, toán phó, hiện ở Atlanta Mỹ.

3. Bùi Văn Ơn, nghe miền Nam mất. Anh buồn, không chịu ăn uống, rồi mang bệnh chết 3/1976 tại trại Hoành Bồ, Quảng Ninh.

4. Đinh Công Sửu, bị ung thư chết 6/1980 tại trại Thanh Phong, Thanh Hoá .

5. Nguyễn Quốc Thắng, chết vì sốt rét 3/1986 tại tỉnh Đồng Nai, VN.

Tôi nhớ lại một buổi, hôm đó là sáng Chủ nhật, sau khi làm vài động tác thể dục như mọi lần, tôi quay vào nhà. Thoáng thấy bóng bác Chấp đang đứng trầm ngâm một mình, ở một góc sân. Đã từ lâu, tôi muốn dành một buổi thăm hỏi bác về toán Castor của bác.

Hàng chục năm nay, từ ngày gặp bác. Qua các anh em BK, tôi đã hiểu toán của bác là toán BK đầu tiên, nhảy ra Bắc bằng máy bay. Và cũng là toán khởi đầu bị phản gián, giống như một chuyện đã xẩy ra giữa 2 cơ quan tình báo IS (Intelligence Service) của Anh và Gestapo của Đức trong thế chiến II. Sau này đã đóng thành phim "Đây Luân Đôn gọi Bắc cực" (Londre appel pole Nord), tôi đã được xem. Hôm nay có dịp, tôi đã kéo, mời bác vào một chiếc ghế vắng, trong hội trường.

Bác rất vui và niềm nở, nhưng khi tôi đề cập tới toán Castor, thì bác tỏ ra uể oải, lờ đờ như không muốn nhắc lại. Gặp nhau từ hàng chục năm, qua nhiều các trại tù, tôi rất quý mến bác, và tôi cũng được lòng mến thương của bác. Lúc đầu, tôi chưa hiểu nên rất ngạc nhiên, sau tôi hiểu dần tâm trạng của một người cảm thấy một chút sượng sùng, vì công việc của mình đã làm. Cho nên, buổi nói chuyện ấy, tôi chỉ biết sơ lược về toán Castor.

Toán Castor nhẩy ra Bắc ngày 27/5/1961. Địa bàn hoạt động thuộc Mộc Châu, Sơn La (Bắc Thái). Toán có 4 người:

1. Hà Văn Chấp, toán trưởng, hiện ở CA. (2/05).

2. Lò Văn Piếng, truyền tin, hiện ở VN, do lằng nhằng ghép người, phái đoàn Mỹ từ chối, nên không thể đi H.O.

3. Quách Thức, toán viên. 1982 được tha về lấy vợ, vết thương cứ loét dần, 1987 đã chết ở VN.

do Nguyễn cao Kỳ lái máy bay thả toán, lại thả vào một bản làng. Quách Thức đã bị thương do đạn du kích, ngay khi toán đổ bộ. Kiện hàng rơi mãi cuối làng.

Tôi vẫn gặp cả 4 anh ở trong tù. Rồi dòng đời đẩy xô, xê dịch, chìm nổi của mỗi người, với hoàn cảnh nghiệt ngã của quê hương, để rồi tôi đã gặp lại bác Chấp và Đinh Anh mấy lần, mỗi khi tôi có dịp ghé đến CA. Dù chuyện trò, ăn uống khi gặp lại, nhưng chẳng ai hỏi lại nhau những chuyện thuộc quá trình. Hơn nữa bác Chấp đã 84- 85 tuổi rồi, tâm trí của bác đã bị thời gian hút hết mầu mỡ, chỉ còn lờ mờ xộc xệch trong quãng đời cập quạng, để chờ đi về cõi vĩnh hằng.

Giai đoạn này, do tôi cần một số dữ kiện cho tập cuối cùng của TĐ. Mới hôm qua (25-2-05) tôi đã gọi nói chuyện với anh Đinh Văn Anh gần 2 giờ liền, để biết thêm những chi tiết ngộ nghĩnh của toán Castor, tưởng như nếu phải viết một bài báo mấy kỳ mới tạm đủ. Những chi tiết tưởng như không thể tin được nhưng tôi đối chứng với Phan Thanh Vân (vừa tròn thất thập) hiện ở Washington DC, Đinh Văn Anh 74 tuổi ở CA và với những BK khác, tôi phải tin:

– Nguyễn cao Kỳ phải lái máy bay ra Bắc lần thứ 3, mới thả được toán Castor.

– Từ sự quan hệ thân mật giữa ông Trần Khắc Kính và Nguyễn Cao Kỳ, đã chuyển đổi được cuộc đời Nguyễn Cao Kỳ.

– Phan Thanh Vân phải lái chuyến bay định mệnh 2-7-1962, để rồi bị tên lửa tầm nhiệt của cộng sản chờ săn hạ ở xã Tô Hiệu, Cồn Thoi, giữa ranh giới Thanh Hóa và Ninh Bình.

– Đinh Văn Anh, VC không khai thác được khóa an toàn (security), chúng phao tin ĐA xuống dù vào cây, đã chết.

– Điều trùng hợp lạ lùng là lại có 3 anh chàng Lò Văn Piếng. Cùng là người Thái trong, lại cùng gia nhập biệt kích, nhẩy ra Bắc ở 3 toán khác nhau, nhưng chỉ có LVP của toán Castor làm truyền tin. Để rồi chính Việt Cộng cũng bị lầm, chúng chủ trương tha một người, lại tha một người khác.

Cái người đối với chúng có công, là Lò Văn Piếng (Bẩy Tá) cùng với Hà Văn Chấp gọi báo về cho tình báo miền Nam, sắp xếp cho chuyến bay tiếp tế của Nguyễn Cao Kỳ, vẫn còn trong tù. Chúng lại gọi tha cho Lò Văn Piếng (Bằng) mới bị bắt sau này ra công trường. Còn một Lò Văn Piếng (Duy) nữa, những tiếng ” lóng ” ghép theo, chỉ những BK người Thái mới phân biệt v.v.

Vì không phải chủ trương của người viết, nên xin không trình bầy tiếp.

Sáng hôm nay, một tin bất ngờ làm rúng động anh em BK, cũng làm rúng động cả trại tù Thanh Phong luôn. Một sự việc từ trước, chưa bao giờ xẩy ra với Biệt Kích, Gián Điệp. Bộ Nội Vụ (bộ CA) đã gọi tên, tha cho về với gia đình ở miền Nam 3 BK:

– Đèo Văn Bạch là trường truyền tin của toán Dauphine, án tù 18 năm. Như vậy anh Bạch chỉ ở tù 16 năm.

– Thân Văn Kính án chung thân, toán trưởng của toán PEGASUS bị bắt 20-2-1963. Như vậy anh Kính cũng chỉ tù hơn 16 năm.

– Anh Đinh Văn Lâm án chung thân,toán trưởng của ATILLA, ra bắc ngày 25-4 -1964. Như vậy anh Lâm chỉ ở tù 15 năm.

Toán DAUPHINE và toán PEGASUS tôi đã nêu ở trên rồi. Dưới đây là toán BK ATILLA ra Bắc 25-4 -1964. Toán gồm 6 người, do anh Đinh Văn Lâm làm toán trưởng, nhảy ở vùng Thanh Chương, Nghệ An.

1. Đinh Văn Lâm toán trưởng, hiện ở NJ (Mỹ) án phạt chung thân.

2. Nguyễn Văn Sửu án phạt 20 năm, hiện ở Atlanta (Mỹ)

3. Nguyễn Văn Hình án phạt 16 năm, truyền tin trưởng, hiện ở Australia.

4. Nguyễn Văn Thi án phạt 18 năm toán phó. Đã chết 27-8-1964 trong trại tù số 3, ở Nghĩa Đàn, Nghệ An.

5. Nguyễn Văn Kế án phạt 8 năm, hiện ở Cali (Mỹ)

6. Nguyễn Văn Hữu án phạt 6 năm, truyền tin phụ, hiện ở NY (Mỹ). Một điều hơi khác thường, với Nguyễn Văn Hữu.

Án phạt của Nguyễn Văn Hữu chỉ có 6 năm, nhưng mãi tới 7-1982 mới được tha. Như vậy, Hữu đã ở tù 18 năm. án nhẹ nhất, lại ở lâu nhất, của toán ATILLA. Toán nhẩy xuống, trong vòng một tháng sau là bị bắt.

Ba anh BK có án được tha, lại là loại có án nặng. Điều này làm xôn xao, cho toàn thể anh em Biệt Kích Gián Điệp. Mỗi người đều suy đoán, theo sự chủ quan của mình, cuối cùng chẳng có một cơ sở nào, để kết luận.

Đến cuối tháng 1-1980 gần Tết âm lịch lại gọi tên tha cho 2 anh nữa là :

– Hoàng Văn Vân, án chung thân thuộc toán Pégasus (tôi đã tường thuật). Như thế anh Vân cũng chỉ ở tù gần 17 năm. Hiện nay, anh Vân đang ở Atlanta.

– Đặng Công Trình án phạt chung thân. Anh Trình ở trong toán SCORPION (tôi đã tường thuật), nhẩy ra vùng Yên Bái ngày 17-6-1964, như thế anh Trình chỉ ở tù 16 năm rưỡi.

Qua 2 lần tha biệt kích, gián điệp của miền Nam trước hội nghị Paris. Mỗi lần tha như vậy, đều có 5- 7 anh tù hình sự cũng được tha. Nhìn vào từng cơ sở, hiện tượng, so sánh, cọ sát, tình hình trong cũng như ngoài nước. Rồi những dư luận của những thân nhân gia đình, của anh em BK ra thăm trong dịp tết âm lịch, tôi cũng nhận định suy đoán, theo sự hiểu biết chủ quan của tôi:

Có những điểm chung:

– Thành phần, hầu hết các anh được tha đều có án, và cùng chưa hết án.

– Không kể cái gọi là ” cải tạo ” tốt hay xấu.

– Phải còn khỏe mạnh, tỉnh táo.

– Những người có án nhưng đã ở quá án, lại không được tha.

– Những người không phải ra tòa xử, chỉ có cái án “cao su ” là tập trung cải tạo, thì hãy còn nằm yên đấy.

– Thời gian tù đầy hầu hết 15 – 18 năm, tuổi đã lớn, già, biết bao nhiêu bệnh tật, hiểm nghèo của những anh tù Biệt kích gián điệp Thậm chí có những toán BK được xử công khai có báo chí nội, ngoại tham dự. Tòa đã xử trắng án như toán Boone của Nguyễn Huy Lân. Tất cả các anh cũng tù 15- 16 năm rồi, bây giờ cũng cứ nằm đấy.

Như thế rõ ràng ai cũng thấy:

Việt Cộng tha những anh BK này là vì chính trị, là vì họ chứ không phải vì cá nhân, những biệt kích này. Qua tin đồn của những người ra tiếp tế, tổng hợp rồi suy ra:

– Những người di tản (30 – 4 -1975). Những người vượt biên của miền Nam họ có những thân nhân, chồng, cha, anh em phải vào cái gọi là ” trại cải tạo ” của Việt Cộng đặt ra.

Đầu tiên, nhà nước cách mạng ra thông báo:

Các hạ sĩ quan, binh lính đem cơm gạo, thực phẩm sinh hoạt trong 3 ngày. Gọi là đi học tập 3 ngày, mà như đi liên hoan. Mỗi ngày vài giờ lên lớp giải thích về hòa hợp dân tộc, về trách nhiệm của mỗi người dân với tổ quốc, quê hương. Còn thì chỉ ca, hát vui cười, để hưởng cái không khí mới của cách mạng.

Đúng 3 ngày, dự một bữa tiệc liên hoan, rồi ra về. Mặt ai cũng hồ hởi, vui tươi để rồi làm cái loa tuyên truyền. cộng sản không phải trả tiền, không phải chỉ dẫn, mà chúng không thể làm được.

Chừng một tuần sau, để cho sự tuyên truyền đó đã đủ ngấm, mới có lệnh mời các vị sĩ quan cấp úy, cấp tá v.v. . . đi học tập để thấm nhuần đường lối của Nhà nước Cách mạng. Nhà nước CM nghèo, các anh hãy mang cơm gạo, thực phẩm, quần áo sinh hoạt trong 10 ngày (rất biện chứng và hợp tình, lý).

Các vị sĩ quan cứ rầm rập, hớn hở mà đi, dặn vợ con, bạn bè những công việc trong 10 ngày nữa. Thậm chí, có rất nhiều chuyện, hiện nay nghĩ lại còn phải buồn cười. Có vị đã đặt tiệc ở nhà hàng, đến ngày đó mang đến số nhà ấy v.v... Để rồi các vị đi luôn, bây giờ đã 5 năm rồi, mà cứ đi... đi... ... ... mãi không chịu về .

Ở ngoại quốc, ở Mỹ có hội ân xá Quốc Tế sờ sờ ra đấy. Đa số thân nhân của các vị sĩ quan đó, đã làm đơn đến cơ quan ân Xá Quốc Tế, của Liên Hiệp Quốc để khiếu nại, để complain. Cơ quan ân Xá Quốc Tế của LHQ (VC đã là thành viên) chắc cũng đã nhiều lần bực bội phản kháng VC.

Chúng ta đã không lạ: VC lắt léo giải thích lằng nhằng, để kéo dài... ... Nhưng những Biệt Kích, Gián Điệp này cũng có những thân nhân, vượt biên. Bây giờ họ đã biết chồng, cha, anh, em của họ đã đi tù, từ những năm 1960 – 1964-1965 cho tới nay 1980. Họ đã ở trước cả hội nghị Paris 27- 1- 1973 không những đã không được trao trả, mà còn giam giữ ở các trại tù miền Bắc, cho đến ngày nay v.v...

Hội Ân Xá, hay LHQ không thể tin được! Nhưng đơn từ, tên, tuổi, người thật, việc thật, không muốn tin, cũng phải tin. Họ ngạc nhiên hỏi VC, không còn thái độ lịch sự ngoại giao nữa. Tụi VC cũng không còn cái lý cù nhầy, lắt léo nào cho ổn. Cho nên, chúng đành vội vàng tìm những tên BK (như trên) tha về, (cho ra cái lồng lớn). Để những tên này, chống đỡ với dư luận, trong và ngoài nước, dùm cho chúng. Việt Cộng rất biết: Đành rằng mỗi một tên BK về miền Nam được bồi dưỡng hàng tuần, phải ký cam đoan một điều kiện: Khi về với gia đình ở miền Nam, tuyệt đối không được nói bất cứ một chuyện gì, về tù đày cùm kẹp ở các trại tù v.v... Nếu không giữ đúng thì anh sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Năm cái từ "hoàn toàn chịu trách nhiệm " này. Bất cứ ai còn ở trong tay của VC (ở trong nước, cũng là trong tay VC) thì phải khiếp sợ 5 cái từ này: VC có thể bắt, giết bất cứ lúc nào, không cần phải có lý do.

Chúng ta cứ hình dung: Một anh BK như trên, về miền Nam gặp gia đình: Anh tương đối khỏe mạnh, tỉnh táo. Bố mẹ, hay vợ con hỏi:

– Án của anh bao nhiêu?

– Chung thân.

– Anh ở tù bao lâu?

– 16, 18 , 15 năm!

Như thế, ai cũng thấy nhà nước VC nhân đạo quá!

VC thừa hiểu dù bắt anh viết cam đoan, nhưng chúng biết chắc, sớm muộn anh sẽ nói rõ với bố mẹ, vợ con, bạn bè của anh. Nào VC cùm kẹp, bắt ăn ngô, khoai, sắn, đói khổ lắm v.v...

Bấy giờ ngay vợ con anh, bố mẹ anh nghe anh nói, nghe anh kể, những nỗi đói khát cùm kẹp, của anh sẽ bằng một ánh mắt: Anh tả oán như vậy để cho bố thương, vợ thương, chứ đâu mà Việt Cộng lại như vậy? Cụ thể nhất, là anh vẫn khỏe, hoạt bát, chưa hết án, đã được về! Không những chính người thân của anh, mà còn không tin anh, mà còn tự nguyện sẽ làm một cái loa tuyên truyền rất hữu hiệu, mà VC tuyên truyền thì không hữu hiệu được như thế!

Thực tế có biết đâu, Việt Cộng đã tuyển chọn hàng trăm Biệt Kích tù đày, gầy ốm yếu, bò lê, bò càng, ho hen què quặt. Những anh tốt đẹp nhất do phấn đấu riêng, hay trời cho cơ thể người đó v.v...

Sáng hôm nay xếp hàng theo toán ra lán thủ công như mọi ngày, cảnh vật chung quanh làm tôi hơi băn khoăn. Bây giờ đã giữa tháng tư, tôi đã nghe thấy những tiếng cuốc của cụ Nguyễn Khuyến, gào gọi mùa Hè về từ hơn một tháng rồi. Sao hôm nay còn có sương mù? Nhìn chiếc lán thủ công, nhà máy phát điện con con của trại ở cạnh chiếc đồi trọc, phía bên kia con đường dẫn ra Suối Tiên, mờ mờ trong sương đục. Làm tôi lại nhớ đến bác Hàn Mạc Tử:

Ở đây sương khói... ...mờ nhân ảnh....

Ai biết tình ai.....có.....đậm đà?

Tôi và Lầu Chí Chăn đang thao tác kỹ thuật đặc biệt, cho cái bàn kiểu, gỗ lát, cũng cho ông giám thị Nho, thì có bóng tên Thượng úy Hoàng Duyên vào cửa lán thủ công. Y lại tiến đến tổ kỹ thuật, chúng tôi chào lấy lệ, rồi lại cắm cúi vào chiếc bàn. Y tiến sát gần, thấy thái độ của y ngập ngừng, tôi lên tiếng trước:

– Cán bộ có muốn đóng một cái bàn, thế này không ạ?

Mặt y tươi hẳn lên, rồi vồn vã:

– Tôi sợ anh không còn thời gian, để đóng bàn cho tôi!

Tôi và tên Duyên này cũng đã đôi lần chuyện trò quan hệ, giữa một người với một người, chứ cũng chưa hề có thân tình. Vả lại kỳ này có thể nói, là giai đoạn thoải mái nhất từ khi tôi ở tù.

Rất nhiều cán bộ, hoặc bộ đội (CAVT) Thiếu uý, trung sĩ, đã móc ngoặc với tổ kỹ thuật chúng tôi, để làm lén lút đồ tư. Cái hòm gỗ mỡ (2 cân gạo), cái bàn con uống trà (3 kg gạo) v.v... Chúng tôi hiểu nếu họ cứ xin cơ quan để làm đồ tư, giá cao hơn đến 8-10 lần, lại còn phải xét, duyệt, bình bầu lôi thôi. ở đây chỉ mất một phần 8 hay I phần 10 mà lại còn được gỗ tốt, làm kỹ. Hai bên cùng có lợi. Thỏa thuận 2 bên những quy định, chúng tôi làm xong, giấu ở đống vỏ bào nào, ở lán. Họ để gạo ở chỗ nào v.v...

Vì thế khi nghe tên Duyên nói: "Tôi không còn thời gian để đóng bàn cho y". Tôi lại hiểu là: "Tôi làm đồ tư nhiều quá, còn thời gian đâu?" Thấy tôi như chưa nắm được câu nói, y đã nói rõ hơn:

– Anh đã có lệnh tha rồi !

Tôi cười, nhớ lại ngày Tết âm lịch vừa qua, đúng sáng mồng một Tết, một số chúng tôi ra ngoài sân trại gặp nhau chúc Tết, chuyện trò tâm tình của một ngày đầu Xuân ở trong tù. Có những anh trầm tư, cúi đầu một mình lê những bước chân chậm chạp, trong những góc vắng vẻ của cái sân. Thả lỏng cho dòng tư tưởng, đi theo những tuyến đường riêng của nó. Bỗng tên Hoàng Duyên, đeo chiếc hàm thượng úy đỏ chói, hớn hở đi vào cổng trại.

Một vài anh em, đã xô đến để chúc mừng buổi đầu Xuân. Tên Duyên cũng vồn vã chúc Xuân, với mọi người tù. Trong các buồng anh em càng kéo ra đông, nhiều anh em ca hát, thậm chí Toán Xồm còn mang cả chiếc đàn guitar chế biến đặc biệt ở trong tù, ra gẩy. Không khỉ ngày Xuân như được hâm nóng dần, tên Duyên quay lại mặt như hoa nở, cũng nhún nhẩy theo điệu đàn của bản nhạc vàng:

Xuân này con không về
Con biết bây giờ mẹ chờ tin con

Khi thấy mai đào nở vàng bên nương...

...

Mẹ thương con xin đợi ngày mai...

(Hình như của Trịnh Lâm Ngân.)

Tên Duyên còn vẫy tay, thúc giục một số anh, vẫn còn dè dặt đứng nhìn:

– Các anh hãy nhẩy và hát lên đi, cho vui ngày Xuân!

Tôi, Quách Nhung, Quách Rạng cũng nhún nhẩy với cô nàng Xuân, của khung trời Thanh Phong. Tôi biết tên thượng úy Hoàng Duyên này, hiện là chỉ huy của CAVT (gồm 2 đại đội), của trại tù Thanh Phong. Hôm nay y ra lán mộc, lại nói đùa với tôi , tôi cũng đùa lại chứ có ngán gì. Nghĩ thế, tôi cười nói:

– Bây giờ chỉ có một người nói tôi "được tha" tôi mới tin!

Mấy anh em chung quanh, đều quay lại mở to mắt nhìn tôi. Tên Duyên, cũng hấp him đôi mắt tò mò, ngước lên nhìn chằm chằm vào tôi:

– Ông Trung tá chánh giám thị, Nguyễn huy Thùy hả?

Tôi cứ nói thẳng, cái đùa bỡn trong lòng:

– Bây giờ chỉ có ông Trần Quốc Hoàn, (bộ trường bộ nội vụ) xuống cầu bào này nói: "ĐCB! Hôm nay ta tha cho ngươi!"

Làm gì có cái chuyện, ông Trần Quốc Hoàn xuống cầu bào, nói như thế? Nhưng qua buổi đùa bỡn này, tôi biết tên Thùy đi học Liên Xô về, đã lên Trung tá.

CHƯƠNG 18: CHIM VỀ TỔ

Chuyện khó tin, mà lại có thật! Chỉ hai ngày hôm sau, một buổi trưa toàn trại đang ngồi xếp hàng chờ, để đi lao động như mọi khi, có mấy cán bộ lạ đã đọc tên tha 7, 8 người. Sáu, bảy người là tù hình sự, hai người tù chính trị là:
– Phan Thắng Toán (Toán Xồm)

– Đặng Chí Bình

Không những anh em bàng hoàng, mà chính tôi cũng bàng hoàng, đờ đẫn. Tám người vừa được đọc tên ở lại trại, không đi làm. Với bao nhiêu cặp mắt ngoái nhìn lại nhau, như muốn nói ngàn câu, tâm tư nhiều ngả. Đã có kinh nghiệm, trời đã chiều, còn phải làm nhiều thủ tục v.v. . . Chắc đêm nay chúng tôi còn phải ngủ lại trại, được tha hồ hàn huyên với các anh em. Đúng như thế! Chúng tôi được phát mỗi người một bộ đồ nâu mới, và được gọi ra hội trường để được lên lớp, giáo dục, làm giấy cam đoan v.v. . . Cái đêm hôm ấy:

Thâu đêm, suốt sáng xầm xì
Ngàn xưa, xin để chút gì ngàn sau.

Tôi đã mang nhiều những cánh thư, chứa đựng nhiều những nhắn nhủ nhớ thương, về cho một số gia đình anh em BK, ở phương trời phía Nam. Sáng hôm sau, một chiếc xe cam-nhông ọp ẹp chắp vá, từ cái thời (Bảo Đại mới lên ngôi) chờ ở ngoài cổng trại. Vì tôi về Sài Gòn nên được phát cho 48 đồng (tiền xe lửa) và một tuần, tem phiếu lương thực.

Cùng đi trên chiếc xe ra ngã ba Chòm Chuối, rồi ra ga tàu, có hai tên CA cũng đi phép. Chiếc xe bắt đầu từ giã trại Thanh Phong, cuốn bụi đường đất, tiến về phía Chòm Chuối. Nó lắc lư, nghiêng ngả, như vừa được nhắp mấy chén rượu nồng. Trên xe tôi ngước mắt nhìn trời xanh, với những đám mây vàng ửng hồng phía sau. Một

đàn vạc hình cánh cung, đang sải cánh bay theo chiếc xe, miệng chúng kêu quang quác, như hoan hô chào mừng, tôi nghe như:

“Hôm nay, các anh mới thực sự được ra chiếc lồng to! “

Những nét trầm tư, những cử chỉ lúng túng, xốn xang của những tên tù mới được tha, đã bị niềm phởn phơ hưng phấn quấn quít, làm cho hai tên CA cũng vui lây. Đến ngã ba Chòm Chuối, tôi đã có chủ trương từ đêm qua, thay vì lấy vé tàu xuôi về Nam, tôi lại trở ngược ra Hà Nội. Tôi đã có ý nghĩ rằng, phải về thăm Hà Nội sau 18 năm ở trong tù, vừa thực hiện được ý định, khi còn là công nhân “đểu“, hơn hai năm trước. Vả lại, tôi có linh cảm, nếu không nhân cơ hội này, tôi khó có ngày trở lại đất Văn Vật mến yêu.

Toán Xồm và 5 cậu hình sự, không thích mặc bộ quần áo nâu. Các cậu tuy có những quần áo tư, nhưng đều đã đóng dấu của trại Riêng tôi, từ trong trại tôi vẫn mặc chiếc áo sọc tù có chữ “cải tạo” to tướng, ở trước ngực và sau lưng. Không những tôi không ngượng ngùng như các cậu hình sự, mà tôi vẫn thấy phảng phất niềm tự hào, của con đường tôi đi. Tôi đã bán ngay bộ đồ nâu cùng với các cậu, lấy 7 đồng. Thế là chỉ có mình tôi duy nhất vẫn mặc quần áo tù. Tôi đường hoàng, mặc bộ quần áo này về lại thủ đô Hà Nội.

Ở Chòm Chuối hai tên công an, 5 cậu hình sự, Toán Xồm và tôi cùng ngồi uống nước ở một căn lều bán cơm. Hai tên CA về mãi Phú Thọ, chỉ có hai cậu hình sự về Phủ Lý. Vì tôi cũng về Hà Nội, nên tất cả định đưa tiền cho hai tên CA, cùng lấy vé luôn. Mười hai đồng một người về Hà Nội, 9 đồng vé về Phủ Lý. Qua vài câu chuyện thấy hai tên CA chừng 26, 27 tuổi có vẻ “cả đẫn một cục “. Tôi hỏi:

– Các ông cũng phải lấy vé à ? Có được giảm giá không?

Hai tên là Thái và Diệu đều lắc đầu!

– Nếu đi công tác, thì không phải mua vé!

Thấy hai tên trả lời như thế, chợt óc tôi lóe ra một mưu kế. Tôi quay ra hỏi Toán Xồm, và cả mấy cậu hình sự:

– Chúng ta 9 người đều về Hà Nội, lại có 2 anh CA (bây giờ gọi là anh), tôi có một cách để không phải mua vé. Các anh có đồng ý không ?

Mắt ai cũng sáng lên, đồng ý (nhưng không tin tưởng lắm). Tôi phải nói sơ: Bẩy chúng ta cứ lên tàu, tìm một hàng ghế, rồi cùng ngồi tụm lại. Khi người soát vé đến, hai anh CA mặc quần áo vàng và đeo huy hiệu, mặt nghiêm đứng hai đầu ghế. Bẩy chúng ta không nói chuyện đùa bỡn, coi như chúng ta vẫn là tù, có CA dong tù v.v. . .

Cuối cùng cả bẩy người, đều về Hà Nội không mất tiền, hai cậu hình sự xuống ga Phủ Lý cũng thế. Tên CA Thái cũng đóng đạt vai trò. Ở nhà ga Nam Định, tên soát vé đi đến, tên Thái hất hàm chỉ bẩy chúng tôi mặc áo tù:

– Tôi đưa đám phạm này về Hỏa Lò.

Cái uy lực của "áo vàng", người dân vẫn nem nép. Đến ga Hàng Cỏ thì chia tay, mỗi người mỗi ngả đời. Chẳng hiểu những người muôn năm cũ ấy, có còn một chút nào mờ nhạt, nhớ đến chuyến tàu năm xưa? Họ ở đâu bây giờ?

Mười tám năm tròn, hôm nay tôi lại được vinh dự nhìn lại bộ mặt của mảnh đất "Ngàn năm văn vật".

Từ ga Hàng Cỏ, tôi vẫn mặc bộ quần áo tù, vai đeo một cái tay nải mầu xám đã cũ mèm, với đôi dép Bình Trị Thiên. Tôi lang thang về phía Hàng Bột, tìm về nhà người em gái họ: Nguyễn thị Quy, con gái của bà dì ruột. Năm 1978 tôi ở trại T 52 Hà Sơn Bình, đã nhận được lá thư duy nhất trong 18 năm tù, của vợ chồng em Quy. Đây, chính là nửa lý do, để tôi quyết định trở lại Hà Nội, trước khi về Sài Gòn.

Ngay từ lúc con tàu gần đến bến xe Kim Liên, lòng tôi đã bồi hồi xúc động, như tôi đã thoảng thấy cả hơi thở, của Hà Thành dấu yêu. Cái mùi pha trộn giữa hoa Sen, hoa Ngâu và hoa Đào đã nồng nàn, luồn trong gió.

Hà...Nội ơi.....Hướng về thành phố xa xôi.....

Ánh đèn giăng mắc.....muôn nơi. ....

Tôi xa Hà Nội năm tôi 18 khi vừa .....

biết nhớ.....biết ....yêu ....một..mình.....

Ga Hàng Cỏ đây rồi, vẫn chiếc đồng hồ năm xưa, vẫn những mái dài, mái cong ẻo lả. Ngày xưa thì dòng người đầy mầu sắc sinh động, xôn xao chen chúc qua lại. Còn nay, nhìn ga Hàng Cỏ, tôi có cảm tưởng chiếc áo ngày xưa, thời mới lớn đã bị sờn vai, rách cổ, chằng đụp nhiều chỗ vá, do cảnh sống bần hàn tất tả ngược xuôi, cũng chẳng khác gì chính bản thân tôi. Mắt tôi đờ đẫn nhìn những cảnh chen chúc, gánh gồng của phố ga, để rồi mọi người đã bắt tay tôi từ giã, mà hồn tôi vẫn còn lảng vảng bên ngoài. Toán Xồm cũng đã chào tôi, đi từ lúc nào.

Như đã có chủ định từ trước, tôi sẽ tìm về Hàng Bột, về nhà người em gái bé tị, ngày xưa ấy. Chân cứ bước, dòng tư tường đi riêng từng ngóc này, nẻo kia, của "ngày xưa thân ái", để rồi dưới ánh nắng chiều, tôi đã thấy bóng Tháp Rùa từ xa. Lạ thật, tôi có định ra thăm hồ Hoàn Kiếm, hôm nay đâu? Dự trù là ngày mai, nhưng chân bước đã ra tới đây, thì làm sao tôi còn quay gót được?

Trời xanh thẳm, không một gợn gió, mặt hồ im lặng như một tấm gương, đăm đăm nhìn trời. Hồ Gươm thiên nhiên đẹp lộng lẫy . Hà Nội có hồ Gươm như một mỹ nữ đeo chiếc vòng ngọc quý.

Ngược dòng lịch sử, đầu thế kỷ 15, nhà Tiền Lê đại thắng quân Minh. Trong một buổi bơi thuyền, rùa thần đã nổi lên. Vua Lê đã trả kiếm lại cho thần Kim Quy, và từ đấy hồ được mang tên: Hồ Hoàn Kiếm.

Hồ có tháp rùa (từ hố sâu thẳm của ký ức). Trước đây, thỉnh thoảng những con rùa ngàn năm lên phơi nắng trên miếng đất dưới chân tháp. Đền Ngọc Sơn được xây trên một nền đất, như một hòn ngọc nổi trên mặt hồ. Đền thờ nhiều vị thần linh, chánh thần là Văn Vương, coi về văn học. Sau này thờ thêm một vị tướng "Trần Triều Hiển Thánh" là Hưng Đạo Đại Vương.

Cổng chính quay về hướng Đông, một chiếc cầu cong sơn đỏ, bắc vào đền gọi là cầu Thê Húc (nơi tụ ánh sáng ban mai). Tôi đã thấy rõ nhà bưu điện, tháp bút với 3 chữ lớn lồ lộ: Tả Thanh Thiên".

Đền Ngọc Sơn, Trấn Ba Đình và cả ngôi nhà Thủy Tạ trắng toát, ánh nắng phản chiếu đều lộn ngược đầu xuống hồ. Thậm chí tôi còn nhìn rõ, những tàng Phượng vĩ đỏ chót, cùng với 2 toa của chiếc xe điện thời Tây, ở dưới đáy hồ.

Chân tôi đã tiến đến 2 hòn đá tảng, nơi tôi đã ngồi câu tôm hàng giờ với thằng Long Ngõ Huyện, thời trước 1954. Hai hòn đá như có hồn, như chúng muốn nói với tôi: *"Chào anh Chúng tôi vẫn còn đây, mời anh ngồi đi!"*. Một không khí ấm áp tình cố tri quen thuộc, như len lén vào lòng.
Cũng nơi đây 18 năm xưa, thân phận tôi như một con mồi. Năm, sáu người thợ săn, của phản gián Hà nội, chĩa những con mắt cú vọ nhắm vào tôi (xin đọc Thép Đen I). Dòng tư tưởng đó đến, đã bắt tôi phải ngoái đầu lại, xem có cái đuôi nào bám theo mình? Như một phản ứng, tự nhiên. Nó cũng làm tan biến cái khung trời, đầy mầu sắc trước mặt, và trong hồn tôi

Ánh nắng đã xiên khoai, tôi phải tìm về Hàng Bột đã. Nhìn căn hẻm tồi tàn, đã nói lên cảnh sống của các chủ nhân. Một người phụ nữ chừng ba chục tuổi, ra mở cửa. Bốn mắt nhìn nhau đến ngỡ ngàng vài giây. Tôi phải lên tiếng trước:

– Xin lỗi, đây có phải nhà của Nguyễn Thị Quy?

Người phụ nữ càng mở to mắt, rồi ngập ngừng:

– Thưa .....ông là .....

Tôi nói luôn :

– Đặng Chí Bình!

Cô ấy ôm chầm lấy tôi. Vai cô run lên! Phía trong nhà có hai đứa con trai nhỏ chừng ba và sáu tuổi, đứa ngồi trên chiếc ghế con, đứa đang nằm bò ra nền gạch. Tôi xúc động không nói lên lời. Câu đầu tiên cô em nói, trong nước mắt đoanh tròng:

– Anh gầy quá!

Tôi hỏi:

– Chú ấy đâu?

Cô em chậm rãi:

– Nhà em đạp xích – lô, có khi tới khuya mới về.

Sau những hàn huyên nghẹn ngào, xúc động, tôi được biết sơ lược: Quy năm nay 28 tuổi, lập gia đình lúc 21. Như thế 1954 cô ấy mới 2 tuổi. Thế mà nghĩa tình của cô em, thắm đậm như anh em ruột thịt. Tôi xin cảm ơn và xin ghi nhận, nghĩa tình của cô. Hiện nay cô có hai con nhỏ ba và bẩy tuổi, chú ấy trước đây là công nhân ở khu "Cao Xà Lá " (Cao su, xà phòng, thuốc lá). Thất nghiệp hơn 3 năm nay rồi, bây giờ chú phải đạp xích-lô để nuôi vợ con.

Khi quyết định trở ra Hà Nội, tôi định nếu thuận tiện, sẽ ở lại 2, 3 ngày, rồi mới vào Nam. Nhưng tình cảnh nghèo nàn này, tôi chỉ muốn gặp chú ấy nữa thôi, tên chú là Tỉnh. Những người nghèo mà có lòng! Tôi không có gì để giúp đỡ cô chú ấy. Thật là may! Không biết do linh tính hay cô ấy đã nhắn bạn đạp xích lô ngay 8 giờ tối hôm ấy chú đã về nhà. Con người của chú Tỉnh, khi gặp và tiếp xúc tôi lại càng thương mến hơn. Cô chú ấy cứ nằng nặc mời tôi, ở chơi Hà Nội vài ngày. Như tôi đã trình bày, nhìn hai đứa cháu nhỏ, nhìn cảnh sống của cô chú ấy, ruột tôi xót xa và hận cho tôi bất tài, không có khả năng nào để giúp đỡ người thân. Thì còn vui gì mà ở lại!

Có một điều trùng hợp trong buổi gặp cô chú Tỉnh, cả hai phía, tôi lẫn cô em đều muốn biết tin tức về bố mẹ tôi ở Sài Gòn. Những năm, 1956 – 1957 còn gửi thiệp Bắc Nam, nhưng đến 1958-1959 và sau này, thì thiệp thư Bắc Nam đều đã ngừng. Thế là cả hai bên mong ngóng, nhưng cả hai đều không biết gì.

Một bữa cơm gia đình sum họp, dù chỉ có rau, dưa và mấy quả trứng vịt tráng, nhưng đầy nghĩa tình không thể quên. Buổi tối, tôi dứt khoát xin nhờ chú ấy, 5 giờ sáng mai đưa tôi ra ga Hàng Cỏ về Nam. Nước mắt của cô Quy đã chảy nhiều, nhưng tôi vẫn duy trì ý định.

Đêm hôm ấy, cô chú và cả tôi cứ trằn trọc thấp thỏm, ngủ không yên. Mới 4 giờ sáng cô em đã dậy lục đục nấu cơm, rồi nắm cho tôi một nắm cơm với muối vừng. Từ chối thì cô chú ấy sẽ buồn, tôi đành nhận nắm cơm, nhưng tôi dứt khoát không ăn sáng, lấy lý do bụng hãy còn no và không quen ăn sáng sớm. Tôi muốn dành lại cho hai cháu nhỏ.

Hai đứa nhỏ còn ngủ, cô ấy cứ nằng nặc đòi đi theo tôi ra ga để tiễn chân. Tôi hiểu đêm qua, cả cô chú ấy đều thiếu ngủ, chú ấy còn phải đạp xích lô cả ngày kiếm ăn, vì thế tôi giao hẹn, cô chú chỉ đưa tôi đến ga rồi phải về ngay, nếu không đồng ý, tôi sẽ đi bộ ra ga một mình.

4:30 đã ra tới ga Hàng Cỏ, cô ấy ôm lấy tôi, nước mắt lại đầy vơi còn giúi vào tay tôi 20 đồng. Tôi có là người mất trí, mới nhận 20 đồng này. Cô chú ấy đã làm cho chính tôi, nước mắt cũng vòng quanh.

Một mình tôi khoác chiếc tay nải, lủi thủi bước vào trong ga, thất thểu, ngơ ngác nhìn cuộc đời, nhìn dòng người lạ lẫm. Một lúc sau, nhìn sang phía góc trái, một hàng dài đến 4 – 5 chục người xếp hàng, đợi mua vé. Tôi hỏi và được biết, đúng là chỗ mua vé tàu đi vào Nam.

Đứng xếp hàng một lúc, nhìn thấy hàng còn dài quá. Tôi nghĩ, cứ như thế này, phải 2- 3 giờ nữa mới đến lượt mình. Tôi cũng thấy hơi là lạ, là ai cũng chăm chú nhìn tôi. Đứng một lúc, tôi chợt hiểu, họ nhìn chỉ vì bộ quần áo tù của tôi và cái dáng dấp gầy xanh, như người có bệnh lâu ngày. Tôi nghĩ, cứ lên thẳng chỗ cô mặc bộ đồ vàng, đang bán vé hỏi xem, may ra được chiếu cố vì mới ở trong tù ra. Nghĩ như thế, tôi lấy tờ giấy tha ra tù, đi lên chỗ cô bán vé. Tay cầm giấy, tiến dần đến chỗ cửa sổ bán vé, cả giòng người xếp hàng đều bàn tán nhìn theo tôi. Mặc, tôi đến trước quầy vé:

– Thưa cô, tôi vừa ở tù ra, tôi muốn mua vé đi Nam, cô có thể thông cảm bán ưu tiên cho tôi không?

Cô ta ngẩng mặt nhìn tôi, cả mấy người xếp hàng đều quay lại nhìn tôi. Cô ta giọng hách dịch:

– Cho tôi xem giấy của anh!

Cô cầm tờ giấy ra trại, cắm cúi xem, quay ra nhìn tôi, rồi nói to với những người, đang xếp hàng:

– Đây là một anh đã ở trong tù 18 năm, anh mới từ trại giam ra ngày hôm qua, đồng bào có đồng ý bán vé cho anh ta trước không?

Ồn ào nhiều tiếng nói:

– Đồng ý, bán vé cho anh ấy trước!

– Hãy bán vé cho anh ta đi !

– Chúng tôi hoàn toàn đồng ý ! Cô hãy bán vé cho anh ta trước!

Mặt cô bán vé tươi hẳn ra, và tôi cũng xúc động không ngờ. Cô bán vé ngước lên hỏi tôi giọng dịu đàng, khác hẳn khi nãy:

– Anh muốn đi ngày nào?

Niềm hưng phấn của tôi, hãy còn đầy ắp:

– Tôi đi ngay hôm nay ạ !

Mọi người đều ồ.. ồ lên. Cô bán vé mở to mắt nhìn tôi, rồi từ tốn:

– Mọi người xếp hàng ở đây, mua vé cho thứ Hai tuần sau mới đi !

Có một bà đứng gần đấy, nói rõ ràng rành mạch:

– Anh ở trại lâu nên không biết! Bây giờ xếp hàng mua vé phải hàng tuần lễ nữa mới đi, làm gì có kiểu mua vé đi ngay?

Như trên trời rơi xuống, tôi buồn và ngơ ngác, tay cầm tờ giấy ra trại (do cô bán vé đưa lại), tay xách chiếc tay nải tiến ra giữa sân ga, lòng chưa biết tính sao? Tiền đâu để ăn cả tuần lễ? Lại về làm phiền cô chú em ư?

Trời sáng dần, nhiều người vây quanh lấy tôi, bỗng có một bà cụ chừng ngoài 60, tay cụ như cầm cái gì đút vào túi áo tù của tôi. Tôi đang thò tay vào để xem cái gì, lại một ông dáng nông dân đút vào túi kia. Bà cụ đút vào túi tôi năm đồng, ông nông dân cho ba đồng. Tôi còn đang lúng túng thì một cô chừng 20 tuổi tóc ngắn đưa cho tôi hai ổ bánh mì có nhân. Đồng bào vây chung quanh tôi đến hàng chục người. Tôi bàng hoàng bất ngờ, ai cũng nhìn tôi bằng những đôi mắt thương cảm, ái ngại.

Mười tám năm xưa, khi tôi ra Bắc, rồi bị bắt, người ta đã xô đến ném đá, chửi bới tôi là biệt kích, gián điệp, ăn gan, uống máu nhân dân ra phá hoại miền Bắc, như ở Hà Tĩnh. Mười tám năm sau, tôi ra tù thì đồng bào đã đối xử với tôi như thế này. Đồng bào đã thể hiện tình thương yêu chân chính, của những người cùng một nước. Như thế đường tôi đi, đường tôi chọn là đúng, con đường thực sự mang lại dân chủ, tự do, cơm no, áo ấm cho mọi người. Tôi cảm thấy thật gần gũi, trong tình đồng bào.

Trời càng sáng dần, khi tôi còn đang đứng trong vòng vây của nhiều người tò mò, thì có một ông chừng 44, 45 cao lớn, mặc quần áo bộ đội, không đeo quân hiệu, quân hàm nhưng đeo khẩu súng ngắn, trễ bên hông. Ông ta rẽ đám đông đến bên tôi, ôn tồn:

– Anh cho tôi xem, giấy tờ của anh?

Giấy ra tù tôi đang cầm ở tay, tôi đưa luôn, mình thực thì có gì phải ngại ngần. Ông ta đọc xong, nhìn tôi rồi dõng dạc:

– Tôi cùng gia đình đi chuyến tàu vào thành phố HCM lúc 7:30, gia đình tôi có một người em bị bệnh không đi được, anh có muốn đi thay, thì đi theo tôi.

Đúng là nắng hạn lại gặp mưa rào! Tôi mừng quá. Có mấy người cũng thúc hối. Một bà chừng hơn bốn chục, nét mặt rất đôn hậu đẩy vai tôi:

– Anh đi theo ông ấy đi, may quá... Tôi cũng yên lòng!

Tôi chào mọi người, rồi vội vàng theo cái ông đeo súng! Tôi tưởng như mình đang từ giã những người ruột thịt. Ông ta trả lại giấy cho tôi, rồi căn dặn:

– Anh đứng đây chờ tôi một chút nhé !

Đi chừng hai chục phút, quay lại, ông vồn vã kéo tay tôi lên một toa tàu. Đến một khoang ông mở cửa, bên trong có 2 cái giường sắt to và nhỏ. Cái to có một chị chừng 30- 35 tuổi với một đứa nhỏ 2, 3 tuổi. Ông đeo súng quay lại tôi, nói với người phụ nữ đang ngồi ôm con trên giường:

– Đây là anh Bình, anh đã nói với em. Còn đây là nhà tôi!

Tôi hơi cúi đầu ngập ngừng:

– Xin chào chị ạ !

Ông đeo súng chỉ tay vào chiếc giường con, sốt sắng:

– Đấy, anh sử dụng chiếc giường đó, thay chú em tôi.

Tay tôi đang ôm 2 ổ bánh mì, 2 cái bánh bao, và 2 cái bánh giò của đồng bào cho. Tôi nhìn em bé nhưng nói với chị phụ nữ:

– Anh chị giúp tôi, cho cháu ăn hộ bớt, tôi làm sao ăn hết!

Nói rồi, tôi chỉ cầm một ổ bánh mì, còn đặt hết xuống chiếc giường to. Đúng là tác phong quân sự, anh cười, bảo:

– Cứ để đấy.

Thực là một sự may mắn kỳ diệu. Chuyến tàu xuôi Sài Gòn 7:30 chuyển bánh. Anh chị Thanh, (tên anh đeo súng là Thanh) chuyển công tác vào Nam mang theo cả gia đình. Anh Thanh vội vàng ra sân ga mua ít bánh trái để ăn dọc đường. Anh đã đọc giấy ra trại của tôi, đã biết tôi là gián điệp của VNCH, nhưng thái độ của anh tỏ ra "không thành vấn đề" giúp người không may là chính. Tôi hiểu, thời gian còn dài, từ từ tôi sẽ tâm tình chuyện trò.

Ánh nắng ban mai như dát lụa, ẻo lả luồn qua cửa sổ trải dài một mảnh vuông lung linh, giữa khoang tàu. Tàu bắt đầu chuyển bánh, bất chợt anh Thanh chạy bổ ra phía cửa sổ, đầu và hai tay anh cúi ra phía ngoài, người anh cứ như cái máy, cứ kéo lên, giật xuống liên hồi. Quá bất ngờ tôi và cả chị Thanh chưa kịp có phản ứng, thì hai

tay anh kéo lên một cái túi lưới nylon xanh, có hai ba con tôm càng khô. Anh Thanh đỏ mặt, tía tai, hổn hển quát:

– ĐM! Tao mà rút được súng ra, tao bắn vỡ đầu chúng mày!

Tàu bắt đầu chạy nhanh! Tôi đã hiểu: Nắng sớm, anh Thanh có 2 kg tôm he khô (tôm biển), hơi bị ẩm, anh sợ bị mốc, anh định treo phơi ngoài cửa sổ. Không ngờ tụi lưu manh chờ tàu chạy, chúng giật. Tôm đó là quà của anh mang vào Nam tặng bạn bè .

Qua việc này, tôi đã hiểu cảnh sống của XHCN hiện thực hơn. Người tôi rung rinh theo con tàu đang chạy xuôi Nam. Lòng tôi phơi phới mở rộng thênh thang, mắt tôi lững lờ nhìn qua cửa sổ những hàng cây trên đồi núi chạy vùn vụt về phía sau. Con tàu ré lên một hồi tu hu . . . . . tu hu . . . . . rồi hồng hộc chui vào một vùng ngát đẫm mùi hoa soan, chính chị Thanh cũng đập vai anh Thanh hỏi thương yêu:

– Cái mùi gì mà thơm thế hở mình?

Anh Thanh miệng thì ừ. . . .ừ. . . .nhưng đầu lại lắc lắc:

– Anh cũng chả biết mùi gì mà thơm thực!

Để dự phần vào cái hạnh phúc gia đình của anh chị Thanh, tôi quay lại:

– Mùi hoa soan của quê hương đấy! Tôi cũng hơi lạ, bây giờ mới giữa Hè mà sao lại có mùi hoa soan?

Nói rồi, tôi tiến ra sát cửa sổ con tàu, mặt trời đã lên cao đến hai con sào. Cả một vùng thiên nhiên mầu trắng sậm lẫn với mầu xanh của lá non đầu mùa. Hoa soan trắng, nhị và yếm mầu tím, hoà thành một mầu trắng sậm. Tôi cứ hóng cái mũi ra để hít, để nuốt vào cái mùi đậm đà chất phác, mộc mạc của quê hương tôi. Đột nhiên anh Thanh thốt lên:

– Tàu đã đến Phủ Lý rồi!

Tôi hiểu anh Thanh và tôi ở hai chiến tuyến đối đầu. Do những đẩy xô của hoàn cảnh, của dòng đời gặp nhau ở một tình huống: kẻ được người thua, nhưng cả hai phía đều đã thể hiện là những người có hồn “tình tự quê hương, người cùng một nước”. Phần tôi, phần của kẻ “chiến bại” tôi luôn luôn, kè kè đeo trên vai một cái “túi to lòng tự trọng”. Chỉ cần anh Thanh biểu lộ một vài hành xử, một vài lời nói, thở ra cái hơi của người “chiến thắng” thì ai cũng hiểu là tôi sẽ phải làm gì rồi.

Anh chị Thanh cũng hỏi han nhiều sự việc, để biết chính xác về tôi. Từ quan điểm chân thành, tôi nói lên lòng tự trọng và liêm sỉ của một người. Hơn nữa sự thật thì trường tồn, dài lâu nên tôi cứ thành thật tiếp chuyện anh chị. Tôi cũng hiểu sự thật

nhiều khi thô lỗ, gồ ghề nhưng cuối cùng người nghe vẫn thích hơn là đánh bóng, hay sơn phết.

Tôi đã xác định, nhìn và hiểu thấu con đường tôi đang đi, dù có lúc bị ngăn sông, cách núi, có khi phải chui vào hầm tối lầy lội, nên tôi đã nói cho anh chị Thanh rõ vì sao tôi nhận một nhiệm vụ ra ngoài Bắc, và một vài nét chính trong tù mà tôi đã nhìn, đã nghe, đã trải qua. Anh chị Thanh tỏ ra quý mến tôi hơn, mà lúc đầu anh chị chỉ muốn giúp đỡ một người bất hạnh, không may đang gặp khó khăn, thế thôi. Tôi nói thế vì chứng cớ là anh chị cũng cho tôi biết những nét chính, của cuộc đời anh chị.

Chị Thanh là giáo viên cấp hai ở Hà Đông. Anh Thanh quê ở nông trường vải (quả vải) gần chùa Trầm, Hà Đông. Anh là cháu gọi tướng Lê Trọng Tấn bằng cậu. Anh đã công tác bốn năm trong ngành hoa tiêu, ở sân bay Nội Bài. Anh vừa được đi học hai năm ở Liên Xô. Hiện nay anh là Thượng úy chuyển công tác vào Nam, ở Đài kiểm soát không lưu trường bay Tân Sơn Nhất. Anh chị Thanh chưa hề vào Sài Gòn hay miền Nam bao giờ. Phần tôi chỉ biết Sài Gòn, hay miền Nam của gần hai chục năm trước.

Tôi kéo anh chị Thanh trở lại túi tôm bị giật lúc sáng, cứ nói những ý nghĩ trong lòng, tôi thành thực:

– Anh chị đã biết, gần hai chục năm ở một chỗ sâu nhất của một nhà tù, tôi không hề biết một chút gì về cảnh sống xã hội của miền Nam, cũng như miền Bắc.Tôi rất ngạc nhiên với việc sáng nay. Qua dư luận, hình như ở khắp nơi, cả ở miền Nam nữa có quá nhiều cảnh cắp, trộm, trấn lột, cướp giật v.v. . . Chả lẽ ngành cảnh sát, công an không giải quyết được

Nghe tôi nói và hỏi như thế, cả hai anh chị tỏ ra đăm chiêu mấy giây. Anh Thanh nhìn tôi, nói như giải nghĩa, giáo dục:

– Tiếc rằng bác Hồ mất sớm quá! Vả lại, anh tính, kẻ thù, đế quốc nó bao vây kinh tế như thế, nên nước ta mới nghèo túng !

Tôi biết không phải anh chị Thanh, mà hầu như đa số, nếu không nói là hầu hết nhân dân miền Bắc, đều sẽ trả lời như vậy, hoặc từa tựa như thế! Cũng có một số người hiểu rõ cái nguyên nhân, cái sự thật, thì đa số đã phải vào trong cái ”lồng nhỏ” rồi. Người nào còn ở ngoài là do khéo đậy miệng, hoặc mũ ni che tai, hay quần quật đêm ngày lo kiếm miếng cơm cho mình và gia đình, thời gian nào đâu mà đi chuyện trò.

Anh chị Thanh mãi không thấy tôi nói gì, nhưng chắc nhìn nét mặt, anh Thanh đã đoán ra là tôi không thỏa, khi nghe anh trả lời. Tôi nghĩ đây đâu có phải là một buổi tranh luận, hơn nữa anh chị ấy cũng như mọi người dân khác mà trung ương đảng

cộng sản, đã đội cho cái “mũ ngựa” che tai, che mắt chỉ còn được nhìn về phía trước mà thôi.

Tôi chỉ hỏi nhẹ một câu như thế, để rồi tự anh chị sẽ suy nghĩ. Tuy vậy, cũng bằng những câu hỏi, tôi quay sang sốt sắng:

– Anh Thanh đã được sang Trung Quốc bao giờ chưa?

Cả hai anh chị đều trả lời với nét mặt tự hào, dù tôi chỉ hỏi anh Thanh:

– Năm 1976 chúng tôi còn là “nghiên cứu sinh ” đều được tham quan Bắc Kinh một tuần.

Tôi hỏi tiếp với vẻ trầm trồ ca ngợi:

– Thế anh chị có được đi Bắc Hàn chưa?

Cả hai anh chị đều lắc đầu, tôi lại hỏi:

– Thế còn Cu Ba và các nước Đông Âu?

Anh Thanh nhanh nhẩu:

– Kỳ hè năm đầu tôi đi Rumanie, kỳ hè năm ngoái tôi đi Albanie một tuần.

Tôi ôn tồn, từ tốn như muốn để anh chị Thanh cùng chia sẻ :

– Anh chị đã biết, cả cái tuổi trẻ của tôi nằm im một chỗ, ngay Hà Nội và Sài Gòn tôi còn không biết gì! Nhưng vì lòng quý mến anh chị, anh chị cho tôi hỏi một sự thật, có nghĩa là chính anh chị nhìn bằng mắt của mình, và suy nghĩ bằng óc của mình, chứ không phải vì theo suy nghĩ của người khác. Tôi không cần phải đến Bắc Kinh, Moscova, Albanie, Rumanie, dù là một tuần hay ở Liên Xô gần hai năm như anh. Anh có nhìn thấy từ cán bộ đến người dân ở các nơi ấy, đều làm ăn ngược xuôi vất vả? Xã hội không thiếu những cảnh cấp trộm, lừa lọc, giả dối. Nói không đúng sự thật, là chuyện thường xuyên, phải không anh?

Mặt anh Thanh đực ra suy nghĩ, đầu anh gật gật, rồi mở to mắt nhìn tôi:

– Sao anh biết rõ thế?

Anh hỏi tôi, nhưng cũng là câu trả lời rồi! Tôi nhìn anh chị nói tiếp:

– Không nói những nước anh đã đến, mà tất cả các nước cộng sản hay XHCN cũng sẽ đều như thế, và sẽ như thế mãi mãi. Những nước ấy chả có bác Hồ. Và như Liên Xô, Trung Quốc thì đừng hòng Đế quốc nào bao vây kinh tế, nếu không nói là chính những nước ấy đang đe dọa, o- ép nhiều nước khác. Những lúc thanh vắng, ngồi

một mình, anh chị hãy chịu khó suy nghĩ mọi sự việc, bằng chính bộ óc độc lập của mình. Tôi tin anh chị sẽ nhìn rõ nhiều vấn đề, của thời đại chúng ta.

Khi thì trò chuyện, khi thì gửi hồn vào những chuyện không đâu để rồi con tàu Thống Nhất đã đi mấy ngày đêm, tôi cũng không hay, cho tới khi tàu ngừng ở ga Bình Triệu. Khi đó đã 11 giờ đêm, tôi và anh chị Thanh vội vàng lấy địa chỉ của nhau.

Lúc này mới đẻ ra một trở ngại: Phía tôi, địa chỉ của bố mẹ không biết có còn như xưa không? Phía anh chị Thanh, mới vào, chưa nhận công tác. Tôi đành đưa cho anh chị Thanh hai địa chỉ ngày xưa, của bố mẹ tôi và của vợ chồng người em gái, nếu có duyên thì sẽ tìm gặp lại nhau.

Tôi và anh chị Thanh cũng không biết tại sao xe hỏa cuối năm 1980 chỉ ngừng ở Bình Triệu, mà không vào thành phố HCM? Anh chị Thanh, cháu nhỏ và tôi đã chia tay nhau ở ga Bình Triệu. Phần tôi, vai vẫn khoác cái tay nải cũ, dép râu và bộ quần áo tù mầu xám. Tôi có hai bộ quần áo tù, một sọc, một xám. Bộ xám thì có dấu hắc ín, chữ "Cải Tạo" to tướng trước và sau lưng.

Trên tàu bước xuống đường nhựa, đèn điện đêm sáng trưng. Tôi ngơ ngác nhìn xa lộ rộng thênh thang. Tôi không xác định được phương hướng, phía trái hay phía phải về Sài Gòn? Một chàng trai Hà Nội, một chàng trai Sài Gòn và còn là một điệp viên nữa, thế mà lại "ngố rừng" như vậy, thật là chuyện cười đáng buồn. Tôi định hỏi thăm, nhưng lòng cũng hơi ngượng ngùng, nên miệng khó mở ra. Giữa hàng chục phút "ngắc ngư con tàu đi", có một cậu xích lô còn trẻ, chừng 16 -17 tuổi quành xe lại hỏi:

– Chú đi bộ à, chú có đi xe không?

Tôi đã có chủ trương là sẽ dùng đôi chân lang thang, đi những bước đầu tiên trên Thành Đô xưa cũ của tôi, nhưng thái độ ngộ nghĩnh của cậu xích lô, làm tôi đổi ý. Tiền bạc không có bao nhiêu trong túi, nên tôi phải hỏi:

– Từ đây về đường Bắc Hải, khu ông Tạ thì cậu lấy bao nhiêu?

Đã không trả lời trực tiếp, cậu ta còn ríu rít hỏi lại:

– Chú mới ở trại cải tạo ra ư ? Hơn một năm trước, ba cháu cũng được tha ra !

Tôi biết cậu đã nhìn rõ cái áo tù của tôi. Mặc thái độ đon đả của cậu này, tôi vịn tay vào thành xe, dịu dàng nhắc lại câu tôi đã hỏi. Cậu ta nhẩy xuống xe, vừa kéo ngay lại chiếc đệm xe, tay đập đập như phủi bụi, vừa như thúc giục:

– Chú cứ lên xe ngồi đi, rồi chú cháu mình nói chuyện.

Đường khuya, phố vắng, cái phút ban đầu gặp lại Thành Đô yêu dấu, thương nhớ đã êm ái, ấp ủ trong lòng tôi gần hai chục năm, hôm nay mới nhìn thấy mặt.

Sài Gòn ơi! Người là viên ngọc quý trong lòng tôi?!

Giọng cậu xích – lô đã làm ngắt quãng dòng tư tưởng của tôi:

– Ba cháu bị cải tạo hai năm, còn chú chắc phải ba năm, nên bây giờ mới được tha ra?

Cái giọng nhè nhẹ reng rẻng của miền Nam; chất phác ngọt ngào như trái dừa nước của Bến Tre, Định Tường. Một nguồn hứng cảm đã bừng dậy trong lòng, tôi khoắng tay, ý muốn ngừng xe lại:

– Chú cháu mình hãy hút một điếu thuốc, cho hồn mình lang thang đã !

Nhanh nhẩu, tôi lấy bao thuốc Trường Sơn đập điếu thuốc cho ló khỏi bao, đưa lại phía cậu. Cậu bé tên Dân, nhẩy xuống rút điếu thuốc rồi bật diêm cho cả cậu và tôi. Cậu bé ngửa cổ thở khói rồi hỏi ngay.

– Thuốc gì mà cái ” gu” lạ thế?

Tôi không ngờ khi ấy cộng sản chưa đưa thuốc này vào miền Nam, nên tôi ôn tồn giải thích:

– Thuốc Trường Sơn là loại phổ biến ở Hà Nội, cũng như ở cả miền Bắc lâu rồi!

Dân mở to mắt hỏi ngay:

– Vậy chú ở ngoài Bắc vào ư?

Tôi đành phải nói sơ sơ vài nét để cậu bé này đỡ băn khoăn, tò mò. Xe đang đạp ngon trớn, chuyện trò rôm rả, từ xa có mấy người quần áo xam xám đeo băng đỏ, dựng hai khẩu CKC ngồi, nằm chắn ngang ngay mặt đường. Gần đến nơi, cậu Dân đã phải ngừng xe lại.

Bốn, năm cậu đồng phục xanh xám, băng đỏ tiến lại, sau một lúc trao đổi, và nhất là sau khi các cậu băng đỏ xem giấy ra tù của tôi, một cậu là tổ trưởng cái tổ Thanh Niên Xung Phong đó, đã vồn vã :

– Trời ơi ? Sao chú ở tù lâu thế? 12 giờ tất cả thành phố đều giới nghiêm, chúng cháu có để cho chú đi, vào tới trong kia chú cũng không đi được. Chú hãy đến chỗ chúng cháu uống nước, hút thuốc, nói chuyện cho chúng cháu nghe, rồi 3 giờ cháu sẽ để chú đi sớm nhất !

Nhìn lên, đây là đường Hồng Thập Tự, tôi quay ra nói với cậu Dân, và hỏi hết bao nhiêu tiền, vì cậu còn phải trả tiền mướn xe để chạy. Cậu nhất định không lấy tiền, và nói một câu vẫn còn hằn trong lòng tôi, từ buổi đầu hôm ấy:

– Dù cháu có đưa chú tới nhà, cháu cũng không lấy tiền, huống chi đang giữa đường. Cháu đạp xe cho chú, cũng như đạp xe cho ba cháu!

Tôi không thốt ra lời, vì xúc động. Tôi lấy một bao Trường Sơn mới (tôi có một "tút ", mua theo anh chị Thanh ở Vinh để làm quà) rồi ôm lấy cháu Dân:

– Rồi đây, dù chú cháu mình không gặp lại, nhưng chú sẽ ghi hình ảnh buổi hôm nay, chú cháu mình gặp nhau!

Ngồi vây quanh lấy tôi, bốn năm cậu thanh niên xung phong say xưa tò mò nghe bao nhiêu chuyện, mà trước đây chưa bao giờ nghe. Thuốc lào, thuốc lá, thậm chí cả bánh kẹo các cậu ấy nồng hậu mời mọc, để cuối cùng chớm 3 giờ sáng với những cái bắt tay, những cái ôm chân thành lưu luyến, chúng tôi từ giã nhau.

Một mình tôi sải bước về phía Hòa Hưng. Vừa đi, đầu óc tôi lảng vảng về các cậu thanh niên xung phong, vừa qua. Ngay ở miền Bắc, những thanh niên đã được thâm ý dầy công trồng người của lão "cáo" mà tôi tiếp xúc còn thiện mến, huống chi ở miền Nam. Tôi vẫn tin tưởng: Mình có sự thật là chân lý, biết ứng dụng nhuần nhuyễn với kinh nghiệm bản thân, thì thường hơn hẳn.

Nhìn đường phố trong ánh đèn đêm, tuy là "đường xưa, lối cũ" nhưng tôi vẫn cảm thấy một cái gì là lạ trong lòng. Nó không còn trọn vẹn cái thân thương, gần gũi tôi vẫn ấp ủ trong tâm tưởng bấy lâu. Gần 4 giờ, tôi đã đi qua nghĩa địa Đô Thành, với cái định vị trong đầu thì đây phải là đường Bắc Hải, nhưng sao đã thay đổi hết rồi.

Tôi nhớ ngày xưa, hầu hết các nhà trên con đường này đều lợp tôn, nhà gỗ. Hồi ấy một bên là tường xây của nghĩa địa, một bên là những ngôi nhà sàn, phía nửa sau nhà trên nước, nhưng bây giờ thì cả hai dẫy phố, nhà cửa hai ba tầng lầu. Chân cứ bước dần vào phía Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa và xứ Nam Hòa, mà lòng ngẩn ngơ như đi vào xứ lạ . Không còn một hình ảnh nào, để tôi nhận ra " cảnh cũ người xưa."

Tôi đã nhìn thấy ngôi nhà thờ Nam Hòa, xưa làm bằng gỗ, lợp tôn, nhưng bây giờ là một nhà thờ tân kỳ, kiểu mới. Tuy không có đồng hồ, nhưng qua dáng trời và ước định thời gian, tôi đoán có thể khoảng 4:15 hay 4:30 sáng. Tiếng chuông sớm của nhà thờ ngoáy thánh thót vào khung trời đêm Nam Hoà, cũng làm rung rinh hổn hển lòng tôi sắp gặp lại đấng sinh thành. Chợ Nam Hòa, xưa là những căn lều bốn cọc trống trải, giờ đây là những gian hàng xây ngăn nắp. Tôi còn đương ngơ ngác, ngỡ ngàng, thì thoáng có tiếng người nói chuyện từ một hẻm, rồi bóng dáng của ba người mặc áo dài trắng đi ra, đoán là những người đi lễ sớm, tôi tiến ra đón đường lễ phép:

– Xin vui lòng chỉ nhà của cụ Phúc (bố mẹ tôi) ở phía nào dùm?

Cả ba người phụ nữ đều kéo nhau chạy về phía nhà thờ! Tôi bàng hoàng, không hiểu vì sao. Hay cụ Phúc không còn, hay không có ở đây? Xác định vị trí các ngõ,

đường ngày xưa, tôi quyết định vào một đường hẻm. Trong tâm tưởng của tôi, ngôi nhà của bố mẹ tôi tường xây, lợp tôn. Trước nhà có một cây trứng cá, mà thỉnh thoảng tôi còn hái quả chín ăn và cho em Lý và em Thu ngày ấy.

Tất cả nhà cửa, phố, đường đều đã đổi thay. Nhưng với óc định vị của nghề nghiệp, tôi xác định được một ngôi nhà. Đó là ngôi nhà hai tầng lầu. Cái ngõ ngày xưa đất cát đỏ, giờ đây là ciment bê tông, xe tắc – xi đi vào được. Tôi lần bước tiến đến ngôi nhà cửa đóng, nhòm vào tối sáng lờ mờ, không thể nhìn rõ vật dụng. Thoáng thấy căn nhà ba lầu trước cửa, trong bóng "cửa chớp", có bóng người tóc quăn vì ánh đèn mới bật, chiếu ra, tôi tiến sang, nhã nhặn:

– Thưa, cho tôi hỏi thăm một chút ạ !

Bóng tóc xoăn biến mất tiêu!

Đành trở lại ngôi nhà, tôi xác đoán là ngôi nhà của bố mẹ. Trời sáng dần, nhìn vào một lần nữa. Một chiếc ghế bành trong bộ ghế ngày xưa đã phòi bông gòn ra ngoài, chiếc giường gỗ của bố ngày ấy, bỏ màn nhưng không có người. Đúng rồi, ngay cái mùi quen thuộc thương yêu ruột thịt của bố mẹ, đã tràn cả ra ngoài cửa sổ. Tôi đoán, có thể là các người đi lễ sớm! Tôi quay lại, thoáng thấy những bóng người trên ban công ở các nhà đối diện chạy vào trong nhà, rồi những bóng người thập thò trong các cửa sổ những nhà phía trước cửa. Trời càng sáng rõ. Trầm ngâm, tôi nhìn xuống đôi dép râu, rồi chiếc quần, tôi chợt hiểu. Chính vì cái dáng dấp và quần áo, không giống ai của tôi (trong giai đoạn cuối năm 1980), đã làm người ta tránh xa. Bây giờ thì mấy ban công đối diện, họ bảo nhau bước ra nhìn xuống tôi, thì thào bàn tán.

Cũng đúng khi ấy, thì lễ sớm nhà thờ tan. Từ xa, phía nhà thờ, có một cụ già tóc bạc phơ, với dáng gầy gầy, cao cao, đôi mắt lờ đờ, đang chống gậy lần bước tiến về. Mắt tôi tự nhiên mờ đi, niềm xúc động ứ lên làm run rẩy cả người, tôi tiến đến cầm vào tay người, miệng tôi thều thào:

– Thầy?.. .. ..

Thầy tôi ngơ ngác.

Tôi nghẹn ngào nói lại:

– Thầy ơi ! con đây !

Tay thầy tôi run run để lên vai tôi, giọng hổn hển:

– Con là . . . . . người, hay . . . . . là ma?

Nước mắt tôi đã chảy xuống má, cả hai tay tôi cầm nhẹ vào tay chống gậy của thầy. Trong niềm xúc động ứ tràn, miệng tôi nói ngập ngọng trong cái mằn mặn của nước mắt:

– Con là người đây . . . . . .Thầy ạ !

Miệng thầy tôi nói thều thào không thành tiếng. Thầy tôi rời tay khỏi vai tôi, run run móc trong túi, rút ra một chiếc chìa khóa đen và dài. Tay tôi đỡ chiếc chìa khóa, nhưng mắt tôi nhìn những bóng người phía sau thầy tôi, đang túa ra từ phía nhà thờ:

– Mẹ đâu ……hở thầy?

Tôi đỡ tay, dẫn người đến cửa. Thầy tôi hơi ngoái đầu lại phía nhà thờ, giọng hãy còn thều thào, hổn hển:

– Mẹ mày……về ……sau …….?

Tôi đút chiếc chìa vào lỗ, tay run hay vì nước mắt mà mãi không được. Một ông đã đỡ chiếc chìa khóa mở hộ. Lúc này hàng chục người vây chung quanh, cả những người hàng xóm thập thò trên ban công từ sớm cũng kéo xuống, vào đầy nhà từ trong đến ngoài. Tôi vội vàng vắt chiếc màn lên rồi đỡ thầy tôi ngồi xuống giường. Thầy tôi cứ lảm nhảm điều gì tôi không nghe rõ, dần dần tôi đã nghe ra:

– Nhà ……hết ……gạo ……rồi……!

Nước mắt của tôi càng trào ra, vì tôi biết thầy tôi đã lẩn thẩn rồi! Để thầy tôi ngồi đấy, tôi chen ra phía ngoài để ngóng mẹ tôi. Vừa ra khỏi cửa, giữa đám đông người, tôi đã nhìn thấy một cô gái chừng 15 – 16 mặc áo dài trắng, đang dẫn một bà cụ lòa cả hai mắt, lần từng bước. Mẹ của tôi đấy ư! Một tiếng kêu rên trong đáy lòng ? Tôi chạy bổ đến, hai tay ôm lấy mẹ ! Tôi không nói thành lời :

– Mẹ ơi !

Một tay người cầm nhẹ cánh tay tôi, một tay xoa xoa lên đầu tôi, hai giòng nước mắt từ đôi mắt lòa chảy xuống má. Trong lúc tôi dẫn đưa người vào trong nhà, người hỏi tôi rõ ràng:

– Có phải thằng Bình thật không?

Tôi chợt hiểu, chắc rằng trước đây trong những lúc kêu gào khóc thương tôi, đã có nhiều người đến nhận là tôi, để giúp mẹ, tôi một cụ già mù lòa quay quắt thương nhớ người con. Mẹ tôi đã bị lừa nhiều lần rồi!

Tôi đã ôm chặt lấy mẹ tôi rên rỉ nói trong nước mắt:

– Con là Bình đây . . . . . mẹ ơi !

Mẹ tôi rời cả hai tay sờ cổ, sờ mặt tôi, rồi khuỵu xuống!

Tôi bế vội, nhấc bổng mẹ tôi, mọi người tránh ra để tôi đưa người vào chiếc giường phía gian trong, có những tiếng hối hả :

– Ai có dầu nóng không? Bà cụ ngất rồi ! . . . . . .

Người đầy nhà, nhưng tôi chả còn nhìn thấy ai. Tôi đặt mẹ tôi ngay ngắn, đắp nhẹ chiếc chăn ngang bụng người. Một bà giúp tôi xoa bóp và gọi tên người. Hai, ba, người nữa đưa dầu nóng, giữa những tiếng gọi tên người và tên thánh:

– Cụ An na Nguyễn thị X!

Một giọng hách dịch dồ lên:

– Anh nào là Đặng Chí Bình?

Tôi đang ngồi gục đầu ủ rũ trên giường, bên cạnh mẹ tôi, ngửng lên là một tên công an áo vàng, đeo súng ngắn chừng 27-28 tuổi. Tôi đứng hẳn lên, giọng còn xúc động trả lời ” tôi đây”, Tên CA quắc mắt gằn giọng:

– Anh cho tôi xem giấy tờ?

Mọi người trong nhà đều nhớn nhác nhìn tôi lo sợ. Tôi mở cái ví con rách của một cậu hình sự, đã cho ở trại tù T 52 Hà Sơn Bình ba năm trước, rút tờ giấy ra trại đưa cho y. Khệnh khạng y cầm tờ giấy ra trại do Bộ Nội Vụ cấp, mở ra đọc, trước sự lấm lét lo lắng của hàng chục người trong nhà. Thầy tôi lúc ấy ở gian ngoài lại chống gậy lần bước vào, giọng đã khàn khàn:

– Nhà hết gạo .....rồi!

Tôi hiểu, thấy tôi về mà không có gạo để nấu cơm cho tôi ăn! Tôi cố ngăn mà nước mắt của tôi cứ trào ra ! Hình như mấy chục năm khổ đau, cùm kẹp, nước mắt tôi không hề chảy, tích tụ lại cho ngày hôm nay. Chính tôi cũng ngạc nhiên, sao mà tôi nhiều nước mắt như thế!

Nét mặt của tên CA đọc giấy, tỏ ra không hiểu đầy đủ, y khoát tay, nói như ra lệnh:

– Anh theo tôi ra phường!

Nhìn mẹ còn đang nằm ngất, không biết ra sao, nhìn mọi người âu lo cho hoàn cảnh gia đình tôi, tôi thấy một luồng hơi nóng ran truyền lên đầu tôi! Một vài giây ngập ngừng, tôi bước xuống đất. Mấy người cũng hẩy tay tôi ra phía cửa, bảo tôi:

– Anh cứ đi đi !

Nhìn mọi người rồi nhìn mẹ tôi còn nằm yên trên giường, tôi nói tha thiết:

– Xin bà con giúp đỡ.

Đi qua, tôi đặt tay vào cánh tay thầy tôi, cố nói to cho mọi người và tên CA cùng nghe:

– Thầy ở nhà, con về ngay?

Đi qua những con đường ngoắt ngoéo ra phường, liếc tên CA phía sau, lòng tôi nghĩ: "Lại có một tên đeo súng đi theo hầu ". Chừng 400 mét ra tới phường, nhìn tấm biển đỏ treo trước cửa, thì ra là Phường 6 thuộc quận Tân Bình.

Bước qua mấy bàn giấy, đến một chiếc bàn có một tên Trung úy chừng 35- 40 đang hách dịch ngồi, tên CA theo tôi đưa trình miếng giấy ra trại của tôi. Tên Trung úy cắm cúi đọc rồi ngẩng lên, chỉ tay một chiếc ghế trước bàn, ra oai:

– Anh ngồi đó !

Lưỡng lự một hai giây, tôi ngồi nhìn thẳng y. Để "bắt mạch" món hàng buổi đầu, y nghiêm giọng:

– Từ Thanh Hóa về đây chỉ 3- 4 ngày, hôm nay đã 7 ngày, vậy còn 3 ngày nữa anh đi đâu?

Tôi hơi nhếch mép. Y phải nhìn thấy cái nhếch mép của tôi.. Đến những bậc thầy của y tại phòng phản gián, và chấp pháp của Hà Nội, tôi còn đối ứng được, huống chi là một tên công an phường. Điều quan trọng là phải quán thấu tình trạng, điều kiện cái quyền có thể của mình. Trong hoàn cảnh tàu, xe Bắc Nam hiện nay, những chuyện trục trặc, trở ngại là chuyện thường xuyên, không ai định trước được, vả lại có điều khoản nào trong giấy tờ ấn định ngày, giờ phải có mặt tại nhà đâu? Nghĩ như thế, tôi nhìn thẳng vào mắt y, thủng thẳng, ôn tồn nói:

– Tôi bị trở ngại tàu dọc đường!

Tên này cũng rất nhạy cảm, tuy tôi chỉ nhã nhặn nói như vậy, nhưng y đã thấy tôi không phải là loại trộ nạt được. Sơn ăn từng mặt! Mềm nắn, rắn buông! Y dịu giọng:

– Anh được Đảng và nhà Nước tha cho về địa phương, anh phải chấp hành mọi đường lối, chính sách của địa phương. Hơn nữa, anh còn đang ở dạng quản chế!.

Lại gặp những "con vẹt " và "loài nhai" lại, tôi đứng thẳng lên, nhưng vẫn rất lễ độ, ôn tồn:

– Hôm nay buổi đầu được gặp các ông, chắc rằng tôi còn được gặp ông nhiều lần nữa. Hiện giờ mẹ tôi đang bị ngất ở nhà, xin phép ông tôi về xem mẹ tôi sống, chết ra sao!

Nói rồi, tôi hơi nghiêng người như chuẩn bị trở về. Tên Trung úy, sau này tôi biết y là Mậu, trường CA Phường 6, cũng đứng lên dõng dạc:

– Sáng thứ Hai, anh lên đây nhận chỉ thị!

Hôm nay là thứ Sáu. Tôi quay lại tỏ ra đường hoàng, nhưng rất nhã nhặn:

– Xin cảm ơn. Tôi sẽ lên gặp ông sáng thứ Hai!

Tôi trở ra ngay, trước sáu, bảy tên CA đứng phía trong nhìn theo. Tôi rảo bước nhanh chân, gần về tới nhà thì có một cô gái tóc dợn sóng chừng ba chục tuổi, đang hối hả đi ngược chiều tôi. Cô ta đi qua, còn ngoái lại. Tôi cũng vậy. Cô đó hơi ngượng ngùng quay lại nhìn tôi ngập ngừng:

– Xin lỗi có phải anh là.....

Niềm xúc động của tôi lại cuộn lên, tôi chộp lấy tay cô và kêu lên:

– Thu à ?

Nước mắt của em túa ra, miệng méo xệch. Đè nỗi thổn thức vào lòng, tôi hỏi ngay:

– Mẹ sao rồi?

Em Thu đã cầm cả hai tay tôi kéo về phía nhà, miệng còn hổn hển vì xúc động:

– Mẹ tỉnh rồi, không sao cả anh ạ ! Mẹ và bà con bảo em ra phường xem anh ra sao?

Hơi yên lòng, tôi dắt tay Thu, và nhìn em. Khi tôi rời xa, em là một cô bé 13 tuổi, thế mà bây giờ... . Mới nghĩ tới đấy, tôi và em đã bước vào nhà, vẫn còn bốn, năm bà và một ông trong nhà. Thầy mẹ tôi đang ngồi cạnh nhau, trên chiếc giường của mẹ tôi phía trong. Thấy tiếng tôi về, mẹ tôi quay ra, nhưng... ... mẹ ơi ! Mẹ đâu có nhìn thấy con ? Tôi chợt nghĩ đến đứa em trai tên là Công Lý, khi tôi rời xa, em Lý 17 tuổi đang học Đệ Tam trường Hồ Ngọc Cẩn. Từ sáng tôi về chỉ thấy hai ông bà già, đã làm rối loạn lòng tôi, nên chẳng còn tâm trí nghĩ về em Xuân, em Lý và em Thu. Tôi quay lại hỏi thầy mẹ tôi, nhưng trong nhà ai cũng nghe:

– Thầy mẹ ơi! Em Lý ở đâu?

Mẹ tôi lại gục xuống gào lên:

– Nó chết rồi . . . . . con ơi !

Như một hơi ép nén ngược lại, làm cho tôi không thở được, tôi phải để tay lên ngực và một bà đỡ cho tôi ngồi vào một chiếc ghế. Trong khi thầy tôi cứ nấc lên rồi lại kêu rồ... rồ như vướng cái gì trong cổ họng, còn em Thu đứng dựa, gục đầu vào tường vai run lên không nói ra lời. Tay tôi vẫn đè ở ngực, một nỗi đau như xé tim tôi, mà không hề chảy một giọt nước mắt. Thầy bố mẹ và em Thu thì nước mắt chảy ra không kịp lau, nghe tin em trai duy nhất chết lại chỉ có đau mà không có nước mắt. Có thể hạch nước mắt của tôi đã hết nước, hay nỗi đau đã dồn vào tim, vào óc? Tâm tư của tôi lại chảy ngược về em Xuân, cô em lớn sát tôi, em đã có hai con trước ngày tôi ra Bắc. Tôi đã góp phần giới thiệu để chú ấy làm công nhân, ở Công Binh Xưởng Hải Quân Ba Son.

Tôi quay lại, hỏi nhỏ em Thu:

– Vợ chồng chú Tuất, cô Xuân thế nào?

Có lẽ vì còn đông các bà, nên em Thu chỉ vắn tất:

– Anh chị ấy vẫn ở bên Lăng Cha Cả!

Thấy hai giòng nước mắt vẫn chảy ra từ hai con mắt loà nhắm nghiền của mẹ, tôi lại trèo lên giường ngồi bên mẹ, thì thào vào tai mẹ, nũng nịu như ngày còn bé:

– Sao mẹ còn khóc nữa hở mẹ?

Mẹ tôi nấc lên liên hồi, vừa nói, vừa khóc:

– Mẹ thương ..... thằng Lý .....quá!

CHƯƠNG 19: TRỞ VỀ THÀNH PHỐ

Chúa ơi! Con nhìn chỗ nào gia đình con cũng thương đau cả! Nhìn đôi mắt loà của mẹ, lòng tôi như mềm nhão ra. Tôi muốn biết nguyên nhân vì sao mẹ tôi bị loà, và loà từ bao giờ, nhưng mẹ tôi đã bẻ quay hồn tôi về phía em Lý. Tôi định cất tiếng hỏi vì sao Lý, em trai độc nhất thương yêu của tôi chết? Và từ bao giờ? Một số các bà kiếu từ, để cho chúng tôi trao đổi chuyện riêng tư gia đình. Họ đồng loạt chào bố mẹ tôi. Tôi đến từng bà, với đôi mắt còn ướt sũng thương đau:
– Những ngày tới cháu sẽ đến kính chào và thăm hỏi gia đình. Hôm nay cả gia đình cháu đã đón nhận lòng nhân hậu đùm bọc người hoạn nạn của quý bà.

Tôi quay vào thì em Thu đang ngồi bóp vai cho mẹ. Thầy tôi sau khi hút điếu thuốc lào đã bỏ vào mùng nằm yên rồi. Tôi sà đến bên mẹ, cầm lấy bàn tay nhăn nheo của mẹ, và khẽ hỏi em Thu vì sao mẹ bị loà?

Từ khi tôi lớn lên biết cuộc đời, tôi đã thấy mẹ bán vải tấm từ ngoài Bắc. Trước hội nghị Genève 1954 người cũng chỉ bán vải. Người đã tần tảo ngược xuôi để nuôi bốn anh em chúng tôi, và tạo lập một gia đình. Như tôi đã trình bày trước đây, bố tôi là một võ sư về môn quyền thuật phái Thiếu Lâm, đến nay bố đã 76 tuổi rồi. Tôi đâu có ngờ một người võ sư quắc thước của 18 năm xưa, bây giờ là một cụ già chống gậy, tâm thần đã lẫn lộn. Khi tôi nhận một nhiệm vụ nhỏ bé vào đất thù, bố mẹ tôi không hề biết như tôi đã trình bày chi tiết ở Thép Đen I.

Mẹ tôi vẫn bán vải ở chợ Nam Hòa, tôi là con trai cả, đột nhiên đi đâu mất tiêu, mẹ tôi đã chảy nhiều nước mắt trong bao đêm ngày, cho đứa con hẩm hiu xấu số để rồi mấy tháng sau, mắt của người sưng lên. Theo em Thu nói, có lần mắt mẹ chảy máu, đã chạy chữa nhiều thuốc, nhiều thầy nhưng không khỏi. Ngồi nghe em Thu thuật lại nỗi niềm, tôi cầm tay mẹ và nhìn mắt mẹ.

Dòng suy tư của tôi cuồn cuộn, cái nguyên nhân đã có phần của tôi, do người khóc nhiều, mắt người sưng lên, rồi có vi trùng xâm nhập, nếu chữa thuốc và ngừng khóc thương thì sẽ khỏi như nhiều người. Nhưng nỗi nhớ thương người con trôi nổi nơi đâu, còn hay đã chết, đã cuộn chặt trong lòng người, để rồi nước mắt của người vẫn chảy và chảy nữa. Kết quả là hai năm sau, đôi mắt của người đã lòa. Lúc ấy là năm 1964.

Như thế tôi đi tù 18 năm, mẹ tôi cũng không nhìn thấy cuộc đời 16 năm mà tôi đâu có biết. Cũng qua em Thu, tôi được biết về em Công Lý. Lý có vợ từ năm 1964, do ở trong quân đội VNCH nên đã di chuyển cùng vợ xuống miền Hồng Ngự, Đồng Tháp. Cho tới khi miền Nam sụp đổ, em tôi đã có sáu đứa con nên không di tản. Rồi do oán thù cá nhân, đã bị một tên Trung đội trưởng du kích bắn chết khi em tôi đang ngủ. Bắn một người đang ngủ không những là hèn, mà còn khiếp sợ người mình bắn. Riêng phần em Hoài Thu, cô em út của tôi, bây giờ đã có ba đứa con. Người chồng vì trốn học tập nên hiện nay, đang ở trong trại giam Chí Hòa.

Tôi nhìn cô em gái út, khi tôi rời xa còn là cô bé tí 13 tuổi, đúng là :

Anh đi em mới mười ba.

Anh về em đã thành bà, ba... Con

Tôi đang ngồi dựa vai mẹ, nghe em Thu kể những chuyện trong 18 năm xa nhà của tôi, bỗng nghe tiếng khóc nỉ non phía phòng ngoài:

– Anh ơi!... Anh... đâu rồi!

Tôi bước vội xuống đất, một bà... à em Xuân của tôi, nước mắt dầm dề, mặt mày méo xẹo ôm chầm lấy tôi, rên rỉ:

– Anh ơi!...!

Phía sau em Xuân, một người cao lớn, chú Tuất (chồng Xuân), tuy mặt chú đã nhiều vết nhăn, tôi vẫn nhận ra, hai anh em ôm lấy nhau. Câu nói đầu tiên của chú:

– Anh gầ... ... ốm quá!

Xuân sà đến chỗ mẹ, anh em tôi hàn huyên những ngày xa cách. Tôi hơi ngạc nhiên, quay hỏi cô Xuân:

– Làm sao vợ chồng em biết là anh về?

Em Xuân đã nói trong nét mặt thiểu não:

– Do bà Chức, tôi chả hiểu bà Chức là ai – đi xe đạp sang nhà em sáng nay, báo anh đã về. Em bận coi năm, sáu đứa nhỏ, phải đợi chiều nhà em đi làm về, cho nên bây giờ vợ chồng em mới đi được

Chú Tuất nhìn xuống bếp, rồi nhìn tôi, nói vội:

– Để em chào thầy đã !

Nói rồi chú cúi đầu vào sát màn:

– Con chào thầy ạ ? Thầy khó ở hay sao mà đi nằm sớm thế ạ ?

Chỉ nghe tiếng ậm ừ của thầy tôi, vẻ mệt nhọc, tôi ra hiệu tay, nói khẽ:

– Hãy để cho thầy nghỉ, từ sáng thầy đã mệt!

Anh em tôi xuống chỗ cái sân con nhà bếp nói chuyện. Nhìn chiếc sân bé tí chỉ 3, 4 mét một bề. Thoáng nhìn vào trong bếp, hai chiếc kiềng sắt đã lâu ngày, tro than lạnh ngắt, nói lên sự heo hút trong cảnh sống của bố mẹ tôi.

Sau bao nhiêu những câu chuyện ngược xuôi, chú Tuất cứ nằng nặc mời tôi ra một quán ăn, khu Lăng Cha Cả gần nhà chú. Ý của chú muốn tôi được thường thức cái "gu"của Sài Gòn, sau nhiều ngày xa cách.

Chú Tuất đi một chiếc xe mobylette, đèo cô ấy sang đây, cô ấy lại cần về vì mấy đứa nhỏ, cô không yên lòng. Giản đơn và thuận tiện nhất, tôi bảo hãy đèo cô ấy về trước. Tôi sẽ thủng thẳng đi bộ ra Ngã Ba Ông Tạ, theo đường tôi rẽ sang phía Lăng Cha Cả. Chú Tuất sẽ quay xe lại đón tôi. Tôi cũng muốn nhìn thấy khu vực Ông Tạ giờ đây ra sao.

Loay hoay, lợi dụng chú Tuất xuống bếp, Xuân đã đút vào túi tôi 20 đ. Tôi không thể quên được, điều này đã nói lên nhiều khía cạnh của người em gái, lo lắng cho người anh trai.

Một mình lang thang ra phố phường, đường xưa... lối cũ, nhưng cảnh cũ... người xưa hầu như không còn. Trời đã cập quạng, phố xá đã lên đèn. Tôi ngắm nhìn cảnh sinh hoạt của phố phường, dòng xe cộ và con người ngược xuôi đi lại. Tôi hiểu, sau khi chiếm được miền Nam, một vùng giầu sang, mầu mỡ, để quản lý con người và an ninh xã hội, cộng sản sẽ tìm mọi cách, "biến" Sài Gòn nói riêng, miền Nam nói chung giống như Hà Nội và miền Bắc. Hiện nay do một số yếu tố khách quan, chúng đang bị trở ngại.

Chúng đang và sẽ nỗ lực tìm mọi "mưu ma chước qủy" để đạt được mục tiêu tối hậu, nói trên. Có như vậy, chỗ ngồi của chúng mới ổn, mới duy trì được "muôn năm trường trị ".

Khi tất cả miền Nam đều đổi thay vũng thành đồi, mình không thể bàn tính những chuyện cao xa. Trước hết hãy đi từng bước đầu, tôi tự nhủ. Tôi phải làm sao tìm mua được một chiếc xe đạp phương tiện không thể thiếu trong cảnh sống của tôi lúc này. Cho nên khi gặp chú Tuất trở lại đón, tôi đã nói, trong khả năng và điều kiện của chú, xin chú tìm mua cho tôi một chiếc xe đạp cũ càng sớm càng tốt. Chỉ ngày hôm sau, tôi đã mua được chiếc xe đầm "cà là cộ", có một thắng trước thôi, nhưng thật vừa ý, với giá 90 đ.

Vào quán, chú Tuất gọi cho tôi một bát bún bò giò heo đặc biệt, thật to! Tôi hiểu, thấy tôi gầy ốm, chú Tuất muốn bồi dưỡng đặc biệt cho tôi. Nhưng khi người phục vụ mang bún ra, tôi đã ngập ngừng không muốn ăn. Tôi chợt nhớ đến thầy mẹ tôi đang ngồi âm thầm trong căn nhà vắng! Thâm ý của tôi, sẽ tự mua thêm một suất nữa, rồi mang về nhà cùng ăn với bố mẹ cho nó trọn cả ngon, cả nồng. Có thể chú Tuất đã đoán ra phần nào nỗi niềm trong lòng tôi, nên chú đã sốt sắng:

– Em đã mua thêm hai suất, chút nữa mang về cho thầy mẹ !

Trong bụng như mở cờ, tôi nói thẳng ý nghĩ trong lòng:

– Chú có đồng ý là không có gì vui thỏa cho bằng, mình làm được cái mình muốn? Vậy, nếu chú muốn cho tôi vui sướng nhất bây giờ, chú hãy đèo tôi trở về, để tôi ăn bún bò với thầy mẹ ngay tối nay. Hôm khác anh em mình sẽ nói chuyện?

Chú Tuất cũng nồng nhiệt:

– Em sẽ theo ý của anh. Em cũng đã mua thêm ba suất, đem về cho nhà em và các cháu, không kể hai suất của thầy mẹ.

Sự việc này tôi không thể quên, buổi ăn đầu ở Thành Đô, khi tôi trở lại. Bữa bún bò ấy thầy mẹ tôi cũng không ngờ, các người vui và cảm xúc ra mặt. Các người không nghĩ rằng tôi đã không ăn ở hiệu, mà lại về ăn chung với các người. Khi chào thầy mẹ và tôi chú Tuất còn nhắc lại:

– Anh nhớ nhé ! 6 giờ sáng Chủ Nhật, em sẽ sang đón anh!

Tôi gật đầu. Nhớ lại, khi còn ngồi ở quán bún bò bên Lăng Cha Cả, chú Tuất có cho biết, cơ quan của Ba Son sẽ tổ chức cho công nhân, ra Cấp chơi và tắm biển ngày Chủ Nhật này. Thường sáu tháng, mới tổ chức một lần. Đúng dịp tôi về, chú ấy muốn mời tôi cùng đi.

Tôi cũng hơi đắn đo ngại ngần, vì mình mới ở tù ra, cái gì cũng xa lạ. Tôi phải hỏi kỹ chú Tuất để phòng hờ những trở ngại như: Tôi đi có thuận tiện không? Những buổi thế này trước đây, người nhà của công nhân có đi không, có đòi hỏi giấy tờ gì không? v.v. . . Chú Tuất cho biết, mỗi công nhân có thể mang một người nhà. Hơn nữa chú Tuất là công nhân lưu dụng của chế độ cũ, chú ấy đã làm việc gần hai chục năm rồi, hiện là tổ trưởng của một dây chuyền sản xuất, nên chú ấy cũng có chút uy thế. Chú nhấn mạnh:

– Anh yên trí, em quen biết ở trong ấy nhiều.

Cũng vì phần bản tính vẫn còn thích những chuyện bất ngờ, mới lạ, nên tôi đã đồng ý.

Để chuẩn bị cho tôi, thầy tôi mở mấy cái vali cũ, người còn nhiều quần áo thời xưa người chưa, hay ít khi mặc. Thậm chí, trong góc cái tủ cũ, tôi còn thấy một chiếc sơ mi ngày trước của tôi. Chỉ vì tính các cụ thường hay giữ những cái xưa để kỷ niệm, vả lại các cụ chẳng có thời gian nom dòm đến.

Giữ đúng lời hẹn, sáng Chủ Nhật ấy, tôi và chú Tuất đã đèo nhau đến Công Binh Xưởng Hải Quân Ba Son. Sau khi ăn sáng, ở phía bên ngoài cổng tuy có một tên lính gác, tôi cứ đường hoàng theo chú Tuất đi vào. Mãi trong giữa những khu nhà nhiều máy móc, trên một chiếc xe buýt riêng của công nhân Hải Quân mầu xanh, đã có một số người ngồi. Dõi nhìn vào phía trong, tôi thấy một vài khẩu cao xạ, chắc để trình diễn vì không có người ở đó.

Tôi để chú Tuất chuyện trò vì họ là công nhân quen biết nhau. Có một anh, chừng 35 – 36 đeo lon trung úy Hải Quân đến. Qua một lúc, tôi biết tên Trung úy này là trưởng đoàn của chuyến đi.

Đã ăn ý trước, chú Tuất giới thiệu tôi là ông anh họ, mới ở Bắc vào Sài Gòn thăm họ hàng, với tên Trung úy là Quỳnh người Long Xuyên. Tên Trung úy nhìn tôi với một thái độ tôn trọng nhã nhặn. Đoàn đi hơn ba chục người. Xe chạy hướng sang Gia Định rồi lên Thủ Đức. Cảnh vật đường xá đã thay đổi thật nhiều, nếu không chịu khó nhận xét thì nhìn không ra. Tên Quỳnh từ ghế trên quay xuống lịch thiệp:

– Thưa... anh công tác ngành gì?

Tôi không nghĩ là y lại hỏi chuyện tôi. Ngước lên nhìn y, tôi thấy y có bộ mặt cũng sáng sủa, và đôi mắt thật sáng. Để khỏi lôi thôi trong chuyến đi, tôi trả lời một cách bất đắc dĩ

– À, tôi công tác... làng nhàng, trong ngành báo chí ?

Tôi nói như thế, phần vì biết giọng tiếng Bắc của tôi rất đậm, và ngành báo chí thì ít lề thói, chuyên môn. Hơn nữa, tôi cũng hiểu biết một chút về ngành này ở miền Bắc. Không ngờ tên Quỳnh lại càng tỏ ra săn đón. Y rót trà, thuốc lá đầu lọc mời tôi một cách trang trọng. Chắc y suy đoán, một người nói tiếng Bắc ”rặt” tương đối đứng đắn thì cũng phải có cỡ, nhất là dưới chế độ cộng sản, như người cỡ của Đảng không chừng. Phần tôi, tôi chẳng có gì và cũng chẳng có một chủ trương gì, tôi chỉ cần chuyến đi này, đừng ai đụng chạm đến tôi là vui rồi. Mới về miền Nam ngày thứ ba đã ra Cấp chơi, không phải là một chuyện thú vị sao?

Xe đi qua chợ Thủ Đức, nhà cửa san sát khác hẳn ngày xưa, vẫn cái mùi nem chua của Thủ Đức phảng phất giàn trải trong không gian. Một vài cụm mây trắng nằm xếp lớp, trải dài phía trời Đông. Ánh dương lấp ló trong màn mây dầy, đôi khi quắc mắt thò mặt ra như giận dữ, nhìn chiếc xe mầu xanh sậm đang bò trên quốc lộ I .

Xa xa nhìn sang phía phải, ngọn Châu Thới xưa, vẫn đội trên đầu ngôi chùa cũ năm ấy, như nhắc nhở tôi một quãng đời niên thiếu đã qua rồi. Những ngọn dừa ngả dài, ngúc ngắc, như muốn dụi đầu thầm thì chuyện lứa đôi với “sóng nước Đồng Nai “, ưỡn ẹo nằm dài cạnh thành phố Biên Hòa. Hai con cuốc đen nhánh, dài cổ ra, cánh khỏa vội vàng từ dưới lòng sông, như cố đuổi theo chiếc xe của chúng tôi, đã rẽ ra phía Vũng Tàu. Một câu nói không thốt thành lời, êm ả vấn vít trong đầu tôi: “Quê hương tôi, nơi nào cũng đẹp!”

Cái mùi nhằng nhặng mằn mặn của khí trời, làm mọi người đều ngoái cổ nhìn ra. Kia rồi Trời cao lồng lộng , biển rộng mênh mông, sóng réo rì rào. Xe đỗ dưới một lùm cây, hồng hộc lên rồi khò khè . . .tắt thở. Một bãi cát trắng phau nằm tênh hênh dưới ánh mặt trời đúng Ngọ. Bên ngoài từng đợt sóng, trắng đầu đang lần lượt rủ nhau từ ngoài khơi chạy vào bờ. Trông xa xa như muôn ngàn bàn tay đang vẫy gọi, mời đoàn người trong xe, hãy mau mau xuống đây tâm tình, chuyện trò, chúng tôi đã chờ các ngài lâu rồi!

Tiếng nhí nhéo, rồi một giọng cười ré lên như chiếc mobylette rồ ga, phía cuối xe. Có hai cô tóc dài và một bà tóc quăn cũng đi theo, chẳng hiểu là công nhân hay là thân nhân của đoàn? Đúng là phiên phiến cho qua, chúng ta chủ nghĩa xã hội, mỗi người tự xoay xở, thay quần áo ngay trên xe, rồi đều túa ra mép nước.

Đã lâu ngày nhớ nước... nhớ biển, tôi chỉ đánh cái quần cộc theo đoàn người nhào xuống nước. Có thể lâu ngày, dư âm sót lại của một thời “vang bóng”, và cũng do “ca lo ri”bồi dưỡng hàng tuần nay, tôi xông ra, vẫy vùng với lớp sóng bạc đầu, “sải “ra ngoài khơi. Cuối cùng có ba bốn người theo nhau ra khơi, trong đó có tên Quỳnh (Trung úy Hải quân) trưởng đoàn.

Bơi biển khác với bơi sông hay bơi hồ. Bơi sông, bơi hồ, khi mệt thì cố sang bờ bên kia ! Biển phải biết dự trù trước, để bơi trở vào, nếu không có kinh nghiệm, nhiều khi có chuyện buồn xảy ra.

Về cuối chỉ còn lại ba người, ra khơi chừng khoảng năm, sáu trăm mét rồi đều quay vào vì sóng hơi lớn. Nhiều người nằm dài, phơi mình trên bãi cát. Tôi đang nằm ngửa, dõi mắt theo một cánh chim trời, lạc lõng chống với gió ngược, lướt mình ra phía ngoài khơi xa thẳm. Phải rồi, phía chân trời bên ấy, bên kia đại dương, mới thực sự là khung trời của tự do! Một tia ước mơ như một sợi chỉ đang luồn lách trong tâm tư, thì bóng của anh chàng Quỳnh tiến đến. Y nói còn trong hơi thở chưa, được bình thường:

– Trông anh ốm nhom, mà anh bơi khoẻ he!

Ngồi dậy, hơi thở vẫn chưa đều, tôi cười vả lả:

– Tôi sinh ra nơi đồng chua, nước mặn, quen rồi!

Tất cả đều lần lượt trở ra xe, theo quy định l: 30 chiều sẽ có một bữa cơm ở quán “Mười Lãnh ” phía Bãi Sau, do quỹ của cơ quan đài thọ.

Một chiếc quán bình thường ở Bãi Sau, nhưng rất rộng rãi, ngay sát gần biển. Tôi và chú Tuất tìm một chiếc bàn con khuất nẻo, cạnh một chậu cảnh hoa nhài, để gửi hồn về Thăng Long xa xôi. Tâm hồn của con người nghĩ cũng lạ, khi ở ngoài Bắc thì ngày đêm cứ hướng lòng mình về Thành Đô của phương Nam. Về Sài Gòn với cha mẹ anh em rồi, lại thấy nhớ nhung xứ “ngàn năm văn vật “. Tuy có mấy món ăn đặc biệt, nhưng cũng chỉ có bia hơi, hạn chế mỗi người chỉ một ly.

Vừa lúc chú Tuất chạy sang bàn bên, anh chàng Quỳnh từ một bàn phía trong, cầm một ly bia tiến đến chỗ tôi ngồi, y vồn vã:

– Anh cụng với em một hơi!

Thấy tên này có vẻ mến tôi, có hơi men, tôi nổi hứng lên cơn, cụng ly, uống một hơi. Tôi nghiêm giọng, bất ngờ:

– Mấy tuổi Đảng rồi?

Y nhìn tôi, ngập ngừng vài giây, rồi trang trọng nói nhè nhẹ:

– Em mới được vinh hạnh tuyên thệ tháng 6/1978 .

Y nói rồi ngồi yên, hơi cúi đầu, cái làn “vi ba ” giác quan thứ sáu của hai người gặp nhau cũng kỳ diệu. Y xưng em ngọt sớt, tôi cứ lên “cương” vô thưởng, vô phạt:

– Hãy nhớ một điều của tôi: Luôn luôn coi Đảng như một tôn giáo, là thần, là thánh. Mọi Đảng viên bắt buộc phải tin ở những nguyên lý và những tín điều, không được phép hoài nghi.

Vẫn còn nhìn xuống ly bia cầm tay, y khe khẽ:

– Thưa anh, em sẽ nhớ !

Chú Tuất trở về thì tên Quỳnh hơi cúi đầu chào tôi, chậm chạp trở về bàn. Thái độ của tên Quỳnh làm cho nhiều người cũng có vẻ nể tôi. Riêng chú Tuất cũng ngạc nhiên, ghé gần tôi nói nhỏ :

– Anh làm gì, ông Quỳnh có vẻ trọng, thích anh thế?

Vì chỉ muốn giải quyết buổi đi chơi hôm nay "bình yên ", tôi căn dặn chú Tuất:

– Chú nhớ, chú còn gặp Quỳnh nhiều, đã giới thiệu tôi là anh họ từ Bắc vào. Nếu Quỳnh có hỏi thì nói anh ấy đã về Bắc và luôn nói là không rõ, không nói thêm một cái gì khác về tôi.

CHƯƠNG 20: 5 NĂM MẤT QUYỀN CÔNG DÂN

Sáng thứ Hai, tôi lên Phường 6 theo lời của tên Mậu. Y yêu cầu tôi phải lên Thành Phố trình diện ngay buổi sáng nay. Sau khi hỏi kỹ về nơi chốn, và cách thức, tôi đạp xe đến đường Trần Hưng Đạo.
Nhìn từ xa, trong một góc sân của CA Thành, tôi thấy hơn một chục người, người mái tóc còn xanh, nhiều người đã muối tiêu hoặc tiêu nhiều hơn muối. Qua dáng dấp đứng ngồi, nét mặt, tôi đã thấy cũng là dạng như tôi hôm nay. Thấy tôi đạp xe vào sân, còn đang ngơ ngác, một anh nhanh nhẩu, có lòng giúp người:

– Vào nộp giấy ở trong trước, rồi chờ!

Hơi cúi đầu, cười tỏ ra cám ơn, tôi tiến vào trong. Trên một chiếc bàn giấy có hơn một chục tờ giấy, tôi đoán là cũng giống của tôi "giấy ra trại". Sau khi tôi xếp giấy lên bàn, liếc qua một khung cửa rộng, tôi thấy một gian lớn, với nhiều hàng ghế dài, đã có sáu bảy người ngồi. Để tâm hồn được lắng đọng suy tư, tôi xuống phía cuối, ngồi một mình. Gần 9 giờ, các anh ngoài sân cũng lần lượt kéo vào các hàng ghế, ngồi chờ. Trên dưới ba chục người, những người ngồi gần nhau, châu đầu thì thầm chuyện trò.

9 giờ, một tên đeo lon thượng úy từ phía trong tiến đến chiếc bàn có chồng "Giấy ra trại" lật xem từng tờ một lúc. Y ngẩng lên nhìn khắp lượt, cao giọng:

– Anh nào là Đặng Chí Bình?

Hơi bất ngờ, tôi đứng dậy, nhiều anh em cũng thấy lạ, quay lại nhìn tôi. Tên thượng úy vẫy tay:

– Anh lên đây tôi gặp!

Lách ghế, tôi tiến lên gần bàn y, đứng lại. Mặt y tươi lên làm tôi ngạc nhiên. Y nói tiếng Bắc "sệt ":

– Không ngờ, tôi lại gặp anh!

Hơi choáng hồn, tôi nghiêm trang chờ đợi. Y niềm nở, cứ như quen biết cũ :

– Anh không nhớ, và biết tôi đâu vì vụ án của anh ngày ấy, tôi chỉ là một hạ sĩ chạy giấy tờ.

Tôi tươi hẳn mặt, nhìn y. Lúc đầu y gọi tên tôi, giọng Bắc, tôi đã không ưa, vì mang một định kiến, những tên "ăn cướp" nắm hết những cơ quan chủ chốt, còn người miền Nam chỉ là tượng trưng làm "vỏ bọc" tuyên truyền. Bây giờ, tôi có phần nào thiện cảm, vì y tỏ ra chân thành.

Tôi là người y làm việc đầu tiên, mà không một ai thắc mắc. Ở giai đoạn ấy, chế độ ấy cũng chả một ai dám thắc mắc, kể cả tôi. Nội dung buổi đó là:

– Ngay chiều hôm ấy, tôi phải về trình diện "Phòng Quản Lý Những Người Học Tập Được Về " của quận Tân Bình.

– Đầu mỗi tháng phải lên trình diện CA thành. Đầu mỗi tuần phải ra trình diện CA phường.

– Phải có một cuốn vở, ghi rõ hàng ngày: Sáng làm gì, gặp những ai; chiều cũng thế. 7:OO chiều phải đưa cho CA khu vực ký tên mỗi ngày (Vợ tôi sang Mỹ sau, đã mang theo hai cuốn vở này).

Tôi được một đặc ân: Sau khi tên Thượng Úy đọc kỹ giấy hộ khẩu của bố mẹ tôi. Mắt y đăm chiêu nhìn tôi, như một sự cảm thông chia sẻ:

– Xét hoàn cảnh, bố anh 76 tuổi, đã lẩn thẩn. Mẹ anh 73 tuổi, đã bị loà cả hai mắt 16 năm rồi. Đảng và nhà nước chiếu cố cho anh, được tạm trú ở nhà bố mẹ 3 tháng. Cứ ba tháng, anh phải đem tờ hộ khẩu này đến "PQLNNHTĐV" xin gia hạn.

Thật cũng lạ đời! Tôi là con trai cả, cũng là người con trai duy nhất của bố mẹ tôi. Mà lại được phép tạm trú nhà bố mẹ của mình chỉ ba tháng? Tôi định thắc mắc hỏi cho rõ, nhưng tôi chợt nhớ, 18 năm ròng rã tù đầy, đã hiểu, người dân của chế độ này, sống trong một cái khuôn, chỉ biết cúi đầu nghe đảng: Đảng đã phán, đã bảo, thì không bao giờ sai cả. Mọi người phải coi như một tín điều của một tôn giáo. Đạo

Phật thì có Niết Bàn, đạo Công Giáo thì có Thiên Đàng. Không được băn khoăn thắc mắc, hoài nghi. Nên tôi cố nuốt những niềm u-uất xuống tận đáy lòng.

Nhưng có lẽ y nhìn nét mặt trầm buồn của tôi. Y đã chỉ vào giấy tha của tôi: án phạt 18 năm, mất quyền công dân trong năm năm. Về một phía tôi thấy mình còn bị o-ép, thắt buộc chặt hơn ngày ở trong tù.

Như thế bản án của tôi không phải 18 năm, mà là 23 năm. Tôi sẽ không tiếc công sức, đem tâm trí, khả năng của mình để quyết tâm chuyển đổi. Tôi cầm tờ giấy tha tù, chậm chạp đi ra. Có mấy anh hất đầu, vẫy tay làm hiệu, các anh muốn hỏi tôi điều gì tôi chỉ cười, gật đầu như chào, rồi ra chỗ chiếc xe đạp.

Gò lưng, tôi đạp về đường "Cách Mạng Tháng Tám". Cảnh phố phường ngang, dọc của Sài gòn là đây! Nhìn Thành Đô kính yêu và thương nhớ của tôi, nhưng, giờ đây tôi thấy xa lạ. Cái gì cũng xa lạ, như ở một nước khác, tôi đang đi nhờ trên đường. Cũng chợ Bến Thành, cũng đường Lê Văn Duyệt của Sài gòn, của miền Nam trước đây:

Tình miền Nam như... Hoa lan đầy hương...

Nhạc dịu êm vang... Dư âm ngàn hướng...

Đây đó... Vui ca...Tiếng hát... Chan hòa ...

Dựng một mùa hoa...

Nhưng giờ đây, tôi thương tôi... Thương Sài gòn... Thương miền Nam và thương cả... Đất nước tôi.

Có đau cũng không dám khóc... Có vui cũng không dám cười ! Tư tưởng của tôi chợt loáng về hai ý thơ trào phúng của cụ Uy Viễn tướng công, thời quân chủ phong kiến:

Khi vui... muốn khóc...

Buồn tênh... lại cười...

Nếu cụ sống lại thời nay... chắc chắn cụ ở trong nhà tù cộng sản.

Cái tâm trạng của tôi xa lạ, như 18 năm xưa ở Hà nội, khi ấy tôi ở nhà trọ khu Ngã Tư Sở. Ở Sài gòn hôm nay cũng thế! Nhìn những con chim sẻ đậu trên mái nhà, những hàng me ngoài đường phố, tôi có cảm tưởng như chúng cũng đã bị tiêm nhiễm cái chất độc cộng sản. Chúng cũng ngày đêm, rình rập soi mói, nhòm ngó lẫn nhau. Cuộc sống của chúng cũng không còn có thể yên lành.

Tôi có một người bạn thân là Nguyễn Hữu Lợi: Đầu 1955, tôi chạy khỏi Bình Xuyên lên khu định cư Hố Nai Biên Hòa, tôi và Lợi biết và quen nhau từ đấy (xin xem Thép

Đen I). Do những sự kiện và thời gian, chúng tôi càng ngày càng thương mến nhau. Để rồi, Lợi trở thành người bạn thân thương nhất của đời tôi. Khi tôi nhận một nhiệm vụ ra Bắc, không nói với bố mẹ, nhưng tôi đã nói sơ qua cho Lợi. Vì thế Lợi là người bạn duy nhất, biết tôi ra Bắc.

Những tháng năm quằn quại trong nhà tù cộng sản, tôi đã nhớ đến người bạn này nhiều lần. Bây giờ trở về, ngoài những chuyện bắt buộc tôi phải làm trước, tôi phải tìm mọi cách để biết về Lợi. Giữa bao nhiêu biến thiên của miền Nam, Lợi còn hay mất, hay như thế nào? Tôi hiểu Lợi là một người có ý chí, lập trường, chống ai thì có phần hơi quá khích. Khi tôi ra đi, nó đang là Tỉnh Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa, tỉnh Phước Thành (chiến khu D của cộng sản).

Bố mẹ của Lợi còn lại Hà Nội, Lợi di cư vào Nam cùng với gia đình một bà bác. Do liên đới, tôi đã quen và thân với Nguyễn Vĩnh Lý, là con bà bác ấy và cũng là anh họ của Lợi. Lý và tôi cùng vào lớp tình báo ở số 2 Jean Jacques Rousseau (Thép Đen I). Vì cùng ở Sài Gòn đi học, nên Lý và tôi vẫn thường xuyên gặp nhau ở nhà Lý, tại khu Đa Kao, Phú Nhuận- Sài Gòn. Do đấy, tôi phải đến nhà Lý mới biết tin về Nguyễn Hữu Lợi được.

Sáng ngày hôm sau, lọc cọc đạp xe đến vùng Tân Định, tâm trạng của tôi cũng bồi hồi xúc động không ít. Tất cả mọi tình huống không thể đoán trước được. Cứ theo định vị trong đầu, ngoằn ngoèo vài ngõ hẻm. Vùng này chẳng khác xưa bao nhiêu, không như những vùng khác.

Tôi đã đến một ngôi nhà, có lưới thép chống ruồi, muỗi. Một bà cụ già đang chậm chạp đu đưa, trên một chiếc võng. Tôi hồi hộp ngó nghiêng để định hình. Rõ ràng bộ mặt hiền, đôn hậu mẹ của Lý. Tôi mở móc cửa, bước vào đến bên bà cụ. Thấy động bà cụ ngồi lên, nhìn tôi đăm đăm. Tôi biết bà cụ chưa nhận ra tôi, phần vì gầy ốm, phần vì đã không còn là một cậu thanh niên tươi trẻ ngày xưa. Không thể kìm hãm được lòng mình, tôi ngồi xuống đặt nhẹ một tay vào tay bà cụ, nghẹn ngào:

– Cụ còn nhớ con không?

Bà cụ lại mở càng to mắt hơn, rồi như chợt nhận ra, vì nước mắt cụ đã chạy vòng, cụ nói thều thào:

– Anh Bình?

Rồi nước mắt của cụ đã tràn xuống má, cụ bóp nhẹ tay tôi. Tôi hỏi trong nỗi lắng lo:

– Thằng Lý bây giờ ở đâu, cụ?

Nước mắt bà cụ lại dàn ra nữa, cụ không nói ra lời, cái miệng của cụ méo xẹo đi, tay của cụ chỉ xuống nền nhà. Người tôi như đang đu võng, tôi hỏi dồn dập:

– Thằng Lý làm sao hả cụ?

Bà cụ nấc lên, rồi cố gắng nói trong cuống họng:

– Nó chết 6 năm rồi!

Tôi định hỏi, nó chết vì sao thì tiếng chân người trên gác đi xuống. Qua tấm màn "sáo" tôi đã nhìn ra chị Thọ. Mắt của chị sững lại nhìn tôi chằm chằm, giọng của chị vẫn còn trong suốt như xưa.

– Cậu Bình hãy còn sống ư?

Rồi chị rút khăn ra lau mắt, còn tôi cũng không thốt ra lời!

Sau những phút hàn huyên của những tháng năm dài xa cách, tôi được biết sơ lược: Bà cụ Lý có sáu người con, ba người con trai và ba người con gái, chị Thọ là cả.

Nguyễn Vĩnh Lý, đã chết từ 1974.

Nguyễn Đức Lập, đã vào trường Sĩ quan Thủ Đức và đã chết trận, để lại vợ và hai con.

Nguyễn Thành Phong, người em út cũng đã chết do vượt biên đường bộ sang Căm – Pu – Chia, (cuối 1976).

Tôi bàng hoàng, bao nhiêu người đã chết, cả cậu em trai của tôi. Còn tôi, tôi đã đi vào chỗ "thập tử nhất sinh" lại sống trở về đúng là lẽ đời thật huyền diệu!

Tôi đã vội hỏi đến Nguyễn Hữu Lợi. Được biết Lợi hiện nay khá giả, đã có bốn con, đang ở phía bên Cầu Kinh, Gia Định. Tôi và chị Thọ hẹn nhau, sáng mai chị sẽ dẫn tôi sang nhà Lợi. Trên đường đạp chiếc xe "cà cộ" về nhà, chân tôi nhiều lúc như rời ra, không muốn đẩy vào bàn đạp nữa, chỉ vì dòng tư tưởng của tôi nhiều lúc như xoắn lại, co kéo nhẩy ra nhiều lần, về thân phận của con người trong một đất nước gặp phải "Vấn Nạn ". Bất cứ nước nào gặp phải cái "vấn nạn" này, dân chúng cũng đều điêu linh cả. Gặp ít thì dân khổ ít, gặp nhiều thì dân khổ nhiều, khổ lâu.

Ban đêm, bố mẹ tôi ngủ ở dưới nhà, bố một giường ở gian ngoài, mẹ một giường ở gian trong. Một mình tôi thênh thang trên gác, sàn gỗ, không có giườơng, bàn, tủ, ghế. Tôi trải một chiếc chiếu, với một cái màn cạnh chiếc cửa sổ, tôi nằm giạng chân, giang tay, tưởng như trên trái đất này có mỗi một mình tôi. Để bù lại những ngày tháng trong tù, nằm nêm, ép chật chội. Tôi tưởng sẽ đánh một giấc Nam Kha ngon lành, sáng mai theo lời hẹn với chị Thọ, dẫn đến nhà thằng Lợi.

Một mình mà cứ lăn lộn, trở mình hoài, không ngủ được. Quá nửa đêm, một âm thanh rất lạ, rù... rì... vi... vu, tôi tưởng là tiếng "gáy gỗ" của thầy tôi ở dưới nhà vẳng lên, có lúc nghe như bên hàng xóm nhà ai đang đẩy, kéo giường hay tủ trên sàn gỗ. Bây giờ thì nghe rõ là tiếng sấm ở xa xa, nghe như tiếng xay lúa của một cụ già

trong làng quê rời rạc, hổn hển đẩy cái cần của chiếc cối xay ọc ạch, cũng như tuổi đời của cụ.

Bỗng nhiên gầm, rú lên như có nhiều chiếc cối xay của những chàng thanh niên lực lưỡng, thi nhau đẩy cần. Tiếng sấm của Thành Đô nghe thật lạ, có thể do khí quyển miền nhiệt đới, hay lý do nào khác tôi không rõ. Tôi nghe tiếng sấm của Sài Gòn, khác hẳn tiếng sấm của miền Bắc.

Đã có những hạt mưa long tong, lách tách. Lúc đầu, tôi tưởng là tiếng chuột, đang gặm gỗ làm tổ ở trong vách nhà. Rồi như một đàn chuột chạy đùa, đuổi nhau trên mái tôn. Một tiếng nổ to tôi giật mình, làm cả căn nhà như rung lên, một làn chớp xanh lè nhánh lên làm sáng cả căn gác. Thế rồi, như nước ở trên trời đổ xuống.

Mưa của Sài Gòn cũng khiếp thật, khác với mưa Hà Nội, nó nhè nhẹ lả lơi như hơi thở của một thiếu nữ thanh tân, nồng giấc trưa hè. Nằm mãi nghe âm thanh của một đêm mưa, những giọt tong tong của một chiếc máng, rơi vào bể nước phía sau nhà. Dòng nước xối xả, chảy từ mái nhà bà Cần xuống hè đường, phía đối diện.

Tiếng rọc rạch, rổn rảng của chiếc máng nhà cụ Thanh bên cạnh, nghe như một đàn cua rốc chạy trên một cái mâm đồng.. Tiêng gió lắt lay, lồng lộn đập vào tấm phên trước cửa nhà ông già Tấn. Tất cả, như một buổi hòa âm của một tụ điểm nhạc thính phòng, đã khắc ghi vào lòng tôi một đêm Sài Gòn mưa rơi. Rồi tôi đi vào giấc ngủ muộn đêm hè lúc nào không hay.

CHƯƠNG 21: NGHĨA BẠN BÈ

Sáng hôm sau tôi đến, chị Thọ đã sẵn sàng. Chiếc xe đạp nó cũng mệt mỏi, ốm yếu như tôi, nhưng nó và tôi vẫn còn đủ sức đèo thêm chị Thọ phía yên sau. Theo sự chỉ dẫn của chị Thọ, tôi đi qua Lăng Tả Quân Lê văn Duyệt, rồi ghé sang ngã ba Hàng Xanh, tiến về phía Cầu Kinh. Trên đường đi, chị Thọ và tôi trao đổi nhiều chuyện về thằng Lý, thằng Lợi và những sự việc liên quan.

Đến một ngôi nhà cửa sắt, ba tầng lầu, tường xây granito có một cái cổng bên hông, cửa đóng im ỉm để xe ô-tô ra vào. Chị Thọ nói, đây là ngôi nhà của cậu Lợi, (Lợi là em họ của chị). Đã thỏa định trước với chị Thọ, khi đến nhà Lợi, chị cứ nấp vào một chỗ, để tôi bất ngờ gặp thằng Lợi, xem nó có nhận ra tôi không?

Một thoáng trở về ngày tôi từ giã Thành Đô, để đi vào vùng bão lửa. Khi ấy tôi và Lợi đều là trai độc thân, nhởn nhơ giữa chợ đời, thế mà giờ nó đã trở thành một nhà " tư sản " của đất Sài Gòn. Tiến đến cái cổng sắt to, rộng, tôi nhẹ tay đè vào núm chuông điện. Một luồng xúc cảm đẩy ngược xuống tim, làm lòng tôi hồi hộp. Chừng năm phút sau, cánh cửa sắt cổng đẩy hé, một đứa bé khôi ngô, trắng trẻo chừng 9, 10 tuổi thò mặt ra nhìn tôi, ngập ngừng:

– Thưa ông hỏi ai ạ?

Đoán ngay là con thằng Lợi, tôi chậm chạp nói như hết hơi:

– Tôi muốn gặp ba của cháu!

Nó đóng cửa lại, cũng không nói tôi chờ, nhưng tôi biết người ra bây giờ phải là ba của nó. Năm ba phút sau, cánh cửa lại hé ra, thằng Lợi nhìn tôi một vài giây, rồi cất tiếng hỏi:

– Thưa ông ... hỏi cái gì ạ?

Đè sự hồi hộp xuống, tôi rành rọt:

– Tôi muốn mua của ông ... cái máy ?

Quá xúc động, nên tôi nói đại. Cũng lạ kỳ, giai đoạn cuối 1980, nhà nào ở Sài Gòn cũng đều thận trọng lo lắng, nhất là những nhà có của. Thế mà một người lạ, hỏi mua một cái máy, chưa biết là máy gì, nó cũng không nói với ai là bán, vậy mà nó dám mở cổng cho tôi vào? (Sau này, nó cũng bảo thật là kỳ lạ). Mặc chiếc quần đùi trắng, sơ-mi trắng, tay cầm chùm chìa khóa, nó lui cui dẫn tôi đi vào. Gần đến cây ổi to giữa sân, nó chợt ngừng, quay lại mở to mắt hỏi rời rạc:

– Tô... có máy... gì bán đâu?

Vì bất chợt nó đứng lại, thành ra tôi đã sát gần mặt nó, nhìn đôi mắt mở to của nó chằm chằm vào mặt tôi, tôi không thể chịu được nữa rồi. Tôi tát cho nó một cái! Mắt nó lại càng mở to, tưởng đến rách ra. Một giây như một luồng điện, nó chợt hiểu. Nó chỉ một ngón tay vào sát mặt tôi, thảng thốt:

– Thằng Bình hả !

Tôi và nó đã ôm chầm lấy nhau ở giữa sân, trước con mắt đờ ra của đứa con lúc đầu ra mở cổng. Nó líu ríu kẻo tôi vào phòng khách. Tôi thoáng nhìn lên gác, thấy những khuôn mặt của vợ con nó, mấy người cũng đang theo dõi từ nãy những gì giữa tôi và thằng Lợi. Cũng lúc đó, chị Thọ đẩy cổng dẫn chiếc xe đạp đi vào. Chị Thọ, thằng Lợi và tôi đã ngồi vào ghế salon. Trên gác lục tục kéo xuống, nhìn thoáng một người mũi cao như lai Tây, tôi đã nhận ra vợ thằng Lợi, chính là cô Duyên ngày ấy!

Advertisement

Tôi nhớ vào khoảng giữa năm 1961, giai đoạn ấy tôi đang ở số 62 đường Trần Hưng Đạo Sài Gòn. Buồng tôi ở tương đối là sang, có đèn chùm, ghế bành bọc nhung đỏ, có máy đun nước nóng, và có máy điều hòa không khí. Khi đó, Brown và Dale đang hàng ngày, huấn luyện tôi. Người Mỹ ra vào một chỗ phải như vậy nó mới hợp lý, không làm ngạc nhiên những người tò mò, nhất là phản gián của đối phương. Phan, Brown, Dale đã căn dặn tôi, không được cho ai biết nơi tôi ở đó, thế mà tôi đã phá luật chỉ vì thằng Lợi.

Khi ấy, nó làm Tỉnh Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa tỉnh Phước Thành. Nó kiếm được một "cô em" rất đẹp, cuối tuần thường đèo Lambretta mang em về Sài Gòn. Một buổi nó ghé tai tôi khẩn khoản:

– Em là loại hoa khôi của tỉnh Bình Dương, gia đình nho giáo, không có cách nào mời em vào khách sạn cả, em chỉ đồng ý vào nhà bạn bè v.v. . .

Vì bạn bè, mình có thiệt thòi cũng sẵn sàng nên tôi đã đưa chìa khóa phòng tôi cho Lợi với những lời căn dặn cần thiết.

Tôi không cần biết, tôi ra quán Anh Vũ ngồi tới 1 giờ đêm mới về, theo qui định với Lợi. Khi tôi về mới thấy thoáng qua ở cửa, khi "anh chị" đi ra, và thằng Lợi đã lí nhí giới thiệu cô Duyên này. Sau đó, chẳng bao giờ tôi gặp cô Duyên nữa cho tới ngày, tôi đi " mất tiêu ".

Để tôi trong ý thức và thời gian, thằng Lợi vẫn ngồi ở salon nó gọi đứa con gái đầu lòng tên là Mỹ Linh:

– Con lên gác, vào buồng ba, lấy cái quần ba vẫn mặc xuống đây?

Vợ chồng Lợi đã có bốn con:

– Nguyễn thị Mỹ Linh 17 tuổi

– Nguyễn Hữu Lực 15 tuổi

– Nguyễn Hữu Lượng 11 tuổi

– Nguyễn Hữu Luyện 9 tuổi

Trong cái thế này, các cháu đều phải coi tôi như một ông chú "cò bơ, cò bất", "tiểu tốt, vô danh" vậy!

Khi cháu Mỹ Linh đưa chiếc quần tây mầu nâu xuống, thằng Lợi đã móc chiếc ví da đen, túi quần sau, lôi ra một tấm hình của tôi chụp 20 mươi năm xưa. Thằng Lợi bảo:

– Tao tin là mày đã chết rồi! Tao là bạn thân, nên tao hiểu mày. Mày đã không làm thì thôi, chứ đã đảm trách một việc gì thì mày không có cái kiểu đấm vào vai, vào tay, vào lưng mà mày sẽ đâm vào tim cho đúng huyệt, chứ không chơi vơi, với kẻ thù. Vậy mày ra miền Bắc, mà không về thì hầu như tao coi như đã chết rồi, huống chi cộng sản đã cướp được miền Nam từ 1975. Đã năm năm không hề có tin tức của mày, thì điều tao suy đoán càng chính xác.

Vì thế tao có gặp mày ở ngoài đường, tao cũng không nhận vì tao đinh ninh mày đã chết rồi. Tấm ảnh của mày tao vẫn mang theo trong ví, để chứng tỏ mày luôn luôn ở trong lòng tao, dù mày đã về với Chúa.

Còn một sự việc nhỏ nữa bây giờ tôi vẫn nhớ như vừa mới xẩy ra. Cô Duyên (xin lỗi chị Lợi) đã xấp xỉ 40 tuổi, tuy vẫn còn đẹp. Hôm đó, cô ấy đi ra, đi vào, dáng đi õng ẹo, cứ nói đi nói lại một câu:

– Bây giờ tôi già và xấu qua rồi !

Phải rồi khi ấy cô đang 18 – 19 cái tuổi của " nhựa sống căng tròn, nghe cô "Duyên". Thấy chị Lợi, than vãn hai, ba lần như tiếc nuối tuổi xuân, tôi đã phải đứng dậy để tay vào ngực:

– Chị Lợi ơi ! ... .Chị hãy nhìn tôi đây này, ngày xưa tôi như thế nào. Bây giờ tôi sống sót trở về là công dân hạng hai, của CHXHCN ốm o, già lão phải đến CA trình diện hàng ngày đây này. Chị hãy nhìn tôi, mà vui trong hạnh phúc gia đình, mà Chúa đã ban cho anh chị và các cháu.

Cả ngày và đêm hôm đó, tôi đã ở lại nhà anh chị Lợi. Thôi thì thượng vàng, hạ cám chuyện lớn, chuyện nhỏ tích lũy trong hầu bao, lâu dài, chúng tôi đã cùng nhau dốc hết. Vì chị Thọ còn mỗi bà cụ ở nhà, nên đã dùng chiếc xe "mịn- lớp – sằng Bảo Long ra đời " (khi Bảo Đại đẻ Bảo Long) của tôi, để trở về khu Đa Kao.

Do yêu cầu chủ trương thứ hai của tôi: Ngày mai, tôi và cả gia đình Lợi sẽ đến bà cụ và chị Thọ, để cùng ra mộ thằng Lý. Vì nó nằm có một mình, ngoài nghĩa địa. Hơn nữa, tôi cũng còn cần trao đổi với nó, một vài chuyện ân tình.

Thằng Lợi mà để làm việc xã hội, nó sẽ phát huy được "sở trường", nó chu đáo cả những chuyện tôi không ngờ. Nó bảo:

– Ông bà cụ và mày bây giờ gặp khó khăn, trách nhiệm của mày là... Và ngay buổi chiều, nó một chiếc xe đạp, tôi một chiếc, đèo một túi gạo chừng 20 kg, do chị Lợi đã chuẩn bị sẵn.

Hai chúng tôi lại nhởn nhơ, thung thăng, song song trở xuống khu Ông Tạ, Hòa Hưng. Có lúc nó và tôi cùng đăm chiêu, không nói với nhau một lời, mỗi người mỗi dòng tư tưởng, nhưng tôi chắc phải có lúc nó có dòng "xuân non" như tôi. Nhớ quá! Cái ngày hai thằng cũng đạp xe song song trên đường phố Sài Gòn , để mài đũng quần trên ghế nhà trường.

Cũng là một điều khác thường, từ ngày còn niên thiếu tôi có một nhược điểm, là lòng tự ái và tự trọng cao. Thế mà, tôi mang gạo của thằng Lợi về nhà cho bố mẹ, lại không thấy lòng mình bị tổn thương?

Mẹ tôi đã phải lau nhiều lần nước mắt, khi tay cụ run run cầm tay thằng Lợi. Cụ xúc động cho tình nghĩa bạn bè còn áng đỏ tươi lên, giữa cái nền xám xịt của tình người trong xã hội ngày nay. Theo như đã dự trù chiều theo ý kiến của tôi, sáng hôm ấy, trừ cháu Mỹ Linh và cháu Luyện phải ở lại coi nhà. Tôi, vợ chồng Lợi, cháu Lực và Lượng ba chiếc xe đạp đèo nhau đến nhà cụ Lý. Chị Thọ đèo thằng Lượng, còn tôi mang cụ Lý.

Một đoàn xuôi xuống khu Tân Chí Linh vùng Ông Tạ. Tôi không ngờ ở đấy lại có một nghĩa trang thật rộng. Ngôi mộ của Nguyễn Vĩnh Lý, đã được xây cất đàng hoàng. Chúng tôi hì hục dọn dẹp làm cỏ. Niềm cảm xúc đã làm cho bà cụ, chị Thọ và Lợi nước mắt đoanh tròng. Theo thủ tục tôn giáo, tất cả chúng tôi thắp nhang, nến và đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn của Lý. Tôi nhìn tấm hình của Lý gắn tại mộ bia, đôi mắt của Lý cũng đăm chiêu nhìn tôi. Một cơn gió rì rào lướt nhẹ qua, như tôi nhìn ”thấy làn môi của Lý mấp máy, tai tôi nghe cả giọng nói của Lý ngày xưa:

Advertisement

– Mày đã trở về đấy à?

Tôi nhìn cái nốt ruồi dưới mũi của Lý, tự nhiên một hình ảnh nhỏ ngày xưa của Lý, đã ùa về trong tâm tường của tôi. Buổi ấy khoảng 1957, ngày Tết của dân tộc, Lý, thằng Phác (bạn học Chasseloup Laubat của Lý) và tôi đều đóng bộ. Duy nhất có cô Mỹ Huyền (Trưng Vương) chưa là bồ của ai đi theo. Giữa dòng người ”ngựa xe như nước, áo quần như nêm” ấy của ngày Xuân quê hương, khi chúng tôi đi qua chợ Bến Thành, bước chân lên đường Bonard, có hai cậu 15- 16 đuổi theo kéo áo Lý lại, vồn vã:

– Cậu ơi! Nốt ruồi trên miệng của cậu, làm mất đẹp trai đi?

Giơ ra cái khay nhiều chai lọ, miệng chúng lại ríu rít:

– Loại thuốc mới này của Nhật, chúng cháu chỉ làm mười phút sau, nốt ruồi của cậu sẽ biến mất?

Vì có bóng Mỹ Huyền giai nhân đi bên cạnh, chúng tôi bất ngờ, đều đỏ mặt, lúng túng. Thằng Lý cũng đỏ mặt , nhưng nó quay lại, dõng dạc với hai cậu nhỏ:

– Ơ hay! Tôi vừa ” cấy ” được mấy ngày, mất hàng trăm bạc! Sao lại tẩy đi?

Hai cậu bé đực mặt ra, chả nói ra lời. Chúng tôi đều cười, thở phào và không thể quên được cái ”nhanh trí ” của Lý.

Sau 18 năm ”Bác và Đảng” đã đào tạo tôi thành một người thợ có tay nghề về cả hàng ngang (giường, bàn, tủ, ghế) lẫn hàng dọc (xây dựng, sửa chữa nhà cửa). Nhà thằng Lợi cao và rộng, nên tôi có nhiều việc làm, do đấy tôi thường xuyên ở nhà

thằng Lợi, chỉ chiều tôi phải về trình diện công an khu vực. Một điều băn khoăn nhiều của tôi về thằng Lợi, từ khi về gặp lại nó, nên tôi đã hỏi thẳng nó:

-Tại sao lại không đi di tản?

Nó đã trả lời tôi, hai ý chính:

1) Gia đình phía bên vợ nó, có nhiều người ở phía bên kia (cộng sản)

2) Tao ở lại, để sẽ chơi với tụi này về kinh tế.

Ngay khi còn trên con tàu ”Thống Nhất” trên đường xuôi Nam, tôi đã có ba chủ trương, khi về tới Sài Gòn sau gần hai chục năm xa cách:

1) Tìm về bố mẹ, anh em, họ hàng.

2) Tìm lại hai thằng bạn thân Lý và Lợi.

3) Tìm mọi cách để thăm mộ ông Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu. Tư cách, lòng tự trọng dân tộc và ý chí của hai người, tôi coi trọng.

Hai điều trên đã tạm ổn, còn điều thứ ba, lòng tôi thì muốn thằng Lợi cùng đi, nhưng tôi nhìn thấy nó phải lo toan nhiều công việc tối ngày cho vợ con nó. Phần khác, đây là quan điểm tư tưởng của mỗi người. Hơn nữa tấm lòng của mỗi người thì không bao giờ nên gò, ép, kéo lôi. Nếu không nói là làm giảm ý nghĩa, có khi còn làm mất cả cái đẹp của sự việc. Tốt nhất, hãy một mình tự mò mẫm lấy, cho riêng một mình.

Tên công an khu vực của tôi chừng 22- 23 tuổi, độc thân tên là Huỳnh Lộc, người Long Xuyên. Lúc đầu, y cũng tỏ uy quyền của một CA đối với một phó thường dân như tôi, đang trong tay của y. Qua thời gian và sự việc, y đã thấy càng phồng mang, trợn mắt thì thiệt hơn nhiều, vả lại chỗ đứng của y quá nhỏ, y lại còn có quá nhiều nhược điểm. Chỉ vài lần tiếp xúc, đổi trao một vài vấn đề, cũng là thăm dò, bắt mạch, để rồi càng ngày y càng có thiện cảm với tôi hơn. Như tôi đã xác định ở những phần trên, mình đã có sự thật, nếu có thêm chút khả năng vận dụng, ứng dụng đúng lúc, đúng chỗ thì tính hơn hẳn của ta càng thấy rõ.

Dần dần Lộc tỏ ra nhiều việc làm quá lố. Có lần ở trên Thanh Đa, Cầu Kinh về tới, tôi thoáng thấy bóng Huỳnh Lộc, ngất ngưởng cầm một chai rượu trắng trong một căn nhà ngoài đường Cách Mạng Tháng Tám. Vì khu xóm và chính vì tôi, nên một buổi tối, tôi đưa Lộc vào một hiệu uống nước chanh, để nói chuyện.

Tôi biết, nếu Lộc không thay đổi cảnh sinh hoạt, sớm muộn nó sẽ bị cho về đuổi gà; đôi khi còn mang họa. Kinh nghiệm nhiều năm đã cho tôi biết , anh phụ trách khu vực, một thời gian, không đạt những yêu cầu của họ, họ đã đặt anh trong danh sách loại. Bây giờ Lộc lại có những hiện tượng tiêu cực, rượu chè, hút thuốc lá vàng cả

ngón tay. Sau khi nghe tôi tận tình vạch ra từng sự việc, Lộc giật mình, tái mặt ! Y tỏ ra rất ăn năn, thành khẩn:

– Em sẽ cam đoan với anh, từ nay em sẽ chấn chỉnh lại.

Tôi và khu xóm muốn duy trì sự thoải mái tương đối như hiện nay, thì phải khéo léo ”sửa sai” cho Lộc. Rất rõ ràng, vì Lộc tiêu cực, mềm yếu, lỏng lẻo, chúng sẽ đưa một tên ”hóc búa” đến thay. Do nhiều bà con ta chỉ nhìn có một mặt, nên đã cố mời mọc, lôi kéo công an khu vực bằng những bữa tiệc ngon lành. Thậm chí rộng rãi cả về tài chính nữa, để rồi Huỳnh Lộc chỉ giữ được không đến một tháng, y trở lại đường cũ.

Đến cuối tháng đó, một công an nữ người Quảng Bình thay thế, tên CA nữ này là Mỹ Lệ. Y thị đi từng nhà trong khu vực tra xét xem sổ hộ khẩu, với số người hiện diện. Mặt của y thị tái ngoét như quả cà ghém luộc. Sáng ngày thứ Bẩy y thị yêu cầu tôi , một chàng Thiếu úy Hải Quân tên là Từ và một chuẩn úy Thủ Đức tên là Quý (mới ra trường 1974), ra chợ Nam Hòa quét dọn, làm vệ sinh. Tôi hiểu mục đích của y thị là hành hạ, làm nhục những người của chế độ cũ mà thôi.

Giữa chợ búa đông bà con qua lại, y thị tay cầm cuốn sổ con đứng coi chúng tôi làm việc. Mặt cứ câng câng lên, chỉ chỗ này, nhắc chỗ kia để thị oai.

Y thị chừng 21- 22 tuổi, chả biết có chồng con gì chưa. Chắc y thị được ý kiến của Đảng ủy Phường hay Quận, để hành chúng tôi, y thị còn bắt chúng tôi móc, khều rác rưởi ở dưới các cống rãnh chung quanh chợ.

Chủ nhật lên nhà thằng Lợi. Tôi kể lại sự việc, thằng Lợi đã nháy mắt bảo tôi:

– Hãy nghe tao, mày phải cho cô ả lên “đỉnh vu sơn“. Nếu không mày sẽ còn khổ, nó còn hành!

Tôi biết thằng “chó chết” này! Nó thấy tôi bực bội, nó nói để cho vui !

– Ngán gì!

Tôi cũng đùa lại

– Nhưng cái mặt của “ả” như rau muống xào ...!

Vừa lúc đó, chị Lợi trong buồng đi ra, chỉ nghe được mấy tiếng: “Rau muống xào!” Chị Lợi nhanh nhẩu:

– Anh Bình thích ăn rau muống xào, chiều nay tôi sẽ làm món “Rau muống xào tỏi “, các anh thử xem có kém gì nhà hàng Đồng Khánh xưa?

Thứ Hai tuần trước, tên Trung úy Mậu, phường trưởng đã yêu cầu tôi theo lệnh của Quận, tôi phải gia nhập "Tổ mành trúc 19/5" làm việc hàng ngày, ngay cạnh ủy ban Phường 6. Như thế, hàng ngày 7 giờ tối, tôi phải trình diện để lấy chữ ký của công an khu vực, chúng vẫn chưa yên lòng, chúng còn bắt tôi mỗi ngày ở bên cạnh chúng nữa.

Điều đặc biệt hơn nữa mà tôi biết: Giai đoạn ấy, ở phường 6 có khoảng hơn ba chục người đi học tập về. Cấp bực từ Đại tá trở xuống, hầu hết trình diện tháng một lần, có 5 người trình diện tuần một lần, trình diện ngày một lần chỉ có một mình tôi. (Do Huỳnh Lộc cho biết)

Tôi lần mò xem là có phải chúng còn nghi ngờ tôi, nên phải quản lý chặt chẽ, tôi như ở tù vậy? Hay khi đó, tôi là loại tù từ miền Bắc về, lại mang cái tội Gián Điệp thường gây mạng lưới bí mật, nên chúng cảnh giác? Thời gian sẽ giúp tôi để trả lời, hai câu hỏi trên.

CHƯƠNG 22: THĂM MỘ CỤ NGÔ

Tôi đã vận dụng lý do: Mẹ tôi vừa ho ra máu, bố tôi đêm qua đã té ở dưới bếp, chảy máu mũi. Tôi phải lo cơm nước, thuốc men cho hai cụ, và tôi phải thu xếp nhiều chuyện trong nhà v.v. . . Thứ Ba tuần tới tôi mới có thể đi làm việc ở tổ Mành Trúc, trong khi chúng bắt tôi đi làm Thứ Hai. Phải dùng nhiều cách để hỗ trợ nhau, tên Mậu mới đồng ý.
Như thế phải tranh thủ ngày mai, tôi thực hiện cái chủ trương thứ ba, là thăm mộ Cụ Ngô. Những ngày trước, tôi lựa lời thăm hỏi, không ngờ người cho tôi tin tức tương đối đáng tin cậy, là ông Trùm Lộc. Ông là công giáo được phường chỉ định làm tổ trưởng khu phố của tôi. Tối thứ Năm hàng tuần, tôi vẫn phải đến nhà ông để sinh hoạt tổ dân phố với bà con, đọc báo và nghe thông báo điều này, khoản kia của Phường, của Quận. ông Trùm Lộc, hơn sáu chục tuổi tỏ vẻ lấm lét, ghé vào tai tôi thì thầm:

– Mộ của Cụ Diệm và ông Nhu được ông bà Trần Trung Dung (là cháu), chôn ở nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi.

Tôi hiểu một mình tôi vào thăm mộ hai người, là không tiện lắm! Tôi biết tụi cộng sản vẫn rải những công an chìm, lẫn vào những người ra vào nghĩa trang. Như chúng sẽ bí mật chụp hình, hoặc để ý những ai còn tư tưởng hướng về một người mà chúng kình địch. Những tổng thống, hoặc các vị lãnh đạo khác chúng chẳng phí thời gian làm như vậy.

Tôi đã hẹn trước với cháu Thanh Lan, con của cô Xuân cũng đã 19 – 20 tuổi rồi. Điều tôi không thể quên, là cái tên "Thanh Lan" này lại chính tôi đã đặt cho cháu, khi vào thăm mẹ nó sinh ở nhà thương Từ Dũ. Hơn một năm trước ngày tôi đi Bắc, bố nó là công nhân ở Ba Son, đẻ con đầu lòng chưa kịp đặt tên. Bấy giờ anh trai vào thăm, nên mẹ nó nhờ tôi đặt tên cho cháu luôn. Đi với cháu gái, cho có vẻ gia đình, nếu biết khéo léo ứng xử có thể qua mặt, những con mắt cú vọ của CA chìm.

Hai bác cháu đã mò mẫm đến được mục tiêu. Lúc đầu, tôi còn ngồi xa xa cạnh những ngôi mộ khác, để quan sát theo dõi toàn bộ hiện trường. Tôi hơi ngạc nhiên, nhìn hai bó huệ còn tươi và một bó to bạch hồng, ở mỗi ngôi mộ. Hơn một chục cây nhang đang nghi ngút tỏa mùi hương, luồn vào trong gió của mỗi ngôi mộ.

Tôi bần thần, ngước mắt nhìn lên mây trời , lòng tôi rung rung mở dần ra như một sự cảm ơn không bằng lời. Những ai đã vừa tặng hoa, thắp nhang cho hai ngôi mộ đặc biệt này? Phải chăng cũng là những người dân vô danh như tôi và cháu Lan? Chỉ vì lòng ngưỡng phục một người đã dám gạt bỏ tiền tài và danh vọng, chọn cái chết dứt khoát, không chịu để chủ quyền Quốc Gia bị xâm phạm, không những người dân ngưỡng phục, kẻ thù cũng không thể coi thường.

Thấy không có gì trở ngại, tôi và cháu Lan trang trọng thắp nhang và đặt một bông hoa hồng nhỏ (tôi không đủ tiền mua một bó), như tỏ tấm lòng của một người, đã nhận một nhiệm vụ trong thời của cụ, ra Hà Nội nhưng bất tài, kém khả năng hiểu biết, nên đã rơi vào tay kẻ thù. Nay sống sót trở về, tôi xin cúi đầu tạ tội với cụ, với đồng bào lầm than khổ đau hiện nay, và sau này.

Tôi nhìn kỹ từng phần nhỏ của hai ngôi mộ, rồi tôi lại nhìn lên trời. Mây đen trắng lổn nhổn trên nền xanh mát của bầu trời. Tôi ngắm một đám mây to, đang đùn lên về phía Đông. Tôi chợt thấy- có thể từ lòng thành mong ước, hay trí tưởng tượng- rõ ràng tôi nhìn thấy nét mặt một bà cụ già tóc trắng phau, bộ mặt hiền từ đôn hậu. Mắt Cụ đang đăm đăm nhìn tôi, cháu Lan và hai ngôi mộ. Một luồng lạnh từ trong xương sống đi dần lên đầu tôi, phải chăng là hồn thiêng của dân tộc, linh khí của sông núi và của Sài Gòn đã bốc lên, kết tụ lại? Đó là Người Mẹ Hiền Việt Nam. Miệng của Mẹ mấp máy tôi nghe rành rọt:

Các con thương yêu của mẹ! Với ý chí rắn chắc, bền bỉ chịu đựng, các con hãy đứng dậy bằng chính đôi chân của mình, mẹ luôn luôn đứng bên cạnh và độ trì cho các con.

Tôi bàng hoàng thảng thốt, quay lại cháu Lan đang quỳ bên cạnh, mắt cháu Lan cũng đang ngước nhìn lên trời. Không biết cháu có nghe thấy những lời, của Mẹ Việt Nam như tôi không?

Kính thưa quý vị độc giả ! Hiện giờ tôi đang viết hồi ký tường thuật lại những cảnh đời tôi đã trải qua! Theo sự hiểu biết của tôi, hồi ký là tường thuật lại những sự việc gì tai tôi nghe, mắt tôi thấy, những sự kiện tôi đã phải trải qua và những gì chính tôi cảm nghĩ ở trong trại tù, không thể nhìn được trong buồng xà-lim này với trong buồng xà-lim kia. Ngoài trại chung không thể chứng kiến buồng này, nhìn sang buồng khác, càng không thể biết được cảm nghĩ của người khác. Viết như vậy là tưởng tượng, tưởng tượng là hư cấu, hư cấu là viết tiểu thuyết. Tôi luôn luôn tôn trọng sự hiểu biết rộng rãi, sáng suốt của quý vị.

Có một chuyện nhỏ, nhưng buồn cười, tôi xin trình bày, như một thể hiện lòng tôn trọng của tôi về sự sáng suốt của quý vị. Khi cháu Lan và tôi dắt hai chiếc xe đạp vào nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi, mấy bà, mấy cô bán nhang, nến, hoa xông ra mời chào:

– Mời cậu mợ mua hoa đi!

– Mời cậu mợ mua nhang, nến này!

Tôi đã nghiêm mặt nói rõ ràng:

– Đây là cháu của tôi! Tôi là bác của nó !

Mấy bà xin lỗi, nhưng có cô lại buông một câu cộc lốc:

– Thế mà !

Do sự mời chào, lôi kéo khách mua hàng, nhưng cũng nói lên một điều: Vì tù lâu, nằm yên một chỗ, nên tôi không già lắm! Lòng tôi cũng ” rổn ” lên một niềm vui, hy vọng sẽ lấy được vợ, không sợ ở ” giá “

Cháu Lan hiện nay đã có ba con, người cháu rể tên là Mão, hai vợ chồng mở một hiệu phở khá đông khách, ở Ông Tạ Sài Gòn.

Buổi chiều, tôi và bố mẹ vừa ăn xong, thì có tiếng gõ cửa, tôi lại tưởng CA. Nhưng thật vui, đó là anh Đèo Văn Bạch, anh được về trước tôi 7- 8 tháng, anh đã đến thăm tôi hơn tuần lễ trước. Nhà anh ở phía trước hồ bơi Cộng Hòa, tôi lại phải nhớ để ghi vào sổ trình diện, anh Bạch trình diện tháng một lần. Sở dĩ tôi tưởng anh Bạch là CA, vì mới đêm qua CA phường, CA khu vực một giờ đêm, đập cửa nhà tôi rầm rầm. Chúng bắt mở cửa ngay, cửa vừa mở chúng gạt tôi ra, chen lấn vào trong nhà. Đèn pin chiếu loang loáng khắp trên gác, dưới bếp, xoi mói, chúng bắt đưa sổ hộ khẩu, sổ trình diện. Tôi còn thoáng thấy một vài tên áo vàng nữa, phía sau nhà. Cảnh giác của chúng thật cao và kỹ thuật cũng thâm hậu.

Chúng suy đoán, bất ngờ ban đêm đột nhập vào khám nhà, nếu trong nhà có người lạ, không hợp pháp thì sẽ chạy chuồn ra ngoài, nên chúng đã phòng sẵn bên ngoài. Tôi thì chẳng ngán ngẩm gì, nhưng thầy mẹ tôi mù lòa, già yếu, các người hốt hoảng đờ người ra.

Tôi không nhìn rõ, nhưng chắc mặt các người phải tái đi, chúng kéo hất tung cả mùng mền của thầy mẹ tôi.

Tôi cảm thấy, tôi có lỗi với bậc sinh thành lắm, không những làm các người lo lắng, mà ngay giấc ngủ của các người cũng không yên. Sau khi chúng rút đi rồi, không một lời chào thầy mẹ tôi, tôi đã quỳ xuống, gục đầu vào đầu gối mẹ tôi, mắt tôi mờ đi, nói trong nghẹn ngào:

– Xin thầy mẹ, tha lỗi cho con!

Mẹ tôi đưa bàn tay run rẩy vuốt đầu tôi, từng dòng nước từ đôi mắt loà chảy xuống má, mẹ tôi không nói ra lời, bố tôi đã vào màn, chỉ nghe những tiếng thều thào mệt nhọc:

– Lậy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi!

Tôi không hiểu thực dân Pháp ngày trước có làm như thế với người dân không?

Sáng hôm sau tôi đã đến tổ mành trúc, với cái tên: "Mành Trúc Xuất Khẩu 19 tháng Năm". Đây là một khu thủ công chuyên sản xuất mành trúc của Phường, chừng gần hai chục người, năm sáu cậu 15- 16 tuổi, bẩy tám bà xồn xồn 30- 35 tuổi, vài thanh niên, mấy ông nhơ nhỡ như tôi. Tổ mành trúc do một bác chừng 50 tuổi, tên là Bằng làm tổ trưởng, các công nhân kể trên toàn là thường dân, chỉ có tôi là đi tù về mà thôi. Thấy tôi có vẻ nhanh nhẹn, nên ông Bằng phân công tôi ở khâu cắt trúc, bằng một chiếc máy cưa con con.

Sản xuất tính theo giờ và mức khoán, hình thức thì có vẻ nền nếp, nhưng thực tế thì không phải như thế. Chỉ thoáng qua thái độ làm việc của mọi người, qua các khâu tôi đã thấy, cũng như cái chung của công nhân dưới chế độ ưu việt XHCN dân chủ gấp triệu lần các chế độ dân chủ, của các nước tư bản. Trên sổ sách ghi 7 đồng một ngày, nhưng riêng tôi cuối tuần lãnh lương chiều thứ Sáu, ông Bằng đã khất lại, để tuần sau. Chỉ hơn một tuần tôi đã biết ông Bằng là một cán bộ của phường. Từ đó, trừ thứ Bẩy, Chủ Nhật cuối tuần, hoặc những ngày đặc biệt tôi phải lên Thành xuống Quận, ngày nào tôi cũng phải đi làm ở tổ Mành Trúc.

Một buổi chiều tôi cà rịch, cà tàng đạp xe đến đường Phan Đình Phùng để mua thuốc đau mắt cho mẹ tôi, thoáng một bóng người quen quen, anh ta đang định trèo lên một chiếc xe Buýt. Tôi dẫn xe đến, người đó cũng quay lại. Ồ! Tôi không thể tin ở mắt mình, Lộc, Lộc Vàng! Tôi và Lộc Vàng đã ríu rít như "mít quậy sinh tố với dứa", vừa ngọt vừa thơm ngát. Lộc Vàng trong vụ nhạc vàng " đồi trụy " của Hà Nội năm 1967 (tôi đã tường thuật), tôi siết chặt tay Lộc vồn vã:

– Sao lại ở đây? Sao lại ở trong này? Vào đây bao giờ và ở đâu?

Lộc không trả lời, mà cũng cuống quít hỏi tôi tới tấp:

– Anh về bao giờ? Nhìn anh mà em không nghĩ là anh? Vì em không tin được !

Nhớ lại những ngày cuối tuần buồn lê thê, trong trại tù Thanh Phong muốn tìm những giờ phút trầm lắng để gửi hồn chơi vơi về những nơi mình muốn. Cái thú nhất giai đoạn ấy với tôi là ngồi năm bẩy người, những người cùng "gu" phóng đãng chơi vơi tâm hồn, với một ca trà rừng đặc, nhấm nháp bằng những chiếc ly nứa con tự chế.

Sắp xếp người ”ghếch” (tiếng trong tù) áo vàng. Nếu có áo vàng vào trại thì người gác ra hiệu, trong này lời ca tiếng nhạc, bất đầu đổi ”gam” từ nhạc xanh ra nhạc ”đỏ“. Toán Xồm đàn, Đắc Sọ đập sàn nứa thay trống, Lộc Vàng ca Nhạc ”tiền chiến, như những bài: Thiên Thai, Đêm Đông, Suối Mơ, Cánh hoa duyên kiếp v.v. . . Hay nhạc ”vàng“: Mưa Rừng, Tàu Đêm Năm Cũ v. v... Thậm chí cả những bài của Sài Gòn sau này (tôi chưa biết) Đời Là Vạn Ngày Sầu, Xuân Này Con Không Về, Áo Lụa Hà Đông v.v. . .

Giọng ca của Lộc Vàng nổi tiếng của đất Thăng Long. Bây giờ trong một bối cảnh lâm ly ngục tù, ngồi lim dim đôi mắt, mặc cho lời ca, tiếng nhạc tỉ tê rót vào tai, thì còn cái thú nào hơn?

Sau khi miền Nam bị ” cướp giật ” cộng sản chuyển tôi ra trại xây. Nhóm ”nhạc vàng” Toán Xồm, Đắc Sọ, Thành Tai Voi và Lộc Vàng, tôi không còn gặp nữa. Cho tới ngày tôi được ra từ trại Thanh Phong (Thanh Hóa) giữa năm 1980 cùng với Toán Xồm, tôi không có thời gian để hỏi về những người trong nhóm đó.

Hôm nay, bất chợt gặp lại Lộc Vàng ở Sài Gòn. Lộc Vàng đã được tha từ 1977, như thế Lộc đã có hơn hai năm ở ngoài chiếc lồng to, cuộc sống tần tảo, Lộc đã xoay sở đủ nghề: quét vôi, làm thuê, gánh nước v.v. . .

Hiện nay, Lộc tìm vào Sài Gòn ”phe phẩy” vặt vãnh, tìm nơi ”đất lành chim đậu“. Gặp tôi, Lộc tưởng là một dịp may, Lộc có biết đâu, tôi còn bị o-ép, đè bóp hơn ở trong tù. Ngồi ở một quán nước mía, hai anh em tâm tình, đều tắc tị. Trong những câu chuyện lan man, đến những người đã đi tù về, hiện đang ở Hà Nội, chợt Lộc nói như khoe thành tích:

– Em mới gặp ông Võ, bây giờ về hưu, ông buồn lắm! ông ấy muốn về Nam mà không có tiền!

Đầu óc tôi lơ mơ, chưa nhớ rõ ”Võ” nào? Thấy mặt tôi ngẩn tò te, Lộc đã hỏi, như giải thích:

– Anh không biết ông Võ, chánh giám thị ở Hỏa Lò à ?

Tôi chợt nhớ, ông Võ đó đã có ”â ” với tôi, đã cấm CAVT đánh tôi, trong buổi tôi trốn tù ở Hỏa Lò 1964. Tôi săn đón hơn:

– Ủa, em gặp trong trường hợp nào? ông ta có khỏe không?

Lộc vẫn vồn vã:

– Em mới ngồi uống cà phê với cụ ấy ở Hàng Trống, cụ ấy bây giờ hom hem, bé tí, em cũng gặp cô Vân y tá nữa!

Như một luồng điện, tôi vội vàng cầm tay Lộc, vồ vập:

– Em biết cô Vân ư? Em gặp cô ấy ở đâu?

Lộc lại lơ đãng vô tình, không thấy sự mất bình thường của tôi, Lộc trả lời một cách rời rạc:

– Em đang ngồi với ông Võ, thấy cô Vân đi với một đứa nhỏ, em hỏi luôn ông Võ, là cô Vân có con lớn thế?

– Ông Võ trả lời em sao?

Bây giờ Lộc đã thấy thái độ không thường của tôi, Lộc còn cười, nói như đùa trêu tôi:

– Mặt anh làm gì mà thất sắc thế! Làm như cô Vân là bồ của anh không bằng?

Tôi đứng dậy trả tiền, kéo Lộc ra mé đường, tôi muốn rủ Lộc về nhà tôi chơi để hỏi thêm chi tiết, phần vì cũng gần tối đến giờ trình diện, và còn phải mua thuốc kịp cho mẹ. Lộc nói là Lộc về Bắc chuyến tàu Thống Nhất chiều mai, Lộc hiện đang ở nhà một người quen bên Khánh Hội. Tôi cứ khẩn khoản bảo Lộc ngồi lên yên, tôi ”đèo” đi mua thuốc cho mẹ. Chơi với tôi, khoảng 9 giờ tôi sẽ mang Lộc về Khánh Hội.

Tôi ngấu nghiến đạp xe, mua thuốc rồi về, mới 6: 30 đã tới nhà. Trên đường tôi đã cho Lộc biết sơ qua cảnh sống của tôi. Lộc lại tỏ ra thương cảm, chia xẻ với tôi hơn, tôi chỉ có 4 đồng, trả tiền nước mía hết 2 đồng chỉ còn 2 đồng, tôi đành mua hai quả trứng vịt 1đồng 50 để bác, có rau muống luộc nữa, thế là hơn trong tù rồi. Bố mẹ tôi đã ăn cơm từ chiều. Tôi chỉ cho Lộc bếp núc, rồi tôi lấy cuốn vở sang nhà cô Mỹ Lệ ở xóm bên, trình diện. Gạo hãy còn nhiều, hai chục ký, thằng Lợi cho đã ăn hết đâu.

CHƯƠNG 23: NGƯỜI ẤY ĐÃ SANG ĐÒ

Trên đường đi xe, tôi đã được biết sơ lược: Vì Lộc không biết gì giữa tôi và cô Vân, nên cũng chẳng hỏi kỹ ông Võ. Chỉ biết cô Vân đã lấy chồng cuối năm 1969, HCM chết xong thì cô Vân đám cưới với một Trung úy bộ đội đi B. Hiện nay cô đã có một con trai 6 – 7 tuổi, Lộc cũng không nói chuyện với cô Vân, ngay ông Võ, Lộc cũng không biết địa chỉ.
Tôi trình diện CA về, thì Lộc cũng đã nấu xong cơm, tôi hì hục bác trứng và luộc tí rau muống, đã mua từ hôm qua. Hai anh em ăn cơm ở sàn trên gác, chỉ có trứng bác và rau muống luộc, nhưng thật đậm đà nghĩa tình trong khó khăn cuộc sống, của những người đi tù về.

Phần tôi vẫn thèm, nhớ tiếng hát của Lộc vàng nhất là lòng tôi đang nát nhão, như dưa khú lâu ngày. Tôi đã cho Lộc biết sơ sơ một chút sự liên hệ giữa tôi và cô Vân. Sau khi cơm nước xong, Lộc đã nho nhỏ hát tặng tôi một bài trên căn gác trống,

không có đàn, trống. Tôi đã nằm lịm đi để mặc cho giọng hát truyền cảm của Lộc, chui luồn vào cơ thể, rúc vào hồn tôi. Theo Lộc, đây là bài: Lá Đổ Muôn Chiều:

Thu đi cho lá vàng .....bay....

Lá rơi.....cho đám cưới về.....

Có những đêm về sáng.....

Đời . buồn.....chi mấy cố nhân ơi.....

Đã vội chi.....men rượu.... nhấp đôi môi.....

Mà phung phí.....đời em.....không tiếc nhớ... ...

Lá đổ muôn chiều.....ôi lá úa.....

Phải chăng . . . . . là nước mắt người đi . . .

Em ơi.....đừng dối lòng.....

Dù sao chăng nữa.....không nhớ đến tình đôi ta.....

Thôi thế đây.....anh cố đành quên ....rằng có người ..... Cầm bằng.....như không biết .....mà thôi.....

Lá Thu.....còn lại.....đôi ba cánh.....

Đành lòng....cho nước cuốn.....hoa trôi.....

Thôi thế từ nay.....như vàng bay.....

Làm lòng anh .....nhớ mãi..... người ơi.....

Nhớ nhau .....từ làn môi .....đôi mắt.....

Đời vắng em rồi.....vui với ai?.....

(Đoàn Chuẩn, lời Từ Linh)

Lộc vàng đã đập vào chân tôi, dù tôi không ngủ, nhưng tôi như vừa ở một vùng đầy sương khói chui ra. Một ý thơ của T.T.KH hãy còn già một nửa ở trong đầu:

Nếu biết rằng tôi..... đã .....lấy chồng!

Trời ơi!.....người ấy có .....buồn không?.....

Bao nhiêu ngược xuôi, ngang dọc rối rắm trong đầu, tôi thừa nhận cô Vân lấy chồng là đúng, là hợp lý, vậy mà tại sao, tôi vẫn buồn? Lộc nói, mà mắt nhìn tôi như nài nỉ:

– Anh đưa em về đi, kẻo khuya!

Tôi muốn Lộc ngủ lại với tôi đêm nay, nhưng Lộc cũng đã hiểu. Bất ngờ lũ Nặc – Nô CA lại vào khám nhà. Hai bên đều tự hiểu, tôi đứng dậy đưa Lộc về Khánh Hội. Bố mẹ tôi đã nằm yên ở trong màn, tôi cũng cần về sớm, sợ chúng vào lúc tôi không có nhà. Chiều theo ý của Lộc, tôi đạp xe theo đường Công Lý để Lộc nhìn Dinh Độc Lập một lần. Mới khoảng hơn 9 giờ mà Sài Gòn đã đìu hiu vắng vẻ.

Bao nhiêu năm xa vắng, tôi nhìn Dinh Độc Lập tận mắt, niềm ước mơ, niềm khắc khoải nhớ thương, thế mà tâm trạng của tôi chỉ thấy dửng dưng, quấn quít một chút xót xa. Nhìn tòa nhà từ xa, dưới ánh đèn đêm của thành phố, tôi có cảm tưởng như nét mặt của thầy tôi. Chiếc cửa sổ chiếu ánh đèn lờ mờ như đôi mắt kèm nhèm, cửa to phía dưới như cái miệng của thầy tôi méo xẹo, trong đêm CA vào khám nhà. Đã đạp xe qua rồi, mà đầu tôi còn ngoái lại; đúng nét mặt thiểu não của thầy tôi, cụ cũng đã lẩn thẩn rồi !

Đến một xóm nghèo phía bên kia cầu Khánh Hội. Một cái ôm khắng khít chia tay với Lộc, không hẹn ngày gặp lại. Nét mặt của Lộc, cũng thiểu não như nét mặt của thầy tôi khi nãy đi qua, Lộc đã giúi vào túi tôi 10 đồng. Tôi hiểu Lộc muốn chia xẻ với cảnh đời rách mướp của tôi lúc này, nhưng tôi đã cương quyết không nhận! Phần vì chính cảnh sống của Lộc cũng chỉ là một cái ” sơ mướp “, phần khác, dù tôi đang gặp khó khăn thế này, hay rồi đây sẽ hơn nhiều thế nữa, tôi vẫn đứng bằng chính đôi chân của tôi. Tôi đã trả lại Lộc, những người cùng khổ có lòng và một cái ôm chặt nữa, để chia tay.

Hôm sau, buổi sáng tôi không làm sao bò dậy được, miệng khô đắng như cho giấy vào thấm, đã đến giờ ra tổ Mành Trúc, nhưng tôi cố mãi vẫn chưa ngồi được lên. Phải ra báo và xin phép nghỉ một ngày, nhưng tôi đành nằm liệt. Thế mà khoảng 9 giờ, cô ả Mỹ Lệ đã mò đến gõ cửa. Tôi nghe tiếng của thầy tôi nói, không thành câu:

– Thằng Bình ốm. . . . . .trên gác !

Tôi nghe tiếng chân khe khẽ, nhè nhẹ bước lên thang gác! Cô “ả” này liều thật? Nếu mặt cô “ả” không phải là quả cà ghém luộc? Và nếu tôi không có định kiến ” ghét rồi ” từ hôm đầu gặp “ả” thì cơ hội này, sẽ có một câu chuyện của cuộc đời.

Một giọng êm nhẹ, khác với mọi khi:

– Anh Bình!

Tôi cứ nằm im trong màn, xem sao?

Tiếng bước chân nhè nhẹ trên sàn gác, rồi chiếc màn tôi nhúc nhích: Đúng là coi ”trời bằng vung“. Cô ả lưỡng lự, dùng dằng một lúc, rồi cô bước chân rón rén đi xuống nhà. Cho đến khi nghe tiếng chốt cửa của thầy tôi, một ý tưởng không thực tế len lỏi vào đầu: Giá đấy là cô Vân. Tôi cong hai chân bật người dậy theo thói quen, xuống đến dưới nhà nghe tiếng mẹ tôi ở trong màn:

– Con đã uống thuốc gì chưa?

Thầy tôi cũng đã chui ra khỏi màn. Để thầy mẹ tôi yên lòng, tôi nói cố ra vẻ bình thường:

– Con không có sao đâu!

Mấy hôm trước cô Thu, đã đưa sang hơn một chục ký gạo và một nải chuối. Tôi phải sắp xếp dọn dẹp trong nhà. Khi còn ở trong tù, tưởng như không có ngày về thì mơ ước, thèm khát được làm những công việc này, để phụng dưỡng đấng sinh thành. Bây giờ có, lại coi thường! Không thấy đó là một điều may mắn, sung sướng! Tâm lý của con người cũng kỳ lạ !

Tôi chợt nhớ đến thằng Đạt, từ cái dạo tôi mới về thằng Lợi đã cho tôi biết sơ về Đạt. Tôi cũng xin sơ lược về Đạt.

Thời gian 1955-1956 tôi chạy Bình Xuyên, lên sống ở trại định cư Hà Nội Hố Nai Biên Hòa. ở đây, tôi đã quen Nguyễn Hữu Lợi và Nguyễn Đức Đạt. Tôi với Đạt cũng chơi thân, nhưng không thân bằng Lợi với tôi. Bố của Đạt làm về bưu điện ở ngoài Bắc, bây giờ di cư vào Nam, già yếu về hưu.

Một số cậu thanh niên Hà Nội ở trại chơi với nhau, trong đó có Lợi, Đạt và tôi. Khi tôi đi Bắc, cậu nào cũng còn độc thân. Khi tôi trở về thì Nguyễn Hữu Lợi (tôi đã tường thuật trên), còn thằng Nguyễn Đức Đạt, nghe vợ chồng Lợi nói: Thằng Đạt có cái tú tài đôi đã theo nghề bố, thi vào ngạch bưu điện. Thời gian Mỹ ồ ạt vào miền Nam, Sài Gòn cũng ” cuốn theo chiều gió” thằng

Đạt nghe đâu đã làm trưởng phòng nhân viên ” bở béo ” ngay bưu điện trung ương ở Sài Gòn (cạnh nhà thờ chính tòa). Hiện nay vợ con gia đình Đạt đang ở Trương Tấn Bửu, còn vì sao gia đình nó lại không đi di tản, tôi sẽ đến thăm gia đình, và hỏi trực tiếp nó.

Lợi dụng ngày hôm nay (không đến tổ mành trúc), tôi chuẩn bị lo nhà cửa và cho bố mẹ xong, xách xe đạp, tôi sang tìm nhà thằng Đạt. Sau một lúc mò mẫm, tôi đã đứng trước nhà của Đạt, thoáng qua một vài nét bên ngoài cũng là loại khá giả, nhưng không bằng thằng Lợi. Tôi bấm chuông đứng chờ, qua vợ chồng Lợi, nên Đạt và tôi không có cái bất ngờ gặp lại. Ngày xưa cậu trưởng phòng này, nọ; giờ đây đang ngồi đút cơm cho đứa con út, giúp vợ, giữ nhà.

Đạt rất vui, gọi cả vợ con trên gác xuống giới thiệu. Anh chị Đạt được năm sáu đứa con, đứa con gái lớn cũng 17 tuổi, con trai kế tiếp là Nguyễn Vạn Thắng 15 tuổi. Vợ chồng Đạt cứ ríu rít định làm cơm ăn bữa chiều. Tôi đã hiểu dưới chế độ " tem phiếu " nên tôi dứt khoát từ chối, lý do phải về trông nom ông bà cụ v.v. . . Ngay từ ngày tôi chưa đi Bắc, Đạt vẫn mến nể tôi, nhất là về mặt ngang tàng coi nguy hiểm là chuyện bình thường.

Do đấy, khi ở phòng khách chỉ có Đạt và tôi, tôi đã hỏi Đạt, có rào đón. Chính tôi cũng muốn biết tâm trạng, sự hiểu biết của một người có tú tài đôi, đã từng là một trưởng phòng ở Sài Gòn, cũng đã tiếp xúc nhiều với bạn bè Mỹ, Việt v.v. . . nên tôi đã ngửng lên hỏi:

– Đạt ơi? Bây giờ tao hỏi mày, với lòng tự trọng, trả lời những suy nghĩ thực mày đang nghĩ. Mày có đồng ý như thế không?

Mặt Đạt ngẩng lên tỏ ra, rất chân thành:

– Mày hỏi gì tao cũng nói sự thật?

Thấy đã đủ để biết rõ vấn đề, tôi hỏi ngay:

– Lý do chính, vì sao gia đình mày không đi di tản?

Thằng Đạt, cái mặt chảy dài, đứng hẳn dậy, nói như còn phẫn uất :

– Cái số của tao, chỉ vì vợ tao khi đó đang chửa đứa thứ tư, bố tao lại đang ốm nặng. Ngày 27-4, thằng Ted Folk, trung uý Hải Quân, quen thân gia đình tao, nói hai ba lần, tao vẫn dứt khoát không đi.

Ngập ngừng một chút, nhìn qua cửa sổ rồi quay lại, tỏra thành khẩn:

– Thực sự khi ấy tao còn tiếc cái nhà này, và đi như vậy, sẽ không biết như thế nào. Người ta bảo: "xẩy nhà ra thất nghiệp ".

Để cho cạn lý, tôi gặng hỏi tiếp:

– Mày nghĩ kỹ lại đi, còn một lý do nào nữa, để mày không đi?

Nó nhìn tôi chăm chú, và lắc đầu. Vào thời gian ấy (1980-1981), vượt biên bị lừa lọc, bị chết cao nhất. Tôi nhớ có một chiếc tàu ở ngoài Cấp bị vỡ, đắm chết hơn 300 người. Khu Ông Tạ, Tân Bình hầu như nhiều nhà phải để tang ngầm. Tôi thấy thằng Đạt cứ lúng túng, tìm nhiều lý do để bảo vệ. Đạt chưa nhìn thấy cái nguyên nhân chính, vì thế tôi đặt một câu hỏi nữa cho sáng vấn đề. Trước khi hỏi, tôi vẫn phải ràng lại:

– Bây giờ tao hỏi thật mày một câu, mà cũng nói thực lòng mày: “Nếu bây giờ có một chiếc tàu của Mỹ đến cảng Bạch Đằng, mày phải bỏ hết tất cả, cả vợ con, nhà cửa, bố mẹ, chỉ được mặc một chiếc quần đùi, tàu sẽ đón đi, mày có đi không?”

Đạt tươi hẳn mặt, nói như quả quyết :

– Đi, đi chứ! Tao đi ngay?

Tôi thong thả nói rành rọt:

– Như thế, tất cả những lý do mày nói, đều là sai cả ! Cái nguyên nhân chính mày không nhìn thấy, hoặc chỉ nhìn thấy mập mờ, để mày và gia đình không đi di tản ngày 30/4/1975 là khi ấy mày chưa nhìn rõ cộng sản. Mày không ngờ cộng sản đểu ra, sắt thép, nham hiểm như bây giờ!

Mặt thằng Đạt lại đực ra, đầu gật gật, miệng còn nói như nhắc lại:

– Tao không ngờ nó độc hiểm, sắt máu như vậy!

Tôi phải nói chút nữa cho trọn ý:

– Mày nhớ, ông cụ (bố của Đạt) và mày, đã từng ở khu 3 (Việt Minh) về thành 1950 (vào Hà Nội). Đã di cư vào miền Nam 1954, mà còn mơ hồ, chưa nhìn rõ sự việc. Huống chi hầu hết đồng bào ở miền Nam. Chưa một ngày sống với cộng sản, và nếu có biết về cộng sản cũng chỉ qua sách báo, thì làm sao hiểu được cái tim đen của họ. Anh còn vũ khí, anh còn tiền, anh còn bên ngoài vòng kiềm tỏa của họ, anh đừng vội vỗ ngực, tự đắc: Tao còn đi guốc vào những lừa lọc, thủ đoạn của cộng sản. Chưa đâu! Khi nào anh đã hạ vũ khí cất đi, anh hết tiền, anh đã vào trong sự kiềm tỏa của cộng sản. Khi đó anh mới hiểu tim đen của cộng sản, mà một khi anh đã hiểu, đã đủ hiểu thì anh không còn, làm gì được cộng sản nữa.

CHƯƠNG 24: GIĂNG LƯỚI BẮT TÔM

Đã chiều muộn, tôi từ giã anh chị Đạt để về nhà, chuẩn bị đi trình diện CA. Về đến nhà, ngạc nhiên, tôi thấy một chiếc xe đạp dựng khóa phía ngoài cửa, thì ra anh chàng Lê Văn Bưởi, cũng là điệp viên ra Bắc cá lẻ như tôi (Thép Đen III). Anh bị án 20 năm, nhưng lại được về trước tôi. Anh ở trên khu Đắc Lộ; tôi và anh đã gặp nhau một lần, giống như anh Bạch. Anh Bưởi đang sống nhờ, tạm trú một gia đình có cái xưởng lán làm gỗ, anh sống lai rai giúp việc nhà cho một người, còn có chút tấm lòng bao dung những kẻ khốn cùng.
Ngoài những chuyện bình thường, anh ghé vào tai tôi thì thầm: “CIA đã bắt mối liên lạc với anh, có thể họ sẽ đón anh đi một ngày gần đây”.

Hoàn cảnh của tôi như một người sắp chết đuối, không có điều kiện nào để bơi nữa, thấy bất cứ vật gì nổi cũng đều bám, hy vọng sống được.

Một chút mặc cảm vấn vít vào vị thế nhỏ bé của mình, anh Bưởi đã tâm sự với tôi từ buổi đầu gặp nhau ở phân trại E, phố Lu Lào Cai 1968. Anh là loại tình báo chiến lược, loại cấp cao của VNCH. Mình chỉ là loại tép riu chiến thuật, nên Mỹ đâu có để ý gì đến! Lòng nghĩ như thế, nhưng cuộc sống của tôi bị nhiều dồn ép, nghẹt thở quá nên tôi đã xuống nước, nói với anh Bưởi:

– Nếu anh đi được, nhớ đừng quên tôi đang bơi lội, trong sình lầy nhé !

Anh Bưởi nhìn tôi với ánh mắt chia xẻ:

– Bình yên tâm, tôi không thể quên Bình đâu!

Tuy nghe anh Bưởi nói thế, nhưng đầu tôi lại lóe lên một ý:

Biết đâu, đây chỉ là một đòn hiểm của cộng sản? Mình là loại do áp lực của Quốc Tế, của dư luận. cộng sản thả về để làm chiếc loa "không công" cho cộng sản, chứ cộng sản không tha do thực lòng họ. Như vậy sớm muộn, nó sẽ cố tìm cớ để bắt lại, hoặc sẽ tạo điều kiện, bầy ra một hình thức khác, để bắt mình về tội hình sự. Có khi còn làm mai một hết những năm tháng tù đày, về chống cộng sản của mình. Nghĩ như thế, tôi quay lại tỏ ra bình thường nói chuyện, hơi một chút trầm trồ:

– Làm sao anh lại biết đấy là đường dây của CIA? Họ là loại người nào? Họ đến với anh ra sao?

Anh Bưởi đã biết tôi, không có cơ sở thì làm sao tôi tin, mắt anh liếc nhìn hai phía, rồi ngồi gần lại tôi:

– Là một anh Xích-lô bình thường, họ còn hỏi tôi: Cuộc sống có khó khăn lấm không? Có thể lần gặp tới, họ sẽ cung cấp một hai cây vàng!

Tôi hỏi liền:

– Khi nào lần gặp kỳ tới?

– Sáng thứ Tư này !

Vì có chủ trương nên tôi hỏi rõ:

– Mấy giờ và ở đâu?

-10 giờ sáng ở bùng binh, chợ Bến Thành!

Để biết rõ sự thật, và cũng để một con mắt cho sự việc của anh Bưởi có an toàn không? Ngày mai tôi sẽ ngoan ngoãn đi làm tổ mành trúc, chiều mai (Thứ Ba) sẽ báo cáo ông Bàng, tôi xin đi khám bệnh nơi một ông lang trên Ngã Bẩy sáng thứ Tư, tôi sẽ đi làm buổi chiều.

Hôm sau tôi dậy thật sớm, từ 6 giờ, tôi đã có quán tính, nếu không làm thì thôi, nếu đã định làm thì đừng tiếc công, dù có thiệt thòi hay mệt nhọc hơn, tôi chấp nhận. Để đạt những điều mình muốn, để không than trách tiếc nuối bỏ lỡ công việc này do mình lười, lỗi chính do mình.

Tôi tính anh Bưởi có hẹn 10 giờ, có thể anh Bưởi từ nhà đi sớm từ 9 giờ, nhỡ đi việc khác nữa, anh rời nhà ngay 8 giờ sáng thì sao? Vậy phòng hờ cao, là 7 giờ tôi đã có mặt ở phía trước cửa nhà anh rồi.

Tôi đứng từ một chỗ xa, cách cái cửa lán mộc nơi anh Bưởi đang ở hơn 100 mét. Trong một chỗ khuất nẻo thuận tiện, để nếu anh Bưởi ra, tôi phải biết. Lấy một nắm cơm nếp đã từ hôm kia cô Xuân mang biếu thầy mẹ, chưa ăn hết trong túi. Miệng nhai miếng cơm nếp vừa cứng, vừa hơi có mùi, mắt nhìn lên bầu trời sớm mai của khu Đắc Lộ. Mãi phía Tây, phía có dòng sông Sài Gòn, hơn một chục con hải âu, hay vịt trời cứ vòng quanh chao đảo đuổi nhau, không hiểu chúng đùa vui, hay đang săn đuổi bắt những côn trùng trong không khí?

Mặt trời còn chưa bò dậy mà da trời đã như một cánh buồm xanh mát mắt, chỉ có ba cụm mây nhỏ trăng trắng, cảm tưởng như một bà tiên vừa bưng một rổ bông gòn đi qua để vương vãi. Nếu ở gần, tôi chẳng tiếc công, đến nhặt hết cho cái màu xanh dịu êm ấy, nó êm dịu hơn.

Mãi 9:15 anh Bưởi, mới xách chiếc xe đạp đàn ông (chắc mượn của anh chị chủ nhà) lò cò trong cổng đi ra. Tôi giữ một khoảng cách, tùy theo trên dưới hàng trăm mét, trong dòng người ngược xuôi mỗi lúc càng đông. Tôi không để mất ”con mồi” là anh Bưởi, và cũng không để anh Bưởi biết là tôi đang theo anh. Bất chợt tâm tư của tôi lại trở về với tháng Năm, tháng Sáu ở Thăng Long thành 1962. Tôi lại là ”con mồi” và thường có năm cái đuôi của phản gián cộng sản đi theo. Khác nhau hoàn toàn về ý nghĩa, bây giờ tôi lại đang dõi theo một đồng chí, một người bạn của tôi. Điệp viên về vườn, theo dõi một điệp viên hết thời. Vì muốn biết sự thật và cảnh giác cho bạn mình, cũng là cho mình. Từ hè của một ngôi nhà có cửa vòm phía gần rạp ciné Lê Lợi ngày xưa, tôi nhìn ra anh Bưởi đang ngồi một mình hút thuốc, trên chiếc ghế ciment ở công viên Quách Thị Trang. Từ 10 giờ kém 10, tinh thần tôi căng thẳng hơn vì điều tiết của mắt. Cả một hiện trường rộng với đầy người, xe cộ qua lại. Không những để ý người sẽ đến với anh Bưởi, mà còn phía sau và chung quanh người đó, từ những hiện tượng, thái độ để mình thẩm định.

Hai mươi phút sau, tức 10 giờ 10, một anh xích – lô, gác xe ở chỗ quán nước phía bên kia bùng binh, anh ta đội chiếc mũ vải tai bèo như nhiều xích – lô khác, che sụp gần kín mắt, thái độ quan sát của anh ta, tôi nghi có thể là đối tượng. Quả như rằng,

anh ta vượt những dòng xe để tiến sang bùng binh, mà anh Bưởi vẫn chưa thấy, nhưng anh ta đã nhận thấy anh Bưởi rồi.

Khi anh Bưởi đã nhận ra, anh ta ra hiệu tay để anh Bưởi theo, thái độ anh này rất tháo vát, nhanh nhẹn. Chừng 35, 36 tuổi, mặc chiếc quần short mầu vàng nhạt đã tã. Chiếc áo màu cứt ngựa, rách cụt cả hai tay. Họ đã theo nhau trở về đường Cách Mạng Tháng Tám, vào một quán nước chéo vườn Tao Đàn.

Nửa giờ sau hai người ra hè phố còn bắt tay nhau, một người ra xe đạp, một người đến xích lô và đi về hai ngả khác nhau. Người tôi cần biết là tên xích lô này sẽ đi về đâu, làm gì? Trước khi y rẽ về đường Võ Tành, y còn ngoái lại nhìn về phía sau, sợ có anh Bưởi theo.

Y lách vào mấy phố vắng rồi trở ra đại lộ Trần Hưng Đạo. Điều làm tôi càng đặt vấn đề, khi y đạp xe qua nhà thờ Huyện Sĩ có một bà dẫn tay một đứa nhỏ năm, sáu tuổi vẫy xích – lô, y đã xua tay từ chối. Cuối cùng, y đã đến một ngôi nhà sang trọng, ngay phía trái trước thành CA, nơi hơn ba tuần trước tôi phải đến trình diện, y lái tuột xích – lô vào trong sân. Tôi chờ đến 11:30 không thấy y ra, tôi phải về cơm nước và chuẩn bị đi làm chiều.

Trên đường về nhà, tôi chưa thể có một kết luận rõ ràng, phải sau giờ làm chiều lên nhà anh Bưởi gặp anh đã, nhưng tôi cũng hơi phân định được chiều hướng. Khả năng hãn hữu, nếu không nói là không có cái kiểu CIA lại đặt nơi liên lạc ở trước Thành công an của cộng sản. Kể cả phương châm: nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất. Vậy chỉ có thể của cộng sản mới hợp tình, hợp lý.

Chiều hôm đó, tôi gặp lại anh Bưởi, tôi muốn đến anh trước rồi về trình diện sau. Anh Bưởi đang hì hục hót đống mùn cưa (cưa máy) trong lán mộc. Tôi cũng loay hoay làm với anh để nói chuyện. Tinh thần thái độ anh Bưởi tỏ ra phấn chấn rõ rệt. Tôi hỏi anh đã gặp người xích lô lần trước hẹn chưa? v.v. . . Anh Bưởi tươi tỉnh trả lời là họ còn xem cả giấy ra trại nữa và tôi cũng đã nói sơ, gợi ý về Bình. Họ nói còn phải xin ý kiến, và dặn tuyệt đối không được mở rộng thêm. Tôi hỏi anh Bưởi một vài việc, cho sáng tỏ thêm như: Gặp họ có lâu không? Họ có mời ăn uống gì không? Phương cách đi như thế nào? và vào khoảng bao giờ? Còn chuyện cây vàng thì sao?

Tất cả anh Bưởi chỉ được biết lờ mờ, thường lấy chữ ” bí mật”, chờ, để trả lời nhiều vấn đề v.v. . . Tôi đã ngửi thấy cái hơi ngược hay xuôi rồi. Trước khi tôi có ý kiến, tôi vẫn hỏi để biết về sự tinh tế, của anh Bưởi:

– Anh Bưởi ơi: có lúc nào anh nghĩ đây là một đường dây của cộng sản? Và có khi nào anh thử lại chưa? Như thử một cái máy, xem còn tốt hay hư rồi ấy mà !

Anh Bưởi đã trả lời tôi một cách tin tưởng:

– Họ tư cách, đúng mực lắm !

Không do dự, tôi nói luôn, còn về. Gần đến giờ trình diện và còn sinh hoạt cá nhân:

– Bây giờ anh hãy nghe tôi, anh hãy tìm cách từ chối không giao thiệp nữa. Phần tôi, tôi nói rõ ràng, tôi sống đến bây giờ là vì bố mẹ tôi, bởi vậy tôi chẳng ra đi, khi bố mẹ tôi chưa "mãn phần ".

Thấy anh Bưởi mở to mắt nhìn tôi như không hiểu, tôi cầm tay anh Bưởi bóp nhẹ nói:

– Chiều nay sáu bẩy giờ tối, đến tôi. Rất cần đấy!

Từ lâu, anh Bưởi đã hiểu tôi, khi tôi nói như vậy là có việc cần nói thật.

Vội vàng đạp xe về tới nhà, tôi khẽ mở khóa vào nhà mà, thầy mẹ tôi không biết. Thầy tôi hôm nay chưa ăn cơm, và từ trong màn người cứ rên, nghe não ruột. Mẹ tôi đang lần mò ra chỗ ấm tích, tay sờ miệng chén để rót nước. Tôi cứ đứng yên theo dõi, một tay mẹ tôi cầm một viên thuốc, một tay cầm chén nước, chân chậm chạp tiến về phía giường thầy tôi. Nhưng người không có tay sờ, nên lại đi ra phía cửa để rồi xô vào chiếc xe đạp tôi dựng sát cửa sổ, rơi cả thuốc, đổ cả chén nước, tôi không nhanh tay đỡ ôm lấy người thì người đã ngã xuống nền nhà.

Mắt tôi lại mờ đi, ôm mẹ mà lòng tôi như quắt lại, vặn vò xót xa. Miệng tôi gọi mẹ chỉ còn thều thào. Tôi đỡ mẹ tôi đến giường thầy tôi, thầy tôi kêu đau bụng từ chiều, mẹ tôi đã mò mẫm kiếm được viên thuốc, rồi rót nước cố đưa đến cho thầy tôi. Cầm tay thầy, tôi còn hổn hển:

– Thầy đau ở đâu?

Thầy tôi không nói, mà chỉ run rẩy chỉ tay xuống bụng, tôi chỉ biết cho người uống thuốc, rồi xoa bụng cho người. Tôi vo gạo, gầy nồi cơm, nhìn trong chạn chỉ còn hai miếng đậu rán, lúc trưa còn lại, trong khi chờ cơm chín, tôi tranh thủ cầm sổ chạy sang cô CA Mỹ Lệ ở xóm trong.

Đi qua nhà bà Lân phía cuối nhà thờ, nhìn trên cái sạp bán những thứ lặt vặt của bà, một hũ cà ghém nén trắng phau, quyến rũ tôi đã từ lâu. Trình diện xong trở về phen này quyết tâm mua một đồng cà, để cho đời lên hương và thỏa lòng thèm muốn của mình. Cứ nghĩ đến câu: *Canh đay, chan đẫm... Quả cà cắn ngang* là nước miếng của tôi đã rỉ ra cuống họng rồi. Lần trước em Thu đã đút vào túi tôi mười đồng, hôm nay còn ba đồng trong túi, nên khi trở về tôi đã thực hiện được cái hạnh phúc đó. Tuy chưa tròn, chưa có canh rau đay, điều này phải chờ khi nào em Xuân hay em Thu, vì tôi chưa biết nấu, nhưng từ quan điểm: Hãy thích những cái gì mình đang có, lòng tôi vẫn thấy xởi lởi mang gói cà về.
Thầy tôi chắc đã đỡ đau, nằm im, mẹ tôi đã về giường, tôi trang trọng nhè nhẹ chuẩn bị một bữa cơm thịnh soạn, để cùng hưởng với thầy mẹ tôi.

Khi cơm đã đầy đủ trên chiếc bàn con góc nhà, tôi vào đỡ thầy tôi ngồi dậy, và dẫn thầy tôi xuống bếp đi tiểu với lời khích lệ:

– Hôm nay con thổi cơm rất dẻo, vì thầy đau bụng!

Tôi đã đỡ mẹ tôi ra ngồi một ghế, mẹ tôi hãy còn tinh tế thật! Tôi chưa nói gì thế mà cụ chỉ ngồi một tí đã hỏi:

– Tao ngửi thấy mùi cà ghém nén phải không?

Tôi đã vồ lấy hai tay cụ, trầm trồ:

– Mẹ của con giỏi lắm! Con vừa mua cà ở hiệu bà Lân.

Mâm cơm chỉ có đĩa đậu (hai miếng nhỏ) và một bát cà ghém nén, một bát con mắm tôm (không có chanh). Tôi đã có chủ định: hai miếng đậu để dành cho song thân, mỗi người một. Tôi đã có cà và thêm thắt chút mắm tôm.

Nghiệm ra rằng cứ hình dung, như những ngày còn ngồi trong xà- lim ở Hỏa Lò, hạnh phúc cuộc đời lại ùa về tràn ấp lòng tôi. Ngày ấy làm gì có cà ghém mắm tôm, làm gì có bát cơm đầy, và làm gì được ngồi với đấng sinh thành?

Tôi xin cảm tạ Chúa, cảm tạ cuộc đời thật nhiều, đã ban cho tôi niềm hạnh phúc này. Nhìn ba bát cơm còn khói bay lên, nhìn thầy tôi nhìn mẹ tôi, rồi tôi nhìn lên bàn thờ Chúa. Đức Mẹ Maria giang tay, nhìn gia đình tôi bằng đôi mắt bao la dịu hiền. Mẹ tôi làm dấu nguyện kinh theo thủ tục tôn giáo, tôi làm theo thủ tục gia đình là mời thầy, mời mẹ xơi cơm. Tôi đã gắp hai miếng đậu vào bát hai người, riêng mẹ tôi có thêm một quả cà .

Nhìn đôi mắt của mẹ tôi lòa hõm vào, nhưng khi người cắn quả cà, tôi cảm thấy nét hân hoan của mẹ tôi. Tôi phải xuống bếp lấy chiếc quạt nan, khi nãy nấu cơm tôi đã mang xuống, bây giờ nhìn mồ hôi đã lấm tấm trên mặt mẹ tôi, tôi phải quạt cho người.

Khi trở lại bát cơm của tôi lại có hai miếng đậu, tôi không muốn, mà nước mắt tôi cứ tràn ra, làm sao tôi ăn được hai miếng đậu này. Tôi gắp lại bát thầy mẹ, mà tay tôi còn run rẩy vì tấm lòng thương con, lồng lộng như đại dương của các người (bây giờ ngồi viết lại mấy dòng này mắt tôi lại mờ đi).

CHƯƠNG 25: LOẠI NGƯỜI BỆNH TÂM THẦN

Trong khi dọn dẹp, rửa chén bát, tôi chợt nhớ cái hẹn sáng mai thứ Bẩy với Hoàng Ngọc Quang. Tôi xin phép sơ lược về Quang:
Khi được ra khỏi tù về Nam, tôi có mang lén giúp mấy cái thư gửi cho gia đình, của mấy anh BK còn ở lại. Trong đó có một thư của anh Hoàng Ngọc Chính (anh là tu

xuất), anh ở trong toán Remus. Ra Bắc ngày 20-1-1965, địa bàn hoạt động tại Điện Biên, Lai Châu. Toán của anh gồm có bốn người:

1. Hoàng Ngọc Chính, Toán trưởng. Được về, năm 1984 vượt biên, mất tích. Cho tới nay (12/04), vẫn chưa có tin.

2. Nguyễn Văn Hiếu, đã đến Mỹ.

3. Nguyễn Văn Lực, Toán phó. Hiện ở Australia, Melboume

4. Trần Quang Toản, chết ở Atlanta. 4/1997, Ung thư phổi.

Lá thư của anh gửi cho người anh ruột ở khu Sơn Tây (sau bưu điện Chí Hòa). Tôi đã đến khu Sơn Tây, nhà của anh Thăng trong một khu xóm giữa những ruộng rau muống xanh tươi, phía sau đường Bắc Hải, Ông Tạ.

Đương nhiên nhà anh Thăng đều sinh sống bằng nghề trồng rau xanh, chung quanh nhà thờ Sơn Tây. Anh Thăng có mấy con trai, con gái, trong đó có người con trai là Hoàng Ngọc Quang. Quang khi ấy khoảng 26 – 27 tuổi đã tốt nghiệp Cử nhân Sư Phạm năm 1977. Vì tốt nghiệp ở chế độ mới nên Quang học tiếp, khi tôi gặp Quang đã là phó tiến sĩ (Master) đang là giảng viên phụ của một trường đại học bên Chợ Lớn.

Quang là cháu của Hoàng Ngọc Chính thì vai vế phải gọi tôi là chú. Phần vì tôi không vợ con, phần khác vì kiến thức và vì muốn tình thân tươi trẻ nên Quang và tôi đã coi nhau như anh em. Do hợp tính nên Quang và tôi thường đi chơi với nhau. Quang cũng đã sang nhà tôi nhiều lần, những ngày nghỉ hay những ngày cuối tuần, tôi và Quang hay lang thang đây đó bằng hai chiếc xe đạp, tuổi đời của chúng như nhau.

Tôi mến và quý Quang là một thanh niên có cái nhẫn nại và thông minh khác thường. Có những lần tôi và Quang đi trên đường Thống Nhất, gặp một đám thanh niên nam nữ 20 đến 25 tuổi, chúng đều cúi đầu lễ phép chào Quang và tôi, đó là những đám sinh viên mà Quang đã dậy. Trông thầy và trò lẫn lộn với nhau.

Quang mến và quý tôi là một người không may ở tù cộng sản khá lâu mất hết cái tuổi hoa mộng đẹp nhất của một đời người, như chú của Quang. Mấy hôm trước Quang sang tôi chơi, Quang nhìn cái sân con con ở bếp, gạch tung lên từng mảng.

Nhà bố mẹ tôi có người đàn ông nào, hay có ai đâu để trông nom. Tôi và Quang đều đồng ý ngày thứ Bẩy này, sẽ sửa sang lại cái sân 2×3 mét. Một bể nước mưa đã chiếm 2 mét vuông rồi, chỉ còn cái sân 4 mét vuông mà thôi.

Sáng thứ Bẩy, Quang sang sớm, tôi đã chuẩn bị vôi gạch, dụng cụ v.v. . . từ hôm qua. Tôi không hề biết về thợ nề, nhưng dưới chế độ ưu việt XHCN, cái chuyện "không có trâu, bắt nghé đi cầy" , là chuyện thường tình. Hai anh em hì hục, lóng ngóng thao tác, cũng phải hoàn thành cái sân. Có một chuyện tôi không thể không

nói: Trong khi tôi đang ngọ ngoạy lát gạch, cái vòi nước máy ở góc bể nước, cứ nhỏ giọt. Tôi quay lại Quang, đưa cái kìm con và chỉ vòi nước:

– Em cầm kìm này, vặn chặt lại cho anh, để nó khỏi ướt sân!

Quang vội vàng nhận cái kìm từ tay tôi. Tôi làm một lúc lâu, quay lại, nước vẫn nhỏ giọt như cũ. Quang cầm cái kìm cứ xoay ngược rồi xuôi, mở ra lại đóng vào, tay chân của Quang lóng nga, lóng ngóng làm tôi ngạc nhiên. Tôi phải đỡ cho Quang, vì thấy Quang tỏ ra khổ tâm quá, không làm được một việc nhỏ, như vậy.

Về lãnh vực học hành Quang là người thông minh ít ai bằng. Như thế đã cho tôi càng hiểu rõ: Không được coi thường bất cứ ai! Ngược lại cũng không quá trọng phục với bất cứ người nào. Mỗi người đều có ưu và khuyết, chỉ có mức độ ưu khuyết nhiều ít khác nhau, và loại ưu khuyết gì? Một ông Thạc sĩ, một nhà Bác học, thậm chí cả một nhà thông thái mà người đời thường ca tụng, họ cũng có nhiều khuyết điểm, nếu không nhìn thấy là vì chúng ta chưa tìm hiểu kỹ, hoặc không có điều kiện để chúng ta nhìn thấy mà thôi. Như thế cũng rõ ràng ngược lại, dù là một bác dân cày, một người thợ mỏ ở dưới hầm sâu, một người đạp xe xích – lô, một người nông dân ở nông thôn hay rừng núi, họ đều có những hiểu biết đặc biệt, nếu chúng ta chưa thấy thì cũng như trên của các nhà thông thái. Chúng ta chưa tìm hiểu kỹ, chưa có điều kiện để nhìn, để chứng kiến mà thôi.

Tóm lại: Tôi không dám coi thường bất cứ một ai, trừ nhân cách. Có những sự việc họ chậm hiểu thôi, nhưng rồi họ sẽ hiểu. Nói cách khác: Nếu ai nham hiểm, thủ đoạn, lừa lọc, miệng và lòng khác nhau, sớm muộn, chung quanh người ta sẽ biết. Ai hiền lành, không có ý hại ai, chân thật, có thể do những thế lực, do bè phái bị che đi, bị oan khuất nhưng rồi mọi người đều nhìn rõ bản chất sự việc, và con người.

Viết đến đây tôi lại chợt nhớ đến thuyết ”tương đối” của Albert Einstein. Thành ra, người này có hiểu biết hơn người kia là do hoàn cảnh, và điều kiện. Tôi lại chợt thót người lại, do hoàn cảnh và điều kiện nên hiểu biết hơn nhau. Có nghĩa người này hơn người kia rồi còn gì nữa? Như vậy, tôi lý luận loanh quanh, rồi tôi lại trở về điểm khởi đầu!

(Tôi hiểu thuyết Tương Đối của Albert Einstein là về vật lý, chuyển động của không gian 3 chiều, 4 chiều. Tôi thấy cũng có ý nghĩa trong xã hội và tư tướng của con người, cũng như thuyết Trung Dung của Đức Không Tử).

Thật nguy hiểm? Trong đời sống của chúng ta, hẳn mỗi người đã thấy, đã gặp một hay vài người. Do hoàn cảnh và điều kiện họ có nhiều hiểu biết về nhiều lãnh vực, chuyện ngược, chuyện xuôi, chuyện ngang, chuyện dọc. Nếu họ không có ý chí chế ngự mạnh, không có một đạo đức tâm linh, trong một lúc nào đó, chừng mực nào đó, những sự hiểu biết ấy, đã làm cho đầu óc người ấy quay cuồng, sùng sục trở thành bịnh tâm thần, hay khùng điên.

Nếu họ có quyền thế, họ sẽ làm ra những chuyện hàng trăm, hàng triệu người chết như: Tần Thủy Hoàng, Staline, Hitler, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và hiện nay là Kim Chính Nhật v.v. . . Giống như trong chuyện võ hiệp (của ông Kim Dung), cá biệt một vài cao thủ, họ thiếu điều hành bởi tâm linh, đạo đức nên những bí kíp cao siêu, kỵ nhau, hóa giải nhau rồi anh chàng cao thủ đó bị " tẩu hỏa nhập ma ".

Không được! Phải có sự nhiệm mầu, kỳ diệu trong cuộc đời ! Nghĩa là có một đấng tối cao như tạo hóa, điều hành mọi sự việc, tùy theo không gian, thời gian, dân tộc. Con người đẻ ra văn hóa, quan điểm khác nhau, nên có tôn giáo này, tôn giáo kia, chứ chỉ có một đấng uy quyền tối cao duy nhất. Như thế xã hội loài người bây giờ, và sau này mới yên lành, mới bớt loại khùng điên, tẩu hỏa nhập ma.

Đi làm cho tổ mành trúc, tuần thứ hai lại khất không trả lương, nên tôi chỉ làm vừa phải phất phơ. Đến nay đã gần hai tháng, mà vẫn không có gạo, cũng không có tiền. Hôm nay sửa chữa cái sân sau, cho mình, tôi mới làm cật lực. Bốn giờ chiều đã hoàn thành theo yêu cầu của chính chúng tôi, để rồi thầy tôi ra nhìn. Người đã nói một câu, quá kỳ lạ và đặc biệt đối với tôi:

– Con của thầy giỏi nhỉ!

Trí nhớ của thầy tôi đã lẫn lộn, nhưng người vẫn không quên hút thuốc lào, mỗi ngày ba điếu. Hôm nay, thầy tôi nhìn cái sân, người lại nói thế! Đó là một phần thưởng vô giá với tôi, như một hành trang thiêng liêng (thầy tôi đã mất) tôi sẽ mang theo trọn đời.

Khi tôi đi trình diện về, nhà tôi lại có khách, bà này đang ngồi nói chuyện với mẹ tôi , dáng mặt tôi đã nhìn thấy hai ba lần. Mẹ tôi bảo:

– Hôm con mới về, chính bà Chức này đi xe đạp sang gọi con Xuân đấy!

Tôi đã nói lên sự biết ơn của tôi:

– Bố mẹ của tôi, mù lòa già yếu, nhà lại neo người, chỉ biết nhờ xóm giềng, tôi xin biết ơn bà !

Bà Chức đôn hậu, hiền lành, bà gọi thầy mẹ tôi là hai cụ. Gia đình của bà, ở ngay phía sau nhà tôi, chỉ cách có một cái giếng.

Thằng Lợi đã hẹn từ một tuần trước, ngày mai chủ nhật tôi sẽ lên nhà của Lợi. Thằng Lợi đã cho tôi một tin bất ngờ, một nguồn hy vọng, từ khi về tôi chưa dám nghĩ tới. Nó đã bỏ tiền để chung với một người, bên cầu chữ Y để đóng hay mua, một chiếc thuyền vượt biên. Tính thằng Lợi tôi đã biết, nó đã chuẩn bị hàng tháng, hôm nay mới cho tôi biết . Nó đã nói rõ:

Trước đây nó không hoặc chưa nghĩ tới ra đi vì nhiều lý do, chính nó đã nói, nó ở lại để chơi với tụi này (cộng sản) về kinh tế. Nhưng tôi đã trở về, nói cho nó nhiều

chuyện về cộng sản. Những thủ đoạn sắt máu, lật lọng, nham hiểm của cộng sản từ ngày thành lập Đảng (3 – 2 – 1930) diễn tiến cho tới ngày nay. Tôi cũng nhấn mạnh: Tuy tao biết khả năng của mày, nhưng mày chơi với chúng về kinh tế, mà mày vẫn nằm trong sự kiềm tỏa của chúng thì rồi sớm muộn, cuối cùng mày sẽ thua.

Không những mất hết, mà còn nguy hiểm đến cả tính mạng nữa. Tôi đã đưa ra những dẫn chứng bằng người thực, việc thực từ thời Pháp, Nhật, chính phủ liên hiệp, Quốc gia, ngoài Bắc trong Nam v.v. . . Nó đã phải suy ngẫm và chắc nó đã chuyển đổi chủ trương, nên mới có quyết định ra đi .

Theo như kế hoạch dự trù của nó, chuyến đi sẽ vào khoảng đầu 1981. Vì tôi không có tiền, hơn nữa tôi mới ra tù, tôi có biết gì về Sài Gòn đâu? Cho nên tất cả mọi vấn đề đều mặc cho Lợi lo toan, tính toán. Tôi cũng chẳng có thời gian để đi tìm hiểu đây đó, vì phải đi làm mành trúc và trình diện CA hàng ngày.

Buổi chiều, từ trên thằng Lợi về tới nhà, thoáng trong nhà qua cửa sổ thấy một cậu bé 15- 16 tuổi đang loay hoay ở dưới bếp với mẹ tôi. Vào tới cửa, nghe thầy tôi nói ngắt quãng:

– Thằng..... Khanh! Thằng..... Khanh!

Tôi chả hiểu thằng Khanh nào, thì cậu nhỏ từ bếp đi lên, nó và tôi đều nhìn nhau trân trân, tôi hỏi ngập ngừng:

– Cháu là ai?

Nó chạy đến ôm chầm lấy tôi, miệng mếu máo:

– Bác Bình phải không? Bố mẹ cháu là Lý ạ !

Tôi chợt hiểu, càng ôm chặt rồi bế bổng, cháu Khanh lên! Miệng líu ríu:

– Cháu lên bao giờ?

Mẹ tôi cũng đang lò dò từ dưới bếp đi lên nhà. Sự việc sơ lược về người em trai duy nhất của tôi là... Công Lý: Vào khoảng cuối 1963, em tôi theo chúng bạn gia nhập binh chủng Thiên Thần Mũ Đỏ. Là một trung sĩ đã chiến đấu tung hoành ở nhiều vùng chiến thuật, để rồi cuối 1964 lấy vợ. Cuộc sống và di chuyển thế nào tới hội nghị Paris, em tôi đã mang cả gia đình về sống ở Hồng Ngự, thuộc tỉnh Đồng Tháp, tới cuối 1976, chăm chỉ làm nông nghiệp ở địa phương.

Hai vợ chồng đã có sáu mặt con, thằng Khanh là đứa con trai cả, năm nay đã 16 tuổi. Vào một đêm rằm trăng sáng, em Lý của tôi vẫn ngủ trong một căn nhà lá nhỏ, ở giữa cánh đồng để coi ruộng lúa. Em bị một tên trung đội trưởng du kích xã Tam Nông, bắn vỡ bọng đái chết khi đang ngủ. Do tư thù từ trước, bây giờ thời thế có súng trong tay, nên y đã hạ thủ, để trả thù.

Tôi ngồi nghe mẹ tôi và cháu Khanh thay nhau tường thuật lại người tôi cứ lịm dần, nhưng ngực của tôi nóng như có lửa đốt. Dựa lưng ghế, mặt tôi ngửa lên nhìn trần nhà, nhưng chả nhìn thấy cái gì, óc của tôi thì căng ra xoay lộn: Thằng Khanh khi ấy 12 tuổi, mẹ tôi đôi mắt đã lòa ngồi một chỗ, sự việc rất lơ mơ, chưa có gì rõ ràng cụ thể. Tôi sẽ thăm dò lại cô Xuân, cô hu và chính tôi sẽ lên Hồng Ngự, gặp vợ chú Lý với đàn cháu nhỏ, và phải thăm mộ người em trai duy nhất của tôi, (dù em tôi đã nằm yên ở trong mồ). Tôi được biết khái niệm, tên sát thủ đó chỉ bị bắt vài tháng, và hiện vẫn ngông nghênh sống ở địa phương, với nhiều thế lực.

CHƯƠNG 26: THĂM MỘ EM TRAI

Tôi hiểu sự việc này giải quyết phải có "điểm " và có "thời ", điểm "nút" lại chính ở nơi tôi. Tôi đang ở cái thế "trên đe, dưới búa" cả ngày lẫn đêm, vậy hãy "nuốt sâu" vùi lấp nó lại.
Trước mắt hãy đến mộ thăm em tôi một lần, không phải là không có nguy hiểm, nếu tôi không dự trù ứng đối chuẩn bị trước. Tôi chỉ có ngày thứ Bẩy và Chủ Nhật cuối tuần. Tôi viết tờ giấy báo cáo cho phường và CA khu vực: Thăm các cháu, thăm mộ người em, thăm bà chị con ông bác ruột v.v . . . Đi sáng thứ Bẩy, Chủ Nhật trở về.

Ông Trung úy Mậu ngoài phường chấp nhận, nhưng CA khu vực lại không đồng ý, vì thứ Bẩy đó tôi phải đi hót rác, dọn dẹp chung quanh khu vực chợ Nam Hòa. Cách một thứ Bẩy, phải đi lao động buổi sáng, do Mỹ Lệ đứng điều hành.

Tôi đã đề nghị, sẽ đi lao động vào thứ Bẩy tới, nét mặt cô "Ả" , cứ câng câng, lắc đầu không đồng ý ! Nhìn quả "cà ghém luộc" , lòng tôi hơi tiêng tiếc cái hôm " ả " mò lên căn gác vắng, của tôi! Tôi cứ đi, đâu có " ngán " gì, khi tôi đã có phường chấp thuận.

Xe đò đi Long Xuyên, Hồng Ngự chật như nêm cối. Đất nước tôi từ Bắc chí Nam đều khốn khổ như nhau. Từ xưa, trên sách báo tôi đã nghe, đã đọc về vựa lúa của đồng bằng sông Cửu Long. Đến nay, cái đồng bằng đó, đang ở ngay trước mặt tôi. Nó rộng và bằng phẳng đến nỗi đứng ở bên đường, tôi có thể nhìn thấy trái đất tròn.

Tôi hơi ngạc nhiên, nhìn trải dài ra cánh đồng ruộng lúa chín vàng, những làn sóng từng hàng lần lượt đuổi nhau nhấp nhô như sóng biển ngoài khơi, chỉ có khác là mầu xanh (của nước) và mầu vàng (của lúa). Trên chiếc xe chật, mùi "mồ hôi " lẫn vào mùi lúa chín, thành một cái mùi riêng biệt của Đồng Tháp. Để rồi sau này ở xứ Cờ Hoa, tôi ngửi thoáng thấy mùi giò lụa, tôi lại nhớ đến Đồng Tháp Mười ngày ấy.

Cả một cái vung khổng lồ mầu xanh lam của bầu trời, úp chụp lấy mầu vàng óng của lúa chín. Xa xa dưới chân, riềm là một vạch ngang, mầu xám xám của nhà cửa, cây cối. Ngoài miền Bắc, tôi chưa hề nhìn thấy cảnh này, cái vựa lúa vĩ đại của quê hương yêu dấu đã quấn, hằn vào tâm tưởng. Thật là lạ kỳ ! Sau này, khi tôi được may mắn chiêm ngưỡng bức tranh "Đất, Trời" của Van Gogh, trong bảo tàng viện thành Trier, dịp tôi đến thăm nhà lưu niệm của Karl Marx, bên Tây Đức 1992, hồn tôi lại trở về vựa lúa vĩ đại của dân tộc.

Xe chỉ đến Long Xuyên, từ Long Xuyên về Hồng Ngự phải đi bằng xe lôi, trên con đường huyện lồi lõm do phục vụ cuộc chiến lâu dài, đào xới, phá đường, chôn mìn v.v. .. Để rồi nắng mưa đã góp phần, làm cho con đường giờ đây như một cánh tay gầy, đầy ghẻ lở, hắc lào. Chiếc xe lôi nhún nhẩy lắc lư như lên đồng. Nét mặt bác tài xế hằn những vết nhăn trên trán, và quấn quanh miệng, môi bác mím lại, mỗi khi chiếc xe giằn xuống một ổ gà, như nói lên sự an phận, chịu đựng thân phận một người công dân của một chế độ "vì dân và do dân".

Ngôi nhà sàn thương yêu của em tôi, một nửa ghé ra mặt đường, một nửa nằm gác lên con sông Hồng Ngự đầy mầu mỡ phù sa. Con sông thật là rộng, nhìn sang phía bên kia bờ lau sậy, xa hàng hai ba trăm mét, thỉnh thoảng có những chiếc tàu nhỏ, hay ca- nô xì khói chạy ngược dòng vào phía trong hay ra phía ngoài. Nhìn thím Lý chừng 35-40 tuổi nhẫn nhục, ngồi võng đút cơm cho đứa con gái chừng bốn năm tuổi, nhìn ba bốn đứa con trai trần truồng đang nô đùa trên mặt sàn, nhìn căn nhà nửa gỗ, nửa tre, lợp tôn nó đã ôm ấp người em trai độc nhất của tôi bao nhiêu tháng ngày. Bây giờ nó vẫn trân quý nâng niu, những giọt máu còn để lại cho đời của đứa em. Tiếng nhóp nhép của sóng nước phía dưới sàn vẳng lên, tiếng ò e cọt kẹt của những rui mè trên mái như tiếng nỉ non thầm thì, của người em bạc mệnh:

– Anh ơi! Hãy thương đàn con của em!

Tôi quay ngoắt lại gọi tất cả các cháu lại cho tôi ôm từng đứa, và hỏi từng tên:

Hoài Khanh 16 tuổi, đã về Sài Gòn thăm ông bà nội và đón tôi, Chí Trung 12 tuổi, Chí Tuấn 1 tuổi, Chí Dũng 10 tuổi, Chí Bảo 8 tuổi, và cháu Hồng Trang 5 tuổi.

Như thế gồm 6 đứa, năm trai và một gái. Trừ thằng Khanh con cả, bốn đứa con trai sau đều lấy đệm là "Chí ". Kết hợp với tấm hình của tôi 1959 thấy trong cuốn album của chú Lý. Tấm hình tôi mặc sơ- mi trắng ngấn tay, chụp ở giai đoạn trong trại học sinh di cư Pavie Lamothe Phú Thọ. Lật phía sau tấm hình nét chữ riêng biệt của em Lý còn ghi: *"Đặng Chí Bình. Người anh đáng kính của mình!"*.Tôi không thể hiểu lời ghi chú trên của em tôi trong tình huống nào, vào giai đoạn nào. Vì ý nghĩa ấy, tôi đã lấy và in tấm hình đó ở tập I Thép Đen.
Từ tấm hình của tôi, đến lấy đệm "Chí " của tôi đặt cho các con của chú, đã như một dấu ấn trong lòng tôi. Trừ thằng Khanh, bác cháu đã có nhiều chuyện ở trên đường, tôi lục túi cho mỗi đứa một đồng, mua kẹo, bánh theo ý của mỗi đứa. Tôi cũng nói rõ với các cháu, tôi đi làm ba tháng nay không có gạo và cũng không tiền, tôi cũng xin lỗi các cháu, tôi xin lỗi cả thím Lý, đời các cháu lầm than nheo nhóc có phần của tôi góp vào.

Thím Lý nói một câu vẫn còn buộc túm trong lòng tôi:

– Nếu anh Lý biết anh còn sống trong tù ngoài Bắc, thì anh Lý đã ra Bắc rồi! Nếu anh Lý ra Bắc 1976 thì anh ấy lại không..." nói đến đây thím Lý nấc lên, không nói ra lời nữa. Lại chữ "nếu cái chữ mà một văn hào người Pháp đã dùng nó một cách điển

hình nhất: Chữ "nếu"có thể đút cả thành phố Paris vào một cái chai nhỏ (Avec un "si", on mettrait Paris en bouteille).
Lúc đó đã ba giờ chiều, trời tối sầm lại rồi chuyển gió lộng, con sông Hồng Ngự cũng bị đất trời làm nó ngứa ngáy dộp hết cả người. Người nó như khúc mình con rồng giương hết cả vẩy lên. Do hoàn cảnh và điều kiện, thằng Khanh sáng mai phải lên thị trấn Hồng Ngự, nó đang làm thuê cho một ông chủ "đít mới đỏ" do nhuộm sau 30-4-1975, nó đã xin nghỉ một tuần về Sài Gòn. Tôi, sáng mai cũng phải về lại Sài Gòn trình diện với CA khu vực Hôm nay đã "cương ẩu" với cô nàng mặt "quả cà ghém luộc" rồi. Vậy, dù cho có mưa gió bão bùng, bằng mọi giá, hôm nay phải ra đồng gặp người em của tôi. Tôi, thằng Khanh, Trung, ba bác cháu chạy đến một cửa hàng bách hóa mua nhang và nến. Trên đường, qua các cháu, tôi được biết tên "sát thủ" ở một xóm phía bên kia cũng, có một vợ và hai con. Tôi đã quan sát, qua những tình huống sinh hoạt, của dân trong vùng.

Tôi đã đưa giấy chấp nhận của Phường 6 cho tôi lên Hồng Ngự cho công an địa phương để ngủ lại đêm nay. Chính tôi luôn có một con mắt "cảnh giác", dù rằng tôi không có một chủ trương gì cả, nhưng chữ "ngờ" thì đã ai học được?

Trời có thể mưa to, hơn nữa thím Lý ở nhà với cháu Hồng Trang, nấu cơm. Tôi và tất cả năm đứa cháu trai lách lau sậy tiến về một nghĩa địa cách nhà gần hai cây số, cỏ dại mọc um tùm che khuất cả ngôi mộ. Tất cả sáu bác cháu cùng dọn sạch. Một con dao quắm tôi vùng vẫy, một ý nghĩ chợt đến tên "du kích" thật hèn! Hạ thủ một người đang ngủ, y sống kiếp của con rùa, con thỏ lén lút không những sợ ngay cái bóng của mình mà còn sợ cả ánh sáng. Là rùa, là thỏ mà có thời vẫn áo mũ nghênh ngang, xe mã; ngược lại tướng mà hết thời, thì cũng chỉ mòn mỏi chết dần.

Mùi cỏ dại bị phát, bị nhổ hăng lên trong gió, nó nồng nồng, hăng hăng, cái mùi chất phác, mộc mạc của máu xương tiền nhân quyện vào trong đất.

Một làn chớp nháng lên xanh lè cả nghĩa địa, rồi những tiếng ùng ục… ùng ục phía chân trời. Những đám mây đen vần vũ trên bầu trời sũng những nước, mấy đứa nhỏ lấm lét nhìn lên trời sợ mưa ở giữa cánh đồng, tôi muốn nói với thằng Khanh, Trung, Tuấn mấy đứa lớn:

– Các cháu hãy thắp nhang, đốt nến rồi bác cháu ta sẽ đọc một số kinh, cầu cho linh hồn bố các cháu? Bác cũng chẳng thuộc kinh nhiều, chúng ta hãy cầu nguyện giản đơn, điều quan trọng là phải có lòng thành.

Bất chợt một tiếng nổ như xé màng tang, ngay ở trên đầu, cả năm đứa đều ôm chầm lấy tôi. Các cháu nhỏ, như muốn tìm sự bảo vệ, chở che của một ông bác.

Nhìn ngôi mộ đất thấp lè tè của em Lý, tay tôi ôm và vỗ nhẹ các cháu, tôi như muốn nói: Bác của các cháu đã tài hèn sức mọn, lại không có thời, cũng đành tàn lụi dần theo vận nước, bác xin các cháu tha lỗi cho bác! Nhưng không thể thết ra thành lời.

Để xóa đi những nỗi niềm đầy vơi yếm thế trong lòng, tôi nhìn lên mây trời xám đen đang quay lộn, nói với các cháu:

– Bác hỏi cả năm cháu! Nếu bác cháu mình đang đọc kinh cho bố các cháu, trời có mưa to, gió lớn, bác cháu mình vẫn cương quyết đọc cho xong buổi kinh, các cháu có dám không?

– Chúng cháu "dám"! Không sợ trời mưa!

Mưa bắt đầu rơi, rồi như tháo cống, nước đổ xuống ầm ầm xối xả các cháu đã được khích lệ trang bị ý chí chịu đựng. Mưa rơi, mặc mưa rơi, bác cháu chúng tôi vẫn đọc kinh đều đều, mưa tầm tã rắc đổ lên đầu chúng tôi. Từng dòng nước chảy luồn vào cơ thể, thỉnh thoảng một đứa đưa tay lên vuốt mắt. Không biết chúng vuốt nước mưa hay nước mắt, khóc thương cho người bố hẩm hiu, nằm dưới mộ một mình đơn độc, cô liêu?.

Tiếng réo rột roạt của nước mưa chảy chung quanh, lẫn với tiếng mưa gió như giọng nói em Lý ngày nào:

– Anh ơi? Hãy cưu mang các con của em!

Bụng của tôi sôi lên ọ... ẹ như muốn nói : Nút đầu tiên phải cởi là anh ra được nước ngoài, em hãy hỗ trợ anh! Một tiếng sấm gào lên ở chân trời phía đông như lời khẳng định của em Lý :

– Lúc nào em cũng ở bên anh!

Trên đường bác cháu trở về, óc tôi vẫn vấn vít cảnh ngoài mộ chú Lý vừa qua, dù chỉ là những dòng hình dung, tướng tượng trong tâm tưởng nhưng có một sức thúc đẩy mãnh liệt trong lòng tôi, để thể hiện ra trong cuộc sống.

Sáu bác cháu về đến nhà, mưa vẫn còn rơi nhì nhẹt.Nhìn dòng Hồng Ngự cuộn đỏ phù sa, tôi rủ cả năm cháu nhào xuống vẫy vùng. Cháu Dũng và Bảo nhỏ nhất, cũng bơi lội ra trò. Hầu như những đứa nhỏ được sinh ra bên bờ sông nước, đều chẳng lạ gì lội với bơi. Từ dưới dòng nước, qua màn mưa thưa, trời lại sáng dần, tôi nhìn lên nhà em Lý, rõ ràng có hai người phụ nữ.

Một người chắc là thím Lý, còn người nữa là ai? Khi bác cháu vừa lên đến cửa thì "người ấy "đã chạy ra, cầm cả hai tay tôi, nói trong nước mắt đoanh tròng:

– Cậu Bình! Chị tưởng cậu đã chết rồi !

Tôi nghẹn ngào ôm chầm lấy chị, không nói ra lời, chị là chị Công, con của bác Hạnh là anh ruột của thầy tôi. Bác của tôi có ba người con, chị Công là cả, chí cùng tuổi với tôi. Thời 1945 chị xuống phố ở với bố mẹ tôi. Tháng ba Ất Dậu 1945, nạn đói khốc liệt của quê hương đã làm chết hơn hai triệu người, cả gia đình bác Hạnh ở trên quê đã

góp phần bốn người, chị Công ở dưới phố với bố mẹ tôi nên còn sống và chúng tôi đã gặp nhau hôm nay.

Tôi nhớ trước khi tôi ra Bắc chị đã có chồng, chị không có con, nhưng không rõ người chồng của chị ngày ấy là anh Ký bây giờ ra sao, tôi cũng lơ mơ không hỏi được để biết. Chỉ vì giai đoạn từ trại tù về miền Nam này tôi bị Công An Thành, CA Quận, CA Phường, CA khu phố và phòng Quản lý những người học tập cải tạo được tha về, ràng bố, ép đè vây hãm mê tơi. Không gạo, không tiền mà vẫn phải đi làm hàng ngày.

Một điều khi còn trong tù tôi thường thấp thỏm, nếu được về Nam, cần biết rõ: Sau khi tôi ra Bắc bị mất tích, bố mẹ tôi có được đền bù phần nào, do chính phủ VNCH hay không? Cho tới lúc tôi đang ngồi viết những dòng này, tôi cũng không hề có một manh mối nào giải đáp rõ ràng cho câu hỏi trên của tôi. Tôi muốn biết để cho niềm ẩn ức ở trong lòng đậy lại, hay xóa đi, chứ chuyện đó đã "over" rồi.

Chị Công, vùng này hiện nay Huyện Tam Nông Đồng Tháp gọi chị là bà Hai Bắc, ở một gian nhà tranh vách đất nhỏ với một đứa con gái nuôi tên là Ngọc (đầu 1981). Bữa ấy, bằng mọi giá chị Công bắt tôi phải đến nhà chị ngủ đêm và sẽ ăn một bữa cơm nghèo với chị. Nghĩa tình chị em và những kỷ niệm ngày ấu thơ, tôi đã làm theo lời chị.

Sau bữa cơm sáng với chị Công của tôi, một mình rong ruổi về Sài Gòn. Tiễn tôi ra đến cửa, chị Công còn cầm tay tôi như ngày còn bé:

– Cậu về có biết đường thăm hỏi ở các bến xe?

Vỗ vai chị tôi nói cười, như còn ngây thơ lắm:

– Chị quên rằng khi còn "bức màn sất"1962, chỉ một cái địa chỉ, một mình em đã mò mẫm tới chỗ em cần đến trong khi ở miền Nam giai đoạn ấy, đã biết gì bên trong " bức màn sắt ", kể cả CIA?

Về đến nhà, tôi thưa trình sự việc lên Hồng Ngự với thầy mẹ tôi xong, là đến gặp cô công an Mỹ Lệ ngay. Mặt của cô "ả" , đang có chút máu mặt, thoáng thấy tôi đẩy cửa vào, mặt ả lại xám đi để tỏ ra ta oai nghiêm mới càng giống quả "cà ghém luộc". Cô ả hạch sách, bất tôi phải viết bản kiểm điểm, tại sao đã không nghe lời CA? Tôi nói là tôi không sai, nên tôi không làm kiểm điểm.

Tuy vậy, sáng hôm sau tôi đã đến gặp tên trung úy Mậu, đã chấp thuận cho tôi đi Hồng Ngự để thăm mộ em trai, và các cháu nhỏ con của em trai. Tôi trình bầy lại sự việc, rồi chỉ khẽ chêm một câu:

– Từ trước tôi cứ tưởng CA khu vực, phải dưới quyền của Phường !

Tôi không hề có chủ trương gì, nhưng lại gặt hái được kết quả. Hai ngày sau, có một CA khu vực khác về thay cô Mỹ Lệ hắc búa, đó là Ngọc Anh.

CHƯƠNG 27: CÁI "CÕNG" CỦA QUẢN CHẾ

Cái mặt của cô CA mới, cũng vàng vàng xạm xạm, hình như toàn do từ thanh niên xung phong trong chiến tranh, ngớ ngẩn đã nghe lời thúc giục, khích lệ của những con cáo già cộng sản. Các cô các cậu đã xông vào rừng núi, nơi đèo heo, hút gió, nằm bờ, nằm bụi nơi ám khí của rừng già, mặt cô cậu nào cũng có vấn đề. Bây giờ Đảng trả công cho làm chức này, khung kia. Tôi cứ nhìn thấy nước da và cái mặt hơi rô rỗ của cô CA này là tôi lại nghĩ ngay đến cái "bánh xèo", nó cũng vàng vàng lom lõm sần sùi.
Tuy vậy cô Ngọc Anh này lời nói lại dịu và niềm nở một chút, không nhấm nhẳn, cộc cằn như cô Mỹ Lệ. Nhất là đôi mắt của cô Ngọc Anh, dù rằng lấp lánh ở giữa cái "bánh xèo" nhưng đôi con ngươi óng xanh, vo lại hơi ưỡn cong ra mỗi khi cô cười. Tối nay, tôi phải phóng xe sang thằng Lợi, không ngờ nó cũng đang cần gặp tôi, nó cho tôi biết chuyến đi sẽ vào đầu tháng một, như thế chỉ còn gần một tháng để chuẩn bị, nó yêu cầu tôi về chuẩn bị với gia đình, với khu phố. Phần tôi, tôi lo. Phần nó, nó lo. Phần chung, cuối tuần sẽ bàn bạc với tôi. Trên đường đạp xe về nhà, thấy giấc mơ có chiều hướng hiện thực, tôi suy nghĩ rất nhiều về bố mẹ già, ngổn ngang nhiều ngả: Đất nước, bố mẹ, cuộc đời, ba đối thể này cọ xát, giằng co, to nhỏ, nặng nhẹ cả mấy đêm ngày tôi trăn trở không yên. Đêm thứ ba, tôi trèo vào mùng mẹ tôi, bóp đầu, đấm lưng cho người, lựa trong câu chuyện rồi tôi tự than:

– Mẹ ơi! Chúng nó o-ép con quá, mẹ ạ !

Thực sự, tôi không muốn mẹ tôi buồn, nhưng lòng tôi rối quá! Thân tôi không đáng kể, nhưng vì bố mẹ tôi, tôi mới đứt ruột, nát lòng. Mẹ tôi sờ soạng lên đầu, lên cổ tôi, nói trong nghẹn ngào, đau đớn:

– Mẹ muốn con ra đi , nhưng mẹ không có... tiền !

Mẹ tôi đã nói ra điều tôi không thể mở miệng mấy ngày hôm nay. Hai mẹ con thầm thì bên nhau, cả buổi tối hôm ấy. Tôi không ngờ, người cũng buồn đã nhiều đêm ngày là mắt người đã lòa, người không còn khả năng lo tiền, vàng cho tôi đi. Người nói rõ, hiện nay con chỉ có một cách duy nhất là ra đi, ở lại chỉ là lặn lội trong bùn cả đời.

Từ năm, sáu tháng trước, sau một tuần tôi trở về người đã muốn bảo tôi phải ra đi, nhưng người lại không có điều kiện , người còn hiểu rõ, dù tôi có muốn ở lại hầu hạ cha mẹ già cũng không được. Cái loại tội của tôi, sớm muộn nó sẽ tìm cách bắt vào tù trở lại, nhìn không ra, thân vẫn khổ, mà cha mẹ cũng vẫn không phụng dưỡng được.

Nghe tiếng ho húng hắng của thầy tôi ở giường ngoài, tôi phải sang nói ý cho thầy tôi biết sơ, dự định ra đi của tôi. Tôi hiểu rằng thầy tôi tâm trí không còn sáng suốt

bình thường, người lại nói ra khi có người đến nhà. Tôi vén màn, thầy tôi vắt một tay lên trán, với dáng nằm suy tư, thầy tôi mở mắt nhìn, tôi khẽ hỏi:

– Hôm nay thầy có ngủ ngon không?

Thầy tôi giơ một tay như muốn ngồi dậy, tôi trèo lên giường, nhẹ đỡ thầy tôi dậy, cầm bàn tay nhăn nheo xương xẩu của người, tôi vuốt ve. Óc tôi liên tưởng đến ngày trước, cũng bàn tay gầy guộc, nhăn nheo này, thầy tôi đã biểu diễn những đường quyền Mai Hoa, có lúc dẻo cong uốn éo co như sợi lạt, lúc vùn vụt nhanh nhẹn như một con cắt chiến đấu với diều hâu, và cũng bàn tay này đã uốn nắn cho tôi đứng Chảo Mã Tấn, Đinh Tấn và Trung Bình Tấn trong bài Quý Châu Quyền.

Bé cậy cha, già cậy con!

Giờ đây thầy tôi đã già yếu, trông nhờ vào con phụng dưỡng đỡ đần, tôi đã trốn bỏ đi biệt gần hai chục năm. Bây giờ sống sót được trở về, lại định trốn đi nữa, một niềm xót xa quặn lòng tôi lại. Tôi ôm lấy thầy tôi, ghé sát vào tai người, nói như khẩn nài:

– Xin thầy tha tội cho con!

Chả hiểu thầy tôi có hiểu tôi nói gì không mà nước mắt của tôi cứ ràn rụa. Thầy tôi đặt nhẹ một tay lên vai tôi và cứ nhìn tôi trân trân như mất thần, tôi nói luôn, hơi ngập ngừng:

– Thầy ơi ? con phải ra...

Tự nhiên thầy tôi nhấc một cánh màn, rồi người chậm chạp cho chân xuống tìm dép. Nhanh nhẹn, tôi nhẩy xuống lấy đôi dép xỏ vào chân cho người. Thầy tôi tiến đến chiếc tủ cũ từ ngày tôi ra Bắc, lúi húi một lúc, thầy tôi lấy ra chiếc túi con vải đen, người lôi ra một chiếc đồng hồ đeo tay đưa cho tôi, miệng người thều thào:

– Con... phải... đi!

Tay tôi cầm chiếc đồng hồ, nhưng đầu óc tôi băn khoăn: Người nói thế là người đã hiểu, câu tôi nói dở dang trên với người? Tôi cầm chiếc đồng hồ Seiko 5 của Nhật vào giường trong hỏi mẹ. Mẹ tôi mỉm cười, mặt người rất tươi, tay mân mê chiếc đồng hồ tôi vừa đưa:

– Chiếc đồng hồ này của thằng Lý mua cho thầy, ngày nó còn sống! Bố mày giữ kỹ lắm, chỉ đeo có mấy lần.

Tôi vừa đeo chiếc đồng hồ vào tay, vừa tâm niệm: Tôi sẽ giữ chiếc đồng hồ này theo khả năng, nó là một ” di bảo” của bố mình.

Hôm nay tôi phải mang sổ gia đình và tem phiếu ra phường xếp hàng, để mua gạo và bo bo cho bố mẹ tôi. Gần 11 giờ trưa, tôi mới ôm một túi, mười ký gạo và tám ký bo bo về tới nhà, đó là tiêu chuẩn tem phiếu một tháng, của bố mẹ tôi. Các cụ già không có răng móm mém không nhai được bo bo, giá bo bo đổi ngay chỗ người xếp hàng: cứ 3 bo bo lấy một gạo. Trong tù tôi đã ăn bo bo nhiều, chỉ không biết nấu. Chưa biết, thì hôm nay tôi phải biết. Nhà lại hết củi, tôi chạy ra chợ mua hai đồng củi, được hai bó củi nho nhỏ. Lần mò trong chợ Nam Hòa, tôi mua năm hào đậu "cô – ve" về luộc dừ cho thầy mẹ tôi. Nhìn thấy một bà bán một thúng con cà ghém, tôi đã có chủ định, sẽ có một ngày tôi thực hiện được một món ăn sở thích của mẹ tôi. Món người thích ăn nhất, hai tháng trước cô Thu đã nấu cho mẹ tôi: Thịt ba chỉ xào cháy cạnh, nấu với cà ghém, cà chua, phải có lá tía tô, hơn hai tháng rồi, tôi biết mẹ tôi thèm lắm. Món ăn sở thích của thầy tôi cũng thật khác thường, người thích nhất là món đường phên. Ngày nào cũng vậy, sau bữa cơm chiều, ăn một cục đường phên, hút một điếu thuốc lào, là người vào trong màn yên vị.

Hôm lên Hồng Ngự, chị Công đã đút vào túi của tôi sáu chục, tiền xe cộ, cho đến nay trong túi còn 32 đồng. Từ nãy đến giờ tôi đi qua một hàng cá, nhìn một con cá rô biển nằm phây phây, dù đã chết rồi. Tôi cứ lượn đi, lượn lại hai lần rồi, tay đã đút vào túi lấy gân để tiến vào, nhưng rồi lại quay ra, xin hẹn một ngày khác. Hôm nay tôi đã mua một ký đường phên, món "ruột" của thầy tôi rồi.

Về nhà, sau khi gầy nồi cơm cho thầy mẹ, tôi lấy một kí bo bo để hầm cho tôi cả hai bữa. Khiếp thật, riêng nồi bo bo hơn một giờ rồi mà hãy còn cứng, đã mất tiêu một bó củi rồi. Sáng nay, tôi chỉ xin phép nghỉ được nửa buổi để xếp hàng mua gạo cho bố mẹ. Vừa dọn cơm xong cho thầy mẹ tôi, tôi chỉ xúc vội được một túi "bo bo" vừa dọn cơm vừa nhai. Và bây giờ, tôi xách cả cái túi con bo bo để vừa đi vừa thưởng thức, trên đường đến tổ mành trúc.

Đã hẹn với cô Thu từ tuần trước, sáng thứ Bẩy này, khi tôi đi lao động XHCN với cô CA khu vực Ngọc Anh xong, là đi liền với cô Thu vào nhà giam Chí Hòa để thăm chú Hoàng, chồng cô Thu. Tôi chưa hề biết mặt, cả tình, cả nghĩa và vì em gái của mình, tôi phải vào thăm chú ấy một lần, dù rằng thời gian của tôi ở ngoài, còn khắt khe hơn nhiều lần trong tù. Trong tù chỉ có kém cảnh tôi hiện nay là không được đi lại mà thôi, tinh thần không bị căng thẳng hàng ngày, hàng đêm như tôi.

Ngày Chủ Nhật phải lên thằng Lợi để đi vào cụ thể, những nét chính của chuyến đi. Đúng 5 giờ 10 phút tôi về gần đến nhà, tiếng mẹ tôi gào thét, tôi vừa mở cửa đã nghe mẹ tôi la to:

– Tao mù lòa già yếu, bố thì lẩm cẩm gần tám chục tuổi, mà nó còn về ăn bám!

Phía nhà ông Tấn mở cửa ra nhìn, nhà bà Cần, bà Tường cũng ra ngó nhìn tôi. Tôi ra ngoài đứng dựa vào cửa, mặt rầu rầu. Tôi và mẹ tôi đã chuẩn bị ăn ý, thỉnh thoảng người sẽ gào thét la mắng tôi: Bốn mươi mấy tuổi rồi mà không nuôi nổi thân, còn về ăn bám cha mẹ mù lòa già yếu v.v. . . để xóm giềng có ý niệm sau này.

Mẹ tôi gào, mắng làm như thật, tôi phải vào ôm lấy cụ, nói nhỏ: Vừa thôi kẻo mẹ mệt, lại bệnh thì con còn khổ nữa, thậm chí, tôi còn phải ghé tai cụ:

– Đủ rồi, để hôm khác!

Cả ông Trùm Lộc, tổ trưởng khu phố cũng mò đến khuyên răn mẹ tôi, tôi ra trước cửa ngồi dựa tường thiểu não. Thoáng bóng cả cô ả Ngọc Anh từ xa, tôi vờ gục đầu như không biết, nghe rõ tiếng hỏi của Ngọc Anh với ông Thanh hàng xóm, và rồi tiếng ông cụ Thanh trả lời:

– Bà cụ chửi bới anh cu Bình, còn về ăn bám bố mẹ già !

Tôi ngửng lên đứng dậy vào nhà, còn nhìn thấy đôi mắt nâu rười rượi chia xẻ nỗi niềm, của tên áo vàng khu vực. Cả một buổi tối cứ trằn trọc, hết trở mình bên này, lại trở mình bên kia, tôi nằm mãi mà không ngủ được. Cuộc đời, đất nước, cha mẹ, để rồi thiếp đi trong giấc ngủ muộn, nhiều khắc khoải. Bỗng có tiếng đập thình thình vào cửa, tôi bò nhổm dậy, xuống dưới nhà.

Tiếng đập cửa hãy còn rầm rầm, ánh đèn pin từ các cửa sổ, chiếu vào trong nhà loang loáng. Thầy mẹ tôi đều đã dậy. Khi tôi mở được cửa, hai ba người đẩy tôi ra, xông vào trong nhà. Người chạy xuống bếp, người leo lên gác, họ sục sạo như bắt giặc. Tôi bật được đèn lên, toàn là những người tôi chưa hề thấy bao giờ. Một tên đeo lon thượng úy cứ nhìn tôi chằm chằm. Thầy tôi đã vén màn thò đầu ra, miệng người cứ lảm nhảm:

– Lậy Chúa tôi!.....Lậy ....Chúa .... Tôi!

Mẹ tôi vẫn trong màn rên rỉ:

– Con xin... phó linh hồn...

Nhìn đồng hồ mới hơn một giờ, tên thượng úy chiếu đèn pin vào mặt tôi, hỏi gằn giọng:

– Tên Mẫn CIA đâu?

Tôi ngơ ngác, chẳng hiểu tên Mẫn nào! Tôi chợt nghĩ: Có thể đây là công an Thành hay Quận. Họ nghi ngờ nhà tôi có tên Mẫn CIA nào đó! Tôi cũng nhìn thẳng vào tên Thượng úy. Tôi định nói: “tôi đang để nó trong túi, của tôi đây này”! Nhưng tôi đã từ tốn trả lời:

– Tôi không biết tên Mẫn nào cả.

Bây giờ mới thấy ông Trùm Lộc, tổ trưởng khu phố và cô Ngọc Anh công an khu vực, đẩy cửa bước vào. Cô ả Ngọc Anh tiến đến trước tên Thượng úy ỏn ẻn:

– Báo cáo thủ trướng...

Tên Thượng úy, hất chiếc đèn bấm cầm tay:

– Đồng chí đi ra ngoài!

Cô ả, vác cái mặt tiu nghỉu đi ra. Ông Trùm Lộc, mặt cũng rầu rầu như tôi, nghiêng đầu như chào, rồi cũng đi ra. Hai tên côn đồ hất tung cả mùng, màn của thầy mẹ tôi lên, trong khi các người vẫn rên rỉ, ngồi cóm róm trong một góc giường. Thoáng bên ngoài, còn nhiều tên áo vàng nữa.

Tôi mới về nhà được hơn bốn tháng, mà đã ba lần công an vào khám xét nhà ban đêm. Buổi tối lên nhà Lợi, tôi kể lại cảnh khám đêm qua. Thằng Lợi nghe tôi kể, mặt nó cứ đỏ dần lên, nói gầm gừ:

– Phát xít Nhật, cũng không như thế!

Còn chị Lợi cứ nói, vẻ băn khoăn:

– Sao bây giờ... họ lại ác ôn như vậy?

Phải rồi... Họ hàng gia đình chị đều ở phía "bên kia", thằng Lợi đã nói với tôi trước đây.

Sau khi chuyện trò chung chung xong, tôi và Lợi đã lên gác vào một căn buồng trống, tôi đã ngủ nhiều lần những ngày cuối tuần. Tôi được biết chuyến đi đã được quyết định đêm 14-01- 1981 . Con gái lớn của thằng Lợi, 17 tuổi là Nguyễn Thị Mỹ Linh, và cả ba con trai của nó, cùng đi chuyến này. Riêng một mình chị Lợi ở lại để phòng hờ, chuyến đi không thành. Hơn nữa có người để giữ cái nhà. Vả lại chị Lợi họ hàng, thân nhân đều theo Cách Mạng từ trước 1975.

Theo thằng Lợi, chiếc ghe này chung hai phía, phía bên kia và phía thằng Lợi. Hai bên đã thỏa thuận, mỗi phía được rước thêm bao nhiêu khách. Những quy định gặp nhau ở đâu, nơi đón, nơi nằm ếm chờ tuyến đường, thời gian, đều đã được quy ước rõ ràng rồi. Chuyến này cũng có hai đứa con lớn của vợ chồng thằng Đạt, là Thu Thủy 17 tuổi và Thắng 16 tuổi. Biết có cả Lợi và tôi đi nên Đạt cho hai đứa con đi theo như gửi gấm.

CHƯƠNG 28: ĐÔI BẠN NGÀY NAY

Thằng Lợi không có thời gian để trực tiếp điều hành, chuẩn bị cho chuyến đi, cũng như con thuyền, nên về tài chánh đều do phía thằng Lợi đảm nhận.
Riêng về phía tôi, vợ chồng Lợi đã căn dặn kỹ càng, chi tiết: "Nếu chuyến đi trót lọt thì không nói làm gì, trường hợp bị bể, bị bắt, tôi sẽ đóng vai của thằng Lợi. Tôi đã rõ về đời thằng Lợi, cả gia đình con cái, vợ của nó. Cho nên, nếu tàu bị bắt thì sẽ là

thằng Lợi bằng xương, bằng thịt. Điều này đều đã được dặn dò sơ qua, cho những người quen biết Lợi, trong chuyến đi. Theo anh chị Lợi:

Tôi là một người nguy hiểm. Nếu, lại rơi vào tay Việt Cộng thì chắc chắn được về lòng đất sớm, là may. Nếu sống, về chậm bao lâu, thì bị hành hạ khổ cực bấy lâu, rồi cũng chết trong khổ đau. Cho nên, còn trong giai đoạn VC chưa nắm hoàn toàn ngóc ngách ở miền Nam, tôi đóng vai là thằng Lợi mới được. Còn về thằng Lợi, nó đã là thổ địa mảnh đất này, chỗ nào nó chui cũng được Nó còn đập tay vào vai tôi, nói đùa bỡn như, không có chuyện gì:

– Tao biết, mày thừa tài để đóng đạt vai trò !

Lòng tôi thì lịm đi, vì xúc động! Tôi hình dung, nếu tôi bị bắt ở trong trại giam, chị Lợi sẽ vào để tiếp tế thăm hỏi chồng mình. Để công an khỏi nghi ngờ, tôi và chị Lợi phải như thế nào, trước mặt CA? Thế nào với các con tôi: Mỹ Linh, Hữu Lực, Hữu Lượng và Hữu Luyện? v.v. . .Tôi nhìn đăm đăm vào mặt thằng Lợi, nó cũng chằm chằm nhìn tôi. Dưới ánh điện, tôi còn nhìn rõ con ngươi của nó hôm nay, dài ra như hình trái xoan.

Đôi con ngươi ấy có mầu xanh của nước biển, thỉnh thoảng lại lóe sáng. Cái mầu xanh biển khơi này, là cái mầu của thủy chung. Dù có giông tố, bão bùng thì vẫn trước sau như một, muôn đời vẫn là mầu xanh. Tôi nhìn qua cửa sổ, dù trời đã tối đen, nhưng tôi vẫn biết trong cái đen tối mênh mông vô cùng đó, có một đấng thượng đế tối cao uy quyền. Tôi như muốn quỳ xuống để cảm tạ Người, đã ban cho tôi một người bạn, đã cho tôi được hưởng những nghĩa tình bao la như đại dương của bạn bè. Óc tôi liên tướng đến đôi bạn ngày xưa: Lưu Bình, Dương Lễ, và một đôi bạn ngày nay, trong một môi trường: tình người hình như đã cạn khô. Tôi nhớ lại hai ba tháng trước, có lần thứ Bẩy, Chủ Nhật tôi đến nhà Lợi, chị Lợi đã ngần ngừ hỏi tôi, như sợ tôi từ chối:

– Anh Bình có thể giúp tôi, một việc được không?

Nhìn thằng Lợi, rồi vừa cười, tôi vừa nói:

– Chị làm cái gì mà quan trọng thế! Cái gì tôi làm được thì chị cứ nói.

Chị Lợi vào buồng xách ra hai cái túi xách, để trước mặt tôi:

– Tôi còn nhiều việc quá! Tiền họ đóng hụi cho tôi hàng tuần nay, hơn một chục bát "hụi". Tôi còn để lung tung, nhờ anh sắp xếp lại, loại nào ra loại ấy, rồi anh cũng đếm dùm, anh ghi ra giấy rõ ràng, cho tôi nhé ! Cám ơn anh trước!

Vợ chồng Lợi còn nhờ tôi trông luôn nhà, hai vợ chồng phải đi có việc Giấy 50 đồng, 20 đồng, 10 đồng, 5 đồng, 1 đồng lộn tùng phèo, đầy hai cái túi xách bằng nhựa. Một mình tôi làm gần 3 giờ đồng hồ, trong khi đời sống của tôi khi ấy, 10 đồng đã là một vấn đề không nhỏ, tôi vừa sắp tiền, đầu óc tôi miên man. Trước hết tôi phải xin

cám ơn tấm lòng biết người, của vợ chồng Lợi, đã tin tưởng một người bạn. Phần tôi tự hiểu, phải hành xử sao cho xứng đáng với vợ chồng nó. Tôi nghĩ một câu, không nhớ rõ của vị nào; Chỉ những người có tâm hồn, mới được hưởng những ân tình tâm hồn. Không có tâm hồn của Roméo, thì cũng không có tâm hồn của Juliette.

Cứ đi tìm thì chả bao giờ thấy, dù nó ở ngay chung quanh mình .

Xin trở lại những chuẩn bị của chuyến đi.

Tôi về đến khu Ông Tạ đã 9 giờ 30 tối. Khi vào đến cổng xứ Nam Hòa, dưới ánh đèn điện mập mờ sáng tối, một hình ảnh vẫn ghi vào tiềm thức dịu dàng, lâng lâng của tôi. Thầy tôi chống gậy đầu tóc bạc phơ, đang cầm tay dẫn mẹ tôi 72 tuổi mù lòa, đi phía sau. Hình ảnh một ông cụ đầu bạc, dẫn dắt một bà cụ mù lòa. Cả khu vực ấy: Nam Hòa, Nghĩa Hòa, Sơn Tây và khu Thánh Tâm, hình như nhiều người nhìn thấy hơn một lần.

Tôi đã đến thay thầy tôi dẫn mẹ tôi về nhà, tôi cũng băn khoăn hỏi mẹ tôi:

– Sao hôm nay, thầy mẹ về chầu muộn thế?

Mẹ tôi nói rất nhỏ, nhưng tôi vẫn nghe rõ:

– Cha Bình (giống tên tôi), hôm nay người giảng thêm về: “tình thương yêu, đùm bọc giữa người với người “.

Tôi cũng nói luôn với mẹ tôi là đêm 14-1 này tôi sẽ ra đi. Mẹ tôi, đem cả hai tay nắm chặt tay tôi như muốn giữ lại, nhưng miệng người lại nói:

– Mẹ vẫn hàng ngày, cầu khấn Chúa và Đức Mẹ Maria cho con !

Về nhà cơm nước xong là tôi lên gác ngủ, khoảng 11 giờ tôi đã ngủ được đâu, nghe tiếng mẹ tôi vọng lên:

– Thằng Bình đã ngủ chưa con?

Bật dậy, tôi vừa xuống gác vừa thưa khe khẽ, sợ phá giấc ngủ của thầy tôi. Tôi vào ngồi bên người, cũng thì thào:

– Sao mẹ chưa ngủ?

Người không nói gì, người sờ tìm tay tôi, rồi người giúi vào tay tôi, một cái khăn tay nhỏ, người cũng thì thào:

– Con hãy giữ kỹ để phòng thân !

Tôi khẽ bước xuống, ra mé cửa sổ có ánh sáng đèn đường chiếu vào, có 2 tờ giấy 50 đồng và hai chiếc nhẫn vàng, mỗi chiếc một chỉ đã móp méo. Tôi hiểu mẹ tôi lòa đã 16 năm rồi, người không có tiền, chắc rằng do các em tôi dấm dúi biếu mẹ, mẹ tôi đã dành dụm, chắt chiu để " thủ ". Bây giờ vì con, mẹ tôi có tiếc gì? Nước mắt của tôi đã dàn ra, nhưng mẹ tôi làm sao mà nhìn thấy! Hai chỉ vàng, một trăm bạc với lúc có, thì không là gì, nhưng trong lúc này! Tôi gói cả lại, ngửa bàn tay của người, rồi đặt lên, tôi nói trong nước mắt:

– Xin mẹ tha tội cho con! Con bất tài, trở thành con bất hiếu!

Để cho mẹ già yên lòng, tôi bóp nhẹ tay người nói thêm:

– Thân con xoay xở được! Mẹ hãy giữ lấy phòng hờ cho thầy mẹ!

Chỉ còn bốn ngày nữa, ngày ra đi càng đến gần, nhiều việc càng dồn dập, tôi đã sang chú Tuất + Xuân. Tôi đã đi với cô Thu vào Chí Hòa thăm chú Hoàng, tôi đều đã nói với các cô chú ấy chuyến đi của tôi và nhắc nhở hãy thay tôi trông nom cha mẹ mù lòa già yếu. Những ước vọng của chuyến đi của tôi có ba tình huống:

Đẹp nhất. Đi đến nơi mình mong muốn, chuyến đi trót lọt.

Điều thứ nhì là sẽ chết ở biển khơi, tôi vui lòng từ giã cuộc đời này.

Điều thứ ba là điều xấu nhất, điều bất hạnh nhất là bị bắt.

Sáng nay thứ Bẩy là ngày tôi phải ra chợ Nam Hòa, lao động xã hội chủ nghĩa. Ngoài hai người đã có từ những tuần trước, là cậu Từ sĩ quan Hải quân và cậu Quý chuẩn úy Thủ Đức, hôm nay có thêm hai anh nữa. Hai anh này đầu cũng đã điểm sương. Mới sáng sớm, năm anh chàng của VNCH bị một cô CA áo vàng, chỉ huy sai bảo "tóe phở , móc lỗ cống này, quét con đường kia, dọn đống rác kia, khênh cái sạp này v.v. . . Bao nhiêu bà con qua lại chợ búa, họ đều nhìn với những nét mặt trầm tư, những đôi mắt cảm thông với những người đã chiến bại.

Riêng tôi, vừa làm vừa ngắm nhìn từng căn nhà góc phố, từng chiếc lều, từng gian hàng của ngôi chợ, tiếng chuông lanh lảnh, thánh thót của nhà thờ Nam Hòa. Tất cả là quê hương, là ruột thịt của tôi, tôi sắp phải lìa bỏ, từ giã để ra đi đến một phương trời chưa biết.

Cô Ngọc Anh nhìn tôi hôm nay, tôi cảm thấy có một chút lạ thường. Cũng khuôn mặt chiếc bánh "xèo" vừa lửa, vàng ươm ánh lên nét mời mọc, tôi nhìn cô như muốn nói "cảm ơn" tối hôm qua tôi trình diện xin chữ ký của cô. Được thỏa thuận của bốn anh kia, tôi đề nghị hôm nay lao động sớm hơn một giờ, từ 7 đến 11 giờ thay vì trước đây 8 – 12 giờ. Cô đã nhìn tôi đăm đăm và gật đầu. Ngoài ra như tôi muốn ghé vào tai cô thì thào: "Hôm nay lần cuối, xin giã biệt cô bánh "xèo" nhé !"

Vì đã hẹn trước với thằng Lợi, vừa dứt điểm LĐXHCN, tôi "nhót" lên yên chiếc xe đạp phóng về khu Thanh Đa, cầu Kinh. Trước ngày đi, gặp nhau để xác định mấy điều quy định.

Hôm nay thằng Lợi có việc phải sang cầu ông Lãnh, chiều mới về, nó bảo tôi phải chờ nó về ! Tôi rủ cháu Lượng và cháu Luyện ra cầu Kinh chơi, mấy chú cháu vui đùa bên ven bờ dòng sông. Nhìn con sông nước chảy hiền hòa, với những khóm dừa nằm ngả bóng hai bên bờ. Xa xa mãi sâu phía trái tôi nhìn rõ, những trái chôm chôm và mãng cầu, dòng liên tưởng của tôi một thoáng giật lùi lại hơn hai mươi năm trước ở Lái Thiêu Bình Dương, với những ngày cuối tuần đầy hoa mộng thời niên thiếu cắp sách đến trường. Tôi quay lại hỏi hai cháu, tay chỉ về phía những chòm cây xanh um:

– Các cháu có thích đến xem vườn chôm chôm đó không?

Cả hai đứa đều hớn hở ra mặt, thằng Lượng dõng dạc:

– Chúng cháu thích lắm chứ! Bố cháu không chịu dẫn chúng cháu đi!

Vừa đi tôi vừa nói, như vui đùa:

– Bố các cháu là người ham việc, còn chú lại ham chơi, nên mới không có tiền !

Đến gần vườn trái cây, nhìn rõ toàn bộ có một vẻ không có người chăm bón, một vài cành cây gẫy, thậm chí có một cây mận (roi) đã đổ nằm ngang lối đi. Đây đó cỏ đã trườn ra nhiều khoảnh, một ông già quấn khăn rằn, nằm hút thuốc rê phì phèo trên một chiếc võng đang đu đưa. Một căn nhà hai gian, vách gỗ lợp ngói úp, ở sâu mãi giữa vườn. Chú cháu dõi theo tiếng con chim chèo bẻo đang chuyền cành, thỉnh thoảng lại kêu lên hai tiếng: u... tí... u... tí... Càng gần đến chiếc võng của ông già chừng ngoài sáu mươi, tôi hơi nghiêng mình nhã nhặn chào, khi thấy ông già quay ra:

– Thưa bác nằm nghỉ trưa?

Mặt ông già đang tươi tỉnh, nghiêm hẳn lại rồi tỏ ra lạnh lùng:

– Ừa.....ừa.....?

Hơi ngạc nhiên, nên tôi hỏi tiếp:

– Vườn trái cây của bác, hình như không có người chăm sóc?

Ông già nhỏm hẳn người, ngồi dậy. Nói như phì ra từ một niềm ẩn ức ở trong lòng:

– Vườn cây của người ta như ni, lại bắt gộp vào làm hợp tác xã Hai năm nay, tôi không mần nữa!

Để xem lòng dân miền Nam, tôi nói mà như hỏi:

– Các bác nông gia không đồng ý, sao không biểu tình phản đối?

Ông già bỏ cả hai chân xuống dép, đứng hẳn lên:

– Chế độ cũ thì mới biểu tình được, chứ chế độ này có cho biểu tình đâu! Xã này đã bẩy người bị bắt rồi!

Thấy hay hay, tôi chân thành nói thực về tôi:

– Cháu mới ở tù ngoài Bắc về, nên nhiều điều không biết, hôm nay chỉ vì theo tiếng hót của một con chim nên lạc vào vườn, để gặp bác.

Ông già đổi thái độ ngay, ông nói lẹ mà như rống lên:

– Chèng đéc ơi! Tôi tưởng cậu là cán bộ cỡ của miền Bắc chứ! Cậu nói tiếng Bắc ” rặt “!

Ông già kẻo tay tôi, rồi nhìn hai cháu Lượng, Luyện:

– Con của cậu đấy hả?

– Dạ, con của người bạn! Cháu chưa có gia đình!

Thế là ông già lại thắc mắc: “Trông đã bốn mươi mấy rồi, sao lại chưa có vợ?“. Cứ chuyện này lại ra chuyện kia, để rồi ông già tên là Huỳnh Đức kéo tay tôi vào nhà giới thiệu bà vợ, cũng hiền hậu, ông Huỳnh Đức cũng nói thực:

– Trước 1975, năm ông đã che giấu nhiều cán bộ cộng sản , ông có hai đứa con trai đã theo vào bưng vừa bị hạ tầng công tác do bản thân chúng nó, và của nông gia chúng tôi. Bây giờ chúng tôi chẳng cần trồng cấy, cây trái nào ra bao nhiêu, hái mà hưởng, chúng tôi đã hiểu rồi!

Ông bước vào buồng loay hoay một lúc, xách ra một cái túi bao tải con, đặt trước mặt tôi:

– Cậu mang về cho lũ nhỏ ăn chơi!

Tôi không thể từ chối, cuối cùng tôi đã phải mang về một túi lớn ổi, chôm chôm, mãng cầu. Tôi thăm hỏi bác già Huỳnh Đức để hiểu thêm tâm trạng của người dân Nam bộ. Tôi đã hiểu ở miền Bắc, mấy chục năm dưới sự kìm kẹp hà khắc của VC, hầu hết người dân đều căm phẫn, phản đối. Nhưng với cái tài lắt léo, chuyển đổi, hóa giải có một không hai của tụi lãnh đạo VC, kết hợp với khẩu súng và trại tù, nhân dân cũng đành chịu đói khát lầm than.

Cái tài mà ngay mới đây – đầu 2004 trên intemet- bà Dương Thu Hương, một văn sĩ trong lòng của chế độ, do chính chế độ VC đào tạo đã viết và phát biểu: *" Tháng ….1989, cả thế giới loài người đã xôn xao, ngạc nhiên ghê tởm lên án nhà cầm quyền của Trung Quốc, đã đàn áp đẫm máu dã man ở Thiên An Môn. Đã dùng xe tăng, súng lớn bắn xả vào đám biểu tình của sinh viên và người dân tay không, của Trung Quốc.* Thằng Lợi đã về, điều nó căn dặn chính là khi xuống thuyền, tuyệt đối không để ai biết sự quen biết giữa tôi và nó. Ngoài ra, chị Lợi đưa cho tôi một cái nhẫn vàng hai chỉ với lời dặn dò thân tình:

– Anh hãy cất dấu kỹ, trong cái thế chạy trốn, hay bị bắt, hãy đút cho công an mà chạy.

Một điều nữa, chị Lợi sẽ tùy theo, cách vài tháng sẽ đưa gạo xuống cho ông bà cụ. Tôi từ chối là tôi đã giả dối với bạn, nhận thì lòng tôi cũng không nín được tiếng thở dài, cho cái hèn, kém của mình. Theo sự nhắc nhở cuối cùng của thằng Lợi, đúng 5: 00 chiều ngày 14 – 1 – 1981, tôi sẽ đón một chiếc xe hàng QH trên cầu Trương Minh Giảng. Khi lên xe, có người hỏi thì đưa miếng bìa con mầu vàng có chữ Huế+ Qui Nhơn (nét chữ của Lợi) cho họ, khi đi qua đồn Cỏ May, xe sẽ đậu ở chỗ qui định. Lúc ấy sẽ có người đón đưa, như vậy, mỗi người đi đều có sự dặn dò, qui định đón, đưa riêng.

Sáng ngày 14 trước khi tôi đi làm tổ mành trúc, tôi đã căn dặn mẹ tôi những điều cần thiết. Buổi trưa, sau khi cơm nước xong, tôi vào ôm cổ mẹ tôi, rồi thầy tôi, không hiểu ở nhà mẹ tôi có nói gì với thầy tôi không? Khi tôi ôm cổ thầy tôi, thầy tôi cứ ôm tôi mãi, người không chịu bỏ tay ra, miệng thì cứ run rẩy thều thào:

– Con đi…..Chúa phù hộ……..cho con!…….

Trong khi nằm trong buồng, mẹ tôi bắt đầu khóc lóc, gào lên:

– Mày là thằng con bất hiếu! Mày không giúp đỡ tao thì thôi chứ, mày còn ăn bám mà không biết nhục à ?

Ba giờ, tôi xách xe đạp và chiếc túi có bộ quần áo cũ ra khỏi nhà, trước những con mắt của một số người hàng xóm chung quanh. Các khâu, đoạn đều như dự trù, chỉ lúc qua đồn Cỏ May, trình giấy tờ sao đó, lằng nhằng đến 20 phút. Tôi không hiểu móc ngoặc, hay đàn xếp giữa CA và bến bãi ra sao? Khoảng 10 giờ, họ dẫn nhóm chúng tôi 7- 8 người theo họ ra thuyền.

Việt Nam cũng có Thiên An Môn, nhưng những nhà lãnh đạo của cộng sản Việt Nam đã chặt, đã băm Thiên An Môn Việt Nam ra hàng nghìn mảnh, rồi họ ngâm dầm vào thuốc mê và thuốc độc, sau đó họ rắc vào khắp người dân, nên đã tan biến. Không một ai hay, thế giới lại càng mù tịt. Riêng về lãnh vực này, những nhà lãnh đạo của Trung Quốc phải cắp cặp sang, để những nhà lãnh đạo Việt Nam dạy cho ".

CHƯƠNG 29: RA KHƠI TÌM TỰ DO

Trời tối đen, chúng tôi cứ đi mãi, hơn một giờ sau đến một vùng sông nước, họ nói sắp tới thuyền rồi, tuyệt đối im lặng! Khi tôi trông mờ mờ một con thuyền ở một bến sông, thì có tiếng cháu Thủy nho nhỏ (con gái lớn của Đạt) "chú Bình đâu?" Cũng lúc ấy, chiếc thuyền đã nổ máy.
Nhiều dòng người túa ra hỗn độn tranh nhau để xuống thuyền. Bất ngờ, một người ôm chầm lấy cổ tôi, có tiếng hổn hển sát tai tôi: "Cháu sợ quá! Chú Bình ơi!" Tôi đã biết là cháu Thủy, có cả thằng Thắng nữa. Tôi hiểu lúc này phải tranh thủ lên thuyền, con Thủy cứ nằng nặc ôm cổ, bắt tôi cõng qua một lỗ lội. Tay dẫn thằng Thắng, con Thủy ở trên lưng, trong những giây phút hối hả. Trên thuyền lại có tiếng vật lộn cãi vã, tôi cũng mệt quá rồi, tôi đặt cháu Thủy xuống và cao giọng:

– Các cháu leo lên thuyền, tìm chỗ ngồi đã.

Tôi hỗ trợ đẩy hai đứa lên thuyền. Con thuyền rất là "khẳm" lại chòng chành vì xô xát, có nhiều tiếng hô, tiếng quát, như đánh nhau:

– Không xuống nữa, thuyền đắm chết hết bây giờ?

– Lái thuyền ra đi!

Ồn ào, lộn xộn, thằng Lợi cầm vào tay tôi, nói khẽ:

– Mày đi, tao dẫn con tao lên bờ! Mày là đại diện thay tao!

Không còn kịp nói gì với nhau, thuyền quay mũi, rời bến, tiếng máy rú to dần, tôi nằm một góc. Ở dưới hầm thuyền la liệt, hỗn độn đầy người. Thuyền chạy chừng được một giờ thì có hai tiếng súng CKC, có tiếng ai nói hốt hoảng:

– Công an gọi vào!

Tôi nhoi lên nhìn ra ngoài, một ánh đèn xa xa trong chỗ tối đen, tôi dự đoán đây là cửa sông, ra biển. Tôi không hề biết ai với ai trên thuyền, nhưng vì mạng sống của chính mình, tôi nói to như ra lệnh:

– Cứ tăng ga, phóng ra khơi!

Con thuyền lồng lên rồi rẽ sóng, lại hai phát CKC nữa. Mặc! Thuyền vẫn phăng phăng, hướng về phía Nam. Sóng biển đã làm cho con thuyền chồm lên lắc lư. Cái nhược điểm say sóng cố hữu của tôi đã bắt đầu. Người tôi đã thấy nôn nao, khó chịu, tôi đã tìm được một chỗ nằm yên. Cháu Thủy từ một khoang bên mò sang bên này gọi:

– Chú Bình nằm ở đâu?

Tôi giơ một tay, dưới ánh sáng đèn dầu mé vách, cháu đã nhìn thấy, cháu bước qua một số người để đến bên tôi. Người tôi đã nôn nao quá rồi, mà phải đỡ cho cháu Thủy nằm bên cạnh. Tôi xin cảm ơn cháu Thủy, đã tin tưởng và quý mến tôi. Cũng đã có nhiều người nôn ọe góc này, chỗ kia, mùi của nôn mửa đã nồng nặc cả con thuyền.

Tôi muốn đẩy cháu Thủy đi chỗ khác, tôi không muốn mùi nôn ọe của tôi để cháu Thủy kinh tởm, tay tôi đẩy cháu Thủy đi, miệng chỉ mới nói: ” cháu đi chỗ ….. ” thì tôi đã ồng ộc nôn cơm cháo ra rồi. Cháu Thủy và ai ở chung quanh cũng sợ dãn cả ra, cháu Thủy đã sang khoang khác, mà tôi vẫn còn tiếp tục nôn, mật xanh, mật vàng. Chuyến này tôi cũng xin cho ra hết, giống như ngày tôi đi con thuyền xâm nhập miền Bắc đầu 1962.

Có tiếng ai nói ngắt quãng:

– Đã ra….. Hải …….phận Quốc Tế…… rồi!

Con thuyền càng chồm lên, nhào xuống, tiếng nôn ọe đây đó càng dồn dập, tôi thì rũ rượi như con gà ” rù “. Do tôi nôn mửa nhiều, mùi chua khăn khẳn nồng nặc, dù chật chội, nhưng lớn bé ai cũng sợ tôi, họ đều cố nhích xa tôi, nên chỗ của tôi tương đối thoải mái nằm.

Thuyền đã chạy được gần hai giờ, chẳng ai nói ra, tuy sóng càng to, gió càng lớn nhưng trong lòng của mỗi người nỗi lắng lo bị CA bắt đã nhỏ dần. Đây đó đã nghe tiếng trẻ con khóc, tiếng gọi tên nhau í – ới. Một số người đi từ khoang này sang khoang thuyền kia, ngơ ngác sục sạo tìm người thân.

Con thuyền vẫn tròng trành lắc lư, nhấp nhô, tôi lại phải bò dậy để nôn nữa, ruột gan của tôi như xoắn quắt lại để nôn. Tôi có cảm tưởng tôi phải nôn cho ra hết cả bộ ruột, dạ dầy, phèo phổi của tôi. Cái bệnh say sóng này cũng thật lạ kỳ, không phụ thuộc vào trẻ hay già, phụ nữ, đàn ông, khỏe hay yếu, có thể do tính chất máu của mỗi người. Có nhiều người quay lại, ngó ngấp nhìn tôi . . . . . Mặc, tôi lại nằm đổ vật ra ! Có tiếng nói từ sàn thuyền vẳng xuống:

” Đã đi ngang qua Côn Sơn rồi ! “

“Trời …….đã sáng ……rồi!”

Như có một nguồn sinh lực bừng lên trong người, tôi ngồi dậy và xem đồng hồ tay: 4 giờ 30 phút sáng ngày 15/1/81. Có lẽ tôi đã nôn thốc, nôn tháo nhiều lần, để rồi không còn gì để nôn ra nữa, nên người tôi tỉnh dần. Nhưng yếu tố chính là: Nỗi lắng lo bị bắt đè nặng trong lòng, đã nhẹ đi và niềm hy vọng của ngày mai, nơi phương trời càng lớn dần lên. Giọng nói khi nãy từ sàn thuyền lại vọng xuống:

– Thuyền đã đi qua Côn Đảo rồi!

Qua những khe hở của vách thuyền, ánh sáng đã vàng ửng lên, chắc mặt trời đã chui lên khỏi mặt biển. Đầu óc của tôi đang lần giở lại hình ảnh đêm vừa rồi, thằng Lợi và các con của nó, đã lên bờ trở về. Tôi chợt nhớ tới cháu Thủy và Thắng, con của vợ chồng Đạt nằm ở đâu? Như thế, chỉ còn hai cháu đi theo tôi. Chỗ này, chỗ kia bà con đã lấy thức ăn, thức uống ra để giải quyết cái dạ dầy của mỗi người, hẳn nó đã nhắc nhở. Trong túi của tôi có một cái giò lụa và hai cái bánh giò, do mẹ của tôi chuẩn bị, nhưng tôi chả cần ăn và cũng không dám ăn. Tôi đã có chút kinh nghiệm say sóng, trong những lần đi thuyền ra Bắc, không ăn lại khỏe người hơn là ăn.

Phần vì, tin tưởng con thuyền đã ra khỏi tầm kiểm soát của bộ đội, công an Việt Cộng. Phần vì, cả một đêm trắng chạy, chui rúc, bờ bụi, sợ hãi, lo âu. Phần khác nữa, say sóng nôn mửa suốt đêm, tôi nằm vật ra, lịm đi lúc nào không hay. Khi tôi mở mắt ra, lại thấy tối lờ mờ, tôi giơ tay cố hướng về chiếc đèn dầu, treo mé vách thuyền: 4giờ 30, tiếng máy thuyền vẫn rổn rảng lẫn với tiếng dạt dào của sóng biển.

Tiếng ọc ạch, nhóp nhép của sóng nước đập vào mạn thuyền làm tôi tỉnh ra thêm. Tôi nằm lắc lư theo con thuyền, óc phân định thời gian và sự việc, tại sao lại 4giờ 30? Phải chăng đã qua một ngày mà tôi không biết? Thiếp đi là đêm, tỉnh ra lại là đêm mà đồng hồ chỉ kém giờ hơn. Như thế, ít nhất phải qua một ngày rồi. Trời sáng lại dần, và lại đã có ánh nắng. Tiếng máy thuyền tự nhiên như mắc nghẹn, rồi hồng hộc lên, con thuyền rùng lên bần bật, tiếng máy như hết hơi, thở hắt ra rồi im bặt. Nhốn nháo, mọi người đều trợn mắt nhìn nhau, ngơ ngác. Tôi cảm thấy một sự bất thường, ngồi nhổm dậy, chung quanh tôi người chật như nêm cối, đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn nằm ngổn ngang. Tôi lảo đảo đứng dậy, tìm chỗ mò lên sàn thuyền. Không khí trong lành của biển khơi như chui nhào vào trong phổi, tôi tỉnh hẳn. Trên sàn thuyền, cũng lố nhố đầy người đang đổ dồn mắt về khoang máy của chiếc thuyền. Ba người, đầy dầu mỡ từ trong khoang máy bước ra, mặt tái nhợt, một người thốt cao giọng:

– Máy bị lột “dên” rồi!

Tiếng la hét, trong đám đông lố nhố:

– Có sửa chữa được không?

– Chạy tối đa. . . quá sức mà !

Tôi chả hiểu lột “dên ” là thế nào, nhưng những người xử dụng máy đã không có kinh nghiệm, bất cứ một loại máy móc gì để tối đa “gas” mà chạy mãi, thì phải hư là đương nhiên . Ngay con người cũng thế, chạy tối đa một lúc thì phải nghỉ hay chậm lại nếu không thì chỉ có lăn đùng ra mà “xỉu”. Bốn, năm người túm lại khoang máy kìm, búa, mỏ lết, hì hục hàng giờ cũng đành bó tay. Một người nói to như “phì” nỗi tuyệt vọng ra cho mọi người:

– Máy đã lột “dên”, chỉ có về xưởng máy “đại tu” mới sửa được!

Mặt trời đã quắc mắt như giận dữ nhìn theo mọi người trên sàn thuyền, con thuyền trở thành "vô định" giữa đại dương. Chung quanh, trên dưới chỉ có nước với trời, như trên hành tinh này có mỗi con thuyền "vô định" này mà thôi. Mặc cho gió, mặc cho sóng đẩy thuyền đi rồi lại đẩy về, như vậy con thuyền đã chạy được hai đêm và hơn một ngày. Không một ai biết con thuyền đang ở vị trí nào? Một khi không biết rõ vị trí, thì đều trở thành suy đoán mò linh tinh.

Người thì bảo có thể đây là bên ngoài Căm Bốt, người thì nói đã ở trong vịnh Thái Lan, có người còn bảo, có khi đã gần Mã Lai rồi. Khoảng 12 giờ trưa, phần vì niềm tuyệt vọng đã tràn ắp lòng tôi, rồi lại không có một cái gì trong bụng kể cả nước. Tôi chui xuống hầm thuyền, tìm về chỗ cũ nằm vật ra, tôi chợt nhớ đến cháu Thủy và Thắng từ hôm qua, tôi chưa biết các cháu ở chỗ nào?

Con thuyền dài chừng 15- 16 mét, rộng khoảng bốn mét rưỡi đến năm mét, có khoảng bốn, năm chục người cả trẻ con. Nghĩ đến cái giò lụa và hai chiếc bánh giò trong cái tay nải, tôi không dám ăn. Từ hôm trước tôi nhìn hai đứa nhỏ cứ quấn quít lấy mẹ nó, một bà chừng 35 tuổi, nửa tỉnh, nửa quê của miền Nam. Tôi lôi cái giò và cái bánh hãy còn thơm mùi lá, cầm ở tay ngập ngừng, người mẹ và hai cháu nhỏ đều nhìn tôi. Tôi cười, rồi hỏi dè dặt:

– Tôi không ăn, chị có thể vui lòng cho hai cháu ăn dùm?

Mặt hai cháu nhỏ tươi hơn ra, nhưng chị ấy lại ngần ngừ, tôi cố nhoài người sang đưa hết cho hai cháu nhỏ. Chị cầm giò và bánh, không nói gì nhưng ánh mắt của chị, như thay cho một lời cảm ơn! Người chồng ngồi dậy. nói với giọng trìu mến:

– Anh hai cố ăn "dô" đi, anh có ăn gì đâu!

Mặt người nào cũng hốc hác, quần áo tả tơi, đầu tóc rối bù, mới có hai ngày, hai đêm, mắt ai cũng lỗ đáo vào, trắng nhợt ra. Tôi cố đứng dậy định lần sang khoang phía cuối thuyền, để tìm cháu Thủy, Thắng. Đây đó những bãi nôn mửa, vỏ chuối, lá bánh thậm chí cả những "băng màn"của phụ nữ, đầy máu. Tôi lại quay về nằm vật ra, nghĩ đến tất cả những người này, trong đó phải có tôi xin về lòng đại dương, và xin hiến tặng những thân xác này cho những ông cá, bà cá, chúng tôi xin về nơi vĩnh hằng.

Buổi sáng ngày thứ ba (17-l), con thuyền vẫn tròng trành theo sóng biển, tôi mệt quá cũng chẳng muốn bò dậy làm gì. Có lẽ vì không ăn uống, nên tôi cũng không cần đại, tiểu tiện ba bốn ngày. Đồng hồ đã 6 giờ, khi tôi trở mình, ngay ở lòng (bụng) tôi có một hộp sữa ông Thọ. Tôi tưởng trong mộng mị tưởng tượng, tôi ngồi hẳn dậy ngơ ngác nhìn mọi người chung quanh, tay tôi vẫn cầm hộp sữa. Khi hai vợ chồng anh chị người Miên quay lại, tôi giơ hộp sữa lên, hỏi:

– Có phải của anh chị không?

Nhưng cả hai anh chị đều thiểu não lắc đầu, thấy hai người và nhiều người khác cũng rũ rượi và mệt mỏi, tôi chả hỏi nữa. Tôi cầm hộp sữa tới khi trời sáng hẳn, và tôi cũng tỉnh hẳn người. Không biết của một ân nhân nào? Tôi nhìn ai, khi họ quay lại, tôi cũng nghĩ là của người đó, nhưng rồi khi tôi hỏi, họ đều mệt mỏi lắc đầu. Thôi cứ cho là một ông tiên hay một bà tiên cho, bây giờ tôi đang cần cứ dùng đã. Vị ân nhân nào cũng sâu sắc thật, vì không ra mặt nên bắt người nhận, cho tới chết mới quên được. Tôi đã dùng một mũi dao díp dùi lỗ và như một thần dược, bây giờ tôi nhìn cái gì cũng rõ ràng. Hôm qua, hôm kia, nhìn ai cũng lờ mờ như có mưa phùn. Tôi ngồi lắc lư nghiêng ngả, hồn như lạc vào chốn "Thiên Thai". Trên sàn thuyền rộ lên tiếng reo hò của đàn ông, phụ nữ:

– Có tàu ngoại quốc?

– Đứng lên chỗ cao mà vời!

Tôi nhào lên như có lò so, chẳng biết là Đông, Tây, Nam, Bắc (thuyền quay lung tung mà không có điểm tựa). Mắt thường nhìn sát phía chân trời, có một chấm trắng dài di chuyển. Gần hai chục người đứng trên sạp thuyền, đều giơ tay vẫy vời, cả tôi cũng vung vẩy như muốn nhẩy lên vì mừng, có tiếng nói như gào:

– Đem trẻ con lên đây, cho tàu nhìn thấy, nó mới tới cứu!

Người cởi áo trắng, áo đen, khăn đỏ ra vẫy, vung tứ tung. Thậm chí, có người còn quấn một cái khăn bông trắng, vào đầu chiếc đòn gánh giơ cao lên ngoáy, vẫy. Chấm trắng càng lúc càng mờ, rồi mất hẳn. Mặt trời lặn dần xuống biển, mọi khi thì tôi say sưa ngắm, nhưng lúc này thì hoàng hôn, hay bình minh cũng mặc. Nhìn bốn, năm cậu thanh niên, cường tráng thật khỏe mạnh, một áng liên tưởng về mình, trước những ngày xông vào vùng bão lửa, tôi mỉm cười với các cậu. Sau khi chuyện trò, vì là cùng hội, cùng thuyền tôi biết một cậu tên là Bạch ở bên khu Bình Xuyên, hai cậu nữa là Triết và Thâu dân chài lưới của Nghệ Tĩnh. Trông cậu nào cũng khỏe mạnh và đầy sức sống, dăm ba câu chuyện đổi trao, tôi thấy mến các cậu, và các cậu cũng thích nghe tôi nói chuyện.

Từ khi tôi biết có chuyến đi, tôi đã nhuần nhuyễn một "vỏ bọc": " Tôi theo bố mẹ di cư vào Nam, bố mẹ đã chết hết, nhà nghèo, tôi đi làm thuê, làm mướn, nay học được nghề mộc. Thường người ta đóng thuyền, đóng bè, ai mướn tôi cũng làm để sống, biết làm tính cộng, tính trừ, học hết tiểu học. Mánh, thấy cái tàu này vượt biên thì tôi "căn me "(Không có tiền, thấy thuyền nào đi, thì lẻn trốn lên), may ra đi được nước ngoài, thì đỡ khổ".

Đại cương, tôi lựa trong tư thế đó để nói chuyện với mọi người trong thuyền. Buổi chiều hôm ấy, tôi thoáng thấy một vấn đề sinh tử trầm trọng, cho mọi người trong thuyền. Qua năm sáu cậu tôi quen, tàu có 43 người, gồm cả gia đình chủ tàu. Đàn ông con trai 16 người, năm sáu ông già, bà già còn lại hầu hết là đàn bà, con gái và trẻ em. Từ mấy ngày qua, đây đó, tôi đã thấy những bà mẹ dội nước, từ những chiếc

thau con tắm rửa kỳ cọ, cho những cháu nhỏ. Có những bà, những cô gái, cắm cúi rửa mặt ở những chiếc thau nhôm con.

Sáng tối, đêm ngày, tôi để ý ở trong góc, khoang giàn máy, có một bồn nước nhỏ tròn, nằm dài chừng 2 mét, cao khoảng 1mét. Mọi người đều đến múc nước, rửa ráy hay uống ở đấy. Tôi được biết bồn nước ấy là toàn bộ nước ngọt, để giải quyết ăn uống cho cả thuyền. Không hề có một ai trông coi, quản lý, mạnh ai đến lấy nước giải quyết cho cá nhân.

Con thuyền đã trở thành vô định, cả về thời gian (chưa biết đến bao giờ), về không gian (chưa biết sẽ trôi dạt về đâu), chỉ một trận cuồng lộ, giận khùng của biển khơi. Thuyền chạy, thì khả dĩ phần nào chống đỡ được với mưa bão, cuồng phong; thuyền chết máy, như chiếc lá trôi dạt giữa đại dương, ai cũng đã thấy chắc chắn nó sẽ xuống đáy đại dương, mà nằm. Sự sống và chết cho cả con thuyền, thế mà không một ai để ý đến. Tôi đến bồn nước mở nắp, quan sát, lấy que thăm đò, mới có hai ngày ba đêm mà nước chỉ còn một phần ba của bồn. Dung tích của cả bồn chỉ vào khoảng gần hai mét khối nước, bây giờ chỉ còn một phần ba thì còn lại bao nhiêu nước? Cứ cái đà như mấy ngày nay, có thể ngay chiều nay, hay ngày mai là hết nước.

Về ăn, do thực phẩm của mỗi người, của mỗi gia đình mang theo còn có thể e dè tự túc. Nước uống mà hết, thì sẽ thấy tình huống ra sao? Tình trạng hiện nay của con thuyền, chỉ có trời mới biết.

Mấy cậu thanh niên, cũng theo tôi đang đứng chung quanh bồn nước. Những bà con ở trong khoang thuyền ấy, sau khi hiểu ra vấn đề, đều thấy rất nghiêm trọng về chuyện nước nôi. Một cụ già chừng sáu mươi lăm tuổi, đầu đã bạc trắng, hai má đã hóp lõm vào, nhưng đôi mắt vẫn còn sáng long lanh, tiến lại chỗ bồn nước. Giọng nói của cụ, tuy khàn khàn nhưng rất dõng dạc:

– Đây là sự sống và chết của cả con thuyền, các ông phải có biện pháp thế nào. Tôi thấy nhiều người đến đánh răng, rửa mặt, dùng nước rất là phung phí, nhất là ban đêm.

Tôi thấy sự việc này phải giải quyết hôm nay, và ngay từ bây giờ, tôi và nhiều người thấy cần mời chủ thuyền đến để bàn biện pháp. Cậu Triết đã nhanh nhẩu, lên chỗ phòng hoa tiêu một lúc, rồi đi xuống cùng với một ông chừng hơn bốn chục tuổi. Tôi được biết chủ thuyền tên là Cường, sau khi ông Cường nghe mọi người nói, ông đã hiểu. Chính ông, đã tỏ ra tự trách đã không để ý đến và không ngờ, lại nghiêm trọng như vậy. Nhiều ý kiến giống nhau và khác nhau, cuối cùng đều thấy cần thiết, phải có một người, điều hành quản lý nước.

Ồn ào, xôn xao bàn tán, ý kiến đa số, kể cả ông Cường, chỉ định tôi là người chịu trách nhiệm, quản lý và điều hành. Tôi tự thấy không thể đảm nhận được, vì tôi say sóng, nhiều lúc ngắc ngư “con tàu đi”, tôi thấy chính ông Cường làm công việc này

là đúng và thích hợp. Nhưng ông Cường đã giẫy nẩy từ chối, vì hiện nay vợ của ông đang sốt nặng. Hai ngày nay không ăn uống gì ông thường xuyên phải săn sóc.

Tôi hiểu chẳng một ai muốn làm cái công việc "không đâu" này. Bận rộn và mất thời gian, nhất là trong lúc cuộc đời có thể đi "đứt" nay mai. Phải là một người có ý thức trách nhiệm, với tập thể chung quanh mình. Ông già bạc đầu, hõm má khi nãy đã để hai tay vào hai vai tôi, nói khàn khàn không ra hơi:

– Anh đừng ngại khó, ngại khổ giúp bà con trong thuyền đi!

Tôi đã thấy chẳng nên lằng nhằng, một sự việc không nên. Tôi giơ tay, nói với mọi người:

– Tôi sẽ đảm nhận với điều kiện: tất cả mọi người trong thuyền đều phải chấp nhận thực hiện, những điều đã cùng thỏa thuận đồng ý, cả chủ thuyền và cả tôi?

Mọi người nhao nhao lên đồng ý.

Tôi nói tiếp:

– Số phận của con thuyền chưa biết được kéo dài bao nhiêu ngày nữa, nước ở trong bồn đã gần cạn, chỉ còn một phần ba. Ông bà mình đã dậy: Lúc còn thì chẳng ăn dè, đến khi hết thì ăn dè, cũng chẳng ra. Vậy bắt đầu từ ngay hôm nay: Người lớn mỗi ngày hai ly (tôi cầm một cái ly, loại tám ly bằng một lít), một ly lúc 8 giờ sáng và một ly lúc 4 giờ chiều, trẻ con thì một ly.

Ngay bây giờ, mấy cậu Triết, Bạch và Thâu, cùng với tôi tìm cách khóa cái bồn nước. Chỉ mở lúc 8 giờ sáng, và 4 giờ chiều mỗi ngày.

Ông Cường, cứ nhìn theo tôi và các cậu loay hoay làm việc, tôi biết ông chỉ đoán tôi là một khách hàng. Tôi thì hiểu, ông chỉ có một nửa cổ phần của con thuyền, còn của thằng Lợi một nửa, mà hiện giờ tôi là đại diện, nhưng tôi cũng chả cần phải nói ra làm gì. Khoảng gần tối có tiếng hô hoán ầm ầm:

– Có tàu to lắm! Đang đến gần!

Tôi và nhiều người đều leo lên sàn thuyền, trong cái tối đen của nước và trời, rõ ràng có mấy ánh đèn sáng. Với sự ước lượng, phán đoán các điểm sáng đó, cách xa khoảng từ 8 – 10 cây số. Có người nói: "sao chúng ta không đốt lửa lên!" Ý kiến thật hay! Thế là mọi người moi móc giấy đủ loại, giấy báo, gói đồ v.v... Đốt lên một đống trên sàn thuyền, trong một chiếc mâm bằng nhôm, niềm hy vọng như tràn dâng trong lòng mọi người. Một cánh tay quàng ôm vào cổ, tôi quay lại: ồ, cháu Thủy! Thảo nào cánh tay thật là mềm và mát. Tôi cầm lấy, hỏi giật giọng:

– Mấy bữa nay, các cháu ở đâu?

Cháu Thủy nói như khóc:

– Cháu và thằng Thắng, nằm mãi trong góc phía đầu mũi thuyền.

Mọi tâm tư lúc này của tôi, đang hướng về mấy điểm sáng mơ hồ trong đêm đen, của biển trời. Tôi lấy một thanh gỗ, khều cho đám giấy trong chiếc thau, cháy to lên. Nhưng những điểm sáng, của chiếc tàu xa xôi cứ bé dần lại, để rồi mất hút vào cái tối đen vô cùng, của trời và nước. Nó cũng mang theo, cả những nguồn hy vọng sôi nổi, của mọi người trong con thuyền vô định.

Tôi quay lại, sàn thuyền đã vãn người. Nhìn chiếc thau đốt lửa, bây giờ chỉ còn vài túm giấy cháy dở đã tắt ngúm. Những tàn than, gió lộng của biển khơi đã quét sạch, rắc trên những lớp sóng bạc đầu, đang ưỡn lên gào, gọi lại "nàng gió" ngày đêm. Tôi lần mò về chỗ, mệt nhọc chìm dần vào giấc ngủ, nhiều khắc khoải lắng lo.

Hôm nay là ngày thứ năm, lênh đênh dật dờ, trong con thuyền vô định. Nhiều người đã nằm liệt luôn, ít còn nghe những tiếng bàn tán chuyện trò. Người tôi cũng như nhão ra, chẳng muốn bò dậy nữa, hộp sữa ông Thọ tôi đã dùng quá một nửa rồi, mỗi ngày hai lần, tôi chỉ mút chừng hai thìa con, rồi tôi uống nước. Tôi xin cúi đầu cảm tạ ân nhân, đã cho tôi điều kiện để tồn tại.

Tôi nhớ buổi tối hôm qua, một chị chừng ba mươi tuổi, bế đứa con trai khoảng ba tuổi đến bên tôi, có vẻ lấm lét. Tay chị cầm một chiếc ca nhôm, to chừng ba phần tư lít. Chị đặt chiếc ca xuống cạnh tôi, tay chị moi túi lấy ra một chiếc nhẫn vàng chừng một chỉ, chị ghé sát gần tôi nói khe khẽ:

– Em biếu anh chiếc nhẫn này! Anh giúp con em, một ca nước, nó cần pha sữa !

Tôi hơi đẩy tay chị ra một chút, nhìn nét mặt nhăn nhó của chị và cháu nhỏ, lòng tôi xót xa như quắt lại, tôi lắc đầu và nhẹ nhàng: "Không được chị ơi! Đây là của chung chứ có phải của tôi đâu!"

Thái độ quyết liệt của tôi, chị đứng dậy, bế con đi luôn. Chính ngay bản thân tôi, vì chỉ có ba thìa sữa, tôi cần có đủ nước để trang trải trong cơ thể, nên thiếu nhiều lắm. Hàng ngày tôi phát nước cho mỗi người, có người uống vội vàng ly vẫn còn đọng lại vài giọt, tôi đã uống tại đấy, để lấy ly đong cho người khác. Mỗi ngày nỗi tuyệt vọng trên nét mặt mọi người càng làm tái đi, mắt của mọi người cùng trắng nhợt ra, tóc tai, quần áo càng lôi thôi, lếch thếch hơn. Đến ngày thứ năm tiêu chuẩn nước, chỉ còn một ly cho cả ngày. Nước gần cạn rồi ông trời ạ !

Gần một chục chiếc tàu, tùy theo xa gần qua lại, ngày, đêm, trưa, chiều, nhưng rồi hình như những chiếc tàu đó (không biết của những nước nào). Chúng không hề có mắt, coi như trên đại dương này, chỉ có một chiếc tàu của họ mà thôi.

Cả thuyền, người tích cực vẫy vời tàu cứu nhất, cũng phải nản lòng, hình như lương tâm của thế giới, đã bị đóng băng rồi. Tối khuya hôm đó, một trận mưa miền nhiệt

đới rào rào như đổ nước xuống, dù nhiều người đang mệt, đang ngủ đều xô lên sàn thuyền. Ai cũng ngửa đầu, hả miệng mặc cho những hạt mưa tự do rắc vào cho nó đã, nó sướng, bù lại những ngày, nước được coi như những giọt nhựa sống của con người.

Mấy đêm nay, tôi cứ nằm trằn trọc, quằn quại mãi nhìn con thuyền với 43 mạng người, cứ tiến dần đến chỗ chào từ giã cuộc đời. Bất khả kháng, nghĩ lối nào, mặt nào cũng tắc tỵ. Con thuyền từ bốn năm ngày nay cứ trôi đi, dạt về không có một điểm nào là "chằng" là "cứ" ở giữa cái mênh mông của biển cả. Ngày nào tôi cũng lên sàn thuyền, nhìn ra khắp chung quanh, cũng chỉ nước và trời.

Điều tâm lý lạ kỳ, cũng là nước biển xanh, cái mầu của những cặp thương yêu nhau mặn nồng, đã gọi là mầu xanh của "ái ân". Nhưng sao lúc này, tôi nhìn cái mầu xanh của bể khơi, tôi thấy nó đen ngòm, chứa chất bao nhiêu những huyền bí, linh thiêng đe dọa. Vì nó sắp đưa tất cả chúng tôi, sang bên kia thế giới, sẽ ngoạm và nuốt trửng, tất cả chúng tôi nay mai vào mồm nó .

Đêm khuya tôi ngồi một mình, dựa vào vách buồng hoa tiêu, để nghe những âm thanh của biển đêm. Bỗng một đàn cá to tướng, đen như mun, nhổm lên mặt nước đuổi nhau. Tôi thấy rùng mình, lạnh xương sống, tướng như một lũ ma quỷ của Hà Bá, Diêm Vương lên giễu cợt, như báo cho chúng tôi biết: "Chúng tao sắp được ăn xác chúng mày". Cũng những con cá ấy ở bể nuôi cá, hay những vùng biển khi đi trên tàu du lịch, thấy chúng hiền lành, như một lũ trẻ em nô đùa. Thế mà giờ đây tôi lại rùng mình nổi gai ốc, vì cái uy lực huyền bí, đe dọa của chúng.

Khắc khoải trằn trọc mãi trong đêm thâu, gần sáng tôi chợt nghĩ đến một ý niệm: Tại sao không làm những cái bơi chèo? Trong thuyền có nhiều đàn ông thanh niên, mỗi người hay hai người một cái để chèo? Do mặt trời từ mấy ngày nay, chúng tôi đã xác định được Đông Tây Nam Bắc, như vậy, ít ra còn chủ động phần nào.

Chứ không như mấy ngày nay, là cái kiểu tiêu cực: "nằm ngửa há miệng, rồi chờ sung rụng". Sáng sớm hôm sau, tôi tập hợp các cậu thanh niên và chủ tàu, tôi đưa ra ý kiến. Hầu hết đều hoan nghênh và chúng tôi xúc tiến. Chủ tàu còn mấy hộp đinh năm phân khi đóng tàu còn thừa, với những thanh gỗ có thể lấy ra được của con thuyền. Tôi lại là thợ mộc, nên chả khó khăn gì, chỉ hai giờ sau đã có bốn cái "bơi chèo" cứng chắc, do chế biến. Tất cả đều đồng ý là cứ chèo về hướng Bắc, rồi tùy theo cơ trời. Chúng tôi dù muốn hay không cũng tự nguyện, xin giao cuộc sống cho đấng tối cao quyết định.

Đặc biệt những người chèo, tiêu chuẩn nước gấp đôi, nghĩa là họ được mỗi người một ly. Không có điểm tựa làm chuẩn, nhưng rõ ràng ai cũng thừa nhận con thuyền có lướt đi trên sóng. Tôi cũng được vinh hạnh mó tay chèo, tuy mệt, nhưng tinh thần của mọi người trong thuyền, được nâng cao rõ rệt. Còn thuyền đã có những nụ cười và tiếng nói, chứ không im lìm, như những ngày hôm trước.

Cho đến chiều ngày thứ sáu, tức là (ngày 20/I), vẫn cứ thay nhau tiếp tục chèo, cả đêm hôm ấy. Sáng ngày thứ bẩy, kể từ đêm 14/11, trời hôm nay đẹp lạ lùng! Nhất là vào khoảng 7 giờ sáng, có một con chim lạ, to như con chim câu, chân và mỏ đều đen tuyền, cổ có một khoanh vàng và một khoanh đỏ, cánh và đuôi màu trắng toát. Nó không hót, không kêu, chẳng biết từ đâu bay đến đậu ở cái chĩa ngang trên ngọn, của cây cột ở giữa thuyền.

Mấy ông bà già tin rằng nó mang theo cái may, cái hên cho những nơi nó đến. Nhưng tôi lại nghĩ, chim không thể ở giữa biển, mà phải ở chỗ có đất, có cây, như thế đất liền hay đảo, phải ở gần đâu đây. Chúng tôi đều căng mắt ra, nhìn khắp bốn phương nhưng vẫn chỉ là trời với nước. Tôi quay ra nói với các bạn, đang chèo:

– Xin các bạn cứ vững tay chèo? Phần thưởng sẽ đến với những người, có ý chí miệt mài, kiên định.

Con chim cứ vẫn đậu yên chỗ cũ, bản thân tôi không có cái gì, tôi quay nói to với mọi người:

– Chắc con chim này nó cũng đói! Nó phải từ ở nơi xa xôi, chỉ có một con thuyền này giữa đại dương, nên đậu đại xuống nghỉ cánh. Nó cũng có hoàn cảnh lỡ "cơ" như chúng ta, bà con ai có còn thức ăn ngô, gạo hay mì cũng được, cho tôi xin một chút cho nó !

Mọi người nhìn nhau, chẳng ai nói một câu. Tôi hiểu, chẳng còn ai có lương thực, nên tôi ngửng lên nói to với con chim. Cứ coi như là, nó hiểu:

– Chim ơi! Thông cảm nhé! Chúng tôi cũng sắp chết đói và chết khát rồi! Chúng tôi cũng lỡ "cơ" như chim thôi!

CHƯƠNG 30: CỐ GẮNG, CỐ GẮNG, CỐ GẰNG NỮA

Một bà già tay run rẩy (chắc vì đói và mệt) đưa cho tôi hai miếng mì khô bé tí, mắt bà lại nhìn con chim! Tôi hiểu, cầm hai miếng mì khô, tôi cũng không biết làm sao cho nó ăn. Tôi buộc vào đầu một cái que một miếng, rồi giơ lên, chẳng hiểu vì sao, con chim cứ nhìn trân trân vào miếng mồi, nhưng vẫn lạnh lùng đứng yên, nó không thích ăn hay nó không ăn được? Nó cũng chẳng có thái độ gì, trong khi chính tôi, sáu bảy ngày nay chỉ có một hộp sữa, nhìn miếng mì khô, tôi cũng thèm lắm, nhưng phải mang vào trả lại bà cụ, với lời cảm ơn thay cho con chim. Khoảng gần trưa, tôi đang nằm lim dim vì mệt, thì có tiếng cậu Bạch kêu lên, như reo mừng:
– Ối trời ơi! ở đây có một hòm to lương thực!

Tôi xông đến ngay, trong một cái góc khuất, sát vào hầm máy dưới đáy của thuyền: mì sợi khô, gạo tẻ, gạo nếp v.v. .. Tôi hiểu ngay, đây là do thằng Lợi, chuẩn bị cho chuyến đi, ông Cường không hề biết, điều này đã nói rõ. Tôi suy đoán: chắc thằng

Lợi lo mọi chuyện cho chuyến đi, từ máy móc cho tới khâu đóng thuyền. Ông Cường hợp đồng, chỉ là người lo bến bãi, đón khách v.v. . .

Ông Cường được nhận một số khách nào đó, theo thỏa thuận với thằng Lợi, nhưng tới ngày đi, ông Cường đã đưa quá nhiều khách để lấy vàng, lấy tiền, vì thế đã xẩy ra xô xát cãi lộn, để rồi thằng Lợi đã mang con cái trở lên bờ.

Lúc này ông Cường, cũng đã xô đến nhớn nhác nhìn hòm lương thực, tôi nhẹ đưa một câu để ông Cường này biết điều một chút. Tôi nói to, cho mọi người cùng nghe:

– Cái này là do thằng Lợi đây, nó không kịp nói với tôi, thì đã lên bờ rồi.

Ông Cường đang chỉ chỏ, định giải quyết những thực phẩm đó thấy tôi nói như thế, ông ta ngừng lại ngay như bị chạm huyệt. Tôi lờ đi và nói tiếp với mọi người:

– Lương thực này là của chung mọi người trên thuyền. Điều quan trọng bây giờ là nước, nước chỉ còn đủ dùng cho một ngày nữa, ăn nhiều bây giờ, lại càng phải cần nước nhiều. Do đấy, tôi đề nghị hãy chia đều cho mỗi người một chút, rồi từ từ theo điều kiện chúng ta giải quyết dần. Tôi xin minh định rõ ràng: Cũng như nước, quý vị đã giao cho tôi, lương thực cũng sẽ như thế.

Nói rồi tôi nhìn các cậu Bạch, Triết và Thâu, qua những buổi tâm tình các cậu ấy sẽ ủng hộ tôi. Hơn nữa, tôi làm theo đường chính, thực sự vì mọi người trong thuyền. Cụ thể sau khi tôi đưa ra ý kiến ấy, không những mấy cậu thanh niên giơ tay tán thành, ông già má hõm (sau này tôi đã biết tên là bác Kiệt) và anh chị gần cạnh tôi (người Miên) cũng lên tiếng đồng ý. Dù như thế, để cho nó êm vui, tôi quay lại nói như cùng phe với ông Cường:

-Ông Cường cũng đồng ý , giải quyết như thế phải không?

Ông Cường vừa cười vừa gật đầu, và cũng trở gót về phòng hoa tiêu. Tôi cười bước sang khoang bên, mấy bà, mấy cô, chào ầm lên như đùa:

– Chào ông thần nước!

Tôi biết là các bà đùa vui, nên tôi chỉ cười.

Tôi nhờ bác Kiệt và các cậu phân chia mỗi người một ít lương thực, tôi vẫn lưu ý là hết nước, ăn nhiều càng nguy hiểm, cho nên chỉ từ từ ít một. Mấy ngày trước, trong những lúc ngồi trao đổi chuyện trò với các cậu thanh niên, tình cờ tôi nắm được một ý là:

Cái hôm ở bến bãi lên thuyền có xô xát, lộn xộn là vì ông Cường cho khách, lên thuyền nhiều quá. Thuyền có thể bị chìm, nên thằng Lợi cương quyết không đồng ý. Hôm ấy, thằng Lợi đã mang con lên bờ, chứ nếu không, phe cánh bên ông Cường sẽ giải quyết thằng Lợi. Nghĩa là sẽ cho nó đi “mò tôm” ở ngay chỗ bến bãi. Tôi nghe

mà người nóng lên và buồn cho lòng con người, dễ dàng phản nhau, chỉ vì đồng tiền. Nghe để biết vừa đủ thôi, bởi vì trong điều kiện hiện nay cứ đóng cái vai không hề quen biết Lợi là chính.

Vừa qua tôi đã hơi vội, nên đã lòi ra một chút, tuỳ theo sau này tôi phải tìm cách hóa giải, với ông Cường. Mặt khác, tôi không hề tỏ ra quen biết Lợi nhiều, mà chỉ nghe nói, khi đi đóng ghe thuê để kiếm ăn v.v. . . Vì trách nhiệm chung, cũng như nước, tôi mới có ý kiến. Tôi để mặc bác Kiệt và các cậu giải quyết lương thực, tôi cũng chỉ nhận phần như mọi người.

Con thuyền vẫn thay nhau chèo về hướng Bấc, khoảng 4 giờ chiều, con chim lạ bỗng bay đi, cũng về hướng Bắc. Như thế, càng chứng tỏ đã có chiều hướng đi đúng hướng, chỉ không biết rõ đấy là Căm-pu-Chia hay là Thái Lan mà thôi.

Mặt trời đã chui dần xuống biển, bầu trời cũng thẫm dần lại, bỗng từ phía Nam, một luồng sáng từ dưới nước chạy ngược lên trời. Mới chập tối mà đã có sao chổi đổi ngôi, tôi chưa từng được nhìn sao chổi, đổi ngôi ngoài khơi bao giờ, nên mới thấy lạ. Cậu Triết đang chèo, chạy vội xuống khoang gọi kêu rối rít:

– Có tàu đánh cá !

Nhiều người lại chạy xô lên sàn thuyền, đúng rồi xa xa rõ ràng có ánh đèn lấp loáng ở phía Bắc. Tôi cũng xô đến, tiếp tay chèo với mấy cậu thanh niên, điểm sáng càng ngày càng rõ ra, thậm chí tôi đã nhìn thấy cả bóng người đi lại. Mấy chị phụ nữ nhanh nhẩu, cho hai tay lên miệng làm loa, gào to:

– Xin cứu chúng tôi với !

– Chúng tôi không còn nước uống!

Tiếng gào lẫn vào tiếng sóng, thuyền của họ to gấp hai thuyền của chúng tôi. Có hai, ba người nhấp nhô cũng hướng về thuyền chúng tôi, nghe những tiếng ó é lẫn vào sóng gió của biển khơi. Tôi giơ một tay che gió ở tai, cố lắng nghe xem họ nói tiếng gì? Cao Miên hay Thái Lan? Vì xa đến hàng trăm mét nên, không thể phân định được. Thuyền của tôi, bà con xô lên càng đông, nhiều tiếng gào réo lên của cả đàn ông lẫn đàn bà:

– Cứu chúng tôi với! Chúng tôi không có nước uống!

Thuyền chúng tôi càng gần, đã trông rõ họ mặc quần áo đen và nâu, bây giờ thì đã nghe rõ:

– Làm sao mà cứu?

Câu hỏi bất chợt, làm chúng tôi ớ cả ra, không ai trả lời được. Chẳng lẽ nói chúng tôi đi vượt biên? Riêng tôi thì buồn và vui lẫn lộn. Tướng rằng sẽ nghe tiếng ngoại

quốc: Thái Lan hay Miên, dù không hiểu nhưng lòng tôi sẽ vui biết mấy! Ai ngờ đâu lại là tiếng Việt, tiếng Việt lúc này, là tê tái lòng, chúng tôi vẫn còn trong khu vực của Việt Cộng. Rõ ràng con thuyền đó là đánh cá, cũng là lúc, tôi đã nhìn thấy một khẩu CKC ở bên vách thuyền. Tôi kéo vội tay cậu Triết, Thâu và Bạch ra sau, nói nhanh:

– Nếu họ sang thuyền mình, tôi sẽ thuyết phục họ vượt biên với chúng ta, nếu không được, tôi sẽ cướp súng của họ rồi cướp tàu Các cậu phải nhanh trí, ứng tiếp tôi nhé ! Lúc này phải liều, để tự cứu mình !

Cả ba bốn cậu đều sốt sắng đồng ý! Tôi vỗ vào vai cậu Thâu và Triết, nói nhẹ như khích lệ:

– Hai cậu đã là dân vệ xứ Bình An, của cha Quỳnh mà !

Khi thuyền chúng tôi chèo cách chừng hơn 10 mét, một người cao lớn, nói giọng chỉ huy, giơ cả hai tay, xòe ra như đẩy lại:

– Ngừng lại đấy! Không được đến gần!

Như vậy, họ đã có kinh nghiệm với những người vượt biên. Họ không sang thuyền chúng tôi, và cũng không cho thuyền chúng tôi, đến gần. Bên thuyền ấy bẩy, tám người tiến ra nhìn chúng tôi, thuyền chúng tôi bây giờ nhiều bà mẹ đã mang cả con nít lên, ồn ào hỏi han qua lại. Họ đã biết chúng tôi vượt biên, thuyền chết máy đã một tuần, bây giờ xin nước uống!

Phía trên buồng lái, mấy người ra mũi thuyền, gào sang thuyền đánh cá, để nói chuyện. (Tôi chỉ quan sát chứ không hề lên tiếng). Nội dung những trao đổi:

Nếu ai sửa được máy, chúng tôi chạy được, chúng tôi có hiện vật là đồng hồ, một ít tiền, vàng v.v. . . để trả công!

(Họ cung cấp nước, nhưng không thể sửa máy).

Chúng tôi cũng đã biết: Vùng biển này ở bên ngoài Hòn Khoai, chỉ cách HK chừng 25 cây số. Tôi hiểu HK cũng đã sát với vùng biển của Cam Bốt, nhưng vẫn thuộc hải phận của Việt Nam.

Cả một tuần lễ, con thuyền chúng tôi lênh đênh, trôi đi, dạt về vẫn còn loanh quanh trong hải phận của VN. Họ đồng ý cho nước uống, họ ném sang một đầu cuộn dây thừng, buộc giăng giữa hai con thuyền, buộc những can nhựa, thùng nhựa lân chuyền giữa hai thuyền, họ cho được sáu can nhựa nước uống.

Phải thừa nhận dòng máu Việt trong con người của họ, vẫn còn hơi hướng, mầu sắc của Âu Lạc, vua Hùng. Họ chưa mất hết như những tên Việt Cộng bị những dòng máu lai căng cộng sản, pha trộn vào để cạn hết tình người, không còn nghĩa đồng bào, nhìn những tình tự dân tộc như một sự cổ hủ, lạc hậu.

Bây giờ họ cho chúng tôi ba điều kiện để tự quyết định. Thuyền của họ trong đội thuyền đánh cá quốc doanh. Tôi hiểu, cái vòi hút của Đảng phải thò tới những thuyền đánh cá này. Có nghĩa, trên thuyền ấy phải có một tên, của cái Đảng lai căng mất gốc:

1) Nếu muốn tiếp tục ra đi thì cứ tự tiện.

2) Nếu muốn họ kéo vào Hòn Khoai (họ không có trách nhiệm gì, vì họ không quen biết. Họ cứ kéo thuyền vào, giao cho đồn công an).

3) Họ sẽ kéo thuyền về Minh Hải, cũng giao cho đồn công an. Nhưng là nơi họ về, địa phương của họ.

Chúng tôi, kẻo hết xuống khoang giữa của thuyền để lấy ý kiến chung. Tôi tranh thủ trao đổi vận động các thanh niên, bác Kiệt, cả gia đình của ông Cường. Bây giờ đã có nước rồi (Dè dặt cũng được bốn, năm ngày), lương thực dè xẻn cũng còn năm sáu ngày, vậy hãy quyết tâm ra đi tiếp, cứ chèo sang phía vịnh Thái Lan. Một số thì im lặng, mấy bà có con dại, cứ nằng nặc phải quay về, tôi cao giọng nói mấy nét chính:

– Thưa bà con trong thuyền, chúng ta đã mất bao nhiêu công lao, ngày tháng chuẩn bị. Chúng ta đã bị hơn một tuần lễ lênh đênh, đói khát trên con thuyền vô định giữa biển khơi, vì chúng ta đã xác định, chúng ta không thể sống dưới chế độ hà khắc sắt máu vô thần của Việt Cộng. Chúng ta ra đi chấp nhận mọi gian khổ, thậm chí cả mạng sống của chúng ta để đổi lấy tự do cho mình, và cho gia đình con cháu của chúng ta, vậy đây mới là một trở ngại bước đầu, chúng ta đã nản lòng, sợ sệt quay về?

Ba chị phụ nữ dẫn năm cháu nhỏ ra giữa, một chị đã quỳ xuống trước mặt tôi mếu máo:

– Tôi lậy ông, hãy cứu mấy đứa nhỏ này!

Tôi choáng người, vội vàng đỡ chị đứng dậy ngay, chị nói sụt sùi trong nước mắt:

– Đi về, đàn ông thanh niên bất quá bị tù một đến hai năm sẽ được tha, đàn bà con gái thì một vài tháng, rồi cũng được về. Nhưng nếu đi, thuyền không có máy, chẳng biết đến ngày nào, không chết vì bão tố, thì cũng chết đói, chết khát. Xin các ông hãy thương mấy đứa nhỏ, chúng nó có tội tình gì, mà bắt chúng nó chết!

Cái cá tính tình cảm lố bịch của tôi lại nổi lên, tôi nhắm mắt, ngửa mặt nhìn lên phía trời cao. Đời tôi đi chiến đấu chịu bao nhiêu gian khổ là cho người khác, trường hợp này cái cá nhân của tôi đã trở thành con số không.

Tôi mệt nhọc, bước sang khoang bên, về chỗ nằm, tai tôi còn nghe nhiều tiếng:

– Thôi quay về ! Quay về ! Trong đó có cả những tiếng của những người khi sớm: Quyết ra đi!

Tôi nằm, tính toán lo lắng cho phận mình: Sẽ để tuỳ theo tình huống để ứng biến !

Khi ông Cường và một số đông xin họ kéo thuyền về Minh Hải, họ nói, còn cần ở lại đánh cá đêm nay, hai giờ chiều mai, bắt đầu quay về. Tôi cần phải ngủ, để lấy lại sức của những ngày vặn vò với số mệnh.

Sáng hôm sau, mặt trời đã dậy từ lâu, ồn ào, xôn xao ở trên sàn thuyền, người tôi cũng đã phần nào tỉnh táo, tôi mò lên và được biết thuyền bên ấy họ đã buộc hai cái thúng đậy bao tải, dù xa hàng chục mét, cũng còn thấy khói giẫy dọn mơ hồ. Họ có nhã ý nấu cơm nóng cho bà con thưởng thức sau một tuần không có cơm. Quả như tôi đã suy nghĩ: Dòng máu của họ hãy còn trong lành, tinh khôi chưa bị pha thuốc mê, thuốc độc của chủ nghĩa ngoại lai cộng sản. Tôi chợt nghĩ đến những can dầu ở dưới hầm thuyền, không dùng đến, tôi gợi ý với ông Cường và các cậu thanh niên, nếu họ muốn, xin tặng họ, nếu không về đồn CA, chúng tịch thu cả thuyền. Mãi, họ đồng ý lấy năm, sáu can dầu trong hàng chục can, thuyền không dùng đến (mỗi can hai chục lít).

Đúng hai giờ như lời họ đã nói, họ ròng dây để kéo, cách xa thuyền họ chừng 7 mét. Quả máy thuyền của họ thật là khỏe, họ kéo thuyền chúng tôi đi băng băng. Qua một vài sự việc tiếp xúc tôi hiểu bên thuyền ấy có những người có tình, có nghĩa, có trước có sau. Tôi rất tiếc, không có điều kiện tiếp cận để tâm tình, trao đổi về kiếp sống của con người. Cho nên, điều kiện quyết định mọi sự việc trong cuộc đời.

Qua thăm dò, được biết họ sẽ kéo thuyền của chúng tôi về thẳng đồn công an của Minh Hải (vì cuộc sống, vì nồi cơm, họ không thể làm gì khác hơn).

Tình huống này tôi đã cân nhắc và quyết định. Được biết thuyền kéo về đến Minh Hải, sẽ vào khoảng 10 giờ đêm. Tôi hiểu: phải làm những cái gì người ta chưa, hoặc không nghĩ tới thì mới dễ, khi mà thuyền đã về đến đồn CA, thì khó trốn thoát. Có thể chúng có súng và còng tay mang theo xuống thuyền, chúng sẽ bắt đàn ông xuống hết hầm thuyền, rồi lần lượt chúng khóa tay từng người v.v. . . Vậy tốt nhất, bất ngờ nhất, khi thuyền kéo về đến gần đồn CA, họ phải đánh tín hiệu cho nhau (đêm tối) bằng đèn bấm, xác định khoảng cách, tôi sẽ xuống biển, lặn rồi bơi chéo về một hướng xa đồn CA. Không ai nghĩ là tôi dám xuống ở ngoài biển, khi còn xa bờ về ban đêm.

CHƯƠNG 31: NỔ LỰC ĐỂ SINH TỒN

Tính toán, cân nhắc rồi tôi âm thầm chuẩn bị, đôi dép không cần thiết, tôi bỏ vào một góc khuất, cởi chiếc quần “jean” rách, đã bạc màu, thắt chặt hai ống lên cổ. Cái giấy ra trại, cái nhẫn chị Lợi đưa, chiếc đồng hồ Seiko 5 của thầy tôi cho, tất cả tôi túm lại trong một cái túi nylon, đút gọn vào trong một cái túi con khâu ngầm trong quần đùi, rồi cài kim băng.

Nghĩ đến đôi dép để đấy không tiện, sau này CA khám thấy đôi dép, chúng nghi ngờ có người trốn, tôi đi đôi dép đàng hoàng. Trời đã cập quạng tối, tôi đến rủ mấy cậu Bạch, Thâu và Triết có theo tôi bơi vào bờ ngay từ còn ngoài biển v.v...? Cả ba cậu thấy tôi chuẩn bị, bằng những con mắt sợ sệt, e ngại, cuối cùng các cậu đều nói:

– Thôi! Anh ơi! Bị bắt một, hai năm về, tính chuyến khác, bây giờ xuống biển đêm, chả biết thế nào. Nguy hiểm lắm!

Tôi thật ngạc nhiên: Cậu Thâu và Triết đều gốc chài lưới, mà cũng rụt rè, sợ sệt như vậy. Tôi đã thấy một điểm sáng, từ trong chỗ đen ngòm lóe lên, như thế sắp tới đất liền rồi. Rồi ánh đèn bấm từ thuyền trước cũng lóe lên, biển lúc này tuy có động, sóng to, gió lớn hơn, lại có trận mưa đêm nữa, như vậy là càng tốt cho kế hoạch của tôi. Tôi phỏng đoán cách bờ chỉ khoảng một cây số hay một cây số rưỡi là cùng, tôi lại bơi bỏ xa chỗ đèn pin lóe lên, thì cho đến hai cây là hết cỡ. Tôi đã được ăn một bát cơm và một gói mì khô. Có nguy hiểm, nhưng xét cơ thể của tôi, có thể chịu đựng được cái lạnh ở dưới biển.

Tôi hỏi lại các cậu lần nữa, các cậu vẫn e ngại lắc đầu. Không thể chần chờ, bắt tay các cậu, tôi xuống vào chỗ người ta vẫn đi cầu phía khoang cuối. Xác định phương hướng, tôi tụt xuống biển, trừ ba cậu, cả thuyền không ai hay. Chìm nghỉm, sóng to gió lớn, tôi sải bơi theo sóng, áng chừng nửa giờ, tôi lặn sâu xuống, sờ chân xem có thấy đất chưa. Lặn đã hết cả hơi, chân tôi không hề chạm vào một vật gì. Tôi nhổm lên, nhìn vào phía trong, vẫn một mầu đen kịt, tôi cũng chẳng nhìn thấy hai con thuyền đâu, chỉ thấy sóng biển trắng đầu nhấp nhô.

Cứ xác định hướng ấy, bơi nữa (nếu không xác định đúng, mà lại bơi trở ra biển, thì tôi chẳng còn ngồi viết những dòng này). Tôi lại bơi nữa, cũng áng chừng nửa giờ, bỗng có một loạt súng AK 47 *pằng. . . . .pằng. . . pằng. . . ..*vang réo vào tiếng gào của sóng. Tôi lặn vội xuống biển, tôi tưởng trong bờ CA đang nhằm bắn tôi, nhưng thấy yên. Tôi cũng thấy mệt qua rồi, vì sự sống, tôi cố bơi nữa, tay chân của tôi đã rã rời, tôi tưởng phen này đành buông xuôi tay chân cho hết một kiếp người nhiều cực nhọc.
Giữa lúc tôi nghĩ đến mẹ tôi mù lòa, bố tôi lẩn thẩn thì chân của tôi chạm đất, tôi đã đứng được lên, nhưng người yếu quá! Một cơn sóng đánh tôi đổ nằm ra, bây giờ cả tay tôi cũng đã chống sờ thấy đất cát, tôi cố lết vào thêm để có thể nằm ra được mà không có nước. Tay tôi vừa chạm vào mấy cành lá con con, tôi hiểu là loại "đước" con thường mọc ở bờ biển. Hai tiếng súng *pằng... pằng...* Lần này là của CKC réo vào không khí, từ ở phía phải.
Tôi suy đoán là lúc này cả thuyền đã bị bắt, sau khi CA tra xét biết là có người trốn, nên chúng tản ra các bờ để truy lùng. Vì nghĩ như thế, nên tôi vẫn cứ phải nằm ngâm trong nước biển lạnh hàng giờ nữa. Người tôi rét run, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cặp, lúc này tôi mới chợt thấy cái quần jean buộc ở cổ đã gửi nó trong lòng biển, cả đôi dép cũng không còn. Quần đùi, chân không giầy, dép với một cái sơ mi mầu "gụ" đã sờn vai. Tuy tôi ở miền Nam từ 1954, nhưng chỉ ở Sài Gòn. Có

một lần xuống Hồng Ngự thăm mộ người em mới đây, chỉ ở một đêm sáng hôm sau đã trở về. Nói chung ở những tỉnh khác của miền lục tỉnh, tôi chưa hề đặt chân.

Tôi có cảm tưởng như từ thuyền đổ bộ, xâm nhập vào để hoạt động tình báo, chống cộng sản của 1981. So với đầu 1962 tôi đổ bộ vào Hà Tĩnh của miền Bắc, nhưng lần này khó khăn hơn vì không được trang bị quần áo, và lương thực.

Một điều tôi không ngờ, và chưa bao giờ thấy, đó là muỗi. Muỗi như những đàn ong, vo vo quấn lấy mặt, lấy cổ, lấy tay và lấy chân của tôi. Vỗ, đập, đuổi, người cứ phải giẫy lên khoa chân múa tay, để xua đuổi muỗi. Đứng cũng không yên, cứ như tập võ, múa Mai Hoa Quyền. Tôi chợt nhìn mấy cành đước, tôi bẻ hai cành, mỗi tay một cành, đập và xua đuổi muỗi. Tuy có khá hơn, đỡ mệt hơn là làm bằng hai bàn tay, tôi đành chịu trận để chờ trời sáng. Thật là may, khi mặt trời bắt đầu thò lên, thì những con muỗi cũng đi đâu mất tiêu. Miền Bạc Liêu, Minh Hải, tôi đáng ghi nhớ nhất là muỗi.

Vừa quan sát, vừa nghe ngóng tôi cứ tiến dần vào phía trong, vì có một chút kinh nghiệm hoạt động nên lòng tôi cũng có phần tự tin, khi vào miền đất lạ. Tôi suy đoán, trong vùng vì có người trốn vượt biên, nên ở các chặng đường có thể có CA để ý người lạ, nhưng chắc rằng chả quan trọng như tù trốn, tuy vậy, tôi vẫn luôn luôn để ý mọi hiện tượng trên đường đi. Thực sự, tôi cũng chẳng biết đi về đâu? Chỗ nào cũng sông ngòi hay rừng non. Mãi gần trưa, chân tay đã mỏi rời, tôi đã đến một con sông to, nước phù sa cuồn cuộn chảy, có chỗ rộng năm sáu chục mét, rải rác hai bên bờ có những chiếc vó rất to.

Tôi cứ theo bờ sông, đã có lúc tôi định bơi sang bên kia bờ, nhưng chưa biết hướng ấy đi về đâu? Điều cần là tôi phải gặp người, để lựa lời thăm hỏi. Nhìn phía trước có một căn nhà tranh con con ở mé sông, từ xa tôi thoáng thấy bóng một người đi vào. Đến gần, nhìn cái cửa phên tre khép hờ, căn nhà trơ vơ bên một bờ sông trống trơn, không có nhà cửa cây cối. Sát phía bên trong, là những ruộng bắp đã thu hoạch, sâu vào trong nữa là những cây rừng non. Chung quanh thật vắng vẻ, cạnh cái nhà nhỏ chỉ có một cái am con để một bát hương, nhưng đã tàn lạnh. Tôi chậm chạp lê chân tiến đến cánh liếp khép hờ, tôi lên tiếng cũng rề rà lửng thửng, tay đẩy cánh cửa liếp:

– Có ai .....không?

Thoáng nhìn thấy khẩu CKC dựng mé vách, một người mặc chiếc quần ka-ki xám, cởi trần chừng 35- 36 tuổi, tay đang cầm cuốn sách: “Thép Đã Tôi Thế Đấy” tôi hơi chột dạ, nhưng đã vào thì phải tiến tới .

– Chào anh ! Nằm đây . . . . đọc sách là số “dách” !

Anh ta định cho chân xuống dép, với tay lấy cái áo sơ- mi nâu có cầu vai, tôi ngồi ghệ xuống chiếc giường tre, tay lắc lắc:

– Anh cứ nằm đi! Tôi xin ngụm nước uống thôi!

Anh ta vẫn đứng lên, vào góc buồng cầm cái ấm nhôm, rót ra cái chén ở chiếc bàn con. Anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân, chỉ qua ánh mắt tôi đã thấy anh ta đã đặt vấn đề. Đúng như vậy! Anh ta nhìn ra phía sông, nói một câu:

– Đêm qua, được báo có người vượt biên trốn !

Hơi điếng người, nhưng tôi vờ như chuyện đó, không có liên quan. Tôi cầm chén uống nước, rồi cũng nhìn ra phía sông, như nói với mình:

– Ồ! Chuyện ấy, bây giờ cũng bình thường thôi! Hôm qua họp rồi uống say quá, sáng nay một đồng chí chở tôi trên chiếc Mobylette, chết máy còn đang nằm với xe ngoài lộ. Chân đau tôi bỏ cả dép lại, khát nước và buồn ngủ quá, tôi mò vào đây. Đồng chí có biết sửa xe máy dầu không?

Anh ta quay lại nhìn tôi cười nửa miệng:

– Chắc anh hai đói, và buồn ngủ lắm?

Không gọi tôi là đồng chí, cũng không trả lời câu tôi hỏi, tôi vờ uể oải dựa vào vách, mắt lim dim nói rời rạc:

– Hôm qua... say... nôn hết... vừa đói...vừa buồn ngủ!

Anh ta đẩy cửa buồng, không quên cầm khẩu CKC đi vào, nói vọng ra:

– Còn chút bánh canh, tôi mần nóng cho anh hai!

Tôi nói như ngái ngủ:

– Ờ . ờ , xin cảm ơn....đồng chí!

Nói rồi tôi ngả ngay xuống giường nhắm mắt, chừng bẩy, tám phút. Nghe tiếng cánh cửa buồng mở, tôi vẫn nằm yên, mũi thoáng có mùi rượu, rồi đập tay vào chân tôi, anh ta giục:

– Dậy ! Anh hai... ăn cho nóng !

Tôi mệt nhọc chống tay bò dậy, có một chén rượu trắng và một tô bánh canh đang khói nghi ngút trên chiếc bàn con. Anh ta đã mặc quần áo chỉnh tề và đeo súng vào vai. Tôi như sáng mắt ra, nhìn tô bánh canh đang nóng, tôi cười với anh ta, rồi cầm chén rượu như đưa lên miệng định uống. Thực ra, để ngửi mùi rượu. Nhà quê trong lúc bất chợt làm gì ra thuốc mê? Nhưng tôi tỏ ý như chợt nhớ ra, để chén rượu ra mé bàn và cầm đũa:

– Hôm qua tại rượu, nôn hết, hôm nay không uống nữa!

Tôi ăn vồ vập, anh ta ngồi nhìn tôi ăn, rồi lại nhìn ra ngoài, về phía trái. Để cho bầu không khí bớt căng, nặng, tôi hỏi như quan tâm:

– Vụ bắp vừa qua, xã nhà thu hoạch, có năng suất không?

Anh ta thủng thẳng:

– Cũng được thôi!

– Miền Nam ta vẫn nổi tiếng cả nước, về thiên nhiên tôm cá. Trữ lượng thủy sản của con ngòi này, tôi vẫn nghe là cao nhất vùng này?

Anh ngồi nhìn tôi vừa ăn vừa hỏi, cái nhìn hơi nhíu nhíu con mắt của anh, như muốn nói với tôi: ” Hãy lo thân anh bây giờ đi! Đừng hỏi vớ vẩn nữa ! “

Nhưng anh ta vẫn tỏ ra như người hiếu khách:

– Con ghềnh Hào này, cũng như các con ghềnh khác vùng này thôi! Cuối nguồn phía Hộ Phòng, cao hơn phía trên này.

Để phòng hờ lạc hướng, tôi hất hàm ra sông:

– Thế bên kia là xã gì?

Tôi mừng, nắm được biết đây là ghềnh Hào, còn Hộ Phòng ở phía dưới là phía nào? Nhưng chưa tiện hỏi. ăn xong, bát bánh canh nóng, thật là ngon, sau này dù cả ở Mỹ cũng không có bát bánh canh nào ngon bằng (vì trong người đã có đủ chất). Tôi chậm chạp đưa bát đũa ngâm vào chậu nước có bát đĩa ở mé hè, rồi lặc lè lê bước đến mé vách cầm ấm nước, trở lại bàn rót nước uống. Tôi biết anh chẳng bỏ sót một cử chỉ nào của tôi, nhưng tôi vờ như không biết. Tôi cứ lẩm bẩm trong miệng: Ngon quá! Tuyệt quá! Xin cảm ơn. . ...đồng chí!

Rồi tôi nằm vật ra tiếp tục ngủ. Chừng năm phút, anh ta đứng dậy nhìn tôi mê mệt gáy gỗ. Anh ta đến khóa cửa buồng, rồi đẩy cửa liếp ra ngoài. Ra ngoài chừng hai ba phút, anh ta lại trở lại, đứng bên ngoài nhìn qua cửa bếp vào chỗ tôi nằm, năm mười giây rồi mới vội vàng ra đi về phía trái.

Tôi bò dậy ngay, nhìn theo, phải chừng 7- 800 mét có một căn nhà con như cái điếm canh, lúc sáng tôi đã đi qua. Khi anh ta đi chừng 500 mét, tôi đẩy cửa liếp đi ra ngoài quan sát. Con sông nước đang lên to, nên có chỗ rộng bẩy, tám chục mét. Nước lên là từ ngoài biển vào, vậy phía dưới Hộ Phòng là phía phải, ngược với chỗ điếm canh. Tôi ra hẳn ngoài nhìn cho kỹ ! Chung quanh tất cả trống trơn, sát phía phải bờ sông, có một cái am con, chỉ cao đến cổ người đứng, mỗi bề chừng khoảng tám, chín

mươi phân. Từ trên bờ xuống mép nước dốc ngược đến 45 độ, bờ sông toàn sỏi, đá cuội và cát.

Phía trong, có những ruộng bắp (đã thu hoạch), trong nữa là rừng non, từ căn nhà tôi đang đứng vào đến chỗ rừng non cũng hơn 100 mét. Thoáng bóng tên đó từ điếm canh đeo súng đi ra, bóng hai tên nữa ra bắt tay rồi lại vào, tên đeo súng dáng vội vàng trở về căn nhà có tôi.

Tôi suy nghĩ: Từ sau vụ 1978 người Hoa ra đi bán chính thức (nộp vàng, kim cương, tiền). Miền lục tỉnh, CA hiểu những người vượt biên, thường có vàng hay kim cương hoặc dollars. Trước đây chúng bắt được vượt biên, năm, mười tháng hay một năm, tùy theo đút lót chúng sẽ tha. Bây giờ 1979- 80- 81, CA hay du kích tính ăn "mảnh".

Nếu trường hợp nào đó, chúng vớ được vượt biên, bắt giong về đồn, vừa mất công lại chả được cái gì, nên chúng thường cho đi "mò tôm", sông rạch miền Nam thiếu gì? Khi đó người vượt biên nộp vàng, nộp tiền chúng cũng giết. Nộp vàng xong, chúng vẫn giết, để khám của giấu đút trong người, và khỏi tố chúng sau này. Không có của đưa cho chúng, cũng bị thủ tiêu để chúng khám trong người (người vượt biên hay giấu của kỹ lắm). Chúng vừa khỏi mất công giong về đồn, chỉ cấp trên hưởng, chứ chúng có chăng chỉ một tờ giấy khen, giải quyết gì?

Tên đeo súng đã về gần tới nơi, tôi nhìn khắp không có chỗ nào ẩn nấp, dù bơi sang bên kia cũng không kịp. Tôi chạy ngay ra chỗ chiếc am, nơi mé sông: nhìn vào chiếc am con, có cái bệ ở giữa, để mỗi bát nhang. Nhang cắm năm, bẩy cái, nhưng đều đã từ lâu, hương tàn khói lạnh. Một người không thể chui vừa vào trong am.

Trời nắng chang chang, khoảng 1- 2 giờ trưa. Tên đeo súng, đẩy cửa liếp vào nhà, chừng 30 giây, chắc nó tưởng tôi chui rúc trong nhà nên sục sạo. Y xô, dập mạnh cánh cửa liếp chạy ra ngoài, ngơ ngác nhìn khắp chung quanh. Y đoán với thời gian, tôi không thể bơi sang sông, dù vậy y cũng chạy ra nhìn dọc theo dòng nước mênh mông, đang chảy cuồn cuộn. Chỉ có một cái am con độc nhất ở mé sông, y cũng chạy ra nhìn, rồi thò cổ ngó phía sau am, cũng không có. Y lại chạy ra phía bên kia nhìn cả ra sau chiếc am, cũng không người.

Chẳng lẽ một người có thể biến? Cho nên y chắc, chỉ còn một cách duy nhất, là đã chạy vào trong rừng! Vì đinh ninh như thế, y chạy vội về điếm canh, thổi còi để báo anh em (trước đây định ăn riêng, ăn mảnh). Y cũng quỷ quái, cứ chạy được một tí, y lại quay người lại. Nhưng nếu y biết được rằng, một người muốn quay đầu lại thì cái lưng, cái vai đã báo trước rồi. Vì thế y quay lại nhiều lần không thấy gì, cũng như khi nãy rõ ràng y đã nhìn bên này cái am, lại chạy ra nhìn phía kia cái am, mà cũng không thấy ai.

Ai đã từng khi bé chơi "ú tim" trốn tìm mà phải nhanh như máy thì, đều hiểu. Cái chính là bất ngờ, và chủ quan coi thường đối tượng, chứ nếu y cứ chạy hết cả chung quanh cái am, thì tôi sẽ lòi mặt chuột ra thôi. Lúc ấy tôi phải có "vỏ bọc" tại sao ra

đấy làm gì? Thừa sức để trả lời: như cầu khấn, lễ bái hay tìm chỗ giải quyết đại tiện, sau khi ăn v.v. . . Tóm lại thời gian y về gọi mấy tên du kích, thì tôi đã lẻn vào rừng non, dù y có biết cũng không đuổi kịp. Y nhanh, tôi cũng nhanh, mà tôi lại chạy trước y hàng chục phút.

Trước khi mấy tên đuổi vào rừng, cũng ra vẻ áp đảo tinh thần người chạy trốn, chúng bắn hai phát CKC vào rừng. Nhưng như tôi đã nói ở trên, tôi đã có một chút kinh nghiệm lặn lội ngoài Bắc với những bậc thầy của chúng rồi, nên làm sao chúng tìm được? Có chăng, là sự may rủi trong cuộc đời này, mà thôi!

Ngoài Bắc là phòng phản gián, những người đã được đào tạo có nghiệp vụ, những đồng chí du kích thì làm gì đã có nghiệp vụ? Chỉ là cái tinh khôn của tự nhiên mỗi người. Qua suy đoán, tên du kích đã đọc "Thép Đã Tôi Thế Đấy" và vài hiện tượng, chắc y cũng là một cấp chỉ huy của du kích? Y cũng không phải là không quái, khi nãy tôi đã cố ý đánh lạc hướng hỏi thăm cái xã bên kia sông. Vậy mà y cứ chú ý vào khu rừng non, nhưng ít ra y cũng đánh giá tôi chậm chạp, hơi lù đù v.v. . .

Phải nói tôi cũng rất vất vả chạy bán sống bán chết, ở trong rừng có nhiều chà-nà, chân tôi bị gai đâm mấy lần. Những cái nào rút ra được thì thôi, cái gai nào gẫy bên trong thì đành để vậy. Tôi hiểu cái kiếp sống của con người, chỉ cần sai chuyển một chút, thì cuộc đời đã hoàn toàn khác hẳn trong tương lai. Chỉ một vài giây thế này, thế kia đã thay đổi hẳn cả cuộc đời.

Đêm khuya hôm ấy tôi đã về đến Hộ Phòng, là một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Minh Hải, mỗi ngày chỉ có một chuyến ca – nô chạy khách về thị xã Bạc Liêu do nước triều. Về tới Hộ Phòng vừa mệt vừa đói, tôi vào một hàng cơm, chân vẫn đau đi lặc lè vì gai (bây giờ lặc lè thật). Gọi một đĩa cơm thịt bò, ăn một tí đã sạch đĩa.

Tôi gọi một đĩa nữa, cô bé chừng 14 – 15 tuổi cứ nhìn tôi mãi, tôi ngạc nhiên với cái nhìn của cô, nhưng khi cô ta vào trong gặp bà má ở dưới bếp, thì tôi đã hiểu. Con người của tôi lúc đó vừa xanh xao, lôi thôi, lếch thếch, quần ngắn không giầy dép, mà lại ăn khác thường. Cô bé sợ là dân đói rách, ăn mày, ăn xin không có tiền trả, gọi đĩa cơm đầu cô ta đã ngần ngại rồi.

Tôi ăn như máy, lại gọi nữa thì làm sao cô ta không nghi ngờ? Tôi hiểu vậy, nên tôi lặc lè tiến xuống bếp gặp luôn bà má. Tôi nhã nhặn :

– Thưa chị Hai, tôi bị lỡ độ đường! Tôi bị lừa, hiện nay giá vàng bao nhiêu? Tôi có cái nhẫn hai chỉ?

Chị đó chừng 45 tuổi, ngẩng lên nhìn tôi chắc để thẩm định. Mắt của chị như được tráng lên một cái mầu xanh nâu, cái mầu của tha nhân, hòa hợp nghĩa tình, chị nói như chia xẻ:

– Bây giờ họ lừa lọc nhiều lắm? Những tháng trước nhiều người mất hết cả tiền, lang thang ngoài bến bãi! Vàng hôm nay 400 một lượng.

Chị vừa nói vừa cầm chiếc nhẫn tôi đưa, vừa hất hàm cho cô con gái làm đĩa cơm tiếp. Tôi hỏi chị ngay, thích ứng kịp thời:

– Một đĩa cơm mấy đồng hả chị Hai?

Chị đã nói liền là “hai đồng”.

Như thế, tôi chả phải rụt rè với cái bụng nữa. Khi cô bé đau đĩa cơm đến, tôi nhìn cô, mắt tôi hơi nhay nháy như muốn nói với cô bé : “Đừng thấy bộ quần áo đẹp mà ham!”

Chẳng hiểu cô có hiểu ý tôi không, cô lại đỏ mặt lên ngượng nghịu! Để thưởng công đã thoát được một “ca” may mắn! Tôi quay lại vẫy cô bé, nói nho nhỏ:

– Cho tôi một ly nước chanh đá !

Trước khi đi, cô bé còn quay lại nhìn tôi vài giây, như muốn bảo: “Lại còn dám gọi cả nước chanh nữa!”

Tôi chỉ mỉm cười, rồi gật gật. Khi chị Hai ra tính tiền, để tôi rời quán, chị đưa cho tôi 75 đồng. Tôi ngạc nhiên:

– Sao chị lại đưa nhiều thế?

Chị cười nói:

– Tôi trả cậu như ngoài tiệm, mà không phải trả tiền công nhẫn.

Chị đã đeo chiếc nhẫn vừa vào ngón giữa. Ngoài ra, tôi còn hỏi chị được nhiều điều, về những chặng đường, từ Hộ Phòng về Sài Gòn.

Đến Bạc Liêu, phải đi xe lôi đến bến xe đi Cần Thơ, rồi về Bắc Mỹ Thuận. Trên đường đi cũng nhiều cảnh, nhiều người và cũng nhiều tình huống, nhưng xin quý độc giả cho qua.

Tới Bắc Mỹ Thuận trời đã bốn năm giờ chiều, trước đây chỉ nhìn thấy trên bản đồ, bây giờ dòng sông Cửu, đã ở ngay trước mặt tôi. Tôi có ngờ đâu, nó lai rộng như thế, tôi cứ hình dung tường cũng như con sông Đáy, của dòng sông Hồng Hà ngoài Bắc, mà tôi đã quen thuộc.

Đúng là trên bến dưới phà, thật là tấp nập, người thì đông. Nhìn những anh chàng mặc đồng phục xanh, các cậu khoác trên cánh tay chiếc băng đỏ, chạy lăng xăng miệng nhai nhồm nhoàm, khách ngược xuôi trên xe dưới đường, hầu hết đều đăm

chiêu, tư lự. Những cảnh bán mua, những tấm mía hoặc trái cây, cá biệt có con gà, con vịt thì lấm lét chụp giựt, nói lên những cảnh sống lam lũ, chạy vạy tơi tả ngược xuôi của miền trù phú nổi tiếng. Một cái vựa lúa khổng lồ của Đông Nam Châu Á. Không hiểu trước đây, khi VC chưa cướp trắng trợn được miền Nam, thì có cảnh như thế này không?

Có chăng chỉ có trời thì vẫn chẳng hề đổi thay. Đứng từ chiếc phà giữa dòng nước đục ngầu, mang những mầu mỡ từ Tây Tạng, Trung Quốc, Lào và chút ít của Cao Miên, về vun đắp cho miền đồng bằng này thêm phì nhiêu. Đã từ lâu tôi vẫn có ấn tượng trời là một chiếc vung khổng lồ, mầu xanh lam úp xuống trái đất này. Vì vậy, có lần nhìn những đám mây trắng nõn nà đây đó một vài cụm, tôi đã tưởng, nếu tôi ở gần tôi sẽ nhặt nốt mấy búi bông con con đó, cho cái mầu xanh " ái ân " ấy, nó đã đầy và cho thiên hạ cũng đã đầy, mà mình có mất cái quái gì đâu.

Hơi đặc biệt hôm nay, nắng chiều đã xiên khoai, đứng trên tầng phà cao, trời lặng gió. Nhìn những làn sóng lăn tăn, từ mãi phía bờ tây xa tắp. Nước nhấp nháy, lóng lánh do ánh chiều, tưởng như những chiếc vảy bạc, của cổ một con rồng khổng lồ, có chín cái đầu.

Tôi cứ mẩn mê quê hương với rồng tiên, phà đã sang bờ lúc nào. Chân đã bước lên bờ, mà đầu tôi còn ngoảnh lại, tiếc nuối nhìn một cái cảnh mà rồi đây, tôi không còn thể nhìn thấy nữa. Một câu hát lê thê, nỉ non rúc vào tai tôi, làm cho tôi đờ cả người ra:

Nếu con không về....chắc mẹ.....buồn lắm.....!

Một tiếng hát khác nữa, ở trong đáy tâm tưởng của tôi, tự bật lại:

Nhưng nếu con... về... chắc mẹ... còn buồn hơn... !

Tôi chen lấn đám đông, dõi theo tiếng hát lúc này đã khè khè, như chiếc bễ lò rèn hết hơi. Kia rồi! Tôi không tin ở con mắt của tôi! Một anh mặc chiếc áo "treillis" đã cũ rách, đội chiếc mũ nồi mầu đỏ, đã trở thành nâu sậm, cả đôi chân của anh bị cụt sát háng. Anh nằm sấp trên một miếng gỗ, phía dưới lồi ra mấy cục. Hai tay của anh có hai miếng da trâu khô, anh di chuyển bằng hai cánh tay đó.

Anh chừng 42- 43 tuổi, khuôn mặt khắc khổ, cái môi dưới của anh bị mất một miếng, thành ra tiếng hát của anh tưởng rằng hết hơi. Anh chẳng xin ai, mọi người qua lại như không nhìn thấy anh. Thỉnh thoảng anh ngừng di chuyển , rồi cái giọng bi ai hổn hển lại cất lên được mấy câu:

Anh ra... đi... trong một chiều... sương... âm... u...!

Tôi cứ theo anh, nhìn anh xoay xở, tâm tư của tôi cởi ra, rồi lại buộc vào, với những tiếng thở dài không nín được. Tôi nhìn xuống đôi chân đất khập khiễng, vì đau và chiếc quần đùi mầu nâu non, đã phai và bẩn thành mầu bí ngô chín nửa chừng của

tôi Tôi thò tay vào túi cố lựa ở trước quán cơm. Anh lại ngửng lên nhìn tôi, đôi con ngươi của anh, nắng nhạt buổi chiều làm xám lại như mầu hạt dẻ, cái mầu của nhiều đêm ngày vặn vò cắn xé trái tim anh. Tôi hỏi vội một câu, không cần lắm câu trả lời:

– Chân anh bị cụt lâu chưa?

– Em ở tiểu đoàn I dù, bị thương ở Cổ Thành Quảng Trị 72.

Choáng người, tôi lại hỏi vội một câu nữa:

– Có biết Đỗ Văn Tân không?

– Ở khóa 10 Thủ Đức, em ở khóa 26.

Anh lơ xe đã vời gọi khách, xe chuyển bánh, tôi rút ở túi quần còn 54 đồng rưỡi. Tôi không có gan đưa hết cho anh, tôi chia đôi, tôi lấy 27 đồng, đút cả vào chiếc gáo vỡ, bắt lẹ được tay anh! Tôi nói được một câu cuối:

– Cố gắng chịu đựng!

Tôi vội lên xe đò dù nhiều lúc phải nghiến răng vì cái chân bị nhói buốt! Tới lúc xe đò đã chạy, tôi mới trách mình sao lại không hỏi tên?... Nhưng tôi lại nghĩ: hỏi để làm gì? Chính mình còn đang quay cuồng trong gió bão của quê hương, biết lúc nào rụng rơi?

CHƯƠNG 32: LÀM ĐƠN XIN ĐẢNG VÀO TÙ

Mãi 8 giờ tối, tôi mới về đến Sài Gòn. Chưa dám về nhà, tôi thuê xích lô đạp về nhà em Xuân, bên Lăng Cha Cả hết 4 đồng. Nếu chân tôi không đau, thì tôi đi bộ dù năm mười cây số. Tôi lặc lè bước vào nhà, các cháu không nhìn ra tôi, tóc tai, râu ria bùm sum, quần áo lếch thếch lôi thôi. Em Xuân ở dưới bếp bước lên, nhìn tôi rồi miệng mếu xệu ôm chầm lấy, nói trong nước mắt:
– Anh ơi ! Sao anh khốn khổ thế này?

Chú Tuất đi làm đêm, ở nhà chỉ có mấy mẹ con, một đứa lấy xe đạp sang báo cho ông bà. Tôi căn dặn nói cho ông bà, chưa để cho hàng xóm biết. Tôi mệt quá và thiếu ngủ, cô Xuân đun một thau nước nóng cho tôi ngâm rửa chân, vì buốt nhói quá! Tôi lên gác nằm ngủ cho lại sức, ngày mai còn đối ứng với CA phường, khu vực.

Sáng hôm sau, cô Thu đã đến sớm, cứ ôm tôi khóc sướt mướt như trẻ con ngày nào. Mắt em Thu sáng, nên đã khêu lấy ra được, ba cái gai chà-nà, ở hai bàn chân tôi. Tôi đã mang chúng mấy ngày trời, từ dưới khu rừng ở ghềnh Hào, Minh Hải về Sài Gòn. Cả một buổi sáng, cô chú Tuất và cô Thu, các cháu ríu rít mua bán đồ ăn, để gọi là bồi dưỡng cho tôi, sau 10 ngày trăn trở, quặt quẹo với chuyến vượt biên không

thành. Gần chiều, tôi phải trở về bên bố mẹ và còn phải đi trình diện CA khu vực, lúc 7 giờ tối.

Sau khi thăm hỏi và chào thầy tôi, tôi vào trong mùng với mẹ tôi. Hai mẹ con không nói ra được một lời nào, chỉ ôm nhau hàng giờ, để cho những dòng lệ vàng đục, từ những cõi lòng dúm dó, quặt quẹo chảy ra. Cuối cùng mẹ tôi lần tay sờ lên đầu tôi thều thào:

– Con hãy dâng hết niềm khốn khó, nỗi khổ đau cho Chúa và mẹ Maria.

Gần 7 giờ tối, tôi mò đến nhà cô Ngọc Anh, thoáng thấy tôi bước vào buồng, cô trợn mắt nhìn tôi. Cái bánh "xèo" của cô hôm nay nhăn nhúm, mắt của cô càng trắng ra, gằn giọng:

– Sao anh không đi luôn, về đây làm gì nữa?

Mặt tôi xìu xuống, chảy dài ra, chậm chạp ngồi vào chiếc ghế bên cạnh, thiểu não:

– Cô hãy nhìn con người tôi cô đã rõ. Gần năm tháng nay, ngày nào tôi cũng đi làm, không có tiền mà cũng không có một hạt gạo nào. Chẳng lẽ tôi chỉ uống nước lã rồi đi làm? 43 – 44 tuổi rồi, mà còn ăn bám bố mẹ mù lòa già yếu. Cô là CA, người đại diện của Đảng và chính quyền của khu vực này, xin cô hãy xét cho điều kiện và hoàn cảnh sống, của tôi.

Theo lệnh của phường, tôi phải làm một bản kiểm điểm: Mười ngày đã bỏ đi đâu? Tại sao đi? Đi những chỗ nào? Viết chi tiết đưa cho CA khu vực ký, rồi đưa ra phường!

– Vẫn đi làm tổ mành trúc như mọi khi!

– Viết kiểm điểm vào buổi tối và sáng sớm !

– Phải nộp bản kiểm điểm trong ngày thứ sáu (hôm nay là thứ ba).

Họ không cho tôi ăn, mà còn không cho tôi thở nữa. Thôi! Mình là kẻ chiến bại, thì hãy nhắm mắt lại, cho kẻ thắng nó hành, nó đầy đọa.

Tôi cố gắng chắt lựa thời gian, ngày hôm sau, (thứ tư) tôi phóng miết xe lên nhà thằng Lợi. Không ngờ cháu Mỹ Linh và cháu Hữu Lực còn bị giữ lại ở đồn Cỏ May. Đêm hôm đó (ở bến bãi) lộn xộn thằng Lợi đưa con lên bờ. Ra ngoài mà đi đông nguy hiểm, nó chia làm hai. Nó chỉ một đường cho các cháu lớn ra đón xe về Sài Gòn, còn Lợi dẫn hai cháu nhỏ đón một chuyến xe khác để tránh CA nghi ngờ.

Các cháu lớn có mang theo một chiếc va-li đựng quần áo, một số hình ảnh, thư từ mang đi (vượt biên) để làm kỷ niệm. Chẳng hiểu CA khám xe hỏi, chúng nghi ngờ, chúng tách hai chị em ra hỏi, truy nên phải ra sự thật: Đi không được nên quay về

v.v... Cũng may các cháu không nói gì tới bố, nên chúng còn để ở đồn Cỏ May, chờ bố mẹ đến lãnh (một hình thức xoay tiền).

Cháu Thủy và cháu Thắng, con của vợ chồng Đạt thì vẫn còn bị giam ở trại Gáo Dừa, ruột gan của tôi lại càng bị vặn vò thêm. Đành rằng tôi không có lỗi trực tiếp, nhưng có lỗi trong gián tiếp Vì thế, mỗi khi có điều kiện tôi lại đạp xe lên vợ chồng thằng Lợi, vợ chồng Đạt thăm hỏi như một sự chia xẻ. Như tôi đã nhiều lần thố lộ ở trên, tôi không có khả năng, tài cán gì mà lại còn gián tiếp làm thiệt hại đến bạn bè. Tôi hiểu vợ chồng thằng Lợi, ruột còn đang rối như tơ vò, nên tôi cũng chưa dám nói gì, về chuyện phía bên kia, còn định thanh toán thằng Lợi. Nó sẽ càng buồn bực thêm, mà lại không thể giải quyết, trong hoàn cảnh này.

Nội dung bản viết kiểm điểm của tôi, chỉ quanh quẩn mấy ý chính: Là một đứa con đã 43- 44 tuổi rồi, bố mẹ mù lòa già yếu đã không hề giúp đỡ đấm bóp, cơm nước hầu hạ; lại còn ăn bám vào tiêu chuẩn gạo của bố mẹ, để rồi các người phải ăn cháo, bữa đói bữa no. Dù thương con nhưng khó khăn não nề quá, nên có lúc các người đã chửi mắng tôi. Tôi biết bố mẹ tôi là đúng, tôi là sai. Biết mình sai nhưng tôi không biết và không có khả năng để sửa sai, cho nên tôi phẫn uất lấm! Tôi muốn bỏ nhà ra đi, dù có khổ cực hay đói khát mà chết, tôi cũng xin bằng lòng. Ở với bố mẹ tôi vừa buồn .....vừa đau xót.....vừa nhục!

Đến ngày, tôi đem nộp lên phường, tên Mậu xem xong, xé ngay trước mặt tôi, bắt tôi về viết lại. Y nói:

– Viết những điều lăng nhăng, mà chưa thấy cái sai của mình. Nếu không viết đúng sự thật, y sẽ có biện pháp!

Tôi lại lủi thủi đi về, tranh thủ tối khuya ngồi viết lại. Tôi cũng chỉ có bằng ấy lý do chính, như tờ kiểm điểm trước. Ba ngày sau tôi lại phải lấy chữ ký của CA khu vực, của tổ khu phố, rồi mới đem lên phường nộp. Tên Mậu lại đập bàn, quát tháo là tôi viết lảm nhảm chưa thấy cái sai cái lỗi của bản thân, nó lại bắt tôi về viết lại nữa. Y bảo cho tới khi nào tôi thấy được cái sai, cái lỗi của mình mới thôi!.

Suốt ngày đi làm, ăn uống thì rau, mắm mà cũng không đủ no, tối về lại cặm cụi viết kiểm điểm. Đêm qua vừa buồn vừa mệt, tôi cứ trằn trọc đến 12 giờ, vẫn chưa chợp mắt được một chút nào. Đến khi vừa chợp ngủ được thì bất chợt, tôi nghe tiếng của thầy tôi la to:

– Giời ơi ? Các ông phá nhà tôi à ?

Mẹ tôi thì khóc nức nở kêu la:

-Ối trời cao, đất dầy ơi! Tôi có làm cái gì đâu, mà các ông lục lọi nhà tôi như vậy?

Tôi choàng ngồi dậy, có tiếng giầy đi lên gác, hai ba người đèn pin loang loáng. Tiếng giầy đi nặng trên gác, sàn gỗ làm rung rinh cả căn nhà, một tiếng nghe lạ hoắc:

– Tên Bình đâu?

Tôi hất màn chui ra, ngơ ngác, tên đó lại hỏi tiếp:

– Có người lạ trong nhà không?

Tôi cảm thấy nản lòng và phẫn uất quá rồi, nên tôi trả lời không cần văn hóa nữa:

– Các ông đang lục lọi trong nhà thì các ông biết, tôi làm sao biết!

Cả hai tên chiếu ngay đèn bấm, vào thẳng mặt tôi. Tôi đứng yên nhìn lại chúng mấy giây, rồi tôi đi xuống dưới nhà xem thầy mẹ tôi thế nào. Cả hai cái mùng của thầy mẹ tôi, chúng đều vắt lên, một tên sục xuống bếp, mở cả bể nước mưa ở ngoài sân. Chúng cầm một cái gậy dài chừng 1m50 chọc, khùa vào bể nước, làm đục ngầu, chúng hạch sách sổ hộ khẩu, một tên nhìn vào bàn thờ rồi hỏi trống không :

– Cả nhà theo đạo Chúa à?

Thầy mẹ tôi ngồi yên, tôi không còn kìm được nữa, muốn thế nào cũng mặc, tôi cũng không trả lời, tôi đã định nói: ”Các ông nhìn bàn thờ mà các ông không biết gì, nên mới phải hỏi” nhưng tôi đành “nín thở qua cầu” .

Thầy mẹ tôi, mỗi người gục ở một góc giường, gần một giờ sau, chúng mới chịu đi ra, không một lời chào chủ nhà. Nhìn bộ điệu của cả năm tên, hai tên đeo súng ngắn, nhưng cả hai cũng không đeo lon nên chả biết là CA nào? Quận hay Thành? Tên nào tôi cũng chưa hề nhìn thấy bao giờ. Tôi đóng cửa rồi bỏ mùng xuống cho thầy tôi, một ông cụ già 77 tuổi rồi, còn lẩn thẩn nữa. Tôi cũng vào đỡ mẹ tôi nằm ra, và bỏ mùng lại cho cụ. Bà cụ mù lòa cũng không được nằm ngủ yên, tôi chỉ hiểu vì tôi, vì đứa con bất hạnh, bất tài này nên các cụ cũng phải khổ lây Từ đấy cho tới sáng, vừa hận vừa buồn nên tôi không tài nào ngủ lại được nữa, thỉnh thoảng nghe những tiếng thở dài não ruột của thầy, của mẹ tôi vẳng lên.

Sáng hôm sau, tôi vẫn phải dậy sớm để chuẩn bị ra phường đi làm. Tôi quá mệt nhọc, thấy cuộc sống của tôi được gần bố mẹ già, nhưng bị ràng bố cả ngày lẫn đêm, tôi nghĩ đến giai đoạn được ra tù. Khi ấy (năm ngoái) từ cán bộ, cho đến tù nhân đều được tương đối thoải mái hơn trước đây. Cụ thể, các cán bộ lén lút khoán chúng tôi làm đồ tư, chúng tôi có trà, thuốc lá, gạo thành ra không sợ đói khổ, như những năm trước đó.

Tôi chợt thấy, ở nhà bên bố mẹ già nhưng cũng không có thời gian để phụng dưỡng, đỡ đần các người, còn làm các người khổ lây như đêm qua. Bản thân tôi còn cực nhọc, đói thiếu hơn thời gian, tôi ở trong tù vừa qua. Một ý tưởng lóe lên trong

đầu: Tại sao không xin trở lại tù? ở trong tù còn được cái thú " tự tôi xin vào tù " không còn phải đêm ngày lo lắng CA đe dọa, sẽ bắt vào tù Nghĩ như thế, tôi mần mò để viết một lá đơn có tình có lý, xin trở lại tù.

Nếu được CA chấp nhận, thì mình đã đạt điều mình mong muốn! Nếu CA không chấp nhận, thì họ đỡ hành mình, đỡ hơi một tí, họ lại đe dọa bắt trở lại tù, (tôi nghĩ lúc ấy họ đe dọa sẽ không bắt mình đi tù còn sợ hơn). Sau mấy ngày suy nghĩ, tôi đã viết được một lá đơn xin đi tù. Nội dung lá đơn xin trở lại trại giam đi tù như sau:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Độc lập tự do hạnh phúc

Kính gửi:

Cục Lao Cải (lao động cải tạo) trực thuộc Bộ Nội Vụ .

Thông qua:

– Sở CA thành phố Hồ Chí Minh

– Tiểu Ban Quản Lý Những Người Học Tập Cải Tạo Được Về.

– Công An quận Tân Bình

– Công An Phường 6.

– Công An khu vực thuộc Phường 6.

Tôi là Đặng Chí Bình hiện được tạm trú ở nhà bố mẹ tôi là ông Đặng Chí Phúc và bà Nguyễn thị .....tại số 12/ 34/18 phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Xin quý ông cứu xét chấp nhận sự thỉnh cầu của tôi:

Tôi nghĩ không một ai ở một nước nào, lại muốn vào trong nhà tù cả, đây là hoàn cảnh và điều kiện sống của tôi.

Đầu 1962, tôi có nhận một nhiệm vụ của cục tình báo VNCH, ra Hà Nội để chống phá cách mạng. Nhưng tôi đã không làm gì, khi đến Hà Nội CM đã đưa tôi ra Tòa án Nhân Dân Thành PhốNội ngày 30- 12- 1967 xử phạt 18 năm tù giam và 5 năm mất quyền công dân.

1980 tôi đã được ra tù, tôi trang trọng cảm tạ ơn trời biển của Đảng và chính phủ. Khi tôi về tới miền Nam thì bố tôi đã 77 tuổi, lẫn lộn trí nhớ, hay yếu đau. Mẹ tôi 73 tuổi, đã lòa cả hai mắt 16 năm rồi. Bố mẹ tôi còn sống là do sự đùm bọc, giúp đỡ của bà con xóm giềng: " Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước hãy thương nhau cùng ".

Về địa phương, tôi đã thi hành mọi điều khoản được quy định với chính quyền, của một người tù được tha về. Bản án còn 5 năm mất quyền công dân của tôi. ở phường 6 hiện có gần năm chục quân cán của chính quyền VNCH cũ đi cải tạo được về. Hầu hết họ phải đi trình diện CA phường một tháng một lần, gần 10 người trình diện tuần một lần, một mình tôi duy nhất phải trình diện ngày một lần.

Gần 20 năm đi tù tôi đã tự hiểu, tuy cùng mất quyền công dân, cùng đi tù nhưng chính sách của CM đã đối xử với từng người hoàn toàn khác nhau. Như tôi đã đi tù: ở 6 năm một mình trong buồng kín, 4 mét vuông của xà- lim Hỏa Lò Hà Nội. Bị cùm ba năm rưỡi, lúc cả hai chân, lúc một chân trong cái cùm của thời thực dân Pháp.

Hiện nay, hàng ngày tôi phải đi làm ở tổ mành trúc 19/5, tám giờ mỗi ngày. Tôi đã làm hơn sáu tháng nay, không có tiền lương, cũng không có gạo. Tôi phải ăn bám vào bố mẹ mù lòa già yếu. Cuộc sống già yếu tật nguyền của bố mẹ không còn yên ổn vì tôi. Tôi tha thiết tự nguyện xin trở lại trong tù cho tới chết, tôi và bố mẹ tôi xin đội ơn hải hà của Đảng và chính phủ đã cưu mang tôi một lần nữa.

Thành kính Ký tên, ĐCB.
Trưa hôm qua, tôi đi làm về, thầy tôi đang hì hục chẻ củi, nấu cơm ở dưới bếp, mẹ tôi ngồi ở trong màn đang ôm đầu. Mọi khi thì thầy mẹ tôi đã ăn rồi, tôi vội vàng nhấc mùng, trèo lên ngồi bên mẹ, ôm lấy mẹ tha thiết:

– Mẹ làm sao thế? Thầy mẹ chưa ăn cơm ạ?

Mẹ tôi bị đau đầu từ sáng đến giờ, nhưng hết thuốc rồi, thầy tôi chống gậy ra nhà ông lang Cảnh ở Ông Tạ từ 9 giờ sáng. Mãi 12 giờ mới nghe tiếng lọc cọc, thầy tôi chống gậy đi về, vẫn chưa mua được thuốc. Tôi không kịp xuống bếp xem thầy tôi loay hoay thế nào, tôi cũng chả thiết gì ăn với uống, tôi phóng xe vội vàng ra ngã ba Ông Tạ, để mua một liều thuốc nhức đầu cho mẹ tôi trước đã.

Lúc về, tôi gần rẽ vào đường Bắc Hải, rõ ràng tôi nhìn thấy anh Bưởi đang gò lưng đạp chiếc xe, kiểu mới tự chế: Theo anh Bưởi, chiếc xe Farovite hơn một chục năm, đã sơn lại hai lần, một người quen đã bán lại cho anh 70 đồng, trả góp hàng tuần 10 đồng.

Anh nhận được một công việc, đi giao sữa tươi cho các gia đình, đã đặt mua mỗi buổi sáng. Đi cất sữa, đi giao sữa bận bịu tối ngày, anh tằn tiện ăn cơm độn bo bo, với mắm cáy (món sở thích của anh). Mỗi ngày anh có thể để ra được 1 đồng 70. Sau khi kể cho tôi nghe thành tích, mặt anh Bưởi tươi hơn lên, đôi mất long lanh dưới chiếc riềm mũ vải, mầu xỉn hạt mít:

– Mỗi tuần tôi còn gần hai đồng để "vi vu" thuốc rê với đời, chỉ hơn một tháng nữa, chiếc xe này đã hoàn toàn là của tôi!

CHƯƠNG 33: LÒNG MẸ

Mặc tiếng nói của anh, giấc mơ của anh chạy vào tai tôi lộn xộn. Mắt tôi đang mải ngắm nhìn cái yên sau, chiếc xe đạp của anh. Bằng năm que gỗ loại ba phân vuông, dài một mét, anh khéo đóng ba miếng dọc, hai miếng ngang, trông như cái phên. Anh lựa buộc chặt vào trên cái yên sau, anh có thể chở đi lủng lẳng và chồng lên trên hơn hai chục bình nhựa sữa tươi. Mới đầu tôi không nhận được ra anh, tưởng một người đang đạp chiếc xe lôi thồ. Tôi chợt nhớ đến chuyện CIA gần hai tháng trước, tôi hỏi nhỏ anh:
– Anh còn gặp tên xích-lô ngày ấy không?

Anh Bưởi lắc đầu, cũng khe khẽ nói:

– Nghe Bình nói như vậy, tôi sợ quá! Có mấy lần gặp tên đó, nhưng tôi cố tránh.

Sờ tay vào túi, thấy gói thuốc nhức đầu của mẹ, tôi từ giã anh Bưởi, hẹn gặp lại sau! Mỗi người một cảnh đời, đều phải tất bật lo toan!

Về tới nhà, thấy yên ắng! Thầy mẹ tôi đều ở trong mùng. Tôi vén màn, nhìn mẹ tôi đang ôm đầu rên rỉ:

“Mẹ không muốn sống nữa, con ơi?”

Lòng tôi càng muốn đứt ra từng khúc! Nước mắt đã làm mờ, hình dáng tiều tụy của mẹ tôi. Tôi chạy xuống bếp, mở vung nồi cơm thầy tôi nấu khi nãy. Nồi cơm vẫn còn nguyên, nhưng nhão như bánh đúc, có lẽ thầy tôi đổ nước hơi nhiều nên nát quá! Nhìn vào trong chạn, chỉ có thố cà ghém muối của cô Thu đưa sang hai ngày trước, chưa ăn hết. Trong chạn không còn mắm, muối gì. Tôi dọn cơm vội vàng cho thầy mẹ tôi, chính tôi sáng sớm mới chỉ có một củ khoai lang luộc, để đi làm. Tôi mang bát đũa của thầy mẹ, nồi cơm lên nhà, sắp xếp sẵn trên chiếc bàn con, như mọi khi. Tôi tranh thủ xúc vội một bát cơm, với ba quả cà xuống bếp, ăn lẹ để còn kịp đi làm chiều.

Tôi mở từng mùng, thầy mẹ tôi vẫn nằm yên, tôi khẽ khóa cửa rồi phóng xe ra phường, làm bổn phận một người mất quyền công dân với tổ mành trúc. Tay tôi nhịp nhàng, từ từ đưa từng cây trúc vào chiếc máy cưa con. Nhìn những đoạn trúc đều nhau, bắn rơi xuống chiếc rổ, tôi chợt nhớ đến một ước mơ những ngày tôi còn ở xà lim Hỏa Lò.

Tâm lý của con người, có nhiều khi, chính mình đôi khi cũng không hiểu bản thân mình. Ngày ấy, biết bao nhiêu lần đêm ngày nhớ thương về người mẹ, như đói thèm ăn, khát thèm uống. Tôi đã hình dung suy đoán, cái thịt ở rốn của mình là cái thịt cắt với cuống nhau của mẹ. Để phần nào coi như là đã được sờ thấy, cầm tận tay của mẹ; nên tôi đã sờ rốn của tôi nhiều lần, bất kể ngày đêm mỗi khi tôi nhớ tới mẹ tôi. Một ước mơ khi ấy như một đặc ân của Trời, của Chúa mà tôi không thể có, là được gục mặt vào đôi tay của mẹ mình, rồi có từ giã cõi đời lòng tôi vẫn thỏa mãn với cuộc đời.

Thế mà từ ngày về được gặp cha mẹ, chưa bao giờ tôi thực hiện, dù cũng đã có lần gục vào vai, vào tay mẹ, nhưng chưa lần nào có ý niệm là tôi đang thực hiện được giấc mơ ngày ấy ở trong tù! Tôi vẫn chưa thấy đầy đủ giá trị, những điều tôi đang có. Dứt khoát, chiều nay đi làm về, tôi sẽ thực hiện được cái ước mơ cao quý đó. Chỉ mới có ý định, chủ trương, còn hơn hai giờ nữa mới đến giờ về, mà tôi nhìn mọi người trong tổ mành trúc hôm nay, ai cũng dễ thương, ai cũng như có thêm nguồn sinh lực mới, của cuộc đời.

Tôi lửng thửng đạp xe về nhà, ngay từ xa, nhìn ngôi nhà tôi cũng cảm thấy hôm nay, tôi thương yêu ngôi nhà hơn. Mở cửa, thầy tôi đang lom khom chuẩn bị hút điếu thuốc lào, cũng như mọi khi tôi vừa dựng chiếc xe đạp, vừa lễ phép:

– Thưa thầy con về! Thầy lại hút thuốc! Thầy có nhớ đây là điếu thứ mấy trong ngày hôm nay, không ạ?

Thầy tôi quay lại nhìn tôi, như có vẻ lạ lùng, rồi người thủng thẳng:

– Điếu thứ hai!

Thấy thầy tôi có vẻ tỉnh táo, tôi hỏi luôn:

– Thầy ơi? Có bao giờ thầy nghĩ đến bỏ thuốc, không hút nữa không?

Thầy tôi đã bắt đầu rít thuốc, tôi vẫn thấy thầy tôi vẫn duy trì một ngày hút ba điếu, chỉ có thuốc lào là người không lẫn lộn.

Tôi vào trong, định vào chào mẹ tôi, lại nghe tiếng lách cách bát đĩa ở ngoài chiếc sân con, nhà bếp. Mẹ tôi đang mò mẫm rửa chén bát! Tôi đã định chào người như mọi khi đi làm về, nhưng hôm nay tôi muốn đứng yên, để ngắm nhìn người rửa chén đũa. Mẹ tôi ngồi trên chiếc ghế con, (chiếc ghế tôi đóng tạm bợ khi tôi mới về cho mẹ tôi) người đang xát xà bông từng cái bát, cái thìa, đôi đũa. Tuy chậm, nhưng người làm rất kỹ, từng những động tác nhỏ nhặt, hộp xà bông, miếng giẻ, vòi nước, cái rổ con úp bát, cho đến cái thau con. Tuy chỉ có ba bốn cái bát, mấy cái thìa, mấy đôi đũa, người lại chỉ sờ soạng và suy đoán. Bất cứ vật gì trong nhà phải để đúng chỗ cũ. Đã từ hơn một chục năm nay, các cô Xuân, Cô Thu, hai người con gái cứ thay nhau một tuần, đến tắm cho mẹ tôi một lần.

Hút thuốc xong, thầy tôi đã vào mùng đi nằm, tôi kiên nhẫn chờ cho mẹ tôi rửa vừa xong chiếc thìa cuối cùng. Mẹ tôi một tay sờ chiếc rổ, một tay cầm chiếc thìa từ từ đặt vào rổ. Tôi không thể kìm hãm được nữa, tôi đã bước đến nhẹ ôm lấy mẹ. Mẹ tôi tươi hẳn mặt, ngửng quay lại như muốn nhìn tôi, nhưng đôi mắt của người đã hoắm vào, làm sao người nhìn thấy đứa con trai của người, bây giờ ra sao? Tôi kéo tay người vào vòi nước, rửa từng kẽ ngón tay. Đôi tay này ngày xưa, đã bao lần tắm rửa cho tôi, đã bế ẵm, ôm ấp tôi bao nhiêu đêm ngày. Thậm chí, cứt đái, mủ máu hôi thối cũng do bàn tay này, đã rửa ráy săn sóc cho tôi. Mẹ ơi!

Tôi đã dẫn mẹ tôi vào trong giường của người, tôi ra dọn dẹp hết những phần việc còn lại. Liếc nhìn chiếc chạn, thố cà muối vơi đi một nửa, như vậy các người chỉ ăn cà với cơm nhão. Nhớ kỳ này cô Thu đã không kịp mua cho, lọ mắm tôm như mọi khi. Mắm tôm chưng là món dễ ăn nhất, nhưng tôi chợt nghĩ, cô Thu cũng đang quằn quại với mấy đứa con nhỏ, chồng còn nằm trong Chí Hòa, những cảnh sống, trong xã hội dưới chế độ này, chẳng nên ai trách buồn ai. Mẹ tôi đang dò dẫm ra bàn uống nước, tôi đưa người trở lại giường, để người ngồi.

Mẹ tôi đang định tụt dép, để cho cả hai chân lên giường.. Không thể chờ được nữa, tôi định tối nay sau khi ăn cơm tối xong, tôi sẽ biến hóa giấc mơ ngày ấy, ở trong tù thành hiện thực. Tôi đã tiến đến cầm đôi tay cao quý của mẹ tôi, lật ngửa để trên hai đầu gối của người. Tôi nhẹ quỳ xuống nền, rồi gục đầu mũi tôi hà, hít mãi cái hơi thương nhớ, ngọt ngào, ruột thịt. Bàn tay mớm cơm, đút cháo nâng niu, ẵm bế tôi, ngay khi tôi mới lọt lòng ra chào đời. Tôi đang được hưởng ân sủng của người, tôi đang sướng vui nhưng sao nước mắt của tôi lại trào ra làm ướt cả tay. Để rồi mẹ tôi đã rút một tay ra, xoa đầu của tôi, lo lắng hỏi:

– Làm sao mà con khóc?

Trái tim của tôi đang bị dúm dó, vặn vò do những cái vòi của con Hồng Tuộc (Từ ngàn xưa biển cả có giống Bạch Tuộc, hay gọi là qủy trắng. Nó có hàng trăm cái vòi, chuyên hút máu loài hải sản. Thế kỷ 20, thế giới mới sản sinh ra một giống Hồng Tuộc "quỷ đỏ". Nó ác độc và thâm hiểm, gấp nghìn lần hơn Bạch Tuộc. Giống Hồng Tuộc có hàng triệu cái vòi vô hình để chuyên hút máu người. ...dân).

Mẹ tôi làm sao nhìn được, trái tim đang rỉ máu của tôi, nên người cười. Ôi! nụ cười! Nụ cười độc nhất từ ngày tôi gặp lại người. Tiếc rằng mắt mẹ tôi đã lòa, với nụ cười ấy, nếu mắt người còn, hẳn sẽ long lanh như những hạt kim cương, môi người vẫn còn cười như hoa nở mùa Xuân, người nói thong thả :

– Nghe mẹ ? Con hãy lấy vợ đi !

Một câu nói làm thay đổi cuộc đời của tôi. Bất chợt, làm cho tôi bàng hoàng, nhưng để làm vui lòng mẹ, không còn nhìn được tôi, tôi đã nói như khẳng định:

– Con sẽ làm theo lời của mẹ !

Bẩy giờ tối, tôi mang cả lá đơn theo, để trình diện CA khu vực. Cô CA Ngọc Anh sau khi ký vào sổ trình diện hàng ngày của tôi; cô nhắc tôi thứ Bẩy này nhớ đi lao động XHCN. Tôi rút lá đơn "xin đi tù" nhờ cô thông qua, rồi ký vào. Cô đọc xong, quay lại, mở to mắt nhìn tôi, cô nhìn tôi như một người cô chưa hề gặp lần nào. Cô không hỏi han gì cả, cô ký vào rồi đưa lại cho tôi. Thái độ của cô hôm nay, cũng bần thần khác thường.

Sáng hôm sau, trước khi vào tổ mành trúc, tôi đưa lá đơn vào phường. Tên Trung úy Mậu, mặt vênh vênh chuẩn bị ra oai, y tưởng tôi đưa nộp tờ kiểm điểm. Y cắm cúi đọc, tôi có cảm tướng cái khí thế giương oai khi nãy, như đang xì dần ra phía dưới hậu môn của y. Y ngửng lên nhìn tôi, mắt y thu nhỏ lại, như con cua rốc bất chợt gặp con ếch "cồ". Y lại cúi xuống đọc lần nữa, y nhìn tôi như không tin chính là tôi. Y nói dịu dàng như nói với người anh, hay người bạn, của y:

– Sao anh lại có ý nghĩ lạ lùng thế! Anh không nên giận ông bà cụ, ông bà cụ già rồi sẽ chết!

Trong bụng của tôi đang nghĩ:

"Tôi kính yêu thầy mẹ của tôi như trời biển ấy chứ! Tôi chỉ thù ghét con Hồng Tuộc mà thôi ! "

Tuy vậy, tôi vẫn nghiêm mặt, nói rành mạch:

– Tôi nhờ ông ký rồi chuyển lên, theo hệ thống cơ quan, tôi đã ghi.

Hôm nay sao y lại có vẻ ân cần, lịch sự như thế! Khi tôi cúi đầu chào y để sang tổ mành trúc, y còn đứng dậy đi ra theo đến cửa, cứ như đưa tiễn một người bạn, đến nhà y chơi.

Sáng thứ Bẩy LĐXHCN cũng như mọi khi, cả năm người chúng tôi, phải quét dọn chung quanh khu chợ Nam Hòa và cả mấy con đường ngang cái cổng, trước chợ. Ngoài những đống rác rưởi hôi thối, lại có mấy cái cuộn băng vệ sinh của phụ nữ, còn bê bết máu, đỏ lòm, ruồi nhặng bâu đầy. Có một tồ băng quấn, vướng chặt vào mấy song sắt của lỗ cống, máu trên tồ băng đã thẫm đen, không một anh nào chịu cho tay vào kéo tồ băng ra. Ai cũng rụt cổ, lắc đầu trước những con mắt của bà con đi chợ.

Các anh đều chung ý kiến, thà bốc đất cát, hay khuân vác nặng nhọc, các anh không nề hà, nhưng cái này, đều giừa cho nhau. Đã mấy anh dùng cào, que, gậy chọc nhưng cái băng cứ quấn chặt. Cô ả Ngọc Anh, đã thấy rõ từ đầu, dù ả đứng từ xa hàng chục mét.

Tôi liên tưởng đến giai đoạn tôi ở xà- lim "án chém" Hỏa Lò, để chống muỗi của cả khu 14 buồng xà-lim bâu vào cắn tôi. Các buồng khác ai cũng có thân nhân nên có màn cá nhân. Tôi từ Sài Gòn ra, đất nước chia đôi, nên chả có gia đình thân nhân. Để khắc phục cái khó khăn này, tôi đã có sáng kiến, kết hợp với sự kiên trì công sức của mình, để có kim, có chỉ và những mảnh giẻ chùi trong nhà cầu, Xà – Lim I dành cho cán bộ. Vì là nơi sâu kín, nên đa số là cán bộ phụ nữ hay đi vào, vì thế trong thùng giấy, giẻ chùi, ngoài cứt đái, còn có những băng vệ sinh của các bà.

Tôi không có tiếp tế nên làm sao có xà phòng! Dù cứt hay máu, chỉ tranh thủ cho vào vòi nước vò vội, lén giắt vào cạp quần mang về, buồng của mình (rửa ráy, cọ bô

trong 5 phút). Vì sự sống và chết, làm sao tin có ngày về? Ý niệm bẩn hay sạch đã gạt ra ngoài, để có những cái túi chui đầu vào chống muỗi, túi tay, túi chân ban đêm trong sáu năm dài.

Vậy hôm nay, tôi làm hay không làm, chứ tôi còn ra vẻ kiêng bẩn, sạch, mỗi khi cuộc sống bắt buộc, phải đối diện, là giả dối. Vì thế, cho tới bây giờ, tôi vẫn thường đùa bỡn với bạn bè: Tôi là loại người, từ trong bãi rác đi ra, chứ chẳng cao sang

Thấy anh em ngại ngần, lúng túng, tôi đã dùng tay giải quyết dễ dàng, nhanh gọn. Không có gì sạch bằng nước và xà phòng!

Đêm hôm qua, ý tưởng lấy vợ cứ vấn vít lòng của tôi mãi. Chỉ vì cuộc sống "du" vào một hoàn cảnh cùng cực, tiền không có, bố mẹ mù lòa, già yếu, thân thì bị o- p ràng bố đêm ngày, nên chẳng bao giờ tôi nghĩ tới. Huống chi, trong cái thế này, trước sau tôi cũng phải ra đi, dù có phải chết cũng sẽ ra đi! Điều làm cho lòng tôi vơi đầy, như nước thủy triều là bố mẹ già của tôi, bao nhiêu giằng co, ngắc ngư, lưỡng lự. Đành rằng hai mươi năm trước đã bỏ cha mẹ ra đi biền biệt, nhưng khi ấy còn em trai, em gái, bố mẹ còn trẻ.

Hơn nữa, trước mắt, tôi vừa làm lá đơn xin trở lại nhà tù và đã nộp, hãy chờ con đường định mệnh của mình, ít ngày nữa rồi sẽ tính. Tối hôm qua sinh hoạt tổ của khu phố tại nhà ông Trùm Lộc, như mọi khi sau khi tôi đọc báo (Nhân Dân) xong, bà con chuyện trò, nghe tôi phàn nàn làm ở tổ mành trúc, hơn sáu tháng mà không có một đồng tiền lương nào, mà gạo cũng không. Họ mách tôi, sao không đi xin làm mộc ở các tổ mộc Phường, Quận, khi tôi có nghề mộc khá?

Ngày hôm sau tôi ra Phường gặp tên Mậu, đề bạt ý kiến với y. Lần này y lại mềm mỏng chuyện trò với tôi. Y tỏ ra rất thông cảm với hoàn cảnh sống của tôi. Y đã khuyến khích tôi, đi tìm những cơ sở làm mộc ở quanh vùng. Tôi cũng thăm dò y xem là tôi đã sắp được chấp nhận trở lại nhà tù chưa? Y cho biết lá đơn của tôi đã lên Quận rồi, được chấp nhận hay không phải hàng tuần, hàng tháng, trước mắt hãy đi tìm một công việc mà làm, rồi chờ. Sau mấy ngày dò dẫm, tìm tòi tôi đã được một tổ mộc thu nhận.

Tổ mộc Thành Công ở bên Chi Lăng Gia Định, do ông Huỳnh trên 50 tuổi làm tổ trưởng. Đặc biệt, ông Huỳnh có bàn tay phải bị ba ngón cụt: ngón giữa, ngón đeo nhẫn và ngón út. Bàn tay chỉ còn ngón cái và ngón trỏ, nhìn ông ta cầm bút như cái càng của con cua bể, đang cắp một con giun đất. Ông ta đã từng là một tổ trưởng, một tổ đặc công nội thành hàng chục năm trước đây.

Tổ mộc Thành Công, thường nhận hàng gia công của các cơ quan như: giường, bàn, tủ, ghế. Ông Huỳnh có một chiếc Mobylette cũ, chuyên chạy đi quan hệ, giao thiệp các nơi. Tổ có chừng gần mười người thợ ở các khâu. Tôi nhận mức khoán đóng bàn, làm việc nếu chịu khó năng nổ lao động thì đủ ăn, và còn có điếu thuốc phì

phèo. Tên trung úy Mậu ở phường, yêu cầu tôi phải có giấy ký nhận hàng ngày, làm ở tổ mộc. Và cứ 7 giờ tối phải trình diện công an khu vực mỗi ngày, như mọi khi.

Từ đấy, tôi cứ sáng đi, chiều về. Có một việc mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn còn thấy lòng nở hoa. Làm việc ở tổ mộc Thành Công được hơn một tuần, hôm ấy tôi lĩnh lương được hơn ba chục bạc, những đồng tiền đầu tiên tôi kiếm được, sau khi ra tù. Đạp xe về qua một bà hàng bán trứng vịt lộn, để thầy mẹ tôi và tôi đều được thường thức, được hướng cái đồng tiền đầu tiên này, tôi quyết định mua ba quả trứng vịt lộn, có đủ muối tiêu và rau răm.

Trên đường đạp xe về nhà, tay ôm túi giấy gói ba quả trứng còn nóng hổi, tôi có cảm tưởng như ôm niềm vui, niềm hưng phấn của thầy mẹ tôi, và của tôi trộn lẫn. Chiếc xe đạp của tôi, như nó cũng vui lây với tôi, nó chạy, nó đi một cách ” phởn phơ” như muốn nhẩy cẫng lên ở ngoài đường. Khí hậu của Sài Gòn chiều tàn, cũng thật mát dịu. Lạ lùng là ngay tiếng chiếc chìa khóa mở cửa nhà, hôm nay nghe nó cũng ngọt ngào khác thường.

Thầy mẹ tôi vẫn còn nằm yên trong màn, các người không biết rằng, hôm nay con trai của các người đã kiếm được đồng tiền đầu tiên sau gần hai mươi năm bị tàn phế, bị cái vòi của con Hồng Tuộc, nó cuốn chặt cổ và hút máu ở tim. Cũng như mọi ngày, tôi nhẹ nhàng dọn cơm nước chuẩn bị sẵn sàng ra bàn. Tôi khe khẽ đỡ thầy tôi dậy để chuẩn bị ăn cơm, tôi lại vào đỡ mẹ tôi dậy. Tôi phải công nhận, hình như mẹ tôi có một cái linh cảm đặc biệt, mặt của người hôm nay thật tươi, người hỏi tôi:

– Hôm nay có cái gì, làm con vui thế?

Tôi quay lại nhìn kỹ, vào hai hố mắt sâu của mẹ tôi, cứ như mẹ tôi nhìn thấy nét vui của tôi thể hiện ra mặt, vẫn là đôi mắt nhắm nghiền, hõm sâu vào. Tôi đã định nói, nhưng tôi đã kìm lại nuốt xuống. Tôi muốn để các người ăn cơm xong rồi, mới thưa cái nguồn vui đó với các người. Cơm hôm nay ngoài món mắm tôm chưng cố hữu, còn có rau muống luộc tôi đã mua từ hôm qua.

Tôi đợi thầy mẹ tôi vừa bỏ bát đũa xuống, từ lúc về tôi đã vùi gói giấy ciment có ba quả trứng vào tro nóng, để nó duy trì cái ấm êm của thầy mẹ tôi và của tôi sắp tận hưởng. Tôi để nhẹ một tay lên vai mẹ tôi, và trang trọng:

– Thưa thầy mẹ, hôm nay con muốn thầy mẹ cùng hưởng với con cái đồng tiền đầu tiên, con kiếm được sau khi tù về.

Thầy tôi vồ vập hỏi:

– Con kiếm được… ở đâu?

Tôi hiểu thầy tôi không tỉnh táo hoàn toàn, nhưng tôi vẫn thưa rõ ràng :

– Con đi làm ở tổ mộc, bên Gia Định, tuần đầu con lĩnh lương !

Mẹ tôi thì hiểu, nên mẹ tôi ngửng mặt lên cười, kỳ này mẹ tôi lại hay cười, đó là nguồn vui chính, lớn lao của tôi. Chắc tâm tư của người đã chuyển đổi tư duy, cách nhìn. Tôi nhớ đến một ý của Trần Trung Đạo. Tôi xin đổi hai chữ "thiên thu": Đổi cả ngàn năm..-..tiếng mẹ cười ! Tôi chạy lẹ xuống bếp lấy gói trứng lên, tôi lấy một quả lau sạch sẽ, với cái thìa con đưa cho thầy tôi. Tay thầy tôi run rẩy cầm lấy, tôi biết thầy tôi sẽ tự ăn được. Phần mẹ, tôi lấy một quả, tôi phải đập một đầu quả trứng rồi bóc ra đưa cho mẹ tôi húp. Mùi trứng thơm lừng căn buồng, nước trứng nóng hôi hổi.
Thầy mẹ tôi, xì xụp húp, tôi nghe cả thầy mẹ tôi đều hừ... hừ khi các người nuốt cái nước thơm ngọt ấy xuống dạ dầy. Phần tôi từ ngày về tù, tuy đã có mấy lần được các cô chú ấy cho ăn bồi dưỡng, nhưng người tôi vẫn thấy thiếu đói. Vì thế, khi tôi phục dịch thầy mẹ tôi, tôi nghe rõ trong bụng tôi nó đòi, nó kêu ọ... ọ... ọ... liên hồi. Nhưng tôi đã ra lệnh cho chúng... "Hãy yên lặng, phải biết điều! Tao là chủ nhân chúng bay, nhưng tao còn phải phụng dưỡng thầy mẹ tao đã! Hãy nằm yên!" Chúng nó đã nghe lời tôi răm rắp!

Bây giờ, tôi mới ra lệnh cho chúng há hết cả miệng ra! Và tôi bắt đầu húp, bắt đầu rót cái nước tuyệt vời, xuống từng cái miệng bé xíu của chúng, tôi nghe rõ chúng đồng loạt kêu:

– Trời ơi ! Sướng ! sướng quá !

Biết chúng nó sướng lắm, vì chính tôi là chủ của chúng cũng đang sướng " rủn " hết, người ra đây này. Cho hay "trời cũng chiều người!" Cả ba quả trứng vịt lộn, "con" lớn cũng vừa phải, vì thế cái "nước" và trứng nó cũng đã ngon hết cỡ của nó. Bây giờ bắt đầu tôi ăn, miệng tôi nhai, tai tôi nghe ở dưới bụng những tiếng rầm rập, rõ ràng hình như tất cả con tì, con vị, trong con người của tôi, chúng nó rủ nhau ra hết. Chúng nó đang nhảy múa như ngày vào hội của đình làng, vừa đánh trống, vừa thổi kèn làm rung rinh cả người tôi.

Không thể để cho chúng nó vô trật tự, làm loạn. Tôi ra một cái lệnh tối khẩn:

– Đồng bào có nghe tôi nói rõ không? – Cùng một loạt trả lời " rõ ". Tôi nói tiếp: " đồng bào " ở trong bụng của tôi yêu quý, tuy trên danh nghĩa là tôi phục vụ, nhưng "đồng bào" ở trong bụng tôi, thực sự tôi là chủ. Vậy đây là miếng trứng vịt cuối cùng, toàn "dân" phải tập trung, lắng nghe lệnh của tôi. Tôi bảo đi là đi, bảo đứng là đứng, bảo nằm là tất cả đều phải nằm. Khi tôi bảo "sướng" thì tất cả đều "sướng" nó mới có tác động qua lại, cộng hướng để cho cái "sướng" bay lên chỗ cao nhất của nó.

Miếng trứng vịt cuối cùng, tôi vét và dốc ngược hết cả vào miệng, trước khi nuốt, tôi liếc nhìn thầy mẹ của tôi. Thầy mẹ tôi cũng dốc ngược cả cái, cả nước vào miệng, các người cứ ư ử ư ử rên rỉ. Mặc các người !

Tôi phải giải quyết với đám "đồng bào"của tôi đã. Lưỡi của tôi đã cứng "đơ" ra rồi, nhưng tôi còn kịp quát một tiếng thật to: "Sướng!" Tai tôi nghe có tiếng sáo cao vút của Thiên Thai và hàng bầy tiên nữ rủ nhau nhẩy múa khúc "Nghê Thường". Thầy mẹ tôi, mỗi người đều chui vào mùng của mỗi người. Tôi cũng để mặc cho đĩa bát ở đấy, tôi lần từng bậc thang lên gác, rồi cũng chui vào mùng của tôi.

Năm giờ rưỡi chiều hôm sau, tôi đạp xe về đến nhà, từ xa tôi thấy bóng một phụ nữ thập thò trước cửa. Tôi đoán là em Xuân hay em Thu thăm thầy mẹ tôi, nhưng là chị Hai Công và thằng cháu Hoài Khanh trên Hồng Ngự xuống thăm thầy mẹ tôi. Chị em, bác cháu gặp nhau thật là mừng rỡ.

Đặc biệt lần này, chị Hai cứ hay nhìn tôi rồi mỉm cười, thấy chị cười thì tôi cũng cười để đáp lại, chứ tôi không hiểu hết ý nghĩa đôi mắt trìu mến, và nụ cười thương yêu của chị. Thì ra ở nhà chị và mẹ tôi đã chuyện trò bàn tán nhiều, về việc lấy vợ của tôi. Hai thím cháu đã quyết định, chiều mai sẽ có một bữa cơm đại gia đình, của chúng tôi. Ngay buổi tối đó, thằng Khanh phải sang báo cho cô Thu và cô Tuất chiều mai đến ông bà.

Phần tôi, vì là làm khoán, nên tôi đã xin ông Huỳnh về từ 3 giờ chiều mai (lúc khác làm bù). Hôm sau, buổi chiều nhà tôi ồn ào đông vui như một ngày Tết. Các em, các cháu chật một căn nhà, để chuẩn bị một bữa cơm sum họp của cả gia đình. Chỉ còn thiếu thím Lý và bốn cháu nhỏ mãi trên Hồng Ngự (nhưng đã có thằng Khanh, đại diện cho gia đình chú Lý). Chú Tuất làm ở xướng Ba Son, 5 giờ chiều mới về tới, các cô chú đã mua hẳn một con gà trống hai ký để thịt, chứ có phải thường đâu! Phải nói từ ngày tôi về, ngoài những bữa các cô chú mời tôi đi ăn bồi dưỡng ở tiệm ăn, thì cũng chỉ hai, ba người là cùng.

CHƯƠNG 34: TÌM BẠN ĐỜI

Đặc biệt từ hôm qua, mẹ tôi đã sai tôi ra đường Bắc Hải, để mời mợ Út, cùng vào ăn cơm hôm nay. Tôi xin sơ lược về mợ Út của tôi: Mợ Út chỉ hơn tôi hai, ba tuổi, mợ là vợ của cậu Út, có bốn người con, mợ là họ hàng phía bên mẹ của tôi. Khi tôi đi tù về thì cậu Út đã chết từ khi nào, và mợ đã tái giá với một người khác mà chúng tôi thường gọi là chú Hiệp. Chú Hiệp và mợ Út, sống với bốn người con riêng của mợ Út ở đường Bắc Hải.
Từ ngày tôi về, thỉnh thoảng tôi vẫn ra thăm hỏi sức khỏe mợ Út và chú Hiệp, các em Quang, Tuấn, Thu và Phương (hiện nay mợ Út + chú Hiệp và các em đều đã ở Califomia, Mỹ). Mợ Út là người thành thị, từ Hà Nội cùng di cư vào Sài Gòn 1954, mợ giao thiệp rộng và ăn nói dễ vừa lòng người. Hôm nay, mẹ tôi sai tôi đi mời mợ, điều chính yếu là nhờ mợ mối lái tìm, cưới vợ cho tôi. Bữa cơm của đại gia đình hôm ấy, mọi người đều tán đồng và ủng hộ, việc tôi cưới vợ là đúng với ba lý do:

1) Tôi đã lớn tuổi rồi.

2) Tỏ với chính quyền VC, tôi an cư lạc nghiệp, chí thú làm ăn, sống với bố mẹ già.

3) Có người phụng dưỡng đỡ đần cha mẹ mù lòa, già yếu của tôi, nếu như một mai . . .? Tôi muôn vạn nẻo đường? Trong đó có cả một nẻo về lòng đất nữa!

Mợ Út, tên thực là Vân, rất sốt sắng sẽ đảm nhận việc tìm kiếm một người. Người đó sẽ đồng hành đi chung cuộc đời với tên bất tài, bất hạnh này, mợ Út căn dặn tôi: "cuối tuần ra mợ ".

Những cháu nhỏ, chưa có ý thức, thì không nói làm gì, các em Thu, cô chú Tuất, chị Hai Công hưng phấn ra mặt. Từ lâu, trong lòng của mỗi người, tuy không thể hiện ra ngoài; rất băn khoăn, thấp thỏm không yên, cảnh bố mẹ mù lòa già yếu, mà không có một ai sống bên cạnh để giúp đỡ, những khi "tối lửa, tắt đèn". Những ngày "mưa tạnh, gió hòa " lại có những ngày "mưa giông, sét giật " thì làm sao?

Riêng cuộc đời của người em, người anh lận đận, may mắn sống sót từ trong cơn " lốc " của quê hương trở về. Tuy tuổi đã trên nửa đời, với nhiều " di chứng " của cơn " lốc" vẫn đang bị những cái vòi của con Hồng Tu ộc quấn chặt khấp người ngày đêm. Những chiếc vòi " vô hình " này đã thẩm hút cơ thể của tôi, chỉ còn da bọc xương.

Chị Hai Công, đã gọi riêng tôi xuống bếp, chị cầm tay tôi, nước mất đoanh tròng:

– Chị thương cậu lắm? Mười ngày nữa, chị sẽ xuống cho, tặng cậu một cây vàng? Không được nói cho các cô biết.

Tôi đã lên nhà chị ở Hồng Ngự, một căn nhà tranh vách đất nghèo nàn. Vậy mà chị lại có một cây vàng để cho tôi, tôi hiểu lúc này (1981), một cây vàng không phải là nhỏ trong cái lúc mà tình người đã bị con Hồng Tuộc làm cho cạn khô. Tôi đã ngồi xuống chiếc ghế con ở bếp, hai tay tôi ôm đầu, hàng giờ để thẩm nhận dần cái tình thương yêu lồng lộng của chị Công.

Cuối tuần đó, tôi mò ra mợ Út, chú Hiệp theo lời dặn. Mợ nhìn tôi rồi nói như thật, như đùa:

– Năm nay cháu đã 44 – 45 rồi, mợ nhìn cháu, chỉ ngoài 30 thôi!

Tôi hiểu, mợ tôi muốn cho tôi một liều thuốc, để yêu đời, tôi cười và cũng nói vui lại với mợ:

– Mợ lại cho cháu đi " trực thăng " rồi! Dù vậy, cháu cũng xin cảm ơn mợ!

Miệng trả lời mợ Út như vậy, nhưng trong lòng tôi cũng có những suy nghĩ chủ quan: Tôi luôn năng động thể dục, thể thao, bơi lội, lại có sáu năm nằm yên một chỗ thực hành phương pháp A (tập II Thép Đen) nên có phần trẻ lâu. Cụ thể đã có nhiều bạn bè nói đến, từ ý nghĩ chủ quan này tôi đã nói thẳng với mợ Út nội dung:

– Với khả năng nhìn sâu, xét kỹ của mợ về con người, cháu tin nơi mợ lắm! Nhưng cháu cũng xin đưa ra những ý nghĩ của cháu về vấn đề này như sau. Thực sự cháu sẽ lập gia đình, nhưng chưa phải bây giờ, như bữa cơm ở nhà cháu: cháu phải lấy vợ. Vậy cháu đề nghị thế này: Vấn đề tiên quyết trong cuộc hôn nhân này: Cháu bị tù 18 năm, rõ ràng không phải chuyện riêng của cá nhân cháu, mà tù trong chế độ VC với cái tội " Hoạt động, gián điệp " thì hầu như không được tiếp xúc hay nhìn thấy ai.

Vậy cô nào, đối tượng bất cứ là ai, có đồng ý trừ cho cháu những tháng năm, cháu nằm trong nhà tù cộng sản hay không, có như thế thì cháu mới bàn đến chuyện hôn nhân. Nếu " đối tượng " đồng ý trừ, thì cháu năm nay mới có hai mươi mấy, huống chi (tôi nửa đùa, nửa thật) cháu nói vui theo lối " hình dung ": ông trời ban cho loài người, phụ nữ cũng như nam giới, mỗi người một sợi " tơ đồng ", tượng trưng cho cái thời hoa mộng của mỗi người. Một người đàn ông 44- 45 tuổi ở ngoài đời, thông thường, cái dây tơ đồng của người ấy đã " gẩy " nhiều lần, nếu không nói là gẩy quá nhiều nên đã " rão " ra rồi. Bây giờ có đem ra gẩy thì nó kêu " bùng bục, rè rè " Ngược lại cái giây " tơ đồng " của cháu chưa hề gẩy lần nào, vậy nếu bây giờ có điều kiện gẩy, thì nó phải "thánh thót, lanh lảnh" như buổi ban đầu hoa mộng của mỗi người!".

Mợ Út và chú Hiệp nghe tôi trình bày, đều cười như nắc nẻ, chú Hiệp còn nói đùa thêm:

– Cậu lý luận, hình dung kiểu này thì dù cho cô nào khó tính mấy, rồi cũng sẽ trừ cho cậu. Vì họ cũng cảm thấy, như có phần đóng góp cho cái đất nước, khổ đau của chúng ta, không may gặp phải con Hồng Tuộc. Trên thế giới, bất cứ một nước nào gặp phải con Hồng Tuộc, gặp nhiều thì dân khổ nhiều, gấp ít thì dân khổ ít.

Ngày Chủ Nhật, đã có hẹn với chú Hiệp, mợ Út; sau khi đi lễ về tôi phóng xe ra đường Bắc Hải.

Theo mợ Út ở ngoài đầu đường Bắc Hải, có cô Hoàng Thúy 37 tuổi, hiện là giáo viên cấp Hai trường Nguyễn Quý Cáp, bố là "chef" một nhà ga xe lửa, ở Nha Trang đã chết trong chiến tranh. Hiện nay cô Thúy sống với mẹ già 65 tuổi và người em trai theo nghiệp bố, đang làm trong ngành hỏa xa của chế độ mới. Cũng theo mợ Út, nhà cô Thúy rất gia phong, nền nếp đạo đức cô và mẹ cô thường đi lễ nhà thờ Thánh Tâm. Mấy ngày trước mợ Út đã nói sơ về tôi với gia đình cô Thúy, hôm nay họ muốn tôi ra để chuyện trò, như để nhìn và ra mắt buổi đầu.

Vì ngay ở đầu phố, nên tôi và mợ đều đi bộ đến nhà cô Thúy, ngôi nhà của cô Thúy hai lầu, cũng khá khang trang. Bà cụ và người em trai cô Thúy chừng 30 tuổi, tiếp đãi chúng tôi tỏ ra có văn hóa, lịch thiệp. Cậu Thành, em cô Thúy đã hỏi tôi rất nhiều chuyện ở trong tù, cậu tỏ ra rất thích thú những cảnh phản gián Hà Nội theo dõi v.v... Vì trước đây cậu đã đọc Z 28 của Người Thứ Tám. Khi cô Thúy đưa nước ra mời khách, mợ Út đã kéo lại ngồi với mợ để nói chuyện.

Bà cụ và cậu Thành tỏ ra một vài ý: Nếu cưới hỏi xong thì bà cụ sẽ lo cho vợ chồng " oversea" (Vượt biên) v.v. . . Chúng tôi nói chuyện khoảng hơn một giờ, thì xin phép ra về.

Buổi chiều mợ còn dẫn tôi ra đường Thoại Ngọc Hầu, đến nhà cô Mai, sinh viên Văn Khoa năm thứ 2, năm nay cô 23 tuổi. Trên đường về nhà, mợ Út đã hỏi ý kiến tôi về cô Hoàng Thúy, tôi cũng thưa với mợ vài nét có tính cách phiến diện: tỏ ra là một gia đình có học, có văn hóa. Họ tiếp đãi chuyện trò ân cần không kênh kiệu, khách sáo. Dù vậy, xin cứ để ít ngày nữa, vội gì.

Khi tôi về nhà, thầy tôi thì không để ý, nhưng mẹ tôi như nôn nóng đợi chờ, tôi mới bước vào nhà, mẹ tôi đã hỏi vọng ra từ trong màn:

– Làm sao con? Liệu có xong không?

Nghe mẹ tôi dồn dập hỏi tôi chỉ thấy lòng tôi như ăn mấy cục muối mặn. Hình dung, thương cảm cho nỗi niềm của mẹ tôi, nếu mắt người không bị lòa, thì đây là việc của người. Chính người sẽ đo lường thẩm định người con dâu của người, nhưng giờ đây chỉ ngồi một chỗ âm thầm trong bóng đêm để đợi, để nghe, để xin một sự " bố thí " của dòng đời cho người. Tâm tư của tôi như vậy, nên tôi đã trèo lên ngồi cạnh người, tường thuật tỉ mỉ, chi tiết sự việc cho mẹ tôi. Tôi hiểu đây là một cách, để nỗi "ẩn ức" trong lòng của người vơi đi được phần nào.

Buổi chiều, mợ Út không đi được xe đạp, nên tôi đã phải "đèo" mợ ở yên sau. Hai mợ cháu mò mẫm lách dòng người đến nhà của cô Mai. Ông bố và bà mẹ cô Mai là nhà giáo, dù là dậy các cháu ở bậc tiểu học trong xứ đạo (giáo làng). ông bà gốc gác ở Cẩm Thủy, Thanh Hóa, vì chúng tôi vào nhà bất chợt, nên cô Mai đang ngồi với mấy em nhỏ, ở cái bàn trong góc nhà. Ông bố tên là Thăng, khoảng trên năm chục tuổi. ông bà Thăng tỏ ra chất phác, cuộc đời của ông bà gắn bó nhiều với luỹ tre, với xóm làng. Chỉ một thoáng nhìn cô Mai nhưng cô đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng. Đôi mắt của cô tròn và đen như hai hột nhãn lồng, mái tóc cuối Xuân, đầu Hè như co, như duỗi trên chiếc áo sơ- mi mầu nâu non của cô. Đặc biệt, trong khi tôi và bà mợ ngồi tiếp chuyện với ông bà Thăng, tôi đã nhìn thấy hai cái hột nhãn lồng ấy nhiều lần, ở một cái khe cửa phía nhà trong.

Ông bà Thăng hỏi rất nhiều sự việc: tại sao ra ngoài Bắc? Họ hàng, thân nhân quê quán, và về bố mẹ của tôi v.v. . . Tôi cứ sự thật trình bày, cũng hơn một giờ, chúng tôi xin phép ông bà đi về. Ông bà Thăng vồn vã, như đã thân quen lâu ngày:

– Bây giờ anh đã biết nhà, khi nào có thời gian cứ xuống chơi với các em!

Trên đường về nhà, bà mợ lại hỏi như sau buổi đến nhà cô Hoàng Thúy. Lẽ ra, tôi chưa muốn nói về ý nghĩ của tôi, nhưng nghĩ đến tâm sức của bà mợ, đã mấy ngày nay vất vả vì tôi. Tôi dịu dàng nói chân thành với bà mợ:

– Mợ hỏi, cháu thấy khó nói, khó diễn tả, xin nói dễ hiểu thế này: ” Cháu có thiện cảm với cô Mai hơn là cô Thúy “.

Mợ Út nói, còn hai đám nữa ở xứ Đắc Lộ và bên đường Hoàng Văn Thụ. Một người hẹn chiều thứ Bẩy tới, nhưng một người ở đường Hoàng Văn Thụ, thì ngay 8 giờ tối thứ ba này. Tôi không nghĩ mợ Út lại quen biết nhiều thế!

Đã nhờ mợ, thì cứ phải đi theo mợ, và cũng là đi theo sự may rủi. Truy cho cùng của sự may rủi, là định mệnh của đời mình rồi còn gì. Vì cuộc đời kỳ diệu khôn lường.

Từ ngày trở về miền Nam, quá nhiều sự việc dồn dập, nhưng chính vì ngày đêm CA, không cho tôi thở nữa nên rất nhiều sự việc, tôi không còn tâm hồn nào mà nghĩ tới. Thời gian này, do những thúc bách như đã trình bày, nên tôi đi tìm vợ. Một hôm chợt từ trong hố sâu của đĩ vãng, váng vất nổi lên hình bóng một người của trước năm 1962. Đó là cô Thu Nga, con của một người bạn thân của mẹ tôi, ở khu Bàn Cờ mà dạo ấy, mẹ tôi đã tâm niệm Thu Nga sẽ là cô con ” dâu ” hiền của bà cụ.

Phải nói, nếu không vì ngày ấy lòng tôi quá nhiều sôi nổi với quê hương dân tộc, cộng với cái chí ngang dọc, vẫy vùng của người con trai còn đỏ thắm nên tôi đã gạt hết, gạt cả những hình bóng diễm kiều, của giai nhân sang bên cạnh. Để tôi bay theo gió, theo mây, để rồi đã rụng vào mồm của con Hồng Tuộc.

Tối hôm nay, ngoài chuyện phải trình bày, tường thuật tỉ mỉ sự việc đến nhà cô Mai, (dứt khoát không thể quên hai hột nhãn lồng) tôi sẽ hỏi mẹ tôi về cô Thu Nga ngày ấy, bây giờ ra sao? Tất nhiên sẽ cũng như cô TTKH: (tôi không thích gọi là bà).

Nếu biết rằng….tôi đã lấy ….chồng…

Trời ơi!….người ấy có…… … buồn không?

Có còn thương đến loài……hoa vỡ…

Tựa trái tim phai…..tựa…..máu hồng!

Thưa cô Thu Nga, thương thì vẫn thương! Nhớ thì vẫn nhớ! Nhưng tôi không buồn vì là . . . . . tôi tự nguyện. Và chính lòng tôi muốn hỏi cô:

Nếu biết rằng … … …. tôi đã ở tù

Trời ơn Người ấy có …buồn không?

Có còn thương nhớ người … … … năm… … cũ…

Vùng vẫy bên trong…. miệng …Tuộc Hồng?

Ngày thứ Ba, tôi lại đèo mợ Út sang bên khu Lăng Cha Cả, đường Hoàng Văn Thụ, cô này có một cái tên rất là "lai láng, dập dờn": Thùy Trang. Bố cô là một Thiếu Tá trong binh chủng Thiên thần Mũ Đỏ, hiện ở trại tù Hà Nam Ninh, chưa biết ngày về. Ông có hai trai, hai gái, cô Thùy Trang là thứ nhì, 26 tuổi, người em Út cũng là gái 20 tuổi rồi, người anh trai cả hơn 30 tuổi đã có gia đình và một con nhỏ. Người anh trai này tên là Dương đang là sinh viên sĩ quan cửa Thủ Đức, được ba tháng thì đứt phim nên không phải đi tù.

Bà mẹ của cô Trang đã gần 60 tuổi, năm 1980 cả hai mẹ con đã mò mẫm ra trại Nam Hà, để thăm nuôi chồng và cha. Qua mợ Út tôi còn được biết, hai chị em cô Thùy Trang đã đi vượt biên hai lần rồi, nhưng không thoát, có lần bị bắt giam hơn bốn tháng, phải đút vàng mới được tha về.

Tóm lại đây là một gia đình của phe ta, cái phe đã không đứng bằng chính đôi chân của mình, mà hay đứng dựa, đứng vịn vào người khác, nên đã chiến bại. Và nó mới đẻ ra, những nông nỗi nhiều nhiều sau này, cho người cùng phe.

Bà mẹ và anh chàng Dương cũng tiếp đãi chúng tôi nồng hậu, anh Dương và bà cụ tỏ ra tương đối hiểu biết về những thủ đoạn gian ác, lật lọng của VC. Tôi hơi ngạc nhiên, sau tôi mới hiểu : gia đình gốc ở xã Lưu Phương Phát Diệm, Kim Sơn tỉnh Ninh Bình. Phát Diệm khu tự trị đã một thời làm cho Hồ Chí Minh điên đầu.

Bà cụ và anh Dương có nhã ý mời chúng tôi ăn bữa cơm gia đình buổi chiều tối, vì đối với mợ Ut thì có thân quen. Phần vì 7 giờ tôi phải đi trình diện, phần khác tôi còn định ra Phường xin con dấu, để sáng mai lên quận xin gia hạn ba tháng tạm trú ở nhà bố mẹ. Tôi đã nói riêng với mợ Út , rồi tôi đưa luôn lý do trên ra để từ chối bữa ăn. Lúc này tôi thấy bà cụ hướng lên gác gọi to:

– Trang! Có chùm trái vải của chú Trung ở dưới vườn cho hôm qua, con đưa xuống đây để mời bà Vân (Út) và anh Bình ăn vải đầu mùa!

Tôi nghe tiếng " dạ " êm và ngọt, như mùi trái Lạc Tiên, ngày còn bé tôi và chị Hai Công hay ra vườn dâu để lục lọi, tìm kiếm. Rồi thoáng bóng một đôi chân, mềm mại đi xuống gác. Gặp mắt tôi, cô hơi cúi đầu như chào, đôi bàn tay rụt rè bầy những chùm vải ra một cái đĩa trên bàn.

Nhìn đôi bàn tay, tôi có ý nghĩ: Đôi bàn tay này chắc cũng đã làm phiền những giấc ngủ, của những anh chàng nào gặp chúng lúc ban ngày. Nhưng cái đầu và mặt của cô hơi một chút khuyết điểm, sống mũi của cô hơi gẫy lõm vào như hình chữ V gioãng. Cái cằm của cô hơi ngắn, thành ra nếu nhìn thoáng, tưởng rằng cô móm. Bộ mặt của người anh lại tương đối hoàn chỉnh, con trai đâu cần bộ mặt bằng con gái. Thế mà, ông trời cũng thường hay lắt léo chéo cẳng gà, có thể cô Thùy Trang cũng được "bù trừ". Giọng nói của cô nhiều lúc nghe như tiếng khánh, tiếng ngọc chạm nhau, lý luận của cô cũng rất mạch lạc, vững chắc dễ thuyết phục người nghe.

Khi chúng tôi chào, bắt tay từ giã ra về, anh Dương và chính cô Thùy Trang, đã thỏ thẻ ngập ngừng:

– Có dịp mời bà và anh ghé sang chơi ! Em rất thích nghe chuyện tù của anh Bình!

Tôi chỉ biết cám ơn toàn bộ gia đình đã niềm nở đón tiếp như người quen, lại được thưởng thức những trái vải đầu mùa, thực là may mắn! Trên đường về, tôi có nhận xét với mợ Út, gia đình này tuy ở Phát Diệm nhưng cháu thấy có vẻ hơi đài các, còn cô Thùy Trang, có thể cô phải va chạm cuộc sống nhiều nên tỏ ra khá sắc sảo, tinh nhanh.

Tôi vẫn tin vào sự kỳ diệu của đời, có những cái đúng bây giờ nhưng sau này lại không còn đúng nữa, hay ngược lại! Chính vì vậy tôi thường nghe nhiều ở cửa miệng người già là ” vợ chồng là duyên số “. Để rồi, tôi sẽ cảm nghiệm trong những ngày tới.

Mợ Út và mẹ tôi, thấy đã đi đến ba đám, xem ý tôi vẫn: con cá vàng bơi lội trong hồ, nên cái ” côn “, ” gas ” lúc đầu đã hạ dần xuống. Nghe mợ Út còn nói thứ Bẩy này đến một nhà ở khu Đắc Lộ, gần hồ bơi Cộng Hòa. Cô này tên Hương, mợ lại khen, ca ngợi là một cô gái được nết lại được người, rất đảm đang, đã có mấy lần đi buôn hàng chuyến cà phê đường Ban Mê Thuột với mợ Út. Thì tôi cứ đến gặp cô Hương đó đã, vội gì?

Chiều hôm qua, một việc làm cho tôi bần thần, thấp thỏm có lúc tự trách, nhưng có lúc lại thôi. Đi làm về, khi tôi mệt nhọc đạp xe về đến ngang cổng khu Tân Chí Linh, rõ ràng từ xa, qua dáng dấp là cô Mai đang đi gần lại, vì ngược chiều nhau. Đúng rồi, hai hột ” nhãn lồng ” nhưng cô không nhìn thấy tôi, sắp ngang qua tôi thì cái mũ mầu gạch non trên đầu của cô bị gió hất tung xuống đường. Tôi đã đạp xe qua hàng chục mét. Tôi ngừng xe ngoái lại chiếc mũ bay xuống mé đường, cô Mai cũng đã ngừng, dắt xe trở lại để lấy cái mũ. Tại sao tôi lại lưỡng lự không nhặt cái mũ cho cô Mai? Phải chăng khi ấy tôi chưa phân định kịp giữa lịch sự, lịch thiệp (galant) với ” nịnh “để làm vừa lòng một đối tượng. Nếu ở cái sau, tôi cứ thấy thấp thoáng có chữ ” hèn ” nên tôi đã ngần ngại, nhặt chiếc mũ cho cô Mai?

Rồi cũng đến ngày thứ Bẩy, buổi sáng đó tôi lại phải đi Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa, trưa về cơm nước tắm rửa gần ba giờ, tôi đã xách xe ra mợ Út (vì mợ dặn trước). Lần này không hiểu sao mợ lại căn dặn tôi nhiều việc như: Cô Hương này rất quý trọng mợ Út, nên mợ cũng thương quý cô Hương. Hôm nay, có cả người anh rể cô Hương cũng đến để tiếp, và cũng muốn xem cái anh chàng ” đồng hao ” của mình thế nào!. Mợ vẫn nói ” Cái mặt và dáng dấp của cháu , nhiều lắm là 35 tuổi, vậy cháu nhớ khi nói chuyện với gia đình cô Hương, cháu đừng nói đi tù 18 năm, mà nói đi tù 10 năm thôi. Chứ họ không tin, chả lẽ bị tù chính trị ra Bắc mới có 16- 17 tuổi thì ai tin được ?” (tôi suy đoán chắc mợ Út đã giới thiệu tôi 35 tuổi).

Hẹn 7:30 tới nhà cô Hương, vì 7 giờ tôi đem sổ cho cô Ngọc Anh ký, nên tôi đạp xe ra chở mợ Út, để đi luôn.

Trời đã cập quạng, chim đã bay về tổ, khách lữ hành cũng rảo cẳng, chúng tôi loay hoay tìm số nhà một lúc. Một trong những căn nhà mới xây cùng một kiểu cho công nhân viên chức mua, của chế độ cũ. Trong sân, dưới tàng cây trứng cá đã có hai chiếc xe Honda, một thanh niên chừng 26 – 27 mặc sơ- mi trắng quần đen, bỏ trong thùng. Anh ta tự giới thiệu khi bắt tay, là anh rể của cô Hương, đến đây để đón tiếp và chuyện trò với tôi. Anh ta kéo tôi ngồi xuống mấy chiếc ghế ở góc sân, anh đưa bao thuốc lá Samitt đầu lọc ra mời tôi. Tôi hiểu giai đoạn ấy thuốc lá đầu lọc là loại sang, ăn chơi. Trong khi bà mợ vào trong nhà, tỏ ra đã quen biết nhiều với gia chủ.

Những câu chuyện xã giao trao đổi với anh chàng " anh rể " làm cho tôi đã hơi ngại ngần trong cách xưng hô. Thôi thì cứ "anh, tôi ", dưới ánh điện từ trong. nhà chiếu ra mập mờ sáng tối, chẳng thể nhìn được nét ngượng ngùng trên nét mặt của tôi.

Đến khi trong nhà đã chuẩn bị xong, mợ Út thò mặt ra gọi niềm nở:

"vào trong này cháu " .

Trong phòng khách, đèn sáng choang, một ông chừng 46 – 47 mặc bộ Pyjama đã sờn cổ. Qua cách tiếp đón, bắt tay chứng tỏ là chủ nhân của ngôi nhà. Ngay lúc này, tôi đã mất hết tự nhiên, đành rằng tôi gọi người đó là ông. Nhưng tôi lúng túng không biết xưng cháu, hay xưng con, chả lẽ xưng tôi khi định đến hỏi vợ là con gái của người ta? Vì vậy trong khi chuyện trò, tôi toàn là dùng những câu không có chủ từ . Ví dụ như khi ông ta hỏi :

– Anh đã được ra tù từ bao giờ?

– Dạ thưa ông, được gần 7 tháng rồi ạ !

– Ông bà cụ của anh có khoẻ không?

– Dạ . . . . .cám ơn Chúa, bố mẹ . . . . .khỏe ạ !

Nói chung, bao nhiêu cái chủ động tháo vát mọi khi của tôi, hôm nay chúng bỏ nhà đi chơi sạch. Mặt của tôi cứ nóng lên, nhất là khi một bà từ trong nhà đi ra, tươi cười cầm tay mợ tôi, trông bà chỉ trạc tuổi của tôi 44- 45 tuổi. Khi được ông giới thiệu: " Đây là nhà tôi ". Tôi cũng đứng dậy hơi cúi đầu, miệng lí nhí:

– Xin chào... bà ạ !

Tôi và mợ Út ngồi một ghế sofa, ông bà đó ngồi một sofa đối diện, một cái bàn kính thấp hình chữ nhật dài ở giữa, mặt nhìn mặt rõ mồn một. Ông bà ta cứ chằm chằm nhìn thẳng mặt tôi, ngược lại, tôi chưa dám nhìn xem bộ mặt của ông bà ta ra sao?

Mặt tôi cứ nóng lên phừng phừng, lợi dụng lúc ông bà quay đi; tôi bấm lưng mợ Út nói nhỏ như cầu cứu:

– Về đi thôi! Mợ ơi!

Mợ coi như không nghe thấy lời "cầu cứu" của tôi, mợ vẫn say sưa bàn tán vào câu chuyện với bà . . . ..đó. Ông bà hỏi tôi rất nhiều chuyện, từ khi còn đi học ở trong Nam, cho tới khi ra Bắc và lại đi tù (tất nhiên 10 năm). Cảnh bố mẹ, anh chị em v.v... Tôi toàn bị động trả lời ngập ngọng, nhất là khi biết bà ấy còn kém tôi một tuổi. Trước bốn con mắt của ông bà ngồi đối diện, người tôi như ngồi trên nồi rang. Mục đích là đến hỏi con gái của người ta mà lại xưng "tôi" thì làm sao "ổn", xưng "cháu" hay "con" thì cái miệng của tôi không thể thốt ra lời.

Tay tôi cầm chén nước trà từ lúc đầu; để che lấp những lúc mất tự nhiên, tôi lại đưa chén nước lên miệng nhấp, nước đã hết từ lâu . Cái chén đã nóng lên do " nhiệt " ở tay tôi chuyền vào, mà tôi vẫn chưa dám bỏ chén nước xuống bàn, cho tới khi bà ấy quay vào trong nhà gọi rất trìu mến:

– Hương ơi! Đưa nước thêm ra đây con!

Tôi nghe tiếng "dạ" êm như gió mộng trong nắng Xuân, từ trong bếp vọng ra, tôi biết cô Hương "đối tượng" của tôi sắp ra. Tôi cũng còn biết bốn con mắt như tia đèn bấm, đang chòng chọc quan sát mặt tôi, khi con gái của họ ra "trình làng". Tôi đã được biết cô Hương năm đó 18 tuổi, tôi chỉ thoáng bóng dáng một giai nhân có bộ tóc dài óng ả, xuống quá dưới mông. Cho tới bây giờ tôi cũng chưa biết mặt mũi của cô ta ra sao? Tôi có dám nhìn lên mặt của cô ấy đâu!

Tôi chỉ được nhìn đôi bàn tay của cô, khi cô nhẹ nhàng rót thêm nước vào các chén, và tôi lại được liếc nhìn "suối tóc mơ " một lần nữa khi cô quay vào nhà trong. Cho tới khi tiễn chúng tôi ra cửa, ông bà còn vồn vã căn dặn:

– Bất cứ khi nào có thời gian, anh lại đây chơi với các em, chuyện trò như trong gia đình.

Cho tới khi ra sân, ra cổng bắt tay với người "anh rể hờ một giờ " lòng tôi còn xốn xang xúc động.

Từ hôm tôi có ý định cưới vợ, đây là đám thứ tư, đối tượng nhiều tuổi nhất là cô Hoàng Thúy 37 tuổi, đối tượng ít tuổi nhất là cô Hương "suối tóc mơ " 18 tuổi.

Tôi một người con trai đã 44-45 tuổi đời, bị dòng đời đẩy xô vào trận cuồng lưu, đến nay là một người tù, bị quản chế chặt chẽ ngày đêm. Bố mẹ thì mù lòa già yếu, cơm gạo thì bữa đói, bữa no. Không những "tay trắng" mà còn là những bàn tay "nhơ bẩn" có quá nhiều vết đen, trong chế độ này.

Ai cũng nhìn thấy vì sao, cả bốn đám đều nồng nhiệt đón nhận? Do tôi đẹp trai? Do tôi ăn nói hay, tán hươu, tán vượn giỏi? Dù một em bé mới lớn, mới hiểu biết cuộc đời cũng thấy là hoàn toàn không phải! Về phương diện này có khi còn ngược lại. Như vậy vì sao?

Đặt câu hỏi thì ai cũng thấy nguyên nhân sáng tỏ như ban ngày: Nó ẩn tàng, nó cuốn chặt, nó luồn lỏi vào bên trong sự việc. Tôi đi tìm vợ được người ta chấp nhận là: ý thức và tinh thần hoài . . .Ngô, hay hoài Quốc Gia của người dân.

Tôi hiểu: Muốn trong lòng người dân có cái tinh thần hoài.....này, phải mất nhiều xương máu, công sức của các bậc cha anh, máu xương của nhiều người đã nằm xuống. Khối óc và bàn tay của nhiều người, nhiều thế hệ để được lòng dân " hoài " này. Chế độ VC hiện nay càng hà khắc, độc tài, chà đạp tự do, dân chủ thì lòng dân càng " hoài " Quốc Gia. Cũng như cụ Nguyễn Du, cụ Nguyễn Khuyến, bà Huyện Thanh Quan v.v... thậm chí đã làm công chức, làm quan cho triều Nguyễn, mà tâm hồn vẫn còn hoài nhà Lê. Tôi xin cúi đầu cảm tạ công ơn của quý vị đã đóng góp cho Quốc Gia, để tôi được hướng thành quả ngày nay.

Trong những câu chuyện trao đổi ở nhà các cô, dù có nói về gia cảnh, về chuyện làm ăn – Là những phương diện, tôi không bằng ai – Nhưng phải nhận rằng, thân nhân của các cô, có thể ở cả các cô nữa, đều ít nhiều ấp ủ trong tâm tư lý tưởng quốc gia.

Sáng ngày Chủ Nhật tôi lại phóng xe sang nhà vợ chồng Lợi, tôi tường thuật sơ lược chuyện tôi đi hỏi vợ, cho vợ chồng nó nghe. Vợ chồng Lợi thích nhất là cái cảnh tôi " ngậm hột thị " ở nhà cô Hương 18 tuổi ở Đắc Lộ. Thằng Lợi vừa cười, vừa nói:

– Tao cứ hình dung cái mặt của mày lấm lét "đíu" dám nhìn mặt cô em. Mày càng "khổ" thì ông, càng "sướng"!

Buổi trưa tôi đạp xe về qua Hàng Xanh, đã nhiều lần lên nhà Lợi trở về, cứ đi qua ngã ba Hàng Xanh là tôi dẫn xe đạp lần mò đến trước cái tháp, người bán hàng đã xếp chồng những bia lon, thành một cái tháp hình tam giác. Tôi ngẩn ngơ hàng chục phút, ngắm nghía những lon Heineken, những lon Coca-cola, Budweiser của ngoại quốc. Đời tôi từ Nam chí Bắc chỉ mới được thường thức bia hơi, bây giờ đi tù về lại có cái loại bia lon của Mỹ, của Nhật, của Hòa Lan. Như vậy, không biết bên trong mùi vị, nó như thế nào? Có khác với bia hơi không

Chỉ vì khả năng trong túi không có đủ tiền, nên nhiều lần chỉ được đứng ngắm nhìn, tường tượng. Rồi dẫn xe đi, đầu còn ngoảnh lại nhìn cái tháp bia lon, như một loại hàng xa- xỉ không phải của mình. Nhưng hôm nay, tôi long trọng xin báo cho cái tháp tam giác ấy rõ, tôi đã có chủ trương! Chủ trương từ mấy ngày hôm trước rồi! Chị Hai Công khi trở về Hồng Ngự đã đút vào túi của tôi 50 đồng.

CHƯƠNG 35: MỘNG ĐỜI NỞ HOA

Hôm nay tôi quyết định, mua một lon Heineken và một điếu thuốc lá lẻ đầu lọc. Tôi sẽ lên căn gác vắng, để tự hưởng một mình để bù lại những tháng năm, nằm trong miệng của con Hồng Tuộc của thời đại.
Tôi nhẹ nhàng đút cẩn thận lon Heineken vào trong chiếc túi " rết " phía sau lưng, chiếc túi hàng ngày nó vẫn ngồi trên lưng tôi đi lao động ở tổ mộc Thành Công
Trong khi tôi nắn nót quấn cái khăn chung quanh lon bia để đút vào túi, tôi nhìn cái túi "rết" mầu núi mùa Đông, như muốn hỏi nó: "Cậu có thấy hãnh diện, từ ngày về với tôi, hôm nay "đặc trách" cậu được mang một thứ nước tuyệt vời để phục vụ "hạnh phúc" của chủ nhân?"

Cô bé bán thuốc lá lẻ hôm nay cũng đặc biệt: bao thuốc lá Dunhill còn ba điếu, cô lấy lại một điếu rồi đưa cho tôi cả bao. Xin cảm ơn cô bé nhé ! Trang trọng nhẹ nhàng đút bao thuốc vào túi ngực, áo sơ-mi.

Đẩy chiếc xe đạp ra đường, tôi thấy mọi người nhìn tôi bằng con mắt khắc thường. Mặc! Tôi nhẩy "phắt" lên chiếc yên xe rồi nghênh ngang, dõng dạc thẳng lưng, nhấn bàn đạp. Đi qua Cầu Bông, rất đông người đang chen chúc nhìn xuống dưới triền sông.

Tôi thấy họ lạ thật, họ lạnh lùng thờ ơ thật! Họ không biết rằng trong chiếc túi "rết" ở trên lưng tôi, có một lon Heineken! Trong túi áo sơ-mi trước ngực của tôi, có một bao thuốc lá Dunhill nổi tiếng của Anh, còn những hai điếu. Phố phường, bà con có biết không?

Tôi muốn mọi người chung quanh phải chia xẻ với "hạnh phúc" niềm vui của tôi. Ngay mảnh mặt trời, đã ngả về Tây còn như muốn đẩy lưng tôi, để tôi mau về tới nhà mà "hưởng thụ". Trước mặt, hai vẩng mây trắng, trông như đôi bàn tay nõn nà của cô Thùy Trang đang vời . . . vẫy. Ghét ơi . . . là ghét! Tôi chẳng . . . Tôi lại cúi gầm xuống, chân nhấn mạnh bàn đạp.

Về tới nhà mới gần ba giờ. Nhà vắng lặng, chắc thầy mẹ của tôi đang nghỉ trưa! Tôi cố cẩn thận không gây một tiếng động, tôn trọng giấc ngủ của các người. Tôi cứ thong thả, đường hoàng chuẩn bị, cho cái phút giây hạnh phúc của tôi. Tôi chợt nghĩ:

"Tại sao không tắm một cái?"

Đã hai ngày rồi, mà chỉ 15 phút thôi, người sẽ sảng khoái, tỉnh táo, để đón nhận cái " thú vị " từ trước đến giờ chưa nếm mùi. Nghĩ thế là tôi làm liền!

Sau khi tắm rửa sạch sẽ chuẩn bị xong. Khe khẽ tôi ôm lon bia và bao thuốc lên gác. Khi đi qua màn thầy mẹ, tôi đã liếc nhìn vào từng màn, các người vẫn nằm yên ắng. Tôi mở to hai cánh cửa sổ, chiếc cửa sổ duy nhất nhìn sang phía nhà bà Tường, qua một cái ngõ hẹp, rộng chừng hai mét. Ngồi đây vừa thoáng mát, lại vừa được ngắm

một miếng vuông phía Tây Nam, của mảnh mặt trời chiều. Tôi khẽ khàng trang trọng, đặt lon bia Heineken và bao thuốc Dunhill gần sát cửa sổ.

Tôi ngồi xếp chân bằng tròn, mắt tôi cứ đăm đăm nhìn lon bia, và bao thuốc. Óc tôi lần dở lại những trang đời xa cũ: Thuốc lá Dunhill, trước 1962 tôi đã từng hút nhiều lần. Nhưng bây giờ cảm nhận lại, mắt tôi nhắm nghiền vài giây. Tôi quên tiệt mùi vị của nó đi rồi! Được hãy chờ đấy, đừng có hấp tấp mất hết cả ý nghĩa. Tôi liên tưởng đến một ý, tôi đã quên mất xuất xứ:

“Anh không biết trân quý những cái anh đang có, thì anh không được hưởng cái tuyệt vời của nó”.

Ngay từ lúc mua ở Hàng Xanh, tôi đã đọc, nhìn nhiều lần chữ Heineken rồi. Bây giờ tôi vẫn thèm đọc nữa. Bia hơi thì tôi đã được thưởng thức. Thưởng thức ngay từ những ngày trước khi đi vào vùng bão tố. Những bia lon, lại là bia của ngoại quốc, bia của Hòa Lan thì làm sao mà tôi hình dung, tưởng tượng được?

Cũng xin chờ một chút! Hôm nay tôi sẽ cho phép cơ thể của tôi được thưởng thức cái mùi vị đặc biệt, từ bé đến giờ chưa một lần được biết mùi.

Bất chợt tôi đập hai tay vào 2 đầu gối của tôi một cái mạnh. Tôi giật thót người, quay lại nhìn xuống gác! Tư tưởng của tôi cứ đắm chìm vào bia, vào thuốc từ nãy, khi chợt nhớ ra đã không lấy cái hộp diêm quẹt, hút thuốc ở dưới nhà lên.

Như choàng tỉnh, nên đã vỗ vào đầu gối, rồi lại chợt nhớ thầy mẹ đang ngủ, mà mình vỗ mạnh tay quá. Thành ra cứ luẩn quẩn, loanh quanh, luýnh quýnh, như sắp được nếm của lạ !

Thôi hôm nay tạm tha cho cái tính lẩn thẩn, lính quýnh, loáng quáng này một lần. Lần nữa thì không tha mà còn bắt viết kiểm điểm. Ta sẽ xé nhiều lần trước mặt, bắt viết lại, và còn bắt trình diện hàng ngày nữa. Là chủ nhân, ta sẽ hành cho mi mê tơi, ta có trăm nghìn cách, bắt mi phải phục tùng làm nô lệ trâu ngựa, suốt đời cho ta.

Mới chỉ nhìn, chưa uống và cũng chưa hút mà đã say! Ghét bia và thuốc quá đi thôi !

Đã ngâm nga từ nãy, không chịu được nữa rồi. Tôi cầm lon bia khẽ bật cái móc: Một tiếng xịt dài làm tôi nhớ ngay đến con voi ở sở thú năm 1958.

Hôm đó tôi và thằng em trai Công Lý vào sở thú xem voi và hổ. Bỗng một tiếng xịt dài ở hậu môn con voi làm nhiều người quay lại. Rồi một mùi ung ủng của thịt thiu xông ra, làm cho mọi người phải bịt mũi. Nhưng tiếng xịt hôm nay nghe thì giống, nhưng cái mùi của nó thì đê mê làm ngất ngây lòng tôi. Tôi không thể giữ được tay tôi ngừng lại, tay tôi đã đưa lon bia vào miệng rồi, ừng ực mấy hơi liền. Sau khi đã ngất ngưỡng được trên nửa lon, bấy giờ tôi mới sờ đến cô nàng Dunhill. Ngày xưa tiền bối Vũ Hoàng Chương, gặp cụ Lưu Linh thế nào tôi không biết, nhưng hôm nay tôi đã hân hạnh gặp cụ. Cụ Lưu Linh vẫn trẻ mãi không già, như nàng Xuân mới lớn.

Mùi bia, mùi thuốc đầy ắp căn gác trống, hồn của tôi đã thập thò mấy lần định lẩn ra ngoài, nhưng tôi đã kìm lại. Nhìn làn khói xoay tròn, rồi ngoằn ngoèo bò ra ngoài cửa sổ, mầu khói thuốc đã lẫn lộn vào mấy tảng mây trời. Khói lắt léo giẫy dọn, mây thì nằm yên nhưng đều bị ánh hoàng hôn nhuộm vàng hết. Mặt trời muộn, đã nhuộm vàng cả mấy mái tôn, mái ngói; cả một nửa cây điệp to tướng, trong khu nhà thờ Nam Hòa.

Mắt tôi lơ mơ thoáng một bóng trắng, dưới chiếc giếng giữa nhà bà Tường và nhà tôi, tôi tưởng là hoa mất. Tôi ghé sát ra song cửa nhìn xuống, đúng là một cô gái, mái tóc đen huyền buông xõa xuống bờ vai. Đôi tay của nàng, đang kéo gầu nước đổ vào chiếc thau nhôm, có mấy cái khăn đen trắng. Giữa khe hở của hai lọn tóc phía sau lưng cô, là chiếc cổ trắng ngần. Cô chừng 22- 23 tuổi, không hiểu cô là con cái nhà ai ở trong xóm này? Tôi chưa hề trông thấy bao giờ, từ khi đi tù về"

Động óc tò mò, nên tôi tỉnh hẳn, nghĩ đến hàng rào sắt có cây mai tốt tươi (chưa một lần nở hoa) ngay sát chiếc giếng, chỉ cách khoảng 1 mét 50.

Tôi lẹ làng xuống dưới nhà, liếc vào gương, vuốt lại mái tóc, rồi ra sân bếp bên cạnh cây mai, hàng rào sắt chỉ cách chiếc lưng của cô hơn một mét. Tôi đã nhìn rõ! Thừa nhận da của cô thật trắng, nhưng chỉ nhìn thấy phía sau lưng. Tôi suy đoán, chắc chắn khi xong, cô phải đứng lên, quay vào nhà.

Hai tay chống nạnh hai sườn, ngực tôi hơi ưỡn ra, trong thâm tâm, một sợi chỉ nhỏ lờ mờ, tự nhủ : Bốn đám mình đã đến nhà; dù không trâm anh thế phiệt, cũng là loại nghiêng nước, nghiêng thùng mà cũng đều đã chấp nhận. Vậy thử xem cô nàng này, mặt mũi ra sao?

Kiên nhẫn đứng chờ, tôi đinh ninh, cô này khi ngửng lên, nhìn thấy một chàng trai (hai con mắt) đứng lừng lững ngay phía sau lưng, cô ả sẽ đỏ mặt, rồi lúng túng. Tôi đã vận dụng con mắt của nghề nghiệp , chỉ không, chứ cô đã nhìn, dù nhìn ngang (nhìn bằng trường của con ngươi) cũng không thể qua mắt tôi được.

Nhưng, cho tới lúc cô ả đứng dậy, xách gầu, mang thau đi vào một cái cửa sau, của một ngôi nhà quay mặt ra phía xóm nhà thờ, cô không hề liếc nhìn, mặt nghiêm trang, dù cô đã quay cả ra phía sau lưng. Một luồng hơi anh ách dồn lên ngực tôi, tôi quay vào nhà định tiếp tục lên gác. Thấy mẹ tôi đã ngồi dậy trong mùng, cái luồng anh ách hãy còn nóng trong lồng ngực. Tôi sà vào màn mẹ, hỏi ngay:

– Mẹ ơi! Mẹ có biết phía sau nhà, có một cô gái chừng 22- 23 tuổi có nước da thật là trắng, mẹ có biết con cái nhà ai không mẹ?

Bà cụ hơi ngạc nhiên, vì đã hàng nửa tháng nay, tôi đi tìm vợ hết đám này đến đám kia, tôi chẳng nói năng gì. Bây giờ, lại hỏi về một người con gái, ngay phía sau nhà? Bà cụ ngồi im, đăm chiêu một lúc, rồi mặt người tươi lên, mỉm cười:

– Đấy là con của bà Chức, vẫn sang với mẹ, mà con đã gặp. Tại sao, con lại hỏi mẹ thế?

Con bà Chức! Cái bà đã hai lần chuyện trò với tôi, vẫn gọi thầy mẹ tôi là ông bà cụ, và bà đã xưng em khi nói chuyện với tôi? Tôi nhớ lại, chính cái bà đã đi xe đạp sang nhà em Xuân, báo cho biết là buổi sáng hôm ấy, tôi đã về. Mẹ tôi quay lại, còn cười nữa:

– Con có thích, mẹ sẽ nói cho?

Để đường hoàng, nhìn xem mặt cô này, tôi nói với mẹ tôi:

– Con thường không có nhà, khi nào bà ấy sang, mẹ cứ nói dạm thử, con sẽ sang nhà bà ấy chơi, mẹ nhé!

Chừng bốn năm ngày sau, một buổi tôi đi làm về, mẹ tôi từ trong màn nói vọng ra:

– Bà Chức nói, hôm nào con ghé sang nhà bà chơi!

Trong khi hôm kia, hôm qua phía nhà cô Thùy Trang và cô Hương nhắn mợ Út:

” Sao không thấy anh ấy xuống chơi! ” .

Một buổi chiều, còn mươi mười lăm phút nữa, tôi mang sổ trình diện đến nhà cô Ngọc Anh, tôi lúi húi sửa lại cái xích xe đạp, chuẩn bị cho ngày mai đi làm. Một tiếng rao hàng quen thuộc, khàn khàn như tiếng con ngạn đực gào, gọi vợ con:

– Lạc rang ……..nóng…….. dòn…….. đây……

Tiếng rao cất lên đã phá tan cái tĩnh lặng của một xóm chiều, nhiều tần tảo sở xoay với hai bữa cơm độn bo bo của mỗi ngày. Dạ dầy, sau một ngày lao động cực nhọc nó đã vặn vò, không còn một chút nguồn sống, nên chỉ nghe tiếng rao, mũi đã đánh hơi thấy mùi lạc rang thơm lừng. Lòng vừa muốn được thưởng thức những hột lạc dòn ngậy ấy, vừa muốn giúp đỡ phần nào ông già bán lạc, còn khốn cùng hơn tôi. Nhưng cái túi của tôi đã ngăn lại, một cách hữu hiệu. Tôi đành phải theo nó, dù vậy tôi vẫn mở cửa bước ra ngó ông già. Một tay ôm thùng lạc, một tay chống chiếc gậy tre, vót nhọn.

Nhìn chiếc lưng gầy đeo chiếc áo lính mầu xám, đã trở thành mầu lá úa, vá chằng chịt. Áo đụp miếng nâu, miếng đen, như nó đang đeo theo nỗi vơi đầy của người dân đen, quằn quại trong nanh vuốt của nhà nước chuyên chính vô sản có nhiều tài bịp bợm.

Tiếng rao mất hút dần về phía cuối chợ Nam Hòa. Con đường hẻm rộng rãi, tráng xi – măng nhiều rác bẩn, lá bánh, giấy vụn, vỏ chuối, giẻ rách, lá khô thối rữa, gió vun rải rác từng đống to nhỏ. Những căn nhà hai bên lớn, bé, hai lầu, ba lầu, những mái

bằng, mái ngói, cửa lớn, cửa nhỏ, nhưng đều đóng im ỉm như nhà của bố mẹ tôi. Trên những ban công, những chiếc chuồng to, nhỏ đóng ghép bằng tôn, bằng gỗ thùng và bằng các- tông nhặt nhạnh để nuôi gà, thỏ, vịt thậm chí cả heo. Cứt gà, cứt heo văng vấy lên những bức tường, mầu sơn tươi còn sót lại, những áo, quần, màn, chăng vắt phơi đây đó. Tôi hình dung đường thời gian của con hẻm này:

Trước 1962 tôi đi ra ngoài Bắc, đường hẻm này là đất, cát. Nhà gỗ, nhà tôn, nhà xây lẫn lộn, to, nhỏ, lồi ra, thụt vào, có nhiều cây trứng cá. Những buổi chiều tôi hay nằm trên chiếc phản đầu hè, để học hay đọc sách. Nắng, mưa hai mùa, sớm chiều, những nàng gió vào lả lơi, với những chàng trứng cá. Những anh chàng và những cô nàng có xức nước hoa hay không, nhưng thực sự con ngõ này, nếu không có mùi hương của các chàng trai và những cô nàng, thì là những cái mùi, nhè nhẹ trong lành của thiên nhiên như mùi của cây, của cỏ, của đá và của đất.

Nhưng bây giờ, cũng con ngõ này, lẫn vào trong không khí, nếu không là mùi của phân heo, gà, vịt, thì là mùi của lá thối, hay mùi ủng của cống rãnh.

Cuối 1980 tôi trở về, nhà hai ba tầng xây san sát, đã nói lên một thời phồn thịnh còn vang bóng. Nhìn con ngõ, tôi hình dung như một người gặp thời làm ăn phát đạt sung túc, mặt tươi roi rói như hoa mùa xuân. Bây giờ gặp phải thời mạt vận, buôn thua, bán lỗ, thất cơ, lỡ vận, suốt đêm ngày vật lộn với cái dạ dầy, nên mặt nhăn nhúm, lúc nào cũng buồn rười rượi, mà còn phì ra những cái hơi, vừa chua vừa thủm nữa.

Chiều hôm qua, sau khi cơm nước, rửa chén bát xong, tôi đã trèo vào mùng với mẹ để chuyện trò nỉ non. Tôi đã nói với mẹ, hôm nào bà Chức sang; hay khi mẹ đi chầu, gặp ở nhà thờ, mẹ hãy nói dùm con chiều thứ Bẩy này, con sẽ sang để thăm gia đình.

Mẹ tôi đã gặp bà Chức ở nhà thờ, và bà đã đồng ý chiều thứ Bẩy. Cái buổi chiều thứ Bẩy hôm ấy, tôi cũng chuẩn bị quần áo sạch sẽ, để sang thăm nhà cô nàng, và để nhìn rõ cái mặt, của cô nàng; dám coi thường đấng ” mày râu “

Nhà nàng cứ tưởng... .....ở đâu?

Cạnh ngay cái giếng ……..phía sau….nhà mình.

Cũng giống cô nàng của bác Nguyễn Bính ngày ấy:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi.....

Cách nhau cái giậu mồng tơi…….. xanh rờn.

Dù đứng ở sân bếp, cạnh cây mai tôi cũng nhìn thấy cái cửa xanh xanh phía sau nhà nàng. Tôi vẫn đường hoàng cuốc bộ vòng ra phía nhà thờ, để vào phía trước nhà.

Bà Chức đang ngồi khâu vá ở một cái bàn, bà bỏ giỏ khâu vào phía trong, rồi niềm nở; sau khi tôi hơi cúi đầu nhã nhặn chào bà:

– Chào anh! Anh sang chơi!

– Không ngờ nhà bà lại ở ngay phía sau, từ ngày về, hôm nay mới sang thăm gia đình .

Bà Chức cầm cuộn chỉ đút vào chiếc giỏ, quay lại:

– Tôi vẫn sang bên ông bà luôn, hàng xóm, láng giềng.

Đã chuyển đổi hơi khác đi rồi, tôi nói đã không có chủ từ, bà Chức đã xưng ” tôi ” không còn xưng ” em ” như mọi khi, và đã gọi bố mẹ tôi là ông bà, thay vì thường gọi ông bà cụ. Điều này là tự nhiên, tự hiểu của cuộc đời.

Chắc bà ấy và mẹ tôi đã bàn thảo, trao đổi; nhất là từ ngày tôi về có bao giờ lại sang nhà hàng xóm? Đi trình diện với CA và lo ăn tối ngày, tâm hồn nào để ý đến hàng xóm?

Trong câu chuyện với bà Chức, điều chính yếu là cám ơn bà ấy và xóm giềng đã giúp đỡ bố mẹ mù lòa, già yếu của tôi, trong khi tôi không có ở nhà. Bà Chức cười vui, không khí cởi mở, bà quay xuống bếp gọi:

– Hoa ơi ! Đem nước mời ” anh ” con !

Đúng cô nàng hôm múc nước ở giếng rồi, cô nàng chỉ e lệ cúi đầu, chứ không có lời chào, đứng rót nước, rồi xuống bếp.

Như tôi vẫn biết và vẫn tin: “Đời sống kỳ diệu, khôn lường!” Không một ai biết được ngày mai của mỗi người. Ngay một người tử tội, ngày mai sẽ bị bắn ở pháp trường, có trường hợp vẫn sống, mà còn sống lâu nữa! Có rất nhiều sự việc không thể lý giải. Đã bốn đám tôi và mợ Út đi đến, họ cũng nồng nhiệt đón nhận anh chàng thất cơ, lỡ vận, phó thường dân xác xơ nghèo, nhưng nó không thấy thân quen, gần gũi. Họ còn có nhã ý sẽ lo cho cả hai vợ chồng ” vượt biên ” khi đã là con cái của họ rồi. Bà Chức bỗng đứng dậy nói:

– Anh ở nhà chờ tôi một chút, tôi ra đây có tí việc.

Nói rồi, bà quay xuống bếp cao giọng:

– Hoa ơi ! Con lên nói chuyện với ” anh “, mẹ ra đây một tí !

Cô Hoa lên nhà, lần này không dám nhìn tôi; thái độ lúng túng, rụt rè, khác hẳn với khi nãy. Tôi đứng dậy, nhìn vào một chiếc ghế đối diện, nói nhẹ nhàng:

– Mời cô . . . . .ngồi nói chuyện !

Câu đầu tiên tôi hỏi cô Hoa là: ” ông đâu, đi vắng hay ở đâu?”

Trong suốt câu chuyện, tôi được biết: Ba (tức ông bố) ở trên Phương Lâm, ba người con trai là em của cô, có nhà làm ruộng, làm vườn ở trên ấy. Cô học vừa hết lớp 11 thì mất nước, khi ấy cô 18 tuổi, cô đã phải đi thủy lợi hai lần, mỗi lần một tuần, đã nếm mùi đoàn thể của Việt Cộng.

Hiện nay cô đi làm cho tổ ngòi bút Đức Thành. Điều làm cho tôi “mềm” lòng nhất, là đã có mấy lần, cô ấy đã dẫn mẹ tôi từ nhà thờ về nhà. Để biết được ý của cô, đồng thời muốn biết một vài quan điểm của cô về xã hội, về đất nước và cuộc sống v.v. . . tôi đề nghị một buổi chiều, ra bờ sông Sài Gòn nói chuyện, cô đã trả lời rất là hợp lý:

– Em đồng ý lắm, nhưng phải hỏi ý kiến của mẹ em đã.

Cũng vừa lúc ấy thì bà Chức trở về, tôi cũng đã thưa thẳng ý kiến trên với bà. Bà tỏ vẻ rất vui và bà đã nói một câu, tôi vẫn còn ghi nhớ tới bây giờ:

– Em nó đi với anh, tôi không có ngại ngần gì?!

Để cho mát, tôi xin hẹn 7 giờ 15 chiều. Sau giờ trình diện, tôi đã đèo Hoa ra bờ sông. Buổi đi chơi này, tôi và Hoa đã trao đổi, thẩm định nhiều lãnh vực, để hiểu tương đối về nhau.

Tôi muốn có một chút khái niệm, về ngành giáo dục của miền Nam trước 30-4-1975, nên tôi đã hỏi cô Hoa học trường nào? Cô đã theo học một cái trường rất lạ: Trường Nhân Chủ, tôi hiểu dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa thì có rất nhiều trường tư. Trường Nhân Chủ ở đường Nguyễn Văn Thoại, sau Việt Cộng đổi lại là trường Nguyễn Thái Bình.

Giai đoạn tên Nguyễn Thái Bình bị bắn chết, ở ngoài Bắc khi ấy VC có dư luận (cán bộ) cũng không ưa tên NTB này. Nhưng ở trong Nam, Việt Cộng cần lấy chính trị, nghĩa là nó cần mua những người nhẹ dạ khác, cho nên chúng ra vẻ ghi công như trường hợp Nguyễn Văn Trỗi.

Giữa Quốc Gia và cộng sản về lĩnh vực này khác nhau rõ rệt:

– Quốc Gia: Bất cứ ai đã đem lại lợi ích, cho quê hương dân tộc ở bất cứ lãnh vực gì, chúng ta đều ghi ơn tôn kính như một danh nhân của dân tộc.

– cộng sản: Bất cứ lãnh vực gì, chính trị phải đặt lên hàng đầu: Phải có tính Đảng, tính giai cấp, cho nên chúng có đặt tên phố hay một công trình nào đó, hoặc đề cao một cá nhân là để mua, để đánh lừa những người nhẹ dạ, trong nước cũng như ngoại quốc. Chứ người đó, chưa hẳn đã làm lợi cho dân, cho nước.

Sau khi thấy có thể cùng đi một đường, cùng nhìn về một hướng, tôi cởi cái bọc "anh ách" hãy còn nóng hổi ở trong lòng, với cô Hoa. Tôi đã cầm tay Hoa, nhẹ nhàng hỏi:

– Thế cái buổi chiều hôm ấy, ngoài giếng em không nhìn thấy anh ư?

Hoa hơi bóp ngón tay tôi, rồi nói nhẹ như gió xuân đầu mùa:

– Em không nhìn, nhưng em biết!

Ngạc nhiên, tôi hỏi cho bằng thỏa, để rồi em Hoa phải thú thật là đã để ý đến tôi, từ mấy tháng trước.

Một buổi họp liên tổ Dân Phòng, bà Vinh với bà Chức (mẹ Hoa) đi họp về nói chuyện tên Long to lớn, thường ngang tàng hống hách trong xóm. Y mượn của anh Bình cái kính, dùng xong rồi đút vào túi, coi như quên. Anh Bình đường hoàng đến rút cái kính, rồi về chỗ ngồi, không nói năng gì. Bà Vinh còn nói: "Con ông bà cụ ít nói, nhưng không dễ bắt nạt." Em ngồi học, nghe được, rồi em cứ nghĩ đến anh.

Tôi đã cảm ơn em Hoa, cho tôi biết một sự thật.

Mắt tôi lơ đãng dõi theo hai con thiên nga, đang sóng đôi bay về phương trời. Tâm tư của tôi lại chạy ngược về buổi chiều, gặp cụ Lưu Linh hôm ấy, tôi kéo đầu Hoa lại gần. Nói với Hoa, mà mắt tôi vẫn ôm chặt đôi thiên nga, đã mờ dần xa vút:

– Nếu hôm ấy, em không nhìn anh bằng một giác quan đặc biệt, thì đã không có buổi hẹn hò hôm nay. Và em có đồng ý với anh rằng: Đời là kỳ diệu?

Hoa đã bóp chặt tay tôi hơn, rồi gục đầu vào tay tôi, thầm thì:

– Em đồng ý !

Và cũng trong buổi tối hôm ấy, chúng tôi quyết định, tiến tới hôn nhân.

CHƯƠNG 36: CÁI ÁO NHÂN DÂN

Sau buổi nói chuyện với cô Hoa, tôi đã về trình bày chi tiết lại với thầy mẹ tôi. Mẹ tôi mừng ra mặt, người tươi như có một nguồn sinh lực mới, người sai tôi đi mời mợ Út vào để người nói chuyện.
Mợ Út vừa vui, vừa ngạc nhiên: Vui vì tôi đã chịu lập gia đình, lớn tuổi mà còn lận đận, long đong mãi. Ngạc nhiên vì so với bốn đám kia thì tôi có điều kiện để bay, nhẩy sau này nhiều hơn, nhưng một khi đã nói: Đời là kỳ diệu, vợ chồng là duyên số thì xin ngừng lại đây.

Chuyện lấy vợ của tôi cũng không đơn giản, bình thường. Tôi còn bị mất quyền công dân năm năm, cho nên tôi phải chạy lên Thành, xuống Quận; ra Ủy Ban Quản Lý

Những Người Học Tập Được Về, vào Phường còn phải đến báo cáo cả cô Ngọc Anh, công an khu vực nữa. Không phải một lần mà xong, chúng bắt tôi chạy đi, chạy về nhiều lần. Hạch hỏi, cả những điều tôi không hề nghĩ tới, như:

– Anh quen với cô Hoa này do đường dây nào?

– Anh có chủ trương gì với cô Hoa sau này?

Tôi nóng cả người lên, tôi đã định trả lời theo cái ngang bướng cố hữu khi bị ép đè là:

“Tôi có chủ trương sẽ đẻ con với cô Hoa! Và sẽ phong cho cô ấy, chức Nội Tướng sau này”.

Nhưng thôi, phải nín thở qua đò, thì mới có thể làm được những việc mình muốn, nên tôi đã trả lời, ngoan ngoãn ngây thơ:

– Thưa ông, chủ trương nào cơ? Tôi chỉ muốn lấy cô ấy làm vợ thô i !

Chỉ có cô Ngọc Anh làm cho tôi ngạc nhiên. Một buổi tối, tôi đến trình diện xin chữ ký của cô mỗi ngày, hôm nay sau khi làm những điều thường nhật xong, tôi nói luôn:

– Thưa cô, tôi và cô... Hoa sẽ chuẩn bị tiến đến hôn nhân, vợ chồng !

Con ngươi của cô đang là mầu xanh lam hình bầu dục, cô ngửng lên nhìn tôi. Con ngươi của cô mở to dần thành tròn, rồi ướn ra, chuyển thành mầu nâu. Không nói một lời, cô quay ngoắt vào trong.

Thấy vậy, tôi đứng lên, khẽ chào, rồi tôi ra về. Mợ Út đã vào nhà tôi nhiều lần, cùng với mẹ tôi, có cả bà Chức. Các bà đều đã chuẩn bị sấp xếp vào ngày Chủ Nhật này, có cả ông Chức từ trên Phương Lâm về. Như một ngày chính thức dạm hỏi, để rồi ấn định ngày cưới, ngày vào Cha cho một lễ cưới đơn giản theo điều kiện và hoàn cảnh của gia đình đôi bên ở giai đoạn ấy. Vợ chồng Lợi và Đạt hoan nghênh tích cực, chuẩn bị cho đám cưới của tôi.

Mấy ngày sau, chị Hai Công ở Hồng Ngự đã xuống và chị đã thực hiện lời chị nói là, cho tôi một cây vàng lá Kim Thành. “Tiền vào nhà khó, như gió vào nhà trống”. Phải thừa nhận lạng vàng của chị Hai, đã giải quyết những khó khăn chính, trong giai đoạn này của tôi.

Tôi nhớ có một bữa cơm họp mặt mấy bạn bè trên nhà thằng Lợi trước ngày đám cưới của tôi. Bữa cơm hôm ấy có năm sáu người bạn hoặc liên quan họ hàng: Anh Trần Đình Lộc(anh rể của Lợi) Đạt, Lợi, tôi, ông Long và anh Bùi Văn Đệ. Bữa cơm họp bạn bè giữa năm 1981, đã hằn vào tiềm thức của tôi.

Những ai ở Sài Gòn trong giai đoạn này, đều đã thấy: Hầu hết cuộc đời của mỗi người, đều không biết ngày mai sẽ ra sao? Đầy trăn trở, lắng lo; đầy thấp thỏm ngơ ngác nhìn ngày mai với những khó khăn, chất chồng trước mặt. Vì thế bữa cơm này, dù tâm trạng mỗi người khác nhau, nhưng đều muốn uống mà không cần kìm giữ. Trong sáu người này, người nhiều tuổi nhất có lẽ là ông Long, ông đã từng là một người điều hành kỹ thuật, của một cơ xưởng mộc xuất khẩu của Sài Gòn trước và cả sau 1975.

Trong khi người nào cụ Lưu Linh cũng đã đến thăm, có nhiều chuyện được đề cập. Tôi hiểu tuy là bạn bè nhưng mỗi người đều có những nỗi niềm riêng, tôi cũng có niềm riêng. Tôi còn có một cái tôi tin rằng, khác với năm người kia. Tôi có muốn gặp cụ Lưu Linh, nhưng cái túi nó đã ngăn tôi lại, hôm nay có điều kiện, nên tôi đã nói chuyện với cụ hơi lâu, hơi nhiều. Bỗng nghe thằng Đạt nói như sừng sộ :

“Ông Hồ có tên trong tự điển Larousse” .

Rồi tiếng ông Long cũng sôi nổi:

“Ông Hồ Chí Minh tuy có một số điểm sai, nhưng chúng ta phải thừa nhận, ông ta đã cả một cuộc đời yêu quê hương dân tộc”

Anh Đệ ngồi mãi phía cuối bàn, cũng khàn khàn lên tiếng:

” Rất tiếc, nếu ông Hồ còn sống, thì người dân không khổ cực như bây giờ“.

Tôi nghe, và tôi cũng không hiểu tại vì sao các bạn lại đưa cái đề tài HCM ra, để tranh luận? Nghĩ thế, nhưng tôi vẫn ngồi im, cho hồn đưa võng với cụ Lưu Linh. Tôi hiểu mấy người bạn của tôi, đều là người Bắc di cư. Cùng ở dưới chế độ VNCH và đều đã là công chức dưới chế độ đó, đều không ưa gì cộng sản, mà còn nhận định về Hồ Chí Minh như vậy, thì còn nói chi đến người dân khác!

Nghe như vậy, nhưng lòng tôi còn rối rắm nhiều sự việc, sáng mai phải đưa bản kiểm điểm lên tiểu ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về. Họ có tha thứ, chấp nhận cho tôi được gia hạn ba tháng, tạm trú nhà bố mẹ của tôi không đây? Tuần trước, tiểu ban QLNNHTCTĐV gửi giấy gọi lên, bắt tôi làm kiểm điểm đã vi phạm thời gian tạm trú. Lý do, khi tôi lên Thành CA, sáu tháng trước trình diện. Tôi có xin gia hạn tạm trú, nhưng CA Thành đã bảo vấn đề tạm trú, đã giao về địa phương.Tôi hiểu địa phương là phường 6; phường của tôi ở, và CA khu vực, mà hai nơi này thì hàng ngày tôi đều có mặt trình diện rồi.

Đầu tôi đang cúi gầm, tâm sự với cụ Lưu Linh thì ông Long đã gọi tên tôi:

– Anh Bình đã ra Bắc, tù nhiều năm, cho chúng tôi nghe ý kiến của anh đi!

Cả cái thằng chó chết Đạt cũng thúc vào:

– Anh Bình có đồng ý ông Hồ có công với dân tộc, với đất nước không?

Tôi đã ngất ngưỡng rồi, nhưng bạn bè muốn tôi có ý kiến, vậy thì cứ nói thật, những suy nghĩ trong lòng:

– Tôi đã say, nhưng các bạn muốn tôi có ý kiến, xin các bạn thông cảm, tôi không có khả năng lý luận và ăn nói. Do đấy, tôi chỉ nói những cảm nghĩ và sự việc bản thân đã trải qua:

Khi tôi còn nhỏ ở trong vùng Việt Minh, nên tôi đã là nhi đồng cứu quốc. Tôi đã chơi đùa nhiều với các anh bộ đội của "Bác Hồ" suốt những năm 1945 đến 1950. Năm 1950 tôi ra Hà Nội, 1954 vào Nam, rồi 1962 ra miền Bắc. Do những bối cảnh của quê hương, do những thúc đẩy của dòng đời, tôi đã nhận một nhiệm vụ nhỏ bé ra Hà Nội để chống cộng sản.

Dù tôi đã được nghe, được diễn giải chủ nghĩa cộng sản từ đệ I, II, III IV Quốc Tế diễn tiến cho tới Tito của Nam Tư (thời gian ở lớp học số 2 Jean Jacques Rousseau).

Một mình tôi xông vào bức màn sắt, mò về Hà Nội để đi thực tế. Trong đáy con tim của tôi vẫn còn dành một góc nhỏ, lòng mến mộ HCM. Thật là một điều mâu thuẫn, nhưng đấy là sự thật! Rồi tôi bị bắt.

Sáu năm trong xà- lim, cũng là thời gian tôi có điều kiện soi rọi lại những sự kiện của cuộc đời, và của quê hương. Ở các trại trung ương, là thời gian tôi vừa tiếp xúc với nhiều những thành phần đối lập, với chế độ cộng sản, lại vừa có điều kiện, đọc những sách triết, lý luận của cộng sản (do chính cộng sản xuất bản), cái món ăn tinh thần, tôi vẫn ngán ngẩm, và lười đọc trước đây. Như một món ăn mình không thích, nhưng đói và cái thế phải ăn mãi thành quen, rồi thành thích.

Vậy mà mãi tới năm 1978 – 1979 Việt Nam đánh sang Căm-pu-Chia; Trung Cộng dạy cho Việt Nam một bài học. Nhiều đêm tôi mần mò trăn trở, khắp các nước cộng sản, rồi về. đến cá nhân Hồ Chí Minh.

Đất nước ta bị thực dân Pháp đô hộ chính thức từ 1858. Dân trí tiến lên theo cái đà chung của toàn thế giới. Vì thế, từ 1900 đến 1925 biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam, đều thấy cái nhục mất nước, mong ra nước ngoài tìm được một giải pháp cứu nước. Họ, tùy theo điều kiện, người thì sang Tàu, sang Nhật, Anh, Pháp v.v. . . Nơi nào có những manh mối đường hướng, chủ trương, phương pháp hay tốt . Để từ đấy hy vọng đuổi được thực dân Pháp đi.

Biết bao nhiêu phong trào, đoàn thể, đảng phái đi khắp nơi trên thế giới: Như cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Cường Để, Nguyễn Văn Tiến, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Thế Truyền v.v...- trong đó có Hồ chí Minh.

Tất cả những người thanh niên yêu nước, thương nòi đầy nhiệt tâm này đã bôn ba nhiều nước, tiếp xúc với nhiều phong trào tiến bộ ở bất cứ một nước nào, hy vọng

giải phóng được đất nước của mình. Việc làm của các thanh niên này phải được hoan nghênh, toàn dân Việt chúng ta; cho tới các thế hệ sau này vẫn ghi ơn các vị.

Thời gian và sự việc đã cho chúng ta thấy, do cái trào lưu tiến bộ của loài người, đã đến lúc các loại thực dân kể cả Anh, Pháp, Bồ, Nhật v.v..... trước sau đều phải từ bỏ tham vọng Đế Quốc, Thực Dân của mình (Mỹ tiến bộ, đi đầu tiên) Hẳn các bạn cũng đã nhìn thấy, ngay những nước láng giềng chung quanh của ta. Nói như vậy, có nghĩa các vị thanh niên của ta không cần phải bôn ba, cực nhọc đi tìm phương cứu nước, thì nước ta cũng sẽ được độc lập. Và như thế, chúng ta đã không biết ơn các vị thanh niên đó hay sao?

Không! Việc làm của các vị vẫn đúng, vẫn được chúng ta, những thế hệ sau biết ơn. Như trên tôi đã nói là do cái trào lưu tiến bộ của loài người. Ngay những tên thực dân sừng sỏ, cũng không thể biết trước được, huống chi các vị thanh niên ấy.

Nhận xét một con người, ta phải nhìn từ nhiều mặt, nhìn với con mắt khoa học, biện chứng. Một người có lòng tự trọng, có nghĩa trọng người khác, thì không thể lừa dối bạn bè, lừa dối người thân, không thể làm được một công việc hèn hạ, đáng khinh.Một người miệng và lòng khác nhau, coi quyền lợi cá nhân trên tập thể, trên cả dân tộc. Sẵn sàng lậy van quy lụy kẻ thù, chỉ cần đạt được mục đích, bất chấp phương pháp thủ đoạn.

Do thời gian đã dài, ngày nay nhiều tài liệu mật của Liên Xô (cũ) của thực dân Pháp đã được bạch hóa, báo chí Pháp và thế giới đã trình bày. Khi HCM đến Pháp (1911) đã làm đơn xin theo học Trường Thuộc Địa, để sẽ trở thành một người phục vụ trung thành, cho mẫu quốc nhưng đã bị Bộ Thuộc Địa Pháp từ chối. Anh ta đi thăm hỏi, tìm tòi, nghe ngóng khắp nơi. Ngày nay ở đâu nước nào có một cái đường hướng tạo lập được một lực lượng quần chúng như phong trào Đông Du (Nhật), Tam Dân (Tôn Dật Tiên), Mặt Trận Bình Dân, hay Cộng Hoà v.v. . . Anh chàng tên Minh thấy, sau này dù có đuổi được thực dân Pháp, thì người lãnh đạo cũng chỉ có một nhiệm kỳ 4 hoặc 5 năm mà thôi. Rồi chàng thanh niên đó đã gặp chủ nghĩa Marx kết hợp với của Lénine. Anh ta say sưa học tập và nghiên cứu.

Tuy anh ta hiểu, đi theo con đường của đệ III của Marx+Lénine, người dân sẽ nghèo khổ, nhưng mục đích của anh ta đã đạt Nếu đuổi được thực dân, hoặc lật đổ được một chế độ, thì anh ta sẽ ngồi ở cái ghế đứng đầu ở trong nước, mãi mãi. Một hình thức của một ông vua, một ông Hoàng Đế tuy không thể làm ngai vàng. Nhưng chỉ khi nào chết mới thôi, như ở Âu Châu: Lénine; Staline; Caucescu; Honoker; Fidel Castro. Á Châu: Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh. Đặc biệt Kim Nhật Thành còn truyền ngôi lại cho con trai nữa.

Đến đây, ai cũng đã thấy: Những lãnh tụ cộng sản là những người có chủ nghĩa cá nhân cao nhất, núp sau cái bình phong tập thế, là nhân dân.

Điều này cũng lý giải cộng sản phải thanh toán gián tiếp hay trực tiếp, tất cả những cá nhân hay đoàn thể, không phải là cộng sản. Cũng đã lý giải, ngay từ khi còn chính phủ liên hiệp, cho đến ngày nay biết bao nhiêu cá nhân bị hạ sát, bị thủ tiêu.

Với cái hiểu biết hạn hẹp của cá nhân tôi: HCM là một người không có tim, không có tình cảm, đầy thủ đoạn. Một con người bằng gỗ, bằng đá. Cụ thể: Bất cứ một bài báo, một bài viết nào của HCM, không bao giờ nhắc đến, hay nói đến:

– Cha mẹ, anh chị em (Ai mà chả có cha mẹ?).

– Bạn bè. Dù là một tên trộm cướp, một tên vô lại cũng có bạn bè !

– Vợ con, người tình. Ngày nay không những ở trong nước, thế giới bên ngoài đều rõ: Không những HCM có vợ, mà còn có nhiều vợ, nhiều người tình.

Còn nữa, có lẽ trên thế giới này, là độc nhất, vô nhị. Tự mình lấy một cái tên giả để viết ca tụng đạo đức, tài ba của chính mình. Như tên T. Lan, rồi Trần Dân Tiên. Các anh có thấy nực cười không? Trần Dân Tiên (tức HCM) viết: ” . . . .Tôi hồi hộp, sung sướng, bồn chồn khi được bác Hồ cho gặp, bác tiếp chuyện tôi (Chế Lan Viên đã nói trong hội nhà văn năm 1978. Trần Dân Tiên là chính bác Hồ). Đến đây, nếu chịu suy nghĩ một chút, thì ai cũng hiểu.

Một người như thế thì có thể làm bất cứ điều xấu xa nào. Lừa lọc, lật lọng trắng trợn, giết người; nếu cần giết cả vợ con, bố mẹ, anh em để đạt cái mục đích thâm sâu của mình. Mà quan điểm của tôi:

– Một người bất cứ ở thành phần nào, tuổi tác nào chỉ một lòng vì dân, vì nước kể cả mạng sống của mình, tôi xin tôn trọng kính nể, chết thì tôi tôn thờ.

– Một người cũng bất cứ ở thành phần nào, tuổi tác nào, coi mình là trên, Tổ Quốc quê hương bên dưới, làm hại đồng bào, bán nước, bán đất cầu vinh. Sống tôi gọi là “tên”, là “thằng”. Chết, „tôi phỉ nhổ đến muôn đời. Và từ đấy, tôi đã gọi HCM là “tên”, là “thằng”. Dù cho y mấy trăm tuổi, muôn đời như “tên” Trần ích Tắc, Lê Chiêu Thống v.v. . .

Xin trở lại bữa cơm họp bạn ở nhà Nguyễn Hữu Lợi, gồm 6 người của năm 1981. Hiện nay 2005, trừ ô. Nguyễn Phan Long còn ở VN. Năm người kia thì 3 ở Hoa Kỳ là Trần Đình Lộc, Bùi Văn Đệ và tôi. Hai người ở Australia là Nguyễn Đức Đạt và Nguyễn Hữu Lợi. Bằng phương tiện khác nhau, thời gian khác nhau nhưng đều đã ở hải ngoại. Điều này đã nói rõ: Đời là kỳ diệu !

Sau bữa cơm, tôi đã rủ, mời cụ Lưu Linh cùng về. Chiếc cầu Kinh chiều nay trắng quá ! Tôi ngừng lại, ghé ra thành cầu. Sao lạ lùng thế! Từ trên cao của thành cầu nhìn xuống, hôm nay nước xanh ngắt một mầu lam mát mắt. Tôi nhìn thấy cả mặt một anh chàng “ngố „ cũng đang nhìn tôi. Tôi cứ ngạc nhiên ngắm nhìn anh ta mãi.

Trông mặt mũi anh ta, tôi cũng thấy cảm tình, gần gũi dễ mến. Cho tới khi tôi tỉnh dần, rồi tỉnh hẳn, để biết anh chàng "ngố „ đó cũng chính là tôi.

Trời trong xanh, không một làn gió, cảnh vật yên ắng của một buổi chiều êm ả. Một vài tiếng quang quác như tiếng chào hỏi của một đàn vạc vừa bay ngang, làm tôi phải ngửng đầu lên nhìn theo. À . . .thì ra bầu trời hôm nay không có một vẩn mây. Cái mầu lam xanh yêu đương ấy, đã nhuộm cả mặt nước dưới chân cầu.

Tôi đã ghệ chiếc xe đạp vào thành cầu, rồi đứng lên, kiễng chân. Tôi đã thấy nhiều mây trắng lắm dưới chân trời. Tôi có cảm tưởng cái vung xanh kỳ vĩ của bầu trời, đã lắc lư rúng động sao đó. Bao nhiêu những miếng bông gòn trắng rải rác, đã tụt hết xuống riềm chiếc vung, thành từng đống.

Con sông Thanh Đa nằm phơi mình ưỡn ẹo, hai bên bờ cây lá xanh um trườn ra, như những vết mực đen loang lổ. Cụ Lưu Linh cũng đã từ giã tôi, để đi về một phương trời. Tôi cũng nhấn mạnh bàn đạp, để kịp giờ trình diện của ngày hôm nay, với CA.

CHƯƠNG 37: HỢP DUYÊN ĐỜI

Ngày Chủ Nhật, mợ Út và tôi đã sang nhà ông bà Chức, tôi đã được gặp ông Chức từ trên Phương Lâm về. Tôi cũng đã được gặp một số anh chị em của cô Hoa, cuối cùng đám cưới sẽ được cử hành vào ngày 28 tháng 9, như thế chỉ còn hơn hai tháng nữa.
Phải nói, do tình thương yêu đùm bọc của bà con bạn bè, nên đám cưới được chuẩn bị dù giản dị, trong điều kiện và hoàn cảnh của giai đoạn ấy, nhưng cũng tạm đủ những truyền thống, tập tục của quê hương. Tôi cũng cật lực, chạy ngược xuôi với các ban ngành của địa phương, từ thành xuống đến công an khu vực. Tôi không thể quên được nghĩa tình của họ hàng, bà con, bạn bè:

– Anh chị Hiền (anh họ của tôi) đã cho mượn một cái giường đôi một tháng. – Mẹ của anh Mai Văn Học (một biệt kích nhẩy toán ra Bắc mới được tha), nhận sẽ mua cau tươi cho đám cưới. – Cô Thu và cháu Thanh Lan, đi lo đặt mua một số bánh phu thê (xu xê) và bánh cốm. – Cô Oanh, bạn của cháu Thanh Lan đã cho mượn một bộ quần áo, và giầy của người anh trai mới cưới vợ. – Con trai (Hùng), con gái, con rể (Vợ chồng Uy+ Lý) của anh Nguyễn Huy Lân (toán trưởng toán Boone chưa được về) đến chuẩn bị nhà cửa, giúp đỡ tôi trong đám cưới.

Để xác định rõ ràng, tôi ra phường hỏi rõ ông Nguyễn Quốc Văn chủ tịch phường và ông trung úy Mậu trưởng CA, về lá đơn tôi xin trở lại tù, bây giờ ra sao? Đã được chấp nhận chưa? Theo ông Văn và ông Mậu, lá đơn của tôi đã chuyển lên Thành rồi, được chấp nhận hay không, các ông ấy cũng không biết. Tôi định lên hẳn đường Trần Hưng Đạo, CA thành để hỏi cho ra sự việc. Tôi tin rằng, tôi chỉ mất công thăm hỏi với sự nhã nhặn đúng mức, thì rồi tôi sẽ tìm ra được diễn tiến của sự việc, nhưng tôi chẳng còn một thời gian nào cả, để kiếm miếng cơm hàng ngày, tôi đã làm việc cật lực. Kỳ này điện thành phố bị tắt thường xuyên (thành phố thiếu điện) vì thế tôi

lao động bất kể ngày đêm, kể cả thứ Bẩy, Chủ Nhật, cứ khi nào có điện, tôi lại lao vào cưa, bào, đục, xẻ.

Mệt nhọc và căng thẳng tinh thần; tôi đâm ì mặc cho ra sao! Thế nào cũng chấp nhận. Tôi đã hình dung chuẩn bị tư tưởng, nếu đang đám cưới mà có lệnh đưa tôi trở lại tù, tôi cũng sẵn sàng ra đi, vì tôi đã tự nguyện. Trước mắt tôi cứ gạt điều đó ra một bên, để tâm trí vào việc chuẩn bị lo cho đám cưới. Dù gì cũng phải tôn trọng cô Hoa nữa, mới chạm vào đời tôi một chút, mà đã để cho cô phải lao đao với tôi?

Theo ý của các cô Thu, Xuân và chị Công, đám cưới dứt khoát phải chụp hình, ít nhất là ở nhà thờ. Giai đoạn này chụp hình hãy còn nhiều khó khăn, nhất là hình màu thì thật là tốn phí, ai cũng nói, nó là những tấm hình kỷ niệm của một đời người.

Tôi cũng hiểu như vậy, chỉ vì hoàn cảnh và túi tiền, cuối cùng tôi quyết định chỉ chụp bốn tấm hình màu ở nhà thờ với cha Bình (đầu người bạc trắng, dù người còn trẻ) giá 100 đồng, là tiền công của tôi làm mộc 10 ngày cật lực, ở tổ mộc Thành Công thuộc phường 7 Quận Phú Nhuận. Tôi đã nhẩm tính, dự trù một số người tôi sẽ mời tham dự đám cưới trong thời gian quản chế, mất quyền công dân, rồi tôi làm một lá đơn xin phép ngày tổ chức đám cưới tại nhà vào khoảng bốn chục người. Lá đơn xin phép không những ra Phường, mà còn phải ra tiểu ban QLNNHTĐV và quận Tân Bình.

Khi vào gặp tên Bội, trong tiểu ban QLNNHTĐV, y lấy bút đỏ gạc con số 40 mà viết số 20, y nói:

– Sao đám cưới lại đông thế?

Tôi nghĩ ngay anh em họ hàng trong nhà cũng đã hai chục người rồi, vậy y không cho mời khách ư? Người tôi lại ngứa ngáy, tôi định nói những lời phản đối. Y lại nói tiếp:

– Những người không phải anh em ruột thịt đều là khách, chỉ giới hạn hai mươi người, nếu anh không chấp hành, anh sẽ phải chịu trách nhiệm.

Tôi nhìn y trừng trừng, miệng tôi không cười, nhưng tôi cườibằng mắt, như muốn nói với y:

” Tôi đã làm đơn chịu trách nhiệm rồi, tôi còn coi ra gì cái trách nhiệm này“

thấy y có vẻ không hiểu cái cười mắt có lồng ý của tôi, nên tôi nói thẳng:

– Thưa ông hơn hai tháng trước, tôi đã làm đơn xin tự nguyện trở vào tù rồi mà?

Y cau mặt, quay ra hỏi tôi:

– Anh làm đơn khi nào?

Tôi chợt ngạc nhiên, nên nói mà như hỏi:

– Hơn hai tháng trước! ở dưới phường ông Văn nói đã nộp lên quận, lên thành rồi?

Đầu y hơi nhúc nhích như lắc, miệng y hỏi tiếp như không tin:

– Tại sao anh làm đơn, xin trở vào tù?

Nhìn y chừng hơn bốn chục tuổi, không đeo lon nên tôi không xác định được. Giọng Nghệ An của y nghe như giã gạo; nhưng từ tốn hơn khi nãy, nên tôi điềm đạm nói sơ lược lý do:

– Thưa ông, từ ngày tôi đi tù về, tôi đã tích cực chấp hành mọi quy định với địa phương: tôi đã lên thành, và tiểu ban quận trình diện nhiều lần. Hàng tuần mỗi thứ Hai ra trình diện tại phường, mỗi ngày tôi trình diện CA khu vực để xin chữ ký, hàng ngày tôi phải lao động tại tổ mành trúc 19/5 bên cạnh phường 6. Hơn bảy tháng tôi không có gạo, không có lương, bố mẹ của tôi già yếu, mù lòa. Tôi phải ăn bám vào các người, làm cho các người càng thiếu đói, khổ cực. Tôi đã nỗ lực làm lại cuộc đời nhưng cho tới nay, tôi không còn muốn sống nữa. Mẹ tôi 74 tuổi mù lòa từ 17 năm, nay người lại mắc thêm bệnh phổi thường nôn ra máu, tôi đã phải đưa người vào bệnh viện Hồng Bàng mấy lần. Không còn một lối nào để tôi sống, nên tôi đã làm đơn xin Đảng và nhà nước, cho tôi được trở lại nhà tù, tôi xin tự nguyện ở tù cho tới hết đời.

Y ngồi nghe tôi từ tốn trình bày, mặt y nhợt trắng ra, không xám đen như lúc đầu, y hỏi như băn khoăn thắc mắc:

– Thế, sao bây giờ anh còn lấy vợ?

Tôi trả lời ngắn gọn:

– Để nếu được Đảng và chính phủ ra ân cho tôi vào tù, thì có người đỡ đần bố mẹ tôi !

Y đứng dậy, hơi hất hàm nói nhẹ nhàng:

– Thôi, anh về đi, lo cho ông bà già ! Đừng bi quan quá!

Tôi cầm tờ giấy cho phép tổ chức đám cưới ra về mà lòng nặng trĩu. Đi qua rạp ciné Đại Lợi cũ, cạnh đấy là một building to lớn, nay đã trở thành nhà tù. Một thoáng tôi liên tưởng về miền Bắc: Nhà tù đã mọc lên khắp nơi, cả những nơi vui chơi, du hí của quần chúng cũng trở thành một trại giam. Có bao giờ những người đi làm cuộc Cách Mạng Tháng Tám, đánh đuổi thực dân Pháp, ngồi suy ngẫm: Để lôi kéo toàn dân đứng dậy, với hai khẩu hiệu chính:

– Người cày có ruộng. – Phá nhà tù để xây trường học.

Bây giờ thực tế nhìn vào xã hội, đã đảo ngược hai khẩu hiệu trên.

– Người có ruộng trở thành làm thuê. – Phá trường học để xây nhà tù.

Hẳn các quý vị đã nhìn thấy những cái lắt léo, lật lọng của những người chủ trương. Còn lý do thì vô vàn: Ngược thành xuôi, ngang thành dọc, phải thành trái:

Mất mùa là tại thiên tai. Được mùa là tại thiên tài Đảng ta.

Sau nhiều những chuẩn bị lo toan, và sự giúp đỡ của bà con, họ hàng và bạn bè, ngày cưới cũng đã đến và đi qua. Tôi cũng đã thực hiện được bốn tấm hình mầu, ở nhà thờ Nam Hòa với cha Bình, cùng bạn bè thân thuộc.

Đã chấp nhận trở lại nhà tù, nên tôi chẳng cần phải mời một ai trong chính quyền. Duy nhất có ông Trùm Lộc, mời ông ấy không phải vì ông ấy là tổ trưởng của khu phố, mà là vì thân tình xóm giềng hàng mấy chục năm với bố mẹ tôi. Thế mà trong lúc đám cưới đang ăn uống, tên công an khu vực Ngọc Anh cũng mò đến cửa, làm cho nhiều bạn bè, bà con nhớn nhác nhìn ra, tôi coi như "pha".

Nhưng con người phải có văn hóa, tôi đã nhã nhặn ra mời y thị, vào chung vui ngày cưới của tôi. Y thị không nói một lời, nhìn tôi một lúc bằng đôi mắt mầu nâu già, rồi lặng lẽ bỏ đi.

Cuối cùng thì cũng như mọi người:

Cái đêm hôm ấy, đêm gì..... ?

Bóng dương lồng đóa trà mi....chập chùng!

Một điều làm tôi đắn đo, nhưng rồi tôi không thể không nói đến, dù bạn bè đã cố nài kéo tôi phải gặp lại cụ Lưu Linh, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn giữ một chủ trương. Tối nửa khuya, sau khi khách khứa ra về hết, tranh thủ lúc chị Công, cô Xuân, cô Thu và Hoa (giai nhân của ngày hôm nay) đang loay hoay dưới bếp, tôi lên gác một mình, ngồi vào chiếc giường duy nhất anh chị Hiền cho mượn. Tôi ngồi im lặng năm phút nhắm mắt, để gọi là một chút nào, nhớ về cô Thanh Vân người năm cũ, cô đã bước lên xe hoa từ cuối 1969, đến nay đã 12 năm rồi. Lòng tôi chẳng trách cô, mà còn mừng cho cô:

Đừng trách nhau.....

Đừng ái ngại nhau....

Thuyền yêu không ghé....bến sầu....

Như đêm thiếu phụ.....trên lầu .....không trăng.

Hãy như chiếc sao băng....băng mãi.

Để lòng buồn .....buồn mãi ... .không thôi.

Dù sao tôi vẫn biết ơn cô suốt đời.

Phải thừa nhận, khi cùng một giai cấp, thì có nhiều những cảm nghĩ tương đồng, tôi và Hoa:

Tôi nghèo, mà Hoa cũng nghèo.

Chúng tôi vẫn nguyện như keo suốt đời

Sau ngày cưới, chúng tôi vẫn không giảm đi niềm khó khăn, nỗi chật vật. Tôi vẫn ngày ngày gò lưng đạp xe sang Phú Nhuận làm ở tổ mộc. Hoa cũng vẫn ngày ngày đi làm ở tổ ngòi bút Đức Thành. Nghe Hoa nói tổ ngòi bút có chừng hơn bốn chục nhân công, hầu hết là đàn bà con gái. Tôi cũng như Hoa đều năng nổ, cố gắng làm việc, cũng chỉ đủ để nuôi bản thân mình.

Một buổi chiều như mọi khi tôi đi làm về, thoáng qua cánh cửa sổ khép hờ, dưới bếp Hoa đang tắm rửa và gội đầu cho mẹ tôi. Tôi đã đứng như dán chân xuống ở cửa, trái tim của tôi như to dần lên, giãn nở ra, miệng tôi lẩm bẩm:

" Con xin cảm tạ Chúa và mẹ Maria đã ban cho con một người vợ, biết thương yêu, đỡ đần bố mẹ mù lòa già yếu của con ".

Buổi tối hôm đó ở trên gác tôi cũng không quên cảm ơn Hoa, đã vì tôi. Có những buổi tối khuya tôi và Hoa, trên căn gác trống ngồi bên cửa sổ, ngắm nhìn chị Hằng hàng giờ. Chúng tôi nghèo, và ý thức trách nhiệm với bố mẹ già, nên chúng tôi trang trải "Honey Moon" của chúng tôi, bằng những đêm khuya, dựa lưng vào nhau cùng nhìn và tâm sự với chị Hằng. Hoặc với những anh chàng mây và những cô nàng gió thỉnh thoảng đi qua. Đôi khi có những đêm chúng tôi bàn tán chỉ cho nhau, chị sao Mai và chàng sao Hôm, còn hàng chục vì sao nữa do chúng tôi đặt tên, mà chúng tôi thường gặp, đã trở thành bạn bè.

Có một điều khác thường, từ ngày cưới Hoa về, tối nào lúc 9 giờ, thầy mẹ tôi, tôi và Hoa đều ngồi đọc kinh chung buổi tối. Một điều mà trước đấy, thầy tôi một giường, mẹ tôi một giường, còn tôi thì nằm trên sàn gác một mình, đều tự đọc kinh riêng rồi đi ngủ .

Vào một buổi chiều, sau khi cơm nước xong, tôi và Hoa ở trên gác đang bàn bạc, về một số khó khăn của ngày mai, thì nghe có tiếng một cô gái réo gọi ở dưới nhà :

– Chị Hoa có nhà không ?

Tiếng của mẹ tôi, dõng dạc rõ ràng:

– Cô hỏi ai?

– Cháu muốn hỏi, là chị Hoa có nhà không ạ?

Mẹ tôi có vẻ hơi bực dọc:

– Ở đây không có ai tên là Hoa cả !

Hoa đang định chạy xuống dưới nhà, nhưng tôi đã kéo tay lại. Tôi đã hiểu mẹ tôi, người vẫn duy trì cái lễ giáo, gia phong ngày trước. Cô gái cũng chắc đã chợt hiểu như tôi, nên cô ta đã lại lên tiếng:

– Cháu muốn hỏi chị Bình ạ?

– Cô chờ một chút nhé ! Chị ấy có nhà đấy!

Rồi tiếng mẹ tôi gọi vọng lên gác:

– Chị Bình ơi! Xuống có ai gọi chị đây này!

Từ đây, tôi và Hoa đã hiểu ý của mẹ tôi, tôi và Hoa đã đồng một quan điểm từ ngày nên nghĩa vợ chồng: Thầy già lại lẫn lộn, tâm trí của thầy không còn bình thường, mẹ thì mù cả đôi mắt, bây giờ lại mắc thêm bệnh phổi, sớm muộn lúc nào đó, Chúa sẽ gọi về. Chúng ta bổn phận là con cái, bất cứ ngày đêm, tâm niệm làm sao cho các người vui, chúng tôi cũng tự nguyện nhắc nhở nhau, giữ trọn đạo làm con.

Một buổi chiều, tôi đang cắm cúi thẳm một cái vai bàn gỗ trò, anh Vinh thư ký của tổ mộc chạy vào nhìn tôi, nói như trêu đùa:

– Có hai giai nhân đang tìm anh Bình kìa !

Mấy người trong tổ đang thao tác cũng ngừng tay, cười rẻ lên. Biết là anh Vinh đùa vui, vừa thở, tôi vừa nói:

– Nhân với nho gì ? Có con bò trắng răng năng . . .

Ông Huỳnh ở ngoài sân bước vào, cắt ngang câu nói, ông nghiêm mặt nhìn tôi:

– Có hai cô gái nào, tìm anh Bình!

Tưởng đùa hóa ra thật, tôi chạy vội ra sân. Tôi thật ngỡ ngàng, Hoa và cháu Thanh Lan, hai bác cháu đèo nhau xe đạp, mò mẫm mãi sang đây. Vừa ngạc nhiên vừa vui, hết luôn cả mệt. Tôi hỏi như "phè" niềm vui trong lòng ra ngoài:

– Làm sao, em và cháu lại biết anh ở đây? Anh có nói cho em biết địa chỉ này đâu?

Hai bác cháu cười rúc rích, như gà giò đuổi nhau:

-Ở đâu mà không tìm được!

Dù còn gần một giờ nữa, mới tới giờ nghỉ, tôi vào văn phòng nhã nhặn xin cho về sớm, vì nhà có chuyện. Tôi vẫy cả hai bác cháu vào chào ông Huỳnh và người trong tổ. Tôi cũng giới thiệu với ông Huỳnh, vợ và cháu của tôi.

CHƯƠNG 38: CHUYỂN ĐỔI TƯ DUY

Dẫn xe ra khỏi tổ mộc Thành Công, phố phường, cảnh vật hôm nay tươi ra roi rói, như trong lòng tôi lúc này, vợ và cháu gái đến tìm tôi! Đã mấy chục năm nay có ai hỏi tìm, thăm tôi đâu? Hôm nay cảm giác của tôi khác thường. Như vậy tôi cũng là một người như mọi người! Và tôi cũng có hạnh phúc giống người khác, điều mà đã mặc nhiên từ lúc nào, tôi không còn dính dáng gì đến cái hạnh phúc của cuộc đời này.
Tôi nhớ lại, cái tâm trạng đó, rõ nét nhất là cái buổi sáng hôm ấy, sau sáu năm ở trong buồng kín, tên cảnh sát khoá tay dẫn tôi sang toà án nhân dân Hà Nội để xử. Tôi nhìn đường phố Hoả Lò, tôi nhìn phố Hàng Bông Ruộm, dòng người và xe cộ ngược xuôi. Nhiều người ngước lên hoặc ngoái lại nhìn tôi, một tên tù gầy gò xanh tái bị khoá hai tay, do một tên cảnh sát đeo súng, lầm lì giong phía sau. Phía người dân, họ chẳng còn lạ gì với cảnh cùm khoá này, trong cái xã hội cộng sản. Nhưng phía tôi, tâm trạng của tôi: Tôi có cảm tưởng như nhìn một loài người khác, một xã hội khác, tôi không còn dính dáng, liên quan gì với họ.

Nhưng hôm nay, vợ tôi và cháu Lan đã lấy lại cho tôi cái cảm giác tôi còn dính dáng, còn liên quan đến cái xã hội này, những người đang ngược xuôi trên đường phố là đồng bào ruột thịt của tôi. Tôi nhìn em Hoa và cháu Thanh Lan cứ ríu rit cười đùa nhởn nhơ, tôi như muốn nói:

“Em yêu và cháu thương có biết rằng em và cháu vừa chuyển đổi tư duy của một người đấy!”

Tôi xin cảm ơn em thương yêu và cháu ngoan với tư cách một người Việt Nam.

Một ngày khác thường, một ngày vui như thế này, nếu tôi có điều kiện, tôi sẽ đưa em và cháu vào một nhà hàng nào đó, như thể hiện một tấm lòng với một tấm lòng.

Sờ vào túi, nhớ lại chỉ có 3 đồng rưỡi từ hôm kia còn lại, tôi đã định tối hôm nay sẽ bàn với em Hoa, hai vợ chồng sẽ chuẩn bị nấu một bữa cà ghém có thịt ba rọi, xào cháy cạnh với đủ mùi gia vì: ngổ hương và lá tía tô. Món tủ, món sở thích của mẹ.

Mặt của tôi ngẩn ra, đã cho tay vào túi lại đành rút ra. Đi qua một xe nước mía, tôi chợt nghĩ: Nếu uống nước mía loại 2 thì được, loại nhiều đá, ít mía chỉ ba hào (cắc), loại 1 những 5 hào cơ. Nhìn trán cháu Lan lấm tấm mồ hôi tôi ghé sang, hơi kéo

“ghi-đông” xe về phía xe nước mía. Tôi hỏi cháu Lan có mệt để cho bác đèo bác gái? Nhưng cháu muốn tỏ nhã ý nói:

“Bác đã yếu, phải làm mộc cả ngày, ăn uống lại không đủ chất, hơn nữa cháu còn có ý định ghé thăm ông bà ngoại.”

Cơm nước xong, từ cửa sổ trên gác, nhìn em Hoa đang loay hoay rửa chén bát, tôi nghĩ đến nguồn vui hôm nay, chả có cái gì liên hoan chào mừng. Mỗi người mới có một ly nước mía loại 2! Tôi quay lại lấy chiếc quần đùi, lẹ làng xuống dưới nhà. Nhìn làn tóc huyền óng ả, thấp thoáng, che chiếc cổ trắng ngần, tôi cúi xuống, nhẹ áp mũi tôi vào hít hà cái mùi ngọt ngào à nói khẽ vào tai em Hoa:

– Hôm nay vợ chồng mình lại đánh cờ!

Mặt em đỏ như gấc chín, quay lại đắm đuối nhìn tôi. Em đã tự hểu như một thói quen ngất ngây êm ả mà Thượng Đế đã ban cho một đôi vợ chồng. Tôi vào đi tắm trước, và em sẽ tắm sau để chuẩn bị cho “cuộc cờ”.

Công việc chồng chất vây quanh, quấn chặt vào người, ăn uống, cũng chỉ có rau, mắm rồi lại cà tương. Đôi khi, bữa cơm cũng có con tôm, con cá, miếng thịt, thì từ thầy mẹ đến chúng tôi, đều hí hửng như có chất tươi ở trong tù. Đó là cảnh sống hiện nay của chúng tôi, nhưng từ lâu đã trở thành một thói quen. Hãy gạt hết qua một bên, mọi trở ngại khó khăn vây quanh, chú trọng hưởng cái trước mặt! Cuộc sống đã cho tôi hiểu:

“Không biết trân quý những cái mình đang có, thì mình sẽ không được tận hưởng cái tuyệt vời của nó”.

Đã trở thành nền nếp hơn một tháng nay rồi, từ ngày tôi và Hoa cùng trẻo lên chung một chiếc “thuyền đời”, mỗi một lần đánh cờ thì tôi được bồi dưỡng một quả trứng gà tươi của cửa hàng bà Khản trước cửa chợ Nam Hoà. Lên gác, mảnh mặt trời chiều đã chìm hẳn từ lâu, chéo phía Đông một mảnh trăng gầy đang nhìn vào cửa sổ. Tắt đèn đi, trong căn gác trống, ánh sáng mơ hồ mập mờ, càng tạo cho “cuộc cờ” thêm hương vị. Chẳng cần quay lại, tôi đã biết em thương của tôi đã lên gác, cái mùi ngọt ngào ngan ngát nhè nhẹ quên thuộc, đã phả kín căn buồng.

Bỗng cái mùi ngầy ngầy ấy sực đậm hơn, đôi vai của tôi bị một cái gì vừa mềm, vừa cứng đè trĩu xuống, rồi hai thỏi ngọc ngà của đôi cánh tay đã quấn chặt cổ, làm tôi tưởng không thở được . Tôi đâu có chịu thua, tôi sẽ cho cô nàng biết sức mạnh của chiếc dây đàn từ bé tôi mới được “gảy” vói cô hơn một tháng nay. Tuy tôi ít “gảy” nhưng khi tôi đã “gảy” thì trời “long” đất “lở”, cho tả tơi gỗ đá, cho rung chuyển cả căn nhà, để rồi chỉ có chắp tay mà lạy....xin tha!

Khi người “anh hùng” vùng vẫy chiến đấu đã ngã ngựa, em Hoa mới ghé sát tai thỏ thẻ:

– Anh có biết tối hôm qua, mẹ gọi em vào mùng, hỏi em cái gì không?

Tôi biết "tỏng" Hoa nói như vậy để tôi sẽ vồ vập hỏi Hoa là mẹ hỏi gì? Nhưng đừng "hòng! Tỉnh bơ tôi thong thả nói:

– Anh đã biết rồi! Mẹ cũng hỏi anh!

Hoa cuống quít hỏi:

– Mẹ hỏi sao?

– Em đưa ra ý kiến trước, thì em nói trước; anh sẽ nói sau!

Hoa ngồi hẳn dậy, nói ngập ngừng:

– Mẹ hỏi em ;"Đã một tháng rưỡi, gần hai tháng... có thấy người khác thường không?"

Em trả lời mẹ là "em không thấy gì cả"!

Tôi nhìn Hoa với đôi mắt thương yêu nhiều hơn vì em của tôi, vợ của tôi thật "ngây thơ và hiền". Tôi nhớ câu: *Hạnh phúc cho những ai lấy được vợ hiền*, lòng tôi cũng nhen nhúm lên một niềm thích thú: Mình thua cuộc đời, về nhà chỉ bắt nạt được vợ". Nhưng tôi lại chợt nhớ, khi còn ở các trại tù chung, các bác giả thường nói: Khi vợ có con, vợ bắt "nạt" lải mình, càng nhiều con càng bị "nạt" nhiều.
Tôi nghĩ đến mẹ tôi, hẳn người mong ngóng lắm để tôi sớm có con, vì tôi đã lớn tuổi rồi. Tôi lại lan man nghĩ, có thể gần hai chục năm, tôi ăn uống đói khát, dơ bẩn, hầu hết là bo bo, ngô, khoai, sắn, cả nấm độc, đến lá cây rừng ...cho nên tôi không còn bình thường nữa chăng? Tôi trở mình, kéo em Hoa lại gần:

– Rồi mẹ bảo sao hở em?

Thái độ của Hoa như được hưng phấn, sôi nổi, khoe một thành tích:

– Mẹ dặn em ra gặp bà Ngôn bán thịt, đặt mua một quả cật heo, đem về xẻ đôi lấy hết cái trăng trắng bên trong, nó rất hoi. Rồi ướp hành, tỏi với muối và đem nướng khô cho anh ăn. Buổi chiều, em đã đặt rồi, sáng mai anh sẽ có ăn.

Chẳng biết thế nào, tôi chỉ được ăn năm, sáu lần cật heo. Nửa tháng sau, em Hoa cứ nôn oẹ sáng chiều, để rồi mẹ tôi cười tủm tỉm lẩm bẩm: nó đã "có" rồi!

Ngày hôm sau, sáng nào cũng vậy, Hoa dậy sớm nấu cơm. Sau khi nắm cho tôi một nắm cơm với ít mắm tôi chưng, Hoa chuẩn bị cơm nước cho thầy mẹ xong, tôi và Hoa bắt đầu đi làm mỗi người mỗi ngả, chỉ có buổi chiều là bữa cơm sum họp gia đình.

Hôm nay, sau khi cơm nước xong, Hoa và tôi chuẩn bị: Thầy tôi một ly nước vối nóng, mẹ tôi một ly nước lá thuốc cho bệnh phổi của mẹ, dáng mặt khắc khổ, mẹ tôi chậm rãi:

– Các con ngồi xuống đây, mẹ muốn nói chuyện với các con.

Thấy thái độ của mẹ hơi khác thường, chúng tôi kéo nhau ngồi lại. Thầy tôi, sau khi kéo điếu thuốc lào, cũng đến ngồi một ghế. Tôi đứng lên, đến bên mẹ, nhẹ vuốt bàn tay nhăn nheo của mẹ, thì thào:

– Có chuyện gì thế hả mẹ?

Mẹ không nói gì, nhưng hai dòng nước từ đôi mắt lòa từ từ chảy xuống má. Miệng người méo xẹo đi, nói ngập ngừng thổn thức:

– Mẹ đã kêu van Chúa và mẹ Maria nhiều đêm ngày, cho mẹ được nhìn thấy con trai của mẹ bây giờ ra sao một lần. Mẹ khao khát, thèm ước đêm ngày. Vợ chồng con lam lũ cực nhọc, mẹ đứt ra từng khúc ruột. Phải chi, Chúa không bắt tội mẹ, thì các con đâu có khổ cực như bây giờ!

Nhìn đôi mắt hõm sâu, còn ướt của mẹ, má mẹ hóp lũm vào, càng làm giồ đôi xương quai hàm, hằn rõ từng chiếc xương dưới làn da nhăn nheo, Bệnh lao phổi đã hút hết thịt, làm cho mặt mẹ teo lại. Tôi hình dung lại bộ mặt của mẹ 19 năm xưa, ngày tôi về gặp mẹ buổi chiều cuối cùng trước khi lên đường vào đất địch trong ngôi nhà thờ Nam Hòa .

Dạo ấy nhà thờ còn là tôn là gỗ, tôi cũng đã cầm đôi bàn tay mềm mại của mẹ, đôi mắt của người nhìn tôi, khi ấy tôi đã có cảm nghĩ: ” Trên thế gian này không có một ngôn từ nào nói hết được cái đẹp, cái bao la lồng lộng của đôi mắt người mẹ”. ….Nghĩ đến đây, tôi không muốn, nhưng nước mắt của tôi đã giàn ra, làm cho em Hoa cũng nước mắt vòng quanh. Kéo ghế sát lại gần mẹ, tôi cầm tay mẹ áp vào má, tôi nức nở:

– Mẹ ơi! Con nghe nói khoa học ngày nay, có thể đổi thay được mắt. Trước bàn thờ Chúa linh thiêng, con xin tự nguyện kính biếu một mắt cho mẹ, để mẹ nhìn thấy con và con cũng nhìn thấy mẹ cho đến trọn đời.

Mẹ vuốt đầu tôi, như ngày tôi còn bé, mặt người có sắc tươi hơn lên, miệng người nói mà như cười:

– Mẹ sắp về với Chúa rồi! Con còn phải kiếm gạo để nuôi cháu của mẹ.

Thầy tôi thở dài, rồi lụ khụ đứng lên, lần vào giường, tôi cũng đỡ mẹ tôi đến giường của người, trong khi Hoa ra rửa chén bát. Tôi lấy cuốn vở để chuẩn bị đi trình diện CA khu vực. Hôm nay, là tối thứ Năm còn phải đến sinh hoạt tổ khu phố tại nhà ông Trùm Lộc, lúc 8 giờ tối hàng tuần.

Hôm nay tôi đi làm về, Hoa đã vẫy tay nói nhỏ:

– Mẹ bên nhà, bảo anh sang, mẹ nó cái gì ấy!

Chúng tôi sắp xếp vội vàng cho gọn ghẽ công việc nhà, rồi cùng xin phép thầy mẹ để sang nhà ông bà nhạc, một lúc rồi về ngay.

Chúng tôi đã được gặp mẹ của Hoa, nội dung, mẹ Hoa cho biết: Bên nhà cậu mợ Tập (em ruột của mẹ Hoa), trước đây, có một tổ chức vượt biên quen biết cậu. Họ lấy khách chỉ là quen biết để an toàn kín đáo. Khi đó cậu mợ có ý định cho người con trai tên là Hòa (em họ của Hoa), mỗi người đi phải đóng ba cây vàng. Là chỗ thân quen nên ai cũng đã đóng vàng rồi, để họ có sở phí lo cho chuyến đi.

Bốn tháng trước, cậu Hòa đã đi một lần, nhưng trục trặc nên chưa đi được, nay cậu Hoà quen biết một cô gái nhà nền nếp, cậu thay đổi ý kiến là sẽ cưới vợ, rồi sẽ đi sau.

Cậu mợ Tập cũng là loại có tiền, lại quen biết giao tế với chính quyền mới, thấy người cháu rể mới là tôi, trong hoàn cảnh ngặt nghèo về quản lý của chính quyền. Nhã ý của cậu mợ Tập là sẽ nhường lại suất đi cho tôi, theo cậu mợ, người cần đi đích đáng là tôi, đích đáng hơn là con của cậu. Mẹ của Hoa hỏi ý kiến tôi, để bà còn sang nói chuyện với em trai và em dâu là cậu mợ Tập.

Trong đám cưới của tôi, đã nhiều lần tôi tiếp chuyện với cậu mợ Tập, sau chuyến đi không thành do người bạn thân Nguyễn Hữu Lợi khổ công tổ chức. Di hại của chuyến đi là hầu hết người đi còn đang ở trại giam Gáo Dừa. Ngay hai đứa con của vợ chồng Lợi, ở đồn Cỏ May còn chưa lo xong cho chúng về, vợ chồng Lợi còn đang liểng xiểng về chuyến tổ chức cho tôi đi. Tôi tự hiểu, trong hoàn cảnh của tôi, không còn một hy vọng gì để ra đi nữa. Tôi đã được nghe, được biết nhiều chuyện vượt biên trầy trật, đầy cam go. Ngay ở Ngã Ba ông Tạ, có ông bà chủ một hiệu vàng lớn, từ ngày mất nước đã lo vượt biên, chạy trốn cộng sản nhiều lần. Nhiều lần bị bắt phải lo vàng chuộc, đút lót, tốn phí cũng phải vào tù hai ba lần.

Đến nay (cuối 1981) hết cả tiền, ông ta như người ngớ ngẩn lang thang dật dờ trong những nhà họ hàng, quen biết. Trong dân chúng, sau sáu năm trong bàn tay sắt bọc nhung của cộng sản đã hiểu, đã thấm, mức độ khác nhau. Hầu hết ai cũng muốn ra đi. Tôi có cảm nghĩ: Nếu được đi tự do, mấy con chó, mèo, gà vịt, trâu bò cũng ra đi. Nghĩa là con vật cũng muốn ra đi, huống chi con người? Nên nó mới đẻ ra nhiều những tổ chức thật, giả, lừa lọc Phía cộng sản cũng có nhiều phương pháp công khai, bí mật ngăn chặn và để xoay tiền và vàng.

CHƯƠNG 38: CHUYỂN ĐỔI TƯ DUY

Dẫn xe ra khỏi tổ mộc Thành Công, phố phường, cảnh vật hôm nay tươi ra roi rói, như trong lòng tôi lúc này, vợ và cháu gái đến tìm tôi! Đã mấy chục năm nay có ai hỏi tìm, thăm tôi đâu? Hôm nay cảm giác của tôi khác thường. Như vậy tôi cũng là

một người như mọi người! Và tôi cũng có hạnh phúc giống người khác, điều mà đã mặc nhiên từ lúc nào, tôi không còn dính dáng gì đến cái hạnh phúc của cuộc đời này.
Tôi nhớ lại, cái tâm trạng đó, rõ nét nhất là cái buổi sáng hôm ấy, sau sáu năm ở trong buồng kín, tên cảnh sát khoá tay dẫn tôi sang toà án nhân dân Hà Nội để xử. Tôi nhìn đường phố Hoả Lò, tôi nhìn phố Hàng Bông Ruộm, dòng người và xe cộ ngược xuôi. Nhiều người ngước lên hoặc ngoái lại nhìn tôi, một tên tù gầy gò xanh tái bị khoá hai tay, do một tên cảnh sát đeo súng, lầm lì giong phía sau. Phía người dân, họ chẳng còn lạ gì với cảnh cùm khoá này, trong cái xã hội cộng sản. Nhưng phía tôi, tâm trạng của tôi: Tôi có cảm tưởng như nhìn một loài người khác, một xã hội khác, tôi không còn dính dáng, liên quan gì với họ.

Nhưng hôm nay, vợ tôi và cháu Lan đã lấy lại cho tôi cái cảm giác tôi còn dính dáng, còn liên quan đến cái xã hội này, những người đang ngược xuôi trên đường phố là đồng bào ruột thịt của tôi. Tôi nhìn em Hoa và cháu Thanh Lan cứ ríu rit cười đùa nhởn nhơ, tôi như muốn nói:

“Em yêu và cháu thương có biết rằng em và cháu vừa chuyển đổi tư duy của một người đấy!”

Tôi xin cảm ơn em thương yêu và cháu ngoan với tư cách một người Việt Nam.

Một ngày khác thường, một ngày vui như thế này, nếu tôi có điều kiện, tôi sẽ đưa em và cháu vào một nhà hàng nào đó, như thể hiện một tấm lòng với một tấm lòng.

Sờ vào túi, nhớ lại chỉ có 3 đồng rưỡi từ hôm kia còn lại, tôi đã định tối hôm nay sẽ bàn với em Hoa, hai vợ chồng sẽ chuẩn bị nấu một bữa cà ghém có thịt ba rọi, xào cháy cạnh với đủ mùi gia vì: ngổ hương và lá tía tô. Món tủ, món sở thích của mẹ.

Mặt của tôi ngẩn ra, đã cho tay vào túi lại đành rút ra. Đi qua một xe nước mía, tôi chợt nghĩ: Nếu uống nước mía loại 2 thì được, loại nhiều đá, ít mía chỉ ba hào (cắc), loại 1 những 5 hào cơ. Nhìn trán cháu Lan lấm tấm mồ hôi tôi ghé sang, hơi kéo “ghi-đông” xe về phía xe nước mía. Tôi hỏi cháu Lan có mệt để cho bác đèo bác gái? Nhưng cháu muốn tỏ nhã ý nói:

“Bác đã yếu, phải làm mộc cả ngày, ăn uống lại không đủ chất, hơn nữa cháu còn có ý định ghé thăm ông bà ngoại.”

Cơm nước xong, từ cửa sổ trên gác, nhìn em Hoa đang loay hoay rửa chén bát, tôi nghĩ đến nguồn vui hôm nay, chả có cái gì liên hoan chào mừng. Mỗi người mới có một ly nước mía loại 2! Tôi quay lại lấy chiếc quần đùi, lẹ làng xuống dưới nhà. Nhìn làn tóc huyền óng ả, thấp thoáng, che chiếc cổ trắng ngần, tôi cúi xuống, nhẹ áp mũi tôi vào hít hà cái mùi ngọt ngào à nói khẽ vào tai em Hoa:

– Hôm nay vợ chồng mình lại đánh cờ!

Mặt em đỏ như gấc chín, quay lại đắm đuối nhìn tôi. Em đã tự hểu như một thói quen ngất ngây êm ả mà Thượng Đế đã ban cho một đôi vợ chồng. Tôi vào đi tắm trước, và em sẽ tắm sau để chuẩn bị cho "cuộc cờ".

Công việc chồng chất vây quanh, quấn chặt vào người, ăn uống, cũng chỉ có rau, mắm rồi lại cà tương. Đôi khi, bữa cơm cũng có con tôm, con cá, miếng thịt, thì từ thầy mẹ đến chúng tôi, đều hí hửng như có chất tươi ở trong tù. Đó là cảnh sống hiện nay của chúng tôi, nhưng từ lâu đã trở thành một thói quen. Hãy gạt hết qua một bên, mọi trở ngại khó khăn vây quanh, chú trọng hưởng cái trước mặt! Cuộc sống đã cho tôi hiểu:

Advertisement

"Không biết trân quý những cái mình đang có, thì mình sẽ không được tận hưởng cái tuyệt vời của nó".

Đã trở thành nền nếp hơn một tháng nay rồi, từ ngày tôi và Hoa cùng trẻo lên chung một chiếc "thuyền đời", mỗi một lần đánh cờ thì tôi được bồi dưỡng một quả trứng gà tươi của cửa hàng bà Khản trước cửa chợ Nam Hoà. Lên gác, mảnh mặt trời chiều đã chìm hẳn từ lâu, chéo phía Đông một mảnh trăng gầy đang nhìn vào cửa sổ. Tắt đèn đi, trong căn gác trống, ánh sáng mơ hồ mập mờ, càng tạo cho "cuộc cờ" thêm hương vị. Chẳng cần quay lại, tôi đã biết em thương của tôi đã lên gác, cái mùi ngọt ngào ngan ngát nhè nhẹ quên thuộc, đã phả kín căn buồng.

Bỗng cái mùi ngầy ngầy ấy sực đậm hơn, đôi vai của tôi bị một cái gì vừa mềm, vừa cứng đè trĩu xuống, rồi hai thỏi ngọc ngà của đôi cánh tay đã quấn chặt cổ, làm tôi tưởng không thở được . Tôi đâu có chịu thua, tôi sẽ cho cô nàng biết sức mạnh của chiếc dây đàn từ bé tôi mới được "gảy" vói cô hơn một tháng nay. Tuy tôi ít "gảy" nhưng khi tôi đã "gảy" thì trời "long" đất "lở", cho tả tơi gỗ đá, cho rung chuyển cả căn nhà, để rồi chỉ có chắp tay mà lạy....xin tha!

Khi người "anh hùng" vùng vẫy chiến đấu đã ngã ngựa, em Hoa mới ghé sát tai thỏ thẻ:

– Anh có biết tối hôm qua, mẹ gọi em vào mùng, hỏi em cái gì không?

Tôi biết "tỏng" Hoa nói như vậy để tôi sẽ vồ vập hỏi Hoa là mẹ hỏi gì? Nhưng đừng "hòng! Tỉnh bơ tôi thong thả nói:

– Anh đã biết rồi! Mẹ cũng hỏi anh!

Hoa cuống quít hỏi:

– Mẹ hỏi sao?

– Em đưa ra ý kiến trước, thì em nói trước; anh sẽ nói sau!

Hoa ngồi hẳn dậy, nói ngập ngừng:

– Mẹ hỏi em ;"Đã một tháng rưỡi, gần hai tháng... có thấy người khác thường không?"

Em trả lời mẹ là "em không thấy gì cả"!

Tôi nhìn Hoa với đôi mắt thương yêu nhiều hơn vì em của tôi, vợ của tôi thật "ngây thơ và hiền". Tôi nhớ câu: *Hạnh phúc cho những ai lấy được vợ hiền*, lòng tôi cũng nhen nhúm lên một niềm thích thú: Mình thua cuộc đời, về nhà chỉ bắt nạt được vợ". Nhưng tôi lại chợt nhớ, khi còn ở các trại tù chung, các bác giả thường nói: Khi vợ có con, vợ bắt "nạt" lải mình, càng nhiều con càng bị "nạt" nhiều.
Tôi nghĩ đến mẹ tôi, hẳn người mong ngóng lắm để tôi sớm có con, vì tôi đã lớn tuổi rồi. Tôi lại lan man nghĩ, có thể gần hai chục năm, tôi ăn uống đói khát, dơ bẩn, hầu hết là bo bo, ngô, khoai, sắn, cả nấm độc, đến lá cây rừng ...cho nên tôi không còn bình thường nữa chăng? Tôi trở mình, kéo em Hoa lại gần:

– Rồi mẹ bảo sao hở em?

Thái độ của Hoa như được hưng phấn, sôi nổi, khoe một thành tích:

– Mẹ dặn em ra gặp bà Ngôn bán thịt, đặt mua một quả cật heo, đem về xẻ đôi lấy hết cái trăng trắng bên trong, nó rất hoi. Rồi ướp hành, tỏi với muối và đem nướng khô cho anh ăn. Buổi chiều, em đã đặt rồi, sáng mai anh sẽ có ăn.

Chẳng biết thế nào, tôi chỉ được ăn năm, sáu lần cật heo. Nửa tháng sau, em Hoa cứ nôn oẹ sáng chiều, để rồi mẹ tôi cười tủm tỉm lẩm bẩm: nó đã "có" rồi!

Ngày hôm sau, sáng nào cũng vậy, Hoa dậy sớm nấu cơm. Sau khi nắm cho tôi một nắm cơm với ít mắm tôi chưng, Hoa chuẩn bị cơm nước cho thầy mẹ xong, tôi và Hoa bắt đầu đi làm mỗi người mỗi ngả, chỉ có buổi chiều là bữa cơm sum họp gia đình.

Hôm nay, sau khi cơm nước xong, Hoa và tôi chuẩn bị: Thầy tôi một ly nước vối nóng, mẹ tôi một ly nước lá thuốc cho bệnh phổi của mẹ, dáng mặt khắc khổ, mẹ tôi chậm rãi:

– Các con ngồi xuống đây, mẹ muốn nói chuyện với các con.

Thấy thái độ của mẹ hơi khác thường, chúng tôi kéo nhau ngồi lại. Thầy tôi, sau khi kéo điếu thuốc lào, cũng đến ngồi một ghế. Tôi đứng lên, đến bên mẹ, nhẹ vuốt bàn tay nhăn nheo của mẹ, thì thào:

– Có chuyện gì thế hả mẹ?

Mẹ không nói gì, nhưng hai dòng nước từ đôi mắt lòa từ từ chảy xuống má. Miệng người méo xẹo đi, nói ngập ngừng thổn thức:

– Mẹ đã kêu van Chúa và mẹ Maria nhiều đêm ngày, cho mẹ được nhìn thấy con trai của mẹ bây giờ ra sao một lần. Mẹ khao khát, thèm ước đêm ngày. Vợ chồng con lam lũ cực nhọc, mẹ đứt ra từng khúc ruột. Phải chi, Chúa không bắt tội mẹ, thì các con đâu có khổ cực như bây giờ!

Nhìn đôi mắt hõm sâu, còn ướt của mẹ, má mẹ hóp lũm vào, càng làm giồ đôi xương quai hàm, hằn rõ từng chiếc xương dưới làn da nhăn nheo, Bệnh lao phổi đã hút hết thịt, làm cho mặt mẹ teo lại. Tôi hình dung lại bộ mặt của mẹ 19 năm xưa, ngày tôi về gặp mẹ buổi chiều cuối cùng trước khi lên đường vào đất địch trong ngôi nhà thờ Nam Hòa .

Dạo ấy nhà thờ còn là tôn là gỗ, tôi cũng đã cầm đôi bàn tay mềm mại của mẹ, đôi mắt của người nhìn tôi, khi ấy tôi đã có cảm nghĩ: ” Trên thế gian này không có một ngôn từ nào nói hết được cái đẹp, cái bao la lồng lộng của đôi mắt người mẹ”. ….Nghĩ đến đây, tôi không muốn, nhưng nước mắt của tôi đã giàn ra, làm cho em Hoa cũng nước mắt vòng quanh. Kéo ghế sát lại gần mẹ, tôi cầm tay mẹ áp vào má, tôi nức nở:

– Mẹ ơi! Con nghe nói khoa học ngày nay, có thể đổi thay được mắt. Trước bàn thờ Chúa linh thiêng, con xin tự nguyện kính biếu một mắt cho mẹ, để mẹ nhìn thấy con và con cũng nhìn thấy mẹ cho đến trọn đời.

Advertisement

Mẹ vuốt đầu tôi, như ngày tôi còn bé, mặt người có sắc tươi hơn lên, miệng người nói mà như cười:

– Mẹ sắp về với Chúa rồi! Con còn phải kiếm gạo để nuôi cháu của mẹ.

Thầy tôi thở dài, rồi lụ khụ đứng lên, lần vào giường, tôi cũng đỡ mẹ tôi đến giường của người, trong khi Hoa ra rửa chén bát. Tôi lấy cuốn vở để chuẩn bị đi trình diện CA khu vực. Hôm nay, là tối thứ Năm còn phải đến sinh hoạt tổ khu phố tại nhà ông Trùm Lộc, lúc 8 giờ tối hàng tuần.

Hôm nay tôi đi làm về, Hoa đã vẫy tay nói nhỏ:

– Mẹ bên nhà, bảo anh sang, mẹ nó cái gì ấy!

Chúng tôi sắp xếp vội vàng cho gọn ghẽ công việc nhà, rồi cùng xin phép thầy mẹ để sang nhà ông bà nhạc, một lúc rồi về ngay.

Chúng tôi đã được gặp mẹ của Hoa, nội dung, mẹ Hoa cho biết: Bên nhà cậu mợ Tập (em ruột của mẹ Hoa), trước đây, có một tổ chức vượt biên quen biết cậu. Họ

lấy khách chỉ là quen biết để an toàn kín đáo. Khi đó cậu mợ có ý định cho người con trai tên là Hòa (em họ của Hoa), mỗi người đi phải đóng ba cây vàng. Là chỗ thân quen nên ai cũng đã đóng vàng rồi, để họ có sở phí lo cho chuyến đi.

Bốn tháng trước, cậu Hòa đã đi một lần, nhưng trục trặc nên chưa đi được, nay cậu Hoà quen biết một cô gái nhà nền nếp, cậu thay đổi ý kiến là sẽ cưới vợ, rồi sẽ đi sau.

Cậu mợ Tập cũng là loại có tiền, lại quen biết giao tế với chính quyền mới, thấy người cháu rể mới là tôi, trong hoàn cảnh ngặt nghèo về quản lý của chính quyền. Nhã ý của cậu mợ Tập là sẽ nhường lại suất đi cho tôi, theo cậu mợ, người cần đi đích đáng là tôi, đích đáng hơn là con của cậu. Mẹ của Hoa hỏi ý kiến tôi, để bà còn sang nói chuyện với em trai và em dâu là cậu mợ Tập.

Trong đám cưới của tôi, đã nhiều lần tôi tiếp chuyện với cậu mợ Tập, sau chuyến đi không thành do người bạn thân Nguyễn Hữu Lợi khổ công tổ chức. Di hại của chuyến đi là hầu hết người đi còn đang ở trại giam Gáo Dừa. Ngay hai đứa con của vợ chồng Lợi, ở đồn Cỏ May còn chưa lo xong cho chúng về, vợ chồng Lợi còn đang liểng xiểng về chuyến tổ chức cho tôi đi. Tôi tự hiểu, trong hoàn cảnh của tôi, không còn một hy vọng gì để ra đi nữa. Tôi đã được nghe, được biết nhiều chuyện vượt biên trầy trật, đầy cam go. Ngay ở Ngã Ba ông Tạ, có ông bà chủ một hiệu vàng lớn, từ ngày mất nước đã lo vượt biên, chạy trốn cộng sản nhiều lần. Nhiều lần bị bắt phải lo vàng chuộc, đút lót, tốn phí cũng phải vào tù hai ba lần.

Đến nay (cuối 1981) hết cả tiền, ông ta như người ngớ ngẩn lang thang dật dờ trong những nhà họ hàng, quen biết. Trong dân chúng, sau sáu năm trong bàn tay sắt bọc nhung của cộng sản đã hiểu, đã thấm, mức độ khác nhau. Hầu hết ai cũng muốn ra đi. Tôi có cảm nghĩ: Nếu được đi tự do, mấy con chó, mèo, gà vịt, trâu bò cũng ra đi. Nghĩa là con vật cũng muốn ra đi, huống chi con người? Nên nó mới đẻ ra nhiều những tổ chức thật, giả, lừa lọc Phía cộng sản cũng có nhiều phương pháp công khai, bí mật ngăn chặn và để xoay tiền và vàng.

CHƯƠNG 39: TÌNH MẪU TỬ XOẮN VÕ

Trong tình trạng đen tối như thế của giai đoạn ấy, thì chuyện cậu mợ Tập nhường chuyến đi lại cho tôi, là một cơ hội của đời tôi. Hơn nhiều người đã hiểu, đã biết: Trong đời của một người, cơ duyên (duyên may) chỉ đến một hay hai lần, nếu người đó không biết nắm lấy, để nó vuột đi, đôi khi lại có tác dụng ngược. Nghĩa là cái cơ duyên đó lại làm cho đời người ấy khốn đốn tơi bời.
Vì đời là kỳ diệu!

Như vậy, ai cũng đã thấy, nếu tôi không nhận, mới là chuyện ” trái khoáy ” của cuộc đời. Theo ý cậu mợ Tập, nếu tôi đồng ý ra đi, thì một buổi hai vợ chồng tôi xuống gặp cậu mợ bên đường Trần Quốc Toản, sau này là đường 3 tháng 2. Chúng tôi đã nhờ mẹ, cho cậu biết và xin một ngày chúng tôi sang thăm cậu mợ.

Đêm ấy hai vợ chồng tôi cũng biết bao nhiêu tâm tư chồng chéo trong lòng.

Trong cuộc sống biết bao nhiêu chuyện không theo ý của mình, mà phải theo một cái khuôn thước hoàn cảnh và điều kiện khách quan. Chẳng một ai mới cưới một người vợ trẻ đã bỏ vợ lại để ra đi, và càng chẳng một ai, người con gái mới lấy chồng lại muốn để cho người chồng của mình ra đi. Ra đi vượt biên ở những giai đoạn ấy có hàng chục tình huống xẩy ra, tù đày, xuống lòng biển, cướp biển bắt v.v. . . Còn một cái có thể ở cả những trường hợp đi thoát, đi được, nhưng người ra đi đã ôm cầm thuyền khác, điều này lại không phải là cá biệt.

Như vậy tâm trạng của Hoa, vợ thương yêu của tôi, sẽ trăn trở như thế nào? Nhất là trong bụng đã có mầm mống của tôi hai ba tháng, kẻ ở người đi: ”chia đàn, xẻ lứa “? Tôi phải hiểu để cảm thông với những trận giông bão trong lòng của Hoa. Chồng mới cưới, mới bén mùi thương yêu đã ra đi với hàng chục tình huống. Hầu như ra đi, không có ngày trở lại, bụng mang dạ chửa, tay làm hàm nhai (Tay trắng như chưa bao giờ trắng thế?). Chồng ra đi, còn để lại một trách nhiệm ý thức liên đới, cha mẹ già yếu, mù lòa. Hoa ơi! Nghĩ đến đây, anh chỉ biết xin cúi đầu lắng nhận cái lồng lộng của tình em, sự chịu đựng truyền thống, em đã được thừa hướng, của người phụ nữ Việt Nam. Con xin cảm tạ Trời, Chúa đã ban cho con một người vợ là Hoa.

Một buổi chiều, sau một ngày lao động căng thẳng, tôi uể oải nhấn chiếc bàn đạp của chiếc xe, cũng mắc nhiều bệnh, vì tuổi nó cũng đã về chiều. Mở khóa vào nhà, cũng như mọi khi, thoáng bóng thầy tôi nằm trong màn, dù thức hay ngủ tôi vẫn lên tiếng chào: ” Thưa thầy, con về “, rồi vào gian trong chào mẹ, nhưng mẹ tôi không có ở nhà. Loáng lên, tôi thấy có vấn đề, lại không thấy em Hoa. Nhớn nhác, tôi xuống bếp, bếp cũng lạnh vắng như ” chùa bà Đanh “, vừa quay lên nhà, tai thoáng có tiếng động trên sàn gác, tôi giỏ lên, thì cũng là lúc có đôi bàn chân mềm, của em Hoa thò đi xuống. Tôi được biết từ sáng, Hoa đã đưa mẹ vào nhà thương Hồng Bàng.

Khoảng 9: 30 (sáng) thầy tôi mở cửa, gào to với hàng xóm:

– Các ông, các..... bà .....ơi!

Bà Chức và một vài người chạy sang. Mẹ tôi đã nôn ra nhiều máu, người đang xỉu trên giường, mỗi người một tay, nắn cổ, xoa dầu, đỡ bà cụ ngồi dậy.

Bà Chức, nhanh nhẹn chạy sang tổ ngòi bút Đức Thành gọi Hoa; rồi bà Chức và Hoa đã thuê chiếc xích-lô đạp, chở bà cụ vào nhà thương Hồng Bàng cấp cứu.

Hoa đã mệt nhọc từ sáng với bà cụ trong nhà thương, mới về hơn một tiếng, quá mệt lả, nên chả thiết làm hay ăn uống gì. Tôi tranh thủ gầy nồi cơm, rồi chuẩn bị cùng với Hoa trở lại nhà thương, mãi bên Chợ Lớn. Dưới đất, trên giường đây đó còn những vệt máu của mẹ tôi, chưa dọn lau sạch, tuy tôi cũng mệt, nhưng bụng chả thiết uống, ăn gì. Vả lại, có muốn ăn cũng chả có gì mà ăn.

Nghĩ đến mẹ tôi đang rờ rẫm một mình trong một căn buồng nhiều người lao bệnh khác, như tôi vừa nhai xong một nhúm muối rang. Tôi muốn phóng xe ngay, sang nhà thương Hồng Bàng, nhưng nhìn Hoa đang chậm chạp đi xuống bếp, để giải quyết vệ sinh, tôi lưỡng lự vài giây. Tôi đã vậy, nhưng còn Hoa, người vợ thương yêu của tôi đã có bầu? Mệt nhọc từ sáng với mẹ tôi, nếu không tỉnh táo giải quyết lần lượt sự việc, có nhiều khi sự việc lại kéo dài thêm ra, trầm trọng thêm. Nếu quá sức, người mẹ đã vậy còn đứa con trong bụng?

Nồi cơm đã ghế, đảo 5-10 phút nữa chín, Hoa phải ăn một bát cơm nóng. Tôi đổ thêm một ít mắm cáy của mẹ Hoa mới cho hôm qua, thêm lẫn vào chiếc soong con mắm tôm chưng, hai loại mắm đảo lộn với nhau. Chưng nóng sôi lên thành một món ăn ít người được thưởng thức. Vừa xong thì cơm cũng đủ chín, Hoa cũng từ nhà cầu ra, hai chúng tôi mỗi người một tay, một chân, lấy sẵn bát đũa, thìa lên bàn cho thầy tôi, rồi mỗi người xới lẹ một bát cơm thưởng thức vội, với món ăn tôi vừa sáng chế.

Hai vợ chồng vừa nhìn nhau, vừa nhồm nhoàm nhai miếng cơm với mắm, tôi chợt nghĩ đến một ý :

Dù nghèo mà vui.....

Hỏi ai không hé môi cười... ... .

Tôi yêu ....quê tôi, yêu lũy tre dài... ...đẹp xinh ...

Rồi miệng nhai, tai tôi nghe rõ mồn một bài hát " Tôi Yêu " hình như của ông Trịnh Hưng sáng tác thì phải, từ trong hố sâu của ký ức. Tiếng hát đu đưa réo lên ở một chiếc loa phóng thanh, trong khu chợ Nguyễn Tri Phương, Chợ Lớn một buổi chiều muộn nắng nhạt, khi nhiều gia đình đã quây quần bên mâm cơm năm 1958.

Tôi yêu .....quê tôi.....yêu mãi ....bây giờ càng yêu... ...

Yêu con sông xanh.....dâng cát .....hoe vàng bên đình...

Yêu trăng buông lơi.....trên má cô nàng.....dệt tơ....

Và yêu cánh đồng vời xa... ngàn tay dâng mùa thái hòa

Yêu anh, yêu em..... Yêu nước.....yêu trời gần xa

Và yêu...mối tình nở hoa...ngàn năm..không hề phai nhòa.

Tôi mắm môi, mẩm lợi đèo Hoa sang Chợ Lớn cho kịp trước giờ nhà thương đóng cửa. Đến cổng cũng là lúc ông già gác cổng đang đẩy cánh cổng khép lại để khóa. Tôi hộc tốc cùng Hoa xông vào, ông già nhìn tôi và Hoa đang chạy phía sau với vẻ mặt của con ngan vừa " tè ", ông nói như tiếng mưa rơi mùa hè :

– Đã đến giờ rồi, anh ơi!

Vừa thở hổn hển, mặt tôi vừa dài ra, nhăn nhúm lại:

– Thưa bác, tôi vừa đi làm về tới nhà, mẹ tôi bị ngất đưa vào đây, xin bác thông cảm cho đứa con trai nghèo thăm người mẹ.

Ông già ngừng tay đóng cổng, mặt của ông tỏ vẻ ái ngại:

– Tôi thông cảm cho anh, còn cháu thì không được!

Tôi biết ông ta lầm, nên nhã nhặn nài nỉ:

– Thưa bác đây là vợ của tôi... cũng đã mang bầu.....

Ông mở cổng rộng ra, nhưng mắt của ông cũng mở to, tưởng chỉ còn lòng trắng, để nhìn hai chúng tôi như một chuyện không bình thường của quê hương nhiều máu lửa. Khi tôi đi qua cổng, ông già đã để tay lên tay tôi, trên ghi dông xe như muốn kéo lại để ông cởi cái nút băn khoăn trong lòng của ông về một đôi vợ chồng, mà ông lại tưởng là cha và con.

Nhưng rồi ông lại nở một nụ cười hiền hòa, đẩy tôi đi, như đã tự tìm được câu giải đáp: Trong một đất nước không may gặp phải cái nạn ” hồng tuộc ” để gây ra một cuộc chiến tranh dai dẳng ác liệt suốt một giải Trung Nam Bắc liên tục 30 năm. Hết chống thực dân xâm lược, lại làm nồi da để nấu, hầm thịt của mình. Cho nên nó đã đẻ ra nhiều chuyện không bình thường, mà đây là một. Khi đã có quá nhiều chuyện không bình thường, thì đương nhiên nó trở thành chuyện bình thường. Có nghĩa chuyện của vợ chồng tôi, cũng chỉ là, một câu chuyện bình thường của quê hương nhiều súng đạn, lửa, bom của chúng ta.

Tôi đã hình dung từ trước, nhưng khi nhìn thấy mẹ tôi, tôi đã không nhìn rõ người, vì nước mắt của tôi giàn ra mà tôi đã không kìm giữ được. Họ đã cắt tóc mẹ tôi chỉ còn hơn một phân. Người nằm, mắt người lúc nào cũng nhắm, không thể biết được người thức hay ngủ, nếu người không động đậy tay, hoặc chân. Cái mặt của người khắc khổ càng bé choắt lại.

Ngày xưa, mẹ tôi là người đẫy đà, tầm thước duyên dáng đã được nhiều bạn hàng và họ hàng trêu đùa, ca ngợi, nhất là đôi mắt. Đôi mắt mà thầy tôi vẫn bông đùa với chúng tôi, mỗi lần nàng Xuân của dân tộc ghé thăm gia đình tôi:

”Mẹ chúng mày có đôi mắt thu hồn người “,

thế mà giờ đây, một tấm thân khô gầy, tiều tụy chỉ vì những tai ương của cuộc đời đã dập vùi, dầy vò mẹ tôi.

Cái tai ương mở đầu, lại chính đứa con trai cả, yêu quý của người gieo. Người con trai ấy đã bất ngờ bỏ ra đi, không một lời từ giã mẹ mình, để lại cho người những đêm dài thấp thỏm, khắc khoải nhiều nước mắt.

Người con trai khi đó do bầu nhiệt huyết, tâm hồn trắng trong của tuổi trẻ, thẩm thấu cái nhân sinh quan của cụ Nguyễn Công Trứ: Chí trai ngang tàng vẫy vùng ngang dọc bốn phương trời. Không những cụ có tài về quân sự mà còn uyên bác về kinh tế, xã hội. Trong văn học sử nước nhà, khó tìm được một người: Tri, ngôn, hành hợp nhất. Vì thế ngay khi còn niên thiếu, học trung học đệ II cấp, tôi đã thuộc làu nhiều thơ văn của cụ. Chỉ nghĩ và làm những điều mình muốn, ở những phương trời có lửa và có máu. Chàng trai ấy, đâu nghĩ đến cái nỗi lòng của người mẹ, chờ con:

Chờ con lúc canh khuya……

Người con ….đã ra đi ….. vì ….nước !

….. Để rồi …….. biền biệt …….. mất tiêu.

Tôi hơi một chút se lòng, lắt lay trong đạo lý làm con, mập mờ, sáng tối giữa hiếu và trung. Mẹ tôi đã khóc thương con nhiều, nên người đã lòa cả đôi mắt từ 1964. Còn thằng con trai thứ hai lớn lên, cũng đi vào quân đội để cứu nước, cuối cùng đã bị một tên du kích hạ sát để trả thù, lúc đang ngủ ở giữa cánh đồng, trên Hồng Ngự năm 1976 để lại một đàn con sáu đứa côi cút và người mẹ cũng đã bước sang thuyền khác. Người có hai đứa con trai, thì cả hai đứa đều bỏ người lại, để ra đi không trở về.

Cuộc đời của người và gia đình càng chìm sâu vào vũng lầy trong hang tối, để đến bây giờ từ lao tâm, người đã trở thành lao phổi, trầm trọng mà không có thuốc men để chữa chạy. Tôi cứ ngồi yên nhìn mẹ tôi nằm, dòng suy tường của tôi cứ cuồn cuộn vặn vò trong đầu, nó đã vắt kiệt và đẩy dần nước ra ngoài mắt tôi

Đặt một tay lên bàn tay gầy của người. Tôi chỉ nói được một tiếng ”mẹ“, bao nhiêu nỗi niềm như đút chặt cổ họng, làm tôi không nói ra lời. Mẹ tôi tuy nằm, nhưng người không có ngủ, như ”thần giao cách cảm” người biết ngay là tôi. Nước mắt của người đã giàn ra, môi của người mím lại rồi thốt ra, cũng chỉ có một tiếng ”con “. Tay của người xoay lên cầm nhẹ tay tôi, người vẫn nằm yên, nhưng trong hai hố mắt của người nước càng giàn ra nhiều hơn. Tôi phải lấy khăn lau mắt cho người và cũng chiếc khăn ấy, lau cả cho tôi. Nhìn lên Hoa, mắt cũng đỏ hoe, tôi chợt nhớ đã đến giờ về để trình diện.

Hoa ở lại với mẹ, 5 giờ sáng mai tôi đưa cơm nước sang, hẹn Hoa ở ngoài cổng nhà thương, vì giờ đó chưa mở.

Tôi sẽ dậy từ 4 giờ, nấu cơm, để kịp chuẩn bị đưa sang nhà thương, rồi phóng xe sang tổ mộc Thành Công, bên Phú nhuận. Tôi còn phải sang bà mẹ vợ, nhờ mẹ đến tổ ngòi bút Đức Thành, xin cho Hoa nghỉ để chăm lo mẹ lòa, trong bệnh viện.

Sau khi tôi đi trình diện về, ở nhà tối hôm nay chỉ có hai bố con tôi, nhìn đôi mắt chậm chạp lờ đờ của thầy tôi, tình phụ tử từ dưới đáy con tim của tôi đã trỗi dậy. Mới 7: 30, tôi chạy vội ra cửa hàng bà Lân để mua thêm hai hào cà ghém nén, món cà tuy mặn, nhưng thầy tôi vẫn thích từ ngày xưa.

Sau khi bà xúc cho gần một chục quả cà, tôi nhìn mấy con cá khô, tôi biết thầy tôi cũng thích mà tôi cũng thèm, nhưng tôi cứ ngần ngừ. Bốc đồng, tôi định bảo bà ấy bán cho hai con, chợt nhớ Hoa đã dặn gom cho đủ 12 đồng để đong thêm 7 kg gạo thiếu. Vì đã đổi bo bo để lấy gạo, vừa không muốn ăn bo bo lại vừa thích ăn cá kèo, thì làm sao mà đạt? Năm hào cà nén, đã là phóng tay rồi. Tôi bước ra tới cửa thì bà Lân lại gọi giật vào:

– Cậu cứ cầm lấy hai con cá về mà ăn! Tôi không lấy tiền đâu!

Tôi đã trợn mắt nhìn bà Lân “bà này đọc được tâm tư của tôi ư?”. Nghèo, nhưng lòng tự trọng của tôi vẫn trỗi lên:

– Cám ơn bà, tôi đủ rồi!

Bà ấy cầm luôn hai con cá, gói vào miếng giấy báo đưa vào tay tôi:

– Cậu cứ cầm về đi, tôi còn mang ơn bà cụ nhiều lắm!

Sau này, tôi nhớ lại, có lần tôi hỏi mẹ tôi thì được biết: Khi mắt của mẹ tôi còn sáng bán vải ở chợ, người giữ (làm chủ) nhiều bát ” hụi “, không những rộng rãi, nhân nhượng với bà Lân, mẹ tôi còn là người đỡ đầu cho con trai của bà ấy.

Sáng hôm nay, cũng như mọi khi, tôi dậy từ 3: 30, để lo cơm nước đưa sang cho mẹ và em Hoa. Đặc biệt hôm nay, có chừng nửa lạng bột sắn dây, loại này giai đoạn ấy rất quý và hiếm của bà Cần trước cửa nhà, đưa cho tôi chiều qua, dặn đưa vào cho bà cụ. Thứ này rất mát, rất tác dụng với bệnh lao phổi.

Ngoài ra, chiều qua tôi có mua được một bó rau lang, tôi đã luộc để lại cho thầy tôi mươi ngọn, tôi ăn mươi ngọn, còn gói đem sang cho Hoa và mẹ. Ở nhà thương mẹ uống thuốc bị nóng, thiếu rau tươi, Hoa cũng cần vì bụng chửa, tôi cũng cần ” bồi dưỡng “cho con tôi đã 4- 5 tháng rồi. Chả biết con trai hay con gái, kinh nghiệm của cô Thu, cô Xuân và mấy bà hàng xóm, bụng chửa tròn như quả dưa hấu, đứt đuôi là con gái. Nhưng theo mợ Út và ông lang Diệm phía trước nhà thờ, bụng óng lên như mít Tố Nữ thì có chạy đi đằng trời, cũng là thằng cu tí! Tôi chẳng biết nghe ai, con trai hay con gái, cũng là của quý như ngọc, như vàng của tôi. Bây giờ tôi cứ phải bồi dưỡng cho con tôi đã. Con thông cảm cho bố nhé ! Bố không có tài, lại đang bị con Hồng Tuộc nó ràng bố, nên bố chỉ có rau lang, để bồi dưỡng cho con thôi.

Vừa đạp xe, đầu óc mông lung, vừa nghĩ đến bồi dưỡng, mà đã nhìn thấy cổng bệnh viện Hồng Bàng rồi. Mới 4: 45, còn 15 phút nữa, mới tới giờ Hoa ra cổng.

Nhìn chéo phía bên kia cổng, một mảnh vườn con, với chiếc ghế để không, tôi vòng sang đấy ngồi chờ. Mới còn tinh mơ, đã có hai chú bướm trắng đậu vào hai bông Thược Dược. Hai cánh "khỏa " chậm chạp như một ông tiên, đang phe phẩy chiếc quạt lông ngỗng. Tôi khẽ nhón bước, lách vào bụi râm bụt, tiến lại gần hai anh chàng hay cô nàng bướm. Thôi, cứ cho một chàng và một nàng đi, cho họ hạnh phúc mà mình có thiệt hại gì đâu?

Một con phía cuối cánh, gần đuôi có mầu xanh nước biển, một con cũng phía cuối, lại có mầu vàng nghệ, tôi cứ cho con vàng nghệ là một anh chàng đi. Anh chàng thò mãi cái vòi như sợi chỉ nâu, chọc vào hết chẽ này, lại chẽ khác của nàng Thược Dược mới nở. Hai chiếc cánh cứ ấp vào rồi lại mở ra, thỉnh thoảng cái bụng con, cong cong của con bướm có điểm chút màu xanh biển, cũng có vẻ tham lam lắm. Chiếc vòi của nàng ngoặt ngoẹo lách vào chẽ này, lại quặt sang chẽ khác của bông hoa. Hai chiếc râu con phía trên đầu, cứ lắc lắc mở dài ra, rồi lại cuộn vào cứ như đang bơm bánh xe đạp bị hết hơi. Cánh của cô nàng cũng từ từ mở ra khép vào giống như anh chàng mầu nghệ, có thể anh chàng và cô nàng đã chắc dạ, nên lại lẳng lơ vờn đuổi nhau sang mãi bên kia vườn.

Cũng kỳ khôi, từ nãy tâm trí của tôi chỉ chú ý đến đôi bướm trắng mà không để ý đến một khóm huệ, phía sau chiếc ghế tôi ngồi, có hai con chuồn chuồn nâu gắn vào nhau! Nhìn thoáng, tôi có cảm tường là một chiếc trực thăng thu nhỏ. Chúng không biết có tôi ngồi ngay đấy, tôi khẽ xoay người đầu cúi thấp, mò gần lại xem chúng làm gì mà lạ vậy? Thảo nào, mới khi vào ngồi ghế, lẫn vào mùi thược dược rõ ràng có một mùi lạ. Bây giờ tôi mới hiểu, đó là mùi đài các quý tộc của huệ trắng, thứ hoa thường để dâng hiến Đức Mẹ và Phật Bà Quan Âm. Nó vừa trâm anh, thế phiệt lại vừa hòa nhã, khiêm tốn, đạo đức, thế mà mấy chú chuồn chuồn mới bảnh mắt, đã rủ nhau đến làm trò.

Rất là lạ, đuôi của một con phía dưới lại cong tớn lên, gắn vào phía sau đầu của một con, ôm phía trên. Con phía trên quay ngược đầu lại, thò mãi cái đuôi dài xuống phía dưới, gắn vào bụng của con phía dưới: Chẳng biết chúng làm cái trò gì mà rắc rối vậy? Tôi đã giơ tay lên định chộp cả đôi, để nhìn cho rõ, nhưng tôi chợt nghĩ, dù là một sinh vật nó cũng có buồn, vui, sướng khổ, tôi không có quyền làm gián đoạn hay phá quấy, cuộc sống của chúng nó.

Nghĩ thế, tôi đã hạ tay xuống để cho cái mũi, tự do hà hít cái hơi thiên kim của nàng huệ trắng, đang phì ra cái hơi ngát, ngây ngất của tiểu thư. Làm cho tôi quên béng là phải đứng yên và thở nhẹ, để ngắm nhìn đôi chuồn chuồn. Tôi đã đứng thẳng người lên, làm cho hai chú chuồn chuồn đang ôm nhau, cất cánh sang mảnh vườn bên cạnh. Lúc chúng ôm nhau bay đi, lại càng giống một cái trực thăng bà già, mà tôi đã nhìn thấy nhiều lần.

Tôi đang định dẫn xe đạp theo sang mảnh vườn bên ấy, thì đã thoáng thấy bóng em Hoa trong cổng bệnh viện, phía bên kia đường đang vẫy. Như chợt tỉnh một cơn mê, của anh chàng Từ Thức :

Rằng xưa.....có gã .....từ quan .... lên non

Tìm động .....hoa vàng ..... với .....tiên!

Tôi vội dẫn xe đưa các thứ sang cho em Hoa, đến nơi, chưa kịp hỏi thăm mẹ, em Hoa đã hỏi tôi rồi:

– Anh làm gì . . . . . mà em gọi . . . . . em vời mãi?

– Xin lỗi em! Đêm qua anh ít ngủ, nên hơi mệt? Mẹ .... đêm qua, có ngủ được không em? Cả em nữa?

Chợt nghĩ đến con của tôi, như có một sinh khí luồn vào người, tôi tươi mặt:

– Thế còn con của anh, nó có ngủ yên không?

Hoa đỏ mặt rồi ứ. . . .ứ, tay cầm các thứ đi vào, chẳng trả lời một câu hỏi nào của tôi. Tôi cũng đã đến giờ phóng xe sang Phú Nhuận.

Buổi chiều, tôi lúi húi vo gạo, đặt nồi cơm để chuẩn bị sang với mẹ. Đã hơn một tuần, mẹ tôi đã đỡ nên ngày mai nhà thương sẽ cho mẹ tôi về nhà, uống thuốc Bắc. Mấy hôm trước, một ông bác sĩ trẻ trưởng khoa, hỏi tôi và Hoa có một loại thuốc trị vi trùng lao của Tiệp rất hữu hiệu, chúng tôi có đủ tiền lo cho bà cụ không? Với giá tiền ấy, chẳng khi nào chúng tôi nghĩ tới, chứ đừng nói là chúng tôi có, nhà chạy gạo, chạy củi từng ngày làm gì có tiền mua loại thuốc như vậy.

Có thể Chúa và ông Trời đã thương gia đình chúng tôi hay sao, vài ngày sau, mẹ tôi lại tỉnh táo, như có một phép lạ tiếp sức, hàng ngày nhà thương cũng cho mẹ uống thuốc lá Đông y là chính.

Buổi tối, tôi đi trình diện về, vừa bước vào nhà, thầy tôi chỉ chiếc ghế như bảo tôi ngồi. Tôi ngồi đưa đôi mắt ngạc nhiên nhìn thầy tôi, hôm nay người có những thái độ khác thường. Người mở tủ, trịnh trọng lôi ra một chiếc hộp con đánh vẹc- ni đã cũ, từ mãi góc trong cùng của chiếc tủ cũng xấp xỉ tuổi đời với thầy tôi. Người mang chiếc hộp ra chiếc bàn con, nhà vẫn ăn cơm. Chiếc hộp chỉ có cái móc, không có khóa, người ngồi xuống mở hộp, tôi đoán chắc người có món gì quý người cho tôi đây? Người cầm ra một cái lọ con mầu tím xanh, người đưa cho tôi mặt người tươi lên, nói dịu dàng:

– Con giữ lấy . . . . . mà dùng ?

Tay tôi cầm, nỗi ngạc nhiên của tôi càng lớn hơn, rõ ràng là lọ mực Wateman của thời trước 1975. Lọ mực còn đầy nguyên chưa mở, vậy người đưa cho tôi để làm gì? Dù tôi biết là thầy tôi đã hơi lẫn trí, nhưng tôi vẫn băn khoăn. Để thầy tôi vui lòng, tôi nhận và cũng trịnh trọng:

– Con cám ơn... thầy!

Thầy cho mực để đi học? Rõ ràng tôi đã bốn mươi mấy tuổi, lại đang là phó thường dân, chạy ăn từng bữa, còn đang làm đơn xin vào nơi địa ngục của đời, thì còn học hành cái gì? Vậy người cho lọ mực để tôi bán lấy một hai đồng? Hợp lý và rốt lý nhất là tinh thần của người không còn sáng suốt, nên người đã làm như vậy!

Tuy thế, chiều ngày hôm sau, mẹ tôi và em Hoa ở nhà thương về, ngoài những chuyện khác, tôi vẫn còn đưa chuyện lọ mực Waterman ra hỏi ý kiến Hoa và mẹ. Hoa và mẹ cũng ngẩn người ra chịu chết, cuối cùng cũng chỉ còn cho là thầy đưa lọ mực trong một lúc mà óc thầy không còn sáng suốt.

Phần tôi đã nhiều lúc tôi định hỏi thẳng thầy tôi, nhưng tuy thầy tôi đã lẫn trí, nhưng người vẫn còn cái uy với tôi. Cái uy nó đã có từ những ngày tôi còn bé, còn niên thiếu, những ngày khổ cực tập luyện võ nghệ, đấm đá cây chuối, đấm đá cột nhà, bao cát. Khổ luyện về mùa Đông cũng như mùa Hè hàng chục năm, từ ba bốn tuổi đã phải đứng Trung bình tấn, Đinh tấn, Xà tấn, Chảo mã tấn, v.v. . . trong những bài quyền thuật, hay có binh khí cho mãi tới 14-15 tuổi. Rồi những trận đòn nên thân của thầy, nên tôi cứ rụt rè không dám hỏi, vả lại tôi đã đinh ninh là một việc làm của một người không còn bình thường, nên tôi đã bỏ qua.

Tôi nhớ lại hôm kia, tôi đang gò lưng đạp chiếc xe già trên đường Trương Minh Giảng, thì gặp Tuấn Nguyệt. Cũng như năm ngoái gặp Lộc Vàng, những người của Hà Nội, của miền Bắc, giờ đây lại gặp ở Sài Gòn. Tuấn Nguyệt bị ghép cái tội phản tuyên truyền, phản cách mạng, chẳng có án ung gì mà chỉ " tắc bọp ". Loại tù tập trung ba năm ở miền Bắc XHCN hầu như ở đại đa số người tù, người thì ba lệnh, bốn lệnh, năm lệnh v.v...

Mỗi lệnh là ba năm, rất ít người được cái may mắn là một hay hai lệnh, thì được về.

Tuấn Nguyệt cũng ở cái lệnh thứ ba, tại phân trại A, trại trung ương số 2 Phong Quang (Yên Bái), thời gian này, (cuối 1974) tôi đã gặp Tuấn Nguyệt. Anh có bố di cư vào miền Nam 1954, ông đã già, không di tản, Tuấn Nguyệt liên lạc lại được với bố. Năm 1976 Nguyệt được tha đã về sống với bố, Nguyệt lấy vợ, cả hai vợ chồng cũng vất vả ngược xuôi để kiếm miếng ăn. Hiện nay Nguyệt cũng chả có công việc gì làm; lông bông thỉnh thoảng ăn bám ông bố già, Nguyệt cũng khoảng tuổi của tôi, hiện nay cảnh sống cũng tương tự như tôi, chỉ có khác là người tù địa phương (những người ở miền Bắc đi tù như Trần Nhu, Nguyễn Chí Thiện, Lý Cà Sa, Vũ Thư Hiên,v.v...). Chứ không phải như tôi, của chính quyền miền Nam ra Bắc, anh không bị mất quyền công dân và quản chế như tôi.

CHƯƠNG 40: RA KHƠI LẦN THỨ 2

Gặp lại nhau, thật là vui, nhưng cũng chỉ là ly nước mía, hay nước chanh là hết cỡ. Tôi cũng đã mời Tuấn Nguyệt lại nhà tôi, và tôi cũng đã lại thăm nhà, chào ông bố của Nguyệt. Đều tự hiểu là chẳng có cơm nước gì, dù chủ nhà có muốn mời cơm, cũng không có khả năng. Qua Tuấn Nguyệt tôi biết thêm một số anh em khác, cũng đã được tha như Mạc Lịch, Tâm Bột, Trần Thế Khải, Kiều Duy Vĩnh v.v. . . Từ đấy thỉnh thoảng Tuấn Nguyệt ghé lại nhà tôi chơi, cũng như một số anh em Biệt Kích vậy. Người này liên hệ thăm hỏi để biết người kia.
Sang đầu 1982, số Biệt Kích càng ngày càng được về nhiều. Ngay trong anh em BK hầu như không có ai trong hoàn cảnh và điều kiện như tôi. Họ không có bố mẹ già mù lòa, họ không bị ràng bố và phải trình diện mỗi ngày như tôi. Nhiều anh em BK được tha về, hầu như ai cũng phấn chấn ra mặt, riêng tôi hẩm hiu lại xin trở vào trong tù.

Hôm nay tôi đi làm về đến nhà, Hoa bảo sang mẹ gặp, buổi trưa cậu Tập đến gặp mẹ lâu lắm!. Tôi vội sang bên bà nhạc, cậu Tập cho biết: tối nay, 8:00 tôi phải sang nhà cậu ngủ, để sáng sớm mai có xe đón ra Vũng Tàu. Tôi vội về lo toan chuẩn bị những thứ cần thiết. Tôi trèo vào mùng thầy tôi, thấy tôi vào, người lồm cồm bò dậy, tôi đã ôm lấy thầy tôi và thì thào:

– Xin thầy giữ gìn sức khỏe, thầy cầu nguyện cho con đi được trót lọt.

Tôi đã bước chân xuống giường, tôi chợt nghĩ: ”có thể rồi đây thầy tôi chết, hay tôi chết chả còn gặp nhau nữa, tôi đành lỗi đạo làm con “. Tôi quay lại ôm lấy thầy tôi thật lâu, như muốn nói thầm với người như vậy.

Tôi lại vào giường mẹ tôi, mẹ tôi đã hiểu chuyện từ lúc tôi chưa đi làm về, mẹ tôi cầm tay tôi, vuốt tóc tôi, người nói trong nước mắt:

– Mẹ muốn con ở bên mẹ, nhưng mẹ lại cầu xin cho con đi bằng yên! Con phải thương vợ của con, nó cũng đứt ruột để chồng ra đi !

Tôi ngồi ôm mẹ, gục đầu vào vai mẹ im lặng cho nhiều nỗi niềm, chảy ra theo dòng nước mắt. Biết bao nhiêu chuyện phải nói, phải dặn dò mẹ, nhưng tôi chỉ nói được với mẹ, một lời:

– Tất cả mọi sự, con xin dâng và vâng theo thánh ý Chúa!

Cũng như với thầy tôi, sẽ chẳng còn hy vọng gặp lại mẹ nữa. Mẹ tôi thì già yếu, bất cứ lúc nào người ra đi, còn tôi thì trăm thứ bấp bênh trước mặt. Tôi đi trình diện rồi tôi và Hoa đèo nhau sang nhà cậu.

Tôi đã dặn kỹ mẹ và Hoa, từ sau 7 giờ chiều mai cho tới ngày hôm sau, nếu cô công an Ngọc Anh có đến hỏi tôi, thì đều nói : Khoảng 5:30 chiều, người cháu ở Hồng Ngự xuống báo bà Hai Công sắp chết. Nó vội vàng chạy đến cô để xin phép, nhưng nói là không gặp cô, nên nó đã đi ngay với người cháu. Đại cương là cứ nói lửng lơ, không xác định, diễn tiến tuỳ theo để mặc tôi giải quyết! Trong thực tế tôi đã đi từ sau lúc trình diện, ngày hôm qua.

Buổi tối ở nhà cậu mợ Tập, tôi đã minh định với cậu mợ Tập: ” Vợ chồng cháu xin ghi lòng nhã ý của cậu mợ . Về chuyến đi này cháu xin nói rõ:

Nếu cháu chết ở biển cả, xin Chúa trả đền cho cậu mợ, hoặc trong muôn một vợ con của cháu có điều kiện nào, trang trải món nợ này cho cậu mợ. Nếu cháu đi đến nơi, cháu sẽ thanh toán đủ số vàng, mà cậu đã đưa cho họ. Không may mà cháu bị bắt, là phần số của cháu, còn liên lạc được với cậu mợ, vả lại cháu luôn nghĩ rằng: Nếu lòng cậu mợ tính toán như cháu vừa thưa, chắc chắn cậu mợ đã không nhường, chuyến đi này cho cháu “

Đêm hôm ấy, tôi ngủ với em Hòa, còn Hoa ngủ với mấy con gái của cậu mợ. Bốn giờ sáng còn tối đất đã có người đến đón, xe đậu mãi gần chỗ chợ cá cũ (Trần Quốc Toàn), Hoa bịn rịn cứ quấn quít bên tôi, tôi đã đèo Hoa ra tận chỗ xe đậu.

Cả một đêm, Hoa không chợp mắt được một phút, tôi cho một tay lại sau, cầm tay Hoa. Lòng tôi như sóng biển trong cơn giông, dạt dào, gào thét thương vợ và đứa con chưa chào đời. Trên xe đàn ông, đàn bà, trai gái đã có hơn một chục người. Tôi chẳng muốn người khác chú ý mình, tôi ngừng xe ở một gốc cây bên này đường, Hoa và tôi đã ôm nhau một lúc thật lâu, để rồi ngực và vai tôi đã ướt cả. Tôi khẽ xoa và vỗ nhẹ bụng vợ tôi, như nói thầm:

– Con ở lại nhé! Bố đi sẽ đón con đi sau!

Tôi đã lên xe và xe đã chạy, tuy trời chưa sáng hẳn, nhưng tôi nhìn rõ Hoa đang gò lưng lại, đạp theo chiếc xe tôi đang ngồi, để cứ mờ dần, rồi mất hút vào phố phường. Tôi nói như tự nói với mình:

-Em ơi ? Có mệt không em? Cái bụng to, tròn như thế mà đạp xe khỏe thật!

Hơn 2 giờ trưa xe mới đến đồn Cỏ May, vì chiếc xe còn đón một vài người nữa ở chợ Cầu Ông Lãnh, lúc sáng nay. Xe đi qua đồn Cỏ May, mãi đến một con rạch thì chiếc xe rẽ vào. Xe ngừng trước một đám nhà tranh, tôn như một xóm nhỏ của làng quê Mười lăm, mười sáu người lục đục kéo xuống, lúc đó đã hơn 6 giờ chiều. Họ dẫn vào một căn nhà lợp tôn vách gỗ, trong nhà chỉ có vài chiếc giường ọp ẹp. Một cái bàn mộc đã loang lổ mực tím, với mấy chiếc ghế đã thứt thẹo, do gánh nặng thời gian. Chiếc bếp nhỏ lợp rạ vẫn le lói ánh lửa, có một bà mặc nâu sồng, khăn mỏ quạ đang cời than, tỏ là một gia đình người di cư nghèo từ 1954. Mỗi người còn đang nhớn

nhác tìm chỗ đứng, ngồi thì cái bà tóc quăn, mặc áo cánh trắng khi sáng đôn đốc người lên xe vào nói, và chỉ tay sang cái nhà bên cạnh:

– Mời các ông, các bà 6 – 7 người sang bên kia, cho rộng chỗ nằm!

Ồn ào một lúc, một số người quen nhau đã sang căn nhà lợp rạ. Trời tối dần, phần tôi đi ra ngoài quan sát địa hình, cảnh vật. Theo bà tóc quăn thì đêm nay ngủ ở đây, chờ thuyền lớn vào theo con nước, có thể 2- 3 giờ sáng chưa biết chừng. Có một cậu chừng 25- 26 tuổi, da bánh mật, đầu húi " cua ", ngay từ trên xe, cậu ta gặp mắt tôi, mặt cậu tươi lên, miệng cậu vừa như cười, vừa như mấp máy, mặt của cậu toát ra là một người hiền lành, chân thật.

Như tôi đã có chủ trương từ trước, tôi không muốn tỏ ra một hiện tượng gì khác thường, để người chung quanh để ý. Vì thế, tôi muốn làm quen với cậu lấm, nhưng tôi vẫn giữ im lặng, giữ nét mặt tư lự hợp lý như mọi người, đều nghĩ về gia đình, người thân của mình. Bây giờ thấy cậu giở ra một miếng nylon đen đã cũ, tìm một góc nhà, định trải ra nằm. Lúc cậu gặp lại mắt tôi, tôi đã mỉm cười như chào, rồi tiến đến chỗ cậu. Cậu đã ngồi dịch lại một chút như ý " xin mời ". Tôi đã ngồi xuống bên cạnh và khẽ hỏi:

– Cậu đi có một mình?

Cậu gật đầu và khẽ " dạ ". Tôi đã biết cậu người Nam, và chúng tôi đã quen nhau, cậu tên là Chánh, bố là sĩ quan cấp tá đi " cải tạo " ngoài Bắc từ tháng 7/1975 . Phần vì chẳng nên vội vàng quen biết lúc này, phần khác ai còn tâm hồn đâu, mỗi người đang đầy ắp, mối ưu lo cho mình.

Trời đã tối, góc này chỗ kia đã có người móc đồ riêng ra nhai, ăn nhóp nhép. Khoảng 8 giờ, bà tóc quăn đi vào, theo sau có một bé gái chừng 12- 13 tuổi, bê một rổ cơm đi vào, còn đang bốc khói và một chồng bát con. Mùi cơm chắc làm nhiều người chảy nước miếng, vì chính tôi, từ trưa chỉ có hai quả chuối tiêu, ở Biên Hòa, gần chợ Đồn khi xe nghỉ máy. Bà tóc quăn nói: " bà con ăn tạm bát cơm với cá khô", nói rồi bà ta ra ngay.

Đã có kinh nghiệm trong tình huống này, nhiều người còn nhìn nhau ngập ngừng. Phải thực thi lời dậy của cổ nhân: " ăn cỗ đi trước lội nước đi sau ". Tôi kéo tay cậu Chánh ra, lấy mỗi người một cái bát xúc cơm, gắp mấy con cá " cơm " khô, rồi về chỗ, dùng đũa " trời " mà ăn. Miệng nhai nhưng đầu tôi phảng phất nghĩ suy: Đây là một hình thức nhà " ếm " người. Để đêm thuyền vào đón, hoặc người đón dẫn đi ra thuyền, nhưng họ tương đối tử tế, những người không có đồ mang theo là đói.

Trời lại tối đen như mực, khoảng 10 giờ, cũng đã nghe một vài tiếng " gáy " khọt khẹt đây đó. Tôi chợt nghĩ " cẩn tắc, vô ưu ; lo xa thì không gặp khó khăn gần". Nếu như CA họ đã ngửi thấy hơi, mình chưa hiểu " bến, bãi "mua hay giao thiệp thế nào nằm một " rọ" thế này, đêm CA đến vây là bắt gọn. Tôi quay sang "lay" vai cậu

Chánh, nói nhỏ, trao đổi với cậu nội dung như trên, và tôi đã nói với cậu như một quyết định. ”Thà chúng ta chịu khổ cực một chút, nhưng an toàn hơn “:

– Anh em mình ra chỗ bờ dậu găng, chui vào trong bụi nằm tạm chờ, nghe ngóng. Nếu họ đến đón thì chúng ta vào nhập bọn, còn bộ đội CA đến, thì chúng ta rút, lủi chạy!

Cậu Chánh đã đồng ý, nên đêm hôm ấy làm sao tôi chợp mắt? Tôi ngồi nghe ngóng tiếng đêm thâu, của không gian vùng Chu Hải Bà Rịa. Ngoài những tiếng lá cây xào xạc, tiếng dạt dào của sông nước xa xa vọng về, thỉnh thoảng có tiếng chó cắn, tiếng gà gáy của những xóm làng quanh vùng vẳng đến. Một điều tôi hơi lạ lùng, rõ ràng tôi nghe thấy mấy hồi cú ”rúc ” như tiếng oan hồn đêm thâu gọi ”tử thần ” của vùng Vũng Tàu, Bà Rịa. Tôi cứ tưởng đồng bằng hay ven biển, thì làm gì có tiếng cú kêu?

Dòng tư tướng của tôi trong bụi găng giữa đêm thâu, đã nhiều lần nhẩy nhót về Sài Gòn. Về người mẹ hiền mù lòa, bệnh tật của tôi, về người bố lẫn trí. Tự nhiên, tôi nắn tay, sờ chân xương thịt của tôi là truyền nhân của người. Về người vợ trẻ thương yêu cùng giai cấp nghèo, như tôi và về đứa con ngọc quý hơn sáu tháng vẫn còn nằm trong bụng (không biết trai hay là gái). Do một vài ngôi sao đêm to nhất nhòm xuống và ánh của chiếc đèn biển, từ một chiếc cột cao trên chỏm, cái đồi trọc phía trước, tôi đã nhìn thấy lúc chiều. Cảnh vật, nhà cửa chỉ còn mờ mờ trong trí tưởng là chính. Cậu Chánh thỉnh thoảng cựa quậy và thở dài, tôi thông cảm với cậu.

Tôi đã phải hàng mấy năm, đêm ngày trong cùm, xích, xê dịch, nằm, ngồi, trở mình, ỉa đái khó khăn bao nhiêu. Như thế này thì đã thấm tháp gì. Hơn nữa, gió mát lồng lộng, khí hậu trong lành. Như vẫn thường ăn cơm muối rang, nay được ăn với thịt cá. Sướng như cưỡi ngựa ấy chứ! Tôi chỉ có nhớ và thương bố mẹ vợ con, lẫn với một chút niềm lắng lo CA, bộ đội đến vồ. Tôi hiểu mình đã xin đi tù, giờ đây có bắt thì cũng đi tù, nhưng ở hai tư thế khác nhau rõ rệt.

Có tội bị bắt vào tù và tự nguyện vào tù đã thấy khác hẳn nhau, ngay ở trong lòng mình rồi. Nó khác ngay trong con mắt của mình, khi nhìn những tên cán bộ của trại tù.

Do mắt không nhìn rõ cảnh vật, nên đôi tai đã phải tăng tần số, để nghe tiếng động. Quá nửa đêm, có lúc trời lặng gió, tôi nghe thấy cả những tiếng giun, tiếng dế nỉ non chuyện trò, tiếng mấy con cóc cọ kẹ, gại lưỡi gọi trời mưa. Để rồi vừng Đông rạng dần, còn tôi lại hư đốn, chợp luôn vào giấc Nam Kha. Có lẽ, cái tần số cảnh giác của thần kinh, tự thấy tạm an toàn, nên đã thổi còi hụ tan giờ ”giới nghiêm “.

Đến khi cậu Chánh đã lay vai, tôi mới bò nhổm dậy. Nhìn đồng hồ 4:30 như thế tôi cũng chợp mắt, được gần một giờ. Thảo nào, người tôi thấy sảng khoái hẳn lên, tôi chui ra khỏi bụi găng, rồi vẫy tay cho cậu Chánh. Tôi khẽ lách, nhẩy qua một luống

rau dền cơm, vào phía sau ngôi nhà hôm qua, mọi người còn đang ngủ yên ắng! Có thể đêm qua ai cũng thấp thỏm, nên giờ đây đều hãy còn ngủ trả.

Tôi rủ cậu Chánh làm vài động tác thể dục buổi sáng. Trời trong xanh, nhưng cũng thật nhiều mây trắng, có chỗ mây chồng lên nhau lổm ngổm như những trái núi mầu xám bạc. Phía dưới những tầng mây, chỗ thì xám, chỗ thì mầu sữa đặc, nhưng phía trên thì trắng toát, thậm chí, phát ra hào quang rừng rực, có lẽ mặt trời đã mò lên ở chân trời phía Đông!

Dưới này thì ánh sáng nhàn nhạt, nhưng nếu những máy bay nào đi lên trên mây, thì vẫn thấy mặt trời nắng chói. Bầu trời vẫn còn những khoảng trống, không có mây. Mầu xanh, cái mầu xanh êm như lụa, tôi không có khả năng để diễn tả hết được cái đẹp kỳ diệu, cái đẹp hùng vĩ của bầu trời lúc này. Hẳn các quý vị ai cũng đã hơn một lần đã chiêm ngưỡng, bầu trời xanh mây trắng buổi sớm mai như tôi!

Cái mầu hài hòa kỳ vĩ lộng lẫy này, tôi đã nhìn thấy ở đâu? À đúng rồi cái mầu xanh của áo khoác ngoài Đức Mẹ Maria đồng trinh với cái mầu trắng của áo dài phía trong. Mầu xanh càng làm nổi mầu trắng và ngược lại, như mầu xanh của da trời với mây trắng, nó hài hòa, nó bao dung, và linh thiêng mãi mãi.

Người tôi đờ đẫn ngắm trời xanh mây trắng như xuất hồn, một tiếng trong vắt kéo dài rồi rung lên như phím tơ: Tì...tì....te te... té té... của một con chim lạ đậu trên cây bưởi Biên Hòa phía trước cổng. Tôi tỉnh hẳn, quay lại cậu Chánh cũng đang dõi mắt về phía tiếng chim lạ. Không ngờ cũng có người say mê như mình, tôi kéo tay cậu len lén nép vào dậu găng. Mò gần đến cây bưởi, hình như con chim càng kêu hót nhiều kiểu, như ca ngợi bầu trời êm ả sớm mai, vùng Chu Hải Vũng Tàu?

Chả lẽ nó liếc nhìn thấy hai chúng tôi, đang lò dò đến gốc cây bưởi, nên biểu diễn thêm khúc nhạc mê hồn?

Tôi đã nhìn thấy rồi? Đúng là con chim lạ, tôi chưa hề nhìn thấy bao giờ, mỏ trắng, đầu và cổ đỏ chót, hai cái cánh mầu cánh chả ấp lấy cái thân mầu trắng, đặc biệt, cái đuôi tím sậm, dài ngoẳng. Mỗi lần cất tiếng hót....tí tí ..tẹ....tè...tè tè...thì cái đuôi lại quay ngang, rồi ưỡn lên một cái.

Tôi và cậu Chánh đều ngây ngất, không dám cả thở mạnh sợ động, nó bay đi, làm sao có điều kiện, hoàn cảnh để gặp lại con chim ấy lần thứ hai? Thoáng bóng cô bé bưng rổ cơm tối hôm qua, đi về phía chúng tôi, tôi đã định chạy lẹ ra kéo cô bé vào bóng cây găng, nhưng không còn kịp nữa, con chim khỏa cánh bay sâu vào vùng Hải Sơn. Nó bay đi, vẫn còn hát tiếp tẹ tẹ ... tí tí.... tè tè.... Cô bé cũng thoáng thấy con chim bay đi, và chúng tôi vẫn còn ngoái nhìn theo. Cô bé cũng nhìn theo con chim, nhưng miệng thì lại hối hả:

– Các chú vào để chuẩn bị ra xe?

Nhìn đồng hồ mới 5: 15, tôi và cậu Chánh đều tự hiểu, là chuyến đi đã trục trặc không thành. Bà tóc quăn căn dặn: cứ hai hay ba người một toán đi cách xa nhau, lần lượt trở ra tỉnh lộ, tự túc đón xe trở về Sài Gòn. Chuyến đi không được hôm nay, bà ta không nói lý do, nếu có ai hỏi thì tùy theo mỗi người là ra thăm bạn bè, bà con ở Chu Hải hay Hải Sơn v.v...

Với tôi thì sự việc đã tương đối rõ, để khỏi những rắc rối bất ngờ. Tôi đeo chiếc tay nải cố hữu theo những hướng, đường tôi đã biết để trở về. Tôi định quay vào rủ cậu Chánh cùng về cho vui, nhưng khi tôi vào trong nhà, chả thấy cậu ta đâu. Một mình tôi trở về Sài Gòn, để sớm gặp lại bố mẹ, vợ, và con (còn trong bụng).

Trong lúc ngồi xe trở lại thành Đô, tôi nhớ đến cậu Chánh, rất tiếc do những tình huống đặc biệt, nên tôi đã không hỏi để biết cậu ở đâu, và bố của cậu bị ra Bắc tên là gì? Với cái nhìn một vài thái độ của cậu, tôi hiểu là sáng hôm sau cậu cũng đã biết chuyến đi ấy, chẳng có tàu, thuyền gì cả. Nhưng hiện nay, là người tị nạn trên xứ người, do những đẩy xô của dòng đời sau 22 năm (1982- 2004) tôi đang ngồi lần giở lại một quãng đời trong hố thẳm của thời gian, không biết bây giờ cậu ở đâu? Như thế nào? Còn ở trong nước hay đã ở hải ngoại? Nếu cậu còn hiện hữu, chắc cậu cũng không thể quên được cái đêm hôm ấy, chúng ta trong bụi cây găng già và con chim lạ vùng Chu Hải, Bà Rịa?

Hai giờ chiều hôm ấy tôi đã trở về đến nhà, mẹ tôi cho biết cô Ngọc Anh 8 giờ tối qua đã đến đây tìm con, mẹ đã nói như lời con dặn, cô ấy dặn:

– Hôm nay con về phải đến cô ấy ngay.

Tôi tranh thủ tắm rửa, thay quần áo rồi phóng xe sang tổ mộc Thành Công, ông Huỳnh đã từng là đặc công của Sài Gòn, qua nhiều lần tôi trao đổi. Phần vì thực tế, từ sau khi miền Bắc đã chiếm được miền Nam cho tới nay, ông ta đã nhìn rõ một phần sự thật. Phần khác với những cái hiểu biết của tôi, ông ta thắc mắc, nghi hoặc chưa rõ điều gì; tôi chỉ cần trình bày sự thật, chính điều này, ông Huỳnh đã dần dà có thiện cảm với tôi. Đến nay, ông sẵn sàng giúp tôi trong điều kiện của ông. Tôi sang gặp ông, trình bầy tôi phải đi Hồng Ngự đột xuất thăm bà chị v.v . . . Đến nơi, bà chị đã gặp được bác sĩ ở bệnh viện Tam Nông giải quyết đúng phương pháp, và cho thuốc đúng bệnh nên đã khỏe lại chờ ngày cho trở về nhà v.v ...

Tôi cũng xin ông cấp cho cái giấy xác nhận, tôi có đến xin ông nghỉ, để đi Hồng Ngự. ông Huỳnh còn giúp tôi là CA phường 7 Phú Nhuận, xác nhận trưa nay tôi đã về lao động tại tổ mộc. Có giấy này, thì dễ dàng nói chuyện với cô Ngọc Anh.

Trưởng CA phường 7 là bạn thân của ông, từ những ngày hoạt động trong nội thành. Tôi đã chuẩn bị những giấy tờ cần thiết, chuẩn bị cả tư tưởng cho một ngày thiếu trình diện, để đến gặp cô Ngọc Anh. Gặp cô, sau khi đưa hai tờ giấy của tổ mộc Thành Công và của trưởng CA phường 7 Phú Nhuận cho cô. Tôi tưởng sẽ phải trả lời những câu hỏi hạch sách và thái độ lôi đình của cô như mọi khi, nhưng cô đã không

hỏi han, hay thốt một lời. Mắt của cô nhìn tôi vài giây như đọng lại, mi mắt của cô hơi hạ xuống, rồi lại từ từ giương lên như nhìn một bến sông chiều muộn, gần cửa biển lộng gió. Nhìn cô ký cho tôi cả ngày hôm qua, tự nhiên một nhánh tư tường ngông cuồng, của một người trai tạt ngang, tôi gọi khẽ:

– Cô Ngọc Anh!

Đôi mắt mầu lam nhạt quay, quét khắp người tôi, rồi đọng lại như đóng cọc nơi cổ tôi. Con ngươi của cô chuyển dần thành mầu nho chín, trong nắng chiều giữa hạ, tiếng nói thập thò như muốn lôi kéo, mùa thu về của tôi.

– Tôi muốn . . . . .bắt tay cô !

Con ngươi của cô tròn lại, rồi dẹp ra khép lại, tay cô như đầu con sẻ tơ, ngước mỏ lên, rồi tiến dần về phía tôi. Tôi đã đường hoàng nấm chặt lấy đầu con sẻ, như một lời cảm ơn. Tôi đứng dậy ra về, với một hơi thở ra thật dài.

Trên đường về, những ánh đèn trong những ngôi nhà lồi ra thụt vào, như những chiếc lưỡi trắng vàng, lè ra ngoài con đường hẻm. Cảnh vật mập mờ như dáng hình của mấy sơn nữ, vừa ngụp lặn trong dòng suối mơ, đang thay đồ bên triền dốc, một ngọn đồi có nhiều sim tím. Chân bước thấp, bước cao, có lúc nhẹ ” hẫng ” như vừa nhắp một men rượu lạ, chưa một lần hít hơi.

Nhưng một mùi hương ngọt ngào quen thuộc, đã xồng xộc chui vào khứu giác, làm cho tôi ngơ ngác đến lạ lùng. Càng bước tới, cái mùi ngọt ngào, ngây ngất đã nhiều lần kéo, lôi tôi vào động hoa vàng, càng đặc quánh lại. Để rồi hai cánh tay mềm tròn lẳn, đã vòng xiết chặt lấy cổ tôi. Mùi hoa thiên lý đang thì, của làn tóc huyền óng ả của em Hoa, đã vít chặt hai lỗ mũi của tôi. Lạ quá! Có bao giờ em ra đón tôi ở mãi ngoài này?

Bữa cơm hôm nay có mấy món lạ, chẳng hiểu em tôi xoay xở ở đâu, như một chút lòng của người vợ mừng đón người chồng của mình trở lại, và hẳn cô nàng cũng tự hiểu, sẽ có những giờ phút nắm tay nhau nhún nhẩy vào thăm động hoa vàng!

Một bát canh hoa bí đỏ nấu lẫn với mấy ngọn bầu, em xin ở nhà cô bạn trong xóm Nghĩa Hòa, một dĩa trứng vịt tráng, già lửa vàng ngậy thơm ngứa cả mũi, từ khi tôi bước vào nhà. Do Hoa lỉnh về nhà, xin mẹ được một quả trứng, bữa cơm hàn huyên đầy ắp nghĩa tình phụ mẫu, phu thê, tường rằng chuyến đi sẽ khó lòng gặp lại.

Đôi mắt em Hoa, nhìn như chà xát, như dội nước nóng vào cái tay cầm đũa của tôi. Có thể Hoa nhìn theo ý riêng của Hoa, nhưng tôi có cảm tường cái tay ấy rát ràn rạt, vì dám cầm vào tay của một cái vòi của con Hồng Tuộc? Tôi lên gân, nắm chặt cứng lại, như nắm chặt cái vòi, bắt nó co lại, rụt hẳn vào, để đợi ngày.

Con của tôi, chẳng có cái gì để bồi dưỡng, nhưng cứ mỗi ngày mỗi lớn, nó làm cho cái bụng của mẹ nó gồ cả vạt áo lên. Hôm nay lĩnh lương, tôi đã ghé đến hàng bà

Thản, bán trứng vịt lộn Hiền Vương. Đã từ lâu, từ ngày có vợ tôi đến bà mua trứng ” bồi dưỡng ” thường là bốn hột. Hôm nay, tôi lại bảo bà lấy cho năm cái bà ngước mắt lên, quét ngang vào mặt tôi một cái, như đàn cò đêm, cả vào mặt chị Hằng. Tiếng nói rặt vùng Cai Lậy, của bà reng rẻng cất lên, như tiếng nồi cám heo sôi già:

– Bữa nay sông Bến Nghé nước chảy ngược dòng, cậu đòi những hai?

Chẳng muốn thanh minh với bà Thản, nên tôi chỉ mỉm cười để bà tự thưởng thức câu nói đùa vui của bà. Thẳng người, khoan thai cỡi lên ” ông già ” lắm mồm, để rong ruổi về Nam Hòa. ” Ông ” này đã kêu ca cọt kẹt hơn nửa tháng rồi, nhưng tôi vẫn khuyến khích ” ông ” hãy chịu đựng, tôi chưa có thời gian và cũng chưa có tiền mua bốn cái má ” thắng ”và lau dầu. Đã từ lâu tôi đã gọi là ”ông ” vì tuổi đời như tôi hoặc hơn, một ”ông” có phí phách, dù cũng phải thiếu thốn ngược xuôi, tần tảo hết lên Quận, xuống Phường như tôi để trình diện với các cơ quan quản lý. Dù mưa dầm hay bão giật ”ông” cũng lần mò đi trong nước bùn, cống rãnh ngập tràn, dù cho nắng rách vai, đỏ tóc ”ông” vẫn cùng tôi đi đến nơi về đến chốn.

Đức tính đặc biệt nhất của ”ông” là không tố cáo ai, đã hơn hẳn những người bệ vệ, kính trắng, xách cặp da nhưng xun xoe, luồn cúi, tố giác cả bạn bè, anh em để lấy thành tích, trèo lên chỗ ngồi cao, để lừa lọc đám dân đen. Dù bết bát, bệnh tật như thế nhiều lần ”ông” vẫn sẵn sàng cõng thêm cả vợ tôi. Tiếng cọt kẹt của ”ông” hôm nay nghe như ”ông” hoan hô đồng tình với năm quả trứng vịt lộn, đang chễm chệ ở trên vai tôi tuy ”ông” thấy tôi có tiền bồi dưỡng, mà lại không có tiền chữa bệnh cho ”ông “?

Đã từ bữa bồi dưỡng lần trước, ông bà nội khuyến khích tôi; lần này phải bồi dưỡng cho đứa cháu ”đích tôn” của ông bà, nghĩa là Hoa sẽ được, hai trứng vịt lộn.

CHƯƠNG 41: ĐỊNH MỆNH CON NGƯỜI

Chúng tôi năm anh chàng trong phe chiến bại, đang bị một cô gái trong phe chiến thắng ”hành” ngày thứ Bẩy, Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa như mọi khi. Bỗng có tiếng ồn ào, quát tháo từ phía ngõ, khu Sơn Tây, chúng tôi đang quét và nhặt rác, thông những ống cống ở mấy con đường hẻm gần nhà thờ Nam Hòa, đều ngừng tay ngửng lên: Một cô gái tóc uốn, chừng 18 hay 19 tuổi, nước da trắng hồng, với bộ mặt tương đối khả ái. Toàn bộ thân hình của cô không hề có một mảnh vải, không phải cô gái nào cũng có một thân hình cân đối như cô. Cô rảo bước từ phía ngõ Sơn Tây đi đến, có mấy đứa trẻ con trai mươi, mười hai tuổi hò hét chạy theo nhìn, nhiều tiếng quát của người lớn là để gọi con cái họ, không được đi theo nhìn. Tôi và mấy anh kia, cũng đều bàng hoàng đờ cả người ra. Quay lại phía cô công an

Ngọc Anh, thì cô ả mặt đỏ như mai cua luộc, gục mãi đầu vào một cánh cửa sổ của một ngôi nhà. Tình thế bất ngờ !

Lẽ ra phía phụ nữ, những bà lớn tuổi, phải ra can thiệp, hoặc đưa vải hay khăn che cho cô ta. Nhưng chả có một ai ra giúp đỡ giữa khoảng 10- 12 giờ trưa, nếu ở gần nhà tôi, tôi sẽ gọi Hoa đưa tạm cái khăn, hay miếng nylon ra che cho cô ta. Tôi cũng không dám đến gần cô, để tìm hiểu vì sao lại có một sự việc ”ngàn năm một thuở” như thế này?

Bố mẹ và nhà cô ở đâu? Khi đến dong nhà thờ, cô rẽ ra đường Bắc Hải để sang khu Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa cũ. Chúng tôi đang lao động có người chỉ huy, nên chả đi đâu được. Tuy chẳng một ai trong chúng tôi biết lý do, nguyên nhân, nhưng chắc bốn anh kia cũng như tôi, làm sao mà quên được:

Cái buổi ” chết người ” lao động ấy!

Ngàn năm chưa dễ đã ai.....quên!

Nó độc lập với ý chí của con người, dù có muốn quên đi nhưng vẫn còn nhớ mãi.

Tôi về kể chuyện lại cho Hoa, Hoa lại cười ré lên, như con gà tây gại ổ:

- Như vậy là anh vớ ” bở ” rồi!

Tôi chả biết đến ”bở” hay ”sượng” nhưng rõ ràng sự việc này, nó cũng luồn sâu bên trong là vấn đề xã hội. Từ sự việc này, nếu ai chịu suy nghĩ đều đã nhìn thấy, nhiều mặt của cái xã hội ấy.

Hôm nay đi làm về, vừa đến cửa Hoa đã chạy ra, mặt em tươi roi rói, em nói ríu rít:

- Vừa khi nãy có một anh chừng ba chục tuổi đi xe Honda vào, anh ta nói là anh em của một Biệt Kích nhẩy Bắc, muốn gặp anh? Tên anh ta là Vân.

Tất nhiên, tôi chả biết anh ta, vì tôi chưa gặp lần nào, có địa chỉ ở gần Cống Bà Xếp Hòa Hưng. Cứ để đấy, cuối tuần tôi sẽ đến thăm, xem sao? Không ngờ hôm sau gần 5 giờ anh ta lại đến. Tôi về đến nhà, ngoài cửa một chiếc Honda còn ”láng coóng“, mới và đẹp hơn xe của chú Tuất, chồng em Xuân. Một cậu rất tư cách, tỏ là giới ”lõi” của thành phố, cậu ta tự giới thiệu là Vân, em rể của Hoàng Văn Chương, một biệt kích ra Bắc 1968.

Cậu đã ra Bắc thăm Chương, cùng với cô Hoàng Thị Phúc, chị vợ. Cô Phúc cũng

là em của Chương, như thế tôi hiểu: Hoàng Văn Chương, rồi cô Phúc và còn một người em gái nữa. Người em gái này là vợ của Trần Vân. Thái độ của Vân rất niềm nở, mới gặp mà như đã quen nhau lâu rồi. Ngay buổi chiều ấy Vân mời tôi cho bằng được ra một hiệu phở ở Ông Tạ, Vân mời cả Hoa, nhưng Hoa đã từ chối, phải ở nhà cơm nước, săn sóc ông bà cụ.

Nói chuyện với Vân, tôi biết nhiều điều mới của Sài Gòn dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Mấy ngày sau, Vân đã đèo tôi về nhà gặp vợ Vân. Vân ở mãi dưới Long An, nhưng thường xuyên đi về bà nhạc ở Hoà Hưng. Tôi cũng đã gặp cả cô Phúc là em của Chương, cô Phúc cũng đạt dào tình người. Tôi hiểu Trần Vân có một số khả năng, nhìn được một số kẽ hở của xã hội mới, nên cậu ta đã lách vào những kẽ trống đó để giải quyết cuộc sống của gia đình, mà còn thảnh thơi, thong dong. Cậu ta chạy ”mánh” thuốc lá, thuốc Tây; chơi thì có trọng điểm, theo cậu ta, màng lưới CA và quan thuế dầy đặc. Đã gọi là màng lưới, thì phải có mắt lưới và nút lưới, nút lưới là chỗ chốt của CA hay quan thuế. Vì thế, điều cần thiết là phải nhìn được ra đâu là mắt, đâu là nút, hơn nữa với những kỹ thuật thực hư, hư thực của CA và thuế quan, phải nắm vững chỗ nào, mắt trở thành nút và ngược lại. Thấy anh chàng Vân này tuy chưa có kinh qua về tình báo; chỉ do kiến thức thiên phú tự nhiên mà cũng tương đối sắc sảo, tôi khích lệ và bổ sung những chỗ tôi biết cho Vân.

Đi với Vân, tôi vừa học hỏi thêm kinh nghiệm lại có bồi dưỡng, bù đắp những ngày nắng hạn trước đây. Để thưởng thức một ”pha” làm ăn của Vân, hôm đó sau khi trình diện xong, Vân và tôi ra Xa Cảng. Mối cũ của Vân, tôi ngồi sau xe Honda, ôm 900 bao thuốc lá ba số 5, trong một cái bao tải gạo cũ, luồn lách qua nhiều đường hẻm, đã đưa về nhà Vân an toàn. Theo Vân tiền lời của ” cú đó, có thể mua được một tạ rưỡi gạo.

Có lần cô Phúc một Honda, Vân đèo tôi trở lại thăm nhà hàng Thanh Thế, nơi 1962 tôi và bạn bè hay ra ngồi, vợ Vân bụng to; Hoa cũng bụng to nên phải ở nhà.

Đã mấy lần cô Phúc và Vân ca tụng một bà thầy tướng, ở một ngõ trong khu Đắc Lộ, nhã ý của hai người muốn mời tôi cùng đến xem một lần để thẩm định, tôi đều

từ chối, phần vì tôi sống bằng sự nỗ lực, của chính bản thân tôi. Hơn nữa, mỗi lần xem giá 30 đồng cho một người, đành rằng do Vân và cô Phúc trả; nhưng tiền của ai thì cũng là tiền. Nếu có một chút ý thức tự trọng, thì tiền của người khác, cũng ý nghĩa như tiền của mình.

Tôi đã đánh giá Vân là người khá sắc sảo, bén nhậy, mà còn ca ngợi cô thầy tướng, nào là: không phải ngẫu nhiên mà nhiều người ở xa đến xem tướng phải nằm chực, nằm chờ vì vào nhưng giờ cô thầy không coi, hoặc vì đông quá v.v... Những người từ Lục Tỉnh lên, người từ Thanh Hóa, Nghệ An vào, anh cứ đi đến xem anh có " oversea " được không? Tôi đã từ chối nhiều lần, đưa ra nhiều lý do, không hiểu sao Vân và cô Phúc lại muốn tôi cùng đi xem?

Hơn một tuần sau, Vân cho biết, hôm qua cô Phúc và Vân đã đi xem rồi, bà thầy nói như người quen biết từ lâu với mình, biết rõ quá khứ, tương lai của một người. Một tuần có hai ngày bà không xem, dù trả gấp đôi hay gấp ba; đó là thứ Ba và thứ Bẩy. Tôi hỏi, thế Vân có hỏi tại sao bà thầy, lại không xem hai ngày ấy? Bà thầy đã nói: Bà cũng muốn coi, vì khách chờ lâu, nhưng bà nhìn được vận mệnh của người khác là do lộc, do ý của Thánh. Thánh đã dậy, bà chỉ biết tuyệt đối vâng lời!

Đến đây thì tôi đã hiểu Vân muốn tôi đi coi, một người đã đi tù hết cả tuổi xuân trong nhà tù, xem bà ta có biết không? Vả lại theo Vân, tôi cũng có những nhận xét tương đối về tướng số và bói toán. Thực sự tôi không hề biết về những món tướng số, tử vi, bói toán. Những năm tù ở trại trung ương, do tiếp xúc với một số thầy tướng, thầy ngải, thư, ếm bùa người dân tộc, người Kinh đều là loại danh tiếng, có cỡ cộng sản mới bắt vào tù. Tôi tiếp xúc với các vị, chẳng có một chủ trương gì, ngoài cái tính tò mò, và cũng tùy tiện, nghĩa là gặp chăng hay chớ, chứ chẳng để tâm làm gì.

Tôi lại chợt thoáng nhớ tới ngày 30-4-1975, những tờ báo cộng sản tha hồ huênh hoang nhiều chuyện, có một chuyện đăng ngay trên tờ Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân. Chúng còn ra rả đọc ở trên đài phát thanh, khi chúng vào tiếp quản Dinh Độc Lập, một tổ ba người (tôi không nhớ tên), được lệnh đặc biệt lục tìm những tư liệu mật và tài sản giấu đút của Nguyễn Văn Thiệu. Chúng đã thấy ngay ở đầu giường

của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, có ba quyển sách quý: Một cuốn về tướng số của con người, hai cuốn kia là tử vi phong thổ, nổi tiếng của thế giới và miền Nam.

Ngay ở trong tù, anh em chúng tôi nghe đến đấy, đều ồ lên cười đùa? Nhiều anh em tù miền Bắc đã nói: ” Chắc ông Thiệu không chịu nghiên cứu kỹ, nên đã phải chuồn đi từ ngày 16-4". Hầu hết những biệt kích chúng tôi đều cúi xuống, để tránh mắt mọi người.

Về vấn đề tâm linh, tín ngưỡng nó cũng có những cái chung: Cuộc sống càng cơ cực, lầm than; thất bại tràn lan, mạng sống quay cuồng trong bão tố, thì con người càng tìm đến thần linh để cứu giúp, che chở. Ngược lại, cơm no, áo ấm thừa thãi, muốn cái gì cũng đạt theo ý mình, thì càng lửng lơ xa lìa thần thánh. Dưới chế độ cộng sản vô thần, chúng coi thần thánh là kẻ thù, chúng đả phá tiêu diệt. Nhưng người dân quá cơ cực đói khát, thiếu thốn lầm than nên họ càng tìm đến, với thần linh.

Nó trở thành mâu thuẫn đến vô lý, của hai hệ thống xã hội. Thế giới tư bản tự do, hữu thần: Người dân thờ ơ, coi thần linh tôn giáo như một hình thức trang trí, làm cảnh. Thế giới cộng sản độc tài vô thần: Người dân thành kính đến với thần linh, tôn giáo, coi thần linh, tôn giáo như một cứu tinh của đời họ. Tôi nhớ đến một chuyện tướng số, thời gian tôi ở tù: Có một giai đoạn, khoảng 1969- 1971 ở trại trung ương số 1 Lào Cai.

Giai đoạn này tôi mới lên trại, chưa có tay nghề mộc khá, để có thể có năng suất kiếm một vài đồng, mua thuốc hút. Một đêm tôi nghĩ ra một cách ” ma giáo ” để kiếm thuốc hút. Tôi hiểu con người ta có nhiều cái riêng, nhưng cũng có nhiều cái chung. Anh thấy cái đó đẹp, người khác cũng thấy cái đó đẹp, anh thấy ăn cái đó ngon, người khác cũng thấy ngon. Trong cuộc sống anh sợ hãi cái đó, người khác cũng sợ hãi cái đó vậy v.v. ..

Phải chấp nhận: muốn kiếm tiền, hay sống bằng nghề nghiệp gì cũng phải mất tâm trí, công sức về cái đó, ít hay nhiều tùy theo. Nghề bác sĩ thì phải mất nhiều tâm trí, công sức hơn (học nhiều hơn) nghề sửa xe đạp. Chuyện tôi chỉ cần kiếm điếu thuốc

hút ở trong tù, nên chỉ cần suy nghĩ qua loa một chút: Tìm một số điểm chung của con người, mới thoáng nghe lại tưởng là cái riêng. Phải khoét sâu vào tâm lý, và cũng phải biết chế ngự, giới hạn.

Tôi nói chuyện với mấy bạn nằm bên cạnh: Ngày xưa, nhớ hồi còn học trung học (tất nhiên ở Sài Gòn), do tình cờ tôi đọc được một cuốn sách của Pháp nhan đề: Định mệnh con người (L'homme et sa destinée), tôi thấy họ vẽ những bàn tay với những đường chỉ tay, của mỗi người khác nhau. Từ những đường, những điểm khác nhau này, để người này có cuộc đời khác với người kia (ai mà chẳng quan tâm đến ngày mai của cuộc đời mình). Cuốn sách này được giới thiệu là của " Hội nghiên cứu về số phận của con người do một nhóm giáo sư đại học biên soạn ". Mấy anh ngồi cạnh đều xôn xao giơ tay, để xem cuộc đời mình ra sao? (ở tù thì đời anh nào chả bế tắc). Tôi lửng lơ, tỏ ra không muốn mất thì giờ, vào những chuyện vẩn vơ, để rồi tôi đưa ra điều kiện: Thôi bây giờ thế này, tôi thì không biết gì về tướng số, tôi nhìn tay bạn, nó giống như trong sách điểm nào thì tôi nói theo: Chuyện tương lai thì chẳng ai kiểm chứng được, vậy chỉ là sự việc đã qua và hiện tại. Nếu tôi nói ba điều, mà các bạn không thừa nhận là đúng, thì tôi không xem nữa. Ngược lại, nếu bạn thừa nhận là đúng thì tôi phải được thường một điếu thuốc lá, hoặc là ba điếu thuốc lào? Ai đồng ý thì tôi bắt đầu! Nhiều anh đưa tay lại tôi đồng ý.

Tôi cầm tay một anh, mặt tôi tỏ vẻ mô phạm, đăm chiêu, xoay ngang, xoay dọc, xem từng đường chỉ tay: Đường đời, đường học vấn, đường tình duyên, miệng lại nói tiếng Pháp như minh giải. Rồi nói như quyết đoán theo sách: " Bàn tay này nội tâm rất nặng! " Anh đó hơi ngơ ngác chưa xác định được; tôi nói thêm thí dụ: Bạn gặp một sự việc, một người quen mới, một chuyển đổi mới v.v. . . Người khác chỉ nghĩ đến một chút rồi quên đi, bạn thì cứ vẩn vương trong óc, có khi đến đêm còn nhớ lại, anh ta xác nhận là đúng!

Tâm lý bị đánh lạc, hay bị dụ, bị mê hoặc là sách của Pháp. Tỉnh táo sẽ thấy đây là cái chung, của mỗi người. Câu thứ hai: "Lạ thật! Bàn tay này nặng tình với người thân hơn, là người thân đối với mình ". Người thân có nghĩa là cha mẹ, anh em, vợ

chồng, bạn bè v.v. . . Nghĩ một lúc rồi anh ta thừa nhận là đúng! (cái này có đo được đâu nên thế nào cũng đúng). Sau khi được thừa nhận hai câu là đúng, tôi lại ngó nghiêng bàn tay, thậm chí phải kéo ra chỗ sáng, rồi nói như quyết đoán: Cứ những gò ”thiên chường”, rãnh ”nguyệt đàm” của bàn tay này, thì sách nói là một người có ý chí mạnh, làm bất cứ việc gì đều quyết làm cho xong; chỉ bất đắc dĩ chứ không muốn nhờ vả ai cả.

Người thì tôi nói: ”bàn tay này có một lần tường chết, nhưng lại hóa giải được“, vì có một âm hồn phù trợ. Anh này suy nghĩ cho kỹ, 30 – 40 tuổi ai mà chả một lần thoát chết? Kể cả lúc mới đẻ v v. Nhiều người cùng nghe, và tôi tiếp tục có thuốc hút, mà hút một cách không phải đi xin. Người này bảo người kia, sang cả những buồng bên cạnh. Tâm lý của người đời, khi muốn ca tụng, thì cứ mở thêm ra. Lúc đó tôi lại quy định giờ xem, vì tôi đã có đủ thuốc hút, không cần mấy nữa. Vả lại, phải tỏ ra kênh kiệu như thế, nó mới càng có giá, người ta càng tin.

Nếu tôi chủ trương để kiếm sống bằng nghề ”Ma giáo” này, thì phải dày công nghiên cứu, sưu tra như một nghệ thuật, rồi nghề dậy nghề, do thời gian càng điêu luyện. Như tôi đã nói từ đầu, đây là do ”ma giáo” của tôi, phần vì tôi đã kiếm được cách có thuốc hút, vì tay nghề (mộc) khá hơn nên có năng suất. Phần khác là chính tôi, không cho phép tôi làm những việc như vậy nên tôi đã dứt khoát, không xem cho ai nữa.

Thế mà giờ đây Vân, lại muốn tôi đi xem tướng cái cô ở Đắc Lộ. Nể tình của Vân, một hôm tôi đồng ý để chiều lòng người bạn trẻ, và cũng xem trình độ, của cô thầy tướng Đắc Lộ này cao đến đâu, để hiểu biết thêm. Thế là một buổi hẹn, Vân và tôi, phóng chiếc Honda đến khu Đắc Lộ để gặp cô ”Thầy “. Tôi đã giao hẹn Vân ”để tôi hoàn toàn tự do, không được nói một tí gì về tôi cả“. Vân đồng ý, vì Vân muốn tôi đi, Vân phải chịu điều kiện của tôi.

Vào một căn hẻm, đến nhà cô thầy, bên ngoài có 7- 8 chiếc Honda và Mobylette xếp dựng theo hàng, 4- 5 chiếc xe đạp ở một góc. Căn nhà lợp tôn, hai buồng xây gạch và một buồng nhỏ vách gỗ. Trong nhà phía gian nhà gỗ, đàn ông, đàn bà lố nhố hơn một chục người nằm, ngồi. Qua dáng dấp và vài hiện tượng kết hợp, tôi đã

hiểu là những người khách chờ cô ”thầy” xem tướng ở những nơi xa về. Có một bà hơn bốn chục tuổi ghi sổ sách và điều hành đám khách hàng chúng tôi, thay cho cô ” thầy.

Căn nhà cũng như những nhà khác trong xóm, không có một miếng giấy hay tấm bảng nào, ghi là chỗ hành nghề của cô thầy. Vân dựng xe xong, bước vào trong nhà. Chúng tôi phải đến ghi tên chỗ cái bàn con, theo bà điều hành nhắc nhở, rồi bà ta dẫn đến một buồng xây phía trái. Dù có một tấm liếp che, tôi vẫn nhìn thấp thoáng thấy những người phía bên căn nhà gỗ.

Chừng nửa giờ sau, có tiếng xôn xao của mấy bà bên ấy: “Cô thầy đã tới!“. Tôi, Vân đứng lên, ngó ra, một cô chừng 29-30, mặc chiếc áo khoác mầu xanh đậm, tóc quăn bồng cao phía trước. Đôi mắt sáng, sắc như dao cau, một đứa bé gái chừng 10 tuổi, ôm cái tráp đi phía sau, từ phía trái căn nhà gỗ đi ra. Ngay từ xa tôi đã thấy mắt cô ta như điện, đã nhìn sang khắp chúng tôi, nhưng khi đi gần tới, lại coi như chưa nhìn thấy chúng tôi. Trong lúc nhiều người đứng lên lễ phép trang trọng chào cô thầy, tôi thoáng thấy một tên ”áo vàng” đã đứng tuổi, cũng từ phía sau căn nhà gỗ đi ra, rồi rẽ vào một hẻm khác.

Tôi chợt nghĩ như thế CA và cô ” thầy ” phải ” ăn có “với nhau, thì mới có số người lạ, nằm đêm tụ tập mới ổn được. Đột nhiên cô ”thầy” chen vào giữa mấy ông bà bên căn nhà gỗ, cô chỉ tay vào một ông mặc chiếc áo sơ mi mầu gụ có cầu vai, giọng của cô thầy sang sảng: ”Chuyến này, ông không đi được! Nguy hiểm tính mạng! Hôm nay tôi không xem cho ông, sang năm trở lại đây!“. Nói rồi cô ”thầy“đẩy cửa đi vào căn buồng giữa. ông sơ- mi mầu gụ mặt trắng bạch, chới với định hỏi gì, nhưng cô “thầy” đã đóng cửa rồi. Tôi và mấy người xô đến hỏi han: Được biết, ông đó từ Vĩnh Long lên chiều hôm qua, đến nhờ cô thầy xem chuyến này đi có trót lọt không?

Điều lạ kỳ là; ông ta chưa gặp cô ”thầy” mà sao cô đã biết là ông định đi ”vượt biên” và còn nói đi không được, nguy hiểm nữa? Càng bàn tán thì sự việc càng thấy ly kỳ hơn, uy tín của cô ”thầy” càng được dàn rộng và càng ngấm thẩm vào bên trong số người này. Trong lúc bà quản lý gọi một số người trước vào buồng cô

”thầy“. Vân cứ trừng trừng nhìn tôi, miệng mỉm mỉm như muốn nói: ”Anh đã thấy cái tài ”thần thông” của cô thầy chưa? “.

Tôi không thể có ý kiến trong trường hợp này, hơn nữa công sức và thời gian đâu, để chuyện trò tìm hiểu với cái ông áo ”sơ-mi mầu gụ” để hỏi ông, từ hôm qua ở đây ông đã nói chuyện với bất cứ ai về chuyện ông định đến xem về chuyện ra đi của ông? Không kể lý do, giai đoạn này, nếu không nói là hầu hết thì cũng chiếm đa số, những người đến đây xem tướng số, đều phải tính đến ít nhiều, về chuyện vượt biên? Điều đáng để ý là tại sao cô ”thầy” phải làm cái kiểu ”muốn tỏ tài” thần thông ”trước nhiều người? “.

Đến lượt tôi được gọi vào, từ đầu Vân đã giới thiệu Vân với tôi là hai anh em ruột, Vân đã xem rồi, thấy hay, thấy đúng nên về đưa ông anh lại coi. Nhân dịp người anh là tôi, mới ở trên trại định cư Cái Sắn về Sài Gòn chơi, do đấy cả hai chúng tôi đều được vào căn buồng giữa.

Mở cửa đã thấy mùi hương nhang ngào ngạt. Hơi đặc biệt, một bàn thờ đơn giản có bát nhang khói bay nghi ngút, trên có hai tấm tranh thờ, một là đức Trần Hưng Đạo, và một là ông Quan Công ở bên Tàu. Cô ”thầy” ngồi bên trong một chiếc bàn con, đôi mắt long lanh như hạt sương trong ánh đèn. Theo ý tôi, Vân dẫn tôi đến chào cô ”thầy” giới thiệu: ”Đây là anh trai mới xuống chơi” rồi sang cái chõng tre phía vách bên kia ngồi.

Từ lúc vào, tôi như người có bệnh kinh niên, tôi vẫn vịn vai Vân, dáng đi và cử chỉ tỏ mệt mỏi, chậm chạp. Cô có cái thước nhôm 1/ 2 hình tròn có phân, ly để đo những đường chỉ tay, mặc cô đo tôi cứ nói chậm rãi:

- Tôi bị té từ trên mái nhà, gãy một xương sườn, một bên lá lách vỡ nát, tường chết. Bạn bè tôi đều nói, chỉ ở ngoại quốc mới chữa được bệnh của tôi. Tôi liều sẽ đi ”vượt biên” tôi nhờ cô xem , có đi được không? Chết thì tôi không sợ (bệnh này chết khỏi đau đớn), nhưng tôi sợ nhất là ở tù, cô chú ý xem cho, bàn tay này có phải ở tù hay không?

Tôi cứ thủng thẳng nói, trong lúc cô đo, cô xem tay tôi. Để hỗ trợ cho việc đánh lạc hướng, tâm lý cô ” thầy “; tôi ngoái sang chỗ Vân, hỏi nhẹ:

- Chú Vân ơi? Có phải tôi té, từ tháng 7/1973 phải không? Tôi chẳng còn nhớ năm nào?

Tôi hỏi như vậy, có nghĩa năm 1973 tôi vẫn ở miền Nam. Cô " thầy "đã thấy tôi lo sợ nhất là ở tù, cuối cùng cô đã nhấn mạnh để tôi tin tưởng:

- Không phải ở tù, chuyến đi trót lọt! Tương lai sẽ gặp nhiều thuận tiện, đời tôi ăn về hậu vận v.v. . .

Để xác định rõ ràng, tôi nói to cho cả Vân cùng nghe:

- Thưa cô, cô xem kỹ lại, bàn tay này có bị ở tù không?

Cô nói khẳng quyết là " không ".

Tôi còn " láy "lại:

- Có nghĩa bàn tay này không bao giờ sợ phải vào tù?

Cô nhìn tôi một lúc, rồi gật đầu, tôi vui ra mặt, thấy tương lai của mình như sáng sủa ra.

Vân hôm nay ra về, nét hả hê đã dàn đầy trên khuôn mặt. Dắt Honda ra tới ngõ, Vân còn ngoái lại nhìn căn nhà của cô "thầy" rồi quay lại nhìn tôi. Đôi mắt của Vân hấp him lóa ra mầu hoàng kim, cái mầu chắc nịch của tâm hồn. Tôi chẳng hỏi, nhưng tôi nghĩ rằng Trần Vãn, chẳng còn trở lại để gặp cô " thầy nữa.

Trên đường về Vân có nhã ý hỏi tôi: Muốn ăn bất cứ món gì Vân sẽ phải ăn theo. Để đáp lại tôi, đã chiều theo ý của Vân, vừa lúc ấy Honda đã về ngang Ông Tạ. Cái mùi chả "Chó" nó phả ra đầy đường, từ ngày về tôi chưa một lần thực hiện được một ý thơ, của một người bạn tù:

Đã là trai...đất Bắc Phải biết... lúc... lắc... với... chả cầy.

Một cái chồi "hứng" đã ngỏng lên trong lòng, tôi đã đồng ý vào một hiệu "Cây Còn" gần chéo Ngã Ba ông Tạ. Tôi và Vân cùng tương đắc cái món "nghiền" của dân nhậu Bắc Hà, nên đã thả lỏng lòng thưởng thức "Mộc Tồn". Cái món mà nhiều thế hệ cha anh, đến chết còn phải băn khoăn:

Sống ở trên đời, ăn miếng dồi chó.

Chết xuống âm phủ, còn có hay không ?

Hôm nay tôi hân hạnh gặp cụ Lưu Linh nữa, nhưng tôi chỉ dám tiếp "cụ" xã giao,

vì tôi còn phải gặp cô Ngọc Anh 7 giờ, và còn phải họp tổ dán phố, 8 giờ tại nhà ông trùm Lộc.

42. HOA KẾT TRÁI

Sau khi họp tổ dân phố về, người tôi hãy còn mệt, thì em Hoa kêu trong người thấy khác thường, tôi xuống nhà hỏi mẹ, em Hoa cũng mệt nhọc lần cầu thang xuống theo. Mẹ tôi quả đã có nhiều kinh nghiệm, người chỉ bắt mạch tay của Hoa, người đã nói: ” Con vào xóm gọi xích – lô, rồi con sang báo cho bà Chức “., Tôi hộc tốc sang bên bà mẹ vợ, rồi vào xóm gọi xích- lô.

Trong xóm có ba người hành nghề xích – lô, tôi phải đến nhà người thứ hai là ông Nhân mới gặp. Tôi và bà già vợ chuẩn bị tíu tít những thứ cần thiết cho Hoa nở nhụy. Mẹ Hoa cùng ngồi xích – lô với Hoa, vào nhà thương Hùng Vương. Tôi đêm ấy, phải coi nhà bên mẹ vợ, vì chỉ có cô em út Kim Anh 12 tuổi ở nhà. Sáng sớm mai tôi phải, phóng sang Phú Nhuận để xin nghỉ ”vợ đẻ“. Khoảng gần 10 giờ từ trên tổ mộc Thành Công phóng xe đạp về tới nhà, thì được biết bà Chức sáng sớm, đã về báo Hoa sinh con gái được 2 kg 800 lúc gần sáng, ”mẹ tròn con vuông“. Tôi chạy vội về nhà báo tin vui cho thầy mẹ của tôi, mẹ tôi miệng thì cười, nhưng lại phải lấy khăn lau nước mắt. Người cứ luôn miệng lẩm bẩm: ”Cảm tạ Chúa và mẹ Maria“. Tôi trèo lên giường thầy tôi, thầy tôi đang nằm, nghe tôi nói Hoa đã đẻ con gái, thầy tôi bò dậy ôm lấy tôi, miệng người thì thào:

- Thầy vui… mãn nguyện….. lắm!

Tôi xuống bếp gầy vội nồi cơm cho thầy mẹ, rồi còn phải ra chợ mua một hộp sữa, do tiền mẹ tôi đưa, để đưa sang bà nhạc mang vào nhà thương cho mẹ con Hoa. Tôi nóng lòng muốn nhìn mặt con gái của tôi, khi nãy bà nhạc đã cười, bảo tôi:

- Anh đặt tên cho con gái, tí nữa mẹ vào báo cho nhà thương!

Như vậy tôi đã có con, tôi đã làm bố rồi, điều mà trước đây tôi có bao giờ nghĩ tới đâu? Tôi chạy sang bà mẹ vợ, tôi chạy về nhà, tôi chạy xuống bếp, tôi leo lên gác. Tôi chẳng biết chạy đi đâu! Và tôi chạy để làm gì? Tôi cũng không biết nữa? Tôi nghĩ đến thằng Lợi, thằng bạn thân thương nhất của tôi, con gái của nó tên là Linh, tôi cũng muốn đặt tên con gái của tôi là Linh nhưng phải khác một tí là Lynh. Tôi

nhìn cây mai ở nhà, cây mai tươi tốt nhưng chưa một lần có hoa, mấy hôm trước lại có một cái nụ duy nhất. Cây mai, tôi đã đứng cạnh, để chiêm ngưỡng em Hoa lần đầu. Vậy tôi sẽ đặt tên con gái của tôi là Mai Lynh. Tôi chạy vội sang bà nhạc để nhờ mẹ vào nhà thương đặt tên cho con gái là Mai Lynh.

Tôi vừa bước chân về nhà, hôm nay tôi thấy lạ ! Ngồi trong màn thầy tôi thò tay ra vẫy tôi vào, tôi trèo lên giường, trong nỗi vui vì con gái tôi, còn đầy ắp trong lòng. Thầy tôi rút trong người ra, đưa cho tôi một cái bút Parker đút trong một cái túi nhung đen con. Chiếc bút mầu mận chín còn mới tinh, chưa có mực. Chiếc bút ”made in USA . Không biết thầy tôi cất giấu từ bao giờ, nhưng chắc phải từ trước 30-4-1975. Tôi chỉ biết ôm lấy thầy, miệng hổn hển:

- Con xin cảm ơn thầy!

Lòng còn đang xốn xang với vợ và con gái trong nhà thương, nên tôi đã cất chiếc bút vào túi, tôi lại vào giường trong nói chuyện với mẹ tôi. Lòng tôi vẫn thấp thỏm băn khoăn với chiếc bút Parker 51 trong túi, cũng như lọ mực Waterman thầy tôi cho, hơn một tháng trước. Tôi vẫn không hiểu được ý của thầy tôi? Chẳng lẽ người muốn tôi đi học? Tôi đã 44- 45 tuổi rồi, còn đang chạy ăn từng bữa một thì học hành gì? Hay thầy tôi cho bút mực để viết kiểm điểm với các cơ quan của CA? Hỏi mẹ, hỏi vợ cũng không đoán ra, nên tôi đành cất đi? Tôi chợt nghĩ đến đứa con gái mới đẻ, tôi đã đặt tên rồi mà, bố vẫn chưa thấy mặt của con. Hay người cho bút mực để con gái của tôi đi học? Điều này thì tôi chưa thể xác định, điều trước nhất

là hai giờ chiều nay, tôi phải lên tiểu ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về.

Hôm qua có giấy gọi tôi phải lên đúng hai giờ để biết rõ: Lệnh tạm trú ba tháng của tôi, sau khi làm kiểm điểm ba, bốn lần rồi! Có được lòng nhân đạo của Đảng cho gia hạn tạm trú, để phụng dưỡng bố mẹ mù lòa, lẩn thẩn hay phải đi vùng kinh tế mới? Rồi lá đơn xin Đảng và Nhà Nước mở vòng tay của người cùng một nước, cho tôi trở lại nhà tù? Tôi đã viết và nộp hơn ba tháng rồi? Bây giờ vợ lại đẻ ! Bao nhiêu những gậy gộc, dao, búa chĩa vào tôi đe dọa. Cả hạt gạo, cũng trở thành hung

dữ, ghét bỏ tôi, đe dọa cuộc sống của tôi.
Rã rời mệt mỏi, ngồi trên chiếc xe chân không muốn đạp, chiếc xe hình như cũng góp phần với gạo nước, củi lửa làm cho tôi càng mệt thêm, trên đường đến tiểu ban QLNNHTĐV. Tôi đã chuẩn bị những lời xin xỏ, chống đỡ, tai cũng sẵn sàng nghe những lời nạt nộ, quát tháo như mọi khi. Nhưng tôi đã ngỡ ngàng ngạc nhiên, cũng là tên trung úy Bội trước đây, hôm nay y ăn nói nhẹ nhàng, tình cảm. Hơn một năm tôi chưa hề thấy ở y, nhất là sau khi tôi báo là vợ tôi đẻ con gái ngày hôm qua, nhưng tôi cũng chưa được nhìn thấy. Y chúc mừng tôi, y khuyên tôi phải giữ đạo làm con đối với bố mẹ già yếu tàn tật. Y đã cho tôi nguồn sinh lực cụ thể, y nói rõ ràng:
- Y chấp nhận, tôi được tạm trú nhà bố mẹ thêm ba tháng nữa. Vài ngày nữa, đứa con có khai sinh, cầm giấy ra trại của tôi, giấy khai sinh của con, giấy chứng minh nhân dân của vợ, giấy hộ khẩu của bố mẹ, sang phòng lương thực của Quận. Y đã có ý kiến với bên đó, họ sẽ cấp tem, phiếu gạo và thực phẩm, như mọi người.
Riêng về quản chế tôi vẫn như cũ. Nghĩa là vẫn hàng ngày, tôi phải trình diện CA khu vực. Sáng thứ Hai mỗi tuần, phải ra trình diện ở cơ quan Phường. Thành phố, tiểu ban và Quận cần sẽ có giấy gọi. Chấp hành mọi quy chế ở tổ phố, như cũ .
Tôi có cảm tưởng như trước đây hai lỗ mũi của tôi bị nút kín, chỉ còn cái miệng, thở được chút nào thì hay chút ấy, nghĩa là khó thở, nghẹt, hoặc không thở được trong cuộc sống, bây giờ tôi được tháo nút ra một bên mũi.
Tôi vẫn xin cảm tạ cuộc đời!
Chiếc xe đạp, lúc đi thì ngang bướng, lỳ lợm; khi về thì ngoan ngoãn dễ bảo, chỉ thấy một tí đã về đến nhà rồi. Cũng căn nhà của bố mẹ, mỗi ngày tôi đi lao động trở về nhìn nó xám, nó xỉn lại, nó khắc khổ, rũ rượi, thế mà hôm nay rõ ràng nó tươi tắn hẳn lên. Nó như mở to mắt mà còn cười đón tôi về. Tôi đã ôm lấy thầy tôi, ôm lấy mẹ tôi báo cho các người: Tôi và con gái đã có tem phiếu gạo, tôi chạy sang cả bên bà mẹ vợ để báo tin vui này. Hôm nay, tôi chạy ra chợ chiều muộn, để mua một bó rau đay và cua rốc. Đặc biệt thêm là mua cà ghém sống, món mà bố mẹ, Hoa và tôi thèm đã từ lâu, nhưng chỉ được ăn cà ghém nén, nhà bà Lân.

Cái món cua rốc mẹ tôi vẫn khao khát thèm, hôm nay tôi ra sức làm một bữa rau đay cua đồng, ăn với cà ghém chấm mắm tôm chanh. Tôi hì hục giã cua, lọc cua, chiếc cối là chiếc mũ sắt và chiếc chầy đã lâu ngày quên cả mùi cua rốc. Thành ra nó gật lấy, gật để vào những con cua liên hồi. Tiếng chầy giã cua nhịp nhàng, réo rắt như điệu "Rumba". Chỉ một loáng đã nhuyễn, cái mùi cua rốc là cái mùi của ruộng đồng, của đất, của nước, của quê hương. Khi nó sôi lên, mùi đất nước, mùi quê hương ngạt ngào phả khắp dưới bếp, trên nhà. Mẹ tôi từ trong màn gọi vội ra:
- Con làm cho nước miếng của mẹ, ứa ra mấy lần rồi!
Nghe mẹ nói, lòng tôi mát rười rượi, có cần gì phải giầu sang, tiền bạc đưa cho mẹ? Chỉ cần một tấm lòng chân thật, với những thức ăn của ruộng đồng mộc mạc, giản dị của quê hương. Một bữa cơm đơn sơ, tràn ứ tình phụ mẫu, nghĩa phu thê về chiều. Cơm xong, tôi tranh thủ mang sổ đến nhà cô Ngọc Anh trình diện, về đến nhà, vội vàng dọn dẹp, rửa chén bát rồi lên gác đi ngủ sớm. Tôi đã có chủ định, sáng sớm mai, sẽ vào thăm em Hoa và nhìn mặt cô con gái Mai Lynh của tôi. Nhưng nằm xuống, đâu có ngủ được, cô vợ và đứa con gái cứ thập thò đứng bên cạnh chuyện trò lúc rõ, lúc mờ. Hình ảnh tên Bội của tiểu ban QLNNHTĐV cũng mò vào, miên man, tôi chợt nhận ra lòng nhân đạo của Đảng đối với tôi. Sâu hiểm thật!
Một ông già lẩn thẩn gần tám chục tuổi, một bà cụ mù lòa là một gánh nặng cho xã hội. Một tên tù xác xơ, lại cho nó vào tù nữa, như một con vật phế thải, bỏ đi, để nó ở nhà nhưng đóng đai lại để nó lo lắng phục vụ bố mẹ già của nó, vừa làm cho những chòm xóm, thân bằng, gia đình nó thấy được độ lượng nhân ái thương dân của Đảng; lại vừa nhẹ gánh cho chính quyền địa phương. Chỉ cần quản lý nó chặt, lấy bớt một nút ở lỗ mũi của nó, cho nó dễ thở một chút, nó mới có sức làm công việc phục vụ hai ông bà già mù lòa, tàn tật này, không ai làm công việc này, tốt hơn nó.

43. THẦY VỀ VỚI TỔ TIÊN

Rồi tôi chui tuột vào trong giấc ngủ Nam Kha lúc nào không hay, bỗng nghe có tiếng gọi giật gọng của mẹ tôi:

- Bình ! Bình ! Bình ơi !

Mắt nhắm, mắt mở, tôi chồm xuống thang, lật màn mẹ, thì mẹ tôi đã nói như thúc giục:

- Con xem thầy con thế nào?

Tôi quay vội sang màn thầy! Thầy tôi nằm xoay ngang ra cái giường, người đang khò khè lúc to, lúc nhỏ, tôi vội ôm thầy tôi, đặt nằm ngay ngắn, gối đầu cho người cẩn thận. Tôi hướng sang màn mẹ tôi, nói khẽ:

- Con đã đặt thầy, nằm thẳng lại rồi.

Nói rồi tôi mò lên gác vì mệt và buồn ngủ quá! Chừng hơn một giờ sau, tôi còn đang chập chờn ngao du vào xứ mộng, thì mẹ tôi lại gọi nữa:

- Bình ơi! Con, con xuống xem thầy ra sao? Mẹ thấy khác thường lắm !

Tôi cũng thấy trong lòng một cảm giác lạ thường, vừa nóng, vừa lạnh như trong mùa Đông không đủ áo. Tôi hấp tấp leo xuống thang, nhìn vào màn thầy, thầy tôi vẫn nằm trong tư thế khi nãy, tôi cầm tay thầy tôi gọi khẽ:

- Thầy ơi ! Thầy !

Không còn có tiếng khò khè lúc trước, tôi gọi to hơn:

- Thầy, Thầy ơi!

Tôi để một ngón tay vào mũi người, người không còn thở nữa, tôi quay sang màn mẹ tôi, nói trong nước mắt:

- Mẹ ơi! Thầy đã chết rồi!

Mẹ tôi gào lên:

-Ối ông ơi! ông bỏ tôi... ông đi!

Mẹ tôi vật vã, gào thét, tôi vào ôm lấy mẹ tôi, cổ tôi nghẹn lại không nói ra lời, nhưng nước mắt của tôi cứ cuồn cuộn giàn ra. Bà Chức đã chạy sang, tôi chỉ kịp quay lại nói:

- Mẹ trông nhà giùm con, con sang nhà cô chú Tuất, con về ngay.

Sang tới nhà cô Xuân bên Lăng Cha Cả, tôi đập cửa, mới 5 giờ sáng, tôi chỉ kịp nói với em Xuân: “Thầy chết khoảng 4 giờ sáng!”. Vội vàng, tôi dặn thêm:

- Em cho các cháu đi báo cho cô Thu, mợ Út, họ hàng. Em bảo con Lan hay thằng

Cường lên Hồng Ngự báo cho chị Hai và các cháu nhà thím Lý.

Tôi phóng vội về nhà vì nhà không có một ai. Về đến nhà thì đã đầy người, bà con, hàng xóm, không biết ai báo. Cô Thu đang ôm mẹ tôi ở trên giường, người cứ vật vã, khóc không còn ra tiếng nữa. Chỉ là những tiếng khào khào, như tiếng con ngan đực gọi vợ, gọi con, gọi đất trời!

Càng về trưa, nhà tôi đông nghẹt các ông, các bà, không có trầu mà cũng chả có nước uống, nhưng tất cả mọi người đều thông cảm cho cảnh huống neo đơn của gia

đình tôi. Nhìn đám đông các ông bà già cả, trẻ con, người lớn, xúc động, tôi thấy được nghĩa tình của xóm phố, luồn sâu vào trong đó có cả cái nghĩa của người cùng một nước.

Nhiễu điều phủ lấy giá gương.

Người trong một nước, phải thương nhau cùng.

Một mặt khác, cũng phải có một sợi tơ tình nhỏ bé là trước đây cuộc sống của bố mẹ tôi đối với xóm giềng cũng phải có tình, có nghĩa, có thủy, có chung.

Những anh em biệt kích và những bạn tù địa phương ngoài Bắc của tôi, như Tuấn Nguyệt, Mạc Lịch v.v... cũng đến viếng xác thầy tôi. Chắc anh này báo cho anh kia, tôi không thể báo được cho ai. Điều này cho tôi càng thấy rõ: Trong cuộc sống tiền tài, vật chất thật là quan trọng, nhưng xuyên suốt toàn bộ, tình và nghĩa là quan trọng nhất, là Kim Chỉ Nam của kiếp sống con người.

Do cuộc sống quá cực khổ, lầm than dưới nanh vuốt của con Hồng Tuộc, hầu hết người dân thấy tiền là trên hết:

Tiền là Tiên....là Phật...là sức bật...v.v...

Nó chỉ đúng 80 – 90 phần trăm, chứ dứt khoát không phải tất cả Trước đây ông bà mình có câu: “Có tiền....mua tiên cũng được !”

Nhưng chắc chắn không thể mua được lòng Trời, dù cho có bao nhiêu tiền, chúng ta dù ai, cũng phải thừa nhận: Có những sự việc, những loại không phải có tiền mà mua được! Có những loại tình, loại nghĩa không thể mua được bằng tiền. Sự già, sự trẻ, chết và sống v.v. . . Đầy dẫy những thứ không phải từ đồng tiền.

Do những tấm lòng của thân nhân, họ hàng, bạn bè và bà con xóm giềng, có cả Cha Bình, Cha làm phép cưới cho tôi và Hoa, Cha vào làm phép xác tại nhà. Ba ngày sau đưa thầy tôi ra nghĩa địa ở Nam Hòa. Đi theo đám, ngoài mẹ tôi (có cháu Lan dìu), các em, các cháu, họ hàng và bà con thân thuộc. Tôi là người con trai duy nhất chống gậy, đội mũ rơm đi sau quan tài.

Có một số điều kỳ diệu:

- Thầy tôi cố chờ tôi tròn 20 năm (1962- 1982)
- Cháu đích tôn của người vừa ra đời ngày hôm trước, thì người vào cõi vĩnh hằng, ngày hôm sau.

Như thế sau này, cứ ngày sinh nhật của cháu Mai Lynh, hôm sau là ngày giỗ của ông nội.

Cũng thật là một sự việc khó quên, hai mẹ con Hoa ở nhà thương về phải ở bên bà nhạc. Thậm chí khi đưa đám thầy tôi rồi, mà mẹ tôi dứt khoát chưa cho mẹ con Hoa về nhà, vì người không muốn bà đẻ có hơi hướng tử khí. Người muốn phải để một vài ngày, cho không còn hơi hướng và phải rẩy nước phép cả trên gác dưới nhà. Tôi hiểu không hợp lý tình lắm giữa tâm linh và khoa học. Tốt nhất là tôi phải vâng theo ý của người, nhưng chắc chả ai cấm được cái chân và khóa được trái tim của tôi, với vợ và con gái yêu của tôi. Thành ra trong ba ngày tôi phải phục tang, hễ khi nào nghỉ ngơi, ăn uống là tôi thay quần áo tang, để chạy vội sang chuyện trò với vợ con, một ngày chả biết mấy lần.

Con gái cưng của tôi nó như con chó con, cái mũi tí hon, cái tay bé tí, đôi mắt của nó nhỏ xíu, long lanh như hai hạt kim cương, cứ trừng trừng nhìn tôi. Con ngươi của nó, chuyển hết từ mầu hồng sang mầu xanh, rồi chuyển lại mầu hồng như muốn nói:

- Con đã biết, bố là bố của con rồi nhé !

Tôi cúi xuống thường cho nó một cái hôn nồng nhiệt, con gái của bố mới có bốn, năm ngày mà đã thông minh thế!

Một lần tôi bế nó trong lòng, nó dám run rẩy giơ bàn tay “ngọc” lên cằm sờ râu của tôi (mấy ngày lo đám ma, không cạo). Tôi tức mình “quắc” mắt lên ”lườm”nó, như

muốn cho nó biết “oai” :

- “Cô nương” dám sờ râu “cọp” à ?

Lườm thì lườm, nhưng tôi vẫn hôn lấy, hôn để, cái mùi thơm từ khi lớn lên tới giờ, tôi chưa bao giờ được ngửi mùi thơm kỳ diệu, nó như... tôi chịu, tôi phải nhờ những nhà văn nào có tài, may ra mới lột tả được! Tôi chỉ thấy nó... tuyệt vời lắm, như hơi của “tiên nga” vậy. (Tôi đã được hôn đâu, mà biết?).

Sau đám tang của thầy tôi chừng một tháng, một hôm thằng Lợi mách và bầy mưu cho tôi:

- Tao có quen một bác tên là Nhiên, bác thầu nhiều công trình để tu sửa, bác là người của chế độ cũ, nên bác trả lương cho người công nhân, rất “biết điều”. Hiện nay bác đang thầu sửa chữa bệnh viện tâm thần ở Biên Hòa, tao có nói chuyện về mày, bác sẵn sàng giúp đỡ mày! Bác sẽ cấp cho mày cái giấy, nhận mày vào làm công nhân sửa chữa. Mày có giấy này, mày làm đơn xin với công an xem nó có cho mày đi một tuần. Cứ một tuần về trình diện một lần, có giấy chứng nhận mày làm việc, ở bệnh viện tâm thần Biên Hòa!

Tôi đã làm một lá đơn, đầy đủ tình lý lên Tiểu Ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về, rồi ra Phường, lên Quận, xuống CA khu vực, cả chữ ký của ông trùm Lộc (khu phố), lại lên Thành gần một tháng trời, đi về. Cuối cùng, tôi được chấp nhận cho trình diện mỗi tuần, với điều kiện phải có giấy xác nhận của Bệnh Viện Tâm Thần Biên Hòa, hàng tuần.

Đúng là đường đi của tôi từ chỗ lội bì bõm bùn lầy đã lên đường đi, dù là đường đất nhưng không còn chỗ lầy lội. Tôi đã được gặp bác Nhiên, bác chừng 60 tuổi, bác đang ở tạm tại nhà của một đại úy công an, trong khu Tam Hiệp gần bệnh viện tâm thần Biên Hòa. Tôi cũng được quen biết vợ chồng Phạm Lộc là con của bác Nhiên. Vợ của Lộc là cô Liên, cả hai vợ chồng đã lên nhà tôi chơi nhiều lần ở Ông Tạ. Để tiện công việc làm ăn, tôi cũng được ăn ngủ ở nhà anh đại úy CA, với bác Nhiên.

Anh đại úy CA này tên là Trường, người Lái Thiêu, vợ của anh là chị Hiền, là con gái của một ông Giám Đốc hay Thứ Trưởng Bộ Y Tế thuộc chính quyền Việt Nam

Cộng Hòa. (Được biết, ông này ngoại giao giỏi, nên ngoại quốc giúp đỡ thuốc men nhiều, vì thế cộng sản vẫn dùng để ông này xin thuốc). Cuộc tình giữa con gái của một thế gia, với một đại úy CA, hẳn cũng có nhiều vấn đề xã hội. Anh chị Trường + Hiền ở một căn nhà to có vườn cây chung quanh, anh chị đã có hai đứa con bốn năm tuổi.

Hàng ngày, tôi đi làm với bác Nhiên, bác phụ trách một đội công nhân tu sửa bệnh viện, chừng gần hai chục người. Anh Trường và tôi thường hay tâm tình, anh thường vui vẻ nói đùa: “Anh (chỉ tôi) 18 năm tù, còn tôi cũng suốt 18 năm đi phục vụ Cách Mạng, sống heo hút trong núi rừng “.

Anh Trường có cái thú uống trà và hút thuốc lá ba số 5, ở một phòng khách nhìn ra vườn cây. Những ngày mưa dầm, những đêm trăng tỏ, tôi và anh đổi trao hai mảnh đời ở hai chiến hào đối nghịch. Và hiện nay, anh ở phía chiến thắng có tiền, có quyền, có vợ đẹp con khôn. Tôi ở phía chiến bại, không tiền, mất quyền công dân, hàng ngày đi làm cu- li, nắng mưa trèo leo, chui rúc để kiếm miếng cơm cho mình, cho mẹ già và vợ dại con thơ. Cứ chiều thứ Sáu, cùng với “ông” xe đạp ra tàu, đi về với vợ con để chiều Chủ Nhật, trở lại bệnh viện làm cu- li.

Những buổi sáng, những buổi trưa, ngồi nhâm nhi ly trà hoặc cà phê “vị đời” trong những quán nước trước cổng bệnh viện chờ giờ mở cửa. Đủ mọi thành phần công nhân, chuyên môn, cán bộ, từng nhóm ồn ào hay trầm lắng. Do những “vi ba” của sóng mắt, tôi quen biết một cậu tên là Lê Hiệp. Cậu có nước da bánh mật, chừng 29- 30 tuổi, đôi mắt cậu “lắng đọng” trầm ngâm, hay dõi nhìn những đám mây trời đen trắng.

Để rồi tôi được biết cậu là bác sĩ chuyên về não bộ, cậu còn là bí thư chi đoàn thanh niên cộng sản của bệnh viện. Cậu là con một điền chủ, của một cơ sở cách mạng thuộc tỉnh Cần Thơ. Cậu đã có ba năm y khoa dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, mấy năm cuối và ra trường dưới chế độ này. Như tôi đã trình bày quan điểm từ trước: Nếu muốn tiếp xúc với cuộc đời bằng những bàn tay xòe mở rộng, thì sẽ gặp những bàn tay mở rộng, xòe cả năm ngón. Ngược lại bằng những bàn tay nấm chặt khư khư, thì cũng sẽ có những nắm đấm đối xử lại. Gieo bắp thì thu lượm bắp,

gieo lạc thì sẽ thu hái lạc.

Sau khi cậu biết tôi từ trong hang tối chui ra, cậu lại rất quý mến, nhiều buổi cậu đã bỏ những đám bác sĩ, y tá áo trắng đồng nghiệp để, đến bàn một anh chàng cu- li, người chẳng giống ai để tâm tình, trò chuyện. Qua nhiều những dò dẫm, lòng ướm thử lòng, cậu đã nói rõ:

- Anh tìm được đường nào “oversea”, anh báo, gọi em sẽ theo anh. Ngược lại, nếu em có “mối”có “đầu”anh sẽ đi với em !

Nhiều những ước định hẹn hò thỏa thuận, nếu như mưa thuận, gió hòa, gặp thời cơ thì sẽ nẩy mầm sinh hoa, kết trái cho đời. Cậu là một người trí thức đã đắm mình trong lò máu mê và độc dược, của con Hồng Tuộc. Điều cậu băn khoăn khắc khoải nhất là: Hiện nay dân tình lầm than đói khổ, xã hội bị khóa chặt trong một căn nhà. Người dân bị bịt mồm, bịt mắt, thuần phong, đạo lý bị đảo lộn, tình người như nắng hạn kinh niên.

Vậy tại sao cái chế độ phản dân chủ đó vẫn tồn tại? Tôi hiểu đây là một vấn đề lớn của đất nước, và của thời đại, không thể vội vàng hồ đồ thiếu sàng lọc cân nhắc! Vì thế tôi xin hẹn cậu một bữa khác, sẽ cho cậu biết cái chủ quan hạn hẹp của tôi.

Ở giữa mảnh vườn rộng, nhà đại úy công an Trường có một căn nhà con, chắc xưa kia là nhà để hạt giống và dụng cụ làm vườn. Vì tôi thích thoải mái, phóng khoáng nên tôi đề nghị với anh Trường và chị Hiền, tôi dọn dẹp và sửa chữa căn nhà đó, kê được một cái giường và một số đồ lặt vặt. Tôi sẽ ra đó ở và ngủ đêm, để nghe chim hót, côn trùng ca nhạc và những tiếng thì thầm, trong đêm thâu của cây vườn.

Đã hơn ba tháng, căn nhà với tôi đã hít thở, đánh hơi nhau như người nhà, như bạn bè gần gũi thân quen. Một đêm vào khoảng 2 giờ sáng, tôi còn mê mệt sau một ngày leo trèo trên mái nhà, để đảo ngói (vì dột) một căn nhà rộng, thuộc khu da liễu của bệnh viện. Bỗng có nhiều tiếng huỳnh huỵch của bước chân, tiếng lách cách của sắt thép, rồi tiếng hô giật giọng, của một người giọng Bắc rặt:

- Bò dậy và giơ tay lên!

Tôi choàng ngồi dậy, ánh đèn bấm loang loáng, hai người đứng đầu và cuối giường, lăm lăm chĩa hai khẩu AK 45 vào tôi. Hai người nữa đeo súng ngắn, mặt

tên nào cũng đằng đằng sát khí, chúng bắt tôi đưa giấy tờ, tôi chẳng có một giấy tờ gì, ngoài cái giấy ra trại của bộ nội vụ. Thấp thoáng phía bên ngoài còn hai tên nữa, cũng lăm lăm hai khẩu CKC thập thò ngoài cửa. Hai tên đeo súng ngắn, đeo lon thiếu úy và trung úy, chúi đầu xem tờ giấy ra trại rồi chúng nhìn nhau. Bốn mắt chúng vừa như vui mừng, vừa như ngơ ngác nhìn một con thú lạ, mà chúng chưa xác định được, là loại gì?

Chúng bật hẳn đèn điện lên, dù ngọn đèn chỉ có 25 watts cũng đủ để thấy rõ mắt của hai tên cầm giấy càng trắng ra, như không tin vào đôi mắt của mình. Tên trung úy cầm giấy, còn chiếu đèn bấm vào cái giấy ra trại, của tôi xem lại. Tôi suy đoán qua thái độ của hai tên chỉ huy, giấy này là của bộ nội vụ, nghĩa là từ trung ương Hà Nội. Mười tám năm tù giam từ 1962, từ khi chúng còn là một cậu bé 9 – 10 tuổi, cái tội gián điệp, chỉ cái từ này hình như đã "dị ứng" với chúng ở giai đoạn ấy.

Mấy ngày nay, anh Đại úy Trường CA đi công tác xa không có nhà, hai tên đeo súng ngắn thì thào với nhau một lúc, rồi chúng yêu cầu tôi theo chúng về đồn. Hai tên mang CKC đi trước, hai tên cầm hai khẩu AK theo phía sau. Khi trở về sân nhà, chị Hiền và bác Nhiên nhìn tôi đi giữa 6 người súng ống, mặt lầm lì. Bác Nhiên và chị Hiền nhớn nhác lo sợ. Tôi bình thản nói với chị Hiền và bác Nhiên:

- Chị và bác giúp tôi, cho người về Sài Gòn báo cho vợ tôi biết nhé ! Và cứ yên tâm!

Chúng dẫn tôi đến một chiếc xe đò Đồng Nai, đã xỉn mờ đi hai ba chữ, đậu khuất nẻo trong một khóm tre đầu ngõ. Thái độ của chúng đẩy tôi lên xe, súng ống bố trí trước sau, cứ sợ như tôi chạy trốn, tôi đã định ghé vào tai tên Trung úy người Bắc nói cho y rõ :

"Tôi đã làm đơn trở lại nhà tù từ 7- 8 tháng nay rồi, tại sao tôi lại chạy? ".

Tuy vậy, tôi cũng thấy lóe ra một vấn đề của anh Đại úy Trường, đang đêm súng ống vào nhà một Đại úy CA để bắt người, lại bắt vào lúc anh không có ở nhà, kết hợp với những đổi trao tâm tình nhiều lần giữa anh và tôi. Chúng dùng một tên người Bắc chỉ huy vụ bắt bớ này, rõ ràng chúng đã không còn tin tưởng hoàn toàn

vào anh Trường! Anh vẫn có, vẫn còn cái tính bộc trực thẳng thắn của người miền Nam. Anh lại lấy con gái của một công chức cao cấp của chính quyền "ngụy" thì hẳn những quan hệ, những giao tế sớm muộn dần dà đã nẩy sinh tự nhiên trong cơ thể của anh một số chất "miễn nhiễm"đối với những nọc độc, thuốc lú, thuốc mê của chủ nghĩa cộng sản bịp bợm.

Về tới đồn CA mới gần 4 giờ sáng, trời hãy còn tối đất nên chúng giam tôi vào một cái buồng con bằng tre, nứa phía sau đồn. Nhìn những phên nứa, nhìn những dây lạt buộc những thanh tre của cửa và vách. Tôi tự nghĩ nhà giam tôi lúc này, không phải là căn buồng này, mà là cái đầu của tôi thôi.

Cho tới trưa ngày hôm sau, chẳng có ai hỏi han gì đến tôi, thoáng mấy tên CA đi lại từ xa, tôi gào gọi để hỏi, thì tên nào cũng trả lời không biết ! Cũng chẳng có cơm nước gì! Mãi tới chiều mới có tên tù hình sự, đưa vào cho tôi một bát cơm gạo hẩm, với miếng cá khô. Đói khổ đã quen, nên không trở thành vấn đề lấm ! Chỉ cần ngày một bát cơm như thế thì tôi chịu được.

Đúng như rằng, ngày hôm sau, cũng chẳng hỏi han đến và cũng chỉ một bát cơm hẩm như vậy. Nhưng tôi tin rằng với những phương tiện liên lạc có thể như điện tín, hay xe cộ v.v. . . chúng đã hỏi hay báo về Biên Hòa; có khi về tới Sài Gòn rồi.

Sáng hôm sau nữa, khoảng 10 giờ, một tên CA vào mở buồng, giọng Biên Hòa rổn rang:

- Anh mang hết đồ đi ra ngoài!

Ra đến sân đồn, y dẫn tôi vào một văn phòng, cậu Tập đang ngồi với một tên Trung úy CA, quay ra cười với tôi. Tên Trung úy CA, cầm tờ giấy ra trại của tôi, y cười rồi đưa trả lại tôi. Cậu Tập đứng lên bắt tay với y, rồi ra hiệu cho tôi theo cậu ra sân. Tôi cũng chẳng cần chào tên Trung úy, bốn năm tên CA nữa thập thò phía trong, cậu Tập dẫn tôi đến một chiếc Honda dựng ở một góc sân. Ý của cậu Tập là đưa ngay tôi về Sài Gòn vì bà cụ (mẹ tôi), vợ tôi đang nóng lòng mong đợi tôi ở nhà.

Tôi đề nghị cậu Tập, đưa tôi vào Tam Hiệp đến nhà chị Hiền đã, và cái tôi cần giải quyết đầu tiên, khi nhìn thấy một quán nước bên đường. Tôi đã ăn hết một cái bánh

tét và ba quả chuối tiêu to .Tất cả 1 đồng 20.

Bác Nhiên và anh Trường không có nhà, chỉ có chị Hiền và mấy đứa nhỏ, nội dung sự việc:

Đã từ lâu CA Biên Hòa đã rình để bắt Cao Xuân Huy (hiện ở Califomia, viết "Tháng Ba Gãy Súng"). Được báo Huy là sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, đang bí mật tổ chức vượt biên, chúng dò được Huy vẫn lén lút đi về ẩn náu trong nhà của Đại úy CA Trường. Anh Trường lại là phó phòng ngoại vụ, của sở CA Biên Hòa, nhưng đã có nhiều biểu hiện tiêu cực, nên chúng để lại như một hình thức; mà không còn thực quyền. Chính vì những mâu thuẫn lằng nhằng này nên chúng đã vồ "hụt" Cao Xuân Huy, nhưng lại vớ được tôi, một tên gián điệp do CIA đào tạo, đã ở tù 18 năm ngoài Bắc. Giấy còn ghi rõ, không có quyền công dân trong 5 năm. Ngay ngày hôm chúng bắt tôi, bác Nhiên đã mang giấy chứng nhận của bệnh viện tâm thần Biên Hòa: "Tôi là công nhân hàng ngày làm việc, trong đội sửa chữa của bệnh viện". Anh Trường về đã giận dữ phản đối . Tóm lại với giấy tờ thật của bộ nội vụ, và sự xác nhận của bệnh viện Biên Hòa, chúng đã biết bị lầm. Nhưng từ xưa những việc chuyên chính với thành phần đối kháng, thì lầm cũng không bao giờ có lỗi.

Cậu Tập, là ủy viên tài chánh của một phường, ở Sài Gòn lên lĩnh cháu về. Dù sao tôi cũng biết ơn cậu Tập, đã có công lên đón tôi về, đã nói lên tấm lòng của cậu mợ, quan tâm đến đứa cháu rể .

Sau này nói chuyện lại, lúc đầu bác Nhiên, chị Hiền và cả anh Trường tưởng tôi bị bắt, vì do tôi bí mật hoạt động gì đó, nên mọi người đều xanh mắt lo lắng. Khi biết rõ là lầm, bác Nhiên mới lo giấy tờ xác nhận của bệnh viện, anh Trường mới nổi nóng phản đối, vào nhà anh, một đại úy CA để bắt tội phạm. Điều này cũng đã nói lên nhiều vấn đề.

Tôi lại tiếp tục hàng tuần đi làm việc ở bệnh viện tâm thần Biên Hòa. Một buổi sáng, tôi và mấy người lúi húi sửa tường và mái của một căn nhà kho, trong một cái hẻm của bệnh viện, thoáng một bóng trắng từ khu nhà thí nghiệm len lỏi vào chỗ chúng tôi đang thi công. Từ xa tôi đã biết là bác sĩ Hiệp, tôi tiến ra, cậu đã vồ

lấy tay tôi, như gặp lại một người thân lâu ngày xa cách:
- Anh làm em mấy đêm không ngủ, em lo cho anh quá!
Giọng miền Nam của cậu đã được giao thoa, trong cộng đồng dân tộc, nghe như mưa rào cuối xuân của Đà Lạt. Mai là ngày nghỉ của cậu, cậu có nhã ý muốn tôi đến chỗ cậu ở trong đêm nay, trưa mai cậu sẽ đưa tôi trở lại bệnh viện để làm việc. Cái chính là, những lần trao đổi tâm tình với cậu, tôi tỏ ra là người rất say đắm thiên nhiên, cậu cũng đồng quan điểm thưởng ngoạn như tôi. Theo cậu, nơi cậu ở hiện nay, phong cảnh rất có nghĩa tình với cậu, nên cậu muốn tôi cùng thẩm nhận với cậu, như cùng khao khát một món ăn của tinh thần.
Tôi biết ngoài những công việc chuyên môn bận rộn, lại ôm một trọng trách là bí thư, của chi đoàn thanh niên cộng sản của cả bệnh viện, phải là một người đỏ cả chân tay, mặt mũi, nếu không (ít ra con Hồng Tuộc đã tin) cơ thể, tim, óc của cậu đã được ướp ngâm, dầm trong rãi, rớt đầy nọc độc, mê, lú của nó, như đã được cấy "sinh tử phù ".
Bác Nhiên đang có mặt ở trong nhà kho, tôi vào tỏ ý xin nghỉ buổi sáng mai, bác sắp sếp người thay tôi. Bác Nhiên đã nhìn thấy bác sĩ Hiệp, đứng nói chuyện với tôi, Hiệp lại là thành phần lãnh đạo của bệnh viện, nên bác vừa gật đầu, vừa chớp con mắt, đang nhiều lòng trắng của bác, như một dấu "hỏi" to tướng và đen ngòm. Tôi lại trở ra với Hiệp, ngay sau buổi làm chiều hôm ấy, tôi gửi "ông"xe già của tôi ở một buồng quen.
Tôi và Hiệp rong ruổi trên chiếc Honda, trở về xã Bình Trước Biên Hòa. Không ngờ chỗ Hiệp ở, gần rẻo một nhánh của sông nước Đồng Nai, những cây trái và những ngọn dừa, cành lá rung rinh xào xạc như reo vui, mừng đón chúng tôi về. Mới nhìn thấy cảnh mà lòng tôi đã lâng lâng dạt dào cảm xúc, chả trách Hiệp đã ngẩn ngơ ca tụng, với tôi mấy lần. Nhà Hiệp mướn là một căn nhà nhỏ, xinh xinh ở cách gần 100 mét , một xóm quần tụ gần hai chục căn, lẫn lộn nhà gỗ và nhà gạch. Ở giữa khu xóm là một căn nhà cao, có lá cờ đã ngâm trong máu, đã ướp nhiều độc dược và thuốc mê. Nhìn lá cờ đang ngoe nguẩy giẫy dọn trên mấy ngọn dừa, tôi có cảm tường nó đang rắc những phấn độc, phấn lú để mọi người không thể nhìn rõ

được thân hình, tim gan của nó.

Trong nhà của Hiệp chỉ có sách vở và treo những hình ảnh của Marx, Engel và Lénine to tướng ở trên cao, phía dưới lúc nhúc 7- 8 tấm hình nhỏ hơn, của các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam trong đó có ông già không có gia đình, nhưng lại có nhiều vợ nhiều bồ và con rơi. Một chiếc tủ con hầu hết là sách vở chuyên môn y khoa của Liên Sô, Tiệp, Đức v.v... Một chiếc tủ to, nhiều tầng đầy sách đã phì hơi của chúng ra đầy phòng, mùi tanh của máu và súng đạn, thoáng có cả cuốn Tư Bản Luận, và cuốn Lénine Toàn Tập.

Hiệp xuống bếp vào buồng, lo chuyện của chủ nhà, khi ra nhìn thấy tôi đang tần ngần ngắm nhìn những tấm hình, Hiệp tiến lại gần hạ giọng:

- Chiếc áo choàng của em đấy mà!

Tôi quay lại, lắc đầu, dịu dàng nhìn cậu:

- Hiệp không cần thanh minh! Bây giờ, anh em mình định ăn món gì?

- Vì không định trước, chỉ có cá lóc kho và có ít sò huyết hôm qua.

- Tôi hỏi vậy thôi? Món ăn "tinh thần "ngoài kia, còn nhiều quá! Vậy "vật chất" chỉ cần qua loa, ăn ít cái này thì mới ăn nhiều cái kia được!

Tôi xắn tay, chạy xuống bếp cùng với Hiệp loay hoay làm một bữa cơm "nhẹ chất, nặng tình". Nhìn một rổ sò huyết, tôi không tin Hiệp lại tìm mua những thứ này. Nó không biện chứng, hợp lý với một người chỉ cặm cụi vào học hành, sách vở lại còn yêu thiên nhiên? Nghĩ thế tôi hỏi thử sự suy đoán của mình:

- Hiệp cũng chịu khó, tìm được món sò huyết rất quý!

Hiệp đang thái hành, ngẩng lên nhìn tôi đăm đăm, như xét đoán cách nói và thái độ, của tôi là thực hay đùa? Rồi Hiệp chậm rãi:

- Có bao giờ em lại đi mua những thứ này! Họ biếu, họ tặng nhiều thứ lắm! Em đã đẩy ra từ chối nhiều lần, nhưng không phải lần nào cũng theo ý mình. Anh quên, em là bí thư chi bộ?

Trời tháng Bẩy, cứ đòi "nhẩy" lên giường, vừa mới cơm nước xong, bên ngoài trời đã cập quạng, gà đã lên chuồng. Hai anh em dọn dẹp, chén bát xong, đom đóm đã lập lòe ngoài phên dậu.

Một điều thú vị nữa, là Hiệp với tôi lại cùng có một sở thích lạ đời "thích bóng tối" không phải để làm những chuyện mờ ám. Bóng tối thường có sự tĩnh lặng đi cùng. Mỗi khi trong cuộc sống gặp những sự việc khó khăn trở ngại, đêm thâu, tôi thích ngồi một mình, ngâm, dầm trong bóng đêm, để nghe những nỗi niềm da diết đầy vơi của nỗi buồn trong lòng, để suy nghĩ tìm một phương hướng chống đỡ, chuyển đổi những khó khăn vây quanh.

Hôm nay tôi thích đi trong đêm tối, bắt những con đom đóm để tìm lại một chút hơi hướng ngày "thơ" của tôi. Tôi đề nghị với Hiệp, trong ánh sáng của ngọn đèn 40 watts lủng lẳng giữa nhà, mắt của Hiệp long lanh như hai vì sao nhỏ, miệng cười khìn khịt:

- Em đang định rủ anh ra ngoài !

Đi với một anh đít đầu đều đỏ choét, như mặc chiếc "áo giáp"thật dầy, chống cả "lam sơn, chướng khí ". Hiệp và tôi đã đuổi bắt được mỗi người 5, 6 con đom đóm trong tiếng gió lướt thướt, dứt day với những cành lá của cây vườn. Đây đó trong bóng đêm, một vài chùm sáng lóe lên từ những ngôi nhà như những miếng bạc, miếng thiếc trong chậu mực Tàu. Một lần Hiệp đuổi vồ được một con đom đóm, xô vào một gốc cây, Hiệp cười ré lên, kéo tôi ra một đường làng, nói văng vào luồng gió:

- Em không nghĩ tâm hồn của anh còn "ngây thơ" thế?

Tôi cũng "quẳng" vào tiếng xạc xào của lá cành:

- Bù trừ kỳ diệu của cuộc đời, mà Hiệp!

Dưới ánh sao mờ, bốn người từ trong một đường giong tiến ra, đèn bấm lóe lên:

- Thủ trưởng đi thực tế tình hình !

Bốn người lại tiến vào một giọng khác! Qua dáng dấp và thập thò khẩu súng trên vai, tôi đã đoán ra rồi, nhưng Hiệp vẫn nói:

- Du kích xã này, họ đều là đoàn viên .

Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm, mới 5 giờ, trời còn tối, vừa là thói quen, vừa muốn thăm cảnh lạ, nhìn Hiệp vẫn say sưa với những chạy nhẩy của tối hôm qua, tôi lẹ làng lách ra ngoài, không gây một âm thanh. Tôi muốn gặp cây vườn để hít thở cái

khí hậu mát rượi trong lành, của buổi sớm mai. Một tiếng còi tàu nhớn nhác te.....te.....cù.....cú.....cu từ trong xóm, luồn vào luồng gió sớm vọng về, như gọi vừng Đông trở dậy.

Nhìn một con đường nhỏ, nhiều lá khô dẫn đến một cây đa già, cành lá xum xuê, to cao nhất vùng, tôi rảo bước tiến về phía cây đại thụ. Cây đa gốc rễ rườm rà ôm cả một khoảnh đất rộng. Một cái am quét vôi trắng, như chiếc rương con trong một cái hốc của gốc cây, có một bát nhang đã hương tàn khói lạnh. Trời êm ả dần, tôi nghe thấy cả tiếng thỏ thẻ của một đôi chim sớm, đang âu yếm dựa nhau trong một khóm lá, thập thò liếc nhìn tôi.

Phía Đông đã rạng ra, rồi đỏ dần lên rừng rực, làm vàng ửng cả lá lẫn cành đa. Một vệ đất thoai thoải dài xuống một con rạch cạn, vì nước triều đang xuống dần, tôi ngồi xuống một gốc soan, nằm nghiêng dài bên cây mít mật, đeo lủng lẳng những trái. Tôi ngồi đăm chiêu, nghe tiếng lá khô, khẽ thì thào với gió nhẹ, để chờ mảnh mặt trời ban mai bò dậy.

Tiếng con dế mèn ré lên ro ro cao vút, ở dưới gốc cây soan tôi đang ngồi, như ru hồn tôi vào cõi mộng. Một bàn tay êm ái đặt nhẹ vào vai tôi. Cậu Hiệp đã ngồi bên tôi từ lúc nào, đã làm tôi tỉnh hẳn, Hiệp nói như trách, như hờn:

- Sao anh không gọi em dậy?

- Nếu gọi Hiệp dậy, thì làm sao tôi nghe được tiếng hờn trách lúc này? Cũng như ông mặt trời hôm nay, biết là có người đợi, nên ông ở lỳ, không chịu “nhò” mặt ra.

Tôi đứng dậy kéo tay Hiệp:

- Trời còn sớm, anh em mình xuống dưới con rạch, nhìn mấy con cáy ra ràng!

Hai anh em lần theo mép nước mé rạch, tôi kéo vội Hiệp nấp vào một bụi si dại, tôi chỉ cho Hiệp một con cò trắng đang lom khom bắt mồi dưới một dòng nước cạn. Chúng tôi nín thở, lách gần đến chỗ con cò, để xem nó bắt mồi. Không phải cò mà là con hạc, hai cái chân cao lêu khêu và cái cổ dài ngoẳng.

Nó không hề biết, có hai anh chàng đang theo dõi, ngắm nhìn dung nhan của nó, rõ ràng hai cái chân của nó run lên bần bật trong nước. Tôi lại trách ngầm nó: “Anh chàng hay cô nàng, ra đây kiếm ăn sớm làm gì cho lạnh ?” Nhưng tôi chợt nhận ra,

không phải" nó run. Mỗi lần cái chân phải run bần bật, cái mỏ vàng nhọn hoắt, dài đến hai ngón tay lại chộp lấy, chộp để trên mặt nước. Thì ra cái chân phải của nó giậm xuống bùn cát, để xục những con mồi chạy tóe lên mặt nước, cho cái mỏ nó chộp.

Tôi chợt nhớ, ngày tôi còn 7- 8 tuổi, có lần đi học về trên con đường làng, dọc theo con sông đào, đầy bèo bồng. Tôi đã mải mê theo ông đánh giậm hàng giờ, chân của ông cũng giậm giậm cái càng tre như con hạc bây giờ.

Hiệp ngửng lên nhìn tôi, đôi mắt lấp lánh trầm trồ:

- Lần đầu tiên em nhìn thấy!

-Ơ tù mất nhiều năm, nên tôi cũng là lần đầu!

Hiệp nói, chỉ hơn 100 mét nữa là ra sông Đồng Nai, vì đây là cửa của con rạch.

Trên đường đi, có lẽ hình ảnh con hạc vẫn còn chen chúc trong óc của Hiệp, nên quay sang hỏi tôi:

- Có phải hạc làm chân nến, ở đền thờ phải không anh?

- Đúng! Vì chân dài, cổ cao, hơn nữa dáng của hạc sang và đài các hơn là cò.

Con sông Đồng Nai đã nằm ngửa, phơi mình phía trước mặt, làn gió hè vẫn nhè nhẹ phe phẩy lá cành. Dòng sông rộng, nhìn bờ bên kia hãy còn mờ mờ trong sương sớm, tôi chỉ mặt nước chỗ gần bờ, phía đầu gió hỏi Hiệp:

- Hiệp nhìn mặt nước chỗ này, hình dung và cảm tưởng ra sao?

- Như một tấm gương để ngửa , đến nỗi chỉ nhìn mặt nước, em thấy hai con cuốc đen, đang dài cổ đuổi nhau sang bên kia bờ.

Thấy cảm xúc của Hiệp có dồi dào, tôi chỉ tay ra phía gần giữa sông, đầu làn gió mới tạt đến mặt sông, hỏi tiếp:

- Còn chỗ kia?

Nét mặt đăm đăm rồi sáng hẳn ra, nhìn tôi:

- Em thấy nó hơi nhăn nhăn như da trái bưởi, đến mùa thu hoạch.

Vồ vập chỉ mặt nước sát phía bờ bên kia cuối gió, tôi hỏi tiếp:

- Chỗ kia Hiệp hình dung giống cái gì?

Không do dự, Hiệp vừa cười vừa nói, nghe như đậu sào giá:

- Theo em, trông nó như chiếc bánh tráng (đa), nướng già than.

Tuyệt vời! Tôi quên béng, nên vỗ tay đôm đốp. Vừa đúng lúc một chiếc thuyền từ đầu nguồn đi sát ngay gần bờ. Trên thuyền, phía đầu mũi có một ông cụ già và một cô gái, tường tôi vỗ tay gọi vào, hay trêu cô gái đẹp? Ông cụ giơ tay khoắng lên như hỏi, làm cho cả tôi và Hiệp đều giơ tay lắc lia lịa, rồi quay lại nhìn nhau cười, như ngỗng hét gọi sao.

Thấy cảm giác phong phú sinh động khác thường của Hiệp, một nhà khoa học rõ ràng, tôi đâm ra băn khoăn suy nghĩ nghề nghiệp có thể khác nhau do cuộc sống, nhưng tâm hồn có thể "cùng ngồi một chỗ, cùng đi một chiều". Tò mò, tôi thử đi sâu hơn tí nữa, tôi quay lại Hiệp thành thật:

- Tôi thừa nhận óc tưởng tượng của Hiệp thật là phong phú, có khi nào Hiệp hình dung ngay chỗ Hiệp và tôi, đang đứng. Trước đây, hàng trăm, hàng nghìn năm xưa đã có nhiều người đặt chân đến, qua lại? Của nhiều thời đại, nhiều thế hệ? Từ đấy suy ra: có khi ở giữa rừng sâu, hẻo lánh hay ở giữa thành phố tráng lệ, do những biến thiên, loài người xã hội, chuyển đổi có khi lại là ngược lại với nhau, tang thương vũng thành đồi?

Thấy tôi lan man đi vào những lãnh vực không cần thiết, nên Hiệp đã kéo tay tôi quay về. Mặt trời đã cao hơn một con sào!

Chuyến đến thăm nhà cậu Hiệp, chỉ ngủ có một đêm, nhưng đã làm cho lòng tôi ghi nhớ mãi. Chuyến đi đã làm cho tôi và cậu hiểu thêm nhau, và tin tưởng nhau hơn.

Đã từ hàng tuần lễ trước, sắp sửa đến ngày kỷ niệm 100 ngày của thầy tôi, do chủ trương ấp ủ trong lòng, mỗi khi hai mẹ con ngồi bên nhau trong bóng đêm. Từ ngày thầy tôi chết, mẹ tôi gầy hẳn đi, người ít nói hẳn. Sáng tối người ở lại ngoài nhà thờ lâu hơn. Trước đây là hai ông bà chậm chạp lầm lũi, dẫn nhau đi nhà thờ. Buổi lễ sáng sớm cũng như buổi chầu chiều muộn, bây giờ có khi do tôi, do Hoa, có khi bà Chức. Cũng có ngày do một vài cô gái trẻ 16-17 trong ca đoàn dẫn mẹ tôi đi, hoặc dẫn về.

Để phần nào thể hiện bổn phận làm con của tôi đối với thầy tôi, và an ủi mẹ tôi

phần nào, tôi sẽ xây mộ cho thầy tôi, trong dịp tròn 100 ngày.Mẹ tôi rất vui, một buổi người dúi vào tay tôi cái nhẫn hai chỉ, tôi bán được gần 100 đồng, cô Tuất góp 60 đồng, cô Thu 45 đồng, đặc biệt cháu Thanh Lan cũng góp 10 đồng để xây mộ cho ông.

Tôi và cậu Quang (cháu của Hoàng Ngọc Chính) đã đi mua gạch, cát và ciment. Tôi và Quang chẳng biết gì về thợ nề, nhưng đã có anh Tuấn Nguyệt, anh đã làm thợ nề và làm đội trưởng xây dựng nhiều năm, ở trong tù. Tuấn Nguyệt và Quang đã nồng nhiệt tích cực cùng với tôi, cuối tuần này sẽ xây mộ cho thầy tôi.

Chỉ hai ngày, thứ Bẩy và Chủ Nhật, ba chúng tôi đã xây xong ngôi mộ của thầy tôi, tương đối là hoàn hảo, so với những ngôi mộ khác chung quanh. Mẹ tôi muốn ra tận nơi, để người được sờ tận tay, ngôi mộ mới của thầy tôi, tôi đã làm vừa lòng người.

Một điều cũng thật là kỳ diệu! Cây mai, từ ngày anh Tuấn Nguyệt cho, Tuấn Nguyệt đã nói:

- Từ khi anh đi tù về, đã có cây mai này ở nhà, đã mấy năm rồi, chẳng bao giờ có hoa.

Nhà ông cụ của anh, có nhiều loại cây cảnh. Tôi đã đèo chậu mai từ trên Hạnh Thông Tây về, và nó là cây duy nhất trong ngôi nhà khô cằn nhựa sống, của thầy mẹ tôi. Cũng đã hơn một năm, tôi thay chậu, bón phân chăm sóc, mỗi ngày mỗi tốt tươi, nhưng cũng chẳng có hoa bao giờ. Đã có một lần nó ra một chiếc nụ, rồi rụng đi.

Tháng ngày trôi, cháu Mai Lynh ra đời, thầy tôi giã biệt cuộc đời. Hôm nay sau khi xây mộ cho thầy tôi 100 ngày, một buổi sáng, cây mai nở ra một chiếc hoa to đỏ chót. Tôi mới biết nó là loại Mai Tứ Quý .

Cây mai đã “xấn” vào đời tôi nhiều dấu mốc, tôi đã đứng cạnh cây mai này, để buổi đầu nối duyên đời với em Hoa, vợ tôi và cũng cây mai này, đã có tên Mai Lynh con gái cưng của tôi Bây giờ lại nở một bông hoa đỏ chót như chào đón tôi, như tươi cười hân hoan run rẩy trong làn gió nhẹ, mỗi khi tôi đến gần.

Một buổi sáng chủ Nhật, tôi đã bế con gái tôi xuống đến sát bà “Mai bốn quý”. Tôi

đã cho phép tôi ghé mũi đặt chiếc hôn đầu, lên cánh hoa đang thì mới lớn, có một mùi hương ngầy ngậy, làm rạo rực lòng tôi. Và tôi cũng đưa dần chiếc bàn tay thiên thần nhỏ xíu, của Mai Lynh sờ nhẹ vào cánh "bích mai" đang hơ hớ trong nắng sớm, của một ngày.

Vào một ngày thứ Bẩy, sắp hết giờ Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa, tôi và mấy bạn thuộc phe chiến bại đang cắm cúi quét rác và móc lỗ cống, trước chợ Nam Hòa. Bỗng có tiếng Honda từ ngoài Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa đường Bắc Hải đi vào. Một anh chàng đang ngơ ngác thăm hỏi mấy người đi đường, tôi có nhìn lầm không? Rõ ràng là anh chàng Lê Hiệp, làm sao tôi có thể tin được, vì chẳng bao giờ, tôi nghĩ tới. Tôi đã chạy xô đến, để hỏi

- Hiệp vào đây để làm gì?

Hiệp nhìn thấy tôi, như tìm thấy một món đồ cậu đã đánh rơi, cậu vồ vập, dựng xe vội vàng rồi ôm chầm lấy tôi:

- Em đang . . . đi tìm anh? Em hỏi thăm đến ba, bốn người rồi !

Tôi cũng bấn loạn dồn dập:

- Có ngờ đâu Hiệp lại mò đến đây! Làm sao biết tôi ở khu vực này?

- Em hỏi bác Nhiên và phải đến Phạm Lộc mới biết, hoàn cảnh sống của anh, vì thế em quyết định một buổi phải đến thăm bà cụ và đứa con gái "rượu"của anh. Hơn nữa em phải gặp anh để lấy một món nợ.....

Tôi vẫn chưa nghĩ ra, tôi còn thiếu Hiệp món nợ gì...?.. thì Hiệp đã hạ giọng:

- Món nợ ân tình... ở cổng Bệnh Viện Tâm Thần..anh đã khất em... một bữa khác... ấy mà ?

Mắt trái của Hiệp hơi khép lại hai cái, tôi đã chợt hiểu và lòng thấy một niềm hân hoan nở rộ lên. Điều này đã nói rõ nỗi khắc khoải thực sự, của một anh chàng trí thức, với quê hương dân tộc.

Từ nãy, mấy anh cùng phe "chiến bại" và cả cô nàng Ngọc Anh trong phe "chiến thắng" cũng đang thô lố mắt, nhìn cảnh tôi và Hiệp gặp nhau. Chỉ còn nửa giờ nữa thì mãn giờ lao động, tôi đã dẫn Hiệp đến cô Ngọc Anh, vừa là giới thiệu, vừa là nhân chứng xin cho nghỉ vì có bạn ở xa tới bất ngờ. Hiệp và Ngọc Anh đã nhỏ to

trao đổi, và chắc Ngọc Anh đã minh định được, một bác sĩ trẻ cùng phe với cô nàng, chứng cớ cô nàng đã giục tôi:

- Anh Bình hãy nghỉ tay, cũng sắp hết giờ rồi!

Tôi cảm ơn và chào mấy anh bạn của tôi, tôi dẫn Hiệp về trước. Hiệp đã ân cần thăm hỏi sức khỏe của mẹ tôi, con gái bốn tháng của tôi, Hiệp đã chuẩn bị từ trước, có một số thuốc cho mẹ tôi và con gái của tôi. Tôi đã bế con gái, để Hoa lo một bữa cơm giản dị, cho cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa tôi và Hiệp.

Tôi thấy Hoa đã chạy ra, chạy vào, ra chợ rồi sang cả nhà mẹ, ôm về một bó củi. Tôi chợt nhớ, củi đã hết từ hôm qua, Hoa tất tả ngược xuôi, nhưng bữa cơm cũng chỉ có hai món: Một đĩa tôm rang và một đĩa đậu rán. Qua thái độ và ánh mắt, Hiệp lại tỏ ra càng đồng cảm, trong cảnh sống của tôi. Hiệp đã chậm chạp, tâm sự:

- Em rất thương bà cụ ! Một mẹ già mù lòa vì đứa con trai ra đi biền biệt, gần hai chục năm. Nay trở về, nhưng cũng không nhìn thấy mặt con, lại mang bệnh lao phổi nặng, thương yêu cháu mà không dám bế cháu của mình!

Chiều hôm ấy Hoa đã bế con về bên mẹ, cho cháu chơi với bà ngoại. Tôi và Hiệp lên căn gác hẹp, cũng có một ấm trà với bao thuốc lá Hoa Mai.

Đã từ lâu, tôi đã xác định, càng thêm thời gian thì càng được thẩm thấu, như một phương châm hành xử:

“Cả cái tuổi thanh xuân của một đời người, tôi còn coi nhẹ, huống chi bây giờ bất kể một việc gì, nếu việc đó có góp phần lớn, nhỏ cho dân tộc tôi, cho quê hương tôi được tự do ấm no thực sự, thì tôi sẵn sàng kể cả mạng sống” .

Tôi chỉ ân hận một điều: Tài tôi hèn, trí tôi thiển, không đóng góp được bao nhiêu, trong phương châm hành xử của tôi. Hôm nay nằm bên Hiệp, một trí thức trẻ, một mầm non đang lớn của con “Hồng Tuộc”của thời đại, khắc khoải, băn khoăn về sự lầm than, quằn quại của người dân, dù tôi không đủ kiến thức quán triệt, thì cứ làm được đến đâu, hay đến đấy. Chả lẽ phải đợi cho đủ, cho chín mới làm? Tôi vẫn thấy thà còn thiếu vẫn hơn là không làm. Tôi cũng nói rõ cho Hiệp hiểu như vậy, còn nguy hiểm thực sự tôi không hề nghĩ đến.

Cứ cho là Hiệp sẽ báo cáo, đầy đủ tư tưởng của tôi với lãnh đạo của Hiệp, thì tôi

vẫn cứ làm. Hai điều xấu là bị bắt vào ngục tù trở lại, điều này tôi đã làm đơn xin trở lại rồi. Điều thứ hai là bị bắn chết, hay giết chết. Ngay từ 1962 khi tôi xông vào bức màn sắt, tôi đã xác quyết chết đối với tôi là "hòa"vì tôi có biết cái quái gì nữa đâu. Điều mà Hiệp băn khoăn nhiều đêm ngày là tại sao chế độ cộng sản bị toàn dân (đa số) chán ghét đả phá, mà nó vẫn tồn tại, hết năm này lại đến năm khác? Để nói về vấn đề nóng hổi, lớn lao này phải nói nhiều, diễn giải nhiều, hay viết hàng vài trăm trang giấy mới lý giải, minh chứng được cốt lõi. Vậy tôi chỉ đưa ra một vài nét cơ bản, rồi chính cái đầu của Hiệp, sẽ dần dần "đục đẽo" hết nó ra.
Từ cái mâu thuẫn nội tại là tâm lý và tư tưởng của con người, càng no đủ càng tự do dân chủ, thì mâu thuẫn này càng hằn rõ. Mâu thuẫn nội tại, là đã nằm sẵn, như một chất hữu cơ, có tự do, dân quyền thì phải có cái đó:
- Tính đố kỵ tự nhiên của con người.
- Cái tôi to lớn, ai cũng tự cho mình là một trung tâm, "mục hạ vô nhân".
- Thờ ơ, không quan tâm những nguyên nhân xa, mà chỉ chú ý những điều sát sườn, trực tiếp: Hết gạo thì ra sức chạy gạo, mà không chịu tìm hiểu nguyên nhân vì đâu:
- Có gạo ăn no đủ.
- Cùng cực, lầm than, đói khổ.
Riêng ở Việt Nam của chúng ta hiện nay (1982) ở trong nước: Một số ít người do đặc quyền, đặc lợi thì không kể, hầu hết mọi tầng lớp người dân, đều phải sống trong cảnh lầm than đói khổ, khẩu súng và nhà tù đã khóa miệng, bịt mắt mọi người dân. Họ đều mong muốn đổi thay cái chế độ tàn bạo, vô nhân tính này.
Ở ngoài nước (Việt Kiều), những người đã di tản, vượt biên chạy trốn cái chế độ phi nhơn, vô thần này. Đương nhiên họ muốn lật đổ, thay đổi cái chế độ hiện hành. Dù cho cộng sản là con "kỳ nhông" luôn đổi mầu, đổi sắc để tồn tại. Như vậy cái

câu dậy bảo của tổ tiên, ông cha từ ngàn xưa: ý dân là ý trời, đã không đúng nữa hay sao?
Tôi xin tạm thời dùng hình tượng, giả dụ như sau: Tất cả những người dân Việt

đều quần tụ sinh sống trong một cái khu hẻo lánh, chung quanh có núi cao, hào sâu, chỉ có một hướng cửa mở duy nhất, để mọi người ra vào, sinh hoạt, một hòn đá to lớn như một chướng ngại chặn ngang lối ra vào. Mọi người trong khu, bất kể thành phần nào, ra vào đều phải vất vả, cực nhọc trèo qua hòn đá này. Lúc đầu vì chưa hiểu rõ, hoặc vì những quyền lợi cá nhân nên những người lãnh đạo trong khu, ra sức lắt léo thuyết phục mọi người: Hòn đá to lớn chắn ngang càng làm cho khu ở chúng ta thêm đẹp, thêm hùng tráng. Không những che chắn, gió độc, gió chướng mà còn ngăn cản cướp trộm, giữ gìn an ninh, cho mọi người trong khu v.v

. . .

Nhưng cũng đã từ lâu, trải qua thực tế, hầu hết mọi người trong khu, đều thấy hòn đá bất tiện, gây nhiều trở ngại cho cuộc sống, nhất là với giới gánh gồng, kéo xe. Ngay cả một số người lãnh đạo trong khu, cũng đã thấy những trở ngại của hòn đá. Mọi người đều muốn lật hòn đá ra chỗ khác. Cũng đã có một số người, một số đoàn này, đội kia định xô đẩy hòn đá xuống hồ, xuống biển. Nhưng hòn đá to quá, không thể làm gì được.

Đã qua và hiện nay, là như thế. Muốn nhấc hòn đá, xô đẩy lật nhào nó xuống biển, thì tất cả mọi người dân trong khu đều phải ra mó tay vào hòn đá. Chưa hết, khi đã hô hào được mọi người trong khu ra cùng mó tay vào hòn đá, nhưng không cùng một lúc; khi người này nhấc, thì người kia không, hay ngược lại thì hòn đá ấy vẫn nằm đấy. Phải có một người, một tổ chức có uy tín, có thực lòng (đa số chỉ có ở miệng, không phải ở tim) mọi người trong khu đã thấy, đã tin tưởng. Người đó, tổ chức đó yêu cầu mọi người trong khu ra đều mó tay vào hòn đá, rồi hô một hiệu lệnh thống nhất: Một, hai, ba: Mọi người đều hất, đều xô thì hòn đá sẽ lăn xuống biển, xuống hồ.

Hòn đá ấy là chủ nghĩa cộng sản, là cái bộ chính trị, là những tên lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam hiện nay.

Hiệp đã đứng hẳn lên, đến ôm lấy cổ tôi, hổn hển:

- Em cảm ơn anh!

Khi ấy đã 10 giờ! Đêm hôm đó, mẹ con Hoa ở bên bà ngoại, Hiệp vẫn không muốn nằm chiếc giường duy nhất, anh chị Hiền cho mượn trong dịp cưới. Hiệp thích tôi trải chiếu xuống sàn gác, để cùng thường thức cảnh đời của giai cấp vô sản. Trước khi ngủ Hiệp còn thì thầm như nói với chính mình:

- Chuyến đi đáng đồng tiền bát gạo!

Hơn một tuần sau, vợ chồng Lộc+ Liên xuống chơi. Lộc cho biết, qua sự giới thiệu của Nguyễn Hữu Lợi, biết là tôi muốn "oversea". Hiện nay, Phạm Lộc kết hợp với một vài người nữa, bí mật tổ chức một chuyến đi cho chính mình. Lộc đã biết điều kiện, hoàn cảnh nghẹt thở của tôi, chỉ riêng một mình tôi, nếu đồng ý đi thì chuẩn bị. Nếu đắm tàu, hay cướp biển chết cả, thì có gì để nói, nếu thoát ra tới ngoại quốc phải thanh toán, cho vợ chồng Lộc + Liên ba cây vàng.

Nếu tôi chưa được tiếp xúc trước đây với Lộc+ Liên, đã hiểu lòng tự trọng và danh dự của nhau, và nếu không có sự giới thiệu của Lợi, chẳng bao giờ có sự thỏa hiệp với một điều kiện lý tưởng như thế ở giai đoạn ấy. Chẳng nói thì ai cũng biết là tôi đã gật đầu đồng ý, đến "sái" cả cổ. Hôm nay tâm tình bằng những bàn tay "xòe" nên tôi được biết Phạm Lộc, không phải là con trai của bác Nhiên. Do bối cảnh loạn ly của đất nước, Cao Xuân Huy là anh cùng mẹ khác cha với Phạm Lộc. Vì vậy, chuyến đi sẽ có cả Cao Xuân Huy, dự trù vào cuối năm 1982.

44. THĂM MỘ CỤ NGÔ LẦN HAI

Lộc sẽ liên lạc, báo trước cho tôi hàng tuần, để tôi chuẩn bị. Qua một số hiện tượng, tôi hiểu đây là chuyến đi thực sự chứ không như chuyến thứ hai, tôi mất công thấp thỏm một đêm trong bụi cây găng già. Vì đã đi hụt hai chuyến, nên tâm tư của tôi vẫn lặng lờ như đất trời, có thể nắng và cũng có thể mưa, nhất là thời gian ấy, chẳng phải chuyến đi nào cũng đến bờ.

Tuy vậy với Hoa, người vợ hiền thương yêu của tôi, do điều kiện ngặt nghèo tôi không thể đưa được vợ con đi, để nếu có làm mồi cho cá thì cũng vui lòng cùng nhau. Ngược lại, thành công thì cùng được thở hít bầu không khí tự do, đúng với kiếp sống của con người.

Đã phải nhiều đêm, nhiều lúc tâm tình, khích lệ, động viên, trang bị tư tưởng cứng

rắn chịu đựng cho Hoa. Dù trong hoàn cảnh nào, cũng phải can trường đứng thẳng, bằng chính đôi chân của mình. Cũng do hoàn cảnh đẩy xô của dòng đời, và bối cảnh đau thương của dân tộc, đời tôi đã lăn lóc trong bãi rác và bùn lầy, nên tôi muốn con gái của tôi, cũng phải có ý chí nhẫn nại, chịu đựng những bão tố của cuộc đời. Từ những tâm ý này, những lần tôi chơi đùa với con gái 5 tháng tuổi, tôi đã tập dần, tung con tôi lên cao, rồi bắt lấy như một quả bóng. Mẹ nó nhìn thấy, đã nhiều lần hết hồn, kêu thét lên. Từ ăn, ngủ hay chơi bời đều với tâm ý rèn luyện của tôi. Thâm tâm tôi, mong muốn sau này con tôi, dù có được bọc trong nhung lụa, nếu cần nằm đất, bờ cát, cũng là chuyện bình thường.

Quan điểm của tôi vẫn muốn, ít nhất là những người thân của tôi : ”Là hạ sĩ hay sĩ quan nhưng phong cách, hành xử là người lính”. Tôi rất đả phá lối “người lính tính quan”.

Còn người mẹ khốn khổ mù loà, nhưng tôi càng kính yêu người hơn. Đã nhiều lúc, nhiều đêm tôi ngồi ôm mẹ tôi hàng giờ, có những lúc để dòng nước mắt rỉ chảy vào tim, nhưng cũng có nhiều lúc giàn cả ra mặt. Nhìn đôi mắt của người hoắm sâu vào, tôi đã thấy tôi bé nhỏ lại, như ngày còn thơ ấu. Tôi nhớ tôi đã có cảm giác: Ngôn ngữ trên thế gian này không còn, hay không có một từ nào đủ để nói được cái bao la, êm dịu, lồng lộng nhân từ thương yêu của đôi mắt người mẹ.

Nhưng bây giờ, người phải chịu đựng khổ đau biết chừng nào, không làm sao nhìn được con trai vì thương khóc nó nên bị mù. Qua ánh điện chiếu vào màn, nhìn mẹ tôi gục đầu thiểu não, một nỗi xót xa héo hắt từ trái tim bầm tím của tôi rỉ chảy ra, tôi đã ôm lấy cổ mẹ rên rỉ:

- Mẹ có biết con thương mẹ nhiều lắm không mẹ? Con thương mẹ hơn là thương đời con!

Người xoa đầu tôi như ngày tôi còn bé, nhưng người không nói một lời. Tôi đã thong thả thưa với người chi tiết buổi nói chuyện với Phạm Lộc.

Người nghe tôi trình bày chuyến đi sắp tới với Phạm Lộc, người đã nói với tôi những lời mà tới nay và cho tới khi tôi lìa đời tôi vẫn không quên:

“Mẹ mù loà, cô đơn,cần con lắm! Vợ dại, con thơ của con cần con lắm! Nhưng con phải đi, ở dưới nhà nước này, con chỉ là con trâu, con ngựa.”
Con xin kính vâng theo lời mẹ! Con rất tự hào, trong huyết quản của mẹ có truyền thống trinh liệt của bà Trưng, bà Triệu. Con quỳ xuống kính cẩn lạy mẹ!
Đã từ lâu, từ cái ngày tôi đến kính viếng thăm mộ Cụ Ngô và ông Nhu ở nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi đã hơn một năm rồi, tôi đã có ý định khi có thời gian tôi sẽ đến thăm các người một lần nữa. Nhưng con Hồng Tuộc nó quần thảo tôi như chong chóng, chả còn thời gian nào. Kỳ này lỗ mũi của tôi đã được tháo ra một bên, mỗi tuần trình diện có một lần nên cuộc sống đã thong dong, thoải mái đôi phần .
Tối khuya hôm qua, đạp xe từ ga (xe lửa Biên Hoà đi Sàigòn) về tới nhà, em Hoa vẫn chờ tôi ở cửa như mọi khi . Hoa nói ngay:
- Thứ tư, anh Tuấn Nguyệt dẫn một anh là Mạc Lịch lại thăm anh. Có chào mẹ và bế Mai Lynh.
Thật là vui. Mạc Lịch là dân sport, dân “thổ công” của Hà Nội, cũng đã được ra chiếc lồng to, bây giờ lại ở Sàigon nữa. Tôi định hôm nào có thời gian, sẽ lại thăm anh. Tôi và Lịch có nhiều kỷ niệm ở trong tù. Nhưng, ngày mai thứ bẩy không lao động XHCN, tôi đã có chủ trương sẽ lên nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi viếng Cụ Ngô. Lần này, tôi muốn mang cả vợ lẫn con gái của tôi đến chào và thăm viếng hai vị. Tôi đã dặn Hoa: Chúng ta không có điều kiện, vậy chỉ cần mua hai cái hoa hồng, hai cây nến và hai cây nhang là đủ rồi. Các vị cần tấm lòng chứ đâu cần lễ vật?
Đã chuẩn bị từ hôm trước, sáng thứ bẩy, với “ông” bạn già thủy chung, mẹ con Hoa ngồi ở yên sau, hướng về nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi, tôi “giấn” bàn đạp. Trên đường đi nghe con gái í óe phía sau với mẹ nó, tôi có cảm tưởng, dù tôi là kẻ chiến bại, không còn một cuộc sống bình thường như mọi người; tôi vẫn gồng gánh bảo bọc được cho vợ con tôi, một gia đình nhỏ bé trong cuộc đời này.
Trời hôm nay hơi đùng đục mầu sữa đặc, cổng nghĩa trang còn mờ mờ trong sương sớm. Sau khi gửi xe, tôi ôm con gái, Hoa ôm nhang, nến và mấy cánh hoa hồng còn trong bọc giấy. Một đàn sáo đá năm, sáu con đang ríu rít trên cổng, đều cúi

xuống hót toen toét như một điệu kèn mở màn cho ngày hội, khi chúng tôi bước vào. Nhìn những ngôi mộ to, nhỏ xây cao thấp mập mờ trong làn sương mỏng, tôi nhớ đến một ý thơ:

....Ở đây sương khói mờ .... nhân ảnh.....

Lòng tôi cũng nao nao về kiếp nhân sinh, trong cõi thế tình. Mặt trời đã thức dậy, những ngọn cây vàng ửng lung linh, lắc lư, cả khu nghĩa trang như được lọc hết những sương mờ. Hơn hai chục con sếu cổ dài, từ hướng Đông bay đến ngọn cây thông đầu đàn, kêu quàng quác, như đội quân cảnh đang điều hành giữ an ninh trật tự, cho ngày hội. Trời cũng trong xanh hẳn lại. Phía Tây Nam từng đống mây trắng, đang đùn lên như một đám cháy rừng.

Đã có ý niệm từ lần trước, tôi dẫn vợ con tôi ngoằn ngoèo tiến về phía hai ngôi mộ. Khí hậu êm ả trong làn gió nhẹ, đột nhiên ồn ào như tiếng thác chảy đầu ghềnh, một đàn cò trắng đến hơn ba chục con, tranh nhau đậu xuống hai cây muỗm già, ở phía đầu hai ngôi mộ. Chẳng biết chúng bàn tán gì mà cứ kêu: Cò... Cò... cò... inh ỏi. Cây muồng đã đội cái xuân nửa chừng, phía bên trái cũng có đám con chèo bẻo ở đâu mới mò đến. Cái loại chèo bẻo này, lúc nào cũng ra vẻ chính nhân, trông mặt thì mô phạm, nghiêm trang nhưng trong lòng, thì chứa nhiều uế khí.

Trong khi Hoa đang cắm bông, đốt nến, thắp nhang ở hai ngôi mộ, tôi đặt con gái của tôi lên chiếc nắp bằng, ngôi mộ cụ Ngô, để mặc cho nó lân la, bò trên ấy. Tôi đi vặt những nhánh cỏ may, mọc trườm ra, hết mộ cụ Ngô lại sang mồ ông cố vấn. Tôi ôm con gái của tôi, đứng bên cạnh vợ, bắt đầu làm dấu thánh giá, nguyện kinh, theo thủ tục tôn giáo.

Thật là lạ kỳ, một đàn năm con bồ câu từ mãi phía mặt trời mọc, sà đến cây bằng lăng, ngay đầu ngôi mộ. Chúng rúc mỏ vào cánh của nhau, rồi cùng nhìn xuống chúng tôi, đầu chúng cứ gật gù , miệng kêu : hù hù . . . . .lù . . . . . hì, nghe như nốt nhạc mở đầu của một bài ca “Tôi yêu “:

Tôi yêu.....quê tôi.....yêu mãi...bây giờ càng yêu.

Yêu chim bay qua...mang đến tin mừng thái hòa.

Yêu anh, yêu em, yêu nước, yêu trời gần xa

Và yêu mối tình nở hoa....ngàn năm không hề phai nhòa

Chẳng hiểu từ một nguồn cảm thầm kín nào, tôi nghe chim câu gù, lại ra bài ca của Trịnh Hưng, từ ngày còn cụ Ngô. Rồi óc tôi nhớ, mắt tôi nhìn rành rọt một buổi cụ Ngô và đoàn tùy tùng, đến đặt vòng hoa trước đài chiến sĩ trận vong năm 1956. Tôi nhớ nguyên văn lời cụ Ngô:

"Chúng ta thành kính, nghiêng mình trước anh linh các chiến sĩ quân dân chính, đã bỏ mình vì chính nghĩa, để kiện toàn cuộc cách mạng giải phóng con người.

Ngô Đình Diệm"

Hôm nay tôi cũng thành kính, nghiêng mình trước anh linh của cụ và ông cố vấn. Tôi là người có tội với dân tộc, xin cụ và dân tộc tha tội! Nếu rồi đây tôi có chui vào lòng biển cả, xin cụ và ông cố vấn để một con mắt, đến vợ con và người mẹ mù lòa, của tôi.

Hoa quay lại tôi, giọng đẩy thắc mắc:

- Sao ở đây, có nhiều chim thế hở anh?

Tôi định nói: "Anh cũng thấy lạ !" nhưng tôi lại nói như giải thích:

- Trong nghĩa địa nhiều cây, lại yên vắng nên chim thường hay đến nghỉ ngơi, chuyện trò.

Hai con bướm trắng xanh, như hai bông hoa nhài thời con gái, từ đám cỏ úa vàng phía sau mấy ngôi mộ lớn, bay đến. Chúng khỏa cánh dập dờn quanh chúng tôi, rồi một con đậu vào cái lẵng đựng đồ của mẹ con Hoa, đang để dựa vào thành mộ cụ Ngô. Một con khỏa một vòng nữa, rồi đậu ngay vào đầu bé Mai Lynh. Đôi cánh thong thả mở ra, khép vào như một bàn tay vỗ về con gái tôi. Nhìn Hoa đang mở to mắt, ngắm con bướm trên đầu Mai Lynh, lòng tôi bỗng co lại lượn lờ vào cõi siêu hình.

Tôi ôm Mai Lynh, không dám cả thở mạnh, vì con bướm chỉ cách mặt tôi, chừng hơn gang tay. Tôi nhìn rõ hai chấm vàng và đỏ cạch, hai bên cánh, một mùi hương hoa thiên lý vung lên rắc đều, trộn lẫn với khói nhang, thành một cái hương vừa thần bí, vừa man mác thanh cao. Con Lynh hình như cũng cảm nhận, thấy có cái gì

ở trên đầu, nó rút bàn tay bé xíu ở túi áo ngực của tôi, ngọ ngoạy giơ tay lên đầu. Tôi muốn bảo con tôi, bỏ tay xuống, nhưng mãi cũng không thể phát ra lời. Hai con bướm đã như hẹn, cùng bay lên, theo nhau đảo một vòng về phía chúng tôi, rồi cùng bay trở về đám cỏ vàng, phía mấy ngôi mộ lớn, như những chiếc đền, chiếc miếu con.

Mặt trời đã lên gần đỉnh đầu, một tay bế con, một tay kéo sát Hoa lại và hướng vào hai ngôi mộ, đều cúi đầu nói to:

- Chúng tôi kính chào hai vị!

Hoa đã nhắc từ lúc đi, khi về phải ghé vào nhà ông Cả Nhưỡng mua thuốc đánh răng, vì đã hết hai ngày rồi. Loại thuốc ông tự pha chế, giữa xà phòng và vôi bột, cứ hai đồng một lọ sành con.

Từ ngày tôi về, cũng chả quen biết gì chuyện đánh răng, vì đã quên béng từ dạo trong tù. Nhưng từ ngày đón Hoa về, cô nàng bắt ra nhà ông Cả Nhưỡng, mua loại thuốc vôi với xà phòng phát minh trong nhân dân này. Tôi phải ngoan ngoãn chấp hành sự điều hành của "nội tướng". Nàng còn khoe, chiều nay sang bà Cần lấy hai kí mì vụn xuất khẩu, nàng đã mánh mung móc ngoặc từ hàng tuần lễ trước. Tôi chỉ nghe, thực tế tôi chưa được thưởng thức cái món mì xuất khẩu, nó ra làm sao. Thế mà chiều nay tôi sẽ được đã đầy ... mà ngây ngất, dù là vụn vẫn còn hơn là không biết gì.

Chưa có ăn, nhưng viễn tưởng đã như một ngọn "thu phong" cuối hè ùa vào lòng. Mới tới cửa nhà, Hoa đã nhẩy xuống đưa con cho tôi, rồi nàng ghé sang nhà bà Cần ngay. Tôi ôm con vào trước đưa cho bà, rồi ra dắt "ông" bạn đứng dựa tường từ nãy đi vào.

Chỉ thoáng nghe tiếng ọ ẹ của cháu, mẹ tôi đã vén màn, mặt người tươi roi rói, người vội vàng lấy chiếc khẩu trang đeo vào. Đã từ hơn một tháng trước, Hoa phải đạp xe sang bệnh viện Hồng Bàng, để hỏi bác sĩ chuyên môn: "Mẹ tôi bị bệnh lao phổi, người quá thèm khát bế cháu, có cách gì giải quyết được, không bị lây nhiễm cho cháu?" . Ông bác sĩ chuyên môn, dặn chỉ cần rất đơn giản: "Trước khi bế cháu phải rửa tay xà bông, và đeo khẩu trang! Tuy vậy cố gắng hạn chế "bế cháu".

Từ dạo ấy, mẹ tôi đã giải quyết nỗi bức xúc của người, mặt của mẹ tôi có sinh khí hẳn lên. Hoa cũng rất băn khoăn về vấn đề này, nhưng tôi khích lệ và xoa dịu:

- Em thông cảm với mẹ, người chả còn sống được bao lâu nữa!

Thậm chí, tôi đã nói thầm cả với con gái của tôi:

"Con chịu khó làm vui lòng bà, Chúa sẽ ân thưởng cho con sau này".

Khi tôi đã dựa "ông" bạn vàng vào phía trong cửa sổ, quay lại, thì một tay người bế cháu, một tay người móc túi đưa cho tôi một lá thư, ngoại quốc. Lá thư từ Cali (Mỹ), do một bà bạn của mẹ tôi, tên là Lưu.

Đọc lá thư giản dị vài dòng, nhưng đã làm cho lòng tôi bồi hồi xúc động. Như vậy tình người, tình quê hương hãy còn thấm đượm như thế ư? Một bà vợ của một ông trung tá, di tản từ 1975. Bà này là khách hàng quen biết của mẹ tôi, từ ngày mắt của mẹ tôi còn sáng, bán hàng tấm ở chợ Nam Hòa, rồi cho tới khi mẹ tôi bị lòa, vì nhiều đêm ngày khóc thương đứa con trai cả đi... đi mãi không về với mẹ.

Người bạn đó, vẫn một lòng, đến từng nhà thương thăm hỏi, cho tới khi mẹ tôi bị mù hẳn ở nhà. Bà ấy đã nhờ chồng, lái xe đến nhà để thăm hỏi, giúp đỡ mẹ tôi, những tháng năm còn dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Bây giờ nơi xứ người, hẳn sau những tháng năm ngơ ngác tảo tần đã tạm thời ổn định, bà vẫn chưa quên người bạn lòa ở quê nhà. Bà ấy gửi về một chút quà, để nói lên phần nào tấm lòng của bà ấy với người bạn bất hạnh này. Chừng nửa tháng sau, có giấy báo từ Cục Hải Quan Tân Sơn Nhất, để mẹ tôi ra lãnh đồ. Lần đầu tiên từ ngày đất nước sang trang, mẹ tôi có quà ở ngoại quốc gửi về.

Trước ngày tôi đi nhận quà, nhà hết gạo, củi, con không có tiền mua sữa hộp. Cứ mỗi tuần con tôi uống một hộp sữa đặc "Ông Thọ" để bồi dưỡng, theo yêu cầu của chuyên môn. Con gái tôi bị suy dinh dưỡng cấp 2.

Bấn quá! Tôi đã lục lọi nhiều thứ, cái gì có thể đổi thành gạo, thành củi ở trong nhà. Hoa đã phải nhặt nhạnh dần, đưa ra chợ trời Tân Bình, từ cái búa, cái kìm, vài cái bát, cái nồi, phích nước. Hôm nay còn cái áo "veste" của thầy tôi, người đã cho tôi khi còn sinh thời, như một gửi gấm cho đứa con trai, còn lại trên cõi đời.

Chính vì tôi thấu hiểu ý nghĩa tấm lòng của người, nên dù tôi thiếu đói, cũng quyết

giữ lại như một di vật của tình phụ tử. Nhưng giờ đây, con gái tôi thiếu thuốc, không sữa trong suy nhược, tôi làm sao duy trì được sự quyết tâm trước đây? Đã mấy đêm trăn trở giằng co với chiếc áo, tôi chưa mặc một lần, để rồi sáng hôm nay, tôi phải đưa cho Hoa, ra chợ Tân Bình.

Hai bố con ôm nhau, với căn nhà rỗng không còn gì để bán và hai cái bụng cũng rỗng, như căn nhà. Phải nói là ba cái, hắn người mẹ lòa của tôi, cũng chẳng khác gì bố con tôi, và cả người mang chiếc áo đi! Tôi thương Hoa quá! Vì đẻ con nên đã bỏ việc, vì người mẹ mù lòa, bệnh tật và vì anh chồng không có tài xoay xở. Anh chồng đó lại bị con Hồng Tuộc quấn chặt trong vòi của nó, nên cũng đã buộc chặt cả đời Hoa.

Khoảng quá trưa, mãi gần 2 giờ Hoa mới về. Tâm trạng của tôi ngồi ôm con chờ Hoa, nỗi khắc khoải chờ mong thấp thỏm, như ngày tôi còn bé nơi quê nhà, ngoài miền Bắc mong mẹ của tôi về chợ. Thoáng một tiếng động cửa, một bóng người thoáng qua, cánh cửa sổ dưới nhà, một nguồn nóng ấm lại trào ra trong cõi lòng heo hút vắng lạnh. Đời trai ngang dọc, để rồi giờ đây ngồi ôm con bất lực, than vãn ư? Nỗi niềm vơi đầy cứ gậm nhấm đay nghiến, dằn vặt, vò xé trái tim đã rỉ máu, của tôi.

Một chiếc áo vét, thầy tôi mới mặc một lần, Hoa mang đi, chiều Hoa mang về 1 kí 5 gạo, và một hộp sữa Ông Thọ, không còn đủ tiền mua thuốc an thần cho mẹ. Dù gì cũng cảm ơn Hoa, một cô nữ sinh lớp 11, bây giờ phải ngắc ngoải đứng ở chợ trời. Càng ghi nhớ công ơn những tay chân của ông già không vợ, nhưng nhiều con rơi, đã vào "giải phóng" cho đồng bào ruột thịt miền Nam, đói khổ.

Trưa hôm nay, tôi từ bên khu Thanh Đa chỗ vợ chồng Lợi, đạp xe về, thấy một chiếc xe đạp lạ dựng bên ngoài cửa. Vào nhà tôi còn nghi ngờ cả mắt tôi. Lầu Chí Chăn to lớn (người nhái) đang ôm đứa con gái sáu tháng của tôi. Như thế Chăn đã được về do áp lực của Quốc Tế. Gia đình Chăn, đã bồi dưỡng u hề cho Chăn, bên Chợ Lớn gần hai tháng rồi, mặt của Chăn hây hây hưng phấn như con hổ, vừa thoát ra khỏi chuồng.

Chăn chỉ còn mẹ và các anh ở cây da sà Chợ Lớn. Một điều hơi đặc biệt, Chăn ghé

tai tôi nói nhỏ: “Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã trả tiền tử tuất, nhưng gia đình Chăn do khá giả nên còn giữ nguyên vẹn cho tới ngày bất chợt, Chăn được trở về”. Chăn rất thương cảm con gái nheo nhóc của tôi, và hẳn từ sớm, Chăn đã thăm hỏi mẹ tôi, Hoa và cũng đã nhìn rõ cảnh sống nhiều ngõ hẹp của tôi.

Hoa cũng thật tài ba đảm đang xoay xở, nàng đã chạy vạy ở đâu ra hai quả trứng vịt, để có một bữa trứng tráng già lửa, thơm phức cả nhà. Trong bữa cơm duy nhất, chào mừng người bạn tù mới xổ lồng. Ngoài trứng chỉ có món mắm tôm chưng cố hữu, món ăn phù hợp với bà đẻ ăn kiêng, mẹ tôi bệnh phổi, mù lòa cũng phải ăn kiêng và tôi lại cũng thích ăn kiêng trường kỳ.

Cảnh đời của tôi, đã nhiều đêm ngày đẩy đưa tâm tư của tôi trở về, cảnh đời của “chị Dậu”, bà phó Đoan, cô Loan, anh Vọi và cậu Điệp v. v ... Chả trách gần đây, tướng Trần Độ, ông Phạm Quế Dương, Trần Dũng Tiến phản kháng bộ chính trị và trung ương đảng cộng sản đòi cho bằng được: Để người dân được sống , được hưởng như cảnh đời của người dân, dưới thời thực dân Pháp thuộc, cách đây gần một thế kỷ?

Chăn đã làm tôi ngạc nhiên, lúc ra về, Chăn đã rút túi lấy tiền, đút vào tay đứa con gái sáu tháng của tôi, một tờ giấy bạc to nhất mới ra, của nhà nước: 100 đồng. Để thấy giá trị của 100 đồng lúc ấy: Cái áo vét còn mới của thầy tôi, ra chợ Tân Bình chỉ được 17 đồng, đủ mua hộp sữa và lkg 5 gạo. Tôi đã dứt khoát từ chối, dù là tôi không có tiền, nhưng Chăn đã nói rõ ràng:

- Tôi không đưa tiền cho anh chị! Đây là tiền của một ông chú, cho đứa cháu gái! Anh chị không có quyền từ chối! Chỉ có nó, nhưng nó đang cầm, với đôi mắt long lanh vui mừng!

Nhìn tờ giấy 100 đồng con Mai Lynh đang mân mê cầm, tôi liên tưởng đến hình ảnh Lầu chí Chăn, chui vào kho vẹc-ni múc ra một ống bương veni, gần hai lít, ở trại trung ương số 1 Lào Cai. Và gần nhất, Chăn đã khênh cả một bao tải lạc (đậu phụng) trong kho, của trại Thanh phong, Thanh Hóa.

Ăn cướp chứ không cắp, trộm lèm nhèm! Hai hôm sau, tôi đi lĩnh được một hộp

quà, của bà bạn mẹ tôi, ở Tân sơn Nhất, gồm hai chục mét vải "soa" đen may quần, hai chục mét vải popeline trắng để may sơ-mi, hai lọ thuốc lao phổi. Đặc biệt có một "tuýp" thuốc đánh răng Colgate, loại kem đánh răng quý báu, có thể chữa được chứng đau bụng "khan ", nghĩa là không phải đau bụng đi ngoài (lỏng).
Rất nhiều anh em, kể cả những anh chàng tu sĩ, chủng sinh, người dân tộc, khi bị đau bụng bất thường, trại không có thuốc, bấn quá đã lấy thuốc Colgate uống, mà lại khỏi. Và rồi sau đấy, cứ đau bụng nhiều người uống khỏi, để trở thành thuốc đau bụng thần diệu, ở trong tù.
Cho nên trong cuộc sống chuyện gì cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Người ta vẫn nói: "phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí ", nhưng kỳ này, tự nhiên Lầu Chí Chăn mang đến cho 100 đồng, rồi người bạn của mẹ, từ mãi bên Mỹ lại gửi cho quà.
Tôi chạy ra nhìn bông hoa mai Tứ Quý đỏ chót, đang lắc lư, rung rinh với gió. Một ý tướng mơ hồ, lảng vảng vào tâm hồn tôi: "Có còn niềm vui, niềm may mắn nào nữa không? Xin thỉnh cầu!" Kỳ này, chúng tôi mua được một số thuốc cho mẹ, trước đây không đủ tiền mua, cháu Lynh cũng thế, sữa hộp được tăng cường lên hai hộp một tuần. Em Hoa và tôi cũng "bốc" với hương đời một tí, cho nên chúng tôi dám thưởng thức những con cá chiên nóng đòn, những quả cật, qủa tim, lòng heo còn tươi rói.
Bữa cơm, nhìn mẹ tôi ăn những miếng thịt kho tàu mà hằng năm, người không nghĩ đến, ruột tôi nở ra từng khúc. Trông nét mặt người hân hoan, lòng tôi mát dịu như được đón nhận làn gió sớm mùa xuân, dù rằng số tiền bán mấy chục mét vải cũng chả được bao nhiêu.
Vả lại, "tiền vào nhà khó, như gió vào nhà trống" nhưng trong cảnh mẹ, con và vợ như những cây rừng, lâu ngày nắng hạn, cằn cỗi, tại sao có chút nước, lại cất đi, để dành?
Chỉ hơn một tuần sau, tôi nhìn mẹ tôi, nhìn con, nhìn vợ tôi và ngay tôi đã có khí sắc như mọi người. Cảnh sống bươn chải cực khổ, lầm than thì gia đình nào cũng vón cục lai, kể cả anh em, ruột thịt, bạn bè, ai cũng phải tự lo để tồn tại.
Một buổi chiều tối vợ chồng Phạm Lộc đến báo cho tôi biết, chuyến đi sẽ vào ngày

26-11-1982. Đúng 2 giờ chiều sẽ đón tôi tại một địa điểm, trên đường Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận. Chỉ còn hai ngày nữa để chuẩn bị. Theo yêu cầu của mẹ tôi, và cũng là ý định của tôi, ngày mai tôi sẽ dẫn mẹ tôi, vợ con tôi ra thăm mộ và đọc kinh, cho thầy tôi.

Hôm sau Hoa cũng phải lo mua một cây nến, ba nén nhang và một bông hoa hồng. Chẳng biết ý tưởng của tôi thế nào, tự nhiên tôi vào bếp lấy con dao ra, tôi chọn, tìm một cành mai đưa ra cho thầy tôi. Có thể khi ấy, tôi nghĩ tới những ngày người còn ở với mẹ con tôi, cả tới khi tôi đã cưới vợ. Tôi thường thấy thầy tôi đứng ngắm nghĩa cây mai thật lâu, sau mỗi lần người làm một điếu thuốc lào. Tôi đã chọn một cành mai, tôi ưng ý nhất, cắt mang ra mộ, gọi là thể hiện tình người con trai hẩm hiu, đối với phụ thân trước khi ra đi vào đại dương nhiều bão tố, và nhiều những sự việc không biết trước.

Hoa bế con, một tay tôi xách chiếc lẵng có cành mai, nến, nhang và một đóa hồng tươi duy nhất. Giống như thăm mộ cụ Ngô và ông cố vấn. Một tay tôi dắt người mẹ bất hạnh của tôi, chúng tôi bồng bế, dắt díu nhau lần mò ra nghĩa địa Nam Hòa. Mới có hơn ba tháng, từ ngày xây mộ, thế mà hôm nay, cỏ đã mọc um tùm. Tôi để mẹ tôi ngồi ghé trên mộ, tôi dọn sạch cỏ chung quanh, cả mấy ngôi mộ bên cạnh, hàng xóm của thầy tôi. Hoa vừa bế con, vừa thắp nhang đốt nến, mùi nhang lẫn vào cỏ tươi vừa mới vặt, tôi có cảm tưởng là mùi của thầy tôi, sau mỗi lần người hút thuốc lào.

Một điều cũng hơi một chút lạ, tôi thấy như có sự trùng hợp, khi chúng tôi râm ran đọc kinh, theo nghi thức tôn giáo. Một con bướm trắng có hai cái lông mào trên đầu, đỏ như cái mầu bông mai Tứ Quý ở nhà, con bướm cứ lượn lờ đến mấy vòng quanh ngôi mộ. Hai chiếc cánh trắng như đôi mắt con nai rừng, cứ nhắm vào rồi lại mở ra nhìn tôi trừng trừng. Tôi đã ôm lấy mẹ tôi, tay người lần hạt, miệng người vẫn mấp máy đọc kinh, nhưng hai dòng lệ lại giàn chảy ra, từ đôi mắt hoắm sâu của người.

Tim tôi như muốn ngừng lại, niềm xúc động cuồn cuộn tràn ứ, làm mờ cả mắt tôi. Tôi nói hết làm sao được lòng thương yêu, của tôi với người. Người sẽ phải vĩnh

viễn, sống trong đêm tối ! Âm thanh càng đào, càng khoét, càng quấy, chọc trái tim quắt queo, như chiếc lá môn khô già, đang thối rữa của người. Mẹ ơi! Con thương mẹ lắm! Óc của tôi ngắc ngoải tiếng gọi đó, nhưng miệng của tôi không phát được ra thành lời.

Hôm nay, không những tôi kính chào, từ biệt thầy tôi nằm dưới mộ, tôi cũng kính chào từ biệt người mẹ mù lòa, tôi hiểu tôi ra đi trái tim của người càng tàn lụi, thối rữa thêm vì nhớ thương. Nhưng mẹ tôi đã thể hiện quyết tâm rồi, người còn đủ sáng suốt để phân định, giữa nghĩa nước và tình nhà.

45. RA KHƠI LẦN THỨ BA

Vì Hoa muốn đưa tới nơi, họ đón tôi ở Nguyễn Huỳnh Đức, nên từ hôm qua Hoa đã nói trước với mẹ Hoa giữ dùm cháu ngoại Mai Lynh. Hoa đã dẫn xe đạp ra ngoài cửa đứng chờ, mà tôi còn ôm mẹ tôi, chưa muốn rời tay. Tôi ngoái nhìn mọi đồ vật trong nhà một lần nữa, vừa bước ra tới cửa, lại nghe tiếng mẹ gọi giật lại:

- Bình, con ơi! Cho mẹ cắn con một cái!

Quay vào, mặt mẹ tôi tươi roi rói hấng mãi ra, nhưng mẹ có nhìn thấy tôi đâu? Mắt tôi đã mờ đi vì nước mắt lại dàn ra, tôi đã ôm chặt cổ mẹ, và áp má vào mặt mẹ. Mẹ đã ghì chặt tôi hơn và người cắn vào má tôi. Tôi đau nhưng lòng rủn ra, tim tôi như bị ép lại, người tôi như muốn xiêu đổ. Để rồi Hoa phải quay vào, cũng nước mắt dầm dề, kéo tay tôi đi ra. Đã ngồi lên xe đạp, tay tôi còn sờ má, chỗ mẹ vừa cắn, lòng tôi vẫn còn hổn hển chưa thở được bình thường.

Tôi đã đèo Hoa ra Ông Tạ, đến một tiệm vàng, chiếc nhẫn trơn duy nhất một chỉ vàng, đã từ lâu tôi vẫn cất ở trong bóp. Chiếc nhẫn này, từ một cây vàng do chị Hai Công cho, tôi còn cất giấu. Tôi phòng hờ, bị công an hay du kích bắt, đút cho nó mà chạy, từ chuyến vượt biên lần thứ hai không thành.

Tôi đã giữ chiếc nhẫn, như giữ bàn tay của tôi. Nhưng hôm nay, trong cảnh này, vợ dại con thơ, mẹ mù lòa còn ở lại, tôi đã đưa cho Hoa, phòng để cứu chết. Hoa đã gục đầu vào lòng tôi, nước mắt vơi đầy, đầu lắc quầy quậy. Hoa nói trong nức nở không rõ lời:

- Anh ơi! Anh đi đầy nguy hiểm, như chuyến anh Lợi, cả tàu bị bắt, anh lấy cái gì

để xoay xở? Anh hãy cầm đi!

Tôi hiểu, chỉ vì lòng thương tôi, nên Hoa đã quên cả thân mình, quên luôn cả người mẹ mù lòa và đứa con 7 tháng rưỡi. Là một người chồng, một người cha và một người con trí thiển, tài hèn, nhưng tôi cũng không đờ đẫn đến nỗi quên, cả trách nhiệm và bổn phận.

Hai bên cứ khăng khăng từ chối cũng chỉ vì nghĩa, vì tình. Cuối cùng chỉ còn một giải pháp dung hòa, đó là lý do tôi dẫn Hoa đến một tiệm vàng ở Ông Tạ. Tôi đã nhờ người thợ, cắt chiếc nhẫn ra làm hai. Sau khi cắt, Hoa đã chộp lấy một phần non, phần của tôi đưa lên cân là 5 phân 3, như thế phần của Hoa là 4 phân 7, mỗi bên đều giữ kỹ ở trong người. ông thợ cám cảnh của một đôi vợ chồng nghèo, ông đã dõng dạc:

- Tôi không lấy tiền công, của anh chị!

Mới gần 2 giờ, trời còn nắng chang chang mà xe cộ ngược xuôi trên đường Thoại Ngọc Hầu, vẫn còn nườm nượp người đi. Một đám mây hồng rừng rực đỏ, đang đùn lên từ phía đường Trương Minh Giảng. Hai chú ngỗng trời trắng toát, vươn mãi hai chiếc cổ dài kêu oét . . .oét, sà thấp như đuổi theo Hoa và tôi quẹo vào Nguyễn Huỳnh Đức, để rồi chính Hoa đã vỗ vào lưng tôi, nói nhẹ:

- Hai con chim như nó bay theo mình. . . . .anh kìa !

Từ sớm, tôi lơ mơ cứ tưởng do ảo xúc của tôi, nhưng giờ tôi đã hiểu, đó là thật!

Tôi còn ngửng hẳn đầu lên nhìn hai con ngỗng trời, miệng lẩm bẩm:

- Xin chào và cảm ơn các bạn!

Đến chỗ hẹn vẫn còn sớm gần hai chục phút, nơi đó cũng chả xa nhà thằng Đạt. Để Hoa đứng tại chỗ chờ, tôi vội vàng 5 phút ghé nhà Đạt, nếu gặp thì thay cho lời chào. Vợ chồng anh chị Đạt đều đi chạy chợ, chỉ có cháu Thủy và mấy đứa em nhỏ. Không ngờ, gặp lại cháu Thu Thủy từ chuyến đi bị bắt cả tàu. Thủy là con gái mới được tha gần một tháng, sau khi bị giữ 8 tháng ở trại Gáo Dừa Minh Hải. Cháu Nguyễn Đức Thắng là con trai (dù 16 tuổi) vẫn còn bị giam giữ, với nhiều người khác ở cùng tàu. Cháu Thủy mới từ trại tù ra, nghe tôi chào để ra đi, cháu đã rối rít đòi đi theo nữa.

Do lòng háo hức ra đi như một con chim non, chưa mọc cánh mà đã đòi bay. Muốn đi phải hẹn trước, hàng tháng, ngay đến vợ con của tôi, mà cũng đành bỏ lại. Nhưng việc này, tôi không quên được cháu Thủy, chỉ vì cháu lại đề nghị:

- Chú ơi! Chú hãy đổi cái áo với bố cháu, thì có thể lại thành công?

Lưỡng lự, không tin lắm, nhưng tôi đã chiều theo ý cháu Thủy, nói vội vàng:

- Chú cần chiếc áo càng cũ, rách càng tốt!

Tôi đã hấp tấp vừa cài cúc, vừa phóng xe trở lại điểm hẹn, cũng vừa lúc chiếc xe đò đông người, chờ bắt đầu chuyển bánh. Tôi chỉ còn kịp bỏ ông bạn thủy chung của tôi lại, cho Hoa và ôm chặt Hoa, để còn kịp trèo lên xe với nhiều tiếng giục giã:

- Lên đi! Cho kịp giờ, đón người khác!

- Chúng tôi đã chờ 5 phút rồi !

Tôi chỉ biết xin lỗi, vì một việc ngoài ý muốn! Xe đi đón hai người nữa rồi, một mạch phóng ra phía Vũng Tàu.

Trên xe đã có 16 người, không kể bác tài, một anh hơn 30 tuổi tên là Tuyến, bên ngành sư phạm, là bạn của Phạm Lộc, đón khách ở đường giây này. Từ lúc lên xe, có một cậu mặt mũi sáng sủa, nhìn tôi trong ánh trao đưa nhiều thiện cảm, một luồng lãng tử giao cảm của mắt tôi, đã trở thành gần gũi, cậu là Bùi Thiện, một chủng sinh trở về đời. Qua đồn Cỏ May xét hỏi giấy tờ xong, xe hướng về vùng Chu Hải. Đến một trũng của một rẻo đước già, xe ngừng lại. Theo sự dẫn đường của một ông hơn bốn chục, cao và gầy. Trong đoàn có vài người phụ nữ, cứ lếch thếch lầm lũi đi sâu xuống cái trũng.

Mặt trời đã chui dần xuống đám cây xanh ở phía Tây, càng đi cây rừng càng rậm rạp, không còn phân biệt được phương hướng. Đến một cái lũng thưa cây, ông cao gầy căn dặn:

- Các vị ngồi nghỉ nơi đây, chờ bắt với đường dây khác. Phải chờ, cho tới khi tôi trở lại!

Tôi kéo cậu Thiện đến một gốc cây to đổ, nằm nghiêng. Được biết bây giờ là lúc thủy triều xuống, triều lên thì vùng này ngập cả. Chừng một giờ sau ông Cao gầy

trở lại, dẫn theo một đoàn cũng hơn chục người. Đã 8 – 9 giờ tối, cả đoàn người lại theo ông cao gầy đi tiếp, người này theo người kia, trượt ngã oành oạch, tiếng í. ..óe của mấy cô gái và đàn bà ré lên đây đó, rồi lại chìm nghỉm vào màn đêm. Ngoài cậu Thiện, tôi chẳng phân biệt ai với ai? Lạ thật! Trời lại rạng dần, à ra cô Hằng 16 đã lấp ló nhìn chúng tôi qua những cành lá, mặt của cô tròn vành vạnh (trăng 16 tròn hơn trăng rằm) và mát rượi, đăm đăm nhìn chúng tôi di chuyển.
Ông "cao gầy" lên tiếng từ phía người đi đầu, rồi người này truyền đến người kia: "Hãy rảo chân, đến một khu đất cao, còn gần một cây số nữa, nước triều đã bắt đầu lên! "
Càng rảo chân thì càng mệt, tiếng ót . . . oét của phụ nữ lại càng oét . . . .ót hơn. Đúng là lên như nước thủy triều, vừa chạy qua thì nước đã ngập lên rồi. Lo chạy nước thủy triều, quên béng cái rình rập, chặn bắt của CA hay du kích địa phương. Mãi tới khi đến một mảnh đất trồi lên như một con bơn, cây cối rậm rạp um tùm. Theo ông cao gầy, thì đây là chỗ nằm nghỉ, để liên lạc đón thuyền. Chỉ qua một vài hiện tượng đưa, đón, liên lạc, tôi đã cảm thấy người tổ chức chuyến đi này có khá nhiều kinh nghiệm, nhất là lại vào một đêm trăng tỏ.
Thông thường những chuyến oversea tổ chức vào những đêm tối trời. Người này đã làm trái với những quy luật thường tình. Ngay cả hải quan, CA hay du kích thường rình mò, nằm ếm chỉ chú ý vào những đêm tối, đầu hay cuối tháng. Những đêm rằm sáng tỏ là lúc chúng nghỉ ngơi, đi tìm những hưởng thụ.
Mỗi người, mỗi nhóm tự tìm lấy chỗ nằm thích hợp cho mình. Qua tôi và Thiện, tôi tin rằng tuy nằm nhắm mắt, nhưng chắc chẳng một ai ngủ được. Tôi không hề nghe thấy một tiếng ngáy có chăng chỉ là những tiếng thì thào của lá rừng, tiếng tỉ tê, róc rách của sông nước chuyện trò. Đôi khi, một tiếng cú rúc dài, như tù và cầm canh ở một điếm chòi, xa xa vọng đến.
Cô Hằng đã về sớm, để hẹn hò với bồ bịch, da trời đã đổi mầu, từ tím đen sang mầu nước biển về chiều. Tôi đã nhìn rõ những lá rừng to, nhỏ vẫy tay chào nhau buổi sáng. Tôi còn đang gửi hồn vào mông lung, thì mấy cậu thanh niên đã hớt hãi chạy đến, tôi cũng choáng người bò nhổm dậy. Ba, bốn cậu choai choai 15-17 rối

rít chỉ trỏ, vào mãi phía trong rừng:

- Ong vò vẽ, chúng cháu chạy thoát thân, hàng đàn ong đuổi đốt chúng cháu, gần đến đây!

Cậu thì giơ tay, giơ mặt sưng đỏ lên như những quả táo dầm, tôi buồn cười vì các cậu cũng như tôi hồi nhỏ. Tò mò, sục sạo, lại đi trêu vào những tổ ong, để mặt mũi sưng tấu. Ông cha mình vẫn nhắc nhở, như cảnh giác đàn con: ” Muốn béo (mập) thì ghẹo ong bầu “. Như một luồng điện tín: ” Nơi đây có tổ ong, cũng có nghĩa vắng người! không có tụi áo vàng hay lui tới, rình rập “. Tôi hỏi một cậu:

- Có gần đây không? Tổ ong có to không?

Hai, ba cậu đều rối rít:

- Gần đây thôi, chú ơi!

- Tổ to lắm, trong một bụi mây rừng!

Trải qua những lần mặt bị sưng tím khi còn nhỏ, tôi lục trong tay nải, xé mấy miếng giẻ rách, đút túi quần, rồi theo các cậu đi sâu vào rừng. Lội qua mấy dòng chảy, vì nước đã lên, lách vào một khu toàn mây và song rừng.

Còn bé, tôi nhớ một lần, có một tổ ong rất to lủng lẳng trên một cành đa già, chùa làng bên. Cành đa nằm dài, sà xuống ao chùa, tôi và một thằng bạn, công trình nối buộc hai cành hóp dài đến 4 mét, lấy hai chiếc áo cũ trùm kín mặt, mò mẫm khẽ trèo lên cành đa.

Tổ ong vàng to như một quả mít hai ký, ong vàng đai đen (vò vẽ) bâu kín cái tổ như lông nhím. Từ xa tôi và thằng bạn, nhẹ nhàng lách thò chiếc que tới, định đẩy đứt cái cuống tổ, cho nó rơi xuống ao chùa. Nhưng trời ơi! Đàn ong bị động, chúng ùa ra theo chiếc que, túm vào tay, vào cổ tôi đốt. Người tôi nhói, buốt, tê cứng ra, nên rớt xuống ao chùa, cao hàng chục mét.

Tôi chìm nghỉm, hàng chục con ong vẫn bay trên mặt nước, chờ tôi. Tôi vừa ngoi đầu lên mặt nước để thở, chúng túm lại châm, đốt, tôi lại phải lặn xuống nước. Nhưng rồi lại phải nhô đầu lên, vì không thể nín hơi được nữa, trong khi chúng vẫn là là trên mặt nước . Mấy ông sư trong chùa chạy ra quát ầm ầm:

- Lặn xuống? Lặn xuống!

Cả thằng bạn của tôi cũng đang trối chết như tôi ở trong ao, đàn ong đuổi cả các ông sư, để châm đốt. Các ông sư cũng chạy thoát thân vào trong chùa đóng cửa lại. Tôi vừa mệt, người lại nhức buốt, cứ phải lặn dưới nước thì sẽ chết. Trong lúc ý chí tự tồn của con người trỗi dậy, tôi chợt nghĩ ra một cách, trước khi nhô đầu lên, hai tay tôi hất tung nước lên túi bụi. Ong có cánh bị ướt rơi xuống nước ngay, mà rơi xuống nước thì chết, không thì cũng làm mồi cho cá.

Trước khi chết, ong giẫy dọn vùng vẫy như chiếc mồi nhử, cá đớp liền. Đàn ong trên mặt ao, còn con nào cũng tháo chạy, bay về tổ. Ngay từ lúc thấy nước hữu hiệu, tôi đã gào gọi bạn tôi làm như tôi. Tóm lại nước đã cứu chúng tôi, ong đốt chỗ nào, thì nhúng nước ngay, nó sẽ giảm sưng, giảm buốt, nếu nhiều con đốt sẽ làm sốt, nóng lạnh.

Bốn cậu dẫn tôi đến một chỗ, đều đứng lại, chỉ trỏ vào mãi phía trong, giữa đám mây già:

- Tổ ong ở trong đó !

Tôi hiểu các cậu vẫn còn chờn, sợ ong. Nhìn còn xa hàng 7- 8 chục mét, tôi quay tìm một cành cây thon, dài gần 3 mét, một mình tôi lầm lũi tiến vào. Quẹo mãi tới một bụi mây già rậm rạp, to um tùm, tôi khẽ len lỏi tiến vào. Từ 5 – 6 mét, tôi đã nhìn thấy tổ ong, hình nó như cái loa kèn, đầu nhọn, ở dưới loe ra, những con ong vàng, chen chúc nhau bâu kín. Nhẹ nhàng, tôi rút mấy miếng giẻ trong túi, quấn chặt vào đầu chiếc cành mang theo.

Ong kỵ nhất là khói và lửa, tôi bật quẹt đốt đầu giẻ, khi lửa cháy, có khói, tôi từ từ thò vào phía dưới tổ ong, tôi đưa dần, đưa sát, ong như vỡ tổ, bay toán loạn, tôi huơ khói và lửa. Còn dăm mười con cố thủ chịu trận liều chết, không muốn bỏ đám con ở trong tổ. Nhưng ong làm sao khôn bằng người, nên cuối cùng đã bay chạy hết. Tôi lần mò, kiễng chân với lấy tổ ong, tổ ong nặng chịch, to như cái bát chiết yêu, đầy nhóc những con nhộng ong. Tôi đường hoàng cầm tổ ong to đi ra, trước những con mắt mở to của các cậu.

Cậu Thiện lúc này cũng đã mò đến, tôi hỏi các cậu có muốn thường thức, món nhộng ong không? Khó có chất tăng lực nào bằng, cậu Thiện lắc đầu, sợ không

dám ăn, bốn cậu kia mừng ra mặt. Còn một chút giẻ, tôi bẻ mấy cành khô, đã có một ngọn lửa nhỏ, đủ hơ chín cả tổ ong, tôi xé cho bốn cậu một nửa, còn phần tôi một nửa. Món này tôi vẫn thích từ nhỏ, bây giờ tôi lại đang cần bồi dưỡng, để chuẩn bị với những trận say sóng, cố hữu của tôi.

Chuyến đi này cũng có một điềm lạ, tôi đã được bồi dưỡng một tổ ong, ngay ở chỗ nằm ếm, trước khi khởi hành. Mặt trời đã lên đến một con sào, ông "cao gầy" mới dóng dả mọi người theo ông, đi ra thuyền.

Xa xa ở một vụng bãi, một con thuyền to với cánh buồm nâu tươi nhọn hoắt đang nhấp nhô, lắc lư như đầu một chiếc bút lông đang vẽ, viết lên nền trời xanh lam. Con thuyền buồm duy nhất, nhấp nhô một mình trong bến vắng. Đoàn người, lần lượt lên thuyền, hơi ngạc nhiên, tôi ghé hỏi nhỏ ông cao gầy:

- Thuyền có máy không vậy ông?

Ông cười nhẹ, rồi lườm tôi, xong cũng nói nhỏ:

- Tình báo mà phải hỏi!

Tôi quay lại, nhìn ông, mí mắt trái tôi cũng hơi động đậy. Ông này là ai, mà đã biết về tôi? Tôi cũng hiểu luôn, ông này đã đánh giá về tôi sai lầm. ông tưởng tôi đã biết, nhưng thực sự tôi chưa hề biết gì cả, nếu có chăng chỉ là một chút phản xạ tức thời. Thuyền có máy! Qua cách ông hỏi và ông lườm tôi, nếu ông bình thường, tôi phải hỏi người khác nữa hay người chủ tàu.

Mặt trời như một bóng đèn pha cực mạnh, thỉnh thoảng lại ló mặt ra nhòm, sau những tảng bông gòn lổn nhổn, hỗn độn. Đoàn người lần lượt chui xuống hầm thuyền, mỗi người, mỗi gia đình tùy theo tìm một chỗ cho mình, một tiếng khàn khàn dõng dạc phía mũi thuyền:

- Hãy căng buồm lên? Tiến?

Đã biết nhược điểm của mình. . ., ngay những giờ đầu phải quan sát cảnh vật. . . ..được ít nào, sóng lùng của sông nước sẽ đè tôi nằm bẹp. Nghĩ thế, tôi bò ra sát chiếc cửa sổ con, ở mé thuyền.

Một đôi chim hải âu trắng toát từ phía bên kia bờ, xoải cánh đến đậu ngay trên đầu chiếc cột buồm, kêu en....ét, như chào, như tiễn biệt con thuyền viễn xứ. Buồm

căng gió, con thuyền tiến dần, rồi rẽ nước tiến chui về phía trước. Tiếng bì bạch của sóng nước, vỗ vào mạn thuyền, nghe mơ hồ như dư âm của bài Thuyền Trăng vương vãi, vào gió mặn:

Gió đưa... con thuyền dạo chơi...xứ thơ...

Thuyền hỡi... nhớ về cùng bến....mong chờ.

Thuyền lướt theo gió chừng nửa giờ, bỗng một tiếng phì dài nghe như tiếng xì hơi của xe lửa Thống Nhất, làm nhiều người đều ngửng đầu nhơ ngác. Có tiếng nói nhỏ phía cuối thuyền, rót vào trong gió:

- Cá voi !

Tôi thò đầu, ngoái hẳn ra ngoài: phía bên kia chừng hơn 100 mét, hai đuôi con cá voi to như hai chiếc quạt giấy khổng lồ, mầu trắng xám dựng ngược, đang chìm dần xuống mặt nước. Những tiếng phì phì phun ra những luồng hơi nước trắng xóa trên sóng nước. Lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn thấy, có một cụ già giọng khào khào:

- Đấy là điềm may!

Tiếng phì phì cứ đeo đẳng, hình như mấy con cá voi đang nô đùa đuổi nhau, theo con thuyền. Bóng ông cao gầy từ sàn trên đi xuống, nhiều người đều hướng mắt về ông; có lẽ ông thấy sự băn khoăn của mọi người, ông nói nhè nhẹ:

- Đàn cá voi con! Thuyền đã ra cửa biển!

Đột nhiên có hai phát súng từ phía xa réo lên, làm xanh mắt mọi người. Ông cao gầy chạy vội lên sàn, đóng cửa, tôi liếc nhanh phía bên ngoài, một chiếc ca- nô từ góc xa bên kia, đang chĩa mũi tiến về phía con thuyền. Nhiều tiếng quát tháo ở sàn trên:

- Bỏ lưới ra !

- Kẻo càng cản ra!

- Hạ lưới xuống!

Chiếc ca nô đã đến gần, chỉ còn khoảng gần 200 mét, mặt ai cũng trắng bạch ra, tôi chuẩn bị tư thế làm lại như chuyến trước ! Ở đây chỉ cách bờ hơn trăm mét! Chiếc ca- nô chỉ còn chừng hai, ba chục mét, tôi đã trông rõ 7- 8 tên CA biên phòng, đeo

súng ống lố nhố.

Giữa cái phút giây ranh giới tù đày và tự do này, thì phía xa bên kia bờ sông, có một chiếc thuyền đang lao vút ra phía cửa biển. Mấy tên trên chiếc ca- nô chỉ trỏ về phía chiếc thuyền lạ, rồi chúng quay mũi ca nô về chiếc thuyền lạ phía xa, khi chiếc ca-nô quay mũi, thì chỉ cách thuyền buồm còn hơn chục mét, tôi đã nhìn rõ hai ngôi sao trên một vạch vàng, của một tên mặt bèn bẹt như lưỡi xẻng, xúc phân heo.

Hẳn chúng đã nhìn rõ chiếc thuyền buồm đánh cá, nếu có thời gian thì chúng cũng lên hoạnh họe hỏi giấy tờ. Vòi, moi, tí chút cà phê, thuốc lá, nhưng lại có con thuyền đang vùn vụt chạy máy ra khơi, chúng phải bỏ cái ”bóng” để bắt cái ”mồi “. Hiểu chuyện, thì cả chiếc thuyền buồm phải cúi đầu tạ ơn chiếc thuyền lạ ” cứu tinh “.

Tôi vẫn tin đời là kỳ diệu!

Khi chiếc ca-nô chạy xa chừng hơn 100 mét, thì những giọng quát tháo, hò hét lẫn lộn luồn vào trong gió lộng.

- Căng buồm theo gió !

- Kéo cản và lưới lên!

Ông cao gầy lại mò xuống sàn dưới, lần này ông đến gần khu giữa, cúi xuống nhấc một cánh cửa mở ra, ông thò đầu xuống hô

- Mở máy lên!

Con thuyền như rùng mình, rồi vùn vụt tiến ra khơi! Thật là nhịp nhàng kết hợp giữa nghệ thuật, nỗ lực của con người với sự giúp đỡ thần bí của đất trời. Tôi chợt thấy, nếu vì lý do gì bị chết máy, như lần trước, thì cánh buồm vẫn chậm chạp đưa thuyền đến bến. Một ý nghĩ phảng phất: Con thuyền này thân với thằng Lợi, biết đâu chả có ý kiến của nó, cho chuyện cánh buồm này?

Gió biển khơi càng lộng, buồm càng căng phồng ôm gió mặn, tiếng máy rù rì lẫn vào sóng nước, như một bản cộng hướng giữa khoa học và thiên nhiên, giữa cánh buồm và công suất của máy, con thuyền rẽ sóng đi vùn vụt. Mấy người ở sàn trên chuyện trò, bàn tán đã rắc lọt qua những kẽ hở, xuống dưới hầm:

- Chẳng một tàu CA nào, đuổi kịp chiếc thuyền này!

Phần vì đã tạm yên lòng, phần vì các bà thần sóng đã bắt đầu hành tôi. Người tôi nôn nao, chẳng cần biết nước, trời ra sao nữa, tôi nằm vật vào một góc thuyền mê man. Đã chuẩn bị sẵn, nên tôi không dám ăn uống hàng giờ, trước khi lên thuyền. Hai chiếc túi giấy, luôn để sẵn trong tay nải, thế mà tôi vẫn nôn thốc, nôn tháo, mật xanh, mật vàng vào túi giấy hết, tôi chẳng còn ý niệm giờ giấc, ngày và đêm. Tôi nằm lịm đi chẳng biết là bao lâu, mở mắt ra, người nằm mà cứ lắc lư như đua võng. Tiếng gió, tiếng sóng và tiếng máy thuyền rì rì, chả hiểu con thuyền đã đi được bao lâu?

Đã có những bài học từ những lần say sóng trước, tôi lục tay nải lấy hộp sữa đặc, tôi mút một ít sữa lấy lại sức. Sàn thuyền nằm la liệt đầy người. Tôi mút thêm tí sữa nữa, quấn gọn chiếc tay nải, rồi tôi mò lên sàn trên, bầu trời đêm tím ngắt như hoa sim đầu mùa Thu. Đồng hồ chỉ hơn hai giờ, gió biển lạnh thốc vào mặt, làm tôi tỉnh ra hơn. Buộc chặt chiếc tay nải vào người, tôi trèo hẳn lên sàn thuyền, sóng bạc đầu trắng xóa, đột nhiên một đàn cá đen xì, to như những con trâu mộng cứ nhào lộn đuổi theo con thuyền, một cảm giác huyền bí lạnh xương sống xâm chiếm hồn tôi. Tôi tưởng như những con quỷ biển đang đuổi theo để bắt, để nuốt những sinh mạng trong con thuyền nhỏ bé giữa đại dương bao la, bí hiểm.

Hàng chục con, vật lộn với những lớp sóng bạc đầu, gần đuổi kịp con thuyền. Có một con đen trũi, to như con voi ”ma-mút ” nhào tới sát đuôi con thuyền kêu en ét....hồng hộc, kéo dài như còi tàu hỏa: Nghe như tiếng rú gào của quỷ biển, đòi “nộp mạng”. Một luồng gió lạnh rót vào xương sống, làm người tôi nổi gai ốc!

Thật lạ lùng, cảm giác của tôi giống như đã có lần, trong chuyến đi thuyền thắng Lợi, gần hai năm trước. Tôi đinh ninh tất cả những sinh mạng trong con thuyền, đã đến giờ phút chôn vùi, trong lòng đại dương huyền bí này.

Cảm giác tâm lý của con người, cũng kỳ diệu! Cũng những con cá này, nhìn chúng ở Aquarium, ở những hồ bơi trong thành phố, chúng như một món hàng ngộ nghĩnh, hiền lành, để ta đùa vui chiêm ngưỡng. Nhưng trong lúc này, thấy chúng huyền bí, có nhiều quyền lực linh thiêng làm chúng ta chết và sống! Tôi vẫn coi

thường sự hiểm nguy coi cái chết là " hòa ", vì có còn biết gì đâu mà sợ? Thế mà lại lạnh xương sống, nổi da gà trong lúc này?

Trong ánh sáng mập mờ của biển khơi, của trời rộng, rõ ràng, tôi nhìn thấy một con chim đứng co ro trên cái chạng ngang, đầu cột buồm. Có phải con chim không? Tôi không tin ở mắt mình! Chung quanh chỉ có nước với trời, làm gì có con chim nào, lại đậu ở trên thuyền?

Như một luồng điện nhoáng lên trong óc tôi! Đúng rồi! Nó là một trong hai con hải âu ở vùng Chu Hải Vũng Tàu, đã đến chào tiễn biệt con thuyền viễn xứ này mà? Vậy còn một con nữa ở đâu? Không biết cho đến giờ đã mấy ngày đêm rồi? Rõ ràng nó chẳng có cái gì ăn, uống, chẳng được nằm, cứ đứng chịu lạnh trong gió lộng suốt đêm ngày. Lòng thương cảm giàn ra, tôi muốn gọi nó xuống, tôi sẽ vào hỏi bà con trong thuyền kiếm cho nó chút lương thực, nhưng tôi loay hoay không biết cách nào để nói chuyện với nó. Sao nó lại không biết đây là một con thuyền vượt đại dương? Có phải nó đến chào con thuyền? Một người bạn nữa đã đi đâu? Hàng chục điều, tôi muốn hỏi nó mà đành câm nín.

Người tôi vẫn lao đao, cồn cào với con thuyền lắc lư, nhưng vì tình thương con chim, nó còn đang phải chịu đựng những cái khó khăn, mà chính tôi không thể gánh chịu được. Chính vì niềm lắt lay với con chim, bệnh say sóng của tôi đã giảm đi rõ rệt.

Tôi nhìn, ở mãi góc gần buồng hoa tiêu, có một cái thang nhỏ chừng hai mét. Lảo đảo tôi mò đến, tháo cái thang. Khi dựng vào cạnh cột buồm, con thuyền cứ nghiêng ngả, ngay cái thang không, cũng còn không đứng vững, nếu trèo lên thì sẽ đổ ngã.

Đổ ngã ở đây là xuống biển chơi với mấy con cá đang đợi chờ. Hơn nữa với con mắt ước lượng, dù có trèo lên thang thì cũng không tới con chim, vì lòng cảm xúc với con chim đang gặp cái khó khăn nghiệt ngã, nên tôi cứ định trèo lên để cứu nó. Tôi đã lướt qua, không lượng định hết những điều, tôi không thể làm được:

- Không thể trèo được, trong khi con thuyền nghiêng ngả.
- Có trèo được, cũng không với tay tới.

- Nó có đồng ý để tay tôi, cầm vào người nó hay không?

Từ nãy, tâm trí của tôi để hết vào chuyện con chim. Một người từ sớm, trong phòng hoa tiêu đã theo dõi mọi hành động của tôi. Anh ta đã lách ra từ phòng hoa tiêu, cầm theo một thanh gỗ dài gần hai mét, lom khom đến gần tôi, chỗ cột buồm. Chính là cái anh chàng cao gầy đã lườm tôi một lần, khi tôi hỏi "thuyền có máy không?". Gió bắt đầu lộng thêm, rồi có mấy tia chớp lằng nhằng, vạch ngang dọc ở một góc trời (tôi chả còn biết là hướng nào). Những tiếng nổ gầm ghì, rung rinh cả biển, lẫn trời.

Lộp độp những hạt mưa to tướng gõ vào sàn thuyền, như đàn gà mổ thóc trên cái nia. Trời như bị rách, rạn ra, do sấm chớp, nước đổ xuống ào ào, mưa như trút nước, tôi chưa thấy mưa nhiều và to hạt như vậy trên đất liền.

Con thuyền càng chồm lên, ngả nghiêng, nhưng anh chàng cao gầy vẫn đặt cái thang vào cột buồm, rồi ghì đè chặt, tiếng anh quẩn vào hạt mưa:

- Tôi giữ, anh trèo lên đi!

Lại có một người nữa không ngại mưa gió như mình, tôi đã cầm lấy thanh gỗ và nhìn xuyên mưa, vào mắt anh. Tôi không nói ra lời, nhưng tôi tin anh đã hiểu, tôi muốn nói qua ánh mắt: "mưa gió không cản trở chúng ta được". Bản thân tôi cũng không ngờ, mưa và gió đã làm cái bệnh say sóng của tôi, từ từ giã biệt tôi

Con chim càng giúi đầu vào cái khe cánh buồm, ướt như chiếc giẻ dúng vào thau nước, nó đờ đẫn mê dại không còn cái rụt rè sợ sệt, của một con chim. Lúc đầu tôi đưa thanh gỗ đến, nó không hiểu, nên như muốn tránh, có thể sau nó đã hiểu ra, hoặc " cu cậu " chả còn cách nào khác nên đã ngoan ngoãn bấu chặt vào đầu thanh gỗ tôi đưa đến. Tôi đã ôm nó vào người, như muốn sưởi ấm cho nó, nhưng tôi quên mất là người tôi cũng ướt chẳng khác gì nó.

Tôi và con chim, đã theo anh cao gầy vào phòng hoa tiêu. Trong phòng, có một bác gần sáu mươi tuổi, qua ánh mắt và đôi cánh tay đang điều khiển con thuyền, đã nói lên phong độ con người của bác, và một thanh niên trẻ gần hai mươi, là con trai của bác. Tôi lạnh và con chim cũng lạnh ướt, anh cao gầy cũng ướt át dẫn tôi xuống hầm máy, để sưởi và thay quần áo. Ngoài trời biển vẫn sấm chớp mưa rơi

tầm tã, nửa giờ sau con chim đã tỉnh dần, cu cậu thoáng nhìn cái cóng gạo tôi đưa đến, đã mổ lấy mổ để, chẳng cần đợi tôi mời. Tôi muốn hỏi nó:

- Mày là con trai hay con gái?

- Ở vùng Chu Hải chúng mày muốn đến chào tiễn chúng tao đi hay chính chúng mày cũng muốn vượt biên?

- Người bạn của mày, vì sao bỏ lại mày một mình?

Còn nhiều câu hỏi nữa, nhưng tôi đành chịu chết, tự suy đoán mà hiểu.

Bây giờ thì tôi đã biết, con thuyền đã đi được hai đêm với một ngày rưỡi, với sức máy và cánh buồm kết hợp, qua anh cao gầy, con thuyền có thể đi hàng chục hải lý một giờ. Khi sưởi ấm ở cạnh máy thuyền, tôi được biết anh cao gầy là Trần Ngọc Nghĩa, anh là đại úy, binh chủng mũ đỏ, với mầu mũ này anh đã vùng vẫy ngang dọc trên khắp bốn vùng chiến thuật. Đơn vị của anh là mũi dùi cởi vòng vây An Lộc, anh đã bị thương nhẹ một lần, và anh cũng nằm ấp hơn sáu năm. Điều lý thú là anh cũng đã từng ở trại T 52 Hà Sơn Bình, anh mới được ra tù đầu 1982. Lúc đầu gặp anh, ở khu vực nằm ếm Chu Hải, tôi và anh lạnh lùng, tưởng không ưa nhau. Nhưng chính do con chim hải âu vượt biên, là một giây nối, để rồi có điều kiện cùng sưởi quần áo, trong hầm máy với nhau. Anh đã thân quen với vợ chồng Phạm Lộc+ Liên, nên hẳn anh đã biết một chút về tôi như Phạm Lộc. Vậy với những điều Phạm Lộc biết về tôi, để nói chuyện với Nghĩa. Một điều lý thú nữa, Nghĩa ở trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức ra, tôi vội hỏi, ra trường năm nào và học khóa nào? Nghĩa nói với vẻ mặt tự hào, hơi một thoáng đăm chiêu:

- Tôi ra trường cuối 1963, học khoá 12.

Tôi không thể ngờ Nghĩa lại ở khóa sát tôi, ít ra cũng cùng một mái trường, dù tôi chỉ hơn một tuần lễ, nhưng tôi đã không hề đề cập vấn đề này với Nghĩa.

Chỉ ngày hôm sau, con chim đã quen với người. Có người cho nó ăn, cái này, cái khác. Thậm chí mấy đứa nhỏ cho nó ăn cả kẹo, con chim mến người, có lúc nó lên cả sàn thuyền, nhưng nó vẫn không bay đi! Tôi chợt nghĩ: Nếu nó có muốn bay, thì

bay đi đâu? Chỉ có trời với nước, hơn nữa ở lại, có đủ thức ăn cho nó sống. Còn

một điều nữa: ” Tôi nghĩ thầm” Đã cùng là người tỵ nạn trên một con thuyền, phải gắn bó sống chết với thuyền, như mọi người.

Một buổi trưa, tôi chìm vào một giấc ngủ bù mê mệt, chẳng biết bao lâu, có người lay tay tôi dậy. À con chim! Chiếc mỏ mầu lá mai già cứ ngậm vào ngón tay cái của tôi, cắn nhẹ rồi lại cắn liên tục, nó như có ý muốn ngả nằm cạnh tôi. Tôi dịch lại, và nó đã nằm sát ngay bụng của tôi, một hơi ấm lăn tăn chuyền qua giữa chim và người.

Mắt nó vẫn mở trừng trừng như đeo kính, con ngươi của nó mầu hồng hơi hung đỏ, giữa một vòng mầu vàng bắp chín không động đậy. Tôi cũng chưa biết hải âu ngủ có nhắm mắt không? Mắt tôi dìu xuống, lơ mơ, dòng tư tưởng của tôi vẩn vơ về con chim, cứ cho là nó cũng có ý vượt biên đi ra ngoại quốc như chúng tôi.

Chúng tôi rõ ràng là vì chính kiến ngược chiều với lũ cầm quyền, vậy nó thì vì sao? Tôi không thể tìm ra một lý do nào khác, ngoài vấn đề kinh tế, một xã hội quá đói khổ, con người còn vật lộn tìm cái ăn, còn đâu có thừa thãi cho chim? Một ý tường chợt lóe lên, nó cũng vì chính trị nên đã vượt chạy ra nước ngoài.

Khi người dân thiếu đói, nếu thấy chim, hay bất cứ con vật gì đều tìm cách bắt hay bẫy, ráo riết hơn, cuộc sống của chúng nó cũng không yên lành. Tôi mở mắt ra nhìn con chim, mắt nó vẫn thao láo không động đậy, nhưng cái nhìn của tôi bây giờ là nhìn một sinh vật đồng cảnh tị nạn, khác với những ngày trước. Tôi chợt nhìn xuống lưng phía cánh phải của nó, bị cháy xém đen một đám. Tôi bò giựt dậy, làm con chim cũng thức đậy đứng lên.

Tôi nhìn quanh, không hiểu ai đã làm con chim bị cháy thế này? Nhiều người nhìn tôi, có hai cậu thanh niên, lách người tiến đến, một cậu nhìn chỗ cháy xem của con chim, rồi quay lại tôi:

- Chúng em xin lỗi, khi nãy vô tình vất một cái tàn thuốc lên lưng nó, nằm góc kia. Khi có khói, chúng em dập ngay, chỉ xém mấy cái lông, người nó không sao!

Tôi vạch chỗ đó, thì quả như vậy, hơi buồn, nhưng tôi đã ca ngợi các cậu là những người có lòng tự trọng, có bản lĩnh, dám nhận cái lỗi, dù nhỏ của mình.

Tôi ôm con chim mò lên sàn thuyền, mặt trời đã ố vàng ngả dần xuống mặt nước

về hướng Tây. Trên sàn lúc này cũng có nhiều người, có thể con thuyền đã đi được 4 – 5 ngày, đã nằm ngoài hải phận Quốc Tế, không sợ tàu Hải quân cộng sản nữa. Niềm hy vọng đã thập thò, le lói ra từng khóe mắt của mỗi người. Đã có những gia đình, mang cả bạt, cả chiếu trải ra để nằm, ngắm trời, mây, gió, nước, nhất là từ chiều, gió giảm nhẹ dần.

Cánh buồm hơi đói gió, chỉ còn một mình sức máy vừa đủ, đẩy con thuyền đi từ từ. Mặt trời còn cách mặt nước chừng hai con sào, thì gió lộng dần, sóng bắt đầu nhổm dậy cuồn cuộn, trắng cả đầu. Cột buồm hình như gù xuống, bụng phình to ra, một vài tiếng gầm ghì của sấm rền mãi chân trời, phía dưới nước. Con thuyền tôi có cảm tưởng, như một người khách bộ hành, khi sớm đang thả bước nhàn du, ngắm trời, nước, ngắm thiên nhiên; nhưng trời đã chiều, nhà còn xa, nên rảo bước nhanh hơn. Một thoáng lòng tôi chạnh nhớ đến Bà Huyện Thanh Quan, trong đoản thơ Hoàng Hôn Nhớ Nhà 2, vần ” ôn “.

Trời chiều bảng lảng .....bóng hoàng hôn.

Tiếng sấm xa nghe.....lẫn sóng dồn.

Gác mái ngư ông .....về viễn phố.

Gõ sừng mục tử.....lại cố thôn.

.....

Kẻ chốn trang đài.....người lữ thứ.....

Lấy ai.....mà kể.....nỗi.....hàn ôn.

Bây giờ thì người khách bộ hành, đã ba chân bốn cẳng chạy như điên, người ta sợ gió lộng, và có thể mưa nên đã kéo nhau dần hết xuống dưới sàn. Cái người ta sợ, người ta không thích thì tôi lại ưa, tôi quàng cái áo của thằng Lợi phế thải, từ mấy tháng trước để đi làm ở Biên Hòa. Tôi ủ con chim vào bên trong, mò ra một góc khuất phía sau buồng hoa tiêu phía cuối thuyền. Một chỗ ngồi lý tưởng để nghe gió lộng, để nhìn những núi sóng cuồn cuộn gào rú và để cảm nhận cái thú ” một thuở ngàn năm ” ngắm mảnh mặt trời chiều, chui xuống biển.

Từ sớm tôi đã lách vào phòng hoa tiêu (do anh Nghĩa tôi đã quen), hỏi bác thuyền trưởng nhiều kinh nghiệm, là thuyền đi về hướng nước nào? Bác là Lý Văn Bang,

đã dè dặt cho biết:

“Do ba ngày trước, khi ra khỏi Côn Sơn, gặp một đoàn thuyền đánh cá; bác biết là từ đảo Phú Quốc, bác đã chạy tránh, nên hơi bị sai lệch tọa độ. Vì thế, bác không thể xác định 100 phần trăm, chỉ biết gần đúng! Thuyền có thể đến Mã Lai hoặc Indo, và cũng không biết chắc, là từ 3 hoặc 5 ngày nữa “.

Tôi đang ngồi lắng đọng thả hồn vào tiếng sóng dào dạt, réo gọi gió, tôi giật mình, có ai bẹo, chí vào bụng tôi. Ối giời ơi ! Con chim chó chết! Tôi thông cảm cùng cảnh ngộ, nên ủ vào người cho cu cậu (hay cô nàng) yên ấm. Không ngờ, ” cu cậu ” lại dùng mỏ ” bẹo, chí ” bụng của tôi. Tôi thò một tay vào nắm nhẹ đầu nó, hơi ve vuốt, thế là cu cậu lại ngoan ngoãn nằm yên.

Con chim đã làm cho ruột gan tôi như quấn, cuộn lại với nỗi nhớ thương người mẹ mù lòa của tôi, không biết bây giờ người ra sao? Nhưng tôi biết rõ, và tin như thể tin tôi, là mẹ tôi vẫn ngày đêm dõi theo bóng dáng người con trai này của mẹ; ruổi rong sống và chết trong biết bao nhiêu tình huống người không thể biết. Vì thế, chắc chắn người vẫn cầu khấn Chúa và Đức Mẹ, cho người con trai này. Một nỗi nhớ cồn cào về người mẹ kính yêu, lẫn vào trong tiếng sóng, tiếng gió tôi nghe rõ những lời của bài “Lòng Mẹ” của Y Vân:

Lòng mẹ bao la như biển… … Thái Bình…. dạt dào.
Tình mẹ tha thiết như dòng…. suối hiền…. ngọt ngào
Lời mẹ êm ái…. . như đồng lúa chiều …. . rì rào… … … …. Thương con…. thao thức bao đêm trường
Con đã yên giấc mẹ hiền….. vui sướng biết bao
Thương con khuya sớm….. bao tháng ngày
Lặn lội gieo neo….. nuôi con tới ngày lớn khôn

Dù cho mưa gió…. không quản thân gầy….. mẹ hiền
Một sương hai nắng…. cho bạc mái đầu buồn phiền
Ngày đêm sớm tối vui cùng….. con nhỏ một niềm
Tiếng ru êm đềm…. mẹ hiền năm tháng….. triền miên
Bao năm nước mắt…. như suối nguồn
Chảy vào tim con, mái tóc chót….. đành đẫm sương … ….
Dù cho phai…. nắng nhưng lòng thương chẳng lạt màu
Vẫn mong quay về….. vui vầy dưới bóng….. mẹ yêu.

Tôi đã nhắm mắt lại, và lịm đi cho hồn tôi ngâm giầm vào lời ca, tiếng nhạc. Rồi cũng chính con hải âu đang nằm trong bụng tôi lại ngó ngoáy, cựa quậy để cho hồn

tôi lại chảy dài về với người vợ thương yêu và đứa con gái yêu của tôi. Con tôi còn nhỏ quá chưa biết gì, nhưng chắc chắn em Hoa yêu thương của anh cũng nát lòng, dù cho em có là người được trời phú cho dễ ngủ.

Anh vẫn tin chắc, em đã có những trận cuồng phong, bão tố ở trong lòng. Có thể người chồng của mình ra đi sẽ:

- Gặp cướp biển
- Bị hải quân tuần tiễu của lũ cộng đuổi bắt!
- Cuồng phong, bão tố của biển khơi, đã nhận chìm xuống lòng biển!
- Đến nơi, đến bờ nhưng đã thay lòng, đi với người khác?

Nghĩa là, người chồng ấy đến 90 phần trăm là ra đi không trở lại. Một mình lẻ bóng, ôm đứa con thơ với người mẹ mù lòa, giữa chợ đời đói khổ !

Nhìn về phía Đông Bắc tím thẫm trong dáng chiều, mấy vạt mây đen nằm trải dài sát mặt nước. Tôi hiểu, nơi ấy là quê hương, tổ quốc của tôi, có mồ mả ông cha, tổ tiên, có người mẹ mù, người vợ trẻ và đứa con thơ của tôi. Ruột tôi như cuộn vò lại, em Hoa ơi!

Để lòng anh phần nào đỡ nẫu, nát trong nhớ thương, anh nhớ khi chúng ta nên đôi chồng vợ, có một lần anh hát tặng em bài ca Hoa Biển. Chỉ vì bài ấy có cái tên là "hoa". Giọng của anh như cơm nguội, ăn với nước dưa chua.

Bây giờ, trong hoàng hôn lộng gió giữa biển khơi, trên con thuyền vô định, anh sẽ dùng tiếng gào của sóng biển thay tiếng đàn, và tiếng gió quất đập của cánh buồm, thay nhịp trống. Một mình, anh hét, hò giữa trời, nước mênh mông, không sợ ai nghe:

Ngày xưa ... ...em anh hay hờn dỗi!

Giận anh khi anh chưa kịp tới... ...

Trùng khơi.....nổi gió lênh đênh triền sóng.....

thấy lung linh rừng hoa.

Mầu hoa ....thật trắng, ôi hoa nở thắm.....

ngất ngây lòng thêm.....

Vượt bao hải lý.....chưa nghe vừa ý.....

lắc lư con thuyền đi,

Chỉ thấy bọt nước, tan theo ngọn sóng.....

dáng hoa kia mịt mùng.....

Em ơi.....buồn phiền.....x

in như hoa sóng.... tan trong đại dương

(Hoa Biển của Anh Thy)

Mặt trời đã chìm xuống lòng biển từ lâu, phía trái một mảnh trăng gầy đúng một nửa, như con mắt của dạ thần đang lườm nguýt, con thuyền đơn độc giữa đại dương. Nhìn mảnh trăng sầu, tôi nhớ đến một ý thơ, đã trở thành ca dao phổ cập:

Vừng trăng... ...ai xẻ làm đôi?

Nửa in gối chiếc.....nửa soi .....dặm trường. . ...

Một làn hơi lạnh ngóm luồn vào trong gió, lách vào cổ, vào tai làm cho tôi rùng mình. Hẳn đã 9 – 10 giờ đêm, tôi mò xuống sàn về chỗ nằm. Tôi lục cái tay nải, tìm cái túi gạo con con, tôi đã xin được của một gia đình. Tôi bốc ra một nắm để vào cái cóng sữa bò. Chỉ một bóng đèn dầu treo mãi phía vách thuyền gần ca-bin,

ánh sáng le lói một vài tia mờ mờ vươn tới; thế mà con chim vẫn mò mẫm ăn cho bằng hết chỗ gạo.

Tôi cố gắng lảo đảo đem chiếc cóng lại bồn nước lấy đầy cho nó. Tôi loay hoay tìm chỗ ngả lưng, quay lại con chim đã mò uống hết cả nước rồi. Phần tôi đã 4-5 ngày với hộp sữa Ông Thọ khi nào quá mệt tôi lại mút một ít. Hôm nay đã cạn rồi, tôi mượn cái mở hộp của một bà có con nhỏ, tôi xin ít nước sôi cho vào khoắng uống hết. Tôi lại ôm con chim vào lòng, nằm kềnh ra để nghe tiếng nhạc kẽo kẹt của con thuyền, lướt về phương trời mờ mịt.

46. RA KHƠI ĐẾN BỜ

Đã mấy ngày rồi, con chim và tôi đều như muốn tìm một chút hơi ấm của nhau, trong chiếc áo nhựa. Nó cứ rúc mãi vào sát bụng tôi, hồn tôi đang liu riu lững lờ vào giấc mộng bập bềnh, của con thuyền. Bỗng có tiếng xôn xao:

- Có ánh đèn!

Như một tiếng ” phèng ” trong đêm đen choảng vào con thuyền! Tôi và nhiều người nhớn nhác bò nhổm dậy, tôi nhào tới cửa, rúc lên sàn thuyền. Giữa cái thẫm đen mịt mù của trời và nước, rõ ràng có một vũng rạng ra, trắng như chiếc ngà voi, tưởng rằng có một ánh sao trong làn mây. Nhưng rồi như có một mảng mây dầy, chậm chạp che dần, rồi trở thành một mầu đen thẫm, như chung quanh.
Người ta kéo xuống hầm thuyền dần, tôi còn ngồi lại cố mong chờ trong chỗ mù mịt tối đen ấy, sẽ có một nguồn sáng để mang niềm hy vọng cho con thuyền. Phần vì mấy ngày nay giấc ngủ chông chênh, cứ khi nào mệt quá thì thiếp đi một lúc. Phần khác, có thể sức mòn vì thiếu ăn, vẫn chỗ ngồi dựa một góc khuất sau buồng hoa tiêu, tôi đã đi vào miền mất cảm giác lúc nào không hay.
Mãi tới khi như có người sờ vào cổ tôi gãi gãi, mở mắt đã thấy nước trời đổi thành mầu lá nhãn. Tôi đã nhìn thấy mầu trắng của những làn sóng bạc đầu. Con chim tị nạn đã chui ra khỏi bụng tôi từ bao giờ, nó đứng sát ngay mặt tôi, một chân trên vai, một trên ngực. Cái đầu nó cứ dụi vào cổ tôi, như muốn đánh thức tôi dậy, phía chân trời đã rạng hồng, rồi đỏ lên. Tôi đã ôm con chim vào lòng như một lời cảm ơn, gọi tôi dậy để tận hưởng ánh bình minh của đất trời. Nhưng rõ ràng, lẫn vào tiếng rì rào của sóng, có mấy tiếng kêu:
U oách... u... . .oách... khu... . .oách... khách ... khách... Rồi bỗng nhiên, chính con tị nạn ở ngực, vai tôi cũng rối rít kêukhu... oách... khu ... oách... Từ ngày tôi cứu nó, chưa bao giờ tôi thấy nó kêu. Nó làm cho tôi quên cả mệt, cả đói, tôi ngồi hẳn dậy. Một nửa cái nia đỏ như nhuộm máu bò, đã thò lên khỏi mặt nước, từ mặt biển phía Đông, làm đỏ hồng cả cánh buồm và con chim. Một đàn bảy con hải âu trắng toát đang bay lượn quanh con thuyền, miệng kêu: Khu ... oách... khu . . . .oách... . Con tị nạn, mắt chớp lia lịa, lại giụi đầu vào cổ tôi, thái độ hưng phấn khác thường. Nó giang hẳn hai cánh ra vẫy vẫy, như đáp lại đàn hải âu đang bay lượn, nó ngửng hẳn cổ lên trời miệng lại kêu: Khu oách... . khu... . oách... .Tôi đờ hẳn người ra, chưa kịp phản ứng, con chim lại nhẩy lên vai tôi, rồi lại giụi đầu vào cổ tôi như khi nãy. Tôi chợt hiểu, nên tôi khẽ vuốt đầu nó, và tôi gật gật.
Nó sải cánh một cái rồi bay vụt lên theo đàn hải âu bay đi mất hút chỉ còn vẳng lại

những tiếng khu... oách. . . ..khu ... .oách...nhỏ dần. Tôi bần thần cả người, con chim đã bay đi rồi ư? Tôi ngồi xuống mạn thuyền, lắng đọng đăm chiêu: Như thế vừa rồi, tôi đã lầm, tôi tưởng con chim giụi đầu gọi tôi dậy, để ngắm ánh bình minh của đại dương? Nó gọi tôi dậy, chào tôi để ra đi với đồng loại, dù sao nó cũng có nghĩa, có tình, tôi bằng lòng. Một cánh tay đặt lên vai tôi, anh Nghĩa, giọng đứt quãng của anh quẩn vào gió mặn:

- Anh đã giúp nó toại nguyện! Tìm được khung trời tự do!

Nghĩa đã biết tôi ngồi suốt đêm qua, phía sau buồng lái, một ý thoáng đến, tôi vồ vào vai anh Nghĩa: ” Gần đây phải có đảo hay đất liền ! ” Nghĩa đã nắm chặt tay tôi, nói như gà gại ổ đẻ:

- Thấy đàn chim, từ sớm chúng tôi đã nghĩ như anh!

Như vậy họ đã biết trước tôi rồi! Cũng có nghĩa ánh đèn sáng mơ hồ đêm qua, không phải trong hồ mơ? Anh Nghĩa kéo tôi vào buồng lái, tôi gặp lại bác Bang, tôi mới hiểu bác và Nghĩa có họ hàng. Nghĩa lôi ở một cái hộc ra gói bánh ngọt, chính bác Bang cũng đang băn khoăn, theo bác phải hai ba ngày nữa mới tới Indo hoặc Mã Lai, nhưng khi thấy đàn chim thì đảo hay đất liền phải gần đây, dù sao cũng mang nhiều hy vọng.

Nhìn nét mặt cương nghị, từng trải của bác Bang, tôi rất mến mộ, bác cũng tỏ thiện cảm, bảo Nghĩa cầm lái. Bác kéo cái “phích” có cà phê nóng, bác rót một ly con đưa cho tôi, với thái độ “gió sương” không mời. Từ lúc Nghĩa chưa lôi gói bánh ngọt ra, cái mùi mê người của nó, đã luồn ra chọc tứ tung vào mũi tôi rồi, nên khi bác đẩy bọc bánh đến vẻ “khinh tài” thì sao tôi từ chối?

Bác thăm hỏi một số nét về tôi, tôi cũng sơ lược, đi tù về là phải từ giã quê hương ra đi v.v. . . Xuống hầm về chỗ nằm, nhìn thấy cái cóng con đựng gạo, không biết con tị nạn bây giờ đã đi đâu? Hẳn nó đã có một cảnh đời mới ! Như cụ Nguyễn Công Trứ đã kết luận: Rút cuộc lại... ... ... mỗi người, riêng mỗi kiếp!

Gần trưa lại có tiếng ồn ào phía cuối thuyền, giọng một bà lanh lảnh:

- Có chiếc tàu to lắm!

Một số người xô nhau trèo lên sàn, tôi hơi mệt, nhưng cũng là những người đầu

tiên mò lên sàn thuyền, chỉ chừng 8- 10 cây số, một chiếc tàu trắng toát, trông như một toa xe lửa, hay chiếc xe "buýt" dài ở gần. Không thể nhìn thấy cờ nên không biết là tàu nước nào. Bà con vui mừng hô hoán, có người nhẩy lên gào, vời, nhưng con tàu hình như bé dần lại.

Mấy người nhanh trí đã lấy giấy báo và giẻ cũ đốt lên, con tàu cứ mỗi lúc bé lại và mờ đi, để rồi lẫn vào những lớp sóng bạc đầu mất tiêu. Con tàu hình như không hề trông thấy con thuyền buồm đơn độc, như một chiếc lá tre khô trên dòng Cửu Long cuồn cuộn chảy. Hay lương tâm nhân loại, đã chuyển thành lá cây, của mùa Đông? Con thuyền như gần lửa, sôi lên, nhưng một trận mưa rào đã làm ngọn lửa tắt rụi. Hôm nay đã là ngày thứ sáu, của con thuyền buồm, nhiều người đã tỏ ra mệt nhoài, ăn uống ngủ nghê thất thường, cộng với tinh thần căng thẳng lắng lo với công an cộng sản, cướp biển, bão tố v.v... Chưa nói nếu ai lại bị say sóng như tôi thì chỉ có nằm bệt. Còn hàng chục thứ khác giằng co, vò xé trong đầu của một người bỏ nước ra đi.

Mảnh mặt trời chiều đang chui dần xuống mặt nước, mầu gạch cua của da trời chuyển thành mầu lá mồng tơi già, phía Tây Nam lại rạng ra mầu nghệ non. Rõ ràng, không thể chệch vào đâu được nữa, tôi đã xô vào buồng lái gào, gọi bác Bang và anh Nghĩa :

- Bác và anh Nghĩa hãy coi kia !

Tay tôi chỉ về hướng có mấy ngọn đèn lẫn vào lớp sóng trắng đầu, lúc nhô lên, lúc lại mất đi. Bác Bang đã chuyển mũi hơi chếch về phía Tây Nam và những điểm sáng mỗi lúc càng sáng tỏ. Bà con chỉ có vài người mò lên, sợ cũng như những lần trước, thậm chí tôi đã trông thấy những bóng cây và cây tháp có bóng đèn, có lẽ là ngọn hải đăng của những vùng ven biển.

Lúc này thì bà con xô lên như vỡ đê; có lẽ ai cũng muốn chính mắt mình, phải nhìn thấy một lần cái bóng dáng tương lai có giống, ở trong đầu? Tôi vào gặp bác Bang, anh Nghĩa để biết ý kiến, không ngờ lại gặp cả Phạm Lộc, vì không một ai biết rõ đây là đâu?

- Thuyền của mình chưa, phải ở tình trạng cấp cứu.

Do đấy họ đều quyết định hãy bỏ neo ở bên ngoài đêm nay, sáng mai, nhìn rõ hãy cho thuyền tiến dần vào, rồi tùy theo để quyết định. Tôi thấy họ giải quyết như thế là có thận trọng và hợp lý. Tôi cũng thấy mệt quá rồi, bà con kéo lên đầy trên sàn chuyện trò bàn tán rôm rả, tôi lại mò xuống tìm một chỗ yên vắng nằm nghỉ một đêm cho lại sức. Tôi gặp cậu Thiện, lại có chăn ấm, thế là tôi nằm ngay cạnh cậu, vài câu chuyện đổi trao, rồi tôi vào giấc ngủ say, sau khi được một bữa bánh ngọt không mong mà có buổi sáng nay. Tôi ngủ mê man, như chưa được ngủ bao giờ.
Tôi cảm thấy ngực của tôi bị ai đè, thì ra một cái chân nặng chịch, vắt lên cổ và ngực tôi. Trong bóng đêm không nhìn được bàn tay, tôi đẩy cái chân xuống, không biết chân của ai, da thịt mềm như tơ, và mát như lụa Hà Đông, tôi đờ người ra. Sau khi đẩy cái chân ra rồi, nằm im, tôi không dám cựa quậy, tôi cố hé mắt nhìn để phân định là ai? Không thể nhìn được gì, tôi nằm chịu trận, óc phán đoán: ” Trong cái chỗ đông đầy người, tâm tư căng thẳng sống và chết, chắc là những người nằm gần chung quanh? “.
Do lòng háo hức, nên mới rạng sáng tôi đã bò dậy, định lên sàn, nhìn vào phía đất liền để phán đoán. Qua vị thế, tôi đã nhìn thấy người gác chân lên ngực tôi đêm qua, là một cô gái chừng 17 – 19, vẫn còn nằm mê mệt với mấy người phụ nữ khác.
Trong làn sương mỏng của buổi sớm, tôi đã nhìn thấy cây xanh và một số mái nhà mầu nâu nhạt. Bỗng một đàn hải âu từ hướng trái bay đến, chúng chao đảo, lượn vòng với những tiếng kêu quen thuộc: Khu oách… . khu … . oách…
Không biết có con tị nạn không? Tôi nhìn lên thấy con nào cũng giống con nào?
Liếc vào phòng hoa tiêu, loáng thoáng thấy bóng người, tôi đến ngó vào, 4 – 5 người, ngoài bác Bang và anh Nghĩa, có mấy người lạ. Họ định kéo buồm cho thuyền tiến dần vào, tùy theo, nếu thuận tiện thì làm tê liệt cái máy ngầm phòng hờ của thuyền, để họ thấy con thuyền chỉ chạy bằng buồm. Thực ra cái máy công suất rất nhỏ, chỉ đủ sức đẩy thuyền đi từ từ, chầm chậm, phòng hờ khi thuyền không có gió.
Chúng tôi đã nhìn rõ, đây đó có những căn nhà sàn gỗ lợp tôn, nhìn toàn bộ cảnh

vật, mọi người vẫn không thể suy đoán ra nước nào phía cực Nam Châu Á? Nhưng chắc chắn không phải là Việt Nam.

Có một đám người lố nhố nhìn ra con thuyền, mấy đứa nhỏ chạy loăng quăng, thoáng trong đám người đó, có hai người mặc quần áo Ka Ki quân đội. Xôn xao, ồn ào, rối rít tiếng Anh, tiếng Việt và một thứ tiếng lạ, đan chéo vào nhau như mạng nhện. Dần dần hiểu ra, họ yêu cầu cử người xuống nói chuyện với họ, khi ấy tiếng Anh của mọi người như cóc ngồi trong hang, thỉnh thoảng thò cổ ra kêu ộc… ..ệch một tiếng lại rụt cổ vào, chắc chỉ có ông trời mới hiểu.

Rất may, trong thuyền giới thiệu một chị tên Châu, cử nhân Anh văn. Chị Châu chừng 30 – 35 tuổi, đã cùng với ba người đàn ông nữa, họ đỡ nhau lội xuống, nước trên đầu gối để lên bờ. Gần hai giờ sau, phái đoàn đi đàm phán trở về thuyền, chúng tôi được biết:

Đây là một hòn đảo NATUNA thuộc Indonesia, cách những đảo chính từ 50 đến 100 hải lý. Dân INDO ở đây chỉ có khoảng hơn 300 người. Đảo trưởng hay chúa đảo, có chừng hai trung đội binh sĩ giữ an ninh. Hơn một năm trước, cũng có một chiếc thuyền Việt Nam tị nạn vào đây, hơn sáu chục người. Họ phải tự túc lương thực, gần hai tháng sau mới đón được tàu rước đi, họ đói khát khổ cực lắm! Dân ở đảo hầu hết là đánh chài lưới. Chúa đảo không muốn nhận người lạ vào đảo nữa. Có thể do chị Châu là phụ nữ, lại khéo ăn nói, nên chúa đảo chấp nhận, với điều kiện phải tuyệt đối chấp hành luật lệ của đảo và tự túc lương thực. Một số người trong thuyền có vẻ lưỡng lự, muốn ra đi tiếp về những đảo chính. Với tôi, phải đi từng bước, tạm thời ở đây mới có điều kiện liên lạc với Cao Ủy Tị Nạn. Riêng trường hợp của tôi và có thể ở một số người nữa, trong thuyền: Bất cứ nơi đâu, trên trái đất này, không có vòi con Hồng Tuộc đều là “Đất Hứa” cả.

Sau khi, hầu hết đều đồng ý, hãy lên đảo đã rồi chờ liên lạc với cao ủy. Lên đảo, nên phải đếm người. Trẻ con người lớn cả thuyền 53 người. Họ dẫn đoàn người vào giữa đảo rồi tiến vào một căn nhà sàn tương đối rộng cho 53 người. Một vài hiện tượng và hình vẽ ngược xuôi trên vách, chứng tỏ đã có người Việt ở đây và đã rời đi lâu ngày rồi. Già một nửa căn nhà trên mặt nước, tôi bước qua một cái cửa

ngó sơ qua cái bếp, một số bà đang lúi húi đun nấu lại những thức ăn đã 6 – 7 ngày.

Bếp lạnh, tro tàn, lại không có củi, họ phải dùng nhữmg giấy gói đồ, nấu, đun lộn xộn. Ngay cạnh cửa sổ bếp, nhìn ra cái hẻm vịnh, thoáng bóng hai cô gái đang ngồi trên một cái bao tải áo quần.

Qua dáng dấp tôi đã biết cái cô trẻ hơn, có làn tóc dài óng mượt là người, ngủ đã gác chân lên ngực tôi. Tôi cũng muốn nhìn xem mặt cô như thế nào? Tôi còn đang loay hoay không biết làm cách nào để thực hiện lòng tò mò cửa mình một cách tự nhiên. Bỗng một bà có đứa con nhỏ, vẫn chơi với con chim "tị nạn", và đã cho gạo, quay lại thấy tôi; bà hỏi một cách sôi nổi:

- Con chim của anh đâu rồi?

Câu hỏi bất ngờ, làm tôi ngắc ngư, niềm hưng phấn được đặt chân lên đất liền, còn quấn quít, tôi hỏi lại như đùa vui:

- Bà hỏi để làm gì?

Câu hỏi lại của tôi, một giây im lặng, mọi người đều đỏ mặt, chính ngay cái bà hỏi, hai má cũng au lên mầu mận chín. Hai cô gái đều quay lại, mặt cô trẻ hiền lành, thuỳ mị như con Đức Mẹ Đồng Trinh. Cái liếc 17 hơi cau lại lườm tôi, còn vương vãi mấy sợi tơ vàng trong khóe mắt. Hồn thập thò định bay đi, tôi nói một câu giải tỏa, mà không hiểu hết ý:

- Con chim đã bay theo đàn!

Bỗng xôn xao ngoài phía cửa, tôi chạy ra, hai người lính Indo đang khênh vào một bao tải gạo đặt ở giữa nhà. Chị Châu và nhiều người xô đến: ông chúa đảo có nhã ý tặng tám chục ký gạo. Đây là của gia đình ông!

Như một luồng sinh khí cho người suy nhược, cả thuyền vui như đón ngày mồng một Tết. Cả nhà kéo ra cửa, để tiễn hai người Indo, thay cho lời cảm ơn nồng nhiệt. Người lính gác cửa và giữ an ninh, đôi mắt sáng lên long lanh, như chìm vào nỗi hân hoan của con thuyền buồm.

Bác Bang kéo hai thanh niên vào đống đồ từ dưới thuyền chuyển lên, lôi ra hai cái nồi nhôm lớn. Mọi người quyết định, ngay chiều nay sẽ nấu hai nồi cơm, mỗi nồi

10 kg gạo, ăn để bù lại 6 – 7 ngày đói khát thất thường. Những cá nhân, hay gia đình còn chút đồ ăn nào, đều tự nguyện đóng góp. Người thì ít cá khô, người thì chút tôm kho, hay thịt muối v.v...

Một bữa cơm ngay tại sàn nhà, tôi nghĩ rằng khó tìm hay tạo được một bữa cơm, nhiều nghĩa tình, nhiều niềm hưng phấn, như bữa cơm hôm đó, trong tương lai đối với tất cả mọi người trong thuyền. Được biết họ chỉ cung cấp muối ăn, còn gạo, củi, con thuyền buồm tị nạn hãy lo lấy cho mình.

Tuy ngôn ngữ bất đồng, tiếng Anh tiếng U của cả những người lính gác, cũng như trong thuyền như cóc kêu, thỉnh thoảng khọt khẹt một vài tiếng. Chúng tôi cũng hiểu một chút giá sinh hoạt: một lượng vàng 400. 000 Rupias (tiền Indo) 12 đ ở đây ăn 1đ VN, 100 dollars là 80.000 rupias.

Cái mà tôi tò mò, băn khoăn đầu tiên: những cỏ, hoa, cây cối, cảnh vật có khác gì với quê hương của tôi không? Vì thế, ngay từ lúc đi theo hàng, lần lượt vào ngôi nhà sàn, tôi đã sà xuống mé cửa, lấy tay lặt, vuốt mấy ngọn cỏ dại để ngắm nhìn. Những đám trẻ con, người lớn Indo, kéo đến nhìn chúng tôi. Họ thường có nước da mầu nâu nửa mạc, cũng lếch thếch, lôi thôi như trẻ con Việt Nam thường xử dụng, chân không giầy, dép. Để giải quyết vấn đề quan trọng bậc nhất cho cả con thuyền, mấy thanh niên và đàn ông, lật vài miếng ván phía sát vách của căn nhà sàn, che chắn, tạm một chỗ cho mọi người, nhất là các bà, các cô giải quyết tự do xuống dưới biển.

Cũng đôi lúc tôi không yên lòng, ra vào thỉnh thoảng, lại va chạm vào cái lườm 17 như có điện từ, tôi đã được biết tên cô là Hằng, và người chị là Hoài. Thuộc một gia đình công chức thương gia ngày xưa, quen biết về phía vợ chồng Phạm Lộc+Liên.

Một cái giếng rất to ở giữa một vườn dừa rộng. Dừa Indo thật là nhiều và cao lêu nghêu như những cây phướn ở quê nhà. Nhìn những chùm quả dừa, mầu nâu da bí ngô, mãi tít trên cao lộng gió, như nhìn mây bay ở trên trời. Chiếc giếng cách nhà khoảng 200 mét, hầu hết đàn ông, con trai tắm giặt ban ngày; đêm khuya dành cho đàn bà con gái.

Đến ngày thứ 5 thứ 6 thì hết gạo và thức ăn cũng chẳng còn. Những người có điều kiện gia đình còn cầm cự. Tôi và một số đông các cậu, ruột gan nóng rát vì ngày nào cũng sát muối. Nhìn xuống chỗ đi cầu, dưới làn nước biển trong xanh, những khi thủy triều xuống, lảng vảng có những con cua bể to nhỏ, đến tìm hơi của lạ . Khó khăn đẻ ra sáng kiến, đó là lẽ sinh tồn của mọi sinh vật. Mấy cậu lần mò, hý hoáy dùng chỉ buộc vào một tép tôm khô, thả xuống. Mấy chú cua tranh nhau tìm của lạ. Các cậu, hò reo kéo con cua lên, nhưng cứ lưng chừng, lại rơi trở lại biển. Thấy thế tôi lấy một cái nón của các bà, thò xuống, một cậu lại kéo con cua lên, tôi lẹ làng hứng lấy trước khi con cua nhả mồi rơi xuống.

Hôm đó, bắt được 5- 6 con, các bà giã nát ra trộn muối rang thành một món ăn, làm mở to mắt, mỗi khi ai được nếm thử.

Tuy đói, tuy thiếu, nhưng nét mặt của mọi người luôn luôn hân hoan, hưng phấn. Điều này đã chứng tỏ hùng hồn: Thà đói, thiếu mà tự do, còn hơn ăn no mà phải làm nô lệ, mất hết mọi quyền tự do.

Sáng hôm nay, tôi và cậu Thiện đi lang thang ra khu vườn dừa. Do tính sục sạo, tò mò thích tìm những cảnh lạ của thiên nhiên, tôi rẽ xuống một cái hũng rậm rạp, toàn dừa non. Thoáng thấy một cây thánh giá đã gẫy cánh trái, bằng một thanh dừa khô , có hàng chữ Nguyễn V . . tôi suy đoán, có thể là Nguyễn Văn . . chẳng có ngày tháng.

Trở về hỏi những người lính gác an ninh, tôi được biết sơ sơ. Chuyến tàu trước, có một ông Việt Nam, đến đây gần một tháng bị té dừa chết, họ đã chôn ở dưới một cái hũng. Tôi hiểu cũng như hiện nay tâm trạng mọi người, hàng trăm thứ lo lắng nhét đầy trong óc, còn tâm hồn đâu nghĩ đến những chuyện không trực tiếp?

Ngày hôm sau, tôi lại rủ Thiện mò đến chỗ cây thánh giá gẫy một lần nữa. Như thể hiện một chút nghĩa tình, của người cùng một nước. Ông hay anh Nguyễn Văn. . . đã bỏ nước, bỏ nhà, bỏ người thân ra đi . . . để rồi đã nằm xuống nơi một hòn đảo hẻo lánh không người biết. Bố mẹ anh, vợ con, người thân của anh có biết không? Hay vẫn tháng năm mòn mỏi đợi chờ, tin tức người ấy trở về? Đau thương nghiệt ngã này do đâu?

Hôm nay những con cua bể, có thể đã khôn ra, hay chỗ đó chỉ có mấy con, mấy giờ đồng hồ mà chỉ câu được có một con. Mấy ngày sau, ông thiếu úy trưởng an ninh, mang lệnh của chúa đảo đến:

- Do sự phản đối của người dân đảo, và sự an ninh:

Từ nay: 11-12- 82 , buổi sáng 2 giờ (từ 8:00 đến l0:00 giờ), nam nữ ra giếng tắm giặt, kiếm củi, sinh hoạt.

Buổi tối 1 giờ, (từ 8:00 đến 9:00 tối): Chỉ dành cho phụ nữ tắm giặt. Toàn thuyền phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Từ hai ngày hôm trước, do đóng góp của toàn thuyền, đã nhờ được chúa đảo mua cho một tạ gạo, giá 80.000 Rupias. Tối hôm qua, tôi và cậu Thiện mò mẫm sang mãi phía Đông, chỗ có một chòm xóm, nơi có một cửa hàng tạp hóa duy nhất của đảo.

Cửa hàng vì không có bảng hiệu nên không thể phân biệt với nhà khác bên cạnh. Một căn nhà cửa mở, vào bên trong, giữa nhà có một số kẹo, bánh đựng trong những cái chĩnh sành, một ít khoai tây, rau v.v... để trên một cái sạp gỗ ở giữa nhà. Khách vào xem, chỉ có tôi và cậu Thiện, tôi có nửa cái nhẫn cưới cần gạ bán, để có tiền đóng góp mua gạo.

Rất may, người chủ hiệu có thằng con trai 17 tuổi, học ở một trường trung học bên BRUNEI về nhà, trong dịp nghỉ nửa tháng, cậu này cũng bập bẹ tiếng Anh bằng tôi. Lúc đầu phải ngoáy tay, nhắc đi nhắc lại một chữ nhiều lần, nhưng dần dần đã hiểu nhau.

Nói về tiếng Anh, tiếng U của tôi, nó cũng nổi trôi với cuộc đời của tôi nhiều chặng. Tôi nhớ khoảng 1957- 59, do từ người bạn Nguyễn Vĩnh Lý, tôi đã chơi bạn bè Pen- Pal Corresponding địa chỉ cái Club này ở Đan Mạch. Vì vậy, tôi đã có mấy người bạn ở Mỹ, Nhật, Anh.

Khi đó thì tôi miệt mài say mê, với thư từ chữ nghĩa, chứ chưa hề nói chuyện với một người Anh, người Mỹ nào. Mãi tới đầu 1960 do những kéo, đẩy của nghề nghiệp, tôi phải tiếp xúc với Brown, Dale, và Horry v.v. . . Rồi bị tuột tay, chìm nghỉm vào miệng con Hồng Tuộc.

Tôi tự xác định, không chết sớm thì cũng chết muộn, ở trong mồm của nó. Nên suốt 20 năm tôi đã buông rơi, nếu không nói là giũ, vẩy, gần sạch cái thứ "tiếng lai căng", không phải của cha mẹ đẻ, cho nó nhẹ người. Cho nên, nếu còn sót tí nào, là nó bị kẹt, bị vướng lại, khi tôi giũ mà thôi. Tôi đâu có nghĩ có ngày tôi lại phải đi bòn mót, nhặt nhạnh nó trở lại để sinh tồn?

Cuối cùng tôi đã bán nửa cái nhẫn, được 20.000 Rupias. Một điều đã gây một ấn tượng hằn sâu, vào ký ức của tôi. Cũng buổi tối ấy, tôi đã đờ đẫn nhìn những hình ảnh trong chiếc ti vi mầu. Từ xưa suốt ở Sài Gòn, rồi tù đày ở miền Bắc, tôi chỉ nhìn hình ảnh trắng đen của truyền hình.

Tôi không thể tưởng tượng được, con người và cảnh vật ở ti vi mầu nó lại tươi đẹp, đến như vậy. Nhìn hình ảnh của ông tổng thống Shoharto, và đoàn tùy tùng của Nam Dương đẹp như những ông bà tiên, trong tưởng tượng. Tôi đứng ngây ngất ngắm nhìn Ti vi, tôi chẳng hiểu họ nói gì, tôi chỉ ngắm con người và cảnh vật, xe cộ của thành phố Jakarta.

Đầu óc tôi miên man nhớ lại trước thập niên 1970, tình hữu nghị của Hồ Chí Minh với Shokamo sôi nổi gắn bó. Đài Hà Nội khi ấy, ra rả ngày đêm ca ngợi Shokamo như một vị anh hùng, của những nước trung lập không liên kết. Tưởng như Mao Trạch Đông sẽ nhuộm đỏ Nam Dương đến nơi, không ngờ tướng Shoharto bất ngờ đem quân đội đè bẹp, tận diệt đám Tàu Cộng ở Nam Dương, mở ra nước Cộng Hòa như ngày nay.

Cả ngày hôm qua, 4- 5 cậu mà chỉ câu được có hai con cua. Năm mươi ba người hầu như chỉ còn muối, mà không có hơi cua. Tính sục sạo thích làm những việc ít hay chưa ai làm, đã thúc giục tôi. Tôi lách rồi chui xuống sàn, dùng tay để bắt những con cua có kinh nghiệm, đưa mồi đến miệng nhưng nhất định nó không cắn nữa.

Thủy triều càng cạn dần, tôi bảo các cậu buộc dây thả xuống cho tôi một cái thùng 20 lít vẫn đựng gạo. Say sưa mải mê, săn tìm những con cua trong những hốc đá, hay trong hang lỗ chỉ còn từng vụng nước nhỏ, nước chỉ tới đầu gối. Hơn hai giờ sau, tôi đã xách thùng về với hơn hai chục con cua, có những con to cả kí lô. Hẳn

ai cũng biết cua bể của Thái Bình Dương, khác hẳn với cua bể Đại Tây Dương. Cua Thái Bình Dương mầu xám xanh, hai gọng cái to và nhọn hoắt, rất nhanh và dữ. Chính những người lính Indo, cũng không tin ai dám dùng tay, để bắt những con cua bể ở dưới nước hay trong hang? Nhiều người lính Indo đã đi theo tôi, để nhìn tận mắt, và vì vậy, mỗi ngày khi nước thủy triều xuống, họ chỉ cho tôi và cậu Thiện xách thùng đi theo, được ra ngoài.

Dù tôi cũng có một chút kinh nghiệm, nhưng những con cua bể quá nhanh, quá dữ nên tay tôi cũng bị nhiều lần ra máu. Một lần tôi vẫn còn nhớ chi tiết: Một chiếc thuyền vỡ, cũ đã chìm ở một ven bờ, nước thủy triều xuống chỉ còn xăm xắp dưới đáy. Tôi biết bên dưới sẽ có nhiều hang cua, nước còn đến gần đầu gối. Tôi cúi xuống, luồn tay vào một cái hang, một con chộp cắp, vào hai ngón giữa và đeo nhẫn. Khi nó đã cắp, tay mà nhúc nhích nó càng nghiến chặt hơn, vậy chỉ còn cách chịu trận đứng yên rồi nghe, chờ thấy nó hơi nhẹ nghiến (vì nó cũng mỏi) giật mạnh tay ra. Nhưng con cua này, không biết to bao nhiêu, nó cắp tay trái của tôi rồi, lại cứ lôi sâu vào trong hang.

Người tôi thì cúi, hai chân chịu trận hàng mười phút, con cua lại cứ lôi tay tôi vào tiếp. Lưng mỏi, tay đau, lại không được nhúc nhích, tôi nổi máu liều, tay phải tôi xục xuống đất cát, lựa thọc vào phía trong hang, rồi xục tay lên. Mục đích để chặn không cho con cua kéo tay tôi, vào thêm nữa. Không ngờ, có một con khác, không hiểu vợ hay chồng của con đang cắp tay trái, nó cắp ngay ngón trỏ và ngón cái, tay phải vừa đau, hai chân mỏi quá, tôi phải khuỵu quỳ xuống nước. Hai tay chịu trận hai con cua cắp, mặt tôi cố ngửng lên để mũi không gục xuống nước.

Biết cậu Thiện đứng ở trên bờ, nhưng không ai cứu được tôi lúc này cả. Vả lại, cậu Thiện hay ai dám thò tay vào với cua bể? Tôi đã nhìn thấy máu loang ra nước nhưng vẫn phải cắn răng, không dám động đậy.

Hơn hai chục phút, tôi nghe ngóng con tay trái cắp mãi, chắc cũng đã mỏi, nó lơi lỏng, tôi giật mạnh tay ra. Lấy tay ra khỏi nước, mà máu vẫn rỉ chảy có giọt. Con tay phải hơi nhẹ nghiến tôi lại giật được ra, nhìn hai tay đều bị chảy máu, nhưng lòng tôi khó chịu lắm. Hai tay bị thương, mà hai con cua vẫn không bắt được Cậu

Thiện ái ngại nhìn tôi, cản lại:

- Thôi anh ơi? Đi bắt con khác?

Tôi nhìn thoáng thấy một thanh gỗ con mục, dài đến 50 phân, tôi chạy đến, cởi phăng cái áo của tôi, dùng thanh gỗ giấn, chẹt lấy phía cuối hang cua. Áo cuốn tay, thò vào, sau vài phút, tôi đã lôi được cả hai con cua chồng vợ vào thùng. Hai con cua đang thời kỳ sung mãn, mẩy chắc nịch, mầu đất sét.

Khi về nhà cả thuyền vây đến coi. Giữa sàn, tôi bắt hai vợ chồng con cua, ra ngoài trình diện. Mấy cậu thanh niên đi ba ta, đi dép, lấy chân định đè nó xuống sàn, nhưng nó nhanh như cắt, đã chộp lấy dép, lấy ba ta, làm các cậu giật hất tung cả giầy, dép ra sàn. Các cậu và nhiều người, không nghĩ là nó dữ và nhanh, như thế. Đấy là ở trên bờ, khi nó đã bị bắt, chứ dưới nước như hổ ở trong rừng, là đất của nó, nó còn hống hách làm tàng, đến độ thế nào.

Các bà, các cô và trẻ con chạy vón, dạt vào sát vách. Một cái tay phía sau để nhẹ vào vai tôi:

- Bình bạo gan thật!

À ! Ra anh Trường!

Không ngờ có anh Trường trong thuyền, hôm nay tôi mới gặp. Tôi quay lại cầm tay anh vồn vã:

- Bạo gan làm sao bằng anh được? Có chị và các cháu không?

Mặt anh buồn rười rượi, lắc đầu, chúng tôi đã kéo nhau ra phía sau hàn huyên nỗi niềm. Đầu tôi luẩn quẩn một ý nghĩ xanh mầu trời:

Một người đã lách ra khỏi bùa mê, thuốc lú, độc dược, của con Hồng Tuộc.

Hai tay của tôi máu vẫn còn rỉ ra, các bà đưa ra một sáng kiến, sẽ khâu cho tôi một cái túi tay, bằng vải dầy, đôi tay của tôi đã bị nhiều vết sứt sẹo do cua cắp. Có thể do máu của tôi lành, phần khác nước biển mặn, diệt trùng nên chỉ một vài ngày là khỏi.

Dù chưa khỏi sưng, khỏi đau, ngày nào nước thủy triều xuống tôi vẫn đi bắt cua. Tự nhiên tôi trở thành một người giải quyết thức ăn cho cả con thuyền. Nhiều cậu, nhiều bà thường đùa vui gọi tôi là ”vua cua ” rồi trở thành cái tên ở trong thuyền.

Các bà, các cô làm đủ mọi kiểu: Rang muối, luộc, nướng, cắt ra từng miếng đập dập v.v... Lúc đầu còn háo hức, dần dần mọi người phát sợ, ngấy lên vì cua. Sáng ăn cua, chiều cua, hôm sau lại vẫn cua, nhất là tôi mới phát hiện ra một cái mánh bắt cua bể.

47. ĐẤT NƯỚC VẠN DỪA

Một buổi, như mọi khi tôi và Thiện ra mãi vùmg xa, cách nhà đến một cây số. Một ven biển dài khi thủy triều xuống, lè ra bao nhiêu bãi đất cát. Chăm chú, tôi chợt nhìn thấy như con ruồi trâu, nhúc nhích trên cát và đất. Tôi vẫy tay cho Thiện cùng ngồi xuống, yên lặng. Rõ ràng con ruồi nhồ lên, rồi lại chui xuống cát, tôi từ từ tiến đến, và bà con ơi ! Là hai cái mắt của một con cua bể kềnh.

Chúng tôi chỉ cần ngồi im, quan sát, sẽ thấy những cái mắt cứ thò lên nhìn, rồi lại cụp xuống. Tôi chỉ việc lẹ làng bới cát, là một chú cua nằm đấy, căng phồng, vàng óng như lụa Hà Đông. Tôi suy đoán, những con cua này, vừa khôn lại vừa lười, nước triều xuống, việc gì phải chạy theo nước, rồi lại phải trở lại theo nước?

Tại sao, chỉ cần bới cát rồi đằm mình xuống đấy, vừa được nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng mơ màng, chỉ một lúc là nước lại lên như cũ, bấy giờ chỉ cần lách ra kiếm ăn như thường. Như thế, cái tốt, cái lợi chẳng phải lúc nào cũng dành cho cua khôn, cua lười!

Một việc chiều hôm qua, vẫn còn vấn vít hồn tôi cho đến bây giờ. Tôi ngồi ngoài một cái chái hồi phía sau cửa nhà bếp, tay mân mê xoa nắn ngón tay, vì hôm qua một con cua kẹp khá lâu hãy còn sưng tím. Cô Hoài, cô Hằng cùng với một cậu bé chừng 10,11 tuổi mặc quần đùi, ngập ngừng đến trước mặt. Cô Hằng giơ ra hai cái túi con, mầu lá mạ xinh xinh, mặt cô hồng lên như mới tăng thêm máu, giọng rụt rè:

- Chú ... mang thử... có vừa không?

Bàng hoàng, tôi lúng túng ra mặt, mãi tôi quýnh quáng chưa xỏ buộc được. Cô Hằng đã ngồi xuống xỏ vào tay tôi. Nhìn đôi bàn tay "ngó cần", mó máy, ngọ nguậy trước mặt, hồn tôi cứ thập thò định lỉnh ra ngoài.

Chẳng muốn, nhưng hình như, tôi cũng bị bơm máu lên, mặt tôi nóng bừng bừng.

Cô đã thấy tay tôi run run, nên cô nhìn thẳng vào mắt tôi như đóng đinh, tay cô bóp nhẹ ngón tay trỏ của tôi. Tôi ngửng nhìn, hãy còn những hạt phấn vàng óng ánh vương vãi phía đuôi con mắt của cô.

Tôi không tìm được một lời nào để nói, nên tôi càng như đang bay trong mây, để rồi cả ba người đã kéo nhau đi, mà tôi vẫn ngồi yên. Tôi chợt, định với theo để cảm ơn, nhưng họ đã vào trong nhà rồi. Trở lại chỗ ngồi, khe khẽ, nhè nhẹ, tôi tụt hai cái túi ra gấp lại.

Hai cái túi như được hấp, được giầm trong làn hơi đặc quánh của búp sen 17, nó còn ngạt ngào, quyện quấn chung quanh. Tôi cứ ngồi bần thần để nghe tiếng đời xua động, và tiếng kẽo kẹt, của võng lòng đu đưa, thì em Hoa lù lù, một tay bế con gái Mai Lynh, một tay dắt mẹ tôi, tiến đến.

Như vỡ toang một giấc mộng ngày, tôi đứng lên, chậm chạp đi vào nhà, để rủ cậu Thiện đi làm nhiệm vụ cho cả thuyền.

Tôi với cậu Thiện vừa ra đến mom đảo, nghe nhiều tiếng kêu quen thuộc khu... oách, khu... oách. Một đàn hải âu, cánh vàng ửng dưới ánh chiều đại dương, chúng chao đảo, ngang dọc trên cái nền xanh "ái ân" của bầu trời. Cảm thấy khác thường với mọi khi, tôi ngửng lên cố tìm người bạn quen thuộc ngày ấy, nhưng đành chịu, con nào cũng như con nào. Một thoáng vấn vương trong lòng: Đã hơn một tháng rồi, chẳng biết con chim "tị nạn" bây giờ ở đâu? Nó có bạn mới chưa? Cuộc sống đã ổn định và gặp may mắn không? Tôi cứ đi trong huyễn tưởng, bất chợt giọng cậu Thiện đã giật tôi trở về:

- Anh Bình! Con chim của anh kìa?

Tay cậu đang chỉ về phía sát mí nước, sáu con hải âu, đang đứng như xếp hàng nhìn về phía chúng tôi, rõ ràng có con " tị nạn " thật! Làm sao tôi quên được vệt cháy xạm đen, trên cánh của nó.

Tôi đã bỏ cậu Thiện, để tiến đến đàn chim. Chúng nó như không biết sợ người, tôi ngồi hẳn xuống, năm con hơi giãn ra, nhưng con " tị nạn " vẫn đứng yên ngắc ngư cái mỏ, nhìn tôi. Không kìm được lòng, tôi ôm lấy con chim, nó mập và lông óng hẳn ra, đôi mắt mầu vàng bây giờ như có viền một chút mầu xanh tương lai.

Hai tay tôi ôm, ủ con "tị nạn" vào lòng, tôi đưa hẳn nó lên gần mắt, để nhìn cho rõ cái mặt và cái mắt đầy thoải mái, nhàn du, nhởn nhơ của nó. Tôi lại muốn hỏi nó:

- Mày là con trai hay con gái!

- Mày đã có bồ chưa?

Cũng như lần đầu gặp nó, tôi đành chịu và tự suy đoán. Điều chắc chắn tôi nhận thấy, là bây giờ nó đẹp và tươi hơn khi cứu nó trên ngọn cây cột buồm, trong một trận giận khùng của biển khơi. Tôi tự hiểu mỗi người, kể cả chim đều phải có trách nhiệm với cuộc sống của mình. Tôi phải đi với cậu Thiện để lo cho thuyền, và hẳn con tị nạn cũng phải giải quyết thích ứng với bạn bè của nó. Tôi mừng vui vì con chim có cuộc sống như ngày nay, có một phần nhỏ, góp công sức của mình.

Tôi đã đưa con chim lại chỗ đàn chim, để xuống bãi cát, tôi trở lại kéo tay Thiện xuống một cái hẻm, có nhiều hang cua. Trên trời vẫn những tiếng khu... oách..., khu... oách... níu chặt vào gió mặn, của đại dương.

Thật là hưng phấn cho cả con thuyền, tin của chúa đảo cho hay:

"Cao Ủy tị nạn sẵn sàng đón nhận đồng bào đến Kuku, nhưng Cao Ủy không có phương tiện đón. Do đó trong thuyền tự đóng góp sao có 160. 000 Rupias, tương đương với 200 dollars giai đoạn ấy".

Do tinh thần đùm bọc truyền thống của dân tộc, người có hoàn cảnh, người không. Người nhiều, người ít đều đóng góp, đã đủ số ngân khoản, mà chúa đảo yêu cầu.

Trong những ngày chờ đợi thuê tàu, cậu Sinh, một cậu chừng 24- 25 tuổi ở ngay vùng Chu Hải. Cậu cũng từng vật lộn nhiều với núi đồi, biển cả của Vũng Tàu, hôm nay cậu trổ tài leo lên một cây dừa cao ngất, hái về hàng mấy chùm dừa tươi. Tôi chợt nhớ đến anh Nguyễn Văn . . đã nằm lại đảo vì trèo dừa. Tôi đi theo sát cậu Sinh, để lượng định những điều có thể.

Cũng thật là thiên phú, đôi chân của cậu như một con vượn, thoăn thoắt leo tít lên mãi trên mây, cả tàu không ai làm được, mà ngay người Indo cũng lắc đầu, mở to mắt mà nhìn. Thành ra gần ngày đi, thức ăn đã có dừa kho, dừa ăn vã. Cái điều tôi băn khoăn là, tại sao từ hàng tháng trước, thức ăn chỉ có muối, Sinh không đi hái dừa cho bà con? Một hôm, tôi lựa lời hỏi thẳng, thì Sinh đã cười như ngỗng đòi ăn:

- Cua biển ăn mới ngon, dừa chỉ chống đói! Vả lại khi ấy, em hay bị đau bụng!
8:00 giờ sáng mai, 21-01-1983 tất cả thuyền sẽ ra tàu về đảo Kuku, một điểm đón nhận người tị nạn của những năm đó. Mới 6 giờ tôi đã dậy, ra ngoài làm vài động tác hít thở, tôi vẫn duy trì từ ngày còn ở trong tù. Nhìn những miếng giấy vụn, manh chiếu rách, miếng giẻ đã hết thời, vất, ném đây đó. Tôi vào gặp bác Bang, anh Nghĩa và cả Phạm Lộc, tôi đề nghị:
- Để thể hiện lòng tự trọng dân tộc, chúng ta hãy hô hào bà con mỗi người một tay hãy dọn sạch sẽ khu vực chúng ta đã ăn ở hơn một tháng nay. Nếu không làm được sạch, đẹp, gọn ghẽ hơn, thì phải làm như khi chúng ta mới đến căn nhà này.
Bác Bang và tất cả đều đồng ý, bác hô hào bà con, và chính bác cũng đi nhặt từng cọng rác. Chỉ một giờ sau, căn nhà sàn rộng nhớp nhúa, bừa bộn đã sạch sẽ gọn gàng. Dù người khó tính nhất, cũng phải nở nụ cười.
Mọi người đã ôm đồm, bế bồng con cái ra xếp hàng dài phía trước cửa. Anh Nghĩa, chị Châu và Phạm Lộc dẫn đầu ra, về phía cầu tàu Trong lúc tôi đang lúi húi vơ vài chiếc quần áo cũ và mấy thứ lặt vặt, cho vào chiếc tay nải đã rách, thủng vài lỗ, cô Hằng lẹ đặt một cái túi xách bằng nhựa mầu xương rồng, trước mặt tôi. Mắt cô nhìn tôi như muốn “photocopy”, miệng ngập ngừng, khe khẽ:
- Chú... dùng đi!
Nói rồi, cô vội vàng lách vào trong góc nhà, tôi cũng chẳng cảm ơn được, như khi cô đưa hai chiếc túi tay. Không nói được lời nào nên đã gói lại, dồn sâu vào mãi trong cùng, chỗ trân quý nhất của tôi.
Chiếc tàu nhỏ mầu cánh cam đang nhấp nhô, thở khò khè ngoài bến bãi. Từ xa, tôi đã nhìn thấy ông chủ đảo và mấy người lính bên cạnh chiếc tàu. Phải nói là canot thì đúng hơn, nó chỉ nhỉnh hơn chiếc thuyền buồm của chúng tôi một ít.

Một đám người dân Indo quanh vùng, cả mấy đứa nhỏ, cũng ra tiễn hay tò mò, nhìn đám người bất hạnh, đã đánh mất quê hương? Ông chủ đảo đã vồn vã bắt tay từng người, cả những đứa nhỏ tí còn bế trên tay. Chúng tôi xin cảm tạ những người dân Indo anh em, các người đã dậy cho chúng tôi thế nào là tình nhân loại. Con tàu

đã rời bến, nhìn về hòn đảo Natuna hiền hòa, như một dấu ấn khắc ghi, vào tâm hồn một đời, cho những ai lỡ đường ghé đến.

Hàng chục con hải âu trắng toát, vùng vẫy trong gió lộng, với những tiếng khu ... oách , khu ... oách , khu... oách, quyện vào tiếng sóng gào. Tôi cố dõi mắt nhìn từng con như muốn tìm, như băn khoăn thấp thỏm, vương vấn hồn vào đám mây trời trên cao. Mọi người đã xuống hết dưới khoang tàu, tôi vẫn còn ngồi phía sau chòi hoa tiêu, rõi nhìn hòn đảo Natuna mờ dần.

Tàu rời bến chừng mươi phút, rõ ràng, lẫn vào lớp sóng bạc đầu có hai chấm vàng sậm, rõ dần là hai con Hải Âu. Tôi đến ngỡ ngàng, mỗi con sà đến đậu vào một bên vai của tôi, cánh nó khỏa đập cả vào tai, vào đầu tôi. Ối giời ơi! Con ”tị nạn” chiếc cánh bị cháy xém đã mờ, nó vừa thở vừa nhìn tôi, cái mỏ cứ cắp vào tai tôi như trách... Sao đi mà không cho nó biết ! Hay như xin lỗi... nó đến chậm? Tôi tự suy đoán. Còn con kia, đôi mắt hiền như bồ câu, hay sáo đá, có vẻ e ấp như một cô gái, lông má đã nhú dài.

Như vậy, đã cho tôi hiểu con chim ”tị nạn” là một anh chàng. Vậy cái con ở lại Chu Hải Việt Nam là bồ hay là vợ? Tại sao không cùng đi oversea với chồng? Do con ”tị nạn” đẩy lại, phải về nhà với con, hay cô ả ”nhát” ở lại, hoặc lưỡng lự hai lòng?

Con ”tị nạn cắn mạnh vào tai tôi, rồi bay lên cùng với con kia. Hai con lượn một vòng quanh chiếc tàu, rồi sải cánh chui vào mây trời với những tiếng khu... oách, khu... oách rớt lại.

Thoáng một bóng người, trong phòng hoa tiêu lách ra, cao lớn mầu da bánh mật, chừng 4 chục. Y nói líu ríu cái gì nghe như : Khoét ... loét ... choét... Tôi chẳng hiểu gì cả . Chắc ông ta đã thấy nét mặt của tôi... nên ông ta cũng là con cóc cố kêu được mấy tiếng : I am... very...surprised! Với đôi mất mở to nhiều lòng trắng. Tôi giơ tay ” shake hand ” rồi lí nhí kêu : Thank...You ! Tôi mỉm cười với ông ta . Vội vàng tôi cũng mò xuống dưới khoang.

Chừng 4 giờ sau, tàu ghé bến Kuku. Nhìn ngay bến tàu, vóc dáng nhà cửa, tôi đã hiểu Kuku là một hòn đảo lớn hơn nhiều lần Natuna, thậm chí còn thấy xe đạp, mô

tô chạy qua lại. Một số người lố nhố ở cửa bến tàu, lẫn mũ Kê-pi mầu đen trắng, với mũ mầu chiến trường.

Chúng tôi phải đi lên đảo hàng một, để họ điểm người.

Cũng chị Châu, anh Nghĩa và Phạm Lộc dẫn đầu để giao tế. Đoàn người rẽ phía phải vào một căn nhà, mọi người lần lượt đến một bàn giấy có 3 người Indo để khai tên tuổi.

Tôi nhìn hai bên cửa, có hai tấm bảng to phủ lưới thép, trong bảng có nhiều loại giấy tờ:

- Giấy chứng minh nhân dân.
- Giấy khai sinh.
- Giấy bệnh viện chợ Rẫy.
- Giấy thông hành.
- Giấy có những tấm hình v.v. . .

Trên bảng có ghi chữ to, bằng phấn trắng:

”Nếu ai biết những người có giấy tờ này, hãy báo tin cho gia đình, họ đã chết ở biển Indo “

Tôi đọc thoáng có những cô gái 20 tuổi ở đường Cô Giang Sài Gòn, một ông 40 tuổi ở Bến Tre, một bà 35 tuổi ở đường Lê Văn Duyệt Cầu Bông. Nhìn đọc những giấy tờ, lòng tôi trĩu nặng đầy vơi về kiếp người, về nỗi ai oán thương đau của dân tộc. Gia đình thân nhân có biết rằng những người này, chạy trốn cái vòi hút máu của con Hồng Tuộc, đi tìm tự do, nhưng đã không may chìm vào lòng biển cả, trong những trận bão hay cướp biển hãi hùng?

Đàn ông con trai vào một buồng, đàn bà con gái vào một buồng, được lệnh phải cởi hết quần áo, xếp hàng lần lượt đi qua một bàn giấy.

Phía đàn ông chúng tôi, có người ngượng ngùng chưa cởi những quần si- líp. Nhưng rồi mọi người đều phải cởi hết, có một tên Indo mặc áo blouse trắng, bắt chổng mông, nắn chim khám xét Tôi không biết phía bên phụ nữ đàn ông hay đàn bà khám?

Thôi thì những người mất quê hương, phải gánh chịu những niềm tủi nhục này,

mỗi người mặc lại áo quần. Sau đấy tất cả được dồn vào một buồng rộng, lần lượt đến một bàn giấy rộng, có mấy người mũi lõ, mắt xanh để khai báo lý lịch, thân thế với đại diện Cao Ủy Tị Nạn.

Tôi nhớ đến lượt tôi, khi họ hỏi anh bị đi cải tạo mấy năm? Tôi nói bị tù 18 năm, cái ông Cao Ủy quắc mắt hỏi lại:

- Tại sao lại là “eight”?

Theo họ, người tù nhiều nhất khi đó cũng chỉ 7 năm, từ 1975-1982, tại sao tôi lại 8? Tôi đã trả lời:

- Không phải eight mà là eighteen!

Cả ba, bốn người đều mở to mắt, kể cả chị Châu ngồi đấy thông dịch cũng ngạc nhiên, để rồi tôi thành cái tên “ông tù 18 năm” độc nhất thời gian ấy, ở Indo.

Xong hết, chúng tôi được dẫn đến một khu có hàng rào thép gai, cách đấy 300 mét, trong này có hai căn nhà gỗ lợp tôn to, họ gọi là barrack. Trong barrack có những sàn gỗ, một vài vết tích, tôi đã hiểu trước đây có những đợt người vượt biên ở rồi. Đặc biệt bên cạnh có một nhà thờ con nho nhỏ, bụi bám đã lâu ngày.

Tôi và cậu Thiện đã kiếm được cái chổi cùn, quét dọn sơ sơ, cậu cũng theo đạo Thiên Chúa, nên chúng tôi đã quỳ gối cảm tạ Chúa, chúng tôi đã đến nơi này an toàn. Không ngờ, cũng có nhiều người khác trong tàu, vào quỳ dưới cây thánh giá, cả gia đình bác Bang, cậu Sinh, một số ông già, bà cả. Tôi rủ cậu Thiện ra ngoài lang thang đến một hẻm đồi, có cây thánh giá to, nơi đây có 7 ngôi mộ cỏ dại, lá khô đã phủ dầy. Hai cây thánh giá con thứt thẹo, ghi tên người Việt. Như vậy hẳn đây là những người bất hạnh, nhưng vẫn còn một chút thỏa lòng, được gửi xác trên mảnh đất tự do, ngoài nanh vuốt của con Hồng Tuộc.

Tôi và cậu Thiện đã cúi đầu, như chào, ngậm ngùi cảm thông với các vị nằm trong mộ. Thoáng có bóng người, làm cho tôi đến đờ đẫn bàng hoàng. Cô Hằng và cậu bé, cô thường dắt theo. Nét mặt hiền dịu “con Đức Mẹ” lấp loáng trong làn tóc huyền giấy giọn, với gió chiều Kuku, đã làm cho nơi vắng lặng khô cằn, đìu hiu này, như nở một nụ cười rạng rỡ hẳn ra. Tôi đã đến bên xoa đầu em nhỏ, nói nhè nhẹ, như hỏi:

- Cô Hằng ... cũng là công giáo?

Mặt cô lại tăng máu, cứ au lên, lí nhí:

- . . Cháu ..... không phải!

Ý tôi định cảm ơn cô, đã cho tôi túi xách và đôi túi tay, nhưng lại nói ra ý khác:

- Cảm ơn...Hằng ... .đã đến thăm viếng... những người bất hạnh!

Môi cô như mím lại, dẹp ra, mắt hơi cau lại nhìn tôi, như muốn "ăn", làm cho hai tay tôi như quờ quạng giơ lên, đẩy ra. Tôi đã kéo tay cậu Thiện lủi vội ra về. Cô Hằng và cậu nhỏ cũng theo ra. Có lẽ cô chẳng yên lòng đứng lại nơi cô tịch, với những người đã nằm yên?

Ngay chiều tối hôm ấy, dưới ánh trăng 18 của Kuku, tôi kéo vợ chồng Phạm Lộc ra chiếc cầu gỗ phía sau barrack. Ngồi nhìn chị Hằng Nga nhấp nháy, trong nước triều dâng mấp mé, tôi đã trang trọng nói với, cả hai vợ chồng Lộc:

- Dưới mặt trăng và trên chị Hằng (một chị Hằng dưới nước), tôi xin cúi đầu biết ơn Lộc + Liên, lời của một người tự trọng hàm ơn. Khi đến nước thứ ba, tôi sẽ nỗ lực với trí óc và đôi bàn tay, bằng mọi cách tôi sẽ thanh toán 3 cây vàng ân tình, ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống.

Cả hai vợ chồng đều cười rộ:

- Chúng em đã đòi đâu? Còn 6, 7 người nữa ở trong thuyền, nhưng anh là người nói đầu tiên, chúng em vui lòng rồi?

Khoảng 5 ngày sau, một đêm tôi đang mê mệt trong giấc ngủ nhiều mầu xanh dương, tôi giật mình thức giấc. Tiếng gào, tiếng rú của gió Kuku, xa xa nghe tiếng biển, sôi lên ùng ục. Gió réo vào mái, vào vách, mưa như đổ nước, căn barrack rung lên như động đất. Chiếc thuyền 61 người tối hôm qua ghé đến Kuku, đang ở banack bên cạnh. Mấy ông bà chạy túa ra cửa nhìn nhớn nhác.

Barrack bên này cũng nhốn nháo dậy cả, dưới ngọn đèn 100 watts của cả khu, hai bên nhìn nhau bằng những đôi mắt chẳng có lòng đen. Chẳng ai nói một lời, nhưng hẳn tự thầm suýt soa nổi da gà: " Nếu thuyền mình còn ở ngoài khơi, chắc chẳng còn nhìn nhau bằng những đôi mắt thất thần ?". Gió hung hãn xoáy rồn rột như cây đổ, đá rơi.

Sáng sớm hôm sau, tin tức còn tối đất, do phòng kiểm thính Kuku, có một chiếc tàu chở 106 người đã chìm xuống đáy biển bên phải đảo Binkulu, cách Kuku 16 hải lý.

Xin cảm ơn những tâm hồn "đứng thẳng" của các vị Cao Ủy ở Indo. Mới tờ mờ sáng, một chiếc tàu của Cao Ủy với dáng dấp của mấy vị đã xét hỏi tôi mấy ngày trước, họ đã rẽ sóng tiến về Binkulu, may ra còn cứu vớt được người nào. Cả hai con thuyền 53 người và 61 người đều ra mé biển, ngóng về hướng con tàu đắm, cầu xin trời Phật hãy cứu giúp những kẻ khốn cùng.

Mãi gần buổi chiều, con tàu Cao Ủy mới trở lại, tôi làm sao quên được cái hình ảnh một đời. Cái ông Cao Ủy bụng to, bước lên bờ đầu tiên, tên ông là Bob người Canada, người đã đếm đốt ngón tay cười với tôi, khi biết tôi tù 18 năm: " Như thế cả tuổi trẻ của anh trong nhà tù? ".

Ông Bob hai tay cầm hai cái que gỗ dài, mỗi que xọc đeo hơn chục chiếc dép, guốc xanh đỏ, cả dép Thái Lan. Theo ông, tàu Cao Ủy đã cố công tìm kiếm phía sau đảo san hô Binkulu. Chỉ có hơn một chục xác chết đàn ông, đàn bà, con gái trẻ con dạt vào bãi, vài chục chiếc dép guốc rải rác đó đây, còn tất cả, cả con tàu đều biến mất, chỉ còn nước với trời.

Điều đặc biệt, tàu đã kiếm được một người duy nhất còn sống, anh ta nằm rúc đầu vào một tảng san hô. Khi lôi ra thì tim anh còn đập, nhưng không hề biết một điều gì, trong giấy tờ tên là Lý Minh, người Việt, gốc Tàu 34 tuổi. Cao Ủy đã đưa trước về phía bên kia Kuku, có bệnh xá.

Do tính sục sạo tò mò, ba ngày sau, tôi đã rủ cậu Thiện đi bộ hơn ba cây số, đến tận bệnh xá, để nhìn cái người duy nhất còn lại, của một chuyến tàu định mệnh 106 người. Sau một lúc tìm tòi thăm hỏi, chúng tôi đã đến chỗ giường nằm của cậu Lý Minh, mặt và mắt của cậu trắng bệch như không còn máu. Có thể quá hãi hùng nổi chìm trong nước, trong những cơn sóng thần sầu, để rồi thần biển đã nhét đầu cậu vào một tảng san hô.

Cả 106 người, chỉ còn một mình cậu sống sót, nhưng hồn vía cũng chẳng còn. Không biết bố mẹ cậu, vợ con cậu, anh chị em của cậu, có cùng đi chuyến tàu xóa

sổ này không? Có chăng chỉ xin hỏi ông trời, nỗi uất nghẹn thương đau này vì đâu?
Tôi vừa về tới barrack thì cậu bé đã đến bên, ghé tai:
- Chú ơi! Chị Hằng mời chú, ra phố uống nước!
Ngạc nhiên, đắn đo, nhưng những chuyện khác thường vẫn có sức lôi cuốn lòng tôi, nghĩ thế tôi đã gật đầu với cậu bé. Cậu bé về một lúc, Hằng và cậu bé đi ra phố, tôi để cho Hằng đi một quãng, tôi đi theo.
Cô Hằng như có mắt phía sau, cô đi vòng đến gần một đồn cảnh sát, nơi có một số nhà, mấy cửa hiệu tạp hóa. Đặc biệt chỉ có một tiệm bán đồ giải khát, thấy cô và cậu bé ngồi mãi một cái bàn phía trong, tôi cứ tiến vào. Trước mặt cô và cậu bé, mỗi người có một lon Coca với cái ly, một lon và một ly để đối diện, cô đã giơ tay mời tôi ngồi.
Thực sự, tôi cũng chưa bao giờ nhìn thấy Coca, chứ đừng nói là thưởng thức, tôi cũng nói thực, tôi chưa hề uống cái loại này. Cô vừa mở, vừa rót vào ly cho tôi và cũng chân thành:
- Hằng... cũng mới uống một lần ở .... Sài Gòn !
Hôm nay Hằng lại xưng tên, tôi cũng ngập ngừng nhìn vào đôi mắt nhiều điện từ, hỏi thẳng:
- Làm sao ... tôi được ngồi đây ... hôm nay?
Hằng nhìn ra một khung trời, ngoài cửa sổ:
- Để mừng ... chúng ta còn sống ... và cảm tạ đất trời !
Tôi vẫn không rời đôi mắt, nhiều điện thế:
- Rồi sẽ đi ... .một con đường thật dài !
Hằng đã biết ý lấp lửng, nên cắm cô hơi ưỡn ra một cái, một tí lưỡi đỏ lè ra giữa cặp môi mím, giống hệt một nụ đào đầu xuân bất đầu hé. Tôi quờ quạng, vớ vào ly Coca đưa lên miệng, như muốn đè bớt nguồn rạo rực bốc lên hừng hực. Giữa lúc ấy, vợ chồng Phạm Lộc từ ngoài cửa bước vào. Đôi mắt của Lộc +Liên quắc lên như xì khói, nhìn Hằng và tôi, rồi quay ngoắt ra.
Cậu bé, tôi đã biết tên là Thành, gọi với theo: ”Cô Liên ơi! “
Nhưng hai người như không nghe thấy, đi khuất vào đám đông.

Tôi đang dự định uống hết ly nước, rồi kiếu từ, nhưng thái độ của Lộc + Liên, tôi lại ngồi lại nữa. Nụ đào hơi nhếch lên như cười nhưng rèm mi hơi khép lại, nét mặt rắn cương ra. Hằng quay lại tôi, rành rọt:

- Chú ... có thích thiên nhiên?

Câu này đáng lẽ tôi hỏi Hằng, nhưng tôi lại nói một câu không đâu:

- Trăng nước Kuku vừa dữ lại vừa hiền!

Hằng nhìn như muốn vẽ, vào miệng tôi:

- Chú có thể ... .nói rõ với Hằng?

Cô này có trình độ, nên tôi cứ thực lòng:

- Tôi ngắm mãi nàng trăng tối hôm qua, nét mặt chất phác hiền hòa, nhưng tôi có một cảm giác không lành. Dù bộ mặt như "ma soeur" nhưng cứ nghĩ chuyến tàu 106 người, tôi lại thấy nàng trăng Kuku nhiều bí hiểm.

Đã hơn một giờ chuyện trò ngoài quán nước, tôi xin từ giã, vì có hẹn với cậu Thiện. Được biết cô Thu Hằng ở phía bên Tân Thuận, vì trục trặc hơn hai năm, nên bây giờ cô vẫn còn đang học lớp 11. Tôi cũng hơi ngạc nhiên về thái độ của vợ chồng Lộc+ Liên; định hôm nào thuận tiện, tôi sẽ hỏi thẳng.

Giống như tối hôm qua, lại một mình tôi mò ra phía cầu gỗ phía sau barrack, để nhìn nàng trăng lạ Kuku. Để nghe nước biển chuyện trò với gió lộng và để nhìn về phía quê hương, và có lúc lắng đọng để nghe lòng mình nhún nhẩy, đong đưa với cảnh đời mới.

Quê nhà đã vào tháng củ mật nên đêm thật dài, mới hơn 6 giờ chiều chim muông đã sải cánh về tổ ấm, gà qué đã ậm oẹ lên chuồng.

48. VÕNG LÕNG ĐU ĐƯA

Mãi 8 giờ chị Hằng mới mò lên chịu soi gương xem mặt mình. Nước triều lênh láng, gió dìu dịu như đèn cạn dần dầu. Tiếng quậy của một con cá ở dưới cầu, tôi ngoái lại, một làn hương lạ, quyện vào gió chiều. Tôi không tin được, trong bóng tối sáng lờ mờ, cô Hằng đang lò dò tiến ra cầu, dáng đi rụt rè vì sợ té hay vì ngại ngần? Vì cái gì, tôi cũng quay lại. Tôi đã cầm tay Hằng dẫn cô đi một đoạn cầu, không biết tay tôi run hay tay cô run, nhưng rõ ràng mát như lụa, mát như cái cảm

giác ban đầu cô ngủ mê, gác chân lên ngực tôi.

Cái buổi ban đầu... lưu luyến ấy

Ngàn năm... chưa dễ ... đã ai quên?

(ai quên hay quên đi tùy theo tâm trạng)

Chỉ một đoạn cầu, ý tưởng của bác Nguyễn Bính đã sồng sộc, xốc vào hồn tôi. Do mỗi người đều có lòng tự trọng nên tôi và Hằng đã ngồi cách xa nhau một cánh tay. Cô Hằng giọng ngọt như nước mưa đầu mùa:

- Chú .... hay ra đây ngồi một mình?

Nhìn làn tóc óng ả đen huyền, mềm như sóng lùng trong vụng, tôi nôn nao, thở nhè nhẹ, lẫn vào gió:

- Để.. nhìn về ....quê hương!

Hằng "hứ" lên một cái, nghe như tiếng con nai tơ "hực" lên mỗi khi gặp con dê mật, đang gãi sừng trong rừng thu. Nhìn vào hai đốm sáng, tôi hỏi đùa:

- Đã khi nào Hằng nhìn thấy ba mặt trăng một lúc chưa?

Giọng cười khèn khẹt như gà giò mới biết gọi trống:

- Thôi! " Đốt " chú đi!

Tôi định nói cho vui như nỗi niềm hơ hớ nhựa trong lòng: "đốt " tức là " nướng ", vậy Hằng định ăn hết hay một nửa? Nhưng khi nghe những tiếng cười khúc khích của mấy đôi, phía bên cầu barrack kia, tôi nói như giải lý nghiêm trang:

- Một chị Hằng ở trên trời, một chị ở dưới biển và một cô em Hằng ngồi trước mặt!

Trong barrack tự nhiên có tiếng đập vào cửa phành phạch liên hồi, như tiếng xe bình bịch nổ máy. Hằng đứng lên. Đưa Hằng trở vào rồi, tôi trở lại, ra cầu tiêu. Tôi đã chỉ cho Hằng một ngọn thông cao nhất, trong một khoảnh rừng non sát mé biển.

Xa chừng 300 mét phía trong phố, để cho Hằng yên lòng, tôi nhấn mạnh rõ ràng:

"Đúng 6 giờ chiều mai tôi đã có mặt ở đấy rồi",

Hằng đã yên lặng gật đầu.

Thật sự cái đêm hôm ấy, tôi nằm mà cứ như đang bơi trong nước, hay bay trong mây. Tôi nằm để nghe, để cảm nhận từng ngóc ngách tâm trạng của một người có

“hẹn hò” nó sẽ như thế nào? Mỗi ai hồi tướng lại, cái buổi “hẹn hò” đầu đời của mình, mới thấy cái rạo rực, run rẩy. Lúc thì rõ ràng quang đãng, như trời không mây; lúc lại lờ mờ, như sương mù tháng củ mật, của lòng tôi lúc này.

Chuyện riêng... ai chẳng... một lần mím môi?

Ngỡ ngàng là ... tiếng lòng tôi

Bâng khuâng là cả ....nẻo trời bâng khuâng.

Chiều hôm sau, tôi đã rời barrack ngay từ 5: 30, tôi len lỏi đến tận gốc thông già, và đã vặt những cành lá thì mới lớn, để chuẩn bị một chỗ ngồi. Tiếng dạt dào, xao xác của sóng biển vọng đến, lẫn với những tiếng re re của dế cơm, dế chũi. Mà cũng lạ , tiếng dế chiều của Indo, khác hẳn với tiếng dế của quê nhà . Tiếng dế của đồng nội quê hương mình nó ngọt, nó êm; nó không dằn dỗi tức tưởi, như tiếng dế ở đây.

Một chiếc lá rơi, một tiếng chim hắng dạng, cũng làm tôi quay lại, tướng như “người ấy” đã ... thập thò.

Rồi một làn hơi lạ, thoang thoảng như mùi hoa móng rồng xoắn cuộn vào hơi lá cây rừng. Trong ánh lờ mờ, Hằng từ trong ấy rụt rè tiến ra, không một lời nói. Như có một lực hút của nam châm, tôi và Hằng đã ôm chặt, như không còn ôm được nữa. Hằng hổn hển áp mũi và mặt vào cổ tôi. Cái mùi hoa móng rồng, như cả chùm, úp chặt vào mũi tôi, tay của tôi tự nhiên như mất hết sức, rủn ra. Tôi tường như phải ngã đổ kềnh ra, thì một hồi trống cà rùng gióng lên, ngay phía bên ngoài. Năm, sáu cậu thiếu niên 14- 15 tuổi đuổi nhau, chạy xổ vào trong đám rừng non. Các cậu mặc quần áo boy scoot, hò hét tiếng Indo, tôi và Hằng chẳng hiểu gì. Như một thùng nước lạnh dội vào người đang ngủ, Hằng đã lủi ra đường, và tôi đờ đẫn nhìn mấy cậu Indo đùa dởn , như nhìn một chiếc thuyền câu, gió đổi chiều.

Tôi chưa muốn trở về barrack, tôi lang thang đi vào mấy phố lạ, trong bóng điện mập mờ chỗ sáng, chỗ tối. Tay này sờ lay kia, tôi sờ cổ, sờ má. Thậm chí, tôi sờ, tôi xoa cả bên ngoài chiếc áo sơ mi như tôi muốn tìm lại, một chút quen quen vừa mới đây. Cả cái mùi nhè nhẹ vương vấn, của móng rồng còn quấn, quẩn vào quần áo của tôi.

Đến một con đường hẹp, từ trong một ngõ hẻm, bóng một phụ nữ Indo, bế một đứa con nhỏ đi ra, tóc của người mẹ thật dài, đứa nhỏ cứ vơ lấy cuốn vào cổ nó. Cũng như có một lực hút ngầm, chân tôi đã quẹo đi theo hai mẹ con. Một luồng lực âm từ chui xộc vào tâm hồn, làm tôi quặn thắt lại. Em Hoa, người vợ tận tụy thủy chung của tôi, đang mòn mỏi ở quê nhà, tại sao tôi còn đu đưa tìm hương sắc lạ? Tôi đã đi theo hai mẹ con cả một đường phố dài, cho đến khi họ rẽ. Tôi lững thững lần ra nơi có tiếng sóng gọi, mời. Tôi cứ bước những bước đi vô định, trên bãi cát lạ, vắng người. Tai nghe tiếng sóng gầm ghì dạt dào, như những lời oán trách, chửi bới của người mẹ mù lòa, và người vợ thơ dại trằn trọc trong những canh khuya. Người con, người chồng đã ra đi vào giông bão để cứu mình, cứu gia đình và may ra góp được một phần nhỏ bé, cứu quê hương?

Chân tôi đã mỏi dừ, mà lòng vẫn còn vặn vò khắc khoải. Tôi ngồi hẳn xuống một phiến đá lồi, dõi mất về hướng quê nhà. Tôi cứ nhìn mãi về phía xa xôi mờ mịt ấy, như muốn nguồn cơn với biển, với trời, chẳng lẽ con người của tôi lắt lay không có hướng như vậy?

Mới đến KuKu gần 10 ngày, đang chờ tàu cao ủy đến đón, đưa về nơi chính là trại Galang. Những buổi chiều muộn, buổi tối khuya từng cặp của cả hai barrack, ở trên cầu hay ngoài bãi. Không thể phủ nhận được một điều, sau một chuyến hãi hùng đi qua một cửa tử thần. Riêng tư, cá biệt không kể, hầu hết tâm tư của mỗi người đều mở rộng, như một kiếp đời mới để đón nhận, một cảnh đời nhiều mầu xanh phía trước. Nếu không nhìn rõ tâm trạng này, sẽ không thể thấu triệt, nhìn những sự việc khác thường, trong cảnh đời tị nạn nơi xứ người.

Tôi cứ ngồi mãi, để lòng tôi tâm tình, chuyện trò với sóng, với gió, với đất, với trời và với mây. Chẳng phải do những tiếng phành phạch đập cửa, càng không phải do những cái quắc mắt của vợ chồng Phạm Lộc. Những cái đó chỉ càng làm cho tôi chạy nhanh, chạy đường hoàng hơn tìm cái tôi muốn. Cái khác, cái không nhìn thấy nhưng lại có sức mạnh áp đảo là nhân cách, đạo đức của một người. Mấy tiếng đồng hồ, tôi ngồi một mình trong khu biển vắng, đã phân định rõ con đường phía trước, dù cho có nhiều chông gai, lầy lội cũng chẳng thể làm đổi hướng. Tôi chỉ nỗ lực vượt qua, như tôi đã vượt qua những hầm hố, những tử sinh của đời.

Tôi trở về đến barrack đã 11:30 đêm, để rồi sáng hôm sau, 6 giờ tôi đã ra khỏi barrack, lại trở ra vùng sóng gió, tôi cứ dọc theo ven bờ, tôi đi mãi để nhìn những cảnh vật chưa bao giờ thấy. Điều chính yếu, tôi nói với tôi, chưa đủ uy lực để chống đỡ với sóng điện từ, của một đôi mắt trong như nước giếng chùa Láng, giữa Thu.

Mãi chiều tối hôm ấy, tôi mới trở về, được tin sáng mai có tàu Cao ủy từ Galang, đến đón cả hai thuyền. Sáng sớm hôm sau, một chiếc tàu tương đối, ghé bến KuKu đón cả hai thuyền, thuyền buồm chúng tôi 53 người, và thuyền kia 61 người. Đó là ngày 30-01-1983.

Vì tôi thích gió, nên tôi ngồi ngay mũi của chiếc tàu, ngồi nhìn những lớp sóng bạc đầu đuổi nhau, tư tưởng của tôi bay nhẩy như một cánh bướm, trong một vườn hoa nhiều loại, nhiều mầu. Chợt một thoáng về con “tị nạn”, lại lang bang về bến bãi Chu Hải Vũng Tàu. Tàu đi cứ mỗi ngày mỗi to hơn, Natuna tới Kuku, rồi hôm nay từ Kuku đến Pulau Galang.

Nhìn những làn sóng cuồn cuộn đầu trắng như bông lại thấy thơ mộng, chẳng còn thấy hung dữ, bí hiểm như ở Chu Hải. Nhìn một đám mây vàng đang lướt thướt ở trên cao, cái đúng với lúc này, lại sai ở lúc khác. Chỉ mấy tháng trước, tôi thành khẩn làm đơn xin Đảng, và nhà nước mở rộng bàn tay nhân đạo, cho tôi trở lại nhà tù.

Nếu khi ấy Đảng lại chấp nhận lời xin xỏ của tôi, thì làm sao tâm hồn tôi lại la đà bay trên ngọn sóng, hôm nay? Cho nên ngay công lý không những phụ thuộc vào không gian, thời gian, mà còn phụ thuộc theo điều kiện, hoàn cảnh nữa.

Mới khoảng 3 giờ chiều, đã nhìn thấy ngọn cờ Cao Ũy Tị Nạn trắng nõn, dẫy dọn ở một khu có nhiều nhà. Mãi đầu mỏm Galang, lá cờ Indo đỏ trắng, cũng đang vẫy chào, như mời gọi những con người tha phương bất đắc dĩ, vì Tổ Quốc bị thằng con côn đồ, rình đâm lén, đang còn nằm dưỡng thương.

Tàu ghé bến Galang, lần lượt theo thuyền của mình, được dẫn đến một khu nhà gỗ lợp tôn, mỗi nhà dài 3 – 4 chục mét, cũng gọi là barrack. Nhìn trải dài chung quanh, có rất nhiều khu nhà barrack, như một thành phố trù phú dân cư. Thoáng

chợt một cái gì gần gũi, nhưng quý trọng thiêng liêng, tôi có nhìn lầm không? Rõ ràng, lá cờ vàng 3 sọc đỏ, đang lắc lư xa xa phía
trong, như Tổ Quốc kính yêu nhớ thương, biền biệt của tôi từ hơn 20 năm rồi.
Mặc kệ bà con sắp xếp tìm chỗ nằm, tôi kéo tay cậu Thiện rảo bước, hướng về lá cờ Tổ Quốc, xa chừng hơn nửa cây số. Lắt léo một số đường ngang dọc chắn ngang, tôi vượt hết, cậu Thiện cũng bở hơi tai chạy theo tôi. Tôi và cậu đã đến chân cột cờ. Đó là khu ban đại diện của cộng đồng Việt Galang. Thảo nào khi nãy, có một số ông niềm nở ra đón, và đưa chúng tôi vào barrack.
Nhưng lá cờ Tổ Quốc đã thu hết tâm hồn của tôi rồi! Tôi ngước nhìn lá cờ vàng rực rỡ, tôi khoanh tay cúi đầu như kính chào. Một đứa con lạc lõng bơ vơ, mấy chục năm dài trong hang rắn, tổ sài lang.
Nhìn lá cờ nhún nhẩy như nụ cười đôn hậu của tổ tiên, hồn thiêng của sông núi., tôi có cảm tưởng như biết bao nhiêu hồn thiêng, của đồng bào và chiến sĩ đang quắn quít, chung quanh lá cờ.
Tôi và Thiện khoanh tay và kính cẩn cúi đầu lần nữa, kính chào tạm biệt ông cha, chúng tôi chạy vội về barrack để lo chỗ ăn, chỗ nằm. Barrack của chúng tôi số 33 thuộc Zone hai . Tối hôm đó chúng tôi đã được biết sơ sơ:
Hiện nay, tổng số đồng bào tị nạn ở trại trên 14,000 người. Những người của chiếc thuyền buồm chúng tôi, đã có địa chỉ để liên lạc thư từ, với thân nhân ở ngoại quốc.
Boat : Đ N 2013 CA , INS 7881 34 Banack 33, Zone II Refugee Camp, Galang I INDONESIA

Tôi xin thưa cùng quý vị:

Một phần tôi có những chi tiết thời gian, không gian và sự việc, do 1992 vợ tôi (Hoa) sang Mỹ đoàn tụ, đã mang theo những lá thư đầu tiên tôi đến Galang. Tôi gửi về cho mẹ tôi, cho Hoa qua những địa chỉ của chú Thương ở Pháp, bạn bè BK ở Mỹ, và những phái đoàn Caritas đến thăm trại tị nạn.

Hoa cũng đem theo:

- Những cuốn vở trình diện, hàng ngày của tôi.

- Giấy tạm trú nhà bố mẹ, 3 tháng một lần.
- Các giấy tờ tiểu ban QLNNHTĐV, công an Thành, Quận, Phường, khu vực nên có tên thật và chức vụ của họ.
- Giấy chứng nhận, của Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, (nơi tôi làm việc)
- Cả tờ giấy nháp tôi xin Đảng trở lại tù.
- Giấy kiểm điểm vắng nhà, hàng tuần lễ vượt biên, không thành v.v...

Thậm chí có cả một chiếc bí-tất dầy bằng những giẻ chùi trong cầu tiêu, để chống muỗi ở xà lim I Hỏa Lò. Cả một chiếc lược nhôm, tôi tự làm với Lê Sơn ở trại E, phố Lu Lào Cai 1968.

Galang do mưu sinh, nhiều người tạo lập những quán hàng, nên có một đường phố dài, nhà cửa chắp vá hai bên, để rồi có một rạp ciné, có nhà thờ, có chùa, có trường học cho các em nhỏ, và không thể thiếu có một đồn cảnh sát Indo dù ban đại diện cộng đồng đã có một tiểu tổ trật tự, để giải quyết những vụ việc tất nhiên, trong cộng đồng hơn chục vạn người, mà quyền tự do mỗi ngày mỗi tăng ở trong lòng mỗi người, một quần thể đông đúc, người cùng một quê hương , cùng chạy cộng sản trong giai đoạn này.

Riêng với tôi, vì nhiều lý do để tâm trạng của tôi, dần dần vón cục lại, dù 14 ngàn người này, đủ mọi thành phần xã hội. Khi tôi từ miệng con Hồng Tuộc trở về: Bố mẹ, em gái, bạn thân còn không nhận ra tôi, nên hầu như ở đây tôi không có ai là người quen biết.

- Tâm tư còn đặc sệt máu và mủ của quê nhà ngày đêm còn nặng mùi nên chẳng ai muốn gần ai.
- Những lo toan danh và lợi của mọi người làm cho tôi lạc lõng, cô đơn, quạnh hiu.

Tôi xin nói sơ về giá sinh hoạt khi ấy (đầu 1983) ở Galang để quý vị có một chút khái niệm:

1 đồng Việt Nam = 12 Rupias (tiền Indo)

1 lượng vàng = 400,000 rupias.

Bó rau muống độ 20 ngọn giá 100 rupias; quả bầu 3kg giá 500 rupias; mướp 1 quả giá 200 rupias; bát phở giá 500 rupias; 1 vé ciné 500 rupias; 1 lon bia 600 rupias;

ly cà-phê đá 200 rupias.

Tàu của tôi khi đó đến 80 phần trăm có thân nhân ngoại quốc gửi tiên cho bằng money order, money transfer cứ 100 Mỹ kim= 80,000 rupias.

Do hoàn cảnh riêng tôi chẳng để ý đến những thứ ấy. Ngoài những ngày phải đi interview, khai báo với các phái đoàn, sáng sớm dậy tôi đã ra khỏi barrach để đi vào một khu rừng non ở gần đấy tới khi trời tối mới trở về barrack. Khi đó Cao Ủy phát cho mỗi người hai gói mì khô mỗi ngày. Nhiều người, nhiều gia đình họ đem mì đổi gạo v.v.. xoay sở. Nhưng với tôi đã quá đủ rồi, hai gói mì: sáng một, chiều một.

49. SƯỚNG KHỔ, KHÔNG CÓ TIÊU CHUẨN

Tôi làm được một cái chòi con ở giữa rừng, đủ để ngồi che mưa, nắng. Bên cạnh có một dòng suối con róc rách, cứ như Thiên Thai của cụ Văn Cao. Túi tôi thì rỗng, nhưng đầu tôi thì không còn chỗ chứa: tiếng chim hót, tiếng suối reo, gió mưa, cảnh vật không còn chỗ xếp. Tôi vào rừng như thế có 3 mục tiêu chính:

- Cần đi vơ vét nhặt nhạnh lại Anh ngữ trước đây đã rơi rụng gần hết.
- Giữ tâm hồn đi một con đường, tránh những dòng điện giật.
- Thưởng thức cái tự do cho cả cơ thể lẫn tinh thần và hoà nhập với thiên nhiên, thực hiện lời dạy của cụ Nguyễn: “Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ....”

Chính trong cái tĩnh lặng, thanh vắng, tư tưởng mới chui luồn sâu vào từng ngóc ngách của mỗi sự việc. Tôi hiểu, nếu trong cuộc sống, mình muốn cái gì cũng được thì cuộc đời đâu có còn ly kỳ, hấp dẫn nữa?

Cho nên sự khổ đau và hạnh phúc chỉ là sự tương đối, không có tiêu chuẩn nào cả. Có bao nhiêu của cải, nhà cửa, ruộng vườn là hạnh phúc? Còn đói khát, tù đày, mù loà, tàn tật thì khổ đau?

Đó là sự huyền diệu, kỳ bí tạo hoá đã ban cho loài người! Tôi nhớ một sự kiện nhỏ mà bản thân tôi đã trải qua:

Thời gian: khoảng cuối 1969 đầu 1970 sau khi HCM chết.

Không gian: phân trại E của trại trung ương số 1 phố Lu Lào Cai.

Khi ấy do Trung Úy Hoàng Thanh làm giám thị, trại ở vào một nơi hẻo lánh, giữa

một khu rừng già, xa với người dân. Tù nhân trong trại khoảng trên dưới 350 người.

Thành phần: hầu hết là tù chính trị, gồm chừng 70 người dân tộc: Mường, Mán, Mèo, Nhắng, Núng, Thái, Thổ v.v...VC ghép chung cho cái tội là thổ phỉ, cướp rừng.

- Có khoảng 20 người là tu sĩ, chủng sinh (Đi tu ở chủng viện VC đóng cửa, bắt về nhà lấy vợ)
- Chừng 30 BK gián điệp trong Nam ra Bắc hoạt động chống VC, còn lại hơn 200 là người ở các tỉnh trên miền Bắc, VC ghép chung cho cái tội là, phản tuyên truyền, phản cách mạng.

Cũng như nhiều các trại tù của VC trên miền Bắc, ăn uống đói khổ: Ngô, khoai, sắn, bo bo độn vào gạo. Không biết vì lý do gì, bặt đi hàng tuần lễ không hề có tí gạo nào, chỉ có sắn và bo bo.

Đúng là không có tự do, mới thấy giá trị cần thiết, của tự do. Không có ánh nắng, mới thấy ánh nắng, là kỳ diệu tuyệt vời. Chúng tôi bắt đầu nhớ và thèm cơm, rồi đến tuần thứ 2, thứ 3 thì bất cứ lúc nào mệt ngủ đi, chứ không thì bất cứ ở đâu ngoài nương khoai, vườn sắn, hay trong rừng chặt tre, đốn gỗ, ở lán thủ công nơi tù lao động, lúc nào tâm tư, cũng như chuyện trò, ai cũng chỉ nghĩ và nói về cơm. Rồi tuần lễ thứ 4, thứ 5 thì trại bắt đầu đi kiết lỵ nhiều, mặt anh nào cũng tái ngắt, mắt trắng dã nhìn nhau.

Thương hại nhất là các bác già, răng đau hoặc không có, móm mém ăn bo bo không nhai vỡ hết nên, khi đại tiện ra còn nguyên hạt. Nhà xí, nhà cầu của trại cũng không còn hôi thối nữa. Ăn phải có mắm muối, hay ít cá thịt thì phân mới thối. Do đấy có những anh đói qua, tiếc rẻ của trời đã chui vào thùng phân, hót nhặt những hạt bo bo còn nguyên. Khi đi lao động ra suối rửa, rồi cho vào ống nứa, nấu lại mà ăn.

Qua bản thân, tôi xin thành thật mà nói: Giai đoạn này, bất cứ đêm hay ngày, cuộc đời, cha mẹ, họ hàng, anh em, miền Nam, cả tổ quốc, quê hương chẳng cần và không còn lúc nào tôi nghĩ tới nữa, mà chỉ nghĩ đến ăn, đến cơm, đến những bữa

ăn tưởng tượng. Nếu khi mệt thiếp ngủ đi mà mơ, cũng mơ đến ăn mà thôi, ngày 2-3 người chết là thường.

Chả trách VC họ giữ ổn định vững vàng, chế độ của họ được là thế ! Bất cứ người dân nào, từ cán bộ, công chức thợ thuyền v.v.. ai cũng chỉ đêm ngày, tính toán cho cuộc sống gia đình, không thiếu hụt, đói khát mà thôi. Có thể (tôi suy đoán), ban giám thị và cán bộ, thấy tình trạng này thì tụi tù, sẽ chết dần hết. Họ họp nhau, sau đó quyết định thứ Bẩy này, sẽ cho tụi tù ăn, một bữa cơm.

Tin còn bí mật, nhưng có thể một tên cán bộ nào đó chỉ nói riêng với một tên tù thân tín, như tổ trưởng, toán trưởng v.v. . . là chiều thứ Bẩy này, trại sẽ có một bữa cơm, nhớ chỉ một mình anh biết thôi ! Tin quan trọng như vậy, mà bảo chỉ mình anh biết. Anh đó phải có người thân tín khác, cho nên chỉ ngày hôm sau, cả trại hơn 300 người ai cũng biết cả .

Còn một ngày nữa, mới tới cái bữa cơm chiều thứ Bẩy, mong chờ ấy. Thế mà tù nhân, gặp nhau bất cứ ở đâu, lúc nào, mắt cũng sáng long lanh như nhắc nhở: “Còn một ngày nữa thôi đấy nhé!”. Để rồi cho tới đêm hôm thứ Sáu. Qua tôi, tôi tin rằng, đêm ấy là cả một trời thơ mộng, cho chiều mai của mỗi người tù. Ngay sáng hôm sau, toàn trại tập họp để đi lao động như mọi ngày. Dù không cần nhìn cũng phải thấy, mặt mọi người tù, như có một khí thế khác thường. Mắt ai cũng như sáng hẳn ra, mấy bác già khó tính, miệng cũng hay nở nụ cười, bao dung với mọi người .

Và chiều hôm ấy, (thứ Bẩy tuyệt vời) chưa về tới trại, hãy còn lưng chừng, gần trại E thôi. Mùi cơm nồng nàn từ bếp thơm phức đã tỏa phì ra, để những anh chàng tù, ai cũng muốn cong mũi lên hà hít, rồi nhìn nhau mỉm cười.

Vào trại, nhìn cảnh tù ríu rít chạy như con thoi, người ta bảo “vui như ngày tết “!

Cá biệt một vài anh không thể kìm hãm lòng mình được, khi còn đang cân cơm đổ vào từng bát ở ngoài sân, anh ta đã chộp lấy phần của anh, dù chia chưa xong, bốc lấy bốc để, mắt trợn ngược, mồm há hốc đút cơm vào rồi.

Một số những người trầm lắng, họ thong thả đường hoàng, đưa cơm về chỗ đậy lại. Nếu không thể chế ngự được cái háo hức trong lòng, để nuốt vào những giọt nước

rãi thèm khát rỉ ra, thì chỉ nhón một vài hạt cơm, cho vào miệng, khe khẽ nhai mà thôi !

Cá biệt có vài anh, dứt khoát, cương quyết không động vào một hạt cơm, đợi cho cán bộ vào buồng điểm xong, bấy giờ về chỗ mới bỏ màn xuống. Không sáng lắm vì ánh điện yếu lại ở trong màn, thì chịu khó rờ rẫm cũng sẽ phân biệt, từng hạt cơm để mà hường thụ, để mà thường thức dần dần cho đã niềm thương nhớ, nỗi thèm thuồng của gần 2 tháng trời chứ có ít đâu!

Tạo hóa đã ban cho loài người, một kỳ vật cao quý như vậy, mà nhiều người lại coi thường. Ngay tôi, bây giờ ở bất cứ nơi đâu, dù cả ở xứ Cờ Hoa này, cơm, bánh, thực phẩm, loại đắt tiền nhất tràn lan, u hề chung quanh, làm sao tôi tìm lại được bữa ăn có cảm giác thèm khát háo hức ngon, như chiều thứ Bẩy ở phân trại E, tù ngày ấy?

Từ đấy, nhìn vào thực tế cuộc sống xã hội, những người chán đời tự tử, từ bỏ cuộc sống; không phải là những người bị mù lòa, tàn tật hiểm nghèo nhất. Cũng không phải là những người trong hoàn cảnh đói khổ, nghèo túng nhất. Chúng ta đều đã suy ra khổ đau và hạnh phúc trong cuộc đời, chỉ là một sự tương đối.

Điều quan trọng là phải biết ứng dụng; nâng cao ý chí chịu đựng và chuyển đổi hoàn cảnh của mình.

Có những buổi chiều tối, từ trong rừng trở về, tôi thường lang thang về một đường phố dài nhiều hàng quán, do người tị nạn tạo lập Những cửa hàng của người Tàu, người miền Nam, miền Bắc, miền Trung, đủ kiểu đủ loại. Tôi có cảm tưởng như chợ Đại Cống Thần của đồng bào Hà Nội tản cư, hồi trước 1954.

Có một cửa hàng trái cây của người Hoa, tôi cứ lượn qua, lượn lại nhiều buổi tối. Nhìn những quả táo, cam, chùm nho, những loại tôi đã nhìn thấy ở chợ Bến Thành trước khi chui vào miệng con Hồng Tuộc, tôi đã được biết mùi. Nhưng có một trái lạ, tôi đã hỏi những người cùng mua hàng, tôi được biết là trái lê, nhìn cái da của nó trắng nõn như ngà voi, tròn như trái táo.

Lục lại cái hố sâu của tâm tưởng, rõ ràng tôi chưa hề được nếm mới của lạ này, nó ra sao? Tôi nâng quyết tâm, dứt khoát mình phái được nếm, tôi băn khoăn, vấn

vương nhiều buổi tối mỗi khi bước qua ngôi hàng này, chỉ vì cái túi của tôi, đã từ lâu thường dán chặt vào nhau.

Thậm chí mấy cái tem gửi thư, tờ giấy viết, đã làm cho tôi phải lao đao, vấn vít lẫn vào, tiếng suối reo, tiếng chim hót và cả tiếng ve sầu kêu ở trong rừng. Thế mà một buổi tối tôi trở về, mới bước vào cửa barrack đã có mấy người rối rít:

- Anh Bình có loa gọi lên ban đại diện nhận money order!

Như trong hầm tối, tìm thấy cửa hang, nhiều sợi tơ vàng quấn quanh giấc ngủ của đêm hôm ấy. Ông ân hay bà ân nào của bốn phương trời, lại ngó một mắt, đến nơi hẻo lánh xa xôi này

Không ngờ người đó, lại là Lầu Chí Chăn, một người " nhái " được về sau tôi, nhưng lại có hoàn cảnh đến bờ trước. Hai mươi dollars, nhưng làm sao định giá của nó được, trong cảnh đời của tôi lúc bấy giờ?

Tôi đã chạy như có người đuổi, về chỗ cô nàng "lê" có nước da ngà voi, được gói gọn trong cái giấy hồng lụa mềm, chỉ có 50 cents. Tôi đã ôm gọn cái tôi chưa biết mùi, chạy bay vào rừng, về căn lều đụp, và bên dòng suối Nghê Thường, không có chỗ nằm, tôi ngồi dựa vào một thân cây làm cột lều. Lôi tuột của lạ xuống, để ngay ra trước mặt, trước khi cắn, tôi nhìn kỹ lưỡng một lần nữa. Một làn hương chưa bao giờ ngửi thấy, đã đẩy tay tôi đưa áp vào mũi, phê qua, không chịu được nữa rồi.

Một con chim mầu xanh lam đầu đỏ chót, đứng trên một cành quen, chéo trước mặt nhìn tôi, cất tiếng hót: Hì ... lá .....hì .....lá.....cứ như đòi muốn chia phần.

Tôi quắc mắt, lườm lại nó, rồi tôi đã cắn một miếng từ lúc nào, nghe cuống họng kêu rồn... rột. Tôi nhai ngấu nghiến, chỉ hơn hai phút, quả lê nõn nà đã mất tiêu vào cái vụng, cung cấp sự sống từ bao giờ. Con chim đầu đỏ đã bỏ đi từ, lúc tôi lườm.

Tiếng suối hôm nay nghe như một đám trẻ con đang cười đùa, đuổi nhau ở sân đình. Tôi đứng dậy thả bách bộ vào mãi chiếc đầm con, cạnh dòng suối. Miệng vẫn ngọt vì nước của trái lê còn dư vị.

Tư tường của tôi đã nhẩy phắt về quê nhà, thoáng thấy mẹ, vợ và con gái; lại vút

về KuKu với con tàu đã nuốt sống 105 mạng người. Hẳn bây giờ chỉ còn xương rải rác đây đó dưới đáy biển, hay trong bụng những con . . .cá to. Còn một người vô thức nằm lại KuKu, nhìn chung quanh cảnh rùng im vắng, chợt một ý thơ lâu ngày của một cổ nhân: Trần Tử Ngang (651-702) đời nhà Đường xọc vào trí óc của tôi: Nhìn phía trước người xưa vắng vẻ. Ngoảnh về sau quạnh quẽ người sau Ngẫm hay trời đất dài lâu Rừng hoang sầu lắng ngậm ngùi mình tôi ...

Một điều đáng được biểu dương, như một truyền thống tâm linh, của dân tộc. Đồng bào ở Pulau Galang đã dựng xây một ngôi chùa to lớn với những trang trí của hoàn cảnh tị nạn. Nơi tụ tập cử hành, những ngày lễ trang nghiêm tôn thờ Đức Phật Như Lai và Quan Thế âm Bồ Tát. Một nhà thờ cao ráo nằm dài, cạnh một đồi thông, tôn thờ Chúa Giê – Su Hài Đồng và Đức Mẹ Đồng Trinh. Vào những ngày Chủ Nhật, người công giáo đến tham dự lễ đông đúc khác thường. Cha Dominici, Ngài tận tụy tha thiết phụng vụ người tị nạn, như cho chính người.

Có thể mỗi người vừa trải qua những ngày gian truân, hiểm nguy sống và chết, lòng mộ đạo được củng cố phát triển lũy tiến.

Kỳ này trên khu Cao Ủy nhộn nhịp khác thường, nhiều phái đoàn của Canada, Úc Đại Lợi và nhất là của Mỹ mới được tăng cường. Tôi đã nhìn, nghe nhiều cảnh, nhiều tình huống cười ra nước mắt, nhưng cũng có lúc ngậm ngùi xót xa. Sáng hôm qua tôi vừa đến khu của phái đoàn JVA (Mỹ) thấy một đám đông nhốn nháo. Một ông hơn 40 tuổi là đội trưởng một đồn cảnh sát ở Nha Trang, không hiểu vì lý do gì, bị phái đoàn Mỹ từ chối, ông đã kéo theo đứa con gái 8 tuổi, nhẩy xuống chiếc giếng sâu, phía sau khu Cao Ủy.

Người ta hô hoán, cảnh sát Indo đã phải giòng dây leo xuống cứu. Cả hai bố con đều bất tỉnh nhân sự, ông bố bị gãy chân trái, đứa con gái vỡ đầu máu chảy lênh láng, đỏ cả chiếc áo. Họ cho lên một chiếc xe Indo, chở đi nhà thương cấp cứu, tôi chưa biết nhà thương ở đâu? Xa hay gần?

Từ hơn một tháng nay, hệ thống truyền thanh của trại thường nói về cuộc vượt thoát oai hùng, bằng đường bộ của Lý Tống. Anh ta đã bơi qua eo biển giữa Mã Lai và Singapore. Một cái eo biển được thế giới biết đến, vì có rất nhiều cá mập.

Một vài tờ báo ở Mỹ đã gọi anh là " A man never seen ". Đài truyền thanh của trại, thường phát về chiều tối và buổi sáng sớm. Nhiều chi tiết tường thuật về anh, nhưng một chi tiết tôi để ý: " Theo đài khi anh vượt qua Campuchia đến Thái Lan, ông Đại sứ Mỹ ở Thái Lan đã đến thăm anh, với những thành tích vượt thoát nhiều lần trong nhà tù của cộng sản. Ông có hỏi Lý Tống:

- Anh có một phương sách gì hữu hiệu, để tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản?

Lý Tống đã chỉ vào một tập giấy, viết tay ở đầu giường, trả lời:

- Tất cả đường lối, kế sách để triệt tiêu cái chế độ vô thần tàn ác cộng sản, đều nằm trong tập giấy này!

Tôi rất ngưỡng mộ, thèm muốn có một ngày nào đó được đọc, để học hỏi, những điều kỳ diệu ấy.

Rồi được biết anh Lý Tống cũng đã có mặt ở Galang này. Tấm lòng của anh cũng rất đặc biệt, do cái quỹ nào đó ở Mỹ đã tặng anh 500 dollars, anh đã tặng lại ngay phòng giáo dục trại, để mua sách vở cho các cháu thiếu nhi, ở trại Galang. Đã có một số anh em mới quen biết ở trại, nói với tôi:

-Ở trại tị nạn Galang này gần 2 chục ngàn người, có hai người đặc biệt: Lý Tống và anh là một điệp viên, đi tù 18 năm.

Lý Tống thì danh tiếng như cồn, còn anh như con gà giò, may mắn thoát khỏi mồm con lang, thì lại chui vào bụi rậm, nằm im thin thít! .

Tôi đã cười, chậm rãi nói với các anh:

- Một người đi trên máy bay gào mây, thét gió, một người thì lò dò lặn lội ven bờ ao. Cao và thấp đã rõ ràng!

Một buổi chiều muộn, tự nhiên thấy lòng cồn cào, lắt lay về Thành Đô yêu dấu.

Tôi mò lang thang ra đầu một cái mỏm Galang, hướng về quê nhà. Trong dáng chiều nghệ non, rải rác đây đó hàng chục những cặp đầu xanh, lẫn đôi mái đầu tiêu nhiều muối ít, như dính chặt vào nhau, trong cái dạt dào, ồn ào của sóng biển.

Tâm hồn của họ đã biến đổi, từ khô cằn vàng úa, sang mầu xanh mượt mà, tương lai. Lòng nhiều người đã mở cửa, đón nhận hương sắc của đời. Da

trời chuyển thành mầu tím ngắt, như cà ghém tím vào mùa. Tôi đăm chiêu rõi nhìn về phương trời xa, mờ mịt, rồi lặng lẽ trở gót, tôi quay về barrack. Mặc cho dòng đời, chênh vênh ngược xuôi, chìm nổi.

Ngày hôm sau, tôi len lỏi vào mãi phía trong sâu của mảnh đất nhiều sỏi đá, nhưng đã khắc dấu tự do vào tâm hồn nhiều người Việt. Xa xa một ven đồi nhiều đại thụ, rõ ràng một chiếc cổng sơ sài, mộc mạc bằng cây rừng. Một miếng gỗ dài, quét vôi trắng, viết chữ: Chiêu An Tự, mực Tàu, đen nhánh, treo trên một chiếc cổng thô sơ, như muốn lôi kéo lòng tọc mạch, của khách lãm du.

Quả thật, khi tôi gần đến nơi, đã thấy thấp thoáng bóng người. Qua những con đường lắt léo leo trèo, mùi hương trầm đã phảng phất, trộn vào mùi hăng hắc, ẩm mốc của cây rừng. Bước vào trong cổng, càng đi tôi càng ngạc nhiên, con đường nho nhỏ gập ghềnh, nhưng tỏ có bàn tay người săn sửa hằng ngày, dẫn vào một ngôi chùa nhỏ. Phải nói là một ngôi nhà gỗ lợp tôn fi-bro, đã mốc meo. Càng đến gần, mùi hương khói càng đặc sệt. Tiếng mõ đều đều, thong thả vọng ra: Cốc . . cốc . cốc

Hồn tôi như du vào cõi thinh không, một thoáng trở về gặp tiền bối Chu Mạnh Trinh:

Thoảng bên tai một tiếng chầy kình,

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.

Thấy tôi ngấp ngó nhìn vào trong điện, một vị sư chừng gần 5 chục tuổi, từ trong một cửa ngách đi ra. Như một cơ duyên của hai tâm hồn riêng biệt, tôi đã được đàm đạo với thượng tọa, gần hai tiếng đồng hồ về kiếp nhân sinh, về nhân quả, luân hồi của kiếp người. Tôi nhớ vị thượng tọa đó là Thích Thắng Hoang. Hơn 20 năm rồi, chẳng biết thượng tọa hiện nay, ở phương nào?

Chiều hôm đó tôi trở về barrack, được biết tôi có một lá thư Việt Nam, nhìn đồng hồ, chỉ còn 7 phút nữa BĐD đóng cửa. Tôi chạy hộc tốc lên ban đại diện, như đuổi theo một chuyến xe đò vừa bắt đầu lăn bánh. Đến nơi, cửa đang đóng cánh cuối cùng, thì tôi bước vào.

Cầm lá thư đầu tiên từ quê hương, sau hơn 5 tháng mờ mịt chân mây. Như một

hành động vô thức, đôi tay tôi đưa lá thư lên tận mũi từ bao giờ. Tôi có cảm tướng lá thư còn hơi hướng của mẹ, của vợ, của con và còn cả cái mùi ngan ngát của quê nhà thương nhớ, của riêng tôi.

Tôi hiểu có nhiều điều bất ngờ lắm trong lá thư, nhưng tôi cương quyết không xem lúc này. Tôi đút lá thư vào trong ngực, chỗ trái tim tôi đang thổn thức vơi đầy. Tôi sẽ ôm lá thư ngủ một đêm, với bao nhiêu điều dật dờ, lơ lửng bất ngờ trong lá thư đầu, từ ngày xa những người thương yêu nhất, của đời tôi.

50. MẸ ĐÃ ĐI VỚI THẦY

Sáng sớm hôm sau, xách hai gói mì, tôi chạy vào ngôi "biệt thự " giữa rừng hoang, của tôi. Trang trọng, nhóm lửa, ca nước sôi, vừa uống vừa ăn mì xong, tôi ghé ra dòng suối tiên rửa mặt, rửa tay, chải đầu, bấy giờ tôi mới nhẹ nhàng khe khẽ, bóc lá thư. Từng chữ ngọt ngào của vợ tôi như múa, như giẫy lên đành đạch trước mắt tôi.

Tôi nhắm mắt ngồi im, chỉ còn tiếng gió rừng thì thào, tiếng suối rỉ rả cười, khóc triền miên. Tôi lại mở mắt ra đọc lại lá thư lần nữa, cố coi như ấn tượng khi nãy chỉ là ảo giác. Người mẹ kính yêu của tôi đã về với thầy tôi"

Người đã mất 36 ngày rồi, lá thư Hoa đã viết ngày 8 tháng 5 1983, sau khi mẹ tôi đã mất đúng một tuần. Một ý tưởng dậy bảo của Đức Không Phu Tử, lấp ló trong đầu:

Phụ mẫu tại đường..-...bất khả viễn du..-...

(Cha mẹ già còn sống, con cái không được đi xa)

Tôi có lý do vững vàng, nhưng mắt tôi vẫn mờ đi. Hai giọt nước mắt đã rơi xuống đùi, chính mẹ tôi đã cho phép, và giục giã tôi ra đi. Cũng một ý tưởng khác chợt đến, làm cho mắt tôi sáng dần ra. Mẹ tôi sống ngày nào trong mù lòa tăm tối, xa chồng, xa con, càng mòn mỏi héo hon. Như vậy mẹ tôi về với thầy tôi sớm ngày nào, tôi phải vui lòng, tuy còn một chút co xoắn vặn vò: Tôi chưa đi hẳn tới bờ, nên mẹ tôi chưa hề được nếm thử một trái ngọt, hoa thơm, mà người đã bỏ công vun trồng.

Bù lại, trong lá thư tôi đã để lại một giọt máu nữa, trong Hoa. Không biết là trai hay gái, gần 7 tháng rồi, vợ tôi bụng chửa, con còn dại, giữa chợ đời khoai sắn, cũng không đầy bao tử.

Lá thư có mỗi một điều, làm cho bụng tôi cũng phải nở nụ cười, Hoa nói: " Cô Ngọc Anh CA khu vực đã trợn mắt nói với Hoa: Anh Bình vẫn nói: Còn người mẹ mù lòa, tàu có đến đón, cũng không đi.". Thế mà đã biến rồi, ai ngờ được ?

Tôi cười bụng, vì tôi đã lừa được chúng. Hai ngày sau, tôi đã được phái đoàn Mỹ chấp nhận. Họ hỏi tôi:

- Anh không có thân nhân nào ở Mỹ, vậy anh muốn đến tiểu bang nào?

Tôi đã trả lời rành rọt:

- Tôi xin ghi lòng, nhân dân Mỹ đã mở bàn tay nhân đạo, đón nhận tôi. Bất cứ nơi đâu trên thế giới này, không có mùi tanh hôi mủ máu của con Hồng Tuộc, là thiên đàng của tôi rồi.

Còn 13 ngày nữa, tôi sẽ được đi chuyển vào Galang II, là khu cho những đồng bào, đã được phái đoàn Mỹ chấp nhận. Già một nửa thuyền của tôi không được Mỹ đón nhận, họ đi Úc, Canada, v.v...

Đặc biệt có anh Trường, đại úy công an, không được đi Mỹ. Lại có dư luận về tới Việt Nam, là do tôi, có ý kiến với phái đoàn Mỹ.

Thân tôi cũng bèo bọt như những người tị nạn khác. Nếu tôi được làm theo ý, anh Trường là người được ưu tiên nhất đi Mỹ. Anh đã thực sự kinh tởm cái chế độ phi nhân tính, anh đã tẩy trừ được máu độc, bùa mê của con Hồng Tuộc trong con người của anh. Anh đáng được khích lệ, biểu dương hơn nhiều người của chúng ta, trong đó có tôi.

Một buổi trưa, tôi đang ngồi cặm cụi nhặt lượm một số từ Anh Văn trong căn lều con giữa rừng thì có bóng một người thấp thoáng tiến vào. Cô Hoài! Cô là chị của Hằng, làm cho tôi đến ngỡ ngàng. Căn lều chỉ đủ chỗ cho hai người ngồi, vậy mà cô cố lách vào.

Điều chính yếu là cô muốn khoe với tôi, cô đã được phái đoàn Mỹ nhận và cô cũng sắp vào Galang II. Ngồi trong căn lều chật, hơi hướng của cô phả ra như mưa bụi,

nhiều lúc tôi phải nín thở để đè ngọn lửa, cứ đòi phực lên trong lòng. Lẽ thông thường, mèo đi lùng sục tìm mỡ, nhưng hôm nay, do hoàn cảnh tị nạn đã đến được bờ tự do.

Lòng của ai, to nhỏ tùy theo đều mở, nên mỡ đã bò đến miệng một con mèo. Con mèo này cũng thèm lắm, nhưng có một sức mạnh vô hình áp đảo, nên đành dội cho tắt ngấm ngọn lửa ở trong lòng.

Hơn một giờ chuyện trò, có lúc cô đã rủ tôi ra bên dòng suối mơ, đứng nghe tiếng cười róc rách của những giọt đời khua khoắng. Sau khi tiễn cô ra, tôi lại mò mẫm vào căn lều, hãy còn đầy ắp hơi hướng của cô Hoài.

Từ ở Natuna, Kuku, cho đến Galang tôi chưa một lần nói chuyện hai người, kể cả những điện từ của đôi mắt với cô. Hẳn cô thấy từ 6, 7 tháng nay tôi và cô Hằng, không còn liên hệ gì với nhau? Thôi cứ để cho dòng đời tôi theo những nẻo riêng, của mỗi người. Tuy vậy, cô Hoài cũng đã khuấy rối lòng tôi, cả buổi chiều hôm ấy. Ngồi, nhìn những từ ngữ tôi đang cần thu nhặt, chúng cứ ngoáy lên chẳng chịu chui vào trong tiềm thức.

Nghe một tiếng chim kêu lạ, tôi chui ra khỏi lều, một con chim to như con thỏ non đến thì, có cái đuôi cánh chả dài như đuôi công. Đầu nó có một chùm lông, trông như một cái ngù vàng và đỏ, tưởng như nó đang đội một cái mũ cánh chuồn. Nó nhìn xuống dòng suối, rồi lại nhìn tôi, kêu:

Kê ... tai ... kê ... tai ... mà tôi nghe như kề tai .... .kề ... tai ... .Tôi định dướn lên hỏi nó: " Kề tai để làm gì ? " Nhưng tôi chợt kìm lại, làm sao nó hiểu được tiếng người? Tôi chưa hề trông thấy một con chim nào như vậy ở quê hương. Tôi đã ngẩn ngơ nghe nó kêu lâu lắm, cho đến khi nó cất cánh bay đi.

Nhớ lại, lúc nói chuyện với cô Hoài, tôi được biết vợ chồng Phạm Lộc, cả gia đình bác Lý Văn Bang, cả cậu Sinh vua trèo dừa, cũng sang Úc. Và cậu Sinh cũng sẽ là rể tương lai, của bác Bang. Ngay buổi chiều hôm ấy, tôi đã gặp vợ chồng Lộc. Vì người ân, và vì món nợ danh dự 3 cây vàng, Lộc+ Liên chưa có địa chỉ ở Úc. Tôi và Lộc đều lờ đi "cái quắc mắt lườm" hôm ấy. Có thể thấy tôi và Hằng như không còn liên hệ, nên vợ chồng Lộc lại vồn vã như xưa. Phái đoàn Mỹ đã cho tôi một cái

địa chỉ ở Mỹ, để liên lạc thư từ.
Hội IRC 140 Boyston st. MA. 02101.
Tôi chẳng biết nó ở đâu, tôi cứ đưa cho vợ chồng Lộc để sau này phòng hờ, liên lạc. Ngày 8 – 6 tôi được chuyển vào Galang II, cách Galang I chừng 3 cây số. Galang II lúc ấy có khoảng 4.000 đồng bào, cũng có một ban đại diện.
Từ hơn một tháng trước, do tình cờ tôi quen một anh đại úy pháo binh, tên là Đỗ Văn Thịnh. Cái lon Đại Úy của anh phải đeo hàng chục năm, chỉ vì anh là loại người đứng thẳng bằng đôi chân của mình, và đầu của anh cũng không biết cúi. Đấy cũng là điều tôi trọng quý anh.
Sau khi anh biết sơ lược về chuyện tù đày của tôi, và thấy tôi cứ hay vào rừng một mình. Anh khích lệ, là tôi cần phải hòa đồng với mọi người.
Anh đã trên 50, và anh lại là người từ chối, không đi Mỹ, dù anh đã đi tu nghiệp ở Mỹ gần 2 năm. Anh đã xin đi Úc. Cũng chính do anh giới thiệu, nên khi vào Galang II tôi đã đảm nhận phần việc Trưởng phòng tiếp liệu. Vì anh đã hiểu tôi, nhìn lợi và danh, như nhìn lá cây trong rừng.
Phòng tiếp liệu ở một trại tị nạn, cũng chẳng có gì. Tuy vậy, do buổi đầu nhiều khó khăn thiếu thốn, cũng đã làm cho nhiều người khúc mắc. Cụ thể, mấy ông trưởng phòng trước, cũng có một vài vấn đề. Cũng chẳng có gì: Mì gói, gạo, cá khô, xà phòng, trứng vịt, gà. Đôi khi có chăn màn, văn phòng phẩm v .v...do Cao ủy tị nạn cung cấp.
Tôi cũng đã đắn đo mấy ngày, dù chưa bao giờ có, nhưng danh và lợi đối với tôi vẫn bàng bạc như lá thu, còn cõng hè. Nhìn lại suốt 18 năm tù ngục, ở cả các trại tù trung ương. Nếu ham muốn, tôi cũng tạm đủ khả năng làm trật tự thi đua, buồng trưởng, đội hay toán trưởng. Nhưng cao nhất chỉ là tổ trưởng một tổ mộc kỹ thuật, về chuyên môn, đó cũng là chỗ đứng của tôi ở trong tù. Nếu không thì sẽ cũng như anh Luyện, “ăn đói nằm co, còn hơn ăn no, vác nặng”. Nhưng mà nằm “co” một chỗ thì làm sao hiểu, biết được những sự việc ở bên ngoài trại chung?
Huống chi ở đây là làm cho mình, cho những đồng bào tị nạn cộng sản như mình, nên tôi đã nhận lời.

Ban đại diện khi đó, do anh Vũ Minh làm trại trưởng, bác sĩ Vũ Linh Huy là tổng thư ký và có 4 phòng: Trật tự, giáo dục, thông tin và tiếp liệu.
Phòng tiếp liệu có 5 nhân viên phụ giúp, lương tượng trưng mỗi nhân viên 500 Rupias, trưởng phòng 800 Rupias. Tôi ở thuộc Zone D, mỗi Zone từ 5 đến 7 banack. Tôi nhớ Cao Xuân Huy cùng tàu khi ấy, cũng là Zone trưởng một Zone.
Galang II bắt đầu có chủ trương mới, mọi người được nhận vào Galang II để đi Mỹ, đều phải được khảo sát về trình độ Anh Ngữ. Tùy theo trình độ để phân bổ thành các lớp học từ 3 đến 5 tháng. Sau đó, phải học thêm nếp sống văn hóa của nước Mỹ. Như thế, lớp cao nhất là C.O (Cultural only), nghĩa là, chỉ cần học để có khái niệm, về nếp sống văn hóa ở xã hội Mỹ.
Tôi do may mắn, và cũng có thể do ấn tượng, trong lúc trao đổi khảo sát, của những giáo viên Anh Ngữ Indo. Khi họ biết tôi đã được CIA huấn luyện đào tạo, ở Sài Gòn (hơn 20 năm xưa), nên tôi chỉ phải tham dự lớp C.O. Họ chăm chú, tò mò hỏi những chuyện, một mình tôi dám xông vào bên trong bức màn sắt của cộng sản?
Trong một cái trại tị nạn cộng sản hơn 4000 người, thì hàng ngày có nhiều những sự việc, tình huống xẩy ra. Có một sự việc vẫn còn đeo mắc, trong lòng tôi đến ngày hôm nay. Hôm ấy là một ngày phát phần thưởng mãn khóa cho các lớp học Việt Ngữ, của các cháu nhỏ từ 7 đến 15 tuổi.
Hàng mấy trăm các em thiếu nhi, hàng nghìn phụ huynh và đồng bào trong trại, có quan khách Indo và Cao ủy tham dự. Ngoài sân trại ban đại diện, lá cờ vàng 3 sọc đỏ tươi roi rói, uốn éo sóng đôi với lá cờ Indo, mầu trắng đỏ, đứng bên cạnh.
Sau bài quốc ca chào cờ của Indo, đến khúc nhạc chuẩn bị chào Quốc Kỳ Việt Nam. Đứng trong hàng ban đại diện, tôi dõng dạc, hùng hồn cất cao lời ca, hòa đồng với hàng ngàn cái miệng, làm nóng sôi, râm ran bầu không khí của cả một vùng. Nhiều chỗ, tôi phải dựa vào chung quanh để gào, hát Quốc Ca từ hơn 20 năm không được dự hưởng.
Mắt tôi ngước nhìn lá cờ vàng, của Tổ Quốc giẫy dọn, như đang cuốn hồn dân tộc, khí thiêng của sông núi trong ánh hào quang của mặt trời, lòng tôi thổn thức rung

rưng sung sướng. Nhiều người lên nói chuyện tôi đã quên rồi, nhưng ông Siu Năng Năng đại diện của Galang, nhìn xuống các em thiếu nhi Việt Nam, nhắc nhở:
- Rồi đây các em sẽ đến sống lập nghiệp ở một nước thứ ba (nước Mỹ). Các em hãy luôn luôn ghi nhớ mình là người Việt Nam, thì phải biết tiếng Việt Nam!
Bằng những âm sắc hơi là lạ của tiếng Anh, ông đã làm tôi xúc động đờ đẫn:
“Một người Indo, lại quan tâm nhắc nhở con em của dân tộc tôi. Nhưng chính chúng tôi, những ai còn ý thức tự trọng mình là người Việt Nam? Tôi xin cảm ơn ông Siu Năng Năng mãi mãi “.
Ông đã dậy cho tôi một bài học ý nghĩa.
Một thoáng chợt về gặp cụ Bàng Bá Lân:
Đừng lo đàn con dốt Anh Văn! Mà sợ chúng quên gốc, quên nguồn, mà thôi.
Một buổi trưa, tôi đang ngồi làm tổng kết cho quý hai, thoáng một bóng người lấp loáng, ngoài cửa văn phòng. Một anh chừng 4 chục tuổi, giọng Nam Trung nhẹ như ca, như hát:
-Ông là trưởng phòng hả? Vui lòng cho tôi xin một lọ corrector!
Sau khi được biết anh là Lý Tống, như thấy được món hàng tôi đang cần tìm. Dịp may đưa đến, tôi đã vồn vã, cả buổi chiều hôm ấy, anh và tôi đã say sưa đưa nhau ra hội trường vắng vẻ, đổi trao những chuyện quê hương và những chuyện đời. Khi đã là bạn bè, tôi đã trầm trồ muốn được đọc, xem cái kế hoạch tiêu diệt cộng sản anh đã nói với ông đại sứ Mỹ ở Thái Lan. Anh đã trả lời tôi là: ” Anh quá nhiều sách vở, giấy tờ, bây giờ không biết để lẫn vào đâu? ” Anh hứa sẽ tìm. Những lần sau tôi hỏi đến, anh vẫn chưa tìm thấy.
Một kế hoạch thần kỳ như vậy, thật đáng tiếc cho quê hương, cho nhân loại!
Cho tới ngày sang Hoa Kỳ, khóa học trước, sau, mỗi người một hướng, trong cái bao la của nước Mỹ với vạn nẻo đường tị nạn quê người, chưa một lần nào Lý Tống và tôi gặp lại. Dù khi chia tay ở Galang Lý Tống đã viết vào cuốn sổ của tôi một địa chỉ ở đại học Harvard để liên lạc, khi đến Mỹ. Thậm chí 2002, tôi đã lên đài Sống Trên Đất Mỹ để ca tụng những chiến công có một không hai của anh ở Việt Nam, ở Cuba.

Một lần, đài Sống Trên Đất Mỹ đã mời hai diễn giả trong một buổi lễ kỷ niệm của đài, là Lý Tống và tôi. Nhưng thật không may ngày ấy, dù ông Vạn Võ đã gửi vé máy bay sang, một lý do bất khả kháng, tôi không đi được. Tôi đã tưởng buổi ấy, để Lý Tống biết được tác giả Thép Đen chính là người đã quen nhiều với Lý Tống ở Galang.

Đã có những chuyện ngộ nghĩnh như một anh đại úy Dù (quen ở Galang), đã mua hai cuốn l+ 2 Thép Đen, gửi cho tôi với lời đề tặng:

“Đây là một tác phẩm đáng giá, anh cần phải đọc” (Tôi vẫn giữ để kỷ niệm).

Cũng thật là hiếm trong lĩnh vực văn chương, mua sách của tác giả, để tặng cho tác giả. Cho đến bây giờ anh bạn đại úy ấy, cả Lý Tống và nhiều người nữa, vẫn hiểu ĐCB và người quen biết cũ, là hai người.

Một buổi trưa, tôi ở phòng tiếp liệu trở về barrack, bà con kháo nhau là cái cô Hoài rất ăn diện. Đêm qua, có một anh trung úy hải quân đã từ buồng của cô trèo qua cửa sổ ngã, phải đi băng đầu gối. Tôi thấy chuyện như vậy là bình thường. Biết bao nhiêu cô gái thích ăn diện lại không có tiền, trong khi thoát khỏi sự kiềm tỏa của gia đình.

Tôi đã đau lòng với những cô gái Việt, sóng đôi, hoặc thậm thụt với cảnh sát Indo. Tràn lan những chuyện ngược xuôi não ruột, thậm chí có cô bụng chửa, có cô đẻ con. Những vấn nạn này, nguồn gốc do đâu?

Một ngày chủ nhật, tôi rủ cậu Công và cậu Ngọc Anh (tên giống cô công an khu vực) lần mò ra cái nghĩa địa ở một nơi hẻo lánh, giữa Galang I và II. Tôi và hai cậu cứ lang thang cả buổi, hết ngôi mộ này đến ngôi khác. Gần hai chục nấm mồ vô chủ, đã nằm lại nơi đất khách. Như một chút lòng của người cùng một nước, chúng tôi thăm viếng.

Hai cậu đều là nhân viên phòng tiếp liệu, do một sự tình cờ năm 2001, tôi gặp lại cậu Ngọc Anh ở một Super Market. Mãi tôi mới nhận ra, cậu đã có sự nghiệp, nhà cửa vợ con ở thành phố Milton, cùng tiểu bang MA.

51. ĐÀM ĐẠO, BẠN BÈ INDO

Do những quen biết với một vài giáo viên Anh Văn người Indo, một ông 38 tuổi dậy văn hóa Mỹ lớp tôi là Darko Sin. Anh này rất thích nói chuyện với tôi, từ khi anh sát hạch, biết sơ qua CIA, đã đào tạo tôi ở Sài Gòn. Anh rất tò mò muốn biết nhiều chuyện tù đầy, trong chế độ cộng sản miền Bắc VN. Vì thế, anh đã tổ chức một bữa cơm, có tôi và 5- 6 người bạn của anh. Mục đích, anh muốn tôi nói những nét chính yếu, tôi đã ra Hà Nội đầu 1962. Để hỗ trợ Anh ngữ ngập ngọng của tôi, tôi đã mời theo anh Vũ Linh Huy, tổng thư ký của ban đại diện trại.

Mở đầu bữa cơm, có nhiều chuyện đề cập, nhưng đều có chung một quan điểm: Trong sự quen biết giữa người với người, điều quan trọng bậc nhất là sự chân thành, dù có lúc gồ ghề, thô kệch, nhưng sẽ dài lâu.

Mấy người Indo, có anh là cảnh sát trưởng phòng hình sự Galang, và một ông trong ban Cao Ủy Tị Nạn. Các anh tỏ ra xề xoà thẳng thắn, đã nói thực:

“Vì có các anh là Việt Nam, chứ chỉ riêng chúng tôi thường dùng 10 chiếc đũa trời, chẳng cần thìa, đũa, bát”.

Các anh nói là thực, chính tôi đã nhìn thấy những nhà dân Indo, thường ăn bốc. Cơm nước bia, rượu đã lưng chừng, anh Darko Sin đứng dậy yêu cầu tôi tường thuật sự việc v.v. . . Anh cũng khỏa tay với mấy người bạn anh, là cũng muốn biết diễn tiến, của sự việc. Để đáp lại tình giao hảo, với tiếng Anh phải dùng tay phụ họa, tôi đã lần lượt tường thuật lại sự việc tôi ra Bắc, và trả lời mọi câu hỏi của các anh. Cuối cùng các anh dồn hết vào một câu hỏi:

- Tại sao nước Việt Nam, tình huống thế nào để bây giờ, các anh phải bỏ nước ra đi?

Một câu hỏi đơn giản, nhưng thật nhiêu khê để trả lời. Tôi và bác sĩ Huy nhìn nhau, anh Huy đã định trả lời, nhưng không hiểu nghĩ sao, anh lại bảo tôi cứ nói, rồi anh phụ.

Tự biết mình có nhược điểm ăn nói, uống một hơi bia đầy, hỗ trợ, ngồi trầm lắng một phút, tôi thấy sự việc lổn nhổn như một đống xà bần. Tôi nghĩ không gì bằng, hãy theo lời dậy của đức Khổng Phu Tử: tìm một thí dụ để minh giải, chỉ cần cho các bạn, hiểu khái niệm diễn tiến chính. Nghĩ như thế, tôi giơ tay làm hiệu, xin nói.

Cả bàn ngồi yên, tôi nói đại:

- Thưa các bạn, khả năng Anh ngữ của tôi yếu kém. Tôi đưa ra một thí dụ để minh giải, xin các bạn cố gắng để hiểu tôi:

" Có hai ông bà cụ kia tuy quê mùa, nhưng rất hiền hòa, đôn hậu. ông bà sống với một đàn con ngoan. Ông bà giữ nền nếp gia phong, thường dậy đàn con: Con trai thì phải tuân theo ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Con gái thì phải ứng dụng tứ đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh ". Tâm linh với đất, với trời, với thượng đế, với tổ tiên.

Một tên giầu có ở phương Tây sang chiếm ngôi nhà, lấy lý do là khai phá dạy bảo, cho biết văn minh. Thực tế nó bất cả nhà làm nô lệ, phải phục dịch nó, nhưng nó không hề động đến nền nếp gia phong, mà còn khuyến khích mọi người tôn thờ thần linh các tôn giáo. Tuy có lam lũ, khổ cực nhưng cuộc sống cũng tạm qua ngày.

Mấy nhà hàng xóm chung quanh, cũng bị những tên giầu có khác, cũng ở phương Tây đến chiếm nhà. Cảnh sống của những nhà hàng xóm đó, cũng khổ cực lầm than, như gia đình ông bà cụ

Một thằng con của ông bà cụ đi tha phương cầu thực trở về đã khích lệ, vận động ông bà cụ và các anh chị em, hãy đứng lên đuổi tên nhà giầu ác ôn đi. Ông bà cụ cũng như anh chị em, đều đồng ý góp tiền, góp công vất vả gian lao đã đuổi được tên nhà giầu chó chết đi.

Nhưng thằng con tha phương đã bắt anh chị em và cả ông bà cụ phải ăn, ở có tiêu chuẩn. Không được sang nhà hàng xóm chơi, và cũng cấm hàng xóm sang nhà mình. Nó còn cấm cả nhà không được thờ cúng ông bà tổ tiên, thần Phật hay Chúa nữa.

Thấy thằng con ngỗ ngược côn đồ, ông bà cụ và những người con khác định lấy tình cha con, anh em khuyên bảo cho êm ấm hoà thuận gia đình.

Nhưng tên con côn đồ ngỗ ngược đã không nghe, mà còn xúc xiểm, chia rẽ anh em cha con. Thậm chí, nó còn thủ tiêu anh chị em nào cứng cổ, đứng lên phản đối. Nó còn hành hạ bịt miệng cả bố mẹ và anh chị em, để rồi phải đánh nhau tơi bời.

Chín năm trường, đuổi được tên ác ôn nhà giầu trước đây là công lao của cả nhà, nhưng tên con ngỗ ngược này, nó dành hết là công của nó. Thực tế, đã đến giai đoạn, các tên nhà giấu phương Tây khác, cũng phải trả nhà dần hết lại cho hàng xóm, vì: Thế đã đến thời.

Cuối cùng căn nhà êm ấm của ông bà cụ phải chia đôi, thằng con ngỗ nghịch bịp bợm, rủ rê được một số anh chị em ngây thơ nhẹ dạ, ở nửa phần phía Bắc. Một số anh chị em đã biết mặt thằng điểu, đều về phía Nam căn nhà. Bố mẹ cũng biết dã tâm của thằng con ngỗ ngược, nên đã về phía Nam sống với.đàn con hiền hòa, ngoan ngoãn, biết thờ cha kính mẹ, giữ truyền thống đạo lý của gia đình, tổ tiên. Không ngờ dã tâm của thằng con ngỗ nghịch ở miền Bắc, dùng trăm mưu nghìn kế, làm sao để nó chiếm cả ngôi nhà. Bố mẹ cũng biết là thằng con mất dạy, nhưng vẫn không ngờ là nó đâm lén cả bố nó gần chết, nên nó đã chiếm được cả ngôi nhà. Ông bố bị nó dán băng kín cả miệng đang nằm dưỡng thương một chỗ. Chúng tôi đã biết cái máu rắn độc của nó, bố nó mà còn bị đâm lén, bịt miệng, bịt mồm, huống chi là anh chị em. Cụ thể anh em nào phản đối, nó giết hoặc cho vào nhà tù. Chúng tôi là những người chạy thoát sang đây. Cả 6 – 7 người đều đứng dậy vỗ tay, anh Darko Sin đã cười nói:

- Thằng con ngỗ nghịch là Hồ Chí Minh!

Rồi ông Cao Ủy cũng dõng dạc:

- Ông cụ bị đâm lén và các đứa con ngoan, là Việt Nam Cộng Hòa?

Tôi không định mà tay vỗ đồm độp, tự thưởng cho tôi đã sắp xếp tạm đống xà bần, đồng thời cùng mọi người nâng cốc, thêm rượu. Anh cảnh sát trưởng hình sự đã đứng lên mặt đỏ bừng, nhìn tôi mắt trợn trừng, tưởng như anh sừng sộ với tôi. Tay của anh chặt chặt, vào không khí:

- Ngày 30-9-1965 đến tháng 3-1966 chúng tôi đã chặt cổ hết tụi nó!

Tôi và BS Huy đều ngơ ngác, thì anh Darko Sin đã đứng lên từ tốn, rành mạch:

- Để đáp lại tôi cũng xin tường thuật vài nét sơ lược, về đất nước tôi:

” Khoảng cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60 ông Shokarno làm tổng thống, đứng đầu những nước trung lập, lãnh đạo khối thế giới thứ ba. Ông ta được các

nước cộng sản nhiệt liệt hoan nghênh, nhất là Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh.
Khi ấy HCM đã thổi Shokarno như một anh hùng sáng chói của thế giới, những bài ca ra rả trên đài như:
Shokarno... .Hồ Chí Minh.
Đất nước vạn dừa .xanh.
Anh nhìn sang đây, tôi nhìn sang đây.....
Trong khi Mao tung cán bộ vào Indo, vì có nhiều người Hoa kiều ở khắp các đảo, chúng bí mật tuyên truyền lập nhiều tổ đảng cộng sản, ở khắp các cơ quan đầu não. Trong quân đội chúng có những đường dây chằng chịt, để rồi đêm ngày 30- 9-1965, bất ngờ chúng bắt tất cả những tướng chủ chốt, của quân đội gồm 7 tướng và làm một cuộc đảo chính. Chúng đã giết và chặt cổ 6 vị tướng, một vị tướng đã trốn thoát là Shoharto.
Ông ta mau chóng, kịp thời củng cố quân đội, và những vệ binh cảnh sát Quốc Gia, quyết liệt phản công lại lũ cộng sản. Cho tới sáng ngày hôm sau, một phong trào rầm rộ của quần chúng nhân dân, đã cùng với quân đội lùng sục mọi tàn dư của đảng PKI (đảng cộng sản Indo). Lòng phẫn nộ của quân đội và nhân dân trong một năm đã giết, chém cổ gần một triệu (1 000 000) tên côn đồ, phản tổ quốc này. Giữa tháng 3-1967, toàn dân nhất trí bầu ông Shoharto lên làm tổng thống, theo chế độ Cộng Hòa. Nước Indonesia đã gia nhập trở lại Liên Hiệp Quốc và hiệp hội ASEAN.
Ông Shokarno đã ngả theo và dung túng cộng sản, nên bị quần chúng quản thúc, giam ở trong tù và đã chết ngày 21-6-1970. Hiện nay tổng thống của Indo là tướng Shoharto.
Anh Huy và tôi, cả những người Indo đều đứng dậy vỗ tay cảm ơn anh Darko Sin.
Tôi tưởng bữa cơm họp mặt hôm ấy, đã tạm thời ổn thỏa.
Nhưng sau đó, cái ông trong Cao Ủy (rất tiếc tôi không thể nhớ được tên) đã nhìn tôi, rồi đưa ra một vấn đề băn khoăn khó hiểu, của ông. Ông đã đứng hẳn lên thong thả rõ ràng:
- Chế độ cộng sản đã đưa đến nghèo đói, lầm than cho mọi người dân, trong nước.

Mọi quyền tự do, kể cả tôn giáo đều bị bóp nghẹt. Tại sao trên thế giới còn rất nhiều cá nhân, đoàn thế, nhất là giai cấp trí thức, vẫn nồng nhiệt, nếu không nói là say mê, ủng hộ làm lợi cho cộng sản?

Anh Huy và tôi lại nhìn nhau, anh Huy lắc lắc đầu nhìn tôi như muốn nói gì. Tôi hiểu ý của anh là: " Lại một vấn đề hắc búa, không phải chỉ trả lời một câu đơn giản ". Đã có hơi men, giữ nhịp độ ca-lo-ri trong người, thái độ của anh Huy như thế, làm nhịp độ trái tim "cuồng" của tôi phồng hơn. Như một đòn bẩy vào chỗ coi trời, bằng hòn đảo JAVA. Tôi đứng dậy nhìn thẳng vào ông Cao Ủy Tị Nạn:

- Xin cảm ơn ông đã hỏi một câu khá độc đáo. Một sự việc đang nóng bỏng trong thời đại, của chúng ta. Để làm sáng tỏ điều băn khoăn của ông, phải nói nhiều, nói dài, mà bữa cơm của chúng ta hôm nay đã tối muộn.

Vả lại điều thắc mắc của ông thực tế, đã được trả lời rồi. Qua nội dung thắc mắc, ông là người rất quan tâm đến xã hội và thời đại. Do thời gian và sự kiện, có rất nhiều bí ẩn lịch sử đã được bạch hóa.

Xin ông hãy lắng đọng, một mình nghĩ suy và tìm lại báo chí tài liệu: Những trí thức thiên tả, thiên cộng sản của Indo, cụ thể là một tổng thống Shokarno. Ở nước tôi: một số trí thức từ Pháp, từ Đức về nước theo cộng sản.

Ngoài thế giới, đầu tiên là Phong trào Caucaise vùng Tây Bá Lợi Á, mà Lênine đã lợi dụng như thế nào. Biết bao nhiêu cá nhân mà cụ thể là triết gia, bác học Bertrand Russell người Anh, giải thưởng Nobel văn chương 1950 (18-5-1872, chết 2-2-1970). Mới đây là cô đào Jane Fonda đã vẻ vang tự hào, ngồi trên mâm pháo của Việt Cộng. Ngay mới đây là những trí thức và mặt trận giải phóng, tức Chính Phủ Lâm Thời Cách Mạng Miền Nam. Những nhà trí thức khoa bảng như Nguyễn Hữu Thọ, Đào Sĩ Chu, Nguyễn thị Bình, Hoàng Phủ Ngọc Tường v.v. . . nhiều lắm.

Muốn nhìn rõ bản chất sự việc, phải đào sâu, xét kỹ hoàn cảnh cá nhân, gia đình điều kiện xã hội, chủ quan, khách quan, không gian, thời gian. Rất nhiều nguyên nhân, yếu tố nhưng có một cái chung: Mỗi người giỏi, xuất sắc về một lĩnh vực. Các ông, các bà tiến sĩ, thạc sĩ, bác học, họ đã đầu tư gần hết trí óc và thời gian,

miệt mài để có những bằng cấp của họ.
Vì vậy, ở những lĩnh vực khác họ lơ mơ, phiến diện, nhất là lĩnh vực chính trị, nên hầu hết là ngây thơ nông cạn. Khi đã giỏi, xuất sắc một lĩnh vực, thì các lĩnh vực khác kém, nông cạn là một điều tất yếu, bình thường, của một người.
Nhưng một điều ngộ nhận của đa số quần chúng, và chính bản thân những vị trí thức này: Những người có bằng cấp cao như thế, thì lĩnh vực nào cũng giỏi, cũng quán thấu. Do đấy họ nghiên cứu về chủ nghĩa cộng sản chỉ trên lý thuyết, sách vở (Lý thuyết và sách vở thì chủ nghĩa cộng sản đẹp và lý tưởng lắm), rồi họ hành xử, phát biểu đàng sau cái bằng cấp, của họ.
Tôi hiểu ông Cao Ủy, và mọi người chưa thỏa đáng lắm, sự trả lời của tôi, nên tôi nói tiếp:
- Thưa ông và các bạn, tôi vừa đưa ra chỉ có tính cách gợi ý, đề nghị các bạn tự suy ngẫm, tìm hiểu thêm trong thực tế. Một điều nữa xin các bạn lưu ý: Chủ nghĩa cộng sản do thời gian và thực tế đã có chiều hướng, không còn phù hợp với con người tự nhiên. Muốn duy trì, chúng phải bịp bợm, lôi kéo, gây mâu thuẫn, để chia rẽ, phía thế giới tự do của chúng ta. Chúng nghiên cứu mọi cá nhân, đoàn thể có uy tín với quần chúng. Một câu nói, một việc làm do vô tình của người này, đoàn thể kia, chúng chộp ngay, đề cao, thổi phồng. Nếu không tỉnh táo, chúng ta vội vàng phản đối, chê bai. Người ấy, đoàn thể đó đã tách ra và bị lôi dần về phía cảm tình với cộng sản.
Đột nhiên anh cảnh sát trưởng phòng hình sự đứng lên, điềm đạm đưa ra ý kiến:
- Tôi biết ngay trong đám người tị nạn ở đây, có nhiều người hoạt động bí mật cho cộng sản. Từ đấy suy ra trong các cộng đồng người Việt tị nạn ở hải ngoại, không thiếu những người vẫn bí mật, làm việc cho cộng sản. Anh có thấy như thế không?
Tôi không ngờ người Indonésia, hiểu biết nhiều về cộng sản, như vậy. Họ đưa ra toàn những vấn đề phải đàm đạo, mổ xẻ truy nguyên từng chi tiết. Tôi chỉ nói ngắn gọn, vì đã đến giờ mọi người ra về :
- Từ trước tới bây giờ, thế giới cũng như riêng Việt Nam, biết bao nhiêu tấm gương người thực, việc thực về những người nằm trong xã hội tư bản hoạt động bí

mật cho cộng sản. Các người này có thấy hay ít ra cảm thấy: cộng sản kỵ nhất, nhưng vẫn phải dùng những người đã biết và nếm mùi của xã hội tự do tư bản! Chúng biết những người này sớm hay muộn, sẽ lửng lơ không chịu ngoan ngoãn trong khuôn khổ sắt máu độc tài của chúng. Vì vậy, mỗi người chúng gửi đi nước ngoài, chúng phải nắm chắc được xương sống của người đó. Coi như chúng đã cấy "Sinh tử phù" người đó, phải hoàn toàn ngoan ngoãn, làm theo ý của chúng.
Rồi sẽ đến một ngày, như một lũ chó săn, đã hết mồi, không còn giá trị lợi dụng nữa, nuôi chúng trong tay chỉ có hại. Điển hình vừa đây nhất là: Vũ Ngọc Nhạ và Phạm Xuân Ẩn. Những người nằm vùng, hoạt động cho cộng sản, ai đã có công lao to lớn bằng Nhạ và Ẩn? Bây giờ cuộc sống ra sao?
Chúng là loại chiến lược: Nhạ là Cố Vấn tin cẩn nằm trong phủ Đầu Rồng của Tổng Thống Thiệu. Còn Ẩn đã được thời cụ Diệm đưa đi học lớp báo chí nhiều năm ở Hoa Kỳ. Để rồi hầu hết những tờ báo lớn của Mỹ và phương Tây, thậm chí cả những cơ quan tình báo của CIA, đã là những vỏ bọc vững chắc cho Ẩn. Y đã dễ dàng lấy được hầu hết những tin tức chiến lược, hay tung hỏa mù làm lạc hướng, các cơ quan có trách nhiệm.
Đến khi cộng sản chiếm được miền Nam, để làm mồi câu những con chó săn khác, sau này. Chúng phong cho Ẩn là Đại Tá, rồi mới đây (1980), chúng gán cho cái lon Thiếu Tướng, phụ trách những việc không thực quyền, ngồi chơi xơi nước. Người quen tôi ở Sàigòn cho biết: năm 1982 Ẩn sống một mình, âm thầm trong một cái villa với 6, 7 con chó, trên đường Kỳ Đồng, Dòng Chúa Cứu Thế.
Lý do những tên nằm vùng của cộng sản, về cuối đời thường cô đơn, sống lủi thủi bó chặt nỗi ẩn ức. Chủ không dùng nữa, để cho ngồi chơi xơi nước, chứ không có thực quyền. Tâm trạng tên nào cũng ôm ấp, ít nhiều lòng kiêu hãnh tự tôn, với chung quanh. Nhưng bạn bè, thậm chí họ hàng thân quyến, cho đến quần chúng, không ai ưa loại người sống lá mặt, lá trái, nên chẳng ai muốn quan hệ.
Nói tới đây, tôi và anh Huy nhìn nhau, đều đứng dậy, vì trời đã tối muộn quá rồi. Với những cái bắt tay nồng nhiệt, anh Darko Sin còn nói to:
- Chúng ta sẽ gặp lại, còn nhiều điều phải đàm đạo.

52. BẦU TRỜI TỰ DO

Anh Huy và tôi đã khoác tay nhau trở về khu trại. Khi nãy phải trả lời những điều mà tôi vẫn chưa quán triệt, nhưng vì lòng tự trọng một người Việt, nên tôi đã nhờ cụ Lưu Linh hỗ trợ hơi nhiều. Bây giờ chân tôi bước có lúc cảm tường người nhẹ bổng, bay được. Anh Huy đập vào vai, làm tôi lấy hồn lại. Anh chỉ lên trời, phóng giọng vào gió lộng:

- Anh Bình có nhìn thấy một cái tai bạc, to tướng kia không?

Đúng rồi, trăng nửa một tí thừa dựng đứng, như một cái tai người, dán lên mầu xám sậm của bầu trời Galang.

Sáng hôm sau tôi đã nhận được giấy báo 5 ngày nữa, cùng một số đồng bào rời Galang đi xứ Cờ Hoa, ngày 18-1 1-1983. Lộ trình "diện chùa" của tôi: Singapor – Tokyo – San Francisco – Denver- Boston. Ngày đi, một số bạn bè tiễn đưa, mấy giáo học Indo trong có anh Darko Sin. Đặc biệt, bác sĩ Huy đã tặng tôi tập nhạc VietNamese English, khổ công sưu tập của anh, qua trí nhớ của mọi người. Tôi rất quý tập sách nhạc đơn sơ này, như gói ghém một chút hành trang văn hoá, của Mẹ Việt Nam.

Kính thưa quý vị, chí của ai cũng muốn đào sông lấp biển, nhưng khả năng thì có hạn. Cho nên, tôi chỉ làm những điều, tôi có thể làm được.

Tôi xin cảm tạ sự kỳ diệu, nhiệm mầu của đời đã hỗ trợ tôi, trả nết món nợ nhỏ của một người vô danh, với dân tộc, với Tổ Quốc.

Boston, ngày 9- 10- 2004

Đặng Chí Bình

LỜI KẾT

Hình ảnh những bộ xương còn di động trên chốn lao trường, những nấm mồ hoang lạnh giữa rừng sâu, dư âm những tiếng thở dài lê thê xen lẫn những tiếng rên siết quằn quại trong đêm dài tăm tối... và những cặp mắt khát khao nhắn nhủ ngày tôi

chia tay, vẫn lảng vảng vấn vít trong hồn; tất cả như đang khẩn nài, gào thét, đòi hỏi tôi phải thực hiện “Bản di chúc sống của họ“.
Đó là mấy dòng trích đoạn LỜI TÂM SỰ khi tôi bắt đầu viết và in Thép Đen I.
Bây giờ tôi đã viết xong tập IV, coi như kết thúc cuộc hành trình gian khổ, chiếm trọn giai đoạn thanh xuân nhất của đời tôi. Từ khi bắt đầu viết Thép Đen I, đến hết

Thép Đen IV, thời gian là 20 năm. Có giai đoạn hàng chục năm, tôi cầm bút lên rồi lại hạ bút xuống, làm hết quyết tâm này đến quyết tâm khác, hết bạn bè thúc đẩy cho đến giao kèo với con cái...
Bây giờ tôi như cất được một gánh nặng cuộc đời, gánh nặng trách nhiệm đối với quê hương, với bạn bè mà phần lớn đã nằm xuống lòng đất lạnh, chìm dần trong quên lãng. Tôi cũng thấy trang trải được món nợ với các thế hệ con cháu, ghi lại cho chúng về một giai đoạn, một hệ quả thương đau đến tận cùng nhân tính và nhân phẩm do chủ nghĩa cộng sản gây ra.
Tuy vậy, giữa đống xương khô, sình lầy máu mủ đó, tôi đã nhặt ra một viên ngọc quý.
Trong cuộc sống, mỗi khi tôi gặp khó khăn trở ngại, buồn nản, tưởng không thể vượt qua, nghĩ lại 6 năm dài cơ cực, quần quại đói rét, cùm khóa ở xà lim Hoả Lò Hà Nội, như có một nguồn sinh lực thần kỳ đã nâng cao ý chí chịu đựng của tôi, nỗ lực vượt lên. Tôi lại lạc quan yêu thương đời như mọi người.
Quả vậy, ngay trong sinh hoạt bình thường, tôi nằm, tôi muốn để chân ở đâu thì để, đâu có phải đút chân vào cái cùm hộp sắt, trở mình cũng đau buốt khó khăn. Đầu tôi, đâu có phải chui vào cái túi vải, khâu bằng giẻ chùi của các bà cán bộ trong nhà cầu, mỗi đêm để chống muỗi? Ngứa chỗ nào, tự do gãi chỗ ấy, muốn đi tiểu, đi tiêu , tôi bò nhổm dậy vào nhà xí, đâu phải vặn vẹo người, nghiến răng buốt nhói, ngồi trên cái “bô” rỉ, đưa lên sàn “ciment” mình nằm?
Hơn nữa, nỗi buồn, niềm đau cay chua nghiệt ngã lại là chất men, nước mầu rắc tưới cho cuộc sống, như cánh sen ngát hương thơm trong chiếc ao đời.
Sau hết, tập hồi ký Thép Đen đã quấn cuộn hết cuộc đời, ngấm thẩm cả hồn tôi,

vào từng trang sách.

Đặng Chí Bình

Tấm hình kỳ diệu của đời

Một đêm 6/1972, tại K3 trại Trung Ương số 1 phố Lu, Lào Cai, bốn người này ngồi ủ rũ, tâm tư mỗi người trăn trở vơi đầy của những kiếp tù khác nhau. Nhưng có một cái chung là đều nghĩ chẳng bao giờ được về sống ngoài xã hội như mọi người. Lầu Chí Chăn (người nhái) đã phát biểu:

-Ước gì khi chúng mình chết, được chết no!

Hình này chụp ngày 6/3/2005. Sau 33 năm, với bao nhiêu đổi thay, chìm nổi của quê hương, cuộc đời và thế giới, 4 người này lại ngồi với nhau tại Westminster, CA.

Xin vài phút lắng đọng, suy tư để thấy cái kỳ diệu của kiếp người (ngay ở xứ Hoa Kỳ, mỗi người ở mỗi nơi. TG ở mãi bên bờ Đại Tây Dương)

Tác giả ngồi đối diện với Nông Văn Hinh, Lầu Chí Chăn ngồi sau TG, đối diện với Lưu Nghĩa Hưng. Nhắc chuyện xưa, Chăn lại phát biểu:

-Bây giờ, chúng ta lại sợ chết no!

Ban Đại Diện Trại tại Pulau Galang (đầu năm1983)

ĐCB và 3 cậu nhân viên Phòng Tiếp Liệu (đầu năm 1983)

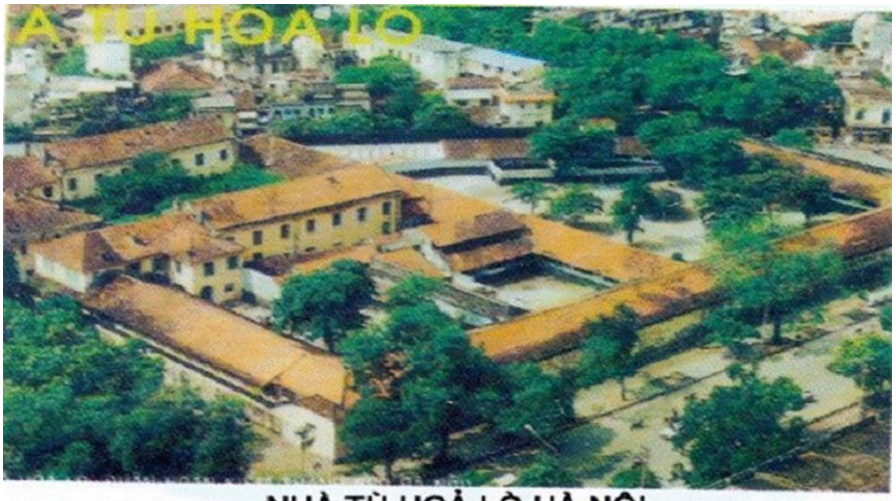

NHÀ TÙ HOẢ LÒ HÀ NỘI

Tôi có thể chỉ từng xà lim, từng cây bàng, các buồng trại chung (ĐCB)

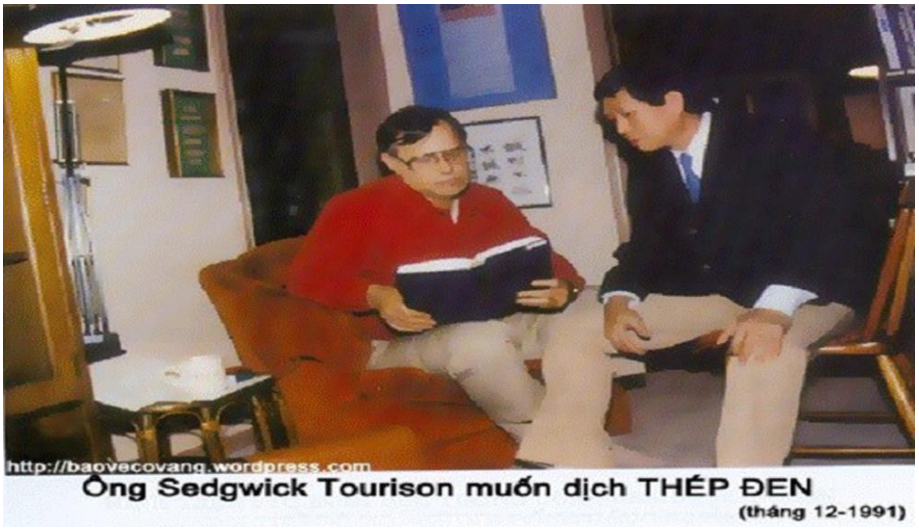

Tóm lược thêm vài sự kiện

* Đầu năm 1992, tôi đã đến ngôi nhà của Karl Marx ở thành Trier (Tây Đức). Do một sự may mắn, tôi đã được gặp và hầu chuyện một số đồng bào đầu tiên, chạy từ Đông sang Tây Đức trong một trại tị nạn, (có những chuyện sốt dẻo đặc biệt) khi bức tường Bá Linh bị phá đổ.

* Tháng 11- 2003 do tình cờ tôi đã gặp lại anh BS Huy ở nhà thờ Saint Williams, Dorchester tại Massachusetts, sau tròn 20 năm, không có tin gì về nhau. Anh không nhận ra tôi, nhưng tôi đã nhìn ra anh.

Lúc đầu, trong đám đông, tôi vờ xô vào anh. Quay lại anh vẫn chưa nhận ra, để tôi phải nói: “Bác sĩ Vũ Linh Huy, Tổng Thư Ký Ban đại diện Galang”, bấy giờ anh mới ôm lấy tôi. Hiện nay anh làm việc ở Carney Hospital, Dorchester.

Ngày vợ con anh đến nhà tôi chơi. Tôi đã đưa tập nhạc với lời tặng của anh từ tháng 11-1983. Ngay tại bàn ăn anh đã phóng bút 20 phút, một bài thơ anh ghi thêm, vào bìa trong tập nhạc:

Gặp lại anh Bình

Gặp nhau ngắn ngủi tại Ga- Lăng
Ít lời nhưng thanh khí lẽ hằng
Bởi mong đất nước mau thống nhất,
Suýt cho Hồ tặc, sớm vào lăng.
Biệt giam, cùm xích, tâm không nhụt,
Hát hò, tranh đấu, chí càng hăng.

Hai mươi năm chẵn, giờ gặp lại,

Mừng anh tiết tháo vẫn khăng khăng.

Vũ Linh Huy

Tôi không ngờ, anh Huy có khả năng xuất khẩu, thành thơ.

* Cũng do một sự may của đời, qua tài liệu Nhà Trắng, ông Tourison (Viết Secret War, Secret Army) tên Phan hay François một người trực tiếp huấn luyện tôi. Tôi đã đề cập nhiều đến trong Thép Đen 1, lại là người CS đã mua chuộc, dụ dỗ được. Năm 1997, một người bạn Nhái (biệt hải) sang Mỹ sau, có gặp Fan ở Sài Gòn. Tên thực là Đỗ Văn Tiên, y cũng có nhiều công lao với Việt Cộng, nhưng bây giờ chúng cũng cho ngồi chơi, dậy tư Anh Văn kiếm sống. Đi Mỹ thì không dám, sợ phải trả những món nợ của anh em Biệt Kích, Gián Điệp. Riêng tôi từ quan điểm nhân bản tình người, chuyện gì thì cũng đã qua. Tôi có ý tưởng nếu có điều kiện, tôi muốn gặp lại hết những cán bộ cộng sản, tôi đã gặp trong trại giam. Nếu còn ai tất nhiên đều là những cụ già, gạt hết mọi chuyện đã qua, chỉ gặp lại để thăm hỏi sức khỏe của nhau.

Từ quan điểm này, tôi đã viết một lá thư ngắn mươi mười lăm dòng, cũng gạt chính trị ra ngoài lề, gửi cho Đỗ Văn Tiên. Để tôn trọng và tỏ lòng kính nhi, tôi đã mua 3 chiếc tem (Quốc Tế) để anh ta trả lời. Nhưng cho đến nay vẫn không có hồi âm, không biết Phan có còn trên dương thế ?

* **Cha Tông** nhà thờ cửa Bắc Hà Nội, do một sự tình cờ năm 2000, tôi mới được giải đáp vì sao tôi bị phản gián Hà Nội phát hiện, ngay từ nhà thờ Cửa Bắc? Tôi mất nhiều đêm không ngủ vì đau đầu. Có ngờ đâu, tôi dùng mọi khả năng nghiệp vụ len lỏi về đến Hà Nội, và đã tự mang mỡ đến nộp cho mèo. Chính cha Tông đã nhận nhiệm vụ với tình báo của cộng sản. Bất cứ một người nào trong Nam ra, đến gặp cha thì phải báo cho phản gián Hà Nội.

Hiện nay 10-2004, Cha Đỗ Tông đã bị liệt (do tai biến), cấm khẩu nằm chờ chết ở một gian phòng vắng trong Nhà Chung, Nhà Thờ Lớn Hà Nội. Do linh mục TTK, cũng bị liệt một chân, buồng bên cạnh, cho biết. Tôi muốn nói với Cha Tông vài lời, nhưng đành chịu (người không nói được).

*** Hoàng Thanh** tên hung thần ở phân trại E, trung ương số 1 Lào Cai 1968, tôi đã gặp.

Hoàng Đình Mỹ, một biệt kích duy nhất, là công nhân (đểu) ở trại Thanh Lâm (Thanh Hóa) được đi phép về Nam (12/1980). Anh vượt biên đến Thái Lan, rồi đã gia nhập phong trào Phục quốc của ông Lê Quốc Túy, trở về Việt Nam hoạt động. Xâm nhập Đá Bạt, Cà Mâu (2/9/1981) Việt cộng đã chờ sẵn để bắt lại. Anh bị chúng kết án chung thân. Do áp lực của Quốc Tế (20/7/1998) CS tha về. Ngày 12/8/2002 anh đã đến San José CA.

Anh cho biết Hoàng Thanh hiện là cục trưởng Cục Lao Cải, thay Lê Hữu Qua. Mới đây y lại kiêm thêm Cục An Ninh đặc biệt nữa.

Ngay từ cuộc di cư từ Bắc vào Nam, 1954 Việt Cộng đã cài người lẫn lộn theo đồng bào di cư để hoạt động cho chúng. Huống chi 30- 4-1975, kỹ thuật của chúng càng cao, càng tinh vi: Di tản, vượt biên, HO, đoàn tụ gia đình, sinh viên du học v.v... Chúng toàn quyền nhào nặn (giấy tờ, huấn luyện. . .) trong những bàn tay phù thủy bịp bợm. Điều đương nhiên ở khắp nơi trên hải ngoại, nơi nào có cộng đồng người Việt đều có người của chúng, nhiều tầng, nhiều loại. Bất cứ một cá nhân hay một tổ chức đảng phái nào, muốn chống Việt Cộng phải tập họp, những người cùng tâm huyết, tinh thần.

Từ đấy, ngay trong những hạt nhân đầu tiên này, trong bộ tham mưu của tổ chức, đã có người của chúng. Lúc đầu, chúng ủng hộ tạo điều kiện, để phát triển. Mỗi lần là một mê lưới, bắt dần những con tôm lớn, nhỏ, chìm, nổi, chống chúng. Mục tiêu tối hậu, là duy trì chỗ ngồi của chúng vững chắc yên lành. Cho nên, Hoàng Đình Mỹ được chờ sẵn là tất yếu.

* Năm 1994, Lưu Nghĩa Lương đi HO sang Hoa Kỳ. Tôi và Lương đã gặp nhau nhiều lần. 10/03, tôi sang CA gặp một số anh BK, để thẩm định lại, một số sự kiện. Trong số anh em, tôi gặp có Lương. Một hôm, chợt như Lương nhớ ra một việc, quay lại tôi như khoe:

- Anh Bình còn nhớ Tằng toét không ?

Ngạc nhiên, không hiểu sao Lương lại nói đến tên Tằng? Tuy vậy, tôi vẫn cười, trả

lời:

- Nó có quên anh, chứ anh muốn quên nó, cũng không được !

Lương nói như phát kiến một ý lạ :

- Anh có biết không, đầu 1992, em gặp anh Mạc Lịch và Tuấn Nguyệt ở Bà Chiểu. Anh Lịch kể lại tuần trước, anh tình cờ gặp Tằng Toét, đeo hàm Thiếu Tá. Tằng cho biết y mới vào Sàigòn chơi, hơn một tháng. Y rất vồn vã cởi mở, y nói: “Tôi có vào Sàigòn, mới biết, tôi cũng bị lừa, tôi xin lỗi các anh!”.

Nghe Lương thuật lại, đầu tôi vẩn lên: Chẳng qua, chủ nghĩa CS mới bị phá sản ngay tại cái “nôi” sản sinh ra, tên Tằng chưa biết ra sao, nên y tỏ ra như vậy (nên không thể tin được). Vả lại, chúng ta đã thấy, ngay những tên Bộ chính trị, hay trung ương đảng, những loại bậc thầy của Tằng Toét, nếu còn duy trì cái chủ nghĩa lỗi thời cũng chỉ vì cái ghế, hay nồi cơm của họ mà thôi. Chẳng biết tên Tằng có nghe thấy ông Gorbachev (người thầy của những người thầy tên Tằng) tuyên bố chắc nịch: Chủ Nghĩa cộng sản, chỉ có thể thay thế, chứ không thể thay đổi.

*** Cô Vân y tá Hỏa Lò.**

Một vị linh mục trẻ ở CA là một độc giả của Thép Đen. Vị linh mục này chạnh lòng muốn tìm gặp, để giúp đỡ ba nhân vật: Đào Thị Bắc, Phùng Văn Trí, và cô Vân y tá Hỏa Lò. Vị này đã tìm gặp tác giả. Do một sự kỳ diệu của đời, tôi đã liên lạc với cô Vân ở Hà Nội. Rồi năm 2003 do vợ chồng một anh bạn cùng khóa 11 Đồng Tiến ở CA đi du lịch, đã đến tận nhà cô Vân ở Hà Nội để ghi hình ảnh. Cảnh sống của cô khá giả hơn tôi ở Mỹ, nên tôi cũng thoải mái lòng.

*** Toán Biệt Kích Hector A.**

Toán BK Hector A, gồm 14 người. Ra Bắc ngày 22/6/66.

Toán trường là Bùi Quang Cát, cố vấn của toán là Nguyễn Hữu Luyện. (Đặng Đình Thúy là cố vấn của toán Hector B, 12 người, tôi đã tường thuật). Từ ngày Hoàng Đình Mỹ sang CA, tôi trao đổi phone với Mỹ và Bùi Quang Cát cùng ở San José nhiều lần, mới nhất (9/2/05). Sau đây, tôi xin sơ lược về toán Hector A: Địa bàn hoạt động ở Cà-Roòng Quảng Bình (đường mòn HCM). Toán xuống đúng một tháng, một ngày thì bị bắt:

 Bùi Quang Cát, toán trưởng hiện ở San José.

 Nguyễn Hữu Luyện, cố vấn hiện ở MA

 Nguyễn Văn Toán, truyền tin trưởng hiện ở Mỹ.

 Trần Hữu Tuấn, vũ khí phá hoại hiện ở Mỹ.

 Nguyễn Văn Thùy, truyền tin phụ hiện ở WA.

 Đỗ Văn Tính, toán viên hiện ở Hoà Lan.

 Đinh Văn Vượng, toán viên hiện ở Mỹ.

 Trần Văn Tiếp, toán viên hiện ở TX.

 Trần Hữu Thức, toán viên hiện ở Xóm Mới Gò Vấp VN.

 Vũ Đình Giao, toán viên hiện ở Mỹ.

 Hoàng Đình Mỹ, toán viên hiện ở San José.

 Nguyễn Ngọc Lâm, toán viên hiện ở Santa Ana.

 Nguyễn Mạnh Hải, liên lạc dẫn đường, vì ở Thái về. Biết tiếng Thái và dân tộc thiểu số. Vượt biên, bị chết ở Thái Lan.

 Đỗ Văn Tư, toán viên. Tư có cái nhẫn, bị cướp vào nhà, lột. Tư chống cự, bị cướp giết 1992 tại đường Nguyễn Thế Hiển, Chợ Lớn.

Toán vì sao bị lộ, bị bắt ? Tôi nghe nhiều tình huống, nhưng không phải chủ trương của người viết, nên tôi không tường thuật chi tiết. Toàn toán phải bị dong đường bộ từ Quảng Bình về đến Hoả Lò, Hà Nội hơn 1 tháng trời.

Bài viết của Phan Thanh Vân

Hôm nay đã là 29 tháng chạp, chỉ còn vài ngày nữa là Tết rồi. Tết năm nay là Tết Tân Hợi (1971) và đúng là cái Tết thứ 10 mà mình sống bơ vơ, xa gia đình, xa quê hương xứ sở.

Chiều hôm nay, sau khi hoàn thành xong chiếc giường đôi rẻ quạt, gã chính ủy (ủy viên chính trị) quản lý hợp tác xã mộc Đồng tiến ở thị xã Ba vì, tỉnh Sơn Tây gọi tôi lên văn phòng và nói:

-Anh nghỉ việc sáng hôm nay, về lán thu xếp để chuẩn bị ngày mai về Hà nội.
Tôi thắc mắc:
-Dạ, báo cáo cán bộ, tôi về Hà nội có chuyện gì và về bao lâu?
Gã lạnh như tiền:
-Anh đừng thắc mắc, đó là lệnh trên của Trung ương, tôi cũng không biết lý do. Anh cứ chuẩn bị sẵn sàng đi, và có lẽ anh sẽ không trở về đây đâu.
Ra khỏi văn phòng cán bộ, tôi trở về lán thu xếp đồ nghề mà trong lòng nghĩ ngợi miên man; lại cái gì đây?Được đưa về đây sống quản thúc ở hợp tác xã mộc này đã gần 2 năm nay, ngày ngày tháng tháng lòng mình lúc nào cũng thấp thỏm lo âu với cái tội nặng nề thầm kín mang trong người là “giặc lái Mỹ ngụy”
Năm 1961, sau khi lãnh cái án tù 7 năm, là từ Hỏa Lò Hà Nội đến trại này trại kia, cuối cùng là trại E Phố Lu (Lao Cai), tôi đã “ngoan ngoãn” cải tạo tư tưởng để trở thành “thành phần tiến bộ”, để sau khi hết án 7 năm tù, được hưởng thêm 2 năm “tự giác” ở lại trại giam. Và cuối cùng cho đến năm 1969, tôi đã thở phào nhẹ nhõm người khi được nhân dân, Đảng và nhà nước trả tự do, đưa về đây quản thúc với nghề thợ mộc,”ngày động tối điểm” (ban ngày lao động:cưa xè, đóng bàn, đóng giường, tối điểm danh trước khi đi ngủ).

Tối hôm nay trằn trọc mãi, không tài nào ngủ được, lo nghĩ lại chuyện gì sẽ đến với mỉnh đây, tại sao lại bị đưa về Hà nội, tại sao...tại sao...nằm mãi không ngủ được thôi thì dậy, phì phèo vài điếu thuốc lào.
Ngoài lán các “đồng chí” đang quây quần bên đống lửa to, canh nồi bánh chưng. Nghĩ lại nếu không có cái lệnh đi Hà nội thì giờ này mình cũng ngồi ngoài đó vì ban sáng mình đã được phân công canh nấu bánh chưng tối nay.
Sáng rồi, chưa tới 9 giờ thì thấy đã có một chiếc xe Molotova loại nhỏ như xe Jeep của Mỹ, đậu sẵn ở trong sân của Hợp tác xã. Tôi cũng đã sẵn sàng khi đồng chí cán bộ quản lý xuống kêu lên văn phòng gặp cán bộ trung ương.
Vào đến văn phòng là tôi khựng lại, nghĩ thầm trong lòng: Lại cái ông Toán này nữa, cái ông cán bộ công an đã săn sóc mình trong mấy năm qua, từ khi mình được

trở thành ngườI tự do.!!

Sau khi anh quản lý bảo tôi ngồi xuồng rồi đi ra, ông Toán mới chậm rãi:

Anh có được khỏe không? Hôm nay tôi lên gặp anh để đưa anh về Hà nội và sau đó đưa anh ra sân bay để anh đi Pháp đoàn tụ với gia đình. Đảng và nhà nước đã rất khoan hồng đối với anh và đã chấp thuận lời xin của gia đình người chị của anh ở bên Pháp, cho anh về Pháp sum họp gia đình.

Nghe đến đây tôi như tắt thở, mừng đến nỗi nhịp tim đập mạnh như muốn nhảy ra ngoài, tuy nhiên vẫn cố lấy bình tĩnh để nghe tiếp những lời lải nhải của đĩa hát cũ đã rè, lập đi lập lại, nào là anh phải biết ơn nhân dân, biết ơn Đảng và nhà nước, nào là anh phải tiếp tục cải tạo tư tưởng để thành người tiến bộ, trở về phục vụ nhân dân, phục vụ Đảng và nhà nước v...và v...

Ông Toán nói tiếp:

Đây là giấy thông hành tạm cấp cho anh để anh dùng đi đường ra nước ngoài, còn đây là giấy máy bay của hãng hàng không Pháp Air France đi từ Hà nội đến Paris . Giấy máy bay này do người chị của anh mua và gởi sang cho chúng tôi để nhờ đưa lại cho anh dùng. Thôi chúng ta chuẩn bị lên đường kẻo trễ, anh còn có ý kiến, còn muốn phát biểu gì không?

Tôi lập bập:

Dạ báo cáo cán bộ, dạ dạ thưa không!

Đứng dậy ra xe chân mình bủn rủn, đi hết muốn vững. Đâu có ngờ!

Ra đến xe thấy cán bộ quản lý chạy lại:

Anh cầm lấy túi bánh chưng này, đây là quà Tết của hợp tác xã tặng anh, cầm theo mà ăn đi đường.

Xe lăn bánh rời Ba Vì, bon bon trên đường hướng về Hà nội. Ngồi trên xe mà lòng tôi lâng lâng, nửa tỉnh nửa mơ, mừng lo lẫn lộn, vì chưa hẳn dám tin đó là chuyện thật, hai bên đường cây cối trơ trụi, bụi đường tung tóe theo lằn bánh xe lăn, nhưng sao mình thấy cái gì cũng vui tươi, cái gì cũng đẹp sáng, tưng bừng như...Tết.

Mải triền miên với trăm nghìn ý nghĩ trong đầu, tôi không để ý đã băng qua Hà nội lúc nào và đang trên đường tiến vể sân bay Bạch mai

Xe đến cổng phi trường thì chạy chậm lại, tài xế lái xe vào đậu ở gần nhà ga hành khách, ông Toán bước xuống quay lại bảo tôi xuống xe theo ông vào trong làm thủ tục giấy tờ.

Tôi liếc nhanh quanh sân bay, ngoài bãi đậu xa hai ba chiếc máy bay rải rác đậu, một chiếc máy bay kiểu Illouchine 14 của Nga (loại máy bay vận tải chở hành khách loại nhỏ đang chuẩn bị, năm ba người nhân công chạy chung quanh, người đổ xăng, người đi vòng phi cơ kiểm tra.

Tôi nghĩ bụng mình sẽ đi với chiếc phi cơ này. Sau khi theo ông Toán vào quầy hành khách để trình giấy tờ, giấy thông hành, giấy máy bay...làm xong thủ tục, ông Toán nói:

-Thôi đến giờ rồi, anh theo ra máy bay đi, anh đi mạnh giỏi và hãy nhớ những gì anh đã tiếp thu được mà cố gắng trở thành người tốt.

-Dạ báo cáo cán bộ, dạ tôi xin cám ơn!

Mình lập bập, hối hả theo sau độ năm mười người nữa ra hướng máy bay đậu. Nhìn những hành khách khác, không biết là Việt hay Tàu, người nào cũng áo bốn túi, cổ Mao, chắc toàn là cán bộ đi công tác, còn mình thì chả giống ai với bộ bà ba nâu, chân đi dép cao su Bình Trị Thiên, tay quẩy túi bánh chưng bây giờ mới để ý thấy có bốn cái, mình lững thững bước lên vào tìm chổ ngồi trong phi cơ. Nhìn anh phi công cao lớn, da đỏ có lẽ là người Nga, mặc đồ phi hành dân sự, đi giữa hai hàng ghế hành khách để lên buồng lái, tôi ngẩn ngơ nhớ lại... ngày nào!

Chiếc vận tải cơ Illouchine 14 của hãng hàng không Nga từ từ chuyển bánh ra phi đạo, ngừng lại chỗ thử máy và sau đó cất cánh nhẹ nhàng.

Toàn thân tôi rung mạnh theo đà máy bay lăn trên phi đạo rồi từ từ rời đất liền và theo chiều cao bay lên, bỗng dưng hai mắt tôi nhắm nghiền lại, người tôi tự nhiên thấy ớn lạnh khi chợt nghĩ đến... một chuyến bay!!!

Rồi những kinh hoàng, hãi hùng của những giây phút rùng rợn gần 10 năm xưa dần dần tiếp diễn qua tâm trí tôi như một cuốn phim:

Tôi nhớ rõ chiếc máy C47 trắng ngần do tôi lái khi vượt qua vĩ tuyến 17, bay là sát mặt biển xâm nhập vào bầu trời của miền Bắc, dù còn ở ngoài khơi của biển Đông,

cả 7 người trong phòng lái chúng tôi đều bắt đầu thấy thần kinh căng thẳng; người này lo lắng liếc mắt nhìn người kia, không ai nói vơi ai một lời. Khi máy bay vào sâu nội địa, tôi còn nhớ lúc ấy khoảng hơn 1 giờ đêm, đột nhiên tôi thấy nhoáng lên như ánh chớp màu da cam ngay trước mặt tôi trong bầu trời như bức màn đen, máy bay tự nhiên rung giật mạnh, không hề nghe một tiếng nổ hay bất cứ một âm thanh gì, hai tay tôi ôm cứng lấy tay lái, cố giữ thăng bằng cho chiếc máy bay, mắt tôi còn thoáng thấy anh Mậu điều hành viên và anh Thích phi công phụ ôm chầm láây nhau, rồi...tôi không còn biết gì nữa!

Không biết mãi bao lâu sau, khi thấy lạnh run, tôi cố mở mắt nhìn trong đêm tối đen kịt, người tôi như vỡ nát ra trăm mảnh, tôi không cử động được tay chân, đau đớn tận cùng hồn tôi lửng lơ, tôi tưởng như tôi đã chết rồi, hay đang... chết. Sau đó dần dần một lúc, tôi mới cảm thấy đau nhừ khắp cả người, chỗ nào cũng đau, tôi không nhìn thấy gì cả, cố thu hết tàn lực đưa tay quờ quạng hốt ít nước bùn lầy đưa lên mặt để rửa. Nước bùn nhầy nhụa hòa với một thứ nước mằn mặn trên gương mặt loang lổ của tôi, "máu " mặt tôi đày máu, tôi cố mở mắt nhiều lần nhưng vẫn không thấy gì, đầu tôi như có ai cầm chiếc gậy đập đều đều, tôi lại mê man, tâm trí như có một khoảng trống rỗng, chẳng còn ý niệm gì về thời gian, không gian.

Tôi cũng chẳng biết là cho đến bao lâu nữa, mãi khi tai tôi chợt nghe văng vẳng trong gió lao xao của đêm khuya:

-Chết tôi rồi, chết tôi rồi, nóng quá, nóng quá, chết...tôi rồi!

Tiếng kêu thảm thiết của những người đang chết cháy! Tôi không nhúc nhích gì được, cả một nửa người của tôi đã ngập sâu dưới bùn lầy, tôi cố mở mắt to: xa xa cách chỗ tôi "đứng" độ vài trăm thước, một đám cháy to, lửa đỏ bốc lên ngùn ngụt và những tiếng thét kinh hoàng mà tôi nghe từ đó vọng ra, tôi như nửa tỉnh nửa mê, chợt lờ mờ có ý niệm rằng chiếc C47 do tôi lái đã bị bắn rơi xuống đây và đang bốc cháy!

Tôi lại mê man bất tỉnh cho đến khi mở choàng mắt ra, lúc này đã nhìn được lơ mơ thấy khung cảnh đồng ruộng sình lầy, đầu tôi đau nhức như có người lấy dao nạo vào óc, rồi tôi nghe rõ tiếng người hò hét xa xa, tiếng léo nhéo, quát tháo vẳng

trong gió đêm.
Một ý thức bừng dậy thành phản xạ của sự sống còn ập đến như một đòn bẩy, tôi cố vùng vẫy, nhô người lên khỏi đám sình lầy, nhưng tôi quá yếu, bất lực!
Tiếng quát tháo lẫn lộn của đàn ông lẫn đàn bà càng lúc càng gần cùng với những ngọn đuốc lập lòe di động đốt sáng cả một góc trời, phần vì khắp người đau như dần với bao nhiêu thương tích, phần vì quá khiếp sợ, đầu óc tôi tê đi, cho đến lúc họ đã quát tháo ầm ầm bên tai tôi mà tôi vẫn đứng im như một xác chết. Họ hò nhau túm lấy tay chân tôi, kéo tôi ra khỏi sình lầy.
Lúc này trời đã sáng tỏ, tôi lờ mờ thấy không biết bao nhiêu người, đàn ông, đàn bà lố nhố vây quanh tôi, súng ống gậy gộc, họ hầm hè như muốn nhai xương, nuốt sống, ăn thịt tôi tôi đau đớn sức tàn, tôi sợ quá, nhắm mắt lại, rồi lịm đi, văng vẳng nghe tiếng quát, tiếng chửi rủa ập ngoáy vào tai tôi:
-Coi chừng, coi chừng, nó hãy còn sống, đập chết nó đi, đập chết nó đi, nó là biệt kích ác ôn của Mỹ Diệm!
Cuốn phim đến đây tự nhiên tắt ngay, tôi giựt mình bừng tỉnh dậy. Tôi đang ngả người trên chiếc ghế nhung của hành khách, máy bay đang bay êm, tiếng máy đều đều...trong máy bay gió lạnh nhưng người tôi ướt đẫm mồ hôi, ướt thấm cả bộ quần áo nâu tôi đang mặc, tôi cảm thấy lạnh, lạnh ớn xương sống...với giấc chiêm bao vừa qua!
Với tay với cái mền đắp lên người mới nhớ ra các giấy tờ mang theo trong người, lần mò móc ra xem, ngoài tờ giấy thông hành tạm, đóng dấu đỏ của Bộ Công An Hà nội là giấy máy bay của hãng hàng không Pháp Air France, trong đó ghi chặng đường đi:Hà nội, Canton, Hồng kông. Paris .

Tôi nghĩ thầm trong bụng: tại sao ghé qua Quảng đông (Canton) đó là đất đai của Trung cộng, nếu mà lôi thôi trở ngại biết làm sao?
Mãi loay hoay với ngàn ý nghĩ lo lắng, tôi không để ý đến đèn báo hiệu buộc dây an toàn bật cháy, cho đến khi người chiêu đãi viên đến nhắc tôi vì máy bay chuẩn bị đáp. Phi trường Quảng đông vắng tanh, lạnh ngắt, không thấy một sinh hoạt

nhộn nhịp nào như các phi trường dân sự khác, không thấy một chiếc máy bay nào khác đậu ở sân bay, ngoài chiếc máy bay tôi đang đi, từ từ vào bến đậu, ngay trước nhà ga hành khách. Tôi được mời xuống máy bay theo sau lẻ tẻ hai ba người hành khách khác, đi vào trạm nhà ga.

Vì đã quen với cách thức đi lại của các phi trường quốc tế, tôi tìm ngay đến quầy tiếp khách đại diện của Air France . Sau khi trình giấy tờ, giấy máy bay của tôi cho người nhân viên, một người tầu, bập bẹ nói tiếng Pháp, anh ta xem xong rồi nói: Hiện tại chúng tôi không có đường bay nối tiếp (connection) giữa Canton và Hồng kông, theo lộ trình đã được chỉ định và trả tiền trước, chúng tôi sẽ lo liệu cho anh đi Hongkong bằng đường xe lửa, và khi đến Hong kong anh sẽ tiếp tục lấy máy bay đi Paris, anh chuẩn bị theo tôi ra xe để tôi đưa anh ra nhà ga xe lửa cho kịp giờ. Ngồi trên xe theo người nhân viên Air France từ phi trường ra ga xe lửa, quang cảnh hai bên đường xe chạy lạ hoắc, nhưng tôi đâu còn tâm trí nào để nhận xét! Nhà ga xe lửa Quảng đông thật nhộn nhịp ồn ào khác thường, đặc nghẹt hành khách và hành lý. Người nhân viên Tầu dắt tôi len lỏi qua đám người, chen chúc đến quầy lấy vé và đưa tôi lên một toa giữa con tầu để tìm chỗ ngồi, may mắn tìm được một chỗ trống gần cửa sổ, anh ta chỉ cho tôi ngồi xuống và đưa tay bắt tay tôi chúc may mắn (bonne chance)

Khi xe lửa bắt đầu lệnh khệnh lăn bánh, một kiểu xe lửa từ thời chiến tranh 1914-18, cũng là khi tôi thấy đói lả, mệt nhừ! Chợt nhớ túi bánh chưng xách tòn ten theo từ khi rời Hà nội, tôi mở ra lấy một cái, bóc lá, nhỏm nhẻm ăn ngon lành, thả hồn thưởng thức hương vị của bánh chưng Tết, mặc kệ cho quang cảnh ồn ào chung quanh, tiếng cười, tiếng nói “xí xí ngộ cỏn” của các hành khách nông thôn Tầu đù loại, đang chen chúc nhau trong toa tàu chật hẹp.

Trời đã xế chiều, tôi không có ý niệm chính xác về thời gian, đoán chừng là đã 4, 5 giờ chiều thì xe lửa từ từ dừng lại vì đã tới trạm ranh giới giữa Quảng đông và Hồng kông. Sau khi xe lửa ngừng hẳn, giữa cảnh ồn ào nhốn nháo của hành khách, tôi thấy hai người mặc quân phục, một người Anh và một người Tầu, tôi đoán là nhân viên của Sở Di trú (Immigration) lên toa xe để kiểm soát giấy tờ.

Khi họ đến chỗ tôi ngồi và sau khi xem xét giấy thông hành tôi trình ra, nhân viên người Anh lật qua lật lại tờ giấy của tôi, xem xong rồi chậm rãi nói:

-Với giấy thông hành này của CS Hà nội cấp cho anh đi đường, vì không phải là sổ thông hành chính thức, chúng tôi chỉ chấp nhận cho anh đi qua (transit) đất Hông kông 24 tiếng đồng hồ mà thôi, sau thời gian đó, anh phải đi ra khỏi Hong kong, nếu không chúng tôi sẽ bắt giữ anh và trục xuất anh về Hà nội, anh có hiểu rõ lời tôi nói không?

Tôi xanh mặt, lẩm bẩm trả lời:

Yes, yes Sir!

Tay run run cầm tờ giấy thông hành người nhân viên Anh đưa trả lại,bụng nghĩ thầm:

-Chết cha thằng nhỏ rồi, rồi đây biết lo liệu làm sao?

Xe lửa ngừng hẳn ở nhà ga Hong kong, hành khách chen chúc nhau đi xuống, tôi đặt chân xuống nền gạch sạch mát của nhà ga, lòng tự nhiên thấy hả hê, vui lây với quang cảnh sinh hoạt của thế giới tự do!Tôi nhìn đồng hồ nhà ga, đã hơn 6 giờ chiều, tôi vội vã len lòi ra khỏi nhà ga, tìm đường mò về phi trường Kaitak vì biết chắc đó là phi trường quốc tế của Hongkong

“Thả cọp về rừng”, may là đường xá ở Hong kong đâu có xa lạ gì với tôi khi tôi còn lái cho Air Vietnam và đã từng ghé qua ăn cơm bữa ở đây. Cất bước như vừa đi vừa chạy, băng ngang qua các phố xá đông nghịt người vui nhộn như cảnh Tết, nhưng tôi đâu có dám dừng chân để thưởng thức gì, vừa mệt vừa lo sao cho kịp đến phi trường Kaitak để bắt cho kịp chuyến máy bay Air France đi Paris.

Vào đến phi trường là lúc phố xá đã lên đèn, người tôi mệt nhoài, tôi hổn hển tìm đến quầy vé hãng Air France, trình giấy máy bay đề đi cho kịp chuyến AF 1002, cất cánh lúc 20 giờ đi từ Hong kong sang Paris theo như trên bảng khởi hành (departure) mà tôi đã nhanh mắt nhìn qua.

Người nhân viên hãng Air France sau khi ghi nhận và xem xét giấy thông hành của tôi, anh ta nói:

-Đây nhé, chúng tôi rất tiếc là không thể nhận cho anh đi trên chuyến bay này vì

anh mang trong mình giấy tờ cùa CSBV và máy bay của chúng tôi phải làm transit ở Bangkok, tôi e ngại rằng nhà cầm quyền Thái lan sẽ làm khó dễ cho anh, tôi khuyên anh nên nhẫn nại chờ chuyến sau, hoặc bay thẳng, hoặc ghé nơi nào có thuận lợi cho anh hơn thì anh hãy đi.

Cầm giấy tờ người nhân viên đưa trả lại mà tôi "hỡi ơi, sao lại gặp rắc rối quá trời như thế này". Chân đi không vững, tôi lần mò ra ghế băng ngồi nghỉ đợi, trong lòng "trống đánh thùng thùng", lo âu cứ nghĩ đến giờ sẽ bị trục xuất! Chợt có ai đằng sau vỗ vai tôi và một giọng phụ nữ vui vẽ nói bằng tiếng Pháp:

-Ê có khỏe không? Anh có phải là anh Vân, captain Air Vietnam ? Đi đâu mà ăn mặc kỳ cục không giống ai hết vậy?

Tôi ngỡ ngàng quay lại, một người đẹp trong bộ y phục chiêu đãi viên hàng không tươi cười đưa tay cho tôi bắt:

-Anh quên tôi rồi sao?Tôi là Francoise,hôtesse Lufthansa nè!

Tôi ngạc nhiên,sượng sùng nhìn người thiếu phụ quen quen không nói được một lời, chị ta tiếp tục huyên thuyên kể lể.

À! thì té ra là Francoise Dupuis, nữ chiêu đãi viên bay cho hãng hàng không Đức, người mà thời xưa, lúc tôi còn lái cho Air Vietnam, đã từng được tôi mời mọc, ăn uống mỗi khi gặp nhau ở các escale Hongkong hay Tokyo...

Tự nhiên tôi thấy thoải mái, mừng lây với cái vui mừng vồn vã, hồn nhiên của người xưa, nay gặp lại nhau, tự nhiên tôi thấy có can đảm để "bốc" với nàng, đem "nghề của chàng" kể lể cuộc đời đã qua với hoàn cảnh hiện giờ của tôi cho nàng nghe. Nghe xong nàng vui vẻ:

-Anh đừng lo, tôi sẽ cố gắng thu xếp giúp anh. Anh đưa vé máy bay của anh cho tôi, tôi sẽ lo liệu cho anh trên chuyến máy bay Lufthansa của tôi, cất cánh đi Francfort lúc 10 giờ đêm, có ghé qua Paris, có điều là tôi dặn anh phải nhớ, khi đáp xuống Bangkok để tiếp tế xăng và lấy thêm hành khách, anh phải giả bệnh nằm lại trên phi cơ, tôi sẽ tìm cách thu xếp ổn thỏa cho anh tránh khỏi qua sự kiểm soát của Thái lan, anh nhớ nhé. Thôi anh đi theo tôi làm thủ tục cho kịp.

Tôi vui mừng vô cùng, lững thững đi theo người đẹp mà trong lòng thầm nghĩ sao

lại còn may mắn gặp được cảnh "thánh nhân đãi kẻ khù khờ".

Sau bao nhiêu gian truân trắc trở, lo lắng trên đoạn đường đời của một người "từ cõi chết tìm về tự do" cuối cùng tôi đặt chân xuống phi trường **Orly (Pháp) ngày 7 tháng 2 năm 1971.**

Cò trắng Phan thanh Vân Xuân 2002

Nguồn: https://thepden.wordpress.com/2013/01/11/38-chuyen-doi-tu-duy/

www.vietnamvanhien.org